



**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI**

VĂN KIẾN ĐẢNG BỘ TOÀN TẬP

17
(2000 - 2003)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

**VĂN KIẾN ĐẢNG BỘ
TOÀN TẬP**

17

(2000 - 2003)

Mã số $\frac{3K1 (V115)}{CTQG - 2016}$

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI**

VĂN KIẾN ĐẢNG BỘ TOÀN TẬP

17
(2000 - 2003)

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2016**

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

NGUYỄN VĂN VINH	Chủ tịch Hội đồng
HÀ THỊ NGÀ	Phó Chủ tịch Hội đồng
ĐẶNG XUÂN PHONG	Ủy viên Hội đồng
VŨ XUÂN CƯỜNG	Ủy viên Hội đồng
ĐỖ TRƯỜNG SƠN	Ủy viên Hội đồng
TẶNG NGỌC PHÒNG	Ủy viên Hội đồng
HOÀNG THẾ HÙNG	Ủy viên Hội đồng
NGUYỄN THANH DƯƠNG	Ủy viên Hội đồng
ĐẶNG PHI VÂN	Ủy viên Hội đồng
MAI ĐÌNH ĐỊNH	Ủy viên Hội đồng
LÝ SEO DÌN	Ủy viên Hội đồng
ĐINH TIẾN QUÂN	Ủy viên Hội đồng
THÁI MINH ĐƯỜNG	Ủy viên Hội đồng
NGUYỄN HỮU THỂ	Ủy viên Hội đồng
GIÀNG SEO VÂN	Ủy viên Hội đồng

CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG BẢN THẢO

NGUYỄN VĂN VINH	Bí thư Tỉnh ủy
HÀ THỊ NGÀ	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
ĐẶNG XUÂN PHONG	Phó Bí thư Tỉnh ủy

BAN XÂY DỰNG BẢN THẢO

ĐỖ TRƯỜNG SƠN	Trưởng ban
NGUYỄN VĂN PHÚC	Phó Trưởng ban Thường trực
ĐỖ VĂN LƯỢC	Phó Trưởng ban
NGUYỄN THỊ NGUYỄN	Thư ký
ĐẶNG PHI VÂN	Thành viên
LÝ SEO DÌN	Thành viên
CAO ĐỨC HẢI	Thành viên
LÝ THỊ VINH	Thành viên
TRẦN VĂN TỔ	Thành viên
NGUYỄN THỊ HẢI ANH	Thành viên
NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	Thành viên
ĐÀO DUY THẮNG	Thành viên
ĐỖ VIẾT LỢI	Thành viên
ĐOÀN NGỌC TUYẾN	Thành viên
NGUYỄN THỊ LOAN	Thành viên
HOÀNG THỊ THANH THU	Thành viên
NGUYỄN THỊ MINH	Thành viên
NGUYỄN THÀNH NAM	Thành viên
PHẠM THÀNH LONG	Thành viên
NGUYỄN CAO SỸ	Thành viên
ĐÀO ANH TUẤN	Thành viên

CHÚ DẪN CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Bộ sách ***Văn kiện Đảng bộ toàn tập*** của Đảng bộ tỉnh Lào Cai được thực hiện theo Kế hoạch số 71-KH/TU, ngày 22-12-2013 của Tỉnh ủy Lào Cai về việc xây dựng Văn kiện Đảng bộ tỉnh Lào Cai toàn tập từ khóa I đến khóa XIV. Ban Xây dựng bản thảo Văn kiện Đảng bộ tỉnh Lào Cai toàn tập từ khóa I đến khóa XIV phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật tiến hành sưu tầm, xây dựng và xuất bản bộ sách ***Văn kiện Đảng bộ toàn tập*** của Đảng bộ tỉnh Lào Cai. Đây là một bộ tài liệu có ý nghĩa chính trị và giá trị khoa học, thực tiễn đánh dấu sự phát triển của Đảng bộ tỉnh Lào Cai. Bộ sách giúp các nhà nghiên cứu, cán bộ, đảng viên và nhân dân, đặc biệt là các nhà lãnh đạo tiếp cận nguồn thông tin, tư liệu mang tính hệ thống, toàn diện về văn kiện của Đảng bộ tỉnh Lào Cai, phục vụ việc nghiên cứu, tổng kết lý luận và thực tiễn, biên soạn lịch sử Đảng bộ tỉnh Lào Cai, đảng bộ cơ sở, lịch sử địa phương, ban, ngành và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh; góp phần giáo dục lịch sử địa phương trong các trường phổ thông, các trung tâm bồi dưỡng chính trị, các chi bộ, đảng bộ; thấy rõ sự sáng tạo, nhạy bén, kịp thời và toàn diện trong lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Lào Cai qua các giai đoạn cách mạng, qua đó củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

Văn kiện Đảng bộ toàn tập, tập 17 (2000-2003) tập hợp các văn kiện do Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai ban hành từ năm 2000 đến năm 2003 và được sắp xếp theo thời gian ban hành.

Mặc dù đã hết sức cố gắng trong quá trình biên tập nhưng cuốn sách khó tránh khỏi thiếu sót và khiếm khuyết. Chúng tôi mong nhận

được ý kiến đóng góp của bạn đọc để hoàn thiện nội dung cuốn sách trong lần xuất bản sau.

Xin giới thiệu cuốn sách với các đồng chí và các bạn.

Tháng 7 năm 2016

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

LỜI GIỚI THIỆU

Văn kiện Đảng bộ toàn tập, tập 17 phản ánh sự lãnh đạo của Đảng bộ từ năm 2000 đến năm 2003. Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng bộ, tỉnh Lào Cai tiếp tục đạt được nhiều thành tích quan trọng. Những khó khăn như điều kiện địa lý, khí hậu, biên giới, dân trí, trình độ cán bộ, nền kinh tế và nguồn nhân lực còn thấp kém vẫn là những thách thức đòi hỏi Đảng bộ phải vượt qua. Việc thực hiện hội nhập khu vực mở ra nhiều cơ hội, nhưng cũng đặt ra những thách thức cho quá trình phát triển của địa phương.

Trên cơ sở nhận định tình hình thế giới và trong nước, căn cứ vào điều kiện cụ thể, Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII xác định mục tiêu trong những năm đầu thế kỷ XXI: Tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết các dân tộc, lao động cần cù và sáng tạo, thực hiện dân chủ, tranh thủ lợi thế, khai thác mọi nguồn lực để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội; tập trung xóa đói, giảm nghèo, cải thiện đời sống vật chất và văn hóa cho nhân dân, thực hiện công bằng xã hội; từng bước thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa; thường xuyên xây dựng, chỉnh đốn Đảng, củng cố hệ thống chính trị; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng an ninh, quốc phòng vững chắc và bảo vệ môi trường sinh thái.

Để đạt được mục tiêu, Đảng bộ đã đề ra chủ trương, quyết sách đúng đắn, kịp thời trên tất cả các lĩnh vực. *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 17 gồm các báo cáo, nghị quyết, các văn bản liên quan đến Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII; các quyết định, quyết nghị, chỉ thị, thông tri, đặc biệt là các chương trình, đề án phản ánh sự lãnh đạo kịp thời,

sáng tạo của Đảng bộ đưa đến những thành công lớn trong công cuộc đổi mới.

Mặc dù Ban Xây dựng bản thảo và Hội đồng Xuất bản đã có nhiều cố gắng trong quá trình biên soạn, song không tránh khỏi thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được sự góp ý của bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 1 năm 2016

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

DIỄN VĂN KHAI MẠC
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI
LẦN THỨ XII

**Do đồng chí Tráng A Pao, Ủy viên Ban Chấp hành
Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Lào Cai trình bày**

Thưa Đoàn Chủ tịch Đại hội!

Thưa các vị khách quý!

Thưa các đồng chí đại biểu!

Thực hiện Chỉ thị số 54-CT/TW, ngày 22-5-2000 của Bộ Chính trị về Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng; sau một thời gian chuẩn bị công phu với sự đóng góp tích cực của toàn Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, hôm nay, Đảng bộ tỉnh Lào Cai long trọng tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ XII. Thay mặt Đoàn Chủ tịch Đại hội, tôi nhiệt liệt chào mừng và gửi tới các đồng chí đại biểu, những Đảng viên ưu tú đại diện cho hơn 16 ngàn đảng viên trong Đảng bộ về dự Đại hội lời chúc sức khỏe, đoàn kết, hạnh phúc và phát triển.

Đại hội chúng ta nhiệt liệt chào mừng các đồng chí đại diện cho Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Ban Nội chính Trung ương, Ban Trung ương 6 (lần 2), Ban Khoa giáo Trung ương đã đến dự, theo dõi và giúp đỡ chúng ta trong quá trình Đại hội.

Đại hội chúng ta nhiệt liệt chào mừng Đoàn đại biểu Quân khu II do đồng chí... dẫn đầu, đã mang lại cho Đại hội chúng ta nguồn động viên cổ vũ lớn lao, thể hiện tình quân dân, tình đồng chí, đồng đội trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Đại hội chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh các cơ quan thông tin báo chí Trung ương và địa phương đã đến theo dõi, đưa tin và cổ vũ kịp thời cho Đại hội.

Thưa toàn thể các đồng chí!

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII kế tục sự nghiệp và truyền thống vẻ vang của Đảng trong 70 năm qua, là tiếp tục cùng toàn Đảng viết nên những trang vàng lịch sử mới của Đảng ta và dân tộc ta nói chung, của toàn Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Lào Cai nói riêng trong thế kỷ XXI. Trong buổi lễ khai mạc trọng thể này, Đại hội chúng ta thành kính tưởng nhớ và biết ơn vô hạn Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại và các bậc tiền bối cách mạng đã suốt đời chiến đấu, hy sinh cho lý tưởng của Đảng và lợi ích của dân tộc Việt Nam.

Trong giờ phút trọng thể này, Đại hội chúng ta chân thành bày tỏ lòng thương nhớ và biết ơn sâu sắc đối với đảng viên cộng sản và những thế hệ cha anh đã anh dũng hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chúng ta chân thành bày tỏ lòng biết ơn to lớn đối với các đồng chí lão thành cách mạng, các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, những người đã đóng góp to lớn mồ hôi và cả xương máu của mình cho sự nghiệp giải phóng và xây dựng Lào Cai ngày càng phát triển giàu mạnh.

Đại hội chúng ta cũng chân thành cảm ơn và nghiêm túc thực hiện những ý kiến chỉ đạo của Trung ương, tiếp thu những ý kiến đóng góp của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong quá trình chuẩn bị Đại hội. Những ý kiến quý báu đó sẽ góp phần tích cực vào thành công của Đại hội.

Thưa các đồng chí!

Đại hội lần này, chúng ta có nhiệm vụ:

1. Kiểm điểm quá trình thực hiện nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 1996-2000 để đánh giá những kết quả đã đạt

được, những mặt còn tồn tại, yếu kém, tìm ra được nguyên nhân, rút ra bài học, từ đó vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào điều kiện cụ thể của tỉnh ta để đề ra những mục tiêu, phương hướng nhiệm vụ của toàn Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Lào Cai giai đoạn 2001-2005. Đồng thời tìm ra những hình thức và bước đi thích hợp, giải pháp hữu hiệu để thực hiện thắng lợi các mục tiêu đó, trọng tâm là đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đổi mới và không ngừng nâng cao đời sống cả về vật chất và tinh thần cho nhân dân, nhất là vùng nông thôn, vùng cao, vùng xa, vùng biên giới; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh từ cơ sở tới tỉnh; xây dựng chính quyền các cấp của nhân dân, do dân, vì dân; nâng cao năng lực vận động quần chúng của các đoàn thể quần chúng, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, mở rộng dân chủ, tăng cường kỷ cương; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia.

2. Đại hội chúng ta có nhiệm vụ tham gia ý kiến vào văn kiện trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, sửa đổi Điều lệ Đảng và bầu cử Đoàn đại biểu tiêu biểu cho trí tuệ của Đảng bộ tỉnh Lào Cai đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX.

3. Đại hội chúng ta tiến hành kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành khóa XI nhiệm kỳ 1996-2000, kiểm điểm việc thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình nghiêm túc theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) của toàn Đảng bộ trong thời gian qua.

4. Đại hội chúng ta cũng sẽ tiến hành lựa chọn những đảng viên ưu tú nhất có đủ năng lực, phẩm chất, uy tín để bầu vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XII, nhiệm kỳ 2000-2005.

Thưa các đồng chí!

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII có ý nghĩa lịch sử quan trọng, đánh dấu một thời kỳ mới, xác định những nền tảng cơ bản tiến vào thế kỷ XXI. Nhiệm vụ đặt ra cho Đại hội của chúng ta là rất lớn. Để Đại hội hoàn thành tốt nội dung, chương trình đã đề ra với

chất lượng cao, các đồng chí phải thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy trí tuệ tập thể, nâng cao ý thức trách nhiệm của cá nhân, tăng cường đoàn kết, giữ vững kỷ cương trong thảo luận và quyết định mọi vấn đề của Đại hội, bảo đảm cho Đại hội thành công tốt đẹp.

Với niềm tin tưởng đó, tôi long trọng tuyên bố khai mạc Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII.

Chúc sức khỏe các đồng chí lãnh đạo Trung ương, các ban, ngành Trung ương và các đại biểu Đại hội.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Xin cảm ơn!

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**BÁO CÁO CHÍNH TRỊ
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA XI
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH
LẦN THỨ XII**

Ngày 25-12-2000

Đại hội đại biểu lần thứ XII Đảng bộ tỉnh Lào Cai được tiến hành vào thời điểm có nhiều ý nghĩa lịch sử quan trọng: Sau 10 năm tái lập lại tỉnh Lào Cai; 10 năm thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 1991 - 2000 và 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI. Để vững bước đi trên con đường được Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn, Đại hội lần này chúng ta kiểm điểm và đánh giá một cách đúng đắn những thành tựu, kết quả và chỉ rõ những khuyết điểm, tồn tại trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, rút ra những nguyên nhân và bài học kinh nghiệm của thành công, chỉ rõ nguyên nhân của những yếu kém, đồng thời dự báo tình hình, đề ra phương hướng nhiệm vụ, mục tiêu và các giải pháp thiết thực nhằm nâng cao hơn nữa năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, động viên và phát huy sức mạnh tổng hợp của nhân dân các dân tộc trong tỉnh, tiếp tục đổi mới, tạo tiền đề đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gắn xây dựng với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn 2001 - 2005 và những năm tiếp theo nhằm xây dựng tỉnh ta ngày càng giàu đẹp. Với tinh thần đó, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xin trình Đại hội những vấn đề cơ bản sau đây:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, MỤC TIÊU NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XI

Trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI chúng ta có những thuận lợi cơ bản là: Công cuộc đổi mới của đất nước thu được nhiều thành tựu rất quan trọng, Đảng và Nhà nước, các ngành Trung ương đã có những chính sách và chủ trương toàn diện trong việc lãnh chỉ đạo và đầu tư phát triển cho các tỉnh miền núi nói chung và tỉnh Lào Cai nói riêng; đường lối đổi mới đúng đắn đã tạo cho Lào Cai giải phóng sức sản xuất, tăng cường hợp tác giao lưu phát triển kinh tế - xã hội với các tỉnh trong cả nước và với tỉnh Vân Nam - Trung Quốc; cơ sở vật chất - kỹ thuật được xây dựng trong thời gian qua đã và đang phát huy tác dụng và hiệu quả; những thành quả trong quá trình xây dựng và phát triển đã định hướng rõ nét cho phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Đội ngũ cán bộ nhân dân trong tỉnh với truyền thống đoàn kết xung quanh Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, bước đầu đã khai thác được các thế mạnh về điều kiện tự nhiên - xã hội - tri thức và các lợi thế khác để thực hiện các mục tiêu đề ra và tạo nền tảng cho những năm tiếp theo.

Tuy nhiên, 5 năm qua chúng ta cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức, trở ngại. Nền kinh tế vẫn ở trong tình trạng thấp kém, chưa chuyển kịp với nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường, vốn đầu tư từ bên ngoài thấp, trình độ dân trí còn thấp, đội ngũ cán bộ còn nhiều bất cập so với yêu cầu của công cuộc đổi mới. Nguồn nhân lực thiếu và yếu. Khủng hoảng tài chính khu vực đã ảnh hưởng đáng kể đến sự phát triển của khu vực và cả nước, từ đó tác động đến sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của tỉnh. Các thế lực thù địch vẫn tiếp tục chống phá bằng nhiều thủ đoạn xảo quyệt cản trở quá trình xây dựng và phát triển. Diễn biến phức tạp của thời tiết khí hậu gây khó khăn cho sản xuất và ảnh hưởng đến đời sống nhân dân, nhất là vùng cao.

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC GIAI ĐOẠN 1996 - 2000

Trong 5 năm qua, thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng bộ, tỉnh ta tiếp tục đạt được nhiều thành tích quan trọng trên nhiều mặt: Kinh tế tiếp tục phát triển; văn hóa có những tiến bộ mới; công tác xóa đói, giảm nghèo được đẩy mạnh và đạt được nhiều kết quả tốt, đời sống nhân dân nói chung được cải thiện; ổn định về chính trị, an ninh quốc phòng được giữ vững, hệ thống chính trị được xây dựng và củng cố ngày càng trong sạch, vững mạnh, dân chủ được phát huy tốt hơn; quan hệ đối ngoại tiếp tục được mở rộng, bảo đảm hợp tác bình đẳng và cùng có lợi; đã có 12 mục tiêu đạt và vượt, chỉ có 3 mục tiêu chưa đạt so với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ đề ra, thể hiện ở một số kết quả sau đây:

1. Kinh tế tiếp tục tăng trưởng, một số ngành, lĩnh vực có bước phát triển khá

Tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) tăng bình quân hằng năm 5,3%, riêng năm 2000 mức tăng đạt 7,11%, GDP bình quân đầu người tăng từ 1,667 triệu đồng năm 1995 lên 2,258 triệu đồng năm 2000; nông nghiệp và nông thôn được tập trung đầu tư và có nhiều chuyển biến tích cực. Tỉnh đã xây dựng chiến lược phát triển, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội gắn với an ninh quốc phòng giai đoạn 1996 - 2010. Nhiều quy hoạch chi tiết của ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt và triển khai như quy hoạch trung tâm cụm xã, Chương trình 135, các xã biên giới, khu kinh tế cửa khẩu, giao thông, thủy lợi, vùng nguyên liệu chè, cây ăn quả, tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Tập trung đầu tư cải tạo nâng cấp và xây dựng mới trên 700 công trình thủy lợi đẩy mạnh khai hoang, tích cực áp dụng kỹ thuật thâm canh, sử dụng giống mới, vật tư nông nghiệp, thực hiện chính sách trợ cước, trợ giá, trợ lãi suất, khuyến nông - lâm và nhiều biện pháp khuyến khích khác đã làm cho giá trị sản xuất ngành nông

ng nghiệp tăng bình quân 8,11%/năm, sản xuất đa dạng theo hướng sản xuất hàng hóa và theo mô hình trang trại, cả trong trồng trọt và chăn nuôi. Tổng sản lượng lương thực quy thóc năm 2000 đạt 175 ngàn tấn, vượt chỉ tiêu Đại hội 10,9%. Đàn gia súc, gia cầm tăng bình quân hàng năm từ 2% đến 12%. Cây công nghiệp, cây ăn quả, cây kinh tế, cây dược liệu tăng mạnh cả diện tích và sản lượng, bước đầu hình thành các vùng nguyên liệu tập trung cho sản xuất hàng hóa và công nghiệp chế biến. Trồng mới, khoanh nuôi tái sinh, bảo vệ rừng, giao đất, giao rừng, trồng cây lâm nghiệp xã hội được thực hiện; đã giao trên 260 ngàn hecta đất và toàn tỉnh đã có 260.590 ha rừng tập trung và 24.000 ha cây phân tán, nâng tỷ lệ tán che phủ từ 23% năm 1995 lên 32,4% năm 2000, xây dựng 69 dự án định canh định cư phục vụ 38.900 hộ, 234.000 khẩu đạt 65% số hộ trong diện vận động. Đã tiến hành sắp xếp lại dân cư cho 2.548 hộ, 13.447 khẩu trong đó có 650 hộ ra biên giới, cơ bản xóa bỏ cây thuốc phiện trên địa bàn toàn tỉnh, hình thành 2.813 trang trại, số hộ sản xuất giỏi tăng nhanh đến nay đã có trên 14 ngàn hộ, chiếm 14,7% số hộ trong nông thôn, làm cho bộ mặt của nhiều vùng nông thôn được thay đổi.

Tổng giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn tăng bình quân 9,37%/năm và đạt 307 tỷ đồng năm 2001 (theo giá cố định năm 1994) đạt mục tiêu Đại hội đề ra. Tổng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên lãnh thổ giai đoạn 1996 - 2000 từ vốn ngân sách nhà nước tăng 13 lần, tín dụng tăng 2,8 lần, huy động trong dân và các nguồn khác tăng 17% so với thời kỳ 1991-1995 và đạt 12.644 tỷ đồng, trong đó tập trung đầu tư cho khu kinh tế cửa khẩu, khu du lịch Sa Pa; hệ thống thủy lợi, nước sạch và kết cấu hạ tầng. Nhiều ngành có tốc độ tăng trưởng nhanh như bưu chính viễn thông, đưa thông tin liên lạc điện thoại về cả trung tâm 10 huyện, thị và 100 xã, phường; phủ sóng điện thoại di động thị xã Lào Cai và thị trấn Sa Pa, nâng tổng số máy điện thoại toàn tỉnh lên trên 10.000 máy năm 2000, đã có 52 điểm bưu điện - văn hóa xã; xây dựng 35 công trình lưới điện đến trung tâm 11 huyện, thị và 67 xã, phường, thị trấn vượt mục tiêu Đại hội 2,7%; xây

dựng cầu đường phát triển mạnh, nhất là phong trào làm đường giao thông nông thôn. Đến nay toàn tỉnh chỉ còn 17 xã chưa có đường ô tô đến trung tâm (trong đó có 6 xã chưa có đường ô tô tới địa giới); công nghiệp quốc doanh đạt mức tăng trung bình quân hàng năm 9,85% chiếm tỷ trọng 86,8% trong giá trị công nghiệp trên địa bàn, công nghiệp khai khoáng tăng khá, giữ tỷ trọng 67,6% trong sản xuất công nghiệp của tỉnh. Một số ngành nghề tiểu thủ công nghiệp được duy trì và phát triển như sản xuất thổ cẩm, sơ chế nông - lâm sản...

Tổng giá trị ngành thương mại, du lịch và dịch vụ có mức tăng bình quân 9,19%/năm, tổng mức bán lẻ xã hội tăng 13,1%/năm. Thương nghiệp quốc doanh được củng cố và bảo đảm cung ứng mặt hàng chính sách và vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp cho nhân dân vùng cao. Thương nghiệp ngoài quốc doanh phát triển mạnh. Hệ thống chợ thị xã, thị trấn và nông thôn vùng cao đã được tăng cường đầu tư xây dựng, hiện đã xây dựng được 59 chợ theo hướng kết hợp kinh doanh với giao lưu văn hóa, giữ gìn bản sắc dân tộc. Kinh tế du lịch có bước phát triển khá cả về xây dựng quy hoạch, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, xúc tiến và quảng bá; đã quan tâm đào tạo đội ngũ cán bộ và nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng cường quản lý nhà nước về du lịch. Lượng du khách tăng bình quân hàng năm 57%, doanh thu tăng 73% và nộp ngân sách tăng 18%.

Triển khai nghị quyết về kinh tế đối ngoại, tỉnh đã xây dựng nhiều dự án và những chính sách thu hút để gọi đầu tư vì vậy đã có 25 tổ chức quốc tế và phi chính phủ đầu tư cho 155 dự án từ nguồn ODA, NGO, FDI vào các công trình điện, đường, trường học, nước sạch, bệnh viện và giúp đỡ đồng bào ở các xã khó khăn, xóa đói, giảm nghèo với số vốn 445,685 tỷ đồng. Kim ngạch xuất nhập khẩu trên địa bàn năm 2000 đạt 14,300 triệu USD, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu của tỉnh đạt 100 triệu USD vượt mục tiêu Đại hội đề ra. Thực hiện có hiệu quả Quyết định số 10-QĐ/TTg, ngày 26-5-1998 của Thủ tướng Chính phủ về áp dụng một số chính sách ưu đãi khu kinh tế cửa khẩu, tăng nhanh kim ngạch xuất nhập khẩu, đầu tư xây

dựng cơ sở hạ tầng, tăng thu ngân sách, giữ vững an ninh biên giới và làm cho quan hệ đối ngoại ngày càng phát triển.

Nhờ triển khai có hiệu quả Luật ngân sách và các luật thuế mới nên thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân hằng năm 18%, tỷ lệ huy động từ GDP vào ngân sách đạt 12,3% và đạt 210 tỷ đồng năm 2000. Các hoạt động thu, chi ngân sách kịp thời, đúng pháp luật, thực hành tiết kiệm. Các biện pháp nhằm tạo nguồn thu, nuôi dưỡng nguồn thu được thực hiện tốt vừa tăng thu ngân sách vừa góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng khai thác lợi thế. Đến năm 2000, tỷ trọng các ngành trong GDP của tỉnh thể hiện: Ngành nông, lâm nghiệp giảm từ 52,59% năm 1995 xuống 49,02%, thương mại - du lịch - dịch vụ tăng từ 26,04% lên 32,94%, công nghiệp - xây dựng cơ bản giảm từ 21,37% xuống 18,04%. Có các giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu như xây dựng dự án tổng quan định canh định cư; dự án quy hoạch sản xuất, bố trí lại dân cư 26 xã biên giới; dự án trung tâm cụm xã; các biện pháp, chính sách huy động vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; chính sách trợ cước, trợ giá, khuyến nông - lâm, trợ lãi xuất giảm thuế và phí; chính sách huy động nguồn nhân lực, đầu tư ứng dụng khoa học - kỹ thuật, cho nên cơ cấu trong ngành nông - lâm nghiệp đã có sự chuyển dịch tăng đáng kể theo hướng sản xuất hàng hóa, cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi và nghề rừng bước đầu phát triển; diện tích trồng lúa nương, trồng sắn giảm mạnh. Trong công nghiệp đã có sản phẩm thay thế một phần nhập từ ngoài như xi măng, bia và có sản phẩm xuất khẩu như quặng sắt, tinh quặng đồng, apatít, giấy đế, dừa... Ngành du lịch, dịch vụ đã được tập trung đầu tư và có bước tăng trưởng khá.

Nền kinh tế đa dạng, nhiều thành phần được phát triển đúng hướng. Kinh tế quốc doanh từng bước thực hiện quá trình đổi mới, sắp xếp lại sản xuất, kinh doanh, tăng cường quản lý nên hiệu quả hoạt động đã được nâng lên một bước. Kinh tế hợp tác xã thực hiện chuyển đổi theo luật bước đầu sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Kinh tế tư nhân phát triển mạnh, nhất là kinh tế hộ, kinh tế trang trại ở nông thôn.

2. Văn hóa, xã hội có những tiến bộ mới

Sự nghiệp giáo dục đào tạo có tiến bộ nhanh và đạt được nhiều thành tích quan trọng. Tỉnh đã quan tâm lãnh đạo chỉ đạo sát sao, tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đào tạo đội ngũ giáo viên và có chính sách ưu đãi huy động cả người dạy và người học, nhận thức của nhân dân về nhu cầu học đã được nâng lên, tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến lớp năm 2000 là 90%, vượt mục tiêu Đại hội đề ra 20%. Tỉnh ta thực hiện đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ vào tháng 5-2000, vượt mục tiêu Đại hội 3 năm; xã hội hóa giáo dục bước đầu được thực hiện. Hoạt động khoa học - công nghệ có tiến bộ, đã hướng vào phục vụ sản xuất phát triển, nhất là trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp. Công nghệ thông tin đang được triển khai ứng dụng ở một số lĩnh vực. Việc bảo vệ môi trường sinh thái được quan tâm hơn trước. Các hoạt động văn hóa, phát thanh truyền hình, báo chí, xuất bản đã có sự đổi mới về nội dung, đa dạng về hình thức và phong phú về cách tuyên truyền, cung cấp một lượng thông tin nhằm nâng kiến thức và mức hưởng thụ của nhân dân lên một bước. Hiện có 108 xã, phường, thị trấn được phủ sóng truyền hình, 37,2% hộ dân có ti vi, có 98 xã, phường, thị trấn được phủ sóng phát thanh, 37% hộ dân có radio, nhiều huyện, thị xã được xem báo trong ngày. Cuộc vận động xây dựng nếp sống văn hóa được phát động rộng rãi và đông đảo các tầng lớp nhân dân ủng hộ. Công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu, rèn luyện thể chất, khám chữa bệnh được nâng lên; tỷ lệ cán bộ y tế trên 1 vạn dân năm 2000 là 32,2 người, trong đó có 4,35 bác sĩ; tất cả các phường, xã, thị trấn đều có cơ sở y tế xây dựng kiên cố, không để dịch bệnh lớn xảy ra. Công tác tiêm chủng mở rộng thực hiện tốt, đạt tỷ lệ bình quân hàng năm từ 93-95%; trẻ em suy dinh dưỡng giảm xuống ở mức 45%. Đẩy mạnh công tác truyền thông dân số, tăng cường biện pháp và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc và bảo vệ bà mẹ trẻ em nên đã hạ tỷ lệ tăng dân số tự nhiên từ 2,51% năm 1995 xuống còn mức 2,1% năm 2000, vượt mục tiêu Đại hội. Đời sống của phần lớn nhân dân được cải thiện, thu nhập

bình quân và sức mua của người dân tăng lên. Số hộ giàu, sản xuất giỏi tăng, số hộ đói nghèo giảm bình quân hàng năm 2,55%, vượt chỉ tiêu Đại hội đề ra là 0,55%, hiện còn 21,12% (trong đó đói 6,38%). Tạo việc làm mới cho 23.000 người, đào tạo nghề, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho hàng ngàn người, góp phần nâng cao trình độ cho người lao động. Phong trào đền ơn đáp nghĩa, cứu trợ nhân đạo, chăm sóc các đối tượng chính sách thực hiện tốt hơn.

3. Ổn định chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh, chủ quyền quốc gia được giữ vững, quan hệ đối ngoại được mở rộng

Cùng với việc xây dựng phát triển kinh tế - xã hội, các lực lượng vũ trang nhân dân và an ninh nhân dân đã làm vai trò nòng cốt trong việc bảo vệ độc lập, chủ quyền biên giới quốc gia, thực hiện đường lối đối ngoại rộng mở, đặc biệt là ngoại giao nhân dân với tỉnh Vân Nam - Trung Quốc; xây dựng đường biên giới hoà bình, hữu nghị và cùng phát triển phục vụ tốt cho việc ký hiệp ước biên giới trên bộ. Tập trung vào công tác bảo vệ nội bộ, tích cực phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn hoạt động cài cắm móc nối, thu thập tài liệu tin tức, hoạt động tôn giáo trái phép, chống âm mưu “diễn biến hòa bình” của địch. Đã chú trọng xây dựng sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, xây dựng các phương án, tiến hành huấn luyện, luyện tập, diễn tập, sẵn sàng đối phó khi có tình huống xảy ra. Bảo đảm tất cả các xã, phường đều có thanh niên nhập ngũ.

Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện pháp luật và phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc có nhiều tiến bộ, các hoạt động phát hiện tội phạm, điều tra truy tố, xét xử thi hành án được thực hiện đúng pháp luật đúng người đúng tội góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và bảo vệ lợi ích của Nhà nước và của công dân. Quản lý xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu, chống buôn lậu và gian lận thương mại, được thực hiện thường xuyên, liên tục và nghiêm túc. Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo công dân được quan tâm ở tất cả các ngành, không để xảy ra

“điểm nóng”, hạn chế tới mức thấp việc khiếu kiện đông người và vượt cấp. Các ngành Khối Nội chính được thường xuyên củng cố cả về tổ chức và xây dựng đội ngũ cán bộ, thực thi công việc công minh chính trực là chỗ dựa tin cậy của Đảng và nhân dân.

4. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được thực hiện thường xuyên từ tỉnh đến cơ sở

Năm năm qua, tình hình thế giới và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, các thế lực thù địch tiếp tục thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình” tấn công mạnh vào tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là đồng bào các dân tộc vùng cao thông qua tuyên truyền đạo trái phép, chia rẽ dân tộc. Đảng bộ đã tập trung làm tốt công tác tư tưởng làm cho cán bộ và nhân dân không mắc phải âm mưu của địch. Trong công tác tư tưởng chú trọng việc quán triệt nội dung và tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết của Đảng, phát động rộng rãi phong trào thi đua yêu nước. Thông qua việc thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) về xây dựng và chỉnh đốn Đảng đã làm cho toàn Đảng bộ có điều kiện thấy rõ những ưu điểm để phát huy, đề ra biện pháp và tiến hành khắc phục những khuyết điểm, tồn tại, nhân dân quan tâm hơn đến công tác xây dựng Đảng, củng cố niềm tin vào Đảng, hiểu rõ mục tiêu lý tưởng và các quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị được quan tâm; đã mở được 845 lớp cho 41.600 lượt người học ở tỉnh và hàng ngàn người học ở các trường Trung ương. Việc tuyên truyền qua phương tiện thông tin đại chúng và tuyên truyền miệng được thực hiện thường xuyên. Với nhiều cách làm phong phú của các cấp, các ngành nên đã nắm được diễn biến tư tưởng trong nội bộ Đảng và trong nhân dân.

Đảng bộ đã quan tâm và làm tốt công tác xây dựng Đảng về tổ chức, đội ngũ đảng viên. Tiến hành một bước sắp xếp lại bộ máy theo hướng tinh gọn. Quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, cơ chế phối hợp, đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng cụ thể, trực tiếp, gần lý

luận với thực tiễn, đồng thời ban hành nghị quyết về củng cố nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Tiến hành đưa đảng viên về tham gia sinh hoạt tại nơi cư trú để nhân dân có điều kiện tham gia xây dựng Đảng, đánh giá đội ngũ đảng viên và tăng cường mối liên hệ giữa dân với Đảng. Triển khai quy hoạch đội ngũ cán bộ Đảng từ tỉnh đến cơ sở, quan tâm đào tạo bồi dưỡng, đánh giá, bổ nhiệm cán bộ theo đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ về làm việc ở các xã vùng cao khó khăn. Số tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh 2000 tăng 20% so với năm 1996. Công tác phát triển Đảng được quan tâm cả về chất lượng, số lượng, tuổi trẻ, nữ, dân tộc, giai cấp công nhân. Trong 5 năm kết nạp được 4.495 đảng viên mới, đưa tổng số đảng viên toàn tỉnh lên 16.487 người, giảm số thôn, bản chưa có đảng viên từ 413 thôn, bản năm 1995 xuống còn 202 thôn, bản. Đảng viên thường xuyên tự phê bình và phê bình, phân xếp loại hàng năm, số đảng viên loại 1 đạt trên 84%, số đảng viên yếu kém giảm xuống còn 1%.

Thực hiện vai trò lãnh đạo, các cấp ủy Đảng đặc biệt quan tâm đến công tác kiểm tra, đã tiến hành kiểm tra 5.402 đảng viên và 736 lượt tổ chức đảng, trong đó Tỉnh ủy tiến hành kiểm tra toàn diện 3 Đảng bộ huyện, Đảng bộ Công ty Apatit Việt Nam và Đảng bộ Công an tỉnh theo Điều lệ Đảng. Toàn tỉnh tiến hành kiểm tra 673 đảng viên và 96 tổ chức đảng có dấu hiệu vi phạm, giải quyết 518 đơn thư tố cáo đảng viên. Sau kiểm tra đều có kết luận rõ ràng, xử lý công minh, yêu cầu khắc phục sửa chữa và tiến hành kiểm tra việc sửa chữa khuyết điểm.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu tỉnh lần thứ XI và yêu cầu của thực tiễn, Tỉnh ủy đã đổi mới quy trình ra chỉ thị, nghị quyết và lãnh đạo điều hành; đã ban hành 5 nghị quyết chuyên đề, 5 chương trình hành động và nhiều chỉ thị, kế hoạch; tiến hành triển khai kịp thời và thường xuyên kiểm tra đôn đốc thực hiện, tổ chức sơ tổng kết rút kinh nghiệm và đã thu được kết quả tốt trong một số lĩnh vực phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ, đưa đảng viên về sinh hoạt ở nơi cư trú và củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia.

5. Xây dựng chính quyền của dân, do dân, vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VII) chính quyền các cấp được củng cố một bước, trong đó trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, nâng cao trách nhiệm của đội ngũ công chức, bảo đảm cơ bản giải quyết công việc nhanh, trực tiếp, đúng pháp luật, không phiền hà, sách nhiễu, quan liêu, chú trọng đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ, công chức, nhất là cán bộ xã, phường, thị trấn. Trong 5 năm, có trên 17.000 lượt người đi học bồi dưỡng quản lý nhà nước và các lĩnh vực chuyên ngành, thực hiện tốt chế độ tuyển dụng công chức, khuyến khích cán bộ đến công tác ở vùng khó khăn. Tiến hành tổng kết 5 năm hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1994-1999 để rút ra những bài học kinh nghiệm thiết thực cho việc lựa chọn đại biểu và hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1999-2004. Cuộc bầu cử thành công, đúng luật pháp đã kiện toàn Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp, nhất là ở cấp tỉnh, các ban đều có hoạt động chuyên trách nên hoạt động giám sát được tăng cường và cụ thể, tập trung vào những vấn đề quan trọng hoặc nổi cộm trên địa bàn. Hội đồng nhân dân các cấp đã ban hành nhiều nghị quyết, kế hoạch phù hợp, được nhân dân đồng tình ủng hộ mang lại hiệu quả, nhất là trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng, làm đường giao thông, thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo, phát triển giáo dục, phòng, chống tệ nạn xã hội, xây dựng nền an ninh quốc phòng.

Công tác tuyên truyền pháp luật, ban hành văn bản pháp quy và tổ chức thực thi được nâng lên một bước, đặc biệt là việc triển khai và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đã tạo điều kiện cho nhân dân trực tiếp tham gia quyết định những vấn đề lớn ở cơ sở, giám sát hoạt động của chính quyền và cán bộ, góp phần xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh. Số chính quyền cơ sở trong sạch, vững mạnh và khá tăng từ 137 năm 1995 lên 168 đơn vị năm 2000, số chính quyền yếu kém giảm từ 43 năm 1995 xuống còn 12 đơn vị năm 2000.

Các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân các cấp được củng cố, bước đầu quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc, tăng cường công tác tiếp dân và giải quyết công việc ở cơ sở.

6. Công tác dân vận có nhiều tiến bộ

Tỉnh ủy đã tiến hành tổng kết Nghị quyết 8B của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VI), củng cố hệ thống Ban Dân vận của Đảng. Thông qua Đại hội củng cố bộ máy của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng, lãnh đạo đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, hình thức vận động quần chúng theo hướng gần dân, sát cơ sở, giúp đỡ thiết thực đồng bào phát triển sản xuất, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao dân trí, xây dựng nếp sống văn hóa mới, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Các phong trào như: Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; nông dân sản xuất giỏi; phụ nữ tiết kiệm, giúp nhau làm kinh tế, nuôi con khỏe dạy con ngoan; thanh niên lập nghiệp, tuổi trẻ giữ nước, phát huy truyền thống anh bộ đội Cụ Hồ; phong trào công nhân phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật và lao động giỏi; xây dựng quỹ đền ơn đáp nghĩa, hoạt động từ thiện... do các tổ chức đoàn thể phát động đã có tác dụng nâng cao nhận thức, tập hợp vận động hội viên, đoàn viên tham gia vào nhiệm vụ ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, củng cố tổ chức Hội, củng cố mối liên hệ mật thiết giữa Đảng, chính quyền với nhân dân. Chính vì vậy mà số Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể ở cơ sở đạt tiêu chuẩn tiên tiến, khá toàn diện ngày càng tăng góp phần quan trọng vào phát huy truyền thống đoàn kết các dân tộc và quá trình phát triển của tỉnh trong thời gian qua.

Bên cạnh những thành tựu, việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI còn những yếu kém, khuyết điểm:

a) Nền kinh tế có phát triển nhưng còn chậm và chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp. Tổng mức đầu tư đạt thấp, chưa có nhiều biện pháp huy động vốn đầu tư nhất là vốn trong dân, hiệu quả sử dụng vốn chưa cao, cơ cấu đầu tư chưa phù hợp giữa

các ngành cũng như nội bộ từng ngành kinh tế làm cho nhịp độ tăng trưởng GDP chậm và không đạt mục tiêu Đại hội đề ra; GDP bình quân đầu người đạt thấp; chưa thực hiện được mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế do Đại hội đề ra. Năng suất lao động thấp, chất lượng nhiều sản phẩm chưa tốt và giá thành còn cao. Sản xuất nông nghiệp ở nhiều vùng vẫn chủ yếu là tự túc, tự cấp, một số sản phẩm đôi khi tiêu thụ khó khăn. Thực hiện các dự án trồng rừng, khoanh nuôi, bảo vệ rừng và công tác giao đất, giao rừng chậm nên không thực hiện được mục tiêu nâng tỷ lệ tán che phủ lên 35%. Việc chủ động phát hiện và dập tắt dịch trong chăn nuôi chưa kịp thời. Chất lượng một số công trình xây dựng thấp và còn thất thoát vốn, hoạt động đổi mới doanh nghiệp có làm nhưng chưa mạnh, mặt khác vốn kinh doanh thấp, công nghệ lạc hậu. Thu ngân sách chưa đạt mục tiêu do Đại hội đề ra. Công tác xóa đói, giảm nghèo, nhất là ở vùng cao kết quả nhiều nơi chưa vững chắc. Vẫn còn hàng vạn người chưa được định canh định cư, cơ sở hạ tầng cả kinh tế - xã hội ở nhiều xã còn thấp kém và thiếu thốn.

b) Phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ chất lượng chưa cao, chưa vững chắc, đội ngũ giáo viên thiếu và yếu; nhận thức của người dân ở vùng cao về nhu cầu học còn hạn chế; kinh phí cho sự nghiệp khoa học thấp, ứng dụng khoa học - kỹ thuật và chuyển giao công nghệ còn chậm. Các hoạt động văn hóa ở cơ sở chưa sâu rộng và mức hưởng thụ chưa cao; thực hiện xã hội hóa các hoạt động văn hóa thể thao còn hạn chế; thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, tang, lễ hội chưa được rộng khắp. Thực hiện Luật hôn nhân gia đình và kế hoạch hóa gia đình ở vùng cao chưa tốt. Ý thức và trình độ chuyên môn của cán bộ y tế nhiều nơi chưa đáp ứng mong mỏi của nhân dân. Tỷ lệ người nghèo, người thiếu việc làm và chưa được đào tạo còn cao. Việc thực hiện một số chính sách xã hội như trợ cước, trợ giá ở một số nơi thực hiện chưa tốt; nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết có hiệu quả như nghiện hút ma túy, bệnh AIDS, di dịch dân cư tự do, một số hủ tục lạc hậu...

c) Xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân có nơi chưa tốt, đầu tư xây dựng hệ thống khu vực phòng thủ còn thấp, công tác tuần tra, nắm tình hình đôi khi chưa chắc, chất lượng hoạt động của dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên còn hạn chế. Tình trạng buôn lậu, vượt biên vẫn xảy ra. Các vụ án nghiêm trọng do nguyên nhân xã hội còn nhiều. Phối hợp giữa lực lượng với các đoàn thể, chính quyền các cấp trong việc giải quyết lợi dụng tôn giáo tuyên truyền đạo trái phép chưa có hiệu quả rõ.

d) Triển khai chỉ thị, nghị quyết và tổ chức thực hiện, điều hành ở một số nơi chưa nghiêm túc, chưa kịp thời và thiếu vận dụng sáng tạo. Công tác tư tưởng còn hạn chế về phương pháp và hình thức tuyên truyền. Công tác củng cố tổ chức cơ sở đảng một số nơi chưa tốt, chưa chủ động phát huy vai trò hạt nhân lãnh đạo, việc phân xếp loại đánh giá chưa chính xác một số tổ chức đảng xếp loại trong sạch, vững mạnh nhưng khi kiểm tra lại bộc lộ nhiều khuyết điểm yếu kém. Công tác quy hoạch cán bộ chưa khoa học và tổ chức thực hiện chưa tốt; đội ngũ cán bộ thiếu, yếu và hổng hụt ở một số ngành, lĩnh vực và địa phương; một số cán bộ sa sút về phẩm chất, vi phạm khuyết điểm. Có nơi nguyên tắc tập trung dân chủ thực hiện chưa tốt, chưa phân công nhiệm vụ đảng viên rõ ràng, có nơi dẫn đến mất đoàn kết. Phương thức hoạt động và năng lực quản lý điều hành của một bộ phận cán bộ, công chức trong chính quyền còn hạn chế; còn thiếu cán bộ trên nhiều lĩnh vực nhất là quản lý kinh tế, thị trường, khoa học - kỹ thuật trình độ cao trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chính quyền cơ sở một số nơi hạn chế về trình độ, năng lực, quan liêu, chưa chủ động được công việc theo thẩm quyền, không giải quyết triệt để việc khiếu nại tố cáo của công dân ở cơ sở nên dễ xảy ra một số vụ khiếu kiện kéo dài, đông người, nhân dân bất bình. Công tác vận động quần chúng một số cơ sở chưa tốt nhất là ở vùng cao, vùng khó khăn, vùng bị lợi dụng tôn giáo tuyên truyền đạo trái phép. Việc hành chính hóa các hoạt động đoàn thể vẫn chưa được khắc phục.

II. NHỮNG NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM CỦA THÀNH CÔNG, NGUYÊN NHÂN CƠ BẢN CỦA TỒN TẠI, YẾU KÉM

1. Những nguyên nhân và kinh nghiệm của thành công

Một là, nhờ quán triệt chỉ thị, nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tổ chức vận dụng sát thực tế. Nêu cao vai trò lãnh đạo của Đảng bộ, thường xuyên chỉnh đốn và xây dựng Đảng, làm cho Đảng bộ ngày càng trong sạch, vững mạnh cả về tổ chức và bản lĩnh chính trị, kiên định lý tưởng, kiên định mục tiêu cách mạng, nâng cao năng lực tổ chức thực hiện nghị quyết, trình độ quản lý chỉ đạo điều hành thực tiễn, thực hiện phương châm gần dân, sát cơ sở, tăng cường kiểm tra, xử lý kịp thời, nghiêm minh.

Hai là, đổi mới phải dựa vào dân, giữ gìn và phát huy khối đại đoàn kết, sức mạnh tổng hợp và sự sáng tạo của nhân dân các dân tộc, thực hiện phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, phát huy dân chủ để dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh, gần dân chủ với kỷ cương, chấp hành pháp luật.

Ba là, khai thác có hiệu quả bước đầu các lợi thế so sánh và các nguồn lực, chú trọng phát huy nội lực, phải lựa chọn những nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội - an ninh - quốc phòng - xây dựng Đảng để có chương trình chỉ đạo tập trung, làm cho sản xuất phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao, xã hội sẽ ổn định.

Bốn là, mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế với các tổ chức trong và ngoài nước để thu hút vốn đầu tư, tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của các cơ quan Trung ương, tỉnh bạn và các tổ chức quốc tế. Gắn xây dựng với bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ môi trường sinh thái.

2. Những nguyên nhân cơ bản của tồn tại, yếu kém

a) Nguyên nhân khách quan

- Nền kinh tế của tỉnh ta có xuất phát điểm thấp, phát triển chưa

vững chắc và chưa cân đối, lại bị ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính kinh tế khu vực.

- Diễn biến thời tiết phức tạp đã ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của nhân dân.

b) Nguyên nhân chủ quan

Việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng ở một số nơi chưa tốt, kỷ cương không nghiêm; nghị quyết, chỉ thị cấp trên đề ra nhưng cấp dưới làm không đến nơi đến chốn, làm chậm, không nhạy bén, chưa mạnh dạn phát huy lợi thế để thực hiện; vẫn còn tư tưởng ỷ lại trông chờ cấp trên và Nhà nước. Một bộ phận cán bộ, công chức, đảng viên thoái hóa biến chất, lối sống quan liêu, thiếu ý thức trách nhiệm trước nhân dân các dân tộc.

Công tác tổng kết thực tiễn, quy hoạch, đào tạo cán bộ còn nhiều yếu kém, bất cập. Đội ngũ cán bộ còn thiếu và yếu, nhất là những chuyên gia có trình độ cao, trong các lĩnh vực xây dựng chiến lược, quản lý nhà nước, quản lý sản xuất kinh doanh, khoa học - kỹ thuật, xã hội và nhân văn. Việc quản lý, giáo dục, kiểm tra cán bộ, đảng viên nhiều nơi thiếu chặt chẽ, kỷ cương kỷ luật còn lỏng lẻo, việc kiện toàn tổ chức còn chậm.

Sự điều hành của chính quyền các cấp nhất là cơ sở có việc, có nơi yếu, chưa chủ động được công tác, hạn chế đến kết quả thực hiện nhiệm vụ. Việc cung cấp thông tin chưa kịp thời, chính xác việc ứng dụng công nghệ thông tin yếu ở nhiều lĩnh vực.

Chưa đánh giá đúng và lường trước được những tác động thách thức của tình hình nên đặt ra một số mục tiêu chưa sát như tốc độ tăng trưởng, thu ngân sách.

Phần thứ hai **MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU** **TRONG GIAI ĐOẠN 2001-2005**

Giai đoạn 2001-2005 là giai đoạn mở đầu của một kỷ nguyên mới. Tình hình quốc tế và khu vực vẫn còn nhiều biến động khó

luồng trước. Các thế lực thù địch vẫn chưa từ bỏ âm mưu chống phá cách mạng nước ta. Đất nước đã qua 15 năm đổi mới đã có nhiều thành tựu rất quan trọng, song 4 nguy cơ mà Đại hội đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII nêu lên cho đến nay vẫn là những thách thức lớn đối với nước ta. Những khó khăn như điều kiện địa lý, khí hậu, biên giới, dân trí, trình độ cán bộ, nền kinh tế và nguồn nhân lực còn thấp kém... vẫn là những thách thức đòi hỏi Đảng bộ phải vượt qua. Việc thực hiện hội nhập khu vực trong những năm tới sẽ mở ra nhiều cơ hội, nhưng cũng đặt ra những thách thức cho quá trình phát triển.

Nhưng với truyền thống đoàn kết và ý chí tự lực, tự cường, từ những kết quả đã đạt được trong thời gian qua, cộng với sự nỗ lực của toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân, Đại hội xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cơ bản sau đây:

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết các dân tộc, lao động cần cù và sáng tạo, thực hiện dân chủ, tranh thủ lợi thế, khai thác mọi nguồn lực để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội; xác định rõ lĩnh vực, ngành, công nghiệp mũi nhọn của cả thời kỳ và từng giai đoạn, trong đó tập trung xóa đói, giảm nghèo, cải thiện đời sống vật chất và văn hóa cho nhân dân, thực hiện công bằng xã hội; từng bước thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa; thường xuyên xây dựng, chỉnh đốn Đảng, củng cố hệ thống chính trị; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng an ninh, quốc phòng vững chắc và bảo vệ môi trường sinh thái.

Một số mục tiêu chủ yếu đến năm 2005:

- Giá trị tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP): 2.500 tỷ - 2.550 tỷ Việt Nam đồng (tính theo giá hiện hành).
- Tốc độ tăng GDP bình quân hàng năm: 7 - 7,5%.
- + GDP bình quân đầu người: 3,7 - 4 triệu Việt Nam đồng/người/năm.

- Cơ cấu ngành kinh tế trong GDP:
- + Nông - lâm nghiệp: 41%.
- + Công nghiệp, xây dựng cơ bản: 25%.
- + Thương mại, dịch vụ: 34%.
- Tổng sản lượng lương thực có hạt: 186 ngàn tấn.
- Giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu trên địa bàn: 20 triệu USD.
- Huy động GDP vào ngân sách: 13 - 14%.
- Độ tán che phủ rừng: 41%.
- Giữ vững và thực hiện hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ ở cả 180 xã, phường, thị trấn và phổ cập trung học cơ sở cho 60 xã, phường, thị trấn.
- Tỷ lệ số hộ dân được nghe đài: 80%, xem truyền hình: 65%.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 1,8%.
- Cơ bản không còn hộ đói thường xuyên.
- Giảm nghèo: 2%/năm, cơ bản định cư và định canh cho đồng bào các dân tộc.
- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng xuống dưới: 30%
- Bảo đảm tạo việc làm mới bình quân hằng năm cho 6.000 - 10.000 lao động, tỷ lệ lao động được đào tạo 21 - 23%/số lao động.
- Phấn đấu 60% Đảng bộ trực thuộc, 80% tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh, cơ bản không còn thôn bản không có đảng viên.
- Phấn đấu 80% tổ chức đoàn thể đạt tiêu chuẩn khá trở lên.

II. TƯ TƯỞNG CHỈ ĐẠO

Giữ vững ổn định chính trị, tập trung lãnh đạo phát triển các ngành, các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn và cải thiện đời sống nhân dân, tập trung đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế; giải quyết có hiệu quả chương trình xóa đói, giảm nghèo và phát triển nông lâm nghiệp, nông thôn nhất là vùng cao, vùng sâu theo hướng sản xuất hàng hóa. Đồng thời tranh thủ mọi điều kiện để khai thác và chế biến khoáng sản, đẩy mạnh xuất nhập khẩu, khai thác tốt kinh tế của

khẩu, tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, du lịch trong GDP. Tiếp tục thực hiện cơ cấu kinh tế: công - nông - lâm nghiệp - du lịch, dịch vụ theo chiến lược phát triển đến năm 2010, nhưng trong những năm trước mắt tập trung phát triển nông - lâm nghiệp, nông thôn, công nghiệp và dịch vụ, du lịch.

Kết hợp tốt việc phát triển vùng kinh tế trọng điểm với các vùng khác, phát huy được lợi thế của mỗi vùng. Có chính sách thu hút các nguồn vốn trong, ngoài nước và trong dân để phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, phát triển kinh tế - xã hội vùng sâu, vùng cao.

Chăm lo công tác phát triển và sử dụng nguồn nhân lực, gồm đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước, quản lý kinh tế đội ngũ điều hành sản xuất kinh doanh, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, phát triển khoa học - kỹ thuật và đào tạo công nhân kỹ thuật lành nghề, đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Tiếp tục thực hiện tốt chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, chú trọng đổi mới kinh tế quốc doanh, đẩy mạnh phát triển kinh tế hợp tác, mở rộng các hình thức liên doanh liên kết, phát huy kinh tế cá thể, tiểu chủ, đặc biệt là kinh tế trang trại ở nông thôn. Thực hiện tốt chăm lo đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần cho nhân dân, giải quyết việc làm cho người lao động và bảo đảm công bằng xã hội. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc biên cương của Tổ quốc và môi trường sinh thái.

Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng bộ, sự quản lý điều hành của chính quyền, sự giám sát có hiệu quả của Hội đồng nhân dân và các tổ chức chính trị; tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, phát huy dân chủ, tăng cường kỷ cương bảo đảm cho nhân dân tham gia trực tiếp, tích cực sáng tạo thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các mục tiêu Đại hội đã đề ra.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2001-2005

1. Phát triển kinh tế - xã hội

a) Phát triển nông nghiệp, nông thôn

Đây vẫn là lĩnh vực rất quan trọng của tỉnh ta nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu xóa đói, giảm nghèo, ổn định dân cư. Phấn đấu tốc độ tăng giá trị sản xuất toàn ngành tăng 5,5%. Do vậy tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với từng vùng theo hướng thâm canh, chuyên canh và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả, tăng tỷ trọng cây công nghiệp, cây thực phẩm và chăn nuôi, triển khai thực hiện quy hoạch và phát triển nhanh vùng nguyên liệu tập trung như: chè, cây ăn quả, cây đặc sản, dược liệu, vùng thâm canh lúa, ngô cao sản. Đẩy mạnh sản xuất thực phẩm ở ven đô thị tập trung. Đầu tư xây dựng công trình cung cấp nước sạch và hệ thống thủy lợi, kiên cố hệ thống kênh mương để tăng thêm năng lực và chủ động tưới tiêu. Đầu tư cho công tác tuyển lựa, nhân giống mới có năng suất và giá trị cao cả trồng trọt và chăn nuôi, để cơ bản bảo đảm đủ giống kỹ thuật cung cấp cho sản xuất. Đẩy mạnh cơ khí hóa, điện khí hóa trong nông nghiệp, nông thôn. Triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp và nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Đầu tư phát triển mạng lưới tiêu thụ sản phẩm, các xí nghiệp công nghiệp vừa và nhỏ, dịch vụ và kết cấu hạ tầng khu vực nông thôn. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi, phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã theo đúng luật, bảo đảm các điều kiện cho hợp tác xã hoạt động giúp nông dân phát triển sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Đẩy mạnh công tác giao đất, giao rừng và hoàn thành vào năm 2003, sử dụng có hiệu quả đất trồng, đồi trọc, mặt nước theo hướng nông - lâm - ngư nghiệp kết hợp. Hướng dẫn và hỗ trợ về kỹ thuật cho nhân dân sản xuất lâm nghiệp nhằm tăng nhanh diện tích trồng, tái sinh, khoanh nuôi bảo vệ rừng, phát triển mạnh kinh tế trang trại. Tiếp tục nghiên cứu gắn sản xuất với chế biến, bảo quản sau thu hoạch; tạo việc làm

phi nông nghiệp ngay tại nông thôn, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống của nông dân và dân cư ở nông thôn, phấn đấu đến 2005 trong nông dân không còn hộ đói thường xuyên và ổn định dân cư, cơ bản định canh cho gần 10 vạn nhân khẩu vùng cao.

b) Phát triển công nghiệp và xây dựng

Tiếp tục khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư và tăng cường các nguồn vốn đầu tư cho phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; gắn công nghiệp với phục vụ sản xuất nông nghiệp, nông thôn, đẩy mạnh công nghiệp chế biến nông - lâm sản để giải quyết đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, tăng khả năng cạnh tranh, góp phần thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xóa đói, giảm nghèo. Triển khai xây dựng và nâng công suất nhà máy chế biến chè thành phẩm ở Bảo Thắng và ở Than Uyên, tăng cường hoạt động của Nhà máy giấy, dừa tre xuất khẩu. Kết hợp chuẩn bị tốt khâu điều tra cơ bản, xây dựng một số dự án phát triển nhằm khai thác thế mạnh của tỉnh để gọi vốn đầu tư (nhất là khoáng sản). Phối hợp với các ngành, tổng công ty của Trung ương xây dựng cụm công nghiệp Tầng Loỏng, mở rộng khai thác đồng và apatít, nghiên cứu xây dựng một số nhà máy chế biến nông - lâm sản, thức ăn gia súc, các loại thực phẩm và chế biến khoáng sản.

Phấn đấu giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng cơ bản tăng bình quân hằng năm 15,6%, nâng số xã có điện lưới quốc gia vào năm 2005 lên 117 xã, nghiên cứu phục hồi thủy điện Cốc San (Bát Xát) và Cốc Ly, đẩy mạnh xây dựng thủy điện nhỏ và sử dụng các dạng năng lượng khác ở thôn, bản vùng cao.

Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, tham gia tích cực xây dựng đường hành lang Hải Phòng - Côn Minh trên địa phận tỉnh; nâng cấp tuyến đường 279, đường 4E, đường 32, xây dựng xong cầu Phố Mới và các cầu cống trên các trục giao thông quan trọng của tỉnh; tham gia cải tạo hệ thống đường sắt, đường thủy, xây dựng kết cấu hạ tầng vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa và biên giới, phấn đấu đến năm 2005 hoàn thành Chương trình 135 và chương trình đầu

tư cho các xã biên giới, dự án giảm nghèo từ nguồn WB cho các xã đặc biệt khó khăn, làm và nâng cấp đường ô tô tới tất cả các trung tâm xã trong tỉnh. Tập trung đầu tư vào một số chương trình trọng điểm như: Các khu du lịch, khu kinh tế cửa khẩu, hệ thống cấp nước sinh hoạt, hoàn thành cơ bản các hạng mục đầu tư tại một số trung tâm cụm xã và ổn định dân cư. Việc xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị cần được bảo đảm đúng quy hoạch, đẩy mạnh xã hội hóa về phát triển giao thông vận tải, tăng cường năng lực vận tải lên vùng cao, biên giới. Khai thác nội lực trong dân để phát triển mạng đường liên thôn, liên xã.

Đầu tư mạnh và thực hiện có hiệu quả công nghệ thông tin, bảo đảm mạng lưới thông tin thông suốt trong phạm vi toàn tỉnh, đẩy mạnh phát triển các điểm bưu điện - văn hóa xã. Tăng nhanh dân cư trong khu vực trung tâm cụm xã, thị trấn, thị xã; nâng cấp và đầu tư một số đô thị mới.

c) Phát triển thương mại - du lịch và kinh tế đối ngoại

Tiếp tục củng cố mạng lưới thương nghiệp quốc doanh bảo đảm đáp ứng đủ, kịp thời các mặt hàng chính sách cho nhân dân trên địa bàn. Khuyến khích các thành phần kinh tế khác cùng tham gia phát triển thị trường hàng hóa, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa và thị trường nông thôn. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có năng lực tiếp cận, nghiên cứu thị trường trong và ngoài nước từ đó đề xuất các phương án phát triển sản xuất thích hợp, đặc biệt là đối với các mặt hàng xuất, nhập khẩu và gọi vốn đầu tư nước ngoài. Tăng cường công tác đối ngoại, đẩy mạnh hợp tác, phát triển kinh tế - xã hội, khai thác tốt thị trường tỉnh Vân Nam và khu vực Tây Nam Trung Quốc và khu vực cửa khẩu. Về du lịch, cần mở rộng hơn địa bàn và hình thức hoạt động, nâng cao chất lượng sản phẩm về du lịch và các dịch vụ vận tải, bưu điện, tài chính, tư vấn; có cơ chế quản lý phù hợp theo hướng nhanh gọn về thủ tục, dịch vụ văn minh để tăng nhanh sự phát triển. Tăng cường đầu tư và quảng bá khu du lịch Sa Pa và những khu du lịch khác trong tỉnh nhằm thu hút ngày càng nhiều du khách.

Phấn đấu tốc độ tăng giá trị toàn ngành thương mại - du lịch - dịch vụ đạt 8,7%, tổng mức bán lẻ trên địa bàn tăng bình quân hàng năm từ 15-18%. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt trên địa bàn 20 triệu USD và doanh thu du lịch tăng bình quân hàng năm 20%.

d) Phát triển khoa học - công nghệ

Tập trung cho ứng dụng các thành quả nghiên cứu theo định hướng phát triển của từng ngành, bảo đảm cân đối giữa đầu tư cho khoa học - kỹ thuật, khoa học quản lý và khoa học xã hội nhân văn, trong đó cần chú ý đến mục tiêu phục vụ sự phát triển nông nghiệp nông thôn. Chú trọng công tác nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ vào sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, ưu đãi tín dụng cho doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ, mở rộng quyền tự chủ, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của mọi tổ chức và cá nhân. Có chính sách khuyến khích đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật, phục vụ tốt cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nhất là công tác ở vùng sâu, vùng khó khăn. Ưu đãi những tổ chức và cá nhân, nắm và triển khai trên địa bàn những bí quyết công nghệ nhất là công nghệ cao. Tăng kinh phí cho sự nghiệp khoa học - kỹ thuật và đẩy mạnh đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho hệ thống khoa học và công nghệ. Đẩy mạnh công tác giám định kỹ thuật, môi trường và chất lượng sản phẩm để bảo đảm cho sự phát triển ngày càng có tính bền vững hơn.

e) Tài chính, tiền tệ

Công tác tài chính phải phục vụ tích cực vào việc khai thác sử dụng có hiệu quả các thế mạnh của địa phương về tài nguyên, đất đai, lao động và những lợi thế tự nhiên để thúc đẩy mạnh mẽ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo ra tích lũy ngày càng nhiều cho nền kinh tế và tăng nguồn thu cho ngân sách. Có các cơ chế chính sách thích hợp, sử dụng đồng bộ các công cụ tài chính để huy động các nguồn vốn hiện có trong các thành phần, tổ chức kinh tế và các tầng lớp dân cư bố trí sử dụng vốn có hiệu quả, tiết kiệm, chống tham ô lãng phí. Tập trung đẩy mạnh phát triển sản xuất và khai thác kinh tế đối ngoại, kinh tế cửa khẩu nhất là xuất, nhập khẩu, du lịch, đầu tư nước ngoài để

tăng thu cho ngân sách. Thực hiện thu đúng, thu đủ kết hợp với chính sách nuôi dưỡng nguồn thu. Tiếp tục nghiên cứu rà soát lại các định mức thu, công khai hóa mức thu đến mọi đối tượng. Cải tiến thủ tục tín dụng để tạo điều kiện thuận lợi nhanh chóng cho các đối tượng vay vốn. Có cơ chế thích hợp để huy động vốn trong dân, giúp đỡ xây dựng dự án và khuyến khích các thành phần kinh tế và nhân dân vay vốn tín dụng đầu tư phát triển sản xuất. Tăng cường quản lý tiền mặt, triển khai việc thanh toán quốc tế trong hoạt động xuất, nhập khẩu đúng quy định và thuận tiện, an toàn, nhanh chóng. Thực hiện tốt công tác chi, chống lãng phí trong việc sử dụng kinh phí và tài sản. Tạo cơ chế để các thành phần kinh tế ở trong nước và nước ngoài đến đầu tư, sản xuất kinh doanh ở Lào Cai với nhiều hình thức, với mức ưu đãi cao nhất theo Luật đầu tư...

g) Phát triển văn hóa - xã hội

Đa dạng hóa các loại hình trường lớp, củng cố và phát triển hệ thống trường dân tộc nội trú, bán trú, phấn đấu có trường trung học cơ sở ở một số trung tâm cụm xã vùng cao; tăng cường các loại hình trường mẫu giáo dân lập, trường dạy nghề...; nâng cao chất lượng dạy và học, đầu tư xây dựng trường lớp, thực hiện kiên cố ít nhất 50% các trường học để đáp ứng yêu cầu đào tạo và nhu cầu học tập của con em nhân dân. Giữ vững và thực hiện hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ cho 180 xã, phường, thị trấn; thực hiện phổ cập đúng độ tuổi, phấn đấu đến năm 2005 có 60 xã, phường, thị trấn hoàn thành phổ cập trung học cơ sở, thực hiện phổ cập phổ thông trung học ở một số nơi có điều kiện. Đẩy mạnh xây dựng văn hóa Lào Cai tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, hướng vào xây dựng làng, bản văn hóa, xây dựng con người có tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, có ý thức tự lực tự cường, có trách nhiệm cao trong lao động, có lương tâm nghề nghiệp, có tác phong công nghiệp; khai thác và phát huy vốn văn hóa, thể thao truyền thống và không ngừng nâng cao mức hưởng thụ văn hóa cho nhân dân, phấn đấu đến năm 2005 có 55% số hộ gia đình, 35% số thôn, bản, 70% tổ dân phố, 80% số cơ quan, trường học được

công nhận đạt tiêu chuẩn văn hóa, một số xã, phường có thiết chế văn hóa, 30% thôn, bản có điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng, 15% dân số trở lên thường xuyên tham gia luyện tập thể dục thể thao. Tiếp tục đầu tư cho phát thanh, truyền hình, báo chí để làm tốt công tác tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương, bài trừ hủ tục lạc hậu, khắc phục tình trạng mê tín dị đoan, phòng, chống có hiệu quả các sản phẩm văn hóa đồi trụy, phản động.

Đẩy mạnh thực hiện các chương trình y tế quốc gia và y tế cấp ngành, củng cố phát triển mạng lưới y tế cơ sở, phát triển y tế cộng đồng, mở rộng bảo hiểm y tế đến các đối tượng dân cư, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, y đức và ý thức trách nhiệm của thầy thuốc, tăng cường sản xuất và chế biến dược liệu, sử dụng các bài thuốc dân tộc cổ truyền.

Đẩy mạnh cuộc vận động thực hiện Luật hôn nhân - gia đình và công tác dân số kế hoạch hóa gia đình nhằm kiểm soát sự phát triển dân số và nâng cao chất lượng dân số phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao cuộc sống cho nhân dân. Nâng cao chất lượng sức khỏe sinh sản, các dịch vụ giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe con người, các biện pháp kế hoạch hóa gia đình, phân bố dân cư, giải quyết hợp lý giữa số lượng và chất lượng dân cư, giữa phát triển dân số và phát triển nguồn nhân lực, gắn với phát triển kinh tế - xã hội.

Phòng, chống các tệ nạn xã hội, ngăn chặn hành vi trái pháp luật, vi phạm chuẩn mực đạo đức, gây ra những hiện tượng trái đạo lý, không văn hóa trong xã hội, chống HIV/AIDS, chống những thói hư tật xấu, những lối sống không lành mạnh, đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào việc đào tạo nghề cho người lao động và tạo thêm ngành nghề mới, tạo cơ sở sản xuất thu hút nhiều lao động, thực hiện tốt hơn chương trình giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo trên toàn địa bàn. Quan tâm toàn diện đến các đối tượng chính sách, người có công với nước, cứu trợ cho những người gặp rủi ro, bất hạnh, thực hiện công bằng xã hội. Chống

hoạt động truyền đạo trái phép, ổn định dân cư. Đẩy mạnh việc xã hội hóa các hoạt động xã hội, huy động nguồn lực trên tất cả các lĩnh vực cho phát triển kinh tế - xã hội.

2. Công tác quốc phòng, an ninh và đối ngoại

Tập trung lực lượng tổ chức thực hiện chương trình hành động của Tỉnh ủy về công tác bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới. Coi trọng công tác bảo vệ nội bộ, có các biện pháp phòng ngừa chống cài cắm móc nối của địch, nâng cao cảnh giác cách mạng cho cán bộ và nhân dân các dân tộc, tăng cường củng cố hệ thống cơ sở chính trị và phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc. Có các phương án, kế hoạch về bảo vệ an ninh biên giới, kịp thời phát hiện các hoạt động vi phạm chủ quyền lãnh thổ để có các biện pháp hữu hiệu bảo đảm giữ vững chủ quyền lãnh thổ, thực hiện tốt Hiệp ước về biên giới trên bộ giữa Việt Nam với Trung Quốc.

Phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đoàn kết toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, xây dựng cơ sở chính trị, xây dựng phong trào quần chúng nhân dân bảo vệ an ninh Tổ quốc nhất là ở địa bàn trọng yếu; kết hợp sức mạnh của lực lượng và thể trận quốc phòng toàn dân với sức mạnh của lực lượng và thể trận an ninh nhân dân; kết hợp việc bố trí dân cư nhằm phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực xã, phường biên giới với bảo vệ chủ quyền quốc gia. Xây dựng, củng cố các khu vực phòng thủ của tỉnh, sẵn sàng chủ động đối phó trong mọi tình huống; nâng cao chất lượng huấn luyện đối với lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, kết hợp với lực lượng công an thực sự trở thành nòng cốt trong phong trào bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng, cần phát huy kết quả đạt được, mở rộng quan hệ và đa dạng về hình thức hợp tác với nước ngoài, tăng cường đối ngoại nhân dân ở khu vực biên giới. Tăng cường hợp tác với tỉnh Vân Nam - Trung Quốc, trong đó ưu tiên quan hệ kinh tế, nhằm xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, cùng phát triển.

Làm tốt công tác thi hành pháp luật trong việc bắt, giam, giữ, điều tra, xét xử; không làm oan người ngay, không để lọt tội phạm; nâng cao chất lượng toàn diện của các cơ quan thi hành pháp luật. Tăng cường sự phối hợp có hiệu quả giữa các lực lượng và cấp ủy, chính quyền cơ sở trong việc quản lý biên giới, tập trung vào công tác quản lý xuất, nhập cảnh, chống gian lận thương mại. Khắc phục tình trạng quản lý chồng chéo hoặc sơ hở, loại trừ những phiền hà, sách nhiễu đối với mọi hoạt động kinh doanh, sản xuất của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đến đầu tư, sản xuất, kinh doanh tại Lào Cai. Đổi mới và tăng cường quản lý trong đầu tư xây dựng cơ bản.

Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật trong cán bộ, nhân dân nhất là trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Qua đó nhằm nâng cao sự hiểu biết và chấp hành pháp luật. Thực hiện Quy chế dân chủ ở các cấp, các ngành, nắm tình hình trong nhân dân, phát hiện những vướng mắc để giải quyết kịp thời, dứt điểm không để dây dưa kéo dài, tích tụ lâu ngày gây phức tạp trở thành “điểm nóng”. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang, đội ngũ cán bộ trong Khối Nội chính trong sạch, vững mạnh, luôn trau dồi về phẩm chất đạo đức, trình độ nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới, chăm lo xây dựng Đảng trong lực lượng vũ trang, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng an ninh, củng cố lòng tin của nhân dân vào cơ quan thực hiện và bảo vệ pháp luật.

3. Nhiệm vụ xây dựng Đảng và củng cố hệ thống chính trị

a) Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức

Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng:

Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên và nhân dân; tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng và nhân dân các dân tộc; đẩy mạnh các phong trào thi đua; quyết tâm phấn đấu hoàn thành thắng lợi mục tiêu kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Tiếp tục quán triệt và thực hiện tốt các nghị quyết của Đảng về những định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay; Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII; các nghị quyết của Trung ương và Bộ Chính trị. Giáo dục, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân; đấu tranh chống mọi quan điểm sai trái với nghị quyết của Đảng; chống âm mưu “diễn biến hòa bình”; chống mọi biểu hiện cơ hội về chính trị, bảo vệ Đảng, bảo vệ đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, khắc phục tư tưởng ỷ lại trông chờ. Thực hiện thường xuyên cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), rèn luyện phẩm chất chính trị và đạo đức lối sống lành mạnh, bồi dưỡng truyền thống cách mạng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Nâng cao chất lượng cho đội ngũ làm công tác tư tưởng, văn hóa, quản lý và chỉ đạo các hoạt động văn hóa, văn nghệ phát triển đúng hướng, phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ.

Xây dựng Đảng về tổ chức:

Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng gắn với xây dựng chi, đảng bộ trong sạch vững mạnh, cơ bản không còn cơ sở đảng yếu, kém, thôn, bản không có đảng viên, từng bước xây dựng chi bộ trực thuộc và tổ Đảng ở thôn, bản vùng cao. Nâng cao năng lực, trình độ về mọi mặt cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn cách mạng mới.

Hoàn chỉnh quy chế làm việc của tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể. Có kế hoạch xây dựng chi, đảng bộ trong sạch, vững mạnh, tiến hành công tác quản lý, phân tích, đánh giá chất lượng cán bộ, đảng viên đi đôi với kiện toàn đội ngũ lãnh đạo chủ chốt ở cơ sở. Đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên, chú trọng kết nạp đảng viên trong giới trí thức, công nhân, là nữ, dân tộc ít người, tuổi trẻ... Tiếp tục kiện toàn các ban Đảng, Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng trong các cơ quan đoàn thể theo quy định; hoàn chỉnh quy chế hoạt động gắn với xác định rõ chức năng nhiệm vụ nhằm đưa hoạt động của các ban

Đảng, Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng vào nền nếp, có hiệu quả. Tiếp tục đổi mới phương pháp đánh giá cán bộ, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong các khâu: Luân chuyển, điều động, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật, bổ nhiệm, tiếp nhận, tuyển dụng và thực hiện chính sách cán bộ. Thực hiện quy hoạch cán bộ, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng cán bộ. Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc, cán bộ nữ, các chuyên gia về các lĩnh vực sản xuất - kinh doanh, công nghệ thông tin, hiểu biết về thông lệ quốc tế và khả năng hội nhập kinh tế trong khu vực và thế giới xây dựng, bổ sung hoàn chỉnh quy chế làm việc của cấp ủy các cấp sau đại hội; xây dựng và tổ chức thực hiện tốt chương trình hoạt động toàn khóa và hằng năm của cấp ủy Đảng.

Công tác kiểm tra của Đảng:

Quán triệt sâu sắc trong cấp ủy và Ủy ban Kiểm tra các cấp về công tác kiểm tra của Đảng, nhất là các quy định mới của Điều lệ Đảng khóa IX. Xây dựng chương trình và tổ chức thực hiện tốt chương trình kiểm tra của cấp ủy kiểm tra tập trung vào những nhiệm vụ chính trị, địa bàn, lĩnh vực có trọng tâm, trọng điểm, sát tình hình thực tế theo hướng kiểm tra việc lãnh đạo thực hiện các dự án kinh tế, thực hiện chính sách pháp luật, Quy chế dân chủ, khắc phục sửa chữa khuyết điểm qua thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Thực hiện tốt các nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm tra do Điều lệ Đảng quy định, cần chủ động phát hiện và tiến hành kiểm tra đối với đảng viên, tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm; kiểm tra Ủy ban Kiểm tra cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra. Giải quyết kịp thời đơn thư tố cáo khiếu nại, xử lý nghiêm minh đối với đảng viên và tổ chức đảng có vi phạm, giữ nghiêm kỷ luật Đảng. củng cố, kiện toàn tổ chức, cán bộ Ủy ban Kiểm tra các cấp, tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

b) Xây dựng, củng cố chính quyền nhân dân

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 7 và Trung ương 8 (khóa VIII). Đẩy mạnh cải cách hành chính, củng

cố tổ chức bộ máy chính quyền địa phương trên cơ sở sắp xếp lại các cơ quan, đơn vị ở mỗi cấp, mỗi ngành trong tỉnh; giảm bớt đầu mối, tinh giản biên chế ở các cơ quan, đơn vị theo yêu cầu của sự phát triển. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, cấp, ngành và từng công chức; đồng thời xây dựng quy chế, lề lối làm việc cụ thể, bảo đảm hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo phân cấp quản lý của Trung ương và của tỉnh. Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn. Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành tập trung của Ủy ban nhân dân các cấp. Đặc biệt chú trọng nâng cao năng lực điều hành và khả năng chủ động công việc của chính quyền cơ sở xã, phường; củng cố tổ chức thôn, bản và xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trưởng thôn, bản để giúp cho chính quyền cơ sở trong quản lý điều hành có hiệu quả tốt hơn, tiếp tục đẩy mạnh phong trào xây dựng chính quyền cơ sở trong sạch, vững mạnh. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, cơ quan và doanh nghiệp nhà nước, tổ chức tốt công tác tiếp dân, thực hiện nghiêm các quy định về thời gian giải quyết và trả lời cho công dân theo đúng pháp luật, công khai những việc dân cần biết, dân bàn, dân kiểm tra. Tăng cường giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức và trong nhân dân. Kiên quyết chống quan liêu, tham nhũng, giữ gìn kỷ cương, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và chính quyền. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng và đào tạo lại đội ngũ cán bộ, công chức theo chức danh tiêu chuẩn Nhà nước ở mỗi cấp, mỗi ngành. Đặc biệt quan tâm đào tạo, bồi dưỡng về văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ chính quyền cơ sở. Bảo đảm 90% cán bộ chủ chốt chính quyền cơ sở ở xã vùng 3 có trình độ hoàn chỉnh tiểu học trở lên, 100% cán bộ chủ chốt ở các xã vùng 1, vùng 2 có trình độ trung học cơ sở trở lên; 100% cán bộ 4 chức danh chuyên môn của xã phải được đào tạo chuyên môn từ sơ cấp trở lên.

c) Công tác dân vận

Tập trung chỉ đạo phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng cơ sở chính trị vững mạnh, xây dựng chính quyền của dân, do

dân và vì dân. Ngăn chặn các hình thức lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo trái với đạo lý, truyền thống và phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc. Chủ động phát hiện những mâu thuẫn, những vấn đề phát sinh từ cơ sở để hoà giải. Thực hiện nghiêm chỉnh Luật khiếu nại, tố cáo, hạn chế tối đa tình trạng đơn thư vượt cấp, đơn thư khiếu nại đông người. Tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, giáo dục ý thức cộng đồng, lòng tương thân tương ái, giúp đỡ lẫn nhau trong các vùng, các dân tộc. Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân theo hướng nắm chắc tâm tư nguyện vọng của nhân dân, lo cho dân, thực sự là cầu nối giữa dân với Đảng và chính quyền, hướng mạnh vào các cuộc vận động lớn, vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội... với mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, khắc phục những hình thức hoạt động theo lối hành chính, quan liêu. Cán bộ Mặt trận và các đoàn thể các cấp cần sâu sát với dân, tập trung cho cơ sở, tham gia giải quyết các vấn đề đòi hỏi chính đáng, bức xúc phát sinh từ cuộc sống của nhân dân và động viên quần chúng thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐẠI HỘI

1. Đẩy mạnh xây dựng, phát triển và khai thác sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực

Yêu cầu đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đòi hỏi phải có nguồn nhân lực tương xứng, nghĩa là cần phải có con người - một đội ngũ cán bộ có năng lực chuyên môn giỏi, có phẩm chất đạo đức tốt, vì mục đích lý tưởng của Đảng, vì hạnh phúc của nhân dân, trên tất cả mọi lĩnh vực, như: quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội, khoa học - kỹ thuật, xây dựng Đảng, đoàn thể và đội ngũ công nhân có tay nghề cao. Do vậy, phải tiếp tục làm tốt công tác quy hoạch, xây dựng chiến lược cán bộ, để từ đó có kế hoạch cụ thể đào tạo, đào

tạo lại và phát triển nguồn nhân lực đồng bộ với chất lượng cao. Chú trọng đào tạo những cán bộ có năng lực còn trẻ, cán bộ khoa học - kỹ thuật, cán bộ nữ và cán bộ thuộc các dân tộc ít người, bằng tất cả mọi hình thức tập trung, tại chức, dài hạn, ngắn hạn, gửi đi đào tạo ở Trung ương, ở nước ngoài hoặc tại tỉnh. Đánh giá nhu cầu nhân lực trong toàn tỉnh, từ đó có kế hoạch tuyển sinh, đào tạo phù hợp. Đầu tư mạnh hơn cho sự nghiệp giáo dục phổ thông các cấp, trước hết là tập trung đào tạo đội ngũ giáo viên nhằm không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học. Có chính sách thỏa đáng để thu hút cán bộ có năng lực từ nơi khác đến và về cơ sở vùng sâu, vùng xa làm việc. Phối hợp chặt chẽ giữa việc đào tạo, bồi dưỡng với việc sử dụng lao động; nghiên cứu phương án phù hợp nhằm sử dụng có hiệu quả và phát huy chất xám của đội ngũ cán bộ đại học và trên đại học; nâng cao hiệu quả của Hội Liên hiệp Khoa học - kỹ thuật. Thực hiện nghiêm quy định trong việc tuyển chọn, sử dụng, luân chuyển cán bộ đúng với năng lực chuyên môn. Thường xuyên đánh giá đội ngũ cán bộ. Kết hợp giữa đào tạo kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp với bồi dưỡng phẩm chất đạo đức và thực hiện chính sách đối với cán bộ trong hệ thống chính trị và quản lý kinh tế - xã hội, nhằm hình thành đội ngũ cán bộ, lao động vừa hồng vừa chuyên. Khuyến khích các thành phần kinh tế mở rộng sản xuất, tạo ra nhiều việc làm để thu hút lao động trong xã hội, lao động nhàn rỗi trong nông nghiệp.

2. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn

Đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, dịch vụ để huy động đầy đủ các nguồn thu trên địa bàn vào ngân sách tỉnh. Thực hiện tốt các Luật thuế và ngân sách. Tăng cường liên doanh liên kết, đầu tư chiều sâu, mở rộng sản xuất kinh doanh, nhất là những lĩnh vực tỉnh có lợi thế như kinh doanh xuất, nhập khẩu, dịch vụ, du lịch, khai thác chế biến khoáng sản, nông, lâm sản và vị trí “đầu cầu” giữa Lào Cai - Việt Nam với Vân Nam và vùng Tây Nam Trung Quốc nhằm không ngừng tạo ra nguồn thu, đồng thời có cơ chế phù hợp để phát triển nguồn thu.

Tranh thủ sự giúp đỡ của các bộ, ngành, tạo những ưu đãi nhằm thu hút vốn đầu tư. Tiết kiệm chi, quản lý chặt chẽ các loại nguồn vốn, chống tham ô, tham nhũng. Ưu tiên đầu tư cho những lĩnh vực cấp thiết như: Đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng những công trình phục vụ cho chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế, mở rộng sản xuất, kinh doanh, xóa đói, giảm nghèo, ổn định dân cư và sớm phát huy hiệu quả và phù hợp với nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

3. Tăng cường công tác thông tin tiếp thị mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nhằm kích thích sản xuất phát triển

Thông tin đang là nguồn lực trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, vì vậy việc đa dạng và mở rộng thông tin, đặc biệt công nghệ thông tin, thương mại điện tử tìm kiếm thị trường trong và ngoài nước nhằm đẩy mạnh tiêu thụ hàng hóa, kích thích sản xuất phát triển. Thực tế sản xuất của tỉnh ta còn nhỏ và chất lượng sản phẩm chưa cao, sức cạnh tranh trên thị trường còn yếu. Chính vì vậy cần phải nhanh chóng đẩy mạnh hoạt động thông tin nghiên cứu, thăm dò, dự báo thị trường, phát huy hiệu quả tham mưu về hoạt động kinh tế đối ngoại của các ngành. Gắn trách nhiệm giữa cơ quan thực hiện xuất, nhập khẩu với các đơn vị sản xuất để không ngừng tạo ra nhiều mặt hàng xuất khẩu phong phú, đa dạng, có hàm lượng công nghệ cao, mẫu mã đẹp, hợp lý, giá thành hạ. Gắn trách nhiệm giữa người sản xuất vùng nguyên liệu với nhà máy chế biến và vấn đề tiêu thụ sản phẩm thành một chu trình đồng bộ. Mở các lớp đào tạo nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác tiếp thị, xuất, nhập khẩu. Thực hiện triệt để chống buôn lậu, phối hợp nhịp nhàng giữa các ngành chức năng với các cấp chính quyền trong việc thực hiện phát triển kinh tế ở khu vực cửa khẩu. Bên cạnh thị trường ngoài nước, cần coi trọng thị trường trong nước và trong tỉnh, từng bước vươn lên trong sản xuất để thay thế hàng hóa nhập khẩu, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân ở vùng sâu, vùng xa.

Chấn chỉnh công tác lưu thông hàng hóa; thương nghiệp quốc doanh và kinh tế hợp tác phải từng bước vươn lên làm chủ đạo, giúp nông dân về các loại dịch vụ nhất là sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm nông, lâm nghiệp. Có chính sách hỗ trợ nông dân phát triển vùng nguyên liệu gắn với công nghiệp chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

4. Khai thác và sử dụng có hiệu quả, hợp lý và bảo vệ nguồn tài nguyên trên địa bàn

Quản lý chặt chẽ công nghiệp khai thác lâm, khoáng sản, có kế hoạch và chương trình tiếp tục đầu tư cho công nghiệp khai thác và chế biến các tài nguyên, hạn chế xuất nguyên liệu ở dạng thô, tăng cường quản lý các hoạt động tìm hiểu, thăm dò, thực hiện đúng quy trình, quy phạm bảo đảm an toàn, hiệu quả chống lãng phí tài nguyên và hủy hoại môi trường. Xây dựng phương án và đề nghị với Trung ương cho phép mở rộng khai thác tài nguyên khoáng sản từ thủ công sang sản xuất lớn nhằm thu hút nhiều lao động tạo ra nguồn thu lớn và bền vững cho địa phương (như mỏ đồng, sắt, tuyển quặng apatít; xây dựng cụm công nghiệp tập trung ở Tầng Loóng và khu vực kinh tế cửa khẩu). Đưa công tác quản lý sử dụng đất đai trong các khu vực khai thác vào nền nếp, đúng pháp luật.

5. Nâng cao năng lực lãnh đạo và điều hành của hệ thống chính trị

Quán triệt sâu sắc quan điểm Đảng lãnh đạo toàn diện và xác định rõ nhiệm vụ phát triển kinh tế là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt, phát huy sức mạnh đoàn kết, dân chủ trong Đảng và trong nhân dân. Muốn vậy, mỗi cán bộ, đảng viên, đặc biệt là cán bộ chủ chốt phải gương mẫu trên tất cả các lĩnh vực, có ý thức xây dựng, bảo vệ Đảng và thực hiện đúng pháp luật, thường xuyên rèn luyện, tu dưỡng, học tập và trau dồi kinh nghiệm, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Các tổ chức đảng và đảng viên phải tiến hành thường xuyên tự phê bình và phê bình nhằm khắc phục kịp thời những tồn tại, thiếu

sốt cả trong tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống và tổ chức chỉ đạo điều hành, nâng cao chất lượng ban hành nghị quyết, đổi mới phương thức lãnh chỉ đạo, tăng cường sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và từng đảng viên. Giữ vững và phát huy bản chất giai cấp công nhân, xây dựng chính quyền của dân, do dân, vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế, giữ vững trật tự kỷ cương, chống quan liêu, tham nhũng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh. Nâng cao chất lượng, hiệu quả, hiệu lực kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân và của nhân dân đối với hoạt động của các cơ quan Nhà nước, đẩy mạnh cải cách hành chính, chống phiền hà sách nhiễu đối với dân. Nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, thực hiện sắp xếp lại bộ máy. Các tổ chức chính trị xã hội phải hướng hoạt động về cơ sở, cán bộ phải sâu sát cơ sở và giúp dân một cách hết sức thiết thực, nhất là trong phát triển kinh tế và xây dựng nếp sống văn hóa mới.

Phát động rộng rãi trong toàn Đảng bộ và nhân dân các dân tộc phong trào thi đua yêu nước bằng nhiều hành động cụ thể thực hiện thắng lợi những mục tiêu, nhiệm vụ do Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII đề ra, sẽ có ý nghĩa rất quan trọng trong bước đường đi lên của Đảng bộ, tạo ra thế và lực mới, đồng thời tạo ra tiền đề cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Lào Cai vững bước, tự tin trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Toàn Đảng, toàn quân và toàn dân các dân tộc tỉnh Lào Cai đoàn kết một lòng, tranh thủ thuận lợi và thời cơ, vượt qua khó khăn và thử thách, nỗ lực phấn đấu để hoàn thành vượt bậc các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đã đề ra, phấn đấu xây dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc, văn minh như Đảng và Bác Hồ kính yêu hằng mong muốn.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI
LẦN THỨ XII
Ngày 29-12-2000

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII họp từ ngày 26-12-2000 đến ngày 29-12-2000.

QUYẾT NGHỊ:

1. Nhất trí thông qua Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI trình Đại hội; giao cho Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XII căn cứ vào những ý kiến góp ý và những kết luận của Đại hội để hoàn chỉnh và chính thức ban hành.

2. Nhất trí thông qua Báo cáo kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) (khóa VIII) của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI; giao cho Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XII căn cứ vào ý kiến kết luận của Đại hội để hoàn chỉnh báo cáo, tiếp tục tổ chức thực hiện thắng lợi bước 3 và duy trì công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trở thành công việc thường xuyên của Đảng trong những năm tiếp theo.

3. Nhất trí thông qua Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI; giao cho Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XII phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, nỗ lực phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ Đại hội giao cho.

4. Nhất trí thông qua Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia vào dự thảo các văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) trình Đại hội IX của Đảng; giao cho Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XII căn cứ vào ý kiến của Đại hội để hoàn chỉnh văn bản, báo cáo Ban Chấp hành Trung ương Đảng, trình Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng.

5. Giao cho Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XII và các cấp ủy Đảng xây dựng chương trình hành động thiết thực để tổ chức thực hiện những nhiệm vụ mục tiêu đã nêu trong các báo cáo được Đại hội thông qua.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII kêu gọi toàn Đảng bộ, cán bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đoàn kết một lòng, tranh thủ lợi thế, khắc phục khó khăn, khai thác mọi nguồn lực, phát huy ý chí tự lực, tự cường, hăng hái phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ mà Đại hội đã đề ra vì mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”; xây dựng tỉnh Lào Cai phát triển mạnh mẽ về kinh tế, ổn định về chính trị, vững chắc về an ninh - quốc phòng, thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XII

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ NHẤT BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ KHOÁ XII

Số 01-NQ/TU, ngày 29-12-2000

Ngày 28-12-2000, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa XII họp Hội nghị lần thứ nhất. Đồng chí Tráng A Pao, Ủy viên Trung ương Đảng... Bí thư Tỉnh ủy khóa XI triệu tập. Tham dự có các đồng chí cán bộ của Ban Tổ chức Trung ương, Ban Bảo vệ chính trị nội bộ, Ủy Ban kiểm tra Trung ương, Văn phòng Trung ương.

Hội nghị bầu đồng chí Giàng Seo Phử làm Chủ tọa hội nghị.

I. Hội nghị bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XII gồm 13 đồng chí

1. Đồng chí Giàng Seo Phử
2. Đồng chí Bùi Quang Vinh
3. Đồng chí Nguyễn Đức Thăng
4. Đồng chí Nguyễn Văn Lăng
5. Đồng chí Hoàng Minh Ngọc
6. Đồng chí Nguyễn Đình Vững
7. Đồng chí Ngô Văn Hùng
8. Đồng chí Nguyễn Ngọc Kim
9. Đồng chí Phạm Kỳ
10. Đồng chí Đặng Quốc Lộng
11. Đồng chí Giàng Thị Mỹ
12. Đồng chí Trần Nguyên
13. Đồng chí Nguyễn Hữu Vạn

II. Hội nghị bầu Bí thư Tỉnh ủy

1. Đồng chí Giàng Seo Phử

III. Hội nghị bầu các Phó Bí thư Tỉnh ủy

1. Đồng chí Bùi Quang Vinh.
2. Đồng chí Nguyễn Đức Thăng

IV. Hội nghị bầu Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy gồm 7 đồng chí

1. Đồng chí Nguyễn Văn Lăng
2. Đồng chí Tấn Láo San
3. Đồng chí Hoàng Minh Thiết
4. Đồng chí Nguyễn Đình Vững
5. Đồng chí Lục Văn Liêm
6. Đồng chí Trần Xuân Hải
7. Đồng chí Đào Văn Minh

V. Hội nghị bầu Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy

1. Đồng chí Nguyễn Văn Lăng

VI. Hội nghị tiến hành phân công các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy như sau:

1 Đồng chí Giàng Seo Phử, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh cho thôi giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Đồng chí Bùi Quang Vinh, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh cho thôi giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh để bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Đồng chí Nguyễn Đức Thăng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh cho thôi chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy.

4. Đồng chí Nguyễn Văn Lăng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

5. Đồng chí Hoàng Minh Ngọc, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, phụ trách Công an tỉnh.

6. Đồng chí Nguyễn Đình Vững, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy.

7. Đồng chí Ngô Văn Hùng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, phụ trách quân đội của tỉnh.

8. Đồng chí Nguyễn Ngọc Kim, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy phụ trách thị xã Lào Cai.

9. Đồng chí Phạm Kỳ, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

10. Đồng chí Đặng Quốc Lộng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

11. Đồng chí Giàng Thị Mỹ, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Dân vận - Dân tộc Tỉnh ủy, kiêm Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh.

12. Đồng chí Trần Nguyên, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, giới thiệu để Hội đồng nhân dân tỉnh bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

13. Đồng chí Nguyễn Hữu Vạn, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

VII. Phân công một số đồng chí trong Ban Chấp hành như sau:

1. Đồng chí Phạm Ngọc Thăng, Tỉnh ủy viên, Phó Văn phòng Tỉnh ủy giữ chức vụ Chánh Văn phòng Tỉnh ủy.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh tiến hành bầu đồng chí Hà Đức Miêu, Tỉnh ủy viên giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh thay đồng chí Hoàng Chúng nghỉ chế độ.

3. Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh tiến hành bầu đồng chí Nguyễn Văn Cự, Tỉnh ủy viên giữ chức vụ Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh.

4. Ban Chấp hành Liên đoàn Lao động tỉnh tiến hành bầu đồng chí Trang Thị Xinh, Tỉnh ủy viên giữ chức vụ Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh.

5. Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Lào Cai tiến hành bầu đồng chí Lý Văn Hải, Tỉnh ủy viên giữ chức vụ Bí thư Tỉnh Đoàn.

6. Điều động đồng chí Hoàng Đức Tiêu, Bí thư Huyện ủy Bát Xát về công tác tại một cơ quan tỉnh và điều động đồng chí Phạm Đình Chương, Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bảo Thắng giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy Bát Xát vào một thời gian thích hợp.

7. Các đồng chí Tỉnh ủy viên dự kiến giữ các chức vụ trưởng ngành được thực hiện theo quy trình về bổ nhiệm cán bộ.

VIII. Về bàn giao công tác và cho nghỉ chế độ

1. Các đồng chí Thường trực Tỉnh ủy, trưởng các ban Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy khóa XI tiến hành bàn giao công việc cho các đồng chí Thường trực Tỉnh ủy, trưởng các ban Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy khóa XII từ ngày 2-1-2001.

2. Các đồng chí sau đây nghỉ chờ để làm thủ tục nghỉ chế độ từ ngày 2-1-2001:

- Đồng chí Lương Xuân Mậu, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên giáo khóa XI

- Đồng chí Phạm Ngọc Sửu, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức khóa XI.

- Đồng chí Thào A Tráng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Dân vận- Dân tộc khóa XI

- Đồng chí Nguyễn Công Tiến, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra khóa XI

- Đồng chí Nguyễn Xuân Đạc, Tỉnh ủy viên khóa XI, nguyên Bí thư Huyện ủy Than Uyên.

3. Các đồng chí giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tiến hành bàn giao sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh cho thôi giữ chức vụ cũ hoặc bầu giữ chức vụ mới và chuẩn y của Chính phủ.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

**BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 01-QĐ/TU, ngày 2-1-2001

**Về việc chỉ định Bí thư Đảng ủy,
Ủy viên Ban Chấp hành Đảng ủy
Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh (nhiệm kỳ 2001 - 2005)**

- Căn cứ vào Quy định số 36-QĐ/TW, ngày 9-5-1998 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc quy định tổ chức đảng trong lực lượng Quân đội nhân dân Việt Nam;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 01-NQ/TU, ngày 29-12-2000 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai khoá XII (lần thứ nhất) và Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 2-1-2001 về công tác cán bộ;

- Xét đề nghị của đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: 1- Chỉ định đồng chí Giàng Seo Phử, Bí thư Tỉnh ủy Lào Cai làm Bí thư Đảng ủy Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh.

2- Đồng chí Phạm Đình Phương, Ủy viên Ban Chấp hành Tỉnh ủy, Bí thư Đảng ủy, Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng tỉnh làm Ủy viên Ban Chấp hành Đảng ủy Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh.

- Thời gian kể từ ngày 2-1-2001.

- Nhiệm vụ cụ thể do Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh phân công.

Điều 2: Các đồng chí Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh và hai đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 05-QĐ/TU, ngày 4-1-2001

**Về việc chỉ định Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy
Công an tỉnh (nhiệm kỳ 2001 - 2005)**

- Căn cứ vào Quy định số 38-QĐ/TW, ngày 18-5-1998 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng quy định về tổ chức đảng trong lực lượng công an nhân dân;

- Căn cứ vào Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 2-1-2001 về công tác cán bộ;

- Xét đề nghị của đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chỉ định đồng chí Nguyễn Đức Thăng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy làm Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Công an tỉnh kể từ ngày 2-1-2001.

Nhiệm vụ cụ thể do Ban Thường vụ Đảng ủy Công an tỉnh phân công.

Điều 2: Các đồng chí Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy Công an tỉnh và đồng chí Nguyễn Đức Thăng chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 09-TB/TU, ngày 5-1-2001

**Về việc bầu cử giữ các chức vụ chủ chốt
Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân,
Liên đoàn Lao động tỉnh và Bí thư Đoàn
Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Lào Cai**

Ban Chấp hành Tỉnh ủy khóa XII (nhiệm kỳ 2000-2005) họp ngày 28-12-2000 đã có Nghị quyết số 01-NQ/TU về việc phân công nhiệm vụ cho các Ủy viên Ban Chấp hành Tỉnh ủy.

Ngày 2-1-2001, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp đã có Nghị quyết về việc bầu cử các chức danh do Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã phân công.

1. Đồng chí Hà Đức Miêu, Tỉnh ủy viên, Ủy viên Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Lào Cai.

2. Đồng chí Nguyễn Văn Cự, Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng đoàn Hội Nông dân tỉnh, bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Lào Cai.

3. Đồng chí Trang Thị Xinh, Tỉnh ủy viên, Ủy viên Đảng đoàn, Phó Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh, bầu giữ chức vụ Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh Lào Cai.

4. Đồng chí Lý Văn Hải, Tỉnh ủy viên, Ủy viên Thường vụ Tỉnh Đoàn, bầu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh Đoàn Lào Cai.

Các Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh và Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn Lào Cai căn cứ vào Điều lệ tổ chức bầu cử theo đúng quy định. Bầu cử xong báo cáo kết quả về Tỉnh ủy trước ngày 15-1-2001.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO

KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 11-TB/TU, ngày 5-1-2001

Do đến nay Ban Thường vụ Tỉnh ủy chưa nhận được văn bản thỏa thuận của Đảng đoàn Hội Nông dân Trung ương về việc bầu đồng chí Vương Thị Nghi, Ủy viên Đảng đoàn Hội Nông dân tỉnh giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai thống nhất kết luận: Trước mắt bầu đồng chí Vương Thị Nghi, Ủy viên Đảng đoàn Hội Nông dân giữ chức vụ Ủy viên Ban Chấp hành, bầu giữ chức vụ Trưởng ban Kiểm tra.

Thông báo này thay cho Mục 5 Thông báo số 628-TB/TU, ngày 13-12-2000 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**CHÁNH VĂN PHÒNG
PHẠM NGỌC THẮNG**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 01-BC/TU, ngày 5-1-2001

Tổng kết công tác nội chính năm 2000

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC NỘI CHÍNH NĂM 2000

I. TÌNH HÌNH AN NINH CHÍNH TRỊ, TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI

Năm 2000 là năm có nhiều sự kiện lịch sử trọng đại. Đảng, Nhà nước đã tổ chức nhiều lễ kỷ niệm lớn, phát động nhiều phong trào thi đua yêu nước để cán bộ, chiến sĩ và các tầng lớp nhân dân phấn đấu thi đua hoàn thành các mục tiêu kế hoạch đề ra đạt kết quả tốt. Song bên cạnh đó tình hình trên thế giới, khu vực và trong nước còn nhiều diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình an ninh chính trị trên địa bàn. Sau khi hai Nhà nước Việt Nam và Trung Quốc ký Hiệp ước biên giới trên bộ ngày 31-12-1999 đã tạo điều kiện thuận lợi để hai bên quản lý tốt đường biên giới giữ vững ổn định trên tuyến biên giới, các vụ việc vi phạm giảm so với năm 1999. Tuy nhiên, tình hình ngoại biên và trên tuyến biên giới các vi phạm hiệp định tạm thời vẫn thường xuyên xảy ra: phía Trung Quốc vẫn duy trì các hoạt động quân sự ở dọc tuyến biên giới Lào Cai - Vân Nam, tổ chức luyện tập cấp phân đội nhỏ, củng cố hầm hào quân sự, tổ chức xây kè chống xói lở, nổ mìn làm đường, đẩy mạnh các hoạt động xâm canh, khai thác gỗ, chia đất

cho dân sản xuất ở các khu vực 51c và 52c với tính chất tạo việc đã rồi trên biên giới. Đồng thời thực hiện một số chủ trương như truy quét tội phạm ở khu vực biên giới, kết hợp đẩy người Việt Nam cư trú trái phép ở khu vực biên giới về Việt Nam. Công dân Trung Quốc thường xuyên vi phạm hiệp định tạm thời mà hai nhà nước đã ký kết như nổ mìn đánh cá trên sông Nậm Thi, lấn chiếm đất đai, xuất, nhập cảnh trái phép... Đây là những nhân tố dễ gây mất ổn định biên giới nếu chúng ta không cảnh giác tốt và có các biện pháp phòng ngừa thích hợp.

Các hoạt động lợi dụng tôn giáo tuyên truyền đạo trái phép trên địa bàn tuy không phát triển thêm nhiều nhưng vẫn diễn ra phức tạp. Hoạt động của Thiên Chúa giáo được tăng cường nhằm củng cố tổ chức thành hệ thống, hoạt động có chiều sâu trên địa bàn Lào Cai. Năm 2000 có 1.374 hộ/5.088 khẩu tăng 199 hộ, 441 khẩu so với năm 1999. Đạo Tin Lành tiếp tục hoạt động và phát triển, các đối tượng cầm đầu thường xuyên tụ tập giáo dân để học đạo trái phép. Ngoài ra còn có một số đối tượng là người nước ngoài lợi dụng hoạt động du lịch đến các địa bàn huyện Sa Pa, Bát Xát, thị xã Lào Cai... để phát tán tài liệu có nội dung tuyên truyền đạo trái phép. Năm 2000 có 2.440 hộ, 14.761 khẩu tăng 32 hộ, 302 khẩu so với năm 1999, chủ yếu là dân tộc Mông, dân tộc Dao tập trung nhiều ở các địa bàn Bát Xát, Bắc Hà, Sa Pa. Ban chỉ đạo 184 của tỉnh và các huyện đã tích cực tuyên truyền vận động nhân dân cảnh giác trước âm mưu lợi dụng tôn giáo của bọn phản động để chống phá cách mạng nước ta. Nên nhìn chung mức độ hoạt động của đạo Tin Lành không rầm rộ như thời gian trước.

Tình trạng di cư tự do giảm đáng kể so với năm 1999, do cấp ủy và chính quyền các cấp và các ban, ngành làm tốt công tác tuyên truyền vận động, giúp đỡ đồng bào định canh định cư, xử lý nghiêm các đối tượng kích động lôi kéo đồng bào di cư. Số hộ di cư năm 2000 là 166 hộ, 843 khẩu giảm 499 hộ, 2.456 khẩu so với năm 1999, các hộ di cư tập trung nhiều ở các địa bàn huyện Bảo Thắng, Bắc Hà, Bát Xát; số hộ quay trở về là 42 hộ, 205 khẩu trở về nơi cũ đã được chính quyền địa phương tạo điều kiện giúp đỡ đã ổn định đời sống.

Tình hình an ninh nông thôn có những diễn biến phức tạp, nổi lên là một số vụ việc như hiếp dâm, hủy hoại tài sản, tranh chấp đất đai, khiêu khích đông người, vượt cấp, các mâu thuẫn vẫn thường xảy ra làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội.

Năm 2000, toàn tỉnh xảy ra 602 vụ vi phạm về trật tự, an toàn xã hội giảm 206 vụ so với năm 1999. Tuy vậy, đã xảy ra một số vụ trọng án với tính chất mức độ đặc biệt nguy hiểm, thủ đoạn phạm tội khá tinh vi xảo quyệt. Tình hình trên đã gây hoang mang trong một số cộng đồng dân cư, nhiều vụ án các cơ quan bảo vệ pháp luật phải xác định án điểm để điều tra xử lý nhanh, nêu cao tính giáo dục, xử lý nghiêm khắc đối với kẻ phạm tội. Thu nhiều tài sản, hàng hóa, tiền bạc bị bọn tội phạm chiếm đoạt trả lại cho Nhà nước và nhân dân.

II. KẾT CẢM CÔNG TÁC NỘI CHÍNH NĂM 2000

1. Công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm

Tỉnh ủy đã chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết về an ninh quốc gia trong tình hình mới của Bộ Chính trị tới các ngành, huyện và cán bộ chủ chốt xã. Đồng thời tiếp tục thực hiện nghiêm chỉnh các chỉ thị, nghị quyết, kế hoạch của Trung ương Đảng, Chính phủ và Bộ Công an về công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm. Trong năm 2000 đã bắt giữ 392 đối tượng, trong đó có 41 đối tượng truy nã, bắt khẩn cấp 105 đối tượng, bắt quả tang 200 đối tượng và bắt tạm giam 46 đối tượng, đã khởi tố 197 vụ, 292 bị can. Đồng thời đã làm tốt công tác quản lý tạm trú, tạm vắng, quản lý trật tự công cộng kết hợp với công tác giáo dục quản lý đối tượng chính trị trên địa bàn. Phong trào phòng, chống tệ nạn về ma túy đã được các cấp, các ngành, các tổ chức thực hiện tốt. Lực lượng Công an đã phối hợp tốt với các cấp, các ngành thường xuyên xây dựng củng cố mạng lưới an ninh nhân dân ở cơ sở, kết hợp với các biện pháp nghiệp vụ đã tạo ra những bước chuyển biến tốt trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

2. Công tác triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở

Thực hiện theo Kế hoạch 01 và Công văn số 412, ngày 15-2-2000 của Trung ương về việc tiến hành kiểm tra việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Tỉnh đã ra Kế hoạch 09/KH-TU và Hướng dẫn 23-HD/TU về kiểm tra Quy chế dân chủ gửi xuống các huyện, thị ủy, Đảng ủy, các Ban cán sự Đảng, các sở, ban, ngành... Đồng thời thành lập Ban chỉ đạo kiểm tra Quy chế dân chủ và các đoàn kiểm tra ở một số cơ sở điểm. Tổ chức học tập các Chỉ thị 30 của Bộ Chính trị, Chỉ thị 22 của Chính phủ, Nghị định 26/CP cho 180/180 xã, phường, thị trấn và cán bộ, đảng viên. Qua quá trình triển khai học tập, nghiên cứu những nội dung của Quy chế dân chủ để nhân dân hiểu rõ về quyền và nghĩa vụ của công dân, những nội dung dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, giám sát việc thu chi các loại quỹ, chế độ nguồn vay vốn các loại, giám sát các hoạt động của cán bộ cơ sở (đại biểu Hội đồng nhân dân, trưởng thôn, trưởng bản)... Qua đó, niềm tin của nhân dân đối với chính quyền cơ sở, với Đảng, Nhà nước ngày càng được củng cố, tạo nên mối quan hệ mật thiết giữa nhân dân với Đảng.

Đối với các cơ quan trong ngành nội chính nhìn chung cán bộ, đảng viên đều đã nhận thức sâu sắc nội dung cơ bản của quy chế thực hiện dân chủ cơ sở, các cơ quan đã tiến hành rà soát điều chỉnh quy chế làm việc của cơ quan cho phù hợp với Quy chế dân chủ, củng cố kiện toàn tổ chức bộ máy, kiểm điểm và đề ra các biện pháp khắc phục trong công khai tài chính, chế độ phân bổ ngân sách. Cán bộ, công chức phát huy tinh thần trách nhiệm, bảo đảm tinh thần đoàn kết nội bộ, đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực.

3. Hoạt động của các ngành nội chính

Công tác quân sự quốc phòng: Thường xuyên duy trì chặt chẽ chế độ sẵn sàng chiến đấu, nắm chắc tình hình biên giới, nội địa, kịp thời ngăn chặn và giải quyết tốt những diễn biến phức tạp xảy ra. Thực hiện tốt chỉ thị của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh về xây dựng kế hoạch, chỉ đạo diễn tập khu vực phòng thủ huyện Bảo Thắng, diễn tập 2 cụm

quốc phòng an ninh liên xã - phường ở thị xã Cam Đường và huyện Bát Xát. Tập chung chỉ đạo xây dựng, bổ sung hoàn chỉnh văn kiện, kế hoạch phương án tác chiến theo yêu cầu nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch A2, A3 cấp tỉnh và các đơn vị, huyện thị. Công tác xây dựng lực lượng, huấn luyện, hậu cần, kỹ thuật... đều đạt cả về số lượng và chất lượng bảo đảm sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống.

Lực lượng công an đã triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, tiếp tục thực hiện Nghị quyết 09 và chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm, tập trung lực lượng nắm tình hình nội, ngoại biên chủ động phát hiện âm mưu thủ đoạn của các đối tượng cơ quan đặc biệt nước ngoài, cùng với Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh tham gia diễn tập khu vực phòng thủ huyện Bảo Thắng, thị xã Cam Đường đạt kết quả tốt.

- Công tác kiểm sát đã có nhiều cố gắng, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn như kiểm sát văn bản năm 2000 ngành nghiên cứu 183 văn bản, đã phát hiện 60 văn bản vi phạm, văn bản vi phạm chủ yếu ở phần hình thức (38) về nội dung (15), vi phạm về thẩm quyền 7 văn bản... hậu quả làm thiệt hại cho ngân sách 789.370.000 đồng và gây thiệt hại cho công dân 3.000.000 đồng. Kiểm sát việc chấp hành pháp luật tại 66 đơn vị, qua đó đã yêu cầu thu hồi 497,9 triệu đồng, đã thu hồi được 281,5 triệu đồng, yêu cầu xử lý 48 cá nhân, trong đó đã khởi tố 2 đối tượng. Công tác kiểm sát xét xử tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp và thực hành quyền công tố nhà nước ngành đã kiểm sát 1.020 tin báo có dấu hiệu tội phạm. Qua phân loại đã khởi tố 354 vụ để điều tra xử. Công tác điều tra đã thụ lý 17 tin báo tố cáo tội phạm, đã giải quyết xong 13 tin: Trong đó đề nghị khởi tố hình sự 3 tin, có kết luận trả lời 7, đang thụ lý 4 tin. Công tác kiểm sát tuân theo pháp luật trong thi hành án hình sự là 505 bị án, đã thi hành 447 bị án, kiểm sát việc thi hành án dân sự là 3.203, trong đó thi hành xong 935 việc, tổng số tiền phải thi hành 20.257.035.000 đồng, đã thi hành được 921.711.000 đồng, số tiền đã thu chưa thi hành 64.051.000 đồng, hiện còn phải thi hành 19.132.004.000 đồng.

Trong công tác kiểm sát xét xử sơ thẩm đã thụ lý giải quyết đối với 692 vụ án kiện dân sự sơ thẩm tăng 32 vụ so với cùng kỳ năm trước. Đã kiểm soát việc lập hồ sơ 623/692 vụ đạt 90%. Kiểm soát xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm năm 2000, thụ lý 32 vụ, án giám đốc thẩm giải quyết 3 vụ. Công tác kiểm sát giải quyết khiếu nại tố cáo đã tiến hành kiểm sát việc chấp hành pháp luật trong giải quyết khiếu nại, tố cáo của nhân dân tại 20 cơ quan, đơn vị có thẩm quyền; trong đó trực tiếp kiểm sát 18, yêu cầu cung cấp tài liệu 2; đã ban hành 20 kháng nghị yêu cầu khắc phục vi phạm. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng trong việc tiếp nhận quản lý và xử lý các thông tin vi phạm, tội phạm. Triển khai thực hiện Chỉ thị 53 của Bộ Chính trị về một số công việc cấp bách của các cơ quan tư pháp cần thực hiện trong năm 2000. Chủ trì phối hợp với các ngành Công an, Tòa án, Mặt trận Tổ quốc và một số cơ quan chức năng thực hiện Kế hoạch 07/KHLN của Liên ngành Trung ương, tổ chức kiểm tra liên ngành về việc bắt, giam, giữ, xử lý tại các nhà tạm giữ, trại tạm giam của tỉnh Lào Cai.

Qua kiểm tra của liên ngành trong toàn tỉnh không có trường hợp nào phải giải quyết trả tự do hoặc thay đổi biện pháp ngăn chặn, miễn trách nhiệm hình sự theo Nghị quyết 32 và Nghị quyết 229 của Quốc hội, không có trường hợp nào giam giữ quá hạn thuộc thẩm quyền của cơ quan tố tụng tỉnh Lào Cai. Công tác quản lý giam giữ được thực hiện theo đúng Nghị quyết 89/CP.

- Tòa án nhân dân tỉnh và các huyện, thị đã tập trung giải quyết tốt các loại án, không để tồn đọng quá thời hạn luật định, đạt chất lượng cao. Quá trình xét xử nghiêm minh, đúng pháp luật. Năm 2000 toàn tỉnh đã giải quyết án hình sự 420 vụ với 646 bị cáo, án tranh chấp dân sự 256 vụ; án hôn nhân gia đình 374 vụ. Các vụ án tranh chấp dân sự và hôn nhân gia đình đều được chú trọng giải quyết đúng pháp luật trên tinh thần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, đặc biệt công tác hòa giải được coi trọng, qua đó giải quyết kịp thời những mâu thuẫn nội bộ, góp phần ổn định trật tự trị an xã hội.

- Ngành Tư pháp đã thực hiện tốt công tác rà soát văn bản; phổ biến, giáo dục pháp luật đợt 1 và triển khai bước 1 kế hoạch đợt 2 năm 2000, tiếp tục triển khai kế hoạch 641 của Ủy ban nhân dân tỉnh về xây dựng tủ sách pháp luật ở xã, phường. Công tác đào tạo đội ngũ báo cáo viên được chú trọng, các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật được mở rộng, đổi mới phù hợp với từng đối tượng mang lại hiệu quả thiết thực. Công tác thi hành án dân sự năm 2000 toàn tỉnh đã thụ lý và đưa ra thi hành 2.670 vụ việc đã giải quyết được 1.115 vụ việc. Các đơn thư khiếu nại về việc thi hành án cơ bản được giải quyết kịp thời, đúng pháp luật.

- Lực lượng hải quan đã có nhiều đổi mới trong công tác quản lý, điều hành xuất, nhập khẩu hàng hóa, tổ chức lực lượng quản lý của khẩu biên giới, phối hợp quản lý liên ngành đấu tranh chống buôn lậu và gian lận thương mại trên địa bàn tỉnh. Từng bước cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động xuất, nhập khẩu, xuất, nhập cảnh. Công tác thanh tra, kiểm tra đã tiến hành thường xuyên, năm 2000 đã xử lý 41 vụ, phạt tiền 75,7 triệu đồng, khởi tố một vụ buôn bán chất gây nghiện.

- Lực lượng kiểm lâm đã thực hiện tốt Chỉ thị 287/CT-TTg, Chỉ thị 853/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của tỉnh, của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công tác quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, thường xuyên phối hợp tốt với các lực lượng khác và quần chúng ở các địa phương tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản trên địa bàn tỉnh. Trong năm 2000 đã phát hiện và lập biên bản 617 vụ vi phạm luật “Bảo vệ và phát triển rừng”, đã xử lý 617 vụ, phạt hành chính 616 vụ, truy tố hình sự 1 vụ, tịch thu 326, m³ gỗ các loại (trong đó gỗ pơ mu là 57,9 m³), thu giữ 250 con động vật rừng, trọng lượng 306,6 kg gồm các loài gấu, khỉ, trăn, nai... đã tổ chức thả vào rừng số động vật trên, tịch thu 4 chiếc ô tô, 2 xe máy, 12 chiếc xe đạp và 4 con trâu. Tổng số tiền phạt và xử lý thu 712.927.880 đồng. Công tác tuyên truyền pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng được tổ chức sâu

rộng đến nhân dân kết hợp với việc xây dựng quy ước bảo vệ rừng gắn với các hương ước của các thôn, bản nơi có rừng; tình hình cháy rừng giảm so cùng kỳ năm trước.

- Công tác đối ngoại: Năm 2000 công tác đối ngoại đã đạt được nhiều kết quả tốt. Tổ chức thành công cho Đoàn đại biểu cấp cao của tỉnh sang thăm hữu nghị chính thức tỉnh Vân Nam - Trung Quốc và Đoàn của Hội hữu nghị Việt - Trung sang thăm và dự khai mạc Hội chợ Côn Minh. Các hoạt động khác cũng được đẩy mạnh nhằm tạo môi trường thuận lợi cho các tổ chức quốc tế đến nghiên cứu, khảo sát và hợp tác trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội và công tác quản lý biên giới. Tổ chức tốt việc thành lập các đoàn ra và đón tiếp các đoàn vào làm việc trong tỉnh, tổng số có 70 đoàn ra và 86 đoàn vào, trong đó có 3 đoàn mang tính chất ngoại giao, 13 đoàn vào nghiên cứu, 34 đoàn của các tổ chức quốc tế và NGO kiểm tra, thực hiện khảo sát các dự án tại tỉnh, 11 đoàn vào hoạt động báo chí, còn lại các đoàn đi với mục đích tham quan, học tập và khảo sát. Không có vi phạm trong hoạt động ngoại giao, Ban Ngoại vụ và Biên giới đã phối hợp chặt chẽ với Bộ chỉ huy Biên phòng trực tiếp tham mưu cho tỉnh, chuẩn bị mọi mặt để triển khai từng bước kế hoạch phân giới cắm mốc biên giới trên thực địa của tỉnh Lào Cai.

- Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo: Thanh tra các cấp, ngành đã tiếp 455 lượt công dân, tiếp nhận 693 đơn khiếu nại, tố cáo. Nội dung đơn thư khiếu nại, đề nghị liên quan đến lĩnh vực đất đai chiếm 55%; chế độ chính sách chiếm 25% số còn lại là các lĩnh vực khác. Đơn tố cáo phản ánh nhiều về những biểu hiện vi phạm chính sách pháp luật kinh tế tài chính, lao động việc làm, chính sách xã hội và tố cáo một số cán bộ có hành vi tham nhũng, vi phạm Quy chế dân chủ... nổi lên một số vụ việc khiếu kiện đông người, kéo dài, vượt cấp chủ yếu ở Bảo Thắng, thị xã Cam Đường, thị xã Lào Cai, đặc biệt là tình hình ở Nông trường Thanh Bình - Mường Khương phức tạp kéo dài, tỉnh đã chỉ đạo các cấp, ngành chức năng tập trung giải quyết đến nay tình hình đã tương đối ổn định.

Thông qua kết quả giải quyết cho thấy: Tố cáo đúng 50%, có đúng có sai 35%, sai hoàn toàn 15%. Qua việc giải quyết khiếu nại, tố cáo thanh tra các cấp, các ngành đã xử lý và kiến nghị xử lý: thu hồi 4.450.000 đồng, thu phạt 6.000.000 đồng, điều chỉnh 9,965 m² đất đai, khôi phục quyền lợi kinh tế, trả lại cho công dân 35.530.000 đồng, kỷ luật hành chính 18 người.

Thông qua hoạt động thanh tra kinh tế - xã hội đã phát hiện một số vụ việc có các biểu hiện tham nhũng như cố ý làm trái, thanh quyết toán khống và bớt xén. Tổng số tiền và tài sản bị thất thoát trị giá 13,325 tỷ đồng, 25 m³ gỗ, 45.225 m² đất đai trong đó có 3.943 m² đất đô thị. Nhìn chung việc tổ chức chỉ đạo thực hiện các hoạt động thanh tra kinh tế - xã hội có trọng tâm trọng điểm, rút ngắn được thời gian các cuộc thanh tra trực tiếp tại các đơn vị, bảo đảm đạt được các mục tiêu, yêu cầu, nội dung đặt ra, không có sự chông chéo.

4. Một số tồn tại

- Công tác nắm bắt tình hình trên địa bàn ở một số huyện, thị và ngành chưa sâu, báo cáo chưa kịp thời, có vụ việc thiếu chính xác.

- Công tác vận động quần chúng chống lợi dụng tôn giáo tuyên truyền đạo trái phép và di dịch dân cư tự do còn nhiều hạn chế, thiếu sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành.

- Công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật trong nhân dân còn hạn chế. Tình hình tội phạm giảm nhưng còn một số vụ phạm pháp hình sự về tội giết người, hiếp dâm, đặc biệt là hiếp dâm trẻ em có tính phức tạp hơn.

- Tình hình buôn lậu qua biên giới tuy không lớn nhưng hàng ngày vẫn diễn ra, công tác quản lý cán bộ, chiến sĩ còn hạn chế, có biểu hiện tiêu cực, sách nhiễu ở một vài trường hợp tại cửa khẩu.

- Công tác giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân có việc còn chậm, chông chéo, chưa dứt điểm, còn để tình trạng khiếu kiện đông người kéo dài ở Nông trường Thanh Bình, thôn Tân Tiến, xã Gia Phú, huyện Bảo Thắng và một số nơi.

- Trong công tác phối kết hợp giữa các cấp, các ngành có lúc thiếu đồng bộ chặt chẽ, còn có biểu hiện đùn đẩy trách nhiệm cho nhau, thiếu kiên quyết trong việc ngăn chặn và xử lý vi phạm.

III. SỰ LÃNH ĐẠO CỦA TỈNH ỦY VỀ CÔNG TÁC NỘI CHÍNH

Năm 2000, Tỉnh ủy đã thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc kiểm tra nội dung hoạt động, củng cố tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ các cơ quan Khối Nội chính theo đúng chức năng đã được pháp luật quy định. Thường trực Tỉnh ủy duy trì thường xuyên giao ban nội chính hằng tháng để nghe báo cáo tình hình và thống nhất chủ trương giải quyết, xử lý các vấn đề trong công tác quốc phòng, an ninh; công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; công tác chống buôn lậu và gian lận thương mại... Văn phòng Tỉnh ủy đã tiến hành theo dõi nắm tình hình, đôn đốc các cấp, các ngành thực hiện nghiêm chỉnh thông báo, kết luận của Thường trực Tỉnh ủy, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác để Văn phòng tổng hợp báo cáo Thường trực hằng tuần, tháng và năm. Nhờ đó đã tạo nên sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ trong hoạt động của Khối Nội chính, giải quyết dứt điểm được nhiều vụ việc phức tạp.

Ngay từ đầu năm Tỉnh ủy đã chỉ đạo các ngành trong Khối Nội chính phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành nắm chắc tình hình diễn biến tư tưởng trong nhân dân, nhất là dịp Tết cổ truyền và kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm; tổ chức tuyên truyền giải thích về Hiệp ước biên giới trên bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc ký ngày 31-12-1999, đồng thời chỉ đạo triển khai học tập nghiêm túc nghị quyết của Bộ Chính trị về an ninh quốc gia trong tình hình mới, tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 29-CT/TW về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật”, Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) về phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh; triển khai và thực hiện đồng bộ Chỉ thị 853-CT/TTG và Chỉ thị

287-CT/TTg của Thủ tướng Chính phủ. Tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát, chống buôn lậu qua biên giới, sắp xếp ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội ở 26 xã biên giới. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), Tỉnh ủy đã chỉ đạo sát sao đối với các cấp ủy Đảng ở các cơ quan nội chính thực hiện nghiêm túc kiểm điểm tự phê bình và phê bình đạt kết quả tốt. Công tác triển khai thực hiện Bộ Luật hình sự năm 1999 và các chỉ thị, nghị quyết kế hoạch có liên quan đều được chỉ đạo thực hiện đúng hướng dẫn của Trung ương

Thực hiện Hướng dẫn số 01-HD/NCTW, ngày 6-4-2000 của Ban Nội chính Trung ương về việc thực hiện Chỉ thị 53-CT/TW của Bộ Chính trị; để tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ công tác của các cơ quan tư pháp trên địa bàn của tỉnh theo tinh thần Chỉ thị 53-CT/TW, Tỉnh ủy đã xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện, mở hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh để quán triệt và triển khai kế hoạch. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng trong công tác kiểm tra, hàng tháng thông qua Ban Nội chính báo cáo về các mặt công tác của ngành để kịp thời có ý kiến chỉ đạo và giải quyết. Đối với các cơ quan trong Khối Nội chính phải tổ chức thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của ngành mà luật pháp quy định, chống hủu khuynh, cục bộ, tiêu cực, kiên quyết khắc phục oan sai trong công tác điều tra, bắt, giam giữ, truy tố, xét xử các vụ án hình sự và các khiếu nại, tố cáo thuộc lĩnh vực tư pháp. Phải phối hợp giải quyết dứt điểm để củng cố niềm tin của nhân dân đối với các cơ quan tư pháp, đồng thời phải tiếp tục rà soát, đánh giá, xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức của cơ quan trong Khối Nội chính, kiên quyết xử lý nghiêm minh đối với cán bộ có sai phạm, sa sút về phẩm chất chính trị, đạo đức và lối sống. Có kế hoạch bố trí đội ngũ cán bộ đủ về số lượng và bảo đảm về chất lượng. Các ngành tư pháp trong năm qua đã thực hiện tốt chỉ đạo của Tỉnh ủy trong việc thực hiện Chỉ thị 53-CT/TW của Bộ Chính trị đã góp phần quan trọng làm ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn của tỉnh. Tạo chuyển biến tích cực trong công tác tư pháp từ cơ sở, góp phần

củng cố niềm tin của nhân dân đối với các cơ quan tư pháp, với Đảng, với Nhà nước.

Trong năm qua Tỉnh ủy đã ra một số chỉ thị tăng cường chỉ đạo công tác quân sự quốc phòng như xây dựng lực lượng, diễn tập khu vực phòng thủ, ngăn chặn và đối phó kịp thời mọi tình huống xảy ra trên địa bàn, phòng, chống có hiệu quả âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch; chỉ đạo về công tác vận động quần chúng thực hiện chính sách tôn giáo trong tình hình mới, chỉ thị về công tác kiểm sát.

Nhìn chung năm 2000, Tỉnh ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan Khối Nội chính thực hiện tốt các nhiệm vụ đúng chủ trương đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, góp phần tạo nên thắng lợi trong thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG CÔNG TÁC NĂM 2001

I. SỰ LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CỦA TỈNH ỦY ĐỐI VỚI CÔNG TÁC NỘI CHÍNH

Quán triệt đường lối chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo các ngành trong Khối Nội chính triển khai thực hiện một số nhiệm vụ trọng yếu sau:

Tổ chức chỉ đạo các cấp và các ngành Khối Nội chính thực hiện nghiêm chỉnh các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Chính phủ và các chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy trong công tác an ninh, quốc phòng và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, có tổ chức, tổng kết, rút kinh nghiệm từng đợt. Tập trung khắc phục những tồn tại, khuyết điểm của tập thể và cá nhân trong các cơ quan nội chính đã được nêu ra trong đợt kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 2. Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ và các vấn đề an ninh chính trị khác, giải quyết tốt vấn đề khiếu kiện

trong nhân dân, nắm chắc diễn biến tư tưởng của dân và những nơi có nguy cơ xảy ra “điểm nóng” để ngăn chặn, xử lý kịp thời phục vụ cho Đại hội Đảng lần thứ IX diễn ra thành công tốt đẹp.

Trong công tác đối ngoại, mở rộng quan hệ theo đúng nguyên tắc đối ngoại mà Đảng, Nhà nước quy định, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các tổ chức trong nước và quốc tế đến nghiên cứu, khảo sát thị trường, liên doanh trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ kỹ thuật...

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2001

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, các Ban cán sự, Đảng đoàn đối với các cơ quan nội chính, đặc biệt thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) của Đảng. củng cố phát huy hơn nữa mối quan hệ giữa chính quyền với các cơ quan tư pháp và các đoàn thể các cấp. Giữ vững an ninh chính trị, an ninh biên giới và trật tự, an toàn xã hội. Đẩy mạnh việc thực hiện chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm và ma túy.

- Tăng cường quản lý công tác quân sự quốc phòng, quản lý chặt chẽ vũ khí, trang thiết bị kỹ thuật, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, hoàn thành công tác huấn luyện dân quân tự vệ và quân dự bị động viên theo kế hoạch.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 853-CT/TTg và Chỉ thị 287-CT/TTg của Thủ tướng Chính phủ về chống buôn lậu và gian lận thương mại trên địa bàn tỉnh.

- Thường xuyên nắm vững tình hình cơ sở, phát hiện kịp thời hoạt động của các đối tượng liên quan đến an ninh chính trị. Đấu tranh kiên quyết với các hoạt động cài cắm, móc nối, mua chuộc vào nội bộ ta. Tôn trọng tự do tín ngưỡng của nhân dân, nhưng phải có thái độ kiên quyết với những đối tượng lợi dụng tôn giáo tuyên truyền phản động; thực hiện có hiệu quả chương trình, kế hoạch của Ban 184 các cấp

- Tăng cường và nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật, thực hiện 100% xã, phường có tủ sách pháp luật, xây dựng ý thức quốc gia, quốc giới trong nhân dân. Thực hiện nghiêm chỉnh Hiệp ước biên giới trên bộ của hai Nhà nước Việt Nam và Trung Quốc ký ngày 31-12-1999.

- Tổ chức tốt công tác tiếp dân, giải quyết kịp thời đơn thư khiếu nại tố cáo và những mâu thuẫn trong nhân dân, không để xảy ra tình trạng khiếu kiện tập thể, vượt cấp.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan nội chính trong công tác phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án, giải quyết dứt điểm, kịp thời xử lý nghiêm minh các vụ việc xảy ra trên địa bàn, đặc biệt là các vụ trọng án. Phối hợp thực hiện tốt Thông tư 03/LN về việc tiếp nhận, quản lý và xử lý tin báo tội phạm.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 01-CT/TU, ngày 8-3-2001

Về việc lãnh đạo công tác an ninh trật tự năm 2001

Năm 2001 là năm tổ chức Đại hội và thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, đồng thời triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 và năm 2001 theo nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII nhiệm kỳ 2000 - 2005 (...). Kết quả bước đầu thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) về cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng, các tổ chức đảng đã có biện pháp củng cố và tăng cường công tác xây dựng Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, cùng với việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở bước đầu được quần chúng nhân dân đồng tình ủng hộ. Quan hệ hai nước Việt - Trung có những bước phát triển tích cực. Quốc hội hai nước đã phê chuẩn Hiệp ước biên giới đất liền, đang bước vào giai đoạn tổ chức thực hiện trên thực địa nên đã có tác động tích cực đến tình hình an ninh - trật tự trên tuyến biên giới. Đây là những điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế và ổn định an ninh quốc phòng của tỉnh trong năm 2001 và những năm tiếp theo.

Song bên cạnh đó, các thế lực thù địch không từ bỏ âm mưu chống phá cách mạng nước ta, tiếp tục thực hiện âm mưu “diễn biến hoà bình” triệt để lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, nhân quyền, để tạo cơ can thiệp, các cơ quan đặc biệt nước ngoài núp dưới các danh

nghĩa để vào địa bàn hoạt động. Quá trình thực hiện các dự án hợp tác kinh tế, văn hóa, xã hội với nước ngoài trên địa bàn của tỉnh sẽ có nhiều cơ hội để xây dựng và phát triển về mọi mặt, nhưng cũng đặt ra cho công tác bảo đảm an ninh trật tự ở địa phương những phức tạp mới. Tình hình hoạt động tội phạm có chiều hướng giảm, nhưng chưa vững chắc, vẫn xảy ra các vụ trọng án có tính chất tinh vi xảo quyệt, tàn bạo như các tội phạm về ma túy, giết người, cướp tài sản, hiếp dâm, tội phạm qua biên giới, bên cạnh đó tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông có chiều hướng gia tăng... Cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh trật tự trong thời gian tới sẽ diễn ra gay go quyết liệt phức tạp hơn đòi hỏi các cấp ủy Đảng chính quyền địa phương, các cơ quan, ban, ngành, các lực lượng cần chủ động xây dựng các phương án an ninh vững chắc.

Để chủ động giữ vững an ninh chính trị, an ninh biên giới và trật tự, an toàn xã hội, Ban thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai chỉ thị các cấp, các ngành:

1. Tổ chức quán triệt thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Nghị quyết Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII, gắn liền nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự với nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương. Tăng cường đoàn kết giữa các dân tộc đi đôi với việc thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, cơ quan, doanh nghiệp.

2. Tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Tăng cường công tác xây dựng Đảng, nâng cao vai trò lãnh đạo của các tổ chức đảng đối với nhiệm vụ công tác bảo vệ an ninh, trật tự, tập trung ở các đảng bộ cơ sở, các ngành kinh tế, trên lĩnh vực xuất, nhập khẩu, quản lý biên giới, liên quan đến nước ngoài.

Triển khai và thực hiện tốt kế hoạch bảo vệ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX ở địa phương.

3. Tiếp tục thực hiện chương trình hành động của Tỉnh ủy về việc thực hiện chiến lược an ninh quốc gia trong tình hình mới, cấp

ủy chính quyền các cấp, thủ trưởng các ngành tiến hành sơ kết, kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện chương trình này những vấn đề đã làm được, những vấn đề còn tồn tại để có phương hướng thực hiện trong thời gian tới.

Quán triệt thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 52-CT/TW về trách nhiệm quyền hạn giữa các cấp ủy Đảng với Đảng ủy Công an, Ban cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân, Ban cán sự Đảng Tòa án nhân dân trong công tác bảo vệ Đảng và xử lý tội phạm liên quan đến cán bộ đảng viên.

4. Đẩy mạnh phong trào “Quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc” đối với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới khu dân cư” đồng thời tăng cường công tác bảo vệ an ninh biên giới, củng cố các xã, phường biên giới vững mạnh, tạo thành phòng tuyến an ninh nhân dân, chủ động phát hiện kịp thời các hoạt động vi phạm Hiệp định tạm thời phục vụ cho việc thực hiện Hiệp ước biên giới đất liền trên thực địa. Coi trọng công tác bảo vệ nội bộ, bảo vệ bí mật Nhà nước đưa công tác này vào nền nếp, công tác bảo vệ an ninh trong vùng dân tộc, trong vùng tôn giáo. Thực hiện nghiêm chỉnh Nghị định số 26/1999/NĐ-CP, ngày 19-4-1999 của Chính phủ về công tác tôn giáo trong tình hình mới; thực hiện tốt Kế hoạch số 05-KH/BCĐ, ngày 25-8-2000 của Ban chỉ đạo 184 của Tỉnh ủy bảo đảm an ninh nông thôn, giải quyết kịp thời ngay từ cơ sở không để xảy ra các “điểm nóng”, không để đột xuất bất ngờ xảy ra. Chủ động nắm tình hình có các biện pháp cụ thể giải quyết vấn đề di dịch cư, ổn định tình hình dân cư trên địa bàn, kiên quyết xử lý các phần tử kích động lôi kéo, tổ chức đưa đón di cư tự do. Quản lý chặt chẽ địa bàn, vấn đề đăng ký tạm trú, tạm vắng ở thôn, bản, xã, phường.

5. Tiếp tục tổ chức thực hiện chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm, phòng, chống ma túy, tập trung phòng ngừa đấu tranh với các loại tội phạm nghiêm trọng, kiềm chế và làm giảm tội phạm. Nâng cao chất lượng cơ quan giám sát, cơ quan điều tra, xét xử, chấn

chính công tác bắt, giam giữ, thi hành án phạt tù bảo đảm đúng pháp luật.

6. Triển khai các chương trình kinh tế - xã hội nhằm tiếp tục nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào các dân tộc, thực hiện có hiệu quả chương trình xóa đói, giảm nghèo, ổn định dân cư, đào tạo cán bộ cho cơ sở, thực hiện tốt Quy chế dân chủ, giữ vững an ninh, trật tự xã hội.

7. Tăng cường công tác dân vận theo hướng gần dân, sát cơ sở, đổi mới nội dung hình thức phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương phù hợp với tình hình thực tế ở từng địa bàn. củng cố nâng cao chất lượng hoạt động của Công an xã theo Nghị định 40/CP, giải quyết kịp thời các đơn thư khiếu nại, tố cáo thực hiện nền nếp có hiệu quả Pháp lệnh khiếu nại tố cáo trên địa bàn một cách khẩn trương, chính xác, dứt điểm, không được để kéo dài.

8. Tăng cường công tác đối ngoại mở rộng quan hệ với tỉnh Vân Nam - Trung Quốc trên các lĩnh vực giữ gìn trật tự xã hội để mở rộng thế trận phòng, chống tội phạm, phối hợp trao đổi thông tin về tội phạm ở khu vực biên giới nhất là về tội phạm ma túy, buôn bán phụ nữ, trẻ em, buôn lậu, gian lận thương mại...

9. Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về an ninh trật tự, thực hiện cải cách hành chính, nâng cao chất lượng công tác lãnh đạo, chỉ huy của các cấp, các ngành trong nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị - giữ gìn trật tự xã hội. Đồng thời tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, chiến sĩ thực thi nhiệm vụ trong lĩnh vực an ninh trật tự, đặc biệt là phẩm chất, đạo đức của người công an nhân dân để làm nòng cốt trong việc thực hiện các yêu cầu, nhiệm vụ đã nêu.

Cấp ủy, chính quyền các cấp, đảng ủy, thủ trưởng các ngành căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của mình xây dựng nghị quyết hoặc chương trình hành động cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện đến toàn thể cán bộ, đảng viên, nhân dân các dân tộc thực hiện thắng lợi

chỉ thị của Tỉnh ủy về công tác an ninh trật tự năm 2001, góp phần phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội địa phương.

Ban Thường vụ giao cho Văn phòng Tỉnh ủy, Đảng ủy Công an tỉnh theo dõi đôn đốc việc triển khai thực hiện chỉ thị và định kỳ báo cáo kết quả với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

TM/ BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 01-TT/TU, ngày 12-3-2001

Về việc tổ chức kỷ niệm 10 năm ngày tái lập tỉnh Lào Cai

Năm 2001, năm đầu tiên của thiên nhiên kỷ mới, là năm đầu tiên tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII, nhiệm kỳ 2001 - 2005; là năm tỉnh Lào Cai vừa tròn 10 năm được chia tách từ tỉnh Hoàng Liên Sơn (1-10-1991 - 1-10-2001).

Với ý nghĩa đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai chủ trương tổ chức kỷ niệm trọng thể 10 năm ngày tái lập tỉnh, nhằm giáo dục truyền thống và tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong nhân dân. Để tổ chức ngày lễ đạt kết quả Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy Đảng, Đảng đoàn, Ban cán sự và các cấp, các ngành thực hiện tốt một số nội dung sau đây:

1. Về quan điểm: Thông qua ngày kỷ niệm 10 năm tái lập tỉnh giáo dục cho cán bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh phát huy truyền thống đoàn kết trong quân và dân các dân tộc đồng thời thấy được sự trưởng thành và lớn mạnh về mọi mặt của tỉnh trong 10 năm qua; từ đó làm tăng thêm lòng yêu quê hương đất nước, lòng tự hào dân tộc cho mọi người. Đồng thời làm cho các tổ chức quốc tế các ngành, các tổ chức ở Trung ương, các địa phương trong cả nước hiểu biết thêm, quan tâm hơn nữa đến Lào Cai, để tạo ra môi trường thuận lợi cho Lào Cai phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ mới.

2. Phương châm tổ chức kỷ niệm: Phải bảo đảm thiết thực hiệu quả, hướng về cơ sở. Có ý nghĩa giáo dục truyền thống sâu sắc, bảo đảm nghiêm túc, trang trọng, không phô trương hình thức, an toàn tiết kiệm, tạo được niềm tin phấn khởi trong nhân dân. Thông qua ngày kỷ niệm, gắn với phong trào thi đua yêu nước, phát huy mọi nguồn lực để phát triển kinh tế, xã hội; thực hiện tốt các cuộc vận động lớn của Đảng, nâng cao đời sống nhân dân. Thực hiện xóa đói, giảm nghèo, thực hành tiết kiệm phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ và phát triển kinh tế - xã hội năm 2001 và các năm tiếp theo.

3. Tổ chức các hoạt động kỷ niệm: Tùy tình hình cụ thể của địa phương để tổ chức một số hình thức hoạt động cho phù hợp, có ý nghĩa giáo dục truyền thống:

- Tổ chức mít tinh trọng thể tại tỉnh. Các ngành, các đơn vị, địa phương tổ chức tổng kết thành tựu 10 năm và rút ra các bài học kinh nghiệm cho giai đoạn tới tổ chức các buổi gặp gỡ, sinh hoạt chính trị, giới thiệu về lịch sử Đảng bộ các cấp, các ngành các buổi nói chuyện chuyên đề về ngày kỷ niệm từ tỉnh đến cơ sở.

- Mở một đợt tuyên truyền sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng và tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao, văn hóa, văn nghệ. Xây dựng các cụm panô, áp phích, biên soạn xuất bản các ấn phẩm, sách về sự trưởng thành của Lào Cai trong 10 năm qua, gắn với triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, nhất là cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2); triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII và Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng và các hoạt động từ thiện, đền ơn đáp nghĩa.

- Các ngành, các cấp, các đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở xây dựng chương trình hành động thiết thực, tổ chức các phong trào thi đua yêu nước phấn đấu hoàn thành mục tiêu kế hoạch năm 2001.

4. Tổ chức thực hiện: Để tổ chức ngày kỷ niệm 10 năm tái lập tỉnh đạt kết quả Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh và các huyện, thị thành lập Ban chỉ đạo, xây dựng

kế hoạch tổ chức cho phù hợp với tình hình địa phương. Đồng thời phát động phong trào thi đua yêu nước phấn đấu hoàn thành kế hoạch 2001.

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy có trách nhiệm giúp cấp ủy theo dõi chỉ đạo các hoạt động kỷ niệm trên trong phạm vi toàn tỉnh, chỉ đạo các phương tiện thông tin đại chúng tập trung tuyên truyền cho ngày kỷ niệm. Tổ chức cuộc thi tìm hiểu về Lào Cai và tổng kết trao giải thưởng vào dịp 1-10-2001, tổ chức biên soạn các tài liệu hướng dẫn công tác tuyên truyền và cuốn sách mang tên: “Lào Cai 10 năm đổi mới”.

Các ban xây dựng Đảng Tỉnh ủy, huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc các Đảng đoàn, Ban cán sự, căn cứ chức năng của mình có trách nhiệm giúp Tỉnh ủy theo dõi chỉ đạo ngày kỷ niệm trên đạt kết quả.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
LẦN THỨ BẢY

Số 02-NQ/TU, ngày 23-3-2001

Về tổ chức quản lý khu vực kinh tế Cửa khẩu Lào Cai

Trong những năm qua, nhất là từ sau khi có Quyết định 100/1998/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ cho phép áp dụng một số chính sách ưu đãi tại khu vực kinh tế cửa khẩu, nguồn thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đã tăng khá, góp phần tích cực vào việc phát triển nền kinh tế của tỉnh Lào Cai. Kinh tế cửa khẩu là một lợi thế của tỉnh Lào Cai phải được đặc biệt chú ý khai thác.

Tuy nhiên, còn không ít tồn tại cần khắc phục, trong đó nổi lên là phải sắp xếp lại công tác chỉ đạo và lực lượng quản lý trên các cửa khẩu, trước mắt là tại khu vực kinh tế Cửa khẩu thị xã Lào Cai. Sau khi có Quyết định 100/1998/QĐ-TTg, tỉnh Lào Cai đã thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quyết định 100/1998/QĐ-TTg về áp dụng thí điểm một số chính sách một số khu vực cửa khẩu biên giới và thực hiện Chỉ thị 853-CT/TTg về chống buôn lậu và gian lận thương mại (gọi tắt là Ban chỉ đạo 100 của tỉnh) với nhiệm vụ trọng tâm là tập trung đầu tư vào Cửa khẩu quốc tế Lào Cai, còn ở các địa bàn khác cơ bản chưa có đầu tư gì lớn. Do đặc điểm cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh nằm ngay trên thị xã tỉnh lỵ có cửa khẩu, nên những năm qua mặc dù trong quyết định thành lập Ban chỉ đạo được thành lập một tổ chuyên viên giúp việc, trụ sở làm việc đặt tại Văn phòng Hội đồng

nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, nhưng trong thực tế vẫn thực hiện kiêm nhiệm, do vậy không có một tổ chức chuyên trách làm đầu mối giúp tỉnh chỉ đạo kịp thời, thu thập nắm bắt tình hình để có điều kiện nghiên cứu đề xuất các cơ chế quản lý, chính sách thích hợp... tại khu vực cửa khẩu. Để khai thác tốt hơn lợi thế các cửa khẩu, lối mòn trên địa bàn tỉnh Lào Cai trên cơ sở thỏa thuận của hai nước Việt Nam - Trung Quốc đã được ký kết, nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế đối ngoại và tạo ra nguồn thu ngân sách nhà nước cho tỉnh hằng năm với tỷ trọng 60 - 70% trong 5 - 10 năm tới, đòi hỏi phải tổ chức lại công tác chỉ đạo và quản lý cửa khẩu trên địa bàn của tỉnh, là một yêu cầu thực tiễn.

Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai tại kỳ họp lần thứ VII ngày 20-3-2001 Quyết nghị:

1. Nhất trí tổ chức, sắp xếp lại chương trình phát triển kinh tế của khẩu thuộc tỉnh Lào Cai như sau:

a) Thành lập “Ban chỉ đạo khu vực kinh tế cửa khẩu tỉnh Lào Cai” trên cơ sở bổ sung, hoàn thiện “Ban chỉ đạo 100 của tỉnh” trước đây theo Quy định số 56/QĐ-UB, ngày 7-3-2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Thành phần Ban chỉ đạo gồm các đồng chí:

+ Đồng chí Nguyễn Hữu Vạn, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban.

+ Đồng chí Cao Đức Hải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Lào Cai, Phó ban.

+ Đồng chí Phạm Văn Cường, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Phó ban.

+ Đồng chí Nguyễn Thanh Bình, Cục trưởng Cục Hải quan, Phó ban.

+ Đồng chí Phạm Đình Phương, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Biên phòng tỉnh, Phó ban.

+ Các đồng chí Ủy viên Ban chỉ đạo theo Quyết định số 56/QĐ-UB, ngày 7-3-2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- + Giúp việc cho Ban chỉ đạo có tổ chuyên viên, giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

- Nhiệm vụ Ban chỉ đạo: Thực hiện theo Quyết định 100/1998-QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Chỉ đạo và thường xuyên tổ chức giao ban với Ban Quản lý kinh tế cửa khẩu các huyện, thị xã, nhằm tăng cường công tác quản lý biên giới bảo đảm sự thông thoáng, tạo được cơ chế tốt cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào khu vực cửa khẩu và trao đổi hàng hóa với bạn.

- b) Thành lập “Ban Quản lý kinh tế cửa khẩu huyện, thị” gồm thị xã Lào Cai, các huyện Bát Xát, Mường Khương, Bảo Thắng. Trước mắt, thành lập “Ban Quản lý kinh tế cửa khẩu thị xã Lào Cai”.

- Thành phần gồm các đồng chí sau:

- + Đồng chí Cao Đức Hải, Phó ban chỉ đạo tỉnh, Trưởng ban.

- + Một đồng chí Phó ban chuyên trách, giao Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất báo cáo Thường vụ quyết định.

- + Các thành viên là thủ trưởng đơn vị sau: Bộ chỉ huy Biên phòng tỉnh, Cục Hải quan tỉnh, Kiểm dịch y tế, Kiểm dịch động vật, Kiểm dịch thực vật và bộ phận thu phí tại cửa khẩu quốc tế.

- + Giúp việc có tổ chuyên viên, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã đề xuất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

- Nhiệm vụ của Ban Quản lý kinh tế cửa khẩu thị xã Lào Cai:

- + Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban chỉ đạo khu vực kinh tế cửa khẩu tỉnh Lào Cai và Thị ủy Lào Cai.

- + Nhiệm vụ cụ thể do Ban chỉ đạo khu vực kinh tế cửa khẩu tỉnh giao.

- 2. Quy định lực lượng làm việc tại khu vực kinh tế cửa khẩu:

- Các lực lượng được phép làm việc trực tiếp tại khu vực kinh tế cửa khẩu gồm: Biên phòng, Hải quan, Kiểm dịch động vật, Kiểm dịch thực vật, Kiểm dịch y tế và bộ phận thu thuế của Ban Quản lý kinh tế cửa khẩu thị xã Lào Cai.

- Các lực lượng chỉ làm việc tại công sở, không làm việc tại khu vực kinh tế cửa khẩu: Thuế vụ, Công an, Kho bạc, Giao thông - Vận tải.

3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xây dựng hai dự án mở hai cặp chợ thương mại biên giới đã được Chính phủ cho phép tại lối mòn khu vực Lục Cầu và Na Mo (Bản Quẩn) trong năm 2001.

4. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra các quyết định có liên quan và tổ chức thực hiện.

Kinh tế cửa khẩu và du lịch được xác định là một trong những mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn 2000 - 2005 của toàn Đảng bộ, yêu cầu các cấp, các ngành tổ chức thực hiện tốt nghị quyết này, góp phần thiết thực thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 47-TB/TU, ngày 3-4-2001

Về ý kiến kết luận của Bí thư Tỉnh ủy tại kỳ họp giao ban ngày 2-4-2001

Ngày 2-4-2001, tại trụ sở Tỉnh ủy, đồng chí Giàng Seo Phủ, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh đã chủ trì kỳ họp giao ban tuần. Sau khi nghe đồng chí Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy báo cáo tình hình công tác tuần qua, những vấn đề đề xuất, trình giải quyết và các ý kiến phát biểu của đồng chí Nguyễn Đức Thăng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, đồng chí Hà Ngọc Đông, Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, đồng chí Đặng Quốc Lộng, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy kết luận.

I. Về tình hình phát triển kinh tế - xã hội, nhất là tiến độ sản xuất, giao Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục chỉ đạo điều hành theo kế hoạch. Trong quá trình chỉ đạo phải gắn sản xuất với việc ổn định dân cư nông nghiệp nông thôn. Khi đánh giá tình hình sản xuất, phải đánh giá toàn diện, nhất là việc đánh giá đói nghèo của nhân dân để chỉ đạo sản xuất, ổn định dân cư cho sát.

II. Về định hướng giải quyết một số vấn đề cụ thể:

1. Về tình hình di dịch cư tự do và công tác tôn giáo.

+ Giao cho đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy họp Ban

chỉ đạo 184 để chuẩn bị đầy đủ nội dung trình kỳ họp thứ tám Ban Thường vụ họp ngày 9-4-2001 để thống nhất các giải pháp.

+ Riêng vấn đề di dịch cư tự do: Tại các địa phương hiện nay vẫn diễn biến rất phức tạp, Thường trực Tỉnh ủy đã lưu ý nhiều lần nhưng chuyển đổi chậm. Giao đồng chí Bí thư và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Bí thư Tỉnh ủy về tình hình di dịch cư tự do tại địa phương mình. Yêu cầu phải tăng cường ngay cán bộ có uy tín đến cơ sở nơi có hiện tượng di dịch cư để động viên nhân dân an tâm sản xuất, ổn định đời sống và phải có giải pháp hữu hiệu để giải quyết vấn đề này, không để tình trạng di cư tự do.

2. Về triển khai Chỉ thị số 05-CT/TTg, ngày 30-3-2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc xử lý khiếu kiện của công dân trước và trong thời gian Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX.

Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện và ra quyết định thành lập ngay Tổ công tác thường trực giải quyết khiếu kiện. Để xây dựng kế hoạch, phương án giải quyết những vấn đề và tình huống xử lý các vụ việc trong thời gian trước, trong và sau Đại hội toàn quốc lần thứ IX theo tinh thần chỉ thị, gồm các đồng chí sau:

+ Đồng chí Đặng Quốc Lộng, Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Tổ trưởng.

+ Đồng chí Hà Ngọc Đông, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh làm Tổ phó.

+ Các thành viên gồm: Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh, Tham mưu trưởng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Phó Giám đốc Thường trực Công an tỉnh, trưởng các đoàn thể trong hệ thống chính trị.

Giao đồng chí Tổ trưởng báo cáo toàn bộ nội dung phương án trên tại kỳ họp thứ tám Ban Thường vụ.

3. Về chuyển thăm và làm việc của Đoàn đại biểu châu Hồng Hà, tỉnh Vân Nam do Chủ tịch châu Bạch Thành Lượng dẫn đầu đến Lào

Cai ngày 25-4-2001 theo văn bản ngày 30-3-2001 của Đại sứ quán Việt Nam tại Trung Quốc.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chuẩn bị nội dung để làm việc, trong đó cần tóm tắt tình hình quan hệ giữa Lào Cai với tỉnh Vân Nam, châu Hồng Hà và huyện Hà Khẩu, Trung Quốc.

Thành phần làm việc: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ giao cụ thể cho đồng chí Đặng Quốc Lộng và đồng chí Nguyễn Hữu Vạn cùng tiếp. Các ngành thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Ban Ngoại vụ - Biên giới bố trí chương trình, ăn ở, đi lại trong thời gian Đoàn ở Lào Cai.

4. Các vấn đề khác.

- Đồng ý Tờ trình số 52-TT/UB, ngày 26-3-2001 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Lào Cai về việc bổ sung:

+ Đồng chí Nguyễn Thanh Dương, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã.

+ Đồng chí Phan Doãn Thanh, Phó Giám đốc Sở Xây dựng.

Làm thành viên của Đoàn đại biểu thị xã Lào Cai sang trao đổi, hội đàm với Chính phủ huyện Hà Khẩu, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.

- Đồng ý Tờ trình số 04-TT/TH, ngày 23-3-2001 của Tỉnh Hội Phụ nữ Lào Cai, giao Văn phòng Tỉnh ủy soạn thảo văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy đối với cấp ủy và chính quyền các cấp quan tâm trong việc chuẩn bị nội dung, nhân sự, kinh phí và các điều kiện khác để Đại hội phụ nữ các cấp trong tỉnh được tiến hành thuận lợi, bảo đảm tiến độ đạt kết quả.

- Đồng ý giao Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng dự án kê bổ sung triển khai cặp chợ Lục Cầu. Lưu ý việc quy hoạch, cấm chỉ giới và quản lý quỹ đất chặt chẽ, đúng luật.

- Về xây dựng tờ trình miễn giảm thuế, giao Ủy ban nhân dân tỉnh nghiên cứu kỹ, tổ chức hội thảo, trưng cầu ý kiến các chuyên gia và các ngành chức năng để xây dựng phương án trình Ban Thường vụ tại kỳ họp gần nhất.

Thừa lệnh Ban Thường vụ, Văn phòng Tỉnh ủy thông báo kết luận tại kỳ họp giao ban Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, yêu cầu các ngành chức năng thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

PHẠM VĂN LIÊN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 02-CT/TU, ngày 5-4-2001

Về việc tăng cường công tác thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội khóa IX, kỳ họp thứ nhất ngày 6-10-1992 và Chỉ thị số 266/TTg, ngày 2-6-1993 của Thủ tướng Chính phủ về việc bàn giao và tăng cường công tác thi hành án dân sự, trong những năm qua công tác thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai có nhiều cố gắng, nhiều bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật được thi hành nghiêm minh triệt để, bảo đảm quyền, lợi ích của Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và công dân, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Qua hơn 7 năm thực hiện việc chuyển giao công tác thi hành án từ Tòa án nhân dân sang các cơ quan thuộc Chính phủ, bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác thi hành án dân sự cũng còn bộc lộ nhiều yếu kém; tỷ lệ giải quyết việc thi hành án đạt thấp, các khoản tiền thu ngân sách, tiền bồi thường cơ quan Nhà nước, tập thể và cá nhân chậm, số lượng án tồn đọng ngày càng nhiều, có nhiều vụ việc giải quyết kéo dài, thi hành chưa triệt để dẫn tới tình trạng khiếu kiện về thi hành án ngày càng tăng, gây mất lòng tin trong nhân dân.

Nguyên nhân của tình trạng trên là công tác thi hành án dân sự chưa được các cấp ủy Đảng, chính quyền thực sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, có nơi còn bị xem nhẹ. Việc tổ chức thi hành án chưa có sự

phối hợp chặt chẽ giữa các ngành hữu quan và chưa có các biện pháp giải quyết hữu hiệu.

Để nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự, xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới nhằm tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai chỉ thị:

1. Tăng cường hơn nữa sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền đối với công tác thi hành án dân sự.

2. Đẩy mạnh việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về thi hành án trong tất cả các ngành, các cấp, các tầng lớp nhân dân nhằm giáo dục ý thức tự giác tuân thủ pháp luật, sống và làm việc theo pháp luật.

3. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức tốt hoạt động giám sát, kiểm tra đôn đốc đối với cơ quan thi hành án dân sự. Đối với các vụ việc phức tạp, bức xúc ở địa phương có biện pháp chỉ đạo cơ quan Tư pháp, thi hành án tổ chức thi hành, tháo gỡ vướng mắc, cần thiết thì hỗ trợ trực tiếp, bảo đảm hiệu quả thi hành án dân sự.

4. Thành lập Ban chỉ đạo thi hành án cấp tỉnh và cấp huyện do Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân làm Trưởng ban, cơ quan Tư pháp làm Phó Trưởng ban Thường trực, Công an, Viện Kiểm sát, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là thành viên để chỉ đạo công tác thi hành án địa phương.

5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội như: Đoàn thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, v.v. có trách nhiệm phối hợp các cơ quan thi hành pháp luật và chính quyền cơ sở thực hiện việc vận động, giáo dục thuyết phục người phải thi hành án, thuộc giới mình, tổ chức mình tự nguyện thi hành án.

6. Các cơ quan thi hành pháp luật như: Công an, Tòa án, Viện Kiểm sát, Tư pháp, thi hành án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền cơ sở thực hiện tốt việc thi hành các bản án, quyết định của Tòa án bảo đảm sự nghiêm minh của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết án hình sự đối với các loại tội phạm có hình phạt tiền, tịch thu tài sản, bồi thường dân sự, các cơ quan tiến

hành tố tụng cần áp dụng biện pháp kê biên tài sản để bảo đảm thi hành án, tránh việc đương sự tẩu tán tài sản trước khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

7. Sở Tư pháp tăng cường quản lý, chỉ đạo công tác thi hành án dân sự, đôn đốc việc giải quyết thi hành án, làm giảm tỷ lệ án tồn đọng. Đối với các vụ án có điều kiện thi hành nhưng đương sự cố tình chây ỳ, lẫn tránh việc thi hành án thì kiên quyết áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án.

Các cơ quan thi hành án, Viện Kiểm sát trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các khiếu nại về công tác thi hành án dân sự. Có kế hoạch, đề án và biện pháp cụ thể, hữu hiệu rà soát và giải quyết án tồn đọng; tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc nổi cộm, gay gắt kéo dài. Từng quý báo cáo tình hình, tham mưu với Ủy ban nhân dân cùng cấp chỉ đạo công tác thi hành án ở địa phương.

Đây là một nhiệm vụ quan trọng, vì vậy yêu cầu thủ trưởng các ngành, các cấp theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, chỉ đạo ngành mình, cấp mình và phối hợp triển khai thực hiện Chỉ thị này. Định kỳ 6 tháng, một năm Sở Tư pháp tổng hợp báo cáo kết quả về Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH

Số 09-BC/TU, ngày 3-5-2001

Về kết quả thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) của Đảng bộ tỉnh Lào Cai

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng và tiến trình đổi mới của đất nước ta. Kết quả việc triển khai thực hiện nghị quyết được thể hiện bằng kết quả cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, trọng tâm là công tác kiểm điểm tự phê bình và phê bình ở các cấp và từng đảng viên làm cho Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Thực hiện các chỉ thị, kế hoạch của Bộ Chính trị về triển khai, quán triệt, học tập Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), Đảng bộ tỉnh Lào Cai đã xây dựng kế hoạch, chương trình hành động và trình tự tiến hành triển khai, thực hiện nghiêm túc theo đúng chỉ đạo của Trung ương và kế hoạch của tỉnh đề ra.

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 6 (LẦN 2) VÀ CUỘC VẬN ĐỘNG XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong toàn Đảng bộ tỉnh Lào Cai đã được Tỉnh ủy chỉ đạo tiến hành đồng bộ theo ba bước:

1. Bước 1: Thời gian từ ngày 19-5 đến 2-9-1999, đã tiến hành các nhiệm vụ sau:

a) Ở cấp tỉnh:

Căn cứ nội dung nghị quyết và các kế hoạch, hướng dẫn của Trung ương ngày 25-6 đến ngày 28-6-1999, Tỉnh ủy đã tổ chức Hội nghị triển khai học tập nghị quyết cho gần 300 cán bộ chủ chốt của tỉnh, huyện, thị, đảng ủy trực thuộc, các Đảng đoàn, Ban cán sự... Tại hội nghị đã giới thiệu nội dung cơ bản của văn kiện Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) gắn với Cương lĩnh, Điều lệ Đảng và *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh; quán triệt một số quy định của Bộ Chính trị, Chính phủ về công tác cán bộ, công tác kiểm tra, những việc đảng viên không được làm, những quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng... Thảo luận, trao đổi ý kiến thống nhất về nhận thức, kế hoạch, chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) của Đảng bộ tỉnh.

Sau hội nghị trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiến hành xây dựng bản kiểm điểm. Trong quá trình xây dựng bản kiểm điểm của tập thể và cá nhân, Ban Thường vụ đã mở nhiều hội nghị thảo luận góp ý kiến vào dự thảo kiểm điểm, trong đó có ý kiến đóng góp của các đồng chí là cán bộ trung, cao cấp nghỉ hưu trên địa bàn tỉnh; gửi văn bản lấy ý kiến ở các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc và tập thể lãnh đạo các ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh. Tất cả những nơi được gửi văn bản xin ý kiến đều đã có những góp ý đầy đủ, chất lượng cao với tinh thần thẳng thắn, xây dựng và trách nhiệm. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nghiêm túc tiếp thu ý kiến phê bình vào bản kiểm điểm.

b) Ở cấp huyện, thị, đảng ủy trực thuộc:

Tiếp thu tinh thần tại hội nghị ở tỉnh, đến hết tháng 8-1999 các huyện, thị và đảng ủy trực thuộc đã lần lượt mở hội nghị triển khai thực hiện nghị quyết cho cán bộ chủ chốt. Tại hội nghị đã giới thiệu nội dung cơ bản của Nghị quyết và bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Hội nghị Trung ương 6

(lần 2); phổ biến các quy định của Bộ Chính trị, Chính phủ; trình bày kế hoạch, chương trình hành động của Tỉnh ủy, của cấp ủy huyện thị, đảng ủy trực thuộc và thảo luận góp ý vào dự thảo chương trình hành động của cấp ủy đề ra.

c) Ở cấp cơ sở xã, phường, thị trấn

Sau hội nghị ở cấp huyện, cấp ủy xã, phường, thị trấn đã tiến hành tổ chức hội nghị quán triệt Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và Cương lĩnh, Điều lệ Đảng cho toàn đảng viên ở cơ sở. Về nội dung như ở cấp huyện; các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc đã chỉ đạo cho từng tổ chức cơ sở đảng xây dựng chương trình hành động và kế hoạch thực hiện nghị quyết.

Nhìn chung trong bước 1 các cấp ủy đảng từ tỉnh đến cơ sở đã tổ chức tốt các hội nghị triển khai, học tập nghị quyết, xây dựng xong kế hoạch, chương trình hành động thực hiện nghị quyết ở cấp mình.

2. Bước 2: Thời gian từ ngày 2-9-1999 đến 3-2-2000

Gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tỉnh đã tổ chức kỷ niệm 30 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh và thực hiện 5 lời thề lúc tiễn biệt Người, phát động phong trào thi đua mừng kỷ niệm Đảng ta tròn 70 tuổi và tiến tới Đại hội thi đua toàn tỉnh lần thứ I và toàn quốc lần thứ VI. Qua đó đã nâng cao sự nhận thức về tư tưởng, ý chí hành động cách mạng, đạo đức, lối sống mẫu mực của Bác Hồ cho cán bộ, đảng viên noi theo và liên hệ kiểm điểm, tự giác trong tự phê bình và thẳng thắn nghiêm túc trong phê bình, góp phần tích cực cho việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) đạt hiệu quả cao.

Cũng trong thời gian này, tỉnh đã chỉ đạo thực hiện tốt một số nhiệm vụ chính trị quan trọng:

- Tổ chức thành công cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp: Lựa chọn được những đại biểu có đủ phẩm chất, năng lực và tín nhiệm cao tham gia Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp. Kiên quyết không đưa những trường hợp có vấn đề chưa được làm rõ vào tham

gia Hội đồng nhân dân khóa mới, tỷ lệ cử tri đi bầu cử ở các cấp đều đạt cao.

- Triển khai Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII) về kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan Đảng và Nhà nước. Tỉnh ủy đã tập trung chỉ đạo sắp xếp lại đầu mối, tổ chức các ban Đảng theo hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương và điều kiện cụ thể của tỉnh. Đồng thời chỉ đạo các cấp, các ngành trong tỉnh từng bước sắp xếp lại bộ máy theo hướng tinh gọn và đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

- Tiếp tục chỉ đạo công tác kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2)

+ Ở cấp tỉnh: Từ ngày 15-1 đến 21-1-2000, Ban Thường vụ đã tổ chức họp kiểm điểm tập thể và cá nhân các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, theo gợi ý của Bộ Chính trị, có thành phần của các ban xây dựng Đảng ở Trung ương về dự.

+ Ở cấp huyện thị, đảng ủy trực thuộc, đảng đoàn, ban cán sự, các cơ quan trực thuộc tỉnh: Tỉnh đã chỉ đạo xây dựng báo cáo kiểm điểm tập thể và cá nhân, gửi lấy ý kiến góp ý của cấp dưới, cấp ủy gợi ý cho từng cá nhân kiểm điểm, sau đó gửi về Tỉnh ủy xét duyệt, Ban thường vụ Tỉnh ủy đã xem xét và có gợi ý kiểm điểm trực tiếp cho các tập thể và từng cá nhân, đồng thời chỉ đạo trực tiếp ở các hội nghị kiểm điểm của các đơn vị.

Đi đôi với việc kiểm điểm, tự phê bình và phê bình, công tác bồi dưỡng, kết nạp đảng viên mới cũng được xúc tiến mạnh mẽ nhân dịp kỷ niệm Đảng ta tròn 70 tuổi, toàn tỉnh đợt đầu đã kết nạp được 278 đảng viên, giảm được 20 thôn, bản chưa có đảng viên.

3. Bước 3: Thời gian từ ngày 3-2-2000 đến 19-5-2001

Đến hết tháng 9-2000, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã gợi ý kiểm điểm cho tất cả các cấp ủy tổ chức đảng trực thuộc tỉnh và các đồng chí cán bộ chủ chốt là Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch các huyện, thị; các đồng chí Bí thư các Ban cán sự, Đảng đoàn, trưởng, phó các ban, ngành, đoàn thể và một số tập thể lãnh đạo giám đốc, phó giám đốc

các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc tỉnh. 15/15 Ban Thường vụ của các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc đã tiến hành kiểm điểm xong và tiếp tục chỉ đạo các tổ chức cơ sở đảng kiểm điểm.

Cũng trong thời gian này, các huyện thị, đảng ủy trực thuộc đã khẩn trương chỉ đạo các cơ sở đảng cấp dưới tiến hành các bước xây dựng báo cáo kiểm điểm của tập thể và cá nhân trình cấp ủy cấp trên xem xét, gợi ý kiểm điểm sâu sát, đồng thời lấy ý kiến quần chúng sau đó mới tiến hành mở hội nghị kiểm điểm. Đến hết tháng 10-2000 tất cả các tổ chức đảng từ tỉnh đến cơ sở đã kiểm điểm xong.

Cùng với công tác kiểm điểm theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) trong bước 3, tỉnh đã tập trung chỉ đạo thực hiện Chỉ thị 54 của Bộ Chính trị về đại hội Đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, đã tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ cấp cơ sở và cấp huyện, thị. Công tác chuẩn bị văn kiện Đại hội, nhân sự Đại hội và các điều kiện cho Đại hội Đảng bộ tỉnh đã được tiến hành khẩn trương, chu đáo, bảo đảm cho đại hội diễn ra đúng kế hoạch, tổ chức tốt kỷ niệm các ngày lễ lớn năm 2000, đặc biệt là các hoạt động kỷ niệm 110 năm ngày sinh của Bác Hồ đã được tổ chức sâu rộng đến cán bộ, đảng viên, quần chúng với nội dung rất sâu sắc.

Ở các đơn vị sau khi tiến hành kiểm điểm xong đều xây dựng được phương hướng, kế hoạch khắc phục những tồn tại, sửa chữa những khuyết điểm được nêu ra trong quá trình kiểm điểm tự phê bình và phê bình.

4. Đánh giá công tác triển khai nghị quyết

Quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) ở tỉnh đã bám sát các kế hoạch của Bộ Chính trị, các hướng dẫn của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương. Đồng thời tỉnh đã chỉ đạo các cấp ủy Đảng từ tỉnh đến cơ sở xây dựng được kế hoạch và chương trình hành động ở từng cấp. Bảo đảm quá trình triển khai thực hiện nghị quyết cũng là quá trình triển khai cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn

Đảng, kết quả thực hiện nghị quyết có ý nghĩa thực tiễn, có tác dụng giáo dục cao, nâng cao nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên.

Công tác kiểm điểm tự phê bình và phê bình đã được tiến hành bảo đảm nghiêm túc, chặt chẽ, coi trọng chất lượng không chạy theo thời gian, chân thành, thẳng thắn, cởi mở, tự giác nhìn thẳng vào khuyết điểm và có tinh thần tiếp thu sửa chữa, khắc phục khuyết điểm, hạn chế tình trạng e dè, nể nang, né tránh, không có tình trạng lợi dụng phê bình để vu cáo đả kích cá nhân, mất đoàn kết, gây rối nội bộ hoặc trù dập người phê bình. Tiến trình kiểm điểm trong toàn Đảng bộ theo thứ tự: Cấp trên làm trước cấp dưới làm sau, báo cáo kiểm điểm của cấp trên có sự tham gia góp ý kiến của cấp dưới, cấp dưới làm có cấp trên đến dự và chỉ đạo, kiểm điểm tập thể trước cá nhân sau. Nội dung kiểm điểm tự phê bình và phê bình, chủ yếu tập trung vào các vấn đề: tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, tổ chức và chỉ đạo điều hành.

Gắn với các bước thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), tỉnh đã chỉ đạo tổ chức tốt cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp, đại hội Đảng cấp cơ sở và huyện, thị, kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm, đem lại tác dụng tích cực, củng cố thêm lòng tin của nhân dân đối với Đảng, giáo dục cho mỗi người học tập tu dưỡng đạo đức lối sống theo gương Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng thời đã thực hiện tốt tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII) về sắp xếp tổ chức bộ máy Đảng và Nhà nước; thực hiện tốt nhiệm vụ chuẩn bị cho Đại hội Đảng các cấp và Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa XII.

Trong công tác triển khai thực hiện nghị quyết, đặc biệt là việc tổ chức kiểm điểm, tự phê bình và phê bình trong toàn Đảng bộ đã đạt được nhiều kết quả tốt song vẫn còn một số tồn tại đáng chú ý như: Một số cấp ủy, tổ chức đảng do nhận thức chưa đầy đủ ý nghĩa của cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, dẫn đến việc chuẩn bị thiếu chu đáo, làm không đạt phải tổ chức kiểm điểm lại; một số cá nhân viết bản kiểm điểm còn sơ sài, thiếu nghiêm túc cấp ủy cấp trên đã yêu cầu viết lại. Số cấp ủy, tổ chức đảng phải kiểm điểm lại do làm lần

đầu không đạt là 6 đơn vị trong đó diện trực thuộc tỉnh 2, cấp cơ sở là 4 (thuộc huyện Bắc Hà). Một số đơn vị thực hiện chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung của toàn Đảng bộ.

II. KẾT QUẢ SAU HƠN MỘT NĂM THỰC HIỆN CUỘC VẬN ĐỘNG XÂY DỰNG CHÍNH ĐỐN ĐẢNG, TỰ PHÊ BÌNH VÀ PHÊ BÌNH Ở ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI

1. Tình hình thực hiện công tác kiểm điểm tự phê bình và phê bình

Qua việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình ở tỉnh và các huyện thị, Đảng ủy trực thuộc, các Ban cán sự, Đảng đoàn, các đơn vị trực thuộc và các tổ chức cơ sở đảng nổi lên một số ưu, khuyết điểm chính như sau:

a) Ưu điểm:

- Về tư tưởng chính trị:

Qua kiểm điểm ở các cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên cho thấy không có biểu hiện phức tạp về tư tưởng chính trị. Đại bộ phận đảng viên trong Đảng bộ có nhận thức tốt, thống nhất về tư tưởng chính trị, hiểu biết những vấn đề cơ bản của lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định con đường đổi mới về xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc thành quả xã hội chủ nghĩa, phát huy được truyền thống đoàn kết dân tộc, tinh thần yêu nước, có tính cảnh giác cao trước mọi thủ đoạn, âm mưu của các thế lực thù địch, từng bước xây dựng tỉnh phát triển và ổn định về mọi mặt.

- Về đạo đức lối sống:

Đại đa số đảng viên trong Đảng bộ luôn luôn giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh, trung thực giản dị, không lợi dụng chức quyền để vụ lợi cá nhân, gần bó với dân, tận tụy với công việc, quan tâm chăm lo sự nghiệp chung, đấu tranh chống tham nhũng, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, thống nhất, đoàn kết nội bộ. Do được giáo dục thường xuyên nên đại bộ phận cán bộ, đảng viên đều

có ý thức tổ chức kỷ luật cao, thực hiện tốt quy định những điều đảng viên không được làm, có tinh thần hăng say lao động, khắc phục khó khăn, tự lực tự cường, cùng với quần chúng nhân dân vươn lên xóa đói, giảm nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc.

- Về tổ chức và chỉ đạo điều hành:

Các cấp ủy tổ chức đảng đã kiểm điểm rất sâu việc lãnh đạo thực hiện phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh quốc phòng trong những năm qua. Nhìn chung cơ bản đã xây dựng được đội ngũ cán bộ đảng viên có năng lực lãnh, chỉ đạo, có tính tiên phong gương mẫu, đoàn kết nhất trí, đã chỉ đạo và điều hành thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước được tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả thiết thực. Đã có nhiều đổi mới về phương thức và phong cách chỉ đạo, điều hành trên cơ sở giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, giải quyết kịp thời những việc trọng tâm, bức xúc, sâu sát cơ sở, nắm vững tâm tư nguyện vọng của dân để phối kết hợp chỉ đạo tốt từng nhiệm vụ, thể hiện ở một số kết quả đạt được trong những năm qua là: nền kinh tế của tỉnh có tốc độ tăng trưởng khá, các loại hình kinh tế du lịch, dịch vụ từng bước phát triển, đời sống của nhân dân được nâng lên, số hộ giàu, hộ sản xuất giỏi tăng, số hộ đói nghèo giảm, các hoạt động trong lĩnh vực y tế, văn hóa, phát thanh - truyền hình, thông tin đều có bước phát triển khá, đã hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ, chủ quyền quốc gia được giữ vững, trật tự, an toàn xã hội cơ bản được bảo đảm... phát huy được sức mạnh toàn Đảng, toàn dân trong tỉnh.

b) Khuyết điểm:

Với tinh thần nghiêm túc tự phê bình và tiếp thu ý kiến phê bình, quá trình kiểm điểm ở các cấp ủy, tổ chức đảng từ cấp tỉnh đến cơ sở và từng đảng viên trong toàn Đảng bộ đã nghiêm túc đánh giá những tồn tại, yếu kém và khuyết điểm của từng tập thể và cá nhân như sau:

- Về tư tưởng chính trị:

+ Trong đội ngũ cán bộ, đảng viên còn một số đồng chí bần khoản

trước việc trong nước có biểu hiện một số đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, chống lại Đảng, tham nhũng, quan liêu, lãng phí, vi phạm pháp luật nghiêm trọng, việc giáo dục, quản lý đảng viên ở một số nơi còn bị buông lỏng... gây ảnh hưởng đến uy tín của Đảng trước nhân dân.

+ Ở một số cơ sở việc triển khai thực hiện nghị quyết của Đảng còn nhiều hạn chế, chưa gắn được với thực tế địa phương dẫn đến hiệu quả chưa cao.

+ Do ảnh hưởng mặt trái của nền kinh tế thị trường, một số cán bộ, đảng viên trong cơ quan Nhà nước có biểu hiện của lối sống thực dụng, chưa vì lợi ích chung, chưa thể hiện rõ tinh thần tự phê bình hoặc còn bao che khuyết điểm cho nhau.

+ Một số cấp ủy, tổ chức đảng nhận thức chưa đầy đủ về tầm quan trọng của cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng nên còn tư tưởng trông chờ vào cấp trên, làm lười, trong đó đáng lưu ý một số cán bộ, đảng viên Khối cơ quan.

- Về đạo đức lối sống:

Trong Đảng bộ còn một số đồng chí bộc lộ tư tưởng hủ khuynh, nể nang trong phê bình, phê bình xuôi chiều, sợ ảnh hưởng đến lợi ích bản thân, còn có biểu hiện quan liêu, xa rời thực tế, thiếu sâu sát cơ sở, thiếu tinh thần trách nhiệm. Một số cán bộ, đảng viên chưa gương mẫu còn để người thân trong gia đình vi phạm các tệ nạn xã hội, quan hệ thiếu lành mạnh... đã gây dư luận không tốt, làm giảm lòng tin trong nhân dân.

Việc thực hiện dân chủ ở cơ sở một số nơi làm chưa tốt, một số cán bộ có biểu hiện hách dịch, cửa quyền, sách nhiễu. Việc xử lý cán bộ trong một số trường hợp chưa nghiêm nên tính giáo dục, ngăn chặn chưa cao.

- Về tổ chức và chỉ đạo điều hành:

+ Đội ngũ cán bộ, đảng viên đã được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nhưng nhìn chung năng lực còn hạn chế, chưa ngang tầm nhiệm vụ, chất lượng công tác còn thấp, hoạt động của

một số tổ chức đoàn thể ở cơ sở trong chức năng vận động quần chúng hiệu quả chưa cao.

+ Công tác quy hoạch đào tạo cán bộ còn nhiều hạn chế nhất là việc đào tạo cán bộ cơ sở còn chậm, có trường hợp không đúng tiêu chuẩn, thiếu cân đối giữa các dân tộc, các vùng làm cho đội ngũ cán bộ địa phương ở một số nơi vừa thiếu, vừa yếu.

+ Trong chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện còn lúng túng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển kinh tế du lịch, dịch vụ, chuyển đổi doanh nghiệp, chuyển đổi cơ chế hợp tác xã nông nghiệp theo Luật hợp tác

+ Một số vấn đề xã hội chưa có biện pháp xử lý đồng bộ, còn để kéo dài như vấn đề lợi dụng tôn giáo tuyên truyền đạo trái phép, di dịch cư tự do, nghiện hút...

+ Việc chỉ đạo triển khai thực hiện các nghị quyết của Trung ương, của tỉnh đôi khi chưa sát sao, kiểm tra chưa được thường xuyên, việc sơ tổng kết rút kinh nghiệm, nhân điển hình chưa kịp thời, tính năng động sáng tạo trong chỉ đạo điều hành ở một số cấp ủy còn hạn chế, có tư tưởng ỷ lại, trông chờ, thiếu chủ động.

2. Phương hướng khắc phục khuyết điểm

a) Về tư tưởng chính trị:

- Tăng cường tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập nghiên cứu nghị quyết của Đảng, thấm nhuần 6 vấn đề có tính nguyên tắc nêu trong Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương, chính sách, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước, quyết tâm đi theo con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn.

- Tập trung phát triển kinh tế đúng hướng, khai thác nội lực, giải quyết kịp thời những vấn đề xã hội, tạo sự bền vững, ổn định lâu dài. Quan tâm đầu tư mọi mặt cho các vùng đặc biệt khó khăn, vùng bị lợi dụng tôn giáo, vùng bị thiên tai để nhân dân yên tâm và tin tưởng vào đường lối của chế độ ta, không để kẻ địch lợi dụng lôi kéo.

- Chú trọng công tác quản lý cán bộ, đẩy mạnh việc đào tạo cán bộ làm công tác lý luận, cán bộ có trình độ cao để đáp ứng với yêu cầu thực tiễn. Đầu tư xây dựng các trung tâm chính trị, củng cố đội ngũ giáo viên, quản lý chặt chẽ chất lượng dạy và học.

- Khắc phục những biểu hiện hành chính hóa trong hoạt động của một số đoàn thể quần chúng, xúc tiến công tác vận động quần chúng, tập trung chống truyền đạo trái phép, di dịch cư tự do.

- Tăng cường đầu tư, đổi mới và nâng cao chất lượng thông tin hai chiều, từ đó thường xuyên nắm bắt tình hình, tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân để kịp thời xử lý các vấn đề bức xúc ở cơ sở.

b) Về đạo đức lối sống:

Các tổ chức đảng phải tăng cường giáo dục, kiểm tra, quản lý cán bộ, đảng viên cả về bốn mặt: Lý lịch, tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, quan hệ xã hội và tài sản. Thường xuyên rà soát, đánh giá lại đội ngũ cán bộ coi đây là biện pháp hàng đầu để tăng cường sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo của Đảng.

- Thực hiện đúng quy định về phân cấp quản lý tổ chức cán bộ, bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng đối với công tác cán bộ, chọn cử đào tạo đúng đối tượng để có được đội ngũ cán bộ, đảng viên vừa hồng, vừa chuyên.

- Triển khai sâu rộng các văn bản pháp luật về chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, những điều cấm đảng viên không được làm, thực hiện Quy chế dân chủ... để mọi đối tượng thực hiện nghiêm túc. Kiên quyết xử lý những trường hợp vi phạm pháp luật.

- Cán bộ, đảng viên phải gương mẫu trong việc giáo dục người thân trong gia đình chấp hành đường lối, chính sách, pháp luật. Nêu cao tinh thần tự rèn luyện, tu dưỡng về đạo đức, lối sống cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư.

c) Về công tác tổ chức và chỉ đạo điều hành:

- Triển khai thực hiện nghị quyết sát sao, cụ thể, tổ chức sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm, nhân điển hình, có kiểm tra giám sát chặt chẽ đến từng chuyên đề.

- Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ trong toàn Đảng bộ, bảo đảm sự thống nhất ý chí và hành động, giữ vững bản chất giai cấp và tính tiên phong của Đảng.

Thực hiện tốt các quy định về đánh giá cán bộ, luân chuyển, đề bạt, giải quyết chế độ cho cán bộ. Sắp xếp tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ theo Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII), sử dụng cán bộ đúng năng lực, tiêu chuẩn, bảo đảm tính kế thừa và đổi mới.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp, tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, chống phiền hà, sách nhiễu, quan liêu, tham nhũng trong bộ máy chính quyền.

- Tổ chức, sắp xếp và đổi mới hoạt động của các tổ chức đoàn thể, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, chống hành chính hóa trong hoạt động. Phối hợp đồng bộ giữa các đoàn thể trong công tác vận động quần chúng trên địa bàn.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, tạo sự ổn định trong phát triển kinh tế, nâng cao đời sống cả về vật chất và tinh thần cho nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

3. Kết quả bước đầu sửa chữa những khuyết điểm theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng

Việc khắc phục những tồn tại, yếu kém, khuyết điểm sau kiểm điểm tự phê bình và phê bình là mấu chốt quan trọng, là thành quả của việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) được nhân dân trông đợi. Tuy việc kiểm điểm trong toàn Đảng bộ vừa mới cơ bản hoàn thành nhưng các cấp ủy, tổ chức đảng từ tỉnh đến cơ sở trong toàn Đảng bộ đã sửa chữa khuyết điểm, thể hiện ở một số điểm sau:

a) Khắc phục những tồn tại trong lĩnh vực tư tưởng chính trị:

Sau cuộc kiểm điểm, không khí đoàn kết, thống nhất và dân chủ trong các Đảng bộ từ tỉnh đến cơ sở đều có chuyển biến và nâng cao rõ rệt. Các cấp ủy đảng ở huyện, thị đã phân công cụ thể từng đồng chí

ủy viên theo dõi, nắm bắt tình hình chung ở cơ sở và những diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên cũng như quần chúng nhân dân. Định kỳ hằng tháng (hoặc đột xuất nếu có vấn đề bức xúc) phải có báo cáo tình hình chi tiết, chất lượng, đồng thời phải đề ra được giải pháp để giải quyết kịp thời các vụ việc xảy ra ở cơ sở. Bước đầu đã có kết quả tốt trong việc chỉ đạo kiểm điểm tự phê bình ở cấp cơ sở đảng, hạn chế được tình trạng làm luột, làm cho xong việc; chỉ đạo tổ chức tốt Đại hội Đảng cấp cơ sở; tiến hành giải quyết các nhiệm vụ chống lợi dụng tôn giáo tuyên truyền đạo trái phép và di dịch cư tự do, ổn định dân cư, phát triển kinh tế, xây dựng cơ sở hạ tầng, xóa đói, giảm nghèo... có hiệu quả, phát huy nội lực, khắc phục tư tưởng trông chờ ỷ lại, tạo ra được động lực mới để nhân dân yên tâm, tin tưởng hơn vào sự lãnh đạo của Đảng.

b) Sửa chữa những khuyết điểm trong đạo đức lối sống:

Từ sau kiểm điểm đến nay, đội ngũ cán bộ có nhiều chuyển biến về tác phong làm việc, phong cách làm việc, chấp hành tốt hơn các quy định của Nhà nước, thẳng thắn, trung thực, mạnh dạn đề xuất ý kiến, nghiêm túc tiếp thu, thực hiện đoàn kết nội bộ trên cơ sở thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hành tiết kiệm và rèn luyện lối sống lành mạnh, tăng cường gần gũi với nhân dân, tiếp xúc với cơ sở, nâng cao trách nhiệm bản thân; tề quan liêu, phô trương hình thức, e dè, nể nang, xuôi chiều, tham nhũng lãng phí, rượu chè của cán bộ ở nhiều nơi được giảm bớt, số đông cán bộ biết tự kiểm chế trước sự giám sát chặt chẽ hơn của đảng viên, nhân dân, của dư luận xã hội.

Việc xử lý cán bộ, công chức vi phạm pháp luật, có lối sống buông thả, lợi dụng chức quyền tham nhũng, thiếu trách nhiệm mới xảy ra hoặc đã tồn đọng từ lâu chưa được giải quyết dứt điểm đã được chỉ đạo sát sao, giải quyết nghiêm túc, công khai, đúng pháp luật. Điển hình như ở một số vụ: mua bán dâm ở nhà hàng Thủy Sơn, Dự án Lùng Vai, Nông trường Thanh Bình, vụ cán bộ xã Kim Sơn, Bảo Yên vi phạm nguyên tắc quản lý tài chính... xử lý tốt một số vụ việc đơn thư kéo dài như: giải quyết cấp đất xong cho 23 hộ ở thị tứ Bắc Ngầm - Bảo Thắng,

thu hồi số gạo cứu đói sử dụng sai mục đích và xử lý cán bộ sai phạm ở xã Phố Lu - Bảo Thắng; đơn thư ở các xã Bảo Hà, Thượng Hà, huyện Bảo Yên. Một số cán bộ, đảng viên có khuyết điểm trong quan hệ, gia đình có người thân vi phạm các tệ nạn xã hội... đã tự giác kiểm điểm và có nhiều chuyển biến tích cực trong lối sống và giáo dục gia đình.

c) Sửa chữa khuyết điểm trong tổ chức và chỉ đạo điều hành:

Các cấp ủy, tổ chức đảng và các đơn vị sau kiểm điểm đã có những chấn chỉnh trong lãnh, chỉ đạo, điều hành một cách cụ thể toàn diện và sâu sát hơn, nhất là những vấn đề lớn trong phát triển kinh tế - xã hội.

Ở các cấp đã xúc tiến khắc phục những tồn tại trong công tác tổ chức cán bộ, đã tiến hành rà soát, bố trí lại nhiều chức danh chủ chốt phù hợp với năng lực, sở trường của cán bộ, sắp xếp lại một số đầu mối cơ quan của Đảng và Nhà nước, đẩy mạnh cải cách hành chính, giảm phiền hà sách nhiễu...

Trên cơ sở kết quả giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp, đã yêu cầu khắc phục ngay tình trạng một số công trình không bảo đảm chất lượng, không đúng kỹ thuật hoặc các vi phạm về thực hiện trợ giá trợ cước, các tồn tại trong phổ cập giáo dục tiểu học, trong cấp ti vi, radio cho vùng sâu, vùng xa. Việc lập và giao kế hoạch năm 2000 đã có nhiều đổi mới, công khai, dân chủ hơn. Công tác quản lý các công trình xây dựng cơ bản đã được cải tiến trong thực hiện các quy chế về đấu thầu, chỉ định thầu bước đầu đã có hiệu quả tốt.

Khắc phục sự lúng túng trong việc thực hiện Nghị quyết 01 của Tỉnh ủy về chuyển dịch cơ cấu kinh tế: các huyện, thị đã tiến hành rà soát lại quá trình thực hiện, tìm ra nguyên nhân yếu kém, cụ thể hóa bằng các Nghị quyết chuyên đề để triển khai thực hiện, từng bước áp dụng kỹ thuật tiên tiến, đưa sản xuất giống cây, con mới vào khắc phục những tồn tại trong chỉ đạo sản xuất và trong thực hiện các dự án kém hiệu quả trước đây.

Đã có nhiều chuyển biến tích cực trong việc chủ động, sáng tạo tìm ra các biện pháp tháo gỡ khó khăn trong sản xuất, thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội ở địa phương, thực hiện nghị quyết của Trung ương và của

Tỉnh ủy, đẩy lùi dần tư tưởng trông chờ, ỷ lại và thiếu trách nhiệm, chính vì vậy mà các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2000 tăng khá.

Khắc phục tình trạng còn để nhiều tổ chức cơ sở đảng yếu kém và thôn, bản chưa có đảng viên: Các huyện đã phối hợp chặt chẽ với các chi, đảng bộ cơ sở xây dựng phương án bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ kế cận, chú ý cán bộ người dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa... năm 2000 toàn Đảng bộ đã kết nạp được 946 đảng viên mới, tăng 12,75% so cùng kỳ năm trước, trong đó người dân tộc ít người là 345 đồng chí, giảm được thêm 40 thôn, bản chưa có đảng viên.

Thông qua đợt sinh hoạt kiểm điểm, đến nay toàn Đảng bộ đã phát hiện và xử lý kỷ luật 54 đồng chí, trong đó có 3 đồng chí diện tỉnh quản lý với các hình thức: khiển trách 1 đồng chí, cảnh cáo 1 đồng chí, cách chức 1 đồng chí; 51 đồng chí diện huyện ủy và tương đương quản lý với các hình thức kỷ luật: khiển trách 21 đồng chí; cảnh cáo 23 đồng chí; cách chức 5 đồng chí, khai trừ 2 đồng chí. Nội dung vi phạm chủ yếu thiếu tinh thần trách nhiệm, thiếu ý thức chấp hành nghị quyết, chỉ thị của Đảng, cố ý làm sai nguyên tắc gây hậu quả nghiêm trọng, vi phạm đạo đức lối sống và các vi phạm khác.

Việc sửa chữa những khuyết điểm đòi hỏi phải kiên trì và là quá trình lâu dài, tiến hành từng bước. Bước đầu chúng ta đã có được một số kết quả cơ bản nêu trên. Tuy nhiên vẫn còn nhiều tồn tại, yếu kém cần phải nỗ lực, cố gắng hơn nữa để khắc phục trong thời gian tới.

III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ CƠ BẢN TỪ NAY ĐẾN 19-5-2000

Tiếp tục bước 3 thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng với các nhiệm vụ cơ bản sau:

- Toàn Đảng bộ tập trung khắc phục những tồn tại, yếu kém, sửa chữa những khuyết điểm đã được nêu ra trong quá trình kiểm điểm tự phê bình và phê bình. Thực hiện ba công khai: công khai kết quả kiểm điểm của Thường vụ cấp ủy; công khai kế hoạch khắc phục khuyết điểm, thiếu sót; công khai giải quyết các công việc nổi cộm. Tăng cường

kiểm tra, giám sát cơ sở trong quá trình thực hiện. Các cấp ủy, ban lãnh đạo các cấp phải thật sự tích cực sửa chữa khuyết điểm của tập thể, các đồng chí là cấp ủy viên, lãnh đạo phải gương mẫu sửa chữa khuyết điểm của mình để cán bộ đảng viên trong đơn vị.

- Với phương châm là coi trọng giáo dục, ngăn ngừa sai phạm, chân thành giúp đỡ những người có khuyết điểm tự giác nhìn nhận và có tinh thần tích cực sửa chữa. Tuy nhiên phải nghiêm khắc xử lý những trường hợp sai phạm nghiêm trọng không thành khẩn tự phê bình và tiếp thu phê bình.

- Tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm, lập báo cáo kết quả sửa chữa khuyết điểm theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) gửi cấp ủy cấp trên. Thời gian tiến hành như sau:

+ Tổ chức cơ sở đảng: Trước ngày 20-4-2001.

+ Các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc: Trước 30-4-2001.

+ Cấp tỉnh sẽ tổ chức tổng kết trong dịp 19-5-2001.

- Tiếp tục chỉ đạo chặt chẽ, nâng cao chất lượng cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Kết hợp cuộc vận động với thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở với giữ nghiêm kỷ cương, pháp luật, chỉ đạo tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao chào mừng thắng lợi của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh khóa XII, kỷ niệm ngày thành lập Đảng, tạo không khí phấn khởi trong Đảng, trong dân.

- Tiến hành đợt học tập quán triệt nghị quyết của Đại hội Đảng các cấp cho cán bộ, đảng viên và các đoàn thể quần chúng. Quá trình phổ biến quán triệt nghị quyết đại hội Đảng các cấp gắn với cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phê phán các quan điểm phản động, sai trái, làm thất bại âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO

KIỂM ĐIỂM SỰ LÃNH ĐẠO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA XI (1996-2000)

Số 10-BC/TU, ngày 3-5-2001

Đặc điểm tình hình:

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa XI, nhiệm kỳ 1996 - 2000 được Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI (tháng 5-1996) bầu ra gồm 47 đồng chí, trong đó có 2 nữ (4,25%). Phiên họp Ban Chấp hành lần thứ nhất bầu ra Ban thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 đồng chí, trong đó Thường trực Tỉnh ủy 3 đồng chí, gồm Bí thư và 2 Phó Bí thư.

Về chất lượng Ban Chấp hành: 100% các đồng chí có trình độ văn hóa hết phổ thông trung học, 90% có trình độ chuyên môn cao đẳng, đại học trở lên, 10% có trình độ trung cấp, 100% có trình độ lý luận chính trị cao cấp, cử nhân. Trong nhiệm kỳ công tác, do yêu cầu nhiệm vụ có 3 đồng chí được điều động về Bộ, ngành Trung ương, 6 đồng chí nghỉ chế độ hưu trí; trong đó có 1 đồng chí Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, 1 đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ; Ban Chấp hành được bổ sung 1 đồng chí, như vậy số Ủy viên Ban Chấp hành hiện nay còn 39 đồng chí.

I. KIỂM ĐIỂM SỰ LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CỦA BAN CHẤP HÀNH THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH

Nhằm quán triệt các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Ban Chấp hành đã tổ chức học tập nghiêm túc, quán triệt trong toàn

Đảng bộ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, nghị quyết hội nghị Ban Chấp hành Trung ương (từ Nghị quyết Trung ương 2 đến Nghị quyết Trung ương 9), các nghị quyết của Bộ Chính trị... Qua mỗi lần học tập nghị quyết của Đảng, quán triệt sâu sắc nội dung và vận dụng sáng tạo phù hợp tình hình thực tiễn của tỉnh miền núi, vùng cao, biên giới, nhiều dân tộc, Ban Chấp hành Đảng bộ đã đề ra chương trình hành động, kế hoạch thực hiện cụ thể, phát động phong trào thi đua, ra các nghị quyết chuyên đề... nhằm đưa các nghị quyết của Đảng vào cuộc sống.

Trong nhiệm kỳ qua, Ban Chấp hành đã đề ra chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 về công tác giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ, kế hoạch thực hiện Nghị quyết lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) về “Tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, cần kiệm để công nghiệp hóa - hiện đại hóa”, chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), ra các nghị quyết chuyên đề về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn 1996 - 2000, nghị quyết về phát triển kinh tế đối ngoại, kinh tế du lịch, nghị quyết về xây dựng và củng cố cơ sở chính trị xã, phường vững mạnh, nghị quyết về công tác an ninh - quốc phòng... Đã ban hành 23 chỉ thị về một số vấn đề về công tác cán bộ nữ, về lãnh đạo và tổ chức đưa đảng viên về tham gia sinh hoạt ở nơi cư trú, chỉ thị về lãnh đạo tổ chức và hoạt động các Ban Thanh tra nhân dân ở cơ sở, chỉ thị về diễn tập khu vực phòng thủ, lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quân sự quốc phòng, công tác kiểm sát... để giải quyết những vấn đề cụ thể về công tác tổ chức, xây dựng Đảng, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh - quốc phòng, đã mang lại hiệu quả thiết thực.

1. Về kinh tế

Quán triệt sâu sắc quan điểm lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm, Ban Chấp hành Đảng bộ đã bám sát vào Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, Nghị quyết 06-NQ/TW của Bộ Chính trị được cụ thể

hóa bằng Nghị quyết 01-NQ/TU về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và các nghị quyết chuyên đề, các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế hằng năm, tập trung chỉ đạo khai thác tiềm năng thế mạnh trên các lĩnh vực nông - lâm nghiệp - công nghiệp - thương mại du lịch... đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 5,3%/năm, giá trị sản xuất toàn ngành nông nghiệp tăng 8,11%, tổng sản lượng lương thực quy thóc năm 2000 đạt 175 ngàn tấn vượt chỉ tiêu Đại hội XI đề ra 10,9%, giá trị sản xuất công nghiệp và xây dựng tăng bình quân 9,37%/ năm, thương mại du lịch - dịch vụ tăng 9,19%/ năm, triển khai có hiệu quả Luật ngân sách và chính sách thuế mới, thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân 18%/năm. Cơ cấu kinh tế đã và đang chuyển dịch theo hướng khai thác lợi thế, đạt và vượt 12/15 mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội do Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XI đề ra. Năng lực sản xuất tiếp tục được giải phóng và phát huy hiệu quả, kết cấu hạ tầng tiếp tục được đầu tư xây dựng, nâng cấp.

Nền kinh tế nhiều thành phần được phát triển đúng hướng trên khắp các lĩnh vực sản xuất kinh doanh. Thực hiện chuyển đổi hợp tác xã theo luật bước đầu có hiệu quả, kinh tế tư nhân phát triển mạnh. Đã khơi dậy nhiều nguồn lực làm cho sản xuất kinh doanh phát triển mạnh, toàn diện hơn. Đời sống nhân dân ổn định và được nâng lên một bước khá rõ nhất là các vùng đô thị, ven đường quốc lộ, vùng kinh tế tập trung. Các điển hình làm kinh tế giỏi của các hộ gia đình ngày càng được mở rộng khắp các vùng, số hộ giàu tăng, hộ nghèo giảm, mục tiêu giảm hộ đói nghèo vượt chỉ tiêu Đại hội XI đề ra 0,55%/năm.

2. Về văn hóa - xã hội

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, Nghị quyết 05-NQ/TW, bằng các chương trình hành động cụ thể, Ban Chấp hành đã tập trung lãnh đạo đẩy mạnh các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa văn nghệ - thể dục - thể thao, từng bước nâng cao dân trí, chăm sóc sức khỏe, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân.

Công tác giáo dục - đào tạo phát triển cả về số và chất lượng, tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường đạt 90%, vượt chỉ tiêu Đại hội XI đề ra 20%, đã xóa bỏ xã trắng về giáo dục, toàn tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ tháng 5-2000 (vượt mục tiêu đề ra 3 năm). Hoạt động khoa học - công nghệ có tiến bộ, đã hướng vào phục vụ sản xuất phát triển, nhất là lĩnh vực nông, lâm nghiệp. Công nghệ thông tin đang được triển khai ứng dụng ở nhiều nơi, việc bảo vệ môi trường sinh thái được thường xuyên quan tâm.

- Chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám chữa bệnh được nâng lên. Thực hiện tốt chương trình quốc gia về tiêm chủng, phòng, chống dịch bệnh, bảo hiểm y tế. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đạt mức 2,1%, vượt 1,02% so với mục tiêu Đại hội XI đề ra.

- Hoạt động văn hóa - văn nghệ - thể dục thể thao phát triển, nội dung và hình thức đa dạng phong phú, có tác dụng thiết thực nâng cao đời sống tinh thần, khơi dậy truyền thống văn hóa vui tươi lành mạnh, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Công tác đào tạo nghề, tạo việc làm, phong trào đền ơn đáp nghĩa, cứu trợ nhân đạo, chăm sóc các đối tượng chính sách, Bà mẹ Việt Nam anh hùng... được tổ chức thực hiện; khơi dậy truyền thống đoàn kết tương thân tương ái, lòng nhân đạo trong cộng đồng, truyền thống uống nước nhớ nguồn.

3. Ổn định chính trị an ninh quốc phòng và mở rộng quan hệ đối ngoại

Đã thường xuyên nắm bắt diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên, nhân dân, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh, tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong toàn Đảng bộ, quân và dân các dân tộc. Làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, chống âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, thực hiện tốt đường lối đối ngoại rộng mở, giữ vững nguyên tắc đối ngoại của Đảng, quan hệ hợp tác hữu nghị, bình đẳng, cùng có lợi với tỉnh Vân Nam - Trung Quốc. Đề cao cảnh giác cách mạng, xây dựng lực lượng vũ trang nhân

dân và an ninh nhân dân vững mạnh làm nòng cốt trong việc bảo vệ độc lập, chủ quyền biên giới quốc gia, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ Đảng, chính quyền và nhân dân.

4. Lãnh đạo công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

Quan triệť quan điểť lấy phát triển kinh tế là trọng tâm, công tác xây dựng Đảng là then chốt, củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội là quan trọng, Ban Chấp hành đã thường xuyên quan tâm làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong toàn Đảng bộ, nâng cao nhận thức đúng đắn về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

Đã và đang chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) về xây dựng và chỉnh đốn Đảng gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, mang lại hiệu quả thiết thực, nâng cao nhận thức chính trị tư tưởng của cán bộ, đảng viên, nâng cao trách nhiệm của từng cá nhân, từng ngành từng cấp, hạn chế suy thoái trong Đảng bộ và củng cố niềm tin trong nhân dân vào Đảng, chính quyền, xây dựng và củng cố tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể vững mạnh. Đã giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thực hiện dân chủ trong Đảng và lãnh đạo thực hiện dân chủ trong xã hội, phát huy trí tuệ và sức mạnh của tập thể.

- Trong nhiệm kỳ qua, Ban Chấp hành đã chỉ đạo trọng tâm hướng về cơ sở, cụ thể hóa bằng Nghị quyết 08-NQ/TU về củng cố cơ sở chính trị xã, phường vững mạnh nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, quản lý điều hành của chính quyền. Các tổ chức cơ sở đảng đã từng bước được củng cố, vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng được nâng lên rõ rệt. Số tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh năm 2000 tăng 20 lần, số đảng viên yếu kém giảm 50% so với năm 1995. Chất lượng đảng viên cũng được nâng lên, qua phân tích, đảng viên loại 1 đạt trên 84%, số đảng viên yếu kém giảm xuống còn 1%.

Công tác phát triển Đảng có nhiều tiến bộ số lượng, chất lượng, tuổi trẻ, nữ, dân tộc giai cấp công nhân được nâng lên rõ rệt, 5 năm kết nạp được 4.495 đảng viên. Số thôn bản trắng không có đảng viên giảm từ 413 năm 1995 còn 202 năm 2000.

Ban Chấp hành đã lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII) về sắp xếp lại tổ chức bộ máy, cán bộ. Đã giải thể và sát nhập 3 ban Đảng, đã và đang tiến hành sắp xếp lại tổ chức bộ máy các cơ quan, ngành Khối Nhà nước theo quy định của Trung ương. Đã thực hiện đề bạt cán bộ đúng quy trình, quy hoạch, thường xuyên quan tâm đào tạo bồi dưỡng cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của tỉnh.

- Công tác kiểm tra việc chấp hành nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt Đảng, kiểm tra việc giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên và xử lý kỷ luật Đảng có nhiều tiến bộ, các lần kiểm tra đều có kết luận rõ ràng, xử lý công minh có tác dụng ngăn ngừa, giáo dục tốt.

- Đã lãnh đạo thực hiện thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp đúng luật định. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) về phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày càng trong sạch, vững mạnh, chính quyền các cấp được củng cố thêm một bước, năng lực quản lý điều hành có chuyển biến tích cực. Chất lượng ban hành văn bản pháp quy và tổ chức thực thi được nâng lên, công tác triển khai, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở bảo đảm nghiêm túc. Số đơn vị chính quyền cơ sở đạt trong sạch, vững mạnh và khá tăng từ 137 năm 1995 lên 168 năm 2000, số yếu kém giảm từ 43 đơn vị năm 1995 còn 12 năm 2000.

- Đã từng bước củng cố, kiện toàn Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động tạo ra những chuyển biến tích cực trong công tác vận động quần chúng. Kết quả thực hiện Nghị quyết 8B của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VI) và các phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu

dân cư, xây dựng gia đình văn hóa, phụ nữ tiết kiệm, giúp nhau làm kinh tế, thanh niên lập nghiệp, tuổi trẻ giữ nước do các tổ chức đoàn thể phát động đã tập hợp được đông đảo quần chúng, hội viên, đoàn viên tham gia góp phần ổn định chính trị - xã hội, phát triển kinh tế, củng cố được niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

II. KIỂM ĐIỂM VỀ PHẨM CHẤT CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG VÀ NĂNG LỰC CỦA BAN CHẤP HÀNH

- Các đồng chí trong Ban Chấp hành đã tỏ rõ bản lĩnh chính trị vững vàng, quan điểm lập trường giai cấp rõ ràng, không mơ hồ dao động trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, khu vực, trong nước. Các đồng chí đều có nhận thức đúng đắn về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định đi theo con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, tạo được sự nhất trí cao về ý chí và hành động.

- Đã giữ gìn và phát huy tốt phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh, trung thực giản dị, không lợi dụng chức quyền để vụ lợi cá nhân, luôn gắn bó với nhân dân, tận tụy với công việc. Luôn nêu cao vai trò trách nhiệm tiên phong trong công tác, gương mẫu và nghiêm túc thực hiện có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của Đảng bộ tỉnh. Các đồng chí đều thể hiện rõ là những cán bộ, đảng viên có ý thức tổ chức kỷ luật cao, thường xuyên chăm lo vì lợi ích tập thể, không tham ô lãng phí, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, đoàn kết thống nhất nội bộ, khắc phục mọi khó khăn thử thách từng bước trưởng thành trong cơ chế mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Đại đa số các đồng chí trong Ban Chấp hành đều có ý thức không ngừng phấn đấu tự học, tự rèn luyện nâng cao nhận thức và trình độ, kinh nghiệm thực tiễn. Nhiều đồng chí đã và đang học bằng đại học thứ hai, ngoại ngữ, vi tính. Nhìn chung, các đồng chí trong Ban Chấp hành đã thể hiện khá rõ năng lực lãnh đạo, chỉ đạo điều hành thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ được phân công trên từng lĩnh vực công

tác, tạo nên sức mạnh lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

Đặc biệt qua đợt thực hiện tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) thì các ưu điểm càng được phát huy, các khuyết điểm tồn tại đã được khắc phục một bước, làm cho năng lực lãnh đạo điều hành của Ban Chấp hành được nâng lên, nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo Đảng bộ.

III. ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Ban Chấp hành đã duy trì đều các hội nghị định kỳ (25 kỳ), thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, giữ vững tổ chức kỷ luật, thực hiện tập thể lãnh đạo, phân công cá nhân phụ trách từng lĩnh vực công tác, có nhiều tiến bộ về thực hiện dân chủ trong Đảng và lãnh đạo thực hiện dân chủ trong xã hội. Đã ban hành Quyết định 144-QĐ/TU về phân cấp quản lý tổ chức và cán bộ, xây dựng quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, chương trình công tác toàn khóa và nội dung từng kỳ họp Ban Chấp hành; sắp xếp chương trình, kế hoạch công tác tháng, quý, năm; quy định quy trình cụ thể chuẩn bị và ban hành các chỉ thị, nghị quyết, quyết định đúng thể thức, bảo đảm chất lượng nội dung.

Hội nghị Ban Chấp hành 3 tháng/lần, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp thường kỳ 1 tháng/lần đều được chuẩn bị nội dung cụ thể theo chuyên đề trên cơ sở thực hiện chương trình công tác toàn khóa, bàn các giải pháp tích cực để thực hiện có hiệu quả từng nội dung công tác. Trong lãnh đạo, chỉ đạo có xác định công tác trọng tâm, trọng điểm; tùy từng lĩnh vực công tác có sự chỉ đạo điểm, đúc kết kinh nghiệm để nhân diện. Các nghị quyết ban hành đều được xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện.

Thường trực Tỉnh ủy chủ trì giao ban Thường trực 3 bên hàng tuần, giao ban 3 tháng/lần đối với các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc

và các ban Đảng, giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh, kịp thời chỉ đạo các Đảng bộ trực thuộc thực hiện các nhiệm vụ trên từng lĩnh vực công tác nhằm thực hiện có hiệu quả nghị quyết của Ban Chấp hành đề ra. Tổ chức các cuộc tọa đàm, hội thảo, tham khảo ý kiến đối với các Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn, ngành có liên quan chuẩn bị ra các nghị quyết, quyết định xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, công tác an ninh - quốc phòng...

Công tác thông tin, thông báo tình hình hằng tháng, quý, năm được thực hiện thường xuyên đến các đồng chí trong Ban Chấp hành và cơ sở, việc nghiên cứu học tập các điển hình tiên tiến, nghiên cứu một số mô hình tổ chức bộ máy, mô hình kinh tế trong, ngoài tỉnh và ở nước ngoài được tổ chức thực hiện.

Ban Chấp hành đã quan tâm chỉ đạo khắc phục bệnh quan liêu, hành chính, tập trung bám và nắm tình hình cơ sở, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh từ cơ sở, đã mang lại hiệu quả thiết thực, nắm được tâm tư nguyện vọng của nhân dân, hạn chế được những diễn biến phát sinh từ cơ sở, thường xuyên ổn định tình hình.

Đã phát huy được sức mạnh của cả hệ thống chính trị, thực hiện tốt cơ chế: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý điều hành, nhân dân làm chủ, thực hiện.

Đã lãnh đạo làm tốt công tác kiểm tra thực hiện Điều lệ Đảng, sinh hoạt của tổ chức đảng và đảng viên, kiểm tra việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, kiểm tra thực hiện chính sách pháp luật của Nhà nước, kiểm tra tài chính Đảng... Trong nhiệm kỳ qua, đã thực hiện tốt chương trình kiểm tra toàn khóa, trong đó đã tiến hành kiểm tra toàn diện 3 đảng bộ huyện, Đảng bộ Công an và Đảng bộ Công ty Apatit Việt Nam, có tác dụng giúp các cấp ủy và đảng viên nâng cao về nhận thức, tinh thần trách nhiệm trong công tác lãnh đạo, thiết thực đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống.

Những tồn tại yếu kém:

- Công tác chỉ đạo, điều hành có lúc, có việc còn chưa thật triệt để, nhất là việc cụ thể hóa các nghị quyết chuyên đề. Nền kinh tế của

tỉnh tuy có tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước nhưng chưa thật vững chắc, còn có yếu tố chưa ổn định. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm, chưa cân đối, tiềm năng thế mạnh của địa phương đã được đầu tư khai thác nhưng hiệu quả chưa cao, 2/14 chỉ tiêu mục tiêu do Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XI đề ra chưa đạt (như tăng trưởng GDP, thu ngân sách địa phương)

- Hiệu quả một số dự án đầu tư còn thấp.
- Công tác quy hoạch, đào tạo, sử dụng cán bộ còn chưa đồng bộ, cán bộ nữ, cán bộ dân tộc còn thiếu hụt, luân chuyển cán bộ còn chậm.
- Việc phê phán các quan điểm sai trái, các luận điệu tuyên truyền mang tính xuyên tạc, thù địch, tuyên truyền chống tiêu cực, tai tệ nạn xã hội... chưa sắc bén, chưa có phương pháp đấu tranh, phê phán phù hợp để đạt hiệu quả cao.
- Một số đồng chí trong Ban Chấp hành nắm dân, nắm cơ sở có lúc, có nơi chưa chắc, còn biểu hiện quan liêu dẫn đến việc nắm thông tin, xử lý các vấn đề phát sinh từ cơ sở chưa kịp thời để một số phần tử xấu lợi dụng tôn giáo, lôi kéo quần chúng, tuyên truyền đạo trái phép.
- Một số địa phương chưa giải quyết tốt việc khiếu kiện của dân nên để khiếu kiện kéo dài, phức tạp.

IV. NGUYÊN NHÂN CỦA KẾT QUẢ VÀ TỒN TẠI

1. Nguyên nhân của những kết quả

Về khách quan:

Là một tỉnh vùng cao, biên giới, được sự quan tâm chỉ đạo của Trung ương Đảng, sự giúp đỡ tích cực có hiệu quả của các bộ, ngành Trung ương trong việc đầu tư vốn, khoa học - kỹ thuật, công nghệ... đồng thời với những nhân tố tích cực thúc đẩy của cơ chế mới, sự quan hệ đa dạng đa phương trong nước và quốc tế.

Về chủ quan:

- Ban Chấp hành Đảng bộ đã vận dụng đúng đắn, sáng tạo đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước vào điều kiện thực tế ở địa phương,

xác định được mục tiêu trọng tâm, giải pháp thực hiện đúng, bước đi thích hợp. Củng cố lòng tin, tập hợp được đông đảo quần chúng nhân dân ủng hộ, tạo được sức mạnh tổng hợp để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ đã đề ra.

Đã thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy dân chủ trong Ban Chấp hành, thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong nhân dân; phát huy được truyền thống đoàn kết nhất trí, bản chất cách mạng kiên cường, tinh thần lao động cần cù sáng tạo của quân và dân các dân tộc trong tỉnh.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo, thực hiện đúng quy chế, chương trình làm việc, phân công trách nhiệm rõ ràng. Bám sát cơ sở, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh biểu dương người tốt việc tốt, ngăn chặn kịp thời các biểu hiện tiêu cực.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, kiểm tra của cấp trên đối với cấp dưới, kịp thời uốn nắn những sai sót, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động, trong quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị.

2. Nguyên nhân yếu kém

Về khách quan:

Nền kinh tế của tỉnh ở mức xuất phát điểm thấp, phát triển chưa vững chắc, lại bị ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính kinh tế khu vực và những diễn biến phức tạp của thời tiết khí hậu khắc nghiệt.

Về chủ quan:

- Một số chỉ tiêu đề ra cao, chưa phù hợp, chưa dự báo sát diễn biến tình hình thực tế, nên kết quả không đạt mục tiêu phấn đấu (3/15).

- Việc tổ chức chỉ đạo thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và địa phương ở một số nơi, một số lĩnh vực chưa tốt, vẫn còn tư tưởng ỷ lại trông chờ.

- Thiếu các giải pháp và cơ chế đồng bộ trong quá tổ chức thực

hiện, nên chưa huy động được các nguồn lực khai thác tiềm năng thế mạnh của các thành phần kinh tế tiềm năng sẵn có của địa phương, nhất là kinh tế đối ngoại.

- Công tác tổng kết thực tiễn nhân điển hình tiên tiến chưa mạnh. Trình độ quản lý nhà nước đặc biệt là năng lực lãnh đạo, quản lý kinh tế của một số đồng chí trong Ban Chấp hành chưa ngang tầm với công cuộc đổi mới, năng lực hoạt động thực tiễn còn hạn chế.

Đánh giá chung: Nhiệm kỳ qua, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã có nhiều cố gắng, trong lãnh đạo chỉ đạo, đã giữ vững và thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện lãnh đạo toàn diện. Đã đoàn kết thống nhất và phát huy được trí tuệ tập thể, nâng cao được trách nhiệm của từng cá nhân. Đa số các đồng chí đã gương mẫu trong công tác và cuộc sống; phát huy được những ưu điểm, khắc phục tồn tại yếu kém và những khó khăn thử thách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trên từng lĩnh vực công tác. Ban Chấp hành đã lãnh đạo, chỉ đạo toàn Đảng bộ vận dụng sáng tạo, phù hợp những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào tình hình thực tế địa phương, bảo đảm đúng đường lối, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII đã cơ bản hoàn thành và vượt mức các mục tiêu do Nghị quyết Đại hội XI của Đảng bộ tỉnh đề ra; kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển, an ninh - biên giới và trật tự, an toàn xã hội được giữ vững ổn định, đời sống nhân dân được nâng lên một bước, niềm tin của nhân dân các dân tộc đối với Đảng được củng cố.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

**BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỬ**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 108-QĐ/TU, ngày 3-5-2001

Về việc kiện toàn Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ

- Căn cứ Chỉ thị số 79-CT/TW, ngày 30-6-1964 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác Bảo vệ sức khỏe của cán bộ;
- Căn cứ nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Thông báo số 46-TB/TU, ngày 27-3-2001;
- Xét đề nghị của đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Kiện toàn lại Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh gồm các đồng chí có tên sau:

1- Đồng chí Nguyễn Đình Vững, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Trưởng ban.

2- Đồng chí Lý Hán Minh, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Y tế, Phó Trưởng ban Thường trực.

3- Đồng chí Trần Nguyên, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy viên.

4- Đồng chí Hoàng Văn Chinh, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Tài chính, Ủy viên.

5- Đồng chí Hoàng Phú Khèn, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy viên.

6- Đồng chí Sần Cháng, Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin - Thể thao, Ủy viên.

7- Đồng chí Nguyễn Hữu Thế, Quyền Trưởng ban Tổ chức chính quyền tỉnh, Ủy viên.

8- Đồng chí Bùi Thị Kim Dung, Phó Giám đốc Sở Y tế, Ủy viên.

9- Đồng chí Đỗ Thị Thìn, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh, Ủy viên.

10- Đồng chí Trần Văn Lai, Giám đốc Bệnh viện Đa khoa số I tỉnh, Ủy viên.

11- Đồng chí Nguyễn Quý Thắng, Trưởng phòng Quản lý sức khỏe cán bộ, Ủy viên.

Điều 2: Nhiệm vụ của Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ thực hiện theo Thông báo số 03/TB, ngày 10-5-1992 của Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh.

- Nhiệm vụ cụ thể của từng đồng chí do Trưởng ban phân công.

Điều 3: Các đồng chí Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, các ngành hữu quan và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết định thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỬ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 110-QĐ/TU, ngày 3-5-2001

**Về việc ban hành quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra
Tỉnh ủy Lào Cai khóa XII (nhiệm kỳ 2000 - 2005)**

- Căn cứ vào Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ vào quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa XII, nhiệm kỳ 2000 - 2005 và hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về xây dựng quy chế làm việc cho Ủy ban Kiểm tra cấp tỉnh, thành và tương đương,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Nay ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy chế làm việc của Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy Lào Cai khóa XII, nhiệm kỳ 2000 - 2005.

Điều 2: Các đồng chí Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỬ**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUY CHẾ

Làm việc của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2000-2005

*(Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 110-QĐ/TU,
ngày 3-5-2001)*

Chương I

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TỈNH ỦY

Điều 1: Ủy ban Kiểm tra do Ban Chấp hành bầu theo quy định của Điều lệ Đảng, hướng dẫn của cấp trên và được Bộ Chính trị phê duyệt.

Điều 2: Nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm tra do Điều lệ Đảng quy định. Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII và chương trình hoạt động toàn khóa của Ban Chấp hành Tỉnh ủy để xây dựng chương trình kiểm tra toàn khóa.

Điều 3: Nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên trong Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy:

a) Chủ tịch Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy lãnh đạo chung công việc của Ủy ban kiểm tra. Thực hiện nhiệm vụ cấp ủy giao, chủ trì các cuộc họp của Ủy ban, trực tiếp lãnh đạo công tác kiểm tra theo chương trình kiểm tra toàn khóa và kế hoạch kiểm tra hằng năm của Ủy ban Kiểm tra.

Tham mưu việc thực hiện chương trình kiểm tra toàn khóa của Ban Chấp hành.

b) Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra trực tiếp theo dõi một số đảng bộ. Giúp Chủ nhiệm điều hành chương trình kế hoạch, tổ chức thực hiện các quyết định của Ủy ban Kiểm tra, thực hiện một số công việc do Chủ nhiệm giao. Điều hành Ủy ban kiểm tra khi Chủ nhiệm đi vắng. Cùng Chủ nhiệm chuẩn bị nội dung các kỳ họp của Ủy ban Kiểm tra.

c) Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra trực tiếp theo dõi một số đảng

bộ: giúp Chủ nhiệm tổ chức chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra được phân công. Cùng Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Thường trực chuẩn bị nội dung các kỳ họp của Ủy ban.

Điều hành công việc của Ủy ban Kiểm tra khi Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm Thường trực đi vắng.

d) Các ủy viên chuyên trách chịu trách nhiệm theo dõi một số Đảng bộ. Chỉ đạo thực hiện các cuộc kiểm tra. Có kế hoạch và chủ động thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban Kiểm tra phân công. Qua thực hiện nhiệm vụ, báo cáo đề xuất với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, với Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Tỉnh ủy những vấn đề cần thiết về công tác kiểm tra và công tác xây dựng Đảng.

Các ủy viên Ủy ban Kiểm tra kiêm chức: Theo chức năng của ngành, có nhiệm vụ chủ động phối kết hợp trong công tác kiểm tra của Đảng với công tác thanh tra và công tác tổ chức cán bộ.

3. Các ủy viên Ủy ban Kiểm tra được dự các kỳ họp của Ban Thường vụ khi có nội dung liên quan đến công tác kiểm tra. Các đồng chí ủy viên Ủy ban Kiểm tra chưa phải là ủy viên Ban Chấp hành được dự các cuộc họp Ban Chấp hành khi bàn công việc có liên quan đến công tác kiểm tra và Ban Chấp hành mở rộng.

Chương II

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TỈNH ỦY

Điều 4: Chế độ hội nghị

Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy làm việc theo chế độ tập thể dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành, trực tiếp là Ban Thường vụ Tỉnh ủy và sự chỉ đạo kiểm tra của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Mỗi quý Ủy ban Kiểm tra họp một lần, khi cần thiết có thể họp bất thường. Các kết luận kiểm tra và các quyết định thi hành kỷ luật Đảng đều phải đưa ra Ủy ban Kiểm tra thống nhất kết luận.

Nội dung kết luận của cuộc họp được quyết định theo đa số.

Điều 5: Chế độ báo cáo.

Mối liên hệ giữa Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy với Ủy ban Kiểm tra cấp dưới trực tiếp.

Hàng quý tổ chức giao ban giữa Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy với Ủy ban Kiểm tra cấp dưới 1 lần, sơ kết 6 tháng và tổng kết năm.

Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy thực hiện chế độ báo cáo định kỳ với Tỉnh ủy và Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Điều 6: Ủy ban Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ kiểm tra theo thẩm quyền quy định. Đối với cán bộ thuộc Tỉnh ủy quản lý, Ủy ban Kiểm tra phải chuẩn bị hồ sơ, nội dung báo cáo trình Ban Thường vụ trước khi trình ra Ban Chấp hành. Sau khi các vụ kỷ luật đã được quyết định, Ủy ban Kiểm tra có trách nhiệm công bố quyết định cho đảng viên và tổ chức đảng bị thi hành kỷ luật để thực hiện, đồng thời theo dõi, đôn đốc việc thi hành quyết định đó.

Việc xem xét kết luận giải quyết đơn thư tố cáo đối với đảng viên thuộc diện Trung ương quản lý phải báo cáo với Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Chương III

MỐI QUAN HỆ GIỮA ỦY BAN KIỂM TRA VỚI CÁC BAN XÂY DỰNG ĐẢNG, ĐẢNG ĐOÀN, BAN CÁN SỰ VÀ CÁC ĐẢNG BỘ TRỰC THUỘC TỈNH ỦY

Điều 7: Quan hệ công tác giữa Ủy ban Kiểm tra với các ban Đảng của Tỉnh ủy:

- Ủy ban Kiểm tra phối hợp chặt chẽ với các ban xây dựng Đảng, Văn phòng cấp ủy để làm tốt công tác xây dựng Đảng.

- Ủy ban Kiểm tra tham gia vào việc chuẩn bị nhân sự đối với diện thuộc Tỉnh ủy quản lý.

- Giữ mối liên hệ thường xuyên với Văn phòng Tỉnh ủy để phục vụ sự lãnh đạo của cấp ủy. Văn phòng Tỉnh ủy có trách nhiệm báo cáo tài chính định kỳ về Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy theo quy định của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Điều 8: Quan hệ công tác giữa Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy với các tổ chức đảng, Ban cán sự, Đảng đoàn và đảng viên là thủ trưởng các cơ quan Nhà nước, đoàn thể nhân dân:

Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy phối hợp với các tổ chức đảng, Ban cán sự, Đảng đoàn và đảng viên là thủ trưởng các cơ quan Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội, các đoàn thể nhân dân để giải quyết những trường hợp đảng viên thuộc diện Ban Thường vụ hoặc Tỉnh ủy quản lý vi phạm Điều lệ Đảng và những quy định của Nhà nước.

Điều 9: Quan hệ công tác giữa Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy với các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy:

a) Ủy ban Kiểm tra có nhiệm vụ hướng dẫn cấp ủy cấp dưới trực tiếp xây dựng chương trình kiểm tra toàn khóa của cấp ủy và chương trình kiểm tra của Ủy ban Kiểm tra. Hướng dẫn việc thực hiện quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ kiểm tra.

b) Các báo cáo của cấp ủy cấp dưới trực tiếp có liên quan đến công tác kiểm tra phải đồng gửi Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy. Định kỳ báo cáo công tác tài chính Đảng với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và Văn phòng Tỉnh ủy.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10: Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy căn cứ vào nhiệm vụ do Điều lệ Đảng quy định, căn cứ vào quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và quy chế này để thực hiện nhiệm vụ công tác, xây dựng các quy định cụ thể về lề lối làm việc của cơ quan Ủy ban Kiểm tra nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ của Điều lệ Đảng quy định và nhiệm vụ cấp ủy giao.

Điều 11: Các Đảng bộ trực thuộc, Ban cán sự, Đảng đoàn căn cứ vào nội dung quy chế này để xây dựng và ban hành quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra cấp mình cho phù hợp.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 111-QĐ/TU, ngày 3-5-2001

**Ban hành quy chế làm việc
của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai
(khóa XII, nhiệm kỳ 2001-2005)**

- Căn cứ vào Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa XII;
- Căn cứ Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh họp ngày 29-3-2001,

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai, khóa XII, nhiệm kỳ 2000-2005.

Điều 2: Giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Văn phòng Tỉnh ủy theo dõi việc thực hiện quy chế này trong Đảng bộ tỉnh.

Điều 3: Văn phòng Tỉnh ủy, các ban xây dựng Đảng của Tỉnh ủy, Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, huyện, thị ủy, đảng ủy và các cơ quan trực thuộc tỉnh có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Quyết định ban hành quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI (KHÓA XII, NHIỆM KỲ 2000-2005)

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Hướng dẫn của Bộ Chính trị, Ban Tổ chức Trung ương;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa XII,

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành quy chế làm việc cụ thể như sau:

Chương I **TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA TẬP THỂ**

Điều 1: BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (gọi tắt là Tỉnh ủy) là cơ quan lãnh đạo của Đảng bộ giữa hai kỳ đại hội, hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, có nhiệm vụ lãnh đạo toàn diện các mặt công tác của Đảng bộ.

- Chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, lãnh đạo Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Lào Cai thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, các nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và pháp luật Nhà nước.

- Căn cứ nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và tình hình thực tế của địa phương để đề ra mục tiêu,

những giải pháp lớn và có nghị quyết chuyên đề về phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh, quốc phòng, công tác xây dựng Đảng và củng cố hệ thống chính trị.

- Quyết định phương hướng, giải pháp cụ thể hóa các nghị quyết chuyên đề của Trung ương làm cơ sở cho các cấp ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân triển khai thực hiện.

- Định kỳ 6 tháng, 1 năm nghe Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả cũng như phương hướng nhiệm vụ trọng tâm về các mục tiêu kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng.

- Hằng năm nghe báo cáo công tác tài chính của Đảng bộ.

- Chuẩn bị nội dung nhân sự và quyết định triệu tập Đại hội Đảng bộ tỉnh và hội nghị giữa nhiệm kỳ của Đảng bộ tỉnh (nếu có).

- Quyết định những vấn đề quan trọng, đột xuất khác.

Điều 2: BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo mọi hoạt động của Đảng bộ giữa hai kỳ hội nghị của Tỉnh ủy.

- Cụ thể hóa và có kế hoạch tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng, nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nghị quyết của Tỉnh ủy, lãnh đạo kiểm tra toàn diện các mặt công tác của Đảng ở địa phương.

- Căn cứ vào nghị quyết Trung ương và Tỉnh ủy, thảo luận và quyết định những nhiệm vụ chủ trương, biện pháp lớn trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, công tác xây dựng Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và các mặt công tác quan trọng khác.

- Xem xét quyết định chủ trương, các biện pháp xây dựng tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị; bảo đảm trong sạch, nâng cao hiệu quả hoạt động; nghị quyết về thành lập mới, sáp nhập hoặc giải thể các ban của Tỉnh ủy, các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng và đoàn thể nhân dân cấp tỉnh; các sở, ban, ngành trực thuộc tỉnh và doanh nghiệp nhà nước của tỉnh (trên cơ sở hướng dẫn của Trung ương).

- Xét: Công nhận các đảng bộ trực thuộc đạt trong sạch, vững mạnh; đề nghị tặng cờ thi đua của Chính phủ; tặng cờ đơn vị đạt

thành tích toàn diện; đề nghị Trung ương phong tặng các danh hiệu cao quý và huân chương.

- Phân công nhiệm vụ cho các tỉnh ủy viên; giới thiệu ứng cử đối với các chức vụ bầu cử trong hệ thống chính trị cấp tỉnh; chỉ định bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, ủy viên Ban Thường vụ, bí thư, phó bí thư (khi cần thiết) đối với các đảng bộ trực thuộc, Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, luân chuyển, kỷ luật, cho nghỉ hưu đối với các chức danh cán bộ thuộc Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý theo phân cấp; chuẩn y Ban Chấp hành, bí thư, phó bí thư, ủy viên thường vụ, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, ủy viên Ủy ban Kiểm tra các đảng bộ trực thuộc.

- Đề nghị Bộ Chính trị và Ban Bí thư Trung ương Đảng:

+ Chỉ định bổ sung Tỉnh ủy viên; bầu bổ sung Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy viên Ban Kiểm tra Tỉnh ủy; phê chuẩn lương theo chức vụ.

+ Chuẩn y việc phân công công tác đối với các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

+ Nhận xét đánh giá bổ nhiệm, miễn nhiệm... các chức danh cán bộ của tỉnh thuộc quyền quản lý của Trung ương.

- Nghe các báo cáo về: Dự án đầu tư lớn, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh; báo cáo kế hoạch bố trí vốn xây dựng cơ bản hàng năm của tỉnh; việc tổ chức chỉ đạo các chương trình công tác toàn khóa Ban Chấp hành đã thông qua.

- Ban hành phân cấp quản lý tổ chức và cán bộ để xác định rõ thẩm quyền quản lý tổ chức và cán bộ cho các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, các sở, ban, ngành tỉnh, cấp ủy trực thuộc và doanh nghiệp nhà nước.

- Chủ động tham gia với Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng các cơ quan Trung ương đối với cán bộ lãnh đạo ngành dọc công tác tại địa phương; tham gia với Đảng ủy Quân khu 2, Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, Đảng ủy Bộ Tư lệnh Biên phòng về đánh giá, nhận xét bố trí Chỉ huy trưởng, Phó chỉ huy trưởng Bộ

chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ chỉ huy Biên phòng tỉnh, Giám đốc, Phó Giám đốc Công an tỉnh.

- Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra các đảng bộ trực thuộc trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra các tổ chức đảng và đảng viên chấp hành chỉ thị, nghị quyết, Điều lệ của Đảng, pháp luật Nhà nước. Nắm vững tình hình chính trị, tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Lãnh đạo, chỉ đạo cơ quan chức năng tham mưu giúp Ban Thường vụ quản lý, kiểm tra, kiểm soát các phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn; lãnh đạo chỉ đạo công tác dân vận trong Đảng bộ, với phương châm sát cơ sở, gần dân nắm vững tâm tư nguyện vọng của cán bộ và quần chúng nhân dân kịp thời có chủ trương, biện pháp giải quyết sát đúng. Tạo lòng tin của cán bộ và nhân dân đối với Đảng, Nhà nước.

- Những vấn đề cấp bách cần phải giải quyết ngay không kịp họp Tỉnh ủy thì tập thể Ban Thường vụ quyết định sau đó báo cáo với Tỉnh ủy trong cuộc họp gần nhất.

- Chuẩn bị nội dung và triệu tập các hội nghị của Tỉnh ủy, báo cáo các mặt công tác theo định kỳ hoặc đột xuất với Bộ Chính trị và Ban Bí thư Trung ương Đảng, các cơ quan Trung ương và Quân khu 2.

- Tham gia đề xuất với Trung ương Đảng, Chính phủ những vấn đề về chủ trương, cơ chế chính sách thuộc thẩm quyền của cấp trên khi có yêu cầu.

- Xét duyệt cử cán bộ dự nguồn và đương chức diện tỉnh quản lý đi học dài hạn và đi công tác ở nước ngoài từ 3 tháng trở lên.

Điều 3: THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY (Bí thư và các Phó Bí thư).

- Giúp Ban Thường vụ giải quyết công việc hằng ngày của cấp ủy.
- Có định hướng và chỉ đạo cơ quan tham mưu chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc để trình Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.
- Giải quyết công việc được Ban Thường vụ ủy quyền.
- Triệu tập các kỳ họp của Ban Thường vụ, Tỉnh ủy.
- Chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, của Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Hằng tuần tổ chức giao ban giữa Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh để nghe tổng hợp các hoạt động trong tỉnh, thống nhất hướng chỉ đạo giải quyết công việc trọng tâm trong tuần tới; bảo đảm phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị.

Những vấn đề mới nảy sinh hoặc do Trung ương quyết định, tùy theo yêu cầu mà tổ chức chỉ đạo hoặc báo cáo Ban Thường vụ, Tỉnh ủy để triển khai thực hiện.

- Chuẩn bị những vấn đề về công tác tổ chức, cán bộ, công tác xây dựng Đảng theo sự ủy quyền của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Xét duyệt cán bộ thuộc tỉnh quản lý đi học, đi công tác ở nước ngoài dưới 3 tháng.

Chương II

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁ NHÂN

Điều 4: CÁC ĐỒNG CHÍ ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH

- Thường xuyên nắm bắt thông tin toàn diện, phát huy năng lực trí tuệ để tham gia, xây dựng nghị quyết, biểu quyết các công việc của Tỉnh ủy.

- Ở cương vị được phân công, mỗi đồng chí cần chủ động, cụ thể hóa nghị quyết, chỉ thị của cấp trên; chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy trong việc quán triệt, vận dụng, thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, nghị quyết của Ban Thường vụ, Tỉnh ủy và cơ quan Nhà nước cấp trên trên địa bàn.

- Thường xuyên nắm chắc tình hình, phát hiện những vấn đề mới nảy sinh trong phạm vi công tác được phụ trách để báo cáo, đề xuất ý kiến, kiến nghị cách giải quyết với Tỉnh ủy, Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy. Khi cần, Tỉnh ủy hoặc Ban Thường vụ sẽ phân công phụ trách một số công việc như kiểm tra, nghiên cứu đề xuất hoặc chỉ đạo một số vấn đề cụ thể, kể cả việc chuẩn bị đề án cho các kỳ họp của Tỉnh ủy, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Các đồng chí Tỉnh ủy viên công tác ở lĩnh vực nào cũng phải cùng với cấp ủy cơ quan đơn vị làm tốt công tác xây dựng Đảng.

- Ngoài các quy định trên đây trong công tác hằng ngày các đồng chí Tỉnh ủy viên thực hiện theo chức trách cương vị công tác được giao. Chỉ dùng danh nghĩa thay mặt Ban Thường vụ hoặc Tỉnh ủy để giải quyết công việc khi được ủy nhiệm của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Khi có việc, cần đi khỏi địa bàn tỉnh phải báo cáo Thường trực Tỉnh ủy (thuộc Khối Đảng), Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh (thuộc Khối Nhà nước) cho ý kiến.

Điều 5: CÁC ĐỒNG CHÍ ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ

1. Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy

Chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị và Trung ương về mọi hoạt động của địa phương, là người chủ trì công việc của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy. Là trung tâm đoàn kết, điều hành các mối quan hệ về đối nội và đối ngoại.

- Nắm vững đường lối quan điểm của Đảng, các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng để quán triệt trong Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, lựa chọn những vấn đề trọng yếu về kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng và công tác xây dựng Đảng để chỉ đạo các cơ quan có trách nhiệm nghiên cứu đưa ra Tỉnh ủy hoặc Ban Thường vụ Tỉnh ủy thảo luận quyết định.

- Chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm ở các cấp các ngành, trực tiếp nắm những vấn đề cơ mật về quốc phòng, an ninh, công tác tổ chức, cán bộ, các ban xây dựng Đảng.

- Lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Nghị quyết của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh khóa XII.

- Chăm lo giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Thường trực, Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

- Chỉ đạo việc chuẩn bị nội dung các cuộc họp của Ban Thường vụ, Tỉnh ủy, chuẩn bị Đại hội đại biểu Đảng bộ, chủ trì và nâng cao chất

lượng các hội nghị của cấp ủy, phát huy trí tuệ của tập thể và mỗi cấp ủy viên tham gia vào công tác lãnh đạo chung.

- Chỉ đạo việc tổng kết các mặt công tác quan trọng của tỉnh, thay mặt Tỉnh ủy báo cáo với Trung ương, ký các nghị quyết, chỉ thị, quyết định và các văn bản khác của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy

- Giúp Bí thư chỉ đạo các ban xây dựng Đảng; phụ trách chỉ đạo Văn phòng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng, công tác ngân sách của cấp ủy.

- Theo dõi công tác nội chính.

- Giúp đồng chí Bí thư tổ chức quán triệt, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, của Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy ở các cấp, các ngành. Kịp thời phát hiện, đề xuất với đồng chí Bí thư và Ban Thường vụ Tỉnh ủy những vấn đề cần phát huy hoặc uốn nắn.

- Chỉ đạo các ngành có liên quan chuẩn bị nội dung các kỳ họp của Ban Thường vụ, của Tỉnh ủy. Xây dựng chương trình công tác của Ban Thường vụ, của Tỉnh ủy và điều hành công việc theo chương trình kế hoạch đó, chỉ đạo chuẩn bị nội dung báo cáo với các đoàn công tác của Trung ương đến làm việc ở tỉnh.

- Chỉ đạo Văn phòng cấp ủy tổng hợp các mặt công tác trong tỉnh, thống nhất với đồng chí Bí thư để xây dựng chương trình công tác trong từng thời gian.

- Chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện nghị quyết, quy chế, các chương trình công tác, chương trình hành động của Ban Chấp hành.

- Thường xuyên tổ chức tốt mối quan hệ công tác giữa Thường trực Tỉnh ủy với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng.

- Chỉ đạo tổ chức các hoạt động thông tin trong Tỉnh ủy, với cấp trên và cấp ủy cấp dưới.

- Giải quyết các công việc do đồng chí Bí thư phân công và ủy nhiệm khi đồng chí Bí thư đi vắng.

- Ký các văn bản sau khi có kết luận của Thường trực Tỉnh ủy, nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và ký các văn bản khác khi có sự ủy quyền của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy.

3. Đồng chí Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

- Chủ trì, cụ thể hóa, chỉ đạo điều hành toàn bộ công tác quy hoạch, kế hoạch nhà nước mà Tỉnh ủy, Ban Thường vụ có nghị quyết.

- Trực tiếp làm Bí thư Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, chịu trách nhiệm chỉ đạo điều hành các cơ quan hành chính nhà nước ở tỉnh cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Đảng; chấp hành hiến pháp và pháp luật, các văn bản của cơ quan Nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Chuẩn bị các đề án phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh trên địa bàn tỉnh để trình Ban Thường vụ và Tỉnh ủy.

- Kiểm tra, đôn đốc hệ thống bộ máy chính quyền các cấp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, chỉ đạo cải cách hành chính, xây dựng chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh toàn diện và nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Chủ động chỉ đạo kiện toàn về tổ chức và cán bộ Khối Nhà nước thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

- Chỉ đạo các ngành chức năng:

+ Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy thực hiện đúng quy trình đánh giá, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển cán bộ.

+ Cụ thể hóa các phương diện nhà nước khi có thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Thường xuyên phản ánh tình hình với đồng chí Bí thư và thông báo trong Thường trực Tỉnh ủy về các mặt hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

- Ký các văn bản của Tỉnh ủy khi đồng chí Bí thư và Phó Bí thư Thường trực đi vắng.

4. Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy

- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy được phân công trực tiếp làm Trưởng ban Đảng, Bí thư thị xã hoặc phụ trách khối thuộc lĩnh vực nhà nước, phụ trách huyện, thị và Đảng ủy trực

thuộc có trách nhiệm chỉ đạo đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, của tỉnh trong phạm vi được phân công báo cáo Thường trực, trình ra Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho chủ trương giải quyết những vấn đề nảy sinh nổi cộm trong lĩnh vực phụ trách.

- Mỗi đồng chí trong Ban Thường vụ có trách nhiệm tham gia đóng góp để Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện tốt chức năng lãnh đạo của mình; chịu trách nhiệm chính trong chỉ đạo vận dụng chủ trương, chính sách của Đảng, Tỉnh ủy; chăm lo công tác xây dựng Đảng, công tác cán bộ trong khối và đơn vị được phân công phụ trách hoặc phân công theo dõi.

Chương III

CÁC MỐI QUAN HỆ GIỮA TỈNH ỦY, BAN THƯỜNG VỤ VỚI CÁC BAN XÂY DỰNG ĐẢNG, CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN

Điều 6: CÁC BAN XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA TỈNH ỦY

1. Tỉnh ủy chỉ đạo các ban xây dựng Đảng, căn cứ vào Điều lệ Đảng và chỉ đạo của Trung ương, căn cứ vào tình hình cụ thể địa phương, làm tốt vai trò tham mưu, đề xuất chủ trương, kế hoạch, phương án, các biện pháp công tác để trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy hoặc Tỉnh ủy thảo luận và quyết định.

- Sau khi có quyết định của cấp ủy, theo chức năng của mình các ban có trách nhiệm giúp cấp ủy hướng dẫn cụ thể hóa nghị quyết, kiểm tra, theo dõi, tổng hợp việc thực hiện ở các cấp, các ngành, đoàn thể và chuẩn bị sơ kết, tổng kết các mặt công tác.

2. Các ban của Tỉnh ủy có trách nhiệm phối kết hợp để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Được mời đồng chí lãnh đạo các sở, ban, ngành, huyện, thị ủy để bàn về công việc của tỉnh, trước khi trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định. Thực hiện chế độ báo cáo với Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo

định kỳ (tuần, tháng, quý, 6 tháng, 1 năm), các báo cáo chuyên đề và khi có công việc đột xuất.

- Khi nhận được chỉ thị, nghị quyết của cấp trên mà nội dung chỉ thị, nghị quyết thuộc chức năng tham mưu của mình, các ban phải báo cáo với Thường trực Tỉnh ủy về nội dung, kế hoạch và thời gian triển khai thực hiện.

- Khi có ý kiến khác nhau giữa các ban về một vấn đề phải chủ động đề xuất với Thường trực Tỉnh ủy giải quyết.

3. Văn phòng Tỉnh ủy là cơ quan tổng hợp giúp cấp ủy để điều hành công việc hằng ngày, quan hệ chặt chẽ với các cấp, ban, ngành, đoàn thể, Ban cán sự để nắm chắc tình hình về mọi hoạt động của các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn, tình hình các mặt của nhân dân các dân tộc, kịp thời báo cáo Thường trực Tỉnh ủy.

- Ra thông báo các kết luận đã được Thường trực, Ban Thường vụ, Tỉnh ủy thông qua, phối hợp các ban Đảng, ngành chỉnh sửa, thẩm định trước khi trình Thường trực ký các văn bản.

- Tiếp nhận các văn bản đề nghị của các ban Đảng thuộc Tỉnh ủy, ban, ngành, trình Thường trực Tỉnh ủy; khi có ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy, thông báo cho các cơ quan liên quan thực hiện.

- Bảo đảm thông tin, kinh phí, cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy.

Điều 7: ĐỐI VỚI THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

- Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh hoạt động theo hiến pháp, pháp luật dưới sự lãnh đạo trực tiếp Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy bằng các chủ trương, nghị quyết, thông qua các cá nhân giữ chức vụ chủ chốt của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và thông qua Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng.

- Trước khi họp Hội đồng nhân dân tỉnh, Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo với Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho chủ trương về các vấn đề kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, dự toán ngân sách và những vấn đề quan trọng khác.

- Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm thể chế hóa nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, của cấp trên.

- Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh: Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm báo cáo thường xuyên các mặt công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh với Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Tỉnh ủy. Bí thư Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo với Thường trực Tỉnh ủy để lựa chọn những vấn đề quan trọng về kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, công tác cán bộ trình Ban Thường vụ, Tỉnh ủy cho chủ trương vào từng thời gian thích hợp.

Điều 8: CÁC NGÀNH, CƠ QUAN CHUYÊN MÔN CẤP TỈNH

1. Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo các ngành, chính quyền bằng các chủ trương, chính sách, không quyết định những vấn đề cụ thể thuộc chức trách của chính quyền.

2. Đối với các cơ quan thuộc khối nội chính có lịch báo cáo hàng tuần đột xuất trực tiếp với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Thường trực Tỉnh ủy và Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh).

- Riêng Viện Kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân tỉnh khi xét xử những vụ án chính trị, hình sự nghiêm trọng, hoặc các vụ án mà giữa các ngành Công an, Tòa án, Kiểm sát có sự khác nhau về quan điểm xử lý và xét xử đều phải báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho chủ trương.

- Đối với cơ quan Quân sự, Công an, Biên phòng chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và sự điều hành chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 9: MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN

1. Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo và chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân thông qua các Đảng đoàn và Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Tạo điều kiện cho Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể phát huy tốt vai trò của mình vận động hội viên và nhân dân thực hiện tốt đường

lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đi sát cơ sở phản ánh tâm tư nguyện vọng của quần chúng nhân dân với Đảng.

2. Các Đảng đoàn và Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có nhiệm vụ cụ thể hóa chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy, của Ban Thường vụ thành biện pháp công tác và tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của đoàn thể. Các đoàn thể có trách nhiệm tham mưu, đề xuất với Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy các vấn đề công tác vận động quần chúng thuộc các đoàn thể mình để Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy có chủ trương sát đúng.

3. Theo chế độ hằng tháng, 3 tháng, 6 tháng, 1 năm hoặc đột xuất, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể phải báo cáo tình hình, chương trình hoạt động của mình các vấn đề cần chỉ đạo với Ban Thường vụ Tỉnh ủy hoặc Thường trực Tỉnh ủy.

4. Trong cuộc họp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy có nội dung liên quan đến công tác dân vận, Ban Thường vụ có thể mời các đồng chí lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đến dự để tham gia ý kiến.

Điều 10: ĐẢNG ỦY TRỰC THUỘC, ĐẢNG ĐOÀN, BAN CÁN SỰ ĐẢNG

1. Tỉnh ủy, Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy thường xuyên chỉ đạo kiểm tra hoạt động của Đảng đoàn, Ban cán sự, các Đảng ủy trực thuộc. Hằng năm tùy tình hình cụ thể tập thể Ban Thường vụ có thể nghe Ban Thường vụ Đảng ủy trực thuộc Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng báo cáo hoạt động và quyết định một số mặt công tác lớn đối với đảng ủy trực thuộc, Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng.

2. Các Đảng đoàn, Ban cán sự, Đảng ủy trực thuộc phải xây dựng quy chế làm việc, chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy về lãnh đạo toàn bộ các mặt công tác ở đơn vị. Thực hiện đúng chế độ báo cáo theo định kỳ và báo cáo các vấn đề xảy ra đột xuất với Ban Thường vụ Tỉnh ủy bằng văn bản hoặc trực tiếp.

Chương IV

QUY ĐỊNH VỀ HỘI NGHỊ VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 11: CHẾ ĐỘ HỘI NGHỊ

1. Họp định kỳ

- Tỉnh ủy định kỳ họp 3 tháng 1 lần; khi cần thiết triệu tập hội nghị bất thường; tùy nội dung cụ thể định thời gian, bảo đảm hợp lý, không kéo dài.

- Tỉnh ủy họp mở rộng mời lãnh đạo các sở, ban, ngành, Bí thư Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, Bí thư hoặc Phó Bí thư các Đảng bộ trực thuộc.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy mỗi tháng họp 1 lần do Thường trực Tỉnh ủy chuẩn bị nội dung và triệu tập, khi cần thiết có thể họp bất thường.

- Các hội nghị do các ban, ngành, đoàn thể của tỉnh triệu tập có thành phần Bí thư, Phó Bí thư các huyện, thị, cán bộ chủ chốt của các sở, ban, ngành trong tỉnh đều phải xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Chuẩn bị hội nghị

- Căn cứ chỉ thị, nghị quyết, hướng dẫn của cấp trên, chương trình công tác hằng năm của Tỉnh ủy, tình hình thực tiễn và báo cáo, tờ trình của các Ban tham mưu của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy có trách nhiệm xác định, lựa chọn các nội dung cần thiết để đưa ra hội nghị thảo luận quyết định ở các thời điểm thích hợp, trong hội nghị của Ban Thường vụ, của Tỉnh ủy, các nội dung đưa ra thảo luận, quyết định phải được chuẩn bị kỹ, bảo đảm quyết định được đúng đắn, kịp thời, có căn cứ thực tiễn, có tính khả thi cao.

- Các vấn đề đưa ra hội nghị thảo luận quyết định thuộc ban, ngành, đoàn thể nào dự thảo đều phải có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ các tài liệu, thông tin cần thiết. Tùy theo mức độ tính quan trọng của công việc có thể lập tiểu ban giúp Tỉnh ủy, Ban Thường vụ, chuẩn

bị đề án; những vấn đề mới, chưa có kinh nghiệm cần chỉ đạo làm thử hoặc tổ chức đi tham quan khảo sát thực tế trong và ngoài tỉnh.

Thường trực Tỉnh ủy giao cho các cơ quan có trách nhiệm chuẩn bị dự kiến nội dung, biện pháp... để khi có quyết định triển khai được nhanh chóng, hiệu quả.

- Những vấn đề đưa ra Ban Thường vụ phải có tờ trình, Thường trực Tỉnh ủy phải nghe trước nội dung, nhất là các vấn đề cần phải nêu ra để hội nghị thảo luận, quyết định. Những vấn đề đưa ra hội nghị Tỉnh ủy thì tập thể Ban Thường vụ bàn thống nhất ý kiến trước.

- Đối với những đề án có tính chất bao trùm cần được tổ chức hội thảo lấy ý kiến tham gia của cán bộ khoa học, cán bộ quản lý chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân để hoàn chỉnh đề án mới trình hội nghị Tỉnh ủy. Văn phòng Tỉnh ủy có trách nhiệm đôn đốc các cơ quan chuẩn bị tài liệu, văn bản cho hội nghị, tài liệu gửi trước để các đồng chí nghiên cứu và chuẩn bị nội dung ý kiến phát biểu trong hội nghị.

3. Trong hội nghị

- Hội nghị làm việc theo quy trình đã được thông qua; các tài liệu đều được gửi trước để nghiên cứu, ý kiến tham gia thảo luận ngắn, gọn đúng trọng tâm, thể hiện rõ quan điểm của mình; nếu không trực tiếp phát biểu ý kiến thì sửa chữa văn bản, hoặc ý kiến phát biểu đã chuẩn bị gửi lại Văn phòng Tỉnh ủy tổng hợp. Trong trường hợp văn bản gửi xin ý kiến tham gia nhất thiết phải gửi lại Văn phòng (ký tên ở lề trang thứ nhất) để lưu trữ.

- Hội nghị Ban Thường vụ và Tỉnh ủy do đồng chí Bí thư chủ trì, nếu đồng chí Bí thư đi vắng ủy nhiệm cho đồng chí Phó Bí thư Thường trực chủ trì. Sau khi thảo luận đồng chí chủ trì hội nghị kết luận những vấn đề đã thảo luận thống nhất. Các vấn đề bàn trong hội nghị Ban Thường vụ, Tỉnh ủy phải biểu quyết thông qua theo quy định của Điều lệ Đảng.

Điều 12: CHẾ ĐỘ BAN HÀNH VĂN BẢN

- Sau hội nghị, căn cứ vào nghị quyết đã được hội nghị thông qua

cơ quan chuẩn bị hoặc chủ trì chuẩn bị đề án viết dự thảo nghị quyết và các loại văn bản khác cụ thể hóa nội dung hội nghị. Văn phòng Tỉnh ủy chỉnh lý lại văn bản thông qua đồng chí chủ trì hội nghị lần cuối, sau đó ký phát hành theo thẩm quyền.

- Hội nghị Ban Thường vụ ra nghị quyết đối với những vấn đề được bàn trong hội nghị, sau hội nghị tùy nội dung có thể ra thông báo, quyết định hoặc hướng dẫn, chỉ thị để thực hiện nghị quyết đó. Chỉ thị, nghị quyết... của Ban Thường vụ do đồng chí Bí thư ký; nếu đồng chí Bí thư đi vắng ủy nhiệm cho đồng chí Phó Bí thư Thường trực ký.

- Các nghị quyết, quyết định của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cần ghi rõ thời gian thực hiện, phân công cá nhân hoặc tổ chức phụ trách, theo dõi kiểm tra đôn đốc thực hiện.

- Căn cứ vào nghị quyết, chỉ thị, thông tri của Trung ương và nghị quyết của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra các chỉ thị, nghị quyết để chỉ đạo thực hiện. Chỉ thị, nghị quyết có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của cơ quan nào thì cơ quan đó dự thảo, những vấn đề chung và đột xuất do Văn phòng Tỉnh ủy dự thảo.

- Nội dung nghị quyết, chỉ thị thuộc khối đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ nào phụ trách thì đồng chí đó có trách nhiệm sửa chữa các văn bản rồi chuyển đến Thường trực Tỉnh ủy thông qua phiếu trình. Đối với những chỉ thị, nghị quyết nếu thấy cần phải tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy bàn thì đưa ra hội nghị thông qua hoặc gửi văn bản dự thảo đến các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ để lấy ý kiến bổ sung và hẹn ngày gửi lại. Đến thời hạn đồng chí nào không gửi văn bản dự thảo thì coi như nhất trí với văn bản dự thảo (quá thời gian hẹn văn bản xin ý kiến vẫn phải gửi lại). Căn cứ các ý kiến bổ sung, Văn phòng Tỉnh ủy chỉnh lý lại lần cuối thông qua đồng chí Bí thư hoặc Phó Bí thư Thường trực để cho phát hành. Trường hợp có ý kiến khác nhau về những vấn đề quan trọng thì phải trình Ban Thường vụ để thảo luận và quyết định.

Điều 13: KIỂM TRA THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT, CHỈ THỊ

- Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy có kế hoạch kiểm tra

hàng năm hoặc kế hoạch kiểm tra theo chuyên đề. Chỉ đạo các cơ quan chức năng làm tốt công tác kiểm tra Đảng trong Đảng bộ.

- Các đồng chí Tỉnh ủy viên, Ủy viên Ban Thường vụ có trách nhiệm kiểm tra và chỉ đạo kiểm tra nơi đơn vị được phân công phụ trách về việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của cấp trên, chức năng, nhiệm vụ của cấp mình.

- Sau khi thực hiện các kế hoạch kiểm tra có thông báo kết quả cho các đơn vị rút kinh nghiệm chỉ đạo và tổ chức thực hiện; biểu dương những tổ chức cá nhân chấp hành tốt, xử lý kỷ luật những tổ chức và cá nhân không chấp hành, làm trái nghị quyết.

Điều 14: CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

1. Chế độ làm việc của Tỉnh ủy, của Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy

- Tỉnh ủy có chương trình làm việc hàng năm và toàn khóa (từng thời kỳ có bổ sung hoàn chỉnh); Ban Thường vụ Tỉnh ủy có chương trình làm việc hàng tháng, quý, 6 tháng, 1 năm; Thường trực Tỉnh ủy có chương trình làm việc tuần. Tỉnh ủy, Ban Thường vụ mỗi năm một lần kiểm điểm hoạt động của mình theo chức năng nhiệm vụ và chương trình công tác.

- Bí thư và các Phó Bí thư có chế độ hội ý thường xuyên để giải quyết công việc hàng ngày.

- Đồng chí Chánh Văn phòng Tỉnh ủy và Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp chặt chẽ để xây dựng và thực hiện chương trình làm việc của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh cho sát hợp.

- Khi cần thiết Thường trực Tỉnh ủy sẽ nghe các đồng chí lãnh đạo các ban Đảng, Ban cán sự, Đảng đoàn, các ngành và các Đảng ủy trực thuộc báo cáo, phản ánh, đánh giá tình hình các mặt công tác thuộc phạm vi trách nhiệm được phụ trách và đề xuất những vấn đề cần phải tập trung giải quyết (kể cả những vấn đề thuộc nội bộ của đơn vị).

- Có những việc đồng chí Bí thư trực tiếp làm việc với thủ trưởng ban, ngành, hoặc các đồng chí cấp ủy viên. Trường hợp bận việc đồng

chí Bí thư ủy quyền cho các đồng chí Phó Bí thư hoặc Ủy viên Ban Thường vụ có liên quan giải quyết công việc, sau đó báo cáo kết quả với đồng chí Bí thư.

2. Chế độ thông tin và học tập

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo việc thông tin kịp thời cho các đồng chí Tỉnh ủy viên về tình hình chung và các mặt công tác trọng tâm của Đảng bộ, tình hình trong nước, quốc tế (nếu có) để tạo điều kiện cho các đồng chí Tỉnh ủy viên khác tham gia vào sự lãnh đạo tập thể Tỉnh ủy.

- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác chính trị tư tưởng trong Đảng bộ, giúp Ban Thường vụ phối kết hợp các cơ quan tư tưởng văn hóa, thông tin trong Đảng bộ để thống nhất chương trình hoạt động và hướng dẫn thực hiện các chế độ học tập cho đảng viên; củng cố hệ thống báo cáo viên cung cấp thông tin kịp thời cho các chi, đảng bộ cơ sở.

- Trong các kỳ họp thường lệ của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông báo tình hình chung và những công việc lớn đã được giải quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy giữa hai kỳ hội nghị.

- Mỗi đồng chí Tỉnh ủy viên căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, điều kiện công tác, xây dựng kế hoạch học tập của cá nhân về mọi mặt (chính trị, văn hóa, nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ) và có biện pháp phấn đấu thực hiện tốt kế hoạch đó, chấp hành quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khi được cử đi học, luân chuyển, điều động phân công công tác; được đi học tập nghiên cứu tham quan trong và ngoài nước theo sự phân công khi được sự đồng ý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Chế độ tự phê bình và phê bình

- Hằng năm Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Tỉnh ủy tiến hành tự phê bình, phê bình sự lãnh đạo, chỉ đạo chung của cấp ủy; cá nhân các đồng chí ủy viên phải tự phê bình và phê bình, đồng thời đề xuất ý kiến với Trung ương Đảng, Chính phủ những vấn đề cần thiết.

- Mỗi cấp ủy viên sinh hoạt trong tổ chức cơ sở đảng nơi mình công tác với tư cách đảng viên, phục tùng sự phân công, sự kiểm tra công tác và quản lý của tổ chức cơ sở đảng, tự phê bình và phê bình

trong chi bộ, cơ quan nơi làm việc và gửi bản tóm tắt tự phê bình và phê bình về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy).

- Các đồng chí Tỉnh ủy viên phải gương mẫu giữ gìn phẩm chất và lối sống lành mạnh, gương mẫu chấp hành tốt mọi chế độ, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

4. Chế độ đi thực tế tiếp xúc với quần chúng và cán bộ cấp dưới

- Hằng tháng căn cứ vào ý kiến phản ánh của nhân dân, qua lịch tiếp dân của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Thường trực Tỉnh ủy chỉ đạo các ban của Đảng phối hợp để giải quyết các vấn đề nhân dân phản ánh, kiến nghị.

- Các cấp ủy viên phải có chế độ định kỳ hoặc đột xuất (khi có vấn đề phát sinh) đi cơ sở nơi được phụ trách để tiếp xúc thực tế, nghe ý kiến quần chúng nắm thực chất tình hình, qua đó đóng góp ý kiến với cơ sở và phản ánh cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy các vấn đề cần có hướng giải quyết.

5. Chế độ phát ngôn giữ bí mật

- Khi tập thể đã ban hành nghị quyết thì mọi cấp ủy viên phải nói và làm theo đúng nghị quyết, không nói và làm theo ý kiến riêng của mình.

- Các cấp ủy viên phải giữ đúng quy định về bảo vệ tài liệu, nhận và trả tài liệu, giữ bí mật về những vấn đề cơ mật của Đảng và Nhà nước được trình bày trong hội nghị cũng như trong các tài liệu được giữ.

Chương V **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 15: CÁC ĐỒNG CHÍ TỈNH ỦY VIÊN, CÁC HUYỆN, THỊ, ĐẢNG ỦY TRỰC THUỘC TỈNH ỦY, CÁC BAN, NGÀNH, ĐOÀN THỂ, ĐẢNG ĐOÀN, BAN CÁN SỰ ĐẢNG CÓ TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN NGHIÊM CHỈNH QUY CHẾ NÀY

- Đồng chí Chánh Văn phòng Tỉnh ủy có trách nhiệm giúp Thường

trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy theo dõi tổng hợp quá trình thực hiện quy chế làm việc.

- Hằng năm Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức rút kinh nghiệm và thông báo kết quả việc thực hiện quy chế làm việc trong Tỉnh ủy.

- Việc bổ sung quy chế làm việc do hội nghị Tỉnh ủy quyết định.

Bản quy chế này đã được Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XII thông qua ngày 29-3-2001.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 03-CT/TU, ngày 11-5-2001

Về lãnh đạo Đại hội Hội Cựu chiến binh các cấp nhiệm kỳ III

Hội Cựu chiến binh Việt Nam là một tổ chức đoàn thể chính trị có vị trí và vai trò rất quan trọng. 10 năm qua, Hội Cựu chiến binh tỉnh Lào Cai dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự giúp đỡ, tạo điều kiện của chính quyền các cấp, sự phối hợp chặt chẽ của các ban, ngành, đoàn thể, hoạt động của Hội Cựu chiến binh các cấp đã góp phần tích cực vào việc tổ chức vận động đội ngũ cựu chiến binh tham gia thực hiện có hiệu quả các phong trào và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội góp phần tích cực giữ gìn trật tự an ninh chính trị, an ninh nông thôn trên địa bàn.

Là một tỉnh miền núi, vùng cao, biên giới, trên 50% cán bộ chủ chốt ở cấp cơ sở đều do các hội viên cựu chiến binh đảm nhiệm. Những năm qua, các hội viên cựu chiến binh đương nhiệm đã phát huy truyền thống bản chất “Bộ đội Cụ Hồ” góp phần xây dựng các chi, đảng bộ, chính quyền cơ sở trong sạch, vững mạnh.

Để Đại hội Hội Cựu chiến binh các cấp đạt kết quả tốt, tạo sự chuyển biến trong hoạt động, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và tiếp tục khẳng định vai trò của Hội trong suốt quá trình hoạt động cách mạng, kêu gọi và động viên tất cả các hội viên cựu chiến binh phát

huy bản chất “Bộ đội Cụ Hồ” tiếp tục cống hiến cho sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể, các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị tập trung thực hiện tốt một số nội dung sau:

1. Chỉ đạo Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh các cấp tổ chức thực hiện Chỉ thị số 66-CT/TW, ngày 10-4-2001 của Bộ Chính trị về lãnh đạo Đại hội Cựu chiến binh các cấp nhiệm kỳ III, trong đó cần tập trung vào việc chuẩn bị tốt nội dung và xây dựng kế hoạch tổ chức Đại hội bảo đảm chất lượng, dân chủ, đoàn kết, theo đúng quy trình và Điều lệ Hội quy định. Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ yêu cầu đánh giá đúng phong trào và hiệu quả hoạt động của các cấp Hội, phân tích rõ nguyên nhân ưu khuyết điểm, rút ra bài học kinh nghiệm. Trên cơ sở đó đề ra phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu trong nhiệm kỳ III cho phù hợp với tình hình thực tế ở mỗi địa phương, đơn vị và tìm ra biện pháp thực hiện có hiệu quả nhất.

2. Tăng cường sự lãnh đạo chặt chẽ của cấp ủy Đảng trong việc giới thiệu và lựa chọn nhân sự tham gia Ban Chấp hành Hội bảo đảm tiêu chuẩn và có số lượng cơ cấu hợp lý. Những người tham gia Ban Chấp hành phải có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ, có uy tín và năng lực vận động quần chúng, có khả năng xây dựng tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ công tác theo các chủ trương của Đảng, Nhà nước và Ban Chấp hành Hội cấp trên. Việc bầu Ban Chấp hành phải bảo đảm dân chủ, đúng nguyên tắc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị trong tình hình mới.

3. Đảng đoàn Hội Cựu chiến binh tỉnh có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và ra văn bản hướng dẫn để các cơ sở Hội tiến hành Đại hội theo đúng quy trình Điều lệ và nội dung hướng dẫn của Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

4. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng phối hợp với Đảng đoàn Hội Cựu chiến binh tỉnh và các ngành, đoàn thể tăng cường công tác tuyên truyền cho Đại hội Hội Cựu chiến binh các cấp.

5. Các cấp ủy, chính quyền địa phương, các sở, ban, ngành, các đoàn thể trong hệ thống chính trị cần quan tâm tạo điều kiện cơ sở vật chất, tinh thần để bảo đảm cho Đại hội Hội Cựu chiến binh các cấp thành công tốt đẹp.

6. Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Dân vận - Dân tộc Tỉnh ủy, Đảng đoàn Hội Cựu chiến binh giúp Ban thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo việc tiến hành Đại hội Hội Cựu chiến binh các cấp đạt kết quả tốt.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 04-CT/TU, ngày 15-5-2001

Về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác tiếp nhận, quản lý và xử lý tin báo tội phạm, vi phạm pháp luật

Những năm vừa qua, các cấp, các ngành, đặc biệt là các cơ quan trong Khối Nội chính đã phối kết hợp chặt chẽ trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm vi phạm pháp luật; từng bước giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn toàn tỉnh; góp phần cùng cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp thực hiện các chương trình, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo tinh thần Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh Lào Cai đã đề ra.

Trong tình hình cách mạng hiện nay, các thế lực thù địch trong và ngoài nước đang ra sức chống phá ta trên các lĩnh vực bằng nhiều biện pháp, không loại trừ thủ đoạn nào. Thời gian gần đây, chúng tăng cường du nhập và tuyên truyền đạo trái phép làm mất trật tự an ninh nông thôn, kích động nhân dân di dịch cư tự do.

Vi phạm pháp luật tuy có giảm về số lượng, nhưng tính chất, mức độ và hậu quả một số loại tội phạm lại khá nghiêm trọng, gây thiệt hại đến tính mạng, tài sản của nhân dân và uy tín của Đảng. Bên cạnh đó, sự chủ động phối kết hợp của chính quyền các cấp với các cơ quan nội chính trong việc quản lý tội phạm vi phạm pháp luật ở địa phương còn buông lỏng, việc tiếp nhận quản lý và xử lý tin báo tội

phạm, vi phạm pháp luật không kịp thời, nhiều vụ việc xảy ra khá lâu nhưng không giải quyết theo thẩm quyền luật định và không báo cáo cho cơ quan chức năng, gây khó khăn cho công tác điều tra xử lý các hành vi vi phạm pháp luật.

Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 53-CT/TW, ngày 21-3-2000 của Bộ Chính trị về một số công việc cấp bách của các cơ quan tư pháp cần thực hiện trong năm 2000, Nghị quyết số 09, ngày 31-7-1998 của Chính phủ về việc tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới và Thông tư số 03-TT/LN của Liên ngành Viện Kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Nội vụ - Bộ Quốc phòng - Bộ Lâm nghiệp - Tổng cục Hải quan về hướng dẫn thi hành các quy định của luật tố tụng hình sự và tiếp nhận, giải quyết tố giác và tin báo về tội phạm, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai chỉ thị Ban cán sự Đảng các ngành nội chính tỉnh, Đảng ủy trực thuộc, cấp ủy đảng và chính quyền các cấp tổ chức thực hiện ngay một số nội dung chính sau:

1. Phát động sâu rộng trong quần chúng nhân dân tham gia “Phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc”, thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới khu dân cư”; tích cực phát hiện và tố giác kịp thời với chính quyền và cơ quan bảo vệ pháp luật xử lý các tội phạm, hành vi vi phạm pháp luật.

2. Các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc chỉ đạo chặt chẽ chính quyền cơ sở nắm chắc diễn biến tình hình vi phạm pháp luật ở địa phương, đơn vị mình, tránh không để xảy ra các “điểm nóng”, các vụ việc có tính chất bạo loạn; ngăn chặn kịp thời các hành vi xâm phạm an ninh quốc gia. Quản lý chặt chẽ các phần tử xấu lợi dụng tôn giáo để tuyên truyền đạo trái phép, vận động di cư tự do...

3. Ban cán sự Đảng các ngành Tư pháp cần nghiêm túc thực hiện Chỉ thị số 53-CT/TW, ngày 21-3-2000 của Bộ Chính trị, tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 09, ngày 31-7-1998 của Chính phủ. Phải xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng năng lực nghiệp vụ, đạo đức, phẩm chất của cán bộ, chiến sĩ đang công tác trên mặt trận đấu tranh chống tội phạm, vi phạm pháp luật. Xử lý đúng người, đúng tội đối với các hành vi trên, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa.

4. Triển khai tổ chức tốt Chỉ thị số 01-CT/TU, ngày 8-3-2001 của Tỉnh ủy Lào Cai về lãnh đạo công tác an ninh trật tự năm 2001. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) về xây dựng và chỉnh đốn Đảng, chú trọng việc kiểm điểm thường xuyên vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên đối với công tác quản lý, xử lý tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật. Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 52-CT/TW, ngày 16-3-2000 của Bộ Chính trị về trách nhiệm và quyền hạn giữa các cấp ủy Đảng với Đảng ủy Công an - Ban cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân - Ban cán sự Đảng Tòa án nhân dân trong công tác bảo vệ Đảng và xử lý tội phạm liên quan đến cán bộ đảng viên.

5. Ban cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh chỉ đạo chặt chẽ việc xử lý các hành vi xâm phạm hoạt động tư pháp. Đồng thời chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tăng cường phối hợp với cơ quan Công an, cơ quan Quân sự, Biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm và chính quyền cơ sở tiếp nhận, quản lý và phối hợp xử lý kịp thời, chính xác tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật. Cần tiếp tục thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 01/LN, ngày 8-5-1999 của Liên ngành Công an, Viện Kiểm sát nhân dân, Biên phòng, Kiểm lâm, Hải quan, Quân sự tỉnh Lào Cai.

6. Tiếp tục tổ chức thực hiện Thông tư số 03-TT/LN, ngày 15-5-1992 của Liên ngành nội chính Trung ương, yêu cầu các cơ quan Khối Nội chính tỉnh phối hợp chặt chẽ trong việc tiếp nhận, quản lý và xử lý thông tin tội phạm vi phạm pháp luật. Thông tin thuộc ngành nào thì ngành đó phải chủ động chủ trì giải quyết tuyệt đối không được đùn đẩy hoặc để lọt tội phạm và làm oan người vô tội.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao Văn phòng Tỉnh ủy, Ban cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh theo dõi đôn đốc việc triển khai thực hiện chỉ thị, báo cáo kết quả quá trình thực hiện với Ban thường vụ Tỉnh ủy theo quy định.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỬ**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
LẦN THỨ CHÍN

Số 03-NQ/TU, ngày 21-5-2001

Về quy hoạch điều chỉnh khu vực đầu cầu Hồ Kiều II
thuộc khu Cửa khẩu quốc tế Lào Cai, phường Lào Cai,
thị xã Lào Cai

Tuyến đường bộ nối liền khu vực tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) với cảng Hải Phòng (Việt Nam) qua Cửa khẩu quốc tế Lào Cai theo chương trình hợp tác kinh tế khu vực tiểu vùng sông Mê Kông có tầm quan trọng đặc biệt đối với việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh miền núi phía Tây và Tây Bắc của đất nước. Vì vậy việc điều chỉnh quy hoạch lại khu vực này là rất cần thiết.

Để tương xứng với quy mô một cửa khẩu quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, khai thác tiềm năng kinh tế đối ngoại tăng thu ngân sách cho địa phương;

Trên cơ sở quy hoạch điều chỉnh khu vực đầu cầu Hồ Kiều II do Trường Đại học Kiến trúc - Bộ Xây dựng lập và báo cáo nghiên cứu khả thi dự án hành lang Côn Minh - Hải Phòng do Bộ Giao thông Vận tải lập;

HỘI NGHỊ BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY LÀO CAI
TẠI KỲ HỌP THỨ CHÍN NGÀY 16-5-2001

QUYẾT NGHỊ:

1. Nhất trí phương án quy hoạch điều chỉnh khu vực đầu cầu Hồ Kiều II, thuộc khu Cửa khẩu quốc tế Lào Cai do Trường Đại học Kiến

trúc - Bộ Xây dựng lập và báo cáo nghiên cứu khả thi tuyến đường hành lang Côn Minh - Hải Phòng do Bộ Giao thông Vận tải lập tại Văn bản số 1539/KHĐT, ngày 8-5-2001, theo một số nội dung chính như sau:

Phạm vi ranh giới điều chỉnh

- Điểm đầu của dự án tại cầu Hồ Kiều II:

+ Hướng tuyến từ đầu cầu Hồ Kiều II (phía Việt Nam) tuyến đi thẳng tìm cầu đến điểm giao nhau với đường Nguyễn Huệ, đi về ngã tư trước cầu chui đường sắt, rẽ trái qua cầu chui đi theo quốc lộ 4D cũ về hướng Nhà máy nước theo hướng tuyến cải thẳng, dài khoảng 800 m.

+ Quy mô mặt cắt ngang: Từ cầu Hồ Kiều II đến trước cầu chui B nền là 27m, B mặt là 18m (vĩa hè 2 bên: 2 x 4,5 m).

Từ ngã tư qua cầu chui và đi tiếp khoảng 800 m theo hướng quốc lộ 4D cũ mặt = 14m, nền đường đủ rộng để bố trí rãnh thoát nước 2 bên.

+ Cầu chui đường sắt cải tạo và mở rộng bằng cách bố trí thêm nhịp đủ bề rộng mặt đường cho 4 làn xe 2 chiều (2 x 7,5 m) tính không dưới cầu tuân theo quy trình đường bộ.

Cần bổ sung vào dự án:

Quy hoạch con đường nối từ cầu Hồ Kiều I với cầu Hồ Kiều II chạy dọc theo hướng kè xuôi theo sông Hồng, nghiên cứu sắp xếp các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phường Lào Cai cho phù hợp, xây dựng các hệ thống hạ tầng, cây xanh, các công trình dịch vụ. Sau khi đền bù, giải toả mặt bằng, cần quy hoạch lại khu vực cửa khẩu, dành quỹ đất cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước thuê và xây dựng các công trình nhà cao tầng dự kiến từ 7 - 11 tầng về phía bờ sông.

2. Nhất trí điều chỉnh lại quy hoạch khu vực đường Phan Đình Phùng, đường Minh Khai thuộc phường Phố Mới theo hướng điều chỉnh hoặc thu hồi quy đất đã có quyết định cho thuê, hoặc thông báo đối với các doanh nghiệp, thành quỹ đất dân cư, để ưu tiên sắp xếp các hộ phường Lào Cai phải di chuyển, các doanh nghiệp có nhu cầu xin thuê sẽ quy hoạch khu vực khác để cho thuê.

3. Nhất trí thu hồi quỹ đất tập kết đã cấp cho Sở Y tế tại phường Kim Tân để chuyển sang quỹ đất dân cư, ưu tiên cấp cho các hộ ở phường Lào Cai phải di chuyển. Các đơn vị sự nghiệp y tế đang ở khu vực này sắp xếp di chuyển về địa điểm theo quy hoạch mới.

4. Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh có các quyết định về phương diện nhà nước đối với các vấn đề nói trên và chỉ đạo:

- Nghiên cứu tiếp một số khu vực quy hoạch ở nội thị xã Lào Cai để tỉnh đầu tư xây dựng khu tái định cư.

- Nghiên cứu cơ chế chính sách đền bù áp dụng cho khu vực cửa khẩu (về đơn giá, diện tích sử dụng, nhu cầu vị trí ở cơ chế đổi đất, các hộ có nhu cầu nhận tiền đất...) trình Thường vụ.

- Thành lập Hội đồng đền bù cấp tỉnh, được chức giải phóng mặt bằng, ổn định dân cư.

- Tuyên truyền giải thích cho nhân dân, các tổ chức có liên quan học tập, quán triệt chủ trương của Trung ương và Tỉnh để hiểu rõ ý nghĩa mục đích của việc điều chỉnh quy hoạch khu vực này.

- Báo cáo với Bộ Xây dựng để sớm có văn bản thỏa thuận về điều chỉnh quy hoạch khu vực đầu cầu Hồ Kiều II để Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định về phân cấp của Nhà nước.

Thống nhất bằng văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai với Bộ Giao thông Vận tải về chủ trương của Tỉnh ủy về quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu về dự án hành lang Côn Minh - Hải Phòng theo đề án của Bộ Giao thông Vận tải để các cơ quan có cơ sở lập dự án đầu tư, sớm triển khai đầu tư thực hiện dự án. Sau khi được duyệt Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành, địa phương có liên quan triển khai thực hiện theo nội dung của Nghị quyết.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 116-QĐ/TU, ngày 21-5-2001

Về việc thành lập Ban chỉ đạo để kiểm tra việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở

- Căn cứ Chỉ thị số 30-CT/TW, ngày 18-2-1998 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở;

- Căn cứ Nghị định số 29/1998/NĐ-CP, ngày 11-5-1998, Nghị định số 71/1998/NĐ-CP, ngày 8-9-1998 và Nghị định số 07/1999/NĐ-CP, ngày 13-2-1999 của Chính phủ về việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở;

- Căn cứ Công văn số 412-CV/TW, ngày 15-2-2000 của Bộ Chính trị hướng dẫn tổ chức, kiểm tra việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở;

- Xét đề nghị của Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thành lập Ban chỉ đạo việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở gồm các đồng chí sau:

1. Đồng chí Nguyễn Đức Thăng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy làm Trưởng ban.

2. Đồng chí Giàng Thị Mỹ, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Dân vận - Dân tộc làm Phó Ban Thường trực.

3. Đồng chí Trần Nguyên, Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Phó ban.

4. Đồng chí Nguyễn Đình Vững, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy làm ủy viên.

5. Đồng chí Hà Đức Miều, Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh làm ủy viên.

6. Đồng chí Hồ Xuân Đoan, Tỉnh ủy viên, Tổng Biên tập báo Lào Cai làm ủy viên.

7. Đồng chí Trang Thị Xinh, Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh làm ủy viên.

8. Đồng chí Lục Văn Liêm, Tỉnh ủy viên, Chánh Thanh tra tỉnh làm ủy viên.

9. Đồng chí Nguyễn Văn Cự, Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh làm ủy viên.

10. Đồng chí Hoàng Thị Tráng, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh làm ủy viên.

11. Đồng chí Lý Văn Hải, Tỉnh ủy viên, Bí thư Tỉnh Đoàn làm ủy viên.

12. Đồng chí Nông Ngọc Lan, Giám đốc Sở Tư pháp làm ủy viên.

13. Đồng chí Nguyễn Hữu Thế, Trưởng ban Tổ chức chính quyền tỉnh làm ủy viên.

14. Đồng chí Vũ Đình Doã, Giám đốc Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh làm ủy viên.

15. Đồng chí Nguyễn Văn Lý, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh tỉnh làm ủy viên.

16. Đồng chí Nguyễn Văn Vãn, Phó Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy làm ủy viên.

17. Đồng chí Phạm Văn Liên, Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy làm ủy viên.

Điều 2: Nhiệm vụ của Ban chỉ đạo

- Tổ chức thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW, ngày 18-2-1998 của Ban Chấp hành Trung ương; Nghị định số 29/1998/NĐ-CP, ngày 11-

5-1999, Nghị định số 71/1998/NĐ-CP, ngày 8-3-1998 và Nghị định số 07/1999/NĐ-CP, ngày 13-2-1999 của Chính phủ về việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Tổ chức, triển khai thực hiện Kế hoạch số 01-KH/TW, ngày 15-2-2000 của Ban chỉ đạo Trung ương về kiểm tra thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Xây dựng kế hoạch của Tỉnh ủy về việc tổ chức kiểm tra thực hiện “Chỉ thị về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở”.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng đồng chí Ủy viên Ban chỉ đạo kiểm tra Quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Giúp Tỉnh ủy sơ, tổng kết về việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Điều 3: Các đồng chí: Bí thư Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy; Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, các cơ quan, sở, ban, ngành tỉnh; huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc và các đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Quyết định này thay cho các quyết định đã ban hành của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Ban chỉ đạo kiểm tra Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

KẾ HOẠCH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 03-KH/TU, ngày 30-5-2001

**Triển khai thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ
trọng tâm đến năm 2005 của Ban Chấp hành Đảng bộ
tỉnh khóa XII**

Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa XII và chương trình công tác toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện 7 chương trình công tác trọng tâm đến năm 2005 của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XII như sau:

I. CHƯƠNG TRÌNH NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN VÀ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN: Gồm 5 đề án sau đây

1. Tập trung nghiên cứu chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế nông lâm nghiệp theo hướng tăng nhanh giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích canh tác. Trước hết đầu tư để chuyển nền kinh tế tự cấp tự túc sang sản xuất hàng hóa. Trong đó tập trung xây dựng và thực hiện các mục tiêu:

- + Chương trình thâm canh vùng trọng điểm lúa.
- + Chương trình 8.000 ha chè chất lượng cao đến năm 2005 và 10.000ha vào năm 2006.
- + Chương trình 6.000 ha ngô hàng hóa bằng giống mới năng suất cao.

+ Chương trình 3.000 ha đậu tương hàng hóa năng suất cao.

+ Chương trình 10.000 ha cây ăn quả.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan thường trực về các chương trình này, 4 chương trình lúa, chè, ngô, đậu tương đã xây dựng xong đang tổ chức thực hiện; chương trình cây ăn quả đang nghiên cứu xây dựng.

2. Xây dựng đề án tổ chức sản xuất, cung ứng và quản lý giống cây con năng suất cao, chất lượng tốt

- Nội dung chủ yếu:

+ Tổ chức sản xuất giống cây lương thực (ngô, lúa lai) cây ăn quả, cây chè... cung ứng cho các huyện trong tỉnh.

+ Tuyển chọn, thực nghiệm các giống mới năng suất cao, nhập ngoại để đưa vào sản xuất cho các vùng sinh thái của tỉnh (giống cây ăn quả vùng cao: táo, lê, đào, hồng,...)

+ Chọn lựa, cung ứng giống các loại cây, con từ bên ngoài vào tỉnh bảo đảm chất lượng tốt.

+ Xác định được cơ cấu giống cây con cho từng vùng.

+ Biện pháp tổ chức quản lý sản xuất, cung ứng, lưu hành giống cây con trên địa bàn toàn tỉnh bảo đảm mục tiêu: Nhà nước thống nhất quản lý về giống, không cho du nhập, phổ biến các giống chất lượng kém vào địa bàn Lào Cai.

+ Các cơ chế, chính sách về vốn, trang thiết bị, cơ sở sản xuất để thực hiện đề án.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường là cơ quan thường trực về chương trình này.

3. Đề án kiên cố hóa kênh mương nội đồng các vùng trọng điểm lúa: Bảo Thắng, Văn Bàn, Bảo Yên, Bát Xát, Than Uyên (theo mục tiêu của chương trình đã duyệt).

4. Đề án xóa đói, giảm nghèo từ 2001-2005

Căn cứ vào kết quả điều tra kinh tế hộ gia đình để làm căn cứ xây dựng chương trình xóa đói, giảm nghèo theo tiêu chí mới và nội dung mới.

- Yêu cầu đặt ra:

+ Từ số liệu cụ thể của từng huyện và nguyên nhân đói nghèo (qua điều tra) để xây dựng một chương trình sát hợp nhằm huy động mọi lực lượng, mọi nguồn vốn, đồng bộ trên nhiều phương diện, có phân công phân cấp rõ ràng cho từng lĩnh vực, phát động phong trào xóa đói, giảm nghèo rộng khắp trong nhân dân để thực hiện được mục tiêu xóa đói, giảm nghèo mỗi năm $> 3\%$, đến năm 2005 có sự thay đổi cơ bản bộ mặt nông thôn vùng cao, đời sống vật chất tinh thần của nhân dân được nâng cao một bước.

+ Trong đó xây dựng một kế hoạch chi tiết về mục tiêu: Nước ăn, tấm lợp cho các hộ đói nghèo ở vùng cao đặc biệt khó khăn để thực hiện ngay trong 6 tháng cuối năm 2001. Mục tiêu đến năm 2005:

50-60% số hộ vùng cao được ngói hóa.

70-80% số hộ có đủ nước ăn và sinh hoạt.

Chương trình này do Ban chỉ đạo xóa đói, giảm nghèo tỉnh chịu trách nhiệm

5. Đề án quy hoạch, sắp xếp bố trí lại dân cư ở các xã vùng cao, biên giới, các xã đặc biệt khó khăn nhằm: Bảo đảm sự phân bố dân cư hợp lý, các hộ đều có đủ quỹ đất canh tác, di chuyển dân cư ở những vùng điều kiện sống quá khó khăn, từ đó có tác dụng thúc đẩy việc thực hiện các chương trình về phát triển nông lâm nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nâng cao đời sống nhân dân.

Giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì lập đề án, cùng với các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ đội Biên phòng tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã phối hợp thực hiện.

Phân công lãnh đạo phụ trách:

- Đồng chí Đặng Quốc Lộng, Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp chỉ đạo các đề án 1, 2, 3, 5 - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan thường trực.

- Đồng chí Nguyễn Hữu Vạn, Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp chỉ đạo đề án 4 xóa đói, giảm nghèo - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan thường trực.

II. CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KINH TẾ XÃ HỘI VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP

Để thực hiện được các mục tiêu đề ra cần xây dựng một số đề án sau đây

1. Đề án về các mục tiêu giao thông

- Mục tiêu:

+ Đến năm 2003 cơ bản làm xong đường về trung tâm các xã và trải nhựa đường đến các trung tâm huyện, thị.

+ Đến năm 2004 làm xong đường tuần tra biên giới trên bộ.

+ Đến năm 2005 thực hiện xong nâng cấp đường về trung tâm cụm xã thực hiện ít nhất 70% đường liên thôn, bản. Nâng cấp và trải nhựa xong quốc lộ 279, mở rộng đường Lào Cai - Sa Pa.

+ Xây dựng xong đường trục chính Lào Cai - Cam Đường.

+ Xây dựng nâng cấp đoạn nối 4D Lào Cai với 4C Hà Giang thành quốc lộ số 4.

+ Xây dựng xong cầu Bảo Hà, cầu Ngòi Phát.

+ Tham gia xây dựng hành lang Côn Minh - Hải Phòng.

- Nội dung đề án:

+ Giải pháp khai thác, huy động các nguồn vốn để có đủ vốn đầu tư thực hiện các mục tiêu lớn về giao thông.

+ Lập kế hoạch chi tiết về phân kỳ đầu tư, kế hoạch bố trí hàng năm từ nay đến năm 2005 cho các mục tiêu trên đối với các công trình thuộc nguồn vốn địa phương bố trí và các dự kiến kế hoạch triển khai đối với các công trình do Trung ương quản lý (để thúc đẩy và tạo mọi điều kiện).

+ Phân công rõ các đơn vị chịu trách nhiệm về từng phần việc cụ thể, chia ra nhiều dự án nhỏ (trước mắt xây dựng ngay 3 dự án: Dự án 17 xã chưa có đường đến trung tâm xã; Dự án đường ra biên giới; Dự án đường trục chính). Cơ quan chủ trì lập đề án và chịu trách nhiệm thường trực chỉ đạo thực hiện là: Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Giao thông Vận tải.

2. Đề án xây dựng Thành phố Lào Cai

- Mục tiêu: Đến năm 2005 có đủ điều kiện để Chính phủ cho phép thành lập thành phố Lào Cai thuộc tỉnh Lào Cai trên cơ sở sát nhập 2 thị xã Lào Cai và Cam Đường.

- Nội dung:

+ Công tác quy hoạch mở rộng cụm đô thị Lào Cai - Cam Đường làm cơ sở cho việc sát nhập 2 thị xã và đề nghị Chính phủ cho phép nâng cấp thành đô thị loại 3.

+ Tiến hành thủ tục lấy ý kiến nhân dân và làm các thủ tục để trình Chính phủ cho phép sát nhập 2 thị xã Lào Cai - Cam Đường thành thành phố Lào Cai.

+ Tập trung xây dựng một số hạng mục cơ sở hạ tầng thiết yếu, để làm cơ sở cho việc hình thành hạ tầng chung của thành phố tương lai (đường trục Lào Cai - Cam Đường; hệ thống đường ngang; cấp điện, cấp nước, một số cơ quan công sở; trường học, công trình phúc lợi công cộng...).

+ Xin phép Chính phủ cho phép thành lập thành phố Lào Cai (đô thị loại 2) thuộc tỉnh Lào Cai.

Đơn vị được giao lập đề án là Sở Xây dựng (có sự tham gia của Ban Tổ chức chính quyền, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính vật giá).

3. Đề án xây dựng cụm công nghiệp Tầng Loỏng

- Mục tiêu:

+ Khai thác triệt để cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội sẵn có của thị trấn Tầng Loỏng để phát triển thành cụm công nghiệp sầm uất tạo công ăn việc làm, tăng nguồn thu cho ngân sách.

+ Phát triển một số xí nghiệp công nghiệp nhất là các xí nghiệp sử dụng nguồn nguyên liệu tại Lào Cai: quặng đồng và các phụ phẩm của nó, quặng apatít, quặng sắt...

- Nội dung:

+ Làm việc với Bộ Xây dựng và Bộ Công nghiệp để thống nhất việc đầu tư khai thác khu công nghiệp Tầng Loỏng, các đề án xây dựng các xí nghiệp công nghiệp ở cụm công nghiệp này.

+ Tạo môi trường thuận lợi nhất để các bộ, các tổng công ty đầu tư xây dựng các xí nghiệp công nghiệp tại khu công nghiệp Tầng Loỏng như: Xí nghiệp sản xuất phân NPK, phân lân từ quặng apatít; Xí nghiệp sản xuất A xít Sufuaric (H_2SO_4); sản xuất thủy tinh lỏng, Xí nghiệp luyện đồng; Xí nghiệp luyện gang từ quặng Quý Sa...

Đơn vị được giao lập đề án là Sở Công nghiệp (có sự phối hợp với Sở Xây dựng và Sở Kế hoạch và Đầu tư).

4. Đề án phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 2001-2005

- Mục tiêu:

+ Xác lập chủ trương đầu tư phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản, nông, lâm sản và tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 2001-2005.

+ Quy hoạch và xây dựng cơ chế, chính sách để mọi thành phần kinh tế cùng tham gia bỏ vốn đầu tư xây dựng các cơ sở, xí nghiệp bảo quản, chế biến nông, lâm sản: chè, hoa quả, các sản phẩm từ nguyên liệu gỗ, tre, vầu, nứa, măng, cây dược liệu... các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, các nghề thủ công truyền thống và các ngành nghề mới mà Lào Cai có điều kiện.

Sở Công nghiệp chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng và Sở Kế hoạch và Đầu tư.

5. Tiếp tục thực hiện đề án đổi mới, sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước có bổ sung, điều chỉnh hàng năm cho phù hợp được thực tiến. Do Ban chỉ đạo đổi mới, sắp xếp lại các doanh nghiệp chủ trì

Phân công:

- Đồng chí Bùi Quang Vinh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách đề án 1, 2.

- Đồng chí Đặng Quốc Lộng, Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo các đề án 3, 4.

- Đồng chí Nguyễn Hữu Vạn, Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách đề án 5.

III. CHƯƠNG TRÌNH KHAI THÁC KHU VỰC KINH TẾ CỬA KHẨU VÀ CHƯƠNG TRÌNH DU LỊCH:

Bao gồm 2 đề án sau đây:

1. Đề án khai thác khu vực kinh tế cửa khẩu

- Mục tiêu:

+ Điều chỉnh quy hoạch và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho các khu kinh tế cửa khẩu, trước hết là khu vực Cửa khẩu quốc tế Lào Cai bảo đảm yêu cầu phát triển kinh tế, thương mại, du lịch, dịch vụ cho trước mắt và lâu dài.

+ Tổ chức lại và đổi mới công tác quản lý tại các cửa khẩu tạo điều kiện thuận lợi nhất cho mọi thành phần đến đầu tư buôn bán, hoạt động dịch vụ, du lịch tại các khu kinh tế cửa khẩu.

- Nội dung cụ thể:

+ Quy hoạch, điều chỉnh sắp xếp lại và xây dựng cửa khẩu quốc tế Lào Cai bảo đảm Khang trang thuận lợi, đáp ứng yêu cầu của một cửa khẩu quốc tế trong giai đoạn mới.

+ Quy hoạch xây dựng khu thương mại Lục Cầu và lối mở Na Mo - Bản Quản (tiếp theo nghiên cứu quy hoạch cửa khẩu Mường Khương và các lối mở khác) tạo môi trường thuận lợi cho các hoạt động thương mại, dịch vụ giữa hai bên biên giới.

+ Đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, kêu gọi các tổ chức đầu tư kinh doanh sản xuất tại khu kinh tế cửa khẩu.

+ Thành lập tổ chức quản lý kinh tế cửa khẩu và xây dựng các cơ chế chính sách, quy chế quản lý điều hành phù hợp với điều kiện của Lào Cai theo tinh thần Quyết định 53 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Đầu tư xây dựng các cơ sở hạ tầng kỹ thuật, các kho tàng, bến bãi trong khu kinh tế cửa khẩu, từng bước mở rộng phạm vi khu kinh tế Cửa khẩu Quốc tế Lào Cai đến hết ranh giới phường Kim Tân (bao gồm phường Lào Cai, phường Phố Mới, phường Cốc Lếu, phường Duyên Hải, phường Kim Tân và các xã Đồng Tuyển) sau khi đề án xây dựng thành phố Lào Cai được phê duyệt và các cơ quan lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh chuyển về Nam Cường.

Ban chỉ đạo khu kinh tế cửa khẩu tỉnh chịu trách nhiệm xây dựng đề án và tổ chức thực hiện sau khi được tỉnh phê duyệt.

2. Đề án phát triển kinh tế du lịch

- Mục tiêu: Đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của Lào Cai (tạo nhiều chỗ làm việc và tăng thu cho ngân sách), đầu tư, xây dựng khu du lịch Sa Pa, Bắc Hà, thị xã Lào Cai, Bát Xát trở thành các khu du lịch hấp dẫn, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, có môi trường sinh thái bền vững, sạch đẹp.

- Nội dung cụ thể:

+ Đầu tư khảo sát, đánh giá các tiềm năng, thế mạnh du lịch của Lào Cai để quy hoạch phát triển ngành du lịch từ 2000 - 2010. Đăng ký với Tổng cục Du lịch để đưa Lào Cai vào mạng lưới du lịch quốc gia.

+ Xây dựng kế hoạch đầu tư khai thác các tua, tuyến, các loại hình du lịch từ 2001-2005. Xác định rõ các kênh vốn đầu tư phát triển du lịch và dịch vụ phục vụ du lịch. Nguồn vốn đầu tư của Nhà nước, nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác, nguồn vốn quốc tế... để nhanh chóng đưa các khu du lịch vào khai thác tạo hiệu quả thiết thực.

+ Đề xuất các cơ chế, chính sách để kêu gọi các thành phần, các tổ chức đầu tư vào du lịch và dịch vụ du lịch, đồng thời đề xuất với tỉnh, với các ngành, các địa phương đầu tư vào các lĩnh vực có liên quan đến du lịch (trồng rừng, xây dựng hạ tầng cơ sở, cấp điện, cấp nước...).

Sở Thương mại - Du lịch và Công ty Du lịch là cơ quan xây dựng đề án.

Phân công: Đồng chí Nguyễn Hữu Vạn, Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp chỉ đạo 2 chương trình này (1 + 2).

IV. CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, GIÁO DỤC, KHOA HỌC CÔNG NGHỆ - MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI:

Gồm 5 đề án sau đây:

1. Đề án phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở tỉnh Lào Cai

- Nội dung chủ yếu:

+ Đề xuất các giải pháp, biện pháp để giữ vững và phấn đấu hoàn thành phổ cập tiểu học cho 180 xã, thị trấn, tiến tới phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi.

+ Xây dựng phương án, kế hoạch phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Trước mắt là kế hoạch, biện pháp triển khai phổ cập giáo dục trung học cơ sở đến năm 2005 (ít nhất đạt 60 xã, phường, thị trấn).

Giao cho Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng đề án.

2. Xây dựng chính sách thu hút cán bộ khoa học - kỹ thuật, các nghệ nhân và công nhân có trình độ tay nghề cao đến làm việc tại Lào Cai và vùng cao, vùng sâu nói riêng

Giao cho Ban Tổ chức chính quyền tỉnh dự thảo.

3. Đề án đào tạo xây dựng mạng lưới y tế cơ sở và đưa bác sĩ về xã, phường, thị trấn

(Mục tiêu tối thiểu: đến năm 2005, 100% các trung tâm cụm xã có bác sĩ).

Giao Sở Y tế xây dựng đề án.

4. Đề án giải quyết việc làm cho người lao động (theo mục tiêu Đại hội Đảng lần thứ XII)

Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các ngành có liên quan xây dựng.

5. Đề án bảo tồn khai thác, phát triển bản sắc văn hóa các dân tộc Lào Cai

Giao cho Sở Văn hóa - Thông tin và Thể thao xây dựng đề án.

Phân công: Đồng chí Trần Nguyên, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh trực tiếp chỉ đạo các đề án trên (1, 2, 3, 4, 5).

V. CHƯƠNG TRÌNH AN NINH - QUỐC PHÒNG VÀ ĐỐI NGOẠI:

Gồm 5 đề án sau đây:

1. Đề án cải tiến việc giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo của công dân

Giao Thanh tra Nhà nước tỉnh dự thảo.

2. Đề án phòng, chống tuyên truyền đạo trái phép

Ban chỉ đạo 184 dự thảo.

3. Đề án phòng chống âm mưu “diễn biến hòa bình” và “Bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch và kế hoạch đối phó với các tình huống xảy ra trong khu vực phòng thủ tỉnh, huyện

Giao Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh và Công an tỉnh phối hợp xây dựng.

4. Đề án phân giới, cắm mốc biên giới theo hiệp ước Việt - Trung

Giao cho Ban Ngoại vụ và biên giới, Bộ chỉ huy Biên phòng tỉnh phối hợp với các ngành hữu quan xây dựng.

5. Đề án an ninh - quốc phòng với nhiệm vụ phát triển kinh tế đối ngoại

Giao Công an tỉnh và Bộ chỉ huy Quân sự xây dựng.

Phân công:

- Đồng chí Nguyễn Đức Thăng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Trưởng ban chỉ đạo 184 chịu trách nhiệm xây dựng, chỉ đạo đề án 2.

- Đồng chí Bùi Quang Vinh, Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các đề án: 1, 3, 5.

- Đồng chí Nguyễn Hữu Vạn, Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách đề án số 4.

VI. CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH CÓ HIỆU LỰC:

Bao gồm 3 đề án sau:

1. Đề án cải cách hành chính, sắp xếp tổ chức các cơ quan Nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện (theo đề án Chính phủ phê duyệt). Đẩy mạnh phân cấp, kết hợp với củng cố năng lực tổ chức quản lý của cấp huyện, thị và cơ sở

Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tổ chức chính quyền tỉnh chịu trách nhiệm.

2. Đề án bồi dưỡng, đào tạo cán bộ chủ chốt cấp cơ sở 2001-2005 (theo mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ khóa XII)

Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tổ chức chính quyền tỉnh phối hợp xây dựng.

3. Đề án tiếp tục củng cố, xây dựng và chỉnh đốn Đảng nhằm nâng cao năng lực tổ chức, lãnh đạo của tổ chức đảng cơ sở

Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp các ban Đảng (Kiểm tra, Tuyên giáo) và các huyện, thị ủy xây dựng.

Phân công:

- Chỉ đạo chung: Thường trực Tỉnh ủy
- Phụ trách trực tiếp:
 - Đồng chí Bùi Quang Vinh, Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp chỉ đạo đề án: 1
 - Đồng chí Nguyễn Đức Thăng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, trực tiếp chỉ đạo các đề án 2, 3.

VII. CHƯƠNG TRÌNH ĐÁNH GIÁ, SẮP XẾP VÀ LUÂN CHUYỂN CÁN BỘ HƯỚNG VỀ CƠ SỞ

1. Kế hoạch đánh giá, bổ nhiệm lại đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh và cấp huyện theo tinh thần Quyết định 50 và Quyết định 51-QĐ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết 16 của Chính phủ

- Mục tiêu đến năm 2005-100% số cán bộ được xem xét đánh giá và bổ nhiệm lại.

Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp Ban Tổ chức chính quyền tỉnh xây dựng.

2. Đề án sắp xếp, luân chuyển cán bộ

Bảo đảm: Luân chuyển ít nhất 20% cán bộ từ cấp phó phòng cấp tỉnh và cấp huyện trở lên và 30% cán bộ nói chung xuống cơ sở, đặc biệt là các vùng khó khăn phức tạp.

Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Ban Tổ chức chính quyền tỉnh xây dựng.

- Chỉ đạo chung: Ban Thường vụ Tỉnh ủy.
- Phụ trách trực tiếp: Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy.

VIII. TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

1. Sau khi kế hoạch này được Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua, các đồng chí Ủy viên Thường vụ được phân công phụ trách các chương trình đề án căn cứ vào các mục tiêu nêu trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, đặc biệt là trong 7 chương trình công tác toàn khóa của Ban Chấp hành Tỉnh ủy và nội dung kế hoạch này, chỉ đạo các sở, ban, ngành được giao chủ trì xây dựng đề án phối hợp với các ngành hữu quan tiến hành các bước xây dựng ngay các đề án, chương trình được giao

Trong mỗi đề án cần tập trung làm rõ: Các cơ chế, giải pháp để thực hiện các mục tiêu đề ra, chủ động khai thác mọi nguồn lực cả với ngành dọc cấp trên, các nguồn lực của các tổ chức quốc tế, các thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh để thực hiện chương trình. Phân rõ nhiệm vụ cho từng tổ chức, từng cá nhân, quy rõ chế độ trách nhiệm và quyền hạn; định rõ kế hoạch về thời gian hoàn thành, chú ý đến việc tổ chức kiểm tra tiến độ, kiểm tra chất lượng để bảo đảm mỗi chương trình được thực hiện có chất lượng, đúng thời gian quy định.

Các đề án, chương trình phải hoàn thành và nộp về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và Văn phòng Tỉnh ủy trước ngày 30-7-2001.

2. Về phân công trách nhiệm chỉ đạo

Mỗi chương trình sẽ thành lập 1 Ban chỉ đạo gồm:

- Đồng chí Thường vụ Tỉnh ủy được phân công chỉ đạo trực tiếp.
- Một số đồng chí là Ủy viên Ban Chấp hành Tỉnh ủy là Thủ trưởng của các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh có liên quan và một số đồng chí Bí thư các huyện, thị ủy.

(Giao cho đồng chí phụ trách chương trình đề xuất).

3. Tổ chức thẩm định, phê duyệt các chương trình, dự án

- Từ ngày 1-8-2001 đến 15-8-2001: Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Thường vụ Tỉnh ủy sẽ nghe và cho ý kiến đối với các đề án, chương trình.

- Từ ngày 16-8-2001 đến 30-8-2001: Hoàn thiện đề án, chương trình và ra các quyết định phê duyệt.

4. Triển khai thực hiện

- Sau khi các chương trình, đề án được phê duyệt các đồng chí lãnh đạo và các ngành được phân công tổ chức triển khai thực hiện ngay.

- Đối với tất cả mọi chương trình, đề án 6 tháng sơ kết một lần báo cáo kết quả đã làm được, những vấn đề chưa làm được, những kiến nghị bổ sung, sửa đổi hoặc đề xuất biện pháp để thực hiện trong thời gian tiếp theo, hạn chế việc tổ chức các hội nghị sơ tổng kết lớn mà đi sâu sát cơ sở kiểm tra, khảo sát, đánh giá cụ thể.

- Từ nay trong tất cả các cuộc giao ban Ủy ban nhân dân, giao ban Tỉnh ủy, các báo cáo đánh giá tháng, quý, năm đều phải đánh giá theo các chương trình nêu trên một cách ngắn gọn, rõ ràng, để Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh có biện pháp uốn nắn, chỉ đạo kịp thời nhằm thực hiện được mục tiêu các chương trình, đề án đã đề ra.

- Giao trách nhiệm cho Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng: Báo Lào Cai, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Hội Văn học Nghệ thuật, Sở Văn hóa Thông tin và Thể thao... thường xuyên viết bài, đưa tin về tình hình thực hiện các đề án, chương trình (kể cả mặt làm tốt và chưa làm tốt) để toàn thể nhân dân các dân tộc trong tỉnh ủng hộ, tham gia thực hiện và giám sát việc thực hiện các chương trình này có hiệu quả hơn.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỬ**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 79-TB/TU, ngày 7-6-2001

Về kết luận của đồng chí Nguyễn Đức Thăng Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy tại cuộc họp giao ban nội chính ngày 5-6-2001

Ngày 5-6-2001 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh, đồng chí Nguyễn Đức Thăng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy chủ trì giao ban Khối Nội chính. Sau khi nghe báo cáo tổng hợp tình hình của Văn phòng Tỉnh ủy; ý kiến phát biểu của lãnh đạo các ngành trong Khối Nội chính, ý kiến của đồng chí Trần Nguyên, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và ý kiến của đồng chí Hà Ngọc Đông, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh. Đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy đã kết luận:

1. Tình hình tháng 5-2001

- Tình hình an ninh chính trị, an ninh biên giới và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh ổn định. Thường trực Tỉnh ủy làm việc với Ban Nội chính Trung ương để đánh giá tình hình công tác nội chính giai đoạn từ 1996 đến nay. Ban Nội chính Trung ương dành thời gian đi kiểm tra và làm việc với một số đơn vị, huyện, thị đã có đánh giá về công tác bảo vệ an ninh chính trị, an ninh biên giới và trật tự, an toàn xã hội của tỉnh Lào Cai trong những năm qua và thời gian gần đây được cấp ủy quan tâm chỉ đạo chặt chẽ vì vậy an ninh chính trị được giữ vững; kinh tế - xã hội có chuyển biến tốt.

- Trong những ngày cuối tháng 5 và đầu tháng 6 xảy ra lũ lụt trên địa bàn tỉnh (7/11 huyện, thị). Tỉnh đã chỉ đạo kịp thời các cấp, các ngành xử lý và khắc phục hậu quả để nhanh chóng ổn định tình hình nhất là về sản xuất, đời sống, an ninh chính trị trên địa bàn bảo đảm tốt.

- Tình hình vi phạm về trật tự, an toàn xã hội trong tháng 5 vẫn gia tăng, chủ yếu là gia tăng về tai nạn giao thông. Nguyên nhân chính là do chủ quan của người điều khiển phương tiện và do phương tiện giao thông không bảo đảm.

- Tình hình khiếu nại tố cáo của công dân giảm, nội dung không phức tạp, chủ yếu chỉ phản ánh về lĩnh vực bảo hiểm xã hội và đất đai. Tỉnh đã tích cực chỉ đạo giải quyết.

- Tình hình tuyên truyền đạo trái phép và di dịch cư tự do giảm. Nguyên nhân là do Ban 184 các cấp đã làm tốt công tác tuyên truyền, vận động bà con không nghe theo bọn xấu, động viên bà con tích cực lao động sản xuất để ổn định cuộc sống.

2. Một số nhiệm vụ tập trung giải quyết trong tháng 6-2001

1. Tập trung, chủ động triển khai thực hiện các chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân. Trong đó, tập trung thực hiện nghị quyết về quy hoạch, điều chỉnh khu vực đầu cầu Hồ Kiều II và nghị quyết về phát triển khu kinh tế cửa khẩu và Thông báo kết luận số 73/TB-TU, ngày 28-5-2001 của Thường trực Tỉnh ủy về công tác an toàn giao thông, về nội dung chuẩn bị cuộc gặp mặt với lãnh đạo tỉnh Vân Nam.

- Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật tập trung làm điểm ở một số xã ở các huyện: Mường Khương, Bắc Hà, Sa Pa và Than Uyên rút kinh nghiệm để chỉ đạo triển khai chung trên địa bàn toàn tỉnh (trong việc thực hiện pháp luật ở nơi trình độ dân trí còn thấp, lại thường xảy ra các vụ án nghiêm trọng có nguyên nhân xã hội và thiếu hiểu biết pháp luật của nhân dân).

Các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ban ngành tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch số 02/KH-BCĐ, ngày 8-5-2001 của Ban 184 về thực hiện mục tiêu và 9 nhiệm vụ cần tập trung năm 2001 ở những nơi có hoạt động tuyên truyền đạo trái pháp luật.

2. Các ngành làm án cần khẩn trương điều tra, truy tố, xét xử một số vụ án điển: vụ cha ... con ở huyện Si Ma Cai, con giết bố ở huyện Mường Khương và vụ mua bán và chế biến kinh doanh gỗ trái phép (Bảo Yên). Riêng vụ gỗ ở huyện Bảo Yên theo đề nghị của ông Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh để giảm bớt chi phí không cần thiết (khi phải vận chuyển về tỉnh và không để gỗ bị hư hỏng) các cơ quan tiến hành tố tụng thống nhất làm đầy đủ hồ sơ (nhóm gỗ, số lượng, đơn giá, thành tiền) và làm văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cho bán tối công trình xây dựng cơ bản của tỉnh để thu lại tiền để xử lý theo quy định của pháp luật sau vụ án, xác định giá trị đưa vào hồ sơ vụ án để xét xử.

Việc giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội ở Nông trường Thanh Bình: 3 ngành Công an, Kiểm sát và Tòa án thống nhất với các ngành: Bảo hiểm xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh việc xử lý 77 trường hợp làm sai chế độ hưởng bảo hiểm xã hội trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy để xin đường lối xét xử.

- Các ngành làm án khẩn trương hoàn chỉnh hồ sơ xử lý vụ án cưỡng đoạt tài sản công dân ở thị xã Lào Cai của 18 học sinh các trường (Ngô Văn Sở, Lê Quý Đôn và Lê Hồng Phong). Mời Ủy ban Chăm sóc bà mẹ và trẻ em của tỉnh tham gia có ý kiến thống nhất để trình Thường trực Tỉnh ủy về đường lối xử lý. Thanh tra tỉnh nhanh chóng kết thúc điều tra và có kết luận về việc thanh tra tại Nông trường chè Than Uyên.

3. Các cơ quan chống buôn lậu cần thực hiện nghiêm Chỉ thị 853-CT/TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường đấu tranh chống buôn lậu và Quyết định số 53/2001-QĐ/TTg, ngày 19-4-2001 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với khu kinh tế cửa khẩu. Tập trung phòng, chống buôn lậu và gian lận thương mại, nhất là gian lận

về sở hữu hàng hóa, về giá, số lượng, chủng loại cả trong hoạt động xuất, nhập khẩu và sản xuất kinh doanh trong nội địa.

4. Các cơ quan trong Khối Nội chính tăng cường nắm tình hình cơ sở, phối hợp chặt chẽ để thực hiện tốt Quy chế dân chủ, chủ động phòng ngừa, hạn chế thấp nhất các vụ tai nạn giao thông và đối với các vụ án kinh tế phải có biện pháp thu hồi tài sản.

5. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh cần thống nhất với huyện Bắc Hà để báo cáo tỉnh trình cấp trên về việc cấp đất quốc phòng ở huyện Bắc Hà (thay cho số diện tích trước đây đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, nay chuyển sang mục đích công cộng).

6. Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh thống kê chính xác hậu quả lũ lụt để báo cáo Trung ương xin hỗ trợ; Ủy ban nhân dân tỉnh cần làm ngay công tác khen thưởng đột xuất cho các cơ quan đơn vị và cá nhân có thành tích trong công tác phòng, chống lũ lụt vừa qua. Chỉ đạo các biện pháp cụ thể khắc phục hậu quả, giúp đỡ các gia đình, tổ chức bị thiệt hại trong dịp lũ lụt vừa qua, đồng thời chủ động phòng ngừa diễn biến xấu có thể xảy ra.

7. Các ngành nắm chắc tình hình cơ sở, chủ động giải quyết và bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân, không để kẻ hở về nghiệp vụ để kẻ xấu lợi dụng hoặc để nhân dân khiếu kiện, góp phần giữ vững ổn định về mọi mặt đồng thời sơ kết công tác 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2001 nhằm tạo chuyển biến đồng bộ trên các mặt công tác đã đề ra.

Thừa lệnh Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy thông báo kết luận trên của đồng chí Nguyễn Đức Thắng, yêu cầu các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG
PHẠM NGỌC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 17-BC/TU, ngày 18-7-2001

Về kết quả thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2)

Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng và tiến trình đổi mới đất nước ta. Nghị quyết hội nghị đã nêu lên một số vấn đề cơ bản, cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay trên ba lĩnh vực: Nhận thức, tư tưởng chính trị; đạo đức lối sống; tổ chức, điều hành, đồng thời mở cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Thực hiện các chỉ thị, kế hoạch và hướng dẫn của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai đã tổ chức quán triệt, học tập nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và triển khai cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng một cách nghiêm túc tới các cấp ủy Đảng cơ sở trực thuộc. Kết quả thực hiện nghị quyết được thể hiện trên các mặt sau đây:

I. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI QUÁN TRIỆT NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 6 (LẦN 2) VÀ CUỘC VẬN ĐỘNG XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG

Quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng được Tỉnh ủy chỉ đạo tiến

hành đồng bộ ba bước theo đúng quy định của Trung ương. Bước 1 tiến hành tổ chức học tập quán triệt nghị quyết và phổ biến kế hoạch của Bộ Chính trị về cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng; bước 2 tự phê bình và phê bình đối với tập thể cấp ủy, cá nhân và tổ chức một số hoạt động kỷ niệm nhân các ngày lễ lớn trong năm 2000, kết nạp Đảng viên mới; bước 3 đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tiến tới Đại hội Đảng các cấp. Cụ thể:

1. Tình hình tổ chức học tập quán triệt nghị quyết

a) Ở cấp tỉnh:

Căn cứ Kế hoạch số 03-KH/TW, ngày 10-2-1999 của Bộ Chính trị về triển khai Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và các văn bản hướng dẫn triển khai nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy Lào Cai đã xây dựng Kế hoạch số 07-KH/TU, ngày 25-6-1999 và Chương trình hành động số 14-CT/TU, ngày 29-6-1999 về việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII; mở hội nghị triển khai học tập, quán triệt nghị quyết từ ngày 25-6 đến 28-6-1999 cho trên 300 cán bộ chủ chốt của tỉnh, huyện, thị, đảng ủy, đảng đoàn, Ban cán sự trực thuộc... Tại hội nghị này, Tỉnh ủy đã giới thiệu nội dung cơ bản của Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) gắn với Cương lĩnh, Điều lệ Đảng mà tập trung vào 10 nhiệm vụ, đồng thời cũng là 10 giải pháp cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay, phân tích kỹ 6 quan điểm có tính nguyên tắc; nghiên cứu và thảo luận bài phát biểu của Tổng Bí thư trong hội nghị cán bộ toàn quốc; quán triệt một số quy định, quy chế của Trung ương về công tác cán bộ, công tác kiểm tra, những việc đảng viên không được làm, quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng..., thảo luận và thống nhất về nhận thức, kế hoạch và chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) của Đảng bộ tỉnh.

b) Ở cấp huyện, thị, đảng ủy trực thuộc:

Tiếp thu tinh thần tại hội nghị ở tỉnh, các huyện, thị, đảng ủy

trực thuộc đã xây dựng kế hoạch và chương trình hành động cho cấp ủy mình. Đến hết tháng 8-1999, có 15/15 (hiện nay là 16/16) huyện, thị, đảng ủy trực thuộc đã hoàn thành mở hội nghị cán bộ chủ chốt để triển khai học tập nghị quyết và bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu tại Hội nghị Trung ương 6 (lần 2); phổ biến các quy định của Trung ương và các văn bản như hội nghị ở tỉnh; quán triệt chương trình hành động của Tỉnh ủy và thảo luận, thống nhất chương trình hành động của cấp ủy mình.

c) Ở cấp cơ sở, xã, phường, thị trấn

Sau hội nghị ở cấp huyện, thị, đảng ủy trực thuộc, đến hết tháng 9-1999 có 560/560 cấp ủy cơ sở, dưới cơ sở xã, phường, thị trấn đã hoàn thành tổ chức hội nghị quán triệt Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và Cương lĩnh, Điều lệ Đảng cho toàn đảng viên ở cơ sở, thực hiện nội dung hội nghị như ở cấp huyện và thông qua kế hoạch, chương trình hành động của cấp ủy cơ sở, với 16.769 đảng viên (đạt 95,2%) và 90,4% quần chúng gia học tập.

Qua học tập Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), các cấp ủy đảng, cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức rõ tầm quan trọng của nghị quyết và ý nghĩa quan trọng, cấp bách của cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong tình hình mới, mà nội dung cốt lõi là tự phê bình và phê bình trong từng tổ chức đảng và từng đảng viên. Trên cơ sở chỉ rõ những khuyết điểm, tồn tại, từng đảng viên và từng cấp ủy xây dựng chương trình khắc phục, sửa chữa, nhằm làm cho Đảng ta ngày càng trong sạch và phát triển vững mạnh, đủ sức để lãnh đạo cách mạng Việt Nam tiến lên một tầm cao mới, thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 6 (LẦN 2) VÀ CUỘC VẬN ĐỘNG XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG

1. Chỉ đạo tự phê bình và phê bình

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương về hướng dẫn tự

phê bình và phê bình trong suốt quá trình của cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Tỉnh ủy đã chỉ đạo triển khai thực hiện tự phê bình và phê bình theo đúng quy định, quy trình và nội dung hướng dẫn của Trung ương.

- Căn cứ vào kế hoạch đã đề ra, ngay sau hội nghị triển khai nghị quyết, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tiến hành xây dựng bản kiểm điểm của tập thể và từng đồng chí trong Ban Thường vụ; mở nhiều hội nghị thảo luận, góp ý vào dự thảo kiểm điểm, trong đó có ý kiến đóng góp của cán bộ trung cao cấp đã nghỉ chế độ trên địa bàn tỉnh; gửi văn bản lấy ý kiến gần 70 đơn vị các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc và tập thể lãnh đạo các ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nghiêm túc tiếp thu những ý kiến góp ý và tiến hành họp kiểm điểm tập thể, cá nhân các đồng chí trong Ban Thường vụ theo gợi ý của Bộ Chính trị từ ngày 15-1 đến 21-1-2000, có các ban xây dựng Đảng ở Trung ương về dự. Trong cuộc họp kiểm điểm, các đồng chí trong Ban Thường vụ đã nghiêm túc chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu, những vấn đề còn tồn tại kể cả đối với tập thể lãnh đạo và từng cá nhân, để từ đó đề ra biện pháp khắc phục, sửa chữa phù hợp với điều kiện thực tế.

- Đối với cấp huyện, thị, đảng ủy trực thuộc, đảng đoàn, ban cán sự, các cơ quan trực thuộc, Tỉnh ủy đã chỉ đạo xây dựng báo cáo kiểm điểm tập thể và cá nhân, gửi lấy ý kiến góp ý của cấp dưới và tổng hợp, bổ sung, sau đó gửi về Tỉnh ủy để gợi ý thêm những nội dung cần làm rõ. Đến hết tháng 7-2000, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã gợi ý những nội dung cần kiểm điểm trực tiếp cho 15 đảng bộ, 54 ban cán sự, đảng đoàn, cấp ủy ngành trực thuộc và 247 đồng chí đảng viên là cán bộ chủ chốt thuộc Tỉnh ủy quản lý, đồng thời trực tiếp chỉ đạo hội nghị kiểm điểm của các đơn vị, các ban xây dựng Đảng của Tỉnh ủy tham gia, phân công các đồng chí Ủy viên Ban thường vụ Tỉnh ủy dự kiểm điểm của các chi, đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh.

- Cũng trong thời gian này các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc đã khẩn trương chỉ đạo các cơ sở đảng cấp dưới tiến hành các bước tự

phê bình và phê bình như quy định, gợi ý kiểm điểm sâu sát đối với 100% tập thể và cá nhân trong diện quản lý, phân công Ủy viên Ban Thường vụ phụ trách khu vực và các ban xây dựng Đảng chỉ đạo, dự hội nghị kiểm điểm của cơ sở. Đến hết tháng 10-2000 các tổ chức đảng từ tỉnh đến cơ sở đã kiểm điểm xong.

2. Kết quả tự phê bình, phê bình và khắc phục sửa chữa khuyết điểm

2.1. Về nhận thức tư tưởng chính trị

a) Ưu điểm:

Qua theo dõi và kiểm điểm ở các cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên cho thấy, đại bộ phận đảng viên có nhận thức đúng và thống nhất về chính trị tư tưởng, những vấn đề lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định đường lối đổi mới của Đảng, kiên định với mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Phát huy được truyền thống đoàn kết dân tộc, tinh thần yêu nước, cảnh giác cao với âm mưu “diễn biến hoà bình” của địch và sự chống phá cách mạng của các thế lực phản động, làm tốt công tác tư tưởng đối với nhân dân ở những khu vực có tranh chấp trên tuyến biên giới, cùng nhau xây dựng tỉnh Lào Cai ngày càng giàu mạnh.

b) Khuyết điểm:

Bên cạnh những ưu điểm nổi bật đó, còn có một số đồng chí bản khoăn, lo ngại trước biểu hiện một số đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, quan liêu, tham nhũng, nội bộ mất đoàn kết, vi phạm pháp luật... gây ảnh hưởng đến uy tín của Đảng. Một số cấp ủy cơ sở triển khai nghị quyết của Đảng còn chậm, kết quả thực hiện chưa cao, chưa cụ thể hóa được đường lối của Đảng sát với tình hình thực tế của địa phương. Do ảnh hưởng của mặt trái cơ chế thị trường, một số cán bộ, đảng viên có biểu hiện lối sống thực dụng, giảm sút ý chí đấu tranh phê và tự phê bình, còn bao che khuyết điểm cho nhau. Một số cấp ủy, tổ chức đảng cơ sở chưa nhận thức đầy đủ về tầm

quan trọng của cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nên còn tư tưởng trông chờ, làm lướt, làm chậm, cụ thể: có 1 đơn vị tỉnh (Ban Ngoại vụ - Biên giới) và 4 đơn vị cấp cơ sở (ở huyện Bắc Hà) phải chỉ đạo kiểm điểm lại, 1 đơn vị phải kiểm điểm bổ sung (Sở Y tế), 3 đơn vị tiến hành kiểm điểm quá chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung của tỉnh (Công ty Bảo Việt, Ủy ban Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Ban Tôn giáo - Dân tộc).

c) Kết quả sửa chữa sau tự phê bình và phê bình:

Sau đợt sinh hoạt chính trị quan trọng này, hầu hết cán bộ, đảng viên và từng cấp ủy nhận thức rõ về những điểm mạnh, điểm yếu của mình, từ đó đã thực sự có những điều chỉnh trong ý nghĩ, hành động, nói và làm. Nhiều cơ quan, đơn vị và tổ chức cơ sở đảng đã có sự đoàn kết, thống nhất hơn, những vướng mắc trong cuộc sống đã được giải tỏa, mọi người tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và tin vào mục tiêu, lý tưởng mà Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân đã lựa chọn. Thực hiện chương trình hành động đã đề ra, cấp ủy các cấp đã tăng cường công tác thông tin, nắm chắc tình hình diễn biến tư tưởng của nhân dân, các ý kiến của nhân dân được quan tâm giải quyết kịp thời, tiến hành đồng loạt những biện pháp chống hoạt động lợi dụng tôn giáo và di dịch cư tự do... Mỗi tổ chức cơ sở đảng, từng cấp ủy và từng cán bộ, đảng viên thấm nhuần sâu sắc nội dung Quy định số 54-QĐ/TW, ngày 12-5-1999 của Bộ Chính trị về chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng và xác định rõ việc học tập lý luận chính trị, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ là công việc thường xuyên, cần thiết, học tập với động cơ đúng đắn. Trong thời gian từ tháng 6-1999 đến tháng 6-2001 Tỉnh ủy đã chỉ đạo mở được 487 lớp đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị theo các chương trình quy định của Trung ương cho 27.883 lượt cán bộ, đảng viên ở Trường Chính trị tỉnh và các Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện, thị, trong đó, đào tạo 24 lớp với 1.687 học viên, bồi dưỡng ở tỉnh 31 lớp với 1.799 học viên, bồi dưỡng ở huyện, thị 432 lớp với 24.407 học viên; đào tạo bồi dưỡng ở các trường Trung ương cho 68 lượt người.

2.2. Về đạo đức, lối sống

a) Ưu điểm:

Đa số đảng viên trong Đảng bộ luôn luôn chăm lo giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh, trong sáng, trung thực, giản dị, không lợi dụng chức quyền để làm ăn phi pháp, vụ lợi cá nhân; gần bó với dân, tận tụy với công việc, quan tâm chăm lo sự nghiệp cách mạng chung, đấu tranh chống tham nhũng, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, đoàn kết nội bộ, có ý thức tổ chức kỷ luật, hăng say lao động, sáng tạo, thực hiện tốt Quy định số 55-QĐ/TW, ngày, 12-5-1999 về những điều đảng viên không được làm...

b) Khuyết điểm:

Tuy vậy, trong Đảng bộ cũng còn một số đồng chí bộc lộ tư tưởng hữu khuynh, nể nang trong phê bình, góp ý, vì sợ ảnh hưởng đến lợi ích bản thân; còn có biểu hiện xa rời quần chúng, thiếu đi sâu, đi sát cơ sở, thiếu tinh thần trách nhiệm trước công việc được giao. Một số cán bộ, đảng viên chưa gương mẫu, còn vi phạm hoặc để người thân trong gia đình vi phạm tệ nạn xã hội, trong quan hệ xã hội thiếu lành mạnh, một số cán bộ, đảng viên quan hệ nơi cư trú chưa tốt... đã gây dư luận xấu, làm giảm lòng tin trong nhân dân. Việc thực hiện Quy chế dân chủ ở một số cơ sở làm chưa tốt, cán bộ còn biểu hiện quan liêu, cửa quyền, hách dịch, sách nhiễu, lợi dụng chức quyền để ban ơn, ban phát sai quy định. Trong khi đó việc xử lý cán bộ, đảng viên vi phạm trong một số trường hợp chưa nghiêm, bởi vậy tính giáo dục và ngăn ngừa, ngăn chặn vi phạm chưa cao.

c) Kết quả sửa chữa khuyết điểm:

Nhìn chung, sau kiểm điểm đội ngũ cán bộ, đảng viên và cấp ủy, tổ chức đảng đã có sự chuyển biến tốt về lề lối, tác phong làm việc, chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Thẳng thắn và nghiêm túc tiếp thu các ý kiến góp ý. Nâng cao trách nhiệm và chỉ đạo sâu sát đối với cơ sở cũng như đối với công việc được giao. Triển khai thực hiện tốt Luật khiếu nại tố cáo, cho nên hạn chế được tình trạng đơn thư vượt cấp. Một số cán bộ vi phạm

khuyết điểm đã được xử lý như: vụ tệ nạn xã hội ở nhà hàng Thủy Sơn, Dự án Lùng Vai, Nông trường Thanh Bình, vụ cán bộ xã Bảo Hà, Kim Sơn - Bảo Yên vi phạm nguyên tắc quản lý tài chính... xử lý tốt một số vụ việc, đơn thư kéo dài như: giải quyết cấp đất xong cho 23 hộ ở thị tứ Bắc Ngâm - Bảo Thắng, thu hồi số gạo cứu đói sai đối tượng, sai mục đích và xử lý cán bộ sai phạm ở xã Phố Lu - Bảo Thắng; đơn thư ở các xã Bảo Hà, Thượng Hà- Bảo Yên. Một số cán bộ, đảng viên có khuyết điểm trong quan hệ xã hội, gia đình có người thân vi phạm hoặc chính bản thân vi phạm các tệ nạn xã hội... đã tự giác kiểm điểm và có nhiều chuyển biến tích cực.

2.3. Về tổ chức và điều hành

a) Ưu điểm:

Các cấp ủy tổ chức đảng đã kiểm điểm rất sâu việc lãnh đạo thực hiện phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh trong những năm qua. Nhìn chung, cơ bản đã xây dựng được đội ngũ cán bộ, đảng viên có năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, có tính tiên phong, gương mẫu, đoàn kết, nhất trí trong Đảng, chỉ đạo và điều hành thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Các nghị quyết, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước được tổ chức thực hiện có hiệu quả. Đã có những đổi mới trong quản lý hành chính, tổ chức, điều hành trên cơ sở giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, giải quyết kịp thời những việc trọng tâm, bức xúc.... Kết quả lãnh đạo và tổ chức điều hành của Đảng bộ thể hiện ở một số mục tiêu đạt được trong những năm qua đó là: Kinh tế tiếp tục tăng trưởng với tốc độ khá, năm 2000 đạt mức tăng trưởng 7,1%; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng khai thác lợi thế, đặc biệt là thương mại, dịch vụ và nông, lâm nghiệp (đến năm 2000 tỷ trọng các ngành này trong GDP thể hiện là: nông, lâm nghiệp giảm từ 52,59% năm 1995 xuống 49,02%, thương mại, dịch vụ tăng từ 26,04% lên 32,94%). Các loại hình kinh tế trang trại, kinh tế du lịch, dịch vụ, kinh tế đối ngoại từng bước phát triển. Hệ thống cơ sở hạ tầng được đầu tư tập trung và có hiệu quả hơn. Đời sống nhân dân từng bước được cải thiện, số hộ sản xuất giỏi, hộ

khá giàu tăng nhanh (hiện có trên 1,4 vạn hộ), giảm dần tỷ lệ số hộ đói nghèo (còn gần 15 % theo tiêu chí cũ). Các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa xã hội để có bước phát triển khá, hoàn thành được mục tiêu đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ tháng 5-2000. Biên giới và chủ quyền đất nước được giữ vững, an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm, củng cố được lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng bộ; sự đoàn kết các dân tộc được tăng cường do đó phát huy được sức mạnh tổng hợp của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong tỉnh; Luật khiếu nại, tố cáo của công dân được các cấp các ngành triển khai kịp thời và thực hiện có hiệu quả hơn.

b) Khuyết điểm:

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm, chưa chú trọng đúng mức phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, chưa có sản phẩm hàng hóa mũi nhọn, lợi thế kinh tế của khẩu chưa được phát huy. Một bộ phận trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là ở cơ sở, năng lực trình độ còn hạn chế, chưa ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình cách mạng mới, chất lượng công tác chưa cao, hoạt động của bộ máy cấp ủy, chính quyền ở cơ sở, đặc biệt là vùng cao, vùng xa còn hạn chế, có nơi chưa chủ động được trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch.

Công tác quy hoạch, đào tạo, sử dụng cán bộ còn nhiều bất cập, nhất là việc đào tạo cán bộ cơ sở còn chậm, một số trường hợp chiêu sinh không đúng tiêu chuẩn, thiếu cân đối giữa các dân tộc, các vùng, làm cho đội ngũ cán bộ địa phương ở một số nơi vừa thiếu vừa yếu.

Việc triển khai nghị quyết, xây dựng chương trình hành động và tổ chức thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước ở cơ sở còn lúng túng. Một số nơi chậm triển khai việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển kinh tế du lịch, dịch vụ, chuyển đổi hợp tác xã theo luật.

- Một số vấn đề xã hội chưa có biện pháp xử lý đồng bộ nên tồn tại còn kéo dài, như vấn đề lợi dụng tôn giáo tuyên truyền đạo trái phép, di dịch cư tự do, nghiện hút... Năm 2000 và đầu năm 2001

tình hình di dịch cư tự do diễn biến phức tạp (tính đến 30-6-2001 có 2.085 hộ, 12.941 khẩu ở 7 huyện, 48 xã, 52 thôn, bản, theo đạo trái phép; số hộ di cư tự do là 265 hộ: 1.523 khẩu đến các tỉnh Lai Châu, Đắk Lắk, Thanh Hóa; có 2.427 người nghiện hút, triệt phá 14 ha cây thuốc phiện).

Việc chỉ đạo triển khai thực hiện nghị quyết của Trung ương, của tỉnh nhiều nơi chưa sát thực, kiểm tra chưa thường xuyên, việc sơ tổng kết rút kinh nghiệm, nhân điển hình chưa kịp thời, tính năng động sáng tạo trong chỉ đạo, điều hành ở một số cấp ủy còn hạn chế, còn tư tưởng ỷ lại, trông chờ, thiếu chủ động, thiếu trách nhiệm.

c) Kết quả sửa chữa:

Sau kiểm điểm, các cấp ủy, tổ chức đảng đã có những đổi mới trong công tác lãnh, chỉ đạo, điều hành và tổ chức cán bộ; đã gắn việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) với triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 7; đã xây dựng kế hoạch để xúc tiến việc đánh giá, bổ nhiệm và bổ nhiệm lại đội ngũ cán bộ và thực hiện việc luân chuyển 20% cán bộ từ diện phó phòng huyện, thị trở lên để tăng cường cho cơ sở. Thực hiện chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, cấp ủy các cấp đã xây dựng được quy chế làm việc. Thường trực Tỉnh ủy và các ban xây dựng Đảng của Tỉnh ủy đã tham gia trực tiếp vào quy chế và chương trình công tác toàn khóa của 16 huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc trong quy chế đã được phê duyệt, nội dung công việc đã được chỉ ra cụ thể, rõ ràng hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho cấp ủy làm việc. Trong điều hành, các cấp ủy đã bám vào chương trình công tác toàn khóa được cụ thể hóa bằng các chương trình công tác trọng tâm để tập trung chỉ đạo thực hiện, tạo ra chuyển biến rõ trong việc thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp. Xúc tiến việc khắc phục những tồn tại trong công tác tổ chức cán bộ, tiến hành rà soát, bố trí lại nhiều chức danh chủ chốt phù hợp với năng lực, sở trường của cán bộ, sắp xếp lại đầu mối cơ quan Đảng và Nhà nước, đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường tiếp dân và giải quyết nhanh gọn các yêu cầu chính đáng của dân.

Đã tổ chức khắc phục ngay tình trạng một số công trình xây dựng cơ bản theo các chương trình mục tiêu không bảo đảm chất lượng, đặc biệt là một số công trình thuộc Chương trình 135 ở Bắc Hà, Bảo Thắng, Bát Xát, Mường Khương, Than Uyên... và các công trình dự án định canh định cư. Trong các năm 1999-2000, toàn tỉnh đã được duyệt 473 công trình 135 (năm 1999: 259 công trình, năm 2000: 214 công trình), tổng giá trị khối lượng đã thực hiện: 122,336 tỷ đồng, đạt 122% so với kế hoạch vốn đã giao là: 99,945 tỷ đồng, đã hoàn thành đưa vào sử dụng 360/473 công trình; giá trị giải ngân 2 năm (tính đến 30-3-2001) là 99,455 tỷ đồng, đạt 99,5% so với kế hoạch vốn; huy động sức dân đóng góp 1.389 ngàn ngày công, trị giá 13,8 tỷ đồng; năm 2001, riêng chương trình xây dựng cơ sở hạ tầng (trong 5 chương trình theo Quyết định 138/2000/QĐ-TTg) tổng vốn đã giao là 52,045 tỷ đồng, đến nay đã có 74/154 công trình khởi công mới được thực hiện, giá trị khối lượng đã thực hiện được 12,2 tỷ đồng, đạt 23% kế hoạch; các công trình đưa vào sử dụng bước đầu đã đem lại hiệu quả thiết thực, đồng bào rất phấn khởi; triển khai kế hoạch thực hiện Quyết định 184, đã có 300 hộ tự nguyện bỏ đạo Tin Lành, chấn chỉnh các vi phạm trong thực hiện trợ cước, trợ giá các mặt hàng chính sách; các tồn tại trong phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ, chương trình mục tiêu phát thanh, truyền hình (như cấp radio, ti vi cho nhân dân vùng 3). Việc lập và giao kế hoạch năm 2000, 2001 đã có nhiều đổi mới, công khai, dân chủ hơn. Cải tiến quản lý, chỉ đạo xây dựng cơ bản theo quy định của Trung ương về các quy chế đấu thầu, chỉ định thầu; quản lý, khai thác kinh tế cửa khẩu. Đã có nhiều chuyển biến trong việc chủ động, sáng tạo tìm ra các biện pháp tháo gỡ khó khăn trong sản xuất, thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của địa phương, tích cực cải tiến lề lối và phương pháp làm việc theo phong cách khoa học, chính xác, thuận tiện. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XII đã xác định 7 chương trình công tác trọng tâm giai đoạn 2000 - 2005 và 9 nhiệm vụ trọng tâm năm 2001 nhằm cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XII và

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc khóa IX, phân công từng đồng chí cấp ủy phụ trách chương trình trọng tâm năm 2001 và chương trình toàn khóa của Ban Chấp hành.

Khắc phục nhanh tình trạng yếu kém của tổ chức cơ sở đảng, giảm số thôn, bản chưa có đảng viên. Các huyện đã chỉ đạo chặt chẽ các chi, đảng bộ cơ sở xây dựng phương án bồi dưỡng, phát triển đảng viên và đội ngũ cán bộ kế cận, chú ý đối tượng là người dân tộc thiểu số, cán bộ nữ. Từ năm 1999 đến nay, toàn Đảng bộ đã kết nạp được 2.899 đảng viên mới, trong đó có 35% là người thuộc các dân tộc thiểu số giảm được 114 thôn, bản chưa có đảng viên (hiện nay còn 157 thôn, bản). Đồng thời đã mạnh dạn bổ sung chính sách phụ cấp sinh hoạt phí cho đội ngũ cán bộ thôn, bản, tổ dân phố trong toàn tỉnh; ban hành một số nghị quyết về kinh tế, xuất, nhập khẩu, điều chỉnh khu kinh tế cửa khẩu và quy hoạch 2 thị xã...

Thông qua tự phê bình và phê bình, đến hết năm 2000 toàn Đảng bộ đã phát hiện và xử lý kỷ luật 54 cán bộ, đảng viên, trong đó có 3 đồng chí diện tỉnh quản lý, với các hình thức: khiển trách 1, cảnh cáo 1, cách chức 1; 51 đồng chí thuộc diện huyện, thị ủy và cấp tương đương quản lý với các hình thức kỷ luật là: khiển trách 21, cảnh cáo 23, cách chức 5, khai trừ 2. Nội dung vi phạm chủ yếu là thiếu tinh thần trách nhiệm, thiếu ý thức chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, cố ý làm sai nguyên tắc gây hậu quả nghiêm trọng, vi phạm đạo đức lối sống và các vi phạm khác. Tính riêng 6 tháng đầu năm 2001, Ủy ban Kiểm tra các cấp đã phát hiện và tiến hành kiểm tra 74 đảng viên có dấu hiệu vi phạm. Qua kiểm tra, có 61 đảng viên có vi phạm, trong đó, phải thi hành kỷ luật: 42, đã xử lý kỷ luật: 37, có 17 đảng viên là cấp ủy viên; nội dung vi phạm: thiếu tinh thần trách nhiệm chiếm 22,54%, mất dân chủ, mất đoàn kết 16,9%, cố ý làm trái quy định 9,86%, vi phạm đạo đức lối sống 18,31%, nhà đất 8,45% và các vi phạm khác 23,94%.

3. Kết quả chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung khác trong đợt vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng

Gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tỉnh đã tổ chức kỷ niệm 30 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, phát động toàn Đảng, toàn dân học tập, làm theo *Di chúc* và 5 lời thề lúc tiễn biệt Người, phát động phong trào thi đua chào mừng kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Đảng, mừng thành công Đại hội thi đua toàn tỉnh lần thứ I và toàn quốc lần thứ VI, tổ chức tốt các ngày lễ kỷ niệm lớn trong năm 2000, đặc biệt là kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng Lào Cai. Qua đó đã nâng cao nhận thức tư tưởng, chính trị, học tập đạo đức, lối sống mẫu mực của Bác Hồ cho cán bộ, đảng viên, khơi dậy lòng tự hào dân tộc, động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân hăng hái lao động, sản xuất, xây dựng Lào Cai giàu mạnh.

Tỉnh ủy đã chỉ đạo tổ chức thành công cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp, lựa chọn được 4.052 đại biểu có đủ phẩm chất, năng lực và có uy tín tham gia Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trong đó cấp tỉnh 50 đại biểu, cấp huyện, thị 298 đại biểu, cấp xã, phường, thị trấn 3.704 đại biểu. Tỷ lệ cử tri đi bầu ở ba cấp đạt trung bình là 99,6%. Triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII) về kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan Đảng và Nhà nước, tỉnh chỉ đạo sắp xếp lại đầu mối cơ quan, ban, ngành, tổ chức; sắp xếp lại các ban xây dựng Đảng theo hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương, sắp xếp bộ máy theo hướng tinh gọn và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới. Thực hiện việc chia tách huyện Bắc Hà thành 2 huyện Bắc Hà và Si Ma Cai theo đúng quy định của Trung ương. Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy Khối Dân Đảng của tỉnh đã được Ban Tổ chức Trung ương thẩm định tháng 6-2001. Tỉnh đã chỉ đạo xây dựng chính sách thu hút cán bộ khoa học - kỹ thuật, các nghệ nhân và công nhân có trình độ tay nghề cao đến làm việc tại Lào Cai và vùng cao, vùng khó khăn; xây dựng đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt cơ sở giai đoạn 2001-2005. Chỉ đạo điều tra trình độ lý luận chính trị của đội ngũ cán bộ, đảng viên

nhằm kiện toàn đội ngũ làm công tác tuyên giáo, đội ngũ giảng viên ở các Trung tâm Chính trị huyện, thị và đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên ở chi đảng bộ cơ sở. Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền để khơi dậy truyền thống cách mạng, cổ vũ, động viên các điển hình tiên tiến trên mọi lĩnh vực.

Xúc tiến mạnh mẽ công tác bồi dưỡng, kết nạp đảng viên mới. Nhân dịp kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Đảng, toàn tỉnh đã kết nạp được 278 đảng viên, giảm được 20 thôn, bản chưa có đảng viên; đã tiến hành sơ kết việc thực hiện Chỉ thị số 51-CT/TW, ngày 21-1-2000 của Bộ Chính trị về kết nạp đảng viên nhân dịp kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Đảng, tìm ra những biện pháp khắc phục những tồn tại, yếu kém trong lĩnh vực này.

Tỉnh ủy đã tập trung chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 54-CT/TW, ngày 22-5-2000 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX. Đã chỉ đạo tổ chức thành công đại hội Đảng cấp cơ sở và cấp huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc. Làm tốt công tác nhân sự và tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, kiện toàn Ban Chấp hành mới gồm 45 đồng chí có đủ năng lực, trí tuệ đứng ra gánh vác công việc của Đảng bộ.

4. Nguyên nhân thành công

Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quán triệt sâu sắc, nắm vững tư tưởng nội dung tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2).

- Chuẩn bị kỹ các nội dung tổ chức thực hiện.
- Nhận thức đúng nguyên tắc tập trung dân chủ và được áp dụng trong quá trình chỉ đạo tổ chức thực hiện.
- Chỉ đạo sát sao, cụ thể và rất kiên quyết.

5. Nguyên nhân cơ bản của yếu kém

a) *Về khách quan*: Do nền kinh tế tỉnh ta có xuất phát điểm thấp, phát triển chưa vững chắc, chưa cân đối, lại bị ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính khu vực và mặt trái của cơ chế thị

trường tác động; trình độ sản xuất của tỉnh chủ yếu vẫn còn mang tính tự nhiên, tự cấp, tự túc. Mặt khác, trình độ dân trí, trình độ am hiểu pháp luật hạn chế, cho nên trong một bộ phận cán bộ, đảng viên không thoát khỏi được tư tưởng của người sản xuất nhỏ, lề lối, tác phong làm việc không khoa học, vì vậy hiệu quả công việc chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ.

b) Về chủ quan: Việc nhận thức và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ở một số nơi chưa tốt, kỷ cương, trật tự không nghiêm. Có tình trạng nghị quyết, chỉ thị cấp trên đã đề ra, nhưng cấp dưới làm không đến nơi, đến chốn, làm chậm, thiếu nhạy bén, chưa mạnh dạn phát huy lợi thế để thực hiện, vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại cấp trên và Nhà nước. Một số cán bộ, đảng viên không chịu khó rèn luyện, thoái hóa, biến chất, chạy theo lối sống thực dụng, quan liêu và thiếu ý thức trách nhiệm trước công việc được giao. Bên cạnh đó, công tác tổng kết thực tiễn chưa được thực hiện thường xuyên, công tác quy hoạch, đào tạo và sử dụng cán bộ có nơi còn tùy tiện, yếu kém, bất cập. Đội ngũ cán bộ còn thiếu và yếu đặc biệt là thiếu những cán bộ giỏi, những công nhân có trình độ tay nghề cao, có tâm huyết với nghề nghiệp, việc đào tạo cán bộ người dân tộc, nhân tài chưa được quan tâm đúng mức. Việc quản lý, giáo dục, kiểm tra cán bộ, đảng viên còn lỏng lẻo, kiện toàn tổ chức chậm, cán bộ, đảng viên ngại đi cơ sở, không gần dân, điều hành công việc ở cơ sở còn lúng túng...

6. Đánh giá chung

Trong quá trình triển khai và thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Tỉnh ủy đã bám sát các kế hoạch, hướng dẫn của Trung ương, chỉ đạo các cấp ủy đảng từ tỉnh đến cơ sở xây dựng được kế hoạch và chương trình hành động ở từng cấp. Chỉ đạo làm tốt công tác học tập, quán triệt nghị quyết, chuẩn bị kỹ lưỡng những nội dung công việc cần phải làm, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong suốt quá trình thực hiện nghị

quyết, chỉ đạo sát sao, cụ thể, kiên quyết. Những gợi ý kiểm điểm của cấp ủy các cấp đối với cá nhân và tập thể cấp ủy cấp dưới đều sát và đúng, bảo đảm cho quá trình thực hiện nghị quyết và tiến hành tự phê bình và phê bình đạt kết quả tốt, có tác dụng giáo dục cao và ý nghĩa thực tiễn.

Công tác tự phê bình và phê bình được tiến hành nghiêm túc, đúng quy trình, chặt chẽ, coi trọng chất lượng, không chạy theo thời gian, góp ý thẳng thắn, tự giác trong phê bình và tự phê bình, nghiêm túc nhìn thẳng vào khuyết điểm và xây dựng phương hướng, biện pháp sửa chữa. Cấp ủy các cấp đã xác định rõ quá trình thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) là một quá trình đấu tranh để đi đến thống nhất, phát triển. Do đó trong quá trình kiểm điểm, không có nể nang bao che khuyết điểm cho nhau, không tả khuynh, hữu khuynh, không có tình trạng lợi dụng phê bình để vu cáo, đả kích, hạ thấp uy tín của nhau, hoặc gây mất đoàn kết nội bộ và trù dập người phê bình.

Sau kiểm điểm, Tỉnh ủy đã kịp thời chỉ đạo các cấp ủy đảng, cơ sở tiến hành sửa chữa khuyết điểm theo chương trình mà cấp ủy đã xây dựng. Tính đến nay, nhiều vấn đề tồn tại khuyết điểm trong toàn Đảng bộ đã được các cấp ủy chỉ đạo khắc phục, sửa chữa. Kết quả sửa chữa tuy mới chỉ là bước đầu, nhưng đã thực sự có tác dụng trong việc nâng cao nhận thức tư tưởng chính trị, rèn luyện và giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên, bước đầu cải tiến được lề lối, tác phong và phương pháp tổ chức chỉ đạo, điều hành công việc của các cấp ủy và tổ chức đảng. Cho đến nay, các mục tiêu, nhiệm vụ mà chương trình hành động của Đảng bộ về việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) đã cơ bản hoàn thành.

Tuy vậy, việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng ở tỉnh ta cũng còn một số tồn tại đáng chú ý như: Một số cấp ủy, tổ chức đảng do nhận thức chưa đầy đủ ý nghĩa cấp thiết của cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, dẫn đến việc chuẩn bị cho tự phê bình và phê bình thiếu chu đáo, làm không đạt yêu cầu nên phải tổ chức kiểm điểm lại; một số cá

nhân viết bản kiểm điểm còn sơ sài, thiếu nghiêm túc, do đó cấp ủy cấp trên phải yêu cầu viết lại. Một số đơn vị thực hiện chậm, làm ảnh hưởng tiến độ chung của tỉnh; việc giải quyết đơn thư, khiếu kiện ở một số đảng bộ chưa kịp thời và dứt điểm (như vụ việc ở Nông trường Thanh Bình, Hội Chữ thập đỏ tỉnh, Hội Chữ thập đỏ huyện Than Uyên...).

Việc khắc phục khuyết điểm đòi hỏi phải có sự nỗ lực phấn đấu cao, kiên trì, liên tục và nghiêm túc. Do vậy các cấp ủy đảng phải có kế hoạch, biện pháp tiếp tục cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, coi đây là công việc thường xuyên, gắn khắc phục sửa chữa khuyết điểm với quá trình triển khai thực hiện tốt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ CẦN TIẾP TỤC CHỈ ĐẠO ĐỐI VỚI CÔNG TÁC XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ TRONG THỜI GIAN TỚI

Quán triệt Chỉ thị số 03-CT/TW, ngày 7-6-2001 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, trong thời gian tới, toàn Đảng bộ tập trung chỉ đạo tiếp tục khắc phục những tồn tại, yếu kém, sửa chữa những khuyết điểm đã nêu trong quá trình tự phê bình và phê bình. Các cấp ủy, tổ chức đảng từng cấp cần đối chiếu với yêu cầu cuộc vận động, khẳng định những việc đã làm được, chưa làm được; phân tích sâu sắc nguyên nhân vì sao chưa đạt yêu cầu, đề ra những giải pháp tích cực để tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong năm 2001 và những năm tới. Căn cứ vào nghị quyết đại hội các cấp vừa qua, các cấp ủy, tổ chức đảng bổ sung chương trình thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) ở cấp mình, đơn vị mình. Rà soát việc thực hiện kế hoạch sửa chữa khuyết điểm sau tự phê bình và phê bình, tập trung giải quyết những vụ việc nổi cộm, bức xúc của từng ngành và địa phương, kể cả những việc tồn đọng cũ và những việc mới phát sinh. Thực hiện ba công khai:

công khai kết quả kiểm điểm của tập thể và cá nhân Ban Thường vụ cấp ủy; công khai kế hoạch khắc phục, sửa chữa khuyết điểm của cấp ủy và công khai giải quyết các vấn đề nổi cộm để nhân dân có điều kiện giám sát quá trình sửa chữa khuyết điểm của từng tập thể, cá nhân cấp ủy và từng đảng viên. Quán triệt phương châm tiếp tục và phải dựa hẳn vào nhân dân để phát hiện và xử lý những tồn tại ở cơ sở, phát huy dân chủ của nhân dân, những vấn đề có liên quan đến nhân dân thì phải lấy ý kiến của nhân dân trước khi quyết định. Yêu cầu cấp ủy các cấp đưa công tác thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) vào các chương trình công tác thường xuyên; xây dựng các quy định nhằm đưa tự phê bình và phê bình thành nền nếp, có chiều sâu, có chất lượng trong sinh hoạt đảng các cấp. Tiếp tục chỉ đạo thường xuyên làm tốt công tác tự phê bình và phê bình, quán triệt phương châm coi trọng giáo dục, ngăn ngừa vi phạm là chính, chân thành giúp đỡ người có khuyết điểm tự giác nhận và sửa chữa những sai phạm của mình. Song, phải nghiêm khắc xử lý đối với những trường hợp vi phạm pháp luật và kỷ luật của Đảng, không thành khẩn tự phê bình và tiếp thu phê bình, không chịu khắc phục, sửa chữa khuyết điểm.

Trên từng lĩnh vực cần tập trung chỉ đạo thực hiện tốt những nội dung sau đây:

1. Về tư tưởng, chính trị

Đẩy mạnh hơn nữa công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, tiếp tục tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập, quán triệt 6 quan điểm có tính nguyên tắc của Đảng. Kịp thời làm tốt công tác tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong từng thời kỳ. Trước mắt khẩn trương triển khai học tập và thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX theo Chỉ thị số 01-CT/TW, ngày 29-5-2001 của Bộ Chính trị, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII (đặc biệt là phổ biến 7 chương trình công tác trọng tâm toàn khóa theo tinh thần Văn bản số 02-CT/TU, ngày 3-5-2001 và Kế hoạch triển khai số 03-KH/TU, ngày 30-5-2001 của Tỉnh ủy) đưa chế độ học tập lý luận

chính trị trong Đảng theo Quy định số 54-QĐ/TW, ngày 12-5-1999 của Bộ Chính trị vào nền nếp. Thực hiện định kỳ thông tin cho đảng viên nắm được tình hình trong nước, quốc tế và tình hình của địa phương. Giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nâng cao cảnh giác, chống âm mưu diễn biến hoà bình, bạo loạn, lật đổ của các thế lực thù địch, đặc biệt là hoạt động lợi dụng tôn giáo truyền đạo trái phép, kích động nhân dân di dịch cư tự do, làm tốt tư tưởng cho nhân dân ở 4 khu vực có tranh chấp chuẩn bị cho cấm mốc biên giới theo hiệp định mà 2 bên đã ký kết... Xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ báo cáo viên cơ sở đủ sức để tham mưu giúp cấp ủy làm tốt công tác chính trị, tư tưởng ở cơ sở. Thực hiện đảng viên nói và làm theo nghị quyết của Đảng, chống mọi tư tưởng bè phái, cục bộ địa phương và cơ hội về chính trị. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, củng cố và nâng cao niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

2. Về đạo đức, lối sống

Thường xuyên thực hiện tốt tự phê bình và phê bình trong Đảng, gắn với tổ chức sinh hoạt chi bộ hằng tháng. Tăng cường quản lý cán bộ, đảng viên trên cả 5 lĩnh vực: lịch sử, tư tưởng, công tác, quan hệ, tài sản; làm tốt công tác quản lý đảng viên nơi cư trú, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên có vi phạm. Đảng viên phải thực sự gương mẫu kể cả nơi công tác và nơi cư trú, gương mẫu tham gia mọi hoạt động quần chúng, hoàn thành xuất sắc công việc được giao, vận động người thân trong gia đình thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả quy định về những điều đảng viên không được làm; Pháp lệnh cán bộ, công chức; Pháp lệnh phòng, chống tham nhũng; Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Quy chế dân chủ ở cơ sở... Tăng cường công tác đấu tranh chống tham nhũng, thực hiện đúng quy định của Nhà nước về đầu tư xây dựng cơ bản và quản lý kinh tế. Thực hiện những hướng dẫn, quy định của Chính phủ về kê khai nhà đất đối với cán bộ, công chức, đặc biệt là những cán bộ được đề nghị bổ

nhiệm hoặc giới thiệu bầu cử các chức danh lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, đoàn thể ở các cấp, coi đây là tài liệu không thể thiếu trong hồ sơ xem xét để giới thiệu, quyết định đề bạt, bổ nhiệm cán bộ.

3. Về tổ chức, điều hành

Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng, trong quản lý kinh tế. Trong quy chế làm việc của cấp ủy các cấp, cần quy định rõ những vấn đề cấp ủy bàn và quyết định như: những chủ trương, giải pháp lớn về phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đặc biệt là công tác cán bộ, chống tư tưởng áp đặt chủ quan, gia trưởng... Thực hiện đúng quy chế làm việc của cấp ủy, thường xuyên duy trì chế độ giao ban giữa cấp ủy với chính quyền và Hội đồng nhân dân, duy trì chế độ sinh hoạt đảng đều đặn. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động và phát huy hơn nữa vai trò lãnh đạo, tính chủ động trong công tác của các cấp ủy Đảng, tổ chức điều hành thực hiện của chính quyền và giám sát chặt chẽ của Hội đồng nhân dân các cấp. Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác vận động quần chúng của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể trong hệ thống chính trị. Làm tốt công tác thi đua, khen thưởng và kết nạp đảng viên mới. Xây dựng và đào tạo đội ngũ cán bộ, đảng viên có đạo đức cách mạng trong sáng, có năng lực và trình độ công tác. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện và uốn nắn những sai sót ở cơ sở, triển khai có hiệu quả những mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XII đã đề ra; tiến hành kiểm tra thường xuyên việc sửa chữa khuyết điểm sau tự phê bình và phê bình của cấp ủy các cấp và từng cán bộ, đảng viên. Trước mắt, cấp ủy các cấp cần khẩn trương hoàn thiện kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện 7 chương trình công tác trọng tâm theo nghị quyết của Ban Chấp hành, đặc biệt chú ý công tác ổn định dân cư, chống hoạt động lợi dụng tôn giáo truyền đạo trái phép và di cư tự do. Thực hiện tốt việc đánh giá và bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo các cấp, sắp xếp, luân chuyển cán bộ gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa VIII, bảo đảm cho toàn bộ hệ

thống chính trị hoạt động ngày càng tích cực và hiệu quả. Thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII và các nghị quyết, chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về nhiệm vụ “Phát triển kinh tế là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt”.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 18-BC/TU, ngày 18-7-2001

**Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU,
ngày 15-1-1997 về chuyển dịch cơ cấu kinh tế
theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa
giai đoạn 1996 - 2000**

Quán triệt Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, căn cứ vào định hướng và mục tiêu của Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XI giai đoạn 1996 - 2000, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ra Nghị quyết chuyên đề về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa (tháng 1-1997). Đây là nghị quyết rất quan trọng vừa xác định mục tiêu vừa là động lực để tạo ra những tiền đề cho sự phát triển về kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng của tỉnh Lào Cai. Trong quá trình tổ chức thực hiện, mặc dù ở giai đoạn này có rất nhiều khó khăn, trong nước khó khăn nhiều mặt, thiên tai xảy ra rất lớn, tình hình thế giới có nhiều phức tạp nhưng về cơ bản chúng ta khắc phục dần khó khăn, phấn đấu thực hiện những nhiệm vụ do Nghị quyết đề ra và đã đạt được nhiều mục tiêu quan trọng, sản xuất phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, kinh tế tăng trưởng góp phần quan trọng cải thiện đời sống nhân dân, xóa đói, giảm nghèo, bảo vệ môi trường sinh thái và an ninh quốc phòng. Kết quả đã thực hiện các mục tiêu chủ yếu như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CHUNG

1. Nhịp độ tăng trưởng GDP hàng năm (giá so sánh 1994) mục tiêu đề ra tăng 11-12 %, kết quả thực hiện đạt 5,3%.

2. Tổng sản lượng lương thực quy thóc, mục tiêu đề ra đến năm 2000 là 160.000 tấn, thực hiện đạt 175.000 tấn, tăng 15.000 tấn (109,3%).

3. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu đến 2000 mục tiêu đề ra 12 triệu USD, thực hiện đạt 14,4 triệu USD, tăng 2,4 triệu USD (120%).

4. Tỷ lệ tán che phủ của rừng đến 2000 là 35%, thực hiện đạt 32,4%.

5. Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,2%, thực hiện đạt 0,75%.

6. Mục tiêu xóa đói bình quân mỗi năm giảm 2%; giảm nghèo bình quân mỗi năm giảm 2%, thực hiện mỗi năm giảm cả đói và nghèo đạt 3,8% (theo tiêu chí cũ).

7. Mục tiêu huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường năm 2000 đạt 70%, thực hiện đạt 91%, tăng 21%.

8. Mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học vào năm 2003, thực hiện vào năm 2000.

9. Mục tiêu huy động GDP vào ngân sách năm 2000 là 15%, thực hiện đạt 12,32%.

10. Mục tiêu định canh định cư, căn bản không còn du canh du cư vào năm 2000, thực tế vẫn còn xảy ra, nhưng không lớn.

11. Bình quân GDP/đầu người năm 2000 so với năm 1995 (theo giá thực tế) tăng 2 lần, kết quả thực hiện tăng 1,35 lần.

12. Cơ cấu kinh tế đến 2000

Mục tiêu thực hiện:

- Nông, lâm nghiệp 39% 48,29%.

- Công nghiệp - xây dựng 32% 19,85%.

- Dịch vụ 29% 31,86%.

Qua kết quả trên chúng ta thấy: 4 mục tiêu đạt được theo Nghị quyết 01 là 33 %; 3 mục tiêu xấp xỉ đạt là 25 % (đạt trên 90% là độ tán

che phủ rừng; tỷ lệ giảm đói nghèo); 5 mục tiêu đạt thấp đó là: Nhịp tăng GDP; tình trạng du canh du cư; cơ cấu các ngành kinh tế; tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách; thu nhập bình quân đầu người.

Mục tiêu thu nhập bình quân đầu người, tăng trưởng kinh tế, tỷ trọng công nghiệp đạt thấp là do một số yếu tố thay đổi về chính sách của Nhà nước, chưa lường hết những khó khăn và do nắm bắt thông tin thị trường chưa vững chắc.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ LĨNH VỰC CHỦ YẾU

1. Sản xuất nông nghiệp

Đã tập trung chỉ đạo và tạo các điều kiện phục vụ sản xuất nên sản xuất nông nghiệp đã có sự tăng trưởng khá, cụ thể:

- Tổng sản lượng lương thực tăng 9,3% (so với mục tiêu).
- Tổng giá trị sản xuất nông nghiệp tăng bình quân 8,1%/năm.

Đã đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất trên phạm vi rộng nên năng suất lúa đã đạt được năm 2000 tăng 2 tạ/ha so với năm 1995.

- Chăn nuôi (gia súc, gia cầm) vẫn bảo đảm tăng đều hằng năm:
 - + Đàn trâu tăng bình quân 2% năm.
 - + Đàn bò tăng bình quân 12% năm.
 - + Đàn lợn tăng bình quân 3,45% năm.
 - + Đàn ngựa cơ bản ổn định.
 - + Đàn gia cầm tăng bình quân 7,7% năm.
- Thủy sản được coi trọng, diện tích năm 2000 tăng gần 1,3 lần năm 1995, nhiều gia đình có thu nhập khá cao.

Trong quá trình sản xuất, một số cây trồng, nghị quyết xác định cần hạn chế mở rộng diện tích như: lúa nương, sắn đã từng bước được thực hiện tốt:

- + Lúa nương năm 2000: Giảm 1.590 ha (tương ứng 15%) so với 1995.
- + Diện tích sắn không tăng, giữ ở mức 6.000 ha (từ 1996 - 2000).

Bên cạnh việc đầu tư phát triển cây ngắn ngày, trong những năm qua đã tiến hành rà soát xây dựng một số dự án phát triển cây dài ngày nhằm tăng hiệu quả sử dụng đất đai và chuyển dần sang kinh tế hàng hóa trong nông nghiệp.

Cây ăn quả: Đến năm 2000 có 6.600 ha, tăng 2 lần so với năm 1995, đã hình thành vùng tập trung ở cả vùng cao và vùng thấp như: vùng mật tập trung ở Bắc Hà (2.500 ha), vùng nhãn, vải ở Bảo Thắng (1.100 ha) đã làm tăng thu nhập cho nhiều gia đình nông dân, tạo được phong trào sản xuất trang trại, đẩy mạnh sản xuất góp phần xóa đói giảm nghèo.

Cây chè: Mục tiêu đến năm 2000 trồng 3.000 - 5.000 ha. Đến năm 2000 tổng diện tích có 2.700 ha, so với mục tiêu chưa đạt nhưng đã xây dựng dự án cụ thể, đang triển khai tích cực, tạo cơ sở để tiếp tục phát triển. Năm 2000 đã cung cấp trên 6.660 tấn búp tươi để đưa vào chế biến tăng so 1995 là 11,2%.

Cây đậu tương: Mục tiêu 5.000 ha. Năm 2000 đã gieo trồng 3.580 ha, bằng 72% so với mục tiêu, tổng sản lượng năm 2000 đạt 2.200 tấn. Bước đầu đã đưa giống kỹ thuật năng suất cao vào trồng ở một số địa phương có kết quả, tạo tiền đề để thực hiện chương trình sản xuất hàng hóa, có triển vọng tốt.

Cây đặc sản, cây dược liệu: Thảo quả là cây có ưu thế phát triển ở vùng cao Bát Xát, Sa Pa và một số nơi có điều kiện. Mặc dù những năm qua vấn đề thị trường có năm không ổn định nhưng nhân dân vẫn giữ diện tích, một số có thu nhập cao đã góp phần quan trọng cho ổn định đời sống của nông dân. Các loại cây đặc sản như quế, dược liệu cũng tăng, trong đó quế tăng gần 2 lần.

Cây mía: Tuy không xây dựng nhà máy chế biến đường nhưng vùng chuyên canh ở huyện Bảo Thắng và Bảo Yên vẫn phát triển. Tổng diện tích đã có ở năm 2000 là 2.820 ha tăng 1.600 ha so năm 1995, đã chế biến trên 4.700 tấn đường mật, tăng so với năm 1995, gấp 2,4 lần. Đây là loại cây vừa giải quyết đói, vừa làm giàu cho nông dân.

Tóm lại, mặc dù có nhiều khó khăn (thời tiết không thuận lợi, nguồn vốn đầu tư kiến thức sản xuất của nông dân còn hạn chế, công tác chỉ đạo của cơ sở chưa đáp ứng...) nhưng có thể khẳng định sự tăng trưởng của ngành nông nghiệp trong 5 năm qua là đáng phấn khởi:

- Sản xuất đa dạng hơn, xóa thế độc canh.
- Sản xuất hàng hóa có chiều hướng phát triển (cây công nghiệp, cây ăn quả)
- Đã xuất hiện nhiều điển hình làm kinh tế giỏi, trong nông nghiệp ngày càng phát huy theo hướng sản xuất trang trại.

Đời sống nhân dân trong nông thôn được cải thiện hơn trước.

Tuy nhiên, so với mục tiêu đề ra thì sự chuyển dịch trong nội bộ ngành còn chậm và không đều giữa các vùng (trồng trọt hiện chiếm 76,5%, giảm so với năm 1995 là 3,31%. Chăn nuôi hiện chiếm 23%, tăng 3,46%. Cây công nghiệp chiếm 15,27% so với trồng trọt, tăng so với năm 1995 là 5,62%). Thâm canh mới chỉ thực hiện đối với cây lúa, một phần cho cây ngô ở vùng thấp (kể cả giống, phân, nước, chăm sóc vụ, v.v.) các cây loại trồng khác chủ yếu vẫn là quảng canh.

Cơ cấu cây trồng chưa thật hợp lý nên hạn chế đầu tư lớn cho sản xuất.

2. Sản xuất lâm nghiệp

Đã coi trọng bảo vệ, khoanh nuôi là chính kết hợp trồng rừng mới và phát triển lâm nghiệp xã hội.

Tổng diện tích đất có rừng năm 2000 là 260.590 ha, trong đó rừng trồng là 42.706 ha, (chiếm 16,4%). Tỷ lệ che phủ đạt 32,4%, so với mục tiêu đạt 91%, bình quân giai đoạn 1996 - 2000 tăng 2,5%/năm.

Đầu tư cho bảo vệ, khoanh nuôi rừng ổn định. Trồng rừng đầu tư cho Chương trình 327, lâm nghiệp xã hội giảm nhiều là nguyên nhân không hoàn thành mục tiêu. Đối với khai thác gỗ rừng tự nhiên từ 1998 - 2000 đã giảm so với những năm trước. Thực hiện đúng chủ trương theo Chỉ thị 286-CT/TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Vấn đề nổi bật trong những năm qua là đã xúc tiến nhanh việc giao

đất, giao rừng. Diện tích đất lâm nghiệp đã giao là 260.206 ha (bằng 46% đất lâm nghiệp). Đất đã có chủ nên sự xâm hại vào rừng giảm rõ rệt, tuy vẫn còn tình trạng cháy rừng nhưng không nghiêm trọng.

Trong quá trình phát triển lâm nghiệp vẫn thấy nổi lên một số vấn đề bức xúc như sau:

- Cơ cấu cây trồng đã xác định nhưng chưa đầu tư lớn để phát triển các loại cây đa mục đích có giá trị, nguồn gốc ở địa phương như cây trám, dẻ, sấu.

- Xây dựng điểm trình diễn nông lâm kết hợp đã có kết quả, nhưng việc tuyên truyền mở rộng chưa được nhiều.

- Quản lý, khai thác, vận chuyển lâm sản (nhất là gỗ) đã có chuyển biến nhưng vẫn còn một số vụ vi phạm pháp luật, chủ yếu là gỗ quý hiếm.

3. Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

Là tỉnh có nhiều tiềm năng để phát triển, nhất là công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản và chế biến nông, lâm sản, nhưng có hai khó khăn rất lớn chưa khắc phục được đó là: khả năng nguồn vốn và thị trường. Tuy nhiên, do có nhiều biện pháp tổ chức lại sản xuất, nên tổng giá trị sản xuất (theo giá so sánh năm 1994) vẫn tăng trưởng và đạt 100% mục tiêu Đại hội đề ra là 307 tỷ (giá so sánh năm 1994) tương đương 75 tỷ (giá so sánh năm 1989). Tỷ lệ tăng bình quân hàng năm 8,87%.

Về cơ cấu thành phần: 86,8% là công nghiệp quốc doanh so với mục tiêu tăng 17,5 %.

- Về cơ cấu ngành kinh tế. Công nghiệp khai thác khoáng sản có tỷ trọng 67,6%, còn lại 42,4% là các ngành khác (trên 12 ngành).

Tuy chưa phát huy mạnh tiềm năng và tài nguyên nhưng công nghiệp phát triển đúng hướng, chú ý cho phát triển ngành khai thác.

Đối với tiểu thủ công nghiệp tăng trưởng chưa đáng kể. Nhưng những ngành nghề có tính truyền thống vẫn được duy trì, từng bước có sản phẩm hàng hóa, nhất là hàng thủ công, sơ chế nông sản, v.v..

Một số kết quả lớn là đã đưa điện lưới quốc gia đến các huyện và một số trung tâm cụm xã, mục tiêu 11/11 huyện, thị xã có điện lưới quốc gia được hoàn thành sớm trước 1 năm, đã đưa số xã có điện lên 67 (chiếm 37% số xã toàn tỉnh), ở các xã vùng sâu đã được đầu tư thủy điện nhỏ, đến nay có 11.382 hộ có máy. Có điện đã góp phần cải thiện văn minh nông thôn một cách thiết thực.

Tóm lại về công nghiệp đã có cố gắng phát triển, song đang còn nhiều tồn tại như:

- + Hiệu quả sản xuất thấp.

- + Một số dự án xây dựng nhưng chưa được đưa vào thực hiện (ván dăm ép, nước dừa cô đặc, tấm lợp, giấy cát tông và bao bì...) có dự án đang thực hiện nhưng tính ổn định chưa cao.

- + Tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn chưa phát triển, chưa có chính sách hỗ trợ đầu tư.

4. Thương mại - du lịch - dịch vụ

Đây là lĩnh vực có mức tăng trưởng nhanh, tổng mức lưu chuyển hàng hóa dịch vụ năm 2000 đạt 560 tỷ đồng, tăng bình quân 14% năm.

- Thương nghiệp quốc doanh đã thực hiện được vai trò chủ đạo, đặc biệt là trong lĩnh vực bảo đảm cung ứng các mặt hàng thiết yếu cho nhân dân cả về số lượng, chất lượng và giá cả. Mạng lưới thương nghiệp quốc doanh đã vươn tới nhiều trung tâm cụm xã do đó việc cung ứng cho nhân dân tốt hơn; 62 điểm cung ứng giống vật tư nông nghiệp và 42/45 cụm xã có tổ chức thương nghiệp quốc doanh.

Thương nghiệp ngoài quốc doanh đã tiếp tục phát triển, số doanh nghiệp về cơ bản ổn định, quy mô doanh số tăng khá. Tỷ trọng trong tổng mức bán lẻ năm 1995 là 58 %, đến năm 2000 là 61%.

Đáng lưu ý là chợ nông thôn được phát triển rất nhanh (59 chợ, trong đó khu vực 3 có 21 chợ). Thông qua hoạt động chợ đã có tác động tích cực trong việc kích thích sản xuất hàng hóa, nhiều chợ vùng cao còn là nơi hoạt động văn hóa góp phần duy trì, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

- Đối với khu kinh tế cửa khẩu: Sau khi được Chính phủ cho áp dụng thí điểm cơ chế chính sách mới đã có sự tăng trưởng khá, thu ngân sách tăng nhanh hơn và là nguồn quan trọng để đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng. Giá trị hàng hóa qua cửa khẩu tăng 8 lần; thu ngân sách tăng 4 lần so với năm 1995.

- Khu du lịch Sa Pa được xác định là trọng điểm đầu tư, mặc dù chưa đầu tư được nhiều nhưng cũng đã tạo ra được sự thu hút đáng kể về khách du lịch. Năm 2000 có 210.000 lượt khách và tăng gần 9 lần so với năm 1996. Kể từ khi thành lập Công ty Du lịch, hoạt động du lịch đã được mở rộng, đặc biệt là du lịch lõi hành, doanh thu du lịch năm 2000 so với năm 1996 tăng 3,2 lần, bình quân tăng 26,85%/năm.

- Đối với xuất, nhập khẩu: Đạt 14,4 triệu USD, bằng 120% mục tiêu, về cơ cấu xuất, nhập khẩu có sự chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng tăng xuất và hàng nhập giảm dần.

Năm 2000 so với năm 1995: Hàng xuất tăng 4,20 lần; hàng nhập tăng 1,7 lần.

Xuất khẩu có chiều hướng phát triển song nguồn hàng xuất còn thiếu tính bền vững.

Tóm lại, chuyển dịch cơ cấu kinh tế là yêu cầu cấp bách và là nội dung cơ bản để thực hiện xóa đói, giảm nghèo và khai thác lợi thế để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh miền núi; 5 năm qua tuy có nhiều khó khăn nhưng với sự chỉ đạo chặt chẽ, cụ thể của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, Nghị quyết 01 của Tỉnh ủy đã tạo được bước chuyển biến tích cực:

- Tổng sản phẩm các ngành sản xuất hàng năm đều tăng.
- Đời sống nhân dân được cải thiện đáng kể giảm được đói nghèo.
- Sản xuất phát triển đã góp phần giải quyết việc làm tốt hơn, năm 2000 số lao động còn thiếu việc so với năm 1995 giảm 1,7%.
- Tạo dịch chuyển kinh tế bước đầu theo hướng sản xuất hàng hóa.

Tuy nhiên, việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn rất chậm, ngành công nghiệp còn quá nhiều khó khăn nên hạn chế sự phát triển; vùng sâu, vùng xa vẫn là nơi rất khó khăn, chưa có phương án cụ thể trong

việc bố trí sản xuất nên đói nghèo vẫn còn cao, từ năm 1999 đã triển khai giúp các xã đặc biệt khó khăn xây dựng quy hoạch và đầu tư nhưng chủ yếu mới giải quyết một số cơ sở hạ tầng. Cần phải có nhiều biện pháp đồng bộ mới giải quyết được đói nghèo triệt để cho vùng cao.

III. VỀ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM CHO CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ

Nghị quyết 01 đã đưa ra 7 biện pháp chủ yếu chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành và trong nội bộ ngành. Tất cả các biện pháp đều đưa vào kế hoạch hằng năm song kết quả còn hạn chế, biểu hiện như sau:

1. Quy hoạch bố trí sản xuất và ổn định dân cư

Đã triển khai dự án tổng quan định canh định cư, dự án quy hoạch sản xuất bố trí lại dân cư 26 xã biên giới, dự án xây dựng trung tâm cụm xã (27/30) nhưng việc đưa vào kế hoạch thực hiện hằng năm không đáp ứng được yêu cầu dự án đề ra. Nguyên nhân cơ bản là nguồn vốn thiếu (trong số các dự án trung tâm cụm xã đã quy hoạch chỉ khởi công được 13 điểm đạt 52% mục tiêu đề ra; dự án 26 xã biên giới mới được đầu tư nhưng chưa đáp ứng yêu cầu, dự án định canh định cư: tỷ lệ sắp xếp dân cư thấp so với nhu cầu, đầu tư thấp). Tuy nhiên đã hạn chế di cư tự do.

2. Huy động vốn và bố trí xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội

a) Huy động vốn đầu tư cơ sở hạ tầng 5 năm (1996 - 2000) đạt 2504,57 tỷ đồng, trong đó năm 2000 đạt 534,61 tỷ đồng, tăng 10,8% so với năm 1995.

So với thời kỳ 1991 - 1995: Nguồn ngân sách nhà nước huy động vào đầu tư tăng 13 lần, nguồn tín dụng tăng 2,8 lần, nguồn của doanh nghiệp tăng 2,1 lần, nguồn nước ngoài tăng 9 lần và huy động dân cư tăng 16,8%. Đây là một nỗ lực tích cực mới, tạo điều kiện tốt cho sự tăng trưởng kinh tế những năm qua.

Việc kế hoạch đầu tư hằng năm, căn cứ nguồn vốn đã bố trí đúng hướng cho từng ngành:

Công nghiệp chiếm tỷ lệ 14,35%.

Nông, lâm nghiệp chiếm tỷ lệ 17,28 %.

Thương mại, du lịch chiếm tỷ lệ 10,35 %.

Giao thông chiếm tỷ lệ 19,59%.

Cơ sở hạ tầng xã hội chiếm tỷ lệ 38,43%.

Trong đó: Giáo dục - đào tạo 4,13%; y tế - xã hội: 3,36%; hành chính công cộng: 3,03 %...

Tuy nhiên, do quá nhiều địa phương, nhiều lĩnh vực đều có yêu cầu cấp bách nên bố trí còn dàn trải, kéo dài, do đó chậm phát huy tác dụng.

b) Huy động vốn đầu tư phát triển sản xuất:

- Tổng doanh số cho vay từ nguồn Ngân hàng Thương mại bình quân năm (1996 - 2000) là 330 - 340 tỷ đồng, vượt mục tiêu 32%.

- Nguồn vốn khuyến nông, khuyến lâm, xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm, v.v. bình quân mỗi năm 35 tỷ đồng, tăng 16% so với mục tiêu.

Do huy động vốn tăng nên đã có tác dụng tích cực đến ổn định và phát triển sản xuất, số hộ giàu và khá trong nông thôn tăng nhanh (qua tổng kết kinh tế nông thôn của tỉnh đã chứng minh điều này).

4. Vấn đề thị trường

Đây là một vấn đề rất khó khăn chung cho các tỉnh miền núi. Một số chính sách kinh tế cho phát triển ngành công nghiệp và chính sách kinh tế nhằm hỗ trợ sản xuất đã được ban hành và có tác dụng kích thích sản xuất phát triển (như trợ giá, trợ cước vận chuyển, hỗ trợ lãi suất tiền vay cho nông dân, giảm thuế, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm ...) nhưng đầu ra vẫn chưa ổn định. Chưa quan tâm đến công tác tiếp thị, chưa mở rộng được với các thị trường ngoài tỉnh, trong đó thị trường Vân Nam - Trung Quốc chưa được khai thác mạnh.

5. Khoa học công nghệ và môi trường

Tỉnh đã triển khai và nghiên cứu ứng dụng 73 đề tài, trong đó:

- Triển khai ứng dụng trong nông lâm nghiệp là 29.
 - Triển khai ứng dụng trong công nghiệp là 8.
 - Triển khai đề tài xã hội nhân văn là 24.
 - Đề tài về môi trường là 9.
 - Các loại đề tài về điều tra cơ bản khác và chăm sóc sức khoẻ là 3.
- Tổng kinh phí đầu tư là 10 tỷ đồng.

Ngoài ra, còn triển khai 4 dự án về xây dựng mô hình, với tổng kinh phí 175 tỷ đồng do Bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường giúp đỡ.

So với mục tiêu về mức chi trong tổng ngân sách hằng năm chưa đạt yêu cầu nghị quyết đề ra.

Công tác khoa học - công nghệ và môi trường bước đầu đã phục vụ kinh tế và từng bước đã góp phần nâng cao hiệu quả trong sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế (tổng đề tài phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp 37 đề tài, chiếm 50,6%).

Tồn tại lớn nhất về công tác này là thiếu chuyên gia giỏi, do đó chất lượng hoạt động chưa đáp ứng được yêu cầu, một số không ít đề tài nghiên cứu và ứng dụng chưa sát nhu cầu phát triển sản xuất nên mặc dù đã nghiệm thu nhưng đưa vào thực tế còn rất hạn chế.

6. Phát triển nguồn nhân lực

Giáo dục phổ thông và đào tạo được chú ý và quan tâm đúng mức.

- Trong giáo dục phổ thông: Tỷ lệ trẻ em đến trường trong độ tuổi đã vượt mục tiêu (91%/80%); đặc biệt là trẻ em người dân tộc đã tăng rất nhanh, đó cũng là những cơ sở tốt để tạo nguồn ở các địa phương. Mục tiêu phổ cập đã đạt sớm hơn 3 năm (theo nghị quyết) và đạt ở mức thời gian sau khi xây dựng chương trình hành động (vào năm 2000).

- Công tác đào tạo: Đã liên tục tổ chức để nâng cao trình độ quản lý và kỹ thuật nghiệp vụ cho cán bộ cơ sở xã, phường: trong 5 năm đã đào tạo nghề cho 12.900 lao động kỹ thuật về phục vụ địa phương (kể

cả dài hạn và ngắn hạn). Mặc dù còn chưa được nhiều nhưng bước đầu tính hiệu quả sau đào tạo được nâng lên, chuyển giao kỹ thuật cho nông dân đã có kết quả rõ rệt. Tuy nhiên đào tạo chưa theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

7. Tăng cường hiệu lực lãnh đạo của hệ thống chính trị

Đây là biện pháp hết sức quan trọng, vì vậy đã được tất cả các cấp, các ngành quan tâm. Hệ thống chính trị đã từng bước được củng cố, thông qua sắp xếp lại đội ngũ cán bộ các địa phương, đoàn thể. Nét nổi bật là thông qua xây dựng Đảng để củng cố lòng tin với dân, Đảng lãnh đạo chặt chẽ các cơ quan Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, do đó nguyên tắc điều hành tập trung, thống nhất, đồng bộ và có hiệu quả được thực hiện khá nghiêm túc. Tuy nhiên, việc triển khai lãnh đạo ở một số cơ sở còn chưa cụ thể, công tác kiểm tra chưa thường xuyên nên hạn chế kết quả.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế có tính quyết định đến sự phát triển của nền kinh tế, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI đã đề ra Nghị quyết 01-NQ/TU về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn 1996 - 2000 là đúng và phù hợp với yêu cầu của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII và yêu cầu của phát triển, bảo đảm cho ổn định xã hội và an ninh quốc phòng và khả năng nguồn lực của địa phương. Các mục tiêu xây dựng là có cơ sở, tuy còn một số ít mục tiêu chưa đạt được chủ yếu do khách quan nghị quyết đã có tác dụng tích cực, góp phần cải thiện một bước đời sống nhân dân, góp phần quyết định để tăng trưởng kinh tế phát triển xã hội giai đoạn vừa qua.

Đồng thời nghị quyết đã tạo tiền đề vật chất và kinh nghiệm cho xây dựng và chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001 - 2005.

Về nguyên nhân thắng lợi:

1. Nghị quyết về chuyển dịch cơ cấu kinh tế là chủ trương đúng đắn đã được các cấp các ngành quán triệt, đồng thời có sự chỉ đạo của các cấp, các ngành thường xuyên, đặc biệt là công tác giám sát, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện.

2. Xây dựng một số cơ chế chính sách, cơ chế quản lý đối với một số lĩnh vực kinh tế của tỉnh (giao đất, vay vốn, hỗ trợ giống, hỗ trợ đầu tư...).

3. Tích cực khai thác các nguồn lực thông qua các chương trình dự án, đặc biệt là nội lực của dân cư đã được chú ý hơn.

Nguyên nhân của tồn tại yếu kém:

1. Chưa cụ thể hóa cao nghị quyết bằng kế hoạch hằng năm của các cấp.

2. Các điều kiện cơ sở hạ tầng còn thiếu thốn; sự giúp đỡ của Nhà nước và cơ chế chính sách chưa đồng bộ.

3. Chưa có sự chuyển biến đồng bộ giữa các cấp, các ngành và nhân dân. Một số cơ sở mới chỉ dừng lại ở nhận thức của cán bộ, còn nhân dân chưa được phổ biến, học tập để đưa nghị quyết vào cuộc sống.

4. Chưa có sự phân công thật cụ thể, rõ ràng và xác định trách nhiệm cho các ngành, các cấp.

5. Thiếu nhiều dự án để triển khai cụ thể xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện chậm.

6. Chưa có nhiều chính sách khuyến khích phát triển, thu hút nguồn lực.

V. ĐỊNH HƯỚNG CHỈ ĐẠO CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2001 - 2005

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, Nghị quyết Đại hội toàn quốc của Đảng lần thứ IX, Tỉnh ủy Lào Cai đã xây dựng các chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và có kế hoạch tổ chức xây dựng các đề án cụ thể.

Mục tiêu cơ bản giai đoạn 2001 - 2005 là:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt 7-7,5%.
- Tỷ trọng các ngành kinh tế trong GDP: Nông, lâm nghiệp đạt 41%; công nghiệp - xây dựng đạt 25%; thương mại - dịch vụ đạt 34%.
- GDP bình quân đầu người đạt 3,7 - 4 triệu đồng.
- Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 186 nghìn tấn.
- Giá trị kim ngạch xuất, nhập khẩu trên địa bàn đạt 20 triệu USD.
- Huy động GDP vào ngân sách đạt 13 - 14%.
- Độ tán che phủ rừng đạt: đạt 41 %.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đạt 1,8 %.
- Giảm tỷ lệ đói nghèo ít nhất đạt 3%/năm.

Cơ bản không còn hộ đói thường xuyên.

- Giữ vững và thực hiện hoàn thành phổ cập giáo dục, chống mù chữ ở cả 180 xã, phường, thị trấn và phổ cập giáo dục trung học cơ sở cho 60 xã, phường, thị trấn.

Để thực hiện được những mục tiêu cơ bản trên phải tập trung đẩy mạnh thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên cơ sở thực hiện các đề án theo 7 chương trình phát triển kinh tế - xã hội do Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Tỉnh ủy khóa XII đã đề ra.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

**BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỬ**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 04-NQ/TU, ngày 23-7-2001

**Về phát triển nông nghiệp, nông thôn, xóa đói,
giảm nghèo, sắp xếp ổn định dân cư, đẩy mạnh
chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất
hàng hóa giai đoạn 2001-2005**

Phần thứ nhất **ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN THỜI GIAN QUA**

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XI và Nghị quyết số 01/NQ-TU, ngày 15-1-1997 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai, nền kinh tế xã hội nói chung và kinh tế nông nghiệp, nông thôn nói riêng ở tỉnh ta đã có chuyển biến tích cực. Nông nghiệp và nông thôn được tập trung đầu tư, nhiều chương trình, dự án đã được triển khai như quy hoạch trung tâm cụm xã, Chương trình 135, giải quyết việc làm, định canh định cư... cùng với các chính sách trợ cước, trợ giá, trợ lãi suất, khuyến nông và nhiều giải pháp khác đã làm cho giá trị sản xuất ngành nông nghiệp tăng bình quân 8,11%/ năm. Từ một tỉnh thiếu lương thực, hàng năm Nhà nước phải trợ cấp cứu đói thường xuyên, đến nay cơ bản chúng ta đã cân đối được nhu cầu

lượng thực trên địa bàn, tổng sản lượng lương thực quy thóc từ 141 ngàn tấn năm 1995 lên 175 ngàn tấn năm 2000. Các vùng cây công nghiệp, cây ăn quả, cây nguyên liệu tiếp tục được phát triển để tạo ra khối lượng sản phẩm nông, lâm sản hàng hóa ngày càng lớn. Vốn rừng tiếp tục được quan tâm phát triển nhờ việc đẩy mạnh trồng, chăm sóc, khoanh nuôi và bảo vệ nên diện tích rừng hằng năm tăng, nâng tỷ lệ che phủ rừng từ 23% năm 1995 lên 32% năm 2000.

Cơ sở vật chất hạ tầng nông thôn được quan tâm đầu tư và phát triển mạnh về giao thông, thủy lợi, cấp nước, trường học, trạm xá... tạo cho bộ mặt nông thôn có sự thay đổi. Công tác định canh định cư, tiếp tục được đầu tư nên đời sống đồng bào các dân tộc đặc biệt là ở vùng cao được cải thiện. Công nghiệp hóa trong nông nghiệp nông thôn được quan tâm và có bước phát triển, quy mô các cơ sở chế biến nông, lâm sản được mở rộng, các ngành nghề truyền thống ở nông thôn bước đầu được khôi phục tạo thêm công ăn, việc làm và thu nhập cho nông dân. Quan hệ sản xuất nông nghiệp đang được hình thành theo luật hợp tác xã. Nhiều mô hình kinh tế trang trại được hình thành, đến nay toàn tỉnh có 1.813 trang trại và trên 14 ngàn hộ nông dân sản xuất giỏi, chiếm 14,7% số hộ trong nông thôn. Đó là những thành tích rất quan trọng trong đổi mới nông nghiệp và nông thôn ở tỉnh ta.

II. NHỮNG TỒN TẠI YẾU KÉM

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp đã có chuyển biến song chưa đạt được mục tiêu Nghị quyết 01 của Tỉnh ủy đề ra. Các vùng sản xuất hàng hóa chưa được đầu tư phát triển mạnh về diện tích, sản phẩm làm ra khối lượng chưa lớn giá thành cao, chất lượng chưa tốt, năng suất lao động thấp, sức cạnh tranh kém. Công nghiệp bảo quản chế biến chưa phát triển. Tiêu thụ sản phẩm là mối lo của người dân sản xuất hàng hóa.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nội bộ ngành chậm, đến nay sản xuất trồng trọt vẫn chiếm tỷ trọng lớn (76,83%), chăn nuôi, dịch vụ nông

ng nghiệp chưa phát triển. Trong sản xuất trồng trọt, tỷ trọng cây lương thực là chủ yếu (chiếm 67,5%), giá trị trên một đơn vị diện tích canh tác mới đạt bình quân từ 8 - 9 triệu/ha/năm, chưa khai thác hết tiềm năng về đất đai, khí hậu để phát huy thế mạnh về sản xuất cây ăn quả, cây dược liệu, chăn nuôi của tỉnh. Chưa có vùng nguyên liệu với chất lượng tốt để tạo đà cho công nghiệp chế biến phát triển.

Thực hiện chương trình phát triển rừng chậm chưa đạt mục tiêu Đại hội XI đề ra.

Công tác xây dựng hạ tầng cơ sở, định canh định cư có nhiều cố gắng song nhìn chung cơ sở vật chất và đời sống văn hóa tinh thần ở nông thôn, nhất là các xã vùng cao, vùng xa còn rất nhiều thiếu thốn. Tình trạng du canh, du cư tự do vẫn tiếp tục xảy ra.

Đời sống của đồng bào vùng cao còn nhiều khó khăn, tỷ lệ đói nghèo nhất là ở khu vực nông thôn còn cao; đến nay toàn tỉnh 30% hộ đói nghèo, trong đó có 6,94% số hộ thiếu đói thường xuyên. Đặc biệt còn 4 huyện tỷ lệ hộ đói nghèo rất cao (trên 40%).

III. NGUYÊN NHÂN CỦA NHỮNG TỒN TẠI VÀ YẾU KÉM

1. Nguyên nhân khách quan

Lào Cai là tỉnh miền núi, vùng cao, mới được chia tách điều kiện cho sản xuất và phát triển đời sống của nhân dân hết sức khó khăn, nguồn vốn để phát triển chủ yếu dựa vào Trung ương việc phát huy nội lực có nhiều khó khăn nên điều kiện đầu tư cho sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất nông thôn còn rất hạn chế.

Do điều kiện tự nhiên nên sản xuất nông, lâm nghiệp giữa các vùng sinh thái rất khác nhau vì vậy phát triển sản xuất có quy mô lớn còn nhiều hạn chế.

Là tỉnh nghèo, bị chiến tranh tàn phá nặng nề, xuất phát điểm thấp do vậy mặc dù đã có nhiều cố gắng, song nhìn chung hiện nay kinh tế nông nghiệp ở Lào Cai còn đang ở tình trạng chậm phát triển.

Một số chính sách của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông

thôn chưa đồng bộ, chưa được cụ thể hóa, có lĩnh vực ban hành chậm so với yêu cầu đổi mới như lĩnh vực củng cố hợp tác xã, chế biến nông, lâm sản, tiêu thụ sản phẩm cho nông dân dẫn đến việc thực hiện có nhiều khó khăn.

2. Về chủ quan

Việc nhận thức và triển khai nghị quyết của Tỉnh ủy về nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là Nghị quyết 01 của Tỉnh ủy về chuyển dịch cơ cấu kinh tế, trong đó có kinh tế nông nghiệp chưa đầy đủ, chưa được cụ thể hóa thành các chương trình, dự án kế hoạch hằng năm và chưa có sự tập trung đầu tư để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, do vậy đến nay tỉnh ta vẫn chưa có những sản phẩm nông, lâm sản có khối lượng lớn, chất lượng cao, giá thành hạ và mũi nhọn. Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ nhất là cán bộ ở cơ sở chưa đáp ứng được với yêu cầu của sự phát triển, cùng với trình độ dân trí thấp do vậy việc vận dụng các chủ trương, nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn có nhiều khó khăn.

Đầu tư cho nông nghiệp và nông thôn chưa đáp ứng được yêu cầu, hiệu quả sử dụng các nguồn lực có nơi, có lúc chưa cao.

Với kết quả đã đạt được và những tồn tại, yếu kém, để tiếp tục thúc đẩy kinh tế nông nghiệp, nông thôn phát triển mạnh mẽ và vững chắc, tạo ra sự đột phá mới thì nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy Lào Cai là rất cần thiết nhằm đáp ứng được yêu cầu phát triển nông nghiệp và nông thôn trong thời kỳ mới 2001 - 2005.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

I. QUAN ĐIỂM

Trong những năm tới, phát triển nông nghiệp, nông thôn tiếp tục được xác định là nhiệm vụ trọng tâm để nhằm góp phần ổn định chính

trị - xã hội của tỉnh. Vì vậy cần tập trung mọi nguồn lực để phát triển nông nghiệp và nông thôn góp phần quan trọng thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa cho trước mắt và lâu dài.

Tập trung thực hiện việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa để tăng giá trị trên một đơn vị diện tích, tăng tỷ trọng cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi, dịch vụ trong cơ cấu kinh tế ngành. Phát triển sản xuất hàng hóa theo thế mạnh của từng vùng. Gắn việc đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và nông thôn với bố trí lại dân cư để giảm dần chênh lệch về mức sống giữa các vùng nông thôn.

Đẩy mạnh chương trình chế biến nông, lâm sản và phát triển ngành nghề nông thôn. Tổ chức công tác thông tin thị trường và xúc tiến thương mại nhằm tiêu thụ sản phẩm hàng hóa tập trung có khối lượng lớn do dân làm ra.

Đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho nông thôn để giải quyết những nhu cầu cơ bản cho sản xuất và đời sống của nhân dân, trọng tâm là đường giao thông, thủy lợi, nước sinh hoạt, trường học, trạm xá và hệ thống dịch vụ cho sản xuất. củng cố và phát triển quan hệ sản xuất ở nông thôn, tạo môi trường thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển.

II. MỤC TIÊU

1. Đến năm 2005 phải tạo được bước chuyển biến rõ nét ngành nông nghiệp từ sản xuất tự túc, tự cấp sang sản xuất hàng hóa, hình thành được các vùng sản xuất hàng hóa lớn với giống mới năng suất, chất lượng cao cho nông nghiệp như: Cây lương thực, cây công nghiệp, cây ăn quả (trong đó phát triển mạnh cây ăn quả ôn đới), cây đặc sản và các sản phẩm chăn nuôi để chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp nhằm tăng giá trị sản xuất trên 1 đơn vị diện tích. Tập trung mạnh cho các chương trình 8.000 ha chè chất lượng cao, 10.000 ha cây ăn quả, 6.000 ha ngô cao sản, 3.000 ha cây đậu tương cao sản, thâm canh 7.000 ha lúa vùng trọng điểm.

2. Cơ cấu kinh tế trong nội ngành đến năm 2005:

- Trồng trọt: 68,5% (giảm 7,7% so với năm 2000).
- Chăn nuôi, dịch vụ nông nghiệp 31,5% (tăng 7,7% so với năm 2000).

- Cơ cấu ngành trồng trọt:

- + Cây lương thực 61,8% (giảm 5,7%).
- + Cây công nghiệp 20,4% (tăng 4,3%).
- + Cây ăn quả 8,8% (tăng 1,2%).
- + Cây khác: 9,0% (tăng 0,2%).

3. Giá trị bình quân trên 1 đơn vị diện tích canh tác đạt 12 - 13 triệu đồng/ha/năm.

4. Đẩy mạnh việc giao đất, giao rừng, trồng, khoanh nuôi và bảo vệ rừng (kể cả rừng phòng hộ và rừng sản xuất) để đạt 41 % độ che phủ vào năm 2005.

5. Đẩy mạnh đầu tư và xây dựng hạ tầng cơ sở nông thôn.

+ Thực hiện xong chương trình kiên cố hóa kênh mương ở các vùng trọng điểm lúa.

+ Đầu tư xây dựng ít nhất 60% các hạng mục công trình tại trung tâm các cụm xã (45/45 cụm).

+ Có chính sách hỗ trợ cho các hộ nghèo và nhân dân khu vực 3 về nước sinh hoạt, bảo đảm 80% số hộ có đủ nước sinh hoạt, 60% số hộ có nhà chắc chắn và được ngôi hóa.

6. Quy hoạch, sắp xếp lại để ổn định dân cư, hạn chế tối đa và giải quyết có hiệu quả vấn đề di dịch cư tự do.

7. Năm 2005 cơ bản không còn hộ đói thường xuyên, giảm hộ nghèo bình quân toàn tỉnh chỉ còn dưới 15%.

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Đối với nông nghiệp

a) Tiếp tục nâng cao năng suất cây lương thực để bảo đảm nhu cầu về lương thực

Nâng cao năng suất lúa tại các vùng thâm canh trọng điểm của tỉnh ở Than Uyên, Văn Bàn, Bảo Thắng, Bảo Yên, Bát Xát, đưa năng suất bình quân đạt 50 tạ/ha/vụ, các vùng khác đạt năng suất 40 tạ/ha trở lên. Chương trình sản xuất ngô hàng hóa bằng giống mới có năng suất cao tập trung ở các vùng Bắc Hà, Mường Khương, Bát Xát, Văn Bàn, Sa Pa, Than Uyên để đưa năng suất lên 35 tạ/ha, các vùng khác đạt năng suất trên 20 tạ/ha để năng suất ngô bình quân toàn tỉnh đạt tối thiểu 25 tạ/ha.

Cùng với các biện pháp khác như tăng cường thâm canh, đưa mạnh giống mới năng suất cao vào sản xuất, giải quyết thủy lợi, bố trí cơ cấu mùa vụ hợp lý để tăng vụ, phấn đấu bình quân mỗi năm tăng được 7.000 tấn lương thực cây có hạt để bảo đảm đạt 186 ngàn tấn vào năm 2005.

b) Đẩy mạnh việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi

- Cây chè: Phát triển mỗi năm 1.000 - 1.200 ha tập trung cho các vùng Bảo Thắng, Than Uyên, Mường Khương, Bảo Yên và phát triển mở rộng ra các vùng khác kể cả trồng chè san cổ thụ trong rừng phòng hộ để đến năm 2005 có 8.000 ha chè chất lượng cao.

- Phát triển mạnh cây đậu tương ở Bắc Hà, Mường Khương và một số địa phương khác để đưa diện tích đậu tương lên 6.000 ha trong đó có 3.000 ha đậu tương hàng hóa. Giữ diện tích cây mía ở Bảo Thắng, Bảo Yên, cải tạo giống để đưa năng suất lên 50 - 60 tấn/ha.

- Cây ăn quả: Chuyển mạnh phần diện tích đất trồng cây nông nghiệp hiệu quả thấp sang trồng cây ăn quả (nhất là cây ăn quả ôn đới). Phát triển mỗi năm 700 - 800 ha cây ăn quả trong đó vùng cao khoảng 400 ha gồm các cây giống mới đào, lê, hồng, mận, vùng thấp 300 - 400 ha các loại cây nhãn, vải, xoài, chuối để có 10.000 ha cây ăn quả vào năm 2005.

- Tổ chức nghiên cứu để mở rộng diện tích sản xuất các loại cây dược liệu, hương liệu, cây hoa ở các xã vùng cao của Bắc Hà, Sa Pa, Bát Xát.

Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi, tập trung cho các giống vật nuôi

có điều kiện phát triển của tỉnh như đàn bò, đàn lợn, đàn gia cầm và đàn ong tăng 10% năm trên cơ sở đưa mạnh các giống mới, phục tráng các giống quý ở địa phương (lợn Mường Khương), duy trì ổn định đàn trâu, đàn dê, đàn ngựa, tận dụng mặt nước phát triển nghề nuôi cá. Tăng cường công tác thú y bảo đảm an toàn cho đàn gia súc gia cầm.

2. Đối với lâm nghiệp

Tiếp tục rà soát, điều chỉnh các dự án trồng rừng trên cơ sở quy hoạch lại quỹ đất đai hợp lý. Tập trung cho việc khoanh nuôi kết hợp với trồng mới rừng phòng hộ ở vùng cao và rừng sản xuất ở vùng thấp nhằm đạt mục tiêu đến năm 2005 có 330.900 ha rừng nâng độ che phủ lên 41%.

Khuyến khích các tổ chức và cá nhân nhận đất trống, đồi núi trọc, khoán bảo vệ rừng để phát triển rừng, trong đó đặc biệt là phát triển trang trại rừng.

Tổ chức khai thác hợp lý các loại lâm sản chủ yếu từ rừng trồng, trong đó ổn định khai thác 2.000 m³ gỗ rừng tự nhiên và các loại lâm sản phụ để phục vụ cho nhu cầu chế biến và gia dụng của nhân dân.

Thực hiện tốt Quyết định 245/NĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phân cấp quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp, thực hiện tốt Luật bảo vệ và phát triển rừng.

3. Đầu tư chế biến nông, lâm sản, phát triển ngành nghề nông thôn, cơ giới hóa một số khâu ở vùng sản xuất tập trung

Phát triển các cơ sở chế biến, bảo quản nông, lâm sản gắn với việc xây dựng vùng nguyên liệu. Xây dựng các cơ sở chế biến nông, lâm sản với công nghệ tiên tiến ở các vùng nguyên liệu tập trung (trước mắt là chế biến chè, rau quả, dược liệu và chế biến lâm sản), đồng thời phát triển các cơ sở chế biến nhỏ với quy mô, công nghệ thích hợp ở các vùng không tập trung. Chuyển dần từ lao động thủ công sang cơ giới hóa một số công đoạn như làm đất, thu hoạch ở những vùng sản xuất tập trung. Có chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề truyền

thống, trong đó ưu tiên cho các ngành nghề, cơ sở chế biến sử dụng nhiều lao động và nguyên liệu tại chỗ, xây dựng quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn giai đoạn 2001 - 2010 để có cơ sở thực hiện.

4. Quy hoạch, sắp xếp, bố trí các cụm dân cư mới nhằm ổn định dân cư

Triển khai đồng bộ việc điều tra tình hình thực trạng về dân cư với các điều kiện về sản xuất, đời sống để thực hiện quy hoạch bố trí lại dân cư gắn với đất đai cho sản xuất và tạo điều kiện để đầu tư hạ tầng cơ sở phục vụ cho đời sống và sản xuất của nhân dân. Bố trí các cụm dân cư thuận tiện để tiến hành đồng bộ với việc đầu tư cơ sở hạ tầng cho các khu dân cư mới như giao thông, điện, nước sinh hoạt, trường, trạm xá, nhà ở giúp đồng bào ổn định sản xuất và đời sống.

Quy hoạch, sắp xếp bố trí lại dân cư ở các xã vùng cao, biên giới, các xã đặc biệt khó khăn: Bảo đảm sự phân bố hợp lý, các hộ đều có đủ quỹ đất canh tác, di chuyển dân cư ở những vùng điều kiện sống quá khó khăn, từ đó có tác dụng thúc đẩy việc thực hiện các chương trình về phát triển nông, lâm nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nâng cao đời sống của nhân dân.

5. Thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo

Trên cơ sở các chương trình xóa đói, giảm nghèo đã được Chính phủ phê duyệt, căn cứ vào 6 nguyên nhân đói nghèo ở Lào Cai để xây dựng các chương trình dự án phù hợp nhằm hỗ trợ và phát huy nội lực của nhân dân để thực hiện xóa đói, giảm nghèo. Các chương trình được thực hiện là:

Đầu tư xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội, trước hết là đường giao thông, chất lợp, nước sinh hoạt, chợ, trường học, trạm y tế và quy hoạch sắp xếp dân cư để giảm bớt khó khăn về thiếu đất, thiếu nước cho nhân dân theo các đề án cụ thể.

Hỗ trợ về tín dụng và các chính sách khuyến khích cho các chương trình phát triển sản xuất cây chè, cây ăn quả, chăn nuôi, cây lương thực.

Tạo điều kiện cho người dân tiếp xúc với tiến bộ khoa học - kỹ thuật qua các chương trình khuyến nông - khuyến lâm.

Cải tạo phong tục tập quán sản xuất lạc hậu, đẩy mạnh các chính sách xã hội để hạn chế tỷ lệ tăng dân số, hỗ trợ người tàn tật, thiên tai rủi ro. Phát động phong trào xóa đói, giảm nghèo rộng khắp trong mọi tầng lớp nhân dân nhằm phát huy nội lực, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng. Có sự hỗ trợ của Nhà nước để phấn đấu đạt và vượt mục tiêu giảm đói nghèo nêu trên.

Đồng thời với các chương trình đẩy mạnh sản xuất, hỗ trợ về vật chất cho đời sống của nhân dân thì cần tăng cường các chương trình về phát triển văn hóa, y tế, giáo dục, trật tự, an toàn xã hội ở nông thôn, tăng cường chất lượng cán bộ ở cơ sở một cách đồng bộ và có hiệu quả nhằm tạo ra được một sự chuyển biến sâu rộng đối với khu vực nông thôn của tỉnh ta trong những năm tới đây.

Phần thứ ba

MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

I. QUY HOẠCH VÀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI

Căn cứ vào mục tiêu phát triển của từng ngành, từng chương trình để rà soát và quy hoạch chi tiết cho từng giai đoạn. Tiếp tục hoàn chỉnh việc quy hoạch đất đai, các quy hoạch về chương trình phát triển cây công nghiệp, cây ăn quả, sản xuất lương thực, phát triển thủy sản, cấp nước sinh hoạt nông thôn. Xây dựng các quy hoạch mới cho các chương trình thủy lợi, sản xuất giống cây con, phát triển chăn nuôi, ngành nghề nông thôn.

Tiến hành quy hoạch, bố trí hợp lý kế hoạch sử dụng đất đai ở các xã, phường, thị trấn. Phân rõ các loại đất sử dụng cho sản xuất, giao thông, thổ cư, công trình công cộng, trên cơ sở đó đẩy mạnh việc giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có chính sách khuyến khích các đơn vị cá nhân nhận đất trống, đồi núi trọc để đầu tư sử dụng vào sản xuất nông, lâm nghiệp.

II. XÂY DỰNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM ĐỂ ĐẨY MẠNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN

Đẩy mạnh việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp bằng các chương trình sản xuất trọng điểm là chương trình cây chè, chương trình cây ăn quả, chương trình sản xuất ngô và đậu tương hàng hóa, chương trình phát triển chăn nuôi, chương trình chế biến nông, lâm sản và phát triển ngành nghề nông thôn.

Tiếp tục xây dựng các đề án sản xuất, quản lý về giống cây con có năng suất, chất lượng cao để phục vụ cho các chương trình sản xuất có hiệu quả.

Xây dựng và thực hiện có hiệu quả các chương trình sắp xếp dân cư, chương trình phát triển trung tâm cụm xã, chương trình đầu tư phát triển hạ tầng cơ sở. Trong đó tập trung cho các chương trình về kiên cố hóa kênh mương, nước sinh hoạt, giao thông nông thôn, điện lưới quốc gia và các chương trình phục vụ cho phát triển hệ thống dịch vụ ở nông thôn bảo đảm các mục tiêu đã đề ra.

Xây dựng và thực hiện đề án về đào tạo cán bộ kỹ thuật và lao động kỹ thuật tiếp tục thực hiện các chương trình về y tế, giáo dục, văn hóa nhằm phát triển nông thôn toàn diện.

Xây dựng thí điểm và mở rộng mô hình đề án xây dựng nông thôn (cấp xã) theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trên cơ sở bảo đảm “dân chủ, an toàn đoàn kết và phát triển”.

III. PHÁT TRIỂN KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ LÀM CƠ SỞ ĐỂ NÂNG CAO NĂNG SUẤT CÂY TRỒNG VẬT NUÔI

Ưu tiên đầu tư cho lĩnh vực giống cây trồng, vật nuôi tạo ra bước đột phá về năng suất, chất lượng của sản phẩm nông nghiệp. Từng bước đầu tư nâng cấp các trung tâm nghiên cứu, sản xuất giống nông, lâm nghiệp và các trung tâm chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật.

- Có chính sách khuyến khích các tổ chức, hộ gia đình, nông dân

sản xuất, kinh doanh giống theo quy định của Nhà nước. Tập trung chọn, tạo và nhập giống cây trồng, vật nuôi, có năng suất cao, chất lượng tốt. Tổ chức quản lý chặt chẽ việc cung ứng, phổ biến giống để có giống tốt cho nông dân sản xuất.

- Tạo điều kiện và khuyến khích đầu tư công nghệ mới để phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản nông, lâm sản và ngành nghề nông thôn để đẩy mạnh sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

IV. ĐẦU TƯ - TÍN DỤNG VÀ THỊ TRƯỜNG

- Tiếp tục đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn trước mắt tập trung đầu tư xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn từ các chương trình, dự án quốc gia như 135, 138, ADB, WB... và các dự án của các tổ chức phi chính phủ. Trong nông nghiệp, ưu tiên đầu tư cho giao thông, thủy lợi, giống cây trồng vật nuôi, chế biến nông, lâm sản và ngành nghề nông thôn. Từ nay đến năm 2005 tiếp tục thực hiện chính sách tăng cường công tác khuyến nông, kiên cố hóa kênh mương, chính sách trợ giá, trợ cước và tiêu thụ sản phẩm cho các chương trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi trọng điểm.

- Về tín dụng: Khuyến khích việc đầu tư vào lĩnh vực phát triển nông nghiệp và nông thôn. Tiếp tục thực hiện việc hỗ trợ lãi suất tín dụng cho các chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chương trình phát triển sản xuất nâng cao đời sống. Ngành Ngân hàng thực hiện việc mở rộng tín dụng, tăng dần vốn vay trung hạn, thời gian thu hồi vốn hợp lý để bảo đảm cho nông dân vay vốn phù hợp với chu kỳ sinh trưởng vật nuôi, cây trồng và khấu hao máy móc nông nghiệp. Huy động mọi nguồn đóng góp của nhân dân đồng thời quản lý có hiệu quả sự hỗ trợ của Nhà nước, sự đóng góp của nhân dân để xây dựng hạ tầng cơ sở nông thôn.

- Về thị trường: Đẩy mạnh các hoạt động, nắm bắt thông tin thị trường, tìm kiếm thị trường tiêu thụ nông, lâm sản. Tăng cường công tác hoạt động xúc tiến thương mại, đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa

nông sản và thâm nhập vào các thị trường trong và ngoài nước, quan tâm mạnh hơn tới thị trường của Trung Quốc. Khuyến khích và tạo môi trường thuận lợi cho các tập thể và cá nhân thuộc các thành phần kinh tế tham gia vào các việc xuất khẩu hàng hóa nông, lâm sản.

V. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 và Trung ương 8 khóa VIII để sắp xếp củng cố lại bộ máy quản lý nhà nước và sự nghiệp khoa học - kỹ thuật của các cơ quan phục vụ sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Tăng cường công tác đào tạo để có nhiều chuyên gia giỏi, cán bộ khoa học - kỹ thuật, lao động kỹ thuật về lĩnh vực của ngành nông nghiệp. Thực hiện chính sách luân chuyển cán bộ, rà soát lại lực lượng cán bộ cầm điểm ở các xã đặc biệt khó khăn và các xã vùng cao biên giới.

Tăng cường đào tạo cán bộ trước mắt cũng như quy hoạch lâu dài để đáp ứng nhu cầu cán bộ, đến 2005 được bố trí vào bộ máy quản lý ở cơ sở (nhất là cấp xã) từ 1- 2 cán bộ chuyên môn có trình độ từ trung cấp trở lên.

VI. PHÁT TRIỂN CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ

Tiếp tục thực hiện việc chuyển đổi và thành lập mới các hợp tác xã nông nghiệp ở các xã vùng I, II để củng cố mối quan hệ sản xuất ở nông thôn. Ở vùng cao lấy phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại là chính, ở những nơi có điều kiện thì từng bước phát triển các loại hình kinh tế hợp tác đa dạng.

Tiếp tục củng cố, sắp xếp lại các doanh nghiệp nông, lâm nghiệp theo chủ trương của Chính phủ, bảo đảm hoạt động của các doanh nghiệp ngày càng có hiệu quả và là trung tâm dịch vụ khoa học - kỹ thuật và tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

Các ngành chức năng, các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước, các hợp tác xã cần làm tốt dịch vụ cung ứng vật tư phân bón, máy móc và tiêu thụ sản phẩm do nhân dân sản xuất ra.

VII. TĂNG CƯỜNG HỆ THỐNG DỊCH VỤ PHỤC VỤ CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Tiếp tục thực hiện chính sách tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm, trong đó quan tâm đào tạo bồi dưỡng đội ngũ khuyến nông cụm xã và khuyến nông cơ sở, bố trí đủ mạng lưới khuyến nông cụm xã và ở các xã, phường, thị trấn. Mở rộng các hình thức hoạt động khuyến nông tự nguyện ở các thôn, bản.

Có chính sách tăng cường thêm cán bộ khoa học - kỹ thuật nông lâm nghiệp về cơ sở để có đủ năng lực phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp và phát triển nông thôn.

Mở rộng xây dựng các điểm cung ứng giống, vật tư gắn với tiêu thụ sản phẩm ở tất cả các trung tâm cụm xã và các xã có diện tích sản xuất tập trung. Bảo đảm đáp ứng yêu cầu các dịch vụ về khoa học - kỹ thuật, cung ứng vật tư, tiêu thụ sản phẩm cho các vùng sản xuất, đặc biệt là ở những nơi thực hiện các chương trình sản xuất hàng hóa tập trung của tỉnh.

Phần thứ tư **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Phát triển nông nghiệp, nông thôn là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân. Để Nghị quyết phát triển nông nghiệp và nông thôn được thực hiện có hiệu quả cần có sự chỉ đạo chặt chẽ của tổ chức đảng và chính quyền các cấp, vì vậy các cấp ủy Đảng trong toàn tỉnh cần phải cụ thể hóa thành các chương trình, dự án để thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn tỉnh ta trong thời gian tới.

Ủy ban nhân dân tỉnh và các huyện, thị ủy, Đảng ủy trực thuộc

căn cứ nghị quyết này xây dựng các chương trình, dự án, phân công các ngành, các cấp tổ chức thực hiện đạt kết quả các mục tiêu của nghị quyết.

Việc thực hiện nghị quyết phải gắn với tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khác như xây dựng Đảng, cải cách hành chính, củng cố an ninh quốc phòng và các hoạt động chính trị, xã hội khác. Đặc biệt các đoàn thể phải phát huy vai trò tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia phát triển kinh tế, xây dựng nông thôn mới, xóa đói, giảm nghèo nhằm đưa nghị quyết vào thực tế cuộc sống của nhân dân các dân tộc tỉnh Lào Cai.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 20-BC/TU, ngày 25-7-2001

Kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII về khoa học - công nghệ (1996-2000)

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về định hướng phát triển khoa học - công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai đã tập trung lãnh đạo các cấp, các ngành và toàn thể nhân dân nỗ lực phấn đấu, tạo ra những chuyển biến đáng kể về lĩnh vực khoa học - công nghệ trên địa bàn tỉnh. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh kiểm điểm, đánh giá tình hình và kết quả sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 của tỉnh như sau:

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC (1996-2000)

1. Tổ chức phổ biến tuyên truyền học tập nghị quyết

Nhận thức rõ được vị trí, vai trò của khoa học - công nghệ là: “Quốc sách hàng đầu, vừa là động lực” thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, sau khi có Nghị quyết Trung ương 2, Tỉnh ủy đã xây dựng chương trình hành động tập trung chỉ đạo và đẩy mạnh công tác tuyên truyền, học tập và thực hiện nghiêm túc nội dung Nghị quyết Trung ương 2 về lĩnh vực khoa học - công nghệ. Qua quá trình triển khai, đã có 100% các chi, đảng bộ, 95% cán bộ, đảng viên và trên 80% quần chúng được

học tập nghị quyết. Đến nay, tuy còn nhận thức ở mức độ khác nhau nhưng nhìn chung cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã thấy rõ vai trò, ý nghĩa to lớn của sự nghiệp phát triển khoa học - công nghệ và môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Lĩnh vực khoa học - công nghệ đang từng bước đi vào phục vụ sản xuất, góp phần cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

2. Những kết quả chung

Trong những năm qua, hoạt động khoa học - công nghệ và môi trường có nhiều tiến bộ, đã hướng vào phục vụ sản xuất tạo ra bước phát triển mới; nhất là trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp. Công nghệ thông tin đang được triển khai ở một số lĩnh vực. Việc bảo vệ môi trường sinh thái được quan tâm hơn trước, khoa học xã hội và nhân văn được chú trọng. Đặc biệt là đã đi sâu nghiên cứu giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc Lào Cai. Kết quả các đề tài đã phục vụ được trước mắt cũng như lâu dài cho hoạt động quản lý xã hội của các cấp ủy Đảng, chính quyền và đời sống sinh hoạt của nhân dân.

Trong 5 năm qua đã triển khai được 73 đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và 3 dự án phát triển kinh tế xã hội nông thôn miền núi. Trong đó lĩnh vực nông, lâm nghiệp có 29 đề tài, dự án, chiếm 39,7%; công nghiệp có 8 đề tài, dự án, chiếm 11,6%; khoa học xã hội và nhân văn có 24 đề tài chiếm 33%; các dự án điều tra cơ bản và môi trường có 9 dự án chiếm 12,3%. Như vậy tỷ trọng số đề tài dự án nghiên cứu khoa học phục vụ cho lĩnh vực sản xuất công, nông nghiệp chiếm 50,6%.

Trong 73 đề tài dự án nghiên cứu khoa học có 31,5% là ứng dụng vào thực tiễn được ngay; 38,3% ứng dụng được cả trước mắt và lâu dài; 12,4% không có khả năng ứng dụng vào thực tiễn (còn 17,8 % chưa nghiệm thu).

Khoa học - công nghệ đã tập trung nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất. Đặc biệt đã ứng dụng sản xuất giống

cây lương thực, cây công nghiệp có năng suất chất lượng cao, đưa ngay vào phục vụ cho sản xuất. Vì vậy nên đã từng bước chủ động về giống cây trồng phục vụ cho các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh góp phần tăng giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân 8,11%/năm. Trong lĩnh vực công nghiệp, đã đi sâu nghiên cứu đánh giá về kinh tế địa chất các mỏ của Lào Cai phục vụ cho khai thác chế biến khoáng sản, tiết kiệm tài nguyên, góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp trên địa bàn tăng bình quân 9,37% năm. Các công nghệ tiên tiến hiện đại trên các lĩnh vực phát thanh - truyền hình, tin học, viễn thông đều được ứng dụng khá mạnh mẽ, đáp ứng ngày càng cao cho nhu cầu quản lý kinh tế - xã hội và phục vụ đời sống tinh thần của nhân dân.

Bên cạnh đó đã đồng thời triển khai các dự án nghiên cứu bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường đô thị, khu du lịch, khu công nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh theo hướng phát triển bền vững. Nghiên cứu chăm sóc sức khỏe cộng đồng, đẩy nhanh tiến độ phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ hoàn thành vào tháng 5-2000.

Về xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật trên địa bàn: Theo số liệu điều tra dân số ngày 1-4-1999 đã có 5.111 đồng chí có trình độ từ cao đẳng trở lên, trong đó đại học 3.558, thạc sĩ 27 và tiến sĩ 5. Số cán bộ đang làm việc trong các cơ quan nhà nước 4.507 đồng chí chiếm 88,1%, trong đó quản lý nhà nước 770 đồng chí, chiếm 18%. Số cán bộ có trình độ đại học làm việc ngoài cơ quan nhà nước 443 đồng chí chiếm 8,6% và số đã nghỉ hưu 161 đồng chí, chiếm 3,15 %. Tỉnh cũng đã thành lập xong Trường Trung học Kinh tế - Kỹ thuật, hiện nay đang đi vào hoạt động.

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật của tỉnh còn thiếu và yếu, giữa các ngành còn mất cân đối, không đồng đều, cần có sự nghiên cứu cụ thể về nhu cầu cán bộ cho từng ngành, từng huyện, thị trong tỉnh để sắp xếp lại cho phù hợp và đào tạo bổ sung đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian tới.

Hàng năm hoạt động khoa học - công nghệ và môi trường đều được cụ thể hóa thành kế hoạch chi tiết. Các hoạt động khoa học - công nghệ và môi trường được đưa vào nghiên cứu tương đối toàn diện trên mọi lĩnh vực phù hợp với từng giai đoạn phát triển của địa phương. Các kết quả hoạt động khoa học - công nghệ và môi trường đã góp phần vào việc xây dựng những luận cứ khoa học cho việc hoạch định các chính sách, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 1996-2000, giai đoạn 2001-2005 và những năm tiếp theo.

Tuy nhiên, còn một số chỉ tiêu đề ra chưa đạt được như: Tỷ lệ che phủ rừng mới đạt 32,4% (mục tiêu là 35%), tỷ lệ phủ sóng phát thanh đạt 65% (mục tiêu 90%) - truyền hình đạt 48% (mục tiêu 75 - 80%), ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô tế bào hiệu quả chưa cao, một số dây chuyền công nghệ mới nhập chưa đạt ở mức hiện đại tiên tiến, chưa áp dụng được công nghệ sạch trong sản xuất và bảo quản lương thực thực phẩm; chưa lập được hệ thống bản đồ về môi trường của tỉnh, việc tăng cường trang bị kỹ thuật phục vụ cho lĩnh vực khoa học - công nghệ và môi trường chưa được quan tâm, còn ít cán bộ khoa học - công nghệ môi trường ở các huyện, thị.

2.1. Kết quả nghiên cứu ứng dụng về khoa học tự nhiên - công nghệ - môi trường

Hoạt động khoa học - công nghệ và môi trường trong những năm qua, tỉnh đã tập trung đẩy mạnh việc nghiên cứu ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ vào sản xuất. Trước hết là lĩnh vực nông, lâm nghiệp. Hàng chục giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt đã được đưa vào sản xuất. Các tiến bộ kỹ thuật sản xuất giống lúa lai 3 dòng, giống ngô lai kép VNL5, kỹ thuật thâm canh chè năng suất cao. Kỹ thuật chiết ghép các loại cây ăn quả như: nhãn, vải, mận, đào, xoài, lê, hồng... đang ngày càng được mở rộng và từng bước đáp ứng nhu cầu về giống các loại cho sản xuất của các địa phương trong tỉnh và phục vụ cho các chương trình kinh tế sản xuất hàng hóa. Diện tích lúa 2 vụ ở vùng thấp nhiều nơi tỷ lệ cây giống mới có năng suất cao đạt 75-80%. Đồng thời nghiên cứu chuyển dịch cơ

cấu giống lúa nhằm tăng năng suất cây trồng và hiệu quả sử dụng đất góp phần tăng sản lượng lương thực, xóa đói, giảm nghèo cho nhân dân. Năm 2001, tỉnh đang tiếp tục triển khai các dự án sản xuất giống lúa lai, ngô lai, chè và đậu tương cho năng suất, chất lượng cao để phục vụ các chương trình kinh tế của tỉnh theo hướng sản xuất hàng hóa giai đoạn 2001 -2005.

- Các dự án nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực công nghiệp đã tập trung nghiên cứu điều tra đánh giá kinh tế địa chất một số khoáng sản chủ yếu nhằm khai thác hợp lý tài nguyên. Các công nghệ mới được đưa vào sản xuất như công nghệ sản xuất giấy để xuất khẩu, công nghệ sản xuất bia chai, công nghệ chế biến hoa quả, v.v. đã góp phần thúc đẩy ngành công nghiệp của tỉnh ngày càng phát triển.

- Về lĩnh vực y - dược: Đã tiến hành nghiên cứu các bài thuốc y học cổ truyền, điều tra đánh giá bệnh đục thủy tinh thể ở Lào Cai, bệnh phalassmie ở Than Uyên, kiểm tra thử nghiệm an toàn thực phẩm một số loại hoa quả do Trung Quốc sản xuất có trên địa bàn Lào Cai và nghiên cứu sản xuất nguyên liệu atisô và hà thủ ô để phục vụ cho chế biến dược của tỉnh, nhằm tập trung thực hiện tốt việc chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

- Các dự án về bảo vệ môi trường đã tiến hành nghiên cứu và đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường, đánh giá thực trạng môi trường hằng năm đồng thời tập trung đầu tư vào việc đánh giá môi trường khu du lịch Sa Pa, đền Thượng và khu cửa khẩu quốc tế, môi trường đô thị, thị xã Lào Cai, môi trường khu công nghiệp, sản xuất vật liệu xây dựng, khu vực khai thác và chế biến khoáng sản. Đã thẩm định, đánh giá tác động môi trường cho 149/350 cơ sở, tích cực triển khai hoạt động của Trạm quan trắc mưa axit; thu được 1.890 mẫu nước mưa, qua phân tích cho thấy đã có dấu hiệu mưa axit (có năm chiếm 30% số mẫu thu được). Công tác bảo vệ môi trường sinh thái được quan tâm đúng mức, trồng mới, khoanh nuôi và bảo vệ rừng, đưa tỷ lệ che phủ từ 23% năm 1995 lên 32,4% năm 2000.

Kết quả triển khai thực hiện dự án công nghệ thông tin: Đã triển

khai thực hiện hoàn chỉnh mạng thông tin ở Văn phòng Hội đồng nhân dân, Ủy ban dân tỉnh, đang tiếp tục triển khai để hoàn chỉnh mạng thông tin Văn phòng Tỉnh ủy. Mạng cục bộ của Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường đã nối mạng với Trung tâm Thông tin và công nghệ quốc gia và bắt đầu nối mạng internet. Về viễn thông, trong những năm qua ngành Bưu điện đã phát triển công nghệ hiện đại, tại các huyện, thị trong tỉnh đã xây dựng xong các tổng đài kỹ thuật số, bảo đảm thông tin thông suốt, mở rộng diện phủ sóng điện thoại di động, xây dựng hệ thống điện thoại thẻ tại 2 thị xã và một số thị trấn đáp ứng nhu cầu thông tin cho mọi đối tượng. Công nghệ phát thanh và truyền hình ngày càng được phát triển cả bề rộng và chiều sâu. Toàn tỉnh đã xây dựng được 36 trạm tiếp sóng truyền hình, 15 trạm phát sóng FM, 32 trạm truyền thanh bảo đảm cho 40,56% dân số được xem truyền hình và 70,6% dân số được nghe Đài Phát thanh. Số lượng và chất lượng phát sóng ngày càng nâng cao, cung cấp kịp thời các thông tin cần thiết, các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước cho nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

2.2. Kết quả nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn và lĩnh vực khác

Các đề tài đã tập trung nghiên cứu các lĩnh vực cần thiết do yêu cầu của địa phương đặt ra. Kết quả các đề tài đã tạo cơ sở lý luận và thực tiễn giải quyết những vấn đề quan trọng ở địa phương phục vụ cho việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc Lào Cai, củng cố nâng cao vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng và chính quyền các cấp, hạn chế việc di dịch cư tự do, nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu tố khiếu nại của công dân, v.v..

Nhiều đề tài nghiên cứu đạt kết quả tốt, ứng dụng ngay vào thực tiễn quản lý và đời sống, mang lại hiệu quả xã hội trước mắt và lâu dài.

Công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng: Có nhiều cố gắng, góp phần bảo vệ quyền lợi chính đáng cho nhà sản xuất và người tiêu dùng, chống gian dối trong đo lường. Trong 5 năm qua đã kiểm định được 26.500 phương tiện đo các loại, cấp và gia hạn đăng ký chất

lượng cho 149 lượt sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa, góp phần bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, giải quyết dứt điểm các vụ tranh chấp về đo lường, tạo được lòng tin cho nhân dân.

Công tác quản lý nhà nước về khoa học - công nghệ và môi trường: Trong 5 năm qua đã không ngừng được củng cố và phát triển, hoạt động ngày càng đi vào nền nếp, về cơ bản tổ chức bộ máy biên chế cấp sở đã được ổn định, thực hiện ngày càng tốt hơn chức năng nhiệm vụ được giao, triển khai hướng dẫn thực hiện kịp thời các văn bản về khoa học - công nghệ và bảo vệ môi trường.

Nguyên nhân kết quả đạt được:

Nguyên nhân đạt được kết quả trên trước hết có sự quan tâm của Đảng và Nhà nước về phát triển khoa học - công nghệ, đặc biệt là sự ra đời của Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII. Có sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp và sự giúp đỡ hướng dẫn về nghiệp vụ chuyên môn của Bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường. Ngoài ra còn có sự chủ động, cố gắng của cơ quan quản lý, sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan nghiên cứu khoa học - công nghệ ở Trung ương và địa phương đã thúc đẩy các hoạt động khoa học - công nghệ và bảo vệ môi trường ngày càng phát triển.

3. Một số hạn chế yếu kém

Kinh phí cho sự nghiệp khoa học thấp, đến năm 2000 mới đạt 1,15 % tổng thu ngân sách trên địa bàn, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và chuyển giao công nghệ còn chậm, công nghệ còn lạc hậu.

Việc cụ thể hóa chương trình hành động của Tỉnh ủy ở một số cấp, một số ngành triển khai đưa các tiến bộ khoa học và công nghệ, kết quả nghiên cứu vào sản xuất còn chậm so với yêu cầu. Công tác quản lý nhà nước về khoa học - công nghệ trên địa bàn tỉnh còn thiếu chặt chẽ.

- Việc bố trí và triển khai thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học chưa cân đối giữa các lĩnh vực, có những đề tài nghiên cứu khoa học chất lượng và hiệu quả thấp, khả năng áp dụng vào thực tế chưa cao.

- Việc ngăn chặn sự suy thoái môi trường nhất là về môi trường thiên nhiên, môi trường công nghiệp thiếu các biện pháp đồng bộ hữu hiệu, còn gây ô nhiễm cục bộ, chưa bảo đảm được sự phát triển bền vững.

4. Nguyên nhân của những tồn tại yếu kém

a) Về khách quan:

Là một tỉnh vùng cao, điều kiện kinh tế - xã hội chậm phát triển, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí thấp, một bộ phận chưa có điều kiện quan tâm đến việc học tập và đưa tiến bộ khoa học - công nghệ mới vào sản xuất và đời sống.

b) Về chủ quan:

- Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy còn hạn chế.

- Đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật còn thiếu và yếu nhất là những cán bộ có trình độ cao.

Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho nghiên cứu triển khai các đề tài khoa học còn thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu. Đầu tư tài chính cho khoa học - công nghệ và môi trường chưa đạt được mức 2% so với chi ngân sách địa phương mà chương trình hành động của Tỉnh ủy đã đề ra (năm 1998 đạt 0,54%; năm 1999 đạt 0,56%; năm 2000 đạt 0,74%).

- Hệ thống quản lý nhà nước về khoa học - công nghệ và môi trường ở cấp huyện, thị chưa được quan tâm, công tác giám định công nghệ còn rất hạn chế.

II. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2001-2005

1. Mục tiêu

- Nâng cao hàm lượng khoa học - công nghệ kết tinh trong sản phẩm. Tập trung nghiên cứu ứng dụng để phục vụ cho 7 chương trình trọng tâm của Tỉnh ủy xác định, trong đó chú trọng chương trình nông nghiệp nông thôn và ổn định đời sống nhân dân. Bảo đảm cân đối đầu tư cho các lĩnh vực.

- Xây dựng và tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật cho nghiên cứu khoa học. Tiếp tục đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật, nhất là những cán bộ có trình độ cao, công nhân lành nghề nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, năng lực của hệ thống chính trị của tỉnh trong tình hình mới.

2. Nhiệm vụ chủ yếu

2.1. Trong 5 năm tới tiếp tục nghiên cứu ứng dụng để sản xuất một số giống mới có năng suất cao, chất lượng tốt: giống lúa lai, ngô lai; chè; đậu tương và một số loại cây ăn quả. Tuyển chọn, thực nghiệm các loại giống mới năng suất cao nhập nội để đưa vào sản xuất cho các vùng sinh thái của tỉnh. Lựa chọn cung ứng các loại giống cây trồng, vật nuôi từ bên ngoài vào tỉnh bảo đảm chất lượng tốt, đồng thời nghiên cứu bảo tồn một số giống bản địa ở địa phương, nghiên cứu xác định cơ cấu giống thích hợp cho từng vùng.

2.2. Nghiên cứu áp dụng các loại hình chế biến và bảo quản nông lâm sản: chè, hoa quả, các sản phẩm từ nguyên liệu lâm sản và dược liệu. Phát triển các nghề thủ công truyền thống và các ngành nghề mới phù hợp với điều kiện của Lào Cai. Áp dụng công nghệ mới trong xây dựng kết cấu hạ tầng. Tiếp tục thực hiện dự án công nghệ thông tin, hiện đại hóa công nghệ viễn thông bảo đảm tăng tỷ lệ số dân được xem truyền hình và nghe Đài Phát thanh mỗi năm là 5%.

2.3. Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới vào việc phòng và khám chữa bệnh cho nhân dân, kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền. Xây dựng mạng lưới y tế cơ sở, phòng, chống HIV, giảm gia tăng dân số, từng bước đẩy lùi 2 căn bệnh sốt rét và bướu cổ. Thực hiện trồng và chế biến một số cây dược liệu.

2.4. Tiếp tục nghiên cứu bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc Lào Cai; nghiên cứu về các lĩnh vực: giáo dục - đào tạo, tôn giáo - dân tộc.

2.5. Tăng cường công tác bảo vệ môi trường. Lập và thẩm định các báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với tất cả các dự án mới

đầu tư và đã đầu tư. Phòng chống ô nhiễm và suy thoái môi trường, đặc biệt chú ý quản lý môi trường khu du lịch Sa Pa; khu kinh tế cửa khẩu. Bảo vệ nghiêm các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, bảo vệ đa dạng sinh học; bảo tồn quỹ gen khu bảo tồn thiên nhiên Hoàng Liên. Nghiên cứu xử lý chất thải, tiếp tục thực hiện các dự án bảo vệ môi trường.

2.6. Tiếp tục tăng cường công tác quản lý về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng, chú trọng việc thanh tra, kiểm tra về đo lường và chất lượng hàng hóa. Phối hợp với cơ quan chức năng thực hiện quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm. Từng bước thực hiện việc thẩm định công nghệ các thiết bị máy móc kỹ thuật nhập vào tỉnh.

2.7. Tiếp tục xây dựng và tăng cường tiềm lực cho hoạt động khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường, đẩy mạnh công tác về đào tạo cán bộ và trang bị cơ sở vật chất cho nghiên cứu khoa học.

2.8. Tiếp tục hoàn thiện các đề án về quản lý, nâng cao hiệu quả, hiệu lực của các cơ quan trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở để nhằm thực hiện có hiệu quả sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

III. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy và chính quyền các cấp, theo phương thức cụ thể, sâu sát, thường xuyên và liên tục. Thực hiện việc kế hoạch hóa các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học đến năm 2005.

2. Có chính sách thu hút cán bộ khoa học - kỹ thuật về Lào Cai công tác. Tiếp tục đào tạo và bồi dưỡng cán bộ khoa học - kỹ thuật, luân chuyển cán bộ về cơ sở nhất là lĩnh vực khoa học - kỹ thuật nông lâm nghiệp, đồng thời tuyển chọn một số cán bộ kỹ thuật đưa đi đào tạo nâng cao trình độ. Bố trí một bộ phận cán bộ chuyên trách về khoa học - công nghệ và bảo vệ môi trường ở cấp huyện. Thành lập các Hội đồng tư vấn về khoa học - công nghệ.

3. Tăng cường nguồn lực khoa học cả về nhân lực và tài chính của các thành phần kinh tế cả trong và ngoài nước cho hoạt động khoa

học - công nghệ và bảo vệ môi trường. Bảo đảm mức đầu tư tài chính từ ngân sách nhà nước đạt: 1,5 - 2% trở lên trong tổng chi ngân sách địa phương. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan nghiên cứu khoa học ở Trung ương để triển khai thực hiện, nâng cao hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học vào thực tiễn. Thực hiện chỉ đạo lồng ghép giữa kết quả nghiên cứu khoa học với các chương trình dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, có chế độ khen thưởng nhằm khuyến khích nghiên cứu khoa học đem lại lợi ích kinh tế cao.

4. Tăng cường hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học và bảo vệ môi trường.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 21-BC/TU, ngày 25-7-2001

**Kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2
khóa VIII và Nghị quyết về phát triển giáo dục - đào tạo
giai đoạn 2001-2005 và đến 2010**

Phần thứ nhất **BÁO CÁO KIỂM ĐIỂM 5 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 2 KHÓA VIII**

I. VỀ TỔ CHỨC VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Nhận thức rõ phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo là “Quốc sách hàng đầu” và “vừa là mục tiêu, vừa là động lực” thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, Tỉnh ủy Lào Cai thường xuyên chỉ đạo các Đảng bộ, ngành, đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục những quan điểm, đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục - đào tạo. Đến nay, tuy còn ở mức độ khác nhau, song nhìn chung, đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc đã thấy rõ vai trò, ý nghĩa to lớn của sự nghiệp giáo dục - đào tạo đối với sự phát triển của đất nước, của xã hội và của mỗi con người, đồng thời thấy rõ trách nhiệm trong việc chăm lo phát triển giáo dục - đào tạo.

- Ban Chấp hành Đảng bộ Lào Cai đã xây dựng chương trình hành động rất cụ thể và thiết thực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có Chỉ

thị số 15-CT/TU, ngày 7-4-1999 về đẩy nhanh tiến độ hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ; các huyện ủy, thị và các Đảng bộ, chi bộ xã, phường đã xây dựng chương trình hành động và ra nghị quyết chuyên đề về công tác giáo dục - đào tạo. Sự tập trung chỉ đạo hết sức đúng đắn đó đã thúc đẩy việc hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ sớm hơn kế hoạch 3 năm, tạo tiền đề cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo Lào Cai tiến lên một bước mới.

Ban Thường vụ và các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của cấp ủy, chính quyền các cấp đã tham gia trực tiếp vào các hoạt động chỉ đạo công tác giáo dục - đào tạo. Chỉ tiêu về giáo dục - đào tạo được xác định cùng các chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội trong kế hoạch hằng năm và từng giai đoạn, là tiêu chuẩn phấn đấu của Đảng bộ trong sạch, vững mạnh. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp đã quan tâm sâu sắc hơn đến công tác giáo dục - đào tạo. Hội đồng nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân các cấp có nghị quyết phấn đấu hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ và huy động nguồn lực trong nhân dân để xây dựng trường học, có chương trình kiểm tra, giám sát chặt chẽ thường xuyên việc thực hiện nhiệm vụ phát triển giáo dục - đào tạo ở nhiều huyện, thị, cơ sở xã, phường, thôn, bản. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành một số chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển giáo dục - đào tạo, như chế độ trợ cấp cho giáo viên vùng cao đặc biệt khó khăn, giáo viên dạy bán trú, giáo viên mẫu giáo nông thôn, chế độ cho cán bộ thôn, bản tham gia chống mù chữ, chế độ cho giáo viên làm công tác chống mù chữ trong hè.

- Để tăng cường đầu tư ngân sách cho giáo dục - đào tạo, tỉnh đã chú trọng huy động tổng hợp các nguồn lực theo hướng xã hội hóa giáo dục. Nhiều nơi đã khắc phục dần tư tưởng ỷ lại trông chờ vào Nhà nước. Nguồn ngân sách Nhà nước và địa phương chi cho giáo dục - đào tạo hằng năm tăng lên, đạt từ 20 đến 25% tổng chi ngân sách của tỉnh. Việc huy động nhân dân đóng góp xây dựng cơ sở vật chất trường học hằng năm có nhiều cố gắng, nhờ đó giải quyết được những khó khăn gay gắt của việc thiếu phòng học do số lượng học sinh tăng nhanh.

- Sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cơ quan đoàn thể với ngành giáo dục - đào tạo đã cụ thể và thiết thực hơn. Chương trình phát triển giáo dục đã được lồng ghép cùng các chương trình kinh tế - xã hội khác như định canh định cư, Chương trình 135, chương trình xây dựng đời sống văn hóa mới, chương trình chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân tạo thêm điều kiện phát triển giáo dục - đào tạo.

- Các đoàn thể quần chúng, các tổ chức xã hội và lực lượng vũ trang trong đó nổi bật là Mặt trận Tổ quốc, Bộ đội Biên phòng, Hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh đã có sự đóng góp đáng kể, thể hiện trong việc tổ chức các phong trào quần chúng thực hiện nhiệm vụ giáo dục - đào tạo.

- Hệ thống cơ quan quản lý giáo dục các cấp được tăng cường về số lượng, chất lượng và có nhiều đổi mới trong công tác chỉ đạo tổ chức thực hiện và tham mưu đầy đủ với cấp ủy chính quyền các cấp. Đội ngũ giáo viên có lòng nhiệt tình, tinh thần trách nhiệm cao trong công tác, nổi bật là tinh thần khắc phục khó khăn gian khổ của đội ngũ giáo viên vùng cao.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ được đẩy nhanh tiến độ và đạt chuẩn vượt kế hoạch thời gian

Tỉnh Lào Cai đã đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ vào tháng 5-2000. Tính đến 31-12-2000 toàn tỉnh có:

156 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ, đạt 86,6%.

180 xã đạt chuẩn phổ cập chống mù chữ, đạt 100%.

11 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi.

14 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở, thị xã Lào Cai đã đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở năm 2000.

Sau khi đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ, các đơn vị đã và đang nỗ lực duy trì kết quả và phấn đấu phổ cập giáo

dục ở mức cao hơn, bảo đảm phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ bền vững.

Do phấn đấu đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ nên trình độ dân trí đã được nâng cao một bước đáng kể, như:

- Đã chấm dứt được tình trạng bỏ sung người mù chữ từ tuổi nhi đồng, thiếu niên.

Đạt 98,55 % người lao động từ 15 đến 25 tuổi biết chữ và một bộ phận người trên 25 tuổi biết chữ.

- Góp phần làm chuyển biến mạnh mẽ trong việc phát triển kinh tế - xã hội, tạo ra động lực bên trong về nhu cầu và điều kiện học tập ở các xã vùng cao, vùng sâu.

2. Quy hoạch mạng lưới, quy mô trường lớp phát triển và từng bước đa dạng hóa

Về giáo dục:

Quy mô trường, lớp, học sinh phát triển nhanh, tỷ lệ huy động học sinh từ 6 đến 14 tuổi ra lớp đạt 91,12% (năm học 2000-2001), đặc biệt là tỷ lệ học sinh vùng cao, học sinh dân tộc, học sinh nữ tăng nhanh. Các lớp mẫu giáo phát triển lên tới các xã vùng cao, đặc biệt là mẫu giáo 5 tuổi. Các lớp tiểu học, lớp chống mù chữ, bổ túc tiểu học đã mở đến các thôn, bản; 100% xã có trường tiểu học hoàn chỉnh, nhiều xã có từ 2 đến 3 trường tiểu học; 100% các thôn, bản có học sinh đi học. Trường trung học cơ sở đã tăng từ 94 trường (năm 1996 - 1997) đến 151 trường (năm học 2000 - 2001). Trường lớp mẫu giáo dân lập, tư thục, bán công đang phát triển ở 2 thị xã và các thị trấn. Trường, lớp bán công trung học phổ thông đã được thành lập ở 2 thị xã và một số thị trấn; nhiều trường, lớp bán trú, lớp ghép, lớp phổ cập ở vùng cao được duy trì và phát triển.

Về đào tạo:

Việc đào tạo nâng cao trình độ nhân lực có nhiều chuyển biến. Số học sinh trúng tuyển, cử tuyển vào các trường đại học, cao đẳng tăng nhanh; so với năm 1996, số học đỗ vào đại học tăng 46,6%, cao đẳng tăng 51,1%.

- Trường Chính trị tỉnh ngày càng được củng cố nâng cao, phát huy được vai trò trong công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ.

- Các trường chuyên nghiệp của tỉnh được củng cố và được thành lập: Trường Trung học Sư phạm được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Sư phạm Lào Cai, thành lập mới Trường Trung học Y tế, Trường Công nhân kỹ thuật và Trường Trung học Kinh tế kỹ thuật.

Việc đẩy mạnh đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng giáo viên các cấp, cán bộ y tế, cán bộ theo 4 chức danh chuyên môn ở cơ sở: Tư pháp, kế toán và địa chính... đồng thời tăng cường công nhân kỹ thuật một số nghề: công nghiệp, lâm nghiệp. Đẩy mạnh việc đào tạo bồi dưỡng lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và kiến thức quản lý hành chính nhà nước, các lớp Đại học Luật, Báo chí, Tài chính kế toán, Xây dựng, Giao thông và Quản trị kinh doanh.

3. Đội ngũ giáo viên được tăng cường về số lượng và từng bước nâng cao chất lượng

- Quy mô đào tạo giáo viên được mở rộng, đã tập trung đào tạo nhanh giáo viên tiểu học nhằm đáp ứng đủ số lượng giáo viên cho phát triển quy mô và thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ. Chú trọng đào tạo giáo viên dân tộc ít người, đào tạo theo địa chỉ sử dụng. Hợp đồng đào tạo một số loại hình giáo viên còn thiếu như: Nhạc, họa, thể dục - thể thao, dạy nghề, tin học và giáo viên trung học cơ sở... Đến nay, ngành Giáo dục - Đào tạo đã cơ bản đáp ứng đủ số lượng giáo viên cho sự phát triển quy mô, đặc biệt là vùng cao.

- 5 năm qua đã bồi dưỡng chuẩn hóa và nâng cao trình độ cho nhiều giáo viên mẫu giáo, tiểu học và trung học cơ sở. Đã cử nhiều giáo viên đi đào tạo thạc sĩ; số lượng giáo viên có trình độ thạc sĩ là 24 người, 9 giáo viên đang tiếp tục đào tạo thạc sĩ, 1 giáo viên là nghiên cứu sinh đào tạo tiến sĩ. Công tác xây dựng, phát triển Đảng trong nhà trường có chuyển biến mạnh mẽ. Ban cán sự Đảng Sở Giáo dục - Đào tạo phối hợp với Đảng bộ các huyện, thị xã chỉ đạo các đơn vị tích cực thực hiện Chỉ thị 34-CT/TW của Bộ Chính trị, các cấp ủy Đảng quan tâm bồi dưỡng phát triển Đảng trong giáo viên. Nhiều huyện,

thị xã đã mở các lớp bồi dưỡng đối tượng dành riêng cho các nhà trường. Năm học 1997-1998 có 517 đảng viên, chiếm 8%. Đến nay, toàn ngành giáo dục - đào tạo có 1.132 đảng viên, đạt tỷ lệ 15,39%. Hầu hết các trường vùng cao trước đây chưa có đảng viên, đến nay chỉ còn 23 trường (trong tổng số 381 trường) chưa có đảng viên; nhiều trường đã có chi bộ, tổ đảng.

4. Cơ sở vật chất trường học được chú trọng đầu tư và từng bước tăng cường

5 năm qua, bằng các nguồn kinh phí của Trung ương, ngân sách địa phương và sự đóng góp của nhân dân, cơ sở vật chất trường học được tăng cường. Số phòng học được xây dựng kiên cố nhiều hơn, trường học cao tầng đã được xây dựng thêm nhiều ở các khu trung tâm và một số xã vùng cao. Nhiều trường đã được quy hoạch đất đai theo tiêu chuẩn quy định. Đã khắc phục dần các phòng học tạm. Đã chấm dứt các lớp học ba ca. Phương tiện dạy và học được mua sắm thêm. Đã xây dựng được một số thư viện trường học, nhiều trường có tủ sách dùng chung. Đã trang bị thêm máy vi tính phục vụ giảng dạy, học tập và quản lý. Khung cảnh trường học đã thay đổi đáng kể trong 5 năm qua. Kinh phí đầu tư cho giáo dục - đào tạo được tăng lên qua các năm, quản lý, sử dụng có hiệu quả và bảo đảm theo Luật ngân sách của Nhà nước.

5. Phong trào xã hội hóa giáo dục có nhiều chuyển biến tạo điều kiện quan trọng cho sự nghiệp phát triển giáo dục đào tạo

Sự chuyển biến về phương thức lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy và chính quyền đã tạo nên chuyển biến nhận thức mạnh mẽ của nhân dân các dân tộc về giáo dục - đào tạo. Các tầng lớp nhân dân giác ngộ về nghĩa vụ và quyền lợi học tập sâu sắc hơn, nhu cầu học tập phát triển hơn, ý thức trách nhiệm của mọi người trong việc đại học và tạo điều kiện cho con em học hành có chuyển biến mạnh mẽ.

Hội đồng nhân dân tỉnh đã có nghị quyết huy động lao động công ích cho việc xây dựng cơ sở vật chất trường học, tạo thêm nhiều điều kiện tốt cho xây dựng cơ sở vật chất các nhà trường.

Nhiều địa phương đã tổ chức Đại hội giáo dục hoặc hội nghị chuyên đề về giáo dục. Các phương tiện thông tin đại chúng đẩy mạnh công tác tuyên truyền về giáo dục - đào tạo. Các cơ quan đoàn thể đều có chương trình hoạt động cụ thể về công tác giáo dục - đào tạo. Tuy chưa thành lập được Hội Khuyến học, nhưng hoạt động khuyến học có nhiều hình thức có tác dụng thiết thực.

Sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, ban ngành, đoàn thể với ngành Giáo dục - Đào tạo đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển giáo dục.

Tỉnh ta nhận được sự giúp đỡ về vật chất và tinh thần của tỉnh một số bộ, ngành, tổ chức xã hội và một số tỉnh bạn, điều đó đã góp phần kích thích phong trào giáo dục các vùng, đặc biệt là vùng cao.

Nhiều địa phương đã huy động đạt và vượt mức đóng góp quy định cho việc xây dựng cơ sở vật chất trường học.

6. Chất lượng và hiệu quả giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực

Nền nếp học tập, kỷ cương trong nhà trường có chuyển biến rõ rệt. Các hoạt động giáo dục và giảng dạy dần dần đi vào nền nếp chuyên môn. Học sinh nỗ lực học tập hơn. Trật tự thi cử đã thành nền nếp, đã thúc đẩy hoạt động dạy và học. Ngành Giáo dục - Đào tạo đã phối hợp với các cấp, các ngành tích cực ngăn chặn các tệ nạn xã hội xâm nhập vào nhà trường.

Hiệu quả đào tạo từng cấp học có chuyển biến rõ rệt. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp các cấp nâng dần và ổn định; số lượng học sinh đổ vào các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp ngày càng nhiều hơn; số lượng học sinh giỏi cấp quốc gia và cấp tỉnh, tăng nhanh qua các năm, đã có một số học sinh dân tộc đạt giải quốc gia.

Chất lượng giáo dục vùng cao tuy còn hạn chế, nhưng đã có nhiều chuyển biến so với trước đây. Học sinh tiểu học vùng cao nói, đọc, viết, tính toán thành thạo hơn, tiến dần tới yêu cầu chung, nhiều em đã học tiếp lên cấp trên có kết quả. Một số em học sinh vùng cao đã trở thành học sinh giỏi.

Chất lượng và hiệu quả giáo dục - đào tạo ở các trường dân tộc nội trú luôn luôn được chú trọng. Các trường dân tộc nội trú huyện đều là trung tâm chất lượng của các trường trong huyện. Trường Dân tộc nội trú tỉnh trong 5 năm qua đã nâng cao chất lượng đào tạo, tỷ lệ tốt nghiệp ổn định, nhiều năm có học sinh giỏi quốc gia. Lực lượng học sinh được đào tạo tại các Trường Dân tộc nội trú đã và đang là lực lượng bổ sung đội ngũ cán bộ người dân tộc cho các xã, các huyện và cho tỉnh.

Phong trào đổi mới phương pháp giảng dạy và giáo dục đã có chuyển biến theo hướng giáo dục phát huy tính tích cực, năng động, sáng tạo và rèn luyện kỹ năng của học sinh.

III. NHỮNG KHUYẾT ĐIỂM VÀ TỒN TẠI

1. Trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khoá VIII, có nơi chưa quán triệt đầy đủ ở các khâu trong quá trình chỉ đạo thực hiện cụ thể. Một số đơn vị chưa có những giải pháp mạnh mẽ để khắc phục những khó khăn rất lớn của cơ sở, nên tiến độ thực hiện mục tiêu chậm hơn những đơn vị khác có cùng điều kiện, hoàn cảnh.

2. Kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ ở vùng cao chưa bảo đảm vững chắc chất lượng còn hạn chế. Tỷ lệ phổ cập đúng độ tuổi còn thấp (đến tháng 6-2001, có 15 xã phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi). Điều kiện cho phổ cập trung học cơ sở tiếp theo là rất khó khăn. Huy động học sinh ra lớp và duy trì hằng ngày ở vùng cao vẫn khó khăn; nhiều trẻ em gái vẫn thiệt thòi về quyền học tập, tỷ lệ tăng dân số vẫn cao, rất khó khăn cho việc chăm lo học hành.

3. Giáo dục chuyên nghiệp và dạy nghề triển khai chậm. Đào tạo đại học tại chức còn yếu về tính kế hoạch, chất lượng còn hạn chế, chưa bảo đảm gắn bó đào tạo và sử dụng. Còn thiếu những biện pháp đồng bộ, mạnh mẽ để bổ túc văn hóa và đào tạo chuyên môn cho cán bộ cơ sở, nên trình độ còn rất thấp. Hoạt động giáo dục thường

xuyên chủ yếu mới thực hiện nhiệm vụ bổ túc văn hóa, các nội dung hình thức giáo dục khác chậm phát triển. Việc phát triển mẫu giáo và trung học cơ sở lên vùng cao còn nhiều khó khăn. Các loại hình trường, lớp bán công, dân lập, tư thục ngành học mầm non đã phát triển nhưng còn chậm.

4. Chất lượng giáo dục - đào tạo tuy đã có chuyển biến nhưng chưa đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới về giáo dục toàn diện, giáo dục tư tưởng đạo đức và lối sống, về kiến thức cơ bản, năng lực tư duy sáng tạo và kỹ năng thực hành thành thạo. Đổi mới phương pháp giáo dục tiến triển chậm. Chất lượng và hiệu quả giáo dục ở vùng cao tuy có chuyển biến nhưng chưa đạt tới yêu cầu chung.

5. Đội ngũ giáo viên chưa đồng bộ về các môn học, chưa cân đối theo yêu cầu phát triển các cấp học. Tỷ lệ giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở chưa đạt chuẩn còn nhiều. Số giáo viên có trình độ trên chuẩn, làm nòng cốt chuyên môn chưa nhiều; nhìn chung, đội ngũ giáo viên còn hạn chế về trình độ kiến thức và nghiệp vụ sư phạm trước yêu cầu mới. Cán bộ quản lý, chỉ đạo, nhất là ở vùng cao còn hạn chế trong nghiệp vụ điều hành và trong việc giải quyết những khó khăn cụ thể của miền núi, vùng cao.

6. Ngân sách đầu tư cho giáo dục hằng năm đều tăng nhưng chưa tương xứng với tốc độ phát triển quy mô và yêu cầu nâng cao chất lượng. Cơ sở vật chất trường học vẫn rất khó khăn; nhiều trường chưa quy hoạch đất đai theo tiêu chuẩn; tỷ lệ trường xây kiên cố còn thấp. Trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập vẫn còn nhiều thiếu thốn.

7. Phong trào xã hội hóa giáo dục có mặt còn hạn chế, chưa quán triệt đầy đủ nội dung của xã hội hóa giáo dục. Tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước còn khá phổ biến. Sự phối hợp nhà trường, gia đình và xã hội chưa thật đồng bộ và thường xuyên.

IV. NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 về phát triển

giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh, có thể rút ra những bài học kinh nghiệm sau:

Một là, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, các đoàn thể có quyết tâm nhất trí cao. Cán bộ cơ sở, đặc biệt là trưởng thôn, trưởng bản có vai trò quan trọng. Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên là lực lượng chủ lực, nòng cốt. Quá trình thực hiện được chỉ đạo theo mục tiêu, kế hoạch cụ thể, phấn đấu phải quyết liệt, dứt khoát, hợp đồng nhịp nhàng đem lại hiệu quả cao. Coi trọng công tác tuyên truyền vận động xã hội hóa giáo dục, đặc biệt ở cấp cơ sở.

Hai là, Hội đồng nhân dân các cấp tích cực giám sát, tác động mạnh mẽ tới cơ sở, tích cực kiểm tra thực tế ở cơ sở, kịp thời giải quyết các ý kiến kiến nghị về giáo dục - đào tạo của các cử tri. Phải tạo ra được sự phối hợp có hiệu quả giữa nhà trường - xã hội - gia đình.

Ba là, trong lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện phải luôn luôn bám sát cơ sở, phải ráo riết, trực tiếp và cụ thể, không chung chung, không chậm trễ, giải quyết phải dứt điểm từng công việc, từng yêu cầu, từng đơn vị.

Bốn là, có những chính sách cho phát triển giáo dục - đào tạo nói chung, chính sách riêng của tỉnh cho từng nội dung hoạt động giáo dục, từng thời kỳ, từng giai đoạn cụ thể, phối hợp đồng bộ các phương trình phát triển kinh tế, xã hội với công tác giáo dục - đào tạo... sử dụng kinh phí hợp lý, kịp thời, có tác động mạnh mẽ đến các cấp cơ sở, đến người dạy, người học...

Năm là, trong quản lý, chỉ đạo giáo dục phải tích cực huy động, duy trì số lượng đồng thời phải tăng cường quản lý chỉ đạo nền nếp chất lượng dạy và học, phải vận dụng vào thực tiễn từng vùng, từng miền, từng hoàn cảnh cụ thể, từng thời gian cụ thể để chỉ đạo. Không thực hiện và áp dụng máy móc, kể cả những vấn đề về chuyên môn.

Phần thứ hai
**NGHỊ QUYẾT VỀ PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP
GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO GIAI ĐOẠN 2001-2005
VÀ ĐẾN NĂM 2010**

**I. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP
GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO GIAI ĐOẠN 2001-2005
VÀ ĐẾN NĂM 2010**

1. Định hướng mục tiêu chung

Quán triệt quan điểm của Đảng “giáo dục - đào tạo là quốc sách hàng đầu”, thực hiện Luật giáo dục, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phấn đấu đến 2005 phổ cập giáo dục tiểu học một cách bền vững, hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở ở vùng thấp và một số xã vùng cao; đến 2010 hầu hết các xã vùng cao còn lại đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và toàn tỉnh đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở. Tích cực nâng cao trình độ văn hóa cho cán bộ cơ sở và bổ túc văn hóa cho người lao động. Tiếp tục mở rộng quy mô và đa dạng hóa các loại hình trường, lớp. Phát triển mạnh mẽ trung học cơ sở, bổ túc trung học cơ sở ở các xã và cụm xã vùng cao, mở trường trung học phổ thông tới một số cụm xã, phát triển mẫu giáo dân lập, tư thục ở thị xã, thị trấn và các xã vùng thấp; mở một số trường trung học phổ thông bán công ở nơi có điều kiện. Phát triển mạnh mẽ giáo dục chuyên nghiệp và dạy nghề đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Tăng cường giáo dục toàn diện, giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục - đào tạo cho học sinh, học viên và sinh viên.

Củng cố và nâng cao chất lượng các Trường Dân tộc nội trú, nâng cao hiệu quả của các trường này trong việc tạo nguồn đào tạo cán bộ các dân tộc.

Tích cực xây dựng đội ngũ giáo viên một cách toàn diện, nhanh chóng bồi dưỡng chuẩn hóa đội ngũ. Phát triển, củng cố các cơ sở đảng trong nhà trường.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trường học. Phát triển mạnh mẽ phong trào xã hội hóa giáo dục. Đổi mới cơ bản công tác quản lý và chỉ đạo giáo dục - đào tạo

Phấn đấu toàn diện để sự nghiệp giáo dục - đào tạo đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương trong giai đoạn mới.

2. Các mục tiêu nhiệm vụ cụ thể

2.1. Về phổ cập giáo dục

Hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ ở 180/180 xã, phường vào cuối năm 2001. Phấn đấu đạt chuẩn ở mức cao hơn đối với những xã đã đạt chuẩn từ năm 2000 trở về trước.

- Đến 2005 có 60/180 xã, phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, đến 2010 có 156/180 xã, phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi. Đến 2005 có 60/180 xã phường đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở, các xã còn lại phải tạo được tiền đề để đạt chuẩn từ 2006-2010, tỉnh Lào Cai đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở vào năm 2010.

2.2. Về phát triển quy mô trường lớp

Phát triển quy mô các loại hình trường lớp đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, đáp ứng nhu cầu người học. Tích cực thực hiện quyền học tập của trẻ em gái; tích cực giáo dục trẻ em khuyết tật bằng hình thức giáo dục hoà nhập.

Giáo dục mầm non: 100% số xã có trường hoặc lớp mẫu giáo. Tích cực phấn đấu nâng cao tỷ lệ trẻ 5 tuổi ra lớp mẫu giáo, cả ở vùng thấp, vùng cao. Chuyển một số trường mầm non công lập đã có ở vùng 1 sang bán công, phấn đấu các phường, thị trấn đều có trường hoặc lớp mẫu giáo bán công, dân lập, tư thực tăng dần tỷ lệ trẻ 3 - 4 tuổi ra lớp mẫu giáo ở vùng phát triển. Đến 2010, hầu hết trẻ em 5 tuổi được học mẫu giáo trước khi vào lớp một.

Giáo dục tiểu học: Tiếp tục mở các lớp tiểu học ở các thôn, bản đến lớp 3. củng cố vững chắc khối lớp cuối cấp ở trung tâm xã. Tăng số trường, số lớp tiểu học học 2 buổi/ngày. Đến 2005 tất cả các phường và các thị trấn đều có lớp tiểu học học 2 buổi/ngày. Tập trung xây dựng trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia, nâng cao tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia.

Giáo dục trung học phổ thông: Đến 2005 hầu hết các xã có trường trung học cơ sở, số còn lại có trường trung học cơ sở tại các cụm xã. Đến 2010 các trường trung học cơ sở vùng cao được củng cố vững chắc. Mở rộng quy mô đào tạo trung học cơ sở ở các Trường Dân tộc nội trú huyện và quy mô đào tạo trung học phổ thông ở Trường Dân tộc nội trú tỉnh. Phát triển mạnh hình thức nội trú dân nuôi ở các trường trung học cơ sở và các lớp cuối cấp ở tiểu học vùng cao, có sự hỗ trợ của Nhà nước. Từ 2001 đến 2005 thành lập trường trung học phổ thông chuyên của tỉnh và các trường trung học phổ thông ở một số khu vực của các huyện, thị.

Giáo dục thường xuyên: Mở các lớp bồi túc văn hóa cho cán bộ cấp cơ sở tập trung của huyện và ở các xã, cụm xã, phấn đấu đến hết 2005, 90% cán bộ chủ chốt các xã vùng III có trình độ hoàn chỉnh tiểu học, 100% cán bộ chủ chốt các xã vùng I, vùng II có trình độ trung học cơ sở, 10% cán bộ 4 chức danh chuyên môn của xã được đào tạo về chuyên môn. Mở các lớp bồi túc văn hóa cho thanh niên và giao cho các trường trung học cơ sở ở các xã và cụm xã phụ trách để thực hiện mục tiêu phổ cập trung học cơ sở. Chuyển các trường bồi dưỡng giáo dục huyện thành các trung tâm giáo dục thường xuyên, mở rộng nội dung và hình thức đào tạo tại các trung tâm này để phát huy vai trò nòng cốt trong việc tạo nên một xã hội học tập.

Giáo dục chuyên nghiệp và dạy nghề: Triển khai mạnh mẽ giáo dục chuyên nghiệp và dạy nghề, tập trung vào những ngành nghề phục vụ cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế của các vùng trong tỉnh. Nâng cao tỷ lệ người lao động được đào tạo, kể cả lao động nông nghiệp, đạt 21% đến 23 %/số lao động. Liên kết đào tạo đại học tại chức có kế

hoạch và bảo đảm chất lượng. Tăng cường bồi dưỡng và đào tạo cán bộ văn hóa nghệ thuật và thể dục thể thao làm hạt nhân cho phong trào cơ sở.

2.3. Chất lượng toàn diện và hiệu quả giáo dục - đào tạo

- Rút ngắn khoảng cách chất lượng giáo dục giữa các vùng. Tập trung nâng cao chất lượng ở những trường trọng điểm đưa ngang tầm với các trường chất lượng cao ở các thành phố, thị xã miền xuôi.

Nâng cao chất lượng giảng dạy ngoại ngữ, tin học, thể chất, âm nhạc, mỹ thuật và giáo dục quốc phòng. Đưa văn hóa, thể thao các dân tộc vào các trường phổ thông.

- Đẩy mạnh đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập theo hướng phát huy tính chủ động, sáng tạo trong giáo viên và học sinh.

- Tích cực bồi dưỡng học sinh giỏi các cấp học, ở tất cả các môn học và các hoạt động năng khiếu âm nhạc, thể dục thể thao.

- Tích cực chuẩn bị các điều kiện để xây dựng các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2001 - 2005. Xây dựng trường chuyên trung học phổ thông và tập trung chỉ đạo thành trường điển hình về chất lượng khối trung học phổ thông. Các Trường Dân tộc nội trú là trường trọng điểm chất lượng của giáo dục vùng cao.

2.4. Xây dựng các điều kiện phục vụ dạy và học

Tăng cường đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên theo yêu cầu đủ, đồng bộ và chuẩn hóa, tăng số cán bộ, giáo viên nòng cốt, trên chuẩn

Quy hoạch diện tích và đầu tư xây dựng trường học theo các tiêu chuẩn quốc gia, tăng cường trang bị các thiết bị dạy học và thư viện.

Đến năm 2005, 100% cán bộ quản lý, giáo viên tiểu học, giáo viên mầm non trong biên chế đạt chuẩn, giáo viên trung học cơ sở đại bộ phận có trình độ Cao đẳng Sư phạm và Đại học Sư phạm. 100% các trường có tổ đảng, các trường lớn có chi bộ, tỷ lệ đảng viên đạt 25%. Nâng cao tỷ lệ đào tạo thạc sĩ, phấn đấu đến năm 2010 có từ 3-5 tiến sĩ trong trường Cao đẳng Sư phạm.

Phấn đấu đến năm 2005 có 50% số trường học có phòng học kiên cố.

Các điểm trường chính bảo đảm diện tích khuôn viên theo quy định của trường chuẩn quốc gia. Đầu tư trang thiết bị hiện đại cho các trường trọng điểm. Tăng tỷ lệ các trường có thư viện đạt chuẩn từ 13 trường (năm 2001) lên 30 trường (năm 2005), các trường còn lại đều có tủ sách phong phú. Xây dựng các phòng chức năng tại các trường trọng điểm.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, có cơ chế để huy động các nguồn lực xây dựng cơ sở vật chất trường lớp và chăm lo phát triển giáo dục. Tăng cường gắn bó chặt chẽ nhà trường với gia đình, cộng đồng dân cư và địa phương. Thành lập Hội Khuyến học từ cơ sở đến huyện, tỉnh và đi vào hoạt động. Các đơn vị, các cộng đồng dân cư, các Hội cha mẹ học sinh có quyền và có trách nhiệm huy động đóng góp xây dựng trường lớp và quỹ khuyến học với sự dân chủ bàn bạc, quản lý chặt chẽ, sử dụng có hiệu quả, đúng mục đích. Xây dựng lại quy định, cơ chế huy động các nguồn lực xã hội xây dựng cơ sở vật chất trường học hợp lý, phù hợp với điều kiện thực tế của các đơn vị. Phát động phong trào thi đua để kích thích các đơn vị, các cộng đồng, các nhà hảo tâm quan tâm đầu tư cho sự nghiệp giáo dục đào tạo của tỉnh và từng địa phương.

II. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Sự nghiệp giáo dục - đào tạo là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và của toàn dân. Vì vậy toàn Đảng, toàn dân, các cấp, các ngành, các đoàn thể, các tổ chức kinh tế - xã hội nêu cao trách nhiệm để sự nghiệp giáo dục - đào tạo phát triển mạnh mẽ, thực sự coi giáo dục đào tạo là “Quốc sách hàng đầu” như Nghị quyết Trung ương 2 đã đề ra. Do vậy:

1. Phải tạo chuyển biến sâu sắc về nhận thức và đổi mới mạnh mẽ công tác lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể đối với sự nghiệp giáo dục - đào tạo. Nêu cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, các đoàn thể từ cơ sở tới tỉnh. Phải xây dựng được mục tiêu, kế hoạch cụ thể của từng đơn

vị. Phối hợp đồng bộ các chương trình kinh tế - xã hội với kế hoạch phát triển giáo dục - đào tạo. Chú trọng công tác kế hoạch hóa dân số để bảo đảm chăm lo học hành. Trong quản lý chỉ đạo phải quyết tâm nhất trí cao, phấn đấu quyết liệt, phối hợp nhịp nhàng.

2. Tăng cường các nguồn lực cho giáo dục - đào tạo

Tăng tỷ trọng chi ngân sách nhà nước cho giáo dục đào tạo. Bảo đảm kinh phí chi cho lương và phụ cấp theo lương theo quy định (khoảng 75%) trong kinh phí sự nghiệp giáo dục. Tăng kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản tập trung cho giáo dục - đào tạo. Phối hợp các chương trình kinh tế - xã hội ở địa phương với việc đầu tư phát triển giáo dục theo sự quản lý đồng bộ, có kế hoạch. Dành tỷ lệ thích đáng ngân sách trong các chương trình mục tiêu cho xây dựng trường sở.

- Tích cực huy động các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước cấp:
- + Ban hành các cơ chế huy động các nguồn lực xã hội hóa giáo dục.
- + Tăng mức học phí hệ công lập với mức vừa sức dân và phù hợp với từng nhóm đối tượng.

- + Tích cực tranh thủ các nguồn tài trợ của các tổ chức nước ngoài, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức trong nước.

- + Xây dựng quỹ khuyến học, khuyến tài ở các cấp.

- + Thực hiện theo kế hoạch về mở trường, lớp dân lập, tư thục, bán công ở ngành học mầm non và trung học phổ thông.

3. Xây dựng đội ngũ giáo viên, tạo động lực cho người dạy, người học

- Củng cố và đầu tư xây dựng Trường Cao đẳng Sư phạm có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, có đội ngũ cán bộ giảng dạy vững vàng về kiến thức và trình độ sư phạm đảm nhiệm đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý và giáo viên đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới và lâu dài.

- Tiếp tục liên kết đào tạo với các trường đại học, cao đẳng Trung ương để đào tạo một số loại hình giáo viên còn thiếu và nâng cao trình độ giáo viên.

- Đáp ứng đủ đội ngũ giáo viên phục vụ kịp thời về phát triển quy mô trường lớp.

- Xây dựng chính sách khuyến khích đào tạo và thu hút những nhà giáo có học vị cao, các sinh viên tốt nghiệp xuất sắc ở các trường đại học về công tác tại Lào Cai và mời các giáo sư, tiến sĩ chuyên ngành tới Lào Cai giảng dạy.

- Điều chỉnh các chế độ hỗ trợ giáo viên vùng cao, giáo viên dạy bán trú, giáo viên mầm non nông thôn và các chế độ chính sách khác để kích thích nỗ lực của đội ngũ.

- Tiếp tục duy trì chế độ cấp không thu tiền sách giáo khoa, giấy, vở, phương tiện học tập cho học sinh vùng cao. Có chế độ hỗ trợ học bổng cho học sinh bán trú, trợ cấp cán bộ cơ sở xã vùng cao học các lớp bổ túc văn hóa, có chế độ hỗ trợ phương tiện học tập và đời sống cho thanh thiếu niên các lớp vùng đặc biệt khó khăn trong chương trình thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

- Nâng mức tiền thưởng động viên khích lệ, giáo viên có học sinh giỏi quốc gia, học sinh đạt giải quốc gia trung học phổ thông có chế độ khen thưởng học sinh giỏi tiểu học, trung học cơ sở đạt giải cao cấp tỉnh, học sinh đạt giải văn nghệ, thể dục thể thao toàn quốc và khu vực.

4. Tiếp tục đổi mới phương pháp giáo dục - đào tạo, tăng cường cơ sở vật chất các trường học

- Tăng cường giáo dục toàn diện, coi trọng giáo dục tư tưởng đạo đức tác phong, lối sống trong giáo viên và trong học sinh; giảng dạy tốt môn Giáo dục công dân, coi trọng hơn nữa các môn Khoa học - xã hội và nhân văn; các ngành chức năng phối hợp tuyên truyền và phòng, chống các tệ nạn xã hội. Tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động văn hóa - thể thao dân tộc phù hợp với lứa tuổi và yêu cầu giáo dục toàn diện. Nhà trường phải trở thành trung tâm và làm nòng cốt trong các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao ở cơ sở.

- Đổi mới mạnh mẽ phương pháp giảng dạy và giáo dục nhằm phát triển năng lực sáng tạo, khả năng thực hành của học sinh, vừa vận dụng các phương pháp tiên tiến, vừa giải quyết tốt những vấn đề thực tiễn giáo dục vùng cao Lào Cai đặt ra. Trường Cao đẳng Sư phạm phải đi đầu việc đổi mới phương pháp đào tạo.

- Xây dựng hệ thống trường, lớp khang trang, xanh, sạch, đẹp. Tất cả các trường phải quy hoạch xây dựng theo các tiêu chuẩn quốc gia.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã chịu trách nhiệm phối hợp với các ngành chức năng quy hoạch lại toàn bộ diện tích các trường học theo quy định chung của Bộ Giáo dục - Đào tạo, sao cho vừa đáp ứng yêu cầu trước mắt vừa bảo đảm yêu cầu lâu dài. Chậm nhất đến năm 2005 phải xong quy hoạch ở tất cả các trường.

- Tăng cường đầu tư cao hơn bằng mọi nguồn để các trường có điều kiện mua sắm trang thiết bị, sách tham khảo, báo chí, tập san, sách giáo khoa... đủ điều kiện giảng dạy và học tập. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục để có thêm nguồn lực phục vụ dạy và học.

5. Đổi mới công tác quản lý giáo dục

- Tăng cường quản lý bằng kế hoạch. Sử dụng phương tiện kỹ thuật tiên tiến vào quản lý.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra giải quyết kịp thời các vấn đề cụ thể của từng vùng, từng cơ sở.

- Trong quản lý chỉ đạo phải coi trọng công tác tuyên truyền vận động toàn xã hội chăm lo đến giáo dục; vận dụng vào thực tiễn từng vùng, từng miền, từng hoàn cảnh cụ thể; tiếp tục quán triệt phương châm ráo riết, trực tiếp, cụ thể trong việc chỉ đạo phổ cập giáo dục trung học cơ sở trong giai đoạn mới.

- Tiếp tục phát động phong trào thi đua phát triển sự nghiệp giáo dục và phong trào phổ cập giáo dục trung học cơ sở, bổ sung các nội dung, biện pháp, các quy định khen thưởng cho phù hợp với giai đoạn mới.

III. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI VÀ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

Để đạt yêu cầu nghị quyết Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đề ra, các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, các đoàn thể cần thực hiện thật tốt những việc sau đây:

1. Kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2, chương trình hành động của Tỉnh ủy. Trong kiểm điểm phải đánh

giá những việc đã làm được, những việc chưa làm được, đặc biệt là những tồn tại yếu kém, tìm ra nguyên nhân của ưu khuyết điểm, những biện pháp thực hiện có hiệu quả và rút ra các bài học kinh nghiệm.

Cách làm, kiểm điểm, đánh giá từ cấp dưới đến cấp trên, kiểm điểm trách nhiệm từng người, phải sâu sát, cụ thể, có các số liệu minh hoạ và so sánh...

2. Tổ chức phổ biến và nghiên cứu nghị quyết của Đảng bộ tỉnh về giáo dục - đào tạo

- Phải quán triệt đầy đủ nội dung của nghị quyết.

- Làm cho mọi cấp, mọi ngành, toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân hiểu rõ những nội dung của nghị quyết; nhận thức và xác định rõ đối với từng cấp ủy Đảng, chính quyền, với mỗi ngành, mỗi đoàn thể, phải làm gì để thực hiện nghị quyết. Trên cơ sở đó, từng cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, các đoàn thể kiểm điểm đánh giá tình hình thực tế ở đơn vị mình một cách đầy đủ và sâu sắc.

3. Triển khai thực hiện nghị quyết

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành và các huyện, thị xây dựng các đề án cụ thể hóa nội dung nghị quyết này và chỉ đạo thực hiện có hiệu quả, thông qua kế hoạch hằng năm và 5 năm.

- Từng cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, các đoàn thể xây dựng chương trình hành động cụ thể thực hiện Nghị quyết này, đề ra mục tiêu phấn đấu, phân công trách nhiệm cụ thể.

- Phối hợp đồng bộ kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo với các chương trình kế hoạch kinh tế - xã hội triển khai ở địa phương.

- Hằng năm, kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết này theo định kỳ 6 tháng và cả năm và báo cáo kết quả về Thường trực Tỉnh ủy.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

**BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỬ**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 05-NQ/TU, ngày 14-9-2001

Về việc triển khai xây dựng công trình đường trục chính Lào Cai - Cam Đường

Nhận thức rõ tầm quan trọng của tuyến đường trục chính Lào Cai - Cam Đường là cơ sở kết cấu hạ tầng đầu tiên cho thành phố Lào Cai trong tương lai, là công trình chào mừng kỷ niệm 100 năm ngày thành lập tỉnh Lào Cai (1907 - 2007); đồng thời đây cũng là việc làm thiết thực nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nguyện vọng về xây dựng thành phố biên giới Lào Cai của nhân dân các dân tộc trong tỉnh giai đoạn 2001 - 2005 và đến năm 2010; sau khi nghe và thảo luận Tờ trình số 676-TT/UB, số 678-TT/UB và số 67-TT/UB, ngày 12-9-2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về triển khai xây dựng công trình đường trục chính Lào Cai - Cam Đường.

HỘI NGHỊ BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY LÀO CAI LẦN THỨ XII NGÀY 13-9-2001 QUYẾT NGHỊ:

1. Nhất trí cho phép triển khai dự án đường trục chính Lào Cai - Cam Đường do khả năng nguồn vốn đầu tư hạn hẹp, nhưng công trình

cần được triển khai sớm, vì vậy đồng ý để Ủy ban nhân dân tỉnh được áp dụng phương thức đầu tư thực hiện dự án bằng hình thức BT trả chậm (đơn vị thi công ứng vốn thi công xong bàn giao, tỉnh sẽ trả dần trong 3 năm tiếp theo), tập trung khai thác các nguồn vốn bằng cách:

- Xây dựng phương án đổi đất lấy công trình.

- Tiết kiệm chi ngân sách để tăng vốn đầu tư và tranh thủ các nguồn vốn khác từ sự đầu tư của các bộ và Trung ương, để đáp ứng được tiến độ thi công, trong khi chưa có nguồn vốn, đồng ý chọn hình thức chỉ định thầu đối với các gói thầu thuộc dự án này.

2. Nhất trí chọn Công ty Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Lào Cai là đơn vị có đầy đủ các tiêu chuẩn để tiến hành khởi công và thi công gói thầu số 1 (từ km 2 - km 5). Các gói thầu còn lại, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai tiếp tục chỉ đạo chủ đầu tư công trình thẩm định năng lực, thiết bị, kinh nghiệm và khả năng tài chính của các đơn vị để lựa chọn đơn vị thầu thi công, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định việc chỉ định thầu theo hình thức bao thầu trả chậm nói trên.

3. Thời gian khởi công và tiến hành thi công: Lễ khởi công tiến hành trong ngày 1-10-2001 sau lễ kỷ niệm 10 năm tái lập tỉnh Lào Cai, tại lý trình km 5 + 250 (thuộc xã Nam Cường - thị xã Cam Đường).

4. Thời hạn hoàn thành toàn bộ công trình: Dự kiến 24 tháng, kết thúc vào cuối năm 2003.

5. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai có trách nhiệm chỉ đạo các ngành, địa phương có liên quan tổ chức thực hiện tốt nội dung của Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 05-CT/TU, ngày 17-9-2001

Về lãnh đạo Đại hội Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cấp, tiến tới Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ VIII

Trong những năm qua, cùng với sự đổi mới đi lên của hệ thống chính trị, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Lào Cai đã có bước chuyển biến đáng kể đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Tổ chức Đoàn thanh niên từ tỉnh đến cơ sở ngày càng được củng cố thu hút đông đảo tầng lớp thanh niên vào sinh hoạt, tạo ra các phong trào hoạt động, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Tuy nhiên, tổ chức Đoàn thanh niên ở tỉnh ta còn bộc lộ một số tồn tại cần được khắc phục, phong trào hoạt động của Đoàn ở một số nơi, nhất là vùng sâu, vùng xa còn hạn chế, một số thanh niên thiếu ý chí vươn lên trong học tập và công tác, một số cán bộ đoàn năng lực yếu kém, nội dung sinh hoạt của tổ chức đoàn cơ sở còn nghèo nàn.

Để lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh khẳng định vai trò của mình; đồng thời tiếp tục phát huy truyền thống vẻ vang, động viên đoàn viên, thanh niên tích cực học tập, rèn luyện, lao động sản xuất xung kích thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Tỉnh ủy Lào Cai yêu cầu các cấp ủy

Đảng lãnh đạo tổ chức tốt Đại hội Đoàn ở các đơn vị trực thuộc theo các nội dung sau đây:

1. Chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 02-CT/TW, ngày 6-6-2001 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về lãnh đạo Đại hội Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cấp, tiến tới Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ VIII.

2. Chỉ đạo Ban Chấp hành Đoàn cấp trực thuộc chuẩn bị tốt nội dung để tổ chức Đại hội đạt hiệu quả thiết thực. Báo cáo tổng kết phải ngắn gọn, đánh giá đúng thực trạng công tác Đoàn và phong trào Đoàn thanh niên; đi sâu phân tích nội dung và hình thức hoạt động của tổ chức Đoàn đã phong phú, hấp dẫn chưa, vai trò của Đoàn đối với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương, sự phối kết hợp với các tổ chức đoàn thể khác; nêu rõ ý thức rèn luyện, học tập của đoàn viên, đánh giá năng lực lãnh đạo của cán bộ đoàn đã đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ hay chưa; phân tích nguyên nhân của yếu kém, rút ra bài học trong công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện các mặt công tác của Đoàn.

Trên cơ sở quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII với 7 chương trình trọng tâm của Tỉnh ủy giai đoạn 2001 - 2005 và nhiệm vụ của địa phương, cần xác định rõ phương hướng, nhiệm vụ, biện pháp cụ thể thiết thực và điều kiện để thực hiện đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Đoàn thanh niên.

3. Đại hội Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong các tầng lớp thanh niên. Nhân dịp này đẩy lên những hoạt động sôi nổi nhằm đẩy mạnh các phong trào “Thanh niên tình nguyện” giúp đỡ đồng bào vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn; thi đua thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của năm 2001; thực hiện các chương trình dự án của địa phương, tích cực tham gia chương trình xóa đói, giảm nghèo, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc; đảm nhận các chương trình phần việc thanh niên, Chương trình 135; tăng cường công tác giáo dục thanh niên thực hiện tốt Chương trình 184 về công

tác tôn giáo trong tình hình mới. Coi trọng nâng cao chất lượng đoàn viên và tổ chức cơ sở đoàn, đẩy mạnh xây dựng tổ chức Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam và Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh. Bồi dưỡng đoàn viên ưu tú để tạo nguồn phát triển Đảng.

4. Trong giai đoạn hiện nay đòi hỏi Ban Chấp hành Đoàn được nâng cao một bước về trình độ năng lực lãnh đạo. Vì vậy yêu cầu các cấp ủy Đảng lãnh đạo chặt chẽ, việc giới thiệu và bầu cử nhân sự vào Ban Chấp hành Đoàn các cấp. Đi đôi với việc tiêu chuẩn hóa phải bảo đảm cơ cấu hợp lý. Đặc biệt việc bố trí nhân sự giữ cương vị chủ chốt của Đoàn phải trong diện quy hoạch lâu dài, có năng lực trong hoạt động công tác đoàn.

Trình độ văn hóa tối thiểu của Bí thư đoàn cơ sở lớp 5/12 đối với những xã vùng III, lớp 7/12 đối với những xã vùng II, lớp 12/12 đối với xã, phường, thị trấn và tương đương thuộc vùng I.

5. Ban Dân vận, Ban Tổ chức và các ban Đảng các cấp có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Ban Thường vụ Đoàn tham mưu giúp cấp ủy chỉ đạo tốt Đại hội Đoàn bảo đảm dân chủ, đoàn kết, phấn khởi, tin tưởng, trang trọng, tránh hình thức. Các cấp chính quyền, các ngành và đoàn thể có liên quan phối hợp, giúp đỡ tạo điều kiện để các cấp bộ đoàn tổ chức thành công Đại hội.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 06-CT/TU, ngày 17-9-2001

Về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về tổ chức và hoạt động của Hội người cao tuổi Việt Nam ở các cơ sở trong tỉnh

Thực hiện Chỉ thị số 59-CT/TW, ngày 27-9-1995 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) về chăm sóc người cao tuổi, dưới sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cấp ủy, chính quyền đã có nhiều cố gắng tích cực tạo điều kiện và động viên người cao tuổi phát huy mạnh mẽ vai trò là người có công sinh thành, nuôi dạy con cháu giữ gìn và phát triển giống nòi, giáo dục các thế hệ thanh niên Việt Nam về nhân cách, phẩm chất và lòng yêu nước, cùng với các thế hệ đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Kết quả hoạt động của Hội thể hiện: Từ năm 1996 đến nay Hội người cao tuổi tỉnh Lào Cai phát triển nhanh chóng, 173/180 xã, phường, thị trấn đã có tổ chức Hội, thu hút 70% số cụ trong độ tuổi vào sinh hoạt Hội, các cơ sở Hội có nhiều nội dung, hình thức hoạt động thiết thực, vai trò người cao tuổi giữ vị trí quan trọng trong gia đình và xã hội. Đại hội II Hội người cao tuổi Việt Nam (ngày 12-7-2001) đã thành công tốt đẹp và khẳng định vị trí, vai trò quan trọng đó của Hội người cao tuổi Việt Nam trong quá trình xây dựng đất nước; Hội có hệ thống tổ chức ở cấp Trung ương và cấp cơ sở, còn ở cấp tỉnh, thành phố, quận, huyện, thị xã lập Ban đại diện, đặt tại cơ quan Mặt trận Tổ quốc cùng cấp và do Đảng đoàn Mặt trận cấp đó chỉ đạo hoạt động.

Để thống nhất chỉ đạo thực hiện Chỉ thị 59-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII), Chỉ thị 117/TTg của Thủ tướng Chính phủ; Pháp lệnh người cao tuổi và Nghị quyết Đại hội lần thứ II Hội người cao tuổi Việt Nam; thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IX tại Thông báo số 12- TB/TW, ngày 13-6-2001; căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy Đảng, Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng trong tỉnh chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

1. Chỉ đạo thành lập Ban đại diện Hội người cao tuổi ở cấp huyện, thị xã gồm 3-4 người. Trưởng ban đại diện của Hội là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện, thị làm kiêm nhiệm, các ủy viên kiêm nhiệm là đại diện lãnh đạo của Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội, Y tế, Văn hóa - Thông tin, có 1 cán bộ chuyên trách (là cán bộ đương chức hoặc đã nghỉ hưu làm hợp đồng) được phân công làm thường trực (theo Hướng dẫn số 37/NCT, ngày 14-6-1999 của Ban Thường vụ Trung ương Hội người cao tuổi Việt Nam). Ủy ban nhân dân các cấp tiếp tục trợ cấp kinh phí hoạt động cho Hội người cao tuổi theo quy định. Các cơ quan chức năng của Nhà nước tạo thuận lợi, bảo đảm cấp kinh phí kịp thời cho Hội hoạt động.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cấp chính quyền và các ngành chức năng có liên quan thực hiện tốt chỉ thị này; đồng thời chỉ đạo ngành Tư pháp phối hợp với Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Ban đại diện Hội người cao tuổi của tỉnh và các ngành có liên quan tổ chức triển khai việc tuyên truyền, phổ biến, học tập sâu rộng và thực hiện Pháp lệnh Người cao tuổi Việt Nam đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa X thông qua.

3. Ban đại diện Hội người cao tuổi các cấp (tỉnh, huyện, thị xã) cần xây dựng quy chế và chương trình công tác cụ thể hướng mọi hoạt động về cơ sở xây dựng Hội vững mạnh; quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội Hội người cao tuổi Việt Nam lần thứ II và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII; đoàn kết tập hợp đông đảo người cao tuổi, đẩy mạnh việc xã hội

hóa công tác chăm sóc và phát huy vai trò, khả năng người cao tuổi vào sự nghiệp đổi mới, vì “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy Đảng, Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng tổ chức chỉ đạo thực hiện tốt những nội dung trên đây. Giao cho Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn và thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chỉ thị và báo cáo kết quả về Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 158-QĐ/TU, ngày 23-10-2001

Về việc thành lập hai phòng nghiệp vụ số 1 và số 2 thuộc Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy

- Căn cứ Thông báo số 90-TB/TU, ngày 10-7-2001 kết luận của Thường trực Tỉnh ủy đồng ý thành lập hai phòng nghiệp vụ số 1 và số 2 thuộc Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;

- Xét đề nghị của Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thành lập hai phòng nghiệp vụ số 1 và số 2 thuộc Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy kể từ ngày 1-11-2001; hai phòng nghiệp vụ số 1 và số 2 có chức năng, nhiệm vụ sau:

A. PHÒNG NGHIỆP VỤ SỐ 1

a) Chức năng: Tham mưu cho Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy về công tác kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo của đảng viên, đồng thời thực hiện các cuộc kiểm tra và giải quyết tố cáo của đảng viên ở các Đảng bộ được phân công.

b) Nhiệm vụ:

Tham mưu cho Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy để thực hiện chương trình kiểm tra của cấp ủy và chương trình kiểm tra của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

Trực tiếp thực hiện các cuộc kiểm tra theo chương trình kiểm tra của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và giải quyết khiếu nại, tố cáo ở Đảng bộ được phân công.

Đôn đốc việc sửa chữa khuyết điểm của các Đảng bộ qua các cuộc kiểm tra và kiểm tra việc sửa chữa khuyết điểm đó.

Phối hợp với văn phòng, Phòng Nghiệp vụ số 2 tham mưu cho Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy để giải quyết những vụ việc phức tạp liên quan đến địa phương và các ngành.

Thực hiện một số nhiệm vụ do lãnh đạo Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy phân công.

Chịu trách nhiệm theo dõi, chỉ đạo công tác kiểm tra của các Đảng bộ trực thuộc: thị xã Cam Đường, thị xã Lào Cai; Đảng ủy các cơ quan tỉnh, Đảng ủy Công an tỉnh, Đảng ủy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Đảng ủy Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Đảng ủy Công ty Apatit Việt Nam.

B. PHÒNG NGHIỆP VỤ SỐ 2

Chức năng, nhiệm vụ như Phòng Nghiệp vụ số 1; chịu trách nhiệm chỉ đạo công tác kiểm tra các Đảng bộ: Than Uyên, Văn Bàn, Bảo Thắng, Bát Xát, Mường Khương, Bắc Hà, Bảo Yên, Si Ma Cai, Sa Pa.

Điều 2: Các đồng chí: Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, hai phòng nghiệp vụ số 1 và số 2 thuộc Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỬ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 27-BC/TU, ngày 25-10-2001

**Tổng kết 3 năm thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TU
của Tỉnh ủy - Tiếp tục nâng cao năng lực tổ chức,
lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng (2001 - 2005)**

Phần thứ nhất

TỔNG KẾT NGHỊ QUYẾT 08-NQ/TU CỦA TỈNH ỦY VỀ XÂY DỰNG CƠ SỞ CHÍNH TRỊ, XÃ PHƯỜNG, THỊ TRẤN VỮNG MẠNH (1998-2000)

Ngày 27-3-1998 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa XI đã ra Nghị quyết về: “Xây dựng cơ sở chính trị xã, phường, thị trấn vững mạnh 1998 - 2000”. Đây là nghị quyết chuyên đề nằm trong chương trình công tác toàn khóa của Ban Chấp hành. Nghị quyết đi sâu đánh giá thực trạng hệ thống chính trị cấp cơ sở, đồng thời đề ra nhiệm vụ và những giải pháp nhằm củng cố và xây dựng cơ sở chính trị ở các xã, phường, thị trấn. Nhận thức tầm quan trọng và tính cấp bách của nghị quyết, các cấp ủy Đảng từ huyện, thị, đến cơ sở đã tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghị quyết có hiệu quả. Theo kế hoạch, việc triển khai thực hiện nghị quyết được chia thành 2 giai đoạn.

- Giai đoạn 1: Quán triệt nghị quyết, chọn điểm chỉ đạo thực hiện rút kinh nghiệm.

- Giai đoạn 2: Triển khai đồng loạt ở tất cả các xã, phường, thị

trấn. Tỉnh ủy Lào Cai đánh giá 3 năm triển khai thực hiện nghị quyết với những kết quả như sau:

A. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT

Sau khi tiếp thu tinh thần nghị quyết và kế hoạch của tỉnh, 10/10 huyện thị đã mở hội nghị để triển khai ở cấp mình. Một số huyện, thị đã thành lập Ban chỉ đạo như Sa Pa, Bảo Thắng, Bảo Yên và thị xã Lào Cai. Các huyện trung tập thêm cán bộ, thành lập tổ công tác để trực tiếp giúp cơ sở như thị xã Lào Cai, Mường Khương, Sa Pa, Bảo Yên, Văn Bàn. Huyện có chương trình hành động như Bảo Yên. Các huyện, thị biên giới còn gắn việc thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TU với Công văn 142-CV/TU của Tỉnh ủy về công tác bảo vệ chính trị nội bộ ở các xã, phường biên giới như Mường Khương, thị xã Lào Cai.

Về điểm chỉ đạo:

Để có thêm kinh nghiệm thực tiễn sau khi triển khai ra diện rộng, đồng thời gắn trách nhiệm của các cơ quan, ban, ngành với cơ sở, tỉnh ủy đã chọn 5 điểm chỉ đạo gồm: xã Tả Gia Khâu (Mường Khương); phường Cốc Lếu (thị xã Lào Cai); xã Xuân Giao (Bảo Thắng); thị trấn Phố Ràng (Bảo Yên) và xã Sa Pả (Sa Pa). Đồng thời giao cho các ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Tuyên giáo Tỉnh ủy, Dân vận - Dân tộc Tỉnh ủy và Ban Tổ chức chính quyền tỉnh cùng phối hợp với các cấp ủy huyện, thị để xây dựng điểm.

Ngoài ra, các huyện, thị còn chọn được 46 cơ sở có những đặc điểm và mạnh yếu khác nhau để làm điểm chỉ đạo của huyện, thị (Bảo Yên: 3; Bắc Hà: 3; Bát Xát 10 xã biên giới; Văn Bàn 9; Bảo Thắng 6; Sa Pa 2; thị xã Lào Cai 5; thị xã Cam Đường 3; Mường Khương 2 và Than Uyên 3).

Thực hiện kế hoạch chỉ đạo điểm, các ban, ngành của tỉnh, của huyện được phân công giúp đỡ cơ sở đã tích cực, chủ động phối hợp với cấp ủy huyện, thị và cơ sở tiến hành khảo sát, đánh giá và xây dựng phương án củng cố tạo nên bước chuyển biến ban đầu và rút ra được những kinh nghiệm thiết thực, bổ ích.

Ngày 12-3-1999, Tỉnh ủy mở hội nghị sơ kết bước 1 và chỉ đạo thực hiện nội dung bước 2.

Qua thực hiện bước 1 có thể rút ra được những kinh nghiệm sau:

- Ở đâu có sự quan tâm đúng mức, thống nhất được quan điểm chỉ đạo và có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các ban, ngành của tỉnh, của huyện và cơ sở thì ở đó triển khai thực hiện có hiệu quả tốt, như xã Sa Pả của huyện Sa Pa và thị trấn Phố Ràng của Bảo Yên.

- Phải đánh giá đúng thực trạng, đi sâu đi sát, tìm đúng nguyên nhân yếu kém và chọn đúng nội dung để củng cố.

- Củng cố không nên dàn trải mà phải có trọng tâm, trọng điểm.

- Có những cơ sở yếu kém kéo dài thì phải tập trung lực lượng của các ngành, các cấp, đầu tư sức người, sức của để củng cố toàn diện.

- Đối với những cơ sở đạt khá và trong sạch, vững mạnh song còn yếu mặt nào thì củng cố mặt đó.

B. NỘI DUNG TRỌNG TÂM BƯỚC 2 CHỦ YẾU THỰC HIỆN 6 NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP MÀ NGHỊ QUYẾT ĐÃ ĐỀ RA

I. NÂNG CAO NĂNG LỰC VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG

1. Đối với tổ chức cơ sở đảng

Với mục tiêu “Xây dựng các chi, đảng bộ theo tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh, xóa các tổ chức cơ sở đảng yếu kém trước năm 2000”. Các cấp ủy đều thấy rõ hơn trách nhiệm trong chỉ đạo củng cố tổ chức cơ sở đảng mà trọng tâm là khắc phục tình trạng yếu kém ở cơ sở. Qua khảo sát ở một số cơ sở yếu cho thấy, nguyên nhân trước hết do vai trò lãnh đạo của cấp ủy thực hiện nhiệm vụ chính trị còn yếu. Trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ cơ sở, mà đặc biệt là các đồng chí lãnh đạo chủ chốt như bí thư, chủ tịch quá thấp, những tồn tại ở cơ sở kéo dài xử lý không dứt điểm. Bởi vậy, các cấp ủy huyện, thị đã tập trung chỉ đạo cấp ủy Đảng cơ sở nâng cao năng lực lãnh đạo, vận dụng các

ng nghị quyết của Đảng vào điều kiện cụ thể của từng địa phương. Trên cơ sở tăng cường sự lãnh đạo toàn diện, từng khâu đột phá nhằm tháo gỡ khó khăn để tạo điều kiện chuyển biến từng mặt yếu, khâu yếu:

- củng cố kiện toàn cấp ủy, thay thế, bổ sung điều chuyển một số đồng chí lãnh đạo chủ chốt của phường Kim Tân, Cốc Lếu, Duyên Hải, Lào Cai của thị xã Lào Cai. Kiểm điểm, xử lý kỷ luật và kiện toàn cấp ủy đối với các xã Bản Cầm, Bản Phiệt (Bảo Thắng); xã Cam Đường (thị xã Cam Đường).

- Xây dựng điểm chỉ đạo kết hợp với củng cố cơ sở yếu kém như Nậm Chầy (Văn Bàn), Bảo Hà, Thượng Hà (Bảo Yên), Lầu Thí Ngải, Lử Thẩn (Bắc Hà)

- Tập trung giải quyết dứt điểm những tồn tại ở một số xã như Bản Khoang (Sa Pa); Xuân Quang, Sơn Hà, Phú Nhuận, Gia Phú (Bảo Thắng).

- Tiếp tục củng cố một số xã, thị trấn đã từng đạt khá và trong sạch vững mạnh song gần đây có mặt giảm sút như một số cơ sở ở huyện Văn Bàn, Bảo Thắng, Sa Pa, Mường Khương,...

- Giúp cơ sở xác định nhiệm vụ chính trị một cách cụ thể, sát thực giải quyết những vướng mắc, thực hiện những việc cần làm ngay nhằm thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển: phường Pom Hán, xã Hợp Thành (thị xã Cam Đường); Tả Thàng, Tả Ngải Chồ, Tung Trung Phố, Tả Gia Khâu, Lao Pan Tẩn, Lùng Vai (Mường Khương).

Với những biện pháp trên đây, các tổ chức cơ sở đảng từng bước đã củng cố được năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của mình, tình hình kinh tế - văn hóa xã hội và đời sống nhân dân đã có bước chuyển biến tốt. Các tổ chức cơ sở đảng như Nậm Chầy (Văn Bàn), Bảo Hà, Thượng Hà (Bảo Yên); Lầu Thí Ngải, Lử Thẩn (Bắc Hà), Bản Phiệt, Phú Nhuận, Phong Niên, Gia Phú (Bảo Thắng), từ yếu kém nhiều năm đã vươn lên khá. Một số xã qua củng cố đã vươn lên một cách toàn diện như: Bản Lầu, Bản Sen, Nám Lư (Mường Khương); thị trấn Phố Ràng (Bảo Yên); Sa Pả (Sa Pa); Bản Cầm (Bảo Thắng).

- Kết quả phân xếp loại tổ chức cơ sở đảng xã, phường, thị trấn 3 năm qua (...).

2. Công tác đảng viên

- Đội ngũ đảng viên tỉnh Lào Cai đến tháng 6-2001 có 17.615 đồng chí, tăng 2.717 đồng chí so với năm 1998.

Nhằm nâng cao chất lượng đảng viên, các tổ chức cơ sở đảng đã tích cực tổ chức cho đảng viên học tập các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, đặc biệt là học tập và thực hiện tự phê và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Qua đó, đội ngũ đảng viên đã được sàng lọc, phân loại. Những đồng chí vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật Nhà nước đã được xử lý làm rõ. Những đồng chí có khuyết điểm đều được góp ý để sửa chữa và có sự phấn đấu vươn lên.

- Công tác kết nạp Đảng (xã, phường, thị trấn).

Trong những năm qua, công tác phát triển Đảng đã có những chuyển biến tích cực. Số lượng, chất lượng đảng viên được kết nạp qua các năm không ngừng được tăng lên; năm 1998 kết nạp được 402 đồng chí; năm 2000 là 484 đồng chí (tăng 20,40%).

Từ kết quả của công tác kết nạp đảng viên đã góp phần giảm được 156 thôn, bản chưa có đảng viên và nâng cấp được 15 chi bộ lên đảng bộ cơ sở.

3. Công tác cán bộ

Đội ngũ cán bộ chủ chốt xã, phường, thị trấn của tỉnh Lào Cai gồm 8 chức danh (Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Bí thư Thường trực Đảng, Trưởng Công an, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và xã đội trưởng) đến hết năm 2000 có 1.058 đồng chí, tăng so với khóa trước 98 đồng chí. Lý do tăng sau bầu cử có một số chức danh kiêm nhiệm được tách ra, một số chức danh khuyết bầu bổ sung.

- Là nữ tăng 10 đồng chí so với khóa trước (tăng 40%).

- Là quần chúng từ 78 đồng chí giảm xuống còn 32 (giảm 58,97%).

- Là dân tộc thiểu số từ 723 đồng chí tăng lên 779 (tăng 7,19%).

Công tác đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ xã, phường, thị trấn từ năm 1998 đến năm 2000 có 378 đồng chí được đi học văn hóa;

164 đồng chí được đi học trung cấp lý luận ở tỉnh và huyện; 3.717 đồng chí được bồi dưỡng cấp ủy viên cơ sở; 8.256 lượt đoàn viên, hội viên được tập huấn về công tác Mặt trận và đoàn thể; 3.768 lượt đại biểu được tập huấn về công tác Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; 71 đồng chí được bồi dưỡng trung cấp quản lý nhà nước. Từ đó trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ cơ sở cũng được nâng lên. Nếu như năm 1998 số cán bộ chủ chốt của xã có trình độ từ lớp 1 đến lớp 3 là 208 đồng chí thì đến tháng 6-2000 chỉ còn 149 đồng chí (giảm 28,37%); cấp II tăng 16,07% và cấp III tăng 9,04%. Trình độ lý luận chính trị sơ cấp từ 71 đồng chí lên 243 đồng chí; trung cấp từ 254 lên đồng chí 355 đồng chí. Quản lý nhà nước trình độ trung sơ cấp tăng 66,66%; trình độ chuyên môn nghiệp vụ sơ cấp tăng 77,27%; trung cấp tăng 18,6%.

Qua đào tạo, bồi dưỡng đã góp phần củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên vào đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ, đổi mới tư duy kinh tế, đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương và đoàn thể cơ sở. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và đảng viên, củng cố kiện toàn hệ thống chính trị ở các xã, phường, thị trấn vững mạnh, từng bước đáp ứng với yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

II. XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN VỮNG MẠNH GẮN VỚI VIỆC THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) về xây dựng chính quyền cơ sở theo hướng tinh gọn, chất lượng, thực sự là nhà nước của dân, do dân và vì dân, hoạt động theo thiết chế dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, từ năm 1998, các cấp ủy đã có chủ trương lãnh đạo, chuẩn bị tốt nhân sự cho bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân nhiệm kỳ 1999-2004; tăng cường cán bộ giúp cơ sở đánh giá, rà soát, lựa chọn những đại biểu xứng đáng, có uy tín để giới thiệu ứng cử vào Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; những cá nhân vi

phạm khuyết điểm hoặc quần chúng có kiến nghị đều được cấp ủy chỉ đạo kiểm tra, làm rõ, kết luận và xử lý trước lúc bầu cử. Vì vậy, cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 14-11-1999 ở cơ sở đạt kết quả tốt. Sau bầu cử đã kịp thời kiện toàn các ban của Hội đồng nhân dân, xây dựng quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân và các thành viên của Ủy ban nhân dân. Các cơ sở đã làm tốt công tác bầu cử gắn với việc quy hoạch sắp xếp bố trí cán bộ nên nhìn chung đội ngũ cán bộ cơ sở đã được trẻ hóa một bước, trình độ năng lực cũng được nâng lên.

Cùng với việc xây dựng, củng cố chính quyền cơ sở là việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Quán triệt Chỉ thị số 30-CT/TW, ngày 18-2-1998 của Bộ Chính trị, Nghị định số 26/1998/NĐ-CP, ngày 15-5-1998 của Chính phủ và cùng các văn bản của tỉnh. Cấp ủy các cấp đã lãnh đạo, tổ chức triển khai, học tập và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở một cách nghiêm túc.

III. CÔNG TÁC MẶT TRẬN VÀ ĐOÀN THỂ

Các cấp ủy cơ sở đã có sự quan tâm, chỉ đạo Mặt trận và các đoàn thể hoạt động tích cực hơn, đã có bước cải tiến về nội dung, hình thức. Hầu hết Ban Chấp hành đoàn thể cơ sở đã được kiện toàn. Đội ngũ cán bộ làm công tác vận động quần chúng đều được bồi dưỡng những kiến thức nhất định để có thể đảm đương được nhiệm vụ. Hoạt động Mặt trận và đoàn thể trong 3 năm qua đã có chuyển biến rõ việc vận động đoàn viên, hội viên thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Các tổ chức chính trị, xã hội đã chủ động phối hợp với các ngành chức năng xây dựng các dự án, tín chấp để vay vốn giúp hội viên phát triển kinh tế, thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo. Chương trình dân số kế hoạch hóa gia đình, xóa mù chữ đạt hiệu quả; nhờ những hoạt động tích cực như trên, số lượng đoàn viên, hội viên không ngừng được tăng lên.

IV. PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở CƠ SỞ

Từ những kết quả của công tác xây dựng, củng cố hệ thống chính trị cấp cơ sở đã thúc đẩy tình hình kinh tế - xã hội phát triển, an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội được giữ vững.

Các huyện, thị ủy đều ra nghị quyết phát triển kinh tế, trong đó xác định cơ cấu kinh tế cho từng vùng, từng cụm xã. Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ giống vốn và kỹ thuật khuyến khích nông dân tích cực thâm canh, tăng vụ, sử dụng phân bón có hiệu quả, phòng trừ dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi. Các mô hình kinh tế trang trại ngày càng được hình thành và phát triển.

Tổng sản lượng lương thực quy thóc năm 2000 đạt 175.000 tấn, tỷ lệ hộ đói nghèo từ 26,8% giảm xuống còn 22,7% năm 2000 (tiêu chí cũ).

Công tác trồng, chăm sóc bảo vệ rừng thực hiện tương đối tốt, đã nâng độ tán che phủ 32,4%.

Đã tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của cán bộ và nhân dân về giáo dục và đào tạo; Các cấp ủy và chính quyền địa phương cùng phối hợp với ngành Giáo dục - Đào tạo huy động được các lực lượng xã hội tham gia công tác phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ có hiệu quả.

Thường xuyên làm tốt công tác phòng, khám và chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. 180 xã, phường, thị trấn có trạm y tế hoạt động. Tổ chức tốt các chương trình y tế quốc gia, tiến hành tiêm chủng mở rộng nên đã hạn chế được các bệnh dịch xảy ra. Tích cực thực hiện công tác dân số kế hoạch hóa gia đình. Mạng lưới cộng tác viên dân số đã bố trí đến các thôn, bản và hoạt động có hiệu quả. Hạ tỷ lệ tăng dân số tự nhiên từ 2,25% năm 1998 xuống 2,15% vào năm 2000.

Xây dựng hệ thống chính trị gắn với việc thực hiện các chương trình dự án để tạo nên sự chuyển biến đồng bộ ở cơ sở. Đặc biệt là Chương trình 135 phát triển kinh tế - xã hội ở các xã đặc biệt khó

khẩn miền núi, vùng sâu, vùng xa; Kế hoạch 184 về chống tuyên truyền đạo trái phép trong một số vùng đồng bào dân tộc đạt kết quả. Nhiều hộ đã thoát khỏi cảnh đói nghèo và vươn lên làm giàu chính đáng. Cơ sở hạ tầng như: trường học, cấp nước sinh hoạt, trạm xá, thủy lợi các điểm bưu điện - văn hóa xã, đường giao thông, các trạm truyền thanh, truyền hình được xây dựng và nâng cấp, làm cho đời sống của nhân dân các dân tộc ngày một nâng cao.

Có được kết quả trên là do cấp ủy chính quyền, đoàn thể các huyện, thị và cơ sở đã nhận thức rõ trách nhiệm, yêu cầu cấp bách phải củng cố cơ sở chính trị xã phường, thị trấn, từ đó có kế hoạch biện pháp chỉ đạo thực hiện có hiệu quả.

Cùng với cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Đại hội Đảng các cấp, các dự án chương trình phát triển kinh tế - xã hội được triển khai thực hiện; một số chính sách của tỉnh vận dụng cho cán bộ cơ sở trong thời gian qua đã tạo động lực thúc đẩy hệ thống chính trị cơ sở hoạt động năng động, thiết thực hơn. Bộ mặt nông thôn có bước khởi sắc làm cho nhân dân các dân tộc càng tăng thêm niềm tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng; mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân được củng cố.

C. NHỮNG TỒN TẠI KHUYẾT ĐIỂM

- Tổ chức cơ sở đảng, mà đặc biệt và vai trò của cấp ủy cơ sở một số nơi hoạt động kém hiệu quả chưa có hoặc thực hiện quy chế làm việc, phối hợp chưa tốt, có nơi chưa xác định rõ chức năng nhiệm vụ của mình, do đó dẫn đến bao biện làm thay công việc của chính quyền hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo, chỉ đạo đối với hệ thống chính trị cơ sở. Sinh hoạt đảng còn thiếu nề nếp, tính giáo dục và tính chiến đấu thấp; nội bộ một vài nơi thiếu đoàn kết thống nhất; việc xác định nhiệm vụ chính trị đối với cơ sở còn chung chung, không sát thực và thiếu cụ thể nên tổ chức thực hiện gặp rất nhiều khó khăn.

- Việc phân xếp loại tổ chức cơ sở đảng và phân tích chất lượng đảng viên hằng năm ở nhiều nơi vì chạy theo thành tích, làm lướt, né tránh khuyết điểm, hoặc nể nang châm chước nên phân loại thiếu chính xác dẫn đến tình trạng số tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh và

đảng viên đạt loại I cao nhưng phong trào vẫn không mạnh. Khi gặp những vấn đề phức tạp như di cư tự do và truyền đạo trái phép trong một số vùng đồng bào dân tộc rất lúng túng hoặc không giải quyết được. Một số tranh chấp dân sự đáng lẽ chỉ giải quyết ở cơ sở thì phải đưa lên huyện, tỉnh... chưa chọn từng loại tổ chức cơ sở đảng đặc thù, trọng tâm để củng cố rút kinh nghiệm nên kết quả hạn chế, do thiếu kiểm tra và có biện pháp kịp thời nên một số tổ chức cơ sở đảng khá có hiện tượng xuống cấp; một số cơ sở yếu kém kéo dài vẫn chưa vươn lên được như: Pha Mu, Tà Mít (Than Uyên). Do vậy mục tiêu không còn các cơ sở yếu kém trước năm 2000 là không thực hiện được.

- Công tác kết nạp đảng trong 3 năm qua còn một số bất cập:

- + Tỉnh Lào Cai có 27 dân tộc anh em sinh sống, chiếm tới 60% dân số nhưng tỷ lệ đảng viên mới kết nạp là người dân tộc thường chỉ chiếm có 34% làm cho tình hình phân bố đảng viên chênh lệch ngày càng nhiều giữa các dân tộc và các vùng trong tỉnh. Công tác tạo nguồn và kết nạp đảng viên ở các xã vùng sâu, vùng xa, biên giới còn nhiều khó khăn; từ đó việc giảm các thôn, bản chưa có đảng viên còn chậm. Hiện nay toàn tỉnh vẫn còn 161/1978 thôn, bản chưa có đảng viên (theo số liệu khảo sát của Ban Tổ chức Tỉnh ủy tháng 7-2001).

- + Công nhân trực tiếp lao động trong các thành phần kinh tế và nông dân vào Đảng chiếm tỷ lệ thấp. (năm 1999 có 27,5% là nông dân; công nhân là 8,19%). Việc tìm nhân tố cốt cán để phát triển Đảng trong các tôn giáo còn hạn chế (từ 1998 đến 2000 mới phát triển được 2 đảng viên là người có đạo).

- Đội ngũ cán bộ ở các xã, phường, thị trấn qua đào tạo, bồi dưỡng trình độ năng lực đã được nâng lên song nhìn chung vẫn hẫng hụt, chấp vá, thiếu đồng bộ, đặc biệt là ở các xã vùng sâu, vùng xa, biên giới. Một số nơi cán bộ vẫn chưa chủ động được công tác.

- Về trình độ văn hóa qua khảo sát 8 chức danh chủ chốt xã (số liệu tháng 6-2000) tổng số 1.058 đồng chí vẫn còn 12 đồng chí lớp 1; 33 đồng chí lớp 2 và 104 đồng chí lớp 3. Trình độ lý luận chính trị sơ cấp là 22,96%; trung cấp là 33,55%. Quản lý nhà nước trung - sơ cấp

có 48 đồng chí, chiếm 4,53%; chuyên môn nghiệp vụ các loại 69 đồng chí, chiếm 6,52% cho thấy trình độ học vấn, lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ còn thấp bất cập, ảnh hưởng trực tiếp tới khả năng lãnh đạo, chỉ đạo điều hành và tính hiệu quả của công việc.

Chính quyền cơ sở qua bầu cử đã được củng cố kiện toàn, một số nơi chức năng quyền hạn của chính quyền cơ sở chưa được phát huy đầy đủ; Hội đồng nhân dân hoạt động còn hình thức, chưa phát huy tốt chức năng đại biểu cho nhân dân địa phương. Ủy ban nhân dân là cấp chính quyền đầy đủ nhưng thiếu điều kiện, khả năng để thực hiện các chức năng của mình còn có tư tưởng thụ động, chờ đợi.

Quy chế dân chủ ở cơ sở tuy có triển khai song việc thực hiện còn gặp nhiều khó khăn do trình độ dân trí thấp, khả năng hiểu biết của cán bộ rất hạn chế. Ở vài nơi vai trò của Mặt trận và các đoàn thể quần chúng còn mang nặng tính hình thức, chưa được đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, chưa gắn bó quyền lợi và nghĩa vụ của đoàn viên, hội viên với tổ chức hội.

Tình hình di cư tự do và truyền đạo trái phép trong một số đồng bào dân tộc vẫn diễn biến phức tạp...

Nguyên nhân của tình hình trên là do: Nhận thức của một vài cấp ủy huyện, thị chưa đầy đủ về vai trò và tầm quan trọng của nghị quyết, chưa thấy được nhiệm vụ xây dựng củng cố tổ chức cơ sở đảng có tính chất cấp bách và lâu dài và là trách nhiệm, nên việc triển khai thực hiện có phần thiếu nghiêm túc, hiệu quả thấp; một số ban, ngành của tỉnh phối hợp với các huyện, thị để chỉ đạo điểm, chưa đi sâu đi sát giúp đỡ, kiểm tra giúp cơ sở, chỉ làm tốt giai đoạn đầu, không có sơ kết tổng kết rút kinh nghiệm nên kết quả đạt thấp.

D. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Qua 3 năm xây dựng và củng cố hệ thống chính trị cấp cơ sở theo tinh thần Nghị quyết 08-NQ/TU của Tỉnh ủy, thời gian chưa dài nhưng đây là một chủ trương sát đúng và kịp thời. Hệ thống chính trị cấp cơ sở được củng cố và xây dựng đã có những chuyển biến tiến bộ rõ nét và tương đối toàn diện. Các huyện, thị có biện pháp chỉ đạo khắc

phục yếu kém, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; công tác phát triển Đảng có những chuyển biến tích cực, đội ngũ đảng viên tăng cả số và chất lượng. Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ có nhiều cố gắng. Tập trung xây dựng chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể vững mạnh gắn với thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở nên đã góp phần hoàn thành tốt các mục tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện, thị và cơ sở.

Song còn yếu kém bất cập trong việc xác định chức năng, nhiệm vụ, nội dung sinh hoạt, phân xếp loại tổ chức cơ sở đảng cũng như đánh giá chất lượng đảng viên; đội ngũ cán bộ cơ sở còn chấp vá thiếu đồng bộ; hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân một số nơi chưa chủ động; Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chưa thật sự đổi mới nội dung hoạt động, còn hành chính hóa. Tình hình kinh tế - xã hội có khởi sắc nhưng chưa chuyển biến vững chắc, tỷ lệ hộ đói nghèo còn cao, một số vấn đề nảy sinh chưa được phát hiện và giải quyết kịp thời ngay từ cơ sở. Do vậy, để thực hiện tốt mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, việc tiếp tục củng cố nâng cao năng lực, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng xã, phường, thị trấn nói riêng và các loại hình tổ chức cơ sở đảng nói chung để xứng đáng là vai trò hạt nhân trong thời gian tới là hết sức cần thiết và cấp bách.

Phần thứ hai

TIẾP TỤC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 08-NQ/TU CỦA TỈNH ỦY, Củng cố, XÂY DỰNG VÀ CHỈNH ĐỐN ĐẢNG NHẪM NÂNG CAO NĂNG LỰC TỔ CHỨC, LÃNH ĐẠO CỦA TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG (2001-2005)

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm chỉ đạo

- Xây dựng tổ chức cơ sở đảng vững mạnh; lấy nhiệm vụ “Phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt” đi đôi với

phát triển văn hóa - xã hội, củng cố an ninh quốc phòng ở cơ sở. Phát triển kinh tế phải đặt lên nhiệm vụ hàng đầu là việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh công tác xóa đói, giảm nghèo nhằm ổn định và nâng cao đời sống cho nhân dân.

- Cùng với việc triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình dự án của Chính phủ và của tỉnh, tỉnh sẽ ban hành một số cơ chế chính sách (thuộc ngân sách địa phương) để hỗ trợ đồng bào đặc biệt khó khăn nhằm ổn định cuộc sống củng cố niềm tin cho nhân dân.

- Coi trọng phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao trình độ dân trí, đấu tranh bài trừ các tệ nạn xã hội, đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “Xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư”.

- Giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở; đặc biệt là các xã phường biên giới. Đấu tranh ngăn chặn và đẩy lùi việc di dịch cư tự do và truyền đạo trái phép trong một số vùng đồng bào dân tộc ít người.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả 7 chương trình trọng tâm và 27 đề án về phát triển kinh tế văn hóa - xã hội, củng cố an ninh quốc phòng và xây dựng hệ thống chính trị của Tỉnh ủy, vận dụng vào thực tiễn, tạo nên bước chuyển biến đồng bộ về chất đối với các tổ chức cơ sở đảng.

- Tiến hành rà soát đánh giá đúng thực chất khách quan năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng:

- + Đối với xã phường, thị trấn: Tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh phải chủ động được công tác, chính quyền phải thực sự có năng lực giải quyết được những vấn đề bức xúc ở địa phương thuộc thẩm quyền của mình.

- + Đối với cơ quan hành chính sự nghiệp, lực lượng vũ trang phải hoàn thành tốt chức năng nhiệm vụ của cơ quan đơn vị.

- + Đối với doanh nghiệp nhà nước phải phát huy được vai trò lãnh đạo và chỉ đạo để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước giao, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, đời sống cán bộ, công nhân viên được cải thiện.

2. Mục tiêu đến năm 2005 (Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XII)

- Phấn đấu 80% tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh, cơ bản không còn cơ sở yếu.

- Đến năm 2003 cơ bản không còn các thôn, bản, tổ dân phố, cơ quan đơn vị sự nghiệp, trường học, chưa có đảng viên.

- Nâng cấp từ chi bộ cơ sở lên đảng bộ cơ sở đối với các xã, phường, thị trấn từ 104 hiện nay lên 129 vào năm 2005 (tăng 25 đảng bộ).

- Chính quyền cơ sở: 65% chính quyền cơ sở đạt khá trở lên.

- Đoàn thể: 80 % trở lên tổ chức Mặt trận và đoàn thể cơ sở đạt loại khá trở lên.

- Cán bộ: 90% cán bộ chủ chốt chính quyền cơ sở vùng 3 có trình độ văn hóa hoàn chỉnh tiểu học trở lên, 100% cán bộ chủ chốt xã vùng I, vùng II có trình độ trung học cơ sở trở lên.

II. GIẢI PHÁP

1. Xây dựng, chỉnh đốn tổ chức cơ sở đảng

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII theo Chỉ thị số 03-CT/TW, ngày 7-6-2001 của Bộ Chính trị. Tập trung chỉ đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu có hiệu quả; tăng cường công tác kiểm tra đảng viên nắm, thực hiện nghị quyết, quy định, Điều lệ Đảng.

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn cấp ủy và các chức danh lãnh đạo chủ chốt ở cơ sở gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương VII (khóa VIII) về kiện toàn tổ chức bộ máy, xây dựng cơ chế, chính sách, sắp xếp cán bộ.

- Kiểm tra, bổ sung hoàn thiện về chức năng nhiệm vụ và quy chế làm việc cụ thể của các loại hình tổ chức cơ sở đảng. Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê và phê bình trong Đảng.

- Đổi mới công tác phân tích chất lượng đảng viên nhằm đánh giá

đúng thực chất năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của từng tổ chức đảng, khắc phục cách làm hình thức, chiếu lệ, thành tích chủ nghĩa.

- Cải tiến nội dung sinh hoạt và chế độ ra nghị quyết cấp cơ sở. Nội dung sinh hoạt đảng phải bám sát nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị và phải mang tính lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, không đi quá sâu vào công việc của chính quyền.

- Đối với các tổ chức cơ sở đảng chỉ ra nghị quyết khi thật cần thiết, nghị quyết phải ngắn gọn, rõ ràng, cụ thể, thiết thực, coi trọng khâu tổ chức thực hiện và tổng kết thực tiễn ở cơ sở.

- Đối với các tổ chức cơ sở đảng còn yếu; những cơ sở chưa chủ động được công tác, các cấp ủy huyện, thị cần phải đưa cán bộ có năng lực thực sự về tăng cường (có thể giữ được các chức vụ như bí thư, chủ tịch) đồng thời định rõ thời gian và gắn trách nhiệm cá nhân với sự chuyển biến của cơ sở.

Với phương châm yếu mặt nào thì củng cố mặt đó; đặc biệt phải coi trọng đến khâu tổ chức cán bộ. Những cán bộ năng lực trình độ quá thấp, uy tín giảm sút tuổi cao sức khỏe yếu phải kịp thời thay thế. Tích cực tạo nguồn và bồi dưỡng đào tạo đội ngũ cán bộ kế cận. Khắc phục tình trạng thụ động, trông chờ, ỷ lại và phát huy tính chủ động tự vươn lên của cơ sở.

- Hằng năm các cấp ủy huyện, thị cần phải có kế hoạch tổ chức thi “Bí thư chi bộ giỏi” trong các loại hình tổ chức cơ sở đảng nhằm tìm ra những đồng chí bí thư có trình độ và năng lực thực sự, nhân điển hình và rút kinh nghiệm chung trong công tác lãnh đạo chỉ đạo của đồng chí bí thư đối với chi bộ.

2. Nâng cao chất lượng đảng viên

Các cấp ủy cần phải có chương trình tổ chức cho đảng viên học tập nâng cao trình độ văn hóa, chính trị chuyên môn nghiệp vụ. Đưa chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng theo Quy định 54 của Bộ Chính trị vào nền nếp.

Đảng viên phải tự giác chấp hành quy định của Bộ Chính trị về

những điều đảng viên không được làm và thực hiện tốt quy định của Bộ Chính trị “Quy định về việc đảng viên đang công tác ở các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy Đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú” theo Quy định 76 của Bộ Chính trị.

Cấp ủy các cấp phải rà soát lại việc thực hiện sửa chữa khuyết điểm sau khi tiến hành tự phê và phê bình: đặc biệt là việc giải quyết xử lý những vụ việc nổi cộm, bức xúc ở địa phương, ngành, đơn vị thuộc trách nhiệm của cá nhân.

Tích cực, chủ động tạo nguồn và kết nạp đảng viên mới để 100% các thôn, bản, tổ dân phố, cơ quan, trường học, các đơn vị sự nghiệp đều có đảng viên. Đảng viên (trừ diện miễn hoãn) đều được phân công nhiệm vụ cụ thể để có cơ sở đánh giá, phân loại hằng năm.

Công tác kết nạp Đảng trong những năm tới cần phải đặc biệt chú ý đến chất lượng, cơ cấu thành phần cán bộ nữ, cán bộ dân tộc vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn vùng đồng bào có đạo.

3. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ

Khảo sát đánh giá đội ngũ cán bộ hiện có, mở rộng nguồn tuyển chọn và đào tạo cán bộ từ đảng viên, quần chúng tích cực ở các cơ sở và từ học sinh ưu tú đã và đang học ở các trường đại học, trường chuyên môn nghiệp vụ và Trường Phổ thông Dân tộc nội trú. Trên cơ sở đó, xây dựng quy hoạch đào tạo nguồn cán bộ đến năm 2005 theo yêu cầu nâng cao chất lượng và đồng bộ về cơ cấu. Hằng năm cấp ủy cơ sở phải rà soát, đánh giá, bổ sung đưa vào quy hoạch và chủ động lập kế hoạch cử cán bộ đi đào tạo bồi dưỡng cho từng đối tượng cụ thể. Xác định rõ tiêu chuẩn cán bộ cho từng loại hình tổ chức cơ sở đảng.

Trung tâm Giáo dục thường xuyên các huyện, thị xã tổ chức tốt các lớp đào tạo văn hóa cấp I cấp II cho đội ngũ cán bộ đương chức và kế cận, chú trọng học bổ túc văn hóa tại các xã.

Thực hiện luân chuyển cán bộ từ dưới lên, từ trên xuống, từ địa phương này qua địa phương khác theo yêu cầu nhằm đào tạo bồi dưỡng

cán bộ trong công việc, rèn luyện cán bộ qua các môi trường khác nhau, tạo điều kiện nâng cao tính chủ động, khả năng xử lý công việc của cán bộ trong điều kiện mới. Cán bộ, đảng viên phải chấp hành nghiêm chỉnh điều động, luân chuyển cán bộ của cấp có thẩm quyền.

- Tăng cường vai trò của các cấp ủy viên huyện, thị phụ trách cơ sở xã, phường, thị trấn; xây dựng quy định làm rõ trách nhiệm, thống nhất các lực lượng chỉ đạo cơ sở. Định kỳ giao ban khu vực, phối hợp các ngành giải quyết vướng mắc phát sinh từ cơ sở.

- Coi trọng tính hiệu quả, có chế độ kiểm tra, khen thưởng và kỷ luật rõ ràng, kịp thời thay thế những cán bộ không đáp ứng được yêu cầu.

4. Củng cố nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền cơ sở và hoạt động của các đoàn thể chính trị - xã hội

- Phát huy vai trò của Hội đồng nhân dân trong việc xem xét, quyết định các nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, an ninh quốc phòng ở cơ sở. Hội đồng nhân dân phải thực sự là cơ quan đại diện cho quyền lực nhân dân ở địa phương, thực hiện đầy đủ các hình thức biện pháp bảo đảm phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cần nâng cao năng lực quản lý điều hành, xây dựng quy chế làm việc quy định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của tập thể và các thành viên trong Ủy ban, quy chế phối hợp với Mặt trận và các đoàn thể xã, phường, thị trấn. Đặc biệt là vai trò của đồng chí chủ tịch Ủy ban, xây dựng chính quyền cơ sở theo tiêu chuẩn vững mạnh; tạo điều kiện cho nhân dân thực hiện quyền làm chủ trong các lĩnh vực đời sống xã hội, thực hiện dân biết, dân làm, dân kiểm tra. Chính quyền cơ sở phải chủ động giải quyết được những vấn đề bức xúc ở địa phương.

Phát huy vai trò và nâng cao năng lực hoạt động của các trưởng bản, những người có uy tín trong các dòng họ.

Đối với hoạt động của Mặt trận và đoàn thể:

Tổ chức cơ sở đảng cần phải chăm lo củng cố và nâng cao năng lực hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, bố trí cán bộ

có khả năng làm được công tác vận động quần chúng. Nội dung hoạt động của Mặt trận và đoàn thể cần phải được cải tiến: gắn hoạt động của hội với các chương trình dự án nhằm phát triển sản xuất, tạo việc làm, xóa đói, giảm nghèo và nâng cao trình độ dân trí. Thông qua đó, lựa chọn những quần chúng ưu tú giới thiệu cho Đảng để làm công tác phát triển Đảng và đào tạo cán bộ.

- Xây dựng quy chế phối hợp giữa tổ chức cơ sở đảng với chính quyền, Mặt trận Tổ quốc các đoàn thể chính trị - xã hội; chỉ đạo tập trung thống nhất và tính hiệu quả trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị của các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở.

Đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận và đoàn thể theo hướng dựa vào dân, lấy dân làm công tác vận động quần chúng với phương châm: Nghe dân nói, nói dân hiểu, làm cho dân tin.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy huyện, thị, các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng căn cứ vào nội dung trên xây dựng kế hoạch, triển khai tổ chức thực hiện ở cơ sở. Tiến hành rà soát đánh giá đúng thực chất năng lực hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng; xây dựng tiêu chí cụ thể sát thực với từng loại hình tổ chức cơ sở đảng và hướng dẫn thực hiện làm căn cứ để xây dựng, chỉnh đốn cho phù hợp, có hiệu quả

2. Đối với các tổ chức cơ sở đảng cần phải xây dựng chương trình hành động, xây dựng kế hoạch, định rõ thời gian và nội dung để khắc phục những điểm yếu, mặt yếu trình cấp ủy cấp trên trực tiếp phê duyệt, tập trung chỉ đạo, củng cố nâng cao năng lực và sức chiến đấu thực sự của các tổ chức cơ sở đảng.

3. Ban Tổ chức Tỉnh ủy cùng các ban xây dựng Đảng thường xuyên kiểm tra, đôn đốc theo dõi việc thực hiện công tác xây dựng Đảng đối với cơ sở; phát hiện điển hình mới để nhân diện, đồng thời đề xuất những ý kiến giúp tháo gỡ khó khăn ở cơ sở để thực hiện tốt các nội dung trên.

4. Gắn việc triển khai thực hiện nội dung này với các đề án bồi dưỡng đào tạo cán bộ Đảng, chính quyền đoàn thể cơ sở tỉnh Lào Cai giai đoạn 2001 -2005; Đề án kiện toàn tổ chức, bộ máy và tinh giản biên chế Khối Đảng, đoàn thể tỉnh Lào Cai theo tinh thần Nghị quyết Trung ương (khóa VIII) và một số chương trình dự án khác về phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh quốc phòng nhằm tạo bước chuyển biến đồng bộ ở cơ sở.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 29-BC/TU, ngày 30-10-2001

Về thực trạng, phương hướng và giải pháp phát triển kinh tế tư nhân khu vực phi nông nghiệp tỉnh Lào Cai

Thực hiện Công văn số 376/KTTW, ngày 20-9-2001 của Ban Kinh tế Trung ương về việc xây dựng báo cáo tình hình và phương hướng, giải pháp phát triển kinh tế tư nhân; để chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương 5 khóa IX, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai đã tập trung chỉ đạo triển khai:

- Thành lập Ban chỉ đạo gồm 20 thành viên các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh do đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy làm Trưởng ban (Quyết định số 150-QĐ/TU, ngày 27-9-2001).

- Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai đã xây dựng Kế hoạch triển khai số 762-KH/UB, ngày 4-10-2001 quán triệt mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các ngành các cấp trong tỉnh, tiến độ thực hiện làm căn cứ để các cơ quan chức năng triển khai theo đúng kế hoạch, đồng thời thành lập tổ tổng hợp (Quyết định số 2178-QĐ/UB, ngày 4-10-2001) gồm 9 chuyên viên của các ngành làm nhiệm vụ tổng hợp, xây dựng báo cáo thực trạng phương hướng và giải pháp phát triển kinh tế tư nhân của tỉnh Lào Cai.

- Theo sự phân công các ngành đã tiến hành nghiên cứu khảo sát tại 112 doanh nghiệp/226 doang nghiệp; và 1.005/4.728 hộ kinh doanh cá thể với tổng số 2.450 phiếu điều tra của người lao động, ở

tại các địa bàn trọng điểm của tỉnh như: thị xã Lào Cai, huyện Sa Pa, huyện Bảo Thắng..

Căn cứ kết quả khảo sát điều tra, căn cứ đề cương nghiên cứu Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai báo cáo Ban Bí thư Trung ương Đảng, Ban Kinh tế Trung ương thực trạng, định hướng và các giải pháp phát triển kinh tế tư nhân với các nội dung chủ yếu sau:

Phần I

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN CỦA ĐỊA PHƯƠNG HIỆN NAY

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN KHU VỰC PHI NÔNG NGHIỆP TỪ NĂM 1996 ĐẾN THÁNG 6 NĂM 2001

Thành phần kinh tế tư nhân khu vực phi nông nghiệp (bao gồm doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể) trong các năm qua phát triển khá cả về số lượng, quy mô và hiệu quả hoạt động, cụ thể:

1. Về số lượng

Doanh nghiệp năm 1992 toàn tỉnh có 19 doanh nghiệp; năm 1996 có 141 doanh nghiệp tăng 7,5 lần so với năm 1992. Năm 2000 số doanh nghiệp còn hoạt động là 164 đơn vị, tăng 1,16 lần so với năm 1996. Tốc độ tăng số lượng doanh nghiệp bình quân hàng năm (1996 - 2000) 3,85 %.

Hộ kinh doanh cá thể năm 1992 toàn tỉnh có 2.500 hộ; năm 1996 có 3.786 hộ, tăng 1,5 lần so với năm 1992; năm 2000 có 4.630 hộ kinh doanh được lập sổ bộ thuế tăng so với năm 1996 là 1,2 lần. Tốc độ tăng trưởng số lượng số hộ kinh doanh cá thể bình quân (1996 - 2000) là 5,15%.

Cơ cấu, ngành nghề sản xuất chế biến, tiểu thủ công nghiệp chiếm

5,26%; 94,7% là dịch vụ; tập trung ở khu vực thị xã Lào Cai chiếm 82,3% số doanh nghiệp; 24,3% số hộ kinh doanh cá thể.

- *Nguyên nhân của tăng trưởng khá về số lượng:*

+ Do yêu cầu phát triển của một tỉnh mới tái lập và có điểm xuất phát thấp, tuy chưa toàn diện nhưng các chính sách ban hành đã có tác dụng tích cực để gia tăng số lượng các doanh nghiệp ở Lào Cai.

+ Từ chính sách của Đảng và Nhà nước về khuyến khích phát triển kinh tế ngoài quốc doanh tỉnh đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các quy định của luật pháp như Luật doanh nghiệp tư nhân, Luật công ty, Luật khuyến khích đầu tư trong nước, Luật hợp tác xã và Luật doanh nghiệp. Ngoài ra, căn cứ vào thực tiễn địa phương, tỉnh còn ban hành nhiều cơ chế chính sách, quy định cụ thể nhằm khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân, đặc biệt là chính sách khuyến khích phát triển kinh tế ngoài quốc doanh ban hành kèm theo Quyết định số 124-QĐ/UB, ngày 29-5-1993 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai, chính sách ưu đãi cho phát triển du lịch, phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, chính sách đầu tư vào khu kinh tế cửa khẩu...

2. Quy mô sản xuất kinh doanh

a) *Về vốn đăng ký và vốn đầu tư:*

- Tổng vốn đăng ký của doanh nghiệp năm 1996 là 35.425 triệu đồng bình quân cho 1 doanh nghiệp là 251,241 triệu đồng; năm 2000 là 75.000 triệu đồng bình quân cho 1 doanh nghiệp là 457.130 triệu đồng, tăng gấp 1,8 lần so với năm 1996. Sáu tháng đầu năm 2001 tổng vốn đăng ký của doanh nghiệp là 100.000 triệu đồng bình quân cho 1 doanh nghiệp là 442,477 triệu đồng, tăng gấp 1,76 lần so với năm 1996.

- Tổng vốn đầu tư của doanh nghiệp năm 1996 là 40.052 triệu đồng, bình quân 1 doanh nghiệp đầu tư là 326,60 triệu đồng; năm 2000 tổng vốn đầu tư là 78.500 triệu đồng, bình quân cho 1 doanh nghiệp đầu tư là 478,66 triệu đồng; sáu tháng đầu năm 2001 tổng vốn đầu tư là 68.600 triệu đồng, bình quân cho 1 doanh nghiệp đầu tư là 303,54 triệu đồng.

- Tổng vốn đầu tư của hộ kinh doanh cá thể năm 1996 là 56.708 triệu đồng bình quân cho 1 hộ là 14,97 triệu đồng; năm 2000 là 41.500 triệu đồng, bình quân cho 1 hộ là 8,96 triệu đồng; 6 tháng đầu năm 2001 bình quân vốn đầu tư của 1 hộ kinh doanh là 6,25 triệu đồng.

- Cơ cấu vốn đầu tư, vốn kinh doanh của các doanh nghiệp của các hộ kinh doanh cá thể diễn biến thay đổi như trên do những quy định mới của Luật doanh nghiệp đã khuyến khích các doanh nghiệp đăng ký vốn kinh doanh và đầu tư vốn sát với thực tế kinh doanh của họ, mặt khác do chính sách thực hiện lập sổ sách kế toán, tính thuế khấu trừ đối với hộ kinh doanh dẫn đến một số hộ kinh doanh chuyển sang đăng ký hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp.

b) Về lao động

Thành phần kinh tế tư nhân góp phần đáng kể giải quyết việc làm cho người lao động, giai đoạn 1996 - 2001 đã sử dụng 8.968 lao động có việc làm thường xuyên với mức thu nhập bình quân 500.000 đồng/người/tháng, chiếm 3,4% trong tổng số lao động của toàn tỉnh. Tính đến 30-6-2001 đã có 24/226 doanh nghiệp tư nhân tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho 415 lao động và đã thành lập được 8 công đoàn cơ sở của thành phần kinh tế tư nhân trong đó có 1 đơn vị (Công ty Thương mại tổng hợp Tiến Thành) đã xây dựng thỏa ước tập thể đối với người lao động.

Tuy nhiên, nhìn chung người sử dụng lao động trong thành phần kinh tế tư nhân còn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật lao động các chế độ cho người lao động như: An toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo hộ lao động, phụ cấp độc hại, lễ tết, chế độ phép, đóng bảo hiểm xã hội... chưa được quan tâm, đôi khi còn lợi dụng những kẽ hở của quy định, lạm dụng trốn trách nhiệm của người sử dụng lao động như chỉ ký hợp đồng lao động ngắn hạn dưới 3 tháng với người lao động để không thuộc diện phải đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động.

3. Hiệu quả kinh doanh của kinh tế tư nhân

Do kinh tế tư nhân hoạt động với cơ cấu tổ chức, bộ máy gọn nhẹ nên đã phát huy tính năng động cao, đặc biệt là địa bàn miền núi quy

mô sản xuất nhỏ và phân tán thì hiệu quả kinh tế của thành phần kinh tế tư nhân phần nào có ưu thế hơn các thành phần kinh tế khác.

Tuy mới hình thành và phát triển song kinh tế tư nhân đã ổn định và vững vàng trong cơ chế thị trường. Theo số liệu thống kê hằng năm kinh tế tư nhân số doanh nghiệp kinh doanh có lãi chiếm 69%; số doanh nghiệp hoà vốn 16%; số doanh nghiệp thua lỗ ngừng hoạt động 15 % trên tổng số doanh nghiệp tư nhân. Số nộp ngân sách qua thuế thời kỳ 1996 - 2001 bình quân hằng năm chiếm 14,83% trong tổng số thuế của địa phương (không kể thuế xuất, nhập khẩu) tỷ suất lợi nhuận của một đồng vốn chủ sở hữu chỉ thu được 0,08 đồng lợi nhuận (số liệu khảo sát ở một số doanh nghiệp).

Tuy nhiên, do phải huy động nhiều nguồn vốn để đáp ứng yêu cầu đầu tư nhưng lại không được thanh toán kịp thời, bị chiếm dụng kéo dài nên hiệu quả thấp.

4. Đánh giá vị trí vai trò của khu vực kinh tế tư nhân tại Lào Cai (1996- 2000)

- Thành phần kinh tế tư nhân chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Chưa kể tới hộ kinh doanh, riêng doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp toàn tỉnh đến tháng 6-2001 có 226 đơn vị gấp 5,5 lần doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý, hầu hết quy mô nhỏ nhưng đã đóng góp 15,3% tổng sản phẩm (GDP) của địa phương, tạo nhiều chỗ việc làm cho người lao động bình quân năm giai đoạn 1996 - 2000 sử dụng 8.968 lao động, 6 tháng 2001 sử dụng gần 11.000 lao động, nộp thuế chiếm tỷ trọng 16,03% tổng số thu thuế của địa phương.

- Xu hướng đầu tư kinh doanh của thành phần kinh tế tư nhân với quy mô nhỏ, nhiều chủ đầu tư (thành viên góp vốn) đầu tư vào 2-3 doanh nghiệp nhằm giảm sự rủi ro; lĩnh vực đầu tư chủ yếu vào dịch vụ, kinh doanh thương mại đầu tư vào khu vực sản xuất và chế biến rất thấp chiếm 6,8% số hộ và doanh nghiệp tư nhân.

- Tốc độ phát triển về số lượng giai đoạn 1996 - 2001 bình quân

tăng 5,15%/ năm (trừ số ngừng hoạt động). Khi Luật doanh nghiệp có hiệu lực thi hành (ngày 1-1-2000) số lượng doanh nghiệp đăng ký kinh doanh tăng khá mạnh (163 doanh nghiệp) bằng 70% số doanh nghiệp thành lập trong 8 năm (1992 - 1999). Xu hướng còn tiếp tục phát triển mạnh trong các năm tới do tác động tích cực của Luật doanh nghiệp, Luật thuế giá trị gia tăng với phương pháp tính thuế khấu trừ đồng thời với việc áp dụng lập sổ sách kế toán thống kê đối với các hộ kinh doanh có doanh số hoạt động lớn và các chính sách ưu đãi đầu tư.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KINH TẾ TƯ NHÂN TỪ KHI CÓ LUẬT DOANH NGHIỆP (NĂM 2000) ĐẾN THÁNG 6 NĂM 2001

1. Đánh giá tình hình các cơ sở sản xuất kinh doanh

Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12-6-1999 trên cơ sở hợp nhất và sửa đổi bổ sung Luật doanh nghiệp tư nhân và Luật công ty ngày 4-12-1990 và với một loạt văn bản hướng dẫn thi hành của Chính phủ, các bộ, ngành liên quan đặc biệt là việc bác bỏ 111 loại giấy phép hành nghề, chứng chỉ hành nghề, giấy phép con tại Quyết định số 19/2000/QĐ-TTg, ngày 3-2-2000 và Nghị định số 30/2000/QĐ-CP, ngày 11-8-2000 là những bước đột phá trong cải cách hành chính, hoàn thiện môi trường kinh doanh, hành lang pháp lý, bảo đảm quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật đã thúc đẩy và phát huy tiềm năng sẵn có của thành phần kinh tế tư nhân phát huy nội lực thu hút vốn đầu tư nhân rồi trong cộng đồng dân cư.

Qua số liệu tổng hợp hằng năm, tổng kết đánh giá của các đợt kiểm tra khảo sát chuyên ngành theo từng lĩnh vực như chấp hành pháp luật thuế, luật lao động, quy chế hành nghề, tuân thủ pháp luật... của các cơ quan chuyên môn trên địa bàn cho thấy thành phần kinh tế tư nhân có những mặt mạnh và hạn chế chủ yếu là:

a) Mặt mạnh thể hiện:

- Cơ cấu tổ chức bộ máy gọn nhẹ, tỷ lệ gián tiếp thấp do đó tính năng động, linh hoạt trong sản xuất kinh doanh cao, thông thường thành phần kinh tế tư nhân thay đổi quy mô, địa bàn, mặt hàng kinh doanh cũng như đổi mới thiết bị thuận lợi hơn các doanh nghiệp nhà nước.

- Người quản lý điều hành quá trình sản xuất kinh doanh đồng thời là chủ sở hữu vốn đầu tư kinh doanh hoặc chí ít cũng là anh em họ hàng thân cận do đó tinh thần trách nhiệm rất cao, năng nổ với công việc, giám sát chặt chẽ quá trình luân chuyển vốn đồng thời tự chủ những vấn đề trong nội bộ đơn vị như chế độ tiền lương, thưởng, thu hút lao động có tay nghề cao, do đó hiệu quả kinh doanh cao, tỷ suất sinh lời trên đồng vốn đầu tư lớn.

b) Mặt hạn chế:

Trình độ quản lý: Đại đa số các chủ doanh nghiệp, người quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của thành phần kinh tế tư nhân chưa được đào tạo cơ bản về khoa học quản lý, kinh doanh chủ yếu quản lý theo cảm tính và kinh nghiệm là chính, có nhiều trường hợp không lập sổ sách kế toán thống kê theo quy định, có doanh nghiệp giám đốc kiêm luôn cả thủ quỹ và kế toán, hoặc thuê kế toán kiêm nhiệm nhằm phục vụ cho quyết toán cuối năm gây không ít khó khăn cho các cơ quan chức năng kiểm tra, giám sát tài chính doanh nghiệp.

Am hiểu pháp luật và ý thức chấp hành pháp luật còn thấp, những thông tin văn bản quản lý, cơ chế chính sách của Đảng và Nhà nước chưa được chuyển tải kịp thời và thường xuyên tới thành phần kinh tế tư nhân do đó dẫn đến tình trạng kinh tế tư nhân trong hoạt động sản xuất kinh doanh vi phạm pháp luật và các quy định của Nhà nước mà không biết và cũng không ít đơn vị kinh tế tư nhân sử dụng tư vấn dưới hình thức trả lương tháng hay vụ việc trong một số cán bộ, công chức quản lý nhà nước trong từng lĩnh vực chuyên trách.

Những mặt mạnh và hạn chế trên ảnh hưởng đến hoạt động sản

xuất kinh doanh của thành phần kinh tế tư nhân và được phân tích kỹ trong phần thuận lợi khó khăn và quản lý nhà nước của báo cáo.

2. Đánh giá vai trò, vị trí của khu vực kinh tế tư nhân

Như trên đã đánh giá khái quát vai trò, vị trí của kinh tế tư nhân. Nội dung phần này phân tích rõ vị trí, vai trò trong các chỉ tiêu và của từng loại hình kinh tế tư nhân.

- Tổng sản phẩm xã hội trong tỉnh (GDP) của thành phần kinh tế tư nhân chiếm tỷ trọng bình quân (1996 - 2000) là 14,78%. Riêng 6 tháng đầu năm 2001 chiếm tỷ trọng là 18% trong GDP của địa phương. Trong đó doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp tuy số lượng ít hơn hộ kinh doanh cá thể nhưng chiếm tỷ trọng GDP khá cao bình quân (1996 - 2000) là 12,2%, 6 tháng đầu năm 2001 đạt 14,4% trong GDP của địa phương.

- Tổng vốn đầu tư của kinh tế tư nhân hằng năm bình quân đầu tư là 111.764 triệu (1996 - 2000) chiếm 22,38% trong tổng đầu tư của địa phương. Tổng đầu tư của các hộ kinh doanh cá thể có xu hướng giảm năm 1996 là 56.708 triệu đồng, năm 2000 còn 41.500 triệu đồng, trong khi đó tổng đầu tư của doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp có xu hướng tăng năm 1996 tổng đầu tư đạt 46.052 triệu đồng, năm 2000 tăng lên 78.500 triệu đồng. Xu hướng này cho thấy khả năng đầu tư vào sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng lớn đặc biệt tăng mạnh vào năm 2000 và 6 tháng đầu năm 2001; khả năng tích tụ vốn kinh doanh của doanh nghiệp cao hơn hộ kinh doanh cá thể, lợi nhuận trong hoạt động sản xuất kinh doanh được tái đầu tư cho sản xuất, còn hộ kinh doanh cá thể lợi nhuận sinh ra phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng.

- Sử dụng lao động bình quân 8.968 lao động/năm chiếm 3,4% tổng số lao động toàn xã hội của tỉnh. Xu hướng sử dụng lao động của hộ kinh doanh cá thể tăng không đáng kể năm 1996 sử dụng 6.382 lao động, chiếm 2,22% tổng số lao động xã hội, năm 2000 sử dụng 7.297 lao động, chiếm 2,29% trong tổng số lao động xã hội. Sử dụng lao động

của doanh nghiệp năm 2001 là 3.685 lao động tăng gấp 3 lần số lao động sử dụng 1996 (1.216 lao động). Số lao động của hộ kinh doanh cá thể thường sử dụng lao động tại chỗ (con, em trong hộ kinh doanh) còn doanh nghiệp thì tỷ lệ lao động ở địa phương khác chuyển đến khá cao, chiếm 35 - 40% tổng số lao động mà doanh nghiệp sử dụng.

- Thực hiện chính sách thuế: Bình quân giai đoạn 1996 - 2000 hàng năm nộp thuế 10.627 triệu đồng, chiếm 14,83% tổng số thuế của địa phương. Trong đó, số thuế nộp của doanh nghiệp so với tổng số thuế thành phần kinh tế tư nhân năm 1996 chiếm 20%; 1997 chiếm 40%; 1998 chiếm 49%; 1999 chiếm 31%; 2000 chiếm 21%; 6 tháng đầu năm 2001 chiếm 51%. Năm 1999 và 2000 số thuế thuộc đối tượng doanh nghiệp nộp giảm mạnh trong khi số doanh nghiệp cao hơn năm 1998. Với lý do Luật thuế giá trị gia tăng; Luật thuế thu nhập doanh nghiệp; Luật khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) có hiệu lực từ 1-1-1999 theo phương pháp tính thuế khấu trừ và ưu đãi đầu tư trong một số năm đầu khi tham gia kinh doanh được Nhà nước miễn giảm thuế.

- Kim ngạch xuất khẩu: Kinh tế tư nhân tỉnh Lào Cai chủ yếu xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm sản là chính, bình quân tỷ trọng xuất khẩu chiếm 51,33% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của địa phương trong đó tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu của doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp và chiếm tới 77,72% kim ngạch xuất khẩu của kinh tế tư nhân. Trước năm 1999, tỷ lệ kim ngạch xuất khẩu của kinh tế tư nhân còn thấp, chiếm khoảng 33,4%; từ 1999 đến nay tăng mạnh, năm 2000 chiếm tỷ lệ 69,8%; 6 tháng đầu năm 2001 chiếm 81,9% tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh. Điều đó thể hiện tính tích cực và hiệu quả của Nghị định số 57/1998/NĐ-CP, ngày 31-7-1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thương mại về hoạt động xuất, nhập khẩu và cơ chế điều hành xuất, nhập khẩu hàng năm của Chính phủ cũng như việc cải cách thủ tục Hải quan đã cho phép thành phần kinh tế tư nhân được phép trực tiếp xuất, nhập khẩu theo ngành hàng đăng ký kinh doanh của mình mà pháp luật không cấm, chỉ cần đăng ký mã số xuất, nhập khẩu tại Hải quan cửa khẩu.

Thành phần kinh tế tư nhân nhìn chung có tinh thần tham gia tích cực các phong trào đền ơn, đáp nghĩa, khắc phục hậu quả thiên tai, phong trào văn nghệ, thể dục, thể thao khi các cấp chính quyền và cơ quan quản lý nhà nước có phương pháp tuyên truyền và vận động tốt, với số tiền ủng hộ là 636 triệu đồng và 4 ngôi nhà tình nghĩa ủng hộ các gia đình chính sách với giá trị 90 triệu đồng.

Qua số liệu và phân tích ở trên, thành phần kinh tế tư nhân của tỉnh Lào Cai trong các năm qua phát triển khá mạnh cả về số lượng lẫn chất lượng so với các tỉnh miền núi biên giới thực sự có vai trò, vị trí nhất định trong sự nghiệp phát triển văn hóa, kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Thuận lợi, khó khăn của kinh tế tư nhân trong sản xuất kinh doanh

- Môi trường pháp lý: Nhìn chung còn thiếu, chưa đồng bộ và phù hợp với thành phần kinh tế tư nhân. Luật doanh nghiệp ngày 12-6-1999 và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật doanh nghiệp chỉ điều chỉnh quá trình thành lập, đăng ký kinh doanh và mối quan hệ trong nội bộ doanh nghiệp. Trong sản xuất kinh doanh doanh nghiệp còn chịu sự điều chỉnh của các quy phạm pháp luật chuyên ngành khác, các quy định đó nhằm điều chỉnh chung cho các thành phần kinh tế mà khi xây nhằm phục vụ chủ yếu là kinh tế nhà nước do đó rất chi tiết, phức tạp làm cho thành phần kinh tế tư nhân khó thực hiện theo quy định của pháp luật.

Thuận lợi là thủ tục đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh cá thể đơn giản, thời gian ngắn, không hạn chế quyền tự do kinh doanh của các chủ thể, giảm được nhiều chi phí không cần thiết trước khi bước vào kinh doanh.

Khó khăn là hệ thống văn bản pháp luật về quản lý, điều hành hoạt động riêng cho kinh tế tư nhân hầu như không có, các văn bản quản lý chuyên ngành như chính sách thuế, lao động, khoa học môi trường... đặc biệt là vấn đề quản lý tài chính trong thành phần kinh tế tư nhân không rõ ràng và cụ thể làm cho kinh tế tư nhân khó thực

hiện dẫn tới việc cơ quan quản lý nhà nước không nắm được tình hình tài chính doanh nghiệp.

- Môi trường tâm lý xã hội: Gần đây kinh tế tư nhân mới được khẳng định vị trí vai trò của mình, song độ tin cậy trong quan hệ kinh tế và giao dịch còn thấp ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả và thời cơ kinh doanh của thành phần kinh tế tư nhân.

- Vấn đề tiếp cận nguồn vốn tín dụng của thành phần kinh tế tư nhân: Qua khảo sát Ngân hàng Nông nghiệp thị xã Lào Cai có 41 doanh nghiệp vay vốn với tổng số dư nợ là 11.355 tỷ đồng; Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư phát triển có 34 doanh nghiệp vay vốn với tổng dư nợ là 50 tỷ đồng; quỹ hỗ trợ đầu tư 11 doanh nghiệp với số nợ là 5,4 tỷ đồng. Nhìn chung, các nguồn tín dụng tại các ngân hàng thương mại và quỹ hỗ trợ đầu tư là dư thừa đáp ứng nhu cầu vay vốn của các doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp vẫn thiếu vốn không đủ điều kiện để vay vốn của các tổ chức tín dụng. Nguyên nhân của tình trạng trên là:

Đối với các ngân hàng thương mại áp dụng thủ tục thế chấp để cho vay trong khi đó tài sản thế chấp của doanh nghiệp thường thấp, doanh nghiệp chủ yếu đầu tư vốn kinh doanh, đầu tư vào tài sản cố định để làm tài sản thế chấp thường chiếm tỷ lệ thấp. Nguồn vốn quỹ hỗ trợ phát triển hoặc quỹ giải quyết việc đối tượng cho vay thường hẹp, mức vốn cho vay thấp thông thường chỉ đạt 50 - 70%. Tổng vốn đầu tư, thủ tục trình duyệt phức tạp kéo dài thời gian xem xét cho vay làm cho doanh nghiệp thiếu vốn kinh doanh mà không thể vay được vốn.

Về phía các doanh nghiệp năng lực quản lý kém, hệ thống sổ sách kế toán thống kê, chứng từ hóa đơn, số liệu độ tin cậy thấp khó xác định lỗ lãi gây không ít khó khăn cho việc kiểm tra, thẩm định khi cho vay, để bảo toàn vốn vay các tổ chức tín dụng không dám cho vay.

- Vấn đề thực hiện chính sách thuế: Thực hiện Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp đã phát huy tác dụng khắc phục những nhược điểm của thuế doanh thu, thuế lợi tức tạo môi trường

thuận lợi cho đầu tư và tăng cường chế độ hạch toán kế toán trong sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế, khắc phục được việc thu thuế trùng lặp, khuyến khích xuất khẩu và bước đầu tạo thói quen sử dụng chứng từ hóa đơn của các đơn vị kinh doanh khi mua, bán vật tư hàng hóa do phương pháp tính thuế khấu trừ của Luật thuế giá trị gia tăng. Tuy ưu việt nhưng đây là những quy định mới, thay đổi căn bản phương pháp tính thuế, trong quá trình triển khai thực hiện lại có quá nhiều văn bản hướng dẫn thực hiện (Chính phủ có 4 nghị định, Bộ Tài chính có 27 thông tư và văn bản hướng dẫn). Mặt khác thực hiện luật thuế mới đòi hỏi công tác hạch toán kế toán, chế độ quản lý sử dụng hóa đơn chứng từ phải thực hiện đầy đủ theo quy định. Đối với thành phần kinh tế tư nhân đáp ứng được yêu cầu là khó khăn vì trình độ quản lý còn thấp, cán bộ nghiệp vụ kế toán chưa có kinh nghiệm, không được tập huấn thường xuyên, văn bản hướng dẫn không kịp thời và đầy đủ dẫn tới tình trạng doanh nghiệp thường xuyên vi phạm nghĩa vụ và pháp luật thuế mà không biết (được trình bày ở phần thực hiện quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp).

- Công tác thanh tra, kiểm tra của các cơ quan Nhà nước: Thực hiện Nghị định 61/1998/NĐ-CP về công tác thanh tra, kiểm tra đối với các doanh nghiệp thì hoạt động thanh tra, kiểm tra thành phần kinh tế tư nhân còn thấp đặc biệt là hộ kinh doanh cá thể. Không kể các trường hợp thanh tra chuyên ngành như lao động, y tế, văn hóa, khoa học - công nghệ và môi trường, thương mại và du lịch, xây dựng theo chuyên ngành thường xuyên thì tỉnh Lào Cai trong các năm qua đã kiểm sát việc chấp hành pháp luật đối với doanh nghiệp năm 1998; kiểm sát chấp hành pháp luật đối với hộ kinh doanh 66 (nay là hộ kinh doanh cá thể) năm 1999; kiểm tra năng lực hành nghề và chất lượng công trình xây dựng đối với doanh nghiệp xây dựng tháng 9-2001. Thanh tra tỉnh Lào Cai từ 1996 đến nay mới thanh tra tại 3 doanh nghiệp tư nhân, chưa kiểm tra thanh tra hộ kinh doanh cá thể. Nhìn chung qua công tác thanh tra, kiểm tra các cơ quan chức năng đã giúp đỡ uốn nắn thành phần kinh tế tư nhân thực hiện tốt và đúng

các quy định của pháp luật trong kinh doanh, qua đó cũng thấy nổi lên một số vấn đề cần khắc phục:

Hiện tượng thanh tra của một số cơ quan có thẩm quyền không thực hiện đúng quy định của Chính phủ: Không có quyết định thanh tra, không kết luận và xử lý vi phạm, nhiều trường hợp lấy danh nghĩa kiểm tra nắm tình hình, không xây dựng thành kế hoạch gây phiền hà cho đơn vị được kiểm tra, thanh tra.

Sự phối kết hợp của các cơ quan có chức năng kiểm tra, thanh tra là không thống nhất thông thường các cơ quan chức năng chuyên ngành thanh tra, kiểm tra theo lĩnh vực riêng của mình dẫn đến tình trạng một doanh nghiệp trong năm phải tiếp nhiều đoàn kiểm tra với nhiều nội dung khác nhau.

Nhận thức của thành phần kinh tế tư nhân về công tác thanh tra, kiểm tra chưa đầy đủ ngại kiểm tra, thanh tra chưa thấy tác dụng của thanh tra, kiểm tra nhằm cho doanh nghiệp hoạt động đúng quy định của pháp luật và là hoạt động quản lý thường xuyên của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

- Các vấn đề về thị trường, thông tin, tư vấn, phát triển cộng đồng

Các dịch vụ hỗ trợ của Nhà nước đối với thành phần kinh tế tư nhân còn rất hạn chế chưa được quan tâm, đào tạo đúng mức do đó khả năng cạnh tranh và trên thị trường, sản xuất mặt hàng mới rất khó khăn.

Theo quy định của pháp luật các quyền của doanh nghiệp được các cấp, các ngành tạo mọi điều kiện để doanh nghiệp thực hiện hết các quyền của mình một cách thuận lợi song quyết định ở đây là sự vận động của doanh nghiệp có thực hiện hết những quyền mà pháp luật cho phép hay không.

- Thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp đây là vấn đề nổi cộm trong thời gian qua, tỷ lệ vi phạm pháp luật, không thực hiện những nghĩa vụ, những điều kiện trong hoạt động sản xuất kinh doanh của thành phần kinh tế tư nhân chiếm tỷ lệ khá lớn, thông thường vi phạm các nghĩa vụ của mình các mặt:

Hoạt động kinh doanh không đúng với nội dung đã đăng ký kinh doanh với cơ quan nhà nước như kinh doanh không đúng ngành nghề hoặc không kinh doanh hết những ngành nghề đã đăng ký, khi thay đổi trụ sở, vốn kinh doanh không tự giác đăng ký lại, hiện tại có khoảng 20% số doanh nghiệp không treo biển tại trụ sở, không hoạt động kinh doanh và cũng không báo cáo với các cơ quan chức năng.

Sổ sách kế toán thống kê: Theo báo cáo của Viện Kiểm sát năm 1998 kiểm sát 103 doanh nghiệp có 31 doanh nghiệp chưa mở sổ sách kế toán thống kê chiếm 30% số doanh nghiệp được kiểm sát, đại đa số số liệu kế toán thống kê không chính xác, không trung thực, không phản ánh thực chất tài chính doanh nghiệp, việc xin, mua, trao đổi hóa đơn; quay vòng hàng gian lận thuế có biểu hiện diễn ra nhưng không có biện pháp ngăn chặn triệt để gây khó khăn không ít cho cơ quan thuế khi kiểm tra quyết toán không xác định chính xác mức thuế phải nộp phải chuyển sang áp dụng mức thuế khoán (năm 1998: 28 % chủ yếu đội ngũ kinh doanh).

Định kỳ báo cáo, thông tin về doanh nghiệp không đều đặn và đầy đủ theo báo cáo của cơ quan Kế hoạch, Tài chính, Thống kê hàng năm số doanh nghiệp nộp báo cáo cho cơ quan chức năng chỉ đạt 75%. Số doanh nghiệp đăng ký hoạt động tại thời điểm năm đó, thường thì những doanh nghiệp không báo cáo là do không hoạt động được và được xử lý vào năm sau.

Thực hiện Bộ luật lao động thường vi phạm: Việc ký hợp đồng lao động chủ yếu mang tính thủ tục chưa coi trọng bản hợp đồng lao động là văn bản pháp lý ràng buộc trách nhiệm và quyền lợi của hai bên trong quan hệ lao động, tỷ lệ hợp đồng lao động thời vụ dưới 3 tháng chiếm tới 40% số lao động nhằm trốn tránh không đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động. Thực hiện chế độ an toàn lao động, vệ sinh lao động, các khoản phụ cấp theo chế độ hầu như không được tính, chủ doanh nghiệp tính gộp vào lương nếu người lao động làm việc tốt cuối năm chủ doanh nghiệp sẽ giải quyết chế độ thưởng theo khả năng tài chính của doanh nghiệp. Việc đóng bảo hiểm cho người lao động mới có 24/226

doanh nghiệp tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho 415/3.685 lao động, chiếm 11,2% lao động doanh nghiệp sử dụng. Tỷ lệ này thấp do nhận thức của người sử dụng và người lao động, việc làm của người lao động tuy có thu nhập cao hơn doanh nghiệp nhà nước song không ổn định.

Nguyên nhân khách quan các cơ quan nhà nước chưa chú trọng tuyên truyền phổ biến, hướng dẫn đầy đủ cho thành phần kinh tế tư nhân các quy định của pháp luật trong quá trình kinh doanh, về chủ quan, trình độ quản lý, hiểu biết pháp luật và ý thức chấp hành pháp luật của thành phần kinh tế tư nhân còn thấp.

III. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, CÁC TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG DOANH NGHIỆP, CÔNG ĐOÀN, LÃNH ĐẠO CỦA CẤP ỦY ĐỐI VỚI KHU VỰC KINH TẾ TƯ NHÂN

1. Quản lý nhà nước

- Hệ thống khung khuôn khổ pháp lý: Những quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật doanh nghiệp đã tạo lên môi trường thông thoáng tạo thuận lợi cho việc đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh cá thể và doanh nghiệp. Những văn bản pháp luật về kinh tế trong hoạt động kinh doanh như: Pháp luật lao động, pháp luật thuế, môi trường... quá chi tiết, phức tạp trong thực hiện chưa phù hợp với trình độ của kinh tế tư nhân, cơ quan đăng ký kinh doanh không có thẩm quyền xử phạt hành chính trong kinh doanh, chỉ có chức năng cấp và thu hồi đăng ký kinh doanh theo đề nghị của các ngành và khi doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm những hành vi theo quy định của Luật doanh nghiệp. Do vậy không có tính phòng ngừa và xử lý những vi phạm chưa đến mức phải thu đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp và hộ kinh doanh.

Thực hiện chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần, căn cứ các văn bản pháp luật và hướng dẫn của Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương, tỉnh Lào Cai đã ban hành cơ chế chính sách: khuyến khích phát triển kinh tế ngoài quốc doanh khuyến khích phát triển

công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, tạo điều kiện đất đai, mặt bằng để thành phần kinh tế tư nhân thuê đất phát triển sản xuất, từng thời điểm có công bố quy hoạch đất đai, định hướng phát triển từng lĩnh vực để các thành phần lựa chọn đầu tư có chính sách miễn giảm tiền thuê đất thỏa đáng... chỉ đạo các ngành, các cấp thực hiện tốt các chính sách ưu đãi, tập trung đầu tư giúp đỡ hướng dẫn thành phần kinh tế tư nhân phát triển. Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức thực hiện còn một số vướng mắc:

+ Bộ máy tổ chức, phân công phân cấp chưa có đầu mối tập trung còn phân tán ở nhiều ngành, nhiều cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã cấp đăng ký kinh doanh cho hộ kinh doanh cá thể và hợp tác xã; các cơ quan quản lý chuyên ngành, quản lý theo chức năng nhiệm vụ của từng ngành do đó việc tham mưu cho chính quyền cấp tỉnh và huyện xây dựng cơ chế chính sách và quản lý kinh tế tư nhân chưa đồng bộ, việc tổng hợp số liệu quản lý, hướng dẫn giúp đỡ đối với thành phần này cũng hết sức khó khăn trong khi số lượng khá lớn, phân tán.

+ Các ngành, các cấp mới thực hiện được chức năng, kiểm tra, giám sát, chức năng hướng dẫn, giúp đỡ với vai trò “bà đỡ” cho kinh tế tư nhân phát triển chưa được quan tâm đầu tư, chỉ đạo thực hiện một cách nghiêm túc.

2. Tình hình hoạt động và tác động thực tế của cộng đồng doanh nghiệp đối với khu vực kinh tế tư nhân ở địa phương

Tính đến tháng 6-2001, tỉnh Lào Cai có hai tổ chức cộng đồng doanh nghiệp hoạt động đó là: Liên minh các hợp tác xã và doanh nghiệp vừa và nhỏ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Hội doanh nghiệp trẻ Lào Cai được thành lập theo sáng kiến và phong trào phát động của đoàn thanh niên; các tổ chức này hoạt động theo cơ chế Hội đồng và Điều lệ tổ chức của Hội.

Văn phòng liên minh được kiện toàn, thành lập vào tháng 12-1996 gồm 8 biên chế hưởng lương từ ngân sách giúp việc cho Ban Chấp hành Hội đồng, chức năng, nhiệm vụ, vị trí, vai trò của liên

minh đối với thành phần kinh tế tư nhân chưa rõ ràng, chủ yếu tập trung phát triển kinh tế hợp tác xã do đó tác động tích cực đến kinh tế tư nhân còn hạn chế, chủ yếu mới nắm tình hình; mở một số lớp đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn và kế toán doanh nghiệp, kinh nghiệm và khả năng cạnh tranh theo các chương trình của dự án Trung ương, các tổ chức Hội công thương, Hội nghề nghiệp chưa hình thành và phát triển.

Là tỉnh miền núi, xa trung tâm Thủ đô, số lượng doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể còn thấp nên việc quan tâm và phối kết hợp của Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam có mức độ. Năm 2000, Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam đã phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh mở hội nghị cho 150 doanh nghiệp về thị trường và thời cơ, thuận lợi, khó khăn hội nhập quốc tế và khu vực.

Số lượng thành phần kinh tế tư nhân tham gia đại biểu Hội đồng nhân dân còn ít: đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có 1; đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, thị xã có 2; đại biểu Hội đồng nhân dân xã, phường không nhiều. Nhìn chung các đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp của thành phần kinh tế tư nhân chưa thể hiện vai trò đại biểu đại diện cho cử tri của mình.

Công tác thi đua, khen thưởng chưa được các cấp, các ngành quan tâm, việc gây dựng phong trào thi đua trong thành phần kinh tế tư nhân chưa thường xuyên và liên tục. Từ 1997 đến nay, Ủy ban nhân dân tỉnh mới tặng Bằng khen cho 3 tập thể và 3 cá nhân thuộc doanh nghiệp tư nhân và công ty trách nhiệm hữu hạn; Liên minh các hợp tác xã tặng Bằng khen cho 1 cá nhân. Việc đánh giá sơ kết, tổng kết phong trào thi đua của thành phần kinh tế tư nhân chưa được các Hội đồng thi đua của tỉnh, của huyện, ngành phát động theo các chủ đề riêng để động viên phát triển sản xuất.

3. Tình hình hoạt động của tổ chức công đoàn ngoài quốc doanh

Hiện nay, toàn tỉnh có 8 tổ chức công đoàn ngoài quốc doanh hoạt động chủ yếu tạo điều kiện giúp đỡ người lao động ký kết hợp đồng lao

động với người sử dụng lao động đúng quy định của pháp luật, bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động, tổ chức tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong lao động sản xuất, đoàn kết phấn đấu xây dựng doanh nghiệp phát triển, tuyên truyền phổ biến các chế độ, chính sách về quyền và nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động, đối thoại với chủ sử dụng lao động khi quyền lợi hợp pháp của người lao động bị vi phạm.

Phong trào và nội dung hoạt động của tổ chức công đoàn cơ sở ngoài quốc doanh phần lớn phụ thuộc vào ý thức, trách nhiệm và tinh thần của chủ doanh nghiệp và với tinh thần tự nguyện là chính. Người lao động chưa thấy rõ vị trí, vai trò của tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp tư nhân. Quy định bắt buộc thành lập công đoàn ở cơ sở tư nhân chưa được quy định, hiện nay chủ yếu là vận động, thuyết phục. Nguồn kinh phí cho tổ chức công đoàn, cán bộ là công tác công đoàn được hạch toán vào chi phí sản xuất do đó các chủ doanh nghiệp chưa thực sự ủng hộ cho việc thành lập công đoàn tại cơ sở của mình.

4. Sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với khu vực kinh tế tư nhân

Thực trạng số lượng đảng viên là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên góp vốn trong các công ty trách nhiệm hữu hạn theo số liệu khảo sát chưa đầy đủ có khoảng 26 đảng viên thuộc 8 cơ sở hầu hết là những đảng viên nguyên là công chức nhà nước, người lao động trong doanh nghiệp nhà nước đã nghỉ hưu thành lập doanh nghiệp để hoạt động kinh doanh. Số đảng viên là người lao động trong các doanh nghiệp tư nhân, tính đến tháng 6-2001 có 168 đảng viên (chưa kể tới số đảng viên thuộc đơn vị sự nghiệp có thu chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn; doanh nghiệp tư nhân tiến hành cổ phần hóa).

- Đảng viên trong các doanh nghiệp tư nhân sinh hoạt chi bộ thuộc tổ dân phố nơi cư trú trong doanh nghiệp chưa có tổ chức đảng của đơn vị. Duy nhất toàn tỉnh có 1 chi bộ Công ty Trách nhiệm hữu hạn tư vấn xây dựng công nghiệp do chuyển từ đơn vị sự nghiệp có thu sinh hoạt tại Đảng bộ thị xã Lào Cai (chưa kể tới doanh nghiệp nhà nước tiến hành cổ phần hóa).

- Xu hướng phát triển trong thời gian tới số lượng đảng viên, số lượng tổ chức cơ sở đảng sẽ được gia tăng trong thành phần kinh tế tư nhân về 2 phương diện: số cán bộ, đảng viên nghỉ hưu còn sức khỏe sẽ tham gia kinh doanh; số doanh nghiệp nhà nước tiến hành cổ phần hóa, bán, giao cho người lao động theo đề án sắp xếp doanh nghiệp nhà nước của tỉnh.

Phát triển kinh tế tư nhân là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước và đã được khẳng định trong văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII đã nêu: “Nền kinh tế đa dạng, nhiều thành phần, được phát triển đúng hướng. Kinh tế quốc doanh từng bước thực hiện quá trình đổi mới, sắp xếp lại sản xuất, kinh doanh, tăng cường quản lý nên hiệu quả hoạt động đã được nâng lên một bước. Kinh tế hợp tác xã thực hiện chuyển đổi theo luật bước đầu sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Kinh tế tư nhân phát triển mạnh, nhất là kinh tế hộ, kinh tế trang trại ở nông thôn”.

IV. NGUYÊN NHÂN, NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM

- Kinh tế tư nhân của tỉnh Lào Cai phát triển mạnh trong các năm qua là do:

Cơ chế chính sách của Đảng và Nhà nước đã tạo đà cho kinh tế tư nhân phát triển, đặc biệt những quy định của Luật doanh nghiệp nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành thông thoáng phần nào đã thúc đẩy tư nhân mạnh dạn đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Địa phương đã vận dụng đúng đắn và có kết quả các cơ chế chính sách của Đảng và Nhà nước, chỉ đạo các ngành, các cấp tạo mọi điều kiện để kinh tế tư nhân phát triển và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật, thực hiện tốt các chính sách ưu đãi đầu tư tạo điều kiện đất đai, cơ sở vật chất để kinh tế tư nhân phát triển; xây dựng môi trường kinh doanh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế.

Bản thân các doanh nghiệp nhà nước tư nhân, các hộ kinh doanh đã nhận thức vị trí, vai trò của mình vươn lên cạnh tranh lành mạnh trong cơ chế thị trường bảo đảm lợi ích cộng đồng, Nhà nước và lợi ích cá nhân.

- Những mặt còn hạn chế do các nguyên nhân sau:

Khách quan: Một số cơ chế chính sách, quy định của luật pháp chưa phù hợp với đặc điểm tình hình kinh tế tư nhân trong giai đoạn hiện nay đặc biệt là các quy định về pháp luật kinh tế còn rườm rà về thủ tục hành chính, chưa ổn định do đó kinh tế tư nhân khó thực hiện nên thường xảy ra vi phạm trong hoạt động sản xuất kinh doanh; vai trò thực hiện chức năng quản lý nhà nước chưa quan tâm chỉ đạo và hướng dẫn thành phần kinh tế tư nhân hoạt động đúng khuôn khổ của pháp luật.

Chủ quan: Thành phần kinh tế tư nhân trình độ quản lý, thông tin thị trường, am hiểu luật pháp và ý thức chấp hành pháp luật còn yếu và rất kém gây khó khăn không ít cho quản lý nhà nước, lợi dụng kẽ hở của luật pháp luôn lách cạnh tranh không lành mạnh.

- Bài học kinh nghiệm: Ngoài cơ chế chính sách, hành lang pháp lý, chỉ đạo thực hiện tốt còn khơi dậy ý thức vươn lên làm giàu ích nước lợi nhà của mọi công dân trong cộng đồng qua các điển hình trong kinh tế tư nhân và đặc biệt quan trọng nhất là tinh thần thái độ năng lực làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết những công việc liên quan đến thành phần kinh tế tư nhân.

Phần II

QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN CỦA TỈNH

I. QUAN ĐIỂM

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII đã nêu: “Tiếp tục thực hiện tốt chính sách phát triển kinh tế nhiều thành

phần, chú trọng đổi mới kinh tế quốc doanh, đẩy mạnh phát triển kinh tế hợp tác, mở rộng các hình thức liên doanh, liên kết, phát huy kinh tế cá thể, tiểu chủ, đặc biệt là kinh tế trang trại ở nông thôn. Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, văn minh, bảo đảm quyền và nghĩa vụ bình đẳng giữa các thành phần kinh tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh”.

- Quản lý nhà nước:

Tập trung chỉ đạo các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện tăng cường quản lý, hướng dẫn, giúp đỡ tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân phát triển, phải nắm chắc tình hình phát triển, tham mưu cho cấp ủy và chính quyền ban hành cơ chế chính sách phù hợp, đồng thời giám sát kiểm tra, uốn nắn kinh tế tư nhân hoạt động theo đúng khuôn khổ của pháp luật.

Giao cho một cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và huyện là đầu mối có nhiệm vụ tổng hợp, đề xuất cơ chế chính sách, hướng dẫn, giải đáp, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc của kinh tế tư nhân, bố trí nguồn kinh tế hợp lý để cơ quan này chuyển tải những thông tin về cơ chế quản lý, luật pháp, các quy định của Nhà nước kịp thời và đầy đủ tới các doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh trên địa bàn.

Xây dựng cơ chế hậu kiểm sau đăng ký kinh doanh đồng bộ, thống nhất giữa các ngành chức năng nhằm hạn chế sự chồng chéo trong thanh tra, kiểm tra, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp đồng thời tăng cường quản lý và xử lý nghiêm những hành vi vi phạm nghĩa vụ trong kinh doanh của thành phần kinh tế tư nhân.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong khu vực kinh tế tư nhân.

Đẩy mạnh công tác xây dựng các tổ chức đoàn thể: Công đoàn, thanh niên, phụ nữ trong các doanh nghiệp tư nhân, khuyến khích thành phần kinh tế tư nhân hình thành các câu lạc bộ theo ngành nghề; các hiệp hội để giao lưu, tạo điều kiện giúp đỡ lẫn nhau.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN (2001-2005)

Nhằm thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu chủ yếu trong giai đoạn 2001 - 2005 mà Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa XII đề ra, mục tiêu, nhiệm vụ và định hướng phát triển kinh tế tư nhân được xác định:

- Giá trị tổng sản phẩm xã hội bình quân trong thời kỳ 2001 - 2005 toàn tỉnh 2.041 tỷ đồng, trong đó kinh tế tư nhân đạt 408 tỷ bình quân năm chiếm tỷ lệ 20% trong GDP của địa phương, tăng 4,5% so với thời kỳ 1996 - 2000 (tính theo giá hiện hành).

- Phát huy nội lực, huy động nguồn lực vốn nhân rỗi trong dân cư hằng năm đầu tư bình quân khoảng 117 tỷ đồng chiếm 13,76% trong tổng đầu tư của địa phương giảm 8,62% thời kỳ 1996 - 2000.

- Quản lý tốt nguồn thu từ thành phần kinh tế tư nhân bình quân trong giai đoạn 2001 - 2005 đạt 15 tỷ đồng năm (chưa kể thuế xuất nhập khẩu) chiếm 13, 23 % tổng thu trên địa bàn.

- Số lao động trong các hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp tư nhân bình quân giai đoạn (2001 - 2005) là 12.400 lao động chiếm 4,02% tổng số lao động xã hội của địa phương tăng 1,2% so với thời kỳ 1996 - 2000.

- Từng bước kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý kinh tế tư nhân, xây dựng quy chế hậu kiểm tập trung đầu mối tạo tiền đề hỗ trợ, giúp đỡ kinh tế tư nhân phát triển đúng chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước và định hướng phát triển của tỉnh.

- Định hướng phát triển kinh tế tư nhân: Không hạn chế về số lượng doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể nếu đủ điều kiện đăng ký kinh doanh những ngành nghề, lĩnh vực mà pháp luật không cấm, ưu tiên cho phát triển những ngành nghề phát triển du lịch (cơ sở lưu trú, dịch vụ du lịch, vận tải khách du lịch, lễ hành nội địa và quốc tế xây dựng các khu vui chơi giải trí), phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp (khai thác chế biến khoáng sản, chế biến nông, lâm sản thực phẩm; cơ khí và dịch vụ sửa chữa cơ

khí...). Trong thời gian tới tỉnh sẽ xây dựng và ban hành chính sách ưu đãi đầu tư riêng cho các lĩnh vực kể trên với mức ưu đãi mở rộng hơn, cụ thể trong phạm vi thẩm quyền của tỉnh so với Luật khuyến khích đầu tư trong nước.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ NGHỊ

1. Về cơ chế chính sách

- Văn bản pháp luật: Cần xây dựng hệ thống văn bản pháp luật đầy đủ và hoàn chỉnh, phù hợp với trình độ của thành phần kinh tế tư nhân trước mắt cần tập trung vào các vấn đề chính sau:

+ Đơn giản phương pháp tính thuế, mức thuế và hạch toán sổ sách kế toán thống kê để dễ sử dụng và áp dụng.

+ Các quy định của luật lao động: Thủ tục kê khai, đăng ký, báo cáo... hiện nay chia thành rất nhiều khâu, doanh nghiệp tư nhân không muốn tiến hành kê khai đăng ký vì vậy cần nghiên cứu đơn giản hóa giảm bớt các báo cáo, chế độ bảo hiểm xã hội, cần nghiên cứu sửa đổi theo hướng nâng tỷ lệ % hưởng lương khi nghỉ bảo hiểm xã hội, giảm tỷ lệ % tiền lương khi tham gia bảo hiểm xã hội (75% và 20% như hiện nay là chưa hợp lý), chuyển chế độ bảo hiểm tư bắt buộc sang bảo hiểm tự nguyện, thời gian đóng bảo hiểm không nên ấn định 30, hoặc 25 năm tham gia bảo hiểm mới được hưởng phụ cấp hưu trí mà chia thành nhiều cấp độ: thời gian, mức đóng để hưởng phụ cấp theo các tỷ lệ khác nhau sẽ có tác động khuyến khích người lao động tham gia bảo hiểm xã hội.

+ Về điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật doanh nghiệp quyền kinh doanh của người kinh doanh được mở rộng song cần phải xây dựng, quy định những chế tài xử lý cụ thể khi chủ thể kinh doanh vi phạm nghĩa vụ của người kinh doanh, lợi dụng đăng ký kinh doanh để lừa đảo, làm ăn phi pháp; đồng thời khi xây dựng các tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề của các bộ, ngành Trung ương tránh tình trạng quy định chung chung, không sát tình hình kinh doanh của kinh tế tư

nhân ví dụ như: bộ máy quản lý chất lượng trong hành nghề xây dựng là như thế nào? yêu cầu phải có bác sĩ vật lý trị liệu thường xuyên tại cơ sở hành nghề dịch vụ xông hơi xoa bóp là chưa sát với tình hình thực tế của kinh tế tư nhân, do đó địa phương khó thực hiện, kinh tế tư nhân không phát triển được.

- Các chính sách tạo điều kiện hỗ trợ kinh tế tư nhân phát triển:

Nhà nước và các tổ chức tín dụng nên vận dụng biện pháp bảo đảm tiền vay bằng biện pháp thế chấp (tài sản thế chấp của kinh tế tư nhân thường thấp) bằng các điều kiện khác như: kinh doanh có lãi, tình hình tài chính doanh nghiệp rõ ràng và bảo đảm tin cậy tính khả thi của dự án đầu tư có như vậy kinh tế tư nhân làm mới có đủ điều kiện tiếp cận các nguồn vốn tín dụng đồng thời nâng cao vai trò trách nhiệm của tổ chức tín dụng.

Tổ chức chính trị, xã hội, đoàn thể phải được quy định cụ thể đối với thành phần kinh tế tư nhân, phân loại cơ sở kinh tế tư nhân theo quy mô sử dụng lao động thường xuyên từ đó có quy định bắt buộc một số cơ sở sử dụng lao động nhiều phải thành lập công đoàn, đoàn thanh niên, ban nữ công làm đối trọng để phản ánh và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động. Ban Chấp hành Trung ương còn làm rõ các khái niệm như: “Kinh tế tư bản tư nhân”, “Kinh tế tư nhân”, “Đảng viên không bóc lột” để khẳng định đảng viên có được làm chủ doanh nghiệp tư nhân hay sở hữu một phần vốn góp trong công ty tư nhân. Cần quy định rõ mô hình hệ thống tổ chức, hoạt động, vị trí, vai trò của tổ chức đảng, của đảng viên, sự lãnh đạo của Đảng ở các cấp ủy đối với tổ chức và đảng viên trong cơ sở kinh tế tư nhân.

Về thanh tra, kiểm tra thành phần kinh tế tư nhân: Nhà nước cần xây dựng ngay một cơ chế kiểm tra, thanh tra (hậu kiểm) thống nhất chung trong toàn quốc, tập trung đầu mối là cơ quan thanh tra Nhà nước ở các địa phương xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, thanh tra một cách tổng thể gồm các thành viên thanh tra của các ngành chức năng để tránh tình trạng chồng chéo gây mất thời gian cho doanh nghiệp, tùy theo đối tượng kiểm tra mà thông báo trước

hoặc không thông báo mới có hiệu quả, hiệu lực của kiểm tra (kiểm tra dụng cụ đo lường chất lượng, văn hóa phẩm mà thông báo trước hiệu quả thấp).

Nhà nước cần xây dựng chính sách hỗ trợ một phần kinh phí để đào tạo tay nghề; kiến thức quản lý, pháp luật và quy định về việc chuyển tải các thông tin quản lý nhà nước đối với các ngành các cấp tới các thành phần kinh tế tư nhân và coi kinh tế tư nhân là một đối tượng quản lý chủ yếu của Nhà nước trong giai đoạn hiện nay.

Đối với các tỉnh miền núi, vùng đặc biệt khó khăn điều kiện sản xuất khó khăn, hiệu quả không cao, tỷ lệ rủi ro lớn cần sửa đổi chính sách ưu đãi cho phù hợp. Hiện nay Luật khuyến khích đầu tư trong nước mức ưu đãi về thuế, đất đai, vay vốn và hỗ trợ lãi suất chưa thực sự khuyến khích tư nhân đầu tư sản xuất kinh doanh ở miền núi, vùng sâu, vùng xa.

2. Quản lý nhà nước

- Hình thành, kiện toàn cơ quan quản lý nhà nước chuyên trách cho thành phần kinh tế tư nhân thống nhất từ Trung ương đến tỉnh, huyện, xã phường với chức năng là đầu mối quản lý kinh tế tư nhân, có các nhiệm vụ phối hợp với các ngành chức năng tham mưu xây dựng cơ chế chính sách, quản lý hoạt động, hỗ trợ giúp đỡ, tổng hợp thông tin một cách chính xác phục vụ cho cấp ủy và chính quyền các cấp (hiện nay các nhiệm vụ này phân tán ở nhiều cơ quan chức năng khác nhau và ở nhiều cấp do đó khó thực thi, tập hợp tình hình không chính xác).

- Tăng cường công tác phổ biến tuyên truyền giáo dục pháp luật, hình thành và khuyến khích hình thành các loại hình tư vấn về pháp luật, thông tin, thị trường, giá cả, dịch vụ đào tạo kiến thức quản lý nghiệp vụ chuyên môn... Nhà nước có chính sách hỗ trợ để các loại hình dịch vụ này hoạt động có hiệu quả tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng.

- Xây dựng cơ chế quản lý, điều hành thống nhất từ Trung ương

đến địa phương, giữa các ngành trên cơ sở đẩy mạnh cải cách hành chính tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân hoạt động và phát triển.

Nghiên cứu tình hình và phương hướng, giải pháp phát triển kinh tế tư nhân để xây dựng đường lối, chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần, nhiều hình thức sở hữu đã được khẳng định trong văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX.

Đường lối chính sách đó đã được Đảng bộ tỉnh Lào Cai triển khai thực hiện và cụ thể hóa trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa XII với: “Tiếp tục thực hiện tốt chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần, chú trọng đổi mới kinh tế quốc doanh, đẩy mạnh phát triển kinh tế hợp tác xã, mở rộng hình thức liên doanh, liên kết, phát huy kinh tế cá thể, tiểu chủ, đặc biệt là kinh tế trang trại ở nông thôn”.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện đường lối, chính sách phát triển kinh tế tư nhân của Đảng, Nhà nước và của địa phương còn gặp nhiều khó khăn vướng mắc cả về cơ chế, chính sách lẫn chỉ đạo điều hành cụ thể như trong báo cáo đã trình bày. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai xin được báo cáo Ban Bí thư Trung ương Đảng, Ban Kinh tế Trung ương tình hình khảo sát, đánh giá kinh tế tư nhân của tỉnh để Ban chỉ đạo Trung ương nghiên cứu, tổng hợp xây dựng nghị quyết về kinh tế tư nhân.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 31-BC/TU, ngày 13-11-2001

**Tổng kết 12 năm thực hiện Nghị quyết 22
của Bộ Chính trị và Quyết định 72 của Hội đồng Bộ trưởng
(nay là Chính phủ)**

I. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG

1. Khái quát thời kỳ đầu (trước năm 1992)

Lào Cai là một tỉnh vùng cao, biên giới tiếp giáp với tỉnh Vân Nam - Trung Quốc, được tái lập lại tháng 10-1991. Diện tích tự nhiên là 8.057 km², có 2 thị xã, 9 huyện, gồm 180 xã, phường, thị trấn, trong đó có 138 xã, phường vùng đặc biệt khó khăn và biên giới, chiều dài biên giới 203 km (với Trung Quốc). Đất lâm nghiệp chiếm 70%, đất nông nghiệp chiếm 15%, đất còn rừng 130.000 ha, tỷ lệ tán che 15%. Mật độ dân số là 61,7 người/km² (năm 1991 có 496 ngàn người, năm 2000 có gần 60 vạn người), có 27 dân tộc anh em. Bình quân đất canh tác lương thực/khẩu là 0,097 ha, bình quân lương thực 234 kg/người/năm.

Về kinh tế:

Về nông nghiệp: Tổng sản lượng lương thực 114 ngàn tấn.

Về công nghiệp: Có một doanh nghiệp trung ương: Công ty Apatít, 1 xí nghiệp do tỉnh quản lý, 10 xí nghiệp do huyện, thị quản lý và một số hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp đang trong tình trạng sản xuất,

kinh doanh khó khăn, thương nghiệp quốc doanh bị thu hẹp, bỏ trống thị trường vùng cao (cả mua và bán).

Cơ sở hạ tầng: Bị chiến tranh tàn phá và xuống cấp nghiêm trọng, hàng ngàn héc-ta đất còn vật cản chiến tranh. Hệ thống thông tin lạc hậu (chỉ có 470 máy điện thoại từ thạch). Hệ thống các trường học đa số được xây dựng tạm, còn 12 xã còn chưa có trường học. Chưa có bệnh viện cấp tỉnh và 26 xã chưa có cán bộ y tế, 56 xã chưa có đường ô tô tới. Kết cấu hạ tầng yếu kém, nhiều tuyến đường trục, cầu cống bị hư hỏng chưa được khôi phục.

Về xã hội: Đời sống nhân dân rất khó khăn, gần 50% số hộ đói nghèo, trên 20% dân số thiếu đói thường xuyên; tỷ lệ dân số được dùng nước sinh hoạt 30%, trên 180 ngàn người thiếu nước sinh hoạt gay gắt. Hơn 50% dân số mù chữ. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 3,73%. Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học khoảng 40%. Nạn du canh du cư khá nghiêm trọng, diện vận động định canh định cư là 21,9 vạn người. Bệnh tật và các tập tục lạc hậu còn nặng nề... Ngân sách địa phương do Trung ương tài trợ là chính, thu ngân sách chỉ cân đối được 10%. Đội ngũ cán bộ, công chức vừa yếu, lại vừa thiếu.

Tuy vậy, Lào Cai là một tỉnh có tiềm năng thiên nhiên phong phú, đa dạng để phát triển nông lâm nghiệp, công nghiệp (nhất là công nghiệp khai thác và chế biến) và du lịch, có mạng lưới giao thông cả đường sắt, đường thủy, đường bộ nối với các tỉnh miền xuôi và tỉnh Vân Nam - Trung Quốc. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh có truyền thống đoàn kết gắn bó, có tinh thần lao động cần cù sáng tạo, khắc phục khó khăn thử thách và tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

Đó là thực trạng tỉnh Lào Cai khi được tái lập, vừa khó khăn, vừa có những thuận lợi cơ bản để tiếp nhận các nguồn vốn đầu tư để xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội.

2. Thành tựu kinh tế - xã hội sau 10 năm thực hiện Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị và Quyết định 72/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng

Thực hiện Nghị quyết 22/NQ-TW của Bộ Chính trị, Quyết

định 72/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về một số chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội miền núi, từ khi tái lập tỉnh đến nay, nền kinh tế - xã hội của tỉnh đã có những bước phát triển đáng kể. Kinh tế liên tục tăng trưởng, cơ sở vật chất - kỹ thuật được tăng cường, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân các dân tộc được nâng lên, an ninh quốc phòng được giữ vững, chính trị - xã hội ổn định, tệ nạn xã hội được đẩy lùi, củng cố niềm tin của đồng bào các dân tộc vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Kết quả được thể hiện trên các lĩnh vực sau:

A. VỀ KINH TẾ

1. Sản xuất nông - lâm nghiệp

Đã hình thành rõ nét sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, toàn diện, đa canh phù hợp với các vùng sinh thái, xóa bỏ độc canh cây lúa. Bước đầu hình thành các vùng cây công nghiệp, ăn quả tập trung như vùng cây ăn quả nhiệt đới dọc thung lũng sông Hồng, sông Chảy, vùng cây ăn quả ôn đới ở Bắc Hà, Sa Pa. Các vùng chè tập trung ở các huyện Bảo Thắng, Than Uyên, Mường Khương, Sa Pa. Cây đậu tương ở Mường Khương... năng suất và sản lượng các loại cây trồng liên tục tăng hàng năm. Sản lượng lương thực tăng hàng năm 4-6%, sản lượng lương thực có hạt năm 2001 đạt 165 ngàn tấn (năm 1991: 90,3 ngàn tấn), tăng 1,8 lần so năm 1991.

Chăn nuôi có nhịp độ phát triển ổn định, tăng hàng năm là 4-6%, chất lượng ngày càng được nâng cao, theo hướng sản xuất hàng hóa.

Trong sản xuất lâm nghiệp đã triển khai đồng bộ cả trồng mới, bảo vệ, chăm sóc, khoanh nuôi tái sinh rừng, thực hiện giao đất, giao rừng, giao khoán bảo vệ rừng phòng hộ. Đã chuyển từ rừng thuần loài sang trồng rừng hỗn giao, nhờ đó tỷ lệ tán che phủ từ 15 % (năm 1991) lên 34% (năm 2001), phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, bảo vệ và phát triển vốn rừng, đồng thời với việc sắp xếp lại các hoạt động chế biến lâm sản từ rừng trồng.

Ngành nghề nông thôn được phát triển như chế biến nông, lâm

sản, sản xuất gạch ngói, rèn, đúc, dệt vải... đã góp phần làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn, chuyển biến theo hướng sản xuất hàng hóa ngành nghề, dịch vụ; gắn sản xuất với chế biến ở quy mô vừa và nhỏ.

Để thúc đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp, tỉnh đã xây dựng các dự án nhỏ để nhân dân học tập và làm theo, đó là xây dựng các mô hình sản xuất nông, lâm kết hợp, mô hình trang trại... Đẩy mạnh công tác khuyến nông, khuyến lâm và phát triển kinh tế hộ gia đình, góp phần xóa đói, giảm nghèo, ổn định dân cư. Hiện nay tỷ lệ khá và giàu chiếm 17% số hộ; nghèo và đói 29,6% số hộ (trong đó đói 7%).

2. Sản xuất công nghiệp

Giá trị sản xuất năm 2001 dự kiến đạt 227 tỷ đồng (năm 1991 là 77,1 tỷ đồng), tốc độ tăng trưởng bình quân 16%/năm; sản xuất công nghiệp của tỉnh được chú trọng đầu tư và phát triển trên các lĩnh vực: Công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản (là lợi thế so sánh của tỉnh), công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến nông, lâm sản và thực phẩm phục vụ sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu.

Về phát triển lưới điện: Đến năm 2001, lưới điện quốc gia đã đến 11/11 huyện thị với 77/180 xã, phường với 31 % số hộ dân được dùng điện lưới quốc gia. Ngoài ra, còn trên 11 ngàn hộ có máy phát điện nhỏ.

3. Xây dựng cơ sở hạ tầng

Giao thông vận tải: Bằng nhiều “kênh” vốn, từ năm 1992 đến năm 2001, đã xây dựng mới, khôi phục nâng cấp và sửa chữa duy trì hệ thống đường bộ trên tỉnh trị giá hơn 300 tỷ đồng, đáp ứng yêu cầu giao thông phục vụ đắc lực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đã nâng cấp gần 360 km quốc lộ và tỉnh lộ, khôi phục và làm mới gần 60 cây cầu vĩnh cửu, sửa chữa bảo dưỡng 600 km đường.

Giao thông nông thôn miền núi được quan tâm, đã phát triển

mạnh bằng vốn hỗ trợ của Trung ương, vốn các chương trình dự án ADB, WB và lồng ghép các chương trình dự án định canh định cư, kinh tế mới, Chương trình 135, cùng với việc huy động hàng triệu ngày công của nhân dân đã làm được gần 800 km đường, hàng chục cầu treo các loại. Năm 1992 còn 56 xã chưa có đường ô tô đến trung tâm, năm 2001 còn 7 xã. Phấn đấu đến hết năm 2003 thực hiện 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã. Để đạt được kết quả đó, Chính phủ, các bộ và tỉnh cùng nhân dân các dân tộc đã đầu tư trên 140 tỷ đồng, trong đó nhân dân đóng góp 50 tỷ đồng.

- Giải quyết nước sinh hoạt và sản xuất:

Tình hình cấp nước sinh hoạt: Đến hết năm 2000, số người được hưởng nước sạch là 41,2%, cấp nước sinh hoạt nông thôn đã đầu tư hơn 8 tỷ đồng, bảo đảm nước sinh hoạt cho hơn 92 ngàn người, giảm bớt căng thẳng về thiếu nước sinh hoạt ở huyện Bắc Hà, Mường Khương. Tuy nhiên, số người thiếu nước sinh hoạt còn hơn 100 ngàn người. Trong năm 2001, tỉnh Lào Cai đang triển khai thực hiện kế hoạch hỗ trợ chất lợp và nước ăn cho đồng bào vùng cao đặc biệt khó khăn, cấp cho mỗi hộ thuộc diện đói nghèo 97 tấm lợp và 1 bể nước ăn từ 1,5 - 2 m³.

Tình hình nước phục vụ sản xuất nông nghiệp: Đến năm 2000 đã xây dựng 711 công trình thủy lợi lớn và nhỏ, bình quân tới 20 ha/công trình, mức độ kiên cố hóa còn thấp, bảo đảm chủ động tới vụ đông xuân: 85% diện tích (năm 1992 là 71%), vụ mùa đạt 71% (năm 1992 là 56%). Kết quả từ 1991 - 2000 đã xây dựng 206 công trình thủy lợi, giá trị đầu tư 80 tỷ đồng; tu sửa nâng cấp 103 công trình phục vụ 2.500 ha, giá trị 8.798 triệu đồng, trong đó nhân dân đóng góp 32%, Nhà nước hỗ trợ 68%. Nhờ đó, đến năm 2000 diện tích gieo cấy lúa đông - xuân tăng 2.641 ha, lúa mùa tăng 41 76 ha so với năm 1991.

- Thông tin liên lạc:

Trong 10 năm qua, bưu chính viễn thông phát triển mạnh, 11/11 huyện, thị xã đã được đổi mới công nghệ hiện đại, bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt. Đã có hơn 14 ngàn máy điện thoại, mật độ 3,34 máy/100 dân, 100 xã phường có máy điện thoại, 52 xã có điểm bưu

điện - văn hóa xã (trong đó có 19 xã thuộc khu vực III). Hệ thống thông tin liên lạc phát triển góp phần phục vụ sự chỉ đạo của Đảng, chính quyền các cấp trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phục vụ chương trình xóa đói, giảm nghèo, nâng cao dân trí trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng trung tâm cụm xã:

Chương trình xây dựng trung tâm cụm xã được thực hiện từ năm 1996, toàn tỉnh đã được phê duyệt 45 trung tâm cụm xã. Kết quả 1996 - 2000 đã đầu tư 21,47 tỷ đồng xây dựng 13 trung tâm cụm xã. Trong đó có 12 trung tâm cụm xã được đầu tư bằng nguồn vốn trung tâm cụm xã và 1 trung tâm cụm xã đầu tư bằng nguồn vốn khác. Năm 2001: xây dựng 16 dự án trung tâm cụm xã (12 chuyển tiếp, khởi công mới), 13 trung tâm cụm xã được triển khai xây dựng đã phát huy hiệu quả, tạo ra động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi, đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nói chung và cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn, xóa đói, giảm nghèo, góp phần sắp xếp và ổn định các cụm dân cư, bảo đảm an ninh quốc phòng. Lồng ghép các nguồn vốn đầu tư và huy động nguồn vốn trong dân. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện chương trình này còn tồn tại và khó khăn: nguồn vốn được cấp hằng năm quá thấp (từ 1997 - 2000 bình quân 2,9 tỷ/năm cho 12 trung tâm cụm xã) nên việc triển khai xây dựng trung tâm cụm xã chậm. Để đẩy nhanh đầu tư xây dựng trung tâm cụm xã và sớm phát huy hiệu quả đầu tư đòi hỏi phải lựa chọn ưu tiên và tập trung dứt điểm. Một trung tâm cụm xã trở lên thực hiện khoảng 3 - 4 năm là hoàn thành. Đề nghị Nhà nước tập trung nguồn lực đầu tư.

- Chương trình 135 (cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn):

Thực hiện Quyết định số 135/1998/TTg, ngày 31-7-1998 của Thủ tướng Chính phủ, trong hai năm 1999 - 2000, với sự nỗ lực chỉ đạo của các cấp ủy chính quyền và nhân dân trong vùng Dự án 135, sự giúp đỡ của các đơn vị Trung ương và địa phương đã thực hiện ở 127 xã (120 xã khu vực III, 7 xã biên giới) với kinh phí 99,945 tỷ đồng.

Tổng số công trình cơ sở hạ tầng đã được thực hiện 473 công trình (năm 1999: 259 công trình, năm 2000: 214 công trình), giá trị khối lượng thực hiện 122,336 tỷ đồng đạt 122% kế hoạch, trong đó giá trị do dân tham gia thực hiện 13,892 tỷ đồng. Số công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng 360/473 công trình, bằng 76% số công trình đầu tư.

Thực hiện Chương trình 135 đã huy động được các nguồn lực đầu tư, lồng ghép các chương trình trên địa bàn đầu tư cho các xã đặc biệt khó khăn. Trong đó, nguồn lực các bộ, ngành Trung ương giúp đỡ 3.344 triệu đồng.

Năm 2001, tổng nguồn vốn đầu tư là 56.445 triệu đồng, thực hiện đầu tư cho 138 xã với 230 danh mục công trình. Trong đó 41 công trình chuyển tiếp và 138 công trình khởi công mới. Kết quả, đến hết tháng 10-2001 đã thực hiện hoàn thành 38/41 công trình chuyển tiếp, khởi công mới 100% số công trình theo kế hoạch và đã thi công xong 47 công trình. Khối lượng thực hiện/tổng dự toán đạt 59%. Giá trị khối lượng thực hiện đạt 97,3% vốn kế hoạch năm 2001.

Thực hiện 7 chương trình công tác trọng tâm toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XII, các cấp, các ngành, các địa phương đang triển khai tích cực đề án kiên cố hóa kênh mương các vùng lúa trọng điểm ở các huyện Bảo Thắng, Văn Bàn, Bảo Yên, Bát Xát, Than Uyên. Đến tháng 10-2001, đã hoàn thành hồ sơ thiết kế và tiến hành khởi công 53/53 công trình.

4. Thương mại - dịch vụ

Thương nghiệp quốc doanh đã giữ vai trò chủ đạo, thực hiện tốt các chủ trương biện pháp kinh tế của Nhà nước nhằm ổn định đời sống nhân dân miền núi, vùng cao. Cung ứng các mặt hàng thiết yếu cho nhân dân miền núi như dầu hỏa, muối iốt, vở học sinh và thuốc chữa bệnh. Đồng thời thực hiện chủ trương thu mua và tiêu thụ nông sản cho nhân dân (thảo quả, xuyên khung). Mạng lưới thương mại ngày càng mở rộng đến các xã và trung tâm cụm xã.

Nhờ chính sách của Nhà nước, thương nghiệp ngoài quốc doanh phát triển mạnh mẽ ở các trung tâm kinh tế, đầu mối giao thông, ở những nơi thuận lợi.

Năm 1992 có 1 doanh nghiệp tư nhân, đến tháng 9-2001 có 51 doanh nghiệp tư nhân. Các hộ kinh doanh năm 1991 có 2721 hộ, năm 2000 có 4.630 hộ, tăng 16 lần.

Mạng lưới chợ không ngừng được mở rộng, nhất là chợ nông thôn, năm 1991 có 41 chợ, năm 2001 có 60 chợ, trong đó chợ nông thôn là 44 (chủ yếu ở các xã khu vực III và II). Các chợ được xây dựng kiên cố và bán kiên cố; đặc biệt là một số chợ nông thôn đã kích thích kinh tế hàng hóa, văn hóa - xã hội vùng cao hình thành và phát triển. Tuy nhiên, cơ sở hạ tầng còn yếu kém, cơ sở vật chất chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ phát triển sản xuất và đời sống nhân dân vùng sâu, vùng xa.

5. Tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng GDP từ năm 1992 - 1995 tăng bình quân 11% năm. Từ năm 1997 đến năm 2000 tăng bình quân 5,28%/năm, năm 2001 dự kiến tăng 7,4%.

Tốc độ tăng trưởng ngành từ 1992 - 1995: Nông, lâm nghiệp tăng bình quân 5,85%/năm; công nghiệp tăng 25-30%/năm; thương mại - dịch vụ tăng 12-15%/năm.

Từ 1996 - 2000: Nông, lâm nghiệp tăng bình quân 6,58%, công nghiệp tăng 6 - 13%/năm, thương mại - dịch vụ tăng 8-15%/năm

Năm 2001: Nông nghiệp tăng 5,49%, công nghiệp tăng 6,65 %, thương mại - dịch vụ tăng 10,56%.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng cơ bản và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp trong GDP và trong từng ngành đều có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tuy nhiên tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, chưa đạt được mục tiêu Đại hội Đảng bộ Lào Cai lần thứ XI đề ra.

Tỷ trọng ngành trong GDP (%):

Năm	Nông - lâm nghiệp	Công nghiệp - xây dựng cơ bản	Thương mại - dịch vụ
1991	72	16,8	12,2
1995	52,59	21,37	26,04
2000	49,02	18,04	32,94
2001 (dự ước)	46,17	19,61	34,22

B. VỀ VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Giáo dục - đào tạo

Sự nghiệp giáo dục - đào tạo có sự phát triển nhanh và đạt được nhiều thành tích quan trọng, đã tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và đào tạo đội ngũ giáo viên. Số học sinh, số lớp, số lượng mỗi năm một tăng, đặc biệt là số học sinh người dân tộc ít người; tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến lớp năm học 1991 - 1992 là 52 %; năm học 1999 - 2000 đạt 91,12%, năm học 2000 - 2001 đạt 94,11% (học sinh 6 tuổi vào lớp 1 đạt tỷ lệ 94,8%). Tỉnh Lào Cai đạt chuẩn quốc gia phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ vào tháng 5-2000, thực hiện tốt các chính sách khuyến khích người dạy và người học, nhờ đó các khu vực vùng cao cơ bản xóa được các thôn, bản trắng về giáo dục tiểu học.

Hệ thống các Trường Dân tộc nội trú được duy trì, củng cố và phát triển (có 11 trường) góp phần đưa số lượng học sinh dân tộc các cấp học tăng nhanh, chất lượng học tập cũng chuyển biến tích cực, tỷ lệ lên lớp, tốt nghiệp tương đương tỷ lệ chung toàn tỉnh. Mở rộng mạng lưới Trường Trung học phổ thông bán công để thu hút học sinh, không để học sinh thất học.

Các trường chuyên nghiệp được xây dựng mới, năm 1992 Trường Chính trị tỉnh đã thành lập và đến năm 2001 có 3 trường chuyên

ng nghiệp, đó là Trường dạy nghề, Trường Cao đẳng Sư phạm được nâng cấp và Trường Trung học Kinh tế kỹ thuật.

Về cơ sở vật chất trường học: Bằng các nguồn vốn ngân sách Nhà nước viện trợ và đóng góp của nhân dân, đến năm 2000 có 368 trường học các cấp, tăng 120 trường so với năm 1991. Tuy nhiên, cơ sở vật chất trường học còn nghèo nàn, tỷ lệ phòng học tạm còn cao (đến 60%), nhất là ở khu vực III, tỷ lệ chưa biết hoặc tái mù đến 20%, chủ yếu ở vùng cao. Sự nghiệp giáo dục ở miền núi vùng dân tộc ít người còn là nhiệm vụ lâu dài và phải được giải quyết cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội thì phổ cập giáo dục và chống mù chữ mới phát triển nhanh và bền vững.

2. Về y tế

Từ năm 1993, ở 180 xã, phường đều có cán bộ y tế và cán bộ dân số hoạt động. Đến năm 2000, 100% số xã phường đều có trạm y tế xây dựng kiên cố, 12 bệnh viện đa khoa, 32 phòng khám đa khoa khu vực, 2.047 giường bệnh, 1.799 cán bộ y, được (không kể y tế thôn bản); trong đó 726 y bác sĩ; tỷ lệ cán bộ y tế/1 vạn dân là 32,2 người (có 4,35 bác sĩ).

Thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, thực hiện lồng ghép chương trình dân số, kế hoạch hóa gia đình với chương trình y tế cộng đồng, không để dịch bệnh lớn xảy ra, công tác tiêm chủng mở rộng đầy đủ ngày càng cao. Năm 1991: 52,39%, năm 2000: 95,3%, trẻ em suy dinh dưỡng giảm từ 54% xuống 45%. Công tác truyền thông dân số, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc và bảo vệ bà mẹ, trẻ em được đẩy mạnh nên hạ được tỷ lệ tăng dân số từ 3,73 % (năm 1991) xuống mức 2,1 % (năm 2000). Phòng, chống các loại bệnh dịch khác đều có kết quả như: sốt rét, bấu cổ, lao, phong. Hằng năm cấp thuốc không thu tiền cho dân khám chữa bệnh trị giá gần 1 tỷ đồng. Nhờ làm tốt tuyên truyền chính sách chế độ về bảo hiểm y tế nên số người tham gia bảo hiểm y tế tăng nhanh, năm 2001 tăng 2,4 lần so với năm 1992, các loại hình bảo hiểm, đối tượng và địa

bàn đều được mở rộng dần, góp phần thực hiện chính sách xã hội, xóa đói, giảm nghèo và xã hội hóa dịch vụ y tế.

3. Văn hóa, thông tin, phát thanh - truyền hình

Các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, phát thanh truyền hình, báo chí và xuất bản qua 10 năm đều có bước phát triển mới về nội dung, hình thức phong phú về cách tuyên truyền và cung cấp thông tin góp phần nâng cao kiến thức và mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Các lễ hội truyền thống được tổ chức các địa phương: 14 lễ hội, các phong trào thể dục thể thao được tổ chức từ huyện đến xã.

Từ lúc tỉnh chỉ có một trạm thu phát truyền hình, 10 trạm truyền thanh ở trung tâm các huyện, thị xã, diện phủ sóng truyền thanh khoảng 40%, phủ sóng truyền hình khoảng 10%; đến năm 2001, có 37 đài, trạm thu phát truyền hình, 15 trạm phát thanh FM, đưa diện phủ sóng phát thanh - truyền hình ước tính 65% số hộ dân có thể nghe được phát thanh, 45% số hộ dân có thể xem được truyền hình, 37,2% số hộ dân có ti vi, 37% hộ dân có radio, nhiều huyện, xã được xem báo trong ngày. Hiện nay, đang tổ chức phát sóng 5 chương trình phát thanh bằng tiếng Việt, Mông, Dao, Giáy, Thái và một chương trình truyền hình (tiếng Việt, tiếng Mông). Từ 1995 đến 2001 đã cấp 1.698 máy thu hình và 9.387 chiếc radio, bán trợ giá 34.813 chiếc radio cho nhân dân các dân tộc vùng đặc biệt khó khăn.

C. THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH DỰ ÁN

Để thực hiện các chương trình, dự án có hiệu quả, đã chỉ đạo tiến hành lồng ghép các chương trình, dự án nhằm phối hợp các nguồn lực của từng chương trình, dự án khác nhau trên địa bàn để thực hiện được mục tiêu quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư, phát triển sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân trong vùng. Đã thực hiện trước hết là lồng ghép mục tiêu, tiếp là lồng ghép nhiệm vụ, sau là lồng ghép nguồn lực và giải pháp đầu tư.

Thực hiện một số chương trình dự án:

- Chương trình 327 thực hiện từ 1993 - 1998: 74.540 triệu đồng.
- Dự án 661 thực hiện từ 1999 - 2000: 24.738 triệu đồng.
- Dự án hỗ trợ dân tộc đặc biệt khó khăn thực hiện 1993-2000: 9.725 triệu đồng.
- Dự án ổn định dân cư: 1.800 triệu đồng (thực hiện năm 1999).
- Dự án định canh định cư thực hiện từ 1994 - 2000: 54.825 triệu đồng.
- Chương trình hướng dẫn người nghèo làm khuyến nông (Từ năm 1999 - 2000): 1.696 triệu đồng.
- Chương trình chống ma túy thực hiện từ 1992 - 2000: 30 tỷ đồng.
- Dự án trung tâm cụm xã (đã báo cáo ở phần trên).
- Chương trình hỗ trợ sản xuất phát triển ngành nghề (từ năm 1999- 2000): 9.640 triệu đồng.
- Chương trình 135 (đã có báo cáo ở phần trên).

Một số dự án khác có liên quan:

- Vốn tín dụng người nghèo từ giữa năm 1995 - 10/2001: gần 100 ngàn lượt hộ nghèo vay. Dư nợ hiện nay: 127 tỷ đồng, số hộ 46.800 hộ, trong đó ở 138 xã thuộc Chương trình 135: dư nợ 80 tỷ đồng chiếm 63% tổng dư nợ với 30.500 hộ (70% số hộ nghèo vay vốn).
- Dự án lâm nghiệp vùng cao đã thực hiện: 15 tỷ đồng.
- Vốn vay giải quyết việc làm (theo Nghị quyết 120/HĐBT): vốn được cấp 17.795 triệu đồng, đã cho vay 1.204 dự án với doanh số cho vay 40.390 triệu đồng, giải quyết việc làm 32.518 lượt người.

Đánh giá chung:

Sau 10 năm khôi phục phát triển, được sự quan tâm của Đảng và Chính phủ, sự giúp đỡ của các cơ quan, ban, ngành Trung ương, có sự quan tâm, chỉ đạo thường xuyên của các cấp, các ngành và sự nỗ lực thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, kinh tế - xã hội của tỉnh Lào Cai có mức tăng trưởng khá. Từ nền kinh tế tự nhiên, tự cấp, tự túc đã dần chuyển sang phát triển kinh tế hàng

hóa, hình thành các vùng sản xuất tập trung, gắn sản xuất nguyên liệu với chế biến. Cơ sở vật chất - kỹ thuật, văn hóa, giáo dục có bước phát triển. Các chính sách xã hội, chính sách dân tộc được thực hiện tốt, đời sống của phần lớn nhân dân các dân tộc được cải thiện số hộ nghèo đói giảm đáng kể từ hơn 50% năm 1991 giảm xuống còn 14,94% đầu năm 2001 (bình quân mỗi năm giảm 3,5%), riêng số hộ đói giảm từ 31% xuống còn 6,24% (theo chuẩn cũ), số hộ giàu, sản xuất giỏi tăng, ổn định chính trị, xã hội, quốc phòng an ninh và chủ quyền quốc gia được giữ vững.

II. NGUYÊN NHÂN NHỮNG KẾT QUẢ VÀ TỒN TẠI TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI MIỀN NÚI LÀO CAI TRONG 10 NĂM QUA

1. Nguyên nhân kết quả đạt được

- Các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, sự quan tâm chỉ đạo của các cấp, các ngành và được nhân dân hưởng ứng và tích cực thực hiện. Các chính sách đặc biệt là chính sách xóa đói, giảm nghèo, cung cấp các mặt hàng thiết yếu... đã góp phần quan trọng giảm bớt khó khăn và ổn định sản xuất cho đồng bào các dân tộc vùng sâu, vùng xa, khu vực đặc biệt khó khăn.

- Đã tập trung đầu tư vào những khâu khó khăn nhất có tác động trực tiếp đến phát triển kinh tế - xã hội như xây dựng cơ sở hạ tầng, chương trình xóa đói, giảm nghèo, Chương trình 327, 135... được đầu tư năm sau cao hơn năm trước. Sự phối hợp tác động của nhiều chương trình vào một địa bàn đã góp phần tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

2. Nguyên nhân của những tồn tại yếu kém

Việc tổ chức thực hiện Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị (khóa VI) và Quyết định 72 của Hội đồng Bộ trưởng từ Trung ương đến cơ sở giai đoạn 1991 - 1995 nhìn chung còn chậm, chưa thật đồng bộ trong

cả nhận thức và quản lý điều hành. Từ 1996 đến nay, đã có sự đổi mới cơ bản, các chương trình dự án phát triển kinh tế - xã hội miền núi đã bảo đảm đồng bộ về chủ trương, chính sách, cơ chế điều hành và tính khả thi, tổ chức quản lý nên việc triển khai thực hiện có kết quả và hiệu quả tốt hơn.

- Tác động của cơ chế thị trường đối với việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh chưa mạnh do nền sản xuất hàng hóa đang hình thành, quy mô còn nhỏ, nhưng cũng tác động đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh, cơ cấu kinh tế ngành và vùng lãnh thổ theo hướng sản xuất tập trung. Tuy nhiên, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nhất là trong nông nghiệp còn chậm chưa đạt được mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XI và Nghị quyết 01 của Tỉnh ủy (khóa XI). Công nghiệp chế biến chưa phát triển một phần còn do chưa có các vùng nguyên liệu đủ lớn, khối lượng sản phẩm ít, giá thành cao.

- Việc nhận thức và triển khai của các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương còn nhiều lúng túng, sự phối hợp của các cấp, các ngành chưa chặt chẽ, chưa quán triệt thấu đáo các chủ trương, chính sách, chỉ thị, quyết định của Chính phủ, nghị quyết của Tỉnh ủy Lào Cai. Sự chỉ đạo, điều hành thực hiện các chủ trương, chính sách của các cấp, các ngành thiếu sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ là nguyên nhân dẫn đến đầu tư tràn lan, dàn trải, không đúng đối tượng, không bảo đảm tiến độ, không dứt điểm và kém hiệu quả.

- Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền, đoàn thể và một bộ phận nhân dân chưa đầy đủ còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào cấp trên và Nhà nước, chưa chủ động được công việc. Vì vậy, việc nâng cao trình độ dân trí, trình độ cán bộ trong hệ thống chính trị, đặc biệt là ở cơ sở trong thời kỳ đổi mới hết sức cần thiết, nhất là kiến thức về quản lý kinh tế, kỹ thuật, quản lý nhà nước để quá trình triển khai thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội trên các địa bàn mới phát huy hiệu quả.

- Nguồn vốn nhà nước đầu tư hằng năm thấp và dàn trải, nên thời

gian thực hiện dài, trong khi mục tiêu đặt ra quá cao, dẫn đến hiệu quả kinh tế- xã hội thấp.

Các chính sách, định mức, đơn giá thường xuyên có sự thay đổi, bổ sung. Vì vậy việc chuẩn bị hồ sơ dự án kéo dài ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng bằng nhiều nguồn, nhiều chương trình do nhiều cấp, ngành quản lý cùng một mục tiêu, trên một địa bàn cũng làm cho việc quản lý chỉ đạo còn nhiều lúng túng từ Trung ương đến địa phương. Trong việc thực hiện các chương trình dự án, tuy có kế hoạch nhưng hạn mức vốn của Nhà nước chuyển về rất chậm và một số chương trình dự án không có cơ chế nguồn vốn làm ảnh hưởng không ít đến sản xuất nông, lâm nghiệp (chuẩn bị cây, con giống).

Một số chính sách của Đảng, Nhà nước chưa đồng bộ, phải bổ sung, thay đổi nhiều như chương trình: Lâm nghiệp, 135... dẫn đến việc thực hiện gặp nhiều khó khăn.

Trong chỉ đạo, điều hành việc vận dụng các quy định và chính sách chưa sát thực tế từng khu vực. Đầu tư của Nhà nước chưa đáp ứng yêu cầu, nên đầu tư ở mức độ như những năm qua, chưa đủ sức tạo nên sự phát triển có tính đột phá. Hằng năm, cấp vốn đầu tư thường chậm, lỡ thời vụ, có nơi phải trồng cây trái mùa đã chết hàng loạt, không thực hiện được tiến độ.

Thời gian cho vay ưu đãi của Nhà nước quá ngắn, lãi suất cao, chưa phù hợp với địa bàn kinh tế khó khăn và chu kỳ sản xuất, nên có vốn cho vay mà dân không dám vay (định canh định cư, giải quyết việc làm...), mặt khác cung ứng dịch vụ ngân hàng đến khách hàng và dân còn nhiều hạn chế, nhất là các xã vùng sâu, vùng cao.

Chính sách trợ cước ngân sách còn ít chủng loại và số lượng. Chính sách phát triển vùng nguyên liệu chưa có sức thuyết phục.

Công tác xây dựng cơ sở hạ tầng có nhiều cố gắng, nhưng nhiều vùng còn thiếu và rất yếu, nhất là vùng cao, vùng xa. Do giá trị công trình cao, hiệu quả kinh tế thấp, nhưng giá trị về mặt đời sống xã hội có giá trị cao, đòi hỏi phải tiếp tục được đầu tư mạnh hơn. Trong thực

hiện các chương trình dự án đầu tư cho các xã đặc biệt khó khăn sự tham gia của dân còn thấp, chỉ chiếm tỷ lệ hơn 10%.

Đời sống của nhân dân vùng cao còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ đói nghèo còn cao (theo tiêu chí mới) nhất là ở khu vực nông thôn, chiếm 29,96%, trong đó số hộ đói chiếm 6,94%. Tình trạng du canh di cư tự do còn tiếp tục xảy ra. Tình hình truyền đạo trái phép vẫn diễn biến phức tạp.

Là tỉnh miền núi, vùng cao, bị chiến tranh tàn phá. Nền kinh tế có điểm xuất phát thấp, đời sống nhân hết sức khó khăn nên việc đóng góp, phát huy nội lực để đầu tư phát triển sản xuất và xây dựng cơ sở vật chất rất hạn chế, chủ yếu dựa vào hỗ trợ của Trung ương.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở chưa đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển, cùng với trình độ dân trí thấp làm cho việc thực hiện chủ trương, chính sách, nghị quyết của Đảng và Nhà nước hiệu quả thấp.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH LÀO CAI

1. Những thách thức hiện nay đối với việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

- Nền kinh tế có bước phát triển nhưng còn chậm và chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp. Hiệu quả sử dụng vốn chưa cao, cơ cấu đầu tư chưa phù hợp giữa các ngành. Năng suất lao động thấp, chất lượng nhiều sản phẩm chưa tốt, giá thành còn cao. Sản xuất nông nghiệp ở nhiều vùng vẫn chủ yếu là tự túc, sản xuất công nghiệp tăng trưởng chậm và gặp nhiều khó khăn về thị trường tiêu thụ sản phẩm. Thu ngân sách trên địa bàn đáp ứng yêu cầu chi khoảng 30%. Còn 7 xã chưa có đường ô tô tới trung tâm, đó là những xã thực sự khó khăn và phải đầu tư lớn. Hơn 60% dân số chưa được cấp nước sạch và hợp vệ sinh, 15% diện tích vụ đông - xuân và 29% diện tích vụ mùa chưa chủ động được tưới tiêu, 1.550 km kênh

mường cấp 3 chưa được kiên cố hóa, 113 xã chưa có hệ thống điện lưới, số phòng học tạm chiếm 60%, phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ chất lượng chưa cao và chưa vững chắc. Tỷ lệ hộ đói nghèo, người thiếu việc làm và chưa được đào tạo. Nhu cầu sắp xếp lại dân cư còn nhiều.

2. Phương hướng phát triển

Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII, chương trình công tác toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XII), Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai đã xây dựng kế hoạch thực hiện 7 chương trình công tác trọng tâm đến năm 2005 với 27 đề án cụ thể, nhằm tạo ra sự đột phá, sự chuyển biến mới trong phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết có hiệu quả xóa đói, giảm nghèo, phát triển nông nghiệp, nông thôn, nhất là ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa theo hướng sản xuất hàng hóa, ổn định và nâng cao đời sống nhân dân. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với củng cố an ninh, quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc.

Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng và đào tạo lại đội ngũ cán bộ, công chức. Đặc biệt quan tâm đào tạo, bồi dưỡng về văn hóa và nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ cơ sở. Thay đổi căn bản nếp nghĩ cách làm của đội ngũ cán bộ từ tỉnh đến cơ sở và trong nhân dân, khắc phục cho được tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào cấp trên và Nhà nước, xây dựng các cơ chế chính sách huy động mọi nguồn lực trong các thành phần kinh tế và khai thác lợi thế phục vụ phát triển kinh tế nhằm đạt được các mục tiêu đề ra.

Về quy hoạch, xây dựng dự án: Tập trung rà soát, bổ sung, điều chỉnh xây dựng và triển khai thực hiện các phương án quy hoạch tổng thể, quy hoạch ngành, các chương trình dự án... Đó là các chương trình, dự án phát triển kinh tế, áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, đời sống; khai thác các ưu thế của các vùng để phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường thái.

3. Kiến nghị, đề xuất

Tập trung các nguồn vốn để tăng mức đầu tư cho công tác chuẩn bị và thực hiện dự án đáp ứng yêu cầu đầu tư tập trung, trọng điểm và dứt điểm để phát huy hiệu quả đầu tư. Khắc phục tình trạng mục tiêu, chương trình dự án thì lớn, đầu tư hằng năm lại thấp. Các chương trình, dự án đầu tư trên địa bàn phải thống nhất về chế độ chính sách, cơ chế quản lý, chỉ đạo.

Tiếp tục thực hiện các chính sách xã hội đối với khu vực III và một phần khu vực II: trợ cước một số mặt hàng chính sách cần hỗ trợ cước đến trung tâm xã và cụm xã; có chính sách hỗ trợ sản xuất, trợ giá thu mua một số loại nông, lâm, thổ sản.

Về chiến lược phát triển cơ sở hạ tầng miền núi: Tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu đối với vùng cao, ưu tiên đầu tư xây dựng giao thông, thủy lợi, nước ăn, trường học, trạm y tế, điện, thông tin liên lạc, hệ thống chợ. Tiếp tục thực hiện Chương 135 nhưng mức đầu tư phải cao hơn, nhằm sớm phát huy hiệu quả chương trình, dự án là thiết thực góp phần giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng và củng cố hệ thống chính trị.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 06-NQ/TU, ngày 15-11-2001

**Về phát triển công nghiệp - tiểu, thủ công nghiệp
Lào Cai giai đoạn 2001- 2005**

***Phần thứ nhất* THỰC TRẠNG SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP - TIỂU, THỦ CÔNG NGHIỆP LÀO CAI**

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Qua gần 4 năm tỉnh Lào Cai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VIII) về tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, cần kiệm để công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội đến năm 2000, nền kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung và sản xuất công nghiệp - tiểu, thủ công nghiệp nói riêng đã có bước phát triển khá rõ nét. Các doanh nghiệp công nghiệp quốc doanh địa phương được đầu tư xây dựng ở giai đoạn trước đến nay đã bắt đầu phát huy hiệu quả. Khu vực kinh tế tư nhân cũng có bước phát triển đáng kể cả về số lượng và chất lượng, góp phần không nhỏ vào tăng trưởng kinh tế chung của tỉnh. Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn năm 2000 đạt 307 tỷ đồng (tính theo giá cố định năm 1994), bình quân giai đoạn 1991 - 2000 tăng 16 %/năm, trong đó công nghiệp địa phương tăng 33%/năm.

Giá trị GDP công nghiệp tăng bình quân 6,3%/năm. Tăng trưởng công nghiệp giai đoạn qua đã có tác động trực tiếp đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh: tỷ trọng công nghiệp - xây dựng trong GDP của tỉnh tăng lên từ 12,1% (vào năm 1992) lên 18,5% (vào năm 2000). Trong đó tỷ trọng công nghiệp trong GDP của tỉnh năm 2000 là 13,1%.

Tiềm năng, thế mạnh của tỉnh bước đầu đã được khai thác để phát triển. Đã tạo dựng được cơ sở vật chất kỹ thuật ban đầu đặt nền móng khá vững chắc cho phát triển công nghiệp - tiểu, thủ công nghiệp ở giai đoạn sau.

II. THỰC TRẠNG SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP - TIỂU, THỦ CÔNG NGHIỆP LÀO CAI

Hiện nay trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp - tiểu, thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai có 10 doanh nghiệp nhà nước (trong đó có 2 doanh nghiệp Trung ương) với tổng số vốn kinh doanh 130 tỷ đồng; 27 doanh nghiệp tư nhân và công ty trách nhiệm hữu hạn, tổng số vốn kinh doanh 20,2 tỷ đồng; 14 hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp với tổng mức vốn điều lệ 4,7 tỷ đồng và trên 2.000 hộ kinh doanh nhỏ, cá thể với tổng vốn huy động 43,5 tỷ đồng.

Hầu hết các doanh nghiệp nhà nước (trừ Công ty Apatít Việt Nam) đều mới được đầu tư xây dựng trong giai đoạn 1991 - 1996 với quy mô vừa và nhỏ: Có 5 doanh nghiệp có mức vốn đầu tư trên 15 tỷ đồng; 2 doanh nghiệp có mức vốn đầu tư từ 5 đến 15 tỷ đồng và 3 doanh nghiệp có mức vốn đầu tư từ 1 đến 5 tỷ đồng. Tuy nhiên tỷ trọng vốn vay chiếm chủ yếu trong được vốn đầu tư của các doanh nghiệp. Vốn chủ sở hữu chiếm tỷ lệ thấp, bình quân 1 doanh nghiệp nhà nước địa phương mới đạt dưới 3 tỷ đồng.

Các doanh nghiệp ngoài quốc doanh có mức vốn bình quân là 750 triệu đồng, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, sửa chữa ô tô, xe máy, chế biến nông, lâm sản (chế biến chè, sản xuất đồ gỗ gia dụng), gia công kim loại.

Các cơ sở sản xuất tiểu, thủ công nghiệp chủ yếu được tổ chức ở quy mô hộ gia đình, mức vốn bình quân mỗi cơ sở dưới 20 triệu đồng, ngành nghề tập trung vào chế biến nông, lâm sản: Sản xuất bún bánh, đậu phụ, rượu, đường mật thủ công và đồ gỗ. Sản xuất các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, đồ lưu niệm phục vụ cho du lịch và xuất khẩu chưa được quan tâm.

Cơ cấu các ngành công nghiệp bước đầu hình thành tương đối hợp lý. Ngành công nghiệp khai thác chế biến khoáng sản giữ vị trí là ngành mũi nhọn, chiếm tỷ trọng 61% trong được giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn, trong đó tập trung vào một số sản phẩm: apatít, tinh quặng đồng, quặng sắt, fenspat, cao lanh. Các ngành công nghiệp chế biến nông, lâm sản; sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí, điện, nước và các ngành công nghiệp khác cũng được đầu tư phát triển khá đồng bộ. Về cơ cấu thành phần kinh tế: công nghiệp quốc doanh chiếm tỷ trọng 84,3% được giá trị sản xuất công nghiệp, công nghiệp ngoài quốc doanh chiếm tỷ trọng 15,7%. Công nghiệp Trung ương chiếm tỷ trọng 49%, công nghiệp địa phương chiếm 51%; trong công nghiệp địa phương thì công nghiệp khu vực ngoài quốc doanh chiếm 30,7%.

Về đội ngũ lao động ngành công nghiệp hiện nay có khoảng gần 10.000 lao động, trong đó công nghiệp Trung ương có khoảng 3.500 lao động, công nghiệp địa phương có trên 6.000 lao động. Về chất lượng lao động thì số cán bộ có trình độ đại học chỉ chiếm tỷ lệ 5%, cán bộ trung cấp và công nhân kỹ thuật được đào tạo chiếm tỷ lệ 25 - 30%, còn lại chưa được đào tạo cơ bản.

III. NHỮNG TỒN TẠI YẾU KÉM VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại và yếu kém

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn chậm, tỷ trọng công nghiệp, xây dựng cơ bản trong GDP của tỉnh chưa đạt được mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ

tỉnh lần thứ XI đề ra (mục tiêu 30 - 32%, thực tế mới đạt 18,5%). Tốc độ tăng trưởng GDP công nghiệp thấp nên chưa tạo được bước chuyển biến rõ nét về cơ cấu kinh tế của tỉnh.

- Chưa khai thác triệt để tiềm năng, lợi thế của địa phương để phát triển. Chưa nắm bắt được cơ hội đầu tư, nhất là đối với một số dự án lớn, do đó không tạo được sự tăng trưởng đột phá của ngành công nghiệp.

- Các cơ sở sản xuất công nghiệp địa phương quy mô nhỏ, công nghệ và thiết bị sản xuất lạc hậu. Mức độ tự động hóa trong các dây chuyền sản xuất còn rất thấp. Công tác đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, cải tiến kiểu mẫu, nâng cao chất lượng sản phẩm chưa được chú trọng nên sức cạnh tranh thấp, thị trường tiêu thụ hẹp.

- Một số doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh còn kém hiệu quả. Trình độ điều hành, quản lý còn yếu, chưa quan tâm đến đào tạo và đào tạo nâng bậc do vậy trình độ tay nghề công nhân còn non kém. Việc chấp hành chính sách pháp luật ở một số cơ sở sản xuất còn chưa nghiêm.

- Sản xuất tiểu, thủ công nghiệp còn mang tính tự phát, tổ chức manh mún, không ổn định. Chưa có sự định hướng và hỗ trợ cho sản xuất tiểu, thủ công nghiệp nên giai đoạn qua lĩnh vực này hoạt động còn kém hiệu quả, tốc độ phát triển chậm, chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của địa phương.

2. Nguyên nhân của tồn tại

a) Nguyên nhân khách quan:

- Tỉnh Lào Cai được tái lập năm 1991, lại là một tỉnh miền núi vùng cao cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, đời sống và trình độ dân trí thấp, vì vậy sức thu hút đầu tư từ bên ngoài và năng lực tự đầu tư rất hạn chế. Cơ chế chính sách của Đảng và Nhà nước đang trong quá trình hoàn thiện nên một số văn bản pháp luật, chính sách ban hành còn thiếu, chưa đồng bộ, do vậy chưa tạo động lực thúc đẩy phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu, thủ công nghiệp.

- Các doanh nghiệp công nghiệp được đầu tư xây dựng trong điều kiện khó khăn về vốn, quy mô nhỏ lại phải đối mặt với cơ chế thị trường nên nhiều doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất đã gặp không ít khó khăn, bị cạnh tranh quyết liệt ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Đội ngũ cán bộ, chuyên gia, công nhân kỹ thuật còn thiếu và yếu, chưa được đào tạo cập nhật đầy đủ và cơ bản về chuyên môn, quản trị kinh doanh, ngoại ngữ, tin học.

b) Nguyên nhân chủ quan:

- Các Ban cán sự Đảng, cấp ủy các cấp chưa nhận thức sâu sắc vai trò của công nghiệp - tiểu, thủ công nghiệp đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, do đó chưa quan tâm đúng mức đến phát triển công nghiệp - tiểu, thủ công nghiệp. Vai trò Đảng lãnh đạo trong các doanh nghiệp chưa rõ nét. Các hoạt động đoàn thể quần chúng chưa đều và mạnh để tạo động lực tinh thần thúc đẩy phát triển sản xuất đặc biệt là ở các doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

- Các cơ sở sản xuất công nghiệp thiếu nhạy bén trong nền kinh tế thị trường. Chưa có sự liên kết chặt chẽ, hỗ trợ tác động lẫn nhau cùng phát triển giữa các thành phần kinh tế nhà nước và ngoài quốc doanh; giữa doanh nghiệp Trung ương và địa phương.

- Chưa có sự đầu tư nghiên cứu một cách khoa học và hệ thống về tiềm năng cũng như thực trạng phát triển công nghiệp - tiểu, thủ công nghiệp trên địa bàn để làm căn cứ đầu tư. Chưa có chính sách khuyến khích đầu tư phát triển công nghiệp - tiểu, thủ công nghiệp

- Nghiên cứu, tìm hiểu, nắm bắt các thông tin về đối tác đầu tư nước ngoài của các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất còn hạn chế. Công tác tổ chức thị trường và xúc tiến thương mại chưa được quan tâm đúng mức.

Phần thứ hai
**QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ CHỦ YẾU
PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TIỂU, THỦ CÔNG NGHIỆP
GIAI ĐOẠN 2001 - 2005**

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

- Tập trung khai thác tối đa các nguồn lực của địa phương để phát triển công nghiệp - tiểu, thủ công nghiệp nhằm góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Bước đầu hình thành một số cụm công nghiệp tập trung bao gồm: cụm công nghiệp Tầng Loóng, cụm công nghiệp Cam Đường, cụm công nghiệp bắc thị xã Lào Cai và cụm công nghiệp tại các trung tâm huyện, cụm xã.

- Sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước. củng cố, phát triển các loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ, đồng thời khuyến khích phát triển các loại hình tổ chức sản xuất như: hợp tác xã, tổ, nhóm, hộ kinh doanh nhằm khai thác tiềm năng, tài nguyên và vốn đầu tư trong các thành phần kinh tế.

- Tăng cường đầu tư đổi mới, cải tiến công nghệ, thiết bị và đào tạo nguồn nhân lực nhằm tạo ra sản phẩm chất lượng cao, đủ sức cạnh tranh để chuẩn bị hội nhập kinh tế.

- Xây dựng và củng cố mối liên kết, hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau giữa sản xuất công nghiệp Trung ương với công nghiệp địa phương, giữa công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp để cùng phát triển.

- Tăng cường liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu, thủ công nghiệp.

II. MỤC TIÊU

Năm 2005 phấn đấu đạt các chỉ tiêu:

- Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn đạt: 797 tỷ đồng (tính

theo giá cố định năm 1994). Trong đó, công nghiệp Trung ương 493,5 tỷ đồng; công nghiệp địa phương 303,5 tỷ đồng.

- Tỷ trọng GDP công nghiệp trong GDP toàn tỉnh: 19% trở lên (tính chung công nghiệp - xây dựng cơ bản là 25%).

- Lao động công nghiệp được đào tạo nghề: 60%.

III. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TIỂU, THỦ CÔNG NGHIỆP TRONG GIAI ĐOẠN 2001 - 2005

1. Phát triển công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản

Đầu tư phát triển ngành công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản để phát huy vai trò mũi nhọn trong phát triển kinh tế của tỉnh. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để khuyến khích các tổng công ty: hóa chất, Khoáng sản, Thép đầu tư các dự án phát triển sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Đầu tư tăng sản lượng khai thác và tuyển quặng apatít. Đồng thời phát triển sản xuất các sản phẩm từ apatít như: phốt pho vàng, supe lân và NPK.

- Phối hợp triển khai đầu tư xây dựng nhanh Dự án “Tổ hợp đồng Sin Quyền” và cơ sở sản xuất phối thép từ tinh quặng manhêtit.

Công nghiệp địa phương cần tăng cường mở rộng khai thác các loại khoáng sản như: quặng sắt, fenspat, cao lanh, thạch anh, đolômít...

2. Công nghiệp chế biến nông, lâm sản

Nghiên cứu đầu tư công nghệ chế biến hoa quả, chế biến chè, mía, ngô, đậu tương, sản xuất thức ăn gia súc để kích thích phát triển sản xuất nông nghiệp. Đầu tư mở rộng sản xuất bia, nước giải khát và đồ hộp các loại phục vụ tiêu dùng.

Triển khai dự án đầu tư Nhà máy sản xuất ván sợi mềm, nghiên cứu và đầu tư cơ sở sản xuất măng đóng hộp xuất khẩu, sản xuất chiếu thảm tre, đũa gỗ xuất khẩu và sản xuất bột giấy, giấy krap.

3. Công nghiệp điện và cơ khí

- Triển khai dự án đầu tư khôi phục thủy điện Cốc San, tạo điều kiện thuận lợi để triển khai xây dựng thủy điện Chu Linh. Khuyến khích đồng bào vùng sâu, vùng xa phát triển thủy điện nhỏ và các dạng năng lượng khác phục vụ nhu cầu tại chỗ.

- Hoàn thiện đầu tư hệ thống điện quốc gia theo quy hoạch đã được duyệt. Đầu tư phát triển lưới điện nông thôn, phấn đấu trước năm 2005 đưa điện lưới quốc gia đến 117 xã, phường, thị trấn.

- Công nghiệp cơ khí phát triển theo hướng sản xuất các mặt hàng phục vụ nông nghiệp, nông thôn như sản xuất nông cụ và hàng tiêu dùng. Đầu tư tại các trung tâm huyện, thị xã, cụm xã các cơ sở sửa chữa ô tô, xe máy, điện tử và máy cơ khí nhỏ. Đồng thời đầu tư chiều sâu nâng cao năng lực sửa chữa máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải nhất là các khu mỏ đã và đang khai thác.

- Đầu tư sản xuất bi nghiền, tấm lót cung cấp cho tuyển quặng và nghiền xi măng. Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng điện, giao thông nông thôn và nhu cầu xây dựng cơ bản.

4. Phát triển công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng

- Tiếp tục đầu tư phát triển nâng cao chất lượng một số loại vật liệu cơ bản như xi măng, gạch xây dựng, đá xây dựng. Sản xuất các loại vật liệu không nung, vật liệu xây dựng truyền thống ở vùng cao như: ngói máng, đá đẽo...

- Quy hoạch và sắp xếp lại sản xuất vật liệu xây dựng, nhất là vật liệu nung (gạch, ngói) và khai thác đá, cát, sỏi bảo đảm sản xuất có hiệu quả và bảo vệ môi trường.

5. Công nghiệp bao bì

Triển khai đầu tư dự án sản xuất bao bì PP. Nghiên cứu sản xuất bao bì cho sản phẩm chè xuất khẩu và các sản phẩm xuất khẩu khác mang đặc thù của tỉnh Lào Cai.

6. Phát triển tiểu, thủ công nghiệp

Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất tiểu thủ công nghiệp như:

- Chế biến nông sản: Chè, mía, hoa quả, sản xuất rượu đặc sản, bún bánh.

- Chế biến lâm sản: Sản xuất các mặt hàng mây tre đan, chế biến chít, dược liệu.

- Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ: Dệt thổ cẩm, thêu xuất khẩu, đan lát, sản xuất đồ lưu niệm của địa phương.

- Ưu tiên các dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm xuất khẩu, các dự án đầu tư tại địa bàn khó khăn. Phát triển một số nghề khác như may mặc, dịch vụ cơ điện, điện tử, điện lạnh.

IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Rà soát, bổ sung, điều chỉnh, xây dựng và triển khai thực hiện quy hoạch công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp trên địa bàn. Xác định rõ lợi thế của địa phương để tập trung đầu tư khai thác có hiệu quả, góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế, phục vụ kinh tế đối ngoại và du lịch.

2. Hình thành và phát triển các cụm công nghiệp tập trung

Tập trung lập quy hoạch và triển khai xây dựng kết cấu hạ tầng (mặt bằng, giao thông, điện, nước...) các cụm công nghiệp để thu hút đầu tư của các tổng công ty nhà nước, các doanh nghiệp trong và ngoài nước:

- Cụm công nghiệp Tầng Loỏng gồm các cơ sở sản xuất như: Tuyển apatít, luyện kim, sản xuất phân bón, hóa chất...

- Cụm công nghiệp Cam Đường gồm các cơ sở khai thác khoáng sản, sửa chữa máy móc, thiết bị. Triển khai “Tổ hợp đồng Sin Quyền” đúng tiến độ.

- Cụm công nghiệp bắc thị xã Lào Cai gồm các cơ sở chế biến nông sản, thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng.

3. Đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị và cơ sở hạ tầng

Từ nay đến năm 2005 phải đầu tư đổi mới công nghệ khoảng 40% của các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất hiện có của tỉnh.

Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, củng cố và phát triển hệ thống giao thông đường bộ, nhất là các tuyến đường vận chuyển nguyên liệu. Ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng đến các vùng sâu, vùng xa.

4. Biện pháp về vốn và thị trường

4.1. Vốn

Để đạt được các mục tiêu và hiệu quả kinh tế của đầu tư công nghiệp, biện pháp huy động và sử dụng vốn phải quan tâm đến một số vấn đề sau:

- Xây dựng cơ chế, chính sách của địa phương có sức hấp dẫn để thu hút vốn đầu tư của nước ngoài và các tổng công ty nhà nước vào Lào Cai.

- Các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất trong các thành phần kinh tế phải nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh để tăng cường năng lực tự đầu tư, đồng thời củng cố uy tín để huy động các nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài.

- Xây dựng chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất tiểu, thủ công nghiệp để huy động vốn trong khu vực dân cư.

- Huy động triệt để các nguồn vốn tín dụng, nguồn tài trợ, ưu đãi đầu tư...

- Thực hiện đầu tư có trọng điểm, đầu tư dứt điểm cho các dự án, chương trình nhằm nhanh chóng phát huy hiệu quả vốn đầu tư.

4.2. Thị trường

- Tăng cường đầu tư công nghệ mới để nâng cao sức cạnh tranh và mở rộng thị trường.

- Chú trọng nghiên cứu cải tiến mẫu, kiểu dáng sản phẩm, mang nét độc đáo của địa phương để xuất khẩu và tiêu thụ trong nước.

- Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức thị trường cho các

đối tượng lãnh đạo quản lý sản xuất kinh doanh trong các thành phần kinh tế.

- Tăng cường hợp tác, liên doanh, liên kết kinh tế. Tổ chức tham quan, khảo sát thị trường trong và ngoài nước

- Nghiên cứu hình thành Trung tâm tư vấn về thị trường và đầu tư của tỉnh.

5. Đầu tư phát triển vùng nguyên liệu phục vụ cho công nghiệp

Hoàn chỉnh quy hoạch vùng nguyên liệu với cơ cấu cây trồng hợp lý trên cơ sở đất đai, khí hậu, điều kiện tự nhiên và quy hoạch phát triển ngành công nghiệp chế biến của tỉnh. Trước mắt, tập trung quy hoạch trồng một số cây nguyên liệu như: cây ăn quả, cây mía, cây chè, ngô, đậu tương, cây lấy măng các loại và nguyên liệu cho chế biến lâm sản, phục vụ cho các dự án đầu tư trong năm 2002. Thực hiện chính sách khuyến khích đầu tư phát triển vùng nguyên liệu tập trung: hỗ trợ về giống, vốn, vật tư, kỹ thuật và tạo đầu ra ổn định cho người trồng nguyên liệu.

Tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương và Bộ Công nghiệp, tiến hành điều tra, thăm dò, đánh giá trữ lượng các loại khoáng sản có giá trị kinh tế để có cơ sở gọi vốn đầu tư vào lĩnh vực khai thác, chế biến khoáng sản.

6. Khoa học công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực

Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất công nghiệp. Khuyến khích phát huy sáng kiến, cải tiến nhằm nâng cao năng suất lao động.

Tổ chức các hình thức đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật như: Đào tạo tập trung, tại chức, kèm cặp tại chỗ, đào tạo nâng cao... đầu tư nâng cấp Trường Công nhân kỹ thuật của tỉnh đủ năng lực làm nhiệm vụ đào tạo công nhân kỹ thuật cho các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất thuộc mọi thành phần kinh tế. Thực hiện chính sách thu hút cán bộ, nghệ nhân, công nhân có tay nghề cao đến công tác và làm việc tại tỉnh Lào Cai.

7. Về tổ chức, quản lý

Tiếp tục thực hiện sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước ngành công nghiệp. Thực hiện các phương án cổ phần hóa, bán, khoán, cho thuê, giải thể doanh nghiệp, hoặc chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai. củng cố tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về lĩnh vực công nghiệp - tiểu, thủ công nghiệp từ tỉnh xuống các huyện, thị xã theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 nhằm tăng cường hiệu lực công tác quản lý. Tăng cường phối hợp giữa các cấp, các ngành, các địa phương trong lĩnh vực quản lý, nâng cao hiệu quả công tác tham mưu, tạo điều kiện cho công nghiệp - tiểu, thủ công nghiệp của tỉnh phát triển.

8. Tăng cường sự lãnh đạo của tổ chức đảng trong các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong khu vực kinh tế tư nhân. Chỉ đạo tích cực hoạt động của các được chức đoàn thể quần chúng trong các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất.

Phần thứ ba **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Căn cứ vào nghị quyết về phát triển công nghiệp - tiểu, thủ công nghiệp các cấp ủy Đảng, chính quyền ở các địa phương và các ngành xây dựng chương trình kế hoạch cụ thể để triển khai nghị quyết và tập trung chỉ đạo hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

Giao cho Ban cán sự Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa nghị quyết bằng kế hoạch, các chương trình, đề án phát triển hàng năm. Đồng thời xây dựng cơ chế, chính sách bảo đảm thực hiện các mục tiêu của nghị quyết.

Giao cho Ban cán sự Đảng Sở Công nghiệp chủ trì, phối hợp với các ngành đơn đốc, theo dõi, giám sát tình hình thực hiện nghị quyết và báo cáo định kỳ với Tỉnh ủy.

Các đoàn thể chính trị - xã hội trong tỉnh có trách nhiệm tuyên truyền sâu rộng tinh thần nghị quyết đến đông đảo các tầng lớp nhân dân và người lao động để vận động các thành phần kinh tế, mọi tầng lớp dân cư tham gia phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu, thủ công nghiệp nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Tỉnh ủy.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 04-TT/TU, ngày 22-11-2001

Về việc tổ chức kỷ niệm 72 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và 55 năm ngày thành lập Đảng bộ tỉnh Lào Cai

Năm 2002, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân trong cả nước kỷ niệm 72 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930 – 3-2-2002); đồng thời cũng là năm Đảng bộ tỉnh Lào Cai tròn 55 tuổi (5-3-1947 – 5-3-2002). Đây là sự kiện chính trị quan trọng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai chủ trương tổ chức kỷ niệm trọng thể 55 năm ngày thành lập Đảng bộ tỉnh, gắn với tổ chức kỷ niệm 72 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Để việc tổ chức kỷ niệm được tốt, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các huyện, thị ủy, Đảng ủy trực thuộc, các Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn cần thực hiện tốt một số nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

Thông qua việc kỷ niệm 72 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và 55 năm ngày thành lập Đảng bộ tỉnh, nhằm giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh lòng tự hào, niềm tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, mà trực tiếp là Đảng bộ tỉnh Lào Cai, từ đó phát huy truyền thống

đoàn kết đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát huy mọi nguồn lực, quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2002, đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo, củng cố an ninh quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Tiếp tục đẩy mạnh đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, hướng về cơ sở, có ý nghĩa giáo dục truyền thống sâu sắc không phô trương hình thức, tạo được không khí vui tươi phấn khởi trong nhân dân.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG KỶ NIỆM

Hai ngày kỷ niệm trên vào thời điểm sau Tết âm lịch, cách nhau gần 1 tháng, vì vậy sẽ được tổ chức riêng biệt:

1. Kỷ niệm 72 năm, ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930 - 3-2-2002) là năm lẻ nên không tổ chức mítting mà chỉ tổ chức các hoạt động mừng Đảng, mừng xuân tạo ra không khí sôi nổi, hướng về cơ sở. Các chi, đảng bộ, các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội tổ chức sinh hoạt ôn lại truyền thống vẻ vang trong 72 năm qua của Đảng, từ đó củng cố thêm niềm tin, lòng tự hào vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Tổ chức kết nạp đảng viên mới nhân kỷ niệm 72 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, trao huy hiệu 40, 50 năm tuổi Đảng.

- Các cấp ủy Đảng rà soát, bổ sung chương trình kế hoạch tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) bảo đảm tính nghiêm túc và hiệu quả.

- Bằng những hình thức thích hợp với điều kiện ở từng ngành, từng địa phương, đơn vị mình tiến hành các hoạt động tuyên truyền, cổ động nhằm động viên khí thế thi đua thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội ngay từ tháng đầu năm.

2. Kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Đảng bộ tỉnh Lào Cai (5-3-1947 - 5-3-2002) là năm chẵn vì vậy được tổ chức long trọng, các hoạt động kỷ niệm tập trung vào một số nội dung chủ yếu sau:

- Cấp tỉnh, tổ chức mítting trọng thể vào ngày 5-3-2002; tổ chức hội thảo khoa học về lịch sử Đảng bộ tỉnh.

- Các huyện, thị ủy, Đảng ủy trực thuộc tùy tình hình cụ thể của địa phương tổ chức một số hoạt động có ý nghĩa giáo dục truyền thống như: Tổ chức nói chuyện chuyên đề cho các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là tầng lớp thanh thiếu niên; tổ chức gặp mặt ôn lại truyền thống của Đảng bộ tỉnh và Đảng bộ địa phương mình.

- Tổ chức các hoạt động hướng về cội nguồn như: Thăm nơi di tích lịch sử, tặng quà cho các đồng chí lão thành cách mạng, chăm sóc giúp đỡ gia đình chính sách và những người có công với cách mạng.

- Nhân dịp kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Đảng bộ tỉnh Lào Cai, yêu cầu các huyện ủy, thị ủy, các đơn vị trực thuộc tập trung hướng về cơ sở, để nắm bắt tình hình kịp thời giải quyết những vấn đề mới nảy sinh.

- Các ban, ngành, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở xây dựng chương trình hành động thiết thực thực hiện 7 chương trình công tác trọng tâm toàn khóa và 27 đề án của tỉnh. Tổ chức các phong trào thi đua yêu nước dưới nhiều hình thức với những mục tiêu và kết quả cụ thể trên các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhằm xóa đói, giảm nghèo, hoàn thành mục tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2002 và những năm tiếp theo.

- Báo Lào Cai, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Sở Văn hóa Thông tin và Thể thao xây dựng kế hoạch tuyên truyền về Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng bộ tỉnh Lào Cai. Chỉ đạo các hoạt động thể dục thể thao, văn hóa, văn nghệ, xây dựng các cụm panô, áp phích... tạo khí thế vui tươi phấn khởi trong nhân dân.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Để tổ chức các ngày kỷ niệm trên đạt kết quả, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức phát động phong trào thi đua yêu nước, xây dựng kế hoạch chỉ đạo các ngành, các địa

phương tổ chức các hoạt động chào mừng kỷ niệm 55 năm thành lập Đảng bộ Lào Cai tạo và đẩy mạnh phong trào thi đua phấn đấu hoàn thành kế hoạch nhà nước năm 2002.

2. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp các cơ quan chức năng giúp Tỉnh ủy hướng dẫn, theo dõi chỉ đạo các hoạt động kỷ niệm trong phạm vi toàn tỉnh, biên tập các chuyên mục tuyên truyền cho ngày kỷ niệm.

3. Trường Chính trị tỉnh được chức Hội thảo khoa học về 55 năm ngày thành lập Đảng bộ tỉnh.

Các ban Đảng Tỉnh ủy, các huyện, thị ủy, Đảng ủy trực thuộc, các Đảng đoàn, ban cán sự xây dựng chương trình kế hoạch để tổ chức kỷ niệm đạt kết quả.

4. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy báo cáo kết quả việc tổ chức kỷ niệm các ngày lễ trên cho Thường trực Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THĂNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 07-NQ/TU, ngày 23-11-2001

**Về tăng cường công tác an ninh - trật tự, đẩy mạnh
cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống
văn hóa, nâng cao hiệu quả giáo dục và thực hiện
pháp luật trong dân cư giai đoạn 2001 - 2005**

Thực hiện đường lối đổi mới toàn diện do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, cùng với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị - trật tự, an toàn xã hội, xây dựng đời sống văn hóa và thực hiện pháp luật trong dân cư phải được đặt ra với yêu cầu cấp thiết. Đây chính là cơ sở của sự ổn định, tạo thế vững chắc cho việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong tình hình hiện nay. An ninh chính trị giữ vững, trật tự, an toàn xã hội ổn định là môi trường lành mạnh là điều kiện cho xây dựng đời sống văn hóa. Làm tốt việc tuyên truyền, nâng cao hiệu quả giáo dục và thực hiện pháp luật trong dân cư là góp phần xây dựng xã hội văn minh, mọi người đều có ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật và có tác dụng ngăn chặn đẩy lùi các hành vi vi phạm pháp luật. Những vấn đề này có ý nghĩa rất quan trọng đối với một tỉnh miền núi biên giới, có nhiều dân tộc, đời sống kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí còn hạn chế như tỉnh ta. Bên cạnh đó, các thế lực thù địch luôn lợi dụng vấn đề này để tìm cách chống phá ta. Hoạt động của bọn tội phạm ngày càng mạnh động, trắng trợn, các hủ tục lạc hậu và các tệ nạn xã hội vẫn diễn ra phức

tập. Trong khi đó sự hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận nhân dân còn thấp, các vụ án do nguyên nhân xã hội vẫn còn xảy ra chiếm tỷ lệ cao, nhất là trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Lào Cai lần thứ XII, chương trình công tác trọng tâm toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ (nhiệm kỳ 2000 - 2005); nhằm phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục những tồn tại trong công tác bảo vệ an ninh - trật tự, tiếp tục đẩy mạnh phong trào vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa nâng cao hiệu quả giáo dục và thực hiện pháp luật trong dân cư, Ban Chấp hành Đảng bộ cần tập trung thực hiện tốt các nội dung sau:

Phần thứ nhất **ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KẾT QUẢ CÔNG TÁC**

1. Những kết quả đạt được

a) Về công tác bảo vệ an ninh - trật tự:

Đảng bộ đã chỉ đạo các cấp, các ngành, các lực lượng vũ trang triển khai thực hiện nghị quyết của Bộ Chính trị về chiến lược an ninh quốc gia, được cụ thể hóa bằng chương trình hành động của Tỉnh ủy về bảo vệ an ninh chính trị trong tình hình mới.

An ninh biên giới luôn được giữ vững và ổn định, việc vi phạm Hiệp định tạm thời của nhân dân khu vực biên giới phía Trung Quốc năm 2000 và 10 tháng đầu năm 2001 so với năm 1999 giảm hẳn (chỉ xảy ra 3 vụ, không xảy ra các vụ việc lớn). Các lực lượng làm nhiệm vụ bảo vệ, quản lý biên giới đã chủ động nắm tình hình, kịp thời phát hiện và giải quyết những vấn đề xảy ra. Tăng cường phối hợp với lực lượng biên phòng, công an Trung Quốc, duy trì và phát triển mối quan hệ hữu nghị hợp tác theo tinh thần Hiệp định biên giới tạm thời góp phần phục vụ việc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực biên giới.

Là tỉnh biên giới có thị xã tỉnh lỵ nằm sát biên, do đó nhiệm vụ bảo vệ chính trị nội bộ luôn được các cấp ủy Đảng coi trọng. Công tác

bảo vệ bí mật Nhà nước được chú ý, nhất là ở các cơ quan thiết yếu cơ mật, cơ quan hoạch định chính sách. Công tác bảo vệ an ninh tư tưởng văn hóa, an ninh kinh tế được xác định là công tác cơ bản trong nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia. Tiến hành các biện pháp nghiệp vụ để nắm tình hình các hoạt động của các cơ quan đặc biệt nước ngoài thông qua các hoạt động kinh tế, du lịch để có các hoạt động thu thập tin tức tài liệu trên địa bàn.

Tình hình tôn giáo: Hoạt động tuyên truyền đạo trái phép trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều tiềm ẩn và theo hướng phức tạp, nếu năm 1999 có tổng số 2.234 hộ với 13.229 khẩu ở 7/10 huyện, thị xã, 45 xã và 123 thôn, bản thì năm 2000 tổng số lên 2.440 hộ với 14.761 khẩu tăng 206 hộ với 1.532 khẩu ở 7/11 huyện, thị xã với 51 xã; số đối tượng tích cực cầm đầu là 129 đối tượng, đến tháng 10-2001 còn 1.947 hộ với 11.079 khẩu, ở 7 huyện, thị xã với 43 xã, 128 thôn, bản. Trong đó đảng viên 6, đoàn viên 26, công an viên 23, cán bộ các ngành của xã 6, trưởng, phó thôn, bản 39, đối tượng cầm đầu 49; đối tượng tích cực 170, vận động giảm được 493 hộ với 3.682 khẩu không theo đạo trái phép. Nhìn chung, số người theo đạo giảm, nhưng hoạt động tinh vi có tổ chức phức tạp hơn. Một phần là do có sự chỉ đạo chặt chẽ của một số đối tượng trong Hội thánh Tin Lành, đồng thời các đối tượng tích cực cầm đầu có mối quan hệ với nhau, một số có uy tín trong việc tổ chức, dẫn dắt quần chúng tham gia sinh hoạt đạo kinh thánh, như ở xã Thái Niên, Phong Hải (Bảo Thắng), xã Điện Quan (Bảo Yên) đã tổ chức các hội nhóm ở cơ sở. Tuy nhiên, tỉnh đã chỉ đạo các ngành, các địa phương tập trung lực lượng nắm và giải quyết ổn định tình hình ở cơ sở, từng bước thu hẹp và làm giảm số người theo đạo trái phép.

Về an ninh nông thôn, chủ yếu xảy ra các vụ tranh chấp đất đai, vi phạm chính sách pháp luật của cán bộ cơ sở, nổi lên ở các xã thuộc huyện Bảo Thắng, thị xã Lào Cai, Nông trường Thanh Bình huyện Mường Khương. Trong 693 đơn thư khiếu nại tố cáo năm 2000, nội dung chủ yếu liên quan đến tranh chấp đất đai (chiếm 55%), việc thực

hiện chính sách xã hội (chiếm 25%) số còn lại là lĩnh vực khác; 6 tháng đầu năm 2001 có 301 đơn thư khiếu nại, tố cáo. Đã giải quyết xong 70 % số lượng đơn. Các vụ việc xảy ra đều được giải quyết kịp thời không để phức tạp kéo dài.

Di dịch cư tự do vẫn diễn ra phức tạp. Năm 1999 có 658 hộ với 3.263 khẩu, năm 2000 có 166 hộ với 843 khẩu, so với năm 1999 giảm 492 hộ với 2.420 khẩu, 6 tháng đầu năm 2001 có 321 hộ với 1.791 khẩu, tăng 155 hộ với 948 khẩu so với năm 2000. Di cư quay trở về có 183 hộ với 785 khẩu, số này đã được chính quyền cơ sở sắp xếp tái định cư để ổn định cuộc sống. Di dịch cư tự do chủ yếu là người Mông tập trung ở các huyện Bát Xát, Bảo Yên, Bảo Thắng, Bắc Hà, hướng di cư đến các tỉnh phía tây như: Lai Châu, Sơn La, Thanh hóa và các tỉnh Tây Nguyên, chủ yếu là Đắk Lắk.

Công tác giữ gìn trật tự xã hội tập trung triển khai tốt các đề án, chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm, ma túy, đấu tranh với các đường dây ổ nhóm tội phạm về ma túy và tội phạm hình sự có tổ chức. Thực hiện các mặt công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội, trật tự an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy và quản lý nhân hộ khẩu trên các địa bàn. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc được duy trì, quần chúng tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm tệ nạn xã hội, quản lý giáo dục đối tượng vi phạm pháp luật người lầm lỗi tại cộng đồng, kiểm chế sự gia tăng hoạt động của tội phạm. Do đó các vụ việc liên quan đến trật tự xã hội hàng năm đều giảm.

b) Về cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa:

Tỉnh ủy đã chỉ đạo phát động phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư” do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động, gắn 6 nội dung của cuộc vận động với 5 nội dung của phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” Với những nội dung tuyên truyền như: Xây dựng gương người tốt việc tốt, các điển hình tiên tiến; xây dựng gia đình văn hóa, toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư; xây dựng làng bản, khu phố

văn hóa; xây dựng công sở, doanh nghiệp, đơn vị lực lượng vũ trang có nếp sống văn hóa; toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại và đẩy mạnh phong trào học tập, lao động, sáng tạo. Đặc biệt là chương trình xóa đói, giảm nghèo là một nội dung rất quan trọng của cuộc vận động này.

Biện pháp tuyên truyền bằng thông tin, cổ động, panô, áp phích, in ấn tài liệu, tuyên truyền lồng ghép trong các buổi họp thôn, bản, khu phố bằng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao thường xuyên), đưa đội thông tin đội chiếu bóng lưu động đi phục vụ cơ sở, phối hợp với các đội văn nghệ quần chúng để tuyên truyền xây dựng đời sống văn hóa ở các thôn, bản vùng cao. Kết quả trong 2 năm qua toàn tỉnh đã có 15.016 hộ sản xuất, kinh doanh giỏi, hàng ngàn chiến sĩ thi đua các cấp, trong đó có 296 chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, 25 chiến sĩ thi đua toàn quốc. Năm 1999, có 44.642 hộ gia đình được công nhận là gia đình văn hóa, 143 thôn, bản và cơ quan đơn vị, trường học đạt tiêu chuẩn văn hóa, 2.000 hộ gia đình đạt tiêu chuẩn thể thao. Năm 2000 có 53.336 gia đình văn hóa, 4.400 lượt hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình thể thao, 18 câu lạc bộ gia đình văn hóa, 449 khu dân cư tiên tiến được cấp huyện, thị công nhận, có 198 khu dân cư xuất sắc được tỉnh công nhận. Các phong trào thi đua học tập sáng tạo được đẩy mạnh, có 59 công trình sản phẩm mới, 67 sáng kiến kỹ thuật có giá trị, 257 học sinh giỏi cấp tỉnh, 56 học sinh giỏi cấp quốc gia. Đời sống văn hóa ở cơ sở được phát triển một bước, với 264 đội văn nghệ, trên 200 đội thể thao quần chúng được xây dựng. Hằng năm tổ chức được trên 500 buổi văn nghệ quần chúng. Về thể thao ở cơ sở được quan tâm đã có 100/180 xã phường, thị trấn quy hoạch đất cho hoạt động thể thao. Các điểm sinh hoạt văn hóa cũng được xây dựng ở 61 trung tâm cụm xã và 55 điểm Bưu điện văn hóa được xây dựng.

c) Công tác nâng cao hiệu quả giáo dục và thực hiện pháp luật trong dân cư:

Đảng bộ đã chỉ đạo các cấp, các ngành làm tốt công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật trong dân cư. Những năm qua

đã đạt được những kết quả đáp ứng một phần yêu cầu của việc tăng cường quản lý nhà nước, quản lý xã hội bằng pháp luật củng cố, kiện toàn đội ngũ những người làm công tác tư pháp cơ sở, chỉ đạo, tập hợp, huy động mọi lực lượng xã hội tham gia công tác tuyên truyền biện pháp giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân dân thuộc phạm vi quản lý.

Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật là lực lượng nòng cốt truyền tải pháp luật đến với mọi người dân (báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh là 89 người, tuyên truyền viên pháp luật cơ sở là 720 người), hình thức tuyên truyền chủ yếu là tuyên truyền miệng, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, qua các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, hội thi sân khấu hóa, thông qua hệ thống trường học, tủ sách pháp luật ở cơ sở, lồng ghép với các hoạt động kinh tế - xã hội như lễ hội truyền thống, chương trình xóa đói, giảm nghèo, các cuộc họp tổ dân phố, chi bộ Đảng...

Đã triển khai tuyên truyền các văn bản pháp luật cho trên 76 vạn lượt người tham gia học tập từ cấp tỉnh đến cấp xã. Tủ sách pháp luật ở các xã, phường, thị trấn bảo đảm trang bị đạt 100%, hoà giải được 1.342/1.483 vụ việc trên toàn tỉnh, trợ giúp pháp lý cho người nghèo và đối tượng chính sách 991/1020 yêu cầu, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật trên toàn tỉnh đạt kết quả, nâng cao nhận thức thực hiện pháp luật trong nhân dân có nhiều chuyển biến tích cực, các hành vi vi phạm pháp luật giảm. Số vụ án nghiêm trọng do nguyên nhân xã hội giảm so với thời gian trước an ninh trật tự được ổn định.

2. Những tồn tại

Bên cạnh những kết quả đã đạt được trong các mặt công tác trên còn những mặt tồn tại chính sau:

Công tác nắm tình hình, phát hiện dấu hiệu phức tạp trong dân cư ở các địa bàn có nơi, có lúc chưa kịp thời. Phân công theo chức năng, nhiệm vụ các ngành chưa cụ thể dẫn đến giải quyết một số vụ việc còn bị động lúng túng, sự phối hợp giữa các ngành còn kém hiệu quả. Giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo ở một số ngành chưa triệt

để còn kéo dài gây nghi ngờ, mất lòng tin của quần chúng với cơ quan chức năng. Công tác quản lý địa bàn, quản lý nhân hộ khẩu của chính quyền cơ sở nhiều nơi còn chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác bảo vệ an ninh trật tự trong tình hình hiện nay.

Công tác tuyên truyền vận động toàn dân xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư chưa được thường xuyên, mới dừng lại ở các thị trấn, thị xã và vùng thấp, còn hạn chế ở vùng cao. Một số nơi các hủ tục lạc hậu, tệ nạn xã hội như ma túy, cờ bạc, mê tín dị đoan còn khá phổ biến. Việc thực hiện nếp sống mới trong việc cưới, việc tang... chưa được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo.

Công tác phổ biến giáo dục và thực hiện pháp luật chưa đặt ngang tầm với yêu cầu quản lý xã hội bằng pháp luật, sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức và các cấp, các ngành còn thiếu đồng bộ, chưa thường xuyên, liên tục, rộng khắp. Nhận thức pháp luật của đồng bào còn nhiều hạn chế dẫn đến các vụ vi phạm pháp luật do nguyên nhân xã hội còn xảy ra nhất là vùng sâu, vùng xa.

Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên bước đầu đã hình thành song hoạt động chưa hiệu quả, do hạn chế về nghiệp vụ pháp luật, cơ chế quản lý, chế độ đãi ngộ chưa cụ thể rõ ràng, thỏa đáng.

Tài liệu tuyên truyền phát hành quá ít, việc biên soạn nội dung chưa thực sự phù hợp với đối tượng tuyên truyền. Chưa tìm ra hình thức tuyên truyền pháp luật hiệu quả đến tận người dân ở khu dân cư, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

3. Nguyên nhân của những tồn tại

Nguyên nhân khách quan: Do đặc thù của một tỉnh miền núi, vùng cao biên giới đời sống kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí của đồng bào vùng cao còn thấp. Bên cạnh đó các thế lực thù địch ráo riết thực hiện âm mưu “diễn biến hoà bình” để chống phá cách mạng nước ta. Hoạt động của bọn tội phạm manh động trắng trợn, thủ đoạn tinh vi xảo quyệt, tệ nạn xã hội vẫn xảy ra nhất là nghiện hút ở hầu hết các địa bàn. Do mặt trái của cơ chế thị trường nảy sinh những vi phạm tiêu cực trên lĩnh vực quản lý kinh tế - xã hội.

Nguyên nhân chủ quan: Một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của công tác này. Vai trò của cấp ủy, chính quyền các cấp các ngành chưa được phát huy mạnh mẽ, có nơi chưa sát cơ sở, gần dân, chưa gắn trách nhiệm của mình đối với phong trào chung. Trong công tác tuyên truyền chưa phát huy vai trò của báo cáo viên, tuyên truyền viên ở cơ sở là người dân tộc thiểu số. Chưa chú trọng quan tâm đến các điều kiện như phương tiện phục vụ, biên soạn và in ấn tài liệu cải tiến hình thức tuyên truyền cho phù hợp.

Phần thứ hai

NHỮNG MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2001 -2005

1. Vài nét nhận định tình hình, xu hướng

Trong những năm tới tình hình chính trị trên thế giới và khu vực tiếp tục có những diễn biến phức tạp, các thế lực thù địch không từ bỏ âm mưu “diễn biến hoà bình” chống phá sự nghiệp cách mạng nước ta nói chung và tỉnh Lào Cai nói riêng.

Chúng sẽ tăng cường lợi dụng các vấn đề dân tộc, tôn giáo, nhân quyền, hoạt động kinh tế để tác động, tạo có can thiệp vào nội bộ ta nhằm chuyển hóa theo hướng có lợi cho chúng. Các cơ quan đặc biệt nước ngoài sẽ tăng cường hoạt động trên địa bàn, tập trung vào nội bộ cơ quan thiết yếu cơ mật khu vực cửa khẩu, khu du lịch, địa bàn có dấu hiệu phức tạp về an ninh chính trị, tình hình trong nội bộ nhân dân vẫn còn những mâu thuẫn tranh chấp nếu không giải quyết sẽ tích tụ, là những tiềm ẩn tạo thành các điểm nóng. Vấn đề tuyên truyền phát triển tôn giáo trái phép, di dịch cư tự do của một số bộ phận đồng bào vùng cao nếu không có biện pháp giải quyết tích cực sẽ có chiều hướng gia tăng. Lợi dụng vấn đề này một số phần tử xấu, số đối tượng cầm đầu, tích cực tuyên truyền, kích động, lôi kéo quần chúng tạo thành lực lượng đối trọng với chính quyền, đưa ra yêu cầu với chính quyền các cấp phải công nhận họ theo đạo. Mặt khác, liên

hệ với một số đối tượng lợi dụng tôn giáo và các thế lực thù địch bên ngoài tạo sức ép với ta về vấn đề này.

Khi phân giới cấm mốc nhất là vùng có tranh chấp cũng sẽ xuất hiện những phức tạp chưa lường hết được.

Hoạt động của bọn tội phạm tính chất ngày càng tinh vi, phức tạp, manh động trắng trợn, nhất là tội phạm ma túy tạo thành các đường dây, ổ nhóm xuyên quốc gia sẽ gây ảnh hưởng không những về trật tự xã hội mà có liên quan đến an ninh chính trị, nhất là số đối tượng có hoạt động qua biên giới. Ý thức tuân thủ pháp luật ngay cả trong gia đình cũng phức tạp hơn.

Trong những năm tới, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ, văn hóa tiên tiến, những hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan vẫn tồn tại đan xen và có chiều hướng phát triển, vấn đề này có ảnh hưởng không nhỏ đến việc vận động xây dựng đời sống văn hóa, việc tôn trọng và chấp hành pháp luật trong dân cư.

2. Mục tiêu

Chủ động phòng ngừa, tích cực đấu tranh làm thất bại âm mưu “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch, nắm bắt và có giải pháp kịp thời các vụ việc xảy ra ngay từ cơ sở, bảo đảm ổn định dân cư trên địa bàn. Bảo vệ vững chắc an ninh chính trị chủ quyền lãnh thổ, bảo vệ và thực hiện chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Bảo đảm giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, có các biện pháp đấu tranh ngăn chặn kịp thời, từng bước làm giảm tội phạm, nhất là các vụ do nguyên nhân xã hội, tai tệ nạn xã hội. Tiến hành điều tra giải quyết 100% các vụ án thường, 95% trở lên các vụ trọng án xảy ra.

Củng cố sự đoàn kết giữa các dân tộc tạo nên sức mạnh tổng hợp trong việc thực hiện các phong trào cách mạng, lồng ghép với nội dung cuộc vận động phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” phấn đấu từ nay đến năm 2005 có 100% khu dân cư triển khai thực hiện cuộc vận động xây dựng và thực hiện tốt các hương ước, quy

ước; 50% số hộ gia đình, 35% số thôn, bản; 70% tổ dân phố, 8% số cơ quan, trường học được công nhận đạt tiêu chuẩn văn hóa. Đến 2005 cơ bản không còn hộ đói thường xuyên, giảm hộ nghèo xuống mỗi năm từ 2 đến 3%. Giữ vững và thực hiện hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ và phổ cập trung học cơ sở cho 60% trong 180 xã, phường, thị trấn.

Nâng cao sự hiểu biết, tôn trọng và chấp hành pháp luật trong cán bộ, công chức, người lao động nhân dân các dân tộc. Thành lập Hội đồng phối hợp công tác phổ biến giáo dục pháp luật ở 11/11 huyện thị xã, 180/180 xã, phường, thị trấn và tuyên truyền pháp luật trong dân cư, đạt từ 60 đến 70% dân số, nội dung tuyên truyền chủ yếu tập trung vào: Luật đất đai, Luật hôn nhân gia đình, Luật bảo vệ và phát triển rừng, Luật khiếu nại tố cáo Quy chế dân chủ.

3. Nhiệm vụ trọng tâm

Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, quản lý của chính quyền các cấp nhất là phát huy vai trò của hệ thống chính trị ở cơ sở. Tập trung lực lượng thực hiện chương trình hành động của Tỉnh ủy về bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới, tập trung vào công tác bảo vệ an ninh biên giới, an ninh nội bộ, an ninh nông thôn, những vấn đề liên quan đến tôn giáo.

Tiếp tục thực hiện chương trình quốc gia phòng chống tội phạm, chương trình hành động phòng, chống ma túy giai đoạn 2001 - 2005. Tích cực phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả với các hoạt động của bọn tội phạm hình sự, kinh tế, ma túy, tội phạm có tổ chức.

Kết hợp xây dựng đời sống văn hóa mới phù hợp và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc tạo nên bức tranh văn hóa sinh động, phong phú của Lào Cai. Tích cực tham gia đấu tranh với những thủ đoạn tuyên truyền văn hóa phẩm đồi trụy.

Các cấp ủy Đảng, các đoàn thể và các ngành chức năng có kế hoạch biện pháp cụ thể, tiếp tục tiến hành cuộc vận động phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, lồng kết với các phong

trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, chương trình xóa đói, giảm nghèo... duy trì phong trào thường xuyên phù hợp với tình hình đặc điểm của địa bàn, tránh hình thức xa rời thực tế, kém hiệu quả.

Trên cơ sở kết quả đã đạt được trong những năm qua về công tác tuyên truyền pháp luật cần có kế hoạch, biện pháp cụ thể và hình thức hợp lý để tuyên truyền nội dung của các văn bản pháp luật, ở các địa bàn nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Bên cạnh đó xây dựng và có kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ cán bộ tư pháp cơ sở, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật là người dân tộc thiểu số có đủ điều kiện khả năng trong công tác vận động tuyên truyền pháp luật ở cơ sở.

4. Những giải pháp

a) Về công tác bảo vệ an ninh - trật tự:

Chỉ đạo các ngành chức năng, các lực lượng tăng cường công tác bảo vệ an ninh biên giới, thực hiện kế hoạch trong việc phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc.

Tăng cường công tác bảo vệ an ninh - tư tưởng văn hóa, an ninh kinh tế, an ninh thông tin. Có các biện pháp phát hiện nắm tình hình của các loại đối tượng cơ quan đặc biệt nước ngoài hoạt động phương hại đến an ninh quốc gia.

Tập trung đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng cán bộ nhằm nâng cao năng lực, phẩm chất đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành trong hệ thống chính trị nhất là ở cơ sở. Coi trọng công tác vận động quần chúng, tranh thủ người có uy tín trong việc giải quyết hoạt động tuyên truyền tôn giáo trái phép, tìm hiểu nguyên nhân, phân loại mức độ tín ngưỡng của từng người, từng hộ, số đối tượng tích cực cầm đầu để có các biện pháp tuyên truyền giáo dục, ngăn ngừa làm giảm các hoạt động chống đối không để phát triển sang các địa bàn, dân tộc khác.

Chủ động giải quyết kịp thời ngay từ cơ sở những mâu thuẫn, khiếu kiện trong nhân dân, tập trung ở các địa bàn giáp ranh, giữa các vùng dân tộc, địa bàn phức tạp về an ninh - trật tự không để phát

sinh và trở thành các điểm nóng. Thực hiện kế hoạch ổn định tình hình dân cư, bố trí sắp xếp hợp lý các khu dân cư bảo đảm về nguồn nước, đất canh tác cho nhân dân. Tăng cường công tác nắm tình hình, vận động quần chúng. Có các biện pháp phòng ngừa không để tình trạng du canh, du cư.

Triển khai các đề án phòng, chống tội phạm, tập trung vào các đề án đấu tranh chống tội phạm nguy hiểm như tội phạm hình sự, tội phạm ma túy, buôn bán phụ nữ, trẻ em... Đấu tranh xóa bỏ các đường dây, ổ nhóm tội phạm, tích cực phòng ngừa nghiệp vụ và phòng ngừa xã hội làm giảm các vụ án do nguyên nhân xã hội xảy ra.

Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước trên lĩnh vực an ninh - trật tự. Tiếp tục thực hiện các nghị định, chỉ thị của Chính phủ, các chủ trương của tỉnh về công tác bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Tiếp tục tăng cường luân chuyển cán bộ đi cơ sở, nhất là những địa bàn có tình hình phức tạp.

Tăng cường thực hiện công tác thông tin, tin báo tội phạm, tiếp tục xây dựng các cơ quan bảo vệ pháp luật thật sự trong sạch, vững mạnh, nâng cao trình độ năng lực và ý thức trách nhiệm đối với đội ngũ cán bộ, công chức thực thi pháp luật.

Đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc gắn với các phong trào trên địa bàn, làm cho quần chúng tích cực tham gia đấu tranh và quản lý các đối tượng, giáo dục đối tượng lầm lỗi tại cộng đồng nhất là đấu tranh với các tệ nạn xã hội.

b) Về công tác vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa:

Chỉ đạo các cấp, các ngành củng cố khối đoàn kết nhân dân các dân tộc, phát hiện kịp thời đấu tranh với những hoạt động chia rẽ đoàn kết dân tộc trên địa bàn. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, tạo điều kiện để đẩy mạnh các chương trình phát triển kinh tế - xã hội nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, tạo sự tiếp cận lĩnh vực văn hóa tiên tiến mang đậm đà bản sắc dân tộc, nâng cao nhận thức cộng đồng.

Cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp phải cụ thể hóa những yêu cầu về xây dựng đời sống văn hóa, thực hiện Quy chế dân chủ, gắn nội dung cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” phù hợp với yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của nhân dân, trước mắt cần tập trung vào 6 nội dung sau:

- + Đoàn kết giúp nhau phát triển kinh tế, khơi dậy nguồn lực thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nhất là xóa đói giảm nghèo.

- + Đoàn kết phát huy truyền thống “Uống nước nhớ nguồn” hoạt động cứu trợ, nhân đạo.

- + Đoàn kết phát huy dân chủ, giữ gìn kỷ cương.

- + Đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa.

- + Đoàn kết chăm lo sự nghiệp giáo dục đào tạo.

- + Đoàn kết xây dựng cơ sở chính trị trong sạch, vững mạnh.

Củng cố kiện toàn Ban chỉ đạo các cấp từ tỉnh đến các xã, phường, thị trấn. Ban chỉ đạo các cấp tổ chức góp ý xây dựng thống nhất các tiêu chí do Ban chỉ đạo Trung ương soạn thảo về gia đình, bản làng, cơ quan, trường học, đơn vị lực lượng vũ trang. Ban chỉ đạo các cấp tiếp tục tham mưu cho cấp ủy, chính quyền đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị 27-CT/TW của Bộ Chính trị, phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể quần chúng, ban, ngành xây dựng quy ước “Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội” phù hợp với Lào Cai.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về các phong trào cụ thể của cuộc vận động. Chú ý cải tiến nội dung, hình thức công tác tuyên truyền vận động phù hợp với đặc điểm tâm lý, tín ngưỡng, trình độ của nhân dân ở các địa bàn trong tỉnh, chú ý vùng dân tộc thiểu số.

Thực hiện tốt chế độ khen thưởng theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa Thông tin. Hằng năm tổ chức tập huấn và triển khai thực hiện cuộc vận động cho cán bộ chuyên trách ở các huyện, thị xã, xã, phường, thị

trấn. Năm 2003 tổ chức liên hoan: Gia đình văn hóa, làng bản văn hóa, đơn vị có nếp sống văn hóa tỉnh Lào Cai nhân dịp sơ kết 5 năm thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” từ đó rút kinh nghiệm thực hiện những năm sau này.

c) Nâng cao hiệu quả giáo dục và thực hiện pháp luật trong địa bàn dân cư:

Thông qua các phong trào, chương trình, cuộc vận động để lồng ghép tuyên truyền pháp luật trong các khu dân cư. Tập trung vào tuyên truyền các văn bản pháp luật như: Luật hình sự, Luật dân sự, Luật đất đai, Luật hôn nhân gia đình, Luật khiếu nại tố cáo; thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Tổ chức triển khai các đề án tuyên truyền phòng, chống tội phạm, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về phòng, chống ma túy.

Từ đó nâng cao nhận thức và ý thức tự giác chấp hành pháp luật trong nhân dân. Chính vấn đề này là cốt lõi trong việc phòng ngừa đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật có tác dụng làm giảm các vụ trọng án do nguyên nhân xã hội và các tệ nạn xã hội.

Việc tuyên truyền giáo dục pháp luật phải được cấp ủy, chính quyền địa phương và các ngành chức năng phối hợp chặt chẽ và tiến hành một cách đồng bộ thường xuyên gắn với các chương trình phát triển kinh tế, xã hội ở địa bàn cho phù hợp. Tạo điều kiện cho nhân dân chấp hành thực hiện tốt pháp luật.

Phần thứ ba **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Các huyện, thị ủy, Đảng ủy trực thuộc, Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn và các đơn vị trực thuộc Tỉnh ủy căn cứ tình hình thực tiễn ở địa phương và cơ quan mình tiến hành sơ kết về công tác an ninh - trật tự, cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, nâng cao hiệu quả giáo dục và thực hiện pháp luật ở khu dân cư, đánh giá kết quả đã làm được, chưa làm được và đề ra chương trình hành động và tổ chức thực hiện nghị quyết này.

Giao cho Đảng ủy Công an tỉnh chủ trì phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các ban Đảng của Tỉnh ủy, Sở Văn hóa - Thông tin và Thể thao, Sở Tư pháp và các ngành có liên quan biên soạn tài liệu, tuyên truyền, triển khai thực hiện nghị quyết, tiến hành theo các bước, đôn đốc kiểm tra và tập hợp báo cáo về Ban Thường vụ Tỉnh ủy kịp thời.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỬ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 35-BC/TU, ngày 26-11-2001

Về kết quả thực hiện Chỉ thị 13 CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XI “Về công tác lãnh đạo và tổ chức thực hiện đưa đảng viên cơ quan về tham gia sinh hoạt ở nơi cư trú”

Thực hiện Điều 2 (Điểm 3) Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa VIII) và Hướng dẫn số 05-HD-TCTW, ngày 10-6-1997 của Ban Tổ chức Trung ương “Hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng về nhiệm vụ của đảng viên”.

Để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên, tạo điều kiện cho đảng viên thực hiện nhiệm vụ và tăng cường hơn nữa mối liên hệ thường xuyên giữa cấp ủy và đảng viên ở cơ quan với cấp ủy và đảng viên ở nơi cư trú trên phạm vi toàn tỉnh, sau khi tổng kết 3 năm tổ chức thực hiện Thông tri số 13-TT/TU, ngày 5-9-1995 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tổ chức cho đảng viên cơ quan tham dự sinh hoạt tại đơn vị cơ sở nơi cư trú, nhằm phát huy kết quả đã đạt được và khắc phục những tồn tại của việc tổ chức thực hiện Thông tri số 13-TT/TU, ngày 12-3-1999 Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị 13-CT/TU về “Công tác lãnh đạo và tổ chức thực hiện đưa đảng viên cơ quan về tham gia sinh hoạt ở nơi cư trú”;

Để giúp các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy và tổ chức cơ sở đảng triển khai thực hiện tốt chỉ thị, Ban Tổ chức Tỉnh ủy có

Hướng dẫn số 01-HD/TC, ngày 5-4-1999 hướng dẫn thực hiện chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “Về lãnh đạo và tổ chức thực hiện đưa đảng viên cơ quan về tham gia sinh hoạt ở nơi cư trú”. Sau một thời gian tổ chức thực hiện Chỉ thị trên phạm vi toàn tỉnh đã đạt được những kết quả như sau:

I. VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổ chức triển khai

Sau khi được quán triệt Chỉ thị 13-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Hướng dẫn 01-HD/TC của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc căn cứ vào đặc điểm tình hình cụ thể của mình xây dựng kế hoạch, hướng dẫn chi tiết và triệu tập hội nghị học tập, quán triệt, triển khai chỉ thị đến các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ, các ban Đảng Tỉnh ủy, các cấp ủy cơ sở và đảng viên. Hầu hết đảng viên, đặc biệt là đảng viên cơ quan đã có nhận thức đúng đắn có ý thức trách nhiệm sinh hoạt nơi cư trú.

Đến hết tháng 5-1999, 15/15 huyện, thị, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy đã xây dựng xong kế hoạch, hướng dẫn và quán triệt triển khai chỉ thị đến cấp ủy cơ sở và đảng viên. Cấp ủy cơ sở đảng ở cơ quan đã lập danh sách đảng viên giới thiệu về chi, đảng bộ xã, phường, thị trấn nơi đảng viên cư trú để tham gia sinh hoạt.

2. Tổ chức thực hiện

a) Hình thức tổ chức sinh hoạt:

Căn cứ vào đặc điểm tình hình thực tế ở từng cơ sở, số lượng đảng viên ở cơ quan giới thiệu và sự chỉ đạo của cấp ủy mỗi nơi để xây dựng hình thức tổ chức sinh hoạt cho phù hợp. Nhìn chung các huyện, thị đều tổ chức sinh hoạt theo mô hình chi bộ dưới cơ sở với quy mô sinh hoạt chung cả đảng viên cơ quan và đảng viên ở địa phương. Một số nơi tổ chức sinh hoạt theo chi bộ cơ sở, hoặc tổ đảng, có nơi tổ chức sinh hoạt riêng đảng viên ở cơ quan...

b) Nội dung sinh hoạt:

Nội dung sinh hoạt đã được cải tiến, thiết thực và cụ thể theo đúng tinh thần của Chỉ thị 13-CT/TU và Hướng dẫn 01-HD/TC của Ban Tổ chức Tỉnh ủy. Tập trung vào việc thông báo tình hình các mặt hoạt động của địa phương, về chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tình hình phát triển kinh tế - xã hội, đời sống, an ninh quốc phòng, trật tự, an toàn xã hội, những quy định của xã, phường và nơi cư trú. Đồng thời tiếp thu ý kiến đóng góp cho sự lãnh đạo, chỉ đạo của đảng bộ, chi bộ địa phương.

c) Thời gian sinh hoạt

Thực hiện theo quy định 3 tháng tổ chức sinh hoạt một lần vào khoảng ngày 25 đến ngày 30 của tháng cuối quý.

3. Sự lãnh đạo và chỉ đạo của cấp ủy Đảng

Nhận thức được ý nghĩa của công tác đưa đảng viên cơ quan về tham gia sinh hoạt đảng nơi cư trú, Tỉnh ủy và các cấp ủy Đảng thường xuyên theo dõi, chỉ đạo chặt chẽ việc tổ chức thực hiện. Sau 5 tháng thực hiện Chỉ thị 13-CT/TU trong phạm vi toàn tỉnh Thường trực Tỉnh ủy đã có Thông báo số 372-TB/TU, ngày 19-8-1999 khẳng định chủ trương đưa đảng viên cơ quan về sinh hoạt ở nơi cư trú là đúng đắn phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, đồng thời chỉ ra những mặt được cũng như tồn tại để kịp thời khắc phục.

Để thực hiện chủ trương đưa đảng viên cơ quan về tham gia sinh hoạt nơi cư trú trở thành nền nếp, thực sự có hiệu quả, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, chỉ đạo các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 13-CT/TU.

Các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc tiến hành triển khai ở cấp mình một cách nghiêm túc. Một số nơi đã mở hội nghị tọa đàm trao đổi kinh nghiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhằm đưa đảng viên cơ quan về tham gia sinh hoạt nơi cư trú đạt được hiệu quả cao nhất như: Đảng ủy các cơ quan tỉnh, Thị ủy Lào Cai.

Bên cạnh đó công tác sơ kết kịp thời tìm ra những mặt được và chưa được, tìm các biện pháp khắc phục thường xuyên được tổ chức.

Đến hết tháng 6-2000: 13/15 huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy đã có báo cáo sơ kết, 2/15 huyện sang đầu tháng 7 đã có báo cáo sơ kết (Bảo Yên 10/7, Than Uyên 2/7).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

- Ba năm qua, số đảng viên cơ quan về tham gia sinh hoạt đảng nơi cư trú ngày càng tăng, tổ chức sinh hoạt đảng dần đi vào nề nếp. Đến nay đã có 351 tổ chức cơ sở đảng cơ quan đã giới thiệu đảng viên về tham gia sinh hoạt nơi cư trú, đạt tỷ lệ 95,38% so với tổng số tổ chức cơ sở đảng Khối cơ quan và bằng 62,67% so với tổng số tổ chức cơ sở đảng toàn tỉnh.

- Số đảng viên cơ quan giới thiệu về tham gia sinh hoạt nơi cư trú là 5.314 đồng chí, đạt 83,26% so với tổng số đảng viên Khối cơ quan và bằng 30,17% so với tổng số đảng viên toàn tỉnh.

- Có 47 tổ chức cơ sở đảng xã, phường, thị trấn tiếp nhận đảng viên cơ quan về tham gia sinh hoạt.

- Số đảng viên cơ quan giới thiệu về trực tiếp sinh hoạt tại 187 chi bộ, tổ đảng trực thuộc các đảng bộ xã, phường, thị trấn.

Trong tổng số 187 chi bộ, tổ Đảng trong hơn 2 năm qua đã tổ chức sinh hoạt các kỳ như sau:

- + 01 Chi bộ tổ chức sinh hoạt 1 kỳ đạt 0,53%
- + 01 Chi bộ tổ chức sinh hoạt 2 kỳ đạt 0,53%
- + 03 Chi bộ tổ chức sinh hoạt 3 kỳ đạt 1,60%
- + 11 Chi bộ tổ chức sinh hoạt 4 kỳ đạt 5,90%
- + 14 Chi bộ tổ chức sinh hoạt 5 kỳ đạt 7,50%
- + 27 Chi bộ tổ chức sinh hoạt 6 kỳ đạt 14,43%
- + 55 Chi bộ tổ chức sinh hoạt 7 kỳ đạt 29,41%
- + 66 Chi bộ tổ chức sinh hoạt 8 kỳ đạt 35,30%
- + 9 Chi bộ tổ chức sinh hoạt 9 kỳ đạt 4,80%

Tỷ lệ đảng viên tham gia sinh hoạt bình quân chung toàn tỉnh đạt

77,55%, các đơn vị có tỷ lệ đảng viên tham gia sinh hoạt cao: Thị xã Cam Đường, huyện Mường Khương, huyện Bảo Thắng, huyện Than Uyên, thị xã Lào Cai, huyện Bảo Yên. Những đơn vị có tỷ lệ đảng viên tham gia sinh hoạt thấp như: Huyện Văn Bàn, huyện Bắc Hà.

III. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ

1. Ưu điểm

Qua học tập quán triệt và tổ chức thực hiện Chỉ thị 13-CT/TU các cấp ủy và đảng viên đều nhận thức được chủ trương đưa đảng viên cơ quan về tham gia sinh hoạt ở nơi cư trú là một chủ trương đúng đắn và cần thiết, là sự cụ thể hóa nhiệm vụ của các cấp ủy đảng và đảng viên được quy định tại Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, nghị quyết, chỉ thị và quy định của Đảng.

Các cấp ủy đảng thường xuyên quan tâm tới việc nâng cao trách nhiệm và nhiệm vụ của đảng viên cả nơi làm việc và nơi cư trú. Từng đảng bộ đã căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, tổ chức mình có kế hoạch và hướng dẫn cụ thể, chi tiết cho các cấp ủy cơ sở thực hiện tốt Chỉ thị.

- Đưa đảng viên cơ quan về tham gia sinh hoạt nơi cư trú là tăng cường công tác quản lý đảng viên ở mọi lúc, mọi nơi, tạo điều kiện cho đảng viên nêu cao tinh thần trách nhiệm và thực hiện nhiệm vụ của người đảng viên ở nơi cư trú, đồng thời các cấp ủy đảng nắm được từng đảng viên để đánh giá phân tích chất lượng đảng viên hàng năm sát, đúng nhằm nâng cao chất lượng đảng viên.

- Qua sinh hoạt đã tạo được mối quan hệ gắn bó mật thiết, tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa đảng viên cơ quan và đảng viên, nhân dân nơi cư trú, xây dựng “Tình làng nghĩa xóm, tình phường, nghĩa phố” xây dựng nếp sống văn minh gia đình văn hóa, góp phần giáo dục chính trị tư tưởng cho đảng viên và nhân dân, ổn định chính trị giữ vững an ninh xã hội ở khu dân cư, giáo dục vận động gia đình và người thân chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và quy định của địa phương.

- Qua việc thực hiện Chỉ thị 13-CT/TU đã tăng cường mối quan hệ chặt chẽ giữa cấp ủy cơ quan với cấp ủy nơi đảng viên cư trú, góp

phần thúc đẩy việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị và đảng bộ địa phương đạt kết quả tốt.

- Nội dung và hình thức sinh hoạt thường xuyên được cải tiến phù hợp với từng điều kiện cụ thể và từng lúc từng nơi nên chất lượng sinh hoạt ngày một tăng lên. Nhiều ý kiến đóng góp của đảng viên cơ quan giúp cho địa phương tháo gỡ những khó khăn, giải tỏa được một số vấn đề có tính bức xúc ở cơ sở như vấn đề vệ sinh môi trường, trật tự trị an, đấu tranh phòng, chống tệ nạn xã hội, v.v..

2. Khuyết điểm

Việc quán triệt chỉ thị ở một số tổ chức cơ sở đảng chưa sâu, tổ chức chưa đồng bộ, nên còn có những cấp ủy đảng và đảng viên nhận thức chưa đầy đủ mục đích, yêu cầu của việc đưa đảng viên cơ quan về tham gia sinh hoạt nơi cư trú, việc thực hiện còn chậm, hiệu quả chưa cao; có những chi bộ sau 2 năm tổ chức thực hiện mới sinh hoạt được 1 đến 2 lần.

Một số đảng viên cơ quan về tham gia sinh hoạt nơi cư trú ý thức trách nhiệm chưa cao, tham gia sinh hoạt chưa đều hoặc không tham gia sinh hoạt, ý kiến tham gia xây dựng với cơ sở còn nhiều hạn chế.

Tỷ lệ đảng viên tham gia sinh hoạt tuy đã được nâng lên song chưa đạt yêu cầu có nơi tỷ lệ đạt rất thấp.

Nội dung sinh hoạt thời kỳ đầu chưa được cơ sở chuẩn bị chu đáo nên nhiều nơi đặt vấn đề sinh hoạt quá quy định cần thiết biến buổi sinh hoạt thành nơi chất vấn giải quyết những nội dung mang tính chất khiếu nại, có cơ sở còn phân công công tác cho đảng viên ở cơ quan về tham gia sinh hoạt. Một số nơi chất lượng sinh hoạt chưa cao, mang tính hình thức.

Việc lập danh sách và giới thiệu đảng viên về sinh hoạt nơi cư trú còn thiếu các nội dung (địa chỉ) gây khó khăn cho cơ sở trong việc triệu tập sinh hoạt.

Nhiều cơ sở tổ chức sinh hoạt tập trung quá đông đảng viên ở cơ quan tại một chi bộ làm ảnh hưởng đến chất lượng sinh hoạt.

- Sự phối kết hợp giữa ở một số cấp ủy cơ quan với cấp ủy nơi đảng viên cư trú chưa chặt chẽ, thường xuyên vì vậy chưa kịp thời rút ra kinh nghiệm lãnh chỉ đạo làm hạn chế việc thực hiện Chỉ thị.

3. Một số nguyên nhân tồn tại khuyết điểm

- Công tác theo dõi, kiểm tra, đôn đốc của một số cấp ủy đảng chưa được thường xuyên, kịp thời.

- Nhận thức của một số tổ chức cơ sở đảng và đảng viên chưa được sâu sắc và đầy đủ về ý nghĩa, tác dụng của việc đưa đảng viên về tham gia sinh hoạt nơi cư trú.

- Nội dung sinh hoạt chưa được chuẩn bị chu đáo còn đại khái, qua loa phiến diện và chung chung có nơi chưa có kinh nghiệm tổ chức, còn những đảng viên chưa tự giác gương mẫu thực hiện.

- Chưa có quy định xử lý những tổ chức đảng và đảng viên chấp hành không nghiêm trong việc tổ chức và tham gia sinh hoạt.

- Công tác sơ tổng kết việc thực hiện chỉ thị chưa được tiến hành thường xuyên ở một số chi, đảng bộ nên chất lượng và hiệu quả chưa đáp ứng với yêu cầu.

IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP

Tiếp tục thực hiện chủ trương đưa đảng viên cơ quan về tham gia sinh hoạt ở nơi cư trú trên cơ sở những kinh nghiệm của việc tổ chức thực hiện Chỉ thị 13-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy để triển khai thực hiện Quy định số 76-QĐ/TW, ngày 15-6-2000 của Bộ Chính trị “Về việc đảng viên đang công tác ở cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, Đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú”.

- Các cấp ủy Đảng và đảng viên cần quán triệt sâu sắc mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của việc đưa đảng viên về tham gia sinh hoạt ở nơi cư trú, tiếp tục rà soát lại các chi, đảng bộ còn đảng viên nào chưa được giới thiệu và chuyển công tác hoặc mới kết nạp thì giới thiệu về tham gia sinh hoạt ở nơi cư trú.

- Cải tiến hình thức và nội dung sinh hoạt cho phù hợp với điều kiện thực tế ở cơ sở duy trì chế độ sinh hoạt đều đặn theo định kỳ, có quy định cụ thể về quy mô, cách thức tổ chức sinh hoạt và thời gian, địa điểm sinh hoạt.

- Tăng cường hơn nữa mối quan hệ chặt chẽ giữa cấp ủy đảng nơi đảng viên công tác với cấp ủy đảng nơi đảng viên cư trú để nắm tình hình đảng viên nhằm quản lý đảng viên ở mọi lúc mọi nơi được tốt hơn.

- Cấp ủy cơ sở cơ quan cần tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra đảng viên được giới thiệu về sinh hoạt ở nơi cư trú, kiểm điểm, phân tích đánh giá, phân xếp loại đảng viên hằng năm phải được kết hợp với nhận xét đánh giá của chi bộ nơi đảng viên cư trú theo mẫu biểu thống nhất đã được quy định.

- Cấp ủy các cấp phải tiến hành sơ, tổng kết hằng năm để kịp thời biểu dương những cơ sở, đảng viên thực hiện tốt và có biện pháp xử lý những cơ sở, đảng viên chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa tốt chủ trương đưa đảng viên về tham gia sinh hoạt nơi cư trú:

Trên đây là kết quả của việc tổ chức thực hiện Chỉ thị 13-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “Về công tác lãnh đạo về tổ chức thực hiện đưa đảng viên cơ quan về tham gia sinh hoạt nơi cư trú” và những chủ trương trong thời gian tới yêu cầu các cấp ủy đảng cần phát huy hơn nữa những kết quả đã đạt được; những kinh nghiệm trong việc tổ chức thực hiện chủ trương đưa đảng viên cơ quan về tham gia sinh hoạt nơi cư trú để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Quy định 76-QĐ/TW của Bộ Chính trị trong thời gian tới, nhằm không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo sức chiến đấu của Đảng trong tình hình và nhiệm vụ hiện nay.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 168-QĐ/TU, ngày 26-11-2001

Về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 49-QĐ/TW, ngày 3-5-1999 của Bộ Chính trị về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý cán bộ và Hướng dẫn số 11-HD/TCTW, ngày 29-12-1999 của Ban Tổ chức Trung ương về thực hiện quy định về phân cấp quản lý cán bộ;
- Căn cứ Pháp lệnh công chức số 01/1998/PL-UBTVQH, ngày 26-2-1998 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Căn cứ Quyết định số 111-QĐ/TU, ngày 3-5-2001 về việc ban hành quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa XII (nhiệm kỳ 2000-2005);
- Xét đề nghị của Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này, quy định về phân cấp quản lý tổ chức và cán bộ tỉnh Lào Cai.

Điều 2: Văn phòng Tỉnh ủy, các ban xây dựng Đảng, Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng và huyện, thị, đảng ủy trực thuộc tỉnh có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quyết định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUY ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
VỀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ TỔ CHỨC, CÁN BỘ
(Kèm theo Quyết định số 168-QĐ/TU, ngày 26-11-2001)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Nguyên tắc quản lý tổ chức và cán bộ.

a) Ban Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp và thống nhất lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ trong toàn bộ hệ thống chính trị ở tỉnh, thông qua đường lối, chủ trương, phương hướng, chính sách về công tác tổ chức, cán bộ và thông qua các đảng viên giữ các cương vị ở các cấp.

b) Việc quản lý tổ chức, cán bộ trong hệ thống chính trị thực hiện theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thảo luận và kết luận theo đa số.

Nội dung nguyên tắc trên đây được thể hiện:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra chủ chương, tiêu chuẩn, quy chế, các quy định về công tác tổ chức, cán bộ trong hệ thống chính trị, đồng thời thông qua các tổ chức và cán bộ trong cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước để thực hiện sự lãnh đạo của mình.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân công, phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ cho các tổ chức trong hệ thống chính trị, bảo đảm đúng các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của các đoàn thể và tổ chức kinh tế - xã hội; đồng thời tăng cường chế độ trách nhiệm tạo

chủ động cho các tổ chức, người đứng đầu trong công tác quản lý tổ chức và cán bộ.

- Những vấn đề chủ trương, chính sách đối với tổ chức, bộ máy, đánh giá, bố trí, tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật cán bộ phải do tập thể có thẩm quyền quyết định theo đa số. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm chính về công tác tổ chức, cán bộ, trường hợp có ý kiến khác nhau phải báo cáo lên cấp trên trực tiếp xem xét quyết định.

- Các cơ quan chức năng và cá nhân được phân công chuẩn bị các phương án để tập thể thảo luận quyết định phải chịu trách nhiệm về những ý kiến đề xuất của mình và phải nghiêm túc chấp hành các nghị quyết của tập thể về công tác tổ chức, cán bộ. Tổ chức cấp dưới phải chấp hành quyết định, nghị quyết của tổ chức cấp trên.

- Trong công tác tổ chức, cán bộ người điều hành chỉ được thực thi hành những vấn đề thuộc thẩm quyền đã được phân cấp và quyết định những vấn đề trong phạm vi quyền hạn của mình; không được lấy ý kiến cá nhân thay cho ý kiến của tập thể, quá trình chỉ đạo thực hiện nếu có vấn đề phát sinh phải báo cáo xin ý kiến tập thể.

Điều 2: Nội dung quản lý tổ chức, cán bộ bao gồm:

1. *Quản lý tổ chức bộ máy:* Gồm thành phần, giải thể, sáp nhập, khen thưởng, kỷ luật, bổ sung và thu gọn chức năng, chuyển giao nhiệm vụ...

2. *Quản lý cán bộ gồm:*

- Phân công, phân cấp quản lý tổ chức và cán bộ.
- Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.
- Đánh giá nhận xét.
- Tuyển chọn, bố trí, sử dụng, phân công công tác đối với cán bộ.
- Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm cán bộ.
- Khen thưởng, kỷ luật.
- Thực hiện chế độ chính sách, kiểm tra giải quyết khiếu nại.
- Quản lý hoạt động thường xuyên của cán bộ...

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN QUẢN LÝ TỔ CHỨC VÀ CÁN BỘ

Điều 3: Trách nhiệm, quyền hạn của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

a) Trách nhiệm, quyền hạn quản lý về tổ chức

- Lãnh đạo, quản lý hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành các đoàn thể tỉnh và doanh nghiệp nhà nước thông qua Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng và cấp ủy đảng. Lãnh đạo và quản lý hoạt động các ban Đảng, huyện, thị, đảng ủy trực thuộc tỉnh.

- Quyết định chủ trương, phương hướng xây dựng, củng cố các tổ chức, bộ máy trong hệ thống chính trị, bảo đảm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

b) Trách nhiệm, quyền hạn về quản lý cán bộ

- Đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương các quyết định quản lý đối với diện cán bộ thuộc Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương quản lý.

- Phân công công tác cho các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

- Quyết định những chủ trương, phương hướng và chế độ chính sách với đội ngũ cán bộ của tỉnh nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp tỉnh Lào Cai đủ về số lượng, nâng cao chất lượng.

- Nghị quyết về việc đề bạt, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, quy hoạch, điều động, luân chuyển, nhận xét, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật, cử đi học, đi nước ngoài và thực hiện chính sách đối với diện cán bộ Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

- Giúp Tỉnh ủy chuẩn bị nhân sự Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, các Phó Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy (khóa tiếp theo) để Ban Chấp hành giới thiệu với Đại hội đại biểu Đảng bộ Tỉnh ủy xem xét bầu cử. Giới thiệu nhân sự đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Quốc hội, nhân sự Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh để Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức bầu cử theo luật

định; giới thiệu nhân sự tham gia các chức vụ chủ chốt của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân cấp tỉnh để Đại hội bầu cử theo Điều lệ của từng tổ chức chính trị.

- Chuẩn bị nhân sự đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng chỉ định bổ sung Tỉnh ủy viên, giới thiệu bầu bổ sung Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

- Quyết định kiểm tra công tác tổ chức, cán bộ của các cấp ủy, tổ chức đảng trong phạm vi địa bàn tỉnh.

- Chuẩn y Ban Chấp hành, Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên Thường vụ, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra các huyện, thị và đảng ủy trực thuộc. Chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ; khi cần thiết chỉ định Bí thư, Phó Bí thư Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, thị và đảng ủy trực thuộc.

- Trao đổi với Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn ở các cơ quan Trung ương về bố trí, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm các chức danh giám đốc, phó giám đốc sở và tương đương (kể cả cơ quan Trung ương sinh hoạt đảng tại địa phương).

- Đề nghị Đảng ủy Quân sự, Đảng ủy Công an Trung ương và Đảng ủy Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng về bố trí cán bộ chủ chốt của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh và Bộ đội Biên phòng tỉnh.

c) Danh mục tổ chức, cán bộ do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý

** Danh mục tổ chức:*

Xét duyệt đề nghị quyết về việc thành lập, giải thể, sáp nhập, chuyển giao nhiệm vụ của các tổ chức sau:

- + Có nghị quyết để báo cáo Trung ương Đảng, Chính phủ về cơ cấu, tổ chức của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh.

- + Các Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng.

- + Các ban đảng, cơ quan Đảng thuộc Tỉnh ủy, báo Lào Cai, Trường Chính trị tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong hệ thống chính trị cấp tỉnh.

- + Các sở, ban, ngành và tương đương trực thuộc tỉnh.

- + Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã.
- + Trường Cao đẳng Sư phạm, Trường Trung học kinh tế kỹ thuật, Bệnh viện tỉnh, Bệnh viện điều dưỡng phục hồi chức năng, Trường Trung học Y tế, Hội hữu nghị với các nước, Hội đồng liên minh các hợp tác xã và các doanh nghiệp vừa và nhỏ của tỉnh.
- + Doanh nghiệp nhà nước hạng I, II (...).
- * Chức danh cán bộ:
 - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh.
 - Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, trưởng, phó các ban Đảng, cơ quan Đảng thuộc Tỉnh ủy, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và trưởng, phó các đoàn thể trong hệ thống chính trị cấp tỉnh.
 - Giám đốc, phó giám đốc các sở, ban, ngành cấp tỉnh và tương đương.
 - Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm, Trường Trung học kinh tế kỹ thuật, Trường Trung học Y tế, Giám đốc, Phó giám đốc Bệnh viện tỉnh, Bệnh viện điều dưỡng phục hồi chức năng.
 - Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng, Chủ nhiệm Chính trị, Tham mưu trưởng, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ đội Biên phòng tỉnh, Giám đốc, Phó Giám đốc Công an tỉnh.
 - Trưởng, Phó ban Hội đồng nhân dân tỉnh.
 - Bí thư, phó bí thư huyện, thị và đảng ủy trực thuộc.
 - Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã.
 - Ủy viên Ban Thường vụ huyện, thị và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy.
 - Chủ tịch, phó chủ tịch các tổ chức hữu nghị với các nước, Hội đồng liên minh các hợp tác xã các doanh nghiệp vừa và nhỏ của tỉnh, Trưởng ban đại diện người cao tuổi tỉnh Lào Cai.
 - Đại biểu Quốc hội đương nhiệm, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đương nhiệm.

- Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, thẩm phán Tòa án nhân dân tỉnh; kiểm sát viên trở lên thuộc Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh.

- Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, cán bộ lão thành cách mạng và cán bộ tiền khởi nghĩa.

- Thầy thuốc, Nhà giáo, Nghệ sĩ nhân dân; Nhà giáo, Nghệ sĩ, Thầy thuốc ưu tú.

- Tiến sĩ, thạc sĩ.

- Giám đốc doanh nghiệp hạng I, II; giám đốc, phó giám đốc doanh nghiệp nhà nước có vốn đầu tư nước ngoài người Việt Nam. (Căn cứ vào vốn góp, phía Việt Nam có thể là giám đốc và phó giám đốc).

- Xét duyệt cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đi nghiên cứu, học tập, tham quan, nước ngoài, thời gian từ 3 tháng trở lên.

- Cán bộ nằm trong quy hoạch các chức danh lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh, sở, ban, ngành và huyện, thị.

Điều 4: Ban Thường vụ Tỉnh ủy ủy quyền cho Thường trực Tỉnh ủy quản lý tổ chức và cán bộ như sau:

1. Tổ chức bộ máy

- Xét duyệt để cho phép thành lập, giải thể hoặc chuyển giao nhiệm vụ các phòng, ban thuộc các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị cấp tỉnh, ban chuyên môn thuộc huyện, thị ủy; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong hệ thống chính trị cấp huyện, thị.

- Xem xét thành lập các Ban chỉ đạo thực hiện các chương trình, dự án, các nhiệm vụ theo chuyên đề mà nhân sự Ban chỉ đạo có cơ cấu lãnh đạo, sở, ban, ngành, huyện, thị.

2. Chức danh cán bộ

- Ủy viên Ban Chấp hành các Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy (trừ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý).

- Ủy viên Thường trực Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Ủy viên Thường vụ, Hội Nông dân tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Tỉnh Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Tỉnh Hội Phụ nữ, Hội Chữ thập đỏ, Hội Văn học - Nghệ thuật.

- Xếp lương chức vụ bầu cử diện cán bộ Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

- Xếp lương cho cán bộ thi nâng ngạch từ chuyên viên lên chuyên viên chính (kể cả mức lương do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý).

- Chỉ định bổ sung bí thư, ủy viên Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng.

- Xét duyệt cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đi công tác, học tập ở nước ngoài dưới 3 tháng.

- Chuyên viên chính (hoặc ngạch tương đương), nam có hệ số mức lương từ 3.91 trở lên, nữ có hệ số mức lương từ 3,63 trở lên, nữ dân tộc ít người có hệ số lương từ 3,35 trở lên.

- Xét duyệt các chức danh cán bộ, công chức Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (đương chức và dự bị) đi học các trường: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Phân viện Hà Nội, Phân viện Báo chí tuyên truyền, Học viện Hành chính quốc gia...

Điều 5: Các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng trực thuộc tỉnh có trách nhiệm.

- Chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy việc lãnh đạo các sở, ban, ngành tỉnh thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác tổ chức và cán bộ trong phạm vi được phân công, phân cấp.

- Lãnh đạo thực hiện việc tuyển chọn, bố trí công tác, quy hoạch, đào tạo - bồi dưỡng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện chính sách với diện cán bộ được phân cấp.

- Đề nghị Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhận xét, đánh giá, bố trí phân công, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, giới thiệu ứng cử... các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý công tác tại các cơ quan, đơn vị có Đảng Đoàn, Ban cán sự Đảng.

Điều 6: Trách nhiệm, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh.

a) Về tổ chức bộ máy

- Quản lý nhà nước đối với các hoạt động của các sở, ban, ngành, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã theo đúng chức năng, nhiệm vụ được pháp luật quy định. Quản lý nhà nước đối với

các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp theo đúng quy định của pháp luật.

- Nghiên cứu, chuẩn bị tờ trình về việc thành lập, sáp nhập, giải thể chuyển giao nhiệm vụ... các tổ chức, bộ máy Khối Nhà nước trong danh mục Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý để Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét cho chủ trương, định hướng quản lý.

b) Về cán bộ

- Chỉ đạo các cơ quan chức năng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý cán bộ, công chức, viên chức công tác trong các cơ quan hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước.

- Có trách nhiệm nhận xét, đánh giá và làm thủ tục đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm điều chuyển... cán bộ, công chức công tác trong các cơ quan hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước thuộc danh mục chức danh cán bộ Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

c) Danh mục tổ chức, cán bộ do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý

** Về tổ chức:*

- Căn cứ vào thông báo nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định thành lập, giải thể, sáp nhập... các tổ chức, bộ máy Khối Nhà nước trong danh mục quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Quyết định chức năng, nhiệm vụ cơ cấu tổ chức, bộ máy, chỉ tiêu biên chế cho các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị; quyết định thành lập các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh, ngành như:

+ Trường công nhân kỹ thuật, dạy nghề, trường trung học phổ thông.

+ Các chi cục, trung tâm (đơn vị sự nghiệp) trực thuộc sở, ban, ngành và trực thuộc tỉnh.

+ Doanh nghiệp nhà nước hạng III, IV phối hợp với các ngành dọc Trung ương quản lý các doanh nghiệp Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

+ Các tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức phi chính phủ.

+ Các tổ chức kinh tế ngoài quốc doanh.

* Chức danh cán bộ:

- Căn cứ thông báo nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra quyết định về việc đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm luân chuyển... đối với cán bộ, công chức công tác trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước thuộc danh mục quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Trực tiếp quyết định các chức danh sau:

+ Phó giám đốc, kế toán trưởng doanh nghiệp hạng I, II.

+ Giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng các doanh nghiệp nhà nước hạng III, IV.

+ Giám đốc, phó giám đốc, hiệu trưởng, hiệu phó các trường chuyên nghiệp dạy nghề (trừ Trường Trung học kinh tế kỹ thuật, Trường Cao đẳng Sư phạm, Trường Trung học Y tế, Bệnh viện tỉnh, Bệnh viện điều dưỡng phục hồi chức năng), hiệu trưởng trường trung học phổ thông và trưởng các đơn vị sự nghiệp, trực thuộc sở, ban, ngành trong Khối Nhà nước.

- Chuyên gia, các cử nhân, kỹ sư, bác sĩ đã qua công tác thực tế được tập thể công nhận có chuyên môn nghiệp vụ cao, thợ bậc cao 7/7, thợ lành nghề tương đương 7/7, nghệ nhân.

Điều 7: Trách nhiệm, quyền hạn của sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

a) Trách nhiệm quản lý về tổ chức

- Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý hoạt động đối với các phòng, đơn vị thuộc sở, ban, ngành. Hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ và phối hợp với các huyện, thị xã. Hướng dẫn về chuyên môn cho các doanh nghiệp nhà nước thuộc lĩnh vực của sở, ban, ngành.

- Tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh về thành lập, sáp nhập, giải thể... các đơn vị trực thuộc sở thuộc quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Quyết định thành lập, giải thể, sáp nhập... các phòng, ban, đơn vị thuộc thẩm quyền quyết định của sở khi có ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực chuyên ngành.

b) Trách nhiệm quản lý cán bộ

- Thực nhiệm quản lý cán bộ được phân cấp, trước khi ra quyết định đối với cán bộ thuộc quyền quản lý giám đốc sở, ban, ngành phải đưa ra tập thể Ban cán sự Đảng bàn bạc thống nhất. Nếu chưa có sự thống nhất phải báo cáo trên trực tiếp xem xét quyết định.

- Có ý kiến đề xuất với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động... cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý công tác ở sở, ban, ngành.

- Có ý kiến đánh giá nhận xét, kiến nghị với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề bạt, bổ nhiệm, giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng các doanh nghiệp nhà nước thuộc lĩnh vực chuyên ngành của sở, ban, ngành.

c) Danh mục tổ chức cán bộ do sở, ban, ngành quản lý

* Danh mục tổ chức:

- Phòng, ban chuyên môn thuộc sở, ban, ngành.

- Quản lý hoạt động các chi cục, trung tâm... thuộc sở, ban, ngành.

- Các tổ chức cộng quản: Các phòng, ban chuyên môn theo ngành dọc ở cấp huyện, thị xã giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp khác theo chuyên ngành và lĩnh vực chuyên môn của sở, ban, ngành.

* Danh mục cán bộ:

- Trưởng, phó phòng, ban chuyên môn, cán bộ, công chức thuộc cơ quan sở, ban, ngành.

- Phó giám đốc các đơn vị sự nghiệp cán bộ, công chức các đơn vị thuộc sở, ban, ngành.

Điều 8: Ban tổ chức chính quyền tỉnh.

Với chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tổ chức, bộ máy cán bộ, công chức nhà nước, việc lập hội quần chúng và các tổ chức khác. Thực hiện nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 9: Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh.

a) Trách nhiệm quản lý về tổ chức

- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh trực tiếp quản lý các phòng, ban chuyên môn thuộc cơ quan Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể cấp tỉnh và quản lý các tổ chức cơ sở của Mặt trận Tổ quốc, của các đoàn thể theo quy định của Điều lệ từng tổ chức.

- Phối hợp với các huyện, thị để quản lý hoạt động, xây dựng tổ chức, bộ máy của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện, thị và cơ sở.

b) Trách nhiệm quản lý cán bộ

- Có ý kiến đề xuất với Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc quản lý các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý hoặc ủy quyền quản lý công tác tại Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể.

- Trực tiếp quản lý các chức danh cán bộ còn lại công tác tại cơ quan Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh.

- Phối hợp với các huyện, thị quản lý các chức danh cán bộ lãnh đạo của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện, thị.

c) Danh mục tổ chức, cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh quản lý

** Danh mục tổ chức:*

- Căn cứ hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh quyết định thành lập, sáp nhập... các phòng, ban... chuyên môn thuộc cơ quan Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh khi đã có ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy.

- Phối hợp với các huyện, thị ủy quản lý Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị huyện, thị.

- Tổ chức cơ sở của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể theo quy định của Điều lệ.

** Danh mục cán bộ:*

- Chuẩn y, chỉ định bổ sung thành viên, Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ và các chức danh lãnh đạo chủ chốt của Mặt

trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện, thị và tương đương theo quy định của Điều lệ từng đoàn thể.

- Trực tiếp quản lý trưởng, phó phòng, ban chuyên môn và cán bộ, công chức thuộc cơ quan Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh.

Điều 10: Ban Thường vụ huyện, thị, đảng ủy trực thuộc (trừ Đảng ủy các cơ quan tỉnh).

a) Trách nhiệm quản lý tổ chức

- Ban Thường vụ huyện, thị, đảng ủy trực thuộc căn cứ hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh xem xét và có nghị quyết về việc thành lập, giải thể, sáp nhập... các ban, cơ quan thuộc huyện, thị, đảng ủy trực thuộc, các phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị, đảng ủy trực thuộc; Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện. Sau đó đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp trên cho ý kiến.

- Có nghị quyết về thành lập, sáp nhập, chia tách các xã, phường, thị trấn, thôn, bản đề nghị cơ quan cấp trên có thẩm quyền xem xét quyết định.

- Quyết định thành lập, sáp nhập, điều chuyển... các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc huyện, thị, đảng ủy trực thuộc.

- Trao đổi với các ngành ở tỉnh, Trung ương về việc thành lập, sáp nhập, giải thể... các tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn huyện, thị.

b) Trách nhiệm quản lý cán bộ

- Đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét đề bạt, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, quy hoạch, điều động, luân chuyển, nhận xét, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật, thực hiện chính sách... với diện cán bộ Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý công tác ở huyện, thị, đảng ủy trực thuộc.

- Quản lý cán bộ được phân cấp ở huyện, thị, đảng ủy trực thuộc theo danh mục dưới đây.

- Phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ cho cấp ủy cấp dưới và các tổ chức, cơ quan nhà nước thuộc huyện, thị.

- Phối hợp với các cơ quan ngành dọc ở tỉnh để quản lý cán bộ, công chức thuộc ngành dọc công tác ở huyện, thị.

(Riêng các đảng ủy trực thuộc tỉnh thuộc lực lượng vũ trang thì việc quản lý tổ chức, cán bộ thực hiện theo phân cấp này và phân cấp của ngành dọc Trung ương).

- Chuẩn y, chỉ định bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, ủy viên Ban Thường vụ, bí thư, phó bí thư các cấp ủy trực thuộc theo quy định của Điều lệ Đảng.

- Chỉ định bổ sung, chuẩn y ủy viên, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra của cấp ủy trực thuộc theo quy định của Điều lệ Đảng.

a) Danh mục tổ chức, cán bộ do huyện, thị, đảng ủy trực thuộc quản lý

* Danh mục tổ chức:

11 huyện, thị gồm các tổ chức sau:

- Khối Đảng, đoàn thể:

+ Văn phòng huyện, thị ủy, Ban Tổ chức, Ủy ban Kiểm tra, Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận tôn giáo, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và 5 đoàn thể (Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Hội Phụ nữ; Hội nông dân; Liên đoàn Lao động; Hội Cựu chiến binh), Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện.

+ Tổ chức cơ sở đảng trực thuộc huyện, thị ủy.

- Khối Hành chính sự nghiệp ở huyện, thị gồm: Các phòng, ban và tương đương trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã.

- Các tổ chức theo ngành dọc đóng tại huyện, thị: Tòa án, Viện Kiểm sát nhân dân, Công an, Quân sự, Biên phòng, Phòng Thống kê, Bảo hiểm xã hội, Kho bạc, Ngân hàng, Bưu điện, Kiểm lâm, Thuế và một số đơn vị, doanh nghiệp của tỉnh đóng ở huyện, thị xã.

- Các xã, phường, thị trấn và thôn, bản thuộc huyện, thị xã.

(Đối với các đảng ủy trực thuộc quản lý các tổ chức tương đương như huyện, thị ủy).

* Danh mục cán bộ do huyện, thị ủy quản lý.

- Trưởng, phó phòng và tương đương thuộc huyện, thị, đảng ủy trực thuộc.

- Cán bộ, công chức công tác ở huyện, thị, đảng ủy trực thuộc.

Điều 11: Đảng ủy cơ quan tỉnh.

a) Trách nhiệm quản lý tổ chức

- Quản lý các tổ chức cơ sở đảng cấp dưới theo quy định của Điều lệ Đảng.

- Trực tiếp quản lý các ban Đảng trực thuộc Đảng ủy các cơ quan tỉnh.

- Lãnh đạo mọi mặt hoạt động đối với các đoàn thể các cơ quan tỉnh.

b) Trách nhiệm quản lý cán bộ

- Tuyển chọn, quy hoạch đào tạo, đề bạt bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật... đối với trưởng, phó phòng, ban và toàn bộ cán bộ, công chức công tác tại cơ quan Đảng ủy, các cơ quan tỉnh.

- Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy để giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy đánh giá nhận xét các đảng viên giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý công tác tại các cơ quan tỉnh thuộc diện cán bộ Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý khi có yêu cầu.

Chương III

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CÁC BAN ĐẢNG TRỰC THUỘC TỈNH ỦY

Điều 12: Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

a) Với chức năng nhiệm vụ được giao

1. Nghiên cứu đề xuất với Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương, kế hoạch xây dựng Đảng về tổ chức, cán bộ; chuẩn bị hoặc tham gia chuẩn bị các quyết định của Đảng về các mặt công tác nói trên; thẩm định các đề án về tổ chức, cán bộ trước khi trình Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Hướng dẫn các ban của Đảng, Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, huyện, thị ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh thực hiện các chủ trương, đường lối chỉ thị, nghị quyết của Đảng và của Tỉnh ủy về công tác tổ chức, cán bộ.

3. Kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, các quyết định của Đảng và cấp ủy về công tác tổ chức, cán bộ.

4. Thực hiện một số việc cụ thể do Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao

b) Các đơn vị và chức danh cán bộ do Ban Tổ chức Tỉnh ủy trực tiếp quản lý

* Về đơn vị: Có ý kiến bằng văn bản về quản lý các tổ chức cơ sở đảng theo quy định của Điều lệ Đảng. Trực tiếp quản lý các phòng trực thuộc Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

* Về cán bộ:

- Có ý kiến bằng văn bản đề làm cơ sở bầu bổ sung, chỉ định... các chức danh là thành viên, Ủy viên Ban Chấp hành, (Trừ ủy viên Thường trực, ủy viên Ban Thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch, bí thư, phó bí thư) Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể như: Tỉnh đoàn, Hội Nông dân tỉnh, Tỉnh Hội Phụ nữ, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Cựu chiến binh, Hội Văn học - Nghệ thuật, Hội Chữ thập đỏ tỉnh.

- Trưởng, phó phòng và toàn thể cán bộ, công chức công tác tại cơ quan Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

Điều 13: Ủy ban Kiểm tra và các ban Đảng Tỉnh ủy.

- Có trách nhiệm giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy nắm tình hình và kiểm tra thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và của Trung ương về công tác tổ chức và cán bộ.

- Tham gia phối hợp với các ban Tổ chức Tỉnh ủy đề xuất, phát hiện những cán bộ, công chức có đủ tiêu chuẩn bố trí vào các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, kể cả cán bộ dự bị cho các chức danh này.

- Quyết định về công tác tổ chức, cán bộ theo sự phân cấp quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thuộc phạm vi đơn vị quản lý, cụ thể: Các phòng chuyên môn, trưởng, phó phòng, cán bộ, công chức tại Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các ban Đảng Tỉnh ủy.

Chương IV

QUY ĐỊNH VỀ GIẢI QUYẾT MỘT SỐ QUAN HỆ TRONG CÔNG TÁC TỔ CHỨC - CÁN BỘ

Điều 14: Quan hệ với các cơ quan Trung ương.

a) *Về quản lý tổ chức:* Khi tiến hành thành lập, chia tách, sáp nhập, giải thể... tổ chức bộ máy, căn cứ tính chất, quy mô của tổ chức, thẩm quyền quyết định với tổ chức đó để cấp ủy hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản trao đổi, đề nghị bộ, ban, ngành, Ban Bí thư và Thủ tướng Chính phủ ra quyết định hoặc có ý kiến chỉ đạo.

b) *Về quản lý cán bộ:*

- Đối với cán bộ lãnh đạo thuộc ngành dọc quản lý công tác tại địa phương:

+ Khi cơ quan ngành dọc Trung ương có nhu cầu điều động, luân chuyển, bổ nhiệm... Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn cơ quan Trung ương trao đổi ý kiến với Ban Thường vụ Tỉnh ủy bằng văn bản.

+ Khi Tỉnh ủy có nhu cầu điều động cán bộ chủ chốt do ngành dọc quản lý sang công tác tại các cơ quan của tỉnh, thì Ban Thường vụ Tỉnh ủy có văn bản thỏa thuận với Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng các cơ quan ngành dọc Trung ương.

- Đối với các chức vụ giám đốc, trưởng các ban, ngành, đoàn thể tỉnh.

+ Trước khi bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển... Ban Thường vụ Tỉnh ủy có văn bản thỏa thuận với Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, bộ, ban, ngành Trung ương để xin ý kiến.

+ Các cơ quan Trung ương có nhu cầu điều động cán bộ đang giữ chức vụ giám đốc sở, trưởng các ban, ngành, đoàn thể của tỉnh đi công tác ngoài tỉnh từ 1 tháng trở lên hoặc chuyển công tác khác thì trao đổi với Ban Thường vụ Tỉnh ủy bằng văn bản.

Điều 15: Giải quyết một số quan hệ trong nội dung quản lý cán bộ.

1. *Công tác đào tạo, bồi dưỡng*

- Cuối năm Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Ban Tổ chức chính quyền tỉnh có trách nhiệm tổng hợp việc thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng

trong năm, lập kế hoạch đào tạo - bồi dưỡng ở tỉnh năm sau, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến.

- Diện cán bộ, công chức, Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân cấp cho các ngành, các huyện, thị và đảng ủy trực thuộc, căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ quy hoạch, chỉ tiêu chiêu sinh của cấp có thẩm quyền để xét duyệt cho cán bộ, công chức đi học, đảm bảo đúng đối tượng, tiêu chuẩn.

- Đối với các lớp đào tạo - bồi dưỡng tập trung ở các sở, ban, ngành căn cứ vào thông báo chiêu sinh lập danh sách cử cán bộ đi học gửi về Ban Tổ chức Tỉnh ủy (đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, quản lý nhà nước) để tiến hành xét duyệt, làm thủ tục mở lớp theo quy định.

2. Về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và miễn nhiệm cán bộ

Hết thời hạn giữ chức vụ được bổ nhiệm lại theo quy định, phải xem xét bổ nhiệm lại hoặc không bổ nhiệm lại.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy xét duyệt bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và miễn nhiệm cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

- Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh xét duyệt bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và miễn nhiệm cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân cấp và quyết định với các đối tượng cán bộ khác khi có thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng các sở, ban, ngành, huyện, thị ủy xét duyệt bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và miễn nhiệm cán bộ, công chức được phân cấp. Khi bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và miễn nhiệm cán bộ chức danh trưởng, phó phòng, ban và tương đương, nhất thiết phải có văn bản trao đổi với Ban Tổ chức Tỉnh ủy (đối với cán bộ, công chức Khối Dân, Đảng); Ban Tổ chức chính quyền (đối với cán bộ, công chức Khối Nhà nước và các doanh nghiệp nhà nước).

3. Về luân chuyển, điều động, tiếp nhận và giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo cán bộ, công chức

- Luân chuyển cán bộ.

Thực hiện luân chuyển cán bộ, công chức từ các ngành của tỉnh về các huyện, thị; từ huyện, thị sang huyện, thị và tỉnh... Căn cứ vào yêu

cầu nhiệm vụ, năng lực sở trường của cán bộ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, huyện, thị, đảng ủy lập quy hoạch, kế hoạch luân chuyển cán bộ đương chức và dự nguồn được phân cấp quản lý.

Các ban, ngành, huyện, thị, đảng ủy trực thuộc căn cứ hướng dẫn của cấp trên quyết định việc luân chuyển cán bộ, công chức thuộc diện quản lý. Khi cần thiết Ban Thường vụ Tỉnh ủy hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh có thể trực tiếp quyết định việc điều động, luân chuyển trưởng, phó phòng, cán bộ, công chức thuộc diện sở, ban, ngành, huyện, thị quản lý. Nếu luân chuyển phải có văn bản trao đổi với Ban Tổ chức Tỉnh ủy (cán bộ, công chức Khối Dân, Đảng) với Ban Tổ chức chính quyền tỉnh (cán bộ, công chức Khối Hành chính sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước).

Điều động, tiếp nhận cán bộ:

Việc điều động, tiếp nhận cán bộ do thủ trưởng các sở, ban, ngành, huyện, thị quyết định trên cơ sở nhu cầu, tiêu chuẩn cán bộ và biên chế được giao. Trước khi điều động, tiếp nhận có sự trao đổi thống nhất với Ban Tổ chức Tỉnh ủy (cán bộ, công chức Khối Dân, Đảng), Ban Tổ chức chính quyền tỉnh (cán bộ công chức Khối Nhà nước). Nếu là cán bộ của tỉnh quản phải báo cáo để tỉnh quyết định.

Việc tiếp nhận cán bộ, công chức ngoài tỉnh đến và điều động cán bộ, công chức trong tỉnh đi ngoài tỉnh, phải làm các thủ tục qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy (nếu là cán bộ, công chức Khối Dân, Đảng) hoặc Ban Tổ chức chính quyền tỉnh (nếu là cán bộ, công chức Khối Nhà nước).

- Giải quyết đơn thư đối với cán bộ, công chức diện điều động, luân chuyển nếu có đơn thư khiếu nại, tố cáo phải để xác minh kết luận mới điều động, luân chuyển. Việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo với cán bộ, công chức thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Tuyển chọn cán bộ, công chức

- Việc tuyển chọn cán bộ, công chức hành chính nhà nước, cơ quan Đảng và các đoàn thể trong hệ thống chính trị thực hiện theo quy định của Đảng và Nhà nước, trên cơ sở nguyên tắc đảm bảo tiêu

chuẩn, trọng dụng nhân tài và nâng cao chất lượng cán bộ, công chức (trường hợp người dân tộc thiểu số ở tỉnh khi tuyển chọn để sử dụng có quy định riêng).

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Ban Tổ chức chính quyền tỉnh tham mưu giúp cho Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu biên chế, quản lý số lượng biên chế. Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, số lượng biên chế được giao các sở, ban, ngành, huyện, thị và đảng ủy trực thuộc phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tổ chức chính quyền tỉnh để tổ chức thi tuyển công chức, khi có kết quả thi tuyển căn cứ chỉ tiêu biên chế được duyệt sở, ban, ngành, huyện, thị và đảng ủy trực thuộc trao đổi thống nhất Ban Tổ chức Tỉnh ủy (Khối Đảng, Đoàn thể) với Ban Tổ chức chính quyền tỉnh (Khối Hành chính sự nghiệp), sau đó ra quyết định tuyển dụng.

5. Giải quyết chế độ cho cán bộ, công chức nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động và cho thôi việc

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy xét duyệt, giải quyết cho cán bộ, công chức thuộc diện Tỉnh ủy quản lý.

- Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, huyện, thị và đảng ủy trực thuộc quyết định cho cán bộ, công chức nghỉ hưu, nghỉ mất sức và nghỉ thôi việc theo quy định hiện hành, có văn bản gửi về: Ban Tổ chức Tỉnh ủy (Khối Dân, Đảng), Ban Tổ chức chính quyền tỉnh (Khối Nhà nước) để điều chỉnh tăng giảm biên chế.

6. Xếp lại lương và nâng lương

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy xét duyệt xếp lương và nâng lương cho cán bộ, công chức diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp và Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

- Các sở, ban, ngành, huyện, thị và đảng ủy trực thuộc căn cứ và quy định xếp lương và nâng lương thường xuyên của Ban Tổ chức Trung ương và Ban Tổ chức cán bộ Chính phủ. Lập danh sách thống nhất với Ban Tổ chức Tỉnh ủy (Khối Đảng, Đoàn thể), Ban Tổ chức chính quyền tỉnh (Khối Nhà nước). Sau khi được duyệt Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tổ chức chính quyền tỉnh thông báo để các cơ quan, đơn

vị theo chức năng thẩm quyền thực hiện và ký quyết định nâng lương, xếp lại lương cho từng cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền đồng thời chịu trách nhiệm về các quyết định đã ký, báo cáo kết quả thực hiện với Ban Tổ chức Tỉnh ủy (Khối Dân, Đảng), Ban Tổ chức chính quyền (Khối Nhà nước) để theo dõi.

7. Khen thưởng và kỷ luật cán bộ, công chức

- Về khen thưởng cán bộ, công chức

+ Hội đồng thi đua, khen thưởng cả tỉnh tổng hợp việc xét khen thưởng cho tổ chức và cán bộ, công chức theo định kỳ hàng năm và từng thời kỳ (đối với tổ chức, cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý) báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến.

Các sở, ban, ngành, huyện, thị và đảng ủy trực thuộc xét duyệt khen thưởng cho cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý, đồng thời đề nghị cấp trên xét khen thưởng với những hình thức thuộc thẩm quyền của cấp trên.

- Về kỷ luật cán bộ, công chức: Cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý của cấp nào do cấp đó quyết định hình thức kỷ luật tùy tính chất và nội dung vi phạm. Đối với cán bộ, công chức diện tỉnh quản lý công tác ở các đơn vị khi vi phạm kỷ luật đơn vị có trách nhiệm đề nghị cấp trên xem xét kỷ luật.

8. Cử cán bộ đi học tập, nghiên cứu, tham quan, nước ngoài

Các Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn, sở, ban, ngành, huyện, thị và đảng ủy trực thuộc xét đề nghị diện cán bộ được phân cấp để báo cáo Thường trực Tỉnh ủy xét duyệt, sau khi có ý kiến hoặc quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh mới được thực hiện.

9. Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức

Thực hiện theo đúng quy chế quản lý hồ sơ cán bộ do Ban Tổ chức Trung ương quy định.

10. Chế độ nhận xét cán bộ, công chức

- Nhận xét cán bộ, công chức tiến hành hàng năm, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhận xét diện cán bộ Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý. Diện cán bộ còn lại do Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn, lãnh đạo các

ngành, huyện, thị và đảng ủy trực thuộc nhận xét cán bộ, công chức theo đúng quy chế đánh giá cán bộ, công chức của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương và gửi báo cáo kết quả về Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Ban Tổ chức chính quyền tỉnh).

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16:

1. Các cấp, các ngành có trách nhiệm thực hiện đúng nội dung quyết định này.
2. Quá trình thực hiện nếu có vấn đề gì vướng mắc phản ánh kịp thời về Tỉnh ủy qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy để báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy nghiên cứu, điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 17:

1. Ban Tổ chức Tỉnh ủy giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy kiểm tra và hướng dẫn các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, sở, ban, ngành, huyện, thị và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy thực hiện đúng quy định phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ.
2. Những quy định trước đây trái với quy định này đều bãi bỏ.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 08-NQ/TU, ngày 3-12-2001

Về phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2001-2005

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa XII chỉ rõ: “Yêu cầu đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đòi hỏi phải có nguồn nhân lực tương xứng, nghĩa là cần phải có con người - một đội ngũ cán bộ có năng lực chuyên môn giỏi, có phẩm chất đạo đức tốt, vì mục đích lý tưởng của Đảng, vì hạnh phúc của nhân dân trên tất cả mọi lĩnh vực, như quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội, khoa học - kỹ thuật, xây dựng Đảng, đoàn thể và đội ngũ công nhân có tay nghề cao... phát triển nguồn nhân lực đồng bộ với chất lượng cao”.

Tuy nhiên, phát triển nguồn nhân lực là vấn đề mới và bao hàm nhiều nội dung. Xuất phát từ yêu cầu bức thiết nhiệm vụ chính trị của tỉnh, nên nghị quyết chỉ đề cập trong phạm vi: Cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị; đội ngũ cán bộ khoa học và công nhân kỹ thuật toàn tỉnh (gọi chung là lao động trong hệ thống chính trị). Trong đó, tập trung đào tạo và đào tạo lại về trình độ văn hóa, chính trị, chuyên môn, quản lý nhà nước và tin học cho cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến huyện; đào tạo cán bộ khoa học - kỹ thuật, công nhân kinh tế phục vụ theo hướng xã hội hóa. Tư tưởng chỉ đạo trong phát triển nguồn nhân lực hướng về cơ sở là chủ yếu (tập trung đào tạo bốn mặt: Văn hóa, chuyên môn, chính trị và quản lý nhà nước), nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, không chỉ

bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của tỉnh, các mục tiêu kinh tế - xã hội trong giai đoạn 2001-2005 do Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai đề ra, mà còn từng bước chuẩn bị nguồn nhân lực cho các giai đoạn tiếp theo.

Phần thứ nhất
THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ LAO ĐỘNG
TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TỈNH LÀO CAI

I. THỰC TRẠNG

Cán bộ, công nhân, viên chức trong hệ thống chính trị tỉnh Lào Cai hiện có 36.581 người; chiếm 13,1% lao động và chiếm 6% dân số toàn tỉnh.

1. Những mặt mạnh và tiến bộ

Từ khi tái lập tỉnh đến nay, tỉnh ta đã chú trọng đến sự phát triển của lực lượng lao động bằng việc đào tạo kiến thức và sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị, vì vậy đội ngũ cán bộ bước đầu đã đảm đương nhiệm vụ chính trị được giao.

- Sau 10 năm, trình độ dân trí được nâng lên, tỉnh Lào Cai đã đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ (tháng 5-2000); 95,55% dân số trong độ tuổi biết chữ; 56,8% số lao động được đào tạo nghề; 38,89% là lao động kỹ thuật; trong đó có 5.111 người có trình độ cao đẳng trở lên; 6.780 người có trình độ trung học chuyên nghiệp, 2.507 công nhân kỹ thuật.

- Chú trọng tới công tác đào tạo bồi dưỡng để phát triển nguồn nhân lực trong Trường Chính trị tỉnh, các Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện, thị xã và các trường chuyên nghiệp, dạy nghề. Đến nay toàn tỉnh đã đào tạo được: 6.330 lao động kỹ thuật; 2.127 người có trình độ cử nhân, cao, trung cấp chính trị và trên 8,4 vạn lượt người được bồi dưỡng các kiến thức khác.

- Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức ở các sở, ban, ngành tỉnh, về chuyên môn: 23% có trình độ trung cấp, 61% có trình độ đại học trở lên; về lý luận chính trị: 9,1 % có trình độ trung cấp, 9% có trình độ cao cấp, cử nhân; về trình độ khác: 36% có trình độ ngoại ngữ A, 37,2% có trình độ tin học A, 83,4% có trình độ cao trung cấp quản lý nhà nước.

Theo tiêu chí trên, ở phòng, ban khối huyện, thị xã về chuyên môn có tỷ lệ 71,2% và 7,6%; về chính trị 2,1% và 0,6%; ngoại ngữ, tin học, quản lý nhà nước: 0 7% - 0,3% - 7,3%.

Đối với 8 chức danh chủ chốt cấp cơ sở, về chuyên môn có tỷ lệ 6,7% và 0,6%, về chính trị có tỷ lệ 32% và 0,6%, về quản lý nhà nước là 4,9%.

- Tỉnh đã có nhiều cố gắng trong việc đào tạo, sắp xếp cán bộ người dân tộc: Trong hệ thống chính trị có 17,9% lao động là người dân tộc thiểu số; về chuyên môn: 1,16% có trình độ trên đại học, 14,8% có trình độ đại học, 46,3% có trình độ trung cấp; về lý luận chính trị: 4% có trình độ cao cấp, cử nhân, 6% có trình độ trung cấp. Hiện nay 16 dân tộc đã có người thoát ly tham gia công tác.

- Đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật tăng nhanh về số lượng và chất lượng, từ chỗ toàn tỉnh không có người có trình độ trên đại học (1991) nay đã có 48 người, trong đó có 3 tiến sĩ, 45 thạc sĩ (2001), đội ngũ cao đẳng, đại học tăng 4 lần so với năm 1991.

Số lao động kỹ thuật trực tiếp tham gia sản xuất ở các trung tâm, chi cục, trạm trại, các doanh nghiệp nhà nước được tăng cường.

- Tỉnh đang từng bước sắp xếp bố trí lại cơ cấu lao động, theo cơ cấu kinh tế cơ cấu nhân lực, cơ cấu lao động kỹ thuật các vùng, các địa phương, trong đó tập trung cho cấp cơ sở.

2. Những tồn tại yếu kém

- Đội ngũ cán bộ cơ sở (cấp ủy, chính quyền, đoàn thể) bất cập về trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị: 83,7% cán bộ Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, 84,6% cán bộ hưởng phụ cấp cơ sở, 74,1% 4 chức danh chuyên môn xã có trình độ cấp

tiểu học và trung học cơ sở; với tiêu chí trên đối với trung cấp chuyên nghiệp là: 2,8%/1,9%/15,3%; đối với cao đẳng, đại học: 8,0%/5,4%/2,1 %; đối với lý luận chính trị cơ sở, trung cấp là 38,0%/20,6%/20,2%.

- Tỷ lệ cơ cấu trình độ đại học, cao đẳng/trung cấp/công nhân kỹ thuật (Tháp trình độ) ở tỉnh chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển; năm 1991 tỷ lệ trên là 1/4,63/1,17; năm 2000 là: 1/1,38/0,51 dẫn đến tình trạng ở một số ngành kinh tế thiếu cán bộ trung cấp và công nhân kỹ thuật.

- Phân bố lao động kỹ thuật không đồng đều giữa các vùng, đơn vị hành chính; 60,3% lao động có trình độ cao đẳng, đại học tập trung ở thị xã Lào Cai và Cam Đường, còn lại 39,7% làm việc ở 9 huyện (trong đó có huyện chỉ có 3,6% lao động có trình độ cao đẳng, đại học); trên 90% lao động có trình độ cao đẳng, đại học phân bố ở các cơ quan, đơn vị tỉnh và huyện.

- Cơ cấu lao động kỹ thuật trong các ngành nghề cũng không đồng đều. Gần 70% cán bộ có trình độ cao đẳng, đại học tập trung ở ngành khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn, lực lượng cán bộ khoa học - kỹ thuật phục vụ cho nông nghiệp, nông thôn chỉ chiếm gần 10%, đây là một trở ngại lớn trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh.

- Trong đào tạo có sự mất cân đối giữa các trình độ và ngành nghề. Kết quả đào tạo có xu hướng tăng nhanh lao động kỹ thuật có trình độ đại học, giảm dần số có trình độ trung học chuyên nghiệp; mặt khác, ngay trong một trình độ đào tạo cũng có sự bất hợp lý về cơ cấu ngành nghề, mất cân đối giữa các khu vực, đào tạo chỉ tập trung ở khu vực hành chính sự nghiệp.

- Là tỉnh có 67,01% dân số là dân tộc ít người, việc phân bố cán bộ dân tộc ít người ở các cấp, các ngành không đều và chiếm tỷ lệ thấp ở Khối Đảng, đoàn thể tỉnh, huyện thị xã, cán bộ, công chức là dân tộc ít người chiếm 25,8%; theo tỷ lệ trên, ở Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện, thị xã là 67,1% và 22,7%; ở sở, ban, ngành tỉnh: 11,0%; một số ban, ngành tỉnh nhất là ngành kinh tế rất ít cán bộ là dân tộc ít người. Mặt khác, cán bộ dân tộc chưa được bố trí hợp

lý, 40% còn làm trái ngành, nghề đào tạo; việc đào tạo gắn với sử dụng chưa được chặt chẽ, cho đến nay còn hơn 40 học sinh là người dân tộc tốt nghiệp các trường kinh tế kỹ thuật chưa có việc làm. Đối với cán bộ công chức là nữ trong hệ thống chính trị cũng nằm trong tình trạng trên, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý là nữ chỉ chiếm 8,4%.

- Đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ phục vụ trong các ngành trọng yếu còn thiếu nghiêm trọng như: Thủy lợi, Y tế, Giáo dục - Đào tạo, Giao thông, Giống cây trồng, Kiến trúc, Điện tử, Tin học... bản thân các ngành cũng thiếu chuyên gia, kỹ sư đầu ngành: đội ngũ công nhân kỹ thuật chưa đáp ứng được về số lượng và chất lượng.

- Các trường chuyên nghiệp còn hạn chế về cơ sở vật chất - kỹ thuật, chưa đa dạng ngành nghề đào tạo, thiếu số lượng và chưa chuẩn hóa đội ngũ giảng viên.

II. NHỮNG NGUYÊN NHÂN CHỦ YẾU

1. Mặt mạnh và tiến bộ

- Cấp ủy và chính quyền các cấp đã nhận thức đúng và tổ chức thực hiện có kết quả Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) về định hướng chiến lược giáo dục - đào tạo Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thông qua chương trình hành động cụ thể.

- Chú trọng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, gắn với thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Đã xây dựng quy hoạch tổng thể đội ngũ cán bộ toàn tỉnh.

- Có sự quan tâm của các cấp, các ngành trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, quản lý, sử dụng, sắp xếp lực lượng lao động.

2. Tồn tại, yếu kém

- Quy hoạch đào tạo cán bộ chưa đồng bộ từ khâu xây dựng tới phê duyệt ở các cấp ngành; có biểu hiện cử cán bộ đi học ở một số nơi không đúng đối tượng quy hoạch.

- Do phương thức đào tạo ở tỉnh chủ yếu là hình thức tại chức, tuy đáp ứng bước đầu về số lượng, song chất lượng cán bộ, công chức chưa bảo đảm, yếu về tác nghiệp, năng lực thực hành, do vậy, chưa đáp ứng cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế và 7 chương trình trọng tâm của tỉnh.

- Công tác quản lý nhân lực còn nhiều hạn chế, đào tạo chưa gắn với sử dụng, buông lỏng quản lý cơ cấu đào tạo; đào tạo nhân lực chưa bám sát cơ cấu kinh tế và lợi thế so sánh của tỉnh; chưa chú trọng nhiều tới đào tạo nghề, thực hành trên phương tiện lạc hậu nên chất lượng đào tạo chưa cao.

- Chậm ban hành các chính sách sử dụng nguồn nhân lực, phân bổ lao động, thu hút lao động có trình độ cao, khuyến khích nghiên cứu và ứng dụng khoa học - kỹ thuật, khuyến khích nâng cao trình độ đào tạo.

- Cơ chế, chính sách về tuyển dụng, đề bạt, sử dụng, đãi ngộ cán bộ, công chức còn nhiều hạn chế, chưa hợp lý.

- Các cơ quan quản lý nguồn nhân lực chưa nắm và quản lý đầu vào các trường chuyên nghiệp; chưa tham mưu để có khả năng dự báo, định hướng phát triển nguồn nhân lực kịp thời.

- Hệ thống tổ chức đảng, Nhà nước các cấp còn hạn chế về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ. Còn biểu hiện cục bộ trong công tác cán bộ nhất là ở cơ sở, dẫn đến tình trạng cán bộ được đào tạo song không được sử dụng.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

I. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị tỉnh Lào Cai phải hướng vào việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị, phát triển toàn diện; để phục vụ thiết thực các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Với quan điểm chỉ đạo: chăm lo công tác phát triển và sử dụng nguồn nhân lực gồm đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, đội ngũ điều hành sản xuất kinh

doanh, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, nghiên cứu khoa học - kỹ thuật và đào tạo công nhân kỹ thuật lành nghề, đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai (khóa XII) xác định.

2. Trên cơ sở quy hoạch, có kế hoạch đào tạo gắn với sắp xếp, sử dụng nguồn nhân lực, bám sát yêu cầu của nhiệm vụ chính trị của tỉnh mà trước tiên là phục vụ cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế và 7 chương trình công tác trọng tâm của Tỉnh ủy giai đoạn 2001 -2005.

3. Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực cho cơ sở, đào tạo nguồn cán bộ ở các thành phần dân tộc, cán bộ nữ.

4. Tích cực đào tạo để chuẩn bị đội ngũ cán bộ phục vụ cho việc tiếp cận nền kinh tế tri thức, đặc biệt trên lĩnh vực công nghệ tin học và công nghệ sinh học.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

1. Thông qua quy hoạch tổng thể đội ngũ cán bộ toàn tỉnh để xác định mục tiêu đào tạo và đào tạo lại về lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, quản lý nhà nước... cho lực lượng lao động.

a) Tập trung đào tạo đội ngũ cán bộ cơ sở, phấn đấu đến năm 2005:

- 90% cán bộ chủ chốt chính quyền cơ sở khu vực III có trình độ văn hóa tiểu học trở lên, 100% cán bộ chủ chốt chính quyền cơ sở vùng I và II có trình độ trung học cơ sở trở lên và đều được bồi dưỡng kiến thức lý luận chính trị và quản lý nhà nước.

- Trên 90 % 4 chức danh chuyên môn xã có trình độ trung cấp chuyên môn trở lên.

- Đưa 45 bác sĩ về xã.

- Từ 60-70% số hộ ở các vùng được tập huấn kỹ thuật khuyến nông, lâm ngư nghiệp.

- Mỗi xã phường, thị trấn chọn bố trí 2-3 cán bộ để cử đi học Đại học Nông nghiệp và Trung học Nông - lâm nghiệp bằng hình thức liên kết đào tạo với các trường Trung ương mở tại tỉnh Lào Cai để đến năm

2005 bằng việc điều động đào tạo mỗi xã có ít nhất 1 cán bộ đại học, 1-2 cán bộ trung cấp phục vụ cho phát triển kinh tế cơ sở.

b) Đối với cán bộ khoa học kỹ thuật:

Từng bước bố trí hợp lý lao động về quản lý, lao động kỹ thuật ở các vùng, ngành nghề; tập trung chủ yếu cho cấp cơ sở, cơ cấu kinh tế và 7 chương trình trọng tâm của tỉnh.

- Chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý ở các doanh nghiệp nhà nước. Đáp ứng đủ cán bộ khoa học - kỹ thuật có trình độ đại học chính quy chuyên ngành trong các ngành kinh tế trọng yếu.

c) Đối với công nhân kỹ thuật: Đáp ứng đủ số lượng công nhân kỹ thuật phục vụ cho các ngành kinh tế, các doanh nghiệp nhà nước và các thành phần kinh tế

2. Trên cơ sở tiêu chuẩn, năng lực, sở trường và yêu cầu của nhiệm vụ để bố trí cán bộ dân tộc thiểu số vào làm việc ở các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể cấp tỉnh, các cơ quan kinh tế, huyện, thị và các doanh nghiệp nhà nước. Chú trọng việc đào tạo gắn với sử dụng con em các dân tộc trong tỉnh.

3. Chuẩn hóa cán bộ lãnh đạo chủ chốt và dự nguồn diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trong độ tuổi quy định về chuyên môn, chính trị, quản lý nhà nước, tin học ở cấp tỉnh, huyện, thị và chuẩn hóa đội ngũ giáo viên các cấp. Từng bước chuẩn hóa cán bộ công chức Khối Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp.

Phần thứ ba **GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

1. Trên cơ sở thống kê, đánh giá đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị, đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật và công nhân, thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ theo nội dung Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) ở tất cả các ngành, các cấp thuộc hệ thống chính trị và tổng thể địa phương, nhằm bảo đảm tính liên tục gắn với yêu cầu, mục tiêu của từng giai đoạn.

2. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ hiện có trong hệ thống chính trị, cán bộ khoa học và công nhân kỹ thuật trong các ngành nghề kinh tế. Trong đó, đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở; bằng cách thông qua đề án luân chuyển cán bộ để sắp xếp lại số cán bộ đã được đào tạo chuyên môn làm đúng nghề (giải quyết sự mất cân đối cán bộ khoa học kỹ thuật giữa các ngành nghề), đưa cán bộ về cơ sở, để vừa nâng cao trình độ mọi mặt cho cán bộ cơ sở, giải quyết sự mất cân đối về trình độ giữa các vùng, các địa phương, vừa để rèn luyện và phát hiện những cán bộ vững vàng về phẩm chất chính trị và khả năng tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị. Mặt khác, về lâu dài trong khoảng thời gian luân chuyển cán bộ, mới có điều kiện đào tạo tại chỗ đội ngũ cán bộ cơ sở.

- Rà soát, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành. Thông qua kế hoạch đánh giá, bổ nhiệm lại cán bộ; căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, bố trí lại cán bộ phù hợp với năng lực sở trường.

3. Nâng cao chất lượng đào tạo

- Tăng cường cơ sở vật chất, ngân sách và đầu tư hợp lý cho các cơ sở đào tạo từ tỉnh đến huyện để mở rộng quy mô đào tạo, bồi dưỡng ngành nghề theo kế hoạch cho đội ngũ lao động, chăm lo xây dựng đội ngũ giáo viên trong các trường chính trị, cao đẳng, trung cấp, dạy nghề, công nhân kỹ thuật, trung tâm giáo dục thường xuyên, dân tộc nội trú có phẩm chất đạo đức, chuyên môn và kỹ năng sư phạm tốt; tăng cường hợp tác đào tạo ngành nghề với các trường chuyên nghiệp Trung ương.

- Đào tạo và đào tạo lại để cập nhật và nâng cao kiến thức cho cán bộ trong hệ thống chính trị, cán bộ khoa học, công nhân kỹ thuật.

4. Từng bước thực hiện chủ trương xã hội hóa công tác giáo dục đào tạo; đa dạng hình thức đào tạo gắn với nâng cao chất lượng đào tạo; khuyến khích phát triển mô hình đào tạo theo hình thức: Bán công, dân lập, tư thực và mời giáo viên giảng dạy để đào tạo lao động kỹ thuật cho các thành phần kinh tế và lao động xã hội.

- Đổi mới phương thức đào tạo, theo chương trình rút gọn nội dung đào tạo cán bộ cơ sở theo hướng vừa đào tạo văn hóa, vừa đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị và quản lý nhà nước cho từng loại cán bộ.

5. Gắn đào tạo với tuyển dụng. Hằng năm các cơ quan quản lý nguồn nhân lực cần nắm chắc diễn biến kết quả tuyển sinh, quá trình đào tạo và kết quả đào tạo chuyên nghiệp tại các trường Trung ương đối với số học sinh có hộ khẩu tại Lào Cai, đặc biệt con em các dân tộc; chuẩn bị các điều kiện tiếp nhận số học sinh, sinh viên này, ưu tiên tuyển dụng, sắp xếp việc làm cho con em các dân tộc. Xúc tiến hình thức ký liên kết đào tạo cán bộ khoa học - kỹ thuật giữa tỉnh với các trường đại học của Trung ương cung cấp cho các ngành kinh tế quan trọng thiếu lao động kỹ thuật.

- Chú trọng tuyển dụng học sinh, sinh viên tốt nghiệp các trường chuyên nghiệp chính quy. Hạn chế việc đào tạo cán bộ tại chức trong tỉnh (nếu có, phải thật cần thiết), trước mắt chỉ tập trung đào tạo cán bộ cơ sở về chuyên ngành nông - lâm nghiệp và phục vụ các chương trình, đề án trọng tâm của tỉnh.

6. Nâng cao chất lượng các trung tâm ứng dụng và nghiên cứu khoa học - kỹ thuật hiện có trong tỉnh như Trung tâm khuyến nông, Trung tâm giống và chuyển giao kỹ thuật nông nghiệp... bằng hình thức liên kết, liên doanh với các trung tâm trong nước và nước ngoài; có chính sách thu hút cán bộ khoa học - kỹ thuật và số học sinh, sinh viên mới tốt nghiệp về công tác ở những trung tâm này. Đẩy mạnh việc phổ cập tri thức cho người lao động; coi trọng và tăng cường công tác khuyến nông - lâm - ngư nghiệp; hướng dẫn áp dụng khoa học - công nghệ mới cho người nông dân nhất là ở vùng sâu, đặc biệt khó khăn. Xây dựng đội ngũ những người lao động có trình độ cao; hình thành các trung tâm hỗ trợ kỹ thuật thông tin cho các doanh nghiệp, dịch vụ phát triển kinh doanh, trung tâm giới thiệu việc làm cho người lao động.

7. Có chính sách thu hút cán bộ khoa học - kỹ thuật, các nghệ nhân, chuyên gia nghiên cứu, cán bộ khoa học đầu

ngành và đội ngũ công nhân có tay nghề cao đến làm việc tại Lào Cai; chính sách khuyến khích cán bộ khoa học - kỹ thuật tình nguyện về làm việc ở cơ sở, nhất là những xã đặc biệt khó khăn; chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với những người có tài năng; chính sách khuyến khích vật chất cho các tập thể, cá nhân thực hiện các đề tài, dự án, chương trình... nghiên cứu, ứng dụng phục vụ thiết thực cho phát triển kinh tế - xã hội địa phương và có hiệu quả kinh tế cao; chính sách ưu tiên con em các dân tộc ít người tốt nghiệp các trường chuyên nghiệp được sắp xếp, bố trí việc làm; chính sách khuyến khích tập thể cá nhân, các lực lượng xã hội tham gia công tác đào tạo nguồn nhân lực: thông qua hệ thống chính sách để tận dụng mọi năng lực, phát huy mọi tiềm năng của tập thể và cá nhân; làm cho mọi người có khả năng tiếp cận với tri thức, cống hiến, làm giàu cho bản thân và xã hội.

8. Xây dựng đề án giải quyết việc làm cho người lao động

9. Nâng cao chất lượng các cơ quan quản lý nguồn nhân lực

Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì cùng các ngành, ban chức năng làm tốt công tác xây dựng quy hoạch, sắp xếp tổ chức, quy mô, cơ cấu đào tạo, quản lý chất lượng cán bộ công chức cũng như xây dựng các chính sách; bảo đảm nắm chắc và đầy đủ số lượng, chất lượng, tình hình nguồn nhân lực hiện có. Căn cứ vào nhu cầu cán bộ từng ngành, từng vùng để dự báo, định hướng tham mưu giúp cấp ủy chính quyền các cấp trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, đáp ứng nhu cầu nhân lực trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Để thống nhất chỉ đạo và tham mưu cho Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh sẽ thành lập Ban chỉ đạo thực hiện các đề án cụ thể trong nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực thời kỳ 2001-2005.

10. Tiếp tục thực hiện đề án đổi mới, tinh giản biên chế Khối Đảng và Nhà nước đã được duyệt, sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với các doanh nghiệp nhà nước và các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn...

11. Xây dựng tiêu chuẩn các chức danh cán bộ Đảng, chính quyền, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở và doanh nghiệp nhà nước.

12. Nâng cao vai trò trách nhiệm của các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp đối với đào tạo nguồn nhân lực.

Phần thứ tư
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Phát triển nguồn nhân lực nói chung và trong hệ thống chính trị nói riêng ở tỉnh Lào Cai là xây dựng đội ngũ lao động ở tất cả các cấp, các ngành, các lĩnh vực đời sống xã hội phát triển toàn diện, có đầy đủ tiêu chuẩn, năng lực, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức có ý nghĩa quyết định để thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế - xã hội mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai đề ra, từng bước thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở địa phương.

Để Nghị quyết phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai giai đoạn 2001-2005 đạt được các mục tiêu đề ra, yêu cầu các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, các đoàn thể chính trị xã hội cần triển khai để cụ thể hóa thành các chương trình, đề án cho phù hợp với từng vùng, địa phương, từng ngành, chỉ đạo chặt chẽ và được thực hiện có hiệu quả.

Giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì phối hợp với Ban Tổ chức chính quyền, các ngành Giáo dục - Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính - Vật giá, Khoa học - Công nghệ và Môi trường có hướng dẫn cụ thể cho các cấp các ngành được thực hiện và định kỳ hằng năm, tham mưu cho Tỉnh ủy tiến hành sơ kết, rút kinh nghiệm.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH**

Số 09-NQ/TU, ngày 3-12-2001

Về công tác vận động quần chúng giai đoạn 2001 - 2005

Phần thứ nhất
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 8B BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG (KHÓA VI) VÀ NGHỊ QUYẾT 12
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY KHÓA XI**

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Trước tình hình thế giới đang có những diễn biến phức tạp, từ cuối năm 1989 đến đầu năm 1990, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ đã có những tác động rất lớn đến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân cả nước. Chính vì vậy, ngày 27-3-1990, tại kỳ họp lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI đã ra Nghị quyết chuyên đề về “Đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân” gọi tắt là Nghị quyết 8B.

Nghị quyết 8B Ban Chấp hành Trung ương khóa VI được triển khai trong hoàn cảnh tỉnh Lào Cai mới được tái lập từ 1-10-1991, với biết bao công việc bộn bề, thị xã Lào Cai và một số huyện lỵ phải xây dựng lại từ đầu, song hầu hết cán bộ, đảng viên và nhân dân phấn khởi, tin tưởng, quyết tâm xây dựng tỉnh Lào Cai.

1. Những thuận lợi cơ bản

Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh có truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái, khắc phục mọi khó khăn gian khổ để xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng của Đảng.

Được Trung ương Đảng, Chính phủ và các bộ, ban, ngành Trung ương quan tâm giúp đỡ trong việc xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh. Việc tái lập lại tỉnh Lào Cai đã đáp ứng được mong muốn của nhân dân và cán bộ và cũng tạo điều kiện để thực hiện chủ trương gần dân, sát cơ sở trong việc lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh với huyện và xã, phường. Đội ngũ cán bộ, công chức phấn khởi tin tưởng và có tinh thần khắc phục khó khăn, hăng hái xây dựng một tỉnh Lào Cai mới, mặt khác luôn trung thành và kiên định đường lối đổi mới của Đảng, với bản lĩnh chính trị vững vàng, năng động, sáng tạo, có quan điểm nhận thức đúng đắn về công tác vận động quần chúng, biết dựa vào dân, vì dân và được dân tin cậy.

2. Khó khăn

Bên cạnh những thuận lợi rất cơ bản nói trên, Lào Cai còn gặp không ít khó khăn như:

- Cơ sở hạ tầng: Điện, đường, trường, trạm rất thấp kém, vẫn còn 56 xã chưa có đường ô tô, chỉ có 4,7% xã, phường được phủ sóng truyền hình, 12 vạn người thiếu nước sinh hoạt, tỷ lệ phát triển dân số 3,5%, tỷ lệ đói nghèo còn ở mức cao chiếm 54,8%, số xã, phường có điện thấp sáng 13%. Trình độ dân trí thấp, toàn tỉnh còn 17 vạn người trong độ tuổi mù chữ.

- Các hủ tục lạc hậu chậm được khắc phục, tình trạng du canh, du cư, xâm canh còn khá phổ biến.

- Việc kẻ xấu lợi dụng trình độ dân trí thấp, đời sống khó khăn để tuyên truyền kích động, lôi kéo một bộ phận dân tộc Mông, Dao theo đạo trái phép, làm ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục và an ninh nông thôn.

- Đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị, nhất là cán bộ thuộc Khối Dân vận từ tỉnh đến cơ sở, vừa thiếu, vừa yếu chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, đặc biệt là các xã vùng đặc biệt khó khăn.

II. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 8B BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG (KHÓA VI) VÀ NGHỊ QUYẾT 12 BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY KHÓA XI

1. Quá trình triển khai thực hiện

Nhận thức rõ vai trò, vị trí của công tác vận động quần chúng trong tình hình mới, Tỉnh ủy Lào Cai thường xuyên chỉ đạo cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành, các đoàn thể tăng cường tuyên truyền, giáo dục đường lối, chủ trương của Đảng về công tác vận động quần chúng. Hầu hết cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức rõ vai trò trách nhiệm của mình và trực tiếp làm công tác vận động quần chúng. Vì vậy đã tạo ra được nhiều phong trào thực hiện thắng lợi mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Các nội dung của Nghị quyết 8B luôn được gắn với các nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng giai đoạn cụ thể.

Để tiếp tục thực hiện Nghị quyết 8B (khóa VI), Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XI đã ra Nghị quyết chuyên đề số 12, ngày 26-10-1998 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác vận động quần chúng đến năm 2000. Căn cứ vào Nghị quyết 12 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị xã hội đã triển khai thực hiện sâu rộng trong toàn tỉnh tạo ra chuyển biến mới về công tác vận động quần chúng. Hệ thống bộ máy dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở được kiện toàn và có sự phối hợp chặt chẽ hơn trong công tác vận động quần chúng. Ngoài ra tỉnh còn tăng cường đầu tư kinh phí tạo điều kiện cho công tác vận động quần chúng ở cơ sở được hiệu quả hơn.

2. Kết quả đạt được

Để giải quyết những yêu cầu bức xúc của nhân dân các dân tộc, Tỉnh ủy có nghị quyết và một số chính sách như: Cấp và trao quyền sử dụng đất cho sản xuất nông, lâm nghiệp và đất ở riêng cán bộ diện

tách tỉnh 1-10-1991 ưu tiên cho vay tiền để làm nhà ở trả dần không tính lãi, giải quyết đất làm nhà cho các hộ nhân dân thuộc diện chính sách hoặc có đất thổ cư, chính sách trợ cước, trợ giá khuyến nông, bù lãi suất cho vay hộ nghèo và xây dựng vùng nguyên liệu, chính sách đào tạo nguồn nhân lực... Nghị quyết về chuyển dịch cơ cấu kinh tế có tác dụng thúc đẩy sản xuất phát triển, từng bước hình thành các vùng sản xuất hàng hóa, góp phần đưa được sản lượng lương thực quy thóc của toàn tỉnh từ 114,5 ngàn tấn năm 1991 lên 175 ngàn tấn năm 2000. Phong trào xóa đói, giảm nghèo được các tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng, số hộ nông dân sản xuất giỏi đến nay có hơn 15.000 hộ, tăng 50 lần so với năm 1991. Có hàng trăm mô hình có mức thu nhập từ 50 - 100 triệu đồng/năm. Tỷ lệ số hộ có ti vi và radio đến năm 2000 là 37% tỷ lệ hộ đói nghèo giảm từ 54,8 năm 1991 xuống còn 21,12 % năm 2000 (theo tiêu chí cũ), số hộ có nhà xây và nhà ở kiên cố ngày càng tăng, cơ sở hạ tầng ngày càng được cải thiện, nhất là từ khi có Chương trình 135 của Chính phủ. Với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, nên hệ thống đường, trường, trạm, nước sinh hoạt ngày càng được xây dựng và nâng cấp. Năm 1991 có 56 xã chưa có đường ô tô đến trung tâm xã, đến nay chỉ còn gần 10 xã, 100% xã có trạm y tế và trường học, huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường từ 50% năm 1991 lên 90% năm 2000, đặc biệt là trẻ em dân tộc và trẻ em gái tăng nhanh. Tỉnh Lào Cai đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ vào tháng 5-2000. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm từ 3,5% năm 1991 xuống còn 2,1% năm 2000.

Hệ thống chính trị được củng cố kiện toàn ngày càng vững mạnh. Công tác đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ từ tỉnh đến cơ sở có nhiều tiến bộ. Từ 1991 đến nay, số cán bộ tỉnh, huyện, thị được đào tạo có trình độ đại học, cao đẳng là 995 người, cao cấp, cử nhân chính trị là 543 người, trung cấp chính trị là 1.584 người, trung cấp chuyên môn nghiệp vụ 468 người, trong đó cán bộ xã, phường được đào tạo, bồi dưỡng là 17.431 lượt người. Đội ngũ cán bộ của tỉnh đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ được giao. Đoàn kết các dân tộc được phát

huy, chú trọng giáo dục truyền thống, đấu tranh xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, xây dựng nếp sống văn hóa mới tại cộng đồng.

Thực hiện Nghị định 26 của Chính phủ và Thông báo số 184 của Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thành lập Ban chỉ đạo công tác 184 từ tỉnh đến cơ sở. Các cấp, các ngành đã tập trung tuyên truyền giáo dục nhân dân các dân tộc trong các xã có tình hình tuyên truyền đạo trái phép kết hợp với các chính sách đầu tư giải quyết, tháo gỡ khó khăn cho nhân dân, nên đã đem lại kết quả đáng kể. Tình hình quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững, an ninh nông thôn được bảo đảm.

3. Đổi mới công tác vận động quần chúng của Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị, xã hội

a) Đối với tổ chức đảng:

Những năm qua, Tỉnh ủy có nhiều chỉ thị, nghị quyết nhằm tăng cường và ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội. Các cấp đã thường xuyên chăm lo xây dựng hệ thống tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, thực hiện chế độ giao ban Khối Dân vận hằng tháng, hằng quý để kịp thời nắm tình hình, tâm tư nguyện vọng của nhân dân, trên cơ sở đó có những chủ trương, giải pháp phù hợp. Tỉnh ủy đã có: Nghị quyết 08 về xây dựng củng cố hệ thống chính trị cơ sở, Nghị quyết 12 về những nhiệm vụ trọng tâm công tác vận động quần chúng.

b) Đối với các cấp chính quyền:

Thực hiện Nghị quyết 8B, chính quyền các cấp có sự chuyển biến trong việc cụ thể hóa các chủ trương của Đảng cho phù hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương nhằm tác động mạnh đến phong trào sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân. Công tác tiếp xúc lấy ý kiến cử tri đã có nhiều đổi mới. Sự phối kết hợp giữa các ngành, chính quyền với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong công tác vận động quần chúng ngày càng chặt chẽ. Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại đã có chuyển biến tích cực. Tỉnh đã có chính sách bổ sung

thêm chi trả phụ cấp cho cán bộ chủ chốt cơ sở, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, bí thư chi bộ, trưởng thôn, bản và tổ trưởng dân phố, cán bộ khuyến nông cơ sở, giáo viên dân lập ở vùng cao...

c) Đổi mới Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể

Mười năm qua, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng trong tỉnh đã có bước phát triển quan trọng, tỷ lệ hội viên và đoàn viên tăng nhanh, hầu hết các thôn, bản của các xã đều có các tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động có nhiều đổi mới.

- Mặt trận Tổ quốc: Đã phát huy vai trò xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân vì sự nghiệp đổi mới, động viên nhân dân tham gia đóng góp ý kiến xây dựng luật pháp, chính quyền thông qua các hình thức: Hiệp thương bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân, tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp xúc cử tri, đồng thời thực hiện việc tổng hợp ý kiến của cử tri. Tham gia tích cực trong cuộc vận động phong trào: “Xóa đói, giảm nghèo”, “Đền ơn, đáp nghĩa”, “Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư” đạt kết quả, đã có tác động to lớn tới việc giáo dục chính trị, nâng cao ý thức cách mạng của nhân dân. Việc chăm lo đời sống những người cao tuổi, gia đình chính sách, các già làng, trưởng bản đã có tác dụng tích cực.

- Các đoàn thể chính trị xã hội: Bước đầu có sự chuyển biến trong việc đổi mới tổ chức và hoạt động theo hướng vận động đoàn viên, hội viên tích cực tham gia các phong trào hoạt động cách mạng, như: phong trào xóa đói, giảm nghèo, phong trào phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, nuôi con khỏe dạy con ngoan, xây dựng gia đình hạnh phúc; phong trào ông bà mẫu mực, trẻ em chăm ngoan; phong trào nông dân sản xuất, kinh doanh nông - lâm nghiệp giỏi; phong trào tuổi trẻ giữ nước, thanh niên lập nghiệp, phong trào phát huy bản chất anh Bộ đội Cụ Hồ, phong trào lao động sáng tạo... phát triển thành các mô hình hoạt động đa dạng ở cơ sở, qua đó củng cố và phát triển đoàn viên, hội viên, xã hội hóa các hoạt động của đoàn thể mình, đã định hướng mục tiêu và chương trình hành động hướng về cơ sở, tạo được nhiều điển hình tốt.

4. Tồn tại và nguyên nhân

a) Tồn tại:

- Việc triển khai, quán triệt nghị quyết của một số cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị còn chưa được nghiêm túc, một bộ phận cán bộ đảng viên chưa nhận thức đúng đắn về quan điểm công tác dân vận, vì vậy chưa tự giác làm tốt công tác dân vận, còn cho rằng công tác dân vận là trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng.

- Trình độ đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị nhất là ở cơ sở còn hạn chế nên việc nắm bắt, giải quyết kịp thời các vấn đề nảy sinh ở cơ sở lúng túng. Việc giải quyết những nổi cộm còn thiếu năng động, sáng tạo và còn đơn điệu cứng nhắc, nên việc tập hợp quần chúng vào các tổ chức đoàn thể hạn chế nhất là ở vùng cao, vùng xa, chưa phát huy đầy đủ chức năng giám sát các hoạt động ở địa phương.

- Việc giải quyết, xử lý các vấn đề về kinh tế - xã hội ở một số địa phương, kể cả một số cơ quan, ban, ngành của tỉnh còn chậm, chưa khách quan, thiếu chính xác, thậm chí còn vi phạm chế độ chính sách Nhà nước, chưa đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân dẫn đến tình trạng đơn thư khiếu kiện vượt cấp còn xảy ra.

- Một số cơ sở do chưa nhận thức đầy đủ và thực hiện tốt công tác dân vận nên không nắm được dân, dẫn đến còn một bộ phận nông dân theo đạo trái phép và di cư tự do.

b) Nguyên nhân:

- Khách quan: Là một tỉnh có nhiều khó khăn về nhiều mặt, kinh tế - xã hội chậm phát triển, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội còn thấp kém vì vậy các mặt phát triển chưa vững chắc, bị ảnh hưởng của các cuộc khủng hoảng tài chính khu vực và thiên tai lại thường xuyên xảy ra, nên đã gây cản trở cho việc phát triển sản xuất, dẫn đến đời sống của người dân ở vùng cao, vùng bị thiên tai còn gặp nhiều khó khăn, âm mưu “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch luôn luôn tìm mọi cách để chia rẽ, phá hoại sự đoàn kết trong nội bộ Đảng, giữa các dân tộc, từng dòng họ, từng dòng tộc, thay đổi tín ngưỡng trong nhân dân.

Chủ quan: Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết 8B về đổi mới công tác vận động quần chúng, nhiều nơi chưa xây dựng được chương trình hành động cụ thể. Công tác kiểm tra, đôn đốc của các cấp ủy chưa thường xuyên, việc Sở, tổng kết chưa kịp thời. Một số cơ chế, chính sách nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân chưa được thực hiện tốt và đồng bộ. Một số nơi kinh phí cho các đoàn thể hoạt động chưa đáp ứng được theo yêu cầu nhiệm vụ, nên ảnh hưởng đến hiệu quả, chất lượng công tác vận động quần chúng.

Tóm lại:

Qua 10 năm thực hiện Nghị quyết 8B Ban Chấp hành Trung ương khóa VI và Nghị quyết 12 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XI đã góp phần vào thành tích đạt được với những kết quả quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng và xây dựng hệ thống chính trị, đó chính là việc thể hiện vai trò quan trọng của công tác dân vận. Hiện nay, tình hình thế giới và trong nước đang có những diễn biến phức tạp, để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nghị quyết về công tác vận động quần chúng giai đoạn 2001 - 2005.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG QUẦN CHÚNG GIAI ĐOẠN 2001 - 2005

I. MỤC TIÊU

1. Đoàn kết các dân tộc, phát huy tiềm năng, sức sáng tạo và huy động nguồn lực trong dân, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ công tác vận động quần chúng trong tình hình mới.

2. Tiếp tục nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, đặc biệt khu vực nông thôn vùng cao, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, tham gia thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện có hiệu quả chương trình xóa đói, giảm nghèo, bảo đảm an ninh quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

3. Tiếp tục nâng cao nhận thức của cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp đối với công tác dân vận. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng, theo hướng gần dân, sát cơ sở.

4. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp giữa các cấp chính quyền với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể.

II. NHIỆM VỤ

1. Tiếp tục quán triệt sâu sắc các quan điểm của Đảng về đổi mới hoạt động công tác vận động quần chúng của cấp ủy Đảng, chính quyền và các đoàn thể. Với tinh thần động viên, giáo dục các tầng lớp nhân dân tham gia học tập, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII và các nghị quyết chuyên đề cũng như là 7 chương trình công tác trọng tâm toàn khóa của Ban Chấp hành với 27 đề án đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt.

2. Tập trung huy động nguồn lực đầu tư, giúp đỡ cho các xã vùng đặc biệt khó khăn để phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Tiếp tục đổi mới công tác vận động quần chúng của Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, theo tinh thần Nghị quyết 8B (khóa VI) của Ban Chấp hành Trung ương và Chỉ thị số 69-CT/TW, ngày 20-6-1996 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII). Chỉ thị 30 của Bộ Chính trị về thực hiện Quy chế “dân chủ ở cơ sở với tinh thần dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Triển khai thực hiện Chỉ thị 18-TC/TTg của Chính phủ về công tác dân vận trong hệ thống chính quyền.

3. Đảng bộ các cấp lãnh đạo trực tiếp công tác vận động quần chúng, vì vậy các ngành, các cấp, các đơn vị cho đến từng cán bộ, đảng viên đều phải tham gia và làm tốt công tác dân vận, giữ mối quan hệ

mật thiết với nhân dân. Phải phối hợp chặt chẽ giữa Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, gắn công tác dân vận với công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đồng thời giáo dục nâng cao trách nhiệm công dân.

4. củng cố kiện toàn bộ máy chuyên trách Ban Dân vận - Dân tộc, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở đủ mạnh, ngang tầm với nhiệm vụ chính trị hiện nay. Điều chỉnh hợp lý bộ máy lãnh đạo và biên chế chuyên trách Ban Dân vận cấp huyện, thị. Đối với cấp xã, phường thành lập Khối Dân vận theo Hướng dẫn số 01, ngày 25-5-2000 của Ban Dân vận Trung ương

- Có kế hoạch và thường xuyên bồi dưỡng nhằm nâng cao nghiệp vụ công tác dân vận, đồng thời tuyển chọn đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận, đặc biệt chú trọng người dân tộc, hoặc biết nói tiếng dân tộc thiểu số để làm công tác dân vận. Thực hiện phương châm “Nghe được dân nói, nói cho dân hiểu, làm cho dân tin”.

- Có kế hoạch thường xuyên mở lớp học chữ và tiếng dân tộc thiểu số cho đội ngũ cán bộ nói chung và cán bộ dân vận nói riêng. Có chính sách khuyến khích cán bộ học chữ và nói tiếng dân tộc thiểu số.

5. Tăng cường giáo dục vận động nhân dân nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, luôn sẵn sàng làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch. Phát hiện, ngăn chặn kịp thời các loại tội phạm, bảo đảm tốt trật tự, an toàn xã hội, giữ vững biên giới quốc gia. Kiên quyết không để các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc hoặc tôn giáo gây chia rẽ, mất đoàn kết nội bộ.

III. CÁC GIẢI PHÁP

1. Tổ chức và phát động phong trào quần chúng nhân dân thực hiện thắng lợi các nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII. Đồng thời biểu dương những cá nhân và tập thể lập thành tích xuất sắc trên các lĩnh vực nhằm động viên, cổ vũ phong trào phát triển sâu rộng. Đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”.

2. Tiếp tục quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước về công tác dân vận. Vận dụng, thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với nhân dân các dân tộc, chú ý ở các xã đặc biệt khó khăn. Từ tỉnh đến xã phải xây dựng và thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa chính quyền với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở các cấp, khắc phục những yếu kém, đặc biệt là tệ tham nhũng, lãng phí, quan liêu, cửa quyền vi phạm quyền làm chủ của nhân dân. Thực hiện tốt công tác thanh tra nhân dân.

3. Tiếp tục đổi mới được chức và phương thức hoạt động của mặt trận, các đoàn thể nhân dân. Phát động rộng rãi phong trào toàn dân hưởng ứng, triển khai thực hiện một cách có hiệu quả các chương trình, đề án mà Tỉnh ủy đã đề ra.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có kế hoạch, chương trình cụ thể, tham gia quản lý giám sát các chương trình dự án, mở rộng hình thức hướng nghiệp dạy nghề cho đoàn viên, hội viên tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập vừa thu hút đông đảo đoàn viên, hội viên tham gia. Các hoạt động tập trung hướng về cơ sở nhằm thực hiện các chương trình công tác trọng tâm và các đề án của Tỉnh ủy giai đoạn 2001 - 2005.

4. Các cấp ủy Đảng có trách nhiệm quan tâm chỉ đạo làm tốt công tác dân vận nhằm củng cố mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhân dân, chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ Khối Dân vận. Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ mọi mặt cho đội ngũ cán bộ, đồng thời có chế độ, chính sách khuyến khích đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận. Các cấp, các ngành cần quy định rõ chế độ đi cơ sở phân công và giao trách nhiệm cho cán bộ theo dõi địa bàn, gần dân để nắm vững tâm tư, nguyện vọng nhân dân, chủ động đề xuất với cấp ủy, chính quyền các cấp giải quyết nguyện vọng chính đáng của nhân dân, có lịch tiếp dân theo quy định, từng tuần, tháng, quý để giải quyết kịp thời các ý kiến đề xuất, kiến nghị của công dân.

5. Triển khai có hiệu quả chủ trương của Tỉnh ủy về việc luân chuyển và tăng cường cán bộ các ngành của tỉnh, huyện về cơ sở làm

công tác dân vận nhất là những xã trọng điểm, đặc biệt khó khăn, các xã biên giới.

6. Tăng cường đào tạo nguồn cán bộ dân tộc thiểu số ở các cấp thông qua hệ thống các Trường Dân tộc nội trú và các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên ngành với cơ chế, chính sách khuyến khích, quy định tỷ lệ đào tạo cán bộ dân tộc để có chuyên môn nghiệp vụ tham gia công tác ở các cơ quan quản lý kinh tế kinh tế tổng hợp có địa chỉ cụ thể, để đến năm 2005 có đội ngũ cán bộ dân tộc cơ bản đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ ở nhiều lĩnh vực.

7. Đổi mới các hình thức thông tin tuyên truyền phù hợp với từng địa phương, dân tộc. Nâng cao chất lượng phát thanh, truyền hình đặc biệt là chương trình phát thanh bằng tiếng dân tộc. Tăng cường đội thông tin lưu động để tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, của tỉnh sát và phù hợp với các địa phương, chú trọng đồng bào đang cư trú vùng cao, vùng sâu ở các xã đặc biệt khó khăn.

8. Các huyện, thị ủy phải cụ thể hóa các chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, nhất là đối với các xã, thôn, bản vùng cao trong từng thời kỳ. Tiếp tục xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các hương ước, quy ước thôn, bản, tổ chức xây dựng quy hoạch và sử dụng có hiệu quả, lực lượng cán bộ cốt cán, tiêu biểu phát huy vai trò già làng, trưởng bản, người có uy tín trong các dân tộc. Cần có chính sách khuyến khích, động viên về vật chất và tinh thần đối với cán bộ và những người thực hiện tốt công tác dân vận của Đảng.

9. Tổng kết và biểu dương kịp thời những kinh nghiệm, cách làm hay từ thực tiễn cuộc sống trong sự nghiệp đổi mới, nhân điển hình những cá nhân, tập thể làm tốt công tác dân vận.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Các ban Đảng Tỉnh ủy, Ban cán sự, Đảng đoàn, các huyện, thị ủy, Đảng ủy trực thuộc, chính quyền các cấp và Mặt trận Tổ quốc,

đoàn thể căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ để triển khai xây dựng chương trình hành động và tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

- Ban Dân vận - Dân tộc tỉnh ủy có kế hoạch triển khai, theo dõi và tổng hợp tình hình kết quả triển khai thực hiện nghị quyết và định kỳ 6 tháng, hằng năm, báo cáo cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy để có kế hoạch chỉ đạo.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 10-NQ/TU, ngày 4-12-2001

Về luân chuyển, tăng cường cán bộ đi huyện, xã tỉnh Lào Cai

Căn cứ vào Quyết định số 51-QĐ/TW, ngày 3-5-1999 của Bộ Chính trị về việc ban hành quy chế bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ;

Căn cứ vào Nghị quyết XII của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh;

Căn cứ vào chương trình công tác toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XII (nhiệm kỳ 2000 - 2005) đã được thông qua ngày 29-3-2001,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY LÀO CAI NGHỊ QUYẾT VỀ LUÂN CHUYỂN, TĂNG CƯỜNG CÁN BỘ ĐI HUYỆN, XÃ TỈNH LÀO CAI TỪ NAY ĐẾN NĂM 2005

I. MỤC ĐÍCH

- Nhằm tổ chức triển khai thắng lợi 7 chương trình công tác trọng tâm được cụ thể bằng 27 đề án của Tỉnh ủy đã được Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thông qua (tại Kế hoạch số 03-KH/TU, ngày 30-5-2001).

- Khắc phục tình trạng khép kín, cục bộ, thiếu đồng bộ trong công tác cán bộ ở từng ngành, lĩnh vực, từng huyện, thị và xã, tạo tính tích cực, chủ động hoàn thành nhiệm vụ.

- Nhằm tạo môi trường thuận lợi để cán bộ phấn đấu rèn luyện phát huy khả năng và kiến thức để nâng cao hiệu quả công tác.
- Đào tạo bồi dưỡng, tạo nguồn trong hệ thống chính trị các cấp nhất là cán bộ cơ sở.
- Thực hiện quy hoạch cán bộ phục vụ yêu cầu trước mắt lâu dài khắc phục dần tình trạng thiếu cán bộ và những yếu kém hiện nay.

II. NGUYÊN TẮC

- Việc luân chuyển, tăng cường cán bộ kết hợp giữa nguyên tắc tự nguyện với phân công theo yêu cầu của Đảng và cấp có thẩm quyền.
- Luân chuyển tăng cường cán bộ phải xuất phát từ nhiệm vụ và phục vụ nhiệm vụ chính trị, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- Khi điều động, luân chuyển, tăng cường căn cứ vào chuyên môn đã được đào tạo và theo khả năng cho phù hợp.
- Luân chuyển, tăng cường cán bộ thực hiện trên cơ sở đánh giá, quy hoạch cán bộ bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ. Kể từ năm 2001 trở đi phải coi công tác luân chuyển cán bộ ở tất cả các cấp, các ngành, các huyện là công việc thường xuyên của cấp ủy, ngành, địa phương, được thực hiện theo thẩm quyền đã được phân cấp quản lý cán bộ để thực hiện nhiệm vụ được giao. Việc luân chuyển nằm trong khuôn khổ biên chế được giao cho các cơ quan Đảng, đoàn thể, các sở, ban, ngành thuộc Khối Nhà nước.
- Việc điều động, luân chuyển, tăng cường có thể từ chức vụ hiện tại lên ngạch chức vụ cao hơn, hoặc sang vị trí ngang cấp, có thể ở vị trí thấp hơn và về cơ sở xã, phường. Luân chuyển, điều động ở vị trí nào là do yêu cầu nhiệm vụ và phân công của cơ quan có thẩm quyền; không nhất thiết xã phải về huyện, huyện phải về tỉnh. Đối với cán bộ chuyên môn chưa có chức vụ theo hướng sử dụng có hiệu quả ở cơ sở, cán bộ có chức vụ đào tạo có triển vọng, phát triển sẽ bố trí hợp lý ở cấp huyện và tỉnh.

III. ĐỐI TƯỢNG LUÂN CHUYỂN, TĂNG CƯỜNG

1. Cán bộ lãnh đạo chủ chốt hoặc dự nguồn chủ chốt trong hệ thống chính trị, do bầu cử hoặc bổ nhiệm ở cấp tỉnh, huyện, thị, cần luân chuyển, tăng cường để giữ chức vụ lãnh đạo theo quy hoạch và theo Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII)

2. Cán bộ có trình độ đại học (cấp tỉnh), trung học (cấp huyện).

3. Các sinh viên có hộ khẩu, gia đình ở trong tỉnh Lào Cai, tốt nghiệp đại học chưa bố trí được việc làm.

4. Đối tượng cụ thể luân chuyển, tăng cường:

a) *Cán bộ cấp tỉnh:*

- Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Trưởng, phó sở, ban, ngành, đoàn thể và tương đương,

- Trưởng, phó phòng, ban, sở, ban, ngành, đoàn thể và tương đương.

- Những cán bộ, chuyên viên đang công tác ở văn phòng, các ban Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các sở, ban, ngành và tương đương chưa qua cơ sở (huyện, thị và xã).

b) *Cán bộ cấp huyện, thị:*

- Thường trực, Thường vụ, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

- Trưởng, phó phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị thuộc Khối Dân, Đảng.

- Cán bộ ở các phòng, ban Khối Dân, Đảng nằm trong quy hoạch dự nguồn.

c) *Những cán bộ tuy đã qua cơ sở* (đối với tỉnh là huyện, thị và xã; đối với huyện là xã với những chức vụ đã giữ tương đương hoặc cao hơn) do quy hoạch để giữ cương vị công tác cao hơn.

d) *Học sinh, sinh viên* mới tốt nghiệp các trường hoặc chuyên nghiệp muốn về công tác ở các ban xây dựng Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể các trường, các ngành kinh tế tổng hợp, chuyên môn, phải có thời gian am hiểu thực tế ở cơ sở từ 3 đến 4 năm.

đ) *Luân chuyển cán bộ xã về huyện theo quy hoạch.*

IV. PHẠM VI, NỘI DUNG LUÂN CHUYỂN, TĂNG CƯỜNG

1. Phạm vi

- Luân chuyển, tăng cường trong ngành; từ ngành này sang ngành khác; từ tỉnh về huyện, xã; từ huyện về tỉnh; từ huyện, thị này sang huyện, thị khác; từ xã lên huyện.

- Các xã đặc biệt khó khăn theo Chương trình 135 và các xã biên phòng.

- Những cơ sở nhiều năm không tạo được phong trào, có dấu hiệu mất đoàn kết.

- Những nơi cán bộ cơ sở chưa đạt chuẩn văn hóa, chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý nhà nước cần phải dành thời gian bố trí cho đi đào tạo.

2. Nội dung

- Đối với cán bộ thuộc diện quy hoạch phát triển trở thành cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp, các ngành, huyện, thị cần được luân chuyển tới các vị trí công tác khác nhau phù hợp chuyên môn, năng lực để đào tạo bồi dưỡng toàn diện từ cấp thấp tới cấp cao trong phạm vi huyện, thị, sở, ban, ngành; từ sở, ban, ngành về huyện, thị và ngược lại.

- Đối với cán bộ đang giữ chức vụ trưởng, phó sở, ban, ngành, đoàn thể, huyện, thị nhưng do yêu cầu nhiệm vụ Đảng, Nhà nước chủ động luân chuyển tăng cường sang địa bàn, đơn vị công tác khác (có thể giữ chức vụ tương đương, thấp hoặc cao hơn) để tạo nên sự đồng đều, cơ cấu hợp lý; khắc phục tình trạng hẫng hụt cán bộ, mất cân đối trong sử dụng cán bộ.

- Luân chuyển, tăng cường cán bộ do sắp xếp bộ máy tổ chức đảng, Nhà nước, đoàn thể.

- Luân chuyển, tăng cường cán bộ do đánh giá hết nhiệm kỳ, bổ nhiệm lại chức vụ phù hợp năng lực, sở trường.

- Luân chuyển, tăng cường cán bộ trưởng, phó phòng huyện, thị

và ngành tỉnh về thay thế một số chức danh cán bộ chủ chốt ở xã khu vực 3 để tăng cường năng lực hoặc tạo điều kiện cho số cán bộ xã đi học văn hóa, lý luận chính trị, nghiệp vụ quản lý nhà nước.

- Những cán bộ lãnh đạo chủ chốt đương chức ở cấp tỉnh, huyện nếu là bầu cử không quá 2 nhiệm kỳ, nếu là cán bộ bổ nhiệm không quá một lần bổ nhiệm lại (dưới 10 năm) đều phải luân chuyển sang công tác ở vị trí khác để đưa cán bộ kế cận lên thay.

V. THẨM QUYỀN, LUÂN CHUYỂN, TĂNG CƯỜNG

- Quyết định điều động, luân chuyển, tăng cường cán bộ thực hiện theo phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Riêng luân chuyển, tăng cường cán bộ cấp tỉnh, cấp huyện về công tác tại các xã đặc biệt khó khăn do tỉnh chỉ đạo, có sự thống nhất với sở, ban, ngành và huyện, thị ủy.

VI. ĐIỀU KIỆN, THỜI GIAN, LUÂN CHUYỂN, TĂNG CƯỜNG CÁN BỘ

1. Điều kiện, thực hiện

a) Cấp có thẩm quyền quyết định, điều động, luân chuyển cán bộ cần thực hiện các điều kiện sau:

- Cán bộ lãnh đạo hoặc dự nguồn lãnh đạo, trước khi thực hiện luân chuyển để giữ chức vụ cao hơn nhất thiết phải được trang bị kiến thức cơ bản theo quy định của Trung ương, tỉnh đối với từng chức danh.

- Cán bộ được điều động, luân chuyển phải có kiến thức cơ bản đạt tiêu chuẩn ngạch chuyên môn nghiệp vụ đang giữ, tiêu chuẩn ngạch chuyên môn nghiệp vụ dự kiến luân chuyển đến.

- Điều động, luân chuyển phải trên cơ sở kết quả đánh giá cán bộ, yêu cầu của quy hoạch cán bộ.

- Tuổi đời:

+ Luân chuyển giữ các chức vụ lãnh đạo chủ chốt cấp huyện, thị xã, ban, ngành, đoàn thể; tuổi đời: nam dưới 50, nữ dưới 45.

+ Luân chuyển cấp trưởng, phó phòng và tương đương trong các sở, ban, ngành, huyện, thị và xuống xã, phường, thị trấn; tuổi đời: nam dưới 45, nữ dưới 40.

b) Khi điều động, luân chuyển cần chú ý:

- Khi quyết định điều động, luân chuyển trong kế hoạch điều động luân chuyển của cấp quyết định phải dự kiến việc bố trí cán bộ được điều động, luân chuyển, tăng cường về vị trí công tác mới phù hợp. Sau khi đã hết thời hạn giữ chức vụ luân chuyển, tăng cường, hoàn thành nhiệm vụ trở về cơ quan cũ (trừ trường hợp đặc biệt).

- Cần tránh lợi dụng việc điều động, luân chuyển để đưa cán bộ ra khỏi các vị trí công tác không hợp “ê kíp”. Luân chuyển không trên cơ sở đánh giá cán bộ; quy hoạch cán bộ, luân chuyển không có kế hoạch cụ thể để bố trí cán bộ sau khi hết thời hạn luân chuyển.

2. Thời gian luân chuyển, tăng cường

- Thời gian điều động luân chuyển, tăng cường từ 3 đến 4 năm, trừ trường hợp đặc biệt có thể kéo dài hơn (do đơn vị yêu cầu hoặc chưa hoàn thành nhiệm vụ được giao...).

- Thời gian luân chuyển tăng cường về xã đặc biệt khó khăn từ cuối năm 2001- 2005. Riêng 47 xã trọng điểm thời gian luân chuyển cuối năm 2001 và đầu năm 2002.

VII. KẾ HOẠCH LUÂN CHUYỂN CÁN BỘ

A. VỀ THÀNH LẬP BAN CHỈ ĐẠO ĐIỀU ĐỘNG, LUÂN CHUYỂN, TĂNG CƯỜNG

1. Ở tỉnh thành lập Ban chỉ đạo do đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy làm Trưởng ban, các thành viên gồm: Đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban Tổ chức

Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức chính quyền; Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Giám đốc Công an tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Chánh Văn phòng Tỉnh ủy.

- Nhiệm vụ của ban chỉ đạo:

Chỉ đạo chung công tác điều động, luân chuyển cán bộ trong toàn tỉnh, trực tiếp xây dựng kế hoạch điều động, luân chuyển đối tượng cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; trực tiếp duyệt thông qua kế hoạch điều động luân chuyển của các sở, ban, ngành, huyện, thị ủy, Đảng ủy trong tỉnh; sau đó có ý kiến nhất trí bằng văn bản để các sở, ban, ngành, huyện, thị có cơ sở thực hiện kế hoạch điều động, luân chuyển của mình. Cùng huyện, thị ủy nắm và chỉ đạo hoạt động của cán bộ cấp tỉnh, huyện tăng cường về xã đặc biệt khó khăn.

2. Ở huyện, thị, sở, ban, ngành tỉnh

- Ở huyện, thị, Đảng ủy thành lập Ban chỉ đạo điều động, luân chuyển của huyện, thị do đồng chí bí thư huyện, thị làm trưởng ban. Ban chỉ đạo luân chuyển, tăng cường của huyện, thị có nhiệm vụ:

+ Giúp Ban thường vụ huyện, thị ủy lập kế hoạch điều động luân chuyển cán bộ diện được quản lý, lập danh sách các xã có khó khăn, đặc biệt khó khăn về cán bộ, xã trọng điểm cần tăng cường cán bộ, số lượng cán bộ cần tăng cường, chức vụ cán bộ ở xã cần bố trí cán bộ tăng cường đến; số lượng, chức danh cán bộ huyện, thị đảm nhiệm và số cán bộ đề nghị tỉnh tăng cường.

+ Trực tiếp quản lý cán bộ của sở, ban, ngành tỉnh, huyện, thị tăng cường xuống xã, phường.

+ Ban chỉ đạo các huyện, thị có trách nhiệm báo cáo mọi mặt tình hình công tác luân chuyển cán bộ, tình hình cán bộ tăng cường về cơ sở với Ban chỉ đạo của tỉnh để kịp thời báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy có hướng chỉ đạo.

- Ở sở, ban, ngành tỉnh: Việc thực hiện điều động, luân chuyển cán bộ do Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng chỉ đạo thực hiện, nơi không có Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng do thủ trưởng cơ quan thống nhất với cấp ủy cơ sở tổ chức thực hiện.

B. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐIỀU ĐỘNG LUÂN CHUYỂN, TĂNG CƯỜNG

1. Lập kế hoạch điều động luân chuyển cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý

- Do Ban chỉ đạo điều động, luân chuyển cán bộ tỉnh chỉ đạo Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì cùng Ban Tổ chức chính quyền tỉnh xây dựng.

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tổ chức chính quyền tỉnh căn cứ vào kết quả đánh giá cán bộ hằng năm, kết quả đánh giá bổ nhiệm lại cán bộ, quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý... của các ngành để xây dựng kế hoạch điều động, luân chuyển cán bộ tỉnh quản lý trong phạm vi toàn tỉnh.

- Sau khi có dự thảo kế hoạch, ban chỉ đạo có tờ trình để Ban Thường vụ Tỉnh ủy duyệt kế hoạch, trên cơ sở kế hoạch được duyệt. Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều động, luân chuyển cán bộ theo kế hoạch.

- Kế hoạch điều động luân chuyển cần thể hiện các nội dung:

+ Mục đích yêu cầu.

+ Phân tích thực trạng số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ tỉnh quản lý (hiện có).

+ Yêu cầu về nhiệm vụ chính trị, chất lượng cán bộ ở các đơn vị cần luân chuyển cán bộ.

+ Phân loại qua đánh giá hằng năm, đánh giá bổ nhiệm lại.

+ Diện nằm trong quy hoạch cần điều động, luân chuyển.

+ Kế hoạch luân chuyển cụ thể (danh sách cán bộ luân chuyển, cụ thể nơi đi nơi đến chức vụ đảm nhiệm).

+ Dự kiến bố trí cán bộ sau khi hết thời hạn luân chuyển.

2. Lập kế hoạch điều động, luân chuyển của các sở, ban, ngành, đoàn thể, tỉnh huyện, thị, Đảng ủy

Tương tự như ở cấp tỉnh các huyện, thị, Đảng ủy, sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, lập kế hoạch luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý việc phân cấp, sau khi xây dựng xong kế hoạch, báo cáo Ban chỉ đạo điều động, luân chuyển của tỉnh cho ý kiến chỉ đạo để tổ chức thực hiện.

3. Kế hoạch luân chuyển cán bộ trưởng, phó phòng cấp tỉnh, huyện, thị, Đảng ủy về tăng cường cho các xã đặc biệt khó khăn, đặc biệt khó khăn về cán bộ, xã trọng điểm

a) Ngoài việc thực hiện những nội dung nêu ở trên, quan điểm chỉ đạo việc điều động luân chuyển trưởng, phó phòng cấp tỉnh, huyện, thị xuống cơ sở cần thực hiện những vấn đề sau:

- Cán bộ được điều động về cơ sở phải là những cán bộ được đào tạo cơ bản về chuyên môn nghiệp vụ và chính trị, qua công tác thực tiễn thực sự là cán bộ có phẩm chất, năng lực tốt nằm trong quy hoạch phát triển. Không đưa về cơ sở những cán bộ chưa qua đào tạo, năng lực, phẩm chất trung bình, yếu.

- Cán bộ được luân chuyển và một số cán bộ tăng cường về cơ sở được chỉ định tham gia cấp ủy xã, phường, thị trấn trực tiếp làm Phó Bí thư cấp ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, một số chức danh thuộc các đoàn thể; có thể chỉ định làm bí thư cấp ủy xã, phường, hoặc Quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (đối với các xã đã có Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch, Phó Chủ tịch đủ số lượng theo quy định, nếu tăng cường cán bộ xuống thì vẫn có thể chỉ định tăng thêm số lượng Phó Bí thư, Phó Chủ tịch).

Nhiệm vụ của cán bộ xuống cơ sở:

Cùng với cơ sở triển khai thực hiện 7 chương trình trọng tâm và 27 đề án của Tỉnh ủy và nhiệm vụ chính trị của chi, đảng bộ cơ sở trong từng thời gian, giai đoạn 2001 - 2005. Cụ thể:

+ Cùng xã thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xóa đói, giảm nghèo theo mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII đề ra.

+ Ổn định dân cư, chống di dịch cư tự do, ổn định an ninh chính trị, không để xảy ra truyền đạo trái phép.

+ Xây dựng phong trào: Chương trình công tác của Đảng bộ, chính quyền cơ sở xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

+ Phát triển đảng viên, không còn thôn, bản, trường học, trạm xá không có đảng viên, kế hoạch phấn đấu thành tổ đảng, chi bộ, đảng bộ.

+ Xây dựng đội ngũ cán bộ đảm đương được các chức vụ ở xã như: Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Bí thư, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Trưởng Công an, xã đội trưởng, trưởng các đoàn thể và bốn chức danh chuyên môn xã và chuẩn bị đội ngũ cán bộ kế cận.

+ Từ nay đến năm 2005, các chức danh của xã được đào tạo về văn hóa, chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý nhà nước theo nghị quyết của Tỉnh ủy: năng lực lãnh đạo, quản lý của xã được nâng lên.

+ Phát triển giáo dục - đào tạo theo mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học cơ sở chất lượng, đúng độ tuổi, tiến tới phổ cập trung học cơ sở, thực hiện có hiệu quả cuộc vận động (toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư), thực hiện tốt nếp sống văn hóa.

b) Về kế hoạch điều động, luân chuyển, tăng cường cán bộ về cơ sở:

- Ban chỉ đạo điều động, luân chuyển cán bộ của tỉnh yêu cầu các huyện, thị lập danh sách các xã cần tăng cường cán bộ, chức danh cán bộ sẽ bố trí ở các xã đó: danh sách cán bộ trưởng phó phòng tăng cường xuống xã, phường, thị trấn do huyện, thị đảm nhiệm; số xã yêu cầu tỉnh điều động cán bộ tăng cường xuống, chức danh cụ thể.

- Sau khi nắm được yêu cầu của các huyện, thị, Ban chỉ đạo của tỉnh phân chỉ tiêu chọn cử cán bộ tăng cường về cơ sở cho các sở, ban, ngành tỉnh để cử cán bộ theo quan điểm chỉ đạo nêu trên.

Ban chỉ đạo của tỉnh lập kế hoạch chi tiết về tổ chức điều động luân chuyển cán bộ cấp tỉnh, huyện xuống cơ sở báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến chỉ đạo sau đó triển khai thực hiện.

c) Quản lý đội ngũ cán bộ tăng cường cơ sở:

- Mỗi xã có 1 tổ công tác (gồm cán bộ chính trị, chuyên môn,

lực lượng vũ trang có từ 5-7 người), tổ trưởng do các thành viên trong tổ bầu nằm trong số cán bộ tăng cường, đồng chí Bí thư chi, đảng bộ cơ sở làm tổ phó. Tổ quản lý toàn bộ đội ngũ cán bộ tăng cường ở xã, hoạt động theo chương trình, kế hoạch cụ thể. Mỗi cán bộ tăng cường đều phải chấp hành sự phân công của tổ trưởng, tùy điều kiện từng nơi để bố trí nơi ăn, nghỉ, làm việc, phân công cụ thể cán bộ phụ trách từng thôn, bản theo hướng cùng ăn, cùng ở, cùng làm việc với dân. Cán bộ tăng cường làm tốt nhiệm vụ được xem xét khen thưởng, cán bộ, đảng viên bỏ nhiệm vụ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật nghiêm minh theo Điều lệ Đảng và Pháp lệnh cán bộ, công chức.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy ủy quyền cho Ban Thường vụ các huyện, thị trực tiếp quản lý.

- 6 tháng Thường trực Tỉnh ủy tổ chức giao ban một lần với tổ trưởng, tổ phó các tổ tăng cường và đồng chí Bí thư huyện, thị; 1-2 tháng huyện, thị ủy giao ban một lần với cán bộ tăng cường cơ sở. Hằng năm tỉnh, huyện tổng kết.

- Cán bộ tăng cường chuyển sinh hoạt đảng, đoàn về cơ sở xã tùy tình hình mỗi xã có một tổ công đoàn sinh hoạt với công đoàn huyện, thị.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào tình hình cụ thể có quy định rõ về chế độ hỗ trợ, trợ cấp cho đội ngũ cán bộ tăng cường.

VIII. CHÍNH SÁCH ĐIỀU ĐỘNG LUÂN CHUYỂN, TĂNG CƯỜNG CÁN BỘ

1. Chính sách cho cán bộ được điều động trong nội bộ sở, ban, ngành, huyện, thị từ tỉnh về huyện, từ huyện lên tỉnh

Cán bộ được điều động, luân chuyển thuộc diện nêu trên được hưởng chính sách về lương, phụ cấp theo quy định hiện hành của Đảng, Nhà nước, nếu ở xa gia đình được bố trí nhà công vụ theo quy định của tỉnh (nếu có nhu cầu).

2. Chính sách cho cán bộ cấp tỉnh, huyện, thị tăng cường về cơ sở

Khi có quyết định điều động tăng cường về xã vùng 3 được hưởng chế độ sau:

- Trước khi đi được nâng 1 bậc lương. Lương và các khoản phụ cấp, trợ cấp thêm ngoài lương (nếu có) do cơ quan trước khi đi chi trả trong suốt thời gian đi tăng cường theo Luật ngân sách, nhưng được xem xét ứng trước lương 3 tháng một lần.

- Được tỉnh trợ cấp thêm từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng/tháng (tùy địa bàn) do Văn phòng Tỉnh ủy trực tiếp chi trả; ngân sách tỉnh cân đối qua ngân sách đảng theo kế hoạch hằng năm.

- Cán bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được điều động về trước thời hạn, sẽ đưa vào quy hoạch dự nguồn, có thể được bổ nhiệm vượt cấp, xem xét nâng lương trước thời hạn. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ liên tục trong thời gian đi tăng cường, được tập thể bình xét, sẽ được đi tham quan, nghiên cứu học tập trong và ngoài nước.

- Cán bộ hợp đồng có bằng cấp chuyên môn tình nguyện về cơ sở vùng 3 được vào biên chế không phải qua thi tuyển công chức.

IX. THỜI GIAN TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đến hết tháng 12-2001 các sở, ban, ngành, huyện, thị ủy nghiên cứu quán triệt nghị quyết luân chuyển, tăng cường cán bộ cùng với kế hoạch đánh giá, bổ nhiệm lại cán bộ của tỉnh, thành lập các Ban chỉ đạo, cơ quan giúp việc. Riêng các huyện, thị đã xây dựng kế hoạch luân chuyển cần rà soát, bổ sung và thực hiện đúng các nội dung của Nghị quyết này.

2. Tổ chức xây dựng kế hoạch điều động, luân chuyển, tăng cường ở các sở, ban, ngành, huyện, thị phải hoàn thành trong tháng 12-2001 (chậm nhất 15-1-2002).

3. Duyệt kế hoạch của các sở, ban, ngành, huyện, thị trong tháng 12-2001. Duyệt kế hoạch luân chuyển của tỉnh cuối tháng 12-2001. Triển khai thực hiện kế hoạch ở các cấp từ tháng 1-2002.

4. Cán bộ tăng cường về xã đặc biệt khó khăn được tập huấn nhiệm vụ theo 5 nhóm chuyên đề do các ngành chức năng chịu trách nhiệm theo sự phân công của Thường trực Tỉnh ủy (thời gian khoảng 15 ngày).

- Tài liệu về điều động luân chuyển cán bộ được bảo quản theo quy chế tài liệu “mật” ở các cấp, các ngành.

Công tác điều động, luân chuyển cán bộ ở các cấp là một nhiệm vụ mới, quan trọng và phức tạp, yêu cầu các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, các cấp ủy Đảng căn cứ tình hình thực tế, hướng dẫn trong nghị quyết này để tổ chức thực hiện, làm tốt công tác tư tưởng, quan tâm giải quyết các chế độ chính sách để cán bộ được luân chuyển ổn định công tác.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỬ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

KẾ HOẠCH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 11-KH/TU, ngày 4-12-2001

Triển khai thực hiện quy định đánh giá bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý tỉnh Lào Cai

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII, chương trình công tác toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2000-2005;

- Căn cứ quy định đánh giá bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số 169-QĐ/TU, ngày 4-12-2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

Để thực hiện tốt công tác đánh giá bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý trong toàn tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch triển khai như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Quán triệt và thực hiện mục đích, yêu cầu, nguyên tắc đánh giá bổ nhiệm lại quy định tại Điều 1, 2, 3 Chương I quy định đánh giá bổ nhiệm lại cán bộ, ban hành kèm theo Quyết định số 169-QĐ/TU, ngày 4-12-2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và thực hiện bảo đảm đúng thời gian, tiến độ theo quy định của kế hoạch này.

II. CÁC BƯỚC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Việc triển khai thực hiện quy định đánh giá, bổ nhiệm lại cán bộ tiến hành thành các bước như sau:

1. Bước chuẩn bị

- Các cấp ủy Đảng, các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước sau khi nhận được quy định đánh giá bổ nhiệm lại của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và kế hoạch này, tiến hành tổ chức, chỉ đạo quán triệt về đánh giá bổ nhiệm lại trong cấp ủy Đảng, trong Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị và lãnh đạo doanh nghiệp nhà nước. Đồng thời mở hội nghị quán triệt nội dung đánh giá bổ nhiệm lại đến cán bộ, công chức trong cơ quan, đơn vị.

Mục đích làm cho mọi cán bộ, công chức hiểu và nâng cao trách nhiệm tham gia vào quá trình đánh giá bổ nhiệm lại.

- Nội dung quán triệt gồm: Quy chế đánh giá cán bộ, quy chế bổ nhiệm cán bộ ban hành kèm theo Quyết định 50-QĐ/TW, Quyết định số 51-QĐ/TW, ngày 3-5-1999 của Bộ Chính trị (khóa VIII). Quy định đánh giá bổ nhiệm lại cán bộ ban hành kèm theo Quyết định số 169-QĐ/TU, ngày 4-12-2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và kế hoạch này.

- Thời gian thực hiện bước chuẩn bị: Từ khi nhận được tài liệu trên đến ngày 30-11-2001, kết thúc bước chuẩn bị.

2. Bước 1: Tổ chức làm thí điểm để rút kinh nghiệm

a) *Thời gian thực hiện:* Từ ngày 15-12-2001 đến 31-3-2002. Cụ thể:

- Từ ngày 15-12-2001 đến ngày 15-1-2002 tổ chức đánh giá nhận xét, hoàn thành thủ tục, hồ sơ đánh giá bổ nhiệm lại ở các đơn vị làm điểm.

- Từ ngày 16-1-2002 đến 30-1-2002 hoàn chỉnh thủ tục gửi báo cáo lên cấp trên (kèm theo hồ sơ).

- Từ ngày 1-2-2002 đến 30-2-2002 các đơn vị làm thí điểm ra quyết định bổ nhiệm lại cán bộ diện được quản lý. Ban Thường vụ

Tỉnh ủy làm thủ tục bổ nhiệm lại các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý ở các đơn vị làm thí điểm, kết thúc vào ngày 15-3-2002.

- Tổ chức hội nghị rút kinh nghiệm vào cuối tháng 3-2002.

b) Cơ quan, đơn vị chọn làm thí điểm gồm:

- Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Sở Văn hóa - Thông tin và Thể thao.
- Sở Thương mại - Du lịch.
- Ban Ngoại vụ.
- Sở Lao động Thương binh và Xã hội.
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Huyện Bảo Thắng.

c) Quy trình, thủ tục, nội dung đánh giá bổ nhiệm lại thực hiện theo quy định đánh giá bổ nhiệm lại ban hành kèm theo Quyết định số 169-QĐ/TU, ngày 4-12-2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

3. Bước 2:

Triển khai thực hiện đánh giá bổ nhiệm lại, không bổ nhiệm lại... phạm vi rộng ở tất cả các sở, ban, ngành, cơ quan Đảng, đoàn thể tỉnh, doanh nghiệp nhà nước, huyện, thị và Đảng ủy trực thuộc.

a) Thời gian thực hiện: Từ trung tuần tháng 4-2002 đến cuối năm 2002. Cụ thể:

- Từ ngày 15-4-2002 đến 15-6-2002 làm thủ tục đánh giá nhận xét và quyết định bổ nhiệm lại các chức danh cán bộ do sở, ban, ngành, huyện, thị quản lý.

- Từ ngày 16-6-2002 đến 15-8-2002 làm thủ tục đánh giá nhận xét quyết định bổ nhiệm lại cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

- Tổng kết về đánh giá, nhận xét bổ nhiệm lại trong toàn tỉnh, rút ra những bài học kinh nghiệm cho các năm tiếp theo. Tiến hành vào cuối tuần tháng 10-2002.

b) Trình tự, thủ tục, nội dung đánh giá bổ nhiệm lại thực hiện như bước 1.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ vào kế hoạch này các sở, ban, ngành huyện, thị ủy, đảng ủy trực thuộc và doanh nghiệp nhà nước chủ động lập kế hoạch đánh giá bổ nhiệm lại cán bộ ở cấp mình. Các huyện, thị ủy có thể thành lập Ban chỉ đạo, một số sở, ngành có thể thành lập tổ công tác giúp cấp ủy, Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng về đánh giá bổ nhiệm lại cán bộ.

2. Ở tỉnh: Thành lập Ban chỉ đạo đánh giá bổ nhiệm lại cán bộ để giúp cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo đánh giá bổ nhiệm lại cán bộ ở các cấp, các ngành. Thành phần Ban chỉ đạo như sau:

- Các đồng chí trong Thường trực Tỉnh ủy làm trưởng, phó Ban chỉ đạo.
- Đại diện của hai Ban Tổ chức của tỉnh và một số ngành liên quan khác.

3. Các đồng chí trong Ban chỉ đạo, Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh phân công trực tiếp xuống các đơn vị chỉ đạo, nắm bắt đề xuất các biện pháp giải quyết những vướng mắc nảy sinh trong quá trình đánh giá bổ nhiệm lại.

4. Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tổ chức chính quyền tỉnh tổng hợp, kịp thời hướng dẫn giải thích, phổ biến kinh nghiệm hay, có thể có lịch trực tiếp nghe một số đơn vị báo cáo về đánh giá bổ nhiệm lại.

Đánh giá bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý trong toàn tỉnh là một nhiệm vụ hết sức quan trọng, có nhiều khó khăn, phức tạp, yêu cầu các cấp ủy đảng, các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, cơ quan, đơn vị quán triệt nguyên tắc và tổ chức thực hiện có hiệu quả; làm dứt điểm, đúng thời gian, không gây xáo trộn tâm tư cán bộ, tránh hình thức, nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của tỉnh có đủ phẩm chất, năng lực, tin nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị do Đại hội Đảng bộ các cấp đã đề ra cả trước mắt và lâu dài.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỬ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 169-QĐ/TU, ngày 4-12-2001

Về việc ban hành quy định đánh giá bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý tỉnh Lào Cai

- Căn cứ Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) về chiến lược cán bộ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;
- Căn cứ Quy chế đánh giá cán bộ, quy chế bổ nhiệm cán bộ ban hành kèm theo Quyết định 50-QĐ/TW, Quyết định 51-QĐ/TW, ngày 3-5-1999 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII);
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh khóa XII, Chương trình công tác toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2000-2005;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đánh giá bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý tỉnh Lào Cai.

Điều 2: Các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc tỉnh cơ quan, đơn vị doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện quyết định này. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỬ**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUY ĐỊNH
ĐÁNH GIÁ BỔ NHIỆM LẠI CÁN BỘ LÃNH ĐẠO,
QUẢN LÝ TỈNH LÀO CAI

*(Kèm theo Quyết định số 169-QĐ/TU, ngày 4-12-2001
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Căn cứ Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

Căn cứ quy chế đánh giá cán bộ ban hành kèm theo Quyết định 50-QĐ/TW, quy chế bổ nhiệm cán bộ ban hành kèm theo Quyết định 51-QĐ/TW, ngày 3-5-1999 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII);

Căn cứ Hướng dẫn số 11-HD/TCTW, ngày 29-12-1999 của Ban Tổ chức Trung ương về thực hiện các quy chế trên;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, chương trình công tác toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2000-2005, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai quy định về đánh giá bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý trong toàn tỉnh như sau:

Điều 1: Mục đích

1- Đánh giá bổ nhiệm lại cán bộ nhằm từng bước kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, tăng cường tính năng động, tính đổi mới của bản thân người lãnh đạo, quản lý; khắc phục bệnh quan liêu, trì

trệ, kinh nghiệm chủ nghĩa phát sinh do có thời hạn giữ một chức vụ lâu ở địa bàn, đơn vị.

2- Đánh giá làm rõ năng lực, trình độ, phẩm chất đạo đức, hiệu quả công tác của cán bộ làm cơ sở xây dựng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng, bổ nhiệm lại, không bổ nhiệm lại, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chế độ, chính sách với cán bộ.

3- Làm cơ sở thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII), Nghị quyết 16 ngày 18-10-2000 của Chính phủ về sắp xếp tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế.

Điều 2: Việc bổ nhiệm lại cán bộ phải tuân thủ nguyên tắc:

1- Đảng thống nhất lãnh đạo trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ.

2- Phát huy đầy đủ nguyên tắc tập trung, dân chủ trong quá trình bổ nhiệm lại.

Điều 3: Yêu cầu bổ nhiệm lại

1- Từ nay đến cuối năm 2005, 100% cán bộ lãnh đạo, quản lý chưa thực hiện đánh giá, bổ nhiệm có thời hạn đều được đánh giá bổ nhiệm, bổ nhiệm lại.

2- Đánh giá bổ nhiệm lại phải trở thành công việc thường xuyên hằng năm ở các cơ quan, đơn vị khi có cán bộ hết thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm.

3- Bảo đảm ổn định, kế thừa và phát triển của đội ngũ cán bộ, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của cơ quan, đơn vị.

Điều 4: Đối tượng đánh giá bổ nhiệm lại

1- Ở cấp tỉnh gồm:

- Giám đốc, phó giám đốc các sở, ban, ngành và tương đương.
- Trưởng, phó phòng cấp tỉnh và tương đương. Chức vụ bổ nhiệm khác trong các đơn vị sự nghiệp trực thuộc tỉnh và sở.

- Giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng và chức danh bổ nhiệm khác trong doanh nghiệp nhà nước.

- Chức danh bổ nhiệm trong các đơn vị sự nghiệp, cơ quan Đảng và đoàn thể huyện, thị.

(Chú ý: Cấp ủy viên ở cấp tỉnh, huyện nếu giữ chức vụ bổ nhiệm vẫn đánh giá bổ nhiệm lại chức vụ được bổ nhiệm đó).

Điều 5: Thời hạn bổ nhiệm giữ chức vụ

1- Thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm là 5 năm đối với 1 cán bộ giữ một chức vụ cụ thể, trước 6 tháng khi hết hạn giữ chức vụ cán bộ phải có báo cáo tự nhận xét, đề xuất nguyện vọng đề nghị bổ nhiệm lại, không bổ nhiệm lại, nguyện vọng khác. Cơ quan có thẩm quyền nhận được báo cáo của cán bộ có trách nhiệm xem xét, làm thủ tục để bổ nhiệm lại, không bổ nhiệm lại, thay thế người khác vào chức vụ bổ nhiệm của cán bộ vào đúng thời gian hết hạn bổ nhiệm, không để cơ quan, đơn vị thiếu khuyết cán bộ lãnh đạo, quản lý.

2- Từ nay trở đi các quyết định bổ nhiệm cán bộ đều phải ghi thời hạn bổ nhiệm là 5 năm, tính từ ngày quyết định bổ nhiệm cán bộ có hiệu lực thi hành. Các chức vụ bổ nhiệm trước đây không quy định thời hạn bổ nhiệm, nay đều phải xem xét, đánh giá bổ nhiệm lại và thời hạn xét bổ nhiệm lại tính từ ngày ký quyết định bổ nhiệm.

3- Những cán bộ sau khi được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, vì những lý do cụ thể như:

- Do yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền (theo phân cấp tổ chức và cán bộ).

- 2 năm liên không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật Nhà nước.

- Sức khỏe không bảo đảm, không phù hợp sở trường thì cấp có thẩm quyền xem xét điều động, điều chỉnh, thay thế kịp thời, không chờ hết thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm.

4- Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tổ chức chính quyền tỉnh phối hợp với các quan chức năng khác theo dõi nắm chắc chất lượng cán bộ, chủ động đề xuất với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh thay thế những cán bộ đã được bổ nhiệm nhưng năng lực yếu, không hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 6: Thẩm quyền quyết định bổ nhiệm lại.

1- Cấp nào ra quyết định bổ nhiệm cán bộ thì cấp đó ra quyết định bổ nhiệm lại, không bổ nhiệm lại. Cụ thể:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy xét duyệt bổ nhiệm lại, không bổ nhiệm lại với đối tượng cán bộ Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; trực tiếp quyết định bổ nhiệm lại, không bổ nhiệm lại đối tượng quản lý thuộc Khối các cơ quan Đảng.

- Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ nhiệm, không bổ nhiệm lại cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và cán bộ được trực tiếp quản lý công tác trong Khối Hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước.

- Sở, ban, ngành, cơ quan Đảng, đoàn thể tỉnh, huyện, thị ủy và doanh nghiệp nhà nước xét duyệt và bổ nhiệm lại, không bổ nhiệm lại đối tượng cán bộ lãnh đạo, quản lý còn lại, sau khi có thỏa thuận thống nhất với cơ quan có thẩm quyền.

Điều 7: Điều kiện bổ nhiệm lại.

1- Hoàn thành nhiệm vụ trở lên trong thời gian giữ chức vụ qua xem xét cơ quan có thẩm quyền thấy có đủ tiêu chuẩn, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong thời gian tới thì ra quyết định bổ nhiệm lại.

2- Những cán bộ còn dưới 5 năm công tác đến tuổi nghỉ hưu sẽ không bổ nhiệm lại (trừ trường hợp đặc biệt, đáp ứng tiêu chuẩn và cấp thẩm quyền có nhu cầu có thể được kéo dài thời hạn giữ chức vụ cho đến tuổi nghỉ hưu).

3- Những cán bộ lãnh đạo, quản lý khác đã có thời hạn giữ một chức vụ từ 8 năm trở lên còn trẻ xem xét bố trí luân chuyển, bố trí công tác khác cho phù hợp với cơ cấu tổ chức ở từng cơ quan, đơn vị.

4- Những cán bộ không được bổ nhiệm lại được giải quyết theo các hướng sau:

- Nghỉ hưu, nghỉ thôi việc theo các quy định hiện hành.

- Bố trí công tác khác phù hợp, chuyển sang ngạch cán sự, chuyên viên, chuyên viên chính.

- Cán bộ không được bổ nhiệm lại trong vòng 1 năm không được bổ nhiệm chức vụ tương đương hoặc cao hơn, cơ quan có thẩm quyền ra quyết định bố trí công tác khác, cho nghỉ, không cần có văn bản riêng về “Quyết định thôi giữ chức vụ”.

Chương II

THỦ TỤC BỔ NHIỆM LẠI

Điều 8: Tiêu chí phân loại

1- Cá nhân tự đánh giá, nhận xét và tự phân thành 1 trong 3 loại: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ.

2- Tập thể đánh giá, phân xếp loại với cán bộ cũng phân làm 3 loại: xuất sắc, trung bình, yếu.

Điều 9: Cán bộ làm báo cáo tự nhận xét, đánh giá.

Trước 6 tháng khi hết hạn giữ chức vụ bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các cấp phải có báo cáo tự nhận xét, đánh giá trong thời gian giữ chức vụ với nội dung sau:

a) Thực hiện nhiệm vụ chính trị: Chức trách, chất lượng, hiệu quả công việc của bản thân trong lĩnh vực được phân công phụ trách, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết nội bộ, những vụ việc nảy sinh ở cơ quan, đơn vị, địa bàn. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện.

b) Phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống:

- Nhận thức, tư tưởng chính trị, việc chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và ý thức tổ chức kỷ luật.

- Tinh thần học tập nâng cao trình độ.

- Việc giữ gìn đạo đức và lối sống lành mạnh, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác.

- Tính trung thực, khách quan trong công tác.

- Tác phong, quan hệ phối hợp công tác, tinh thần và thái độ phục vụ nhân dân.

c) Phối kết hợp cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Khả năng đề xuất ý kiến.

đ) Tóm tắt ưu khuyết điểm chính về việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ.

Tự phân loại theo mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ (hoàn thành xuất sắc, hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ).

3- Kiến nghị, đề nghị:

- Đề nghị bổ nhiệm lại chức vụ đang giữ.
- Đề nghị không bổ nhiệm lại.
- Đề nghị luân chuyển, điều động giữ chức vụ khác cao hơn, tương đương hoặc thấp hơn.
- Đề nghị cho nghỉ hưu, nghỉ theo chế độ chính sách khác.

Điều 10: Tập thể đánh giá, nhận xét bổ nhiệm lại, không bổ nhiệm lại... với cán bộ.

Sau khi nhận được báo cáo tự đánh giá, nhận xét của cán bộ chuẩn bị hết thời hạn bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền tổ chức cho các đối tượng sau tham gia đánh giá, nhận xét cán bộ:

1- Tập thể cán bộ, công chức nơi cán bộ công chức có ý kiến đánh giá, nhận xét trong thời gian giữ chức vụ thông qua 2 hình thức:

- Tổ chức họp cán bộ, công chức để phát biểu đóng góp, nhận xét trực tiếp.

- Bỏ phiếu tín nhiệm để đánh giá (có mẫu phiếu tín nhiệm kèm theo, ký hiệu 01-PTN/BNL) (đây là hình thức chủ yếu).

2- Ý kiến nhận xét, đánh giá của chi ủy, Đảng ủy nơi cán bộ sinh hoạt trong thời gian giữ chức vụ (có mẫu ý kiến kèm theo ký hiệu 02-XYK/BNL).

3- Lấy ý kiến của chi bộ nơi cán bộ được giới thiệu về sinh hoạt ở nơi cư trú (có mẫu xin ý kiến kèm theo ký hiệu 03-XYK/BNL).

4- Đối với các đồng chí giám đốc sở, ban ngành, các phó ban Đảng và tương đương cần lấy ý kiến:

- Ý kiến đánh giá, nhận xét của trưởng, phó phòng ban cấp tỉnh và huyện, thị, giám đốc, phó giám đốc doanh nghiệp nhà nước thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành quản lý (có mẫu xin ý kiến kèm theo ký hiệu 04-XYK/BNL).

- Lấy ý kiến nhận xét, đánh giá của Thường trực huyện, thị (các chức danh bổ nhiệm thuộc văn phòng và các ban Đảng), Thường trực

Ủy ban nhân dân huyện, thị (các chức danh giám đốc, phó giám đốc sở, ban, ngành tỉnh và tương đương) (có mẫu xin ý kiến kèm theo ký hiệu 05-XYK/BNL).

5- Sau khi có đầy đủ bản báo cáo của cá nhân kết quả các phiếu lấy ý kiến tập thể, Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng (nơi không Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng do tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị), Ban Thường vụ huyện, thị ủy họp nghe báo cáo lại toàn bộ các tài liệu đánh giá, nhận xét, trên cơ sở phân tích, xem xét và kết luận việc đánh giá, nhận xét về phẩm chất, năng lực mức độ hoàn thành nhiệm vụ (xuất sắc, trung bình, yếu) của từng cán bộ (cả diện cán bộ thuộc cấp trên quản lý và cán bộ lãnh đạo, quản lý được phân cấp).

(Nội dung Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, Ban Thường vụ huyện, thị kết luận đánh giá, nhận xét theo mẫu kèm theo, ký hiệu 06-DGNX/BNL).

Điều 11: Lập báo cáo lên cấp trên.

Sau cuộc họp của Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, Ban Thường vụ huyện, thị ủy kết luận đánh giá, nhận xét, các cơ quan trên chỉ đạo cơ quan chức năng làm báo cáo gửi lên cấp trên như sau:

1- Đối với cán bộ bổ nhiệm do cấp sở, ban, ngành, Ban Thường vụ huyện, thị ủy quản lý. Cơ quan, đơn vị làm công văn đề nghị kèm theo danh sách cán bộ và hồ sơ đánh giá, nhận xét của từng người gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy (Khối Dân, Đảng (gửi Ban Tổ chức chính quyền, (Khối Hành chính, sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước) để xin ý kiến thống nhất.

Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tổ chức chính quyền tỉnh khi nhận được công văn đề nghị và toàn bộ hồ sơ đánh giá bổ nhiệm lại, chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ phải đối chiếu với yêu cầu, tiêu chuẩn có văn bản thỏa thuận với các cơ quan, đơn vị.

Căn cứ kết quả đánh giá, ý kiến trao đổi, thỏa thuận của 2 Ban Tổ chức tỉnh, theo thẩm quyền thủ trưởng các cơ quan ra quyết định bổ nhiệm lại, không bổ nhiệm lại... cán bộ.

2- Đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

a) *Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng* (nơi không có Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng do thủ trưởng cơ quan thống nhất với cấp ủy); Ban Thường vụ huyện, thị ủy lập tờ trình kèm theo danh sách cán bộ đề nghị cấp trên tiếp tục bổ nhiệm lại, không bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, cho nghỉ hưu... và hồ sơ đánh giá, nhận xét của từng người.

b) *Ban Tổ chức chính quyền tỉnh* nhận tờ trình, hồ sơ đánh giá bổ nhiệm lại đối tượng cán bộ trên thuộc Khối Hành chính, sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước báo cáo Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) *Sau khi nghe tổng hợp báo cáo của Ban Tổ chức chính quyền tỉnh*, Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lập tờ trình báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến về bổ nhiệm lại, không bổ nhiệm lại... cán bộ lãnh đạo, quản lý diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý công tác tại cơ quan hành chính, sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước.

Điều 12: Trình tự Ban Thường vụ Tỉnh ủy xét duyệt bổ nhiệm lại diện cán bộ trực tiếp quản lý

1- Sau khi Ban Thường vụ nhận được tờ trình, kèm theo hồ sơ nhận xét bổ nhiệm lại của các đơn vị, tiếp tục chỉ đạo Ban Tổ chức Tỉnh ủy lập danh sách, phiếu thăm dò tín nhiệm của từng người để trong cuộc họp Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gần nhất phát phiếu thăm dò tín nhiệm về bổ nhiệm lại với diện cán bộ Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (có mẫu phiếu thăm dò tín nhiệm của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh kèm theo, ký hiệu 07-TDTN/BNL).

2- Căn cứ kết quả thăm dò tín nhiệm của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, tờ trình của cấp dưới, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp kết luận bổ nhiệm lại, không bổ nhiệm lại, điều động luân chuyển, giải quyết chế độ chính sách với từng người.

3- Trao đổi thống nhất với các cơ quan Trung ương về bổ nhiệm lại.

4- Trực tiếp quyết định bổ nhiệm lại (Khối cơ quan Đảng), nghị quyết làm cơ sở cho cơ quan có thẩm quyền ra các quyết định với cán bộ.

5- Ban Tổ chức Tỉnh ủy giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổng hợp và làm các thủ tục theo trình tự bổ nhiệm lại.

Điều 13: Trách nhiệm trong chỉ đạo, tổ chức đánh giá bổ nhiệm lại

1- Trên cơ sở kế hoạch đánh giá bổ nhiệm lại Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời có chủ trương, biện pháp chỉ đạo sát hợp bảo đảm cho quá trình đánh giá bổ nhiệm lại đạt mục đích, yêu cầu đặt ra.

2- Thường trực Tỉnh ủy trực tiếp dự nghe phân tích và kết luận đánh giá, dự buổi bỏ phiếu tín nhiệm của cán bộ, công chức đối với cán bộ bổ nhiệm công tác ở cơ quan Đảng cấp tỉnh và một số sở, ban, ngành khi thấy cần thiết.

3- Các đồng chí Ủy viên Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh đồng thời là Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh phân công đến các sở, ban, ngành tỉnh, doanh nghiệp nhà nước dự họp nghe phân tích đánh giá và dự buổi họp cán bộ, công chức bỏ phiếu tín nhiệm với diện cán bộ cấp trên quản lý.

4- Các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng cơ quan Đảng, đoàn thể tổ chức bỏ phiếu tín nhiệm, họp phân tích đánh giá cán bộ mời đại diện của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tổ chức chính quyền tỉnh dự chứng kiến.

5- Hai Ban Tổ chức của tỉnh kịp thời tham mưu, tổng hợp giúp cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh trong quá trình đánh giá bổ nhiệm lại.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14: Các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, Ban Thường vụ huyện, thị ủy, thủ trưởng các cơ quan đơn vị có trách nhiệm quán triệt và thực hiện đúng quy định đánh giá, bổ nhiệm lại cán bộ.

Điều 15: Căn cứ kế hoạch đánh giá bổ nhiệm lại của tỉnh (có kế hoạch riêng) và quy định này các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, Ban

Thường vụ huyện, thị ủy, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước lập kế hoạch đánh giá bổ nhiệm lại ở đơn vị mình trong năm 2001 và năm 2002.

Điều 16: Từ nay đến 31-12-2001 chọn một số đơn vị ở tỉnh và huyện, thị làm thí điểm để rút kinh nghiệm, năm 2002 triển khai đánh giá bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý trong toàn tỉnh.

Điều 17: Từ cuối năm 2002 trở đi việc đánh giá bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy định này trở thành công việc thường xuyên hằng năm ở mỗi cơ quan, đơn vị.

Điều 18: Quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc kịp thời phản ánh về Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh (qua 2 Ban Tổ chức của tỉnh) để giải quyết.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 192-TB/TU, ngày 5-12-2001

**Về kết luận của đồng chí Nguyễn Đức Thắng, Phó Bí thư
Thường trực Tỉnh ủy tại cuộc họp giao ban nội chính
ngày 5-12-2001**

Ngày 5-12-2001 tại trụ sở Bộ chỉ huy Biên phòng tỉnh, đồng chí Nguyễn Đức Thắng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy chủ trì giao ban Khối Nội chính. Sau khi nghe báo cáo tổng hợp tình hình của Văn phòng Tỉnh ủy; ý kiến phát biểu của lãnh đạo các ngành trong Khối Nội chính, ý kiến của đồng chí Nguyễn Hữu Vạn, Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy đã kết luận:

I. TÌNH HÌNH THÁNG 11-2001

1- Các ngành, các cấp đã triển khai và thực hiện nghiêm chỉnh và có hiệu quả các kết luận của Thường trực Tỉnh ủy.

2- Tình hình ngoại biên và trên tuyến biên giới cơ bản ổn định. Tuy nhiên vẫn còn xảy ra các vi phạm nhỏ lẻ như: xuất, nhập cảnh trái phép, xâm canh, buôn lậu qua biên giới.

3- Tình hình tuyên truyền đạo trái phép có diễn biến phức tạp. Đặc biệt nổi lên ở các xã: Điện Quan, huyện Bảo Yên, Phong Hải, huyện Bảo Thắng và xã Sàng Ma Sáo, huyện Bát Xát.

4- Về di dịch cư tự do vẫn còn diễn ra, di cư không chỉ do nguyên nhân về kinh tế và tập quán mà có cả nguyên nhân kích động, lôi kéo của một số đối tượng cầm đầu truyền đạo trái phép.

5- Tình hình vi phạm pháp luật, buôn lậu và gian lận thương mại, hàng giả diễn ra khá phức tạp như: mua bán, tàng trữ vũ khí quân dụng trái phép, các vụ trọng án vẫn xảy ra ở địa bàn huyện Mường Khương, trộm cắp xe đạp, xe máy còn xảy ra nhiều ở thị xã Lào Cai. Công tác quản lý hộ khẩu, hộ tịch và khai sinh chưa tốt.

6- Tình hình khiếu nại tố cáo của công dân tăng so với tháng trước nhưng không có biểu hiện phức tạp, chủ yếu là phản ánh về lĩnh vực đất đai, giải phóng mặt bằng và tố cáo một số cán bộ vi phạm pháp luật, tập trung ở thị xã Lào Cai, huyện Bảo Yên, Bảo Thắng.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TẬP TRUNG GIẢI QUYẾT TRONG THÁNG 12-2001

1- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với các cơ quan Khối Nội chính bảo đảm mục tiêu tăng cường đoàn kết, giữ vững an ninh chính trị, an ninh biên giới và trật tự, an toàn xã hội. Chủ động xử lý tình hình không để xảy ra bất ngờ, hoặc tạo sự việc đã rồi, phấn đấu giảm tình trạng mất trật tự an toàn trên địa bàn toàn tỉnh và bảo vệ tốt Hội chợ thương mại quốc tế từ ngày 8-12 đến 13-12-2001.

2- Tăng cường công tác nắm tình hình cơ sở, nhất là diễn biến tư tưởng trong nhân dân ở những vùng có truyền đạo trái phép, vùng biên giới, cần có thái độ kiên quyết nhưng không sơ hở, phải rất quan tâm dùng biện pháp quần chúng vạch trần âm mưu thủ đoạn đối với những đối tượng cầm đầu hoặc “tích cực” để lôi kéo, kích động nhân dân theo đạo trái phép. Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hướng dẫn quản lý nhà nước về tôn giáo, thị xã Lào Cai phải có phương án quản lý, nắm chắc tình hình ở Nhà thờ Cốc Lếu trong dịp nôen 25-12-2001.

3- Giao cho Công an tỉnh và Thanh tra giao thông phối hợp với

huyện Bảo Thắng và huyện Bảo Yên lập phương án để quản lý tốt địa bàn không để xảy ra hiện tượng ném đất, đá vào các phương tiện ô tô, xe máy chạy trên quốc lộ 70.

4- Thường xuyên quan tâm và giải quyết dứt điểm những vụ việc liên quan đến khiếu nại, tố cáo còn tồn đọng tránh đùn đẩy, dây dưa kéo dài. Các ngành trong Khối Nội chính cần tăng cường công tác phát huy Quy chế dân chủ ở cơ sở, trong tháng 12-2001 phải giải quyết dứt điểm vụ khiếu kiện về kỷ luật Đảng ở thôn Tân Tiến, xã Gia Phú, huyện Bảo Thắng vụ tố cáo cán bộ Ủy ban nhân dân thị trấn Phố Ràng cố ý làm trái quy định của Nhà nước ở huyện Bảo Yên và các cơ quan: Hải Quan, Cục thuế tỉnh và thị xã Lào Cai nắm trước tình hình về cán bộ của đơn vị có liên quan đến vụ Hợp tác xã Việt Thắng lợi dụng sơ hở về chính sách hoàn thuế giá trị gia tăng xuất khẩu để chiếm đoạt tiền của Nhà nước.

5- Các cơ quan trong Khối Nội chính cần phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý kinh tế Cửa khẩu thị xã Lào Cai, Chi cục Quản lý thị trường để thực hiện tốt công tác chống buôn lậu và gian lận thương mại, hàng giả trên địa bàn toàn tỉnh nhất là ở khu vực Cửa khẩu quốc tế Lào Cai, khu vực thị xã, thị trấn. Đặc biệt là các vụ buôn bán, vận chuyển trái phép chất ma túy và một số mặt hàng cấm. Cần tăng cường xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm và phải thông báo việc xử lý về địa phương, ngành để biết giáo dục quản lý.

6- Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật tiếp tục triển khai các hoạt động tuyên truyền đợt II năm 2001 bảo đảm đúng kế hoạch. Trong đó có Luật hải quan và tập trung vào giải quyết dứt điểm đăng ký khai sinh và đăng ký kết hôn trên địa bàn tỉnh.

7- Cần tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan trong Khối Nội chính, trong công tác phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án, nhất là các vụ trọng án, tổ chức xử tại chỗ vụ giết người ở xã Cao Sơn, huyện Mường Khương, vụ khai thác lâm sản trái phép ở xã Bản Cầm, xã Phong Hải và vụ giao cấu với trẻ em ở xã Gia Phú, huyện Bảo Thắng để nâng cao tính giáo dục trong nhân dân.

8- Ban Ngoại vụ và biên giới, Bộ chỉ huy Biên phòng tỉnh phối hợp tổ chức triển khai công việc phân giới, cắm mốc thí điểm theo kế hoạch và chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ.

9- Các ngành trong Khối Nội chính hoàn chỉnh đề án thuộc lĩnh vực ngành mình được phân công và thực hiện tốt nghị quyết của Tỉnh ủy về luân chuyển cán bộ. Đồng thời triển khai theo Công văn số 916-CV/UB của Ủy ban nhân dân tỉnh: Đối với Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ chỉ huy Biên phòng tỉnh cần xây dựng kế hoạch và tổ chức hành quân dã ngoại ở một số xã có tình hình phức tạp như các xã: Điện Quan, huyện Bảo Yên, Phong Hải, huyện Bảo Thắng, Sàng Ma Sáo, huyện Bát Xát.

10- Cần nâng cao trách nhiệm của cấp ủy các huyện, thị về việc lãnh đạo công tác nội chính. Các ngành, các huyện, thị làm báo cáo tổng kết và xây dựng chương trình công tác năm 2002 về công tác nội chính gửi về Tỉnh ủy trước ngày 15-12-2001 và tổ chức Hội nghị tổng kết năm 2001 xong trước tháng 1-2002.

Thừa lệnh Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy thông báo kết luận của đồng chí Nguyễn Đức Thắng, để các cơ quan liên quan biết và tổ chức thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG

PHẠM NGỌC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 07-CT/TU, ngày 10-12-2001

Về việc lãnh đạo nhiệm vụ quân sự - quốc phòng năm 2002

Năm 2001, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, các mục tiêu kinh tế - văn hóa, xã hội đã được triển khai toàn diện, thu được những thành tựu đáng phấn khởi, giữ vững ổn định chính trị, kinh tế phát triển. Nhiệm vụ quân sự - quốc phòng được các cấp ủy Đảng quán triệt sâu sắc và triển khai thực hiện nghiêm túc, hoàn thành kế hoạch đề ra, nhiều nội dung đạt khá. Khu vực phòng thủ của tỉnh từng bước được củng cố vững chắc. Chủ quyền biên giới quốc gia được giữ vững, công tác giáo dục quốc phòng toàn dân có nhiều tích cực, lực lượng vũ trang tỉnh đã phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội, làm tốt công tác dân vận, xây dựng cơ sở chính trị vững mạnh, tham gia tích cực chương trình xóa đói giảm nghèo, góp phần tăng cường đoàn kết quân dân, xây dựng và giữ vững lòng tin của nhân dân với Đảng, chính quyền. Nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân phát huy hiệu quả. Công tác bảo đảm hậu cần, kỹ thuật tiến hành có nền nếp, đời sống cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang từng bước đã được cải thiện.

Tuy vậy, trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, một số cấp ủy, chính quyền nhận thức về nhiệm vụ quân sự - quốc phòng chưa sâu sắc, nắm và quản lý tình hình an ninh chính trị trên địa bàn chưa kịp thời, công tác giáo dục quốc phòng chưa sâu rộng trong nhân dân. Xây dựng 4

nội dung trong khu vực phòng thủ còn chậm. Kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế thiếu đồng bộ; công tác nắm và quản lý lực lượng dự bị động viên chưa chắc, công tác phát triển đảng viên trong lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên chưa được chú trọng. Chất lượng huấn luyện dân quân tự vệ nhiều địa phương còn thấp. Hoạt động thường xuyên của dân quân tự vệ chưa tích cực, toàn diện. Việc giữ gìn bảo quản vũ khí trang bị ở cơ sở chưa chặt chẽ, còn để hư hỏng xuống cấp, sự phối hợp giữa các lực lượng trên địa bàn có việc chưa tốt.

Để nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác lãnh đạo, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ quân sự - quốc phòng năm 2002 của các địa phương, cơ quan, xí nghiệp, đơn vị lực lượng vũ trang, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành của tỉnh và các cơ quan, xí nghiệp Trung ương đóng trên địa bàn của tỉnh, tập trung lãnh đạo và tổ chức thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

1- Nắm vững quan điểm của Đảng về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, đề cao cảnh giác cách mạng, ngăn chặn và đối phó có hiệu quả các âm mưu thủ đoạn của kẻ thù. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác giáo dục quốc phòng. Đề cao trách nhiệm của các cấp, các sở, ban, ngành, đoàn thể, lực lượng vũ trang và nhân dân trong tỉnh đối với nhiệm vụ xây dựng lực lượng và thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nhiệm vụ xây dựng lực lượng và thế trận an ninh nhân dân, trong tình hình diễn biến mới đang đặt ra.

2- Tiếp tục bổ sung hoàn chỉnh kế hoạch chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu, kế hoạch B. Năm 2002 chỉ đạo huyện Bát Xát, Sa Pa diễn tập khu vực phòng thủ huyện, có động viên cấp tiểu đoàn; tổ chức luyện tập theo kế hoạch B ở các sở: Xây dựng, Giáo dục và Đào tạo, Thương mại và Du lịch. Nâng cao chất lượng các cuộc diễn tập, luyện tập kịp thời đối phó với các tình huống có thể xảy ra. Tổ chức Hội nghị điểm cho quân khu về tổng kết 5 năm xây dựng 4 nội dung trong khu vực phòng thủ tỉnh, huyện. Tăng cường công tác bảo vệ trong thời gian tiến hành bầu

cử Quốc hội khóa XI. Thực hiện tốt việc phân giới, cắm mốc biên giới Việt - Trung, phát huy công tác ngoại giao nhân dân ở các huyện, thị biên giới, bảo đảm tốt an ninh đối ngoại trong phát triển kinh tế.

3- Tập trung nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang địa phương, luôn trung thành với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân. Xây dựng đội ngũ cán bộ quân sự từ tỉnh đến cơ sở có trình độ công tác, quân sự và công tác vận động quần chúng. Xây dựng cơ quan quân sự và đơn vị bộ đội địa phương vững mạnh toàn diện, không để xảy ra các vụ vi phạm kỷ luật nghiêm trọng. Chuẩn bị tốt lực lượng, phương tiện, sẵn sàng tham gia cứu hộ, cứu nạn, khắc phục thiên tai trên địa bàn.

4- Lãnh đạo làm tốt công tác đăng ký, quản lý và xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên đúng Pháp lệnh. Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân trên giao, 100% các xã có thanh niên nhập ngũ, quan tâm thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ. Phấn đấu tỷ lệ đảng viên trong dân quân tự vệ đạt 12%; các huyện Mường Khương, Bát Xát, Si Ma Cai lãnh đạo chặt chẽ việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ thường trực luân phiên ở xã biên giới theo Quyết định 122 của Bộ Quốc phòng; hoàn thành huấn luyện dân quân tự vệ xong trước ngày 30-8-2002.

5- Xây dựng các tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh gắn với xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện. Duy trì nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện đúng chế độ sinh hoạt đảng ở đơn vị. Nâng cao tinh thần tự phê bình và phê bình, chất lượng sinh hoạt đảng và công tác rèn luyện, giáo dục quản lý đảng viên. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với công tác quân sự địa phương. Làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, tập trung xây dựng và nâng cao hiệu quả hoạt động mạng lưới quân báo nhân dân, xây dựng địa bàn khu vực đóng quân tuyệt đối an toàn.

6- Lãnh đạo các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể trong hệ thống chính trị, phối hợp cùng các cơ quan quân sự địa phương, các đơn vị quân đội làm tốt công tác xây dựng cơ sở chính trị xã, phường vững mạnh toàn diện và công tác chính sách hậu phương quân đội, góp phần củng cố, tăng cường quốc phòng - an ninh ở cơ sở.

7- Tiếp tục duy trì các tổ công tác quân đội, các đơn vị quân đội hành quân huấn luyện dã ngoại kết hợp làm công tác dân vận với nội dung hình thức hoạt động phù hợp, nhằm tham gia xây dựng củng cố hệ thống cơ sở chính trị ở các xã đặc biệt khó khăn và huy động sức mạnh tổng hợp của quần chúng nhân dân. Thực hiện thắng lợi chương trình xóa đói, giảm nghèo và cuộc vận động “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa mới ở khu dân cư”.

8- Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trong khu căn cứ hậu phương. Kết hợp kinh tế với quốc phòng thực hiện tốt quy hoạch các vùng kinh tế gắn với quốc phòng - an ninh, bảo đảm phát triển kinh tế nhưng không phá vỡ thế chiến lược về quốc phòng trên từng địa bàn cụ thể, bảo đảm dự trữ vật chất thời kỳ đầu chiến tranh. Thường xuyên củng cố hệ thống kho tàng, quản lý chặt chẽ vũ khí trang bị ở các cấp (tỉnh, huyện, xã) không để cháy nổ, mất mát, xuống cấp, bảo đảm 100% các xã, phường có tủ súng.

9- Lãnh đạo tổ chức tốt phong trào thi đua xây dựng nền quốc phòng toàn dân trong các lực lượng vũ trang, tạo ra động lực cách mạng to lớn quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ quốc phòng - an ninh và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội mà nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII đề ra.

Năm 2002, có nhiều thời cơ thuận lợi song cũng không ít khó khăn, thách thức trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; công tác quốc phòng - an ninh là một trong những nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước và nhân dân. Do đó yêu cầu các cấp, các ngành tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ quân sự - quốc phòng năm 2002 ở đơn vị và địa phương mình.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỬ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 214-TB/TU, ngày 7-1-2002

**Về kết luận của đồng chí Giàng Seo Phử,
Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy tại Hội nghị
báo cáo kết quả công tác sau một năm tái lập
huyện Si Ma Cai**

Ngày 28-12-2001, tại huyện Si Ma Cai đồng chí Giàng Seo Phử, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy đã dự và chủ trì Hội nghị báo cáo kết quả công tác sau một năm tái lập huyện Si Ma Cai. Cùng dự có đồng chí Đặng Quốc Lộng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng chí Nguyễn Đình Vững, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy; các đồng chí lãnh đạo các Sở Giao thông - Vận tải; Xây dựng, Tài chính - Vật giá; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Về phía huyện có: Thường trực Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện; các đồng chí trong Ban Thường vụ Huyện ủy, lãnh đạo các phòng, ban chuyên môn của huyện. Sau khi nghe đồng chí Phạm Khắc Xương, Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy báo cáo kết quả công tác từ khi huyện được tái lập đến nay, những khó khăn, tồn tại cần khắc phục trong thời gian tới và ý kiến phát biểu của các đại biểu, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy kết luận:

1. Hơn một năm qua, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện đã có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn, là một huyện mới

được tái lập điểm xuất phát về kinh tế - xã hội rất thấp. Đến nay đã có nhiều chuyển biến tích cực, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ nét, tỷ lệ hộ đói, nghèo giảm 3,84%, an ninh - quốc phòng được giữ vững, hệ thống chính trị được củng cố và tăng cường. Đã tiến hành xây dựng xong khu tập kết đáp ứng nhu cầu ở và làm việc cho cán bộ, công chức Khối cơ quan, khởi công xây dựng một số công trình lớn theo quy hoạch huyện lỵ. Tuy nhiên tỷ lệ hộ đói nghèo của huyện còn cao, năng suất cây trồng còn thấp, tiến độ xây dựng cơ bản chậm, chưa có quy hoạch tổng thể cho toàn huyện, do vậy còn lúng túng trong một số khâu xây dựng kết cấu hạ tầng.

2. Một số vấn đề huyện và các cấp, các ngành của tỉnh cần tập trung chỉ đạo thực hiện trong thời gian tới:

- Năm 2002 phải tiến hành xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Si Ma Cai giai đoạn 2002 - 2005 và đến 2010 làm cơ sở đầu tư phát triển hằng năm. Ủy ban nhân dân tỉnh và các ngành liên quan quan tâm giúp đỡ huyện kinh phí để thực hiện.

- Đẩy mạnh thực hiện các biện pháp để giảm nhanh tỷ lệ hộ đói nghèo của huyện, hiện nay tỷ lệ đói nghèo còn khá cao (41,98%).

- Về chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn trong năm 2002 phải đạt được 50 ha lúa xuân muộn, tiến hành phục tráng và phát triển cây lê địa phương, cây bông sợi, cây thảo quả, cây thuốc lá.

Giao cho Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính - Vật giá, tạo điều kiện giúp đỡ huyện về vốn, giống, phân bón và kỹ thuật. Các phương án thực hiện xây dựng thành đề tài sử dụng nguồn vốn nghiên cứu khoa học của tỉnh. Đồng thời nghiên cứu trồng thử nghiệm cây đào Pháp, mận, hồng và một số cây ăn quả ôn đới khác. Tiếp tục kế hoạch trồng chè giống tuyết san theo Dự án 661.

- Về xây dựng cơ bản:

+ Việc đền bù giải phóng mặt bằng trung tâm huyện lỵ phải được tiến hành khẩn trương và đồng bộ, thống nhất đền bù một lần theo đơn giá Ủy ban nhân dân tỉnh đã quy định. Sở Tài chính - Vật giá, Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định dự án và phê duyệt trong tháng 1-2002 để đầu tháng 2-2002 tổ chức thực hiện. Các công trình xây dựng phải đồng bộ và tôn trọng quy hoạch được duyệt (các công sở phải đẹp, có khuôn viên và không được làm nhà mái bằng).

+ Triển khai xây dựng nhanh hệ thống cấp thoát nước trung tâm huyện lỵ xong trước tháng 5-2002 (trước mùa mưa).

+ Giao cho Sở Kế hoạch và Đầu tư cùng với huyện nghiên cứu sử dụng vốn trung tâm cụm xã đưa vào xây dựng 2 phòng khám khu vực Sín Chéng và Cán Cẩu; xây dựng dự án trình Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết vốn để làm 2 đoạn đường đến xã Thào Chư Phìn và Quan Thần Sán hiện nay chưa được rải cấp phối, mở rộng chợ Si Ma Cai và xây dựng chợ Cán Cẩu.

- Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và giải quyết chính sách hỗ trợ về nhà, đất cho cán bộ, công nhân viên lên công tác ở Si Ma Cai và cán bộ tăng cường công tác tại các xã.

- Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục thực hiện những vấn đề Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo, phối hợp với các ngành liên quan kiểm tra nghiên cứu xử lý để bảo đảm an toàn giao thông trên tuyến đường Bắc Hà - Si Ma Cai.

- Sở Giao thông - Vận tải hướng dẫn các huyện, thị, ban hành quy chế quản lý đường giao thông nông thôn khi hết thời gian bảo hành. Đường liên thôn, xã giao cho xã quản lý, dựa vào sức dân là chính; trích một phần lao động công ích của địa phương để quản lý đường giao thông.

- Đồng ý giao cho huyện tổ chức quản lý lối mở tiểu ngạch Bến Mảng từ ngày 1-1-2002, thống nhất với Cục Hải quan tỉnh tiếp nhận khu trụ sở Hải quan Si Ma Cai để huyện sử dụng. Trước mắt có thể bố trí làm nhà nghỉ của huyện, sau này nếu có nhu cầu sẽ bàn giao lại để ngành sử dụng.

- Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tổ chức chính quyền tỉnh nghiên cứu giúp huyện tăng cường cán bộ, tăng chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Thừa lệnh Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy thông báo để các đơn vị căn cứ chức năng nhiệm vụ thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ VĂN PHÒNG
PHẠM VĂN LIÊN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 215-TB/TU, ngày 8-1-2002

Về kết luận của đồng chí Giàng Seo Phử, Bí thư Tỉnh ủy tại cuộc họp giao ban nội chính ngày 7-1-2002

Ngày 7-1-2002, tại trụ sở Tỉnh ủy, đồng chí Giàng Seo Phử, Bí thư Tỉnh ủy chủ trì phiên họp giao ban Khối Nội chính. Sau khi nghe báo cáo tổng hợp tình hình của Văn phòng Tỉnh ủy; ý kiến phát biểu của lãnh đạo các ngành trong khối Nội chính, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy đã kết luận:

Các cơ quan trong khối đã có nhiều cố gắng, phối hợp tốt trong việc chủ động nắm tình hình và xử lý các vụ việc, đặc biệt là ở các vùng giáp biên, góp phần giữ gìn an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, thực hiện tốt ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy. Tỉnh Lào Cai được đánh giá là một tỉnh có mối quan hệ tốt về biên giới hữu nghị với tỉnh Vân Nam- Trung Quốc.

Một số công việc cần quan tâm giải quyết trong tháng 1-2002:

1. Các ngành chức năng phải thông tin cho nhau, tiếp tục phối hợp chủ động giải quyết các vụ việc, đặc biệt là các ngành liên quan trực tiếp đến biên giới bảo vệ chủ quyền quốc gia. Tháng 1-2002 sẽ tổ chức cấm mốc trên tuyến biên giới tỉnh Lào Cai, vì vậy yêu cầu các cơ quan: Ban Ngoại vụ và Biên giới, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an phải kiểm soát chặt chẽ việc qua lại

biên giới, giữ nguyên hiện trạng tuyến cấm, không để làm biến dạng thay đổi vị trí. Chủ động nắm tình hình và các diễn biến tư tưởng trong nhân dân đồng thời chuẩn bị tốt các công việc trong quá trình cấm mồi.

2. Vấn đề tai, tệ nạn xã hội đặc biệt là tai nạn giao thông (tệ đi xe máy vi phạm luật ngang nhiên, quá tùy tiện) xảy ra rất nhức nhối, Công an tỉnh cần tăng cường kiểm tra và xử lý thật nghiêm khắc những hành vi vi phạm về luật lệ giao thông như (cố ý đi ngược chiều, phóng nhanh, vượt ẩu, không đủ giấy tờ hợp lệ...), đồng thời cần làm thêm biển báo quy định tốc độ xe máy, xe ô tô chạy trong nội thị.

Giao cho Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với Công an tỉnh và Sở Giao thông - Vận tải, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh xây dựng chương trình hướng dẫn luật giao thông để tuyên truyền, giáo dục cho nhân dân về trật tự an toàn giao thông trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Các cơ quan trong Khối Nội chính phải tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện chống buôn lậu và gian lận thương mại qua biên giới, xử lý nhanh, đúng pháp luật các vụ việc xảy ra. Thường xuyên nâng cao việc giáo dục tinh thần, ý thức, trách nhiệm đối với công việc của cán bộ, công chức thi hành công vụ. Đặc biệt là các vụ buôn bán, vận chuyển trái phép chất ma túy, pháo và một số hàng cấm.

4. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh cần chú ý theo dõi, rà soát các hoạt động do thám trên không, chú ý ở các tuyến dọc sông Xanh, Bảo Thắng - Si Ma Cai, báo cáo cấp có thẩm quyền để xin ý kiến xử lý kịp thời.

5. Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh theo dõi để nắm tình hình 6 hộ với 37 khẩu người dân tộc Mông, quốc tịch Trung Quốc do tỉnh Sơn La đẩy về qua tỉnh Lào Cai ngày 28-12-2001. Báo cáo cụ thể để Tỉnh ủy báo cáo Ban Bí thư Trung ương Đảng.

Công an tỉnh cần thực hiện tốt Nghị định số 51-NĐ/CP, ngày 16-6-1997 của Chính phủ về tăng cường công tác quản lý hộ tịch, hộ khẩu và tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát và quản lý tốt tạm

trú, tạm vắng đối với nhân dân và người nước ngoài trên địa bàn tỉnh, nhất là trong dịp tết.

6. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan trong Khối Nội chính trong công tác phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án, cần đẩy nhanh giải quyết dứt điểm các vụ trọng án, các tai, tệ nạn xã hội như: giết người, hiếp dâm, cờ bạc, nghiện hút. Đồng thời phải tăng cường công tác nắm tình hình trong nhân dân, tập trung giải quyết dứt điểm các vụ khiếu nại tố cáo tồn đọng.

Việc giải phóng mặt bằng ở trục đường Lào Cai - Cam Đường, khu vực cửa khẩu Lào Cai, giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo 2 thị xã cần giải quyết dứt điểm để bảo đảm tiến độ thi công, nhất là mặt bằng ở khu vực cửa khẩu Lào Cai phải tiến hành làm đầy đủ các hồ sơ cần thiết đối với những hộ không tự giác chấp hành để có biện pháp xử lý.

7. Các cơ quan trong Khối Nội chính cần nắm chắc tình hình cơ sở, nhất là ở những vùng có truyền đạo trái phép, vùng biên giới, cần có thái độ kiên quyết vạch trần âm mưu thủ đoạn đối với những đối tượng lôi kéo, kích động nhân dân theo đạo và di cư tự do trái phép.

8. Các ngành trong Khối Nội chính tổ chức Hội nghị tổng kết năm 2001, xác định một số công tác trọng tâm năm 2002 (theo Hướng dẫn số 01/HD-NCTW, ngày 14-12-2001 để cụ thể hóa trong điều kiện của tỉnh) gửi báo cáo về Tỉnh ủy trước ngày 20-1-2002.

Thừa lệnh Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy thông báo kết luận của đồng chí Giàng Seo Phử, để các cơ quan liên quan biết và tổ chức thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ VĂN PHÒNG

PHẠM VĂN LIÊN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 184-QĐ/TU, ngày 14-1-2002

**Công nhận Đảng bộ huyện Văn Bàn đạt tiêu chuẩn
trong sạch, vững mạnh năm 1996 - 2000**

- Căn cứ Điều 34 Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa IX) về khen thưởng tổ chức đảng và Quy định số 14-QĐ/TW, ngày 16-11-2001 của Bộ Chính trị quy định cụ thể thi hành Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Hướng dẫn số 01-HD/TCTW, ngày 31-3-1998 của Ban Tổ chức Trung ương về khen thưởng tổ chức đảng và đảng viên;
- Thực hiện Thông báo số 210-TB/TU, ngày 26-12-2001 của Tỉnh ủy về kết luận của Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 16,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận Đảng bộ huyện Văn Bàn đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh năm 1996 - 2000.

Điều 2: Đảng bộ đạt trong sạch, vững mạnh được Tỉnh ủy tặng Cờ và kèm theo số tiền thưởng 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*).

Điều 3: Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Huyện ủy Văn Bàn căn cứ Quyết định thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ

GIÀNG SEO PHỦ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 185-QĐ/TU, ngày 14-1-2002

**Công nhận Đảng bộ Apatít Việt Nam đạt tiêu chuẩn
trong sạch, vững mạnh năm 1996-2000**

- Căn cứ Điều 34 Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa IX) về khen thưởng tổ chức đảng và Quy định số 14-QĐ/TW, ngày 16-11-2001 của Bộ Chính trị quy định cụ thể thi hành Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Hướng dẫn số 01-HD/TCTW, ngày 31-3-1998 của Ban Tổ chức Trung ương về khen thưởng tổ chức đảng và đảng viên;
- Thực hiện Thông báo số 210-TB/TU, ngày 26-12-2001 của Tỉnh ủy về kết luận của Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 16,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận Đảng bộ Công ty Apatít Việt Nam đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh năm 1996 - 2000.

Điều 2: Đảng bộ đạt trong sạch vững, mạnh được Tỉnh ủy tặng Cờ và kèm theo số tiền thưởng 6.000.000 đ (*Sáu triệu đồng*).

Điều 3: Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Đảng ủy Công ty Apatít Việt Nam căn cứ Quyết định thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỬ**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 08-CT/TU, ngày 15-1-2002

**Về việc thực hiện Thông báo kết luận số 04-KL/TW,
ngày 19-11-2001 của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành
Trung ương khóa IX về việc tiếp tục thực hiện
Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, đẩy mạnh
cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn,
đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, thông báo kết luận của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII; cả ba nội dung của nghị quyết đều phải đi sâu thực hiện có hiệu quả, trong đó, chống tham nhũng, lãng phí là nhiệm vụ trọng tâm trước mắt. Nhận rõ đây là cuộc đấu tranh khó khăn, quyết liệt, lâu dài gắn với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc phải được tiến hành bằng nhiều biện pháp đồng bộ, trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, bước đầu các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã có sự chuyển biến tích cực trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được nhân dân đồng tình, hưởng ứng và từng bước đang trở thành thói quen ý thức của đa số quần chúng nhân dân, cán bộ, công chức.

Tuy nhiên, nghiêm túc kiểm điểm cho thấy một số lĩnh vực vẫn còn hiện tượng tiêu cực; tình trạng lãng phí còn diễn ra ở nhiều nơi,

làm thất thoát tiền của Nhà nước, của tập thể, như trong xây dựng cơ bản, mua sắm, sử dụng tài sản công, sử dụng ngân sách nhà nước, việc tổ chức, kỷ niệm ngày thành lập, mừng công, đón nhận các danh hiệu thi đua, tổ chức lễ cưới, việc tang, v.v. còn mang tính phô trương, hình thức, lãng phí. Để khắc phục tình trạng trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ thị:

1. Các cấp ủy Đảng, chính quyền, các sở, ban, ngành, các tổ chức đoàn thể, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn của tỉnh tập trung quán triệt, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Thông báo kết luận số 04-KL/TW, ngày 19-11-2001 của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí; Chỉ thị số 29/2001/CT-TTg, ngày 30-11-2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng đối với cán bộ, đảng viên, giáo dục chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là giáo dục về đạo đức cách mạng; phê phán những quan điểm, tư tưởng sai trái, cơ hội chính trị, chủ nghĩa cá nhân, lối sống ích kỷ, buông thả, tham nhũng, đồng thời tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân và toàn xã hội nhận thức đầy đủ chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Đảng và Nhà nước đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh để nghiêm chỉnh thực hiện.

Trong dịp đón xuân Nhâm Ngọ và tiến tới kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Đảng bộ tỉnh Lào Cai, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan tổ chức triển khai sâu rộng Pháp lệnh số 02/1998/PLUBTVQH 10, ngày 26-2-1998 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa X về việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Trong đầu tư xây dựng cơ bản: Tập trung thực hiện có hiệu quả việc cấp phép, đấu thầu và quản lý dự án, quản lý, sử dụng đất đai,

xây dựng trụ sở làm việc, quản lý tài nguyên môi trường; phải thực hiện tốt quy hoạch, lập đề án khả thi, phù hợp với khả năng kinh tế; công khai quy hoạch đất đai; tổ chức giải phóng mặt bằng đúng chính sách, chế độ, không để gây thất thoát tài sản, tiền của Nhà nước và nhân dân; công khai việc bố trí, phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản, bảo đảm việc sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả. Việc lập, thẩm định phê duyệt thiết kế kỹ thuật các dự án đầu tư, tổng dự toán các công trình phải căn cứ vào định mức, tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Tổ chức giám sát chặt chẽ công tác thi công các công trình xây dựng cơ bản, tránh tình trạng thời gian thi công kéo dài, thi công sai thiết kế kỹ thuật, sử dụng vật liệu không đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, làm giảm chất lượng công trình, chống thất thoát lãng phí, gây ảnh hưởng tác động xấu đến môi trường sinh thái.

3. Chống lãng phí, thất thoát trong mua sắm, sử dụng tài sản công và sử dụng ngân sách nhà nước, kể cả các nguồn đóng góp của nhân dân.

Tổ chức thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về mua sắm trang thiết bị, phương tiện đi lại, điện thoại, chế độ công khai tài chính.

Nghiêm cấm sử dụng công quỹ của Nhà nước và tập thể để biếu tặng cho cá nhân, tổ chức dưới bất cứ hình thức nào. Trước hết các đồng chí lãnh đạo tỉnh, lãnh đạo các sở, ban, ngành, huyện, thị đến cơ sở, bản thân và gia đình tự giác gương mẫu thực hiện không nhận quà tặng, tiền biếu.

Không dùng vốn ngân sách nhà nước hoặc vốn tín dụng của Nhà nước để tổ chức lễ động thổ, khởi công, khánh thành các công trình. Đối với công trình lớn của tỉnh, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về đối nội, đối ngoại cần phải tổ chức lễ khởi công, khánh thành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy sẽ có thông báo riêng.

Đối với các quỹ hình thành từ các nguồn đóng góp, ủng hộ của các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ và của nhân dân cho các hoạt

động nhân đạo, từ thiện, v.v. phải công khai nguồn thu, phân phối và sử dụng theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

4. Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản tại các doanh nghiệp nhà nước: Các doanh nghiệp nhà nước sản xuất kinh doanh nhất thiết phải có định mức sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, có chế độ khen thưởng, kỷ luật rõ ràng. Cần có quy định cụ thể về định mức chi: hành chính, tiếp khách, hội họp, đón nhận huân, huy chương, v.v. theo hướng tiết kiệm, hiệu quả đúng chế độ quy định của Nhà nước.

5. Trong sản xuất và tiêu dùng: Tuyên truyền, giáo dục ý thức tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất và tiêu dùng của nhân dân, khuyến khích nhân dân tiêu dùng hàng hóa sản xuất trong nước, phù hợp với mức thu nhập của mỗi người.

6. Thực hiện nghiêm chỉnh sách tiết kiệm trong lễ cưới, việc tang, việc tổ chức các lễ hội hằng năm, phải thiết thực, lành mạnh, có ý nghĩa và đúng chế độ quy định, tránh hình thức, phô trương lãng phí, phiền hà và chống khuynh hướng kinh doanh, vụ lợi. Giữ gìn và phát huy phong tục, tập quán truyền thống mang đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc phù hợp khuôn khổ pháp luật. Trước mắt yêu cầu tổ chức các lễ cưới gọn nhẹ, giảm hẳn việc mời nhiều khách đến dự các tiệc cưới. Từ nay việc tổ chức các đám cưới chỉ nên mời khách là người nhà của hai bên cơ quan chú rể, cô dâu, bạn của hai cháu; đại diện hai bên nhà trai, nhà gái và một số bà con xóm giềng thân thiết. Những người không được mời cần tỏ thái độ ủng hộ việc làm trên vì lợi ích chung, không nên chê trách.

Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể về các vấn đề trên để nhân dân có cơ sở tổ chức thực hiện.

Ban Tổ chức Tỉnh ủy sửa đổi Quyết định số 217-QĐ/TU, ngày 12-2-1999 của Tỉnh ủy ban hành quy định tạm thời về thăm hỏi ốm đau và tổ chức lễ tang đối với cán bộ diện Tỉnh ủy quản lý cho phù hợp với thực tế hiện nay, để trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành.

Đối với Tết cổ truyền của dân tộc hằng năm: Là truyền thống quý báu của dân tộc ta, phải được trân trọng, các cấp, các ngành, các đơn

vị cần quan tâm chỉ đạo tổ chức Tết cho cán bộ, công nhân viên chức, quân nhân và nhân dân, bảo đảm mọi người đều có Tết và đều được ăn Tết. Đồng thời nghiêm cấm lợi dụng Tết cổ truyền để tổ chức liên hoan, ăn uống lãng phí và tiêu dùng tiền công quỹ không đúng mục đích, cần có những hành động thiết thực để thăm hỏi, tặng quà các gia đình chính sách, gia đình có công với cách mạng, cán bộ, chiến sĩ nơi biên cương, các gia đình nghèo, đau ốm, bảo đảm toàn dân đón Tết cổ truyền vui vẻ an toàn và tiết kiệm. Các điều kiện phục vụ Tết phải hướng mạnh cho vùng cao, vùng sâu, vùng xa và biên giới.

7. Đối với việc tổ chức hội nghị, hội thảo, mừng công, đón nhận các danh hiệu và các đoàn đi công tác nước ngoài:

Thực hiện tốt Quyết định số 434/2001/QĐ-UB, ngày 28-12-2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quản lý hội nghị, hội thảo trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Nghiêm cấm việc lợi dụng cuộc họp, hội nghị để thu tiền của người đến đã có nhiều cố gắng...

Các lễ kỷ niệm, mừng công, đón nhận các danh hiệu cần tổ chức trang trọng, tránh lãng phí.

Hạn chế hội họp. Đối với những hội nghị cần phải có thành phần mời dự nếu đối tượng là các đồng chí Bí thư, Phó Bí thư các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, các Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn nhất thiết phải báo cáo và được sự đồng ý của Thường trực Tỉnh ủy; nếu đối tượng là các đồng chí Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, giám đốc, phó giám đốc các ngành, các doanh nghiệp và các chức danh tương đương phải có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh mới được triệu tập.

Đối với việc tổ chức các đoàn đi công tác nước ngoài: Phải có sự quản lý thống nhất về quy trình tổ chức, quản lý cán bộ, số lượng, đối tượng và nội dung nghiên cứu, tránh trùng lặp, tốn kém. Không dùng ngân sách để đi tham quan nghiên cứu nước ngoài (trừ trường hợp đặc biệt tỉnh quyết định từng đoàn cụ thể).

Giao Bí thư các Đảng bộ trực thuộc, Bí thư các Ban cán sự, Đảng đoàn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, Chủ tịch Ủy ban

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai và đoàn thể chính trị - xã hội các cấp, thủ trưởng các cơ quan đơn vị là người chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí của đơn vị mình. Cần kiên quyết xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật những hành vi vi phạm.

Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn, các ban Đảng, các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc, lãnh đạo các sở, ban, ngành của tỉnh, các doanh nghiệp nhà nước đóng trên địa bàn của tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo và thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 38-BC/TU, ngày 17-1-2002

**Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác
năm 2001; phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2002**

Phần I

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2001

Năm 2001, là năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm (2001-2005). Trong tình hình quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường, nền kinh tế thế giới có chiều hướng suy giảm, phấn đấu thực hiện đạt và vượt những mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra có ý nghĩa hết sức quan trọng tạo đà phát triển cho những năm sau, Tỉnh ủy đã đề ra nhiều chủ trương và giải pháp mới, xác định 9 nhiệm vụ trọng tâm năm 2001 và đã tập trung sức lực, trí tuệ lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức thực hiện. Công tác lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh có nhiều đổi mới, có kế hoạch, khoa học, hướng về cơ sở, tập trung chỉ đạo thực hiện sát sao, cụ thể các nhiệm vụ trọng tâm đã tạo sự chuyển biến mới trong các cấp, các ngành, các địa phương; sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, kỹ thuật đã xây dựng trong giai đoạn trước, khai thác được tiềm năng, thế mạnh của tự nhiên, xã hội, phát huy tri thức

trong tiến trình xây dựng và phát triển. Kết quả đạt được năm 2001 khá toàn diện trên các lĩnh vực, nhiều chỉ tiêu thực hiện vượt mức kế hoạch đề ra.

1. Kinh tế có bước phát triển khá trên tất cả các ngành, một số chỉ tiêu đạt cao so với kế hoạch đề ra

Trong sản xuất nông, lâm nghiệp đã có chuyển dịch mạnh hơn về cơ cấu mùa vụ, cây trồng và vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa, sử dụng giống lúa lai, ngô lai và đậu tương cao sản. Nhờ đầu tư xây dựng mạnh hơn hệ thống thủy lợi; thực hiện kiên cố hóa kênh mương nội đồng ở các vùng lúa trọng điểm; trợ giá; trợ cước về giống và vật tư nông nghiệp, đẩy mạnh thâm canh tăng vụ nên kết quả sản xuất nông nghiệp năm 2001 tăng 5,98% (giá so sánh năm 1994); giá trị sản xuất lâm nghiệp tăng 4,86%. Tổng diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt hơn 60,5 nghìn ha, tăng 2,26%; trong đó lúa đông - xuân tăng 0,58 nghìn ha, tăng 6,67% và vượt 5,7% so với kế hoạch năm 2001, lúa mùa tăng 0,73 nghìn ha, tăng 3,76%, đạt 99,2% kế hoạch năm (do chuyển đổi cây trồng).

Diện tích ngô cả năm tăng hơn 1 nghìn ha, tăng 4,53%. Năng suất lúa bình quân cả năm đạt 38,98 tạ/ha, tăng 5,15% so với năm 2000. Năng suất ngô bình quân đạt 19,07 tạ/ha, tăng 12% so với cùng kỳ 2000. Sản lượng lương thực có hạt cả năm đạt 167 ngàn tấn, vượt kế hoạch 5,20% và tăng 10,8% so với năm 2000; trong đó thóc tăng 9,1 ngàn tấn, tăng 8,07% và ngô tăng 6,5 ngàn tấn, tăng 17,09% so cùng kỳ 2000.

Các loại cây công nghiệp, cây ăn quả, rau đậu các loại, được chú trọng phát triển theo hướng mở rộng sản xuất, thâm canh, sử dụng giống mới có giá trị kinh tế và năng suất cao nên cả về diện tích, năng suất, sản lượng đều tăng so với cùng kỳ năm trước. Diện tích cây đậu tương tăng 23,6%, cây lạc tăng 19,22%, cây ăn quả tăng 21,45%, chè tăng 26,53%, chè trồng mới đạt 882 ha.

Chăn nuôi phát triển khá, tổng đàn gia súc (trâu, bò, lợn) tăng từ 3,9 - 13,5%; gia cầm tăng 12,86%. Các giống mới được đưa vào

sản xuất, bước đầu thay đổi cơ cấu đàn và chất lượng sản phẩm theo yêu cầu thị trường, việc phòng, chống dịch bệnh được chủ động và có nhiều tiến bộ.

Công tác khoanh nuôi, tái sinh, chăm sóc bảo vệ rừng thực hiện đạt kế hoạch. Rừng trồng mới đạt 1.650 ha, tăng 5,8% so với cùng kỳ, vượt 10% kế hoạch. Số vụ cháy rừng và diện tích rừng bị cháy giảm nhiều so với năm trước. Chế biến lâm sản từ rừng trồng được quan tâm phát triển. Tỷ lệ tán che phủ năm nay đạt 34% tăng 1,8% so với năm 2000.

Chương trình về giống được quan tâm đầu tư và có biện pháp quản lý sản xuất, cung ứng, sử dụng các loại giống cây, con có năng suất chất lượng cao.

Cơ sở hạ tầng nông thôn tiếp tục được đầu tư phát triển, cuối năm 2001 có thêm 8 xã có đường ô tô đến trung tâm với 85,5 km mở mới và nâng cấp 140 km đường giao thông nông thôn, đưa tổng số xã, phường, thị trấn có đường ô tô đến trung tâm là 171 và có 10/11 huyện, thị có đường giao thông được nhựa hóa đến trung tâm huyện. Có thêm 10 xã được cung cấp điện lưới quốc gia, tổng số toàn tỉnh là 80/180 xã, phường, thị trấn có điện lưới, đạt tỷ lệ 44%. Kiên cố hóa kênh mương 70 km ở các vùng lúa trọng điểm. Đã tạo điều kiện phục hồi và phát triển một số ngành nghề thủ công, mỹ nghệ: đan lát, thêu thổ cẩm, chế biến lâm sản... thu hút thêm nhiều lao động góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp nông thôn. Tỉnh đã ban hành cơ chế, chính sách và những biện pháp cụ thể hỗ trợ hộ nghèo tạm lợp, bể nước sinh hoạt, hỗ trợ lãi suất vay... để đẩy mạnh tốc độ xóa đói, giảm nghèo.

Năm 2001, tỉnh đã chủ động có những biện pháp phòng tránh thiên tai, nhưng tình hình thiên tai xảy ra ở nhiều nơi như lốc, mưa đá, đặc biệt là trận lũ tiểu mãn thuộc lưu vực sông Hồng đã gây thiệt hại khá lớn về nhà cửa, tài sản, cây trồng vụ đông - xuân và một số cơ sở sản xuất của nhân dân và Nhà nước. Tổng thiệt hại hơn 40 tỷ đồng. Tỉnh đã tập trung chỉ đạo và hỗ trợ khắc phục nhanh hậu quả thiên tai, lũ lụt, ổn định sản xuất và đời sống nhân dân.

- Sản xuất công nghiệp trên địa bàn tăng trưởng chậm, giá trị sản xuất công nghiệp năm 2001 đạt 350 tỷ đồng, tăng 2,19% so với kế hoạch, 3,86% so với năm 2000; trong đó công nghiệp Trung ương thực hiện 165,4 tỷ đồng, bằng 99,9% kế hoạch, giảm 7,43% so cùng kỳ; công nghiệp địa phương đạt 184,6 tỷ đồng, tăng 4,34% kế hoạch, tăng 16,6% so cùng kỳ, nhiều sản phẩm có mức tăng khá cao về sản xuất và tiêu thụ như: quặng sắt, tinh quặng đồng, gạch xây, xi măng, bia các loại... một số doanh nghiệp năng động đã sản xuất một số sản phẩm mới: gạch block, nước đậu nành đóng chai, tấm lợp, cột điện ly tâm... đáp ứng nhu cầu thị trường.

Thực hiện đề án tổ chức sắp xếp doanh nghiệp nhà nước, trong năm 2001 đã tiến hành giải thể, sáp nhập, cổ phần hóa, khoán kinh doanh ở 7 đơn vị.

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 540 tỷ đồng, tăng 11,1 % so với năm 2000 (giai đoạn 1996-2000 tăng bình quân 6,39%). Trong đó vốn đầu tư từ ngân sách chiếm 51,90% và tăng 16,76% tỉnh đã cố gắng huy động thêm các nguồn vốn đầu tư, đặc biệt là đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng trung tâm cụm xã, định canh định cư, kinh tế mới, hỗ trợ sản xuất. Khối lượng thực hiện vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước đạt 112,2% kế hoạch. Thực hiện Chương trình 135 có 41 công trình chuyển tiếp và 189 công trình khởi công mới với tổng số vốn đầu tư là 55,885 tỷ đồng, đã hoàn thành 188 công trình. Đang triển khai các dự án về khai thác chế biến đồng Sinh Quyền, mở rộng khai thác chế biến apatít và các khoáng sản khác. Hoàn thành cơ bản quy hoạch tổng thể thành phố Lào Cai, khu kinh tế cửa khẩu. Triển khai nâng cấp các tuyến quốc lộ 279, 4D và thi công đường trục Lào Cai - Cam Đường. Thực hiện xây dựng 27 đề án và bước đầu triển khai thực hiện một số đề án trong 27 đề án của 7 chương trình công tác trọng tâm toàn khóa nhiệm kỳ 2001-2005 của Tỉnh ủy. Tuy nhiên, việc triển khai kế hoạch đến cơ sở còn chậm, nợ khối lượng trong đầu tư vẫn còn tiếp diễn. Đến hết tháng 12-2001, nguồn ngân sách tập trung địa phương đã thanh toán 90 tỷ, bằng 124% kế hoạch; nguồn

kinh tế cửa khẩu 50 tỷ, bằng 83,3% kế hoạch; Chương trình 135: 56,4 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch, chương trình 5 triệu hecta rừng 11 tỷ, bằng 78,6% kế hoạch.

Các hoạt động dịch vụ, du lịch, ngân hàng, bưu chính viễn thông, vận tải... đều có bước phát triển. Đặc biệt ngành du lịch tăng trưởng nhanh, tiềm năng du lịch được khai thác có hiệu quả. Lượng hàng hóa lưu thông tăng khá, giá cả ổn định.

Lực lượng vận tải phát triển nhanh, đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hóa và hành khách. Khối lượng hàng hóa luân chuyển tăng 15%. Khối lượng hành khách luân chuyển tăng 7,8%. Giá trị sản xuất tăng 10,2%. Số máy điện thoại tăng 32,31%, số xã có máy điện thoại chiếm 75%; mật độ điện thoại đạt 2,3 máy/100 dân (Năm 2000 đạt 1,8). Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ xã hội khoảng 700 tỷ đồng, tăng 9,38 %, trong đó bán lẻ 550 tỷ đồng, tăng 11,43%. Trong năm có 300 nghìn lượt khách tham quan, du lịch tăng 21,3% so kế hoạch, tăng 42,52% so với năm 2000, doanh thu du lịch đạt 52,6 tỷ đồng, tăng 31,5% so kế hoạch, tăng 59,6% so với năm 2000. Tổ chức thành công Hội chợ thương mại quốc tế biên giới Việt - Trung. Các hoạt động tín dụng đã đáp ứng yêu cầu đề ra, diện phủ tín dụng ngày càng mở rộng, nhất là đến các vùng nông thôn.

Tổng nguồn vốn huy động 543 tỷ đồng, tổng dư nợ 620,8 tỷ đồng, tỷ lệ nợ quá hạn 0,54%.

Xuất, nhập khẩu có nhiều cố gắng. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu qua các cửa khẩu của tỉnh đạt trên 150 triệu USD, tăng 2,32 lần so với năm trước. Xuất, nhập khẩu địa phương đạt 21 triệu USD, tăng 25% so kế hoạch, 27,62% so với năm 2000. Một số mặt hàng xuất khẩu tuy bị giảm giá như quặng đồng, quặng sắt, thảo quả... nhưng tăng về khối lượng nên kim ngạch xuất khẩu vẫn tăng.

Thu ngân sách trên địa bàn đạt 233,0 tỷ đồng, vượt 24,7% dự toán, tăng 32,4% so với năm 2000. Trong đó thu từ xuất, nhập khẩu 140 tỷ đồng, vượt 27,3% dự toán và tăng 37,1% so cùng kỳ, thu nội địa đạt 72,5 tỷ đồng, vượt 4% dự toán. Thu ngân sách địa phương

bảo đảm kịp thời các khoản chi theo dự toán. Các cấp, các ngành đã có nhiều cố gắng trong việc thực hiện nhiệm vụ thu, đổi mới trong tổ chức thu thuế.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO, Y TẾ VÀ GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI ĐƯỢC DUY TRÌ VÀ ĐẠT ĐƯỢC NHIỀU KẾT QUẢ TỐT. CÁC HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA - THÔNG TIN - THỂ THAO DIỄN RA SÔI NỔI PHỤC VỤ TỐT CHO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ

Giáo dục - đào tạo tiếp tục phát triển, số học sinh các cấp học đều tăng, chương trình dạy và học có đổi mới bước đầu, hệ thống đào tạo nghề phát triển. Số học sinh các cấp tăng 4,03%. Tỷ lệ huy động trẻ đến trường đạt 94,11%, vượt chỉ tiêu kế hoạch 2,11%, tăng 2,99% so với năm học trước, đặc biệt là số học sinh phổ thông cơ sở tăng 18,24%, phổ thông trung học tăng 15,6% là điều kiện để tiến tới phổ cập giáo dục trung học cơ sở, nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực; 100% số xã, phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ; 15 xã, phường phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, 19 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia. Đầu tư cơ sở vật chất cho giáo dục được tăng cường. Năm 2001 có trên 5 ngàn người lao động được đào tạo, tỷ lệ người lao động qua đào tạo ước đạt 8,13%. Nâng cấp 2 trường đào tạo và thành lập mới 1 trường trung học chuyên nghiệp.

Công tác văn hóa - thông tin - thể thao đáp ứng yêu cầu về đời sống văn hóa, phục vụ tốt cho nhiệm vụ chính trị của địa phương; tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền nhân các ngày lễ lớn trong năm và nghị quyết đại hội Đảng các cấp. Các hoạt động văn hóa đã hướng mạnh về cơ sở và tạo nên phong trào rộng khắp. Cơ sở vật chất cho các đài phát thanh, truyền hình, nhất là bằng tiếng dân tộc thiểu số được tăng lên. Nhiều hoạt động thể thao được tổ chức theo hướng xã hội hóa thu hút đông đảo số người tham gia.

Công tác giải quyết việc làm tiếp tục được duy trì, tổ chức duyệt và cho vay vốn quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm 14,5 tỷ đồng, tạo thêm việc làm cho 11.527 người.

Việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng ở các xã đặc biệt khó khăn, cho vay tín dụng để sản xuất, các biện pháp cứu trợ, hỗ trợ sản xuất và đời sống đã có tác dụng tích cực giảm tỷ lệ hộ nghèo đói từ 29,96% năm 2000 xuống còn 26,8 năm 2001 (giảm 3,16%). Thực hiện dự án hỗ trợ tẩm lợp và nước ăn cho các xã đặc biệt khó khăn đạt kết quả tốt, đã cung ứng đủ tẩm lợp và phụ kiện kèm theo cho 3.304 hộ trong đó có 1.019 hộ đã lợp xong, xây xong bể hoặc giếng nước cho 769 hộ/2.141 hộ, các hộ còn lại đang từng bước cung ứng vật tư và tiến hành xây dựng.

Công tác chăm sóc người có công, gia đình thương binh và liệt sĩ luôn được sự quan tâm của các cấp các ngành và của cộng đồng dân cư. Vận động xây dựng quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” được 688 triệu đồng. Thực hiện chi trả trợ cấp 1 lần cho 6.681 người có công với cách mạng; xây dựng 20 nhà tình nghĩa và sửa chữa 192 nhà. Duy trì và bảo đảm chính sách cứu trợ thường xuyên 400 người bị ảnh hưởng chất độc màu da cam; cứu trợ thiệt hại thiên tai, rủi ro 1.457 hộ với 864,6 triệu đồng.

Các đề tài, dự án chương trình về khoa học, công nghệ, môi trường được triển khai thực hiện. Một số đề tài, dự án mang lại kết quả thiết thực phục vụ cho việc thực hiện các chương trình, nhiệm vụ công tác trọng tâm của Tỉnh ủy. Thường xuyên chỉ đạo công tác quản lý môi trường, đo lường chất lượng sản phẩm hàng hóa.

Chương trình phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin được tích cực triển khai, đã thành lập Ban chỉ đạo công nghệ thông tin của tỉnh và Trung tâm Công nghệ thông tin Lào Cai làm đầu mối tiếp nhận và phát triển công nghệ thông tin của tỉnh, triển khai nhiều dự án ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết công việc.

Công tác y tế - dân số và kế hoạch hóa gia đình được triển khai tích cực và có kết quả tốt. Ngành Y tế đã tập trung củng cố và phát triển mạng lưới, làm tốt công tác phòng, chống dịch bệnh, không có dịch bệnh lớn xảy ra và không có tử vong do dịch bệnh. Các chương

trình y tế thực hiện đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe của nhân dân được nâng lên, 22 phòng khám đa khoa khu vực và trạm y tế có bác sĩ, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm 0,06% còn 2,07%.

3. Công tác quốc phòng - an ninh và đối ngoại*

Năm 2001, tình hình thế giới, khu vực và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh ta. Quốc phòng an ninh được củng cố, chủ quyền biên giới được giữ vững; trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm. Đã bảo vệ an toàn cho các cuộc thăm và làm việc tại Lào Cai của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước ta, các đoàn khách nước ngoài. Triển khai các lực lượng làm công tác an ninh và vận động quần chúng ở vùng nông thôn có truyền đạo trái phép để ngăn chặn sự kích động, lôi kéo, phá hoại của các thế lực thù địch. Tích cực xử lý có hiệu quả tình hình tiềm ẩn mất ổn định trên một số địa bàn, động viên nhân dân bỏ và không học đạo trái phép, không di cư tự do để ổn định đời sống, sản xuất, đã thu được kết quả khá tốt, bước đầu có 416 hộ 2.626 khẩu đã cam kết bỏ đạo và tình hình di cư tự do đã giảm.

Công tác xây dựng lực lượng quốc phòng, an ninh, dân quân tự vệ được chú trọng. Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp, các ngành tăng cường cán bộ đi cơ sở, huấn luyện và diễn tập đạt kết quả tốt. Sự phối hợp, kết hợp các lực lượng được tốt hơn.

Công tác phòng, chống tội phạm, buôn lậu và gian lận thương mại và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội được đẩy mạnh và có nhiều đổi mới. Nhưng trên địa bàn vẫn còn xảy ra nhiều vụ trọng án như giết người, hiếp dâm, đặc biệt là hiếp dâm trẻ em, tai nạn giao thông, buôn bán và sử dụng ma túy không giảm.

Công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công nhân được duy trì, đã tiếp 479 lượt công dân và nhận 714 đơn

1. Bản gốc không có mục 1, 2 - BT.

thư đã giải quyết 72% số đơn thư khiếu nại, tố cáo, góp phần ổn định trật tự, an toàn xã hội.

Công tác đối ngoại: Tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện tốt công tác đối ngoại, sắp xếp lại tổ chức và cơ chế điều hành ở khu vực kinh tế cửa khẩu quốc tế. Nhờ đó các hoạt động xuất, nhập khẩu, du lịch, thăm thân trong những dịp lễ, tết được đẩy mạnh, số đoàn vào, đoàn ra tăng, chủ yếu là nghiên cứu để hợp tác phát triển kinh tế. Tình hình quản lý người du lịch nước ngoài có tiến bộ. Quan hệ với tỉnh Vân Nam - Trung Quốc thực hiện tốt chủ trương của Đảng và Nhà nước. Đã chuẩn bị các điều kiện phân giới, cắm mốc theo chỉ đạo của Trung ương.

4. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân được đẩy mạnh toàn diện theo hướng trong sạch vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành, gần dân, sát cơ sở

Cùng với việc lãnh đạo phát triển kinh tế, Tỉnh ủy đã tập trung lãnh đạo công tác xây dựng Đảng, tiếp tục nâng cao chất lượng hệ thống chính trị theo hướng trong sạch vững mạnh. Đẩy mạnh công tác vận động quần chúng; củng cố xây dựng chính đốn Đảng, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Sự đổi mới về phương thức và phong cách lãnh đạo từ tỉnh đến cơ sở, đã tạo nên sự đoàn kết, nhất trí quyết tâm thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, vừa tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 2001, vừa chuẩn bị các điều kiện cho những năm sau, cụ thể hóa chủ trương của Đảng thành những chương trình, đề án, nhờ đó sự lãnh đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành đã thu được kết quả khả quan.

Công tác chính trị tư tưởng của Đảng bộ có nhiều đổi mới, hoạt động nhanh nhạy, kịp thời và đạt hiệu quả hơn. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng thông qua các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm, các sự kiện quan trọng đã được tổ chức, quán triệt kịp thời

với các hoạt động đa dạng, phong phú, tạo nên không khí phấn khởi, tin tưởng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Việc triển khai nghị quyết có nhiều đổi mới, sáng tạo, bảo đảm tính nghiêm túc, phù hợp với thực tiễn địa phương và đạt hiệu quả thiết thực.

Công tác giáo dục lý luận chính trị được chú trọng trong đào tạo nâng cao trình độ lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên từ tỉnh đến cơ sở. Toàn tỉnh đã mở 322 lớp (trung cấp, cử nhân lý luận chính trị, các lớp bồi dưỡng đảng viên mới, đối tượng phát triển Đảng và các lớp chuyên đề) với 20.057 lượt học viên (có 1 lớp trung cấp dành cho cán bộ dân tộc thiểu số). Tiếp tục kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên giáo, giảng viên đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ hiện nay. Xây dựng đội ngũ cộng tác viên dư luận xã hội, bước đầu hoạt động có hiệu quả. Đội ngũ báo cáo viên ở cơ sở được tăng cường, thường xuyên được tập huấn, cung cấp thông tin và hoạt động có nền nếp. Công tác tuyên truyền được miệt mài được đẩy mạnh. Hội thi báo cáo viên giỏi của Tỉnh ủy được tổ chức đạt kết quả tốt. Tiếp tục bù giá và tăng số lượng xuất bản báo, cấp báo, ti vi và radio cho cán bộ, nhân dân thôn, bản vùng cao. Hoạt động báo chí, xuất bản có nhiều hiệu quả, góp phần tích cực cho việc tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách, động viên người tốt việc tốt, đẩy mạnh phong trào thi đua trên các lĩnh vực.

Công tác xây dựng tổ chức và cán bộ được quan tâm và có nhiều đổi mới, đặc biệt là sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII. Tỉnh ủy đã xây dựng chương trình công tác và chương trình kiểm tra của Ban chấp hành, quy chế làm việc của Ban Chấp hành và Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy khóa XII. Đồng thời chỉ đạo cấp ủy các cấp xây dựng chương trình và quy chế của cấp mình. Các hoạt động của Tỉnh ủy được thực hiện theo đúng chương trình và quy chế. Ban hành và chỉ đạo thực hiện nghị quyết luân chuyển và tăng cường cán bộ đi huyện, xã, quy định về đánh giá bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ. Kết quả trong năm qua hệ thống chính trị, nhất là cấp cơ sở được củng cố, năng lực và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng được nâng lên, đội ngũ đảng viên tăng cả về số và chất lượng. Tỉnh ủy đã tiến hành đánh giá kết quả

cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2, khóa VIII), xây dựng kế hoạch tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) theo Chỉ thị 03-CT/TW (khóa IX), tổng kết việc thực hiện Chỉ thị 13 của Tỉnh ủy và hướng dẫn thực hiện Quy định 76-QĐ/TW của Bộ chính trị. Tổng kết 3 năm thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TU của tỉnh ủy khóa XI, xây dựng nghị quyết về phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2001-2005. Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 4-12-2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc luân chuyển, tăng cường cán bộ đi huyện, xã, tỉnh Lào Cai và ra Quyết định số 169-QĐ/TU, ngày 4-12-2001 về việc ban hành Quy định, đánh giá bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý tỉnh Lào Cai theo tinh thần Quyết định số 50-QĐ/TW, ngày 3-5-1999 của Bộ Chính trị, Quyết định số 51-QĐ/TW, ngày 3-5-1999 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 16/2000/NQ-CP, ngày 18-10-2000 về tinh giản biên chế trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp. Đã kiện toàn 12 chức danh lãnh đạo chủ chốt của các huyện, thị và một số ban, ngành, sắp xếp lại một số tổ chức cơ sở đảng trong doanh nghiệp nhà nước. Tiến hành phân xếp loại Đảng bộ giai đoạn 1996-2000. Chỉ đạo thành công Đại hội của các tổ chức chính trị - xã hội. Thực hiện tốt việc tặng Huy hiệu 40, 50 tuổi Đảng cho các đảng viên lão thành và các chế độ nâng lương, nâng ngạch cho cán bộ, đảng viên. Do làm tốt công tác giáo dục chính trị và tạo nguồn năm 2001 số lượng đảng viên tăng khá, nhất là ở vùng sâu, vùng xa. Toàn Đảng bộ đã kết nạp 1.460 đảng viên trong đó dân tộc ít người 514, nữ 502 đồng chí, số thôn, bản chưa có đảng viên giảm 46, còn 137 thôn, bản, nâng tổng số đảng viên trong toàn tỉnh lên 18.115 đảng viên với 580 tổ chức cơ sở đảng. Dự kiến phân xếp loại năm 2001 có 447 tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh chiếm 77,1%, có 125 tổ chức cơ sở đảng đạt khá chiếm 21,6%, có 8 tổ chức cơ sở đảng đạt trung bình chiếm 1,3%. Dự phân tích chất lượng đảng viên có 17.635 đồng chí, trong đó có 15.171 đồng chí đạt loại 1 chiếm 86%; có 2303 đồng chí đạt loại 2 chiếm 13,1%; có 146 đồng chí đạt loại 3 chiếm 0,8%; có 15 đồng chí đạt loại 4 chiếm 0,1%.

Công tác kiểm tra có nhiều cố gắng thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra theo chương trình Tỉnh ủy đề ra. Đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra của cấp ủy các cấp được củng cố, kiện toàn. Các cấp ủy Đảng chỉ đạo thực hiện nghiêm chỉnh quy chế kiểm tra theo Điều lệ Đảng, Tỉnh ủy đã chỉ đạo kiểm tra toàn diện Đảng bộ huyện Văn Bàn và kiểm tra việc triển khai nghị quyết Đại hội Đảng các cấp tại 4 huyện. Ủy ban kiểm tra các cấp đã tiến hành kiểm tra 139 đảng viên và 16 tổ chức cơ sở đảng có dấu hiệu vi phạm. Qua kiểm tra có 124 đảng viên, 9 tổ chức cơ sở đảng có vi phạm, chủ yếu là do thiếu tinh thần trách nhiệm và phẩm chất đạo đức, lối sống. Đã thi hành kỷ luật 134 đảng viên (khai trừ 13). Phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương kiểm tra tài chính Đảng năm 2000 và 6 tháng đầu năm 2001 của Đảng bộ tỉnh và một số huyện, thị, ban Đảng Tỉnh ủy để có chỉ đạo, khắc phục thiếu sót, chấn chỉnh công tác tài chính đảng.

Công tác dân vận của Đảng bộ năm qua có nhiều chuyển biến rõ nét, đặc biệt là tập trung vận động nhân dân thực hiện 9 nhiệm vụ trọng tâm năm 2001 và 7 chương trình công tác trọng tâm từ năm 2001-2005. Phong trào quần chúng về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, củng cố an ninh - quốc phòng thu được nhiều kết quả. Đã tổ chức gặp mặt hướng dẫn tham quan học tập cho trên 300 đại biểu dân tộc Mông, Dao qua đó đồng bào dân tộc ít người thấy rõ sự quan tâm của Đảng, Nhà nước. Các cấp ủy Đảng có sự quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác dân vận, tổ chức 15 lớp với 905 học viên về công tác Mặt trận, phụ nữ, thanh niên, nông dân. Mở các lớp học tiếng Mông phục vụ công tác dân vận trong tình hình mới. Đã tiến hành khảo sát, điều tra tình hình kinh tế - xã hội ở 50 xã có lợi dụng tôn giáo, truyền đạo trái phép để có giải pháp ổn định đời sống, phát triển sản xuất của nhân dân. Tiến hành ban hành và tổ chức thực hiện nghị quyết về công tác vận động quần chúng trong tình hình hiện nay, củng cố tổ chức dân vận, dân tộc ở các huyện, thị ủy.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội có nhiều hình thức hoạt động hướng về cơ sở, đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận

động nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Các phong trào và các cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống kinh tế, văn hóa, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, cơ quan được đẩy mạnh. Nhiều phát sinh từ cơ sở và các vấn đề xã hội được giải quyết, xử lý.

Hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp trong năm qua có nhiều tiến bộ, công tác giám sát của Hội đồng nhân dân được tăng cường với các chương trình cụ thể. Đã có nhiều đổi mới trong công tác điều hành của các cấp, các ngành, công tác cải cách hành chính đã có bước tiến nhất định, nhất là trong phân công, phân cấp quản lý từ tỉnh đến cơ sở; trách nhiệm và tính chủ động của các cấp được tăng cường. Sự phối hợp điều hành giữa các ngành, các cấp có tiến bộ, góp phần thực hiện dân chủ hóa đời sống xã hội.

Tuy nhiên, một số cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương, nhất là ở cấp cơ sở chuyển biến chưa mạnh, chưa kịp với yêu cầu, chưa tạo ra chuyển biến thực sự ở cấp mình, địa phương mình, tư tưởng trông chờ, ỷ lại vẫn còn. Phong cách lãnh đạo ở một số đảng bộ chưa đổi mới. Một số nơi, cán bộ cơ sở năng lực còn yếu, chưa chủ động được công việc, xử lý các vấn đề đặt ra còn lúng túng. Việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, phát hiện và xử lý kỷ luật đảng viên còn nhiều trường hợp chưa kịp thời. Duy trì thực hiện nền nếp sinh hoạt đảng ở một số tổ chức cơ sở đảng chưa tốt, tính chiến đấu trong sinh hoạt đảng chưa cao.

Đánh giá chung:

Năm 2001, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã có nhiều cố gắng triển khai nhiệm vụ chính trị đã được xác định ở 9 nhiệm vụ trọng tâm mà ở đó đã thực hiện mục tiêu “Phát triển kinh tế là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt”. Triển khai kịp thời các chủ trương, các nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy và các cấp ủy Đảng. Đảng bộ phát huy truyền thống đoàn kết, đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền, các đoàn thể... theo hướng gần dân sát cơ sở, chọn những vấn đề bức xúc như xóa đói, giảm nghèo, tăng

cường kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, chăm lo xây dựng tổ chức và đào tạo đội ngũ cán bộ, phát triển đảng viên mới nâng cao chất lượng của cả hệ thống chính trị.. thực hiện và phát huy tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt đảng và quản lý kinh tế - xã hội. Đảng bộ đã ban hành 11 nghị quyết chuyên đề, 7 chỉ thị, 8 chương trình 11 kế hoạch, đã phê duyệt xong các đề án theo Kế hoạch 03-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và phân công chỉ đạo, thực hiện cụ thể. Nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống thông qua kế hoạch hàng năm để toàn xã hội thực hiện. Các cấp các ngành có quy chế và thực hiện khá nghiêm chỉnh, có chương trình công tác trọng tâm phù hợp với thực tế đã yêu cầu lãnh đạo, công tác kiểm tra được chú ý... Vì vậy, năm 2001 tất cả nhiệm vụ chính trị, chỉ tiêu kế hoạch nhà nước đều hoàn thành vượt mức và tăng nhiều so với cùng kỳ năm trước, chủ quyền quốc gia được giữ vững, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo, cán bộ, đảng viên và nhân dân tin tưởng ở sự lãnh đạo của Đảng bộ các cấp, sự điều hành của chính quyền và phương thức hoạt động của đoàn thể.

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GDP) đạt 1.092 tỷ đồng (giá so sánh 1994), tăng 7,94% so với năm 2000 (kế hoạch năm 2000 tăng 7,6%); trong đó: khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 6,13%, khu vực công nghiệp - xây dựng cơ bản tăng 7,64%; dịch vụ tăng 10,56%. Cơ cấu GDP tiếp tục chuyển dịch: khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản 46,2% (giảm 0,41% so với năm 2000); khu vực công nghiệp - xây dựng cơ bản 19,6% (giảm 0,39% so với năm 2000); khu vực dịch vụ 34,2% (tăng 0,8% so với năm 2000); tỷ lệ huy động ngân sách trên địa bàn so với GDP đạt 14% (năm 2000 là 13,9%). GDP bình quân đầu người đạt 2,52 triệu đồng/năm, tăng 8,3% so với năm 2000. Cơ sở hạ tầng tiếp tục được cải thiện, nhất là ở các xã đặc biệt khó khăn. Diện phủ sóng phát thanh - truyền hình, điện thoại tiếp tục mở rộng. Hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ. Đời sống nhân dân được nâng lên mọi mặt.

Tuy nhiên, vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở một số nơi chậm và lúng túng; là một tỉnh tỷ lệ xã thuộc diện đặc biệt khó khăn còn

rất cao, năng lực một số cán bộ nhất là ở cơ sở chưa chuyển biến kịp, chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đổi mới và công nghiệp hóa, hiện đại hóa; tư tưởng ỷ lại, trông chờ ngay cả trong cán bộ và nhân dân còn nặng nề. Chất lượng xây dựng một số công trình ở vùng sâu, vùng xa còn thấp. Những vấn đề xã hội như di dịch cư tự do, tuyên truyền đạo trái phép, khiếu kiện, trọng án còn xảy ra đó là những yếu tố tiềm ẩn cho sự mất ổn định và an ninh phức tạp mà các thế lực thù địch đang triệt để lợi dụng chống phá chúng ta.

Nguyên nhân của những yếu kém biểu hiện tập trung là: Khâu giáo dục chính trị tư tưởng và đào tạo cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra, chưa quản lý và triển khai đồng bộ các nội dung của các chương trình nhất là xóa đói, giảm nghèo, một số cấp ủy, chính quyền, ban, ngành chưa sâu sát cơ sở, chưa thực sự làm tốt công tác tham mưu, thiếu tính chủ động, năng động, sáng tạo, chưa phát huy hết tinh thần trách nhiệm, vai trò tham mưu, tư tưởng trông chờ ỷ lại còn nặng nề, mặt khác nguồn nhân lực và chất lượng nhân lực của tỉnh ta còn thấp so với yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang là những cản trở. Hiệu quả công tác lãnh đạo ở một số chi, đảng bộ cơ sở chưa thực sự được đề cao, tinh thần trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa cao.

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2002

Năm 2002 có vị trí rất quan trọng, là năm thứ hai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII, là năm triển khai đồng bộ các đề án, các nghị quyết chuyên đề trên phạm vi toàn tỉnh và là năm kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Đảng bộ Lào Cai tạo ra bước phát triển mới để thực hiện kế hoạch 5 năm 2001-2005 thắng lợi. Yêu cầu toàn Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Lào Cai phát huy các thuận lợi, khắc phục khó khăn, phát huy truyền thống đoàn kết, thực hiện tốt Quy chế dân chủ đồng thời

sử dụng có hiệu quả mọi nguồn nhân lực, giữ vững ổn định chính trị, an ninh quốc phòng và xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh có hiệu lực và hiệu quả, phát triển kinh tế, giải quyết tốt những vấn đề xã hội.

Vì vậy, năm 2002 cần tập trung vào một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

I. VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu năm 2002

1. Giá trị tổng sản phẩm trong tỉnh GDP (giá thực tế) đạt 1.714 tỷ đồng. Cơ cấu GDP: Nông, lâm nghiệp 45,1%, công nghiệp, xây dựng 20,5%, thương mại - dịch vụ 34,4%.

2. Tốc độ tăng trưởng GDP từ 8% trở lên.

3. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp tăng 4,9%; công nghiệp, xây dựng tăng 13%; thương mại - dịch vụ tăng 9,2%. Tổng mức bán lẻ xã hội tăng 10%.

4. Tổng sản lượng lương thực có hạt từ 173.000 tấn trở lên.

5. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu (địa phương) trên 20 triệu USD.

6. Thu ngân sách trên địa bàn 250 tỷ đồng; trong đó thu từ kinh tế cửa khẩu 150 tỷ đồng, thu nội địa 80 tỷ đồng.

7. Giảm tỷ lệ sinh 0,1%.

8. Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đến trường 95%.

9. Giải quyết việc làm cho 11.000 lao động.

10. Tỷ lệ hộ đói giảm nghèo giảm 3-4%.

11. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm 3%. Tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng mở rộng trên 90%.

12. Tỷ lệ số hộ được cấp nước sinh hoạt đạt 60%, tăng khoảng 15%.

13. Tăng thêm 5 xã có đường ô tô đến trung tâm, nâng tổng số xã có đường ô tô đến trung tâm là 176 xã.

14. Tăng thêm cho 25 xã có điện lưới quốc gia, đưa tổng số là 105 xã có điện.

15. Cơ bản ổn định dân cư, định canh định cư, hạn chế tới mức thấp nhất, tiến tới chặn đứng di cư tự do, sắp xếp ổn định dân cư cho 1.500 hộ, 8.500 khẩu, trong đó khu vực biên giới 300 hộ.

16. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 36%.

17. Tỷ lệ phát sóng phát thanh 70%; tỷ lệ phủ sóng truyền hình 68%.

2. Nhiệm vụ và biện pháp phát triển một số ngành, lĩnh vực chủ yếu

a) Phát triển nông - lâm nghiệp và nông thôn:

Tập trung đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn một cách đồng bộ, kịp thời theo các đề án về phát triển nông nghiệp, nông thôn nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu xóa đói, giảm nghèo, ổn định dân cư, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp. Năm 2002 phấn đấu tăng giá trị sản xuất toàn ngành 4,9% (giá so sánh năm 1994). Do vậy, phải đầu tư ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ mới để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trong sản xuất. Phát triển mạnh vùng cây công nghiệp, trồng mới 1.200 ha chè, 500 ha cây ăn quả, 1.100 ha rừng tập trung nghiên cứu trồng thuốc lá. Tiếp tục xây dựng các vùng chuyên canh lúa, cây thực phẩm; đưa các giống ngô, đậu tương cao sản, chất lượng tốt vào vùng cao, hình thành các vùng sản xuất ngô, đậu tương hàng hóa. Giữ vững nhịp độ phát triển đàn gia súc, gia cầm. Đẩy mạnh công tác quy hoạch vùng sản xuất cây, con. Phát triển cây rau, hoa cao cấp.

Ưu tiên đầu tư cao hơn cho phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn theo các chương trình: Giao thông nông thôn, kiên cố hóa kênh mương, thủy lợi, nước sinh hoạt... phát triển mạnh hệ thống mạng lưới thương nghiệp, dịch vụ phục vụ sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Tiếp tục thực hiện chính sách trợ giá, trợ cước đối với giống và vật tư nông nghiệp, bao tiêu sản phẩm và các chính sách xóa đói, giảm nghèo.

Xây dựng vùng sản xuất giống kỹ thuật: lúa, ngô, đậu tương nội địa, chè, cây công nghiệp và cây lâm nghiệp... để chủ động cung ứng

giống cho nhân dân. củng cố và xây dựng Trung tâm giống, là đầu mối ứng dụng, chuyển giao, liên kết và cung cấp giống cho sản xuất.

Khuyến khích phát triển mạnh các mô hình trang trại, vườn rừng, ngành nghề truyền thống ở nông thôn. Tập trung sắp xếp ổn định dân cư, nhất là ở các xã biên giới, các vùng thiếu đất sản xuất và nước sinh hoạt, các vùng có nguy cơ không an toàn về thiên tai đạt 1.500 hộ, trong đó khu vực biên giới 300 hộ.

b) Phát triển công nghiệp:

Phấn đấu giá trị sản xuất công nghiệp tăng 16,4% so với năm 2001, trong đó công nghiệp địa phương tăng 17,4%.

Triển khai thực hiện các đề án, chính sách về khuyến khích phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, sắp xếp đổi mới các doanh nghiệp nhà nước.

Tích cực tìm kiếm và mở rộng thị trường cho sản phẩm công nghiệp, đặc biệt là sản phẩm khai khoáng. Khuyến khích đầu tư mở rộng, đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ đáp ứng yêu cầu chất lượng sản phẩm. Tăng cường đầu tư cho công nghiệp chế biến nông, lâm sản: chè, bột giấy và giấy, sản phẩm gỗ nhân tạo.

Mở rộng liên doanh với nước ngoài để phát triển khu công nghiệp bắc thị xã Lào Cai. Tích cực tham gia xây dựng các khu công nghiệp của Trung ương trên địa bàn.

c) Đầu tư xây dựng cơ bản:

Tập trung vào một số lĩnh vực trọng điểm:

Đầu tư theo các chương trình mục tiêu quốc gia đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả, phát huy tinh thần dân chủ từ cơ sở đặc biệt đối với Chương trình 135. Triển khai mạnh chương trình kiên cố hóa kênh mương, đề án giao thông nông thôn, chương trình chất lượng và nước ăn, điện, chế biến nông sản. Tập trung đầu tư kinh tế của khẩu Lào Cai theo quy hoạch được duyệt bằng nguồn thu được để lại theo quy định. Đầu tư hệ thống cấp nước ăn của 5 trung tâm huyện chưa được đầu tư xây dựng.

Đầu tư cụm đô thị Lào Cai - Cam Đường theo đề án được duyệt,

phấn đấu đến năm 2005 có đủ điều kiện đưa thị xã Lào Cai - Cam Đường thành thành phố Lào Cai.

Hoàn chỉnh dự án vay vốn AFD (Pháp) trong thời gian gần nhất để tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng đường, điện, cấp nước đô thị cụm Lào Cai - Cam Đường.

Xây dựng kè sông biên giới quốc gia ở nơi xung yếu theo dự án duyệt: kè khu vực cửa khẩu ven sông Hồng và sông Nậm Thi.

Đầu tư xây dựng đường tuần tra biên giới quốc gia theo dự án được duyệt tạo điều kiện cho việc cấm mốc biên giới và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ đất nước.

Tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng khu du lịch Sa Pa và hoàn thiện các điểm du lịch để đưa vào khai thác sử dụng. Mở rộng đầu tư khu du lịch đến địa bàn huyện Bắc Hà, Bát Xát.

d) Tài chính - ngân hàng:

Tích cực khai thác mọi nguồn thu cho ngân sách, bảo đảm thu đúng, thu đủ theo các sắc thuế đã ban hành. Phấn đấu thu ngân sách trên địa bàn 250 tỷ đồng, đạt tỷ lệ huy động ngân sách trên địa bàn so với GDP trên 15%. Thực hiện tốt việc phân cấp quản lý ngân sách để cơ sở chủ động và khuyến khích các khoản thu vượt để lại đầu tư cho cơ sở.

Đáp ứng đầy đủ kịp thời các khoản chi theo dự toán, chi đầu tư xây dựng cơ bản, các chương trình mục tiêu, chi lương và sự nghiệp xã hội, tiếp tục thực hiện thí điểm hình thức khoán chi và tăng cường kiểm soát đảm bảo chi đạt hiệu quả cao, đúng mục đích. Ban hành một số cơ chế, chính sách ưu đãi của địa phương để thu hút vốn đầu tư của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước; mở rộng liên doanh liên kết để có nguồn vốn cho đầu tư phát triển theo các mục tiêu trong các đề án đã xác định.

Đẩy mạnh huy động nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước, tích cực huy động nguồn vốn nhân rồi trong nhân dân, tiếp tục thực hiện cải tiến chính sách hỗ trợ lãi suất cho hộ nghèo vay, chu kỳ vay vốn, thủ tục vay đảm bảo đơn giản, thuận lợi cho các thành phần kinh tế, đặc biệt là hộ nông dân.

e) Thương mại - du lịch:

Tiếp tục đổi mới công tác chỉ đạo hoạt động xuất, nhập khẩu, thu phí và lệ phí tại các Cửa khẩu Lào Cai; nghiên cứu và xây dựng những chính sách, cơ chế phù hợp tạo điều kiện thông thoáng môi trường, thuận lợi cho các tổ chức cá nhân tham gia hoạt động thương mại. Đầu tư xây dựng khu kinh tế cửa khẩu và các chợ biên giới, chợ nông thôn, xây dựng trung tâm thương mại.

Củng cố hệ thống thương mại quốc doanh, đáp ứng đầy đủ kịp thời các mặt hàng chính sách, mặt hàng thiết yếu cho nhân dân, thu mua hàng hóa nông sản phẩm cho nhân dân vùng cao.

Có chính sách khuyến khích phát triển mạnh du lịch, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo chương trình du lịch của Chính phủ phê duyệt, mở rộng các địa bàn hoạt động và các hình thức dịch vụ, đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên du lịch đầy đủ tiêu chuẩn, đáp ứng yêu cầu. Tổ chức tốt “Chương trình Du lịch - Thể thao” tháng 4-2002 tại huyện Bắc Hà. Thu hút lượng khách đến địa bàn khoảng 230 nghìn lượt người tăng 14%, trong đó khách quốc tế 185 nghìn người, tăng 15,6%.

II. VĂN HÓA - XÃ HỘI

Củng cố và duy trì chất lượng và kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ, đẩy nhanh tiến độ phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở. Tăng số trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia. Tiếp tục mở rộng quy mô trung học phổ thông. Đẩy mạnh giáo dục chuyên nghiệp và mở rộng các hình thức giáo dục thường xuyên, nâng cao dạy và học, củng cố hệ thống trường lớp. Tăng cường xã hội hóa công tác giáo dục, đào tạo.

Tăng cường hoạt động văn hóa - thông tin - thể thao cả về số lượng và chất lượng, hướng hoạt động về cơ sở. Khắc phục tình trạng cơ sở vùng sâu vùng xa thiếu vắng hoạt động văn hóa. Tổ chức tốt các hoạt động lễ hội nhân dịp đón xuân mới phù hợp với xây dựng đời sống văn hóa ở địa phương. Kết hợp phong trào thể thao quần chúng

và thể thao thành tích cao. Tiếp tục phát động phong trào toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại và phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư. Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, chống hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan và lợi dụng tôn giáo.

Tiếp tục thực hiện đề án giải quyết việc làm và đề án xóa đói, giảm nghèo, đẩy mạnh công tác cho vay vốn quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm, tăng cường công tác đào tạo nghề để nâng cao số lao động qua đào tạo, nhằm đáp ứng nhu cầu về lao động kỹ thuật trong thời gian tới. Giải quyết tốt chế độ chính sách cho người lao động và người có công. Thực hiện tốt công tác cứu trợ nhân đạo, giảm nhẹ thiên tai.

Tiếp tục thực hiện củng cố mạng lưới y tế cơ sở, tăng cường đưa bác sĩ về trung tâm cụm xã. Đẩy mạnh y tế chuyên sâu, tạo ra cán bộ y tế giỏi ở các chuyên ngành, luôn luôn rèn luyện nâng cao y đức cho cán bộ ngành Y tế, chủ động phòng, chống dịch bệnh kịp thời, không để dịch bệnh lớn xảy ra và tử vong do dịch bệnh. Phấn đấu giảm tỷ lệ sinh, tăng cường xã hội hóa công tác y tế; bảo đảm tiêm chủng đầy đủ cho trẻ em trong độ tuổi.

Tiếp tục tăng cường, đôn đốc các chủ nhiệm đề tài, dự án thực hiện tốt nội dung và tiến độ. Tăng nhanh tiến độ duyệt các đề tài, dự án, chú trọng các đề tài, dự án phục vụ thiết thực chương trình kinh tế - xã hội của tỉnh. Thực hiện tốt các hoạt động bảo vệ môi trường, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, thông tin tư liệu- sở hữu công nghiệp và công tác thanh tra, khuyến khích các đơn vị tự công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm.

III. CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG - AN NINH VÀ ĐỐI NGOẠI

- Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, các Ban cán sự, Đảng đoàn đối với các cơ quan nội chính, đặc biệt tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) của Đảng, các nghị quyết của tỉnh về công tác nội chính. Giữ vững an ninh chính trị, an ninh biên giới và trật tự, an toàn xã hội, thực hiện tốt Nghị quyết 08 của Bộ Chính trị và

chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chiến lược an ninh quốc gia.

- Tăng cường quản lý công tác quân sự quốc phòng, quản lý chặt chẽ vũ khí, trang thiết bị kỹ thuật, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, công tác tuyển quân đảm bảo chất lượng và số lượng; nâng cao chất lượng huấn luyện và các hoạt động tác chiến của dân quân tự vệ và quân dự bị động viên theo kế hoạch. Nâng cao chất lượng chính trị và tác chiến phòng thủ của lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên đáp ứng với tình hình mới hiện nay. Chỉ đạo chặt chẽ xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, huyện; tích cực luyện tập, diễn tập sát với thực tế của địa phương; chủ động đối phó với mọi tình huống, không bị động, bất ngờ, lúng túng; giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh xác định rõ kẻ thù, phòng, chống có hiệu quả âm mưu “diễn biến hòa bình”, “bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch đứng đầu là đế quốc Mỹ, thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên địa bàn. Thực hiện tốt kế hoạch diễn tập phòng, chống bão lũ và giảm nhẹ thiên tai.

- Thường xuyên nắm vững tình hình cơ sở, phát hiện kịp thời hoạt động của các đối tượng liên quan đến an ninh chính trị. Đấu tranh kiên quyết với các hoạt động cài, móc nối, mua chuộc. Tôn trọng tự do tín ngưỡng của nhân dân, nhưng phải có thái độ kiên quyết với những đối tượng lợi dụng tôn giáo tuyên truyền đạo trái phép, thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 06-CT/UB, ngày 16-3-2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Kế hoạch số 02, ngày 8-5-2001 của Ban 184 của tỉnh về chống di dịch cư tự do và truyền đạo trái phép. Tăng cường công tác xây dựng cơ sở chính trị ở các xã có nhiều vấn đề phức tạp về di cư tự do và truyền đạo trái phép.

- Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật của tỉnh cần tích cực đổi mới phương pháp, hình thức, nội dung tuyên truyền giáo dục pháp luật nhất là ở các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc ít người trong tỉnh, thực hiện 100% xã, phường, thị trấn có tủ sách pháp luật, thành lập và chỉ đạo hoạt động có hiệu quả của Hội Luật gia tỉnh, xây dựng ý thức quốc gia, quốc giới trong nhân dân.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan nội chính trong công tác phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án, giải quyết dứt điểm, kịp thời xử lý nghiêm minh các vụ việc xảy ra trên địa bàn, đặc biệt là các vụ trọng án. Phối hợp thực hiện tốt Thông tư 03/LN về việc tiếp nhận, quản lý và xử lý tin báo tội phạm.

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ban, ngành tăng cường công tác nắm tình hình trong nhân dân, phát huy trách nhiệm của các ngành trong Khối Nội chính, tập trung giải quyết các vụ khiếu nại, tố cáo còn tồn đọng, các vụ án và các vụ việc khác liên quan đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, không để dây dưa, kéo dài, tạo kẽ hở cho kẻ địch lợi dụng.

- Các cơ quan chống buôn lậu và quản lý cửa khẩu tập trung phòng, chống buôn lậu và gian lận thương mại. Thực hiện tốt các quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với khu kinh tế cửa khẩu.

- Tập trung chỉ đạo, hoàn tất kế hoạch phân giới và tổ chức thi công cắm thí điểm cột mốc biên giới trên địa bàn tỉnh theo đúng kế hoạch phân cắm mốc của Ủy ban liên hợp phân giới, cắm mốc biên giới trên đất liền Việt Nam- Trung Quốc. Thực hiện nghiêm chỉnh Hiệp ước biên giới trên bộ của hai Nhà nước Việt Nam - Trung Quốc đã ký kết ngày 31-12-1999.

- Tổ chức các hoạt động đối ngoại với một số tỉnh phía tây nam Trung Quốc và một số nước nhằm phát triển kinh tế đối ngoại, kinh tế du lịch.

IV. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN, MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN

- Tiếp tục quán triệt, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII, các nghị quyết Trung ương, Tỉnh ủy tới cán bộ, đảng viên và nhân dân. Tổ chức quán triệt, thực hiện các nghị quyết chuyên đề về các đề án của tỉnh đã được phê duyệt nhằm tạo ra sự chuyển biến toàn diện. Tổ chức tốt các ngày lễ, ngày kỷ niệm trong năm 2002.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động công tác chính trị tư tưởng, đẩy mạnh việc đưa thông tin về cơ sở, thực hiện tốt công tác thông tin, kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, để có chủ trương, biện pháp đúng đắn, phù hợp. Tổ chức kỷ niệm 55 ngày thành lập Đảng bộ tỉnh (5-3-1947 – 5-3-2002) thiết thực, tạo được phong trào sâu rộng. Tiếp tục thực hiện việc bù xuất bản báo Lào Cai và báo Vùng cao với số lượng lớn hơn và cấp báo Nhân dân cho các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn, thực hiện dự án cấp ti vi và radio một cách thiết thực.

- củng cố, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng, nhất là ở cơ sở đảm bảo thông tin nhanh, nhạy, kịp thời, chính xác và hiệu quả. Chú trọng giáo dục nâng cao nhận thức chính trị, khơi dậy, phát huy truyền thống, lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ mục tiêu đề ra. Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị làm cho cán bộ, đảng viên vừa nắm được lý luận, vừa có phương pháp hoạt động trong thực tế. Tổ chức Hội thi báo cáo viên giỏi về Nghị quyết Đại hội IX của Đảng.

- Tổ chức thực hiện đề án về sắp xếp tổ chức và cán bộ theo Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII). Tập trung để thực hiện luân chuyển, tăng cường cán bộ đi huyện, xã, đánh giá bổ nhiệm lại cán bộ theo tinh thần Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 4-12-2001 và Quyết định số 169-QĐ/TU, ngày 4-12-2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc ban hành quy định, đánh giá bổ nhiệm lại cán bộ. Thực hiện kiện toàn lại các Đảng đoàn, Ban cán sự, tổ chức đảng theo Quy định số 14-QĐ/TW, ngày 16-11-2001 của Ban Chấp hành Trung ương cụ thể thi hành Điều lệ Đảng.

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) theo tinh thần nội dung Chỉ thị 03 của Bộ chính trị và Kế hoạch 06 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kết luận số 04-KL/TW, ngày 19-11-2001 của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương. Thực hiện tổng kết 3 nghị quyết của Trung ương Đảng về công tác tổ chức và cán bộ; chỉ

đạo thành công Đại hội Hội Cựu chiến binh và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Lào Cai.

- Tăng cường xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Làm tốt công tác phát triển đảng viên mới, chú trọng những nơi vùng sâu, vùng xa, những thôn, bản chưa có đảng viên, đặc biệt là đối tượng người dân tộc ít người và nữ. Hàng năm đều chấm điểm để xét công nhận tổ chức cơ sở đảng và đảng bộ trực thuộc danh hiệu trong sạch, vững mạnh (việc tặng cờ theo quy định của Trung ương).

- Nâng cao trách nhiệm của các tổ chức cơ sở đảng và cấp ủy viên các cấp. Tăng cường công tác kiểm tra, triển khai thực hiện tốt chương trình công tác kiểm tra của cấp ủy và Ủy ban Kiểm tra các cấp nhằm nâng cao vai trò lãnh đạo, phát hiện và kịp thời xử lý những sai phạm. Sửa đổi quy chế làm việc của Ủy ban kiểm tra các cấp theo Quyết định số 10-QĐ/TW, ngày 25-9-2001 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

Về công tác chính quyền: Tập trung thực hiện có hiệu quả việc cải cách hành chính, xây dựng chính quyền các cấp ngày càng trong sạch vững mạnh. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo điều hành, thực hiện giải quyết kịp thời các nguyện vọng chính đáng của dân, tổ chức thực hiện các nội dung của đề án liên quan xây dựng chính quyền, giải quyết khiếu nại tố cáo và nâng cao khả năng quản lý kinh tế - xã hội.

- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể phải tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động theo hướng nâng cao chất lượng, số lượng hội viên, đoàn viên, vận động nhân dân thực hiện tốt các chương trình, phong trào, Quy chế dân chủ, thực hiện các chủ trương, các nội dung của các đề án của Tỉnh ủy, tham gia tích cực vào việc xóa đói, giảm nghèo, phát triển sản xuất. Thực hiện tốt Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, phát huy vai trò người có uy tín trong các dân tộc, dòng họ, chống tuyên truyền đạo trái phép, di cư tự do...

- Các cấp ủy Đảng chủ động lãnh đạo làm công tác dân vận với phương châm “gần dân, sát cơ sở”, “nghe được dân nói, nói cho dân hiểu, làm cho dân tin”. Triển khai thực hiện đề án “phòng chống các hoạt động lợi dụng tôn giáo và truyền đạo trái phép trên địa bàn tỉnh Lào Cai”, ổn định đời sống nhân dân.

- Chỉ đạo tổ chức tốt cuộc bầu cử Quốc hội khóa XI vào ngày 19-5-2002.

- Thực hiện tốt công tác quản lý tài chính Đảng nhằm sử dụng hiệu quả nhất tài chính Đảng phục vụ thực hiện nhiệm vụ chính trị của các cấp ủy Đảng.

- Ban hành một số nghị quyết chuyên đề theo chương trình công tác toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Tổ chức phát động, thực hiện phong trào thi đua yêu nước nhằm thực hiện thắng lợi toàn diện nhiệm vụ chính trị của địa phương.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

PHỤ LỤC

Tổng hợp một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2001

Mục tiêu năm 2002

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2001	2001/2000 (%)	Năm 2002	2002/2001
I. Chỉ tiêu tổng hợp					
1. Dân số trung bình:	1000 người	622	102,1	634	101,9
- Tỷ lệ tăng dân số	%	2,07		1,95	
2. Tổng sản phẩm GDP					
- Giá thực tế	Tỷ đồng	1.570	110,7	1.714	109,4
- Cơ cấu GDP (giá thực tế)	%	100		100	
+ Nông, lâm nghiệp	%	46,2	99,12	45,16	-1,01
+ Công nghiệp xây dựng	%	19,6	98,05	20,42	+0,81
+ Dịch vụ	%	34,2	102,4	34,42	+0,20
- Giá so sánh 1994	Tỷ đồng	1.092	107,94	1.174	108
+ Nông, lâm nghiệp	Tỷ đồng	495	106,13	516	104,9
+ Công nghiệp xây dựng	Tỷ đồng	217	107,64	243	113
+ Dịch vụ	Tỷ đồng	380	110,56	415	109,2
3. Giảm hộ đói nghèo	Hộ	3.440		3.784	110
- Tỷ lệ đói nghèo còn lại	%	26,8	-3,16	23,43	-3,37

II. Nông lâm nghiệp					
1. Tổng sản lượng lương thực có hạt	1000 tấn	167	110,32	173	103,18
Trong đó: + thóc	1000 tấn	122	108,07	125	103,19
+ Ngô	1000 tấn	448	117,09	48	107,62
2. Năng suất cây trồng chính					
- Lúa ruộng	Tạ/ha	38,98	105,15	39,33	100,92
+ Vụ đông - xuân	Tạ/ha	45,27	103,55	46,5	102,72
+ Vụ mùa	Tạ/ha	36,09	105,91	37	102,51
- Ngô cả năm	Tạ/ha	19,07	112	19,8	103,91
Trong đó ngô hàng hóa	Tạ/ha	35		35	100
- Đậu tương	Tạ/ha	6,36	104,18	6,36	100
Trong đó đậu tương cao sản	Tạ/ha	11		11	100
3. Diện tích cây trồng chính:					
- Cây lương thực có hạt	1000 ha	60,5	102,75	61,5	101,6
+ Lúa	1000 ha	36,75	101,07	37,08	100,92
Vụ đông - xuân	1000 ha	9,27	106,67	9,42	101,72
Vụ mùa	1000 ha	20,16	103,76	20,37	102,26
Lúa nương	1000 ha	7,32	88,83	6,9	94
+ Cây ngô cả năm	1000 ha	23,53	104,53	24,22	103,51
Ngô hàng hóa	1000 ha	3,536		4,4	124,6
+ Cây đậu tương	1000 ha	4,28	119,22	4,03	101

Trong đó, đậu tương cao sản	1000 ha	0,604	120	1,285	212
- Cây chè trồng mới	1000 ha	0,882	88,2	1,20	136,0
Trong đó, trồng chè tập trung	1000 ha	0,728	80,8	0,80	109,8
- Cây ăn quả trồng mới	1000 ha	0,50	100	0,50	100
- Chăn nuôi (1/10 hằng năm)	1000 con				
Đàn trâu	1000 con	116,9	116,5	119,2	102
Đàn bò	1000 con	17,9	101,7	18,79	104,4
Đàn lợn	1000 con	316,7	138,2	346,7	109,5
- Lâm nghiệp					
Trồng rừng tập trung	1000 ha	1,56	103	1,1	70,5
Khoanh nuôi tái sinh	1000 ha	12,5	119,8	9,1	72,8
Giao khoán bảo vệ rừng	1000 ha	128,2	110,5	142,59	111,1
Tỷ lệ che phủ rừng	%	34	+1,4	36,24	+2,24
- Giao đất tổng số	1000 ha	22,38	57,1	21,3	106,5
Đất lâm nghiệp	1000 ha	20	66,6	18,2	91
Đất nông nghiệp	1000 ha	2,38	47,6	3,1	130
III. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp					
Giá trị sản xuất (giá cố định 1994)	Tỷ đồng	350	103,86	407	116,4
Trong đó, công nghiệp Trung ương	Tỷ đồng	165,4	86,7	190,7	115,2
Công nghiệp địa phương	Tỷ đồng	184,6	171,5	216,7	117,4

Sản phẩm chủ yếu:					
Quặng apatít các loại	1000 tấn	645	82,2	820	127,1
Quặng đồng 18% Cu	1000 tấn	4,5	104,6	4,6	102,2
Quặng sắt	1000 tấn	90	113,9	80	88
Xi măng	1000 tấn	57	129,8	62,7	110
IV. Tài chính - tiền tệ					
- Tổng thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	233	118	250	107,2
Trong đó, thu nội địa	Tỷ đồng	72,5	98,5	80	110,3
Thu từ xuất, nhập khẩu	Tỷ đồng	140	137,2	150	107,1
- Tổng chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	793,1	133,4	793,3	100
- Tiền tệ tín dụng					
Tổng nguồn vốn huy động	Tỷ đồng	453,6	100,6	556	122,6
Dư nợ tín dụng	Tỷ đồng	620,8	165,7	791	127,6
V. Thương mại - Du lịch					
- Tổng mức bán lẻ xã hội	Tỷ đồng	550	112	690	110
Trong đó, thương nghiệp quốc doanh	Tỷ đồng	30,3	98,7	40,8	134
- Kim ngạch xuất, nhập khẩu	Triệu USD	21	192,8	23,1	110
Trong đó, xuất khẩu	Triệu USD	9,6	133,7	10,5	110

- Tổng lượng khách đến du lịch	1000 lượt	300	142,5	343	114,3
Trong đó khách nước ngoài	1000 lượt	160	114	215	134,3
- Tổng doanh thu du lịch	Tỷ đồng	50	151	60	120
VI. Tổng vốn đầu tư xã hội	Tỷ đồng	614	93,8	936,4	152,5
VII. Văn hóa - xã hội					
1. Giáo dục phổ thông					
Tỷ lệ trẻ em 6-14 tuổi đến trường	%	92	+3,5	93,5	+1,5
Số xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học, chống mù chữ	Xã	180	115	180	100
- Số xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học đúng độ tuổi	Xã	18	163	31	172
- Số xã đạt chuẩn trung học cơ sở	Xã	20	133	20	100
2. Y tế - kế hoạch hóa gia đình					
- Số bác sĩ/vận dân	Bác sĩ	4,42	103	4,5	101,8
- Tỷ lệ số xã có bác sĩ	%	12,2	451	30	246
- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi	%	39	- 3	36	-3
- Giảm tỷ lệ sinh	%	0,85		0,85	
3. Phát thanh - truyền hình	%				

- Tỷ lệ phủ sóng truyền hình	%	64	+4	68	+4
- Tỷ lệ phủ sóng phát thanh	%	68	+4	70	+2
VIII. Cơ sở hạ tầng và đời sống xã hội					
- Tỷ lệ xã có điện lưới quốc gia	%	43,3		57,2	+ 13,9
- Tỷ lệ xã có đường ô tô	%	96,1	7,6	98,3	+ 2,2
GDP bình quân đầu người/năm	Triệu đồng	2,52	108,49	2,70	107,1
- Lương thực có hạt bình quân đầu người	kg	268	108	272	101,5

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 39-BC/TU, ngày 18-1-2002

**Về kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ
tỉnh năm 2001**

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Năm 2001 tình hình chính trị trong nước tiếp tục ổn định, kinh tế có những bước phát triển khá vững chắc, có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh ta. Đây là năm thứ nhất của thế kỷ XXI, năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Nghị quyết Đảng bộ tỉnh lần thứ XII; phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2001-2005). Do đó, việc thực hiện các nhiệm vụ năm 2001 có ý nghĩa quan trọng, làm tiền đề cho những năm tiếp theo. Nhận thức được điều đó, cùng với việc phân công nhiệm vụ cho từng Ủy viên Ban Chấp hành, xây dựng quy chế làm việc, chương trình công tác toàn khoá, quy chế làm việc của Ủy ban kiểm tra, chương trình công tác kiểm tra năm 2001, Ban Chấp hành tập trung công sức, trí tuệ xây dựng 7 chương trình công tác trọng tâm giai đoạn 2001-2005 được cụ thể thành 27 đề án, xây dựng 9 nhiệm vụ trọng tâm của năm 2001. Qua 5 kỳ họp đã thực hiện tốt nội dung, chương trình bảo đảm đúng thời gian; đã ban hành 11 nghị quyết chuyên đề, 7 chỉ thị, 8 chương trình, 11 kế hoạch làm cơ sở chỉ đạo cho những năm tiếp theo.

Nhìn chung Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã tích cực, chủ động đổi mới phương thức lãnh đạo. Động viên toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc tỉnh Lào Cai thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị.

Kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thể hiện trên các mặt sau:

I. KIỂM ĐIỂM LÃNH ĐẠO CÁC MẶT CÔNG TÁC

1. Về quán triệt thực hiện các nghị quyết của Trung ương và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII

Ngay sau khi được Đại hội bầu, với tinh thần trách nhiệm cao Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh vừa tiến hành kiện toàn tổ chức và phân công nhiệm vụ cho từng đồng chí ủy viên Ban Chấp hành, vừa kịp thời lãnh đạo toàn Đảng bộ quán triệt, triển khai thực hiện các nghị quyết của Trung ương. Tại Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ hai (tháng 4-2001) đã thông qua chương trình công tác tư tưởng, khoa giáo toàn khoá.

Căn cứ vào Chỉ thị số 01-CT/TW, ngày 29-5-2001 và Thông báo số 03-TB/TW, ngày 15-5-2001 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Tỉnh ủy đã có Kế hoạch số 05-KH/TU, ngày 10-9-2001 về triển khai học tập Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX. Đến hết tháng 12-2001 các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc cơ bản đã triển khai xong (96% đảng viên và 86% số hộ nhân dân được quán triệt).

Về tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII:

Ngay sau khi Đại hội Đảng bộ tỉnh thành công tốt đẹp, Ban Chấp hành đã họp để triển khai Nghị quyết Đại hội, đồng thời chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch quán triệt và tổ chức học tập nghị Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII trong toàn tỉnh. Các cấp ủy Đảng đã có sự vận dụng sáng tạo vào tình hình thực tiễn của đơn vị, địa phương mình, ban hành các nghị quyết chuyên đề, đề ra chương trình hành động, kế hoạch thực hiện cụ thể, phát động phong trào thi đua sâu

rộng trong các tầng lớp nhân dân nhằm đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống.

Ngay sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Tỉnh ủy đã mở hội nghị gặp mặt báo chí toàn quốc nhằm giới thiệu tiềm năng thế mạnh, những chủ trương, chính sách của tỉnh, qua đó thu hút các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đến Lào Cai. Gặp mặt cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đã nghỉ hưu tại thị xã Lào Cai và Cam Đường để tham gia ý kiến vào các chương trình công tác của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Qua việc tổ chức quán triệt Nghị quyết Đại hội IX và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, Ban Chấp hành Đảng bộ đã thể hiện tính chủ động, đổi mới, xây dựng 7 chương trình công tác trọng tâm giai đoạn 2001-2005 với 27 đề án. Năm 2001 được cụ thể hóa bằng 9 nhiệm vụ trọng tâm, các chương trình, đề án đều mang tính khả thi cao, từ đó làm cơ sở cho các đảng bộ trực thuộc tổ chức xây dựng chương trình hành động. Do vậy được đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh hưởng ứng, các bộ, ban, ngành Trung ương và các tỉnh trong cả nước ủng hộ. Tạo ra những chuyển biến tích cực trong đời sống chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị của tỉnh, làm cho nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

2. Về lãnh đạo chương trình nông nghiệp, nông thôn, ổn định đời sống nhân dân; chương trình xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội và phát triển công nghiệp; chương trình khai thác khu vực kinh tế cửa khẩu và chương trình du lịch

Trong năm qua, nắm vững tư tưởng chỉ đạo mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII đề ra: "... Tập trung phát triển các ngành, các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn, cải thiện đời sống nhân dân, tập trung đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế; giải quyết có hiệu quả chương trình xóa đói, giảm nghèo và phát triển nông, lâm

ng nghiệp, nông thôn nhất là vùng cao, vùng sâu theo hướng sản xuất hàng hóa...”, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã chủ động triển khai toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, thông qua xác định một số mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm trong chương trình công tác toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm:

- Chương trình nông nghiệp, nông thôn và ổn định đời sống nhân dân.

- Chương trình xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và phát triển công nghiệp.

- Chương trình phát triển kinh tế khu vực cửa khẩu và chương trình du lịch.

Từ các chương trình trên đây, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã xây dựng Kế hoạch số 03-KH/TU, ngày 30-5-2001 với 12 đề án cụ thể:

Chương trình nông nghiệp, nông thôn và ổn định đời sống nhân dân gồm 5 đề án: Tập trung nghiên cứu chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp theo hướng tăng nhanh giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích canh tác. Trước hết đầu tư để chuyển nền kinh tế tự cấp, tự túc sang sản xuất hàng hóa. Trong đó tập trung các mục tiêu thâm canh lúa, chè, ngô cao sản, đậu tương và cây ăn quả; tổ chức sản xuất, cung cấp quản lý giống cây con năng suất cao, chất lượng tốt; kiên cố hóa kênh mương nội đồng vùng trọng điểm lúa; sắp xếp bố trí lại dân cư ở các xã vùng cao, biên giới, các xã đặc biệt khó khăn, xóa đói, giảm nghèo từ năm 2001-2005. Năm 2001 tạo ra đột phá mới về giống lúa lai, ngô cao sản góp phần đưa năng suất, sản lượng lương thực có hạt cao nhất từ trước tới nay.

Chương trình xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và phát triển công nghiệp gồm 5 đề án: Bảo đảm về các mục tiêu giao thông. Năm 2001 tập trung quy hoạch, quản lý kiến trúc đô thị, quy hoạch thành phố Lào Cai, phối hợp với Bộ Công nghiệp triển khai Dự án đồng Sinh Quyền, mở rộng khai thác và chế biến apatít, nâng cao chất lượng Nhà máy xi măng, triển khai nâng cấp quốc lộ 279, 4D, triển khai thi công đường trục Lào Cai - Cam Đường.

Chương trình phát triển kinh tế khu vực cửa khẩu và chương trình du lịch gồm 2 đề án. Đã điều chỉnh bước đầu quy hoạch và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực kinh tế cửa khẩu, trước hết là khu vực Cửa khẩu quốc tế Lào Cai, bảo đảm cho yêu cầu phát triển kinh tế, thương mại, du lịch, dịch vụ. Đã sớm kiện toàn Ban Quản lý kinh tế cửa khẩu đi vào hoạt động có hiệu quả. Ngoài chương trình đề án trên, tại kỳ họp lần thứ 3 (tháng 7-2001) Ban Chấp hành đã tổng kết Nghị quyết 01-NQ/TU khóa XI về chuyển dịch cơ cấu kinh tế; nghị quyết chuyên đề về phát triển nông nghiệp, nông thôn, xóa đói, giảm nghèo, sắp xếp ổn định dân cư, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa giai đoạn 2001-2005. Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ tư (tháng 10-2001), nghị quyết chuyên đề về đẩy mạnh phát triển công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp tỉnh Lào Cai giai đoạn 2001-2005.

Sự lãnh đạo đúng đắn, sâu sát, biện pháp phù hợp và hiệu quả của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh trong năm qua là nguyên nhân quan trọng hàng đầu làm cho kinh tế, xã hội của tỉnh có những bước phát triển đáng khích lệ.

Tốc độ tăng trưởng GDP gần 8%, trong đó các lĩnh vực nông, lâm nghiệp, công nghiệp xây dựng cơ bản, dịch vụ đều tăng và có bước chuyển dịch tích cực về cơ cấu. Bình quân GDP đầu người tăng 8,3% so với năm 2000. Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 167 ngàn tấn, tăng 10,8% so với năm 2000. Thu ngân sách trên địa bàn tăng 32,4%, tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 2,32% so 2000, xuất, nhập khẩu địa phương đạt 21 triệu USD vượt mục tiêu 2005; xóa đói, giảm nghèo giảm 3,16%.

3. Lãnh đạo chương trình phát triển văn hóa, giáo dục, khoa học - công nghệ, môi trường và xã hội

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xây dựng chương trình phát triển văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường và xã hội gồm 5 đề án:

- Đề án phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở tỉnh Lào Cai.

- Đề án xây dựng chính sách thu hút cán bộ khoa học - kỹ thuật, các nghệ nhân và công nhân có trình độ tay nghề cao đến làm việc tại Lào Cai và vùng cao, vùng sâu nói riêng.

- Đề án đào tạo xây dựng mạng lưới y tế cơ sở và đưa bác sĩ về xã, phường, thị trấn.

- Đề án giải quyết việc làm cho người lao động.

- Đề án bảo tồn khai thác, phát triển bản sắc văn hóa các dân tộc Lào Cai.

Tại Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ ba đã kiểm điểm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII, đồng thời ban hành Nghị quyết về phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo giai đoạn 2001-2005 và đến năm 2010. Hội nghị lần thứ năm (tháng 1-2002) ban hành Nghị quyết chuyên đề về tăng cường, củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở tỉnh Lào Cai giai đoạn 2001-2005, thông qua việc thực hiện các chương trình, đề án, nghị quyết đã góp phần nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

4. Chương trình an ninh quốc phòng và công tác đối ngoại

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã xác định 5 đề án quan trọng, nhằm tạo ra những chuyển biến tích cực trên lĩnh vực an ninh quốc phòng và đối ngoại gồm các đề án: Giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo của công dân; phòng, chống các hoạt động lợi dụng tôn giáo và truyền đạo trái phép trên địa bàn tỉnh Lào Cai; phòng, chống âm mưu “diễn biến hoà bình” và “bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch và kế hoạch đối phó với các tình huống xảy ra trong khu vực phòng thủ tỉnh, huyện. Phân giới, cắm mốc biên giới theo Hiệp ước Việt - Trung và đề án an ninh quốc phòng với nhiệm vụ phát triển kinh tế đối ngoại. Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ tư ban hành Nghị quyết về tăng cường công tác an ninh trật tự, đẩy mạnh cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, nâng cao hiệu quả giáo dục và thực hiện pháp luật trong dân cư giai đoạn 2001-2005. Qua xây dựng và thực

hiện các đề án đã góp phần giữ vững ổn định chính trị, củng cố an ninh quốc phòng tạo thêm niềm tin cho nhân dân, tạo môi trường thuận lợi, ổn định cho các nhà sản xuất kinh doanh.

Năm qua, Ban Chấp hành đã chỉ đạo làm tốt một số mặt công tác: Hoàn chỉnh bổ sung kế hoạch phòng thủ khu vực, củng cố thể trận quốc phòng toàn dân, làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ chống các hoạt động lôi kéo, móc nối của các phần tử phản động, bảo vệ tốt các ngày lễ lớn trong năm, không để xảy ra các “điểm nóng”. Tích cực chỉ đạo và có nhiều biện pháp phòng, chống các hoạt động lợi dụng tôn giáo và tuyên truyền đạo trái phép, hạn chế di dịch cư tự do, làm tốt công tác phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, đồng thời tăng cường các biện pháp giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của nhân dân.

Công tác đối ngoại có nhiều hoạt động tích cực: Phát triển khu kinh tế cửa khẩu, trao đổi hợp tác kinh tế với tỉnh Vân Nam- Trung Quốc, chuẩn bị cấm mốc biên giới Việt - Trung theo Hiệp định đã ký kết giữa hai Chính phủ...

5. Về kiện toàn cấp ủy, lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực, chương trình đánh giá, sắp xếp và luân chuyển cán bộ hướng về cơ sở

- Về kiện toàn Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh khóa XII, tháng 12-2000 bầu 45 đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành.

Ngay sau khi Đại hội Đảng bộ thành công tốt đẹp, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã họp phiên đầu tiên bầu ra Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 đồng chí, bầu Thường trực cấp ủy gồm 3 đồng chí, Bí thư và 2 Phó Bí thư; bầu Ủy ban Kiểm tra gồm 7 đồng chí, bầu Chủ nhiệm, 2 Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy. Các cơ quan của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh được kiện toàn đã nhanh chóng bước vào hoạt động.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã kịp thời thông qua quy chế hoạt động, phân công rõ nhiệm vụ của từng Ủy viên Ban Chấp hành, thông

qua chương trình hành động toàn khóa của Ban Chấp hành, làm căn cứ cho Ban Thường vụ triển khai thực hiện có hiệu quả.

- Đối với công tác xây dựng hệ thống chính trị: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã đề ra chương trình xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh có hiệu lực gồm 3 đề án: Cải cách hành chính, sắp xếp tổ chức các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, huyện; đẩy mạnh phân cấp, kết hợp với củng cố năng lực tổ chức quản lý của cấp huyện, thị và cơ sở.

Bồi dưỡng, đào tạo cán bộ chủ chốt cơ sở, tiếp tục củng cố, xây dựng và chỉnh đốn Đảng nhằm nâng cao năng lực, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, chương trình đánh giá, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý và luân chuyển, tăng cường cán bộ về cơ sở gồm 2 đề án: Kế hoạch đánh giá, bổ nhiệm lại đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh và cấp huyện theo tinh thần các Quyết định 50 và 51-QĐ/TW, ngày 3-5-1999 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 16/2000/NQ-CP, ngày 18-10-2000 của Chính phủ. Đề án sắp xếp, luân chuyển cán bộ. Các chương trình, đề án đã được duyệt thông qua nội dung và bước đầu triển khai thực hiện.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết về phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2001-2005; tiến hành sắp xếp các phòng, ban của các huyện, thị theo Nghị định số 12-NĐ/CP, ngày 26-1-1995 và thực hiện bước một Nghị quyết số 16, ngày 18-10-2000 của Chính phủ.

Tiến hành sơ kết các chương trình công tác đã triển khai như: Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và Chỉ thị số 03-CT/TW, ngày 7-6-2001 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), tổng kết Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 27-3-1998 của Tỉnh ủy về xây dựng cơ sở chính trị xã, phường, thị trấn vững mạnh; tiếp tục củng cố, xây dựng nâng cao năng lực tổ chức cơ sở đảng. Tổng kết Chỉ thị số 13-CT/TU, ngày 12-3-1999 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác lãnh đạo và tổ chức thực hiện đưa đảng viên cơ quan về tham gia sinh hoạt ở nơi cư trú; hướng dẫn thực hiện Quy

định số 76-QĐ/TW, ngày 15-6-2000 của Bộ Chính trị về việc đảng viên đang công tác ở cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú.

Năm 2001, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã phát huy dân chủ trong công tác cán bộ, thực hiện tốt các quy chế, quy định của Trung ương về công tác cán bộ, kịp thời bổ sung kiện toàn các chức vụ cán bộ chủ chốt của các sở, ban, ngành, huyện, thị trên nguyên tắc trẻ hóa đội ngũ cán bộ, bố trí đúng người, đúng việc.

Củng cố kiện toàn lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, tạo ra những chuyển biến tích cực trong công tác vận động quần chúng, nhiều phong trào và cuộc vận động đang được các tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng như: Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” và các phong trào xây dựng gia đình văn hóa, phụ nữ tiết kiệm giúp nhau làm kinh tế, thanh niên lập nghiệp, tuổi trẻ giữ nước...

Đến nay hệ thống chính trị các cấp được củng cố và tăng cường, có chuyển biến rõ nét trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng được nâng lên, đội ngũ cán bộ, đảng viên tăng cả về số lượng và chất lượng, qua dự kiến phân loại năm 2001: về tổ chức cơ sở đảng: đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh 77,1%, khá 21,6%, yếu 1,3%; phân tích chất lượng đảng viên đến 30-11-2001 dự kiến loại I: 88%, loại II: 13,08%, loại III: 0,82%, loại IV: 0,1%. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc: xuất sắc và khá: 84,4%, trung bình: 15,6%; Liên đoàn Lao động: xuất sắc và khá 85,4%; trung bình 4,6%. Hội Nông dân và Phụ nữ 100% xuất sắc và khá.

6. Lãnh đạo công tác kiểm tra và công tác dân vận

- Công tác kiểm tra:

Công tác kiểm tra của cấp ủy năm 2001 đã có nhiều cố gắng, hoàn thành nhiều nội dung chương trình công tác như: Ban hành Quy chế

hoạt động của Ủy ban Kiểm tra, xây dựng chương trình kiểm tra toàn khoá. Thực hiện chương trình kiểm tra năm 2001, gồm: Kiểm tra toàn diện huyện Văn Bàn, kiểm tra việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng I X tại 4 Đảng bộ huyện: Mường Khương, Bảo Yên, Sa Pa và Than Uyên. Cùng với Ủy ban Kiểm tra Trung ương kiểm tra tài chính của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và một số cơ quan đảng và huyện, thị, đảng ủy, thống nhất kết luận: năm 2000 và 6 tháng đầu năm 2001 không có sai sót lớn trong quản lý ngân sách đảng ở các cấp. Ngoài ra, Ban Thường vụ tổ chức kiểm tra theo chương trình đột xuất qua mỗi đợt kiểm tra đều có kết luận chỉ đạo và xử lý kịp thời diễn biến tình hình tại các địa phương.

Thông qua công tác kiểm tra đã giúp cho Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh rút ra những bài học kinh nghiệm trong chỉ đạo, nâng cao kỷ luật Đảng, nâng cao tinh thần trách nhiệm và phẩm chất đạo đức lối sống của cán bộ, đảng viên.

- Công tác dân vận:

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã xây dựng đề án: Phòng, chống các hoạt động lợi dụng tôn giáo và truyền đạo trái phép trên địa bàn tỉnh Lào Cai; tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 8b, sơ kết 3 năm thực hiện Quy chế dân chủ, ban hành Nghị quyết về công tác vận động quần chúng giai đoạn 2001-2005. Tích cực tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của năm 2001 và kế hoạch 5 năm 2001-2005. Không để tăng thêm số hộ, khẩu, thôn, bản có truyền đạo trái phép, vận động 416 hộ với 2.626 khẩu bỏ đạo, giảm 18 thôn, bản, 6 xã không còn đạo trái phép. Chỉ đạo các cơ quan tham mưu kiện toàn hệ thống Ban Dân vận, cán bộ làm công tác dân vận các cấp. Các cấp ủy, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể đều tổ chức tăng cường cán bộ về cơ sở thực hiện phương châm gần dân, sát cơ sở, nghe được dân nói, nói cho dân hiểu, làm cho dân tin. Lần đầu tiên tỉnh tổ chức các buổi gặp mặt với trên 300 đại biểu dân tộc Mông, Dao và tổ chức cho đại biểu đi tham quan Thủ đô Hà Nội, làm cho đồng bào càng hiểu rõ hơn sự quan tâm của Đảng và

Nhà nước đối với đồng bào dân tộc thiểu số và sự nghiệp phát triển nông thôn, miền núi.

7. Về đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện của Ban Chấp hành Đảng bộ

Theo quy định của Điều lệ Đảng, thông qua chế độ hội nghị Ban Chấp hành thực hiện sự lãnh đạo tập thể, trong năm 2001 qua 5 kỳ họp, Ban Chấp hành đã thực sự đổi mới phương thức lãnh đạo. Năm đầu tập trung xây dựng nghị quyết, chương trình, đề án trong đó nêu rõ mục tiêu, giải pháp cho từng thời gian cụ thể làm cơ sở cho Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể cơ chế chỉ đạo, tạo chuyển biến đồng bộ, rõ nét, làm tiền đề chỉ đạo cho những năm sau. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện quán triệt sâu sắc nguyên tắc tập trung dân chủ, giữ vững tổ chức kỷ luật, trên cơ sở quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, gắn với nhiệm vụ của từng đồng chí ủy viên Ban Chấp hành ở từng lĩnh vực công tác để lãnh đạo và chỉ đạo. Thường trực Tỉnh ủy và các ban xây dựng Đảng Tỉnh ủy tham gia quy chế, chương trình công tác trọng tâm của 16 huyện, thị, đảng ủy trực thuộc để tạo ra sự thống nhất trong việc thực hiện chương trình công tác trọng tâm của tỉnh. Trong từng kỳ họp, việc sắp xếp chương trình, nội dung, quy trình chuẩn bị và ban hành các chỉ thị, nghị quyết đều được đổi mới bảo đảm chất lượng và có tính thực tiễn cao.

Việc duy trì chế độ hội nghị của Ban Chấp hành bảo đảm đúng quy chế đề ra 3 tháng họp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp định kỳ 1 tháng/lần, (không kể đột xuất), tổ chức các buổi giao ban Thường trực Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh vào sáng thứ hai hàng tuần; giao ban với các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc ba tháng một lần. Thông qua hội nghị và giao ban, Ban Chấp hành Đảng bộ đã kịp thời nắm bắt và giải quyết các vấn đề phát sinh ở cơ sở, đồng thời chỉ đạo các Đảng bộ trực thuộc thực hiện các nhiệm vụ có hiệu quả theo đúng định hướng chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Ngoài chế độ hội nghị, căn cứ vào quy chế của Ban Chấp hành Đảng bộ, thường trực cấp ủy thường xuyên chỉ đạo các ủy viên phải giành thời gian về cơ sở nắm bắt tình hình, khắc phục bệnh quan liêu, hành chính, hạn chế những diễn biến phức tạp phát sinh ở cơ sở.

Trong tổ chức, chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ đã thể hiện rõ tư tưởng: Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, thực hiện tốt cơ chế: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý điều hành, nhân dân làm chủ và thực hiện.

II. KIỂM ĐIỂM VỀ PHẨM CHẤT CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC LỐI SỐNG CỦA BAN CHẤP HÀNH

Trong năm 2001 các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành đã tỏ rõ bản lĩnh chính trị, quan điểm lập trường giai cấp, không mơ hồ, dao động trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, khu vực và trong nước. Có nhận thức đúng đắn và sâu sắc về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định theo con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, tạo được sự nhất trí cao về ý chí và hành động.

Giữ gìn và phát huy tốt phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh, trung thực, giản dị, không lợi dụng chức quyền để vụ lợi cá nhân, gắn bó với quần chúng, tận tụy với công việc. Luôn nêu cao vai trò trách nhiệm tiên phong trong công tác, gương mẫu và nghiêm túc thực hiện có hiệu quả chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của Đảng bộ tỉnh. Các Ủy viên Ban Chấp hành đều thể hiện là những đồng chí có ý thức tổ chức kỷ luật cao, thường xuyên chăm lo vì lợi ích tập thể, không tham ô, lãng phí, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, đoàn kết nội bộ, khắc phục mọi khó khăn, thử thách, từng bước trưởng thành trong cơ chế mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Các đồng chí trong Ban Chấp hành đều có ý thức không ngừng phấn đấu học tập vươn lên, rèn luyện nâng cao kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn thể hiện khá rõ năng lực lãnh đạo, chỉ đạo điều hành thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ được phân công trên từng lĩnh vực công tác, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

III. NHỮNG TỒN TẠI

- Tiến độ duyệt các đề án để triển khai còn chậm.
- Chưa duy trì tốt định kỳ giao ban với các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc theo quy định 3 tháng/1 lần.
- Chế độ cung cấp thông tin có lúc còn chậm.
- Khai thác các thế mạnh, tiềm năng chưa tốt, cơ cấu kinh tế chuyển biến còn chậm, chưa hình thành rõ kinh tế mũi nhọn tập trung.
- Công tác giáo dục pháp luật, vận động nhân dân còn hạn chế, do vậy một số vụ việc vi phạm pháp luật xảy ra nghiêm trọng, tai tệ nạn xã hội như nghiện hút, tai nạn giao thông; di cư tự do, tảo hôn, kết hôn không đăng ký, truyền đạo trái phép còn diễn biến phức tạp.
- Năng lực đội ngũ cán bộ cơ sở nhất là nơi vùng sâu, vùng xa chuyển biến chậm. Tổ chức chính trị - xã hội ở một số cơ sở còn yếu kém. Tư tưởng trông chờ, ỷ lại còn khá nặng nề.
- Phối kết hợp các ngành, ban tỉnh và các huyện, thị có lúc còn hạn chế.
- Chương trình 661 chuyển biến chưa rõ.
- Xuất, nhập khẩu tuy đạt mục tiêu nhưng tính bền vững chưa cao.
- Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên phạm vi toàn tỉnh còn lúng túng, chuyển biến chưa rõ.
- Phong cách lãnh đạo ở một số đảng bộ, ngành chưa đổi mới, chuyển biến ở cấp cơ sở chưa mạnh, sử dụng phát huy cơ sở vật chất được đầu tư một số nơi chưa tốt, chưa tạo sự chuyển biến đáng kể, tỷ lệ hộ đói, nghèo còn cao.

IV. NGUYÊN NHÂN CỦA KẾT QUẢ VÀ TỒN TẠI

1. Nguyên nhân kết quả đạt được

Về khách quan: Là một tỉnh vùng cao, biên giới được sự quan tâm giúp đỡ có hiệu quả của các ban, bộ, ngành Trung ương trong việc đầu tư vốn, khoa học - kỹ thuật... đồng thời sự phát triển của tỉnh nằm trong mối quan hệ chung của đất nước đang trên đường đổi mới, mở rộng quan hệ đối ngoại hợp tác kinh tế với các nước, các tổ chức quốc tế.

Về chủ quan:

+ Ban Chấp hành Đảng bộ đã vận dụng đúng đắn, sáng tạo Nghị quyết Đại hội IX của Đảng vào điều kiện thực tế của tỉnh, xác định được mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm thực hiện trong từng thời gian cụ thể.

+ Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, đồng thời phát huy tính tích cực sáng tạo của cá nhân và tập thể, phát huy truyền thống đoàn kết, tinh thần lao động cần cù sáng tạo của nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

+ Đổi mới phương thức lãnh đạo, thực hiện đúng quy chế, phân công trách nhiệm rõ ràng, giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh, tuyên truyền và nhân rộng điển hình tiên tiến, ngăn chặn kịp thời những tiêu cực.

+ Tranh thủ được sự lãnh đạo của Trung ương, ủng hộ của các bộ, ban, ngành Trung ương và của các tỉnh trong cả nước.

+ Làm tốt công tác kiểm tra kịp thời uốn nắn những sai phạm trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị.

2. Nguyên nhân yếu kém

Khách quan: Là một tỉnh vùng cao, biên giới có điểm xuất phát thấp. Nhận thức của nhân dân về các lĩnh vực, nhất là phát triển kinh tế hàng hóa theo cơ chế thị trường còn hạn chế.

Chủ quan: Công tác chỉ đạo, điều hành của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ở một số ngành, huyện, thị chưa thật sự chủ động và đổi mới

phong cách chỉ đạo, chưa kiểm tra đôn đốc thường xuyên cơ sở khắc phục tư tưởng ỷ lại, trông chờ để quyết tâm thực hiện nhiệm vụ nên kết quả hạn chế. Công tác tổ chức cán bộ một số nơi chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới.

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Trong năm 2001, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã hoàn thành tốt vai trò lãnh đạo, có nhiều cố gắng triển khai các nhiệm vụ chính trị, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, thể hiện được tính tích cực, chủ động đổi mới trong phương pháp, nội dung lãnh đạo, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trên các lĩnh vực. Ban Chấp hành sớm xác định chương trình, đề án làm cơ sở cho các Đảng bộ trực thuộc xây dựng chương trình hành động; Ban Chấp hành thể hiện tính năng động, quyết đoán, giám chịu trách nhiệm. Tập thể Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực đoàn kết thống nhất cao, quan hệ và lễ lối làm việc giữa Thường trực Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân với Ban Thường vụ, Ban Chấp hành được thực hiện nghiêm túc theo quy định. Đã làm tốt công tác kiểm tra trong đó rất quan tâm đến cơ sở, tạo chuyển biến rõ nét. Vì vậy tất cả nhiệm vụ chính trị, chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội của năm 2001 đều hoàn thành vượt mức có mặt tăng nhiều so cùng kỳ năm trước. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên, tạo không khí phấn khởi, quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ năm 2002.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 11-NQ/TU, ngày 18-1-2002

Về đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2001 và một số mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm năm 2002

Thực hiện chương trình công tác năm 2002 từ ngày 8-1 đến 11-1-2002, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa XII đã tiến hành Hội nghị lần thứ năm. Sau khi xem xét báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2001 và phương hướng nhiệm vụ mục tiêu năm 2002 nghị quyết:

I. NHẤT TRÍ THÔNG QUA BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2001

Giao cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiếp thu ý kiến phát biểu của các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành hoàn chỉnh báo cáo và ban hành.

II. XÁC ĐỊNH MỘT SỐ CHỈ TIÊU LỚN TRONG NĂM 2002 NHƯ SAU

1. Giá trị tổng sản phẩm trong tỉnh GDP (giá thực tế) đạt 1.714 tỷ đồng. Cơ cấu GDP: nông, lâm nghiệp 45,1%, công nghiệp, xây dựng 20,5%, thương mại - dịch vụ 34,4%.
2. Tốc độ tăng trưởng GDP từ 8% trở lên.

3. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp tăng 4,9%; công nghiệp, xây dựng tăng 13%; thương mại - dịch vụ tăng 9,2%. Tổng mức bán lẻ xã hội tăng 10%.

4. Tổng sản lượng lương thực có hạt từ 173.000 tấn trở lên.

5. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu (địa phương) trên 20 triệu USD,

6. Thu ngân sách trên địa bàn 250 tỷ đồng, trong đó thu từ kinh tế cửa khẩu 150 tỷ đồng, thu nội địa 80 tỷ đồng.

7. Giảm tỷ lệ sinh 0,1%.

8. Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đến trường 95%.

9. Giải quyết việc làm cho 11.000 lao động.

10. Tỷ lệ hộ đói nghèo giảm 3 - 4%.

11. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm 3%, tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng đầy đủ 90%.

12. Tỷ lệ số hộ được cấp nước sinh hoạt đạt 60%.

13. Tăng thêm 5 xã có đường ô tô đến trung tâm, nâng tổng số xã có đường ô tô đến trung tâm là 176 xã.

14. Tăng thêm cho 25 xã có điện lưới quốc gia, đưa tổng số là 105 xã có điện.

15. Cơ bản ổn định dân cư, định canh định cư, hạn chế tới mức thấp nhất, tiến tới chặn đứng di cư tự do, sắp xếp ổn định dân cư cho 1.500 hộ, 8.500 khẩu, trong đó khu vực biên giới 300 hộ.

16. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 36%.

17. Tỷ lệ phủ sóng phát thanh 70%, tỷ lệ phủ sóng truyền hình 68%.

III. XÁC ĐỊNH NHỮNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG NĂM 2002

1. Tập trung thực hiện tốt các nghị quyết chuyên đề, các đề án về phát triển nông nghiệp, nông thôn, nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu xóa đói, giảm nghèo, ổn định dân cư, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp:

- Phấn đấu tăng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp 4,9% so với năm 2001.

- Trồng mới 1.200 ha chè, 500 ha cây ăn quả, 1.100 ha rừng tập trung, nghiên cứu phát triển trồng cây thuốc lá.

- Tiếp tục đầu tư phát triển các vùng chuyên canh cây trồng. Giữ vững nhịp độ phát triển đàn gia súc gia cầm.

- Ưu tiên đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn theo các chương trình hiện có (Chương trình 135, kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn, chương trình chất lợp và nước ăn, điện, chế biến nông, lâm sản...) và đẩy mạnh thực hiện chương trình giảm nghèo theo chương trình WB.

2. Triển khai thực hiện các đề án, chính sách về khuyến khích phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, tiếp tục sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 và các kết luận của Hội nghị Trung ương 4 khóa IX.

- Phấn đấu tăng giá trị sản xuất công nghiệp 16,4% so với năm 2001, trong đó công nghiệp địa phương tăng 17,4%.

- Tăng cường đầu tư cho công nghiệp chế biến nông, lâm sản như chè, giấy, gỗ nhân tạo.

- Tăng cường liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư cho phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, đặc biệt là phát triển khu công nghiệp bắc thị xã Lào Cai, khu kinh tế cửa khẩu.

3. Tăng cường quản lý, triển khai đầu tư xây dựng cơ bản theo chương trình quốc gia và các đề án của Tỉnh ủy đúng quy định và hiệu quả cao. Tập trung đầu tư xây dựng khu kinh tế cửa khẩu theo đúng quy hoạch và hệ thống cấp nước ăn cho 5 huyện chưa được đầu tư, xây dựng cụm đô thị Lào Cai - Cam Đường, kề sông biên giới, đường tuần tra biên giới, khu du lịch Sa Pa, Bắc Hà.

4. Triển khai thực hiện các đề án về phát triển kinh tế khu vực cửa khẩu và kinh tế du lịch.

5. Triển khai thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển

nguồn nhân lực, thực hiện các chính sách của tỉnh về thu hút sử dụng cán bộ khoa học - kỹ thuật có trình độ cao. Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, phấn đấu đạt và vượt mục tiêu phổ cập trung học cơ sở mà Đảng bộ đã đề ra.

6. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII theo tinh thần chỉ thị của Bộ Chính trị và kết luận của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ tư, đẩy mạnh chống tham nhũng, lãng phí, buôn lậu, tệ nạn xã hội, chống tuyên truyền đạo trái phép và di cư tự do... Thực hiện tốt kế hoạch cấm mốc trên tuyến biên giới. Tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn hiện nay.

7. Lãnh đạo thành công Đại hội Hội Cựu chiến binh và Đại hội Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Lào Cai, đẩy mạnh đổi mới nội dung và hình thức, phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể theo hướng gần dân sát cơ sở, thực hiện tốt cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, tăng cường thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, cơ quan, doanh nghiệp. Tăng cường hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể.

8. Tổ chức tốt kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Đảng bộ tỉnh. Thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về luân chuyển tăng cường cán bộ đi huyện, xã. Tổng kết 3 nghị quyết về công tác tổ chức và cán bộ; thực hiện nghiêm túc việc đánh giá đội ngũ cán bộ để thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển và sắp xếp cán bộ. Chỉ đạo tổ chức tốt cuộc bầu cử Quốc hội khóa XI vào ngày 19-5-2002. Sắp xếp lại các cơ quan Nhà nước theo quy định, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực điều hành của chính quyền các cấp, thực hiện thí điểm khoán kinh phí một số lĩnh vực.

9. Tiếp tục thực hiện tốt chương trình phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin.

10. Tổ chức triển khai đồng bộ các nghị quyết chuyên đề, các chương trình, đề án, kế hoạch đã ban hành trong đó có triển khai

thực hiện hiệu quả nghị quyết của Tỉnh ủy về việc xây dựng mạng lưới y tế cơ sở, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được thông qua tại kỳ họp thứ năm.

11. Đẩy mạnh phong trào thi đua hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu kinh tế - xã hội, đồng thời tập trung xây dựng hệ thống chính trị theo hướng trong sạch, vững mạnh... tiếp tục thực hiện có hiệu quả chủ trương “Phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt”.

Căn cứ vào những mục tiêu, nhiệm vụ trên, các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc, các Ban cán sự, Đảng đoàn cần triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 217-TB/TU, ngày 18-1-2002

**Về kết quả Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Đảng bộ
tỉnh Lào Cai khóa XII (từ ngày 8-11 tháng 1-2002)**

Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa XII kỳ họp thứ năm từ ngày 8-1-2002 đến 11-1-2002, đồng chí Giàng Seo Phủ, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy chủ trì hội nghị.

Hội nghị đã thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2001 và một số mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm năm 2002 (có nghị quyết riêng).

2. Nghị quyết về tăng cường củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2001 - 2005 (có nghị quyết riêng).

3. Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai năm 2001 (có báo cáo riêng) và tiến hành kiểm điểm, phân xếp loại các Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh năm 2001.

4. Thông qua Quy chế làm việc phân sửa đổi, bổ sung của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy (có quy chế riêng).

5. Quán triệt nội dung các kết luận của Hội nghị Trung ương 4; thông qua chương trình và kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 và các kết luận của Hội nghị Trung ương 4 khóa IX (có chương trình, kế hoạch riêng).

6. Thông qua Tờ trình số 271-TT/TU, ngày 7-1-2002 của Ban

Thường vụ Tỉnh ủy về việc sửa đổi tên một số đề án trong Kế hoạch số 03-KH/TU, ngày 30-5-2001.

Hội nghị đã thống nhất thông qua các nội dung tờ trình. Thống nhất tên gọi của 3 đề án, sửa đổi tên của 6 đề án (1 đề án chuyển thành báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, 1 đề án chuyển thành nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, 1 đề án chuyển thành quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, 1 đề án chuyển thành quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, 2 đề án chuyển thành kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh và 21 đề án giữ nguyên), (có danh mục phụ lục kèm theo). Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các đề án cụ thể theo thẩm quyền, để triển khai tổ chức thực hiện.

Hội nghị Ban Chấp hành giao cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy nghiên cứu để ban hành nghị quyết về phát triển kinh tế lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2001 - 2005.

7. Hội nghị thông qua Tờ trình số 17-TT/UB, ngày 7-1-2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung và xây dựng một số cơ chế chính sách, biện pháp để thực hiện các đề án theo Kế hoạch số 03-KH/TU, ngày 30-5-2001 của Tỉnh ủy. Hội nghị Ban Chấp hành thống nhất nội dung tờ trình và giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến bổ sung của Ban Chấp hành theo hướng (có phụ lục kèm theo) hoàn chỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy để ban hành trong quý I năm 2002.

Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn, huyện, thị, đảng ủy trực thuộc và các ban xây dựng Đảng Tỉnh ủy căn cứ chức năng nhiệm vụ tổ chức chỉ đạo thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

DANH MỤC

27 đề án theo Kế hoạch số 03-KH/TU, ngày 30-5-2001

đã sửa đổi tên và thông qua Hội nghị

Ban Chấp hành lần thứ năm

(Kèm theo Thông báo số 217-TB/TU, ngày 18-1-2002 của Tỉnh ủy)

I. Sửa đổi tên một số đề án

1. Đề án: Tập trung nghiên cứu chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp theo hướng tăng nhanh giá trị sản xuất trên một diện tích canh tác. Trước hết đầu tư chuyển dịch nền kinh tế tự cấp, tự túc sang sản xuất hàng hóa.

Nay đổi tên đề án là: Tập trung chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng tăng nhanh giá trị sản xuất trên một diện tích canh tác. Trước hết đầu tư chuyển dịch nền kinh tế tự cấp, tự túc sang sản xuất hàng hóa.

2. Đề án: Khai thác khu vực kinh tế Cửa khẩu tỉnh Lào Cai.

Nay đổi tên là: Phát triển kinh tế khu vực Cửa khẩu tỉnh Lào Cai.

3. Đề án: Phòng, chống tuyên truyền đạo trái phép.

Nay đổi tên là: Phòng, chống các hoạt động lợi dụng tôn giáo và truyền đạo trái phép trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

II. Chuyển đề án thành: Báo cáo, nghị quyết, quyết định và kế hoạch cho phù hợp

1. Đề án: Tiếp tục củng cố, xây dựng và chỉnh đốn Đảng nhằm nâng cao năng lực tổ chức, lãnh đạo của tổ chức đảng cơ sở.

Chuyển thành: Báo cáo 27-BC/TU, ngày 25-10-2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổng kết 3 năm thực hiện Nghị quyết 08 của Tỉnh ủy về tiếp tục nâng cao năng lực tổ chức, lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng giai đoạn 2001 - 2005.

2. Đề án: Sắp xếp luân chuyển cán bộ.

Chuyển thành: Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 4-12-2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai về luân chuyển, tăng cường cán bộ đi huyện, xã tỉnh Lào Cai.

3. Đề án: Kế hoạch đánh giá, bổ nhiệm lại đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh và cấp huyện theo tinh thần Quyết định 50, 51-QĐ/TW của Bộ Chính trị và Nghị định 16-NĐ/CP của Chính phủ.

Chuyển thành: Quyết định số 169-QĐ/TU, ngày 4-12-2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc ban hành quy định đánh giá, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý tỉnh Lào Cai và Kế hoạch số 11-KH/TU, ngày 4-12-2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện đánh giá, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý tỉnh Lào Cai.

4. Đề án: Xây dựng chính sách thu hút cán bộ khoa học - kỹ thuật, các nghệ nhân và công nhân có trình độ tay nghề cao đến làm việc tại Lào Cai và vùng cao, vùng sâu nói riêng.

Chuyển thành: Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc ban hành quy định tạm thời về chế độ hỗ trợ đào tạo và thu hút cán bộ khoa học - kỹ thuật, nghệ nhân, công nhân có trình độ tay nghề cao làm việc tại tỉnh Lào Cai.

5. Đề án: Kiên cố hóa kênh mương nội đồng các vùng trọng điểm lúa.

Chuyển thành: Kế hoạch thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương nội đồng các vùng trọng điểm lúa.

6. Đề án: Phân giới, cắm mốc biên giới theo Hiệp ước Việt - Trung.

Chuyển thành: Kế hoạch phân giới cắm mốc biên giới theo Hiệp ước Việt - Trung.

III. Các đề án: Sau khi chuyển tên, còn 21 đề án.

1- Đề án: Tập trung chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng tăng nhanh giá trị sản xuất trên một diện tích canh tác. Trước hết đầu tư chuyển dịch nền kinh tế tự cấp, tự túc sang sản xuất hàng hóa.

2. Đề án: Tổ chức sản xuất, cung ứng và quản lý giống cây con năng suất, chất lượng tốt.

3. Đề án: Xóa đói, giảm nghèo giai đoạn 2001 - 2005.
4. Đề án: Quy hoạch, sắp xếp bố trí lại dân cư ở các xã vùng cao, biên giới, các xã đặc biệt khó khăn.
5. Đề án: Phát triển giao thông tỉnh Lào Cai.
6. Đề án: Xây dựng thành phố Lào Cai.
7. Đề án: Xây dựng cụm công nghiệp Tăng Loỏng.
8. Đề án: Phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 2001 - 2005.
9. Đề án: Tổ chức, sắp xếp doanh nghiệp nhà nước tỉnh Lào Cai giai đoạn 2001- 2005.
10. Đề án: Phát triển kinh tế khu vực Cửa khẩu tỉnh Lào Cai.
11. Đề án: Phát triển kinh tế du lịch.
12. Đề án: Phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở tỉnh Lào Cai.
13. Đề án: củng cố mạng lưới y tế cơ sở, đưa bác sĩ về xã, phường, thị trấn.
14. Đề án: Giải quyết việc làm cho người lao động.
15. Đề án: Bảo tồn, khai thác, phát triển bản sắc văn hóa các dân tộc Lào Cai
16. Đề án: Cải tiến việc giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo của công dân.
17. Đề án: Phòng, chống các hoạt động lợi dụng tôn giáo và truyền đạo trái phép trên địa bàn tỉnh Lào Cai.
18. Đề án: Phòng, chống âm mưu diễn biến hòa bình - bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch và kế hoạch đối phó với các tình huống xảy ra trong khu vực phòng thủ tỉnh, huyện.
19. Đề án: An ninh - quốc phòng với nhiệm vụ phát triển kinh tế đối ngoại.
20. Đề án: Cải cách hành chính, sắp xếp tổ chức các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện (theo đề án Chính phủ phê duyệt). Đẩy mạnh phân cấp, kết hợp với củng cố năng lực tổ chức quản lý của cấp huyện, thị và cơ sở.
21. Đề án: Bồi dưỡng, đào tạo cán bộ chủ chốt cấp cơ sở giai đoạn 2001 - 2005.

**Một số cơ chế chính sách, biện pháp để thực hiện các đề án
theo Kế hoạch số 31 KH/TU, ngày 30-5-2001 của Tỉnh ủy**
(Kèm theo Thông báo số 217-TB/TU, ngày 18-1-2002 của Tỉnh ủy)

I. Bổ sung, điều chỉnh về một số chính sách của tỉnh

1. Về chính sách đối với dự án phát triển cây chè:

Nghiên cứu chỉnh sửa và bổ sung Quyết định số 111/1999/QĐ-UB, ngày 10-5-1999 cho phù hợp, trong đó bổ sung việc ngân sách tỉnh hỗ trợ thêm 1,5 triệu đồng/ha chè phòng hộ (nâng định mức đầu tư lên 4 triệu đồng/ha).

2. Chính sách phát triển chăn nuôi:

- Có chính sách hỗ trợ lai tạo giống mới và phục tráng giống quý hiếm địa phương.

- Phát triển đàn lợn: Đầu tư con giống bố, mẹ ngoại cho trại sản xuất giống lợn tập trung, hỗ trợ kinh phí sản xuất 2 năm đầu sản xuất giống lợn 50% thức ăn trong 2 năm đầu) và xây dựng cơ sở trại giống. Hỗ trợ 50% giá lợn nái nền và 100% giá lợn đực giống Móng Cái và Mường Khương cho nhân dân vùng phát triển đàn bò: đầu tư ban đầu cho nhân dân vay bò đực giống lai Sind và hỗ trợ 100% bò đực giống (giống bò vàng địa phương) cho đồng bào vùng 3 để Sind hóa đàn bò và phục tráng giống bò địa phương.

3. Về chính sách hỗ trợ giá giống cây ăn quả:

- Hỗ trợ giá giống: Mức hỗ trợ vùng cao không quá 80%, vùng thấp không hỗ trợ giá giống chất lượng cao, giống quý hiếm, giống mới nhập từ nước ngoài, các viện nghiên cứu trong nước để xây dựng vườn giống gốc. Mức hỗ trợ vùng cao 100%, vùng thấp 85%.

4. Về, chính sách trợ giá, trợ cước giống, vật tư nông nghiệp và tiêu thụ sản phẩm:

+ Tiếp tục thực hiện chính sách trợ giá, trợ cước giống, vật tư nông nghiệp theo quy định của Nhà nước. Ngân sách địa phương hỗ trợ theo hướng giảm dần hỗ trợ đầu vào và tăng cường hỗ trợ đầu ra.

+ Ngoài phần kinh phí hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm của Trung ương,

đối với các sản phẩm tiêu thụ gặp khó khăn, Tỉnh công bố giá sàn tiêu thụ một số nông sản phẩm chính (ngô, đậu tương, chè, cây ăn quả...) thuộc vùng thâm canh, vùng quy hoạch bảo đảm người sản xuất có lợi nhuận đến khi tạo thành vùng lớn và có thị trường tiêu thụ.

+ Có chính sách khuyến khích vật chất cho việc tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm cho người sản xuất ổn định và có hiệu quả.

5. Các chính sách quản lý, khai thác và sử dụng các công trình hạ tầng nông thôn

Sửa đổi, bổ sung quy định trách nhiệm các địa phương sử dụng lao động công ích, lao động nhàn rỗi trong dân, các doanh nghiệp đầu tư đường giao thông nông thôn, kiên cố hóa kênh mương, quản lý khai thác sử dụng và sửa chữa các công trình đã đầu tư mang lại hiệu quả. Nhà nước hỗ trợ về tư vấn, một phần vật tư và đào tạo công nhân, kỹ thuật.

6. Chính sách xóa đói, giảm nghèo

Bổ sung chính sách thưởng cho các hộ gia đình, thôn, bản, xã, huyện thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch xóa đói, giảm nghèo.

Có chính sách huy động sức dân và trách nhiệm của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo.

II. Ban hành chính sách mới

1. Chính sách hỗ trợ đào tạo và thu hút cán bộ khoa học - kỹ thuật, nghệ nhân, công nhân lành nghề bậc cao làm việc tại tỉnh Lào Cai

2. Quy chế khuyến khích đầu tư vào du lịch dịch vụ trên địa bàn tỉnh

3. Chính sách khuyến khích phát triển sản xuất giống

+ Cơ quan nghiên cứu, tổ chức sản xuất giống được miễn các khoản nộp ngân sách trong 3 năm (từ năm 2002 đến hết năm 2005).

+ Khuyến khích sản xuất giống hạt lai tại chỗ: Nhà nước bảo hiểm về sản xuất giống tại tỉnh và quản lý về giá giống; hỗ trợ tối đa nếu giá thành sản xuất cao hơn giá bán do tỉnh quy định.

+ Chỉ được nhập giống cây trồng, vật nuôi trong tỉnh chưa sản xuất được hoặc sản xuất chưa đủ cung ứng.

+ Ưu tiên đào tạo cán bộ kỹ thuật tham gia chương trình giống: Được trích lợi nhuận thu được từ việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật về giống, thưởng cho các đơn vị, cá nhân tham gia hoặc có thể vận dụng chính sách hỗ trợ đào tạo và thu hút cán bộ khoa học - kỹ thuật, nghệ nhân, công nhân lành nghề bậc cao làm việc tại tỉnh Lào Cai.

+ Vùng chuyên sản xuất giống được vay ưu đãi (kể cả nguồn vay ngân sách) cho việc sản xuất các loại giống (nhất là các giống lai) và bảo đảm mức thu nộp của dân trong vùng sản xuất giống phải cao hơn so với sản xuất trung bình.

4. Chính sách hỗ trợ, khuyến khích bảo tồn và phát triển nguồn gen quý hiếm đối với các loại cây, con của tỉnh Lào Cai.

5. Chính sách hỗ trợ di dân ở các xã vùng cao, biên giới, các xã đặc biệt khó khăn

Ngân sách địa phương hỗ trợ thêm cho việc di chuyển sắp xếp dân cư ngoài mức quy định tại Quyết định số 186/2001/QĐ-TTg, ngày 7-12-2001 của Thủ tướng Chính phủ.

6. Ban hành quy định

Cơ chế đầu giá cấp quyền sử dụng đất, thuê đất và thuê công sở để có nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng.

Hỗ trợ đền bù ruộng đất để bảo đảm mở rộng quy mô trường lớp vùng cao đạt chuẩn quốc gia.

7. Chính sách thu hút đầu tư và gọi vốn đầu tư

- Về thu hút đầu tư:

+ Hằng năm có danh mục dự án gọi vốn đầu tư nước ngoài.

+ Về thủ tục cấp phép đầu tư: Tạo hành lang thông thoáng trong việc tiếp nhận, cấp phép, giải phóng mặt bằng cho các doanh nghiệp, quy định cụ thể thời gian và tập trung một đầu mối

+ Về đất đai cho thuê: Được vận dụng khung giá tối thiểu và ngân sách địa phương chi trả hộ cho các doanh nghiệp (tùy theo vị trí cụ thể của từng lô đất để vận dụng).

+ Đối với các doanh nghiệp, tổ chức đầu tư trong nước và nước ngoài đầu tư vào các khu quy hoạch của tỉnh Lào Cai được hưởng

chính sách ưu đãi của địa phương về tiền thuê đất và được hỗ trợ 100% kinh phí giải phóng mặt bằng và tỉnh sẽ chịu trách nhiệm giải phóng mặt bằng theo đúng tiến độ của dự án đầu tư.

- + Các tổ chức và các doanh nghiệp đầu tư vào Lào Cai, nếu sử dụng lao động của địa phương sẽ được ngân sách tỉnh hỗ trợ đào tạo không quá 1 triệu đồng/một lao động.

- + Tỉnh sẽ hỗ trợ toàn bộ kinh phí chuẩn bị đầu tư thuộc phần đóng góp của các doanh nghiệp trong nước cho các dự án liên doanh với nước ngoài đầu tư vào Lào Cai.

- + Các doanh nghiệp mới kinh doanh được miễn thuế thu nhập theo quy định. Tỉnh sẽ thưởng cho các doanh nghiệp ngoài tỉnh đến Lào Cai đầu tư có hiệu quả và có đóng góp cho ngân sách tỉnh.

- *Thu hút vốn đầu tư:*

- + Có chính sách thưởng cho các doanh nghiệp xuất, nhập khẩu cao qua Cửa khẩu Lào Cai và có đóng góp cho ngân sách địa phương.

- + Chính sách thưởng cho tập thể, cá nhân có công khai thác, tìm kiếm nguồn vốn đầu tư có hiệu quả.

8. Xây dựng cơ chế chính sách thúc đẩy phát triển các loại hình doanh nghiệp và hợp tác xã

9. Chính sách văn hóa - xã hội

- + Các di tích có nguồn thu được trích một phần để sử dụng cho việc bảo vệ, quản lý và sửa chữa di tích.

- + Xây dựng chế độ thù lao đối với nghệ nhân cung cấp thông tin, truyền dạy văn hóa phi vật thể; các ông lang, bà mế, người truyền dạy những bài thuốc hay, cây thuốc quý và các phương thuốc gia truyền.

- + Chính sách thưởng cho các làng, bản đạt tiêu chuẩn làng, bản văn hóa.

- + Chính sách khuyến khích xã hội hóa công tác giáo dục và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH

Số 10-CT/TU, ngày 18-1-2002

**Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba
và các kết luận Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành
Trung ương Đảng khóa IX**

I. CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG VỀ TIẾP TỤC SẮP XẾP ĐỔI MỚI CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

1. Khái quát tình hình hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước của tỉnh

Hơn 10 năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã thực hiện nhiều chủ trương, biện pháp tích cực nhằm đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước. Đối với tỉnh Lào Cai, từ năm 1996 đến nay đã tiến hành sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước, tính đến tháng 6-2000, toàn tỉnh còn 40 doanh nghiệp nhà nước do tỉnh quản lý và 8 doanh nghiệp Trung ương hoạt động trên các lĩnh vực gồm: Xây dựng: 7 doanh nghiệp; giao thông 4 doanh nghiệp; công nghiệp 4 doanh nghiệp; thương mại - du lịch 7 doanh nghiệp; nông - lâm nghiệp 13 doanh nghiệp; ngành khác 5 doanh nghiệp.

Nhờ có đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng, sự chỉ đạo của Chính phủ, sự hỗ trợ của các ngành, các cấp, sự cố gắng phấn đấu vươn lên

của đội ngũ cán bộ quản lý và người lao động trong các doanh nghiệp. Nên nhiều năm qua, một số doanh nghiệp của tỉnh sản xuất kinh doanh đã có lãi, ngày càng thích ứng với cơ chế thị trường; hiệu quả và sức cạnh tranh từng bước được nâng lên, thu nhập và đời sống của người lao động từng bước được cải thiện. Năm 2000, các doanh nghiệp nhà nước đã đóng góp cho ngân sách nhà nước 30 tỷ 442 triệu đồng.

Tuy nhiên, doanh nghiệp nhà nước của tỉnh còn nhiều hạn chế, yếu kém:

- + Đa số các doanh nghiệp nhà nước của tỉnh thuộc loại vừa và nhỏ, cơ cấu còn nhiều bất hợp lý, phần lớn là doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ. Số doanh nghiệp hoạt động sản xuất, chế biến còn ít, trình độ công nghệ lạc hậu, thiếu vốn sản xuất, kinh doanh (chủ yếu là sử dụng vốn vay), chất lượng sản phẩm còn kém, sức cạnh tranh thấp, chủ yếu tiêu thụ trong tỉnh.

- + Cán bộ quản lý và nghiệp vụ trong các doanh nghiệp nhìn chung còn yếu và thiếu, lao động trình độ tay nghề thấp, trên 50% chưa qua đào tạo.

- + Cơ chế chính sách của Nhà nước chưa thực sự thu hút đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào các tỉnh miền núi nói chung và Lào Cai nói riêng.

- + Hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp, năm 2000, có 9/40 doanh nghiệp còn khó khăn, yếu kém trong sản xuất, kinh doanh, làm ăn chưa có lãi.

Những hạn chế, yếu kém trên của các doanh nghiệp nhà nước ở tỉnh ta chủ yếu là do chưa thực hiện tốt yêu cầu và giải pháp sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước. Quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước nhiều mặt yếu, vướng mắc, chậm cải cách hành chính, cơ chế chính sách còn nhiều bất cập, chưa đồng bộ, nhiều điểm chưa phù hợp với kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Một bộ phận cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước chưa đáp ứng được yêu cầu. Sự lãnh đạo của một số cấp ủy đảng đối với việc đổi mới doanh nghiệp nhà nước còn nhiều hạn

chế. Tổ chức và phương thức hoạt động của Đảng tại doanh nghiệp nhà nước chậm đổi mới.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục sắp xếp đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước trong thời gian tới

2.1. Mục tiêu 10 năm (2001-2010)

- Phải xây dựng các doanh nghiệp nhà nước của tỉnh không ngừng đổi mới phát triển nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh.

- Doanh nghiệp nhà nước có cơ cấu hợp lý giữa sản xuất và dịch vụ, phát triển mạnh các doanh nghiệp sản xuất chế biến nông, lâm, khoáng sản.

- Các doanh nghiệp nhà nước phải làm nòng cốt đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế, tạo nền tảng cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh.

- Phải tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa sản xuất trên địa bàn tỉnh Lào Cai phục vụ cho tiêu dùng và xuất khẩu.

2.2. Nhiệm vụ trong 5 năm (2001-2005)

- Phải hoàn thành cơ bản việc tổ chức sắp xếp, cơ cấu lại và đổi mới hoạt động của doanh nghiệp nhà nước hiện có, chuyển đổi sở hữu đối với một số doanh nghiệp nhà nước theo các hình thức: Cổ phần hóa, giao, bán, khoán, cho thuê và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

- Đổi mới một bước quan trọng công nghệ và quản lý của các doanh nghiệp nhà nước.

- Giải quyết cơ bản nợ và lao động dôi dư của các doanh nghiệp nhà nước khi sắp xếp lại.

2.3. Kế hoạch tổ chức sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước trong các năm

+ Năm 2001: Tổ chức sắp xếp lại 8 đơn vị, trong đó cổ phần hóa 3, sáp nhập 01, khoán kinh doanh 1, giải thể 3.

+ Năm 2002: Tổ chức sắp xếp lại 7 đơn vị, trong đó cổ phần hóa 2, sáp nhập hoặc giao bán 4, giải thể 1.

+ Năm 2003: Tổ chức sắp xếp lại 5 đơn vị, trong đó cổ phần hóa 4, khoán kinh doanh 1.

+ Năm 2004: Tổ chức sắp xếp lại 7 đơn vị, trong đó cổ phần hóa 3, sáp nhập 2, khoán kinh doanh 1, giải thể 1.

3. Giải pháp thực hiện

Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước, để có nhận thức đúng và thống nhất cao trong các cơ quan chức năng của Nhà nước, trong cán bộ quản lý và người lao động trong các doanh nghiệp.

Đối với các doanh nghiệp không thuộc diện cổ phần, phải có phương án củng cố tổ chức cán bộ, đổi mới mở rộng đầu tư, rà soát lại chức năng nhiệm vụ để nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh, đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế của tỉnh. Sử dụng nguồn quỹ hỗ trợ sắp xếp cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước đầu tư bổ sung vốn kinh doanh bảo đảm cho các đơn vị này đủ khả năng cạnh tranh và giữ vững vai trò chủ đạo. Nghiên cứu và tiến hành thí điểm chuyển một số doanh nghiệp nhà nước có 100% số vốn của Nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo tinh thần Nghị định số 63/2001/NĐ-CP, ngày 14-9-2001 của Chính phủ.

Tập trung chỉ đạo thống nhất giữa các ngành, cương quyết thực hiện theo kế hoạch đề ra, đồng thời giải quyết những vướng mắc tồn tại trong quá trình chuyển đổi, sắp xếp doanh nghiệp nhà nước.

Đối với những đơn vị hoạt động kinh doanh kém hiệu quả, khi xây dựng phương án chuyển đổi mà không thực hiện được thì xử lý bằng biện pháp giải thể (có danh mục sắp xếp chuyển đổi các doanh nghiệp nhà nước các năm kèm theo).

4. Chỉ đạo điều hành

- Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo việc sắp xếp đổi mới các doanh nghiệp nhà nước.

- Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp nhà nước của tỉnh căn cứ mục tiêu kế hoạch đã xây dựng phương án chuyển đổi các doanh nghiệp nhà nước vào đầu các năm để các ngành và doanh nghiệp thực hiện trong năm. Hằng năm phải tổng kết đánh giá những mặt được, mặt chưa được trong việc tổ chức sắp xếp doanh nghiệp nhà nước và kết quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị đã được chuyển đổi.

- Đối với các đơn vị thuộc diện cổ phần hóa nếu đủ điều kiện áp dụng, bán doanh nghiệp thì ưu tiên xử lý theo hình thức giao hoặc bán doanh nghiệp.

- Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo giám đốc các sở quản lý chuyên ngành chỉ đạo các đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hình thức chuyển đổi trong năm xây dựng phương án thông qua Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp nhà nước của tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án và tổ chức triển khai thực hiện.

- Trong quá trình chuyển đổi phải thực hiện đúng quy định của Nhà nước và không được làm ảnh hưởng đến tinh thần, chế độ của người lao động, đồng thời ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Sau năm 2005, số doanh nghiệp nhà nước giữ 100% vốn sẽ được tiếp tục nghiên cứu, lựa chọn các hình thức chuyển đổi phù hợp theo tinh thần Thông báo số 561/TB-TU, ngày 8-9-2000 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XI.

II. CHƯƠNG TRÌNH THỰC HIỆN CÁC KẾT LUẬN HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA IX

Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã thông báo một số kết luận:

- Kết luận về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992.

- Kết luận về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2002 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001- 2005.

- Kết luận về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí.

Để quán triệt và tổ chức thực hiện nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, căn cứ vào tình hình cụ thể của Lào Cai, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đề ra chương trình hành động của toàn Đảng bộ thực hiện các kết luận của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX như sau:

1. Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992

Hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước. Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã xem xét những quan điểm, phương hướng, cơ bản chỉ đạo việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng. Kỳ họp thứ X Quốc hội khóa X đã có nghị quyết về những điều sửa đổi Hiến pháp năm 1992.

Thực hiện Nghị quyết của Trung ương Đảng và Quốc hội trong năm 2002 tỉnh ta cần triển khai tốt các nhiệm vụ:

+ Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể có chương trình, kế hoạch tổ chức cho cán bộ và nhân dân các dân tộc học tập Hiến pháp và các luật sửa đổi đã được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ X, Quốc hội khóa X. Ban cán sự Đảng và Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các ngành, các đoàn thể huyện, thị xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai rộng rãi đợt học tập này.

+ Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp phải có chương trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thắng lợi cuộc bầu cử Quốc hội khóa XI tổ chức vào ngày 19-5-2002, bảo đảm đúng luật định và thực sự phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong nhiệm vụ xây dựng chính quyền của dân, do dân và vì dân.

2. Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2002 và 5 năm 2001-2005

Năm 2002 có vị trí rất quan trọng, là năm thứ hai thực hiện các Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII, là năm đầu triển khai đồng bộ 7 chương trình công tác trọng tâm và 27 đề án, các nghị quyết chuyên đề trên phạm vi toàn tỉnh và là năm kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Đảng bộ tỉnh Lào Cai. Để thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm 2001-2005, Đảng bộ và toàn thể nhân dân các dân tộc trong toàn tỉnh phát huy truyền thống đoàn kết, khai thác tiềm năng thế mạnh, khắc phục khó khăn để phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị, thực hiện tốt Quy chế dân chủ.

2.1. Các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu năm 2002

- Giá trị tổng sản phẩm trong tỉnh GDP (giá thực tế) đạt 1.714 tỷ đồng. Cơ cấu GDP: Nông, lâm nghiệp 45,1%, công nghiệp, xây dựng 20,5%, thương mại dịch vụ 34,4%.

- Tốc độ tăng trưởng GDP từ 8% trở lên.

- Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp tăng 4,9%, công nghiệp, xây dựng tăng 13%, dịch vụ thương mại tăng 9,2%. Tổng mức bán lẻ xã hội tăng 10%.

- Tổng sản lượng lương thực có hạt 173.000 tấn trở lên.

- Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu (địa phương) trên 20 triệu USD.

- Thu ngân sách trên địa bàn 250 tỷ đồng, trong đó thu từ kinh tế cửa khẩu 150 tỷ đồng, thu nội địa 80 tỷ đồng.

- Giảm tỷ lệ sinh 0,1%.

- Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đến trường 95%.

- Giải quyết việc làm cho 11.000 lao động.

- Tỷ lệ đói nghèo còn lại giảm 3-4%.

- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm 3%

- Tỷ lệ số hộ được cấp nước sinh hoạt 60%.

- Tăng thêm 5 xã có đường ô tô đến trung tâm, nâng tổng số xã có đường ô tô đến trung tâm là 176 xã.

- Tăng thêm 25 xã có điện lưới quốc gia, đưa tổng số là 105 xã có điện.

- Cơ bản ổn định dân cư, định canh định cư, hạn chế tới mức thấp nhất, tiến tới chặn đứng di cư tự do, sắp xếp ổn định dân cư cho 1.500 hộ, 8.500 khẩu, trong đó khu vực biên giới 300 hộ.

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 36%.

- Tỷ lệ phủ sóng phát thanh 70%, tỷ lệ phủ sóng truyền hình 68%.

2.2. Một số biện pháp cơ bản để thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ chủ yếu năm 2002

- Phát triển nông, lâm nghiệp và nông thôn:

Bám sát mục tiêu, quy mô, giải pháp các đề án, chương trình liên quan đến nông nghiệp, nông thôn, tổ chức thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 23-7-2001 của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp, nông thôn, xóa đói, giảm nghèo, sắp xếp ổn định dân cư, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa giai đoạn 2001-2005. Năm 2002 cần tập trung cao hơn cho đầu tư phát triển nông nghiệp nông thôn. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp, đầu tư ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ mới để nâng cao năng suất chất lượng và hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp.

Ưu tiên đầu tư cao hơn cho phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ nông nghiệp. Phát triển hệ thống mạng lưới dịch vụ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và đời sống của nhân dân. Khuyến khích phát triển mạnh các mô hình trang trại, vườn rừng nông thôn. Đẩy mạnh công tác quy hoạch vùng sản xuất cây, con, tập trung sắp xếp ổn định dân cư nhất là các xã biên giới, các vùng thiếu đất sản xuất và nước sinh hoạt, các vùng có nguy cơ về thiên tai. Giữ vững nhịp độ phát triển đàn gia súc, gia cầm và thủy sản.

- Phát triển công nghiệp:

Năm 2002 cần tập trung vào một số lĩnh vực chủ yếu: Đẩy mạnh việc sắp xếp đổi mới doanh nghiệp, đổi mới công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Mở rộng liên

doanh với nước ngoài để phát triển khu công nghiệp bắc thị xã Lào Cai. Tích cực tham gia xây dựng các khu công nghiệp của Trung ương trên địa bàn tỉnh.

- Đầu tư xây dựng cơ bản:

Tập trung vào một số lĩnh vực trọng điểm đầu tư theo các chương trình mục tiêu quốc gia đúng mục đích, đối tượng, có hiệu quả, đặc biệt đối với chương trình 135, Chương trình WB. Tiếp tục thực hiện đề án hỗ trợ chất lợp và nước ăn cho các hộ nghèo vùng III, phát động mạnh mẽ phong trào nhân dân giúp nhau làm khung nhà. Đầu tư xây dựng cụm đô thị Lào Cai - Cam Đường theo đề án đã được duyệt. Đầu tư xây dựng đường tuần tra biên giới quốc gia, tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng khu du lịch Sa Pa và hoàn thiện các điểm du lịch để đưa vào khai thác sử dụng. Mở rộng đầu tư khu du lịch đến địa bàn huyện Bắc Hà, Bát Xát.

- Tài chính - ngân hàng:

Tích cực khai thác mọi nguồn thu cho ngân sách, bảo đảm thu đúng, thu đủ theo các sắc thuế đã ban hành. Đáp ứng đầy đủ, kịp thời các khoản chi theo dự toán. Đẩy mạnh huy động nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước, tích cực huy động nguồn vốn nhân rỗi trong nhân dân.

- Thương mại - du lịch:

Nghiên cứu và xây dựng những chính sách, cơ chế phù hợp tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thương mại - dịch vụ. Đầu tư xây dựng khu kinh tế cửa khẩu và các chợ biên giới, xây dựng trung tâm thương mại, củng cố hệ thống thương mại quốc doanh.

- Văn hóa - xã hội:

Củng cố, duy trì chất lượng và kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ. Đẩy nhanh tiến độ phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở. Tăng cường xã hội hóa công tác giáo dục - đào tạo.

Tăng cường hoạt động văn hóa -thông tin - thể thao, hướng hoạt

động về cơ sở, bảo đảm một năm nhân dân các xã được xem biểu diễn ít nhất 2 buổi.

Tiếp tục thực hiện đề án giải quyết việc làm và đề án xóa đói, giảm nghèo, đẩy mạnh đào tạo nghề cho người lao động, thực hiện tốt chính sách xã hội.

Củng cố mạng lưới y tế cơ sở, tăng cường đưa bác sĩ về trung tâm cụm xã (60% phòng khám khu vực có bác sĩ).

Triển khai thực hiện có hiệu quả 7 chương trình công tác trọng tâm và 27 đề án phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001-2005 của Tỉnh ủy.

3. Về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí

Để tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) cần quán triệt tinh thần chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng trong kết luận tại Hội nghị lần thứ tư. Đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Cả ba nội dung cơ bản của nghị quyết đều phải đi sâu, thực hiện có hiệu quả, trong đó chống tham nhũng, lãng phí là nhiệm vụ trọng tâm trước mắt; nhận rõ đây là cuộc đấu tranh khó khăn, quyết liệt, lâu dài, gắn với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc nên phải được tiến hành bằng nhiều giải pháp đồng bộ.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đề ra chương trình tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) với những biện pháp cụ thể như sau:

3.1. Các cấp ủy đảng phải tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với cán bộ, đảng viên, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh quan điểm đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là giáo dục về đạo đức cách mạng, phê phán những quan điểm sai trái, cơ hội chính trị, chủ nghĩa cá nhân, lối sống ích kỷ, buông thả.

3.2. Khẩn trương giải quyết, xử lý những vụ việc nổi cộm, bức xúc

Các cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị cần rà soát lại các vụ việc nổi cộm của địa phương, ngành, đơn vị mình (bao gồm những việc đã phát hiện nhưng chưa xử lý hoặc xử lý chưa tốt và cả những vụ việc chưa được phát hiện xác minh nhưng trong nhân dân có nhiều dư luận đang quan tâm, có nhiều thắc mắc, nghi ngờ) để lập kế hoạch chỉ đạo giải quyết tích cực, nghiêm túc, có hiệu quả và dứt điểm trong một thời gian nhất định.

Các cấp ủy đảng, người đứng đầu cấp ủy tổ chức đảng phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không được có hành vi (bằng bất cứ hình thức nào) can thiệp vào quá trình điều tra, xét xử các vụ án nhằm bao che, để lọt người, lọt tội.

3.3. Kê khai nhà, đất, cơ sở sản xuất kinh doanh của cán bộ, công chức

Thực hiện việc kê khai nhà, đất, cơ sở sản xuất kinh doanh đối với toàn bộ công chức nhà nước. Cán bộ, công chức phải tự giác, trung thực trong việc kê khai. Khi tổ chức đảng, cơ quan nhà nước phát hiện tài sản kê khai của cán bộ, công chức có dấu hiệu bất minh thì giao cho cơ quan có thẩm quyền thẩm tra, xác minh nguồn gốc tài sản và nếu vi phạm thì xử lý theo pháp luật.

3.4. Nghiêm cấm việc lấy tiền của Nhà nước, của tập thể biếu, tặng cho cá nhân, tổ chức

Các cơ quan Đảng, đoàn thể, nhà nước, lực lượng vũ trang, doanh nghiệp không được dùng tiền của Nhà nước, tập thể chỉ làm quà tặng, biếu cho cá nhân và tổ chức, trừ trường hợp thực hiện chính sách theo quy định.

Cán bộ, công chức không nhận tiền, quà biếu trong mọi trường hợp, kể cả ngày lễ, tết, đi công tác.

Các đồng chí bí thư cấp ủy, bí thư Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn, thủ trưởng cơ quan đơn vị chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt quy định, bản thân và gia đình tự giác, gương mẫu, không nhận quà tặng, tiền biếu.

3.5. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo pháp lệnh của Quốc hội và quy định của Chính phủ, trước hết trong các lĩnh vực: Xây dựng cơ bản, cấp phép, đấu thầu và quản lý dự án, quản lý, sử dụng đất đai, xây dựng trụ sở làm việc mua sắm trang thiết bị, phương tiện đi lại, điện thoại.

Giảm hội họp, không tặng lẵng hoa trong mừng công, đón nhận các danh hiệu thi đua, lễ hội, thực hiện tiết kiệm trong lễ cưới, lễ tang. Trước mắt yêu cầu tổ chức lễ cưới gọn nhẹ giảm bớt việc mời khách (Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh có quy định cụ thể các việc trên).

3.6. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những quy định những điều đảng viên không được làm

Tổ chức quán triệt Quy định số 19-QĐ/TW, ngày 3-1-2002 của Bộ Chính trị quy định về những điều đảng viên không được làm.

Công khai những điều đảng viên không được làm cho quần chúng nhân dân biết để giám sát đảng viên thực hiện.

Đưa việc kiểm điểm thực hiện Quy định những điều đảng viên không được làm vào nội dung sinh hoạt thường kỳ của cấp ủy, tổ chức đảng cơ sở. Hằng năm các cấp ủy tổ chức đảng phải báo cáo đánh giá tình hình thực hiện quy định.

3.7. Xử lý về trách nhiệm đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý

Phải xử lý cán bộ lãnh đạo quản lý nếu để xảy ra các vụ tiêu cực tham nhũng trong cơ quan, đơn vị mình phụ trách; phải bảo vệ những người tích cực đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng.

3.8. Tiếp tục thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở

Gắn việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở với cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.

Có quy định về vai trò của cơ quan dân cử, của Mặt trận, các đoàn thể nhân dân của tập thể cơ quan, đơn vị, khu dân cư góp ý cho cán bộ, đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, trong đấu tranh chống tham nhũng lãng phí.

Chỉ đạo chặt chẽ việc phát huy vai trò của các cơ quan thông tin đại chúng trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng, trong chống tham nhũng, lãng phí.

3.9. Về tổ chức, chỉ đạo

Căn cứ Chỉ thị số 08-CT/TU, ngày 15-1-2002 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện thông báo Kết luận số 04-KL/TW, ngày 19-11-2001 của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về việc tiếp tục thực hiện nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí. Ban cán sự Đảng đoàn các cơ quan trực tiếp lãnh đạo và chỉ đạo cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí ở địa phương, ngành, có phân công một số ủy viên chỉ đạo thường xuyên cuộc vận động, có bộ phận chuyên trách giúp việc. Định kỳ 6 tháng họp chuyên đề kiểm điểm, đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí trong đảng bộ mình.

Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn căn cứ vào những biện pháp trên đây cụ thể hóa thành quy ước, quy định, quyết định để chỉ đạo tổ chức thực hiện nghiêm túc các chủ trương của Tỉnh ủy đã đề ra.

Giao cho Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy phối hợp với các ban xây dựng Đảng Tỉnh ủy kiểm tra đôn đốc việc thực hiện chương trình hành động này và thường xuyên tổng hợp tình hình báo cáo về Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

TM BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

KẾ HOẠCH SẮP XẾP ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC NĂM 2001-2005

(Ban hành kèm theo Văn bản số 10-CT/TU, ngày 18-1-2002)

Năm 2001: Tổ chức sắp xếp lại 8 đơn vị (Ủy ban nhân dân tỉnh đã có quyết định)

- Cổ phần hóa 3 đơn vị: Công ty Công trình giao thông, Công ty Tư vấn xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, Công ty Xây dựng số I.

- Sáp nhập: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bắc Hà vào Công ty Thương mại tỉnh.

- Giải thể 3 đơn vị: Lâm trường Sa Pa, Lâm trường Mường Khương, Lâm trường Bắc Hà; trước mắt tại 3 huyện này củng cố Ban Quản lý dự án 661. Về lâu dài sau khi dự án 5 triệu hécta rừng không còn sẽ chuyển thành Ban Quản lý rừng phòng hộ theo Quyết định số 187/1999/QĐ-TTg, ngày 16-9-1999 của Thủ tướng Chính phủ.

- Khoán kinh doanh 1 đơn vị: Công ty Cơ khí và xây lắp công nghiệp.

Năm 2002: Tổ chức sắp xếp lại 7 đơn vị

- Giải thể 1 đơn vị: Lâm trường Bảo Thắng.

- Sắp xếp hệ thống công ty thương mại tổng hợp cấp huyện 4 đơn vị: Theo hướng sáp nhập vào Công ty Thương mại tỉnh hoặc giao, bán cho người lao động tại doanh nghiệp nếu đơn vị có đủ điều kiện và đề nghị (Công ty Thương nghiệp tổng hợp Bảo Yên).

- Thực hiện cổ phần hóa 2 đơn vị: Công ty Xây dựng cầu Lào Cai, Công ty Thương mại Hồng Hà.

Năm 2003: Tổ chức sắp xếp lại 5 đơn vị

- Cổ phần hóa 3 đơn vị: Công ty Dược vật tư y tế, Công ty Xây dựng số 2, Công ty Xây lắp thủy lợi thủy điện, Công ty Tư vấn xây dựng giao thông.

- Khoán kinh doanh 1: Công ty Vật liệu xây dựng tổng hợp Lào Cai.

Năm 2004: Tổ chức sắp xếp lại 7 đơn vị

- Cổ phần hóa 3 đơn vị: Công ty Tư vấn thủy lợi, Công ty Xuất, nhập khẩu, Công ty Nước giải khát.

- Sáp nhập Nông trường Phong Hải, Nông trường Thanh Bình (bộ phận chế biến hình thành nhà máy chè).

- Khoán kinh doanh 1 đơn vị: Công ty Xi măng Lào Cai.

- Xí nghiệp Liên doanh đồng: Khi dự án Mỏ Đồng được xây dựng đi vào hoạt động, giải thể Xí nghiệp Liên doanh chuyển cho dự án tổ hợp Đồng Sinh Quyền.

Theo tiến độ này đến năm 2005 toàn tỉnh còn lại 14 doanh nghiệp nhà nước có 100% vốn nhà nước gồm:

1. Trạm đăng kiểm phương tiện giao thông - doanh nghiệp công ích.

2. Công ty Vật tư nông nghiệp tổng hợp - doanh nghiệp công ích.

3. Xí nghiệp in Lào Cai- đơn vị kinh tế Đảng.

4. Công ty Sách thiết bị trường học.

5. Công ty Môi trường đô thị tỉnh Lào Cai - doanh nghiệp công ích.

6. Công ty Cấp thoát nước - chuyển sang doanh nghiệp nhà nước công ích.

7. Xí nghiệp nông - công nghiệp chè Than Uyên - bán đổi chè cho công nhân, Nhà nước giữ 100% vốn cơ sở chế biến.

8. Nhà máy chế biến chè (sáp nhập bộ phận chế biến Nông trường Phong Hải và Nông trường Thanh Bình).

9. Công ty Du lịch tỉnh - nhập khu du lịch Hàm Rồng của Công ty Sở xố kiến thiết nhập vào Công ty Du lịch tỉnh.

10. Công ty Thương mại tỉnh - nhập các Công ty Thương mại tổng hợp các huyện còn lại.

11. Công ty Sở xố kiến thiết - tách phần du lịch nhập vào Công ty Du lịch tỉnh.

12. Lâm trường Văn Bàn.

13. Lâm trường Bảo Yên.

14. Công ty Khoáng sản tỉnh Lào Cai.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 12-NQ/TU, ngày 6-2-2002

**Về tăng cường, củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế
cơ sở trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2001-2005**

***Phần thứ nhất* THỰC TRẠNG MẠNG LƯỚI Y TẾ CƠ SỞ TỈNH LÀO CAI**

Trong những năm qua, hệ thống y tế Lào Cai được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm chỉ đạo đến nay đã có bước phát triển, tiến bộ rõ rệt: Cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật được đầu tư, đội ngũ cán bộ được tăng cường, y đức dần được nâng cao, đang từng bước đáp ứng việc chăm sóc sức khỏe nhân dân các dân tộc trong tỉnh, góp phần hạ tỷ lệ phát triển dân số 0,1% năm. Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em giảm hàng năm 3%, số mắc, chết do các bệnh dịch nguy hiểm ngày một giảm nhất là các bệnh có vắc xin phòng ngừa, tình hình vệ sinh môi trường được cải thiện theo hướng có lợi cho sức khỏe, các hoạt động xã hội hóa công tác y tế được quan tâm. Phong trào vệ sinh phòng bệnh, rèn luyện thân thể, thể dục thể thao gắn với phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư có tiến bộ, góp phần tích cực vào sự ổn định và phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, hệ thống y tế tỉnh Lào Cai cũng còn nhiều bất cập cần được tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện trong thời gian tới.

Đối với y tế tuyến tỉnh: Hiện có 3 bệnh viện tuyến tỉnh (bao gồm: Bệnh viện Đa khoa số I, Bệnh viện Đa khoa số II và Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng). Cơ sở vật chất chưa đáp ứng nhu cầu. Riêng Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng do mới thành lập nên còn ở tại khu tập kết, cơ sở vật chất cũng như trang thiết bị, kỹ thuật còn thiếu thốn. Về đội ngũ: có 399 cán bộ, gồm 135 bác sĩ (trong đó có 5 thạc sĩ, 20 bác sĩ chuyên khoa I, 34 bác sĩ chuyên khoa sơ bộ); 12 dược sĩ đại học và 252 cán bộ khác. Về chất lượng và số lượng cán bộ so với yêu cầu tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ đều chưa đáp ứng so với nhu cầu khám chữa bệnh quá tải hiện nay.

Đối với tuyến cơ sở (bao gồm: Bệnh viện huyện, thị xã, phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế xã và y tế thôn, bản). Về cơ sở vật chất: có 11 bệnh viện huyện, thị xã, 45 phòng khám đa khoa khu vực (trong đó có 32 phòng khám đa khoa khu vực thuộc khu vực III, số còn lại thuộc khu vực I và II); 180 trạm y tế xã, phường, thị trấn. Đại đa số chưa có cơ sở vật chất cho y tế thôn, bản. Nói chung cơ sở vật chất cũng như trang thiết bị của y tế tuyến cơ sở tuy đã được đầu tư nhưng còn nhiều hạn chế và bất cập, chưa đáp ứng được nhu cầu, nhất là các phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế xã và y tế thôn, bản. Về đội ngũ: có 1.552 cán bộ (934 ở huyện, thị xã; 618 ở xã, phường, thị trấn); 132 bác sĩ (125 bác sĩ thuộc tuyến huyện, thị xã; 7 bác sĩ thuộc tuyến xã; mới có 22 phòng khám đa khoa khu vực và trạm y tế xã có bác sĩ); 135 xã có y sĩ; 111 xã có nữ hộ sinh; 1.593 thôn, bản có nhân viên y tế và túi thuốc y tế thôn, bản để hoạt động. Hiện tại số lượng cán bộ còn thiếu nhiều, chất lượng đội ngũ còn yếu chưa đáp ứng về chuyên môn và không đủ phục vụ cho yêu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân ngay tại cơ sở, do vậy kể cả bệnh thông thường cũng phải chuyển vượt tuyến, vượt cấp, gây quá tải cho bệnh viện huyện, thị xã, nhất là bệnh viện tuyến tỉnh.

Đối với cơ sở dịch vụ y tế tư nhân: Vẫn chưa được quan tâm và gần như không có, việc khám, chữa bệnh chủ yếu tập trung vào các cơ sở y tế Nhà nước.

Để góp phần chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân ngày càng tốt hơn thì việc tăng cường, củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở là cần thiết và cấp bách, coi đây là nhiệm vụ trước mắt và cũng là nhiệm vụ lâu dài của Đảng và Nhà nước ta. Trước mắt từ nay đến năm 2005, cần tập trung thực hiện cho bằng được các mục tiêu cơ bản sau.

Phần thứ hai **MỤC TIÊU CƠ BẢN**

1. Mục tiêu chung

- Tăng cường, củng cố và tiến tới hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở. Bảo đảm hoàn thiện cơ sở vật chất, trang bị dần các thiết bị kỹ thuật, thiết yếu đồng bộ phục vụ cho công tác khám, chữa bệnh. Đào tạo và đào tạo lại cho đội ngũ cán bộ y tế theo hướng chính quy để nâng cao và hoàn thiện trình độ chuyên môn, nghiệp vụ bảo đảm chất lượng, y đức trong khám, chữa bệnh, đáp ứng yêu cầu của nhân dân.

- Tăng cường và hoàn thiện bộ máy, bảo đảm đủ biên chế cán bộ, phấn đấu để mọi người dân được khám, chữa bệnh, có điều kiện tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế có chất lượng cao. Mọi người đều được sống trong cộng đồng an toàn, phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Giảm tỷ lệ mắc bệnh, nâng cao thể lực tăng tuổi thọ và phát triển giống nòi.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đến 2005, các bệnh viện huyện, thị xã được quy hoạch và xây dựng xong, 100% phòng khám đa khoa khu vực cụm liên xã và trạm y tế xã được xây dựng kiên cố, có đủ trang thiết bị và thuốc thiết yếu.

- 100% phòng khám đa khoa khu vực có bác sĩ khám chữa bệnh.
- 180 trạm y tế có đủ biên chế 5 người đúng cơ cấu, chất lượng.
- Có đủ nhà công vụ cho cán bộ y tế xã.

- 100% thôn, bản có đủ cán bộ y tế cộng đồng và túi thuốc y tế thôn, bản.
- Bình quân mỗi người dân được khám bệnh từ 1,5 đến 2 lần/năm.
- Trên 90% trẻ em được tiêm chủng mở rộng đầy đủ.
- 100% phụ nữ có thai được quản lý thai, từ 60% trở lên phụ nữ sinh đẻ có sự giúp đỡ và can thiệp của người có chuyên môn y tế.
- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi xuống từ 3- 4% năm.
- Người nghèo được khám chữa bệnh đầy đủ và miễn phí.
- Từng bước quản lý sức khỏe nhân dân tại y tế cơ sở.

Phần thứ ba **NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

Sử dụng có hiệu quả và đa dạng hóa các nguồn lực tập trung cho y tế tuyến cơ sở: Từ ngân sách nhà nước, đóng góp của nhân dân. Đổi mới cơ chế chính sách viện phí, đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động y tế cần tập trung và các giải pháp chủ yếu sau:

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, chính quyền trong việc chỉ đạo thực hiện củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở.

Tổ chức các hoạt động truyền thông - giáo dục sức khỏe để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân đối với việc lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động y tế, nêu cao vai trò trách nhiệm trong quản lý, chỉ đạo, điều hành các hoạt động y tế, củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở. Phát động và đẩy mạnh phong trào xã hội hóa y tế, đồng thời nâng cao nhận thức của nhân dân để tự bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho chính bản thân, góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Không chữa bệnh bằng mê tín dị đoan.

2. Tăng cường đầu tư nguồn lực, huy động được hợp các nguồn lực khác nhau, bao gồm: Từ ngân sách nhà nước đóng góp của cộng đồng và các nguồn viện trợ quốc tế; trong đó, xác định đầu tư của Nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

Cân đối để tăng hợp lý tỷ trọng chi ngân sách nhà nước cho y tế, bảo đảm chi đủ kinh phí cho các mục tiêu chương trình quốc gia về phòng, chống một số bệnh dịch nguy hiểm. Chi đủ các chế độ chính sách cho cán bộ y tế, mua thuốc và các trang thiết bị kỹ thuật đồng bộ để bảo đảm yên tâm cho việc khám, chữa bệnh cho nhân dân, phù hợp với điều kiện cụ thể của tỉnh và đối với từng vùng, từng xã. Huy động nguồn lực xã hội hóa để góp phần tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật cho y tế.

Điều chỉnh giá viện phí cho phù hợp với chi phí, đầu tư về kỹ thuật và trình độ chuyên môn ở từng tuyến kỹ thuật theo hướng để chi phí nhưng theo đối tượng để phù hợp với khả năng đóng góp của nhân dân ở từng vùng, từng đối tượng có khả năng chi trả khác nhau. Khuyến khích các cá nhân, các tập thể, các tổ chức trong nước và nước ngoài có đủ điều kiện tham gia đầu tư vào lĩnh vực y tế và các loại hình khác chữa bệnh tự nguyện theo quy chế, quy định của Bộ Y tế.

Chủ động mở rộng quan hệ hợp tác, đầu tư vào nghiên cứu, phát triển sản xuất, kinh doanh dược liệu địa phương và các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh theo phương pháp y học cổ truyền dân tộc, các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc.

3. Quy hoạch bố trí các cơ sở khám chữa bệnh một cách hợp lý, phù hợp với quy hoạch của tỉnh về sắp xếp ổn định dân cư, quy hoạch thành phố, thị xã, thị trấn, cụm xã, xã và thôn, bản, trên cơ sở bảo đảm mạng lưới y tế phủ khắp, thuận lợi cho người dân được tiếp cận với các kỹ thuật, dịch vụ y tế một cách dễ dàng.

Quy hoạch và tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật thông qua đầu tư kết cấu hạ tầng Chương trình 135, ngân sách địa phương và sự tài trợ thiết bị kỹ thuật của các đặc điểm tổ chức trong và ngoài nước sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất đã có.

Hoàn thành việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp các bệnh viện huyện, thị xã, 45 phòng đa khoa khu vực phù hợp với quy hoạch và xây dựng theo tiêu chuẩn nhà cấp 3 và đúng quy định của Bộ Y tế, trong đó 32

phòng khám đa khoa khu vực thuộc vùng III do Chương trình 135 đảm nhiệm, ngân sách tỉnh đầu tư 13 phòng khám đa khoa khu vực còn lại. 100% trạm y tế xã xây mới hoặc được cải tạo theo hướng nhà kiên cố.

Nhà ở cho cán bộ y tế được quy hoạch xây dựng phù hợp với điều kiện thực tiễn từng cơ sở.

Trang thiết bị kỹ thuật, thuốc chữa bệnh được bổ sung đầy đủ. đồng bộ, đồng thời cán bộ y tế phải biết bảo quản, sử dụng đúng mục đích để phục vụ tốt công tác khám, chữa bệnh.

4. Quy hoạch, đào tạo, sử dụng hợp lý đội ngũ và chính sách cán bộ.

Đánh giá, sắp xếp, quy hoạch đội ngũ cán bộ y tế, tăng cường đi công tác cơ sở bố trí sử dụng đúng chuyên khoa, chuyên ngành, bảo đảm đủ số lượng, đúng cơ cấu và chất lượng, tập trung tăng cường cho cơ sở, đủ bác sĩ công tác tại phòng khám đa khoa khu vực. Các xã phải bảo đảm đủ số lượng cán bộ y tế, trong đó cần có y sĩ, nữ hộ sinh, trạm y tế phải có bác sĩ hoặc cán bộ trung cấp làm trưởng trạm. Mỗi thôn, bản, được dân phố phải có từ 1 cán bộ y tế cộng đồng trở lên để làm nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân.

Đẩy mạnh công tác đào tạo, đào tạo lại, bổ sung đội ngũ cán bộ y tế chú ý đào tạo bồi dưỡng cán bộ y tế cơ sở hiện đang có, đào tạo theo địa chỉ, người địa phương và dân tộc ít người, tăng cường cán bộ cho y tế cơ sở. Đưa bác sĩ về công tác tại cơ sở; nâng cao chất lượng cán bộ một cách toàn diện cả về trình độ chuyên môn, trình độ nhận thức chính trị và tinh thần, thái độ, ý thức trách nhiệm. Triển khai kế hoạch đào tạo bác sĩ theo yêu cầu tăng cường cho cơ sở.

Đối với y tế thôn, bản có kế hoạch đào tạo tại tỉnh để bổ sung cho các thôn, bản, tổ dân phố đang còn thiếu cán bộ y tế.

Trong giai đoạn trước mắt cần có kế hoạch tiếp nhận cán bộ có trình độ đại học y được trở lên của các tỉnh có nguyện vọng lên công tác tại các xã vùng cao của tỉnh Lào Cai và được thực hiện chính sách ưu đãi của tỉnh.

5. Đẩy mạnh xã hội hóa và đa dạng hóa các hoạt động y tế cơ sở.

Chăm sóc sức khỏe nhân dân là trách nhiệm của mọi người và toàn xã hội vì vậy cấp ủy, chính quyền, các tổ chức đoàn thể quần chúng và cộng đồng các dân tộc trong tỉnh phải tự giác, tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ sức khỏe vận động nhân dân tham gia các hoạt động y tế, phòng, chống các tệ nạn xã hội phong trào vệ sinh phòng bệnh và các hoạt động khác làm chuyển biến một bước nếp sống, vệ sinh trong nhân dân, nhất là vệ sinh môi trường nông thôn vùng cao, vùng khó khăn.

Tổ chức triển khai khám chữa bệnh bảo hiểm y tế tại cơ sở, mở rộng bảo hiểm y tế trong nhân dân. Thực hiện kết hợp quân - dân y, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại, tăng cường sưu tầm nghiên cứu và phát triển dược liệu địa phương để chữa bệnh và phát triển kinh tế.

Phần thứ tư **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Các Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn, các huyện, thị, Đảng ủy xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai nghị quyết này và đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh để tập trung chỉ đạo hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ nghị quyết, hoàn chỉnh đề án củng cố mạng lưới y tế cơ sở, đưa bác sĩ về xã, giai đoạn 2001 - 2005 và 2010 để chỉ đạo các địa phương và các ngành chức năng tổ chức thực hiện.

3. Ban cán sự Sở Y tế phối hợp các ngành chức năng: Kế hoạch - Đầu tư, Tài chính - Vật giá, Ban Tổ chức chính quyền tỉnh, v.v. và các huyện, thị xã xây dựng chương trình hành động tổ chức thực hiện, tổng hợp báo cáo định kỳ tháng 1 lần với Tỉnh ủy. Hằng năm có kiểm điểm đánh giá để rút kinh nghiệm.

4. Các đoàn thể chính trị - xã hội trong tỉnh, các cơ quan truyền thông tỉnh xây dựng chương trình tuyên truyền trên các phương tiện

thông tin đại chúng một cách sâu rộng tinh thần nghị quyết đến đông đảo các tầng lớp nhân dân để vận động mọi người dân tự giác, tích cực tham gia các hoạt động củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, góp phần thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Bảo đảm cho việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 41-BC/TU, ngày 8-2-2002

**Tổng kết công tác nội chính năm 2001,
phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2002**

***Phần I* ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC NỘI CHÍNH NĂM 2001**

I. TÌNH HÌNH AN NINH CHÍNH TRỊ - TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI

Năm 2001, là năm diễn ra nhiều sự kiện trọng đại của đất nước, hoà chung không khí thi đua chào mừng thành công của Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, cán bộ, chiến sĩ và các tầng lớp nhân dân phấn đấu thi đua hoàn thành các mục tiêu, kế hoạch năm 2001. Song bên cạnh đó tình hình trên thế giới, khu vực và trong nước có nhiều diễn biến đã ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

Sau khi hai Nhà nước Việt Nam và Trung Quốc ký Hiệp ước biên giới trên bộ ngày 31-12-1999 đã tạo điều kiện thuận lợi để hai bên quản lý tốt đường biên giới, góp phần giữ gìn an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và tỉnh Lào Cai được đánh giá là một tỉnh có mối quan hệ tốt về biên giới hữu nghị với tỉnh Vân Nam - Trung Quốc. Tuy nhiên, tình hình ngoại biên và trên tuyến biên giới các vi phạm

Hiệp định tạm thời vẫn xảy ra: Tại một số nơi trong khi làm đường tuần tra phía Trung Quốc đổ đất đá và bê tông phá dỡ xuống sông gây ảnh hưởng đến dòng chảy. Công dân Trung Quốc còn vi phạm như: xuất, nhập cảnh trái phép, nổ mìn đánh cá trên sông Nậm Thi, khai thác lâm sản trái phép và xâm canh trồng sa nhân ở các điểm C thuộc huyện Mường Khương... Các cơ quan chức năng đã trao đổi, yêu cầu cơ quan hữu quan Trung Quốc phối hợp, ngăn chặn kịp thời.

Các hoạt động lợi dụng tôn giáo và truyền đạo trái phép trên địa bàn rất phức tạp, các đối tượng cầm đầu vẫn lén lút, tụ tập nhân dân để học đạo trái phép vào thứ năm và chủ nhật hằng tuần, lôi kéo vận động nhân dân di cư tự do. Ban chỉ đạo 184 các cấp đã tích cực tuyên truyền vận động nhân dân cảnh giác trước âm mưu lợi dụng tôn giáo của bọn phản động để chống phá cách mạng nước ta và động viên nhân dân bỏ đạo, không di cư tự do để ổn định đời sống, tập trung vào lao động sản xuất và đã thu được kết quả khá tốt, bước đầu đã có 608 hộ với hơn 3.823 khẩu đã cam kết bỏ đạo và đã lập lại bàn thờ tổ tiên. Đến nay còn 7/11 huyện thị, 41 xã/180 xã, phường, thị trấn với 137 thôn, bản và có 1.826 hộ với 10.885 khẩu theo đạo Tin Lành trái phép. Tình hình di cư tự do năm qua vẫn diễn ra ở một số xã thuộc các huyện Bát Xát, Bảo Thắng, Bắc Hà, Bảo Yên, Si Ma Cai và Than Uyên. Di cư không chỉ do nguyên nhân về kinh tế và tập quán, mà có cả nguyên nhân kích động, lôi kéo của một số đối tượng cầm đầu truyền đạo trái phép. Tổng số hộ di cư là 295 hộ với 1.621 khẩu đi đến các tỉnh Lai Châu, Thanh hóa và Đắk Lắk. Bằng nhiều biện pháp Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung chỉ đạo giải quyết, đến nay tình hình di cư tự do đã giảm.

Tình hình vi phạm pháp luật năm 2001 có những diễn biến phức tạp, hành vi phạm tội tình vi, phức tạp, nổi lên một số vụ như: Hiếp dâm và hiếp dâm trẻ em, giết người man rợ. Mâu thuẫn trong nhân dân vẫn thường xuyên xảy ra làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội, tập trung ở một số huyện: Bắc Hà, Si Ma Cai, Mường Khương, Bảo Thắng... năm 2001 trên địa bàn toàn tỉnh xảy ra 1.295 vụ vi

phạm (tăng 182 vụ so với năm 2000); trong đó, tội phạm về lĩnh vực kinh tế là 422 vụ, tội phạm về ma túy 163 vụ, trật tự, an toàn xã hội 638 vụ (trong đó tai, tệ nạn xã hội là 517 vụ). Các vụ việc xảy ra trong năm làm chết 252 người, bị thương 595 người và thiệt hại về tài sản khoảng 2,5 tỷ đồng. Nguyên nhân chính là do sự hiểu biết pháp luật của một số người dân còn kém, công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật của cơ quan chức năng chưa sát cơ sở, gần dân. Tháng 5 và tháng 6 tỉnh đã chỉ đạo Hội đồng phối hợp phổ biến pháp luật, đổi mới hình thức tập trung phổ biến pháp luật và xử án điểm tại các xã nơi xảy ra vụ án.

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC NỘI CHÍNH NĂM 2001

1. Hoạt động của các ngành nội chính

Công tác quân sự quốc phòng: Thường xuyên duy trì chặt chẽ chế độ sẵn sàng chiến đấu, nắm chắc tình hình biên giới, nội địa, kịp thời ngăn chặn và giải quyết tốt những diễn biến phức tạp xảy ra. Thực hiện tốt các chỉ thị của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh; công tác tuyển quân đạt 100% kế hoạch và tổ chức ra quân huấn luyện năm 2001. Đồng thời chỉ đạo các ban, ngành của tỉnh và thị xã Lào Cai, huyện Mường Khương diễn tập khu vực phòng thủ năm 2001 đạt loại khá, diễn tập cụm an ninh quốc phòng, diễn tập kế hoạch hoạt động tác chiến trị an xã, phường, diễn tập phòng, chống bão lũ năm 2001 và diễn tập phòng cháy, chữa cháy mùa khô năm 2001. Tổ chức sơ kết 4 năm thực hiện Pháp lệnh Dân quân tự vệ và 5 năm thực hiện pháp lệnh dự bị động viên trong toàn tỉnh, triển khai việc tăng cường sĩ quan cho một số xã có tình hình phức tạp.

Lực lượng bộ đội biên phòng thường xuyên theo dõi nắm chắc tình hình biên giới, xử lý các vụ việc xảy ra trên tuyến biên giới đúng chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tham mưu cho tỉnh triển khai thực hiện Nghị định 34/CP của Chính phủ, Thông tư 179/BQP của Bộ Quốc phòng về “quy chế khu vực biên giới đất liền”

nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho các sở, ban, ngành của tỉnh và 5 huyện thị biên giới tỉnh Lào Cai. Đồng thời tham gia cùng Ban Ngoại vụ và Biên giới tiến hành khảo sát toàn tuyến biên giới, làm cơ sở cho việc phân giới cắm mốc.

Lực lượng công an đã triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, tiếp tục thực hiện Nghị quyết 09 và chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm, chỉ đạo các cấp, các ngành có liên quan thực hiện nghiêm túc công tác đăng ký và quản lý hộ khẩu theo Nghị định số 51/CP, ngày 21-5-1994. Tập trung lực lượng nắm tình hình nội ngoại biên, chủ động với các âm mưu, thủ đoạn của các đối tượng phản cách mạng, tăng cường hàng trăm lượt cán bộ, chiến sĩ đến các xã có tình hình phức tạp cùng với Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh tham gia diễn tập khu vực phòng thủ thị xã Lào Cai và huyện Mường Khương đạt kết quả tốt.

Công tác kiểm sát đã có nhiều cố gắng, sáng tạo trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, năm 2001 toàn ngành đã nghiên cứu kiểm sát 173 văn bản, phát hiện 37 văn bản có vi phạm pháp luật, công tác kiểm sát xét xử hình sự và công tác kiểm sát tư pháp được quan tâm. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng trong việc tiếp nhận quản lý và xử lý thông tin vi phạm, tội phạm. Chủ trì, phối hợp cùng với cơ quan nội chính ký Nghị quyết quy định chế độ báo cáo tình hình giữa các cơ quan với Viện Kiểm sát nhân dân theo Thông tư số 03/LN, ngày 15-5-1992 và Nghị quyết 01 của lãnh đạo liên ngành cấp tỉnh ngày 8-5-1999.

Tòa án nhân dân tỉnh và các huyện, thị đã tập trung giải quyết tốt các loại án, không để tồn đọng quá thời hạn luật định, đạt chất lượng cao; trong quá trình xét xử nghiêm minh và đúng luật định. Năm 2001 toàn tỉnh giải quyết án hình sự sơ thẩm là 362 vụ 519 bị cáo, án hình sự phúc thẩm 15 vụ 31 bị cáo, án dân sự sơ thẩm 215 vụ, án dân sự phúc thẩm 26 vụ, án hôn nhân gia đình 415 vụ (trong đó 8 vụ phúc thẩm). Các vụ án dân sự và án hôn nhân gia đình đều được chú trọng giải quyết đúng pháp luật và dựa trên tinh thần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, đặc biệt công tác

hòa giải được coi trọng, qua đó giải quyết kịp thời những mâu thuẫn nội bộ, góp phần ổn định trật tự trị an xã hội. Trong đó, công tác thi hành án phạt tù đã ra quyết định thi hành án đối với 572 bị án, các bản án đã có hiệu lực pháp luật đều được ra quyết định thi hành kịp thời, đúng pháp luật.

Ngành Tư pháp đã thực hiện tốt công tác rà soát văn bản do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong năm 2001, tổ chức phát hành tới cơ sở 640 cuốn Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong quý IV năm 2000, quý I năm 2001. Công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật được đặc biệt quan tâm, đã đổi mới phù hợp với từng đối tượng và bước đầu đã mang lại hiệu quả thiết thực tổ chức xây dựng kế hoạch liên ngành triển khai thực hiện Nghị quyết liên tịch 01 về tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật cho đồng bào vùng cao, vùng xa, vùng dân tộc ít người... Công tác thi hành án dân sự toàn tỉnh đã thụ lý và đưa ra thi hành 2.641 việc với tổng số tiền phải thu là: 22 tỷ đồng, số tiền có điều kiện thi hành khoảng 3,5 tỷ đồng, số tiền không có điều kiện thi hành khoảng 18,5 tỷ đồng. Ngoài ra các đơn thư khiếu nại về việc thi hành án đều được giải quyết kịp thời và đúng pháp luật.

Cục Hải quan, Chi cục Quản lý thị trường, Ban Quản lý kinh tế Cửa khẩu thị xã Lào Cai đã có nhiều đổi mới trong công tác quản lý, điều hành xuất, nhập khẩu hàng hóa, tổ chức lực lượng quản lý cửa khẩu biên giới, phối hợp quản lý liên ngành đấu tranh chống buôn lậu và gian lận thương mại trên địa bàn tỉnh. Từng bước cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động xuất, nhập khẩu, nét nổi bật là kim ngạch xuất, nhập khẩu của các thành phần kinh tế của địa phương đạt 21 triệu USD (tính chung 142 triệu USD), thu thuế xuất, nhập khẩu, VAT, hàng nhập khẩu đạt trên 140 tỷ đồng. Công tác thanh tra, kiểm tra được tiến hành thường xuyên, trong năm đã tiến hành kiểm tra và xử lý 1.348 vụ, giá trị hàng hóa tịch thu, tiền xử phạt hành chính 650,4 triệu đồng, tịch thu hàng hóa và một số đồ chơi nguy hiểm do Trung Quốc sản xuất.

Lực lượng kiểm lâm đã phối hợp tốt với quần chúng ở các địa phương tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác quản lý và bảo vệ rừng. Trong năm phát hiện và xử lý 511 vụ (giảm 106 vụ so với năm 2000), thu giữ 376 m³ gỗ các loại, 157 kg động vật rừng và phạt tiền 425 triệu đồng. Công tác tuyên truyền pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng được tổ chức sâu rộng, xây dựng những quy ước gắn với các thôn, bản nơi có rừng; tình hình cháy rừng giảm so với cùng kỳ năm trước.

Công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại tố cáo: Thường trực Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh cùng các ngành trong Khối Nội chính đã tiếp 479 lượt công dân và nhận 714 đơn thư (trong đó 284 đơn khiếu nại, 206 đơn tố cáo, 224 đơn đề nghị và kiến nghị). Đã giải quyết xong 72% số đơn khiếu nại, tố cáo, nội dung đơn thư tập trung chủ yếu vào lĩnh vực đất đai, giải phóng mặt bằng và chế độ chính sách, nhất là về lĩnh vực bảo hiểm xã hội, hành vi tiêu cực của một số cán bộ.

Công tác đối ngoại: Tỉnh đã chỉ đạo các ngành chức năng phối hợp bảo vệ lễ thông cầu Hồ Kiều II và tổ chức cho nhân dân hai bên biên giới qua lại thăm thân vào dịp Tết Nguyên đán 2001. Đồng thời ký biên bản ghi nhớ về hướng phát triển hợp tác kinh tế và thống nhất với tỉnh Vân Nam - Trung Quốc về việc thực hiện khu kinh tế Cửa khẩu Lào Cai. Đã có nhiều biện pháp thúc đẩy hoạt động xuất, nhập khẩu du lịch phát triển, tổ chức thành công Hội chợ quốc tế Lào Cai năm 2001 có sự tham gia của 94 doanh nghiệp trong và ngoài nước (trong đó Trung Quốc có 31 doanh nghiệp). Chuẩn bị các điều kiện cho phân giới, cắm mốc theo chỉ đạo của Trung ương.

Công tác quản lý đoàn ra, đoàn vào năm 2001 được tổ chức thực hiện chặt chẽ, đúng nguyên tắc và bảo đảm an toàn. Năm 2001 có 57 đoàn ra và 94 đoàn vào.

2. Một số tồn tại

- Công tác nắm bắt tình hình trên địa bàn ở một số huyện, thị và ngành chưa sâu sát cơ sở báo cáo chưa kịp thời, có vụ việc thiếu chính xác.

- Công tác vận động quần chúng chống lợi dụng tôn giáo tuyên truyền đạo trái phép và di dịch cư tự do còn nhiều hạn chế, thiếu sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành.

- Công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật và các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước chưa thật sự sâu rộng đến quần chúng nhân dân, nhất là ở các thôn, bản vùng sâu, vùng xa.

- Việc xử lý vi phạm của một số cán bộ trong khối còn nóng vội, có việc chưa áp dụng đúng những quy định, nên đã dẫn đến sai phạm để công dân còn khiếu kiện.

- Công tác giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân có việc còn chậm, chông chéo, chưa dứt điểm, còn để tình trạng khiếu kiện đông người kéo dài gây mất trật tự công cộng (đến nay tình hình đã ổn định).

- Trong công tác phối kết hợp giữa các cấp, các ngành có lúc thiếu đồng bộ chưa chặt chẽ, còn có biểu hiện đùn đẩy trách nhiệm cho nhau, thiếu kiên quyết trong việc ngăn chặn và xử lý vi phạm.

III. SỰ LÃNH ĐẠO CỦA TỈNH ỦY VỀ CÔNG TÁC NỘI CHÍNH

Năm 2001 Tỉnh ủy đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra nội dung hoạt động, củng cố tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ ở các cơ quan nội chính theo đúng chức năng được pháp luật quy định. Thường trực Tỉnh ủy duy trì thường xuyên giao ban nội chính hằng tháng để nghe báo cáo tình hình và thống nhất chủ trương để giải quyết, xử lý các vấn đề trong công tác quốc phòng, an ninh; công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; công tác chống buôn lậu và gian lận thương mại... Văn phòng Tỉnh ủy đã tiến hành theo dõi nắm tình hình từng ngày, từng tuần, đôn đốc các cấp, các ngành thực hiện nghiêm chỉnh thông báo, kết luận của Thường trực Tỉnh ủy, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác để báo cáo Thường trực hằng tuần, tháng và năm. Nhờ đó đã tạo nên sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ trong hoạt động của Khối Nội chính, giải quyết dứt điểm được nhiều vụ việc phức tạp.

Năm 2001 Tỉnh ủy đã ban hành các chỉ thị: Chỉ thị số 25-CT/TU, ngày 15-12-2000 về việc lãnh đạo nhiệm vụ quân sự - quốc phòng năm 2001; Chỉ thị số 01-CT/TU, ngày 8-3-2001 về công tác an ninh trật tự năm 2001; Chỉ thị số 02-CT/TU, ngày 5-4-2001 về tăng cường công tác thi hành án dân sự; Chỉ thị số 04-CT/TU, ngày 15-5-2001 về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác tiếp nhận, quản lý và xử lý tin báo tội phạm, vi phạm pháp luật. Tăng cường chỉ đạo công tác quân sự quốc phòng như xây dựng lực lượng, diễn tập khu vực phòng thủ, ngăn chặn và đối phó kịp thời mọi tình huống xảy ra trên địa bàn, phòng, chống có hiệu quả âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch; chỉ đạo về công tác vận động quần chúng thực hiện chính sách tôn giáo trong tình hình mới.

Nhìn chung năm 2001, Tỉnh ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan Khối Nội chính thực hiện tốt các nhiệm vụ đúng chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, góp phần tạo nên thắng lợi trong thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh.

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2002

1. Sự lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với công tác nội chính

Chỉ đạo các cấp, các ngành Khối Nội chính thực hiện nghiêm chỉnh các chỉ thị nghị quyết của Đảng, Chính phủ và các chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy trong công tác an ninh, quốc phòng và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, tổ chức sơ kết, tổng kết để rút kinh nghiệm. Tập trung khắc phục những tồn tại, khuyết điểm của các tập thể và cá nhân trong các cơ quan nội chính. Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ và các vấn đề có liên quan đến an ninh chính trị, giải quyết tốt các mâu thuẫn trong nhân dân, nắm chắc diễn biến tư tưởng của dân để có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời, phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị - phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2002

2.1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, các Ban cán sự, Đảng đoàn đối với các cơ quan nội chính, đặc biệt tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), thực hiện tốt các nghị quyết của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương; Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 2-1-2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới. Các nghị quyết, đề án của tỉnh về công tác nội chính, và chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chiến lược an ninh quốc gia, về việc tiếp tục sắp xếp tổ chức đào tạo cán bộ, luân chuyển cán bộ và tăng cường cán bộ, đồng thời với việc tinh giản biên chế, thực hiện đầy đủ những điều đảng viên không được làm, Pháp lệnh Chống tham nhũng, tiêu cực. Tích cực nâng cao toàn diện chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức trong Khối Nội chính nhằm góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị năm 2002 theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Tỉnh ủy. Giữ vững an ninh chính trị, an ninh biên giới và trật tự, an toàn xã hội, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở có hiệu quả.

2.2. Tăng cường quản lý công tác quân sự quốc phòng, quản lý chặt chẽ vũ khí, trang thiết bị kỹ thuật, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, công tác tuyển quân bảo đảm chất lượng và số lượng, hoàn thành công tác huấn luyện dân quân tự vệ và quân dự bị động viên theo kế hoạch. Chăm lo xây dựng chất lượng chính trị, phương án tác chiến của lực lượng dân quân tự vệ phù hợp với tình hình mới hiện nay.

2.3. Thường xuyên nắm vững tình hình cơ sở, phát hiện kịp thời hoạt động của các đối tượng liên quan đến an ninh chính trị. Đấu tranh kiên quyết với các hoạt động cài cắm, móc nối, mua chuộc. Tôn trọng tự do tín ngưỡng của nhân dân, nhưng phải có thái độ kiên quyết với những đối tượng lợi dụng tôn giáo tuyên truyền đạo trái phép, thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 06-CT/UB, ngày 16-3-2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Kế hoạch số 02, ngày 8-5-2001 của Ban 184 của tỉnh về chống di dịch cư tự do và tuyên truyền đạo trái phép.

2.4. Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật của tỉnh cần tích cực đổi mới phương pháp, hình thức, nội dung tuyên truyền giáo dục pháp luật nhất là ở các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc ít người trong tỉnh, thực hiện 100% xã, phường có tủ sách pháp luật, thành lập và chỉ đạo hoạt động có hiệu quả Hội Luật gia tỉnh, xây dựng ý thức quốc gia, quốc giới trong nhân dân. Thực hiện nghiêm chỉnh Hiệp ước biên giới trên bộ của hai Nhà nước Việt Nam và Trung Quốc ký ngày 31-12-1999.

Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan nội chính trong công tác phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án, giải quyết dứt điểm, kịp thời xử lý nghiêm minh các vụ việc xảy ra trên địa bàn, đặc biệt là các vụ trọng án. Phối hợp thực hiện tốt Thông tư 03/LN về việc tiếp nhận, quản lý và xử lý tin báo tội phạm.

Các cấp ủy đảng, chính quyền, các ban ngành tăng cường công tác nắm tình hình trong nhân dân, phát huy trách nhiệm của các ngành trong Khối Nội chính, tập trung giải quyết các vụ khiếu nại, tố cáo còn tồn đọng các vụ án và các vụ việc khác liên quan đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, không để dây dưa, kéo dài, tạo kẽ hở cho kẻ địch lợi dụng.

2.5. Các cơ quan chống buôn lậu và quản lý cửa khẩu tập trung phòng, chống buôn lậu và gian lận thương mại. Thực hiện tốt quyết định số 53-QĐ/TTg, ngày 19-4-2001 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với khu kinh tế cửa khẩu.

2.6. Tập trung chỉ đạo, hoàn tất kế hoạch phân giới và tổ chức thi công cắm thí điểm cột mốc biên giới trên địa bàn tỉnh theo đúng kế hoạch phân cắm mốc của Ủy ban Liên hợp phân giới, cắm mốc biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc.

2.7. Quán triệt và thực hiện quan điểm kết hợp chặt chẽ quá trình hội nhập kinh tế với yêu cầu giữ vững an ninh, quốc phòng theo tinh thần Nghị quyết số 07-NQ/TW, ngày 27-11-2001 của Bộ Chính trị về hội nhập kinh tế. Tổ chức các hoạt động đối ngoại với một số tỉnh phía tây nam Trung Quốc và một số nước nhằm khai thác có hiệu quả vị

trí “đầu cầu” của cửa khẩu quốc tế, một số vùng khí hậu sinh thái đặc trng và bản sắc văn hóa của tỉnh Lào Cai nhằm phát triển mạnh kinh tế đối ngoại, một mặt bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới và đồng thời kêu gọi, tạo cơ chế thuận lợi cho các doanh nhân trong và ngoài nước đầu tư vào Lào Cai.

2.8. Các huyện, thị ủy, Đảng ủy trực thuộc các Ban cán sự Đảng, thủ trưởng các cơ quan cần có sự phối hợp tốt với các cơ quan nội chính, trước hết làm trong sạch đội ngũ cán bộ, công chức trong Khối Nội chính. Đồng thời các huyện, thị ủy tiếp tục duy trì giao ban nội chính hàng tháng và gửi báo cáo về Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 210-QĐ/TU, ngày 16-2-2002

**Về việc thành lập Ban chỉ đạo sáp nhập thị xã Lào Cai
và thị xã Cam Đường thành thị xã tỉnh lỵ Lào Cai**

- Căn cứ Nghị định số 16/2002/NĐ-CP, ngày 31-1-2002 của Chính phủ về việc sáp nhập thị xã Lào Cai và thị xã Cam Đường thành thị xã tỉnh lỵ Lào Cai;

- Căn cứ Thông báo số 223-TB/TU, ngày 7-2-2002 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

- Xét đề nghị của Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thành lập Ban chỉ đạo sáp nhập thị xã Lào Cai và thị xã Cam Đường thành thị xã tỉnh lỵ Lào Cai gồm các đồng chí sau đây:

1. Đồng chí Bùi Quang Vinh, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban.

2. Đồng chí Nguyễn Đức Thắng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Phó Trưởng ban.

3. Đồng chí Nguyễn Đình Vững, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy viên.

4. Đồng chí Nguyễn Ngọc Kim, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Thị ủy Lào Cai, Ủy viên.

5. Đồng chí Hà Ngọc Đông, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy viên.

6. Đồng chí Nguyễn Văn Hòa, Tỉnh ủy viên, Bí thư Thị ủy Cam Đường, Ủy viên.

7. Đồng chí Hoàng Văn Chinh, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Tài chính Vật giá, Ủy viên.

8. Đồng chí Phạm Văn Cường, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy viên.

9. Đồng chí Nguyễn Hữu Thế, Trưởng ban Tổ chức chính quyền tỉnh, Ủy viên.

10. Đồng chí Phạm Đức Thuận, Giám đốc Sở Địa chính, Ủy viên.

11. Đồng chí Lộc Hoàng Lương, Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Cam Đường, Ủy viên.

12. Đồng chí Cao Đức Hải, Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Lào Cai, Ủy viên.

Điều 2: Nhiệm vụ của Ban chỉ đạo:

- Giúp Ban chỉ đạo thành lập các Tiểu ban giúp việc và lập kế hoạch về việc sáp nhập thị xã Lào Cai và thị xã Cam Đường thành thị xã tỉnh lỵ Lào Cai theo tinh thần, chủ trương của Tỉnh ủy sớm đi vào hoạt động.

Điều 3: Các đồng chí Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy và các đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỬ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 225-TB/TU, ngày 16-2-2002

Về kết luận của Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ XIX ngày 15-2-2002

Ngày 15-2-2002, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tiến hành Hội nghị lần thứ XIX dưới sự chủ trì của đồng chí Giàng Seo Phử, Bí thư Tỉnh ủy.

Sau khi nghe Ban chỉ đạo tỉnh về tăng cường, luân chuyển cán bộ đi huyện, xã báo cáo dự kiến danh sách cán bộ tăng cường đi xã đợt 1, các đồng chí trong Ban Thường vụ thảo luận, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy đã kết luận như sau:

1. Nhất trí như dự kiến của Ban chỉ đạo tăng cường, luân chuyển cán bộ của tỉnh về danh sách cán bộ tăng cường cho xã đợt 1. Giao Ban chỉ đạo điều chỉnh một số trường hợp theo ý kiến của Ban Thường vụ cho phù hợp và chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện từ 1-3-2002.

2. Đối với sinh viên đại học mới ra trường (theo danh sách thống kê) nếu đủ điều kiện được tăng cường về xã thực hiện chế độ theo quy định hiện hành, ngoài ra tỉnh trợ cấp ban đầu 1 triệu đồng, sau 3- 4 năm nếu hoàn thành tốt nhiệm vụ sẽ được xét vào biên chế theo quy định của tỉnh. Giao cho Ban Tổ chức chính quyền tỉnh quản lý về con người và lập dự toán lương bảo đảm chính sách hợp đồng cho số sinh viên nói trên (theo Luật lao động).

3. Đồng ý làm nhà ở cho cán bộ tăng cường xã ở và làm việc (xây

tường 10, lợp fibrô xi măng, lán nền, giường 2 tầng), Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí trong kế hoạch hàng năm.

4. Số cán bộ dôi ra do sáp nhập 2 thị xã sau khi đã bố trí đủ các chức danh, sẽ tăng cường cho các xã của các huyện trong tỉnh.

Trên đây là kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, yêu cầu các cơ quan chức năng căn cứ để thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 226-TB/TU, ngày 16-2-2002

**Về kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
tại Hội nghị lần thứ XIX ngày 15-2-2002**

Ngày 15-2-2002, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tiến hành Hội nghị lần thứ XIX dưới sự chủ trì của đồng chí Giảng Seo Phủ, Bí thư Tỉnh ủy. Sau khi nghe cơ quan chức năng báo cáo về công tác bầu cử Quốc hội khóa XI, các đồng chí trong Ban Thường vụ thảo luận và đã thống nhất kết luận như sau:

1. Về số lượng Đoàn đại biểu Quốc hội khóa XI của tỉnh Lào Cai: Tổng số đại biểu Quốc hội được bầu là 6 đại biểu, trong đó: Số đại biểu do Trung ương giới thiệu: 2 đại biểu, số đại biểu cư trú và làm việc tại địa phương: 4 đại biểu.

2. Về cơ cấu của đoàn đại biểu cư trú và làm việc tại địa phương: Ban Thường vụ nhất trí đề nghị Trung ương xét duyệt theo 2 phương án:

- Phương án 1 (phương án chọn): 1 đại biểu là cán bộ chủ chốt của tỉnh, người dân tộc Kinh làm Trưởng đoàn; 1 đại biểu nữ, dân tộc Kinh (theo khối hướng dẫn của Trung ương) làm chuyên trách; 1 đại biểu nam, dân tộc Mông và 1 đại biểu nữ, dân tộc Giáy, công tác tại Liên đoàn Lao động tỉnh, tái cử.

- Phương án 2: 1 đại biểu là cán bộ chủ chốt của tỉnh, dân tộc Mông làm Trưởng đoàn; 1 đại biểu nam (hoặc nữ), dân tộc Kinh làm

chuyên trách; 1 đại biểu nữ (hoặc nam), dân tộc Kinh (theo khối hướng dẫn của Trung ương) và 1 đại biểu nữ, dân tộc Giáy, công tác tại Liên đoàn Lao động tỉnh, tái cử.

Trên đây là kết luận của Ban thường vụ Tỉnh ủy, yêu cầu các cơ quan chức năng căn cứ thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 331-CT/TU, ngày 1-3-2002

Về việc lãnh đạo Đại hội Hội Nông dân các cấp nhiệm kỳ 2002-2007

Hội Nông dân Việt Nam là tổ chức đoàn thể trong hệ thống chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Hội được xây dựng, củng cố tổ chức từ Trung ương đến cơ sở ngày càng vững mạnh, có vị trí và vai trò rất quan trọng. Trong những năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, công tác Hội và phong trào nông dân đã có những đóng góp quan trọng góp phần ổn định chính trị và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Hội Nông dân tỉnh Lào Cai dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy đã có những đóng góp to lớn, có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển nông nghiệp, nông thôn. Các cấp Hội đã từng bước đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, góp phần tích cực vào việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội của địa phương. Tuy nhiên, công tác xây dựng Hội và vận động nông dân cũng còn những mặt hạn chế. Một số cấp ủy đảng, chính quyền chưa thật sự quan tâm lãnh đạo và tạo điều kiện cho hoạt động của Hội nhất là ở cơ sở.

Để tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng vẻ vang của giai cấp nông dân, góp phần đắc lực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và bảo vệ Tổ quốc. Tiến tới Đại hội Hội Nông dân các cấp năm 2002 - 2003 đạt kết quả, đánh giá đúng thực trạng của các cấp Hội và đề ra những mục tiêu, phương hướng, biện pháp cụ thể, sát thực, tạo

chuyển biến mới trong cán bộ, hội viên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và Đảng đoàn Hội Nông dân thực hiện tốt những nhiệm vụ sau đây:

1. Tiếp tục quán triệt cho cán bộ, đảng viên và hội viên nông dân các dân tộc trong tỉnh về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 59-CT/TW, ngày 15-12-2000 của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn” và Kế hoạch triển khai thực hiện số 04-KH/TU, ngày 22-8-2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai.

2. Các cấp ủy đảng lãnh đạo tổ chức Hội cùng cấp chuẩn bị tốt Đại hội nhiệm kỳ theo kế hoạch chỉ đạo Đại hội của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam. Chú trọng việc chỉ đạo chuẩn bị tốt nội dung Đại hội, nhân sự Ban Chấp hành và đại biểu đi dự Đại hội cấp trên. Phân công các đồng chí là đảng viên, cấp ủy viên giữ chức vụ chủ chốt của Hội theo đúng tinh thần Kế hoạch số 04-KH/TU, ngày 22-8-2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Lãnh đạo chặt chẽ việc giới thiệu nhân sự và bầu cử Ban Chấp hành các cấp bảo đảm phẩm chất chính trị, tiêu chuẩn hóa lâu dài và đáp ứng cơ cấu dân tộc, miền núi. Chỉ đạo Đại hội nông dân các cấp cần gắn nhiệm vụ chính trị của Hội với nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ các cấp. Phương hướng hoạt động của Hội Nông dân phải thể hiện rõ việc triển khai thực hiện các mục tiêu về phát triển nông nghiệp, nông thôn và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng bộ. Hội Nông dân các cấp tổ chức phát động các phong trào thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội Hội Nông dân các cấp như: Phong trào thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau xóa đói, giảm nghèo; phong trào xây dựng quản lý và sử dụng tốt kết cấu hạ tầng; phong trào văn hóa - xã hội, quốc phòng an ninh ở nông thôn; làm tốt công tác dân vận theo kế hoạch chỉ đạo của Ban 184; công tác xã hội để ổn định tình hình nông thôn.

3. Đảng đoàn Hội Nông dân tỉnh có kế hoạch chuẩn bị Đại hội cấp tỉnh, hướng dẫn các cấp Hội và phối hợp với các huyện, thị ủy thống nhất việc tổ chức thực hiện chỉ thị này trên cơ sở bảo đảm nguyên tắc của Đảng và quy định của Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam.

4. Ủy ban nhân dân các cấp, các sở, ban, ngành, đoàn thể tạo điều kiện về tinh thần, vật chất nhằm giúp Hội Nông dân tiến hành Đại hội theo kế hoạch chỉ đạo và bảo đảm thời gian quy định.

5. Ban Dân vận - Dân tộc Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy và các ban Đảng các cấp có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Ban Thường vụ Hội Nông dân cùng cấp giúp cấp ủy chỉ đạo tốt Đại hội Hội Nông dân bảo đảm dân chủ, đoàn kết, phấn khởi, trang trọng, với nội dung ngắn gọn, thiết thực, tránh hình thức. Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao Ban Dân vận - Dân tộc Tỉnh ủy và Đảng đoàn Hội Nông dân tỉnh chỉ đạo thực hiện và tổ chức kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này, báo cáo thường xuyên, định kỳ Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 244-TB/TU, ngày 15-3-2002

Về kết luận của hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 21 ngày 18-3-2002

Ngày 18-3-2002, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã họp dưới sự chủ trì của đồng chí Giàng Seo Phử, Bí thư Tỉnh ủy. Sau khi nghe các cơ quan chức năng báo cáo một số nội dung trình về công tác tổ chức, cán bộ cho thị xã Lào Cai mới; các đồng chí trong Ban Thường vụ thảo luận và thống nhất kết luận như sau:

I. Về Tờ trình số 56-TT/TC, ngày 16-3-2002 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy

1. Nhất trí như nội dung tờ trình:

Về cơ cấu Ban Chấp hành Thị ủy Lào Cai mới: Số lượng Ủy viên Ban Chấp hành là 33 đồng chí, Ban Thường vụ 11 đồng chí, và bố trí nhân sự Ban Thường vụ, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân (điện Ban Thường vụ quản lý) theo 2 phương án đã nêu trong tờ trình.

- Về cơ cấu Ủy ban nhân dân thị xã Lào Cai: gồm 9 đồng chí.

2. Nhất trí điều chuyển các đồng chí diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý như sau:

a) Đồng chí Nguyễn Văn Hòa, Tỉnh ủy viên, Bí thư Thị ủy Cam Đường, về giữ chức Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

b) Đồng chí Lộc Hoàng Lương, Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Cam Đường: Điều chuyển về giữ chức Phó ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Đồng chí Nguyễn Thị Xuân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Cam Đường: Điều chuyển về giữ chức Giám đốc Trung tâm Bảo trợ thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

d) Đồng chí Trần Kim Sơn, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Cam Đường: Điều chuyển về giữ chức Phó hiệu trưởng Trường Công nhân kỹ thuật thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội.

e) Đồng chí Phạm Chế, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thị xã Cam Đường, giữ chức Giám đốc Trung tâm Bồi dưỡng chính trị thị xã Lào Cai.

g) Đồng chí Đặng Văn Quỳnh, Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thị ủy Cam Đường về nhận công tác tại Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

h) Đồng chí Trần Hoàng Thái, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tuyên giáo Thị ủy Cam Đường về nhận công tác tại Sở Kế hoạch và Đầu tư.

II. Về Tờ trình số 57-TT/TC, ngày 13-3-2002 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy

1. Nhất trí như nội dung của tờ trình về việc bổ nhiệm Chủ nhiệm và các phó chủ nhiệm Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em tỉnh Lào Cai, gồm: Đồng chí Giàng Seo Tính, Chủ nhiệm, đồng chí Đặng Thị Yến, Phó Chủ nhiệm, đồng chí Nguyễn Ngọc Lợi, Phó Chủ nhiệm, kể từ ngày 1-4-2002. Về cơ sở vật chất, giao Ủy ban nhân dân tỉnh nghiên cứu, sắp xếp cho hợp lý; đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy trực tiếp gặp gỡ, giao nhiệm vụ cho các đồng chí này trước khi bổ nhiệm.

2. Nhất trí với kết quả bầu bổ sung đồng chí Phạm Công Đức, Trưởng ban Tổ chức Đảng ủy Quân sự tỉnh làm Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Quân sự tỉnh.

3. Đồng ý xếp lại lương cho đồng chí Vũ Xuân Hồng, Phó Giám đốc Sở Thương mại - Du lịch từ hệ số 4,6 (lương chức vụ quản lý doanh nghiệp nhà nước hạng III, bậc II) sang bảng lương hành chính, mã ngạch 01.002, bậc 4, hệ số 4,19 và hưởng phụ cấp chức vụ theo quy định kể từ ngày 1-3-2002.

III. Về Tờ trình số 119/UB, ngày 18-3-2002 của Ủy ban nhân dân thị xã Lào Cai

1. Về sử dụng cơ sở vật chất cho thị xã Lào Cai mới, Ban Thường vụ nhất trí nguyên tắc không xây dựng thêm, mà bố trí sử dụng trên cơ sở tận dụng hệ thống cơ sở vật chất hiện có.

2. Nhất trí phương án bố trí trụ sở làm việc cho các cơ quan thị xã Lào Cai mới như nội dung tờ trình.

Khi thực hiện di chuyển cơ quan theo sự phân công, yêu cầu để nguyên hiện trạng đối với những tài sản cố định (điều hoà nhiệt độ, điện, nước...) chỉ chuyển những tài sản động (bàn, ghế, tủ...).

3. Về niên khóa của thị xã Lào Cai mới: Giao Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy rà soát và trình Ban Thường vụ phiên họp tới.

4. Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì cùng các cơ quan chức năng (Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể) làm đầy đủ các thủ tục giải thể bộ máy của 2 thị xã cũ trước khi ra mắt thị xã mới theo nghị định của Chính phủ. Đồng thời hướng dẫn trình tự, thủ tục để kiện toàn bộ máy của thị xã Lào Cai hoạt động chính thức kể từ ngày 1-4-2002.

Căn cứ vào kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, yêu cầu các tổ chức và cá nhân có liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 245-TB/TU, ngày 19-3-2002

**Về kết luận của Đồng chí Giàng Seo Phử,
Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, tại Hội nghị
công tác tăng cường cán bộ đi cơ sở đợt 1 năm 2002**

Ngày 16-3-2002, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị công tác tăng cường cán bộ đi cơ sở đợt 1 năm 2002. Đồng chí Giàng Seo Phử, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy chủ trì Hội nghị. Sau khi quán triệt tinh thần Nghị quyết số 10 NQ/TU, ngày 4-12-2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về luân chuyển, tăng cường cán bộ đi huyện, xã tỉnh Lào Cai, hướng dẫn chỉ định tham gia các chức danh cấp ủy cơ sở, hướng dẫn bầu bổ sung chức danh chính quyền cơ sở và ý kiến phát biểu của các đại biểu, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy kết luận.

1. Tăng cường cán bộ đi cơ sở là một chủ trương lớn của Tỉnh ủy, với quan điểm tăng cường cán bộ để giúp cho cơ sở mạnh hơn, tạo điều kiện cho việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ do Đại hội Đảng các cấp đề ra. Vì vậy, khi về cơ sở cán bộ tăng cường phải thực sự vì dân, có phương pháp công tác mềm dẻo, linh hoạt, thận trọng, biết dựa vào quần chúng, lắng nghe ý kiến của quần chúng, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, không được làm phức tạp tình hình ở cơ sở.

2. Tổ công tác, cấp ủy và chính quyền cơ sở phải có sự phối hợp chặt chẽ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

Tổ trưởng Tổ công tác do Ban Thường vụ huyện, thị ủy chỉ định, sau thời gian từ 6 tháng đến 1 năm tùy theo tình hình có thể sẽ tổ chức bầu bổ sung. Tổ công tác xây dựng chương trình hành động phù hợp với phương hướng của cấp ủy cơ sở giai đoạn 2001 - 2005, trong đó cần tập trung xóa đói, giảm nghèo, xây dựng cơ sở hạ tầng, nâng cao trình độ dân trí, không để thôn, bản không có đảng viên, ngăn chặn tình trạng di dịch cư tự do... Nếu để dân di cư tự do thì đồng chí bí thư cấp ủy, chủ tịch Ủy ban nhân dân xã phải chịu trách nhiệm. Nếu hộ nào cố tình di cư tự do cho phép chính quyền xã thu lại đất.

3. Về xây dựng quy chế hoạt động của Tổ công tác: Giao cho Ban Thường vụ các huyện, thị ủy chỉ đạo các Tổ công tác căn cứ tình hình cụ thể của địa phương để xây dựng quy chế cho phù hợp. Ban Thường vụ huyện, thị ủy phân công đồng chí Phó Bí thư Thường trực và đồng chí Trưởng ban Tổ chức trực tiếp phụ trách Tổ công tác. Nếu cán bộ tăng cường không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, Ban Thường vụ huyện, thị ủy có trách nhiệm xử lý theo quy định của Điều lệ Đảng và phối hợp với cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ để xử lý theo Pháp lệnh cán bộ, công chức.

4. Nhiệm vụ của cán bộ tăng cường, trước hết phải đánh giá lại thực trạng tình hình đội ngũ cán bộ cơ sở hiện có, từ đó xây dựng kế hoạch bố trí cán bộ đi học nâng cao trình độ văn hóa, lý luận chính trị, quản lý nhà nước và chuyên môn. Các xã phải chủ động phân công cán bộ đi học.

Giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tổ chức chính quyền tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo và Trường Chính trị tỉnh xây dựng kế hoạch chuẩn bị các điều kiện để phục vụ cho việc đào tạo cán bộ ở cơ sở năm 2002 và những năm tiếp theo, đồng thời hướng dẫn các huyện, thị đánh giá lại đội ngũ cán bộ chủ chốt cơ sở để xây dựng quy hoạch và có hướng sử dụng lâu dài.

5. Về vấn đề làm nhà ở cho cán bộ tăng cường: Chủ yếu do huyện và xã làm, mỗi huyện chọn từ 2 đến 3 xã để làm trước; thống nhất thiết kế làm nhà công vụ trong toàn tỉnh theo một mẫu nhất định.

Tuy nhiên, cán bộ tăng cường không được ở tập trung một chỗ, mà phải phân công từng thành viên xuống ở các thôn, bản để phụ trách và nắm dân. Sáu tháng sau khi cán bộ tăng cường đến cơ sở, Tỉnh ủy sẽ tiến hành kiểm tra hoạt động của Tổ công tác; hoạt động, kết quả và chất lượng công tác của đội ngũ cán bộ tăng cường, đánh giá nhận xét của cơ sở về vấn đề này.

Để tạo điều kiện cho cán bộ đến cơ sở được thuận lợi, các cơ quan giải quyết cho cán bộ được nghỉ từ ngày 17-3 đến 26-3-2002 và chủ động bàn giao công việc. 7h30 ngày 27-3-2002 Ban Thường vụ các huyện, thị ủy cử người và bố trí phương tiện về Văn phòng Tỉnh ủy để nhận cán bộ tăng cường. Văn phòng Tỉnh ủy và Ban Tổ chức Tỉnh ủy chuẩn bị điều kiện để phục vụ việc giao, nhận cán bộ tăng cường được tốt.

Từ ngày 28-3 đến 4-4-2002 giao các huyện, thị ủy tiếp tục gặp gỡ, giao nhiệm vụ cho số cán bộ tăng cường và chỉ định tổ trưởng, đồng thời bàn giao cán bộ cho từng xã.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các huyện, thị ủy làm văn bản báo cáo, phản ánh về Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo cán bộ tăng cường để được giải đáp.

Thừa lệnh Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy thông báo để các đơn vị căn cứ tổ chức thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG

PHẠM NGỌC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 254-TB/TU, ngày 26-3-2002

**Về kết luận của Thường trực Tỉnh ủy
tại phiên họp ngày 25-3-2002**

Ngày 25-3-2002, Thường trực Tỉnh ủy họp dưới sự chủ trì của đồng chí Giàng Seo Phử, Bí thư Tỉnh ủy; dự họp có đồng chí Nguyễn Đức Thăng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, đồng chí Bùi Quang Vinh, Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng chí Hà Ngọc Đông, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh. Sau khi nghe Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình diễn biến trong tuần từ ngày 16-3 đến 22-3-2002 và một số nội dung xin ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, ý kiến thảo luận của các đồng chí dự họp, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy kết luận:

1. Tình hình di cư tự do tiếp tục diễn biến phức tạp. Ổn định dân cư để phát triển sản xuất, xóa đói, giảm nghèo là vấn đề phải đặc biệt quan tâm. Yêu cầu các huyện, thị phải tăng cường xuống cơ sở nắm tình hình và ổn định dân cư tập trung cho sản xuất vụ xuân - hè.

Các cấp, các ngành tập trung chỉ đạo, đôn đốc cung ứng vật tư và các loại cây, con, giống mới bảo đảm sản xuất đúng thời vụ, đưa các giống mới vào sản xuất phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của từng địa phương để thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kế hoạch năm 2002.

Tình hình truyền đạo trái phép đang diễn biến phức tạp. Giao cho các ngành chức năng thống kê số lượng dân di cư tự do trong quý I năm 2002 của tỉnh, trong đó làm rõ số lượng dân theo đạo đã di cư tự do, số còn lại phân biệt những tên cầm đầu để đấu tranh, làm tốt công tác vận động quần chúng. Giao các đoàn thể phải tập trung vận động quần chúng, chủ yếu dùng biện pháp quần chúng vận động quần chúng.

Các huyện có dân di cư đi, nếu các tỉnh trả dân về, cần bố trí ổn định dân cư, tập trung chỉ đạo sản xuất, chống tái di cư mới. Các địa phương có dân di cư tự do từ các tỉnh khác đến, cần căn cứ vào quyết định của Thủ tướng chủ động làm việc trực tiếp với các huyện có dân di cư của các tỉnh bạn để tổ chức đón, đưa dân trở về địa phương cũ.

2. Về sử dụng điện thoại: Căn cứ vào tiêu chuẩn và đối tượng được sử dụng điện thoại đã được Thường trực Tỉnh ủy quy định; tất cả các đối tượng sử dụng điện thoại được các cơ quan Đảng, Nhà nước trang bị nếu vượt định mức quy định, các cơ quan đơn vị quản lý đều phải thu phần tiền sử dụng vượt mức quy định vào ngân sách nhà nước.

Về trang bị máy điện thoại di động: Căn cứ vào tiêu chuẩn sử dụng máy điện thoại di động, những đối tượng được sử dụng đã mua máy điện thoại di động vượt quá tiêu chuẩn đều phải nộp lại phần vượt tiêu chuẩn vào ngân sách nhà nước, cả 2 mục điện thoại trên, các cơ quan không dùng ngân sách của cơ quan để thanh toán phần vượt định mức cho các cá nhân bất kể đối tượng đó ở cương vị nào theo quy định của Nhà nước.

3. Giao cho Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy làm báo cáo Ủy ban Kiểm tra Trung ương theo tinh thần Văn bản số 403-CV/KTTW, ngày 19-3-2000 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về tình hình thực hiện nhiệm vụ kiểm tra của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp trong Đảng bộ.

4. Giao Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy chuẩn bị báo cáo việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) báo cáo Trung ương theo đề cương của Trung ương Đảng.

5. Về công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI: Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội của tỉnh tập trung chỉ đạo tiến hành các thủ tục hiệp thương vòng 3 bảo đảm kết quả tốt.

6. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chọn các công trình xây dựng cơ bản trọng điểm năm 2002 báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy để tập trung chỉ đạo.

Trước mắt, tập trung giải phóng mặt bằng khu đầu cầu Hồ Kiều II trong tháng 4-2002, giải tỏa đến đâu, tiến hành thi công ngay đến đó, thực hiện đúng kế hoạch tiến độ giải phóng mặt bằng.

Đối với việc giải phóng mặt bằng xây dựng kè sông biên giới, thuộc phường Duyên Hải nếu quá phức tạp phải chọn tuyến khảo sát lại để giải phóng mặt bằng đưa máy móc, thiết bị vào thi công và chỉ giải tỏa những phần công trình để đưa máy, thiết bị vào thi công, nếu nhân dân thấy quá khó khăn thì bàn lại với dân về phương án giải tỏa.

Tập trung chỉ đạo việc thông xe và đưa vào sử dụng cầu Phố Mới vào ngày 11-7-2002.

7. Đồng ý giải thể Viện Khảo sát thiết kế nông - lâm nghiệp, thành lập Chi cục Phát triển lâm nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Chuyển Bệnh viện thị xã Cam Đường cũ thành Viện Y học dân tộc cổ truyền thuộc Sở Y tế.

Thừa lệnh Ban Thường vụ Văn phòng Tỉnh ủy xin thông báo để các cơ quan, đơn vị cá nhân biết, thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG
PHẠM NGỌC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 45-BC/TU, ngày 1-4-2002

Về tình hình di dịch cư tự do tại tỉnh Lào Cai

Trong những năm qua được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, tỉnh Lào Cai đã đầu tư nhiều chương trình dự án nhằm phát triển kinh tế - xã hội các xã vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn. Các chương trình dự án xóa đói, giảm nghèo, định canh định cư, quy hoạch sắp xếp dân cư, trợ cước trợ giá giống mới và phân bón, trợ lãi suất cho người nghèo vùng nghèo, công tác khuyến nông giúp đồng bào phát triển sản xuất. Các chương trình cung cấp chất lợp cho đồng bào nghèo vùng cao, cung cấp nước sinh hoạt, giao thông nông thôn, mở rộng mạng lưới y tế cơ sở, chương trình giáo dục tăng cường cán bộ cho cơ sở, chương trình tình nguyện... đã phát huy tác dụng tốt.

Bộ mặt nông thôn từng bước được đổi mới, đời sống nông dân được cải thiện, tỷ lệ đói nghèo từ gần 50% năm 1992 giảm xuống còn 25,7% (theo tiêu chí mới), thu nhập lương thực có hạt bình quân đầu người 268 kg/người, GDP bình quân đầu người 2,52 triệu đồng/người/năm. Các xã được xây dựng trường học, trạm xá, trụ sở, đường giao thông ô tô đố đến 171 xã/180 xã, phường (năm 1992 còn 56 xã chưa có đường ô tô đến xã).

Về di cư tự do: Giai đoạn 1991-2000 đồng bào di cư 2.698 hộ, với 15.828 khẩu chủ yếu đi trong tỉnh, đi các tỉnh Lai Châu, Sơn La, Thanh Hóa chiếm 65,5% tổng số hộ di cư. Nhưng từ năm 1996 - 1999

đồng bào lại chuyển hướng đi Đắk Lắk, Gia Lai chiếm 16,8% số còn lại là đi trong tỉnh và các tỉnh khác. Những năm 1999 - 2000 số lượng di cư giảm thấp (phụ lục 1).

Năm 2001 đã có 295 hộ 1.621 khẩu thuộc 41 xã của 9 huyện di cư, trong đó đồng bào theo đạo Tin Lành trái phép di cư chiếm 62,3%, có 3 huyện 100% số hộ di cư theo đạo trái phép là Bảo Yên, Bảo Thắng, Bát Xát. Hướng di cư đi ngoài tỉnh chiếm 91,1 % tổng số; trong đó đi Đắk Lắk chiếm 60,9%, đi Lai Châu chiếm 33% tổng số hộ đi ngoài tỉnh (phụ lục 2).

Quý I năm 2002 (từ tháng 1 đến 15-3-2002) trên địa bàn toàn tỉnh tình hình di cư tự do diễn ra khá phức tạp. Đó có 222 hộ 1.145 khẩu của 27 xã, 7 huyện di cư đi các tỉnh Đắk Lắk, Lâm Đồng 181 hộ: 934 khẩu, chiếm 86% tổng số hộ di cư, đi Lai Châu 9 hộ với 43 khẩu. Số lượng còn lại là đi trong tỉnh và các tỉnh lân cận. Trong đó tập trung chủ yếu ở 4 huyện trọng điểm: Bảo Yên 119 hộ 614 khẩu, chiếm 53,6% tổng số hộ di cư, Bắc Hà hộ 359 khẩu chiếm 29,2% tổng số hộ di cư, huyện Văn Bàn 18 hộ 80 khẩu, Bảo Thắng 11 hộ 57 khẩu; số lượng còn lại là các huyện Bát Xát, Si Ma Cai, Mường Khương.

- Về nguyên nhân di cư tự do: Đầu năm là thời điểm diễn ra di cư tự do của một bộ phận đồng bào người dân tộc Mông và liên quan trực tiếp đến truyền đạo Tin Lành trái phép. Có thể khẳng định người di cư tự do ngày nay không chỉ là những người nghèo, không chỉ là tập quán lạc hậu như trước đây.

Nguyên nhân cơ bản của di cư tự do là:

Do tập quán lạc hậu lâu đời của một bộ phận đồng bào dân tộc vẫn còn lưu truyền, là địa bàn cư trú và sản xuất của đồng bào còn những khó khăn hơn vùng khác; những hộ di cư tự do, do có sự kích động của các thế lực phản động và gắn với truyền đạo Tin Lành trái phép; mà tập trung vào dân tộc Mông và dân tộc Dao; vùng có truyền đạo Tin Lành trái phép.

Tỉnh Lào Cai đã tích cực tìm mọi biện pháp để không còn di cư tự do, như tập trung tăng cường cán bộ có uy tín xuống cơ sở và có

trách nhiệm xuống các thôn xã vận động đồng bào ổn định dân cư, đẩy mạnh sản xuất. Tỉnh đã đề ra các biện pháp xử lý nghiêm đối với các đối tượng kích động cầm đầu, phương tiện và chủ phương tiện chuyên chở dân di cư tự do. Tập trung đầu tư để tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện chủ trương của Chính phủ đang chỉ đạo, tăng cường nắm cơ sở và giữ vững ổn định tình hình vùng có truyền đạo Tin Lành trái phép.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 262-TB/TU, ngày 4-4-2002

Về kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại Hội nghị giao ban quý I các Đảng bộ trực thuộc tỉnh

Ngày 2-4-2002, tại trụ sở Huyện ủy huyện Văn Bàn, Thường trực Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị giao ban quý I năm 2002 các Đảng bộ trực thuộc tỉnh. Đến dự Hội nghị có đồng chí Giàng Seo Phử, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Bùi Quang Vinh, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng chí Nguyễn Đức Thăng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, chủ trì hội nghị.

Hội nghị đã nghe các huyện, thị ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của các địa phương trong quý I, việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị, những chuyển biến mới của các Đảng bộ trực thuộc sau hơn một năm thực hiện các nghị quyết của Tỉnh ủy và của huyện, thị ủy. Đặc biệt là tình hình di dịch cư tự do, các biện pháp giải quyết ổn định dân cư, chống truyền đạo Tin Lành trái phép. Những đề xuất, kiến nghị của các đảng bộ với tỉnh.

Thường trực Tỉnh ủy kết luận

- Về phát triển kinh tế trong quý I cơ bản là tốt, thời tiết thuận lợi cho sản xuất nông, lâm nghiệp. Gieo trồng vụ lúa xuân, xuân muộn năm 2002 ở một số nơi làm chậm, cần chỉ đạo cấy xong trước 15-4-2002. Các địa phương tiếp tục chỉ đạo thực hiện chương trình sản

xuất lúa, ngô, đậu tương hàng hóa và tỉnh không ban hành thêm các chính sách hỗ trợ.

Về chương trình chè, đầu năm nay công tác chuẩn bị giống là tốt, yêu cầu chỉ đạo trồng chè thành các vùng lớn, nhất là giống chè tuyết san, tỉnh sẽ hỗ trợ giá cho các đơn vị sản xuất giống chè. Tỉnh đã có quy định cần vận động nông dân tham gia tích cực dự án kiên cố hóa kênh mương, địa phương làm được bao nhiêu lập kế hoạch, tỉnh sẽ lo vốn theo quy định để các địa phương triển khai.

Vay vốn tín dụng để phát triển kinh tế hộ những năm qua chưa nhiều, cần tập trung bàn bạc với các đoàn thể vận động nhân dân xây dựng phương án và vay vốn tín dụng để phát triển sản xuất. Ngân hàng người nghèo tập trung giải ngân sớm để người dân có điều kiện đi vào sản xuất ngay từ đầu năm... Phấn đấu giảm hộ đói nghèo theo mục tiêu năm 2002. Về thực hiện chương trình tắm lợp và bể nước sinh hoạt, phải bám vào kết luận của tỉnh tại Hội nghị sơ kết công tác định canh định cư - ngăn chặn di cư tự do, về việc thực hiện thí điểm chương trình hỗ trợ tắm lợp - nước ăn năm 2001.

Sang năm 2002 chuyển sang tập trung vốn hỗ trợ để xây dựng hệ thống nước sinh hoạt tự chảy là chính về các bản và đầu tư một số bể nước công cộng cho nhân dân. Các địa phương cần đánh giá kết quả cụ thể về việc vận động nông dân giúp nhau làm khung nhà để sử dụng tấm lợp thời gian qua, tiếp tục vận động nhân dân giúp nhau thời gian tới.

- Các địa phương phát động phong trào xây dựng các tuyến đường giao thông nông thôn, việc phá đá, nổ mìn xây dựng các tuyến đường giao thông nông thôn tỉnh đã giao cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đảm nhiệm. Tỉnh sẽ xây dựng cơ chế thưởng cho các huyện, xã có thành tích về giao thông nông thôn.

Thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở đúng độ tuổi phải quy hoạch đầy đủ mặt bằng cho các khu trường học. Phát động phong trào xóa bỏ các lớp học tạm, làm nhà ở cho giáo viên và cán bộ y tế ở cơ sở, tỉnh sẽ hỗ trợ các vật tư chủ yếu mà địa phương không có như chất lợp, xi măng.

Về quan hệ đối ngoại: Tăng cường quan hệ song phương giữa các huyện với huyện ở biên giới để tranh thủ về công nghệ, giống cây trồng và vật nuôi, các hoạt động thương mại qua các lối mòn, cửa khẩu địa phương theo quy định.

- Về việc di dịch cư tự do: Tập trung ổn định dân cư để ổn định sản xuất, thực hiện xóa đói, giảm nghèo; các cấp ủy và chính quyền phải thực hiện kết luận của Thủ tướng Chính phủ và của Ủy ban nhân dân tỉnh về giải quyết tình trạng dân di cư tự do, địa phương nào (xã, huyện) còn có dân di cư tự do phải đón về nơi ở cũ và có trách nhiệm giúp đỡ sản xuất đời sống cho họ tại địa phương mình. Không để xảy ra “điểm nóng” về di cư tự do và truyền đạo Tin Lành trái phép.

Dùng các biện pháp đồng bộ, kiên quyết để ngăn chặn việc di cư tự do, hết sức tránh các sơ hở để kẻ địch lợi dụng. Dùng biện pháp quần chúng để thực hiện vận động quần chúng và phải coi đây là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị tránh để xảy ra tình trạng mất ổn định.

Phải kiên quyết tập trung xử lý một số vụ điển hình về kích động lôi kéo dân di cư tự do và truyền đạo Tin Lành trái phép. Phát động phong trào quần chúng tố cáo bọn cầm đầu lôi kéo, kích động để có biện pháp xử lý và báo cáo Thường trực Tỉnh ủy trước ngày 15-4-2002: tăng cường cán bộ nắm, quản lý địa bàn thật tốt, tránh các tình huống bất ngờ.

- Các huyện, thị ủy rà soát và bổ sung ngay kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở xong trong tháng 6-2002, để trong quý III năm 2002, sẽ tổ chức các lớp học theo chủ trương của tỉnh.

Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành có liên quan triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xã, trên cơ sở đó bổ sung các chức danh còn thiếu ở cơ sở đối với đội ngũ cán bộ tăng cường về xã trong thời gian vừa qua.

- Sau khi tiến hành rút kinh nghiệm chỉ đạo việc đánh giá, bổ nhiệm lại cán bộ thí điểm ở 7 đơn vị theo Quyết định số 169-QĐ/TU, ngày 4-12-2001 của Tỉnh ủy sẽ tiến hành đánh giá bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý theo kế hoạch tiếp theo.

Thực hiện Nghị quyết số 16/2000/NQ-CP, ngày 18-10-2000 đối với các đồng chí cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ quản lý (đợt 1) và công chức đã có đủ thủ tục. Đối với các đồng chí đến nay đủ tuổi nghỉ hưu thì giải quyết theo chế độ nghỉ hưu, những đồng chí chưa đủ điều kiện nghỉ hưu thì thông báo nghỉ theo Nghị quyết 16/2000/NQ-CP. Thời điểm thực hiện từ 1-5-2002. Sau khi tiến hành đánh giá bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo quản lý và sắp xếp tổ chức theo các phương án đã duyệt sẽ tiếp tục giải quyết đợt 2 theo Nghị quyết 16/2000/NQ-CP.

- Các cấp, các ngành, các địa phương phải tiến hành kiểm tra đôn đốc việc tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI ở các địa bàn.

- Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ cùng một số ngành của Trung ương và các sở, ban, ngành liên quan nghe về tình hình nhằm tìm biện pháp tháo gỡ để phát triển sản xuất, kinh doanh của Công ty Apatit Việt Nam của năm 2002.

- Các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc, các cấp, các ngành chỉ đạo thực hiện ngay những nhiệm vụ công tác đã có chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy (theo đề nghị của Văn phòng Tỉnh ủy tại hội nghị).

Thừa lệnh Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy thông báo để các cơ quan, đơn vị cá nhân biết, thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**CHÁNH VĂN PHÒNG
PHẠM NGỌC THẮNG**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 263-TB/TU, ngày 8-4-2002

**Về kết luận của đồng chí Nguyễn Đức Thắng,
Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy tại cuộc họp giao ban
nội chính ngày 5-4-2002**

Ngày 5-4-2002 tại trụ sở Cục Hải quan tỉnh, đồng chí Nguyễn Đức Thắng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy chủ trì phiên họp giao ban Khối Nội chính, cùng dự có đồng chí Bùi Quang Vinh, Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Sau khi nghe báo cáo tổng hợp tình hình của Văn phòng Tỉnh ủy; ý kiến phát biểu của đồng chí Bùi Quang Vinh và lãnh đạo các ngành trong Khối Nội chính. Đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy đã kết luận:

Trong tháng 3-2002 các cơ quan Khối Nội chính đã phối kết hợp với các huyện, thị trong việc nắm tình hình và xử lý các vụ việc, đặc biệt là ở vùng biên giới, vùng có dân di cư tự do và tuyên truyền đạo trái phép, góp phần giữ gìn an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trong địa bàn của tỉnh. Nhưng tình hình truyền đạo trái phép có những diễn biến phức tạp, thủ đoạn tinh vi hơn. Tình hình dân di cư tự do có giảm xuống nhiều so với tháng 1, 2 năm 2002 nhưng chưa thực sự ổn định. Việc giải quyết xử lý đối với những đối tượng cầm đầu truyền đạo trái phép và xúi giục dân di cư tự do chưa được kiên

quyết. Tình trạng tai nạn giao thông, trộm cắp xe đạp, xe máy, tài sản công dân ở thị xã Lào Cai có chiều hướng gia tăng, nhưng chưa có biện pháp ngăn chặn kịp thời.

Một số công việc cần quan tâm giải quyết trong tháng 4-2002

1. Các ngành trong Khối Nội chính cần tăng cường và phát huy mối đoàn kết các dân tộc và phối hợp chặt chẽ với các huyện, thị xã nắm chắc tình hình diễn biến, tư tưởng trong nhân dân, tuyên truyền và tạo mọi điều kiện để nhân dân tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI, nhất là những vùng có đạo Tin Lành và di cư tự do. Tăng cường công tác quản lý nhân hộ khẩu, trật tự an toàn giao thông, phòng và cháy rừng, thực hiện tốt Kế hoạch 184 của tỉnh và huyện.

2. Tăng cường nắm tình hình tư tưởng trong nhân dân ở những nơi giải phóng mặt bằng để tỉnh quy hoạch xây dựng công trình xây dựng cơ bản. Các cơ quan bảo vệ pháp luật tập trung giải quyết dứt điểm vụ bà Đinh Thị Yêu ở thị trấn Phố Giàng, huyện Bảo Yên liên quan đến việc tổ chức cho dân di cư tự do.

3. Giao cho thị xã Lào Cai phối hợp với các ngành chức năng liên quan để bàn, có phương án sắp xếp tổ chức phương tiện giao thông (ô tô buýt) để đưa cán bộ, công chức đi lại làm việc giữa 2 thị xã Lào Cai và thị xã Cam Đường (cũ), nhằm làm giảm mật độ phương tiện tham gia giao thông nhất là vào những giờ cao điểm.

4. Công tác chống buôn lậu và gian lận thương mại: Cần thực hiện nghiêm chỉnh Công điện 1254/CD-CP của Chính phủ chỉ đạo về công tác chống buôn lậu và gian lận thương mại. Hải quan và Cục Thuế tỉnh tăng cường công tác kiểm tra hoàn thuế VAT hàng hóa đầu vào; Chi cục Kiểm lâm tỉnh chú ý quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động của Trạm phúc kiểm lâm sản ở K78, huyện Bảo Yên.

5. Các ngành nội chính phối hợp chặt chẽ với huyện Bắc Hà làm tốt công tác bảo vệ cho ngày hội văn hóa, thể dục thể thao tổ chức tại huyện Bắc Hà vào cuối tháng 4-2002.

6. Sở Tư pháp cần phối hợp với các ngành nội chính và các huyện, thị xã làm tốt công tác tuyên truyền pháp luật trong nhân dân nhằm làm giảm các vụ trọng án nguyên nhân do phong tục tập quán lạc hậu của đồng bào dân tộc ít người, chú ý ở các huyện: Mường Khương, Văn Bàn, Than Uyên và Bát Xát.

7. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh cùng các ngành chức năng tích cực làm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng dự án chi tiết khu kinh tế - quốc phòng Bát Xát, tỉnh Lào Cai, theo quyết định của Chính phủ.

8. Bộ chỉ huy Biên phòng tỉnh tăng cường chỉ đạo công tác tuần tra bảo vệ biên giới, giải quyết tốt vụ việc xảy ra ở mốc 13 biên giới huyện Mường Khương và chuẩn bị cho việc cắm mốc biên giới của tỉnh.

9. Thị xã Lào Cai chủ động làm việc trực tiếp với các ngành Khối Nội chính (cấp tỉnh) để bố trí, sắp xếp các trụ sở làm việc cho các cơ quan nội chính của thị xã Lào Cai. Nhanh chóng ổn định về tổ chức, nơi làm việc để triển khai các nhiệm vụ chính trị đã được xác định.

Thừa lệnh Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy thông báo kết luận của đồng chí Nguyễn Đức Thắng, để các cơ quan liên quan biết và tổ chức thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ VĂN PHÒNG

PHẠM VĂN LIÊN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 264-TB/TU, ngày 8-4-2002

**Về kết luận của đồng chí Nguyễn Đức Thăng,
Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, tại hội nghị
triển khai công tác bảo vệ chính trị nội bộ**

Ngày 4-4-2002 Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị triển khai công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Đồng chí Nguyễn Đức Thăng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy chủ trì hội nghị. Sau khi hội nghị nghe quán triệt các văn bản: Thông tri số 04/TT-TW, ngày 24-2-2002 của Ban Bí thư; Báo cáo tổng kết công tác bảo vệ chính trị nội bộ (1986-2001) của Trung ương; Bài phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh tại Hội nghị toàn quốc tổng kết công tác bảo vệ chính trị nội bộ (1986 - 2001); Bài kết luận và bế mạc của đồng chí Trần Đình Hoan, Bí thư Trung ương Đảng tại Hội nghị toàn quốc tổng kết công tác bảo vệ chính trị nội bộ (1986 - 2001); Kế hoạch 52/KH-BVTW của Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương về kế hoạch công tác bảo vệ chính trị nội bộ phục vụ cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI; Hướng dẫn số 02/HDLBVTW, ngày 8-3-2002 của Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương về việc thực hiện Quy định số 75-QĐ/TW, ngày 25-4-2000 của Bộ Chính trị “Quy định một số vấn đề bảo vệ chính trị nội bộ Đảng”; các đại biểu phát biểu ý kiến, đồng chí Phó Bí thư Thường trực kết luận:

1. Các huyện, thị ủy và Đảng ủy trực thuộc cần chỉ đạo và tổ chức

hội nghị tổng kết, kiểm điểm về công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong 5 năm qua (1996 - 2001), việc thực hiện Quy định 75-QĐ/TW, ngày 25-4-2000 và 19 điều cấm đối với đảng viên. Chú ý trong phương hướng, nhiệm vụ công tác bảo vệ chính trị nội bộ thời gian tới cần dự báo tình hình, quán triệt 6 nhiệm vụ chủ yếu trong Báo cáo tổng kết công tác bảo vệ chính trị nội bộ của Tỉnh ủy Lào Cai từ 1996 - 2001 số 43-BC/TU, ngày 19-2-2002.

2. Giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy kiện toàn Phòng Bảo vệ chính trị nội bộ và nắm chắc nhân sự các đồng chí làm công tác bảo vệ chính trị nội bộ ở các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc và các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh. Đồng thời mở lớp tập huấn nghiệp vụ cho các đồng chí làm công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong thời gian quý III năm 2002, bảo đảm nắm vững chủ trương, quy định của Trung ương và Tỉnh ủy. Chú ý việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình, bổ sung lý lịch và kê khai tài sản của đảng viên ở các cương vị công tác.

3. Giao cho Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì cùng với các ngành của tỉnh làm việc với các học viện của Trung ương chuẩn bị chương trình, nội dung, học phần về công tác bảo vệ chính trị nội bộ đưa vào hệ thống trường đào tạo chính trị, hành chính, trung tâm bồi dưỡng chính trị ở từng cấp, nhất là chuẩn bị vào kỳ học mới quý IV năm 2002.

4. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy thực hiện tốt quy định phối hợp để giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo đối với Đảng viên thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý. Trong đó có vấn đề chính trị và phẩm chất đạo đức liên quan đến công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

5. Thường xuyên quan tâm nắm chắc tình hình cơ sở, tư tưởng trong nhân dân nhất là về vấn đề: di cư tự do, truyền đạo Tin Lành trái phép, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, thực hiện Quy chế dân chủ, Đại hội đoàn thể các cấp. Tập trung giải quyết tốt đơn thư khiếu nại tố cáo, chú ý những địa bàn liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng để triển khai xây dựng cơ bản của tỉnh, huyện.

Các cấp, các ngành thường xuyên báo cáo về Tỉnh ủy những vấn đề liên quan đến công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

Thừa lệnh Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy thông báo kết luận của đồng chí Nguyễn Đức Thắng, để các cơ quan liên quan biết và tổ chức thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ VĂN PHÒNG
PHẠM VĂN LIÊN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 284-TB/TU, ngày 16-4-2002

**Về kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy
tại cuộc họp giao ban Thường trực Tỉnh ủy,
Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai
ngày 15-4-2002**

Ngày 15-4-2002, Thường trực Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh tiến hành họp giao ban, đồng chí Giàng Seo Phử, Bí thư Tỉnh ủy chủ trì phiên họp. Cùng dự họp có các đồng chí: Nguyễn Đức Thăng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy; đồng chí Hà Ngọc Đông, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; đồng chí Nguyễn Hữu Vạn, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Sau khi nghe Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình diễn biến tuần từ ngày 6-4 đến 12-4-2002 và một số nội dung xin ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, ý kiến thảo luận của các đồng chí dự họp; đồng chí Bí thư Tỉnh ủy kết luận:

1. Việc tổng hợp báo cáo tình hình hằng tuần phải thống kê cho tốt làm cơ sở xây dựng báo cáo hằng tháng. Trong báo cáo hằng tuần phải kiểm điểm những việc giao ban tuần trước đã làm được đến đâu, những vấn đề mới nảy sinh và các kiến nghị, đề nghị giải quyết. Những sự kiện trong tuần và các hoạt động của Thường trực Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Giao Văn phòng Tỉnh ủy xây dựng mẫu báo cáo tình hình diễn biến trong tuần để sử dụng thống nhất cho Văn phòng Tỉnh ủy và Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Về kinh tế: Tập trung kiểm tra việc thực hiện tiến độ sản xuất, tiến độ thực hiện kế hoạch đối với việc gieo trồng vụ xuân năm 2002. Tập trung triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, chú ý các dự án đã giao kế hoạch từ tháng 10-2001 cần phải có sự điều chỉnh trong tháng 6-2002.

Giao tỉnh làm báo cáo tổng hợp các nguồn vốn, các chỉ tiêu ngân sách năm 2002.

Đẩy mạnh tiến độ lập dự án nâng cấp quốc lộ 70, tranh thủ thời tiết thuận lợi đẩy nhanh tiến độ thi công kè sông biên giới, cầu Phố Mới, đường trục Lào Cai - Cam Đường, quốc lộ 4Đ.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao cho Ban Quản lý kinh tế Cửa khẩu Lào Cai trực tiếp chỉ đạo thực hiện các công trình xây dựng cơ bản trong khu vực kinh tế cửa khẩu nay tiếp tục giao cho đồng chí Nguyễn Hữu Vạn, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp duyệt các công trình xây dựng cơ bản trong khu vực kinh tế cửa khẩu.

Tiến hành giải phóng mặt bằng khu vực kinh tế cửa khẩu ở khu vực phường Lào Cai xong trước 30-4-2002 để tổ chức thi công ngay từ ngày 2-5-2002. Không một tổ chức và cá nhân phải di dời nào được phép kéo dài thời hạn quá ngày 1-5-2002.

3. Đồng ý với Tờ trình số 10-TT/BCH, ngày 30-3-2002 của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Lào Cai về việc xin kinh phí hỗ trợ viết Lịch sử kháng chiến chống Mỹ của quân và dân tỉnh Lào Cai từ 1954 - 1975. Giao Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phối hợp với Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh thẩm định những căn cứ lịch sử.

4. Sau khi xem xét kế hoạch tái bản (có bổ sung) sách Lịch sử Đảng bộ tập I của Đảng bộ huyện Bảo Thắng và tờ trình phê duyệt kế hoạch tổ chức kỷ niệm 55 năm thành lập Đảng bộ huyện Văn Bàn, giao Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy về

ngày thành lập các Đảng bộ để thống nhất ngày kỷ niệm cho mỗi địa phương và những nội dung chính lý, tái bản lịch sử các Đảng bộ.

5. Đồng ý về chủ trương theo đề nghị tại Công văn số 297/CV-UB, ngày 10-4-2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc tổ chức đoàn cán bộ khảo sát cây ăn quả tại Đài Loan.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chuẩn bị kỹ nội dung nghiên cứu và thành phần đoàn cán bộ đi nghiên cứu trình Thường trực Tỉnh ủy. Nội dung nghiên cứu phải cụ thể, nghiên cứu lĩnh vực nào thì cử cán bộ đúng chuyên môn đó đi nghiên cứu để về tổ chức thực hiện đạt hiệu quả.

6. Về tổ chức hoạt động kỷ niệm 55 năm ngày thương binh, liệt sĩ theo Công văn số 261-CV/UB, ngày 2-4-2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai, Thường trực Tỉnh ủy chủ trương: Các hoạt động kỷ niệm 55 năm ngày thương binh, liệt sĩ phải tạo ra phong trào thường xuyên, toàn dân chăm sóc thương binh, liệt sĩ. Phát động phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, thi đua giúp đỡ, chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ từ thôn, bản, xã; tạo ra phong trào ở cơ sở.

Đồng ý phát hành đợt xổ số, dành toàn bộ lợi nhuận thu được ủng hộ vào quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” giúp đỡ các gia đình chính sách.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các huyện, thị xã thống kê các gia đình thương binh, liệt sĩ đang gặp khó khăn, có mức sống dưới mức trung bình ở khu dân cư xây dựng kế hoạch giúp đỡ ngay trong năm nay.

7. Đồng ý với đề nghị tại Tờ trình số 11-TT/MT, ngày 5-4-2002 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Lào Cai về việc tổ chức hội nghị biểu dương người tiêu biểu “sản xuất giỏi, công tác xã hội tốt” các dân tộc tỉnh Lào Cai. Phải rất chú ý lựa chọn bình xét những người ưu tú ở những vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, phức tạp để lấy gương quần chúng thuyết phục vận động quần chúng. Tổ chức bình xét dân chủ công khai ở thôn, bản. Trong đoàn đại biểu về Hà Nội phải là đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, người dân tộc ít người, những người chưa về Hà Nội lần nào để động viên mọi người tích cực tham gia phong trào sản xuất giỏi, công tác xã hội tốt.

8. Đồng ý với Tờ trình 92/TT, ngày 26-3-2002 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Lào Cai và Công an tỉnh Lào Cai về việc mở hội nghị tổng kết 10 năm phối hợp chỉ đạo và triển khai thực hiện Nghị quyết liên tịch của Ủy viên Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Công an về “đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh trật tự trong thời kỳ mới” và thành lập Ban chỉ đạo Nghị quyết liên tịch 01 tỉnh Lào Cai.

9. Đồng ý với đề nghị tại Công văn số 09/NCT, ngày 26-3-2002 của Ban đại diện Hội người cao tuổi Việt Nam tỉnh Lào Cai về việc mở đợt phát hành xổ số xây dựng quỹ chăm sóc người cao tuổi vào cuối tháng 9-2002.

Ban đại diện Hội người cao tuổi Việt Nam tỉnh Lào Cai phải xây dựng được chương trình hoạt động năm 2002 của Hội cụ thể và thiết thực.

Thừa lệnh Ban Thường vụ, Văn phòng Tỉnh ủy xin thông báo để các cơ quan đơn vị biết, thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG
PHẠM NGỌC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 13-NQ/TU, ngày 16-4-2002

Về phát triển kinh tế lâm nghiệp tỉnh Lào Cai giai đoạn 2002 - 2005 và định hướng đến 2010

Lâm nghiệp là một ngành có vị trí quan trọng. Rừng không những mang lại lợi ích kinh tế trực tiếp mà còn cải tạo môi trường sinh thái, phòng hộ, đặc dụng góp phần phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh quốc phòng.

Lào Cai là một tỉnh vùng cao có tiềm năng lớn và lợi thế phát triển lâm nghiệp. Đa số các dân tộc Lào Cai sống gắn bó với rừng, có nhiều kinh nghiệm canh tác đất dốc và sản xuất lâm nghiệp. Trong những năm qua kinh tế lâm nghiệp của tỉnh có tiến bộ, song kết quả chưa tương xứng với tiềm năng và chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Do vậy, từ nay đến năm 2005 và định hướng đến năm 2010, cần đưa sản xuất kinh doanh lâm nghiệp thành một ngành, nghề chính, tăng thu nhập cải thiện đời sống cho nhân dân, bảo đảm an ninh quốc phòng, ổn định dân cư, góp phần quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Ban Chấp hành Tỉnh Đảng bộ Lào Cai lần thứ XII.

Phần thứ nhất
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP
THỜI GIAN QUA

1. Những kết quả đạt được

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XI và Nghị quyết số 01/NQ-TU, ngày 15-1-1997 của Tỉnh ủy Lào Cai (khóa XI) về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn 1996 - 2000, với sự nỗ lực cố gắng của các ngành, các địa phương, kinh tế nông nghiệp - nông thôn nói chung và kinh tế lâm nghiệp nói riêng ở tỉnh ta đã có những kết quả đáng khích lệ. Tỉnh đã có nhiều chính sách khuyến khích phát triển về lâm nghiệp như giao đất, khoán bảo vệ rừng, xây dựng rừng; đầu tư, hỗ trợ bằng nhiều chương trình, dự án như Dự án 327, Dự án 661, Dự án định canh định cư..., đã đào tạo và sử dụng 857 lao động có trình độ chuyên về lâm nghiệp, trong đó trình độ đại học 105 người, trung học 142 người, sơ học 150 người, công nhân trồng rừng và khai thác chế biến lâm sản 460 người. Hoạt động lâm nghiệp đã có sự chuyển biến đáng kể từ lâm nghiệp quốc doanh sang lâm nghiệp cộng đồng, đã phát triển nhiều vườn rừng và nhiều mô hình trang trại rừng. Toàn tỉnh đã có gần 20.000 hộ gia đình sản xuất lâm nghiệp, có thu nhập khoảng 3 triệu đồng/hộ/năm. Trong đó có 197 trang trại rừng đủ 4 tiêu chí quy định của Trung ương.

- Về diện tích rừng:

Năm 1995 toàn tỉnh có 198.647 ha, tỷ lệ có rừng che phủ là 24,7%. Đến tháng 12-2001 diện tích rừng là 274.766 ha, tỷ lệ có rừng che phủ đạt 34,1%; gồm rừng tự nhiên 225.877 ha, rừng trồng 48.889 ha (có 22.380 ha rừng trồng sản xuất, trong đó có hàng ngàn hecta cây đặc sản như quế, thảo quả trồng xen, cây dược liệu thân gỗ). Trữ lượng rừng (theo số liệu kiểm kê rừng tháng 12-1998) có 17 triệu m³ gỗ, và trên 200 triệu cây tre, vầu, nứa các loại. Qua 10 năm, cây lâm nghiệp đã trồng được 70 triệu cây, các huyện, thị đều

đánh giá trồng cây lâm nghiệp có hiệu quả cần được tiếp tục hỗ trợ để phát triển.

- Về kinh tế lâm nghiệp:

Vốn đầu tư cho lâm nghiệp từ 1996 - 2001: Ngoài vốn tự có của dân và các lâm trường, ngân sách đã đầu tư cho xây dựng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng là 75,8 tỷ đồng, (trong đó Dự án 327 là 37 tỷ, Dự án 661 là 36,7 tỷ, trồng cây lâm nghiệp xã hội 2,1 tỷ).

Không kể giá trị lâm sản phục vụ gia dụng thu nhập của ngành lâm nghiệp năm 1995 đến 2001 là 1.187,8 tỷ đồng, bình quân 169,7 tỷ/năm, đạt 14, 16% GDP toàn tỉnh. Riêng năm 2001 là 236,6 tỷ đồng, đạt 15,1 % GDP toàn tỉnh. Cơ cấu lâm nghiệp trong nông, lâm nghiệp chiếm 32,06%.

- Về giao đất lâm nghiệp:

Tính đến 31-12-2001, tổng diện tích đất lâm nghiệp đã giao 376.356 ha, gồm: 167.940 ha cho 60.017 hộ gia đình; 208.416 ha cho 15 tổ chức. Trong đó các hộ gia đình đưa vào sử dụng trên 30% diện tích được giao, các tổ chức đã đưa vào sử dụng 82% diện tích được giao.

- Về bảo vệ rừng:

Do có sự quan tâm của cấp ủy và chính quyền các cấp, các ngành, các cơ quan chức năng đã làm tốt công tác tuyên truyền vận động nhân dân tham gia bảo vệ và phát triển rừng nên đã tạo được phong trào nhân dân bảo vệ rừng, cộng đồng bảo vệ rừng có hiệu quả.

- Về chế biến, tiêu thụ gỗ và lâm sản:

Gỗ và lâm sản khai thác đã bảo đảm nhu cầu xây dựng trong tỉnh và gia dụng, bước đầu đã tổ chức chế biến sản xuất sản phẩm xuất khẩu như giấy đế, đũa tre, chiếu tre, gỗ trang trí nội thất... Đó là những kết quả rất quan trọng đối với kinh tế lâm nghiệp của tỉnh trong những năm vừa qua.

2. Tồn tại

- Kết quả đạt được chưa đạt mục tiêu Nghị quyết 01/NQ-TU, ngày 15-1-1997 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa XI đã đề

ra. Độ che phủ của rừng còn thấp, lâm nghiệp chưa trở thành ngành kinh tế có thu nhập cao, chưa thu hút được nhân dân tham gia kinh doanh nghề rừng (Mặc dù trên 80% dân số của tỉnh sống ở nông thôn và gắn liền với rừng).

- Việc sử dụng đất lâm nghiệp chưa hiệu quả, các hộ gia đình chỉ sử dụng 13% diện tích đất lâm nghiệp được giao vào mục đích sản xuất lâm nghiệp.

- Chưa có vùng nguyên liệu tập trung với quy mô lớn, rừng trồng năng suất thấp, sản phẩm hàng hóa từ rừng, sản phẩm qua chế biến và tinh chế còn ít. Các tiềm năng khác của rừng chưa được khai thác nhất là cảnh quan và du lịch sinh thái.

- Cán bộ hoạt động trên lĩnh vực lâm nghiệp chưa đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ được đặt ra.

3. Nguyên nhân

- *Nguyên nhân khách quan:*

- + Với địa hình phức tạp, khí hậu khắc nghiệt, cơ sở hạ tầng nông thôn miền núi chưa phát triển. Chu kỳ cây lâm nghiệp dài, lãi suất tín dụng cao cùng với chính sách hưởng lợi từ rừng chưa có sức thuyết phục, thị trường lâm sản không ổn định, chưa huy động được nội lực từ nhân dân để phát triển rừng.

- + Đời sống vật chất của đồng bào còn nhiều khó khăn, tập quán canh tác chủ yếu vẫn theo lối quảng canh, sản xuất lương thực, năng suất cây trồng và hiệu quả sản xuất thấp nên đa số chưa quan tâm đến sản xuất lâm nghiệp.

- *Nguyên nhân chủ quan:*

- + Một số cấp ủy và chính quyền nhất là cấp cơ sở chưa nhận thức đầy đủ về vai trò kinh tế lâm nghiệp, về trách nhiệm quản lý nhà nước đối với rừng và đất lâm nghiệp, công tác giáo dục tuyên truyền pháp luật và sản xuất lâm nghiệp chưa được quan tâm đúng mức, nhận thức của dân về bảo vệ và phát triển rừng còn hạn chế, tình trạng du canh, du cư, nạn cháy rừng, đất phá rừng làm nương rẫy;

sử dụng đất không có quy hoạch, khai thác và buôn lậu lâm sản trái phép còn xảy ra.

+ Công tác dịch vụ kỹ thuật, giống, vốn, tiêu thụ sản phẩm lâm nghiệp chưa đáp ứng được đòi hỏi thực tế về bảo vệ và phát triển rừng.

+ Chưa có định hướng phát triển kinh tế lâm nghiệp cho các xã vùng cao, vùng sâu, vùng xa. Hệ thống sản xuất kinh doanh lâm nghiệp chưa phát triển, chưa gắn chế biến với sản xuất nguyên liệu. Thiếu đội ngũ cán bộ giỏi về quản lý, kinh doanh lâm nghiệp.

+ Việc phối hợp giữa các ngành chức năng trong công tác giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp còn yếu, chưa sát với thực địa. Việc phân chia ranh giới ba loại rừng và phân cấp phòng hộ chưa chính xác ảnh hưởng đến quy hoạch và giao đất. Công tác giao đất chưa gắn với quy hoạch, hướng dẫn sử dụng đất, nên còn nhiều diện tích đất đã giao chưa sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2002 - 2005 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN 2010

I. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển lâm nghiệp theo hướng xã hội hóa, phát triển vùng nguyên liệu tập trung gắn với xây dựng mạng lưới công nghiệp chế biến lâm sản để phát triển sản xuất hàng hóa theo yêu cầu của thị trường, tạo được thu nhập cao cho hầu hết nông dân các địa phương có rừng nhằm gắn rừng với lợi ích trước mắt và lâu dài của người dân. Huy động được các tiềm lực của nhân dân và các thành phần kinh tế trong bảo vệ, xây dựng và sử dụng rừng, tạo việc làm tăng thu nhập, ổn định dân cư, xóa đói, giảm nghèo, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Phát triển lâm nghiệp toàn diện để phát huy đầy đủ chức năng của rừng, nâng cao hiệu quả trên 1 ha rừng. Tăng thêm diện tích và tài nguyên rừng, cả rừng sản xuất - phòng hộ - đặc dụng theo hướng đa dạng, đa tầng, đa mục đích trên cơ sở áp dụng những tiến bộ kỹ thuật trong bảo vệ, bảo tồn, khoanh nuôi và tạo nguồn tài nguyên mới. Phục vụ khai thác chế biến tiêu thụ và bảo đảm môi trường sinh thái, an ninh quốc phòng, khai thác có hiệu quả đất đai, khí hậu và lao động của tỉnh.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

1. Mục tiêu chung

Phấn đấu đến năm 2005, tỷ lệ có rừng che phủ là 41% (tương đương với 330.300 ha rừng). Tỷ trọng GDP lâm nghiệp đạt từ 15 - 17% GDP toàn tỉnh. Định hướng đến năm 2010 tỷ lệ che phủ của rừng đạt 58% (tương đương với 467.300 ha rừng), tỷ trọng đạt 20% GDP toàn tỉnh.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể

a) *Bảo vệ rừng*: Tăng cường giải pháp bảo vệ rừng tại gốc, xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm Luật bảo vệ và phát triển rừng. Quán triệt chủ trương phòng cháy, hạn chế tối đa xảy ra cháy rừng. Quan tâm đầu tư cho công tác khôi phục, bảo tồn nguồn gen động - thực vật rừng quý hiếm. Kiên quyết không để xảy ra tình trạng đất phá rừng làm nương rẫy. Sử dụng rừng và đất rừng theo quy hoạch.

b) *Khoanh nuôi tái sinh rừng*: Khoanh bảo vệ và xúc tiến tái sinh với các đối tượng đất rừng có đủ điều kiện (cả rừng gỗ và rừng tre nứa). Đối với khoanh nuôi tái sinh có trồng bổ sung hỗn hợp các loài cây có giá trị cao về kinh tế, đa dạng sinh học, cả cây gỗ, tre, vầu, trúc, cây đặc sản, cây dược liệu tạo nguồn thu trước mắt và lâu dài, cụ thể:

Giai đoạn 2002 - 2005, diện tích khoanh nuôi xúc tiến tái sinh là: 42.600ha, bình quân 10.600 ha/năm.

Giai đoạn 2006 - 2010, diện tích khoanh nuôi xúc tiến tái sinh là: 100 000 ha, bình quân 20.000 ha/năm.

c) Trồng rừng: Trồng rừng ở những diện tích không có khả năng tái sinh tự nhiên, trồng theo quy hoạch và trồng rừng tập trung, bảo đảm:

Giai đoạn 2002 - 2005, diện tích trồng rừng mới là 13.000 ha, bao gồm:

+ Rừng phòng hộ và rừng đặc dụng: 5.000ha, trong đó phòng hộ 4.000 ha, đặc dụng 1.000 ha, bình quân 1.250 ha/năm.

+ Rừng sản xuất 8.000 ha, bình quân 2.000 ha/năm, trong đó trồng rừng nguyên liệu tập trung 2.500 ha, cây quý hiếm 300 ha, tre măng 1.000 ha, trang trại rừng 4.200 ha.

Giai đoạn 2006 - 2010, diện tích trồng rừng là 37.000 ha, trong đó rừng sản xuất 20.000 ha, còn lại là rừng đặc dụng và rừng phòng hộ.

d) Khai thác, chế biến và tiêu thụ lâm sản

Về khai thác: Đẩy mạnh khai thác gỗ và lâm sản tạo nguồn thu nhập, theo kế hoạch và quy hoạch được phê duyệt của Chính phủ và của tỉnh.

Về chế biến và tiêu thụ lâm sản: Đầu tư chế biến xuất khẩu lâm sản, hạn chế thấp nhất việc tiêu thụ nguyên liệu chưa qua chế biến. Đầu tư chiều sâu nâng công suất và giá trị các sản phẩm của các nhà máy chế biến hiện có. Trước mắt cần tập trung vào một số sản phẩm chủ yếu như sau: Giấy và bột giấy; công nghiệp sản xuất bao bì; chế biến sản phẩm gỗ nhân tạo, ván DMF, v.v.; chiếu tre, màn trúc, đũa, đồ mộc nội thất; chế biến thực phẩm, chế phẩm từ lâm sản; sản xuất đồ thủ công mỹ nghệ từ gỗ và lâm sản.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Quy hoạch và sử dụng đất đai

- Thực hiện Quy hoạch sử dụng đất theo phương án được Chính phủ phê duyệt. Trước mắt, rà soát lại quy hoạch phân cấp ba loại rừng và phân cấp phòng hộ. Quy hoạch bố trí quỹ đất từng loại rừng giai đoạn 2002 - 2005 và đến 2010. Xây dựng các dự án về rừng đặc dụng

(rừng tạo cảnh quan môi trường sinh thái và du lịch ở huyện Sa Pa, Bắc Hà, thị xã Lào Cai...) với quy mô và tính chất hợp lý. Xây dựng dự án khả thi trồng rừng nguyên liệu tập trung gắn với quy hoạch mạng lưới chế biến lâm sản ở các huyện Bảo Yên, Bảo Thắng, Bắc Hà, Văn Bàn và thị xã Lào Cai.

- Hoàn thành quy hoạch sử dụng đất đai cấp huyện, cấp xã. Đẩy mạnh việc giao đất, giao rừng theo Nghị định số 163/1999/NĐ-CP, ngày 16-11-1999 của Thủ tướng Chính phủ. Xây dựng quy định cụ thể về sử dụng đất; kiên quyết thu hồi đất lâm nghiệp đối với những tổ chức và hộ gia đình sau 12 tháng không sử dụng hoặc sử dụng sai mục đích. Khuyến khích các doanh nghiệp, hộ gia đình và cá nhân nhận đất đầu tư trồng và kinh doanh rừng.

- Tổ chức thực hiện phương án khoanh vùng nương rẫy cho các địa phương, tạo điều kiện quản lý và sử dụng ổn định đất đai sản xuất có hiệu quả.

2. Đẩy mạnh bảo vệ khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và trồng cây gây rừng

- Tiếp tục triển khai Quyết định số 245/1998/QĐ-TTg, ngày 21-11-1998 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước của các cấp về rừng và đất lâm nghiệp từ tỉnh xuống đến cơ sở phường, xã, thị trấn. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ quản lý hoạt động lâm nghiệp của các cấp chính quyền cơ sở.

- Hoàn thành phương án phòng, chống cháy rừng toàn tỉnh. Điều tra, xây dựng biện pháp bảo vệ động - thực vật rừng quý hiếm.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát phòng, chống chặt phá rừng tại gốc và buôn lậu lâm sản.

- Đẩy mạnh công tác khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng, trồng bổ sung các loài cây quý hiếm như đinh, lát, pơ mu... cây có dầu, cây dược liệu, cây tre vầu, nứa.

- Đẩy mạnh xây dựng trang trại rừng cả trồng, khoanh nuôi tái sinh gắn với hệ thống chế biến. Khuyến khích thành lập các doanh nghiệp trồng rừng kết hợp chế biến, tiêu thụ lâm sản.

- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào trồng cây tạo điều kiện cho mọi gia đình đều tham gia trồng cây, trồng rừng.

- Rừng phòng hộ và rừng đặc dụng: Trồng hỗn giao đa loài, đa tầng, đa mục đích, nông lâm kết hợp, lấy ngắn nuôi dài. Trong đó, diện tích chè Shan phòng hộ mỗi năm trồng 500 ha. Xây dựng các khu rừng tạo cảnh quan môi trường, du lịch dọc các tuyến đường đi và ở các thị trấn ở Sa Pa, Bắc Hà, thị xã Lào Cai với các loại cây sa mộc, thông, cây cổ thụ, diện tích 1.000 ha. Đẩy mạnh trồng cây ở các trường học, cơ quan.

- Rừng sản xuất: Trồng rừng tập trung để tạo thành các vùng nguyên liệu lớn cho các nhà máy chế biến gỗ nhân tạo, gồm các cây lấy gỗ có năng suất cao như keo lai, bạch đàn cao sản... vùng trồng trọng tâm là các vùng đất trống, đồi núi trọc dọc các trục đường giao thông thuận lợi cho vận chuyển như các huyện Bảo Yên, Văn Bàn, Bảo Thắng và thị xã Lào Cai, vùng thấp các huyện Bắc Hà, Bát Xát. Đồng thời, trồng cây có chu kỳ dài, giá trị cao như đinh, lát, tếch, pơ mu. Trồng tre măng xuất khẩu, cây lấy dầu, v.v. trồng cây lâm nghiệp xã hội và đẩy mạnh trồng rừng tập trung ở trang trại, trồng cây phục vụ gia dụng ở phạm vi toàn tỉnh.

3. Giải pháp về khoa học - công nghệ

- Triển khai chương trình dự án giống lâm nghiệp, đổi mới cơ cấu cây trồng, tập trung vào các cây có thị trường, giá trị kinh tế cao để phục vụ trồng rừng công nghiệp. Xây dựng các khu rừng giống, vườn giống chọn lọc và áp dụng công nghệ sinh học trong lai tạo giống như: Nhân giống bằng hom, mô để có giống tốt với năng suất, chất lượng cao, đủ tiêu chuẩn cho sản xuất công nghiệp. Xác định tập đoàn cây lâm nghiệp cho từng vùng, nhất là đối với rừng sản xuất.

- Đẩy mạnh công tác khuyến lâm. Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng các mô hình canh tác bền vững trên đất dốc, mô hình nông, lâm kết hợp. Hướng dẫn nông dân áp dụng nhân rộng các mô hình trên.

- Đầu tư công nghệ tiên tiến trong công nghiệp chế biến và bảo

quản lâm sản để tạo ra sản phẩm có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của thị trường.

4. Cơ chế chính sách đầu tư

- Đối với rừng phòng hộ, rừng đặc dụng sử dụng nguồn vốn trung ương đầu tư theo các dự án.

- Sử dụng nguồn vốn tín dụng ưu đãi, nguồn vốn ngân sách, đặc biệt là các nguồn thu từ rừng để đầu tư phát triển rừng theo các dự án, trong đó chú trọng rừng tạo cảnh quan môi trường và du lịch, rừng sản xuất cây có giá trị cao. Ưu tiên đầu tư trồng rừng ở các vùng đất trống, đồi núi trọc, dọc theo các trục đường giao thông, các khu vực rừng phòng hộ đầu nguồn có ưu thế sinh thủy.

- Đối với rừng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp: Khuyến khích các thành phần kinh tế trong và ngoài nước nhận đất, đầu tư phát triển vốn rừng, trồng rừng nguyên liệu, được hưởng chính sách ưu đãi của Nhà nước và của tỉnh.

- Hằng năm hỗ trợ kinh phí để gieo ươm cây giống lâm nghiệp xã hội với các loại cây đa tác dụng, có giá trị kinh tế, ưu tiên trồng trước những nơi tạo cảnh quan đô thị, còn lại bố trí cho các địa phương có nhu cầu và trồng theo mục đích hiệu quả.

- Thực hiện chính sách khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp trong sản xuất chế biến lâm sản.

- Lồng ghép các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn như giao thông, điện, nước... phục vụ cho công nghiệp chế biến và tiêu thụ lâm sản.

5. Đào tạo nguồn nhân lực

- Tổ chức các hình thức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, kỹ sư, công nhân kỹ thuật lâm nghiệp cho các địa phương với các hình thức đào tạo tập trung, đào tạo tại chức, đào tạo nâng cao, bồi dưỡng ngắn hạn.

- Đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho lực lượng kiểm lâm để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao theo Luật bảo vệ và phát triển rừng.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ cho các đối tượng được cử đi đào tạo, bồi dưỡng về lâm nghiệp, ưu tiên đào tạo cho con em đồng bào dân tộc vùng sâu, vùng xa.

- Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước về lâm nghiệp cho cán bộ chủ chốt các cấp nhất là ở cơ sở.

6. Giải pháp tổ chức và tuyên truyền

- Hoàn chỉnh hệ thống quản lý nhà nước về lâm nghiệp từ tỉnh xuống huyện, xã. Thành lập Chi cục Phát triển lâm nghiệp trực thuộc sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Bố trí cán bộ lâm nghiệp tại các Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện, thị xã; bố trí cán bộ lâm nghiệp cấp xã để tham mưu về vai trò, trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển rừng ở địa phương.

- củng cố lại các cơ sở dịch vụ giống, khoa học - kỹ thuật, thu mua chế biến và tiêu thụ sản phẩm, các hội làm vườn, làm rừng thuộc tỉnh.

- Kiện toàn hệ thống tổ chức kiểm lâm từ tỉnh đến huyện, xã đủ điều kiện thực hiện Luật bảo vệ và phát triển rừng. Tăng cường cán bộ kiểm lâm phụ trách địa bàn, tiểu khu để quản lý bảo vệ rừng tận gốc.

- Tuyên truyền sâu rộng, vận động nhân dân thực hiện tốt Luật bảo vệ và phát triển rừng, Luật đất đai, các chính sách về phát triển kinh tế lâm nghiệp.

Phần thứ ba **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Các cấp ủy đảng, chính quyền, các sở, ban, ngành, đoàn thể quần chúng đẩy mạnh và thường xuyên tuyên truyền giáo dục các lĩnh vực về lâm nghiệp cho cán bộ đảng viên, lực lượng vũ trang, quần chúng nhân dân. Xây dựng kế hoạch, biện pháp triển khai nghị quyết về phát triển kinh tế lâm nghiệp trong toàn tỉnh và các địa phương, đơn vị trong thời gian tới.

2. Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng các dự án lâm nghiệp và kế hoạch thực hiện hằng năm, bảo đảm thực hiện các mục tiêu của nghị quyết; đồng thời định kỳ sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện, báo cáo kết quả với Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh, có trách nhiệm tuyên truyền sâu rộng tinh thần nghị quyết này đến mọi tầng lớp nhân dân và người lao động, động viên các thành phần kinh tế và nhân dân có trách nhiệm tham gia phát triển kinh tế lâm nghiệp, nhằm thực hiện thắng lợi nghị quyết.

4. Các Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn, Đảng ủy trực thuộc xây dựng chương trình hành động và có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo thực hiện thắng lợi Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 09-CT/TU, ngày 16-4-2002

Về việc lãnh đạo đại hội Công đoàn các cấp tiến tới Đại hội IX Công đoàn Việt Nam

Công đoàn là một tổ chức đoàn thể trong hệ thống chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tổ chức công đoàn được xây dựng, củng cố từ Trung ương đến cơ sở ngày càng vững mạnh và có vị trí, vai trò, chức năng rất quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển của đất nước. Trong những năm qua, thực hiện đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, phong trào công nhân, viên chức, lao động đã góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Các tổ chức công đoàn tỉnh Lào Cai dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy các cấp đã xứng đáng là lực lượng tiên phong và thu được nhiều kết quả thắng lợi trên các lĩnh vực nhằm thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Các cấp công đoàn trong toàn tỉnh đã từng bước xây dựng và củng cố tổ chức lớn mạnh, là nơi tập hợp và đại diện cho quyền lợi người lao động của các thành phần kinh tế, đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động, góp phần tích cực đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng an ninh và xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Tuy vậy, trong công tác xây dựng, củng cố tổ chức, giáo dục công nhân, viên chức, lao động và chất lượng hoạt động công đoàn ở một số nơi còn nhiều hạn chế. Một số cấp ủy đảng, chính quyền cơ sở chưa thật sự quan tâm lãnh đạo

và tạo điều kiện cho hoạt động của công đoàn, nhất là khu vực ngoài quốc doanh...

Để tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng vẻ vang của giai cấp công nhân, góp phần đắc lực cho công cuộc phát triển tỉnh nhà ngày càng giàu đẹp, đồng thời tiến tới đại hội Công đoàn các cấp năm 2002-2003 đạt kết quả tốt, đánh giá đúng thực trạng của các cấp công đoàn và đề ra những mục tiêu, phương hướng, biện pháp cụ thể, sát thực, tạo chuyển biến mới trong công nhân, viên chức, lao động, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và Đảng đoàn, Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh thực hiện tốt những nhiệm vụ sau đây:

1. Tiếp tục quán triệt sâu rộng trong công nhân, viên chức, lao động các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3,4,5 khóa IX; 7 chương trình công tác trọng tâm toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh với 27 đề án, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề trên từng lĩnh vực; quán triệt và thực hiện Kế hoạch số 177/KH-TLĐ, ngày 7-2-2002 và Hướng dẫn số 339/TLĐ, ngày 15-3-2002 của Đoàn chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc tổ chức đại hội Công đoàn các cấp tiến tới Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ IX.

2. Đại hội công đoàn các cấp phải thực sự là đợt sinh hoạt chính trị dân chủ, rộng rãi, sôi nổi của đoàn viên, công nhân, viên chức, lao động. Qua đó đánh giá đúng thực trạng tình hình phong trào hoạt động của công đoàn, rút ra những kinh nghiệm thành công và chưa thành công, bám sát vào nhiệm vụ chính trị và các chương trình, đề án trọng tâm để xây dựng phương hướng nhiệm vụ hoạt động cho nhiệm kỳ tới phù hợp với từng cấp công đoàn. Mặt khác, thông qua đại hội Công đoàn các cấp để củng cố tổ chức, tăng cường năng lực hoạt động của cán bộ và tổ chức công đoàn, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của công đoàn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị trong tình hình mới.

Do đó, yêu cầu các cấp ủy đảng lãnh đạo tổ chức công đoàn cùng cấp chuẩn bị tốt Đại hội theo kế hoạch chỉ đạo của Tổng Liên đoàn

Lao động Việt Nam và kế hoạch chỉ đạo của Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh. Chú trọng chỉ đạo chuẩn bị tốt nội dung Đại hội, nhân sự Ban Chấp hành và đại biểu đi dự Đại hội cấp trên. Lãnh đạo chặt chẽ việc giới thiệu nhân sự. Việc bầu cử Ban Chấp hành công đoàn các cấp phải thực hiện đúng quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam và Thông tri số 68-TLĐ, ngày 27-5-1999 của Đoàn chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Đại hội cần lựa chọn những cán bộ, đoàn viên ưu tú, có năng lực, trình độ, nhiệt tình, tâm huyết, bảo đảm tiêu chuẩn hóa theo hướng nâng cao chất lượng và có điều kiện hoạt động từ 1 -2 khoá, đại diện cho đoàn viên công đoàn và người lao động thực hiện nhiệm vụ trong nhiệm kỳ tới. Chỉ đạo đại hội Công đoàn các cấp theo phương châm: “Đoàn kết, trí tuệ, dân chủ, thiết thực, tiết kiệm”, gắn nhiệm vụ chính trị của công đoàn với nhiệm vụ chính trị của địa phương. Phương hướng hoạt động của công đoàn phải thể hiện rõ sự cụ thể hóa nghị quyết của Đảng và nghị quyết đại hội Công đoàn các cấp.

3. Đảng đoàn, Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh có kế hoạch chuẩn bị cho Đại hội cấp tỉnh, hướng dẫn các cấp công đoàn và phối hợp với các huyện, thị ủy, Đảng đoàn, đảng ủy các cấp thống nhất việc tổ chức thực hiện chỉ thị này trên cơ sở bảo đảm nguyên tắc của Đảng và quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam. Hướng dẫn các cấp công đoàn trong tỉnh tổ chức phát động các phong trào thi đua lập thành tích chào mừng đại hội Công đoàn các cấp, như: phong trào thi đua làm chủ khoa học - kỹ thuật sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, lao động giỏi; giúp nhau làm kinh tế gia đình; phong trào sáng, xanh, sạch, đẹp; an toàn và vệ sinh lao động; phong trào tình nguyện hướng về cơ sở.

4. Ủy ban nhân dân các cấp, các sở, ban, ngành, đoàn thể tạo điều kiện về tinh thần, vật chất nhằm giúp đỡ tổ chức công đoàn cùng cấp tiến hành Đại hội theo kế hoạch chỉ đạo, bảo đảm thời gian quy định.

5. Các Ban cán sự, Đảng đoàn, các ban Đảng Tỉnh ủy, các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc và Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh phối hợp chỉ đạo Đại hội Công đoàn bảo đảm thành công tốt đẹp.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao Ban Dân vận - Dân tộc Tỉnh ủy và Đảng đoàn Liên đoàn Lao động tỉnh chỉ đạo thực hiện và tổ chức kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này thường xuyên báo cáo kết quả về Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 294-TB/TU, ngày 22-4-2002

Về kết luận của cuộc họp giao ban Thường trực Tỉnh ủy ngày 22-4-2002

Ngày 22-4-2002, Thường trực Tỉnh ủy họp dưới sự chủ trì của đồng chí Giàng Seo Phử, Bí thư Tỉnh ủy. Dự họp có các đồng chí: Nguyễn Đức Thăng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy; Bùi Quang Vinh, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Sau khi nghe Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy trình bày một số nội dung về công tác tổ chức, cán bộ; ý kiến thảo luận của các đồng chí dự họp. Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy kết luận:

1. Đồng ý với Tờ trình số 60-TT/TC, ngày 12-4-2002 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về việc thành lập thêm một khoa và một phòng thuộc Trường Chính trị tỉnh Lào Cai, đó là:

- Thành lập Khoa Dân vận.
- Thành lập Phòng Khoa học - Thông tin - Tư liệu.

2- Đồng ý với đề án tổ chức bộ máy Văn phòng Tỉnh ủy Lào Cai gồm các đơn vị:

- Phòng Tổng hợp
- Phòng Nội chính - Tiếp dân.
- Phòng Hành chính
- Phòng Quản trị
- Phòng Lưu trữ - Thư viện

- Phòng Cơ yếu
- Phòng Tài chính đảng
- Nhà khách Fanxipăng

Tổng biên chế là 52 người, bao gồm biên chế hành chính 49 người, biên chế sự nghiệp 3 người. Trước mắt, thực hiện biên chế hành chính là 45 người.

3- Về Tờ trình số 64-TT/TC, ngày 9-4-2002 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về việc cử cán bộ đi học chính trị chuyên ngành tổ chức khóa II (tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh).

Yêu cầu Ban Tổ chức Tỉnh ủy tiếp tục lựa chọn cán bộ đủ tiêu chuẩn, cán bộ người dân tộc thiểu số diện dự kiến quy hoạch để cử đi học trong tháng 4-2002.

4- Về Tờ trình số 59-TT/TC, ngày 4-4-2002 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về việc mức phụ cấp cho cán bộ làm chuyên trách và kinh phí hỗ trợ đối với hoạt động của Ban đại diện Hội người cao tuổi cấp tỉnh và cấp huyện, thị tỉnh Lào Cai.

Đồng ý hỗ trợ kinh phí đối với hoạt động của Ban đại diện Hội người cao tuổi. Ở cấp tỉnh giao cho Sở Tài chính - Vật giá xét cấp. Ở cấp huyện, thị do ngân sách nhà nước huyện, thị hỗ trợ.

Về mức phụ cấp cho cán bộ chuyên trách của Ban đại diện Hội người cao tuổi không phải là cán bộ, công chức đương nhiệm ở cấp tỉnh là 300.000 đồng/tháng; ở cấp huyện, thị là 200.000 đồng/tháng.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, cá nhân căn cứ chức năng nhiệm vụ tổ chức thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 302-TB/TU, ngày 6-5-2002

**Về kết luận của đồng chí Nguyễn Đức Thăng,
Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy tại cuộc họp giao ban
nội chính ngày 6-5-2002**

Ngày 6-5-2002, tại trụ sở Chi cục Quản lý thị trường tỉnh, đồng chí Nguyễn Đức Thăng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy chủ trì phiên họp giao ban Khối Nội chính. Sau khi nghe báo cáo tổng hợp tình hình của Văn phòng Tỉnh ủy; ý kiến phát biểu của lãnh đạo các ngành trong Khối Nội chính, đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy đã kết luận:

Trong tháng 4-2002, các cơ quan Khối Nội chính đã phối kết hợp với các huyện, thị trong việc nắm tình hình và xử lý kịp thời các vụ việc xảy ra, bảo đảm ổn định dân cư, tình trạng dân di cư tự do giảm nhiều so với tháng 3-2002;

Việc giải phóng mặt bằng ở khu vực cửa khẩu quốc tế thực hiện rất tốt, thị xã Lào Cai và các ngành cần có tổng kết và đúc rút kinh nghiệm cho các khu vực giải tỏa khác, nhất là các công trình trọng điểm của tỉnh góp phần giữ gìn an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trong địa bàn của tỉnh. Tuy nhiên tình hình truyền đạo trái phép tuy có giảm ở một số nơi nhưng lại diễn biến phức tạp: ở Sa Pa có thêm 3 xã Tả Van 2 hộ, Lao Chải 2 hộ, Hầu Thào 7 hộ, tổng cộng là 39 khẩu theo đạo; xuất hiện đơn tập thể xin được “tự do tín ngưỡng” và gây sức

ép với chính quyền địa phương,... Hiện tượng học sinh Trường Dân tộc nội trú tuyên truyền đạo, khi bị phát hiện, giáo dục lại bỏ học; trật tự, an toàn xã hội chưa có chuyển biến, tình trạng tai nạn giao thông, trộm cắp xe đạp, xe máy, tài sản công dân gia tăng nhưng chưa có các biện pháp ngăn chặn hữu hiệu, đặc biệt là ở thị xã Lào Cai. Trước tình hình trên, yêu cầu các cấp, các ngành thực hiện một số nhiệm vụ công tác nội chính sau:

Một số công việc cần quan tâm giải quyết trong tháng 5 năm 2002:

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với các cơ quan Khối Nội chính bảo đảm mục tiêu tăng cường đoàn kết giữ vững an ninh chính trị, an ninh biên giới và trật tự, an toàn xã hội. Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt phương án bảo vệ và tuyên truyền vận động nhân dân đi bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI (nhất là nơi có truyền đạo Tin Lành trái phép, có tình hình phức tạp), chỉ đạo, tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ huyện Sa Pa đạt kết quả.

2. Các huyện, thị tăng cường chỉ đạo công tác quân sự địa phương, chú ý triển khai công tác huấn luyện dân quân tự vệ và lực lượng dự bị động viên; đồng thời xây dựng và luyện tập các phương án phòng, chống thiên tai, phòng chống cháy nổ năm 2002.

3. Các ngành Khối Nội chính chỉ đạo tổ chức thực hiện chương trình hành động của Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới, chủ động xây dựng chương trình và kế hoạch thực hiện của ngành mình, triển khai tới toàn thể cán bộ, công chức học tập nghị quyết và chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW của Tỉnh ủy và của ngành, đồng thời triển khai một số việc trong 7 nhóm việc của chương trình hành động năm 2002 của Tỉnh ủy đã đề ra.

4- Tăng cường công tác nắm tình hình cơ sở, tập trung vào những vấn đề nổi cộm: Công an tỉnh cùng các đoàn thể đề xuất biện pháp đấu tranh với các đối tượng cầm đầu tích cực và xác minh đơn tập thể của một số thôn xin theo đạo thuộc các xã Điện Quan, Thượng Hà,

Yên Sơn (Bảo Yên), xã Sơn Thủy (Văn Bàn), xã Nậm Mòn huyện Bắc Hà; vụ bà Đinh Thị Yêu ở thị trấn Phố Ràng huyện Bảo Yên; giao cho thị xã Lào Cai làm rõ vụ việc đơn thư mạo danh ở phường Duyên Hải; Công an, Viện Kiểm sát, Thanh tra tỉnh làm rõ vụ gây rối trật tự công cộng ở xã Lùng Vai, huyện Mường Khương; Công an tỉnh cần làm rõ vụ xảy ra ngày 30-4 và 1-5 của 9 cháu học sinh ở thị xã Lào Cai; Báo cáo, phân loại danh sách đối tượng để có phương án cải tạo đối với hơn 2.000 người nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Xây dựng phương án, giải pháp làm giảm tai nạn giao thông theo hướng tổng kiểm tra một số địa bàn trọng điểm về bằng lái xe và phương tiện cơ giới. Thường xuyên quan tâm làm tốt công tác tiếp dân và giải quyết các vụ việc khiếu nại tố cáo, tránh đùn đẩy kéo dài không để xảy ra phức tạp.

5- Các cơ quan trong Khối Nội chính phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý kinh tế Cửa khẩu thị xã Lào Cai, Chi cục Quản lý thị trường, Cục Hải quan để thực hiện tốt công tác chống buôn lậu và gian lận thương mại, đặc biệt là ở khu vực Cửa khẩu quốc tế Lào Cai. Chú ý giải quyết việc thuyền bè hoạt động trái phép ở khu vực sông Nậm Thi, tiền giả, mua hóa đơn chứng từ đầu vào để lợi dụng chính sách hoàn thuế VAT hàng nông sản xuất khẩu.

6- Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật tiếp tục đổi mới phương pháp, hình thức và nội dung triển khai các hoạt động tuyên truyền pháp luật, hướng về cơ sở trước mắt tập trung ở các huyện: Bát Xát, Mường Khương, Bắc Hà, đẩy nhanh tiến độ khai sinh, kết hôn đã tồn đọng nhiều năm theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời tăng cường giúp đỡ các xã 135 nhân dịp tháng 5 có nhiều ngày kỷ niệm và chào mừng cuộc bầu cử Quốc hội khóa XI.

7- Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan trong Khối Nội chính, trong công tác phát hiện, điều tra, thi hành án. Đặc biệt phối hợp chặt chẽ với chính quyền cơ sở thực hiện nghiêm Quyết định số 45/QĐ-UB, ngày 8-2-2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo thi hành án dân sự.

8- Nhóm phân giới cắm mốc số 3 của tỉnh chuẩn bị tốt nội dung, tài liệu và các điều kiện để cắm mốc số 2 thuộc địa phận tỉnh Lào Cai theo chỉ đạo của Trung ương. Tổ chức tốt các hoạt động đối ngoại với một số địa phương trong và ngoài nước.

9- Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo bố trí kinh phí giải phóng mặt bằng cho các công trình xây dựng trọng điểm năm 2002, đẩy nhanh tiến độ và có phương án tháo dỡ vật kiến trúc tại khu vực kinh tế cửa khẩu, chỉ đạo bảo đảm an toàn giao thông khu vực đường quốc lộ, tỉnh lộ đang thi công và chỉ đạo các ngành triển khai Chỉ thị 09 của Bộ Chính trị về giải quyết khiếu nại tố cáo.

Thừa lệnh Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy thông báo kết luận của đồng chí Nguyễn Đức Thắng, để các cơ quan liên quan biết và tổ chức thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ VĂN PHÒNG

PHẠM VĂN LIÊN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 258-QĐ/TU, ngày 13-5-2002

**Về việc phê duyệt đề án phòng, chống các hoạt động
lợi dụng tôn giáo, truyền đạo trái phép trên địa bàn
tỉnh Lào Cai (giai đoạn 2001 - 2005)**

- Căn cứ Chương trình công tác toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa XII, nhiệm kỳ 2000 - 2005;

- Căn cứ Kế hoạch số 03-KH/TU, ngày 30-5-2001 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về việc triển khai thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm đến năm 2005;

- Xét đề nghị của Ban chỉ đạo 184 của tỉnh, Ban Dân vận - Dân tộc Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt đề án Phòng, chống các hoạt động lợi dụng tôn giáo, truyền đạo trái phép trên địa bàn tỉnh Lào Cai (giai đoạn 2001 - 2005) với những nội dung chính sau đây.

I. MỤC TIÊU ĐỀ ÁN

Ngăn chặn các hình thức lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo trái pháp luật cũng như trái với đạo lý, truyền thống và phong tục tốt đẹp của

dân tộc, giảm dần số hộ, thôn, bản, xã, huyện có truyền đạo trái phép, đặc biệt là đạo Tin Lành. Từng bước thu hẹp quy mô, địa bàn, giữ vững ổn định chính trị, phát triển sản xuất, nâng cao một bước đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân các xã, các địa phương. Phấn đấu đến hết năm 2005 hạn chế đến mức thấp nhất việc truyền đạo trái phép trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

II. NHIỆM VỤ CỦA ĐỀ ÁN

1. Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả cao các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác tôn giáo.

2. Tuyên truyền, vận động, tổ chức cho nhân dân học tập các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tôn giáo.

3. Xây dựng cơ sở chính trị ở các xã, các thôn, bản, nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, nhất là vùng đồng bào dân tộc.

4. Huy động các nguồn lực để đầu tư phát triển kinh tế, từng bước nâng cao đời sống nhân dân.

5. Tăng cường công tác quản lý địa bàn, quản lý đối tượng truyền đạo trái phép, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

6. Phân loại những người theo đạo để có hình thức giáo dục, vận động cho phù hợp.

7. Tăng cường các hoạt động tình nguyện của các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, huyện về xã, thôn, bản vùng sâu, vùng xa, chủ động giúp nhân dân về mọi mặt.

8. Đẩy mạnh công tác văn hóa - văn nghệ ở các xã, xây dựng làng, đội văn nghệ quần chúng ở xã và thôn, bản.

9. Tiến hành sơ kết, đánh giá việc thực hiện Thông báo 184 và Kết luận 255 theo tinh thần hướng dẫn của Trung ương.

III. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

1. Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả cao các quan điểm, chủ trương và biện pháp về công tác tôn giáo.
2. Tăng cường công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.
3. Đổi mới một bước về công tác quản lý tôn giáo trong tình hình mới.
4. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.
5. Tiếp tục chỉ đạo làm tốt công tác quản lý địa bàn và các hoạt động có ảnh hưởng tới tuyên truyền đạo trái phép.
6. Phân loại những người theo đạo để có hướng giải quyết cho phù hợp.
7. Ban Dân vận - Dân tộc Tỉnh ủy xây dựng đề tài khoa học về công tác vận động quần chúng ở vùng có truyền đạo trái phép trong 2 năm 2002 - 2003.

IV. HIỆU QUẢ ĐỀ ÁN

- Góp phần quan trọng vào công tác phòng, chống các hoạt động lợi dụng tôn giáo, truyền đạo trái phép.
- Góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Lào Cai; góp phần đẩy mạnh sản xuất, xóa đói, giảm nghèo, từng bước nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân các địa phương có đạo trái phép.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Đề án được thực hiện trong toàn Đảng bộ từ tháng 1-2002 đến hết năm 2005.
- Giao Ban chỉ đạo 184 của tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện cho từng năm, đồng thời các ban Đảng Tỉnh ủy, Đảng đoàn

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể phối hợp với cấp ủy, chính quyền các cấp, các cơ quan ban, ngành có liên quan tổ chức thực hiện.

- Các cấp ủy đảng, chính quyền căn cứ chức năng nhiệm vụ xây dựng chương trình hành động cụ thể thực hiện đề án.

Đề án này là tài liệu tối mật, yêu cầu quản lý theo chế độ tài liệu tối mật.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THĂNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 53-BC/TU, ngày 14-5-2002

**Tổng kết thực hiện Nghị quyết 8B
Ban Chấp hành Trung ương khóa VI
về “Đổi mới công tác quần chúng của Đảng,
tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân”**

Thực hiện Thông tri số 02-TT/TW, ngày 9-1-2002 của Ban Bí thư Trung ương về việc tổng kết thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 ngày 27-3-1990 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VI) về “Đổi mới công tác vận động quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân” (gọi tắt là Nghị quyết 8B), Tỉnh ủy Lào Cai báo cáo kết quả triển khai và tổ chức thực hiện cụ thể như sau:

***Phần thứ nhất* TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 8B**

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI HỌC TẬP NGHỊ QUYẾT 8B

Nhận thức rõ vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác vận động quần chúng trong tình hình mới theo quan điểm của Nghị quyết 8B, mặc dù công việc bộn bề khó khăn khi tái lập tỉnh (1-10-1991), nhưng Tỉnh ủy Lào Cai đã kịp thời tổ chức hội nghị toàn thể Ban Chấp

hành, trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, bí thư các huyện, thị ủy để học tập, quán triệt các quan điểm, nội dung của Nghị quyết 8B và xây dựng chương trình hành động thực hiện nghị quyết trong toàn Đảng bộ. Đồng thời đã có kế hoạch, hướng dẫn, chỉ đạo các ngành, các đoàn thể, các Đảng bộ triển khai thực hiện và đưa Nghị quyết 8B vào cuộc sống.

Song song với việc triển khai, thực hiện Nghị quyết 8B, Tỉnh ủy đã tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ các nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành Trung ương khóa VII, khóa VIII về công tác vận động quần chúng như Nghị quyết 07 về công tác Mặt trận, Nghị quyết 04 về đổi mới công tác vận động phụ nữ của Đảng trong tình hình mới, Nghị quyết 04 về đổi mới và tăng cường công tác vận động, giáo dục thanh niên... Các nội dung của Nghị quyết 8B luôn được lồng gắn với các nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội và các chương trình hành động của tỉnh trong từng nhiệm kỳ Đại hội của Đảng bộ.

Trên cơ sở tiếp thu ở tỉnh, các cấp ủy đảng trực thuộc trong tỉnh đã nhanh chóng xây dựng kế hoạch, chương trình hành động, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết 8B và chương trình hành động của Tỉnh ủy. Đồng thời triển khai thực hiện các nghị quyết chuyên đề nói trên theo đúng sự chỉ đạo và kế hoạch của Tỉnh ủy.

II. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Nghị quyết 8B ra đời phù hợp với tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, đáp ứng kịp thời yêu cầu nhiệm vụ chính trị. Qua quá trình thực hiện nghị quyết, tình hình mọi mặt của tỉnh đã có nhiều chuyển biến, khởi sắc:

1. Kinh tế - xã hội phát triển, quốc phòng, an ninh được giữ vững, hệ thống chính trị không ngừng được xây dựng, củng cố ngày càng trong sạch, vững mạnh, nhân dân các dân tộc đoàn kết cùng nhau xây dựng Lào Cai tiến tới giàu đẹp

Nghị quyết 8B đã được triển khai thực hiện trong hoàn cảnh tỉnh

Lào Cai mới được tái lập có ý nghĩa rất quan trọng, không những huy động được sức mạnh đoàn kết toàn dân trong tỉnh mà còn huy động được các lực lượng ngoài tỉnh tham gia xây dựng lại thị xã Lào Cai và các huyện lỵ trong tỉnh ngày càng phát triển hơn. Với khí thế sôi động toàn tỉnh thành một công trường xây dựng lớn, nhất là giai đoạn từ 1992 - 1996 là thời kỳ tập trung xây dựng thị xã tỉnh lỵ và các huyện, thị trong tỉnh; xây dựng, nâng cấp hệ thống đường giao thông, đường điện từ tỉnh đến cơ sở, xây dựng các trạm thu phát sóng phát thanh, truyền hình đến 100% huyện, thị và các trung tâm cụm xã trong tỉnh với tốc độ phát triển nhanh chóng. Chỉ sau 5 năm khôi phục, phát triển, bộ mặt của thị xã tỉnh lỵ đã trở nên khang trang hơn. Từ năm 1996 - 2001, là thời kỳ tập trung huy động mọi nguồn lực để xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng cho các xã, phường, nhất là các xã vùng III theo Chương trình 135 của Chính phủ; đến nay đã xây dựng xong 548/611 công trình đưa vào sử dụng.

Đã đầu tư xây dựng vùng chè, mía, cây ăn quả, cây dược liệu, cây lúa, cây ngô có năng suất cao. Phong trào xóa đói, giảm nghèo, được các tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng, số hộ nông dân sản xuất giỏi của toàn tỉnh từ 300 hộ năm 1992 lên hơn 15.000 hộ năm 2001, tăng 50 lần so với năm 1991. Đã hình thành hơn 2.000 trang trại, trong đó có hàng trăm mô hình trang trại có mức thu nhập từ 50-100 triệu đồng/năm. Kể từ ngày tái lập đến nay, nền kinh tế của tỉnh phát triển mạnh mẽ, tốc độ tăng trưởng GDP hằng năm bình quân là 7-7,5%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, tỷ trọng nông, lâm nghiệp trong GDP đang giảm dần, công nghiệp, xây dựng cơ bản và dịch vụ, du lịch ngày một tăng. Tổng sản lượng lương thực quy thóc năm 1991 là 114,5 ngàn tấn lên 175 ngàn tấn năm 2001. Thu ngân sách trên địa bàn năm 2001 tăng gấp 9 lần so với năm 1991. Tỷ lệ số hộ có ti vi và radiô đến năm 2000 là 37%, tỷ lệ hộ đói nghèo giảm từ 54,8 % năm 1991 xuống còn 21,1% năm 2001 (theo tiêu chí mới là 26%). Cơ sở vật chất được tập trung đầu tư xây dựng với tổng mức đầu tư trong những năm qua tăng bình quân 26%/năm. Điện lưới

quốc gia được kéo về cả 10 huyện, thị xã và trên 80 xã, thông tin liên lạc phát triển mạnh. Số hộ có nhà xây và nhà ở kiên cố ngày càng tăng, cơ sở hạ tầng ở các xã ngày càng được cải thiện, nhất là từ khi có chương trình 135 của Chính phủ. Với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, hệ thống đường, trường, trạm ngày càng được xây dựng và nâng cấp. Giảm từ 56 xã năm 1991 xuống còn 4 xã năm 2001 chưa có đường ô tô đến trung tâm xã, có hàng trăm cây cầu đã được cải tạo và xây dựng mới (trong đó có 2 cầu lớn vững chãi bắc qua sông Hồng), đó là niềm tự hào của nhân dân Lào Cai. Gần 50% dân số được dùng nước sạch, đến năm 2000 đã đầu tư gần 8 tỷ đồng cấp nước sinh hoạt nông thôn cho 92 ngàn người, năm 2001 đã đầu tư làm điểm theo chương trình tắm lợp và nước ăn của tỉnh cho các xã vùng III gần 15 tỷ đồng. 100% xã có trạm y tế và trường học, huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường từ 50% năm 1991 lên 93 % năm 2001, đặc biệt là trẻ em dân tộc và trẻ em gái tăng nhanh. Tỉnh Lào Cai đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ vào tháng 5-2000. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm từ 3,5 % năm 1991 xuống còn 2,1 % năm 2001. Hệ thống chính trị được củng cố kiện toàn ngày càng vững mạnh. Công tác đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ từ tỉnh đến cơ sở có nhiều tiến bộ, tỉnh đã có chính sách đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ và thu hút nhân tài ở ngoài tỉnh đến công tác và làm việc tại tỉnh Lào Cai. Từ năm 1991 đến nay, số cán bộ tỉnh, huyện, thị được đào tạo và tuyển dụng có trình độ đại học, cao đẳng là 3.834 người, số được đào tạo cao cấp, cử nhân chính trị là 543 người, số được cử đi đào tạo trên đại học là 48 đồng chí (trong đó tiến sĩ: 3 người; thạc sĩ là 45), số được đào tạo về trung cấp chính trị là 1.584 người, trung cấp chuyên môn nghiệp vụ 468 người, cán bộ xã, phường được đào tạo, bồi dưỡng là 17.431 lượt người. Đã phát triển về tổ chức cơ sở đảng đến năm 2001 là 580 cơ sở, tăng 68 cơ sở so với năm 1991, trên 10 năm qua đã kết nạp được 8.969 đảng viên, nâng tổng số đảng viên trong toàn tỉnh lên 18.499 người, giảm được 324 thôn, bản chưa có đảng viên, số tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, đảng viên hoàn thành xuất sắc

nhiệm vụ không ngừng tăng lên. Đội ngũ cán bộ của tỉnh đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ. Đoàn kết các dân tộc được phát huy, chú trọng giáo dục truyền thống đấu tranh xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, xây dựng nếp sống văn hóa mới tại cộng đồng, trong đó việc thực hiện chương trình xóa bỏ cây thuốc phiện và cai nghiện thu được kết quả rất đáng kể.

2. Tình hình nhân dân đã có nhiều chuyển biến tốt, cơ cấu giai cấp sau 15 năm đổi mới thực hiện cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và qua hơn 10 năm tỉnh Lào Cai xây dựng và phát triển đã có nhiều đổi thay phù hợp với tiến trình phát triển của đất nước.

Những năm đầu tái lập tỉnh (1991 - 1992) cơ cấu số hội viên, đoàn viên của các đoàn thể còn chiếm tỷ lệ nhỏ so với tổng số dân toàn tỉnh, nhưng đến năm 2001 cơ cấu đó đã có sự biến đổi, cụ thể: nếu so với dân số thì giai cấp công nhân có tổng số cán bộ, công nhân, viên chức, lao động toàn tỉnh từ 1,7% tăng lên gần 6%; giai cấp nông dân có số hội viên từ 9,1% tăng lên 10,22%; số hội viên phụ nữ từ 12% tăng lên 12,24%, số đoàn viên thanh niên từ 4,2% tăng lên 4,75% và số hội viên Hội Cựu chiến binh từ 1% tăng lên 2%. Nhìn chung sau 15 năm đổi mới và thực hiện cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đối với tỉnh Lào Cai sau hơn 10 năm xây dựng và phát triển giai cấp công nhân, nông dân, các đoàn viên, hội viên của các đoàn thể chính trị đã phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng. Các thế hệ đoàn viên, hội viên của các đoàn thể chính trị trong tỉnh có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng với yêu cầu của công cuộc đổi mới, phát huy được vai trò nòng cốt trong khối liên minh công nông.

- Giai cấp công nhân luôn xứng đáng lực lượng tiên phong xung kích đi đầu trong công cuộc đổi mới, từng bước đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, tăng nhanh sản lượng và chất lượng sản phẩm, góp phần tiếp cận với công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn Lào Cai.

- Giai cấp nông dân, những người nông dân hai sương một nắng, bầm ruộng, bầm làng, luôn xứng đáng là những người chiến sĩ xung kích trên lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp, cùng với tất cả hội viên, đoàn viên của các đoàn thể và các tầng lớp nhân dân đã phát huy được sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, đồng tâm, hiệp lực phục vụ cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và cho tương lai tươi sáng của tỉnh nhà.

- Đội ngũ trí thức ngày càng phát triển cả về số lượng và chất lượng. Từ chỗ toàn tỉnh năm 1991 chỉ có 1.277 cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng; đến năm 2001 số cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng là 5.111 người tăng 4 lần so với năm 1991. Đội ngũ trí thức của tỉnh đã góp phần rất to lớn trong việc chỉ đạo, điều hành, thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của tỉnh nhà trong những năm qua.

- Riêng giới chủ doanh nghiệp và các hộ kinh doanh dịch vụ nhìn chung có xu hướng phát triển nhanh, hoạt động có hiệu quả, góp phần thúc đẩy nền kinh tế của tỉnh phát triển, tạo công ăn việc làm cho người lao động. Số doanh nghiệp ngoài quốc doanh tăng từ 2 doanh nghiệp năm 1991, lên 284 doanh nghiệp năm 2001. Năm 1992 chưa có doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, đến năm 2001 có 8 doanh nghiệp được cấp giấy phép hoạt động với tổng số vốn đầu tư là 19,66 triệu USD. Số hộ kinh doanh dịch vụ tăng từ 2.500 hộ năm 1992 lên 4.287 hộ năm 2001.

- Đến nay toàn tỉnh có 57.900 hội viên Hội người cao tuổi, chiếm tỷ lệ 9,65 % dân số, luôn được các cấp ủy đảng, chính quyền, xã hội quan tâm chăm sóc và đánh giá cao về vai trò vị trí của Hội, nhiều tấm gương sống khỏe, sống đẹp, phong trào ông bà mẫu mực, con, cháu thảo hiền xuất hiện ngày càng nhiều. Nhìn chung các hội viên phấn khởi yên tâm tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước.

- Đồng bào các dân tộc thiểu số trong tỉnh chiếm 64,8 % dân số, hầu hết cư trú ở các xã vùng III, đời sống còn nhiều khó khăn. Trong những năm qua đã được Đảng, Nhà nước quan tâm có nhiều chính sách đầu tư các chương trình dự án: 661, 327, 135, trợ cước trợ giá về

phân bón, thuốc trừ sâu, giống cây, giống con, vốn cho vay... nên đã từng bước thay đổi bộ mặt nông thôn vùng cao, vùng sâu, đời sống của đồng bào đã được nâng lên rõ rệt. Đồng bào các dân tộc có truyền thống đoàn kết, tương trợ giúp đỡ nhau, luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, chấp hành tốt các chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Tính đến nay toàn tỉnh có khoảng 1 vạn tín đồ, Phật tử đạo Phật theo tín ngưỡng dân gian và Thiên Chúa giáo, nhìn chung vẫn giữ được ổn định, đồng bào luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, chấp hành nghiêm các chính sách, pháp luật, quy định của Nhà nước, sống tốt đời đẹp đạo, kính Chúa yêu nước.

3. Công tác vận động quần chúng của Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội đã có nhiều đổi mới và chuyển biến rõ nét

a) Sự lãnh đạo và đổi mới công tác dân vận của Đảng bộ

Thực hiện Nghị quyết 8B, từ năm 1991 đến năm 2001 công tác dân vận của Đảng bộ các cấp thực sự có nhiều đổi mới và chuyển biến rõ nét, đã xác định rõ vị trí, vai trò của công tác dân vận là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ trong từng thời gian.

Ngày tái lập, tình hình về mọi mặt của tỉnh rất khó khăn, cơ sở hạ tầng bị chiến tranh tàn phá và xuống cấp nghiêm trọng, hàng ngàn hecta đất phải rà phá bom mìn. Tình hình sản xuất kém phát triển, tỷ lệ hộ dân đói nghèo cao, một số cán bộ của tỉnh Hoàng Liên Sơn lúc đó ngại đi xây dựng Lào Cai mới, v.v.. Trước thực trạng đó, để giải quyết những yêu cầu bức xúc của nhân dân các dân tộc trong tỉnh, Tỉnh ủy Lào Cai khóa X đã mạnh dạn vận dụng một số chủ trương, chính sách nhằm tạo sức thu hút cán bộ đến với Lào Cai, như: miễn giảm tiền khi được cấp quyền sử dụng đất làm nhà ở cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Riêng cán bộ diện tách tỉnh 1-10-1991 ưu tiên cho vay tiền làm nhà ở trả dần không tính lãi. Giải quyết đất làm nhà cho các hộ nhân dân thuộc diện chính sách hoặc có đất thổ cư, chính sách trợ cước trợ giá phân bón, giống cây, con cho nông dân, nhất là

vùng cao, vùng xa, bù lãi suất cho vay hộ nghèo... Tỉnh ủy quan tâm công tác đào tạo, đào tạo lại đội ngũ cán bộ bằng hình thức tập trung và tại chức, do đó nhiều cán bộ của tỉnh, huyện đến nay có đủ điều kiện chuẩn hóa về trình độ văn hóa, cũng như trình độ chuyên môn, nghiệp vụ chính trị. Với những chủ trương chỉ đạo đó của Tỉnh ủy, đã nhanh chóng khắc phục được tình trạng thiếu cán bộ.

Xuất phát từ nhận thức cách mạng là sự nghiệp của dân, do dân, vì dân, đồng thời xác định công tác dân vận là trách nhiệm của các cấp ủy đảng và cả hệ thống chính trị. Do đó, những năm qua Tỉnh ủy đã đề ra nhiều chỉ thị, nghị quyết về công tác dân vận, như: Nghị quyết 01 của Tỉnh ủy về chuyển dịch cơ cấu kinh tế, Nghị quyết 08 về xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, Chỉ thị 13 về đưa đảng viên về sinh hoạt tại nơi cư trú, nghị quyết về chống trồng cây thuốc phiện và cai nghiện, Nghị quyết 04 về công tác tôn giáo, Nghị quyết 12 về công tác dân vận, nghị quyết về giáo dục - đào tạo, khoa học, công nghệ, an ninh quốc phòng. Năm 1999, Ban Thường vụ khóa XI đã ra Chỉ thị 17 về công tác cán bộ nữ... Những năm gần đây Tỉnh ủy đã có nhiều đổi mới trong công tác lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, đổi mới trong quy trình ra nghị quyết, quy định chế độ họp hành, giao ban, đổi mới trong việc xây dựng chương trình công tác toàn khóa theo hướng cụ thể, thiết thực, định rõ mục tiêu, giải pháp, thời gian thực hiện và thời gian hoàn thành. Xây dựng kế hoạch công tác tháng, tuần phù hợp với tình hình công tác của cấp ủy và chính quyền. Những vấn đề nổi lên qua giao ban Thường trực ba bên hằng tuần đã được Tỉnh ủy chỉ đạo giải quyết dứt điểm. Quy định chế độ tiếp dân hằng ngày trong tuần của cơ quan cấp ủy và chỉ đạo việc giải quyết kịp thời các đơn khiếu nại tố cáo của công dân, phân công các đồng chí trong ban Thường vụ, Ban Chấp hành phụ trách huyện và các lĩnh vực, xây dựng chế độ đi cơ sở. Triển khai thực hiện Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị khóa IX, Ban hành Nghị quyết 10 khóa XII của Tỉnh ủy về tăng cường, luân chuyển cán bộ đi xã, huyện. Phương thức lãnh đạo của Đảng bộ đối với công tác dân vận đã có nhiều đổi mới theo hướng

gần dân, sát cơ sở, đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách giúp dân xóa đói, giảm nghèo, nâng cao dân trí, xây dựng nếp sống văn hóa mới, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, nhất là chính sách đào tạo cán bộ dân tộc, cán bộ nữ.

Tỉnh ủy đổi mới công tác xây dựng củng cố hệ thống tổ chức Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể. Kiện toàn bộ máy Ban Dân vận dân tộc từ tỉnh đến cơ sở, thực hiện chế độ hằng quý Thường trực Tỉnh ủy giao ban với các Đảng bộ trực thuộc, với các đoàn thể Khối Dân vận, giao ban hằng tháng với Khối Nội chính, do đó đã giúp cho cấp ủy trực tiếp nắm tình hình nhân dân, lắng nghe và chất lọc ý kiến của các tổ chức quần chúng, kịp thời có những chủ trương, giải pháp, giải quyết những vấn đề tồn tại, những phát sinh về công tác dân vận, dân tộc trong từng thời gian.

Chú trọng xây dựng hệ thống các Ban cán sự; Đảng đoàn của các cơ quan chính quyền, các ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, hoạt động đi vào nền nếp. Thường xuyên làm tốt công tác tự chỉnh đốn và xây dựng Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, đưa đảng viên về tham gia sinh hoạt tại nơi cư trú. Đặc biệt là từ khi có Chỉ thị 30 của Bộ Chính trị về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, Tỉnh ủy đã thành lập Ban chỉ đạo từ tỉnh đến cơ sở, có kế hoạch định kỳ kiểm tra việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cả ba loại hình cơ sở đối với các cấp chính quyền, trên cơ sở đó kịp thời chấn chỉnh những tồn tại thiếu sót trong quá trình tổ chức thực hiện.

Hằng năm, Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể tiến hành tổng kết công tác gắn với kiểm điểm thực hiện công tác dân vận, công tác tôn giáo và dân tộc, từ đó giúp cấp ủy nắm được diễn biến tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân các dân tộc, giải quyết kịp thời những kiến nghị của dân. Năm 1995, Tỉnh ủy Lào Cai đã mở hội nghị toàn tỉnh để sơ kết, đánh giá 5 năm thực hiện Nghị quyết 8B, Nghị quyết 04 và Chỉ thị 37 về công tác vận động phụ nữ, tăng cường đào tạo, sử dụng cán bộ nữ trong tình hình mới. Căn cứ vào nội dung của Nghị quyết 8B, Nghị quyết 12 và các chỉ thị, nghị

quyết khác của tỉnh, các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở, đã triển khai thực hiện sâu rộng trong toàn tỉnh, tạo ra sự chuyển biến về công tác vận động quần chúng ở các cấp các ngành. Đặc biệt năm 2001, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XII) đã đề ra 7 chương trình công tác trọng tâm toàn khóa với 27 đề án, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề về phát triển kinh tế - văn hóa- xã hội, an ninh quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị, công tác tôn giáo và dân tộc, nhằm huy động tối đa các nguồn lực và các tầng lớp nhân dân phát triển sản xuất, ổn định cuộc sống, ổn định dân cư, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, trong đó có Nghị quyết 09 về công tác vận động quần chúng từ năm 2001 - 2005, Đề án “Phòng chống các hoạt động lợi dụng tôn giáo, truyền đạo trái phép trên địa bàn tỉnh”, Nghị quyết 10 về luân chuyển, tăng cường cán bộ đi huyện, xã, nghị quyết về xây dựng hệ thống chính trị cơ sở.

b) Đối mới công tác dân vận của chính quyền:

Thực hiện Nghị quyết 8B của Đảng và Chỉ thị 18 của Thủ tướng Chính phủ về công tác dân vận, trong những năm qua, công tác vận động quần chúng của các cấp chính quyền tỉnh Lào Cai có bước chuyển biến mới, nhiều phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân các dân tộc trong tỉnh được đẩy mạnh trên tất cả các lĩnh vực, vai trò chỉ đạo, điều hành của chính quyền được phát huy. Các cấp chính quyền từ tỉnh đến cơ sở xác định trọng tâm chỉ đạo công tác dân vận là: Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở giải quyết kịp thời và đúng chính sách, pháp luật đối với các đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân; thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” trong các hoạt động của các cấp chính quyền ở địa phương. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban và các đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trong tỉnh đã tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách và các chương trình, dự án tại các đơn vị, địa phương trong tỉnh; tiếp xúc cử tri để lắng nghe ý kiến của nhân dân để kịp thời kiến nghị với Nhà nước và các cấp chính quyền

sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, các văn bản chỉ đạo cho phù hợp. Trên cơ sở nghị quyết của Đảng, các cấp chính quyền đã cụ thể hóa thành hệ thống cơ chế, chính sách, quy định của tỉnh, như: chính sách trợ cước, trợ giá, hỗ trợ giống mới, chính sách bù lãi suất cho vay đối với hộ nghèo ngoài những chính sách của Trung ương... Bình quân mỗi năm tỉnh phải bỏ ra hàng chục tỷ đồng để thực hiện các chính sách do tỉnh ban hành có liên quan trực tiếp đến lợi ích của nhân dân. Gần đây Ủy ban nhân dân tỉnh đã có chính sách về đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ và chính sách thu hút nhân tài ở nơi khác đến làm việc tại Lào Cai và các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư tại Lào Cai... Do đó thu hút, động viên được các tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh đề ra. Đồng thời các cấp chính quyền đã thực hiện tốt Chỉ thị 18 của Chính phủ về công tác dân vận. Chỉ đạo các ngành chức năng xây dựng và tỉnh đã phê duyệt ban hành các đề án, kế hoạch cụ thể hóa 7 chương trình công tác trọng tâm toàn khóa của Tỉnh ủy. Ủy ban nhân dân tỉnh đã có quy chế phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong công tác vận động quần chúng, nhất là trong việc thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng. Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, của các cấp chính quyền và các cơ quan thi hành pháp luật đã có nhiều chuyển biến tích cực, ý thức phục vụ nhân dân của cán bộ, công chức đã tiến bộ rõ rệt. Quy chế dân chủ ở cơ sở được các cấp chính quyền thực hiện khá đầy đủ nội dung những điều dân được biết, được bàn, được quyết định, được làm, được kiểm tra ở cơ sở.

Lực lượng vũ trang (công an, bộ đội biên phòng, quân đội) đã tích cực tham gia làm tốt công tác dân vận, góp phần nâng cao hiệu quả công tác vận động quần chúng, xây dựng cơ sở chính trị ở vùng cao, vùng sâu, vùng biên giới. Lực lượng quân đội thời gian qua đã có nhiều cố gắng làm tốt công tác dân vận ở cơ sở, hằng năm tổ chức các đợt hành quân dã ngoại với hàng trăm cán bộ, chiến sĩ xuống các xã vùng xa, vùng sâu giúp dân phát triển kinh tế gia đình, ổn định đời sống.

Lực lượng biên phòng đã có kế hoạch phối hợp với một số đoàn thể như phụ nữ, thanh niên, nông dân, y tế cử hàng trăm cán bộ, chiến sĩ xuống giúp các xã biên phòng, xây dựng hệ thống chính trị, vận động nhân dân phát triển sản xuất, bảo vệ biên giới và phong trào điểm sáng vùng biên có kết quả tốt. Lực lượng an ninh thường xuyên coi trọng công tác dân vận, đã cử hàng trăm cán bộ, chiến sĩ xuống các địa bàn trọng điểm để xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng cơ sở chính trị, giữ gìn trật tự an ninh, không để xảy ra điểm nóng...

c) Đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể:

Quán triệt các quan điểm của Nghị quyết 8B, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp trong tỉnh đã từng bước đổi mới về nội dung, phương thức hoạt động bằng các hình thức tập hợp quần chúng đa dạng phong phú, tổ chức và hoạt động theo hướng coi trọng chăm lo lợi ích chính đáng của đoàn viên, hội viên; gắn kết lợi ích thiết thân của nhân dân với các phong trào hoạt động cách mạng. Coi trọng đa dạng các hình thức tập hợp quần chúng ở cơ sở. Qua đó củng cố và phát triển đoàn viên, hội viên, phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành, các đoàn thể với nhau thực hiện xã hội hóa các hoạt động của đoàn thể mình, xây dựng các chương trình hành động cụ thể, đổi mới chỉ đạo hướng về cơ sở tạo được nhiều điển hình tốt trong tổ chức thực hiện, cụ thể:

- Trong hơn 10 năm qua, Mặt trận Tổ quốc các cấp trong tỉnh đã tích cực đổi mới nội dung và phương thức tập hợp nhân dân, làm tốt vai trò hạt nhân của khối đại đoàn kết các dân tộc, tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc, tham gia giám sát các chương trình kinh tế xã hội, tham gia xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, xây dựng chính quyền của dân, do dân, vì dân, tổ chức tốt các cuộc tiếp xúc cử tri của Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp để lắng nghe ý kiến nhân dân, làm cho mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân ngày càng gắn bó, bền chặt, Đảng tin dân, dân tin Đảng. Bằng các cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư” trước đây,

và hiện nay là cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, Mặt trận Tổ quốc các cấp chủ trì phối hợp với các tổ chức thành viên vận động từng người dân, từng thôn, xã, bản làng, khu dân cư tập hợp thành sức mạnh khối đại đoàn kết, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Đảng. Số khu dân cư tiên tiến, xuất sắc tăng nhanh từ 484 khu năm 1998 lên 2.352 khu năm 2001, tình hình đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc trong tỉnh được cải thiện rõ nét, trật tự, an toàn xã hội bảo đảm, đồng bào đoàn kết xây dựng và phát triển. Vai trò và hoạt động của thanh tra nhân dân do Mặt trận Tổ quốc các cấp chủ trì có hiệu quả rõ nét.

- Tổng số công nhân, viên chức, lao động toàn tỉnh năm 1991 gồm có trên 8.000 người trong đó có 1.300 người là dân tộc thiểu số, 4.800 người là nữ; đến năm 2001 là 36.581 người, trong đó nữ 19.429; khu vực doanh nghiệp tư nhân 2.644 người; liên doanh với nước ngoài 134 người. Trong hơn 10 năm qua, công đoàn các cấp đã làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao giác ngộ chính trị và bản lĩnh cách mạng cho đội ngũ công nhân, lao động, đổi mới phương pháp tập hợp đoàn viên, đổi mới nội dung hoạt động, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, động viên công nhân, viên chức phấn đấu vươn lên, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ được giao, như các phong trào thi đua “Lao động sáng tạo”, “Lao động giỏi”... đã tạo ra động lực to lớn được đông đảo công nhân, viên chức, lao động tham gia. Đã có 545 công trình thi đua với giá trị 285,533 tỷ đồng, 521 sáng kiến cải tiến kỹ thuật, 13 đề tài nghiên cứu khoa học với giá trị làm lợi gần 17,5 tỷ đồng. Tín chấp với kho bạc để vay vốn tạo việc làm cho 9.210 lao động góp phần cải thiện đời sống và nâng mức thu nhập bình quân của các gia đình công nhân, viên chức, lao động đạt 450-500 ngàn đồng/người/tháng. Phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” đã được đông đảo công nhân, viên chức, lao động tích cực hưởng ứng, 7/7 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng đã được công nhân viên chức nhận phụng dưỡng. Các hoạt động văn nghệ - thể thao đã được tổ chức sôi nổi ở khắp các cơ sở. Công tác tham gia xây dựng Đảng, chính quyền

được quan tâm và duy trì, công nhân, viên chức, lao động đã đóng góp nhiều ý kiến cho cán bộ, đảng viên, xây dựng tổ chức đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2).

- Tổng số hội viên nông dân toàn tỉnh hiện nay là 62.359 người, tăng 12.375 hội viên so với năm 1992, chiếm 63% so với tổng số nông dân trong toàn tỉnh, 90% số hộ nông dân là thuần nông. Đã có một bộ phận nông dân chuyển sang sản xuất - kinh doanh ngành nghề như: làm kinh tế vườn, nuôi trồng cây con đặc sản, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ... nâng cao thu nhập. Trong quá trình đổi mới, trình độ dân trí, kinh nghiệm làm ăn, ý thức chuyển sang sản xuất hàng hóa của nông dân đã được nâng lên một bước. Cùng với sự nghiệp đổi mới của Đảng, Hội Nông dân Lào Cai đã có những đổi mới theo hướng gần dân, sát cơ sở, có nhiều hình thức tập hợp nông dân, như: phong trào sản xuất nông, lâm nghiệp giỏi, xây dựng điểm sáng đường biên giới, xây dựng 6 chuẩn mực của nông dân... thu hút được đông đảo hội viên tham gia. Thường xuyên tổ chức kết hợp với ngành nông, lâm nghiệp, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho hội viên và nông dân về đổi mới cơ cấu cây trồng, vật nuôi có năng suất cao nhằm giúp người dân xóa đói, giảm nghèo. Vận động hội viên nông dân tham gia hưởng ứng các Chương trình 135, Chương trình 661, Chương trình 327 đạt kết quả tốt. Đặc biệt Chương trình 135 của Chính phủ với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm đã huy động công lao động của nhân dân trị giá gần 14 tỷ đồng. Gần đây có phong trào nông dân giúp nhau trong việc tiếp nhận tấm lợp và lợp nhà tạo ra không khí đoàn kết, tương trợ rộng rãi trong nông thôn. Thông qua các câu lạc bộ khuyến nông, khuyến lâm, câu lạc bộ thể thao, đã tạo được sự gần gũi, gắn bó của nông dân với tổ chức Hội, với Đảng và Nhà nước; nhiều hộ từ đói nghèo vươn lên khá và giàu.

- Đoàn viên, thanh niên các cấp trong tỉnh đổi mới trong phương pháp tập hợp đoàn viên, thanh niên với các phong trào “Thanh niên lập nghiệp”, “Tuổi trẻ giữ nước”, “Thanh niên tình nguyện”... đã thu hút đông đảo đoàn viên thanh niên tham gia trên các lĩnh vực hoạt

động với nhiều hình thức lồng ghép phù hợp, tạo ra niềm tin cho đoàn viên thanh niên đối với sự nghiệp đổi mới của Đảng. Đoàn cơ sở các cấp thường xuyên bồi dưỡng lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng nâng cao nhận thức chính trị cho đoàn viên. Thông qua học tập, diễn đàn, giao lưu tuyên truyền, giáo dục thu hút lực lượng thanh niên, đoàn viên số lượng ngày càng tăng. Năm 1992 có 17.195 đoàn viên thanh niên, đến năm 2001 có 29.000 đoàn viên thanh niên chiếm 39% so với tổng số thanh niên toàn tỉnh, chất lượng đoàn viên thanh niên ngày càng được nâng cao, các hình thức như Hội thanh niên, câu lạc bộ doanh nghiệp trẻ ra đời có tác dụng tập hợp thanh niên có hiệu quả, hàng năm giới thiệu hàng ngàn đoàn viên ưu tú cho Đảng xem xét kết nạp. Chất lượng tổ chức đoàn được nâng lên, năm 1992 có 203 cơ sở đoàn, năm 2001 có 2.745 cơ sở đoàn, trong đó 45% là vững mạnh và khá. Đoàn viên thanh niên luôn đi đầu trong việc áp dụng khoa học - kỹ thuật đầu tư giống mới năng suất cao vào gieo trồng, chuyển dịch cơ cấu trong nông nghiệp, chuyển sản xuất tự túc, tự cấp sang sản xuất hàng hóa; xây dựng kết cấu cơ sở hạ tầng nông thôn, cải tạo phong tục tập quán lạc hậu, chống các tệ nạn xã hội. Trong những năm qua hàng ngàn thanh niên tình nguyện lên đường nhập ngũ, trở về địa phương xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, xác định vai trò nòng cốt, vừa sản xuất, vừa bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ lãnh thổ quốc gia. Tích cực chủ động trong phong trào “Đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn”, tặng 5.300 sổ tiết kiệm và nhiều nhà tình nghĩa cho các gia đình thuộc đối tượng chính sách. Công tác đội đã đi vào hoạt động có nền nếp, chất lượng ngày càng cao, xứng đáng là thế hệ tương lai của đất nước.

+ Thực hiện Nghị quyết 8B gắn với Nghị quyết 04 và Chỉ thị 37 về công tác vận động phụ nữ và công tác cán bộ nữ của Bộ Chính trị đã tạo điều kiện cho phụ nữ tham gia tích cực vào các lĩnh vực hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội. Vai trò của phụ nữ được nâng lên, xuất hiện nhiều phụ nữ có năng lực, trình độ học vấn cao. Công tác vận động phụ nữ đã từng bước đổi mới về nội dung, phương thức hoạt động

của hội gắn liền với nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ, đa dạng hóa các hình thức tập hợp hội viên như tổ nhóm phụ nữ, tín dụng tiết kiệm, tổ phụ nữ vay vốn, tổ phụ nữ không sinh con thứ ba, câu lạc bộ sinh con một bề, câu lạc bộ phụ nữ... nên đã thu hút được hội viên vào tổ chức Hội. Đến năm 2001 số hội viên phụ nữ có 74.697 người, tăng hơn 24 ngàn hội viên so với năm 1992, chiếm 67,3% so với tổng số phụ nữ trong độ tuổi từ 18-59. Hội đã phối kết hợp chặt chẽ với các ngành chức năng trong việc cụ thể hóa các phong trào thi đua và 5 chương trình trọng tâm của Hội thật sự đi vào hoạt động có kết quả. Hướng hoạt động về cơ sở, lồng ghép các nội dung hoạt động của Hội Phụ nữ phù hợp với đặc điểm của từng vùng, như: kết hợp giữa vay vốn với chuyển giao khoa học - kỹ thuật, vườn ao chuồng cho chị em hội viên, khai thác các nguồn vốn trong và ngoài nước, tín chấp với ngân hàng, cho chị em vay vốn để phát triển kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập. Vì vậy nhiều gia đình hội viên đó xóa được đói, giảm nghèo vươn lên khá và giàu. Thường xuyên chú ý bồi dưỡng nâng cao kiến thức, trình độ năng lực, về mọi mặt cho chị em, đặc biệt quan tâm đến đội ngũ cán bộ là dân tộc ít người, đội ngũ cán bộ hội và cán bộ nữ của tỉnh theo tinh thần Chỉ thị 37 của Bộ Chính trị đã quy định, vì vậy, năm 1991 đội ngũ cán bộ nữ chủ chốt cấp tỉnh, huyện chỉ có 11 đồng chí, năm 2001 là 24 đồng chí, trong đó cấp tỉnh là 19 đồng chí, trưởng, phó phòng cấp tỉnh, huyện là 236 đồng chí. Trình độ năng lực phẩm chất đạo đức ngày càng được nâng cao, có tinh thần trách nhiệm trước dân, giữ được mối quan hệ mật thiết với nhân dân, đưa số được rèn luyện, đào tạo, trưởng thành từ phong trào hội.

- Hội Cựu chiến binh không ngừng phát triển và trưởng thành về mọi mặt, từ 4.274 hội viên năm 1992 đến nay đã có 12.526 hội viên/14.000 cựu chiến binh toàn tỉnh đạt tỷ lệ gần 85% cựu chiến binh được kết nạp vào Hội. Đưa số cán bộ, hội viên cựu chiến binh giữ vững và phát huy bản chất truyền thống “Bộ đội cụ Hồ”, là những nhân tố tích cực để góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Trong những năm qua, Hội cựu chiến binh các cấp đã đoàn kết, thống

nhất cao, thường xuyên quán triệt và nhận thức đầy đủ về tính chất, nhiệm vụ, mục đích, nguyên tắc của tổ chức Hội, tích cực đề xuất tham mưu cho cấp ủy chính quyền các cấp. Công tác lãnh đạo của Hội đã hướng về cơ sở, lấy cơ sở là đối tượng công tác. Qua phân xếp loại năm 2001, có 86,5% tổ chức cơ sở đạt trong sạch, vững mạnh, 85,7% hội viên đạt danh hiệu cựu chiến binh gương mẫu. Tỷ lệ hội viên cựu chiến binh được nhân dân tín nhiệm bầu vào giữ các chức vụ chủ chốt ở cơ sở khá cao từ 55- 60%, có nơi đạt 80-90%. Các cấp Hội, hội viên đã phát huy nội lực bằng nhiều biện pháp giúp đỡ nhau làm kinh tế. Toàn Hội số hộ khá và giàu đạt 37,5%, trung bình 49,2%, đói nghèo 13,4 %. Quyết tâm của Hội sẽ xóa cơ bản hộ đói trong năm 2003.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội xứng đáng là cầu nối của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp với nhân dân.

III. MỘT SỐ TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA TỈNH TÂM TRẠNG CỦA CÁC TẦNG LỚP NHÂN DÂN HIỆN NAY

1. Tồn tại

Bên cạnh những thành tựu nổi bật nói trên, công tác vận động quần chúng của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong hơn 10 năm qua còn bộc lộ một số tồn tại như sau:

- Do nhận thức của một số cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể về công tác dân vận chưa đầy đủ, nhất là nhận thức về 4 quan điểm của Nghị quyết 8B và bài báo của Bác Hồ về công tác dân vận chưa sâu sắc và sự vi phạm trong khi thừa hành nhiệm vụ của một số cán bộ, đảng viên, công chức, cho nên đã làm cho mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền với nhân dân ở một số nơi bị giảm sút, có nơi, có lúc nổi lên khá nghiêm trọng (như một số vụ khiếu kiện kéo dài ở Nông trường Thanh Bình, vụ án Lùng Vai... đến nay đã giải quyết xong).

- Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết 8B và Chỉ thị 18 của Thủ tướng Chính phủ, cũng như các nghị quyết của tỉnh về công tác

dân vận của chính quyền ở một số nơi chưa cao, chưa thực sự chuyển biến. Một số cán bộ, đảng viên chưa gương mẫu, quan liêu, xa rời quần chúng, chuyên quyền, độc đoán, ức hiếp nhân dân, tham ô, sống buông thả, lãng phí, chưa quan tâm đến việc giải quyết khó khăn cho đồng bào, làm hạn chế hiệu quả công tác dân vận.

- Vấn đề dân di cư tự do và theo đạo trái phép vẫn diễn ra phức tạp. Tính đến 20-4-2002 còn 1.776 hộ, 9.244 khẩu (tính từ 6 tuổi trở lên) ở 137 thôn của 41 xã thuộc 7 huyện theo đạo Tin Lành trái phép, tình hình truyền đạo trên địa bàn toàn tỉnh vẫn diễn biến phức tạp, các đối tượng cầm đầu các nhóm đạo vẫn tiếp tục có đơn đòi chính quyền địa phương cho theo đạo Tin Lành. Tổng số hộ di cư tự do ra ngoài tỉnh từ năm 1991 đến quý I năm 2002 là 2.795 hộ với 17.070 khẩu. Di cư trong nội tỉnh là 198 hộ với 727 khẩu; số quay về trong năm 2001 là 102 hộ với 510 khẩu; số hộ di cư đi ngoài tỉnh hầu hết là theo đạo Tin Lành trái phép. Do đó đã gây xáo trộn trong nhân dân và gây khó khăn cho các cấp ủy đảng, chính quyền nơi đi và nơi đến, ảnh hưởng lớn đến công tác vận động quần chúng ở cơ sở.

- Đời sống nhân dân còn khó khăn, đặc biệt là những thôn, bản và các xã vùng cao rất khó khăn, tỷ lệ hộ đói nghèo có huyện tới gần 40% dân số, cơ sở hạ tầng còn rất thấp kém, chênh lệch và khoảng cách đời sống vật chất, tinh thần ở vùng sâu, vùng xa so với thị xã, thị trấn còn lớn... những phong tục tập quán lạc hậu chậm được khắc phục, trình độ dân trí còn thấp.

- Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể một số nơi ở cơ sở còn tình trạng hành chính hóa, chậm đổi mới nội dung và phương pháp tập hợp các tầng lớp nhân dân, một số tổ chức cơ sở hoạt động thất thường hoặc không hoạt động, nhiều đoàn viên, hội viên không tha thiết gắn bó với đoàn thể của mình.

2. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân khách quan:

Nền kinh tế của tỉnh có điểm xuất phát thấp, diễn biến thời tiết,

khí hậu ngày càng phức tạp ảnh hưởng nhiều đến sản xuất và đời sống của đồng bào.

- Mặt bằng về trình độ dân trí còn thấp, làm hạn chế sự tiếp thu chủ trương, đường lối của Đảng, khoa học - kỹ thuật và hiểu biết về pháp luật của đồng bào, đặc biệt là ở khu vực vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn.

b) Nguyên nhân chủ quan:

Việc tổ chức học tập và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng về công tác dân vận của các cấp ủy, chính quyền cơ sở nói chung chưa tốt, nhận thức về tầm quan trọng của công tác dân vận còn yếu. Do đó còn một bộ phận đồng bào thiếu thông tin, không nắm được tốt một số chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, bị kẻ xấu kích động, lôi kéo di cư tự do, theo đạo trái phép.

- Một số cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức thoái hóa biến chất về đạo đức, lối sống, quan liêu, thiếu đi sâu, đi sát cơ sở, chưa lắng nghe và tham mưu giải quyết kịp thời những tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, làm giảm lòng tin của nhân dân với cấp ủy và chính quyền cơ sở.

- Công tác tổng kết mô hình và nhân rộng điển hình làm chưa tốt, công tác quy hoạch, đào tạo và sử dụng cán bộ còn bất cập với yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác dân vận nói chung còn yếu, đặc biệt là cán bộ ở cơ sở, vùng cao.

- Sự phối hợp giữa cấp ủy, chính quyền, các ngành, các cấp, các đoàn thể trong việc thực hiện công tác vận động quần chúng ở một số nơi chưa tốt, chưa tạo ra sức mạnh tổng hợp để thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, do đó làm giảm hiệu quả công tác dân vận.

3. Tâm trạng của các tầng lớp nhân dân hiện nay

Nhìn chung, đại bộ phận nhân dân yên tâm phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Song các thành phần kinh tế, các tầng lớp nhân dân cũng đang có những băn khoăn lo lắng như:

- Vẫn còn một bộ phận người lao động thiếu hoặc không có việc làm, thu nhập thấp, chế độ tiền lương còn nhiều bất cập. Tình trạng các khung bậc lương còn nhiều điều bất hợp lý, mức lương của cán bộ, công chức hiện nay quá thấp so với các nước trong khu vực, chưa có chính sách khuyến khích cho cán bộ vùng sâu, vùng xa...

Chính vì vậy mà chưa thực sự thu hút được nhân tài và tạo sự bình đẳng lương giữa các lĩnh vực, các ngành nghề. Tình hình khắc phục bệnh quan liêu, tham nhũng, cửa quyền, hách dịch, lãng phí... theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII kết quả còn hạn chế. Chất lượng cải cách hành chính, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, cán bộ còn thấp và tiến triển chậm. Tình hình thế giới diễn ra phức tạp, âm mưu “diễn biến hòa bình”, “bạo loạn, lật đổ” của các thế lực thù địch nhằm chống phá cách mạng và tình hình kích động nhân dân di cư tự do, truyền đạo trái phép trong nước, trong tỉnh chưa giảm... vì vậy vẫn còn tiềm ẩn những yếu tố mất ổn định trong quá trình phát triển nếu không đủ sức đề kháng và xử lý đúng, kịp thời tình hình.

- Lo lắng về vấn đề đầu ra cho sản phẩm và việc làm của người nông dân, không có thị trường tiêu thụ, hoặc bị tư thương ép giá... Một số xã vùng cao của tỉnh chưa tìm ra mô hình cây, con phù hợp để giúp người dân thoát khỏi cảnh đói nghèo, đây là điều băn khoăn trăn trở của người dân cũng như của nhiều cán bộ lãnh đạo quản lý. Người dân ở thành thị băn khoăn không có ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ lại không có đất để sản xuất, lo con em không tìm được việc làm, thu nhập bấp bênh, đời sống không bảo đảm nên có một bộ phận nhỏ dẫn đến cờ bạc, nghiện hút, lang thang, bị lợi dụng và mắc các tệ nạn xã hội...

- Đối với các tầng lớp phụ nữ là lực lượng đông đảo chiếm trên 50% dân số, trên 52% lao động xã hội, đã được Đảng, Nhà nước quan tâm. Song chị em còn nhiều băn khoăn lo lắng trước những hiện tượng tiêu cực của xã hội, như: một bộ phận chị em còn bị phân biệt đối xử, vi phạm bình đẳng giới, tỷ lệ mù chữ, thất học còn cao; một bộ phận chị em mắc tệ nạn xã hội và bị kích động, lợi dụng...

IV. MỘT SỐ KINH NGHIỆM RÚT RA TỪ CÔNG TÁC DÂN VẬN TRONG HƠN 10 NĂM QUA

- Muốn làm tốt công tác dân vận thì trước hết cán bộ, đảng viên phải có tư tưởng, nhận thức đúng về công tác vận động quần chúng. Cấp ủy, chính quyền phải thường xuyên đổi mới về nội dung và phương thức lãnh đạo phù hợp với từng thời kỳ, từng nơi và trực tiếp làm công tác dân vận, đề ra những giải pháp phù hợp với từng giai đoạn, từng vùng, từng dân tộc.

Coi trọng xây dựng hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, trong đó khâu chủ yếu là công tác cán bộ, phát huy sức mạnh tổng hợp trong việc kết hợp hài hòa sử dụng cán bộ địa phương với cán bộ dưới xuôi. Cán bộ phải gần dân, sát cơ sở, học tiếng và tìm hiểu phong tục tập quán phù hợp với điều kiện của từng địa phương, từng dân tộc.

- Biết phát huy sức mạnh đoàn kết các dân tộc, nắm chắc tình hình cơ sở và tích cực tham mưu giải quyết kịp thời các tâm tư nguyện vọng của dân, không để xảy ra các điểm nóng. Biết sử dụng nguồn cán bộ có uy tín, các già làng, trưởng bản trong công tác vận động quần chúng.

- Có chính sách cho phù hợp với cán bộ làm công tác vận động quần chúng. Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với công tác vận động quần chúng và việc bảo đảm các lợi ích thiết thân về vật chất và tinh thần của quần chúng nhân dân trong từng thời gian, thì hiệu quả công tác dân vận mới bền vững, lòng tin của nhân dân với Đảng, Nhà nước được nâng lên.

- Không ngừng nâng cao trình độ dân trí, tăng cường giáo dục pháp luật, bảo đảm cung cấp thông tin để cho người dân hiểu và làm theo chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở để tạo điều kiện cho nhân dân tham gia nhiều hơn vào việc quyết định các vấn đề liên quan tới họ, thực hiện tốt việc kiểm tra của cấp ủy, giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp. Phát huy đầy đủ trách nhiệm của các cấp chính quyền, khắc phục tư tưởng ỷ lại, trông chờ trong một bộ phận dân cư và cán bộ, nhất là ở cơ sở.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA TỈNH TỪ NAY ĐẾN NĂM 2005 VÀ 2010 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VỚI TRUNG ƯƠNG

I. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA TỈNH ĐẾN NĂM 2005 VÀ 2010

Lào Cai có đặc thù là một tỉnh miền núi, vùng cao, biên giới, có nhiều dân tộc, trong đó có gần 65% dân số là đồng bào các dân tộc thiểu số. Trong những năm qua đã tích cực phấn đấu và đạt được nhiều thành tích trên tất cả các mặt kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng và xây dựng hệ thống chính trị. Tuy nhiên toàn tỉnh nói chung, đặc biệt là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng nông thôn, vùng sâu, vùng cao, hệ thống cơ sở vật chất - kỹ thuật vừa yếu, vừa thiếu, lại không đồng bộ; đời sống vật chất, tinh thần của một bộ phận nhân dân còn khó khăn; mặt bằng dân trí thấp, trình độ hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật còn hạn chế, nhiều hủ tục, tập tục lạc hậu chưa được xóa bỏ; tình hình lợi dụng tôn giáo truyền đạo trái phép và di cư tự do còn diễn ra phức tạp. Đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị, đặc biệt là cán bộ làm công tác dân vận ở cơ sở nhiều mặt còn hạn chế, chưa ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình cách mạng hiện nay.

Bên cạnh đó, tình hình quốc tế còn diễn biến phức tạp, ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến Lào Cai. Các thế lực thù địch với âm mưu “diễn biến hoà bình”, “bạo loạn lật đổ”, đã và đang có nhiều hoạt động chống phá cách mạng nước ta. Chúng đã, đang và sẽ tiếp tục lợi dụng tình hình khó khăn, yếu kém, trình độ dân trí còn thấp của đồng bào các dân tộc trong tỉnh, những điểm yếu của một số nơi trong hệ thống chính trị cơ sở và một số yếu kém của ta trong quá trình thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để chống phá, lôi kéo, kích động nhân dân di cư tự do, truyền đạo trái

phép, gây mất ổn định đời sống xã hội. Mặt khác, chúng có thể sử dụng con bài cứu trợ nhân đạo, thăm thân, du lịch, vấn đề tín ngưỡng tôn giáo..., chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân phục vụ cho mưu đồ chính trị của chúng.

Trước tình hình đó, Tỉnh ủy Lào Cai đề ra một số phương hướng nhiệm vụ tập trung chỉ đạo thực hiện tốt từ nay đến năm 2005 và 2010 như sau:

1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền để các cấp, các ngành, các đoàn thể, cán bộ, đảng viên nâng cao nhận thức, thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng cấp thiết về công tác dân vận của Đảng và Nhà nước trong tình hình cách mạng hiện nay. Tuyên truyền giáo dục cán bộ, đảng viên tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết 8B của Ban Chấp hành Trung ương, Chỉ thị 18-CT/TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác dân vận, đặc biệt là những tư tưởng lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác dân vận, Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về đổi mới và nâng cao chất lượng của hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn; các nghị quyết chuyên đề của Đảng như: Nghị quyết 04-NQ/TW của Bộ Chính trị về đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ, Nghị quyết Trung ương khóa VI về công tác thanh niên, Nghị quyết 07-NQ/TW của Bộ Chính trị về đại đoàn kết dân tộc, tăng cường mặt trận thống nhất... và các chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy về công tác dân vận như: Nghị quyết 09-NQ/TU, ngày 3-12-2001 về công tác vận động quần chúng giai đoạn 2001-2005, Nghị quyết 10 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XII.

2. Cấp ủy và chính quyền các cấp tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức cho nhân dân thực hiện tốt mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, trong đó có công tác dân vận. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ với đầy đủ các nội dung ở cả 3 loại hình. Vận dụng sáng tạo những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với miền núi, đặc biệt là các chính sách đối với đồng bào các xã đặc biệt khó khăn, thực hiện tốt các mục tiêu của Chương trình 135 của Chính phủ tại 138 xã khó khăn của tỉnh. Công tác dân

vận phải bám sát với thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương. Gắn công tác vận động quần chúng một cách chặt chẽ với bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp trực tiếp của nhân dân, gắn việc chăm lo bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân với động viên nhân dân tham gia xây dựng Đảng và chính quyền của dân, do dân, vì dân, nhằm không ngừng cải thiện dân sinh, nâng cao dân trí, đặc biệt là nhân dân ở vùng sâu, vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Chú trọng xây dựng và củng cố tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận của Đảng, chính quyền theo hướng nâng cao chất lượng và hiệu quả. Chăm lo công tác đào tạo và sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ, trong đó cấp ủy, chính quyền các cấp cần chú ý tăng cường đào tạo nguồn cán bộ người dân tộc thiểu số ở các cấp học phổ thông qua hệ thống trường dân tộc nội trú và các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên ngành theo cơ chế, chính sách khuyến khích tỉnh đã đề ra, bảo đảm hài hoà về cơ cấu dân tộc và nữ trong công tác cán bộ (ngay từ cơ sở), bảo đảm cho các dân tộc đều có người làm việc trong các cơ quan Nhà nước. Triển khai ngay công tác đào tạo đội ngũ cán bộ cơ sở sau khi đã tiếp nhận cán bộ tăng cường của tỉnh bảo đảm đến hết năm 2005 có đội ngũ cán bộ cơ sở đáp ứng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ ở nhiều lĩnh vực. Chú trọng mở rộng các hình thức đào tạo, hướng nghiệp, dạy nghề, bồi dưỡng, tập huấn khuyến nông, khuyến lâm đào tạo nghề cho đoàn viên, hội viên và nhân dân, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập, tạo sức thu hút đông đảo nhân dân tham gia các tổ chức đoàn thể, đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh và xây dựng Đảng.

4. Tiếp tục đổi mới phương thức và nội dung hoạt động của công tác vận động quần chúng của Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các tổ chức. chính trị - xã hội theo hướng gần dân sát cơ sở, khắc phục tình trạng hành chính hóa, phô trương, hình thức, quan liêu, xa dân của một số cán bộ. Hướng mạnh về cơ sở, cộng đồng dân cư và từng gia đình. Các cấp, các ngành cần quy định rõ chế độ đi cơ sở, phân công và giao trách nhiệm cho cán bộ theo dõi địa bàn. Tăng cường

vai trò làm chủ của nhân dân trên cơ sở thực hiện tốt Quy chế dân chủ, thực hiện “Nghe được dân nói, nói cho dân hiểu, làm cho dân tin”, có lịch tiếp dân theo quy định và chủ động đề xuất với cấp ủy, chính quyền các cấp giải quyết kịp thời những tâm tư, nguyện vọng chính đáng của công dân ngay từ cơ sở, tránh đùn đẩy, dây dưa, kéo dài gây mất lòng tin của nhân dân đối với cán bộ. Tuy nhiên, mở rộng dân chủ phải đi đôi với tăng cường kỷ cương xã hội, chấp hành pháp luật.

5. Cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp cần thường xuyên quan tâm kiểm tra, đôn đốc các cấp các ngành, cán bộ, đảng viên, hội viên thuộc quyền quản lý làm tốt công tác dân vận theo quan điểm quần chúng của Đảng và Nhà nước, nhằm không ngừng củng cố và phát triển mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng, chính quyền với nhân dân. Từ tỉnh đến cơ sở phải xây dựng và thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa chính quyền với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, tích cực khắc phục những yếu kém trên mọi lĩnh vực, đặc biệt là tệ tham nhũng, quan liêu, lãng phí, cửa quyền, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân. Thường xuyên quan tâm và thực hiện tốt công tác thanh tra nhân dân. Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cần có kế hoạch, chương trình cụ thể trong việc tham gia quản lý, giám sát các chương trình dự án và thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội và các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trên toàn địa bàn.

6. Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh tổng hợp của mọi người dân, mọi tổ chức, cá nhân đủ sức “đề kháng” và chiến thắng mọi tác động tiêu cực những âm mưu xảo quyệt của các thế lực thù địch ngay tại thôn xóm bản làng của mình. Khai thác có hiệu quả và phát huy mọi tiềm năng của địa phương, động viên các tầng lớp nhân dân phấn đấu vươn lên khắc phục khó khăn, thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội, bảo đảm về quốc phòng, an ninh và xây dựng hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh.

7. Tổ chức và phát động phong trào quần chúng nhân dân thi đua thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, các Nghị quyết Trung ương 3,4,5 khóa IX và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII, đặc biệt là 7 chương trình công tác trọng tâm toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh với 27 đề án, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề trên từng lĩnh vực, trong đó đặc biệt chú ý thực hiện tốt đề án phòng, chống các hoạt động lợi dụng tôn giáo để truyền đạo trái phép và chống di cư tự do. Đồng thời biểu dương những cá nhân và tập thể lập thành tích xuất sắc trên các lĩnh vực, nhằm cổ vũ, động viên các phong trào nhân dân phát triển sâu rộng. Đẩy mạnh thực hiện phong trào, toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư. Tiếp tục đẩy mạnh các phong trào quần chúng giúp nhau phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc... từ các phong trào đó xây dựng và bồi dưỡng những cá nhân tiên tiến, xuất sắc giới thiệu cho Đảng xem xét kết nạp, nhằm không ngừng xây dựng phát triển đội ngũ đảng viên lớn mạnh.

8. Các huyện, thị ủy phải cụ thể hóa các chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, nhất là đối với các xã, thôn, bản vùng cao trong từng thời kỳ. Tiếp tục xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các quy chế, các hương ước, quy ước thôn, bản, tổ chức xây dựng quy hoạch và sử dụng có hiệu quả lực lượng cán bộ cốt cán, tiêu biểu, phát huy vai trò của các già làng, trưởng bản, người có uy tín trong các dân tộc, dòng họ. Cần có chính sách khuyến khích, động viên về vật chất và tinh thần đối với cán bộ và những người thực hiện tốt công tác dân vận của Đảng. Đẩy mạnh phong trào làm công tác dân vận theo tinh thần hướng về ngày dân vận và ngày Bác Hồ viết bài báo Dân vận ngày 15-10 hằng năm.

9. Tổng kết và biểu dương kịp thời những kinh nghiệm hay, những cách làm sáng tạo từ thực tiễn cuộc sống trong sự nghiệp đổi mới, nhân điển hình những cá nhân và tập thể làm tốt công tác dân vận.

II. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

1. Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 186/2001-QĐ/TTg, ngày 7-12-2001 của về phát triển kinh tế - xã hội ở 6 tỉnh đặc biệt khó khăn miền núi phía Bắc thời kỳ 2001- 2005 (trong đó có tỉnh Lào Cai). Đề nghị ưu tiên đầu tư vốn dứt điểm, tập trung trong 2-3 năm để làm thay đổi căn bản nền kinh tế của các tỉnh miền núi, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số vùng cao.

2. Đề nghị đầu tư mạnh cho công tác thông tin tuyên truyền, tăng thời lượng cùng với tăng công suất phát sóng, phát thanh, truyền hình bằng tiếng dân tộc thiểu số, tăng số lượng tờ báo ảnh dân tộc miền núi nhưng phải có nội dung sâu sắc, thiết thực, dễ hiểu phù hợp với dân trí.

3. Đề nghị Đảng và Nhà nước có chính sách về cán bộ vùng cao, tăng biên chế riêng cho cả Khối Đảng và Nhà nước cấp cơ sở, kèm theo chính sách phụ cấp thỏa đáng, để đủ sức xây dựng và củng cố hệ thống chính trị ở những nơi này.

Phát huy những kết quả công tác dân vận đã đạt được trong 12 năm thực hiện Nghị quyết 8B của Đảng, Tỉnh ủy kêu gọi các cấp ủy đảng, chính quyền, các đoàn thể, các tổ chức chính trị tiếp tục thấm nhuần tư tưởng “Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công” của Bác Hồ, vận dụng sáng tạo, có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào điều kiện thực tế của ngành, địa phương nhằm đẩy nhanh công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, xây dựng tỉnh Lào Cai giàu đẹp.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 55-BC/TU, ngày 16-5-2002

Về kết quả sửa chữa khuyết điểm theo Thông báo 234-TB/KTTW của Ủy ban Kiểm tra Trung ương

Từ ngày 14-11-2001 đến 15-12-2001, Ủy ban Kiểm tra Trung ương tiến hành kiểm tra tài chính Đảng năm 2000 và 6 tháng đầu năm 2001 đối với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai. Ngày 8-3-2002, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đến tiến hành làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai công bố Thông báo số 234-TB/KTTW, ngày 27-2-2002 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về kết quả kiểm tra tài chính đảng tại Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai, trong đó yêu cầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai chỉ đạo thực hiện một số việc và báo cáo về Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong tháng 4-2002. Nay Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai xin báo cáo như sau:

Ngày 8-3-2002 Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai đã họp dưới sự chủ trì của đồng chí Giàng Seo Phử, Bí thư Tỉnh ủy đã tiếp thu ý kiến của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và ra Thông báo số 237-TB/TU, ngày 11-3-2001 trong đó phân công rõ trách nhiệm từng cơ quan trong việc khắc phục sửa chữa khuyết điểm đã được Ủy ban Kiểm tra Trung ương nêu ra.

Thực ra các khuyết điểm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai được Ủy ban Kiểm tra Trung ương nêu ra chủ yếu xảy ra trong năm 2000 thuộc Ban Thường vụ khóa XI. Ngay từ đầu năm 2001 Ban

Thường vụ khóa XII đã giao cho các cơ quan các trách nhiệm kiểm tra, quản lý tài chính đảng thực hiện việc tăng cường kiểm tra và quản lý tài chính đảng như: Mở lớp tập huấn nghiệp vụ cho các chủ tài khoản và kế toán, trong đó phổ biến rõ các quy định của Đảng và Nhà nước về quản lý tài chính đảng và sử dụng tài sản công, chế độ sử dụng ô tô, điện thoại, tiếp khách, thanh toán phép, công tác phí. Đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy định về quy trình sửa chữa xe ô tô của tất cả các đơn vị hành chính sự nghiệp phải qua kiểm định chất lượng xác định rõ cần phải thay thế, sửa chữa cái gì quy định mua vật tư có giá trị từ 2 triệu đồng trở lên phải qua thẩm định giá và đã được Văn phòng Tỉnh ủy thực hiện nghiêm túc. Việc thực hiện Thông tư 07 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và số 108 của Bộ Tài chính đã được Văn phòng Tỉnh ủy phổ biến tới tất cả các đơn vị và yêu cầu chấp hành nghiêm chỉnh ngay từ đầu năm 2001, có một số các trường hợp thanh toán tiền không nghỉ phép cho cán bộ tự giác thu hồi lại, trường hợp thanh toán tiền tàu xe phép 2 lần trong năm, thanh toán tiền tàu xe phép nhưng không có vé tàu không kê khai xác nhận, Văn phòng đã xuất toán và thu vào ngân sách, đã yêu cầu lập chứng từ gốc đầy đủ, sổ sách phải rõ ràng, sạch sẽ, không tẩy xóa, ngân sách đảng phải sử dụng đúng quy định, đúng mục đích, tiết kiệm và bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ chính trị.

Sau khi có kết luận của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo và tổ chức thực hiện các kết luận như sau:

- Ban Thường vụ đã tiến hành xem xét kế hoạch tài chính đảng năm 2002 gồm phần chi thường xuyên cho các cơ quan trực thuộc, các huyện thị ủy và kinh phí 184 và đã có kết luận cụ thể đồng thời giao cho Văn phòng làm tờ trình trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt và được Ủy ban nhân dân tỉnh giao chính thức tại Quyết định số 252/2001/QĐ-UB, ngày 6-11-2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch chi thường xuyên và Quyết định số 66/2002/QĐ-UB, ngày 22-2-2002 về bổ sung ngân sách năm 2002 (phần kinh phí 184). Trên cơ sở đó Văn phòng Tỉnh ủy thừa ủy quyền của Ban Thường vụ Tỉnh

ủy đã thông báo kế hoạch ngân sách năm 2002 cho các đơn vị thụ hưởng ngân sách, trong đó yêu cầu chi đúng khoản mục, khi muốn điều chuyển phải thỏa thuận với Văn phòng Tỉnh ủy. Ngày 20-3-2002 Ban chỉ đạo 184 của tỉnh có kế hoạch hướng dẫn thực hiện công tác 184 năm 2002 và Tờ trình 46 về sử dụng kinh phí 184. Thường trực Tỉnh ủy đã xem xét và ra Thông báo 286-TB/TU về nội dung sử dụng kinh phí 184 năm 2002. Trên cơ sở đó ngày 1-4-2002 Văn phòng Tỉnh ủy đã giúp Ban chỉ đạo 184 ban hành Hướng dẫn số 98-HD/BCĐ về sử dụng kinh phí 184.

Tiếp thu ý kiến của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tiến hành hoàn chỉnh báo cáo tài chính đảng năm 2000 và trình Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ sáu ngày 24-4-2002 thông qua.

Trong tháng 12-2001 Văn phòng Tỉnh ủy Lào Cai đã phối hợp với Ban Tài chính - Quản trị Trung ương mở lớp tập huấn cho các đồng chí là chủ tài khoản, kế toán, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra các Đảng bộ trực thuộc về tài chính đảng và thu nộp đảng phí theo quy định mới.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy dự thảo sửa đổi Quyết định số 217-QĐ/TU, ngày 12-2-1999 của Ban Thường vụ và trình Ban Thường vụ vào ngày 14-5-2002 cho phù hợp với tình hình địa phương.

Ngày 30-3-2002 Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã bổ nhiệm đồng chí Ngô Thị Lễ, Trưởng phòng Tài chính - Ngân sách, Văn phòng Tỉnh ủy giữ chức vụ Phó Văn phòng Tỉnh ủy và được tập thể lãnh đạo Văn phòng phân công phụ trách hành chính, quản trị và là người được ủy quyền làm chủ tài khoản của cơ quan Văn phòng Tỉnh ủy.

Ngày 18-4 đến 19-4-2002 Văn phòng Tỉnh ủy đã tiến hành duyệt quyết toán năm 2001 tại báo Lào Cai và xem xét lại toàn bộ số tiền cấp bù xuất bản báo và thanh toán với Bưu điện. Ngày 26-4-2002 Văn phòng Tỉnh ủy cùng báo Lào Cai đối chiếu chứng từ sổ sách tại Công ty Bưu chính và phát hành báo chí và lập biên bản khẳng định các bên đã ký hợp đồng chặt chẽ, xuất, nhập, báo theo từng số đúng,

đủ và thanh toán hoàn toàn chính xác, không có thất thoát tiền của Nhà nước. Cùng ngày Văn phòng Tỉnh ủy đã tiến hành đối chiếu lại việc đặt báo của Văn phòng Tỉnh ủy cho các xã, thôn, bản vùng cao và đã lập biên bản khẳng định năm 2000 đồng chí Trần Nguyên, Chánh Văn phòng ký hợp đồng với Công ty Bưu chính và phát hành báo chí. Năm 2001 đồng chí Phạm Văn Liên, Phó Văn phòng ký hợp đồng với Công ty; đã tiến hành kiểm tra việc đưa báo về các xã (theo báo cáo của từng bưu điện huyện có danh mục tên, địa chỉ kèm theo).

Phía Công ty Bưu chính và phát hành báo chí khẳng định đưa báo đến đúng đối tượng, đúng địa chỉ nêu trong hợp đồng và hiện nay Ban Thường vụ đã giao cho Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tiến hành điều tra việc cấp báo cho xã, thôn, bản, đánh giá hiệu quả và phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy đề xuất việc tiếp tục cấp báo cho xã, thôn, bản vùng cao.

Ngày 8-3-2002 Sở Tài chính - Vật giá đã cùng báo Lào Cai, Xí nghiệp in xem xét lại giá in các loại báo và có Tờ trình số 117/TT, ngày 11-3-2002 xin điều chỉnh giá báo. Ngày 20-3-2002 Ban Thường vụ Tỉnh ủy có Thông báo 246-TB/TU đồng ý giá in báo như sau:

Báo Lào Cai ra hàng tuần: 1.111,5 tăng 11,5 đồng.

Báo ảnh vùng cao: 3810,4 giảm 689,6 đồng.

Báo màu: 2600 đồng không tăng, giảm.

Ngày 21-4-2002 Văn phòng Tỉnh ủy tiến hành duyệt quyết toán năm 2001 tại Nhà khách Fanxipăng và hướng dẫn nghiệp vụ về hạch toán theo mô hình sự nghiệp có thu. Ngày 25-4-2002 Văn phòng Tỉnh ủy có Quyết định 310-QĐ/VPTU giao kế hoạch năm 2002 cho nhà khách Fanxipăng.

Ngày 20-3-2002 Văn phòng Tỉnh ủy có công văn gửi các đối tượng tạm ứng lâu ngày phải trả tiền cho Văn phòng Tỉnh ủy, đến ngày 30-4-2002 đó thu được 43.980.000 đồng và sẽ tiếp tục thu trong tháng 5-2002.

Ngày 1-4-2002 Tỉnh ủy có công văn 365-CV/TU yêu cầu 3 đơn vị Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức, báo Lào Cai phải thu số tiền thanh

toán không nghỉ phép cho cán bộ năm 2000, thực hiện công văn, đến ngày 24-4-2002 các đơn vị đó thu xong và nộp vào ngân sách Tỉnh ủy. Đến nay Văn phòng Tỉnh ủy đã duyệt quyết toán năm 2001 được 10 đơn vị và theo báo cáo của các đơn vị thụ hưởng ngân sách, trong đó chỉ có 2 đơn vị thanh toán tiền không nghỉ phép cho 4 cán bộ số tiền tổng cộng là 2.100.000 đồng, nhưng các đơn vị đó tự giác thu hồi lại ngay trong năm 2001. Những đơn vị khác sẽ được duyệt tiếp từ nay đến hết tháng 5-2002. Ngày 23-4-2002 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã tiến hành điều chỉnh bổ sung chương trình công tác toàn khóa, trong đó quy định rõ Ban Thường vụ Tỉnh ủy phải trình Ban Chấp hành báo cáo tài chính đảng năm trước vào Hội nghị tháng 7 hằng năm. Ban Chấp hành Đảng bộ đó tổ chức hội nghị triển khai các quy định về thi hành Điều lệ Đảng, hướng dẫn về công tác kiểm tra, quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và lập kế hoạch để các cấp ủy đảng triển khai đến đảng viên, đồng thời tiến hành sửa đổi quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, ban hành quy định phối hợp kiểm tra đảng viên.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch 13-KH/TU kiểm tra toàn diện Đảng bộ Bắc Hà về việc thực hiện nhiệm vụ năm 2001.

Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy đã có Kế hoạch 50-KH/KT cùng với Văn phòng Tỉnh ủy kiểm tra tài chính đảng của Ban Thường vụ Huyện ủy Bảo Yên, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy đã giao cho Ủy ban Kiểm tra các huyện, thị ủy tiến hành định kỳ kiểm tra tài chính đảng tại Văn phòng các huyện, thị ủy.

Văn phòng Tỉnh ủy đã trình Thường trực Tỉnh ủy đề án về kiện toàn bộ máy tổ chức Văn phòng và đã được Thường trực Tỉnh ủy phê duyệt theo đó Phòng Tài chính - Ngân sách đổi tên thành Phòng Tài chính đảng. Đã cho 1 đồng chí cán sự của Phòng Tài chính đảng đi học Đại học Tài chính, Chủ nhiệm Nhà khách Fanxipăng đi học Đại học Quản trị kinh doanh, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã thay kế toán có trình độ cao hơn. Tất cả các ban Đảng đã thay chủ tài khoản trong đó 3 trưởng ban trực tiếp làm chủ tài khoản, Ban Tổ chức giao cho đồng

chí Phó ban phụ trách bảo vệ chính trị nội bộ làm chủ tài khoản. Các huyện, thị đã quan tâm cho một số kế toán theo Đại học Kế toán tại chức tại tỉnh và Trung ương cho một số kế toán theo học Đại học Kế toán tại chức tại Tỉnh ủy.

Qua quyết toán tại 10 đơn vị cho thấy đến nay công tác tài chính đảng của tỉnh có chuyển biến rõ nét. Ban Thường vụ đã thực hiện nghiêm các quy định về quản lý tài chính đảng, quan tâm chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm các quy định về tài chính, nhất là việc lập kế hoạch, quyết toán, việc thực hiện chế độ như quy định về sử dụng điện thoại, chế độ nghỉ phép thống nhất trong toàn tỉnh, chế độ sử dụng xe con, công tác phí, tiếp khách, chi 184, chính trị phí, thăm hỏi... Các đơn vị thụ hưởng ngân sách đã tiến hành chấn chỉnh lại đội ngũ trực tiếp làm công tác tài chính đảng, thực hiện nghiêm các quy định của Đảng, Nhà nước và của tỉnh. Chứng từ sổ sách lập đầy đủ, đưa số đã lập kho để xuất nhập hàng hóa, văn phòng phẩm, tiếp khách, nhiều đơn vị đó ghim kẹp theo cả công văn của đoàn khách hoặc ghi rõ tên đoàn, số người, định mức ăn (cao nhất là 25.000 đồng/suất). Chứng từ lập cơ bản đầy đủ, giữ gìn sạch sẽ, đóng ngăn nắp, sổ sách đầy đủ, không tẩy xóa. Việc chấp hành các quy định về tài chính đã được tất cả các cán bộ trong cơ quan nhận thức ngày càng tốt hơn và nghiêm chỉnh chấp hành.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai thấy rõ hiệu quả của việc thường xuyên kiểm tra tài chính đảng và báo cáo kết quả sửa chữa khuyết điểm theo kết luận của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai mong muốn luôn nhận nhiệm vụ chỉ đạo của Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong thời gian tới để hoàn thành tốt.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUY ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 259-QĐ/TU, ngày 16-5-2002

Về trình độ học vấn của người vào Đảng

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam khóa IX;
- Căn cứ Quy định số 14-QĐ/TW, ngày 6-11-2001 của Bộ Chính trị và Hướng dẫn số 04-HD/TCTW, ngày 5-2-2002 của Ban Tổ chức Trung ương về một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng;

- Căn cứ điều kiện, đặc điểm của Đảng bộ tỉnh Lào Cai, Tỉnh ủy quy định trình độ học vấn của người vào Đảng như sau:

1- Người vào Đảng nói chung phải có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc tương đương trở lên (lớp 9/12, 7/10).

2- Nếu là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa (các xã khu vực III) mà điều kiện học tập khó khăn, không bảo đảm như quy định tại Điều 1 nêu trên thì phải có bằng tốt nghiệp tiểu học hoặc tương đương trở lên (lớp 5/12, 4/10).

3- Nếu là người dân tộc thiểu số sinh sống ở thôn, bản khu vực III, mà ở đó chưa có đảng viên hoặc ít đảng viên chưa đủ số lượng để thành lập tổ Đảng, chi bộ thì phải có trình độ học vấn lớp 3 trở lên (đọc thông viết thạo chữ Việt).

Sau khi được kết nạp vào Đảng, mọi đảng viên phải tiếp tục học tập nâng cao trình độ học vấn.

Quy định này được ban hành trong hệ thống Đảng tới các chi bộ, có hiệu lực thi hành từ ngày ký cho đến hết năm 2003, sau đó rút

kinh nghiệm và hướng dẫn tiếp. Các cấp ủy đảng có trách nhiệm quán triệt, tổ chức thực hiện thống nhất trong toàn Đảng bộ. Trong quá trình thực hiện có vấn đề cần bổ sung, sửa đổi thì báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

TM BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 321-TB/TU, ngày 30-5-2002

**Về kết luận của đồng chí Nguyễn Đức Thăng,
Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy tại buổi làm việc
với Huyện ủy Si Ma Cai ngày 29-5-2002**

Ngày 29-5-2002, đồng chí Nguyễn Đức Thăng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy làm việc với Ban Thường vụ Huyện ủy Si Ma Cai. Sau khi tiếp xúc kiểm tra ở một số xã trong huyện, nghe đồng chí Phạm khắc Xương, Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ 5 tháng đầu năm 2002, phương hướng nhiệm vụ trong thời gian tới của huyện và ý kiến phát biểu của các đồng chí Thường vụ Huyện ủy, đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy kết luận:

Trong 5 tháng đầu năm 2002, Ban Thường vụ Huyện ủy Si Ma Cai đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể và nhân dân các dân tộc trong huyện thực hiện có hiệu quả 7 nhiệm vụ trọng tâm mà Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã đề ra trên cơ sở thực hiện 7 chương trình công tác trọng tâm với 27 đề án của Tỉnh ủy, tạo ra những chuyển biến đáng kể trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng và xây dựng hệ thống chính trị. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, huy động nguồn nội lực, xây dựng cơ sở hạ tầng, xóa đói, giảm nghèo được thực hiện tốt. Song Ban Thường vụ Huyện ủy Si Ma Cai cần tiến hành khảo sát, đánh giá lại tỷ lệ hộ đói nghèo sát với thực tế, có biện pháp thiết thực để giúp hộ nghèo có điều kiện vươn lên, quan tâm việc quản lý các công trình cơ sở hạ tầng sau khi đưa vào sử dụng.

Trong thời gian tới, Đảng bộ huyện Si Ma Cai cần tập trung làm tốt một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Tiếp tục triển khai các chương trình hành động của Tỉnh ủy và 7 chương trình công tác trọng tâm mà Đảng bộ huyện đã đề ra đến các chi, đảng bộ, cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân, huy động mọi nguồn lực để tổ chức thực hiện có hiệu quả cao. Đồng thời phải tăng cường công tác kiểm tra để có biện pháp giải quyết kịp thời.

- Tăng cường xây dựng, củng cố hệ thống chính trị. Trước mắt tập trung:

- + Tổ chức quán triệt các nghị quyết, chương trình hành động của Trung ương, của Tỉnh ủy theo sự chỉ đạo bảo đảm yêu cầu đã đề ra.

- + Rà soát lại nhiệm vụ chính trị của từng tổ chức trong hệ thống chính trị, nhất là ở cơ sở xã.

- + Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ một cách cụ thể cho từng đối tượng, trong từng thời gian.

- + Xây dựng kế hoạch phát triển đảng viên cho từng thôn, bản, trong từng năm, phấn đấu đạt được mục tiêu, thôn có tổ đảng, xã có đảng bộ trong vòng 1 đến 2 năm tới.

- + Tăng cường công tác kiểm tra việc xây dựng, thực hiện quy chế làm việc của cấp ủy, của Ủy ban Kiểm tra và các đoàn thể quy chế phối hợp giữa chính quyền với Mặt trận và các đoàn thể, bảo đảm sự hoạt động đi vào nền nếp và có sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả hơn.

- + Tăng cường công tác kiểm tra, nắm cơ sở đến từng thôn, bản nhất là đối với những nơi còn nhiều khó khăn, yếu kém.

- Tập trung làm tốt công tác sơ kết, tổng kết kịp thời tìm ra nguyên nhân của những mặt làm được, những mặt còn tồn tại yếu kém để có biện pháp khắc phục. Chú trọng việc phát hiện và nhân điển hình tiên tiến, phát huy vai trò người có uy tín trên các địa bàn, các dân tộc, trên các lĩnh vực, làm tốt công tác khen thưởng.

- Quan tâm hơn nữa công tác đối ngoại tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế - xã hội. Huyện cần chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch mở rộng đối ngoại trên các lĩnh vực, nhất là

về hợp tác kinh tế nhằm khai thác có hiệu quả lối mở truyền thống trên biên giới.

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 4-12-2002 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về luân chuyển, tăng cường cán bộ đi huyện, xã. Ban Thường vụ Huyện ủy xác định rõ nhu cầu luân chuyển, tăng cường cán bộ, nguồn của huyện, của tỉnh đợt 2 năm 2002, đánh giá những mặt đã làm được, chưa được trong công tác luân chuyển, tăng cường cán bộ đợt 1 năm 2002.

- Về cơ chế: Những đề nghị của huyện cần báo cáo với các ngành kinh tế - kỹ thuật của tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý cụ thể về vốn đầu tư xây dựng cơ bản và chuẩn bị lập dự án đầu tư (kể cả kế hoạch điều chỉnh và đầu tư mới).

Thừa lệnh Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy thông báo để các cơ quan căn cứ chức năng thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ VĂN PHÒNG

PHẠM VĂN LIÊN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 328-TB/TU, ngày 14-6-2002

Về kết luận của Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 24

Ngày 13-6-2002, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiến hành Hội nghị lần thứ 24, đồng chí Giàng Seo Phử, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy chủ trì hội nghị.

Sau khi nghe Công văn số 502-CV/UB, ngày 13-6-2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc xin ý kiến chọn doanh nghiệp nước ngoài đề nghị Chính phủ cấp phép đầu tư vào khu kinh tế Cửa khẩu Lào Cai, ý kiến thảo luận của các đồng chí ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy; Hội nghị thống nhất kết luận: Công ty Donaco đã cùng với các đối tác của Việt Nam khảo sát và xây dựng dự án đầu tư tại khu kinh tế Cửa khẩu Lào Cai từ tháng 5-2001, hiện nay dự án đã hoàn thành. Dự án có tính khả thi và là dự án liên doanh với doanh nghiệp nhà nước của tỉnh nên có điều kiện để học hỏi kinh nghiệm quản lý kinh doanh. Tỉnh Lào Cai đã tiếp xúc nhiều với Công ty Donaco và đã có các đoàn khảo sát Công ty Donaco, Tập đoàn Genting tại Xingapo. Đồng thời, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai đã có nhiều văn bản gửi Bộ Kế hoạch - Đầu tư, Văn phòng Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ cấp phép đầu tư cho Công ty Donaco để dự án sớm được thực hiện nhằm khai thác lợi thế khu vực kinh tế Cửa khẩu Lào Cai, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai thống nhất chọn Công ty Donaco là doanh nghiệp nước ngoài thuộc Tập đoàn Genting Xingapo để đề nghị Chính phủ cấp phép đầu tư vào khu kinh tế Cửa khẩu Lào Cai.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai chỉ đạo lập các thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ cấp phép cho Công ty Donaco đầu tư vào khu kinh tế Cửa khẩu Lào Cai

Yêu cầu cơ quan, đơn vị, cá nhân căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số344-TB/TU, ngày 25-6-2002

Về kết quả Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ bảy

Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ bảy từ ngày 24 đến 25-6-2002, đồng chí Giàng Seo Phử, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy chủ trì. Hội nghị đã thông qua các nội dung sau:

1. Sơ kết công tác 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2002

Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành đã thảo luận và thống nhất cao với dự thảo Báo cáo sơ kết công tác 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2002 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy chuẩn bị trình ra Ban Chấp hành. Đồng thời khẳng định rằng, 6 tháng đầu năm nay các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và toàn thể nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã nỗ lực phấn đấu, phát huy và khai thác mọi nguồn lực; tranh thủ thuận lợi, khắc phục khó khăn thực hiện thắng lợi những mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và từng đồng chí Tỉnh ủy viên đã không ngừng đổi mới phong cách lãnh đạo và điều hành, chủ động, tích cực bằng nhiều cách làm năng động, sáng tạo và hiệu quả đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, góp phần tạo những chuyển biến quan trọng trong đời sống chính trị, kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh. Nhiều chỉ tiêu, nhiệm

vụ đã đạt được ở mức cao, tạo đà cho việc hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch của năm 2002. Những kết quả đã đạt được trong 6 tháng qua là cơ sở vững chắc, tạo niềm tin tưởng và khích lệ để chúng ta tiếp tục phấn đấu hơn nữa trong 6 tháng cuối năm 2002. Phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm được xác định là hết sức phù hợp với đặc điểm tình hình của tỉnh, là sự tiếp tục cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, của 7 chương trình công tác trọng tâm và 27 đề án, kế hoạch và nghị quyết chuyên đề vào cuộc sống, đó cũng là sự quyết tâm của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ của năm 2002.

Ban Chấp hành giao Văn phòng Tỉnh ủy cùng các cơ quan có liên quan tiếp thu ý kiến của các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh hoàn chỉnh báo cáo trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy để ban hành.

2. Hội nghị thông qua Tờ trình số 531-TT/UB, 529-TT/UB, ngày 21-6-2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2002 và ban hành một số cơ chế, chính sách thực hiện các đề án theo Kế hoạch 03-KH/TU của Tỉnh ủy

Hội nghị đã tham gia một số ý kiến và cơ bản nhất trí với Tờ trình 531 và Tờ trình 529 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xin điều chỉnh kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2002 và một số cơ chế chính sách mới.

- Về đường giao thông liên thôn, xã; qua thôn, xã nào thì xã và thôn đó có trách nhiệm bảo dưỡng, sửa chữa. Tiền, công đóng góp của nhân dân cho lĩnh vực này phải được nhân dân bàn bạc thống nhất.

- Những thôn, bản vùng III của các xã vùng II (ngoài Chương trình 135), tỉnh sẽ nghiên cứu đầu tư cho mỗi thôn, bản 100 triệu đồng/năm.

- Tiến hành làm nhà ở cho giáo viên, cán bộ y tế ở các thôn, bản

xa trung tâm xã (các xã xa trung tâm huyện, thị). Trước mắt làm thí điểm ở một số nơi, mỗi nhà không quá 15 triệu đồng.

Về kinh phí đầu tư cho giáo dục - đào tạo: Kinh phí thuộc chính sách của tỉnh thì do tỉnh điều hành; do cơ chế, chính sách của Nhà nước thì Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính - Vật giá phối hợp thống nhất trình Trung ương để giải quyết.

Các huyện, thị, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài Chính - Vật giá nghiên cứu chính sách hỗ trợ nhân dân trồng và xây dựng lò sấy thuốc lá ngay trong vụ này.

- Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh lại chính sách làm thủ tục du lịch qua cửa khẩu tránh tình trạng độc quyền. Cho phép các phương tiện vận tải hành khách du lịch vào đến trung tâm các huyện, thị trong tỉnh.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh giao cho Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến của các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh hoàn chỉnh nội dung các tờ trình để Ủy ban nhân dân tỉnh trình ra Hội đồng nhân dân tỉnh kỳ họp lần thứ sáu khóa XII để thông qua và tổ chức thực hiện.

3. Thông qua báo cáo công tác kiểm tra 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2002

Xác định công tác kiểm tra là nhiệm vụ quan trọng, các cấp ủy đảng có sự quan tâm chỉ đạo hoạt động kiểm tra đạt hiệu quả. Kiểm tra đảng viên và tổ chức đảng cấp dưới có dấu hiệu vi phạm có bước chuyển biến đáng kể. Đối tượng kiểm tra được mở rộng. Việc giải quyết tố cáo đối với đảng viên và tổ chức đảng thực hiện đúng trình tự, thời gian quy định. Công tác thi hành kỷ luật trong Đảng đã thể hiện được phương châm: Công minh, chính xác, kịp thời; việc thi hành kỷ luật của các tổ chức đảng bảo đảm tính nghiêm minh đúng trình tự và nguyên tắc quy định. Do đó đã góp phần nâng cao vai trò lãnh đạo, củng cố đoàn kết nội bộ, phát huy dân chủ trong Đảng.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh giao cho Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy tiếp thu ý kiến của các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

hoàn chỉnh báo cáo và triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra 6 tháng cuối năm một cách hiệu quả nhất.

4. Hội nghị thông qua báo cáo quyết toán tài chính của Đảng bộ tỉnh năm 2001

Hội nghị đã thảo luận và thông qua quyết toán tài chính của Đảng bộ tỉnh năm 2001 và yêu cầu các cơ quan thụ hưởng ngân sách Đảng cần tăng cường quản lý tài chính và tài sản của Đảng. Tiếp tục giành kinh phí để đặt mua báo cấp cho các xã, thôn, bản vùng cao và tổ dân phố đúng đối tượng, tới tay người đọc để truyền tải các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tới nhân dân. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm và thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của từng đảng bộ, cơ quan, đơn vị, nhất là kinh phí công tác 184.

Giao Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy tiếp thu ý kiến của các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh hoàn chỉnh báo cáo trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy để ban hành.

Nhiệm vụ 6 tháng cuối năm rất nặng nề. Yêu cầu các cấp ủy đảng, các ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh tập trung sức làm tốt một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

Một là: Các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ các chương trình, đề án của Tỉnh ủy. Đẩy mạnh thực hiện các đề án, chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn; phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra, thực hiện có hiệu quả mục tiêu xóa đói, giảm nghèo, sắp xếp, ổn định dân cư; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Ban Thường vụ các huyện, thị ủy chỉ đạo các cơ quan chức năng lập dự trù kinh phí khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết, Ủy ban phòng, chống lụt bão của tỉnh trình Trung ương bổ sung kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh.

Hai là: Chỉ đạo thực hiện các đề án, chính sách về khuyến khích phát triển công nghiệp và thủ công nghiệp; sắp xếp và đổi mới các doanh nghiệp nhà nước. Đẩy mạnh công tác tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm công nghiệp.

Ba là: Đẩy mạnh thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản bảo đảm đúng tiến độ, nhất là đối với những công trình trọng điểm của năm 2002 như: Cầu phố Mới, khu kinh tế cửa khẩu, khu du lịch Sa Pa và Bắc Hà, kè sông biên giới, đường quốc lộ 4D và đường trục chính Lào Cai - Cam Đường. Các huyện, thị và các ngành chức năng tiếp tục chỉ đạo thực hiện xây dựng các công trình cơ bản bảo đảm đúng nguyên tắc, tăng cường công tác quản lý chất lượng công trình trong thời gian thi công cũng như sau khi đưa vào sử dụng. Huy động sự đóng góp của nhân dân, thực hiện phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm. Các huyện, thị cần tăng cường tuyên truyền giáo dục nhân dân địa phương phải đóng góp đối với các công trình. Tăng cường công tác quản lý và sử dụng có hiệu quả các công trình mà Nhà nước đã đầu tư cho các huyện, xã vùng cao, vùng sâu, vùng xa thuộc Chương trình 135. Chống tư tưởng bao cấp, y lại thiếu tinh thần trách nhiệm trong cán bộ, đảng viên nhất là ở khu vực nông thôn, nông dân.

Ban chỉ đạo kỷ niệm 100 năm du lịch Sa Pa khẩn trương xây dựng kế hoạch bảo đảm đến hết năm 2002 cơ bản hoàn thành các hạng mục công trình, tăng cường tuyên truyền giới thiệu về khu du lịch Sa Pa nói riêng và du lịch Lào Cai nói chung, chuẩn bị tốt nhất các điều kiện cho việc kỷ niệm 100 năm du lịch Sa Pa vào đầu năm 2003.

Bốn là: Các cấp ủy đảng, chính quyền và các ban, ngành, đoàn thể tăng cường bám sát cơ sở, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, giải quyết kịp thời những vấn đề mới nảy sinh ngay từ cơ sở, kiên quyết xử lý những hành vi vi phạm pháp luật, tập trung giải quyết các vụ khiếu nại, tố cáo không để dây dưa kéo dài.

Năm là: Quan tâm xây dựng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, từng bước nâng cao khả năng lãnh đạo, điều hành của đội ngũ cán bộ cơ sở; đó là một trong những yếu

tổ cơ bản nhất để thực hiện thắng lợi nghị quyết của Đảng, góp phần cải thiện đời sống cho nhân dân. Tiếp tục triển khai bước 2 việc đánh giá, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý và triển khai đợt 2 về luân chuyển, tăng cường cán bộ đi huyện xã. Trước mắt Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ thị xã Lào Cai, Đại hội Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Hội Văn học Nghệ thuật. Tập trung triển khai thực hiện tốt Kế hoạch số 01, 02-KH/TW, ngày 9-5-2002 của Ban Bí thư Trung ương về kiểm tra lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và kiểm tra lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Quy định 55-QĐ/TW của Bộ Chính trị khóa VIII (nay là Quy định 19-QĐ/TW) về những điều đảng viên không được làm và những điều công chức không được làm theo Pháp lệnh Công chức. Đồng thời tiến hành tổng kết 22 năm thực hiện Chỉ thị số 83-CT/TW, ngày 26-11-1979 của Ban Bí thư khóa IV về phát triển đảng viên.

Các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc, các ban Đảng Tỉnh ủy, Ban cán sự, Đảng đoàn và các ngành của tỉnh cần chú ý, nhiệm vụ tổ chức thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỬ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 283-QĐ/TU, ngày 26-6-2002

Về việc đổi tên Đảng bộ các cơ quan tỉnh

- Căn cứ Điều 10 Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Mục 12- 1 Điều 10 (Điểm 2 b) về việc thành lập tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng tại Quy định số 14-QĐ/TW, ngày 16-11-2001 của Bộ Chính trị quy định cụ thể thi hành Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Tờ trình số 72-TT/TC, ngày 7-6-2002 của Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy về việc đổi tên Đảng bộ các cơ quan tỉnh,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Đổi tên Đảng bộ các cơ quan tỉnh thành Đảng bộ Khối cơ quan Dân, Chính, Đảng kể từ ngày 1-7-2002.

Điều 2: Trên cơ sở xây dựng chức năng, nhiệm vụ, Đảng ủy Khối cơ quan Dân, Chính, Đảng có trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc thực hiện.

Điều 3: Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Đảng ủy Khối cơ quan Dân, Chính Đảng, các ban ngành chức năng căn cứ Quyết định thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỬ**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT

HỘI NGHỊ BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY LẦN THỨ 26

Số 14-NQ/TU, ngày 1-7-2002

Về chỉ đạo Đại hội Đảng bộ thị xã Lào Cai

Thực hiện Nghị định số 16/2002/NĐ-CP, ngày 31-1-2002 của Chính phủ về việc sáp nhập thị xã Lào Cai và thị xã Cam Đường thành thị xã Lào Cai thuộc tỉnh Lào Cai, Tỉnh ủy Lào Cai đã có Quyết định số 219-QĐ/TU, ngày 20-3-2002 về giải thể Đảng bộ thị xã Lào Cai khóa XII và Đảng bộ thị xã Cam Đường khóa XVII thành lập Đảng bộ thị xã Lào Cai trực thuộc Đảng bộ tỉnh Lào Cai và chỉ định Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ thị xã Lào Cai để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ chính trị mà Đảng bộ đã đề ra trong nhiệm kỳ 2000 - 2005.

Nhằm ổn định về được chức, bộ máy của hệ thống chính trị, đồng thời để bảo đảm tính liên tục thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm hai Đảng bộ đang triển khai và do yêu cầu phát triển thị xã Lào Cai mới tiến tới hội đủ các điều kiện để nâng cấp thị xã Lào Cai thành thành phố Lào Cai trực thuộc tỉnh Lào Cai,

HỘI NGHỊ BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY LẦN THỨ 26

NGÀY 29-6-2002 QUYẾT NGHỊ:

1. Đảng bộ thị xã Lào Cai tiến hành Đại hội đại biểu nhằm kiểm điểm những kết quả đạt được từ sau Đại hội của hai Đảng bộ đến nay;

xác định phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; an ninh - quốc phòng của thị xã mới giai đoạn 2002 - 2005 phù hợp với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII và Nghị quyết Đại hội IX của Đảng; đồng thời bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai lãnh đạo thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã Lào Cai.

2. Về số lượng đại biểu dự Đại hội: Số lượng đại biểu tối đa là 180; tỷ lệ đại biểu dự khuyết từ 5 - 10 %.

Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ thị xã Lào Cai phân bổ đại biểu cho các tổ chức cơ sở đảng với số lượng và cơ cấu hợp lý; đồng thời chỉ đạo các tổ chức cơ sở đảng tiến hành Đại hội để bầu cử đại biểu đi dự Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã Lào Cai theo đúng Quy định số 77-QĐ/TW, ngày 22-6-2000 của Bộ Chính trị quy định chế độ bầu cử trong Đảng.

3. Số lượng Ủy viên Ban Chấp hành: 33 đồng chí.

Số lượng Ban Thường vụ: 11 đồng chí, gồm các đồng chí sau:

1. Đồng chí Cao Đức Hải, Bí thư Thị ủy.
2. Đồng chí Trần Văn Việt, Phó Bí thư Thường trực.
3. Đồng chí Trịnh Văn Thanh, Phó Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thị xã.
4. Đồng chí Nguyễn Thanh Dương, Phó Bí thư, Quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã.
5. Đồng chí Lê Ngọc Hưng, Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã.
6. Đồng chí Nguyễn Văn Thuyết, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Thị ủy.
7. Đồng chí Nguyễn Xuân Sách, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tuyên giáo Thị ủy.
8. Đồng chí Nguyễn Danh Pho, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Dân vận Thị ủy.
9. Đồng chí Vũ Năng Đại, Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thị ủy.

10. Đồng chí Lương Quang Mạnh, Ủy viên Ban Thường vụ, trưởng Công an thị xã.

11. Đồng chí Trần Ngọc Xuyên, Ủy viên Ban Thường vụ, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự thị xã.

4. Ủy ban Kiểm tra Thị ủy

Số lượng: 7 đồng chí, gồm các đồng chí sau:

1. Đồng chí Vũ Năng Đại, Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thị ủy.

2. Đồng chí Nguyễn Thanh Sở, Ủy viên Ban Chấp hành, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thị ủy.

3. Đồng chí Vũ Thị Cần, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thị ủy.

4. Đồng chí Lê Văn Long, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thị ủy.

5. Đồng chí Trần Kim Hồng, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thị ủy.

6. Đồng chí Nguyễn Văn Thuyết, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Thị ủy kiêm Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thị ủy.

7. Đồng chí Nguyễn Thanh Bình, Ủy viên Ban Chấp hành, Chánh Thanh tra thị xã kiêm Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thị ủy.

5. Về nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ thị xã Lào Cai

- Do điều kiện lịch sử, đặc biệt là trong những năm chiến tranh gian khổ ác liệt; để duy trì tính liên tục, kế thừa và phát triển qua các kỳ Đại hội, trong khi các cơ quan chức năng tiếp tục xác định chính thức các kỳ Đại hội, trên cơ sở Tờ trình số 77 -TT/TC, ngày 28-6-2002 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Thường vụ thống nhất xác định Đại hội kỳ này là: Đại hội Đại biểu Đảng bộ thị xã Lào Cai lần thứ XIX.

- Về nhiệm kỳ: Đại hội Đại biểu Đảng bộ thị xã Lào Cai lần thứ XIX là sự kế thừa nhiệm vụ của hai Đại hội Đảng bộ hai thị xã và xác định nhiệm vụ cho giai đoạn mới trước yêu cầu sau khi sáp nhập hai thị xã Lào Cai và Cam Đường phù hợp với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII và Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, nhiệm vụ xuyên suốt đó là xây dựng thị xã tỉnh lỵ Lào Cai hội đủ các yếu tố, điều kiện để nâng cấp thị xã Lào Cai trở thành thành phố. Vì vậy, nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ thị xã Lào Cai là nhiệm kỳ 2000 - 2002 - 2005.

Giao cho Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ thị xã Lào Cai chỉ đạo các tổ chức cơ sở đảng và tổ chức triển khai thực hiện tốt nghị quyết này.

Thường trực Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo các ban xây dựng Đảng của Tỉnh ủy theo chức năng có nhiệm vụ hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc chuẩn bị tiến hành Đại hội Đảng bộ thị xã Lào Cai; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 10-CT/TU, ngày 3-7-2002

Về việc mở Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã Lào Cai

- Căn cứ vào Điều 13-3 Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa IX);
- Căn cứ Chỉ thị số 54-CT/TW, ngày 22-5-2000 của Bộ Chính trị;
- Căn cứ Hướng dẫn số 14-HD/TCTW, ngày 1-6-2000 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn công tác nhân sự cấp ủy tại Đại hội Đảng bộ các cấp; Công văn số 1414-CV/TCTW, ngày 20-6-2002 của Ban Tổ chức Trung ương;

- Thực hiện Nghị định 16, ngày 31-1-2001 của Chính phủ sáp nhập 2 thị xã Lào Cai và Cam Đường thành thị xã Lào Cai làm cơ sở cho phát triển đô thị lên thành phố Lào Cai; do đòi hỏi phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh được thể hiện ở các nghị quyết, đề án, kế hoạch, chương trình của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt; do việc thực hiện 2 nghị quyết của 2 thị xã cũ không còn phù hợp và thích ứng với sự phát triển nhanh và bền vững trong giai đoạn từ nay tới năm 2010,

- Căn cứ vào Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 26, ngày 1-7- 2002,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY LÀO CAI CHỈ THỊ:

1. Mở Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã Lào Cai lần thứ XIX (nhiệm kỳ 2000 - 2002 - 2005)

Thời gian đại hội 2 - 3 ngày (không kể thời gian họp trừ bị).

Tiến hành vào trung tuần tháng 7-2002 (thời gian cụ thể do Thị ủy quyết định).

2. Đại hội có nhiệm vụ

Thảo luận và thông qua Báo cáo chính trị của Đảng bộ do Ban Chấp hành lâm thời chuẩn bị gồm:

- Tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội của 2 Đảng bộ Lào Cai và Cam Đường từ năm 2000 - 4-2002.

- Những công việc làm được sau 3 tháng sáp nhập.

- Báo cáo chính trị của Đảng bộ cần nhìn thẳng vào sự thật đánh giá một cách khách quan, những kết quả đã làm được, đồng thời làm rõ những tồn tại khuyết điểm và nguyên nhân yếu kém về nhiệm vụ của Đảng bộ trong nhiệm kỳ tới, báo cáo cần tập trung nêu rõ mục tiêu, giải pháp, đẩy mạnh công cuộc đổi mới và phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh. Tập trung vào những vấn đề lớn, cơ bản, bức xúc như: Phát triển kinh tế - xã hội theo hướng khai thác có hiệu quả lợi thế so sánh thực sự là trung tâm trong quá trình phát triển của tỉnh Lào Cai, đẩy nhanh việc xóa đói, giảm nghèo, chuyển dịch cơ cấu kinh tế tập trung phát triển kinh tế dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu dân cư hợp lý từ nông nghiệp sang tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp, thương mại và du lịch, triển khai đồng bộ quy hoạch đô thị, xây dựng nếp sống đô thị trong các khu dân cư, xây dựng kết cấu hạ tầng, thực hiện có hiệu quả các chính sách thu hút đầu tư... xây dựng tổ chức cơ sở đảng, chính quyền cơ sở và đoàn thể nhân dân vững mạnh. Chuẩn bị mọi điều kiện và hội đủ các điều kiện cần thiết để nâng cấp thị xã Lào Cai lên thành phố trực thuộc tỉnh từ nay tới năm 2005.

3. Về số lượng đại biểu Đại hội

Theo quy định của Chỉ thị 54 “Số lượng đại biểu đảng bộ huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh và cấp tương đương từ 100-150; nhiều nhất không quá 180”, Lào Cai là thị xã vừa qua mới được sáp

nhập, có số lượng đảng viên đông, Ban Thường vụ đồng ý với số lượng đại biểu tối đa là 180 đại biểu, đại biểu dự khuyết là 10 đồng chí.

Ban Chấp hành lâm thời thị xã Lào Cai căn cứ vào số lượng đại biểu đã được ấn định phân bổ cho các tổ chức cơ sở đảng có số lượng và cơ cấu hợp lý; đồng thời chỉ đạo các tổ chức cơ sở đảng mở Đại hội bầu cử đại biểu dự Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã khóa XIX.

4. Về công tác chuẩn bị nhân sự và tiến hành bầu cử cấp ủy

Ban Chấp hành lâm thời chuẩn bị nhân sự cho Ban Chấp hành khóa mới cần phải nắm vững tiêu chuẩn và quy trình về công tác cán bộ; đặc biệt là các đồng chí giữ cương vị lãnh đạo chủ chốt. Về tiêu chuẩn để bầu vào cấp ủy cần phải đạt được những yêu cầu sau đây:

a) Tiêu chuẩn:

- Có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội và trung thành với Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh cả trong nhận thức và trong hành động; chấp hành nghiêm túc Cương lĩnh, Điều lệ và nghị quyết của Đảng.

- Có đạo đức cách mạng và lối sống lành mạnh, trung thực, gương mẫu, có tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí; không tham nhũng quan liêu, không cơ hội, vụ lợi tham vọng quyền lực; được đảng viên và nhân dân tín nhiệm.

- Có năng lực kiến thức, sức khỏe, hoàn thành chức trách nhiệm vụ được giao. Có khả năng nắm bắt thực tiễn, đề xuất chủ trương, giải pháp đóng góp vào sự lãnh đạo của tập thể Ban Chấp hành và vận dụng sáng tạo, có kết quả đường lối Nghị quyết của Đảng vào thực tiễn cuộc sống trong lĩnh vực được phân công phụ trách. Chấp hành nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và sinh hoạt đảng, có tinh thần tự phê và phê bình, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất, phát huy dân chủ và giữ vững kỷ cương trong Đảng. Có phong cách phương pháp công tác tốt.

b) Cơ cấu:

- Trên cơ sở tiêu chuẩn, cấp ủy khóa mới cần phải có cơ cấu hợp

lý đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ lãnh đạo của mỗi cấp; trong đó đặc biệt chú trọng đến cấp xã, phường, bảo đảm tập trung sự lãnh đạo xây dựng cơ sở chính trị xã, phường vững mạnh.

- Bảo đảm tỷ lệ cán bộ nữ, tỷ lệ hợp lý cấp ủy viên là cán bộ dân tộc ít người.

- Cấp ủy cần có 3 độ tuổi chú ý tăng thêm những đồng chí trẻ, bảo đảm tính kế thừa và phát triển.

c) Số lượng:

- Số lượng ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XIX nhiệm kỳ 2000-2002-2005 Đại hội được bầu là 33 đồng chí, trong đó Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy gồm 11 đồng chí.

- Bầu Ủy ban Kiểm tra: 7 đồng chí.

Số lượng cụ thể trong danh sách bầu cử cấp ủy, bầu Ban Thường vụ phải nhiều hơn số lượng cần bầu ít nhất là 10%.

- Công tác bầu cử thực hiện theo Quy định số 77-QĐ/TW, ngày 22-6-2000 của Bộ Chính trị quy định chế độ bầu cử trong Đảng.

Căn cứ vào nội dung chỉ thị, Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ thị xã Lào Cai chỉ đạo thực hiện tiến hành Đại hội thành công.

Các ban xây dựng Đảng của tỉnh và Văn phòng Tỉnh ủy căn cứ vào chức năng quy định có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn Thị ủy Lào Cai trong công tác chuẩn bị và tổ chức Đại hội thành công.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 363-TB/TU, ngày 23-7-2002

Về kết luận của Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 28

Ngày 22-7-2002, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiến hành Hội nghị lần thứ 28. Đồng chí Nguyễn Đức Thắng, Phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy chủ trì hội nghị. Sau khi nghe Ban Tổ chức Tỉnh ủy trình một số nội dung về công tác cán bộ và thực hiện chính sách cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, các đồng chí trong Ban Thường vụ đã thảo luận và đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy đã thống nhất kết luận như sau:

1. Nhất trí chuẩn y kết quả Đại hội Đảng bộ thị xã Lào Cai khóa XIX (nhiệm kỳ 2000-2002-2005) theo nội dung Tờ trình số 80-TT/TC, ngày 20-7-2002 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy bổ sung các nội dung vào tờ trình cho đầy đủ, đúng thể thức để lưu trữ và dự thảo các quyết định chuẩn y trình Ban Thường vụ ký ban hành.

2. Nhất trí thông qua văn bản quy định đối tượng, tiêu chuẩn xét tuyển cử cán bộ đi học các lớp lý luận chính trị trong và ngoài tỉnh theo nội dung Tờ trình số 79-TT/TC, ngày 19-7-2002 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy. Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy căn cứ vào ý kiến của Ban Thường vụ hoàn thiện văn bản và trình ký ban hành thực hiện từ 1-9-2002

3. Về các nội dung trình theo Tờ trình số 78-TT/TC, ngày 17-7-2002 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy:

a) Đồng ý để đồng chí Lê Cường Thịnh, Phó chỉ huy trưởng Chính trị Bộ đội Biên phòng tỉnh nghỉ chế độ hưu trí và bổ nhiệm đồng chí Lương Văn Sơn, Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ nhiệm Chính trị, nay giữ chức vụ Phó chỉ huy trưởng Chính trị Bộ đội Biên phòng tỉnh Lào Cai. Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy yêu cầu đồng chí Sơn bổ sung bản kê khai tài sản và bản sao các văn bằng, chứng chỉ lưu vào hồ sơ theo đúng quy định của Trung ương và chuẩn bị văn bản thỏa thuận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy gửi Đảng ủy Bộ Tư lệnh Biên phòng ra quyết định bổ nhiệm đồng chí Lương Văn Sơn.

b) Đồng ý nâng lương thường xuyên cho 19 đồng chí diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý theo danh sách kèm theo Tờ trình số 78-TT/TC, ngày 17-7-2002 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

4. Nhất trí đề nghị Ban Bí thư Trung ương Đảng chỉ định bổ sung đồng chí Cao Đức Hải, Bí thư Thị ủy Lào Cai khóa XIX (nhiệm kỳ 2000-2002-2005) là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa XII (nhiệm kỳ 2000-2005). Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy yêu cầu đồng chí Hải bổ sung bản kê khai tài sản và bản sao các văn bằng, chứng chỉ lưu vào hồ sơ theo đúng quy định của Trung ương. Ban Tổ chức Tỉnh ủy dự thảo tờ trình cho Ban Thường vụ ký trình Ban Bí thư, Ban Tổ chức Trung ương.

5. Nhất trí áp dụng hình thức kỷ luật cảnh cáo và hạ bậc lương hệ số 2,14 xuống 1,86 từ ngày 1-8-2002 đối với đồng chí Phạm Minh Tuấn, thạc sĩ văn học, Trường Trung học phổ thông số 1 huyện Văn Bàn theo nội dung trình của Ban cán sự Ủy ban nhân dân tỉnh.

Yêu cầu các cơ quan và cá nhân có liên quan căn cứ để thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 287-QĐ/TU, ngày 29-7-2002

Về việc quy định đối tượng, tiêu chuẩn cán bộ học các lớp lý luận chính trị tại tỉnh và Trung ương

- Căn cứ Nghị quyết Trung ương 3 (Khóa VIII) về chiến lược cán bộ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 30-12-2001 của Tỉnh ủy Lào Cai về phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2001-2005;

- Căn cứ Công văn số 497-CV/TCTW, ngày 24-1-2002 của Ban Tổ chức Trung ương về việc tăng cường quản lý, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về lý luận chính trị;

- Căn cứ vào những quy định trong công tác tuyển sinh hàng năm của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các phân viện về việc xét cử cán bộ đi học các lớp lý luận chính trị tại các tỉnh và Trung ương;

- Xét đề nghị của Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này văn bản quy định đối tượng, tiêu chuẩn cán bộ đi học các lớp lý luận chính trị tại tỉnh và Trung ương.

Điều 2: Giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy hướng dẫn, tuyển sinh và theo dõi việc thực hiện thống nhất quy định này trên địa bàn toàn tỉnh.

Điều 3: Các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc tỉnh; các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh và tương đương có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 1-9-2002.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUY ĐỊNH ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN CÁN BỘ ĐI HỌC CÁC LỚP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TẠI TỈNH VÀ TRUNG ƯƠNG

*(Kèm theo Quyết định số 287-QĐ/TU, ngày 29-7 -2002
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

- Thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) về chiến lược cán bộ, Quy định số 54-QĐ/TW, ngày 12-5-1999 của Bộ Chính trị về chế độ học tập lý luận chính trị trong đảng và Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 30-12-2001 của Tỉnh ủy Lào Cai về phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2001-2005.

- Căn cứ Công văn số 497-CV/TCTW, ngày 24-1-2002 của Ban Tổ chức Trung ương về việc tăng cường quản lý, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về lý luận chính trị.

- Căn cứ Quy chế chiêu sinh số 07-QC/HVCTQG, ngày 3-11-1998 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các phân viện về việc xét cử cán bộ đi học lý luận chính trị tại Trung ương.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai quy định đối tượng, tiêu chuẩn cán bộ học các lớp lý luận chính trị tại tỉnh và Trung ương như sau:

Điều 1: Mục đích

1- Đây là cơ sở để cho các đơn vị trong tỉnh xây dựng quy hoạch, xét duyệt, cử cán bộ đăng ký đi học các lớp lý luận chính trị tại tỉnh và Trung ương đúng đối tượng, tiêu chuẩn nhằm thực hiện chuẩn hóa đội ngũ cán bộ theo Quyết định số 450-QĐ/TCTW, ngày 22-12-1998 của Ban Tổ chức Trung ương, Thông báo số 03-TB/BCĐ, ngày 26-2-

2002 và Thông báo số 04-TB/BCĐ, ngày 9-4-2002 của Ban chỉ đạo đánh giá, bổ nhiệm lại cán bộ tỉnh.

2- Nhằm khắc phục những tồn tại, khuyết điểm về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về lý luận chính trị những năm qua như: Đào tạo chưa gắn với quy hoạch, bố trí, sử dụng cán bộ; không ít cán bộ được đơn vị cử đi học chưa đúng đối tượng, tiêu chuẩn, dẫn đến tình trạng mất cân đối giữa trình độ được đào tạo so với năng lực nhận thức và vị trí công tác của từng đối tượng cán bộ.

Điều 2: Đối tượng áp dụng trong bản quy định này là:

- Cán bộ, công chức: Đảng, chính quyền và đoàn thể.
- Cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số
- Cán bộ cơ sở.

Điều 3: Các đối tượng nêu ở Điều 2 đi học các lớp lý luận chính trị từ trung cấp trở lên phải được các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc, các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh hoặc tương đương đề nghị và được Thường trực Tỉnh ủy phê duyệt.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4: Học hệ trung cấp lý luận chính trị

1- Các chức danh trưởng, phó phòng (cấp tỉnh, huyện) hoặc tương đương mà không nằm trong diện quy hoạch bố trí chức danh cán bộ cao hơn; những cán bộ, công chức Khối Đảng, đoàn thể chưa có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên, tuổi đời dưới 50 (đối với nam), dưới 45 (đối với nữ), nếu có nguyện vọng thì được xét cử đi học chương trình trung cấp lý luận chính trị.

2- Cán bộ đương chức hoặc dự nguồn các chức danh chủ chốt cấp xã, phường, thị trấn, nếu chưa có bằng chuyên môn từ trung cấp trở lên đều phải học chương trình trung cấp chính trị.

3- Cán bộ, công chức trong quy học chức danh là trưởng, phó phòng (cấp tỉnh, huyện) hoặc tương đương tuổi đời dưới 40 đều phải học chương trình trung cấp chính trị.

4- Cán bộ đi học phải có trình độ văn hóa tốt nghiệp phổ thông trung học; bổ túc văn hóa trung học hoặc tương đương trở lên (có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy được coi là tương đương bằng văn hóa phổ thông trung học). Nếu cán bộ ở vùng sâu, vùng xa, cán bộ là dân tộc thiểu số, văn hóa phải tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên (7/10 hoặc 9/12).

5- Cán bộ phải có đủ sức khỏe để học tập.

Điều 5: Hệ đại học hoặc cao cấp chính trị (học tập trung tại Trung ương)

I. Hệ đại học chính trị (cử nhân chính trị)

1- Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam

2- Là cán bộ trong quy hoạch đào tạo dự nguồn cho các chức danh lãnh đạo, quản lý chủ chốt ở các huyện, thị; các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương.

3- Đã tốt nghiệp đại học chính quy, nếu là đại học tại chức phải xếp loại từ khá trở lên, riêng hệ chuyên tu xếp loại từ khá trở lên nhưng phải kèm theo bằng trung cấp chuyên nghiệp cùng ngành. Những cán bộ được xét tuyển đi học phải có thời gian công tác thực tiễn ít nhất là 3 năm so với thời điểm vừa mới tốt nghiệp đại học chuyên môn gần nhất (nếu cán bộ đã tốt nghiệp trung cấp chính trị thì được ưu tiên trong khi xét tuyển).

4- Tuổi đời từ 25-40 có đủ sức khỏe để học tập.

II. Hệ cao cấp chính trị

1- Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam

2- Là các đồng chí lãnh đạo tỉnh; các đồng chí cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt đương chức các sở, ngành, đoàn thể tỉnh; các huyện thị và tương đương (nếu là cán bộ dự nguồn trong quy hoạch các chức danh cán bộ, quản lý phải là người dân tộc ít người).

3- Về trình độ:

- Đã tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên.

- Tốt nghiệp phổ thông trung học hoặc tương đương

- Tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị (nếu có bằng từ cao đẳng trở lên thì được miễn bằng trung cấp lý luận).

4- Tuổi đời: Dưới 50 tuổi (đối với nam), dưới 45 tuổi (đối với nữ), có đủ sức khỏe để học tập.

Điều 6: Hệ đại học chính trị hoặc cao cấp chính trị (học tại chức)

1- Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, có tuổi đời 41 tuổi trở lên, không có điều kiện đi học các lớp tập trung.

2- Là cán bộ lãnh đạo, quản lý đương chức nằm trong quy hoạch ở các chức danh cao hơn.

3- Đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng trở lên và phải có thời gian công tác thực tiễn ít nhất là 3 năm so với thời điểm vừa mới tốt nghiệp đại học hoặc cao đẳng chuyên môn gần nhất (nếu học lớp cử nhân chính trị nhất thiết phải có bằng đại học chuyên môn).

4- Nếu đã tốt nghiệp trung cấp chính trị thì được ưu tiên hơn trong khi xét tuyển.

5- Cán bộ phải có đủ sức khỏe để học tập.

Điều 7: Cán bộ học các lớp do Phân viện Báo chí và Tuyên truyền đảm nhiệm (hệ tại chức hoặc tập trung).

1- Hằng năm khi xét tuyển thực hiện theo các quy định của Phân viện Báo chí và Tuyên truyền

2- Những cán bộ được Thường trực Tỉnh ủy duyệt đi học nhất thiết phải là cán bộ nằm trong quy hoạch của các đơn vị.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 8: Các quy định trên đây được thực hiện kể từ ngày 1-9-2002. Các lớp được Thường trực Tỉnh ủy xét duyệt cử đi học trước ngày 1-9-2002 thực hiện theo quy định cũ.

Điều 9: Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các đơn vị trong tỉnh nghiêm túc thực hiện những quy định trên đây. Đồng thời hằng năm

căn cứ vào quy hoạch và nhu cầu đào tạo lập danh sách đăng ký đề nghị cho cán bộ đi học các lớp lý luận chính trị (theo biểu mẫu gửi kèm) gửi về Ban Tổ chức Tỉnh ủy trước ngày 1-10 để tổng hợp và xây dựng kế hoạch đào tạo chung của tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 288-QĐ/TU, ngày 29-7-2002

**Về việc chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành
Đảng bộ Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Lào Cai**

- Căn cứ Điều 13 (Điểm 2) Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Thông báo số 361-TB/TU, ngày 23-7-2002 kết luận của Hội nghị Thường trực Tỉnh ủy ngày 21-6-2002;
- Xét đề nghị của Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chỉ định bổ sung hai đồng chí sau đây làm Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Lào Cai:

1. Đồng chí Hà Văn Bàn, Phó chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh.
 2. Đồng chí Lê Kim Duyên, Chủ nhiệm kỹ thuật Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh.
- Nhiệm vụ cụ thể của hai đồng chí do Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Lào Cai phân công.

Điều 2: Các đồng chí Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh và hai đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 289-QĐ/TU, ngày 29-7-2002

**Chuẩn y kết quả bầu Ban Chấp hành,
Ban Thường vụ, Bí thư, các Phó Bí thư Đảng bộ
thị xã Lào Cai khóa XIX (nhiệm kỳ 2000-2002-2005)**

- Căn cứ Điều 13 Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 14-QĐ/TU, ngày 16-11-2001 của Bộ Chính trị về việc quy định cụ thể thi hành Điều lệ Đảng;
- Căn cứ kết quả Biên bản bầu cử Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, các Phó Bí thư Đảng bộ thị xã Lào Cai khóa XIX (nhiệm kỳ 2000-2002-2005);
- Xét đề nghị của Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chuẩn y kết quả bầu cử Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, các Phó Bí thư Đảng bộ thị xã Lào Cai - khóa XIX (nhiệm kỳ 2000-2002-2005) gồm các đồng chí sau:

- Ban Chấp hành Đảng bộ: 33 đồng chí (có danh sách kèm theo).
- Ban Thường vụ: 11 đồng chí (có danh sách kèm theo).

Các đồng chí sau đây giữ chức vụ Bí thư, các Phó Bí thư:

1. Đồng chí Cao Đức Hải, giữ chức vụ Bí thư; lương xếp 5,2 (năm phẩy hai); thời gian hưởng kể từ ngày nhận nhiệm vụ mới.

2. Đồng chí Trần Văn Việt, giữ chức vụ Phó Bí thư.
3. Đồng chí Trịnh Văn Thanh, giữ chức vụ Phó Bí thư.
4. Đồng chí Nguyễn Thanh Dương, giữ chức vụ Phó Bí thư.

Điều 2: Nhiệm vụ cụ thể của các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Ủy viên Ban Thường vụ, Bí thư và các Phó Bí thư do tập thể Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai phân công.

Điều 3: Các đồng chí: Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai và các đồng chí có tên trên có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ THỊ XÃ LÀO CAI

(Kèm theo Quyết định số 289-QĐ/TU, ngày 29-7-2002
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

- 1- Đồng chí Cao Đức Hải
- 2- Đồng chí Trần Văn Việt
- 3- Đồng chí Trịnh Văn Thanh
- 4- Đồng chí Nguyễn Thanh Dương
- 5- Đồng chí Lê Ngọc Hưng
- 6- Đồng chí Nguyễn Văn Thuyết
- 7- Đồng chí Vũ Năng Đại
- 8- Đồng chí Nguyễn Xuân Sách
- 9- Đồng chí Nguyễn Danh Pho
- 10- Đồng chí Lương Quang Mạnh
- 11- Đồng chí Nguyễn Hữu Đức
- 12- Đồng chí Trần Ngọc Xuyên
- 13- Đồng chí Trần Văn Năm
- 14- Đồng chí Đặng Song Nam
- 15- Đồng chí Lưu Thị Hậu
- 16- Đồng chí Lưu Văn Chuối
- 17- Đồng chí Nguyễn Thanh Bình
- 18- Đồng chí Vũ Kim Quy
- 19- Đồng chí Lê Phi Bằng
- 20- Đồng chí Trần Ngọc Tuấn
- 21- Đồng chí Nguyễn Thanh Sở
- 22- Đồng chí Lê Thị Ánh Hằng
- 23- Đồng chí Trần Quốc Dũng
- 24- Đồng chí Lê Đức Luận

- 25- Đồng chí Nguyễn Đức Sang
- 26- Đồng chí Trần Văn Quỳnh
- 27- Đồng chí Nguyễn Văn Chính
- 28- Đồng chí Đỗ Tiến Đức
- 29- Đồng chí Hoàng Văn Sài
- 30- Đồng chí Chu Xuân Sơn
- 31- Đồng chí Hoàng Ngọc Bình
- 32- Đồng chí Trần Hợp
- 33- Đồng chí Phạm Quang Trung

DANH SÁCH BAN THƯỜNG VỤ THỊ ỦY LÀO CAI

*(Kèm theo Quyết định số 289 QĐ/TU, ngày 29-7-2002
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

1. Đồng chí Cao Đức Hải
2. Đồng chí Nguyễn Thanh Dương
3. Đồng chí Trần Văn Việt
4. Đồng chí Trịnh Văn Thanh
5. Đồng chí Lê Ngọc Hưng
6. Đồng chí Lương Quang Mạnh
7. Đồng chí Trần Ngọc Xuyên
8. Đồng chí Nguyễn Văn Thuyết
9. Đồng chí Nguyễn Xuân Sách
10. Đồng chí Vũ Năng Đại
11. Đồng chí Nguyễn Danh Pho

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 290-QĐ/TU, ngày 29-7-2002

**Chuẩn y Ủy ban Kiểm tra, Chủ nhiệm
và các Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thị ủy Lào Cai
khóa XIX (nhiệm kỳ 2000-2002-2005)**

- Căn cứ Điều 31 Chương VII Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử của Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai khóa XIX (nhiệm kỳ 2000-2002-2005), ngày 17-7-2002 về việc bầu Ủy viên Ủy ban Kiểm tra, Chủ nhiệm và các Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thị ủy Lào Cai;
- Xét đề nghị của Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chuẩn y

- Ủy ban Kiểm tra Thị ủy Lào Cai gồm 7 đồng chí (có tên trong danh sách kèm theo) làm Ủy viên Ủy ban Kiểm tra.
- Đồng chí Vũ Năng Đại, Ủy viên Ban Thường vụ, giữ chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra.
- Đồng chí Nguyễn Thanh Sở, Ủy viên Ban Chấp hành, giữ chức vụ Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra.
- Đồng chí Vũ Thị Cần, giữ chức vụ Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra.

Điều 2: Các đồng chí: Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai, Ủy ban Kiểm tra Thị ủy Lào Cai và các đồng chí có tên trên có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

DANH SÁCH ỦY BAN KIỂM TRA THỊ ỦY LÀO CAI

(Kèm theo Quyết định số 290-QĐ/TU, ngày 29-7-2002
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

- 1- Vũ Năng Đại, Ủy viên Thường vụ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
- 2- Nguyễn Thanh Sở, Ủy viên Ban Chấp hành, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
- 3- Vũ Thị Cần, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra.
- 4- Lê Văn Long, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra
- 5- Trần Kim Hồng, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra
- 6- Nguyễn Văn Thuyết, Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra
- 7- Nguyễn Thanh Bình, Ủy viên Ban Chấp hành, Chánh Thanh tra thị xã, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 291-QĐ/TU, ngày 29-7-2002

Về việc chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Sa Pa

- Căn cứ Điều 13 (Điểm 2) Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Thông báo số 342-TB/TU, ngày 24-6-2002 kết luận của Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 25;
- Xét đề nghị của Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chỉ định đồng chí Nguyễn Ngọc Hình, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sa Pa làm Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Sa Pa khóa XIX (nhiệm kỳ 2000-2005).

Nhiệm vụ cụ thể của đồng chí do Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Sa Pa phân công.

Điều 2: Các đồng chí: Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Sa Pa và đồng chí Nguyễn Ngọc Hình chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 292-QĐ/TU, ngày 29-7-2002

**Về việc chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành
Đảng bộ Bộ đội Biên phòng tỉnh Lào Cai**

- Căn cứ Điều 13 (Điểm 2) Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Thông báo số 361-TB/TU, ngày 23-7-2002 kết luận của Hội nghị Thường trực Tỉnh ủy ngày 21-6-2002;
- Xét đề nghị của Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chỉ định bổ sung đồng chí Vũ Đình Khởi, Bí thư Đảng ủy, Phó Đoàn trưởng về chính trị, Đoàn biên phòng Cửa khẩu Lào Cai làm Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ đội Biên phòng tỉnh Lào Cai.

Nhiệm vụ cụ thể do Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ đội Biên phòng Lào Cai phân công.

Điều 2: Các đồng chí: Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ đội Biên phòng tỉnh và đồng chí Vũ Đình Khởi chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 293-QĐ/TU, ngày 1-8-2002

**Chuẩn y kết quả bầu bổ sung Phó Chủ nhiệm
Ủy ban Kiểm tra Đảng bộ Bộ đội Biên phòng tỉnh Lào Cai**

- Căn cứ Điều 31 Chương VII Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Thông báo số 361-TB/TU, ngày 23-7-2002 kết luận của Hội nghị Thường trực Tỉnh ủy ngày 21-6-2002;
- Xét Biên bản bầu cử bổ sung Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Bộ đội Biên phòng tỉnh Lào Cai;
- Xét đề nghị của Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chuẩn y kết quả bầu cử đồng chí Vũ Đình Khởi, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng ủy Bộ đội Biên phòng tỉnh Lào Cai, giữ chức vụ Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Bộ đội Biên phòng tỉnh Lào Cai.

Điều 2: Các đồng chí: Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ đội Biên phòng tỉnh và đồng chí Vũ Đình Khởi chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 374-TB/TU, ngày 7-8-2002

**Về kết luận của đồng chí Nguyễn Đức Thăng,
Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy tại cuộc họp giao ban
nội chính ngày 5-8-2002**

Ngày 5-8-2002, tại trụ sở Tòa án tỉnh Lào Cai, đồng chí Nguyễn Đức Thăng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy chủ trì phiên họp giao ban Khối Nội chính. Sau khi nghe báo cáo tổng hợp tình hình của Văn phòng Tỉnh ủy; ý kiến phát biểu của đồng chí Nguyễn Ngọc Kim, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và lãnh đạo các ngành trong Khối Nội chính, Đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy đã kết luận:

Trong tháng 7-2002, về mọi mặt trật tự, an toàn an xã hội cơ bản vẫn bảo đảm tốt, không có vấn đề nổi cộm. Các ngành Nội chính tập trung thực hiện ý kiến chỉ đạo của Tỉnh ủy, trong đó chú ý vấn đề chống khai thác lâm sản trái phép, tập trung phá một số vụ án mua bán, tàng trữ ma túy và quản lý các đối tượng liên quan đến ma túy, vấn đề buôn lậu qua biên giới và tuyên truyền đạo trái phép. Tuy nhiên còn một số vấn đề đáng chú ý sau:

Trên tuyến biên giới tình hình buôn lậu, buôn bán trẻ em, phụ nữ và vi phạm hiệp định biên giới tạm thời vẫn còn xảy ra. Có một số phụ nữ lấy chồng người Trung Quốc sau khi về thăm nhà tại một số địa bàn của Lào Cai, không trở lại Trung Quốc. Trong tháng 6 và tháng 7 năm 2002, phía Trung Quốc trao trả 31 đối tượng là người của một số tỉnh phía sau qua Cửa khẩu quốc tế Lào Cai.

- Hà Khẩu vượt biên trái phép riêng tháng 7 là 17 đối tượng. Một số vụ việc liên quan đến trật tự, an toàn xã hội có chiều hướng gia tăng như trộm cắp, lừa đảo đặc biệt đã xây ra vụ lừa đảo kinh tế lớn (các vụ việc trên chủ yếu diễn ra ở thị xã Lào Cai). Vẫn còn tồn đọng một số vụ án và đơn thư khiếu nại. Đặc biệt chú ý đến ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận công dân trong đó có cả cán bộ, công chức, viên chức, đây là vấn đề chứa đựng những yếu tố tiềm ẩn ảnh hưởng đến trật tự an ninh xã hội.

Một số công tác trọng tâm trong tháng 8-2002:

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, tăng cường trách nhiệm của các cấp chính quyền, các ngành Nội chính trong công tác kiểm tra bảo đảm mục tiêu đoàn kết nội bộ, an ninh chính trị, an ninh biên giới và trật tự, an toàn xã hội. Đẩy mạnh phong trào “Quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc”, xây dựng khu phố, làng bản an toàn. Chỉ đạo sơ kết bước một chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết 08 về công tác tư pháp của Bộ Chính trị. Xác định trách nhiệm của người lãnh đạo các huyện thị, các Đảng ủy trực thuộc, các ngành tư pháp. Các đơn vị, cơ quan và người thi hành công vụ khi để xảy ra sai phạm phải được xử lý nghiêm minh, nhất là để xảy ra các vụ án, tội phạm về tham nhũng, buôn lậu, cờ bạc, ma túy và tiêu cực trong hoạt động kinh tế

2. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị và các ngành liên quan tổ chức tốt Hội thao quốc phòng ở các địa phương, nội dung, hình thức phải phong phú và phù hợp với tình hình thực tế. Đồng thời phải bảo đảm tiết kiệm, tránh phô trương, hình thức để thực sự là hoạt động quốc phòng toàn dân.

3. Trong tháng 8, chuẩn bị kỷ niệm ngày Quốc khánh, yêu cầu Công an tỉnh phối hợp chặt chẽ với các ngành Nội chính của tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, xây dựng chương trình phòng, chống tội phạm, phòng chống ma túy; tăng cường tấn công trấn áp các loại tội phạm hình sự, đặc biệt là tập trung giải quyết tình hình trộm cắp tài sản, tệ cờ bạc, nghiện hút và tai nạn giao thông xảy ra trên địa bàn.

4. Tăng cường công tác nắm tình hình cơ sở, nhất là diễn biến tư tưởng trong nhân dân ở những vùng có truyền đạo trái phép, vùng biên giới, cần có thái độ kiên quyết đối với các đối tượng kích động lôi kéo nhân dân theo đạo trái phép và di cư tự do. Thường xuyên quan tâm làm tốt công tác tiếp dân và giải quyết dứt điểm những vụ việc liên quan đến khiếu nại, tố cáo còn tồn đọng tránh đùn đẩy, dây dưa kéo dài như vụ Phạm Thị Yêu (Bảo Yên), vụ phá rừng để trồng hoa (Dự án 661 huyện Sa Pa), đơn thư khiếu nại của ông Hoàng Trung, và đơn thư của ông Trịnh Văn Tấn.

5. Các cơ quan trong Khối Nội chính phải đề cao trách nhiệm, tính chủ động, thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý kinh tế Cửa khẩu thị xã Lào Cai, Chi cục Quản lý thị trường để thực hiện tốt chống buôn lậu và gian lận thương mại, đặc biệt là ở Cửa khẩu quốc tế Lào Cai và hai bên “cánh gà”; về việc kinh doanh trong nội địa ở một số trung tâm huyện, thị trong tỉnh, quản lý tốt việc khai thác lâm sản theo kế hoạch được Trung ương phê duyệt.

6. Tiếp tục tổ chức tuyên truyền sâu rộng Pháp lệnh Công chức, những điều đảng viên không được làm, Pháp lệnh Phòng chống ma túy, Luật bảo vệ và phát triển rừng, Luật đất đai và thực hiện quy định về việc “Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, và sinh hoạt tín ngưỡng tại nơi thờ tự trên địa bàn tỉnh Lào Cai” do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, đánh giá chất lượng việc xây dựng tủ sách pháp luật tại các cơ sở xã, phường. Sở Tư pháp chủ trì kết hợp với các ngành được phân công đỡ đầu các xã 135, kiểm tra, giải quyết tồn đọng việc khai sinh và kết hôn chưa có đăng ký, yêu cầu đến 31-9-2002 phải hoàn thành.

7. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan trong Khối Nội chính với chính quyền cơ sở thực hiện nghiêm Quyết định số 45/QĐ-UB, ngày 8-2-2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo thi hành án dân sự, nhanh chóng xử lý các vụ án tồn đọng, nhất là các vụ án điểm (lập danh sách các vụ án điểm trong năm gửi về Thường trực Tỉnh ủy duyệt. Tiến hành sơ kết 2 năm

thực hiện Quy định số 75-QĐ/TW, ngày 25-4-2000 của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

8. Thực hiện tốt việc đánh giá bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, sắp xếp luân chuyển, tăng cường cán bộ, và thực hiện Kế hoạch số 15-KH/TU, ngày 16-5-2002 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Thừa lệnh Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy thông báo kết luận của đồng chí Nguyễn Đức Thắng, để các cơ quan biết và tổ chức thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG
PHẠM NGỌC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 65-BC/TU, ngày 13-8-2002

Tổng kết chính sách đất đai, kiến nghị về chủ trương sửa đổi Luật đất đai

Đất đai là tài nguyên vô cùng quý giá của quốc gia, việc quản lý và sử dụng đất đai hợp lý, có hiệu quả là nghĩa vụ và trách nhiệm của các cấp bộ Đảng, chính quyền và của toàn dân. Lào Cai với đặc thù là một tỉnh miền núi, đất đai rộng lớn, mật độ dân cư thấp, phân tán, đất nông nghiệp chiếm tỷ trọng nhỏ, đất chưa sử dụng chiếm phần lớn tổng diện tích tự nhiên, trình độ canh tác nông, lâm nghiệp lạc hậu. Nắm bắt được những thuận lợi và khó khăn trên, ngay từ những ngày đầu tái lập tỉnh, công tác quản lý và sử dụng đất có hiệu quả được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đặc biệt quan tâm và chỉ đạo chặt chẽ, từng bước đưa công tác này vào nền nếp đúng pháp luật.

Thực hiện Công văn số 154/CV-KTTW, ngày 29-4-2002 của Ban Kinh tế Trung ương. Để đánh giá được những kết quả đã làm được và những mặt còn hạn chế trong công tác quản lý, sử dụng đất đai, Tỉnh ủy Lào Cai xây dựng báo cáo tổng kết chính sách đất đai, kiến nghị về chủ trương sửa đổi Luật đất đai bao gồm các nội dung sau:

Phần thứ nhất
**TÌNH HÌNH CỤ THỂ HÓA CÁC CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG
VÀ PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC VỀ ĐẤT ĐAI
ĐỂ VẬN DỤNG VÀO ĐỊA PHƯƠNG**

**I. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG
CÓ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ ĐẤT ĐAI**

Lào Cai là một tỉnh miền núi vùng cao biên giới, nằm về phía Tây Bắc của đất nước, tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh là 805.708 ha, có 203km đường biên giới quốc gia với nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa. Địa hình đồi núi chia cắt phức tạp, độ dốc lớn; hơn 70% diện tích đất đai của tỉnh có độ dốc từ 250 trở lên, thuộc lưu vực đầu nguồn của 3 con sông lớn: sông Hồng, sông Chảy và sông Đà. Khí hậu tương đối khắc nghiệt, biên độ dao động lớn, mưa nắng thất thường, gây ra hiện tượng hạn hán, ngập úng, lũ quét và bào mòn giảm độ phì của đất, làm ảnh hưởng xấu đến sản xuất và đời sống của nhân dân.

Toàn tỉnh có 10 huyện, thị, 180 xã, phường, thị trấn, trong đó có 138 xã đặc biệt khó khăn. Dân số khoảng 622.000 người, gồm 27 dân tộc. Dân cư phân bố không đều, chủ yếu tập trung ở vùng đô thị, trung tâm huyện và các xã vùng thấp; các xã vùng cao mật độ dân số rất thấp, đồng bào sống rải rác ở các thôn, bản. Cơ sở hạ tầng đã được nâng cấp và phát triển, nhưng việc đi lại còn gặp nhiều khó khăn, nhất là những xã, thôn, bản vùng sâu, vùng xa. Trình độ dân trí không đồng đều và có sự chênh lệch lớn giữa các vùng, các dân tộc. Nhận thức của nhân dân về chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước nói chung và pháp luật về đất đai nói riêng còn hạn chế. Tuy những năm gần đây nền kinh tế có mức tăng trưởng cao song đời sống của một bộ phận nhân dân vùng cao chưa ổn định, tỷ lệ đói nghèo còn cao chiếm 25,77%.

Đất đai sử dụng hiệu quả chưa cao, trình độ canh tác còn lạc hậu. Đất sản xuất lúa nước ít, đất nương rẫy nhiều nhưng sử dụng chủ yếu

dưới hình thức luân canh dẫn đến tình trạng bao chiếm, bỏ hoang đất đai. Việc sử dụng đất ở đa số các xã vùng cao phần lớn theo năng lực từng hộ gia đình

Từ các điều kiện về tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh Lào Cai cho thấy việc tổ chức thực hiện các chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước nói chung và pháp luật về đất đai nói riêng trên địa bàn của địa phương còn gặp khó khăn.

II. VIỆC CỤ THỂ HÓA CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG VÀ PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC VỀ ĐẤT ĐAI ĐỂ VẬN DỤNG PHÙ HỢP VỚI TÌNH HÌNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG

1. Sự lãnh đạo chỉ đạo của Tỉnh ủy đối với công tác quản lý sử dụng đất đai

Ngay từ những ngày đầu tái lập tỉnh, Tỉnh ủy Lào Cai đã có chủ trương tập trung chỉ đạo khai thác có hiệu quả quỹ đất của tỉnh, xây dựng chiến lược phát triển, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội gắn với an ninh quốc phòng giai đoạn 1996 - 2010; đẩy mạnh khai hoang đất đai để sử dụng vào các mục đích nông, lâm nghiệp, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, áp dụng kỹ thuật thâm canh tăng năng suất cây trồng, nâng cao giá trị và hiệu quả sử dụng đất, đẩy mạnh công tác giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quan tâm kiện toàn tổ chức bộ máy ngành Địa chính của tỉnh.

2. Việc cụ thể hóa chính sách, pháp luật đất đai để thực hiện ở địa phương

Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã cụ thể hóa chính sách của Đảng và pháp luật về đất đai của Nhà nước thông qua các văn bản pháp quy do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành như:

2.1. Về quản lý sử dụng đất đô thị

Ban hành 6 văn bản để tổ chức quản lý đất đô thị: Quyết định số 01/QL-XDCB, ngày 2-10-1991 quy định tạm thời về công tác quản lý

đô thị thị xã Lào Cai, quy định một số vấn đề về quy hoạch, cấp đất là cơ sở đặc biệt quan trọng trong việc quản lý đất đai của tỉnh; các quy định về quản lý sử dụng đất đô thị của tỉnh có vai trò đưa công tác quản lý sử dụng đất đô thị vào nền nếp, góp phần ổn định xã hội.

2.2. Về quản lý sử dụng đất nông, lâm nghiệp

Ban hành các quy định nhằm tổ chức tốt các quy định của Nhà nước về giao đất nông, lâm nghiệp trên địa bàn, phù hợp với tình hình sử dụng đất của từng địa phương trong tỉnh. Việc để lại quỹ đất nông nghiệp cho nhu cầu công ích của xã được quy định cụ thể cho từng xã, công tác giao đất nông, lâm nghiệp của tỉnh đã cơ bản hoàn thành, góp phần ổn định xã hội nông thôn.

2.3. Về thu tiền sử dụng đất

Căn cứ các quy định của Chính phủ và điều kiện cụ thể của địa phương, đã ban hành 8 văn bản quy định về giá đất và thu tiền sử dụng đất.

- Giá đất đã xác định cụ thể cho từng lô đất theo từng hạng đô thị, từng loại đường, theo từng thời kỳ của quá trình phát triển, tạo thuận lợi cho công tác tính giá trị đất khi thu tiền sử dụng đất, bảo đảm công bằng, dân chủ và được nhân dân chấp hành tốt.

- Việc thu tiền sử dụng đất cũng được quy định cụ thể cho từng đối tượng. Có chính sách ưu tiên, miễn giảm cho số cán bộ lên công tác tại Lào Cai trước 1-10-1994, các đối tượng hồi cư, các đối tượng thuộc chính sách xã hội.

2.4. Về đền bù giải phóng mặt bằng

Đã ban hành 3 văn bản về công tác giải phóng đền bù, các quy định về đền bù giải phóng mặt bằng chi tiết cụ thể về: Đối tượng, nguyên tắc, điều kiện, cách tính đền bù thiệt hại và chính sách hỗ trợ để ổn định sản xuất, đời sống cho những người có đất bị thu hồi và chính sách khuyến khích thường đối với các hộ thực hiện tốt việc di chuyển trước thời gian quy định. Nhờ vậy, đã khuyến khích được ý thức tự giác chấp hành của người dân, rất ít số vụ phải thi hành cưỡng chế.

Các văn bản đã được ban hành kịp thời, quy định cụ thể, dễ vận dụng và phù hợp với điều kiện của địa phương. Trong quá trình tổ chức thực hiện, đã được bổ sung sửa đổi cho phù hợp, góp phần quyết định đến việc thực hiện thắng lợi và hiệu quả các chính sách và pháp luật về đất đai, tạo ra quan hệ xã hội lành mạnh trong lĩnh vực đất đai, thúc đẩy nền kinh tế phát triển và ổn định chính trị xã hội.

Phần thứ hai

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHÁP LUẬT ĐẤT ĐAI VÀ CÁC CHÍNH SÁCH VỀ ĐẤT ĐAI, NHỮNG VẤN ĐỀ BỨC XÚC VỀ ĐẤT ĐAI NGUYÊN NHÂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

I. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG QUỸ ĐẤT CỦA ĐỊA PHƯƠNG

1. Tình hình sử dụng quỹ đất đai của địa phương nói chung và đối với từng loại đất (theo số liệu thống kê ngày 1-10-2001)

Tổng diện tích đất tự nhiên: 805.708 ha, 100%.

- Đã đưa vào sử dụng: 382.894 ha, chiếm 47,5%

- Chưa đưa vào sử dụng: 422.815 ha, chiếm 52,5%.

Diện tích đất đã sử dụng bao gồm:

- Đất nông nghiệp: 92.501 ha chiếm 24,2% diện tích đang sử dụng

- Đất lâm nghiệp: 274.767 ha chiếm 71,8% diện tích đang sử dụng

- Đất chuyên dùng: 12.400 ha chiếm 3,2% diện tích đang sử dụng

- Đất ở: 3.226 ha chiếm 0,8% diện tích đang sử dụng

So với năm 1995, quỹ đất đai đưa vào sử dụng năm 2001 tăng 95.613 ha, trong đó đất nông nghiệp tăng 16.169 ha; đất lâm nghiệp có rừng tăng 76.120 ha; đất ở tăng 640 ha; đất chuyên dùng tăng 641 ha

+ Đất nông nghiệp đưa vào sử dụng 92.501 ha, có 20.453 ha lúa nước; 32.518 ha nương rẫy; 10.243 ha đất trồng cây lâu năm và 29.287 ha đất nông nghiệp khác. Thực hiện chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây trồng, áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, các vùng thâm canh lúa, sản xuất ngô, đậu tương hàng hóa, vùng cây ăn quả,

vùng trồng cây thuốc là và một số cây trồng khác có năng suất cao bước đầu đã được hình thành.

+ Đất lâm nghiệp: Diện tích đất có rừng 274.766 ha, bằng 34,1% diện tích tự nhiên, tăng 76.120 ha rừng so với năm 1995, diện tích đất chưa sử dụng quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp là 269216 ha. Công tác bảo vệ và phát triển rừng được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo, từng bước xã hội hóa nghề rừng. Các dự án phát triển lâm nghiệp, các mô hình kinh tế trang trại hoạt động tích cực góp phần tăng độ che phủ của rừng lên 2%/ năm, như Nghị quyết 13/NQ-TU của Tỉnh ủy đã đề ra.

+ Đất chuyên dùng: Trong những năm gần đây tốc độ đô thị hóa cao, hệ thống hạ tầng cơ sở ở khu vực nông thôn được chú trọng đầu tư, do đó diện tích đất sử dụng cho mục đích chuyên dùng tăng 641 ha. Quỹ đất chuyên dùng được sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, đáp ứng nhu cầu của quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

+ Đất ở: Quỹ đất ở khu vực đô thị và nông thôn cũng được mở rộng theo xu thế phát triển chung, bảo đảm nhu cầu về đất ở cho nhân dân.

+ Đất chưa sử dụng: Diện tích đất chưa sử dụng 422.814 ha, trong đó diện tích núi đá và sông suối là 45.330 ha. Đất chưa sử dụng đã từng bước được chú trọng khai thác và đưa vào sử dụng, vì vậy diện tích đất chưa sử dụng giảm nhiều trong những năm gần đây, đã có 211.290 ha được giao cho các đối tượng để sử dụng vào mục đích sản xuất nông, lâm nghiệp theo quy hoạch, đạt 50% so với tổng diện tích đất chưa sử dụng.

Một số tồn tại trong việc sử dụng quỹ đất của tỉnh:

Trong thời gian qua, mặc dù quỹ đất của tỉnh đã được đưa vào sử dụng có hiệu quả hơn so với trước đây, nhưng trong quá trình sử dụng còn một số tồn tại, cụ thể là:

+ Đất nông nghiệp: Tuy đã đưa được 92.501ha đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, nhưng diện tích đất sản xuất ổn định (lúa nước) còn thấp chỉ chiếm 22% diện tích đất nông nghiệp; đất nương rẫy còn nhiều (32.518 ha) chiếm 35% diện tích đất nông nghiệp. Quỹ đất nông nghiệp phân tán, manh mún và phân bố không

đều giữa các vùng. Tập quán canh tác lạc hậu, còn du canh, đầu tư ít đất đai bị nghèo dinh dưỡng, giá trị sử dụng đất thấp.

+ Đất lâm nghiệp: Việc quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp còn gặp nhiều khó khăn, nhất là diện tích đất trống quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp còn bị xâm canh trái phép.

+ Đất chưa sử dụng: Diện tích đất chưa sử dụng còn nhiều, chiếm 52,5% tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh. Đến nay tuy đã giao trên 50% diện tích đất chưa sử dụng, song người dân đưa vào sử dụng đúng mục đích với tỷ lệ thấp.

2. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến những tồn tại trong sử dụng quỹ đất

2.1. Nguyên nhân khách quan

Do địa hình đồi núi chia cắt phức tạp độ dốc lớn, dân cư phân bố không đều, đất trống xen lẫn núi đá nên khả năng sử dụng đất vào phát triển sản xuất với quy mô lớn khó thực hiện, cộng với khí hậu khắc nghiệt nên khó xác định được cơ cấu loài cây trồng, vật nuôi phù hợp cho từng vùng

2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Diện tích canh tác ổn định tính theo đầu người rất thấp, không đủ để sản xuất lương thực; vì vậy việc phát nương làm rẫy, du canh để bù đắp phần lương thực thiếu hụt là nguyên nhân cơ bản tạo ra quỹ đất trống, đồi trọc như ngày nay. Bên cạnh đó, người dân chưa có được phương thức canh tác bền vững trên đất dốc, thiếu đầu tư nên quỹ đất sản xuất nông nghiệp không ổn định.

- Chưa có được sự phân định cụ thể trên thực tế giữa quỹ đất dành cho mục đích sản xuất nông nghiệp với quỹ đất lâm nghiệp, dẫn đến tình trạng phát nương làm rẫy trên quỹ đất lâm nghiệp.

- Quỹ đất chưa sử dụng còn lớn, nhưng tập trung chủ yếu ở các xã vùng cao, vùng sâu, vùng xa, nơi mà thu nhập của đại bộ phận nhân dân còn rất thấp, người dân không có khả năng đầu tư trên diện tích được giao.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ ĐẤT ĐAI VÀ CÁC CHÍNH SÁCH VỀ ĐẤT ĐAI

1. Đánh giá về việc ban hành các văn bản pháp luật để thực hiện Luật đất đai và các chính sách về đất đai

- Việc thể chế hóa các chính sách đất đai của Đảng.

Trên tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, các chính sách về đất đai của Đảng đã được thể chế hóa kịp thời bằng các văn bản pháp luật. Luật đất đai năm 1988 được ban hành, đến nay đã qua 3 lần sửa đổi, bổ sung. Bên cạnh đó Chính phủ, các bộ và các địa phương đã có những văn bản pháp quy nhằm thể chế hóa Luật đất đai để tổ chức thực hiện ở địa phương, thể hiện được vai trò quản lý, điều hành của một Nhà nước pháp quyền đối với đất đai, tạo cơ sở pháp lý cho quan hệ về đất đai, góp phần khai thác hiệu quả và phát huy được tiềm năng đất đai.

- Việc cụ thể hóa chính sách và pháp luật về đất đai để áp dụng thực hiện ở địa phương:

Trên cơ sở chính sách về đất đai của Đảng và pháp luật đất đai của Nhà nước. Hệ thống các quy định của tỉnh về đất đai đã được ban hành được các cấp, các ngành tổ chức thực hiện có hiệu quả. Trong quá trình tổ chức thực hiện, các quy định của tỉnh về đất đai cũng được sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quá trình phát triển kinh tế, dân sinh trên địa bàn, thúc đẩy sự phát triển của các thành phần kinh tế trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Tuy nhiên, việc ban hành các văn bản pháp luật về đất đai của Nhà nước còn chậm, chưa đồng bộ, tính thống nhất chưa cao, có chỗ còn chồng chéo, mâu thuẫn; một số nội dung chưa cụ thể, khó vận dụng vào thực tiễn ở địa phương. Việc cụ thể hóa pháp luật đất đai để thực hiện ở địa phương nhiều khi còn chưa kịp thời làm ảnh hưởng đến việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý về đất đai.

2. Đánh giá việc xây dựng hồ sơ tài liệu để quản lý đất đai

- Công tác điều tra khảo sát: Hằng năm công tác thống kê đất đai đã được thực hiện từ cấp xã đến huyện và tỉnh, mỗi năm đều xây dựng được bộ tài liệu, số liệu thống kê về đất đai ở các cấp và báo cáo Tổng cục Địa chính. Các đợt tổng kiểm kê đất đai, xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất định kỳ của các cấp và điều tra quỹ đất theo các chương trình của Trung ương và tỉnh được tổ chức thực hiện nghiêm túc và đạt kết quả theo yêu cầu đề ra.

- Công tác đánh giá và phân hạng đất đã được thực hiện từ nhiều năm trước đây nhưng các năm qua chưa có điều kiện đánh giá bổ sung, chủ yếu tập trung vào công tác định giá đất.

- Công tác đo đạc lập bản đồ địa chính: Tính đến hết năm 2001, đã có 38 xã, phường, thị trấn được lập bản đồ địa chính, với diện tích 69.238 ha. Ngoài ra, đã đo đạc lập bổ sung bản đồ giải thửa đất lúa nước cho các xã chưa có với diện tích 3.179 ha.

- Công tác lập hồ sơ địa chính: Đến hết năm 2001 đã có 100% các xã, phường, thị trấn của tỉnh lập được bộ hồ sơ địa chính và được lưu tại 3 cấp: tỉnh, huyện, xã.

- Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: Đến hết năm 2001 đã lập được quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 của cấp tỉnh và huyện Si Ma Cai. Năm 2002 triển khai lập quy hoạch sử dụng đất cho 3 huyện: Bảo Yên, Bảo Thắng và Sa Pa. Quy hoạch sử dụng đất cấp xã tuy chưa thực hiện được nhưng Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo thực hiện công tác rà soát quy hoạch đất lâm nghiệp phân theo ba loại rừng và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội từng xã làm cơ sở để xây dựng phương án giao đất. Kết quả 100% xã, phường, thị trấn có phương án rà soát quy hoạch sử dụng đất.

Công tác lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm và xây dựng các hồ sơ tài liệu được thực hiện thường xuyên, đáp ứng được yêu cầu về công tác quản lý nhà nước về đất đai.

Tuy nhiên, do còn nhiều hạn chế về tài liệu bản đồ, thời gian, kinh phí và trình độ cán bộ (nhất là cấp xã)... nên hồ sơ tài liệu được

xây dựng chưa thực sự bảo đảm tính khoa học, độ chính xác chưa cao. Công tác lập quy hoạch sử dụng đất của cấp tỉnh, cấp huyện triển khai chưa kịp thời; việc rà soát quy hoạch sử dụng đất ở cấp xã có tính khả thi chưa cao, chưa có sự gắn kết chặt chẽ với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và tỉnh; công tác xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm còn mang nặng tính hình thức, chưa sát với thực tế.

3. Đánh giá tình hình thực hiện pháp luật và chính sách đất đai

3.1. Đánh giá tình hình giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà (gắn liền với đất), chuyển quyền sử dụng đất, thu hồi đất

Trong những năm gần đây, công tác quản lý đất đai của tỉnh Lào Cai đã đạt được kết quả nhất định. Tính đến ngày 31-12-2001 đã giao, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được 464.847 ha chiếm 57,6% diện tích đất tự nhiên, trong đó:

- Đất nông nghiệp: Đã giao, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 111.486 hộ và 48 tổ chức với 72.748 ha, đạt 80% so với mục tiêu cần phải giao.

- Đất lâm nghiệp: Đã giao, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 60.017 hộ và 15 tổ chức với diện tích 376.536 ha, đạt 85% so với diện tích đất quy hoạch cho lâm nghiệp đến năm 2010.

- Đất đô thị và đất nhà ở: Đã giao 3.225,5 ha, trong đó đất ở đô thị đã giao 509,5 ha (đã giao sử dụng), riêng đất ở trong vùng quy hoạch đô thị đã cấp được 5.893 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đất ở nông thôn: 2.716 ha (đã giao sử dụng).

- Đất xây dựng đô thị và cơ sở hạ tầng: Tổng số có 6.099 ha đã được giao cho các đối tượng là chủ đầu tư để xây dựng công trình cơ sở hạ tầng.

- Đất chuyên dùng cho sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: Đã có 1.597 tổ chức được giao đất, thuê đất với diện tích 2.574 ha.

- Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng an ninh tổng số giao

1.591 ha cho các đơn vị quản lý sử dụng theo quy hoạch của Chính phủ và được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Những khu vực không thực sự cần thiết đã được bàn giao lại cho địa phương quản lý.

- Đất danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử văn hóa: đã giao 500 ha chủ yếu là đất danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử văn hóa.

- Đất thăm dò, khai thác khoáng sản, sản xuất nguyên vật liệu xây dựng đã giao, cho thuê sử dụng 1.572 ha.

- Đất khu vực biên giới: Sau năm 1979, dọc theo biên giới Việt - Trung đã thiết lập vành đai trắng. Khi quan hệ giữa hai nước được bình thường hóa, tỉnh đã tổ chức cho nhân dân trở lại sinh sống, sản xuất trên vùng đất giáp biên. Quỹ đất đã được đưa vào sử dụng, tạo ổn định trên khu vực vùng biên giữa hai nước.

- Đất cho các tổ chức tôn giáo: Quỹ đất do các tổ chức tôn giáo đang sử dụng chiếm diện tích nhỏ 1,6 ha.

Công tác giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cho thuê đất đều được thực hiện nghiêm túc theo pháp luật đất đai của Nhà nước và những văn bản hướng dẫn của các cấp, các ngành có liên quan. Đối tượng, khối lượng được giao trên cơ sở các luận chứng kinh tế - xã hội của đơn vị, cá nhân đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hiện trạng quỹ đất đai và có kế thừa thành quả giao đất trước đây theo Nghị định số 02/NĐ-CP, 64/NĐ-CP và 163/NĐ-CP của Chính phủ. Các đơn vị, cá nhân được giao đất yên tâm sản xuất, mạnh dạn đầu tư nâng cao hiệu quả sử dụng đất, nâng cao thu nhập, cải thiện được cuộc sống.

3.2. Đánh giá tình hình thực hiện pháp luật về đất đai

Trong thời gian qua pháp luật về đất đai đã được triển khai cơ bản kịp thời trên địa bàn của tỉnh. Việc giao đất, cho thuê đất được thực hiện trên cơ sở quy hoạch kế hoạch sử dụng đất của tỉnh, nhu cầu thực tế của người sử dụng và điều kiện cụ thể của từng địa phương. Đến nay hầu hết các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất trên địa bàn của tỉnh đã có thủ tục hợp pháp về quyền sử dụng đất,

bảo đảm sử dụng đất ổn định lâu dài. Tuy nhiên trong quá trình tổ chức thực hiện còn một số tồn tại, như: không ít đối tượng sử dụng đất chưa có ý thức chấp hành pháp luật về đất đai, việc bao chiếm đất thông qua hình thức luân canh, mua bán nhà ở; chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất không thông qua Nhà nước, hiện tượng lấn chiếm đất đai còn diễn ra ở cơ sở, việc đền bù giải phóng mặt bằng còn chậm và gặp nhiều khó khăn, trở ngại.

- Về thực hiện cho thuê đất, giao đất có thu tiền và không thu tiền sử dụng đất:

Công tác cho thuê đất và giao đất trên địa bàn của tỉnh đã được thực hiện nghiêm túc, đúng đối tượng, đúng hạn mức, thời gian cho thuê không quá 50 năm. Tiền thuê đất được xác định theo khung giá các loại đất của tỉnh và theo mục đích sử dụng, được miễn tiền thuê đất theo quy định.

Các đối tượng được giao đất không thu tiền sử dụng đất bao gồm các cơ quan hành chính sự nghiệp, các tổ chức sử dụng đất để xây dựng cơ sở hạ tầng và công trình công cộng; hộ gia đình, cá nhân được giao đất để sản xuất nông lâm nghiệp.

Các đối tượng được giao đất có thu tiền sử dụng đất chủ yếu là các hộ gia đình, cá nhân được giao đất làm nhà ở. Có áp dụng chế độ miễn giảm tiền sử dụng đất cho các đối tượng là cán bộ công chức, viên chức lên công tác tại Lào Cai trước 1-10-1994 và các đối tượng chính sách. Tuy nhiên, việc cho thuê đất, giao đất thời gian qua còn mang nặng cơ chế xin cho, đất đai sử dụng thiếu hiệu quả, một số đối tượng lợi dụng để làm giàu bất chính. Nguyên nhân chủ yếu do giá đất không được điều chỉnh kịp thời cho sát với giá thị trường (giá đất theo quy định của Nhà nước thấp hơn nhiều so với giá thị trường).

- Việc thực hiện các quyền của người sử dụng đất.

Quyền của người sử dụng đất được quy định trong Luật đất đai, Bộ Luật dân sự và đã được cụ thể hóa trong các quy định của tỉnh (Quyết định số 1135/QĐ-UB, ngày 18-8-1995). Việc cho phép thực hiện các quyền của người sử dụng đất được quản lý chặt chẽ theo

quy định của pháp luật và thuận lợi cho người sử dụng. Các trường hợp chuyển quyền sử dụng đất, thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tập trung chủ yếu ở khu vực đô thị. Đến nay đã làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho 631 trường hợp.

- Về nghĩa vụ của người sử dụng đất:

Người sử dụng đất được Nhà nước bảo đảm thực hiện quyền sử dụng đất do vậy họ cũng phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người sử dụng đất như các điều khoản quy định trong Luật đất đai. Tuy nhiên, trong thực tế việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất trái pháp luật vẫn xảy ra, các cơ quan chức năng không kiểm soát được dẫn đến tình trạng một số người sử dụng đất không thực hiện các nghĩa vụ của mình.

- Việc bảo vệ đất nông nghiệp, đất có rừng và chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp:

Do đặc điểm là tỉnh miền núi, đất nông nghiệp nhất là đất lúa nước rất ít nên tỉnh đã xác định việc bảo vệ đất ruộng nước và mở mang thêm diện tích (khai hoang) là hết sức cần thiết. Năm 1995 đất lúa nước có 16.799,38 ha, năm 2001 tăng lên 20.453,64 ha, (tăng 3.654,26 ha). Bên cạnh đó tỉnh có chủ trương hạn chế đến mức thấp nhất việc chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp.

Đất lâm nghiệp có rừng: Thực hiện tốt Luật bảo vệ và phát triển rừng, từng bước xã hội hóa nghề rừng. Khuyến khích nhân dân trồng rừng và bảo vệ rừng tự nhiên, tăng cường việc khoanh nuôi tái sinh rừng, trồng rừng bằng nhiều hình thức.

Do quá trình đô thị hóa phát triển mạnh mẽ, nên trong thời gian qua đã chuyển 907 ha đất nông, lâm nghiệp sang sử dụng vào mục đích khác.

- Vấn đề tập trung tích tụ đất nông nghiệp, lâm nghiệp:

Đối với đất nông, lâm nghiệp: Hiện tượng mua bán đất nông nghiệp nhằm mục đích tích tụ đất ít xảy ra, chưa xuất hiện hiện tượng tích tụ đất lâm nghiệp.

- Vấn đề nông dân không có đất:

Đến nay hầu hết các hộ nông dân trên địa bàn tỉnh Lào Cai đều

được giao đất để sản xuất nông, lâm nghiệp và đất ở theo các quy định của Chính phủ, không có hộ nào không có đất sản xuất. Tuy nhiên, do điều kiện của từng địa phương nên có sự chênh lệch nhất định về diện tích đất được giao giữa các hộ.

- Vấn đề đất cho đồng bào dân tộc:

Tỉnh Lào Cai có 27 dân tộc anh em cùng chung sống, vấn đề đất cho đồng bào dân tộc đã được tỉnh hết sức quan tâm. Việc giao đất cho đồng bào theo tinh thần tôn trọng hiện trạng sử dụng từ trước đến nay, hạn chế điều chỉnh diện tích đất đai giữa các hộ và chỉ điều chỉnh khi có sự đồng tình của người dân.

Từ thực tế về diện tích đất canh tác hạn hẹp, tỉnh đã có những chủ trương vận động nhân dân định canh định cư, đầu tư khai hoang, thâm canh trên diện tích ruộng nước, hướng dẫn người dân sản xuất trên đất nương rẫy cố định, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, không phát nương làm rẫy. Giao đất lâm nghiệp cho các hộ quản lý sử dụng để trồng và phục hồi rừng. Bên cạnh đó xây dựng đề án quy hoạch sắp xếp bố trí lại dân cư ở các xã vùng cao, biên giới, các xã đặc biệt khó khăn nhằm bảo đảm sự phân bố dân cho hợp lý, các hộ đều có đủ quỹ đất canh tác.

- Vấn đề mở rộng diện tích quỹ đất đai, tăng độ phì của đất:

Từ năm 1995 đến nay quỹ đất nông, lâm nghiệp đã tăng đáng kể, các biện pháp cải tạo làm tăng độ phì của đất được người sử dụng đất chú trọng áp dụng ngày càng nhiều, các vùng thâm canh cây lúa, cây công nghiệp đã hình thành và phát triển ổn định.

- Vấn đề bảo vệ môi trường trong sử dụng đất:

Nhận thức được tầm quan trọng của việc sử dụng với công tác bảo vệ môi trường, nên trong các phương án quy hoạch phát triển đô thị, xây dựng cơ sở hạ tầng, sản xuất kinh doanh phi nông, lâm nghiệp đều có các quy định về bảo vệ môi trường và dành quỹ đất nhất định để trồng cây xanh, xây dựng các công viên, hồ du lịch...

- Vấn đề đền bù giải phóng mặt bằng:

Trên cơ sở các quy định của Chính phủ về đền bù, giải phóng mặt bằng, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các quy định để áp dụng giá

đền bù cho sát thực tế tại địa phương, những khó khăn, vướng mắc đã được giải quyết kịp thời và đúng chế độ chính sách. Tuy nhiên, để thực hiện tốt hơn nữa công tác giải phóng, đền bù, Chính phủ cần điều chỉnh kịp thời khung giá các loại đất cho phù hợp với xu hướng biến động về giá đất trên thị trường để địa phương có cơ sở áp dụng.

- Vấn đề thanh tra, xử lý các vi phạm trong sử dụng đất:

Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai thường xuyên chỉ đạo các cấp, các ngành chức năng tiến hành thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chính sách pháp luật đất đai trên địa bàn tỉnh. Từ khi tái lập tỉnh đến nay đã tiến hành trên 30 cuộc thanh tra, kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng đất, kiến nghị thu hồi 14.280 m² đất nông nghiệp, 4.932 m² đất đô thị, xử phạt hành chính 31,1 triệu đồng, kiến nghị truy thu tiền sử dụng đất 13.929.000 đồng, đình chỉ nhiều cơ sở sử dụng đất để sản xuất vật liệu xây dựng trái phép. Đã kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm minh những trường hợp vi phạm nghiêm trọng, hạn chế được các vi phạm mới nảy.

- Vấn đề giải quyết các tranh chấp khiếu kiện về đất đai:

Trong những năm qua, đặc biệt là từ khi Nhà nước ban hành Luật khiếu nại, tố cáo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tăng cường chỉ đạo việc tiếp dân để giải quyết kịp thời các khiếu kiện, tranh chấp đất đai. Từ năm 1992 đến nay, các cấp, các ngành trong tỉnh đã tiếp nhận 2.885 đơn liên quan đến đất đai phải thụ lý giải quyết tỷ lệ giải quyết đơn đạt 83%.

Hàng năm, tỉnh đều tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ giải quyết khiếu nại tố cáo tranh chấp đất đai cho cán bộ chính quyền cơ sở. Vì vậy những vụ việc khiếu nại tố cáo, tranh chấp đất đai đã được giải quyết ngay từ cơ sở, giảm bớt tình trạng đơn thư vượt cấp tràn lan. Tuy vậy vẫn còn một số vụ việc giải quyết còn kéo dài, không triệt để nên vẫn còn tình trạng tái khiếu.

- Việc giải quyết các tồn đọng quá khứ về nhà đất:

Đất đai đã được đưa vào sử dụng từ lâu, nhưng chính sách và pháp luật về đất đai chỉ mới được ban hành hơn 10 năm nay, nên

không thể tránh khỏi có những quy định không phù hợp với thực tế. Đất ở trong đô thị được mua đi bán lại qua nhiều chủ, cấp sai thẩm quyền, vi phạm quy hoạch. Đến nay các trường hợp vướng mắc đã cơ bản được giải quyết xử lý đúng pháp luật, không còn tồn tại lớn.

- Vấn đề thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn ngân hàng:

Trong thời gian qua, các chính sách về vay vốn ngân hàng thông qua việc thế chấp quyền sử dụng đất đã được tổ chức thực hiện nghiêm túc trên địa bàn của tỉnh. Hai ngân hàng thương mại cấp tỉnh (Ngân hàng Đầu tư và Phát triển, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) đã cho vay bằng hình thức thế chấp quyền sử dụng đất, góp phần tạo thêm việc làm và phát triển dân sinh, kinh tế ổn định và nâng cao thu nhập. Tuy vậy còn bộc lộ những tồn tại:

+ Giá đất dùng để thế chấp còn thấp so với giá thị trường nên đã giảm khả năng vay vốn của người sử dụng đất. Quy định về thời gian đã nộp tiền thuê đất, giá trị thế chấp quyền sử dụng đất và thế chấp tài sản trên đất thuê chưa cụ rõ ràng.

+ Quan hệ giữa tài sản thế chấp và quyền sử dụng đất chưa được quy định rõ ràng trong việc xem xét cho thế chấp và phát mại tài sản.

- Các chính sách tài chính về đất của Chính phủ đã được cụ thể hóa, có điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với điều kiện của địa phương. Nhìn chung việc thực hiện các chính sách tài chính về đất ở địa phương cơ bản là tốt. Tuy nhiên Nhà nước cần sớm ban hành chính sách về đất đai trong cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước làm cơ sở để địa phương áp dụng thực hiện.

- Về việc hình thành và hoạt động của thị trường quyền sử dụng đất:

Chuyển quyền sử dụng đất đã được tổ chức thực hiện trên địa bàn của tỉnh, nhưng tập trung chủ yếu ở khu vực đô thị. Thị trường quyền sử dụng đất đã hình thành, nhưng mức độ hoạt động rất đơn giản thuần túy, chỉ ở quan hệ hai đối tượng (chuyển và nhận) chưa xuất hiện các đối tượng trung gian.

4. Tình hình tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về đất đai ở địa phương

Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về đất đai ở địa phương từ năm 1991 (từ khi tái lập tỉnh) đến nay đã có ba lần thay đổi:

Từ năm 1991 đến tháng 8-1994: Có Ban Quản lý đất đai với biên chế cấp tỉnh 4 người, cấp huyện có bộ phận 1 - 2 người, cấp xã hầu như không có cán bộ địa chính. Nhiệm vụ chủ yếu là quản lý đất đai khu vực nông thôn. Với biên chế ít, bộ máy không hoàn chỉnh cả về lượng và chất nên hầu hết các công việc về quản lý đất đai không được tổ chức triển khai, hoặc có triển khai thì hiệu quả không cao.

Từ tháng 8-1994 đến 1-4-2002: ở cấp tỉnh thành lập Sở Địa chính, với biên chế 30 người, có 5 phòng ban; cấp huyện có Phòng Địa chính, biên chế từ 5 - 7 người; cấp xã có một cán bộ địa chính xã. Nhiệm vụ của ngành là thực hiện chức năng tham mưu giúp các cấp chính quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai và đo đạc bản đồ. Ngoài ra ở cấp tỉnh còn có 2 đơn vị sự nghiệp: Trung tâm Đo đạc và Quy hoạch đất đai (biên chế 40 người), Trung tâm Lưu trữ thông tin địa chính (biên chế 7 người). Thời gian này nhờ có bộ máy hoàn chỉnh ở ba cấp tỉnh - huyện - xã nên các nội dung về quản lý đất đai theo luật định được triển khai đồng bộ đạt hiệu quả cao. Tuy nhiên do ngành mới thành lập, trình độ cán bộ còn bất cập, thiếu kinh nghiệm công tác nên một số công việc cấp tỉnh phải làm thay cấp huyện, cấp huyện phải làm thay cấp xã. Cán bộ cấp xã tuy có nhưng do trình độ văn hóa thấp, không ổn định nên dù có đào tạo nghiệp vụ nhưng khó có thể đảm đương được nhiệm vụ.

Từ tháng 4-2002 đến nay, ở cấp tỉnh, cấp xã vẫn giữ nguyên về tổ chức và biên chế như trước, cấp huyện có thay đổi Phòng Địa chính sáp nhập vào Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (riêng thị xã Lào Cai sáp nhập vào Phòng Quản lý đô thị), biên chế từ 2 - 3 người. Với sự thay đổi này về tổ chức của ngành Địa chính ở địa phương và sự tăng thẩm quyền trong quản lý đất đai cho cấp huyện, cấp xã cùng với việc quản lý sử dụng đất đai ở cơ sở ngày càng phức tạp thì khả

năng tổ chức thực hiện công tác quản lý sử dụng đất đai ở cấp huyện và cấp xã là hết sức khó khăn, nhất là đối với cấp xã.

5. Vai trò của các cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng và các đoàn thể nhân dân ở địa phương trong thực hiện chính sách pháp luật đất đai

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, các chính sách pháp luật về đất đai của Nhà nước đã được cụ thể hóa để áp dụng ở địa phương, công tác quản lý đất đai đang dần dần đi vào ổn định, nền nếp; các tổ chức đoàn thể có vai trò nhất định trong công tác tuyên truyền, vận động các thành viên, vận động nhân dân nghiêm túc thực hiện pháp luật đất đai. Trách nhiệm quản lý đất đai đã được phân công rõ theo quy định của pháp luật và tập trung thống nhất, trong đó Ủy ban nhân dân các cấp đóng vai trò quyết định, cơ quan Địa chính các cấp đóng vai trò tham mưu giúp Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện

Tuy nhiên, công tác quản lý nhà nước đối với đất đai còn một số hạn chế như: Công tác tuyên truyền phổ biến Luật đất đai và các chính sách đất đai đã thực hiện thường xuyên nhưng chưa sâu rộng với người dân vùng sâu vùng xa, các cán bộ tuyên truyền còn hạn chế hiểu biết tiếng các dân tộc để có thể tuyên truyền giải thích rõ cho mọi người dân vùng cao hiểu rõ. Các tổ chức đoàn thể ở cấp xã còn hạn chế nhận thức về pháp luật đất đai.

6. Những vấn đề bức xúc về đất đai hiện nay

- Đất trong hành lang giao thông (theo quy định) rất khó đưa vào quản lý, vì một số các hộ gia đình đang có nhà ở dọc theo các trục đường ít nhiều đều có vi phạm, nhiều hộ đã có nhà ở trước khi Nhà nước ban hành các quy định về hành lang an toàn giao thông. Nên đến nay các hộ này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, một số hộ tự ý làm nhà ở trong hành lang an toàn giao thông chưa được xử lý.

- Hạn mức sử dụng đất nông nghiệp ở vùng cao còn vượt quá quy định của Nhà nước (đặc biệt là đối với diện tích đất nương rẫy). Việc chuyển diện tích đất nông nghiệp vượt hạn mức sang hình thức thuê đất hầu như không thực hiện được.

- Việc thu 100% tiền sử dụng đất đối với phần diện tích vượt hạn mức đất ở trong đô thị áp dụng trong thực tế rất khó khăn, nhất là đối với các khu vực đô thị mới được quy hoạch lại hoặc được quy hoạch mới (từ xã quy hoạch thành đô thị). Nên việc hợp thức hóa quyền sử dụng đất ở trong đô thị còn chậm.

- Giá các loại đất ở đô thị theo quy định thấp so với giá đất trên thị trường, giá đền bù đất nông, lâm nghiệp chưa hợp lý gây thiệt hại cho người sử dụng đất khi bị thu hồi.

- Quy định về điều kiện chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng chưa cụ thể, chưa rõ ràng nên trong thực tế có nhiều cách vận dụng khác nhau dẫn đến khó khăn cho người sử dụng đất, sơ hở trong quản lý.

- Phần lớn diện tích đất trống, đồi trọc giao cho hộ gia đình, cá nhân nhưng chưa được đưa vào sử dụng.

- Đất giao cho các tổ chức kinh tế (nông, lâm trường), các tổ chức khác (các dự án) rộng, phân bố rải rác trên địa bàn nhiều xã, việc quản lý gặp nhiều khó khăn dẫn đến tình trạng dân xâm canh trên đất đã giao cho các tổ chức này.

- Quỹ đất nông nghiệp 5% được quy định để lại cho từng xã, nhưng có nhiều xã không có để thực hiện. Việc quản lý quỹ đất này có nhiều tồn tại.

Đất vườn tạp thường xảy ra tình trạng chuyển sang sử dụng làm đất ở do điều kiện thực tế dân cư thường ở theo dòng họ, làng bản nên khó khăn khi xây dựng khu dân cư mới.

- Hiện tượng chuyển nhượng đất khi di cư tự do, khi quay về không có đất sản xuất làm nảy sinh tranh chấp đất đai và lấn chiếm đất đai.

III. NGUYÊN NHÂN CỦA TÌNH HÌNH TRÊN

1. Những nguyên nhân khách quan

Do trình độ dân trí không đồng đều, hiểu biết về pháp luật đất đai của một bộ phận dân cư còn hạn chế, tập quán canh tác và sinh hoạt của đại bộ phận nhân dân còn lạc hậu, du canh, đất đai sử dụng manh mún, phân tán. Tài liệu phục vụ cho công tác quản lý đất đai còn thiếu, không đồng bộ và lạc hậu không đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý đất đai.

2. Nguyên nhân chủ quan về lãnh đạo, chỉ đạo

- Công tác quản lý nhà nước về đất đai còn chưa chặt chẽ trong một thời gian dài do chưa có luật (năm 1988 mới có Luật đất đai đầu tiên). Việc tổ chức tuyên truyền, thực hiện pháp luật đất đai chưa sâu rộng, chưa kịp thời. Các văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật về đất đai chậm được ban hành, không đồng bộ, thiếu cụ thể dẫn đến khó thực hiện. Chưa có sự phối hợp chặt chẽ, giữa chính sách đất đai với chính sách đầu tư cho sản xuất.

- Tổ chức ngành Địa chính ở địa phương mới thành lập nên chưa ngang tầm với nhiệm vụ được giao, thiếu về số lượng và yếu về chất lượng. Trình độ của đội ngũ cán bộ địa chính xã quá yếu không thể thực hiện được nhiệm vụ được giao.

- Việc đầu tư cho công tác quản lý đất đai còn thấp nhất là việc đầu tư cho xây dựng tài liệu hồ sơ phục vụ công tác, đào tạo cán bộ, mua sắm thiết bị...

- Công tác thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm trong việc quản lý sử dụng đất đai chưa được quan tâm đúng mức, chưa thường xuyên liên tục, xử lý chưa nghiêm minh dẫn đến việc thực hiện pháp luật ở cơ sở còn nhiều bất cập.

IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Từ thực tiễn công tác quản lý đất đai ở Lào Cai, rút ra các bài học kinh nghiệm sau đây:

- Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương và vai trò phối hợp tổ chức thực hiện của các cơ quan đoàn thể, các ban, ngành liên quan trong công tác quản lý đất đai. Đồng thời thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở và phát huy được vai trò tham gia thực hiện, kiểm tra giám sát của nhân dân sẽ làm lành mạnh hóa quan hệ đất đai ở cơ sở.

- Chú trọng quan tâm đặc biệt đến việc quản lý sử dụng đất đai bằng pháp luật, trên cơ sở pháp luật phải cụ thể, đồng bộ, kịp thời, dễ thực hiện. Bên cạnh đó tổ chức bộ máy ngành chuyên môn (Địa chính) làm tốt chức năng tham mưu cho các cấp chính quyền có đủ năng lực khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, đặc biệt là ổn định về tổ chức và nhân sự. Đồng thời có sự đầu tư thích đáng của Nhà nước cho công tác quản lý nhà nước đối với đất đai.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành của nhân dân đối với pháp luật về đất đai của Nhà nước là tiền đề đưa đất đai vào quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả.

- Tài liệu, bản đồ phục vụ công tác có độ chính xác cao, đồng bộ sẽ giúp các cấp chính quyền nắm chắc được quỹ đất đai của địa phương để từ đó mới có cơ sở đưa đất đai vào quản lý chặt chẽ.

- Giao đất, cho thuê đất ngoài việc căn cứ vào hạn mức đất, quỹ đất của địa phương và nhu cầu sử dụng đất cần đặc biệt chú ý đến khả năng đầu tư, tổ chức sản xuất của đối tượng được giao đất, cho thuê đất sẽ tránh được tình trạng bao chiếm đất đai, bỏ hoang đất đai và những nảy sinh tiêu cực khác.

Phần ba

KIẾN NGHỊ CHỦ TRƯỞNG SỬA ĐỔI LUẬT ĐẤT ĐAI

I. DỰ BÁO QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN VÀ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI

1. Định hướng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai đến (2010 - 2020)

Về quan điểm: Quản lý sử dụng có hiệu quả diện tích đất đang sử

dụng, khai thác thêm đất chưa sử dụng phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội. Trên cơ sở nguồn tài nguyên đất đai, hiện trạng sử dụng đất đai bố trí sử dụng phải phù hợp, đáp ứng được mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001-2005 và đến năm 2010; đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các lĩnh vực trong nền kinh tế và dân sinh.

- Khai thác tối đa quỹ đất đai có khả năng sản xuất lương thực và cây công nghiệp thực phẩm bảo đảm nguồn cung cấp lương thực, thực phẩm tại chỗ. Bố trí đủ đất cho nhu cầu sản xuất cây công nghiệp dài ngày như cây chè, cây ăn quả, cây đặc sản cây dược liệu... theo quy hoạch phát triển nông nghiệp.

- Bổ sung đất cho khoanh nuôi tái sinh rừng, trồng rừng mới kể cả rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và rừng sản xuất. Nâng tỷ lệ che phủ của rừng mỗi năm ít nhất 2%.

- Bảo đảm quỹ đất cho nhu cầu phát triển đô thị kể cả thành phố, thị xã, thị trấn, thị tứ và các trung tâm cụm xã. Đáp ứng nhu cầu đất ở cho nhân dân cả ở đô thị và nông thôn.

- Bảo đảm đất cho phát triển giao thông cả quốc lộ, tỉnh lộ; phát triển giao thông nội thị, giao thông nông thôn (cả đường đến trung tâm xã, đường liên thôn, bản) và đường đến các khu nguyên liệu tập trung...

- Giải quyết nhu cầu đất khai thác khoáng sản và các khu công nghiệp chế biến.

- Đáp ứng nhu cầu đất đai cho phát triển các khu du lịch, dịch vụ phục vụ phát triển công nghiệp và khu kinh tế cửa khẩu quốc tế.

- Đáp ứng nhu cầu về đất cho an ninh quốc phòng trên địa bàn.

- Đưa các loại đất đang sử dụng từ 45,47% năm 2000 lên 77,08% vào năm 2010 (giảm tỷ lệ đất chưa sử dụng từ 54% xuống 23%).

2. Phương án quy hoạch sử dụng đất đai đến năm 2010

Đến năm 2010, diện tích 5 loại đất chính của tỉnh Lào Cai như sau:

- Đất nông nghiệp: 131.000 ha, bằng 16,26% diện tích tự nhiên. (trong đó, đất lúa nước 21.935 ha, ngô 30.000 ha).

- Đất lâm nghiệp có rừng: 467.560 ha, bằng 58,03%.

- Đất chuyên dùng: 18.192 ha, bằng 2,26%.

- Đất ở: 4.262 ha, bằng 0,53%.

Trong đó: Đất ở đô thị: 1.195 ha, bằng 28,04% diện tích đất ở.

Đất ở nông thôn: 3.067 ha, bằng 71,96% diện tích đất ở.

- Đất chưa sử dụng: 1 84.694 ha, bằng 22,92%, trong đó sông suối núi đá còn 45.330 ha.

3. Dự báo quy hoạch sử dụng đất đai đến năm 2020

Căn cứ định hướng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và trong bối cảnh chủ động hội nhập kinh tế quốc tế có thể dự báo quy hoạch sử dụng đất đai của tỉnh đến năm 2020 như sau (phân theo 5 loại đất chính):

Tổng diện tích tự nhiên: 805.708 ha, bằng 100%.

- Đất nông nghiệp: 135.000 ha, bằng 16,75%

- Đất lâm nghiệp có rừng: 600.000 ha, bằng 74,47%

- Đất chuyên dùng: 22.500 ha, bằng 2,79%

- Đất ở: 5.200 ha, bằng 0,65%

- Đất chưa sử dụng và sông suối, núi đá: 43.008 ha, bằng 5,34%.

II. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI CHÍNH SÁCH ĐẤT ĐAI TRONG BỐI CẢNH CHỦ ĐỘNG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Việc sử dụng đất đai phải bảo đảm an ninh lương thực vùng, quốc gia, bảo đảm được việc làm, ổn định đời sống cho người dân lao động sống nhờ vào đất.

Việc sử dụng đất vào các mục đích phải có quy hoạch, kế hoạch rõ ràng nhằm bảo đảm sử dụng đất đai tiết kiệm, hiệu quả và giải quyết được các vấn đề xã hội phát sinh.

Đất đai là một tài nguyên đặc biệt của quốc gia cần được quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả hơn nữa, nhằm tạo ra nguồn lực quan trọng góp phần vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Quan điểm chỉ đạo trong tiếp tục đổi mới chính sách đất đai:

Xác định đất đai có vị trí đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, đất đai vừa là cơ sở nền tảng để xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng, vừa là nguồn tài nguyên quý hiếm để tạo vốn xây dựng đất nước. Trong quá trình đổi mới, các chính sách đất đai cần phải được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với sự phát triển của đất nước nhưng phải bảo đảm được tính ổn định, kế thừa và mở rộng những quy định về quyền của người sử dụng đất.

(...).

Các tổ chức đoàn thể, nhân dân mà trọng tâm là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần xây dựng chương trình phối hợp với cơ quan chức năng của Nhà nước trong việc tuyên truyền phổ biến chính sách và pháp luật về đất đai cho các thành viên của mình. Tích cực phát huy vai trò giám sát việc thực hiện pháp luật ở cơ sở thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong lĩnh vực quản lý và sử dụng đất đai ở địa phương.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 378-TB/TU, ngày 16-8-2002

**Tại Hội nghị sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW,
ngày 26-5-1997 của Bộ Chính trị về tăng cường lãnh đạo
thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội**

Ngày 15-8-2002, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW, ngày 26-5-1997 của Bộ Chính trị về tăng cường lãnh đạo thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội. Hội nghị dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Đức Thăng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy; cùng dự có đồng chí Bùi Quang Vinh, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng chí Nguyễn Thành Xuyên, Phó Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Sau khi nghe Hội nghị thảo luận báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 15-CT/TW của Bộ Chính trị, ý kiến phát biểu của đồng chí Nguyễn Thành Xuyên, Phó Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam, đồng chí Nguyễn Đức Thăng kết luận:

1. Sau Hội nghị sơ kết của tỉnh, các cấp ủy đảng có kế hoạch chỉ đạo sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW, ngày 26-5-1997 của Bộ Chính trị về tăng cường lãnh đạo thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội, bám sát vào 7 nhiệm vụ đã nêu trong báo cáo sơ kết của tỉnh, dựa vào tình hình thực tế của từng địa phương, đánh giá thực chất kết quả thực hiện Chỉ thị 15 và Công văn số 64-CV/TU, ngày 3-7-1997

của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường lãnh đạo thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội phù hợp với địa bàn, lĩnh vực lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng. Nhiệm vụ tuyên truyền phổ biến chủ trương và các văn bản quy phạm pháp luật phải chuyển tải tới người lao động và chủ sử dụng lao động. Đồng thời phải tập trung chỉ đạo phương án tổ chức sắp xếp lại sản xuất, kinh doanh, tạo công ăn việc làm, nâng cao đời sống, tạo thu nhập ổn định cho người lao động. Đây chính là cơ sở mang tính bền vững để thực hiện chính sách về bảo hiểm xã hội. Thời gian sơ kết xong trong tháng 10-2002.

2. Phải thực hiện có hiệu quả kế hoạch thu, chi bảo hiểm xã hội theo phương châm kịp thời, chính xác, an toàn, tận tay và tránh hiện tượng tiêu cực. Chú ý chuyển mạnh thu, chi sang khu vực ngoài quốc doanh, đây là khu vực chưa thực hiện tốt chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động.

3. Cần tập trung và làm tốt công tác thanh tra, kiểm tra, bảo đảm thực hiện nghiêm túc các chế độ bảo hiểm xã hội, không để tình trạng khiếu kiện tồn đọng, kéo dài, các cơ quan chuyên môn trong lĩnh vực này phải chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy về tình trạng khiếu kiện, tố cáo tồn đọng, kéo dài

4. Các ngành tổng hợp như Sở Kế hoạch và Đầu tư; Bảo hiểm xã hội tỉnh; Cục Thuế tỉnh; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai; Thanh tra nhà nước; Liên đoàn Lao động tỉnh; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Ban Tổ chức chính quyền; Sở Văn hóa - Thông tin - Thể thao... xây dựng kế hoạch kiểm tra, trong đó có nội dung về việc thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội, nêu cao vai trò của các đoàn thể, tổ chức đảng trong các cơ quan, xí nghiệp, doanh nghiệp, nhất là khu vực ngoài quốc doanh.

Giao cho Sở Kế hoạch và Đầu tư và Bảo hiểm xã hội tỉnh đồng chủ trì xây dựng kế hoạch kiểm tra trình Thường trực Tỉnh ủy phê duyệt và tổ chức thực hiện. Năm 2002, tập trung kiểm tra ở một số điểm, sau khi rút kinh nghiệm sẽ nhân rộng trong toàn tỉnh ở các năm tiếp theo.

5. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng tổng hợp đầy đủ ý kiến vướng mắc, kiến nghị về công tác bảo hiểm xã hội để tổng hợp báo cáo Tỉnh ủy trong tháng 10-2002. Trong quá trình tổng hợp về chính sách, cơ chế bảo hiểm xã hội cần bám sát đường lối của Đảng về phát triển nền kinh tế nhiều thành phần (6 thành phần); bám sát các nghị quyết của Trung ương, chỉ thị nhằm cụ thể hóa đường lối của Đảng; bám sát chủ trương hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế và chủ trương cải cách nền hành chính Nhà nước ta để Tỉnh ủy có ý kiến chỉ đạo và có chủ trương hoặc kiến nghị với Trung ương trong việc hoàn thiện chính sách về bảo hiểm xã hội cho các đối tượng trong thời kỳ mới.

6. Bảo hiểm xã hội là một chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta, thể hiện tính ưu việt và nhân văn của chế độ ta, cho nên việc thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động là một trong các tiêu chí bắt buộc trong hệ thống chính trị trong việc đánh giá, phân xếp loại các danh hiệu thi đua, khen thưởng trong tất cả các cấp, các ngành, các đơn vị và cá nhân trên địa bàn tỉnh.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

NGUYỄN ĐỨC THĂNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 380-TB/TU, ngày 19-8-2002

Về kết luận của Hội nghị Ban Thường Tỉnh ủy lần thứ 29

Trong 2 ngày 15 và 16-8-2002, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai tiến hành Hội nghị lần thứ 29. Đồng chí Giàng Seo Phử, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, chủ trì Hội nghị. Sau khi nghe và thảo luận một số nội dung của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai xin ý kiến, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất kết luận như sau:

Đồng ý với đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai tại Công văn số 650/CV-UB, ngày 6-8-2002 về việc đề nghị tặng Huân chương Lao động, Cờ thi đua của Chính phủ cho các cơ quan, đơn vị sau:

1. Đề nghị Nhà nước xét tặng Huân chương Lao động hạng Nhì cho Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Lào Cai với những thành tích xuất sắc trong giai đoạn 1996 - 2002, góp phần phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội tỉnh Lào Cai.

2. Đề nghị Nhà nước xét tặng Huân chương Lao động hạng Ba cho Trường Chính trị tỉnh Lào Cai với những thành tích đạt được trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị qua 10 năm hoạt động của trường (14-10-1992 - 14-10-2002).

3. Đề nghị Chính phủ xét tặng Cờ thi đua của Chính phủ cho Trường Trung học phổ thông thị xã Lào Cai với những thành tích xuất sắc trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học 2001 - 2002.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện các trình tự, thủ tục đề nghị Nhà nước và Chính phủ xét tặng Huân chương Lao động và Cờ thi đua của Chính phủ cho các cơ quan, đơn vị trên.

Thừa lệnh Ban Thường vụ, Văn phòng Tỉnh ủy thông báo để cơ quan, đơn vị cá nhân biết và căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tổ chức thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG
PHẠM NGỌC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 67-BC/TU, ngày 20-8-2002

**Sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 151-CT/TW
của Bộ Chính trị về tăng cường lãnh đạo thực hiện
các chế độ bảo hiểm xã hội**

Phần thứ nhất **QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHỈ THỊ 15-CT/TW VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

I. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN VÀ VIỆC QUẢN TRIỆT, TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHỈ THỊ 15-CT/TW

1. Thuận lợi

Quốc hội đã ban hành Bộ luật lao động, Chính phủ có các văn bản dưới luật quy định quyền và nghĩa vụ của người lao động tham gia bảo hiểm xã hội. Hệ thống tổ chức bảo hiểm xã hội trong toàn tỉnh đã được kiện toàn và đang phát huy có hiệu quả, đội ngũ cán bộ, công nhân, viên chức làm công tác bảo hiểm xã hội sau 5 năm thực hiện nhiệm vụ đã nâng cao được trình độ nghiệp vụ chuyên môn và cơ bản đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

Việc thực hiện các chế độ chính sách bảo hiểm xã hội theo cơ chế quản lý mới như: chế độ kế toán, chế độ quản lý thu chi và xét duyệt hồ sơ hưởng bảo hiểm xã hội đã đi vào nền nếp.

Tổ chức mạng lưới thu và chi trả bảo hiểm xã hội đã được hoàn thiện từ cấp tỉnh đến tận các xã, phường, bảo đảm cho việc thực hiện chế độ chính sách bảo hiểm xã hội nhanh chóng thuận lợi.

Bảo hiểm xã hội luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền các cấp, Bảo hiểm xã hội Việt Nam và sự phối hợp của các ngành có liên quan; sự ủng hộ nhiệt tình của các cơ quan đơn vị và các chủ sử dụng lao động trên địa bàn toàn tỉnh. Người lao động đã nắm được các quy định về quyền lợi và nghĩa vụ tham gia bảo hiểm xã hội. Đó là những điều kiện cốt yếu để tạo điều kiện cho bảo hiểm xã hội hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch hàng năm.

2. Khó khăn

Trình độ của cán bộ không đồng đều, có nhiều người chưa được đào tạo cơ bản về nghiệp vụ bảo hiểm xã hội nên còn lúng túng trong thực hiện, lực lượng công nhân, viên chức làm công tác bảo hiểm xã hội đang được cử đi đào tạo và đào tạo lại dẫn đến thiếu cán bộ làm việc, ảnh hưởng tới tiến độ và chất lượng công việc được giao.

Các công ty, xí nghiệp, doanh nghiệp của Lào Cai phần lớn quy mô sản xuất, kinh doanh và khả năng cạnh tranh còn nhiều khó khăn, còn nhiều cơ sở làm ăn chưa có lãi, sản phẩm theo mùa vụ và tiêu thụ chậm, lương cho công nhân còn thấp và chưa ổn định. Một số đơn vị sản xuất kinh doanh còn làm ăn kém hiệu quả, bị thua lỗ phải giải thể không có khả năng nộp bảo hiểm xã hội.

Nhận thức của một số người lao động trong các doanh nghiệp tư nhân chưa đầy đủ hoặc do sức ép về không có việc làm nên chưa dám đấu tranh đòi hỏi quyền lợi cho bản thân mình. Còn một số ít các cơ sở đảng chưa thực sự quan tâm lãnh đạo công tác bảo hiểm xã hội thể hiện cụ thể là chủ sử dụng lao động chưa nhận thức đầy đủ trách nhiệm của mình trong việc tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động, mặt khác chưa quan tâm đến việc giải quyết chế độ chính sách bảo hiểm xã hội cho người lao động.

Việc thực hiện thu bảo hiểm xã hội đối với các doanh nghiệp ngoại

quốc doanh, các cơ sở dân lập đã được triển khai thực hiện nhưng ở các đơn vị này hầu hết là chưa có các tổ chức cơ sở đảng nên vai trò lãnh đạo của Đảng còn nhiều hạn chế. Chưa có đại diện của tổ chức công đoàn để bảo vệ quyền lợi hợp pháp chính đáng cho người lao động, do đó tỷ lệ các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và số lao động đã tham gia bảo hiểm xã hội so với tổng số đơn vị và lao động hiện đã đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh là rất nhỏ.

3. Việc phổ biến quán triệt và tổ chức thực hiện Chỉ thị 15-CT/TW

Sau khi có Chỉ thị 15-CT/TW, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã họp và xác định vai trò vị trí và tầm quan trọng của chính sách bảo hiểm xã hội trong tình hình mới, đó là một chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, góp phần bảo đảm ổn định cuộc sống cho người lao động, bảo đảm ổn định về chính trị và trật tự an toàn lao động, thúc đẩy việc phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội có nghĩa là quan tâm chăm lo đến cuộc sống con người từ lúc mang thai, sinh đẻ, khi ốm đau bệnh tật, tai nạn rủi ro cho đến khi về hưu, già cả và qua đời. Quỹ bảo hiểm xã hội được trích ra từ nguồn quỹ tiền lương của những người lao động tham gia đóng bảo hiểm xã hội và sự đóng góp của người sử dụng lao động xây dựng quỹ Nhà nước hỗ trợ một phần và được hình thành 1 quỹ độc lập, nằm trong hệ thống quỹ tiền tệ thuộc ngân sách nhà nước. Quán triệt chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy đã phổ biến, triển khai đến các Ủy viên Ban Chấp hành. Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, Tỉnh ủy Lào Cai đã có Công văn số 64-CV/TU, ngày 3-7-1997 chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương tổ chức việc quán triệt triển khai thực hiện nhiệm vụ về công tác bảo hiểm xã hội trên địa bàn, cơ quan phụ trách. Trong đó Tỉnh ủy nhấn mạnh, phát huy vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng ở cơ quan đơn vị, doanh nghiệp trong việc thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động, trọng tâm là thu nộp bảo hiểm xã hội. Hằng tháng bảo đảm thu đúng, thu đủ và kịp thời. Các

cấp ủy đảng định kỳ nghe lãnh đạo cơ quan bảo hiểm xã hội báo cáo kết quả việc thực hiện công tác bảo hiểm xã hội. Các ngành thông tin tuyên truyền, tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục cán bộ, đảng viên, nhân dân nhận thức đúng về ý nghĩa của bảo hiểm xã hội, động viên mọi người tích cực chủ động tham gia công tác bảo hiểm xã hội.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, các cấp ủy đảng trong toàn tỉnh đã có biện pháp triển khai thực hiện trong các hội nghị ban chấp hành huyện, thị ủy và các hội nghị của chi, đảng bộ cơ sở về nội dung của Chỉ thị 15-CT/TW của Bộ Chính trị và Công văn 64-CV/TU của Tỉnh ủy. Theo kết quả báo cáo, đã có 100% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành việc triển khai, học tập và thực hiện chỉ thị của Đảng về công tác

Tỉnh ủy Lào Cai đã tổ chức Hội nghị sơ kết đánh giá 1 năm thực hiện Chỉ thị 15-CT/TW trên địa bàn tỉnh Lào Cai vào tháng 1-1999. Hằng tháng, quý, năm, trong báo cáo Tỉnh ủy đều đánh giá về việc thu, chi bảo hiểm và thực hiện các chính sách xã hội.

II. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC SAU 5 NĂM THỰC HIỆN CHỈ THỊ 15-CT/TW

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, sự phối hợp chặt chẽ của Bảo hiểm xã hội tỉnh với các cấp, các ngành hữu quan, công tác bảo hiểm xã hội đã đạt được những kết quả nhất định.

1. Về công tác thu bảo hiểm xã hội

Thu bảo hiểm xã hội được xác định là nhiệm vụ trọng tâm trong hệ thống bảo hiểm xã hội, là chỉ tiêu chính để đánh giá kết quả hoạt động bảo hiểm xã hội, đồng thời là cơ sở để giải quyết tốt các chế độ chính sách cho các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội. Sau 5 năm triển khai thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị, Tỉnh ủy Lào Cai đã chỉ đạo ngành Bảo hiểm xã hội căn cứ vào quy định của Điều lệ bảo hiểm xã hội và sự chỉ đạo ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam để đôn đốc các huyện, thị, các đơn vị sử dụng lao động làm tốt công tác tuyên truyền, hướng dẫn

các đơn vị lập danh sách lao động, quỹ tiền lương đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội, đồng thời kết hợp bằng nhiều biện pháp, nhiều hình thức khác nhau như tuyên truyền, giải thích, vận động, đôn đốc, kiểm tra nhằm phấn đấu để đạt và vượt kế hoạch Trung ương giao. Thu bảo hiểm xã hội toàn tỉnh từ năm 1997 đến nay luôn hoàn thành vượt mức chỉ tiêu Bảo hiểm xã hội Việt Nam giao từ 4 đến 15%.

Nếu như năm 1995 khi mới nhận bàn giao nhiệm vụ, Bảo hiểm xã hội tỉnh Lào Cai mới quản lý 160 đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội với 20.116 lao động, thu 4 tỷ đồng thì đến năm 2001 đã có 686 đơn vị với 29.603 lao động tham gia bảo hiểm xã hội, kế hoạch thu tăng hơn 9 lần so với năm 1995. Đến tháng 6-2002 toàn tỉnh có 712 đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội với 31.018 lao động. Điều đáng quan tâm là từ năm 1998, thực hiện chủ trương của Bảo hiểm Việt Nam về mở rộng các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội đến các lao động thuộc các thành phần kinh tế, chú ý các doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

Tỉnh đã chỉ đạo tiến hành khảo sát, kiểm tra các doanh nghiệp ngoài quốc doanh (khảo sát điểm 19 doanh nghiệp, kiểm tra điểm 24 doanh nghiệp ngoài quốc doanh có vốn đầu tư lớn trong tỉnh). Năm 1998 mới có 2 doanh nghiệp tham gia bảo hiểm xã hội với 2 lao động. Xác định tầm quan trọng việc thu bảo hiểm xã hội tại khu vực này, tháng 6-1999, Bảo hiểm xã hội tỉnh đã phối hợp với các cơ quan chức năng mở hội nghị các chủ doanh nghiệp ngoài quốc doanh để tuyên truyền chế độ chính sách bảo hiểm xã hội và hướng dẫn nghiệp vụ thu, chi bảo hiểm xã hội ở các doanh nghiệp, kết quả các doanh nghiệp và người lao động tham gia bảo hiểm xã hội ở khu vực này tăng dần, đã có 6 đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội với 66 lao động trong năm 1999, đến năm 2002 đã có 38 doanh nghiệp tham gia với 778 lao động. Tuy nhiên vẫn còn thấp so với doanh nghiệp đủ điều kiện phải đóng bảo hiểm xã hội. Toàn tỉnh có 248 doanh nghiệp ngoài quốc doanh, có 109 doanh nghiệp đủ điều kiện phải đóng bảo hiểm xã hội, nhưng năm 2002 mới có 38 doanh nghiệp đóng bảo hiểm xã hội đạt 15,32% số đơn vị và 19% số lao động.

Mặt khác, việc thực hiện thu bảo hiểm xã hội đối với cán bộ xã, phường theo Nghị định số 09/1998/NĐ-CP, ngày 23-1-1998 của Chính phủ quy định về chế độ sinh hoạt phí đối với cán bộ xã, phường, thị trấn cũng được triển khai từ quý IV năm 1998, đến nay đã có 180/180 xã, phường của toàn tỉnh đã thực hiện thu nộp bảo hiểm xã hội, tổng số 3.109 lao động tham gia. Công tác thu bảo hiểm xã hội đối với các cơ sở công lập, tư thực đã được triển khai và thực hiện nghiêm túc kịp thời, năm 2001 đã có 3 đơn vị công lập, 34 lao động tham gia bảo hiểm xã hội.

2. Công tác chi trả bảo hiểm xã hội

Tỉnh đã chỉ đạo ngành bảo hiểm xã hội tổ chức giải quyết tốt công tác chi trả các chế độ chính sách cho đối tượng hưởng bảo hiểm xã hội và người lao động được kịp thời, bảo đảm chính xác, thực hiện chính sách theo yêu cầu chỉ đạo của Trung ương. Tổ chức tốt việc kiểm tra rà soát, điều chỉnh lại mức hưởng, lên danh sách chi trả theo từng loại đối tượng, từng tổ xã, phường và đại lý chi trả.

Chỉ đạo hệ thống bảo hiểm xã hội từ tỉnh đến cơ sở thực hiện tốt công tác chi trả, với số tiền chi bình quân hàng tháng gần 4 tỷ đồng cho trên 15.300 đối tượng hưởng bảo hiểm xã hội, trong đó có chế độ ốm đau thai sản. Tổ chức chi trả đến tận cơ sở với phương châm tăng dần việc chi trả trực tiếp, giảm dần các hình thức chi trả qua đại lý. Đến nay đã có 70% số đối tượng chính sách được nhận tiền trực tiếp do cơ quan bảo hiểm xã hội chi trả. Việc chi trả cho các đối tượng chính sách được bảo đảm an toàn, kịp thời đúng, đủ và trao tận tay do đó đã động viên kịp thời và kích thích mọi người trong việc tham gia bảo hiểm xã hội. Chế độ quản lý thu, chi tài chính ngày càng được thực hiện an toàn và chặt chẽ hơn. Đây là thể hiện sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác bảo hiểm xã hội, góp phần nâng cao sức khỏe và tạo sự phấn khởi tin tưởng trong cán bộ, công nhân, viên chức.

Việc thanh toán chi trả 2 chế độ ốm đau và thai sản cho người lao động ở các đơn vị sử dụng lao động luôn được bảo hiểm xã hội thanh

toán kịp thời đúng chế độ, mức thanh toán 2 chế độ này hàng năm là từ 7-10% so với tổng số thu bảo hiểm xã hội, các đơn vị có mức thanh toán 2 chế độ cao tập trung là ở các đơn vị sản xuất kinh doanh.

3. Công tác cấp sổ bảo hiểm xã hội

Việc cấp sổ bảo hiểm xã hội cho người lao động tham bảo hiểm xã hội đã được thực hiện tốt.

Có sự phối hợp giữa cơ quan quản lý với chủ sử dụng lao động và người lao động thực hiện đúng các bước quy định. Trong năm qua, toàn tỉnh đã cấp được 29.036 sổ bảo hiểm xã hội cho người lao động, trong đó có 2.769 sổ cho cán bộ xã, phường. Việc cấp sổ bảo hiểm xã hội cũng được tiến hành tại các doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Đến hết năm 2001, đã cấp sổ bảo hiểm xã hội cho 17 doanh nghiệp ngoài quốc doanh, với 463 sổ. Với những kết quả đó bảo hiểm xã hội tỉnh được Bảo hiểm xã hội Việt Nam đánh giá là một trong những tỉnh hoàn thành sớm có chất lượng về công tác cấp sổ bảo hiểm xã hội trong cả nước.

4. Công tác xét duyệt chế độ chính sách bảo hiểm xã hội

Được xác định đây là đầu vào hết sức quan trọng, liên quan trực tiếp tới người tham gia bảo hiểm xã hội. Nếu để sai sót sẽ gây hậu quả rất nghiêm trọng, liên quan trực tiếp đến quyền lợi của người lao động và làm ảnh hưởng đến uy tín rất lớn của tỉnh. Do vậy Tỉnh ủy đã chỉ đạo Bảo hiểm xã hội đã tập trung đầu tư công sức, bố trí cử cán bộ có trình độ, có phẩm chất đạo đức tốt, có kinh nghiệm để làm công tác này. Những năm qua đã xét duyệt các chế độ chính sách về bảo hiểm xã hội được bảo đảm chính xác, đúng người, đúng chế độ, không để xảy ra sai sót, thực hiện công tác cải cách về thủ tục xét duyệt hồ sơ tạo điều kiện thuận lợi, không gây phiền hà cho đối tượng, đồng thời giải quyết tốt những chế độ chính sách cho các đối tượng tồn đọng trong những năm trước. Áp dụng công nghệ thông tin trong sắp xếp hồ sơ đối tượng hưởng chính sách.

Quy trình thủ tục giải quyết chế độ chính sách cho người lao động thường xuyên được đổi mới, cải tiến cho phù hợp, đã thực hiện việc giải quyết hồ sơ từng bước theo qui trình một cửa.

5. Công tác kiểm tra, tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo

Chỉ đạo tốt việc kiểm tra thực hiện chế độ cho người lao động theo kế hoạch định kỳ và thường xuyên để kịp thời phát hiện, uốn nắn những sai sót, bổ sung và từng bước hoàn thiện phương pháp chỉ đạo thực hiện, nhằm thực hiện tốt những quy định về quản lý quỹ bảo hiểm xã hội và các chính sách bảo hiểm xã hội trên địa bàn toàn tỉnh.

Tổ chức tốt công tác tiếp dân và giải quyết kịp thời các đơn thư khiếu nại, tố cáo của nhân dân, phối hợp tốt với các cấp, các ngành có liên quan trong việc giải quyết những đơn thư, không để tình trạng đơn thư tồn đọng hoặc đơn thư khiếu kiện vượt cấp. Giải quyết đơn thư đều đúng chế độ chính sách, pháp luật của Nhà nước quy định. Số đơn thư khiếu nại tố cáo thuộc lĩnh vực chế độ chính sách, Bảo hiểm xã hội tỉnh đã tiếp nhận và giải quyết từ các năm 1998 đến nay là 78 đơn, chỉ tính riêng năm 2001 và 6 tháng đầu năm 2002 là 29 đơn. Các đơn thư chủ yếu tập chung vào việc khiếu nại về chế độ chính sách, Bảo hiểm xã hội tỉnh đã trả lời đầy đủ 100% số đơn thư tiếp nhận.

6. Công tác thông tin tuyên truyền

Công tác thông tin tuyên truyền đã được tăng cường đẩy mạnh, các cấp, các ngành, đặc biệt là cơ quan thông tin đại chúng, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh và Đài truyền thanh ở các huyện, thị xã đã quan tâm đến việc thông tin tuyên truyền về Chỉ thị 15-CT/TW, Bộ Luật lao động và các chế độ chính sách bảo hiểm xã hội, quyền và nghĩa vụ của người lao động tham gia bảo hiểm xã hội nhằm nâng cao trình độ của toàn dân nói chung, của cán bộ, đảng viên nói riêng nhận thức đúng hơn về bảo hiểm xã hội. Bảo hiểm xã hội đã có nhiều hình thức nội dung tuyên truyền phong phú cụ thể thiết thực như:

Sáng tác các ca khúc về ngành để tham gia các hội diễn, tổ chức hội thi cán bộ chính sách, cán bộ kế toán giỏi, tổ chức hội thi nữ tài năng duyên dáng, xây dựng các phóng sự về ngành, phát hành các tờ rơi tuyên truyền về chế độ chính sách và các hoạt động của ngành để tuyên truyền đến toàn thể nhân dân. Từ đó đã nâng cao được ý thức trách nhiệm, nhận thức mới trong công tác bảo hiểm xã hội, đồng thời động viên mọi người tích cực chủ động tham gia công tác bảo hiểm xã hội trong đó Liên đoàn Lao động tỉnh có nhiều cố gắng trong công tác tuyên truyền, vận động giáo dục công nhân và người lao động trong việc thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quan tâm chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

7. Vai trò của tổ chức đảng ở đơn vị trong lãnh đạo thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động

Tổ chức đảng các cấp đã phát huy được vai trò lãnh đạo, chỉ đạo địa phương, đơn vị chỉ đạo doanh nghiệp trong việc thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động.

Thường xuyên định kỳ nghe ý kiến của cơ sở trong việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội cho người lao động tại đơn vị, nhất là việc thu nộp bảo hiểm xã hội, thanh toán chế độ cho người lao động, những thuận lợi khó khăn trong công tác thu nộp để có biện pháp chỉ đạo kịp thời.

Các cấp ủy luôn xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của mình, chủ động đề ra chương trình kế hoạch, biện pháp tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao, chỉ đạo sự phối kết hợp với các cơ quan, các ngành hữu quan và các đơn vị sử dụng lao động để thực hiện ngày càng tốt hơn về chế độ chính sách bảo hiểm xã hội cho người lao động.

8. Về việc kiện toàn bộ máy tổ chức

Được thành lập năm 1995 với 65 cán bộ, 4 phòng chức năng nghiệp vụ, 10 bảo hiểm xã hội huyện, thị xã. Cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng là 21%, trung cấp là 65%, trình độ lý luận chưa có ai có bằng cao

cấp trở lên, cơ sở vật chất, trang thiết bị nghèo nàn. Đến nay, đã được kiện toàn: 5 phòng, 10 bảo hiểm xã hội huyện, thị xã; có 87 cán bộ, trình độ đại học (kể cả đang đào tạo) là 51,7%, trung cấp là 43,8%. Đã có 87% cán bộ biết sử dụng tin học trong công việc; về trình độ lý luận: 2,3% có trình độ cử nhân và cao cấp, 16% trình độ trung cấp, 45% trình độ sơ cấp. Cán bộ từng bước được bố trí sắp xếp phù hợp đồng đều giữa tỉnh và các huyện, thị xã, phẩm chất và năng lực của cán bộ được phát triển không ngừng, nhiều cán bộ tự nguyện tham gia trong hàng ngũ của Đảng, đến nay toàn ngành có 67% cán bộ là đảng viên, bộ máy lãnh đạo từ tỉnh đến huyện, thị xã đã được kiện toàn đang phát huy tốt hiệu quả năng lực điều hành lãnh đạo.

Về cơ sở vật chất, phương tiện làm việc đã khá đầy đủ cho công việc. Trong 5 năm qua, Bảo hiểm xã hội tỉnh luôn được tỉnh đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ và đạt được nhiều thành tích trong thi đua, khen thưởng.

III. TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại

Một số cấp ủy đảng chưa nhận thức rõ về mục đích, ý nghĩa của công tác bảo hiểm xã hội và các chức năng nhiệm vụ của bảo hiểm xã hội, quá trình triển khai Chỉ thị 15-CT/TW và Công văn 64-CV/TU chưa thực sự sâu rộng tới người lao động.

Nhận thức của một số người lao động, một số cấp, ngành về công tác bảo hiểm xã hội chưa đầy đủ, chưa hiểu được các chế độ chính sách bảo hiểm xã hội, nên việc thực hiện Chỉ thị 15-CT/TW kết quả chưa cao.

Còn một số đơn vị, cơ quan, doanh nghiệp thực hiện việc trích nộp bảo hiểm xã hội chưa kịp thời, cá biệt còn có đơn vị sản xuất kinh doanh chưa thực hiện việc tham gia đóng bảo hiểm xã hội theo đúng luật định. Việc thu nộp bảo hiểm xã hội đưa số các đơn vị sử dụng lao động đều thực hiện thu nộp theo quý, chưa thực hiện thu theo tháng

như Điều lệ Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định, nhất là đối với các đơn vị thuộc khối doanh nghiệp. Tình trạng nợ đọng kéo dài, không nộp hoặc nộp thiếu bảo hiểm xã hội, điển hình có đơn vị nợ đọng từ những năm 1999 đến nay, số tiền trên 200 triệu đồng đã làm ảnh hưởng đến việc giải quyết chế độ chính sách bảo hiểm xã hội cho người lao động trên địa bàn, ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện kế hoạch thu, chi bảo hiểm xã hội. Tồn tại này trước hết thuộc về trách nhiệm chỉ đạo của cấp ủy đảng, đặc biệt là cấp ủy cơ sở.

Việc mở rộng các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh chưa được thực hiện một cách có hiệu quả nên chưa thu hút và mở rộng được phạm vi đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội.

Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện bảo hiểm xã hội theo luật lao động chưa được thực hiện thường xuyên, sự phối hợp với các ngành còn bị hạn chế, do đó chưa tiến hành xử phạt được đơn vị nào vi phạm, chưa có các biện pháp chế tài xử phạt do vậy hiệu quả còn kém.

Có đơn vị chủ sử dụng lao động và người lao động kê khai cấp sổ không chính xác, không trung thực làm thất thoát tiền của Nhà nước.

Công tác thông tin tuyên truyền chưa sâu rộng, chưa đưa dạng về nội dung và hình thức thể hiện, nhất là việc tuyên truyền đến các đối tượng là cán bộ xã, phường, thị trấn ở vùng sâu, vùng xa, các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn..., do đó nhận thức của chủ sử dụng lao động và người lao động, của cán bộ cơ sở, về quyền và nghĩa vụ trong việc tham gia bảo hiểm xã hội chưa đồng đều. Còn nhiều doanh nghiệp tư nhân thuộc diện phải đóng bảo hiểm xã hội theo loại hình bắt buộc vẫn chưa đăng ký danh sách lao động để thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, một số doanh nghiệp tuy có tham gia bảo hiểm xã hội nhưng tham gia với tỷ lệ rất thấp so với số lao động thực có của doanh nghiệp.

2. Nguyên nhân tồn tại

Việc tổ chức quán triệt nhằm làm cho cán bộ, đảng viên và công nhân, viên chức hiểu rõ tầm quan trọng của việc thực hiện các chế độ

bảo hiểm xã hội, ở một số cơ quan, xí nghiệp, doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp ngoài quốc doanh còn hình thức. Sự lãnh đạo của cấp ủy ở những cơ sở này còn yếu, chưa thực hiện tốt sự phối hợp về cơ chế giữa Đảng lãnh đạo và Nhà nước quản lý, cho nên buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng, phó mặc cho chính quyền, thiếu kiểm tra, đôn đốc kịp thời.

Một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh sản xuất, kinh doanh kém hiệu quả, ảnh hưởng trực tiếp đến giải quyết việc làm, thu nhập của người lao động và làm ảnh hưởng đến việc thực hiện chế độ tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động. Chưa có chế tài xử phạt nghiêm khắc.

IV. CÁC KINH NGHIỆM CHỦ YẾU

1. Có sự chỉ đạo kịp thời của các cấp ủy đảng, chủ động phối hợp với tổ chức công đoàn các cấp và các ban, ngành chức năng liên quan nhằm nâng cao hiệu lực công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ chính sách bảo hiểm xã hội, đồng thời phối hợp để thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết các vấn đề nảy sinh, đơn thư khiếu nại, tố cáo kịp thời ngay từ cơ sở.

2. Phải xác định chính sách bảo hiểm xã hội là chính sách ưu việt của Đảng và Nhà nước ta nhằm phục vụ mọi người lao động tham gia và hưởng bảo hiểm xã hội. Vì vậy, cán bộ làm công tác bảo hiểm xã hội trước hết phải hiểu biết về chủ trương, đường lối, pháp luật, chế độ chính sách bảo hiểm xã hội và các chính sách xã hội khác có liên quan của Đảng và Nhà nước, đồng thời phải thường xuyên bám sát cơ sở, phải biết vận dụng linh hoạt các chế độ chính sách bảo hiểm xã hội trong từng trường hợp cụ thể, phải biết làm công tác vận động quần chúng để làm cho mọi người lao động hiểu và tự giác chấp hành các quy định của Nhà nước về chế độ chính sách bảo hiểm xã hội. Đồng thời phải tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, phẩm chất, trách nhiệm nghề nghiệp của cán bộ, công nhân, viên chức làm công tác bảo hiểm xã hội, phải xác định việc phục vụ người lao động là trên

hết, chí công vô tư, coi trọng công tác tổ chức cán bộ, chú ý đến công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ để có đủ trình độ và năng lực, phẩm chất đạo đức để hoàn thành nhiệm vụ.

3. Công tác thông tin tuyên truyền các chủ trương, đường lối, pháp luật của Đảng và Nhà nước về chính sách bảo hiểm xã hội, quyền và nghĩa vụ của người lao động tham gia bảo hiểm xã hội phải được tiến hành thường xuyên bằng nhiều biện pháp, hình thức và nội dung hết sức cụ thể làm cho các cấp, các ngành, người lao động và các chủ sử dụng lao động nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác bảo hiểm xã hội cũng như các quy định về chế độ, chính sách ưu việt của Đảng và Nhà nước.

4. Phải thực hiện nghiêm túc các chế độ chính sách bảo hiểm xã hội đối với người lao động. Lập hồ sơ gốc và bổ sung kịp thời qua từng giai đoạn. Thu bảo hiểm xã hội phải luôn đúng đủ theo đúng luật định, không được sử dụng sai nguồn thu. Chi trả bảo hiểm xã hội phải bảo đảm chi đúng, đủ, kịp thời và đến tận tay đối tượng, phải biết kết hợp các mô hình chi trả phù hợp với điều kiện của từng nơi để tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng tham gia và bảo đảm an toàn tiền mặt khi chi trả và phải tạo được mối quan hệ kiểm soát lẫn nhau giữa đơn vị sử dụng lao động, người lao động và cơ quan bảo hiểm xã hội.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHỈ THỊ 15-CT/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ TRONG THỜI GIAN TỚI

I. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ

Tiếp tục quán triệt và thực hiện công tác bảo hiểm xã hội theo nội dung chỉ đạo của Chỉ thị số 15-CT/TW, ngày 26-5-1997 của Bộ Chính trị. Đẩy mạnh và phát huy vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng ở cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong việc thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động.

Tiếp tục củng cố kiện toàn tổ chức bộ máy và tăng cường công tác cán bộ theo hướng tinh, gọn nhẹ, cán bộ vừa có năng lực chuyên môn, vừa có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp. Xây dựng quy hoạch đào tạo cán bộ tổng thể trước mắt và lâu dài để đáp ứng kịp thời yêu cầu nhiệm vụ được giao, ngang tầm với công tác bảo hiểm xã hội trong tình hình mới.

Thực hiện tốt công tác thu, chi trả bảo hiểm xã hội theo đúng chế độ, thu nộp bảo hiểm xã hội theo tháng. Giải quyết kịp thời ba chế độ ốm đau, thai sản, nghỉ dưỡng sức cho người lao động. Tiếp tục làm tốt công tác cấp sổ bảo hiểm xã hội.

Công tác kiểm tra cần thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả, có sự phối hợp với các ngành chức năng, cần tăng cường pháp chế trong thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội. Thực hiện đúng công tác tiếp dân và trả lời đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

Thực hiện tốt việc sáp nhập bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, đồng thời tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo hiểm y tế khi có nghị định mới của Chính phủ ban hành.

II. GIẢI PHÁP CỤ THỂ

Để tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt chính sách chế độ bảo hiểm xã hội theo tinh thần Chỉ thị 15-CT/TW của Bộ Chính trị về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền các cấp về thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội, Tỉnh ủy Lào Cai yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền thực hiện tốt một số công tác sau:

1. Các cấp ủy đảng, chính quyền phải xác định bảo hiểm xã hội là một công tác quan trọng cần được quan tâm chỉ đạo chặt chẽ sát sao, xây dựng chương trình nội dung cụ thể hướng dẫn thực hiện và kiểm tra đôn đốc kịp thời; cần tăng cường nâng cao nhận thức đầy đủ ý nghĩa, nghĩa vụ, trách nhiệm, quyền lợi của người sử dụng lao động và người lao động. Đồng thời phải tập trung chỉ đạo phương án

tổ chức sắp xếp lại sản xuất, kinh doanh, tạo công ăn việc làm, nâng cao đời sống, tạo thu nhập ổn định cho người lao động. Trước hết mỗi cán bộ, đảng viên phải gương mẫu thực hiện chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội.

2. Định kỳ, các cấp ủy đảng cần kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện các nội dung, Chỉ thị 15-CT/TW, nghe lãnh đạo cơ quan bảo hiểm xã hội báo cáo việc thực hiện công tác bảo hiểm xã hội để chỉ đạo kịp thời trong tình hình mới, đồng thời có chương trình kiểm tra việc thực hiện ở các tổ chức cơ sở đảng. Đợt này yêu cầu các cấp ủy đảng sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 15-CT/TW xong trước 30-10-2002.

3. Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, các cơ quan, ban, ngành phải quy định việc thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội là một trong những tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá xếp loại tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh và phân tích chất lượng đảng viên, đồng thời là tiêu chuẩn để xét thi đua của cơ quan, đơn vị và tổ chức quần chúng hằng năm.

4. Cần tăng cường đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền Bộ luật lao động, chính sách, pháp luật liên quan đến chế độ bảo hiểm xã hội của Đảng và Nhà nước dưới nhiều hình thức đến các đối tượng bảo hiểm xã hội bằng nội dung và phương pháp phù hợp với điều kiện thực tế địa phương để mọi người lao động trong mọi thành phần kinh tế nhận thức rõ và tự giác đòi hỏi quyền lợi, trách nhiệm bảo hiểm xã hội của mình. Tích cực vận động mở rộng thêm các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, liên doanh với nước ngoài và các thành phần kinh tế khác.

5. Tiếp tục cải tiến thủ tục hành chính, giải quyết đúng chế độ chính sách một cách thuận tiện, tránh phiền hà. Thực hiện nguyên tắc thu bảo hiểm xã hội, thu đúng, đủ, không sử dụng nguồn thu vào mục đích khác, chi bảo hiểm xã hội đúng, đủ, kịp thời và đến tận tay người lao động (riêng việc chi trả bảo hiểm tận tay trực tiếp ít nhất 90%).

Trong đó chú trọng việc thu nộp bảo hiểm xã hội các khu vực ngoài quốc doanh.

6. Có kế hoạch rà soát lại đội ngũ cán bộ, lập quy hoạch và có kế hoạch đào tạo sử dụng cán bộ trước mắt cũng như lâu dài về chuyên môn, nghiệp vụ cũng như trình độ lý luận và rèn luyện phẩm chất đạo đức. Thực hiện tốt việc luân chuyển đánh giá bổ nhiệm lại cán bộ quản lý cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và năng lực sở trường của từng cán bộ.

7. Tăng cường phối hợp giữa các cấp, các ngành nhằm thực hiện tốt công tác kiểm tra trong ngành cũng như các đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội. Giải quyết kịp thời, dứt điểm các đơn thư khiếu nại tố cáo ngay từ cơ sở theo đúng quy định của pháp luật, không để dây dưa, kéo dài, vượt cấp nhằm tạo niềm tin cho mọi người khi tham gia bảo hiểm xã hội, bảo vệ được quyền và nghĩa vụ hợp pháp của người lao động. Mở rộng tổ chức công đoàn đến các doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Giao cho Sở Kế hoạch và Đầu tư và Bảo hiểm xã hội tỉnh đồng chủ trì xây dựng kế hoạch kiểm tra việc thực hiện bảo hiểm xã hội của các đơn vị.

Phần thứ ba **MỘT SỐ KIẾN NGHỊ**

1. Đề nghị Quốc hội cần sớm ban hành Luật bảo hiểm xã hội.

2. Đề nghị sửa đổi Quyết định số 60/HĐBT, ngày 1-3-1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về việc sửa đổi trợ cấp đối với công nhân, viên chức nghỉ việc vì mất sức lao động và Quyết định số 91/2000-QĐ/TTg, ngày 4-8-2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc trợ cấp cho những người đã hết tuổi lao động tại thời điểm ngừng trợ cấp mất sức lao động.

3. Quy định đầy đủ và chặt chẽ chế tài xử phạt trong việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội cho cơ quan bảo hiểm xã hội đủ thẩm quyền khi phát hiện đơn vị sử dụng và người lao động vi phạm về bảo hiểm xã hội.

4. Đề nghị Trung ương có quy định cụ thể về việc đóng bảo hiểm xã hội trong khu vực kinh tế hợp tác. Sau 2 năm chỉ đạo việc thực hiện

Luật hợp tác xã cũng như hiện nay thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX), kinh tế hợp tác xã đang được củng cố và phát triển. Toàn tỉnh đến ngày 30-6-2002 đã có 101 hợp tác xã (trong đó chuyển đổi là 13 hợp tác xã, thành lập mới 88 hợp tác xã) với 13.362 xã viên và người lao động, đây là khu vực chưa thực hiện được bảo hiểm xã hội cho người lao động.

Trên đây là báo cáo đánh giá sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 15-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường lãnh đạo thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội và phương hướng chỉ đạo trong thời gian tới của cấp ủy đảng, bảo hiểm xã hội các cấp trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Tỉnh ủy yêu cầu cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong tỉnh phát huy những thành tích đã đạt được, tiếp tục chỉ đạo các chi, đảng bộ cơ quan đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh tế - xã hội của tỉnh, thực hiện thắng lợi những mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII và Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã đề ra.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 398-TB/TU, ngày 9-9-2002

**Ý kiến kết luận của đồng chí Giàng Seo Phử,
Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy tại buổi
làm việc với Ban Thường vụ Huyện ủy Than Uyên**

Ngày 4-9-2002, đồng chí Giàng Seo Phử, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Lào Cai làm việc với Ban Thường vụ Huyện ủy Than Uyên; cùng dự làm việc có đồng chí Vũ Ngọc Cừ, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Lào Cai, các đồng chí lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính - Vật giá, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông Vận tải, Y tế, Xây dựng, Giáo dục - Đào tạo.

Sau khi nghe đồng chí Nguyễn Tiến Doanh, Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Than Uyên báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị 8 tháng đầu năm 2002 và ý kiến phát biểu của các đồng chí lãnh đạo các ngành của tỉnh, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy kết luận:

Tám tháng đầu năm 2002, tình hình thời tiết không thuận lợi, nhiều nơi trên địa bàn huyện Than Uyên xảy ra lũ quét làm ảnh hưởng lớn tới sản xuất và đời sống của nhân dân về trước mắt cũng như lâu dài. Song Đảng bộ huyện đã tập trung lãnh đạo nhân dân nhanh chóng khắc phục hậu quả thiên tai ổn định đời sống, phát triển sản xuất. Thời gian qua, Đảng bộ huyện Than Uyên có nhiều đổi mới trong công tác lãnh đạo, thực hiện tốt phương châm hướng về cơ sở;

xác định được những việc trọng tâm, trọng điểm để tập trung sức thực hiện. Đến nay nhiều lĩnh vực đã có chuyển biến rõ nét, nhất là chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông - lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa. Tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được ổn định; ngăn chặn được tình trạng di dịch cư tự do, tuyên truyền đạo trái phép. Công tác tổ chức và cán bộ được củng cố và kiện toàn một bước.

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ năm 2002 tạo tiền đề cho sự phát triển trong những năm tiếp theo, Huyện ủy Than Uyên cần tập trung lãnh đạo thực hiện tốt một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Để Than Uyên phát triển mạnh trong giai đoạn tới, Đảng bộ huyện cần tiếp tục đổi mới phong cách lãnh đạo, tuyên truyền vận động nhân dân thay đổi cách nghĩ cách làm, có quyết tâm cao xây dựng huyện ngày càng phát triển về mọi mặt, khắc phục tư tưởng trông chờ ỷ lại, từng bước xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu, song phải quan tâm đến việc giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc.

- Tranh thủ tối đa sự quan tâm giúp đỡ của các cơ quan, ban, ngành của tỉnh, coi đó là nguồn lực quan trọng để phát triển. Đồng thời phải quản lý và sử dụng có hiệu hơn nữa nguồn vốn đầu tư, huy động tốt nguồn nội lực tạo sự chuyển biến mạnh mẽ.

- Huyện phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan làm tốt công tác quy hoạch tổng thể, đồng thời quản lý chặt chẽ, thực hiện đúng theo quy hoạch đã được phê duyệt, nhất là khu vực thị trấn Than Uyên, thị trấn Thân Thuộc và vùng phụ cận; xác định lại quỹ đất, bổ sung một số khu dân cư mới. Huyện phối hợp với các cơ quan có liên quan làm việc với Ban Quản lý dự án quốc lộ 32 chọn thi công khu vực thị trấn huyện trước (huyện chủ động giải phóng mặt bằng). Các công trình giao thông, thủy lợi đã đưa vào sử dụng phải phân cấp quản lý, tiếp tục huy động nhân dân tham gia làm đường giao thông, nhất là giao thông nông thôn.

- Tiếp tục chỉ đạo giữ vững phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ, từng bước nâng cao chất lượng dạy và học, làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, giảm nhanh số phòng học tạm, từng bước cải thiện nhà ở cho giáo viên.

Huyện Than Uyên phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính - Vật giá xây dựng phương án làm nhà ở cho giáo viên và xóa phòng học tạm.

Huyện Than Uyên đánh giá lại chất lượng đội ngũ cán bộ tăng cường đi cơ sở, năng động tìm ra phương pháp tổ chức quản lý cán bộ tăng cường bảo đảm hiệu quả.

Về một số đề xuất và kiến nghị của huyện Than Uyên, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy có ý kiến như sau:

1. Đối với các hạng mục công trình đã được phê duyệt như: 1,6 km đường nội thị nằm trên quốc lộ 32, công trình cấp nước sinh hoạt khu vực thị trấn Than Uyên, xây dựng Bệnh viện Trung tâm và một số tuyến đường giao thông tới trung tâm xã giao cho huyện Than Uyên khẩn trương giải phóng mặt bằng và phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính - Vật giá, Sở Giao thông - Vận tải, Sở Y tế, Sở Xây dựng căn cứ chức năng nhiệm vụ làm các thủ tục quy hoạch và đầu tư xây dựng.

2. Đồng ý cho huyện Than Uyên tiến hành khảo sát lại, lập phương án sửa chữa và nâng cấp nhà làm việc của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện. Giao cho huyện Than Uyên phối hợp với sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính - Vật giá và các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện.

3. Đồng ý với đề nghị của huyện về cơ chế đấu giá quyền sử dụng đất tại khu vực chợ cũ, khu B chợ mới và một số trục đường nội thị đã được quy hoạch.

4. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính - Vật giá, Sở Giao thông - Vận tải, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có kế hoạch bổ sung kinh phí cho huyện Than Uyên khắc phục hậu quả thiên tai bao gồm: hỗ trợ các hộ bị thiên tai, di chuyển các hộ ra khỏi vùng nguy hiểm, khai hoang phục hóa diện tích bị mất trắng hiện nay không có khả năng sản xuất, khắc phục sạt lở các tuyến đường liên xã, kè suối Nậm Bón, suối Pắc Ta, đường Hố Mít và sửa chữa một số công trình thủy lợi.

5. Nhất trí cho huyện Than Uyên được thực hiện dự án cây ăn quả công nghệ cao, dự án trồng măng tre xuất khẩu (măng Bát Độ) nhưng phải xác định vùng cho phù hợp, xây dựng nhà máy chế biến chè với quy mô vừa và nhỏ tại trung tâm thị trấn huyện (huyện chủ động tìm dây chuyền sản xuất, tỉnh sẽ có cơ chế cho vay vốn). Đồng ý giảm khoảng 2/3 kế hoạch trồng chè năm 2003 của huyện Than Uyên để tập trung chăm sóc diện tích chè đã trồng. Riêng kế hoạch trồng chè năm 2002 phải phấn đấu hoàn thành.

6. Đồng ý cho huyện Than Uyên được mua mới 1 xe ô tô con để phục vụ nhu cầu công tác. Giao Sở Tài chính - Vật giá xây dựng kế hoạch trình Thường trực Tỉnh ủy phê duyệt.

Thừa lệnh Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy thông báo để các đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ VĂN PHÒNG
PHẠM VĂN LIÊN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 399-TB/TU, ngày 9-9-2002

**Ý kiến kết luận của đồng chí Giàng Seo Phử,
Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy tại buổi
làm việc với Ban Thường vụ Huyện ủy Văn Bàn**

Ngày 6-9-2002, đồng chí Giàng Seo Phử, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Lào Cai đã làm việc với Ban Thường vụ Huyện ủy Văn Bàn; cùng dự làm việc có đồng chí Vũ Ngọc Cừ, Phó trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Lào Cai, các đồng chí lãnh đạo các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính - Vật giá, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông - Vận tải, Y tế, Xây dựng, Giáo dục - Đào tạo.

Sau khi nghe báo cáo của Ban Thường vụ Huyện ủy Văn Bàn về tình hình phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị 8 tháng đầu năm 2002 và ý kiến phát biểu của các đồng chí lãnh đạo các ngành của tỉnh, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy kết luận:

Tám tháng đầu năm 2002, mặc dù thời tiết không thuận lợi, mưa nhiều gây thiệt hại về người và của nhưng Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc huyện Văn Bàn đã có rất nhiều cố gắng vượt qua những khó khăn giành được thắng lợi đáng khích lệ. Huyện Văn Bàn đã từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng khai thác những thế mạnh của địa phương. Tỷ lệ giống mới có năng suất cao; những tiến bộ khoa học - kỹ thuật được áp dụng ngày càng có hiệu quả; các công trình thủy lợi được quan tâm xây dựng tạo điều kiện cho nông

ng nghiệp phát triển bền vững. Công tác xây dựng Đảng, đặc biệt là công tác phát triển đảng viên mới được quan tâm đúng mức.

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ của năm 2002, yêu cầu Huyện ủy Văn Bàn cần tập trung lãnh đạo thực hiện tốt một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Đối với các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2002 của huyện đã được xác định phải tập trung thực hiện tốt, những vấn đề mới phát sinh phải có tờ trình để bổ sung, bảo đảm đúng nguyên tắc, thủ tục.

- Ủy ban nhân dân huyện Văn Bàn phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khẩn trương triển khai chương trình kiên cố hóa kênh mương, trong đó cần đặc biệt quan tâm tới chất lượng công trình và có biện pháp quản lý, khai thác sau khi đưa vào sử dụng bảo đảm hiệu quả. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện kế hoạch trồng đậu tương hàng hóa và chè theo kế hoạch của năm 2002. Chú trọng khoanh nuôi, bảo vệ rừng, tổ chức tốt việc khai thác tận thu gỗ sơ mu.

- Ủy ban nhân dân huyện Văn Bàn phối hợp với Sở Giao thông - Vận tải tổ chức quản lý tốt các công trình giao thông, phải có biển báo ngăn chặn xe quá tải trọng đi vào các tuyến đường. Những công trình đang thi công cần đẩy nhanh tiến độ, nhưng phải bảo đảm chất lượng.

- Đồng ý hỗ trợ tiền phụ cấp cho lực lượng bảo vệ bãi khai thác vàng. Giao Sở Tài chính - Vật giá phối hợp với huyện Văn Bàn căn cứ tình hình cụ thể tổ chức thực hiện.

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công nghiệp và huyện Văn Bàn xây dựng phương án khai thác vàng trình cấp thẩm quyền xem xét, giải quyết. Trước khi có phương án chính thức, huyện Văn Bàn tổ chức tốt các lực lượng bảo vệ, chặn đứng tình trạng khai thác vàng trái phép.

- Sở Giáo dục và Đào tạo có kế hoạch bổ sung giáo viên cho huyện Văn Bàn đáp ứng được nhu cầu năm học 2002 - 2003. Trên cơ sở cân đối lượng giáo viên trong toàn tỉnh, nếu còn thiếu giáo viên cho phép Sở Giáo dục - Đào tạo tuyển giáo viên ở các tỉnh khác.

Đối với các phòng học, huyện tự đứng ra làm là chính và làm tờ trình tỉnh giải quyết tấm lợp. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính - Vật giá xem xét giải quyết. Để bảo đảm kịp thời cho việc học tập của học sinh huyện cần chủ động giải quyết tấm lợp trước khi được cấp kinh phí.

- Về xây dựng cơ bản: Nhất trí với đề nghị của huyện Văn Bàn xây dựng nhà cho Khối Nông nghiệp và khuyến nông bảo vệ thực vật, xây nhà cho Khối Văn hóa, tuy nhiên các công trình phải phân kỳ đầu tư cho phù hợp, có trọng tâm trọng điểm, trên cơ sở lập dự án, khảo sát lại diện tích hiện có. Giao cho huyện Văn Bàn phối hợp với Sở Xây dựng xác định lại quy hoạch thị trấn, cân đối lại quỹ đất dân cư. Đối với khu dân cư ổn định phải hợp thức hóa, quy hoạch khu dân cư mới trên trục đường 279. Tỉnh đồng ý cho chủ trương đấu giá cấp quyền sử dụng đất. Đối với các cơ quan, phải xác định được vị trí cố định.

- Về đào tạo cán bộ: Huyện làm tờ trình để Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét.

Thừa lệnh Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy thông báo để các đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**PHÓ VĂN PHÒNG
PHẠM VĂN LIÊN**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 402-TB/TU, ngày 9-9-2002

Về kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại cuộc họp ngày 8-9-2002

Ngày 8-9-2002, Thường trực Tỉnh ủy họp dưới sự chủ trì của đồng chí Giàng Seo Phử, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy; cùng dự họp có: Đồng chí Nguyễn Đức Thắng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, đồng chí Bùi Quang Vinh, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Sau khi nghe và thảo luận nội dung Công văn số 140-CV/TG, ngày 29-8-2002 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy về việc ngày thành lập Đảng bộ Văn Bàn, Thường trực Tỉnh ủy thống nhất ý kiến như sau:

- Lấy ngày 27-9-1947 là ngày thành lập Đảng bộ huyện Văn Bàn và đồng ý để Đảng bộ Văn Bàn được tổ chức kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Đảng bộ vào ngày 27-9-2002, bảo đảm thiết thực, trang trọng và tiết kiệm, thực hiện tốt công tác giáo dục truyền thống địa phương.

Thừa lệnh Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy thông báo để các cơ quan, đơn vị, cá nhân biết và tổ chức thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**PHÓ VĂN PHÒNG
PHẠM VĂN LIÊN**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 405-TB/TU, ngày 12-9-2002

Về kết luận của Thường trực Tỉnh ủy về kiểm tra toàn diện Huyện ủy Bắc Hà

Thực hiện chương trình kiểm tra toàn khóa của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có Quyết định số 252-QĐ/TU, ngày 3-5-2002 về việc kiểm tra toàn diện Huyện ủy Bắc Hà. Sau hơn 2 tháng tích cực khẩn trương làm việc, đoàn kiểm tra đã hoàn thành cuộc kiểm tra theo đúng tiến độ đề ra. Ngày 15-8-2002, đoàn kiểm tra báo cáo kết quả kiểm tra toàn diện Huyện ủy Bắc Hà với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Sau khi nghe báo cáo, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhất trí với báo cáo của đoàn và kết luận như sau:

Huyện ủy Bắc Hà đã nghiêm túc tổ chức học tập, quán triệt các Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII theo đúng Kế hoạch 01-KH/TU, ngày 3-5-2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tới cán bộ, đảng viên với tỷ lệ cao. Trong triển khai đã xây dựng chương trình hành động thực hiện nghị quyết, đề ra một số mục tiêu và các biện pháp chủ yếu để thực hiện. Các mục tiêu đã bám sát 7 chương trình trọng tâm và 27 đề án của Tỉnh ủy. Mặc dù năm 2001 là năm đầu tiên thực hiện các nghị quyết, trong đó chủ yếu công tác chuẩn bị, nhưng huyện Bắc Hà đã kịp thời xây dựng được một số đề án để thực hiện như: Đề án ứng dụng giống lúa, ngô, đậu tương cao sản trong sản xuất nông nghiệp, do đó

đưa năng suất ngô từ 19 tạ/ha lên 40 tạ/ha so với giống ngô nhân dân đang trồng, nhờ vậy sản lượng lương thực tăng 3,8%; Đề án hỗ trợ tám lợp, nước ăn cho đồng bào vùng đặc biệt khó khăn được thực hiện, đã hỗ trợ cho 287 hộ theo quy định của tỉnh; Đề án trồng chè tập trung và theo Dự án 661 và đã chuẩn bị các điều kiện để trồng chè. Việc thực hiện các đề án bước đầu có hiệu quả nên toàn huyện đã giảm được 4,3% số hộ đói nghèo đạt mục tiêu đề ra trong năm 2001. Đầu tư của Nhà nước được tăng cường về thủy lợi, giao thông, trường, lớp trong ngành giáo dục, nên các mục tiêu kinh tế - xã hội cơ bản đạt kế hoạch đề ra như việc huy động trẻ em đến trường lớp đạt tỷ lệ cao, hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ ở 21/21 xã, thị trấn. Đời sống vật chất và đời sống tinh thần của nhân dân được cải thiện là điều kiện tiền đề quan trọng cho việc xóa đói, giảm nghèo và ổn định lâu dài cho nhân dân đặc biệt chống di cư tự do và truyền đạo trái phép. Tuy nhiên Huyện ủy Bắc Hà còn một số tồn tại khuyết điểm sau đây:

1. Huyện ủy và cấp ủy các cấp cần bổ sung, sửa đổi quy chế làm việc, chương trình công tác toàn khóa cho đúng với quy định Điều lệ Đảng và phù hợp với thực tế của địa phương. Quy chế làm việc phải quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của cấp ủy, Ban Thường vụ, Thường trực và quy trình làm việc của Ban Thường vụ. Chương trình công tác toàn khóa cần bổ sung một số nội dung thuộc trách nhiệm của cấp ủy như: Mục tiêu kinh tế - xã hội hằng năm đặc biệt là thu, chi ngân sách và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; lập và quyết toán tài chính đảng, một số cấp ủy cơ sở sao chép lại quy chế làm việc của huyện, chương trình công tác toàn khóa của Huyện ủy phải xây dựng lại cho phù hợp với thực tế của địa phương. Ủy ban nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn phải sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân cho đúng với Luật tổ chức Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân. Hằng tháng Ủy ban nhân dân phải họp để đánh giá tình hình kinh tế - xã hội trong tháng để ra những biện pháp để thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội cho tháng sau hoặc thảo luận những nghị quyết chuyên đề.

2- Cấp ủy các cấp phải nghiêm túc thực hiện các quy định của Điều lệ Đảng, luật pháp của Nhà nước, các quy định của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Duy trì việc sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ, đông đảng phí theo quy định của Điều lệ Đảng. Trong lãnh đạo phải triệt để thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ. Những vấn đề lớn, quan trọng liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều lĩnh vực như: Phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, công tác tổ chức cán bộ và những chủ trương, biện pháp lớn phải được Ban Chấp hành thảo luận nghị quyết để thực hiện. Có như vậy mới động viên được sức mạnh quần chúng trong việc thực hiện các nghị quyết của Đảng.

- Hoạt động Ủy ban nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn phải theo đúng Luật tổ chức Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân. Những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân phải được các thành viên Ủy ban nhân dân thảo luận và quyết định theo đa số.

- Các cuộc họp của cấp ủy, Ban Thường vụ và các cuộc họp Ủy ban nhân dân phải có nghị quyết hoặc thông báo kết luận để các ngành, các cấp triển khai thực hiện. Kết luận trong các cuộc giao ban Thường trực Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phải có thông báo bằng văn bản gửi đến các ngành có liên quan để có cơ sở thực hiện.

3- Tiếp tục đổi mới phong cách lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, hoạt động của Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân và công tác vận động quần chúng của Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể quần chúng theo hướng gần dân, sát dân. Làm cho nhân dân hiểu rõ chủ trương, đường lối của Đảng ở địa phương, cụ thể những công việc nhân dân phải làm để vận động nhân dân tự giác thực hiện, khắc phục tư tưởng ỷ lại, trông chờ Nhà nước: Phân công nhiệm vụ các đồng chí trong cấp ủy và cán bộ các phòng, ban theo dõi giúp đỡ các xã, thôn, bản, bám sát cơ sở để giúp nhân dân trong sản xuất, xử lý kịp thời những vấn đề nảy sinh ở cơ sở như di cư tự do, truyền đạo trái phép... Có kế hoạch và biện pháp khắc phục một số chi đảng bộ nông thôn yếu kém kéo dài nhiều năm

và chưa chủ động được trong việc triển khai và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng phải tổ chức quán triệt những mục tiêu, biện pháp trong chương trình hành động của Huyện ủy đến đoàn viên, hội viên mình. Trên cơ sở đó vận động nhân dân thực hiện, tạo phong trào rộng lớn trong nhân dân để thực hiện thắng lợi các mục tiêu đề ra.

4- Ủy ban nhân dân huyện cần xây dựng đầy đủ các đề án để thực hiện chương trình hành động và các nghị quyết của Huyện ủy. Khắc phục tình trạng nghị quyết nêu chung chung, không cụ thể hóa vào thực tế ở từng địa phương, từng thời gian để thực hiện. Một số đề án đã xây dựng cần được cụ thể hơn ở các xã, thôn, bản để nhân dân biết thực hiện. Trong lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện cần chỉ đạo điểm, trên cơ sở đó nhân rộng ra toàn huyện.

5- Ban Thường vụ Huyện ủy cần khẩn trương xây dựng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ để đến năm 2005 đạt được tiêu chuẩn cán bộ ở huyện và cơ sở. Trước mắt cần lên được danh sách cán bộ dự nguồn, cần phải đào tạo để khẩn trương cho đi đào tạo. Đối với cán bộ tăng cường cho các xã cần đưa ngay vào các chức danh dự kiến để rút cán bộ sở tại cho đi học văn hóa hoặc chuyên môn. Có kế hoạch để khắc phục cán bộ một số xã khép kín trong dòng họ.

6- Giao Huyện ủy chỉ đạo Ủy ban Kiểm tra, thanh tra và các ngành chức năng kiểm tra, thanh tra kết luận một số vụ việc sau đây:

- + Làm rõ trách nhiệm của các phòng, ban chức năng về 40 kg hạt quế phát cho nhân dân nhưng không kiểm tra, hướng dẫn để hư hỏng.

- + Việc tồn đọng một số tiền trong dự án vay vốn việc làm của Huyện Đoàn thanh niên ở xã Lầu Thí Ngải.

- + Dừng tiền hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh cho nhân dân mua giống đậu tương sang giống cây ăn quả.

- + Việc trang bị tủ và sách pháp luật ở các xã, thị trấn.

Những nội dung nói trên yêu cầu Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo các ngành chức năng thực hiện và báo cáo kết quả về Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong tháng 12-2002.

Trên cơ sở kết luận này yêu cầu Huyện ủy Bắc Hà xây dựng kế hoạch khắc phục, sửa chữa khuyết điểm báo cáo về Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong tháng 12-2002. Giao cho Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy đôn đốc Huyện ủy Bắc Hà thực hiện thông báo này, đồng thời kiểm tra việc khắc phục, sửa chữa khuyết điểm vào thời gian thích hợp.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 406-TB/TU, ngày 16-9-2002

Về kết luận của Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 30

Trong hai ngày 12 và 13-9-2002, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiến hành Hội nghị lần thứ 30. Đồng chí Giàng Seo Phử, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy chủ trì Hội nghị. Sau khi nghe và thảo luận nội dung Tờ trình số 85-TT/TC, ngày 4-9-2002 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về công tác cán bộ, hội nghị thống nhất kết luận như sau:

1- Đồng chí Nguyễn Văn Dũng, Phó hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh Lào Cai được nghỉ hưu hưởng chế độ theo Nghị quyết số 16/2000/NQ-CP, ngày 18-10-2000 của Chính phủ từ ngày 1-10-2002 và được nâng bậc lương từ bậc 6/9 hệ số 4,75 lên bậc 7/9 hệ số 5,03 kể từ ngày 1-9-2002.

2- Bổ nhiệm đồng chí Phạm Ngọc Hanh, Trưởng khoa Nhà nước và Pháp luật, Trường Chính trị tỉnh Lào Cai, giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh Lào Cai.

3- Bổ nhiệm đồng chí Lê Minh Thảo, Trưởng phòng Thư ký Tòa soạn báo Lào Cai, giữ chức vụ Phó Tổng Biên tập báo Lào Cai.

4- Ban giám đốc Vườn quốc gia Hoàng Liên:

4.1. Điều động và bổ nhiệm đồng chí Nguyễn Tiến Khoát, Phó chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh Lào Cai, giữ chức vụ Giám đốc Vườn quốc gia Hoàng Liên, tỉnh Lào Cai.

4.2. Điều động và bổ nhiệm đồng chí Nguyễn Quốc Trị, Trưởng phòng Kỹ thuật Trung tâm Khuyến nông tỉnh Lào Cai, giữ chức vụ Phó Giám đốc Vườn quốc gia Hoàng Liên, tỉnh Lào Cai.

4.3. Điều động và bổ nhiệm đồng chí Nguyễn Văn Công, Hạt trưởng hạt Kiểm lâm Sa Pa, giữ chức vụ Phó Giám đốc Vườn quốc gia Hoàng Liên, tỉnh Lào Cai.

5- Điều động và bổ nhiệm đồng chí Nguyễn Việt Hùng, chuyên viên Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai, giữ chức vụ Phó Chánh Thanh tra tỉnh Lào Cai.

6- Điều chỉnh phân công Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy phụ trách Đảng bộ trực thuộc:

6.1. Đồng chí Ngô Văn Hùng, Ủy viên Ban Thường vụ, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh thôi phụ trách Đảng bộ Bộ đội Biên phòng tỉnh.

6.2. Đồng chí Nguyễn Văn Lăng, Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, phụ trách Đảng bộ Bộ đội Biên phòng tỉnh Lào Cai và Đảng bộ Công ty Apatít Việt Nam.

7- Đồng chí Hồ Tùng Sầu, Phó trưởng Ban Dân vận - Dân tộc Tỉnh ủy; hiện đang hưởng lương bậc 9/10, hệ số 3,87, mã số 1511, từ 1-10-1999; được nâng lương lên bậc 10/10, hệ số 4,06, mã số 01003, kể từ ngày 1-10-2002.

8- Chỉ định, bổ sung đồng chí Hà Huy Kiệm, Ủy viên Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tổ chức Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Văn Bàn, giữ chức Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Bàn khóa XVII (nhiệm kỳ 2000 - 2005).

Thừa lệnh Ban Thường vụ, Văn phòng Tỉnh ủy thông báo để các cơ quan, đơn vị, cá nhân căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tổ chức thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG
PHẠM NGỌC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 407-TB/TU, ngày 16-9-2002

Về kết luận của Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 30

Trong hai ngày 12 và 13-9-2002, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiến hành Hội nghị lần thứ 30. Đồng chí Giàng Seo Phử, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy chủ trì Hội nghị. Sau khi nghe và thảo luận nội dung Tờ trình số 86-TT/TC, ngày 16-8-2002 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về việc phân xếp loại các Đảng bộ huyện, thị và Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy năm 2002, hội nghị thống nhất kết luận như sau:

1. Công nhận các Đảng bộ đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh năm 2001 là các Đảng bộ sau:

- 1- Đảng bộ Quân sự tỉnh
- 2- Đảng bộ huyện Mường Khương
- 3- Đảng bộ thị xã Lào Cai
- 4- Đảng bộ Công an tỉnh
- 5- Đảng bộ Khối Dân, Chính, Đảng.

2. Công nhận các Đảng bộ đạt tiêu chuẩn khá năm 2001 là các Đảng bộ sau:

- 1- Đảng bộ huyện Si Ma Cai
- 2- Đảng bộ Bộ đội Biên phòng tỉnh
- 3- Đảng bộ huyện Bảo Thắng
- 4- Đảng bộ huyện Văn Bàn

5- Đảng bộ huyện Bảo Yên

6- Đảng bộ huyện Bát Xát

7- Đảng bộ huyện Sa Pa

8- Đảng bộ huyện Than Uyên

9- Đảng bộ huyện Bắc Hà

10- Đảng bộ Công ty Apatít Việt Nam.

Thừa lệnh Ban Thường vụ, Văn phòng Tỉnh ủy thông báo để các cơ quan, đơn vị, cá nhân căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tổ chức thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG

PHẠM NGỌC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 414-TB/TU, ngày 26-9-2002

Về kết luận của Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 30

Trong các ngày 12 và 13-9-2002, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai tiến hành Hội nghị lần thứ 30. Đồng chí Giàng Seo Phử, Ủy viên Trung ương Đảng Bí thư Tỉnh ủy chủ trì Hội nghị. Sau khi nghe Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo, hội nghị kết luận như sau:

1. Về phương án quy hoạch sử dụng đất hai bên bờ sông và xây dựng kè sông Hồng đoạn từ cầu Cốc Lếu đến cầu Phố Mới.

Để chống xói lở 2 bờ sông Hồng từ cầu Cốc Lếu đến cầu Phố Mới, phải xây dựng kè, đồng thời mở rộng quy hoạch sử dụng quỹ đất tạo cảnh quan đẹp cho đô thị và tăng nguồn thu bổ sung nguồn vốn cho đầu tư xây dựng công trình kè là hợp lý.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất chủ trương xây dựng kè và nội dung quy hoạch đất hai bên bờ sông phạm vi kè.

Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục chỉ đạo nghiên cứu hoàn chỉnh dự án, sớm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng kè và phương án tạo thêm nguồn vốn cho đầu tư bằng hình thức đấu giá cấp quyền sử dụng đất tại khu vực hai bên kè sông Hồng. Lựa chọn doanh nghiệp có năng lực để thực hiện dự án đổi đất lấy công trình, sau khi thỏa thuận với doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Ban Thường vụ, đủ điều kiện thì cho tiến hành sớm. Đồng thời công bố rộng rãi quy hoạch chi tiết được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Về các giải pháp, tiến độ xây dựng khu công nghiệp bắc phường Duyên Hải và khu đông phường Phố Mới thị xã Lào Cai (gọi tắt là khu bắc Duyên Hải và khu đông Phố Mới):

Khu bắc Duyên Hải và khu đông Phố Mới nằm trong quy hoạch xây dựng đô thị Lào Cai - Cam Đường đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết. Cả hai khu có rất nhiều ưu điểm về vị trí địa lý, thuận lợi cho việc phát triển các cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu dân cư của đô thị mới, thu hút vốn đầu tư của các thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh. Vì vậy, việc đầu tư xây dựng khu bắc Duyên Hải và khu đông Phố Mới là cần thiết và cấp bách, có ý nghĩa chiến lược lâu dài để phát triển thành phố Lào Cai.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy cơ bản thống nhất với nội dung dự án của Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo hoàn chỉnh dự án quy hoạch chi tiết, phê duyệt để triển khai thực hiện, chú ý một số nội dung sau:

- Việc đền bù giải phóng mặt bằng phải tính toán cụ thể, hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả từng dự án. Thực hiện đền bù toàn bộ diện tích dự án theo quy hoạch trước khi xây dựng.

- Thực hiện nhiều hình thức huy động vốn đầu tư để thực hiện dự án đã được phê duyệt.

- Vốn ngân sách tỉnh đầu tư kết cấu hạ tầng (đường, điện, nước, thông tin liên lạc) đến phạm vi ngoài hàng rào các cơ sở sản xuất kinh doanh.

- Ủy ban nhân dân tỉnh có thể thành lập Ban Quản lý khu công nghiệp để tổ chức thực hiện có hiệu quả đầu tư các khu công nghiệp này.

Giao cho Ủy ban nhân dân thị xã Lào Cai chịu trách nhiệm xây dựng khu tái định cư và thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, không để cho các doanh nghiệp phải thỏa thuận với người phải di chuyển.

3. Về các giải pháp và tiến độ xây dựng khu đô thị mới Lào Cai - Cam Đường thị xã Lào Cai:

Việc đầu tư xây dựng khu đô thị mới Lào Cai - Cam Đường để di chuyển các cơ quan hành chính về khu đô thị mới, thực hiện mở rộng khu kinh tế cửa khẩu và thực hiện các tiêu chí hiện chưa đủ điều kiện để đưa thị xã tỉnh lỵ trở thành đô thị loại III trong năm 2002 và thành phố Lào Cai vào năm 2005 là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ tỉnh Lào Cai giai đoạn 2000 - 2005.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo và áp dụng các hình thức huy động vốn đầu tư một cách đa dạng và linh hoạt để xây dựng khu đô thị mới, thực hiện phân kỳ đầu tư từ năm 2003, để bảo đảm tiến độ đến năm 2007, cơ bản chuyển được các cơ quan đầu mối của Đảng và Nhà nước về khu đô thị mới và thực hiện tổ chức kỷ niệm 100 năm ngày thành lập tỉnh Lào Cai tại địa điểm quảng trường lớn của tỉnh. Về tổ chức thực hiện, có thể thành lập Ban Quản lý xây dựng khu đô thị mới hoặc Ban Quản lý khu đô thị mới; xây dựng quy chế để tổ chức các cuộc thi thiết kế các công trình tại khu đô thị mới và thành lập Hội đồng xét duyệt các đồ án kiến trúc.

- Xây dựng nhằm lựa chọn những công trình kiến trúc đẹp cho thành phố tương lai bảo đảm tính hiện đại và tính dân tộc.

Sau khi quy hoạch chi tiết các khu chức năng được duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Tổng nhu cầu về vốn, phương án huy động vốn, kế hoạch và giải pháp trả nợ. Đồng ý vay vốn AFD và khuyến khích khai thác nhiều nguồn vốn cho xây dựng các công trình thuộc khu đô thị mới Lào Cai - Cam Đường.

Lập danh sách các cơ quan, đơn vị phải di chuyển từ nay đến năm 2007 để bố trí vốn đầu tư xây dựng trụ sở từ đầu năm 2003: thứ tự ưu tiên từ cơ quan Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh..., nguyên tắc hợp khối cơ bản các cơ quan theo khối chuyên môn để xây dựng nhà cao tầng và bố trí địa điểm phù hợp.

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xây dựng phương án bán các trụ sở, công trình kiến trúc, kèm theo đấu giá quyền sử dụng đất các cơ quan của tỉnh hiện nay, tạo nguồn thu cho ngân sách, thông báo rộng rãi danh mục các trụ sở sẽ bán để thu hút các đối tác cần sử dụng.

Giao Ủy ban nhân dân thị xã Lào Cai chủ trì việc giải phóng mặt bằng cho khu đô thị mới và các công trình trên địa bàn thị xã Lào Cai. Cần xây dựng khu tái định cư và giải phóng mặt bằng toàn bộ trước khi xây dựng các công trình.

4. Về thực hiện dự án xây dựng Trung tâm Thương mại Cửa khẩu quốc tế Lào Cai:

Việc đầu tư xây dựng công trình Trung tâm Thương mại Cửa khẩu quốc tế Lào Cai nhằm xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường, thu hút đầu tư, triệt để khai thác lợi thế của Cửa khẩu quốc tế Lào Cai, đây là một công trình đặc trưng cho phát triển của tỉnh Lào Cai trong thời kỳ mới. Vì vậy, tỉnh Lào Cai chủ trương quyết tâm đầu tư thực hiện dự án đồng bộ và phấn đấu hoàn thành trước năm 2006 theo phương thức xây dựng đến đâu, hoàn thiện đến đó và đưa vào khai thác, sử dụng ngay.

Thống nhất quy mô dự án đã duyệt và không phân kỳ thực hiện dự án. Đồng ý giao cho Công ty Bitís làm chủ đầu tư, giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh bàn với Công ty Bitís và Công ty Du lịch Lào Cai để lựa chọn phương thức đầu tư, quản lý, khai thác có hiệu quả công trình. Đồng ý về việc hỗ trợ Công ty Bitís theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh và hỗ trợ về vốn để Công ty Du lịch Lào Cai cùng Công ty Bitít thực hiện dự án trên và sớm tổ chức thực hiện dự án.

5. Về kế hoạch triển khai và thực hiện dự án khu thương mại Kim Thành:

Đầu tư xây dựng khu thương mại Kim Thành là cần thiết và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế thương mại, xuất, nhập khẩu của tỉnh, thu hút đầu tư trong và ngoài nước, khai thác lợi thế của khu vực kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lào Cai phục vụ cho phát triển ổn định, bền vững của thị xã Lào Cai nói riêng và tỉnh Lào Cai nói chung; tăng nguồn thu cho ngân sách của tỉnh.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đồng ý xây dựng khu thương mại Kim Thành và giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai vận dụng các chính sách tại Quyết định 53/2001-QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ vào điều kiện thực tế, để xây dựng cơ chế, chính sách, quy định quản lý khu thương mại Kim Thành cho phù hợp (trước mắt chưa đề nghị chính sách

về đất). Đặc biệt chú ý công tác quy hoạch, bố trí hệ thống giao thông, các khu chức năng để phân kỳ đầu tư phù hợp. Khẩn trương triển khai thực hiện đề án theo tiến độ kế hoạch, để sớm đưa khu thương mại Kim Thành vào khai thác sử dụng. Thống nhất đề nghị Chính phủ cho xây dựng cầu qua sông Hồng tại khu thương mại Kim Thành.

6. Về nâng cấp đường quốc lộ 70:

Tuyến đường giao thông quốc lộ 70 rất quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lào Cai và các tỉnh trong cả nước nhất là phát triển kinh tế thương mại với Trung Quốc.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy sẽ bố trí thảo luận tiếp về các biện pháp để triển khai dự án. Nhưng trước mắt, đoạn đường từ cầu Hồ Kiều II đến Bản Phiệt đã được Bộ Giao thông - Vận tải phê duyệt, thống nhất thực hiện dự án theo phương án đã được phê duyệt.

7. Về một số biện pháp quản lý, sử dụng đất giao cho các doanh nghiệp và tăng thu ngân sách nhà nước:

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đồng ý với đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao đất, thuê đất như các phương án trình và giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, chỉ đạo các ngành chức năng tính toán quy mô về diện tích, giá chuyển từ thuê đất sang cấp quyền sử dụng đất lâu dài đối với các tổ chức, doanh nghiệp đã thuê đất làm văn phòng đại diện, trụ sở, cửa hàng kinh doanh thương mại, bảo đảm không làm thiệt hại cho các tổ chức, doanh nghiệp và không thất thu cho ngân sách nhà nước. Rà soát, kiểm tra việc sử dụng đất của các tổ chức, đơn vị, cá nhân và thực hiện xử lý theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH

Số 71-BC/TU, ngày 27-9-2002

**Tổng kết cuộc kiểm tra việc lãnh đạo,
chỉ đạo giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân;
Thực hiện Quy định 551-QĐ/TW và Pháp lệnh cán bộ,
công chức về những điều đảng viên,
cán bộ, công chức không được làm**

Thực hiện Kế hoạch 01, 02-KH/TW, ngày 9-5-2002 của Ban Bí thư Trung ương về kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, thực hiện Quy định số 55-QĐ/TW, ngày 12-5-1999 (nay là Quy định số 19-QĐ/TW, ngày 3-1-2002 của Ban Chấp hành Trung ương) về Quy định 19 điều đảng viên không được làm, sau 3 tháng thực hiện theo kế hoạch của Tỉnh ủy (từ ngày 7-6 đến 15-9-2002) 15/15 Đảng bộ trực thuộc Tỉnh đã thực hiện xong. Kết quả kiểm tra như sau:

***Phần thứ nhất* TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH 01, 02-KH/TW CỦA BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG VÀ KẾ HOẠCH 15-KH/TU CỦA TỈNH ỦY LÀO CAI**

I. ĐỐI VỚI CẤP TỈNH

1. Về triển khai tổ chức thực hiện

Sau khi tiếp thu tinh thần chỉ đạo của Trung ương, Ban Thường

vụ Tỉnh ủy Lào Cai đã chỉ đạo xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện sát với tình hình thực tế của Đảng bộ (Kế hoạch số 15-KH/TU, ngày 14-6-2002).

Nội dung kế hoạch đã nêu rõ về mục đích, yêu cầu của đợt kiểm tra thực hiện Kế hoạch 01, 02 của Trung ương, thể hiện tư tưởng chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Xác định rõ nội dung và đối tượng kiểm tra. Ngoài diện kiểm tra theo kế hoạch của Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy còn chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng kiểm tra thêm diện cán bộ, công chức nhà nước thực hiện 6 việc quy định cán bộ, công chức nhà nước không được làm của Pháp lệnh cán bộ, công chức (từ Điều 15 đến Điều 20 Chương III). Trên cơ sở đó nhằm tạo ra sự chuyển biến chung trong cấp ủy, đảng viên, cán bộ công chức nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII.

- Đã thành lập Ban chỉ đạo của Tỉnh ủy với thành phần như hướng dẫn của Trung ương để giúp Ban Thường vụ chỉ đạo cuộc kiểm tra, phân công mỗi đồng chí thành viên trực tiếp chỉ đạo các Đảng bộ trực thuộc và điểm kiểm tra của tỉnh.

- Đã quyết định chỉ đạo điểm kiểm tra của tỉnh là: Đảng bộ phường Duyên Hải (thị xã Lào Cai); Chi bộ Kho bạc nhà nước tỉnh Lào Cai (thuộc Đảng bộ Khối cơ quan Dân, Chính, Đảng); Đảng bộ Công an huyện; Đảng bộ xã Minh Lương (huyện Văn Bàn); Đảng bộ xã Trịnh Tường (huyện Bát Xát) đồng thời thành lập 3 tổ kiểm tra của Tỉnh ủy trực tiếp kiểm tra các điểm nói trên...

2. Về quán triệt

- Ngày 7-6-2002, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai đã mở hội nghị cán bộ chủ chốt toàn tỉnh để quán triệt Kế hoạch kiểm tra 01, 02 Trung ương và kế hoạch tổ chức thực hiện của Tỉnh ủy, công bố Ban chỉ đạo của Tỉnh ủy (số người dự là 76 đồng chí).

- Về tài liệu phục vụ cho cuộc kiểm tra là: Kế hoạch kiểm tra 01, 02 của Trung ương; Kế hoạch 15-KH/TU; Quy chế dân chủ ở cơ sở;

Pháp lệnh cán bộ, công chức (trích 6 điều quy định từ Điều 15 - 20) Luật khiếu nại, tố cáo; Quy định 55 của Trung ương; Quy định 19 của Trung ương; Chỉ thị 09-CT/TW và các đề cương báo cáo, biểu mẫu thống kê hướng dẫn của Ban chỉ đạo Trung ương.

Tiếp đó ngày 20-6-2002 tại Hội nghị sơ kết công tác kiểm tra 6 tháng đầu năm 2002, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy đã tiếp tục triển khai tinh thần trên để Ủy ban kiểm tra các Đảng bộ trực thuộc nắm được làm tham mưu giúp cấp ủy cấp mình thực hiện tốt cuộc kiểm tra của Trung ương (có 60 đại biểu dự họp).

II. ĐỐI VỚI CÁC ĐẢNG BỘ TRỰC THUỘC TỈNH VÀ ĐIỂM KIỂM TRA CỦA TỈNH ỦY

1. Đối với các Đảng bộ trực thuộc

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, ngay sau khi tiếp thu hội nghị của tỉnh, hầu hết các Đảng bộ trực thuộc tỉnh đến ngày 15-7-2002 đã xây dựng xong kế hoạch triển khai cụ thể của Đảng bộ mình (15/15 Đảng bộ đã có kế hoạch báo cáo Ban chỉ đạo tỉnh), quyết định điểm kiểm tra và thành lập tổ kiểm tra, đồng thời đã mở hội nghị Ban chấp hành mở rộng để quán triệt Kế hoạch 01, 02 của Trung ương, Kế hoạch 15-KH/TU và kế hoạch của Đảng bộ mình. Quán triệt tinh thần cơ bản của một số văn bản của tỉnh để kiểm tra thực hiện ở cơ sở.

- Số đại biểu dự họp quán triệt là: 914 đồng chí; số điểm chỉ đạo kiểm tra của huyện, thị, Đảng bộ trực thuộc tỉnh là 54 tổ chức đảng (phần lớn mỗi đảng bộ chỉ đạo từ 2 - 4 điểm), riêng Bắc Hà chỉ đạo 9 điểm. Đã phân công các đồng chí Ban Thường vụ, cấp ủy phụ trách cơ sở trực tiếp duyệt báo cáo và chỉ đạo cơ sở (riêng Bảo Yên xây dựng lịch duyệt tại huyện).

- Về chỉ đạo: Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao trách nhiệm cho các đồng chí Bí thư, Ban Thường vụ các Đảng bộ trực thuộc chỉ đạo đảng bộ mình. Song, để giúp Ban Thường vụ chỉ đạo có 7 Đảng bộ đã lập

ban chỉ đạo của cấp mình đó là: Si Ma Cai, Bảo Thắng, Bảo Yên, Bắc Hà, Bát Xát, Công an tỉnh, Apatít...

2. Đối với tổ chức đảng cơ sở

Tổ chức đảng trong toàn tỉnh tính đến tháng 6-2002 có 15 Đảng bộ trực thuộc 569 chi, đảng bộ cơ sở với tổng số 18.828 đảng viên. Đến ngày 20-8-2002 có 100% tổ chức cơ sở đảng trong toàn tỉnh đã tổ chức quán triệt thực hiện Kế hoạch 01, 02-KH/TW và Kế hoạch 15-KH/TU của Tỉnh ủy với 17.716 đảng viên được quán triệt học tập đạt 94,09%, tổ chức cho quần chúng nhân dân học tập hơn 5.000 người tham gia (chủ yếu ở các điểm kiểm tra của tỉnh và các Đảng bộ trực thuộc).

3. Đối với điểm chỉ đạo của tỉnh

- Sau khi có quyết định của Tỉnh ủy, Ban chỉ đạo của Tỉnh ủy đã họp với các thành viên các tổ kiểm tra để quán triệt Kế hoạch 01, 02; Kế hoạch 15-KH/TU về mục đích, yêu cầu, nội dung kiểm tra cùng một số tài liệu khác. Bồi dưỡng phương pháp kiểm tra và trao đổi để thực hiện. Ba tổ kiểm tra do 2 đồng chí thành viên Ban chỉ đạo trực tiếp làm tổ trưởng, 1 đồng chí chuyên viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy làm tổ trưởng tổ số III.

- Đã chuẩn bị đủ các loại tài liệu phục vụ cho cuộc kiểm tra ở điểm. Các điểm kiểm tra đã được thông báo chuẩn bị theo quyết định của Tỉnh ủy và được tiến hành tổ chức thực hiện từ ngày 1-7 đến 4-9-2002 tổng kết xong.

- Quá trình thực hiện: Các tổ kiểm tra đã bám sát nội dung và yêu cầu kế hoạch kiểm tra của Tỉnh ủy. Các bước thực hiện đều có báo cáo với Thường trực Ban chỉ đạo tỉnh và cấp ủy các Đảng bộ: thị xã Lào Cai, Đảng ủy Khối cơ quan Dân, Chính, Đảng, Bát Xát, Văn Bàn đã cử cán bộ tham gia tổ kiểm tra cùng phối hợp thực hiện. Phương châm tự kiểm tra của cơ sở kết hợp với sự kiểm tra của tổ kiểm tra được phát huy.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ QUA ĐỢT TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH KIỂM TRA

1. Về ưu điểm

- Nhìn chung qua triển khai kế hoạch kiểm tra các cấp ủy trong toàn tỉnh từ Ban Thường vụ Tỉnh ủy đến các huyện, thị, Đảng ủy và các tổ chức cơ sở đảng đều đã làm tốt công tác chuẩn bị, tiến hành triển khai tổ chức quán triệt bảo đảm thực hiện nghiêm túc theo yêu cầu của Trung ương đề ra. Các đồng chí trong Ban chỉ đạo của tỉnh tích cực sâu sát chỉ đạo, đôn đốc các cơ sở, nhất là các điểm kiểm tra của tỉnh và các Đảng bộ được phân công chỉ đạo. Các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc đã tổ chức triển khai ở địa phương, đơn vị mình có cố gắng. Các cơ sở đã coi trọng phương châm tự kiểm tra thực hiện nghiêm túc, đảng viên được kiểm tra có bản tự kiểm điểm và thực hiện tự phê bình và phê bình thẳng thắn trong chi bộ. Qua đợt kiểm tra sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên cũng như cán bộ, công chức thực sự được củng cố và nâng lên một bước. Kịp thời chấn chỉnh các khuyết điểm, tồn tại, thấy được điểm mạnh và ưu điểm của mình để phát huy trong thời gian tới. Ủy ban Kiểm tra các cấp đã phối hợp với văn phòng cấp ủy tích cực tham mưu giúp cấp ủy chuẩn bị đủ tài liệu cũng như tổ chức thực hiện đợt kiểm tra từ tỉnh đến các cơ sở có kết quả. Bảo đảm thời gian quy định, báo cáo kịp thời các bước thực hiện với cấp ủy và Ban chỉ đạo cấp trên theo quy định.

2. Về khuyết điểm

Tuy vậy, cũng còn một số cấp ủy, (chủ yếu là cấp cơ sở) nhận thức chưa đầy đủ mục đích, yêu cầu và tầm quan trọng của kế hoạch kiểm tra. Do đó trong quá trình chuẩn bị thực hiện tổ chức việc quán triệt chậm, chỉ đạo còn thiếu tập trung, báo cáo liên hệ kiểm điểm còn chung chung chưa đi sâu kiểm tra đánh giá đúng thực trạng tình hình của Đảng bộ mình. Việc tổ chức học tập chưa sâu rộng, có nơi còn hình thức, việc tự kiểm tra ở một số nơi kết quả chưa cao. Ủy ban Kiểm tra

ở một số đảng bộ cơ sở còn thụ động, chưa thấy rõ trách nhiệm của mình làm tham mưu cho cấp ủy chỉ đạo thực hiện.

Một số huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc tuy không thành lập Ban chỉ đạo nhưng lại không có sự phân công cấp ủy, cán bộ theo dõi, chỉ đạo các cơ sở cụ thể, do đó thiếu sự kiểm tra, uốn nắn, đôn đốc cơ sở thực hiện kịp thời, v.v..

Phần thứ hai

KẾT QUẢ KIỂM TRA THEO TINH THẦN KẾ HOẠCH 01, 02-KH/TW VÀ KẾ HOẠCH 15 KH/TU CỦA TỈNH ỦY

I. KẾT QUẢ KIỂM TRA VIỆC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO CỦA CÔNG DÂN

1. Tình hình quán triệt các quy định của Đảng và Nhà nước về giải quyết khiếu nại, tố cáo

Qua kiểm tra thấy rằng: Nhìn chung việc quán triệt các quy định của Đảng và Nhà nước về giải quyết khiếu nại, tố cáo đến cán bộ, đảng viên và nhân dân được triển khai đầy đủ Luật khiếu nại, tố cáo số 09/1998-QH10 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 2-12-1998; Quy chế dân chủ ở cơ sở; Chỉ thị số 09-CT/TW, ngày 6-3-2002 của Ban Bí thư về tăng cường công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tỷ lệ tham gia học tập trong Đảng đạt 90% trở lên, ngoài quần chúng đạt 75% trở lên.

- Trong những năm qua các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể Hội đồng tuyên truyền pháp luật từ tỉnh đến cơ sở cơ bản làm tốt việc quán triệt, phổ biến rộng rãi cho mọi tầng lớp nhân dân học tập thực hiện, hướng dẫn và ban hành một số văn bản nhằm cụ thể hóa các chủ trương của Đảng và Nhà nước vào giải quyết thực tế tình hình khiếu nại, tố cáo ở địa phương như Chỉ thị số 05-CT/UB, ngày 21-3-2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tăng cường giải quyết khiếu nại, tố cáo. Quy định thực hiện nếp sống mới như: việc cưới, việc tang, ma chay, lễ hội

do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành. Các cơ quan, đơn vị đã có trụ sở hoặc phòng tiếp công dân, các quy định dân biết, dân bàn được phổ biến trong nhân dân thực hiện niêm yết công khai. Việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo bảo đảm đúng đường lối, chính sách và quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, hình thức xử lý, giải quyết thỏa đáng. Do đó, đơn thư tồn đọng, tái khiếu, tái tố hoặc vượt cấp năm sau giảm hơn năm trước, số tồn đọng trong đó có một số do cố tình tố hoặc đã giải quyết nhưng không chịu thừa nhận lại khiếu tiếp...

- Việc quán triệt các tài liệu và tuyên truyền đã có nhiều hình thức đa dạng, phong phú như: Qua hệ thống truyền thanh, truyền hình, báo chí, xây dựng tủ sách pháp luật (đến nay có 100% xã có tủ sách pháp luật), hình thức phổ biến, chủ yếu là truyền đạt trực tiếp. Tuy nhiên trong công tác tuyên truyền, phổ biến cũng còn những hạn chế sau:

Một là: Tuyên truyền chưa thường xuyên, đều khắp và chủ yếu đến đại diện hộ là chính, chưa đến người trong độ tuổi theo quy định.

Hai là: Do hạn chế về thời gian và kinh phí nên chỉ tổ chức học tập trung, chưa có tài liệu phát cho nhân dân nghiên cứu thực hiện.

Ba là: Đội ngũ cán bộ tuyên truyền còn hạn chế về trình độ nhất là vùng cao, vùng sâu. Do đó hiệu quả truyền đạt tuyên truyền chất lượng còn thấp chưa đáp ứng yêu cầu.

Tóm lại, qua đợt kiểm tra nhìn chung các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc và các tổ chức đảng cơ sở trong tỉnh đều tổ chức tốt việc quán triệt, học tập các tài liệu, quy định của Đảng, Nhà nước liên quan đến giải quyết khiếu nại, tố cáo. Có nhiều đơn vị làm tốt, triển khai ở nhiều hội nghị, lớp học, làm thường xuyên, tỷ lệ học tập trong Đảng và ngoài quần chúng cao như huyện Bảo thắng trên 90%, Văn Bàn 92 %, thị xã Lào Cai 89 %, Đảng ủy Khối cơ quan Dân, Chính, Đảng 98%, v.v.. Nhận thức, hiểu biết của cán bộ, đảng viên và nhân dân được nâng lên rõ nét.

- Song, bên cạnh những đảng bộ làm tốt cũng còn một số chi, đảng bộ nông thôn, cơ quan, doanh nghiệp thực hiện chưa tốt, một

số nơi làm còn qua loa, chưa thường xuyên, thiếu sơ, tổng kết rút kinh nghiệm. Nên trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo nhận thức còn hạn chế, còn lúng túng về phương pháp, về thực hiện thẩm quyền. Còn một bộ phận nhân dân trong đó có cả vùng sâu, vùng xa do trình độ dân trí thấp nên chưa hiểu và nắm bắt đầy đủ nội dung và quy định của Luật khiếu nại, tố cáo. Ngược lại, một số tuy hiểu nhưng cố tình vi phạm, lợi dụng dân chủ và sự yếu kém của một số cán bộ chuyên môn nên đã khiếu kiện không đúng quy định, thậm chí vi phạm pháp luật phải xử lý.

- Đối với 5 điểm kiểm tra của tỉnh qua kiểm tra còn tồn tại: Việc tổ chức quán triệt luật khiếu nại, tố cáo mới đến cấp xã, chưa đến các thôn, bản. Tủ sách pháp luật có sách nhưng không có tủ (xã Trịnh Tường), việc niêm yết những việc dân biết, dân bàn ở công sở chưa có (Trịnh Tường, Minh Lương, Duyên Hải, Kho bạc tỉnh) theo quy chế dân chủ. Một bộ phận nhân dân chưa nhận thức và ý thức được việc khiếu nại, tố cáo nên đã có biểu hiện khiếu kiện tập thể và vượt cấp (Duyên Hải, Minh Lương).

Nguyên nhân của những ưu, khuyết điểm và kinh nghiệm trong quán triệt tổ chức học tập:

Nguyên nhân đạt được các ưu điểm trước hết là do có sự chỉ đạo tập trung và sâu sát của các cấp ủy đảng, chính quyền, có sự chuẩn bị tài liệu cho các đợt tuyên truyền phổ biến.

- Nguyên nhân của các tồn tại, khuyết điểm về mặt khách quan do địa bàn rộng, dân trí thấp, đầu tư kinh phí cho công tác tuyên truyền, phổ biến còn hạn chế nhất là việc cấp cho dân các tài liệu chưa đáp ứng yêu cầu.

Về chủ quan một số cấp ủy, chính quyền chưa thực sự quan tâm, chỉ đạo, thiếu sâu sát kịp thời. Đội ngũ cán bộ tuyên truyền, nhất là các cơ sở trình độ, năng lực hạn chế, chưa nhiệt tình trong công việc nên hiệu quả chưa cao.

Một số kinh nghiệm trong việc quán triệt tổ chức học tập

+ Cần có sự chỉ đạo tập trung, thống nhất từ tỉnh đến cơ sở, nhất

là sự chỉ đạo của huyện, thị đến các cơ sở cần sâu sát, cụ thể, có kiểm tra đôn đốc sơ, tổng kết.

+ Thường xuyên coi trọng việc tăng cường phổ biến, tuyên truyền bằng nhiều hình thức, trong các hội nghị và các đối tượng. Chú trọng bồi dưỡng đội ngũ cán bộ tuyên truyền, nơi nào cán bộ xã, thôn, bản trình độ, năng lực hạn chế cần cử cán bộ huyện, thị xuống phổ biến trực tiếp đến tận thôn, làng, bản, xã thì mới có kết quả.

+ Phải có kinh phí đầu tư thỏa đáng cho công tác tuyên truyền, nhất là việc in ấn tài liệu cấp cho nhân dân để nghiên cứu thực hiện. Tránh tình trạng cán bộ đến đọc lướt cho xong dân không nắm bắt được vấn đề gì.

2. Kết quả kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện giải quyết khiếu nại, tố cáo

a) Thực trạng tình hình khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh trong 3 năm qua không nhiều chủ yếu là ý kiến đề nghị, kiến nghị của công dân và những khiếu nại qua xử lý vụ việc của cấp xã, của các cấp, các ngành chức năng. Song, trong từng thời gian, từng địa phương cũng có lúc còn đơn thư nổi cộm nhưng đã được các cấp ủy, chính quyền, ngành chức năng tập trung giải quyết. Tổng số đơn thư khiếu nại, tố cáo trong toàn tỉnh tính đến 6-2002 có 4.643 đơn, trong đó cấp tỉnh có 80 đơn thư. Cấp huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc tỉnh có 866 đơn thư chiếm 18,6%. Các xã, phường thị trấn có 3.136 đơn thư, chiếm 67,5%. Ban cán sự Đảng đoàn có 561 đơn thư chiếm 12,08%.

- Có 16 vụ khiếu kiện tập thể thuộc các Đảng bộ Bắc Hà: 9 đơn, Mường Khương 1 đơn 213 người ký; Văn Bàn 1 đơn; Bát Xát 4 đơn; Đảng ủy Khối các cơ quan Dân, Chính, Đảng: 1 đơn.

- Nội dung các đơn thư gửi đến các cấp trong 3 năm qua chủ yếu tập trung vào các vấn đề: tranh chấp, đền bù đất đai, xử lý hành chính và pháp luật, xây dựng cơ bản, thanh toán vốn, thực hiện chính sách xã hội, vấn đề tiêu cực tham nhũng của cán bộ, đảng viên, lợi dụng dân chủ, buôn bán ma túy, lâm sản quý...

- Việc giải quyết đơn thư tố cáo, khiếu nại trong những năm qua đã được cấp ủy, chính quyền các cấp và ngành chức năng thường xuyên quan tâm chỉ đạo xem xét, giải quyết kết luận kịp thời.

Hàng năm đều có sơ, tổng kết rút kinh nghiệm. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã xây dựng quy chế phối hợp trong giải quyết tố cáo, khiếu nại diện cán bộ do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và hướng dẫn các Đảng bộ xây dựng thực hiện. Các ngành chức năng Khối Nội chính đã có sự phối hợp thường xuyên với Ủy ban kiểm tra các cấp và các đoàn thể quần chúng. Trong chỉ đạo các cấp ủy và ngành chức năng đã luôn luôn quan tâm đến công tác giáo dục tư tưởng, tăng cường các biện pháp để hạn chế khiếu nại, tố cáo và chỉ đạo tập trung giải quyết những điểm nóng xảy ra như: tình hình đơn thư những năm qua của 15 xã ở huyện Bảo Thắng, của Xí nghiệp chè Than Uyên, chè Thanh Bình (Mường Khương)... hạn chế được đơn thư khiếu nại và vượt cấp...

Song song với việc lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết khiếu nại, tố cáo các cấp ủy, chính quyền còn chỉ đạo tăng cường thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, trong cơ quan và các doanh nghiệp. Các địa phương, cơ quan đều có phòng tiếp dân, có quy định lịch tiếp công dân hằng tuần, hằng tháng. Tăng cường chế độ trách nhiệm đối với thủ trưởng cơ quan, đơn vị, người đứng đầu địa phương trong việc giải quyết và để xảy ra khiếu kiện tố cáo...

b) Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo từ tháng 1-2000 đến 6-2002:

Từ tháng 1-2000 đến 6-2002 toàn tỉnh đã tiến hành giải quyết 4.507/4.643 đơn thư bằng 97,7%, trong đó: tố đúng 3905 đơn chiếm tỷ lệ 86,64%, tố sai 602 chiếm 13,35%, đơn thư do Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy nhận và giải quyết: 31 đơn (xong), Ủy ban nhân dân tỉnh và các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh giải quyết 49, Khối Nhà nước giải quyết như sau: Năm 2000 Thanh tra tỉnh và các ngành, các cấp đã tiếp nhận 1.299 đơn thư; trong đó khiếu nại: 1.069 đơn đề nghị, kiến nghị: 230 đơn (tố cáo không có). Qua phân loại số phải giải quyết 640 đơn, đã giải quyết xong 613 đơn đạt 95,8%. Năm 2001 số đơn nhận

được 954 đơn, trong đó tố cáo 228 đơn, kiến nghị đề nghị 354 đơn, khiếu nại 372 đơn. Qua phân loại số phải giải quyết 713 đơn, đã giải quyết xong 655 đơn đạt 91,8% 6 tháng đầu năm 2002. Số đơn nhận được 1.044 đơn, trong đó khiếu nại 628 đơn, tố cáo 223 đơn, kiến nghị, đề nghị 184 đơn, số phải giải quyết 756 đơn, đã giải quyết xong 629 đơn đạt 88,9%, v.v.. Nhìn chung qua kiểm tra việc giải quyết đơn thư của Ủy ban nhân dân tỉnh, các ngành thuộc Khối Nhà nước đều có cố gắng, đạt tỷ lệ cao, bảo đảm đúng pháp luật, v.v.. Các vụ việc phức tạp, có nội dung liên quan đến cán bộ, đảng viên đều được giải quyết dứt điểm, nhất là những vụ khiếu kiện đông người như vụ 1 đơn 213 người ký ở Nông trường chè Thanh Bình (Mường Khương); vụ khiếu kiện của nhân dân 3 bản xã Minh Lương (Văn Bàn); vụ khiếu kiện của công nhân Xí nghiệp chè Than Uyên; vụ của một số người xã Gia Phú (Bảo Thắng); vụ khiếu kiện của 64 hộ phường Duyên Hải đến nay đều đã được giải quyết xong trong đợt kiểm tra. Các đơn vị giải quyết tốt có thị xã Lào Cai: 98%, Bảo Thắng 97,4%, Văn Bàn 95%, Bắc Hà: 97,5%, Bát Xát: 98,8%, Si Ma Cai: 82%, Biên phòng 100%, Mường Khương 95,8%, Đảng ủy Khối các cơ quan Dân, Chính, Đảng 97,9%. Ở những nơi cấp ủy, chính quyền giải quyết tốt khiếu nại, tố cáo của công dân đã có tác dụng tích cực làm ổn định tình hình, củng cố lòng tin nhân dân với Đảng, phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, chính quyền. Các vấn đề nổi cộm ở từng địa phương đã được chỉ đạo giải quyết dứt điểm trong thời gian qua. Đã thu hồi kinh tế cho Nhà nước và tập thể là: 170.994.000 đồng, xử lý 28.160 m² đất vi phạm. Xử lý 71 trường hợp, 3 đơn vị, 1 tập thể Ủy ban nhân dân xã có vi phạm. Bãi bỏ 1 nghị quyết của Ủy ban nhân dân xã trái luật.

Bên cạnh đó còn một số đảng bộ, chính quyền, ngành chức năng chỉ đạo giải quyết còn 136 vụ việc về kiến nghị tồn đọng, còn nhiều như: Bảo Thắng: 13 vụ, Bắc Hà: 17 vụ, Bát Xát: 7 vụ, thị xã Lào Cai: 16 vụ thuộc Khối Đảng ủy các cơ quan Dân, Chính, Đảng: 5 vụ, Than Uyên: 18 vụ, Mường Khương: 3 vụ, Apatít: 3 vụ, Ban cán sự, Đảng đoàn tỉnh 38 vụ. Trong các vụ tồn đọng có một số vụ kéo dài là chưa

có cơ sở kết luận. Một số vụ kéo dài do lợi dụng dân chủ, một số vụ kết luận đúng nhưng vẫn cố tình không nhận, một số vụ giải quyết chưa thoả đáng nên còn khiếu kiện tiếp...

+ Công tác kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm trong giải quyết khiếu nại, tố cáo ở một số địa phương, đơn vị làm chưa thường xuyên và cụ thể. Do đó tình hình diễn ra phức tạp, tồn đọng kéo dài như nêu trên.

Nguyên nhân phát sinh đơn thư có nhiều nhưng chủ yếu do một số nguyên nhân sau:

+ Do việc ban hành, cơ chế chính sách và quá trình thực hiện chưa đồng bộ, thống nhất chưa được quan tâm, chưa công bằng dẫn đến thắc mắc.

+ Trong lãnh đạo nói chung tổ chức hoạt động phát triển kinh tế - xã hội nói riêng một số cán bộ, đảng viên chưa công tâm, chưa công bằng, chưa gương mẫu, chưa dân chủ và có biểu hiện tư lợi cá nhân nên nhân dân thắc mắc.

+ Trong lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết khiếu nại, tố cáo một số cấp ủy, chính quyền chưa quan tâm, chú trọng và sâu sát, còn coi nhẹ nên để tình hình khiếu nại, tố cáo nảy sinh.

- Đối với 5 điểm tỉnh kiểm tra: Qua kiểm tra số đơn thư tố cáo có 8 đơn đã giải quyết xong 7 còn 1. Đơn kiến nghị có 123 đã giải quyết xong 107 còn 16 đơn. Các ngành chức năng của thị xã Lào Cai giải quyết đơn thư của phường Duyên Hải là 28, trong đó: tố cáo 4 đơn, khiếu nại, kiến nghị 24 đơn; đã giải quyết xong 27 còn 1 đơn kiến nghị đã giải quyết xong trong đợt tổ công tác của tỉnh kiểm tra.

Kết quả rõ nét các điểm kiểm tra của tỉnh trong đợt này là: Thông qua đợt kiểm tra đã kiểm tra giúp cơ sở nâng cao một bước về nhận thức trong việc nắm vững các văn bản quy định của Đảng, Nhà nước về giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân. củng cố lại hệ thống sổ sách làm việc của Đảng, chính quyền, ngành chức năng, sổ theo dõi công tác tiếp dân, theo dõi giải quyết tố cáo, khiếu nại, công tác tư pháp, v.v.. củng cố hồ sơ vụ việc và bồi dưỡng quy trình

giải quyết tố cáo cho cơ sở. Làm rõ nguyên nhân những vụ việc tồn đọng chưa giải quyết và những việc nổi cộm cần quan tâm, đồng thời yêu cầu cấp ủy, chính quyền, thủ trưởng đơn vị tập trung giải quyết trọng đột kiểm tra có hiệu quả như: Đơn thư kiến nghị của nhân dân thuộc 3 thôn xã Minh Lương, Văn Bàn đề nghị về giải tán việc đào vàng vô tổ chức ở địa phương gây tiêu cực ở địa phương và ô nhiễm môi trường. Làm rõ trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền và ngành công an huyện trong giải quyết việc đó. Việc thực hiện chưa đúng quy hoạch và có biểu hiện chiếm đất, bán đất ở thôn Phố Mới, trộm cắp trâu bò bán sang Trung Quốc, việc giải quyết 123 người nghiện thuộc xã Trịnh Tường (Bát Xát), việc chi nghỉ phép chưa đúng chế độ quy định cho một số cán bộ năm 2001 và những đề nghị về việc xem xét một số chế độ của ngành Kho bạc có ưu đãi hơn đối với cán bộ, công chức nhà nước Khối hành chính sự nghiệp có đúng chế độ quy định không. Giải quyết việc kiến nghị của 64 hộ thuộc tổ 1, 2, 3 đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải (thị xã Lào Cai) về di chuyển đền bù. Đến nay các hộ đã nhận tiền đền bù để chuyển đến nơi ở mới theo quy hoạch, v.v..

3. Kinh nghiệm và kiến nghị

a) Một số kinh nghiệm trong giải quyết khiếu nại, tố cáo:

Trước hết phải có sự chỉ đạo lãnh đạo của cấp ủy, coi đây vừa là nhiệm vụ vừa là trách nhiệm của cấp ủy mỗi cấp (nhất là cấp ủy cơ sở là cấp trực tiếp), phải thực hiện nghiêm túc Quy chế dân chủ, thực hiện công khai hóa trong nhân dân, trong cơ quan và cán bộ, công nhân, viên chức để nhân dân biết và giám sát thực hiện.

- Phải nắm chắc tình hình, tâm tư nguyện vọng của nhân dân, ban hành và thực hiện các chính sách phải phù hợp và đi vào lòng dân, khi có ý kiến thắc mắc và đơn thư phải tôn trọng, lắng nghe và đối thoại trực tiếp với nhân dân, nhất là những vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của dân. Không quan liêu, giải quyết một chiều, bảo đảm hợp tình, hợp lý, đúng pháp luật và quy định của Đảng.

- Trong giải quyết khiếu nại, tố cáo phải bảo đảm công minh, chính xác, kịp thời không né tránh, không bao che giải quyết dứt điểm từ cơ sở.

- Trong giải quyết những vụ việc phức tạp phải có sự chỉ đạo tập trung của cấp ủy chính quyền, ngành chức năng, cụ thể, sâu sát, đúng quy trình, đúng thẩm quyền và lắng nghe ý kiến nhân dân để giải quyết, kết luận có hiệu quả.

- Trong lãnh đạo, tổ chức thực hiện cần phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, tăng cường hoạt động của các đoàn thể lấy vận động, hòa giải, giải quyết từ cơ sở là chính. Đồng thời kiên quyết, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm để giáo dục, v.v..

b) Kiến nghị:

Đối với Trung ương:

- Trung ương xem xét việc ban hành các hướng dẫn chi tiêu tài chính của Kho bạc Trung ương có đúng quy định quản lý tài chính của Nhà nước không? (như: chế độ trích thưởng nội bộ, chi sinh nhật của cán bộ, công nhân viên trong ngành, nghỉ mát, ăn trưa, trang phục, v.v. hơn các cơ quan hành chính khác).

- Kiến nghị với Trung ương có cơ chế và cần ban hành những quy định cụ thể nhằm đấu tranh có hiệu quả với tệ tham nhũng, lãng phí, buôn lậu hiện nay.

- Kiến nghị với Chính phủ cần ban hành các chế tài xử lý đối với những người lợi dụng dân chủ tố cáo sai sự thật, khiếu kiện kéo dài, đông người làm mất thời gian giải quyết của các cơ quan chức năng.

- Nhà nước cần có hệ thống các văn bản pháp quy điều chỉnh chung, bảo đảm tính thống nhất giữa các cấp, các ngành, tránh tình trạng chồng chéo, phủ nhận lẫn nhau rất khó thực hiện. Sau khi ban hành các văn bản pháp luật cần có hướng dẫn thực hiện kịp thời.

Yêu cầu đối với các cấp ủy và ngành chức năng:

- Thường xuyên tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện luật khiếu nại, tố cáo bảo đảm thường xuyên hiệu quả đáp ứng yêu cầu của công dân. Không để tồn đọng hoặc kéo dài, đáp ứng yêu cầu của nhân dân.

- Một số xã cần xây dựng quy định cụ thể của địa phương mình về quy ước nếp sống văn hóa như việc: cưới, tang, lễ hội làm sao vừa bảo đảm giữ gìn bản sắc dân tộc vừa không gây tốn kém, phiền phức, ảnh hưởng đến đời sống cán bộ và nhân dân.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN QUY ĐỊNH 55-QĐ/TW

1. Việc lãnh đạo, chỉ đạo nghiên cứu, quán triệt quy định những điều đảng viên không được làm và các hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương

Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương và hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai đã tổ chức Hội nghị Ban chấp hành mở rộng đến các đồng chí Bí thư Ban cán sự, giám đốc các sở, ban, ngành của tỉnh, chuyên viên các ban xây dựng Đảng, Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch, Trưởng các ban Đảng của huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc để quán triệt Quy định 55-QĐ/TW, Hướng dẫn thực hiện 29-HD/UBKTTW của Ủy ban Kiểm tra Trung ương (nay là Quy định 19-QĐ/TW, Hướng dẫn thực hiện số 48-HD/UBKTTW).

Việc triển khai được tổ chức học tập nghiên cứu quán triệt gắn với triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII và thực hiện các Quy định 49, 50, 51, 52, 53, 54 của Trung ương (dự hội nghị có 116 đại biểu).

Sau đó các Đảng bộ trực thuộc tỉnh cũng đã tiến hành tổ chức quán triệt đến các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên để nghiên cứu thực hiện.

Số tổ chức đảng được quán triệt là: 515 tổ chức đảng cơ sở, đảng viên được quán triệt là: 13.010 đảng viên đạt 86,6% so với tổng số đảng viên (số liệu năm 2000).

- Qua học tập nghiên cứu quán triệt, hầu hết cấp ủy, đảng viên đều có nhận thức đúng về: Ý nghĩa, tác dụng của Quy định 55-QĐ/TW

coi đó là điều kiện, cơ sở để giáo dục rèn luyện đảng viên phấn đấu, ngăn ngừa vi phạm, chấp hành tốt Điều lệ Đảng. Thống nhất nhận thức và hành động trong Đảng góp phần quan trọng vào việc bảo vệ đường lối, quan điểm, các nguyên tắc của Đảng. Thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị và xây dựng Đảng vững mạnh.

- Do nhận thức ý nghĩa tác dụng của Quy định 55-QĐ/TW, nên hàng năm Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp ủy phải tăng cường kiểm tra thực hiện, xây dựng chương trình hành động và giao cho Ủy ban Kiểm tra các cấp tham mưu giúp cấp ủy đơn đốc kiểm tra thực hiện, thường xuyên thông qua các hình thức như: Sinh hoạt cấp ủy, chi bộ tự phê bình và phê bình. Thông qua các chương trình kiểm tra của cấp ủy, của Ủy ban Kiểm tra hàng năm: Kiểm tra thực hiện Chỉ thị 13-CT/TU về việc đưa đảng viên cơ quan, lực lượng vũ trang về tham gia sinh hoạt đảng ở chi bộ nơi cư trú.

Việc thực hiện Quy định 55-QĐ/TW về 19 điều đảng viên không được làm đã góp phần quan trọng việc xây dựng và chỉnh đốn Đảng, bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp và các đoàn thể quần chúng trong thời gian qua.

Tuy nhiên, quá trình triển khai học tập, thực hiện qua kiểm tra đến nay còn một số cấp ủy, đảng viên nhận thức chưa tốt và thực hiện chưa nghiêm túc, một số vi phạm phải xử lý kỷ luật. Việc sơ kết đánh giá kết quả thực hiện quy định chưa được thực hiện thường xuyên. Do đó kết quả việc thực hiện quy định ở một số tổ chức đảng, đảng viên còn hạn chế, v.v..

2. Kết quả kiểm tra thực hiện quy định

Thực hiện Kế hoạch 02-KH/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo tất cả các tổ chức đảng, đảng viên tiến hành kiểm tra thực hiện ở Đảng bộ mình với phương châm “Tự kiểm tra là chính”. Kết quả có 569/569 đạt 100% tổ chức đảng cơ sở và 17.716/18.828 đảng viên được kiểm tra đạt 94,09%. Trong đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo điểm kiểm tra 5 Đảng bộ cơ sở với 300

đảng viên, 15 Đảng bộ trực thuộc tỉnh chỉ đạo kiểm tra 54 điểm với 1.015 đảng viên.

Qua kiểm tra thấy rằng: Nhìn chung trong 3 năm thực hiện quy định nhiều cán bộ, đảng viên đã có ý thức tự giác cao, chấp hành tốt những quy định của Đảng, Nhà nước nói chung Quy định 55-QĐ/TW nói riêng. Song bên cạnh đó cũng còn một số cán bộ, đảng viên chấp hành chưa tốt, chưa nghiêm túc. Hiện tượng quan liêu, cửa quyền, thiếu trách nhiệm, làm trái nghị quyết của Đảng còn xảy ra.

- Từ tháng 1-2000 - 6-2002 cấp Ủy và ủy ban Kiểm tra các cấp đã tiến hành 234 cuộc kiểm tra. Qua kiểm tra phát hiện có 566 đảng viên có dấu hiệu vi phạm, trong đó là cấp ủy viên các cấp là 143 đồng chí (phát hiện trong đợt kiểm tra này có 67 đồng chí). Đã xem xét kết luận phải xử lý kỷ luật 317 đồng chí, đã xử lý xong với các hình thức như sau: khiển trách: 124 đồng chí; cảnh cáo: 140 đồng chí; cách chức: 17 đồng chí; khai trừ Đảng: 36 đồng chí; trong đó là cấp ủy các cấp là 90 đồng chí. Xử lý kỷ luật 2 ban chỉ ủy cơ sở, thu hồi 13.000.000 đồng cho dân do bị phạt không đúng (xã Nậm Cánh, huyện Sa Pa).

- Đối với điểm kiểm tra của tỉnh: Qua kiểm tra phát hiện 45 đảng viên có dấu hiệu vi phạm, trong đó Đảng bộ xã Minh Lương 40 đồng chí, Đảng bộ Công an Văn Bàn 3 đồng chí; Trịnh Tường 2 đồng chí, đã làm rõ giao lại cho cấp ủy cơ sở tiếp tục xem xét kết luận giải quyết trong tháng 9, tháng 10-2002 xong.

- Việc phát hiện đảng viên có dấu hiệu vi phạm nói trên có 168 trường hợp thông qua sinh hoạt nội bộ Đảng, 141 trường hợp thông qua công tác kiểm tra của tổ chức đảng, của Ủy ban Kiểm các cấp, 61 trường hợp do quần chúng phát hiện, 196 trường hợp thông qua dư luận xã hội và phương tiện thông tin đại chúng, đơn thư tố cáo, v.v..

- Nội dung vi phạm của đảng viên, qua xử lý kỷ luật thường tập trung vào các Điều 1, 3, 5, 7, 8, 9, 10, 17, 18 thuộc về ý thức chấp hành chỉ thị, nghị quyết, các quy định của Đảng, pháp luật và các quy định của Nhà nước, về tư cách phẩm chất đạo đức của đảng viên v.v..:

- Đảng viên vi phạm pháp luật đã kỷ luật Đảng và chuyển cơ quan chức năng xử lý có 3 trường hợp (tử hình: 1, án treo: 2).

3. Nhận xét, đánh giá

- Ưu điểm:

+ Thực hiện các quy định của Đảng nói chung, Quy định 55-QĐ/TW nói riêng (nay là Quy định 19-QĐ/TW) luôn luôn được cấp ủy các cấp quan tâm chỉ đạo, kiểm tra thực hiện thường xuyên thực hiện tốt mối quan hệ phối hợp giữa các tổ chức đảng với tổ chức nhà nước, với các đoàn thể quần chúng, tổ chức chính trị xã hội và Khối Nội chính. Phối hợp trong việc giải quyết đơn thư tố cáo đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý theo Quy định số 01-QĐ/TU, ngày 16-4-2002 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Đối với đảng viên đã có nhận thức về mục đích, ý nghĩa, tác dụng của Quy định 55 QĐ/TW. Coi đó là một yêu cầu tự giác thực hiện để giữ gìn phẩm chất đạo đức và vai trò lãnh đạo, thực hiện của người đảng viên trước yêu cầu nhiệm vụ hiện nay. Thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị và xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

+ Khuyết điểm, tồn tại:

Còn một số tổ chức đảng, cấp ủy đảng vẫn chưa thường xuyên quan tâm, chỉ đạo thực hiện Quy định 55-QĐ/TW. Chưa có chương trình kiểm tra thực hiện, chưa gắn vào nội dung sinh hoạt đảng thường xuyên. Một số đảng viên chấp hành chưa tốt, còn vi phạm khuyết điểm phải kiểm điểm nhắc nhở hoặc phải thi hành kỷ luật Đảng, chính quyền, cá biệt phải xử lý bằng pháp luật.

Nguyên nhân chủ yếu do công tác giáo dục, quản lý đảng viên của một số tổ chức đảng chưa tốt, (nhất là Đảng bộ ở khu vực nông thôn). Mặt khác do cán bộ, đảng viên nhận thức còn hạn chế, chưa nắm vững quy định, thiếu ý thức trách nhiệm trong việc thực hiện chấp hành các quy định, chưa mạnh dạn đấu tranh tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng. Công tác kiểm tra của cấp ủy chưa thường xuyên. Một số đảng viên vi phạm khuyết điểm cấp ủy cơ sở chưa chủ động giải quyết và xử lý nghiêm minh, kịp thời để giáo dục. Tư tưởng nể nang, né tránh còn biểu hiện ở một số cấp ủy cơ sở trong xử lý các vụ việc.

4. Đề xuất, kiến nghị

a) Đối với Trung ương:

- Đảng, Nhà nước cần sửa đổi bổ sung và ban hành văn bản pháp luật, các quy định cụ thể đồng bộ phù hợp với cơ chế chính sách mới để làm cơ sở cho việc thực hiện Quy định 19-QĐ/TW (khóa IX) tạo thuận lợi cho công tác kiểm tra, xử lý kỷ luật, quản lý giáo dục đảng viên.

- Cần cụ thể Điều 19 của Quy định 19-QĐ/TW, ngày 3-1-2002 còn ghi chung chung khó thực hiện như: “Tổ chức việc cưới, các ngày lễ, tết, sinh nhật, kỷ niệm ngày cưới, mừng thọ, mừng nhà mới, lên chức chuyển công tác... nhằm mục đích vụ lợi”. Cần cụ thể để dễ xác định, kiểm tra thực hiện.

b) Yêu cầu đối với cấp ủy các huyện, thị, đảng bộ trực thuộc và cấp ủy cơ sở:

- Sau cuộc kiểm tra thực hiện Kế hoạch 01, 02-KH/TW, Kế hoạch 15-KH/TU, các cấp ủy cần phải xây dựng chương trình khắc phục khuyết điểm tồn tại sau kiểm tra đưa vào chương trình thực hiện của cấp ủy. Tiếp tục làm tốt công tác quán triệt, nghiên cứu thực hiện các nội dung của Quy định 19-QĐ/TW trong cấp ủy, đảng viên, nhất là những nơi qua kiểm tra vừa qua nhận thức và thực hiện chưa tốt. Làm tốt công tác tuyên truyền trong nhân dân để nhân dân giám sát thực hiện ở nơi cư trú.

- Đưa nội dung của quy định vào nội dung sinh hoạt thường xuyên của các tổ chức đảng, đẩy mạnh tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng, phát huy tinh thần tự kiểm tra là chính. Xây dựng chương trình kiểm tra hàng năm của cấp ủy, Ủy ban Kiểm tra các cấp đối với tổ chức đảng và đảng viên về thực hiện quy định. Gắn việc thực hiện quy định với việc đánh giá, nhận xét, phân xếp loại cán bộ, đảng viên hàng năm. Phát cho mỗi đảng viên khu vực nông thôn một bản Quy định 19-QĐ/TW để thực hiện.

- Tiếp tục xem xét, kết luận giải quyết xong số đảng viên qua kiểm tra có dấu hiệu vi phạm. Xử lý kịp thời số có vi phạm với các

hình thức kỷ luật của Đảng và Nhà nước, kể cả thu hồi kinh tế (nếu có) xong trong quý IV năm 2002. Kiện toàn tổ chức cán bộ để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Đảng bộ.

III. KIỂM TRA VIỆC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN PHÁP LỆNH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

1. Lãnh đạo, chỉ đạo việc quán triệt học tập pháp lệnh cán bộ, công chức

Toàn tỉnh có 358 cơ quan với 14.134 cán bộ, công chức (không kể cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn). Sau khi Pháp lệnh cán bộ, công chức có hiệu lực thi hành (1-5-1998), Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai (khóa XI) đã lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức hội nghị quán triệt học tập: Thành phần triệu tập gồm các đồng chí trưởng các ban Đảng, các ngành của tỉnh; chủ tịch, phó chủ tịch, trưởng ban tổ chức đảng, chính quyền các huyện, thị và tương đương. Thành lập Ban chỉ đạo do đồng chí Phó Bí thư, chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban, xây dựng kế hoạch, hướng dẫn thực hiện.

- Tính đến hết tháng 10-1999, các Đảng bộ trực thuộc tỉnh đã tổ chức quán triệt học tập đạt 100% trong các chi, đảng bộ, cơ quan đơn vị. Tổng số cán bộ, công chức được quán triệt học tập là 13.956 đạt 98,7% trong tổng số cán bộ, công chức toàn tỉnh, trong đó: cán bộ, công chức là đảng viên 7.260 chiếm 52%, cán bộ, công chức là quần chúng 6.696 chiếm 48% trên tổng số cán bộ, công chức được quán triệt.

Các đơn vị tổ chức quán triệt học tập kịp thời, nghiêm túc, hiệu quả như: Đảng bộ Khối các cơ quan Dân, Chính, Đảng với tổng số 3.473 cán bộ, công chức, đạt tỷ lệ 97,8%; Đảng bộ huyện Bảo Thắng: 1.463 cán bộ, công chức đạt tỷ lệ 97,7%; Đảng bộ huyện Mường Khương: 1.187 cán bộ, công chức đạt tỷ lệ 98%; Đảng bộ thị xã Lào Cai: 2.247 cán bộ, công chức đạt tỷ lệ 80,4%...

2. Kết quả kiểm tra thực hiện

a) *Tổng số tổ chức, cán bộ, công chức được kiểm tra:* 398 cơ quan, đơn vị với tổng số 13.669 cán bộ, công chức đạt 96,7%, trong đó có 6.720 là đảng viên.

- Tỉnh ủy trực tiếp kiểm tra 2 đơn vị: Kho bạc tỉnh và Công an huyện Văn Bàn, với tổng số 113 cán bộ, công chức, sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ; trong đó 72 đồng chí là đảng viên.

- Các huyện, thị ủy và Đảng ủy trực thuộc kiểm tra 19 đơn vị; các cơ quan, đơn vị tự kiểm tra là 377 đơn vị, với tổng số cán bộ, công chức và chiến sĩ trong lực lượng vũ trang là 13.556, trong đó có 6.648 cán bộ công chức là đảng viên.

- Qua kiểm tra nhìn chung các đảng bộ đã thực hiện được kiểm tra việc chấp hành Pháp lệnh nhằm uốn nắn và xử lý kịp thời những vi phạm của đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước.

Tuy nhiên, còn không ít đơn vị cơ sở quán triệt, học tập chưa sâu rộng Pháp lệnh cán bộ, công chức, còn thể hiện tính hình thức, qua loa, đại khái. Chưa kết hợp thường xuyên vào các kỳ sinh hoạt của cơ quan để kiểm điểm cán bộ, công chức và làm cơ sở phân tích chất lượng đảng viên và cán bộ, công chức hằng năm.

b) *Cán bộ, công chức có dấu hiệu vi phạm 222 đồng chí.* Qua thẩm tra, xác minh của tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước số có vi phạm là 198 cán bộ, công chức chiếm 1,4% trên tổng số cán bộ, công chức được kiểm tra. Cán bộ, công chức là đảng viên 91 đồng chí chiếm 40,9% trên tổng số cán bộ, viên chức vi phạm; trong đó có 9 là cấp ủy viên các cấp, 10 đồng chí là cán bộ quản lý. Nội dung vi phạm của cán bộ, công chức đều tập trung vào Điều 15, 16, 20 của Pháp lệnh cán bộ, công chức. Trong đó: vi phạm Điều 15: 169 đồng chí; vi phạm Điều 16: 28 đồng chí; vi phạm Điều 20: 1 đồng chí. Việc phát hiện dấu hiệu vi phạm Pháp lệnh cán bộ, công chức; Do cấp ủy và các cơ quan nhà nước kiểm tra: 120 cán bộ, công chức, do quần chúng phản ánh: 102 cán bộ, công chức.

c) *Cán bộ, công chức vi phạm phải thi hành kỷ luật:* 190 cán bộ, công chức chiếm 1,4% trên tổng số cán bộ, công chức được kiểm tra, trong đó:

- Cán bộ, công chức là đảng viên: 60 (có 8 cấp ủy viên các cấp). Thi hành kỷ luật theo quy định của Điều lệ Đảng chiếm 31,5 % trên tổng số cán bộ, công chức vi phạm.

- Cán bộ, công chức là quần chúng xử lý theo Pháp lệnh cán bộ, công chức là: 130 (trong đó, buộc thôi việc 7 cán bộ, công chức).

Chuyển sang cơ quan pháp luật giải quyết: 9 cán bộ, công chức (trong đó có 1 đảng viên).

3. Nhận xét đánh giá, kiến nghị

- Ưu điểm:

Qua kiểm tra việc thực hiện Pháp lệnh cán bộ, công chức trên phạm vi toàn tỉnh, cho thấy: Cấp ủy các cấp đã lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Pháp lệnh cán bộ, công chức nghiêm túc. Có sự phối kết hợp chặt chẽ, thống nhất, thành lập Ban chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện kịp thời, làm tốt công tác giáo dục phổ biến, tuyên truyền rộng rãi đến cán bộ, công chức nhà nước. Có sơ kết, rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện; kịp thời xử lý kỷ luật những cán bộ, công chức vi phạm khuyết điểm.

Đa số cán bộ, công chức thực hiện nghiêm túc Pháp lệnh cán bộ, công chức. Có ý thức tổ chức, kỷ luật, có quan điểm lập trường tư tưởng vững vàng, không ngừng rèn luyện, phấn đấu học tập để nâng cao trình độ mọi mặt hoàn thành nhiệm vụ được phân công. Giữ vững, phát huy bản chất giai cấp công nhân, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc. Giữ mối liên hệ mật thiết với các tầng lớp nhân dân, luôn tôn trọng, phát huy quyền dân chủ, bảo vệ lợi ích hợp pháp của nhân dân.

- Khuyết điểm, tồn tại:

Còn một số cơ quan, đơn vị chưa thực sự quan tâm đến việc triển khai học tập hoặc chưa làm tốt công tác kiểm tra để ngăn chặn, uốn nắn, chưa làm tốt công tác quản lý cán bộ, công chức. Vì vậy còn một số cán bộ, công chức (trong đó có cả cán bộ, công chức là đảng viên) vi phạm kỷ luật lao động, có phong cách làm việc, thái độ chưa đúng

mức khi tiếp xúc với dân. Thiếu tinh thần trách nhiệm, chưa cố gắng, tu dưỡng, rèn luyện, lợi dụng chức quyền, địa vị và các mối quan hệ để cố tình làm trái các chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước. Do đó bị thi hành kỷ luật về Đảng, Pháp lệnh cán bộ, công chức, Luật lao động hoặc phải chuyển sang cơ quan pháp luật xử lý.

+ Kiến nghị với Trung ương

1. Trung ương cần nghiên cứu bổ sung sửa đổi Điều 17 Pháp lệnh cán bộ, công chức cho phù hợp với công cuộc đổi mới của đất nước theo tinh thần nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX).

2. Đề nghị Trung ương nghiên cứu, xây dựng và ban hành Luật cán bộ, công chức thay thế cho Pháp lệnh cán bộ, công chức phù hợp với yêu cầu hiện nay.

3. Đề nghị bổ sung vào Điều 16 là cán bộ, công chức phải thực hiện Pháp lệnh chống tham nhũng, không được lợi dụng kẽ hở của pháp luật để tham nhũng.

Phần thứ ba

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO; THỰC HIỆN QUY ĐỊNH 19-QĐ/TW; PHÁP LỆNH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CỦA TỈNH THỜI GIAN TỚI

1. Đối với công tác lãnh đạo giải quyết khiếu nại, tố cáo

- Cấp ủy các cấp cần thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các quy định của Luật khiếu nại, tố cáo, Quy chế dân chủ ở cơ sở và cơ quan đến cán bộ, đảng viên và nhân dân trong toàn tỉnh: củng cố, bổ sung đầy đủ các tài liệu liên quan đến khiếu nại, tố cáo cho các tủ sách pháp luật ở các xã, thị trấn. Làm tốt công tác trợ giúp pháp lý, bảo đảm dân chủ, thực hiện công khai hóa những điều dân biết, dân bàn, dân kiểm tra theo quy định. Niêm yết nơi công sở, trụ sở Ủy ban nhân dân các xã để nhân dân biết và giám sát thực hiện.

- Tăng cường công tác kiểm tra của các cấp ủy đảng, chính quyền

đối với việc giải quyết khiếu nại, tố cáo 6 tháng, 1 năm có sơ tổng kết đánh giá thực hiện gửi về tỉnh theo dõi.

- Từ nay đến hết năm 2002 các địa phương tập trung giải quyết dứt điểm các đơn thư tồn đọng, kéo dài trong đợt kiểm tra vừa qua, xử lý dứt điểm các trường hợp đảng viên, công chức vi phạm. Thực hiện tốt chương trình khắc phục khuyết điểm tồn tại sau kiểm tra.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy các cấp giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các khiếu nại, tố cáo của công dân ngay từ cơ sở, bảo đảm không để xảy ra đơn thư vượt cấp, khiếu kiện đông người, kéo dài. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, người đứng đầu địa phương phải chịu trách nhiệm.

- Tập trung giải quyết việc cấp quyền sử dụng đất cho nhân dân toàn tỉnh. Bảo đảm quản lý chặt chẽ đất đai từ xã, phường, trên cơ sở xem xét các nhu cầu tối thiểu về đất ở cho nhân dân một cách hợp lý, không để xảy ra lấn chiếm, tranh chấp đất đai và khiếu kiện.

2. Việc thực hiện Quy định 19-QĐ/TW

Cấp ủy đảng các cấp, tăng cường kiểm tra đối với tổ chức đảng và đảng viên trong việc chấp hành, thực hiện Quy định 19-QĐ/TW về những điều đảng viên không được làm. Hằng năm phải có sơ kết đánh giá kết quả việc thực hiện và rút kinh nghiệm kịp thời. Đồng thời báo cáo kết quả về Tỉnh ủy (qua Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy tổng hợp).

- Thường xuyên đưa Quy định 19-QĐ/TW vào nội dung sinh hoạt định kỳ của các chi, đảng bộ. Lấy 19 điều quy định làm một trong các tiêu chí đánh giá, phân xếp loại đảng viên 6 tháng, 1 năm.

- Tăng cường công tác quản lý, giáo dục đảng viên của các chi, đảng bộ, nhất là về chính trị, tư tưởng, quan điểm lập trường, đạo đức tác phong và hoạt động công tác. Phấn đấu giảm đến mức thấp nhất đảng viên vi phạm, thi hành kỷ luật.

3. Về thực hiện Pháp lệnh cán bộ, công chức

- Tiếp tục tuyên truyền sâu rộng Pháp lệnh cán bộ, công chức

đến cán bộ, công chức và nhân dân. Nhằm bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh, đồng thời gắn với việc giám sát, góp ý của nhân dân với cán bộ, công chức.

- Các cấp, các ngành cần thường xuyên kiểm tra việc thực hiện Pháp lệnh cán bộ, công chức. Xử lý nghiêm minh những cán bộ, công chức vi phạm làm trong sạch bộ máy nhà nước.

- Tăng cường quản lý giáo dục cán bộ, công chức trong từng cơ quan, từng bước nghiên cứu có quy định đưa cán bộ, công chức về sinh hoạt nơi cư trú như đối với đảng viên.

KẾT LUẬN

Thực hiện Kế hoạch 01, 02-KH/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai đã nghiên cứu xây dựng Kế hoạch số 15-KH/TU của Tỉnh ủy để tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện trong toàn Đảng bộ. Đồng thời thành lập Ban chỉ đạo và phân công cấp ủy phụ trách chỉ đạo cuộc kiểm tra.

Cuộc kiểm tra được tiến hành trong thời gian rất khẩn trương, nội dung lại nhiều diện kiểm tra rộng. Nhưng dưới sự chỉ đạo của Ban chỉ đạo Trung ương, của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, cấp ủy các cấp, các ngành và tinh thần thực hiện nghiêm túc của đảng viên, cán bộ, công chức nhà nước, nên đã đạt được mục đích, yêu cầu, nội dung, phương châm, phương pháp và thời gian của kế hoạch đề ra. Tạo được sự chuyển biến mới trong cấp ủy, đảng viên, cơ quan, công chức nhà nước và trong nhân dân.

Cuộc kiểm tra thực sự đã trở thành một đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong các tổ chức đảng, cấp ủy, đảng viên, cán bộ, công chức nhà nước trong việc kiểm điểm, đánh giá rõ trách nhiệm giải quyết đơn thư tố cáo, khiếu nại của công dân. Thực hiện quy định của Đảng về 19 điều đối với đảng viên, 6 việc đối với cán bộ, công chức không được làm. Trên cơ sở đó phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm tồn tại, xử lý kịp thời những cán bộ, đảng viên vi phạm khuyết điểm. Xây

dựng chương trình hành động khắc phục những khuyết điểm tồn tại sau kiểm tra. Tạo sự chuyển biến thống nhất về tư tưởng hành động trong Đảng, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức nhà nước. Vai trò lãnh đạo của các cấp ủy thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Đảng và xây dựng Đảng bộ vững mạnh.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
BÍ THƯ- KIÊM TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO
GIẢNG SEO PHỦ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 72-BC/TU, ngày 30-9-2002

**Tổng kết 22 năm thực hiện Chỉ thị số 83-CT/TW,
ngày 26-11-1979 của Ban Bí thư Trung ương Đảng
(khóa IV) về phát triển đảng viên**

Thực hiện Kế hoạch số 06-KH/TCTW, ngày 8-5-2002 của Ban Tổ chức Trung ương về việc Tổng kết 22 năm thực hiện Chỉ thị số 83-CT/TW, ngày 26-11-1979 của Ban Bí thư (khóa IV) về phát triển đảng viên, Tỉnh ủy Lào Cai báo cáo tổng kết việc thực hiện Chỉ thị 83-CT/TW từ năm 1980 đến nay như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 06-KH/TCTW

1. Khái quát chung về đặc điểm tình hình Đảng bộ tỉnh Lào Cai

Quá trình xây dựng và trưởng thành từ năm 1980 (năm đầu tiên thực hiện Chỉ thị 83-CT/TW) đến nay, Đảng bộ tỉnh Lào Cai đã trải qua 2 thời kỳ phát triển có đặc điểm riêng khác nhau. Đó là:

- Thời kỳ từ năm 1980 đến 30-9-1991: Thời kỳ này thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn trên cơ sở hợp nhất 3 tỉnh Lào Cai, Yên Bái và Nghĩa Lộ. Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn gồm có 24 huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc với 867 tổ chức cơ sở đảng, trong đó có 243 đảng bộ cơ sở và 624 chi bộ cơ sở, 327

tổ chức cơ sở đảng khối nông thôn và 540 tổ chức cơ sở đảng khối cơ quan; tổng số đảng viên là 26.079, trong đó khối nông thôn là 11.948 đảng viên, khối cơ quan là 14.131 đảng viên (số liệu năm 1980).

Thời kỳ từ 1-10-1991 đến nay: Tháng 10-1991 tỉnh Lào Cai được tái lập. Thời điểm này Đảng bộ tỉnh Lào Cai được thành lập gồm 15 huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc (8 huyện, 1 thị ủy và 6 đảng ủy). Năm 1992, tái lập thị xã Cam Đường trên cơ sở tách thị xã Lào Cai thành thị xã Cam Đường và thị xã Lào Cai, Đảng bộ tỉnh có 16 Đảng bộ trực thuộc. Năm 1995 chuyển giao Đảng bộ Tổng Công ty xây dựng Sông Hồng về Vĩnh Phú còn lại 15 Đảng bộ. Năm 2000, tái lập huyện Si Ma Cai trên cơ sở tách huyện Bắc Hà thành Si Ma Cai và Bắc Hà. Tháng 4-2002, sáp nhập thị xã Cam Đường thị xã Lào Cai thành thị xã Lào Cai, toàn tỉnh còn 15 Đảng bộ trực thuộc.

Năm 1991, toàn tỉnh có 492 tổ chức cơ sở đảng; trong đó có 96 đảng bộ cơ sở và 396 chi bộ cơ sở; 320 tổ chức cơ sở đảng Khối cơ quan; 172 tổ chức cơ sở đảng xã, phường, thị trấn với tổng số là 10.924 đảng viên.

Từ năm 1992 đến 2000 số tổ chức cơ sở đảng dao động từ 500-580 tổ chức.

Đến tháng 6-2002, số tổ chức cơ sở đảng toàn tỉnh là 569, trong đó có: Khối nông thôn: 180, khối lực lượng vũ trang: 70, khối cơ quan và các loại hình khác: 319 tổ chức cơ sở đảng với tổng số 18.828 đảng viên, tăng 72,3 so với năm 1991.

Công tác xây dựng Đảng thời kỳ này được quan tâm sâu sát, đã có những chuyển biến tích cực, đội ngũ đảng viên phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng. Số lượng đảng viên mới kết nạp tăng nhanh, bảo đảm chất lượng góp phần tăng cường sức mạnh cho Đảng bộ lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Do đặc điểm tình hình mang tính đặc thù qua 2 thời kỳ nêu trên nên việc tiến hành tổng kết thực hiện Chỉ thị 83-CT/TW từ tỉnh đến cơ sở gặp nhiều khó khăn, nhất là thời kỳ 1980-1991, giai đoạn này có những biến động về tổ chức, đội ngũ cán bộ nghiệp vụ làm thẻ đảng viên bị thay đổi, hơn nữa do thời gian quá lâu nên hệ thống sổ sách,

lưu trữ bị thất lạc, số liệu không đầy đủ... Mặt khác, các Đảng bộ trực thuộc tỉnh khi tổng kết lại không đồng nhất về thời gian, nhìn chung các đơn vị đều tính mốc từ năm 1980, riêng Đảng ủy Khối cơ quan Dân, Chính, Đảng và Đảng ủy Quân sự tỉnh tính từ 1991 đến nay.

Trước những khó khăn trên, Tỉnh ủy Lào Cai có những biện pháp chỉ đạo cụ thể, sâu sát thể hiện quyết tâm thực hiện tổng kết Chỉ thị 83-CT/TW đạt hiệu quả, chất lượng cao, đóng góp với Trung ương những đề xuất, kiến nghị thiết thực nhằm thực hiện tốt hơn nữa công tác phát triển đảng viên trong thời gian tới

2. Kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch 06-KH/TCTW

Sau khi quán triệt Kế hoạch 06-KH/TCTW của Ban Tổ chức Trung ương, căn cứ đặc điểm tình hình của tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã họp thống nhất tư tưởng chỉ đạo, xây dựng Hướng dẫn số 437-HD/TU, ngày 14-6-2002 và thành lập Tổ chỉ đạo tổng kết 22 năm thực hiện Chỉ thị 83-CT/TW do đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy trực tiếp làm Tổ trưởng, thành viên gồm các đồng chí lãnh đạo Ban Tổ chức, Ủy ban kiểm tra, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và một số đồng chí Bí thư các huyện, Đảng ủy trực thuộc tỉnh. Tỉnh ủy đã chọn 3 điểm chỉ đạo là: Bảo Thắng, Văn Bàn, Đảng ủy Khối cơ quan Dân, Chính, Đảng.

Các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc căn cứ vào Kế hoạch 06-KH/TCTW và Hướng dẫn 437-HD/TU đã tiến hành các bước tổng kết ở đảng bộ mình: Kết quả cụ thể như sau (tính đến ngày 4-9-2002).

- Việc xây dựng kế hoạch, hướng dẫn tổng kết: 12 đơn vị đã xây dựng được kế hoạch, hướng dẫn tổng kết, đó là: Bảo Thắng, Bát Xát, Bắc Hà, Mường Khương, Sa Pa, Than Uyên, Si Ma Cai; các đảng ủy: Công an tỉnh, Quân sự tỉnh, Công ty Apatít Việt Nam, Đảng ủy Khối cơ quan Dân, Chính, Đảng, Biên phòng tỉnh, 3 đơn vị không xây dựng kế hoạch, hướng dẫn tổng kết mà chỉ phát hành công văn gửi các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc đó là: Văn Bàn, Thị ủy Lào Cai, Bảo Yên.

- Việc thành lập tổ chỉ đạo: Theo hướng dẫn của Tỉnh ủy, các Đảng bộ trực thuộc tỉnh có số lượng trên 1.500 đảng viên thành lập

tổ chỉ đạo, dưới 1.500 đảng viên giao cho Ban Tổ chức tham mưu giúp cấp ủy chỉ đạo tổng kết. Căn cứ vào hướng dẫn, đã có 4 đơn vị thành lập tổ chỉ đạo: Văn Bàn, Bảo Yên, Than Uyên, Đảng ủy Khối cơ quan Dân, Chính, Đảng; 2 đơn vị không thành lập tổ chỉ đạo theo hướng dẫn: Thị ủy Lào Cai, Bảo Thắng. Các đơn vị còn lại giao cho Ban Tổ chức tham mưu giúp cấp ủy chỉ đạo tổng kết.

- Về chọn điểm chỉ đạo tổng kết: Có 7 đơn vị chọn điểm chỉ đạo rút kinh nghiệm trước khi nhân ra diện rộng, đó là: Bảo Thắng, Si Ma Cai, Đảng ủy Khối cơ quan Dân, Chính, Đảng, Bắc Hà, Than Uyên, Sa Pa, Bát Xát.

- Về tiến độ tổng kết: Nhìn chung tiến độ tổng kết chậm so với thời gian quy định, nhiều tổ chức cơ sở đảng chưa tổng kết xong, tập trung ở các đơn vị: Văn Bàn còn 15/40 tổ chức cơ sở đảng, Sa Pa còn 2/37 tổ chức cơ sở đảng, Than Uyên còn 10/41 tổ chức cơ sở đảng. Ở các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc: đã có 15/15 đơn vị gửi báo cáo tổng kết về tỉnh, trong đó có 2 đơn vị không mở hội nghị tổng kết: Đảng ủy Quân sự tỉnh và Thị ủy Lào Cai. Còn lại các đơn vị chưa mở hội nghị tổng kết: Than Uyên, Sa Pa, Văn Bàn.

Đánh giá chung: Việc triển khai tổng kết Chỉ thị 83-CT/TW cơ bản được thực hiện khá nghiêm túc theo trình tự tổng kết từ tổ chức cơ sở đảng lên. Thông qua tổng kết, nhìn chung các đơn vị đã đánh giá sát đúng tình hình và kết quả đạt được trong việc thực hiện Chỉ thị 83-CT/TW, có nhiều kiến nghị, đề xuất với tỉnh và Trung ương.

Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng còn những đơn vị chưa nghiêm túc thực hiện hướng dẫn của Trung ương, một số báo cáo tổng kết còn sơ sài, nghèo nàn, tiến hành tổng kết chậm so với thời gian quy định (kể cả ở cơ sở và Đảng bộ trực thuộc tỉnh).

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHỈ THỊ 83-CT/TW

1. Tình hình triển khai thực hiện Chỉ thị 83-CT/TW

Theo nội dung chỉ đạo của Trung ương về công tác phát triển đảng viên, Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn đã tổ chức hội nghị Ban Chấp hành mở

rộng, quán triệt toàn văn Chỉ thị 83-CT/TW của Ban Bí thư; Hướng dẫn số 2078-TC/TW của Ban Tổ chức Trung ương về việc nhận xét, phân loại đảng viên và đưa người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng; Thông tri số 27-TC/TW, ngày 14-12-1979 và Kế hoạch số 2510-TC/TW, ngày 14-12-1979 của Ban Tổ chức Trung ương về việc thực hiện Chỉ thị 83-CT/TW. Hội nghị cũng đã thảo luận và thông qua Thông tri hướng dẫn 63-TT/TW của Tỉnh ủy về việc thực hiện Chỉ thị 83-CT/TW của Ban Bí thư, đồng thời triển khai việc chọn điểm chỉ đạo phát thẻ đảng viên để rút kinh nghiệm nhân ra diện rộng.

Đến hết tháng 12-1979, có 24/24 huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc tỉnh đã triển khai mở hội nghị quán triệt Chỉ thị 83-CT/TW và các thông tri, kế hoạch, hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương, của Tỉnh ủy; đồng thời tiến hành tổ chức triển khai tới tất cả các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên trong toàn tỉnh.

Bên cạnh việc tổ chức thực hiện quán triệt, học tập Chỉ thị 83-CT/TW, Tỉnh ủy đã chỉ đạo cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy xúc tiến việc lựa chọn, bố trí sắp xếp đội ngũ cán bộ nghiệp vụ làm thẻ đảng viên ở tỉnh và các Đảng bộ trực thuộc để bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ nhằm thực hiện tốt việc làm và phát thẻ đảng viên theo kế hoạch. Ở các tổ chức cơ sở đảng, sau khi đảng viên được học tập, nắm vững những quy định của Trung ương, của tỉnh về công tác phát thẻ đảng viên, đã tiến hành bình xét phân xếp loại đảng viên theo 2 mức: Đủ tư cách (trong đó có đảng viên đủ tư cách xuất sắc), không đủ tư cách (trong đó phân ra không đủ tư cách phải đưa ra ngay khỏi Đảng và không đủ tư cách nhưng có thể để lại giáo dục, xem xét một thời gian); đồng thời tiến hành phân xếp loại tổ chức cơ sở đảng theo 4 loại: Vững mạnh, khá, yếu, kém.

Việc phát thẻ đảng viên dựa trên nguyên tắc đảng viên phải đủ tư cách và thực hiện qua 4 bước sau:

- Đảng viên có bản kiểm điểm tự phê bình và phê bình.
- Quần chúng tham gia nhận xét góp ý kiến về tư cách đảng viên theo phương pháp bỏ phiếu kín.

- Chi bộ, đảng bộ cơ sở nhận xét và biểu quyết theo: phương pháp bỏ phiếu kín về tư cách đảng viên đối với từng đảng viên.

- Cấp ủy cấp trên của tổ chức cơ sở đảng xét duyệt công nhận.

Kế hoạch phát thẻ đảng viên được xây dựng chu đáo, chặt chẽ từ tổ chức cơ sở đảng gắn với việc đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên; gắn việc kịp thời đưa người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng với việc đẩy mạnh công tác kết nạp đảng viên mới, củng cố xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị ở địa phương, đơn vị.

Nhìn chung, thời kỳ đầu thực hiện Chỉ thị 83-CT/TW trong toàn tỉnh đã thực sự đem lại luồng sinh khí mới trong đời sống, chính trị toàn xã hội, củng cố niềm tin của quần chúng nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng. Nội bộ Đảng được củng cố một bước, đặc biệt là việc củng cố kiện toàn các tổ chức cơ sở đảng yếu kém; trong sinh hoạt đảng, tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình được đẩy mạnh; tính giáo dục, tính chiến đấu, tính lãnh đạo của Đảng được nâng lên, nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng được phát huy, trình độ nhận thức của đảng viên được nâng lên một bước. Được nhận tấm thẻ đảng viên là niềm vinh dự tự hào và có một ý nghĩa lớn lao đối với mỗi đảng viên, đồng thời đó cũng là mục tiêu để cho mọi đảng viên phấn đấu, song quan trọng hơn là mỗi đảng viên phải thường xuyên rèn luyện, tu dưỡng để xứng đáng với tấm thẻ đảng viên mang trong mình.

Đồng thời với việc thực hiện tốt công tác phát thẻ đảng viên bảo đảm theo đúng mục đích yêu cầu của Chỉ thị 83-CT/TW, Tỉnh ủy luôn chú trọng tới công tác tổ chức kiểm tra, sơ, tổng kết nhằm phát huy những mặt làm tốt, những kinh nghiệm hay đồng thời uốn nắn những sai sót, khuyết điểm trong công tác phát thẻ đảng viên, thể hiện trong các Kế hoạch số 02-KH/TU, ngày 24-3-1980, Kế hoạch số 10-KH/TU, ngày 10-11-1982 của Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn về việc kiểm tra công tác phát thẻ đảng viên và Báo cáo số 08-BC/TC, ngày 5-9-1990 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn về kết quả 10 năm làm thẻ, phát thẻ và quản lý thẻ đảng viên.

Từ sau khi tái lập tỉnh (tháng 10-1991), Tỉnh ủy Lào Cai thực hiện nghiêm túc quy định của Trung ương trong công tác phát thẻ đảng viên, bảo đảm cho việc phát thẻ đảng viên và quản lý thẻ đảng viên ổn định, nền nếp, không để xảy ra những xáo trộn lớn ảnh hưởng đến công tác phát thẻ đảng viên, ảnh hưởng đến quyền lợi của đảng viên; góp phần nâng cao chất lượng công tác quản lý đảng viên, ngăn ngừa kẻ địch, phần tử xấu chui vào Đảng.

2. Kết quả thực hiện công tác phát thẻ đảng viên

a) Thời kỳ 1980 đến 30-9-1991:

Theo quy định của Chỉ thị 83-CT/TW, việc làm và phát thẻ đảng viên hằng năm tổ chức thành 4 đợt vào các ngày kỷ niệm lớn: 3-2; 19-5; 2-9 và ngày 7-11. Đợt phát thẻ đảng viên đầu tiên 3-2-1980 đúng vào dịp kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam có ý nghĩa to lớn được Tỉnh ủy chuẩn bị kỹ lưỡng và chỉ đạo chặt chẽ theo đúng quy trình, kế hoạch được coi là mẫu mực để các đợt sau phát huy, rút kinh nghiệm làm tốt hơn. Kết quả đã có 4.090 đảng viên chính thức và gần 250 đảng viên dự bị được phát thẻ đợt 3-2-1980, chiếm tỷ lệ 16,6% so với đảng viên toàn tỉnh.

Qua tổng kết công tác phát thẻ đảng viên năm đầu tiên thực hiện Chỉ thị 83-CT/TW (năm 1980) đã có 15.160 đảng viên được nhận thẻ đảng viên đạt tỷ lệ 58,13% tổng số đảng viên, số tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh và khá đủ tiêu chuẩn phát thẻ đảng viên là 624 bằng 71,97% so với tổng số tổ chức cơ sở đảng (số tổ chức cơ sở đảng đạt loại yếu và kém phải tiến hành củng cố xong mới tổ chức phát thẻ đảng viên). Sau 11 năm phát thẻ đảng viên toàn tỉnh đã phát được 35.791 thẻ đảng viên chính thức và 9.552 thẻ đảng viên dự bị.

- Cấp lại 167 thẻ đảng viên và 21 giấy chứng nhận mất thẻ đảng viên trên tổng số 483 thẻ đảng viên bị mất, bằng 38,92%.

Thu hồi thẻ đảng được 226/300 trường hợp đảng viên bị đưa ra khỏi Đảng chiếm 75,3 % và 153/209 trường hợp đảng viên chết bằng 73,3%.

- Số đảng viên chính thức chưa được nhận thẻ đảng viên: 1.458 đảng viên bằng 5,6% tổng số đảng viên.

Thực hiện Thông báo số 103-TB/TW, ngày 23-8-1988 của Ban Bí thư Trung ương, từ ngày 1-1-1989 sẽ không phát thẻ đảng viên dự bị, không sử dụng sổ đảng phí kèm theo thẻ đảng viên, đồng thời thẻ đảng viên sẽ được cải tiến giảm số trang, Ban Tổ chức Tỉnh ủy đã thực hiện việc kiểm kê và quyết toán đầy đủ với Trung ương và tham mưu cho Tỉnh ủy triển khai thực hiện thông báo của Trung ương trong toàn Đảng bộ.

b) Thời kỳ từ tháng 10-1991 đến nay

Công tác phát thẻ đảng viên duy trì nền nếp, số đảng viên được phát thẻ hàng năm tăng nhanh, tỷ lệ thuận với số lượng đảng viên kết nạp.

So sánh số liệu 10 năm qua cho thấy:

- Số đảng viên mới kết nạp năm 2001 là 1.460 bằng 643,17 % so với năm 1991.

- Số thẻ đảng viên được phát năm 2001 là 1.310 bằng 476,36% so với năm 1992.

- Số thẻ đảng viên hỏng cấp lại là 342 bằng 25,37 % so với tổng số thẻ hỏng.

- Số thẻ đảng viên bị mất được cấp lại là 209 bằng 83,6% so với tổng số thẻ đảng viên bị mất.

- Số thẻ đảng viên được phát cho đảng viên trong 10 năm là 7.461 thẻ bằng 76,71% so với số đảng viên mới kết nạp.

Thời kỳ này, do công tác phát thẻ đảng viên đi vào nền nếp, nên về nguyên tắc, mọi đảng viên dự bị đủ tiêu chuẩn trở thành đảng viên chính thức đều được xét phát thẻ đảng viên. Việc xem xét tư cách đảng viên, lấy ý kiến nhận xét của quần chúng, của tổ chức cơ sở đảng đối với đảng viên đã được thực hiện đầy đủ theo quy trình xét chuyển đảng viên dự bị thành đảng viên chính thức. Tuy nhiên, việc làm và phát thẻ đảng cho đảng viên chính thức còn chưa kịp thời số lượng đảng viên được nhận thẻ đảng viên mới chỉ đạt 76,71% so với số đảng viên mới kết nạp từ năm 1991 đến 6 tháng đầu năm 2002.

Thực hiện Quy định số 29-QĐ/TW, ngày 2-6-1997 của Bộ Chính trị (khóa VIII), Hướng dẫn số 05-HD/TCTW, ngày 10-6-1997 và Hướng dẫn số 01- HD/TCTW, ngày 31-3-1998 của Ban Tổ chức Trung ương quy định cụ thể việc phân cấp làm thẻ đảng viên tại cấp ủy cấp trên của tổ chức cơ sở đảng, Ban Tổ chức Tỉnh ủy tiến hành bồi dưỡng nghiệp vụ làm thẻ đảng viên cho cán bộ nghiệp vụ ở các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc tỉnh, đặc biệt là luyện chữ viết vào thẻ đảng viên. Kết quả, có 4 đơn vị đủ điều kiện làm thẻ đảng viên, đó là: Thị ủy Cam Đường, Huyện ủy Bắc Hà, Đảng ủy Quân sự tỉnh và Huyện ủy Than Uyên (đến nay do có sự thay đổi cán bộ nghiệp vụ cho nên chỉ còn 2 đơn vị đủ điều kiện làm thẻ đảng viên). Còn lại 13 đơn vị chưa tự làm được thẻ đảng viên nên tỉnh vẫn trực tiếp làm thẻ cho các đơn vị. Đây là một hạn chế lớn ảnh hưởng đến tiến độ làm thẻ đảng viên của tỉnh, vì vậy đảng viên dự bị chuyển thành đảng viên chính thức không thể kịp thời nhận thẻ đảng viên theo quy định của Trung ương.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ THỊ 83-CT/TW VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Về ưu điểm

- Việc tổ chức thực hiện Chỉ thị 83-CT/TW và các quy định, hướng dẫn của Trung ương về công tác phát thẻ đảng viên đã được triển khai đồng bộ và sâu rộng đến tất cả các cấp ủy đảng và mọi đảng viên. Căn cứ vào đặc điểm, tình hình của mình, các cấp ủy đảng từ tỉnh đến cơ sở đã xây dựng được chương trình kế hoạch, chọn điểm chỉ đạo thực hiện Chỉ thị 83-CT/TW làm cơ sở để rút kinh nghiệm chung.

- Quy trình làm thẻ, phát thẻ và quản lý thẻ đảng viên: trong những năm đầu tiên thực hiện Chỉ thị 83-CT/TW được thực hiện nghiêm túc theo quy định của Trung ương; xác định rõ trách nhiệm của từng cấp ủy đảng và đảng viên trong công tác phát thẻ đảng viên.

- Lễ phát thẻ đảng viên ở chi bộ nhìn chung được tổ chức trang nghiêm, phù hợp với điều kiện của tổ chức cơ sở đảng, có tác dụng

giáo dục sâu sắc và phát cho từng đảng viên theo đúng Thông tri số 27-TC/TW, ngày 14-12-1979 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn thực hiện Chỉ thị 83-CT/TW.

- Việc theo dõi phát thẻ đảng viên và quản lý thẻ đảng viên từng bước được cải tiến tốt hơn, khoa học hơn, hệ thống sổ sách, vật tư, tài liệu làm thẻ đảng viên được bảo quản tốt hơn, nhất là trong những năm gần đây.

Nguyên nhân:

- Được sự quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp và cụ thể của Ban Tổ chức Trung ương về nghiệp vụ làm thẻ đảng viên.

- Hầu hết các cấp ủy đảng từ tỉnh đến cơ sở thực sự quan tâm trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 83-CT/TW và các quy định, hướng dẫn của Trung ương. Trong đó, những đơn vị thực hiện tốt việc duy trì tiến độ làm thẻ đảng viên hàng năm bảo đảm chất lượng, đó là: Bắc Hà, Mường Khương, Bảo Thắng, Quân sự tỉnh.

Đội ngũ cán bộ nghiệp vụ có phẩm chất chính trị tốt, được đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ chuyên môn, đại bộ phận có tinh thần ý thức trách nhiệm, yêu nghề, yên tâm công tác, có khả năng hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đến nay 15/15 Đảng bộ trực thuộc tỉnh đều có mỗi đơn vị 1 cán bộ chuyên trách làm thẻ đảng viên. Riêng ở tỉnh, bộ phận nghiệp vụ công tác đảng viên thuộc Ban Tổ chức Tỉnh ủy, đội ngũ cán bộ có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn cao; bảo đảm không chỉ hoàn thành công tác nghiệp vụ mà còn làm tốt chức năng kiểm tra, đôn đốc giúp đỡ Ban Tổ chức các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc và cơ sở. Về tổ chức được kiện toàn cho phù hợp với từng giai đoạn; Thực hiện Hướng dẫn số 05-HD/TCTW, ngày 26-2-2002 của Ban Tổ chức Trung ương về một số vấn đề cụ thể về nghiệp vụ công tác đảng viên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy có quyết định thành lập Phòng Nghiệp vụ công tác đảng viên thuộc Ban Tổ chức Tỉnh ủy. Nhờ vậy lần đầu tiên, tỉnh có 1 phòng chức năng chuyên sâu về công tác đảng viên.

2. Về khuyết điểm, yếu kém

Công tác phát thẻ đảng viên ngày càng có xu hướng xem nhẹ, nhất là trong những năm gần đây đã không còn bảo đảm đúng mục đích, ý nghĩa và yêu cầu mà Chỉ thị 83-CT/TW đã xác định, xu hướng này thể hiện trên cả ba mặt: Làm thẻ đảng viên, phát thẻ đảng viên và quản lý sử dụng thẻ đảng viên.

- Làm thẻ đảng viên: Việc làm thủ tục đề nghị phát thẻ đảng viên ở một số tổ chức cơ sở đảng còn mang tính hình thức, qua loa, chiếu lệ; việc kiểm tra đối chiếu danh sách đề nghị làm thẻ đảng viên với hồ sơ lý lịch đảng viên chưa chặt chẽ dẫn đến sai lệch các thông tin về người đảng viên trên tấm thẻ: ngày, tháng, năm sinh, ngày kết nạp, ngày chính thức... danh sách đề nghị làm thẻ đảng viên chưa có ảnh còn nhiều, chất lượng ảnh của một số ít trường hợp chưa đúng quy định, trong đó có những đơn vị có điều kiện thuận lợi trong việc chụp ảnh làm thẻ cho đảng viên mà vẫn đề nghị làm thẻ đảng viên chưa có ảnh như: Thị ủy Lào Cai và một số tổ chức cơ sở đảng Khối cơ quan ở các huyện: Bảo Thắng, Bảo Yên...

Tiến độ làm thẻ đảng viên còn chậm, số đảng viên chính thức chưa có thẻ còn nhiều (tính đến 30-6-2002 toàn tỉnh còn 1.646 đảng viên chính thức chưa có thẻ chiếm 9,8% so với tổng số đảng viên chính thức), trong đó có những đơn vị có số đảng viên chính thức chưa có thẻ rất cao: Văn Bàn còn 518 đảng viên chính thức chưa có thẻ (chiếm 31,47% số đảng viên chưa có thẻ toàn tỉnh, 27,89% số đảng viên chính thức toàn huyện), Đảng ủy Khối cơ quan Dân, Chính, Đảng còn 292 đảng viên chính thức chưa có thẻ (tỷ lệ ứng như trên là: 17,74% và 19,96%). Một số đơn vị trong thời gian dài không làm thẻ đảng viên như Huyện ủy Bát Xát: có 6 năm không đề nghị làm thẻ đảng viên, trong đó có 5 năm liên tục (từ 1992 đến 1996); Đảng ủy Công ty Apatit Việt Nam có 4 năm, trong đó có 3 năm liên tục (1992-1994), các đơn vị trong 1 năm không làm thẻ đảng viên: Bảo Yên, Văn Bàn, Sa Pa, Than Uyên.

- Phát thẻ đảng viên: Việc tổ chức phát thẻ đảng viên ở chi bộ nhìn chung làm tương đối tốt, thực hiện theo đúng hướng dẫn của Trung ương, song bên cạnh đó còn một số tổ chức cơ sở đảng vùng cao

ở hầu hết các huyện, thị không tổ chức lễ phát thẻ đảng viên, đồng chí bí thư cấp ủy gặp đảng viên trao tay trực tiếp, thậm chí đảng viên được nhận thẻ không ký nhận vào sổ phát thẻ đảng viên.

Quản lý, sử dụng thẻ đảng viên: Việc quản lý và sử dụng thẻ đảng viên có nhiều hạn chế, đang trở thành vấn đề nổi cộm và bức xúc nhất hiện nay trong quá trình thực hiện Chỉ thị 83-CT/TW, tác dụng của thẻ đảng viên thấp (chỉ được sử dụng khi chuyển sinh hoạt đảng) nên được cất kỹ để tránh bị mất; đảng viên khối nông thôn hầu như không bao giờ sử dụng đến thẻ đảng viên, dẫn đến tình trạng thẻ đảng viên bị mục nát, mối xông. Cá biệt, có trường hợp đảng viên bị mất thẻ đảng nhiều năm không báo cáo, hoặc có báo cáo nhưng đến nay chưa được xử lý. Việc thu hồi thẻ đảng đối với đảng viên có thể bị đưa ra khỏi Đảng gặp nhiều khó khăn, hầu hết các trường hợp không thu được với lý do mất thẻ (trong 10 năm qua toàn tỉnh mới thu được 6 thẻ bằng 8,02% số đảng viên chính thức có thể bị đưa ra khỏi Đảng).

Từ thực tế nêu trên, việc xác định thực trạng tình hình quản lý và sử dụng thẻ đảng viên, kiểm kê chính xác số lượng thẻ đảng viên mất, hỏng và xử lý từng trường hợp cụ thể nhất là thu hồi thẻ đảng với đảng viên có thể bị đưa ra khỏi Đảng là việc phức tạp và cần có thời gian với những biện pháp thích hợp.

Nguyên nhân:

+ Nguyên nhân chủ quan:

- Một số cấp ủy đảng chưa thực sự quan tâm, chưa thấy hết trách nhiệm của cấp ủy trong công tác phát thẻ đảng viên, có biểu hiện khoán trắng cho Ban Tổ chức và cán bộ nghiệp vụ.

- Đội ngũ cán bộ nghiệp vụ làm thẻ đảng viên trình độ không đồng đều, việc quản lý thiếu chặt chẽ, chưa thực hiện đúng quy định của Trung ương: Cán bộ nghiệp vụ thường xuyên thay đổi mà không có sự trao đổi thống nhất với Ban Tổ chức cấp ủy cấp trên. Bộ phận nghiệp vụ làm thẻ đảng viên của Ban Tổ chức Tỉnh ủy mới chỉ hoàn thiện việc cấp thẻ theo đề nghị của các đơn vị, chưa làm đầy đủ chức năng kiểm tra, đôn đốc, uốn nắn công tác làm thẻ đảng viên ở các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc tỉnh và cơ sở.

- Công tác tuyên truyền giáo dục cho đảng viên nhận thức đúng đắn về vai trò, trách nhiệm, ý nghĩa của việc được nhận thẻ đảng viên chưa được thường xuyên: Một bộ phận đảng viên thờ ơ, thiếu trách nhiệm trong việc quản lý sử dụng thẻ đảng viên, một số khác không đòi hỏi quyền lợi của mình với tổ chức đảng khi chưa được phát thẻ đảng viên.

- Chưa thực hiện tốt việc định kỳ kiểm tra thẻ đảng viên hàng năm.

- Thực hiện phân cấp làm thẻ đảng viên xuống các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc tỉnh thiếu kiên quyết, quy trình làm thẻ đảng viên còn nhiều thủ tục rườm rà, mất thời gian.

+ Nguyên nhân khách quan:

Chất lượng thẻ đảng viên chưa cao, mẫu mã, kích thước chưa phù hợp nên khó bảo quản, sử dụng. Tác dụng của thẻ đảng viên còn nhiều hạn chế.

- Do điều kiện của tỉnh vùng cao, kinh tế kém phát triển, giao thông đi lại không thuận lợi cho nên gặp nhiều khó khăn trong việc chụp ảnh làm thẻ đảng viên.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ THỜI GIAN TỚI

1. Quan điểm chỉ đạo của tỉnh

- Thẻ đảng viên là giấy chứng nhận quan trọng, là biểu hiện cụ thể về phẩm chất đạo đức và tư cách của người đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Giữ gìn và đề cao tầm thẻ đảng viên là giữ gìn tư cách người đảng viên và đề cao vai trò của người đảng viên cộng sản. Do đó, các cấp ủy đảng từ tỉnh đến cấp ủy cơ sở và đội ngũ đảng viên toàn tỉnh cần tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 83-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương (khóa IV) về phát thẻ đảng viên.

- Công tác phát thẻ đảng viên là một nội dung quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, nó không chỉ có ý nghĩa giáo dục chính trị sâu sắc nhằm nâng cao hơn nữa ý thức Đảng, ý thức tổ chức kỷ luật và đoàn kết nội bộ của mỗi đảng viên, của mỗi tổ chức đảng mà còn là cơ sở cho việc đổi mới, nâng cao, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của

tổ chức cơ sở đảng, gắn với xây dựng về chính đốn Đảng; đồng thời đưa công tác quản lý đảng viên vào nền nếp gắn với việc chống “diễn biến hòa bình”, ngăn ngừa kẻ địch, phần tử xấu chui vào Đảng, xây dựng đội ngũ đảng viên, tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh.

2. Phương hướng nhiệm vụ

Nhằm phát huy những ưu điểm, những mặt làm được và khắc phục những yếu kém, khuyết điểm trong công tác phát thẻ đảng viên, trước mắt cấp ủy các cấp cần thực hiện tốt một số nội dung sau:

- Giải quyết dứt điểm tình trạng thẻ đảng viên còn tồn đọng, phần đầu trong năm 2002 mọi đảng viên chính thức đủ tư cách đều được phát thẻ đảng viên. Mọi đảng viên chính thức khi chuyển sinh hoạt Đảng phải xuất trình thẻ đảng viên, nếu không có thẻ đảng viên kiên quyết không làm thủ tục chuyển sinh hoạt đảng. Kiểm tra, rà soát thẻ đảng viên trong toàn tỉnh nhằm đánh giá đúng thực trạng, tình hình quản lý và sử dụng thẻ đảng viên; kịp thời xử lý các trường hợp mất thẻ đảng viên, hỏng thẻ đảng viên; thu hồi thẻ đảng viên của đảng viên đã có thẻ bị đưa ra khỏi Đảng. Công việc này giải quyết xong trước ngày 30-6-2003.

- Từng bước hạn chế, tiến tới chấm dứt tình trạng làm thẻ đảng viên không có ảnh. Đồng thời 100% tổ chức cơ sở đảng đều hoàn thành việc tổng kết và đề ra biện pháp khắc phục những yếu kém trong tháng 9-2002.

- Thực hiện tốt các quy định, hướng dẫn của Trung ương về làm thẻ đảng viên, phát thẻ đảng viên và quản lý thẻ đảng viên, bảo đảm cho đảng viên dự bị khi được công nhận đảng viên chính thức đồng thời cũng được phát thẻ đảng viên.

- Nêu cao trách nhiệm của cấp ủy các cấp trong quá trình thực hiện việc làm thẻ, quản lý, sử dụng, thu hồi thẻ đảng theo quy định.

3. Biện pháp thực hiện

- Cấp ủy các cấp cần xác định rõ trách nhiệm của từng cấp trong

công tác phát thẻ đảng viên, xây dựng và thực hiện nghiêm túc kế hoạch của cấp mình trong công tác này, có phân công trách nhiệm từng tổ chức đảng, từng đảng viên, định rõ thời gian cụ thể cho từng công việc trên cơ sở căn cứ các hướng dẫn, quy định của cấp trên. Tăng cường công tác kiểm tra nhằm kịp thời biểu dương, phát huy những mặt làm tốt, uốn nắn, sửa chữa những mặt làm chưa tốt. Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ theo quy định.

- Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức cho mọi đảng viên về việc phát thẻ đảng viên.

- Việc phân xếp loại tổ chức cơ sở đảng, phân loại cấp ủy viên cơ sở và phân tích chất lượng đảng viên hàng năm phải gắn với công tác phát thẻ đảng viên.

- Kiên quyết thực hiện việc phân cấp làm thẻ đảng viên cho cấp ủy cấp trên của tổ chức cơ sở đảng theo quy định của Trung ương trên cơ sở có sự chuẩn bị chu đáo, kỹ lưỡng, bảo đảm chất lượng.

- Rà soát, đánh giá, kiện toàn lại đội ngũ cán bộ nghiệp vụ quản lý đảng viên về tổ chức và biên chế theo Quy định số 14-QĐ/TW, ngày 16-11-2001 của Bộ Chính trị (khóa IX) về quy định cụ thể thi hành Điều lệ Đảng, Hướng dẫn số 05-HD/TCTW, ngày 26-2-2002 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn nghiệp vụ công tác đảng viên.

- Từ năm 2003 trở đi, việc xét, công nhận tổ chức cơ sở đảng và huyện thị, đảng ủy đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh hàng năm trong mục xây dựng Đảng có bổ sung kết quả công tác làm thẻ, phát thẻ và quản lý thẻ đảng viên. Giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy nghiên cứu, bổ sung vào các thang điểm xét trong sạch, vững mạnh làm căn cứ để các chi đảng bộ cơ sở và huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc tỉnh tổ chức thực hiện.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ VỚI TRUNG ƯƠNG

Qua thực tiễn thực hiện Chỉ thị 83-CT/TW, Tỉnh ủy Lào Cai đề xuất với Trung ương một số điểm sau đây:

1- Cải tiến thẻ đảng viên theo hướng gọn, đẹp và bền để dễ quản lý, sử dụng được lâu dài. Đánh máy vi tính thay cho việc viết tay vào thẻ đảng viên.

2- Sử dụng thẻ đảng viên: Thẻ đảng viên được sử dụng trong khi chuyển sinh hoạt đảng và dùng để biểu quyết trong các hội nghị của chi bộ (trừ hình thức biểu quyết bằng bỏ phiếu kín). Đây cũng là biện pháp nhằm vô hiệu hóa những thẻ đảng viên không thể thu hồi được, tránh bị lợi dụng vào mục đích xấu, đồng thời việc kiểm tra thẻ đảng viên cũng được thường xuyên hơn, thuận lợi hơn, ý thức trách nhiệm của người đảng viên được nâng lên.

3- Do khuôn mặt người thay đổi theo thời gian, nên định kỳ khoảng 10 năm, Ban Tổ chức Trung ương cho chủ trương đổi thẻ cho đảng viên.

4- Cần có chế tài quy định cụ thể hình thức xử lý những đảng viên bị đưa ra khỏi Đảng nhưng không chịu giao nộp thẻ đảng viên, đồng thời phải có quy định cụ thể về trách nhiệm của cá nhân, tổ chức đảng không thu hồi được thẻ đảng viên của đảng viên bị đưa ra khỏi Đảng.

5- Định kỳ hằng năm Trung ương nên mở hội nghị sơ kết và 5 năm mở hội nghị tổng kết công tác phát thẻ đảng viên. Có hình thức khen thưởng đối với những đơn vị làm tốt công tác này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 73-BC/TU, ngày 4-10-2002

Về tình hình phát triển kinh tế tư nhân và tình hình đảng viên làm kinh tế tư nhân

Thực hiện Công văn số 117-CV/HĐLLTW, ngày 16-8-2002 của Hội đồng lý luận Trung ương về việc cung cấp cho Hội đồng những số liệu về tình hình phát triển kinh tế tư nhân, tình hình đảng viên làm kinh tế tư nhân, Tỉnh ủy Lào Cai báo cáo như sau:

1. Tình hình phát triển kinh tế tư nhân của Lào Cai từ năm 1992 đến hết tháng 6 năm 2002

Căn cứ Luật doanh nghiệp tư nhân và Luật công ty năm 1990 về thành lập và đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp tư nhân, Công ty trách nhiệm hữu hạn; Nghị định số 66/HĐBT, ngày 2-3-1992 về đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể; Luật doanh nghiệp năm 1999; các nghị định hướng dẫn thi hành Luật doanh nghiệp là những tiêu chí để tỉnh Lào Cai chia kinh tế tư nhân thành cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân.

Trong những năm qua, việc đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế phát triển khá mạnh trên tất cả các loại hình: Doanh nghiệp tư nhân, Công ty trách nhiệm hữu hạn; Công ty cổ phần, hộ kinh doanh cá thể. Năm 1992 có 19 doanh nghiệp, 2.500 hộ kinh doanh, đến năm 2000 có 167 doanh nghiệp và 4.630 hộ

kinh doanh. Tính đến ngày 30-6-2002, số doanh nghiệp đã được cấp đăng ký kinh doanh là 520 doanh nghiệp, thực tế còn hoạt động 381, với tổng số vốn 304,88 tỷ đồng (số doanh nghiệp đã giải thể, thu hồi đăng ký kinh doanh qua các năm là 139). Trong đó:

- Doanh nghiệp tư nhân là 143;
- Công ty trách nhiệm hữu hạn là 194;
- Công ty cổ phần là 4;
- Chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp ngoài quốc doanh ngoài tỉnh là 40;
- Về cơ cấu ngành nghề: Ngành xây dựng chiếm 61,8%; thương mại - dịch vụ chiếm 32,02%; các ngành nghề khác chiếm 6,3%. Do doanh nghiệp đăng ký nhiều ngành nghề kinh doanh nên việc phân loại ngành nghề chưa thực sự chuẩn xác.

Tập trung chủ yếu ở khu vực thị xã Lào Cai với 73,49% số doanh nghiệp và 24,3% số hộ kinh doanh cá thể.

Ngoài những chính sách của Đảng và Nhà nước về khuyến khích phát triển kinh tế ngoài quốc doanh, tỉnh Lào Cai còn ban hành một số chính sách, cơ chế, quy định nhằm khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân, đặc biệt là chính sách ưu đãi cho phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; đầu tư vào khu vực kinh tế cửa khẩu.

Mặt tích cực: Cơ cấu tổ chức bộ máy gọn nhẹ, do đó tính năng động linh hoạt trong sản xuất kinh doanh cao, dễ thay đổi quy mô, địa bàn, ngành nghề và mặt hàng kinh doanh cũng như đổi mới thiết bị. Người quản lý điều hành sản xuất kinh doanh đồng thời là chủ sở hữu vốn đầu tư hoặc là họ hàng ruột thịt do đó có trách nhiệm rất cao với công việc, đồng thời tự chủ giải quyết các vấn đề trong sản xuất kinh doanh, thu hút lao động có tay nghề cao nhờ đó sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, tỷ suất sinh lời lớn; do có số lượng lớn, các doanh nghiệp kinh tế tư nhân đã thu hút và giải quyết việc làm cho nhiều lao động xã hội, góp phần đáng kể vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Mặt hạn chế: Đại đa số các chủ doanh nghiệp, người quản lý điều

hành hoạt động sản xuất kinh doanh của thành phần kinh tế tư nhân thiếu kiến thức cơ bản về khoa học quản trị kinh doanh, dựa vào cảm tính và kinh nghiệm là chính.

Am hiểu và ý thức chấp hành pháp luật của một số doanh nghiệp còn hạn chế. Việc chấp hành các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp lệnh kế toán thống kê còn yếu và không nghiêm túc: Có tới 45% số doanh nghiệp không có trụ sở ổn định, 18% doanh nghiệp được kiểm tra mới chỉ cập nhật chứng từ hóa đơn. Thiếu sự liên kết giữa các doanh nghiệp; vốn kinh doanh thấp; lao động trong các doanh nghiệp hầu hết chưa qua đào tạo, cán bộ kỹ thuật thiếu và yếu. Đa số các doanh nghiệp chưa chấp hành đầy đủ Bộ luật lao động, chỉ có 38 doanh nghiệp, chiếm 9,97% tổng số doanh nghiệp thực hiện ký kết hợp đồng lao động với người lao động; số người lao động được tham gia bảo hiểm xã hội và cấp sổ bảo hiểm xã hội chiếm 19% số lao động; chỉ có 9/381, chiếm 2,3% số doanh nghiệp mua bảo hiểm y tế cho người lao động với 14,4% số lao động trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Thời gian lao động thường kéo dài từ 9-10 giờ và tùy thuộc vào khối lượng cần thực hiện.

Một số doanh nghiệp hoạt động kinh doanh không đúng với nội dung đã đăng ký, khi có sự thay đổi ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh cũng không tự giác đăng ký lại. Trong các lĩnh vực kinh doanh do có nhiều cơ sở, đầu mối dẫn đến cạnh tranh không lành mạnh, kinh doanh theo kiểu chộp giật. Công nghệ sản xuất lạc hậu, vốn thiếu, năng suất lao động và chất lượng sản phẩm thấp, sức cạnh tranh kém.

2. Dự báo xu hướng phát triển của kinh tế tư nhân trong những năm tới ở Lào Cai

Trong những năm tới, kinh tế tư nhân ở Lào Cai sẽ tiếp tục phát triển, số lượng các doanh nghiệp sẽ tăng lên vì những lý do sau:

- Lào Cai có vị trí địa lý, lợi thế của một tỉnh giàu tiềm năng về phát triển nông, lâm nghiệp và công nghiệp khai thác chế biến khoáng sản; là tỉnh biên giới có 1 cửa khẩu quốc tế, 2 cửa khẩu quốc

gia và có hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, tương lai sẽ có cả đường thủy và đường hàng không rất thuận lợi cho công cuộc phát triển kinh tế và giao thương với vùng Tây Nam Trung Quốc cũng như với các vùng trong cả nước.

- Trong một vài năm tới, thị xã tỉnh lỵ sẽ được nâng cấp lên thành phố đòi hỏi việc xây dựng kết cấu hạ tầng sẽ phải đầu tư rất lớn cùng với các chính sách ưu đãi thu hút đầu tư của tỉnh vào phát triển các khu kinh tế cửa khẩu, thương mại, công nghiệp sẽ là điều kiện để các doanh nghiệp kinh tế tư nhân phát triển.

- Việc cải cách hành chính theo hướng đơn giản, nhanh chóng các thủ tục sẽ là yếu tố cho sự phát triển số lượng các doanh nghiệp.

- Tiếp tục phát huy những mặt tích cực, từng bước khắc phục những tiêu cực, hạn chế đã nêu ở trên thì thành phần kinh tế tư nhân sẽ là động lực lớn góp phần phát triển kinh tế và giải quyết một số vấn đề xã hội của tỉnh theo mục tiêu của Đảng

3. Thực trạng đảng viên làm kinh tế tư nhân trong những năm gần đây ở tỉnh Lào Cai

Số cơ sở sản xuất, kinh doanh do đảng viên làm chủ là 32/381 doanh nghiệp ngoài quốc doanh, chiếm tỷ lệ 9,38%. Theo quy định của Luật doanh nghiệp, trong hồ sơ đăng ký kinh doanh không có tiêu chí kê khai về thành phần chính trị của chủ doanh nghiệp, vì vậy các cơ sở sản xuất, kinh doanh khi thành lập và đăng ký kinh doanh đều không được thể hiện chủ doanh nghiệp là đảng viên hay không phải là đảng viên.

Các chủ doanh nghiệp này phần lớn là lao động trực tiếp và là cán bộ đảng viên đã nghỉ hưu hoặc là đảng viên trong các doanh nghiệp nhà nước đã thực hiện cổ phần hóa, bán, khoán, giao cho người lao động, có quá trình tích lũy kinh nghiệm quản lý, có vốn kinh doanh, có mối quan hệ bạn hàng đã thành lập doanh nghiệp để phát huy khả năng vốn có, tạo công ăn việc làm cho lao động xã hội và tích lũy cho gia đình.

Những doanh nghiệp do đảng viên làm chủ đều hoạt động có hiệu quả, thực hiện nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước và chính sách đối với người lao động.

Quy mô của các doanh nghiệp chủ yếu ở mức vừa và nhỏ. Mức vốn kinh doanh bình quân khoảng 1 tỷ đồng/1 doanh nghiệp, khoảng 20 triệu đồng/1 hộ kinh doanh cá thể.

Hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng, tư vấn xây dựng, kinh doanh thương mại, sản xuất và chế biến nông, lâm sản. Tình trạng chạy theo thị trường khá phổ biến, gặp việc gì làm việc đó, chưa có chiến lược kinh doanh lâu dài, sản xuất chế biến chỉ ở mức độ gia công, sơ chế.

Do số lượng ít, vốn hoạt động kinh doanh hạn chế nên khả năng cung ứng sản phẩm thu hút lao động và giải quyết việc làm trong từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh không nhiều.

4. Xu hướng phát triển kinh tế tư bản tư nhân và tình hình đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân

Trong những năm tới kinh tế tư nhân nói chung, kinh tế tư bản tư nhân nói riêng sẽ tiếp tục phát triển do thực hiện nhất quán chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế nhiều thành phần. Như vậy, số doanh nghiệp do đảng viên làm chủ sẽ tăng, bởi vì số cán bộ đảng viên về hưu nhưng còn sức khỏe, có vốn, có nhiều mối quan hệ xã hội sẽ tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh; công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước tiếp tục thực hiện theo đề án đã duyệt của tỉnh sẽ tăng lên số cơ sở sản xuất, kinh doanh hoạt động theo Luật doanh nghiệp.

Xu hướng phát triển kinh tế tư bản tư nhân với những doanh nghiệp do đảng viên làm chủ sẽ bảo đảm thực hiện đường lối kinh tế của Đảng ta: ưu tiên phát triển sản xuất phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

5. Dư luận xã hội đối với “vấn đề đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân”

Dư luận xã hội nhìn chung là ủng hộ. Bởi vì, ở những cơ sở sản xuất kinh doanh ngoài quốc doanh do đảng viên làm chủ việc chấp hành các quy định của pháp luật nghiêm túc hơn, thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước đầy đủ và thực hiện chính sách đối với người lao động tốt hơn, ngoài ra người đảng viên còn phải chấp hành, thực hiện tốt Điều lệ Đảng.

6. Kiến nghị của Tỉnh ủy Lào Cai về hướng giải quyết “vấn đề đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân”

Để phát huy mọi nguồn lực xã hội phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội, phải kiên trì đường lối phát triển nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa. Kinh tế tư nhân là một bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Khuyến khích phát triển kinh tế tư bản tư nhân trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm là một biểu hiện nổi bật quan điểm ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất của Đảng ta. Tất nhiên, phải hướng dẫn vào con đường tư bản nhà nước để tiến lên nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Vì lý do đó, nên cho phép đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân nhằm phát huy khả năng về vốn, kinh nghiệm lãnh đạo, quản lý, ý thức trách nhiệm trước Đảng và nhân dân của cán bộ, đảng viên. Về quy mô có lẽ nên ở mức độ vừa và nhỏ (thực tế cũng ít có khả năng về vốn để thành lập doanh nghiệp quy mô lớn). Đồng thời, khuyến khích các doanh nghiệp tư bản tư nhân phát triển thành doanh nghiệp cổ phần, đan xen các hình thức sở hữu; xây dựng tốt mối quan hệ giữa chủ doanh nghiệp và người lao động, chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về vấn đề này, Đảng ta nên có một văn bản thể hiện rõ thái độ của Đảng về việc đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân, đồng thời hướng dẫn thực hiện tiêu chuẩn đảng viên trong Điều lệ Đảng.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của tổ chức đảng, các tổ chức đoàn thể và hiệp hội trong các doanh nghiệp bảo đảm cho việc phát triển kinh tế tư bản tư nhân đúng định hướng.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 427-TB/TU, ngày 7-10-2002

**Về kết luận của đồng chí Nguyễn Đức Thăng,
Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy tại cuộc họp giao ban
nội chính ngày 4-10-2002**

Ngày 4-10-2002, tại trụ sở Ban Tổ chức chính quyền, đồng chí Nguyễn Đức Thăng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy chủ trì phiên họp giao ban Khối Nội chính. Sau khi nghe báo cáo tổng hợp tình hình của Văn phòng Tỉnh ủy; ý kiến phát biểu của đồng chí Trần Nguyên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; ý kiến phát biểu của lãnh đạo các ngành trong Khối Nội chính, đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy đã kết luận:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THÁNG 9-2002

1. Các huyện, thị và các ngành đã triển khai thực hiện tốt các chủ trương của Trung ương, kết luận của Thường trực Tỉnh ủy, đã tổ chức nắm địa bàn khá tốt, kịp thời giải quyết các vụ việc xảy ra. Các huyện, thị đã tổ chức giao ban nội chính đều và có báo cáo gửi Tỉnh ủy. Công tác đối ngoại được tiến hành tốt, đã đón nhiều đoàn đến tham quan, hội đàm, trao đổi tại các địa phương trong tỉnh.

2. Các huyện, thị, các ngành tư pháp đã thực hiện tốt chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW về

công tác tư pháp có nhiều cố gắng, tích cực giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân đến nay không còn khiếu kiện đông người.

3. Tuy nhiên, trên địa bàn vẫn còn tiềm ẩn tình hình đáng quan tâm như: Trật tự, an toàn xã hội diễn biến phức tạp có chiều hướng gia tăng, một số vụ trọng án vẫn xảy ra ở vùng đồng bào dân tộc ít người, tình hình buôn lậu qua biên giới, gian lận thương mại, buôn bán ma túy, tai nạn giao thông vẫn không giảm. Tình hình lợi dụng tôn giáo trái phép vẫn phức tạp. Tình hình di cư tự do có dấu hiệu phức tạp và mang màu sắc chính trị.

II. MỘT SỐ CÔNG VIỆC CẦN TẬP TRUNG QUAN TÂM GIẢI QUYẾT TRONG THÁNG 10 NĂM 2002

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với các cơ quan Khối Nội chính bảo đảm mục tiêu tăng cường đoàn kết giữ vững an ninh chính trị, an ninh biên giới và trật tự, an toàn xã hội. Nắm chắc tình hình (nhất là địa bàn biên giới, nơi có khiếu kiện giải quyết chưa dứt điểm, nơi có đơn xin theo đạo Tin Lành, xin lập Ban hành giáo lâm thời). Tăng cường trách nhiệm cán bộ lãnh đạo trong hệ thống chính trị, các ngành, các cấp, tăng cường kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ tại các đơn vị cơ sở.

2. Tổ chức Hội thao quốc phòng cấp tỉnh, đồng thời tăng cường quản lý công tác quân sự quốc phòng, quản lý chặt chẽ vũ khí, trang thiết bị kỹ thuật, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, hoàn thành công tác huấn luyện dân quân tự vệ và quân dự bị động viên theo kế hoạch. Làm tốt công tác tuyển quân đợt II và ra quân năm 2002. Chuẩn bị tốt các công việc cho phân giới cắm mốc theo kế hoạch của Trung ương.

3. Công an tỉnh phối hợp chặt chẽ với các ngành nội chính của tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị tiếp tục mở các đợt cao điểm đấu tranh phòng, chống tội phạm, phòng, chống ma túy; trước mắt phải khẩn trương phối hợp với thị xã Lào Cai, huyện Bảo Thắng xác

định kế hoạch xóa bỏ các tụ điểm buôn bán, tiêu chích ma túy; đồng thời tăng cường tấn công trấn áp các loại tội phạm hình sự, đặc biệt là tập trung giải quyết tình hình trộm cắp tài sản, tệ cờ bạc, nghiện hút và tai nạn giao thông trên địa bàn (trong đó có việc quản lý phương tiện vận tải của Trung Quốc hoạt động trên địa bàn thị xã Lào Cai).

4. Tăng cường công tác nắm tình hình cơ sở, nhất là diễn biến tư tưởng trong nhân dân ở những vùng có truyền đạo trái phép, vùng biên giới, cần có thái độ kiên quyết đối với kẻ lôi kéo, kích động nhân dân theo đạo trái phép và di cư tự do. Các ngành Nội chính cần xây dựng kế hoạch đề phòng những diễn biến phức tạp trong dịp lễ Noen 2002. Quan tâm làm tốt công tác tiếp dân và giải quyết dứt điểm những vụ việc liên quan đến khiếu nại, tố cáo còn tồn đọng, tránh đùn đẩy, dây dưa kéo dài (kiểm tra việc chấp hành và thi hành các quyết định giải quyết khiếu nại tố cáo, chú ý các khu vực có giải phóng mặt bằng ở một số công trình xây dựng cơ bản, tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 01,02 của Ban Bí thư về giải quyết khiếu nại, tố cáo).

5. Các cơ quan trong Khối Nội chính phối hợp chặt chẽ với các huyện, thị, thành viên Ban chỉ đạo 127 của tỉnh, Ban Quản lý kinh tế cửa khẩu thị xã Lào Cai, Chi cục Quản lý thị trường để thực hiện tốt Công điện số 17/CD-UB, ngày 27-8-2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp tục thực hiện phương án chống buôn lậu và gian lận thương mại. Giao cho Biên phòng tỉnh và thị xã Lào Cai làm rõ việc buôn lậu ngày 30-9-2002 ở khu vực Phố Tèo phường Lào Cai. Tập trung giải quyết một số vụ án: Lùng Vai, đền bù khu đô thị mới (riêng vụ 661 Sa Pa các ngành làm án thống nhất xin chủ trương giải quyết của Thường trực Tỉnh ủy), vụ Trần Thị Bích Huệ buôn bán phụ nữ qua biên giới. Khẩn trương đưa ra xét xử vụ án chiếm đoạt hoàn thuế VAT của doanh nghiệp Hoàng Long, vụ Hà Quang, vụ trộm cắp viễn thông.

6. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng kiểm tra hoạt động của một số doanh nghiệp ngoài quốc doanh trên địa bàn sau thời gian đã cấp đăng ký kinh doanh theo Luật doanh nghiệp (chú ý đến năng lực tài chính, năng lực kỹ thuật, thực hiện chính sách xã hội...).

7. Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật tiếp tục đổi mới phương pháp, hình thức và nội dung triển khai các hoạt động tuyên truyền pháp luật, hướng về cơ sở, nhất là các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, những nơi thường xảy ra các vụ trọng án. Sở Tư pháp và các cơ quan được phân công giúp đỡ các xã theo chương trình 135 giải quyết dứt điểm việc đăng ký khai sinh, đăng ký kết hôn, khai tử ở các xã còn lại.

8. Tiếp tục triển khai chương trình hành động của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp. Đồng thời triển khai quán triệt các kết luận và chương trình hành động thực hiện các kết luận Trung ương 6 khóa IX, thực hiện tốt việc đánh giá bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, sắp xếp luân chuyển cán bộ theo chủ trương của Tỉnh ủy.

9. Các huyện, thị xã biên giới và các ngành tiếp tục chuẩn bị triển khai các nội dung để làm việc với châu Hồng Hà, tỉnh Vân Nam - Trung Quốc theo Công văn số 1094, ngày 16-9-2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

10. Hội đồng thi đua khen thưởng của tỉnh cần khen thưởng kịp thời đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc (đột xuất, thường xuyên). Đặc biệt là trong công tác đấu tranh phòng, chống ma túy và tội phạm.

Thừa lệnh Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy thông báo kết luận của đồng chí Nguyễn Đức Thắng, để các cơ quan liên quan biết và tổ chức thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**PHÓ VĂN PHÒNG
PHẠM VĂN LIÊN**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 432-TB/TU, ngày 11-10-2002

**Về kết luận của Thường trực Tỉnh ủy
tại Hội nghị giao ban ngày 11-10-2002**

Ngày 11-10-2002, Thường trực Tỉnh ủy họp dưới sự chủ trì của đồng chí Giàng Seo Phử, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy. Cùng dự họp có: Đồng chí Nguyễn Đức Thăng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy; đồng chí Bùi Quang Vinh, Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

Sau khi nghe và thảo luận nội dung Tờ trình số 214-TT/CCB, ngày 9-10-2002 của Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh tỉnh Lào Cai về việc xin bổ sung kinh phí Đại hội Hội Cựu chiến binh tỉnh Lào Cai lần thứ III (nhiệm kỳ 2002-2007), Thường trực Tỉnh ủy thống nhất ý kiến như sau:

- Đồng ý bổ sung đại biểu mời là Hội Cựu chiến binh tỉnh Lai Châu, Sơn La và đại diện Quân khu II; các Bí thư Huyện ủy: Than Uyên, Bảo Yên, Văn Bàn, Sa Pa, Bát Xát, Bắc Hà, Si Ma Cai; các sở, ban, ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giáo dục - Đào tạo, Hội Chữ thập đỏ, Ban Tổ chức chính quyền; đồng chí Nguyễn Quý Đăng, nguyên Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đồng ý để Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh tỉnh khóa II chuẩn bị quà tặng (là đồng hồ treo tường) cho 7 đồng chí Ủy viên

Ban Chấp hành Hội khóa II không tái cử Ủy viên Ban Chấp hành hội khóa III.

- Đồng ý để Hội Cựu chiến binh tỉnh Lào Cai xuất bản báo chuyên trang.

- Thời gian tiến hành Đại hội Hội Cựu chiến binh tỉnh lần thứ III từ ngày 24-10 đến ngày 25-10-2002.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng thẩm định và cấp bổ sung kinh phí tạo điều kiện để Hội Cựu chiến binh tỉnh Lào Cai tổ chức thành công đại hội Hội Cựu chiến binh tỉnh lần thứ III.

Thừa lệnh Ban Thường vụ, Văn phòng Tỉnh ủy thông báo để các cơ quan, đơn vị, cá nhân biết và tổ chức thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG

PHẠM NGỌC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 434-TB/TU, ngày 15-10-2002

Về kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại Hội nghị giao ban ngày 11-10-2002

Ngày 11- 10- 2002, Thường trực Tỉnh ủy họp dưới sự chủ trì của đồng chí Giàng Seo Phử, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy. Cùng dự họp có: Đồng chí Nguyễn Đức Thăng - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy; đồng chí Bùi Quang Vinh, Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

Sau khi nghe và thảo luận một số nội dung chỉ đạo tổ chức Đại hội Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh Lào Cai lần thứ V do Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy trình,

Thường trực Tỉnh ủy thống nhất ý kiến như sau:

1. Về dự kiến nhân sự Ban Chấp hành Hội (khóa V):

- Số lượng Ủy viên Ban Chấp hành: 7 Ủy viên.
- Cơ cấu: Có từ 1 đến 2 Ủy viên Ban Chấp hành là người dân tộc thiểu số, trong đó có 1 nữ.
- Thường trực Ban Chấp hành Hội: Tỉnh ủy giới thiệu để Đại hội bầu:

- + Đồng chí Nguyễn Ngọc Dương: Chủ tịch.
- + Đồng chí Phùng Văn Chiến: Phó Chủ tịch.

Giới thiệu 8 người để bầu lấy 7 Ủy viên Ban Chấp hành Hội.

Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy chỉ đạo Ban Chấp hành Hội (khóa IV)

thực hiện tốt công tác bầu cử Ban Chấp hành Hội khóa V theo ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy.

2. Đồng ý với Công văn số 157/TG, ngày 11-10-2002 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy về việc thẩm định văn kiện Đại hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh lần thứ V.

- Tên gọi của Hội: Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh Lào Cai.

- Chức năng của Hội: Vẫn giữ nguyên như trước vì chưa có văn bản hướng dẫn của các cấp, bộ, ngành Trung ương.

Giao Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo Ban Chấp hành Hội Văn học - Nghệ thuật chỉnh sửa các dự thảo văn kiện Đại hội Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh lần thứ V.

3. Thời gian tiến hành Đại hội: Từ ngày 31-10 đến 1-11-2002.

4. Về khách mời: Nhất trí với Tờ trình của Hội Văn học - Nghệ thuật.

5. Về việc xét tặng giải thưởng Văn học - Nghệ thuật Phan Xi Păng lần thứ I.

Giao Hội đồng nghệ thuật tỉnh Lào Cai xét tặng theo quy chế và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Thừa lệnh Ban Thường vụ, Văn phòng Tỉnh ủy thông báo để các cơ quan, đơn vị, cá nhân biết và căn cứ chức năng nhiệm vụ thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG

PHẠM NGỌC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 436-TB/TU, ngày 15-10-2002

**Về kết luận của đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
tại Hội nghị sơ kết 9 tháng công tác 184
và thực hiện Quy chế dân chủ**

Ngày 7-10-2002, Tỉnh ủy Lào Cai và Ban chỉ đạo cấp tỉnh tổ chức Hội nghị sơ kết 9 tháng công tác 184 và thực hiện Quy chế dân chủ. Đồng chí Nguyễn Đức Thăng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Trưởng ban chỉ đạo công tác 184 và Quy chế dân chủ tỉnh Lào Cai chủ trì Hội nghị. Tới dự Hội nghị có các đồng chí Giàng Thị Mỹ, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Dân vận - Dân tộc Tỉnh ủy, đồng chí Trần Nguyên, Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các đồng chí phó bí thư thường trực, trưởng, phó ban chỉ đạo các huyện, thị, đảng bộ trực thuộc, lãnh đạo công an tỉnh, bộ đội biên phòng tỉnh, công an các huyện, thị, các đồng chí Trưởng ban Dân vận - Dân tộc các huyện, thị thay mặt cho Ban chỉ đạo công tác 184 và Quy chế dân chủ ở cơ sở các huyện, thị.

Sau khi nghe 2 bản báo cáo sơ kết kết quả 9 tháng đầu năm 2002 và thảo luận của các đại biểu trong Hội nghị, đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy kết luận như sau:

1. Về công tác 184

Trong 9 tháng qua, trong vùng các xã có tình hình truyền đạo Tin Lành trái phép nhờ được giáo dục, vận động để nhân dân hiểu biết các

chủ trương cũng như sự quan tâm toàn diện của tỉnh của huyện, vì vậy an ninh chính trị được giữ vững, trật tự, an toàn xã hội bảo đảm, đời sống mọi mặt của nhân dân các dân tộc ngày càng được cải thiện, lòng tin vào Đảng và Nhà nước không ngừng được nâng lên. Tuy nhiên, hiện nay trên địa bàn tỉnh Lào Cai tình hình lợi dụng hoạt động tôn giáo có nhiều diễn biến phức tạp, yêu cầu tất cả các huyện, thị phải tăng cường bám sát cơ sở nắm mọi diễn biến, nhất là diễn biến về tư tưởng của nhân dân vùng đang bị lợi dụng tôn giáo. Cần làm tốt hơn công tác tuyên truyền, các huyện, thị xã cần xây dựng đội ngũ “cộng tác viên”, “tuyên truyền viên” trong đó chú ý phát huy vai trò của những người có uy tín trong cộng đồng người tiêu biểu trong các dân tộc để vận động nhân dân các dân tộc không theo đạo trái phép và di dịch cư tự do.

- Hoàn thiện các hương ước, quy ước và tổ chức thực thi trên thực tế để thực hiện quản lý địa bàn, quản lý dân cư theo phương châm: “Lấy quần chúng quản lý quần chúng” và quản lý địa bàn. Bên cạnh đó cần phát động các phong trào nhân dân và chọn từng công việc cụ thể phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương, thực hiện phương châm nơi thuận lợi phải giải quyết ổn định có tính vững chắc, nơi phức tạp khoan lại không để lây lan về địa bàn và đối tượng theo đạo Tin Lành trái phép.

- Tập trung xây dựng hệ thống chính trị từ cơ sở theo hướng “trong sạch, vững mạnh” song song với việc chăm lo đời sống mọi mặt của nhân dân. Nâng cao vai trò tham mưu về trách nhiệm của các cấp, các ngành, của các tổ công tác tăng cường trong việc giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh từ cơ sở.

- Quản lý chặt chẽ các đối tượng có hành vi vi phạm pháp luật, có hồ sơ chi tiết đối với từng loại đối tượng, không để các vấn đề phức tạp phát sinh, không có “sơ hở” để kẻ địch lợi dụng, xuyên tạc chính sách đại đoàn kết các dân tộc của Đảng và Nhà nước.

2. Về việc thực hiện Quy chế dân chủ

Đây là công việc thường xuyên, là nguồn lực để tạo lên sức mạnh và khai thác tốt nguồn lực tại chỗ của cơ sở (cơ quan, doanh nghiệp,

xã, phường) trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị hiện nay. Do vậy, yêu cầu các cấp lãnh đạo trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, các doanh nghiệp nhà nước phải nêu cao trách nhiệm thực hiện đầy đủ có hiệu quả nội dung Quy chế dân chủ thuộc các loại hình, đồng thời yêu cầu các cấp, các ngành cần tập trung thực hiện cho tốt. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng cần phát huy vai trò của tổ chức mình, vận động đoàn viên, hội viên tăng cường kiểm tra và thực hiện Quy chế dân chủ, nhân dân yên tâm lao động sản xuất, đẩy mạnh cuộc vận động “toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư”.

Nhất trí thành lập các đoàn kiểm tra thực hiện Quy chế dân chủ theo kế hoạch của Ban Dân vận - Dân tộc Tỉnh ủy trình Ban Thường vụ, song yêu cầu các Đảng bộ trực thuộc tổ chức tự kiểm tra là chính.

Thừa lệnh Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy đề nghị các Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, các cấp, các ngành có liên quan thực hiện tốt các kết luận trên.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG
PHẠM VĂN LIÊN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 74-BC/TU, ngày 18-10-2002

**Tổng kết 5 năm thực hiện Quy định số 17-QĐ/TW,
ngày 10-12-1996 của Bộ Chính trị (khóa VIII)
về nhiệm vụ của đảng viên khi ra nước ngoài**

Thực hiện Công văn số 1916-CV/VPTW, ngày 21-6-2002 của Văn phòng Trung ương Đảng về việc tổng kết Quy định số 17-QĐ/TW, ngày 10-12-1996 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về nhiệm vụ của đảng viên khi ra nước ngoài;

Căn cứ vào Hướng dẫn số 321-HD/BCSĐNN, ngày 13-6-2002 của Ban cán sự Đảng ngoài nước về việc tổng kết 5 năm thực hiện Quy định 17-QĐ/TW (1996-2001), Tỉnh ủy Lào Cai báo cáo tình hình triển khai thực hiện Quy định 17-QĐ/TW theo những nội dung sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH LÀO CAI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN QUY ĐỊNH 17-QĐ/TW

1. Đặc điểm chung

Lào Cai là một tỉnh vùng cao, biên giới, nằm ở phía tây bắc của Tổ quốc, với dân số trên 60 vạn người, gồm 27 dân tộc anh em, có 9 huyện và 1 thị xã, 180 xã, phường, thị trấn (trong đó có 26 xã, phường biên giới). Hạ tầng cơ sở nhìn chung còn thấp, đời sống của nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, trình độ dân trí thấp, phong tục tập quán một số

nơi còn lạc hậu... là những yếu tố gây nên sự khó khăn, phức tạp trong việc lãnh đạo, quản lý và điều hành.

Tỉnh Lào Cai có đường biên giới với Trung Quốc dài 203,5 km (trong đó có 104 km đất liền, còn lại là đường sông); có 1 cửa khẩu quốc tế; 2 cửa khẩu quốc gia và nhiều đường tiểu ngạch, giao lưu đi lại giữa hai nước thuận lợi.

Một số đảng viên ở các xã vùng cao, giáp biên có mối quan hệ thân tộc, dân tộc do việc qua lại biên giới ở các đường tiểu ngạch dễ dàng hoặc do nhận thức đơn giản, không đầy đủ nên đã tự ý qua lại biên giới không báo cáo tổ chức đảng.

Từ khi bình thường hóa quan hệ Việt - Trung, chúng ta đã chủ động xây dựng biên giới láng giềng hữu nghị, hợp tác cùng phát triển kinh tế. Bên cạnh những thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội, nảy sinh những vấn đề phức tạp trong công tác quản lý đường biên như việc: Xâm canh, xâm cư; xuất cảnh, nhập cảnh trái phép; buôn lậu, bắt cóc người bán sang Trung Quốc, lừa đảo... những yếu tố trên có ảnh hưởng đến việc thực hiện Quy định 17-QĐ/TW của Bộ Chính trị.

- Một số đoàn, một số cán bộ, đảng viên ở các tỉnh bạn đến Lào Cai công tác, thăm quan... đã kết hợp sang tham quan Trung Quốc (đi về trong ngày) nhưng có trường hợp chưa thực hiện đúng các thủ tục theo quy định, đi theo các đường tiểu ngạch không làm thủ tục, giấy thông hành qua biên giới.

2. Tình hình tổ chức đảng và đảng viên (số liệu tính đến tháng 11-2001 - tính theo thời gian tổng kết Quy định 17-QĐ/TW)

Toàn tỉnh Lào Cai có 18.185 đảng viên; 580 tổ chức cơ sở đảng của 16 Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy.

Kết quả phân xếp loại tổ chức cơ sở đảng và đảng viên năm 2001 như sau:

- + Chi, đảng bộ đạt trong sạch, vững mạnh là 447, chiếm 77,07%;
- + Chi, đảng bộ đạt khá là 125, chiếm 21,55 %;
- + Chi, Đảng bộ đạt yếu là 8, chiếm 1,38%;

Đảng viên loại 1 đạt 86,02%; loại 2 đạt 13,06%; loại 3 đạt 0,83%; loại 4 đạt 0,09%.

Tình hình xử lý vi phạm kỷ luật từ 1996-2000 như sau:

+ Tổ chức cơ sở đảng vi phạm kỷ luật là 14.

+ Đảng viên bị thi hành kỷ luật là 603 đồng chí (trong đó vi phạm nguyên tắc, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng là 225 đồng chí; tham nhũng, vi phạm nguyên tắc quản lý kinh tế là 270 đồng chí, mất đoàn kết nội bộ, vi phạm phẩm chất đạo đức là 178 đồng chí).

Tình hình nội bộ các cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội ở Lào Cai ổn định. Mỗi đoàn kết giữa các dân tộc được tăng cường củng cố. Cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc tỉnh Lào Cai đoàn kết, tin tưởng, phấn đấu thi đua quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII. Tuy nhiên, trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới; khu vực và trong nước: Một số cán bộ, đảng viên nhất là cán bộ cấp cơ sở còn lơ là, mất cảnh giác trong việc quan hệ tiếp xúc với người nước ngoài, chưa thực sự cảnh giác trước những âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, chưa thực sự nghiêm túc trong việc thực hiện chế độ báo cáo của đảng viên khi ra nước ngoài công tác, học tập, tham quan, du lịch,...

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY ĐỊNH 17-QĐ/TW Ở ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI

1. Tổ chức, quán triệt và triển khai thực hiện Quy định 17-QĐ/TW

Sau khi có Quy định 17-QĐ/TW của Bộ Chính trị và Hướng dẫn 01 của Ban Tổ chức Trung ương. Tỉnh ủy đã giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp cùng với Văn phòng Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch quán triệt Quy định 17-QĐ/TW; lập kế hoạch hướng dẫn các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc; các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, các sở, ban,

ngành, đoàn thể trong tỉnh tổ chức triển khai đến từng chi, Đảng bộ và đảng viên ở các cơ sở nghe, hiểu để thực hiện.

Các cấp ủy trực thuộc tỉnh triển khai bằng nhiều hình thức như: Mở Hội nghị Ban Chấp hành mở rộng; triệu tập các đồng chí bí thư hoặc phó bí thư chi, Đảng bộ quán triệt sau đó về triển khai tới đảng viên; sao lục Quy định 17-QĐ/TW gửi cho các chi, đảng bộ cơ sở để tổ chức quán triệt tới toàn thể đảng viên... Thực hiện kế hoạch tổng kết 5 năm thực hiện Quy định 17-QĐ/TW, qua theo dõi, tổng hợp báo cáo của các cấp ủy trực thuộc tỉnh, kết quả 100% tổ chức đảng và 95% trở lên đảng viên được tổ chức quán triệt thực hiện Quy định 17-QĐ/TW. Một số cán bộ, đảng viên do lý do, điều kiện công tác nên chưa được tổ chức quán triệt ngay từ đợt đầu.

Do làm tốt công tác tổ chức quán triệt và triển khai Quy định 17-QĐ/TW nên các cấp ủy nhận thức rõ nhiệm vụ trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý đảng viên khi ra nước ngoài. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho đảng viên, nâng cao giác ngộ cách mạng, lập trường quan điểm, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, khi đảng viên ra nước ngoài công tác, học tập, tham quan, chấp hành tốt các quy định hiện hành của Nhà nước, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như pháp luật nước sở tại.

Tuy nhiên, qua kiểm điểm 5 năm thực hiện Quy định 17-QĐ/TW tại Đảng bộ tỉnh Lào Cai vẫn còn một số tồn tại, khó khăn trong công tác quản lý là:

- + Một số cán bộ, đảng viên ở các xã giáp biên giới do những mục đích cá nhân như đi tìm trâu, ngựa bị mất hoặc sang biên giới (Trung Quốc) thăm thân nhân không báo cáo nên đã vi phạm các quy định, dù là do nhận thức đơn giản nhưng khi tổ chức đảng phát hiện đều xử lý nghiêm túc (huyện Mường Khương phát hiện và xử lý 4 trường hợp).

- + Việc chấp hành chế độ báo cáo sau chuyển đi nước ngoài cơ bản thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, nhưng vẫn có những đảng viên ra nước ngoài về chưa báo cáo.

+ Là một tỉnh có 1 cửa khẩu quốc tế, 2 cửa khẩu quốc gia với nước bạn Trung Quốc thường xuyên có các đoàn trong nước lên công tác, tham quan, du lịch và làm thủ tục xuất cảnh qua biên giới bằng giấy thông hành, có tình trạng cán bộ, đảng viên trong tỉnh dẫn đoàn đi mà không báo cáo với tổ chức đảng theo quy định dẫn đoàn đi theo các đường tiểu ngạch hoặc các đường nhân dân qua lại biên giới buôn bán, trao đổi hàng hóa.

2. Tổng kết về nhiệm vụ của đảng viên khi ra nước ngoài

Qua 5 năm (1996-2001) thực hiện Quy định 17-QĐ/TW của Bộ Chính trị, Đảng bộ Lào Cai đặc biệt quan tâm, chú trọng đến công tác tuyển chọn, sử dụng cán bộ, đảng viên ra nước ngoài công tác, học tập, tham quan theo các dự án tài trợ của Nhà nước, các tổ chức kinh tế - xã hội, bảo đảm tuyển chọn đúng người, đúng việc, đúng nguyên tắc và bảo đảm chất lượng.

- Nhìn chung số cán bộ, đảng viên được cử đi nước ngoài do các cấp ủy đảng tuyển chọn đều có bản lĩnh chính trị vững vàng, có ý thức tổ chức kỷ luật và nêu cao tinh thần cảnh giác, không bị các thế lực thù địch lôi kéo, mua chuộc, lợi dụng móc nối, bảo đảm giữ bí mật quốc gia... không có cán bộ, đảng viên nào không trở về hoặc kéo dài thêm thời gian. Không có đảng viên nào kết hôn với người nước ngoài hoặc nhập quốc tịch nước ngoài.

- Việc chọn cử, xét duyệt cán bộ, đảng viên đi nước ngoài được thực hiện theo sự phân cấp quản lý cán bộ. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã đưa quy định về việc xét duyệt cán bộ, đảng viên đi nước ngoài vào quy chế hoạt động. Ban Thường vụ Tỉnh ủy có quy định cụ thể về quy trình xét duyệt cán bộ, đảng viên đi nước ngoài bao gồm: Cơ quan chủ quản có công văn đề nghị, cấp ủy có thẩm quyền ra thông báo; cơ quan Nhà nước ra quyết định cán bộ, đảng viên thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định, sau chuyến đi công tác có báo cáo kết quả với cấp ủy quản lý. Thường trực Tỉnh ủy xét duyệt, ra thông báo đối với các trường hợp cán bộ, đảng viên thuộc diện Tỉnh ủy quản lý đi nước ngoài.

3. Thực hiện chế độ sinh hoạt đảng theo Quy định 17-QĐ/TW

Trong 5 năm vừa qua, Đảng bộ tỉnh Lào Cai không có đồng chí nào cắt chuyển sinh hoạt đảng tạm thời hoặc chính thức ra nước ngoài. Vì thời gian các đồng chí đi ra nước ngoài đều dưới 30 ngày (có biểu thống kê kèm theo). Riêng có 2 đồng chí (1 đồng chí đi Pháp 30 ngày; 1 đồng chí đi Philíppin 32 ngày) nhưng do tính chất, nhiệm vụ chuyển đi và căn cứ vào thành phần đoàn đi cùng với thời gian ngắn, do đó được phép của Tỉnh ủy 2 đồng chí đi trong thời gian trên không cắt chuyển sinh hoạt đảng tạm thời ra nước ngoài.

4. Công tác kiểm tra theo Quy định 17-QĐ/TW

Việc kiểm tra cán bộ, đảng viên thực hiện Quy định 17-QĐ/TW được các cấp ủy, chi, đảng bộ thường xuyên nhắc nhở giáo dục, kiểm tra chặt chẽ, bảo đảm đúng nguyên tắc, Điều lệ Đảng, đúng với quy định của pháp luật. Do đó trong 5 năm thực hiện Quy định 17-QĐ/TW ở Đảng bộ tỉnh Lào Cai đã thực hiện tốt các yêu cầu nội dung và hiệu quả trong công việc cán bộ, đảng viên đi nước ngoài. Cán bộ, đảng viên khi ra nước ngoài đều chấp hành tốt 8 nhiệm vụ quy định trong Quy định 17-QĐ/TW. Qua kiểm tra theo dõi phát hiện 4 cán bộ, đảng viên ở cơ sở giáp biên do nhận thức chưa đầy đủ và do mục đích cá nhân như đi tìm tài sản trâu, ngựa... bị mất hoặc qua biên giới thăm thân không báo cáo tổ chức đảng vi phạm vào nhiệm vụ 2 trong Quy định 17-QĐ/TW cấp ủy chủ quản đã phát hiện và xử lý nghiêm túc: 1 đồng chí khiển trách; xóa tên 1 đồng chí (đảng viên dự bị), cảnh cáo 1 đồng chí, cách chức bí thư chi bộ xã 1 đồng chí; về dân tộc: Dao đỏ 2 đồng chí; Mông 1 đồng chí; Nùng 1 đồng chí. Đây là những việc làm chủ quan của cán bộ, đảng viên ở cơ sở, nhưng cấp ủy đã thực hiện rất nghiêm túc Quy định 17-QĐ/TW.

5. Đánh giá tổng quát và đề xuất kiến nghị

Qua 5 năm thực hiện Quy định 17-QĐ/TW của Bộ Chính trị, Đảng bộ tỉnh Lào Cai luôn xác định trách nhiệm công tác quản lý cán bộ,

đảng viên khi ra nước ngoài là một nhiệm vụ quan trọng và hết sức cần thiết trong công tác quản lý đảng viên, có ý nghĩa giáo dục chính trị sâu sắc, nâng cao tinh thần trách nhiệm của người đảng viên, giác ngộ bản lĩnh chính trị, phát huy phẩm chất đạo đức và ý thức tổ chức kỷ luật của người đảng viên cộng sản, góp phần ngăn chặn những âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.

Từ những nhận thức trên các cấp ủy đã đưa công tác quản lý, cán bộ, đảng viên vào nền nếp, góp phần phát huy tính hiệu lực của Quy định 17-QĐ/TW.

Đề xuất, kiến nghị:

Trong quá trình thực hiện Quy định 17-QĐ/TW tại Đảng bộ tỉnh Lào Cai cơ bản đã phù hợp với điều kiện thực tế tại tỉnh. Tuy nhiên có những phần việc do đặc điểm, tình hình của địa phương trong 5 năm qua chưa thực hiện đến (như phần chuyển sinh hoạt đảng) không có đóng góp, bổ sung gì thêm. Về phần quy định, thủ tục xét duyệt cán bộ, đảng viên đi nước ngoài xin kiến nghị:

- Lào Cai là một tỉnh có biên giới giáp Trung Quốc, được Trung ương cho phép các tỉnh biên giới chủ động hội đàm, hợp tác với các tỉnh của Trung Quốc để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Để chủ động trong việc gặp gỡ, trao đổi, hợp tác, đề nghị Trung ương cho phép Ban Thường vụ Tỉnh ủy được phép cử và làm thủ tục cho các đồng chí lãnh đạo và cán bộ, đảng viên của tỉnh sang Trung Quốc ký kết, hội đàm các nội dung mà Trung ương cho phép trong thời gian ngắn (dưới 1 tuần).

Đề nghị Trung ương có quy định về các đoàn khách của Trung ương và các tỉnh bạn lên Lào Cai công tác, thăm quan được phép kết hợp sang thăm Trung Quốc (đi về trong ngày) để Lào Cai làm các thủ tục hợp lý, hợp pháp cho các đoàn đi. Tránh tình trạng vận dụng, thực hiện không đúng quy định và có khi tùy tiện, nể nang. Có quy định cụ thể về thủ tục và chế độ báo cáo đối với các cơ quan trong tỉnh, các đoàn, các cá nhân cán bộ, đảng viên ở các tỉnh bạn đến Lào Cai và sang Trung Quốc.

Để tăng cường và phát huy tính hiệu quả của Quy định 17-QĐ/TW, Tỉnh ủy Lào Cai cần tiếp tục tập trung lãnh đạo thực hiện tốt hơn những công việc sau:

- Cấp ủy các cấp tiếp tục tăng cường hơn nữa việc quán triệt Quy định 17-QĐ/TW cho đảng viên hiểu và nắm chắc nội dung để áp dụng khi được cử đi nước ngoài công tác, học tập.

- Cần quy định và kiểm tra chặt chẽ hơn việc chấp hành chế độ báo cáo (bằng văn bản) mục đích chuyến đi và kết quả khi trở về nước gửi về Tỉnh ủy (thông qua Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, và cấp ủy nơi sinh hoạt đảng) để lưu vào hồ sơ cán bộ, đảng viên.

- Tăng cường công tác giáo dục cho cán bộ, đảng viên về tinh thần cảnh giác, an ninh chủ quyền biên giới quốc gia. Nhất là cán bộ, đảng viên ở cơ sở, xã giáp biên để ngăn chặn các biểu hiện lơ là, mất cảnh giác, tùy tiện qua lại biên giới, không thực hiện đúng các quy định của Đảng và Nhà nước.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 454-TB/TU, ngày 5-11-2002

Về ý kiến kết luận của Thường trực Tỉnh ủy

Ngày 5-11-2002, Thường trực Tỉnh ủy họp, đồng chí Giàng Seo Phủ, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy chủ trì. Cùng dự có các đồng chí: Nguyễn Đức Thăng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Bùi Quang Vinh, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Sau khi nghe Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy báo cáo, Thường trực Tỉnh ủy kết luận một số vấn đề sau:

1. Đồng ý tổ chức lớp bồi dưỡng tạo nguồn cán bộ cơ sở cho các xã đặc biệt khó khăn theo nội dung Tờ trình số 1140/TTBCH, ngày 5-11-2002 của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Lào Cai.

2. Đồng ý xử lý theo quy định của pháp luật đối với vụ án “hủy hoại rừng” tại Tiểu khu 265, thị trấn Sa Pa, tỉnh Lào Cai như nội dung Tờ trình số 01/BCLN, ngày 28-10-2002 của liên ngành: Công an, Viện Kiểm sát, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

3. Đồng ý mời đồng chí Thiệu Kỳ Vĩ - Phó tỉnh trưởng tỉnh Vân Nam, Trung Quốc sang thăm và làm việc (không chính thức) với tỉnh Lào Cai vào ngày 23-11-2002.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh mời và chuẩn bị các nội dung, điều kiện để đón tiếp đồng chí Thiệu Kỳ Vĩ.

4. Căn cứ kết quả làm việc của đoàn đại biểu tỉnh Lào Cai với đoàn đại biểu Chính phủ nhân dân Châu Hồng Hà, Trung Quốc ngày

3-11-2002, Thường trực Tỉnh ủy đồng ý cử đoàn công tác của tỉnh Lào Cai sang thăm và làm việc tại Châu Hồng Hà, Trung Quốc vào tháng 12-2002.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch, nội dung làm việc và dự kiến thành phần tham gia đoàn, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại kỳ họp ngày 25 - 26-11-2002.

5. Đồng ý Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy tổ chức “Hội nghị tổng kết công tác kiểm tra năm 2002 và đón nhận Huân chương Lao động hạng ba” vào ngày 22-11-2002.

6. Đồng ý trang bị điện thoại di động cho Thư ký Bí thư Tỉnh ủy. Chế độ thanh toán tiền điện thoại được hưởng như Phó Văn phòng Tỉnh ủy. Giao Văn phòng Tỉnh ủy triển khai thực hiện.

Thừa lệnh Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy thông báo để các đơn vị và cá nhân căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG
PHẠM NGỌC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 455-TB/TU, ngày 7-11-2002

**Về kết luận của đồng chí Bùi Quang Vinh,
Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
tại Hội nghị giao ban nội chính ngày 6-11-2002**

Ngày 6-11-2002 tại Sở Tư pháp, đồng chí Bùi Quang Vinh, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì phiên họp giao ban khối Nội chính. Sau khi nghe báo cáo tổng hợp tình hình của Văn phòng Tỉnh ủy; ý kiến phát biểu của lãnh đạo các ngành trong khối Nội chính, đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã kết luận:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THÁNG 10-2002

1. Các huyện, thị và các ngành đã triển khai thực hiện tốt các chủ trương của Trung ương, kết luận của Thường trực Tỉnh ủy; đã tổ chức nắm địa bàn khá tốt, kịp thời phối hợp giải quyết các vụ việc xảy ra. Việc tổ chức giao ban Nội chính và thực hiện chế độ báo cáo của các huyện, thị và cơ quan khối Nội chính của tỉnh bảo đảm theo quy định của Thường trực tỉnh ủy.

2. Tình hình an ninh - chính trị, trật tự, an toàn xã hội và quan hệ hợp tác giữa Hà Khẩu - Vân Nam - Trung Quốc với thị xã Lào Cai được tăng cường, giữ vững tình đoàn kết và hữu nghị.

II. MỘT SỐ CÔNG VIỆC CẦN TẬP TRUNG QUAN TÂM GIẢI QUYẾT TRONG THÁNG 11 - 2002

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với các cơ quan khối Nội chính, bảo đảm mục tiêu tăng cường đoàn kết giữ vững an ninh chính trị, an ninh biên giới và trật tự, an toàn xã hội. Nắm chắc tình hình hoạt động đạo Tin Lành. Tăng cường trách nhiệm cán bộ lãnh đạo trong hệ thống chính trị, các ngành các cấp, tăng cường kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ tại các đơn vị cơ sở. Thường xuyên quan tâm làm tốt công tác tiếp dân và giải quyết dứt điểm những vụ việc liên quan đến khiếu nại, tố cáo còn tồn đọng tránh đùn đẩy, dây dưa kéo dài. Quan tâm giải quyết tốt công tác đền bù giải phóng mặt bằng, khu tái định cư.

2. Các huyện, thị và các ngành (công an, tòa án, viện kiểm sát và tư pháp) tiến hành lập báo cáo về việc thực hiện Chương trình hành động số 14-CT/TU, ngày 15-5-2002 của Tỉnh ủy và báo cáo kết quả thực hiện theo Kế hoạch số 01-KH/BCĐCCTP, ngày 18-10-2002 (theo Công văn số 889-CV/TU, ngày 1-11-2002 của Tỉnh ủy Lào Cai).

3. Các cơ quan trong khối Nội chính phối hợp chặt chẽ với các huyện, thị, thành viên Ban chỉ đạo 127 của tỉnh, Ban quản lý kinh tế cửa khẩu thị xã Lào Cai, Chi cục quản lý thị trường để thực hiện tốt Công điện số 17-CD/UB, ngày 27-8-2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp tục thực hiện phương án chống buôn lậu và gian lận thương mại.

4. Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh tiến hành sơ kết Chỉ thị 04-CT/TU, ngày 15-5-2001 của Tỉnh ủy Lào Cai về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp nhận, xử lý tin báo tội phạm và vi phạm pháp luật.

5. Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật tiếp tục triển khai các hoạt động tuyên truyền pháp luật đợt II, hướng về cơ sở, nhất là các địa bàn vùng sâu, vùng đặc biệt khó khăn, những nơi thường xảy ra các vụ trọng án và nơi có đạo trái phép.

6. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan trong khối Nội chính, trong công tác phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Tập trung tiến độ điều tra để đưa ra truy tố, xét xử vụ án chiếm đoạt hoàn thuế

VAT của doanh nghiệp Hoàng Long, vụ Nguyễn Thị Hồng doanh nghiệp Hà Quang lừa đảo chiếm đoạt tài sản Nhà nước, vụ trộm cắp viễn thông, vụ buôn lậu lá thuốc lá và chống người thi hành công vụ. Riêng vụ đường 58 mét (Lào Cai - Cam Đường) tiếp tục điều tra làm rõ, trước khi xử lý các ngành làm án cần báo xin ý kiến Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh. Đồng thời phối hợp chặt chẽ với chính quyền cơ sở thực hiện nghiêm chỉnh Quyết định số 45-QĐ/UB, ngày 8-2-2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo thi hành án dân sự.

7. Các huyện, thị biên giới, Ban Ngoại vụ và Biên giới và các ngành quản lý biên giới tổ chức tốt công tác bảo vệ biên giới, phải cương quyết, song mềm dẻo và khôn khéo, bảo đảm giữ gìn tình hữu nghị đoàn kết giữa hai quốc gia. Các hoạt động đối ngoại với một số địa phương trong và ngoài nước trên tinh thần hữu nghị, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động kinh tế đối ngoại nói riêng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung. Ban chỉ đạo phân giới cắm mốc của tỉnh tiếp tục kiện toàn tổ chức và hoạt động của nhóm phân giới cắm mốc số 3 để làm tốt công tác phân giới cắm mốc trên địa bàn tỉnh.

8. Từ các đợt giao Nội chính lần sau, ngoài nội dung đánh giá hoạt động về công tác nội chính, các ngành cần báo cáo rõ các vấn đề bảo đảm cho việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhất là việc tạo điều kiện thông thoáng môi trường đầu tư phát triển tại khu kinh tế trọng điểm của tỉnh. Các huyện, thị, các sở, ban, ngành triển khai chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai thực hiện các kết luận của Hội nghị Trung ương VI (khóa IX) theo kế hoạch chỉ đạo của tỉnh.

Thừa lệnh Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy thông báo kết luận của đồng chí Bùi Quang Vinh, để các cơ quan liên quan biết và tổ chức thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG
PHẠM VĂN LIÊN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 458-TB/TU, ngày 15-11-2002

Về kết quả Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ tám

Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh họp lần thứ tám, từ ngày 4 đến ngày 5-11-2002 do đồng chí Giàng Seo Phử, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy chủ trì. Hội nghị thông qua các nội dung:

1. Sơ kết tình hình công tác 9 tháng, phương hướng, nhiệm vụ quý IV năm 2002

Hội nghị thông qua báo cáo sơ kết tình hình công tác 9 tháng, phương hướng, nhiệm vụ quý IV năm 2002 do Ban Thường vụ Tỉnh ủy trình Ban Chấp hành. Nhiều ý tham gia của các đại biểu đã làm sáng tỏ và khẳng định thêm các vấn đề mà Đảng bộ đã làm được cũng như chưa làm được với những nguyên nhân cùng những giải pháp khắc phục trong thời gian còn lại của năm 2002. Trong 9 tháng qua, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn như: thiên tai, nguồn vốn hạn hẹp, nguồn nhân lực có nhiều hạn chế, trình độ quản lý, điều hành của đội ngũ cán bộ, nhất là ở cấp cơ sở còn chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ mới, song, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã nỗ lực phấn đấu đạt được những thành tựu rất đáng phấn khởi. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã khẩn trương phê duyệt 27 đề án, kế hoạch và nghị quyết chuyên đề và tổ chức triển khai một cách toàn diện, được các

cấp, các ngành và toàn thể nhân dân hưởng ứng thực hiện. Đến nay, một số mục tiêu, nhiệm vụ của năm 2002 đã hoàn thành; nhiều chỉ tiêu đạt cao hơn so với kế hoạch, một số chỉ tiêu khác đều có khả năng đạt và vượt kế hoạch năm 2002. Cơ cấu kinh tế và cơ cấu nội bộ ngành có sự chuyển dịch tích cực, một số sản phẩm mới ra đời có khả năng cạnh tranh trên thương trường. Hoạt động đối ngoại thu được nhiều kết quả, an ninh biên giới và chủ quyền quốc gia được giữ vững. Các tổ chức trong hệ thống chính trị tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động theo hướng gần dân, sát cơ sở, củng cố thêm lòng tin của nhân dân vào Đảng và chính quyền. Tuy nhiên, một số chỉ tiêu kế hoạch còn đạt ở mức thấp hơn so với kế hoạch, cần phải có sự cố gắng lớn trong thời gian còn lại của năm 2002.

Giao Văn phòng Tỉnh ủy tiếp thu ý kiến của các đại biểu chính sửa báo cáo trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy để ban hành.

2. Thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2003

Trên cơ sở phân tích, đánh giá những kết quả đạt được về phát triển kinh - tế xã hội 10 tháng qua, căn cứ vào điều kiện cụ thể của tỉnh, với tinh thần quyết tâm thực hiện thắng lợi 11 nhiệm vụ trọng tâm của năm 2002 và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, Hội nghị thống nhất xác định các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2003. Đồng thời yêu cầu các cấp, các ngành phải tranh thủ thời cơ thuận lợi, lường trước khó khăn, tập trung chỉ đạo đồng bộ, thống nhất giải quyết cơ bản những vấn đề bức xúc trong đời sống của nhân dân. Hội nghị xác định: Năm 2003 là năm tạo sự chuyển biến quan trọng của cấp huyện, năm chủ động của cấp xã; cấp tỉnh vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp với tình hình phát triển trong giai đoạn hiện nay, đẩy mạnh quan hệ đối ngoại. Tiến hành phân cấp mạnh hơn nữa cho cấp huyện và xã. Thực hành tiết kiệm, tận dụng các nguồn thu cho ngân sách, giảm chi ở những lĩnh

vực chưa cần thiết. Nhiệm vụ cơ bản cần tập trung trong năm 2003 là: xóa đói, giảm nghèo, hạn chế du canh, du cư tự do; giải quyết nước sinh hoạt, nước sản xuất cho nhân dân; ngăn chặn việc tái trồng cây thuốc phiện và tai nạn giao thông. Đầu tư có trọng điểm để phát triển mạnh kết cấu hạ tầng gắn với phát triển kinh tế hàng hóa góp phần nâng cao đời sống nhân dân; tạo sự tăng trưởng kinh tế với tốc độ cao, ổn định và bền vững.

Triệt để khai thác tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, nhất là Khu kinh tế cửa khẩu, du lịch, khai thác Khoáng sản... tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế. Đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm tạo môi trường thuận lợi cho mọi thành phần kinh tế, đồng thời thu hút mọi nguồn lực trong và ngoài nước để phát triển.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến của các đại biểu hoàn chỉnh báo cáo trình Hội đồng nhân dân tỉnh kỳ họp lần thứ 7 khóa XII và tổ chức giao kế hoạch sớm cho các ngành, các huyện, thị để triển khai thực hiện tốt.

3. Báo cáo kế hoạch xây dựng cơ bản năm 2003

Hội nghị thống nhất thông qua Báo cáo kế hoạch xây dựng cơ bản năm 2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội nghị. Năm 2003, việc xây dựng cơ bản phải được đầu tư tập trung, có trọng điểm, những vấn đề bức xúc, nhưng phải bám sát các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của năm 2003 và kế hoạch 5 năm 2000-2005 mà Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra qua 7 chương trình công tác trọng tâm với 27 đề án, kế hoạch và nghị quyết chuyên đề. Các lĩnh vực cần tập trung đầu tư: Khu thương mại Kim thành, Khu công nghiệp Bắc Duyên Hải, Khu công nghiệp Đông Phố Mới, Khu kinh tế cửa khẩu và các tuyến đường giao thông quan trọng, các chợ trung tâm ở một số nơi, các khu du lịch. Tích cực đôn đốc và tạo điều kiện thuận lợi để triển khai dự án của Trung ương trên địa bàn như: Tổ hợp đồng Sin Quyền, thủy điện Chu Linh, đường giao thông, khai thác và chế biến quặng sắt.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến của các đại biểu hoàn chỉnh báo cáo trình Hội đồng nhân dân tỉnh kỳ họp lần thứ 7 khóa XII và tổ chức triển khai thực hiện.

4. Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết phát triển kinh tế cửa khẩu, kinh tế đối ngoại và đề án phát triển kinh tế du lịch; phương hướng, nhiệm vụ trong giai đoạn tiếp theo

Hội nghị thông qua báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ban Chấp hành. Hội nghị khẳng định trong những năm qua, đặc biệt là từ khi triển khai thực hiện đề án kinh tế đối ngoại, đề án phát triển du lịch và Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai đã thu được những kết quả ban đầu rất phấn khởi, góp phần quan trọng vào việc phát triển chung của tỉnh. Quan hệ đối ngoại giữa tỉnh Lào Cai với các nước và các tổ chức quốc tế, đặc biệt là với tỉnh Vân Nam, Trung Quốc có bước chuyển biến tích cực, đang tạo nên tảng thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào địa bàn tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh về trước mắt cũng như lâu dài.

Khu kinh tế cửa khẩu với những chính sách thông thoáng và biện pháp quản lý hợp lý hơn nên đã tăng nguồn thu đáng kể cho ngân sách của tỉnh. Giá trị xuất, nhập khẩu, thu ngân sách Nhà nước khu vực kinh tế cửa khẩu tăng nhanh, kết cấu hạ tầng được đầu tư xây dựng đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Tuy nhiên, Hội nghị cũng khẳng định: hoạt động kinh tế đối ngoại, kinh tế cửa khẩu, kinh tế du lịch còn có một số tồn tại cần khắc phục đó là: cơ sở hạ tầng còn thiếu và yếu, chưa đồng bộ; chính sách thu hút đầu tư của tỉnh cần phải tiếp tục điều chỉnh cho phù hợp để thật sự hấp dẫn nhà đầu tư; giải quyết các thủ tục hoạt động thương mại, hải quan còn rườm rà, quản lý khu vực cửa khẩu chưa chặt chẽ, nguồn nhân lực làm công tác đối ngoại, công tác cửa khẩu và hoạt động du lịch chưa đáp ứng được yêu cầu. Những tồn tại trên phải được nhanh chóng khắc phục. Giao Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với các cơ

quan liên quan tiếp thu ý kiến của các đại biểu, hoàn chỉnh báo cáo trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy để ban hành báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết phát triển kinh tế đối ngoại, kinh tế cửa khẩu. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến của các đại biểu chỉnh sửa trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành báo cáo thực hiện đề án phát triển kinh tế du lịch.

Những kết quả đạt được của 10 tháng qua rất đáng phấn khởi, là nguồn cổ vũ, động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh có quyết tâm cao hơn thực hiện đạt và vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ của năm 2002, vững tin bước vào năm 2003, năm bản lề của kế hoạch 5 năm 2000-2005. Với ý nghĩa như vậy, yêu cầu các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, lãnh đạo các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội, các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc cần tập trung trí lực thực hiện tốt nhất các mục tiêu, nhiệm vụ còn lại của năm 2002 và chủ động triển khai phương hướng, nhiệm vụ của năm 2003 một cách kịp thời.

Trước mắt cần tập trung làm tốt một số nhiệm vụ sau:

Một là: Tiếp tục triển khai nội dung cơ bản của 7 chương trình công tác trọng tâm với 27 đề án, kế hoạch và nghị quyết chuyên đề đến cơ sở và xây dựng các đề án cụ thể để thực hiện. Động viên các tầng lớp nhân dân có quyết tâm cao thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của năm 2002, nhất là một số chỉ tiêu, kế hoạch hiện còn đạt ở mức thấp. Trong lĩnh vực nông nghiệp cần chú trọng quản lý giống cây con bảo đảm chất lượng, phù hợp với từng vùng, từng khu vực và kịp thời.

Hai là: Tiếp tục thực hiện cơ chế mới đổi đất lấy hạ tầng. Đối với một số huyện có điều kiện nhưng chưa thực hiện phải khẩn trương xây dựng đề án để triển khai. Các huyện, thị phải năng động, xây dựng được chương trình thu hút đầu tư vào địa bàn, tập trung thu hút nguồn lực để phát triển. Cấp xã, phường, thị trấn từng bước tự chủ trong việc điều hành, quản lý. Trong quá trình triển khai phải rất chú trọng và có biện pháp kiên quyết trong khâu giải phóng mặt bằng

bảo đảm tiến độ của các công trình. Quản lý và khai thác tốt các công trình đã đưa vào sử dụng một cách hiệu quả và bền vững.

Ba là: Đẩy mạnh việc đấu tranh phòng ngừa và ngăn chặn buôn bán, vận chuyển chất ma túy, hạn chế tai nạn giao thông, nhất là giao thông đường bộ. Có các giải pháp hữu hiệu và thái độ kiên quyết trong xử lý các phần tử lợi dụng hoạt động tôn giáo, truyền đạo trái phép; ngăn chặn tình trạng di cư tự do. Quan tâm xây dựng hệ thống chính trị, nâng cao hơn nữa chất lượng của đội ngũ cán bộ ở cơ sở ngày càng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới.

Bốn là: Các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc khẩn trương tổ chức sơ kết 3 năm thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 24-8-1999 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Hội Khuyến học Việt Nam; triển khai thực hiện Chỉ thị số 16-CT/TW, ngày 5-10-2002 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng dự bị động viên trong tình hình mới; Chỉ thị số 17-CT/TW, ngày 23-10-2002 của Ban Bí thư về phát triển thể dục, thể thao đến năm 2010; Công văn số 96-CV/TW, ngày 17-10-2002 của Ban Bí thư về sơ kết một năm thực hiện kết luận Hội nghị Trung ương 4 về “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), đẩy mạnh chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm”, tiến hành kiểm điểm tự phê bình và phê bình nghiêm túc và tổng kết năm 2002, bàn biện pháp triển khai và thực hiện nhiệm vụ năm 2003.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 464-TB/TU, ngày 18-11-2002

Về ý kiến kết luận của Thường trực Tỉnh ủy

Ngày 5-11-2002, Thường trực Tỉnh ủy họp, đồng chí Giàng Seo Phử, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy chủ trì. Cùng dự có các đồng chí: Nguyễn Đức Thăng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Bùi Quang Vinh, Phó Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Sau khi nghe Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy báo cáo, Thường trực Tỉnh ủy kết luận một số vấn đề sau:

1. Đồng ý thành lập Hội Luật gia tỉnh Lào Cai theo Công văn số 598/HLGVN, ngày 8-7-2002 của Đảng đoàn Hội Luật gia Việt Nam và Tờ trình số 375-TT/TP, ngày 22-8-2002 của Sở Tư pháp Lào Cai.

2. Đồng ý mua 1 (một) xe ô tô con TOYOTA CAMRY (V6) phục vụ công tác của Thường trực Tỉnh ủy.

Giao Văn phòng Tỉnh ủy thực hiện trong kế hoạch của năm 2003. Thừa lệnh Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy thông báo để các đơn vị và cá nhân căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**CHÁNH VĂN PHÒNG
PHẠM NGỌC THĂNG**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 465-TB/TU, ngày 18-11-2002

Về việc kéo dài thời gian mở Cửa khẩu quốc tế Lào Cai

Ngày 16-1-2002, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai họp dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Đức Thăng - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy đã kết luận như sau:

Đồng ý kéo dài thời gian mở cửa khẩu đến 22h (giờ Việt Nam) từ ngày 21-11 - 25-11-2002. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh bàn với phía Trung Quốc để thống nhất chủ trương; chỉ đạo các cơ quan chức năng tỉnh Lào Cai có biện pháp quản lý chặt chẽ vấn đề xuất, nhập cảnh, sau đó có báo cáo tình hình thực hiện về Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THĂNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 78-BC/TU, ngày 18-11-2002

Về tình hình thực hiện Đề án phát triển kinh tế du lịch giai đoạn 2001 - 2005 và 2010

Lào Cai có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch, có những cửa khẩu quốc tế, quốc gia trên địa bàn, tạo điều kiện mở rộng mối quan hệ giao lưu kinh tế - văn hóa - xã hội trong và ngoài nước. Những ưu thế về khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, những điểm du lịch nổi tiếng như Sa Pa - Bắc Hà và những truyền thống văn hóa lâu đời, phong phú của cộng đồng các dân tộc, là những điều kiện tốt để phát triển ngành kinh tế quan trọng này. Cùng với 7 chương trình công tác trọng tâm với 27 đề án, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy, Đề án phát triển kinh tế du lịch Lào Cai giai đoạn 2001-2005 - 2010 đã được triển khai thực hiện, bước đầu đã đem lại kết quả rất đáng phấn khởi.

***Phần thứ nhất* ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Sau hơn 1 năm Đề án phát triển kinh tế du lịch được thực thi, nhiều mục tiêu, nội dung của Đề án đã được thực hiện đạt và vượt kế hoạch đề ra. Du lịch Lào Cai đã có những bước chuyển biến tích cực kể cả chất

cũng như lượng, nhận thức của các cấp các ngành và người dân về kinh tế du lịch được nâng cao. Các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật, mở rộng thị trường, nâng cao trình độ tổ chức quản lý kinh tế du lịch và dịch vụ du lịch đã được chú trọng. Số lượng khách đến Lào Cai và doanh thu từ du lịch ngày càng tăng cao. Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng thương mại - du lịch và thúc đẩy sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

II. NHỮNG KẾT QUẢ

1. Về khách và doanh thu du lịch

Lượng khách du lịch tăng nhanh qua các năm, nếu năm 2001 đón 265.000 lượt thì 10 tháng đầu năm 2002 đã đón 309.000 lượt; ước cả năm đón 330.000 lượt, tăng 25% so với cùng kỳ, giai đoạn 2000-2002 lượng khách du lịch tăng bình quân 25% năm; số ngày lưu lại của khách đạt tăng từ 1,77 ngày/lượt, năm 2000 lên 2,51 ngày/lượt năm 2001 và năm 2002 ước đạt 2,65 ngày/lượt khách (trừ khách Trung Quốc đi trong ngày). Mức chi tiêu bình quân lượt khách từ 200.000 đồng năm 2000 tăng lên gần 250.000 đồng/lượt năm 2002; doanh thu từ du lịch 10 tháng đầu năm 2002 đạt 65,2 tỷ đồng, ước cả năm đạt 75 tỷ đồng tăng 38% so với năm 2001. Cơ cấu khách trước đây chủ yếu là Trung Quốc, đến nay đã tăng nhanh khách từ các nước phát triển như Anh, Pháp, Mỹ, Đức, Nhật Bản, Ôxtrâylia, Hàn Quốc...

2. Về cơ sở vật chất chuyên ngành

Cùng với sự phát triển đồng bộ của các ngành kinh tế - xã hội, xây dựng kết cấu hạ tầng chung như đường, điện, nước, bưu chính... cơ sở vật chất chuyên ngành du lịch cũng được quan tâm đầu tư và khuyến khích thúc đẩy các thành phần kinh tế đầu tư, kết quả là:

- Về xây dựng cơ sở hạ tầng: đã được quan tâm đầu tư, xây dựng như nâng cấp mở rộng tuyến đường Lào Cai - Sa Pa, tu bổ và sửa chữa động Muồng Vi, chợ Cốc Lếu, và trùng tu các di tích lịch sử, tạo

ra không gian du lịch hấp dẫn du khách. Trong 10 tháng đầu năm 2002 đã đầu tư xây dựng 24 danh mục dự án, trong đó có 4 công trình chuyển tiếp từ năm 2001 và 20 công trình khởi công năm 2002 (có 3 công trình đang trình duyệt dự án) với tổng số vốn đầu tư là 16,7 tỷ đồng. Một số công trình đã hoàn thành như: Các tuyến đường du lịch Mường Hoa - Cát Cát, Tả Phìn, Ô Quý Hồ; sân vận động Bắc Hà và thoát nước đô thị sân vận động Phố Mới - Sa Pa.

- Về cơ sở lưu trú: Được đầu tư với tốc độ nhanh, tính đến nay đã có 97 cơ sở khách sạn, trong đó có 1 khách sạn đạt tiêu chuẩn 3 sao và 3 khách sạn đạt tiêu chuẩn 2 sao. Có 1.300 phòng với 2.500 giường, tập trung chủ yếu ở Sa Pa, thị xã Lào Cai và Bắc Hà, trong đó 1/3 số phòng đạt tiêu chuẩn đón khách quốc tế dự kiến đến cuối năm sẽ có thêm hàng trăm phòng đưa vào sử dụng.

- Về vận chuyển khách du lịch: Hiện tại Lào Cai có hai loại hình vận chuyển chính là đường sắt và đường bộ, tỉnh đã đề nghị với Tổng cục Đường sắt Việt Nam đầu tư, nâng cao chất lượng toa xe lửa, tăng thêm chuyến và tháng 5-2002, cùng ngành Đường sắt khai trương đôi tàu nhanh chất lượng cao Hà Nội - Lào Cai và ngược lại. Đa dạng hóa loại hình và phương tiện vận chuyển đường bộ, xây dựng và chuyển bên xe về vị trí thuận lợi. Hiện đã có hàng trăm xe ô tô các loại của các thành phần kinh tế với chất lượng cao tham gia phục vụ vận chuyển khách du lịch.

- Cơ sở vui chơi giải trí và các dịch vụ khác: Hệ thống các cơ sở vui chơi giải trí (công viên, vũ trường, hoạt động thể thao, các trò chơi giải trí, cơ sở vật lý trị liệu, dịch vụ ăn uống) bước đầu được quan tâm đầu tư, phục vụ khách đến thăm quan Thuởng thức các cảnh quan thiên nhiên, các phiên chợ vùng cao, các bản làng dân tộc, di tích lịch sử và mua hàng lưu niệm.

3. Công tác tuyên truyền, quảng bá

Công tác tuyên truyền, quảng bá được quan tâm, tạo nên sự chuyển biến tích cực, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về vị trí vai trò của du lịch. Các cấp, các ngành, đặc biệt

nhân dân nơi có điểm du lịch đã nhận thấy lợi ích của nguồn lợi du lịch và đã có trách nhiệm trong việc bảo vệ nguồn tài nguyên du lịch. Công tác tuyên truyền, quảng bá đã cung cấp những thông tin kịp thời về các địa danh, thắng cảnh, con người Lào Cai đến du khách trong và ngoài nước, gợi mở chuyến đi du lịch bổ ích và lý thú.

Tổ chức nhiều cuộc hội thảo, làm việc với các bộ, ngành Trung ương, các tỉnh bạn, các doanh nghiệp trong và ngoài nước, tuyên truyền, giới thiệu những tiềm năng và cơ chế, chính sách phát triển của Lào Cai, đặc biệt là Hội nghị “Lào Cai - cầu nối với thị trường Tây Nam, Trung Quốc” ngày 30-10-2002 tại Hà Nội. Đã tái bản 2 cuốn sách giới thiệu du lịch Lào Cai, kết hợp các báo hình, báo nói, báo viết và xây dựng trang Website đưa lên mạng internet về thương mại và du lịch Lào Cai. Tổ chức thành công lễ hội du lịch Bắc Hà, qua sự kiện này đã gây tiếng vang về hoạt động du lịch của Lào Cai, để lại ấn tượng sâu đậm đối với khách du lịch, các nhà tổ chức và làng báo chí quốc tế. Ngoài ra, còn phối hợp với tỉnh Vân Nam- Trung Quốc tổ chức Hội chợ Thương mại - Du lịch luân phiên, nhằm tăng cường quan hệ kinh tế đối ngoại giữa 2 tỉnh.

4. Công tác đào tạo nguồn nhân lực đã được chú trọng

Nhận thức rõ nguồn nhân lực có vai trò quan trọng trong phát triển du lịch, thời gian qua công tác đào tạo đã được quan tâm, đáp ứng một phần các hoạt động du lịch. Đã chỉ đạo ngành Thương mại - Du lịch chủ trì phối hợp với các ngành và các trường mở nhiều lớp đào tạo, kết quả: mở lớp đại học quản trị kinh doanh, kế toán tài chính, mở 2 lớp nghiệp vụ chế biến ăn uống và bán hàng, 2 lớp về buồng, bàn, bar và 1 lớp hướng dẫn viên cho hơn 300 học viên, và đào tạo các nhân viên về chế biến các món ăn Trung Quốc. Nhiều cơ sở đào tạo ngoại ngữ, tin học góp phần nâng cao trình độ đội ngũ phục vụ du lịch. Từng bước tiêu chuẩn hóa đội ngũ lao động trong các cơ sở kinh doanh và đội ngũ hướng dẫn viên du lịch. Phấn đấu đến hết 2005, hầu hết các cơ sở kinh doanh trên địa bàn có lực lượng lao động, quản lý đều qua đào tạo.

5. Về công tác tổ chức quản lý

Bộ máy quản lý nhà nước về du lịch đã được tăng cường củng cố, từ tỉnh đến cơ sở, bước đầu xây dựng nhiều nội dung hoạt động thiết thực, có hiệu quả. Tiến hành sắp xếp lại hệ thống doanh nghiệp, mở rộng ngành, nghề tạo sự đa dạng, phong phú trong hoạt động kinh doanh du lịch. Kiện toàn một số doanh nghiệp lõi hành quốc tế của tỉnh (Công ty Du lịch, Công ty Xuất, nhập khẩu) nhằm tăng khả năng cạnh tranh đủ sức vươn ra các thị trường trong nước và quốc tế.

Công tác quản lý nhà nước về du lịch được tăng cường và đổi mới, đã ban hành quy chế tạm thời quản lý du lịch và Chỉ thị số 08-CT/UB, ngày 22-5-2002 về tăng cường quản lý kinh doanh thương mại và du lịch. Công tác quản lý trên cửa khẩu quốc tế được cải tiến theo hướng tạo thuận lợi hơn cho các đơn vị kinh doanh và khách du lịch. Việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật được đẩy mạnh; đã thẩm định, phân loại xếp hạng các cơ sở kinh doanh lưu trú du lịch nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách và tăng cường kiểm tra các chi nhánh - văn phòng đại diện. Đến nay trên địa bàn có 40 doanh nghiệp kinh doanh du lịch, trong đó có 6 của Nhà nước, 34 đơn vị ngoài quốc doanh và 17 chi nhánh - văn phòng đại diện. Đã cấp 48 thẻ hướng dẫn viên du lịch toàn quốc cho và 22 trường hướng dẫn viên cấp tỉnh. Tăng cường quản lý khách lưu trú về khai báo tạm trú, tạm vắng và quản lý người nước ngoài, hạn chế việc lợi dụng đi du lịch để tuyên truyền đạo trái phép. Đẩy mạnh công tác quản lý khách sạn, nhà trọ, nhà hàng, các cơ sở kinh doanh khác ở các khu du lịch về chấp hành chính sách và doanh số, góp phần tăng thu ngân sách. Quản lý chặt chẽ phương tiện vận tải, bến bãi, chất lượng xe đạt tiêu chuẩn hạn chế tai nạn giao thông cho du khách.

III. PHÂN VÙNG, XÁC ĐỊNH CÁC TUYẾN, ĐIỂM DU LỊCH

1. Về phát triển không gian du lịch

Tập trung đầu tư và phát triển vào các điểm du lịch trọng điểm như Sa Pa, thị trấn Bắc Hà và thị xã Lào Cai. Các khu điểm du lịch khác đã được quan tâm, quy hoạch song chưa được đầu tư lớn.

2. Các tuyến, điểm du lịch

Một số tuyến, điểm du lịch đã được tập trung đầu tư và phát triển, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách, đó là: Các tuyến du lịch Lào Cai - Sa Pa (và các phụ tuyến thuộc huyện Sa Pa); tuyến Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh chủ yếu phục vụ du khách Trung Quốc; tuyến Lào Cai - Côn Minh và các điểm du lịch khác thuộc tỉnh Vân Nam- Trung Quốc đáp ứng du khách Việt Nam; tuyến Lào Cai - Hà Khẩu và ngược lại, chủ yếu đáp ứng khách Việt Nam, Trung Quốc đi về trong ngày. Ngoài ra đã và đang tập trung đầu tư một số điểm du lịch có sức hấp dẫn: Núi Hàm Rồng, Tả Phìn, Cát Cát, Thác Bạc (Sa Pa); Đền Thượng, Đền Cấm, Đền Mẫu (thị xã Lào Cai); Cốc Ly, Bản Phố (Bắc Hà); Ý Tý, Mường Vi (Bát Xát).

IV. CÔNG TÁC QUY HOẠCH, ĐẦU TƯ VÀ ĐA DẠNG HÓA CÁC SẢN PHẨM DU LỊCH

1. Về quy hoạch

Chỉ đạo thực hiện hoàn thành quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Lào Cai đến năm 2010 định hướng đến năm 2020, tiến hành quy hoạch lại Khu cửa khẩu quốc tế Lào Cai vừa phục vụ phát triển thương mại vừa phục vụ kinh tế du lịch. Tiếp tục triển khai quy hoạch chung hai khu du lịch Sa Pa và Bắc Hà, giao cho ngành Thương mại - Du lịch làm đầu mối kêu gọi sự giúp đỡ của Cộng đồng châu Âu về dự án Quy hoạch khu đô thị du lịch Sa Pa, bước đầu triển khai có tín hiệu tốt.

2. Về đầu tư

Đã thực hiện nhiều giải pháp huy động các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế. Chỉ tính từ năm 2001 đến nay các thành phần kinh tế đã đầu tư ước đạt 258 tỷ đồng vào chuẩn bị đầu tư và thực hiện các dự án phục vụ hoạt động du lịch thuộc Sa Pa, Bắc Hà, thị xã Lào Cai; trong đó đầu tư xây dựng các khách sạn, nhà nghỉ mới của các thành phần kinh tế chiếm 38%; vốn liên doanh 17%; nguồn vốn của tỉnh và vốn hỗ trợ từ chương trình hành động du lịch quốc gia chiếm 44%.

3. Việc đa dạng hóa các sản phẩm du lịch

Các sản phẩm du lịch sinh thái, văn hóa, cảnh quan môi trường, thời gian qua đã được quan tâm phát triển, nhất là về văn hóa lễ hội, các hoạt động vui chơi giải trí, sản xuất hàng lưu niệm, văn hóa ẩm thực, bước đầu tạo nên sự phong phú, đa dạng các sản phẩm du lịch.

IV. MỘT SỐ TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình thực hiện đề án còn bộc lộ một số tồn tại, yếu kém, đó là:

- Công tác quy hoạch còn chậm, đặc biệt là quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết khu du lịch Sa Pa, Bắc Hà. Công tác chuẩn bị đầu tư còn yếu, thiếu dự án đầu tư và thiếu mặt bằng thực hiện đầu tư, là những trở ngại lớn đến việc kêu gọi vốn đầu tư.

- Vốn đầu tư từ ngân sách còn quá ít so với nhu cầu; việc thực hiện đầu tư xây dựng còn chậm; một số dự án đầu tư chủ yếu là giữ chỗ, tiến hành chậm; vốn đầu tư dàn trải nên hiệu quả còn thấp.

- Hệ thống giao thông yếu kém, mặt khác các dịch vụ vui chơi, giải trí (công viên, vũ trường, cơ sở vật lý trị liệu, dịch vụ ăn uống đặc sắc, trung tâm thương mại, hàng lưu niệm) rất ít, chưa đáp ứng được nhu cầu. Khách đến chủ yếu thưởng thức các cảnh quan thiên nhiên, các phiên chợ, thăm các bản làng dân tộc. Sản phẩm du lịch còn nghèo nàn, đơn điệu; chưa xây dựng được những chương trình du lịch mang tính văn hóa truyền thống cao. Các dịch vụ để thu hút và làm tăng khả năng chi tiêu của khách du lịch hầu như chưa có gì, do đó thời gian lưu lại của khách thấp.

- Công tác tuyên truyền, quảng bá và xúc tiến thương mại - du lịch chưa đáp ứng được xu thế hội nhập hiện nay.

- Đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước và kinh doanh hoạt động du lịch còn nhiều bất cập, vừa thiếu, vừa yếu, chưa đáp ứng yêu cầu thực tế đặt ra.

- Nhận thức của các cấp, các ngành và của người dân về du lịch đã

có, nhưng mới chỉ là bước đầu, chưa thực sự có trách nhiệm. Sự phối hợp giữa các cấp các ngành thiếu đồng bộ, vẫn còn tư tưởng trông chờ; ỷ lại ở cấp trên, thiếu chủ động. Chưa thấu suốt được quan điểm phát triển du lịch mang tính liên ngành, liên vùng. Tại nhiều khu, điểm du lịch công tác quản lý, an ninh trật tự và vệ sinh môi trường còn nhiều yếu kém chưa được khắc phục.

Nguyên nhân chủ yếu là do thiếu kinh phí, chưa xây dựng được các chính sách hấp dẫn để thu hút vốn đầu tư và sự yếu kém của nguồn nhân lực, nhất là những người làm chiến lược.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

Du lịch là ngành kinh tế mang tính chất tổng hợp. Phát triển kinh tế du lịch phải lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm mục tiêu chính, đồng thời phải bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa, bản sắc dân tộc. Trong thời gian tới kinh tế du lịch được ưu tiên đầu tư phát triển, nhằm đưa kinh tế du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, kích thích sản xuất và thúc đẩy phát triển các ngành kinh tế khác. Phấn đấu năm 2003 đón 350.000 lượt khách, doanh thu đạt 85 tỷ đồng trở lên. Đặc biệt là chuẩn bị tốt các điều kiện hướng tới năm du lịch Lào Cai 2003 với các sự kiện: *Lễ hội xuân Đền Thượng, 100 năm du lịch Sa Pa và Hội chợ Thương mại - Du lịch Quốc tế biên giới Việt - Trung*. Trước mắt tập trung thực hiện một số công việc sau:

1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá thu hút khách

Phương châm là thêm một người khách du lịch đến với Lào Cai là thêm nguồn thu, thêm việc làm. Phải tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá với nhiều nội dung, hình thức, phong phú đa dạng,

qua các kênh thông tin về các sản phẩm du lịch địa phương. Tạo sự chuyển biến tích cực, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về du lịch. Từ đó, nâng cao trách nhiệm trong việc bảo vệ và phát triển nguồn tài nguyên du lịch, truyền bá, cung cấp những thông tin kịp thời sống động đối với các tuyến, điểm du lịch hấp dẫn đến khách du lịch, các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Phải xây dựng cho nhân dân, nhất là thị xã, thị trấn, nếp sống văn minh trong thương mại - dịch vụ. Để làm tốt công tác tuyên truyền, quảng bá cho sự kiện năm du lịch Lào Cai 2003, cần nhanh chóng xây dựng và đưa bộ phận (cơ quan) xúc tiến thương mại và du lịch vào hoạt động, đáp ứng yêu cầu xu thế và tiến trình hội nhập hiện nay.

2. Về cơ chế chính sách, đào tạo và thị trường

Về cơ chế, chính sách: Trên cơ sở những chính sách ưu đãi chung, cần xây dựng một số chính sách ưu đãi riêng về lĩnh vực thương mại - du lịch. Khuyến khích và tạo mọi điều kiện cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đến Lào Cai để đầu tư. Tiếp tục và đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo sự thông thoáng cho các nhà đầu tư và khách du lịch; đặc biệt làm các thủ tục trên biên giới, cửa khẩu và những khu du lịch Sa Pa, Bắc Hà.

Về công tác đào tạo: Nâng cao chất lượng trong công tác quản lý, hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch. Bảo đảm văn minh, lịch sự, tạo thiện cảm của khách du lịch đến với Lào Cai, cần phải tiếp tục hỗ trợ đào tạo, trên cơ sở đề án, sớm lập kế hoạch đào tạo nhân lực cho năm 2003 và những năm tiếp theo.

Về thị trường: Duy trì tốt thị trường khách du lịch truyền thống (Trung Quốc và nội địa), mạnh dạn mở rộng sang các thị trường khác, nhất là các thị trường du khách có thu nhập cao (Nhật Bản, Hàn Quốc, Anh, Pháp, Mỹ,...), chú trọng khách du lịch nội địa.

3. Về đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật

Về quy hoạch: Tập trung hoàn chỉnh quy hoạch tổng thể và chi tiết khu du lịch Sa Pa, Bắc Hà, để có cơ sở lập các dự án kêu gọi đầu tư.

Về đầu tư cơ sở vật chất: Tập trung chỉ đạo hoàn thành các dự án đã và đang triển khai, tiếp tục nghiên cứu, xây dựng và xem xét phê duyệt các dự án mới trong danh mục đầu tư của đề án, ưu tiên đầu tư tại các nơi trọng điểm du lịch như Sa Pa, Bắc Hà, thị xã Lào Cai và Bát Xát.

Tập trung đầu tư các tuyến, điểm du lịch có sức hấp dẫn cao, như núi Hàm Rồng (Sa Pa), Bãi đá khắc cổ (Sa Pa), Thác Bạc (Sa Pa), Cát Cát (Sa Pa), Tả Phìn (Sa Pa), Làng Tả Van, Bản Hồ (Sa Pa), Đền Thượng, khu công viên Nhạc Sơn, khu Kim Thành (thị xã Lào Cai), Bắc Hà và Si Ma Cai, Bản Phố, Cốc Ly - Sông Chảy (Bắc Hà), Ý Tý, Mường Vi (Bát Xát), v.v..

Ngoài những cảnh quan thiên nhiên, phiên chợ vùng cao, yêu cầu các cấp, các ngành trên cơ sở quy hoạch, làm tốt công tác chuẩn bị đầu tư. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân đầu tư vào các hoạt động vui chơi, giải trí hấp dẫn và độc đáo như công viên, vũ trường, thể thao, các dịch vụ ăn uống mang bản sắc địa phương, trung tâm thương mại, siêu thị nhỏ, sản xuất đồ lưu niệm. Để phục vụ cho 100 năm du lịch Sa Pa, cần nghiên cứu một số sản phẩm lưu niệm độc đáo giàu tính bản sắc của Lào Cai.

4. Tăng cường công tác quản lý về du lịch

Tiếp tục cải tiến hoạt động của Ban chỉ đạo Du lịch, xây dựng nhiều nội dung, chương trình thiết thực, chủ trì phối hợp nhịp nhàng giữa các cấp, các ngành trong công tác quản lý, kinh doanh du lịch. Các địa phương trong khu vực phải có sự phối hợp chặt chẽ, tăng cường liên doanh, liên kết để xây dựng các tuor du lịch hấp dẫn.

Sắp xếp lại hệ thống doanh nghiệp, mở rộng ngành, nghề, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ trong hoạt động kinh doanh, nhất là hoạt động lữ hành quốc tế.

Tăng cường công tác quản lý về du lịch, tuyên truyền, phổ biến pháp luật và thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn, động viên kịp thời các đơn vị phát triển kinh doanh bình đẳng, đúng quy định.

Chủ động mở rộng hợp tác quốc tế, đặc biệt với các nước trong khu vực và Trung Quốc, để có một thị trường thống nhất và thông suốt, đáp ứng yêu cầu trong xu thế và tiến trình hội nhập hiện nay.

- Xây dựng và bổ sung một số cơ chế chính sách bảo đảm thực sự thông thoáng, trong lĩnh vực thương mại và du lịch, để kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến với Lào Cai như những chính sách đất đai, chính sách thuế, giải phóng mặt bằng và đa dạng hóa các loại hình dịch vụ, vui chơi giải trí hấp dẫn du khách. Tập trung đầu tư hơn nữa trong lĩnh vực thương mại và du lịch.

- Tiếp tục làm việc và đề nghị với Chính, các Bộ, ngành Trung ương quan tâm đầu tư vào các công trình hạ tầng mang tính chiến lược, như các tuyến đường mới Lào Cai với các trung tâm động lực kinh tế - xã hội ở phía bắc nước ta như đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không. Để tỉnh Lào Cai sớm thật sự trở thành một trung tâm quốc tế về thương mại, du lịch, văn hóa và thể thao của phía bắc Tổ quốc và là cầu nối với thị trường Tây Nam Trung Quốc.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 79-BC/TU, ngày 27-11-2002

Về tình hình thực hiện kinh tế đối ngoại và kinh tế cửa khẩu năm 2001-2002 tỉnh Lào Cai

Lào Cai là một tỉnh vùng cao biên giới, có vị trí quan trọng về an ninh, quốc phòng và nhiều thuận lợi để phát triển kinh tế, nhất là kinh tế đối ngoại và kinh tế cửa khẩu. Cửa khẩu quốc tế Lào Cai - Hà Khẩu là cửa khẩu duy nhất giữa Việt Nam - Trung Quốc có đầy đủ các loại hình vận tải đường sắt, đường bộ, đường sông; là cầu nối giữa Việt Nam với thị trường rộng lớn với hơn 300 triệu dân phía Tây Nam Trung Quốc.

Để phát huy tiềm năng, thế mạnh của mình, Lào Cai đã có nhiều chủ trương, chính sách thông thoáng thúc đẩy phát triển kinh tế đối ngoại và kinh tế cửa khẩu. Nhờ đó kinh tế đối ngoại và kinh tế cửa khẩu Lào Cai phát triển không ngừng và thật sự trở thành lĩnh vực kinh tế mũi nhọn, không những đem lại hiệu quả kinh tế cao mà còn là đòn bẩy thúc đẩy cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

I. ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐỐI NGOẠI GIAI ĐOẠN 1996-2000 THEO NGHỊ QUYẾT 02-NQ/TU

Kết quả tình hình thực hiện Nghị quyết 02-NQ/TU về phát triển kinh tế đối ngoại giai đoạn 1996-2000, Tỉnh ủy đã có báo cáo đánh giá

chi tiết (số 85-BC/TU, ngày 19-7-2000), tóm tắt và khái quát lại một số nét chính như sau:

1. Công tác tổ chức triển khai và điều hành

Triển khai Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 20-1-1997 của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế đối ngoại trên địa bàn tỉnh giai đoạn 1996-2000, hầu hết các sở, ban, ngành, các huyện, thị xã, các đảng ủy trực thuộc đã xây dựng được chương trình hành động cụ thể bằng các hình thức như tuyên truyền, học tập quán triệt nghị quyết đến toàn thể cán bộ công nhân viên và nhân dân. Đại bộ phận chi bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân đã có nhận thức đúng đắn về vai trò và tầm quan trọng của việc đẩy mạnh phát triển kinh tế đối ngoại.

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng xây dựng đề án khai thác Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Lào Cai và được Chính phủ phê duyệt (thể hiện bằng Quyết định số 100/1998-QĐ/TTg, ngày 26-5-1998 và Quyết định số 53/2001/QĐ- TTg, ngày 19-4-2001 của Thủ tướng Chính phủ). Đây là một trong những đề án quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế đối ngoại của tỉnh. Các hoạt động thương mại, du lịch, dịch vụ, đầu tư tại khu vực cửa khẩu được đẩy mạnh.

Các sở, ban, ngành, đơn vị đặc biệt là các cơ quan được giao trách nhiệm là đầu mối, chủ động xây dựng các dự án kêu gọi vốn đầu tư trong và ngoài nước, từng bước cải tiến, đơn giản hóa thủ tục cấp phép đầu tư. Qua đó đã thu hút được ngày một nhiều các doanh nghiệp trong và ngoài nước vào đầu tư. Phát triển bước đầu, đóng góp đáng kể tăng thu ngân sách của tỉnh.

2. Về sản xuất

Căn cứ vào quy hoạch chung của tỉnh, đã tiến hành quy hoạch chi tiết của từng vùng, từng địa phương. Các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương đã phối hợp với các ngành chức năng chỉ đạo hướng dẫn nhân dân đẩy mạnh sản xuất. Trong nông, lâm nghiệp, đã hình thành các vùng tập trung chuyên canh sản xuất hàng hóa như chè, cây ăn quả, thảo quả.

Trong công nghiệp đã đẩy mạnh khai thác chế biến Khoáng sản xuất khẩu như quặng đồng, sắt, apatít, fenspat; một số mặt hàng thủ công mỹ nghệ như đồ gỗ, thổ cẩm, sản xuất một số mặt hàng mới như: bia, xi măng, phân bón. Bước đầu đã đạt được những kết quả về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, theo tinh thần Nghị quyết 01-NQ/TU (khóa XI) của Tỉnh ủy. Cơ cấu kinh tế trong tỉnh liên tục được dịch chuyển theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - du lịch - dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông - lâm nghiệp. Cụ thể, tỷ trọng ngành nông - lâm nghiệp từ 53,76% năm 1996 giảm xuống 49,02% năm 2000, công nghiệp - xây dựng tăng từ 17,87% năm 1996 lên 18,04% năm 2000 và thương mại - du lịch - dịch vụ tăng từ 27,27% năm 1996 lên 32,94% năm 2000.

3. Về thương mại

Với lợi thế có hệ thống cửa khẩu quốc tế, quốc gia và từ khi được áp dụng Quyết định 100-QĐ/TTS, sau này là Quyết định 53-QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách phát triển khu cửa khẩu biên giới, thương mại của tỉnh Lào Cai có bước phát triển rõ rệt, giá trị kim ngạch xuất, nhập khẩu liên tục tăng qua các năm: năm 1997 kim ngạch xuất, nhập khẩu đạt 50,376 triệu USD tăng 21,53% so với năm 1996, năm 1998 đạt 53,5 triệu USD tăng 6,2% so với năm 1997, năm 1999 đạt 57,4 triệu USD tăng 7,3% so với năm 1998; năm 2000 đạt 118,1 triệu USD tăng 105,7% so với năm 1999. Mặt hàng xuất khẩu ngày càng đa dạng, phong phú về chủng loại và có số lượng ngày càng lớn. Một số mặt hàng xuất khẩu chính gồm: các loại quặng sắt, đồng, apatít; các mặt hàng nông, lâm sản như hoa quả tươi, hải sản, gỗ vườn tạp, sắn lát khô, hoa tươi các loại, cây quế giống, thảo quả khô, hạt tiêu khô, cá biển và một số mặt hàng tiêu dùng như bàn, ghế nhựa, giày, dép, bánh kẹo các loại. Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là máy móc thiết bị và nguyên liệu để phục vụ sản xuất như kính xây dựng, hóa chất, kim loại màu, thạch cao, phân bón, lá thuốc lá, giống cây trồng cho năng suất cao.

4. Về thu hút các nguồn vốn nước ngoài trên địa bàn

Từ năm 1996 đến hết năm 2000 đã có gần 40 tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ và các nhà đầu tư nước ngoài đến làm việc, hợp tác, hỗ trợ và đầu tư tại Lào Cai với tổng số vốn là 33,15 triệu USD, trong đó:

- Nguồn vốn viện trợ phát triển chính thức (ODA), đã thu hút được 16,4 triệu USD với 37 dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng gồm: đường, cấp điện, cấp nước, bệnh viện, trường học tại các vùng có điều kiện khó khăn, phục vụ mục tiêu xóa đói, giảm nghèo của tỉnh. Các nguồn vốn này đã được sử dụng đúng mục đích và phát huy hiệu quả tốt. Góp phần cải thiện đời sống của người dân, nâng cao trình độ dân trí ở các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần tích cực trong việc xóa đói, giảm nghèo và chuyển dịch cơ cấu theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn.

- Nguồn tài trợ của các tổ chức phi chính phủ (NGO) thực hiện cho 69 dự án với tổng số vốn tài trợ gần 20 tỷ Việt Nam đồng. Tập trung đầu tư cho các lĩnh vực nông nghiệp, y tế và giáo dục, đối tượng hưởng lợi chính là đồng bào dân tộc vùng sâu, vùng xa, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em.

- Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): tính đến hết năm 2000 đã có 6 dự án có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh với tổng số vốn đăng ký là 15,3 triệu USD. Một số dự án đã đi vào hoạt động và bước đầu mang lại hiệu quả rõ rệt, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người lao động như khách sạn Victoria Sa Pa, cửa hàng miễn thuế.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KINH TẾ ĐỐI NGOẠI VÀ KINH TẾ CỦA KHẨU NĂM 2001-2002 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI

1. Kinh tế đối ngoại

Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của việc phát triển kinh tế đối ngoại và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ Lào Cai khóa

XII đã xác định một số nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh đến năm 2005 và được cụ thể hóa bằng 7 chương trình trọng tâm với 27 đề án, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề, trong đó có Chương trình an ninh - quốc phòng - kinh tế đối ngoại với các đề án phát triển kinh tế cửa khẩu, kinh tế du lịch, an ninh - quốc phòng kết hợp với kinh tế đối ngoại, nhằm thúc đẩy hơn nữa phát triển kinh tế đối ngoại trên địa bàn.

Trong gần 2 năm qua (tính đến hết tháng 10-2002), kinh tế đối ngoại trên địa bàn tỉnh đã có bước phát triển trên tất cả các mặt cả về quan hệ hợp tác, sản xuất thương mại du lịch, thu hút nguồn vốn nước ngoài, cụ thể như sau:

1.1. Về tổ chức điều hành

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các ngành chức năng xây dựng đề án có liên quan đến phát triển kinh tế đối ngoại như Chương trình phát triển Kinh tế cửa khẩu (số 50-QĐ/UB, ngày 18-2-2002); Chương trình phát triển Kinh tế du lịch (số 47-QĐ/UB, ngày 18-2-2002); chương an ninh - quốc phòng và kinh tế đối ngoại (số 102-QĐ/UB, ngày 19-3-2002). Các dự án này đã được phê duyệt và đang được thực hiện, bước đầu đã thu được những kết quả nhất định.

- Xây dựng chương trình hành động của tỉnh thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/BCT, ngày 27-11-2001 của Bộ Chính trị về hội nhập kinh tế quốc tế trên địa bàn, làm cơ sở cho các sở, ban, ngành chủ động xây dựng chương trình hội nhập kinh tế quốc tế phát huy cao độ nội lực, kết hợp với khai thác tối đa nguồn lực từ bên ngoài để phát triển kinh tế trong giai đoạn 2001-2010.

- Chỉ đạo rà soát và ban hành một số chính sách, khuyến khích đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn như: khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp; phát triển sản xuất kinh doanh chè, phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, đầu tư Khu Công viên Nhạc Sơn và chính sách đối với 4 khu trọng điểm gồm: Khu Công nghiệp Bắc Duyên Hải, Khu Công nghiệp Đông Phố Mới, Khu Thương mại Kim Thành và Khu Cửa khẩu quốc tế Lào Cai; các chính sách về đất đai, thuế.

- Chỉ đạo các ngành chức năng quy hoạch chi tiết, triển khai xây dựng các công trình trọng điểm nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động thương mại, du lịch, đầu tư, như: Khu Thương mại Kim Thành, Khu Du lịch Sa Pa, Khu Trung tâm thương mại Cửa khẩu quốc tế Lào Cai, Khu Công nghiệp Bắc Duyên Hải, Khu Công nghiệp Đông Phố Mới và Khu Công nghiệp Tăng Loong.

- Tháng 9-2002, tỉnh đã có văn bản chỉ đạo các ngành, các huyện chủ động lựa chọn nội dung và đối tác, hợp tác mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác đầu tư xây dựng các dự án, kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài, vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, chủ động mở rộng quan hệ với huyện Hà Khẩu, châu Hồng Hà, châu Văn Sơn, tỉnh Vân Nam - Trung Quốc; xây dựng các chương trình dự án kêu gọi vốn tài trợ, đầu tư nước ngoài.

- Để quảng bá cho môi trường đầu tư sản xuất kinh doanh, trao đổi thương mại du lịch tại Lào Cai, tỉnh đã tổ chức nhiều cuộc gặp gỡ, giới thiệu về tiềm năng của Lào Cai với các đối tác trong và ngoài nước, mở hội chợ thương mại Việt - Trung; gặp gỡ trao đổi với các doanh nghiệp; giới thiệu tiềm năng của Lào Cai trên mạng internet, đặc biệt là “Hội nghị Lào Cai - Cầu nối với miền Tây Nam Trung Quốc”, tại Hà Nội. Thông qua đó, nhiều doanh nghiệp, đơn vị đã đến đầu tư, buôn bán tại Lào Cai, các hoạt động về thương mại, du lịch, đầu tư đã có bước phát triển rõ nét.

1.2. Về quan hệ đối ngoại và hợp tác phát triển

Theo xu hướng phát triển mở rộng quan hệ hợp tác với bên ngoài, chủ động tham gia quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, quan hệ đối ngoại giữa Lào Cai với các tổ chức nước ngoài, các nước trong khu vực đã có bước phát triển, số đoàn vào năm 2001 tăng 22,4% so với năm 2000 và dự kiến năm 2002 tăng 30% so với năm 2001.

Quan hệ đối ngoại giữa Lào Cai với hai tỉnh Vân Nam và Tứ Xuyên (Trung Quốc) ngày càng được thúc đẩy và phát triển. Hai bên đã thường xuyên tổ chức các đoàn cán bộ gặp gỡ, trao đổi và ký kết nhiều biên bản ghi nhớ về hợp tác trên nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội

như: mậu dịch, nông nghiệp, giao thông, du lịch, quản lý biên giới, mở lại các cửa khẩu quốc gia và các lối mở truyền thống, văn hóa - xã hội, đào tạo.

Quan hệ giữa hai tỉnh Lào Cai và Vân Nam nói riêng, giữa hai nước Việt Nam và Trung Quốc nói chung trong việc xác lập đường biên giới quốc gia trên bộ, thông qua việc triển khai kế hoạch phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc. Hai bên đã xác định vị trí, thi công cắm mốc biên giới và tổ chức Lễ khánh thành cột mốc 102 trên Cửa khẩu quốc tế Lào Cai - Hà Khẩu theo đúng tiến độ kế hoạch.

Ngoài ra, mối quan hệ giữa tỉnh Lào Cai với các nước và vùng lãnh thổ khác trên thế giới, các tổ chức chính phủ và tổ chức phi chính phủ, các tổ chức tài chính quốc tế cũng được duy trì, củng cố và không ngừng phát triển.

1.3. Về sản xuất

- Sản xuất nông nghiệp tiếp tục được phát triển theo hướng thâm canh tăng năng suất cây trồng, vật nuôi và hình thành các vùng tập trung cho sản xuất hàng hóa như: lúa cao sản, ngô hàng hóa, đậu tương cao sản, cây ăn quả, chè giống mới, cây thuốc lá, cây hoa hồng, phát triển nuôi trồng thủy sản.

- Trong công nghiệp thì ngoài những ngành chiếm ưu thế như khai thác sắt, đồng, apatít, hiện đã và đang triển khai một số dự án sản xuất như nhà máy bao bì với công suất 50 triệu bao/năm, sản xuất cột bê tông, chế biến thức ăn gia súc, chế biến felspát (Vân Bàn), tổ hợp đồng Sin Quyền.

- Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - du lịch - dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông - lâm nghiệp. Tỷ trọng nông - lâm nghiệp năm 2000 là 49,02%; năm 2001 là 46,2% và năm 2002 ước là 45%; tỷ trọng công nghiệp - xây dựng năm 2000 là 18,04%, năm 2001 là 19,6% và năm 2002 ước là 20,5%; tỷ trọng thương mại - du lịch - dịch vụ năm 2000 là 32,94%, năm 2001 là 34,2% và năm 2002 ước là 34,5%.

1.4. Về Thương mại

Hoạt động thương mại tiếp tục có bước tăng trưởng khá. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu qua cửa khẩu Lào Cai và các lối mở năm 2001 đạt 161,9 triệu USD, tăng 36,6% so năm 2000. Đến hết ngày 15-10-2002, kim ngạch xuất, nhập khẩu đạt 182,52 triệu USD, tăng 29,7% so năm 2001.

Số lượng doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh tham gia xuất, nhập khẩu qua địa bàn tăng nhanh. Nếu như năm 1999 có 172 doanh nghiệp, đến năm 2000 có 232 doanh nghiệp và năm 2001 có 397 doanh nghiệp; ước năm 2002 có khoảng 420 doanh nghiệp tăng 5,8% so năm 2001.

1.5. Về thu hút vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn

Trong năm 2001 và 2002, việc thu hút các nguồn vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn đặc biệt tăng trưởng mạnh ở tất cả các hình thức như viện trợ phát triển chính thức (ODA), đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), và viện trợ phi chính phủ (NGO) đã góp phần đáng kể trong việc đầu tư xây dựng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- *Vốn ODA*: Đã có 20 dự án sử dụng vốn ODA với tổng số vốn cam kết lên tới 67 triệu USD (lớn hơn tất cả số vốn ODA từ năm 1991 - 2000 cộng lại). Từ năm 1991 đến năm 2000 có khoảng 35 dự án với tổng vốn gần 50 triệu USD. Một số dự án nổi bật như: Dự án giảm nghèo tỉnh Lào Cai (WB) 30 triệu USD; dự án mở rộng cơ sở hạ tầng cụm đô thị Lào Cai - Cam Đường (vốn Cơ quan phát triển Pháp - AFD) 25 triệu Euro; dự án nâng cấp Bệnh viện đa khoa số I tỉnh Lào Cai (Ngân hàng tái thiết Đức - KfW) 2 triệu USD; Vốn phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn (ADB); vốn JBIC; vốn của Chính phủ Nhật Bản cho đường Nậm Sỏ - Tà Mít 10 tỷ đồng Việt Nam.

Vốn FDI: Từ năm 2001 đến hết tháng 10-2002 đã thẩm định cấp phép 6 dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài với tổng vốn đăng ký 11,21 triệu USD. Dự kiến đến hết năm 2002 sẽ cấp phép tiếp 3 dự án với số vốn đăng ký là 3,5 triệu USD, nâng tổng số lên 9 dự án với tổng số vốn 14,71 triệu USD. Như vậy chỉ trong 2 năm, số dự án có vốn đầu

tư nước ngoài đã tăng gấp 1,5 lần số dự án đã cấp phép đầu tư trong 10 năm gần đây (từ 1991-2000); tổng vốn đầu tư bằng 96,1% tổng vốn đầu tư trong 10 năm từ 1991-2000.

Vốn NGO: Năm 2001 có 36 dự án nhỏ được các tổ chức phi chính phủ tài trợ với tổng số vốn 6,4 tỷ đồng Việt Nam, tăng 1,7% so năm 2000. Ước cả năm 2002, tổng số vốn tài trợ khoảng 6 tỷ, tăng 33,3% so năm 2001. Các dự án này tập trung chủ yếu vào lĩnh vực y tế, giáo dục, nông nghiệp, đối tượng hưởng lợi chủ yếu là đồng bào dân tộc vùng sâu, vùng xa; đặc biệt là phụ nữ và trẻ em. Một số tổ chức tài trợ chính như: Oxfam Anh, Bánh mì thế giới (BFDW), CEVIS của Italia, Quỹ Canada.

2. Về kinh tế cửa khẩu

Từ năm 2001 đến nay, nhất là sau khi thực hiện Quyết định 53/2001/QĐ-TTg của Chính phủ, Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai có bước phát triển mạnh mẽ hơn so với những năm trước ở hầu hết tất cả mọi mặt hoạt động; thương mại - du lịch được nâng cao cả về số lượng và chất lượng; giá trị kim ngạch xuất, nhập khẩu, thu ngân sách Nhà nước khu vực kinh tế cửa khẩu tăng nhanh; khu vực cửa khẩu được quy hoạch lại cho đúng tầm, kết cấu hạ tầng khu vực kinh tế cửa khẩu đã và đang được đầu tư xây dựng, hoạt động kinh tế đối ngoại có bước phát triển khá.

2.1. Công tác tổ chức điều hành

- Nhận thức rõ tầm quan trọng của khu vực kinh tế cửa khẩu, hướng kinh tế cửa khẩu là một ngành kinh tế mũi nhọn tạo nguồn thu chủ yếu cho ngân sách địa phương, tỉnh đã nghiên cứu thành lập Ban chỉ đạo khu vực kinh tế cửa khẩu tỉnh Lào Cai, thành lập Ban Quản lý Kinh tế cửa khẩu thị xã Lào Cai nhằm giúp Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa việc thực hiện Quyết định 53/2001-QĐ/TTg cũng như quản lý các hoạt động tại Khu kinh tế cửa khẩu.

- Chỉ đạo xây dựng đề án chương trình phát triển Khu kinh tế cửa khẩu đến năm 2005-2010; lập đề án mở rộng phạm vi thực hiện Khu

kinh tế cửa khẩu Lào Cai, trình Chính phủ phê duyệt. Đồng thời Ủy ban nhân dân tỉnh cũng đã chỉ đạo việc rà soát bổ sung một số quy định tạm thời tại khu vực kinh tế cửa khẩu như quản lý xuất, nhập khẩu, xuất, nhập cảnh, du lịch, phí, lệ phí, đầu tư, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động thương mại, đầu tư tại khu vực kinh tế cửa khẩu

- Chỉ đạo quy hoạch chi tiết cũng như đầu tư cho các khu trọng điểm tại Khu kinh tế cửa khẩu: Khu Công nghiệp Bắc Duyên Hải (300 ha), Khu Công nghiệp Đông Phố Mới (200 ha), Khu Thương mại Kim Thành (giai đoạn I là 110 ha), Khu Cửa khẩu quốc tế (47 ha), nhằm tạo điều kiện thuận lợi thu hút các hoạt động đầu tư tại Khu kinh tế cửa khẩu.

- Tăng cường quảng bá cho khu vực kinh tế cửa khẩu bằng các hình thức như mở hội chợ, gặp gỡ với các doanh nghiệp trong và ngoài nước, hội thảo, nhờ đó mà một số dự án lớn đã được hình thành đầu tư như Trung tâm thương mại quốc tế do Công ty Biti's làm chủ đầu tư, Liên doanh giữa Công ty Du lịch Lào Cai với DONACO - Singapore, xây dựng khu kiểm hóa và kho tàng.

2.2. Hoạt động thương mại du lịch

Tính đến nay đã có 400 doanh nghiệp, chi nhánh có hoạt động kinh doanh xuất, nhập khẩu trên địa bàn tỉnh Lào Cai (tăng 72,4% so năm 2000) với nhiều loại hình khác nhau như ủy thác xuất, nhập khẩu, quá cảnh, tạm nhập tái xuất, xuất, nhập khẩu trực tiếp. Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là nông, lâm sản, Khoáng sản, hải sản; mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là một số nông sản, vật tư nông nghiệp, máy móc, hóa chất và nguyên liệu phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Trong gần 2 năm qua, hoạt động xuất, nhập khẩu tăng trưởng mạnh. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu, kinh doanh trên địa bàn năm 2001 đạt 161,9 triệu USD, tăng 36,6% so với năm 2000 (trong đó xuất khẩu đạt 70,1 triệu USD, tăng 54,9%; nhập khẩu đạt 91,8 triệu USD, tăng 1%). Giá trị kim ngạch xuất, nhập khẩu của tỉnh năm 2001 đạt 21 triệu USD, tăng 75% so năm 2000 (trong đó xuất khẩu đạt 9,6 triệu USD, tăng 20% và nhập khẩu đạt 11,4 triệu USD, tăng 185%).

Đến hết ngày 15-10-2002, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu trên địa bàn tỉnh đạt 182,52 triệu USD tăng 58% so cùng kỳ năm 2001 (trong đó xuất khẩu đạt 45,54 triệu USD; nhập khẩu đạt 136,98 triệu USD). Kim ngạch xuất, nhập khẩu của tỉnh đạt 21,93 triệu USD tăng 70% so cùng kỳ năm 2001 (trong đó xuất khẩu đạt 13,64 triệu USD, tăng 85% và nhập khẩu đạt 8,29 triệu USD tăng 7%). Ước cả năm 2002, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu trên địa bàn đạt 210 triệu USD tăng 29,7% so năm 2001, trong đó kim ngạch xuất, nhập khẩu của riêng tỉnh Lào Cai đạt 25 triệu USD, tăng 19% so năm 2001.

Du lịch cũng có bước phát triển khá nhanh. Năm 2001, toàn tỉnh đã đón được 265.000 lượt khách, tăng 26,2% so năm 2000, trong đó khách quốc tế đạt 165.000 lượt, tăng 17,9% so năm 2000. Doanh thu từ du lịch năm 2001 đạt 52 tỷ đồng, tăng 53,6% so năm 2000. Năm 2002, ước toàn tỉnh đón được 330.000 lượt khách tăng 24,5% so năm 2001. Doanh thu từ du lịch đạt 70 tỷ đồng, tăng 34,6% so năm 2001. Cơ sở vật chất chuyên ngành du lịch cũng được quan tâm đầu tư xây dựng từng bước được cải thiện đáp ứng cho nhu cầu của khách du lịch.

2.3. Xuất, nhập cảnh

Công tác quản lý xuất, nhập cảnh cũng như việc cấp giấy thông hành cho các cư dân trên địa bàn và các đối tượng ngoài địa bàn đã được thực hiện một cách chặt chẽ và nhanh chóng đáp ứng kịp thời nhu cầu xuất, nhập cảnh của hành khách; lực lượng biên phòng của khẩu cũng đã chủ động khắc phục khó khăn về cơ sở vật chất, quân số để thực hiện tốt chức năng quản lý xuất, nhập cảnh, bảo đảm an ninh biên giới, trật tự khu vực cửa khẩu.

Năm 2001 đã đăng ký cho 1.044.183 lượt người xuất, nhập cảnh, tăng 160,6% so năm 2000 và đã đăng ký cho 14.336 lượt phương tiện vận tải (trong đó 12.859 lượt ô tô và 1.477 lượt tàu hỏa) tăng 1,7% so năm 2000.

Trong 10 tháng đầu năm 2002 đã làm thủ tục xuất, nhập cảnh cho 965.694 lượt người xuất, nhập cảnh và 12.663 lượt phương tiện vận tải xuất, nhập cảnh (trong đó 11.704 lượt ô tô và 959 lượt tàu). So cùng kỳ

năm 2001, số lượng người xuất, nhập cảnh tăng 29%, phương tiện ô tô tăng 30% và tàu hỏa giảm 22,5% (do mùa mưa lũ vừa qua đường sắt của tỉnh Vân Nam- Trung Quốc bị sạt, lở nhiều). Từ tháng 10-2002, thị xã Lào Cai đã thỏa thuận với huyện Hà Khẩu cho phép ô tô hai bên được đi vào địa bàn thị xã Lào Cai và huyện Hà Khẩu đã làm cho lượng người xuất, nhập cảnh và phương tiện ô tô tăng đáng kể.

2.4. Công tác quy hoạch đầu tư xây dựng cơ bản

Quy hoạch:

Tính đến thời điểm hiện tại, tổng số diện tích được nghiên cứu quy hoạch tại khu vực Kinh tế cửa khẩu là 909 ha gồm: Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế: 47 ha; Khu Công nghiệp Bắc Duyên Hải: 300 ha; Khu Công nghiệp Đông Nam Phố Mới: 200 ha; Khu Thương mại Kim Thành: 110 ha; Khu Na Mo - Bản Quẩn: 22 ha; Khu Cửa khẩu Mường Khương: 230 ha.

- Ngoài ra cũng đã trình Chính phủ Đề án mở rộng phạm vi thực hiện Khu kinh tế cửa khẩu thêm phường Kim Tân và toàn bộ xã Đồng Tuyển (diện tích 1.458 ha) trình Chính phủ phê duyệt.

Về xây dựng cơ bản:

Trong năm 2001, tổng vốn giao theo kế hoạch là 79,528 tỷ đồng. Trong đó cho thực hiện dự án là 78.028 tỷ đồng cho 65 danh mục công trình; cho chuẩn bị đầu tư và thiết kế kỹ thuật là 1,5 tỷ đồng cho 50 danh mục công trình, khối lượng thực hiện trong năm 2001 đạt 80 tỷ đồng bằng 101% so kế hoạch và tăng 0,4% so năm 2000, khối lượng thanh toán đạt 79,528 tỷ đồng đạt 100% so kế hoạch.

Năm 2002, tổng nguồn vốn kinh tế cửa khẩu giao theo kế hoạch là 158,269 tỷ đồng, trong đó cho thực hiện dự án là 69,272 tỷ đồng cho 100 danh mục công trình; cho giải phóng mặt bằng là 40,477 tỷ cho 22 danh mục công trình; hỗ trợ các công trình ngoài Khu kinh tế cửa khẩu 13,5 tỷ đồng cho 8 danh mục công trình; cho chuẩn bị đầu tư thiết kế quy hoạch 7 tỷ đồng cho 27 danh mục công trình; cho dự phòng 18 tỷ đồng; cho trả nợ vốn vay năm 2001 là 10 tỷ đồng. Tính đến hết tháng 9-2002 đã thực hiện được 66,87 tỷ và thanh toán được 54,044 tỷ đồng.

2.5. Về tình hình thực hiện Đề án phát triển hạ tầng cơ sở kinh tế cửa khẩu:

Tính đến nay, đã thực hiện xong việc chi trả đền bù cho trụ sở các cơ quan, doanh nghiệp và hộ gia đình thuộc diện di chuyển và đã tháo dỡ xong toàn bộ bê tông (trừ trụ sở của doanh nghiệp Bitis) để bàn giao mặt bằng xây dựng cho các nhà thầu.

Các dự án thuộc cơ sở hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu đã được hoàn thành và đưa vào sử dụng như: hoàn thành công trình san tạo mặt bằng khu vực điều chỉnh quy hoạch đầu cầu Hồ Kiều II, đường công vụ và hệ thống đèn đường. Các công trình đang thi công gồm: công trình Trạm kiểm soát liên ngành, Dự án mở rộng bãi kiểm hóa khu đôi 117 và công trình đường tránh khu vực cửa khẩu đường bộ.

Đối với Khu Thương mại Kim Thành: đến nay đã chi trả tiền đền bù cho 57/60 hộ dân với tổng số tiền là 4,049 tỷ đồng. Ban quản lý đã tổ chức khởi công công trình san gạt mặt bằng và đường giao thông Khu Thương mại Kim Thành.

2.6. Thu ngân sách qua cửa khẩu

Thu ngân sách qua cửa khẩu liên tục tăng qua các năm. Tổng thu ngân sách Nhà nước qua cửa khẩu năm 2001 đạt 184,60 tỷ đồng, tăng 44,26% so năm 2000; 10 tháng đầu năm 2002 đạt 152 tỷ đồng, tăng 50% so cùng kỳ năm 2001 và đạt 76% kế hoạch thu của cả năm 2002, dự kiến năm 2002 đạt 200 tỷ đồng.

III. NHỮNG MẶT TỒN TẠI ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI VÀ KINH TẾ CỬA KHẨU

Tuy đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ trong hoạt động kinh tế đối ngoại và kinh tế cửa khẩu, song vẫn còn một số tồn tại cần phải khắc phục như sau:

1. Hạ tầng cơ sở còn thiếu và yếu, chưa đồng bộ, chưa hấp dẫn các hoạt động thương mại, đầu tư.

- Đường giao thông trên địa bàn có chất lượng kém cả về tuyến đường bộ và đường sắt, đường sông Hồng mới được nghiên cứu khả thi.

- Các loại hình dịch vụ còn thiếu, chất lượng thấp như: dịch vụ vui chơi giải trí, nghỉ ngơi, ngân hàng, kho hàng, bến bãi...

- Thiếu mặt bằng cho các hoạt động đầu tư, các hoạt động thương mại dịch vụ do vướng mắc trong nhiều khâu, đoạn; đặc biệt là trong công tác giải phóng mặt bằng.

- Chưa có mặt bằng các khu công nghiệp đầu tư tập trung nên chưa thu hút được các nhà đầu tư.

2. Thị trường Tây Nam Trung Quốc tuy hấp dẫn, song chúng ta chưa có nhiều hiểu biết về thị trường này, chưa có mặt hàng xuất khẩu chủ lực, chưa chiếm lĩnh thị trường một cách ổn định, tiềm ẩn những yếu tố bất lợi trong quan hệ đối tác ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ.

3. Chính sách thu hút đầu tư, hoạt động thương mại, du lịch thực sự còn chưa thông thoáng, chưa hấp dẫn các nhà đầu tư.

4. Trình tự giải quyết các thủ tục về các hoạt động thương mại, đầu tư còn rườm rà, thời gian chậm, thậm chí còn có biểu hiện phiền hà gây tâm lý không tốt cho các nhà đầu tư.

5. Công tác quản lý về hoạt động kinh tế đối ngoại, hoạt động tại cửa khẩu nhiều khi chưa chặt chẽ, thiếu sự phối kết hợp giữa các đơn vị, các cấp, các ngành, hiệu quả chưa cao.

6. Nguồn nhân lực làm kinh tế đối ngoại, công tác quản lý tại cửa khẩu còn thiếu và yếu về nghiệp vụ; đặc biệt là yếu về kinh nghiệm quản lý, trình độ ngoại ngữ, công nghệ thông tin và sự am hiểu về thị trường.

7. Sau 1 tháng thực hiện thông xe còn có những hạn chế sau:

- Đối với Việt Nam: Hải quan yêu cầu mở tờ khai mới được dùng phương tiện chở khách du lịch Trung Quốc vào địa phận thị xã Lào Cai (Việt Nam).

- Đối với Trung Quốc: Phí xấp xỉ 2 lần so với Việt Nam và muốn qua được phải đặt cọc từ 20 - 30 vạn nhân dân tệ (tiền tệ Trung Quốc). Hơn nữa, phương tiện vận chuyển khách này phải được cơ quan bảo lãnh thì xe mới vào được địa phận huyện Hà Khẩu (Trung Quốc).

IV. GIẢI PHÁP VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giải pháp

1.1. Quan điểm, tổ chức chỉ đạo điều hành

- Coi phát triển kinh tế đối ngoại, kinh tế cửa khẩu là một trong những ưu tiên hàng đầu để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển nền kinh tế - xã hội của tỉnh, đồng thời bảo đảm giữ vững độc lập, chủ quyền, củng cố an ninh, quốc phòng và trật tự, an toàn xã hội. Thực hiện có hiệu quả các đề án đã duyệt gồm: Chương trình khai thác kinh tế cửa khẩu và an ninh - quốc phòng gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế đối ngoại.

- Lựa chọn đầu tư xây dựng một số khu, dự án trọng điểm với một số cơ chế chính sách riêng bảo đảm thật sự thông thoáng, cởi mở, có sức hấp dẫn cao nhằm thu hút đầu tư trong và ngoài nước. Từ đó tạo tiền đề phát triển những năm tiếp theo.

- Tận dụng tối đa những lợi thế và tiềm năng của tỉnh, đa dạng hóa các hình thức đầu tư với mục đích huy động tối đa mọi nguồn lực nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu đã đề ra như: Liên doanh liên kết, BOT, BT, BO.

1.2. Về cơ chế chính sách

Khuyến khích mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước tham gia đầu tư sản xuất kinh doanh, chế biến hàng xuất khẩu, hoạt động thương mại du lịch trên địa bàn tỉnh đặc biệt là trong Khu vực kinh tế cửa khẩu.

Các tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động thương mại, đầu tư trên địa bàn, tùy thuộc vào những điều kiện cụ thể sẽ được giúp đỡ về vốn, tạo điều kiện trong việc thuê đất để sản xuất, trong việc giải phóng mặt bằng, ưu đãi về thuế, giúp đỡ trong việc tìm thị trường tiêu thụ sản phẩm, hỗ trợ thị trường, đào tạo công nhân kỹ thuật, tạo điều kiện về tín dụng. Tỉnh sẽ dành tỷ lệ ngân sách để đầu tư thỏa đáng phát triển những mặt hàng xuất khẩu mũi nhọn, đồng thời trợ cước trợ giá đối với một số hàng nông, lâm sản xuất khẩu để khuyến khích phát triển sản xuất và ổn định đời sống của người lao động.

Tạo hành lang pháp lý thuận lợi chính sách, thông thoáng, cởi mở cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh du lịch và dịch vụ. Ban hành các chính sách quy định thống nhất về thu lệ phí, phí tại Khu kinh tế cửa khẩu đối với hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa và xuất, nhập cảnh qua cửa khẩu quốc tế Lào Cai. Xử lý nghiêm các vụ gian lận thương mại và có chế độ khen thưởng kịp thời đối với các doanh nghiệp, cá nhân có thành tích cao trong hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa.

1.3. Về cơ chế quản lý

- Không ngừng hoàn thiện và nâng cao trình độ quản lý và điều hành về kinh tế đối ngoại và kinh tế cửa khẩu, nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác chỉ đạo điều hành.

- Thống nhất quản lý các hoạt động xuất, nhập khẩu, xuất, nhập cảnh tại khu kinh tế cửa khẩu để ngăn chặn có hiệu quả hoạt động gian lận thương mại, gây phiền hà cho doanh nghiệp và cá nhân.

- Thực hiện chế độ “một cửa” về hợp tác kinh tế đối ngoại, cấp phép đầu tư nhằm tạo sự thông thoáng, nhanh gọn cho các hoạt động đầu tư.

1.4. Về vốn

- Huy động mọi nguồn vốn từ ngân sách địa phương, nước ngoài và vốn nhân rồi trong dân để đầu tư phát triển kinh tế. Ưu tiên đầu tư cho cơ sở hạ tầng, sản xuất chế biến hàng xuất khẩu, khai thác Khoáng sản, trồng rừng, hoạt động kinh doanh du lịch - dịch vụ.

- Nguồn thu từ Khu kinh tế cửa khẩu sẽ tập trung đầu tư vào các hạng mục công trình cơ sở hạ tầng của Khu kinh tế cửa khẩu. Chú trọng thu hút đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước vào Khu kinh tế cửa khẩu theo các hình thức đầu tư trực tiếp, liên doanh hoặc hợp đồng, hợp tác kinh doanh.

- Tập trung vốn thuộc chương trình phát triển du lịch quốc gia, của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư kinh doanh dịch vụ du lịch để xây dựng vùng du lịch trọng điểm, hoàn chỉnh hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch gồm các khách sạn, nhà nghỉ, khu vui

chơi giải trí, công viên, bể bơi, các trung tâm văn hóa - thể dục, thể thao, hình thành hệ thống du lịch khép kín tạo ấn tượng cho du khách, tăng cường quảng bá để thu hút khách du lịch.

1.5. Thị trường

- Duy trì mối quan hệ với thị trường truyền thống, đồng thời tìm kiếm mở rộng ra các thị trường mới trong khu vực và trên thế giới.

- Đánh giá lại thị trường xuất khẩu truyền thống (đặc biệt chú trọng thị trường Vân Nam- Trung Quốc) để đề ra những chính sách phù hợp trong thời gian tới, nhằm thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa. Ngoài ra, thông qua chương trình xúc tiến thương mại của quốc gia, của tỉnh để giá trị hàng hóa xuất khẩu ngày càng tăng sang các thị trường truyền thống, đồng thời mở rộng thị trường xuất khẩu sang các nước trong khu vực và trên thế giới, trong đó chú trọng thị trường Mỹ và EU.

- Tăng cường thu hút khách du lịch Trung Quốc theo các tuyến đã được các cơ quan chức năng của hai nước ký kết, theo hướng đơn giản hóa thủ tục xuất, nhập cảnh, trong thời gian tới cần phải chú trọng khai thác nguồn khách du lịch từ các nước trong khu vực và trên thế giới, bằng những hình thức du lịch đa dạng và mang đậm bản sắc văn hóa các dân tộc Lào Cai, tạo ra nguồn du khách ổn định và phát triển qua từng năm.

1.6. Đào tạo nguồn nhân lực

- Chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ giỏi về nghiệp vụ, thông thạo ngoại ngữ và công nghệ thông tin. Có chính sách thu hút người có tài để dần hình thành đội ngũ cán bộ làm công tác kinh tế đối ngoại, quản lý Khu kinh tế cửa khẩu giỏi chuyên môn, phẩm chất chính trị vững vàng đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác kinh tế đối ngoại, am hiểu về luật pháp quốc tế, nghiệp vụ ngoại thương, am hiểu thị trường khu vực và thế giới để hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa sang các thị trường truyền thống và mở rộng xuất khẩu hàng hóa sang các thị trường mới.

2. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2003 và các năm tiếp theo

2.1. Về sản xuất

Trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp: Tập trung đầu tư phát triển nông, lâm nghiệp theo các đề án đã được phê duyệt, đặc biệt chú trọng đầu tư phát triển các vùng trồng cây dược liệu, cây chè, các loại rau, hoa chất lượng cao và cây ăn quả ôn đới tại các huyện, thị xã, tạo sự chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu cây trồng nông nghiệp; phấn đấu trồng mới 2.000 ha chè, 1.000 ha cây ăn quả, 2.500 ha rừng tập trung gắn với công nghiệp chế biến phục vụ xuất khẩu. Đối với lĩnh vực công nghiệp: Chú trọng triển khai các đề án, chính sách về khuyến khích phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp nhằm tạo ra nhiều sản phẩm thủ công mỹ nghệ, đồ lưu niệm phục vụ du lịch; sắp xếp và đổi mới các doanh nghiệp nhà nước; tích cực tìm kiếm và mở rộng thị trường cho sản phẩm công nghiệp. Trong thời gian tới, cần tập trung cho công nghiệp khai thác, chế biến nh apatít (Lào Cai), đồng (Bát Xát), sắt, feldspat (Văn Bàn).

2.2. Về thương mại - du lịch

Tiếp tục đổi mới công tác chỉ đạo xuất, nhập khẩu, cải tiến quản lý các cửa khẩu; nghiên cứu và xây dựng những chính sách cơ chế nhằm thúc đẩy hoạt động thương mại. Cần hết sức quan tâm đến việc đẩy mạnh hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa qua cửa khẩu Quốc tế Lào Cai với việc xây dựng các mặt hàng xuất khẩu chủ lực trên cơ sở quy hoạch và đầu tư vào các vùng cung cấp hàng hóa ổn định. Quan tâm đến công tác xúc tiến thương mại tại các thị trường truyền thống bằng việc mở các văn phòng đại diện, các gian hàng trưng bày sản phẩm. Đối với các thị trường mới, trước mắt cần tiến hành quảng bá sản phẩm qua ấn phẩm, tham quan, qua trung tâm xúc tiến thương mại Việt Nam ở nước ngoài... để từng bước xâm nhập thị trường, mở rộng thị trường xuất khẩu hàng hóa. Trong giai đoạn 2002-2006, phấn đấu giá trị kim ngạch xuất khẩu tăng hàng năm khoảng 20%/năm, giá trị xuất khẩu của các doanh nghiệp địa phương đạt 40 triệu USD vào năm 2005.

Tăng cường xúc tiến công tác tuyên truyền, quảng bá; xây dựng

sản phẩm du lịch, cải tiến thủ tục xuất cảng, nhập cảng; quy hoạch đầu tư nâng cấp hạ tầng cơ sở các khu du lịch trọng điểm, huy động và tổ chức hiệu quả các nguồn vốn đầu tư; chỉ đạo tổ chức sự kiện du lịch quốc tế và các lễ hội truyền thống của các dân tộc. Thu hút ngày càng nhiều khách du lịch đến với Lào Cai.

2.3. Quy hoạch và đầu tư

Tập trung quy hoạch chi tiết, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các khu và các dự án trọng điểm sau: Khu Cửa khẩu Quốc tế Lào Cai, Khu Công nghiệp Bắc Duyên Hải, Khu Công nghiệp Đông Phố Mới, khu Thương mại Kim Thành, Khu Công nghiệp Tầng Loỏng và Khu Du lịch Sa Pa, Bắc Hà với các hạng mục cụ thể như: Trung tâm thương mại quốc tế, bãi kiểm hóa, kho hàng, kho ngoại quan, ga đường sắt, các chợ, cảng sông, đường nội bộ, điện, nước, mặt bằng, trung tâm hội chợ, dịch vụ về khách sạn, vui chơi giải trí,...

- Quy hoạch mở rộng khu vực Cửa khẩu Mường Khương.

2.4. Về quan hệ đối ngoại

Mở rộng hợp tác với các địa phương trong cả nước, với các tỉnh Tây Nam của Trung Quốc (đặc biệt là tỉnh Vân Nam và tỉnh Tứ Xuyên), với các quốc gia trong khối ASEAN và thế giới.

2.5. Về cơ chế chính sách

Hướng dẫn việc thực hiện chính sách riêng cho các hoạt động thương mại dịch vụ và đầu tư sản xuất kinh doanh đối với các khu, dự án trọng điểm theo Quyết định số 496-QĐ/UB, ngày 25-10-2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh theo hướng ưu đãi nhất, thông thoáng, cởi mở nhất nhu chính sách về tiền thuê đất, giải phóng mặt bằng, hạ tầng cơ sở, kiểm tra, kiểm soát hàng hóa xuất, nhập khẩu, thuế, hỗ trợ đào tạo, hỗ trợ thông tin, cơ chế một đầu mối, thưởng xuất, nhập khẩu, nhằm thu hút ngày một nhiều các hoạt động thương mại dịch vụ, đầu tư nhằm tạo tiền đề, tạo động lực thúc đẩy các ngành, các lĩnh vực, các khu vực phát triển.

2.6. Về tổ chức bộ máy và công tác quản lý cán bộ

- Tiếp tục củng cố Ban Quản lý Kinh tế cửa khẩu thị xã Lào Cai.

- Thành lập Ban Quản lý khu Công nghiệp gồm khu Công nghiệp Bắc Duyên Hải, Khu Công nghiệp Đông Phố Mới, Khu Thương mại Kim Thành, Khu Công nghiệp Tăng Loỏng và Khu Du lịch Sa Pa.

- Kiện toàn lại đội ngũ quản lý, tham mưu giúp việc trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại và kinh tế cửa khẩu theo hướng bố trí đủ cán bộ, nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học và kiến thức về thị trường hội nhập kinh tế quốc tế nhằm đáp ứng ngày một tốt hơn công việc được giao.

- Tăng cường hơn nữa sự phối kết hợp giữa các ngành, các cấp, các đơn vị trong lĩnh vực hoạt động kinh tế đối ngoại và kinh tế cửa khẩu nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 475-TB/TU, ngày 5-12-2002

Về ý kiến kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại cuộc họp ngày 4-12-2002

Ngày 4-12-2002, Thường trực Tỉnh ủy họp dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Đức Thắng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy. Cùng dự có các đồng chí: Bùi Quang Vinh - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Nguyễn Đình Vững, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy; Phạm Kỳ, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; Nguyễn Hữu Thề, Trưởng ban Tổ chức chính quyền tỉnh và Lãnh đạo Văn phòng Tỉnh ủy.

Sau khi nghe và thảo luận một số nội dung do Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy trình xin ý kiến, Thường trực Tỉnh ủy thống nhất như sau:

1. Về đề án sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, biên chế và quy chế tổ chức, hoạt động Nhà thiếu nhi tỉnh Lào Cai:

Cơ bản nhất trí với đề án của Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo dứt điểm việc quyết toán đầu tư xây dựng cơ bản trong tháng 12-2002 để bàn giao cơ sở vật chất đã được đầu tư cho bộ máy mới của Nhà thiếu nhi tỉnh Lào Cai nhằm khai thác có hiệu quả vốn đầu tư.

Nhà thiếu nhi tỉnh Lào Cai là một đơn vị sự nghiệp có thu, có

tư cách pháp nhân theo quy định hiện hành, là đơn vị dự toán cấp II; hằng năm phải lập dự toán thu chi để Sở Tài chính - Vật giá tỉnh thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Nhà thiếu nhi tỉnh Lào Cai được phép liên kết với các trường và ngành ở Trung ương, địa phương trình Ủy ban nhân dân tỉnh để đào tạo các lớp năng khiếu, đào tạo lại và đào tạo nâng cao trong lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật.

Giao Sở Văn hóa - Thông tin - Thể thao thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chuyên môn, nghiệp vụ; thẩm định, lập kế hoạch trình Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đào tạo các lớp năng khiếu sau khi nhận được văn bản đề nghị của Ban Thường vụ Tỉnh đoàn và sau khi đã xem xét ý kiến của Nhà thiếu nhi tỉnh. Về tổ chức bộ máy và biên chế:

- + Ban giám đốc: Có 1 giám đốc (là Ủy viên Ban Chấp hành Tỉnh Đoàn) và có từ 1 - 2 phó giám đốc.

Giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn thực hiện quy trình phân công đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Tỉnh Đoàn trực tiếp làm giám đốc, thực hiện quy trình bổ nhiệm các phó giám đốc và chỉ đạo Tỉnh Đoàn thực hiện công tác tổng kết, đánh giá hoạt động hằng năm của Nhà thiếu nhi; hoàn chỉnh đề án về tổ chức, bộ máy, quy chế hoạt động theo hướng:

- + Có 4 phòng trực thuộc.

- + Biên chế: trước mắt bố trí biên chế là 10, căn cứ nhu cầu thực tế sẽ thực hiện một số việc hợp đồng lao động theo Nghị định số 198/CP, ngày 31-12-1994 của Chính phủ. Biên chế lấy trong số biên chế Khối Dân, Đảng năm 2002 do Ban Tổ chức Trung ương giao cho tỉnh Lào Cai.

Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy chỉ đạo Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn hoàn thiện đề án và tổ chức thực hiện từ ngày 1-1-2003.

2. Thường trực Tỉnh ủy nhất trí đánh giá hoạt động nhân đạo - xã hội của Hội chữ thập đỏ tỉnh Lào Cai trong thời gian qua có cố gắng, tập trung vào công tác xóa đói, giảm nghèo và những người có những thiệt thòi do hậu quả chiến tranh, thiên tai và bệnh tật gây ra,... thực

hiện các chương trình dự án chăm sóc sức khỏe góp phần cải thiện môi trường và điều kiện sống cho nhân dân, tích cực phòng, chống giảm nhẹ thiên tai.

Trong thời gian tới, Tỉnh ủy yêu cầu Hội chữ thập đỏ tỉnh Lào Cai cần xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động cụ thể, khai thác được các nguồn lực của các tổ chức, cá nhân cho hoạt động từ thiện, nhân đạo, đặc biệt tập trung vào công tác xóa đói, giảm nghèo và những người gặp những thiệt thòi trong cuộc sống do những nguyên nhân khác nhau.

+ Về chế độ đối với Chủ tịch Hội chữ thập đỏ xã, phường: Chờ hướng dẫn mới của Chính phủ sẽ thực hiện.

+ Về tổ chức của Hội chữ thập đỏ cấp huyện, thị và tương đương: Mỗi huyện, thị có từ 2 cán bộ chuyên trách; đối với các huyện mới thành lập chưa bố trí được cán bộ chuyên trách thì có ít nhất 1 cán bộ. Cần bố trí đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị hoặc cán bộ chuyên trách trong Ban chấp hành huyện, thị có năng lực phụ trách văn xã làm Chủ tịch Hội chữ thập đỏ cấp huyện, thị.

Thực hiện việc sinh hoạt giao ban ở Khối Dân để có sự chỉ đạo thường xuyên của cấp ủy.

+ Cơ quan Tỉnh hội xây dựng đề án sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, chức năng, nhiệm vụ các phòng, ban để Ban Tổ chức chính quyền tỉnh thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, thực hiện.

Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy cùng Ban Chấp hành Hội chữ thập đỏ tỉnh chuẩn bị về nhân sự, nội dung báo cáo chuẩn bị tiến hành Đại hội Hội chữ thập đỏ tỉnh Lào Cai vào quý I năm 2003 để nâng cao chất lượng hoạt động, chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo của Hội đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

3. Đồng ý với nội dung Tờ trình số 180-TT/TG, ngày 26-11-2002 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy về việc thực hiện đề tài: nghiên cứu, đo đạc chỉ số phát triển con người (HDI) của tỉnh Lào Cai giai đoạn từ năm 1995 đến năm 2003.

Giao Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng quản lý nhà nước và Liên hiệp các hội khoa học - kỹ thuật tỉnh Lào Cai để thực hiện.

4. Đồng ý với nội dung Công văn số 185-CV/TG, ngày 3-12-2002 về việc xin xuất bản kỷ yếu Hội thảo “Chủ tịch Hồ Chí Minh với người cao tuổi Việt Nam trong đó có người cao tuổi tỉnh Lào Cai”.

- Giao Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy thẩm định nội dung. Ban đại diện người cao tuổi tỉnh Lào Cai, dự trù số lượng và kinh phí trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để xuất bản.

- Đồng ý Tờ trình số 179-TT/TG, ngày 26-11-2002 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy về việc tái bản, bổ sung tư liệu lịch sử Đảng bộ thị xã Lào Cai tập I từ năm 1930-1954, thêm phụ trương về tình hình kinh tế - xã hội, dân cư từ khi tái lập (năm 1992) đến giai đoạn hợp nhất 2 thị xã: Lào Cai - Cam Đường và công nhận là đô thị loại III phấn đấu đủ tiêu chí trở thành thành phố tỉnh lỵ.

5. Nhất trí Tờ trình số 935-TT/VP, ngày 4-12-2002 của Văn phòng Tỉnh ủy và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành phần đoàn cấp cao của tỉnh và nội dung đi thăm và làm việc tại Châu Hồng Hà tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) vào tháng 12-2002.

Thừa lệnh Ban Thường vụ, Văn phòng Tỉnh ủy xin thông báo để các đơn vị, cơ quan, cá nhân căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tổ chức thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ VĂN PHÒNG

PHẠM VĂN LIÊN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 478-TB/TU, ngày 10-12-2002

**Về kết luận của đồng chí Nguyễn Đức Thăng,
Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy tại Hội nghị giao ban
nội chính ngày 5-12-2002**

Ngày 5-12-2002 tại Thanh tra tỉnh, đồng chí Nguyễn Đức Thăng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, chủ trì Hội nghị giao ban khối Nội chính. Sau khi nghe báo cáo tổng hợp tình hình của Văn phòng Tỉnh ủy; Ý kiến phát biểu của lãnh đạo các ngành trong khối Nội chính, đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy kết luận:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THÁNG 11-2002

Trong tháng 11-2002, các huyện, thị và các ngành trong khối Nội chính đã tổ chức thực hiện tốt kết luận của Thường trực Tỉnh ủy; một số ngành đã tiến hành tổng kết thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2002 và triển khai xây dựng kế hoạch công tác năm 2003. Tình hình an ninh chính trị ổn định. Tình hình trật tự, an toàn xã hội vẫn còn những diễn biến phức tạp, tiềm ẩn một số yếu tố phức tạp; trong công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản cần phải tăng cường quản lý và đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng; buôn lậu và gian lận thương mại chưa được ngăn chặn kịp thời, một số vụ án tiến độ điều tra còn chậm, tai tệ nạn xã hội vẫn phức tạp.

II. MỘT SỐ CÔNG VIỆC CẦN TẬP TRUNG GIẢI QUYẾT TRONG THÁNG 12-2002

1. Các cấp ủy đảng cần chỉ đạo các ngành (đặc biệt ngành Nội chính) tập trung nắm chắc tình hình và xử lý các vấn đề xảy ra từ cơ sở, nhất là công tác phòng, chống tuyên truyền đạo Tin Lành trái phép (nhất là đối tượng “cầm đầu, tích cực”), di cư tự do, chú ý theo dõi các đối tượng hoạt động không bình thường trong dịp lễ Nôen.

2. Cơ quan trong khối Nội chính tập trung thực hiện tốt công tác cải cách tư pháp; chống buôn lậu, gian lận thương mại và sớm có phương án xử lý những tang vật của các vụ án, nhất là các vụ về buôn lậu; mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp các loại tội phạm hình sự, ma túy và tăng cường tuần tra kiểm soát trật tự an toàn giao thông. Công an tỉnh xác minh và báo cáo kết quả xử lý vụ Đinh Thị Vân (Bảo Yên) thu tiền, tổ chức đón thuê xe ô tô để chở 6 hộ dân di cư tự do ngày 26-11-2002 xảy ra tại thị trấn Phố Ràng huyện Bảo Yên.

3. Các sở, ban, ngành, huyện, thị xã giúp đỡ các xã thuộc khu vực 3 hoàn thành việc đăng ký khai sinh, đăng ký kết hôn còn tồn đọng. Từ đầu năm 2003 cần đưa việc đăng ký khai sinh, đăng ký kết hôn đi vào nền nếp.

4. Các ngành làm án tập trung tiến độ điều tra để sớm đưa ra truy tố, xét xử các vụ án: Vụ Nguyễn Thị Hồng doanh nghiệp Hà Quang lừa đảo chiếm đoạt tài sản Nhà nước, vụ trộm cắp cước phí viễn thông. Hải quan tỉnh phối hợp với Viện Kiểm sát tỉnh giải quyết dứt điểm vụ doanh nghiệp Thuận Phát - thành phố Hồ Chí Minh nhập khẩu giấy cuốn thuốc lá ở cửa khẩu quốc tế Lào Cai.

Đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan thông tin đại chúng để có hướng tuyên truyền thông tin các vụ việc buôn lậu, vi phạm quản lý kinh tế trong tỉnh, phải bảo đảm chính xác, đúng pháp luật và phục vụ yêu cầu nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

5. Ban Ngoại vụ và Biên giới, huyện, thị biên giới và Đồn Biên phòng tuyến biên giới Mường Khương bảo vệ an toàn nhóm phân giới cắm mốc số 3 của tỉnh.

6. Giao Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh chỉ đạo cho các Đoàn Biên phòng thống nhất với các Đoàn Biên phòng - Trung Quốc để thống nhất quy định về việc tổ chức cho nhân dân ở các xã biên giới qua lại thăm thân và giải quyết những nhu cầu sinh hoạt của đồng bào (thuộc các lối mòn truyền thống).

7. Giao Ban Ngoại vụ và Biên giới tỉnh phối hợp với các ngành chức năng, xây dựng tờ trình báo cáo Tỉnh ủy về việc tổ chức hội thảo với các tổ chức phi chính phủ NGO tại tỉnh Lào Cai nhằm tranh thủ thêm nguồn lực để thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo vào năm 2003.

8. Giao Công an tỉnh phối hợp với các ngành trong khối Nội chính xây dựng báo cáo sơ kết chương trình hành động của Tỉnh ủy khóa XI về thực hiện chiến lược an ninh quốc gia trên địa bàn tỉnh. Đánh giá kết quả thực hiện Đề án An ninh - Quốc phòng với nhiệm vụ phát triển kinh tế đối ngoại.

9. Giao Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh phối hợp với công an tỉnh, xây dựng báo cáo kết quả 1 năm thực hiện Đề án phòng, chống âm mưu “diễn biến hòa bình” và “bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch và kế hoạch đối phó với các tình huống xảy ra trong khu vực phòng thủ tỉnh, huyện và kế hoạch kiểm tra tại một số huyện, thị về thực hiện chương trình hành động của Tỉnh ủy về chiến lược an ninh quốc gia.

10. Các ngành trong khối Nội chính tập trung giải quyết các đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân, chú ý phối hợp với các cấp ủy đảng để giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo liên quan đến đảng viên. Tổ tiếp công dân của Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục tổng hợp diễn biến tình hình tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo hàng tuần, tháng gửi về Thường trực Tỉnh ủy (qua Văn phòng Tỉnh ủy), cần chú ý theo dõi kết quả thực hiện kết luận sau giải quyết khiếu nại, tố cáo.

11. Ban chỉ đạo phân giới cắm mốc của tỉnh cần chỉ đạo sâu sát tới nhóm phân giới cắm mốc số 3 của tỉnh, yêu cầu từng cán bộ, chiến sĩ, công chức nâng cao tinh thần trách nhiệm trong quá trình thực

hiện nhiệm vụ; chấp hành nghiêm kỷ luật và pháp luật. Phối hợp với các ngành chức năng triển khai cấm mốc số 103 theo đúng kế hoạch.

12. Đoàn công tác được tỉnh phân công đi nghiên cứu, trao đổi, học tập về lĩnh vực hợp tác tư pháp với Châu Hồng Hà - Trung Quốc chuẩn bị tốt nội dung để tham gia hội đàm đạt kết quả cao.

Thừa lệnh Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy thông báo kết luận của đồng chí Nguyễn Đức Thăng, để các cơ quan liên quan biết và tổ chức thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ VĂN PHÒNG
PHẠM VĂN LIÊN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 481-TB/TU, ngày 10-12-2002

**Về kết luận của đồng chí Nguyễn Đức Thắng,
Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy tại cuộc họp
với các đoàn thể ngày 9-12-2002**

Thực hiện quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh được ban hành tại Quyết định số 111-QĐ/TU, ngày 3-5-2001 và chương trình công tác tháng 12-2002 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, ngày 9-12-2002, Thường trực Tỉnh ủy đã họp giao ban quý IV với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể của tỉnh do đồng chí Nguyễn Đức Thắng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy chủ trì; cùng dự có đồng chí Trần Nguyên, Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và đồng chí Hà Ngọc Đông, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, đồng chí Giàng Thị Mỹ, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Dân vận - Dân tộc Tỉnh ủy. Sau khi nghe các đơn vị báo cáo tình hình công tác quý IV và năm 2002, nhiệm vụ trọng tâm năm 2003 các đồng chí dự họp phát biểu, đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy kết luận:

1. Về đánh giá công tác quý IV và năm 2002

Cơ bản nhất trí với báo cáo đánh giá của các đoàn thể: Trong quý IV và năm 2002, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tỉnh Lào Cai đã hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ của một tổ chức chính trị - xã hội, tích cực hướng về cơ sở nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhân

dân, vận động quần chúng tham gia thực hiện có hiệu quả các mục tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, góp phần xây dựng Đảng, chính quyền theo hướng trong sạch, vững mạnh năm 2002. Tuy vậy, từng đơn vị phải căn cứ vào những nhiệm vụ Tỉnh ủy giao tại Văn bản số 275 ngày 11-1-2002 và chương trình công tác của từng đoàn thể để đánh giá sát những kết quả tồn tại và nguyên nhân của nó. Đồng thời căn cứ vào các ý kiến tham gia và ý kiến kết luận của Thường trực cho từng đoàn thể, yêu cầu các đơn vị hoàn chỉnh, bổ sung vào báo cáo để làm căn cứ tổ chức thực hiện trong năm 2003 gửi về Văn phòng Tỉnh ủy trước ngày 14-12-2002.

2. Về phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2003

Thường trực Tỉnh ủy đồng ý những nội dung phương hướng công tác đã nêu trong các báo cáo của từng đoàn thể, trong đó nhấn mạnh một số nhiệm vụ trọng tâm mà cấp ủy các cấp quan tâm chỉ đạo các đoàn thể thực hiện tốt như sau:

a) Đối với Mặt trận Tổ quốc tỉnh

- Có biện pháp phát huy tối đa khối đoàn kết toàn dân thi đua thực hiện các nhiệm vụ chính trị, cảnh giác và phát hiện kịp thời các âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch ngay từ cơ sở. Có kế hoạch cụ thể về phát huy vai trò người có uy tín trong các dân tộc, các dòng họ, đây là lực lượng cộng tác viên của hệ thống chính trị trong việc giáo dục, cảm hóa những đối tượng, quần chúng theo đạo trái phép, di cư tự do, tội phạm... Quan tâm thực hiện tốt các chính sách cho các đối tượng xã hội.

- Mặt trận Tổ quốc chủ trì Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, xác định rõ trách nhiệm là cơ quan thường trực, có kế hoạch sơ tổng kết và nhân rộng điển hình tiên tiến, xuất sắc trên địa bàn toàn tỉnh.

- Tiếp tục phát động phong trào nhân đạo, tình nguyện, từ thiện; thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy vai trò của Ban Thanh tra nhân dân.

Tiếp tục củng cố tổ chức, cán bộ, làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng và sử dụng hợp lý đội ngũ cán bộ mặt trận, củng cố Ban công tác mặt trận ở khu dân cư.

b) Đối với Hội Nông dân tỉnh

- Giao cho Hội chủ trì và phối hợp với các cơ quan, đoàn thể thực hiện đề án về sản xuất kinh doanh giỏi về nông, lâm, tiểu thủ công nghiệp, xóa đói, giảm nghèo, ổn định dân cư và giúp đỡ nhau thực hiện chương trình chất lượng cho hộ nghèo.

- Chú ý thực hiện tốt việc giải quyết tranh chấp, hòa giải trong nông dân, xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến; xây dựng và phát triển phong trào xây dựng chi hội nông dân ở nông thôn “an toàn - đoàn kết - phát triển”; tham gia xây dựng, quản lý sử dụng và bảo vệ các công trình xây dựng cơ bản đã được đầu tư trên địa bàn.

- Tiếp tục xây dựng, củng cố tổ chức hội vững mạnh, thực hiện tốt công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, hội viên; tích cực đổi mới nội dung và phương thức hoạt động trong tình hình mới; hoàn thành Đại hội cấp cơ sở và Đại hội Nông dân tỉnh trong năm 2003.

- Đẩy mạnh thực hiện Quy chế dân chủ, tham gia tích cực trong việc xây dựng Đảng và chính quyền trong sạch, vững mạnh.

c) Hội Phụ nữ tỉnh

- Tập trung củng cố tổ chức, phát triển hội viên, đào tạo bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nữ. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Hội theo hướng “gần dân, sát cơ sở” và có hiệu quả.

- Thực hiện tốt và có hiệu quả 2 phong trào, 5 chương trình do Trung ương Hội phát động và các phong trào do tỉnh phát động, đặc biệt là các chương trình về xóa đói, giảm nghèo, xây dựng gia đình văn hóa, vận động phụ nữ đấu tranh chống các tệ nạn xã hội, ngăn chặn truyền đạo trái phép trong giới. Thường xuyên sơ, tổng kết mô hình để tìm ra cách làm hay, nhân rộng điển hình tiên tiến.

- Giao cho Ban Dân vận - Dân tộc Tỉnh ủy cùng với Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ của tỉnh chuẩn bị cho việc sơ kết thực hiện Chỉ thị 17-CT/TU của Tỉnh ủy về công tác cán bộ nữ.

d) Đối với Liên đoàn lao động tỉnh

- Giao cho Liên đoàn lao động tỉnh chủ trì xây dựng kế hoạch động viên nên công chức, người lao động tích cực triển khai đồng bộ, có hiệu quả 27 đề án của Tỉnh ủy, trên cơ sở đó xây dựng nhiệm vụ cụ thể và trách nhiệm của Liên đoàn lao động các cấp trên từng lĩnh vực.

- Tăng cường các hoạt động xã hội (như nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thực hiện Quy chế dân chủ, thanh tra, giám sát...) và các hoạt động tình nguyện của đoàn viên công đoàn và những người lao động; tăng cường sự phối hợp, liên kết trong hoạt động tình nguyện của công đoàn các ngành Trung ương đóng trên địa bàn với công đoàn địa phương theo hướng nâng cao chất lượng, thiết thực, hiệu quả.

- Tiếp tục củng cố về mặt tổ chức (chú ý khu vực công đoàn doanh nghiệp ngoài quốc doanh). Hoàn thành đại hội công đoàn các cấp và Đại hội Liên đoàn lao động tỉnh lần thứ ba trong năm 2003, trong đó chỉ rõ nội dung, biện pháp xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh, phong trào thi đua trong lĩnh vực khoa học - kỹ thuật, phòng, chống tệ nạn xã hội, chống tiêu cực, lãng phí, tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền.

đ) Đối với Đoàn thanh niên tỉnh

- Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, đa dạng hóa các hình thức tập hợp đoàn viên, thanh niên tham gia thực hiện các đề án của tỉnh, trong đó chỉ rõ lĩnh vực chịu trách nhiệm chủ trì và lĩnh vực phối hợp tham gia.

- Có kế hoạch cụ thể triển khai Nghị quyết Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ VIII, nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức đoàn - hội - đội.

- Đẩy mạnh các hoạt động hướng về cơ sở; phát huy phong trào tình nguyện của đoàn viên, thanh niên đến vùng cao, vùng đồng bào dân tộc giúp nhân dân sản xuất và tổ chức đời sống, phong trào thanh niên học tập, lập nghiệp, hoạt động xã hội...

- Xây dựng, củng cố tổ chức đoàn - hội - đội, phát triển đoàn viên, hội viên và phong trào thanh thiếu nhi.

e) Đối với Hội Cựu chiến binh tỉnh

Tập trung xây dựng kế hoạch gây ảnh hưởng lan tỏa của phong trào “5 không”. Có kế hoạch phân công hội viên phối hợp cùng với thành viên Mặt trận đến các xã có đạo trái phép, di cư tự do, tuyên truyền vận động nhân dân tổ chức sản xuất và đời sống, chấp hành tốt luật pháp.

- Chú ý tham gia giám sát, quản lý trong các hoạt động kinh tế - xã hội, nhất là các chính sách đầu tư, thực hiện chính sách cho đồng bào dân tộc thiểu số, các chương trình, dự án, đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng, phiền hà.

- Xây dựng, củng cố tổ chức hội vững mạnh cả về số lượng và chất lượng. Có chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ, hội viên.

Yêu cầu các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ vào kết luận trên đây để thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 482-TB/TU, ngày 10-12-2002

**Về ý kiến kết luận của đồng chí Nguyễn Đức Thăng,
Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy tại Hội nghị tổng kết
công tác bảo vệ mục tiêu Tỉnh ủy năm 2002**

Ngày 18-11-2002, tại trụ sở Văn phòng Tỉnh ủy, Trung đội chiến sĩ bảo vệ mục tiêu Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị tổng kết công tác năm 2002, tới dự Hội nghị có đồng chí Nguyễn Đức Thăng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, đồng chí Phạm Ngọc Thăng, Tỉnh ủy viên, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Trọng Bình, Phó Trưởng phòng PC22. Sau khi nghe Trung đội chiến sĩ bảo vệ báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2002 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2003, ý kiến phát biểu của các đại biểu, đồng chí Nguyễn Đức Thăng đã phát biểu ý kiến chỉ đạo về nhiệm vụ bảo vệ mục tiêu Tỉnh ủy như sau:

Năm 2002, trong điều kiện cơ sở vật chất còn nhiều khó khăn, nhưng được sự quan tâm của Văn phòng Tỉnh ủy, Công an tỉnh và các phòng chức năng, Trung đội chiến sĩ bảo vệ đã có nhiều cố gắng để khắc phục mọi khó khăn và đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Năm 2003, tình hình kinh tế - chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh còn nhiều diễn biến mới, bên cạnh thuận lợi cũng sẽ xuất hiện tình hình phức tạp. Vì vậy, nhiệm vụ bảo vệ mục tiêu Tỉnh ủy đòi hỏi phải có sự cố gắng nhiều hơn nữa mới đáp ứng được yêu cầu

nhiệm vụ bảo vệ mục tiêu tuyệt đối an toàn để phục vụ cho sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy và các Ban Đảng nhiệm vụ năm 2003 và các năm sau, vì vậy yêu cầu các cơ quan liên quan phải có sự phối hợp chặt chẽ, tạo mọi điều kiện để Trung đội chiến sĩ bảo vệ hoàn thành được nhiệm vụ. Trước mắt cần cần phải chấn chỉnh và thực hiện ngay một số việc sau:

1. Văn phòng Tỉnh ủy phải kiểm tra, sửa chữa và hoàn thiện hệ thống điện chiếu sáng bảo vệ trong và ngoài trụ sở.

2. Cán bộ, nhân viên các cơ quan làm việc tại trụ sở phải nghiêm túc thực hiện an toàn về cháy, nổ (phải tắt các thiết bị sử dụng điện khi ra khỏi phòng).

3. Nghiêm cấm cán bộ, nhân viên trèo qua tường rào bảo vệ vào khu vực làm việc và khu thể thao. Giao cho lực lượng cảnh sát bảo vệ kiểm tra, ai vi phạm sẽ xử phạt hành chính, tiền thu phí từ xử phạt để lập quỹ cho Trung đội cảnh sát bảo vệ. Xe máy và phương tiện đi lại của cán bộ, nhân viên phải để đúng nơi quy định (không được để các nơi xung quanh trụ sở, trước cửa ra vào gara ô tô, trước sảnh trụ sở, ô tô đưa khách làm việc phải để vào bãi để xe). Giao cho công an bảo vệ và đồng chí cán bộ Thường trực của Văn phòng Tỉnh ủy đôn đốc, nhắc nhở và quy định vị trí và có bảng báo dẫn.

4. Văn phòng Tỉnh ủy tạo các điều kiện về vật chất và tinh thần để động viên cán bộ chiến sĩ cảnh sát yên tâm thực hiện nhiệm vụ (như tạo điều kiện được thông tin, học tập và tập luyện để nâng cao trình độ chuyên môn và thể mỹ, được vào thư viện đọc và mượn sách, truyện..., dành một khoản kinh phí để khen thưởng đối với những chiến sĩ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong điều kiện thích hợp có thể bố trí một vài chiến sĩ được tham quan học tập). Thường trực Tỉnh ủy thưởng cho Trung đội cảnh sát bảo vệ trụ sở Tỉnh ủy 1.000.000 đ (một triệu đồng) đã có thành tích trong năm 2002.

5. Công an tỉnh phải coi trọng công tác xây dựng lực lượng cảnh sát bảo vệ mục tiêu (đặc biệt là lực lượng chiến sĩ bảo vệ mục tiêu Tỉnh ủy) để đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

Trên đây là kết luận chỉ đạo của đồng chí Phó Bí thư Thường trực.
Thừa lệnh Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy thông báo để
các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ thực hiện.

Thông báo này được phổ biến tới mọi cán bộ, nhân viên trong
Khối Đảng.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG
PHẠM NGỌC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 480-TB/TU, ngày 11-12-2002

**Về kết luận của Thường trực Tỉnh ủy
tại Hội nghị giao ban ngày 10-12-2002**

Ngày 10-12-2002, Thường trực Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị giao ban quý IV với các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc do đồng chí Nguyễn Đức Thăng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy chủ trì. Sau khi nghe các đơn vị báo cáo tình hình công tác quý IV năm 2002, phương hướng, nhiệm vụ năm 2003; các đại biểu thảo luận, đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy kết luận:

A. VỀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CÔNG TÁC NĂM 2002

Trong năm 2002, mặc dù gặp phải những khó khăn lớn, nhưng kinh tế - xã hội của các huyện, thị nói riêng, của tỉnh Lào Cai nói chung tiếp tục phát triển và thu được những thành tựu đáng phấn khởi. Tổng sản phẩm trên địa bàn đạt khoảng 1.237 tỷ đồng (giá so sánh 1994), tăng 10,37% so với năm trước, vượt kế hoạch đề ra. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 5,8%; công nghiệp - xây dựng tăng 19,11%; dịch vụ tăng 11,61%. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng: nông, lâm, thủy sản chiếm 44,56%, bằng 95,83% so với tỷ trọng năm 2001; công nghiệp - xây dựng chiếm 20,61%, bằng 107,97% và dịch vụ chiếm 34,83%, bằng 101,21% tỷ trọng năm trước. Cơ cấu kinh tế nhất là trong nông nghiệp tiếp tục chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, nhiều mô hình sản xuất kinh doanh tốt;

sản xuất công nghiệp tiếp tục đạt được tốc độ tăng trưởng khá cao; các hoạt động dịch vụ, xuất, nhập khẩu có nhiều chuyển biến rõ nét, thực hiện vốn đầu tư và thu ngân sách nhà nước vượt kế hoạch, lĩnh vực tiền tệ, tín dụng có nhiều tiến bộ. Trong lĩnh vực xã hội có nhiều chuyển biến tốt: công tác giáo dục - đào tạo được đẩy mạnh; sự nghiệp y tế được phát triển, đội ngũ cán bộ y tế cơ sở được tăng cường; công tác giải quyết việc làm và xóa đói, giảm nghèo thực hiện có hiệu quả, tỷ lệ đói nghèo giảm 3,24%; thu nhập và sức mua của nhân dân tăng lên, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện. Các chính sách xã hội được thực hiện tốt. Tình hình chính trị, an ninh, quốc phòng, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm.

Công tác xây dựng hệ thống chính trị có nhiều chuyển biến, nội dung và phương thức hoạt động tiếp tục được đổi mới. Các chủ trương, nghị quyết của Đảng được triển khai kịp thời.

Việc thực hiện luân chuyển, tăng cường cán bộ đã phát huy tích cực, góp phần củng cố và tăng cường hệ thống chính trị, nhất là ở cơ sở.

Một số tồn tại, yếu kém đó là: Việc thực hiện các mục tiêu, kế hoạch kinh tế - xã hội chưa đều, có mặt chưa vững chắc, một số chỉ tiêu chưa đạt hoặc đạt thấp (như chỉ tiêu về trồng chè, cây ăn quả...). Công tác giải phóng mặt bằng), xây dựng khu tái định cư còn chậm và nhiều vướng mắc. Tỷ lệ hộ đói nghèo còn cao qua báo cáo, chỉ có 3 huyện, thị tỷ lệ đói nghèo dưới 20%, có 7 huyện từ 24-36%). Tình hình lợi dụng chính sách tôn giáo, nhất là việc truyền đạo Tin Lành trái phép, di cư tự do còn phức tạp. Hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở còn yếu, ở một số địa phương tính ỷ lại trông chờ còn nặng, vẫn còn 97 thôn, bản chưa có đảng viên.

B. VỀ MỘT SỐ NHIỆM VỤ QUÝ I NĂM 2003

I. VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc tập trung kiểm điểm đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ chính trị đã được giao

trong năm 2002, tập trung chỉ đạo để phấn đấu hoàn thành những mục tiêu nhiệm vụ chưa đạt kế hoạch và tìm nguyên nhân của nó để khắc phục. Đồng thời, trên cơ sở kế hoạch Nhà nước năm 2003 Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao, cần khẩn trương tiến hành giao kế hoạch cho các xã, ngành trực thuộc, đặc biệt là triển khai cơ chế điều hành kế hoạch năm 2003 theo Quyết định số 530, ngày 8-11-2002 và Quyết định số 551, ngày 27-11-2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Triển khai thực hiện tốt các dịch vụ cung ứng vật tư phân bón, giống, vốn,... bảo đảm cho sản xuất đông - xuân giành kết quả tốt. Phải bảo đảm quản lý nhà nước về chất lượng vật tư đưa vào sản xuất nông, lâm nghiệp.

3. Quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu để tạo điều kiện phục vụ sản xuất và đời sống cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn, nhằm ngăn chặn có hiệu quả việc di dịch cư tự do ra ngoài tỉnh và trong tỉnh.

4. Chỉ đạo các nhà trường đẩy mạnh công tác quản lý học sinh, duy trì và nâng cao tỷ lệ học sinh chuyên cần, khắc phục nhanh tình trạng xuống cấp trường lớp và phòng học tạm, nhà tạm. Đẩy mạnh phong trào thi đua dạy tốt, học tốt nhằm không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, đặc biệt là công tác phòng, chống dịch bệnh mùa đông, chống rét cho người và gia súc, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng, chống tệ nạn ma túy, tai nạn giao thông.

5. Chăm lo giải quyết chế độ chính sách cho các đối tượng xã hội, tiếp tục thực hiện tốt trợ cước, trợ giá, trợ lãi suất vay vốn sản xuất cho các hộ gia đình nghèo đói, khó khăn, từng bước giúp các gia đình chính sách thoát nghèo. Trước mắt tiến hành rà soát và thực hiện chủ trương hỗ trợ làm nhà ở chắc chắn trước Tết Quý Mùi cho 45 hộ gia đình chính sách diện đói nghèo theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh (đã nêu trong Thông báo kết luận Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 32 vừa qua và đã được cụ thể hóa tại Văn bản số 1437-CV/UB, ngày 4-12-2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

6. Chỉ đạo thực hiện các chương trình đầu tư xây dựng cơ bản đúng thủ tục, trình tự; chú trọng khâu bàn bạc dân chủ trong tập thể, tăng cường quản lý chất lượng công trình, tránh tiêu cực, lãng phí. Tổ chức thanh toán vốn đã ghi kế hoạch năm 2002 xong trước ngày 31-12-2002.

7. Chủ động chuẩn bị các điều kiện về vật chất, tinh thần cho nhân dân đón Tết Quý Mùi, nhất là các gia đình diện đối nghèo, đối tượng chính sách. Thực hiện nghiêm quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và tín ngưỡng nơi thờ tự và Văn bản số 1546 VP-VX, ngày 30-11-2002 của Chính phủ về việc cưới trong cán bộ, công chức.

II. VỀ QUỐC PHÒNG - AN NINH

1. Chủ động nắm chắc tình hình và làm tốt công tác quản lý địa bàn. Thực hiện nghiêm việc cấm mốc và quản lý đường biên giới. Chú ý quản lý không để mất trâu, bò ở khu vực biên giới.

2. Tổ chức tiếp dân chu đáo và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân theo đúng quy định. Các ngành chức năng giải quyết kịp thời những vấn đề mới nảy sinh ngay từ cơ sở, kiên quyết xử lý những hành vi vi phạm pháp luật, tập trung giải quyết đơn thư không để dây dưa kéo dài.

3. Triển khai kiểm tra thực hiện chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 08 về chiến lược an ninh quốc gia và Nghị quyết 08 về cải cách tư pháp.

4. Ngăn chặn truyền đạo Tin Lành trái phép, chú ý quản lý đối tượng “cầm đầu” “tích cực”.

5. Chống buôn lậu qua biên giới và trong nội địa, chống khai thác, buôn bán, vận chuyển lâm sản trái phép, chống sản xuất và lưu hành hàng giả. Đặc biệt, các ngành các cấp tiếp tục làm tốt việc ngăn chặn buôn bán, sử dụng pháo nổ trong dịp Tết Quý Mùi theo đúng quy định của Chính phủ.

6. Chỉ đạo làm tốt việc khám tuyển và giao quân theo kế hoạch.

III. VỀ XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

1. Chỉ đạo thực hiện đầy đủ các nội dung của Quy chế dân chủ và quy chế làm việc của cấp ủy, tạo sự thống nhất, nhằm triển khai đồng bộ các nhiệm vụ để tiếp nhận sự phân cấp cho huyện, thị theo chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Triển khai học tập và có kế hoạch, bước đi cụ thể để thực hiện tốt 7 tập đề án của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân đã ban hành (xong trong quý I năm 2003).

3. Sơ tổng kết các chương trình hành động, các đề án đến hạn về thời gian.

4. Các cơ quan thông tin tuyên truyền cần đổi mới về nội dung, phương thức, đối tượng tuyên truyền cho phù hợp với điều kiện và tình hình mới.

5. Triển khai các hướng dẫn mới của Ban Tổ chức Trung ương, các Ban Đảng Trung ương về quy hoạch cán bộ; đánh giá, phân loại cán bộ, đảng viên và tổ chức cơ sở đảng năm 2002. Lập kế hoạch đào tạo cán bộ, bảo đảm 100% cán bộ trong diện quy hoạch được đào tạo; có kế hoạch đào tạo lại đội ngũ cán bộ hiện có. Tiến hành sơ kết tình hình thực hiện chủ trương luân chuyển, tăng cường cán bộ đi huyện, xã và cán bộ 135. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo bố trí 4 chức danh chuyên môn ở xã, phường phải có trình độ từ trung cấp trở lên.

6. Chỉ đạo tiến hành kiểm điểm cá nhân cuối năm theo đúng tinh thần Công văn số 913-CV/TU, ngày 4-12-2002 của Tỉnh ủy. Trong đó cần chú ý kiểm điểm kỹ về tình hình thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí, kê khai nhà đất cơ sở sản xuất, kinh doanh của cán bộ, đảng viên, bổ sung lý lịch, kê khai phiếu đảng viên xong trong tháng 12-2002.

7. Làm rõ chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban ở cấp huyện (như Ủy ban dân số gia đình và trẻ em, Ban Dân vận - Dân tộc - Tôn giáo huyện, thị...) phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và phê duyệt để làm căn cứ thực hiện.

8. Tăng cường hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp, yêu cầu khắc phục những tồn tại, yếu kém phát hiện được trong quá trình giám sát; nâng cao trách nhiệm điều hành của chính quyền, vai trò trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân với phương thức hoạt động là: “Gần dân, sát cơ sở”; phát huy trách nhiệm kiểm tra, giám sát của các cơ quan thanh tra, kiểm tra... trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị. Có kế hoạch cụ thể đẩy mạnh thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy vai trò của già làng, trưởng bản, trưởng dòng họ và người có uy tín trong quá trình thực hiện các hoạt động kinh tế - xã hội, nhất là trong các chương trình, dự án xóa đói, giảm nghèo, xây dựng và phát triển các khu kinh tế, cải tạo phong tục tập quán lạc hậu, chống di cư tự do, truyền đạo trái phép.

9. Chỉ đạo tổng kết công tác năm 2002, bám sát các nhiệm vụ kế hoạch kinh tế - xã hội, các đề án của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và của huyện, thị để xác định phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2003 thiết thực, hiệu quả. Đẩy mạnh phát động thi đua sâu rộng trong cán bộ, đảng viên, nhân dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị năm 2003.

C. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Các đơn vị thuộc cơ chế, chính sách, yêu cầu Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp trình Ban Thường vụ thảo luận thống nhất chủ trương.

Yêu cầu các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ thông báo để thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THĂNG**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 483-TB/TU, ngày 13-12-2002

**Về kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại cuộc họp giao ban
các ban xây dựng Đảng, báo Lào Cai,
Trường Chính trị trực thuộc Tỉnh ủy**

Ngày 9-12-2002, Thường trực Tỉnh ủy tổ chức cuộc họp giao ban các Ban xây dựng Đảng, Báo Lào Cai, Trường Chính trị trực thuộc Tỉnh ủy. Đồng chí Nguyễn Đức Thắng, Phó Bí thư Thường trực chủ trì Hội nghị. Sau khi nghe các Ban xây dựng Đảng, Báo Lào Cai, Trường Chính trị báo cáo tình hình công tác quý 4-2002 và một số nhiệm vụ cơ bản của năm 2003, đồng chí Nguyễn Đức Thắng kết luận như sau:

1. Đối với công tác tổ chức cán bộ

- Cần cập nhật nhiệm vụ của công tác xây dựng Đảng đến hết năm 2002, tổng rà soát lại các công việc đặt ra đối với công tác tổ chức và cán bộ Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối kết hợp với Ủy ban kiểm tra.

- Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận - Dân tộc, Văn phòng Tỉnh ủy xây dựng bản gợi ý kiểm điểm đối với các tổ chức cơ sở đảng và các đồng chí thuộc diện tình quản lý theo hướng dẫn của Trung ương, thời gian thực hiện xong trước ngày 12-2-2002.

- Dự kiến phân công các đồng chí là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy dự kiểm điểm ở các Ban cán sự Đảng đoàn, Đảng bộ trực thuộc.

- Nhận định, đánh giá tổ chức cơ sở đảng và đảng viên năm 2002.
- Chuẩn bị báo cáo kiểm điểm công tác của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh năm 2002.
- Đề xuất nhiệm vụ về công tác tổ chức và cán bộ năm 2003.

2. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy

- Trong báo cáo năm 2002 cần bổ sung thêm số 157 đảng viên được kiểm tra thuộc các tổ chức cơ sở đảng nào. Có sự so sánh tình hình kỷ luật tổ chức cơ sở đảng và đảng viên với năm 2001, từ đó rút ra kết luận đánh giá tình hình đảng viên hiện nay. Đánh giá tình hình đoàn kết nội bộ của Đảng bộ tỉnh. Tình hình thực hiện Kế hoạch 01, 02 của Trung ương, tình hình chống tham nhũng ở tỉnh.

- Năm 2003 cần tham mưu cho cấp ủy thực hiện nhiệm vụ tăng cường kiểm tra theo Điều 30 Điều lệ Đảng, với phương châm phòng ngừa là chính trong giải quyết công việc cần có sự kết hợp với chính quyền trên cơ sở pháp luật, không đùn đẩy, né tránh, các vấn đề nảy sinh cần được giải quyết ngay cơ sở, gắn trách nhiệm của đảng viên với công tác kiểm tra và quản lý đảng viên.

- Kiện toàn về tổ chức của Ủy ban kiểm tra từ cơ sở.
- Xây dựng “Chương trình công tác kiểm tra” năm 2003 của Đảng bộ tỉnh.
- Hoàn thành báo cáo việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương (lần 2) khóa VIII.
- Nhất trí với kế hoạch tập huấn nghiệp vụ công tác kiểm tra năm 2003.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Không ngừng đổi mới về công tác giáo dục tư tưởng, lý luận chính trị trong Đảng (về phương thức, nội dung, đối tượng, hiệu quả). Năm 2003 cần tập trung một số vấn đề lớn sau đây:

- Tìm tòi các phương pháp chuyển tải các “Chương trình hành động, các đề án”, đến với nhân dân sao cho có kết quả nhất.

- Chăm lo xây dựng đội ngũ Báo cáo viên - Cộng tác viên là những người có uy tín trong cộng đồng, để tăng cường nắm tình hình nhân dân.

Xây dựng chương trình, đối tượng, nội dung đào tạo cán bộ năm 2003.

- Về công tác khoa giáo, cần tăng cường quan tâm đến chất lượng giáo dục - đào tạo, đánh giá thực chất công tác giáo dục đào tạo hiện nay để từ đó có biện pháp không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo.

- Tăng cường phối kết hợp với các Ban xây dựng Đảng trong công tác tư tưởng.

4. Ban Dân vận - Dân tộc Tỉnh ủy

- Cần đánh giá thực chất và hiệu quả của việc thực hiện Quy chế dân chủ theo hướng “sát dân, gần cơ sở”. Tăng cường giải quyết các vấn đề phát sinh từ cơ sở.

- Chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, phòng, chống các tệ nạn xã hội, chống di cư tự do và truyền đạo trái phép.

- Tăng cường đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận có đủ đức, tài cho cơ sở.

5. Trường Chính trị tỉnh

Năm 2003, Trường Chính trị tỉnh cần chú ý đến việc nghiên cứu khoa học và tăng cường đổi mới về phương pháp đào tạo, bồi dưỡng theo phương châm: “Học đi đôi với hành” cố gắng khai thác kết quả từ các luận văn được đào tạo.

6. Báo Lào Cai

Trong công tác tuyên truyền trên báo cần tăng cường phát hiện nhân tố mới, phê phán tư tưởng ỷ lại, trông chờ hoặc những tiêu cực khác trong đời sống xã hội. Chú ý quan tâm đến những người,

gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn như bị nhiễm chất độc màu da cam trong chiến tranh, cô đơn, không nơi nương tựa cần có sự giúp đỡ của xã hội, cộng đồng, theo truyền thống đạo lý của dân tộc Việt Nam.

Thừa lệnh Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy thông báo ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy để các cơ quan, ban ngành thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG
PHẠM NGỌC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 81-BC/TU, ngày 13-12-2002

**Về kết quả thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW,
ngày 2-1-2002 của Bộ Chính trị về “Một số nhiệm vụ
trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới”**

Thực hiện Kế hoạch số 01-KH/BCĐCCTP, ngày 18-10-2002 của Ban chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương; sau gần 1 năm tổ chức thực hiện, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai xin báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết 08 của Bộ Chính trị về “*Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*” với các nội dung chủ yếu sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH VI PHẠM, TỘI PHẠM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI

1. Đặc điểm tình hình tự nhiên kinh tế - xã hội

Lào Cai là một tỉnh miền núi, vùng cao, biên giới có đường biên giới dài 203,305 km trong đó có 59,175 km biên giới đất liền, 144,13 km sông, suối, có cửa khẩu quốc tế Lào Cai - Hà khẩu, cửa khẩu quốc gia Mường Khương - Kiều Đầu và 4 cặp cửa khẩu tiểu ngạch cùng nhiều lối mòn qua lại biên giới với Trung Quốc. Về giao thông: Có tuyến đường sắt liên vận quốc tế Hà Nội - Côn Minh qua Lào Cai, tuyến đường bộ, đường thủy nối liền Lào Cai với Hà Nội và các tỉnh nội

địa trong nước cũng như tỉnh Vân Nam - Trung Quốc. Về khí hậu tự nhiên: có khu nghỉ mát Sa Pa, cao nguyên Bắc Hà... thu hút đông đảo du khách trong nước và nước ngoài ngày một đông. Về địa giới hành chính có 9 huyện, 1 thị xã với 180 xã, phường, thị trấn (trong đó 138 xã, phường thuộc diện đặc biệt khó khăn có 26 xã, phường biên giới), toàn tỉnh có 27 dân tộc anh em, sống đan xen. Trình độ dân trí nhìn chung còn thấp và có sự chênh lệch giữa các vùng. Vì vậy, các thế lực phản động trong và ngoài nước đang tìm mọi cách gây phức tạp làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, chúng lợi dụng tuyên truyền đạo Tin Lành trái phép, kích động, lôi kéo di cư tự do... Trên tuyến biên giới xảy ra các hiện tượng xâm canh, xâm cư gây mất trật tự trị an trong khu vực.

2. Tình hình vi phạm và tội phạm

Trên tuyến biên giới, tại các khu vực đối diện xã Dìn Chín, Tả Gia Khâu, Nậm Chảy, Bản Lầu (Mường Khương), xã Sán Chải, Si Ma Cai (huyện Si Ma Cai), phía Trung Quốc vẫn tiếp tục nổ mìn làm đường tuần tra; xâm canh xâm cư ở khu vực 51C, 52C. Trên sông suối biên giới, một số dân Trung Quốc dùng mìn hoặc dùng điện đánh bắt cá.

Về nội địa hoạt động tuyên truyền đạo trái phép diễn biến phức tạp trong đồng bào dân tộc Mông, phổ biến ở các địa bàn Bảo Yên, Bảo Thắng, Bát Xát và rải rác ở một số huyện khác.

Vi phạm và tội phạm về ma túy tuy có giảm về số vụ so với cùng kỳ năm trước nhưng vẫn diễn ra phức tạp, nhiều vụ nghiêm trọng.

Trong lĩnh vực kinh tế, số vụ vi phạm chủ yếu tập trung ở các loại hình, như xâm phạm sở hữu tài sản, vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ rừng, buôn lậu, chủ yếu là xử phạt hành chính. Gần đây phát hiện 2 vụ án nghiêm trọng về kinh tế: Vụ lừa đảo chiếm đoạt hơn 2 tỷ đồng của ngân hàng và vụ trộm cắp cước phí viễn thông gây thiệt hại hơn 2 tỷ đồng.

Vi phạm và tội phạm trong lĩnh vực trị an xã hội diễn ra phức tạp hơn cùng kỳ năm trước, xuất hiện một số vụ trọng án gây ảnh hưởng đến tư tưởng của nhân dân.

II. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC QUẢN TRIỆT NGHỊ QUYẾT 08-NQ/TW

Ngay sau khi tiếp thu Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị, Tỉnh ủy Lào Cai đã tập trung kiểm điểm, đánh giá hoạt động tư pháp trong thời gian qua của tỉnh và thẳng thắn chỉ ra những khuyết điểm tồn tại, nguyên nhân cần khắc phục trong thời gian tới và đã ban hành Chương trình hành động số 14-CT/TU, ngày 15-5-2002 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 2-1-2002 của Bộ Chính trị về “Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới”. Đồng thời tiến hành tổ chức Hội nghị Ban Chấp hành mở rộng ngày 9-5-2002, thành phần gồm các đồng chí: Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Trưởng hoặc Phó Công an, Viện Kiểm sát, Tòa án nhân dân tỉnh và các huyện, thị.

Nội dung Hội nghị: Quán triệt Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về “Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới” và thông qua chương trình hành động của Tỉnh ủy.

Sau Hội nghị, Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc và các ngành trong khối Nội chính tổ chức quán triệt Nghị quyết 08-NQ/TW, chương trình hành động của Tỉnh ủy. Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao cho đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy trực tiếp chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW, đồng chí bí thư các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc trực tiếp phụ trách công tác tư pháp, chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tình hình công tác tư pháp tại địa phương, đơn vị mình. Trong tháng 5-2002, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã trực tiếp duyệt chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW của các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc và các cơ quan: Tư pháp, Công an, Tòa án, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh. Đến ngày 30-6-2002 các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc và các ngành Nội chính của tỉnh đã triển khai xong việc quán triệt Nghị quyết 08-NQ/TW và đã xây dựng xong chương trình hành động để thực hiện Nghị quyết. Trên cơ sở đó các cơ quan tư pháp cũng đã tổ chức triển khai chương trình hành động cụ thể của từng ngành tới toàn thể cán bộ, công chức

và xác định Nghị quyết 08-NQ/TW là những định hướng, quan điểm chỉ đạo cũng như những biện pháp cụ thể đối với công tác tư pháp đáp ứng sự mong mỏi, chờ đợi lâu nay của các cơ quan tư pháp và của nhân dân.

Qua triển khai học tập Nghị quyết giúp cho cán bộ, đảng viên nắm được tư tưởng, tinh thần của Nghị quyết 08-NQ/TW, thấy rõ trách nhiệm và phạm vi công việc, làm chuyển biến về nhận thức của bản thân.

Cùng với việc tổ chức triển khai, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chú trọng công tác đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW, tổ chức họp định kỳ, đề ra những nhiệm vụ, những giải pháp để kịp thời giải quyết những vướng mắc, khó khăn và đôn đốc triển khai công việc, nhằm nâng cao chất lượng công tác tư pháp trên địa bàn tỉnh.

III. MỘT SỐ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 08-NQ/TW

1. Về công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án

Do có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các cơ quan Tư pháp, nên mọi hành vi vi phạm, tội phạm đều được xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

Công tác điều tra: Trong 9 tháng năm 2002 cơ quan điều tra đã khởi tố điều tra: 386 vụ, 528 bị can; đã kết thúc điều tra đề nghị truy tố 265 vụ.

Ngành Kiểm sát nhân dân: Đã hoàn thành cáo trạng đề nghị truy tố 238 vụ, 339 bị can. Duy trì công tố 264 phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm và giám đốc thẩm đối với 391 bị cáo.

Tiến hành kiểm sát việc giải quyết đối với 576 vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình, kiểm sát đối với 433 bị án và 2.321 việc phải thi hành.

Nhìn chung chất lượng điều tra, truy tố, xét xử đã cơ bản được nâng lên rõ rệt và hạn chế đến mức thấp nhất việc xử lý oan, sai. Tuy nhiên trong 9 tháng năm 2002, việc xử lý án hình sự vẫn còn xảy 2 vụ đình chỉ điều tra do không phạm tội.

- Vụ thứ nhất: Ngày 27-4-2002, công an huyện Bảo Yên bắt khởi tố tạm giam Triệu Kim Ngọc với tội danh “cố ý gây thương tích”. Qua công tác kiểm sát điều tra, Viện Kiểm sát đã phát hiện cơ quan điều tra không tiến hành xác minh nguồn tin trước khi khởi tố theo quy định, vụ việc gây chết người nhưng không tiến hành khám nghiệm hiện trường, việc thu giữ vật chứng không chính xác dẫn đến việc không đủ chứng cứ để đánh giá hành vi phạm tội của bị can. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên đã đình chỉ điều tra vụ án, bị can ngày 26-8-2002...

- Vụ thứ hai: Xảy ra tại huyện Mường Khương, Giàng Seo Sáng và Giàng Seo Phú, phạm tội “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Cơ quan điều tra khởi tố ngày 24-5-2002. Trong vụ án này cơ quan điều tra đã không đánh giá đúng hành vi phạm tội của hai bị can, thủ tục tố tụng còn nhiều sai phạm, như lấy lời khai của người nước ngoài không có phiên dịch, áp dụng biện pháp tạm giam chưa có căn cứ... dẫn đến không chứng minh được tội phạm. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương đình chỉ điều tra vụ án, bị can ngày 16-9-2002.

Hai vụ án trên đã được rút kinh nghiệm và tiến hành kiểm điểm nghiêm khắc đối với cán bộ, kiểm sát viên và lãnh đạo 2 đơn vị nói trên.

- Công tác xét xử của Tòa án:

+ Đối với án hình sự: Ngành Tòa án đã đưa ra xét xử: 264 vụ, 391 bị cáo.

+ Án tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình: Thụ lý 626 vụ (án sơ thẩm 584 vụ, án phúc thẩm 42 vụ), đã giải quyết 595 vụ còn tồn 31 vụ chuyển quý IV-2002.

+ Công tác thi hành án phạt tù: Ra quyết định thi hành án đối với 371 bị án có hiệu lực pháp luật và đã tổ chức thi hành án tử hình đối với 2 phạm nhân.

+ Đối với một số vụ án điểm gây bức xúc: Thường trực Tỉnh ủy chỉ đạo cho mở phiên tòa xét xử lưu động tại chỗ, nhằm nâng cao nhận

thức pháp luật và giáo dục phòng ngừa mọi hành vi, vi phạm pháp luật trong nhân dân.

Các ngành: Công an, Viện Kiểm sát và Tòa án thống nhất phối hợp xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù cho 12 phạm nhân và đề nghị Chủ tịch nước ký quyết định đặc xá cho 12 phạm nhân, nhân ngày Quốc khánh 2-9-2002.

+ Công tác thi hành án dân sự: Có 2.951 việc phải thi hành, trong đó có 1.666 việc có điều kiện thi hành, đã tổ chức thi hành được 1.299 việc đạt 78%, tổng số tiền phải thi hành là 22.701.016.000 đồng, số có điều kiện thu là 4.084.759.000 đồng bằng 18% tổng số tiền phải thi hành, đã thu được 1.756.738.000 đồng đạt 43% số tiền có điều kiện thi hành; giải quyết do đình chỉ, ủy thác, trả đơn: 1.481.603.000 đồng.

+ Sở Tư pháp được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy và sự giúp đỡ theo chương trình “Tình nguyện” của sinh viên một số trường đại học Hà Nội và các cơ quan của tỉnh Lào Cai đã tổ chức đăng ký khai sinh cho 46.176/67.687 cháu, đạt 68,21% đăng ký kết hôn cho 25.982/37.957 cặp vợ chồng, đạt 68,45%.

2. Kết quả tổng rà soát đơn thư khiếu nại tố cáo về tư pháp

Ban Thường vụ Tỉnh ủy, giao cho Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai chủ trì Hội nghị liên ngành gồm: Viện Kiểm sát nhân dân, Công an, Tòa án nhân dân, Sở Tư pháp tỉnh và mời các cơ quan Văn phòng Tỉnh ủy, Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh cùng dự, để triển khai Kế hoạch số 06/KHLN, ngày 15-4-2002 của Liên ngành Trung ương về tổng rà soát các đơn thư khiếu kiện về tư pháp và phân loại xử lý theo thẩm quyền của các cơ quan tư pháp, trên cơ sở đó từng ngành tiến hành xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai đối với cấp mình và chỉ đạo cấp huyện, thị thực hiện.

Tổng số đơn khiếu kiện về tư pháp tồn tại kéo dài từ năm 2001 chuyển sang có 14 đơn, đến nay đã được giải quyết xong. Các đơn thư khiếu kiện, tố cáo phát sinh năm 2002 được các cấp, các ngành, các cơ

quan chức năng giải quyết dứt điểm theo thẩm quyền. Tuy nhiên vẫn còn hiện tượng do chưa nhận thức đầy đủ về pháp luật, vì vậy cấp có thẩm quyền giải quyết đúng pháp luật vẫn khiếu kiện, thậm chí còn khiếu kiện vượt cấp.

3. Công tác đấu tranh chống tội phạm tham nhũng và các băng nhóm theo kiểu “xã hội đen”

Tình hình vi phạm và tội phạm trong địa bàn diễn ra phức tạp hơn so với cùng kỳ năm trước. Đặc biệt xảy ra nhiều vụ trọng án như giết người, giết người cướp tài sản; chồng giết vợ, cha giết con... Trong lĩnh vực kinh tế, tập trung ở các loại hành vi như xâm phạm sở hữu tài sản, vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ rừng...

- Đáng chú ý trong thời gian qua, cơ quan chức năng đã phát hiện và khởi tố điều tra 3 vụ án tham nhũng, đã đình chỉ điều tra một vụ. Hiện còn 2 vụ đang tiến hành điều tra, điển hình là:

+ Vụ thứ nhất: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nhà nước, Nguyễn Thị Hồng doanh nghiệp Hà Quang của tỉnh Lào Cai, đã dùng tài sản không hợp pháp của doanh nghiệp để vay tiền của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thị Xã Lào Cai hơn 2 tỷ đồng.

+ Vụ thứ hai: Ngày 9-8-2002, Công an tỉnh Lào Cai phối hợp cùng thanh tra Tổng cục Bưu điện kiểm tra phát hiện Công ty Thương mại - Du lịch Vạn Thành thị xã Lào Cai (thuê số nhà 046, tổ 1, phường Lào Cai của ông Đỗ Văn Quân) do ông Nguyễn Xuân Vạn làm giám đốc đã cấu kết với một số đối tượng người Trung Quốc lắp đặt phương tiện máy móc trộm cắp cước viễn thông quốc tế. Kết quả điều tra sơ bộ ban đầu, Tổng công ty Bưu điện đánh giá từ tháng 6-2002 đến tháng 9-2002 tại thời điểm phát hiện vụ việc trên địa bàn thị xã Lào Cai làm thiệt hại khoảng 2 tỷ đồng tiền cước phí. Tang vật thu được 24 máy điện thoại cố định, 5 máy điện thoại di động, 3 xe mô tô, 3 dây chuyền vàng, một khẩu súng thể thao, 1.130 NDT, 121 triệu đồng.

- Về loại tội phạm hoạt động theo kiểu “xã hội đen” trên địa bàn tỉnh Lào Cai chưa phát hiện.

4. Công tác rà soát, đánh giá đội ngũ cán bộ lãnh đạo và cán bộ có chức danh tư pháp

- Sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp với các cơ quan tư pháp và cơ quan liên quan chuẩn bị đề án về kiện toàn, luân chuyển và tăng cường cán bộ lãnh đạo, cán bộ có chức danh tư pháp. Qua rà soát đánh giá cơ bản đã đáp ứng được chuyên môn nghiệp vụ và yêu cầu công tác hiện nay. Tuy nhiên, căn cứ yêu cầu nhiệm vụ theo Nghị quyết 08- NQ/TW thì vẫn còn thiếu về số lượng biên chế và cán bộ, một bộ phận cán bộ tiêu chuẩn hóa chưa bảo đảm.

Đội ngũ cán bộ có chức danh tư pháp của các cơ quan tư pháp thể hiện như sau:

+ Ngành Công an: Lực lượng cán bộ làm công tác điều tra có 129 đồng chí. Trong đó điều tra viên trung cấp là 25 đồng chí, sơ cấp là 64 đồng chí, còn lại chưa bổ nhiệm là 40 đồng chí. Về chuyên môn nghiệp vụ: Đại học là 44 đồng chí, trung cấp là 85 đồng chí; số cán bộ khám nghiệm hiện trường, giám định là 9 đồng chí, trong hướng tới sẽ tiếp tục đào tạo điều tra viên ở cấp tỉnh 26 đồng chí (trong đó điều tra viên cao cấp 9 đồng chí, điều tra viên trung cấp 17 đồng chí), điều tra viên cấp huyện, thị có 48 đồng chí (trong đó điều tra viên cao cấp 6 đồng chí, điều tra viên trung cấp 25 đồng chí, điều tra viên sơ cấp 17 đồng chí).

+ Ngành kiểm sát nhân dân: Tổng số biên chế là 138 (cấp tỉnh 55, cấp huyện 75). Về chuyên môn nghiệp vụ Đại học Luật và Cao đẳng Kiểm sát 121 đồng chí, trong đó Đại học Luật 24, Cao đẳng Kiểm sát 97, còn lại là nhân viên phục vụ. Số lượng kiểm sát viên có trình độ Cao đẳng Kiểm sát và Đại học Luật là 106 đồng chí, trong đó kiểm sát viên tỉnh là 36 đồng chí; kiểm sát viên huyện là 70 đồng chí. Hiện đang học đổi bằng Cử nhân Luật là 28; số chưa học đổi bằng là 69; Dự kiến đến năm 2005 số người học đổi bằng là 45 đồng chí.

+ Ngành tòa án nhân dân: Tổng số biên chế 135, (cấp tỉnh 40, cấp huyện 95). Về trình độ: Đại học Luật 56 (tỉnh 22, huyện 34), có 10 đồng chí mới học qua chương trình tập huấn, còn lại trung cấp,

sơ cấp và nhân viên phục vụ. Thẩm phán có 43 đồng chí cấp tỉnh 12, cấp huyện 31, hiện nay ở cấp huyện có 11 thẩm phán chưa có bằng cấp về chuyên môn; thư ký 62, trong đó cấp tỉnh là 11, cấp huyện là 51. Hiện nay còn thiếu 1 đồng chí phó chánh án phụ trách tòa hình sự, Tòa án tỉnh đã làm thủ tục báo cáo Tòa án nhân dân Tối cao bổ nhiệm.

+ Sở Tư pháp: Tổng biên chế là 98, các đơn vị trực thuộc sở là 35, đội thi hành án các huyện có 63. Về trình độ là 52 Đại học Luật và Đại học khác, 34 cán bộ đang theo học Đại học Luật và Đại học khác. Chấp hành viên có 22 đồng chí (cấp tỉnh 3, cấp huyện 18). Hiện còn thiếu 1 đồng chí phó giám đốc phụ trách quản lý công tác luật sư, công chứng, giám định, hộ tịch, lý lịch tư pháp và thống kê tư pháp. Đơn vị đã làm thủ tục trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét bổ nhiệm.

- Về công tác luân chuyển cán bộ: Trước khi có Nghị quyết 08-NQ/TW, ngày 2-1-2002, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai có Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 4-12-2001 về việc luân chuyển, tăng cường cán bộ đi huyện, xã tỉnh Lào Cai, vì vậy công tác này được Tỉnh ủy quan tâm chỉ đạo. Đến nay toàn tỉnh đã luân chuyển và tăng cường đợt đầu 196 đồng chí đến nhận công tác tại 108 xã, phường thuộc diện đặc biệt khó khăn (trong đó các ngành Nội chính đã luân chuyển 4 đồng chí và tăng cường được 100 đồng chí). Chất lượng cán bộ luân chuyển, tăng cường đã phát huy được vai trò trong công tác được giao.

5. Công tác xây dựng, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan tư pháp

Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp ủy đảng, các Ban cán sự Đảng tập trung làm tốt công tác kiện toàn tổ chức bộ máy ngay sau khi có những điều chỉnh về chức năng, nhiệm vụ của ngành Tòa án và Viện Kiểm sát nhân dân, cụ thể:

+ Tòa án nhân dân tỉnh: Hoàn chỉnh hồ sơ theo quy trình đề nghị Tòa án nhân dân tối cao bổ nhiệm 1 thẩm phán và 1 phó chánh án tỉnh phụ trách chánh tòa hình sự tỉnh. Đồng thời, sắp xếp tổ chức và

bố trí lại đội ngũ cán bộ theo quy định của Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2002.

+ Sở Tư pháp: Thực hiện quy trình bước 1 lấy phiếu tín nhiệm giới thiệu để đề nghị bổ nhiệm 1 đồng chí phó giám đốc phụ trách việc quản lý công tác luật sư, công chứng, giám định, hộ tịch, quốc tịch, lý lịch tư pháp, thống kê tư pháp, đồng thời đã bàn giao công tác tổ chức Tòa án nhân dân các huyện, thị xã sang Tòa án nhân dân tỉnh theo Thông tư số 03/2002/TTLB-BTP-TANDTC, ngày 25-7-2002 của Bộ Tư pháp và Tòa án nhân dân tối cao. Hoàn chỉnh hồ sơ thành lập Hội luật gia của tỉnh.

+ Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh: Đã rà soát, đánh giá thực trạng cán bộ, công chức các đơn vị trực thuộc, xây dựng phương án luân chuyển, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ bảo đảm đáp ứng các yêu cầu nhiệm vụ. Xây dựng đề án “Cải cách công tác tổ chức cán bộ trong ngành Kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai theo tinh thần Nghị quyết số 08-NQ/TW”. Phối hợp với Tạp chí kiểm sát, trường Cao đẳng kiểm sát Hà Nội tổ chức Hội thảo “*về nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp*” cho toàn bộ đội ngũ cán bộ kiểm sát của tỉnh.

+ Văn phòng Tỉnh ủy: Ban Thường vụ Tỉnh ủy có Quyết định số 257-QĐ/TU, ngày 13-5-2002 về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, quan hệ công tác của Văn phòng Tỉnh ủy, trên cơ sở đó Văn phòng Tỉnh ủy có Quyết định số 426-QĐ/VP, ngày 29-8-2002 về việc kiện toàn bộ máy và cán bộ, trong đó thành lập phòng Nội chính - tiếp dân để thực hiện nhiệm vụ theo Hướng dẫn số 03 - HDLB NCTW - VPTW, ngày 1-3-2002 của liên ban Văn phòng Trung ương - Ban Nội chính Trung ương.

6. Về cơ sở vật chất, điều kiện và phương tiện làm việc cho các cơ quan tư pháp

Ngay sau khi triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 2-1-2002 của Bộ Chính trị và chương trình hành động của Tỉnh ủy, các cơ quan tư pháp đã tiến hành đánh giá thực trạng cơ sở vật chất, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc tu sửa trụ sở làm việc.

Về thực trạng nhà tạm giữ ở các huyện, thị và trại tạm giam của tỉnh: Đã xuống cấp do thời hạn sử dụng quá lâu, tại các huyện đưa số sử dụng nhà tạm giữ cho cả việc tạm giam. Riêng huyện Si Ma Cai do mới tái lập, vì vậy chưa có nhà tạm giữ theo quy định.

Các phòng xét xử của Tòa án đều rất chật, phương tiện kỹ thuật, như tăng âm, loa đài thiếu, kinh phí xét xử lưu động rất hạn hẹp...

Các phương tiện kỹ thuật phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử, công tác khám nghiệm hiện trường chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Công an tỉnh đã có kế hoạch sửa chữa, nâng cấp nhà tạm giữ, trại tạm giam và trang thiết bị, kỹ thuật phục vụ công tác điều tra, giám định và khám nghiệm hiện trường.

IV. MỘT SỐ TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN

Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị tuy mới được triển khai gần một năm, nhưng đã tạo được sự chuyển biến tích cực trong nhận thức của cán bộ, đảng viên. Nhiều nội dung của Nghị quyết được thực hiện có hiệu quả tại địa phương như: Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và xử lý các vụ án điểm; công tác tổng rà soát khiếu kiện về tư pháp; công tác kiện toàn, củng cố tổ chức và rà soát đội ngũ cán bộ tư pháp, nâng cao quy trình, chất lượng. Công tác điều tra, truy tố, xét xử có nhiều chuyển biến tích. Tuy nhiên trong quá trình tổ chức thực hiện còn một số tồn tại và nguyên nhân sau:

1. Một số tồn tại

- Các đề án về nâng cấp, cải tạo các nhà tạm giam, tạm giữ, trại tạm giam còn chậm.

- Công tác đánh giá, rà soát đội ngũ cán bộ tư pháp thực hiện so với tiến độ kế hoạch còn chậm, kết quả còn hạn chế.

2. Nguyên nhân của những tồn tại

- Việc tổ chức triển khai ở một số huyện, thị, đơn vị chưa được sâu sát, chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ, cơ chế hoạt động của các cơ quan tư pháp chậm được đổi mới cho phù hợp với tình hình đất nước và địa phương.

- Công tác cán bộ của các cơ quan tư pháp tuy được củng cố, kiện toàn song do yêu cầu nhiệm vụ, đội ngũ cán bộ tư pháp còn thiếu về số lượng, một bộ phận còn yếu về chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm công tác còn ít.

- Cơ sở vật chất, điều kiện làm việc của các cơ quan tư pháp còn thiếu, ngân sách dành cho công tác tư pháp rất hạn hẹp, bên cạnh đó Nghị quyết 08- NQ/TW đề ra nhiều việc mà việc nào cũng cần làm ngay, thời gian thực hiện ngắn.

V. MỘT SỐ NHIỆM VỤ CẦN TẬP TRUNG THỰC HIỆN ĐẾN HẾT NĂM 2002 VÀ THỜI GIAN TỚI

1. Nâng cao chất lượng hoạt động và đề cao trách nhiệm của các cơ quan tư pháp, tiếp tục rà soát lại đội ngũ cán bộ làm công tác tư pháp theo kế hoạch. Đồng thời xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp trong sạch, vững mạnh. Trong đó chú ý nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ tư pháp.

2. Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác tư pháp. Đồng thời làm tốt công tác kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW và thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 14-CT/TU, ngày 15-5-2002 của Tỉnh ủy.

3. Tiếp tục thực hiện những chủ trương về cải cách tổ chức và đổi mới hoạt động của các cơ quan Tư pháp.

4. Giải quyết có hiệu quả các vụ khiếu kiện về tư pháp, các vụ án điểm.

5. Nâng cao hiệu quả công tác giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, các tổ chức xã hội và nhân dân đối với các cơ quan tư pháp nhằm giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội, thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở.

6. Xây dựng kế hoạch năm 2003 về đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ quan tư pháp tỉnh cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Tăng cường hợp tác quốc tế về công tác tư pháp.

VI. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VỚI ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC

Để tiếp tục triển khai Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị từ nay đến hết năm 2002 và trong năm 2003; chuẩn bị dự thảo chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2010, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai xin có một số kiến nghị sau:

1. Các cơ quan tư pháp Trung ương cần tăng cường chỉ đạo trực tiếp tới các địa phương trong thực thi nhiệm vụ. Việc chỉ đạo phải thống nhất ngay từ các ban, ngành, Trung ương, tránh cùng một vấn đề nhưng mỗi ngành lại chỉ đạo khác nhau và thống nhất thời điểm báo cáo.

2. Tăng cường bổ sung biên chế cho các cơ quan tư pháp và sắp xếp bộ máy, thành lập thêm các phòng của cơ quan nội chính: Công an, Tòa án, Viện Kiểm sát cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ hiện nay. Khẩn trương sáp nhập 2 cơ quan Cảnh sát điều tra và An ninh điều tra. Cần phân cấp mạnh về công tác tổ chức, quản lý cán bộ thuộc các ngành Nội chính của tỉnh về cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy, thành ủy.

3. Tập trung đào tạo và đào tạo lại chuyên sâu về nghiệp vụ, nhất là công tác điều tra, truy tố và xét xử. Có chính sách tiền lương, phụ cấp chế độ đãi ngộ thích hợp cho cán bộ tư pháp công tác ở vùng cao. Dành một phần kinh phí khen thưởng để kịp thời động viên đối với những cán bộ và nhân dân có thành tích xuất sắc trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

4. Đối với những vụ việc không có điều kiện thi hành án, đề nghị có hướng giải quyết.

5. Đầu tư xây dựng, tu sửa trụ sở làm việc của các cơ quan tư pháp cấp huyện, thị và xây dựng nhà tạm giữ, tạm giữ hành chính, trại tạm

giám bảo đảm yêu cầu đúng với quy định của pháp luật. Đầu tư trang bị phương tiện, kỹ thuật phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án.

6. Cần có hướng dẫn, phân cấp cụ thể về vấn đề hợp tác quốc tế về tư pháp.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 502-TB/TU, ngày 25-12-2002

**Về kết luận của Thường trực Tỉnh ủy
tại phiên họp ngày 23-12-2002**

Ngày 23-12-2002, Thường trực Tỉnh ủy họp dưới sự chủ trì của đồng chí Giàng Seo Phử, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh.

Dự họp có đồng chí Nguyễn Đức Thăng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy; đồng chí Bùi Quang Vinh, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng chí Hà Ngọc Đông, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Sau khi nghe Văn phòng Tỉnh ủy trình xin ý kiến chỉ đạo, Thường trực Tỉnh ủy đã thảo luận và thống nhất kết luận như sau:

Đồng ý về chủ trương tổ chức hội thảo quốc tế tại Lào Cai để đẩy mạnh đề án “Xóa đói, giảm nghèo” giai đoạn 2001-2005.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ban Ngoại vụ - Biên giới và Công an tỉnh Lào Cai chuẩn bị nội dung và chương trình hội thảo, xây dựng báo cáo đánh giá tổng quát tình hình và kết quả hoạt động của các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ (NGO) trên địa bàn tỉnh. Những nội dung trên báo cáo trực tiếp đồng chí Nguyễn Đức Thăng và đồng chí Bùi Quang Vinh.

Trên cơ sở nội dung hội thảo, báo cáo Bộ Ngoại giao để mời các tổ chức quốc tế và đại sứ các nước có quan hệ với Lào Cai, các đại sứ thuộc các nước trong khối ASEAN và Trung Quốc tham dự.

Các nội dung hội thảo phải chuẩn bị đầy đủ các vấn đề sẽ đưa ra hội thảo nhằm thu hút được sự quan tâm và huy động thêm các nguồn lực quốc tế hỗ trợ cho chương trình xóa đói, giảm nghèo của tỉnh ta.

Thừa lệnh Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy thông báo để các cơ quan, đơn vị, cá nhân biết, tổ chức thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG
PHẠM NGỌC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 83-BC/TU, ngày 2-1-2003

**Về kết quả một năm thực hiện Kết luận Hội nghị
Trung ương 4 về “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết
Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, đẩy mạnh xây dựng,
chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí”**

Thực hiện Công văn số 96-CV/TW, ngày 17-10-2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc báo cáo kết quả thực hiện Kết luận hội nghị Trung ương về tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, sau một năm triển khai, Tỉnh ủy Lào Cai báo cáo kết quả triển khai và tổ chức thực hiện như sau:

I. TRIỂN KHAI QUẢN TRIỆT KẾT LUẬN HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 4

Sau khi có Kết luận số 04-KL/TW, ngày 19-11-2001 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ngày 15-1-2002 Tỉnh ủy Lào Cai đã ban hành Chỉ thị số 08-CT/TU chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, các cơ quan, ban ngành trực thuộc tỉnh triển khai thực hiện kết luận của Trung ương. Từ ngày 8-1 đến ngày 11-1-2002, Tỉnh ủy đã triệu tập Hội nghị Ban Chấp hành mở rộng lần thứ 5 để quán triệt

trong cấp ủy và cán bộ chủ chốt của tỉnh về nội dung Kết luận của Hội nghị Trung ương 4 và Quy định 19-QĐ/TW về những điều đảng viên không được làm để triển khai thực hiện trong toàn Đảng bộ.

Trên cơ sở tiếp thu ở tỉnh, các cấp ủy đảng trực thuộc trong tỉnh đã nhanh chóng xây dựng chương trình hành động của Đảng bộ mình, tổ chức triển khai thực hiện kết luận của Trung ương, cũng như chương trình hành động số 10-CT/TU, ngày 18-1-2002 của Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VII đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn và đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí đến cấp ủy các cấp, đảng viên và quần chúng nhân dân. Kết quả hết quý I-2002 đã có 580 tổ chức cơ sở đảng triển khai quán triệt Kết luận Nghị quyết Trung ương 4, Quy định số 19 về những điều đảng viên không được làm với số đảng viên tham gia học tập đạt 96,5%.

Như vậy, Tỉnh ủy Lào Cai đã nghiêm túc triển khai quán triệt kịp thời Kết luận Hội nghị Trung ương 4 đến cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ, bảo đảm cả ba mặt: Thời gian, có chương trình hành động và số đảng viên tham gia.

II. KẾT QUẢ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với cán bộ, đảng viên

Căn cứ Chỉ thị số 54- CT/TW về việc học tập để nâng cao trình độ nhận thức của cán bộ, đảng viên. Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp ủy đảng tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đặc biệt là giáo dục về đạo đức cách mạng, phê phán những quan điểm sai trái cơ hội chính trị, chủ nghĩa cá nhân, cục bộ địa phương, lối sống ích kỷ, buông thả. Giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân không di cư tự do, không nghe một số kẻ xấu lợi dụng tuyên truyền đạo trái pháp luật. Thực hiện chủ trương đó, năm 2002 cấp ủy các cấp đã mở các lớp bồi dưỡng

chính trị, nghiệp vụ chuyên môn cho gần 20 nghìn lượt cán bộ, đảng viên để nâng cao nhận thức, năng lực, trình độ chuyên môn. Cùng với việc mở lớp bồi dưỡng ngắn ngày cho cán bộ, đảng viên các cấp ủy còn tổ chức quán triệt kịp thời các nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy đến toàn thể cán bộ, đảng viên. Nổi bật nhất trong việc triển khai quán triệt các nghị quyết của Đảng tất cả các tổ chức cơ sở đảng đều xây dựng chương trình hành động thực hiện. Nội dung chương trình bám sát các chủ trương, chính sách của Đảng vận dụng vào điều kiện cụ thể của địa phương, đề ra mục tiêu và biện pháp thực hiện. Đối với Tỉnh ủy đã xây dựng 7 chương trình trọng tâm với 27 đề án, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề để thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII. Các đề án chuẩn bị chu đáo, tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân, được cán bộ, đảng viên nhất trí cao và gương mẫu thực hiện, các đề án đó đã tạo được khí thế mới trong việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội năm 2002. Nhờ vậy năm 2002 đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch, trong đó có một số chỉ tiêu vượt rất cao, như: Xóa đói, giảm nghèo từ 26,8% xuống còn 19,19%, thu ngân sách, kim ngạch xuất, nhập khẩu, v.v..

- Đối với công tác tự phê bình và phê bình được Ban Thường vụ Tỉnh ủy thường xuyên quan tâm chỉ đạo. Thực hiện Công văn số 95-CV/TW, ngày 16-10-2002 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về kiểm điểm tự phê bình và phê bình năm 2002, Ban Thường vụ Tỉnh ủy kiểm điểm nghiêm túc trước Ban Chấp hành Tỉnh ủy, đồng thời đã chỉ đạo Ban Thường vụ các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc kiểm điểm trước Ban Chấp hành. Đối với cá nhân đảng viên từng đồng chí trong Tỉnh ủy kiểm điểm từ chi bộ, có nhận xét của nơi cư trú và chi bộ nơi sinh hoạt Đảng. Kết quả đã phân loại năm 2002 có 42 đồng chí đủ tư cách, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 3 đồng chí đủ tư cách, hoàn thành nhiệm vụ. Các đảng bộ đều có chuyển biến vươn lên rõ nét ngày càng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

Song về tồn tại một số cán bộ, đảng viên ở cơ sở tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ chưa cao, chưa gần dân sát cơ sở.

Một số tổ chức đảng thực hiện tự phê bình và phê bình còn yếu, chưa phát huy vai trò lãnh đạo ở cơ sở. Một số cấp ủy chính quyền cơ sở trong chỉ đạo điều hành chuyển dịch cơ cấu kinh tế chưa đáp ứng yêu cầu, thực hiện Quy chế dân chủ chưa tốt, công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng, sử dụng cán bộ nhất là cán bộ người dân tộc ít người còn bất cập. Chất lượng công tác giáo dục lý luận chính trị còn hạn chế nhất định, chưa đáp ứng yêu cầu.

2. Về việc tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách

Đây là một trong những nội dung quan trọng, chống tham nhũng, buôn lậu, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Do đó, Hội nghị Ban Chấp hành Tỉnh ủy lần thứ 5 sau khi đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2001 đã đề ra 17 chỉ tiêu lớn và xác định 11 nhiệm vụ trọng tâm năm 2002. Đã sửa đổi tên 3 đề án, chuyển 6 đề án thành nghị quyết, quyết định, kế hoạch, giữ nguyên 21 đề án. Đã xây dựng cơ chế, chính sách trong các lĩnh vực: Kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, củng cố hệ thống chính trị để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

Năm 2002, Tỉnh ủy đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quy định về cơ chế chính sách phù hợp với tình hình và đáp ứng yêu cầu thực tế của tỉnh. Đã phân cấp ngân sách và quản lý cán bộ ngành y tế, giáo dục cho cấp huyện, phân cấp khai thác bảo dưỡng, sửa chữa đường bộ các công trình hạ tầng cơ sở trên địa bàn tỉnh. Đặc biệt đã ban hành quyết định quy định đấu giá cấp quyền sử dụng đất thay cho việc cấp quyền sử dụng đất trước đây, tạo sự công bằng cho nhân dân và tăng thêm ngân sách. Đã có quy định về sử dụng điện thoại, mua xe ô tô, về việc cưới việc tang, lễ hội, quy định thành phần và thời gian hội nghị, quy định không tặng lễ hoa cho việc đón nhận huân chương, ngày thành lập ngành, v.v..

Qua một năm thực hiện các chủ trương, chính sách nói trên được đông đảo nhân dân đồng tình ủng hộ đã góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển, ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực, tham nhũng, buôn lậu, lãng phí trên địa bàn tỉnh.

Tuy vậy, trong tổ chức thực hiện các ngành, các cấp nhận thức, chỉ đạo còn chưa đồng bộ trong việc áp dụng các cơ chế, chính sách của tỉnh ở địa phương mình. Do đó, hiệu quả có mặt còn hạn chế, cá biệt có nơi còn có tiêu cực nảy sinh.

Công tác xây dựng Đảng: Ban Thường vụ đã chỉ đạo các cấp ủy luôn coi trọng thực hiện theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) “Phát triển kinh tế là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt”. Thường xuyên quan tâm chỉ đạo cấp cơ sở thực hiện trên cả ba mặt: Giáo dục chính trị, tư tưởng, tổ chức và cán bộ, công tác kiểm tra. Thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc của cấp ủy các cấp cũng như thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng. Thực hiện tự phê bình và phê bình, đoàn kết thống nhất trong Đảng. Đã thường xuyên kiểm tra việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Năm 2002 đã có một bước đổi mới trong công tác lãnh đạo của các cấp ủy, nội dung công việc được bàn bạc trong tập thể Thường trực, tập thể Thường vụ mới triển khai đến cấp ủy và các tổ chức của Đảng. Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ và quy chế làm việc của cấp ủy. Tỉnh ủy đã xây dựng Đề án về công tác tổ chức cán bộ giai đoạn 2000-2005 và Quyết định số 10-QĐ/TU, ngày 4-12-2001 về luân chuyển, tăng cường cán bộ cho cơ sở. Bước đầu đã tăng cường 196 cán bộ xuống 86 xã đặc biệt khó khăn, qua 1 năm thực hiện đã giúp cơ sở có nhiều chuyển biến tốt. Đã quan tâm chỉ đạo tăng cường công tác kiểm tra của các cấp ủy và của Ủy ban kiểm tra các cấp theo tinh thần Chỉ thị số 29-CT/TW. Tỉnh ủy đã chỉ đạo kiểm tra toàn diện Đảng bộ Huyện Bắc Hà và cuộc kiểm tra trong toàn Đảng bộ theo tinh thần Kế hoạch số 01, 02 của Trung ương. Qua đó đã phát huy được mặt tốt, khắc phục, chấn chỉnh kịp thời những tồn tại yếu kém của cơ sở, xử lý nghiêm minh những cán bộ, đảng viên, cán bộ, công chức nhà nước có vi phạm. Tăng cường được dân chủ trong nhân dân và hạn chế được di dịch cư tự do cũng như một bộ phận nhân dân theo đạo trái pháp luật.

3. Về rà soát, giải quyết, xử lý những vụ việc bức xúc, nổi cộm, trả lời đơn thư của nhân dân

Trong năm qua, Tỉnh ủy đã chỉ đạo thực hiện tốt từ tỉnh đến các cơ sở việc giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên cũng như của công dân. Các ý kiến, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và nhân dân đều được cấp ủy, chính quyền các cấp xem xét, giải quyết, trả lời nghiêm túc và thỏa đáng ngay từ cơ sở, bảo đảm thực hiện công khai các quy định dân được biết, được bàn, qua đó vận động nhân dân thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội. Toàn tỉnh chưa có vụ việc bức xúc nổi cộm xảy ra liên quan đến cán bộ, đảng viên. Tuy nhiên có một số nơi do công tác giải phóng mặt bằng nên nhân dân có kiến nghị, đề nghị đông người, điển hình như vụ tổ nhân dân Thủy Hoa phường Duyên Hải nhưng đã được giải quyết kịp thời, đúng pháp luật tại cơ sở, nhân dân phấn khởi nhận tiền đền bù di chuyển đến nơi mới trả lại đất cho Nhà nước.

Về xử lý kỷ luật Đảng: Năm qua đã xử lý kỷ luật 2 tổ chức đảng, 165 đảng viên (trong đó khiển trách, cảnh cáo chiếm 81%, cách chức chiếm 0,45%, khai trừ Đảng chiếm 14,5%).

Về tiếp nhận đơn thư:

+ Đối với tổ chức đảng: Có 2 tổ chức đảng cơ sở và 47 đảng viên bị tố cáo đã giải quyết xong. 10 trường hợp đảng viên khiếu nại kỷ luật đã giải quyết: Chuẩn y 8 đồng chí, nâng án kỷ luật 2 đồng chí, từ mức cảnh cáo lên khai trừ Đảng do tính bảo thủ khuyết điểm, không còn đủ tư cách đảng viên.

+ Khối Nhà nước: Năm 2002 tiếp nhận 2.411 đơn, trong đó khiếu nại 866 đơn, tố cáo 514 đơn, kiến nghị- đề nghị 1.031 đơn. Nội dung đơn thư chủ yếu phản ánh về đất đai, đền bù, giải phóng mặt bằng, chính sách xã hội, vi phạm nguyên tắc quản lý kinh tế, sách nhiễu nhân dân trong khi thi hành công vụ, v.v.. Qua phân loại và xem xét đã giải quyết xong theo thẩm quyền 1.504 đơn. Số còn lại đã trả lời cho cơ quan, tổ chức, người có đơn và đã chuyển cho các cấp, ngành; địa phương, cơ sở giải quyết theo thẩm quyền quy định của luật khiếu nại tố cáo.

Khối Nội chính: Đã tiếp nhận 45 đơn thư khiếu kiện về tư pháp, đã giải quyết xong không còn tồn đọng.

Nhìn chung công tác giải quyết tố cáo, khiếu nại, tiếp dân, thanh tra, kiểm tra và trả lời ý kiến nhân dân trong toàn tỉnh năm qua có sự chuyển biến tích cực. Bảo đảm giải quyết dứt điểm ngay từ cơ sở. Các vụ phức tạp được tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm không để kéo dài kể cả trong Đảng và ngoài quần chúng. Do đó trong năm qua chưa có vụ việc nào nổi cộm, bức xúc xảy ra.

Tuy nhiên cũng còn một số vụ xảy ra cần chú ý giải quyết tiếp là: 1 vụ bức cung trong khi điều tra của Công an Văn Bàn, vụ lừa đảo chiếm đoạt tiền ở Ngân hàng Nông nghiệp, Ngân hàng đầu tư phát triển, vụ trộm cướp viễn thông quốc tế ở phường Lào Cai, vụ khai khống để nhận tiền đền bù ở xã Bắc Cường, vụ đánh bạc ở nhà hàng Tuyết Nhung. Các vụ nêu trên các cấp các ngành chức năng đã và đang tiếp tục giải quyết.

4. Vấn đề kê khai nhà, đất, cơ sở sản xuất kinh doanh của cán bộ, công chức

Thực hiện chỉ đạo của Trung ương về việc kê khai nhà, đất, cơ sở sản xuất kinh doanh đối với cán bộ, công chức, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nghiêm túc chỉ đạo các huyện, thị, đảng ủy trong toàn tỉnh chấp hành việc kê khai tài sản. Tỉnh ủy giao cho Ban Tổ chức tiếp nhận việc kê khai tài sản đối với cán bộ diện Ban Thường vụ quản lý và Ban Tổ chức chính quyền tiếp nhận bản kê khai tài sản của công chức. Đến ngày 28-10-2002 số cán bộ diện Ban Thường vụ quản lý đã có: 356 đồng chí kê khai tài sản theo quy định, chiếm 81,6% cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ quản lý, còn 80 trường hợp chưa kê khai. Các đồng chí được bầu vào các chức vụ bầu cử cũng như những đồng chí được bổ nhiệm vào chức vụ mới đều kê khai tài sản đầy đủ theo quy định của Trung ương.

5. Việc nghiêm cấm lấy tiền của Nhà nước, tập thể để biếu, tặng cho các cá nhân và tập thể

Quy định nghiêm cấm dùng tiền của Nhà nước và tập thể để biếu,

tặng cho các cá nhân và tập thể được xem xét nghiêm túc qua công tác kiểm tra, giám sát của các ngành chức năng chưa phát hiện thấy có trường hợp nào vi phạm quy định nói trên. Đối với Tỉnh ủy 6 tháng đầu năm 2002, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã kiểm tra tài chính của Tỉnh ủy, theo kết luận kiểm tra không có việc dùng tiền của Nhà nước để tặng, biếu cho cá nhân và tập thể. Đối với Nhà nước, kiểm toán nhà nước đã kiểm toán, chưa phát hiện việc sử dụng tiền nhà nước trong việc quà cáp, biếu tặng. Tỉnh ủy đã có quy định: Các cơ quan Đảng, đoàn thể, nhà nước, lực lượng vũ trang, các doanh nghiệp không được dùng tiền của Nhà nước, tập thể chỉ làm quà tặng, biếu cho cá nhân và tổ chức, trừ những trường hợp thực hiện chính sách theo quy định. Cán bộ, công chức không nhận tiền, quà biếu trong mọi trường hợp, kể cả ngày tết, lễ, đi công tác.

6. Thực hành tiết kiệm chống lãng phí

a) Về tổ chức thực hiện pháp lệnh

Sau khi Pháp lệnh thực hành tiết kiệm chống lãng phí của Ủy ban Thường vụ Quốc hội có hiệu lực, Tỉnh ủy đã chỉ đạo quán triệt đến các sở, ban, ngành, cán bộ chủ chốt trong toàn tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản nhằm chỉ đạo thực hiện Pháp lệnh thực hành tiết kiệm chống lãng phí trên địa bàn như: Về quản lý công tác phí, thực hiện chế độ hội nghị, chi tiếp khách, mua sắm trang thiết bị tài sản, quản lý biên chế, quỹ lương; trong xây dựng cơ bản và thanh quyết toán công trình, đấu thầu cấp phép, dự án v.v..

+ Việc tổ chức ngày lễ, kỷ niệm ngày thành lập ngành, lễ đón nhận huân huy chương, chỉ tổ chức kết hợp trong ngày lễ kỷ niệm hoặc hội nghị sơ, tổng kết, thống nhất mức chi theo chế độ hội nghị. Không dùng công quỹ kinh phí ngân sách để liên hoan, chiêu đãi, tặng quà cho khách tham dự hội nghị, lễ động thổ, khởi công, khánh thành các công trình xây dựng. Trong ngày lễ, kỷ niệm, đại hội chỉ có Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân được tặng chung 1 lẵng hoa.

+ Quy định về chế độ, đối tượng cán bộ được bố trí xe ô tô cơ quan đưa, đón trong ngày. Chế độ sử dụng điện thoại và trang bị điện thoại để phục vụ công tác, v.v..

Những quy định trên đã được cán bộ, đảng viên nhân dân đồng tình ủng hộ và được thực hiện nghiêm túc trong các cấp ủy, các ngành của tỉnh năm 2002. Góp phần thực hiện tiết kiệm, phát triển kinh tế - xã hội của Đảng bộ tỉnh.

b) Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Đã tiến hành 232 cuộc kiểm tra, thanh tra trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Qua đó đã phát hiện sai phạm về kinh tế 2.160 triệu đồng, đã thu hồi 1.434 triệu đồng. Trong lĩnh vực tài chính đã tiến hành 55 cuộc thanh tra phát hiện sai thu hồi 2.047,6 triệu đồng. Trong quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản qua phát hiện giá trị 507,8 triệu đồng đã yêu cầu thu về ngân sách nhà nước 120,1 triệu đồng. Xuất toán 719 triệu đồng của chủ đầu tư. Thu hồi 54,6 triệu đồng gồm một số ngành: Y tế, Giáo dục, Giao thông, Công nghiệp, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thú y do vi phạm về nguyên tắc.

Về đất đai: Qua thanh tra đã phát hiện thu hồi 1.221,51 ha đất, trong đó: đất đã giao nhưng không sử dụng trên 12 tháng của 503 trường hợp với 170,7 ha (trong đó có 1,3 ha đất đô thị), sử dụng đất không đúng mục đích 2.299 trường hợp với 563,7 ha (trong đó có 0,2 ha đất đô thị), lấn chiếm đất đai có 1.246 trường hợp với 172,7 ha (trong đó đất đô thị 2,5 ha), chuyển nhượng đất trái pháp luật 2.444 trường hợp với 306,71 ha (trong đó đất đô thị 6,9 ha), giao đất và cho thuê đất sai thẩm quyền 158 trường hợp với 7,7 ha (trong đó đất đô thị 0,8 ha). Đấu thầu đất không đúng quy định thuộc 2 xã (huyện Văn Bàn) 9.000 m² đất, xử phạt thu 23,9 triệu đồng. Với những sai phạm trên đã xử lý 9 tập thể và 29 cá nhân.

Nếu tính từ khi thực hiện Pháp lệnh về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến nay (từ năm 1998-2002) việc chỉ đạo thực hiện đã thu được những kết quả như:

Đã khấu trừ ngay từ khi giao dự toán 10%, tiết kiệm được 10.924

triệu đồng. Số kinh phí tiết kiệm được được sử dụng để tăng chi đầu tư cho các nhiệm vụ đột xuất, phát sinh của tỉnh.

- Trong đầu tư xây dựng cơ bản: Trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư thực hiện dự án thông qua thẩm định đã cắt giảm dự án nhóm B là 1.220 triệu đồng bằng 0,96%, nhóm C là 3.024,5 triệu đồng bằng 0,95%.

- Trong khâu thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản: Qua thẩm định giảm trừ 9.630 triệu đồng (nguyên nhân cộng sai số, tính sai hệ số nhân, áp giá vật liệu chưa sát so với đơn giá).

- Trong khâu thẩm định, điều chuyển và thanh lý tài sản trị giá 1734 triệu đồng (nhà làm việc, xe ô tô và tài sản khác). Quản lý tài sản tịch thu sung công quỹ nhà nước 7.323 triệu đồng.

- Trong quản lý bảo vệ rừng: Xử phạt hành chính và hóa giá hàng tịch thu nộp ngân sách nhà nước 4.695 triệu đồng.

- Trong lĩnh vực chống buôn lậu và gian lận thương mại đã tịch thu và hóa giá tài sản nộp ngân sách nhà nước 2.628 triệu đồng.

- Trong quản lý vốn, tài sản doanh nghiệp nhà nước giảm 1,2% tương đương 2.218 triệu đồng.

7. Thực hiện Quy định 19-QĐ/TW về những điều đảng viên không được làm

Việc thực hiện Quy định 19-QĐ/TW quy định những điều đảng viên không được làm trong đợt thực hiện Kế hoạch kiểm tra số 01, 02-KH/TW vừa qua, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo cấp ủy cấp dưới tổ chức kiểm tra ở Đảng bộ mình với phương châm “Tự kiểm tra là chính”. Có 580/580 tổ chức đảng cơ sở với 17.716/18.526 đảng viên được kiểm tra. Tỉnh ủy trực tiếp kiểm tra 5 Đảng bộ cơ sở với 300 đảng viên. 15 Đảng bộ trực thuộc tỉnh trực tiếp kiểm tra 49 chi, Đảng bộ cơ sở với 915 đảng viên.

Cấp ủy các cấp và Ủy ban kiểm tra các cấp đã phát hiện 580 đảng viên có dấu hiệu vi phạm quy định. Trong đó: Cấp ủy viên các cấp 109, vi phạm quy định Điều lệ Đảng phải xử lý kỷ luật 269 đảng viên; kỷ

luật khiển trách 104 đảng viên, cảnh cáo 118 đảng viên, cách chức 13 đảng viên; khai trừ ra khỏi đảng 30 đảng viên. Trong đó, cấp ủy viên các cấp là 23 đảng viên.

Việc thực hiện Quy định 19-QĐ/TW về những điều đảng viên không được làm được Ban Thường vụ Tỉnh ủy và cấp ủy các cấp thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Đội ngũ cán bộ, đảng viên nhận thức rõ mục đích, ý nghĩa, tác dụng của quy định và tự giác thực hiện.

Tuy nhiên, cũng còn một số cấp ủy đảng cơ sở chưa thực sự quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt quy định, chưa đưa nội dung quy định vào sinh hoạt thường kỳ của chi bộ, đảng viên không được uốn nắn kiểm tra thường xuyên. Đó là một trong những nguyên nhân dẫn đến vi phạm của cán bộ, đảng viên ở cơ sở.

8. Xử lý trách nhiệm đối với cán bộ lãnh đạo quản lý để xảy ra các vụ tiêu cực tham nhũng lớn trong các cơ quan, đơn vị bảo vệ những người tích cực đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực

Năm 2002, do đã xây dựng và ban hành thực hiện được những cơ chế chính sách, biện pháp, quy định cụ thể của tỉnh nên đã có hiệu quả về phát triển kinh tế - xã hội, củng cố hệ thống chính trị và công tác an ninh - quốc phòng. Hạn chế đến mức thấp nhất các tiêu cực tham nhũng, lãng phí trong phát triển kinh tế - xã hội. Nhất là tiêu cực trong xây dựng cơ bản, đấu thầu, thực hiện dự án, cấp phép xây dựng. Vì vậy, năm 2002 Đảng bộ Lào Cai chưa có vụ việc nào vi phạm lớn liên quan đến trách nhiệm cá nhân lãnh đạo ở cấp tỉnh cũng như cấp huyện, thị.

Tuy nhiên, trong năm có một số vụ việc mới phát sinh liên quan đến trách nhiệm lãnh đạo đã giải quyết như: Trường hợp Nguyễn Hữu Khánh thiếu tá công an Văn Bàn trong thực hiện nhiệm vụ đã có hành vi bức cung bị can trong điều tra, gây oan cho bị can do đó đã đình chỉ sinh hoạt đảng để khởi tố vụ án, khởi tố bị can. Vụ việc có liên quan đến trách nhiệm chỉ đạo của trưởng, phó công an huyện Văn Bàn đã kiểm điểm trách nhiệm và chờ kết quả xử lý của Viện Kiểm sát tối cao.

9. Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở

Tỉnh ủy đã xác định việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở là chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước là yêu cầu gắn liền với cuộc vận động, xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng lãng phí, đáp ứng được nguyện vọng của đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân, được cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong toàn tỉnh thực hiện có chuyển biến rõ nét so với năm 2001.

Qua kiểm tra ở các huyện, thị một số cơ quan, doanh nghiệp và kết quả tự kiểm tra ở cơ sở, đến nay đã có 180 xã, phường, thị trấn với 100% thôn, bản, cơ quan, tổ dân phố trong toàn tỉnh đã triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và trong cơ quan, trong doanh nghiệp, đến cán bộ, đảng viên, công chức và quần chúng, nhân dân các dân tộc. Qua học tập cán bộ, công chức và nhân dân đã nhận thức được quyền và nghĩa vụ của mình, tích cực tham gia, đóng góp nhiều ý kiến thiết thực trong việc xây dựng nghị quyết của chi, Đảng bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các công việc trong cộng đồng dân cư thôn, bản, tổ dân phố. Tỉnh ủy đã chỉ đạo in cuốn tài liệu về Quy chế dân chủ ở cơ sở, gồm: Những việc dân cần biết, cần bàn và quyết định trực tiếp; những việc dân bàn, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quyết định đưa xuống tận các thôn, bản để nhân dân dễ hiểu, dễ nhớ thực hiện và giám sát. Kết quả đã có tác dụng tốt. Các chi, Đảng bộ cơ sở đã thường xuyên chỉ đạo thực hiện công tác xây dựng Đảng gắn với việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, đồng thời đã bổ sung những điều dân bàn, dân biết sát với thực tế của địa phương để nhân dân thực hiện, giám sát.

Do có chỉ đạo kiểm tra, nhắc nhở thường xuyên nên việc thực hiện Quy chế dân chủ có tác dụng phát huy quyền làm chủ của nhân dân phát hiện phản ánh kịp thời những biểu hiện quan liêu, xa dân, tham nhũng và những vi phạm khác của cán bộ chính quyền cơ sở. Hạn chế được những tiêu cực trong việc thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội ở địa phương và trong các doanh nghiệp, đồng thời qua thực hiện cán bộ chính quyền cơ sở đã có nhiều chuyển biến tích cực, xác định rõ

chức năng, nhiệm vụ của mình. Thường xuyên đổi mới phương thức, tác phong, lề lối làm việc theo hướng dân chủ và công khai hóa.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở vẫn còn một số hạn chế, đó là:

- Mặt bằng về dân trí không đồng đều, một số xã vùng cao, vùng sâu, vùng xa dân trí thấp, trình độ của cán bộ chính quyền cơ sở còn yếu. Việc quán triệt có nơi chưa sâu, rộng. Vì vậy việc nhận thức về Quy chế dân chủ ở cơ sở chưa đầy đủ, nhất là trong các thôn, bản vùng cao (qua kiểm tra).

- Có nơi, sự lãnh đạo của cấp ủy, sự phối hợp giữa chính quyền cơ sở với các đoàn thể quần chúng chưa chặt chẽ, chưa đồng bộ, chưa kịp thời sơ kết tình hình thực hiện.

- Việc xây dựng hương ước, quy ước thôn, bản, khu dân cư chưa được các ngành, các cấp định hướng và hướng dẫn cụ thể. Còn nhiều thôn, bản chưa xây dựng hoặc còn lúng túng trong việc xây dựng và yếu nhất vẫn là khâu thực hiện nội dung hương ước, quy ước.

- Những việc dân cần biết, cần bàn và quyết định, một số nơi thực hiện chưa đầy đủ cụ thể, chưa gắn với các kỳ họp Hội đồng nhân dân chưa trở thành công việc thường xuyên của chính quyền cơ sở.

10. Về tổ chức chỉ đạo

Để chỉ đạo và đôn đốc, kiểm tra thực hiện Kết luận của Hội nghị Trung ương 4 và Chương trình hành động của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã phân công các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ phụ trách các lĩnh vực, các huyện trực tiếp chỉ đạo; các đồng chí Bí thư các Đảng bộ trực thuộc, Thủ trưởng các ngành, các cấp, cơ quan, đơn vị trong tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy; giao cho một số đồng chí chuyên viên thuộc các Ban Đảng của Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy theo dõi tổng hợp và thường xuyên báo cáo với Thường trực Tỉnh ủy. Bảo đảm định kỳ 6 tháng 1 lần nghe việc thực hiện ở cơ sở, trên cơ sở đó Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiếp tục chỉ đạo, do đó việc thực hiện Kết luận của Hội nghị Trung ương 4 bước đầu có kết quả.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Quán triệt tinh thần chỉ đạo của Trung ương về thực hiện Kết luận của Hội nghị Trung ương 4 (khóa IX) về việc “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí”, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc và bước đầu đã giành được những kết quả như đã nêu trên, góp phần quan trọng vào việc thực hiện các mục tiêu, nghị quyết của Đại hội và phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng được bảo đảm, ổn định chính trị, xây dựng Đảng bộ vững mạnh.

Nguyên nhân cơ bản thực hiện tốt 10 nội dung nêu trên là do Tỉnh ủy và các cấp ủy đảng đã làm tốt công tác tổ chức quán triệt trong các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên thấy được: “Đây vừa là yêu cầu cấp bách, đồng thời cũng là trách nhiệm thường xuyên của các cấp ủy, cán bộ, đảng viên phải lãnh đạo thực hiện”. Từ đó nâng cao nhận thức, xây dựng chương trình hành động thực hiện. Phân công cấp ủy chỉ đạo, cơ quan chức năng theo dõi giúp cấp ủy, có chương trình kiểm tra, đôn đốc thực hiện, thường xuyên tổ chức rút kinh nghiệm kịp thời.

Tỉnh ủy đã chỉ đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã xây dựng và ban hành được các cơ chế, chính sách quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện sát với yêu cầu và thực tế tình hình của địa phương. Từ đó đã tạo ra động lực mới, nhân dân phấn khởi thực hiện và hạn chế được những vi phạm nảy sinh nói chung, đặc biệt trong xây dựng cơ bản, thực hiện các dự án, thanh quyết toán vốn, cấp phép nói riêng, v.v..

Ban Chấp hành Đảng bộ đã biết phát huy trí tuệ tập thể, đề cao trách nhiệm cá nhân, đoàn kết thống nhất nội bộ trước hết là trong Thường trực và Ban Thường vụ Tỉnh ủy, tôn trọng lẫn nhau, luôn năng động, sáng tạo và đổi mới trong tổ chức chỉ đạo và điều hành. Biết khơi dậy tinh thần cách mạng của nhân dân và khai thác tiềm

năng thế mạnh của địa phương. Tích cực phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực để vươn lên xây dựng kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển.

Nguyên nhân tồn tại: Do một số Đảng bộ, cấp ủy còn chủ quan, thiếu tinh thần trách nhiệm trong chỉ đạo, thực hiện chưa nghiêm túc nên còn các tồn tại khuyết điểm trong mỗi nội dung như đã nêu ở trên. Mặt khác do trình độ nhận thức của cấp ủy cơ sở một số nơi còn hạn chế nên việc tổ chức thực hiện kết quả còn thấp, chuyển biến chưa mạnh, v.v.. Nhất là trong việc thực hiện nếp sống mới, một số cán bộ, đảng viên chưa gương mẫu thực hiện, còn vi phạm những điều cấm của đảng viên và Pháp lệnh cán bộ, công chức, v.v..

IV. MỘT SỐ NHIỆM VỤ CẦN TẬP TRUNG CHỈ ĐẠO TRONG NĂM 2003

Để tiếp tục thực hiện Hội nghị Trung ương 4 về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng ngăn chặn tệ tham nhũng lãng phí, cấp ủy các cấp cần tập trung chỉ đạo thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

1. Phải kiên quyết sửa chữa khuyết điểm, tồn tại đã nêu trong kiểm điểm cuối năm 2002 đối với Ban Thường vụ cấp ủy, cấp ủy các cấp và cá nhân cấp ủy viên, đảng viên, công chức, sĩ quan, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang.

2. Tiếp tục giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên đặc biệt việc giáo dục 6 quan điểm có tính nguyên tắc của Đảng, đồng thời triển khai quán triệt kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng đến cán bộ, đảng viên và nhân dân. Đặc biệt việc tuyên truyền 27 đề án, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy.

Tổ chức tốt việc thông tin cho cán bộ, đảng viên nhất là đảng viên đã nghỉ chế độ. Giáo dục cho đảng viên ở vùng sâu vùng cao không di cư tự do và không nghe người xấu theo các tà đạo.

3. Tập trung giải quyết dứt điểm những vụ việc đã được khám phá có liên quan đến cán bộ, đảng viên như: vụ lừa đảo chiếm đoạt tiền ở Ngân hàng Nông nghiệp, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển vụ

khai khống để lấy tiền đền bù ở xã Bắc Cường, vụ đánh bạc ở nhà hàng Tuyết Nhung, v.v.. Xử lý nghiêm minh về kỷ luật Đảng, kỷ luật hành chính và theo pháp luật.

4. Trên cơ sở một số cơ chế chính sách đã ban hành, cần rà soát bổ sung sửa đổi cho phù hợp với thực tế nhất là chính sách đền bù thiệt hại về đất, tài sản hoa màu trên đất nhằm hạn chế tối đa việc lợi dụng kẽ hở của các chính sách để tham nhũng. Tiếp tục thực hiện việc phân cấp cho các ngành theo hướng ngành nào, địa phương nào làm cho lợi nhất giao cho ngành, địa phương đó.

5. Tiếp tục cải tiến nội dung sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt chi bộ phải có nội dung tự phê bình và phê bình để sửa chữa khuyết điểm ngay tại cơ sở.

6. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra kịp thời phát hiện những sai phạm của tổ chức đảng và đảng viên trọng tâm công tác kiểm tra, thanh tra vào các dự án phát triển kinh tế - xã hội, thu chi ngân sách, giải phóng mặt bằng đền bù thiệt hại về đất và quản lý đất đai. Kiểm tra việc thực hiện 19 điều cấm đối với đảng viên.

7. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống buôn lậu và gian lận thương mại. Cán bộ, đảng viên và công chức nhà nước gương mẫu thực hiện việc cưới, việc tang. Nghiêm cấm việc lấy tiền của Nhà nước, của tập thể để mừng đám cưới và làm quà biếu trong ngày tết, lễ. Giảm 50% việc mua sắm tài sản đất tiền, dành kinh phí đầu tư cho sản xuất. Thực hiện nghiêm túc quy định của Chính phủ về sử dụng điện thoại, xe ô tô, thực hiện tiết kiệm 10% chi phí khác theo quy định của Chính phủ. Thực hiện nghiêm túc các quy định, quy trình về đầu tư xây dựng cơ bản.

8. Tổ chức thực hiện: Để thực hiện có kết quả theo sự chỉ đạo của Trung ương. Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập một tổ giúp việc Ban Thường vụ để theo dõi đôn đốc chỉ đạo và tổng hợp do Thường trực Tỉnh ủy trực tiếp chỉ đạo. Tổ giúp việc do 1 đồng chí Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy làm tổ trưởng và một số đồng chí ngành chức năng, các ban Đảng, Văn phòng Tỉnh ủy làm thành viên thực hiện

nhiệm vụ trên có trách nhiệm thường xuyên báo cáo kết quả thực hiện với thường trực và Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Trên đây là kết quả thực hiện 10 nội dung Kết luận của Hội nghị Trung ương 4 (khóa IX) về “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng lãng phí”. Tỉnh ủy Lào Cai xin báo cáo với Ban Bí thư và Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 516-TB/TU, ngày 13-1-2003

Về ý kiến kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại Hội nghị giao ban ngày 10-1-2003

Ngày 10-1-2003, Thường trực Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh họp giao ban dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Đức Thắng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy. Cùng dự có đồng chí Hà Ngọc Đông, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; đồng chí Trần Nguyên, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Sau khi nghe và thảo luận nội dung Công văn do Văn phòng Tỉnh ủy trình xin ý kiến, Thường trực Tỉnh ủy thống nhất ý kiến như sau:

Nhất trí với đề nghị tại Công văn số 1603-CV/BC-VT-TH, ngày 27-12-2002 của Bưu điện tỉnh Lào Cai về việc trang bị sách cho điểm Bưu điện - Văn hóa xã. Tổng số 62 điểm bưu điện - văn hóa xã, mỗi điểm được cấp 1 số báo Lào Cai và 1 số báo ảnh Lào Cai để tạo điều kiện cho nhân dân các xã nâng cao nhận thức về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh Lào Cai.

- Giao cho Văn phòng Tỉnh ủy đặt mua báo cho các điểm bưu điện - văn hóa trên.

- Giao cho Báo Lào Cai, Bưu điện tỉnh Lào Cai, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Lào Cai phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy thực hiện và thường xuyên kiểm tra để công việc trên đạt hiệu quả.

Thừa lệnh Ban Thường vụ, Văn phòng Tỉnh ủy thông báo để các cơ quan, đơn vị, cá nhân biết, tổ chức thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG
PHẠM NGỌC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 514-TB/TU, ngày 13-1-2003

Về kết quả Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ 9

Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ 9 họp từ ngày 2 đến ngày 4-1-2003 do đồng chí Giàng Seo Phử, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy chủ trì.

HỘI NGHỊ ĐÃ THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG

1. Tổng kết tình hình công tác năm 2002, phương hướng, nhiệm vụ năm 2003 của Tỉnh ủy

Hội nghị khẳng định: Năm 2002, mặc dù gặp phải những khó khăn rất lớn: Thiên tai nặng nề xảy ra ở nhiều nơi gây thiệt hại không nhỏ cho sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của một bộ phận nhân dân; nguồn vốn cho đầu tư và phát triển còn hạn hẹp; nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu trong giai đoạn mới; tình hình tuyên truyền đạo trái phép và di dịch cư tự do vẫn còn nhiều diễn biến phức tạp nhưng Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã nỗ lực phấn đấu đạt được những thành tựu khá toàn diện. Kinh tế của tỉnh vẫn duy trì được mức tăng trưởng cao hơn năm 2001, có 20/21 chỉ tiêu đạt và vượt cao hơn kế hoạch. Sản xuất nông, lâm nghiệp có nhiều tiến bộ trong việc chuyển dịch cơ cấu theo hướng sản xuất hàng hóa. Các đề

án phát triển nông nghiệp, nông thôn được triển khai thực hiện mạnh và khá đồng đều. Nhân dân có sự thay đổi tiến bộ trong cách nghĩ, cách làm; sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tiếp tục đạt được mức tăng trưởng cao, bước đầu có sự thay đổi về tỷ trọng cơ cấu, nhiều sản phẩm tiêu thụ khá, một số sản phẩm mới có khả năng cạnh tranh trên thương trường. Hoạt động xuất, nhập khẩu có chuyển biến tốt, kim ngạch xuất, nhập khẩu tăng mạnh. Các nguồn vốn đầu tư xã hội được huy động tốt hơn trước. Công tác xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm đạt được kết quả rất đáng khích lệ. Công tác văn hóa, giáo dục, y tế được quan tâm đẩy mạnh và thực hiện xã hội hóa. Đời sống của nhân dân từ thị xã, thị trấn đến vùng sâu, vùng xa được cải thiện rõ rệt. Hoạt động đối ngoại và kinh tế đối ngoại diễn ra sôi động, thu được kết quả to lớn tạo cơ sở cho những năm tiếp theo. An ninh biên giới và chủ quyền quốc gia được giữ vững. Công tác an ninh - quốc phòng gắn kết chặt chẽ hơn với công tác đối ngoại. Việc dự báo các tình huống xảy ra và các phương án phòng thủ được chủ động hơn. Các tổ chức trong hệ thống chính trị, đặc biệt là tổ chức đảng tiếp tục được củng cố về số lượng và chất lượng, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động theo hướng gần dân, sát cơ sở.

Những kết quả đạt được của năm qua là do Ban Chấp hành Đảng bộ có sự đoàn kết thống nhất cao, năng động, sáng tạo trong việc vận dụng các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước vào điều kiện cụ thể của một tỉnh vùng cao, biên giới; thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ; huy động được sức mạnh tổng hợp trong toàn Đảng bộ và các tầng lớp nhân dân, các thành phần kinh tế cho sự phát triển của tỉnh.

Bên cạnh những thành tích đã đạt được, những ưu điểm trong lãnh đạo, quản lý, điều hành, Hội nghị Ban Chấp hành cũng thẳng thắn chỉ ra những yếu kém, bất cập của nền kinh tế cũng như việc lãnh đạo, quản lý, điều hành: đó là việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, các vùng sản xuất hàng hóa tập trung chưa rõ nét.

Thực hiện các đề án phát triển kinh tế - xã hội ở cơ sở còn hạn chế, công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch chưa đáp ứng được yêu

cầu. Việc giải phóng mặt bằng có nơi làm chưa tốt, ảnh hưởng tới việc thi công công trình. Thu nhập của nhân dân vùng sâu, vùng xa còn thấp. Tai nạn giao thông còn nghiêm trọng, tệ nạn xã hội chưa được giải quyết triệt để. Di dịch cư tự do và tuyên truyền đạo trái phép diễn biến phức tạp. Chất lượng của đội ngũ cán bộ nhìn chung chưa đáp ứng được trước yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Một số cấp ủy, chính quyền ở cơ sở chưa chủ động được công việc.

Năm 2003 là năm thứ 3 thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, là năm bản lề rất quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội 5 năm 2001-2005. Nhìn lại việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hai năm 2001, 2002, trên cơ sở dự báo những khó khăn phức tạp mới và sự quyết tâm cao độ thực hiện thắng lợi 7 chương trình công tác trọng tâm với 27 đề án, kế hoạch và nghị quyết chuyên đề, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã thống nhất quan điểm chỉ đạo năm 2003 là: nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành của các cấp ủy đảng và chính quyền các cấp; tăng cường phân cấp nhằm tăng tính chủ động, sáng tạo cho các cấp, các ngành, tạo được sự chuyển biến quan trọng của cơ sở; tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm trong đó rất chú trọng đầu tư cho nông nghiệp và nông thôn; đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo; chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp, du lịch và dịch vụ; khai thác tốt tiềm năng, lợi thế, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, xây dựng cơ chế, chính sách thu hút đầu tư mạnh mẽ hơn nữa vào địa bàn, ngăn ngừa và xử lý nghiêm các tiêu cực, tham nhũng; vi phạm, tội phạm trên địa bàn. Tiếp tục duy trì nhịp độ tăng trưởng kinh tế cao và vững chắc, giải quyết tốt các vấn đề xã hội. Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tạo đà phát triển cho những năm tới. Củng cố an ninh - quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội, kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ an ninh - quốc phòng với mở rộng đối ngoại, luôn chủ động, không để bất ngờ, không chủ quan trong khi hội nhập, mở rộng quan hệ đối ngoại với các nước và các tổ chức quốc tế.

Trên tinh thần đó, Hội nghị Ban Chấp hành đề ra 11 nhiệm vụ trọng tâm và 20 chỉ tiêu của năm 2003.

Hội nghị Giao Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với các cơ quan có liên quan tiếp thu ý kiến của các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành hoàn chỉnh báo cáo trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy để ban hành.

2. Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh năm 2002

Năm 2002, tập thể Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy đoàn kết thống nhất cao; quan hệ và lễ lối làm việc giữa Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh được thực hiện nghiêm túc theo quy định. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thể hiện rõ vai trò lãnh đạo, tích cực chủ động đổi mới trong phương pháp, nội dung lãnh đạo, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trên các lĩnh vực, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ. Đã làm tốt công tác kiểm tra, trong đó đặc biệt quan tâm hướng về cơ sở. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên, tạo không khí phấn khởi, quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ năm.

Hội nghị giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy tiếp thu ý kiến của các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành hoàn chỉnh Báo cáo trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy để ban hành.

3. Nghe Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy báo cáo kết quả công tác kiểm tra năm 2002, phương hướng, nhiệm vụ công tác kiểm tra năm 2003

Năm 2002, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy có nhiều cố gắng, hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác kiểm tra theo nhiệm vụ được phân công. Năm 2003, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy cần phát huy kết quả đạt được để hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác kiểm tra.

4. Quyết định Chương trình công tác kiểm tra của Tỉnh ủy năm 2003

Giao Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy

tiếp thu ý kiến của các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành hoàn chỉnh Chương trình công tác kiểm tra năm 2003 của Tỉnh ủy trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy để ban hành.

5. Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành kiểm điểm tự phê bình và phê bình năm 2002

Hội nghị khẳng định, từng đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành trên từng cương vị công tác đã có sự cố gắng lớn, gương mẫu, đi đầu trong công việc và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được phân công. Trên tinh thần tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, các đồng chí đã nghiêm túc kiểm điểm sâu sắc và tiếp thu những ý kiến đóng góp với thái độ cầu thị.

Một số đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành có gợi ý kiểm điểm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiến hành kiểm điểm bổ sung tại chi, Đảng bộ cơ quan. Căn cứ vào kết quả phân xếp loại Đảng bộ, cơ quan Ban Thường vụ Tỉnh ủy sẽ quyết định kết quả xếp loại của từng đồng chí.

Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy hoàn chỉnh hồ sơ của từng đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh theo quy định.

6. Nghe Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo sơ kết năm 2002 thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy khóa XI về thực hiện chiến lược an ninh quốc gia trên địa bàn tỉnh, công tác an ninh và công tác đối ngoại, phương hướng, nhiệm vụ trong những năm tiếp theo.

- Đánh giá kết quả 1 năm thực hiện Đề án an ninh - quốc phòng với nhiệm vụ phát triển kinh tế đối ngoại.

- Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt Chương trình hành động và đề án trên trong năm 2003 và những năm tiếp theo.

7. Đánh giá kết quả 1 năm thực hiện Đề án Phòng, chống âm mưu “diễn biến hòa bình và bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch và kế hoạch đối phó với các tình huống xảy ra trong khu vực phòng thủ tỉnh, huyện.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt Đề án trong năm 2003 và những năm tới.

Yêu cầu các huyện, thị, đảng ủy và từng đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, các đồng chí lãnh đạo các cơ quan, ban, ngành, huyện, thị, đảng ủy trực thuộc hãy đề cao tinh thần trách nhiệm trong lãnh đạo, điều hành, quản lý, nói phải đi đôi với làm và làm có hiệu quả cùng toàn thể nhân dân các dân tộc thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ năm 2003.

Trước mắt cần tập trung làm tốt các nhiệm vụ sau đây: Từng đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành cần chủ động chỉ đạo đơn vị mình tiến hành tổng kết công tác năm 2002 trong đó cần bám sát vào 7 chương trình công tác trọng tâm với 27 đề án, kế hoạch và nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy để kiểm điểm đánh giá những mặt được cũng như chưa được, nguyên nhân tồn tại yếu kém, từ đó xây dựng phương hướng, nhiệm vụ của năm 2003 cụ thể và thiết thực.

Khẩn trương chỉ đạo tiến hành kiểm điểm theo sự gợi ý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đối với một số tập thể và cá nhân bảo đảm sự nghiêm túc, tăng cường sự đoàn kết nội bộ. Chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra theo chương trình kiểm tra năm 2003 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền động viên các tầng lớp nhân dân phát huy thành tích đã đạt được, tiếp tục phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của năm 2003 ngay từ những ngày đầu năm. Cần cử cán bộ bám sát cơ sở, kịp thời phát hiện những vấn đề mới nảy sinh để có biện pháp giải quyết, không để xảy ra điểm nóng. Tổ chức cho nhân dân đón Tết Nguyên đán Quý Mùi bảo đảm vui tươi, lành mạnh, tiết kiệm, tuyệt đối không để hộ nào thiếu đói trong những ngày tết; giữ vững an ninh, trật tự, an toàn xã hội, giảm thiểu số vụ tai nạn giao thông.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

**BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỬ**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 84-BC/TU, ngày 14-1-2003

Một năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa IX về “Tiếp tục sắp xếp đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước” tỉnh Lào Cai

Thực hiện Công văn số 460/CV-KTTW, ngày 6-11-2002 của Ban kinh tế Trung ương về việc “Báo cáo một năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX) về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước”, Tỉnh ủy Lào Cai báo cáo kết quả một năm thực hiện đổi mới sắp xếp doanh nghiệp nhà nước tỉnh Lào Cai theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 như sau:

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC CỦA TỈNH TRƯỚC KHI CÓ NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 3

Ngay từ khi tái lập (10-1991), Lào Cai đã chú trọng phát triển và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Từ năm 1996 đến nay đã tiến hành phát triển, sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn. Tính đến tháng 6-2000, toàn tỉnh còn 40 doanh nghiệp nhà nước do tỉnh quản lý và 8 doanh nghiệp trung ương hoạt động trên các lĩnh vực gồm: Xây dựng 7; Giao thông 4; Công nghiệp 4; Thương mại - Du lịch 7; Nông - Lâm nghiệp 13; ngành khác 5. Trong những năm qua, một số doanh nghiệp của tỉnh sản xuất kinh doanh đã có lãi và ngày càng thích ứng với cơ chế thị trường; hiệu quả và sức cạnh tranh từng bước được nâng lên, thu nhập và đời sống của người lao động dần dần được cải thiện. Năm 2000, các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn đã đóng góp cho ngân sách nhà nước được 30

tỷ 442 triệu đồng.

Tuy nhiên, doanh nghiệp nhà nước của tỉnh còn nhiều mặt hạn chế và yếu kém. Đa số các doanh nghiệp nhà nước thuộc loại vừa và nhỏ, cơ cấu còn nhiều bất hợp lý. Phần lớn là doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, số doanh nghiệp hoạt động sản xuất, chế biến còn ít. Trình độ công nghệ lạc hậu, thiếu vốn sản xuất, kinh doanh (chủ yếu là sử dụng vốn vay), chất lượng sản phẩm còn kém, giá thành sản phẩm cao, sức cạnh tranh thấp, chủ yếu tiêu thụ trong tỉnh. Cán bộ quản lý và nghiệp vụ trong các doanh nghiệp còn yếu và thiếu, lao động trình độ tay nghề thấp, trên 50% chưa qua đào tạo. Cơ chế chính sách của Nhà nước chưa thực sự thu hút đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào các tỉnh miền núi nói chung và Lào Cai nói riêng. Hiệu quả sản xuất, kinh doanh thấp, chưa theo kịp được lộ trình hòa nhập kinh tế thị trường và kinh tế quốc tế. Năm 2000, có 9/40 doanh nghiệp còn khó khăn, yếu kém trong sản xuất, kinh doanh, làm ăn chưa có lãi.

Những hạn chế, yếu kém trên của các doanh nghiệp nhà nước ở tỉnh Lào Cai chủ yếu là do chưa thực hiện tốt yêu cầu và giải pháp sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước. Quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước nhiều mặt yếu, vướng mắc, chậm cải cách hành chính, cơ chế chính sách còn nhiều bất cập, chưa đồng bộ, nhiều điểm chưa phù hợp với kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Một bộ phận cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước chưa đáp ứng được yêu cầu của thời kỳ mới, nhiều doanh nghiệp chưa xây dựng được chiến lược sản xuất kinh doanh.

II. CÔNG TÁC QUẢN TRIỆT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

Nhằm triển khai thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 3 (khóa

IX) của Ban Chấp hành Trung ương, Tỉnh ủy Lào Cai đã xây dựng chương trình hành động, đồng thời tổ chức Hội nghị Ban Chấp hành mở rộng, thành phần gồm các đồng chí Tỉnh ủy viên, Bí thư Ban cán sự Đảng đoàn, thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể trực thuộc tỉnh và giám đốc các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn, quán triệt, học tập sâu sắc tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 và Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương 3.

Ngày 23-8 -2002, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức hội nghị tới các ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị và các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh quản lý để tiếp tục quán triệt nội dung Nghị quyết Trung 3 khóa IX, phổ biến kế hoạch sắp xếp doanh nghiệp nhà nước của tỉnh năm 2002-2005 đồng thời triển khai các quy định mới về tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước (Quyết định 58/2002/QĐTTg) về chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần đối với doanh nghiệp nhà nước (Nghị định 64/2002/NĐCP); xử lý nợ tồn đọng (Nghị định 69/2002/NĐCP); chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước (Nghị định 41/2002/NĐCP).

Sau khi quán triệt học tập Nghị quyết Trung ương 3 và các quy định mới của Chính Phủ, các bộ, ngành liên quan đến công tác tổ chức sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, và chương trình hành động của Tỉnh ủy. Các sở, ngành quản lý, các doanh nghiệp nhà nước đã nhận thức đúng mục đích, yêu cầu, sự cần thiết sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước nhằm tạo điều kiện nâng cao sức cạnh tranh, hiệu quả, khả năng hội nhập của doanh nghiệp nhà nước tỉnh Lào Cai.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẮP XẾP, ĐỔI MỚI, PHÁT TRIỂN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

1. Quan điểm, mục tiêu thực hiện sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước

Đề án tổ chức sắp xếp doanh nghiệp nhà nước tỉnh Lào Cai giai đoạn 2001-2005 với mục tiêu nhiệm vụ: tiếp tục sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh quản lý bảo đảm cơ cấu hợp lý giữa sản xuất và dịch vụ, phát triển và củng cố các doanh nghiệp sản xuất, chế biến nông, lâm, Khoáng sản.

Doanh nghiệp Nhà nước phải thực sự thực hiện được vai trò làm nòng cốt, đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế, tạo nền tảng cho việc đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh, đồng thời tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa phục vụ cho tiêu dùng và xuất khẩu.

Tập trung hoàn thành cơ bản việc tổ chức sắp xếp, cơ cấu lại và đổi mới hoạt động của doanh nghiệp nhà nước hiện có, chuyển đổi sở hữu phần lớn các doanh nghiệp nhà nước của tỉnh theo các hình thức: Cổ phần hóa, giao, bán, Khoán kinh doanh, cho thuê doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, một số doanh nghiệp hoạt động kém hiệu quả, không thuộc lĩnh vực trọng yếu cần phải giải thể.

Đổi mới phương thức quản lý, đổi mới công nghệ và giải quyết cơ bản công nợ và lao động dôi dư trong quá trình tổ chức sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước của tỉnh.

2. Kết quả năm 2001

- Củng cố các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước.

Gồm các doanh nghiệp có quy mô lớn thuộc các ngành, lĩnh vực trọng yếu, các doanh nghiệp hoạt động bảo đảm nhu cầu thiết yếu cho phát triển sản xuất và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Tỉnh chú trọng đầu tư và cơ bản hoàn thành việc sắp xếp cơ cấu các doanh nghiệp và doanh nghiệp công ích trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo các doanh nghiệp xây dựng quy hoạch, kế hoạch sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm và tìm kiếm thị

trường tiêu thụ ổn định.

- Tiến hành cổ phần hóa: 3 đơn vị

+ Công ty Xây dựng công trình giao thông Lào Cai: với số vốn Nhà nước 2.536.088.890 đồng trong đó cổ phần bán cho lao động 65%; cổ phần Nhà nước 35%.

+ Công ty Xây dựng số I Lào Cai: với số vốn Nhà nước 1.506.912.398 đồng trong đó cổ phần bán cho lao động 77,6%; cổ phần Nhà nước 22,4%.

+ Công ty Tư vấn xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp: với số vốn Nhà nước 1.223.408.580 đồng bán 100% vốn Nhà nước cho người lao động.

- Tiến hành giải thể 3 đơn vị do không còn nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh: Lâm trường Sa Pa; Lâm trường Bắc Hà; Lâm trường Mường Khương. Các vấn đề tài chính, tài sản, lao động và chính sách trợ cấp cho người lao động khi giải thể doanh nghiệp được giải quyết theo đúng chế độ, không có vướng mắc.

- Tiến hành sáp nhập Công ty Thương nghiệp tổng hợp Bắc Hà vào Công ty Thương mại tỉnh, hai đơn vị đã bàn giao và đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định.

3. Kết quả năm 2002

- Tiến hành cổ phần hóa Công ty Xây dựng cầu Lào Cai, bán 100% số vốn Nhà nước cho người lao động tại doanh nghiệp.

- Tiến hành bán doanh nghiệp cho tập thể người lao động 2 đơn vị:

+ Công ty Thương nghiệp tổng hợp Bảo Yên: với giá trị phần vốn Nhà nước 578.062.903 đồng, được bán cho tập thể người lao động tại doanh nghiệp theo nguyên tắc kế thừa quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp nhà nước. Công ty Thương nghiệp tổng hợp Bảo Yên đã ký hợp đồng mua doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn hoạt động theo Luật doanh nghiệp.

+ Công ty Thương mại Hồng Hà: Sở Thương mại Du lịch đã thành

lập Hội đồng bán Công ty Thương mại Hồng Hà. Đến nay chưa tiến hành quyết toán tình hình tài chính kế toán năm 2001, chưa đối chiếu công nợ, chưa xây dựng phương án bán doanh nghiệp để trình duyệt theo quy định với lý do: Công ty Thương mại Hồng Hà đang gặp rất nhiều khó khăn, không có trụ sở do giải tỏa để xây dựng Trung tâm Thương mại quốc tế và đang tập trung thu hoạch thuốc lá ở các huyện Si Ma Cai, Bắc Hà, Mường Khương. Dự kiến hoàn thành phương án để được phê duyệt, đầu năm 2003 chuyển sang hoạt động theo Luật doanh nghiệp.

- Tiến hành sáp nhập 2 đơn vị

- + Công ty Thương nghiệp tổng hợp Sa Pa vào Công ty Thương mại tỉnh: Căn cứ số liệu kiểm kê, quyết toán hai đơn vị đã tiến hành bàn giao, với 21 lao động; 712.314.544 đồng và tài sản, mạng lưới kinh doanh. Hiện tại Công ty đã ổn định tổ chức, kinh doanh.

- Sáp nhập Công ty Cơ khí và Xây lắp công nghiệp vào Công ty Khoáng sản tỉnh. Sở Công nghiệp đã thành lập Hội đồng sáp nhập và triển khai thực hiện công tác kiểm kê đánh giá tình hình tài sản, tài chính, công nợ và xây dựng. Hai đơn vị đã tiến hành bàn giao theo tình hình thực tế. Tuy nhiên, đến nay Công ty Cơ khí và Xây lắp công nghiệp mới quyết toán xong tình hình tài chính năm 2001 và đang đối chiếu công nợ. Công ty Khoáng sản đã chuyển Công ty Cơ khí và Xây lắp công nghiệp thành xí nghiệp trực thuộc và đi vào sản xuất ổn định.

- Tiến hành giải thể 2 đơn vị:

- + Lâm trường Bát Xát: phương án giải thể lâm trường Bát Xát đã được xây dựng xong, Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp nhà nước của tỉnh sẽ họp xem xét lần cuối để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án chính thức.

- + Lâm trường Bảo Thắng: đã tiến hành kiểm kê, đối chiếu công nợ để xây dựng phương án giải thể. Trong quá trình thực hiện, vấn đề giải quyết chế độ chính sách cho 176 lao động với số tiền trợ cấp khá lớn (khoảng 3 tỷ đồng) là một khó khăn, bên cạnh đó lâm trường

còn đang thực hiện dự án trồng chè, nguyện vọng của người lao động muốn tồn tại một tổ chức kinh tế dưới dạng hợp tác xã hoặc công ty cổ phần để tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động. Ủy ban nhân dân tỉnh đã có chủ trương giao lâm trường Bảo Thắng cho tập thể người lao động theo tinh thần Nghị định 103/1999/NĐ-CP.

4. Đánh giá chung

- Các doanh nghiệp có 100% vốn Nhà nước: Nhờ được sắp xếp hợp lý, tận dụng lợi thế sẵn có của mình, các doanh nghiệp đã mạnh dạn đầu tư, đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm và sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường. Một số sản phẩm mới đưa vào sản xuất đã có hiệu quả và bước đầu có thị trường tiêu thụ khá ổn định như: sản phẩm bao bì PP, tấm lợp Fibrô xi măng, cột điện li tâm... Hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước đã có chuyển biến tích cực và hiệu quả, thật sự khai thác các tiềm năng, thế mạnh của tỉnh và giữ vững được vai trò dẫn dắt, thúc đẩy các thành phần kinh tế khác phát triển. Đồng thời, đời sống của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp ngày càng được bảo đảm và nâng cao. Năm 2002, trong 29 doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, có 28/29 doanh nghiệp làm ăn có lãi. Tổng doanh thu trong năm dự ước đạt 344.706 triệu đồng, bằng 104% kế hoạch, 121% cùng kỳ năm 2001, tổng lợi nhuận 9.882 triệu đồng. Một số doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh đem lại hiệu quả cao hơn như: Lâm trường Văn Bàn, giá trị sản xuất năm 2002 đạt 16.518 triệu đồng tăng 29%, nộp ngân sách 2.000 triệu đồng tăng 11% so với năm 2001; Công ty Xi măng Lào Cai đạt giá trị sản xuất 49.800 triệu đồng, lợi nhuận 2.225 triệu đồng; Công ty Xuất, nhập khẩu đạt giá trị sản xuất 35.000 triệu đồng, lợi nhuận đạt 560 triệu đồng...

- Các doanh nghiệp sau khi sắp xếp, chuyển đổi, cổ phần hóa đều đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, đã có tích lũy, đời sống của đại bộ phận công nhân được nâng cao. Công nhân trong đơn vị phấn khởi, có việc làm và thu nhập ổn định. Các trợ cấp đối với người

lao động cơ bản giải quyết thỏa đáng, đúng chính sách. Một số doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa, hoạt động sản xuất kinh doanh tuy giá trị sản xuất tăng không cao, song do sắp xếp, tổ chức lao động hợp lý đã đem lại hiệu quả cao như: Công ty Xây dựng số I, lợi nhuận năm 2002 bằng 200% so với năm 2001, lương công nhân bình quân từ 570.000 - 600.000 đồng/ người/ tháng; Công ty Xây dựng công trình giao thông giá trị sản xuất bằng 150% năm 2002, lương công nhân bình quân 800.000 đồng/người/tháng.

5. Những tồn tại, hạn chế

- Trước năm 2001, công tác tổ chức sắp xếp doanh nghiệp nhà nước của tỉnh tiến độ thực hiện chậm, chủ yếu thực hiện giải thể các doanh nghiệp nhà nước hoạt động kém hiệu quả và sáp nhập các đơn vị ngành Thương mại, thực hiện cổ phần hóa Công ty Vận tải Lào Cai.

- Từ năm 2001 đến 2002 công tác tổ chức sắp xếp chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp nhà nước của tỉnh Lào Cai có nhiều tiến bộ, số lượng doanh nghiệp nhà nước tiến hành cổ phần hóa (4 đơn vị); chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn (1 đơn vị). Tỉnh đã xây dựng đề án tổ chức sắp xếp doanh nghiệp nhà nước và có kế hoạch cụ thể của từng năm. Tuy nhiên, việc thực hiện các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thường chậm so với kế hoạch đề ra. Vấn đề xử lý tài chính, giải quyết chính sách cho người lao động gặp nhiều khó khăn, việc bán cổ phần, cho thuê doanh nghiệp chưa thu hút được nhiều đối tác tham gia mua hoặc thuê doanh nghiệp.

- Một số nguyên nhân chủ yếu:

Tư tưởng của một số giám đốc doanh nghiệp nhận thức chưa đúng đắn, nên chưa tích cực triển khai tuyên truyền, phổ biến, kiểm kê, đánh giá, báo cáo tài chính để có cơ sở xây dựng phương án trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Các ban đổi mới tổ chức, sắp xếp tại doanh nghiệp chưa nghiên cứu kỹ các quy định hiện hành của Chính phủ và các bộ ngành, chế độ chính sách do đó còn lúng túng trong xử lý tài chính, công nợ, chính

sách cho người lao động khi xây dựng phương án cụ thể.

Các sở quản lý chuyên ngành chỉ đạo các đơn vị phải đổi mới, sắp xếp chưa sâu sát, giao phó toàn bộ cho doanh nghiệp tiến hành các thủ tục và xây dựng phương án, do đó cũng ảnh hưởng đến tiến độ.

Doanh nghiệp, Nhà nước của tỉnh hầu hết thuộc diện vừa và nhỏ, hiệu quả kinh doanh thấp, vốn kinh doanh chủ yếu là vốn vay, do đó khi thực hiện chuyển đổi không bán được cổ phần cho đối tượng ngoài doanh nghiệp hoặc không bán được tỷ lệ cổ phần như dự định.

IV. KẾ HOẠCH TIẾP TỤC ĐỔI MỚI SẮP XẾP DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TỈNH LÀO CAI ĐẾN 2005

1. Duy trì và phát triển 14 doanh nghiệp quốc doanh 100% vốn Nhà nước do tỉnh quản lý

Đây là những doanh nghiệp sản xuất kinh doanh ở những ngành mũi nhọn và các doanh nghiệp công ích giữ vai trò điều tiết mở đường dẫn dắt các thành phần kinh tế khác phát triển khai thác được các thế mạnh, nguồn lực của tỉnh cho phát triển, đồng thời bảo đảm nguồn thu cho ngân sách tỉnh.

1. Trạm Đăng kiểm phương tiện cơ giới giao thông
2. Công ty Vật tư nông nghiệp tổng hợp
3. Xí nghiệp in Lào Cai
4. Công ty Sách thiết bị trường học
5. Công ty Môi trường đô thị Lào Cai
6. Công ty Cấp thoát nước Lào Cai
7. Xí nghiệp Chè Than Uyên
8. Nhà máy chế biến chè (sáp nhập phần chế biến của 2 nông trường Phong Hải và Thanh Bình)
9. Công ty Du lịch tỉnh
10. Công ty Xổ số kiến thiết
11. Lâm trường Văn Bàn
12. Lâm trường Bảo Yên

13. Công ty Thương mại tỉnh

14. Công ty Khoáng sản tỉnh

Các đơn vị trên sẽ được xem xét chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sau năm 2005.

2. Tiến hành cổ phần hóa 7 đơn vị

1. Công ty Dược Vật tư y tế

2. Công ty Xây dựng số II

3. Công ty Xây lắp Thủy lợi Thủy điện

4. Công ty Tư vấn Xây dựng Giao thông

5. Công ty Tư vấn Thủy lợi

6. Công ty Xuất, nhập khẩu

7. Công ty Nước giải khát

3. Tiến hành giao, bán, Khoán kinh doanh 2 đơn vị

1. Công ty Vật liệu xây dựng tổng hợp

2. Công ty Xi măng Lào Cai.

4. Tiến hành sáp nhập 4 đơn vị

1. Công ty Thương nghiệp tổng hợp Than Uyên

2. Công ty Thương nghiệp tổng hợp Văn Bàn

3. Nông trường Phong Hải

4. Nông trường Thanh Bình.

5. Tiến hành giải thể 1 đơn vị

Xí nghiệp Liên doanh đồng (dự kiến giải thể trong năm 2004) sau khi Dự án Tổ hợp đồng Sin Quyền đi vào hoạt động.

Hiện nay đề án đang được Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp nhà nước Trung ương xem xét trình Chính phủ phê duyệt để làm căn cứ thực hiện giai đoạn 2002-2005.

V. KIẾN NGHỊ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến chủ trương, đường lối, của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước, để có nhận thức đúng và thống nhất cao trong các cơ quan chức năng của Nhà nước, trong cán bộ quản lý và người lao động trong các doanh nghiệp.

Đối với các doanh nghiệp không thuộc diện cổ phần, phải có phương án củng cố tổ chức cán bộ, đổi mới mở rộng đầu tư, rà soát lại chức năng nhiệm vụ để nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh. Sử dụng nguồn quỹ hỗ trợ sắp xếp cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước đầu tư bổ sung vốn kinh doanh bảo đảm cho các doanh nghiệp đủ khả năng cạnh tranh và giữ vững vai trò chủ đạo. Nghiên cứu và tiến hành thí điểm chuyển một số doanh nghiệp nhà nước có 100% vốn Nhà nước thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo tinh thần Nghị định số 63/2001/NĐ-CP, ngày 14-9-2001 của Chính phủ.

Tập trung chỉ đạo thống nhất giữa các ngành, cương quyết thực hiện theo kế hoạch đề ra, đồng thời giải quyết những vướng mắc tồn tại trong quá trình chuyển đổi, sắp xếp doanh nghiệp nhà nước.

Đối với những đơn vị hoạt động kinh doanh kém hiệu quả, khi xây dựng phương án chuyển đổi mà không thực hiện được thì xử lý bằng biện pháp giải thể.

Hàng năm, phải tổng kết đánh giá những mặt được, chưa được trong việc tổ chức sắp xếp doanh nghiệp nhà nước và kết quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị đã được chuyển đổi.

Đối với các đơn vị thuộc diện cổ phần hóa nếu đủ điều kiện áp dụng giao, bán doanh nghiệp thì ưu tiên xử lý theo hình thức giao hoặc bán doanh nghiệp. Cần có phương án cụ thể giải quyết công nợ và phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp nhà nước khi tiến hành cổ phần hóa, chuyển dần từ hội đồng định giá doanh nghiệp sang hình thức đấu giá theo cơ chế thị trường. Thay đổi cơ chế bán cổ phần cho thích ứng với việc đa dạng hóa sở hữu trong phát triển kinh tế thị trường.

Trong quá trình chuyển đổi phải thực hiện đúng quy định của Nhà nước và không làm ảnh hưởng đến đời sống, việc làm và chế độ

của người lao động, đồng thời ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Cần nghiên cứu sửa đổi một số điều của Bộ Luật lao động theo hướng thị trường lao động, đặc biệt nên có biện pháp để người lao động được nhận được ngay các khoản trợ cấp sau khi doanh nghiệp chuyển đổi.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THĂNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 86-BC/TU, ngày 25-1-2003

**Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2002,
phương hướng nhiệm vụ, mục tiêu công tác năm 2003**

***Phần thứ nhất* ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2002**

Trong năm 2002, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII được cụ thể hóa bằng 7 chương trình công tác trọng tâm với 27 đề án, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề và 11 nhiệm vụ công tác trọng tâm năm 2002, Tỉnh ủy Lào Cai đã tập trung sức lực và trí tuệ lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương tranh thủ thuận lợi, vượt qua khó khăn và thử thách, phấn đấu hoàn thành và vượt các nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch đã đề ra cho năm 2002 trên tất cả các lĩnh vực như sau:

I. VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp đã vượt qua nhiều khó khăn về thời tiết và thiên tai, tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng khoa học - kỹ thuật và thâm canh, phát triển theo hướng sản xuất hàng

hóa và chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ ngành, nhận thức của nông dân có những thay đổi theo chiều hướng tiến bộ, nông thôn từng bước được đổi mới

Trong năm 2002, mặc dù gặp phải những khó khăn về thời tiết như thiên tai, mưa lớn, lũ quét xảy ra ở nhiều địa phương đã gây thiệt hại cho sản xuất và đời sống, nhiều diện tích cây lương thực và hoa màu mất trắng, nhưng nhìn chung sản xuất nông, lâm nghiệp tiếp tục phát triển ổn định và vững chắc, các chương trình, đề án phát triển nông nghiệp, nông thôn triển khai thực hiện mạnh và khá đồng đều. Một số huyện, thị xã, nông dân đã có thay đổi nhận thức về tập quán canh tác, đưa một phần ruộng một vụ thành ruộng hai vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng và ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, sử dụng các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất và chất lượng cao vào sản xuất như lúa lai, ngô lai, đậu tương cao sản... tăng nhanh giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích canh tác như: Trồng hoa, cây thuốc lá, nuôi tôm càng xanh, cá chim trắng; tre măng Bát độ... đã góp phần đẩy nhanh tốc độ xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân. Tổng diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt năm 2002 đạt gần 60,5 nghìn ha, tương đương cùng kỳ năm 2001. Trong đó, diện tích gieo cấy lúa đạt trên 36 nghìn ha; diện tích cây ngô đạt hơn 24 nghìn ha. Nhờ chính sách hỗ trợ về giống mới và vật tư nông nghiệp, đẩy mạnh thâm canh, năng suất lúa cả năm đạt bình quân 39,78 tạ/ha và tăng 2,06% so với năm 2001; năng suất ngô cả năm bình quân là 21,36 tạ/ha và tăng 25,4% so với năm 2001. Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt hơn 177 ngàn tấn, vượt kế hoạch 2,23% và tăng 5,97% so với năm 2001 (trong đó sản lượng lúa tăng 3,94% và sản lượng ngô tăng 15,53%).

Một số cây công nghiệp hàng năm được chú trọng gieo trồng và có diện tích, năng suất, sản lượng tăng hơn năm trước như đậu tương, lạc, mía... Cây chè được đặc biệt chú trọng phát triển với các giống mới có năng suất, chất lượng cao, trồng mới đạt 1.028 ha, bằng 85,6% kế hoạch, trong đó, trồng tập trung 616 ha, bằng 77% kế hoạch. Cây ăn quả trồng mới 517 ha, bằng 103,4% kế hoạch, tăng 29% so với năm 2001.

Về chăn nuôi: Do làm tốt công tác phòng, chống dịch bệnh và thay đổi cơ cấu giống và kỹ thuật nên đàn gia súc, gia cầm phát triển ổn định, quy mô đàn tăng từ 35,5% so cùng kỳ năm 2001. Nuôi trồng thủy sản với các giống mới như cá chép lai, rô phi đơn tính, cá chim trắng, tôm càng xanh bước đầu thu được kết quả khá.

Công tác cung ứng giống và vật tư nông nghiệp kịp thời vụ, đáp ứng đủ số lượng, chủng loại cho sản xuất, nhất là các loại giống lúa, ngô nhập từ Trung Quốc. Trung tâm giống đã sản xuất 94 tấn lúa lai, bằng 117% kế hoạch, 60 tấn ngô lai, bằng 150% kế hoạch, bảo đảm chất lượng.

Sản xuất lâm nghiệp thực hiện khoanh nuôi tái sinh rừng, chăm sóc, bảo vệ rừng 142.594 ha tăng 12,1% so với năm 2001. Trồng mới 1.525 ha, đạt 100% kế hoạch. Chủ động phòng, chống cháy rừng nên đã hạn chế thiệt hại do cháy rừng, cả năm để xảy ra cháy 14 vụ, thiệt hại 26,4 ha, trong đó có 13 ha rừng trồng. Tuy nhiên, khai thác và vận chuyển lâm sản trái phép vẫn còn xảy ra.

Về kinh tế trang trại: Toàn tỉnh có 188 trang trại giảm 13 trang trại, trong đó trang trại lâm nghiệp là 159, chiếm 85%. Các trang trại sử dụng 1.476 ha đất, 864 lao động; tổng số vốn đầu tư 8.566 triệu đồng, trong đó vốn tự có chiếm 96,6%. Tổng giá trị sản phẩm hàng năm là 12.471 triệu đồng.

Công tác phòng, chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai: Tại nhiều địa phương của tỉnh trong các tháng 4, 5 và 7, 8 đã xảy ra lốc lớn, mưa to và lũ lụt gây nhiều thiệt hại về người, tài sản, ước tính tổng thiệt hại khoảng 65 tỷ đồng. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương huy động mọi nguồn lực, nhanh chóng khắc phục hậu quả thiên tai, kịp thời ổn định đời sống nhân dân, khôi phục sản xuất và các hoạt động khác.

2. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tiếp tục đạt được mức tăng trưởng cao, bước đầu có sự thay đổi về tỷ trọng cơ cấu, nhiều sản phẩm tiêu thụ khá cao và có nhiều sản phẩm mới

Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn ước đạt 365 tỷ đồng (giá

so sánh năm 1994) vượt 2,1% kế hoạch và tăng 15,58 % so với cùng kỳ năm 2001. Trong đó, công nghiệp Trung ương 190 tỷ đồng, vượt 24% kế hoạch và tăng 15,5% so cùng kỳ 2001; công nghiệp địa phương 175 tỷ đồng, bằng 85% kế hoạch, tăng 15,66% so cùng kỳ năm 2001, khu vực kinh tế nhà nước tăng 15,54% và khu vực ngoài quốc doanh 16%, kinh tế cá thể tăng 45% so với năm 2001. Các sản phẩm khai Khoáng, vật liệu xây dựng, điện, nước... được sản xuất và tiêu thụ với mức tăng cao. Đồng thời đẩy mạnh sản xuất một số sản phẩm thủ công mỹ nghệ đáp ứng nhu cầu cho khách du lịch. Một số sản phẩm mới được đưa vào sản xuất như: Bao bì PP, giấy cuộn lô... riêng quặng sắt và giấy vàng kim giảm, một số dự án và chính sách ưu đãi trong lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp thực hiện còn chậm.

3. Thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản đạt khá, nhiều công trình có tiến độ thi công nhanh, chất lượng và hiệu quả đầu tư được nâng cao, bảo đảm đầu tư theo quy hoạch

Dự kiến thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản xã hội trên địa bàn đạt khoảng 1.000 tỷ đồng, tăng 29,3% so với năm 2001.

Trong năm 2002, thời tiết có diễn biến bất lợi do mưa nhiều, lũ sớm ảnh hưởng đến tiến độ thi công, tỉnh đã tập trung chỉ đạo đầu tư có trọng điểm như: xây dựng cơ sở hạ tầng du lịch, kinh tế cửa khẩu, giao thông và khu đô thị thị xã Lào Cai, xóa đói, giảm nghèo... nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2002 và 5 năm 2001-2005. Kế hoạch xây dựng cơ bản được giao sớm, trình tự xây dựng cơ bản và chất lượng dự án được nâng lên so với năm trước. Tiến độ thực hiện và thanh toán vốn nhanh hơn. Đặc biệt là các công trình thuộc nguồn vốn ngân sách tập trung đạt 213% kế hoạch và kinh tế cửa khẩu đạt trên 161% kế hoạch. Công tác quy hoạch và tư vấn thiết kế có nhiều tiến bộ, cơ bản tiến hành xong quy hoạch tổng thể khu đô thị mới thị xã tỉnh lỵ và quy hoạch chi tiết các khu trọng điểm.

Tuy nhiên, một số công trình tiến độ thực hiện còn chậm và chất lượng hạn chế, công tác quản lý quy hoạch và giải phóng mặt bằng,

chuẩn bị mặt bằng tái định cư thực hiện chậm. Công tác nghiệm thu thanh, quyết toán công trình chưa bảo đảm tiến độ do năng lực của một số ban quản lý dự án còn yếu, thẩm định thanh toán còn chậm.

4. Hoạt động dịch vụ tiếp tục phát triển đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và đời sống của nhân dân; hoạt động xuất, nhập khẩu có những chuyển biến tốt, kim ngạch xuất, nhập khẩu tăng mạnh

Giá trị sản xuất ngành vận tải do địa phương quản lý đạt khoảng 22,5 tỷ đồng (giá cố định năm 1994) tăng 2,74% so với năm 2001. Các hoạt động và các loại hình vận tải đều phát triển, chất lượng được nâng lên một bước; hoạt động vận tải hàng hóa và hành khách qua cửa khẩu hoạt động ổn định và phát triển tốt. Thành phần vận tải kinh tế ngoài quốc doanh tăng nhanh về số lượng. Thực hiện hợp tác vận tải hành khách giữa tỉnh Lào Cai và tỉnh Vân Nam, trong 6 tháng cuối năm đã có 1,2 nghìn lượt xe Việt Nam sang Trung Quốc và trên 10 nghìn lượt xe Trung Quốc sang Việt Nam. Đưa tổng số ô tô Việt Nam sang Trung Quốc cả năm 2002 lên 16.342 lượt và ô tô Trung Quốc sang Việt Nam đạt 32.648 lượt.

Hoạt động bưu chính - viễn thông có bước phát triển cả về loại hình và địa bàn, đáp ứng yêu cầu phục vụ thông tin liên lạc. Công tác phát hành báo chí, công văn, thư tín giữ vững hành trình, kịp thời, bảo đảm an toàn. Mạng lưới điện thoại ngày càng phát triển, số máy điện thoại đạt hơn 17 nghìn chiếc, tăng 15,6% so với năm 2001 (đạt mật độ 2,87 máy/100 dân).

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ xã hội đạt khoảng 741 tỷ đồng, tăng 23,79% so với 2001, bảo đảm cung ứng đầy đủ các mặt hàng cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân, ổn định giá cả thị trường. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu qua cửa khẩu biên giới đạt 250 triệu USD, tăng 12% so với năm trước. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu của tỉnh đạt 26 triệu USD, bằng 157,5% mục tiêu kế hoạch 2002, giảm 7,2% so với năm 2001, trong đó xuất khẩu tăng 0,33%, nhập khẩu giảm 16%. Một số sản phẩm xuất khẩu giảm như

quặng sắt, giấy vàng mã... và nhập khẩu giảm như: lá thuốc lá, rau quả các loại, thạch cao...

Tổng lượt khách du lịch đến địa bàn đạt 330 nghìn lượt người, tăng 25% so cùng kỳ 2001. Tổng doanh thu du lịch ước đạt 76,6 tỷ đồng, tăng 45,6% kế hoạch và tăng 72,9% so cùng kỳ, nhưng chất lượng và sản phẩm du lịch vẫn là khâu yếu cần phải quan tâm. Giá cả thị trường tương đối ổn định, chỉ số giá tiêu dùng so với tháng 12-2001 tăng 3,15%.

5. Thu ngân sách nhà nước tăng khá, hoạt động tiền tệ có tiến bộ, đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh, phục vụ các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo và thực hiện các chính sách xã hội

Tổng thu ngân sách trên địa bàn năm nay thực hiện 307 tỷ đồng, bằng 121,8% dự toán năm và là năm các sắc thuế thu đạt mức cao nhất trong 10 năm qua, trong đó: Thu thuế xuất, nhập khẩu, VAT hàng nhập khẩu đạt 197 tỷ đồng, bằng 131% dự toán; thu từ nội địa ước đạt 88 tỷ đồng, bằng 113% dự toán. Một số loại thu đạt cao so với dự toán như thu lệ phí trước bạ, thu thuế chuyển quyền sử dụng đất, thu cấp quyền sử dụng đất.

Tổng thu ngân sách địa phương thực hiện 1.003,148 tỷ đồng, bằng 120,2% dự toán, tăng 24,3% so với năm 2001. Tổng chi ngân sách địa phương thực hiện 1.003,148 tỷ đồng, bằng 120,2%; cơ bản đã đáp ứng được nhiệm vụ chi thường xuyên theo dự toán và một số khoản chi khác. Trong đó, chi đầu tư phát triển đạt 204,7 tỷ đồng, tăng 13% so với dự toán và tăng 57% so với năm 2001.

Hoạt động tiền tệ, tín dụng, nhất là tín dụng cho người nghèo tăng trưởng cao, đã đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế và vốn đầu tư các dự án trọng điểm; bảo đảm cân đối và điều hòa tiền mặt, quản lý tiền tệ trên địa bàn. Tổng nguồn vốn tín dụng đến tháng 12-2002 đạt 1.050 tỷ đồng, bằng 142% kế hoạch, tăng 25% so với năm 2001. Dư nợ tín dụng 950 tỷ đồng, bằng 105 % kế hoạch, tăng 53 % so với năm 2001, trong đó dư nợ hộ nghèo

đạt 65 tỷ đồng, tăng 11 tỷ đồng so với năm 2001. Tuy nhiên, việc cho vay vốn phục vụ sản xuất thâm canh và xây dựng vùng nguyên liệu còn hạn chế do cả nguyên nhân khách quan và chủ quan.

II. HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Chất lượng dạy và học ngày một tốt hơn, tỷ lệ huy động trẻ em ra lớp đạt cao, công tác đào tạo được phát triển theo hướng xã hội hóa góp phần nâng cao chất lượng lao động, nâng cao được trình độ dân trí tạo nguồn nhân lực cho tỉnh

Tình hình dạy và học ổn định, năm học 2001-2002 có 178.413 học sinh các cấp tỷ lệ học sinh đạt học lực khá, giỏi cao hơn năm trước. Tiếp tục duy trì 100% xã, phường đạt phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ, 25 xã phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, 13 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở; 24 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia. Tuy nhiên, tiến độ phổ cập giáo dục trung học cơ sở còn chậm, độ bền vững chưa cao, tình hình duy trì học sinh ở một số trường vùng cao chưa tốt. Số lượng, chất lượng giáo viên được tăng cường, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn tăng lên, đã có đủ giáo viên tiểu học, mầm non. Nhiều giáo viên và học sinh đạt giải cao trong các kỳ thi toàn quốc và cấp tỉnh. Tổ chức tốt các kỳ thi tốt nghiệp.

Kết quả thi đạt cao hơn năm trước, tiểu học đạt 98,6%, bổ túc tiểu học đạt 89,9%, trung học cơ sở đạt 92,6%, bổ túc trung học cơ sở đạt 89,9%, trung học phổ thông đạt 86,2%? bổ túc trung học phổ thông đạt 89,3. Tỷ lệ học sinh thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp đạt cao.

Thực hiện tốt ngày toàn dân đưa trẻ em đến trường và khai giảng năm học 2002-2003. Đa dạng hóa các loại hình trường lớp, nhất là ngành học mầm non. Các điều kiện phục vụ cho năm học mới được bảo đảm hơn, các phòng học tạm và nhà ở tạm của giáo viên đang dần được xóa bỏ, không còn tình trạng học 3 ca. Chương trình đổi mới phương pháp giáo dục, thay sách giáo khoa lớp 1 và lớp 6 được triển

khai thực hiện có hiệu quả, tỷ lệ huy động trẻ em 6 tuổi đến trường đạt 96,69%, tăng 1,89% so với năm học trước, tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường đạt 94,28%, bằng năm học trước, số học sinh các bậc học nhìn chung đều tăng hơn so với năm học trước, đặc biệt là bổ túc văn hóa tăng trên 50%. Công tác kiểm tra được tiến hành thường xuyên, tổ chức kiểm tra định kỳ giữa học kỳ I theo sự hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, kết quả đạt yêu cầu.

Giáo dục chuyên nghiệp thực hiện theo đúng kế hoạch. Các trường dạy nghề, các trung tâm đào tạo đều phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh. Đã khai giảng khóa đào tạo lớp đại học tiểu học và đại học trung học cơ sở hệ tại chức tại tỉnh cho 250 học viên, lớp chuyên khoa I sau đại học hệ tại chức chuyên ngành y tế công cộng cho 34 bác sĩ.

Tổ chức thành công Hội giao lưu cụm sư phạm Trung Bắc lần thứ IV tại Lào Cai và kỷ niệm các ngày lễ, đón nhận danh hiệu Nhà giáo ưu tú cho 3 nhà giáo, đưa tổng số Nhà giáo ưu tú trong toàn tỉnh 8 người.

2. Giải quyết việc làm và công tác xóa đói, giảm nghèo hoạt động có tiến bộ, thực hiện đúng, kịp thời các chế độ chính sách và giải quyết tốt hơn các vấn đề xã hội góp phần ổn định đời sống trong nhân dân

Thực hiện đề án giải quyết việc làm và đề án xóa đói, giảm nghèo, đã thực hiện phân bổ kế hoạch giải quyết việc làm 11.000 lao động, duyệt vay vốn 120 năm 2002 với 227 dự án, tổng số vốn 14.195,95 triệu đồng, đạt kế hoạch đề ra, thu hút hỗ trợ việc làm cho 9.626 lao động. Tổ chức đào tạo cho 6.521 người đạt trên 100% kế hoạch, đưa tổng số lao động qua đào tạo lên 33.811 người bằng 9,62%. Tổ chức tốt các hoạt động kỷ niệm 55 năm Ngày thương binh liệt sĩ, xây dựng mới 31 nhà tình nghĩa và sửa chữa 102 nhà. Đã thực hiện chế độ chính sách cho 3.736 người tham gia hoạt động kháng chiến. Kết hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chỉnh hình cho 76 thương binh. Thu nộp Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” được 826.108.000 đồng đạt 93% kế hoạch. Tổ chức

cho 104 đối tượng chính sách đi điều dưỡng. Hoàn thành thủ tục 2 hồ sơ đề nghị phong tặng Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Trợ cấp cứu đói, thiên tai, hỏa hoạn kịp thời cho một số hộ dân trong tỉnh và tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh. Tiến hành khảo sát, đánh giá lại thực trạng đời sống của các hộ đói, nghèo, đã vào sổ quản lý các hộ đói, nghèo, kết quả trong năm giảm được 7,61 % và đưa tỷ lệ hộ đói nghèo trong toàn tỉnh xuống còn 19,19%. Tổ chức tốt tuần lễ quốc gia an toàn - vệ sinh lao động - phòng, chống cháy nổ năm 2002. Tổ chức thành công Hội nghị sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 15-CT/TW của Bộ Chính trị về công tác bảo hiểm xã hội; công tác thu, chi bảo hiểm xã hội thực hiện đúng tiến độ. Các chế độ chính sách được giải quyết đúng, kịp thời. Đã tiến hành kiểm tra đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh năm 2002, tổng kết đánh giá kết quả kiểm tra và lên kế hoạch thu nợ đọng bảo hiểm xã hội đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh năm 2003.

3. Các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học được quan tâm đầu tư và ứng dụng thiết thực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, công tác bảo vệ môi trường sinh thái được đông đảo tầng lớp nhân dân tham gia và có nhiều tiến bộ

Đôn đốc triển khai, thực hiện 24 đề tài, dự án, trong đó 12 đề tài, dự án chuyển tiếp năm 2001; 12 đề tài, dự án duyệt năm 2002, các đề tài, dự án tập trung chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp (16 đề tài, dự án) và bám sát các chương trình, dự án của tỉnh; có 3 đề tài và 4 dự án đã hoàn thành 100% khối lượng công việc, các đề tài dự án khác đều thực hiện đúng nội dung và tiến độ. Chuẩn bị các điều kiện để thành lập Hội tiêu chuẩn và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Công tác quản lý môi trường, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, thông tin tư liệu - sở hữu công nghiệp và công tác thanh tra thực hiện theo đúng kế hoạch. Đôn đốc, hướng dẫn 18 cơ sở thực hiện tự công bố tiêu chuẩn chất lượng, số sản phẩm hàng hóa được công bố là 18. Kiểm định và hiệu chuẩn 4.568 phương tiện đo các loại, kiểm định 3.300 lượt phương tiện vận tải. Đề án Công nghệ - Thông tin được phê duyệt và đang

được triển khai thực hiện. Đã thành lập được trang thông tin Lào Cai (Website) trên mạng internet hoạt động có hiệu quả. Chuẩn bị đưa vào sử dụng bộ mã chuẩn công nghệ thông tin bằng tiếng Việt (TCVN 6909) trên phạm vi toàn tỉnh.

4. Các hoạt động thông tin văn hóa - thể thao phát triển rộng khắp, tạo được phong trào thường xuyên trong toàn tỉnh, đời sống văn hóa ở khu dân cư có nhiều tiến bộ góp phần nâng cao đời sống tinh thần, thể chất cho nhân dân và thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của tỉnh

Tập trung tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Nghị quyết đại hội Đảng các cấp như các Nghị quyết, Kết luận Trung ương 5; 6; 7 (khóa IX) và các chương trình hành động của tỉnh kết hợp với các mục tiêu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội cụ thể bằng 7 chương trình trọng tâm với 27 đề án, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề và 11 nhiệm vụ trọng tâm năm 2002; tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền về truyền thống và những thành tựu nhân dịp các ngày lễ lớn của đất nước và của tỉnh, công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI và các kỳ họp Quốc hội. Công tác văn nghệ - thể thao được đẩy mạnh, rộng khắp và được toàn dân tham gia một cách tích cực với phương châm là xã hội hóa và hướng về cơ sở, đẩy mạnh việc thi đua xây dựng “gia đình văn hóa, cơ quan, khu dân cư văn hóa”; tổ chức thành công nhiều cuộc liên hoan văn nghệ quần chúng ở nhiều ngành, nhiều địa phương trong tỉnh, phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” và phong trào “toàn dân rèn luyện theo gương Bác Hồ vĩ đại” được duy trì thường xuyên; tiến hành hướng dẫn thực hiện Quy định của Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và các hoạt động tín ngưỡng tại nơi thờ tự trên địa bàn tỉnh Lào Cai bước đầu thu được kết quả tốt. Công tác bảo tồn bản sắc văn hóa các dân tộc trong tỉnh triển khai theo đúng kế hoạch, đời sống văn hóa của đồng bào các dân tộc trong tỉnh được nâng lên; các lễ hội,

thể thao quần chúng được đẩy mạnh. Tổng kết liên hoan đưa thông tin về cơ sở lần thứ VII năm 2002 tổ chức tại huyện Bắc Hà. Tổ chức thành công lễ hội đền Thượng và chương trình du lịch thể thao tổng hợp RAID-GAULOISES tại Bắc Hà; Đại hội thể dục thể thao toàn tỉnh lần thứ II; giải bóng bàn toàn tỉnh; giải cầu lông các cây vượt trẻ xuất sắc toàn quốc tại Lào Cai và nhiều giải thi đấu khác. Duy trì lớp năng khiếu văn hóa, thể dục, thể thao và thể thao thành tích cao.

5. Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám chữa bệnh, phòng, chống dịch bệnh, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em, người nghèo, phong trào kế hoạch hóa gia đình ngày càng tiến bộ

Các mục tiêu của chương trình y tế quốc gia và cấp ngành thực hiện đúng kế hoạch, chủ động phòng, chống dịch, nhất là các bệnh phát sinh dịp đông - xuân, hè - thu nên không có dịch bệnh xảy ra trên địa bàn; tổ chức tiêm vắc xin phòng bệnh sởi cho trẻ em từ 9 tháng đến 10 tuổi đạt 98,91%; tiêm chủng mở rộng đầy đủ cho 95,38% trẻ dưới 1 tuổi, đạt 100% kế hoạch. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm 5% và còn 36%, bằng 100% kế hoạch. Tiếp tục củng cố mạng lưới y tế cơ sở, đưa bác sĩ về xã, tổ chức lễ ra quân đưa 137 thầy thuốc về một số xã và cơ sở y tế của các huyện, thị trong tỉnh, trong đó có 8 bác sĩ, nâng tổng số phòng khám đa khoa khu vực và trạm y tế có bác sĩ lên 30, hiện nay 100% các xã có y sĩ. Công tác truyền thông dân số, kế hoạch hóa gia đình được thực hiện thường xuyên, luôn hướng về cơ sở và có hiệu quả, các chỉ tiêu đều hoàn thành góp phần hạ tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,085% đạt kế hoạch đề ra. Việc phát triển vùng được liệu bước đầu triển khai có hiệu quả, cơ sở vật chất để chăm sóc sức khỏe cho nhân dân tiếp tục được tăng cường.

III. TÌNH HÌNH NỘI CHÍNH

Tình hình an ninh chính trị, an ninh biên giới và trật tự, an toàn xã hội, chủ quyền quốc gia được giữ vững. Tuy nhiên, trên tuyến biên

giới các vi phạm hiệp định tạm thời vẫn xảy ra, như việc xuất, nhập biên trái phép, xâm canh ở các điểm C, làm đường, xây kè đổ đất xuống sông, nổ mìn đánh cá trên sông, các hoạt động di dân, đẩy, đuổi người Việt Nam chạy sang Trung Quốc những năm trước đây về nước, xâm phạm lãnh thổ Việt Nam, nổ mìn sát biên giới. (...)

Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp, các ngành bổ sung hoàn chỉnh phương án phòng thủ khu vực, củng cố thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân trên địa bàn, tổ chức chỉ đạo diễn tập khu vực phòng thủ huyện Sa Pa, huyện Bát Xát, diễn tập cụm an ninh - quốc phòng, diễn tập kế hoạch hoạt động tác chiến trị an xã, phường, triển khai sẵn sàng chiến đấu và phòng, chống cháy nổ, diễn tập phòng, chống bão lũ năm 2002 đạt kết quả tốt. Tỉnh đã chỉ đạo Sở Tư pháp bàn giao tổ chức Tòa án nhân dân cấp huyện, thị xã sang Tòa án nhân dân tỉnh theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2002/TTLB - BTP - TANDTC, ngày 25-7-2002 của Bộ Tư pháp và Tòa án nhân dân tối cao. Đến nay các ngành đã giúp đỡ các xã xong cơ bản việc đăng ký kết hôn và đăng ký khai sinh đã tồn đọng nhiều năm qua.

Tỉnh ủy đã triển khai Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới, xây dựng chương trình hành động, bước đầu thực hiện kiểm tra việc tạm giam, tạm giữ, tổng rà soát đơn thư khiếu nại, tố cáo trong ngành Tư pháp. Đã tiến hành sơ kết bước đầu thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị, sơ kết Nghị quyết liên ngành số 01-NQ/LN và tiến hành ban hành Nghị quyết liên ngành số 02-NQ/LN về phối hợp quản lý, xử lý tin báo vi phạm, tội phạm. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện có hiệu quả chương trình hành động của Tỉnh ủy về chiến lược an ninh quốc gia trong tình hình mới.

Công tác bảo vệ nội bộ được cấp ủy đặc biệt quan tâm, các cơ quan trong khối Nội chính đã phối hợp và thực hiện tốt kế hoạch sẵn sàng chiến đấu bảo đảm tuyệt đối an toàn cho nhân dân; thực hiện tốt kế hoạch bảo vệ các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước lên làm việc với tỉnh được an toàn.

Các hoạt động lợi dụng tôn giáo và truyền đạo trái phép trên địa bàn tuy có giảm nhưng lại xuất hiện những diễn biến mới phức tạp. Đáng chú ý là đã có một số biểu hiện chống đối, tụ tập đông người để học đạo trái phép và lôi kéo vận động nhân dân di cư tự do tập trung ở các huyện: Bảo Yên, Bảo Thắng và Bắc Hà (...). Ban chỉ đạo 184 các cấp đã tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân cảnh giác trước âm mưu lợi dụng vấn đề tôn giáo của bọn phản động để chống phá cách mạng nước ta và động viên nhân dân bỏ và không theo đạo trái phép, không di cư tự do để ổn định đời sống, tập trung vào lao động sản xuất và đã thu được kết quả.

Tính đến ngày 10-12-2002, toàn tỉnh có 431 hộ với 2.542 khẩu tự nguyện bỏ đạo, do vậy đến nay trên địa bàn toàn tỉnh còn 1.541 hộ với 9.092 khẩu ở 100 thôn, bản thuộc 40 xã của 8 huyện đang có hoạt động truyền đạo Tin Lành trái phép, đạt được mục tiêu khoanh lại không để việc truyền đạo Tin Lành trái phép phát triển.

Di cư tự do vẫn diễn ra ở một số huyện Bảo Thắng, Văn Bàn, Bắc Hà, Bảo Yên. Tổng số hộ di cư là 291 hộ với 1.503 khẩu đi đến các tỉnh Lai Châu, Thanh Hóa và Đắk Lắk (trong đó đi Đắk Lắk chiếm đa số). Bằng nhiều biện pháp, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung chỉ đạo giải quyết, đến nay tình hình cơ bản ổn định. Tình hình trật tự, an toàn xã hội có những diễn biến phức tạp, hành vi phạm tội tình vi, phức tạp và nghiêm trọng hơn, nổi lên một số vụ như: Buôn bán phụ nữ, cố ý gây thương tích, giết người, lừa đảo... Năm 2002, trên địa bàn toàn tỉnh xảy ra 1.814 vụ vi phạm, tội phạm, tăng so với năm 2001 là 519 vụ bằng 40%. Trong đó: tội phạm về ma túy 134 vụ; vi phạm và tội phạm về kinh tế 1.068 vụ; vi phạm và tội phạm về trật tự, an toàn xã hội 613 vụ. Các vụ việc xảy ra làm chết 250 người, bị thương 529 người và thiệt hại về tài sản khoảng 21,2 tỷ đồng.

Công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại tố cáo: Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cùng các ngành trong khối Nội chính đã tiếp 478 lượt công dân và nhận 777 đơn thư. Đã giải quyết xong 563 đơn khiếu nại,

tố cáo (còn tồn và đang trong quá trình giải quyết 214 đơn). Nội dung đơn thư tập trung chủ yếu vào lĩnh vực đất đai, giải phóng mặt bằng và chế độ chính sách. Không có khiếu kiện đông người và điểm “nóng”.

Công tác đối ngoại: Tỉnh đã chỉ đạo các ngành chức năng kiểm tra, kiểm soát tổ chức cho nhân dân hai bên biên giới xuất, nhập biên thuận lợi hơn. Đồng thời ký biên bản ghi nhớ về hợp tác kinh tế với tỉnh Vân Nam- Trung Quốc phát triển Khu kinh tế Cửa khẩu Lào Cai, tổ chức Hội thảo “Lào Cai - Cầu nối với thị trường Tây Nam - Trung Quốc, cơ hội đầu tư và phát triển” tại Hà Nội với gần 600 đại biểu tham gia thành công tốt đẹp. Nhiều cuộc tiếp xúc tìm kiếm cơ hội đầu tư vào Lào Cai của các doanh nhân trong và ngoài nước bước đầu có kết quả. Đã có nhiều biện pháp thúc đẩy hoạt động xuất, nhập khẩu, du lịch phát triển, phối hợp tổ chức thành công hội chợ Trung - Việt. Hoàn thành việc cấm cột mốc số 102 tại Cửa khẩu quốc tế Lào Cai. Đến nay nhóm phân giới cấm mốc số 3 Lào Cai - Vân Nam đang chuẩn bị cho việc cấm mốc 103, 112, 114.

IV. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN, ĐOÀN THỂ

1. Công tác xây dựng Đảng

Công tác xây dựng Đảng trên các lĩnh vực có nhiều chuyển biến, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Tỉnh ủy. *Trong công tác chính trị tư tưởng:* Đã tập trung đưa nhanh các nghị quyết, chỉ thị của Đảng vào cuộc sống theo phương châm hướng về cơ sở, nâng cao nhận thức về tư tưởng chính trị của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Các Nghị quyết Trung ương 3, 4, 5, các kết luận của Hội nghị Trung ương 4 và Trung ương 6 khóa IX được quán triệt tới cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong phạm vi toàn tỉnh (95% đảng viên và trên 65% số hộ). Công tác đào tạo cán bộ được chú trọng nhất là đào tạo cán bộ cho cơ sở, trong năm đã mở 358 lớp bồi dưỡng lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho 24.587 lượt cán bộ, đảng viên. Các hoạt động sinh hoạt chính trị nhân kỷ niệm ngày thành lập Đảng và các

ngày lễ lớn trong năm cùng với các nghị quyết, đề án, kế hoạch của Đảng bộ tỉnh được tổ chức triển khai từng bước có hiệu quả đã tạo ra những chuyển biến hết sức quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, góp phần quan trọng ổn định tình hình tư tưởng và tạo nên sự phấn khởi trong nhân dân.

Công tác thông tin tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cũng như thông tin tình hình thời sự trong nước, quốc tế và các kinh nghiệm trong phát triển sản xuất được Đảng bộ tỉnh quan tâm, tiếp tục cấp một số loại sách báo cho cơ sở và đẩy mạnh tuyên truyền miệng. Hoàn thành biên tập và phát hành cuốn sách “55 năm Đảng bộ Lào Cai xây dựng và trưởng thành”, 27 đề án, kế hoạch, nghị quyết để triển khai đến tận cơ sở. Chỉ đạo một số huyện, thị tiến hành biên soạn và tái bản lịch sử Đảng bộ.

Công tác tổ chức, cán bộ: Thực hiện tốt Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết 10-NQ/TU của Tỉnh ủy về luân chuyển, tăng cường cán bộ, đội ngũ cán bộ tăng cường đi huyện, xã bước đầu đã phát huy tính tích cực, năng động trong công việc và Quyết định 169-QĐ/TU về đánh giá, bổ nhiệm lại cán bộ. Đến nay đã đánh giá bổ nhiệm lại xong cán bộ từ phó phòng trở lên ở 28 ngành, huyện, thị và đang tiếp tục tiến hành đợt 3. Công tác này được Đoàn kiểm tra của Bộ Chính trị đánh giá tốt và có nhiều kinh nghiệm hay. Công tác đào tạo, bồi dưỡng được chú trọng, thực hiện tốt công tác tuyển sinh và cử cán bộ đi học các lớp, các chương trình đào tạo tại Trung ương và địa phương. Thực hiện tốt chính sách cán bộ như: giải quyết chế độ cho cán bộ nghỉ hưu theo Nghị quyết 16/2000-NQ/CP, trợ cấp khó khăn đợt xuất, khám bệnh, điều dưỡng, nâng lương.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được thực hiện tốt, giữ vững kỷ luật phát ngôn, bí mật của Đảng và bảo đảm sự trong sạch của bộ máy của Đảng.

Kiện toàn các Đảng đoàn, Ban cán sự và bộ máy của các tổ chức đảng ở các Đảng bộ trực thuộc và chỉ đạo Đại hội Đảng bộ thị xã Lào Cai sau khi sáp nhập thành công tốt đẹp.

Các huyện, thị ủy đã tiến hành xây dựng “Chương trình hành động” thực hiện các nghị quyết, các kết luận tại các Hội nghị Trung ương khóa IX. Chỉ đạo tổ chức thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW, ngày 7-6-2001 của Bộ Chính trị (Khóa IX) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII. Đã tiến hành tổng kết 3 nghị quyết của Trung ương về công tác tổ chức và cán bộ, tổng kết 22 năm thực hiện Chỉ thị 83-CT/TW về công tác phát triển đảng viên và tiến hành kiểm tra, đổi thẻ và phát thẻ trên phạm vi toàn Đảng bộ, triển khai Quy định 14-QĐ/TW của Bộ Chính trị về hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng và tổng kết, sơ kết một số chỉ thị, nghị quyết khác.

Công tác phát triển Đảng được Đảng bộ quan tâm, đã kết nạp được 1.501 đảng viên, đưa tổng số đảng viên của Đảng bộ lên 19.685 đồng chí, tăng 5,9%. Hiện tại còn 113 thôn, bản, 10 trường học và 39 trạm y tế chưa có đảng viên.

Công tác kiểm tra: Tỉnh ủy đã chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt chương trình công tác kiểm tra cả năm, đã kiểm tra toàn diện Đảng bộ huyện Bắc Hà, các huyện, thị ủy tổ chức 43 cuộc kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm đem lại hiệu quả thiết thực, thúc đẩy thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Tỉnh ủy đã chỉ đạo cấp ủy các cấp thực hiện tốt đợt kiểm tra theo Kế hoạch 15-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kế hoạch 01, 02 của Ban Bí thư và kiểm tra những điều công chức không được làm. Ủy ban Kiểm tra các cấp đã tiến hành kiểm tra 157 đảng viên có dấu hiệu vi phạm kỷ luật Đảng, tăng 13% so với năm 2001, trong đó số đảng viên là cấp ủy viên có 49 đồng chí. Kiểm tra 10 tổ chức cơ sở đảng có dấu hiệu vi phạm, giảm 37% so với năm 2001. Kết quả kiểm tra toàn tỉnh đã xử lý kỷ luật 165 đồng chí, chiếm 0,9% đảng viên trong toàn tỉnh, tăng 23% so với năm 2001 và thi hành kỷ luật 4 tổ chức cơ sở đảng. Đã nhận 52 đơn thư tố cáo đảng viên trong đó đủ điều kiện giải quyết là 44 đơn, có liên quan đến 47 đảng viên, đã giải quyết xong 43 đơn (đạt 91,5%). Ủy ban Kiểm tra thị ủy Lào Cai đã cùng các Ban xây dựng Đảng thị ủy chỉ đạo thành công đại hội nhiệm kỳ các tổ chức cơ sở đảng, kiện toàn bộ máy và đi vào hoạt động tốt.

Ủy ban Kiểm tra các cấp đã tích cực trong việc kiểm tra thi hành kỷ luật trong Đảng, kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiểm tra tài chính của cấp ủy tại các đảng bộ: Bảo Yên, Bắc Hà, Si Ma Cai, Sa Pa và thu nộp đảng phí ở 165 tổ chức cơ sở đảng.

Tỉnh ủy đã nghiêm túc chỉ đạo các đơn vị và cá nhân khắc phục, sửa chữa khuyết điểm mà Đoàn kiểm tra của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, của Tỉnh ủy và Ủy ban kiểm tra các cấp đã kết luận.

Công tác dân vận:

Tỉnh ủy đã tiến hành tổng kết 12 năm thực hiện Nghị quyết 8B của Ban Chấp hành Trung ương khóa VI, sơ kết 3 năm thực hiện Thông báo 184-TB/TW và Thông báo kết luận 255-TB/TW của Bộ Chính trị đối với đạo Tin Lành hoạt động trái phép. Đẩy mạnh hoạt động của các ban dân vận, các ban chỉ đạo 84, hướng mạnh về cơ sở, chủ động nắm bắt tình hình tư tưởng, thực trạng đời sống của nhân dân và những vấn đề bức xúc ở cơ sở để tham mưu cho cấp ủy đảng, chính quyền địa phương giải quyết kịp thời, thường xuyên tuyên truyền, vận động nhân dân không nghe theo lời kẻ xấu theo đạo trái phép, di dịch cư tự do. Tổ chức các đoàn đại biểu già làng, trưởng bản đi tham quan, học tập kinh nghiệm các địa phương có phong trào tốt về vận dụng vào địa phương.

Công tác dân vận của các cấp chính quyền được thực hiện tốt bằng việc thực hiện có hiệu quả Quy chế dân chủ, đã tiến hành công khai những vấn đề dân cần được biết, được bàn, làm tốt công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, các chương trình hỗ trợ về chất lợp, giống cây trồng, vật nuôi, vật tư nông nghiệp đã thực sự góp phần phát triển sản xuất, xóa đói, giảm nghèo, ổn định dân cư.

2. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động theo hướng gần dân sát cơ sở, tích cực vận động nhân dân thi đua thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ

Trong năm qua, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tiếp tục đổi mới phương thức và nội dung hoạt động trong công tác vận động quần chúng, theo hướng “gần dân, sát cơ sở”, với phương châm: nghe được dân nói, nói cho dân hiểu, làm cho dân tin, động viên cán bộ, công chức, công nhân lao động và quần chúng nhân dân thực hiện tốt các phong trào thi đua lao động sản xuất, xây dựng đời sống văn hóa; tổ chức thực hiện chế độ, chính sách cho các đối tượng xã hội, như thăm hỏi, tặng quà cho các gia đình chính sách, lão thành cách mạng, gia đình dân tộc ít người tiêu biểu trong việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhân các ngày lễ tết...; quan tâm hoạt động cứu trợ nhân đạo, phong trào “tình nguyện” của các đoàn thể có tác dụng và hiệu quả rõ. Tổ chức hội nghị biểu dương những người tiêu biểu các dân tộc tỉnh Lào Cai “sản xuất giỏi, công tác xã hội tốt”. Phát huy tinh thần kỷ niệm ngày thành lập, tổ chức đoàn thể các cấp có nhiều hoạt động ý nghĩa thiết thực và đạt kết quả tốt. Nhiều phong trào đã thu hút đông đảo hội viên, nhân dân tham gia và có tác dụng giáo dục thiết thực như: phong trào phụ nữ giúp nhau vay vốn xóa đói, giảm nghèo, câu lạc bộ phụ nữ không sinh con thứ ba, phong trào thanh niên tình nguyện, phong trào “5 không” của cựu chiến binh, phong trào thi đua lao động sản xuất kinh doanh giỏi trong công đoàn. Mặt trận phát động ủng hộ ngày vì người nghèo được đông đảo quần chúng nhân dân ủng hộ... Sơ kết 2 năm cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Làm tốt công tác tuyên truyền và thực hiện đúng các bước tiến hành góp phần làm nên thắng lợi cuộc bầu cử Quốc hội khóa XI; thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tăng cường công tác giám sát theo đúng chức năng, nhiệm vụ, duy trì tốt hoạt động thanh tra nhân dân.

Phối hợp cùng các cơ quan chức năng thường xuyên nắm cơ sở để lắng nghe và tham mưu giải quyết những tâm tư nguyện vọng của nhân dân, chống mọi âm mưu chia rẽ khối đoàn kết dân tộc và lợi dụng truyền đạo trái phép, kích động nhân dân di cư tự do. Thực hiện

tốt trách nhiệm đỡ đầu các xã 135 với nhiều hoạt động giúp đỡ về vật chất, tinh thần cho đồng bào vùng đặc biệt khó khăn.

Tổ chức thành công Đại hội Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Lào Cai lần thứ X, Đại hội cựu chiến binh tỉnh lần thứ III, Đại hội Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh lần thứ V, Đại hội Liên minh các hợp tác xã, các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

3. Chính quyền các cấp có nhiều đổi mới và nâng cao năng lực chỉ đạo điều hành, tìm mọi cách tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất phát triển, hoàn thành tốt nhiệm vụ kế hoạch năm 2002

Hội đồng nhân dân các cấp đã thông qua các nghị quyết về nhiệm vụ mục tiêu năm 2002 và những giải pháp thực hiện, đồng thời tập trung giám sát các chương trình, dự án liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản, xóa đói, giảm nghèo, đền tiền, hàng, quyền và nghĩa vụ của công dân. Thực hiện các kỳ họp theo đúng quy định để đánh giá tình hình kinh tế - xã hội theo định kỳ và kiện toàn các chức danh chủ chốt của Ủy ban nhân dân, quyết định chính sách của tỉnh về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, phối hợp thực hiện tốt công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI.

Chính quyền các cấp tiếp tục làm tốt công tác cải cách hành chính, đổi mới phương thức điều hành, sáp nhập một số cơ quan, bộ phận theo chỉ đạo của Trung ương; đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành, thực hiện phê duyệt các đề án, kế hoạch, quy hoạch, dự án, ban hành 19 chỉ thị, 592 quyết định quy phạm pháp luật với nhiều chính sách nhằm huy động nguồn lực, thu hút đầu tư và nhân tài, vật lực, đồng thời chỉ đạo triển khai thực hiện các đề án, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề có trọng tâm trọng điểm tạo nên sự phát triển mạnh mẽ và đồng bộ trong kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh và xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Tổ chức hội nghị giao kế hoạch sớm để các đơn vị chủ động công tác trong năm 2003.

Hàng tuần Thường trực Tỉnh ủy đã chủ trì giao ban với Thường

trực Hội đồng nhân dân, Thường trực Ủy ban nhân dân để cùng bàn và quyết định những vấn đề lớn hoặc nổi cộm, đã tạo nên sự thống nhất cao trong chỉ đạo, điều hành.

Đánh giá chung:

Trong năm 2002, mặc dù gặp phải những khó khăn lớn, kinh tế - xã hội tỉnh Lào Cai tiếp tục phát triển và thu được những thành tựu đáng phấn khởi. Tổng sản phẩm trên địa bàn đạt khoảng 1.237 tỷ đồng (giá so sánh 1994), tăng 10,37% so với năm trước, vượt kế hoạch đề ra. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 5,8%; khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 19,11%; dịch vụ tăng 11,61%. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực: Nông, lâm, thủy sản chiếm 44,56%, giảm 1,94% so với năm 2001; công nghiệp xây dựng chiếm 20,61%, tăng 1,52% và dịch vụ chiếm 34,83%, tăng 0,42%. Thu nhập bình quân trên đầu người năm 2002 đạt 2,78 triệu đồng tăng 9,13%. Nhiều mục tiêu đạt và vượt kế hoạch năm. Cơ cấu kinh tế trong ngành nông nghiệp tiếp tục chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, nhiều mô hình sản xuất kinh doanh tốt; sản xuất công nghiệp tiếp tục đạt được tốc độ tăng trưởng khá cao; các hoạt động dịch vụ, xuất, nhập khẩu có nhiều chuyển biến rõ nét, thực hiện vốn đầu tư và thu ngân sách trên địa phương vượt kế hoạch cao, lĩnh vực tiền tệ, tín dụng có nhiều tiến bộ. Trong lĩnh vực xã hội có nhiều chuyển biến tốt: công tác giáo dục - đào tạo được đẩy mạnh; sự nghiệp y tế được phát triển, đội ngũ cán bộ y tế cơ sở được tăng cường; công tác giải quyết việc làm và xóa đói, giảm nghèo thực hiện có hiệu quả, tỷ lệ đói nghèo giảm 7,61%; thu nhập và sức mua của nhân dân tăng lên, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện, Quy chế dân chủ được triển khai có hiệu quả. Các chính sách xã hội được thực hiện tốt. Tình hình an ninh chính trị, an ninh biên giới, quốc phòng, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm. Công tác xây dựng hệ thống chính trị có nhiều chuyển biến, nội dung và phương thức hoạt động tiếp tục được đổi mới. Các chủ trương, nghị quyết của Đảng được triển khai kịp thời. Việc thực hiện luân chuyển cán bộ đã phát huy tác dụng rõ, góp phần

củng cố và tăng cường hệ thống chính trị, nhất là ở cơ sở. Nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng bộ, hăng hái lao động sản xuất và xây dựng đời sống văn hóa.

Đạt được chung kết quả này là nhờ có sự đoàn kết nhất trí và sự nỗ lực phấn đấu rất cao của toàn thể cán bộ, đảng viên, nhân dân các dân tộc trong tỉnh, là kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XII với sự tập trung sức, trí tuệ lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự chỉ đạo điều hành của các cấp, các ngành, các địa phương, sự nỗ lực của các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế. Các cơ chế chính sách của Trung ương và địa phương ban hành qua thực tiễn đang phát huy hiệu quả.

Tuy vậy, việc thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2002 của tỉnh Lào Cao vẫn còn một số tồn tại, yếu kém, đó là: Công tác quản lý quy hoạch và chỉ đạo thực hiện quy hoạch còn chậm so với yêu cầu, sự hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung như: ngô, đậu tương, chè, cây ăn quả... còn chưa rõ nét; chuyển dịch cơ cấu kinh tế của ngành và của tỉnh diễn ra chậm.

Thực hiện các đề án phát triển kinh tế - xã hội chưa được cụ thể hóa ở cơ sở và chưa đều giữa các địa phương, ngành và các thành phần kinh tế. Cơ cấu đầu tư chưa thật hợp lý. Quản lý và thực hiện dự án đầu tư còn chậm so với yêu cầu. Môi trường đầu tư còn nhiều hạn chế, một số chính sách chưa đủ sức hấp dẫn. Nhiều sản phẩm công, nông nghiệp và dịch vụ giá thành còn cao, khả năng cạnh tranh yếu. Các hoạt động dịch vụ chưa đa dạng và chất lượng còn thấp. Thu nhập và đời sống của đại bộ phận dân cư ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn còn thấp, trong đó có 5 huyện tỷ lệ đói nghèo còn từ 23-35%. Tình hình di cư tự do, truyền đạo trái phép diễn biến phức tạp so với năm trước. Tình hình tai nạn giao thông còn nghiêm trọng. Tệ nạn xã hội chưa giảm. Chất lượng cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi của sự nghiệp đổi mới. Một số cấp ủy, chính quyền, ngành còn chưa chủ động, sáng tạo, chưa phát huy hết tinh thần trách nhiệm; tư tưởng trông chờ ỷ lại vẫn tồn tại trong một bộ phận cán bộ, nhân dân.

Tổ chức và chỉ đạo thực hiện còn yếu ở một số cấp, ngành và cơ sở.

Những yếu kém nói trên có nguyên nhân khách quan như thời tiết bất lợi, cơ sở hạ tầng còn yếu kém và trình độ công nghệ lạc hậu, thực lực nền kinh tế thấp, thiếu vốn. Nguyên nhân chủ quan là số lượng và chất lượng nhân lực của tỉnh còn thấp; hiệu quả công tác lãnh đạo, sự chỉ đạo điều hành và quản lý kinh tế - xã hội của một số cấp, ngành và địa phương còn yếu, tinh thần trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa cao, chưa năng động sáng tạo cụ thể hóa chủ trương, chính sách vào điều kiện cụ thể ở từng địa phương, từng ngành.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ, MỤC TIÊU CÔNG TÁC NĂM 2003

Năm 2003, là năm bản lề của kế hoạch 5 năm 2001-2005 và sẽ là năm có vị trí hết sức quan trọng trong chương trình công tác toàn khóa của Đảng bộ tỉnh. Quan điểm chỉ đạo năm 2003 là tăng cường khối đại đoàn kết, nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy đảng, sự điều hành của chính quyền các cấp; tiếp tục triển khai và tổ chức thực hiện tốt 7 chương trình công tác trọng tâm với 27 đề án, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề về tận cơ sở, trong đó tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, nhất là đầu tư cho nông nghiệp và nông thôn, đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo, chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp, du lịch và dịch vụ; tăng cường phân cấp nhằm tăng tính chủ động, sáng tạo cho các cấp, các ngành; khai thác tốt tiềm năng, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tạo ra lợi thế để đẩy mạnh thu hút đầu tư, ngăn ngừa và xử lý nghiêm minh các tiêu cực, tham nhũng, vi phạm, tội phạm trên địa bàn, củng cố an ninh, quốc phòng; phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tạo đà phát triển trong những năm tới.

I. NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG LỚN VỀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Tập trung khai thác tốt các tiềm năng, thế mạnh, nguồn lực của từng địa phương, từng ngành, khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển, tập trung đầu tư vào các vùng, các lĩnh vực thu hồi vốn đầu tư nhanh và thu hút nhiều lao động nhằm tạo ra các khu vực, vùng kinh tế động lực, tiếp tục phát triển kinh tế ổn định và với tốc độ cao.

2. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nói chung và cơ cấu trong nội bộ ngành, nhất là cơ cấu kinh tế ngành nông nghiệp, lâm nghiệp bằng việc thực hiện các chương trình kinh tế của tỉnh. Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ, thay đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi bằng các giống có năng suất, chất lượng và giá trị kinh tế cao phù hợp với nhu cầu thị trường; xây dựng các mô hình tiên tiến sản xuất, kinh doanh giỏi. Gắn các cơ sở nghiên cứu với nông dân, các hợp tác xã, với các cơ sở và người sản xuất khác. Tăng nhanh giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích canh tác.

3. Mở rộng quy mô sản xuất công nghiệp, nhất là công nghiệp khai khoáng; xây dựng nhanh cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp, khu đô thị mới để thu hút đầu tư; nghiên cứu phát triển công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông, lâm sản, tiểu thủ công nghiệp, sản phẩm phục vụ khách du lịch. Duy trì tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ở mức cao.

4. Dịch vụ, du lịch có bước chuyển biến mạnh theo hướng nâng cao chất lượng chất lượng và đa dạng về loại hình trên cơ sở đầu tư tập trung, dứt điểm theo quy hoạch và các chương trình. Thực hiện tốt các mặt hàng chính sách và tiêu thụ sản phẩm cho nông dân, khai thác tốt các lợi thế về kinh tế cửa khẩu, du lịch, phấn đấu doanh thu ngành dịch vụ, du lịch tăng trên 15% so với năm 2002.

5. Tập trung đầu tư phát triển Khu kinh tế cửa khẩu, xây dựng khu Thương mại Kim Thành, các khu công nghiệp Bắc Duyên Hải và

Đông Phố Mới. Bổ sung, xây dựng, hoàn chỉnh các cơ chế, chính sách và hướng dẫn thực hiện ưu đãi đầu tư vào các khu trên, nhằm thu hút tối đa các nguồn lực trong và ngoài nước cho phát triển. Đẩy mạnh chống buôn lậu và gian lận thương mại, tạo sự cạnh tranh lành mạnh trong sản xuất, kinh doanh. Sử dụng có hiệu quả, đúng mục đích và bố trí đủ nguồn vốn đối ứng cho nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và các nguồn tài trợ khác.

6. Tập trung đầu tư xây dựng cơ bản có trọng tâm, trọng điểm, nâng suất đầu tư cho nông nghiệp và nông thôn, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, kém hiệu quả. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để tập trung cho đầu tư phát triển, bảo đảm chất lượng công trình và hiệu quả đầu tư. Giải quyết ách tắc trong việc giải phóng mặt bằng, chuẩn bị đầu tư, nghiệm thu, thanh, quyết toán để bảo đảm tiến độ thực hiện các dự án.

7. Tạo bước chuyển biến căn bản và toàn diện về phát triển giáo dục và đào tạo. Xây dựng hệ thống trường đào tạo tại Lào Cai, thực hiện liên kết với các cơ sở trong nước để đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của địa phương. Đẩy mạnh việc nghiên cứu và ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ tiên tiến vào sản xuất nhất là công nghệ thông tin và bảo vệ môi trường sinh thái.

8. Giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội, tiếp tục chỉ đạo làm tốt công tác xóa đói, giảm nghèo và giải quyết việc làm, củng cố vững chắc kết quả xóa đói, giảm nghèo, phấn đấu hết năm 2003 tất cả các gia đình thuộc diện chính sách thoát đói và nghèo, đều có nhà ở vững chắc hợp vệ sinh. Tiếp tục thực hiện tốt cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Tích cực phòng, chống các tai, tệ nạn xã hội, đặc biệt là ma túy. Triển khai và thực hiện tốt các chương trình, mục tiêu quốc gia về y tế, phát thanh và truyền hình. Đẩy mạnh công tác dân vận, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng di cư tự do và truyền đạo trái phép. Thực hiện có hiệu quả Quy chế dân chủ ở tất cả các loại hình cơ sở.

9. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, kiện toàn bộ máy Nhà nước theo hướng tinh gọn, trong sạch, vững mạnh, hiệu lực và hiệu

quả. Luân chuyển, tăng cường cán bộ để đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, nhất là cho cơ sở đủ sức thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị ở từng ngành, địa phương.

10. Củng cố quốc phòng và an ninh gắn với phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời có khả năng giải quyết tốt các tình huống có thể xảy ra, triển khai kế hoạch phân giới, cắm mốc biên giới đúng tiến độ, thực hiện tốt công tác cải cách tư pháp trong tình hình mới để có biện pháp ngăn ngừa các hoạt động tiêu cực, tham nhũng, vi phạm, tội phạm, giữ vững kỷ cương và trật tự, an toàn xã hội, ổn định dân cư và phòng, chống các tệ nạn. Tăng cường quan hệ đối ngoại (trong và ngoài nước), chú ý phát triển quan hệ toàn diện với tỉnh Vân Nam- Trung Quốc.

11. Tập trung xây dựng hệ thống chính trị theo hướng nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động để gần dân, sát cơ sở, hoạt động có hiệu quả. Phát huy dân chủ, đề cao kỷ luật, kỷ cương, giải quyết tốt đơn thư khiếu nại tố cáo ngay từ cơ sở. Làm tốt công tác phát triển đảng viên mới, phấn đấu cơ bản không còn thôn, bản, trường học, trạm y tế không có đảng viên.

II. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỤ THỂ CƠ BẢN

1. Tốc độ tăng trưởng GDP từ 10% trở lên.

Trong đó: Nông nghiệp tăng trên 5%; công nghiệp tăng trên 19%; dịch vụ tăng trên 11%.

Cơ cấu ngành trong GDP: Nông, lâm nghiệp, thủy sản 43%; công nghiệp - xây dựng cơ bản 22%; dịch vụ 35%.

2. Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt trên 185 nghìn tấn (tăng 4,5% so với năm 2002).

3. Diện tích trồng chè mới 900 ha (trong đó chè trồng tập trung 500 ha, chè phòng hộ 400 ha) với 100% giống mới và chè Khan chất lượng cao.

4. Trồng rừng phòng hộ 1.100 ha, khoanh nuôi tái sinh 8.500 ha, bảo vệ rừng 153.500 ha, trồng mới cây ăn quả 400 ha.

5. Tỷ lệ che phủ rừng tăng 1,26% và hết năm đạt 36,64%.

6. Chăn nuôi ổn định, đàn trâu, bò tăng 3-5%; đàn lợn tăng 9,5%, phát triển đàn trâu hàng hóa, cải tạo đàn bò theo hướng Sin hóa, phục tráng giống bò vàng, lợn của địa phương; đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản.

7. Phấn đấu đến hết năm 2003, 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã.

8. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu địa phương đạt 27 triệu USD.

9. Thu hút trên 350 nghìn lượt khách du lịch đến Lào Cai. Tổng doanh thu du lịch trên 85 tỷ đồng.

10. Tổng thu ngân sách địa phương đạt 907,67 tỷ đồng, trong đó thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn 325 tỷ đồng:

- Thu xuất, nhập khẩu: 200 tỷ đồng.

- Thu nội địa 100 tỷ đồng.

- Thu để quản lý qua ngân sách: 25 tỷ đồng.

- Tổng chi ngân sách địa phương: 907,67 tỷ đồng.

11. Tỷ lệ huy động trẻ em 6 tuổi đến trường đạt trên 96%, tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đến trường đạt trên 94,5%, duy trì phổ cập tiểu học đúng độ tuổi 38 xã, phường, thị trấn; phổ cập trung học cơ sở 20 xã, phường, thị trấn.

12. Giảm tỷ lệ sinh bình quân trong năm 0,085%. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 1,8%.

13. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm 3% (còn 33%), tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng đầy đủ đạt 95%.

14. Giảm tỷ lệ hộ đói, nghèo trên 3,5% (cuối năm 2003 còn dưới 16%).

15. Tỷ lệ phủ sóng truyền hình 68%; phủ sóng phát thanh trên 80%.

16. Số hộ được cấp nước sạch tăng thêm trên 8.500 hộ.

17. Hỗ trợ chất lợp cho trên 4.000 hộ (trong đó sắp xếp dân có 1.000 hộ).

18. Xây dựng nhà ở cho giáo viên là 400 phòng và nhà ở công vụ cho cán bộ tăng cường và y tế trung tâm xã là 60 xã.

19. Xây dựng mới để xóa phòng học tạm là 400 phòng.

20. Quy hoạch, sắp xếp dân cư 2.000 hộ (trong đó sắp xếp dân cư biên giới 691 hộ).

21. Kéo điện lưới quốc gia đến 28 xã.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao năng lực lãnh đạo và đổi mới phương thức hoạt động của Tỉnh ủy và các cấp ủy đảng trên cơ sở giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy trí tuệ tập thể, đề cao trách nhiệm cá nhân, xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết, thực hiện nghiêm túc tự phê bình và phê bình, hướng mạnh hoạt động về cơ sở.

2. Nâng cao hiệu quả, hiệu lực điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh và chính quyền các cấp rà soát, điều chỉnh và ban hành các cơ chính sách mới nhằm phát huy nội lực, thu hút ngoại lực, tận dụng lợi thế so sánh, tiếp tục thực hiện đổi đất lấy công trình thông qua đấu giá đất, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tăng cường đầu tư phát triển sản xuất, xóa đói, giảm nghèo, vươn lên làm giàu chính đáng.

3. Đẩy mạnh phân cấp để tăng tính chủ động, sáng tạo trong lãnh đạo của các cấp ủy đảng và sự điều hành của các cấp, các ngành, thực hiện có hiệu quả Quy chế dân chủ ở cơ sở, tăng cường kiểm tra, kiểm soát, giám sát để uốn nắn kịp thời các lệch lạc và xử lý nghiêm minh các vi phạm, tạo dựng lòng tin của nhân dân vào Đảng và Nhà nước.

4. Đầu tư nhanh, mạnh vào xây dựng cơ sở hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu, các khu công nghiệp, khu đô thị nhằm tạo ra khu kinh tế động lực để thu hút vốn đầu tư, mở rộng quan hệ đối ngoại với các tỉnh trong nước, tăng cường tìm kiếm thị trường và thực hiện tốt xúc tiến thương mại, đẩy mạnh quan hệ với tỉnh Vân Nam, tỉnh Tứ Xuyên và một số tỉnh khác thuộc vùng Tây Nam Trung Quốc, với các nước và các tổ chức quốc tế.

5. Nâng cao số lượng và chất lượng nguồn nhân lực cả về năng lực lãnh đạo, điều hành, chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị, kỹ năng, kỹ xảo và tay nghề, cả về phẩm chất đạo đức bằng việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng hợp lý; ban

hành cơ chế đẩy mạnh xã hội hóa trong các hoạt động xã hội trên các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, các hoạt động nhân đạo tình nguyện, trong đó tập trung vào đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; chú trọng kết hợp thu hút nhân tài và đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ.

6. củng cố quốc phòng, an ninh theo hướng toàn dân kết hợp với chính quy hiện đại, bảo đảm giải quyết với mọi tình huống xảy ra, giữ vững ổn định chính trị, chủ quyền quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, bảo đảm ổn định, tạo niềm tin cho các nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh, cuộc sống hạnh phúc và bình yên cho nhân dân.

7. Tiếp tục củng cố, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội theo hướng “gần dân, sát cơ sở”, theo phương châm “nghe được dân nói, nói cho dân hiểu, làm cho dân tin” và phát huy được sức mạnh tổng hợp của toàn dân chung sức, chung lòng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ, mục tiêu đề ra.

8. Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, tạo ra không khí phấn khởi, sôi nổi trong các lĩnh vực, hăng hái phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ, mục tiêu năm 2003.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THĂNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 87-BC/TU, ngày 27-1-2003

**Về kết quả 1 năm thực hiện Quy định 76-QĐ/TW
của Bộ Chính trị về việc “đảng viên đang công tác
ở các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp
thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở
và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú”**

Ngày 15-6-2000, Bộ Chính trị ban hành Quy định 76-QĐ/TW về việc “đảng viên công tác ở các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, Đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú, trước khi Bộ Chính trị ban hành Quy định 76-QĐ/TW Tỉnh ủy Lào Cai đã ban hành Thông tri số 13-TT/TU, ngày 5-9-1995 về việc tổ chức cho đảng viên cơ quan tham dự sinh hoạt tại đơn vị cơ sở nơi cư trú. Sau 3 năm thực hiện đã tổng kết rút kinh nghiệm; ngày 12-3-1999 Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị 13-CT/TU “về công tác lãnh đạo và tổ chức thực hiện đưa đảng viên cơ quan về tham gia sinh hoạt ở nơi cư trú. Để giúp cho các đảng bộ trực thuộc tỉnh tổ chức triển khai thực hiện tốt Chỉ thị 13-CT/TU, Ban Tổ chức Tỉnh ủy ban hành Hướng dẫn số 01-HD/TC, ngày 5-4-1999. Qua hơn 2 năm tổ chức thực hiện Chỉ thị 13-CT/TU, cuối năm 2001 Tỉnh ủy đã tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chỉ thị 13-CT/TU cụ thể sau:

- Số đảng viên cơ quan giới thiệu về tham gia sinh hoạt nơi cư trú là 5.314 đồng chí, đạt 83,26% so với tổng số đảng viên khối cơ quan.

- Số tổ chức cơ sở đảng xã, phường, thị trấn tiếp nhận đảng viên cơ quan về tham gia sinh hoạt là 47 tổ chức.

- Số đảng viên cơ quan giới thiệu về tiếp tục sinh hoạt tại 187 chi bộ, tổ Đảng trực thuộc các đảng bộ xã, phường, thị trấn.

- Tỷ lệ đảng viên tham gia sinh hoạt bình quân chung toàn tỉnh đạt 77,55% so với tổng số đảng viên giới thiệu về.

Sau khi tổng kết thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TU, ngày 20-12-2001, Tỉnh ủy ban hành Hướng dẫn số 234-HD/TU về việc hướng dẫn thực hiện Quy định số 76-QĐ/TW, ngày 15-6-2000 của Bộ Chính trị; kể từ ngày 1-1-2002 việc đưa đảng viên cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp trong toàn tỉnh về tham gia sinh hoạt nơi cư trú theo Chỉ thị 13-CT/TU, ngày 12-3-1999 sẽ thực hiện theo Quy định số 76-QĐ/TW, ngày 15-6-2000 của Bộ Chính trị và hướng dẫn của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai. Qua 1 năm thực hiện Quy định 76-QĐ/TW của Bộ Chính trị kết quả cụ thể sau:

I. VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổ chức triển khai

Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị quán triệt, triển khai Quy định số 76-QĐ/TW và Hướng dẫn số 234-HD/TU, ngày 20-12-2001 đối tượng cán bộ chủ chốt các huyện, thị, đảng ủy, các ban xây dựng Đảng, Bí thư Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng trực thuộc tỉnh; các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc căn cứ đặc điểm tình hình cụ thể của từng đảng bộ mở Hội nghị quán triệt triển khai Quy định 76-QĐ/TW, Hướng dẫn 234-HD/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đến các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, các Ban xây dựng Đảng, cấp ủy cơ sở và đảng viên. Đến hết tháng 4-2002 có 14/15 Đảng bộ đã tổ chức quán triệt triển khai thực hiện Quy định 76-QĐ/TW tới cấp ủy cơ sở và đội ngũ cán bộ, đảng viên (còn Đảng bộ Si Ma Cai chưa triển khai vì mới tái lập, đảng viên cơ quan đều ở tập thể cơ quan). Sau khi triển khai thực hiện Quy định 76-QĐ/TW tới cấp ủy cơ sở, đảng viên đang

công tác được giới thiệu về nơi cư trú đã khẳng định đây là một trong những biện pháp nhằm để các đảng viên đang công tác có nhận thức đúng và hiểu được đây là yếu tố quan trọng giúp cho từng đảng viên có điều kiện được cung cấp thông tin, trực tiếp thảo luận đóng góp ý kiến cho cấp ủy cơ sở nơi cư trú, đồng thời thực hiện tốt nghĩa vụ công dân tại nơi cư trú; gần gũi nhân dân, tăng cường hiểu biết, góp phần củng cố mối quan hệ mật thiết Đảng với dân.

2. Tổ chức thực hiện

a) Tổ chức hình thức sinh hoạt

Căn cứ vào đặc điểm tình hình thực tế của từng cơ sở, số lượng đảng viên ở cơ quan giới thiệu và sự chỉ đạo của cấp ủy mỗi nơi để tổ chức hình thức sinh hoạt cho phù hợp theo nội dung hướng dẫn của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Nhìn chung các huyện, thị đã chỉ đạo các chi bộ, đảng ủy cơ sở tổ chức sinh hoạt theo mô hình đảng viên cơ quan sinh hoạt riêng, cấp ủy đảng cơ sở phân công tới dự. Số lượng đảng viên ở cơ quan giới thiệu về tham gia sinh hoạt nơi cư trú đồng như: thị xã Lào Cai, huyện Bảo Thắng đã tổ chức sắp xếp phù hợp theo khu vực tổ dân phố, mỗi tổ sinh hoạt khoảng 50 đồng chí, mỗi tổ cử ra đồng chí tổ trưởng để liên hệ với cấp ủy đảng nơi cư trú.

Thời gian sinh hoạt năm 2 kỳ (kỳ I: 20-30-66; kỳ II: 20-30-12) theo Quy định 76-QĐ/TW và Hướng dẫn 234-HD/TU.

b) Nội dung sinh hoạt

Nội dung sinh hoạt đã được rút kinh nghiệm quá trình thực hiện Thông tri 13-TT/TU và Chỉ thị 13-CT/TU đến nay chuyển tiếp thực hiện Quy định 76-QĐ/TW, các chi, đảng bộ có đảng viên giới thiệu về sinh hoạt nơi cư trú đã cải tiến nội dung sinh hoạt thiết thực, ngắn gọn chủ yếu tập trung vào thông báo tình hình kinh tế - xã hội phát triển trên địa bàn; những vấn đề bức xúc nổi cộm như tình hình an ninh trật tự, các tệ nạn xã hội như ma túy, mại dâm, những chủ trương của địa phương cần tham khảo thêm ý kiến trước khi có quyết định chính thức, gương mẫu chấp hành và vận động gia đình, người

thân và khối phố, thị trấn thực hiện nghiêm túc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của tổ dân phố, các huyện, thị xã và tỉnh. Về phía đảng viên được giới thiệu về sinh hoạt nơi cư trú tự đánh giá trách nhiệm của mình thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, Đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú để cấp ủy cơ sở tham gia ý kiến.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY ĐỊNH 76-QĐ/TW

- Số tổ chức cơ sở đảng cơ quan đã giới thiệu đảng viên về tham gia sinh hoạt nơi cư trú là 351 tổ chức cơ sở đảng đạt tỷ lệ 95,38% so với tổng số tổ chức cơ sở đảng khối cơ quan và bằng 62,67% so với tổng số tổ chức cơ sở đảng toàn tỉnh.

- Số đảng viên cơ quan giới thiệu về tham gia sinh hoạt nơi cư trú 5.890 đồng chí, đạt 95,53% so với tổng số đảng viên thuộc đối tượng giới thiệu về tham gia sinh hoạt nơi cư trú và bằng 31,27% so với tổng số đảng viên toàn tỉnh.

Trong đó:

+ Giới thiệu (Thông tri 13, Chỉ thị 13): 5.314 đồng chí, đạt 90,22% so với tổng số đảng viên đã giới thiệu về sinh hoạt nơi cư trú.

+ Giới thiệu (Quy định 76-QĐ/TW): 576 đồng chí, đạt 9,77% so với tổng số đảng viên giới thiệu về sinh hoạt nơi cư trú.

- Số tổ chức cơ sở đảng xã, phường, thị trấn tiếp nhận đảng viên cơ quan về tham gia sinh hoạt nơi cư trú là 49 tổ chức.

- Số đảng viên cơ quan giới thiệu về trực tiếp sinh hoạt tại 204 chi, Đảng bộ, tổ Đảng trực thuộc Đảng bộ xã, phường, thị trấn.

Trong tổ số 204 chi, Đảng bộ, tổ Đảng trong 1 năm qua đã tổ chức sinh hoạt các kỳ như sau:

+ 158 chi, Đảng bộ sinh hoạt 2 kỳ bằng 77,45%

+ 46 chi, Đảng bộ sinh hoạt 1 kỳ bằng 22,54%

- Đảng viên tham gia sinh hoạt 2 kỳ: 5.195 đồng chí, đạt 88,2% so với tổng số đảng viên giới thiệu về tham gia sinh hoạt nơi cư trú.

- Đảng viên tham gia sinh hoạt 1 kỳ: 585 đồng chí, đạt 9,93%

Số đảng viên chưa tham gia sinh hoạt (có lý do): 110 đồng chí bằng 1,86%.

+ Phân loại: Tốt 5.529 đồng chí, đạt 93,8%; trung bình 361 đồng chí đạt 6,2%. Các đơn vị có đảng viên tham gia sinh hoạt đạt tỷ lệ cao: thị xã Lào Cai, huyện Bảo Thắng, huyện Than Uyên, huyện Bảo Yên; những đơn vị có đảng viên tham gia sinh hoạt đạt tỷ lệ thấp: huyện Bắc Hà, huyện Sa Pa, huyện Văn Bàn.

III. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ

1. Ưu điểm: Sau khi Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị quán triệt Quy định số 76-QĐ/TW, ngày 15-6-2000 của Bộ Chính trị và Hướng dẫn số 234-HD/TU, ngày 20-12-2001 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Quy định 76-QĐ/TW của Bộ Chính trị, các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc đã kịp thời xây dựng kế hoạch, hướng dẫn và lãnh đạo chỉ đạo, tổ chức quán triệt triển khai Quy định 76-QĐ/TW của Bộ Chính trị và Hướng dẫn 234-HD/TU đến các cấp ủy đảng và đảng viên trong toàn đảng bộ.

- Thông qua quán triệt Quy định 76-QĐ/TW các cấp ủy và đảng viên đều nhận thức đầy đủ mục đích ý nghĩa việc đảng viên đang công tác ở các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, Đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú là chủ trương đúng đắn cần thiết và phù hợp với công tác xây dựng Đảng trong thời kỳ đổi mới, có tác dụng thiết thực trong quá trình quản lý các mặt hoạt động của đảng viên, hợp với lòng dân được nhân dân đồng tình ủng hộ. Trên cơ sở cụ thể hóa nhiệm vụ của cấp ủy đảng và đảng viên được quy định trong Điều lệ Đảng góp phần xây dựng mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân, khắc phục những biểu hiện sống xa dân, thiếu trách nhiệm với các công việc của dân nơi cư trú. Đồng thời nhân dân nơi cư trú cũng được trực tiếp tham gia giám sát mọi hoạt động của đảng viên, tạo điều kiện để đảng viên nêu cao tính tiên phong gương mẫu thực hiện tốt nghĩa vụ công dân nơi cư trú.

- Cấp ủy đảng ở cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang đã rà soát lại danh sách đảng viên giới thiệu về sinh hoạt nơi cư trú.

- Thực hiện Quy định 76-QĐ/TW đã tăng cường mối quan hệ chặt chẽ giữa cấp ủy cơ quan và cấp ủy nơi cư trú, góp phần thúc đẩy thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị và chi, Đảng bộ cơ sở đạt kết quả tốt.

- Trong quá trình thực hiện Quy định 76-QĐ/TW các chi, Đảng bộ cơ sở đã định kỳ sinh hoạt (năm 2 kỳ); nội dung các cuộc họp đã được rút kinh nghiệm, quá trình thực hiện Chỉ thị 13-CT/TU chuẩn bị chu đáo, gọn nhẹ, thiết thực, bổ ích, phù hợp với thực tế từng cơ sở; địa điểm sinh hoạt thuận tiện, chất lượng sinh hoạt được nâng lên.

- Đảng viên cơ quan giới thiệu về tham gia sinh hoạt đại bộ phận đã nêu cao tinh thần trách nhiệm tham gia đầy đủ các kỳ sinh hoạt, đóng góp nhiều ý kiến thiết thực cho tổ chức đảng cơ sở.

2. Khuyết điểm

Trong quá trình thực hiện Quy định 76-QĐ/TW bên cạnh những ưu điểm đạt được còn một số khuyết điểm sau:

- Việc quán triệt Quy định 76-QĐ/TW của Bộ Chính trị và Hướng dẫn 234-HD/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ở một số tổ chức cơ sở đảng chưa sâu sắc, nên có cấp ủy, đảng viên nhận thức chưa đầy đủ mục đích, yêu cầu của việc đảng viên đang công tác ở các cơ quan doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thường xuyên giữ mối liên hệ với cấp ủy và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú.

- Việc lập danh sách đảng viên giới thiệu và sinh hoạt nơi cư trú chưa kịp thời, không đầy đủ, không rõ địa chỉ gây khó khăn cho cơ sở trong việc tiếp nhận, triệu tập sinh hoạt và quản lý đảng viên. Một số đảng viên di chuyển đi nơi ở khác không báo cáo đến chi, Đảng bộ cơ sở làm thủ tục chuyển sinh hoạt nên khó khăn cho việc quản lý số lượng đảng viên giới thiệu về sinh hoạt nơi cư trú.

- Cấp ủy cơ sở có nơi còn lúng túng khi chuẩn bị nội dung sinh hoạt chưa bám sát nội dung Quy định 76-QĐ/TW của Bộ Chính trị và Hướng

dẫn 234-HD/TU của Tỉnh ủy, bàn nhiều tình hình thế giới, trong nước, ít chú trọng tình hình của địa phương; nội dung đánh giá việc bản thân đảng viên và gia đình thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và những quy định của xã, phường, thị trấn, đặc biệt nhắc nhở những trường hợp thiếu gương mẫu của gia đình, bản thân đảng viên được giới thiệu về nơi cư trú làm rất hạn chế.

- Đảng viên được giới thiệu sinh hoạt nơi cư trú tự đánh giá trách nhiệm của mình và vận động gia đình chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật và các quy định của xã, phường, thị trấn chưa được đề cập cụ thể. Mặt khác, việc phát huy khả năng, kinh nghiệm của mỗi đảng viên được giới thiệu về sinh hoạt nơi cư trú đóng góp với cấp ủy nơi cư trú trong lãnh đạo thực hiện tốt các phong trào vận động quần chúng chưa được quan tâm đúng mức. Do vậy, tác dụng của việc thực hiện Quy định 76-QĐ/TW còn hạn chế.

- Tỷ lệ đảng viên tham gia sinh hoạt nơi cư trú tỷ lệ bình quân đạt trên 80% có chi, Đảng bộ cơ sở đạt tỷ lệ đảng viên tham gia sinh hoạt trên 50%.

- Một số chi bộ còn tập trung cả đảng viên ở cơ sở và đảng viên cơ quan giới thiệu về sinh hoạt nơi cư trú số lượng đông, chất lượng sinh hoạt hạn chế.

- Sự phối hợp giữa cấp ủy cơ quan với cấp ủy nơi cư trú chưa chặt chẽ, thông tin 2 chiều thiếu kịp thời; công tác sơ kết một năm thực hiện Quy định 76-QĐ/TW tính đến ngày 30-12-2002 mới có 11/15 huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc báo cáo sơ kết còn lại: huyện Văn Bàn, huyện Bảo Yên, huyện Sa Pa chưa có báo cáo, huyện Si Ma Cai chưa tổ chức triển khai thực hiện (lý do nêu trên).

3. Một số nguyên nhân tồn tại khuyết điểm

- Việc quán triệt, triển khai Quy định 76-QĐ/TW của Bộ Chính trị và Hướng dẫn 234-HD/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, nhận thức của một số tổ chức cơ sở đảng và đảng viên chưa đầy đủ, chưa thấy hết ý nghĩa tác dụng của chủ trương giới thiệu đảng viên về tham gia sinh hoạt nơi cư trú.

- Nhiều cơ sở mới chỉ chú trọng tổ chức sinh hoạt chưa chú ý đúng mức đến yêu cầu thường xuyên giữ mối liên hệ.

- Nội dung sinh hoạt một số tổ chức cơ sở đảng chuẩn bị chưa chu đáo, còn chung chung.

- Chưa có quy định xử lý những tổ chức đảng và đảng viên chấp hành không nghiêm trong việc tổ chức và tham gia sinh hoạt nơi cư trú.

- Công tác sơ kết Quy định 76-QĐ/TW chưa duy trì thường xuyên ở một số chi, Đảng bộ cho nên chất lượng và hiệu quả hạn chế.

- Nhiều cấp ủy cơ sở còn e ngại, nể nang không nhận xét đúng với thực tế có đảng viên đang công tác không tham gia sinh hoạt, không có lý do, bản thân và gia đình chưa gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân ở nơi cư trú nhưng vẫn nhận xét tốt tổ chức cơ sở đảng cơ quan vẫn phân loại đảng viên đủ tư cách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, mặt khác do cuối năm nhiều việc số lượng phiếu nhận xét đảng viên lớn nên một số chi, đảng bộ cơ sở xem nhẹ việc đánh giá thiếu chính xác, khách quan.

- Phiếu nhận xét đảng viên về sinh hoạt nơi cư trú cuối năm cấp ủy không trực tiếp đến nhận, đảng viên tự đi nhận hoặc thậm chí nhờ người nhà đi nhận hộ.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP

1. Phương hướng

- Tiếp tục thực hiện Quy định 76-QĐ/TW của Bộ Chính trị theo nội dung Hướng dẫn số 234-HD/TU của Tỉnh ủy trên cơ sở những kinh nghiệm qua thực hiện Chỉ thị 13-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và một năm thực hiện Quy định 76-QĐ/TW của Bộ Chính trị.

- Các cấp ủy đảng và đảng viên cần quán triệt sâu sắc mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của việc đảng viên đang công tác ở các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thường xuyên giữ mối liên hệ với chi, Đảng bộ cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú.

- Ban Tổ chức các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc có trách nhiệm rà soát lại các chi, đảng bộ giới thiệu đảng viên về sinh hoạt nơi cư trú.

- Phiếu nhận xét đảng viên về sinh hoạt nơi cư trú cuối năm phải nộp cho tổ chức đảng cơ sở vào kỳ sinh hoạt 6 tháng đầu năm, tháng 12 hằng năm cấp ủy, chi, đảng bộ cơ quan trực tiếp đến tổ chức cơ sở đảng nhận phiếu nhận xét đảng viên.

2. Giải pháp

- Các cấp ủy chi bộ, đảng bộ cơ sở nơi đảng viên cư trú cần cải tiến hình thức, phương pháp, nội dung sinh hoạt phải thiết thực, phù hợp với thực tế ở cơ sở đúng với Quy định 76-QĐ/TW của Bộ Chính trị và Hướng dẫn 234-HD/TU, ngày 20-12-2001 của Tỉnh ủy.

- Tăng cường công tác kiểm tra của cấp ủy, chi bộ, huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc phải tiến hành sơ kết rút kinh nghiệm gắn với sơ kết, tổng kết năm. Giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy nghiên cứu thống nhất ban hành phiếu nhận xét đảng viên hằng năm trong toàn Đảng bộ (theo Hướng dẫn 05-HD/TCTW); thời gian nhận xét vào phiếu gửi về chi, Đảng bộ cơ quan nơi đảng viên đang công tác cho phù hợp, tránh tình trạng dồn phiếu vào tháng 12 hằng năm nên đánh giá chất lượng không chính xác; hình thức và nội dung khen thưởng các tổ chức cơ sở đảng, đảng viên thực hiện tốt Quy định 76-QĐ/TW.

Trên đây là kết quả sau một năm thực hiện Quy định 76-QĐ/TW của Bộ Chính trị về việc “đảng viên công tác ở cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thường xuyên giữ mối liên hệ chi bộ, Đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú”. Các cấp ủy đảng phát huy hơn nữa kết quả đạt được, khắc phục những tồn tại, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt Quy định 76-QĐ/TW của Bộ Chính trị.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 88-BC/TU, ngày 28-1-2003

Kiểm điểm tự phê bình và phê bình tập thể Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa XII năm 2002

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XII có 45 đồng chí; Ban Thường vụ có 13 đồng chí; đầu tháng 2-2002, Ban Chấp hành còn 44 đồng chí (1 đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành, Tổng Biên tập Báo từ trần), tháng 11-2002 được Ban Bí thư Trung ương Đảng chỉ định bổ sung đồng chí Cao Đức Hải, Bí thư Thị ủy Lào Cai tham gia Ban Chấp hành, đến nay số lượng 45 đồng chí.

Thực hiện Công văn số 95-CV/TW, ngày 16-10-2002 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về kiểm điểm tự phê bình và phê bình năm 2002, Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa XII kiểm điểm năm 2002 theo các nội dung hướng dẫn sau:

I. VỀ LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ

1. Việc quán triệt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong xây dựng các chương trình, kế hoạch, giải pháp và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh

Trong năm 2002, Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã

nghiêm túc quán triệt những nội dung cơ bản Nghị quyết Trung ương 3 và các kết luận Hội nghị Trung ương 4, 5, 6 (khóa IX). Từ tình hình thực tế của tỉnh, Ban Chấp hành xây dựng chương trình hành động thực hiện các nghị quyết, kết luận trên trong đó xác định rõ mục tiêu, giải pháp phù hợp, phân công tổ chức và cá nhân phụ trách. Đối với 7 chương trình công tác trọng tâm với 27 đề án, kế hoạch và nghị quyết chuyên đề đã được biên soạn thành sách phổ biến sâu rộng tới cơ sở.

Hội nghị Ban Thường vụ lần thứ 16 tháng 12-2001; Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ 5 (khóa XII) từ ngày 8-1 đến ngày 11-1-2002, sau khi đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2001, đề ra 17 chỉ tiêu lớn và xác định 11 nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2002. Để bảo đảm sự điều hành, ngay đầu năm, Ban Thường vụ, Ban Chấp hành sửa đổi lên 3 đề án, chuyển 6 đề án thành nghị quyết, quyết định, kế hoạch; giữ nguyên 21 đề án giao Thường trực Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo thẩm quyền; đồng thời thấy rằng cần thiết phải ban hành thêm Nghị quyết về phát triển kinh tế lâm nghiệp và đề án phát triển công nghệ thông tin để tập trung chỉ đạo toàn diện hơn. Bổ sung và xây dựng kịp thời một số cơ chế, chính sách để thực hiện các đề án theo Kế hoạch 03-KH/TU, ngày 30-5-2001 của Tỉnh ủy, mở Hội nghị với các doanh nghiệp Trung Quốc tại thị xã Lào Cai; phối hợp với Bộ Kế hoạch Đầu tư và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam mở Hội nghị “Lào Cai, cầu nối với thị trường Tây Nam Trung Quốc - Cơ hội đầu tư và phát triển”. Đồng thời tích cực mở rộng kinh tế đối ngoại, quan hệ với Châu Hồng Hà và tỉnh Vân Nam- Trung Quốc trong phát triển kinh tế - xã hội cũng như giữ vững an ninh, quốc phòng nhất là vùng biên giới.

Với những nỗ lực trên, trong năm qua mặc dù gặp rất nhiều khó khăn như thiên tai, nguồn vốn hạn hẹp, nguồn nhân lực có nhiều hạn chế, trình độ quản lý điều hành của đội ngũ cán bộ nhất là cán bộ cơ sở còn chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới, song các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và toàn thể cán bộ, đảng viên, nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã đoàn kết phấn đấu, khai thác mọi nguồn lực,

tranh thủ thuận lợi để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của năm 2002. Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã hoàn thành việc phê duyệt 27 đề án, nghị quyết, kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện một cách toàn diện và đạt được kết quả ban đầu rất quan trọng. Từng đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Ban Chấp hành đã không ngừng đổi mới phong cách lãnh đạo và điều hành, chủ động, tích cực bằng nhiều cách làm sáng tạo và hiệu quả đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Đến nay các chỉ tiêu đề ra đã hoàn thành, một số chỉ tiêu đạt cao và vượt kế hoạch năm 2002, tốc độ tăng GDP đạt 10,37%/8% kế hoạch, cơ cấu kinh tế và cơ cấu nội bộ ngành có sự chuyển biến tích cực: Nông, lâm nghiệp, thủy sản đạt 44,56% giảm 1,94% so với năm 2001; công nghiệp - xây dựng: 20,61% tăng 1,52% so với năm 2001; dịch vụ 34,83% tăng 0,42% so với năm 2001, một số sản phẩm mới có khả năng cạnh tranh trên thương trường. Thu ngân sách trên địa bàn và xuất - nhập khẩu của địa phương là năm vượt dự toán cao, đạt số tăng tuyệt đối và tương đối cao nhất trong 10 năm qua; hoạt động đối ngoại thu được nhiều kết quả, an ninh biên giới và chủ quyền quốc gia được giữ vững. Các tổ chức trong hệ thống chính trị tiếp tục được đổi mới nội dung và phương thức hoạt động theo hướng gần dân, sát cơ sở, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, chính quyền các cấp.

Sản xuất nông, lâm nghiệp đã vượt qua nhiều khó khăn về thời tiết và thiên tai; tiếp tục phát triển theo hướng hàng hóa, có nhiều chuyển biến trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp, nông thôn; ngoài chương trình trồng chè, các chỉ tiêu sản xuất nông, lâm nghiệp đều đạt và vượt kế hoạch; việc thực hiện các đề án phát triển nông nghiệp, nông thôn đều đạt kết quả khá, tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 177.000/173.000 tấn vượt 2,58% so với kế hoạch và tăng 6,3% so với năm 2001. Các đề án sắp xếp dân cư, kiên cố hóa kênh mương nội đồng bảo đảm chất lượng và đạt kế hoạch đề ra. Nông dân có sự thay đổi đáng kể về tập quán canh tác, chuyển đổi cơ cấu vật nuôi, cây trồng có giá trị kinh tế cao như: trồng hoa, cây thuốc lá, trồng tre lấy măng, nuôi tôm càng xanh...

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tiếp tục đạt mức tăng trưởng cao, giá trị đạt 365 tỷ đồng, vượt 2,2% so với kế hoạch, $\approx 116\%$ so với năm 2001. Tiềm năng thủy điện một số nơi đã được quy hoạch; bước đầu có sự thay đổi về tỷ trọng, cơ cấu, nhiều sản phẩm tiêu thụ đạt khá cao và có nhiều sản phẩm mới ổn định như: Sữa đậu nành, tấm lợp phibroximăng, bao bì PP, giấy cuộn lô... tiếp tục đổi mới sắp xếp 8 doanh nghiệp nhà nước theo kế hoạch; các đề án phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đã phối hợp quy hoạch để đầu tư như: Công nghiệp Tăng Loong, đồng Sin Quyền, khu công nghiệp Bắc Duyên Hải và Đông Phố Mới.

Thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn tăng khá, ước đạt 1.000 tỷ đồng, tăng 27% so với năm 2001; công tác giải phóng mặt bằng, nhất là ở thị xã tỉnh lỵ, tiến độ thi công nhanh, chất lượng và hiệu quả đầu tư được nâng cao và bảo đảm theo quy hoạch.

Đổi mới việc giao kế hoạch kinh tế - xã hội sớm ngay từ cuối năm trước để các ngành, các cấp, địa phương và các chủ đầu tư chủ động tổ chức thực hiện. Quá trình chỉ đạo đã kịp thời điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho phù hợp.

Hoạt động dịch vụ trên lĩnh vực giao thông vận tải, bưu chính viễn thông phát triển; kim ngạch xuất, nhập khẩu đạt 26 triệu USD, bằng 130% so với kế hoạch; mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ xã hội đạt 670 tỷ đồng, tăng 22,1% so với năm 2001; đặc biệt là tổng lượng khách du lịch tiếp tục tăng. Trên cơ sở đánh giá kinh tế đối ngoại và du lịch theo đề án 2 giai đoạn 1996-2000 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI, khẳng định những kết quả thu được ban đầu là đáng phấn khởi, góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của tỉnh. Quan hệ giữa tỉnh Lào Cai với các tổ chức quốc tế, đặc biệt là tỉnh Vân Nam- Trung Quốc có bước chuyển biến tích cực, thu hút vốn đầu tư vào địa bàn ngày càng tăng, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội. Kinh tế cửa khẩu với những chính sách thông thoáng và biện pháp quản lý hợp lý hơn nên đã tăng cao nguồn thu đóng góp cho ngân sách tỉnh. Kết cấu hạ tầng đã được quan tâm đúng

mức không chỉ ở thị trấn, thị xã và ngay cả các xã vùng sâu, vùng xa đều được tăng cường.

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 307 tỷ đồng/252 tỷ đồng, là năm vượt kế hoạch và dự toán cao nhất; thu ngân sách địa phương, nguồn vốn huy động tăng khá; chất lượng tín dụng được chú trọng, tỷ lệ nợ quá hạn giảm; quản lý tiền tệ, ngoại hối, thanh toán được tăng cường; bội chi tiền mặt giảm, tiết kiệm chi, đáp ứng nhu cầu kinh doanh, xóa đói, giảm nghèo và thực hiện chính sách xã hội; các thành phần kinh tế bình đẳng và phát triển mạnh trên tất cả các lĩnh vực của đời sống... góp phần vào thành tựu năm 2002 của Đảng bộ tỉnh.

Trên lĩnh vực văn hóa - xã hội:

Chất lượng dạy và học ngày một tốt hơn; tỷ lệ trẻ em đến lớp và chuyên cần đạt cao, tỷ lệ thi tốt nghiệp ở các bậc học, tỷ lệ học sinh đạt học lực khá, giỏi và kết quả thi tốt nghiệp; tỷ lệ học sinh thi đỗ vào các trường trung học, cao đẳng và đại học cao hơn năm trước.

Tiếp tục thực hiện đề án giải quyết việc làm và đề án xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm cho 11 nghìn lao động đúng kế hoạch: tỷ lệ đói nghèo giảm 7,61% (còn 19,19%). Sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW của Bộ Chính trị về Bảo hiểm xã hội, các vấn đề xã hội, các chính sách, chế độ, giải quyết đúng, kịp thời góp phần ổn định đời sống nhân dân.

Các đề án, dự án khoa học tập trung chủ yếu vào lĩnh vực nông nghiệp và bám sát các chương trình đề án của tỉnh, ứng dụng thiết thực cho phát triển kinh tế - xã hội. Công tác bảo vệ môi trường sinh thái, tiêu chuẩn đo lường, thông tin tư liệu và sở hữu công nghiệp có chuyển biến đáng kể. Đã xây dựng xong dự án phát triển công nghệ thông tin 2001-2010.

Công tác thông tin - văn hóa - thể thao phát triển rộng khắp tạo được phong trào thường xuyên, tổ chức thành công lễ hội Đền Thượng, du lịch Quốc tế ở Bắc Hà... phong trào "Tình nguyện" của các cấp, các ngành, các đoàn thể mang lại hiệu quả rõ nét cho vùng sâu, vùng

xa cả về kinh tế và xã hội, tổ chức giải quốc gia thi đấu các cây vợt cầu lông xuất sắc toàn quốc, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân và phục vụ thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, tập trung tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết đại hội Đảng các cấp, các chương trình hành động của tỉnh, thực hiện các nghị quyết Đại hội IX, triển khai các đề án, 11 nhiệm vụ trọng tâm của Tỉnh ủy năm 2002...

Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, đưa y, bác sĩ về cơ sở, khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân có nhiều tiến bộ, tổ chức đưa 137 thầy thuốc về xã, 100% xã có y sĩ, 30 trạm y tế khu vực có bác sĩ, tiếp tục thực hiện có hiệu quả đề án củng cố mạng lưới y tế cơ sở; công tác truyền thông dân số gia đình được thường xuyên góp phần giảm tỷ lệ sinh đạt kế hoạch (giảm 0,1%/năm). Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm 3%, tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng đầy đủ, đạt 95,38% (vượt kế hoạch 5,38%).

Về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ an ninh, quốc phòng và đối ngoại có nhiều cố gắng:

Tình hình an ninh, chính trị, an ninh biên giới và trật tự, an toàn xã hội, chủ quyền quốc gia được giữ vững. Tổ chức cắm mốc số 102 trên khu vực Cửa khẩu quốc tế đúng kế hoạch. Triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW, ngày 2-1-2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới, được Ban chỉ đạo cải cách Tư pháp của Trung ương qua kiểm tra đánh giá tốt; xây dựng chương trình hành động để kiểm tra việc tạm giam, tạm giữ, giải quyết đơn thư khiếu nại trong ngành Tư pháp, quản lý, xử lý tin báo tội phạm. Phối hợp với các ngành Nội chính và các huyện, thị xã giải quyết những vấn đề nảy sinh trên tuyến biên giới đúng, kịp thời và có hiệu quả, đúng luật pháp quốc tế, điển hình là vụ ở Pha Long, huyện Mường Khương ngày 6-5-2002. Tổng kết 5 năm công tác bảo vệ chính trị nội bộ, sơ kết 2 năm thực hiện Quyết định số 75-QĐ/TW, ngày 25-4-2000, Quy định số 17-QĐ/TW, ngày 16-12-1996 của Bộ Chính trị; kịp thời phát hiện và xử lý các hoạt

động móc nối, lôi kéo của các phần tử xấu. Thực hiện phương án sẵn sàng chiến đấu và bảo vệ tốt các ngày lễ, tết, kỷ niệm... sơ kết chương trình hành động của Tỉnh ủy khóa XI về thực hiện chiến lược an ninh quốc gia trên địa bàn, công tác an ninh và đối ngoại; đến nay các ngành đã giúp đỡ các xã đã hoàn thành cơ bản việc đăng ký kết hôn cho hơn 3,3 vạn cặp vợ chồng. Đăng ký khai sinh cho 6,7 vạn trẻ em mới sinh và chưa được khai sinh để tồn đọng từ nhiều năm qua. Đánh giá kết quả thực hiện đề án an ninh - quốc phòng với nhiệm vụ phát triển kinh tế đối ngoại. Đánh giá sau 1 năm thực hiện đề án phòng, chống âm mưu “diễn biến hòa bình”, “bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch và kế hoạch đối phó với các tình huống xảy ra trong khu vực phòng thủ tỉnh, huyện; đã có nhiều biện pháp thúc đẩy hoạt động đối ngoại với tỉnh Vân Nam - Trung Quốc trong việc tạo điều kiện cho nhân dân giao lưu, phát triển du lịch, xuất, nhập khẩu hàng hóa, phương tiện đi lại. Mở rộng quan hệ giao lưu giữa tỉnh Lào Cai và tỉnh Vân Nam, đặc biệt là Châu Hồng Hà, thông qua những hoạt động kinh tế, giao lưu văn hóa và các đoàn đại biểu của 2 địa phương thăm, tìm hiểu kinh nghiệm phát triển kinh tế, quản lý đô thị và phát triển văn hóa.

2. Về lãnh đạo hệ thống chính trị

Tính chiến đấu trong đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm; xây dựng, củng cố sự đoàn kết trong Đảng, trong hệ thống chính trị, đấu tranh chống tư tưởng cơ hội, cục bộ, bản vị, những luận điệu phản động và những thông tin sai trái, bịa đặt, việc quản lý đội ngũ cán bộ, đảng viên (nhất là mối quan hệ xã hội của cán bộ, đảng viên hiện nay), công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển cán bộ...

Công tác xây dựng Đảng trên cả ba mặt: chính trị, tư tưởng, tổ chức có nhiều chuyển biến; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Tỉnh ủy. Ban Thường vụ, Ban Chấp hành tổ chức quán triệt kịp thời xây dựng các chương trình hành động để đưa nhanh các nghị quyết, chỉ thị của Đảng vào cuộc sống theo phương châm hướng về cơ sở,

nâng cao nhận thức về chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên. Các hoạt động kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Đảng bộ tỉnh, 11 năm xây dựng thị xã tỉnh lỵ, các đợt sinh hoạt chính trị cùng với những thành tựu đạt được trên các lĩnh vực đã góp phần quan trọng ổn định tình hình tư tưởng, tạo nên không khí phấn khởi trong các tầng lớp nhân dân, các dân tộc trong tỉnh. Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy và các cấp ủy đảng, các tổ chức trong hệ thống chính trị đều thể hiện sự đoàn kết nhất trí.

Tỉnh ủy Lào Cai đã tổ chức quán triệt, cung cấp đủ tài liệu, bồi dưỡng nghiệp vụ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra. Các cấp ủy đã chủ động xây dựng và thực hiện chương trình kiểm tra theo Điều 30, Điều lệ Đảng. Hoàn thành cuộc kiểm tra toàn diện của Tỉnh ủy tại huyện Bắc Hà; triển khai kiểm tra theo Kế hoạch số 15-KH/TU, ngày 14-6-2002 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kế hoạch 01, 02 của Ban Bí thư và kiểm tra những điều cán bộ, công chức không được làm theo pháp lệnh cán bộ, công chức theo đúng kế hoạch và đạt kết quả tốt.

Nổi bật của công tác dân vận là vận động cử tri thực hiện thắng lợi cuộc bầu cử Quốc hội khóa XI dân chủ, đúng pháp luật. Đã tiến hành tổng kết 12 năm thực hiện Nghị quyết 8B của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI; sơ kết 3 năm thực hiện Thông báo 184 và Thông báo kết luận số 255 của Bộ Chính trị về công tác dân vận qua đó góp phần tích cực tìm ra các giải pháp ngăn chặn dân di cư tự do, lợi dụng tôn giáo tuyên truyền đạo trái phép, thực hiện có hiệu quả Quy chế dân chủ. Văn phòng Tỉnh ủy và các Ban xây dựng Đảng tổ chức kỷ niệm ngày truyền thống trang trọng và thiết thực. Hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể được đẩy mạnh với nhiều hình thức phong phú, hấp dẫn; đổi mới phương thức và nội dung hoạt động theo hướng: *“Gần dân, sát cơ sở”*, với phương châm: *“Nghe được dân nói, nói cho dân hiểu, làm cho dân tin”*; đã chủ động xây dựng chương trình, nội dung phối hợp, kế hoạch công tác thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ

tỉnh lần thứ XII. Sơ kết cuộc vận động: *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”*, biểu dương người tốt, việc tốt qua các phong trào, nắm chắc tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, chống mọi biểu hiện chia rẽ đoàn kết dân tộc. Thực hiện việc kê khai tài sản cho 436 đồng chí diện tỉnh quản lý; bổ sung hồ sơ bảo đảm quy định; việc đi thăm quan học tập, trao đổi kinh nghiệm ở nước ngoài bảo đảm quản lý chặt chẽ cán bộ, nhất là diện tỉnh quản lý. Việc thực hiện công tác phân cấp tổ chức quản lý cán bộ, công tác đánh giá, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ, việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và chính sách cán bộ, đào tạo, tăng cường cán bộ đi cơ sở; công tác phát triển đảng viên mới được Đoàn kiểm tra công tác cán bộ của Bộ Chính trị (tháng 11-2002) đánh giá đã có kết quả tốt và có nhiều kinh nghiệm hay. Luân chuyển, tăng cường đợt I được 196 cán bộ về 108 xã; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ đối với 523 cán bộ từ trưởng, phó phòng huyện trở lên tại 28 cơ quan tỉnh, huyện, thị (trong đó: Lãnh đạo sở, ban, ngành: 46 đồng chí), hiện nay đang làm thủ tục để xét duyệt 16 sở, ban, ngành, huyện đợt II - Bước 2 năm 2002, qua đây đã có tác động tích cực trong việc nâng cao ý thức, trách nhiệm với công việc. Đến ngày 25-12 kết nạp mới được 1.501 đảng viên, tăng 7,2% so với năm 2001; kết nạp đảng viên 62 thôn, bản chưa có đảng viên; nâng cấp từ 52 tổ Đảng lên chi bộ dưới cơ sở; 11 chi bộ cơ sở lên Đảng bộ cơ sở; trung tâm chính trị tỉnh, huyện, thị đã tích cực đào tạo, bồi dưỡng được 358 lớp với 24.578 người, chương trình được cải tiến, chất lượng được nâng lên một bước. Đã tổng kết sâu sắc 3 Nghị quyết Trung ương về công tác tổ chức cán bộ, tổng kết 22 năm thực hiện Chỉ thị 83 về phát triển đảng viên, triển khai Quy định 14-QĐ/TW của Bộ Chính trị về hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng; quán triệt Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 25-1-2002 của Bộ Chính trị và Hướng dẫn số 06-HD/BTCTW, ngày 2-4-2002 của Ban Tổ chức Trung ương về luân chuyển cán bộ.

Về đấu tranh chống tư tưởng cơ hội, cục bộ, bản vị, những luận điệu phản động và những thông tin sai trái, bịa đặt.

Nhận thức được vấn đề trên, ngay từ đầu năm Ban Thường vụ,

Ban Chấp hành đã nắm chắc và thường xuyên giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, chủ động, tích cực nắm tình hình, kiểm tra, phát hiện, uốn nắn kịp thời những nẩy sinh, do vậy đến nay các đồng chí Ban Thường vụ, Ban Chấp hành chưa có biểu hiện về bè phái, cục bộ; chưa thấy những luận điệu phản động và những thông tin sai trái, bịa đặt trong Đảng trên địa bàn. Các định hướng về hoạt động văn hóa, văn nghệ, tin, bài viết về Lào Cai đăng tải ở các báo và tạp chí Trung ương, địa phương nhìn chung đều có nội dung tốt, phản ánh trung thực tình hình của Lào Cai trên con đường đổi mới.

3. Việc phát hiện, giải quyết, xử lý những việc nổi cộm, bức xúc, những việc đã được gợi ý kiểm điểm nhưng còn tồn đọng, những vụ tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, mất đoàn kết nội bộ, những việc khiếu kiện và đơn thư tố cáo của nhân dân

Cho đến nay, tỉnh Lào Cai chưa phát hiện nơi nào có điểm “nóng”, nổi cộm. Qua thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW, ngày 7-6-2001 của Bộ Chính trị khóa IX về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII và qua Đoàn kiểm tra tài chính Đảng của Ủy ban kiểm tra Trung ương, một số vấn đề tồn tại của một số ban, ngành, huyện, thị đã kịp thời rút kinh nghiệm sửa chữa được đánh giá là có bước đi phù hợp và nghiêm túc. Việc khiếu kiện đông người ở Nông trường Thanh Bình; đơn thư kéo dài ở Gia Phú, huyện Bảo Thắng; đơn khiếu kiện tập thể ở phường Duyên Hải, thị xã Lào Cai đã được giải quyết. Hiện nay đang tập trung làm rõ, xử lý một số vụ tiêu cực về đền bù giải phóng mặt bằng ở thị xã Lào Cai, vụ việc đánh cắp cước phí viễn thông quốc tế, vụ lừa đảo tín dụng ở Công ty trách nhiệm Hà Quang.

Công tác thanh tra, chống tham nhũng được đẩy mạnh; đã kết thúc thanh tra được 252 cuộc, phát hiện sai phạm trên 3.300 triệu đồng chủ yếu về nguyên tắc tài chính, chiếm dụng tiền công, thi công sai thiết kế, nghiệm thu thiếu, thừa hoặc áp giá vật tư không đúng khối lượng khi hoàn công và đã có các quyết định xử lý thu hồi lại tiền cho Nhà nước. Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội, Thường

trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh cùng các ngành trong khối Nội chính đã tiếp 441 lượt công dân, thu nhận 707 đơn chủ yếu về lĩnh vực đất đai, giải phóng mặt bằng, chế độ chính sách; đã chỉ đạo các ngành, ban đơn vị giải quyết được 513 đơn, còn 194 đơn đang chỉ đạo giải quyết. Tổ chức giao ban định kỳ khối Nội chính, nắm chắc tin báo tội phạm trên toàn tỉnh.

II. VỀ TỔ CHỨC VÀ SỰ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

1. Việc đề cao ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, các quy chế, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; xây dựng và thực hiện quy chế, quy định của cấp ủy

Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc được đề ra từ đầu Khóa; từng quý đều mở hội nghị Ban Chấp hành (3 tháng); hằng tháng đều họp Ban Thường vụ, đến nay đã họp được 17 kỳ (1,42 kỳ/tháng), các nội dung, chương trình được chuẩn bị chu đáo, các ý kiến của các đồng chí trong Ban Thường vụ, Ban Chấp hành tham gia bàn bạc dân chủ, được tiếp thu, chỉnh sửa theo kết luận và biểu quyết, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ và theo đúng chương trình làm việc toàn khóa đã được Hội nghị Ban Chấp hành lần 6 từ ngày 23 đến ngày 26-4-2002 sửa chữa, điều chỉnh, thông qua cho phù hợp thực tế chỉ đạo. Từng kỳ họp Ban Thường vụ, Ban Chấp hành đều có thông báo kết quả Hội nghị tới các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Ban Chấp hành, các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc, báo cáo các ngành, ban ở Trung ương, 6 tháng, 1 năm đều có báo cáo kết quả công tác kiểm tra, công tác tài chính Đảng theo quy chế; điều chỉnh và xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội, tài chính, chương trình kiểm tra, xây dựng cơ bản theo định kỳ hằng năm, việc đổi tên, thay đổi hình thức đề án, đặc biệt là những cơ chế điều hành, cơ chế chính sách đều được Ban Thường vụ, Ban Chấp hành thông qua.

Để bảo đảm hiệu quả điều hành 27 đề án, kế hoạch và nghị quyết chuyên đề ngay từ đầu năm 2000 và cuối tháng 6-2002, Ban Thường vụ, Ban Chấp hành đã duy trì kịp thời bổ sung, điều chỉnh 11 nhóm chính sách của tỉnh như: Chính sách đối với dự án phát triển cây chè; hỗ trợ lãi suất cho người nghèo phát triển chăn nuôi; hỗ trợ giá, giống cây ăn quả, chính sách trợ giá, trợ cước, giống, vật tư nông nghiệp và tiêu thụ sản phẩm, quản lý, khai thác và sử dụng các công trình nông thôn, chính sách xóa đói, giảm nghèo; giao trách nhiệm quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa đường liên thôn, xã và dân chủ công khai tiền công đóng góp của nhân dân; những thôn, bản vùng 3 của các xã vùng 2 (ngoài chương trình 135) tỉnh đầu tư 100 triệu đồng/năm một thôn, bản; chính sách làm nhà ở cho giáo viên, cán bộ y tế nhà công vụ cho cán bộ tăng cường; thống nhất quản lý nhà nước về kinh phí đầu tư giáo dục đào tạo thuộc tỉnh và Trung ương; hỗ trợ nhân dân trồng và sấy thuốc lá, điều chỉnh lại chính sách làm thủ tục du lịch qua cửa khẩu, tránh độc quyền.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chính sách ưu đãi tập trung vào 4 khu kinh tế trọng điểm:

Ban hành chế độ hỗ trợ đào tạo và thu hút cán bộ khoa học - kỹ thuật, nghệ nhân, công nhân lành nghề bậc cao làm việc tại Lào Cai; khuyến khích phát triển sản xuất giống; hỗ trợ khuyến khích bảo tồn và phát triển nguồn gen quý hiếm đối với các loài cây, con của tỉnh; hỗ trợ di dân ở các xã vùng cao biên giới, các xã đặc biệt khó khăn; thu hút đầu tư và gọi vốn đầu tư; ban hành quy định về quy chế đấu thầu, cấp quyền sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất, thuê đất để có nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, hỗ trợ đền bù ruộng đất để bảo đảm mở rộng quy mô trường lớp vùng cao đạt chuẩn quốc gia; xây dựng cơ chế chính sách thúc đẩy phát triển các lĩnh vực văn hóa - xã hội và tạo nguồn thu để lại phục vụ quản lý, trùng tu các di tích, thù lao nghệ nhân, bài thuốc quý hiếm của các ông lang bà mẹ; chính sách làng bản đạt tiêu chuẩn văn hóa và chính sách khuyến khích xã hội hóa giáo dục và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Thường xuyên tiến hành giao ban định kỳ giữa Thường trực Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, bảo đảm tính thống nhất; giao ban với các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc, các ban xây dựng Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể.

Những công việc được Ban Chấp hành phân công ủy quyền theo quy chế cho Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy đều bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, có thông báo kết luận, thường xuyên báo cáo định kỳ với Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương, các ban xây dựng Đảng Trung ương và Quân khu II; căn cứ vào Nghị quyết Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thảo luận và quyết định những chủ trương, nhiệm vụ, biện pháp lớn trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị và các mặt công tác quan trọng đột xuất khác. Trong năm Ban Thường vụ đã điều chỉnh và phân công một đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra phụ trách Đảng bộ Biên phòng. 6 tháng Ban Thường vụ nghe Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình công tác 6 tháng, chuẩn bị nội dung họp Hội đồng nhân dân; nghe tình hình thực hiện kế hoạch Nhà nước, kế hoạch xây dựng cơ bản và chuẩn bị kế hoạch năm tới. Bàn bạc thống nhất chủ trương, giải pháp về: Phương án quy hoạch, sử dụng đất 2 bên sông Hồng và xây dựng kè sông Hồng từ đầu cầu Cốc Lếu tới đầu cầu Phố Mới; giải pháp, tiến độ xây dựng khu Công nghiệp Bắc Duyên Hải, Đông Phố Mới thị xã Lào Cai; các giải pháp đẩy nhanh tiến độ xây dựng khu Đô thị mới Lào Cai - Cam Đường; dự án xây dựng Trung tâm Thương mại cửa khẩu quốc tế Lào Cai; kế hoạch triển khai và thực hiện dự án khu Thương mại Kim Thành; nâng cấp đường quốc lộ 70; một số chủ trương, biện pháp quản lý, sử dụng đất giao cho các doanh nghiệp tăng thu ngân sách... hỗ trợ làm nhà cho 45 gia đình thương binh, liệt sĩ, chính sách theo 3 mức; cho chủ trương về Cụm thông tin cổ động Cửa khẩu quốc tế, chuẩn bị về nội dung, thời gian cho Lễ hội *"100 năm du lịch Sa Pa"*.

Thực hiện theo phân cấp công tác tổ chức và cán bộ, năm 2002: Duyệt danh sách cán bộ tăng cường đợt I; sáp nhập 2 thị xã Lào Cai

và Cam Đường thành thị xã Lào Cai về tổ chức và cán bộ bảo đảm thời gian và ổn định bộ máy, cho chủ trương nhân sự cán bộ chủ chốt Đại hội Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Cựu chiến binh, Hội Văn học - Nghệ thuật và Liên minh hợp tác xã bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ; chuẩn bị bảo đảm chất lượng cơ cấu nhân sự đại biểu Quốc hội khóa XI; sắp xếp bộ máy lãnh đạo Vườn quốc gia Hoàng Liên, Ủy ban dân số gia đình và trẻ em; kiện toàn một số lãnh đạo chủ chốt của 21 sở, ban, ngành, 3 huyện Sa Pa, Bảo Thắng, Bát Xát. Hiệp y với các ngành cộng quản giới thiệu tham gia Ủy viên Trung ương Đoàn thanh niên, phụ nữ, cựu chiến binh; bổ nhiệm lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước, biên phòng, quỹ hỗ trợ phát triển, phó giám đốc bảo hiểm xã hội. Bổ nhiệm lại 1 giám đốc bảo hiểm xã hội và 2 phó giám đốc Kho bạc Nhà nước; giải quyết nghỉ theo Nghị quyết 16 diện tỉnh quản lý 38 đồng chí; 3 đồng chí phó ngành thi lên chuyên viên cao cấp; chỉ định bổ sung 16 đồng chí tham gia Đảng đoàn cấp ủy trực thuộc, nâng lương thường xuyên cho 45 đồng chí diện tỉnh quản lý... Ban hành Quyết định 287-QĐ/TU của Tỉnh ủy về quy định đối tượng đi học các lớp chính trị ở tỉnh và Trung ương; mở 2 lớp trung cấp chính trị (K24 và K25) tại tỉnh, 1 lớp cao cấp chính trị tại chức 110 học viên;... xét duyệt tặng cờ 3 đơn vị, xét 8 tập thể và 4 cá nhân đề nghị tặng Huân chương Lao động hạng ba, 01 tập thể Huân chương Lao động hạng 2; xét đề nghị phong tặng Anh hùng lực lượng vũ trang cho huyện Than Uyên, 4 nhà giáo, 5 thầy thuốc đạt danh hiệu ưu tú; thành lập thêm 4 phòng, 1 khoa ở văn phòng và các ban đảng, trường chính trị; đánh giá, nhận xét công tác cán bộ lực lượng vũ trang diện tỉnh quản lý; thực hiện quy trình đề nghị Trung ương chỉ định 1 đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Tỉnh ủy; xét kỷ luật khai trừ 2 đảng viên khiếu nại nhiều lần ở Gia Phú, Bảo Thắng; kỷ luật hạ bậc lương 1 thạc sĩ, cho chuyển vùng công tác 3 đồng chí diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

Để có nguồn vốn đầu tư, Ban Thường vụ đã cho chủ trương năm 2003 cắt giảm 50% kinh phí mua sắm trang bị, phương tiện đất tiền,

xây dựng trụ sở làm việc để tập trung một số khu kinh tế trọng điểm, thu hút đầu tư, tạo nguồn thu cho ngân sách.

Bảo đảm chế độ thông tin theo quy định tới các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Ban Chấp hành.

Nét mới trong chỉ đạo điều hành năm 2002 là khẩn trương phê duyệt các đề án, giao kế hoạch năm sớm ngay từ cuối năm trước. Ban hành cơ chế, chính sách, tăng cường phân công các đồng chí Thường vụ là chủ nhiệm các đề án, chương trình kiểm tra; tăng cường đi kiểm tra cơ sở, nắm và giải quyết tình hình; tuyên truyền, gặp mặt các doanh nghiệp trong, ngoài nước để hiểu Lào Cai và đến hợp tác đầu tư với Lào Cai.

Tiếp tục bổ sung, ban hành và hoàn chỉnh 11 nhóm cơ chế, chính sách địa phương, hằng năm dành tới gần 30 tỷ đồng từ ngân sách địa phương để tác động vào khâu thúc đẩy thực hiện nhiệm vụ chính trị đã có tác dụng tốt, tạo lòng tin của nhân dân nhất là vùng khó khăn vào sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

III. VỀ ĐẠO ĐỨC LỐI SỐNG

Trong năm 2002, các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Ban Chấp hành đã tỏ rõ bản lĩnh chính trị, quan điểm lập trường giai cấp, không mơ hồ, dao động trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, khu vực và trong nước. Có nhận thức đúng đắn và sâu sắc về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định theo con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, tạo được sự nhất trí cao về ý chí và hành động.

Giữ gìn và phát huy tốt phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh, trung thực, giản dị, chưa có biểu hiện lợi dụng chức quyền để vụ lợi cá nhân, gần bó với quần chúng, tận tụy với công việc. Để thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 5, khóa IX, Ban Thường vụ có chủ trương trong việc cưới, tang phù hợp điều kiện tỉnh, trước hết các đồng chí trong Ban Thường vụ, Ban Chấp hành phải gương mẫu

thực hiện. Đến nay được dư luận xã hội hoan nghênh và triển khai có hiệu quả, luôn nêu cao vai trò trách nhiệm tiên phong trong công tác, gương mẫu và nghiêm túc thực hiện có hiệu quả chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, chương trình hành động và các đề án của Đảng bộ tỉnh. Nhìn chung các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Ban Chấp hành đều có ý thức tổ chức kỷ luật cao, thường xuyên chăm lo vì lợi ích tập thể, chưa có biểu hiện tham ô; tích cực đấu tranh chống tham nhũng tiêu cực, thực hiện tốt công tác tập trung dân chủ, khắc phục mọi khó khăn, đoàn kết nội bộ, từng bước trưởng thành trong cơ chế mới, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Ban Chấp hành được phân công phụ trách huyện, thị, ngành, ban đều có ý thức không ngừng phấn đấu, rèn luyện nâng cao kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn, thể hiện khá rõ năng lực lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, phần lớn đảm đương được nhiệm vụ phân công trên từng lĩnh vực công tác, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

IV. NHỮNG TỒN TẠI CHÍNH

A. Về kinh tế - xã hội

1. Việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân các dân tộc vùng cao còn gặp nhiều khó khăn. Đặc biệt là chuyển đổi nhận thức của đồng bào, thay đổi tập quán sống, canh tác cần có thời gian, điều kiện, mặc dù Lào Cai đã có cố gắng nhưng vẫn còn bộc lộ yếu kém:

- Việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế còn chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh. Mặt khác thể hiện chưa đồng đều, chưa hình thành được nhiều mô hình hàng hóa mũi nhọn, trọng yếu; tỷ lệ đói nghèo còn cao (vẫn còn 5/10 huyện, thị tỷ lệ đói nghèo còn từ 23-35%).

- Chưa ngăn chặn triệt để tình trạng dân di cư tự do vào các tỉnh phía Nam hoặc vẫn còn gần 1 vạn khẩu đang theo đạo Tin Lành trái phép ở 40 xã, 100 thôn của 8 huyện, thị.

2. Độ bền vững trong chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ cần được quan tâm hơn nữa; công tác xã hội hóa giáo dục, văn hóa, y tế cần đẩy mạnh hơn.

3. Phát triển tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp trên địa bàn huyện vẫn còn lúng túng, chuyển biến chưa rõ.

4. Công tác quản lý nhà nước về đô thị, đất đai tuy có nhiều cố gắng nhưng vẫn còn bất cập về công tác quản lý, quy hoạch.

B. Về nội chính

1. Việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong đồng bào vùng cao, vùng dân tộc thiểu số hiệu quả thấp, việc giải quyết những vướng mắc trong cộng đồng dân cư không theo quy định của pháp luật vẫn còn diễn ra.

2. Tai, tệ nạn trật tự, an toàn xã hội vẫn chưa giảm, nhất là tai nạn giao thông, ma túy tăng, xuất hiện một số vụ án buôn lậu, gian lận thương mại, tội phạm kinh tế như trộm cắp viễn thông, lừa đảo ngân hàng, tiêu cực trong một số dự án đầu tư xây dựng cơ bản.

C. Về xây dựng Đảng

1. Hiệu quả việc triển khai nghị quyết, xây dựng chương trình hành động ở vùng cao, vùng sâu còn hạn chế.

2. Tuy đã có cố gắng nhưng chưa ngăn chặn được việc theo đạo Tin Lành trái phép trong đồng bào dân tộc (chủ yếu là dân tộc Mông và Dao), đồng thời xuất hiện yếu tố phức tạp hơn.

3. Năng lực đội ngũ cán bộ còn bất cập, nhất là những nơi vùng cao, vùng sâu. Một bộ phận cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới. Ở cơ sở, tư tưởng ỷ lại trông chờ còn khá nặng nề, trình độ quản lý các chương trình, dự án đầu tư còn hạn chế, tổ chức chính trị - xã hội ở một số cơ sở còn yếu.

4. Phong cách lãnh đạo ở một vài Đảng bộ, ngành chưa thật sự đổi mới, chuyển biến ở cấp cơ sở chưa mạnh, sử dụng phát huy cơ sở vật chất đầu tư ở một số nơi chưa tốt, chưa tạo được sự chuyển biến đáng kể.

5. Nguyên tắc tập trung dân chủ, năng lực điều hành, công tác cán bộ và quy hoạch cán bộ ở một số đồng chí Ban Chấp hành, một số ngành, đơn vị, địa phương còn chưa tốt.

V. NGUYÊN NHÂN CỦA NHỮNG KẾT QUẢ VÀ TỒN TẠI

1. Nguyên nhân kết quả đạt được

- Về khách quan: Là một tỉnh vùng cao, biên giới được sự quan tâm giúp đỡ có hiệu quả của các ban, bộ, ngành Trung ương về chủ trương, cơ chế, kinh nghiệm và trong việc đầu tư vốn, khoa học - kỹ thuật... đồng thời sự phát triển của tỉnh nằm trong mối quan hệ chung của đất nước đang trên đường đổi mới, mở rộng quan hệ đối ngoại hợp tác kinh tế với các nước, các tổ chức quốc tế.

- Về chủ quan:

+ Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ đã vận dụng đúng đắn, sáng tạo Nghị quyết Đại hội IX của Đảng vào điều kiện thực tế của tỉnh, xác định được mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm thực hiện trong từng thời gian cụ thể.

+ Thực hiện tốt việc đoàn kết thống nhất và nguyên tắc tập trung dân chủ, đồng thời phát huy tính tích cực sáng tạo của cá nhân và tập thể, tinh thần lao động cần cù sáng tạo của nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

+ Đổi mới phương thức lãnh đạo, thực hiện đúng quy chế, phân công trách nhiệm rõ ràng, giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh, tuyên truyền và nhân rộng điển hình tiên tiến, ngăn chặn kịp thời những tiêu cực.

+ Tranh thủ được sự lãnh đạo của Trung ương, ủng hộ của các bộ, ban, ngành Trung ương và của các tỉnh trong cả nước.

+ Làm tốt công tác kiểm tra kịp thời uốn nắn những sai phạm trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị.

2. Nguyên nhân yếu kém

Nguyên nhân khách quan: Là một tỉnh vùng cao, biên giới có điểm xuất phát thấp, nhận thức của nhân dân về các lĩnh vực, nhất là

phát triển kinh tế hàng hóa theo cơ chế thị trường còn hạn chế, cơ sở hạ tầng còn khó khăn.

Nguyên nhân chủ quan: Công tác chỉ đạo, điều hành của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ở một số ngành, huyện, thị chưa thật sự chủ động và đổi mới phong cách chỉ đạo, tư tưởng ỷ lại, trông chờ ở một số cán bộ làm ảnh hưởng tới hiệu quả công việc. Công tác tổ chức cán bộ ở một số nơi chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới; một số đề án triển khai còn chậm thời gian; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở chuyển biến chưa mạnh.

VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Năm 2002, Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã hoàn thành tốt vai trò lãnh đạo, có nhiều cố gắng triển khai các nhiệm vụ chính trị, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, thể hiện được tính tích cực, chủ động đổi mới trong phương pháp, nội dung lãnh đạo, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trên các lĩnh vực; năng động, quán triệt, cụ thể hóa kịp thời các nghị quyết của Trung ương, vận dụng trên địa bàn, có chương trình hành động, mục tiêu, giải pháp, bước đi và phân công cụ thể để Nghị quyết đi vào cuộc sống. Qua một năm thực hiện đã phát hiện, điều chỉnh, sửa tên các đề án, ban hành và điều chỉnh cơ chế chính sách để điều hành có hiệu quả, làm chuyển biến tình hình theo hướng tích cực; Ban Thường vụ, Ban Chấp hành sớm xác định chương trình, đề án làm cơ sở cho các Đảng bộ trực thuộc xây dựng chương trình hành động; Ban Thường vụ, Ban Chấp hành thể hiện tính năng động, quyết đoán, dám chịu trách nhiệm. Tập thể Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực đoàn kết thống nhất cao, quan hệ và lễ lối làm việc giữa Thường trực Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân với Ban Thường vụ, Ban Chấp hành được thực hiện nghiêm túc theo đúng quy chế. Đã làm tốt công tác kiểm tra trong đó rất quan tâm đến cơ sở, tạo chuyển biến rõ nét. Vì vậy tất cả nhiệm vụ chính trị, chỉ tiêu kế

hoạch kinh tế - xã hội của năm 2002 đều hoàn thành vượt mức, có mặt tăng nhiều so cùng kỳ năm trước. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên, tạo không khí phấn khởi, quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ năm 2003.

VII. KẾT QUẢ PHÂN XẾP LOẠI CÁC ĐỒNG CHÍ CẤP ỦY TỈNH

- Đảng viên đủ tư cách - hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 43 đồng chí.
- Đảng viên đủ tư cách - hoàn thành nhiệm vụ: 2 đồng chí.
- Đảng viên đủ tư cách - không hoàn thành nhiệm vụ: không.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 537-TB/TU, ngày 10-2-2003

**Về ý kiến kết luận của đồng chí Giàng Seo Phử,
Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy
tại buổi làm việc với Huyện ủy Si Ma Cai ngày 6-2-2003**

Ngày 6-2-2003 đồng chí Giàng Seo Phử, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy làm việc với Ban Thường vụ Huyện ủy Si Ma Cai. Sau khi nghe đồng chí Phạm Khắc Xương, Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy báo cáo và ý kiến phát biểu của các đồng chí Thường vụ Huyện ủy, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy kết luận:

Năm 2002, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Si Ma Cai đã có nhiều cố gắng, vượt qua những khó khăn, thử thách, có nhiều cách làm sáng tạo trong việc thực hiện nghị quyết của Đảng nên đã giành được thắng lợi khá toàn diện; tổ chức tốt các hoạt động mừng Xuân - mừng Đảng, bảo đảm vui tươi lành mạnh, tiết kiệm; an ninh trật tự, an toàn xã hội được giữ vững.

- Phát huy kết quả đạt được của năm 2002, năm 2003 Ban Thường vụ Huyện ủy Si Ma Cai cần năng động, sáng tạo hơn nữa; khai thác có hiệu quả nguồn nội lực, tranh thủ ngoại lực để phát triển. Huyện cần xác định các nhiệm vụ trọng tâm của năm 2003 để từ đó dồn sức thực hiện tạo ra bước đột phá trong thời gian tới. Xác định các công trình trọng điểm, bức xúc của huyện năm 2003, đăng ký với Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến chỉ đạo. Trước mắt cần tập trung chuyển dịch cơ cấu

kinh tế mạnh mẽ hơn nữa để thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo. Ngay sau Tết Nguyên đán phân công các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ về cơ sở để triển khai thực hiện nhiệm vụ năm 2003, nắm chắc diễn biến tình hình ở cơ sở, đặc biệt là di cư tự do và tuyên truyền đạo trái phép; căn cứ vào tình hình cụ thể giúp cơ sở có giải pháp chuyển dịch cơ cấu kinh tế của từng xã. Rất chú trọng hướng dẫn nhân dân làm cái gì, trồng cây gì, nuôi con gì theo hướng sản xuất hàng hóa.

- Triển khai thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương, trường học; làm đường giao thông nông thôn bảo đảm đúng tiến độ và chất lượng các công trình. Cần chỉ đạo quản lý, khai thác tốt các công trình đã đưa vào sử dụng.

- Tập trung xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư. Phát động phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2003 rộng khắp đến từng thôn, bản để nhân dân tích cực tham gia.

- Đối với việc xây dựng trung tâm huyện lỵ, phải làm đồng bộ, đẩy nhanh tiến độ thi công, song phải bảo đảm chất lượng. Hoàn chỉnh hồ sơ xây dựng trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, trình Ủy ban nhân dân tỉnh để khởi công xây dựng vào cuối năm 2003.

- Ban Thường vụ Huyện ủy cần quan tâm đào tạo, quy hoạch, bố trí sử dụng đội ngũ cán bộ cơ sở để họ từng bước chủ động được công việc. Trên cơ sở khảo sát dự kiến các xã thực hiện mô hình Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Thừa lệnh Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy thông báo để các đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG
PHẠM NGỌC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 538-TB/TU, ngày 10-2-2003

**Về ý kiến kết luận của đồng chí Giàng Seo Phử,
Ủy viên Trung ương đảng, Bí thư Tỉnh ủy
tại buổi làm việc với Huyện ủy Bắc Hà ngày 7-2-2003**

Ngày 7-2-2003, đồng chí Giàng Seo Phử, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy làm việc với Ban Thường vụ Huyện ủy Bắc Hà. Sau khi nghe đồng chí Giàng A Pao, Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Bắc Hà báo cáo và ý kiến phát biểu của các đồng chí Thường vụ Huyện ủy, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy kết luận:

Năm 2002, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Bắc Hà đã nỗ lực phấn đấu giành được những thành tích rất đáng khích lệ, kinh tế tiếp tục có bước phát triển, đời sống của nhân dân được cải thiện; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững, hệ thống chính trị ngày càng được củng cố; tổ chức tốt các hoạt động mừng Xuân - mừng Đảng trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mùi 2003, bảo đảm vui tươi lành mạnh, tiết kiệm và an toàn.

Năm 2003 có ý nghĩa rất quan trọng, là năm bản lề của kế hoạch 5 năm 2001-2005. Vì vậy, Ban Thường vụ Huyện ủy Bắc Hà cần năng động, sáng tạo hơn nữa để tập trung làm tốt một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Trước mắt cần tập trung chỉ đạo thực hiện tốt đợt tuyển quân đầu năm 2003, bảo đảm đủ chỉ tiêu và chất lượng. Chỉ đạo nhân dân

khẩn trương sản xuất vụ đông - xuân kịp thời vụ đạt và vượt kế hoạch diện tích. Tăng cường cán bộ về cơ sở chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giúp địa phương tìm cây, con có giá trị kinh tế cao, có thị trường tiêu thụ để sản xuất. Tuyên truyền nhân dân có nhận thức tiến bộ, từng bước xóa bỏ sản xuất tự cấp, tự túc để chuyển sang sản xuất hàng hóa.

- Chỉ đạo thực hiện tốt chương trình kiên cố hóa kênh, mương; xóa bỏ phòng học tạm. Đẩy mạnh hơn nữa phong trào toàn dân làm đường giao thông nông thôn. Đối với đường liên thôn, bản phải thiết kế trong những năm tới có thể nâng cấp để ô tô đi được.

- Dồn sức thực hiện xóa đói, giảm nghèo; xây dựng kế hoạch từng quý, từng năm và có giải pháp thật cụ thể xóa đói, giảm nghèo đến từng thôn, bản và từng hộ gia đình; phân công cho từng cán bộ, các phòng, ban phụ trách.

- Thực hiện tốt phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa. Nắm chắc tâm tư, nguyện vọng của nhân dân và những diễn biến ở cơ sở, đặc biệt là việc di dịch cư tự do và tuyên truyền đạo trái phép để có biện pháp giải quyết kịp thời.

- Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay. Chuẩn bị tốt nhân sự cán bộ cấp xã, huyện cho cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp vào năm tới. Khảo sát trình độ cán bộ chủ chốt cơ sở để dự kiến các xã có thể thực hiện mô hình Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Thừa lệnh Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy thông báo để các đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG

PHẠM NGỌC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 12-CT/TU, ngày 17-2-2003

Về việc đẩy mạnh hoạt động công tác khuyến học tỉnh Lào Cai giai đoạn 2003-2005 và đến năm 2010

Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở đã tích cực lãnh đạo, chỉ đạo phong trào khuyến học bằng nhiều hoạt động thiết thực nên hoạt động khuyến học ở Lào Cai đã đạt nhiều kết quả. Một số đơn vị xã, phường, thị trấn và nhiều cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị trường học xây dựng được quỹ khuyến học, vận động nhân dân đóng góp trí tuệ, công sức, tiền của vào sự nghiệp phát triển giáo dục - đào tạo của tỉnh. Qua đó đã góp phần quan trọng vào việc hoàn thành chương trình mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ một số đơn vị xã, phường, thị trấn đã phấn đấu thực hiện đạt mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Chất lượng giáo dục - đào tạo đang từng bước được nâng cao, cơ sở vật chất của ngành giáo dục đang nhanh chóng được cải thiện, nhận thức về xã hội hóa giáo dục của nhân dân ngày càng cao.

Tuy nhiên trong quá trình thực hiện, công tác khuyến học ở Lào Cai cũng còn bộc lộ nhiều yếu kém cả về tổ chức, nội dung và hiệu quả hoạt động. Nhất là công tác tuyên truyền khuyến học chưa sâu rộng, việc xây dựng Hội Khuyến học của các cấp còn chậm, chưa tạo

được phong trào khuyến học phát triển mạnh mẽ, đều khắp và chưa có hình thức hoạt động phong phú, phù hợp để huy động tinh thần và nội lực của nhân dân cùng tham gia vào các hoạt động giáo dục. Sự phối hợp giữa các địa phương, cơ quan, ban ngành, đoàn thể với ngành Giáo dục - Đào tạo chưa thường xuyên, chặt chẽ, thậm chí nhiều cấp ủy, chính quyền, đoàn thể chưa quan tâm đúng mức đến việc chỉ đạo công tác khuyến học.

Để khắc phục tình trạng trên, đồng thời tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác khuyến học trong tỉnh giai đoạn 2003-2005 và đến năm 2010, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh cần chủ động phối kết hợp và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Hội Khuyến học và các cấp giáo dục từ tỉnh đến cơ sở tập trung thực hiện một số nhiệm vụ cơ bản trọng tâm sau đây:

1. Tổ chức quán triệt Nghị quyết của Trung ương về phát triển giáo dục - đào tạo, thực hiện xã hội hóa giáo dục. Nhất là việc tổ chức thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 24-8-1999 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Hội Khuyến học Việt Nam, Chỉ thị số 29/1999/CT-TTg, ngày 15-10-1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc phát huy vai trò của Hội Khuyến học Việt Nam trong phát triển sự nghiệp giáo dục, làm cho toàn Đảng, toàn dân nhận thức rõ vai trò, ý nghĩa của công tác khuyến học góp sức phấn đấu cho phong trào toàn dân học tập, tham gia thực hiện nhiệm vụ giáo dục nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho xã hội.

2. Các huyện, thị ủy chỉ đạo Ủy ban nhân dân các cấp thành lập Hội Khuyến học của huyện, thị xã và các đơn vị cơ sở trực thuộc ngay trong quý I năm 2003, đồng thời xây dựng chương trình kế hoạch hoạt động giai đoạn 2003-2005 và tổ chức thực hiện.

Giao cho Hội Khuyến học lâm thời của tỉnh tổ chức Đại hội lần thứ nhất vào trung tuần tháng 6 năm 2003 và có hướng dẫn đối với cơ sở để thực hiện.

3. Hội Khuyến học các cấp thống nhất với ngành Giáo dục - Đào tạo xây dựng các mục tiêu, nhiệm vụ, biện pháp và có hướng dẫn hoạt động cụ thể của Hội, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể trong hệ thống chính trị, các tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp, Hội đồng giáo dục, Hội cha mẹ học sinh, Chi hội Khuyến học ở từng địa phương, cơ sở trường học, khu phố, thôn, bản và những người quan tâm đến việc chăm lo học tập của con em trong cộng đồng đồng bào các dân tộc trong tỉnh để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trên.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương, doanh nghiệp xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện lời kêu gọi của Thủ tướng Chính phủ về chương trình kiên cố hóa trường lớp phù hợp với điều kiện của địa phương để đến năm 2004 phải xóa được 100% phòng học tạm. Ngành Giáo dục - Đào tạo tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh và các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương duy trì và phát triển số lượng, chất lượng giáo dục tiểu học, trung học cơ sở theo chuẩn quốc gia đã được Bộ Giáo dục - Đào tạo ban hành.

5. Tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, các đoàn thể, các tổ chức kinh tế - xã hội tham gia công tác khuyến học, xây dựng và quản lý sử dụng quỹ khuyến học đúng mục đích, tuân thủ các quy định của Nhà nước về hoạt động quỹ xã hội nhằm đạt hiệu quả cao.

6. Sở Giáo dục - Đào tạo, Hội Khuyến học tỉnh phải có kế hoạch để mở rộng quan hệ và tranh thủ sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp và các nhà từ thiện, hảo tâm đối với sự nghiệp giáo dục - đào tạo.

7. Tích cực đẩy mạnh phong trào thi đua trong khuyến học, hằng năm có đánh giá tổng kết, khen thưởng kịp thời những đơn vị, cá nhân làm tốt, đồng thời báo cáo kết quả định kỳ việc thực hiện về Hội Khuyến học tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp.

Khuyến học là truyền thống tốt đẹp, lâu đời của dân tộc ta, là chính sách của quốc gia, là đạo đức, nghĩa tình của nhân dân Việt Nam. Yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, các sở, ban, ngành, đoàn thể và các đơn vị có kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện nội dung Chỉ thị này.

Sở Giáo dục - Đào tạo, Hội Khuyến học tỉnh phối hợp với Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận - Dân tộc Tỉnh ủy hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc các cấp, các ngành thực hiện tốt Chỉ thị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỬ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 13-CT/TU, ngày 28-2-2003

Về việc tăng cường và nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn và học tập lịch sử Đảng trong tỉnh Lào Cai

Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc, các sở, ban, ngành, đoàn thể đã quán triệt sâu sắc và tích cực triển khai công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng, lịch sử cách mạng của một số địa phương và đơn vị. Đến nay, lịch sử Đảng bộ tỉnh đã viết đến năm 1995; Các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc cơ bản đã viết đến năm 1975 và có những địa phương, đơn vị đã và đang nghiên cứu, biên soạn thời kỳ 1975-2000; trong đó có nhiều cuốn lịch sử đạt chất lượng, nội dung khá, góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục truyền thống, tăng thêm sự hiểu biết về Đảng, nâng cao lòng yêu quê hương, đất nước, bồi dưỡng ý chí và tình cảm cách mạng cho cán bộ, đảng viên, thanh niên, học sinh, chiến sỹ lực lượng vũ trang và các dân tộc trong tỉnh. Đồng thời đã đưa lịch sử Đảng bộ địa phương vào giảng dạy tại Trường Chính trị tỉnh, Trung tâm bồi dưỡng chính trị các huyện, thị, các trường chuyên nghiệp và các trường phổ thông trong tỉnh.

Tuy nhiên, công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng ở các cấp, các đơn vị vẫn còn nhiều bất cập: Một số cuốn lịch sử biên soạn chưa bảo đảm chất lượng, còn nặng về liệt kê sự kiện, chưa có tính khái quát cao; việc rút ra bài học kinh nghiệm chưa thực sự sâu sắc;

việc tuyên truyền, giáo dục truyền thống lịch sử chưa thường xuyên, nên việc am hiểu lịch sử cách mạng địa phương của một bộ phận không nhỏ nhân dân, nhất là lớp trẻ còn hạn chế. Đội ngũ cán bộ làm công tác lịch sử Đảng còn thiếu, yếu và không ổn định; một số cấp ủy chưa quan tâm đúng mức việc chỉ đạo công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng và vì những lý do khác nhau nên một số đơn vị tiến hành còn chậm.

Để tăng cường sự lãnh đạo đối với công tác lịch sử Đảng trong toàn tỉnh và tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW, ngày 28-8-2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường và nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng có hiệu quả, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai chỉ thị:

1. Quán triệt sâu sắc nội dung Chỉ thị 15-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) về công tác nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lịch sử Đảng, lịch sử chuyên ngành để phát huy tác dụng. Coi trọng giải quyết tốt mối quan hệ giữa nghiên cứu lịch sử Đảng với phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương. Thấu suốt quan điểm coi công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng bộ gồm cả lịch sử các ngành, đoàn thể, coi đó là một nghiên cứu khoa học về xây dựng Đảng.

2. Củng cố đội ngũ cán bộ làm công tác sưu tầm, nghiên cứu và biên soạn lịch sử Đảng. Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn về công tác nghiên cứu, biên soạn, xây dựng lịch sử Đảng. Tiếp tục tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác của Phòng Lịch sử Đảng thuộc Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, bảo đảm biên chế có từ 3 đến 4 cán bộ. Ban Tuyên giáo các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc có cán bộ chuyên trách lịch sử Đảng, đồng thời từng bước có hướng quy hoạch, đào tạo cán bộ chuyên sâu về lĩnh vực này. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh có cán bộ phụ trách công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng và lịch sử cách mạng của đơn vị mình.

3. Tiếp tục triển khai tái bản có bổ sung lịch sử Đảng bộ các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc đến năm 1954, 1975 và hằng năm lập

kế hoạch trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy để có chủ trương viết tiếp tập III đến năm 2000. Các đơn vị chưa có điều kiện viết lịch sử, cần tập trung nghiên cứu để biên soạn biên niên lịch sử của đơn vị mình và tiếp tục sưu tầm, khai thác tư liệu về lịch sử qua các tài liệu, nhân chứng lịch sử, thực hiện bảo quản, lưu trữ các tài liệu, tránh thất lạc để khi có điều kiện tổ chức biên soạn. Lịch sử tỉnh Lào Cai có thời kỳ sáp nhập Lào Cai, Yên Bái, Nghĩa Lộ thành tỉnh Hoàng Liên Sơn và chia tách tỉnh Hoàng Liên Sơn thành tỉnh Lào Cai và tỉnh Yên Bái, vì vậy khi nghiên cứu, tổ chức biên soạn lịch sử Đảng, lịch sử cách mạng, các đơn vị phải bảo đảm tính liên tục.

4. Cấp ủy các cấp lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện tốt công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng bộ địa phương, đơn vị mình. Khi tiến hành biên soạn phải thực hiện theo đúng quy trình, bảo đảm tính Đảng, tính khoa học và rút ra bài học kinh nghiệm.

5. Các huyện, thị ủy chỉ đạo các Đảng ủy xã, phường có bề dày truyền thống cách mạng tiến hành nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng bộ, đơn vị mình. Đồng thời tổ chức sưu tầm các câu chuyện lịch sử, gương anh hùng liệt sĩ, cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, quần chúng có những đóng góp quý báu cho sự nghiệp cách mạng ở địa phương, biên tập thành tài liệu phục vụ giáo dục truyền thống cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trên địa bàn, đặc biệt là thế hệ thanh, thiếu niên trong tỉnh.

6. Cần sử dụng có hiệu quả các cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật phục vụ cho công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử, các địa phương, đơn vị tiếp tục quy hoạch và xây dựng phòng truyền thống của Đảng bộ chính quyền, đơn vị.

Kinh phí phục vụ công tác nghiên cứu, biên soạn và tái bản lịch sử Đảng được cấp theo thông báo của Thường trực Tỉnh ủy cho các đơn vị trong kế hoạch ngân sách hằng năm cho các huyện, thị, ngành, xã, phường, thị trấn nhưng với chủ trương tiết kiệm, hiệu quả.

7. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác giáo dục truyền thống cách mạng địa phương. Yêu cầu các địa phương, các đơn vị xây dựng

kế hoạch tuyên truyền, giáo dục truyền thống của Đảng bộ tỉnh và đơn vị, ngành mình, nhằm nâng cao lòng tự hào dân tộc, tinh thần yêu quê hương, góp phần nâng cao hiệu quả công tác chính trị tư tưởng của Đảng để nhân lên sức mạnh tổng hợp thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị đã đề ra.

8. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì và phối hợp với các ban Đảng Tỉnh ủy hướng dẫn việc thực hiện Chỉ thị, định kỳ kiểm tra các cấp, các ngành thực hiện và báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Nghiên cứu sâu sắc lịch sử Đảng là nhiệm vụ rất quan trọng, yêu cầu các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc, các Ban cán sự Đảng, các cấp, các ngành tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc các nội dung trên.

Chỉ thị này được phổ biến đến các chi, đảng bộ.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 14-CT/TU, ngày 10-3-2003

Về việc chỉ đạo triển khai, thực hiện 6 chương trình phát triển kinh tế - xã hội hướng về cơ sở năm 2003

Trong những năm qua dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự chỉ đạo điều hành của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cấp ủy đảng, chính quyền với phương châm gần dân, sát cơ sở chúng ta đã giành được thắng lợi khá toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng và xây dựng hệ thống chính trị từng bước được củng cố, có sự chuyển biến rõ nét về phương thức và phong cách lãnh đạo ở cấp tỉnh và huyện, thị.

Tuy nhiên thực trạng ở cấp cơ sở vẫn còn những tồn tại, yếu kém, bất cập như: Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, các vùng sản xuất hàng hóa tập trung đã từng bước hình thành nhưng chưa rõ nét, công tác thực hiện các đề án phát triển kinh tế - xã hội ở cơ sở còn hạn chế, kết cấu hạ tầng mặc dù đã được đầu tư nâng cấp, xây dựng song vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, giao thông nông thôn phục vụ dân sinh còn gặp nhiều khó khăn; nhiều trường lớp học, nhà ở cho giáo viên còn tạm bợ ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng dạy và học. Hệ thống chính trị nhất là cơ sở chưa chuyển biến kịp so với yêu cầu nhiệm vụ mới đặt ra, tư tưởng ỷ lại trông chờ vẫn còn tồn tại khá nặng nề trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, nhân dân.

Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ 9 đã thống nhất quan điểm chỉ đạo trong năm 2003 là: Nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành của các cấp ủy đảng và chính quyền các cấp; tăng cường phân cấp nhằm tăng tính chủ động, sáng tạo cho các cấp các ngành, tạo ra được sự chuyển biến quan trọng của cơ sở; tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm trong đó chú trọng đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn; xóa đói, giảm nghèo; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp, du lịch và dịch vụ; khai thác tốt tiềm năng lợi thế, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tạo ra lợi thế để đẩy mạnh thu hút đầu tư, ngăn ngừa và xử lý nghiêm minh các tiêu cực, tham nhũng, vi phạm tội phạm trên địa bàn, củng cố an ninh - quốc phòng; phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, giải quyết tốt các vấn đề xã hội; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tạo đà phát triển cho những năm tới.

Trên cơ sở 7 chương trình công tác trọng tâm toàn khóa với 27 đề án, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề. Năm 2003, Tỉnh ủy đã xác định là năm hướng về cơ sở và cần tập trung lãnh đạo tạo sự chuyển biến rõ nét ở cấp cơ sở, chỉ đạo xây dựng 6 chương trình cấp bách là:

1. Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn.
2. Chương trình xóa đói, giảm nghèo.
3. Chương trình phát triển giao thông nông thôn.
4. Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học.
5. Chương trình xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư.
6. Chương trình xây dựng và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở.

Để thực hiện thắng lợi 6 chương trình trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể thực hiện một số nhiệm vụ cấp bách sau đây:

1. Triển khai, quán triệt, phổ biến tinh thần, nội dung 6 chương trình phát triển kinh tế - xã hội hướng về cơ sở năm 2003 tới mọi cán bộ, đảng viên và toàn thể các tầng lớp nhân dân trong toàn tỉnh nhằm tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức của người dân đối với chủ

trường hướng về cơ sở của tỉnh, tạo ra phong trào thi đua rộng khắp các địa bàn trong toàn tỉnh năm 2003 và trong những năm tới.

2. Các nhiệm vụ trọng tâm hướng về cơ sở của năm 2003 được thực hiện theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí, nhân dân tự làm là chính, vì vậy yêu cầu các huyện, thị ủy cần tập trung chỉ đạo các xã, phường (đặc biệt là cấp xã) xây dựng kế hoạch chi tiết cụ thể thực hiện 6 chương trình ở từng xã. Đảng ủy, chi bộ, chính quyền cấp xã là người trực tiếp triển khai, lãnh đạo thực hiện các chương trình nói trên ngay tại cơ sở, vì vậy mọi cán bộ, đảng viên phải đoàn kết, thống nhất, thấm nhuần tư tưởng chỉ đạo của Tỉnh ủy và phải tổ chức huy động nhân dân, thực hiện hiệu quả nghị quyết của chi bộ, Đảng bộ, quyết tâm thực hiện thắng lợi 6 chương trình trên của Tỉnh ủy.

3. Nhiệm vụ cụ thể đối với chương trình phát triển giao thông nông thôn phải xác định rõ quan điểm của tỉnh là: Đối với đường liên thôn, bản cần ưu tiên làm trước một số tuyến đường chính trong xã, trên nguyên tắc làm đến đâu được đến đó, quy mô, kích thước theo quy định, hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh, làm chắc nền đường và kiên cố hệ thống cống rãnh thoát nước. Nhân dân tự làm là chính, Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí theo hình thức Khoán gọn. Đối với chương trình kiên cố hóa trường lớp: trước mắt mỗi xã chọn một điểm trường để xây dựng một số phòng học làm thí điểm, rút kinh nghiệm và nhân rộng.

4. Các cơ quan thông tin đại chúng bám sát cơ sở để kịp thời phản ánh những nhân tố điển hình tiên tiến, giới thiệu những cách làm tốt hiệu quả. Các sở, ban, ngành chỉ đạo thực hiện các chương trình cần sâu sát nắm bắt tình hình, kiểm tra, đôn đốc và cùng với cấp ủy, chính quyền địa phương kịp thời giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện.

5. Thực hiện 6 chương trình trọng tâm năm 2003 cùng với triển khai có hiệu quả các chủ trương, nghị quyết, đề án, kế hoạch của Tỉnh ủy là nội dung xây dựng hệ thống chính trị theo hướng trong sạch,

vững mạnh, là tiêu chuẩn thi đua phải được sơ kết, tổng kết kịp thời, kết quả thực hiện 6 nhiệm vụ trọng tâm trên đây là tiêu chuẩn phân xếp loại Đảng bộ, chính quyền cấp xã, phường và phân xếp loại đảng viên của năm 2003. Do vậy yêu cầu các huyện, thị ủy, đảng ủy trực thuộc cần xác định nhiệm vụ lãnh đạo trọng tâm để thực hiện có hiệu quả chỉ thị này. Các Ban xây dựng Đảng của Tỉnh ủy, các cơ quan có chức năng giám sát của Nhà nước thường xuyên theo dõi kiểm tra báo cáo với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Chỉ thị này được phổ biến đến đảng viên và toàn thể nhân dân.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 92-BC/TU, ngày 17-3-2003

Tổng kết công tác lịch sử Đảng 1991-2002 và phương hướng những năm tới

Lịch sử Đảng là khoa học xã hội, là bộ phận quan trọng của công tác xây dựng Đảng, có quan hệ chặt chẽ với mọi hoạt động của Đảng. Lịch sử Đảng bộ địa phương, bao gồm lịch sử của các cấp bộ Đảng, các ngành và đoàn thể, là một bộ phận cấu thành của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, phản ánh sự vận dụng sáng tạo các quan điểm, đường lối của Trung ương vào hoàn cảnh cụ thể của từng địa phương. Trong những năm qua, Bộ Chính trị và Ban Bí thư Trung ương Đảng luôn luôn quan tâm tới công tác lịch sử Đảng, đã có nhiều chỉ thị, nghị quyết về công tác này. Đặc biệt ngày 28-8-2002, Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) ban hành Chỉ thị số 15-CT/TW về tăng cường và nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng. Để triển khai Chỉ thị 15 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, đồng thời tiến hành tổng kết công tác lịch sử Đảng toàn tỉnh trong hơn 10 năm qua và đề ra phương hướng công tác này trong thời gian tới, Tỉnh ủy Lào Cai báo cáo tổng kết công tác lịch sử Đảng tỉnh Lào Cai giai đoạn 1991-2002.

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Đặc điểm khó khăn và thuận lợi

Tháng 10-1991, tỉnh Lào Cai được tái lập, với 15 huyện, thị và

Đảng ủy trực thuộc bao gồm 180 xã, phường, thị trấn, 580 chi, Đảng bộ cơ sở. Ngày đầu tái lập với bao khó khăn bộn bề trên nhiều lĩnh vực, công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng từ tỉnh tới cơ sở và các ngành thời kỳ này gặp rất nhiều khó khăn.

Do mới chia tách, Tỉnh ủy Lào Cai rất thiếu cán bộ. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy là cơ quan tham mưu giúp việc cho Tỉnh ủy về công tác chính trị tư tưởng của Đảng bộ, trong đó có nhiệm vụ nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng, chỉ có 10 người, chưa đủ 50% chỉ tiêu biên chế. Cơ sở vật chất và phương tiện làm việc rất thiếu thốn, điều kiện ăn ở, làm việc hết sức khó khăn. Đầu năm 1993, Tỉnh ủy chuyển về địa điểm mới ở thị xã Lào Cai. Điều kiện sinh hoạt và làm việc đã được cải thiện tốt hơn, nhưng vẫn còn rất nhiều khó khăn.

Cán bộ chuyên trách công tác lịch sử Đảng ở Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy lúc đầu chỉ có một đồng chí, kinh nghiệm chưa có, tất cả đều mới lạ, bỡ ngỡ. Các Đảng bộ huyện, thị, đảng ủy trực thuộc phải lo ổn định tổ chức và các công việc trước mắt, nên chưa có điều kiện quan tâm đến công tác lịch sử Đảng. Đến thời điểm tái lập tỉnh, đa số các địa phương và các ngành trong tỉnh chưa biên soạn được lịch sử của đơn vị mình.

Do ảnh hưởng của các cuộc chiến tranh và điều kiện lịch sử để lại, nên tư liệu thành văn các thời kỳ bị thất lạc mất mát rất nhiều. Đội ngũ cán bộ lão thành cách mạng, những nhân chứng lịch sử, hầu hết là người quê ở miền xuôi, sau khi hoàn thành nhiệm vụ đã chuyển về quê. Phần đông tuổi cao sức yếu, một số đã qua đời, số còn lại hiện trí nhớ đã giảm; nên rất khó khăn cho công tác khai thác tư liệu khi viết sử.

Tuy có nhiều khó khăn như vậy song công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng trong tỉnh cũng có những thuận lợi rất cơ bản, đó là:

- Trung ương Đảng luôn có sự quan tâm chỉ đạo về công tác nghiên cứu lịch sử, đã ban hành nhiều chỉ thị, nghị quyết về công tác biên soạn lịch sử Đảng. Có những vấn đề lịch sử của Đảng bộ Lào Cai được các đồng chí Trung ương tham gia chỉ đạo và cho ý kiến rất cụ thể.

- Viện Lịch sử Đảng hằng năm đều mở các lớp tập huấn bồi dưỡng nghiên cứu lịch sử Đảng cho các địa phương. Do được bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ thường xuyên, nên trình độ chuyên môn của cán bộ làm công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng ngày một nâng cao. Mặc dù đội ngũ chuyên trách số lượng tuy ít, nhưng đã am hiểu về chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm cao với công việc được phân công. Đặc biệt, các đồng chí cách mạng lão thành, nhiều cán bộ, đảng viên rất tâm huyết và ủng hộ việc nghiên cứu sưu tầm để biên soạn lịch sử Đảng.

- Các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, các ngành, đoàn thể ngày càng nhận thức sâu sắc được tầm quan trọng của công tác nghiên cứu lịch sử Đảng nên nhiều địa phương, đơn vị đã chủ động xây dựng kế hoạch chỉ đạo biên soạn lịch sử của đơn vị mình.

2. Công tác chỉ đạo sưu tầm biên soạn lịch sử Đảng

Ngay từ khi tỉnh Lào Cai được tái lập, mặc dù lực lượng cán bộ chuyên môn còn thiếu, song các cấp ủy đã quan tâm sâu sát đến công tác lịch sử Đảng. Tỉnh ủy đã đầu tư, tăng cường cán bộ ở bộ phận lịch sử Đảng thuộc Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, bao gồm những đồng chí được đào tạo chuyên ngành lịch sử. Năm 1997, trên cơ sở bộ phận lịch sử, Tỉnh ủy đồng ý thành lập Phòng Lịch sử Đảng thuộc Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

Trong mấy năm gần đây, Tỉnh ủy đã có nhiều công văn, chỉ thị về công tác lịch sử Đảng; quy định quy trình nghiên cứu biên soạn; tiêu chí xác định ngày thành lập các cấp bộ Đảng giúp cho các cấp ủy sưu tập, biên soạn lịch sử Đảng thuận lợi hơn, khuyến khích các ngành, các địa phương làm đề tài khoa học tổng kết lịch sử và có sự đầu tư thỏa đáng về kinh phí.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã giao cho Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tập trung nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng bộ tỉnh Lào Cai và tham mưu cho Tỉnh ủy, chỉ đạo công tác lịch sử Đảng trên phạm vi toàn tỉnh, đồng thời giúp đỡ các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc, các sở, ban,

ngành nghiên cứu biên soạn lịch sử Đảng bộ địa phương và lịch sử ngành, hằng năm cử cán bộ đi tập huấn công tác lịch sử Đảng tại các lớp bồi dưỡng do Viện Lịch sử Đảng tổ chức.

Có thể nói từ khi tái lập tỉnh đến nay, Tỉnh ủy đã có sự quan tâm đặc biệt đến công tác lịch sử Đảng, không những về chủ trương chỉ đạo, mà còn có sự đầu tư thỏa đáng về cơ sở vật chất. Với tổng số kinh phí đầu tư hàng tỷ đồng bao gồm kinh phí của tỉnh, của các huyện, thị và các ngành (trong đó, đầu tư cho 7 đề tài khoa học cấp tỉnh hơn 300 triệu đồng). Nhờ có sự quan tâm chỉ đạo đó, hơn 10 năm qua toàn tỉnh đã có 24 đơn vị biên soạn được trên 50 đầu sách thể loại lịch sử với số lượng phát hành hơn 20.000 bản, riêng Tỉnh ủy xuất bản hơn chục đầu sách, còn lại là các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc và các ngành.

Đảng bộ tỉnh đã hoàn thành 2 đề tài khoa học cấp tỉnh về lịch sử Đảng Lào Cai giai đoạn 1954-1975 và 1976-1995. Biên tập xuất bản 3 tập sách: Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lào Cai tập I (1930-1954); tập II (1955-1975); tập III (1976-1995). Đồng thời cũng xuất bản một số sách chuyên khảo như: *Dư địa chí Lào Cai (khái lược)*, *Lào Cai làm theo lời Bác, Kỷ yếu Hội thảo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh; Lào Cai 10 năm đổi mới và phát triển, Đảng bộ Lào Cai 55 năm xây dựng và trưởng thành*, Văn kiện của các Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa X, XI, XII và 7 chương trình công tác trọng tâm với 29 đề án, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XII)...

Đảng bộ các huyện, thị đã có nhiều cố gắng trong công tác nghiên cứu biên soạn lịch sử Đảng bộ địa phương. Kết quả đến nay đã có 5 huyện biên soạn lịch sử Đảng bộ đến năm 1975 là: Bảo Thắng, Bảo Yên, Văn Bàn, Than Uyên, Mường Khương. Có 2 huyện biên soạn sau năm 1975 là Bát Xát biên soạn lịch sử Đảng bộ huyện đến năm 1995, huyện Sa Pa biên soạn đến năm 2000. Huyện Than Uyên đã biên soạn được cuốn khảo cứu: *Than Uyên 50 năm xây dựng và phát triển*, nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng Than Uyên. Huyện Văn Bàn đã biên soạn được cuốn sách: *45 năm Văn Bàn giải phóng*. Huyện Bảo Yên biên soạn cuốn *Bảo Yên - Người và Đất*.

Các đơn vị biên soạn đến năm 1954 là: Huyện Bắc Hà (cũ) đã hoàn thành biên soạn tập I đến năm 1954; hiện nay đang tiến hành biên soạn tập II đến năm 1975. Thị xã Lào Cai (cũ) đã viết xong tập I đến năm 1954 và hiện nay thị xã Lào Cai (mới) đang tái bản có sửa chữa bổ sung tập I và sau đó sẽ biên soạn tập II. Huyện Si Ma Cai mới được tách ra từ huyện Bắc Hà, mặc dù gặp nhiều khó khăn; song đã sớm có kế hoạch, chủ động biên soạn lịch sử Đảng bộ huyện tập I (1930-1954).

Các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, hiện đã có 4/5 đơn vị biên soạn được lịch sử như: Công an tỉnh đã biên soạn được 4 cuốn: Lịch sử Công an nhân dân Lào Cai tập I (1945-1954), tập II (1955-1995); Lịch sử Biên niên 1945-2000; và đang biên soạn lịch sử đấu tranh chống phản động 1945-2002. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đã biên soạn được 3 cuốn: Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp của quân và dân Lào Cai (1945-1954); Lịch sử cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ và Tổng kết công tác tiểu phẩm trên địa bàn tỉnh Lào Cai (1950-1970). Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh đã xuất bản Lịch sử Bộ đội Biên phòng Lào Cai (1959-1994). Đảng ủy Mỏ Apatít cho xuất bản: Lịch sử Mỏ Apatít Lào Cai (1945-2000).

Đối với các ngành thuộc Khối cơ quan Dân, Chính, Đảng: Có 9 đơn vị biên soạn lịch sử ngành và giáo trình lịch sử: Liên đoàn Lao động tỉnh đã xuất bản: *Lịch sử phong trào công nhân, viên chức và công đoàn tỉnh Lào Cai*. Bưu điện tỉnh Lào Cai đã xuất bản: *Lịch sử Bưu điện tỉnh Lào Cai (1930-1997)*. Ngân hàng Nhà nước đã xuất bản: *Lịch sử Ngân hàng Lào Cai (1951-2001)*. Hội Phụ nữ tỉnh đã xuất bản: *Phong trào phụ nữ tỉnh Lào Cai 1945-2000*. Mặt trận Tổ quốc tỉnh đã biên soạn xong: *Lịch sử Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai (1945-2000)*. Sở Công nghiệp đã biên soạn xong: *Lịch sử ngành Công nghiệp Lào Cai (1945-1995)*. Trường Chính trị tỉnh đã biên soạn *Giáo trình Lịch sử Lào Cai (dùng cho các lớp trung cấp chính trị)*. Hội Văn học - Nghệ thuật đã biên soạn xong: *Biên niên sự kiện Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh Lào Cai (1950-1991)*. Sở Giáo dục và Đào tạo Lào Cai đang biên soạn: *Tài liệu giảng dạy lịch sử địa phương và lịch sử của ngành*.

3. Từng bước coi trọng công tác tổ chức nghiên cứu học tập lịch sử Đảng

Các sách lịch sử được xuất bản thời gian qua đã được sử dụng làm tài liệu phục vụ thiết thực cho công tác tuyên truyền học tập ở các chi, đảng bộ. Giúp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh nắm được những truyền thống vẻ vang của Đảng, của nhân dân các dân tộc Lào Cai. Tất cả các chi, đảng bộ trực thuộc huyện, thị, Đảng ủy đã được phát 3 tập Lịch sử Đảng bộ tỉnh và các sách chuyên khảo về lịch sử Đảng do tỉnh biên soạn. Ngoài ra, các đảng bộ huyện, thị đã ấn định phát hành sách Lịch sử Đảng bộ và các ấn phẩm khác của đơn vị mình tới các tổ chức đảng trong toàn tỉnh.

Các sách lịch sử là tài liệu chính để học tập trong các đợt sinh hoạt chính trị, kỷ niệm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày thành lập Đảng bộ tỉnh, ngày giải phóng Lào Cai và ngày kỷ niệm của các ngành, các địa phương. Thông qua việc nghiên cứu lịch sử Đảng, chúng ta đã xác định lại được nhiều sự kiện lịch sử quan trọng mà trước đó chưa xác định được như: Ngày 5-3-1947 thành lập Đảng bộ tỉnh, ngày 2-4-1948 thành lập lực lượng vũ trang Lào Cai, ngày 23-8-1958 Bác Hồ lên thăm Lào Cai, ngày thành lập Đảng bộ, ngày giải phóng các huyện, thị, xác định nơi thành lập chi bộ nông thôn đầu tiên ở Cam Đường, nơi Bác Hồ nói chuyện với đồng bào các dân tộc Lào Cai khi Người lên thăm Lào Cai để xây dựng Nhà bia tưởng niệm giáo dục truyền thống cho nhân dân địa phương. Đã ghi lại những tấm gương anh hùng, những điển hình xuất sắc trong chiến đấu, lao động sản xuất và hoạt động công tác trong các thời kỳ lịch sử.

Các tập Lịch sử Đảng bộ tỉnh được Trường Chính trị dùng để biên soạn Giáo trình Lịch sử Lào Cai, đã giảng dạy cho hàng chục lớp với hàng trăm tiết học, cho hàng nghìn lượt học sinh tại các lớp trung cấp, sơ cấp chính trị của tỉnh và các huyện; ngành Giáo dục đã dựa vào lịch sử Đảng bộ tỉnh để biên soạn Tài liệu giảng dạy lịch sử địa phương dùng trong các trường phổ thông ở trong tỉnh.

Để đa dạng hóa công tác tuyên truyền, học tập lịch sử Đảng, từ tỉnh đến các ngành đã tổ chức nhiều cuộc thi như thi viết hồi ký cách mạng về Lào Cai nhân kỷ niệm 10 năm tái lập tỉnh; thi tìm hiểu lịch sử Đảng bộ Lào Cai, nhân kỷ niệm 50 năm ngày thành Đảng bộ tỉnh (5-3-1947 - 5-3-1998) và thi tìm hiểu 40 năm ngày Bác Hồ lên thăm Lào Cai (23-9-1958 - 23-9-1998), 55 năm thành lập Lực lượng vũ trang Lào Cai (2-4-1948 - 2-4-2003). Đồng thời tổ chức các hoạt động hướng về cội nguồn, thăm các di tích lịch sử và tổ chức nói chuyện truyền thống lịch sử cho thanh thiếu niên nhân các ngày kỷ niệm lớn của địa phương. Bên cạnh việc coi trọng sưu tầm, biên soạn lịch sử thì công tác chỉ đạo nghiên cứu học tập lịch sử Đảng đã có nhiều cố gắng và đạt được kết quả đáng phấn khởi, ngày càng trở thành động lực tinh thần quan trọng cổ vũ động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh vượt lên khó khăn thử thách, đẩy mạnh sản xuất phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo đưa Lào Cai trở thành một tỉnh giàu mạnh xứng đáng là mảnh đất anh hùng nơi tuyến đầu Tổ quốc.

4. Đánh giá chung

a) Ưu điểm

Trong hơn 50 ấn phẩm lịch sử bao gồm Lịch sử Đảng bộ tỉnh, Lịch sử Đảng bộ huyện, thị, lịch sử các ngành và các sách chuyên khảo thuộc thể loại lịch sử đã xuất bản từ ngày tái lập tỉnh đến nay cơ bản đều bảo đảm chất lượng cả hai mặt, nội dung và hình thức được bạn đọc mến mộ. Các tập sách lịch sử biên soạn theo một quy trình chặt chẽ, tuân thủ đúng nguyên tắc và phương pháp biên soạn về thể loại lịch sử Đảng, lịch sử ngành. Kết cấu nội dung vừa bảo đảm sự thống nhất giữa các mốc sự kiện lịch sử của Đảng Cộng sản Việt Nam với lịch sử địa phương, song lại thể hiện được đặc thù riêng biệt của Lào Cai, góp phần làm phong phú thêm lịch sử của Đảng ta, dân tộc ta.

Các tập sách lịch sử đã xuất bản của Lào Cai phản ánh rõ nét sự lãnh đạo của Đảng bộ qua những chặng đường đấu tranh cách mạng

và xây dựng tỉnh Lào Cai. Đã tái hiện sinh động những sự kiện lịch sử của địa phương, của ngành. Vì vậy các ấn phẩm trên ngày càng thu hút sự quan tâm tìm đọc, nghiên cứu của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Phục vụ tích cực cho việc giáo dục truyền thống, bồi dưỡng ý chí và tình cảm cách mạng, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân. Góp phần đấu tranh chống lại âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, góp phần tích cực vào công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh. Thúc đẩy tinh thần thi đua yêu nước, làm cho Lào Cai ngày một phát triển và lớn mạnh không ngừng.

Đạt được những kết quả trên, trước hết là do các cấp ủy đảng từ tỉnh đến huyện đã có sự nhận thức đúng đắn về công tác này, nên đã có sự tập trung chỉ đạo sâu sát. Nhiều đơn vị đã có tinh thần chủ động rất cao trong công tác sưu tầm và biên soạn lịch sử. Điển hình là các đơn vị: Huyện Sa Pa, Bảo Thắng, Văn Bàn, Công an tỉnh, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh.

Có được những kết quả trên, một mặt là do có sự quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo sâu sát của các cấp ủy đảng, mặt khác có sự cố gắng phấn đấu vươn lên không ngừng của đội ngũ cán bộ rất tâm huyết, say mê với công tác nghiên cứu lịch sử. Mặc dù chưa qua đào tạo chuyên môn nhưng với lòng say mê, cần mẫn không kể công sức, tận tụy sưu tầm, nghiên cứu đóng góp tích cực để tạo ra những ấn phẩm lịch sử rất có giá trị. Đồng thời có sự giúp đỡ của Viện Lịch sử Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, là các cơ quan đã tham gia thẩm định và biên tập xuất bản được nhiều đầu sách của tỉnh và một số huyện, thị, góp phần nâng cao chất lượng các ấn phẩm lịch sử của tỉnh. Bên cạnh đó có sự giúp đỡ của các đồng chí lão thành cách mạng đã cung cấp nhiều tư liệu và đóng góp nhiều ý kiến quý báu; sự đầu tư thích đáng về kinh phí, cơ sở vật chất, về đội ngũ cán bộ của các cấp ủy đảng nên đã giúp cho công tác nghiên cứu biên soạn lịch sử Đảng của Đảng bộ chúng ta đạt được những kết quả như hôm nay chúng ta tổng kết đánh giá.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác nghiên cứu, sưu tầm biên soạn lịch sử Đảng cũng còn những yếu kém hạn chế sau:

b) Nhược điểm yếu kém

Mặc dù công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử đã được các cấp ủy quan tâm, song do lực lượng cán bộ chuyên ngành lịch sử còn thiếu, nên hầu hết các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc chưa có cán bộ chuyên môn làm công tác này. Phòng Lịch sử Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy mới chỉ có 2 đồng chí, trong khi Trung ương quy định biên chế từ 3 đến 4 đồng chí, nên không thể trực tiếp giúp các đơn vị trong việc viết lịch sử. Trong khi đó, chế độ chính sách cho công tác biên soạn lịch sử Đảng lại chưa được thống nhất từ Trung ương đến tỉnh, huyện.

Do tự biên soạn, trong khi trình độ chuyên môn còn hạn chế, nên chất lượng một số công trình chưa cao, còn nặng về liệt kê sự kiện, còn né tránh hoặc bỏ trống những vấn đề trọng yếu như rút ra các bài học kinh nghiệm, hay việc đánh giá, lý giải những sai lầm, vấp vấp với những căn cứ lý luận, thực tiễn và chỉ ra phương pháp khắc phục; những cuộc đấu tranh giữa các quan điểm khác nhau trong nội bộ Đảng để đi tới thống nhất, đoàn kết.

Một số cuốn sách lịch sử Đảng bộ địa phương viết chưa đúng phương pháp và viết quá sơ lược về lịch sử xây dựng Đảng hoặc thiếu vắng những nội dung quan trọng như đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công tác tổ chức và cán bộ, quan hệ giữa Đảng với nhân dân, quan hệ giữa Đảng và chính quyền, đoàn thể. Chưa làm rõ được sự phấn đấu, hy sinh của cán bộ, đảng viên và quần chúng trong đấu tranh, lao động, sản xuất, thực hiện đường lối chủ trương của Đảng. Kết cấu của nhiều tác phẩm còn công thức, cứng nhắc, chưa xuất phát từ đặc điểm cụ thể của địa phương, của ngành... Thậm chí còn mắc khá nhiều lỗi kỹ thuật như lập luận thiếu chặt chẽ, văn phong chưa chuẩn xác...

Đa số các đơn vị thực hiện nghiêm túc quy trình nghiên cứu biên soạn do Thường trực Tỉnh ủy quy định, song vẫn còn một số đơn vị làm tắt, không theo quy định đã được hướng dẫn tại Công văn số 49-CV/TU,

ngày 28-3-2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, nên chất lượng sách không bảo đảm được yêu cầu. Một số cuốn Lịch sử Đảng bộ địa phương đã xuất bản vẫn còn thiếu nhiều sự kiện thậm chí còn nhầm lẫn những sự kiện quan trọng, cần phải chỉnh sửa, bổ sung.

Nguyên nhân của những hạn chế thiếu sót trên là do người viết lịch sử chưa được đào tạo về chuyên môn. Một số cấp ủy chưa có sự đầu tư thích đáng cho công tác này, còn sợ tốn kinh phí hay lựa chọn bố trí cán bộ làm công tác này chưa thích hợp.

Song có thể nói, công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng trong 12 năm qua ở tỉnh ta đã có những cố gắng nhất định, tạo ra được những kết quả hết sức quan trọng, góp phần xứng đáng vào thành tích chung trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa của Đảng bộ.

5. Những kinh nghiệm rút ra

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu biên soạn lịch sử Đảng bộ địa phương những năm qua, chúng ta có thể rút ra một số kinh nghiệm sau đây:

Một là, công tác nghiên cứu, biên soạn, học tập lịch sử muốn đạt hiệu quả cao trước hết cần có sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của cấp ủy. Để có sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát này, tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp phải có quan điểm và nhận thức đúng đắn về vai trò của công tác nghiên cứu biên soạn, giảng dạy lịch sử. Thấy rõ vai trò, ý nghĩa và tác dụng của nó trong sự nghiệp cách mạng, đặc biệt là trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Hai là, để làm tốt công tác nghiên cứu biên soạn, giảng dạy lịch sử địa phương, cấp ủy các cấp phải chú trọng tới việc lựa chọn, phân công cán bộ có trình độ, năng lực và thực sự tâm huyết để phụ trách công tác này. Khi có cán bộ phụ trách công tác lịch sử và giảng dạy lịch sử cần chú ý thường xuyên bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn cho đội ngũ này.

Ba là, trong quá trình nghiên cứu, biên soạn và giảng dạy lịch sử phải thường xuyên đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng toàn

diện của công trình nghiên cứu và giảng dạy. Để đổi mới phương pháp nâng cao chất lượng biên soạn, giảng dạy, những cán bộ trực tiếp làm công tác này phải nắm vững quan điểm đổi mới của Đảng, nắm vững đường lối, chính sách của Đảng thông qua các văn kiện của Đảng bộ các cấp. Đặc biệt những cán bộ này phải có quan điểm lịch sử sâu sắc và thái độ trung thực, khách quan đối với các vấn đề lịch sử.

Bốn là, trong công tác biên soạn và giảng dạy lịch sử cần làm rõ vai trò lãnh đạo của Đảng, đồng thời làm sáng tỏ vai trò và sức mạnh to lớn của các tầng lớp nhân dân trong các cuộc cách mạng, đánh giá đúng mức vai trò của cấp ủy, của tập thể và cá nhân. Biên soạn và giảng dạy lịch sử phải gắn liền với đấu tranh bác bỏ những luận điệu sai trái và xuyên tạc lịch sử. Kịp thời hiệu chỉnh những ngộ nhận sai lạc cho đúng với sự thật lịch sử.

Năm là, cần tuân thủ đúng quy trình, nguyên tắc biên soạn, giảng dạy lịch sử. Phải có sự đầu tư kinh phí đáp ứng đầy đủ cho công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử.

Sáu là, cấp ủy các cấp thường xuyên kiểm tra, chỉ đạo công tác nghiên cứu biên soạn, giảng dạy lịch sử để công tác này thực sự đạt hiệu quả chất lượng.

II. PHƯƠNG HƯỚNG CÔNG TÁC THỜI GIAN TỚI

1. Quán triệt sâu sắc những nội dung quy định trong Chỉ thị 15-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) về tăng cường nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng. Triển khai kịp thời và tổ chức thực hiện nghiêm túc có hiệu quả Chỉ thị số 13-CT/TU, ngày 28-2-2003 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai về tăng cường và nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn và học tập lịch sử Đảng trong tỉnh Lào Cai.

Các cấp ủy đảng coi trọng đẩy mạnh công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng, giải quyết tốt mối quan hệ giữa nghiên cứu lịch sử Đảng với phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương. Thấu suốt

quan điểm coi công tác nghiên cứu lịch sử Đảng bao gồm cả lịch sử các ngành, đoàn thể là công tác xây dựng Đảng.

2. Củng cố đội ngũ cán bộ làm công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng. Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn về công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng. Tiếp tục tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác của Phòng Lịch sử Đảng thuộc Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy. Ban Tuyên giáo các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc có cán bộ chuyên trách lịch sử Đảng, đồng thời từng bước có hướng quy hoạch, đào tạo cán bộ chuyên sâu về lĩnh vực này. Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh phải bố trí cán bộ phụ trách công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử của đơn vị mình.

3. Tiếp tục triển khai tái bản có bổ sung lịch sử Đảng bộ các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc đến năm 1954, 1975 và hàng năm lập kế hoạch trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy để có chủ trương viết tiếp tập III đến năm 2000. Ở các xã, phường có bề dày truyền thống lịch sử, cần có kế hoạch tổ chức nghiên cứu, biên soạn lịch sử ở địa phương mình. Các đơn vị chưa có điều kiện viết lịch sử, cần tập trung biên soạn biên niên lịch sử của đơn vị mình. Tiếp tục sưu tầm, khai thác tư liệu qua các tài liệu và nhân chứng lịch sử, có kế hoạch bảo quản lưu trữ các tài liệu tránh để mất mát thất lạc, để khi có điều kiện tổ chức biên soạn. Nơi có điều kiện, cần xây dựng phòng truyền thống hoặc phòng lưu niệm lịch sử.

4. Cấp ủy các cấp lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện tốt công tác nghiên cứu, biên soạn sách lịch sử Đảng bộ ở đơn vị. Thực hiện đổi mới phương pháp nghiên cứu, giảng dạy lịch sử. Khi tiến hành biên soạn phải thực hiện theo quy trình Tỉnh ủy đã quy định. Các cuốn sách xuất bản phải bảo đảm tính Đảng, tính khoa học, rút ra được bài học kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thật cụ thể đó là vốn quý của lịch sử để lại trong mỗi giai đoạn cách mạng, làm bài học cho sự phát triển của tương lai.

5. Coi trọng công tác giáo dục truyền thống cách mạng địa phương thông qua các cuốn sách Lịch sử Đảng bộ, lịch sử các cấp, các ngành

và phòng truyền thống. Các địa phương, các ngành có kế hoạch tuyên truyền, giáo dục truyền thống của Đảng bộ tỉnh và đơn vị, ngành mình, nhằm nâng cao lòng tự hào dân tộc, tinh thần yêu quê hương, góp phần nâng cao hiệu quả công tác chính trị tư tưởng của Đảng.

Nghiên cứu sâu sắc lịch sử Đảng là nhiệm vụ rất quan trọng, yêu cầu các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc, các Ban cán sự Đảng, các cấp, các ngành cần quan tâm hơn nữa, nhằm đưa công tác này lên tầm cao mới để đóng góp ngày càng tốt hơn vào công tác giáo dục chính trị, tư tưởng của Đảng, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 583-TB/TU, ngày 17-3-2003

**Về kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại buổi làm việc
với Ban Thường vụ Huyện ủy Sa Pa ngày 15-3-2003**

Ngày 15-3-2003, tại huyện Sa Pa, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức buổi làm việc với Ban Thường vụ Huyện ủy Sa Pa, dưới sự chủ trì của đồng chí Giàng Seo Phử, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy. Cùng dự buổi làm việc có các đồng chí lãnh đạo các ngành của tỉnh: Kế hoạch - Đầu tư, Tài chính - Vật giá, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông, Địa chính, Xây dựng, Văn hóa - Thông tin và Thể thao, Thương mại - Du lịch, Giáo dục - Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổ chức chính quyền, Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Tỉnh ủy.

Sau khi nghe Ban Thường vụ Huyện ủy Sa Pa báo cáo khái quát tình hình kinh tế - xã hội năm 2002, công tác xây dựng hệ thống chính trị của địa phương, những định hướng năm 2003, một số kiến nghị, đề xuất với tỉnh và các ngành để địa phương thực hiện, kết quả thực hiện công tác chuẩn bị Lễ hội 100 năm Du lịch Sa Pa; ý kiến phát biểu của các ngành và của các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất kết luận một số nội dung sau:

I. Trong những năm qua, Sa Pa đã có nhiều chuyển biến, kinh tế - xã hội được phát triển, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, an ninh - quốc phòng được giữ vững, công tác xây dựng Đảng và hệ thống

chính trị được tăng cường. Đảng bộ huyện Sa Pa có nhiều cố gắng trong việc lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tuy nhiên, đối với huyện Sa Pa còn một số tồn tại, yếu kém như:

Việc quản lý quy hoạch và thực hiện quy hoạch chưa được tốt, không có các thể chế để tăng cường công tác quản lý; không đánh giá được tiềm năng, lợi thế nên chưa khai thác được lợi thế để phát triển, đặc biệt là kinh tế du lịch - ngành kinh tế mũi nhọn của Sa Pa; cơ sở vật chất thiếu nhưng chọn lựa đầu tư chưa trúng, dàn trải và tiến độ thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản chậm; một số cây trồng thử nghiệm đã thành công nhưng không tổ chức nhận ra diện rộng. Tỷ lệ đói nghèo cao; vấn đề giáo dục yếu, tỷ lệ chuyên cần của học sinh còn thấp, phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ không bền vững; nông nghiệp và nông thôn vẫn trong tình trạng kém phát triển; đội ngũ cán bộ còn yếu và thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ đặt ra. Vì vậy, huyện Sa Pa cần đánh giá đầy đủ các lợi thế, liệt kê danh mục, đánh giá cái gì còn giữ được, cái gì được củng cố thêm cái gì đang mất đi, đánh giá tồn tại, yếu kém một cách nghiêm túc, xác định rõ nguyên nhân và tìm cách khắc phục những tồn tại yếu kém; chuyển đổi mạnh mẽ về nhận thức, khắc phục tình trạng nhận thức không đồng đều, thiếu toàn diện, chỉ quan tâm đến thị trấn, chưa quan tâm đến các xã khác; xác định đúng định hướng và đưa ra những giải pháp và bước đi phù hợp, tránh nóng vội; khai thác được các lợi thế, phát huy tối đa nội lực để phát triển. Tập trung thực hiện có hiệu quả 6 chương trình trọng tâm của tỉnh hướng về cơ sở.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ QUYẾT ĐÁP CÁC KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT CỦA HUYỆN SA PA

1. Về đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Tập trung rà soát và điều chỉnh quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch sử dụng đất đai của huyện giai đoạn 2003-2005 và đến năm 2010. Khẩn trương hoàn chỉnh quy hoạch phát triển du lịch và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để khi có quy hoạch thì tổ chức

thực hiện ngay. Điều chỉnh quy hoạch nông, lâm nghiệp theo hướng khai thác lợi thế về khí hậu và đất đai; chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch, tuy nhiên phải có dự án đầu tư và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Việc cho các nhà thầu thuê đất nông nghiệp của các hộ gia đình và cá nhân để sản xuất nông nghiệp phải bảo đảm giải quyết việc làm cho người lao động tại chỗ.

Tỉnh sẽ hỗ trợ việc phát triển cây hoa, rau sạch và cây dược liệu về vốn, thị trường, kỹ thuật; sẽ sử dụng nhà số 33C - Cát Linh, Hà Nội để làm nơi trưng bày, giới thiệu sản phẩm của tỉnh nói chung, trong đó có sản phẩm của huyện Sa Pa.

2. Về công tác xóa đói, giảm nghèo

Để theo dõi công tác xóa đói, giảm nghèo, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đồng ý tăng thêm từ 1-2 cán bộ như trong đề án, trước mắt bố trí 1 biên chế ở phòng Tổ chức - Lao động - Thương binh - Xã hội của huyện.

3. Về xây dựng đô thị

Cần tăng cường công tác quản lý đô thị và kiến trúc, bảo đảm xây dựng đúng quy hoạch cả về mặt bằng và mặt đứng, hài hòa với cảnh quan thiên nhiên. Không xây dựng các công trình nhà mái bằng ở thị trấn Sa Pa. Phải chú ý việc chỉnh trang và phát triển đô thị. Phát huy tối đa các nguồn lực theo hướng xã hội hóa và tự quản của nhân dân.

Đối với hệ thống chợ và nhà hàng dịch vụ: Phải quy hoạch sắp xếp lại hệ thống chợ lưu thông và các nhà hàng dịch vụ, quây bán hàng ở nhà và chợ. Bố trí khu vực cho đồng bào các dân tộc bán hàng, xóa bỏ việc bán hàng rong và trên lề đường giao thông, bám đuổi theo khách.

Tập trung xây dựng và hoàn chỉnh quy hoạch đô thị và công bố công khai quy hoạch và các dự án đầu tư. Chuyển trụ sở làm việc của các cơ quan và trường học theo đúng quy hoạch.

Đồng ý để lại tiền thu từ kinh tế du lịch mỗi năm từ 1 - 2 tỷ đồng để đầu tư kiến thiết thị chính, huyện lập dự án đầu tư, tỉnh duyệt và thực hiện theo kế hoạch.

4. Về xây dựng cơ sở hạ tầng

Hiện nay, tỉnh đã dành cho huyện Sa Pa rất nhiều dự án đầu tư xây dựng đường giao thông. Không thực hiện việc ứng vốn để đầu tư xây dựng các tuyến đường. Năm 2003, huyện Sa Pa cần tập trung thực hiện tốt kế hoạch đã giao và tổ chức thực hiện chương trình phát triển giao thông liên thôn.

Về chương trình kiến cố hóa trường, lớp học; về cơ bản tỉnh đồng ý nhưng phải theo đúng kế hoạch đã đề ra, việc triển khai cuốn chiếu thi công dứt điểm từng xã cũng cần phải nghiên cứu, chọn các xã đủ điều kiện để thực hiện trước và bảo đảm đúng chuẩn. Chú ý thực hiện đúng tiến độ các dự án của WB.

Huyện cần chỉ đạo sớm ổn định trường học các cấp. Tách ngay các trường liên cấp tiểu học và trung học cơ sở. củng cố các trường dân tộc nội trú và bán trú ở các trung tâm cụm xã. Củng cố đội ngũ giáo viên, nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy tăng cường vận động nhân dân nâng cao nhận thức, duy trì tỷ lệ học sinh chuyên cần cao và bảo đảm vững chắc của phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ.

5. Về du lịch

Đồng ý để huyện Sa Pa chủ động xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi khuyến khích đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn, tranh thủ ý kiến tham gia của các ngành chức năng của tỉnh để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định nhằm khai thác lợi thế cho phát triển.

Tỉnh đã có chủ trương cho thuê đất đối với khách sạn đủ tiêu chuẩn 1 sao, 30 phòng trở lên, các nhà nghỉ chưa đủ tiêu chuẩn đều phải thực hiện đấu giá cấp quyền sử dụng đất. Căn cứ vào các chính sách ưu đãi hiện hành, các ngành Địa chính, Tài chính - Vật giá và các ngành liên quan tham mưu để Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định việc miễn giảm tiền thuế đất, thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn huyện Sa Pa.

Chưa thành lập trung tâm thông tin và hướng dẫn du lịch riêng mà bổ sung chức năng, nhiệm vụ này cho phòng Du lịch của huyện đảm nhiệm thực hiện và chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ du lịch.

Việc tập hợp các hướng dẫn viên là các cháu người địa phương là các “hướng dẫn viên du lịch” tự do, cần nghiên cứu cách làm đạt hiệu quả. Kinh phí ban đầu tập hợp, huấn luyện, quản lý các cháu sử dụng quỹ bảo trợ xã hội của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

6. Công tác an ninh - quốc phòng

Giao Công an tỉnh sắp xếp, bố trí tăng cường lực lượng công an xuống các xã, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Việc thành lập đồn công an thị trấn và các trạm công an ở các trung tâm cụm xã cần phải tiếp tục nghiên cứu và thực hiện theo sự chỉ đạo của Bộ Công an, bảo đảm phát triển môi trường bền vững của huyện Sa Pa về mọi mặt. Cấp ủy và chính quyền phải lãnh đạo thực hiện xóa bỏ các tệ nạn xã hội, bảo đảm giữ gìn trật tự an toàn trên địa bàn và cho du khách.

7. Về xây dựng và củng cố hệ thống chính trị

Đồng ý cho thị trấn Sa Pa thực hiện Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn là công chức nhà nước. Việc nâng phụ cấp tổ trưởng dân phố phải chờ quy định của Chính phủ.

Việc thành lập thêm một số đơn vị sự nghiệp của huyện: trạm vệ sinh môi trường nên theo hướng xã hội hóa và bảo đảm có hiệu quả, các ngành chức năng cần tiếp tục nghiên cứu, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh. Bến xe khách nằm trong hệ thống quản lý theo quy định của Bộ Giao thông, huyện Sa Pa phải quy hoạch, xây dựng các bãi đỗ xe và thu phí.

8. Một số vấn đề khác

- Tổ chức lễ hội 100 năm Du lịch Sa Pa sẽ tổ chức vào ngày 4 - 5-10-2003, đây là thời điểm thuận lợi cho du khách đến Sa Pa, cũng là dịp kỷ niệm Ngày tái lập tỉnh Lào Cai và phù hợp với những ngày tổ chức lễ hội trong cả nước. Phải xác định rõ tại Sa Pa từ 9-10 điểm du lịch để có đầu tư, có nội dung, sản phẩm, chương trình giới thiệu, quảng bá.

Toàn bộ hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ Lễ hội 100 năm du lịch Sa Pa phải được hoàn tất trước ngày 1-8-2003. Ủy ban nhân dân tỉnh cần chú ý chỉ đạo vấn đề này.

- Việc cấp hạn điền đô thị Sa Pa phải căn cứ vào từng địa điểm cụ thể và cấp theo quy hoạch; nghiêm cấm việc chia cắt các lô đất để bán. Thu tiền cấp quyền sử dụng đất theo luật định.

- Những dự án thực hiện đổi đất lấy công trình, huyện Sa Pa phải lập dự án cụ thể trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, thực hiện.

- Việc bán các trụ sở cũ để đầu tư xây dựng trụ sở mới, tỉnh đã có chủ trương. Huyện Sa Pa phải trao đổi cụ thể với các ngành chức năng của tỉnh và phải quản lý, đầu tư, xây dựng theo quy hoạch đồng thời phải công bố công khai, rộng rãi các quyết định, chú ý giữ gìn những ngôi nhà cổ.

- Đồng ý để huyện liên doanh, liên kết với huyện Bình Biên - Vân Nam, Trung Quốc để xây dựng một số trạm thủy điện nhưng không được trùng lặp với các dự án đầu tư mà tỉnh đã thỏa thuận ký kết.

- Việc giải phóng mặt bằng để xây dựng trường học, huyện Sa Pa bàn bạc với Sở Tài chính - Vật giá để giải quyết.

- Việc hợp đồng với cán bộ kỹ thuật, sinh viên tốt nghiệp đại học mới ra trường có nguyện vọng lên công tác tại huyện Sa Pa phải làm việc với Ban Tổ chức chính quyền tỉnh để có biên chế.

- Việc mua sắm trang thiết bị phục vụ dự án phát triển tin học và phương tiện giao thông phải được tính toán kỹ, tránh lãng phí và theo dự án chung của tỉnh.

Xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của huyện Sa Pa là trách nhiệm chung của tỉnh, của các cấp, các ngành nhằm tạo cho Sa Pa những bứt phá trong phát triển, phát huy tiềm năng, lợi thế thực hiện được vai trò trong trục động lực kinh tế - xã hội của tỉnh trong những năm tới.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 631-TB/TU, ngày 5-4-2003

Về ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy việc công nhận ngày thành lập Đảng bộ huyện Bát Xát

Ngày 7-4-2003, Thường trực Tỉnh ủy đã họp giao ban công tác phiên thường kỳ. Đồng chí Giàng Seo Phủ, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy chủ trì cuộc họp, đồng chí Nguyễn Đức Thắng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, đồng chí Đặng Quốc Lộng, Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cùng tham dự. Sau khi nghe Công văn số 39-CV/TG, ngày 19-3-2003, của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy báo cáo về việc đề nghị công nhận ngày thành lập Đảng bộ huyện Bát Xát. Thường trực Tỉnh ủy thống nhất kết luận như sau:

Đồng ý lấy ngày 10-10-1949 là ngày thành lập Đảng bộ huyện Bát Xát.

Thừa lệnh Ban Thường vụ, Văn phòng Tỉnh ủy xin thông báo để các cơ quan có liên quan căn cứ thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**CHÁNH VĂN PHÒNG
PHẠM NGỌC THẮNG**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 15-CT/TU, ngày 11-4-2003

Về lãnh đạo Đại hội Mặt trận Tổ quốc các cấp tỉnh Lào Cai nhiệm kỳ 2003-2008

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội, là một bộ phận quan trọng của hệ thống chính trị, là cơ sở chính trị vững chắc của chính quyền nhân dân. Trong những năm qua, thực hiện đường lối đổi mới do Đảng ta đề xướng và lãnh đạo, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mặt trận Tổ quốc các cấp trong tỉnh, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy đã có nhiều đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động theo hướng “gần dân sát cơ sở”, xứng đáng là lực lượng tiên phong trong phong trào phát huy đại đoàn kết toàn dân và đã thu được nhiều kết quả thắng lợi, góp phần to lớn xây dựng tỉnh Lào Cai tiến lên giàu mạnh.

Để tiếp tục phát huy truyền thống của Mặt trận Tổ quốc các cấp trong tỉnh, cùng toàn Đảng bộ phấn đấu thực hiện thắng lợi những mục tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII đã đề ra, đồng thời tiến hành Đại hội Mặt trận Tổ quốc các cấp đạt kết quả tốt, đánh giá đúng thực trạng ở cơ sở và đề ra những mục tiêu, phương hướng, biện pháp cụ thể, sát thực, tạo chuyển biến mới trong phong trào đoàn kết toàn dân, Ban Thường

vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau đây:

1. Làm tốt công tác tuyên truyền quán triệt sâu sắc trong các tầng lớp nhân dân về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nói chung và chính sách về đại đoàn kết dân tộc nói riêng, đặc biệt là nghị quyết Trung ương 7 khóa IX “về phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc” vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, “về công tác dân tộc”, “về công tác tôn giáo”, 6 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở của tỉnh và Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 20-2-2003 của Ban Bí thư “về lãnh đạo Đại hội Mặt trận các cấp và Đại hội VI Mặt trận Tổ quốc Việt Nam”. Đây cũng là dịp để tuyên truyền, thông tin rộng rãi cho cán bộ, đảng viên và nhân dân lao động nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của Mặt trận Tổ quốc trong thời kỳ đổi mới.

2. Quá trình chuẩn bị và tiến hành Đại hội Mặt trận Tổ quốc các cấp phải thực sự là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân và trong cả hệ thống chính trị. Do đó, yêu cầu các cấp ủy đảng lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân cùng cấp chuẩn bị tốt Đại hội theo kế hoạch của Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và kế hoạch chỉ đạo của Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc tỉnh. Chú trọng chuẩn bị tốt nội dung báo cáo trình Đại hội, cần đi sâu phân tích những diễn biến về tâm trạng, thái độ của các tầng lớp nhân dân đối với các chủ trương, chính sách của Đảng nói chung, chính sách đại đoàn kết nói riêng; chú ý phát hiện và đề cao những nhân tố mới, những điển hình tiên tiến trong việc xây dựng khối đại đoàn kết, trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đất nước. Trong phần phương hướng, nhiệm vụ, cần nêu rõ tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động để Mặt trận làm tốt chức năng phối hợp và thống nhất hành động của các tổ chức thành viên, khắc phục tình trạng hình thức, quan liêu xa dân; phát huy được vai trò đặc biệt quan trọng của mình trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc và trong tiến trình mở rộng dân

chủ xã hội chủ nghĩa; thực hiện quyền giám sát đối với hoạt động của Nhà nước, của cán bộ, đảng viên, tham gia xây dựng Đảng và Nhà nước trong sạch, vững mạnh, giúp đỡ và hướng dẫn các hoạt động tự quản ở cộng đồng dân cư; nâng cao chất lượng cuộc vận động, “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”; tổ chức tốt việc hòa giải các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân; phối hợp cùng chính quyền giải quyết có kết quả các đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân; thực hiện tốt Quy chế dân chủ và triển khai thường xuyên, liên tục, có kết quả cuộc vận động vì người nghèo.

Lãnh đạo chặt chẽ việc giới thiệu nhân sự tham gia Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và đại biểu đi dự Đại hội cấp trên. Việc lựa chọn người tham gia Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp phải căn cứ vào tiêu chuẩn cán bộ nói chung, coi trọng tính tiêu biểu, tính đại diện và tính thiết thực, lựa chọn những người ưu tú có năng lực, trình độ, uy tín, nhiệt tình, tâm huyết với công tác; chú ý thu hút đông đảo các nhân sĩ, trí thức tiêu biểu, người có uy tín trong các dân tộc thiểu số, trong các chức sắc tôn giáo, đại biểu các thành phần kinh tế, phấn đấu tỷ lệ người ngoài Đảng tham gia Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp ít nhất là 30%. Phương hướng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc phải thể hiện rõ sự cụ thể hóa Nghị quyết của Đảng và Nghị quyết Đại hội Mặt trận Tổ quốc các cấp Đại hội Mặt trận Tổ quốc các cấp cần tham gia nhằm bổ sung, sửa đổi Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ chính trị trong tình hình mới.

3. Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh có kế hoạch chuẩn bị cho Đại hội cấp tỉnh vào tháng 12-2003 và hướng dẫn Mặt trận Tổ quốc các cấp tổ chức thực hiện chỉ thị này trên cơ sở bảo đảm nguyên tắc của Đảng và quy định của Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Hướng dẫn Mặt trận Tổ quốc các cấp cơ sở tổ chức phát động các phong trào thi đua yêu nước, phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương, tham gia xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, lập thành tích chào mừng Đại hội Mặt trận Tổ quốc các cấp.

4. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan, đơn vị phối hợp và tạo điều kiện về tinh thần, vật chất để tổ chức Mặt trận Tổ quốc cùng cấp tiến hành tốt Đại hội.

5. Các Ban cán sự, Đảng đoàn, các Ban Đảng Tỉnh ủy, các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc và Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo Đại hội Mặt trận Tổ quốc bảo đảm thành công tốt đẹp. Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao Ban Dân vận - Dân tộc Tỉnh ủy và Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh trực tiếp theo dõi và chỉ đạo thực hiện, tổ chức kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này từ cơ sở, thường xuyên báo cáo kết quả về Tỉnh ủy.

Chỉ thị này được phổ biến đến chi bộ Đảng.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 617-TB/TU, ngày 18-4-2003

Về kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại cuộc họp giao ban với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh Lào Cai

Ngày 17-4-2003, Thường trực Tỉnh ủy đã họp giao ban định kỳ với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể của tỉnh do đồng chí Nguyễn Đức Thăng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy chủ trì. Sau khi nghe các đơn vị báo cáo tình hình công tác quý I, nhiệm vụ trọng tâm quý II-2003, đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy kết luận:

1. Phát huy những thành tích đã đạt được trong năm 2002, trong quý I năm 2003, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong tỉnh đã hoàn thành những mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra trong quý; đã bám sát tư tưởng chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, 6 chương trình trọng tâm của tỉnh và các mục tiêu, nội dung chương trình công tác chuyên môn đã đề ra từ đầu năm; đổi mới về phương thức và nội dung hoạt động hướng về cơ sở; tập trung chăm lo củng cố tổ chức và xây dựng đội ngũ cán bộ, góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của toàn tỉnh trong quý I.

2. Yêu cầu Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể của tỉnh tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ trong quý II-2003 và thời gian tới như sau:

2.1. Nhiệm vụ chung của Mặt trận và các đoàn thể

Tiếp tục bám sát nhiệm vụ tại Thông báo số 481-TB/TU, ngày

10-12-2002 của Tỉnh ủy để triển khai thực hiện; đồng thời chỉ đạo sơ kết việc thực hiện các chương trình, đề án của đơn vị đã xây dựng trên cơ sở cụ thể hóa các chương trình, đề án của Tỉnh ủy, trong đó chỉ rõ kết quả, tồn tại, nguyên nhân và biện pháp khắc phục. Bám sát nội dung, kế hoạch, lộ trình thực hiện 6 chương trình trọng tâm của tỉnh để có kế hoạch chỉ đạo, tổ chức thực hiện, vận động hội viên, nhân dân hưởng ứng tham gia. Từ nay trở đi, trong báo cáo hàng quý của đơn vị phải có phần đánh giá tình hình chung của huyện, xã được phân công giúp đỡ (trong Chương trình 184, Quy chế dân chủ, Chương trình 135, Chương trình hướng về cơ sở).

Các đơn vị phải bám sát chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa IX của Tỉnh ủy để cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch công tác phù hợp với tình hình và nhiệm vụ của đơn vị mình; đồng thời tiến hành quán triệt rộng rãi trong cán bộ, hội viên, nhân dân và tổ chức thực hiện đạt kết quả tốt.

2.2. Nhiệm vụ riêng của từng đơn vị

a) Mặt trận Tổ quốc

- Có kế hoạch triển khai Chỉ thị 15-CT/TU, ngày 11-4-2003 của Tỉnh ủy về lãnh đạo Đại hội Mặt trận Tổ quốc các cấp tỉnh Lào Cai, chỉ đạo thực hiện tốt Đại hội cấp cơ sở chuẩn bị tốt các điều kiện cho Đại hội cấp tỉnh vào cuối năm 2003; củng cố Ban công tác Mặt trận ở cơ sở.

- Mặt trận Tổ quốc phải là người chủ trì cùng với các ngành, các cấp tổ chức thực hiện tốt chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa IX về phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

- Kiểm tra việc thực hiện các chương trình được phân công chủ trì hoặc phối hợp, đặc biệt là những chương trình về xóa đói, giảm nghèo, hỗ trợ người nghèo; kết quả phát huy vai trò người có uy tín trong các hoạt động ở cơ sở.

- Phát huy vai trò công tác thanh tra nhân dân, trong đó chú ý phối hợp với Hội Cựu chiến binh phát huy vai trò giám sát ở cơ sở.

b) Đoàn Thanh niên

- Chú ý đổi mới phương thức giáo dục truyền thống, xây dựng đời sống văn hóa cho thanh niên, chống sa vào các tệ nạn xã hội, đặc biệt làm tốt việc cai nghiện ma túy cho thanh niên. Trước mắt phối hợp cùng thị xã Lào Cai, huyện Sa Pa làm tốt cai nghiện cộng đồng theo chủ trương của tỉnh. Nâng cao chất lượng hoạt động tình nguyện của thanh niên và tính hiệu quả trong các chương trình ký kết liên tịch với các ngành, các cấp.

- Quan tâm củng cố tổ chức cơ sở đoàn, đặc biệt là nâng cao chất lượng và phát triển đoàn viên, giáo dục thanh niên không nghe theo kẻ truyền đạo trái phép.

- Cùng với các ngành, các cấp tổ chức tết sinh hoạt hè năm 2003 cho thanh, thiếu niên, đặc biệt là ở địa bàn xã; kiện toàn tổ chức và hoàn thiện quy chế hoạt động của Nhà thiếu nhi tỉnh nhằm khai thác có hiệu quả công trình.

- Xây dựng và thực hiện chương trình thanh niên xung kích trong các lĩnh vực thuộc 6 chương trình trọng tâm của tỉnh, chú ý các chương trình về kinh tế - xã hội.

c) Hội Phụ nữ

- Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ và phát triển hội viên, sơ kết phong trào phụ nữ giúp nhau xóa đói, giảm nghèo có địa chỉ để nhân rộng điển hình tiên tiến.

- Tiếp tục đẩy mạnh các phong trào của phụ nữ, trong đó chú ý tham gia chương trình cai nghiện ma túy, không theo đạo trái pháp luật, chống buôn lậu, gian lận thương mại, nhất là buôn lậu thuốc phiện và buôn bán phụ nữ qua biên giới.

- Cùng với các ngành sơ kết việc thực hiện Chỉ thị 17-CT/TU của Tỉnh ủy, Quyết định 163/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về công tác cán bộ nữ; sơ kết việc thực hiện các quy chế phối hợp giữa phụ nữ với các ngành, các cấp.

- Quan tâm chỉ đạo chống tệ cưới tảo hôn, sinh con không khai sinh trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng cao.

d) Hội Cựu chiến binh

- Kiên trì thực hiện và có kế hoạch cụ thể hóa việc gây ảnh hưởng, tạo sự lan tỏa phong trào “5 không” thông qua hoạt động kết nghĩa.

- Chủ động đề xuất với cấp ủy, chính quyền và có kế hoạch tham gia giám sát một số công việc ở địa phương, trước mắt tham gia giám sát việc thực hiện 6 chương trình trọng tâm của tỉnh ở cơ sở.

- Quan tâm phối hợp với các đoàn thể và tranh thủ sự giúp đỡ của cấp ủy, chính quyền để triển khai thực hiện các đề án, chương trình của tổ chức hội.

e) Hội Nông dân

- Tập trung đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ chính trị trong phong trào nông dân và hoạt động của Hội, xác định một số nhiệm vụ trọng tâm mới và chuẩn bị nhân sự trình Đại hội; thực hiện tốt chủ trương luân chuyển và điều động cán bộ.

- Bám sát các chương trình, đề án của tỉnh để cụ thể hóa nhiệm vụ của Hội, phối hợp với các cấp, các ngành trong triển khai thực hiện, đặc biệt là chương trình xóa đói, giảm nghèo, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, triển khai liên kết hoạt động với ngân hàng chính sách xã hội; sơ kết phong trào nông dân sản xuất giỏi.

- Phát huy vai trò của Hội Nông dân trong việc hòa giải, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân từ cơ sở; sơ kết việc thực hiện công tác này trong thời gian qua để tìm ra những giải pháp mới cho phát triển; chủ động xây dựng cơ chế phối hợp để làm tốt công tác này trong thời gian tới.

f) Liên đoàn lao động

Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá việc triển khai thực hiện các chương trình, đề án của tỉnh thông qua hệ thống công đoàn, đặc biệt là các chương trình, dự án về kinh tế - xã hội.

- Cùng với Ban đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp của tỉnh tiếp tục làm tốt công tác rà soát, sắp xếp doanh nghiệp; quan tâm phát triển tổ chức và đoàn viên; việc thực hiện và chế độ chính sách trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh (chú ý cả người lao động và người sử dụng lao động).

- Tập trung chỉ đạo Đại hội công đoàn các cấp; chuẩn bị các điều kiện, nhân sự cho Đại hội Công đoàn tỉnh, thực hiện tốt chủ trương luân chuyển cán bộ.

Yêu cầu các đơn vị có liên quan căn cứ kết luận để triển khai thực hiện nghiêm túc.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 93-BC/TU, ngày 20-4-2003

Đánh giá một năm thực hiện Nghị quyết 13, 14, 15 Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX

Thực hiện Công văn số 73/CV-KTTW, ngày 28-2-2002 của Ban kinh tế Trung ương về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân; về đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001-2010 (Nghị quyết số 13, 14, 15-NQ/TW, ngày 18-3-2002), Tỉnh ủy Lào Cai báo cáo kết quả một năm thực hiện 3 Nghị quyết Trung ương 5 như sau:

I. THỰC TRẠNG VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ TẬP THỂ, KINH TẾ TƯ NHÂN VÀ NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN LÀO CAI KHI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 5 (KHÓA IX)

1. Về kinh tế tập thể

Sau khi Luật hợp tác xã (1996) được ban hành, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành quan tâm phát triển kinh tế hợp tác xã đa dạng, phong phú, phù hợp với điều kiện và tiềm năng của mình. Các hợp tác xã đã liên tục có sự đổi mới về quy mô và hình thức tổ chức; từng bước đáp ứng nhu cầu của người lao động, hộ sản xuất kinh doanh, góp phần quan trọng vào quá trình phát triển kinh

tế - xã hội của tỉnh. Sau khi chuyển đổi, các hợp tác xã chú trọng chấn chỉnh đổi mới tổ chức hoạt động, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, tham gia tích cực vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, tạo việc làm và giúp người lao động có cơ hội xóa đói, giảm nghèo vươn lên làm giàu ở các địa phương.

Đến tháng cuối năm 2002, toàn tỉnh có 77 hợp tác xã (20 hợp tác xã nông nghiệp; 57 hợp tác xã phi nông nghiệp), trong đó có 12 hợp tác xã chuyển đổi theo Luật hợp tác xã, 65 hợp tác xã thành lập mới.

Tình hình hoạt động của các hợp tác xã đã được khảo sát, đánh giá, phân xếp loại năm 2001 như sau:

- Hợp tác xã hoạt động khá: 37,7%, hợp tác xã trung bình: 55,7%, hợp tác xã yếu: 6,6%.

- Tổng doanh thu năm 2001 của các hợp tác xã đạt 31.363.866.500 đồng.

- Thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước năm 2001 đạt 1.510.282.000 đồng (phần lớn các hợp tác xã được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp).

- Bảo đảm việc làm, có thu nhập ổn định cho 11.494 xã viên và tạo việc làm cho 13.262 người lao động khác.

Các hợp tác xã (kể cả hợp tác xã chuyển đổi và thành lập mới) đã dần thích ứng với cơ chế quản lý mới, chủ động xây dựng phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với điều kiện thực tiễn, chấp hành tốt các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện các nghĩa vụ theo quy định. Tổ chức bộ máy quản lý bước đầu đã được kiện toàn, một số cán bộ quản lý đã phát huy được tính năng động sáng tạo; tranh thủ sự quan tâm, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, sự giúp đỡ của các tổ chức, cá nhân tích cực hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho xã viên. Mối quan hệ giữa hợp tác xã với chính quyền địa phương và các xã viên ngày càng được cải thiện.

Những tồn tại và yếu kém của kinh tế hợp tác xã:

- Số lượng còn hạn chế, chưa phát huy hết nội lực, trong tổ chức quản lý điều hành còn lúng túng, chưa thể hiện rõ tính ưu việt của

thành phần kinh tế tập thể. Đa số xã viên là người lao động nghèo, trình độ văn hóa và chuyên môn còn hạn chế.

- Đội ngũ cán bộ quản lý hợp tác xã phần lớn chưa qua đào tạo, thiếu kiến thức về quản lý kinh tế và pháp luật, còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước.

- Trong xã viên còn có biểu hiện thiếu tinh thần làm chủ tập thể, chưa tích cực tham gia việc xây dựng phương án tổ chức sản xuất, một bộ phận không nhỏ xã viên còn coi đó là công việc của ban chủ nhiệm hợp tác xã.

- Hầu hết các hợp tác xã trong tình trạng khó khăn về cơ sở vật chất, phương tiện làm việc, thiếu vốn sản xuất kinh doanh, thiếu thông tin.

- Các hợp tác xã ngành, nghề quy mô còn nhỏ, manh mún, chất lượng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ thấp kém, tính cạnh tranh chưa cao, công tác đầu tư cho đào tạo nghề, thu hút thợ giỏi chưa được quan tâm đúng mức, chưa mở rộng tìm kiếm và phát triển thị trường.

2. Thực trạng về kinh tế tư nhân

Trong những năm qua với chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần của Đảng và Nhà nước, với môi trường thuận lợi, thành phần kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh đã có sự phát triển cả về số lượng và chất lượng.

Về số lượng: Tính đến cuối năm 2001, toàn tỉnh có 4.287 hộ kinh doanh cá thể; 284 doanh nghiệp đăng ký kinh doanh theo Luật doanh nghiệp. Cơ cấu lĩnh vực ngành, nghề chủ yếu tập trung vào dịch vụ sản xuất, đạt 94,7% (gồm dịch vụ xây dựng; dịch vụ thương mại; dịch vụ khác); sản xuất chế biến chiếm tỷ trọng thấp, đạt 5,3%.

Năm 2001, tổng sản phẩm khu vực kinh tế tư nhân chiếm 47,18% trong tổng sản phẩm xã hội toàn tỉnh.

Theo số liệu đánh giá năm 2001, các doanh nghiệp tư nhân sản xuất kinh doanh có lãi chiếm 69%; hòa vốn 16%; thua lỗ, ngừng hoạt động chiếm 15%.

Tổng vốn đầu tư bình quân năm 2001 của các doanh nghiệp là 111.764 triệu đồng, chiếm 22,38% tổng đầu tư trên địa bàn. Đầu tư của khu vực hộ kinh doanh cá thể năm 2001 đạt mức 80.500 triệu đồng.

Về lao động: Theo thống kê, năm 2001 khu vực hộ kinh doanh cá thể có 7.300 lao động, chiếm 2,3% tổng lao động xã hội trên địa bàn.

Lao động trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh là 3.690 lao động, chiếm 1,16% tổng lao động xã hội trên địa bàn.

Thực hiện thu nộp thuế:

Trong giai đoạn từ năm 1996 đến năm 2000 khu vực kinh tế tư nhân thực hiện thu nộp thuế hàng năm đạt mức bình quân là 10.627 triệu đồng, chiếm 14,83% tổng số thuế trên địa bàn tỉnh.

Nhìn chung kinh tế tư nhân đã có sự phát triển, đảm nhận khối lượng công việc tương đối lớn, đóng góp một phần cho ngân sách của tỉnh. Tuy nhiên cũng còn bộc lộ nhiều hạn chế, đó là:

- Mới chỉ tập trung chủ yếu vào các hoạt động dịch vụ sản xuất như xây dựng, giao thông, thương mại, còn đối với lĩnh vực sản xuất, chế biến chiếm tỷ trọng rất thấp.

- Công tác quản lý còn thiếu và yếu, chưa thu hút được nhiều cán bộ khoa học - kỹ thuật.

- Quy mô sản xuất còn nhỏ hẹp, thiếu vốn sản xuất, phần lớn chưa có chiến lược kinh doanh dài hạn.

- Tình trạng các doanh nghiệp, hộ hoạt động kinh doanh có biểu hiện vi phạm pháp luật vẫn còn, việc cạnh tranh không lành mạnh trong sản xuất kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm dẫn tới chất lượng và hiệu quả không cao.

- Một số doanh nghiệp chưa thực hiện tốt các quy định trong quản lý tài chính và tình trạng vi phạm luật lao động vẫn xảy ra.

3. Thực trạng về nông nghiệp, nông thôn

Trước khi thực hiện Nghị quyết Trung ương 5, tình hình nông nghiệp, nông thôn đã có những chuyển biến tích cực theo hướng sản xuất hàng hóa. Cơ cấu cây trồng vật nuôi đã có sự chuyển dịch

theo hướng tăng tỷ trọng chăn nuôi, dịch vụ và giảm tỷ trọng trồng trọt. Trong nội ngành trồng trọt giảm dần tỷ trọng cây lương thực, tăng tỷ trọng cây công nghiệp, cây ăn quả, rau hoa. Khu vực nông thôn đã có sự đổi mới, kết cấu hạ tầng được đầu tư, phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện, nhiều phong tục tập quán tốt, truyền thống văn hóa, ngành, nghề nông thôn được khôi phục và phát triển.

- Năm 2001, tổng sản lượng lương thực đạt 167.035 tấn. Sản xuất nông nghiệp của tỉnh từ thế độc canh cây lúa đã chuyển dần sang sản xuất hàng hóa tập trung.

- Diện tích cây ăn quả toàn tỉnh đạt 7.100 ha; diện tích chè trồng tập trung hơn 3.000 ha; diện tích gieo trồng các loại cây công nghiệp ngắn ngày như mía, đậu tương cũng tăng mạnh.

- Chăn nuôi phát triển và tăng trưởng hàng năm khá ổn định.

- Tỷ lệ tán che phủ rừng năm 2001 đạt 34,3%, sản xuất lâm nghiệp từ chỗ khai thác tài nguyên đã chuyển dần sang trồng mới, bảo vệ khoanh nuôi, tái sinh và khai thác rừng trồng một cách hợp lý và có hiệu quả.

- Chế biến nông sản trong khu vực nông thôn được quan tâm đầu tư phát triển, toàn tỉnh hiện có 5 cơ sở quốc doanh tham gia chế biến nông, lâm sản. Ngành, nghề truyền thống bước đầu được phục hồi và phát triển, góp phần nâng cao đời sống và thu nhập, giải quyết công ăn việc làm cho khu vực nông thôn.

Tuy nhiên nông nghiệp, nông thôn của tỉnh còn bộc lộ những khó khăn hạn chế, đó là:

- Sản xuất nông nghiệp mới bước đầu chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa nên phần lớn quy mô nhỏ, thiếu tập trung, chất lượng sản phẩm hàng hóa chưa cao, chưa đáp ứng được nhu cầu thị trường và tiêu chuẩn cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu. Chưa gắn chế biến, tiêu thụ với vùng sản xuất nguyên liệu. Năng suất cây trồng vật nuôi còn hạn chế, chưa khai thác tốt tiềm năng và lợi thế của tỉnh để phát triển sản xuất.

- Đội ngũ cán bộ kỹ thuật trong nông nghiệp còn thiếu và yếu, chưa có các chuyên gia đầu ngành, việc ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất còn rất hạn chế.

- Xúc tiến tiêu thụ hàng hóa nông, lâm sản chưa được đầu tư hợp lý, hầu hết người sản xuất chưa quan tâm đến thị trường và chưa thực sự tham gia vào các hoạt động tiêu thụ.

- Cơ giới hóa nông nghiệp chưa phát triển vì vậy năng suất lao động thấp.

- Các cơ sở chế biến hiện có quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu không đáp ứng yêu cầu sản xuất.

- Trình độ dân trí ở khu vực nông thôn thấp, tình trạng mù chữ vẫn còn khá phổ biến, tỷ lệ tăng dân số cao (2,5%) lao động nông thôn dư thừa ngày càng tăng. Tỷ lệ đói nghèo ở nông thôn cao, chiếm 26% tổng số hộ.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 13, 14, 15 HỘI NGHỊ LẦN THỨ 5 BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHÓA IX)

1. Triển khai thực hiện Nghị quyết

Nhằm triển khai thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) của Ban Chấp hành Trung ương, Tỉnh ủy Lào Cai đã xây dựng Kế hoạch số 14-KH/TU, ngày 14-5-2002 về việc triển khai học tập và tổ chức thực hiện các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX), Chương trình hành động số 16-CT/TU, đồng thời tổ chức Hội nghị Ban Chấp hành mở rộng, thành phần gồm các đồng chí Tỉnh ủy viên, Bí thư Ban cán sự Đảng đoàn, thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể trực thuộc tỉnh, quán triệt, học tập sâu sắc tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 và chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương 5. Yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp các ngành triển khai học tập, quán triệt Nghị quyết Trung ương, kiểm điểm liên hệ tình hình của ngành, của địa phương, của cơ sở mình và xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 5

của đơn vị, ngành cho phù hợp. Đồng thời có kế hoạch, hướng dẫn chỉ đạo các cấp, các ngành, các đoàn thể, các chi bộ cơ sở triển khai thực hiện và đưa Nghị quyết vào cuộc sống.

Song song với việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5, Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp, các ngành xây dựng các chính sách và phương hướng thực hiện nghị quyết gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 và 4, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, đồng thời triển khai thực hiện đồng bộ 7 chương trình công tác trọng tâm với 27 đề án, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy.

2. Kết quả thực hiện từng Nghị quyết

2.1. Kết quả thực hiện Nghị quyết về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể

2.1.1. Những kết quả cụ thể

Về số lượng: Tính đến tháng 3-2003 toàn tỉnh đã có 111 hợp tác xã (tăng 34 hợp tác xã so với thời điểm tháng 2-2002), tổng số xã viên là 11.802 người và tạo việc làm cho 12.353 lao động, trong đó hợp tác xã nông nghiệp 24 (tăng 4 hợp tác xã), phi nông nghiệp 87 hợp tác xã (tăng 30 hợp tác xã). Trong năm đã chuyển đổi và thành lập mới 36 hợp tác xã (4 hợp tác xã nông nghiệp và 32 hợp tác xã phi nông nghiệp). Tiến hành giải thể 2 hợp tác xã.

Tình hình hoạt động:

- Trong lĩnh vực nông nghiệp

Về chuyển đổi hợp tác xã: Trong năm đã tiến hành chuyển đổi cho 1 hợp tác xã, đưa tổng số hợp tác xã chuyển đổi trên toàn tỉnh lên 13 hợp tác xã, việc chuyển đổi hợp tác xã được tiến hành theo phương thức sau:

Tài sản: Các hợp tác xã được giữ lại và sử dụng các công trình thủy lợi và trụ sở làm việc.

Vốn và công nợ: Các hợp tác xã cũ chuyển sang cho hợp tác xã chuyển đổi tiếp tục theo dõi quản lý.

Vốn góp của xã viên: Từ nguồn quỹ không chia của hợp tác xã cũ chuyển sang và xã viên đóng góp.

Bộ máy quản lý hợp tác xã: các cấp ủy, chính quyền địa phương lựa chọn cán bộ giới thiệu để đại hội xã viên bầu.

Sau khi chuyển đổi, các hợp tác xã đã chấn chỉnh, đổi mới tổ chức quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh dịch vụ như: thủy lợi, bảo vệ thực vật, cung ứng vật tư nông nghiệp, dịch vụ điện, tín dụng và tiêu thụ sản phẩm, bước đầu đã khắc phục những tồn tại, bộ máy quản lý hợp tác xã được củng cố, xây dựng phương án sản xuất kinh doanh dịch vụ phù hợp, mở thêm được một số ngành, nghề, kết hợp giữa dịch vụ sản xuất nông nghiệp với kinh doanh tổng hợp, tạo thêm việc làm và thu nhập cho xã viên, tham gia tích cực vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Về thành lập hợp tác xã: trong năm đã thành lập mới 3 hợp tác xã đưa tổng số hợp tác xã nông nghiệp được thành lập mới toàn tỉnh lên 11 hợp tác xã. Các hợp tác xã nông nghiệp thành lập mới đều có quy mô liên thôn, đều được phát triển từ các tổ hợp tác, các câu lạc bộ khuyến nông. Lĩnh vực hoạt động sản xuất tập trung vào dịch vụ nông nghiệp, kinh doanh tổng hợp, trồng rừng, nuôi trồng nấm.

- Trong lĩnh vực phi nông nghiệp:

Nhiều hợp tác xã ngành, nghề được thành lập, khôi phục lại như: Hợp tác xã chế biến thức ăn gia súc, hợp tác xã dệt may, hợp tác xã đan lát, hợp tác xã dịch vụ giặt là, hợp tác xã cơ khí, hợp tác xã dịch vụ vận tải... Một số loại hình kinh tế hợp tác mới xuất hiện như: Hợp tác xã dạy nghề, hợp tác xã dịch vụ giữ xe qua đêm, hợp tác xã dịch vụ quảng cáo, hợp tác xã chạm khắc bạc mỹ nghệ...

Các hợp tác xã phi nông nghiệp được thành lập mới với hình thức tổ chức và phương thức hoạt động đa dạng, linh hoạt tùy thuộc vào đặc điểm của từng ngành, nghề, từng địa bàn. Xã viên tham gia hợp tác xã thực sự xuất phát từ yêu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh.

Cơ chế tổ chức và quản lý được thực hiện đúng điều lệ hợp tác xã và các quy định của pháp luật, xã viên tham gia đều góp vốn, mức vốn góp phổ biến từ 3 - 5 triệu đồng. Nhiều hợp tác xã, các thành viên Ban quản trị ngoài nghĩa vụ đóng góp vốn điều lệ như xã viên, còn cho hợp tác xã vay vốn hoạt động kinh doanh.

Bộ máy quản lý hợp tác xã được bố trí gọn nhẹ. Chủ nhiệm và cán bộ hợp tác xã có trình độ quản lý và tay nghề kỹ thuật. Phần lớn các hợp tác xã phi nông nghiệp mới thành lập đều hoạt động tích cực và có hiệu quả.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của khu vực kinh tế tập thể.

- Doanh số thực hiện năm 2002 đạt 45.192 triệu đồng (tăng 13.828 triệu đồng) so với năm 2001.

- Thu nộp ngân sách năm 2002 đạt 1.865.300.000 đồng (tăng 355.018.000 đồng so với trước khi thực hiện Nghị quyết).

- Tỷ trọng trong GDP của tỉnh đạt 6,36%.

Kết quả phân xếp loại hợp tác xã sau một năm thực hiện nghị quyết cụ thể như sau:

- Hợp tác xã khá: 42/111 hợp tác xã bằng 37,84% (tăng 0,14%).

- Hợp tác xã trung bình: 62/111 hợp tác xã bằng 55,86% (tăng 0,16%)

- Hợp tác xã yếu kém: 7/111 hợp tác xã bằng 6,3% (giảm 0,3%).

2.1.2. Một số khó khăn, tồn tại

Sau một năm triển khai thực hiện Nghị quyết, khu vực kinh tế tập thể đã có sự phát triển toàn diện, tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại cần tiếp tục củng cố, khắc phục, đó là:

- Chưa phát huy hết nội lực, cơ sở vật chất - kỹ thuật còn khó khăn, máy móc thiết bị, trình độ công nghệ còn hạn chế, sản xuất thủ công là phổ biến, sản phẩm làm ra chủ yếu tiêu thụ tại địa phương chưa đáp ứng được yêu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Hiệu quả sản xuất kinh doanh và dịch vụ còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng phát triển của khu vực kinh tế hợp tác xã, tích lũy để tái đầu tư chưa đáng kể.

- Một số hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp còn mang tính chất như công ty cổ phần, chỉ do một vài cá nhân góp vốn sản xuất kinh doanh.

- Vẫn còn biểu hiện tâm lý trông chờ, dựa vào tập thể, vào Nhà nước trong một bộ phận xã viên.

Nguyên nhân:

- Nhận thức về kinh tế hợp tác trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của một bộ phận xã viên còn có những hạn chế.

- Các chính sách thúc đẩy kinh tế tập thể phát triển còn có sự bất cập như: chính sách hỗ trợ đào tạo cán bộ hợp tác xã, chính sách bảo hiểm xã hội, chính sách đầu tư, tín dụng... Điều đó đã gây nên những lúng túng, khó khăn trong việc vận dụng và thực hiện, chưa tạo được sự tin tưởng cao trong xã viên.

- Việc hỗ trợ cho kinh tế tập thể của Nhà nước chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế, các hoạt động hỗ trợ mới chỉ tập trung vào việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Các lĩnh vực: đầu tư tín dụng, hỗ trợ thông tin và xúc tiến thương mại, khoa học - công nghệ chưa được quan tâm hỗ trợ kịp thời của các cấp từ Trung ương đến địa phương.

- Công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách, các văn bản pháp luật của Đảng và Nhà nước về kinh tế tập thể, giới thiệu những hợp tác xã điển hình tiên tiến làm ăn có hiệu quả đến cán bộ và nhân dân mặc dù đã được chú trọng nhưng hiệu quả còn hạn chế.

2.2. Kết quả thực hiện Nghị quyết tiếp tục đổi mới cơ chế chính sách khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân

Để tạo điều kiện khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển và thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX), Lào Cai đã có nhiều biện pháp tích cực bảo đảm quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể trên nguyên tắc không hạn chế quy mô, ngành, nghề, lĩnh vực mà pháp luật cho phép. Bảo đảm môi trường pháp lý thông thoáng, môi trường tâm lý xã hội thuận lợi. Tích cực cải cách thủ tục hành chính đơn giản thuận tiện, đúng pháp luật, đặc biệt trong các lĩnh vực cấp giấy phép kinh doanh, tạo mặt bằng sản xuất. Tăng cường tổ chức kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể theo hướng tập trung một đầu mối không chồng chéo. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với khu vực kinh tế tư nhân nhưng không gây trở ngại, khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.2.1 Những kết quả cụ thể

Từ những biện pháp cụ thể nêu trên, sau một năm thực hiện Nghị quyết, khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn của tỉnh đã đạt kết quả như sau:

Về số lượng: Trong năm 2002 đã có 140 doanh nghiệp được thành lập, trong đó có 39 doanh nghiệp tư nhân, 77 công ty trách nhiệm hữu hạn, 5 công ty cổ phần, 19 chi nhánh, văn phòng đại diện. Với tổng số vốn đầu tư ban đầu là 169,743 tỷ Việt Nam đồng. Nâng tổng số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai lên 427 doanh nghiệp, trong đó có 115 doanh nghiệp tư nhân; 223 công ty trách nhiệm hữu hạn; 7 công ty cổ phần; 36 chi nhánh, văn phòng đại diện. Các doanh nghiệp ngoài quốc doanh đăng ký kinh doanh theo Luật doanh nghiệp, tham gia sản xuất kinh doanh ở hầu hết các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ.

- Các hộ kinh doanh cá thể: năm 2001 toàn tỉnh có 4.287 hộ đăng ký kinh doanh cá thể, tính đến cuối năm 2002 toàn tỉnh đã có 8.870 hộ kinh doanh cá thể (tăng 107% so với trước khi thực hiện Nghị quyết).

Tình hình hoạt động:

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, nhiều doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể đã thích ứng nhanh với cơ chế mới, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, tạo công ăn việc làm cho người lao động góp phần tích cực thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh tăng trưởng. Đã xuất hiện xu hướng hợp tác trong sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa và tiêu thụ sản phẩm.

- Đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh: tổng vốn đăng ký bình quân cho 1 doanh nghiệp năm 2002 là 500 triệu đồng, nhiều doanh nghiệp đầu tư vốn lớn mua sắm trang thiết bị, đổi mới công nghệ tạo việc làm bình quân cho mỗi doanh nghiệp là 55 lao động, tạo thu nhập bình quân là 773.600 đồng/người/tháng.

- Đối với hộ kinh doanh cá thể: tổng vốn đăng ký là 153.947 triệu đồng, bình quân mỗi hộ có số vốn kinh doanh đạt 17,35 triệu đồng, tạo việc làm cho một bộ phận không nhỏ lao động trên địa bàn.

Thực hiện thu nộp thuế:

Trong năm 2002 các doanh nghiệp ngoài quốc doanh nộp thuế đạt 7.265 triệu đồng (bằng 15,35% tổng thu trên địa bàn). Các hộ kinh doanh cá thể nộp thuế đạt 8.743 triệu đồng (bằng 18,47% tổng thu trên địa bàn)

2.2.2. Những khó khăn, tồn tại

Trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết cho thấy khu vực kinh tế tư nhân còn có những tồn tại, đó là:

- Các doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể còn gặp khó khăn về vốn.
- Việc đầu tư máy móc trang thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh đã được các doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất, vì vậy chất lượng sản phẩm hàng hóa khu vực kinh tế tư nhân đã được nâng lên rõ rệt, bước đầu được thị trường trong nước chấp nhận, một số sản phẩm đã được xuất khẩu, nhưng nhìn chung chất lượng sản phẩm vẫn thấp chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của thị trường.

- Trình độ quản lý sản xuất kinh doanh đã được nâng lên một bước nhưng vẫn còn bộc lộ những yếu kém, quy mô sản xuất còn nhỏ hẹp, trình độ khoa học - kỹ thuật, tay nghề còn hạn chế, chưa mạnh dạn đầu tư cho công tác đào tạo cán bộ quản lý và tay nghề kỹ thuật.

2.3. Kết quả thực hiện Nghị quyết về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn

Thực hiện Nghị quyết về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai thực hiện các giải pháp lớn để giải quyết những tồn tại yếu kém như: Công tác quy hoạch; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp; đẩy mạnh công tác nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao khoa học - công nghệ đưa các giống vật nuôi, cây trồng có giá trị kinh tế cao vào sản xuất; tăng tỷ lệ đầu tư và tín dụng cho khu vực nông thôn; công tác giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực cho nông nghiệp, nông thôn; phát triển thị trường và các thành phần kinh tế khu vực nông thôn.

Các chương trình, đề án phát triển nông nghiệp, nông thôn được thực hiện đồng bộ và đạt hiệu quả cao. Nông dân có sự thay đổi cơ bản về nhận thức, tập quán canh tác, cụ thể là: các xã vùng cao đã chuyển phần lớn diện tích ruộng một vụ sang gieo cấy hai vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với khí hậu đất đai từng vùng, từng địa phương. Cơ sở vật chất như hệ thống kênh mương dẫn nước, phai, đập, phục vụ cho sản xuất nông, lâm nghiệp đã được đầu tư xây dựng. Đưa điện lưới quốc gia về 99/180 xã, phường góp phần cơ khí hóa nông nghiệp, nông thôn.

2.3.1. Một số kết quả cụ thể như sau

Sản xuất lương thực liên tục tăng trưởng, sản lượng lương thực có hạt năm 2002 đạt 95% so với mục tiêu năm 2005. Cơ cấu sản xuất nông nghiệp từng bước được chuyển dịch. Trong nội bộ ngành nông nghiệp, tỷ trọng ngành trồng trọt là 64,2% (giảm 12% so với trước khi thực hiện Nghị quyết); chăn nuôi, dịch vụ là 35,8% (tăng 12% so với trước khi thực hiện Nghị quyết). Trong cơ cấu nội ngành trồng trọt: cây lương thực chiếm 63,2% (giảm 4,3%); cây ăn quả 6%; cây công nghiệp 19,3%; rau, hoa là 10,1% cây trồng khác là 1,4%.

Giá trị sản xuất bình quân trên một đơn vị diện tích canh tác ngày càng tăng, năm 2002 đạt mức 11,56 triệu đồng/ha/năm.

Một số dự án: Lúa, ngô, đậu tương cao sản đạt và vượt kế hoạch về diện tích và năng suất, sản lượng. Các giống mới có năng suất, chất lượng cao được đưa vào sản xuất; tiến bộ kỹ thuật được ứng dụng đã được nhân dân đồng tình phấn khởi tham gia. Việc tiêu thụ nông sản hàng hóa được quan tâm và cơ bản không bị ứ đọng.

- Về sản xuất lương thực:

Tổng diện tích gieo trồng cây lương thực đạt 60,5 nghìn ha. Năng suất, sản lượng lương thực tăng mạnh, năng suất lúa cao sản vụ xuân đạt 52,58 tạ/ha, vụ mùa đạt 45,54 tạ/ha, đưa năng suất lúa bình quân toàn tỉnh đạt 39,78 tạ/ha (tăng 0,8 tạ/ha so với trước khi thực hiện Nghị quyết). Năng suất ngô hàng hóa vụ xuân đạt 38 tạ/ha, vụ hè thu đạt 35 tạ/ha, đưa năng suất ngô bình quân cả năm đạt 21,36 tạ/ha

(tăng 1,4 tạ/ha). Tổng sản lượng lương thực đạt 177 nghìn tấn (tăng 9.203 tấn).

Bình quân lương thực đạt 280 kg/người/năm (tăng 4% so với trước khi thực hiện nghị quyết).

- Cây công nghiệp, cây ăn quả:

Một số cây công nghiệp hằng năm được chú trọng phát triển, tăng cả về diện tích, năng suất, sản lượng như: cây chè, diện tích trồng mới năm 2002 đạt 1.028 ha, góp phần tạo thành những vùng chuyên canh chè rõ rệt; diện tích gieo trồng đậu tương cả năm 2002 đạt 4.702 ha, diện tích cây ăn quả trồng mới đạt 517 ha.

- Về chăn nuôi:

Do làm tốt công tác phòng, chống dịch bệnh và thay đổi cơ cấu giống nên đàn gia súc, gia cầm phát triển ổn định.

Tổng đàn gia súc tăng trên 3% so với trước khi thực hiện Nghị quyết, trong đó:

+ Đàn trâu là 120.900 con, tăng 3,4%

+ Đàn bò là 18.500 con, tăng 3,3%.

+ Đàn lợn là 326.300 con, tăng 3%.

Các mô hình chăn nuôi thủy sản giống mới bước đầu đã có hiệu quả như: cá chép lai, các rô phi đơn tính, cá chim trắng, tôm càng xanh.

- Về sản xuất giống:

Bước đầu đã tổ chức sản xuất giống lúa lai, ngô lai, chè bầu giống mới, cây ăn quả và lâm nghiệp chủ động đáp ứng nhu cầu cung ứng và giảm nhập khẩu, đáp ứng nhu cầu của nông dân; quản lý được chất lượng giống khu vực nhà nước sản xuất và cung ứng. Kết quả sản xuất giống: giống lúa 97 tấn (87 tấn giống lai, 10 tấn giống thuần); giống ngô lai 64 tấn; giống đậu tương 5 tấn. Năm 2002 cung ứng cho các vùng dự án trồng cây ăn quả của tỉnh được 41.800 cây giống có chất lượng cao. Sản xuất tại tỉnh các giống cây ăn quả có giá trị kinh tế cao gồm: 174.000 gốc ghép các giống nhãn, vải, xoài, hồng... 25.000 giống đào Pháp, đào Mỹ.

Thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giống đạt kết quả, cụ thể là: phục tráng giống ngô quần cải, khảo nghiệm tổ hợp giống lúa VL20, khảo nghiệm tập đoàn giống cây ăn quả ôn đới nhập nội, phục tráng các giống cây ăn quả ôn đới.

- Một số cây trồng mới:

Cây thuốc lá: diện tích gieo trồng đạt 47,2 ha năng suất bình quân 5,71 tạ lá khô/ha, sản lượng đạt 26,9 tấn. Qua khảo nghiệm cho thấy khả năng sinh trưởng của các giống thuốc lá C.176, K.326 phù hợp với điều kiện đất đai khí hậu ở Lào Cai.

Cây hoa: diện tích đạt 49,3 ha, trong đó Sa Pa 25 ha; Bắc Hà 2 ha; thị xã Lào Cai 12,3 ha; Bảo Thắng 10 ha, giống hoa chủ yếu là hoa hồng. Qua kết quả đánh giá khảo sát cho thấy lãi từ trồng hoa đạt mức bình quân từ 150-160 triệu đồng/ha.

Tre măng Bát độ: diện tích đạt 50 ha, kết quả đánh giá phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh, cho năng suất khá, chất lượng tốt, có thị trường tiêu thụ, là cây trồng có hiệu quả kinh tế cao, có khả năng mở rộng trong những năm tới.

Phát triển sản xuất các loại cây dược liệu tại những nơi có điều kiện thích hợp như Sa Pa, Bắc Hà.

- Chế biến nông, lâm sản và ngành, nghề nông thôn:

Củng cố, mở rộng và nâng cao năng lực chế biến nông, lâm sản (chè, hoa quả, thức ăn gia súc, chế biến lâm sản) cho 5 doanh nghiệp nhà nước. Ngành, nghề nông thôn phát triển mạnh, khôi phục các làng nghề truyền thống ở khu vực nông thôn như dệt thổ cẩm (tại Tả Phìn, Sa Pa, Hồ huyện Sa Pa, Nà Cang huyện Than Uyên và Si Ma Cai); nghề rèn đúc sản xuất công cụ lao động được phục hồi ở hầu hết các địa phương, bước đầu thực hiện cơ giới hóa trong sản xuất nông, lâm nghiệp ở các khâu làm đất, thu hái, sơ chế, bảo quản sau thu hoạch.

Năm 2002, hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh để phát triển ngành, nghề nông thôn đạt 500 triệu đồng, trong đó:

+ Hỗ trợ 2 dây chuyền chế biến thức ăn gia súc tại thị xã Lào Cai

và huyện Bát Xát với tổng kinh phí là 200 triệu đồng.

+ Hỗ trợ chế biến bảo quản ngô quy mô hộ gồm 24 máy sấy ngô, 24 máy tẽ ngô đập chân và tập huấn cho nông dân thuộc 3 xã vùng cao của huyện Bắc Hà, Si Ma Cai, Bát Xát. Tổng kinh phí thực hiện là 90 triệu đồng.

+ Hỗ trợ phát triển nghề nấu rượu truyền thống tại xã Bản Phố (Bắc Hà) và thôn San Lùng xã Bản Xèo (Bát Xát) với tổng kinh phí là 80 triệu đồng.

+ Hỗ trợ phát triển nghề nuôi ong tại Bảo Yên, sậy thuốc lá tại Si Ma Cai, Bắc Hà.

+ Tổ chức 18 lớp tập huấn ngành, nghề nông thôn cho 700 hộ nông dân với tổng kinh phí thực hiện là 60 triệu đồng.

- Kinh tế hộ, trang trại đã hình thành và phát triển với quy mô vừa và nhỏ, hoạt động tương đối hiệu quả. Năm 2002 toàn tỉnh có 201 trang trại (theo tiêu chí của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Tổng vốn đầu tư đạt 8.566 triệu đồng, tổng giá trị sản phẩm trang trại năm 2002 đạt 12.471 triệu đồng. Tổng số lao động trong các trang trại là 864 người, góp phần nâng cao thu nhập, giải quyết việc làm cho một bộ phận người dân địa phương.

- Phát triển nông thôn:

Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn thuộc chương trình 135 năm 2002 với tổng vốn đầu tư là 55.775 triệu đồng cụ thể như sau:

Trong lĩnh vực là giao thông 7.531 triệu đồng, bằng 13,5%; thủy lợi là 19.873 triệu đồng bằng 35,6%; cấp nước là 13.417 triệu đồng bằng 24%; cấp điện là 758 triệu đồng bằng 1,4%; trường học là 14.196 triệu đồng bằng 25,5%. Đã có thêm 5 xã có đường ô tô đến trung tâm xã, với tổng chiều dài là 85 km (toàn tỉnh còn 3 xã chưa hoàn thành đường đến trung tâm xã).

Đầu tư xây dựng 15 trung tâm cụm xã chuyển tiếp và 5 trung tâm cụm xã mới với tổng vốn đầu tư là 7.000 triệu đồng cho 16 công trình chuyển tiếp (3 công trình giao thông; 4 phòng khám đa khoa; 8 trường học; 2 chợ) 19 công trình mới (3 công trình giao thông; 6 phòng khám

đa khoa; 8 trường học; 2 chợ). Vốn đầu tư cho giao thông 1.140 triệu đồng; phòng khám đa khoa 1.650 triệu đồng; trường học 3.930 triệu đồng; chợ 595 triệu đồng.

2.3.2. Những khó khăn, tồn tại

Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn tại tỉnh Lào Cai cũng còn gặp nhiều khó khăn vướng mắc đó là:

- Sau một năm thực hiện Nghị quyết, mặc dù đã đạt được sự phát triển đáng kể nhưng so với mặt bằng chung trong cả nước, trình độ sản xuất, năng suất lao động, khả năng áp dụng những tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất nông nghiệp còn gặp những khó khăn, hạn chế, chưa khai thác hết thế mạnh tiềm năng của tỉnh.

- Do trình độ dân trí thấp, tỷ lệ mù chữ ở khu vực nông thôn còn cao nên việc tiếp thu, tổ chức thực hiện Nghị quyết mặc dù đã được triển khai phù hợp với tình hình cụ thể của từng địa phương, đặc biệt là các xã vùng cao nhưng việc tiếp thu, vận dụng còn gặp nhiều khó khăn.

- Cơ cấu kinh tế nông nghiệp đã có sự chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, song vẫn đang ở giai đoạn phát triển với quy mô nhỏ hẹp, manh mún, khó khăn trong lưu thông tiêu thụ sản phẩm.

- Lực lượng cán bộ trong ngành nông nghiệp và cán bộ khu vực nông thôn vẫn còn thiếu, yếu và chưa đủ mạnh.

- Do đặc điểm điều kiện địa hình, giao thông miền núi nên việc thực hiện cơ giới hóa các khâu từ sản xuất - chế biến bảo quản - tiêu thụ gặp nhiều khó khăn.

III. KINH NGHIỆM TỪ THỰC TIỄN TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 5 (KHÓA IX)

Trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết, tỉnh Lào Cai rút ra những kinh nghiệm như sau:

1. Các cấp, các ngành xây dựng chương trình hành động phải bám sát nội dung Nghị quyết, đồng thời phải căn cứ tình hình cụ thể để

bảo đảm sát thực phù hợp với trình độ nhận thức. Việc tổ chức học tập quán triệt Nghị quyết và Chương trình hành động của các cấp ủy phải được vận dụng linh hoạt, tránh rập khuôn, chiếu lệ. Các cấp, ngành triển khai thực hiện phải cụ thể, nhất là đối với các xã vùng cao, vùng dân tộc thiểu số phải chỉ rõ những việc cần làm, cách tổ chức thực hiện và kết quả cần phải đạt được.

Phát huy mọi nguồn lực của địa phương trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết như: Lợi thế về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội từng vùng; nguồn lực về lao động; kinh nghiệm sản xuất; huy động vốn trong nhân dân; chủ động tiếp cận và khai thác thị trường...

2. Đặc biệt chú trọng chỉ đạo các cấp ủy cơ sở trong việc quán triệt nội dung Nghị quyết và tổ chức thực hiện, vì đây là cấp ủy gần với nhân dân, hiểu nhân dân, là cấp trực tiếp truyền đạt và tổ chức nhân dân thực hiện Nghị quyết.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện phải luôn chú trọng công tác kiểm tra giám sát việc thực hiện để kịp thời uốn nắn và có biện pháp chỉ đạo sát thực.

4. Chú trọng công tác thông tin tuyên truyền nhằm giới thiệu những điển hình, nhân tố mới, phương pháp, kinh nghiệm tổ chức thực hiện có hiệu quả để các cấp, các ngành và mọi tầng lớp nhân dân học tập áp dụng. Đối với tỉnh miền núi như Lào Cai, nhân dân các dân tộc các xã vùng cao, biên giới còn có nhiều khó khăn hạn chế trong việc tiếp nhận thông tin qua các phương tiện thông tin đại chúng, vì vậy các cấp ủy, chính quyền cần linh hoạt trong quá trình tổ chức chuyển tải thông tin đến người dân, căn cứ và tình hình cụ thể của địa phương để có biện pháp tuyên truyền cung cấp thông tin cho nhân dân bằng nhiều hình thức, dễ hiểu, dễ nhớ; quan tâm đào tạo, tập huấn cho cấp ủy viên, đội ngũ báo cáo viên ở cơ sở để tổ chức tốt công tác chuyển tải thông tin đến mọi tầng lớp nhân dân.

5. Tăng cường sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm, nhân điển hình. Quan tâm tới công tác thi đua - khen thưởng, cần sâu sát nắm bắt kết quả thực hiện ở cơ sở, phát hiện và tuyên dương khen thưởng kịp

thời những nhân tố điển hình trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết để tạo phong trào thi đua phấn đấu thực hiện Nghị quyết đạt hiệu quả cao.

6. Xây dựng 6 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở năm 2003, nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành của các cấp ủy đảng và chính quyền các cấp; tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm trong đó chú trọng đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn, xóa đói, giảm nghèo và xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn.

IV. KIẾN NGHỊ

- Về công tác tư tưởng: Cần tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, quán triệt để nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất cao trong cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân cụ thể là:

Đối với kinh tế tập thể: Tiếp tục tăng cường tuyên truyền về Luật hợp tác xã, đặc biệt chú trọng phương pháp cách thức tuyên truyền về hợp tác xã kiểu mới để nhân dân tin tưởng và phát huy vai trò làm chủ. Việc thành lập mới và tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh các hợp tác xã phải thực hiện nghiêm túc các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể, tuy nhiên cần nghiên cứu bổ sung các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể theo tinh thần của Nghị quyết và yêu cầu thực tiễn như: Chính sách đối với cán bộ hợp tác xã, chính sách đầu tư tín dụng, đào tạo nguồn nhân lực...

Đối với kinh tế tư nhân: Cần tiếp tục cải tiến thêm một bước việc cải cách các thủ tục hành chính nhằm bảo đảm đơn giản, thuận tiện nhưng đúng pháp luật nhằm tạo môi trường thuận lợi cho khu vực kinh tế tư nhân phát triển.

Đối với công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn: Việc cụ thể hóa các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn cần quan tâm chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện kịp thời từ các bộ, ngành Trung

ương nhằm tạo điều kiện cho các địa phương vận dụng có hiệu quả.

- *Về chính sách:* Để triển khai thực hiện các Nghị quyết Trung ương 5 từ nay đến năm 2005 trên địa bàn của tỉnh đạt hiệu quả, đề nghị Trung ương và các bộ, ngành quan tâm hỗ trợ cụ thể là:

Tăng cường sự hỗ trợ để đưa tiến bộ kỹ thuật vào phát triển nông nghiệp và nông thôn, thực hiện các đề tài khảo nghiệm, xây dựng mô hình áp dụng tiến bộ kỹ thuật tiên tiến để nhân rộng, những đề tài mô hình cần giao cho các địa phương trực tiếp thực hiện, như vậy vừa nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật tại tỉnh vừa phù hợp và sát thực với cơ sở.

Hỗ trợ đầu tư thực hiện các chương trình phát triển giống từ nay đến năm 2005, bảo đảm cung ứng đủ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp.

Ban hành các chính sách khuyến khích xây dựng vùng nguyên liệu như chính sách về vay vốn, lãi suất, thuế, tiêu thụ,... chính sách đào tạo lực lượng lao động nông thôn.

Đề nghị các bộ, ngành Trung ương quan tâm hướng dẫn và hỗ trợ các tỉnh giải quyết những tồn tại khu vực kinh tế hợp tác xã như chế độ chính sách cho cán bộ quản lý hợp tác xã, đào tạo cán bộ kỹ thuật, tay nghề, hỗ trợ cơ sở vật chất thiết bị và thị trường tiêu thụ sản phẩm.

- *Về công tác chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết:* sau một năm tổ chức thực hiện Nghị quyết cho thấy việc triển khai nghiêm túc, sát thực từ Trung ương đến địa phương là điều kiện quan trọng hàng đầu để đưa Nghị quyết vào cuộc sống. Tuy nhiên, các cấp các ngành từ Trung ương đến địa phương cần tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện từng Nghị quyết, qua đó tổ chức tốt công tác tổng kết, khen thưởng và rút kinh nghiệm nhằm tạo phong trào sâu rộng và thiết thực trong mọi tầng lớp nhân dân.

- *Về tăng cường vai trò quản lý nhà nước:* Vai trò quản lý nhà nước trong các lĩnh vực kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn còn có những khó khăn, đặc

biệt là các ngành, nghề ở khu vực nông thôn chưa phân rõ được trách nhiệm cho từng ngành, từng cấp vì vậy việc theo dõi, quản lý, định hướng phát triển còn chồng chéo, thiếu thống nhất.

- *Vai trò của liên minh hợp tác xã*: Cần tăng cường hơn nữa vai trò của liên minh hợp tác xã từ Trung ương đến địa phương nhằm hỗ trợ tích cực hơn nữa cho các hợp tác xã trong các lĩnh vực đầu tư, tín dụng, tổ chức sản xuất chế biến và tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt là hỗ trợ cho các hợp tác xã trong việc khai thác nguyên liệu đầu vào và xúc tiến tiêu thụ sản phẩm.

- Tăng cường sự phối giữa Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể với các ngành, các cấp trong công tác tuyên truyền, quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 94-BC/TU, ngày 20-4-2003

Về việc chuẩn bị cho dự án Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội vùng miền núi phía Bắc trình Bộ Chính trị *(báo cáo theo yêu cầu của Ban Kinh tế Trung ương Đảng)*

Lào Cai là một tỉnh vùng cao, biên giới, nhiều dân tộc, nằm về phía đông bắc của đất nước, được tái lập ngày 1-10-1991. Tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh là 805.708 ha, có 203 km đường biên giới quốc gia với nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Địa hình đồi núi chia cắt phức tạp, độ dốc lớn; hơn 70% diện tích đất đai của tỉnh có độ dốc từ 25° trở lên, thuộc lưu vực đầu nguồn của 3 con sông lớn: sông Hồng, sông Chảy và sông Đà. Khí hậu Lào Cai chia làm hai mùa tương đối rõ rệt, mùa khô bắt đầu từ tháng 10 đến tháng 3 sang năm. Toàn tỉnh có 10 huyện, thị, 180 xã, phường, thị trấn, trong đó có 138 xã đặc biệt khó khăn. Dân số trên 634 nghìn người, gồm 27 dân tộc, người dân tộc thiểu số chiếm 64,8% dân số của tỉnh. Dân cư phân bố không đều, chủ yếu tập trung ở vùng đô thị, trung tâm huyện và các xã vùng thấp. Các xã vùng cao mật độ dân số rất thấp, đồng bào sống rải rác ở các thôn, bản. Cơ sở hạ tầng tuy đã được đầu tư nâng cấp và phát triển, nhưng chưa đáp ứng yêu cầu việc đi lại còn gặp nhiều khó khăn, nhất là những xã, thôn, bản vùng sâu, vùng xa. Trình độ dân trí không đồng đều và có sự chênh lệch lớn giữa các vùng, các dân tộc. Tuy những năm gần đây nền kinh tế có

mức tăng trưởng cao song đời sống của một bộ phận nhân dân vùng cao chưa ổn định, tỷ lệ đói nghèo còn cao chiếm 19,19%.

I. NHỮNG THẾ MẠNH VÀ KHÓ KHĂN YẾU KÉM CỦA TỈNH LÀO CAI

1. Những thế mạnh của tỉnh

1.1. Cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc Lào Cai có truyền thống đoàn kết, cần cù lao động

Lãnh đạo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung, thống nhất, năng động, sáng tạo, luôn đổi mới tư duy, dám nghĩ, dám làm, kịp thời đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống bằng các chương trình, đề án trọng tâm cụ thể cho kế hoạch 5 năm và từng năm, nhằm tập trung giải quyết những vấn đề cấp bách thực tế của địa phương đặt ra, ổn định xã hội và nâng cao đời sống nhân dân, đồng thời khai thác thế mạnh của tỉnh, thu hút và sử dụng có hiệu quả cao nhất sự đầu tư của Đảng, Nhà nước, của các nhà đầu tư trong và ngoài nước cho phát triển của tỉnh, thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo, phấn đấu đưa Lào Cai trở thành một tỉnh giàu về kinh tế, mạnh về an ninh - quốc phòng và văn minh trong đời sống xã hội. Lào Cai hiện nay có những lợi thế so sánh cần được phân tích và khai thác có hiệu quả, khắc phục những khó khăn, yếu kém nhanh chóng đưa Lào Cai phát triển với tốc độ ngày càng cao và bền vững.

1.2. Tài nguyên thiên nhiên

- Đất đai: với tổng diện tích tự nhiên là: 805.708 ha trong đó: Đất nông nghiệp 92.501 ha; đất lâm nghiệp có rừng 274.767 ha; đất chuyên dùng 12.400 ha; đất ở 3.226 ha; đất chưa đưa vào sử dụng 422.815 ha. Đất đai tương đối màu mỡ phù hợp với nhiều loại cây trồng nông, lâm nghiệp. Đây là thế mạnh mà Lào Cai đang phát huy và khai thác một cách có hiệu quả.

- Khí hậu: Với kiểu địa hình đồi núi bị chia cắt phức tạp, nơi cao nhất là dãy Hoàng Liên Sơn có đỉnh núi Phanxipăng cao 3.141m và khu vực thấp nhất là ven sông Hồng, vì vậy đã tạo nên nhiều tiểu

vùng khí hậu khác nhau, từ vùng khí hậu nhiệt đới đến khí hậu á nhiệt đới, phù hợp với nhiều loại cây ôn đới, nhiệt đới và á nhiệt đới.

- Khoáng sản: Trên địa bàn tỉnh có trên 30 loại Khoáng sản, nhiều loại Khoáng sản có trữ lượng lớn, giá trị kinh tế cao như quặng Apatít, fenspat, quặng sắt, quặng đồng.

- Tài nguyên rừng: Tổng diện tích đất quy hoạch cho lâm nghiệp là 543.982 ha, chiếm 68% diện tích tự nhiên toàn tỉnh, trong đó đất có rừng hiện nay là 274.766 ha. Động, thực vật rừng Lào Cai rất đa dạng và phong phú về chủng loại cũng như nguồn gen, với nhiều loại quý hiếm như: pơ mu, sến, táu, nghiến...

+ Riêng Vườn quốc gia Hoàng Liên có:

Diện tích 29.845 ha, trong đó diện tích rừng tự nhiên là 17.823 ha.

Hệ sinh thái rừng đặc trưng á nhiệt đới núi cao, có hệ động, thực vật rất phong phú và đa dạng, môi trường sinh thái cũng rất đặc hữu (thực vật có 2.024 loài, trong đó có 66 loài trong sách đỏ Việt Nam, 32 loài quý hiếm và 11 loài có nguy cơ tuyệt chủng. Động vật có 66 loài thú, trong đó có 16 loài trong sách đỏ Việt Nam. Chim có 347 loài, lưỡng thê có 41 loài, bò sát có 61 loài).

+ Rừng ở Lào Cai ngoài giá trị về kinh tế, du lịch, sinh thái, còn giữ vai trò rất quan trọng trong hệ thống rừng phòng hộ cho đồng bằng sông Hồng và các công trình thủy điện.

1.3. Về kinh tế cửa khẩu

Đây là thế mạnh quan trọng nhất về kinh tế của Lào Cai, đưa Lào Cai hội nhập với các tỉnh, khu vực và trên thế giới. Cửa khẩu Lào Cai - Hà Khẩu, đóng vai trò quan trọng trong giao thương giữa Việt Nam với vùng Tây Nam rộng lớn của Trung Quốc, vì:

+ Đây là lối mở ngắn nhất, thuận tiện nhất cho tỉnh Vân Nam-Trung Quốc nói riêng và cả vùng Tây Nam - Trung Quốc nói chung ra các cảng biển, nối với vùng Đông Nam Á và cả thế giới.

+ Là cửa khẩu duy nhất giữa Việt Nam - Trung Quốc hội đủ các loại hình vận tải: đường sắt, đường bộ (quốc lộ 70), đường sông (sông Hồng) và tương lai sẽ có cả đường hàng không.

+ Là cửa khẩu quốc tế duy nhất của các tỉnh có biên giới đất liền trong cả nước nằm trong lòng thị xã tỉnh lỵ, vì vậy cửa khẩu quốc tế Lào Cai có cả một hệ thống dịch vụ của một thị xã trên 5 vạn dân phục vụ nhu cầu thương mại xuất, nhập khẩu, quá cảnh và du lịch giữa Việt Nam - Trung Quốc.

+ Là cửa ngõ thông thương với cả vùng Tây Nam rộng lớn của Trung Quốc với dân số trên 380 triệu người, đây là một thị trường lớn, với nhu cầu về hàng hóa rất đa dạng, yêu cầu về tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa chưa cao, phù hợp với trình độ sản xuất hàng hóa hiện có của Việt Nam, là một thị trường giàu tiềm năng đối với các doanh nghiệp Việt Nam và ASEAN.

+ Lào Cai nằm trên trục hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, tương lai sẽ có hệ thống đường sắt, đường bộ xuyên Á đi qua, là một trục kinh tế quan trọng nối các nước ASEAN với vùng Tây Nam - Trung Quốc, phục vụ cho sự giao thương của một thị trường trên 700 triệu dân của cả 2 bên (Tây Nam Trung Quốc - ASEAN).

+ Tăng trưởng về kim ngạch xuất, nhập khẩu và thu ngân sách qua cửa khẩu từ năm 1998 đến năm 2002 tăng 30% - 70%/năm.

1.4. Về kinh tế du lịch

Kinh tế du lịch được phát triển dựa trên những điều kiện ưu đãi của thiên nhiên, những sản phẩm du lịch vốn có của 27 dân tộc anh em sinh sống trên địa bàn Lào Cai từ bao đời nay:

- Các địa danh Sa Pa, Bắc Hà khí hậu mát mẻ quanh năm, cùng với khí hậu trong lành (ở độ cao trên 1.000 mét), rất thích hợp cho phát triển du lịch nghỉ dưỡng. Đây là địa danh du lịch đã nổi tiếng không chỉ trong nước mà trên cả thế giới. Sa Pa đã được Tổng cục Du lịch xếp trong 20 trọng điểm du lịch của cả nước. Những địa danh du lịch đang có nhiều du khách quan tâm là Bắc Hà, thị xã Lào Cai, Bát Xát và một số công trình văn hóa lịch sử nổi tiếng như: dinh Hoàng A Tưởng, chợ Văn hóa Bắc Hà, Đền Thượng Lào Cai, sông Hồng, động Mường Vi,...

- Với 27 dân tộc anh em, trong đó 16 dân tộc thiểu số sống thành làng, bản, nhiều bản sắc văn hóa đa dạng, phong phú: trang phục, nhà ở, ẩm thực, sinh hoạt lễ hội, âm nhạc, nghệ thuật dân gian, dệt thổ cẩm, chạm khắc bạc,... còn giữ được nguyên vẹn, là những điều kiện tốt cho phát triển du lịch nhân văn.

- Vườn quốc gia Hoàng Liên vừa được Nhà nước công nhận, có diện tích và ở độ cao lớn nhất trong các vườn quốc gia cả nước, có nhiều hệ động thực vật quý hiếm trên thế giới đang được bảo vệ, nhiều đỉnh núi cao, trong đó có đỉnh Phanxipăng cao 3.143 mét,... rất thích hợp cho phát triển du lịch sinh thái và leo núi mạo hiểm.

- Thị xã Lào Cai ở cửa ngõ của tỉnh Vân Nam, một trong 4 tỉnh có kinh tế du lịch phát triển nhất của Trung Quốc (chỉ sau Bắc Kinh, Thượng Hải, Quảng Châu), hằng năm đón 2,5 triệu lượt khách du lịch quốc tế đến thăm, đa số những khách du lịch này muốn thăm quan và du lịch tại Việt Nam qua Cửa khẩu Lào Cai và ngược lại, nên thị xã Lào Cai cũng là điểm đến của nhiều du khách trong và ngoài nước.

1.5. Về công nghiệp

Trên địa bàn tỉnh có trên 30 loại Khoáng sản chủ yếu, với trữ lượng khai thác công nghiệp, hiện nay đang tổ chức các cơ sở khai thác chế biến apatít, fenspát, quặng sắt, tuyển quặng đồng, sản xuất xi măng, gạch, ngói, chế biến nông, lâm sản quy mô nhỏ.

- Nhà nước đã quyết định và đang triển khai xây dựng Tổ hợp đồng sin Quyền tại Bát Xát với công suất trên 10.000 tấn đồng/năm sẽ hoàn thành đi vào sản xuất vào năm 2005, tăng công suất khai thác apatít lên gấp 2 hiện nay, để phục vụ nhu cầu phân bón cho cả nước.

- Các khu công nghiệp được triển khai xây dựng tại thị xã Lào Cai và thị trấn Tầng Loong (huyện Bảo Thắng), tỉnh đã có chính sách ưu đãi, thu hút các nhà đầu tư sản xuất hàng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc và các nhà đầu tư Trung Quốc sản xuất hàng bán trong thị trường Việt Nam, xuất khẩu sang các nước ASEAN,...

- Tỉnh đang tập trung quy hoạch và phát triển thành vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa nông nghiệp có chất lượng cao phục vụ cho phát triển công nghiệp chế biến để xuất khẩu và tiêu thụ trong nước.

- Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng phục vụ các công trình trên địa bàn: khai thác đá, sản xuất xi măng, gạch, ngói, nghề mộc, cơ khí nhỏ,...

- 3 hệ thống sông, với nhiều sông suối nhỏ chảy từ độ cao hàng nghìn mét, tạo ra dự trữ năng lượng thủy điện có công suất trên 1.500 MW. Nhiều nhà đầu tư đã xây dựng dự án đầu tư những nhà máy thủy điện có công suất từ 10 - 100 MW. Những công trình thủy điện này đi vào hoạt động sẽ đóng góp vào sản lượng điện quốc gia hàng tỷ KWh mỗi năm.

1.6. Về nông nghiệp

- Cây chè, đến nay được trồng thành vùng, với tổng diện tích lên đến trên 3.500 ha, tại các vùng chè như: Nông trường chè Than Uyên, Phong Hải, Thanh Bình, dự kiến đến năm 2007 đưa tổng diện tích chè lên 10.000 ha, chủ yếu là giống năng suất cao, chất lượng tốt, ngoài ra còn có một số vùng chè Shan cổ thụ có chất lượng cao như Bản Liên - Bắc Hà, Dền Sáng - Bát Xát...

- Cây ăn quả ở Lào Cai đã có xu hướng phát triển tạo thành vùng lớn như: mận Tam Hoa ở Bắc Hà hiện có khoảng 3.000 ha, vùng trồng nhãn Bảo Thắng, Bảo Yên, ngoài ra tỉnh đang tập trung phát triển vùng cây ăn quả ôn đới tại một số huyện vùng cao như: Sa Pa, Bắc Hà. Dự kiến đến 2010 sẽ có 6.500 ha cây ăn quả ôn đới và trên 8.000 ha cây ăn quả nhiệt đới.

- Với những tiểu vùng khí hậu ôn hòa, có thể trồng các loại rau, hoa, cây dược liệu: cây thảo quả; cây atisô, cây làm thuốc bắc, các loại cây nhập nội từ Trung Quốc, Pháp,... trên diện tích hàng chục nghìn ha, đó là những cây có chất lượng và giá trị kinh tế cao, tiêu thụ ở trong nước và xuất khẩu.

2. Những khó khăn yếu kém

Năm 2002, Lào Cai đã đạt được những thành tích rất đáng phấn khởi, nhưng đến nay Lào Cai vẫn còn là một trong những tỉnh nghèo nhất nước, hằng năm trợ cấp ngân sách từ Trung ương chiếm đến 70%,

tỉnh có tỷ lệ hộ đói nghèo còn rất cao so với cả nước (năm 2000 còn 30%), nguyên nhân chính là do những khó khăn yếu kém sau:

2.1. Khó khăn lớn nhất là do trình độ dân trí thấp, không đồng đều, một bộ phận không nhỏ cán bộ các cấp, các ngành còn bất cập so với yêu cầu, nhất là cán bộ cơ sở (còn thiếu và yếu). Thiếu các chuyên gia đầu ngành, nhiều ngành thiếu cán bộ chuyên môn giỏi như: bác sĩ, giáo viên trung học cơ sở, trung học phổ thông ở các huyện, xã vùng cao vùng sâu, kỹ sư trồng trọt, quản lý, công nghệ, thông tin, kinh tế đối ngoại, luật sư, kinh tế du lịch, trong khi Nhà nước lại chưa có đủ các chính sách khuyến khích cán bộ chuyên môn khá, giỏi lên miền núi công tác lâu dài.

2.2. Cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng nói chung, phát triển kinh tế - xã hội nói riêng đã được đầu tư nhưng còn đang hết sức khó khăn, nhất là hệ thống giao thông đi Hà Nội quá nhỏ về quy mô, lại bị xuống cấp nghiêm trọng, năng lực vận chuyển hạn chế cả về thời gian, khối lượng, không đáp ứng yêu cầu vận tải hiện nay của hàng hóa xuất, nhập khẩu của cả nước ta và vùng Việt Nam - Trung Quốc (như: quốc lộ 70, đường sắt Lào Cai - Hà Nội, đường thủy: Sông Hồng chưa được khai thác sử dụng).

2.3. Nhiều vấn đề xã hội vẫn đang tồn tại như: tình trạng dân di cư tự do, truyền đạo Tin Lành trái phép, nghiện ma túy. Tỉnh đã có nhiều biện pháp tích cực giải quyết song hiện nay tuy có giảm về quy mô, nhưng vẫn có nơi, có lúc còn diễn biến phức tạp.

2.4. Nền công nghiệp nhỏ lẻ, công nghệ lạc hậu, thiếu vốn, hệ thống dịch vụ bước đầu đã được hình thành song chủ yếu ở mức tự phát chưa có quy hoạch và chiến lược kinh doanh.

2.5. Việc xác định những tập đoàn cây con có giá trị kinh tế cao, phù hợp với thổ nhưỡng của từng vùng trong tỉnh chưa đạt kết quả cụ thể, đang trong thời kỳ nghiên cứu, khảo nghiệm. Thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nói chung và trong nội bộ ngành nông, lâm nghiệp nói riêng tiến độ thực hiện còn chậm so với yêu cầu. Việc tập trung chỉ đạo hình thành các vùng sản xuất hàng hóa chuyên canh còn chưa rõ

nét, nhất là vùng cao biên giới, nơi mà cán bộ, nhân dân trình độ còn hạn chế, đất đai canh tác bị chia cắt và phân tán bởi núi cao, chi phí vận chuyển lớn dẫn đến giá thành cao trong khi một bộ phận cán bộ, nông dân còn trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

II. DỰ KIẾN MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2005 VÀ NĂM 2010

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, Đảng bộ, chính quyền và các đoàn thể tỉnh Lào Cai đã thống nhất đề ra mục tiêu phấn đấu đến năm 2005 và năm 2010 như sau:

1. Các chỉ tiêu chủ yếu

- Tốc độ tăng trưởng GDP giai đoạn 2001-2005 từ 7-7,5%, bình quân đầu người là 3,7-4 triệu VNĐ/năm; giai đoạn 2005-2010 tăng trưởng GDP đạt trên 10%.

- + Cơ cấu kinh tế năm 2005 sẽ là: Công nghiệp 25%; Thương mại - Dịch vụ 34%; Nông - Lâm nghiệp 41%.

- + Tổng sản lượng lương thực quy thóc năm 2005 đạt 186 nghìn tấn.

- + Giá trị kim ngạch xuất, nhập khẩu trên địa bàn năm 2005 đạt 20 triệu USD.

- + Tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách giai đoạn 2001-2010 đạt 20 %.

- + Diện tích đất tự nhiên có rừng che phủ đạt 41%; năm 2010 là 59%.

- Giữ vững và hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ ở 180 xã, phường, thị trấn và phổ cập trung học cơ sở cho 60 xã, phường, thị trấn. Phấn đấu đạt phổ cập trung học cơ sở vào năm 2010.

- Tỷ lệ số dân nghe đài: 80%, xem truyền hình là: 65% (năm 2005).

- Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bình quân 0,06%/năm. Đến năm 2005 tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 1,8%.

- Cơ bản không còn hộ đói thường xuyên, giai đoạn 2001-2005 giảm hộ nghèo mỗi năm 3% (đến năm 2005 giảm tỷ lệ đói nghèo xuống dưới 15%); giai đoạn 2005-2010 giảm hộ nghèo 2%/năm. Năm 2005, căn bản ổn định định canh định cư cho đồng bào tại các xã đặc biệt khó khăn và biên giới.

- Đến năm 2005, giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng xuống còn dưới 30%.

- Giai đoạn 2001-2005 tạo việc làm cho từ 6.000-10.000 lao động/năm; tỷ lệ lao động được đào tạo từ 21-23%.

- Phần đầu đến hết năm 2005 có 60% Đảng bộ trực thuộc, 80% tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh, cơ bản không còn thôn, bản không có đảng viên và 80% tổ chức đoàn thể đạt tiêu chuẩn khá trở lên.

2. Mục tiêu phát triển công nghiệp giai đoạn 2001-2010

Bình quân hàng năm tăng 15,6%; đến năm 2010 cơ cấu trong công nghiệp là:

- Khai thác chế biến Khoáng sản: 65,6%.

- Sản xuất vật liệu xây dựng: 10,8%.

- Chế biến nông sản thực phẩm: 12,1%.

- Chế biến lâm sản: 6,1%.

- Công nghiệp khác: 5,4%.

3. Mục tiêu về nông nghiệp: tăng trưởng giai đoạn 2001-2010 là: 5%/ năm.

- Tỷ trọng chăn nuôi đạt: 31,5% (tăng 7,7% so với năm 2000).

- Tỷ trọng trồng trọt: 68,5% (giảm 7,7% so với năm 2000).

4. Mục tiêu về du lịch dịch vụ: tăng giá trị dịch vụ - du lịch bình quân 8,7%/năm; tổng mức bán lẻ tăng 15-18%/năm. Riêng doanh thu từ du lịch tăng 20%/năm, đến năm 2010 đạt 800.000 lượt khách du lịch đến Lào Cai, doanh thu đạt 700 tỷ đồng, với trên 3.400 phòng nghỉ, thu hút 11.500 lao động.

III. NHỮNG CHỦ TRƯỞNG, CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH ĐÃ CÓ VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Những chủ trương, cơ chế chính sách đã có

1.1. Của Nhà nước

a) Một số chủ trương quan trọng

- Chủ trương công nghiệp hóa - hiện đại hóa nền kinh tế quốc gia.

- Chủ trương đổi mới từ tập trung bao cấp sang cơ chế thị trường có sự quản lý và điều tiết của Nhà nước.

- Chủ trương thừa nhận mọi thành phần kinh tế, khuyến khích người dân làm giàu chính đáng, phù hợp với luật pháp quy định.

- Bình đẳng trong cạnh tranh giữa các doanh nghiệp, giữa các thành phần kinh tế, coi đầu tư nước ngoài là một bộ phận kinh tế của Việt Nam.

- Chủ trương mở rộng hợp tác, đa phương hóa, đa dạng hóa các hình thức hợp tác, tiến đến hội nhập trong khu vực và thế giới.

- Quan hệ với Trung Quốc ***“Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai”***.

- Chủ trương của Đảng về thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

- Chủ trương xã hội hóa các hoạt động văn hóa, giáo dục - đào tạo, y tế.

- Chính phủ đã có chủ trương cho nâng cấp quốc lộ 70 lên thành đường cấp 1B - với 4 làn xe tiêu chuẩn, có thể tách riêng đường xe thô sơ và ô tô, khởi công trong năm 2003 bằng nguồn vốn phát triển trái phiếu Chính phủ, nhằm phục vụ nhu cầu xuất, nhập khẩu hàng hóa của cả nước, khối ASEAN với thị trường Tây Nam Trung Quốc.

b) Một số cơ chế, chính sách quan trọng

- Chương trình xóa đói, giảm nghèo của Nhà nước.

- Các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Chương trình 135 của Chính phủ.

- Quyết định 186/TTg về Chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của 6 tỉnh miền núi phía Bắc đặc biệt khó khăn đến năm 2005.

- Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học của Chính phủ.

- Cơ chế, chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đặc biệt là trong nông nghiệp, nông thôn.

- Chính sách hỗ trợ các hoạt động thương mại miền núi, hợp đồng tiêu thụ nông sản.

- Thành lập Ngân hàng phục vụ người nghèo, nay là Ngân hàng chính sách và xã hội.

1.2. Cửa tỉnh Lào Cai

1. Chính sách khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp (Quyết định số 381/2001/QĐ-UB, ngày 5-12-2001).

2. Quy định tạm thời về chế độ hỗ trợ đào tạo và thu hút cán bộ khoa học - kỹ thuật, nghệ nhân, công nhân có trình độ tay nghề cao đến làm việc tại Lào Cai (Quyết định số 39/2002/QĐ-UB, ngày 6-2-2002).

3. Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất, đấu giá thuê quyền sử dụng đất (Quyết định số 101/2002/QĐ-UB, ngày 19-3-2002).

4. Chính sách hỗ trợ chất lợp và nước ăn cho hộ đói nghèo vùng đặc biệt khó khăn (Quyết định số 154/2002/QĐ-UB, ngày 24-4-2002).

5. Chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, kinh doanh chè giai đoạn 2002-2010 (Quyết định số 210/2002/QĐ-UB, ngày 20-5-2002).

6. Chính sách hỗ trợ việc di chuyển và sắp xếp dân cư ở các xã vùng cao, biên giới, xã đặc biệt khó khăn (Quyết định số 211/2002/QĐ-UB, ngày 20-5-2002).

7. Chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản giai đoạn 2002-2005 (Quyết định số 245/2002/QĐ-UB, ngày 18-6-2002).

8. Chính sách khen thưởng về xóa đói, giảm nghèo và xây dựng làng, bản văn hóa (Quyết định số 246/2002/QĐ-UB, ngày 19-6-2002).

9. Quy định về đầu tư xây dựng đường giao thông liên thôn (Quyết định số 269/2002/QĐ-UB, ngày 28-6-2002).

10. Kế hoạch hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các thôn, bản vùng 3 thuộc các xã khu vực II (Quyết định số 342/QĐ-UB, ngày 16-8-2002).

11. Giao Kế hoạch hỗ trợ làm nhà công vụ cho cán bộ tăng cường và cán bộ y tế các xã năm 2002 (Quyết định số 343/QĐ-UB, ngày 16-8-2002).

12. Giao Kế hoạch chương trình hỗ trợ xây dựng thí điểm nhà ở giáo viên năm 2002 (Quyết định số 350/QĐ-UB, ngày 21-8-2002).

13. Về phân cấp quản lý, khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình cơ sở hạ tầng nông thôn (Quyết định số 340/2002/QĐ-UB, ngày 15-8-2002).

14. Chính sách ưu đãi đầu tư vào 4 khu kinh tế trọng điểm thuộc Khu kinh tế cửa khẩu thị xã Lào Cai (Quyết định số 496/2002/QĐ-UB, ngày 25-10- 2002)

15. Quy định về đầu tư xây dựng đường giao thông liên thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai (Quyết định số 77/QĐ-UB, ngày 7-3-2003).

16. Quy định đầu tư thực hiện Chương trình kiên cố hóa trường lớp học trên địa bàn tỉnh Lào Cai (Quyết định số 80/QĐ-UB, ngày 10-3-2003).

17. Chính sách đấu giá đất, hoặc chuyển đổi đất thuê của doanh nghiệp sang nộp tiền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâu dài đối với xây trụ sở, văn phòng đại diện, cửa hàng kinh doanh thương mại.

18. Chính sách hỗ trợ cán bộ tăng cường về cơ sở.

19. Chính sách hỗ trợ lãi xuất vay cho hộ nghèo.

20. Chính sách trợ giá về giống và vật tư nông nghiệp.

2. Kết quả thực hiện những chủ trương, cơ chế chính sách của Trung ương của tỉnh

2.1. Một số thành tựu sau 10 năm tái lập tỉnh

Nhờ có sự giúp đỡ của Đảng, Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương, 10 năm qua (1991-2001) Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc Lào Cai đã vận dụng sáng tạo các chủ trương, cơ chế đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào hoàn cảnh cụ thể của tỉnh, năm 2001 tỉnh đã cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội XII của Đảng bộ tỉnh thành Kế hoạch số 03-KH/TU với 7 Chương trình trọng tâm 27 đề án cụ thể, tập trung khai thác tiềm năng, thế mạnh, khắc phục dần những khó khăn, yếu kém, vượt qua nhiều khó khăn thử thách, kết thúc năm 2001 Lào Cai đã đạt được những thành tựu hết sức cơ bản:

- Bình quân thu nhập đầu người tăng 3,2 lần so với năm 1991

(2,52 triệu đồng/người/năm). Bình quân lương thực theo đầu người tăng gấp 1,6 lần so với năm 1991 (268kg/người/năm).

- GDP tăng 2,2 lần, trong đó giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp tăng 1,7 lần, công nghiệp xây dựng tăng 3 lần, dịch vụ tăng: 3,2 lần. Xuất khẩu tăng 20 lần. Thu ngân sách tăng 10 lần.

- Số hộ đói nghèo giảm từ 54,8% xuống còn 16,2% (theo tiêu chí cũ).
- Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đến trường tăng từ 40% lên 94,11 %.
- Tháng 5-2000, tỉnh đã được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ.

- Tỷ lệ số xã được phủ sóng truyền hình tăng từ 4,7% lên: 65,7%.
- 100% số xã có trạm y tế kiên cố.
- Số người nghiện giảm từ 11.378 người xuống còn 2.117 người, giảm 81% so với năm 1991.

- Xây dựng thị xã tỉnh lỵ Lào Cai từ đồng hoang tàn đổ nát do hậu quả của chiến tranh biên giới thành một đô thị loại III như hiện nay.

- Hạ tầng cơ sở về kinh tế - xã hội được đầu tư và cải thiện rõ rệt, nhất là ở vùng cao, vùng sâu, vùng đặc biệt khó khăn.

Có thể nói 10 năm qua, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Lào Cai đã có những bước phát triển hết sức to lớn, đời sống của nhân dân các dân tộc không ngừng được nâng cao, từ đó nhân dân các dân tộc tin tưởng hơn vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta.

2.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế, văn hóa, xã hội năm 2002

Năm 2002 là năm tỉnh Lào Cai tổ chức thực hiện đầy đủ, toàn diện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng bộ tỉnh; thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với 7 chương trình trọng tâm, một cách năng động, sáng tạo. Hầu hết các mục tiêu năm 2002 đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, cụ thể là:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 10,37%.
- Sản xuất nông nghiệp tiếp tục được mùa, nhất là các vùng sản xuất hàng hóa ngày càng được mở rộng, tổng sản lượng lương thực năm 2002 đạt 177 nghìn tấn, lương thực có hạt bình quân đầu người

đạt 280 kg/năm (tăng 4% so với năm 2001), đời sống của nhân dân trong nông thôn vùng cao được cải thiện.

- Giá trị sản xuất công nghiệp tăng 14,9% so với năm 2001.

- Tổng mức đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn đạt trên 1.000 tỷ đồng, tăng 30% so với năm 2001 và là năm có mức đầu tư cao nhất. Nguồn vốn Chương trình 135, WB, các chương trình mục tiêu được quản lý chặt chẽ, có chất lượng và hiệu quả cao.

- Thu ngân sách trên địa bàn tăng mạnh, đạt 341 tỷ đồng

- Hoạt động tín dụng có mức tăng trưởng rất cao, đạt 1.049 tỷ đồng, tăng 42% so với năm 2001.

- Kim ngạch xuất, nhập khẩu của tỉnh đạt 26 triệu USD, vượt 30% mục tiêu kế hoạch đề ra và tăng 15% so với cùng kỳ năm trước.

- Số khách du lịch đến Lào Cai đạt 335.000 người, tăng 26%; doanh thu tăng 47,3% so với năm 2001.

- Thu hút đầu tư đạt kết quả cao, tổng vốn đầu tư nước ngoài cam kết trong năm 2002 đạt 31,7 triệu USD (bằng mức kêu gọi đầu tư của 10 năm: 1991-2000).

- Lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa đều đạt và vượt các mục tiêu đề ra cho năm 2002.

- Chương trình giải quyết việc làm và xóa đói, giảm nghèo được tập trung chỉ đạo và đạt kết quả cao: giải quyết việc làm cho 11.200 lao động, đào tạo nghề cho 4.852 lao động, đã giúp cho 8.605 hộ thoát nghèo (giảm 7,61% so với năm 2001).

- Công tác quốc phòng - an ninh được bảo đảm, tổ chức tốt việc phân giới cắm mốc theo kế hoạch.

2.3. Kết quả triển khai tổ chức thực hiện một số chương trình trọng tâm của tỉnh

a) Phát triển kinh tế cửa khẩu

Nhận thức được những tiềm năng to lớn nói trên, tỉnh Lào Cai xác định khai thác tốt lợi thế kinh tế cửa khẩu tạo điều kiện cho Lào Cai có bước đột phá về kinh tế, tăng nhanh tỷ trọng thương mại dịch vụ, thu hút đầu tư trong và ngoài nước để phát triển công nghiệp, phát

triển đô thị; từ đó tạo bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương và tăng nguồn thu cho ngân sách.

Trong năm 2001-2002, tỉnh đã xây dựng và triển khai thực hiện các đề án như:

- Sáp nhập thị xã Lào Cai với thị xã Cam Đường nhằm tiến tới xây dựng thành phố Lào Cai vào năm 2005, để mở rộng Khu kinh tế cửa khẩu và di chuyển toàn bộ các cơ quan hành chính, sự nghiệp của tỉnh xuống khu đô thị mới nhằm tạo điều kiện áp dụng chính sách ưu đãi cho phát triển kinh tế cửa khẩu và bảo đảm an ninh cho các cơ quan của tỉnh.

- Xây dựng Khu thương mại Kim Thành giai đoạn 1 rộng 150 ha (giai đoạn 2 sẽ mở rộng lên 250 ha), đối đẳng với khu mậu dịch tự do Hà Khẩu - Trung Quốc, nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hàng hóa của Việt Nam xuất sang thị trường Tây Nam - Trung Quốc.

- Quy hoạch mở rộng và xây dựng mới cửa khẩu quốc tế Lào Cai để thỏa mãn các yêu cầu ngày càng cao cho các hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa và xuất, nhập cảnh. Mở rộng diện tích cửa khẩu quốc tế, đang xây dựng trạm Kiểm soát liên ngành, xây dựng Trung tâm Thương mại cửa khẩu quốc tế Lào Cai, bãi kiểm hóa, bãi đỗ xe, hệ thống kho tàng, trung tâm kiểm định chất lượng sản phẩm,... Cải tiến việc thu thuế xuất, nhập khẩu, phí lệ phí theo hướng tập trung vào một đầu mối, nhằm tạo điều kiện nhanh chóng và thuận tiện hơn cho các doanh nghiệp.

- Quy hoạch, xây dựng các khu công nghiệp trong Khu kinh tế cửa khẩu như: khu công nghiệp Đông Phố Mở rộng 146 ha, trong đó mặt bằng công nghiệp là 58 ha; khu công nghiệp Bắc Duyên Hải rộng 304 ha, trong đó mặt bằng công nghiệp là 64 ha; nhằm thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư xây dựng các dự án về công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, tái chế, đóng gói và hệ thống kho tàng phục vụ cho việc bảo quản và xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Trung Quốc.

- Triển khai dự án kè sông biên giới (trên tuyến sông Hồng và sông Nậm Thi) cũng như dự án kè hai bên bờ sông Hồng từ cầu Cốc

Lếu đến cầu Phố Mới nhằm chống xói lở, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và làm đẹp thêm cảnh quan đô thị của thị xã tỉnh lỵ Lào Cai.

- Xây dựng cơ chế chính sách thu hút đầu tư vào Khu kinh tế cửa khẩu nói riêng và tỉnh Lào Cai nói chung. Đồng thời tăng cường việc quảng bá, xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước đã đem lại hiệu quả hết sức to lớn. Đặc biệt sau Hội nghị “Lào Cai - Cầu nối với thị trường Tây Nam - Trung Quốc, cơ hội đầu tư và phát triển”, do Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai đồng tổ chức ngày 30-10-2002 tại Hà Nội, đã có gần 100 Tổng công ty, các nhà đầu tư các tỉnh trong và ngoài nước đến bàn bạc ký kết hợp tác với Lào Cai, đến nay đã có một số dự án được triển khai thực hiện, riêng số dự án và vốn đầu tư nước ngoài trong năm 2002 đã cao hơn tổng số dự án và vốn đầu tư nước ngoài của 10 năm cộng lại (8 dự án và 14 triệu USD, chưa kể 27 triệu USD nguồn vốn WB và 25 triệu USD vốn của AFD). Đặc biệt có trên 20 dự án với số vốn đầu tư hàng nghìn tỷ đồng của các doanh nghiệp trong nước đầu tư vào các lĩnh vực như: các dự án về thủy điện, các dự án xây dựng khách sạn, các trung tâm thương mại, nhà máy cấp nước, đang mở ra một thời kỳ phát triển mới của Lào Cai.

b) Phát triển kinh tế du lịch

- Tỉnh Lào Cai đã xây dựng đề án phát triển du lịch giai đoạn 2001-2010 nhằm đưa du lịch trở thành kinh tế mũi nhọn, tạo việc làm, tăng thu nhập góp phần xóa đói, giảm nghèo.

- Trong năm 2002, tỉnh đã tập trung làm tốt công tác quy hoạch về phát triển du lịch, quy hoạch đô thị cho khu du lịch Sa Pa, Bắc Hà, thị xã Lào Cai. Xây dựng nhiều dự án về phát triển hạ tầng cơ sở, nơi ăn nghỉ và các điểm tham quan du lịch: Núi Hàm Rồng, Làng văn hóa Cát Cát, đường lên đỉnh Phan Xi Păng (ở Sa Pa); khu du lịch văn hóa đền Thượng, nhà hàng khách sạn ở thị xã Lào Cai,...

- Khai thác và quản lý tốt khách du lịch lữ hành từ Trung Quốc vào Việt Nam.

- Khôi phục và phát triển các ngành, nghề truyền thống như dệt thổ cẩm, chạm khắc bạc, tranh tre,... của các dân tộc thiểu số làm hàng lưu niệm.

c) Về công tác cán bộ

Trên cơ sở đánh giá đúng thực trạng của đội ngũ cán bộ trong tỉnh còn nhiều bất cập, nhất là cán bộ cơ sở, trong khi yêu cầu đòi hỏi của sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội ngày một cao, vì vậy tỉnh Lào Cai đã xây dựng và tổ chức triển khai đề án đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đến năm 2005 cho cán bộ các cấp, các ngành về văn hóa, lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ.

Năm 2002 là năm công tác đào tạo, bồi dưỡng được chú trọng từ tỉnh đến cơ sở, nên đã đào tạo được 54.082 lượt người, trong đó đào tạo chính quy là 1.070 người, đào tạo tại chức 29.126 người, bồi dưỡng 23.886 người.

- Thực hiện việc luân chuyển tăng cường 196 cán bộ cấp tỉnh và cấp huyện (trong đó diện luân chuyển theo quy hoạch 87 cán bộ) về bổ sung cho bộ máy Đảng, chính quyền ở 108 xã đặc biệt khó khăn, từ đó rút số cán bộ đương chức và quy hoạch ở địa phương đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ.

- Mở các lớp đại học tại chức về nông, lâm nghiệp tại tỉnh để đào tạo cho tất cả các xã trong tỉnh, nhằm nhanh chóng tạo ra đội ngũ cán bộ có trình độ đại học bổ sung cho cơ sở.

- Đánh giá, bổ nhiệm lại 76% số trưởng, phó ngành cấp tỉnh, không bổ nhiệm lại 19%, cho nghỉ chế độ 5%.

- Đánh giá, bổ nhiệm lại 63% các trưởng, phó phòng cấp tỉnh và huyện; không bổ nhiệm lại và cho nghỉ 37%.

Kết quả về công tác cán bộ năm 2002 đã tạo ra những chuyển biến rất tích cực trong tư tưởng, nhận thức, phong cách và hiệu quả làm việc của cán bộ các cấp. Từ đó tạo ra sự thống nhất cao trong tổ chức thực hiện, nâng cao hiệu lực và hiệu quả điều hành của hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, góp phần tạo nên những thắng lợi to lớn và toàn diện trong năm 2002.

e) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông, lâm nghiệp

- Thực hiện chủ trương của Đảng, tỉnh đã tập trung chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, qua 2 năm thực

hiện (2001-2002), cùng với thực hiện Kiên cố hóa kênh mương nội đồng, làm thủy lợi, chỉ đạo khuyến nông tổ chức tập huấn, chuyển giao kỹ thuật cho nông dân, trợ cước, trợ giá giống, vật tư nông nghiệp đủ đáp ứng theo nhu cầu của nông dân, kết quả:

+ 80% - 90% diện tích lúa của toàn tỉnh đã được gieo trồng bằng các giống lúa mới có năng suất cao, diện tích lúa hàng hóa năm 2001: 4.149 ha, năm 2002 đạt 7.049 ha tăng 70%. Năng suất lúa hàng hóa đạt 52,28 tạ/ ha (so với năng suất bình quân của năm 2001 tăng 14 tạ/ ha). Diện tích ngô hàng hóa năm 2001: 3.560 ha, năm 2002: 4.400 ha tăng 24%, năng suất ngô hàng hóa đạt 35 tạ/ ha (tăng hơn so với năng suất bình quân của năm 2001 tăng 15,5 tạ/ha) nhiều nơi đạt 55 - 60 tạ/ha trên diện rộng hàng 100 ha. Từ đó, năng tổng sản lượng lương thực (cây có hạt) năm 2001 tăng 11% so với năm 2000, năm 2002 tăng 6% so với năm 2001. Giá trị hàng hóa tăng đáng kể, lúa, ngô hàng hóa được tiêu thụ hết và nông dân trong tỉnh thu được lợi nhuận khá cao.

- Về cây chè: trong 2 năm 2001-2002 trồng được gần 2.000 ha chè tập trung, chủ yếu bằng giống chè Tuyết San chất lượng cao và trên 1.000 ha cây ăn quả.

- Khuyến khích phát triển và mở rộng diện tích cây dược liệu, cây thảo quả ở vùng cao của tỉnh (đến năm 2002 đã có 2.500 ha), tạo ra nguồn thu nhập đáng kể cho đồng bào các dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn, góp phần tích cực vào việc xóa đói, giảm nghèo.

- Ngoài ra trong năm 2002, đã nghiên cứu và đưa vào sản xuất thành công nhiều cây trồng và vật nuôi mới có giá trị kinh tế cao như: Hoa hồng, hoa ly ở Sa Pa, Bắc Hà, thị xã Lào Cai, cây thuốc lá sợi vàng trên đất đồi ở Mường Khương, Bắc Hà, Si Ma Cai, cây tre măng Bát độ ở Bát Xát; tôm càng xanh, cá chim trắng, rô phi đơn tính được nuôi ở Bát Xát, Bảo Thắng đang được nhân rộng trong những năm tới.

- Quá trình thực hiện đã có nhiều cách làm mới sáng tạo, như mời chuyên gia, giáo sư đầu ngành của tỉnh Tứ Xuyên - Trung Quốc, vùng Boóc đô - Pháp, các trung tâm, viện nghiên cứu, nơi sản xuất giống gốc của Trung ương, các trường đại học đến khảo sát, hợp tác

trong thực hiện dự án cây ăn quả cho vùng cao có khí hậu ôn hòa. Đã tiến hành thực nghiệm và nhân giống cây ăn quả ôn đới như: đào giòn Pháp, đào Vân Nam, hồng Mỹ, lê Đài Loan,... chuẩn bị cho trồng thử nghiệm nhỏ Pháp năm 2003.

Năm 2002, tỉnh đã sản xuất được 90 tấn giống lúa lai và 60 tấn giống ngô lai năng suất cao, chất lượng tốt, chủ động cung ứng cho nông dân, giảm phụ thuộc nhập khẩu.

- Đang triển khai dự án sản xuất giống thủy sản, dự kiến cung ứng mỗi năm 100 triệu cá bột giống mới, phục vụ được ít nhất 80 % nhu cầu giống thủy sản nuôi, thả trong các ao, hồ của tỉnh; dự án cải tạo phục tráng bò vàng địa phương, lợn Mường Khương, gà đen, cá chiên, cá bống,... góp phần tạo ra một nền nông nghiệp phong phú, đa dạng đáp ứng yêu cầu thị trường và đem lại lợi ích kinh tế ngày càng cao cho nông dân.

d) Ổn định dân cư và thực hiện xóa đói, giảm nghèo

Trong 2 năm qua, ý thức được tầm quan trọng của việc xóa đói, giảm nghèo, tỉnh đã tiến hành điều tra, phân tích nguyên nhân đói nghèo để tìm ra những giải pháp hữu hiệu nhằm giảm nhanh tỷ lệ đói nghèo trên từng địa bàn, cụ thể là:

+ Tập trung nghiên cứu, xác định cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với từng vùng, đồng thời xây dựng những chính sách khuyến khích như: hỗ trợ về giống, hướng dẫn về kỹ thuật, hỗ trợ tiêu thụ, hỗ trợ lãi suất vốn vay để nhân dân tích cực chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi tạo ra sản phẩm hàng hóa, nâng cao thu nhập.

+ Đã triển khai đồng bộ và có hiệu quả các dự án: Dự án tín dụng nông thôn và tín dụng cho người nghèo; Dự án khuyến nông, lâm, hướng dẫn cách làm ăn cho người nghèo; Dự án hỗ trợ y tế cho người nghèo; Dự án hỗ trợ người nghèo về giáo dục; Dự án hỗ trợ chất lợp và nước ăn cho hộ nghèo; Dự án đào tạo bồi dưỡng và nâng cao năng lực cán bộ làm công tác xóa đói, giảm nghèo; Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn; Dự án giảm nghèo (WB); Đề án quy hoạch sắp xếp ổn định dân cư; Dự án phát triển nghề nông thôn; Đề án đào tạo cán bộ cơ sở.

- Quy hoạch, sắp xếp lại dân cư để phân bổ quỹ đất một cách hợp lý, nhằm giúp các hộ nghèo đói có đủ tư liệu sản xuất, riêng năm 2002 đã sắp xếp cho: 1.536 hộ.

+ Hỗ trợ chất lợp và giải quyết nước ăn cho các hộ đói nghèo vùng đặc biệt khó khăn trong 2 năm (2001-2002) đã hỗ trợ chất lợp cho: 5.762 hộ, nước ăn cho: 2.408 hộ.

+ Đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng gia đình văn hóa, nếp sống văn hóa, sinh đẻ có kế hoạch, năm 2002 có: 771 làng bản (bằng 40% số thôn, bản toàn tỉnh) và 73.272 hộ (bằng 60% số hộ toàn tỉnh) đạt tiêu chuẩn văn hóa.

+ Chương trình khuyến nông: Đưa khoa học - kỹ thuật đến với vùng cao, đào tạo, hướng dẫn và chuyển giao bằng việc làm các mô hình trình diễn ở từng địa bàn, phù hợp trình độ dân trí (kể cả việc sử dụng phân bón) bảo đảm có kết quả tốt, thuyết phục được nông dân làm theo.

+ Thực hiện hỗ trợ 50% lãi suất cho vay hộ nghèo của ngân hàng người nghèo, đến nay đã có trên 98% số thôn, bản trong toàn tỉnh được hưởng chính sách này, với dư nợ tiền vay của hộ nghèo năm 2002 là 160,5 tỷ đồng.

+ Tập trung đầu tư trực tiếp cho các hộ đói nghèo: khai hoang, làm thủy lợi để tăng vụ, đưa lưới điện đến xã hoặc làm các thủy điện nhỏ để dân được hưởng; đầu tư và chỉ đạo chương trình quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi - chống mù chữ, ưu tiên đào tạo, cử tuyển con em vùng cao, con em các hộ đói nghèo đi học ở các trường dân tộc nội trú; tổ chức đội ngũ y, bác sĩ đến các xã để chăm sóc sức khỏe cho nhân dân ngay tại thôn, bản,...

Bằng những nỗ lực nêu trên, trong 2 năm (2001-2002) toàn tỉnh đã giảm được 10,77% số hộ đói nghèo (giảm 12.369 hộ), đặc biệt năm 2002 giảm: 7,61%, đưa tỷ lệ hộ đói nghèo toàn tỉnh xuống còn 19,1%, đây là năm có kết quả xóa đói, giảm nghèo cao nhất trong 11 năm qua của tỉnh Lào Cai. Có thể nhận thấy bộ mặt của các thôn, bản vùng cao đang được đổi thay từng ngày, đời sống nhân dân ngày càng no ấm hơn, góp phần ổn định chính trị ở vùng cao biên giới.

IV. NHỮNG CHỦ TRƯỞNG, CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH CẦN BỔ SUNG

1. Để nâng cao dân trí nói chung, trình độ cán bộ miền núi nói riêng, đề nghị Trung ương cần có tỷ lệ biên chế cho các tỉnh miền núi, cao hơn các vùng khác từ 20% trở lên, trong tất cả các đơn vị hành chính và sự nghiệp. Vì hiện nay cán bộ nói chung ở miền núi còn hạn chế nhiều mặt (kể cả người Kinh), cần thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ mọi mặt cho cán bộ từ 2 tháng/năm trở lên; trong khi các cơ quan, tổ chức vẫn phải hoàn thành các chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Để khuyến khích cán bộ có trình độ khá, giỏi lên công tác ở miền núi Trung ương cần có chính sách ưu đãi thỏa đáng và đồng bộ cho cán bộ công tác ở miền núi, trước hết cho khôi phục chính sách thâm niên đối với cán bộ đang công tác ở miền núi.

3. Hạ tầng cơ sở miền núi còn rất thiếu, do đó trước hết Trung ương cần đầu tư giúp các tỉnh nâng cấp hệ thống quốc lộ vào cấp theo yêu cầu phát triển 10 năm, nhất là phát huy tiềm năng về xuất, nhập khẩu của các cửa khẩu quốc tế như Cửa khẩu Lào Cai hiện nay.

4. Các tỉnh miền núi đa số còn nghèo, sản xuất, kinh doanh khó khăn, nhất là mở rộng, phát triển tiểu thủ công nghiệp, Trung ương cần có chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất tiểu thủ công nghiệp các tỉnh miền núi như trong nông nghiệp: trợ cước vận tải, hợp đồng tiêu thụ sản phẩm, vay vốn ưu đãi, xuất, nhập khẩu nguyên liệu, miễn giảm thuế,... nhất là những sản phẩm truyền thống của các dân tộc thiểu số như: sản xuất rượu Bắc Hà, San Lùng, dệt thổ cẩm, chạm khắc bạc...

5. Để trẻ em dân tộc thiểu số có thể học phổ thông từ lớp 1 có chất lượng như học sinh người Kinh, Trung ương cần cho mở tất cả các lớp mẫu giáo (thuộc sự nghiệp giáo dục - đào tạo do Nhà nước quản lý và cấp kinh phí) ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số để dạy tiếng phổ thông cho trẻ từ 4 - 5 tuổi.

6. Trung ương cấp ngân sách để tỉnh thực hiện các chương trình: làm đường giao thông nông thôn, kiên cố hóa kênh mương, kiên cố hóa trường lớp học,... vì các tỉnh miền núi, hầu hết nông dân được miễn thuế đất nông nghiệp, ngoài ra cũng không có khoản thu nào khác; trong khi ngân sách Trung ương cấp bổ sung từ 70% trở lên hàng năm cho ngân sách tỉnh, nên các tỉnh miền núi không có nguồn chi trả cho các chương trình này.

7. Để tăng cường bảo vệ rừng, đề nghị Trung ương tăng kinh phí Khoản bảo vệ rừng hiện nay từ 50.000 đồng/ha lên 100.000 đồng/ha cho người bảo vệ rừng, là mức tối thiểu giúp dân vùng cao yên tâm chăm sóc, bảo vệ rừng.

8. Đối với các tỉnh có cửa khẩu quốc tế, để tạo chủ động, kịp thời cho tỉnh khai thác tốt nhất tiềm năng này, đề nghị Trung ương phân cấp cho tỉnh quyết định mức thu các loại phí, lệ phí,... cho phù hợp và thống nhất với phía bạn.

V. NHỮNG ĐIỂN HÌNH TỐT TRONG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH

1. Khu kinh tế cửa khẩu thị xã Lào Cai đang phát triển mạnh tiềm năng, thế mạnh của mình: Tăng trưởng kinh tế, thu ngân sách tăng cao nhất tỉnh, vùng nông thôn khó khăn được quan tâm đầu tư giúp đỡ, diện đói nghèo giảm nhanh, xã hội ổn định.

2. Xã Việt Tiến (Bảo Yên) điển hình tự lực, tự cường vươn lên xóa đói, giảm nghèo, giảm tỷ lệ đói nghèo xuống dưới 3%, bằng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

3. Xí nghiệp chè Than Uyên, Nông trường Thanh Bình vượt qua khó khăn trong chuyển đổi cơ chế, liên kết liên doanh trong tiêu thụ sản phẩm, đổi mới công nghệ, nâng cao giá trị sản phẩm và giữ vững thị trường tiêu thụ, bảo đảm thu nhập cho người lao động, làm tốt vai trò bà đỡ cho xây dựng vùng chè hàng hóa của huyện Than Uyên, huyện Mường Khương.

4. Lâm trường Văn Bàn, đổi mới cơ chế quản lý, liên doanh sản xuất mặt hàng mới, tận thu lâm sản, làm ra các mặt hàng có giá trị kinh tế phục vụ trong nước và xuất khẩu, bảo đảm thu nhập cho người lao động và nộp ngân sách.

5. Các ngành Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính - Vật giá, Địa chính đã tham mưu, đề xuất được nhiều cơ chế, chính sách mới khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh, thu hút đầu tư trong và ngoài nước, tăng thu cho ngân sách cho tỉnh.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã chủ động triển khai kịp thời, sáng tạo và có hiệu quả chương trình xóa đói, giảm nghèo đến các huyện, thị xã, các xã, phường, thị trấn.

7. Doanh nghiệp Linh Dương đã mạnh dạn chuyển đổi sang sản xuất nông nghiệp như: trồng hoa ly, hoa hồng, trồng chè tuyết shan ở Bát Xát,...

8. Công ty Sản xuất hàng tiêu dùng Bình Tiên (Bitis) đã thành công trong việc đi đầu chiếm lĩnh thị trường Tây Nam - Trung Quốc, hàng năm xuất khẩu của Công ty tăng từ 30-50%.

VI. MỘT SỐ ĐỀ NGHỊ CỦA TỈNH LÀO CAI ĐỐI VỚI TRUNG ƯƠNG

1. Nhà nước đã có nhiều chủ trương, quyết sách đúng đắn giúp các tỉnh miền núi khó khăn phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội để rút ngắn khoảng cách với các vùng khác trong cả nước; tuy nhiên khi triển khai thực hiện lại hết sức khó khăn, vì không có vốn, đề nghị Trung ương sớm giải quyết những khó khăn này để biến chủ trương thành hiện thực cho miền núi, vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn.

2. Tỉnh Lào Cai đã có những chương trình, đề án hết sức đúng đắn thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và Đại hội lần thứ XII của Đảng bộ tỉnh, được triển khai thành những dự án cụ thể, đã được Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan Trung ương đánh giá là tốt, đề nghị các bộ, ngành Trung ương xem xét hỗ trợ vốn cho địa phương chủ động triển khai có kết quả những chương trình, đề án trên.

3. Hiện nay, từ chủ trương của Đảng, Nhà nước thành hiện thực còn mất rất nhiều thời gian. Đề nghị Trung ương việc gì các địa phương đề nghị, Trung ương cần có quyết định cụ thể giao cho một ngành chủ trì giúp tỉnh thực hiện trong một thời gian cụ thể theo đúng Nghị quyết 02/2003/NQ-CP về biện pháp, cơ chế điều hành kế hoạch năm 2003 của Chính phủ.

4. Một số chính sách của Nhà nước hỗ trợ nông dân miền núi là đúng đắn, tuy nhiên khi thực hiện ở địa phương đã phát sinh những vấn đề phức tạp, nhất là tư tưởng trông chờ, ỷ lại của một bộ phận không nhỏ trong nhân dân vùng cao, tỉnh Lào Cai đề nghị khi ban hành chính sách, Trung ương chỉ quy định đối tượng, định mức khung được hưởng ưu đãi, việc triển khai cụ thể nên phân cấp cho tỉnh quy định để sát với thực tế và tránh phát sinh tiêu cực như trên.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 626-TB/TU, ngày 28-4-2003

Về kết quả Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ 10

Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ 10 đã diễn ra từ ngày 21 đến ngày 22-4-2003. Đồng chí Giàng Seo Phử, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy chủ trì Hội nghị.

Với tinh thần làm việc khẩn trương, nghiêm túc, trách nhiệm cao, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ 10 đã phát huy dân chủ và trí tuệ tập thể, thảo luận và quyết định các vấn đề sau:

I. VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC QUÝ I, PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC QUÝ II-2003

Các ý kiến đều thống nhất cao với các nhận định, đánh giá trong các dự thảo báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trình Ban Chấp hành và làm rõ thêm để khẳng định: Quý I-2003 mặc dù có nhiều khó khăn, nhưng Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã đoàn kết, chọn đúng và trúng các vấn đề trọng tâm, trọng điểm, vấn đề bức xúc, thiết thực với đời sống của nhân dân; có các giải pháp và bước đi phù hợp, đặc biệt là 6 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở đang tạo khí thế sôi nổi, phấn khởi trong nhân dân nên cơ bản các chỉ tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đều đạt kế hoạch đề ra, nhiều chỉ tiêu đạt cao so với kế hoạch

và cùng kỳ năm trước. Hội nghị khẳng định, mặc dù có nhiều khó khăn trước mắt nhưng Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong tỉnh tranh thủ thuận lợi, huy động mọi tiềm năng, nguồn lực quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của năm 2003.

Hội nghị cũng đã tập trung phân tích những tồn tại, hạn chế cần phải được nhanh chóng khắc phục, đó là:

Xóa đói giảm nghèo chưa thực sự bền vững: Năm 2003 toàn tỉnh giảm tỷ lệ đói nghèo được 7,6%, nhưng trên thực tế số hộ có thu nhập từ 80 - 90 nghìn đồng tháng khoảng 3.000 hộ, một số đồng bào chưa thực sự vươn lên thoát đói nghèo nên rất dễ trở lại đói, nghèo. Vì vậy yêu cầu các ngành, huyện, thị quan tâm chỉ đạo từng bước nâng cao dân đời sống cho nhân dân một cách vững chắc, thông qua việc thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội, nhất là chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

Phổ cập giáo dục đúng độ tuổi chưa bền vững, tuy nhiên độ bền vững từng bước được nâng cao. Giao cho Sở Giáo dục - Đào tạo tiếp tục chỉ đạo, thực hiện tốt việc phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở theo mục tiêu đã đề ra, đồng thời phối hợp với các huyện, thị để đánh giá kết quả của việc hỗ trợ học phí, học bổng cho con em dân tộc thiểu số các xã vùng III và học sinh nghèo, đề xuất biện pháp giải quyết trong tháng 6-2003.

Tình hình trộm cắp trâu bò thường xuyên xảy ra tại huyện Mường Khương. Đây là vấn đề diễn ra trong nhiều năm nay ở mức độ khác nhau. Yêu cầu Huyện ủy Mường Khương làm rõ trách nhiệm của các cơ quan và cá nhân có liên quan đến vụ xảy ra mất nhiều trâu, ngựa trong đêm 19-3-2003 tại xã Cao Sơn. Đồng thời, Huyện ủy cần có biện pháp ngăn chặn kịp thời, nhất là việc tăng cường hoạt động của dân quân, tổ an ninh nhân dân ở các xã và tuần tra biên giới của lực lượng biên phòng nhằm bảo đảm an ninh, trật tự cho nhân dân.

- Đội ngũ cán bộ cơ sở xã chậm được đổi mới, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Ban Tổ chức chính quyền tỉnh chỉ đạo tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, từng

bước thực hiện tiêu chuẩn hóa cán bộ cơ sở; đồng thời cùng với các cơ quan chức năng và các huyện, thị nghiên cứu chính sách cho cán bộ cơ sở đi học và cán bộ được phân công làm thay người đi học một cách hợp lý; có báo cáo đánh giá về việc đào tạo cán bộ cho cơ sở trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy vào cuối quý II-2003.

Về việc thực hiện nhiệm vụ quý II và 6 chương trình công tác trọng tâm hướng về cơ sở năm 2003 của tỉnh.

Các ý kiến của đại biểu đều khẳng định các mục tiêu nhiệm vụ của quý II, đặc biệt là 6 chương trình hướng về cơ sở phải kiên quyết thực hiện bằng được để phát triển nông thôn, giữ vững lòng tin của nhân dân. Ủy ban nhân dân tỉnh có kế hoạch triển khai thực hiện tốt các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong thời gian tới đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua.

II. VỀ SƠ KẾT MỘT NĂM THỰC HIỆN 7 CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC TRỌNG TÂM VỚI 27 ĐỀ ÁN, KẾ HOẠCH, NGHỊ QUYẾT CHUYÊN ĐỀ

1. Về kết quả đạt được qua một năm thực hiện 7 chương trình

- Các ý kiến đều khẳng định: đây là sản phẩm trí tuệ của Đảng bộ, tập trung vào những vấn đề trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với tình hình của địa phương, được nhân dân hưởng ứng thực hiện theo đúng chương trình, kế hoạch, bước đầu đem lại hiệu quả trên các lĩnh vực, nhiều chỉ tiêu đạt cao so với mục tiêu đề ra. Trong thời gian tới cần được đẩy mạnh thực hiện.

Về tồn tại:

- Một số đề án khó thực hiện được mục tiêu đề ra cần điều chỉnh như dự án cây ăn quả. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ tình hình cụ thể để điều chỉnh diện tích cây ăn quả phù hợp với từng nơi, từng vùng. Song phải chú ý chất lượng, cơ cấu cây ăn quả, hình thành được từng vùng tập trung.

- Đồng ý chuyển một phần diện tích đất trồng lúa sang trồng rau,

hoa và một số cây có giá trị kinh tế cao ở một số vùng: thị xã Lào Cai, Sa Pa, Bắc Hà. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo quy hoạch từng vùng.

Về cơ chế chính sách:

- Giao Ủy ban nhân dân tỉnh và các ngành liên quan tiến hành quy hoạch vùng làng nghề, tiểu thủ công nghiệp; phân cấp cho huyện, thị xã thực hiện các dự án quy mô vừa và nhỏ trên địa bàn.

- Giao Ủy ban nhân dân tỉnh và các ngành liên quan xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông, lâm nghiệp.

- Điều động 4 chức danh ở xã, từ xã khác sang xã thiếu, phân cấp cho huyện giải quyết.

- Về kế hoạch và chính sách hỗ trợ trồng măng Bát độ, chăn nuôi ở Văn Bàn, Than Uyên. Giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu, nếu thấy có điều kiện phát triển tốt thì cho triển khai và hỗ trợ theo chính sách chung của tỉnh.

Giao Văn phòng Tỉnh ủy tiếp thu ý kiến của các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh hoàn chỉnh các báo cáo trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy để ban hành.

III. ĐÁNH GIÁ MỘT NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 08 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CÔNG TÁC TƯ PHÁP TRONG THỜI GIAN TỐI

Hội nghị nhất trí cao với báo cáo do Ban Thường vụ Tỉnh ủy chuẩn bị và khẳng định: năm 2002, do nhận thức đúng đắn tầm quan trọng của công tác tư pháp trong giai đoạn mới nên các cấp ủy, chính quyền và các cơ quan tư pháp đã có nhiều giải pháp tích cực khắc phục những hạn chế, yếu kém tạo chuyển biến đáng kể trên các lĩnh vực về công tác tư pháp như: điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. Tình trạng xử lý oan sai, đơn thư khiếu kiện kéo dài giảm đáng kể. Bộ máy tổ chức và đội ngũ cán bộ tư pháp được củng cố, tăng cường một bước, ngày càng đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Cơ sở vật chất, kỹ thuật

và điều kiện làm việc của các cơ quan tư pháp được cải thiện. Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật được chú trọng, hiểu biết và thực hiện pháp luật trong nhân dân được nâng lên rõ rệt. Nhiệm vụ công tác tư pháp trong thời gian tới, tiếp tục thực hiện tốt 8 nhiệm vụ đã được nêu trong Nghị quyết 08 của Bộ Chính trị nhằm bảo vệ kỷ cương pháp luật, duy trì sự ổn định chính trị, xã hội trên địa bàn tỉnh; không để xảy ra những oan sai đối với người dân, bảo đảm sự công bằng, dân chủ và phát triển.

Giao Văn Phòng Tỉnh ủy tiếp thu ý kiến của các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành chỉnh sửa báo cáo trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy để ban hành.

IV. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN ĐẢNG VIÊN VÀ XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN VỮNG MẠNH, CHỦ TRƯỞNG ĐẠI HỘI CƠ SỞ ĐẢNG

Trong năm qua, công tác phát triển đảng viên mới và xây dựng hệ thống chính trị xã, phường, thị trấn đã được các cấp ủy đảng quan tâm đúng mức. Số đảng viên mới kết nạp ngày càng tăng, số thôn, bản chưa có đảng viên giảm đáng kể. Hệ thống chính trị cơ sở xã, phường, thị trấn, đặc biệt là tổ chức cơ sở đảng có bước chuyển biến rõ nét. Song, bên cạnh đó vẫn còn một số cấp ủy, chính quyền, đoàn thể chưa chủ động được công việc; tư tưởng trông chờ, ỷ lại vẫn tồn tại ở một số cán bộ; chỉ tiêu kết nạp đảng viên gắn với xóa thôn, bản chưa có đảng viên còn chậm, chưa vững chắc. Vì vậy, trong thời gian tới các cấp ủy đảng cần thực hiện tốt các giải pháp đã được hội nghị thảo luận thông qua, phấn đấu trong năm 2003 cơ bản không còn thôn, bản không có đảng viên, tạo bước chuyển biến toàn diện để đến năm 2005 tất cả các xã, phường, thị trấn đều tự chủ được công việc. Cần đặc biệt quan tâm phát triển đảng viên ở vùng đồng bào có đạo, kể cả những nơi có truyền đạo Tin Lành trái phép, làm hạt nhân tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện tốt chủ trương, đường lối, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tuy nhiên, việc kết nạp đảng viên mới ở những vùng trên có sự vận dụng cho phù hợp, nhưng không được xem nhẹ chất lượng.

Ban Tổ chức Tỉnh ủy và các cấp ủy đảng cần chỉ đạo tốt đại hội cơ sở đảng vào thời gian tới, nâng cao chất lượng cấp ủy nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị hiện nay.

Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy chỉnh sửa báo cáo trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy để ban hành.

V. VỀ CÔNG TÁC KHUYẾN HỌC

Đây là một chủ trương lớn của Trung ương cần được nhận thức đúng đắn, đầy đủ và tổ chức triển khai sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân trong tỉnh. Các huyện, thị thành lập Hội Khuyến học và khẩn trương đi vào hoạt động tạo ra phong trào khuyến học một cách rộng khắp, hiệu quả, góp phần thúc đẩy xã hội hóa giáo dục, đưa sự nghiệp giáo dục của tỉnh ta ngày càng phát triển mạnh mẽ, phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

VI. HỘI NGHỊ QUYẾT ĐỊNH MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC, CÁN BỘ

Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy tổng hợp báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh kêu gọi toàn thể cán bộ, đảng viên và đồng bào các dân tộc trong tỉnh hãy đoàn kết, năng động, sáng tạo, khai thác tốt mọi tiềm năng, thế mạnh, khắc phục khó khăn, quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ quý II-2003.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỬ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 96-BC/TU, ngày 6-5-2003

Đánh giá kết quả 1 năm thực hiện 7 chương trình công tác trọng tâm toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa XII, nhiệm kỳ 2000-2005

Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII được cụ thể hóa bằng 7 chương trình công tác trọng tâm với 27 đề án, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề. Sau khi Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 03-KH/TU, ngày 30-5-2001, Tỉnh ủy đã chỉ đạo các sở, ban, ngành chủ trì phối hợp với các ngành hữu quan tiến hành xây dựng đề án, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề và các cấp các ngành, địa phương đưa vào chỉ tiêu kế hoạch thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ của 7 chương trình từ năm 2001.

Đầu năm 2002, các đề án, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ra Chỉ thị số 05-CT/UB, ngày 10-4-2002 về việc triển khai tổ chức thực hiện 27 đề án, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề nhằm tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và huy động mọi nguồn lực, đặc biệt là nội lực cho việc thực hiện.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã xây dựng và ban hành một số chính sách mới và tiếp tục nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh, bổ sung một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phục vụ cho việc triển khai thực hiện các đề án đạt hiệu quả. Tỉnh ủy đã biên tập các đề án thành 7 tập theo 7 chương trình công tác trọng tâm phục vụ cho việc thực hiện các đề án, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề.

Tổ chức triển khai thực hiện 7 chương trình công tác trọng tâm toàn khóa với 27 đề án, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề, Tỉnh ủy đã tập trung trí tuệ và sức lực lãnh đạo chỉ đạo các cấp, các ngành các địa phương tranh thủ thuận lợi, vượt qua khó khăn, từng bước phấn đấu cho được các mục tiêu đã đề ra. Qua hơn một năm thực hiện, với sự cố gắng, nỗ lực của các cấp, các ngành, các địa phương, các tổ chức kinh tế và doanh nghiệp, nhân dân các dân tộc và các lượng vũ trang trong tỉnh đã tạo ra những chuyển biến cơ bản trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị.

Tình hình thực hiện và kết quả đạt được như sau:

I. CHƯƠNG TRÌNH NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN VÀ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN

A. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC ĐỀ ÁN

1. Đề án chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp

Sản xuất lương thực liên tục tăng trưởng, sản lượng lương thực có hạt năm 2002 đạt 95% so với mục tiêu năm 2005 (sau đây gọi tắt là mục tiêu) dự kiến năm 2003 tổng sản lượng lương thực có hạt đạt mục tiêu.

Các dự án theo đề án được triển khai đồng bộ, kết quả các dự án đã làm tăng giá trị trên một đơn vị diện tích canh tác từ 8,8 triệu đồng/ha lên 11,3 triệu đồng/ha, đạt 86% mục tiêu. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp, năm 2002 tỷ trọng ngành trồng trọt là 64,2%, giảm 4,3% so với mục tiêu (mục tiêu là 68,5%); tỷ trọng chăn nuôi và dịch vụ là 35,8%, tăng 42% so năm 2000 và tăng 4,3% so với mục tiêu (mục tiêu là 31,5%). Tỷ trọng cây lương thực giảm dần và tỷ trọng cây công nghiệp và nguyên liệu tăng dần.

Một số dự án: Lúa, ngô, đậu tương cao sản đạt và vượt kế hoạch về diện tích, riêng ngô hàng hóa đã vượt 7% mục tiêu. Các giống mới có

năng suất, chất lượng cao được đưa vào sản xuất; tiến bộ kỹ thuật được ứng dụng đã được nhân dân đồng tình phấn khởi tham gia, đã và đang thay đổi tập quán canh tác và cách làm cũ. Việc tiêu thụ nông sản hàng hóa được quan tâm và cơ bản không bị ứ đọng. Một số loài cây, con mới đưa vào sản xuất thử nghiệm và triển khai nhân rộng đại trà: Các loại hoa cao cấp, cây thuốc lá, tôm càng xanh, cá chép lai 2 máu, rô phi đơn tính, cá chim trắng... Tuy nhiên, còn một số tồn tại: Thâm canh lúa, năng suất bình quân mới đạt từ 90-95% mục tiêu; trồng ngô hàng hóa chưa tập trung thành vùng theo dự án; năng suất đậu tương chưa cao và diện tích mới đạt 46% mục tiêu. Cây ăn quả sau 2 năm mới đạt 22,6% mục tiêu và khó đạt được mục tiêu đề án. Cây chè trồng mới hàng năm không đạt kế hoạch. Một số dự án chăn nuôi chưa được triển khai.

Về nguyên nhân: Một số địa phương do nhận thức chưa đầy đủ nên việc triển khai còn lúng túng trong chỉ đạo và quy hoạch; tâm lý ỷ lại trông chờ còn khá phổ biến. Việc thực hiện dự án chưa bảo đảm quy trình kỹ thuật nên năng suất, chất lượng chưa cao (chè, lúa). Mục tiêu đề ra cho cây ăn quả là cao.

2. Đề án tổ chức sản xuất, cung ứng và quản lý giống cây con

Bước đầu đã tổ chức sản xuất giống lúa lai, ngô lai, chè bầu giống mới, cây ăn quả và cây lâm nghiệp, trong đó đã sản xuất được 90 tấn giống lúa lai, 60 tấn giống ngô lai, từ đó chủ động về nguồn giống, đáp ứng nhu cầu cho nông dân và giảm nhập một số loại giống, quản lý được chất lượng giống khu vực nhà nước sản xuất và cung ứng. Tuy nhiên, còn một số loại giống như đậu tương, cây ăn quả, giống vật nuôi, thủy sản chưa đáp ứng yêu cầu cả về sản xuất và cung ứng, chưa quản lý được một số giống ngoài luồng (lớn hơn 100 tấn lúa lai).

3. Kế hoạch kiên cố hóa kênh mương nội đồng các vùng trọng điểm lúa

Trong 2 năm 2001-2002, đã triển khai thực hiện 164 công trình, bằng 275 km, đạt 27,5% mục tiêu (1.000 km). Riêng năm 2002 đã thi công 171,9 km, bằng 90,44% kế hoạch năm, kinh phí nhà nước hỗ trợ

16,7 tỷ đồng, bằng 51,9% kế hoạch. Hầu hết các công trình do xã làm chủ đầu tư đạt yêu cầu chất lượng và các công trình đã phát huy ngay hiệu quả cho sản xuất và được nhân dân hưởng ứng tích cực. Tuy nhiên, còn những biểu hiện tồn tại là một số công trình không huy động được đủ sự đóng góp của dân theo quy định, năng lực điều hành của ban quản lý xã còn yếu, việc tuyên truyền và công khai ở một số nơi còn yếu dẫn đến sự thắc mắc của dân và thực hiện chế độ thông tin báo cáo chưa đúng quy định. Thủ tục thanh, quyết toán và giải ngân chậm.

4. Đề án xóa đói, giảm nghèo

Đã triển khai đồng đều và có hiệu quả các dự án: Dự án tín dụng nông thôn và tín dụng cho người nghèo; Dự án khuyến nông, lâm, hướng dẫn cách làm ăn cho người nghèo; Dự án hỗ trợ y tế cho người nghèo; Dự án hỗ trợ người nghèo về giáo dục; Dự án hỗ trợ chất lượng và nước ăn cho hộ nghèo; Dự án đào tạo bồi dưỡng và nâng cao năng lực cán bộ làm công tác xóa đói, giảm nghèo; Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn; Dự án giảm nghèo (WB); Đề án quy hoạch sắp xếp ổn định dân cư; Dự án phát triển nghề nông thôn; Đề án đào tạo cán bộ cơ sở.

Trong 2 năm 2001-2002 giảm được 11,8% hộ đói, nghèo. Trong đó năm 2001 giảm 4,19% hộ đói, nghèo, năm 2002 giảm 7,61% hộ đói, nghèo, hộ phát sinh nghèo là 1,59%. Tính đến tháng 11-2002, số hộ đói, nghèo toàn tỉnh còn 19,19%, kết quả vượt kế hoạch đề ra.

Công tác xóa đói, giảm nghèo đã được các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân tích cực tham gia thực hiện nên kết quả đạt cao, tuy vậy, kết quả xóa đói, giảm nghèo chưa thực sự bền vững, tỷ lệ nghèo phát sinh và tái nghèo còn cao.

5. Đề án quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư

Trong 2 năm đã sắp xếp, ổn định 2.063 hộ dân cư, đạt kế hoạch từng năm và bằng 28% mục tiêu; kinh phí hỗ trợ đạt 73,42% so với nhu cầu. Cơ bản đã sắp xếp ổn định, đồng bào yên tâm sản xuất, định cư lâu dài. Tuy nhiên, ở một số nơi bố trí dân cư chưa đồng bộ với xây dựng cơ sở hạ tầng như giao thông, nước sinh hoạt. Kinh phí hỗ trợ thiếu.

B. CÁC BIỆN PHÁP, GIẢI PHÁP TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÁC ĐỀ ÁN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

- Tập trung chỉ đạo, triển khai 6 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở năm 2003 theo Kế hoạch số 150-KH/UB, ngày 7-3-2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Rà soát và bổ sung điều chỉnh quy hoạch các vùng sản xuất hàng hóa tập trung: lúa thâm canh; ngô và đậu tương hàng hóa, cây ăn quả, vùng chè, vùng trồng tre măng ở tất cả các huyện, thị và xã, phường. Bảo đảm cung cấp đủ giống, vật tư nông nghiệp đúng chất lượng và có chính sách bao tiêu và hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm cho nông dân. Đẩy mạnh chế biến và tiêu thụ sản phẩm qua hợp đồng. Tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm, tập huấn kỹ thuật cho nông dân. Tập trung đầu tư các công trình thủy lợi bảo đảm tưới tiêu chủ động.

- Đối với việc sắp xếp, ổn định dân cư: Phải quy hoạch, sắp xếp bố trí dân cư trên cơ sở đáp ứng yêu cầu cần thiết về kết cấu hạ tầng như đường giao thông, nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất, đất canh tác... bảo đảm cho dân cư ổn định lâu dài. Xây dựng phương án di chuyển và sử dụng kinh phí di chuyển sắp xếp dân cư theo quy trình.

- Nâng cao vai trò và làm rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành, tổ chức và các cá nhân trong chỉ đạo, tổ chức triển khai, thực hiện.

- Tăng cường sự phối hợp hoạt động lồng ghép các dự án trong công tác xóa đói, giảm nghèo.

- Các địa phương xây dựng được các mô hình xóa đói, giảm nghèo cụ thể. Tăng cường tuyên truyền chống tư tưởng ỷ lại, trông chờ trong nhân dân.

- Đào tạo, bổ sung biên chế cán bộ chuyên trách có năng lực theo dõi công tác xóa đói, giảm nghèo cho huyện, xã.

C. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị điều chỉnh mục tiêu

- Dự án trồng cây ăn quả: Từ 4.500 ha xuống 2.500 ha là phù hợp vì thực tế trong 2 năm thực hiện chỉ trồng được mỗi năm 500 ha. Để bảo đảm chất lượng cây ăn quả mỗi năm chỉ trồng 500 ha.

- Kế hoạch kiên cố hóa kênh mương: Sau hai năm thực hiện mới đạt 275 km/1.000 km mục tiêu; để đạt được mục tiêu từ 2003 - 2005 phải thực hiện 725 km, bình quân mỗi năm gần 250 km là không khả thi. Đề nghị điều chỉnh mục tiêu đến năm 2005 là 750 km.

2. Tiếp tục bổ sung, điều chỉnh chính sách

- Đối với cây chè: 2 năm đầu ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% lãi suất cho vay (vì chưa có sản phẩm), từ năm thứ 3 trở đi, nông dân tự trả 100% lãi suất vay trồng chè.

- Có chính sách khuyến khích phát triển các cây mới: hoa và rau cao cấp, cây thuốc lá; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông, lâm nghiệp. Xây dựng các dự án đầu tư về trồng rừng, trồng hoa, phục tráng giống trâu, lợn.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về quy hoạch và giám sát thực hiện quy hoạch.

II. CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP

A. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC ĐỀ ÁN

1. Đề án về các mục tiêu giao thông

Các tuyến quốc lộ được thực hiện đầu tư như: quốc lộ 4D, quốc lộ 279, quốc lộ 70, quốc lộ 4E, quốc lộ 32 theo tiến độ, cơ bản đạt yêu cầu đề ra. Đặc biệt, việc nâng cấp, mở rộng quốc lộ 70 đã được Thủ tướng Chính phủ cho ý kiến chỉ đạo. Đường trục Lào Cai - Cam Đường (quốc lộ 4E) đã thực hiện 70% khối lượng phần nền và 35% khối lượng công trình thoát nước. Cầu Bảo Hà trên quốc lộ 279 đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư. Dự kiến, hết năm 2003, 10/10 huyện, thị có đường nhựa đến trung tâm huyện.

Các tuyến đường tỉnh lộ nâng cấp bằng nguồn vốn ADB đang được thực hiện: Sa Pa - Bản Dền 14 km, chuẩn bị khởi công; đường

Phố Mới - Phong Hải; đường Tung Chung Phố - Pha Long; Bản Vược - Nậm Chạc tiếp tục đang thi công; đường Hoàng Liên Sơn I đã khởi công và đường Hoàng Liên Sơn II đang chuẩn bị đầu tư. Hoàn thành đưa vào sử dụng cầu Phố Mới.

Các tuyến đường biên giới gồm 6 tuyến dài 79 km và cầu Ngòi Phát, tổng dự toán 64,6 tỷ đồng, đã thanh toán 18,5 tỷ, đã xong 4 tuyến, 2 tuyến đạt 50% và 80% khối lượng.

Về giao thông nông thôn: Hết năm 2002, còn 3 xã chưa có đường ô tô đến trung tâm là Tà Húa, Tà Mít, Bản Liễn; 3 xã Dền Tháng (Bát Xát), Dền Tháng, Nậm Chày (Văn Bàn) chưa có cầu.

Năm 2002 là năm triển khai nhiều dự án phát triển, nâng cấp đường giao thông. Các dự án triển khai theo đúng trình tự xây dựng cơ bản và cơ bản bảo đảm yêu cầu tiến độ và chất lượng. Một số dự án có tiến độ chậm do khắc phục thời tiết, thiên tai và do mặt bằng giải phóng chậm. Đã triển khai hầu hết các đường giao thông đến trung tâm các xã, các tuyến đường biên giới và nâng cấp một số tuyến đường giao thông nông thôn. Đồng thời, triển khai xây dựng đường giao thông liên thôn, rút kinh nghiệm để triển khai thành chương trình trọng tâm của tỉnh năm 2003.

2. Đề án xây dựng thành phố Lào Cai

Căn cứ vào định hướng phát triển đô thị Lào Cai - Cam Đường giai đoạn 2001-2020 đã được Bộ Xây dựng thẩm định và thỏa thuận phê duyệt, tỉnh đã cho triển khai quy hoạch chi tiết các khu chức năng và các khu tái định cư để sắp xếp, bố trí dân cư phục vụ giải phóng mặt bằng, xây dựng hệ thống giao thông: Các đường trục chính và trục ngang. Các dự án cấp điện, cấp nước, thoát nước... đang được khẩn trương hoàn thiện. Thực hiện các giải pháp đạt cho được các tiêu chí đô thị loại III theo Nghị định 72/CP (9 tiêu chí chưa đạt) vào năm 2005, thị xã Lào Cai đã xây dựng chương trình chỉnh trang đô thị. Tỉnh đã có chính sách đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện “đổi đất lấy công trình”.

Tuy nhiên, tiến độ thi công các tuyến đường ở khu đô thị mới gặp trở ngại do giải phóng mặt bằng chậm.

3. Đề án phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

Thực hiện đề án phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp năm 2002 và quý I-2003 có sự chuyển biến cả về lượng và chất. Đó là sự thay đổi trong nhận thức của các cấp, các ngành và các doanh nhân về kinh tế thị trường. Các hoạt động đầu tư sản xuất, kinh doanh, nâng cao trình độ quản lý và tay nghề công nhân được chú trọng. Số lượng cơ sở sản xuất tăng, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh; năm 2002, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng cơ bản trong GDP là 20,6, tăng 2,55% so với năm trước. Một số dự án đang được chuẩn bị đầu tư: Mở rộng Công ty xi măng, sản xuất gang, thủy điện Ngòi Phát và Ngòi Bo... Các dự án khôi phục nâng cấp thủy điện Cốc San, tổ hợp đồng Sin Quyền tiếp tục thực hiện đầu tư. Các dự án hoàn thành, đầu tư và đi vào sản xuất là xưởng sản xuất bao PP; xưởng chế biến thức ăn gia súc; khai thác và chế biến felspat của Công ty trách nhiệm hữu hạn Kim Sơn; khai thác, chế biến đá xây dựng của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Lương Hà; xưởng mạ kẽm 500 tấn sản phẩm/năm... đã góp phần tăng trưởng sản xuất công nghiệp.

Có 20 dự án đầu tư tiểu thủ công nghiệp ở các lĩnh vực như: chế biến nông, lâm sản, thực phẩm; thủ công mỹ nghệ; dệt may thổ cẩm, sản xuất nông cụ bước đầu có hiệu quả, sản xuất và tạo thu nhập cho người lao động tương đối ổn định. Lao động công nghiệp năm 2002 tăng hơn 1 nghìn người so với năm trước do một số cơ sở sản xuất mới đi vào hoạt động. Đặc biệt, các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp mới đã thu hút được trên 500 lao động thường xuyên.

Tuy nhiên, các dự án đều gặp khó khăn về mặt bằng sản xuất, vốn đầu tư, tìm kiếm và mở rộng thị trường. Do nhiều nguyên nhân, một số dự án triển khai thực hiện đầu tư chậm. Kết quả thực hiện chính sách khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp đạt thấp, năm 2002 giải ngân đạt 15% kế hoạch, việc thực hiện hỗ trợ còn nhiều

lúng túng, chưa đơn giản hóa các thủ tục theo hướng thuận tiện cho người hưởng lợi.

4. Đề án quy hoạch cụm công nghiệp Tăng Loỏng

Đến nay, đề án quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp Tăng Loỏng đã được hoàn chỉnh với dự kiến đầu tư tại cụm công nghiệp là 12 cơ sở sản xuất. Đang điều tra khảo sát, lập phương án đền bù tái định cư, giải phóng mặt bằng chuẩn bị trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt các nội dung đề án.

5. Đề án sắp xếp doanh nghiệp nhà nước tỉnh Lào Cai giai đoạn 2001-2005

Căn cứ vào nội dung, nhiệm vụ và mục tiêu đề án, tỉnh đã củng cố các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm và tích cực tìm kiếm, ổn định thị trường..

Năm 2001, tiến hành cổ phần hóa 3 doanh nghiệp; giải thể 3 lâm trường do không còn nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh; sáp nhập một công ty cấp huyện vào công ty của tỉnh.

Năm 2002, đã cổ phần hóa 1 doanh nghiệp, bán 100% vốn nhà nước cho người lao động; sáp nhập 2 doanh nghiệp vào doanh nghiệp khác; giải thể 2 lâm trường.

Các doanh nghiệp nhà nước sau khi được củng cố đã sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, thị trường khá ổn định, khai thác được lợi thế sẵn có, tận dụng tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, giữ được vai trò chủ đạo, đời sống và việc làm cán bộ, công nhân viên được bảo đảm, giá trị sản lượng, doanh thu và lợi nhuận đều có bước phát triển. Các doanh nghiệp sau chuyển đổi đã đi vào sản xuất ổn định có tích lũy, có hiệu quả, đời sống đại bộ phận cán bộ, công nhân viên được nâng lên. Tuy có nhiều cố gắng trong việc sắp xếp doanh nghiệp nhà nước theo kế hoạch từng năm; nhưng việc triển khai thực hiện các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh diễn ra chậm. Vấn đề xử lý tài chính, giải quyết chính sách cho người lao động gặp nhiều khó khăn. Trong đó

có nguyên nhân là tư tưởng của một số giám đốc doanh nghiệp nhận thức chưa đúng đắn, chưa tích cực trong việc kiểm kê, đánh giá, báo cáo tài chính để xây dựng phương án chuyển đổi. Các doanh nghiệp nhà nước của tỉnh đều thuộc diện vừa và nhỏ, hiệu quả kinh doanh thấp, vốn kinh doanh chủ yếu là vốn vay, đó cũng là khó khăn khi chuyển đổi. Ngoài ra, sự chỉ đạo của tỉnh và các ngành chưa sâu sát, chưa cương quyết thực hiện kế hoạch đề ra. Nhìn chung, các doanh nghiệp còn lúng túng trong việc xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh, sức cạnh tranh yếu.

B. MỘT SỐ BIỆN PHÁP, GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC

- Tập trung chỉ đạo thi công các công trình chuyển tiếp năm 2002 - 2003 bảo đảm tiến độ, chất lượng công trình. Hoàn thành mục tiêu 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã. Khởi công các dự án có đủ điều kiện và bố trí đủ vốn cho chương trình xây dựng đường giao thông liên thôn.

- Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư; thực hiện tốt công tác đền bù và giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng ở các công trình khu đô thị mới, các khu và cụm công nghiệp. Chuẩn bị tốt các khu tái định cư.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện đầu tư dứt điểm các dự án để đưa vào khai thác, phát huy hiệu quả và năng lực sản xuất. Chú trọng chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng chuyển dần lao động nông nghiệp sang lao động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ.

- Nghiên cứu xây dựng quy chế sử dụng hạ tầng các khu công nghiệp và chính sách ưu đãi khi đầu tư vào các khu công nghiệp. Đẩy mạnh công tác chuẩn bị đầu tư; nghiên cứu, tư vấn và xúc tiến thị trường.

- Sửa đổi, bổ sung chính sách khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp Lào Cai. Triển khai thực hiện hỗ trợ theo chính sách để đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư phát triển tiểu thủ công nghiệp.

III. CHƯƠNG TRÌNH KHAI THÁC KHU VỰC KINH TẾ CỦA KHẨU VÀ DU LỊCH

A. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC ĐỀ ÁN

1. Đề án phát triển kinh tế cửa khẩu Lào Cai giai đoạn 2001-2005-2010

Thực hiện Quyết định 53/2001/QĐ-TTg, tỉnh đã thành lập Ban chỉ đạo Khu kinh tế cửa khẩu, Ban quản lý kinh tế cửa khẩu Lào Cai để quản lý điều hành chung các hoạt động giao thương trên cửa khẩu; công tác quản lý được tập trung thống nhất, giải quyết các thủ tục xuất, nhập khẩu và xuất, nhập cảnh theo hướng thông thoáng, thuận tiện, xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc. Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai được quy hoạch lại và mở rộng phạm vi Khu kinh tế cửa khẩu với các phân khu chức năng. Trên cơ sở quy hoạch mới, tiến hành đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng (năm 2001 là 71.827 triệu đồng, năm 2002 là 158.269 triệu đồng). Tiến độ thực hiện đầu tư đáp ứng yêu cầu đề án đã góp phần thúc đẩy hoạt động thương mại, du lịch và thu hút đầu tư trong và ngoài nước. Kết quả như sau:

Về xuất, nhập khẩu: Năm 2001 tăng 37%; năm 2002 tăng 15% so với năm trước.

Về xuất, nhập cảnh - du lịch: Năm 2001 tăng 61%; năm 2002 tăng 112% so với năm trước.

Về thu ngân sách: Năm 2001 tăng 16%; năm 2002 tăng 69% so với năm trước. Số lượng các doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất, nhập khẩu: Năm 2001: 397 đơn vị; năm 2002: 410 đơn vị. Dự án đầu tư trong nước đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt năm 2001 có 1 dự án với tổng vốn đầu tư 2.768 triệu đồng; năm 2002 có 7 dự án với tổng vốn đầu tư 168.803 triệu đồng; 5 dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý về chủ trương để lập hồ sơ dự án với tổng số vốn là 36.072 triệu đồng.

Trong 2 năm 2001-2002, đã cấp phép đầu tư nước ngoài 8 dự án với tổng vốn đầu tư 16,8 triệu USD, trong đó vốn pháp định là 11,49 triệu USD.

2. Đề án phát triển kinh tế du lịch giai đoạn 2001-2005 và 2010

(...).

B. MỘT SỐ TỒN TẠI, YẾU KÉM

- Về hoạt động xuất, nhập khẩu: Kim ngạch xuất, nhập khẩu tăng liên tục hằng năm, nhưng tốc độ tăng giá trị nhập khẩu nhanh hơn giá trị xuất khẩu. Năm 2002, giá trị xuất khẩu giảm 20%, giá trị nhập khẩu tăng 17% so với năm 2001. Nguyên nhân là do mặt hàng xuất khẩu ít chủng loại, việc mở rộng thị trường bị phụ thuộc nhiều vào chính sách biên mậu của Trung Quốc. Sự thay đổi chính sách hoàn thuế VAT chưa khuyến khích các doanh nghiệp tích cực xuất khẩu. Sự hợp tác giữa các doanh nghiệp còn hạn chế, thiếu thông tin về thị trường, tài chính doanh nghiệp... do đó hoạt động kinh doanh mang tính tự phát, dễ rủi ro. Hạ tầng cơ sở về giao thông chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển.

- Giá trị kim ngạch xuất, nhập khẩu chưa tương xứng với tiềm năng thế mạnh của tỉnh, chỉ chiếm 8% trong tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu Việt Nam - Trung Quốc.

- Trình độ cán bộ làm việc tại Khu kinh tế cửa khẩu còn yếu về nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ...

- Một số hạng mục của đề án chưa bố trí đủ vốn để thực hiện.

C. PHƯƠNG HƯỚNG TIẾP TỤC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC ĐỀ ÁN

- Đẩy mạnh tốc độ xây dựng các hạng mục công trình thuộc khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai, khu Thương mại Kim Thành, các khu công nghiệp.

- Tăng cường công tác phối hợp quản lý xuất, nhập khẩu hàng hóa bảo đảm môi trường thuận lợi, an toàn. Tích cực cải thiện môi trường đầu tư.

- Ban hành quy chế quản lý các khu thương mại, khu công nghiệp.

- Hoàn thiện hơn nữa bộ máy Ban quản lý kinh tế cửa khẩu thị xã Lào Cai về trình độ và năng lực quản lý. Nâng cao chất lượng đội

ngũ cán bộ. Tích cực chuẩn bị nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu của các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

IV. CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, GIÁO DỤC, KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Đề án phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở

180/180 xã đạt phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ, trong đó đạt phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi 25 xã, đạt phổ cập giáo dục trung học cơ sở có 13 xã/20 xã đạt 65% kế hoạch.

2. Đề án xây dựng chính sách thu hút cán bộ khoa học - kỹ thuật, nghệ nhân, công nhân có trình độ tay nghề cao làm việc tại Lào Cai

- Tỉnh đã ban hành được Quyết định 39/2002/QĐ-UB về chính sách hỗ trợ đào tạo và thu hút cán bộ khoa học - kỹ thuật, nghệ nhân, công nhân có tay nghề bậc cao làm việc tại Lào Cai.

- Đã hỗ trợ đào tạo cho 93 cán bộ, công chức đã hoàn thành cao học, cử nhân chính trị, cử nhân hành chính, chuyên khoa cấp I.

- Tiếp nhận 30 bác sĩ và một số chuyên khoa khác ở ngoài tỉnh có nguyện vọng đến Lào Cai làm việc.

- Tỉnh đã bố trí cho 100 trường hợp là con em các dân tộc thiểu số Lào Cai tốt nghiệp đại học, cao đẳng từ năm 1999 đến nay, hiện còn 22 trường hợp đang xem xét bố trí hết.

3. Đề án củng cố mạng lưới y tế cơ sở, đưa bác sĩ về xã, phường, thị trấn

- 100% các trạm y tế xã đã được xây dựng, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng do thiếu bếp bệnh nhân và các công

trình phụ trợ, công tác phê duyệt các dự án cụ thể còn chậm. Đã xây dựng được 56 nhà công vụ ở các xã vùng cao, tuy nhiên việc cân đối tài chính không được đưa vào kế hoạch nên tiến độ thực hiện chậm.

- Đã xây dựng kiên cố 13/44 phòng khám đa khoa khu vực đạt 37% kế hoạch. 22/44 phòng khám đa khoa khu vực có bác sĩ đạt 50% kế hoạch, 100% phòng khám đa khoa khu vực có nữ hộ sinh trung học; cán bộ y tế cơ sở 661/900 đạt 73% kế hoạch, 100% trạm y tế xã có cán bộ trung cấp y, 33/180 xã có bác sĩ (kế hoạch 90 xã có bác sĩ đến năm 2010); 1.729/1.896 thôn, bản có nhân viên y tế đạt 91% kế hoạch.

- Tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ cho 3.361 lượt/2.075 lượt cán bộ hàng năm đạt 196% kế hoạch.

4. Đề án giải quyết việc làm cho người lao động

Giải quyết hỗ trợ việc làm ổn định cho trên 11.000 lao động hằng năm, đạt trên 100% kế hoạch, vốn vay Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm hằng năm đều đạt 100% kế hoạch trở lên.

- Giảm tỷ lệ thất nghiệp còn 1,03%/1% kế hoạch.

- Lao động đã qua đào tạo nghề: 33.811 người, chiếm 9,62%/22,58% kế hoạch năm 2005.

- Nâng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn lên 74,46%/80,5% kế hoạch.

5. Đề án bảo tồn, khai thác, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc tỉnh Lào Cai

- Xây dựng được 20 dự án nhỏ.

- Xây dựng 3 dự án thành đề tài nghiên cứu khoa học như: Dự án tổng điều tra di sản văn hóa phi vật thể các dân tộc Lào Cai; xây dựng 3 làng văn hóa du lịch (Cát Cát, Bản Dền, Tả Van ở Sa Pa)/ 5 làng văn hóa theo kế hoạch.

- Xây dựng 4 hồ sơ khoa học di tích, 2 di tích đã được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận (Đền Cẩm - thị xã Lào Cai, thành cổ Nghị Lang - Bảo Yên).

Khai quật 2 di tích khảo cổ, sưu tầm 115 cổ vật, 500 ảnh tư liệu, 238 trang sách cổ của người Giáy, Dao, Bố Y; 200 bài dân ca; 40 bài nhạc kèn Pí Lè; 12 phong tục các dân tộc. Xuất bản 2 cuốn sách về phong tục dân tộc Giáy và Nùng Dín.

- Trùng tu đền Mẫu, chùa Tân Bảo, đền Bảo Hà.

B. MỘT SỐ TỒN TẠI, YẾU KÉM

Các đề án đã được sự quan tâm của các cấp, các ngành và đã được triển khai một cách kịp thời, tuy nhiên tỷ lệ học sinh đi học chuyên cần chưa cao, kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở chưa bền vững. Nguyên nhân chủ yếu do công tác xã hội hóa giáo dục chưa cao, cơ sở trường, lớp, trang thiết bị học tập chưa bảo đảm, trình độ dân trí một số các bậc phụ huynh còn thấp.

Chưa có cán bộ có trình độ cao đến làm việc ở Lào Cai, công tác tuyên truyền còn hạn chế, chính sách thu hút chưa thực sự hấp dẫn so với các tỉnh khác nhất là với các tỉnh miền xuôi có điều kiện.

Nguồn lực bác sĩ còn thiếu, trang thiết bị y tế tại các trạm y tế còn sơ sài, trình độ cán bộ y tế cơ sở còn thấp chưa đáp ứng phục vụ được nhu cầu đòi hỏi thực tế của dân.

Số người có việc làm mới tăng nhưng chưa ổn định, năng suất lao động và thu nhập còn thấp. Chuyển biến nhận thức về giải quyết việc làm và đào tạo công nhân còn chậm. Cán bộ làm công tác này còn yếu và thiếu, nhất là tuyến huyện.

Đề án bảo tồn, khai thác, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc tỉnh Lào Cai đã khơi dậy được niềm tự hào của các dân tộc, đời sống văn hóa được nâng lên, góp phần làm ổn định đời sống nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Tuy nhiên tiến độ thực hiện các dự án còn chậm, tính phát huy hiệu quả các dự án chưa cao, công tác sưu tầm và bảo quản các di sản văn hóa chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra.

C. MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÁC ĐỀ ÁN

- Các cấp, các ngành cần bám sát các đề án để xây dựng kế hoạch thực hiện một cách chi tiết. Phát huy thế mạnh xã hội hóa giáo dục và công tác giám sát, kiểm tra. Thực hiện có hiệu quả công tác xóa đói, giảm nghèo, nâng cao dần mức sống cho nhân dân.

- Tăng cường tuyên truyền trên quy mô rộng chính sách thu hút của Lào Cai. Tiếp tục nghiên cứu để bố trí và sử dụng con em các dân tộc thiểu số đã qua đào tạo. Bổ sung và hoàn thiện các chính sách thu hút cho hấp dẫn và phù hợp hơn nữa.

- Hoàn thiện cơ sở vật chất và trang thiết bị cho các trạm y tế và các phòng khám đa khoa khu vực. Tăng cường đào tạo, nhất là bác sĩ, đào tạo lại, đào tạo cử tuyển và đào tạo theo địa chỉ.

- Tạo được cơ chế và chính sách đầu tư thông thoáng, hấp dẫn các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến Lào Cai. Tăng cường đào tạo công nhân có trình độ, tay nghề cao đủ sức cạnh tranh trong cơ chế thị trường. Giải quyết khâu cán bộ yếu và thiếu trong công tác lao động việc làm. Trong thời gian tới cần xây dựng một khu tập thể (có thể cho thuê) để cán bộ lên tỉnh công tác có chỗ ở ban đầu.

- Tích cực điều tra, nghiên cứu, bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa, các phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc theo hướng xã hội hóa cao. Thực hiện có hiệu quả dự án xây dựng làng văn hóa, gia đình văn hóa.

V. CHƯƠNG TRÌNH AN NINH, QUỐC PHÒNG VÀ ĐỐI NGOẠI

1. Đề án cải tiến việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo

Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo đã được các cấp, các ngành quan tâm, chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Ở tỉnh đã thành lập tổ công tác tiếp dân của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, xây dựng quy chế làm việc và đi vào hoạt động từ ngày 23-8-2002

theo Quyết định số 361/2002/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

Soạn thảo xong các biểu mẫu về sổ tiếp dân, đăng ký quản lý đơn thư khiếu nại tố cáo, quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo, báo cáo tháng, quý. Tập hợp xong tài liệu về hệ thống văn bản pháp luật khiếu nại, tố cáo.

Lập kế hoạch phân kỳ đầu tư, dự án chi tiết thực hiện trong các năm 2002, 2003, 2004, 2005 theo yêu cầu.

Tuy nhiên còn một số vướng mắc trong quá trình thực hiện, đó là:

- Sổ Tài chính - Vật giá chưa có hướng dẫn chi tiết cụ thể về kế hoạch dự trù kinh phí hàng năm, từng chuyên đề, do đó không có kinh phí hoạt động.

- Do chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể chi tiết cho các bước từng giai đoạn nên các cấp, các ngành tổ chức thực hiện còn lúng túng, không đúng thời gian và quy trình.

Các biện pháp giải quyết tồn tại trong năm 2003:

- Tăng cường sự phối hợp giữa cơ quan Thanh tra, Tư pháp, Ban Tổ chức chính quyền để chuẩn bị thống nhất xây dựng đề cương bài giảng, giáo viên để tổ chức các lớp tập huấn chuyên ngành.

- In ấn các loại tài liệu phục vụ cho các lớp tập huấn và thống nhất gửi về cơ sở để thực hiện.

- Thanh tra tỉnh và Sở Tài chính - Vật giá thống nhất xây dựng kế hoạch dự trù kinh phí cho từng năm để cấp theo kế hoạch của tỉnh.

2. Đề án phòng, chống các hoạt động lợi dụng tôn giáo, truyền đạo trái phép trên địa bàn tỉnh Lào Cai (giai đoạn 2002 - 2005)

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, trực tiếp là Ban chỉ đạo 184, sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành; công tác tôn giáo nói chung và việc ngăn chặn truyền đạo Tin Lành trái phép nói riêng bước đầu đã thu được kết quả tốt. Các tôn giáo như: Đạo Công giáo, đạo Phật hoạt động cơ bản đúng pháp luật, đồng bào có tôn giáo an tâm phấn khởi tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, sống “tốt đời đẹp đạo”.

Việc ngăn chặn truyền đạo Tin Lành trái phép đã thu được kết quả là sau một năm số hộ tự nguyện bỏ đạo là 446 hộ, 2.648 khẩu, xóa được 7 xã, 27 thôn, bản không còn đạo trái phép, riêng 2 huyện Mường Khương và Si Ma Cai tiếp tục giữ vững địa bàn, không để đạo trái phép xâm nhập. Tính đến 31-3-2003, toàn tỉnh còn 1.526 hộ, 8.986 khẩu theo đạo Tin Lành trái phép ở 99 thôn, bản, 39 xã, 8 huyện, thị.

Sau một năm thực hiện đề án, chúng ta đã thực hiện được mục tiêu là thu hẹp địa bàn, giảm dần số hộ, khẩu theo đạo Tin Lành trái phép, giữ vững ổn định chính trị, phát triển sản xuất, nâng cao một bước đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, nhất là ở các xã, huyện.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện đề án còn một số tồn tại:

- Cán bộ ở cơ sở của ta nhìn chung còn thiếu, yếu về chất lượng, các hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể quần chúng hầu như ít tác dụng, cán bộ làm công tác vận động quần chúng đa số không biết tiếng dân tộc, hình thức tuyên truyền còn khô cứng, thiếu hấp dẫn, thiếu sáng tạo.

- Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành chưa thật chặt chẽ và đồng bộ, nhiều lực lượng cùng xuống tăng cường ở một cơ sở nhưng chưa có sự thống nhất hoạt động, do đó hiệu quả thấp. Một số địa phương chưa chủ động nắm tình hình dân cư, ngăn chặn và giải quyết kịp thời những vấn đề nảy sinh. Đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào đang bị lợi dụng truyền đạo trái phép còn rất khó khăn, vì vậy tạo cơ hội cho kẻ xấu xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Công tác đấu tranh, cảm hóa, giáo dục, thuyết phục các đối tượng cầm đầu đôi khi còn cứng nhắc, nặng về đấu tranh mà coi nhẹ cảm hóa giáo dục, lôi kéo đối tượng về phía ta, từ đó đối tượng càng xa lánh, rồi đi đến kích động đồng bào chống đối. Cán bộ xã, thôn, bản vì nhiều lý do nên có những biểu hiện né tránh, ngại va chạm, nhất là việc xử lý các đối tượng cầm đầu; công tác quản lý hộ tịch, hộ khẩu, đăng ký tạm trú, tạm vắng ở một số nơi chưa làm tốt.

Một số biện pháp khắc phục trong năm 2003: Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trong đề án đã đề cập một cách trọng tâm và triển khai chương trình hành động của Tỉnh ủy khi triển khai Nghị quyết Trung ương 7 (khóa IX) về vấn đề dân tộc, tôn giáo.

- Các cấp, các ngành, các đoàn thể tăng cường xuống giúp đỡ cơ sở, cần có sự phối hợp với địa phương để quản lý, động viên, nhắc nhở đội ngũ cán bộ này phải thường xuyên có mặt tại địa bàn, đồng thời phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng ở cơ sở.

- Cần thực hiện nghiêm túc hơn nữa đối với Quyết định 434 của Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc giải quyết các tụ điểm tập trung học đạo trái phép, đặc biệt là nâng cao trách nhiệm quản lý của chính quyền địa phương. Triển khai pháp lệnh, nghị định, luật về tôn giáo và tín ngưỡng sẽ được ban hành một cách có hiệu quả

3. Đề án phòng, chống âm mưu “diễn biến hòa bình” và “bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch và kế hoạch đối phó với các tình huống xảy ra trong khu vực phòng thủ tỉnh, huyện (Có báo cáo riêng)

4. Kế hoạch phân giới, cắm mốc theo Hiệp ước Việt - Trung

Trong những năm qua, quan hệ Việt - Trung ngày càng phát triển tốt; Hiệp ước biên giới trên đất liền - là cơ sở pháp lý để lực lượng biên phòng hai bên quản lý, bảo vệ biên giới và lực lượng hai bên khảo sát, phân giới cắm mốc trên thực địa. Ủy ban nhân dân tỉnh đã kiện toàn Ban chỉ đạo phân giới, cắm mốc của tỉnh do đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là Trưởng ban, tổ chức nhóm phân giới, cắm mốc số 3 Việt Nam để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao theo đúng quan điểm, tư tưởng chỉ đạo và quy trình kỹ thuật.

Kết quả là đã tổ chức xây dựng và khánh thành mốc số 102, ngày 13-7-2002 theo sự chỉ đạo của Chính phủ, song đang tiến hành xây dựng mốc số 103; tổ chức ra thực địa phân giới song phương tuyến từ mốc 112 đến 117; đã xác định được 4 vị trí mốc 112, 114, 115, 116 và ký sơ đồ nháp, riêng mốc số 113, 117 chưa thống nhất.

Đã cấm xong 2 mốc 115, 116 (115 do Trung Quốc cấm), tiến hành khảo sát, đo vẽ đơn phương trên sông suối đoạn từ Lũng Pô đến sông Ba Két dài khoảng 80 km.

Một số khó khăn, tồn tại: Công tác rà phá vật cản trên tuyến biên giới chậm. Nhóm phân giới cấm mốc số 3 mới được thành lập, còn thiếu về kinh nghiệm công tác, sức khỏe và chuyên môn kỹ thuật.

Phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới: Tăng cường phối hợp với tỉnh Vân Nam- Trung Quốc thực hiện đúng kế hoạch phân giới cấm mốc.

5. Đề án An ninh - Quốc phòng với nhiệm vụ phát triển kinh tế - đối ngoại (Có báo cáo riêng)

VI. CHƯƠNG TRÌNH “XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH, CÓ HIỆU LỰC”

A. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC ĐỀ ÁN

1. Đề án cải cách hành chính sắp xếp tổ chức các cơ quan cấp tỉnh, huyện, đẩy mạnh phân cấp, kết hợp với củng cố năng lực tổ chức quản lý của cấp huyện, thị và cơ sở

Ủy ban nhân dân tỉnh đã xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện trong toàn tỉnh. Nhiều nơi đã giảm bớt các thủ tục hành chính rườm rà, rà soát hệ thống văn bản pháp quy đã ban hành; tiếp nhận và giải quyết 2.411 đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân; đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục phổ biến pháp luật; sửa đổi, hoàn thiện dần cơ chế, chính sách trong lĩnh vực tài chính, kế hoạch, xây dựng cơ bản, quản lý đất đai, hải quan, xuất, nhập khẩu, v.v.. Đã sáp nhập Ủy ban dân số kế hoạch hóa gia đình và Ủy ban bảo vệ và chăm sóc trẻ em thành Ủy ban dân số - Gia đình và Trẻ em ở tỉnh và huyện, thị xã. Sắp xếp các phòng, ban chuyên môn theo hướng đa chức năng, đa lĩnh vực với 105 phòng (giảm 4 phòng), 7 chi cục, 67 đơn vị sự nghiệp thuộc ngành, cấp huyện từ 13 phòng, ban còn 10 phòng, ban; thị xã còn 11

phòng, ban chuyên môn. Thành lập mới Liên hiệp Hội khoa học tỉnh, Hội doanh nghiệp trẻ, Hội Luật gia, Ban đại diện người cao tuổi cấp tỉnh, huyện, thị xã, Chi cục phát triển lâm nghiệp, Ban quản lý vườn quốc gia Hoàng Liên, v.v.. Rà soát và quy định rõ chức năng, nhiệm vụ cho một số sở, ngành, khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót nhiệm vụ như Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường, v.v.. Thực hiện thí điểm Khoán biên chế và kinh phí. Xây dựng tổ chức và kiện toàn lãnh đạo chủ chốt ở một số sở, ban, ngành, huyện, thị xã thông qua bỏ phiếu tín nhiệm bổ nhiệm và bổ nhiệm lại các chức vụ. Giải quyết cho 138 người về hưu theo Nghị quyết số 16/2000/NQ-CP, ngày 18-10-2000 của Chính phủ, v.v..

2. Đề án bồi dưỡng, đào tạo cán bộ chủ chốt cấp cơ sở 2001-2005

Được thực hiện đúng kế hoạch, tiến độ, mục tiêu được phê duyệt tại các trường Nông, lâm nghiệp, Tài chính, Chính trị tỉnh và Trung tâm bồi dưỡng chính trị. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đảng viên được quan tâm đẩy mạnh. Năm 2002 đã đào tạo lý luận chính trị, quản lý nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ cho 819 người (đào tạo tại trường Trung học Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh 316 người, tại Trường Chính trị tỉnh 383 người, tại các huyện, thị 120 người), đào tạo văn hóa cho 779 cán bộ chính quyền cơ sở; bồi dưỡng cho 13.702 lượt cán bộ chính quyền cơ sở (theo chương trình 135 được 2.590 người, chính trị 4.100 người, quản lý nhà nước 3.912 người, đoàn thể 1.900 người, v.v.). Bước đầu đã đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, chất lượng giảng viên, phương pháp giảng dạy, chế độ chính sách, quy hoạch và sử dụng cán bộ. Chỉ đạo tổ chức tốt cuộc thi Bí thư chi bộ giỏi (Huyện ủy Bảo Thắng, Than Uyên, Đảng bộ Quân sự tỉnh), tổ chức học văn hóa cho cán bộ, đảng viên (Bát Xát, Sa Pa), thực hiện tốt chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng theo Quy định 54 của Bộ Chính trị, quán triệt các nghị quyết Trung

ương 3, 4, 5, 6 đến đảng viên; tổ chức cho đảng viên tham gia sinh hoạt, giữ mối liên hệ với cấp ủy và tổ chức đảng nơi cư trú; 15/15 huyện, thị, đảng ủy đã tiến hành tập huấn nghiệp vụ và kiện toàn đội ngũ cán bộ công tác quản lý đảng viên, thành lập Phòng nghiệp vụ công tác đảng viên cấp tỉnh, tiến hành lập phiếu đảng viên. Tỉnh ủy đã tổng kết 22 năm thực hiện Chỉ thị 83-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa IV) về phát triển đảng viên. Công tác kết nạp đảng viên mới cũng đã được chú trọng. Năm 2002, toàn Đảng bộ kết nạp được 1.501 đảng viên, xóa được 62 thôn, bản và 2 trường học chưa có đảng viên. Trong đó có huyện Sa Pa đã hoàn thành xóa thôn, bản chưa có đảng viên trong năm 2002.

3. Đề án “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 08 của Tỉnh ủy xây dựng và chỉnh đốn Đảng nhằm nâng cao năng lực tổ chức, lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng (2001-2005)” (Có báo cáo riêng tại Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh).

B. MỘT SỐ TỒN TẠI KHUYẾT ĐIỂM

- Cải cách hành chính chưa đồng bộ, chất lượng còn thấp, tình trạng khiếu nại tố cáo vẫn xảy ra ở cơ sở, công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật chưa thường xuyên, liên tục, hiệu quả thấp.

- Sự phối hợp triển khai thực hiện đề án giữa cấp huyện và cơ sở bước đầu đã có những chuyển biến tích cực nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra. Việc xây dựng và thực hiện quy chế làm việc ở cơ sở còn có những bất cập, chồng chéo, kém hiệu quả, một số nơi ỷ lại cán bộ tăng cường.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cơ sở còn chậm so với tiến độ và mục tiêu đề án. Một số cơ sở không làm tốt quy hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, không muốn cử cán bộ đi học vì không có người làm việc, hoặc cử cán bộ không đúng đối tượng, một số cán bộ ngại đi học.

- Việc xóa các thôn, bản chưa có đảng viên còn chậm.

- Sự lãnh đạo của các cấp ủy cơ sở trong việc chuyển dịch cơ

cấu kinh tế, xóa đói, giảm nghèo mới chỉ chuyển biến rõ nét ở các xã vùng thấp, ở phường và thị trấn, còn các xã vùng cao mức độ chuyển biến chậm, đời sống của đồng bào các dân tộc vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn. Hoạt động của chính quyền và đoàn thể nói chung còn yếu. Một số nơi tình hình trị an còn có những yếu tố mất ổn định như tệ nạn xã hội, di dịch cư tự do và truyền đạo trái phép vẫn còn.

C. GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2003

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính theo Quyết định số 136/2001/QĐ-TTg, ngày 17-9-2001 của Chính phủ về phê duyệt chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2001-2005 và Văn bản số 26//BCĐCCHC, ngày 19-10-2001 của Ban chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ. Tiếp tục thực hiện tốt giai đoạn 2 của đề án “Cải cách hành chính, sắp xếp tổ chức các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, huyện, đẩy mạnh phân cấp kết hợp với củng cố năng lực tổ chức quản lý của cấp huyện, thị xã và cơ sở thuộc tỉnh Lào Cai giai đoạn 2001-2005”.

- Củng cố và nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy cơ sở và hoạt động của tổ chức cơ sở đảng. Nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền cơ sở và các đoàn thể chính trị - xã hội, làm tốt công tác đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, phát triển đảng viên, thi bí thư chi bộ giỏi, đi nghiên cứu học tập kinh nghiệm, tổ chức tốt Đại hội nhiệm kỳ 2003-2005.

- Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt cơ sở; làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo và bố trí, sử dụng cán bộ hợp lý, đào tạo theo địa chỉ; đổi mới nội dung, chương trình, nâng cao chất lượng giảng viên, trường lớp, điều kiện học tập cho học viên.

VII. CHƯƠNG TRÌNH ĐÁNH GIÁ, SẮP XẾP VÀ LUÂN CHUYỂN CÁN BỘ HƯỚNG VỀ CƠ SỞ

A. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC ĐỀ ÁN

1. Đề án đánh giá bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo quản lý

Thực hiện Kế hoạch số 11-KH/TU, ngày 4-12-2001, công tác đánh giá bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý tỉnh, đã có 7 cơ quan, đơn vị làm điểm sơ kết và rút kinh nghiệm bổ sung một số nội dung, sau đó triển khai thực hiện trên toàn tỉnh ở các sở, ban, ngành, huyện, thị, doanh nghiệp nhà nước.

Đối với cán bộ trưởng, phó các sở, ban, ngành ở tỉnh: Gồm 62 đồng chí, đã tiến hành bổ nhiệm lại 45 đồng chí, không bổ nhiệm lại 17 đồng chí (trong đó 3 đồng chí điều chuyển, 1 đồng chí kéo dài chức vụ 1 năm, 1 đồng chí thông báo nghỉ chế độ quý 1-2003, 3 đồng chí thông báo nghỉ tháng 6-2003. Giải quyết 3 đồng chí nghỉ chế độ theo Nghị quyết 16-NQ/CP, 6 đồng chí tiếp tục công tác đến đủ tuổi nghỉ chế độ).

Các đồng chí là trưởng, phó phòng và tương đương ở các huyện, thị và các đơn vị trực thuộc sở: Tổng số 643 đồng chí, đã tiến hành bổ nhiệm lại: 421 đồng chí, không bổ nhiệm lại 86 đồng chí, kéo dài chức vụ 1 năm 100 đồng chí, kéo dài chức vụ như hiện nay hoặc thông báo nghỉ chế độ 36 đồng chí.

Qua một năm thực hiện, các đơn vị đã thực hiện đúng nội dung, quy định, quy trình của Ban chỉ đạo tỉnh, thể hiện tính trách nhiệm của các cấp ủy đảng ở từng cơ quan, đơn vị. Trong quá trình thực hiện bảo đảm dân chủ, công khai, tạo động lực tinh thần và nâng cao ý thức phấn đấu, tự điều chỉnh của mỗi cá nhân trước công việc. Căn cứ vào kế hoạch của tỉnh, nhiều đơn vị đã triển khai chủ động thực hiện. Ban chỉ đạo tỉnh kịp thời điều chỉnh cách thức tiến hành bảo đảm đúng quy trình, khách quan đánh giá đúng phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn cán bộ trước cương vị công tác được giao. Trong quá

trình xem xét bổ nhiệm, Ban chỉ đạo đã chú ý bảo đảm chính sách cán bộ nữ, dân tộc ít người, và trong độ tuổi trẻ, đây là yếu tố quan trọng về nguồn cán bộ của tỉnh cho những năm tiếp theo.

Tuy nhiên, còn một số cấp ủy, thủ trưởng các cơ quan, đoàn thể triển khai thực hiện tiến độ còn chậm, chưa nghiên cứu kỹ văn bản hướng dẫn, nhầm lẫn giữa bổ nhiệm lại và bổ nhiệm lần đầu, hoặc bổ nhiệm lại với đối với các chức danh bầu cử. Có đơn vị việc đánh giá, bổ nhiệm ở đơn vị còn chung chung, e dè, nể nang, cá biệt có đơn vị lại gây không khí căng thẳng, nặng nề trong nội bộ. Có huyện chỉ gửi phiếu thăm dò tín nhiệm bằng bản phôtô, không tổng hợp chung vào phiếu gửi cho Ban chỉ đạo tỉnh như huyện Bắc Hà, Bát Xát; còn tình trạng sai sót, nhầm lẫn xảy ra như Trường Chính trị tỉnh, huyện Than Uyên, Bát Xát.

2. Sắp xếp, luân chuyển, tăng cường cán bộ đi huyện, xã

Thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XII), Tỉnh ủy đã phê chuẩn danh sách cán bộ tăng cường cho các xã; đợt 1 là 196 đồng chí, trong đó có 162 cán bộ tăng cường cho 80 xã, 34 đồng chí tăng cường ngoài các xã tỉnh quyết định. Do yêu cầu nhiệm vụ, một số đơn vị xin rút cán bộ, hiện nay còn 187 đồng chí, trong đó có 79 cán bộ hành chính sự nghiệp diện cán bộ luân chuyển theo quy hoạch, cán bộ tăng cường có 108 đồng chí (100 đồng chí thuộc lực lượng vũ trang, 8 đồng chí là cán bộ y tế). Do yêu cầu nhiệm vụ, có 47 đồng chí được chỉ định hoặc bầu giữ các chức vụ chủ chốt ở cơ sở và đã phát huy tốt khả năng lãnh đạo, quản lý điều hành công việc ở xã, góp phần củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở.

Đã điều động, luân chuyển 90 đồng chí từ tỉnh đến huyện và ngược lại, giữa khối Đảng và chính quyền và từ ngành này sang ngành khác.

Công tác điều động, luân chuyển, tăng cường cán bộ đi huyện, xã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy rất chú trọng, tình trạng khép kín, cục bộ, thiếu đồng bộ trong công tác cán bộ. Cán bộ tăng cường cho cơ sở

đều nằm trong diện cán bộ nguồn, có đủ trình độ lý luận chính trị, kiến thức chuyên ngành theo yêu cầu cơ sở và trong quy hoạch cán bộ của tỉnh cho những năm tiếp theo. Đây là điều kiện thuận lợi để cán bộ phát huy khả năng, kiến thức thực hiện có hiệu quả các mục tiêu kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh - chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở địa bàn khó khăn và đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ cho hệ thống chính trị ở cơ sở.

Tuy nhiên, công tác luân chuyển, tăng cường cán bộ về cơ sở, đặc biệt là các vùng khó khăn phức tạp còn một số tồn tại đó là đa số cán bộ luân chuyển, tăng cường chưa biết tiếng dân tộc địa phương, chất lượng đội ngũ không đồng đều, chưa am hiểu nhiều lĩnh vực phải xử lý ở cơ sở (chủ yếu là lực lượng vũ trang) nên việc tiếp cận, nắm tình hình, truyền đạt và giải thích các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước gặp nhiều khó khăn, lúng túng. Ở một số cơ quan lý về công tác, thời gian làm việc gặp khó khăn. Ở một vài cơ sở còn có tình trạng cục bộ địa phương, khép kín hoặc còn có cán bộ tăng cường ngại khó, ngại khổ, chấp hành quy chế và quy định chưa nghiêm. Mặt khác điều kiện và sinh hoạt như nơi ăn, chốn ở cho cán bộ tăng cường còn gặp nhiều khó khăn.

B. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2003 VÀ TRONG THỜI GIAN TỚI

Tiếp tục thực hiện kế hoạch đánh giá, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý của tỉnh với việc điều động, luân chuyển cán bộ theo quy hoạch. Tổng kết đánh giá kết quả thực hiện đề án. Rà soát, điều chỉnh bổ sung kế hoạch điều động, luân chuyển cán bộ gắn với quy hoạch cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo quản lý ở các sở ban, ngành của tỉnh có năng lực, triển vọng chưa qua cơ sở.

Đẩy mạnh triển khai thực hiện chương trình củng cố hệ thống chính trị cơ sở với việc tăng cường đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cơ sở theo kế hoạch và quy hoạch. Chú ý đào tạo, bồi dưỡng số cán bộ là người địa phương, là cán bộ nữ ở cơ sở, tổ chức sử dụng có hiệu quả đội

ngũ cán bộ tăng cường về cơ sở. Kiện toàn 4 chức danh chuyên môn ở xã theo tiêu chuẩn; phấn đấu đến năm 2005 tất cả các xã, phường, thị trấn đều chủ động được công việc của mình.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH

Số 35- CTr/TU, ngày 8-5-2003

Thực hiện Nghị quyết của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc

- Thực hiện sự chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc nghiên cứu quán triệt và tổ chức thực hiện các nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy của Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX),

- Căn cứ yêu cầu và nội dung các Nghị quyết Trung ương 7 đã được nghiên cứu quán triệt,

- Xuất phát từ tình hình thực tiễn của tỉnh Lào Cai, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc như sau:

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH CÔNG TÁC DÂN TỘC Ở LÀO CAI

Lào Cai là tỉnh vùng cao, biên giới đa dân tộc, có trên 39 vạn người là dân tộc thiểu số (chiếm 64,8%) dân số. Toàn tỉnh có 138 xã thuộc diện đặc biệt khó khăn, giao thông đi lại khó khăn, kinh tế chậm phát triển, trình độ dân trí thấp, tỷ lệ đói nghèo còn cao. Hệ thống chính trị ở cơ sở nhiều nơi còn yếu.

Từ khi tái lập tỉnh (1991) đến nay, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, nhiều chính sách đầu tư, các chương trình dự án 327,

661, 135, trợ cước, trợ giá về phân bón, thuốc trừ sâu, giống cây, con, các mặt hàng thiết yếu, vốn cho vay... đã thực hiện có hiệu quả nên đã từng bước làm thay đổi bộ mặt nông thôn vùng cao, vùng sâu, đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số đã từng bước được nâng lên, tỷ lệ đói nghèo giảm từ 54,8% (năm 1991) xuống còn 19,19% (năm 2002). Tính đến hết quý I-2003 đã có 177/180 xã, phường có đường ô tô đến trung tâm xã, 100% số xã đã có trạm y tế và đang đầu tư xây dựng các phòng khám khu vực, tỷ lệ phủ sóng phát thanh 70%, truyền hình được trên 60%, có 99/180 xã, phường, thị trấn có điện lưới quốc gia. Tỷ lệ học sinh là con em dân tộc thiểu số thi vào các trường chuyên nghiệp tăng lên hàng năm, tỷ lệ cán bộ là dân tộc thiểu số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể từ 13,16% năm 1996 lên gần 18%.

Trong phong trào thực hiện “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa mới khu dân cư”, đã có 57% số hộ gia đình đạt văn hóa, có 1.009/2.223 khu dân cư được công nhận tiên tiến, xuất sắc. Năm 2002 nhiều nhà văn hóa ở thôn, bản được xây dựng để làm nơi hội họp, vui chơi, tổ chức, lễ hội truyền thống của dân tộc thông qua đó bản sắc văn hóa dân tộc, tín ngưỡng dân gian tốt đẹp được phát huy, các tệ nạn xã hội được hạn chế.

Tuy nhiên trong những năm qua, do trình độ nhận thức còn ở mức độ nên một số đồng bào chưa am hiểu việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, còn mang nặng tính tự túc, tự cấp. Có nơi đồng bào còn bị kẻ xấu lợi dụng, kích động theo đạo trái pháp luật, di cư tự do, khiếu kiện không chính xác, còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước rất nặng nề.

Trong 16 dân tộc hiện nay (chỉ tính số dân tộc có từ 100 người trở lên) khối huyện, thị vẫn còn 5 dân tộc, khối sở, ban, ngành tỉnh còn 2 dân tộc chưa có người là công chức nhà nước.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CÔNG TÁC DÂN TỘC

A. VỀ MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao mức sống đồng bào các dân tộc, đến năm 2005 cơ bản không còn hộ

đổi, giảm 50% hộ nghèo so với hiện nay, trên 90% hộ được đầu tư công trình cấp nước sinh hoạt 70-80% được sử dụng điện, xóa bỏ tình trạng nhà tạm, cuối năm 2003 có 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã, đến năm 2005 có trên 70% số thôn, bản có đường giao thông liên thôn, bản (theo tiêu chuẩn). Giảm mạnh tình trạng di cư tự do, hoàn thành cơ bản công tác định canh định cư vào năm 2005-2010.

- Đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội để rút ngắn khoảng cách về đời sống và chất lượng cuộc sống giữa vùng cao với vùng thấp, giữa các dân tộc, bình đẳng, đoàn kết bền vững.

- Nâng cao trình độ dân trí, chăm sóc sức khỏe, nâng dần mức hưởng thụ văn hóa cho đồng bào, giữ vững chất lượng phổ cập tiểu học đúng độ tuổi, năm 2005 hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở 60 xã, phường, thị trấn, nâng cao chất lượng các trường nội trú, khuyến khích mở các lớp học bán trú ở cấp xã. Phấn đấu 65% số dân được xem truyền hình, 80% được nghe đài phát thanh theo chương trình của Trung ương, địa phương, giữ gìn, khôi phục, phát huy bản sắc, văn hóa các dân tộc thiểu số.

- củng cố hệ thống chính trị cơ sở, đủ sức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, phát triển đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số, nâng tỷ lệ số và chất lượng cán bộ dân tộc trong hệ thống chính trị, trong các ngành kinh tế đến năm 2005 ít nhất có tỷ lệ 20% và tất cả các dân tộc (nhất là 16 dân tộc) đều có người tham gia trong hệ thống chính trị và công chức nhà nước, phát triển đảng viên trong đồng bào dân tộc, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân trong việc tham gia vận động nhân dân thực hiện chính sách dân tộc.

- Giữ gìn an ninh - quốc phòng, kiên quyết ngăn chặn việc lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc, quan tâm đến vùng sâu, biên giới. Phát huy sức mạnh tại chỗ để sẵn sàng đập tan mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch, thực hiện chính sách tín ngưỡng và tôn giáo ở vùng dân tộc vùng cao và miền núi trong khuôn khổ pháp luật.

- Đổi mới nội dung, biện pháp công tác dân tộc phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, gắn với từng địa phương.

- Duy trì thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, tạo điều kiện để nhân dân chủ động, tích cực tham gia xây dựng, thực hiện, giám sát việc thực hiện chính sách, hiểu và thực hiện quyền, nghĩa vụ của công dân, kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh ở địa phương.

B. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Quán triệt và thực hiện tốt các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chính sách đầu tư nâng cao mọi mặt cho nhân dân vùng dân tộc, coi đây là nhiệm vụ quan trọng thường xuyên của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở. Tuyên truyền, giáo dục mọi chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, thực hiện tốt các chủ trương, đầu tư cho cơ sở, các chính sách như: Hỗ trợ chất lợp, nước sinh hoạt, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, thực hiện 7 chương trình với 27 đề án, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện có hiệu quả 6 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở năm 2003 của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã xác định.

2. Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc và miền núi. Huy động nhiều nguồn lực cho đầu tư, phát triển, xác định ưu tiên đầu tư cho xóa đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế theo từng vùng, tập trung giải quyết những khó khăn bức xúc của đồng bào, hệ thống giáo dục công lập, đặc biệt là các thôn, bản còn nhiều khó khăn, dân chủ trong thực hiện các chính sách, chương trình, dự án, vốn đầu tư, giúp đồng bào và nhân dân nhận thức, tham gia quản lý, giám sát thực hiện.

3. Thực hiện hiện tốt Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 4-12-2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về luân chuyển, tăng cường cán bộ đi huyện, xã, đồng thời tăng cường lực lượng cán bộ có năng lực, phẩm chất tốt đến công tác ở vùng dân tộc, như cán bộ y tế, giáo dục, cán bộ các ngành nghiệp vụ cho các địa bàn còn nhiều khó khăn nhằm thúc đẩy việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, giữ vững an ninh - quốc phòng,

thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp sử dụng cán bộ người dân tộc, nhất là những dân tộc còn ít người tham gia trong bộ máy hệ thống chính trị.

4. Tăng cường công tác vận động quần chúng thực hiện tốt chính sách dân tộc trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội có bước cải tiến về nội dung và hình thức hoạt động, tạo ra phong trào đi vào chiều sâu. Đẩy mạnh cuộc vận động “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”.

Cần động viên, bồi dưỡng, hướng dẫn và phát huy vai trò của những người già làng, trưởng bản, người có uy tín trong các dân tộc để thực hiện nếp sống văn hóa, duy trì nét đẹp văn hóa dân tộc, tích cực trong sản xuất, gương mẫu trong công tác xã hội.

Đổi mới nội dung và phương pháp công tác dân vận ở vùng đồng bào dân tộc, sử dụng nhiều phương thức phù hợp với đặc thù của từng dân tộc, từng địa phương, chúng ta cần thực hiện tốt phong cách công tác dân vận “trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, có trách nhiệm với dân...”, “nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin”.

5. Phát huy nội lực, thế mạnh của đồng bào các dân tộc, không trông chờ ỷ lại, tự ti. Các cấp, các ngành tạo mọi điều kiện để nhân dân các dân tộc thi đua phát triển bình đẳng, toàn diện, phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc.

III. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

- Các cấp ủy đảng, đoàn thể quần chúng và các cơ quan chức năng, xây dựng chương trình hành động của đơn vị mình, thực hiện Nghị quyết Trung ương Đảng về công tác dân tộc, trong đó xác định rõ mục tiêu nhiệm vụ, giải pháp cụ thể thiết thực trong công tác dân tộc theo tinh thần Nghị quyết Trung ương và Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng ủy.

- Ban Dân vận - Dân tộc Tỉnh ủy phối hợp với Ban Tuyên giáo, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các huyện, thị ủy, Đảng ủy trực thuộc,

Ban cán sự Đảng chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình hành động của Tỉnh ủy, lưu ý các thôn, bản, xã còn gặp nhiều khó khăn, đang tiềm ẩn những vấn đề phức tạp (có truyền đạo Tin Lành trái phép).

Hằng tháng báo cáo kết quả thực hiện về Thường trực Tỉnh ủy (qua Ban Dân vận - Dân tộc Tỉnh ủy).

Các cấp ủy đảng, các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh căn cứ vào chương trình này để chỉ đạo xây dựng chương trình hành động của từng địa phương, đơn vị và phân công cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo từng công việc cụ thể, bảo đảm đưa Nghị quyết Trung ương 7 vào cuộc sống tạo ra những bước phát triển mới trên các lĩnh vực trong toàn tỉnh, góp phần thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII và Nghị quyết Đại hội IX của Đảng.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH

Số 36-CTr/TU, ngày 8-5-2003

**Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành
Trung ương 7 (khóa IX) về đổi mới chính sách,
pháp luật về đất đai**

I. KHÁI QUÁT VỀ TÌNH HÌNH ĐẤT ĐAI VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI

Hơn 15 năm thực hiện các chính sách, pháp luật đổi mới về đất đai của Đảng và Nhà nước, công tác quản lý và sử dụng đất đai ở Lào Cai đã đạt được những kết quả sau (có phụ biểu kèm theo).

Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được chú trọng, gắn liền với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, từng bước đưa việc quản lý, sử dụng đất theo quy định của pháp luật và nâng cao hiệu quả sử dụng đất, góp phần đẩy mạnh việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống cho nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Công tác giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nhiều tiến bộ, đã cơ bản hoàn thành công tác giao đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp đến nay đã giao 80% so với quy hoạch, việc giao đất đô thị đang được đẩy mạnh, đa số các hộ gia đình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trên cơ sở đo đạc lập bản đồ địa chính cho các huyện, thị đã giúp cho công tác giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày càng có hiệu quả, góp phần tăng cường công tác quản lý đất đai (qua thống kê đo đạc đã xác định được trên 4.000 ha lúa nước đã khai hoang sử dụng nhưng chưa đưa vào kế hoạch hằng năm, nay đã đưa vào kế hoạch để quản lý).

Trong quản lý đất đai khu vực đô thị đã đi vào nền nếp theo quy hoạch và kiến trúc, đồng thời bước đầu đi vào thực hiện các hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, chuyển hình thức thuê đất với các doanh nghiệp sang hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất ở một số lĩnh vực ngành, nghề, đã góp phần hạn chế các tiêu cực, đơn thư khiếu kiện và tăng nguồn thu cho ngân sách.

Công tác thanh tra, kiểm tra về đất đai đã được đẩy mạnh, qua kiểm tra, thanh tra đã phát hiện 6.632 trường hợp vi phạm Luật đất đai, đã kiến nghị thu hồi 14.280m² đất nông nghiệp, 4.932 m² đất đô thị.

Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại tố cáo về đất đai đã được thực hiện theo đúng quy định, xử lý dứt điểm các vụ việc, cơ bản không để xảy ra các vụ khiếu kiện đông người về đất đai.

Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác quản lý Nhà nước về đất đai cũng đã bộc lộ một số yếu kém tồn tại sau:

- Quỹ đất chưa đưa vào sử dụng còn khá lớn (chiếm 45% tổng diện tích tự nhiên của toàn tỉnh), tiềm năng của đất đai khai thác chưa cao, việc bỏ hoang sau khi được giao đất vẫn còn, nhưng chưa được xử lý kiên quyết.

- Hiệu quả sử dụng đất đai toàn tỉnh chưa cao, đất bị bỏ hoang hóa không sử dụng và canh tác một vụ còn khá nhiều ở các xã vùng cao, việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng để tăng hệ số sử dụng đất còn thấp, việc dành quỹ đất công ích còn chưa được quan tâm (hiện chỉ có 10% số xã để đất công ích theo quy định). Tình trạng vi phạm Luật đất đai trong quản lý, sử dụng đất và tranh chấp khiếu kiện về đất đai vẫn còn xảy ra tại một số địa phương.

- Việc quản lý thị trường chuyển nhượng quyền sử dụng đất còn nhiều yếu kém, buông lỏng, tình trạng chuyển nhượng đất đai trái pháp luật còn xảy ra, nhất là tại các khu vực đã được công bố quy hoạch khu vực thị xã, thị trấn.

- Tính pháp lý của hồ sơ giao đất còn hạn chế và chưa được khai thác hiệu quả, việc cập nhật thông tin và chỉnh lý biến động về đất đai chưa kịp thời.

Các tồn tại nêu trên là do một số nguyên nhân chủ yếu sau đây:

- Công tác tuyên truyền pháp luật về đất đai chưa sâu rộng, nhận thức của nhân dân không đồng đều, việc quản lý, sử dụng đất tại một số địa phương còn theo quan niệm cũ, mang nặng tập quán của địa phương.

- Công tác lập kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất tại một số địa phương chưa được quan tâm đúng mức; việc lập kế hoạch quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, cấp xã còn chậm, kinh phí đầu tư cho lĩnh vực này còn hạn chế.

- Việc xử lý các trường hợp vi phạm Luật đất đai tại một số địa phương còn chưa dứt điểm, dễ khiêu kiện kéo dài, làm ảnh hưởng đến trật tự xã hội.

- Đội ngũ cán bộ địa chính ở xã và huyện bố trí không ổn định, trình độ không đồng đều, nên công tác quản lý đất đai không đáp ứng được yêu cầu đặt ra.

- Công tác tổng kết, đánh giá hiệu quả sử dụng đất sau khi được giao đất còn chưa được chú trọng và việc ban hành các chính sách quản lý đất đai còn chậm, chưa tháo gỡ kịp thời các vướng mắc, tồn tại về đất đai.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHO CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI TRONG THỜI GIAN TỚI

A. PHƯƠNG HƯỚNG

Quán triệt các quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết Trung ương 7 tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai: Xác định đất đai là

tài nguyên quốc gia vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là nguồn nội lực và nguồn vốn to lớn của đất nước, quyền sử dụng đất là hàng hóa đặc biệt.

Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Nhà nước giao đất, cho thuê đất cho các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định lâu dài hoặc có thời hạn theo quy định của pháp luật.

Khai thực tốt tiềm năng của đất đai, nâng cao giá trị, hiệu quả sử dụng đất đai, tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước để tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, nhằm đẩy nhanh tiến trình đô thị hóa, đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống cho nhân dân và xây dựng tiềm lực quốc phòng - an ninh vững mạnh, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII đề ra.

Từ nay đến năm 2005, công tác quản lý sử dụng đất đai ở Lào Cai tập trung thực hiện các nhiệm vụ cơ bản sau:

B. NHIỆM VỤ

1. Làm tốt công tác tuyên truyền Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 (Khóa IX), tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai và các nghị quyết, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước liên quan đến đất đai tạo ra sự thống nhất trong nhận thức để nâng cao vai trò làm chủ của chính quyền nhà nước và nhân dân trong quản lý và sử dụng đất đai.

2. Hoàn chỉnh việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ở cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã bảo đảm đủ quỹ đất phục vụ cho các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh theo các đề án, kế hoạch mà Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XII đã đề ra. Trong đó, tập trung quy hoạch và giao đất phục vụ cho việc sản xuất hình thành các vùng cây chuyên canh hàng hóa (lúa, ngô, đậu tương, chè, cây ăn quả, cây dược liệu và các cây hàng hóa khác...) quỹ đất cho phát triển cây công nghiệp, mở rộng đô thị và các nhu cầu hoạt động xã hội, bảo vệ cảnh quan môi trường và tăng độ che phủ rừng lên trên 50%.

3. Tập trung giải quyết những tồn đọng vướng mắc về giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dứt điểm trong năm 2003 để triển khai đồng bộ việc đấu giá và định giá quyền sử dụng đất đô thị ở tất cả các huyện trong tỉnh và chuyển hình thức thuê đất sang giao đất có thu tiền đối với các doanh nghiệp và các thành phần kinh tế khác trong một số lĩnh vực, ngành, nghề theo quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế của địa phương.

4. Bổ sung xây dựng các chính sách về đất đai cho phù hợp với Luật đất đai mới (sửa đổi) để nâng cao giá trị và tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý sử dụng đất đai trên địa bàn toàn tỉnh.

5. Tăng cường cơ sở vật chất, ứng dụng công nghệ thông tin giúp cho công tác quản lý sử dụng đất đai ngày càng hiệu quả phục vụ tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng tiềm lực quốc phòng - an ninh trên địa bàn toàn tỉnh.

6. củng cố hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao trình độ năng lực và phẩm chất đội ngũ cán bộ làm công tác địa chính từ tỉnh tới cơ sở đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đổi mới chính sách pháp luật về đất đai trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

C. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lập kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất và đo đạc lập bản đồ địa chính

Tập trung quy hoạch, lập kế hoạch sử dụng đất đối với cấp huyện và cấp xã dành vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện. Hoàn chỉnh 4 dự án quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và rà soát quy hoạch các dự án 661, tổ chức phân vùng nương rẫy, bố trí đất để phục vụ cho các chương trình đề án, kế hoạch đã được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Hình thành 14.300 ha lúa thâm canh, 6.000 ha ngô, 3.000 ha đậu tương hàng hóa và 10.000 ha cây ăn quả. 10.000 ha chè tập trung năng suất cao. Đẩy mạnh công tác quy hoạch phát triển đô thị theo kế hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, thúc đẩy quá trình đô thị hóa trong thời gian tới, đồng thời tạo ra các quỹ đất để tiến hành đấu giá quyền sử dụng đất.

2. Làm tốt công tác tham mưu ban hành chính sách quản lý đất đai

Trên cơ sở phương hướng và nhiệm vụ của Nghị quyết và Luật đất đai mới, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo soạn thảo ban hành chính sách quản lý sử dụng đất đai sát với thực tế của địa phương, đáp ứng được yêu cầu của thị trường bất động sản bắt đầu được hình thành trên cơ sở điều chỉnh, bổ sung các quy định hiện hành, để nâng cao giá trị, hiệu quả sử dụng đất đai, tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước, nâng cao vai trò quản lý nhà nước về đất đai trên phạm vi toàn tỉnh. Đổi mới việc giao đất cho các chương trình dự án sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo hướng tiến độ đầu tư hàng năm đến đâu thì giao đất đến đó. Đất đai đã được giao cho các đối tượng hết thời gian quy định mà không đưa vào sử dụng đúng mục đích sẽ thu hồi để khai thác có hiệu quả theo các chương trình kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của tỉnh.

3. Tiếp tục triển khai có hiệu quả công tác giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

3.1. Đất nông, lâm nghiệp

- Tiến hành tổng kết và đánh giá hiệu quả sử dụng đất trên địa bàn một số huyện trọng điểm, để rút kinh nghiệm triển khai khi giao phần diện tích còn lại, đồng thời kiến nghị xử lý phần diện tích đất lâm nghiệp mà người sử dụng đất không nhận do địa hình khó khăn, xa nơi ở, không quản lý được...

- Lập phương án đưa diện tích đất trống hiện nay vào sử dụng, phân đấu hàng năm đưa khoảng 100.000 ha đất trống vào sử dụng để phục vụ cho việc triển khai thực hiện các đề án của tỉnh, đặc biệt là đề án phát triển nông, lâm nghiệp.

- Rà soát lại nhu cầu sử dụng đất của các nông, lâm trường khu vực khai thác Khoáng sản để xử lý đối với phần diện tích dôi dư, các nông, lâm, công trường sử dụng đất không có hiệu quả, sai quy định kiên quyết xử lý thu hồi đất.

- Hướng dẫn ban hành quy định về việc quản lý đất đai đối với các dự án sử dụng đất nông, lâm nghiệp kết hợp với du lịch sinh thái.

3.2. Đất đô thị

- Tập trung tháo gỡ những vướng mắc khó khăn để đến hết năm 2003 giải quyết dứt điểm các đối tượng đủ điều kiện giao đất theo quy định của Quyết định số 75/2002/QĐ-UB, ngày 1-3-2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh, để chuyển sang thực hiện Quyết định số 101/2002/QĐ-UB, ngày 19-3-2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đấu giá quyền sử dụng đất.

- Thực hiện xong việc chuyển đổi từ hình thức thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với các doanh nghiệp tại thị xã Lào Cai và tiếp tục triển khai hình thức này đối với các huyện, thị xã trong năm 2003, trước mắt tập trung thực hiện đối với huyện Sa Pa, Bắc Hà, Bảo Thắng.

- Hướng dẫn các huyện, thị triển khai thực hiện đồng loạt công tác định giá, đấu giá quyền sử dụng đất đô thị, thu hồi các quỹ đất sử dụng không đúng mục đích, bỏ hoang không sử dụng, chuyển nhượng đất đai trái pháp luật để đấu giá quyền sử dụng đất.

- Xây dựng giá đất tại khu đô thị mới Lào Cai - Cam Đường để phục vụ cho công tác lập các dự án đổi đất lấy công trình và đấu giá quyền sử dụng đất.

- Tiến hành kiểm tra công tác giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho các hộ gia đình, cá nhân theo Quyết định 75/2002/QĐ-UB tại một số huyện để kịp thời chấn chỉnh những sai phạm, đẩy nhanh tiến độ giao đất theo kế hoạch đề ra.

4. Làm tốt công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại về đất đai

Thường xuyên làm tốt công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, các vụ việc phải được giải quyết dứt điểm, không để tồn đọng; không để có “điểm nóng” gây khiếu kiện đông người trên địa bàn; trong quá trình giải quyết tranh chấp đất đai, việc vận dụng các biện

pháp giải quyết theo tập quán của địa phương cũng cần được chú trọng, đặc biệt là đối với các xã vùng cao, dân tộc ít người; tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về đất đai. Xử lý nghiêm khắc đối với các trường hợp vi phạm Luật đất đai, đưa công tác quản lý, sử dụng đất đai vào nền nếp, góp phần vào việc ổn định tình hình an ninh, chính trị và trật tự, an toàn xã hội của địa phương.

5. Tăng cường cơ sở vật chất và kiện toàn công tác tổ chức cán bộ làm công tác địa chính

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý sử dụng đất đai trên địa bàn toàn tỉnh.

- Kiện toàn và củng cố bộ máy làm công tác địa chính từ tỉnh đến xã, tập trung nâng cao trình độ chuyên môn từ nay đến năm 2005 bảo đảm 100% cán bộ địa chính xã có trình độ từ trung cấp trở lên; 100% cán bộ địa chính huyện và tỉnh có trình độ đại học trở lên.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ vào tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 (khóa IX) và các chính sách pháp luật về đất đai của Đảng và Nhà nước và trên cơ sở chương trình hành động của Ban Chấp hành Tỉnh ủy, Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục chỉ đạo việc rà soát lại, đồng thời bổ sung cơ chế chính sách về đất đai cho phù hợp với tình hình thực tế ở tỉnh ta trình cấp có thẩm quyền ban hành để khẩn trương khắc phục những khó khăn, yếu kém và nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Các cấp ủy và tổ chức đảng lãnh đạo, động viên nhân dân tham gia xây dựng pháp luật về đất đai; thường xuyên quán triệt trong Đảng và nhân dân để mọi người, mọi tổ chức tự giác chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về đất đai; tăng cường công tác lãnh đạo, kiểm tra việc triển khai Nghị quyết của Đảng ở các cấp, các ngành. Phát huy tốt vai trò của Mặt

trận Tổ quốc, các đoàn thể và nhân dân trong việc thi hành chính sách, pháp luật về đất đai, tham gia phát hiện, kiểm tra, đấu tranh chống mọi biểu hiện tiêu cực, tư lợi, tham nhũng trong quản lý, sử dụng đất đai.

3. Các Ban Đảng của tỉnh theo chức năng giúp Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quán triệt, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện chương trình hành động này. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phối hợp với Sở Địa chính (sắp tới là Sở Tài nguyên và Môi trường) theo dõi tình hình thực hiện chương trình này, định kỳ báo cáo về Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH

Số 37-CT/TU, ngày 8-5-2003

**Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 (phần 2)
của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về phát huy
sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu,
nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh**

Căn cứ nội dung Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX), Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ 10 thống nhất ban hành chương trình hành động về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH LÃNH ĐẠO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ ĐỐI VỚI KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC Ở LÀO CAI

Thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, từ khi tái lập tỉnh (10-1991), Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai đã ban hành nhiều Nghị quyết lãnh đạo việc xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân như: Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 26-10-1998 về một số nhiệm vụ trọng tâm trong công tác vận động quần chúng đến năm 2000; Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 3-12-2001 về công tác vận động quần chúng giai đoạn (2001-2005) và

các nghị quyết, chương trình phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, hỗ trợ đồng bào vùng đặc biệt khó khăn... Thông qua việc thực hiện các Nghị quyết của Đảng, quyền làm chủ của nhân dân các dân tộc từng bước được phát huy, khối đại đoàn kết các dân tộc được tăng cường, đời sống vật chất, tinh thần của đại bộ phận nhân dân được cải thiện. Tỷ lệ đói nghèo giảm từ 54,8% (1991) xuống còn 19,19% (năm 2002); trẻ em trong độ tuổi đến trường tăng từ 50% (1991) lên 94,28% (năm học 2002-2003).

Cùng với sự phát triển về kinh tế - xã hội, các giai cấp và các tầng lớp xã hội có bước biến đổi sâu sắc, giai cấp công nhân tăng về số lượng, có bước trưởng thành mới về chất lượng; giai cấp nông dân đã có nhiều tiến bộ trong cách làm ăn mới, số hộ khá, giàu ngày càng nhiều; tầng lớp trí thức là con em các dân tộc Lào Cai ngày càng đông đảo, đang là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hơn 10 năm qua, việc tập hợp nhân dân các dân tộc trong khối đại đoàn kết với nhiều hình thức đa dạng có bước phát triển mới. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở được mở rộng, số lượng đoàn viên, hội viên phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng, nhiều nội dung hoạt động phong phú và thiết thực đã động viên, lôi cuốn được đông đảo nhân dân các dân tộc tham gia các cuộc vận động phát triển kinh tế, xây dựng đời sống văn hóa, giữ vững an ninh - quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị đã góp phần to lớn vào việc hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của tỉnh.

Tuy nhiên, nhiệm vụ tăng cường xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân trên địa bàn tỉnh vẫn còn những tồn tại sau:

- Lòng tin vào Đảng, Nhà nước của một bộ phận nhân dân chưa thật vững chắc, phần vì đời sống đồng bào các dân tộc còn nhiều khó khăn, khoảng cách giữa giàu, nghèo ngày càng tăng, tình trạng tham nhũng, quan liêu, lãng phí của một số cán bộ, đảng viên chưa được ngăn chặn và khắc phục kịp thời.

- Việc tập hợp quần chúng nhân dân của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các tổ chức xã hội chưa đa dạng, còn nhiều hạn chế nên chưa huy động tốt sức mạnh nội lực của nhân dân trong nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội một cách mạnh mẽ, tư tưởng trông chờ, ỷ lại còn nặng nề trong một bộ phận không nhỏ các tầng lớp nhân dân.

Nguyên nhân chủ yếu là do:

- Những khó khăn chung của đất nước và tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp đã tác động đến tư tưởng một bộ phận cán bộ và nhân dân. Đời sống nhân dân còn khó khăn, dân trí còn thấp, phong tục tập quán lạc hậu còn nặng nề.

- Hệ thống chính trị ở cơ sở nhiều nơi còn yếu kém, nhiều cấp ủy đảng, chính quyền còn coi nhẹ công tác vận động quần chúng, có nơi coi đó là việc của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, chưa quan tâm lãnh đạo, kiến toàn, củng cố để các tổ chức đoàn thể đủ sức vận động và tập hợp nhân dân thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở cơ sở.

- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chưa thực sự đổi mới công tác vận động quần chúng, thiếu cơ chế phối hợp, đội ngũ cán bộ còn nhiều mặt yếu so với yêu cầu của công tác vận động quần chúng hiện nay.

II. MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP VỀ PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

A. MỤC TIÊU

Củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân, góp phần phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, tiếp tục đổi mới đầy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Quán triệt và thực hiện tốt các mục tiêu, quan điểm mà Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 7 (khóa IX) đã đề ra, xây dựng vững chắc khối đại đoàn kết dân tộc, phát huy mọi tiềm năng, sức sáng tạo và huy động nguồn lực trong nhân dân, thực hiện thắng

lợi các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII đã đề ra.

- Tiếp tục nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, đặc biệt khu vực nông thôn, vùng cao, vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc ít người, đặc biệt khó khăn. Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tham gia thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện có hiệu quả chương trình xóa đói, giảm nghèo, bảo đảm an ninh - quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

- Nâng cao hơn nữa nhận thức của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp về vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng; Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

- Phải nâng thêm tỷ lệ cán bộ dân tộc, cán bộ nữ lên khoảng 20-25% trong vài năm tới (hiện nay 18%) và phấn đấu các dân tộc đều được quan tâm bố trí tham gia đội ngũ cán bộ các cấp, được đào tạo, bồi dưỡng... từng bước bảo đảm cân đối tỷ lệ cán bộ giữa các dân tộc.

B. CÁC GIẢI PHÁP

1. Xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng để Đảng thực sự là hạt nhân lãnh đạo khối đại đoàn kết toàn dân tộc

- Kiên trì thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng chính đồn Đảng. củng cố sự đoàn kết thống nhất trong Đảng và trong từng tổ chức đảng. Đảng viên gương mẫu tham gia sinh hoạt và làm nòng cốt trong các tổ chức đoàn thể nhân dân. Có cơ chế cụ thể để động viên nhân dân tham gia xây dựng Đảng.

- Đổi mới phương thức hoạt động của các tổ chức, đoàn thể, phát huy hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân.

- Thực hiện tốt Nghị quyết của Bộ Chính trị, của Tỉnh ủy về luân chuyển tăng cường cán bộ, để cán bộ có điều kiện hiểu về công tác dân vận của Đảng, hiểu được nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân.

- Tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Dân vận các cấp. Xây dựng quy chế phối hợp hoạt động giữa Ban Dân vận với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân làm tham mưu cho Đảng về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

2. Xây dựng chính quyền nhà nước trong sạch, vững mạnh thực sự là của dân, do dân và vì dân, công cụ chủ yếu thực hiện công tác xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

- Thực hiện có hiệu quả các chương trình công tác trọng tâm và các đề án của Tỉnh ủy giai đoạn 2001-2005, đối với nhân dân các dân tộc, chú ý ở các xã đặc biệt khó khăn.

- Từ tỉnh đến xã phải xây dựng và thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa chính quyền với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân ở các cấp, khắc phục những yếu kém, đặc biệt là tệ tham nhũng, lãng phí, quan liêu, cửa quyền vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện tốt công tác thanh tra nhân dân.

3. Nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong việc thực hiện công tác vận động quần chúng

- Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân phải tiếp tục làm tốt hơn nữa nhiệm vụ đoàn kết tập hợp nhân dân trước hết là trên lĩnh vực phát triển kinh tế; phối hợp với các ngành chức năng hướng về cơ sở, đến từng hộ dân, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, hướng dẫn từng người biết cách xóa đói, giảm nghèo vươn lên làm giàu chính đáng, xây dựng đời sống tiến tới ấm no, hạnh phúc ở từng cộng đồng dân cư, xây dựng thiết chế văn hóa trong từng khu vực và cộng đồng dân cư.

- Tiếp tục xây dựng và tổ chức thực hiện các hương ước, quy ước thôn, bản, tổ chức quy hoạch và sử dụng có hiệu quả lực lượng cán bộ cốt cán, tiêu biểu, phát huy vai trò của già làng trưởng bản, người có uy tín trong các dân tộc, có chính sách khuyến khích động viên về vật chất và tinh thần đối với cán bộ và những người thực hiện tốt công tác vận động quần chúng của Đảng.

- Mặt trận và các đoàn thể nhân dân cử đại diện tham gia các Ủy

ban, Hội đồng, Ban điều hành các dự án, các chương trình kinh tế, xã hội (có quan hệ trực tiếp đến quyền lợi và trách nhiệm của các tầng lớp nhân dân ở cơ sở). Một số công việc có liên quan nhiều đến đời sống nhân dân có thể giao cho đoàn thể nhân dân đảm nhiệm.

- Phải quan tâm chọn cử con em các dân tộc đi đào tạo tại các trường dân tộc nội trú của huyện, tỉnh chú trọng đối với con em dân tộc người Khơ Mú, Thu Lao, Mường, La Chí, Pa Dí, Xa Phó. Lô Lô, Tu Dí, Phù Lá, Hà Nhì, Lào...

4. Nâng cao vai trò làm chủ của nhân dân, xây dựng cộng đồng xã hội, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước.

- Tăng cường công tác chính trị tư tưởng trong nhân dân, phát huy tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, ý thức chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết thống nhất trong Đảng và trong nhân dân.

- Củng cố và tăng cường các tổ chức làm công tác chính trị tư tưởng. Phát huy vai trò tích cực của các phương tiện thông tin đại chúng, các loại hình văn hóa vùng dân tộc thiểu số và vùng đồng bào có đạo, các trung tâm dân cư lớn, vùng sâu, vùng xa quan tâm thích đáng hình thức dân tuyên truyền cho dân. Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân cần đẩy mạnh việc giáo dục bồi dưỡng ý thức chính trị cho đoàn viên, hội viên và nhân dân.

- Phát động sâu rộng các phong trào thi đua yêu nước:

+ Xây dựng phong trào toàn dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, làm giàu hợp pháp cho gia đình mình, cho cộng đồng, cho đất nước; xóa đói, giảm nghèo phấn đấu hằng năm có thêm nhiều đơn vị, địa phương không còn hộ nghèo.

+ Xây dựng phong trào học tập, nâng cao dân trí, trước hết trong cán bộ, đảng viên và trong thế hệ trẻ.

+ Xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh, phong phú, xóa các tập tục lạc hậu, các tệ nạn xã hội.

+ Tôn vinh người tốt, người tiêu biểu trong đồng bào các dân tộc vai trò già làng, trưởng bản, biểu dương người tốt, bồi dưỡng và nhân rộng các điển hình tiên tiến; lên án, phê phán, đấu tranh chống các

tệ nạn quan liêu, mất dân chủ, tham nhũng, lãng phí tiêu cực, những hành vi coi thường kỷ luật, dân chủ cực đoan, lợi dụng dân chủ để vi phạm pháp luật.

+ Tiếp tục chỉ đạo tốt các phong trào quần chúng, bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ trật tự trị an, phong trào xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh, thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Các cấp ủy đảng, chính quyền đoàn thể quần chúng xây dựng chương trình hành động của cấp mình, ngành mình, thực hiện Nghị quyết, tổ chức tốt việc phổ biến Nghị quyết tới từng cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Ban Dân vận - Dân tộc Tỉnh ủy chủ trì phối hợp với Ban Tuyên giáo, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các huyện, thị xã xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình hành động của Tỉnh ủy. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc theo dõi việc triển khai Nghị quyết này, và báo cáo kết quả thực hiện với Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH

Số 38-CT/TU, ngày 8-5-2003

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) về công tác tôn giáo

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH TÔN GIÁO VÀ CÔNG TÁC TÔN GIÁO Ở LÀO CAI

Những năm qua trên địa bàn tỉnh Lào Cai chỉ có hai tôn giáo (là Công giáo và Phật giáo) tồn tại và hoạt động. Thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tôn giáo, đồng bào Công giáo và Phật giáo ở tỉnh ta đã hành đạo gắn bó với dân tộc. Đến nay trên địa bàn toàn tỉnh có gần 5 nghìn tín đồ công giáo và gần 3.000 tín đồ phật giáo được tập hợp trong khối đại đoàn kết toàn dân. Nhìn chung, đồng bào hai tôn giáo trên luôn hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước, tích cực sản xuất phát triển kinh tế, xây dựng cuộc sống tốt đời đẹp đạo, tin tưởng và chấp hành chủ trương của Đảng, đường lối, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo ở vùng đồng bào có đạo công giáo, phật giáo có những cố gắng, từng bước đi vào nền nếp.

Công tác tuyên truyền, giáo dục đồng bào ở vùng có truyền đạo trái phép bước đầu đạt kết quả đang dần thu hẹp địa bàn, giảm dần số hộ theo đạo, không để điểm nóng xảy ra, giữ vững ổn định chính trị trật tự, an toàn xã hội, đẩy mạnh sản xuất, xóa đói, giảm nghèo nâng

cao đời sống nhân dân, nâng cao niềm tin của đồng bào với Đảng và chế độ chủ nghĩa xã hội.

Tuy vậy, tình hình hoạt động tôn giáo và công tác tôn giáo ở tỉnh ta còn những yếu kém tồn tại sau đây:

- Một số nơi đồng bào theo đạo Công giáo và Phật giáo đã có những hoạt động tự phát khi chưa được chính quyền địa phương cho phép như: Tự xây dựng nhà nguyện, tự lập ban hành giáo, tự coi nói nhà dân làm nhà nguyện. Hoạt động của một số nhà chùa, đền thờ còn để cho một số người lợi dụng hành nghề mê tín dị đoan...

- Từ năm 1989, ở một số vùng đồng bào dân tộc bị tác động của việc tuyên truyền đạo Tin Lành trái phép từ bên ngoài vào, một số đồng bào nhẹ dạ cả tin ngộ nhận đã làm theo, sau khi được tuyên truyền giác ngộ đồng bào đã tự giác từ bỏ. Song đến nay, trên địa bàn toàn tỉnh vẫn còn hơn 8.000 người theo đạo trái pháp luật. Tình hình truyền đạo và hoạt động đạo trái pháp luật còn nhiều diễn biến phức tạp gây khó khăn cho công tác quản lý, ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và đời sống yên bình trong cộng đồng dân cư các dân tộc trong tỉnh.

Công tác quản lý, vận động ngăn chặn truyền đạo trái phép, lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hành nghề mê tín dị đoan ở một số cơ sở, làm chưa tích cực và thiếu kiên quyết.

Sự lãnh đạo, chỉ đạo công tác tôn giáo ở một số cấp ủy chính quyền cơ sở còn coi nhẹ hoặc buông lỏng.

Nguyên nhân của tình hình trên:

Về khách quan

- Nhìn chung đồng bào các dân tộc đời sống kinh tế còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí còn thấp, các phong tục tập quán lạc hậu còn diễn ra, đó chính là điều kiện để kẻ xấu lợi dụng tuyên truyền lôi kéo đồng bào theo đạo trái pháp luật.

- Các thế lực thù địch đang tăng cường lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chống phá cách mạng Việt Nam thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và các phần tử xấu để truyền đạo trái phép vào đồng bào dân tộc (tập trung vào dân tộc Mông, Thái, Dao).

Về chủ quan

- Năng lực lãnh đạo điều hành quản lý của một số cấp ủy, chính quyền cơ sở còn hạn chế, nhất là công tác vận động quần chúng, ít sâu sát, không nắm chắc được dân. Trong khi đó các thế lực thù địch lại ráo riết tranh thủ bằng nhiều hình thức giành giật, lôi kéo quần chúng và các chức sắc tôn giáo.

- Tổ chức bộ máy làm công tác tôn giáo trong hệ thống chính trị ở tỉnh ta nhìn chung còn yếu, chưa ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ đang đặt ra.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC TÔN GIÁO

Thực hiện phương hướng và các quan điểm của Nghị quyết Trung ương 7 (khóa IX), công tác tôn giáo ở Lào Cai từ nay đến năm 2005 tập trung vào thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Tiến hành tổng kết việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác tôn giáo trên địa bàn toàn tỉnh để kịp thời đổi mới nội dung, phương thức chỉ đạo công tác tôn giáo của cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể cho phù hợp với tình hình hoạt động tôn giáo và công tác tôn giáo giai đoạn hiện nay.

2. Xây dựng kế hoạch đầu tư nguồn lực đi đôi với khơi dậy tiềm lực trong nhân dân, thực hiện có hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế - xã hội được cụ thể trong 7 chương trình công tác trọng tâm 27 đề án và các nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, nhằm không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân các dân tộc trong tỉnh, đặc biệt là vùng có nhiều tín đồ tôn giáo, vùng đồng bào dân tộc ít người.

3. Tạo điều kiện cho các tôn giáo hoạt động bình thường theo đúng chính sách và pháp luật của Nhà nước. Thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp trong đề án phòng, chống việc tuyên truyền đạo trái phép đã được ban hành. Tập trung vào biện pháp kiên quyết

ngăn chặn các tổ chức truyền đạo, người truyền đạo và các cách thức truyền đạo trái phép, vi phạm các quy định của Hiến pháp và pháp luật. Đấu tranh mạnh mẽ với việc lợi dụng tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan.

4. Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, xây dựng cuộc sống “tốt đời, đẹp đạo” trong quần chúng tín đồ ở cơ sở. Xây dựng khối đại đoàn kết, tương trợ giúp nhau làm giàu, xóa đói, giảm nghèo, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư.

5. Tuyên truyền, giáo dục cho đồng bào các dân tộc nói chung và đồng bào có đạo nói riêng nêu cao cảnh giác với những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch để tự giác và chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu của các thế lực thù địch, lợi dụng vấn đề tôn giáo, dân tộc để phá hoại đoàn kết dân tộc, chống đối chế độ, tuyên truyền, xuyên tạc tình hình tôn giáo và công tác tôn giáo của Nhà nước ta.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tập trung nâng cao nhận thức, thống nhất quan điểm, trách nhiệm của hệ thống chính trị và toàn xã hội về vấn đề tôn giáo

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các quan điểm, chủ trương, chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước trong cán bộ, đảng viên và nhân dân nhất là trong vùng đang có đồng bào theo đạo. Công tác tuyên truyền phải luôn đổi mới phù hợp với từng đối tượng.

- Tăng cường giáo dục truyền thống yêu nước, giữ gìn và phát huy truyền thống thờ cúng tổ tiên và nhớ ơn những người có công với Tổ quốc, dân tộc và nhân dân. Tôn trọng tín ngưỡng truyền thống của đồng bào các dân tộc và đồng bào có đạo. Đồng thời đấu tranh chống những tà đạo, những hoạt động mê tín dị đoan, lợi dụng tôn giáo làm tổn hại đến lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân.

2. Tăng cường công tác vận động quần chúng, xây dựng lực lượng chính trị ở cơ sở

- Các cấp ủy đảng, chính quyền và đoàn thể (đặc biệt là các cơ sở có người theo đạo trái pháp luật), trong lãnh đạo, chỉ đạo cần thường xuyên quan tâm công tác vận động quần chúng, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Đổi mới nội dung, phương thức vận động đồng bào tín đồ các tôn giáo phù hợp với đặc điểm của từng đối tượng tín đồ tôn giáo và các tổ chức tôn giáo khác nhau.

- Tiếp tục duy trì và vận động quần chúng ở những địa bàn trọng điểm phức tạp về tôn giáo, chú ý phát triển Đảng ở những thôn bản chưa có đảng viên. Tiếp tục tăng cường cán bộ xuống cơ sở để tạo điều kiện cho cán bộ xã chưa qua đào tạo được đi học.

- Các cấp ủy đảng ở cơ sở phải phân công cán bộ, đảng viên đi sát dân, nắm tâm tư của dân để có biện pháp giáo dục kịp thời, không để kẻ xấu lợi dụng truyền đạo trái phép.

- củng cố Ban công tác Mặt trận và đoàn thể ở xã và thôn bản nâng cao khả năng tuyên truyền, giáo dục tập hợp hội viên, đoàn viên. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đủ mạnh ở các xã trọng điểm, chủ động giải quyết kịp thời khi có tình huống xấu xảy ra.

3. Đầu tư phát triển kinh tế

- Từ nay đến năm 2005 tăng cường đầu tư và thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn, phấn đấu 100% số xã có đường liên thôn bản, thực hiện 113 công trình cấp nước sạch, 82 công trình thủy lợi, cấp tám lợp cho các hộ nghèo, kiên cố hóa trường học, trạm y tế cho các xã. Tăng cường có hiệu quả hoạt động “tình nguyện” đến các địa bàn còn nhiều khó khăn.

- Giải quyết tốt việc cho dân vay vốn phát triển sản xuất, tăng cường hướng dẫn chuyển giao khoa học - công nghệ và tiêu thụ sản phẩm cho nông dân, để nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất, phấn

đầu đến 2005 cơ bản không còn hộ đói, tăng nhanh số hộ làm ăn khá và giàu, nâng cao một bước mức hưởng thụ văn hóa cho nhân dân, giảm 50-70% số hộ nghèo của mỗi địa bàn.

4. Tăng cường quản lý nhà nước về tôn giáo

- Căn cứ vào Nghị quyết Trung ương 7 (khóa IX) và các chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác tôn giáo để xây dựng các văn bản hướng dẫn tạo điều kiện cho các hoạt động tôn giáo, các tín đồ tôn giáo hành đạo theo đúng quy định của pháp luật.

- Hướng dẫn việc sáp nhập các họ đạo để hành lễ ở những cơ sở đã được chính quyền công nhận.

- Xem xét công nhận một số đền, chùa đã tu tạo, xây dựng trên một số địa bàn, tạo điều kiện cho các tín đồ Phật giáo sinh hoạt theo quy định chung của tỉnh.

- Đối với các hoạt động đạo trái pháp luật (truyền đạo, sinh hoạt đạo trái phép phải kiên quyết ngăn chặn bằng nhiều biện pháp).

+ Tuyên truyền, giáo dục thuyết phục để họ tự giác từ bỏ. Đối với những phần tử cố tình đi truyền đạo trái phép, xúi giục, kích động, ép buộc người khác theo đạo thì phải lập hồ sơ để xử lý theo quy định.

Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cần nhận thức đầy đủ quan điểm chủ trương, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta; phải tập trung lãnh đạo chỉ đạo làm tốt công tác vận động quần chúng, tránh để kẻ xấu lợi dụng xuyên tạc đưa công tác dân tộc, tôn giáo trở thành công tác trọng tâm thường xuyên của các cấp, các ngành trong tỉnh.

- Chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện các hương ước của làng, bản, đẩy mạnh xây dựng thiết chế văn hóa làng, xã để tập hợp quần chúng vào sinh hoạt văn hóa lành mạnh.

5. Tăng cường công tác tổ chức, cán bộ làm công tác tôn giáo

- củng cố kiện toàn bộ máy và cán bộ làm công tác tôn giáo trong hệ thống chính trị; xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp hiệu quả

hơn. Kiện toàn củng cố và nâng cao năng lực quản lý của Ban Tôn giáo dân tộc tỉnh. Ở cấp huyện, thị bố trí từ 1 đến 2 cán bộ có năng lực ở Ban Dân vận làm công tác tôn giáo. Ở cấp xã, phường, thị trấn, Mặt trận Tổ quốc chủ trì xây dựng cơ chế phối hợp với các ngành, đoàn thể chăm lo công tác vận động đồng bào các tôn giáo.

- Quan tâm đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo các cấp. Cán bộ làm công tác tôn giáo nhất thiết phải được bồi dưỡng phong tục tập quán và tiếng dân tộc ít người.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng xây dựng chương trình hành động, tổ chức quán triệt nghị quyết về công tác tôn giáo đến cán bộ và nhân dân, đặc biệt là đến các chức sắc tôn giáo và đồng bào có đạo.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành tham mưu đề xuất những quy định, hướng dẫn về hoạt động tôn giáo và công tác tôn giáo đúng luật pháp và phù hợp với thực tế ở tỉnh ta.

3. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân xây dựng chương trình hành động cụ thể, tổ chức đoàn viên, hội viên thực hiện.

4. Ban Dân vận Tỉnh ủy, Ban Dân tộc và Tôn giáo, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phối hợp chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện chương trình hành động này và định kỳ báo cáo về Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 659-TB/TU, ngày 15-5-2003

**Về kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị
sơ kết 1 năm thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TU
về luân chuyển, tăng cường cán bộ đi huyện, xã
tỉnh Lào Cai ngày 12-5-2003**

Ngày 12-5-2003, tại huyện Sa Pa, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị sơ kết 1 năm thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 4-12-2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về luân chuyển, tăng cường cán bộ đi huyện, xã tỉnh Lào Cai. Các đồng chí: Nguyễn Đức Thăng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Trưởng ban chỉ đạo luân chuyển, tăng cường cán bộ tỉnh; Bùi Quang Vinh, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì Hội nghị.

Sau khi nghe dự thảo Báo cáo sơ kết 1 năm thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TU về luân chuyển, tăng cường cán bộ đi huyện, xã; Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch xây nhà công vụ; Báo cáo chế độ tài chính phục vụ công tác luân chuyển, tăng cường cán bộ và ý kiến phát biểu của các đại biểu, Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết luận:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, chúng ta có rất nhiều mặt thuận lợi nhưng cũng gặp không ít khó khăn. Một trong những khó khăn lớn nhất đó là đội ngũ cán bộ nhìn chung chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ, nhất là đối với cán bộ ở cơ sở năng lực lãnh đạo, điều hành còn rất hạn chế nên kinh tế - xã hội ở những

nơi đó kém phát triển, tiềm ẩn những yếu tố gây mất ổn định. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ ở các cơ quan đơn vị của tỉnh và huyện được đào tạo cơ bản, tuổi trẻ nhưng chưa kinh qua thực tiễn nên thiếu kinh nghiệm công tác, chưa có điều kiện phát huy hết khả năng của mình. Xuất phát từ tình hình trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 4-12-2001 về luân chuyển, tăng cường cán bộ đi huyện, xã. Sau một năm thực hiện, đến nay đã đạt được những kết quả ban đầu rất quan trọng. Những kết quả đó càng khẳng định đây là một chủ trương lớn, đúng đắn và rất kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đáp ứng được yêu cầu khách quan của sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa trong giai đoạn hiện nay.

Việc luân chuyển, tăng cường cán bộ đi xã giải quyết được cả hai vấn đề: một mặt là để tăng cường sức mạnh cho cơ sở, tạo điều kiện cho cán bộ cơ sở có điều kiện đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hóa, lý luận chính trị, quản lý nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ, từng bước chủ động điều hành thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương; mặt khác đây là điều kiện thuận lợi để cán bộ được rèn luyện thử thách, sớm trưởng thành, là nguồn cán bộ lãnh đạo trong hệ thống chính trị về trước mắt và sau khi có Nghị quyết 10-NQ/TU, nhất là sau khi có Nghị quyết 11-NQ/TW, ngày 25-1-2002 của Bộ Chính trị, các cấp, các ngành nhận thức đúng đắn ý nghĩa quan trọng của việc luân chuyển và tăng cường cán bộ, nên đã tổ chức triển khai thực hiện ở đơn vị, địa phương mình một cách nghiêm túc. Hầu hết số cán bộ luân chuyển và tăng cường đi xã đợt 1 năm 2002 là những đồng chí có phẩm chất, đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực công tác. Sau một năm được tăng cường về cơ sở các đồng chí đã vượt qua rất nhiều khó khăn, thử thách, nhanh chóng tiếp cận với tình hình cơ sở, được cán bộ và nhân dân địa phương tin tưởng, ủng hộ. Theo hướng dẫn của Ban chỉ đạo luân chuyển, tăng cường cán bộ tỉnh, hầu hết các xã có cán bộ tăng cường đều thành lập được tổ công tác, xây dựng được quy chế hoạt động, có sự phối hợp chặt chẽ giữa

cán bộ cơ sở với tổ công tác, được Ban chỉ đạo các huyện, thị thường xuyên quan tâm, chỉ đạo sâu sát. Chính vì vậy, ở những nơi có cán bộ tăng cường đã có sự chuyển biến tích cực: cơ cấu kinh tế bước đầu có sự chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, nhân dân biết áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, đưa giống cây con có năng suất, giá trị kinh tế cao vào sản xuất; tỷ lệ đói, nghèo giảm; tình trạng di dịch cư tự do, truyền đạo trái phép có chuyển biến đáng kể; đời sống văn hóa và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở có nhiều tiến bộ; cấp ủy, chính quyền và các tổ chức đoàn thể chính trị bước đầu có sự đổi mới phong cách và lề lối làm việc hiệu lực và hiệu quả hơn; nhiều nơi đã chú trọng làm tốt công tác phát triển đảng viên mới ở những thôn, bản, trường học, trạm y tế chưa có đảng viên. Nhờ có cán bộ tăng cường và sự cố gắng của cơ sở nên trong năm qua, các xã có cán bộ tăng cường trong toàn tỉnh đã cử được gần 700 cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và lý luận chính trị, ngoài ra còn có hàng trăm đồng chí học văn hóa. Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác luân chuyển, tăng cường cán bộ còn một số mặt tồn tại yếu kém, đó là:

Một số ban, ngành và một số cấp ủy, chính quyền huyện, xã chưa nhận thức đầy đủ thậm chí còn nhận thức khác nhau về công tác luân chuyển, tăng cường cán bộ đi huyện, xã nên cử cán bộ không bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định; ít quan tâm tới hoạt động của tổ công tác; điều động, thay đổi cán bộ tăng cường không theo đúng quy định; một số nơi thiếu cán bộ tăng cường chưa được bổ sung kịp thời.

Một số cán bộ tăng cường ý thức trách nhiệm chưa cao, năng lực hạn chế, triển khai các công việc còn lúng túng, còn có tình trạng ngại khó, ngại khổ, xa bản, xa làng trong xã nên không nắm được tình hình của địa phương; chưa có những đề xuất với cấp ủy để giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc tại cơ sở; sự phối hợp của tổ công tác với cấp ủy, chính quyền cơ sở chưa tốt. Nhiều đồng chí không biết tiếng dân tộc thiểu số nên gặp khó khăn trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân. Một số nơi cấp ủy, chính quyền chưa tạo điều kiện cho tổ công tác hoạt động, chưa có tinh thần học hỏi để vươn lên tự chủ động lãnh đạo,

điều hành được công việc. Việc thực hiện chế độ tài chính đối với cán bộ tăng cường ở một số nơi chưa theo đúng hướng dẫn của Tỉnh ủy và Quyết định 23/2002/QĐ của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Để công tác luân chuyển, tăng cường cán bộ đi huyện, xã thực sự có ý nghĩa và hiệu quả yêu cầu các cấp ủy, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể và các đồng chí cán bộ tăng cường cần thực hiện tốt một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

Trong quá trình chỉ đạo thực hiện công tác luân chuyển, tăng cường cán bộ đều phải trên cơ sở thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 4-12-2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và sự chỉ đạo của Ban chỉ đạo luân chuyển, tăng cường cán bộ của tỉnh. Nếu có cách làm khác, phù hợp với thực tiễn rất đa dạng của các cơ sở, có hiệu quả nhất phải báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban chỉ đạo của tỉnh. Phải xác định việc luân chuyển và tăng cường cán bộ là việc làm thường xuyên của các cấp ủy đảng. Xuất phát từ tình hình thực tế hiện nay, Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao cho các huyện, thị ủy chủ động bố trí cán bộ đến những nơi có nhu cầu. Cần có sự phân biệt rõ cán bộ thuộc diện luân chuyển và cán bộ tăng cường, để từ đó có chính sách, hỗ trợ kinh phí cho phù hợp.

- Cán bộ luân chuyển là các đồng chí thuộc diện quy hoạch và có triển vọng phát triển; còn đủ thời gian tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị từ 1 đến 2 Khóa; luân chuyển đến nơi công tác mới có nhu cầu để phát huy kiến thức, đồng thời có điều kiện rèn luyện trưởng thành hơn.

- Các đồng chí cán bộ được điều động đến cơ sở, những địa bàn còn yếu kém, hoặc có những lĩnh vực còn yếu kém để làm công tác chuyên môn thuộc diện cán bộ tăng cường (Công an, Quân đội, Y tế, Giáo dục...).

Tổ trưởng tổ công tác ở xã nên bố trí là cán bộ luân chuyển và được bố trí vào các chức danh chủ chốt ở cơ sở, cần triển khai vào Quý II-2003 để sớm phát huy hiệu quả thực hiện thắng lợi chủ trương của Tỉnh ủy đã đề ra.

Đối với các ban, ngành, đoàn thể và các huyện, thị: Tiếp tục quán triệt sâu sắc Nghị quyết 10- NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về luân chuyển, tăng cường cán bộ đi huyện, xã. Đây là việc làm thường xuyên và phải luôn chủ động làm tốt các quy trình, trong đó đặc biệt quan tâm làm tốt khâu lựa chọn cán bộ và tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ ở cơ sở.

Cấp ủy và Ban chỉ đạo các huyện, thị tăng cường quản lý, định kỳ tiến hành giao ban với tổ công tác; tổ chức sơ kết, tổng kết, kịp thời phát hiện và giải quyết những vấn đề mới nảy sinh. Chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện quy chế hoạt động của tổ công tác để hoạt động đúng nguyên tắc và hiệu quả hơn.

Ban chỉ đạo luân chuyển, tăng cường cán bộ của tỉnh quan tâm bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ luân chuyển và tăng cường trên một số lĩnh vực chủ yếu, trong đó đặc biệt quan tâm học tiếng dân tộc thiểu số.

Giao Ban Tổ chức chính quyền tỉnh phối hợp với Sở Tài chính - Vật giá, Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Văn phòng Tỉnh ủy nghiên cứu đề xuất với Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh một số nội dung trong Quyết định số 23/2002/QĐ-UB, ngày 18-1-2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chế độ phụ cấp đối với cán bộ luân chuyển, tăng cường cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay, nhằm khuyến khích động viên cán bộ luân chuyển, tăng cường và cán bộ cơ sở hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó chú trọng khuyến khích cán bộ biết tiếng dân tộc thiểu số nơi luân chuyển, tăng cường đến.

Căn cứ vào hướng dẫn của Sở Kế hoạch - Đầu tư đẩy nhanh việc làm nhà công vụ theo kế hoạch năm 2003 đã xác định, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ luân chuyển, tăng cường an tâm nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Giao Ban chỉ đạo luân chuyển, tăng cường cán bộ tỉnh và Ban Tổ chức Tỉnh ủy tiến hành rà soát lại đội ngũ cán bộ luân chuyển, tăng cường để có kế hoạch xử lý một số vấn đề tồn tại, những vấn đề mới nảy sinh.

Đối với cấp ủy chính quyền cơ sở: Phải chủ động phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ tăng cường hoạt động. Đây là thời cơ thuận lợi, cơ sở cần biết tranh thủ để học tập nâng cao trình độ mọi mặt, phấn đấu trong một đến hai năm tới có thể chủ động được công việc. Trước mắt, cùng với tổ công tác xây dựng kế hoạch chi tiết, vận động nhân dân triển khai thực hiện tốt 6 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở năm 2003 của tỉnh.

Đối với cán bộ luân chuyển, tăng cường: Các tổ công tác và từng cán bộ luân chuyển, tăng cường nêu cao tinh thần trách nhiệm, chủ động trong công việc, cùng với cấp ủy, chính quyền cơ sở cụ thể hóa 7 nhiệm vụ thành chương trình công tác, xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm trong từng thời gian cho phù hợp để thực hiện, tránh làm dàn trải. Luôn bám sát cơ sở để kịp thời nắm bắt tình hình và có cách làm sáng tạo giúp cho tình hình ở xã ổn định và phát triển. Các tổ công tác xác định rõ nhiệm vụ của từng thành viên và mối quan hệ với cơ sở. Cùng với cơ sở xây dựng hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh; tiến hành rà soát đội ngũ cán bộ cơ sở để xây dựng kế hoạch bố trí cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng chuẩn bị cho việc bố trí cán bộ chủ chốt vào năm 2004 và những năm tiếp theo.

Ban chỉ đạo luân chuyển và Hội đồng thi đua - khen thưởng của tỉnh cụ thể hóa các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và quy định danh hiệu thi đua đối với cán bộ luân chuyển, tăng cường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và được hướng dẫn trong việc bình xét hàng năm.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 99-BC/TU, ngày 18-5-2003

**Sơ kết 1 năm thực hiện Nghị quyết số 10 - NQ/TU,
ngày 4-12-2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
về luân chuyển, tăng cường cán bộ đi cơ sở đợt I năm 2002**

***Phần thứ nhất* ĐÁNH GIÁ 1 NĂM THỰC HIỆN LUÂN CHUYỂN, TĂNG CƯỜNG CÁN BỘ**

I. VỀ CHỦ TRƯỞNG

- Xuất phát từ thực tế ở cơ sở và yêu cầu của công tác cán bộ. Ngày 4-12-2001, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TU về luân chuyển, tăng cường cán bộ đi huyện và cấp xã. Đây là một chủ trương lớn của Tỉnh ủy, vừa mang tính cấp bách, vừa mang tính chiến lược lâu dài, là một trong khâu đột phá trong công tác cán bộ, thể hiện rõ chủ trương hướng về cơ sở, tăng cường sức mạnh cho cơ sở của Tỉnh ủy. Nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII đề ra, Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nêu rõ mục đích, yêu cầu: Khắc phục tình trạng khép kín, cục bộ, thiếu đồng bộ trong công tác cán bộ. Mặt khác, luân chuyển, tăng cường cán bộ là để giúp các xã, nhất là đối với các xã có nhiều

khó khăn, có mặt yếu kém trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị nói chung và phát triển kinh tế - xã hội nói riêng; tạo điều kiện cho cán bộ cơ sở được đi học tập, từng bước nâng cao trình độ, năng lực lãnh đạo, tổ chức và điều hành để tiến tới tự đảm đương được công việc của địa phương. Đồng thời đây cũng là môi trường thuận lợi để cán bộ trong hệ thống chính trị, chiến sĩ lực lượng vũ trang có điều kiện để phấn đấu, rèn luyện, phát huy khả năng và kiến thức thực tế để nâng cao hiệu quả công tác, tạo nguồn cán bộ trong hệ thống chính trị cho những năm trước mắt cũng như về lâu dài.

II. CÔNG TÁC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CỦA BAN CHỈ ĐẠO TỪ TỈNH ĐẾN CƠ SỞ

- Xác định đây là chủ trương lớn của Tỉnh ủy và là công việc mới, tác động đến tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của cán bộ, do đó Tỉnh ủy rất coi trọng công tác chuẩn bị. Một mặt chỉ đạo tổ chức học tập, quán triệt sâu sắc nghị quyết tới các cấp ủy, cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân; mặt khác Tỉnh ủy thành lập Ban chỉ đạo luân chuyển tăng cường cán bộ cấp tỉnh gồm 11 đồng chí do đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy làm Trưởng ban, giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy làm tốt công tác tổ chức thực hiện (ban hành quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ cho các thành viên, xây dựng các hướng dẫn, kế hoạch thực hiện Nghị quyết...).

- Ban chỉ đạo đã giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức chính quyền tỉnh cùng hệ thống tổ chức đảng, chính quyền nhà nước và các cơ quan, đơn vị tiến hành các công việc cụ thể theo quy trình chặt chẽ, thống nhất.

Ngay sau khi có Nghị quyết 10-NQ/TU, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 23/2002-QĐ/UB, ngày 18-1-2002 để thể chế hóa Nghị quyết về việc luân chuyển, tăng cường cán bộ đi huyện, xã. Đồng thời quy định rõ chính sách, chế độ đối với cán bộ luân chuyển, tăng cường đi cơ sở.

- Trước khi cán bộ luân chuyển, tăng cường về cơ sở, Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành mở lớp tập huấn 15 ngày, với 25 chuyên đề trên các lĩnh vực công tác liên quan trực tiếp đến xã, phường. Đã tổ chức đưa tiễn cán bộ luân chuyển, tăng cường từ tỉnh đến huyện và từ huyện về cơ sở chu đáo nhằm tạo không khí phấn khởi cho cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ ở cơ sở.

- Sau hơn 3 tháng cán bộ luân chuyển, tăng cường về cơ sở, ngày 29-7-2002 Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban chỉ đạo luân chuyển, tăng cường cán bộ tỉnh đã tổ chức Hội nghị giao ban với tổ trưởng, tổ phó tổ công tác, bí thư các huyện, thị và các xã có cán bộ tăng cường, để sơ kết đánh giá những công việc đã làm được, chỉ ra những tồn tại và nguyên nhân, đồng thời đưa ra những việc cần tiếp tục giải quyết khắc phục.

- Ngày 29-8-2002, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Quyết định số 303-QĐ/TU thành lập tổ chuyên viên gồm 5 đồng chí (Tổ chức Tỉnh ủy: 2, Tổ chức chính quyền tỉnh: 1, Văn phòng Tỉnh ủy: 1, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 1) giúp việc cho Ban chỉ đạo tỉnh đi kiểm tra tình hình thực hiện ở cơ sở để tham mưu cho Ban chỉ đạo và Ban Thường vụ Tỉnh ủy có chủ trương xử lý những vấn đề nảy sinh, nhằm thực hiện tốt mục đích và yêu cầu việc luân chuyển, tăng cường cán bộ đi cơ sở đã nêu trong Nghị quyết 10-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Tuy nhiên, một số sở, ban, ngành và Ban chỉ đạo huyện, thị chưa nhận thức đúng tầm quan trọng của Nghị quyết 10-NQ/TU về công tác luân chuyển và tăng cường cán bộ, chưa làm tốt công tác tư tưởng cho cán bộ được luân chuyển, tăng cường nên có đơn vị quyết định cử cán bộ không đủ sức khỏe (Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh) hoặc đã ra quân 2 năm nay lại tăng cường cho cơ sở (Biên phòng tỉnh). Còn có cán bộ khi được tăng cường tư tưởng không thoải mái, có suy nghĩ như mình bị “loại” ra khỏi cơ quan, đơn vị...

Sau khi tiếp thu Nghị quyết 10-NQ/TU ở tỉnh, Ban Thường vụ các huyện, thị ủy đã tiến hành thành lập Ban chỉ đạo do đồng chí Bí thư huyện, thị trực tiếp làm Trưởng ban và tổ chức quán triệt Nghị

quyết 10 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tới các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, bí thư các chi, đảng bộ trực thuộc, chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, thủ trưởng các cơ quan đơn vị trong huyện, thị. Qua đó các cấp, các ngành từ huyện, thị đến cơ sở đã nhận thức rõ mục đích, yêu cầu, nguyên tắc và quan điểm chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về luân chuyển, tăng cường cán bộ đi cơ sở; thấy rõ sự cần thiết của việc luân chuyển, tăng cường cán bộ, nhất là đối với các xã vùng cao.

- Song song với mở hội nghị quán triệt Nghị quyết, Ban chỉ đạo các huyện, thị đã tiến hành khảo sát nắm tình hình đội ngũ cán bộ xã và đội ngũ cán bộ, công chức các phòng, ban của huyện, thị, rà soát đánh giá cán bộ để lựa chọn cán bộ luân chuyển, tăng cường bảo đảm theo nguyên tắc, đúng đối tượng, đủ tiêu chuẩn để bố trí cán bộ cho cơ sở.

- Sau khi có quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê chuẩn cán bộ luân chuyển, tăng cường đi cơ sở đợt I-2002, các huyện, thị xã tổ chức tốt đợt tiếp nhận, gặp mặt, động viên tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho cán bộ luân chuyển tăng cường về xã.

- Trước khi đưa cán bộ luân chuyển, tăng cường về xã, Thường trực Huyện ủy và Ban chỉ đạo đã tổ chức hội nghị triển khai các văn bản về công tác tăng cường và phổ biến tình hình đặc điểm của huyện nói chung và khái quát chung những nét đặc thù ở xã có cán bộ luân chuyển, tăng cường; giới thiệu tóm tắt Nghị quyết chuyên đề, Chương trình và Đề án của Ban Chấp hành Đảng bộ trên các lĩnh vực để làm cơ sở cho cán bộ luân chuyển tăng cường nắm bắt được những nội dung, mục tiêu, định hướng.

- Duy trì thường xuyên giao ban giữa Ban chỉ đạo huyện và Tổ trưởng công tác và Bí thư, Chủ tịch xã (điển hình như Si Ma Cai: 7 lần, Sa Pa: 4 lần...) thông qua giao ban đã nắm được tình hình hoạt động của Tổ công tác, đồng thời cho ý kiến cụ thể đối với từng xã, do đó nhiều vấn đề mới nảy sinh được tháo gỡ và giải quyết kịp thời. Bên cạnh việc giao ban các thành viên Ban chỉ đạo thường xuyên xuống cơ sở để kiểm tra đôn đốc nắm tình hình.

III. KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU

1. Về số lượng

- Ban chỉ đạo của tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành tỉnh và huyện, thị xã tiến hành rà soát đội ngũ cán bộ, chọn cử cán bộ đủ điều kiện theo tiêu chuẩn quy định, gửi về tỉnh. Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp với Ban Tổ chức chính quyền tỉnh tiếp tục rà soát, tổng hợp, lập danh sách trình Ban chỉ đạo tỉnh xem xét quyết định.

- Ngày 25-2-2002, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có Quyết định số 214-QĐ/TU phê chuẩn danh sách cán bộ luân chuyển, tăng cường đi cơ sở đợt I-2002, gồm 196 cán bộ luân chuyển tăng cường cho 107 xã, phường, thị trấn trong tỉnh. Tại thời điểm (1-4-2002) thực hiện quyết định có 193 đồng chí về cơ sở (3 đồng chí còn lại có lý do) chất lượng cán bộ luân chuyển, tăng cường cụ thể như sau:

- + Là nữ: 2 đồng chí, đạt 1,03%
- + Dân tộc ít người: 45 đồng chí, đạt 23,31%
- + Là đảng viên: 109 đồng chí, đạt 56,47%
- + Trình độ học vấn:
 - Cấp III: 173 đồng chí, đạt 89,63%
 - Cấp II: 19 đồng chí đạt 9,84%
 - Cấp I: 1 đồng chí, đạt 0,51%
- + Trình độ chuyên môn:
 - Đại học, cao đẳng: 64 đồng chí, đạt 33,16%
 - Trung học: 91 đồng chí, đạt 47,15%
- + Trình độ lý luận chính trị:
 - Cao cấp: 21 đồng chí, đạt 10,88%
 - Trung cấp: 33 đồng chí, đạt 17,09%
 - Sơ cấp: 104 đồng chí, đạt 53,88%
- + Độ tuổi:
 - Dưới 30 tuổi: 21 đồng chí, đạt 10,88%
 - Từ 31 - 40 tuổi: 86 đồng chí, đạt 44,55%
 - 41 tuổi trở lên: 86 đồng chí, đạt 44,55%

+ Lĩnh vực công tác:

- Công tác ở tỉnh: 28 đồng chí trong đó (7 trưởng phòng, 8 phó phòng)
- Công tác ở huyện: 54 đồng chí trong đó (5 trưởng phòng, 16 phó phòng)
- Công an: 47 đồng chí
- Quân đội: 25 đồng chí
- Bộ đội Biên phòng: 31 đồng chí
- Bác sĩ mới ra trường: 8 đồng chí

Trong 193 cán bộ xuống cơ sở đợt I-2002 có 82 cán bộ, công chức ở huyện và tỉnh thuộc diện cán bộ luân chuyển (có phụ biểu kèm theo), còn 111 cán bộ là lực lượng vũ trang và bác sĩ mới ra trường thuộc diện cán bộ tăng cường.

- Tính đến nay do yêu cầu của các đơn vị 13 đồng chí cán bộ luân chuyển, tăng cường (6 đồng chí thuộc lực lượng vũ trang; 7 đồng chí thuộc hành chính sự nghiệp) đã được điều động rút về nhận nhiệm vụ mới, số lượng cán bộ luân chuyển và tăng cường hiện đang công tác tại cơ sở là 180 đồng chí.

2. Về tổ chức

- Ngay sau khi Nghị quyết 10 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành, 10/10 huyện, thị đã kịp thời thành lập Ban chỉ đạo luân chuyển, tăng cường cán bộ để tham mưu cho Ban Thường vụ cấp ủy hướng dẫn, quán triệt, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc nghị quyết. Đồng thời phân công nhiệm vụ cho các thành viên đi kiểm tra nắm bắt tình hình ở cơ sở, kịp thời giải quyết, xử lý các sự việc mới phát sinh; quyết định thành lập các tổ công tác ở cơ sở và chỉ định tổ trưởng, tổ phó.

- Đến nay các xã có cán bộ luân chuyển và tăng cường đều đã thành lập được tổ công tác, thành phần tổ công tác gồm: Cán bộ luân chuyển, tăng cường, bí thư hoặc chủ tịch xã, hiệu trưởng trường tiểu học hoặc trung học cơ sở xã, trạm trưởng y tế xã, cán bộ 135, khuyến nông, quân sự, biên phòng, công an địa bàn. Tùy theo điều kiện cụ thể của từng cơ sở nên số lượng thành viên tổ công tác có sự khác nhau,

có tổ chỉ 5-7 người, nhưng có tổ lên tới 11-13 người. Việc chỉ định tổ trưởng, tổ phó cũng có sự khác nhau, đa số tổ trưởng là cán bộ luân chuyển, tăng cường về xã, nhưng có nơi do đồng chí huyện ủy viên phụ trách xã hoặc bí thư chi, Đảng bộ cơ sở làm tổ trưởng như huyện Bảo Yên. Riêng thị xã Lào Cai điều kiện thuận lợi hơn, nên không thành lập tổ công tác và quyết định cán bộ tăng cường, luân chuyển vào giữ chức danh cụ thể tại xã, phường.

- Để chỉ đạo cho tổ công tác ở các cơ sở hoạt động thống nhất và hiệu quả theo đúng kế hoạch hướng dẫn của tỉnh, của huyện, Ban chỉ đạo huyện đã hướng dẫn xây dựng quy chế và chương trình công tác để các tổ công tác trên cơ sở đó tự xây dựng quy chế và chương trình công tác của mình cho phù hợp với đặc điểm, điều kiện của từng cơ sở. Đến nay hầu hết các tổ công tác đã xây dựng được quy chế làm việc và chương trình công tác, được Ban chỉ đạo huyện thẩm định và phê duyệt. Kết cấu, nội dung quy chế tương đối chặt chẽ, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, lề lối làm việc của tập thể và cá nhân từng thành viên; chế độ sinh hoạt, chế độ báo cáo và mối quan hệ công tác với cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể quần chúng ở cơ sở; phân công rõ từng thành viên trên các lĩnh vực công tác và theo dõi phụ trách các thôn, bản. Căn cứ các hướng dẫn của tỉnh và nhu cầu, tình hình thực tế ở các cơ sở, đồng thời để nâng cao trách nhiệm và tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ trong công tác lãnh đạo điều hành, đã có 47 đồng chí cán bộ diện luân chuyển được các huyện, thị ủy chỉ định hoặc chỉ đạo cấp ủy, chính quyền cơ sở bầu giữ các chức danh chủ chốt ở cơ sở. Bao gồm:

- Bí thư chi, Đảng bộ xã, phường: 14 đồng chí.
- Phó Bí thư chi, Đảng bộ xã: 11 đồng chí.
- Quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường: 6 đồng chí.
- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường: 14 đồng chí.
- Bí thư đoàn, xã: 1 đồng chí.
- Phó Bí thư đoàn, xã: 1 đồng chí.
- Nhìn chung, những đồng chí cán bộ luân chuyển được bố trí đảm nhận những cương vị lãnh đạo ở xã, qua thực tế hoạt động cho

thấy phát huy tốt khả năng lãnh đạo quản lý điều hành và phối hợp chỉ đạo, tạo sự thống nhất cao trong giải quyết và xử lý mọi mặt công tác ở xã.

3. Về thực hiện 7 nhiệm vụ chủ yếu của cán bộ tăng cường ở cơ sở

3.1. Thực hiện các chương trình dự án phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xóa đói, giảm nghèo

- Đây là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của cán bộ luân chuyển tăng cường đến cơ sở nên ngay sau ổn định tổ chức, các tổ công tác ở xã đã tiến hành khảo sát toàn diện, nắm tình hình thực tế ở địa phương, trên cơ sở đó đã tham mưu cho cấp ủy, chính quyền, điều chỉnh, bổ sung xây dựng chương trình phát triển kinh tế - xã hội đến hết nhiệm kỳ, đồng thời xây dựng triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2002. Các tổ công tác đã cùng cấp ủy, chính quyền và đoàn thể nhân dân vận động nhân dân từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát huy thế mạnh của địa phương. Trong nông nghiệp đã chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, đầu tư thâm canh tăng vụ, ứng dụng các tiến bộ của khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nên đã đạt được hiệu quả kinh tế cao hơn, góp phần thực hiện đạt và vượt các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế năm 2002.

- Các chương trình dự án đầu tư trên địa bàn xã như: Chương trình 135, chương trình giao thông nông thôn, chương trình hỗ trợ chất lợp và nước sinh hoạt... đã được tổ công tác và cơ quan chức năng chỉ đạo, giám sát chặt chẽ, các công trình thi công bảo đảm tiến độ và chất lượng đã được đưa vào khai thác, sử dụng có hiệu quả.

- Được sự quan tâm đầu tư của Nhà nước, của tỉnh và huyện, sự lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện có hiệu quả của cấp ủy, chính quyền và tổ công tác; nhân dân được hưởng lợi từ các công trình đầu tư nên phấn khởi, tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tích cực lao động sản xuất, đưa giống mới có năng suất cao vào gieo trồng (như Sa Pa đưa giống mới

vào sản xuất vụ mùa tăng từ 70-75% lên 80-90% Bảo Yên sử dụng giống lúa lai chiếm 68% diện tích...) chăm sóc bảo đảm đúng quy trình đúng thời vụ nên năng suất, sản lượng tăng, đời sống nhân dân được nâng lên rõ rệt, góp phần từng bước giảm dần tỷ lệ hộ đói nghèo. Một số tổ công tác như (Dìn Chin, huyện Mường Khương, Thanh Kim, huyện Sa Pa...) đã tiến hành khảo sát đánh giá thực trạng đói nghèo ở xã, tìm rõ nguyên nhân chủ yếu dẫn đến đói nghèo từ đó tìm giải pháp hướng dẫn nhân dân từng bước phấn đấu vươn lên thoát đói nghèo. Kết quả trong năm 2002 các xã có cán bộ luân chuyển tăng cường tỷ lệ hộ đói nghèo đều giảm như (Bảo Thắng giảm 11,62%, Sa Pa giảm 14,6%, Bát Xát giảm 5,1%, Văn Bàn giảm 10,6%, Si Ma Cai giảm 8,06%, Mường Khương giảm 6,61%).

Tuy nhiên, trong chuyển đổi cơ cấu phát triển kinh tế chưa phát huy hết thế mạnh và khai thác hết tiềm năng; trong xây dựng cơ sở hạ tầng, chưa huy động hết sức dân, vẫn còn tư tưởng ỷ lại vào sự đầu tư của Nhà nước. Công tác xóa đói, giảm nghèo đã giảm mạnh hơn sơ với năm trước nhưng chưa bền vững.

3.2. Ổn định dân cư, chống di dịch cư tự do, ổn định an ninh chính trị, không để xảy ra truyền đạo trái phép

- Về ổn định dân cư, chống di dịch cư tự do, các tổ công tác đã cùng với cấp ủy, chính quyền, địa phương tiến hành khảo sát, xây dựng kế hoạch di dân dân về nơi ở mới, tạo điều kiện cho nhân dân có đất canh tác, ổn định đời sống. Tình hình di cư tự do ở các xã có cán bộ tăng cường đã giảm đáng kể so với năm 2001, nổi bật là huyện Si Ma Cai ở 7 xã năm 2002 không có di cư tự do. Tuy nhiên, tình hình di cư tự do ở huyện Bắc Hà mặc dù đã được cấp ủy, chính quyền cơ sở và tổ công tác tích cực vận động, song vẫn còn có 11 xã có người di cư tự do đi ra ngoài tỉnh và các huyện khác trong tỉnh.

- Tình hình an ninh chính trị ở cơ sở đã được bảo đảm và giữ vững, các tổ công tác đã tham mưu cho cấp ủy, chính quyền cơ sở giải quyết, xử lý kịp thời các vụ việc xảy ra trên địa bàn như: Tranh chấp đất đai, các vụ gây xô xát mất đoàn kết nội bộ thôn xóm, các vụ tiêu cực và tệ

nạn xã hội... đồng thời rà soát lại đội ngũ công an viên, thành lập Ban công an xã và các tổ hòa giải hoạt động có hiệu quả nên không để xảy ra “điểm nóng”.

- Về chống truyền đạo trái phép: Để thực hiện tốt công tác này, tổ công tác đã phối hợp với cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể quần chúng cùng Ban chỉ đạo 184 ở xã thường xuyên tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, không nghe theo những phần tử xấu tuyên truyền, lôi kéo, dụ dỗ. Đồng thời, thường xuyên sâu sát cơ sở xuống các thôn, bản và hộ nhân dân nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, kịp thời giải quyết những vướng mắc, phát sinh ở cơ sở, ngăn chặn những phần tử xấu móc nối, lợi dụng, kích động bà con nhẹ dạ cả tin. Kết quả năm 2002 trong 32 xã của 6 huyện (Bảo Thắng, Bảo Yên, Bát Xát, Than Uyên, Văn Bàn, Bắc Hà) có cán bộ luân chuyển, tăng cường đã vận động được 428 hộ với 2.526 khẩu tự nguyện bỏ đạo trái phép, trở lại theo phong tục truyền thống tốt đẹp của dân tộc mình. Tổng số đã giảm được 6 xã với 26 thôn, bản có người theo đạo Tin Lành trái pháp luật. Tuy nhiên, còn 12 xã có người theo đạo Tin Lành trái pháp luật, cán bộ luân chuyển, tăng cường, cấp ủy chính quyền đã vận động cảm hóa thuyết phục nhưng chưa có hộ nào bỏ đạo. Đặc biệt, huyện Sa Pa trong năm 2002 các xã có người theo đạo trái pháp luật không có hộ nào bỏ mà có chiều hướng tăng lên và lây lan sang xã khác.

3.3, Xây dựng phong trào, chương trình công tác của Đảng bộ, chính quyền cơ sở, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh

- Với chức trách được giao các đồng chí cán bộ luân chuyển, tăng cường đã tham mưu, hướng dẫn cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể bổ sung, chỉnh sửa lại quy chế, đổi mới phương pháp và lề lối làm việc, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, làm rõ chức năng, nhiệm vụ của mỗi tổ chức, theo cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý điều hành, các đoàn thể vận động quần chúng tham gia thực hiện; xây dựng, củng cố kiện toàn các tổ chức trong hệ thống chính trị đã xây dựng phát động nhiều phong trào thiết thực, thu hút được

nhiều đoàn viên hội viên tham gia, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Trong sinh hoạt thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, nên ý thức trách nhiệm và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ cơ sở đã được nâng lên, góp phần xây dựng hệ thống chính trị cơ sở ngày càng vững mạnh. Kết quả phân xếp loại tổ chức cơ sở đảng các xã có cán bộ luân chuyển, tăng cường của 8 huyện như sau:

Tổng số 72 tổ chức cơ sở Đảng, trong đó:

+ Trong sạch, vững mạnh: 24 đạt 33,33%

+ Hoàn thành nhiệm vụ: 46 đạt 63,88%

+ Chưa hoàn thành nhiệm vụ: 2 đạt 2,77%.

Các xã có chuyển biến như Đảng bộ xã Lưu, Đảng bộ xã Gia Phú huyện Bảo Thắng; Chi bộ xã Bản Già huyện Bắc Hà năm 2001 xếp loại yếu đến năm 2002 đã phấn đấu vươn lên đạt hoàn thành nhiệm vụ.

Tuy nhiên, trong xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở vẫn còn một số hạn chế đó là: Một số xã cấp ủy, chính quyền và tổ chức đoàn thể thực hiện quy chế hoạt động chưa nghiêm, chưa phát huy và làm tốt chức năng nhiệm vụ, còn có tư tưởng ỷ lại nhiều vào cán bộ tăng cường, các phong trào của tổ chức đoàn thể còn chung chung, mang tính hình thức, chưa triển khai sâu rộng đến mọi tầng lớp nhân dân. Công tác tuyên truyền, quản lý đoàn viên, hội viên còn hạn chế.

3.4. Công tác phát triển đảng viên ở thôn, bản, trường học, trạm xá chưa có đảng viên

- Đây là một nội dung quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, nhằm tăng thêm sinh lực cho Đảng, trẻ hóa đội ngũ đảng viên, bảo đảm tính liên tục kế thừa phát triển của Đảng, đáp ứng yêu cầu cách mạng trước mắt và lâu dài nên đã được cấp ủy và tổ công tác quan tâm, nhất là những thôn, bản chưa có đảng viên hoặc ít đảng viên. Cán bộ luân chuyển, tăng cường đã tham mưu cho cấp ủy xây dựng kế hoạch kết nạp đảng viên, đồng thời tổ chức quán triệt trong nội bộ cấp ủy và cán bộ, đảng viên nhận thức rõ hơn về mục đích, ý nghĩa của công tác phát triển đảng viên mới, từ đó phân công đảng viên giúp đỡ

quần chúng. Tăng cường sự chỉ đạo của cấp ủy đối với các đoàn thể, thông qua các phong trào và hoạt động thực tiễn để lựa chọn quần chúng ưu tú giới thiệu cho Đảng bồi dưỡng kết nạp.

- Trong năm 2002 hầu hết các xã có cán bộ luân chuyển, tăng cường đều đã kết nạp được đảng viên mới, số lượng đảng viên kết nạp tăng hơn và chất lượng cao hơn, bảo đảm đúng phương châm, phương hướng, tiêu chuẩn và mục tiêu Đề án số 25 của Tỉnh ủy. Kết quả công tác kết nạp đảng viên năm 2002 của 9 huyện (thiếu Mường Khương) như sau: Tổng số kết nạp được 392 đảng viên mới góp phần giảm được 36 thôn, 5 trường học, 1 trạm xá chưa có đảng viên (ngày 1-9-2002 chỉ bộ xã Bản Khoang, huyện Sa Pa đã tổ chức kết nạp 7 quần chúng ưu tú vào Đảng, trong đó thôn Sìn Chải là thôn cuối cùng của huyện Sa Pa chưa có đảng viên). Nhờ làm tốt công tác kết nạp đảng viên mới nên trong năm 2002 đã nâng cấp 9 chi bộ xã lên thành Đảng bộ.

Tuy nhiên, trong công tác kết nạp đảng viên vẫn còn tồn tại là: Một số cấp ủy chưa thực sự quan tâm đến công tác này, chưa xây dựng được kế hoạch phát triển Đảng từng quý. Công tác tuyên truyền, giáo dục lý tưởng cộng sản, nhận thức về Đảng làm chưa thường xuyên, sâu rộng trong nhân dân, nhất là lớp trẻ, đoàn viên, thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Một vài nơi còn có tư tưởng hẹp hòi, cục bộ trong dòng họ, dân tộc hoặc định kiến chưa tin tưởng vào lớp trẻ, tốc độ xóa thôn, bản trắng chưa có đảng viên còn chậm và chưa vững chắc.

3.5. Xây dựng đội ngũ cán bộ đảm đương được các chức vụ ở xã

- Các tổ công tác đã chú trọng hướng dẫn, giúp đỡ các đồng chí cán bộ chủ chốt xã và các ngành, đoàn thể trong xã hiểu và thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; xây dựng chương trình kế hoạch công tác hàng năm, quý, tháng; cải tiến lề lối làm việc và phương pháp công tác; duy trì thường trực, giao ban và sinh hoạt đối với các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở. Tuy còn những hạn chế về trình độ năng lực nhưng tinh thần trách nhiệm và chất lượng công tác của đội ngũ cán bộ xã đã được nâng lên, năm 2001 còn 43 cơ sở xã chưa tự chủ được công tác, nhưng đến nay sau khi thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TU

đưa cán bộ luân chuyển, tăng cường xuống cơ sở nên các xã đã cơ bản tự chủ được công việc.

Tồn tại: Một số cán bộ xã chưa nhận thức đầy đủ mục đích, yêu cầu Nghị quyết 10 nên cũng còn biểu hiện tự ti, tự ái, không tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ tăng cường làm việc. Một số khác lại có tư tưởng ỷ lại, đùn đẩy công việc cho cán bộ tăng cường, không chịu khó học hỏi để phấn đấu vươn lên, để từng bước tự đảm đương nhiệm vụ.

3.6. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ

Thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 3-12-2001 của Tỉnh ủy Lào Cai về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai giai đoạn 2001-2005 và đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt cơ sở đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 60, ngày 18-2-2002 nhằm nâng cao trình độ mọi mặt cho cán bộ chủ chốt ở cơ sở đương chức và dự nguồn, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ chính trị của từng xã, phường. Cán bộ luân chuyển, tăng cường xã tham mưu cho cấp ủy cơ sở đánh giá rà soát lại đội ngũ cán bộ ở cơ sở, xây dựng quy hoạch cán bộ chuẩn bị nhân sự cho bầu cử Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004 và nhân sự cấp ủy nhiệm kỳ tới vào năm 2005, đồng thời xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở. Trong năm 2002 đã cử nhiều cán bộ cơ sở đi học văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, quản lý nhà nước. Kết quả 8 huyện có báo cáo như sau: Học văn hóa 363; học chuyên môn 77; học lý luận chính trị 154; học quản lý kinh tế 6; học quản lý nhà nước 60, một số cơ sở đã mới lớp bổ túc văn hóa tại cơ sở như (Sa Pa, Bảo Thắng, Mường Khương...).

Hạn chế: Một số xã chưa xây dựng được quy hoạch cán bộ, có nơi xây dựng được nhưng chưa đúng quy trình hướng dẫn nên chất lượng hiệu quả không cao, không có tính khả thi. Các xã xây dựng kế hoạch đào tạo còn chậm so với thời gian quy định. Một số đồng chí cán bộ cơ sở được cử đi học nhưng lại bỏ về.

3.7. Công tác phát triển giáo dục - đào tạo và thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”

- Về thực hiện sự nghiệp giáo dục được quan tâm sâu sát, các tổ

công tác đều đề cao trách nhiệm cùng cấp ủy, chính quyền tìm biện pháp thiết thực nên công tác giáo dục - đào tạo đã có bước chuyển biến tích cực, chất lượng dạy và học được nâng lên; hầu hết các xã có tổ công tác đều đã huy động trẻ em đến trường đạt và vượt chỉ tiêu so với kế hoạch; đồng thời đã vận động nhân dân tham gia đóng góp ngày công, tiền và nguyên vật liệu để sửa chữa, xây dựng trường lớp, làm nhà công vụ cho giáo viên.

- Các xã đều đã xây dựng kế hoạch thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” chỉ đạo các thôn, bản xây dựng và ban hành quy ước, hương ước gắn với thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Kết quả số gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa và thôn, bản văn hóa cao hơn năm 2001.

Tuy nhiên, trong công tác phát triển giáo dục, một số xã huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường đạt tỷ lệ còn thấp, vẫn còn hiện tượng học sinh bỏ học, chất lượng dạy và học ở một số nơi còn hạn chế, một số xã phong tục, tập quán lạc hậu chưa được đẩy lùi, vẫn còn tảo hôn và chưa đăng ký khai sinh, khai tử, đăng ký kết hôn.

Nhìn chung, sau 1 năm hoạt động ở cơ sở các tổ công tác và cán bộ luân chuyển, tăng cường đã thực hiện cơ bản 7 nhiệm vụ chủ yếu nêu trong Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Tổng hợp 79 xã có cán bộ luân chuyển, tăng cường báo cáo; việc đánh giá phân xếp loại các thành viên tổ công tác và cán bộ luân chuyển tăng cường như sau:

+ Đối với các thành viên tổ công tác:

Tổng số: 480 đồng chí

Trong đó: - Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 271 đồng chí, chiếm 56,46%

- Hoàn thành nhiệm vụ 194 đồng chí, chiếm 40,41%

- Không hoàn thành nhiệm vụ 15 đồng chí, chiếm 3,13 %

+ Riêng đối với cán bộ luân chuyển, tăng cường:

Tổng số: 124 đồng chí (có danh sách kèm theo)

Trong đó: - Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 81 đồng chí chiếm 65,32%

- Hoàn thành nhiệm vụ 37 đồng chí chiếm 29,84%
- Không hoàn thành nhiệm vụ 6 đồng chí chiếm 4,84%.

Việc thực hiện chế độ nhìn chung các cấp các ngành đều thực hiện tốt theo quy định của tỉnh. Để tạo điều kiện cho cán bộ luân chuyển, tăng cường về cơ sở giảm bớt khó khăn, yên tâm công tác hoàn thành tốt nhiệm vụ. Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Quyết định số 23 quy định cụ thể một số chế độ chính sách cho cán bộ tăng cường và cán bộ đi cơ sở, đi đào tạo bồi dưỡng như sau:

+ Đối với cán bộ luân chuyển đi từ 3-4 năm trước khi đi được nâng một bậc lương, được tỉnh trợ cấp thêm từ 300.000 đến 500.000 đồng tùy theo từng địa bàn và được hưởng phụ cấp chênh lệch ở nơi công tác (tính đến hết quý I-2003 đã chi 354 triệu đồng).

+ Đối với tổ công tác trong năm 2002, Ủy ban nhân dân tỉnh đã quyết định xây dựng 56 nhà công vụ, cho 56 xã ở 9 huyện với tổng mức kinh phí Nhà nước chỉ là 3.920 triệu đồng, năm 2003 đã thông báo kế hoạch xây dựng tiếp 60 nhà công vụ hiện nay các xã đang triển khai thực hiện (đến hết quý III-2003 toàn tỉnh sẽ có 116 nhà công vụ).

+ Đối với cán bộ xã được rút ra để đi đào tạo thì vẫn được hưởng nguyên lương, ngoài ra mỗi ngày được trợ cấp 10.000 đồng và thanh toán tiền tàu xe đi về tiền giấy bút và sinh hoạt phí.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Về ưu điểm

1.1. Qua một năm triển khai thực hiện Nghị quyết 10 của Tỉnh ủy về luân chuyển, tăng cường cán bộ đi cơ sở, bước đầu đã tạo được sự chuyển biến ở các xã; đã làm cho đội ngũ cán bộ cấp ủy, chính quyền, đoàn thể ở cơ sở thay đổi hẳn về lề lối, tác phong, giờ giấc làm việc. Việc học tập, phổ biến và tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở cơ sở có hiệu quả hơn.

1.2. Đa số cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc nơi cán bộ luân chuyển, tăng cường đến công tác đã đón nhận với niềm tin tưởng

cao, trong quan hệ công tác đã tạo dựng được tinh thần đoàn kết, nhất trí, giúp đỡ lẫn nhau trong công việc. Cán bộ luân chuyển, tăng cường bước đầu đã thực hiện tốt phương châm “nghe dân nói, nói cho dân nghe, làm cho dân tin”, đồng thời duy trì tốt chế độ giao ban hằng tháng, hằng quý với tổ công tác và Ban chỉ đạo huyện, thị. Bảo đảm thông tin 2 chiều để kịp thời xử lý những vướng mắc nảy sinh ở cơ sở.

1.3. Tổ công tác đã tích cực và chủ động sâu sát cơ sở, nắm bắt tình hình nhân dân; phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể ở cơ sở để vận động nhân dân tham gia lao động sản xuất, áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, góp phần từng bước xóa đói, giảm nghèo. Từng bước cải tạo dần những phong tục, tập quán lạc hậu.

1.4. Công tác củng cố hệ thống chính trị cơ sở, xây dựng kiện toàn đội ngũ cán bộ cơ sở đã đi vào hoạt động đạt kết quả.

1.5. Công tác phát triển đảng viên được chú ý, góp phần tích cực vào việc giảm thôn, bản “trắng” không có đảng viên.

Với những cố gắng đó, các đồng chí cán bộ luân chuyển, tăng cường đã và đang gây được uy tín, được cán bộ và nhân dân các dân tộc yêu mến, tin cậy, tạo cầu nối giữa tỉnh huyện, cán bộ tăng cường và cơ sở.

Nguyên nhân đạt được các kết quả trên

1- Nghị quyết 10-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy là chủ trương đúng, trúng, hợp lòng dân, kịp thời được quán triệt sâu rộng trong cấp ủy các cấp và cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân, được cán bộ và nhân dân đồng tình ủng hộ, đây thực sự là sự tập trung trí tuệ, sự sáng tạo vận dụng vào thực tế tỉnh Lào Cai của tập thể Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy phù hợp với sự chỉ đạo của Trung ương. Đặc biệt việc tổ chức triển khai 6 chương trình kinh tế - xã hội trọng tâm hướng về cơ sở năm 2003 đã tạo được sự chuyển động mạnh mẽ từ cơ sở, trong đó có sự phối kết hợp của đội ngũ cán bộ luân chuyển, tăng cường với cán bộ, cấp ủy chính quyền và đoàn thể ở cơ sở. Hơn nữa khi về cơ sở, cán bộ luân chuyển, tăng

cường đã hòa nhập ngay với cơ sở, được cán bộ, cơ sở đồng tình ủng hộ, tạo mọi điều kiện giúp đỡ với tinh thần học hỏi, không có tâm trạng “sợ mất chức, mất quyền”.

2- Có sự chỉ đạo thống nhất theo quy trình cụ thể từ Ban chỉ đạo cấp tỉnh đến các huyện, thị xã, Ban chỉ đạo tỉnh, huyện, thị đã chọn đúng những cán bộ có đủ phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn có tinh thần trách nhiệm, đủ sức làm công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền cơ sở.

3- Có sự phối hợp tương đối chặt chẽ giữa công tác kiểm tra hoạt động của các tổ công tác với việc thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất của Ban chỉ đạo huyện, thị xã và các tổ công tác nên các vấn đề nảy sinh từ cơ sở đều được nắm bắt và xử lý kịp thời.

2. Tồn tại, khuyết điểm

2.1. Trước hết về nhận thức của cán bộ được luân chuyển, tăng cường chưa đúng với tinh thần Nghị quyết 10 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đó là “kết hợp giữa nguyên tắc tự nguyện với phân công theo yêu cầu của Đảng và cấp có thẩm quyền” nên từ đó còn có một số đồng chí không hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2.2. Việc kiểm tra của Ban chỉ đạo từ tỉnh đến huyện, thị chưa thường xuyên nên chưa kịp thời tháo gỡ những vướng mắc phát sinh từ cơ sở. Sự chỉ đạo có lúc có nơi thiếu cụ thể, chưa đúng với tinh thần của Nghị quyết 10 (như chưa phân biệt rõ cán bộ luân chuyển và cán bộ tăng cường, hoặc việc chọn phương thức xác định tổ trưởng tổ công tác ở xã).

2.3. Đối với các đồng chí cán bộ luân chuyển, tăng cường chỉ được đào tạo một chuyên ngành hoặc một lĩnh vực nhất định, do đó khi thực hiện 7 nhiệm vụ tại cơ sở có những khó khăn bề ngoài, còn tỏ ra lúng túng không xác định rõ nét bước đi, đi từ đâu, từ cái gì, từ vấn đề gì...

2.4. Một số tổ công tác có thành viên chuyển công tác nhưng chưa được Ban chỉ đạo huyện bổ sung kịp thời (từ tháng 4-2002

đến nay ở xã Thanh Kim - Sa Pa trạm trưởng y tế thay đổi 3 lần, hiệu trưởng thay đổi 2 lần) nên khó khăn cho hoạt động của tổ công tác.

2.5. Một vài cơ sở có tình trạng cục bộ địa phương, chưa có sự cộng tác chặt chẽ giữa cấp ủy và chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể nên mặc dù có cố gắng, song còn một số cán bộ luân chuyển, tăng cường khó tiếp cận với cơ sở, việc đề xuất, kiến nghị chưa được ủng hộ cao từ phía xã (huyện Bảo Yên, Sa Pa, Than Uyên) ngược lại, có trường hợp cán bộ luân chuyển, tăng cường còn ngại khó, ngại khổ, chấp hành quy chế, quy định, kỷ luật lao động chưa tốt (huyện Si Ma Cai, Bát Xát, Than Uyên).

2.6. Một số đồng chí cán bộ luân chuyển, tăng cường còn có tư tưởng nóng vội, phong cách làm việc xơ cứng máy móc, chậm hòa nhập với địa phương. Một số nơi cán bộ cơ sở có biểu hiện ỷ lại, đùn đẩy công việc cho cán bộ luân chuyển, tăng cường không chịu khó học tập để phấn đấu vươn lên đảm đương nhiệm vụ.

2.7. Hiện nay còn 28 cán bộ luân chuyển chưa được giao chức danh cụ thể tại cơ sở nên còn khó khăn trong việc tham gia công tác chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ ở cơ sở.

2.8. Một số cơ sở và Ban chỉ đạo huyện chưa phân biệt rõ giữa cán bộ luân chuyển và cán bộ tăng cường nên trong quá trình thực hiện công việc ở xã còn chồng chéo công việc.

Nguyên nhân của tồn tại và khuyết điểm:

- Trước hết do nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền cơ sở và Ban chỉ đạo luân chuyển, tăng cường cán bộ chưa thấy rõ tầm quan trọng, ý nghĩa sâu sắc của Nghị quyết 10 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong công tác tổ chức và cán bộ, chưa thấy đây là một việc làm vừa mang tính kế thừa và phát triển, vừa tạo môi trường thuận lợi cho cán bộ được rèn luyện từ cơ sở.

- Một số cơ quan, ban ngành chưa làm tốt công tác tư tưởng, cho cán bộ khi được luân chuyển, tăng cường. Cá biệt còn có cơ sở khi có cán bộ tăng cường đến sợ mất chức, mất quyền nên tỏ ra “bất hợp tác” trước công việc chung.

Phần thứ hai

MỘT SỐ NHIỆM VỤ CƠ BẢN TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 10 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy gắn với thực hiện 6 chương trình kinh tế - xã hội trọng tâm hướng về cơ sở năm 2003 của Tỉnh ủy đã đề ra.

2. Tăng cường nâng cao chất lượng và lề lối làm việc của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các xã có cán bộ tăng cường, luân chuyển. Bổ sung, hoàn chỉnh quy chế hoạt động của mình, phân công các thành viên tăng cường kiểm tra trực tiếp hoạt động của tổ công tác để kịp thời giải quyết những khó khăn vướng mắc nảy sinh ở cơ sở.

3. Ban chỉ đạo các huyện, thị, chỉ đạo cấp ủy cơ sở xã tiến hành khẩn trương hoàn thành công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ chủ chốt xã, từng bước đưa cán bộ luân chuyển tiếp cận vị trí lãnh đạo chủ chốt ở cơ sở, rút dần các đồng chí cán bộ lãnh đạo ở xã cho đi đào tạo bồi dưỡng, chuẩn bị cho công tác cán bộ năm 2004 và năm 2005.

4. Kiện toàn lại các tổ công tác chưa thực hiện đúng theo Hướng dẫn số 345 của Tỉnh ủy, cán bộ tăng cường là lực lượng vũ trang nếu do yêu cầu nhiệm vụ cần thay đổi sau khi báo cáo được sự đồng ý của Ban chỉ đạo tỉnh mới được rút và phải có người thay thế.

5. Hằng tháng, quý, năm, các tổ công tác kiểm điểm nhận xét phân xếp loại tổ và các thành viên trong tổ công tác, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và kết quả thực hiện công tác theo 7 nhiệm vụ để đánh giá xem xét, có xác nhận của cấp ủy, chính quyền cơ sở và nhân dân nơi cán bộ đó công tác, trên cơ sở đó để làm tốt chính sách thi đua - khen thưởng những tập thể và cá nhân có thành tích trong công tác, đồng thời nhắc nhở, có hình thức xử lý những tập thể, cá nhân chưa hoàn thành nhiệm vụ.

6. Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ căn cứ tình hình cụ thể để điều chỉnh một số chế độ, chính sách phù hợp đối với cán bộ tăng cường, luân chuyển về cơ sở và các đồng chí cán bộ xã khi được cử đi học.

7. Đối với các đồng chí không hoàn thành nhiệm vụ do ý thức tổ chức kỷ luật “sẽ bị xử lý theo quy định của Điều lệ Đảng và các quy

định của Trung ương về xử lý đảng viên vi phạm kỷ luật” và bị xử lý theo quy định Pháp lệnh cán bộ, công chức và Nghị định số 97, ngày 17-11-1998 của Chính phủ; thẩm quyền xử lý kỷ luật thực hiện theo Quyết định số 168-QĐ/TU, ngày 26-11-2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý tổ chức và cán bộ.

Để công tác luân chuyển, tăng cường cán bộ đi huyện, xã thực sự có ý nghĩa và hiệu quả yêu cầu các cấp ủy, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể và các đồng chí cán bộ tăng cường cần thực hiện tốt một số nhiệm vụ cụ thể sau:

Trong quá trình chỉ đạo thực hiện công tác luân chuyển, tăng cường cán bộ đều phải trên cơ sở thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 4-12-2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và sự chỉ đạo của Ban chỉ đạo luân chuyển, tăng cường cán bộ của tỉnh. Nếu có cách làm khác, phù hợp với thực tiễn rất đa dạng của các cơ sở có hiệu quả nhất phải báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Chỉ đạo của tỉnh. Phải xác định việc luân chuyển và tăng cường cán bộ là việc làm thường xuyên của các cấp ủy đảng. Xuất phát từ tình hình thực tế hiện nay, Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao cho các huyện, thị ủy chủ động bố trí cán bộ đến những nơi có nhu cầu. Cần có sự phân biệt rõ cán bộ thuộc diện luân chuyển và cán bộ tăng cường, để từ đó có chính sách, hỗ trợ kinh phí cho phù hợp.

- Cán bộ luân chuyển là các đồng chí thuộc diện quy hoạch và có triển vọng phát triển; còn đủ thời gian tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị từ 1 đến 2 Khóa; luân chuyển đến nơi công tác mới có nhu cầu để phát huy kiến thức, đồng thời có điều kiện rèn luyện trưởng thành hơn.

- Các đồng chí cán bộ được điều động đến cơ sở, những địa bàn còn yếu kém, hoặc có những lĩnh vực còn yếu kém để làm công tác chuyên môn... thuộc diện cán bộ tăng cường (Công an, Quân đội, Y tế, Giáo dục...).

Tổ trưởng tổ công tác ở xã nên bố trí là cán bộ luân chuyển và được bố trí vào các chức danh chủ chốt ở cơ sở, cần triển khai vào Quý 11-2003 để sớm phát huy hiệu quả thực hiện thắng lợi chủ trương của Tỉnh ủy đã đề ra.

Đối với các ban, ngành, đoàn thể và các huyện, thị: Tiếp tục quán

triệt sâu sắc Nghị quyết 10-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về luân chuyển, tăng cường cán bộ đi huyện, xã. Đây là việc làm thường xuyên và phải luôn chủ động làm tốt các quy trình, trong đó đặc biệt quan tâm làm tốt khâu lựa chọn cán bộ và tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ ở cơ sở.

Cấp ủy và Ban chỉ đạo các huyện, thị tăng cường quản lý, định kỳ tiến hành giao ban với tổ công tác; tổ chức sơ kết, tổng kết, kịp thời phát hiện và giải quyết những vấn đề mới nảy sinh. Chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện quy chế hoạt động của tổ công tác để hoạt động đúng nguyên tắc và hiệu quả hơn.

Ban chỉ đạo luân chuyển, tăng cường cán bộ của tỉnh quan tâm bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ luân chuyển và tăng cường trên một số lĩnh vực chủ yếu, trong đó đặc biệt quan tâm học tiếng dân tộc thiểu số.

Giao Ban Tổ chức chính quyền tỉnh phối hợp với Sở Tài chính - Vật giá, Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Văn phòng Tỉnh ủy nghiên cứu đề xuất với Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh một số nội dung trong Quyết định số 23/2002/QĐ-UBND, ngày 18-1-2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chế độ phụ cấp đối với cán bộ luân chuyển, tăng cường cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay, nhằm khuyến khích, động viên cán bộ luân chuyển, tăng cường và cán bộ cơ sở hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó chú trọng khuyến khích cán bộ biết tiếng dân tộc thiểu số nơi luân chuyển, tăng cường đến.

Căn cứ hướng dẫn của sở Kế hoạch - Đầu tư, các huyện, nhất là các xã được phân bổ vốn đẩy nhanh việc làm nhà công vụ theo kế hoạch năm 2003 đã xác định, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ luân chuyển, tăng cường an tâm để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Giao Ban chỉ đạo luân chuyển, tăng cường cán bộ tỉnh và Ban Tổ chức Tỉnh ủy tiến hành rà soát lại đội ngũ cán bộ luân chuyển, tăng cường để có kế hoạch xử lý một số vấn đề tồn tại, những vấn đề mới nảy sinh.

Đối với cấp ủy, chính quyền cơ sở: Phải chủ động phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ luân chuyển, tăng cường hoạt động. Đây là thời cơ thuận lợi, cơ sở cần biết tranh thủ để học tập nâng cao

trình độ mọi mặt, phấn đấu trong một đến hai năm tới có thể chủ động được công việc. Trước mắt, cùng với tổ công tác xây dựng kế hoạch chi tiết, vận động nhân dân triển khai thực hiện tốt 6 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở năm 2003 của tỉnh.

Đối với cán bộ luân chuyển, tăng cường: Các tổ công tác và từng cán bộ luân chuyển, tăng cường nêu cao tinh thần trách nhiệm, chủ động trong công việc cùng với cấp ủy, chính quyền cơ sở cụ thể hóa 7 nhiệm vụ thành chương trình công tác, xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm trong từng thời gian cho phù hợp để thực hiện, tránh làm dàn trải. Luôn bám sát cơ sở để kịp thời nắm bắt tình hình và có cách làm sáng tạo giúp cho tình hình ở xã ổn định và phát triển. Các tổ công tác xác định rõ nhiệm vụ của từng thành viên và mối quan hệ với cơ sở. Cùng với cơ sở xây dựng hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh; tiến hành rà soát đội ngũ cán bộ cơ sở để xây dựng kế hoạch bố trí cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng chuẩn bị cho việc bố trí cán bộ chủ chốt vào năm 2004 và những năm tiếp theo.

Trên cơ sở đánh giá một năm thực hiện Nghị quyết 10 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác luân chuyển, tăng cường cán bộ về cơ sở đợt 1 năm 2002 Ban chỉ đạo luân chuyển, tăng cường cán bộ tỉnh và huyện, thị sẽ rút kinh nghiệm, phát huy những những kết quả đã đạt được, khắc phục những yếu kém tồn tại. Trong thời gian tới, tỉnh sẽ tiếp tục thực hiện luân chuyển cán bộ theo kế hoạch, các huyện, thị sẽ căn cứ vào tình hình thực tế của mình, nhu cầu về cán bộ tăng cường báo cáo Ban chỉ đạo luân chuyển tăng cường cán bộ tỉnh xem xét, quyết định. Đây là một việc có ý nghĩa rất quan trọng để góp phần thực hiện tốt các chương trình kinh tế - xã hội mà Đại hội XII tỉnh Đảng bộ đã đề ra.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 100-BC/TU, ngày 20-5-2003

Đánh giá tình hình phát triển đảng viên, xây dựng củng cố hệ thống chính trị xã, phường, thị trấn vững mạnh, chủ trương đại hội cơ sở đảng

Nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và Nghị quyết Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai đã xây dựng 7 chương trình công tác trọng tâm với 27 đề án, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng và xây dựng Đảng.

Ngay sau khi tất cả các đề án đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, 15/15 huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc tỉnh đã tổ chức hội nghị mở rộng để quán triệt, triển khai thực hiện 7 chương trình trọng tâm với 27 đề án, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề của tỉnh; đồng thời căn cứ vào tình hình, đặc điểm của địa phương, đơn vị đã cụ thể hóa thành chương trình hành động sát hợp để tổ chức, thực hiện nhằm đạt chất lượng và hiệu quả cao.

Đề án 25 của Tỉnh ủy về “Tiếp tục xây dựng củng cố và chỉnh đốn Đảng nhằm nâng cao năng lực tổ chức lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng” đã được các cấp ủy đặc biệt quan tâm triển khai sâu rộng đến tất cả các tổ chức cơ sở đảng và quần chúng nhân dân. Qua hơn một năm tổ chức triển khai thực hiện đề án trên phạm vi toàn tỉnh đã đạt được một số kết quả cụ thể như sau:

1. Tình hình phát triển đảng viên gắn với việc xóa các thôn, bản, đầu mối chưa có đảng viên

Mục tiêu đề án đề ra là: Đến cuối năm 2003 cơ bản không còn các thôn, bản, tổ dân phố, cơ quan, đơn vị sự nghiệp, trường học chưa có đảng viên. Căn cứ vào mục tiêu đó các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc tỉnh đều đã xây dựng chương trình, kế hoạch, có nơi có nghị quyết chuyên đề về công tác phát triển đảng viên, (như: Huyện ủy Bảo Thắng, Văn Bàn có nghị quyết chuyên đề về kết nạp đảng viên ở những thôn, bản chưa có đảng viên, trong lực lượng dân quân tự vệ - dự bị động viên và trong ngành giáo dục; huyện Bát Xát, Bảo Yên, Bắc Hà, Mường Khương có kế hoạch phát triển Đảng ở những thôn, bản, trường học chưa có đảng viên...); đồng thời chỉ đạo cấp ủy cơ sở, căn cứ vào tình hình, đặc điểm cụ thể ở cơ sở để xây dựng kế hoạch kết nạp đảng viên, gắn với xóa dần các thôn, bản, đầu mối chưa có đảng viên. Để thực hiện tốt mục tiêu đề án và chương trình, kế hoạch đã đề ra, cấp ủy các cấp đã quán triệt trong nội bộ cấp ủy và các cán bộ đảng viên nhận thức rõ hơn về mục đích, ý nghĩa của công tác phát triển đảng viên mới là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên có tính quy luật nhằm tăng thêm sức mạnh cho đảng, trẻ hóa đội ngũ đảng viên, bảo đảm tính liên tục kế thừa phát triển của Đảng, đáp ứng được yêu cầu cách mạng trước mắt và lâu dài.

Công tác kết nạp đảng viên mới đã đạt được kết quả như sau:

Trong năm 2002, các tổ chức cơ sở đảng trong tỉnh đã kết nạp được 1.617 đảng viên mới, tăng 10,75% so với năm 2001, nâng tổng số đảng viên toàn tỉnh là 19.618 đảng viên; số đảng viên mới kết nạp chiếm 8,24% số đảng viên toàn tỉnh.

Phân tích 1.617 đảng viên mới kết nạp cho thấy:

- Đảng viên là dân tộc ít người: 613 đồng chí, chiếm 37,9% so với 2001 tăng 2,7%.
- Đảng viên là nữ: 542 đồng chí, chiếm 33,51% so với 2001 giảm 0,87%.

- Đảng viên là đoàn viên, thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: 830 đồng chí, chiếm 51,32% so với 2001 tăng 6,05%.

- Đảng viên là công nhân 165 đồng chí, chiếm 10,2% so với 2001 tăng 3,15%.

- Đảng viên là nông dân 547 đồng chí, chiếm 33,82% so với 2001 tăng 0,88%.

Về trình độ học vấn:

- Tiểu học: 231 đồng chí, chiếm 14,28% so với 2001 giảm 0,1%.

- Trung học cơ sở: 460 đồng chí chiếm 28,45% so với 2001 giảm 22,23%.

- Trung học phổ thông: 926 đồng chí, chiếm 57,27% so với 2001 tăng 22,34%.

Về trình độ chuyên môn:

- Trung học chuyên nghiệp: 436 đồng chí, chiếm 26,96% so với 2001 giảm 4,4%.

- Đại học, cao đẳng: 293 đồng chí, chiếm 18,12% so với 2001 tăng 2,3%.

- Thạc sĩ: 4 đồng chí, chiếm 0,25% so với 2001 tăng 0,25%.

Về tuổi đời:

- Từ 18-30 tuổi: 837 đồng chí, chiếm 51,76% so với 2001 tăng 5,78%.

- Từ 31 -40 tuổi: 558 đồng chí, chiếm 34,51% so với 2001 giảm 3,91%.

- Từ 41-50 tuổi: 213 đồng chí, chiếm 13,17% so với 2001 giảm 2,24%.

- Từ 51 tuổi trở lên: 9 đồng chí, chiếm 0,56% so với 2001 tăng 0,29%.

Số tổ chức cơ sở đảng có kết nạp đảng viên 409/569 bằng 71,88% tăng 1,88% so với 2001. Do các cấp ủy đảng đã chú trọng quan tâm đến công tác kết nạp đảng viên, bảo đảm đúng phương châm, phương hướng, tiêu chuẩn và mục tiêu đề án của Tỉnh ủy, nên năm 2002 chất lượng đảng viên mới kết nạp cao hơn: Tỷ lệ đảng viên là dân tộc ít người, là đoàn viên, thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là công nhân, là nông dân; trình độ học vấn trung học phổ thông, cao đẳng, đại học; tuổi trẻ chiếm tỷ lệ cao hơn so với năm 2001. Số lượng đảng viên mới kết nạp tăng 10,75% so với 2001, các đảng bộ có đảng viên mới kết nạp nhiều là thị xã Lào Cai: 204, huyện Văn Bàn: 184, huyện Bảo Yên: 150, huyện

Bát Xát: 146. Công tác kết nạp đảng viên mới năm 2002 đã góp phần giảm được 62 thôn, bản, 2 trường học, 3 trạm y tế, 3 cơ quan, 1 tổ dân phố chưa có đảng viên. Các đảng bộ giảm được nhiều thôn, bản chưa có đảng viên là huyện Bát Xát 19, huyện Bảo Yên 13, huyện Mường Khương 11. Đặc biệt ngày 1-9-2002, chi bộ xã Bản Khoang huyện Sa Pa đã tổ chức kết nạp cho 7 quần chúng ưu tú vào Đảng, trong đó có thôn Sín Chải là thôn cuối cùng của huyện Sa Pa chưa có đảng viên.

Quý I- 2003 các tổ chức cơ sở đảng trong tỉnh đã kết nạp được 322 đảng viên mới, tăng 2,55% so với cùng kỳ năm 2001.

Trong đó:

- Đảng viên là dân tộc ít người 115, chiếm 35,71%, tăng 16,93% so với 2001.

- Đảng viên là nữ: 111, chiếm 34,47%, tăng 5,17% so với 2001.

- Đảng viên là đoàn viên, thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: 157, chiếm 48,75%, tăng 11,17% so với 2001.

- Đảng viên là công nhân: 8 chiếm 2,48%, giảm 2,93% so với 2001.

- Đảng viên là nông dân: 130 chiếm 40,37%, tăng 37,17% so với 2001.

Một số đảng bộ có đảng viên mới kết nạp nhiều hơn là Đảng bộ khối cơ quan Dân, Chính, Đảng 48, thị xã Lào Cai 46, huyện Than Uyên 45, huyện Bắc Hà 38. Công tác kết nạp đảng viên mới 3 tháng đầu năm 2003 đã giảm được 8 thôn, bản chưa có đảng viên (Bát Xát 4 thôn; Than Uyên 4 thôn).

Tính đến hết quý I-2003 toàn tỉnh còn 98 thôn, bản; 14 trường học; 44 trạm y tế; 16 tổ dân phố chưa có đảng viên.

Nguyên nhân đạt được kết quả là do:

- + Các cấp ủy đã quán triệt sâu sắc các nghị quyết, kế hoạch, đề án của Tỉnh ủy từ đó nhận thức của cấp ủy, cán bộ, đảng viên đã nâng lên, đặc biệt là chú trọng quan tâm đến công tác kết nạp đảng viên, đã tăng thêm sức mạnh cho Đảng, bảo đảm tính liên tục kế thừa phát triển của Đảng.

- + Căn cứ vào Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và hướng dẫn của Trung ương; căn cứ vào điều kiện, đặc điểm, tình hình thực tế của địa

phương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có quy định trình độ học vấn của người vào Đảng. Đặc biệt cụ thể hóa đối với đối tượng là người dân tộc thiểu số ở xã vùng III và thôn, bản chưa có đảng viên, hoặc ít đảng viên chưa thành lập được tổ đảng, chi bộ.

+ Cấp ủy các cấp đã phân công cấp ủy viên phụ trách theo dõi giúp đỡ cơ sở, gắn trách nhiệm với cơ sở; đồng thời căn cứ vào mục tiêu của đề án và đặc điểm tình hình ở địa phương, đơn vị, các cấp ủy đều đã xây dựng được nghị quyết, kế hoạch kết nạp đảng viên, nên đã chủ động hơn trong công tác kết nạp đảng viên.

+ Ban Tổ chức cấp ủy các cấp đã tham mưu cho cấp ủy khảo sát, đánh giá tình hình thực tế ở cơ sở, từ đó xây dựng chương trình, kế hoạch nhằm làm tốt công tác kết nạp đảng viên gắn với việc giảm dần các thôn, bản, đầu mối chưa có đảng viên. Hằng tháng, quý đi kiểm tra, đôn đốc giúp đỡ cơ sở tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong công tác kết nạp đảng viên. Phối kết hợp với Ban Tuyên giáo và Trung tâm bồi dưỡng chính trị mở nhiều lớp nhận thức về Đảng. Năm 2002, 10 Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, thị và 5 Đảng ủy trực thuộc tỉnh đã mở 28 lớp đối tượng đảng với 2.319 học viên và đã kết nạp vào đảng 69,72%.

Công tác kết nạp đảng viên trong thời gian qua đã đạt được một số kết quả như đã nêu trên. Tuy nhiên cũng còn một số khuyết điểm đó là:

- Một số đảng bộ chưa làm tốt công tác kết nạp đảng viên, số lượng đảng viên mới kết nạp còn ít, không bảo đảm kế hoạch đề ra. Trong năm 2002 các đảng bộ kết nạp đảng viên ít là Công an 25, Công ty Apatit Việt Nam 45, bộ đội Biên phòng tỉnh 46. Quý I-2003 có 4 Đảng bộ không kết nạp đảng viên là huyện Bảo Yên, huyện Si Ma Cai, bộ đội Biên phòng tỉnh, Quân sự tỉnh.

- Công tác kết nạp đảng viên gắn với giảm thôn, bản chưa có đảng viên tốc độ còn chậm và chưa vững chắc. Ba tháng đầu năm 2003 chỉ có 2 huyện giảm được 8 thôn chưa có đảng viên. Trong năm 2002 có 12 thôn tái “trắng” đảng viên do đảng viên chết hoặc chuyển đi nơi khác; 5 thôn xóa được trắng đảng viên do đảng viên nơi khác chuyển đến. Hiện nay còn một số thôn, bản chỉ có 1 đảng viên, nhưng đảng viên đó

là thầy, cô giáo, nếu trong ngành điều động chuyển đi nơi khác thì cơ sở đó lại không có đảng viên.

- Công tác xây dựng, tạo nguồn để kết nạp đảng viên nói chung và nhất là kết nạp đảng viên ở những thôn, bản chưa có đảng viên làm còn hạn chế nên ảnh hưởng đến tốc độ xóa các thôn, bản chưa có đảng viên.

Nguyên nhân tồn tại:

+ Một số cấp ủy cơ sở còn xem nhẹ công tác phát triển đảng viên, thiếu quan tâm chỉ đạo, chưa xây dựng được kế hoạch phát triển đảng theo từng quý, từng năm, có nơi xây dựng kế hoạch song lại chưa xác định rõ trách nhiệm của cấp ủy, chi bộ, và từng đảng viên.

+ Công tác tuyên truyền, giáo dục lý tưởng cộng sản, nhận thức về Đảng làm chưa thường xuyên, sâu rộng trong nhân dân, nhất là lớp trẻ là đoàn viên, thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

+ Trình độ dân trí thấp, nhất là trình độ học vấn của quần chúng nên khó khăn và hạn chế trong công tác kết nạp đảng viên.

+ Một vài nơi còn có biểu hiện tư tưởng hẹp hòi, cục bộ trong dòng họ, dân tộc hoặc còn định kiến chưa tin tưởng vào thế hệ trẻ nên cũng ảnh hưởng đến công tác kết nạp đảng viên mới.

+ Việc đi thăm tra lý lịch ở một số xã vùng cao rất khó khăn do hạn chế về kinh phí.

+ Toàn tỉnh có 23 thôn có người theo đạo trái phép 100% nên không có nguồn để kết nạp được. Một số nơi do ảnh hưởng lịch sử trong các cuộc chiến tranh chống Pháp, phủ và chiến tranh biên giới nên dẫn đến việc xem xét kết nạp quần chúng vào Đảng gặp khó khăn.

Để khắc phục tình hình trên đến nay các huyện, thị đã có kế hoạch xóa các đầu mối chưa có đảng viên của các đảng bộ trực thuộc tỉnh năm 2003 (...).

2. Tình hình củng cố hệ thống chính trị xã, phường, thị trấn vững mạnh

Thực hiện Đề án 25 của Tỉnh ủy về tiếp tục xây dựng củng cố và chỉnh đốn Đảng nhằm nâng cao năng lực tổ chức lãnh đạo của tổ chức

cơ sở đảng; thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 4-12-2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về luân chuyển, tăng cường cán bộ đi huyện, xã tỉnh Lào Cai; đồng thời gắn với chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương V (khóa IX) về đổi mới nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn, nên năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng từng bước được nâng lên, hầu hết các cơ sở đã chủ động được công việc (năm 2001 có 43 tổ chức cơ sở đảng ở xã chưa chủ động được công việc. Đến nay do thực hiện Nghị quyết 10 đã luân chuyển, tăng cường cán bộ tỉnh, huyện xuống giúp đỡ các xã đặc biệt khó khăn nên cơ sở đã chủ động được công việc), cấp ủy cơ sở đều đã xây dựng được quy chế làm việc và duy trì thực hiện quy chế tương đối tốt. Sinh hoạt cấp ủy, chi bộ thực hiện tiến bộ hơn, có nội dung thiết thực; nội bộ đoàn kết thống nhất, thực hiện tốt một bước nguyên tắc tập trung dân chủ và Quy chế dân chủ ở cơ sở. Quán triệt triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân tương đối tốt, nên nhận thức của đảng viên và quần chúng nhân dân từng bước được nâng lên; từ đó hăng hái tham gia các phong trào cách mạng, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị ở cơ sở như phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, an ninh - quốc phòng được giữ vững, hệ thống chính trị được củng cố ngày càng vững mạnh.

Kết quả cụ thể như sau:

- Thực hiện mục tiêu của đề án củng cố kiện toàn các tổ chức cơ sở đảng với công tác kết nạp đảng viên mới nhằm tăng cường sự lãnh đạo của đảng, đến nay đã nâng cấp được 13 chi bộ xã lên thành Đảng bộ, đạt 52% so với mục tiêu đề ra đến năm 2005 (đến nay có 117 Đảng bộ, 63 chi bộ xã, phường, thị trấn).

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy đã khảo sát đánh giá thực trạng 12 chức danh cán bộ chủ chốt cơ sở (...), trên cơ sở khảo sát, đánh giá về năng lực lãnh đạo và hiệu quả công tác của đội ngũ cán bộ cơ sở, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt. Cấp ủy huyện, thị đã tiến hành củng cố kiện

toàn 14 cấp ủy viên cơ sở; thay thế 8 bí thư, 9 phó bí thư, 6 chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Thực hiện Nghị quyết 10 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường cán bộ xuống xã đặc biệt khó khăn; căn cứ vào nhu cầu và tình hình thực tế ở các cơ sở, đã có 47 đồng chí được huyện, thị ủy chỉ định hoặc bầu giữ các chức danh chủ chốt cơ sở:

- + Bí thư chi, Đảng bộ xã, phường: 14 đồng chí
- + Phó Bí thư chi, Đảng bộ xã, phường: 11 đồng chí
- + Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường: 6 đồng chí
- + Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường: 14 đồng chí
- + Bí thư Đoàn xã: 1 đồng chí
- + Phó Bí thư Đoàn xã: 1 đồng chí

Những đồng chí cán bộ tăng cường được bố trí đảm nhận những chức danh lãnh đạo ở xã, qua thực tế hoạt động đều phát huy tốt tác dụng, lãnh đạo, quản lý, điều hành và phối hợp chỉ đạo tạo sự thống nhất trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị ở cơ sở.

- Đánh giá phân xếp loại hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn năm 2002 như sau:

Tổng số toàn tỉnh có 180 xã, phường, thị trấn:

a) *Đánh giá phân xếp loại tổ chức cơ sở đảng*

+ Trong sạch, vững mạnh là 80, chiếm 44,44%, giảm 19,44% so với năm 2001

+ Hoàn thành nhiệm vụ là 93, chiếm 51,66%, tăng 20,55% so với năm 2001

+ Yếu kém là 7, chiếm 3,88%, giảm 1,12% so với 2001.

b) *Đánh giá phân, xếp loại chính quyền cơ sở*

+ Xuất sắc là 5, chiếm 2,77%

+ Trong sạch, vững mạnh là 101, chiếm 56,11%

+ Khá là 67, chiếm 37,22%

+ Yếu kém là 7, chiếm 3,88%

c) *Đánh giá phân, xếp loại Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể*

- Đánh giá phân, xếp loại Mặt trận Tổ quốc cơ sở

+ Xuất sắc: 93, chiếm 51,66%, tăng 3,9% so với năm 2001

- + Khá: 65, chiếm 36,0%, giảm 2,97% so với năm 2001
- + Trung bình: 20, chiếm 11,1%, giảm 0,56% so với năm 2001
- + Yếu: 2, chiếm 1,1%, giảm 0,5 6% so với năm 2001
- Đánh giá phân, xếp loại Đoàn cơ sở:
- + Xuất sắc: 80, chiếm 44,44%, tăng 5% so với năm 2001
- + Khá: 68, chiếm 37,77%, giảm 1,67% so với năm 2001
- + Trung bình: 32, chiếm 17,77%, giảm 2,23% so với năm 2001
- Đánh giá phân, xếp loại Hội Phụ nữ cơ sở:
- + Xuất sắc: 81, chiếm 45 %, tăng 5% so với năm 2001.
- + Khá: 69, chiếm 38,33%, giảm 5% so với năm 2001.
- + Trung bình: 29, chiếm 16,11%.
- + Yếu: 1, chiếm 0,55%.
- Đánh giá phân, xếp loại Hội Nông dân cơ sở:
- + Xuất sắc: 84, chiếm 46,67%, tăng 3,9% so với năm 2001
- + Khá: 63, chiếm 35,0%, giảm 2,97% so với năm 2001
- + Trung bình: 32, chiếm 17,77%, giảm 0,56% so với năm 2001
- + Yếu: 1, chiếm 0,55%, giảm 0,56% so với năm 2001
- Đánh giá phân, xếp loại Hội Cựu chiến binh cơ sở:
- + Xuất sắc: 108 chiếm 62,8%, tăng 5,3% so với năm 2001
- + Khá: 48 chiếm 27,9%, giảm 2,1% so với năm 2001
- + Trung bình: 16 chiếm 9,3%, giảm 3,1% so với năm 2001

Nguyên nhân của các đoàn thể yếu kém là do trình độ, năng lực của cán bộ còn yếu, nội dung sinh hoạt và các phong trào hoạt động còn hạn chế chưa thu hút được nhiều đoàn viên, hội viên tham gia, do nhận thức chức năng, nhiệm vụ của mỗi đoàn thể chưa rõ ràng.

Qua kết quả đánh giá phân xếp loại các đoàn thể đều đạt mục tiêu của đề án, đó là 80% đạt loại khá trở lên; chính quyền cơ sở đạt 96,1 % loại khá trở lên, vượt chỉ tiêu của đề án là 31,1%. Riêng phân xếp loại tổ chức cơ sở đảng do năm 2002 thực hiện theo Hướng dẫn 09 của Ban Tổ chức Trung ương các tiêu chí đạt trong sạch, vững mạnh chặt chẽ hơn, yêu cầu cao hơn và cụ thể hóa thang bảng điểm đã góp phần phản ánh thực chất tổ chức cơ sở đảng nên số tổ chức cơ sở đảng chỉ đạt 44,44%, giảm 19,44% so với năm 2001.

Đánh giá chung:

Sau hai năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII và một năm rưỡi thực hiện đề án của Tỉnh ủy các cấp ủy cơ sở đã thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của tỉnh, xây dựng được chương trình hành động thực hiện Nghị quyết và cụ thể hóa thực hiện ở cơ sở; công tác kết nạp đảng viên năm sau cao hơn năm trước về số lượng và chất lượng, đã kết nạp được 3.077 đảng viên, giảm được 116 thôn bản chưa có đảng viên. Hệ thống chính trị ở cơ sở được củng cố, đã có những chuyển biến rõ nét. Các cấp ủy có biện pháp chỉ đạo khắc phục cơ sở yếu kém, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng.

Tuy nhiên, một số cơ sở chất lượng cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi của sự nghiệp đổi mới. Một số cấp ủy, chính quyền, đoàn thể chưa chủ động sáng tạo, chưa phát huy hết tinh thần trách nhiệm, tư tưởng trông chờ, ỷ lại vẫn còn, chỉ tiêu kết nạp đảng viên gắn với xóa thôn, bản, đầu mối chưa có đảng viên tốc độ còn chậm và chưa vững chắc.

Giải pháp chủ yếu làm tốt công tác kết nạp đảng viên và củng cố hệ thống chính trị xã, phường:

Năm 2003 là năm bản lề của kế hoạch 5 năm (2001-2005) và là năm có vị trí hết sức quan trọng trong chương trình công tác toàn khóa của Đảng bộ tỉnh. Quan điểm chỉ đạo năm 2003 là tăng cường khối đại đoàn kết, nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy đảng, sự điều hành của chính quyền các cấp; tiếp tục triển khai và tổ chức thực hiện tốt 7 chương trình trọng tâm với 27 đề án, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề, đặc biệt là 6 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở theo Chỉ thị 14-CT/TU, ngày 10-3-2003 của Tỉnh ủy.

+ Các cấp ủy cần xác định việc bồi dưỡng kết nạp đảng viên là trách nhiệm của cấp ủy, chi bộ và của từng đảng viên. Đây vừa là mục tiêu vừa là chiến lược trong công tác xây dựng Đảng. Cần phân công trách nhiệm rõ ràng cho các đồng chí cấp ủy viên phụ trách giúp đỡ cơ sở, đồng thời xây dựng kế hoạch và thực hiện tốt kế hoạch kết nạp đảng viên.

+ Đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, tăng cường sự chỉ đạo của các cấp ủy đối với hoạt động của các đoàn thể, thông qua các phong trào và hoạt động thực tiễn để lựa chọn quần chúng ưu tú giới thiệu cho Đảng bồi dưỡng kết nạp.

+ Tăng cường tuyên truyền, giáo dục lý tưởng cộng sản, nhận thức về Đảng cho quần chúng nhân dân, nhất là lực lượng đoàn viên, thanh niên để họ hiểu và nhận thức sâu sắc về Đảng, tin tưởng vào Đảng, định rõ mục tiêu phấn đấu.

+ Đối với những thôn, bản có người theo đạo trái phép 100% thì phải cảm hóa, giáo dục, thuyết phục họ bỏ đạo trái phép, rồi mới bồi dưỡng xem xét kết nạp vào Đảng; hoặc điều động giáo viên, y tế là đảng viên về thôn, bản chưa có đảng viên để nắm bắt tình hình gây dựng phong trào, tìm những đối tượng tích cực, trung kiên không theo đạo trái phép để bồi dưỡng kết nạp vào Đảng.

+ Ở những nơi thôn, bản ít đảng viên hoặc chưa có đảng viên, công tác kết nạp Đảng gặp khó khăn về đi thăm tra lý lịch, thì cho phép cấp ủy huyện, thị sử dụng kinh phí để đi thăm tra lý lịch.

+ Các cấp ủy cần chú trọng làm tốt công tác kết nạp đảng viên trong doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

+ Tiếp tục thực hiện chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) của Tỉnh ủy về đổi mới, nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn.

+ Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 08 của Tỉnh ủy về xây dựng, củng cố và chỉnh đốn Đảng nhằm nâng cao năng lực tổ chức và lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng (xây dựng, chỉnh đốn tổ chức cơ sở đảng; nâng cao chất lượng đảng viên; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ; củng cố nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền cơ sở và hoạt động của các tổ chức chính trị).

3. Chủ trương đại hội tổ chức cơ sở đảng

Thi hành Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương, ngày 17-3-2003, Thường trực Tỉnh ủy đã có Công văn 982

hướng dẫn Đại hội cơ sở đảng loại hình cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang.

Tổng số tổ chức cơ sở đảng bốn loại hình nêu trên ở tỉnh là 389, trong đó:

Doanh nghiệp là 82; Cơ quan hành chính là 188; Cơ sở sự nghiệp là 49; Lực lượng vũ trang là 70.

Năm 2002 thực hiện Nghị định 16 của Chính phủ về sát nhập thị xã Lào Cai và thị xã Cam Đường thành thị xã Lào Cai tỉnh lỵ nên khi kiện toàn sắp xếp tổ chức bộ máy xong đã tiến hành Đại hội 63 chi, Đảng bộ cơ sở bốn loại hình cơ sở nêu trên.

Đợt này chỉ còn 326 tổ chức cơ sở đảng đại hội.

Trong đó có cơ quan hành chính là 165; đơn vị sự nghiệp là 42; doanh nghiệp là 51; lực lượng vũ trang là 68.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 104-BC/TU, ngày 13-6-2003

**Về kết quả “Tổng rà soát, phân loại, đánh giá cán bộ
có chức danh tư pháp (điều tra viên, kiểm sát viên,
thẩm phán, chấp hành viên, công chứng viên)”**

Thực hiện Công văn số 1183-CV/NCTW, ngày 26-5-2003 của Ban Nội chính Trung ương về việc báo cáo tổng rà soát, phân loại, đánh giá cán bộ điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán, chấp hành viên, công chứng viên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai xin báo cáo cụ thể như sau:

1. Về thực hiện tổng rà soát cán bộ có chức danh tư pháp theo chương trình trọng tâm công tác tư pháp năm 2002 của Ban chỉ đạo Cải cách tư pháp

Tình hình triển khai tổng rà soát đội ngũ cán bộ có chức danh tư pháp ở từng ngành như sau:

a) Ngành Công an: Tổng số điều tra viên có 124 đồng chí.

Điều tra viên cấp tỉnh: có 46 đồng chí (đã tốt nghiệp đại học 21 đồng chí chiếm 45,7%, chưa tốt nghiệp đại học 25 đồng chí chiếm 54,3%); điều tra viên cao cấp 9 đồng chí (đã tốt nghiệp đại học 8 đồng chí, chưa tốt nghiệp đại học 1 đồng chí; điều tra viên trung cấp 9 đồng chí (đã tốt nghiệp đại học 8 đồng chí, chưa tốt nghiệp đại học 1 đồng chí), điều tra viên sơ cấp 28 đồng chí (đã tốt nghiệp đại học 5 đồng chí, chưa tốt nghiệp đại học 23 đồng chí).

Điều tra viên cấp huyện có 78 đồng chí (đã tốt nghiệp đại học 33 đồng chí chiếm 42,3%, chưa tốt nghiệp đại học 45 đồng chí chiếm 57,7%); điều tra viên trung cấp 23 đồng chí (đã tốt nghiệp đại học); điều tra viên sơ cấp 55 đồng chí (đã tốt nghiệp đại học 10 đồng chí, chưa tốt nghiệp đại học 45 đồng chí).

b) Ngành Kiểm sát nhân dân: tổng số kiểm sát viên có 107 đồng chí.

Cấp tỉnh: kiểm soát viên trung cấp có 30 đồng chí (đã tốt nghiệp đại học 15 đồng chí, chiếm 50%, chưa tốt nghiệp đại học 15 đồng chí chiếm 50%); kiểm sát viên sơ cấp có 17 đồng chí (đã tốt nghiệp đại học 3 đồng chí, chiếm 17,6%, chưa tốt nghiệp đại học 14 đồng chí, chiếm 82,4%).

Cấp huyện: kiểm sát viên trung cấp có 6 đồng chí (đã tốt nghiệp đại học 4 đồng chí chiếm 66,7%, chưa tốt nghiệp đại học 2 đồng chí chiếm 33,3%), kiểm sát viên sơ cấp có 54 đồng chí (đã tốt nghiệp đại học 19 đồng chí chiếm 35,2%, chưa tốt nghiệp đại học 35 đồng chí chiếm 64,8%).

c) Ngành Tòa án: tổng số thẩm phán có 43 đồng chí.

Thẩm phán tỉnh: có 12 đồng chí (đã tốt nghiệp đại học 11 đồng chí chiếm 91,7 %, chưa tốt nghiệp đại học 1 đồng chí chiếm 8,3 %).

Thẩm phán cấp huyện: có 31 đồng chí (trong đó đã tốt nghiệp đại học 20 đồng chí chiếm 64,5%, chưa tốt nghiệp đại học 11 đồng chí chiếm 35,5%).

d) Sở Tư pháp: tổng số công chứng viên và chấp hành viên có 33 đồng chí.

Công chứng viên: có 4 đồng chí (đều tốt nghiệp đại học).

Chấp hành viên cấp tỉnh: có 3 đồng chí (đều tốt nghiệp đại học).

Chấp hành viên cấp huyện: có 18 đồng chí (đã tốt nghiệp đại học 5 đồng chí chiếm 27,8%, chưa tốt nghiệp đại học 13 đồng chí chiếm 72,2%).

Nhìn chung về kết quả thực hiện: Qua rà soát đánh giá thì đội ngũ cán bộ này cơ bản đã đáp ứng được chuyên môn nghiệp vụ và yêu cầu công tác hiện nay. Đưa số cán bộ chức danh tư pháp có quan điểm lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, không ngừng rèn luyện, phấn đấu học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ hoàn thành

khá tốt công việc được giao, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng. Giữ vững mối liên hệ mật thiết với các tầng lớp nhân dân, luôn tôn trọng phát huy quyền dân chủ, bảo vệ lợi ích hợp pháp của nhân dân. Tuy nhiên, căn cứ yêu cầu nhiệm vụ theo tinh thần Nghị quyết 08-NQ/TW thì vẫn còn thiếu về số lượng biên chế và năng lực cán bộ có chức danh tư pháp còn hạn chế, một bộ phận cán bộ tiêu chuẩn hóa chưa bảo đảm, kinh nghiệm công tác còn ít, hợp tác quốc tế với địa phương bạn là tỉnh Vân Nam- Trung Quốc những năm qua còn ít (có việc phân cấp chưa rõ), điều kiện làm việc còn nhiều khó khăn.

2. Thực trạng đội ngũ cán bộ tư pháp

a) Những ưu điểm và hạn chế của cán bộ có chức danh tư pháp

- Về số lượng:

+ Ngành Công an, hiện có 124 điều tra viên. Trong đó, điều tra viên cấp tỉnh có 46, cấp huyện có 78, so với biên chế còn thiếu 24 điều tra viên (cấp tỉnh thiếu 2 điều tra viên sơ cấp; cấp huyện thiếu 17 điều tra viên trung cấp và 5 điều tra viên sơ cấp).

+ Ngành Kiểm sát, hiện có 130 biên chế, trong đó có 107 kiểm sát viên (kiểm sát tỉnh 30, kiểm sát viên huyện 77). So với nhu cầu thực tế còn thiếu 52 kiểm sát viên (kiểm sát viên tỉnh 30, kiểm sát viên huyện 22).

+ Ngành Tòa án, hiện có 135 biên chế, trong đó có 43 thẩm phán (cấp tỉnh 12, cấp huyện 31). So với nhu cầu thực tế còn thiếu 45 thẩm phán (thẩm phán tỉnh 10, thẩm phán huyện 35).

+ Sở Tư pháp, hiện có 98 biên chế, trong đó số cán bộ công chứng viên, chấp hành viên là 25 đồng chí. So với nhu cầu thực tế còn thiếu 18 biên chế (14 chấp hành viên huyện, 2 chấp hành viên tỉnh và 2 công chứng viên).

- Về năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ:

Đối với điều tra viên:

+ Về ưu điểm: đại đa số cán bộ chiến sĩ làm công tác điều tra đều yên tâm công tác, có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức lối sống trong sạch, giản dị, hiểu biết pháp luật và quy trình thủ tục trong

công tác điều tra, có ý thức cảnh giác cách mạng cao và luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao.

+ Về hạn chế: năng lực điều tra còn yếu, tính chủ động trong công tác điều tra, nhất là lực lượng điều tra viên cấp huyện. Việc bố trí cơ cấu điều tra viên cao cấp, trung cấp, sơ cấp còn chưa hợp lý dẫn đến chất lượng điều tra một số vụ án chưa cao. Trong thực thi nhiệm vụ còn có cán bộ điều tra viên vi phạm kỷ luật nghiệp vụ như: năm 2001 có 6 điều tra viên sơ cấp, trung cấp (cấp huyện) bị xử lý kỷ luật: 2 trường hợp hạ ngạch, 2 trường hợp hạ bậc lương, 1 trường hợp cảnh cáo và 1 trường hợp cách chức (phó trưởng công an huyện). Năm 2002 có 1 điều tra viên sơ cấp (cấp huyện) bị xử lý kỷ luật buộc thôi việc.

Đối với kiểm sát viên:

+ Về ưu điểm, nhìn chung lực lượng kiểm sát viên đều được rèn luyện, thử thách, có bản lĩnh chính trị vững vàng, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, có dũng khí đấu tranh bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, khắc phục khó khăn trong cuộc sống, không ngừng học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đưa số kiểm sát viên trong ngành kiểm sát đều là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong quan hệ công tác đội ngũ kiểm sát viên đều thể hiện tốt sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

+ Về hạn chế, một số ít kiểm sát viên thể hiện trách nhiệm cá nhân chưa cao, thiếu chủ động sáng tạo trong công tác; chuyên môn nghiệp vụ còn hạn chế, chưa có những kiểm sát viên giỏi trong công tác tham mưu. Tuy nhiên, trong thi hành công vụ còn có kiểm sát viên vi phạm kỷ luật nghiệp vụ như năm 2001 có 2 trường hợp bị thi hành kỷ luật, trong đó 1 trường hợp cách chức, 1 trường hợp cảnh cáo (phó viện trưởng và kiểm sát viên huyện); năm 2002 có 1 trường hợp kiểm sát viên huyện bị buộc thôi việc.

Đối với thẩm phán:

+ Về ưu điểm, đội ngũ thẩm phán trong ngành Tòa án có phẩm chất đạo đức chính trị tốt, không có những biểu hiện sách nhiễu nhân dân trong quá trình giải quyết án, có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm với công việc.

+ Về hạn chế, một số ít thẩm phán chưa chịu rèn luyện về phẩm chất, tác phong lối sống cũng như học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; sự phối hợp với các ngành trong giải quyết án còn hạn chế, chưa chủ động, năng lực quản lý điều hành, nhất là đối với cấp huyện.

Trong hơn 2 năm qua ngành Tòa án không có thẩm phán nào vi phạm kỷ luật nghiệp vụ trong công tác.

Đối với công chứng viên, chấp hành viên: nhìn chung đội ngũ công chứng viên, chấp hành viên đều có phẩm chất đạo đức tốt, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, một số công chứng viên, chấp hành viên còn hạn chế về chuyên môn nghiệp vụ, nhất là đội ngũ chấp hành viên cấp huyện đã tốt nghiệp đại học còn ít, chỉ có 5/18 đồng chí.

- Về phẩm chất chính trị, đội ngũ cán bộ có chức danh tư pháp những năm qua đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có phẩm chất đạo đức chính trị vững vàng, tinh thần trách nhiệm với công việc, đoàn kết tốt nội bộ, khắc phục mọi khó khăn và ý chí sắc bén đấu tranh phòng, chống tội phạm để bảo vệ Đảng, chính quyền và nhân dân.

b) Nguyên nhân khách quan, chủ quan của những hạn chế thiếu sót, khuyết điểm trên

- Về cơ chế chính sách đãi ngộ:

Chính sách đối với cán bộ, nhất là chính sách tiền lương, nhà ở, điều kiện làm việc còn bất hợp lý và khó khăn. Tiền lương chưa gắn với kết quả lao động, độ phức tạp của công việc, vị trí chức danh của từng cán bộ có chức danh tư pháp.

- Về tiêu chuẩn cán bộ có chức danh tư pháp:

Chưa xây dựng được chiến lược đào tạo cán bộ đáp ứng với yêu cầu cải cách tư pháp trong sự nghiệp đổi mới. Phần lớn số cán bộ có chức danh tư pháp chủ yếu được đào tạo qua đại học ở các hệ chuyên tu và tại chức, nhiều đồng chí không biết tiếng dân tộc địa phương và ngoại ngữ.

- Về công tác quản lý, bổ nhiệm, luân chuyển, miễn nhiệm cán bộ có chức danh tư pháp đã được chú trọng, song còn có những hạn chế.

- Về cơ sở vật chất còn nhiều thiếu thốn, công nghệ thông tin áp dụng thấp, hợp tác quốc tế còn nhiều hạn chế.

Trong công tác bố trí một số cán bộ còn thiếu thận trọng, nên một số trường hợp cán bộ được đề bạt, bổ nhiệm chưa đảm nhận và phát huy tốt trách nhiệm ở từng cương vị trong công tác. Một số ít cán bộ có tư tưởng thỏa mãn, không chịu phấn đấu, rèn luyện do đó không phát huy được hiệu quả công tác, nhất là đội ngũ cán bộ có chức danh tư pháp cấp huyện. Kinh nghiệm công tác còn ít, nhìn chung công nghệ thông tin được áp dụng rất thấp.

3. Kiến nghị đề xuất

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác cán bộ; tăng cường sự lãnh đạo, kiểm tra của các cấp ủy đảng đối với các hoạt động điều tra, truy tố xét xử và thi hành án...

- Các cơ quan tư pháp Trung ương cần tăng cường công tác chỉ đạo đào tạo, đào tạo lại chuyên sâu về nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ có chức danh tư pháp ở địa phương. Có chính sách tiền lương, phụ cấp chế độ đãi ngộ thích hợp cho cán bộ tư pháp công tác ở vùng cao.

- Tiếp tục thực hiện những chủ trương về cải cách, tổ chức và đổi mới hoạt động của các cơ quan tư pháp. Chú ý việc đào tạo tiếng dân tộc và tiếng Trung Quốc đối với một số vị trí của đội ngũ cán bộ có chức danh tư pháp.

- Tăng cường về cơ sở vật chất (áp dụng công nghệ thông tin) và bổ sung biên chế, công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại kịp thời cho các cơ quan tư pháp theo hệ thống ngành dọc.

- Đầu tư trang bị phương tiện, kỹ thuật phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án; tăng kinh phí hoạt động cho các cơ quan tư pháp, nhất là đối với đội ngũ cán bộ có chức danh tư pháp.

- Thực hiện có hiệu quả chủ trương về hợp tác quốc tế về công tác tư pháp nhất là những tỉnh có biên giới với Trung Quốc, phân cấp cụ thể để địa phương chủ động hợp tác hoạt động tư pháp.

- Thực hiện tốt việc quản lý, rèn luyện, kiểm tra, thử thách trước

khi bổ nhiệm; tổ chức hình thức thi tuyển chọn những cán bộ có chức danh tư pháp giỏi; đổi mới công tác đào tạo cán bộ theo định hướng tranh tụng dân chủ; đa dạng hóa quy mô, hình thức đào tạo bồi dưỡng cán bộ; xây dựng tiêu chuẩn cán bộ cho từng chức danh trong ngành tư pháp.

- Phấn đấu kế hoạch đào tạo, bổ sung cán bộ đến hết năm 2005 đội ngũ cán bộ có chức danh tư pháp phải đạt 85% có trình độ đại học và chuyên sâu về nghiệp vụ.

- Thực hiện tốt công tác quản lý, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với cán bộ có chức danh tư pháp theo nhu cầu của cơ quan tư pháp và địa phương khi cần thiết nhưng phải phù hợp với các quy định của Đảng và pháp luật Nhà nước.

Trên đây là báo cáo kết quả “Tổng rà soát, phân loại, đánh giá cán bộ có chức danh tư pháp (điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán, chấp hành viên, công chứng viên)” của Tỉnh ủy Lào Cai để Ban Nội chính Trung ương nắm được và có hướng chỉ đạo.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 16-CT/TU, ngày 27-6-2003

**Về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị 35-CT/TW
của Bộ Chính trị về đổi mới công tác thi đua,
khen thưởng trong giai đoạn mới**

Thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 3-6-1998 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác thi đua - khen thưởng trong giai đoạn mới, trong 5 năm qua dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của cấp ủy, chính quyền các cấp, sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ban, ngành, đoàn thể và các tổ chức chính trị - xã hội trong quá trình thực hiện trên địa bàn tỉnh, toàn thể cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân và lực lượng vũ trang trong tỉnh đã tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua ái quốc và ra sức thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị của địa phương; góp phần thúc đẩy quá trình xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, bảo đảm về quốc phòng, an ninh và xây dựng hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở theo hướng trong sạch, vững mạnh. Trong quá trình thực hiện Chỉ thị của Trung ương và văn bản triển khai của tỉnh, đã xuất hiện nhiều tấm gương tập thể và cá nhân điển hình tiên tiến trên tất cả mọi mặt hoạt động của đời sống xã hội trong tỉnh được Đảng và Nhà nước ghi nhận, tặng thưởng nhiều danh hiệu và phần thưởng cao quý, xứng đáng để cho mọi người học tập, làm theo và thực sự là những bông hoa đẹp trong rừng hoa muôn sắc hương mà xã hội cần phải nâng niu, trân trọng và nhân rộng điển hình.

Tuy vậy, trong quá trình triển khai thực hiện Chỉ thị 35-CT/TW, còn một số cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị và một số cán bộ, đảng viên chưa nhận thức đúng đắn mục đích, yêu cầu của chỉ thị và tầm quan trọng của công tác thi đua - khen thưởng. Cho nên đã có tình trạng triển khai học tập không đến nơi đến chốn, chưa thực sự gắn chặt yêu cầu của công tác thi đua - khen thưởng với quá trình thực hiện các nhiệm vụ chính trị được giao chưa thực sự làm cho công tác này trở thành động lực mạnh mẽ động viên cổ vũ mọi tầng lớp nhân dân ra sức thi đua lao động, sản xuất, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; khen thưởng chưa gắn chặt với thi đua, còn tình trạng cào bằng, xếp hàng, nể nang, thiên vị.

Để khắc phục những tồn tại, khuyết điểm nêu trên, tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 35-CT/TW, động viên rộng rãi phong trào thi đua ái quốc trong các tầng lớp nhân dân, lực lượng vũ trang, các thành phần kinh tế, ra sức thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị của địa phương, góp phần xây dựng tỉnh Lào Cai ngày càng giàu mạnh, Ban Thường vụ Tỉnh yêu cầu:

1. Cấp ủy đảng và chính quyền các cấp trong tỉnh tiếp tục chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng để các tầng lớp nhân dân, cán bộ, đảng viên nhận thức sâu sắc nội dung Chỉ thị 35-CT/TW; hiểu rõ ý nghĩa, mục đích, yêu cầu của công tác thi đua - khen thưởng trong tình hình mới theo đúng tinh thần, chủ trương của Đảng. Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan tuyên truyền và các cơ quan trong khối dân vận xây dựng kế hoạch, nội dung và hình thức tuyên truyền cho phù hợp với trình độ dân trí và điều kiện của địa phương; thường xuyên kiểm tra đôn đốc công tác tuyên truyền, quán triệt và thực hiện của các địa phương, đơn vị về công tác thi đua - khen thưởng để có khen chê kịp thời.

2. Tiến hành tổng kết từ cơ sở 5 năm thực hiện Chỉ thị 35-CT/TW và các văn bản có liên quan của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác thi đua - khen thưởng trong thời gian qua, nhằm rút ra những bài học kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện, biểu dương

những đơn vị, cá nhân thực hiện tốt chủ trương của Đảng, những cá nhân, tập thể điển hình tiên tiến, xuất sắc trong các phong trào thi đua ái quốc. Báo cáo tổng kết phải phản ánh rõ những phong trào thi đua do cấp ủy chính quyền các cấp, các ngành, đoàn thể phát động trong 5 năm qua và đánh giá kỹ những kết quả đạt được, kết quả phân xếp loại từng năm, những tồn tại, khuyết điểm, tìm ra nguyên nhân, giải pháp khắc phục.

Trong đó chú ý phân tích nguyên nhân từ việc coi nhẹ, buông lỏng công tác thi đua - khen thưởng, tập trung làm rõ nguyên nhân từ phía lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể quần chúng, các cơ quan chuyên trách tham mưu, sự phối hợp giữa các cơ quan có liên quan trong việc gắn công tác thi đua - khen thưởng với thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương.

3. Trên cơ sở những bài học kinh nghiệm trong 5 năm qua, các cấp ủy đảng cần chỉ đạo tiếp tục tiến hành đổi mới công tác thi đua - khen thưởng trong giai đoạn mới, tập trung các vấn đề như: làm rõ vị trí, vai trò quan trọng của công tác này đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay; khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với công tác thi đua - khen thưởng; tiếp tục kiện toàn và đổi mới tổ chức cán bộ của các cơ quan tham mưu; đổi mới nội dung, hình thức, quy trình xem xét, lựa chọn, phong tặng các danh hiệu thi đua và khen thưởng.

4. Tiếp tục chỉ đạo xây dựng kế hoạch và có biện pháp cụ thể tạo ra bước chuyển biến mạnh mẽ về chất trong công tác thi đua - khen thưởng; tổ chức phát động các phong trào thi đua sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân về các nội dung phù hợp với nhiệm vụ chính trị từng giai đoạn; đẩy lên phong trào thi đua sôi nổi nhằm phát huy cao độ tính tích cực trong mọi ngành, mọi giới, các dân tộc, các tầng lớp nhân dân, các lực lượng vũ trang, các thành phần kinh tế trên địa bàn toàn tỉnh, tạo ra động lực vật chất mới hăng hái tham gia lao động, sản xuất, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp phần xây dựng quê hương Lào Cai vững mạnh.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao cho Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng thi đua - khen thưởng tỉnh, các sở, ban, ngành, đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị này, thường xuyên kiểm tra đôn đốc việc thực hiện ở các đơn vị, địa phương và báo cáo kết quả về Tỉnh ủy.

Chỉ thị này được phổ biến tới các chi, đảng bộ.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THĂNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 105-BC/TU, ngày 16-6-2003

Về kết quả hơn 1 năm triển khai thực hiện Nghị quyết 07-NQ/TW về hội nhập kinh tế quốc tế

Lào Cai là một tỉnh vùng cao, biên giới, nhiều dân tộc, có vị trí hết sức quan trọng về an ninh - quốc phòng và phát triển kinh tế. Cửa khẩu quốc tế Lào Cai - Hà Khẩu là cửa khẩu duy nhất giữa Việt Nam - Trung Quốc có đầy đủ các loại hình vận tải đường sắt, đường bộ, đường sông; là cầu nối giữa Việt Nam với thị trường rộng lớn với hơn 380 triệu dân phía tây nam Trung Quốc.

Cùng với cả nước, Lào Cai đang đứng trước xu thế của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Quán triệt sâu sắc Nghị quyết 07-NQ/TW của Bộ Chính trị và nhận thức, xác định rõ tiềm năng, lợi thế so sánh của mình, Lào Cai đã xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 07-NQ/TW, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, phát huy cao độ nội lực, khai thác tối đa nguồn lực từ bên ngoài để phát triển kinh tế - xã hội. Sau một năm thực hiện Nghị quyết 07-NQ/TW Lào Cai đã đạt được một số kết quả sau:

I. ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác thông tin, tuyên truyền

- Tuyên truyền phổ biến rộng rãi các chủ trương, đường lối của Đảng,

chính sách pháp luật của Nhà nước về hội nhập kinh tế quốc tế đến mọi tầng lớp nhân dân. Đưa tin, quảng bá kế hoạch phát triển kinh tế các khu kinh tế động lực, các điểm du lịch, phát triển thương mại với cộng đồng quốc tế, đặc biệt là giao thương với các tỉnh Vân Nam, Tứ Xuyên Trung Quốc, các cuộc hội đàm giữa hai tỉnh đều đã ký kết các biên bản hợp tác trên nhiều lĩnh vực.

- Giới thiệu các điều kiện thuận lợi của Lào Cai trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Tuyên truyền về việc tìm thị trường xuất khẩu hàng hóa, về chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Phối hợp với Trung tâm điện ảnh Bộ Văn hóa - Thông tin xây dựng một bộ phim giới thiệu về Lào Cai bằng bốn thứ tiếng Việt, Anh, Pháp, Tây Ban Nha phát trên kênh VTV5 và phát hành tới 72 nước.

- Mở lớp bồi dưỡng về hội nhập kinh tế quốc tế cho cán bộ lãnh đạo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, lãnh đạo huyện, thị xã, giám đốc các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, tổng số hơn 300 lượt người do Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam truyền đạt.

- Tổ chức thành công Hội nghị “Lào Cai - Cầu nối với thị trường Tây Nam Trung Quốc” được tổ chức vào cuối tháng 10-2002 tại Hà Nội, giới thiệu tiềm năng, thế mạnh của Lào Cai trong phát triển kinh tế.

2. Tổng hợp và hoàn thiện chiến lược tổng thể về hội nhập kinh tế quốc tế

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 496-QĐ/UB, ngày 25-10-2002 về ưu đãi đầu tư tại các khu kinh tế trọng điểm, gồm: Khu thương mại Kim Thành, khu kinh tế cửa khẩu, khu du lịch Sa Pa,... để thu hút đầu tư trong và ngoài nước.

- Xây dựng và đã được Chính phủ phê duyệt đề án mở rộng phạm vi kinh tế cửa khẩu Lào Cai thêm phường Kim Tân và xã Đồng Tuyển (Quyết định số 09/2003/QĐ-TTg, ngày 10-1-2003 của Thủ tướng Chính phủ).

- Dự thảo Quy chế hoạt động khu thương mại Kim Thành và Quy chế hoạt động Trung tâm thương mại Cửa khẩu quốc tế Lào Cai trình Chính phủ phê duyệt.

- Hợp tác với Công ty tư vấn Louis Berger - Cộng hòa Pháp để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho khu đô thị mới Lào Cai - Cam Đường. Hợp tác với vùng Aquitaine thuộc Cộng hòa Pháp và EU để thực hiện quy hoạch du lịch và quy hoạch đô thị cho thị trấn Sa Pa và Bắc Hà bằng nguồn vốn tài trợ của Cộng hòa Pháp và EU.

3. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nâng cao khả năng cạnh tranh

- *Về nông nghiệp:* Tỉnh đang tập trung quy hoạch và phát triển các vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa nông nghiệp có chất lượng cao phục vụ cho phát triển công nghiệp chế biến để xuất khẩu và tiêu thụ trong nước. Với lợi thế về điều kiện tự nhiên, Lào Cai đã xác định sản xuất chè có chất lượng cao và có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước. Trong những năm qua tỉnh đã đầu tư phát triển vùng chè tập trung có năng suất, chất lượng cao ở các huyện: Bảo Thắng, Bảo Yên, Mường Khương và Than Uyên. Ngoài ra còn phát triển vùng cây ăn quả ôn đới tập trung tại các huyện: Sa Pa, Bắc Hà, Bát Xát, Mường Khương. Xây dựng các tiểu vùng cây trồng cho phù hợp, như: cây thuốc lá; các loại rau, hoa có chất lượng cao ở huyện Sa Pa, Bắc Hà và thị xã Lào Cai để tiêu thụ tại các thị trường trong nước (như Hà Nội) và xuất khẩu sang tỉnh Vân Nam - Trung Quốc.

- *Về lâm nghiệp:*

Tiếp tục thực hiện phát triển kinh tế lâm nghiệp theo Nghị quyết 13 của Tỉnh ủy, trong đó chú trọng công tác bảo vệ và phát triển rừng, bảo vệ nguồn gen và môi trường sinh thái. Quy hoạch khu vực sản xuất - chế biến - tiêu thụ lâm sản phẩm gắn với vùng nguyên liệu khai thác sản phẩm của rừng như: sản xuất nguyên liệu giấy, giấy vàng kim, đồ thủ công mỹ nghệ...

Về công nghiệp: Các khu công nghiệp được triển khai xây dựng tại thị xã Lào Cai và thị trấn Tàng Loỏng (huyện Bảo Thắng), tỉnh

đã có chính sách ưu đãi, thu hút các nhà đầu tư sản xuất hàng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc và các nhà đầu tư Trung Quốc sản xuất hàng tiêu thụ trong thị trường Việt Nam, xuất khẩu sang các nước ASEAN,... Một số doanh nghiệp đã năng động đổi mới cơ cấu tổ chức, đổi mới công nghệ sản xuất ra nhiều mặt hàng có giá trị, chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh và có thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước ổn định.

- *Về thương mại - dịch vụ:* Với lợi thế có hệ thống cửa khẩu quốc tế, quốc gia và từ khi được áp dụng Quyết định 100-QĐ/TTg, sau này là Quyết định 53-QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách phát triển khu cửa khẩu biên giới. Thương mại của tỉnh Lào Cai có bước phát triển rõ rệt, tổng giá trị kim ngạch xuất, nhập khẩu liên tục tăng qua các năm, riêng năm 2002 kim ngạch xuất, nhập khẩu đạt 254 triệu USD, trong đó phần của địa phương là 26 triệu USD, vượt 30% mục tiêu kế hoạch đề ra và tăng 15% so với cùng kỳ năm trước; thu phí xuất, nhập khẩu đạt 197 tỷ đồng. Kết quả 6 tháng đầu năm, do chịu ảnh hưởng của cuộc chiến tranh Iraq và dịch SARS song đến ngày 13-6-2003 thu phí qua cửa khẩu đạt 84,6 tỷ đồng, kim ngạch xuất, nhập khẩu đạt 115,7 triệu USD (trong đó các thành phần kinh tế của tỉnh đạt 7 triệu USD). Mặt hàng xuất khẩu ngày càng đa dạng, phong phú về chủng loại và có số lượng ngày càng lớn. Một số mặt hàng xuất khẩu chính gồm: các loại quặng sắt, đồng, apatít; các mặt hàng nông, lâm sản như hoa quả tươi, hải sản, gỗ vườn tạp, sắn lát khô, hoa tươi các loại cây quế giống, thảo quả khô, hạt tiêu khô, cá biển và một số mặt hàng tiêu dùng như bàn, ghế nhựa, giày, dép, bánh kẹo các loại. Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là máy móc thiết bị và nguyên liệu để phục vụ sản xuất như kính xây dựng, hóa chất, kim loại màu, thạch cao, phân bón, lá thuốc lá, giống cây trồng cho năng suất cao.

Đang khẩn trương triển khai các hạng mục nhằm mở rộng và nâng cấp Cửa khẩu quốc tế Lào Cai, khu kinh tế cửa khẩu, khu thương mại Kim Thành, Trung tâm thương mại Cửa khẩu quốc tế Lào Cai, trạm kiểm soát liên ngành, bãi kiểm hóa cửa khẩu đường bộ,...

Khai thác tối đa tiềm năng du lịch vốn có tại các vùng trọng điểm du lịch của tỉnh như: Sa Pa, Bắc Hà,...; đồng thời nghiên cứu xây dựng ba làng văn hóa ở Sa Pa (Cát Cát, Bản Dền, Tả Phìn và Tả Van) thành bốn điểm du lịch văn hóa truyền thống đặc trưng cho bốn dân tộc Mông, Dao, Giáy, Tày, hấp dẫn, thu hút khách du lịch trong và ngoài nước. Chỉ tính riêng từ đầu năm 2003 đến nay đã có 137.500 lượt khách du lịch đến thăm quan, doanh thu đạt trên 30 tỷ đồng.

4. Thu hút đầu tư

- Lào Cai đã chủ động và tích cực tham gia hội nhập Quốc tế thông qua việc điều chỉnh cơ cấu kinh tế theo hướng mở cửa, cải cách các thủ tục hành chính, xúc tiến công tác đầu tư nước ngoài, thương mại làm cho việc trao đổi hàng hóa, luân chuyển vốn, lao động, kỹ thuật,... ngày càng gia tăng, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển.

- Xây dựng nhiều dự án kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài, ban hành nhiều chính sách ưu đãi để thu hút nguồn vốn đầu tư vào Lào Cai. Đã có nhiều hình thức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin trong và ngoài nước, qua đó đã có nhiều nhà đầu tư từ các nước Trung Quốc, Malaixia, Xingapo, Rumani đến tìm hiểu và xin đầu tư phát triển tại Lào Cai; nhiều tổ chức nước ngoài đến Lào Cai nghiên cứu và tài trợ, giúp Lào Cai thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Từ năm 2002 đến nay đã có gần 100 tổng công ty, các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến bàn bạc, ký kết hợp tác với Lào Cai và đã có 37 dự án đang thực hiện đầu tư, trong đó có 22 dự án đầu tư trong nước với tổng số vốn là 462,7 tỷ đồng, có 15 dự án nước ngoài đang triển khai đầu tư với tổng số vốn trên 27 triệu USD. Một số dự án đầu tư nước ngoài hoạt động có hiệu quả cao như: dự án Khách sạn VICTORIA, Khách sạn quốc tế Lào Cai, cửa hàng miễn thuế. Số dự án và vốn đầu tư nước ngoài trong năm 2002 đã cao hơn tổng số dự án và vốn đầu tư nước ngoài của 10 năm cộng lại. Đặc biệt sắp tới sẽ có trên 20 dự án với số vốn đăng ký đầu tư hàng ngàn tỷ đồng của các doanh

ngành trong nước đầu tư vào các lĩnh vực như: các dự án về thủy điện, các dự án xây dựng khách sạn, các trung tâm thương mại, nhà máy cấp nước, đang mở ra một thời kỳ phát triển mới của Lào Cai.

- Quan hệ giữa tỉnh Lào Cai và các nước khác trên thế giới, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ, các tổ chức tài chính quốc tế cũng được thúc đẩy. Tính đến nay đã có trên 20 tổ chức phi chính phủ (NGO) hỗ trợ và đầu tư tại tỉnh Lào Cai cho 140 dự án với tổng số vốn viện trợ 45 tỷ đồng.

Các nguồn vốn FDI, ODA, WB và NGO được sử dụng đúng mục đích và đem lại hiệu quả thiết thực, đặc biệt là các dự án, chương trình xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống đồng bào các dân tộc vùng sâu, vùng xa trong tỉnh về mọi mặt.

5. Kết hợp hoạt động chính trị đối ngoại với kinh tế đối ngoại

- Đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại với các nước, các tổ chức quốc tế nhằm tăng cường tình hữu nghị, hiểu biết và thúc đẩy sự hợp tác phát triển kinh tế - xã hội, tạo môi trường ổn định thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Thông qua hoạt động ngoại giao đã giải quyết kịp thời các phát sinh có yếu tố nước ngoài như: tranh chấp hợp đồng kinh tế, kết hôn, tai nạn, rủi ro, quản lý biên giới, phân giới cắm mốc.

Nhiều biên bản hợp tác quốc tế được ký kết như: Biên bản thỏa thuận giữa Chủ tịch tỉnh Lào Cai với Chủ tịch vùng Aquitaine (Cộng hòa Pháp), ngày 25-11-2002, về quy hoạch đô thị, du lịch và phát triển nông nghiệp; Biên bản hội đàm giữa Phó Bí thư Tỉnh ủy Lào Cai với Phó Bí thư Châu ủy châu Hồng Hà, ngày 7-9-2002; Biên bản hội đàm giữa Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai với Phó Tỉnh trưởng tỉnh Vân Nam về kết quả thực hiện trong thời gian qua và thống nhất những nội dung cần hợp tác trong thời gian tới; thỏa thuận hợp tác giữa tỉnh Lào Cai và tỉnh Hunadoara - Rumani. Thúc đẩy việc thực hiện các hiệp định đã ký kết với các nước.

6. Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ quá trình hội nhập

- Cử các đoàn cán bộ đi học tập, trao đổi kinh nghiệm với các địa phương của các nước: Cộng hòa Pháp, Rumani, Trung Quốc, Xingapo, Hoa Kỳ,... Trong thời gian qua đã có 132 đoàn ra gồm 750 lượt người đi 16 nước, trong đó đi Trung Quốc là 81 lượt người.

- Phối hợp với Phòng Thương mại - Công nghiệp Việt Nam tổ chức hai lớp tập huấn về hội nhập kinh tế quốc tế với sự tham gia của cán bộ các sở và đại diện các doanh nghiệp trên địa bàn.

7. Nhiệm vụ củng cố an ninh quốc phòng

Tiến hành rà soát các văn bản có liên quan đến thủ tục xuất, nhập cảnh đối với người và phương tiện, việc cư trú đi lại của người nước ngoài trong khu vực kinh tế cửa khẩu, khu vực biên giới và trên địa bàn. Từng bước đơn giản hóa thủ tục hành chính trong công tác quản lý, kiểm soát xuất, nhập cảnh.

- Tổ chức hội đàm các cấp với phía Trung Quốc: cấp tỉnh (1 lần), cấp phòng (2 lần), các cấp đồn (định kỳ 1 tháng/1lần) để thống nhất các biện pháp quản lý bảo vệ biên giới, cửa khẩu; duy trì quan hệ đoàn kết hữu nghị.

- Cử đoàn công tác thành phần gồm giám đốc các ngành khối Nội chính sang hội đàm với tỉnh Vân Nam và châu Hồng Hà về hợp tác công tác tư pháp.

8. Mở rộng thị trường xuất khẩu, tranh thủ đầu tư và trợ giúp kỹ thuật của các nước và các tổ chức quốc tế

- Đánh giá thị trường Vân Nam là thị trường quan trọng, tạo cơ sở vững chắc thâm nhập thị trường các tỉnh nội địa của Trung Quốc.

- Hoàn thiện các chính sách về thu hút đầu tư trong và ngoài nước, gồm: dịch vụ “một cửa”, chính sách ưu đãi đầu tư tại các khu kinh tế trọng điểm, giúp đỡ doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tìm hiểu, lập dự án và triển khai dự án,...

- Bước đầu nghiên cứu thị trường mới như: ASEAN, Mỹ, EU,...

Phối hợp với Phòng Thương mại - Công nghiệp Việt Nam xây dựng cơ sở dữ liệu về xúc tiến thương mại vào Tây Nam Trung Quốc.

9. Kiện toàn tổ chức

Đang tiến hành nghiên cứu, tham khảo về mô hình tổ chức để thành lập Ban Chỉ đạo Hội nhập kinh tế quốc tế tỉnh Lào Cai cho phù hợp.

II. TỒN TẠI VÀ NHỮNG VIỆC CẦN LÀM

1. Tồn tại

- Do tỉnh Lào Cai chưa thành lập Ban Chỉ đạo hội nhập kinh tế quốc tế nên việc triển khai thực hiện “Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh theo Nghị quyết 07-NQ/TW” còn nhiều hạn chế. Việc tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Nghị quyết 07-NQ/TW và chương trình hành động của tỉnh mới chỉ dừng lại ở một số sở, ban, ngành. Các chủ doanh nghiệp còn hiểu sơ sài về hội nhập kinh tế quốc tế. Một số cán bộ làm công tác đối ngoại năng lực, trình độ hiểu biết về luật pháp quốc tế, ngoại ngữ, tin học, kinh tế đối ngoại còn hạn chế.

- Các sở, ngành thường xuyên có hoạt động kinh tế đối ngoại, song mới chỉ dừng lại ở khía cạnh phục vụ sự phát triển của riêng mình mà chưa có sự phối hợp chặt chẽ tạo ra sức mạnh tổng hợp thực hiện chiến lược tổng thể trong hội nhập kinh tế quốc tế.

- Một số sở, ngành chưa được nghiên cứu, quán triệt về nội dung được phân công nên trong khi triển khai thực hiện chỉ tập trung vào nhiệm vụ phát triển của ngành mình, chưa chú trọng đến hội nhập kinh tế quốc tế nên kết quả đạt được chưa cao.

2. Những việc cần tập trung thực hiện

- Thành lập Ban Chỉ đạo hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh
- Tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế, luật pháp quốc tế, ngoại ngữ cho các cán bộ, công chức, chủ doanh nghiệp để tạo ra một nguồn nhân lực có trình độ, năng lực tham gia

phát triển kinh tế đối ngoại, có thể tổ chức tại tỉnh hoặc chọn cử đi đào tạo ở các trường đại học trong nước và nước ngoài, yêu cầu có cam kết rõ ràng về trách nhiệm.

- Tuyên truyền sâu rộng cho các doanh nghiệp của tỉnh hiểu biết về những tác động của hội nhập kinh tế quốc tế.

- Tập trung hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế của tỉnh.

- Xây dựng và nâng cao thương hiệu hàng hóa của tỉnh như: mận tam hoa Bắc Hà, chè Tuyết San, phân NPK Lào Cai, quặng Apatít, caolan, fenspat, ximăng Lào Cai, thức ăn gia súc, hoa Sa Pa,...

- Tiếp tục chỉ đạo các sở, ban, ngành, huyện, thị xã, các doanh nghiệp cần chủ động, nghiêm túc, phối hợp với nhau trong việc triển khai thực hiện các nội dung được phân công.

III. ĐỀ NGHỊ VỚI TRUNG ƯƠNG

1. Khẩn trương khởi công mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 70, nâng cao năng lực vận tải đường sắt tuyến Hải Phòng - Hà Nội - Lào Cai (Việt Nam) - Côn Minh (Trung Quốc), đầu tư xây dựng sân bay Lào Cai theo các nội dung kết luận của Thủ tướng Chính phủ trong Thông báo số 10/VP.CP, ngày 29-1-2002 của Văn phòng Chính phủ. Hằng năm, phân bổ tỷ lệ ngân sách trung ương đáng kể để hỗ trợ cho tỉnh Lào Cai đầu tư cơ sở hạ tầng cho khu vực Cửa khẩu quốc tế Lào Cai và hệ thống chợ biên giới, hệ thống đường giao thông, cho xây dựng cầu qua sông Hồng (sông biên giới) tại Khu thương mại Kim Thành (Lào Cai) với Thương Thành (Hà Khẩu - Trung Quốc).

2. Đề nghị Chính phủ, Bộ Thương mại chỉ đạo về các cơ chế chính sách thông thoáng và thông tin tình hình xuất, nhập khẩu trên toàn tuyến biên giới Việt - Trung hàng tuần, hàng tháng cho các tỉnh trong cả nước biết. Cho phép tỉnh Lào Cai áp dụng quy chế hoạt động riêng ở khu Thương mại Kim Thành.

3. Thống nhất các chính sách quản lý xuất, nhập khẩu về mặt

hàng, hạn ngạch, giá, phương thức thanh toán,... vì hiện nay vẫn còn nhiều bộ, ngành quản lý nên còn nhiều chồng chéo, vướng mắc.

4. Phân cấp cho tỉnh một số nội dung để chủ động trong việc hội đàm, thỏa thuận hợp tác với các địa phương, tổ chức nước ngoài và phân cấp trong việc giải quyết các thủ tục xuất, nhập cảnh. Phân cấp về hợp tác hỗ trợ pháp lý cho Lào Cai và Vân Nam - Trung Quốc nhằm giải quyết nhanh chóng một số tranh chấp trong hoạt động kinh tế tại biên giới.

5. Đề nghị được kéo dài thời gian mở cửa khẩu cho hoạt động xuất, nhập cảnh, xuất, nhập khẩu hàng hóa đến 21 giờ (giờ Hà Nội) hằng ngày tại Cửa khẩu quốc tế Lào Cai.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 106-BC/TU, ngày 27-6-2003

**Tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 34-CT/TW,
ngày 30-5-1998 của Bộ Chính trị khóa VIII
“Về tăng cường công tác chính trị tư tưởng; củng cố
tổ chức đảng, đoàn thể quần chúng và công tác kết nạp
đảng viên trong các trường học”**

Thực hiện Công văn số 2413-CV/TCTW, ngày 19-3-2003 của Ban Tổ chức Trung ương về việc tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 34-CT/TW của Bộ Chính trị; với đặc điểm tình hình của địa phương, Tỉnh ủy Lào Cai đã ban hành Hướng dẫn số 1010-HD/TU, ngày 18-4-2003 về hướng dẫn tổng kết Chỉ thị 34-CT/TW. Tính đến ngày 30-5-2003, các huyện, thị và đảng ủy khối cơ quan Dân, Chính, Đảng đã tiến hành tổng kết xong. Tỉnh ủy Lào Cai báo cáo kết quả tổng kết như sau:

I. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHỈ THỊ 34-CT/TW

Ở tỉnh: Tỉnh ủy đã tổ chức hội nghị nghiên cứu quán triệt nội dung, tinh thần Chỉ thị 34-CT/TW, thành phần gồm các đồng chí tỉnh ủy viên, lãnh đạo chủ chốt các sở ban, ngành tỉnh; các huyện, thị và đảng ủy trực thuộc tỉnh. Tỉnh ủy giao cho Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phối hợp với Ban Cán sự đảng Sở Giáo dục - Đào tạo xây dựng chương trình hành động thực hiện Chỉ thị gắn với chương trình hành động

thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII. Trên cơ sở đó Ban Cán sự đảng Sở Giáo dục - Đào tạo cũng đã xây dựng và ban hành Hướng dẫn số 17/HD/BCS, ngày 21-10-1998 về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Chỉ thị 34 trong toàn ngành Giáo dục - Đào tạo của tỉnh.

Ở các huyện, thị: Căn cứ vào chủ trương chỉ đạo của tỉnh, các huyện, thị đã tổ chức các hội nghị quán triệt Chỉ thị 34, chương trình hành động của tỉnh tới tất cả các cấp ủy đảng, lãnh đạo các Phòng Giáo dục - Đào tạo, lãnh đạo các trường. Hầu hết các huyện, thị đều xây dựng được chương trình hành động của mình và có kế hoạch cụ thể chỉ đạo cho các tổ chức cơ sở đảng phối hợp với các trường tổ chức cho cán bộ, giáo viên nghiên cứu học tập Chỉ thị, chương trình hành động của cấp trên.

Hàng năm, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Sở Giáo dục - Đào tạo đều có báo cáo tình hình và kết quả triển khai thực hiện chỉ thị, qua đó giúp Tỉnh ủy kịp thời đề ra chủ trương chỉ đạo cụ thể cho sát với tình hình thực tiễn nhằm tổ chức thực hiện thắng lợi chỉ thị.

II. KẾT QUẢ 5 NĂM THỰC HIỆN CHỈ THỊ 34-CT/TW

1. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện đạo đức cách mạng trong đội ngũ giáo viên, học sinh, sinh viên và công nhân viên ở các trường học

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện đạo đức cách mạng trong đội ngũ giáo viên, học sinh, sinh viên và công nhân viên ở các trường học luôn được xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của ngành Giáo dục - Đào tạo. Công tác giáo dục - đào tạo không thể chỉ chú trọng đến kiến thức chuyên môn đơn thuần mà coi nhẹ các mặt giáo dục chính trị tư tưởng. Từ nhận thức đó cho nên trong chương trình dạy và học ở tất cả các cấp học đều có sự lồng ghép công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện đạo đức cách mạng trong các môn học; đặc biệt là môn đạo đức ở bậc tiểu học, môn giáo dục công dân ở bậc trung học cơ sở, trung học phổ thông

và môn triết học ở trường trung học phổ thông chuyên ban, trường cao đẳng sư phạm. Ngoài ra, công tác này còn được duy trì thường xuyên thông qua các buổi sinh hoạt lớp, chào cờ đầu tuần, hoạt động ngoại khóa.

Hàng năm vào dịp hè, ngành Giáo dục - Đào tạo đều tổ chức bồi dưỡng kiến thức cho đội ngũ giáo viên, trong đó đặc biệt quan tâm tới việc triển khai học tập chính trị và nâng cao trình độ chuyên môn cho giáo viên giảng dạy các môn khoa học xã hội và nhân văn; mở hội nghị chuyên đề bồi dưỡng phương pháp giảng dạy môn giáo dục công dân, môn triết học. Ngoài ra, ngành Giáo dục - Đào tạo tỉnh còn liên kết với trường Đại học Thái Nguyên đào tạo giáo viên giáo dục công dân theo chỉ tiêu cụ thể hằng năm; xây dựng và tổ chức tập huấn cho đội ngũ báo cáo viên của ngành gồm trên 400 người là những cán bộ quản lý giáo viên có năng lực nhằm đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, phòng, chống các tệ nạn xã hội thâm nhập vào trường học.

Bên cạnh việc không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cải tiến nội dung chương trình, phương pháp truyền thụ kiến thức phù hợp với đối tượng học sinh, sinh viên, công tác giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện đạo đức cách mạng trong nhà trường còn được quan tâm đẩy mạnh ở nhiều mặt, nhiều lĩnh vực hoạt động khác. Đó là, tổ chức nhiều phong trào thi đua trong nhà trường như phong trào thi đua dạy tốt, học tốt; đẩy nhanh tiến độ phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ; xây dựng gia đình nhà giáo văn hóa; xây dựng nhà trường kỷ cương, nền nếp, xanh, sạch, đẹp, bài trừ tệ nạn xã hội; đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, phong trào xây dựng quê hương Lào Cai giàu đẹp, phong trào thi đua giúp đỡ gia đình thương binh, liệt sĩ; ...

Để phục vụ công tác giáo dục chính trị tư tưởng, Nhà nước đã có chính sách đầu tư, hỗ trợ kinh phí để các trường được cung cấp các ấn phẩm của Nhà xuất bản Kim Đồng, báo Thiếu niên Nhi đồng, báo Dân tộc và miền núi.

Ngành Giáo dục - Đào tạo hỗ trợ kinh phí để mỗi đơn vị, trường học có thư viện hoặc tủ sách tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, giáo viên, học sinh, sinh viên học tập, nghiên cứu phục vụ nhiệm vụ chính trị của ngành.

Với sự nỗ lực, cố gắng nêu trên, chất lượng giáo dục trong toàn tỉnh đã được nâng lên một bước đáng kể. Cụ thể là:

Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ: Năm 1998 mới có 78 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ và 4 đơn vị: thị xã Lào Cai, Cam Đường, Bảo Thắng, Văn Bàn đạt chuẩn thì đến tháng 5-2000 tỉnh Lào Cai đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ (với 152/180 xã, phường đạt chuẩn, bằng 84,4%) và năm 2002 tất cả 180/180 xã, phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ, tỷ lệ đạt chuẩn vững chắc được nâng lên. Toàn tỉnh đang tích cực phấn đấu thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và tiến đến phổ cập trung học cơ sở, đến nay đã có 13 xã đạt chuẩn trung học cơ sở.

- Năm học 1997 - 1998, toàn tỉnh chưa có trường học nào đạt chuẩn quốc gia thì đến năm học 2001 - 2002 đã có 19 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia. Trong những năm học tới, ngành Giáo dục - Đào tạo đang phấn đấu để có các trường trung học cơ sở, mầm non đạt chuẩn quốc gia.

- Tỷ lệ học sinh lưu ban, bỏ học giảm dần (ở tiểu học giảm từ 8,5% và 4,46% xuống còn 3,2% và 2,1%; ở trung học cơ sở từ 3,21% và 5,43% xuống 2,8% và 3,5%; ở trung học phổ thông từ 3,51% và 5,5% xuống 2,63% và 4,5%).

- Hiệu quả đào tạo được nâng lên: Tỷ lệ giữa học sinh tốt nghiệp so với số học sinh đầu khóa ở tiểu học tăng từ 67% lên 78,1%; ở trung học cơ sở từ 61% lên 66,7%; ở trung học phổ thông từ 65% lên 70,3%.

- Số học sinh giỏi các cấp hàng năm tăng nhanh: Năm học 1997-1998, học sinh giỏi cấp tỉnh có 140 em, năm học 2001-2002 có 310 em, tăng 2,21 lần; học sinh giỏi quốc gia bậc trung học phổ thông từ 15 em lên 41 em, tăng 2,73 lần. Học sinh tỉnh Lào Cai tham dự các kỳ thi học

sinh giỏi cấp quốc gia và khu vực đều đạt giải. Số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông được đổ vào các trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học hằng năm đều tăng và đạt bình quân 750 em/năm.

- Chất lượng đội ngũ giáo viên hằng năm đều được chuẩn hóa theo các năm: Nếu như năm học 1997-1998, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn mầm non là 34%, tiểu học là 58%, trung học cơ sở là 60%, trung học phổ thông là 91% thì đến năm học 2001-2002 các tỷ lệ tương ứng tăng lên là: 58,3%, 72,62%, 74,4% và 95,65%.

Những kết quả cơ bản nêu trên của ngành Giáo dục - Đào tạo là do nhiều nguyên nhân trong đó có nguyên nhân hết sức quan trọng, đó là hiệu quả của công tác giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện đạo đức cách mạng trong nhà trường; kết quả đó còn thể hiện sự quan tâm sâu sắc của các cấp ủy đảng, chính quyền, sự phối hợp hoạt động có hiệu quả của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường; sự thống nhất trong nhận thức của toàn thể cán bộ, công chức, giáo viên, học sinh, sinh viên toàn ngành Giáo dục - Đào tạo tỉnh Lào Cai trong việc thực hiện Chỉ thị 34-CT/TW của Bộ Chính trị.

2. Xây dựng chi bộ, đảng bộ nhà trường trong sạch, vững mạnh

Có thể nói đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm mà Chỉ thị 34-CT/TW đã xác định. Bởi vì chi, đảng bộ nhà trường có đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”, sức chiến đấu của tổ chức đảng không ngừng được củng cố và nâng lên thì mới có đủ khả năng thực hiện tốt vai trò lãnh đạo nhiệm vụ chính trị của mình; thực sự là hạt nhân chính trị lãnh đạo mọi mặt hoạt động trong nhà trường. Qua 5 năm thực hiện, công tác xây dựng chi bộ, đảng bộ nhà trường trong sạch, vững mạnh đã đạt được những kết quả to lớn, tập trung ở những nội dung cơ bản sau:

- Các tổ chức đảng trong nhà trường thực hiện tốt Quy định số 51-QĐ/TW, ngày 19-11-1992 của Ban Bí thư khóa VII về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ trường học. Trên cơ sở đó, các tổ chức đảng trong trường học chủ động xây dựng quy chế làm việc, chương trình hoạt động của mình trong từng nhiệm kỳ, từng năm học, từng

học kỳ cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của ngành đồng thời thực hiện tốt quy định của Điều lệ Đảng.

- Thường xuyên đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, trong đó có cải tiến, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Đây là nội dung hết sức quan trọng trong hoạt động của các tổ chức đảng trong nhà trường, vì đó là một trong những yếu tố liên quan mật thiết đến chất lượng các chủ trương, nghị quyết của tổ chức đảng trong công tác lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của nhà trường. Nói cách khác đó cũng chính là chất lượng lãnh đạo của tổ chức đảng trong nhà trường.

- Tổ chức tốt việc học tập lý luận chính trị cho đảng viên theo Quy định số 54-QĐ/TW, ngày 12-5-1999 của Bộ Chính trị về chế độ học tập của đảng viên. Thực hiện tốt công tác quản lý đảng viên thông qua hồ sơ lý lịch, qua phân công công tác, qua các mối quan hệ gia đình, xã hội; hằng năm kiểm điểm đánh giá đảng viên gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Qua đó nắm chắc về năng lực, trình độ, điều kiện, hoàn cảnh, tâm tư, nguyện vọng, của mỗi đảng viên mà có hướng phân công nhiệm vụ phù hợp, góp phần quản lý chặt chẽ đội ngũ đảng viên.

- Tăng cường công tác kiểm tra hoạt động của tổ chức đảng, đảng viên nhằm kịp thời phát huy những mặt tốt, tích cực, đồng thời uốn nắn, sửa chữa những thiếu sót, khuyết điểm; kiên quyết xử lý nghiêm đối với tổ chức đảng và đảng viên vi phạm kỷ luật.

Kết quả xây dựng chi bộ, đảng bộ nhà trường trong toàn tỉnh như sau:

- Về tổ chức đảng và đảng viên: Hằng năm đều tăng cả về số lượng và chất lượng. Cụ thể là:

Tổ chức đảng: Năm 1998, các trường học trong toàn ngành Giáo dục - Đào tạo có 48 chi bộ trên tổng số 263 đơn vị, năm 2002 có 158 chi bộ/430 đơn vị. Như vậy năm 2002 tăng 110 chi bộ và gấp 3,29 lần so với năm 1998. Tổ chức đảng: năm 1998 có 59 tổ đảng; đến năm 2002 có 137 tổ đảng, tăng 78 tổ đảng và gấp 2,32 lần so với năm 1998.

Đảng viên: Năm 1998, tổng số đảng viên các trường học trong

toàn ngành là 663 và còn 56 trường chưa có đảng viên; đến năm 2002 có 1.759 đảng viên (gấp 2,65 lần năm 1998), chiếm 15,66% so với tổng biên chế các trường và còn 12 trường chưa có đảng viên tập trung ở các huyện Văn Bàn, Bảo Yên, Bắc Hà, Bảo Thắng, Sa Pa (tính đến ngày 31-5-2003).

- Phân loại tổ chức đảng:

Năm 1998: Đạt trong sạch, vững mạnh là 43 đơn vị, chiếm 89,58%; khá là 5 đơn vị, chiếm 10,42%. Không có yếu kém.

Năm 2002: Đạt trong sạch, vững mạnh là 146 đơn vị, chiếm 92,4%; hoàn thành nhiệm vụ là 12 đơn vị, chiếm 7,6%.

Như vậy số tổ chức đảng; kết quả phân loại chi, đảng bộ đạt trong sạch, vững mạnh hằng năm đều tăng cả về số lượng và chất lượng. Qua đó có thể khẳng định năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng trong nhà trường đã thực sự được nâng lên, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao của ngành giáo dục hiện nay.

3. Tích cực tạo nguồn, làm tốt công tác kết nạp đảng viên trong cán bộ, giáo viên, học sinh, sinh viên, nhất là ở những cơ sở hiện còn ít hoặc chưa có đảng viên

Kết nạp đảng viên là một trong những nội dung công tác hết sức quan trọng của công tác xây dựng Đảng được các cấp ủy đảng từ tỉnh đến cơ sở đặc biệt quan tâm. Chất lượng, số lượng đảng viên có ảnh hưởng to lớn và trực tiếp đến chất lượng, hiệu quả công tác, lãnh đạo của các tổ chức đảng. Chính vì vậy, trong chương trình công tác toàn khóa, để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII (2000-2005), Tỉnh ủy Lào Cai đã chủ trương phấn đấu đến hết năm 2003 toàn tỉnh cơ bản không còn thôn, bản, cơ quan, đơn vị, trường học không có đảng viên. Cho nên các cấp ủy đảng trong tỉnh đã kết hợp giữa học tập quán triệt sâu sắc Chỉ thị 34-CT/TW với việc rà soát đánh giá lại thực chất công tác Đảng trong hệ thống giáo dục - đào tạo, đặc biệt là công tác kết nạp đảng viên và xây dựng các chi bộ nhà trường trong từng địa phương, tìm ra nguyên nhân cơ bản của sự trì trệ trong việc tạo nguồn và kết nạp đảng viên mới trong các trường

những năm trước đây: có nhiều nguyên nhân mà trong đó có nguyên nhân là tư tưởng mặc cảm, níu kéo lẫn nhau trong đội ngũ giáo viên. Cho nên tình trạng giáo viên tốt, giáo viên dạy giỏi thì nhiều; nhiệm vụ dạy và học của các trường đều hoàn thành và hoàn thành tốt nhưng giáo viên là cảm tình đảng ít và số được kết nạp trong mỗi năm cũng không nhiều dẫn tới tỷ lệ đảng viên so với tổng số giáo viên của nhà trường thấp và trong toàn ngành cũng thấp.

Mặt khác, các cấp ủy đảng xã, phường chưa thường xuyên, trực tiếp quan tâm đầy đủ tới công tác xây dựng Đảng của nhà trường ở địa phương, đặc biệt là các xã vùng cao còn nhiều khó khăn. Nhiều trường không có chi bộ, đảng viên là giáo viên phải sinh hoạt ghép với chi bộ văn phòng Ủy ban nhân dân xã nên việc kết nạp đảng viên mới trong nhà trường cũng khó thực hiện.

Từ việc quán triệt, nhận thức đúng về Chỉ thị 34-CT/TW và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII đã tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong các cấp ủy, đội ngũ giáo viên, cán bộ, công chức trong hệ thống giáo dục - đào tạo, nên công tác kết nạp đảng viên trong ngành Giáo dục - Đào tạo tỉnh Lào Cai 5 năm qua đã có nhiều nỗ lực, cố gắng đạt kết quả tốt, góp phần tích cực vào việc thực hiện thắng lợi chủ trương của tỉnh và không ngừng củng cố, xây dựng hệ thống tổ chức đảng của ngành ngày càng vững mạnh, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Kết quả trong 5 năm thực hiện Chỉ thị 34-CT/TW, công tác kết nạp đảng viên trong nhà trường đã đạt được như sau:

- Tổng số quần chúng ưu tú được cử đi học các lớp cảm tình Đảng là 2.409 người với 97 lớp. Số cảm tình Đảng năm sau đều tăng hơn năm trước.

- Số đảng viên mới được kết nạp là 1.188 đồng chí, chiếm 49,3% so với tổng số được cử đi học lớp cảm tình đảng; trong đó:

- + Là đoàn viên, thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: 528 đồng chí, chiếm 44,44% so với tổng số đảng viên mới kết nạp.

- + Là nữ: 839 đồng chí, chiếm 70,62%.

- + Là dân tộc thiểu số: 184 đồng chí, chiếm 15,48 %.

+ Là học sinh, sinh viên: 21 đồng chí, chiếm 1,76%.

* So sánh giữa năm 2002 với năm 1998 cho thấy:

- Số đảng viên mới kết nạp năm 2002 là 328 đồng chí, đạt 189,6% so với năm 1998.

Trong đó:

+ Là đoàn viên, thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh: 195 đồng chí, chiếm 453,5% so với năm 1998

+ Là nữ: 217 đồng chí, đạt 199,1% so với năm 1998.

+ Là dân tộc thiểu số: 48 đồng chí, đạt 154,8% so với năm 1998.

- Ban giám hiệu nhà trường:

+ Hiệu trưởng: Năm 1998 mới có 37 hiệu trưởng là đảng viên, đến năm 2002 tăng lên 353, gấp 9,54 lần so với năm 1998. Hiện còn 49 hiệu trưởng chưa phải là đảng viên, chiếm 12,18% so với tổng số hiệu trưởng.

+ Hiệu phó: Năm 1998 có 55 đồng chí là đảng viên, năm 2002 tăng lên 292, gấp 5,3 lần so với năm 1998. Hiện còn 121 hiệu phó chưa phải là đảng viên, chiếm 29,29% so với tổng số hiệu phó.

Như vậy có thể nói công tác kết nạp đảng viên trong các trường học của ngành Giáo dục - Đào tạo tỉnh Lào Cai đã đạt kết quả tương đối cao cả về chất lượng và số lượng. Nhờ đó số trường chưa có đảng viên giảm nhanh từ 56 trường năm 1998 xuống còn 12 trường tính đến thời điểm hiện nay; vai trò lãnh đạo của các tổ chức đảng trong các trường học không ngừng được nâng lên. Đó chính là một trong những yếu tố quan trọng để ngành Giáo dục - Đào tạo của tỉnh đạt được kết quả to lớn nêu trên; bảo đảm cho công tác giáo dục - đào tạo phát triển đúng định hướng xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Có được kết quả trên, bên cạnh sự quan tâm chỉ đạo sát sao của các cấp ủy đảng, sự giúp đỡ tạo điều kiện của các cấp chính quyền và các ban, ngành đối với sự nghiệp giáo dục, bản thân các tổ chức đảng trong các trường học đã có nhiều cố gắng vươn lên trong công tác xây dựng Đảng nói chung và công tác kết nạp đảng viên nói riêng. Đó là, hàng

năm căn cứ vào tình hình thực tiễn của địa phương, đơn vị mình, các cấp ủy đảng ở các trường đã chủ động xây dựng kế hoạch kết nạp đảng viên; thông qua các phong trào thi đua, các chương trình hoạt động của ngành để phát hiện, bồi dưỡng những quần chúng ưu tú, tích cực; quan tâm lãnh đạo, củng cố hoạt động của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường; phát động tham gia các cuộc thi tìm hiểu về Đảng, về Bác Hồ trong học sinh, sinh viên, mở các lớp cảm tình Đảng; trích một phần kinh phí cho công tác thẩm tra lý lịch của người xin vào Đảng...

Trong công tác kết nạp đảng viên và xóa đầu mối trường học chưa có đảng viên những năm qua nhiều đơn vị đã làm tốt, kết nạp nhiều giáo viên vào Đảng, đến nay không còn trường chưa có đảng viên, như: thị xã Lào Cai, Đảng ủy Khối cơ quan dân chính đảng.

4. Kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở các trường học

Khi đã có tổ chức đảng mạnh, có chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng thì yếu tố quyết định thắng lợi chủ trương, đường lối đó là đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt. Vì vậy trong những năm qua, ngành Giáo dục - Đào tạo đã mạnh dạn đổi mới trong công tác cán bộ nhằm từng bước nâng cao năng lực quản lý điều hành nhà trường thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị được giao. Sự đổi mới đó được thể hiện rõ trên một số lĩnh vực cơ bản sau:

- Xây dựng quy chế hoạt động quy định rõ mối quan hệ, chức năng, quyền hạn của cấp ủy, ban giám hiệu, các tổ chức đoàn thể,... và duy trì thực hiện tốt quy chế.

- Xây dựng quy hoạch cán bộ cho từng trường; trên cơ sở đó mà có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ cán bộ đương chức và kế cận. Hằng năm tiến hành rà soát điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Thực hiện chế độ nhận xét, đánh giá cán bộ công khai, dân chủ; bỏ phiếu thăm dò tín nhiệm cán bộ làm cơ sở cho việc bố trí, sắp xếp cán bộ cho phù hợp với trình độ, năng lực của từng người.

- Làm tốt công tác luân chuyển cán bộ giữa các trường theo quy định của tỉnh và ngành, thông qua đó rèn luyện đội ngũ cán bộ, lựa

chọn những cán bộ có đủ điều kiện vào diện quy hoạch tạo nguồn cán bộ.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kịp thời biểu dương những đơn vị, cá nhân tiêu biểu, uốn nắn những biểu hiện lệch lạc; đồng thời kiên quyết xử lý nghiêm sai phạm của những cán bộ, giáo viên thoái hóa, biến chất.

Với những biện pháp nêu trên, chất lượng đội ngũ cán bộ chủ chốt của các trường học trong toàn tỉnh nhìn chung ngày càng được nâng lên, đại bộ phận có phẩm chất chính trị vững vàng, chuyên sâu về trình độ chuyên môn, trong sáng về đạo đức, lối sống. Thông qua tổng kết Chỉ thị cho thấy nhiều đơn vị đã làm tốt công tác cán bộ lãnh đạo trong các trường học, như: Bắc Hà, thị xã Lào Cai, Than Uyên, Mường Khương,...

III. NHỮNG KHUYẾT ĐIỂM, THIẾU SÓT VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Khuyết điểm, thiếu sót

Bên cạnh những kết quả tích cực đạt được nêu trên, trong quá trình tổ chức thực hiện Chỉ thị 34-CT/TW của Bộ Chính trị ở Lào Cai còn bộc lộ những thiếu sót, khuyết điểm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm khắc phục, sửa chữa. Đó là:

- Chưa đạt được một số mục tiêu mà Chỉ thị đã đề ra “đến năm 2000, ở tất cả các trường đều có đảng viên; các trường phổ thông cơ sở, tiểu học, mầm non có chi bộ hoặc tổ đảng; các trường phổ thông trung học, dạy nghề và các trường dân lập đều có chi bộ; các trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng,... có đảng bộ”.

- Công tác kết nạp đảng viên là học sinh, sinh viên chưa được quan tâm đúng mức, trong 5 năm qua mới chỉ kết nạp được 21 đảng viên.

- Tỷ lệ đảng viên là giáo viên đạt thấp và không đồng đều giữa các trường, nhất là ở các trường vùng cao; có trường chưa có đảng viên, hoặc số lượng đảng viên ít không đủ để thành lập chi bộ, tổ đảng... là một trong những nguyên nhân chính hạn chế vai trò lãnh đạo của Đảng đối với một số trường học.

2. Nguyên nhân

Nguyên nhân chủ quan:

- Một số cấp ủy huyện và cơ sở chưa nhận thức đầy đủ trách nhiệm của mình, có nơi còn biểu hiện khoán trắng cho ngành giáo dục trong việc triển khai thực hiện Chỉ thị.

- Vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng ở một số trường chưa thể hiện rõ, còn nhiều lúng túng trong hoạt động; đặc biệt là công tác xây dựng Đảng nói chung và kết nạp đảng viên nói riêng.

- Cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở một số trường vùng cao chưa phải là đảng viên. Do đó khó tạo nguồn cho công tác kết nạp đảng viên trong nhà trường.

- Một bộ phận giáo viên, học sinh có tâm lý xem nhẹ các môn học xã hội và nhân văn, đặc biệt là ở những lớp cuối cấp.

Nguyên nhân khách quan:

- Là một tỉnh vùng cao, biên giới có nhiều dân tộc cùng chung sống, kinh tế chậm phát triển, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, giao thông đi lại còn nhiều trở ngại,... đã có ảnh hưởng rất lớn đến phát triển sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo của tỉnh. Mặt khác, do tính đặc thù của ngành Giáo dục ở một tỉnh vùng cao, biên giới là đội ngũ giáo viên từ nhiều địa phương đến công tác; trong khi đó kinh phí hoạt động của các trường có hạn, nên việc thẩm tra lý lịch của người xin vào Đảng gặp nhiều khó khăn đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác kết nạp đảng viên của ngành.

- Lực lượng giáo viên nhìn chung còn thiếu nên không tránh khỏi sự chắp vá trong việc phân công, bố trí giáo viên các môn khoa học xã hội, nhất là môn chính trị, giáo dục công dân,...

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ THỜI GIAN TỚI

1. Quan điểm chỉ đạo của tỉnh

Quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng “Giáo dục - Đào tạo là quốc sách hàng đầu”, làm chuyển biến nhận thức, tư tưởng trong cán

bộ, đảng viên và mọi tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò của công tác Giáo dục - Đào tạo trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Ngành Giáo dục - Đào tạo tỉnh Lào Cai phải thực sự trở thành động lực quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển nguồn nhân lực và góp phần đắc lực trong sự nghiệp xây dựng tỉnh Lào Cai ngày càng phồn vinh, giàu đẹp. Trước mắt cần tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị 34 của Bộ Chính trị khóa VIII, Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII gắn với việc triển khai thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Tỉnh ủy Lào Cai về “phát triển sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo giai đoạn 2001-2005 và đến 2010”.

2. Phương hướng, nhiệm vụ

- Phấn đấu đến hết năm 2003 toàn tỉnh không còn trường học không có đảng viên; hiệu trưởng các trường là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Hằng năm có ít nhất 50% số tổ chức đảng trong trường học đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh, không có yếu kém.

- Phấn đấu đến hết năm 2005, các trường tiểu học, trường mầm non, trường phổ thông cơ sở, trường trung học cơ sở, trường đào tạo bồi dưỡng, trường nội trú đều có chi bộ hoặc tổ đảng; các trường trung học phổ thông, trường dạy nghề đều có chi bộ.

- Đẩy mạnh công tác kết nạp đảng viên mới ở các trường học, trong đó cần đặc biệt quan tâm đến đối tượng giáo viên, học sinh, sinh viên nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên.

3. Biện pháp thực hiện

- Các huyện, thị ủy, Đảng ủy Khối cơ quan Dân, Chính, Đảng và Sở Giáo dục - Đào tạo rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình hành động thực hiện Chỉ thị 34-CT/TW của đơn vị trên cơ sở bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ của tỉnh đề ra và tình hình thực tiễn trong công tác giáo dục - đào tạo của ngành, địa phương mình.

- Tổ chức tốt Đại hội cơ sở nhiệm kỳ 2003 - 2005 ở các chi bộ

trường học nhằm kiện toàn lại nhân sự cấp ủy tiến tới sắp xếp, bố trí cán bộ lãnh đạo chủ chốt, cán bộ các đoàn thể trước khi bước vào năm học mới (2003 - 2004).

- Sở Giáo dục - Đào tạo xây dựng kế hoạch củng cố đội ngũ giáo viên, trong đó có giáo viên dạy môn chính trị, các môn khoa học xã hội và nhân văn, giáo dục công dân nhằm từng bước đáp ứng đủ số lượng, bảo đảm chất lượng phục vụ cho công tác giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện đạo đức cách mạng trong học sinh, sinh viên.

- Tăng cường công tác kiểm tra thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của các trường nhằm kịp thời phát huy những ưu điểm; uốn nắn, khắc phục những hạn chế, thiếu sót để phục vụ tốt công tác dạy và học.

- Giao cho Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phối hợp với Sở Giáo dục - Đào tạo và Ban Tổ chức Tỉnh ủy có trách nhiệm tiếp tục theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị; hằng năm báo cáo Tỉnh ủy tình hình thực hiện Chỉ thị để có chủ trương chỉ đạo kịp thời.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 107-BC/TU, ngày 30- 6-2003

Tổng kết 5 năm triển khai thực hiện Chỉ thị 35-CT/TW của Bộ Chính trị về đổi mới công tác thi đua - khen thưởng trong giai đoạn mới

Ngày 3 - 6 - 1998, Bộ Chính trị đã ra Chỉ thị 35-CT/TW về việc đổi mới công tác thi đua - khen thưởng trong giai đoạn mới. Nội dung Chỉ thị đã định hướng thi đua là yêu nước, là động lực thúc đẩy các phong trào nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh - quốc phòng, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Thực hiện Chỉ thị đó, trong 5 năm qua, công tác thi đua - khen thưởng ở tỉnh Lào Cai được đánh giá như sau:

Phần thứ nhất

Kiểm điểm 5 năm triển khai thực hiện Chỉ thị 35-CT/TW của Bộ Chính trị và kết quả cụ thể

I. ĐÁNH GIÁ SỰ CHUYỂN BIẾN NHẬN THỨC VỀ VỊ TRÍ, TÁC DỤNG CỦA CÔNG TÁC THI ĐUA - KHEN THƯỞNG TRONG TÌNH HÌNH MỚI; ƯU, KHUYẾT ĐIỂM TRONG LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CỦA CÁC CẤP ỦY ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN TRONG TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHỈ THỊ 35-CT/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ ĐỔI MỚI CÔNG TÁC THI ĐUA - KHEN THƯỞNG TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

1. Ưu điểm

Ngày 11-6-1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi thi đua ái quốc, mở đầu cho phong trào cách mạng của toàn dân dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Đảng. Trong suốt những năm qua, phong trào thi đua yêu nước ấy đã được duy trì và phát huy tác dụng mạnh mẽ, đã động viên cả dân tộc dồn sức người, sức của để hoàn thành thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ, thống nhất đất nước, tiến lên xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Tỉnh Lào Cai được tái lập tháng 10-1991 là một tỉnh vùng cao, biên giới với muôn vàn khó khăn, toàn tỉnh có 138/180 xã, phường thị trấn thuộc diện đặc biệt khó khăn, 26 xã biên giới, cơ sở vật chất - kỹ thuật hầu như không có gì, hệ thống giao thông đi lại gặp nhiều khó khăn, 54 xã chưa có đường ô tô đến, công nghiệp kém phát triển, nông nghiệp lạc hậu, toàn tỉnh còn 54,8% số hộ đói nghèo (theo tiêu chí cũ), 15 xã trắng về giáo dục, tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường chỉ đạt 36%, toàn tỉnh có 4,3 vạn người trong độ tuổi 15-25 mù chữ, hàng vạn người thiếu nước sinh hoạt và canh tác. Trước tình hình đó, toàn Đảng bộ và toàn thể nhân dân các dân tộc anh em với quyết tâm xây dựng tỉnh Lào Cai ngày càng giàu đẹp, xứng đáng là một tỉnh tiên tiêu biên giới phía bắc của Tổ quốc. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất (nay là lần thứ X) đã xác định: *“giữ vững ổn định chính trị, củng cố an ninh - quốc phòng, mở rộng quan hệ đối ngoại, xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, xây dựng chính quyền và các đoàn thể trên cơ sở vận dụng sáng tạo đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào điều kiện cụ thể của địa phương, phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn do lịch sử để lại, tập trung lãnh đạo cán bộ, đảng viên, nhân dân các dân tộc trong tỉnh phát huy truyền thống đoàn kết sáng tạo, từng bước đi lên thực hiện thắng lợi những mục tiêu kinh tế - xã hội giai đoạn 1992 -1995”*.

Đại hội lần thứ II (nay là lần thứ XI) nhiệm kỳ 1996 - 2000 đã ra nghị quyết: *“Phát huy những truyền thống tốt đẹp và những thành*

quả đạt được, vận dụng sáng tạo đường lối của Đảng, kịp thời nắm bắt thời cơ, vượt qua khó khăn, thử thách, khai thác triệt để mọi tiềm năng, tiếp tục tạo ra những nguồn lực mới về kinh tế - xã hội. Giữ vững ổn định chính trị và chủ quyền quốc gia, phát triển mạnh mẽ nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao vai trò quản lý và điều hành của chính quyền các cấp, xóa bỏ tình trạng sản xuất độc canh, tự cung tự cấp. Gắn phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, củng cố an ninh - quốc phòng, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh” và xác định 11 mục tiêu chủ yếu.

Trong giai đoạn này, tỉnh đã nhận thức rằng, một trong những giải pháp để thực hiện được các nhiệm vụ, mục tiêu của Đại hội đề ra là phải tổ chức, phát động thật mạnh mẽ phong trào thi đua yêu nước và làm tốt công tác khen thưởng nhằm phát huy sức mạnh đại đoàn kết, truyền thống tự lực tự cường, trí thông minh sáng tạo của toàn Đảng bộ và nhân dân vào công cuộc tái thiết tỉnh. Do vậy, Tỉnh ủy đã chỉ đạo sát sao các cấp ủy đảng, các Đảng đoàn, Ban cán sự, chính quyền các cấp, các ngành, đoàn thể căn cứ vào nhiệm vụ mục tiêu của thời kỳ và của từng năm để phát động nhiều phong trào thi đua yêu nước trên tất cả các lĩnh vực phát triển kinh tế, nâng cao dân trí, giải quyết các vấn đề xã hội, củng cố an ninh - quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh ở cả trong Đảng, trong toàn dân, toàn quân, từ thành thị đến nông thôn, trong mọi thành phần kinh tế, mọi tổ chức đứng chân trên địa bàn, thực sự thực hiện “người người thi đua, ngành ngành thi đua”, đồng thời có sự chỉ đạo bước đầu về việc kiện toàn tổ chức làm công tác thi đua - khen thưởng, ban hành các quy định về thi đua - khen thưởng trong đó đã xác định: “Công tác thi đua - khen thưởng là một trong những biện pháp quan trọng thúc đẩy kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển. Vì vậy, công tác thi đua - khen thưởng phải được các ngành, các cấp chỉ đạo một cách thường xuyên, liên tục; khen thưởng phải chính xác kịp thời, thành tích tới đâu khen tới đó. Việc khen thưởng phải nhằm cổ vũ các đơn vị và cá nhân có thành tích,

đồng thời có tác dụng kích thích phong trào thi đua chung ngày càng phát triển”, quy định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, các cấp ủy đảng, thủ trưởng các ngành, đoàn thể, các cấp trong công tác thi đua - khen thưởng, ban hành quy chế làm việc của các Hội đồng thi đua - khen thưởng các cấp, quy trình đăng ký thi đua, quy định về tổ chức kiểm tra, theo dõi và xét duyệt, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, công tác sơ tổng kết, nhân điển hình và dùng cơ chế thưởng để khuyến khích thi đua, đây là thời kỳ khó khăn gian khổ nhưng phong trào thi đua yêu nước của tỉnh Lào Cai thực sự sôi nổi, đã góp phần đáng kể vào sự phát triển của tỉnh Lào Cai, tốc độ tăng trưởng hàng năm đạt 6-10%, kinh tế tiếp tục phát triển, một số ngành, lĩnh vực có bước phát triển khá, giá trị sản xuất ngành nông nghiệp tăng bình quân 8,11%, có trên 14 ngàn hộ sản xuất giỏi, giá trị sản xuất ngành công nghiệp tăng bình quân 9,37%, tổng vốn đầu tư từ nguồn ngân sách tăng 13 lần, tín dụng tăng 2,8 lần và trong dân tăng 17%, giảm số xã chưa có đường ô tô tới xuống còn 17 xã, tổng giá trị ngành thương mại, du lịch tăng 9,19%, tổng mức bán lẻ xã hội tăng 13,1%, văn hóa xã hội có những tiến bộ mới, tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường đạt 90%, số hộ nghèo đối giảm bình quân hàng năm 2,55%, ổn định chính trị, xã hội; quốc phòng, an ninh, chủ quyền quốc gia được giữ vững, quan hệ đối ngoại được mở rộng; công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được thực hiện thường xuyên từ tỉnh đến cơ sở, xây dựng chính quyền của dân, do dân, vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, công tác vận động quần chúng có nhiều tiến bộ.

Ngày 3-6-1998, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 35-CT/TW về đổi mới công tác thi đua - khen thưởng trong giai đoạn mới, đây thực sự là một dấu ấn trong việc tăng cường và đổi mới công tác thi đua - khen thưởng, nhằm đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong tình hình mới. Chỉ thị này thực sự đã đưa công tác thi đua - khen thưởng của tỉnh Lào Cai lên một tầm cao mới cả về nhận thức và tổ chức thực hiện. Tỉnh ủy đã giao cho Ban cán sự Ủy ban nhân

dân tỉnh, các cấp ủy đảng, các đảng đoàn, ban cán sự nghiêm túc triển khai Chỉ thị này tới cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh, đồng thời có những việc làm thiết thực tạo ra không khí thi đua sôi nổi lập thành tích hướng tới Đại hội thi đua toàn tỉnh và toàn quốc hướng tới kỷ niệm 50 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi thi đua ái quốc. Cùng với việc triển khai Chỉ thị này, Tỉnh ủy còn tiến hành triển khai các chỉ thị, nghị quyết khác của Trung ương và của tỉnh, có xây dựng chương trình hành động và phát động thi đua, đặc biệt là triển khai 7 chương trình công tác trọng tâm toàn khóa với 27 đề án, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề. Một số ngành đoàn thể được sự chỉ đạo của các cơ quan Trung ương đã triển khai khá tốt cả chỉ thị và các thông tư, văn bản có liên quan như Công an, Quân đội, Giáo dục và Đào tạo, Giao thông - Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cựu Chiến binh, Ngân hàng, hệ thống Tuyên giáo, ngành Thương mại du lịch, Công ty Môi trường đô thị, Xí nghiệp chè Than Uyên,... Thực hiện Chỉ thị này và Nghị định số 56/1998/NĐ-CP, ngày 30-7-1998 của Chính phủ về công tác khen thưởng, ngày 25-9-1998, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành bản quy định mới quy định tạm thời về công tác khen thưởng và ngày 17-5-2000 đã ban hành Chỉ thị 03/CT-UB về việc đẩy mạnh công tác thi đua - khen thưởng, tiến hành đại hội tổng kết công tác thi đua - khen thưởng từ năm 1991 đến năm 2000. Tháng 7-2000 tại Đại hội thi đua toàn tỉnh đồng chí Bí thư Tỉnh ủy đã thay mặt Tỉnh ủy thể hiện rõ nhận thức và quan điểm lãnh đạo, chỉ đạo là: “Đại hội lần này, chúng ta tổng kết những năm đổi mới và ôn lại truyền thống vẻ vang của nhân dân ta, tôn vinh những giá trị cao đẹp của những anh hùng, chiến sĩ, những gương người tốt, việc tốt, những điển hình tiên tiến. Tạo cho quân và dân ta ý chí và sức mạnh quyết tâm thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ II, tạo tiền đề và cơ sở vật chất đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh”. Bác Hồ đã từng nhắc nhở: “Thi đua - khen thưởng là động lực phát triển

và là biện pháp quan trọng để xây dựng con người mới, thi đua yêu nước phải được tiến hành thường xuyên liên tục, hằng ngày”. Qua Đại hội này, các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và các tổ chức xã hội nâng cao hơn nữa nhận thức về ý nghĩa, vị trí và vai trò của công tác thi đua - khen thưởng, đẩy lên phong trào thi đua sôi nổi, rộng khắp, đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới ở tỉnh ta.

Thi đua thực chất là công tác vận động quần chúng, thu hút quần chúng vào phong trào hoạt động cách mạng, thực hiện nhiệm vụ chính trị ở đơn vị mình, địa phương mình. thi đua - khen thưởng khơi dậy cái chân, thiện, mỹ trong từng con người, nhằm hạn chế và đẩy lùi cái ác, cái tiêu cực lạc hậu, làm mặt thiện sinh sôi nảy nở. Thi đua nhằm vào yếu tố trung tâm coi con người là yếu tố quyết định nhất. Vì vậy, thi đua còn góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, kết quả công tác thi đua không chỉ đo bằng năng suất, hiệu quả kinh tế - xã hội mà còn là chuyển biến tích cực về yếu tố tinh thần và giá trị nhân văn khác.

Trong tình hình hiện nay, các cấp ủy đảng, chính quyền phải coi việc tổ chức chỉ đạo phong trào thi đua yêu nước là nhiệm vụ thường xuyên trực tiếp của mình. Phải thực hiện nguyên tắc: Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, đoàn thể vận động. Thi đua phải có phong trào, không có phong trào thì không có thi đua, muốn có phong trào mạnh thì mọi người đều phải tham gia thi đua “người người thi đua, ngành ngành thi đua”.

Phong trào thi đua phải nhằm vào giải quyết những nhiệm vụ quan trọng nhất, những vấn đề khó khăn nhất, cấp bách nhất. Phong trào thi đua hiện nay phải tập trung vào đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm, xóa đói, giảm nghèo, cải cách nền hành chính, xây dựng cuộc sống mới, nền văn hóa mới, phòng, chống tệ nạn xã hội, củng cố an ninh - quốc phòng. Cần phát động phong trào thi đua với nhiều hình thức phong phú và phù hợp, nhằm giải quyết có hiệu quả những vấn đề bức xúc, phải xuất phát từ yêu cầu thực tiễn cuộc sống, biết kết hợp giữa cái chung và cái riêng, giữa lợi ích đất nước, địa phương với gia đình và từng con người.

Khen thưởng thi đua là để ghi nhận và động viên kịp thời những điển hình tiên tiến, những nhân tố mới nhằm xây dựng nhiều người tốt, làm nhiều việc tốt, thực hiện lời Bác Hồ dạy: “Mỗi người tốt, việc tốt là một bông hoa đẹp. Cả dân tộc ta là một rừng hoa đẹp”. Vì vậy, cần đổi mới tiêu chuẩn, nội dung khen thưởng, cần quan tâm đến những người trực tiếp sản xuất, công tác trên mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế.

Muốn phong trào thi đua đi lên thì cần phải có cách làm khoa học, tiến hành động bộ các biện pháp từ chỉ đạo đến tổ chức thực hiện, trong đó chú trọng công tác hướng dẫn kiểm tra đôn đốc, cần cụ thể hóa thời hạn sơ kết, tổng kết, tạo sự chuyển biến tích cực từ cơ sở, hết sức quan tâm đến biện pháp giao ước thi đua, ký kết thi đua giữa các khối huyện, thị xã, các sở, ban, ngành, đoàn thể. Phải kiện toàn bộ máy làm công tác thi đua đủ mạnh để làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy và chính quyền, phải chú ý đến công tác tuyên truyền trong thi đua - khen thưởng làm cho quần chúng hiểu và tham gia. Chú trọng công tác tuyên truyền các mô hình tiên tiến trong quản lý, sản xuất, kinh doanh giỏi trong các doanh nghiệp, trong các hợp tác xã, xây dựng cuộc sống ở khu dân cư, các tấm gương người tốt, việc tốt.”

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII đã xác định mục tiêu tổng quát là: *“Tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết dân tộc, lao động cần cù và sáng tạo, thực hiện dân chủ, tranh thủ lợi thế, khai thác mọi nguồn lực để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội; xác định rõ lĩnh vực, ngành công nghiệp mũi nhọn của cả thời kỳ và từng giai đoạn, trong đó tập trung xóa đói, giảm nghèo, cải thiện đời sống vật chất và văn hóa cho nhân dân, thực hiện công bằng xã hội, từng bước thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thường xuyên chỉnh đốn Đảng, củng cố hệ thống chính trị; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố an ninh, quốc phòng vững chắc và bảo vệ môi trường sinh thái”* và xác định 16 mục tiêu chủ yếu đến năm 2005, đồng thời đã đề ra 5 giải pháp để thực hiện mục tiêu của Đại hội, trong đó có một giải pháp là:

Phát động rộng rãi trong toàn Đảng bộ phong trào thi đua yêu nước bằng nhiều hành động cụ thể thực hiện thắng lợi những mục tiêu, nhiệm vụ do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII đề ra, sẽ có ý nghĩa rất quan trọng trong bước đường đi lên của Đảng bộ, tạo thế và lực mới, đồng thời tạo ra tiền đề cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Lào Cai vững bước, tự tin trong sự nghiệp công nghiệp hóa- hiện đại hóa, thực hiện mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Những tư tưởng chỉ đạo trên đã được toàn Đảng bộ, chính quyền các cấp, các cơ quan, đơn vị, mọi cán bộ, đảng viên và nhân dân thấm nhuần và cụ thể hóa, tích cực tham gia và đặc biệt chuyển biến mạnh mẽ sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nhất là trong việc tổ chức thực hiện 7 chương trình trọng tâm toàn khóa với 27 đề án, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề, 6 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở năm 2003.

Đó là những tư tưởng hết sức quan trọng của Tỉnh ủy trong việc chỉ đạo đổi mới công tác thi đua - khen thưởng trong giai đoạn mới ở Lào Cai. Xuất phát từ những tư tưởng đó, trong 5 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, sự tham mưu trực tiếp của Hội đồng thi đua - khen thưởng tỉnh, các cấp bộ Đảng, các ngành đã có đổi mới đáng kể trong công tác thi đua - khen thưởng từ tổ chức quán triệt, triển khai sâu rộng Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng bộ tỉnh cũng như Chỉ thị 35-CT/TW của Bộ Chính trị về công tác thi đua - khen thưởng đến cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc, Tỉnh ủy đã chỉ đạo kiện toàn Hội đồng thi đua - khen thưởng tỉnh và yêu cầu các cấp ủy đảng kiện toàn cơ quan tham mưu này, đến nay tất cả các cơ quan, đơn vị đều thành lập Hội đồng thi đua - khen thưởng hoặc Hội đồng thi đua - khen thưởng - kỷ luật và đều ban hành quy chế hoạt động, từ đó đã làm tốt công tác tham mưu cho các cấp ủy đảng trong việc hướng dẫn, triển khai theo dõi, chấm điểm, bình xét và đề xuất khen thưởng. Tỉnh ủy đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát lại các văn bản liên quan đến công tác thi đua - khen thưởng để điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với tình hình mới, ban hành các văn bản hướng

dẫn về công tác thi đua - khen thưởng, đồng thời căn cứ vào 7 chương trình công tác trọng tâm toàn khóa và nhiệm vụ cụ thể của từng năm để phát động các phong trào thi đua cho phù hợp như: *phong trào thi đua hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế - xã hội; thực hiện thu nộp vượt ngân sách; làm đường giao thông nông thôn; phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ; thực hiện kế hoạch hóa gia đình, xây dựng gia đình văn hóa; xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, toàn dân làm thủy lợi; phòng, chống bão lũ, giảm nhẹ thiên tai; quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc; công an nhân dân thi đua thực hiện 6 điều Bác Hồ dạy; hộ nông dân sản xuất nông, lâm nghiệp giỏi và xóa đói, giảm nghèo; tích cực tham gia các phong trào thi đua của các đoàn thể như: Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc; thanh niên lập nghiệp; tuổi trẻ giữ nước; cựu chiến binh phát huy phẩm chất anh bộ đội cụ Hồ; xây dựng xã, phường lành mạnh không có tệ nạn xã hội; sản xuất giỏi; công tác xã hội tốt trong đồng bào dân tộc thiểu số; thi đua yêu nước trong đồng bào công giáo;... đồng thời tập trung lãnh đạo làm tốt công tác tư tưởng, tăng cường giáo dục lý luận Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, nhất là giáo dục về lòng yêu nước, về lòng tự hào dân tộc, lấy dân làm gốc, huy động toàn dân phát huy truyền thống, nỗ lực phấn đấu để xây dựng đất nước sánh vai cộng đồng quốc tế.*

Từ những chủ trương đúng, hợp lòng dân lại phát động thi đua kịp thời, khen thưởng thỏa đáng đã được đồng đảo các cơ quan, đơn vị và nhân dân nhận thức đầy đủ và tích cực tham gia với số lượng ngày càng lớn, mang lại những kết quả hết sức to lớn như phong trào thi đua làm đường giao thông, hộ sản xuất giỏi, xóa đói, giảm nghèo, thu nộp ngân sách, xây dựng đời sống văn hóa, phát triển giáo dục, phong trào an ninh bảo vệ Tổ quốc,...

Ủy ban nhân dân tỉnh cũng đã có những quy định chặt chẽ hơn trong việc chia khối thi đua, đăng ký thi đua, giao ước thi đua, chấm điểm, sơ tổng kết và nộp báo cáo thành tích nhằm bảo đảm sự công bằng, kịp thời và chính xác trong thi đua - khen thưởng. Tỉnh ủy đã có

quy định khi khen thưởng những thành tích cao đều do Ban Thường vụ xem xét quyết định, thưởng tiền với giá trị cao cho những người đạt thành tích cao trong các kỳ thi quốc gia. Tỉnh ủy quy định hằng năm đều thực hiện việc bình xét, chấm điểm, phân xếp loại tổ chức đảng và đảng viên để làm cơ sở cho việc xét chi, đảng bộ trong sạch, vững mạnh, quy định tiêu chuẩn và phân xếp loại hằng năm đối với chính quyền, đoàn thể các cấp và đưa thành tiêu chí thi đua toàn diện của các đơn vị trong việc phân xếp loại tổ chức đảng. Tỉnh ủy đã chỉ đạo hằng năm các cơ quan, đơn vị đều phải tiến hành tổng kết công tác thi đua - khen thưởng cùng với việc tổng kết năm. Ủy ban nhân dân tỉnh, các ngành, đoàn thể tổng kết phong trào theo thời gian phát động ngắn hạn, hằng năm hoặc 2 năm, 5 năm, tuyên dương học sinh giỏi vào dịp 1-6, khen thưởng giải báo chí nhân ngày 21-6, trao một số giải thưởng nhân các ngày lễ, ngày kỷ niệm những sự kiện quan trọng như 55 năm thành lập Đảng bộ, 10 năm tái lập tỉnh,... đặc biệt đã chỉ đạo thực hiện tốt Đại hội thi đua các cấp, Đại hội thi đua toàn tỉnh vào tháng 7-2000.

Thực hiện Thông báo 81-TB/TU về việc tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 35-CT/TW của Bộ Chính trị, Tỉnh ủy đã triển khai ngay tới các đồng chí ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng thi đua - khen thưởng tỉnh để thực hiện, căn cứ vào hướng dẫn của Trung ương, Hội đồng thi đua - khen thưởng tỉnh đã có Hướng dẫn 88/HD-TĐKT, trong đó chọn 9 đơn vị tổng kết điểm, phân công các đồng chí trong Ban Thường vụ và trong Hội đồng thi đua - khen thưởng tỉnh dự và chỉ đạo, Tỉnh ủy đã thảo luận và ra Thông báo 623- TB/TU và Thông báo 670-TB/TU về chỉ đạo tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, yêu cầu tất cả các cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh tiến hành tổng kết, coi đây là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng, để vừa nâng cao nhận thức về vai trò, ý nghĩa của công tác thi đua - khen thưởng, vừa tiến hành đồng thời thực hiện các phong trào thi đua, nhất là hướng vào thực hiện 6 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở năm 2003, về cơ bản các đơn vị đã thực hiện tốt sự chỉ đạo của Tỉnh ủy.

2. Khuyết điểm

Nhận thức của một số cấp ủy đảng và đảng viên còn chưa đầy đủ, coi đây là việc của chính quyền nên đã buông lỏng sự lãnh đạo.

Tỉnh ủy có triển khai nội dung, tinh thần của chỉ thị, nhưng chưa xây dựng được kế hoạch tổ chức thực hiện chỉ thị, việc tổ chức triển khai nghị quyết, Chỉ thị 35-CT/TW và các văn bản có liên quan chưa được đầy đủ tới mọi cán bộ, đảng viên và nhân dân, công tác tuyên truyền vận động thực hiện chưa tốt, chưa huy động được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia ở một số đơn vị cơ sở.

Một số đơn vị chưa cụ thể hóa được phong trào thi đua do tỉnh phát động vào điều kiện cụ thể để thi đua cho trúng, cho đúng.

Trong bình xét, phân xếp loại vẫn còn tư tưởng nể nang, bình quân chủ nghĩa, khen thưởng chưa chính xác, nhất là ở cấp cơ sở.

Việc tiến hành sơ, tổng kết vẫn còn chậm ở một số đơn vị. Đội ngũ cán bộ làm công tác thi đua - khen thưởng còn thiếu và chưa ngang tầm nhiệm vụ, việc theo dõi phong trào của một số thành viên Hội đồng thi đua - khen thưởng chưa được thường xuyên liên tục, nên đã ảnh hưởng đến phong trào và khi bình xét.

II. ĐÁNH GIÁ NHỮNG ƯU, KHUYẾT ĐIỂM TRONG VIỆC TỔ CHỨC CÁC PHONG TRÀO THI ĐUA, ĐỔI MỚI NỘI DUNG, HÌNH THỨC, BIỆN PHÁP TỔ CHỨC THI ĐUA.

1. Ưu điểm

Căn cứ vào nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, hằng năm tỉnh xác định nhiệm vụ mục tiêu, từ đó Tỉnh ủy đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xác định nhiệm vụ trọng tâm, các khâu cần đột phá, các lĩnh vực khó khăn, nhất là việc thực hiện 7 chương trình công tác trọng tâm toàn khóa, 6 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở để phát động các phong trào thi đua, năm 1998 tỉnh phát động 9 phong trào, năm 1999 phát động 14 phong trào, năm 2000 và 2001 phát động 15 phong trào, năm 2002 phát động 16 phong trào thi đua, ngoài ra các đoàn thể đều hưởng ứng các phong trào do Trung ương phát động và có đề

ra các phong trào riêng. tùy thuộc vào nhiệm vụ cụ thể của từng thời gian hoặc hướng tới những ngày kỷ niệm lớn, tỉnh, các cơ quan, đơn vị còn phát động các phong trào thi đua ngắn ngày như lập thành tích chào mừng bầu cử đại biểu Quốc hội, hướng tới kỷ niệm 72 năm ngày thành lập các ban đảng và văn phòng cấp ủy,...; đồng thời tổ chức thi đua tham gia các giải thưởng văn nghệ Lào Cai, văn học - nghệ thuật Phanxiphăng, giải thưởng khoa học - công nghệ tỉnh Lào Cai, giải thưởng báo chí, khen thưởng về thành tích giảng dạy và học tập, văn hóa, văn nghệ, thể thao đạt thành tích cao tại các giải thi quốc gia, khen thưởng đảng bộ, chính quyền cơ sở trong sạch, vững mạnh, khen thưởng cho cán bộ tăng cường về cơ sở thực hiện 7 nhiệm vụ ở cơ sở.

Ngay từ cuối năm trước, Tỉnh ủy đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh giao kế hoạch, xác định chỉ tiêu và các tiêu chí thi đua của năm sau, phát động phong trào thi đua và hướng dẫn về từng phong trào thi đua để các cơ quan đơn vị và cá nhân có căn cứ xem xét và đăng ký thi đua, ban hành các cơ chế chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt phong trào như trợ lãi suất, trợ cước, trợ giá, khuyến nông và cung cấp giống trong phong trào thi đua xóa đói, giảm nghèo, chính sách thu hút nhân tài, thu hút giáo viên trong phong trào thi đua phát triển sự nghiệp giáo dục, chính sách thưởng trong phong trào thu nộp ngân sách vượt chỉ tiêu,... Ủy ban nhân dân tỉnh có quy định chặt chẽ hơn như chia thành 11 khối thi đua, ấn định thời gian đăng ký các hình thức thi đua, khen thưởng và nộp báo cáo thành tích, những đơn vị và cá nhân không đăng ký thi đua thì không được xét công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng. Đồng thời, ngay sau khi có Chỉ thị 35-CT/TW, tỉnh đã tiến hành giải thể Hội đồng thi đua - khen thưởng của khối Đảng và thành lập Hội đồng thi đua - khen thưởng của tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc, Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh làm Phó Chủ tịch, các ban xây dựng Đảng và các đoàn thể đều là thành viên, có quy chế hoạt động, có sự phân công theo dõi rõ ràng

từng đầu mối, quy trình xét khen thưởng cũng được chặt chẽ hơn, đối với các ngành nhất thiết phải lấy ý kiến của các huyện, thị, ngược lại đối với các huyện, thị phải có ý kiến của các ngành tổng hợp, các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng phải được tự chấm điểm từ cơ sở, đưa lên khối thi đua xem xét suy tôn, qua hội nghị thẩm định, được Hội đồng thi đua - khen thưởng xem xét trình cấp có thẩm quyền quyết định. Đối với các hình thức khen thưởng cao như huân chương lao động, cờ thi đua của Chính phủ, của các ngành Trung ương và cờ của Ủy ban nhân dân tỉnh nhất thiết phải trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét cho ý kiến trên cơ sở ý kiến của các ban xây dựng Đảng. Để giúp việc cho Hội đồng thi đua - khen thưởng tỉnh, Tỉnh ủy đã tiến hành bổ nhiệm một Phó Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh làm Thường trực Hội đồng thi đua - khen thưởng tỉnh, thành lập phòng chuyên viên giúp việc, quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, ở các cấp, ngành đều có chuyên viên giúp việc chuyên trách hoặc kiêm nhiệm. Từ đó việc đôn đốc kiểm tra, theo dõi được thường xuyên và sát sao hơn. Ủy ban nhân dân tỉnh đã xây dựng các tiêu chí thi đua xác định thang bảng điểm, nội dung tiêu chí, số điểm được xác định phù hợp với mức độ quan trọng, thiết yếu của từng nhiệm vụ mục tiêu trong từng thời gian cụ thể. Đồng thời, Tỉnh ủy chỉ đạo kiện toàn đội ngũ cán bộ công tác tuyên giáo, tăng cường đào tạo báo cáo viên, đẩy mạnh hình thức tuyên truyền miệng để tăng cường làm tốt công tác tư tưởng, làm cho mọi người nhận rõ các chủ trương, đường lối cũng như lợi ích thiết thân của họ, từ đó tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước và sẵn sàng đóng góp công sức, đất đai, ruộng vườn, cây cối của mình cho tập thể như phong trào làm đường giao thông nông thôn, xây trường học, làm thủy lợi,... Gắn với thi đua, căn cứ vào các quy định của Trung ương và với mong muốn phát huy hết nội lực, nhất là yếu tố con người vào công cuộc xây dựng tỉnh, Tỉnh ủy đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh có quy định khen thưởng thỏa đáng khi đạt thành tích trong các phong trào thi đua như thưởng tiền đến 50 triệu đồng cho huyện làm đường giao

thông tốt nhất, 1% tổng giá trị cho người gọi được vốn đầu tư, 6 triệu đồng cho Đảng bộ trực thuộc tỉnh đạt trong sạch, vững mạnh,... đây thực sự đã là một phần động lực cho các cơ quan, đơn vị và cá nhân tích cực tham gia các phong trào thi đua.

Tỉnh ủy đã lãnh, chỉ đạo các đoàn thể kiện toàn đội ngũ cán bộ và bộ máy, tăng cường đổi mới nội dung và phương thức hoạt động theo hướng gần dân, sát cơ sở, chú trọng vận động nhân dân tích cực tham gia các phong trào phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, thực hiện công tác dân số, tham gia vào phong trào giữ gìn an ninh, bảo vệ Tổ quốc, xây dựng chính quyền, xây dựng xã, phường trong sạch, không có tệ nạn xã hội, ngoài ra các đoàn thể còn chú trọng thực hiện tốt các phong trào thi đua trong tổ chức của mình như phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc, thanh niên lập nghiệp, tuổi trẻ giữ nước, nông dân sản xuất giỏi, phát huy bản chất anh bộ đội cụ Hồ, lao động sáng tạo,... Tỉnh ủy cũng chỉ đạo các đoàn thể ký quy chế phối hợp và giao ước thi đua giữa các đoàn thể với các ngành như: Công an với Mặt trận Tổ quốc, Biên phòng với Phụ nữ, Quân đội với Y tế, Hội Nông dân với ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Tỉnh đoàn với các lực lượng vũ trang,v.v..

Đối tượng tham gia thi đua cũng có sự thay đổi đáng kể không chỉ trong các cơ quan nhà nước mà huy động mọi thành phần kinh tế, mọi tầng lớp nhân dân tham gia tùy theo từng phong trào thi đua như thi đua toàn diện theo 11 khối, trong đó có các khối doanh nghiệp nhà nước, khối doanh nghiệp tư nhân, khối hợp tác xã,v.v..; thi đua xóa đói, giảm nghèo gồm các cơ quan đơn vị và trên 20.000 ngàn hộ nông dân tham gia, thi đua làm đường giao thông nông thôn 10 huyện, thị xã và 180 xã, phường, thị trấn tham gia, thi đua trong phong trào của phụ nữ có 616 tổ nhóm và 10.441 hội viên tham gia,v.v..

Biện pháp tổ chức cũng có những đổi mới như tăng cường sự lãnh đạo, lấy dân làm gốc, huy động mọi tầng lớp nhân dân tham gia các phong trào thi đua thực hiện người người thi đua, tuổi nhỏ làm việc nhỏ, tuổi cao trí càng cao, tuổi trẻ tiên phong gương mẫu đi đầu, dân

bàn, dân xác định mục tiêu, dân hạ quyết tâm và dân thực hiện dưới sự lãnh đạo của cấp ủy và chính quyền, quy định rõ về huy động sức dân, như trong phong trào thi đua làm đường giao thông thực hiện phương châm 3 chính: dân làm là chính, vật liệu tại chỗ là chính, kỹ thuật phổ cập là chính; phong trào thi đua toàn dân làm thủy lợi, quần chúng nhân dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư được nhân dân tự nguyện đóng góp hàng triệu ngày công, đồng thời tỉnh đã có nhiều hình thức, biện pháp để huy động mọi nguồn lực tham gia các phong trào như đến nay đã có hàng trăm doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân tự nguyện đóng góp trên 2 tỷ đồng cho phong trào kiên cố hóa trường lớp học, hàng trăm triệu đồng cho quỹ xóa đói, giảm nghèo, phòng, chống thiên tai, quỹ tài năng trẻ,... Tỉnh đã phân công các cơ quan, doanh nghiệp của tỉnh đỡ đầu các xã đặc biệt khó khăn trong việc triển khai các phong trào, nhiều đơn vị đã làm tốt công tác này như: Sở Giao thông, Xây dựng, Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Liên đoàn Lao động, Bảo hiểm xã hội,..., huy động hàng trăm cán bộ tăng cường cho cơ sở để tổ chức thực hiện phong trào và có biện pháp tích cực đào tạo đội ngũ cán bộ ở cơ sở để có đủ năng lực trình độ thực hiện nhiệm vụ và các phong trào.

Tỉnh đã tăng cường công tác tham quan, nghiên cứu học tập kinh nghiệm về việc phát động phong trào, tổ chức thực hiện phong trào về sản xuất giống, cây ăn quả ở Trung Quốc, làm đường giao thông nông thôn ở Hà Giang, phổ cập giáo dục ở Tuyên Quang, kênh mương hóa nội đồng ở Thái Bình, nuôi trồng thủy sản ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long,... đồng thời cũng chỉ đạo các ngành các cấp tăng cường học hỏi, học tập lẫn nhau và tổ chức cho hơn 400 già làng, trưởng bản, người tiêu biểu trong đồng bào dân tộc đi học tập các điển hình trong nước và trong tỉnh về chuyển dịch cơ cấu sản xuất vươn lên làm giàu, ngoài ra còn thường xuyên tổ chức các cuộc thi như thi bí thư chi bộ giỏi, báo cáo viên giỏi, thi tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo viên giỏi, phụ nữ duyên dáng, giỏi việc nước, đảm việc nhà, cán bộ, công

nhân viên thanh lịch,... và tích cực đăng cai các giải lớn của cả nước và khu vực như giải cầu lông trẻ, các cây vợt mạnh toàn quốc, Hội thi văn hóa lần thứ VII khu vực Trung Bắc, Hội thi thể thao dân tộc khu vực I lần thứ ba,... từ đó để khẳng định mình và tăng cường học hỏi, góp phần thực hiện các phong trào.

Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, các ngành làm tốt công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân, trong đó có các vấn đề liên quan đến thi đua - khen thưởng. Đến nay không có trường hợp nào tồn đọng, không có khiếu kiện đông người, vượt cấp, nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng bộ và chính quyền.

Trong 5 năm qua, các cơ quan đơn vị đã phát động hàng trăm phong trào thi đua ngắn ngày theo chủ đề nhân các ngày kỷ niệm các sự kiện hoặc các nhiệm vụ đột xuất. Hình thức và biện pháp tổ chức các phong trào thi đua đã căn cứ vào từng nhiệm vụ chính trị của địa phương và tính chất của các nhiệm vụ cần đạt được, các đợt thi đua ngắn ngày, đột xuất được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo như: hằng năm đều có các đợt thi đua chào mừng ngày thành lập Đảng - mừng Xuân mới, Chào mừng Đại hội Đảng các cấp, chào mừng 10 năm ngày tái lập tỉnh, chào mừng các ngày truyền thống của các ngành và nhất là thi đua chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước, của dân tộc,... Các đợt thi đua ngắn ngày đó đã tạo được tính liên tục của phong trào thi đua nói chung, tạo được không khí vui tươi, phấn khởi trong lao động sản xuất. Các cơ quan đơn vị có nhiều cố gắng trong việc phát động các phong trào thi đua ngắn ngày như: Xí nghiệp chè Than Uyên, Công ty Xăng dầu, Xí nghiệp liên doanh đồng, Công ty Vật tư nông nghiệp; ở các ban, ngành có: Văn phòng Tỉnh ủy, Sở Xây dựng, Sở Tư pháp, Viện Kiểm sát nhân dân, Công an tỉnh, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, ngành Ngân hàng, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Sở Kế hoạch - Đầu tư, Kho bạc Nhà nước và các huyện, thị như: thị xã Lào Cai, Si Ma Cai, Bắc Hà, Bát Xát, Sa Pa, Văn Bàn, Than Uyên. Các cơ quan, đơn vị, các huyện, thị nói trên trong những năm qua đã được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chính phủ và

Chủ tịch nước tặng thưởng những danh hiệu cao quý như: cờ thi đua xuất sắc, huân, huy chương các loại trên các lĩnh vực lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm và quốc phòng, an ninh,...

2. Khuyết điểm

Tuy nhiên trong lãnh, chỉ đạo phong trào của một số cấp ủy, chính quyền cơ sở chưa được tốt do năng lực trình độ hạn chế, một số cơ quan, đơn vị do nhận thức chưa đầy đủ nên chưa chỉ đạo sát sao, trình độ người dân vùng cao, khó khăn chưa được nâng lên, nhiều đoàn thể ở cơ sở hoạt động yếu. Tình trạng quan liêu hành chính còn chưa được khắc phục ở một số nơi, mục tiêu hướng về cơ sở còn chuyển biến chậm ở một số cơ quan, đơn vị. Công tác kiểm tra, giám sát và đôn đốc phong trào chưa được thường xuyên, do vậy phong trào chưa đồng đều giữa các địa phương, cơ quan, đơn vị, chưa thường xuyên liên tục ở một số nơi. Việc sơ kết đánh giá rút kinh nghiệm trong các đợt thi đua ở một số đơn vị còn mang tính hình thức. Việc xét và đề nghị khen thưởng ở một số đơn vị cơ sở và cá nhân trực tiếp lao động sản xuất chưa được quan tâm đúng mức. Việc xây dựng các điển hình cũng như việc nuôi dưỡng các phong trào ở cấp cơ sở còn ít, từ đó chưa xây dựng được các điển hình tiên tiến, nên ở tỉnh chưa có tập thể và cá nhân được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới”, đây là điểm yếu nhất của tỉnh, cần phải rút kinh nghiệm và khắc phục.

III. ĐÁNH GIÁ NHỮNG ƯU, KHUYẾT ĐIỂM TRONG CÔNG TÁC KHEN THƯỞNG, THÀNH TÍCH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KINH TẾ - XÃ HỘI, XÂY DỰNG ĐẢNG, ĐOÀN THỂ VÀ CHÍNH QUYỀN

1. Kết quả cụ thể về công tác khen thưởng thành tích thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng

a) Trước khi có Chỉ thị 35-CT/TW

Trước khi có Chỉ thị 35-CT/TW, tình hình phong trào thi đua ở tỉnh Lào Cai đã bước đầu khởi sắc, nên công tác khen thưởng cũng bước đầu được quan tâm đúng mức và đạt kết quả như sau:

Tổng số các tập thể và cá nhân được khen thưởng trong toàn tỉnh là 9.486, trong đó:

Tổng số tập thể, cá nhân thuộc khu vực nhà nước là 9.160, thuộc khu vực ngoài nhà nước là 326.

Tổng số tập thể và cá nhân được tặng huân chương lao động là 3, cờ của Chính phủ là 1, bằng khen của Thủ tướng Chính phủ là 31.

Tổng số tập thể và cá nhân được tặng cờ của tỉnh và các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương là 97.

Tổng số tập thể và cá nhân được tặng bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là 1.449.

Tuy nhiên, trong khen thưởng còn chưa cân đối giữa các thành phần kinh tế, khen thưởng người trực tiếp lao động còn ít, khen thưởng trong Đảng chưa được chú trọng.

b) Từ khi có Chỉ thị số 35-CT/TW đến hết năm 2002

Từ khi có Chỉ thị số 35-CT/TW đến nay, công tác thi đua phát triển mạnh mẽ, do vậy đi liền với nó, công tác khen thưởng đã được quan tâm đầy đủ hơn và nâng lên tầm cao mới có sự đổi mới rõ nét, có quy định cụ thể về tiêu chuẩn, quy trình xét duyệt, đối tượng được khen thưởng, thẩm quyền của cơ quan được quyết định các danh hiệu và hình thức khen thưởng, kết quả như sau:

Tổng số tập thể và cá nhân được khen thưởng trong toàn tỉnh là 36.645, trong đó:

Tổng số các tập thể và cá nhân của tỉnh Lào Cai đã được Nhà nước tặng thưởng:

- 1 Huân chương Sao Vàng.
- 1 Huân chương Độc lập hạng Nhì.
- 11 Bà mẹ Việt Nam anh hùng.
- 17 tập thể, 9 cá nhân được tuyên dương “Anh hùng Lực lượng vũ trang”.
- 1 tập thể, 1 cá nhân được tuyên dương “Anh hùng Lao động”.
- 21 đơn vị, 37 cá nhân được tặng huân chương các loại.
- 104 tập thể, 153 cá nhân được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen.

- 14 đơn vị được tặng cờ thi đua của Chính phủ.
- 24 cá nhân được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”; 5 nhà giáo ưu tú; 5 thầy thuốc ưu tú; 1 nghệ sĩ nhân dân; 2 nghệ sĩ ưu tú.
- Hàng nghìn người được nhận huy chương, kỷ niệm chương của các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương.
- 6.002 tập thể và cá nhân được tặng bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Bên cạnh đó, để kịp thời động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Nhà nước phong tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang” cho nhân dân và lực lượng vũ trang tỉnh Lào Cai, huyện Văn Bàn, huyện Than Uyên; truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” cho 2 mẹ ở Bảo Yên; trình Nhà nước tặng thưởng các huân, huy chương, cờ thi đua; bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho nhiều tập thể và cá nhân trong tỉnh.

2. Về công tác thi đua - khen thưởng trong Đảng và các tổ chức đoàn thể, quần chúng

Trước khi có chỉ thị, công tác khen thưởng trong Đảng chưa được chú trọng, từ sau khi có chỉ thị công tác thi đua trong Đảng đã được thực hiện tốt. Về tham gia thi đua - khen thưởng do Ủy ban nhân dân tỉnh phát động toàn bộ các ban Đảng tỉnh, Đảng ủy Khối cơ quan Dân, Chính, Đảng, các cơ quan trực thuộc Tỉnh ủy được xếp thành một khối thi đua, các chi, đảng bộ thực hiện thi đua - khen thưởng theo quy định của Đảng.

Tại Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2000 - 2005 quy định thẩm quyền xét duyệt các danh hiệu thi đua và đề nghị Trung ương khen thưởng. Việc bình xét, công nhận các tổ chức cơ sở đảng đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh, đảng viên hoàn thành nhiệm vụ ở từng mức được các cấp ủy đảng trực tiếp chỉ đạo bình xét theo mức độ hoàn thành công việc chung tại cơ quan, đơn vị, cơ sở với việc thực hiện các nghĩa vụ công dân nơi cán bộ, đảng viên đó sinh sống theo tinh thần Quyết định 76-QĐ/TW về việc đưa đảng viên

về sinh hoạt tại nơi cơ trú. Số cán bộ, đảng viên được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ, số cơ sở đảng được công nhận “trong sạch, vững mạnh” không ngừng nâng lên. Cụ thể là:

- Năm 1998, toàn Đảng bộ có 534 tổ chức cơ sở đảng, trong đó đạt trong sạch, vững mạnh 351 tổ chức cơ sở, chiếm 65,73%; đảng viên loại I, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ là 12.002/ 14.898 đảng viên, đạt 80,9%.

- Năm 2002 toàn đảng bộ có 569 tổ chức cơ sở đảng, có 378 tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh, chiếm 70,01%. Đối với các đảng bộ trực thuộc, năm 2001 có 5 đảng bộ đạt trong sạch, vững mạnh, 5 năm 1996-2000 có 2 đảng bộ đạt trong sạch, vững mạnh (Đảng bộ huyện Văn Bàn và Đảng bộ Công ty Apatit Việt Nam).

Các cấp bộ đảng được công nhận danh hiệu “Tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh” có kèm theo giá trị vật chất, đây thực sự là điểm mới trong công tác thi đua - khen thưởng trong Đảng. Giá trị vật chất tuy không lớn nhưng đã có tác dụng tốt, là động lực thúc đẩy các tổ chức cơ sở đảng phấn đấu vươn lên xây dựng tổ chức đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng.

Theo hướng dẫn của Trung ương, trong 4 năm qua, Tỉnh ủy đã trao cho 570 đồng chí Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng, 214 đồng chí Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng, các đồng chí đảng viên lão thành đó đã thực sự là tấm gương cho các thế hệ kế tiếp noi theo, là nhân tố quan trọng thúc đẩy phong trào thi đua nói chung trong Đảng và toàn xã hội. Qua đó cho thấy việc đổi mới về công tác thi đua trong Đảng đã đạt được kết quả tốt trên địa bàn tỉnh ta. Trong các cơ quan đoàn thể quần chúng, bên cạnh được Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hàng năm còn được các cơ quan thuộc ngành dọc cấp trên chú ý. Điển hình là Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh trong những năm 1995- 1998 không có chiến sĩ thi đua, sang giai đoạn 1999-2002 đã có 2 chiến sĩ thi đua toàn quốc, 11 chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, được Nhà nước tặng thưởng 1 Huân chương Lao động hạng Nhì cho phong trào phụ nữ toàn tỉnh, 3 chị được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ, cứu nước,

Chính phủ tặng thưởng cho 3 tập thể và cá nhân bằng khen. Hội Cựu chiến binh tỉnh được Thủ tướng Chính phủ tặng thưởng bằng khen cho 3 tập thể và 2 cá nhân, cờ thi đua xuất sắc của Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam cho 5 đơn vị, Huy chương Cựu chiến binh Việt Nam cho 462 hội viên. Hội Chữ thập đỏ có 67 người được tặng Huy chương “Vì sự nghiệp chữ thập đỏ”; 8 đơn vị được Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam tặng Cờ thi đua xuất sắc, 50 tập thể, 57 cá nhân được tặng Bằng khen của Trung ương Hội. Đây là phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước trao cho công tác vận động quần chúng ở Lào Cai.

Ngoài các hình thức khen thưởng được Nhà nước tặng thưởng theo quy định, trong các dịp kỷ niệm, các ngày lễ lớn việc trao tặng Kỷ niệm chương cho các đồng chí lãnh đạo, các cá nhân có nhiều công lao xây dựng tổ chức và điều hành công việc được phân công trên các lĩnh vực công tác.

Trong lĩnh vực văn hóa - văn nghệ, lần đầu tiên tỉnh tổ chức “Giải thưởng văn học nghệ thuật Phanxiphăng”, giải thưởng văn nghệ Lào Cai, giải thưởng báo chí Lào Cai cho các văn nghệ sĩ, nhà báo có nhiều công lao đóng góp cho sự nghiệp văn hóa - văn nghệ Lào Cai, trong đó có nhà văn Ma Văn Kháng, cố nhà văn, nhà báo Bùi Nguyên Khiết và một số văn nghệ sĩ, nhà báo trong tỉnh,... Việc trao giải diễn ra trọng thể đã để lại ấn tượng tốt đẹp, tạo được khí thế mới trên con đường sáng tạo văn học - nghệ thuật tỉnh nhà.

3. Công tác thi đua - khen thưởng đối với các tổ chức chính quyền cơ sở

Ngay từ khi chưa có Chỉ thị 35-CT/TW của Bộ Chính trị về đổi mới công tác thi đua - khen thưởng trong giai đoạn mới, ngày 9-3-1996 Ủy ban nhân dân tỉnh đã ra Quyết định 53-QĐ/UB về ban hành quy định tiêu chuẩn xây dựng chính quyền cơ sở vững mạnh. Kể từ đó đến nay, nhất là sau khi có Chỉ thị 35-CT/TW của Bộ Chính trị, các cơ sở xã, phường, thị trấn đã hăng hái thi đua lao động sản xuất, xây dựng và bảo vệ an ninh nông thôn, xây dựng cụm dân cư tiên tiến, xây dựng đời sống văn hóa mới ở khu dân cư. Kết quả cụ thể như sau:

- Trong 2 năm 1997 - 1998: Ủy ban nhân dân tỉnh đã tặng cờ thi đua xuất sắc cho 5 đơn vị chính quyền cơ sở vững mạnh xuất sắc và chứng nhận 60 đơn vị vững mạnh, 88 đơn vị được xếp loại khá.

- Trong 2 năm 1999-2000: Ủy ban nhân dân tỉnh đã tặng cờ thi đua xuất sắc cho 3 đơn vị dẫn đầu trong phong trào thi đua xây dựng chính quyền vững mạnh. Chứng nhận 67 chính quyền cơ sở vững mạnh, 52 đơn vị cơ sở được công nhận loại khá.

- Trong 2 năm 2001- 2002: Ủy ban nhân dân tỉnh đã tặng cờ thi đua xuất sắc cho 5 chính quyền cơ sở vững mạnh. Chứng nhận 80 chính quyền cơ sở vững mạnh, 67 đơn vị được công nhận chính quyền cơ sở khá.

Từ những kết quả trên của công tác thi đua - khen thưởng đã có tác dụng quyết định đến việc xây dựng và củng cố hệ thống chính trị cơ sở, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương.

Nhìn chung, công tác khen thưởng đã có nhiều cố gắng so với trước khi có chỉ thị. Tuy nhiên, đôi khi việc khen thưởng chưa kịp thời, việc bình xét còn nể nang, bình quân ở một số nơi, tỷ lệ khen thưởng giữa các thành phần kinh tế còn chưa phù hợp, khen thưởng người trực tiếp sản xuất đã được chú trọng nhưng vẫn chưa được nhiều, chưa có quy định về khen đối ngoại, việc nộp hồ sơ còn chậm ở một số đơn vị, mức thưởng còn thấp, quỹ khen thưởng còn hạn chế, chưa có quy định khen thưởng cho đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

IV. VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA - KHEN THƯỞNG TRONG HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN

Công tác thi đua - khen thưởng trong các thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ đã được thực hiện khá tốt, đã góp phần tích cực động viên nhân dân các dân tộc tỉnh nhà vượt qua khó khăn, gian khổ, huy động sức người, sức của tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu cùng với nhân dân cả nước đánh thắng thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, mang lại độc lập tự do cho dân tộc.

Cụ thể, trong kháng chiến chống Pháp, toàn tỉnh được Nhà nước tặng thưởng 312 Huân chương, 1.370 huy chương các hạng, 149 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; trong kháng chiến chống Mỹ được Nhà nước tặng thưởng 12.198 huân chương, 10.046 huy chương các hạng.

Trong công tác thi đua - khen thưởng đã có kèm theo giá trị vật chất, tuy chưa lớn nhưng đã có tính động viên tích cực, thể hiện sự quan tâm của Đảng, của Nhà nước đến các đối tượng có công lao trong thời kỳ kháng chiến, thể hiện bản chất tốt đẹp cũng như truyền thống đạo lý “Ăn quả nhớ người trồng cây”, “Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc Việt Nam.

Tuy nhiên, đến nay còn một số trường hợp chưa được giải quyết dứt điểm do mất hồ sơ gốc, việc xác định lại rất khó khăn.

V. ĐÁNH GIÁ VỀ CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, CỔ VŨ CHO PHONG TRÀO

Để cổ vũ cho phong trào thi đua yêu nước, trong những năm qua, công tác tuyên truyền, giới thiệu trên các phương tiện thông tin đại chúng về các gương “Người tốt, việc tốt”, các điển hình tiên tiến đã được tiến hành khá tốt. Tỉnh đã tổ chức thành công Đại hội thi đua các cấp, Đại hội thi đua quyết thắng trong lực lượng vũ trang lần thứ nhất. Tỉnh đã đầu tư nâng cấp Đài Phát thanh - Truyền hình Lào Cai và 10 đài truyền hình, phát thanh huyện, thị xã, lắp đặt gần 50 trạm tiếp sóng truyền hình, 10 trạm tiếp sóng phát thanh, thực hiện dự án cấp hàng chục nghìn tivi, radio cho đồng bào vùng cao, tăng thời lượng phát sóng, thường xuyên cải tiến chương trình, xây dựng các chuyên mục theo các chuyên đề để phản ánh các gương điển hình tiên tiến, các cách làm ăn hay, phổ biến kỹ thuật cho nhân dân các dân tộc nơi theo. Hằng năm, tỉnh đã cấp hàng tỷ đồng cho việc bù xuất bản báo *Lào Cai* và mua các tạp chí *Cộng sản*, *Xây dựng Đảng*, báo *Nhân dân*, báo *Lào Cai*, báo ảnh *Lào Cai* để cấp cho các chi bộ, đảng cơ sở và trưởng thôn, bản. Các báo của tỉnh đã có nhiều cố gắng trong việc tuyên truyền, đã mở các chuyên mục khuyến nông, gương người tốt việc tốt, bảo vệ an ninh Tổ quốc. Báo ảnh Lào Cai được in bằng chữ to, hình ảnh đẹp, gần gũi với cuộc sống

của đồng bào vùng cao, mang đậm bản sắc các dân tộc Lào Cai, tờ báo ảnh đã được các cơ quan quản lý báo chí Trung ương đánh giá cao và là một trong ít địa phương trong toàn quốc làm được. Bên cạnh đó, các cơ quan ban Tuyên giáo, Dân vận, đoàn thể như Hội Liên hiệp Phụ nữ, Tỉnh đoàn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,... đã phát hành tạp chí, bản tin hàng tháng, hằng quý phục vụ tốt cho công tác tuyên truyền nói chung và có tác động tích cực đến công tác thi đua - khen thưởng. Hệ thống Tuyên giáo chú trọng xây dựng đội ngũ báo cáo viên, cộng tác viên dư luận xã hội, tăng cường công tác tuyên truyền miệng. Ngoài ra, tỉnh còn quan tâm tổ chức các hội thảo, hội nghị bàn về việc thực hiện các phong trào thi đua, tổ chức tham quan học tập, hội nghị đầu bờ đạt kết quả tốt.

VI. KIẾN TOÀN VÀ ĐỔI MỚI TỔ CHỨC CÁN BỘ CỦA CƠ QUAN THAM MƯU VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA - KHEN THƯỞNG CÁC CẤP TRONG 5 NĂM QUA

Tỉnh ủy đã quan tâm kiện toàn Hội đồng thi đua - khen thưởng tỉnh. Trước khi có Chỉ thị ở tỉnh Lào Cai thành lập hai Hội đồng thi đua - khen thưởng, một của Khối Đảng, một của chính quyền, sau khi có chỉ thị đã kiện toàn thành một Hội đồng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Chủ tịch gồm 15 người, trong đó lãnh đạo Khối Nhà nước 6 người, Khối Đảng 4 người, đoàn thể 5 người, đều là những người có trình độ năng lực, trách nhiệm và tâm huyết với công tác thi đua - khen thưởng. Ban Thường vụ Tỉnh ủy rất trăn trở, bàn nhiều lần nhằm xây dựng một tổ chức tham mưu cho Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác thi đua - khen thưởng, nhưng đến nay chưa có quy định nào của Trung ương về bộ máy này, cho nên đã quyết định theo mô hình bổ nhiệm 1 đồng chí Phó Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp làm thường trực Hội đồng thi đua - khen thưởng tỉnh, đồng thời thành lập phòng chuyên viên thi đua - khen thưởng gồm 4 đồng chí đều có trình độ đại học chuyên môn hoặc lý luận, là những người có phẩm chất đạo đức tốt và say mê nghề nghiệp, đã ban hành quy chế làm việc cho bộ phận này hoạt động

trong đó quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn. Các cấp, các ngành, các đơn vị đều thành lập Hội đồng thi đua - khen thưởng, có nơi kết hợp thành lập Hội đồng thi đua - khen thưởng và kỷ luật, có bố trí cán bộ kiêm chức giúp việc. Về cơ bản các Hội đồng thi đua - khen thưởng đã tham mưu tốt cho cấp ủy và chính quyền.

Tuy nhiên, do còn thiếu kinh nghiệm hoặc thiếu các trang bị, thiếu biên chế không thể bố trí cán bộ giúp việc chuyên trách, thành viên Hội đồng thi đua - khen thưởng bận nhiều công việc nên đã ảnh hưởng đến việc kiểm tra, đôn đốc theo dõi phong trào.

VII. NHỮNG BÀN HỌC KINH NGHIỆM

Chủ trương, đường lối đúng, có cơ chế phù hợp, công tác triển khai kịp thời, làm tốt công tác tư tưởng, quan tâm tới lợi ích thiết thân cả về vật chất, tinh thần và giá trị nhân văn khác của người dân, phát động thi đua kịp thời sẽ được đông đảo nhân dân tham gia tích cực, mang lại hiệu quả to lớn.

- Cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự thường xuyên đôn đốc kiểm tra của các cấp ủy từ cơ sở đến tỉnh trong công tác thi đua - khen thưởng. Mỗi cấp ủy phải xây dựng được chương trình hành động cụ thể sát thực với địa phương, đơn vị, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên của Hội đồng thi đua - khen thưởng một cách rõ ràng, gắn trách nhiệm cụ thể của từng thành viên đối với việc chỉ đạo các phong trào.

- Chính quyền, đoàn thể các cấp nâng cao về nhận thức đối với công tác thi đua - khen thưởng, đi sâu, đi sát cơ sở để nắm bắt diễn biến các phong trào được phát động, để có các biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời theo chiều hướng tích cực có lợi cho phong trào chung.

- Lấy dân làm gốc, mọi việc dân biết, dân bàn, dân xác định mục tiêu, dân xây dựng quyết tâm, dân đồng lòng ủng hộ phong trào chắc chắn thành công.

- Các phong trào thi đua yêu nước phải gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương, của ngành, theo từng thời kỳ, từng giai đoạn. Hình thức tổ chức, bình xét thi đua - khen thưởng cần

phải cụ thể hóa đối với từng cơ quan, đơn vị, cá nhân trên từng cương vị, môi trường công tác và nhiệm vụ được phân công để vừa bảo đảm tính khách quan, công bằng vừa mang tính đại chúng tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy phong trào.

- Cần xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác thi đua - khen thưởng “vừa hồng, vừa chuyên” bảo đảm về số lượng và chất lượng, nhiệt tình công tác, có tinh thần trách nhiệm cao để đảm đương công việc được giao.

- Tiếp tục đổi mới và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền để không ngừng nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc về công tác thi đua - khen thưởng.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ, NỘI DUNG TIẾP TỤC ĐỔI MỚI CÔNG TÁC THI ĐUA - KHEN THƯỞNG TRONG THỜI GIAN TỚI

Nhiệm vụ trọng tâm của năm 2003 và những năm tiếp theo là toàn thể Đảng bộ và nhân dân quyết tâm phấn đấu thực hiện đạt và vượt các nhiệm vụ, mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII đề ra, được cụ thể hóa bằng 7 chương trình công tác trọng tâm toàn khóa, 6 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở với các nhiệm vụ, mục tiêu cụ thể đến năm 2005 như sau:

- Giá trị tổng sản phẩm trong tỉnh theo giá hiện hành: 2.500-2.550 tỷ đồng.

- Tốc độ tăng GDP bình quân hằng năm: 7 - 7,5%.

- + GDP bình quân đầu người/ năm: 3,7 - 4 triệu đồng.

- Cơ cấu ngành trong GDP:

- + Nông lâm nghiệp: 41%.

- + Công nghiệp, xây dựng cơ bản: 25%.

- + Thương mại, dịch vụ: 34%.

- Tổng sản lượng lương thực có hạt: 186 ngàn tấn.

- Huy động GDP vào ngân sách: 13 - 14%.

- Độ tán che phủ rừng: 41%.
- Giữ vững phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ cho cả 180 xã, phường, thị trấn; phổ cập trung học cơ sở cho 60 xã, phường, thị trấn.
- Tỷ lệ số hộ dân nghe đài: 80%, xem truyền hình: 70%.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 1,8 %.
- Cơ bản không còn hộ đói thường xuyên, giảm hộ nghèo xuống dưới 15%.
- Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng xuống dưới 30%.
- Bảo đảm việc làm bình quân hằng năm cho 6.000 - 10.000 lao động, tỷ lệ lao động được đào tạo 21 - 23%.
- Phấn đấu 60% đảng bộ trực thuộc, 80% tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh, không còn thôn, bản không có đảng viên.
- Phấn đấu 80% tổ chức đoàn thể đạt tiêu chuẩn khá trở lên.

Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, chống tiêu cực tham nhũng, thực hành tiết kiệm, giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

Do vậy trong thời gian tới, công tác thi đua - khen thưởng cần tập trung làm tốt một số nhiệm vụ sau:

1. Tiếp tục nâng cao nhận thức để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về đổi mới công tác thi đua - khen thưởng trong thời kỳ đổi mới theo tinh thần Chỉ thị 35- CT/TW của Bộ Chính trị, triển khai học tập Luật Thi đua- Khen thưởng, Chỉ thị số 16- CT/TU, ngày 27-6-2003 của Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 35-CT/TW, ban hành các văn bản mới cho phù hợp với tình hình mới. Các cấp ủy đảng, các Đảng đoàn, ban cán sự phải căn cứ vào điều kiện cụ thể xây dựng chương trình hành động, kế hoạch phát động phong trào thi đua và triển khai tới mọi cán bộ, đảng viên và nhân dân.

2. Tiếp tục phát động các phong trào thi đua đang thực hiện và tùy từng thời gian, điều kiện và tính chất công việc cần tổ chức phát động các cuộc thi đua ngắn ngày hoặc theo chuyên đề; đổi mới nội dung thi đua cho phù hợp theo hướng bám sát vào nhiệm vụ chính trị của địa phương, của cơ quan, đơn vị, chú trọng việc theo dõi, kiểm tra,

đôn đốc, chấm điểm và bình xét; cần coi năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc và giá trị tinh thần làm căn cứ đánh giá công tác thi đua - khen thưởng. Thực hiện nghiêm minh quy trình về phát động, đăng ký, giao ước thi đua, nộp hồ sơ đề nghị xét khen thưởng.

3. Xác định rõ vai trò, trách nhiệm về lãnh đạo và chỉ đạo công tác thi đua là của cấp ủy, chính quyền các cấp. Người đứng đầu phải chịu trách nhiệm thực hiện công tác thi đua, coi đó là một tiêu chuẩn để đánh giá cán bộ.

4. Tăng cường công tác tư tưởng, công tác tuyên truyền, tiếp tục thực hiện dự án xóa vùng lõm phát thanh truyền hình, tăng thời lượng phát sóng, tăng số kỳ phát hành báo *Lào Cai*, đẩy mạnh phát hành các ấn phẩm về nội dung các đề án, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề, hướng dẫn phát triển sản xuất theo hướng đơn giản, dễ hiểu cho cơ sở. Đẩy mạnh hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, cộng tác viên, trong đó chú trọng tuyên truyền những điều thiết thực, cụ thể đối với nhân dân. Thực hiện tốt trách nhiệm của các cơ quan đỡ đầu các xã trong việc thực hiện các phong trào hướng về cơ sở và xây dựng tủ sách pháp luật, đẩy mạnh chương trình xây dựng nhà văn hóa xã, bưu điện văn hóa xã.

5. Tăng cường phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng và nhân ra diện rộng các điển hình tiên tiến, các mô hình kinh tế - xã hội thực sự có hiệu quả, các cá nhân tiêu biểu thuộc mọi thành phần kinh tế, mọi tầng lớp nhân dân trong việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng ở địa phương. Gắn công tác thi đua - khen thưởng với việc xây dựng và củng cố hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh toàn diện. Đổi mới phương thức hoạt động của các đoàn thể quần chúng theo hướng gần dân, sát cơ sở vận động nhân dân tích cực tham gia các phong trào thi đua.

6. Trước mắt, năm 2003, tỉnh đồng loạt triển khai 6 nhiệm vụ trọng tâm hướng về cơ sở, để thực hiện tốt các nhiệm vụ đó, các cấp, các ngành cần đẩy mạnh các phong trào thi đua như “Thi đua thực hiện kiên cố hóa trường, lớp học”; “Thi đua làm đường giao thông liên thôn”; “Kiên cố hóa kênh mương”; “Xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư”, “Củng cố hệ thống chính trị cơ sở”,... tạo được sự chuyển biến

mạnh mẽ từ cơ sở. Tỉnh sẽ khen thưởng động viên kịp thời những cơ sở hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ hướng về cơ sở như đã nêu ở trên, đồng thời gắn trách nhiệm, với những chế tài phù hợp đối với các cấp ủy, chính quyền cơ sở nếu không hoàn thành nhiệm vụ.

7. Năm 2003 là năm bản lề của nhiệm kỳ 2000-2005 và cũng là năm chuẩn bị nhân sự cho cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2004-2009, đại hội đảng các cấp nhiệm kỳ 2005-2010, do đó công tác thi đua - khen thưởng có một vai trò đặc biệt quan trọng, các cấp các ngành cần qua phong trào thi đua kịp thời phát hiện những cá nhân có đủ đức, tài, xứng đáng là đại biểu của dân để giới thiệu và bầu vào Hội đồng nhân dân các cấp và các cấp ủy đảng.

8. Trong thời gian tới cần quan tâm xây dựng ít nhất từ 1-2 gương điển hình tiên tiến xuất sắc trên các lĩnh vực công tác để đề nghị Nhà nước phong tặng danh hiệu “Anh hùng trong thời kỳ đổi mới”.

Một số đề nghị với Trung ương:

- Đề nghị có quy định cụ thể, thống nhất về bộ máy giúp việc cho Hội đồng thi đua - khen thưởng cấp tỉnh, huyện trong cả nước.

- Triển khai thực hiện sớm Luật thi đua - khen thưởng, có văn bản hướng dẫn kèm theo đồng bộ, kịp thời, trong đó cần quy định rõ hơn về phân cấp trong thi đua - khen thưởng và nghiêm túc thực hiện việc cấp nào khen thì cấp đó phải thưởng, tránh tình trạng Trung ương khen nhưng địa phương thưởng sẽ gây khó khăn cho các địa phương có nguồn kinh phí hạn hẹp.

- Tăng cường sự phối kết hợp trong công tác thi đua - khen thưởng giữa các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương với tỉnh để có sự theo dõi, động viên và hiệp y về công tác thi đua - khen thưởng để bảo đảm tính công bằng và khách quan.

- Cần có hướng dẫn thống nhất về mức thưởng kèm theo các danh hiệu được khen, kể cả bên Đảng, thưởng kèm theo huy chương vì sự nghiệp, kỷ niệm chương, các mức thưởng tại các cuộc thi do các ban, ngành Trung ương yêu cầu tổ chức,...tránh hiện tượng tùy tiện đặt ra hoặc phụ thuộc vào cơ quan, đơn vị nào có khả năng dồi dào về tài chính thì thưởng nhiều, còn cơ quan, đơn vị ít có khả năng về tài chính thì

thưởng ít, thậm chí không có thưởng, (Ví dụ như việc ngành Giáo dục - Đào tạo trao Huy chương “Vì sự nghiệp giáo dục” cho người có nhiều công lao đóng góp cho ngành nhưng không có thưởng kèm theo).

- Đề nghị Trung ương cân tăng nguồn kinh phí khen thưởng phù hợp với các danh hiệu đạt được trong các phong trào thi đua, vì hiện tại giá trị vật chất thưởng kèm theo là quá nhỏ, không thực sự là động lực thúc đẩy phong trào.

- Đề nghị Trung ương có quy định về việc lập hồ sơ khen thưởng hai thời kỳ cho những người bị thất lạc hồ sơ một cách đơn giản hơn.

Nhiệm vụ, mục tiêu đặt ra trong thời gian tới cho toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân tỉnh ta rất lớn, mong muốn của chúng ta lại càng lớn hơn. Để đạt được điều đó, chúng ta cần phải cùng nhau nỗ lực phấn đấu, phát huy sức mạnh tổng hợp, trong đó phải xác định thi đua - khen thưởng trong giai đoạn cách mạng mới vẫn là động lực cho sự phát triển, mặc dù hiện nay chúng ta đang thực hiện phát triển nền kinh tế nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, nhưng chúng ta giữ vững một niềm tin vào lời Bác Hồ dạy: *“Nhân dân ta có lòng nồng nàn yêu nước, đó là truyền thống quý báu của dân tộc ta”* và *“Thi đua là yêu nước, yêu nước phải thi đua, những người thi đua là những người yêu nước nhất”*, cho nên chắc chắn rằng, 27 dân tộc anh em của tỉnh Lào Cai, dù ở thành phần kinh tế nào cũng sẽ giữ vững và phát huy truyền thống quý báu của dân tộc, phấn đấu vì một tỉnh Lào Cai ngày càng giàu đẹp, góp phần thực hiện mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA HỘI NGHỊ
THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 698-TB/TU, ngày 30-6-2003

Về việc phân xếp loại Đảng bộ huyện, thị
và Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy năm 2002

Ngày 26-6-2003, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiến hành Hội nghị lần thứ 38. Đồng chí Giảng Seo Phủ, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy chủ trì Hội nghị.

Sau khi nghe và thảo luận nội dung Tờ trình số 123-TTr/TC, ngày 16-6-2003 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về việc phân xếp loại Đảng bộ huyện, thị và Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy năm 2002, Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết luận như sau:

I. Các Đảng bộ đạt trong sạch, vững mạnh gồm có:

1. Đảng bộ Quân sự tỉnh
2. Đảng bộ Khối Dân, Chính, Đảng
3. Đảng bộ Công an tỉnh
4. Đảng bộ huyện Bảo Thắng
5. Đảng bộ Bộ đội Biên phòng tỉnh
6. Đảng bộ thị xã Lào Cai
7. Đảng bộ huyện Mường Khương.

II. Các Đảng bộ đạt khá gồm có:

1. Đảng bộ huyện Bát Xát
2. Đảng bộ huyện Bảo Yên

3. Đảng bộ Công ty Apatít Việt Nam

4. Đảng bộ huyện Sa Pa

5. Đảng bộ huyện Si Ma Cai

6. Đảng bộ huyện Văn Bàn

7. Đảng bộ huyện Than Uyên

8. Đảng bộ huyện Bắc Hà.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan biết và thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ

GIÀNG SEO PHỦ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH

Số 729-TB/TU, ngày 20-7-2003

Về kết luận của Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ XI

Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ XI từ ngày 15 đến ngày 16-7-2003. Đồng chí Giàng Seo Phử, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy chủ trì, phát biểu khai mạc và bế mạc Hội nghị. Tại Hội nghị lần này, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã nghe và thông qua các nội dung:

1. Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2003

Hội nghị đã thống nhất cao với dự thảo báo cáo do Ban Thường vụ Tỉnh ủy chuẩn bị và trình ra Hội nghị. Hội nghị khẳng định: Trong 6 tháng đầu năm nay, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh ta tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai thực hiện 7 chương trình công tác trọng tâm với 27 đề án, kế hoạch và nghị quyết chuyên đề được cụ thể hóa bằng 6 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở năm 2003. Đó là những vấn đề trọng tâm nhất hiện nay đang được các cấp, các ngành và nhân dân các dân tộc thực hiện tạo ra những chuyển biến mới trên các lĩnh vực, đặc biệt là ở cơ sở. Vì vậy, tổng sản phẩm xã hội 6 tháng đầu năm tăng trên 9 %; cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực; các lĩnh vực xã hội được quan tâm đúng mức. An ninh chính trị, trật

tự an toàn xã hội được ổn định, chủ quyền quốc gia được giữ vững; hệ thống chính trị tiếp tục được xây dựng theo hướng trong sạch, vững mạnh. Nhiều chỉ tiêu kinh tế - xã hội đạt và vượt mức kế hoạch đề ra và vượt so với cùng kỳ năm trước. Đã xuất hiện các yếu tố bền vững trong phát triển kinh tế - xã hội. Những kết quả đã đạt được trong 6 tháng qua là cơ sở vững chắc, tạo niềm tin tưởng và khích lệ cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh tiếp tục phấn đấu hơn nữa trong 6 tháng cuối năm 2003. Phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm được xác định là phù hợp với đặc điểm tình hình của tỉnh, là sự tiếp tục cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, của 7 chương trình công tác trọng tâm và 27 đề án, kế hoạch và nghị quyết chuyên đề vào cuộc sống. Yêu cầu các cấp ủy đảng trong quá trình chỉ đạo thực hiện cần tập trung các nguồn lực để xóa đói, giảm nghèo, ổn định đời sống nhân dân; đẩy mạnh việc thực hiện 6 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở năm 2003; chủ động nắm bắt thông tin phục vụ nhiệm vụ chính trị; tiếp tục mở rộng hoạt động đối ngoại; tăng cường mặt hàng xuất, nhập khẩu. Chuẩn bị tốt các điều kiện để tổ chức lễ hội “100 năm du lịch Sa Pa”. Các ngành chức năng đẩy mạnh công tác chống buôn lậu và gian lận thương mại. Các Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy chuẩn bị tốt nội dung báo cáo và chỉ đạo tốt việc kiểm điểm giữa nhiệm kỳ của Đảng bộ mình. Các tổ chức trong hệ thống chính trị tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động hiệu quả và hiệu lực, hướng mạnh về cơ sở.

Giao Văn phòng Tỉnh ủy tiếp thu ý kiến của các đại biểu hoàn chỉnh báo cáo trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy để ban hành.

2. Báo cáo tình hình thực hiện các đề án về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, xóa đói, giảm nghèo, sắp xếp ổn định dân cư, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa nhiệm kỳ 2001-2005; phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở

Hội nghị thống nhất đánh giá: Trong hơn 2 năm qua, cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp của tỉnh đang chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ

trọng chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp. Nhiệm vụ đặt ra trong thời gian tới là phải tiến hành rà soát và bổ sung, điều chỉnh quy hoạch các vùng sản xuất hàng hóa tập trung. Đầu tư xây dựng các cơ sở chế biến nông, lâm sản và phát triển ngành, nghề nông thôn cùng với việc tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp nhằm kích thích sản xuất phát triển. Quan tâm đào tạo nguồn nhân lực, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho nhân dân trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn. Các cấp ủy, chính quyền các cấp cần bám sát các mục tiêu của các đề án để hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu mà nghị quyết Đại hội các Đảng bộ trực thuộc và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII đã đề ra cho nhiệm kỳ 2001 - 2005.

Với sự cố gắng của các cấp, các ngành và toàn thể nhân dân các dân tộc, sau hơn hai năm tập trung sức thực hiện, đến nay nông nghiệp, nông thôn và công tác xóa đói, giảm nghèo của tỉnh ta đã thu được kết quả đáng phấn khởi; đời sống nhân dân, nhất là vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa được cải thiện rõ rệt; nhân dân đã có ý thức vươn lên xóa đói, giảm nghèo; bộ mặt nông thôn có nhiều khởi sắc. Đó là những tín hiệu rất đáng mừng. Để công tác xóa đói, giảm nghèo đạt hiệu quả cao hơn nữa cần phải đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn; sắp xếp ổn định dân cư, hạn chế thấp nhất di cư tự do; coi trọng việc tổng kết và phổ biến các mô hình xóa đói, giảm nghèo; kết hợp đồng bộ các giải pháp để bảo đảm độ bền vững của các hộ đã thoát khỏi đói, nghèo. Chuyển mạnh công tác khuyến nông về thôn, bản. Các mô hình trình diễn phải có tác dụng thiết thực và hiệu quả lâu dài để nhân dân thấy rõ tác dụng và làm theo. Các huyện, thị phải tập trung vào các xã khó khăn; các xã tập trung vào các thôn, bản và đến từng hộ khó khăn, từ đó xây dựng kế hoạch xóa đói, giảm nghèo trong từng thời gian với các biện pháp phù hợp với từng đối tượng cụ thể.

Phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập trung học cơ sở là nhiệm vụ hết sức nặng nề vừa mang tính cấp bách vừa mang tính chiến lược lâu dài, đòi hỏi các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể phải quan tâm sâu sát và kiên trì thực hiện.

Trước mắt cần đầu tư xây dựng trường lớp và tăng cường đội ngũ giáo viên để huy động trẻ em ở những nơi vùng sâu, vùng xa ra lớp mẫu giáo mầm non để tạo nguồn tuyển sinh vào lớp 1; phát triển các trường bán trú dân nuôi theo phương châm xã hội hóa công tác giáo dục.

Hội nghị giao Ủy ban nhân dân tỉnh cùng các ngành liên quan tiếp thu ý kiến của các đại biểu hoàn chỉnh báo cáo trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy để ban hành.

3. Báo cáo kiểm điểm việc thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới

Hội nghị đánh giá: Sau một năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới, công tác tư tưởng, lý luận của Đảng bộ tỉnh có bước chuyển biến đáng kể, góp phần quan trọng đưa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, những quan điểm lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh đến với đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh. Trước tình hình thế giới, trong nước và trong tỉnh hiện nay có những mặt thuận lợi song cũng còn nhiều diễn biến phức tạp đang đặt ra yêu cầu công tác tư tưởng, lý luận phải luôn chủ động, nhạy bén, kịp thời và hiệu quả; gắn lý luận với thực tiễn. Trước hết, công tác tư tưởng, lý luận phải rất quan tâm củng cố sức mạnh từ bên trong trên cơ sở tăng cường khối đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết trong toàn Đảng bộ và đoàn kết trong mỗi tổ chức đảng và trong cả hệ thống chính trị, làm cho mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức sâu sắc về tình hình chính trị, có sức “đề kháng” trước các luồng tư tưởng độc hại. Đây là yếu tố quyết định đến thắng lợi trong cuộc đấu tranh tư tưởng hiện nay. Vì vậy, yêu cầu các cấp ủy đảng phải quan tâm xây dựng, củng cố bộ máy làm công tác tư tưởng và yêu cầu cán bộ, đặc biệt là người lãnh đạo công tác tư tưởng của các cấp ủy đảng phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phương pháp tuyên truyền vận động nhân dân, làm cho công tác này thực sự năng động, sáng tạo, có tính chiến đấu cao; chủ động đấu tranh làm thất bại âm mưu “diễn biến

hòa bình” của các thế lực thù địch, động viên được cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh hăng hái thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII đề ra.

Hội nghị giao Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy tiếp thu ý kiến của các đại biểu hoàn chỉnh báo cáo trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy để ban hành.

4. Báo cáo công tác kiểm tra 6 tháng đầu năm 2003

Hội nghị đánh giá: Sáu tháng đầu năm nay, công tác kiểm tra có nhiều cố gắng, hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác kiểm tra, góp phần giữ vững sự đoàn kết thống nhất trong mỗi tổ chức đảng. Để thực hiện tốt nhiệm vụ 6 tháng cuối năm, yêu cầu Ủy ban Kiểm tra các cấp cần bám sát vào chương trình kiểm tra của Tỉnh ủy năm 2003, tích cực tham mưu cho cấp ủy thực hiện có hiệu quả 6 chương trình công tác trọng tâm hướng về cơ sở của tỉnh. Công tác kiểm tra phải được thực hiện thường xuyên; chủ động ngăn ngừa vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên, nhất là ở cơ sở; thực hiện tốt quy chế phối hợp với các cơ quan liên quan, tăng cường công tác nắm thông tin phục vụ công tác kiểm tra, giữ đúng nguyên tắc trong công tác kiểm tra.

5. Báo cáo quyết toán ngân sách tài chính đảng năm 2002

Hội nghị đã thảo luận và thông qua Báo cáo quyết toán tài chính của Đảng bộ năm 2002.

- Tổng thu ngân sách: 31.318.017.198 đồng.
- Tổng chi ngân sách: 30. 129.007.945 đồng.
- Số kinh phí chưa quyết toán chuyển sang năm 2003: 1.189.009.253 đồng.

Hội nghị yêu cầu các cơ quan thụ hưởng ngân sách đảng trong thời gian tới cần tăng cường quản lý tài chính và tài sản của Đảng, sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm. Cần có kế hoạch kiện toàn, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kế toán.

Giao Sở Tài chính - Vật giá phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy, Trường

Chính trị tỉnh dự thảo quy định về một số chính sách, chế độ ở Trường Chính trị tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét quyết định.

Giao Sở Tài chính - Vật giá dự thảo quy định về chế độ sử dụng điện thoại cố định tại nhà riêng cho các đồng chí là Ủy viên Ban Thường vụ các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; là trưởng các ban Đảng các huyện, thị, đảng ủy; các đồng chí Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã.

Ủy ban Kiểm tra các cấp tăng cường công tác kiểm tra tài chính Đảng ở các đơn vị thụ hưởng ngân sách đảng một cách thường xuyên, giúp các đơn vị đánh giá đúng thực trạng tình hình quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của Đảng, kiến nghị các cấp có thẩm quyền bổ sung, sửa đổi kịp thời một số chế độ, chính sách cho phù hợp.

Các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy xây dựng quy định về quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của cấp ủy và tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý tài chính, tài sản của Đảng và Nhà nước.

Giao Văn phòng Tỉnh ủy tiếp thu ý kiến của các đại biểu hoàn chỉnh báo cáo trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy để ban hành.

6. Hội nghị tiến hành một số vấn đề về công tác tổ chức cán bộ của Ban Chấp hành.

7. Cũng tại Hội nghị này, Ban Chấp hành có một số nội dung đã được họp mở rộng để triển khai kế hoạch kiểm tra lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện kết luận của Ban Bí thư về hai cuộc kiểm tra của Ban Bí thư năm 2002; kế hoạch kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm chống lãng phí; thông báo nhanh kết quả Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa IX và triển khai một số nội dung quan trọng khác.

Yêu cầu các đảng bộ trực thuộc trên cơ sở kế hoạch, hướng dẫn của Trung ương xây dựng kế hoạch kiểm tra ở đảng bộ mình một cách cụ thể, trên tinh thần chủ động, nghiêm túc, tự kiểm tra là chính; phải đánh giá đúng đắn tình hình, thực trạng về lãnh đạo, chỉ đạo triển khai quán triệt và tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của

Đảng, các quy định của Nhà nước về thực hành tiết kiệm chống lãng phí; về giải quyết tố cáo, khiếu nại của công dân, về thực hiện quy định những điều đảng viên không được làm; cán bộ, công chức nhà nước không được làm. Sau kiểm tra phải có kế hoạch khắc phục, sửa chữa khuyết điểm. Trong quá trình thực hiện phải bảo đảm sự đoàn kết thống nhất, góp phần củng cố thêm lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

Giao Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy hoàn chỉnh các kế hoạch trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy để ban hành.

Với thành công của hội nghị, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh kêu gọi cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của năm 2003 đã đề ra.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

**BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA TỈNH ỦY LÀO CAI

Số 110-BC/TU, ngày 23-7-2003

Về tình hình thực hiện các đề án về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn, xóa đói, giảm nghèo, sắp xếp ổn định dân cư, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa nhiệm kỳ 2001- 2005; phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở

Phần I

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC ĐỀ ÁN, NGHỊ QUYẾT

Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, sau khi Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 03-KH/TU, ngày 30-5-2001; Nghị quyết 04-NQ/TU về chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn, xóa đói, giảm nghèo, sắp xếp ổn định dân cư, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa nhiệm kỳ 2001-2005; Nghị quyết 13-NQ/TU về phát triển kinh tế lâm nghiệp; Nghị quyết số 06-NQ/TU về phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và Báo cáo chuyên đề về kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII và Nghị quyết về phát triển giáo dục đào tạo giai đoạn 2001 - 2005 và đến năm 2010, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các sở ban, ngành chức năng tiến hành xây dựng các đề án cụ thể. Trong khi chờ xây dựng và phê duyệt đề án các cấp, các ngành,

địa phương đã xây dựng kế hoạch và thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ của 7 chương trình từ năm 2001 mà Tỉnh ủy đã xác định là lĩnh vực rất quan trọng cần thực hiện sớm, trong đó có các đề án về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn, xóa đói, giảm nghèo, sắp xếp ổn định dân cư, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa nhiệm kỳ 2001- 2005; phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Các cơ quan chức năng được giao chủ trì, thường trực của từng chương trình tập trung nghiên cứu phối hợp các ngành hữu quan, xây dựng đề án chi tiết theo quy định và được thông qua Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại kỳ họp thứ 16, cuối năm 2001. Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt các đề án trong quý I năm 2002 làm căn cứ pháp lý cho các ngành, các cấp triển khai thực hiện. Đồng thời thành lập các Ban chỉ đạo và giao cụ thể từng cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp triển khai thực hiện đề án.

Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức các hội nghị quán triệt nội dung các chương trình với thành phần gồm bí thư ban cán sự đảng đoàn, thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể trực thuộc, chủ tịch ủy ban nhân dân các huyện, thị; hội nghị cán bộ khoa học, cán bộ lãnh đạo đã nghỉ chế độ. Các địa phương đẩy mạnh tuyên truyền phổ biến cho nhân dân. Đồng thời các huyện, thị thành lập các Ban chỉ đạo thực hiện các đề án; các cấp, các ngành căn cứ vào nhiệm vụ của mình đã xây dựng các phương án, kế hoạch phù hợp với điều kiện cụ thể để triển khai thực hiện tại địa phương, ngành mình. Sau khi đề án được triển khai, cán bộ các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở đã nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của mình với việc thực hiện, chỉ đạo tổ chức thực hiện các đề án; các đề án được nhân dân hưởng ứng và tham gia tích cực.

- Đã xây dựng nhiều dự án cụ thể để thực hiện như:

Dự án sử dụng vốn 120: 102 dự án.

Dự án giảm nghèo: 11 dự án (chưa kể các dự án từ nguồn WB).

Dự án Nông nghiệp, nông thôn và ổn định dân cư: 62 dự án.

Dự án phát triển tiểu thủ công nghiệp: 75 dự án.

Để hỗ trợ triển khai thực hiện các đề án, theo chủ trương của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều chính sách mới để hỗ trợ

như: chính sách phát triển tiểu thủ công nghiệp; chính sách hỗ trợ đào tạo và thu hút nhân tài; chính sách luân chuyển, tăng cường cán bộ, công chức; chính sách hỗ trợ di chuyển và sắp xếp dân cư các xã vùng cao biên giới; chính sách phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản,... Các chính sách này cơ bản có hiệu quả cụ thể đã góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện các đề án.

Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện các đề án đã có những khó khăn vướng mắc:

- Một số ngành, địa phương còn lúng túng khi xây dựng các dự án và phương án cụ thể để thực hiện đề án, các khâu công việc trong quá trình tổ chức thực thi dự án còn chậm; một số địa phương, cơ sở chưa có sự phân công trách nhiệm cụ thể cho từng người, từng bộ phận, việc theo dõi tổ chức thực hiện còn có địa phương, cơ sở chưa thường xuyên.

- Thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành và giữa các ngành của tỉnh với các địa phương, giữa các ngành, huyện với các xã. Một số ít dự án tính khả thi chưa cao.

- Công tác tuyên truyền vận động giai đoạn đầu chưa mạnh, hạn chế đến nhận thức của nhân dân. Một số nhân dân địa phương còn tư tưởng trông chờ ỷ lại vào sự trợ cấp của Nhà nước; trình độ của cán bộ cơ sở còn hạn chế, chưa chuyển biến kịp thời và chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của các chương trình.

Phần II

KẾT QUẢ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC VÀ PHƯƠNG HƯỚNG TRONG THỜI GIAN TỚI

I. PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN, XÓA ĐÓI, GIẢM NGHÈO, ỔN ĐỊNH DÂN CƯ, ĐẨY MẠNH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ THEO HƯỚNG SẢN XUẤT HÀNG HÓA GIAI ĐOẠN 2001 - 2005

1. Kết quả so với mục tiêu

- Sản xuất lương thực liên tục tăng trưởng, sản lượng lương thực

có hạt năm 2002 đạt 177 nghìn tấn, bằng 95% so với mục tiêu năm 2005 (sau đây gọi tắt là mục tiêu). Dự kiến năm 2003 tổng sản lượng lương thực có hạt đạt mục tiêu 2005 đề ra là 186 nghìn tấn.

- Các dự án theo từng đề án được triển khai đồng bộ, kết quả các dự án đã làm tăng giá trị thu nhập bình quân trên một đơn vị diện tích canh tác từ 8,8 triệu đồng/ha lên 11,3 triệu đồng/ha, đạt 86% mục tiêu.

- Cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp.

Năm 2002, tỷ trọng ngành trồng trọt là 64,2%, vượt 4,3% mục tiêu (mục tiêu là 68,5%);

Tỷ trọng chăn nuôi và dịch vụ là 35,8%, tăng 4,2% so năm 2000 và tăng 4,3% mục tiêu (mục tiêu là 31,5%).

- Tỷ trọng cây lương thực giảm dần và tỷ trọng cây công nghiệp và cây nguyên liệu dài ngày tăng dần.

Cùng với sự chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp, nông thôn thì cơ cấu kinh tế của tỉnh trong các năm qua đã dần chuyển dịch theo hướng tích cực, nâng cao tỷ trọng công nghiệp - xây dựng trong GDP của tỉnh, cụ thể:

- Nông, lâm nghiệp: năm 2002 là 44,56%, dự kiến năm 2003 là 42%

- Công nghiệp xây dựng: năm 2002 là 20,61%, dự kiến năm 2003 là 22 %

- Thương mại - dịch vụ: năm 2002 là 34,83%, dự kiến năm 2003 là 36 %

Để có được mức chuyển dịch trên, tỉnh đã đẩy mạnh phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, hằng năm tỷ lệ tăng trưởng đều đạt kế hoạch. Đồng thời chuẩn bị nhiều điều kiện để phát triển cho những năm sau (phát triển thủy điện, các dự án chế biến khai thác khoáng sản, xây dựng các khu công nghiệp địa phương, các khu du lịch).

2. Kết quả các dự án cụ thể đã đạt được (có ước cả năm 2003)

2.1 Đầu tư thâm canh, nâng cao năng suất cây lương thực, cây công nghiệp

Đã quy hoạch vùng sản xuất tập trung, đầu tư kiên cố hóa kênh

mương cho vùng trọng điểm lúa, đẩy mạnh việc sử dụng các giống kỹ thuật cao như giống lai, giống kỹ thuật nội địa có năng suất cao, phù hợp với điều kiện từng vùng và khả năng sản xuất từng địa phương. Thực hiện công tác khuyến nông, hướng dẫn nông dân sử dụng các biện pháp kỹ thuật trong gieo trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, kết quả đã đạt được như sau:

- Cây lúa thâm canh:

Diện tích lúa thâm canh năm 2003: ước đạt 11.130ha, đạt 159% kế hoạch năm 2003 và 77,7% mục tiêu; năng suất bình quân đạt 51,5 tạ/ha (xấp xỉ mục tiêu 52 tạ/ha). Chương trình thâm canh lúa cao sản đã góp phần đưa năng suất lúa bình quân cả năm của toàn tỉnh từ 37,08 tạ/ha (năm 2000) lên 41,5 tạ/ha (ước năm 2003) tăng 4,4 tạ/ha.

- Cây ngô hàng hóa:

Diện tích năm 2003 ước đạt 7020 ha, đạt mục tiêu; năng suất bình quân đạt 39 tạ/ha, đạt 97,5% mục tiêu. Chương trình ngô hàng hóa đã góp phần đưa năng suất ngô bình quân cả năm toàn tỉnh từ 17,03 tạ/ha (năm 2000) lên 23,1 tạ/ha (ước năm 2003) tăng 6,07 tạ/ha; đạt 82,5% mục tiêu (28 tạ/ha).

- Cây đậu tương cao sản:

Diện tích cây đậu tương cao sản: ước năm 2003 là 2020 ha, đạt 67,3% mục tiêu. Năng suất đậu tương cao sản ước năm 2003 là 11,8 tạ/ha đạt 98,3% mục tiêu (12 tạ/ha). Do năng suất cây đậu tương cao sản tăng cao nên góp phần làm tăng năng suất đậu tương bình quân toàn tỉnh từ 6 tạ/ha (năm 2000) lên 8 tạ/ha (ước năm 2003) tăng 2 tạ/ha so với năm 2000.

2.2. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi để tăng nhanh thu nhập trên 1 đơn vị diện tích canh tác

Đã tập trung chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất, tăng diện tích vùng nguyên liệu cho sản xuất hàng hóa với các cây đã có và trồng một số cây mới có giá trị kinh tế cao.

- Dự án sản xuất chè:

Đã quy hoạch đủ diện tích đất để trồng chè theo mục tiêu năm 2010, bảo đảm phù hợp với điều kiện khí hậu, đất đai.

+ Tổng diện tích chè ước đến năm 2003: 5.439 ha đạt 68% mục tiêu. Trong đó: chè cũ có đến năm 2000 là 2.628 ha; chè mới trồng 2.811 ha. Diện tích chè trồng mới tập trung trong 3 năm (2001-2003): 1844 ha. Diện tích chè phòng hộ trồng mới trong 3 năm (2001-2003): 967 ha.

+ Về sản lượng chè búp tươi năm 2000 đạt 7.949 tấn, ước thực hiện năm 2003 đạt 16.498 tấn, tăng 8.549 tấn, bằng 207% so với 2001.

+ Về chất lượng chè trồng mới:

Diện tích chè trồng mới là các giống chè có chất lượng cao như: chè Tuyết San ở vùng cao, chè LDP1, LDP2, TIR777, Bát Tiên,... diện tích chè trồng đúng quy hoạch theo các dự án. Đặc biệt là chuyển hướng một số diện tích trồng chè theo chương trình trồng rừng phòng hộ, tạo ra sự bền vững.

Tỷ lệ sống của chè trồng mới của toàn tỉnh đạt trên 80%, cây chè phát triển tốt. Hằng năm sản xuất bình quân từ 8-10 triệu bầu chè giống tốt (cành dâm bầu) để đủ trồng diện tích theo kế hoạch giao.

Cùng với chè trồng mới, đã đầu tư thâm canh nên đã có nhiều diện tích chè cho thu nhập trên 20 triệu đồng/ha từ chè búp tươi.

- *Cây ăn quả*

Diện tích trồng mới 3 năm (2001-2003) là 1.450 ha đạt 32,3% mục tiêu, đã đưa diện tích trồng cây ăn quả toàn tỉnh đến năm 2003 là 6.743 ha.

Nguồn giống được cung ứng chủ yếu qua Trung tâm giống của tỉnh. Các loại giống đưa vào sản xuất được kiểm tra chất lượng và bố trí cơ cấu giống hợp lý giữa giống nhập nội (hồng Hàn Quốc, Trung Quốc, đào Pháp) với các loại giống quý ở địa phương (lê xanh, lê đường, mận Tả Van, mận Tả Hoàng Ly, trái Tráng Ly,...).

- *Các loại cây trồng mới đưa vào sản xuất*

a) *Cây hoa*: Dự kiến đến năm 2005 trồng 200 ha, năm 2002 trồng được 42 ha, dự ước năm 2003 đạt trên 70 ha, tập trung tại các huyện Sa Pa, Bắc Hà, thị xã Lào Cai. Ngoài các loại hoa truyền thống thì các loại hoa cao cấp như hoa ly, hoa Zum,... bắt đầu được đưa vào sản

xuất. Thu nhập từ trồng hoa đạt 60-100 triệu đồng/ha, đối với loài hoa cao cấp đã cho thu tới vài trăm triệu đồng/ha.

b) Cây dược liệu.

+ *Cây hoa hòe*: Đã xây dựng dự án trồng và chế biến hoa hòe. Hiện nay đã trồng được 196 ha ở Bảo Thắng, trồng xen tạo bóng mát nhiều loài cây cho cây chè. Ước năm 2003 trồng 1.000ha.

+ *Cây dược liệu khác*: ước thực hiện năm 2003 là 120 ha.

Trong đó: actixô 20 ha,... xuyên khung 52 ha, các cây khác 42 ha, ngoài ra, còn có sản phẩm chế biến từ dược liệu.

c) Cây thuốc lá: Đã đưa vào trồng thử nghiệm năm 2002 với diện tích là 42 ha ở các huyện Si Ma Cai, Bắc Hà, Mường Khương, năng suất bình quân đạt 15 tấn lá khô/ha. Thu nhập bình quân 7-8 triệu đồng/ha (trong thời gian 3 đến 4 tháng) cao hơn thu nhập các loại cây trồng truyền thống. Tuy nhiên là loại cây mới, quy trình trồng, công nghệ sấy và thị trường tiêu thụ còn phải tìm hiểu kỹ để có kết luận chính xác. Năm 2003, tiếp tục trồng thử nghiệm để đánh giá thêm, mới tổ chức thực hiện trong năm 2004 và những năm sau.

2.3. Chăn nuôi, thủy sản

- Đàn gia súc, gia cầm những năm qua phát triển mạnh, tỷ lệ tăng trưởng hằng năm bình quân từ 3-6%; một số con giống lai đã được đưa vào sản xuất như lợn lai F1, F2, bò lai Sind. Tổ chức cung ứng lợn đực giống lai 78 con và 605 con lợn nái nền, 44/125 con bò đực lai Sind, cho các huyện Bảo Yên, Bảo Thắng, Văn Bàn,... Cải tạo giống bò bằng giống Zêbu theo phương pháp thụ tinh nhân tạo, đã tổ chức phối giống được 44 con, trong đó có kết quả là 29 con.

- Áp dụng các loại giống mới về thủy sản đưa vào sản xuất ngày càng tăng, gồm: cá chép lai, cá rô phi đơn tính, cá chim trắng, tôm càng xanh,...có hiệu quả hơn giống cũ; năm 2002 nuôi thí điểm tôm càng xanh 2 ha có hiệu quả cao. Năm 2003, đã chọn điểm nuôi tôm càng xanh tại 3 huyện, thị với diện tích 8 ha. Diện tích nuôi cá chim trắng 1 ha (Bảo Thắng 0,5 ha; thị xã Lào Cai 0,5 ha), đã cung cấp đủ 5 vạn con giống (100% kế hoạch) cho các địa phương.

2.4. Về sản xuất giống

Đã tiến hành các hoạt động nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật mới về giống, sản xuất giống tại tỉnh được 2 giống lúa, 3 giống ngô và 2 giống cây ăn quả. Kết quả đã sản xuất được 291,5 tấn giống lúa lai, 164 tấn giống ngô lai bảo đảm chất lượng, góp phần giảm nhập giống từ bên ngoài, đáp ứng trên 20% nhu cầu sản xuất đạt 40% mục tiêu.

Đầu tư xây dựng các vùng chuyên canh sản xuất giống lúa lai với diện tích 46 ha; giống ngô lai 20 ha tại các huyện Bát Xát và thị xã Lào Cai, đầu tư nâng cấp trại giống Làng Hang, Bắc Hà và xây dựng trại giống Sa Pa. Ngoài ra, trên toàn tỉnh còn xây dựng 8 vườn ươm giống chè và 17 vườn ươm các giống cây lâm nghiệp, cây ăn quả. Đầu tư xây dựng cơ sở chế biến, bảo quản và kiểm nghiệm hạt giống với tổng giá trị đầu tư là 2,4 tỷ đồng tại thị xã Lào Cai.

2. 5. Sản xuất lâm nghiệp

Tổng diện tích rừng toàn tỉnh: Năm 2000 là 260.950 ha. Đến ngày 24-6-2003, diện tích rừng toàn tỉnh là 288.882 ha đạt 87,4% mục tiêu và tăng 27.932 ha. Tỷ lệ tán che phủ rừng đến hết năm 2000 là 32,4%, đến tháng 6-2003 đạt 35,85% đạt 87,4% mục tiêu Đại hội; khả năng đến năm 2005 sẽ đạt mục tiêu đề ra (41%).

Trong đó:

- Diện tích rừng tự nhiên năm 2000 là 213.852 ha, đến ngày 24-6-2003 là 236.912 ha.

- Diện tích rừng trồng: Năm 2000 là 47.130 ha. Đến ngày 24-6-2003 là 51.910 ha, chưa kể rừng trang trại và cây lâm nghiệp xã hội.

Một số cây trồng lâm nghiệp mới, có triển vọng đã được quy hoạch và đưa vào sản xuất:

- + Cây tre măng Bát Độ: kế hoạch trồng đến năm 2005 là 1.000 ha; đến nay đã có 233 ha, bằng 23,3% mục tiêu, đã có 40 ha cho thu hoạch. Riêng năm 2003 đã trồng được 163 ha, bằng 36% kế hoạch năm.

- + Mô hình khảo nghiệm cây tốc sinh dương: Năm 2003 mới trồng 19 ha.

+ Trồng rừng bạch đàn giống năng suất cao, keo lai từ mô, 2 năm (2002- 2003) được 116 ha.

2.6. Quy hoạch sắp xếp ổn định dân cư

Tổng số hộ cần sắp xếp là: 7.346 hộ. Trong đó: di chuyển ra khỏi vùng thiên tai là 603 hộ; di chuyển ra khỏi vùng khó khăn là 3.587 hộ; sắp xếp nơi dân ở phân tán là 3.156 hộ.

Thực hiện trong 3 năm là 4.043 hộ. Trong đó: sắp xếp dân ra biên giới là 1.452 hộ; sắp xếp dân ra khỏi vùng thiên tai là 821 hộ (tăng hơn mục tiêu vì những năm qua xảy ra nhiều trận mưa lũ lớn); sắp xếp dân ra khỏi vùng khó khăn là 2.591 hộ.

Như vậy, sau 3 năm thực hiện việc sắp xếp dân cư đạt 55% so với mục tiêu, số hộ đã sắp xếp cơ bản ổn định, có một bộ phận nhỏ còn đi lại cơ sở cũ. Số dân còn phải sắp xếp là 3.300 hộ, bình quân mỗi năm có 1.600-1.700 hộ được sắp xếp, đồng thời phát sinh số hộ bị thiên tai và số hộ hồi cư (khoảng 80 hộ phải sắp xếp) nhưng khả năng vẫn sẽ đạt mục tiêu.

2.7. Đẩy mạnh việc đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở nông thôn phục vụ cho sản xuất và đời sống

- Chương trình kiên cố hóa kênh mương:

Mục tiêu đến năm 2005 phải xây dựng kiên cố hóa kênh mương cho các vùng trọng điểm thâm canh lúa là 750 km. Hai năm (2001-2002) thực hiện bằng nguồn vốn vay ngân sách được 275 km - dự ước năm 2003 thực hiện đạt 112 km. Như vậy khối lượng thực hiện trong 3 năm được 387 km đạt 51% kế hoạch. Chương trình kiên cố hóa kênh mương đã được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng tham gia, tạo điều kiện thuận lợi cho các vùng thâm canh lúa trọng điểm, nâng cao năng suất cây lương thực. Nếu tiếp tục có vốn đầu tư thì sẽ đạt được mục tiêu đề ra.

Tổng các công trình thủy lợi đầu tư bằng các nguồn vốn, dự kiến đến hết năm 2003 là 957 công trình. Tưới cho 22.952 ha lúa cả năm. Trong đó 3 năm (2001-2003) đầu tư mới là 320 công trình; tăng thêm diện tích tưới tiêu cả năm lên 1.905 ha so với năm 2000.

- Các công trình cấp nước sinh hoạt

Tổng các công trình cấp nước sinh hoạt toàn tỉnh ước đến hết năm 2003 là 571 công trình tự chảy và 4.804 lu chứa nước. Tỷ lệ người dân được cấp nước sinh hoạt ước đến năm 2003 toàn tỉnh là 57%. Trong đó 3 năm (2001-2003) đầu tư 320 công trình và 4.804 lu chứa nước. Số người dân được cấp nước sinh hoạt nông thôn là 293.250 người đạt tỷ lệ 47,8% tăng 9,7% so với năm 2002, bằng 68,2% mục tiêu (70%).

- Xây dựng trung tâm cụm xã

Theo Quyết định của Ủy ban Dân tộc miền núi, Lào Cai có 31 trung tâm cụm xã. Trong những năm qua đã đầu tư xây dựng tại 20 trung tâm cụm xã, (1 cụm xã đã hoàn thành các hạng mục công trình) với tổng số 64 công trình, đạt 24% tổng vốn đầu tư của dự án, cụ thể:

Năm 2001 đầu tư xây dựng 36 công trình.

Năm 2002 đầu tư xây dựng 29 công trình, trong đó có 5 công trình mới.

Năm 2003 đầu tư xây dựng 34 công trình, trong đó có 22 công trình mới với tổng giá trị vốn đầu tư 17 tỷ đồng.

Các công trình đầu tư cho các trung tâm cụm xã đi vào sử dụng đã phát huy được hiệu quả, phục vụ sản xuất, kinh doanh và đời sống của nhân dân.

- Đến nay, toàn tỉnh còn 3 xã chưa có đường ô tô đến trung tâm xã, kế hoạch đến cuối năm 2003 sẽ có 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã.

2.8. Đầu tư chế biến nông, lâm sản và phát triển ngành, nghề nông thôn

- Chế biến chè

Đầu tư mở rộng về quy mô cũng như công nghệ chế biến chè tại 3 nông trường (Than Uyên, Phong Hải và Thanh Bình). Nâng công suất chế biến chè từ 27 tấn/ngày năm 2000 lên 65 tấn/ngày trong năm 2003. Xây dựng mới xưởng chế biến chè ở Than Uyên với công suất 6 tấn/ngày.

Ngoài ra, tỉnh còn hỗ trợ cho việc xây dựng các cơ sở chế biến chè

thủ công ở các nơi có chè phân tán và vùng cao. Đến nay đã đầu tư 73 cụm chế biến nhỏ với công suất chế biến đạt 1500-2000 tấn/năm.

Như vậy, công suất của các dây chuyền chế biến chè tập trung và các cụm chế biến nhỏ hiện tại đáp ứng chế biến toàn bộ chè búp tươi sản xuất ra trong toàn tỉnh (khoảng 16 ngàn tấn sản phẩm/năm). Trong những năm tới phải đầu tư tiếp xưởng chế biến chè tại các huyện Bảo Yên, Bát Xát và thị xã Lào Cai.

- Chế biến lâm sản

Nâng cấp mở rộng sản xuất các dây chuyền chế biến lâm sản ở Lâm trường Văn Bàn và Lâm trường Bảo Yên.

Lâm trường Văn Bàn: 6 dây chuyền chế biến, với công suất chế biến 1500 m³ gỗ tinh chế, 9.500m² chiếu tre, gỗ, 3.700 tấn phôi đũa và giấy đế. Chế biến ngoài quốc doanh có trên 50 cơ sở, năng lực chế biến khoảng 1.000 m³/năm.

Thực hiện chủ trương của Nhà nước về hạn chế khai thác, sử dụng gỗ rừng tự nhiên, tăng cường khai thác và sử dụng gỗ rừng trồng, từ năm 2000-2001 giảm dần sản lượng khai thác gỗ tự nhiên chỉ còn 2.400m³/năm. Tăng sản lượng khai thác gỗ rừng trồng đáp ứng yêu cầu tiêu dùng và xuất khẩu. Năm 2001 khai thác 17.000m³, năm 2002 khai thác 22.000 m³. Lượng gỗ rừng trồng của Lào Cai xuất qua cửa khẩu quốc tế Lào Cai trên 3.000 m³/năm (không kể gỗ của các tỉnh khác). Việc tiêu thụ gỗ rừng trồng đã góp phần nâng cao giá trị sản phẩm gỗ nguyên liệu đã có tác dụng nâng cao thu nhập cho người dân và phát triển phong trào trồng rừng của nhân dân và các tổ chức kinh tế.

- Tình hình phát triển tiểu thủ công nghiệp

Các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp đã có sự phát triển cả về số lượng và chất lượng. Hiện nay, toàn tỉnh có 65 doanh nghiệp và công ty trách nhiệm hữu hạn, 53 hợp tác xã và 3.500 hộ sản xuất kinh doanh tiểu thủ công nghiệp, tăng 30% so với năm 2000, thu hút trên 5.500 lao động. Trong 2 năm qua, đã có 19 dự án phát triển tiểu thủ công nghiệp mới được phê duyệt với tổng vốn đầu tư trên 5 tỷ đồng. Các dự án đã bước đầu đi vào sản xuất, thu hút trên 500 lao động, một

số nghề mới được đưa vào sản xuất bước đầu có hiệu quả như: chạm khắc bạc, tranh khảm trai, tranh tre.

Các cơ sở dệt thổ cẩm, rèn đúc công cụ sản xuất, dịch vụ xay xát, sửa chữa xe máy, đồ điện và sản xuất vật liệu xây dựng vẫn tiếp tục phát triển.

- Tình hình phát triển dịch vụ

Dịch vụ nông nghiệp, nông thôn đã có bước phát triển. Các hợp tác xã nông nghiệp sau khi chuyển đổi đã chấn chỉnh và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh dịch vụ như: thủy lợi, bảo vệ thực vật, cung ứng vật tư nông nghiệp, dịch vụ điện, tín dụng và tiêu thụ sản phẩm và mở thêm được một số ngành, nghề, kết hợp giữa dịch vụ sản xuất nông nghiệp với kinh doanh tổng hợp, tạo thêm việc làm và thu nhập cho xã viên. Các cửa hàng vật tư nông nghiệp đặt tại các trung tâm cụm xã cung cấp phần lớn lượng phân bón, thuốc trừ sâu, hạt giống các loại cho sản xuất nông lâm nghiệp.

Các trung tâm cụm xã đã hình thành các phiên chợ, họp ít nhất 1 phiên/tuần với nhiều chủng loại hàng hóa phong phú và mạng lưới những hộ gia đình buôn bán nhỏ đáp ứng cho nhu cầu sinh hoạt, tiêu dùng cho người dân trong vùng.

- Cơ giới hóa nông nghiệp, nông thôn

Trong 3 năm (2001-2003) đã hỗ trợ, trang bị 4.671 máy tuốt lúa cho nông dân, đưa tổng số đến nay có 6.144 máy.

Cơ sở chế biến thức ăn gia súc có 3 cơ sở, tổng công suất chế biến là 4.500 tấn/năm. Trong đó, có 1 cơ sở quốc doanh lớn nhất, công suất đạt 4.000 tấn/năm.

Máy làm đất: 3 năm (2001-2003) hỗ trợ 46 máy, dùng cho các nhóm hộ.

Máy chế biến mía đường thủ công: 467 cụm chủ yếu do dân tự đầu tư.

2.9. Phát triển kinh tế trang trại

Kinh tế trang trại trong những năm qua đã có sự phát triển tương đối mạnh, nhiều loại hình trang trại đã được đầu tư, sản xuất đem

lại hiệu quả kinh tế cao. Theo tiêu chí xác định kinh tế trang trại tại Thông tư liên bộ 69/2000/TTLB/BNN-TCTK, toàn tỉnh hiện có 201 trang trại, trong đó 3 trang trại trồng cây hàng năm, 5 trang trại trồng cây lâu năm, 171 trang trại lâm nghiệp, 2 trang trại chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản, 20 trang trại sản xuất kinh doanh tổng hợp. Tổng vốn đầu tư cho trang trại là 8,5 tỷ đồng; tổng giá trị sản phẩm hàng năm của các trang trại ước đạt 12,5 tỷ đồng, trong đó giá trị hàng hóa tiêu thụ là 11,5 triệu đồng chiếm 92,4% tổng giá trị sản phẩm, nhiều trang trại cho thu nhập trên 40 triệu đồng/năm. Tổng số lao động tham gia sản xuất trong các trang trại là 864 lao động, trong đó lao động gia đình chiếm 83%.

3. Đánh giá chung về chuyển dịch kinh tế nông nghiệp, nông thôn

*** Ưu điểm:**

- Đã xây dựng quy hoạch các vùng sản xuất sản xuất nông, lâm nghiệp theo hướng hàng hóa và các dự án thực hiện 27 đề án, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề.

- Xu hướng phát triển sản xuất hàng hóa ngày càng tăng, thể hiện qua sự tập trung tăng diện tích và năng suất lúa, ngô, đậu tương hàng hóa; diện tích chè và diện tích hoa các loại. Việc chuyển biến này tuy có chậm nhưng có sự chuyển biến đồng bộ giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Tăng các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

- Các cây trồng, các loại hình sản xuất mới đều có hiệu quả và triển vọng phát triển, góp phần làm tăng thu nhập giá trị sản xuất trên một héc ta canh tác.

- Nhiều địa phương đã có chuyển biến trong nhận thức, tư duy trong quản lý. Chủ động tổ chức sản xuất, cung ứng các điều kiện con giống, vật nuôi kịp thời cho sản xuất. Nhân dân đã được tiếp xúc với việc áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, đã và đang thay đổi tập quán canh tác và cách làm cũ.

- Các cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể có kinh nghiệm trong việc chỉ đạo và vận động nhân dân tích cực tham gia thực hiện tốt các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Do có sự chuyển đổi tích cực nên giá trị sản xuất trên 1 đơn vị diện tích canh tác năm 2002 là 11,25 triệu đồng, năm 2003 ước đạt 12,35 triệu. Đã đạt được chỉ tiêu về tăng giá trị trên 1 đơn vị diện tích canh tác theo Nghị quyết đề ra đến năm 2005 là trên 13 triệu/ha. Nhiều mô hình sản xuất có giá trị kinh tế cao như: trồng hoa, giá trị sản xuất đạt khoảng 250 triệu đồng/ha; nuôi tôm càng xanh đã đạt được 50- 60 triệu đồng/ha, gấp 3 lần theo giống cũ.

* Yếu kém:

- Tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ ngành nông nghiệp chưa mạnh.

- Các vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa tập trung diện tích chưa lớn, một số nhỏ lẻ, manh mún.

- Chương trình cây ăn quả sẽ khó đạt được mục tiêu đề ra, do nguồn vốn hỗ trợ dân ít và thị trường tiêu thụ gặp nhiều khó khăn.

- Công tác bảo quản, chế biến, xúc tiến thương mại để tiêu thụ sản phẩm còn rất hạn chế.

- Xã hội hóa nghề rừng chuyển biến chưa mạnh, các dự án trồng rừng cảnh quan phát triển chưa tương xứng với tiềm năng. Việc chủ động tìm kiếm thị trường tiêu thụ cho sản phẩm rừng trồng chưa mạnh.

- Kinh tế trang trại, kinh tế hộ phát triển phần nhiều do tự phát, phát triển không đều giữa các vùng, chủ yếu tập trung ở vùng thấp; sản phẩm đơn thuần, kém tính cạnh tranh.

- Sản xuất nông nghiệp ở Lào Cai chủ yếu là lao động thủ công, các công đoạn sản xuất chưa được cơ giới hóa nên năng suất lao động thấp giá trị sản phẩm chưa cao.

- Về ngành, nghề nông thôn: hiện chỉ có một số ngành, nghề đang được sản xuất theo quy mô nhỏ, các hoạt động về dịch vụ ngành, nghề chậm phát triển, do đó hầu hết nông thôn ở Lào Cai hiện nay vẫn chủ

yếu là sản xuất nông nghiệp, các hoạt động về dịch vụ nếu có cũng chỉ là “nghề phụ”, thu nhập thấp.

- Tình trạng dân di cư tự do không giảm và diễn biến rất phức tạp do nhiều nguyên nhân. Công tác sắp xếp ổn định dân cư còn gặp nhiều khó khăn như thiếu nguồn nước; chưa có đường giao thông và thiếu đất sản xuất...

4. Các giải pháp để tiếp tục thực hiện trong thời gian tới

- Tiếp tục tập trung chỉ đạo, triển khai 6 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở năm 2003 theo Kế hoạch số 150-KH/UB, ngày 7-3-2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX, xây dựng kế hoạch thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới Việt - Trung theo tinh thần Quyết định 120-QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ. Ngoài việc tăng cường vận động nhân dân, đẩy mạnh chỉ đạo sản xuất, phân cấp trách nhiệm cho cơ sở, cần tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

1- Tiếp tục xây dựng các chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn cho các năm sau, dồn sức để phấn đấu đạt kế hoạch, mục tiêu đã đề ra. Rà soát điều chỉnh quy hoạch các vùng cây con vừa bảo đảm cho quy mô sản xuất đến giai đoạn 2005, vừa có sự phát triển phù hợp đất đai, khí hậu của cây trồng và năng lực sản xuất của nhân dân địa phương. Xây dựng quy hoạch tiểu thủ công nghiệp, ngành, nghề nông thôn phù hợp với từng vùng, phát huy được thế mạnh, ngành, nghề truyền thống của từng địa phương và gắn với việc tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ.

2- Đẩy mạnh thực hiện sản xuất, tăng nhanh diện tích, sản lượng những giống cây, con mới đã được đánh giá là phù hợp và có hiệu quả, phục tráng các giống cây trồng địa phương có năng suất, chất lượng cao.

3- Thực hiện chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất và tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm và đẩy mạnh xây dựng mô hình các cây, con mới để tổng kết đánh giá và nhân rộng thực hiện.

4- Tổ chức các hoạt động dịch vụ cung ứng vật tư phục vụ sản xuất, đẩy mạnh chế biến, Thông tin thị trường, xúc tiến thương mại và tiêu thụ sản phẩm.

5- Rà soát sửa đổi, bổ sung các chính sách của tỉnh về sản xuất chè, sản xuất giống cây, con mới và xây dựng cơ sở hạ tầng, chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tạo ra nguồn thu trong khi đô thị hóa đang phát triển nhanh.

6- Thực hiện tốt quản lý sử dụng đất, khoanh vùng sản xuất nương rẫy, thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý rừng theo Quyết định 245-QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ.

7- Đối với việc sắp xếp, ổn định dân cư: Phải quy hoạch, sắp xếp bố trí dân cư đồng bộ với việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng như đường giao thông, nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất, đất canh tác, bảo đảm cho dân cư ổn định lâu dài và bảo vệ biên giới, giữ vững an ninh - quốc phòng.

8- Nâng cao vai trò và làm rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành, tổ chức và các cá nhân trong việc chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các dự án, đề án.

II. ĐỀ ÁN XÓA ĐÓI, GIẢM NGHEÒ

1. Kết quả so với mục tiêu đề ra

Trong 2 năm 2001- 2002 giảm được 11,8% hộ đói, nghèo. Trong đó, năm 2001 giảm 4,19% hộ đói, nghèo; năm 2002 giảm 7,61% hộ đói, nghèo, hộ phát sinh nghèo là 1,59%. Tính đến hết năm 2002, số hộ đói, nghèo toàn tỉnh còn 19,19%, và 6 tháng đầu năm 2003, tỷ lệ giảm đói nghèo đạt 2,85% số hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo còn 16,34%, khả năng cuối năm 2003 còn dưới 15%, bằng mục tiêu 2005.

2. Kết quả các đề án cụ thể

Đã kết hợp triển khai đồng đều và có hiệu quả các dự án phát triển kinh tế, xã hội phục vụ cho công tác xóa đói, giảm nghèo:

2.1. Dự án chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn; đưa sản lượng lương thực có hạt năm 2002 đạt 177 nghìn tấn lên 186 nghìn tấn vào năm 2003. Làm tăng giá trị trên một đơn vị diện tích canh tác từ 8,8 triệu đồng/ha lên 11,3 triệu đồng/ha.

2.2. Dự án khuyến nông, khuyến lâm, mở 168 lớp hướng dẫn các hộ nghèo cách làm ăn cho 8.215 hộ, xây dựng 482 mô hình trình diễn; xây dựng mạng lưới cán bộ khuyến nông gồm 171 khuyến nông viên.

2.3. Dự án hỗ trợ chất lợp và nước ăn cho hộ nghèo: trong 2 năm đã thực hiện hỗ trợ ở 51/180 xã, phường. Kết quả đã hỗ trợ chất lợp cho 4.610 hộ, hỗ trợ cung cấp dụng cụ chứa nước cho 1.881 hộ.

2.4. Dự án tín dụng nông thôn và tín dụng người nghèo cho 52.463 lượt hộ vay với tổng số tiền cho vay là 316,516 tỷ đồng; tín dụng ưu đãi cho người nghèo cho 36.100 lượt hộ vay lãi xuất ưu đãi với tổng số tiền cho vay là 135,9 tỷ đồng.

2.5. Dự án hỗ trợ y tế cho người nghèo thực hiện khám, chữa bệnh miễn phí cho 498.567 lượt người, cấp phát thuốc cho đồng bào dân tộc vùng III.

2.6. Dự án hỗ trợ người nghèo về giáo dục đã miễn giảm học phí cho 32.093 lượt học sinh, hỗ trợ vở viết, sách giáo khoa cho 214.318 học sinh và các hỗ trợ giáo dục khác.

2.7. Dự án đào tạo bồi dưỡng và nâng cao năng lực cán bộ làm công tác xóa đói, giảm nghèo, tập huấn cho 2.998 lượt cán bộ các cấp, lập hệ thống sổ sách theo dõi hộ nghèo ở 3 cấp, duy trì tốt việc điều tra, đánh giá định kỳ về công tác xóa đói, giảm nghèo.

2.8. Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn theo Chương trình 135, đầu tư xây dựng 386 công trình với tổng kinh phí là 114,9 tỷ đồng.

2.9. Ngoài ra còn các dự án khác đầu tư cho việc xóa đói, giảm nghèo đạt hiệu quả cao như: dự án giảm nghèo (WB); Đề án quy hoạch sắp xếp ổn định dân cư; Dự án phát triển nghề nông thôn; đề án đào tạo cán bộ cơ sở;...đã và đang được triển khai, bước đầu có kết quả.

3. Đánh giá chung

Công tác xóa đói, giảm nghèo đã được các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân tích cực tham gia thực hiện nên kết quả đạt cao.

Có sự chuyển biến mạnh về nhận thức của nhân dân trong công tác xóa đói, giảm nghèo và ý thức khắc phục khó khăn tự vươn lên làm giàu của những hộ nghèo.

Đã lồng ghép các chương trình, dự án đầu tư và triển khai thực hiện hiệu quả các dự án, cơ bản đáp ứng được cho nhu cầu nhân dân vay vốn phát triển sản xuất, giải quyết việc làm cho lực lượng lao động nhàn rỗi ở nông thôn.

Tuy nhiên, kết quả xóa đói, giảm nghèo chưa thực sự bền vững, tỷ lệ nghèo phát sinh và tái nghèo còn cao. Nguồn vốn cân đối hằng năm cho xóa đói, giảm nghèo còn thấp so với nhu cầu thực tế ở địa phương, người nghèo rất lúng túng trong sản xuất, kinh doanh,

Việc phát huy nội lực và huy động nguồn lực tại chỗ để tham gia chương trình và các dự án còn hạn chế, chủ yếu dựa vào nguồn đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước.

4. Biện pháp trong thời gian tới

Gắn chặt công tác xóa đói, giảm nghèo với giải quyết việc làm. Kết hợp chặt chẽ, lồng ghép và thực hiện các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn dân cư.

- Đẩy mạnh công tác khuyến nông về thôn, bản, tăng cường công tác đào tạo nghề, hướng dẫn cách làm ăn; kịp thời phát hiện và nhân rộng các mô hình điển hình trong sản xuất, những cách làm hay và hiệu quả trong công tác xóa đói, giảm nghèo. Biểu dương và khen thưởng kịp thời đối với các cá nhân, hộ gia đình có ý chí và nghị lực quyết tâm vươn lên thoát khỏi đói nghèo, trở thành các hộ khá, giàu ở địa phương.

- Tiếp tục quán triệt trách nhiệm của các cấp, các ngành đối với công tác xóa đói, giảm nghèo. Hằng năm, các cấp ủy, chính quyền phải

đặt ra mục tiêu thoát đói nghèo, rút khỏi danh sách xã “đặc biệt khó khăn” cho từng đơn vị của mình.

- Tiếp tục ban hành, tổ chức thực hiện các chính sách đầu tư, hỗ trợ với vùng nghèo, hộ nghèo trên cơ sở thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức có hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ cho công tác xóa đói, giảm nghèo, đặc biệt là nguồn lực từ trong dân.

III. ĐỀ ÁN PHỔ CẬP GIÁO DỤC TIỂU HỌC ĐÚNG ĐỘ TUỔI, PHỔ CẬP TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐẾN THỜI ĐIỂM THÁNG 6-2003

1. Các kết quả đã đạt được

- Chỉ tiêu kế hoạch năm 2003: 180 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học; 10/10 huyện, thị xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học; 38 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; 20 xã đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở.

- Hết tháng 5-2003, có 180/180 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học năm 2003, vượt kế hoạch về thời gian là 6 tháng. 43/180 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, vượt kế hoạch 5 xã, đạt 53,7% mục tiêu (80 xã). Đã có 18/180 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở, ước hết năm 2003 đạt 23 xã, phường, thị trấn, tăng 10 xã so với tháng 12-2002 đạt 38,33% mục tiêu (60 xã). Qua kiểm tra tình hình thực hiện mở lớp và tiến độ triển khai thực hiện phổ cập trung học cơ sở, sau kỳ thi tốt nghiệp bổ túc trung học cơ sở tháng 12-2003 sẽ có 21/180 xã đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở, vượt kế hoạch đề ra là 1 xã.

2. Đánh giá chung

- Mức độ, chất lượng, độ bền vững đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học của các huyện, thị, nhiều xã và toàn tỉnh tiếp tục được nâng lên:

+ Số xã đạt chuẩn trong từng độ tuổi được nâng lên so với cùng kỳ năm trước (tháng 6-2002): phổ cập 14 tuổi có 180 xã, tăng 14 xã; phổ

cấp 13 tuổi có 116 xã, tăng 13 xã; phổ cập 12 tuổi có 91 xã, tăng 21 xã; phổ cập 11 tuổi (đúng độ tuổi) có 43 xã, tăng 18 xã.

+ Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp tiểu học trong từng độ tuổi 6 tháng đầu năm 2003 được nâng lên so với cùng kỳ năm trước (tháng 6-2002): 14 tuổi đạt 88,9%, tăng 4,6%; 13 tuổi đạt 81%, tăng 4,9%; 12 tuổi đạt 73,1%, tăng 11,9%; 11 tuổi đạt 56,2%, tăng 9,6%.

- Số xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi đạt và vượt chỉ tiêu trong Đề án phổ cập (vượt 5 xã), chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học bảo đảm yêu cầu.

- Tỷ lệ trẻ 6-14 tuổi đi học tiếp tục tăng, toàn tỉnh đạt 93% (năm học 2001- 2002 đạt 92%). Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 96,26% (năm học 2001- 2002 đạt 94,6%).

- Để đến hết năm 2005, toàn tỉnh có 76 xã đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở. Nhằm đạt mục tiêu đề ra, các xã đang tích cực triển khai thực hiện Công văn số 986/CV-UB, ngày 13-11-2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể là:

+ Duy trì số học sinh đang học phổ thông trung học cơ sở, giảng dạy và học tập bảo đảm chất lượng.

+ Mở các lớp bổ túc trung học cơ sở cho học sinh lớn tuổi, huy động số học sinh đã bỏ học trở lại trường tiếp tục học tập để kịp tốt nghiệp ở 5 xã đăng ký đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Cuối kỳ I năm học 2002-2003, toàn tỉnh có 7.930 học viên bổ túc trung học cơ sở, thì 76 xã đăng ký đạt chuẩn đã có 4.592 học viên bổ túc trung học cơ sở, bằng 57,9% số học viên bổ túc trung học cơ sở toàn tỉnh (những xã có số học viên bổ túc trung học cơ sở cao như: Hợp Thành có 120 học viên, Phong Hải có 220 học viên, Phong Niên có 160 học viên, Gia Phú có 300 học viên, Xuân Quang có 200 học viên, Cán Cấu có 97 học viên, Nà Cang có 111 học viên,...).

* Nguyên nhân - kết quả

- Sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp sâu sát, cụ thể hơn.

- Sự nỗ lực vượt bậc của toàn ngành Giáo dục, đặc biệt là của các

thầy giáo, cô giáo dạy ở các trường, lớp vùng cao, những nơi mà phổ cập giáo dục tiểu học gặp nhiều khó khăn.

- Công tác quản lý, chỉ đạo phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi đã được đổi mới theo phương châm: trực tiếp, sâu sát, cụ thể.

* Khuyết điểm, tồn tại và nguyên nhân:

a) *Khuyết điểm, tồn tại:*

- Có một số huyện, thị chưa thực hiện được chỉ tiêu, kế hoạch phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, theo đề án của tỉnh (thị xã Lào Cai đạt 12 xã, thiếu 1 xã; Bảo Thắng đạt 6 xã, thiếu 1 xã; Mường Khương đạt 1 xã, thiếu 1 xã).

- Ban chỉ đạo một số huyện, thị xã nắm tình hình, số liệu phổ cập giáo dục chưa chắc chắn, chưa cập nhật kịp thời.

- Tỷ lệ chuyên cần của học sinh, học viên ở một số xã, thôn, bản vùng cao còn thấp, học sinh hay nghỉ học vào lúc mưa gió, rét, mùa vụ, cưới xin, ma chay...

- Vẫn còn một số xã vùng cao, mức độ bền vững phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở còn thấp và chưa chắc chắn. Hai xã Nà Cang (Than Uyên) và Cốc San (Bát Xát) phấn đấu đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở năm 2005, song qua kiểm tra, 2 xã này khó có thể đạt mục tiêu đề ra. Một số xã như Xuân Giao, Xã Lu (Bảo Thắng), thị trấn Bắc Hà (Bắc Hà), Làng Giàng, Nậm Rạng (Văn Bàn) nếu đạt chuẩn theo kế hoạch thì chỉ đạt với tỷ lệ ở mức xấp xỉ với chuẩn, nên rất bấp bênh, nếu không duy trì tốt các lớp phổ thông trung học cơ sở và bổ túc trung học cơ sở hiện có và không huy động thêm số học sinh bỏ học vào các lớp bổ túc trung học cơ sở thì khả năng đạt chuẩn không chắc chắn.

b) *Nguyên nhân:*

Cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các ban, ngành, đoàn thể ở các nơi trên chưa thật quan tâm, chưa thực sự có quyết tâm cao và chưa sát sao tới công tác phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở; chưa

làm tốt việc vận động, duy trì số lượng học sinh ra lớp và đi học hằng ngày. Công tác xã hội hóa giáo dục còn nhiều hạn chế; một số lãnh đạo ở cơ sở chưa nắm vững nội dung và chương trình phổ cập tiểu học đúng độ tuổi.

- Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở những nơi trên hoạt động chưa tích cực; chỉ đạo chưa ráo riết, tiến độ thực hiện đề án chậm; lề lối, phương pháp lãnh đạo còn hạn chế, vẫn còn biểu hiện quan tâm chung chung sau đó “Khoán trắng” cho phòng giáo dục và nhà trường ở khâu triển khai thực hiện.

- Chế độ cho người học còn bất cập, sách giáo khoa thiếu, học phẩm, giấy phát (không thu tiền) chưa được quy định phù hợp từng lớp, kinh phí cho phổ cập giáo dục trung học cơ sở chưa đáp ứng kịp thời nên còn khó khăn cho người dạy và người học.

- Hiệu trưởng các trường ở những xã trên chưa tham mưu tích cực cho các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các ban, ngành, đoàn thể của xã.

3. Phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới

- Căn cứ vào đề án phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở của tỉnh; căn cứ vào tình hình, kết quả, mức độ, chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập trung học cơ sở của từng huyện thị, các huyện thị cần xây dựng kế hoạch phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở cho năm học mới (2003-2004). Trong kế hoạch phải xác định rõ: mức độ, chất lượng, kết quả phổ cập giáo dục của từng xã, phường, thị trấn; xác định rõ các xã phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở theo chỉ tiêu trong đề án của tỉnh, có các giải pháp cụ thể để thực hiện đạt và vượt kế hoạch. Tập trung chỉ đạo để hoàn thành tốt nhiệm vụ phổ cập giáo dục. Trong quá trình chỉ đạo cần tập trung vào những việc cụ thể sau đây:

+ Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục bằng cả hai hình thức phổ thông và bổ túc.

+ Làm tốt công tác tuyển sinh vào lớp 1, lớp 6 năm học mới; huy động hết trẻ 6 tuổi và các độ tuổi khác (7 tuổi, 8 tuổi,...) chưa đến lớp vào lớp 1. Huy động số học sinh bỏ học tiếp tục đến trường. Tập trung duy trì tốt số học sinh phổ thông, đồng thời tăng cường mở các lớp bổ túc trung học cơ sở nhằm đẩy nhanh tiến độ phổ cập trung học cơ sở.

+ Tăng cường, duy trì các lớp mẫu giáo 5 tuổi, để chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1, đặc biệt chú ý các xã, thôn, bản vùng cao. Lựa chọn những mô hình bán trú dân nuôi có hiệu quả để nhân rộng và có biện pháp hỗ trợ.

+ Huy động số trẻ khuyết tật vào các lớp học hòa nhập, có nội dung và biện pháp giáo dục phù hợp với từng học sinh để từng em có điều kiện phát triển mọi mặt và tham gia học tập hòa nhập.

+ Kiên trì làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục. Các cấp ủy, chính quyền địa phương phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể, tổ công tác tăng cường ở xã, có nhiều biện pháp thu hút học sinh để bảo đảm tỷ lệ chuyên cần của học sinh ở các xã, thôn, bản vùng cao.

- Tiếp tục đưa công tác phổ cập giáo dục vào nền nếp. Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục các cấp tích cực chỉ đạo các hoạt động: điều tra, tổng hợp cập nhật số liệu, làm hồ sơ, sổ sách, kiểm tra công nhận, hoạt động của ban chỉ đạo phổ cập giáo dục cấp xã, phường, thị trấn. Đổi mới mạnh mẽ lề lối quản lý chỉ đạo phổ cập giáo dục; xác định mục tiêu, phân công trách nhiệm cụ thể, kiểm tra đánh giá theo chỉ tiêu, trách nhiệm được phân công; nhân điển hình tốt, tập trung giúp đỡ các đơn vị khó khăn, chống các biểu hiện chung chung, khoán trắng

Sau 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh, sự quyết tâm của các cấp, các ngành và được sự hưởng ứng mạnh mẽ của nhân dân, hầu hết các chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đều đạt và vượt mục tiêu đề ra. Những kết quả trên đã góp phần quan trọng vào việc hoàn thành mục tiêu xóa đói, giảm nghèo đã đề ra.

Tuy nhiên, bên cạnh đó có một số mục tiêu có khó khăn do nhiều nguyên nhân cả khách quan và chủ quan, cần thấy rõ được những tồn tại để đề ra các biện pháp khắc phục kịp thời mới đạt được kết quả mục tiêu Kế hoạch số 03-KH/TU, ngày 30-5-2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 17-CT/TU, ngày 1-8-2003

Về việc đào tạo Chỉ huy trưởng Quân sự xã, phường, thị trấn

Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, đội ngũ cán bộ ở cơ sở luôn được củng cố và kiện toàn đủ về số lượng, đã từng bước nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở. Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ Chỉ huy trưởng xã, phường, thị trấn chưa được đào tạo cơ bản, mới chỉ qua các lớp tập huấn quân sự theo chương trình quy định hàng năm nên trình độ năng lực công tác còn hạn chế, nhất là công tác làm tham mưu cho cấp ủy, chính quyền cơ sở về công tác quốc phòng chưa đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ.

Để đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn, nâng cao kết quả thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về quốc phòng trong tình hình mới, đồng thời đào tạo các đồng chí trong quy hoạch cán bộ chuyên trách Quân sự có đủ tiêu chuẩn trở thành Chỉ huy trưởng Quân sự xã, phường, thị trấn theo tiêu chí chuẩn quốc gia, có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt có thể phát triển trở thành cán bộ chủ chốt ở xã, phường, thị trấn. Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, thủ trưởng các sở, ban, ngành trong tỉnh triển khai thực hiện một số nội dung sau:

1. Các huyện, thị ủy, đảng ủy trực thuộc tổ chức quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 17-NQ/TW, ngày 18-3-2002 của Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) và Quyết định số 85/2002-QĐ/TTg, ngày 28-6-2002 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn; chỉ đạo chặt chẽ về việc quy hoạch cán bộ cơ sở, lựa chọn cán bộ đi đào tạo đúng tiêu chuẩn, đủ chỉ tiêu, đúng thời gian nhưng không ảnh hưởng đến mọi hoạt động ở địa phương.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh có kế hoạch chỉ đạo tổ chức thực hiện các lớp đào tạo Chỉ huy trưởng Quân sự xã, phường, thị trấn theo chương trình, nội dung Chỉ thị số 34/CT-BQP, ngày 6-3-2003 của Bộ Quốc phòng về việc đào tạo Chỉ huy trưởng Quân sự xã, phường, thị trấn (2004 - 2010).

3. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh xây dựng đề án đào tạo Chỉ huy trưởng Quân sự xã, phường, thị trấn trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và là cơ quan chủ trì phối hợp với các huyện, thị và sở, ban, ngành có liên quan để triển khai thực hiện nhiệm vụ đào tạo chỉ huy trưởng quân sự xã, phường, thị trấn theo kế hoạch.

4. Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tổ chức chính quyền tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường Chính trị tỉnh và các cơ quan liên quan phối hợp chặt chẽ với Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh làm tốt công tác chuẩn bị và tổ chức thực hiện đạt kết quả cao.

5. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính - Vật giá có kế hoạch bảo đảm ngân sách cho các lớp đào tạo và kinh phí để sửa chữa nâng cấp Trường Quân sự tỉnh đủ điều kiện để đào tạo cán bộ theo kế hoạch.

6. Trong quá trình tổ chức đào tạo Chỉ huy trưởng Quân sự xã, phường, thị trấn, các cấp, các ngành bảo đảm thực hiện tốt các tiêu chuẩn chế độ chính sách quy định đối với cán bộ đi học. Nghiên cứu bổ sung kinh phí hỗ trợ tạo điều kiện giúp cán bộ giảm bớt những khó khăn, yên tâm trong học tập và rèn luyện.

Yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, các sở, ban, ngành, đoàn thể quán triệt và tổ chức thực hiện Chỉ thị này, hàng năm báo cáo kết quả về Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỬ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO

TỰ KIỂM TRA CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 113-BC/TU, ngày 5-8-2003

Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Căn cứ Kế hoạch kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 04-KH/TW, ngày 6-6-2003 của Ban Chấp hành Trung ương, ngày 30-6-2003, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập Ban chỉ đạo; ngày 8-7-2003, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua kế hoạch của Tỉnh ủy về thực hiện Kế hoạch số 04-KH/TW, ngày 16-7-2003, Tỉnh ủy mở hội nghị cán bộ chủ chốt triển khai kế hoạch của Trung ương và của tỉnh, đồng thời tiến hành tổ chức thực hiện. Qua quá trình thường xuyên theo dõi, sơ tổng kết và kết quả tự kiểm tra, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai báo cáo kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ở tỉnh Lào Cai trong những năm qua, đặc biệt là trong thời kỳ kể từ đầu nhiệm kỳ Đại hội IX đến nay với các nội dung cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CỦA TỈNH

Lào Cai là một tỉnh vùng cao, biên giới, nhiều dân tộc, được tái lập tháng 10-1991 với muôn vàn khó khăn. Toàn tỉnh có diện tích 8.050 km² gồm 63 vạn người thuộc 27 dân tộc anh em (trong đó 65% là đồng bào dân tộc thiểu số), sinh sống ở 10 huyện, thị xã với 180 xã, phường,

thị trấn, trong đó có 138 xã thuộc diện đặc biệt khó khăn (có xã cách trung tâm tỉnh 200 km), 26 xã, phường biên giới với hơn 203 km đường biên giới, thị xã tỉnh lỵ đóng sát biên giới với Trung Quốc, cơ sở vật chất hầu như không có gì, hệ thống giao thông đi lại khó khăn. Đến Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, toàn tỉnh còn 17 xã chưa có đường ô tô tới trung tâm, 29,6% số hộ đói nghèo. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy đã tập trung chỉ đạo tranh thủ thuận lợi, khắc phục khó khăn, phát huy lợi thế so sánh, huy động sức mạnh tổng hợp toàn đảng bộ, toàn dân đẩy mạnh sản xuất, tăng thu, tiết kiệm chi tiêu dùng để đầu tư phát triển sản xuất, đẩy mạnh chống lãng phí và thực hành tiết kiệm trên tất cả các lĩnh vực, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Đặc biệt sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, tỉnh đã vận dụng sáng tạo các nghị quyết Đại hội vào điều kiện cụ thể của tỉnh, xây dựng thành 7 chương trình công tác trọng tâm toàn khóa với 27 đề án, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề nhằm phát triển một cách toàn diện kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng và xây dựng hệ thống chính trị với tổng số tiền cần phải huy động khoảng 15.000 tỷ đồng, trong đó có giải pháp phải tranh thủ kêu gọi nguồn lực của mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước nhưng chủ yếu phải phát huy nội lực thông qua phát triển sản xuất và tiết kiệm của toàn Đảng bộ, toàn dân. Nhiều dự án bước đầu phát huy hiệu quả tốt như dự án xây dựng khu kinh tế cửa khẩu, Khu Thương mại Kim Thành, các khu công nghiệp địa phương đã được các cơ quan Trung ương hết sức ủng hộ, nhiều tổ chức và doanh nghiệp trong và ngoài nước quan tâm đến nghiên cứu và đầu tư, triển vọng đây thực sự sẽ trở thành cầu nối không chỉ cho các tỉnh trong cả nước mà còn cho cả khối ASEAN với Trung Quốc. Dự án xây dựng thành phố Lào Cai là một quyết định táo bạo và sáng tạo của tỉnh được nhiều nơi quan tâm đến tìm hiểu cơ hội đầu tư. Dự án phát triển giao thông (đặc biệt là giao thông nông thôn) đã đạt được kết quả tốt và mang lại hiệu quả to lớn, hiện đã nhựa hóa một số tuyến đường chính đến trung tâm các huyện, thị xã và dự kiến đến hết năm 2003 sẽ thông xe ô tô

về tất cả các xã. Dự án tăng tốc trong bưu chính viễn thông đã nâng tổng số máy điện thoại trong toàn tỉnh lên 20.000 máy, đạt bình quân 3,3 máy/100 người, phủ sóng di động cho 5/10 huyện, thị xã, góp phần đáng kể vào việc thực hiện dự án Chính phủ điện tử và ứng dụng công nghệ thông tin vào lãnh, chỉ đạo của Đảng bộ. Dự án phát triển du lịch bền vững đã xây dựng Sa Pa trở thành một điểm du lịch quốc gia hấp dẫn được nhiều tổ chức, cơ quan tới thăm, tổ chức các hội nghị của quốc tế, Trung ương và của tỉnh. Dự án chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp, xóa đói, giảm nghèo đã nâng cao đáng kể đời sống vật chất và tinh thần của nông dân, giảm tỷ lệ đói nghèo xuống còn khoảng 16,34%. Đặc biệt, năm nay tỉnh xác định là năm hướng về cơ sở với 6 chương trình trọng tâm đã được toàn Đảng bộ, toàn dân đồng tình hưởng ứng với khí thế sôi nổi, mạnh mẽ, đã làm thay đổi đáng kể nhận thức của người dân và đổi mới phương thức, phong cách làm việc của hệ thống chính trị đó là giảm hội họp, tăng cường đi cơ sở để chỉ đạo. Đồng thời, trong những năm qua, tỉnh đã ban hành 11 nhóm cơ chế chính sách hàng năm phải tiết kiệm cân đối từ ngân sách địa phương để chi gần 40 tỷ đồng, trong đó cho khuyến học 11.601 triệu đồng, thực hiện các chính sách xã hội 171 triệu đồng, hỗ trợ trong lĩnh vực y tế 2.184 triệu đồng, hỗ trợ đối với lĩnh vực văn hóa 603 triệu đồng, khuyến nông, khuyến lâm 1.157 triệu đồng, cấp bù lãi suất vay các chương trình dự án 3.200 triệu đồng, cấp bù lãi suất cho vay hộ nghèo 4.800 triệu đồng, hỗ trợ kinh phí xây dựng vườn ươm, áp dụng giống mới, kinh phí quản lý chương trình phát triển vùng chè, hỗ trợ trồng chè Tuyết San thuộc rừng phòng hộ 2.000 triệu đồng, hỗ trợ ngân sách xã 2.578 triệu đồng, các lĩnh vực khác như mua báo cấp cho xã, thôn, bản gần 2.000 triệu đồng, khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp 3.500 triệu đồng, trợ cấp cán bộ tăng cường về xã 1.000 triệu đồng, hỗ trợ xã vùng II (20 xã) 2.000 triệu đồng,...

Những tình hình trên đã có tác động đến việc lãnh, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đó là toàn tỉnh đã xác định phải tiết kiệm chi, chi tiêu có kế hoạch, có trọng tâm trọng điểm, tăng thu để

đầu tư cho sản xuất. Năm 2002, tổng thu ngân sách địa phương đạt 1.005,7 tỷ đồng, vượt 4,8% so với dự toán, trong đó thu trên địa bàn đạt 307 tỷ đồng, chi ngân sách địa phương đạt 944,978 tỷ đồng, bằng 98,5% dự toán, dự kiến năm 2003 tổng thu ngân sách địa phương đạt 1.277,3 17 tỷ đồng, trong đó thu trên địa bàn đạt 365 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm đạt cao, dự kiến năm 2003 đạt trên 10% (năm 2002 đạt 10,37%). Những năm qua, Đảng bộ luôn đoàn kết, thống nhất, nhân dân luôn tin tưởng vào Đảng và Nhà nước và luôn thực hiện theo các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là phát huy truyền thống tự lực tự cường, tiết kiệm để sản xuất, vươn lên làm giàu, do vậy đến nay toàn tỉnh có trên 14.000 hộ giàu và gần 500 doanh nghiệp tư nhân và công ty trách nhiệm hữu hạn. Mặt khác, để làm được những công việc trên, tỉnh cũng phải giành một khoản kinh phí để cho tập huấn, nghiên cứu, học tập, tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết nhân rộng các mô hình điển hình, góp phần tạo nên sự ổn định cho tỉnh có bước phát triển khá toàn diện trong mấy năm qua.

II. VIỆC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO VÀ TỔ CHỨC QUẢN TRIỆT CÁC CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VỀ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Đây là nhiệm vụ quan trọng được toàn Đảng bộ đặc biệt quan tâm. Ngay từ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 1996- 2000, vấn đề thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã xác định: “Tiết kiệm chi để đầu tư cho sản xuất, quản lý chặt chẽ các nguồn vốn, xử lý nghiêm những người làm thất thoát vốn hoặc chiếm đoạt vốn của Nhà nước và của nhân dân”.

Đảng bộ đã triển khai và thực hiện nghiêm túc các văn bản của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương như Nghị quyết 14-NQ/TW về lãnh đạo cuộc đấu tranh

chống tham nhũng; Chỉ thị 27-CT/TW về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, hội; Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Nghị định 38/1998-NĐ/CP quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Chỉ thị 29-CT/TTg của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Chỉ thị 21/2001/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị 32-CT/TTg về cải tiến nội dung, phương thức, nâng cao hiệu quả, triệt để thực hành tiết kiệm trong các cuộc họp và hội nghị, các Quyết định 122/QĐ-TTg, 208/QĐ-TTg, 147/QĐ-TTg,...; Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng chương trình hành động, lộ trình thực hiện và chỉ đạo các cấp ủy đảng, các đảng đoàn, ban cán sự triển khai đến cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, coi đây là những đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng, vừa nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên vừa tiến hành làm rõ những sai phạm, khuyết điểm của tổ chức và cá nhân để có uốn nắn chỉ đạo kịp thời.

Tỉnh đã giao cho ngành tư pháp phối hợp với các ngành chức năng, đoàn thể quần chúng giúp tỉnh tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân về nội dung thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng, xây dựng và chỉnh đốn Đảng thông qua các hình thức: mở hội nghị báo cáo viên theo các cấp hành chính; tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, mở chuyên trang, chuyên mục; tuyên truyền lồng ghép vào các buổi sinh hoạt của các tổ chức đoàn thể, quần chúng, các buổi sinh hoạt chuyên đề về pháp luật; phát hành tờ rơi, mở hòm thư góp ý, tổ chức tốt công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của đảng viên và công dân; đẩy mạnh thực hiện Quy chế dân chủ, công khai các công việc liên quan đến tiền và tài sản; tiếp tục thực hiện tốt tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), thực hiện tốt cuộc kiểm tra chấp hành 19 điều cấm đảng viên không được làm và 6 điều cấm công chức không được làm.

Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa XII (nhiệm kỳ 2000- 2005) đã xác định: “Khắc phục tình trạng quản lý chồng chéo hoặc sơ hở, loại

trừ những phiền hà, sách nhiễu đối với mọi hoạt động kinh doanh, sản xuất của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đến đầu tư, sản xuất kinh doanh tại Lào Cai. Đổi mới và tăng cường quản lý trong đầu tư xây dựng cơ bản. Tiết kiệm chi, quản lý chặt chẽ các loại nguồn vốn, chống tham ô, tham nhũng”. Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, Ban Chấp hành Đảng bộ đã xây dựng quy chế làm việc, trong đó quy định hằng năm, Ban Chấp hành cho ý kiến về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch thu, chi ngân sách và đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn. Đối với ngân sách đảng, Ban Thường vụ xây dựng kế hoạch và Ban Chấp hành tiến hành quyết toán hằng năm, phân công đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy phụ trách công tác tài chính của Đảng bộ, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy được ủy quyền làm chủ tài khoản của Tỉnh ủy.

Ban Chấp hành đã cụ thể hóa các nghị quyết Đại hội thành Chương trình công tác toàn khóa số 02-CT/TU, ngày 3-5-2001 gồm 7 chương trình công tác trọng tâm toàn khóa với 27 đề án, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề, trong đó phân công từng đồng chí trong Ban Thường vụ phụ trách từng đề án, kế hoạch, và xây dựng Chương trình công tác kiểm tra toàn khóa số 03-CT/TU, ngày 3-5-2001, trong đó xác định kiểm tra trong lĩnh vực triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và các quy định của Nhà nước bao gồm: Trong kinh tế, kiểm tra việc triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và vận dụng điều kiện cụ thể của địa phương, kiểm tra việc thu chi ngân sách và khai thác nguồn vốn để xây dựng cơ sở hạ tầng, kiểm tra những dự án đầu tư, những công trình cơ bản từ nguồn vốn ngân sách tập trung, vốn sự nghiệp kinh tế và huy động vốn trong dân cũng như việc thực hiện dân chủ, công khai các nguồn vốn đó. Trong nhiệm kỳ kiểm tra toàn diện từ 5 - 7 đảng bộ trực thuộc, kiểm tra sửa chữa khuyết điểm sau kiểm tra nói chung và sửa chữa khuyết điểm trong kiểm điểm theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), giao cho từng đồng chí trong Ban Thường vụ trực tiếp chỉ đạo các cuộc kiểm

tra. Ngày 16-4-2002 Tỉnh ủy ban hành Quy định phối hợp giải quyết tố cáo đối với đảng viên, thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý. Căn cứ vào chương trình công tác kiểm tra toàn khóa, hằng năm Tỉnh ủy xây dựng chương trình công tác kiểm tra cụ thể tiến hành sơ kết 6 tháng và tổng kết năm. Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 08- CT/TU, ngày 15-1-2002 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) theo Kết luận tại Hội nghị Trung ương 4 khóa IX, trong đó đã yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, các sở, ban, ngành, các tổ chức đoàn thể, các doanh nghiệp trên địa bàn của tỉnh tập trung quán triệt, chỉ đạo và thực hiện Kết luận 04-KL/TW, đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí, đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị 29/2001/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đẩy mạnh tuyên truyền tới các chi bộ đảng và đảng viên, chiến sĩ lực lượng vũ trang và toàn thể nhân dân trên địa bàn nhận thức đầy đủ chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Đảng và Nhà nước để mọi người nghiêm chỉnh thực hiện. Yêu cầu đẩy mạnh việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đầu tư xây dựng cơ bản, trong mua sắm, sử dụng tài sản công và sử dụng ngân sách nhà nước, kể cả nguồn đóng góp của nhân dân, thực hiện nghiêm chỉnh sách tiết kiệm trong việc tang, việc cưới, lễ hội, tổ chức hội nghị, hội thảo, mừng công, đón nhận danh hiệu và đi công tác nước ngoài. Hằng năm, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy và Phòng Tài chính Đảng được sự ủy quyền của Tỉnh ủy đã tiến hành quyết toán các đơn vị thụ hưởng ngân sách đảng và lập báo cáo tổng quyết toán để Ban Thường vụ trình Ban Chấp hành trong đó có đánh giá về các nội dung về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Cuối năm 2001, Ủy ban Kiểm tra Trung ương tiến hành kiểm tra công tác quản lý tài chính Đảng của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai, và tháng 9-2002 đã tiến hành phúc tra kết quả sửa chữa khuyết điểm theo Kết luận 234-KL/UBKTTW. Tháng 2-2001, Tỉnh ủy Lào Cai phối hợp với Ban Tài chính- Quản trị Trung ương tổ chức lớp tập huấn về công tác tài chính Đảng cho tất cả các chủ tài khoản và kế toán các đơn vị thụ hưởng

ngân sách đảng, từ đó đã giúp đỡ tỉnh trong việc thực hiện tăng cường quản lý tài chính Đảng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Đồng thời, hằng năm Tỉnh ủy đều chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh tiến hành duyệt quyết toán và kiểm tra việc thực hiện về sử dụng ô tô, điện thoại quà biếu, tiếp khách, xây dựng công sở. Chỉ đạo các cấp ủy đảng đưa quản lý tài chính Đảng vào quy chế hoạt động, thường xuyên kiểm tra, kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý tài chính và sửa chữa khuyết điểm.

Ban Thường vụ đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng; Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nghị định hướng dẫn của Chính phủ; Chỉ thị số 29/2001/CT-TTg, ngày 30-11-2001 của Thủ tướng về đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, chống lãng phí; Quyết định 122/1999/QĐ-TTg, 78/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; các thông tư của Bộ Tài chính. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 22 văn bản để chỉ đạo các đối tượng liên quan thực hiện các nội dung về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí như: Chỉ thị số 16-CT/UB, ngày 6-10-1999 về việc tăng cường quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan hành chính sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước; Chỉ thị số 15/2002/CT-UB, ngày 21-8-2002 về việc đẩy mạnh thực hiện Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Quyết định số 430/2001/QĐ-UB, ngày 26-12-2001 về việc ban hành quy định chế độ trang bị điện thoại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong cơ quan hành chính sự nghiệp, quy định về quản lý sử dụng tài sản công, quản lý thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý chi tiêu ngân sách nhà nước, quản lý tài chính trong doanh nghiệp nhà nước, tiết kiệm trong tiêu dùng dân cư.

Tỉnh ủy đã chỉ đạo Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 12/2002/NQ-HĐND, ngày 2-7-2002 và chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 305/2002/QĐ-UB, ngày 26-7-2002 quy định thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và các hoạt động tín ngưỡng tại nơi thờ tự trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các quy định cụ thể về chế độ tiêu chuẩn định mức áp dụng trong chi tiêu thường xuyên của các cơ quan, đơn vị hành chính, sự nghiệp như: chế độ đoàn ra, đoàn vào, không sử dụng ngân sách nhà nước đi tham quan du lịch ở nước ngoài; ban hành Quyết định số 296/2000/QĐ-UB, ngày 19-10-2000 về thực hiện chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức đi công tác trong nước, Văn phòng Tỉnh ủy quy định cho tất cả các cơ quan thụ hưởng ngân sách đảng sử dụng giấy đi đường chỉ thanh toán được cho 1 chuyến công tác và yêu cầu thanh toán ngay khi hết đợt công tác; quy định việc tổ chức hội nghị, hội thảo phải xác định rõ nội dung, số lượng đại biểu, thời gian, địa điểm hợp lý, bảo đảm tính thiết thực, không phô trương hình thức, hội nghị liên quan đến nhiều cấp ủy hay ngành phải được sự đồng ý của Thường trực Tỉnh ủy hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, chế độ hội nghị thực hiện đúng quy định của Nhà nước; về kỷ niệm ngày thành lập ngành, đơn vị; lễ đón nhận các danh hiệu thi đua chỉ được tổ chức 5 năm một lần và phải được sự đồng ý của Thường trực Tỉnh ủy, mức chi cho lễ đón nhận danh hiệu thi đua được áp dụng như chế độ hội nghị, không dùng công quỹ để chi liên hoan, chiêu đãi, tặng quà cho khách tham dự hội nghị; lễ khởi công, khánh thành, trong các ngày lễ, kỷ niệm, đại hội, đón nhận danh hiệu và phần thưởng cao quý được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh được tặng chung một lẵng hoa; chế độ mua sắm trang bị phải theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành và sử dụng kinh phí tiết kiệm trong dự toán hằng năm, Thông báo số 254-TB/TU, ngày 26-3-2002 và Thông báo số 418-TB/TU, ngày 27-9-2002 của Tỉnh ủy nêu rõ tất cả các đối tượng sử dụng điện thoại được cơ quan Đảng và Nhà nước trang bị nếu vượt định mức quy định, các cơ quan đơn vị quản lý đều phải thu phần tiền sử dụng vượt vào ngân sách nhà nước, về trang bị điện thoại di động: Căn cứ vào quy định những đối tượng được sử dụng đã mua máy điện thoại di động vượt tiêu chuẩn đều phải nộp lại phần vượt tiêu chuẩn vào ngân sách nhà nước, cả 2

mục điện thoại trên, các cơ quan không dùng ngân sách của cơ quan để thanh toán phần vượt cho cá nhân bất kể đối tượng đó ở cương vị nào; về chế độ chi tiếp khách địa phương, đơn vị phải tự cân đối, bố trí trong dự toán chi thường xuyên trên nguyên tắc tiết kiệm, chống lãng phí, tỉnh không bổ sung dự toán năm chi tiếp khách; mua sắm và sửa chữa tài sản phải theo đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ và trong dự toán hàng năm.

Cơ quan quản lý cấp phát, thanh toán chỉ được giải quyết các khoản kinh phí chi thường xuyên (bao gồm cả mua sắm, sửa chữa và xây dựng nhỏ) cho các đơn vị theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt (kể cả các quyết định bổ sung dự toán), đối với các cơ quan thụ hưởng ngân sách đảng do Thường trực Tỉnh ủy quyết định, cơ quan nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và có phân cấp cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã; đồng thời phải tăng cường kiểm tra, thanh tra và xử lý các tồn tại, sai sót trong quá trình sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước tại đơn vị. Từ đầu năm 2001 đến nay, Ủy ban Kiểm tra các cấp đã tiến hành kiểm tra 13 cuộc tài chính Đảng, thanh tra các cấp đã tiến hành hàng trăm cuộc thanh tra liên quan đến tài chính và đầu tư xây dựng cơ bản, sử dụng đất đai, trong đó có kiểm tra tài chính đảng của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Kiểm toán Nhà nước và Thanh tra của Bộ Tài chính, Thanh tra Nhà nước.

Cơ quan thụ hưởng ngân sách nhà nước có trách nhiệm quản lý và sử dụng kinh phí được cấp đúng mục đích, đúng chế độ, tiêu chuẩn định mức. Sau khi có kết luận của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, các cơ quan thụ hưởng ngân sách đảng đã thay 5 chủ tài khoản, 3 kế toán; cho đi đào tạo đại học 3 kế toán. Riêng việc mua ô tô, Ủy ban nhân dân đều có báo cáo xin chủ trương Ban Thường vụ; việc sử dụng và điều chuyển, sửa chữa lớn ô tô thuộc cơ quan Đảng do Thường trực Tỉnh ủy quyết định và phải thực hiện đúng quy trình về kiểm định, thẩm định giá và giám sát việc thay thế phụ tùng; Khối Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Hàng năm, ngay từ khi lập và giao kế hoạch nhà nước, dự toán ngân sách, Tỉnh ủy chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị, huyện, thị xã lập phương án chặt chẽ, chi tiết, đúng tiêu chuẩn định mức, chế độ, có phương án tiết kiệm trong quản lý, sử dụng tài sản và kinh phí của Nhà nước. Trong quá trình thực hiện, người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng tài sản, ngân sách được giao, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và công khai phân bổ ngân sách cho các cơ quan thụ hưởng ngân sách thuộc ở cả Khối Đảng và Khối Nhà nước.

Để thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong quản lý biên chế, quỹ lương, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh đã xây dựng phương án trình Ban Tổ chức Trung ương và Bộ Nội vụ phê duyệt, ban hành quy chế về sử dụng lao động đối với các cơ quan hành chính sự nghiệp. Đồng thời, rà soát xây dựng lại chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, định mức biên chế của từng ngành, đơn vị, huyện, thị xã; bước đầu triển khai thí điểm khoán chi hành chính và thực hiện cơ chế tài chính áp dụng đối với các đơn vị sự nghiệp có thu theo quy định của Chính phủ.

Ngoài định mức, tiêu chuẩn về sử dụng tài sản, kinh phí ngân sách nhà nước do Chính phủ và Bộ Tài chính ban hành đã được cụ thể hóa tại địa phương, hàng năm việc xây dựng dự toán và quyết toán ngân sách đã được tỉnh chỉ đạo triển khai có nền nếp, đã có tác dụng tích cực trong việc công khai, bảo đảm công bằng trong quá trình phân bổ và giao dự toán ngân sách, đây là cơ sở để thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí.

Hàng năm, trong việc xem xét thành tích của các ngành, các cấp, các đơn vị, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo phải xem xét kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị gắn với kết quả thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để bình xét các danh hiệu thi đua - khen thưởng.

Tỉnh đã thường xuyên tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra việc quản lý, sử dụng tài sản, ngân sách ở tất cả các cấp, các ngành, đơn vị (thông qua việc giám sát của đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, các cơ quan có nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra).

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỦ TRƯỞNG THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

1. Đánh giá về nhận thức

Việc tổ chức triển khai học tập các chỉ thị, pháp lệnh và các văn bản chỉ đạo đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được đầy đủ, nghiêm túc từ tỉnh đến cơ sở, được cán bộ và nhân dân nhận thức đầy đủ, có hành động thiết thực tiết kiệm đầu tư cho sản xuất và cải thiện đời sống cả vật chất và tinh thần.

Tỉnh Lào Cai cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và Đại hội Đảng bộ lần thứ XII thành 7 chương trình công tác trọng tâm toàn khóa với 27 đề án, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề đang từng bước thực hiện có hiệu quả, nhưng để đạt được các mục tiêu đề ra, thì cần phải có một lượng vốn đầu tư lớn, nên nhất thiết phải tiết kiệm.

2. Kết quả đạt được

Việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý chi thường xuyên của ngân sách nhà nước được thực hiện trong các khâu lập dự toán, giao dự toán và thẩm định cấp phát, thanh toán các khoản chi thường xuyên, cụ thể là:

- Trong những năm qua, khi lập dự toán ngân sách đều căn cứ vào các quy định của luật pháp, của Đảng và Nhà nước, ngoài ra có tính đến những nhiệm vụ chính trị quan trọng trong năm để bố trí ngân sách cho phù hợp, kế hoạch thu, chi ngân sách và đầu tư xây dựng cơ bản hằng năm đều phải trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến, sau đó được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, trên cơ sở đó Ủy ban nhân dân tỉnh điều hành, cấp phát, giao dự toán ngân sách cho các đơn vị dự toán ngân sách cấp tỉnh đã thực hiện nghiêm túc việc khấu trừ ngay 10% tiết kiệm từ số chi thường xuyên (không kể chi lương và các khoản chi có tính chất lương); đồng thời chỉ đạo Văn phòng Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã thực hiện khi giao dự toán ngân sách

cho các đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới số kinh phí 10% tiết kiệm từ chi thường xuyên này được sử dụng để tăng chi đầu tư phát triển và chi cho các nhiệm vụ đột xuất, cấp bách phát sinh trong năm (như cứu đói, khắc phục hậu quả thiên tai,...).

Các khoản chi mua sắm tài sản thực hiện đúng chế độ tiêu chuẩn định mức, hạn chế mua sắm các tài sản là hàng ngoại nhập đắt tiền, chủ yếu mua sắm hàng sản xuất trong nước. Việc mua sắm ô tô đều xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ thực tế và quy định của Trung ương, quy trình mua sắm được thực hiện chặt chẽ, các đơn vị căn cứ vào quy định của Nhà nước và điều kiện cụ thể của đơn vị làm tờ trình đề nghị được mua xe ô tô gửi tổ tư vấn tổng hợp để Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và có báo cáo Ban Thường vụ hoặc Thường trực Tỉnh ủy, trong đó ghi rõ loại xe, nguồn kinh phí, giá tiền theo quy định của Tổng Cục Thuế niêm yết giá tính thuế và các loại thuế và phí kèm theo, các đơn vị được mua xe phải thực hiện đúng quyết định thì Kho bạc mới chuyển tiền. Hiện nay, toàn tỉnh có 236 xe ô tô trang bị cho các đơn vị, cơ quan hành chính sự nghiệp, trong đó có 139 xe gầm cao (gồm 12 xe Land Cruiser do dự án tài trợ cho ngành y tế làm xe cứu thương, có 65 xe UAZ do Liên Xô sản xuất, 9 xe VINAUAZ thuộc Chương trình 135, 6 xe thuộc Ban phân giới cắm mốc Việt - Trung, 2 xe do Dự án SIDA Thụy Điển tài trợ và 2 xe cũ do cấp trên cho ngành dọc, còn lại 43 xe là mua), có 97 xe gầm thấp (gồm 47 xe chuyên dùng, 5 xe do các cơ quan Trung ương cấp cho các đơn vị trực thuộc ở địa phương, còn lại 44 xe do tỉnh mua). Trong tổng số xe trên, có 201 xe mua và được cấp từ năm 1986 đến năm 2000, còn 35 xe mua từ 2001 đến thời điểm báo cáo, có 71 xe đã chạy trên 200.000 km, cá biệt có xe đã chạy 450.000 km, có 57 xe liên doanh, có 57 xe đã khấu hao hết, quá hạn sử dụng không được cơ quan đăng kiểm cho lưu hành nhưng đang chờ làm thủ tục thanh lý, hiện còn sử dụng là 179 cái, so với quy định của Nhà nước toàn tỉnh có 113 đơn vị được sử dụng theo tiêu chuẩn là 222 cái, hiện nay cả tỉnh còn thiếu 43 xe nhưng chưa có kinh phí để mua. Từ năm 2001 đến nay mua 35 xe, trong đó chỉ mua sắm 24 xe ô tô, vượt tiêu chuẩn định mức giá do

Chính phủ quy định là 3.898 triệu đồng. Mua 11 xe giá thấp hơn so với định mức cho phép với tổng số tiền là 537 triệu đồng. Số kinh phí tăng thêm là do tính tiết kiệm từ các khoản chi khác, không ảnh hưởng đến chi đầu tư phát triển và thực hiện chính sách xã hội. Lý do mua xe vượt tiêu chuẩn là do nhu cầu mua xe loại cao gầm, 2 cầu chủ yếu để đi về cơ sở (huyện, xã) vì toàn tỉnh là vùng cao, biên giới, chủ yếu đường đất xấu, lắm đèo dốc, hay có lũ quét sạt lở đường, loại xe này tương đối đa năng và phát huy hiệu quả tốt, cơ động, nó có thể chở được nhiều người, đi liên tục nhiều ngày, rất phù hợp với cấp huyện, các cơ quan và các tổ chức đoàn thể có ít xe nhưng thường xuyên phải đưa nhiều người xuống cơ sở, mặt khác xe này không chỉ dùng để đưa lãnh đạo đi công tác mà phải dùng để đưa đón cả các cán bộ thôn, bản, các lão thành cách mạng khi có nhu cầu, khi đi cơ sở kết hợp mang hàng cứu trợ trong các đợt chống thiên tai, khắc phục hậu quả hỏa hoạn hoặc các đợt sinh hoạt chính trị lớn như công tác bầu cử, đại hội Đảng; thường xuyên phục vụ kiểm tra biên giới, mốc giới, bảo vệ biên cương Tổ quốc vì tỉnh có 5/10 huyện, thị có đường biên giới với Trung Quốc, hay xảy ra xâm canh, xâm cư và các vụ việc khác trên tuyến biên giới, phục vụ khảo sát thiết kế để đầu tư phát triển vùng cao, vùng khó khăn như làm đường giao thông, thủy lợi, trường học,...

Mặt khác, đây là một tỉnh có tỉnh lỵ đóng ngay tại biên giới với Trung Quốc, trong những năm qua được sự quan tâm của Trung ương, Lào Cai đang từng bước trở thành cầu nối nước ta với Trung Quốc, do vậy các hoạt động đối ngoại diễn ra thường xuyên, có đường sắt từ Hà Nội lên Lào Cai nên có nhiều đoàn công tác quan trọng lên công tác Lào Cai đi bằng tàu hỏa, nên phải có xe phục vụ công tác đối ngoại. Lào Cai là một tỉnh được Trung ương đánh giá làm tốt công tác đối ngoại, làm lợi chung cho toàn xã hội.

Hơn nữa, qua sử dụng thực tế cho thấy các xe gầm cao, các xe do các hãng lớn sản xuất như TOYOTA, MITSUBISHI có tuổi thọ lớn hơn nhiều lần các xe khác các xe này đa phần mua cách đây chục năm, giá trị còn lại trên dưới 100 triệu, đều chạy trên 200.000 km

nhưng hiện tại vẫn sử dụng tốt, cá biệt có xe đã sử dụng 9 năm, giá trị còn lại trên 70 triệu đồng nhưng chưa phải qua đại tu mà vẫn đang sử dụng (24C-0234), có xe giá trị còn lại chưa đến 10 triệu qua đại lưu hiện vẫn sử dụng (24C-0135), các hãng này thâm nhập vào thị trường Việt Nam tương đối sớm, có hệ thống dịch vụ bảo hành và sửa chữa uy tín và tiện lợi trên toàn quốc, có khả năng sản xuất các phụ tùng thay thế cho các đời xe đã sản xuất từ rất lâu mà giá cả tương đối ổn định, trong khi đó một số hãng khác dịch vụ kém, thậm chí độc quyền và không có khả năng cung cấp phụ tùng thay thế cho các xe đời cũ, giá cả rất cao, như hãng Mèkông muốn chữa phải về Đông Anh - Hà Nội, hãng MAZDA muốn thay một hộp số loại 626 sản xuất năm 1994 tại thời điểm này là 42 triệu đồng, trong khi đó trước đây chỉ có 25 triệu đồng. Một số hãng đã phá sản hiện không cung cấp phụ tùng thay thế.

Các xe của các hãng nổi tiếng sử dụng nhiên liệu rất tiết kiệm, trong khi giá xăng dầu ngày càng tăng.

Một số xe cùng chủng loại giá trước đây rất thấp, nhưng nay do tỷ giá thay đổi và Nhà nước quy định mức thuế nhập khẩu, thuế VAT cao nên bây giờ giá trở nên rất cao, tuy nhiên khi mua loại xe này thì thực chất Nhà nước lại thu lại tiền thông qua thu phí và thuế, như năm 1992 giá xe CROWN 3.0 là 310 triệu đồng, năm 1995 tăng lên thành 869 triệu, đến nay phải trên 1,4 tỷ đồng, trong khi đó giá của nhà sản xuất vẫn là 27.000 USD, hay một xe LAND CRUISER do Nhật Bản sản xuất năm 1992 là trên 600 triệu đồng, năm 1994 tăng lên trên 900 triệu đồng và hiện nay xe liên doanh giá do Nhà nước quy định là 54.000 USD tương đương 850 triệu đồng.

Dưới vùng thấp, một ngày có thể đi 500 km vẫn không ảnh hưởng đến sức khỏe của lái xe và người đi xe, nhưng ở vùng cao một ngày chỉ đi được trên 100 km, do đường xấu, lắm đèo dốc, làm cho lái xe và người đi xe rất say và mệt mỏi, ảnh hưởng đáng kể đến sức khỏe, dễ xảy ra tai nạn, do vậy cần phải trang bị các loại xe tương đối tốt, đây thực chất cũng là tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ làm việc, phấn đấu vì sự bình đẳng miền xuôi - miền núi, phần nào mang tính chất

ưu đãi, thu hút cán bộ lên công tác vùng cao khó khăn, cũng như một số nơi có chính sách bằng cách cấp đất, cấp nhà, nâng lương,...

Giá xe ô tô liên doanh tương đối tốt do Nhà nước quy định đều cao hơn tiêu chuẩn định mức.

Các xe ô tô do tỉnh mua đều xuất phát từ công việc và đặc điểm của từng vùng, từng cơ quan, mua để sử dụng lâu dài, sử dụng có hiệu quả, không mua đi bán lại, không trục lợi cá nhân, không dùng vào việc riêng, không xa hoa lãng phí.

Chi mua sắm, trang bị và thanh toán cước điện thoại vượt so với tiêu chuẩn định mức là 49,029 triệu đồng, đều mua trước thời điểm có quy định (trong đó: năm 2001 chi mua sắm, trang bị và thanh toán cước điện thoại vượt tiêu chuẩn định mức là 49,029 triệu đồng, năm 2002: các đơn vị đã thực hiện trang cấp và thanh toán cước điện thoại di động, điện thoại công vụ tại nhà riêng đúng tiêu chuẩn định mức, qua kiểm tra không phát hiện có sai phạm).

Về kết quả xử lý như sau: Do điều kiện thực tế (là tỉnh vùng cao, địa bàn chia cắt, hệ thống đường giao thông xuống cấp, đi lại khó khăn), để phù hợp với yêu cầu chỉ đạo, thông tin báo cáo của các cấp, các ngành, các đơn vị, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Quyết định số 430/2002/QĐ-UB, ngày 26-12-2002 về quy định tiêu chuẩn định mức sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động, trong đó có mở rộng thêm cho một số đối tượng được trang bị điện thoại cố định và điện thoại di động để phục vụ công tác với số tiền mua sắm, trang bị và thanh toán cước là 17,251 triệu đồng.

Ngoài ra, cũng còn một số đơn vị tự ý mua sắm trang bị và thanh toán cước sai đối tượng là 31,778 triệu đồng. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai đã ra Quyết định số 471/QĐ-UB, ngày 11-3-2003 về việc xử lý thu hồi nộp ngân sách số tiền trang bị và thanh toán cước điện thoại không đúng chế độ 31,778 triệu đồng vào ngân sách nhà nước, Văn phòng Tỉnh ủy qua duyệt quyết toán đã thu hồi 5.044.500 đồng gọi điện sai quy định và yêu cầu tất cả các cơ quan thụ hưởng ngân sách đảng trả tiền điện thoại khi gọi việc riêng bằng máy công.

Khoản chi hội nghị được thực hiện tiết kiệm do lồng ghép một số hội nghị tổng kết, tập huấn nghiệp vụ của một số chương trình. Việc tổ chức hội nghị được xem xét chặt chẽ, khi thực sự cần thiết được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt mới tổ chức và chuyển dần việc tổ chức hội nghị sang hình thức thông báo bằng văn bản và truyền trên mạng công nghệ thông tin. Tất cả các hội nghị, cuộc họp đều thực hiện theo quy định của Nhà nước. Hội nghị triển khai nghị quyết, kế hoạch, tổng kết chỉ trả tiền ăn, ngủ cho cán bộ xã, lão thành cách mạng, chi ăn trưa cho cán bộ trung cao cấp nghỉ hưu, còn lại tự túc. Không dùng rượu ngoại nhập trong tiếp khách và hội nghị.

Trên cơ sở các quy định về quản lý trụ sở làm việc, việc đầu tư xây dựng trụ sở làm việc cho các cơ quan, đơn vị được các ngành quản lý chức năng thẩm định xem xét kỹ (có tính đến nhu cầu sử dụng của cơ quan, đơn vị) trước khi trình Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư.

Kết quả kiểm tra của Bộ Tài chính cho thấy: các cơ quan, đơn vị được đầu tư xây dựng trụ sở mới trong thời kỳ 1994-1998, trước khi có tiêu chuẩn định mức nhà làm việc (Quyết định số 147/1999-QĐ/TTg, ngày 5-7-1999). Còn trong 2 năm 2001-2002 không phát sinh xây dựng mới trụ sở; chưa phát hiện thấy việc sử dụng sai mục đích.

Để từng bước thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo, yêu cầu các cơ quan, đơn vị phải thực hiện nghiêm túc Nghị định số 14/1998/NĐ-CP, ngày 6-3-1998 của Chính phủ về quản lý tài sản nhà nước; quy chế quản lý, sử dụng trụ sở làm việc tại các cơ quan hành chính sự nghiệp (ban hành kèm theo Quyết định số 20/1999/QĐ-BTC, ngày 25-2-1999 của Bộ trưởng Bộ Tài chính); quy chế quản lý việc xử lý tài sản nhà nước tại các cơ quan đơn vị hành chính sự nghiệp (ban hành kèm theo Quyết định số 55/2000/QĐ-BTC, ngày 19-4-2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

Chi tiếp khách được thực hiện khá tiết kiệm theo giá cả từng nơi, nhìn chung không có sự lãng phí, yêu cầu lập chứng từ gốc đầy đủ, chỉ được thực hiện chi trong hạn mức, chung toàn tỉnh mức chi năm 2001

là 1,16 % tổng chi thường xuyên, năm 2002 là 1,02%. Không tặng quà có giá trị lớn.

Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội; xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của làng bản, thôn, cụm dân cư,... các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị đã tổ chức tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức nhà nước gương mẫu thực hiện, hướng dẫn và vận động nhân dân cùng thực hiện tốt các quy định về tổ chức lễ hội, việc cưới, việc tang và các hoạt động văn hóa khác, bảo đảm thuần phong mỹ tục và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thành phong trào rộng khắp trong toàn tỉnh. Các đồng chí Thường vụ Tỉnh ủy khi tổ chức cưới cho con phải xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy về khách mời, chỉ được mời cán bộ cơ quan cùng đang công tác, đại diện bà con khối phố và họ hàng, bạn bè của 2 con, không được tổ chức cưới trong giờ hành chính, người không được mời không được trách móc; lãnh đạo cơ quan khi tổ chức cưới đều xin ý kiến cấp ủy cơ quan về khách mời theo các nguyên tắc đã được quy định. Hai năm qua, số khách được mời và đến dự đám cưới giảm 40-50% dư luận nhân dân rất ủng hộ chủ trương của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Toàn Đảng bộ và toàn thể nhân dân đã nâng cao nhận thức về sự cần thiết phải đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; xác định đó là quốc sách hàng đầu, là truyền thống lâu đời của nhân dân các dân tộc tỉnh Lào Cai. Khi có chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước truyền thống đó được khơi dậy trở thành phong trào sâu rộng và mạnh mẽ.

- Việc triển khai các chỉ thị, nghị quyết, pháp lệnh và các văn bản liên quan đến việc đẩy mạnh thực hành tiết kiệm chống lãng phí được thực hiện nghiêm túc, đều khắp trong toàn đảng bộ và nhân dân.

- Đã ban hành được nhiều văn bản hướng dẫn thực hiện phù hợp với điều kiện của tỉnh.

- Tổ chức thực hiện hết sức nghiêm túc và mang lại hiệu quả thiết thực, thay đổi đáng kể cả về nhận thức và hành động của mọi người.

2. Khuyết điểm, tồn tại

Do yêu cầu của thực tiễn phục vụ nhiệm vụ chính trị địa phương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã thống nhất mua một số ô tô công vụ cho tỉnh, huyện có đơn giá vượt định mức so với quy định của Trung ương để phục vụ nhiệm vụ chung, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị do Trung ương giao. Tuy nhiên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhận trách nhiệm, khuyết điểm trước Ban Bí thư về vấn đề này.

3. Nguyên nhân của ưu điểm

- Chủ trương về đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí phù hợp với truyền thống của nhân dân nên được nhân dân đồng tình ủng hộ.

- Đảng bộ nhận thức sâu sắc, đoàn kết một lòng, đồng tâm nhất trí tổ chức thực hiện.

- Cán bộ đầu tàu gương mẫu, xử lý nghiêm minh khi vi phạm.

- Thường xuyên kiểm tra giám sát, sơ tổng kết, rút kinh nghiệm kịp thời.

4. Nguyên nhân của nhược điểm

- Một số chính sách của Nhà nước ban hành chậm được đổi mới, không phù hợp với điều kiện từng vùng, địa bàn nên khi áp dụng khó khăn.

- Trình độ dân trí ở một số vùng còn thấp, ảnh hưởng đến việc triển khai và tổ chức thực hiện, hủ tục lạc hậu còn nặng nề ở nhiều nơi.

V- MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VỚI TRUNG ƯƠNG

1. Trong điều kiện là một tỉnh vùng cao, biên giới, nhiều dân tộc,

trình độ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý (nói chung) và quản lý tài chính, kế toán (nói riêng) ở các ngành, các cấp, các đơn vị, cơ sở kinh tế - xã hội của tỉnh còn yếu, do vậy đề nghị có các chính sách hết sức ưu đãi giúp tỉnh đào tạo, chế độ đãi ngộ thu hút nguồn nhân lực nói chung, đặc biệt là cán bộ quản lý tài chính, kinh tế lên công tác ở các tỉnh vùng cao như Lào Cai.

2. Trung ương nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung và ban hành mới hệ thống các văn bản chính sách, chế độ, các tiêu chuẩn định mức bảo đảm đồng bộ và phù hợp với tình hình thực tế từng vùng, ngành, địa phương như: chế độ chi tiếp khách (khách nước ngoài; khách trong nước: Trung ương, tỉnh bạn,...), việc thanh toán tiền ngủ ở những nơi giá cả đắt đỏ như khu du lịch Sa Pa, chế độ công tác phí, định mức khoán chi phí sửa chữa xe ô tô, điều chỉnh, bổ sung định mức khoán cước phí điện thoại cho phù hợp với từng khu vực vì cước phí điện thoại ở 3 khu vực khác nhau, cho phù hợp với từng đối tượng, cùng chức danh nhưng do tính chất công việc có đối tượng phải gọi nhiều như Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư Giám đốc Sở Giao thông,...các đối tượng phải gọi nhiều phải tăng thêm khoảng 50% so với quy định hiện hành, cho phù hợp với việc thực hiện đề án Chính phủ điện tử và sống trong thời đại công nghệ thông tin, đó cũng chính là tiết kiệm chung cho toàn xã hội. Quy định các đồng chí thường vụ huyện, thị ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy được hưởng chế độ điện thoại nhà riêng như Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã.

3. Đề nghị Trung ương sửa đổi một số quy định về mua sắm và cân đối kinh phí cho việc mua xe ô tô con phục vụ công tác cho phù hợp với địa bàn vùng cao (đường xấu, đèo dốc). Vì định mức hiện hành đã được tính thêm 1,5 lần so với các tỉnh đồng bằng, thành phố nhưng vẫn không đủ kinh phí mua loại xe lắp ráp trong nước (xe cao gầm, 2 cầu) để sử dụng có hiệu quả, khắc phục sớm các sai sót chung của các địa phương. Đề nghị Trung ương nghiên cứu xác định rõ chủng

loại xe, có giá đúng quy định để giao địa phương thực hiện hoặc Trung ương căn cứ vào tiêu chuẩn, nhu cầu và đặc điểm từng vùng, ngành để mua xe cấp cho tỉnh.

Trên đây là báo cáo về tình hình, kết quả lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ở tỉnh Lào Cai và các văn bản có liên quan. Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai rất mong Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương quan tâm chỉ đạo và giúp đỡ tỉnh Lào Cai tháo gỡ những khó khăn, tiếp tục thực hiện hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, ngày một nâng cao đời sống kinh tế - văn hóa tinh thần cho nhân dân các dân tộc, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, góp phần thực hiện mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 393-QĐ/TU, ngày 11-8-2003

**Chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành
Đảng bộ huyện Bắc Hà khóa VII (nhiệm kỳ 2000 - 2005)**

- Căn cứ Điều 13 Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Thông báo số 717/TB-TU, ngày 11-7-2003 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai;
- Xét đề nghị của Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chỉ định bổ sung đồng chí Lương Thanh Trường, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Bắc Hà, giữ chức vụ Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bắc Hà khóa VII (nhiệm kỳ 2000 -2005).

Điều 2: Nhiệm vụ cụ thể của đồng chí Lương Thanh Trường do Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bắc Hà phân công.

Điều 3: Các đồng chí: Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bắc Hà và đồng chí Lương Thanh Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 394-QĐ/TU, ngày 11-8-2003

Chuẩn y kết quả bầu bổ sung Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thị ủy Lào Cai khóa XIX (nhiệm kỳ 2000- 2002 - 2005)

- Căn cứ Điều 31 Chương VII Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử của Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai khóa XIX (nhiệm kỳ 2000 - 2002 - 2005) ngày 22-7-2003 về việc bầu bổ sung Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thị ủy Lào Cai;
- Xét Biên bản bầu cử của Ủy ban Kiểm tra Thị ủy Lào Cai về việc bầu bổ sung Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thị ủy ngày 23-7-2003;
- Xét đề nghị của Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Lào Cai,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chuẩn y kết quả bầu bổ sung Ủy viên Ủy ban Kiểm tra, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thị ủy Lào Cai khóa XIX (nhiệm kỳ 2000 - 2002 - 2005): Đồng chí Hoàng Thị Xuân, cán bộ Ủy ban Kiểm tra Thị ủy Lào Cai, giữ chức vụ Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thị ủy Lào Cai.

Điều 2: Nhiệm vụ cụ thể của đồng chí Hoàng Thị Xuân do Ủy ban Kiểm tra Thị ủy Lào Cai phân công.

Điều 3: Các đồng chí: Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai, Ủy ban Kiểm tra Thị ủy Lào Cai và đồng chí Hoàng Thị Xuân có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 395-QĐ/TU, ngày 11-8-2003

**Chuẩn y kết quả bầu bổ sung
Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy Lào Cai khóa XIX
(nhiệm kỳ 2000 - 2002 - 2005)**

- Căn cứ Điều 13, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Thông báo số 748-TB/TU, ngày 31-7-2003 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai;
- Căn cứ vào biên bản bầu bổ sung Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy Lào Cai khóa XIX (nhiệm kỳ 2000 - 2002 - 2005) của Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai;
- Xét đề nghị của Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chuẩn y đồng chí Trần Văn Năm, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai khóa XIX (nhiệm kỳ 2000 - 2002 - 2005), Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Lào Cai, giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy Lào Cai khóa XIX (nhiệm kỳ 2000 - 2002 - 2005).

Điều 2: Nhiệm vụ cụ thể của đồng chí Trần Văn Năm do Ban Thường vụ Thị ủy Lào Cai phân công.

Điều 3: Các đồng chí: Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai và đồng chí Trần Văn Năm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 403-QĐ/TU, ngày 18-8-2003

**Chuẩn y kết quả bầu bổ sung
Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Than Uyên khóa XIV
(nhiệm kỳ 2000 - 2005)**

- Căn cứ Điều 13 Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Thông báo số 745/TB-TU, ngày 31-7-2003 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai;
- Căn cứ vào Biên bản bầu bổ sung Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Than Uyên khóa XIV (nhiệm kỳ 2000 - 2005) của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Than Uyên;
- Xét đề nghị của Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chuẩn y đồng chí Lò Văn Bích - Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Than Uyên khóa XIV (nhiệm kỳ 2000 - 2005), Trưởng Công an huyện Than Uyên, giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Than Uyên khóa XIV (nhiệm kỳ 2000 - 2005).

Điều 2: Nhiệm vụ cụ thể của đồng chí Lò Văn Bích do Ban Thường vụ Huyện ủy Than Uyên phân công.

Điều 3: Các đồng chí: Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Than Uyên và đồng chí Lò Văn Bích chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 404-QĐ/TU, ngày 18-8-2003

**Chuẩn y kết quả bầu bổ sung
Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Mường Khương
khóa XX (nhiệm kỳ 2000 - 2005)**

- Căn cứ Điều 13 Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Thông báo số 700-TB/TU, ngày 30-6-2003 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai;
- Căn cứ vào Biên bản bầu bổ sung Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Mường Khương khóa XX (nhiệm kỳ 2000 - 2005) của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương;
- Xét đề nghị của Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chuẩn y đồng chí Hoàng Duy Dũng - Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương khóa XX (nhiệm kỳ 2000 - 2005), Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Mường Khương, giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Mường Khương khóa XX (nhiệm kỳ 2000 - 2005).

Điều 2: Nhiệm vụ cụ thể của đồng chí Hoàng Duy Dũng do Ban Thường vụ Huyện ủy Mường Khương phân công.

Điều 3: Các đồng chí: Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương và đồng chí Hoàng Duy Dũng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 405-QĐ/TU, ngày 18-8-2003

**Chuẩn y kết quả bầu bổ sung Phó Bí thư
Thường trực Huyện ủy Mường Khương khóa XX
(nhiệm kỳ 2000-2005)**

- Căn cứ Điều 13 Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
 - Căn cứ Thông báo số 700/TB-TU, ngày 30-6-2003 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai;
 - Căn cứ vào biên bản bầu bổ sung chức danh Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy Mường Khương khóa XX (nhiệm kỳ 2000 - 2005) của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương;
- Xét đề nghị của Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chuẩn y đồng chí Lê Kim Quát, Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Mường Khương khóa XX (nhiệm kỳ 2000 - 2005), Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Mường Khương, giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy Mường Khương khóa XX (nhiệm kỳ 2000 - 2005).

Điều 2: Nhiệm vụ cụ thể của đồng chí Lê Kim Quát do Ban Thường vụ Huyện ủy Mường Khương phân công.

Điều 3: Các đồng chí: Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương và đồng chí Lê Kim Quát chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO

KẾT LUẬN CỦA THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY

Số 775-TB/TU, ngày 22-8-2003

**Về việc thực hiện thí điểm mô hình bí thư Đảng ủy
kiêm chủ tịch Ủy ban nhân dân
và tăng thêm 1 phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã**

Ngày 20 tháng 8 năm 2003, Thường trực Tỉnh ủy họp dưới sự chủ trì của đồng chí Giàng Seo Phử, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy. Cùng dự họp có các đồng chí Nguyễn Đức Thăng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy; Bùi Quang Vinh, Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Nguyễn Đình Vững, Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy.

Sau khi nghe và thảo luận nội dung Tờ trình số 137/TT-TC, ngày 15-8-2003 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về công tác cán bộ, Thường trực Tỉnh ủy thống nhất kết luận như sau:

Đồng ý chủ trương thực hiện thí điểm mô hình bí thư Đảng ủy kiêm chủ tịch và tăng thêm 1 phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ở các huyện, thị xã.

Mỗi huyện, thị xã chọn 3 - 4 xã, phường thực hiện mô hình thí điểm để rút kinh nghiệm.

Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức chính quyền tỉnh và các huyện, thị xã căn cứ vào tình hình đội ngũ cán bộ cơ sở để chọn làm thí điểm ở những nơi có đủ điều kiện; xây dựng quy định, tiêu chuẩn về việc thực hiện thí điểm mô hình bí thư Đảng ủy

kiêm chủ tịch Ủy ban nhân dân và tăng thêm 1 phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường được Thường trực và Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định.

Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy chuẩn bị nội dung để Thường trực Tỉnh ủy chủ trì họp với các huyện, thị xã về tổ chức triển khai thực hiện thí điểm mô hình.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THĂNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 790-TB/TU, ngày 10-9-2003

**Về kết quả kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện
đề án xóa đói, giảm nghèo tại đảng bộ
bốn huyện Than Uyên, Sa Pa, Bát Xát, Si Ma Cai**

Ngày 26-8-2003, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tiến hành Hội nghị lần thứ 41, đồng chí Giàng Seo Phử, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, chủ trì hội nghị.

Hội nghị đã nghe đoàn kiểm tra của Tỉnh ủy báo cáo kết quả kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án xóa đói, giảm nghèo tại bốn đảng bộ huyện Than Uyên, Sa Pa, Bát Xát và Si Ma Cai. Ban Thường vụ nhất trí với báo cáo của Đoàn kiểm tra và thống nhất kết luận như sau:

I. VỀ ƯU ĐIỂM

1. Ban Thường vụ Huyện ủy các huyện: Than Uyên, Sa Pa, Bát Xát, Si Ma Cai đã xác định đúng đắn nhiệm vụ xóa đói, giảm nghèo là một yêu cầu quan trọng có tính chiến lược của Đảng trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Đã tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện 7 chương trình công tác trọng tâm với 27 đề án kế hoạch, nghị quyết chuyên đề của tỉnh giai đoạn 2001 - 2005. Trên cơ sở đó, bốn huyện đã cụ thể hóa xây dựng đề án, chương trình hành động của mình thực hiện như:

5 chương trình với 15 đề án của huyện Than Uyên, chương trình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa XII của huyện Sa Pa, chương trình, đề án thực hiện nghị quyết về xóa đói, giảm nghèo của huyện Bát Xát, chương trình phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn xóa đói, giảm nghèo của huyện Si Ma Cai,... nên tỷ lệ đói, nghèo năm 2002 giảm nhanh, vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, như: Than Uyên giảm 12,79%, Sa Pa giảm 12,78%, Bát Xát giảm 9,59%, Si Ma Cai giảm 12,79%. Đời sống nhân dân ngày càng được nâng lên, nhân dân phấn khởi sản xuất tin tưởng vào đường lối lãnh đạo của Đảng.

2. Vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền huyện và các xã có nhiều cố gắng đối với công tác xóa đói, giảm nghèo. Tích cực triển khai thực hiện các biện pháp thúc đẩy xóa đói, giảm nghèo như: Cho người nghèo vay vốn với lãi suất ưu đãi để phát triển (kinh tế, nhiều hộ nghèo vay vốn đã đầu tư sản xuất có hiệu quả và thoát nghèo); tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm, hướng dẫn cách làm ăn cho người nghèo; giới thiệu những mô hình trình diễn sản xuất có hiệu quả, thử nghiệm giống cây trồng, vật nuôi mới cho cơ sở. Các dự án chất lợp, nước ăn và các chính sách hỗ trợ về giáo dục, y tế, trợ giá, trợ cước người nghèo đã được hưởng. Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ làm công tác xóa đói, giảm nghèo có nhiều cố gắng. Một số dự án lồng ghép thực hiện, phát huy có hiệu quả.

II. VỀ KHUYẾT ĐIỂM, TỒN TẠI

1. Đối với Ban Thường vụ Huyện ủy bốn huyện: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác xóa đói, giảm nghèo còn có biểu hiện chưa thực sự sâu sát, chủ yếu giao cho chính quyền là chính. Công tác kiểm tra, đôn đốc thực hiện đối với ngành chức năng, với cơ sở chưa được tăng cường thường xuyên, nên kết quả thực hiện một số chương trình, mục tiêu, dự án xóa đói, giảm nghèo còn hạn chế.

- Ban chỉ đạo xóa đói, giảm nghèo của huyện tuy đã được thành lập, kiện toàn nhưng hoạt động của các thành viên còn yếu. Chức năng tham

mưu cho cấp ủy, chính quyền còn hạn chế, sự phối hợp còn chưa đồng bộ trong chỉ đạo thực hiện, việc phân công theo dõi, giúp đỡ kiểm tra cơ sở thực hiện chưa thường xuyên, chế độ thông tin báo cáo còn chậm, cán bộ theo dõi xóa đói, giảm nghèo còn hạn chế về kiến thức, năng lực.

2. Đối với cấp cơ sở: Qua kiểm tra và khảo sát tại 32 xã, 38 thôn, bản, 190 hộ nghèo cho thấy: vai trò lãnh đạo của cấp ủy nhiều xã còn chung chung thiếu cụ thể, nhất là về phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch dân cư; yếu về công tác tuyên truyền, giáo dục cho nhân dân thực hiện xóa đói, giảm nghèo; nhận thức của nhiều hộ nghèo còn thấp. Một bộ phận nhân dân còn có tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào Nhà nước, chưa thoát khỏi phong tục tập quán lạc hậu và chưa có ý thức vươn lên xóa đói, giảm nghèo. Tỷ lệ đói, nghèo của một số xã, thôn, bản vùng sâu, vùng xa còn cao, cấp ủy, chính quyền xã chưa có giải pháp và sự chỉ đạo cụ thể, Ban xóa đói, giảm nghèo của xã hoạt động yếu, một số nơi còn mang tính hình thức.

3. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo lồng ghép các chương trình, dự án xóa đói, giảm nghèo còn bất cập, chưa đồng bộ, chưa phát huy được nội lực của nhân dân. Việc thực hiện Quy chế dân chủ, quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh ở một số xã trong việc giám sát của xã đối với các công trình xây dựng cơ bản trên địa bàn chưa thực hiện nghiêm túc. Công tác khuyến nông, khuyến lâm chưa tích cực đổi mới sát với thực tế từng vùng, từng xã dẫn đến kết quả còn hạn chế. Các mô hình trình diễn chủ yếu tập trung ở một số xã vùng thấp, trung tâm xã, chưa đưa xuống các thôn, bản vùng cao, vùng sâu, vùng xa và các đối tượng là người nghèo.

- Việc xóa đói, giảm nghèo ở một số xã, số vùng chưa gắn với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã được xác định. Mức cho vay của ngân hàng chính sách đối với hộ nghèo chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế của gia đình, còn nhiều hộ nghèo chưa được vay vốn ưu đãi như: Than Uyên còn 21%, Bát Xát còn 13%, Si Ma Cai còn 23%, Sa Pa còn 20%.

4. Kết quả xóa đói, giảm nghèo năm 2002 tuy có nhiều chuyển biến, nhưng tỷ lệ phát sinh và tái nghèo còn cao, chưa bền vững. Có

nhiều nguyên nhân dẫn đến đói nghèo, nhưng chủ yếu do người dân thiếu kiến thức, hiểu biết và kinh nghiệm làm ăn chiếm 55%, thiếu vốn sản xuất 41%, thiếu đất sản xuất 39,71%, còn phụ thuộc vào tập quán canh tác, vào thiên nhiên và các nguyên nhân khác,...

- Do thiếu thông tin để phát triển sản xuất, việc học tập, hợp tác, trao đổi kinh nghiệm phát triển kinh tế giữa các hộ nghèo còn kém. Tư tưởng vươn lên thoát nghèo còn yếu. Sản xuất kinh tế gia đình chưa gắn với chuyển đổi cơ cấu kinh tế của từng xã, từng vùng.

- Công tác kiểm, tra giám sát của Ủy ban nhân dân huyện và Ban chỉ đạo xóa đói, giảm nghèo huyện Sa Pa chưa sâu sát, như: Chương trình tám lợp tỉnh duyệt cấp cho 2 xã, huyện chỉ đạo cấp rải ra cho 10 xã, có dấu hiệu bớt xén tám lợp của 35 hộ. Việc cấp tám lợp ở xã Tả Phìn, Hầu Thào có dấu hiệu vi phạm. Từ năm 2001 đến nay chưa quyết toán xong, v.v..

III. MỘT SỐ YÊU CẦU CHỈ ĐẠO TIẾP

Để thực hiện tốt chương trình phát triển kinh tế - xã hội nói chung, xóa đói, giảm nghèo nói riêng theo đề án của Tỉnh ủy giai đoạn 2001 - 2005. Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu:

1. Các huyện, thị nói chung và bốn huyện qua kiểm tra nói riêng, các cấp ủy cần thường xuyên tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện xóa đói, giảm nghèo, nhất là với ngành chức năng, các đoàn thể, cơ sở xã. Xây dựng chương trình khắc phục khuyết điểm, tồn tại sau kiểm tra và chỉ đạo giải quyết ngay những ý kiến đề nghị của cơ sở, của nhân dân mà đoàn kiểm tra đã tổng hợp kiến nghị với huyện. Trong đó có cả dấu hiệu vi phạm trong việc cấp tám lợp thuộc hai xã của huyện Sa Pa.

2. Rà soát, kiện toàn, bổ sung Ban Chỉ đạo xóa đói, giảm nghèo của huyện, Ban Xóa đói, giảm nghèo của các xã, thay thế những cán bộ làm công tác xóa đói, giảm nghèo yếu về năng lực, kiến thức, nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và công tác tham mưu để đáp ứng yêu cầu chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền.

Thực hiện chương trình hành động xây dựng mục tiêu phấn đấu cao hơn trong các năm tới. Coi trọng công tác tổng kết rút kinh nghiệm đề án, dự án nhân rộng các điển hình xóa đói, giảm nghèo tốt. Tăng cường công tác giáo dục tư tưởng, tuyên truyền trong nhân dân để vươn lên xóa đói, giảm nghèo, chống tư tưởng bàng quan, trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước.

3. Giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng với các huyện, thị nghiên cứu đổi mới cách chỉ đạo khuyến nông, khuyến lâm với cơ sở có hiệu quả cao, theo hướng trình diễn mô hình, đầu tư cây, con, giống, hướng dẫn khoa học - kỹ thuật sát với cơ sở, xuống trực tiếp các thôn, bản. Cần biết tiếng dân tộc để hướng dẫn nhân dân dễ hiểu, tiếp thu được, chú trọng vùng sâu, vùng xa, nơi kinh tế kém phát triển.

- Ngân hàng chính sách và xã hội của tỉnh cần tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét để bổ sung cơ chế, ưu đãi và chỉ đạo Ngân hàng Chính sách và xã hội các huyện, thị tạo điều kiện cụ thể để các hộ đói nghèo được vay vốn từ Ngân hàng Chính sách và xã hội để thực hiện xóa đói, giảm nghèo.

4. Giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh phối hợp với Ban Tổ chức chính quyền tỉnh, Sở Tài chính - Vật giá, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí mỗi huyện có 1 - 2 biên chế chuyên trách theo dõi công tác xóa đói, giảm nghèo tại Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện có phụ cấp cho Ban Xóa đói, giảm nghèo của xã để hỗ trợ kinh phí hoạt động. Xây dựng chương trình bồi dưỡng, đào tạo chuyên sâu cho cán bộ xóa đói, giảm nghèo của huyện và cơ sở để đáp ứng yêu cầu.

Tiếp tục nghiên cứu cơ chế, chính sách, giải pháp tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo giúp cơ sở đẩy nhanh tốc độ xóa đói, giảm nghèo. Thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII đề ra, v.v..

5. Trên cơ sở quy hoạch tổng thể đã có, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo và yêu cầu các huyện, thị xã tiến hành rà soát bổ sung quy hoạch cho các xã và khu vực nông thôn, sắp xếp lại dân cư thành từng làng,

từng bản để dành đất cho sản xuất phù hợp với từng vùng, từng dân tộc, nhất là vùng cao. Phấn đấu đến năm 2005 cơ bản định cư cho đồng bào nơi cần sắp xếp ổn định dân cư.

Thực hiện phương châm chỉ đạo là: “Nhà nước và cộng đồng hỗ trợ, giúp đỡ người nghèo, hộ nghèo tự vươn lên là chính”

6. Yêu cầu các huyện được kiểm tra cần tập trung vào những xã, thôn, bản, dân tộc tỷ lệ đói nghèo còn cao, với các giải pháp phù hợp từng địa bàn và toàn huyện để thực hiện mục tiêu giảm đói nghèo do Đại hội các cấp đã đề ra, nhất là những xã, thôn, bản, dân tộc có tỷ lệ đói nghèo hiện nay còn cao trên 20% so với dân số. Định rõ thời gian và phân công lực lượng cùng Ban Chỉ đạo xóa đói, giảm nghèo triển khai đồng bộ.

Trên đây là thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đề án xóa đói, giảm nghèo tại đảng bộ bốn huyện. Yêu cầu Ban Thường vụ Huyện ủy: Than Uyên, Sa Pa, Bát Xát, Si Ma Cai, các huyện, thị trong tỉnh và các ngành liên quan tổ chức thực hiện.

Giao cho Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc kiểm tra việc thực hiện kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và định kỳ báo cáo kết quả về Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN KẾT LUẬN CỦA THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY

Số 799-TB/TU, ngày 10-9-2003

Về điều chỉnh và bổ sung chính sách cho cán bộ tăng cường theo Nghị quyết 10-NQ/TU

Từ ngày 8 đến ngày 9 -9 -2003, Thường trực Tỉnh ủy họp dưới sự chủ trì của đồng chí Giàng Seo Phử, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy. Cùng dự có: Đồng chí Nguyễn Đức Thăng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy; đồng chí Bùi Quang Vinh, Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng chí Nguyễn Đình Vững, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy.

Sau khi nghe và thảo luận nội dung Tờ trình số 141/TT-TC, ngày 8-9-2003 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy thống nhất ý kiến như sau:

Đồng ý điều chỉnh chế độ chính sách cho cán bộ tăng cường theo Nghị quyết 10-NQ/TU, không thực hiện chế độ hưởng phụ cấp đặc biệt đối với cán bộ, công chức được điều động tăng cường đến 8 xã biên giới có phụ cấp đặc biệt theo Quyết định số 574/QĐ-TTg, ngày 25-11-1993 của Thủ tướng Chính phủ.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ ban hành quyết định điều chỉnh, bổ sung quy định chế độ chính sách đối với cán bộ tăng cường theo Nghị quyết 10/NQ-TU để triển khai thực hiện.

Thừa lệnh Ban Thường vụ, Văn phòng Tỉnh ủy thông báo để các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ biết và tổ chức thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG
PHẠM VĂN LIÊN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 801-TB/TU, ngày 10-9-2003

**Về kết quả kiểm tra việc lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện
Đề án phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi,
phổ cập giáo dục trung học cơ sở đối với đảng bộ
bốn huyện: Than Uyên, Sa Pa, Bát Xát, Si Ma Cai**

Ngày 26-8-2003, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiến hành Hội nghị lần thứ 41. Đồng chí Giàng Seo Phử, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng- Bí thư Tỉnh ủy chủ trì hội nghị. Sau khi nghe đoàn kiểm tra của Tỉnh ủy báo cáo kết quả kiểm tra về việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi phổ cập giáo dục trung học cơ sở đối với đảng bộ bốn huyện: Than Uyên, Sa Pa, Bát Xát và Si Ma Cai, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai đã thảo luận và nhất trí với báo cáo của đoàn kiểm tra và nhấn mạnh một số vấn đề sau:

I. VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHỔ CẬP GIÁO DỤC TIỂU HỌC ĐÚNG ĐỘ TUỔI, PHỔ CẬP GIÁO DỤC TRUNG HỌC CƠ SỞ Ở ĐẢNG BỘ BỐN HUYỆN: THAN UYÊN, SA PA, BÁT XÁT VÀ SI MA CAI

Trong những năm qua, được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước qua các chương trình, dự án đầu tư, kinh tế - xã hội của bốn huyện đã từng bước được phát triển, mặt bằng dân trí tiếp tục được nâng cao.

Các huyện được kiểm tra đều có cố gắng trong việc huy động nguồn lực cho việc thực hiện mục tiêu phổ cập; các huyện đều phấn đấu đạt và vượt chỉ tiêu tiến độ mà đề án xác định, đang tạo nguồn cho công tác phổ cập vào những năm tiếp theo. Công tác xã hội hóa giáo dục có tiến bộ; chất lượng dạy và học đạt kết quả ngày càng cao; các trường, lớp bán trú dân nuôi, các lớp mẫu giáo thôn, bản bước đầu đem lại hiệu quả. Phần lớn giáo viên yêu nghề, yên tâm công tác, có tinh thần trách nhiệm cao, có nhiều cố gắng trong việc thực hiện Đề án của tỉnh.

Tuy nhiên, kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ ở một số xã chưa thực sự bền vững, phần lớn Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục các xã chưa chủ động được công việc; sự phối hợp hoạt động giữa các ban, ngành, đoàn thể và chính quyền trong thực hiện đề án chưa chặt chẽ; công tác tuyên truyền vẫn còn chung chung, chưa thiết thực đối với nhân dân; một số xã công tác xã hội hóa giáo dục còn hạn chế; nhiều gia đình phụ huynh học sinh chưa nhận thức đúng trách nhiệm của gia đình đối với quyền lợi học tập của con em, còn ỷ lại, trông chờ vào Nhà nước; hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở nhiều nơi còn yếu;... nhiều xã, tuy đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi hoặc phổ cập giáo dục trung học cơ sở nhưng với tỷ lệ thấp nên khả năng duy trì kết quả phổ cập giáo dục đã đạt được hết sức khó khăn, luôn ở trong tình trạng bấp bênh. Phong trào quần chúng quyết tâm thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục chưa mạnh, đội ngũ giáo viên chưa đạt chuẩn còn nhiều.

II. BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC

Để tiếp tục phấn đấu đạt và vượt mục tiêu Đề án phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở, các huyện cần thực hiện tốt một số việc sau:

1. Căn cứ vào Đề án của tỉnh và tình hình, kết quả, chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học nói chung và phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở của từng huyện nói riêng;

phải tổ chức rà soát, bổ sung, hoàn chỉnh kế hoạch phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở của địa phương. Yêu cầu xác định rõ: Tình hình về phổ cập giáo dục của từng xã, thị trấn theo chỉ tiêu trong Đề án của tỉnh; các giải pháp để thực hiện đạt và vượt kế hoạch đề ra trong từng thời gian; trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng đoàn thể, cơ quan, đơn vị cơ sở cần được xác định đầy đủ.

2. Tăng cường vai trò lãnh đạo và trách nhiệm của các cấp ủy đảng, của tổ chức đảng cơ sở và của từng đảng viên nhằm tiếp tục đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục. Phải làm chuyển biến mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, chỉ đạo: Phân công nhiệm vụ cụ thể; giao chỉ tiêu cụ thể cho từng cấp, từng xã và thành viên Ban Chỉ đạo; thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình, có sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm để giải quyết ngay những vướng mắc, tồn đọng trong việc thực hiện chỉ tiêu 6 tháng, cả năm; kịp thời phát hiện các điển hình tốt, phổ biến kinh nghiệm; tập trung giúp đỡ các đơn vị khó khăn; chống các biểu hiện chung chung, Khoán trắng cho nhà trường.

3. Chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng cần phối hợp chặt chẽ, thống nhất hoạt động tích cực hiệu quả hơn, triển khai thực hiện bằng chương trình, kế hoạch cụ thể nhằm quyết tâm đạt mục tiêu của Đề án đã đề ra. Hội đồng nhân dân phải thể hiện đầy đủ chức năng quyết định, giám sát việc thực hiện đề án phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

4. Tiếp tục phát động mọi tầng lớp nhân dân tạo được phong trào quần chúng, thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục. Chú trọng tuyên truyền, giáo dục các bậc phụ huynh học sinh và quần chúng ở từng thôn, bản, cụm dân cư, từng người dân nhằm nâng cao trình độ nhận thức của mỗi người về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của các thành viên trong gia đình được học tập để đạt trình độ giáo dục phổ cập; phải coi giáo dục nói chung, quyền được học tập nói riêng là quyền lợi, nghĩa vụ, là nhu cầu không thể thiếu của mỗi người dân; phải làm cho mọi người dân hiểu rằng, nếu ít học hoặc mù chữ là

nguyên nhân chủ yếu dẫn đến đói, nghèo. Từ đó tích cực tuyên truyền xóa bỏ các phong tục tập quán lạc hậu. Chú ý các biện pháp thu hút, huy động tối đa số trẻ 6 tuổi vào học lớp 1, học sinh tốt nghiệp tiểu học vào học lớp 6, bảo đảm tỷ lệ chuyên cần và học sinh không bỏ học giữa cấp ở các xã, thôn, bản vùng cao. Các đảng viên, tổ công tác tăng cường ở xã, các tổ chức chính trị phải gương mẫu, là lực lượng nòng cốt phân công cụ thể từng người chịu trách nhiệm trong công tác này.

5. Duy trì và phát triển các lớp mẫu giáo, đặc biệt mẫu giáo 4 và 5 tuổi, chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1; lựa chọn, tổng kết, phổ biến những mô hình trường bán trú dân nuôi có hiệu quả để nhân rộng điển hình. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo cùng các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính - Vật giá cấp đủ kinh phí cho ngành Giáo dục và Đào tạo và thực hiện đúng chế độ chính sách cho giáo viên; đồng thời xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ các trường bán trú dân nuôi, các lớp mẫu giáo có điều kiện phát triển; có chính sách tuyển dụng giáo viên mẫu giáo là người địa phương (vùng III), chính sách luân chuyển giáo viên. Tiến hành phổ cập giáo dục bằng cả hai hình thức giáo dục phổ thông và bổ túc văn hóa; tập trung duy trì tốt số học sinh phổ thông; có kế hoạch tăng cường mở các lớp bổ túc trung học cơ sở nhằm huy động hết số trẻ em tốt nghiệp tiểu học vào học trung học cơ sở và trẻ em trung học cơ sở bỏ học ra lớp. Đây là những biện pháp hết sức quan trọng và cấp bách để thực hiện và đẩy nhanh tiến độ phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

6. Tăng cường đội ngũ giáo viên đủ số lượng, bảo đảm về chất lượng. Sở Giáo dục và Đào tạo cần quán triệt, nâng cao trách nhiệm của đội ngũ thầy giáo, mở rộng các hoạt động ngoại khóa, nâng cao được chất lượng học tập của học sinh, tránh tình trạng chất lượng kiến thức học sinh quá chênh lệch giữa vùng cao và vùng thấp, giữa vùng khó khăn và vùng thuận lợi, không đủ điều kiện học tiếp lên các bậc học cao hơn.

7. Các cấp, các ngành cần huy động mọi nguồn lực để củng cố, xây dựng, tăng cường cơ sở vật chất trường lớp học, tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình kiên cố hóa trường lớp học; chuẩn hóa

đội ngũ giáo viên; xã hội hóa giáo dục - đào tạo ở tất cả các địa bàn, địa phương. Tích cực quy hoạch đất và xây dựng các trường học theo tiêu chuẩn trường quốc gia; nhanh chóng tách trường phổ thông cơ sở thành trường tiểu học và trung học cơ sở. Ngành Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ các trang thiết bị, sách giáo khoa cho dạy và học, đặc biệt chú ý đến các trường vùng cao, khó khăn.

8. Đảng bộ, chính quyền các cấp cần triển khai đồng bộ 7 chương trình công tác trọng tâm với 27 đề án, 6 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở năm 2003 và cụ thể hóa đối với từng huyện, từng xã nhằm thực hiện xóa đói, giảm nghèo; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; ổn định chính trị- xã hội; giữ vững an ninh - quốc phòng và tạo sự bền vững cho công tác phổ cập giáo dục trung học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Phấn đấu hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở trong phạm vi toàn tỉnh vào năm 2010.

Nhiệm vụ chỉ đạo thực hiện đề án phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở là những nhiệm vụ hết sức quan trọng; đòi hỏi các cấp, các ngành đặc biệt là cấp ủy, chính quyền phải nâng cao hơn nữa trách nhiệm trong việc chỉ đạo thực hiện.

Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở của tỉnh chủ trì, phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban của Hội đồng nhân dân, các ban xây dựng Đảng chỉ đạo các ngành, huyện, thị, cơ sở triển khai thực hiện. Giao Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy kiểm tra, giám sát và đôn đốc việc tổ chức thực hiện Kết luận này của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ BẤT THƯỜNG NGÀY 24-9-2003

Số 15-NQ/TU, ngày 24-9-2003

Ngày 24-9-2003 Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp Hội nghị bất thường dưới sự chủ trì của đồng chí Giàng Seo Phử, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy.

Hội nghị đã nghe đồng chí Giàng Seo Phử trình bày Thông báo kết luận số 170- CV/TW, ngày 8-7-2003 của Bộ Chính trị về việc nâng cấp thành phố Cần Thơ, chia tỉnh Đắc Lắc và Lai Châu, Công văn số 1289/CV-CP, ngày 24-9-2003 của Chính phủ gửi Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc điều chỉnh địa giới tỉnh, huyện, trong đó nêu rõ chuyển huyện Than Uyên của tỉnh Lào Cai cùng với các huyện phía bắc sông Đà của tỉnh Lai Châu để thành lập tỉnh Lai Châu (mới).

Hội nghị đã tiến hành thảo luận và căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, quy chế làm việc của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh.

NGHỊ QUYẾT:

1. Việc điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh Lào Cai, chuyển huyện Than Uyên của tỉnh Lào Cai về tỉnh Lai Châu (mới) là vì lợi ích chung của quốc gia trên tất cả các mặt phát triển kinh tế - xã hội, củng cố

an ninh, quốc phòng, do vậy Tỉnh ủy Lào Cai tập trung lãnh đạo thực hiện nghiêm túc sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, Chính phủ về nhiệm vụ này. Ban Thường vụ Tỉnh ủy có nghị quyết lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chấp hành đảng bộ và Hội đồng nhân dân huyện Than Uyên triển khai các chủ trương của Bộ Chính trị và Chính phủ.

2. Giao cho Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nhiệm vụ trên theo quy định của Đảng và pháp luật. Triệu tập Hội đồng nhân dân tỉnh và chỉ đạo Hội đồng nhân dân huyện Than Uyên tổ chức kỳ họp bất thường để ra nghị quyết thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương và nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Giao cho Huyện ủy Than Uyên lãnh đạo Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện thực hiện nhiệm vụ trên theo đúng quy định của Đảng và pháp luật.

4. Hội đồng nhân dân huyện Than Uyên tiến hành họp bất thường để ra nghị quyết thực hiện nhiệm vụ trên trước ngày 4-10-2003. Hội đồng nhân dân tỉnh họp phiên bất thường ra nghị quyết thực hiện nhiệm vụ trên trước ngày 8-10-2003.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 117-BC/TU, ngày 29-9-2003

Kiểm điểm giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XII (nhiệm kỳ 2000 - 2005)

Trong hơn 2 năm qua, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Lào Cai triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII trong điều kiện vừa có thuận lợi, vừa có khó khăn, thách thức:

Về thuận lợi: Công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo tiếp tục giành được những thành tựu quan trọng. Các chủ trương, đường lối, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của tỉnh, được các cơ quan Trung ương, các tỉnh, thành phố trong cả nước và bạn bè quốc tế quan tâm giúp đỡ. Sau hơn 10 năm tái lập, nhất là 3 năm, qua tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh có bước phát triển đáng kể, sau Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XII, Ban Thường vụ đã xác định 7 chương trình trọng tâm với 27 đề án, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề và năm 2003 tiếp tục nhấn mạnh bằng việc xác định 6 chương trình hướng về cơ sở, vì vậy niềm tin của nhân dân các dân tộc vào sự lãnh đạo của Đảng bộ và sự điều hành của chính quyền được củng cố. Đội ngũ cán bộ từ tỉnh đến cơ sở từng bước được nâng cao về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và lý luận chính trị. Nhân dân các dân tộc trong tỉnh có truyền thống đoàn kết, tự lực tự cường, năng động, sáng tạo. Những lợi thế tiềm

năng, thế mạnh của địa phương đã và đang được khai thác phục vụ cho quá trình phát triển. Quan hệ đối ngoại được mở rộng.

Về khó khăn: Tình hình chính trị trên thế giới và khu vực diễn biến phức tạp; gần đây, chiến tranh ở Irắc, bệnh dịch SARS, một số nước thay đổi chính sách về kinh tế xuất, nhập khẩu làm ảnh hưởng lớn tới sự phát triển kinh tế của tỉnh.

Xuất phát điểm của tỉnh thấp hơn so với mặt bằng chung của cả nước. Kết cấu hạ tầng thấp kém. Trình độ dân trí thấp; năng lực lãnh đạo, điều hành của cán bộ, nhất là ở cơ sở chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Thiên tai liên tiếp xảy ra gây thiệt hại về người và tài sản, ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất của nhân dân. Bên cạnh đó, các thế lực thù địch tiếp tục thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình”, lợi dụng hoạt động tôn giáo, truyền đạo trái phép lôi kéo, kích động một bộ phận nhân dân theo đạo trái phép và di dân tự do làm cho đời sống vốn đã khó khăn càng thêm khó khăn hơn

Trong bối cảnh đó, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Lào Cai với quyết tâm cao độ đã tranh thủ được những thuận lợi; nỗ lực phấn đấu, khắc phục mọi khó khăn, thử thách triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XII, đến nay đã đạt được kết quả cụ thể trên một số lĩnh vực chủ yếu sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XII

I. VỀ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ IX VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XII

Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, Ban Chấp hành,

Ban Thường vụ Tỉnh ủy xác định phải đổi mới phương thức lãnh đạo, lấy hiệu quả làm mục tiêu. Ngay trong năm 2001, năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tập trung trí tuệ tập thể đề ra 7 chương trình công tác trọng tâm toàn khóa với 27 đề án, kế hoạch và nghị quyết chuyên đề và phân công trách nhiệm cho từng đồng chí ủy viên Ban Thường vụ và các ngành phụ trách. Đến năm 2002, toàn bộ các đề án, kế hoạch và nghị quyết chuyên đề được phê duyệt và có kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện đồng bộ trên phạm vi toàn tỉnh. Căn cứ vào chương trình công tác trọng tâm của Tỉnh ủy, các cấp ủy đều xây dựng nghị quyết chuyên đề và chương trình hành động thực hiện Nghị quyết một cách cụ thể, phù hợp với đặc điểm, tình hình của địa phương, đơn vị được Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy trực tiếp duyệt để tập trung sự thống nhất thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, bức xúc của tỉnh.

Nhiều lĩnh vực được Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xác định vừa mang tính cấp bách vừa mang tính chiến lược, một số lĩnh vực được tập trung thực hiện không chỉ có ý nghĩa đối với tỉnh mà còn có ý nghĩa đối với cả nước; thể hiện rõ nhất trong việc xác định Lào Cai là cầu nối giữa Việt Nam với vùng Tây Nam của Trung Quốc, từ đó đề xuất với Trung ương để triển khai mở rộng Quốc lộ 70, nâng cấp tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội, xây dựng sân bay, khu kinh tế cửa khẩu, khu thương mại Kim Thành, khu công nghiệp địa phương bắc Duyên Hải, đông Phố Mới và xây dựng khu đô thị mới Lào Cai - Cam Đường.

Hơn 2 năm qua, tỉnh đã ban hành 11 nhóm cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền bảo đảm thông thoáng, khuyến khích đầu tư của các thành phần kinh tế trong nước và ngoài nước, góp phần quan trọng thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển với tốc độ cao hơn, nâng cao năng lực, trình độ của hệ thống chính trị và cán bộ, nhất là cấp cơ sở.

Với quyết tâm cao độ của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc, sau hơn 2 năm triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc

lần thứ IX và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII tình hình kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng và xây dựng hệ thống chính trị của tỉnh Lào Cai có sự chuyển biến khá toàn diện. Kết quả đó đã khẳng định Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã xác định đúng lợi thế so sánh, những tiềm năng, thế mạnh, chọn đúng những vấn đề trọng tâm, trọng điểm, những vấn đề bức xúc phù hợp với nguyện vọng chính đáng của nhân dân các dân tộc; có cách làm sáng tạo và hiệu quả, huy động được nội lực và ngoại lực; được Trung ương Đảng, Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương đồng tình ủng hộ, nhân dân các dân tộc trong tỉnh tin tưởng, phấn khởi. Lào Cai được Thủ tướng Chính phủ đánh giá là một trong những tỉnh thực hiện sáng tạo, có hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Nông nghiệp, nông thôn có bước phát triển khá, chuyển dịch đúng hướng; bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới, tiến bộ; đời sống của nhân dân các dân tộc, nhất là những nơi vùng sâu, vùng xa được cải thiện đáng kể

- Thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, trong hơn 2 năm qua công tác quy hoạch vùng sản xuất hàng hóa tập trung được triển khai thực hiện nên đang từng bước hình thành vùng thâm canh lúa, ngô hàng hóa, đậu tương hàng hóa và vùng chè, vùng cây ăn quả. Công tác khuyến nông, khuyến lâm, áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, đưa giống cây, con có năng suất, chất lượng và giá trị kinh tế cao vào sản xuất được đẩy mạnh. Cây hoa, cây ăn quả ôn đới, cây dược liệu được trồng tập trung tại các huyện Sa Pa, Bắc Hà và thị xã Lào Cai cho thu nhập 60 - 100 triệu đồng/ha. Các loại hoa cao cấp như hoa ly, hoa zum cho thu nhập trên 100 triệu đồng/ha. Một số giống cây mới được trồng như cây hoa hòe trồng được 196 ha ở huyện Bảo Thắng. Cây thuốc lá thu nhập bình quân 7 - 8 triệu đồng/ha. Các loại giống vật nuôi mới

như: tôm càng xanh, cá rô phi đơn tính, cá chép lai,... đang được nuôi thử nghiệm, có chiều hướng phát triển tốt. Nhận thức của nhân dân có nhiều tiến bộ, đã mạnh dạn đưa giống cây, con mới vào sản xuất. Nhiều nơi ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã sử dụng 80 - 90 % giống lúa mới. Tiến hành các hoạt động nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật mới về giống tại tỉnh. Hiện nay đáp ứng được 20% nhu cầu giống lúa cho sản xuất, đã góp phần đưa tổng sản lượng lương thực cây có hạt tăng từ 163 ngàn tấn (năm 2001) lên 177 ngàn tấn (năm 2002), năm 2003 ước đạt trên 190 ngàn tấn, vượt mục tiêu Đại hội. Giá trị trên một đơn vị diện tích canh tác tăng từ 8,8 triệu đồng/ha (năm 2001) lên 12,35 triệu đồng/ha, đạt 95% mục tiêu. Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp tăng bình quân hàng năm đạt 8,4% vượt mục tiêu Đại hội (5,3%). Năm 2002, tỷ trọng ngành trồng trọt là 64,2%, vượt 4,3% mục tiêu tỷ trọng chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp là 35,8%, tăng 4,2% so với năm 2000 và tăng 4,3% mục tiêu. Trong trồng trọt, tỷ trọng cây lương thực giảm dần, cây công nghiệp, cây ăn quả và cây công nghiệp dài ngày tăng dần.

- Lĩnh vực sản xuất lâm nghiệp thu được nhiều kết quả. Đến nay tổng diện tích rừng toàn tỉnh là 295.719 ha; tỷ lệ tán che phủ rừng đến tháng 6-2003 đạt 36,7 %, đạt 87,4% mục tiêu Đại hội.

- Chế biến nông, lâm sản và ngành, nghề nông thôn được củng cố, mở rộng và nâng cao năng lực sản xuất. Các làng nghề truyền thống đang được khôi phục và có bước phát triển, bước đầu thực hiện cơ giới hóa trong sản xuất nông, lâm nghiệp ở các khâu làm đất, thu hái, sơ chế, bảo quản sau thu hoạch.

Kinh tế hộ trang trại đã hình thành và phát triển với quy mô vừa và nhỏ, hoạt động tương đối hiệu quả, góp phần nâng cao thu nhập, giải quyết việc làm cho một bộ phận người dân địa phương. Đến nay toàn tỉnh có 193 trang trại (theo tiêu chí năm 2000 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) chủ yếu tập trung ở các huyện Bảo Thắng, Bát Xát, thị xã Lào Cai...

Kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân tăng cả về số lượng và quy mô hoạt động, sản xuất, kinh doanh có hiệu quả hơn, nhất là từ sau khi có

Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX. Đến nay toàn tỉnh có 111 hợp tác xã với tổng số xã viên 11.802 người, tạo việc làm cho 12.353 lao động. Hầu hết các hợp tác xã thích ứng nhanh với cơ chế mới, sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, góp phần làm tốt công tác cung ứng vật tư nông nghiệp và các dịch vụ khác.

Công tác xóa đói, giảm nghèo là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, được các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể quan tâm thực hiện mang lại nhiều kết quả. Đáng phấn khởi là nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã có nhận thức đúng đắn và có cố gắng vươn lên xóa đói, giảm nghèo. Trong 2 năm rưỡi qua, tỉnh đã tập trung đầu tư nhằm xóa đói, giảm nghèo thông qua các chương trình đầu tư: đầu tư 14.958 triệu đồng hỗ trợ chất lợp cho 5.578 hộ, nước sinh hoạt cho 1.881 hộ. Dự án tín dụng nông thôn doanh số cho vay đạt 315.516 triệu đồng. Tín dụng ưu đãi người nghèo cho vay 36.100 lượt hộ, mức vay bình quân là 3,6 triệu đồng/hộ. Dự án xóa đói, giảm nghèo Việt - Đức KFW và Dự án Misereor tổng nguồn vốn 4.611 triệu đồng. Thực hiện khám, chữa bệnh miễn phí cho người nghèo và cấp thuốc không thu tiền đối với đồng bào vùng III với tổng số tiền là 7.300 triệu đồng. Đã miễn giảm học phí, hỗ trợ vở viết, sách giáo khoa, hỗ trợ học bổng và trợ cấp xã hội cho học sinh dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa với kinh phí 8.773 triệu đồng. Tập huấn cho 2.998 lượt cán bộ các cấp làm công tác xóa đói, giảm nghèo. Thực hiện dự án xây dựng kết cấu hạ tầng theo Chương trình 135 ở 138 xã đặc biệt khó khăn được 386 công trình. Năm 2002 trích ngân sách địa phương đầu tư cho 20 xã nghèo ngoài Chương trình 135, mỗi xã 100 triệu đồng/năm. Sắp xếp, ổn định dân cư cho 1.921 hộ ra biên giới và ra khỏi nơi khó khăn, nguy hiểm với số kinh phí là 11.728 triệu đồng. Thực hiện hỗ trợ sản xuất và đời sống cho 57.217 lượt hộ với số kinh phí là 6.810 triệu đồng. Bằng nhiều giải pháp tích cực nên bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới. Từ năm 2001 đến tháng 6-2003 tỷ lệ đói, nghèo giảm từ 29,96% xuống còn 16,34%; số hộ có nhà kiên cố, bán kiên cố tăng hơn 3%; 99 xã có điện lưới quốc gia (tăng 38 xã); số điện thoại trên 100 dân tăng từ 2,36 máy lên 3,3 máy; tỷ lệ phủ sóng phát thanh 75%, phủ sóng truyền hình 65%.

Tồn tại yếu kém

- Cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển dịch còn chậm, chưa bền vững; chất lượng thực hiện quy hoạch phát triển kinh tế ở các xã còn thấp, tổ chức thực hiện chậm. Việc chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm nông - lâm nghiệp cho nông dân còn nhiều hạn chế; phương hướng sản xuất của nhiều xã vùng sâu, vùng xa còn phải tiếp tục tìm tòi mới chuyển được sang sản xuất hàng hóa.

- Kết quả xóa đói, giảm nghèo chưa bền vững; còn 5/10 huyện, thị có tỷ lệ đói, nghèo 24 - 33 %; chỉ có dân tộc Kinh và Giáy tỷ lệ đói, nghèo thấp, còn lại các dân tộc khác tỷ lệ đói, nghèo khá cao (dân tộc Khơ Mú, tỷ lệ đói nghèo 50,4%, dân tộc Mông 35- 40%).

- Việc sắp xếp ổn định dân cư chưa đồng bộ với việc xây dựng kết cấu hạ tầng. Kết cấu hạ tầng phục vụ cho nông nghiệp, nông thôn còn nhiều yếu kém, nhất là những nơi vùng sâu, vùng xa. Hệ thống dịch vụ cho vùng sâu, vùng xa còn nhiều yếu kém, chuyển đổi hợp tác xã còn chậm và hiệu quả hoạt động chưa cao,...

2. Cơ sở hạ tầng được tập trung đầu tư xây dựng, từng bước đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Công nghiệp, xây dựng cơ bản có bước phát triển mới

Công tác quy hoạch kinh tế - xã hội được tập trung chỉ đạo thực hiện nên từ năm 2001 đến nay đã tiến hành quy hoạch tổng thể, chi tiết, xây dựng dự án ở những khu kinh tế trọng điểm như: Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai giai đoạn 2001 - 2005 - 2010; quy hoạch chi tiết khu thương mại Kim Thành giai đoạn 1; mở rộng phạm vi khu kinh tế cửa khẩu; khu công nghiệp bắc Duyên Hải, đông Phố Mới; Khu công nghiệp Tăng Loỏng, đô thị mới Lào Cai - Cam Đường; quy hoạch khu du lịch Sa Pa, quy hoạch các trung tâm cụm xã, các xã vùng II và III; sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước; quy hoạch các hệ thống chợ, cửa hàng vật tư, quy hoạch hệ thống trường học; quy hoạch phát triển văn hóa, thể thao,...

Các nguồn vốn được huy động đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm đều tăng cao. Do có sự tập trung đầu tư nên đến nay kết cấu hạ tầng

của tỉnh Lào Cai được xây dựng, nâng cấp, từng bước đáp ứng được nhu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Các tuyến đường quốc lộ được thực hiện đầu tư như: quốc lộ 4D, quốc lộ 279, quốc lộ 32. Đặc biệt là tuyến đường quốc lộ 70 nằm trên tuyến Hành lang kinh tế Côn Minh (Trung Quốc) - Hà Nội - Hải Phòng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt mở rộng, hiện nay đang trong giai đoạn hoàn chỉnh dự án để có thể khởi công vào quý I năm 2004. Các tuyến đường tỉnh lộ được nâng cấp từ nhiều nguồn vốn.

Giao thông nông thôn phát triển khá mạnh, đặc biệt là từ khi thực hiện 6 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở năm 2003 của tỉnh. Từ năm 2001 đến nay, toàn tỉnh đã có thêm 14 xã có đường ô tô đến trung tâm xã. Còn lại 3/180 xã chưa có đường ô tô đến trung tâm xã (do chưa làm xong cầu), dự kiến đến cuối năm 2003 sẽ có 100% xã có đường ô tô đến trung tâm.

Tỉnh đã tiến hành sáp nhập thị xã Lào Cai và thị xã Cam Đường thành thị xã Lào Cai và xây dựng khu đô thị mới Lào Cai - Cam Đường. Thị xã Lào Cai được nâng cấp từ đô thị loại 4 lên đô thị loại 3. Các công tác chuẩn bị cho việc xây dựng thành phố Lào Cai như: quy hoạch chi tiết các khu chức năng và khu tái định cư, xây dựng hệ thống giao thông, đường điện, hệ thống cấp thoát nước đã và đang được thực hiện.

- Lĩnh vực công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp có sự chuyển biến cả về số lượng và chất lượng. Các tiềm năng, thế mạnh của tỉnh về phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp bước đầu được khai thác. Đặc biệt là tiềm năng về thủy điện, Khoáng sản, chế biến lâm sản đang được chú trọng khai thác. Từng bước đưa công nghệ tiên tiến, hiện đại vào sản xuất công nghiệp, thay dần công nghệ lạc hậu. Giá trị công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp hằng năm tăng bình quân 7,34%. Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng cơ bản trong GDP năm 2002 đạt 20,6%, tăng 2,55% so với năm trước, dự kiến năm 2003 đạt 23,21% (mục tiêu Đại hội là 25%).

- Công nghiệp địa phương có sự chuyển biến tích cực, đang được

đầu tư chiều sâu, mở rộng quy mô sản xuất và các lĩnh vực mới. Một số ngành, nghề truyền thống đang được khơi dậy, phục hồi và phát triển.

- Các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn sản xuất, kinh doanh hiệu quả hơn, từng bước thể hiện rõ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế của tỉnh. Từ năm 2001 đến nay tiến hành củng cố các doanh nghiệp có 100% vốn nhà nước; cổ phần hóa 4 doanh nghiệp, bán 2 doanh nghiệp cho tập thể người lao động, sáp nhập 3 doanh nghiệp, giải thể 5 doanh nghiệp. Các doanh nghiệp ngoài quốc doanh được thành lập nhiều và đã góp phần đáng kể vào sự phát triển của tỉnh.

Tồn tại, yếu kém:

- Kết cấu hạ tầng nhất là vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa vẫn còn thấp kém. Sản xuất công nghiệp chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; công nghiệp chế biến còn nhiều yếu kém.

- Tiểu thủ công nghiệp phát triển chậm so với tiềm năng, chưa phong phú.

- Sản phẩm công nghiệp chưa có sức cạnh tranh trên thị trường. Một số cơ sở sản xuất công nghiệp làm ảnh hưởng đến môi trường nhưng chưa được xử lý.

- Một số doanh nghiệp ngoài quốc doanh được thành lập nhưng không hoạt động, một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài triển khai dự án chậm và hoạt động chưa hiệu quả.

3. Đảng bộ tỉnh xác định đúng lợi thế so sánh về khu vực kinh tế cửa khẩu và du lịch nên đã tập trung mọi nguồn lực để khai thác mang lại hiệu quả rõ rệt. Thu ngân sách hằng năm trên địa bàn tăng mạnh

Từ năm 2001 đến nay đẩy mạnh đầu tư đổi mới cơ chế quản lý và chính sách đối với nền khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế cửa khẩu đã mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn so với trước. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu qua Cửa khẩu Lào Cai năm 2002 đạt 255 triệu USD, tăng 157% so với năm 2001. Giá trị xuất, nhập khẩu địa phương liên tục tăng, năm 2002 đạt 34,8 triệu USD, tăng 165% so với năm 2001. Đến nay đã có gần 100 tổng công ty, các nhà đầu tư trong

và ngoài nước đến tìm cơ hội đầu tư vào địa bàn tỉnh, trong đó đã có một số dự án được triển khai thực hiện, điển hình là Tổng Công ty VINACONEX đăng ký đầu tư 5.200 tỷ đồng, năm 2002 đã khởi công xây dựng thủy điện Ngòi Phát (Bát Xát) với số vốn đầu tư 770 tỷ đồng; Công ty Bitis xây dựng công trình Trung tâm thương mại quốc tế với tổng số vốn đầu tư gần 10 triệu USD.

- Từ năm 2001 đến nay, những tiềm năng, thế mạnh kinh tế du lịch đã và đang được khai thác có hiệu quả. Kinh tế du lịch đang thể hiện rõ vai trò là ngành kinh tế mũi nhọn. Nhận thức của các cấp, các ngành và của nhân dân về du lịch được nâng cao một bước. Công tác tuyên truyền, quảng bá về du lịch được đẩy mạnh, nhất là việc tổ chức lễ hội thể thao văn hóa quốc tế ở Bắc Hà, Lễ hội đền Thượng, chuẩn bị Lễ hội “100 năm du lịch Sa Pa”. Các sản phẩm du lịch đa dạng, phong phú hơn. Cơ sở vật chất phục vụ du lịch từng bước được đầu tư xây dựng ở các khu du lịch Sa Pa, thị xã Lào Cai, Bắc Hà. Doanh thu từ du lịch tăng bình quân hằng năm 68%, vượt mục tiêu Đại hội.

- Hoạt động dịch vụ có nhiều tiến bộ, đáp ứng ngày càng tốt các nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân trên tất cả các mặt vận tải, viễn thông, tài chính, giáo dục, phục vụ công cộng... Sự phát triển của dịch vụ đã góp phần quan trọng vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Thu ngân sách hằng năm trên địa bàn tăng mạnh, năm 2001 đạt 249 tỷ đồng, dự ước năm 2003 đạt 365 tỷ đồng, tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách đạt trên 17%, vượt mục tiêu Đại hội đề ra (thu ngân sách trên địa bàn là 250 tỷ đồng và tỷ lệ huy động là 13- 14%).

Tồn tại, yếu kém

- Trình độ của cán bộ làm việc tại khu kinh tế cửa khẩu còn bất cập, nhất là về chuyên môn, ngoại ngữ và am hiểu luật pháp quốc tế...

- Chưa làm tốt công tác xúc tiến thương mại.

- Công tác triển khai và thực hiện quy hoạch du lịch còn chậm, đặc biệt là quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết khu du lịch Sa Pa, Bắc Hà. Kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch còn thấp kém. Công tác quản

lý an ninh trật tự và vệ sinh môi trường ở các khu du lịch còn nhiều hạn chế. Việc huy động nhân dân tham gia hoạt động du lịch cộng đồng chưa được đẩy mạnh.

- Các sở, ngành tuy thường xuyên có hoạt động đối ngoại, song chủ yếu là giao lưu; chưa có nhiều hợp đồng kinh tế được ký kết để khai thác thế mạnh, nhu cầu của các đối tác

4. Văn hóa, giáo dục, khoa học - công nghệ, môi trường và lĩnh vực xã hội được quan tâm đúng mức nên có nhiều tiến bộ

Lĩnh vực giáo dục tiếp tục được đầu tư cơ sở vật chất và các điều kiện phục vụ cho học tập; đội ngũ giáo viên cơ bản đáp ứng yêu cầu cả về số lượng và chất lượng. Từ năm 2001 đến nay, quy mô giáo dục mầm non tăng 1,21 lần, giáo dục phổ thông tăng 1,05 lần, học viên bổ túc văn hóa tăng 4,23 lần; giáo dục vùng dân tộc thiểu số, vùng cao đã có chuyển biến tích cực; đã xuất hiện mô hình tốt trong tổ chức trường bán trú cho học sinh vùng dân tộc thiểu số. Mạng lưới trường lớp mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông phát triển rộng khắp trên địa bàn đã nâng cao khả năng thu hút trẻ em trong độ tuổi đến trường. Hệ thống giáo dục bước đầu được đa dạng hóa về loại hình, phương thức và nguồn lực. Bên cạnh hệ thống trường công lập, chính quy là chủ yếu đã hình thành hệ thống ngoài công lập. Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường đạt 94,2%. Duy trì phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ ở 180 xã, phường, thị trấn; đã có 43/180 xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi 18/180 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

- Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân được quan tâm đúng mức. Trong 2 năm 2001 - 2002 đã và đang xây dựng 116 nhà công vụ tại các xã vùng cao; xây lắp 13/44 phòng khám đa khoa khu vực cụm xã; 22/44 phòng khám đa khoa khu vực có bác sĩ; các phòng khám đa khoa khu vực đều có nữ hộ sinh trung học; các xã đều có cán bộ trung cấp y tế; 36/180 xã, phường, thị trấn có bác sĩ, 1.729/1.896 thôn, bản có cán bộ y tế. Trong hơn 2 năm qua không để

dịch bệnh lớn xảy ra, các dịch bệnh được phát hiện và dập tắt kịp thời, không để xảy ra trường hợp nào mắc bệnh SARS trên địa bàn tỉnh. Chất lượng dịch vụ y tế, khám chữa bệnh được nâng lên. Nhân dân các dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa có nhận thức tiến bộ hơn về phòng, chữa bệnh. Đã thực hiện tốt chính sách khám chữa bệnh cho người nghèo và vùng đặc biệt khó khăn. Thực hiện tỷ lệ giảm sinh đạt bình quân hàng năm là 0,085%, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đạt 1,8% bằng mục tiêu Đại hội đề ra.

- Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” luôn được các cấp ủy đảng chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chỉ đạo sâu sát, ngày càng thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia và đã trở thành phong trào rộng lớn, mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, ổn định an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, tăng cường khối đoàn kết toàn dân tộc. Số hộ gia đình, làng, bản (khu phố), cơ quan, đơn vị, trường học đạt tiêu chuẩn văn hóa ngày càng tăng. Việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội đã có chuyển biến mạnh mẽ, hầu hết các đám cưới, đám tang và lễ hội được tổ chức văn minh, tiết kiệm, lành mạnh.

- Công tác giải quyết việc làm cho người lao động có nhiều cố gắng, tỉnh đã triển khai thực hiện đồng bộ các cơ chế chính sách tạo thêm việc làm cho người lao động. Vì vậy, trong hơn 2 năm qua đã giải quyết việc làm mới cho 21.747 lao động, tạo thêm việc làm cho 35.000 lao động, giảm tỷ lệ thất nghiệp xuống còn 0,95%. Tỷ lệ lao động trong độ tuổi có việc làm ổn định chiếm 91,56%, tỷ lệ sử dụng lao động ở nông thôn tăng từ 73,84% năm 2001 lên 74,46% năm 2002. Đến nay, con em các dân tộc thiểu số đã qua đào tạo đều được bố trí việc làm phù hợp với chuyên môn và nguyện vọng. Cơ cấu lao động trong các ngành, nghề từng bước được chuyển dịch theo hướng tăng dần ở các lĩnh vực kinh tế công nghiệp, xây dựng; du lịch, thương mại và dịch vụ; giảm dần trong lĩnh vực kinh tế nông, lâm nghiệp. Các vấn đề xã hội được quan tâm giải quyết tốt.

- Khoa học công nghệ có nhiều tiến bộ, đã tập trung chọn một số lĩnh vực để nghiên cứu và đẩy mạnh việc ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật mới vào sản xuất. Đặc biệt đã ứng dụng sản xuất giống cây lương thực, cây công nghiệp có năng suất chất lượng cao đưa vào sản xuất. Trong lĩnh vực công nghiệp tập trung nghiên cứu phục vụ cho việc khai thác, chế biến Khoáng sản. Một số công nghệ tiên tiến, hiện đại được đưa vào sử dụng trong các lĩnh vực phát thanh, truyền hình, tin học, viễn thông. Tỉnh đã xây dựng và thực hiện đề án công nghệ thông tin; nhiều cơ quan đã ứng dụng công nghệ thông tin vào xử lý công việc hằng ngày, đạt hiệu quả cao.

Tồn tại, yếu kém:

- Chất lượng giáo dục nói chung còn thấp so với yêu cầu chung của xã hội và chưa đồng đều giữa các vùng. Kết quả phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ ở một số nơi chưa vững chắc sẽ có ảnh hưởng đến công tác phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở, hạn chế đến nguồn nhân lực cho những năm tới.

- Mạng lưới y tế cơ sở nhất là thôn, bản một số xã vừa thiếu vừa yếu.

- Cơ cấu lao động của từng ngành, nghề trong lĩnh vực kinh tế nông - lâm nghiệp chuyển biến chậm và chưa thực sự vững chắc, chất lượng lao động nói chung còn thấp. Việc áp dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất còn gặp nhiều khó khăn. Thiếu lao động có tay nghề cao phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội cho trước mắt và lâu dài.

- Tệ nạn xã hội, đặc biệt là buôn bán, vận chuyển chất ma túy, nghiện ma túy, nhiễm HIV vẫn diễn biến phức tạp. Tai nạn giao thông chưa giảm; một số tập quán lạc hậu vẫn chưa được đẩy lùi một cách hiệu quả.

5. Quốc phòng, an ninh tiếp tục được củng cố và tăng cường. Đối ngoại được mở rộng. Công tác cải cách tư pháp thu được nhiều kết quả. Sự kết hợp giữa quốc phòng - an ninh với phát triển kinh tế luôn được chú trọng

- Trong khi tập trung phát triển kinh tế - xã hội, Đảng bộ tỉnh luôn coi trọng củng cố quốc phòng, an ninh, coi đó là nhiệm vụ luôn

gắn bó mật thiết với nhau. Trong hơn 2 năm qua đã huy động được sức mạnh của các cấp, các ngành và toàn thể nhân dân các dân tộc trong tỉnh vào việc xây dựng an ninh - quốc phòng; thường xuyên luyện tập và hoàn thiện khu vực phòng thủ huyện, tỉnh, nâng cao chất lượng các lực lượng vũ trang bảo đảm sẵn sàng chiến đấu bảo vệ chủ quyền biên giới, phòng, chống có hiệu quả âm mưu “diễn biến hòa bình”, “bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch, giữ vững ổn định chính trị trên địa bàn; đã tập trung xây dựng cơ sở chính trị vững mạnh toàn diện, làng xã an toàn, làm chủ, ưu tiên các xã trọng tâm, then chốt. Công tác quản lý nhà nước về quốc phòng có nhiều chuyển biến tiến bộ, nhất là trong việc kết hợp kinh tế với quốc phòng - an ninh; quốc phòng - an ninh với kinh tế.

Công tác bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội được thực hiện thường xuyên. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc phát triển sâu rộng trên các địa bàn trong toàn tỉnh.

Việc giải quyết truyền đạo trái phép và dân di cư tự do thu được nhiều kết quả, từng bước thu hẹp và làm giảm hoạt động truyền đạo trái phép. Từ năm 2001 đến nay số hộ tự nguyện bỏ đạo trái phép là 877 hộ gồm 5.319 nhân khẩu; giảm được 16 xã, 49 thôn, bản không còn đạo trái phép, đã giáo dục, cảm hóa được 72 đối tượng “cầm đầu tích cực”. Năm 2003 tỉnh đã tiến hành khảo sát tình hình kinh tế - xã hội ở 38 xã đặc biệt khó khăn nhất, qua đó đã tìm ra các nguyên nhân, đề ra các giải pháp nhằm từng bước củng cố, phát triển toàn diện ở các xã trên.

- Công tác cải cách tư pháp được cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm chỉ đạo thực hiện. Sự phối kết hợp giữa các cơ quan tư pháp ngày càng chặt chẽ. Khắc phục cơ bản được tình trạng xử lý oan, sai; không để xảy ra khiếu kiện đông người và điểm nóng. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật được chú trọng, hiểu biết và thực hiện pháp luật của nhân dân được nâng lên rõ rệt. Đặc biệt với chủ trương tất cả các cơ quan trong tỉnh giúp các xã 135 đăng ký hộ tịch, hộ khẩu và phong trào thanh niên tình nguyện đã mang lại kết quả to lớn, vừa

giải quyết hết những tồn đọng trước đây về công tác này, vừa nâng cao nhận thức của nhân dân về ý thức chấp hành pháp luật.

- Quan hệ giữa Lào Cai với tỉnh Vân Nam và một số tỉnh của Trung Quốc, với các nước, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ, các tổ chức tài chính quốc tế được phát triển. Đến nay đã có trên 20 tổ chức phi chính phủ (NGO) hỗ trợ đầu tư tại tỉnh Lào Cai với 140 dự án và tổng vốn viện trợ là 45 tỷ đồng. Các nguồn vốn FDI, ODA, WB, ADB và NGO tăng khá và được sử dụng đúng mục đích và đem lại hiệu quả thiết thực, đặc biệt là các dự án, chương trình xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống cho đồng bào các dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa. Quan hệ giữa Lào Cai với tỉnh Vân Nam- Trung Quốc được củng cố và tăng cường.

Tồn tại, yếu kém:

- Việc truyền đạo trái phép tuy có giảm nhưng diễn biến phức tạp hơn, đây là một tiềm ẩn rất đáng chú ý.

- Công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, đấu tranh chống tội phạm ma túy, các chất gây nghiện... hiệu quả chưa cao. Các vụ án có nguyên nhân xã hội vẫn xảy ra.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác tư pháp nhìn chung chất lượng được nâng lên một bước song vẫn còn bất cập.

6. Hệ thống chính trị được xây dựng, củng cố ngày càng trong sạch, vững mạnh; nội dung và phương thức hoạt động tiếp tục được đổi mới theo hướng gần dân, sát cơ sở, phù hợp, hiệu lực và hiệu quả hơn

- Công tác chính trị, tư tưởng đã bám sát và phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ, phương thức hoạt động được đổi mới, tăng cường đưa thông tin về cơ sở. Các cấp ủy đảng chú trọng công tác giáo dục lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo dục về đạo đức cách mạng; tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, những chủ trương của tỉnh đến đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân, góp phần cổ vũ phong trào thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của địa phương.

- Công tác phát triển đảng viên mới được các cấp ủy đảng quan tâm chỉ đạo nên đạt kết quả tốt. Tổng số đảng viên mới kết nạp từ năm 2001 đến nay là 3.800 đảng viên, số tổ chức cơ sở đảng có kết nạp đảng viên mới 409/569, giảm được 129 thôn, bản chưa có đảng viên.

- Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng được nâng lên đáng kể, từng bước chủ động được công việc. Hầu hết cấp ủy cơ sở đã xây dựng được quy chế làm việc, trong đó quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của tập thể và cá nhân, mối quan hệ với các tổ chức trong hệ thống chính trị, nguyên tắc tập trung dân chủ được thực hiện nghiêm túc, bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất, phát huy được sức mạnh tập thể. Kết quả phân xếp loại tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh hàng năm đều tăng. Năm 2001 số tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh chiếm 77,54%, khá 20,2%, yếu kém 2,24%; năm 2002 số tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh chiếm 70%, khá 28,4%, yếu kém 1,6% (nguyên nhân đạt trong sạch, vững mạnh thấp là do tiêu chí đánh giá nâng lên). Năm 2001 số đảng viên dự phân xếp loại là 17.276/18.185, đảng viên đủ tư cách, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ là 88%; năm 2002, số đảng viên dự phân xếp loại là 18.444/19.618, đảng viên đủ tư cách, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ là 69%.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được đẩy mạnh, chủ yếu tập trung đào tạo cán bộ cơ sở. Từ năm 2001 đến nay đã đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cơ sở, chuyên môn nghiệp vụ và văn hóa cho 17.570 lượt người; trung cấp lý luận là 568 người; cao cấp lý luận là 139 người; thạc sĩ, cử nhân chuyên môn và lý luận chính trị là 135 người. Đến nay, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực công tác của cán bộ từ tỉnh đến cơ sở được nâng lên đáng kể. Quá trình thực hiện công tác đào tạo cán bộ từng bước gắn với quy hoạch. Tỉnh đã ban hành một số chế độ chính sách nhằm khuyến khích cán bộ, nhất là cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ nữ đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ.

Công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ được chú trọng, cơ bản khắc phục được tình trạng bị động trong bố trí cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành. Quá trình quy hoạch được thực hiện dân chủ, thống nhất và định rõ tiêu chuẩn cán bộ cho mỗi chức danh quy hoạch theo quy định của Trung ương và của tỉnh, trong đó đặc biệt chú ý độ tuổi trẻ dân tộc thiểu số.

- Kết quả nổi bật của công tác tổ chức cán bộ trong hai năm rưỡi là thực hiện luân chuyển, tăng cường cán bộ đi huyện, xã và đánh giá, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo quản lý. Hơn 2 năm qua, tỉnh đã luân chuyển 108 đồng chí, tăng cường 111 đồng chí, bổ nhiệm 69 đồng chí, điều động 30 đồng chí về các huyện, các ngành và 107 xã đặc biệt khó khăn của tỉnh, trong đó có 47 đồng chí được chỉ định hoặc bầu giữ các chức danh chủ chốt ở xã. Kết quả các xã có cán bộ luân chuyển, tăng cường đều có chuyển biến rõ rệt trên các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững, ổn định; hệ thống chính trị được củng cố. Các xã đã cử được 363 người đi học văn hóa, 77 người đi học chuyên môn, 154 người đi học lý luận chính trị, 6 người học quản lý kinh tế, 60 người học quản lý nhà nước.

- Công tác đánh giá, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý đến nay đã hoàn thành ở tất cả các cấp, các ngành từ tỉnh đến huyện và các doanh nghiệp nhà nước và được thực hiện theo đúng quy trình, khách quan; góp phần quan trọng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành; bảo đảm sự đoàn kết nội bộ, tạo ra không khí phấn khởi, tin tưởng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Kết quả, đã đánh giá lại cán bộ ở 91 đơn vị, trong đó có 77 đơn vị có cán bộ phải đánh giá bổ nhiệm lại với 70 người thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và 699 trưởng, phó phòng các ngành, tỉnh và huyện, trong đó bổ nhiệm lại 467 đồng chí, không bổ nhiệm lại 81 đồng chí.

- Công tác kiểm tra được đẩy mạnh và duy trì thường xuyên, phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh các trường hợp vi phạm Điều lệ Đảng và pháp luật của Nhà nước. Các cấp ủy đảng đã xây dựng được

quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra và đề ra chương trình công tác kiểm tra của cấp ủy trong cả nhiệm kỳ, trên cơ sở đó hàng năm tổ chức thực hiện. Tổ chức triển khai thực hiện cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng trên cả 10 nội dung theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và kết luận Hội nghị Trung ương 4 (khóa IX) đã mang lại hiệu quả rõ rệt, nâng cao uy tín của Đảng bộ với nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Đến nay, công tác kiểm tra của Đảng bộ tỉnh đã đạt được kết quả quan trọng, số tổ chức đảng và đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng và pháp luật của Nhà nước giảm so với trước đây. Thực hiện tốt việc giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên cũng như công dân. Các ý kiến chính đáng của cán bộ, đảng viên và nhân dân đều được cấp ủy, chính quyền các cấp xem xét, giải quyết, trả lời nghiêm túc, đúng quy định, chưa có vụ việc bức xúc, nổi cộm xảy ra liên quan đến cán bộ, đảng viên.

- Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội có nhận thức đúng đắn ý nghĩa quan trọng của việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở nên lĩnh vực này có chuyển biến tốt. Đến nay đã có 180 xã, phường, thị trấn với 100% thôn, bản, cơ quan, tổ dân phố trong toàn tỉnh đã triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và trong cơ quan, doanh nghiệp, đến cán bộ, đảng viên, công chức và nhân dân các dân tộc. Cán bộ, đảng viên, công chức và nhân dân đã chủ động, tích cực tham gia đóng góp ý kiến xây dựng nghị quyết của chi, đảng bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các công việc trong cộng đồng dân cư, thôn, bản, tổ dân phố. Nhiều lĩnh vực được công khai hóa theo quy định nên đã hạn chế được những tiêu cực trong việc thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội ở địa phương và trong các doanh nghiệp. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội các cấp tăng cả về số lượng và chất lượng hoạt động. Nội dung hoạt động cụ thể, thiết thực, chăm lo đáp ứng nguyện vọng chính đáng của đoàn viên, hội viên. Đã tổ chức được nhiều phong trào thi đua sôi nổi, rộng khắp góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

Hoạt động giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh và của Hội đồng nhân dân các cấp, đặc biệt là của Hội đồng nhân dân tỉnh trong những năm qua đã thực sự có hiệu quả. Nội dung giám sát của Hội đồng nhân dân đã tập trung vào những vấn đề bức xúc, thiết thực của tỉnh. Sự phối kết hợp giữa Hội đồng nhân dân các cấp ngày càng chặt chẽ hơn; tổ chức tốt các cuộc tiếp xúc cử tri của Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp để lắng nghe ý kiến của cử tri, thực hiện tốt vai trò là người đại diện cho nhân dân. Ủy ban nhân dân các cấp đã hoàn thành tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo điều hành thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương, chủ động đổi mới phương thức chỉ đạo theo hướng hiệu lực và hiệu quả. Đặc biệt là Ủy ban nhân dân tỉnh trong những năm qua đã năng động, sáng tạo tìm ra nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ những khó khăn, triển khai có hiệu quả những chủ trương của Tỉnh ủy, huy động được nhiều nguồn lực từ các địa phương, các ngành, các thành phần kinh tế vào phát triển kinh tế - xã hội.

Công tác cải cách hành chính được đẩy mạnh theo hướng tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả. Tỉnh đã tăng cường thực hiện phân cấp để huyện năng động, xã chủ động; đã tiến hành sắp xếp lại một số cơ quan, đơn vị. Tiến hành rà soát và quy định rõ chức năng, nhiệm vụ cho một số sở, ban, ngành; khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót nhiệm vụ. Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo giảm bớt thủ tục hành chính rườm rà, rà soát hệ thống văn bản đã ban hành; sửa đổi, hoàn thiện cơ chế chính sách trong lĩnh vực quản lý hành chính, quản lý tài chính, kế hoạch, xây dựng cơ bản, quản lý đất đai, xuất, nhập khẩu...

Tồn tại, yếu kém:

Công tác chính trị, tư tưởng chuyển biến còn chậm, đặc biệt là ở một số cơ sở. Việc nắm bắt tình hình tư tưởng của nhân dân ở các thôn, bản vùng sâu, vùng xa chưa kịp thời.

- Tình trạng quan liêu tuy đã giảm nhưng vẫn còn những việc chưa nắm chắc tình hình cơ sở ở địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số.

- Một số cấp ủy cơ sở chưa xây dựng được chương trình công tác kiểm tra toàn khóa và kế hoạch kiểm tra hằng năm, vẫn còn một số nơi thực hiện Quy chế dân chủ chưa nghiêm túc.

- Năng lực cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở mặc dù được nâng lên song còn bất cập so với yêu cầu nhiệm vụ mới đặt ra. Chất lượng của một số tổ chức cơ sở đảng còn yếu, một số chi bộ cơ sở chưa làm tốt công tác phát triển đảng viên (còn 87 thôn, bản, 42 đầu mối, 17 tổ dân phố chưa có đảng viên). Một số tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở hoạt động hình thức, hiệu quả thấp.

- Việc bố trí cán bộ nữ, cán bộ dân tộc thiểu số ở một số nơi còn mất cân đối.

Đánh giá tổng quát

Với sự quyết tâm của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh trong 2 năm rưỡi qua chúng ta đã đạt được nhiều kết quả. Tính đến 30-6-2003 và một số mục tiêu dự ước đến hết năm 2003 có 7 mục tiêu lớn (chiếm 43,75% mục tiêu Đại hội) đạt và vượt mục tiêu Đại hội đề ra năm 2005, đó là: tốc độ tăng GDP hằng năm đạt trên 10%; tổng sản lượng lương thực có hạt đạt trên 190 ngàn tấn; giá trị kim ngạch xuất, nhập khẩu đạt 35 triệu USD; cơ bản không còn hộ đói thường xuyên; giảm nghèo bình quân hằng năm đạt trên 6%; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,8%; 80% tổ chức đoàn thể đạt khá trở lên. Còn 7 mục tiêu (chiếm 43,75% mục tiêu Đại hội) gần đạt kế hoạch năm 2005, đó là: giá trị GDP; cơ cấu ngành kinh tế trong GDP; phổ cập trung học cơ sở; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng; tạo việc làm mới cho người lao động; tỷ lệ Đảng bộ trực thuộc, tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh hằng năm. Còn 2 mục tiêu chiếm (12,5% mục tiêu Đại hội) đạt thấp, đó là: tỷ lệ hộ nghe Đài Phát thanh và xem truyền hình; độ tán che phủ rừng.

GDP bình quân đầu người năm 2002 đạt 2,9 triệu đồng/người/năm, dự ước năm 2003 đạt 3,3 triệu/người. Cơ cấu kinh tế đang chuyển dịch theo hướng tích cực, dự ước năm 2003 khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 37,54%, khu vực công nghiệp, xây dựng cơ bản chiếm 23,21%,

khu vực dịch vụ, thương mại, du lịch chiếm 39,25% (tương ứng Đại hội đề ra là 41%, 25%, 34%). Công tác quy hoạch được quan tâm, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm. Cơ cấu lao động, cơ cấu đầu tư tăng dần trong lĩnh vực công nghiệp, du lịch, dịch vụ, đầu tư tập trung cho lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Các lĩnh vực y tế, văn hóa, giáo dục được xã hội hóa ngày càng tốt hơn. Công tác xóa đói, giảm nghèo thu được nhiều kết quả, nhận thức của người dân về xóa đói, giảm nghèo nâng lên đáng kể, từ năm 2001 đến 30-6 -2003 giảm tỷ lệ đói, nghèo từ 29,96% xuống còn 16,34%. An ninh, quốc phòng được tăng cường, củng cố biên giới quốc gia được giữ vững, trật tự, an toàn xã hội, an ninh nông thôn được bảo đảm. Công tác đối ngoại được mở rộng. Cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh nâng cao ý thức cảnh giác, chủ động đấu tranh làm thất bại âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch. Các lực lượng vũ trang được nâng cao chất lượng và khả năng sẵn sàng chiến đấu, thực hiện tốt nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, củng cố vững chắc khu vực phòng thủ tỉnh, huyện. Hoạt động của hệ thống chính trị thực hiện tốt phương châm gần dân, sát cơ sở, hoạt động hiệu quả, Quy chế dân chủ ở cơ sở được thực hiện ngày càng tốt hơn. Việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân được quan tâm giải quyết kịp thời, không để dây dưa kéo dài, hạn chế đơn thư khiếu kiện vượt cấp; không để xảy ra “điểm nóng”. Công tác luân chuyển, tăng cường cán bộ đi cơ sở tạo ra bước đột phá trong công tác cán bộ của tỉnh, giải quyết được nhiều vấn đề bức xúc về công tác cán bộ và những vấn đề đang đặt ra ở cơ sở hiện nay. Con em các dân tộc thiểu số được quan tâm đào tạo và bố trí sử dụng có hiệu quả. Các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp có sự đổi mới về phương thức và phong cách lãnh đạo theo hướng năng động, sáng tạo, sâu sát, hiệu lực và hiệu quả.

Bên cạnh những kết quả đạt được còn một số mặt tồn tại, yếu kém đáng quan tâm, đó là:

Kết cấu hạ tầng yếu kém. Việc triển khai thực hiện 7 chương trình công tác trọng tâm với 27 đề án, kế hoạch và nghị quyết chuyên đề và 6

chương trình trọng tâm hướng về cơ sở năm 2003 của tỉnh ở một số cơ sở còn chậm và lúng túng. Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, việc chuyển dịch cơ cấu lao động và trình độ người lao động còn nhiều mặt hạn chế. Sự chuyển đổi hợp tác xã chưa mạnh. Công nghệ sản xuất còn lạc hậu, sản phẩm giá thành còn cao, khả năng mở rộng và chiếm lĩnh thị trường chưa tốt. Độ tán che phủ rừng mới đạt 36,7%. Xoá đói, giảm nghèo chưa bền vững, nhiều huyện tỷ lệ đói, nghèo còn cao, từ 25 đến trên 30%; các dân tộc như: Khơ Mú, Hà Nhì, Pa Dí, Mông... có tỷ lệ đói nghèo từ 30 - 50 %. Trình độ dân trí nhìn chung còn thấp, không đồng đều giữa các vùng, các dân tộc; tiếp cận với các dịch vụ khoa học - kỹ thuật hạn chế, thiếu kinh nghiệm sản xuất. Tỷ lệ hộ được xem truyền hình và nghe Đài Phát thanh đạt thấp (58% và 75%). Một số phong tục tập quán lạc hậu còn nặng nề; tâm lý trông chờ, ỷ lại vào Đảng và Nhà nước vẫn còn tồn tại ở một số cán bộ và nhân dân. Tình hình truyền đạo trái phép, di dân tự do diễn biến phức tạp. Tai, tệ nạn xã hội như: nghiện ma túy, buôn bán, vận chuyển ma túy, tai nạn giao thông chưa giảm. Đội ngũ cán bộ cơ sở nhìn chung khả năng lãnh đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ chính trị còn yếu. Nguồn nhân lực phục vụ các lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực công nghiệp, xuất, nhập khẩu chưa đáp ứng được yêu cầu. Thiếu cán bộ, chuyên gia giỏi trong nhiều lĩnh vực nhất là trong lĩnh vực công nghệ - thông tin, khoa học - công nghệ mới, kinh tế đối ngoại. Tỷ lệ cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ nữ thấp và phân bố không đồng đều giữa các ngành, các cấp, các địa bàn...

III. NGUYÊN NHÂN

1. Nguyên nhân bước đầu của thành tựu

1.1. Đảng bộ tỉnh đã vận dụng sáng tạo nghị quyết của Đảng vào điều kiện của tỉnh. Xác định đúng những lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm, những tiềm năng, thế mạnh, những khâu đột phá và có bước đi phù hợp. Sớm ban hành được nhiều nghị quyết, chính sách thúc đẩy sự phát triển.

1.2. Đảng bộ có sự đoàn kết thống nhất cao. Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng và Quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy được sức mạnh đoàn kết của nhân dân các dân tộc, các lực lượng.

1.3. Tranh thủ được sự ủng hộ, giúp đỡ Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương, các tỉnh, thành, các tổ chức, các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài. Tăng cường mở rộng quan hệ đối ngoại, có cơ chế chính sách thông thoáng thu hút đầu tư.

1.4. Quan tâm, sâu sát cơ sở, đặc biệt là việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo của đội ngũ cán bộ cơ sở từng bước chủ động được công việc. Cấp ủy các cấp đã đổi mới có hiệu quả phương thức lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành.

1.5. Đẩy mạnh hoạt động của các phong trào thi đua yêu nước tạo ra động lực mạnh mẽ, huy động toàn Đảng bộ, toàn dân tích cực lao động sản xuất, phát huy sáng tạo.

2. Nguyên nhân của những tồn tại, yếu kém

Nguyên nhân khách quan:

- Điểm xuất phát nền kinh tế của tỉnh Lào Cai thấp so với mặt bằng chung của cả nước, nhận thức của nhân dân về sản xuất hàng hóa còn hạn chế, thiếu vốn đầu tư trên nhiều lĩnh vực.

- Các thế lực thù địch lợi dụng hoạt động tôn giáo, truyền đạo trái phép, kích động nhân dân di cư tự do gây tình hình phức tạp trên địa bàn, ảnh hưởng lớn đến đời sống của nhân dân các dân tộc.

- Thiên tai liên tiếp xảy ra gây thiệt hại về người và vật chất, làm cho đời sống nhân dân càng thêm khó khăn hơn.

- Chính sách chưa đồng bộ, một số chính sách đặt ra nhưng thiếu nguồn lực tài chính để thực hiện.

Nguyên nhân chủ quan:

- Năng lực của đội ngũ cán bộ ở một số nơi, nhất là cơ sở chưa đáp ứng được yêu cầu; thiếu hiểu biết về kinh tế thị trường; việc cụ thể hóa nghị quyết ở một số nơi còn lúng túng, nhất là trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Thiếu chuyên gia đầu ngành, nhất là các lĩnh vực trọng tâm, các ngành mũi nhọn của tỉnh. Quy mô sản xuất hàng hóa nhỏ bé, công nghệ sản xuất lạc hậu, chất lượng lao động và nguồn nhân lực còn thấp so với yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Vốn đầu tư còn khó khăn, chưa đặt đúng vị trí của công tác xúc tiến thương mại. Các sản phẩm hàng hóa cạnh tranh trên thị trường gặp nhiều khó khăn.

- Phong tục tập quán lạc hậu, tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước của một bộ phận cán bộ, nhân dân vẫn là lực cản lớn trong quá trình phát triển.

IV. MỘT SỐ KINH NGHIỆM BƯỚC ĐẦU

Một là, phải quán triệt sâu sắc và vận dụng sáng tạo các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để xây dựng cơ chế, chính sách của tỉnh phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, phù hợp với nguyện vọng chính đáng, tạo sự tin tưởng, phấn khởi của nhân dân các dân tộc. Phải biết chọn những lĩnh vực, những khâu đột phá để tập trung mọi nguồn lực thực hiện thắng lợi sẽ tạo ra những chuyển biến một cách toàn diện.

Hai là, phát huy nội lực, lợi thế so sánh, tận dụng khai thác các thế mạnh của địa phương, tranh thủ sự giúp đỡ từ bên ngoài, chủ động vươn lên. Quan tâm mở rộng đối ngoại với các tỉnh trong cả nước và thế giới đặc biệt là với tỉnh Vân Nam - Trung Quốc, tranh thủ mọi nguồn lực để phát triển.

Ba là, phải thường xuyên đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng gần dân, sát cơ sở nghe được dân nói, nói cho dân hiểu, làm cho dân tin, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, giải quyết kịp thời những vấn đề mới nảy sinh. Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ và Quy chế dân chủ, chăm lo công tác thi đua - khen thưởng những nhân tố mới trong sự nghiệp đổi mới.

Bốn là, phải thường xuyên chăm lo công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị các cấp trong sạch, vững mạnh, đáp ứng với nhiệm vụ

hiện nay. Luôn luôn coi trọng xây dựng sự đoàn kết, nhất trí cao trong Đảng bộ, trong nhân dân các dân tộc, tập hợp lực lượng, làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, phát triển đảng viên, trong đó chú trọng tới đối tượng là người dân tộc thiểu số, là nữ ở những nơi vùng sâu, vùng xa.

Năm là, chú trọng nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân lực, đào tạo nhân tài để có đội ngũ cán bộ đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước. Thực hiện tốt chính sách cán bộ.

Phần thứ hai **NHIỆM VỤ TỪ NAY ĐẾN NĂM 2005**

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH THẾ GIỚI, TRONG NƯỚC, TRONG TỈNH TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC PHÁT TRIỂN CỦA TỈNH TỪ NAY ĐẾN NĂM 2005

Tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp. Các thế lực thù địch tăng cường chống phá cách mạng nước ta với hình thức nguy hiểm hơn.

Một số thị trường truyền thống của nước ta, trong đó có sản phẩm của Lào Cai tiêu thụ trước đây bị thu hẹp. Một số đối tác của tỉnh tiếp tục điều chỉnh chính sách theo hướng không có lợi cho sự phát triển của ta.

Trong nước, nguồn vốn đầu tư của Trung ương cho sự nghiệp phát triển của tỉnh Lào Cai hạn hẹp, một số chính sách liên quan đến nguồn thu của tỉnh có thay đổi, do đó các chương trình, đề án của tỉnh sẽ bị thiếu vốn. Các công trình của Trung ương đầu tư trên địa bàn triển khai chậm.

Khả năng từ nay đến năm 2005 sẽ chia tách huyện Than Uyên về tỉnh Lai Châu sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới tổng sản lượng lúa, chè và một số lĩnh vực khác của tỉnh.

Tuy vậy, việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ từ nay đến hết năm 2005 của Đảng bộ tỉnh có những mặt thuận lợi rất cơ bản, đó là:

Những kết quả đạt được trên các lĩnh vực trong những năm qua là cơ sở quan trọng khích lệ cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc tỉnh ta tiếp tục vượt qua mọi khó khăn để triển khai thực hiện thắng lợi toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII đã đề ra.

Với lợi thế “cầu nối” giữa Việt Nam với vùng Tây Nam của Trung Quốc, một thị trường rộng lớn sẽ được khai thác, nhất là khi xây dựng tuyến đường bộ, đường sắt Lào Cai - Hà Nội, đường hàng không thì những lợi thế đó sẽ phát huy hiệu quả.

Kết cấu hạ tầng cơ sở đã được đầu tư sẽ phát huy tác dụng ngay cả đối với những nơi vùng sâu, vùng xa. Việc thực hiện 6 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở năm 2003 của tỉnh được nhân dân tích cực thực hiện sẽ làm thay đổi căn bản đời sống nông thôn. Tiềm năng du lịch, nguồn thủy năng của tỉnh được đầu tư, khai thác tạo thêm việc làm và tăng thu nhập cho nhân dân và ngân sách địa phương.

Đội ngũ cán bộ sẽ có khả năng chủ động trong việc chỉ đạo, điều hành công việc ở cơ sở. Sau một thời gian đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện chủ trương luân chuyển, tăng cường cán bộ đi huyện, xã đã có nhiều kết quả làm tiền đề để thực hiện nhiệm vụ chính trị ở cơ sở ngày càng tốt hơn.

Những chính sách và thực hiện các chính sách thu hút đầu tư đã được xây dựng, quảng bá trong thời gian qua được triển khai thực hiện, bước đầu phát huy tác dụng. Chính phủ đã ban hành Quyết định 120/2003/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tuyến biên giới Việt - Trung đến năm 2010. Cùng với các chính sách, cơ chế đã có cho vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số sẽ tạo điều kiện để có bước phát triển nhanh và bền vững hơn.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TỪ NAY ĐẾN NĂM 2005

1. Mục tiêu từ nay đến năm 2005

Phát huy những kết quả đã đạt được trong thời gian qua, với tình

thần đoàn kết, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Lào Cai quyết tâm thực hiện thắng lợi toàn diện, vượt mức các mục tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII đã đề ra đến năm 2005, tạo tiền đề vững chắc để phát triển trong giai đoạn tiếp theo. Giữ vững ổn định chính trị, tập trung lãnh đạo đẩy mạnh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phát triển nông nghiệp, nông thôn, giải quyết có hiệu quả chương trình xóa đói, giảm nghèo, ổn định và nâng cao đời sống nhân dân. Tiếp tục quán triệt chủ trương, quan điểm “Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ trọng yếu”.

Các mục tiêu phấn đấu vượt so với mục tiêu Đại hội

- Giá trị tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP): 2.800 tỷ đồng.
 - Tốc độ tăng trưởng GDP trên 12 %.
 - GDP bình quân đầu người 4,2 triệu đồng.
 - Cơ cấu ngành kinh tế trong GDP:
 - + Nông, lâm nghiệp, thủy sản 32,9%.
 - + Công nghiệp, xây dựng cơ bản 27% (trong đó công nghiệp 10,3%).
 - + Thương mại dịch vụ 40,1%.
 - Tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách 19%.
 - Tổng sản lượng lương thực có hạt 210 ngàn tấn.
 - Kim ngạch xuất, nhập khẩu 40 triệu USD.
 - Giảm tỷ lệ đói, nghèo 5%/năm.
 - Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1,8%.
- Tập trung sức để thực hiện hai mục tiêu hiện đang đạt thấp là:
- Tỷ lệ số hộ được nghe Đài Phát thanh và xem truyền hình.
 - Độ tán che phủ rừng.

2. Một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các giải pháp mà Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII đã đề ra, đồng thời tập trung thực hiện tốt một số giải pháp chủ yếu sau đây:

2.1. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn, ổn định đời sống nhân dân.

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn bảo đảm tính bền vững. Rà soát, bổ sung và thực hiện tốt quy hoạch phát triển kinh tế đặc biệt là ở các xã; hình thành rõ nét các vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với công nghiệp chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm nông, lâm nghiệp cho nông dân nhằm kích thích sản xuất hàng hóa phát triển.

- Tập trung các nguồn vốn để sắp xếp, ổn định dân cư theo mô hình mới (nhất là những nơi dân cư phân tán). Phát triển đồng bộ một bước kết cấu hạ tầng phục vụ cho nông nghiệp, nông thôn; đẩy mạnh kiên cố hóa kênh mương nội đồng các vùng trọng điểm lúa theo đề án đã đề ra.

- Bảo vệ và phát triển vốn rừng, lấy công tác bảo vệ, khoanh nuôi kết hợp trồng rừng làm nhiệm vụ trọng tâm của hoạt động lâm nghiệp và bảo vệ môi trường sinh thái thu hẹp dần diện tích đất trống, đồi núi trọc. Nâng cao chất lượng, giá trị của rừng trồng bằng phương pháp thâm canh, trồng các loại cây có giá trị kinh tế, kết hợp trồng rừng với phát triển du lịch sinh thái để tăng thu nhập từ kinh tế rừng.

- Thực hiện tốt công tác chuyển giao khoa học - công nghệ vào sản xuất, trong đó cần đặc biệt quan tâm việc sản xuất giống trong tỉnh để đưa giống cây, con có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao vào sản xuất phù hợp với từng vùng, từng địa phương phục vụ cho việc sản xuất hàng hóa và xuất khẩu, nhằm tăng nhanh giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích canh tác. Mở rộng mạng lưới khuyến nông, khuyến lâm đến thôn, bản.

- Thực hiện tốt các chương trình lồng ghép, thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo. Gắn kết chặt chẽ công tác xóa đói, giảm nghèo với việc sắp xếp ổn định dân cư quy hoạch sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng khu vực vùng sâu, vùng xa. Từng bước đưa nông thôn vùng sâu, vùng xa ra khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, đi dần vào sản xuất hàng hóa, phấn đấu đến năm 2005 cơ bản các huyện có tỷ lệ

đói, nghèo dưới 20%. Tổ chức tốt các hoạt động dịch vụ, cung ứng vật tư phục vụ sản xuất. Đẩy mạnh và phát triển ngành, nghề nông thôn, nhất là những nghề truyền thống tạo việc làm và tăng thêm thu nhập cho nhân dân.

2.2. Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và phát triển công nghiệp.

- Tập trung các nguồn lực để nâng cấp, mở mới các tuyến đường giao thông, trong đó ưu tiên phát triển đường giao thông liên thôn, bản, đường biên giới theo nội dung 6 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở năm 2003 của tỉnh. Thực hiện tốt việc xây dựng các tuyến kè sông biên giới và kè sông Hồng theo các dự án.

- Trước mắt tập trung thực hiện có hiệu quả việc kiên cố hóa trường học, lớp học thôn, bản, nhà công vụ ở cơ sở. Tập trung xây dựng các chính sách sử dụng hạ tầng cơ sở và xây dựng trụ sở làm việc của các cơ quan của tỉnh để di chuyển tỉnh về đô thị mới đúng tiến độ. Triển khai thực hiện bảo đảm đủ các tiêu chí nâng cấp thị xã Lào Cai lên thành phố Lào Cai.

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp khai thác và chế biến Khoáng sản, công nghiệp chế biến nông, lâm sản, vật liệu xây dựng, công nghiệp điện năng... tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Đầu tư vào các khu công nghiệp địa phương như: khu công nghiệp Bắc Duyên Hải, đông Phố Mới, khu công nghiệp Tầng Loỏng. Đưa dự án tổ hợp đồng Sin Quyền và một số nhà máy thủy điện vào sản xuất. Tiếp tục thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp với các ngành, nghề truyền thống như dệt thổ cẩm, sản xuất công cụ cầm tay, đồ mỹ nghệ... nhằm tạo thêm việc làm, tăng sản phẩm hàng hóa, tăng thu nhập cho nhân dân.

- Từng bước đưa công nghệ tiên tiến, hiện đại vào sản xuất công nghiệp nhất là công nghiệp khai Khoáng và sản xuất vật liệu để các sản phẩm có sức cạnh tranh trên thị trường.

2.3. Đẩy mạnh khai thác khu vực kinh tế cửa khẩu và du lịch

Tiếp tục rà soát chính sách đã ban hành để bổ sung, sửa đổi cho

phù hợp với tình hình thực tế, có sức thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào Lào Cai, đặc biệt là các dự án đầu tư vào các khu kinh tế trọng điểm của Khu kinh tế cửa khẩu. Khai thác tối đa lợi thế các cửa khẩu của tỉnh đặc biệt là Cửa khẩu quốc tế Lào Cai. Nâng cấp Cửa khẩu Muồng Khương.

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại để thực sự là cầu nối với thị trường Vân Nam - Trung Quốc.

- Làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ của cán bộ làm việc tại khu kinh tế cửa khẩu, nhất là về chuyên môn và ngoại ngữ để đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

- Tập trung nguồn vốn để đầu tư dứt điểm các công trình khu vực kinh tế cửa khẩu để nhanh chóng đưa vào sử dụng.

- Đẩy nhanh tiến độ quy hoạch và thực hiện quy hoạch du lịch, đặc biệt là quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết khu du lịch Sa Pa, Bắc Hà. Tăng cường đầu tư cho lĩnh vực du lịch và tổ chức các tuyến, các điểm du lịch cùng với việc nâng cao chất lượng dịch vụ, du lịch để thu hút khách du lịch trong và ngoài nước, giải quyết việc làm và tăng nguồn thu cho ngân sách.

2.4. Chăm lo phát triển văn hóa, giáo dục, khoa học - công nghệ, môi trường và xã hội theo hướng xã hội hóa

- Đẩy mạnh phát triển sự nghiệp giáo dục nhằm tạo nguồn nhân lực phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh trong những năm trước mắt cũng như về lâu dài. Nâng cao chất lượng giáo dục, củng cố vững chắc kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ, thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Các huyện, thị tiến hành rà soát, bổ sung kế hoạch phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở. Tăng cường và duy trì các lớp mẫu giáo, đặc biệt là mẫu giáo 5 tuổi để có ít nhất trên 95% số trẻ 6 tuổi vào lớp 1. Mở rộng mô hình trường nội trú và bán trú dân nuôi ở các xã và các trung tâm cụm xã. Xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ các trường nội trú dân nuôi. Ưu tiên xây dựng kiên cố hóa trường, lớp học ở các xã, thôn, bản.

Phát triển mạng lưới y tế cơ sở, tăng cường đưa bác sĩ về xã, đồng thời chú trọng đào tạo các bác sĩ chuyên sâu để phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu khám, chữa bệnh cho nhân dân. Thực hiện tốt chính sách khám chữa bệnh cho người nghèo và công tác kế hoạch hóa gia đình, góp phần nâng cao chất lượng dân số.

- Tăng cường nghiên cứu khoa học, ưu tiên các đề tài, dự án phục vụ trực tiếp cho việc chuyển giao khoa học - công nghệ vào những lĩnh vực, những ngành chủ yếu của tỉnh.

- Chú trọng đào tạo nghề để tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo nhằm nâng cao chất lượng lao động đáp ứng yêu cầu phát triển hiện nay. Tiếp tục điều chỉnh, bổ sung và thực hiện tốt chính sách thu hút lao động có tay nghề cao phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Chú trọng đầu tư cho lĩnh vực văn hóa, xác định đây là đầu tư cho phát triển, thực hiện tốt công tác bảo tồn, phát triển bản sắc văn hóa các dân tộc kết hợp với phát triển du lịch văn hóa; duy trì và phát triển phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; chú trọng đầu tư phát triển các phong trào thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao.

- Tập trung nguồn lực để phát triển phát thanh - truyền hình theo hướng đầu tư trạm thu phát cho khu dân cư tập trung và trạm thu vệ tinh cho các cụm dân cư nhỏ.

2.5. Tăng cường, củng cố an ninh - quốc phòng và công tác đối ngoại.

- Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, thường xuyên tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức, trách nhiệm bảo vệ biên giới Tổ quốc. Thực hiện tốt chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX.

- Tăng cường nắm địa bàn, quản lý chặt chẽ hộ tịch, hộ khẩu, đấu tranh kịp thời với các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Ngăn chặn có hiệu quả các tệ nạn xã hội, đặc biệt là buôn bán, vận chuyển chất ma túy, nghiện ma túy nhiễm HIV. Tổ chức tốt việc cai nghiện ba giai đoạn mô hình điểm tại thị xã Lào Cai, Bát Xát, Sa Pa.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền và các biện pháp thực hiện luật giao thông nhằm giảm thiểu tai nạn giao thông trên địa bàn.

- Tiếp tục chỉ đạo việc kiện toàn các ngành Nội chính về tổ chức, cán bộ, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ cấp tỉnh và huyện phù hợp với yêu cầu cải cách tư pháp trong tình hình mới. Tăng cường phối hợp giữa các ngành, các cấp trong hoạt động tư pháp. Làm tốt công tác giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo của công dân ngay từ cơ sở, không để dây dưa, kéo dài, xử lý oan sai, không để xảy ra điểm nóng trên địa bàn.

- Tăng cường mở rộng quan hệ đối ngoại với các nước, các tổ chức quốc tế, đặc biệt là với tỉnh Vân Nam, Trung Quốc tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh quốc gia và an ninh biên giới. Giải quyết linh hoạt, đúng nguyên tắc các vấn đề xảy ra trên tuyến biên giới.

2.6. củng cố, xây dựng hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ hiện nay.

- Chú trọng giáo dục chính trị, tư tưởng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là giáo dục lý luận Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Các cấp ủy đảng thường xuyên quan tâm giáo dục đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các trường hợp cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật và Điều lệ Đảng. Thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2).

- Tiếp tục thực hiện công tác luân chuyển, tăng cường cán bộ theo Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết 10-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Làm tốt công tác đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nhất là cán bộ cơ sở cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ nữ cả về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ với nhiều hình thức phù hợp. Trong công tác quy hoạch cán bộ đặc biệt chú trọng cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ nữ bảo đảm cơ cấu hợp lý, khắc phục tình trạng cán bộ dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ quá thấp ở một số nơi.

- Làm tốt công tác phát triển đảng viên mới, cơ bản không còn đâu mới không có đảng viên, các xã cơ bản có đảng ủy, các thôn, bản có chi bộ; đội ngũ cán bộ từng bước được chuẩn hóa kể cả ở cơ sở.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức; giảm phiền hà, sách nhiễu trong thực thi công việc của các cơ quan, cán bộ, công chức nhà nước. Thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa. Lựa chọn một số lĩnh vực có vai trò đột phá để thu hút các chuyên gia, cán bộ có trình độ cao từ các tỉnh, thành phố trong cả nước đến làm việc tại tỉnh; tích cực chọn, cử cán bộ đi đào tạo ở trong và ngoài nước để đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

- Đổi mới nội dung, hình thức hoạt động của các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội ngày càng trong sạch, vững mạnh theo hướng gần dân, sát cơ sở, thiết thực phù hợp với lợi ích chính đáng của các hội viên và đoàn viên, ngày càng thu hút đông đảo đoàn viên, hội viên mới.

- Tổ chức thực hiện tốt Quyết định số 120/2003/QĐ-TTg, ngày 11-6-2003 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tuyến biên giới Việt - Trung đến năm 2010.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tiếp tục lãnh đạo toàn đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh phấn đấu hoàn thành thắng vượt mức các mục tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII đã đề ra.

Phần thứ ba

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ VỚI TRUNG ƯƠNG

- Trung ương có chính sách đối với Khu kinh tế cửa khẩu phù hợp với tình hình mới. Có ý kiến với Chính phủ Trung Quốc để sớm xây dựng cầu qua sông Hồng nối Kim Thành, Lào Cai với Thương Thành, Trung Quốc.

- Bộ Chính trị nên có chương trình làm việc với các tỉnh thuộc diện đặc biệt khó khăn để có những quyết sách kịp thời, phù hợp, nhất là đầu tư nguồn lực.

- Trung ương đẩy mạnh việc thực hiện các chương trình ở Lào Cai thông qua việc bố trí kế hoạch hằng năm: kè sông biên giới, đường tuần tra biên giới; nâng cấp quốc lộ 70; nâng cấp đường sắt; xây dựng sân bay; các nhà máy thủy điện. Trung ương cấp đủ kinh phí để thực hiện các mục tiêu Chính phủ đề ra đối với các tỉnh như: Quyết định 120/2003-QĐ/TTg, Quyết định 135, 186, kiên cố hóa trường lớp học, kênh mương hóa nội đồng, xóa đói, giảm nghèo và các chương trình thuộc bộ, ngành Trung ương.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 120-BC/TU, ngày 30-9-2003

**Tổng kết Chỉ thị 37-CT/TW của Ban Bí thư
Trung ương Đảng về “Một số vấn đề công tác cán bộ nữ
trong tình hình mới” và Chỉ thị 17-CT/TU
của Tỉnh ủy Lào Cai**

Thực hiện Công văn số 158-CV/TW, ngày 12-5-2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Kế hoạch số 05-KH/BCĐ, ngày 12-5-2003 của Ban chỉ đạo tổng kết Chỉ thị 37 của Trung ương về “Một số vấn đề công tác cán bộ nữ trong tình hình mới”, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị 37-CT/TW gắn với tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 17-CT/TU của Tỉnh ủy Lào Cai.

***Phần thứ nhất* TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CHỈ THỊ VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC SAU 9 NĂM THỰC HIỆN**

I. TÌNH HÌNH CHUNG LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC THỰC HIỆN CHỈ THỊ

Lào Cai là một tỉnh vùng cao, biên giới, dân số trên 60 vạn người, gồm 27 dân tộc anh em cùng sinh sống (đồng bào dân tộc thiểu số chiếm gần 67%), được phân bố ở 10 huyện, thị xã. Toàn tỉnh có 180

xã, phường, thị trấn, trong đó có 138 xã vùng 3, có 26 xã biên giới, lực lượng lao động chiếm 50,8%, trong đó lực lượng lao động nữ chiếm 52% trong tổng số lao động. Trình độ dân trí thấp, kinh tế chậm phát triển, tỷ lệ đói, nghèo còn khá cao (19,19%); phong tục tập quán còn nhiều hủ tục lạc hậu, tư tưởng trọng nam, khinh nữ còn biểu hiện ở một số nơi, vai trò người phụ nữ với công việc gia đình vẫn còn là gánh nặng, một số bộ phận không nhỏ phụ nữ chưa vượt qua được những mặc cảm tự ti, khắc phục khó khăn để tự mình học tập phấn đấu vươn lên. Đội ngũ cán bộ còn nhiều bất cập, đặc biệt là đội ngũ cán bộ nữ.

Trước thực trạng trên, ngay sau khi tái lập tỉnh (1991) đến nay, cùng với việc phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh - quốc phòng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai luôn quan tâm đến việc đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ cán bộ nữ, coi đây là nhiệm vụ chiến lược mà các cấp ủy, chính quyền phải quan tâm chỉ đạo để động viên lực lượng lao động nữ, cán bộ nữ tham gia vào các nhiệm vụ chính trị ở địa phương, đáp ứng sự nghiệp ông nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Ngày 16-4-1994, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị 37-CT/TW về “Một số vấn đề công tác cán bộ nữ trong tình hình mới”. Tỉnh ủy đã tổ chức quán triệt và chỉ đạo sâu đến từng chi bộ. Để Chỉ thị 37-CT/TW biến thành hành động cụ thể, thiết thực, ngày 20-4-1999, Tỉnh ủy Lào Cai ban hành Chỉ thị 17-CT/TU về “Một số vấn đề công tác cán bộ nữ”. Nội dung nêu việc nâng cao tỷ lệ cán bộ nữ tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội là yêu cầu quan trọng để thực hiện quyền bình đẳng dân chủ của phụ nữ, là điều kiện để phát huy tài năng, trí tuệ và nâng cao địa vị xã hội của phụ nữ, chống những biểu hiện lệch lạc coi thường phụ nữ, khắt khe, hẹp hòi trong đánh giá, đề bạt cán bộ nữ, đồng thời tạo nên sự thông cảm, giúp đỡ thiết thực để cán bộ nữ vươn lên, kể cả sự hỗ trợ khích lệ của gia đình và xã hội.

1. Thực trạng tình hình cán bộ nữ

Theo số liệu thống kê, tổng số cán bộ nữ công nhân, viên chức trong toàn tỉnh có 16.872/33.519 công nhân lao động, một số ngành

đồng nữ như: Giáo dục, Y tế, Ngân hàng, Kho bạc, Tài chính và một số nông, lâm trường xí nghiệp có số lượng cán bộ nữ công nhân, viên chức chiếm tỷ lệ cao (chiếm 60% tổng số cán bộ, công nhân, viên chức), với nguồn lực tiềm tàng như vậy, phụ nữ có điều kiện, khả năng tự chủ trong nhiều lĩnh vực.

Trong những năm qua lực lượng lao động nữ nói chung, đội ngũ cán bộ nữ nói riêng đã từng bước trưởng thành, luôn nêu cao vai trò, vị trí, tỏ rõ năng lực, giữ vững phẩm chất chính trị, đảm đương tốt nhiệm vụ của mình trong việc phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh - quốc phòng, xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng tiến bộ, hạnh phúc.

Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đặc biệt quan tâm và xác định công tác cán bộ nữ có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng. Thực tế trong những năm qua, Tỉnh ủy đã có nhiều chủ trương, chính sách thường xuyên chăm lo quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ cán bộ nữ, để đạt được sự bình đẳng nam- nữ, phát huy và nâng cao vai trò, vị thế của phụ nữ trong xã hội.

Tỉnh Lào Cai được tái lập năm 1991, đội ngũ cán bộ nói chung, cán bộ nữ nói riêng thiếu cả về số lượng và chất lượng. Số cán bộ nữ công nhân viên, chức toàn tỉnh có 5.892 người, trong lao động nữ có 531 người có trình độ đại học, cao đẳng chiếm 9%, trung cấp có 651 người, chiếm 12%. Cán bộ nữ giữ chức vụ chủ chốt trưởng, phó ngành cấp tỉnh có 5/110 đồng chí, chiếm 4,7%, số giữ chức vụ trưởng, phó phòng ban là 44/290 đồng chí, chiếm 15,1%, đến năm 2003 số cán bộ nữ được bổ nhiệm và bổ nhiệm lại có thời hạn chiếm 28%.

Cấp huyện, thị xã có 70/466 đồng chí, chiếm 15% số cán bộ giữ chức vụ trưởng, phó phòng, ban và tương đương, đến nay số cán bộ nữ lãnh đạo cấp huyện, thị xã chiếm 23%. Đội ngũ cán bộ chủ chốt cơ sở mù chữ năm 1992, 1993 còn nhiều, riêng cán bộ Hội Phụ nữ chủ chốt còn mù chữ là 123/348 đồng chí, chiếm 35,3%. Vấn đề đặt ra trong công tác cán bộ nữ đối với các cấp ủy đảng là rất cần thiết, nhất là đối

với đội ngũ cán bộ nữ ở các cơ sở xã, phường, thị trấn, cán bộ là người dân tộc thiểu số.

2. Đánh giá việc chỉ đạo, triển khai chỉ thị

Sau khi có Chỉ thị 37-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tổ chức Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh mở rộng đến các đồng chí bí thư, phó bí thư huyện, thị, Đảng ủy để triển khai quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Trung ương Đảng về công tác cán bộ nữ, các cấp ủy đảng, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh đã mở hội nghị triển khai chỉ thị tới các chi bộ trực thuộc, các xã, phường, các đơn vị quán triệt mục đích, yêu cầu nội dung của chỉ thị, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch cán bộ nữ. Đồng thời tiến hành kiểm điểm đánh giá sâu sát tình hình cụ thể của địa phương trong công tác cán bộ nữ. Phát huy tinh thần dân chủ, tập trung trí tuệ của tập thể tham gia xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện công tác cán bộ nữ trong từng năm, từng nhiệm kỳ.

Đối với ngành đông nữ như: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, ngành Giáo dục, Y tế, Kho bạc, Tài chính, Ngân hàng..., Ban chỉ ủy, Đảng ủy đã tập trung chỉ đạo nghiên cứu, đưa ra những giải pháp, chính sách, những kiến nghị, nhằm tăng tỷ lệ cán bộ nữ trong các cấp ủy đảng, lãnh đạo các phòng, ban và ngành.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo các huyện, thị xã, các chi, đảng bộ trực thuộc thực hiện nghiêm túc việc tổ chức học tập nội dung chỉ thị và xây dựng chương trình hành động thực hiện chỉ thị, xây dựng chỉ tiêu cụ thể trong công tác cán bộ nữ. Các trường đào tạo huyện, thị đều đưa nội dung của chỉ thị để tuyên truyền nâng cao nhận thức, quan điểm cho các cấp ủy đảng, các đoàn thể chính trị và cán bộ, đảng viên về vai trò, vị trí của phụ nữ, tăng tỷ lệ cán bộ nữ, thực hiện quyền bình đẳng, dân chủ của phụ nữ, nâng cao vị trí xã hội của phụ nữ trong giai đoạn mới.

Căn cứ vào chỉ thị để xây dựng đội ngũ cán bộ nữ tăng nhanh về số lượng, tác động đến việc thúc đẩy thực hiện chính sách bình đẳng

giới, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 17- CT/TU, ngày 20-4-1999 nhằm nâng cao nhận thức, quan điểm của cấp ủy đảng các cấp về công tác cán bộ nữ, có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ nhằm bố trí cán bộ nữ làm cán bộ chủ chốt các cấp, ngành và đoàn thể.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ THỊ 37-CT/TW CỦA BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

1. Chuyển biến về nhận thức, quan điểm của các cấp ủy đảng đối với công tác cán bộ nữ

Trên cơ sở học tập quán triệt thực hiện chỉ thị, gắn với việc xây dựng chương trình hành động thực Chỉ thị 37-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác cán bộ nữ, hiện các cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể chính trị đã có sự chuyển biến lớn về nhận thức, đề cao vai trò, vị trí của đội ngũ cán bộ nữ, đặc biệt là đội ngũ cán bộ nữ dân tộc thiểu số, thể hiện sự tham gia của đội ngũ cán bộ nữ ngày càng rộng rãi trên mọi lĩnh vực công tác. Đội ngũ cán bộ nữ tỉnh Lào Cai ngày càng được trưởng thành, từng bước phát triển cả về số lượng và chất lượng, có năng lực phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ tay nghề cao, từng bước tiếp cận với nền kinh tế tri thức. Trước những diễn biến phức tạp của thế giới và những khó khăn về kinh tế của đất nước, những tác động của thị trường, đội ngũ cán bộ nữ vẫn giữ được bản lĩnh chính trị vững vàng, có lối sống lành mạnh, giản dị, khiêm tốn, tôn trọng kỷ luật, có tinh thần trách nhiệm trong công tác.

Các cấp ủy đảng, chính quyền không chỉ quan tâm đến việc đề bạt đội ngũ cán bộ nữ mà còn tăng cường việc đào tạo, đào tạo lại kiến thức về chuyên môn, chính trị cho cán bộ nữ, để cán bộ nữ tự tin thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Đối với cán bộ nữ dân tộc ít người, cấp ủy đảng, chính quyền đã có những chính sách, chế độ để cán bộ nữ có điều kiện được học tập, tham gia công tác xã hội, khắc phục khó khăn để vươn lên bình đẳng giới trên mọi lĩnh vực. Đặc biệt trong những

năm gần đây, nhằm phát huy vai trò của các thành phần kinh tế, các cấp ủy đảng, chính quyền đã quan tâm đến đội ngũ nữ doanh nghiệp, kể cả các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, v.v. đã tạo sự thông thoáng về cơ chế, chính sách để thu hút đầu tư phát triển kinh doanh, tạo dư luận xã hội để đội ngũ nữ chủ doanh nghiệp hòa nhập và tham gia các hoạt động xã hội: Thành lập các câu lạc bộ, hội doanh nghiệp trẻ, hội làm vườn, v.v. để thu hút các chủ doanh nghiệp nói chung, chủ doanh nghiệp nữ nói riêng tham gia phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Đây là một nhận thức mới và hoàn toàn đúng đắn của cấp ủy, chính quyền. Đội ngũ cán bộ nữ trong cương vị lãnh đạo, đưa số phát huy tốt khả năng của mình thực sự là hạt nhân trong phong trào thi đua sản xuất và phát triển kinh tế - xã hội.

Một số ngành, đơn vị trong tỉnh có lực lượng đội ngũ cán bộ nữ đông tham gia trong lĩnh vực hoạt động chuyên môn, chính trị của Đảng như:

Ngành Ngân hàng có 250/454 cán bộ là nữ, chiếm 55%, hầu hết là những cán bộ nữ trẻ được đào tạo chính quy. Có 67/250 đồng chí là cán bộ nữ giữ chức vụ trưởng, phó phòng, giám đốc, phó giám đốc Ngân hàng tỉnh và cấp huyện, thị xã, chiếm 29,9%, trong đó có 2 đồng chí giữ chức vụ phó giám đốc.

Ngành Y tế có 1.177/2.076 cán bộ là nữ, chiếm 56%, là ngành có cán bộ nữ tham gia giữ chức vụ phó giám đốc sở từ nhiều năm nay, có 81/215 đồng chí cán bộ nữ giữ chức vụ trưởng, phó phòng và tương đương, chiếm 37,6%.

Ngành Bảo hiểm xã hội tỉnh có 40/65 cán bộ là nữ, chiếm 61,5%, trong đó có 2 cán bộ nữ chủ chốt là trưởng, phó ngành, 9/40 đồng chí cán bộ nữ giữ chức vụ trưởng, phó phòng và tương đương, chiếm 22,5%.

Ngành Giáo dục và Đào tạo có lực lượng lao động nữ đông nhất trong toàn tỉnh có 8.115/10.562 là cán bộ nữ, chiếm gần 80%, chủ yếu là giáo viên công tác tại các trường từ tỉnh đến cơ sở. Năm 2003 bổ nhiệm mới một đồng chí phó giám đốc sở là nữ, số cán bộ nữ là trưởng, phó phòng sở, huyện, thị và các khoa, hiệu trưởng, hiệu phó các trường là 502/914 người, chiếm 54%.

Tóm lại, nhận thức của các cấp ủy đảng, các ban, ngành, đơn vị những năm qua đối với công tác cán bộ nữ có nhiều chuyển biến tích cực, đã có các chủ trương, chính sách, biện pháp tạo điều kiện để nâng cao tỷ lệ cán bộ nữ trong hệ thống chính trị của Đảng.

2. Đánh giá việc xây dựng và thực hiện quy hoạch, tạo nguồn, bồi dưỡng cán bộ nữ

Thực hiện Chỉ thị 37-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương và Nghị quyết Trung ương 3 khóa VII, Trung ương 3, Trung ương 7 khóa VIII của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác tổ chức và cán bộ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nói chung, cán bộ nữ nói riêng, trong đó quan tâm đến cán bộ nữ dân tộc thiểu số, từng bước đổi mới nội dung, phương pháp bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, đã quy định cụ thể về tiêu chuẩn, chức danh cán bộ lãnh đạo chủ chốt, xác định tỷ lệ cán bộ nữ tham gia giữ các chức vụ lãnh đạo các cấp, đồng thời thường xuyên điều chỉnh, rà soát quy hoạch theo sự phát triển của cán bộ, kịp thời bổ sung những nhân tố mới thông qua các hoạt động thực tiễn phong trào.

Thông qua công tác quy hoạch cán bộ nói chung và cán bộ nữ nói riêng, từ đó lựa chọn và giới thiệu với cấp ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các tổ chức nhằm phát huy được thế mạnh của phụ nữ, nhất là cán bộ nữ dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa, cán bộ trong các ngành đông nữ tham gia vào công tác quản lý nhà nước.

Từ công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ, nhiều chị em đã khắc phục khó khăn về bản thân, gia đình tham gia các lớp đào tạo về học vấn, chuyên môn, chính trị, quản lý, nâng cao trình độ đáp ứng với tiêu chuẩn hóa cán bộ. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh có những chính sách ưu tiên, tạo điều kiện cho cán bộ nữ, cán bộ dân tộc thiểu số đi học tại các trường chính trị, chuyên môn tại tỉnh và Trung ương: Quyết định số 166-QĐ/TU, ngày 1-9-1993 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Quyết định số 39-QĐ/CT, ngày 6-2-2001 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; quy định chế độ trợ cấp cho cán bộ nữ, cán bộ chủ chốt

cơ sở đi học, năm 1993 là 180.000 đồng/tháng, năm 2001 nâng lên 250.000 đồng/tháng. Ngoài ra còn một số chính sách ưu tiên cho cán bộ nữ ở xã, phường, thị trấn đi bồi dưỡng nghiệp vụ tại Trường chính trị tỉnh và các trung tâm chính trị huyện, thị xã là 15.000 đồng/ngày, chính sách trợ cấp cho cán bộ cấp phó các đoàn thể là 90.000 đồng/tháng, trong đó có cán bộ Hội Phụ nữ. Năm 1994 đến nay, toàn tỉnh đã mở được 34 lớp đào tạo về đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên môn; 38 lớp trung, cao cấp chính trị; 6 lớp quản lý nhà nước; tổng số cán bộ nữ được đào tạo là 1.447/5.294, chiếm 27,3%. Ngoài ra còn mở 140 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn ngày có 857/5.327, chiếm 16% số cán bộ nữ được đào tạo. Trong đó:

- Cử nhân, cao cấp chính trị 55/561 người, chiếm 9,8%. Đại học, cao đẳng chuyên môn 829/2.099 người, chiếm 39,5%.

- Quản lý nhà nước 66/360 người, chiếm 18,3%.

Để có đội ngũ cán bộ nữ có trình độ, năng lực đáp ứng với yêu cầu, trong những năm qua các cấp, các ngành luôn quan tâm xem xét cử cán bộ nữ đi học nâng cao trình độ chuyên môn, chính trị, quản lý nhà nước. Số cán bộ được cử đi học đều nằm trong quy hoạch lâu dài, sau khi đào tạo, bồi dưỡng đều được bổ nhiệm giữ các chức vụ hoặc bố trí công việc phù hợp. Đối với cán bộ nữ cơ sở, đa số trình độ còn thấp, các huyện, thị đã tổ chức các lớp xóa mù chữ, sau xóa mù chữ hoặc các lớp bổ túc nhằm nâng cao trình độ học vấn, kiến thức chuyên môn cho cán bộ cơ sở nói chung, cán bộ nữ nói riêng. Những nơi làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đề bạt, bổ nhiệm cán bộ nữ như: Đảng bộ huyện Bảo Thắng, Văn Bàn, Bắc Hà, Bảo Yên, Sở Y tế, Ngân hàng, Kho bạc và Bảo hiểm xã hội tỉnh.

Trong những năm gần đây, đối với đề án đào tạo cán bộ của tỉnh, đã quy định giao chỉ tiêu đào tạo cán bộ nữ cho các cấp ủy đảng, các trường đào tạo tỉnh, huyện, thị xã, do đó tỷ lệ cán bộ nữ trong các trường tăng lên rõ rệt, nhất là đối với cán bộ chủ chốt các xã, phường, thị trấn.

Bên cạnh những cố gắng nêu trên, còn tồn tại:

Một số cơ quan, ban, ngành, các huyện, thị xã chưa thực sự quan tâm đến công tác tạo nguồn, quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ nữ, chưa có biện pháp cụ thể khuyến khích, động viên, tạo điều kiện để cán bộ nữ yên tâm học tập, công tác. Bên cạnh đó tư tưởng trọng nam khinh nữ ở một số cán bộ lãnh đạo vẫn còn làm ảnh hưởng đến sự phát triển của công tác cán bộ nữ.

Hội Phụ nữ chưa thường xuyên chủ động tham mưu, giới thiệu cho các cấp ủy đảng những cán bộ có năng lực, để Đảng đào tạo, bồi dưỡng và phát triển.

Cán bộ nữ nói chung, cán bộ nữ ở các xã, phường, thị trấn nói riêng, hiện nay còn thiếu và yếu về trình độ học vấn, chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, công tác quản lý, ngoại ngữ, tin học, song lại thiếu sự rèn luyện, phấn đấu vươn lên, không nhiệt tình hăng say công tác.

Cán bộ nữ dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa chưa thông thạo tiếng phổ thông nên hạn chế đến công quy hoạch, đào tạo cán bộ.

3. Đánh giá về số lượng và chất lượng cán bộ nữ trong các lĩnh vực

Trên cơ sở quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đề bạt cán bộ nữ, đáp ứng với tiêu chuẩn, những năm qua, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cấp ủy đảng, các ban, ngành tuy đã có nhiều cố gắng để nâng cao tỷ lệ cán bộ nữ. Số cán bộ nữ tham gia trong các nhiệm kỳ bầu cử, nhiệm kỳ sau cao hơn nhiệm kỳ trước. Cấp trưởng các ngành, tỷ lệ cán bộ nữ đã được nâng lên, số cán bộ nữ là cấp ủy viên, đại biểu Hội đồng nhân dân đã có sự chuyển biến rõ rệt, yếu tố giới đã được chú trọng. Đội ngũ cán bộ nữ trong toàn tỉnh cũng đã khẳng định vai trò, trách nhiệm của mình trong các lĩnh vực được giao, nhiều cán bộ nữ đã được đề bạt vào vị trí phù hợp với yêu cầu và năng lực, kết quả đó là:

a) Số lượng:

- Nữ tham gia cấp ủy ba cấp:

Năm 1994, cán bộ nữ tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

khóa XI có 2 đồng chí chiếm 4,25%, khóa XII, nhiệm kỳ 2000-2005 là 4/45 đồng chí, chiếm 8,9% so với nhiệm kỳ trước tăng 4,65%, tham gia Ban Thường vụ có 1/13 đồng chí, chiếm 7,69%.

Ban Chấp hành huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc nhiệm kỳ (1995-2000 là 33/266 đồng chí, chiếm 14,6%, tham gia Ban Thường vụ có 5/118 đồng chí, chiếm 4,23%. Nhiệm kỳ 2000-2005 có 49/395 đồng chí, chiếm 14,2%, trong đó nữ tham gia Ban Thường vụ là 7/135 đồng chí, chiếm 5,18%; so với nhiệm kỳ trước số nữ tham gia Ban Thường vụ tăng 1,7%. Có 1 đồng chí nữ là Bí thư Đảng ủy Khối cơ quan Dân, Chính, Đảng.

Nữ tham gia cấp ủy cơ sở xã, phường, thị trấn và tương đương trong nhiệm kỳ 1995-2000 có 172/1.895 đồng chí, chiếm trên 9%. Nhiệm kỳ 2000-2005 là 305/2.054 đồng chí, chiếm gần 15%, trong đó nữ bí thư 1/180 đồng chí; phó bí thư 3/180 đồng chí; Ủy viên Ban Thường vụ là 6/238 đồng chí, chiếm 2,52%, so với nhiệm kỳ trước số nữ tham gia cấp ủy tăng 5,8%.

- Nữ tham gia Hội đồng nhân dân:

Cấp tỉnh nhiệm kỳ 1994-1999 có 13/48 đồng chí, chiếm trên 27%. Nhiệm kỳ 1999-2004 là 15/50 đồng chí, chiếm 30%, so với nhiệm kỳ trước tăng 3%.

Cấp huyện, thị xã nhiệm kỳ 1994-1999 là 53/289 đồng chí, chiếm 18,33%, trong đó có 1 nữ chủ tịch, 1 phó chủ tịch Hội đồng nhân dân. Nhiệm kỳ 1999-2004 có 67/298 đồng chí, chiếm 22,48%, tăng 4,2%.

Cấp xã, phường, thị trấn nhiệm kỳ 1994-1999 là 445/3.636 đồng chí, chiếm 13,06%, trong đó có 5/180 đồng chí nữ chủ tịch Hội đồng nhân dân, chiếm 2,77%; phó chủ tịch Hội đồng nhân dân 3/180 đồng chí, chiếm 1,66%. Nhiệm kỳ 1999-2004 có 666/3.709 đồng chí; chiếm 18%, tăng 5%; nữ chủ tịch Hội đồng nhân dân 2/180 đồng chí; phó chủ tịch Hội đồng nhân dân 12/180 đồng chí.

- Cán bộ nữ tham gia lãnh đạo các cấp, các ngành trong tỉnh:

+ Đại biểu Quốc hội 2/6 đồng chí, chiếm 33,3%.

+ Trưởng, phó các ban ngành cấp tỉnh có 23/174 đồng chí, chiếm 13,21%.

+ Trưởng, phó phòng và tương đương cấp tỉnh là 144/514 đồng chí, chiếm 28%.

+ Trưởng, phó phòng và tương đương cấp huyện, thị xã là 157/675 đồng chí, chiếm 23%.

+ Trưởng phó ngành cấp cơ sở là 374/ 3.240 đồng chí, chiếm 11%.

+ Cán bộ nữ tham gia lãnh đạo trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh 45/477 người, chiếm 9,5%.

b) Chất lượng:

Đội ngũ cán bộ nữ được đề bạt, bổ nhiệm giữ các chức danh lãnh đạo trong các cơ quan Đảng, chính quyền đa số đều được đào tạo có trình độ chuyên môn, chính trị theo đúng tiêu chuẩn đề ra, đại bộ phận cán bộ luôn thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm trong công tác, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nhiều cán bộ biết khắc phục khó khăn vươn lên trong học tập, rèn luyện đã và đang đảm nhận những công việc quan trọng trong công tác quản lý, lãnh đạo được các cấp ủy, các ban, ngành đánh giá cao về thành tích công tác và những cống hiến cho sự nghiệp phát triển của ngành và địa phương mình.

Trình độ của cán bộ nữ giữ các chức vụ chủ chốt (từ phó phòng cấp huyện và tương đương trở lên):

- Trình độ chuyên môn:

+ Cán bộ nữ có 46/129 đồng chí có trình độ trên đại học trong toàn tỉnh, trong đó cán bộ nữ chỉ có 2/22 đồng chí giữ các chức vụ chủ chốt từ phó phòng cấp huyện và tương đương trở lên, chiếm 0,9%.

+ Đại học, cao đẳng 327/1.466 đồng chí, chiếm 22,3%.

+ Trung cấp 85/251 đồng chí, chiếm 33,86%.

- Trình độ lý luận, chính trị:

+ Cử nhân cao cấp 80/592 đồng chí, chiếm 13,51%.

+ Trung cấp 84/454 đồng chí, chiếm 18,5%.

Riêng cán bộ nữ các cấp xã, phường, thị trấn về trình độ nhìn chung còn thấp; cán bộ chủ chốt cơ sở mới có 164/1.352 đồng chí có trình độ trung cấp chính trị, chuyên môn, còn lại chủ yếu được bồi dưỡng sơ cấp hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ tại các huyện, thị xã, không ít những cán bộ ở các xã vùng cao, các xã đặc biệt khó khăn của tỉnh mới có trình độ học vấn lớp 2, 3 hoặc mới được xóa mù chữ.

Đây là những khó khăn lớn đặt ra cho các cấp ủy đảng, các ngành trong công tác đào tạo nâng cao chất lượng cán bộ trong thời gian tới. Song trước những yêu cầu đổi mới của đất nước, chất lượng của đội ngũ cán bộ nữ nói chung, cán bộ cơ sở, xã, phường, thị trấn đặt ra cho các cấp ủy đảng phải tăng cường các chính sách, biện pháp cụ thể hơn trong công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao tỷ lệ nữ trong toàn tỉnh.

c) Tồn tại, hạn chế trong việc tăng số lượng và chất lượng cán bộ nữ trong các lĩnh vực.

Vấn đề khó khăn đặt ra của việc tăng tỷ lệ cán bộ nữ trong những năm qua, trước hết phải nói đến trình độ, khả năng và năng lực công tác. So với yêu cầu đội ngũ cán bộ nữ hiện nay chưa tương xứng với lực lượng lao động nữ và thực tế đội ngũ cán bộ nữ lãnh đạo chưa có bước đi vững chắc, chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra.

Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ hiện nay phải căn cứ vào tiêu chuẩn, trình độ. Đối với cán bộ nữ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tuy đã vận dụng có phần ưu tiên trong việc đánh giá, bổ nhiệm cán bộ nhưng chưa trở thành quy định chung của Trung ương trong tiêu chuẩn cán bộ, vì vậy tỷ lệ cán bộ nữ tuy có tăng nhưng còn chậm.

Một số cấp ủy đảng, trong những năm qua chưa nghiêm túc thực hiện các nội dung chỉ thị, coi nhẹ công tác quy hoạch, đào tạo, sử dụng đội ngũ cán bộ nữ. Công tác sơ, tổng kết chỉ thị chưa được làm thường xuyên.

Hạn chế lớn nhất hiện nay của cán bộ nữ cơ sở xã, phường, thị trấn là trình độ học vấn, từ đó dẫn đến năng lực công tác của cán bộ không đáp ứng được công cuộc đổi mới của đất nước. Mặt khác đòi

sống kinh tế, vai trò của người phụ nữ là chủ trong gia đình nên ít có điều kiện để tham gia học tập, công tác.

4. Khó khăn, hạn chế trong xây dựng chính sách và thực hiện chính sách đối với cán bộ nữ

Mặc dù được Đảng và Nhà nước ban hành rất nhiều các chủ trương, chính sách liên quan đến phụ nữ, các cấp ủy đảng, chính quyền đã tổ chức thực hiện, vận dụng vào thực tế của địa phương, nhưng còn một số nơi chưa thật sự chú trọng, có nơi coi công tác phụ nữ là việc riêng của Hội Phụ nữ hoặc thực hiện mới chỉ dừng lại ở mức độ nhất định.

Một số cấp ủy do năng lực hạn chế, thiếu năng động sáng tạo nên việc thực hiện chính sách đối với cán bộ nữ chưa đầy đủ, bên cạnh đó còn có sự cơ cấu cán bộ, bố trí cán bộ chỉ gượng ép cho nên dẫn đến số lượng và chất lượng cán bộ nữ không đạt yêu cầu.

Cán bộ nữ khi được đi học nâng cao trình độ còn gặp nhiều khó khăn trong việc bố trí sắp xếp gia đình, mặt khác nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước cấp cho cán bộ nữ đi học còn hạn chế.

Tổ chức Hội các cấp, nhất là cơ sở chưa đề xuất đầy đủ và kịp thời với Đảng, Nhà nước trong việc quy hoạch, bổ nhiệm, tạo nguồn cán bộ nữ... chưa tham mưu kịp thời chế độ chính sách có liên quan đến phụ nữ.

5. Công tác phát triển đảng viên nữ

Cùng với sự đổi mới toàn diện, Đảng bộ tỉnh Lào Cai thường xuyên chỉ đạo củng cố tổ chức và phương pháp lãnh đạo của Đảng; trong đó công tác phát triển đảng viên nữ luôn được quan tâm, nhằm tăng thêm sức mạnh cho Đảng, trẻ hóa đội ngũ cán bộ, tăng số đảng viên nữ trên cơ sở bảo đảm nguyên tắc Đảng và tiêu chuẩn của người đảng viên. Hơn 9 năm qua, Đảng bộ tỉnh Lào Cai kết nạp được 2.642 đảng viên nữ, nâng số đảng viên nữ lên 4.157 đảng viên, chiếm tỷ lệ 21,2% trong tổng số 19.618 đảng viên toàn tỉnh, trong đó: Cán bộ, công chức, công nhân lao động có 2.687/9.347 đảng viên, chiếm 30%; nông dân

có 864/5.444 đảng viên, chiếm 15%; dân tộc thiểu số 945/7.530 đảng viên, chiếm 12%.

Công tác phát triển đảng viên nữ tỷ lệ đạt thấp, cơ cấu đảng viên mới chủ yếu tập trung ở đội ngũ cán bộ, công nhân, viên chức, ở các cơ sở xã, phường chủ yếu là nữ giáo viên các trường tiểu học, trung học cơ sở. Nhiều cấp ủy cơ sở, trong nhiều năm không phát triển được đảng viên nữ là người địa phương. Sở dĩ có tình trạng trên là do trình độ cán bộ dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng cao tỷ lệ mù chữ còn cao hoặc không biết tiếng phổ thông, việc giao tiếp nắm bắt các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước còn gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó một số cấp ủy chưa thật sự coi trọng công tác kết nạp đảng viên nữ, còn biểu hiện tư tưởng hẹp hòi, cục bộ, khắt khe, định kiến; công tác vận động quần chúng chưa tạo ra phong trào sâu rộng để có điều kiện phát hiện những nhân tố mới từ đó bồi dưỡng, kết nạp Đảng.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Trong những năm qua, nhất là từ khi thực hiện Chỉ thị 37-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VII, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai đã tổ chức quán triệt sâu sắc nội dung chỉ thị tới các cấp ủy đảng, chính quyền, các sở, ban, ngành, đoàn thể và cán bộ, đảng viên trong toàn tỉnh, tạo sự chuyển biến lớn trong nhận thức, quan điểm về công tác cán bộ nữ trong tình hình mới. Đồng thời Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có chỉ thị 17-CT/TW cụ thể hóa các nội dung của Chỉ thị 37-CT/TW, chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền quan tâm đến công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, sử dụng cán bộ nữ, nâng cao tỷ lệ cán bộ nữ tham gia trong các cấp ủy, chính quyền, các cơ quan dân cử, trong các đoàn thể chính trị - xã hội.

Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành những chính sách, chế độ ưu tiên, tạo điều kiện cho cán bộ nữ, cán bộ nữ dân tộc thiểu số

đào tạo chuyên môn, chính trị tại Trung ương, tỉnh nhằm nâng cao trình độ năng lực trong công tác lãnh đạo, quản lý.

Chất lượng đội ngũ cán bộ nữ ngày càng được nâng cao, số cán bộ nữ tham gia giữ các chức vụ từ trưởng, phó phòng và tương đương từ tỉnh đến huyện, thị xã tăng lên và đều được thực hiện theo đúng quy trình đánh giá bổ nhiệm, bổ nhiệm lại có thời hạn là phải có trình độ đại học chuyên ngành và trung cấp lý luận chính trị trở lên.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy thường xuyên chỉ đạo các cấp ủy, các ban, ngành hằng năm xét duyệt, bổ sung, quy hoạch cán bộ nữ, có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để bảo đảm đội ngũ cán bộ nữ có tính kế thừa.

2. Tồn tại

Công tác cán bộ nữ trong toàn tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ cán bộ nữ tham gia các lĩnh vực trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở nhìn chung còn thấp, đặc biệt là đội ngũ cán bộ nữ giữ các cương vị lãnh đạo chủ chốt trong các cấp ủy đảng, chính quyền, trong các ngành kinh tế tổng hợp và còn không ít ngành cán bộ lãnh đạo cấp ngành chưa có phụ nữ tham gia lãnh đạo.

Cán bộ nữ đã trưởng thành nhiều nhưng không ít cán bộ nữ còn hạn chế về trình độ, năng lực, kinh nghiệm trong công việc điều hành, lãnh đạo, quản lý, do đó chất lượng, hiệu quả chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu trong giai đoạn hiện nay, nhất là tuyển cơ sở.

Một số sở, ban, ngành, cấp ủy huyện, cơ sở chưa thực sự quan tâm đến việc xây dựng, quy hoạch, đào tạo và sử dụng cán bộ nữ, đặc biệt là cán bộ nữ dân tộc thiểu số. Công tác phát triển đảng viên nữ chưa tương xứng với lực lượng lao động nữ, đặc biệt là vùng nông thôn, tuổi trẻ.

Một số cán bộ Hội Phụ nữ cơ sở chưa tích cực học tập nâng cao trình độ, chưa nhiệt tình tham gia các phong trào hoạt động của Hội, số phụ nữ dân tộc thiểu số mù chữ còn chiếm tỷ lệ nhất định, vì vậy ảnh hưởng đến việc quy hoạch, tạo nguồn cán bộ nữ ở cơ sở.

Một số đơn vị trong tỉnh có đông lực lượng nữ công nhân, viên

chức, song nhiều năm qua không đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm được cán bộ nữ tham gia giữ các chức vụ lãnh đạo chủ chốt.

Nguyên nhân:

- Sự lãnh đạo và chỉ đạo công tác cán bộ nữ của các cấp ủy đảng và các ngành còn thiếu cụ thể, chưa có sự đánh giá rút kinh nghiệm hàng năm trong việc thực hiện chỉ thị, công tác triển khai chỉ thị đến các cơ sở vùng sâu, vùng xa còn hạn chế.

- Nhận thức của một số cấp ủy và một số cán bộ lãnh đạo chưa thấy hết vị trí, vai trò quan trọng của phụ nữ trong xã hội, còn coi nhẹ trong đánh giá, sử dụng cán bộ nữ.

- Một số chế độ, chính sách đối với cán bộ nữ, cán bộ cơ sở ít được quan tâm chú trọng, chưa có biện pháp cụ thể trong việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, sử dụng cán bộ nữ làm hạn chế đến sự phấn đấu của cán bộ nữ.

- Về chủ quan nhiều phụ nữ vẫn còn an phận, ngại phấn đấu, rèn luyện, học tập nâng cao trình độ, thiếu tự tin vào khả năng của bản thân. Song trong bộ phận cùng giới còn có cách nhìn hạn chế trong đánh giá, lựa chọn và đề bạt, sử dụng cán bộ nữ. Về phía gia đình, nhiều khi chưa thật sự quan tâm tạo điều kiện cho phụ nữ đi học, đào tạo, đó là sự cản trở đối với sự phấn đấu vươn lên của cán bộ nữ

3. Bài học kinh nghiệm

3.1. Việc quán triệt thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Đảng, trước hết phải lãnh đạo chỉ đạo sâu sát của các cấp ủy đảng, chính quyền và các ban, ngành đoàn thể.

3.2. Các cấp ủy đảng phải có sự chỉ đạo, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, việc sơ kết, tổng kết, đánh giá và động viên, khen thưởng các cấp, các ngành, các đơn vị thực hiện tốt công tác cán bộ nữ, phải được thực hiện kịp thời.

3.3. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đề bạt cán bộ nữ, làm tốt công tác phát triển đảng viên nữ trên mọi lĩnh vực.

3.4. Phát huy vai trò chủ động tham mưu của Hội Phụ nữ các cấp, trong việc vận động phụ nữ tích cực tham gia học tập nâng cao trình độ, học vấn, chính trị, chuyên môn từ đó lựa chọn những nhân tố tích cực giới thiệu cho Đảng để Đảng đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng.

3.5. Thực hiện nghiêm túc các chế độ, chính sách của Đảng, Nhà nước có liên quan đến công tác cán bộ nữ, tạo điều kiện để chị em phát triển những tài năng, trí tuệ của mình, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CÔNG TÁC CÁN BỘ NỮ TRONG THỜI GIAN TỚI

Trong sự nghiệp đổi mới của đất nước nói chung, tỉnh Lào Cai nói riêng đã thu được nhiều thành tựu quan trọng, trong đó có sự đóng góp một phần xứng đáng của lực lượng lao động nữ trong toàn tỉnh. Để phát huy vai trò và những tiềm năng của lực lượng lao động nữ, đội ngũ cán bộ nữ trong công tác lãnh đạo, quản lý thực hiện đúng tinh thần Chỉ thị 37-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Chỉ thị 17-CT/TU của Tỉnh ủy, những năm tiếp theo yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, các ban, ngành, đơn vị tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt một số nội dung sau:

Mục tiêu cụ thể:

- Tăng tỷ lệ cán bộ nữ tham gia lãnh đạo ở cấp ủy đảng, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể các cấp:

Phấn đấu tỷ lệ nữ tham gia Hội đồng nhân dân ba cấp nhiệm kỳ 2004-2009 đạt: cấp tỉnh là 32%; cấp huyện, thị 25%; cấp xã, phường, thị trấn 20%.

Tỷ lệ cán bộ nữ tham gia cấp ủy đảng tỉnh là 12% trở lên; cấp ủy đảng huyện và cơ sở là 15% (đại hội đảng các cấp vào năm 2005).

- Phấn đấu đến năm 2003: KIỆN TOÀN BAN vì sự tiến bộ của phụ nữ, 180/180 xã, phường, thị trấn có Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ và xây dựng chương trình hành động cụ thể.

Phấn đấu đến năm 2005:

Cán bộ nữ công chức được đào tạo, bồi dưỡng về chính trị, hành chính, quản lý nhà nước, tin học và ngoại ngữ đạt tỷ lệ từ 30% trở lên.

Có ít nhất 1 cán bộ nữ tham gia lãnh đạo chủ chốt của ngành có 30% lực lượng lao động nữ trở lên.

100% cán bộ lãnh đạo các ban, ngành, đoàn thể được nâng cao nhận thức về bình đẳng giới và tổ chức thực hiện có hiệu quả mục tiêu chương trình hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh.

Tỷ lệ đảng viên nữ chiếm 30% trở lên, chú trọng phát triển đảng viên nữ ở các vùng dân tộc tôn giáo, vùng sâu, vùng xa.

- Phấn đấu đến năm 2006: Không còn cán bộ Hội Phụ nữ mù chữ.

- Phấn đấu đến năm 2010:

30% tỷ lệ lao động nữ trở lên được qua đào tạo nghề.

Tỷ lệ cán bộ có trình độ trên đại học, nữ chiếm 40% trở lên.

Nhiệm vụ cụ thể:

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị 37-CT/TW của Ban Bí thư, tạo sự chuyển biến về nhận thức hơn nữa về công tác cán bộ trong các cấp ủy đảng, chính quyền, các ban, ngành và cán bộ, đảng viên, sự cần thiết phải tăng cường công tác cán bộ nữ trong tình hình mới, vì sự bình đẳng - tiến bộ của phụ nữ, vì sự phát triển của đất nước.

- Các cấp ủy đảng cần quan tâm hơn nữa đến công tác phát triển đảng viên trong nữ nông thôn, dân tộc thiểu số và nữ thanh niên. Chú ý phát triển đảng viên nữ trong các ngành đông nữ, các nông, lâm trường, xí nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh.

- Hội Phụ nữ các cấp phải tăng cường công tác tuyên truyền, vận động chị em phụ nữ ở cơ sở, xã, phường, thị trấn tham gia học tập các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và 6 chương trình trọng tâm của Hội, tập trung vào mục tiêu xóa mù chữ và xóa đói, giảm nghèo trong cán bộ hội viên phụ nữ.

- Xây dựng kế hoạch quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ cán bộ nữ nhằm tăng cán bộ nữ cả về số lượng và chất lượng, tăng tỷ lệ cán bộ nữ tham gia lãnh đạo ở các cấp, các ngành, đặc biệt chú ý đến đào tạo cán bộ nữ dân tộc thiểu số.

- Tăng cường mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nguồn, cán bộ trong quy hoạch, trước hết phải mở các lớp đào tạo về trình độ học vấn, trình độ chuyên môn cho cán bộ nữ cơ sở tại các trung tâm chính trị huyện, thị xã.

- Hằng năm, giao cho Ban chỉ đạo tuyển sinh các cấp, căn cứ vào quy hoạch để lựa chọn cán bộ nữ, nhất là cán bộ nữ trong quy hoạch được đi đào tạo về chuyên môn cao đẳng, đại học và trên đại học (có chỉ tiêu dành riêng cho cán bộ nữ được đi học tại chức ở các trường tại tỉnh và Trung ương). Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh hằng năm giao chỉ tiêu đào tạo cho các trường chính trị, trường đào tạo, các trung tâm hướng nghiệp dạy nghề, trong đó cần quy định tỷ lệ nữ cần đào tạo, chú trọng đào tạo cán bộ nữ cơ sở, cán bộ nữ dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa.

- Giao cho huyện, thị, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy chỉ đạo Hội Phụ nữ, ngành Giáo dục và Đào tạo các cấp phối hợp với các ngành, đơn vị khảo sát, đánh giá đội ngũ cán bộ nữ đương chức, cán bộ nữ trong diện quy hoạch và xây dựng kế hoạch đào tạo nâng cấp trình độ văn hóa, trong đó có chỉ tiêu xóa mù chữ hằng năm cho cán bộ Hội Phụ nữ.

- Giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì cùng Ban Tổ chức chính quyền tỉnh, Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh phối hợp với các sở, ban, ngành hằng năm có sự rà soát, đánh giá việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại có thời hạn, bố trí sử dụng cán bộ nữ, kịp thời động viên để cán bộ nữ có điều kiện tham gia các chức vụ lãnh đạo chủ chốt các cấp.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc các chế độ, chính sách, đồng thời kiến nghị các cấp có thẩm quyền nghiên cứu bổ sung, sửa đổi kịp thời các chế độ, chính sách đối với cán bộ nữ cho phù hợp với thực tiễn.

- Thực hiện công tác luân chuyển cán bộ nói chung và cán bộ nữ nói riêng theo tinh thần Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 4-12-2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy để cán bộ nữ có điều kiện rèn luyện qua thực tiễn và phát triển, trưởng thành.

Một số kiến nghị:

Đề nghị Trung ương Đảng nghiên cứu, ban hành chính sách riêng

phù hợp cho cán bộ nữ ở vùng cao, biên giới, vùng dân tộc thiểu số (cán bộ Ban Chấp hành phụ nữ và các đoàn thể được hưởng phụ cấp; tăng mức phụ cấp cho cán bộ cấp phó đoàn thể ở xã, cán bộ nữ ở cơ sở đi học tập trung, v.v.) để khuyến khích, tạo điều kiện cho chị em học tập nâng cao trình độ và tham gia các hoạt động xã hội.

Qua hơn 9 năm thực hiện Chỉ thị 37-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Đảng bộ tỉnh Lào Cai đã tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy đảng, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện tốt nội dung, yêu cầu của chỉ thị, quyết tâm khắc phục những tồn tại, yếu kém, tiếp tục thực hiện đạt các chỉ tiêu về công tác cán bộ nữ trong giai đoạn 2005 - 2010 và những năm tiếp theo, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và sự nghiệp giải phóng phụ nữ.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 121-BC/TU, ngày 30-9-2003

**Tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 30-CT/TW
của Bộ Chính trị về xây dựng và thực hiện Quy chế
dân chủ gắn với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở**

Căn cứ Hướng dẫn số 152-HD/BCĐ, ngày 10-5-2003 của Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ Trung ương, về việc tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 30-CT/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ gắn với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở. Tỉnh ủy Lào Cai báo cáo kết quả 5 năm thực hiện Quy chế dân chủ ở ba loại hình cơ sở trong phạm vi toàn tỉnh như sau:

***Phần thứ nhất* KẾT QUẢ 5 NĂM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHỈ THỊ 30-CT/TW**

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG VÀ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

1. Đặc điểm tình hình chung

Lào Cai là một tỉnh vùng cao, biên giới có 27 dân tộc anh em cùng chung sống (đồng bào thiểu số chiếm gần 67%), 10 huyện, thị có 180 xã, phường, thị trấn, với 2.223 thôn, bản. 138/180 xã thuộc diện

Chương trình 135 của Chính phủ. Đời sống kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng ở các xã vùng cao, vùng sâu còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí giữa đồng bào các dân tộc không đồng đều. Tính ỷ lại, trông chờ, tư tưởng bao cấp của một bộ phận dân cư ở vùng cao, vùng sâu vẫn còn khá phổ biến, một số cấp ủy, chính quyền ở cơ sở chưa thật sự năng động sáng tạo, chưa nhận thức rõ tầm quan trọng của nội dung Quy chế dân chủ theo tinh thần Chỉ thị 30-CT/TW của Bộ Chính trị. Vai trò của các tổ chức đoàn thể ở nhiều cơ sở còn yếu. Một bộ phận nhân dân còn bị những phần tử xấu tuyên truyền kích động, lôi kéo, khống chế, ngộ nhận đi theo đạo trái phép, di dịch cư tự do gây khó khăn cho chính quyền các cấp ở địa phương. Trình độ năng lực của cán bộ trong hệ thống chính trị ở các xã vùng sâu, vùng xa còn nhiều bất cập. Những đặc điểm trên đây đã ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, đặc biệt là việc triển khai thực hiện Nghị định 29, nay là 79 của Chính phủ.

2. Quá trình chỉ đạo triển khai, học tập Quy chế dân chủ ở cơ sở

Nhận thức rõ ý nghĩa tầm quan trọng của việc thực hiện Quy chế dân chủ là một chủ trương lớn, đúng đắn và phù hợp với tâm tư nguyện vọng của quần chúng nhân dân nên sau khi có Chỉ thị số 30-CT/TW, ngày 18-2-1998 của Bộ Chính trị khóa VII và Nghị định 29, 71, 07 của Chính phủ, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai đã tổ chức triển khai học tập quán triệt các nội dung Quy chế dân chủ ở cơ sở với nhiều hình thức phong phú, đa dạng phù hợp với điều kiện thực tế ở địa phương.

- Trước hết đã nhanh chóng thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở tỉnh gồm có 17 đồng chí, do đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là Trưởng ban, đồng chí Trưởng ban Tổ chức chính quyền tỉnh làm Phó ban Thường trực, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các ngành hữu quan làm thành viên. Ở huyện, thị và cơ sở, thành lập Ban chỉ đạo với các thành viên tương tự như ở tỉnh. Đối với các cơ

quan hành chính sự nghiệp, các doanh nghiệp nhà nước, Ban chỉ đạo được thành lập dưới sự thống nhất của thủ trưởng cơ quan với cấp ủy và tổ chức công đoàn cơ quan.

- Tiến hành mở hội nghị tại tỉnh với thành phần gồm các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của tỉnh, các sở, ban, ngành, đoàn thể ở tỉnh và các đồng chí lãnh đạo chủ chốt các huyện, thị, để nghiên cứu, quán triệt nội dung Chỉ thị 30-CT/TW của Bộ Chính trị, Chỉ thị 22 của Chính phủ, Chỉ thị 11 của Ủy ban nhân dân tỉnh và các Nghị định 29, 71, 07 của Chính phủ về thực hiện Quy chế dân chủ ở cả 3 loại hình cơ sở. Đồng thời giao cho Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ của tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện trong phạm vi toàn tỉnh.

- Nhằm rút kinh nghiệm triển khai, thực hiện có hiệu quả việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ của tỉnh đã thống nhất chọn 3 xã, thị trấn để chỉ đạo điểm đó là: phường Lào Cai, thị xã Lào Cai; thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng; xã Sa Pả, huyện Sa Pa. Kết quả sau gần 7 tháng triển khai thực hiện Ban chỉ đạo tỉnh đã cùng với Ban chỉ đạo các huyện, thị trên tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm tại ba điểm chỉ đạo, đề ra kế hoạch hướng dẫn triển khai diện rộng về học tập, thực hiện Quy chế dân chủ ở tất cả các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh.

- Ngày 22-3-1999, Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ tỉnh đã có Kế hoạch 203-KH/BCĐ về việc triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cả ba loại hình ra diện rộng trong toàn tỉnh. Căn cứ kế hoạch trên, Ban chỉ đạo Quy chế dân chủ các cấp huyện, thị, xã, phường, cơ quan, doanh nghiệp lần lượt được thành lập. Ban chỉ đạo các cấp đã tiến hành triển khai cho cán bộ, nhân dân ở xã, phường, thị trấn cũng như cán bộ, công nhân, viên chức, công nhân lao động tham gia học tập quán triệt các nội dung Quy chế dân chủ gắn với Pháp lệnh cán bộ, công chức, ở các cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện chủ chương của Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ Trung ương về việc củng cố kiện toàn Ban chỉ đạo các cấp cho phù hợp với tình hình thực tế theo tinh thần Chỉ thị 30-CT/TW của

Bộ Chính trị. Ngày 21-5-2001, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai ban hành Quyết định 116-QĐ/TU về việc củng cố kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ tỉnh gồm 17 đồng chí do đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy làm Trưởng ban, đồng chí Trưởng ban Dân vận - Dân tộc Tỉnh ủy làm Phó ban Thường trực, đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và đồng chí Trưởng ban Tổ chức chính quyền tỉnh làm Phó ban, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các ngành hữu quan làm thành viên. Ban chỉ đạo đã tiến hành họp và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên phụ trách theo dõi, chỉ đạo việc triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở ba loại hình cơ sở với nhiều hình thức phong phú đa dạng như mở hội nghị quán triệt, tập huấn, tuyên truyền, sinh hoạt câu lạc bộ, tổ nhân dân.

Đối với công tác tuyên truyền: Ban chỉ đạo tỉnh đã chỉ đạo đưa nội dung Quy chế dân chủ thành một chuyên mục thường xuyên của các cơ quan thông tin đại chúng từ tỉnh đến cơ sở. Ngoài ra còn trích đăng các nội dung của Quy chế dân chủ ở cơ sở tại cuốn Thông tin dân vận ra hàng quý, tạp chí Tư tưởng ra hàng tháng, để các cơ sở làm tài liệu học tập, nghiên cứu và tuyên truyền.

Ngoài công tác tuyên truyền, Ban chỉ đạo tỉnh luôn chú trọng mở các lớp tập huấn nội dung Quy chế dân chủ ở cả ba loại hình cơ sở cho Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ các cấp, nhất là cấp huyện và xã, kết quả 3 năm từ năm 2001 - 2003 đã mở được 3 lớp với 256 học viên tham dự. Ban chỉ đạo tỉnh đã tham mưu cho Tỉnh ủy đầu tư kinh phí mua 3.500 cuốn sách tóm tắt về Quy chế dân chủ ở cơ sở, cấp phát đến tận các trưởng thôn, bản để làm tài liệu tuyên truyền cho nhân dân. Đồng thời phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở tỉnh tổ chức mở lớp tập huấn cho cán bộ trong hệ thống Khối Dân vận tỉnh, huyện, thị xã về các nội dung của Chỉ thị 30-CT/TW, Nghị định 29, 71, 07. Đặc biệt, Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ tỉnh đã phối hợp và đôn đốc chỉ đạo Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ các huyện, thị tiến hành mở lớp tập huấn nội dung Quy chế dân chủ cho cán bộ trong hệ thống chính trị các xã, phường, thị trấn, trưởng các thôn, bản. Kết quả đã mở được 51 lớp với 2.602 học viên tham dự.

- Để đánh giá chất lượng, hiệu quả của việc triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở Ban chỉ đạo tỉnh đã luôn luôn có kế hoạch, thành lập các đoàn kiểm tra, tiến hành kiểm tra việc triển khai, thực hiện Quy chế dân chủ ở cả ba loại hình cơ sở. Kết quả trong 5 năm qua, đã tổ chức kiểm tra 19 lượt huyện, thị, 26 xã, phường, 7 cơ quan, 11 doanh nghiệp nhà nước. Đối với các huyện, thị đã tổ chức các đoàn tự kiểm tra thường xuyên, việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, đưa Quy chế dân chủ ở cơ sở thành nền nếp sinh hoạt thường kỳ và là chỉ tiêu xét duyệt thi đua hàng năm của các chi, đảng bộ trong tỉnh. Điển hình như các đơn vị thị xã Lào Cai, Bảo Thắng, Văn Bàn, Bảo Yên...

Tóm lại, việc học tập quán triệt Chỉ thị 30-CT/TW về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ đã được tổ chức, triển khai trong hệ thống các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở một cách nghiêm túc, sâu rộng, thiết thực có hiệu quả. Trong 5 năm qua, thực hiện Quy chế dân chủ luôn là một nội dung quan trọng trong công tác lãnh đạo, kiểm tra của các cấp ủy đảng với nhiệm vụ trọng tâm là đưa nội dung Quy chế dân chủ thành một chuyên đề sinh hoạt thường xuyên của các chi, đảng bộ. Nâng cao nhận thức, vai trò trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân trong việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

II. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VỚI CHỦ TRƯỞNG XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ

1. Với các cấp ủy đảng

- Quá trình triển khai thực hiện Quy chế dân chủ đã có sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và nêu cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng. Trong 5 năm qua nhất là từ sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII đến nay, Tỉnh ủy đã đề ra 7 chương trình, 27 đề án, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề về phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị, đào tạo nguồn nhân

lực tăng cường, luân chuyển, bổ nhiệm và bổ nhiệm lại có thời hạn cán bộ... đều được đưa ra thảo luận, bàn bạc thống nhất cao trong tập thể Ban Thường vụ, Ban Chấp hành một cách dân chủ, công khai theo quy trình, đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ trước khi ban hành thực hiện.

- Hầu hết các chi, đảng bộ từ huyện, thị đến cơ sở đều xác định việc thực hiện Quy chế dân chủ gắn với xây dựng và củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở là nhiệm vụ trọng tâm, do đó đã tổ chức quán triệt, triển khai sâu rộng tới các thôn, bản, tổ dân phố các nội dung của Quy chế dân chủ và được cán bộ, đảng viên và nhân dân đón nhận, thực hiện nghiêm túc. Các chỉ thị, nghị quyết, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn đều được bàn bạc thảo luận kỹ trong tập thể Ban Thường vụ, Ban Chấp hành trước khi ban hành.

- Cán bộ, đảng viên đã phát huy tốt vai trò lãnh đạo, thường xuyên bám sát cơ sở nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, kịp thời giải quyết và tháo gỡ những khó khăn ở cơ sở, theo phương châm: “gần dân, sát cơ sở”, “nghe được dân nói, nói cho dân hiểu, làm cho dân tin”; điển hình như Đảng bộ huyện Bảo Yên, Bảo Thắng, Văn Bàn, Bắc Hà, thị xã Lào Cai... ngoài việc phân công cấp ủy phụ trách tay ngành, tay xã, còn tăng cường luân chuyển cán bộ của huyện, thị xuống giúp đỡ cơ sở, đặc biệt phân công các thành viên Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ, các ban, ngành, đoàn thể huyện, thị xã, mỗi đơn vị phụ trách, đỡ đầu, một số cán bộ đoàn thể còn kết nghĩa anh em với các trưởng thôn, bản vùng cao, vùng sâu về mọi mặt như: đứng ra tín chấp cho vay vốn, vay phân bón, thăm hỏi động viên lúc ốm đau, hoạn nạn, ngày lễ, ngày tết, nên đã tạo được mối quan hệ gắn bó giữa cán bộ với nhân dân, tiêu biểu như Liên đoàn Lao động, Hội Phụ nữ, Hội Chữ thập đỏ huyện Bảo Yên.

- Việc thực hiện Quy chế dân chủ gắn với công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng, củng cố chính quyền trong sạch, vững mạnh với phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương bước đầu đã phát huy được quyền làm chủ của nhân dân, khơi dậy nội lực trong nhân dân cả về tinh

thần và vật chất, được các tầng lớp nhân dân đồng tình ủng hộ, mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân ngày càng gắn bó. Bộ mặt nông thôn miền núi ngày càng khởi sắc.

2. Với các cấp chính quyền

Sau khi có Chỉ thị 30-CT/TW của Bộ Chính trị và các Nghị định 29, 71, 07 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh đã cụ thể hóa các nội dung của Quy chế dân chủ gắn với các chương trình, đề án, nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy thành các quy định, cơ chế chính sách phù hợp với tình hình cụ thể ở địa phương, nên tính đến hết năm 2002 đã có 1.356/2.223 thôn, bản và khu dân cư xây dựng được quy ước, hương ước, 100% các cơ quan và doanh nghiệp đã xây dựng được quy chế hoạt động của cơ quan, có cơ chế rõ ràng trong việc dân chủ hóa, công khai hóa các nguồn thu, chi của cơ quan, đơn vị và cơ sở xã, phường, tạo điều kiện cho nhân dân tham gia kiểm tra, giám sát những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của công dân. Khắc phục tình trạng áp đặt, quan liêu, cửa quyền, gây phiền hà, sách nhiễu nhân dân. Các cơ quan, đơn vị các xã, phường, thị trấn đều có phòng tiếp dân, nhiều cơ sở đã niêm yết công khai tại trụ sở hoặc nhà văn hóa thôn, bản, nhà trưởng thôn, bản, những nội dung của Quy chế dân chủ, những việc cần thông báo cho nhân dân biết như: xây dựng kết cấu hạ tầng cơ sở, chương trình đầu tư của Nhà nước về đường giao thông, thủy lợi, về vay vốn xóa đói, giảm nghèo, để nhân dân bàn và tham gia thực hiện, vì vậy mọi thắc mắc, đơn thư, khiếu kiện của nhân dân phần lớn đều được giải quyết dứt điểm từ cơ sở nên tình trạng đơn thư khiếu kiện vượt cấp giảm hẳn, khiếu kiện đông người không có. Ủy ban nhân dân các cấp đã thực hiện ký kết chương trình phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có lịch giao ban hàng tháng, quý với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể để nghe ý kiến, tâm tư nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân và cho ý kiến chỉ đạo thực hiện.

3. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã tích cực xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc. Là cầu nối giữa Đảng, chính quyền với nhân dân; tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân, các tổ chức quần chúng tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, bảo đảm các điều quy định của Nghị định 29; 71; 07 đã đề ra.

Ngoài việc vận động đoàn viên, hội viên trong tổ chức của mình tích cực học tập nâng cao trình độ dân trí, hiểu và nắm vững tác dụng của việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, các đoàn thể còn phối kết hợp vận động nhân dân khơi dậy được tiềm năng, sức sáng tạo của mọi người dân vươn lên làm giàu chính đáng. Chăm lo giữ gìn bản sắc văn hóa, bài trừ hủ tục lạc hậu, xây dựng làng bản, gia đình văn hóa ở khu dân cư. Tham gia xây dựng hương ước, quy ước thôn, bản, xây dựng quy chế quản lý và tham gia bảo vệ, sử dụng có hiệu quả các công trình được Nhà nước đầu tư trên địa bàn. Tích cực đóng góp công sức, tiền của để xây dựng các công trình do Nhà nước và nhân dân cùng làm ở các thôn, bản.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ VÀ XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CỦA TỪNG LOẠI HÌNH CƠ SỞ

1. Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở xã, phường, thị trấn (theo Nghị định 29)

Qua theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và tổng hợp tình hình hoạt động thực hiện các chương trình, nghị quyết, đề án của các cấp ủy đảng gắn với thực hiện nội dung Quy chế dân chủ ở cơ sở cho thấy: phần lớn các chi, đảng bộ đã chủ động phối hợp với Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ cùng cấp trong việc tổ chức cho nhân dân được biết, được tham gia ý kiến bàn bạc, thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các đề án, dự án các công trình đầu tư trên địa bàn dân cư, thể hiện trên các mặt sau:

a) Những việc chính quyền cần thông báo để nhân dân biết.

- Hầu hết các cơ sở xã, phường đều niêm yết công khai các điều quy định của Quy chế dân chủ ngắn gọn, dễ hiểu tại các trụ sở; thông báo trong các cuộc họp của xã của thôn, tổ dân phố về 14 việc cần thông báo cho dân biết như: Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; chủ trương, chính sách vay vốn xóa đói, giảm nghèo, các chương trình, dự án đầu tư, các loại quỹ, các khoản đóng góp, phí và lệ phí trên địa bàn dân cư; điển hình như xã Năm Lư, Mường Khương, Ủy ban nhân dân xã đã công khai lên bảng các khoản thu, chi do dân đóng góp xây dựng, các loại quỹ, lệ phí trong năm và mức độ hoàn thành các công trình, các dự án sản xuất cho dân biết, v.v..

- Qua kết quả kiểm tra của Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ của tỉnh và các huyện, thị cho thấy: đưa số các cơ sở thực hiện tốt 9 đến 10 việc trong 14 việc cần thông báo cho dân được biết; còn 4 đến 5 việc dân chưa được biết hoặc biết không rõ ràng.

+ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn và hằng năm của xã.

+ Dự toán và quyết toán ngân sách xã hằng năm.

+ Các nghị quyết của Hội đồng nhân dân, các chương trình dự án do các tổ chức và cá nhân đầu tư trực tiếp cho xã.

+ Sơ kết, tổng kết của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã về kết quả thực hiện các dự án, các công trình đầu tư cho nhân dân trên địa bàn còn hạn chế.

b) Những việc nhân dân được bàn và quyết định trực tiếp.

Đây là vấn đề có ý nghĩa thiết thực đến quyền lợi đời sống của nhân dân, nên được đồng đạo nhân dân tích cực tham gia thông qua các cuộc họp thôn, bản như: việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng và xây dựng các công trình phúc lợi tại địa phương; xây dựng quy ước, hương ước; các mức đóng góp xây dựng các loại quỹ. Tiêu biểu như xã Long Phúc của huyện Bảo Yên đã vận động nhân dân tự đóng góp ngày công và vật liệu xây dựng được 4 ngôi nhà của thôn rất khang trang để làm nơi hội họp của thôn. Đa số các xã, phường đã thực hiện tốt 4 trong 6 việc dân bàn và quyết định

trực tiếp, còn 2 việc chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ đó là:

- + Thành lập ban giám sát công trình do dân đóng góp.
- + Tổ chức bảo vệ sản xuất, kinh doanh.

c) Những việc nhân dân bàn, tham gia ý kiến, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã quyết định.

- Thực hiện Quy chế dân chủ đã tạo được sự chuyển biến quan trọng về nhận thức của nhân dân, thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân, phát huy sức mạnh tổng hợp và sức sáng tạo của toàn dân. Nhiều địa phương trong những năm qua đã vận động nhân dân đóng góp hàng vạn ngày công, góp vốn hàng chục tỷ đồng để xây dựng cơ sở hạ tầng như: làm đường liên thôn, bản, xây dựng đường điện, trường học, làm nhà công vụ cho giáo viên, cán bộ, y tế xã.

- Nhân dân đã tham gia góp ý trước kỳ họp của Hội đồng nhân dân, các quyết định của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nên thấy được trách nhiệm của mình trong việc xây dựng chính quyền. Điều đó được thể hiện trong cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1999-2004, nhân dân các địa phương đã tích cực tham gia lựa chọn, giới thiệu các ứng cử viên đại biểu Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn đồng thời tích cực tham gia bầu cử toàn tỉnh đạt 99,8%, các đại biểu trúng cử đều đạt từ 82% số phiếu bầu trở lên. Nhân dân trực tiếp bầu trưởng thôn, bản, tổ trưởng tổ dân phố với tỷ lệ đi bầu đạt trên 90%.

d) Những việc dân giám sát, kiểm tra

Quy chế dân chủ là văn bản pháp lý bảo đảm quyền làm chủ trực tiếp của nhân dân, trên cơ sở đó chính quyền cơ sở đã tạo điều kiện để nhân dân giám sát, kiểm tra các công việc ở địa phương. Qua theo dõi và kiểm tra cho thấy có một số huyện đã triển khai thực hiện khá tốt như huyện Bắc Hà, đã niêm yết các nội dung cơ bản của Quy chế dân chủ tại các trụ sở Ủy ban nhân dân, nhà trưởng thôn để dân tiện việc giám sát. Đặc biệt là huyện Bảo Yên đã xây dựng cho mỗi hộ một quyển sổ để theo dõi các khoản thu, chi, đóng góp trong năm, tiện cho việc giám sát, kiểm tra các công việc của xã, củng cố lòng tin của nhân dân

với cấp ủy đảng, chính quyền, góp phần ngăn chặn tệ nạn tham nhũng, tiêu cực, quan liêu. Đến nay, 180/180 xã, phường, thị trấn đã thành lập Ban Thanh tra nhân dân theo đúng quy định, bước đầu đi vào hoạt động có hiệu quả. Nhìn chung các cơ sở đã thực hiện được 8 trong 10 việc nhân dân giám sát, kiểm tra, còn 2 việc thực hiện chưa đầy đủ đó là: dự toán và quyết toán ngân sách xã; kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng liên quan đến cán bộ xã.

Nhìn chung việc thực hiện Quy chế dân chủ ở các phường, thị trấn, các xã vùng thấp và một số xã vùng cao có đội ngũ cán bộ đủ trình độ, năng lực quản lý đã có sự chuyển biến rõ nét, thực hiện có hiệu quả nội dung Quy chế dân chủ ở cơ sở. Tuy vậy, ở những xã vùng cao, vùng sâu, đội ngũ cán bộ còn nhiều yếu kém, trình độ dân trí thấp, do vậy việc thực hiện các nội dung Quy chế dân chủ còn yếu.

2. Thực hiện Quy chế dân chủ ở khu vực cơ quan hành chính Nhà nước (theo Nghị định 71)

Sau khi có Chỉ thị 30-CT/TW của Bộ Chính trị và Nghị định 71 của Chính phủ về việc thực hiện Quy chế dân chủ trong cơ quan nhà nước, hầu hết các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp đều tổ chức học tập, triển khai Quy chế dân chủ tới từng cán bộ, công nhân, viên chức của cơ quan. Qua học tập Quy chế dân chủ hầu hết cán bộ, đảng viên và quần chúng ở các cơ quan, đơn vị đều có sự chuyển biến về nhận thức và hành động. Các biểu hiện tiêu cực như: cửa quyền, hách dịch, quan liêu, lãng phí, tham nhũng, gây phiền hà sách nhiễu cho nhân dân đã giảm xuống rõ rệt.

- Hầu hết các cơ quan đã dân chủ, bàn bạc xây dựng nội quy, quy chế, cải tiến lề lối làm việc, xem xét làm rõ chức năng và nhiệm vụ giữa thủ trưởng cơ quan, đơn vị với bí thư chi bộ, chủ tịch công đoàn trong việc điều hành chỉ đạo các nhiệm vụ chuyên môn của cơ quan.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thường xuyên tôn trọng ý kiến, vai trò của các cấp ủy đảng và các tổ chức quần chúng trong công tác lãnh đạo nhiệm vụ chuyên môn.

- Thường xuyên thông báo kịp thời những việc cán bộ, công chức, người lao động được biết, được tham gia ý kiến và tham gia giám sát để từng cán bộ, công chức thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong khuôn khổ pháp luật quy định.

Những vấn đề quan trọng của cơ quan, đơn vị đều được đưa ra thảo luận, thống nhất trong các kỳ họp, hội nghị công chức hằng năm. Việc thông báo công khai về tài chính, tuyển dụng, đào tạo, khen thưởng, kỷ luật, nâng lương, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ đều được các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc, từ đó tạo ra không khí dân chủ đoàn kết, thống nhất trong nội bộ cơ quan. Điển hình như Sở Giáo dục - Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính - Vật giá, Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường, Sở Giao thông - Vận tải, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Phụ nữ... nhiều cơ quan, đơn vị đã thành lập được Ban Thanh tra công nhân, viên chức, bước đầu đã phát huy được tác dụng trong việc giám sát, kiểm tra thực hiện chế độ chính sách và bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động. Hầu hết các cơ quan, đơn vị đã bố trí được phòng và lịch tiếp dân, mọi yêu cầu kiến nghị, phản ánh, phê bình của công dân được giải quyết nhanh gọn và sáng tỏ.

3. Thực hiện Quy chế dân chủ trong các doanh nghiệp nhà nước(theo Nghị định 07)

Việc tổ chức triển khai Quy chế dân chủ trong các doanh nghiệp được bảo đảm nghiêm túc và đồng bộ ở 33/33 đơn vị (100%). Số cán bộ, công nhân lao động trong các doanh nghiệp nhà nước được tham gia học tập là 98%. Sau khi triển khai học tập Quy chế dân chủ, các đơn vị đã xây dựng nội quy, quy chế sát hợp với nội dung Nghị định 07 của Chính phủ.

Trong 5 năm qua, hầu hết các doanh nghiệp đều phấn đấu thực hiện tốt các nội dung Quy chế dân chủ trong việc công khai hóa các hoạt động của doanh nghiệp, xí nghiệp, đặc biệt là việc ký hợp đồng lao động, thỏa ước lao động, việc thanh toán tiền công, tiền thưởng của công nhân được công khai rõ ràng. Nên các phong trào thi đua “Lao

động sáng tạo” và “Lao động giỏi” được công nhân lao động tham gia thực hiện có hiệu quả. Vì vậy trong 5 năm (1999- 2003) đã có 277 sáng kiến làm lợi cho các doanh nghiệp trên 27 tỷ đồng, đời sống công nhân lao động trong các doanh nghiệp được nâng lên, thu nhập của người lao động bình quân từ 650.000 đồng đến 700.000 đồng/người/tháng. tiêu biểu là Công ty Apatít Việt Nam, Công ty Khoáng sản Lào Cai, Điện lực, Bưu điện Lào Cai.

a. Những việc doanh nghiệp cần thông báo cho cán bộ và người lao động biết.

- Các doanh nghiệp đều tổ chức hội nghị công nhân, viên chức để thông qua phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo kế hoạch được giao hằng năm.

- Những chế độ chính sách chủ yếu đối với người lao động do Nhà nước quy định: Ký kết thỏa ước lao động tập thể, hợp đồng lao động, cho thôi việc, đào tạo, tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động, chế độ làm việc và nghỉ ngơi đều được doanh nghiệp thực hiện đầy đủ theo đúng Bộ luật lao động cũng như các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Thông qua hội nghị công nhân, viên chức, đã thông báo công khai cho người lao động được biết về tình hình kết quả sản xuất, kinh doanh, báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp. Việc thực hiện nghĩa vụ ngân sách với Nhà nước và các khoản doanh nghiệp phải trích nộp như: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn tiêu biểu như Xí nghiệp chè Than Uyên, Doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng Lào Cai.

b) Những việc người lao động được tham gia ý kiến.

- Việc triển khai thực hiện kế hoạch phát triển sản xuất, kinh doanh được doanh nghiệp tổ chức cho người lao động bàn bạc công khai về các biện pháp sản xuất, kinh doanh. Trên cơ sở ý kiến của người lao động, cấp ủy và ban giám đốc công ty nghiên cứu quyết định những phương hướng phù hợp để hội nghị người lao động biểu quyết và tổ chức thực hiện.

- Tất cả nội quy, quy chế của doanh nghiệp được ban hành đều có sự tham gia trực tiếp của người lao động.

- Đối với việc ký thỏa ước lao động tập thể giữa người lao động và người sử dụng lao động được đưa ra thảo luận bàn bạc dân chủ công khai với người lao động.

- Đối với việc huy động các nguồn vốn, thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước, trích và sử dụng các quỹ từ lợi nhuận sau thuế, doanh nghiệp đều thực hiện công khai để người lao động tham gia đóng góp ý kiến.

c) Những việc người lao động được tham gia quyết định trực tiếp.

Nhìn chung hầu hết các doanh nghiệp nhà nước đóng trên địa bàn của tỉnh đều chấp hành nghiêm túc và vận dụng thực hiện có hiệu quả các nội dung của Nghị định 07 về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Người lao động trong doanh nghiệp được trực tiếp tham gia thảo luận và biểu quyết thông qua nghị quyết của hội nghị công nhân, viên chức, các nội quy, quy chế trong doanh nghiệp và một số vấn đề tài chính liên quan trực tiếp đến quyền lợi người lao động.

- Người lao động được toàn quyền lựa chọn và trực tiếp đề cử những công nhân, viên chức và người lao động có đủ tiêu chuẩn bầu vào Ban Thanh tra công nhân, viên chức.

- Trên cơ sở quy định của Bộ luật lao động và thỏa ước lao động tập thể, người lao động trong doanh nghiệp có quyền tự mình yêu cầu được ký kết hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với người sử dụng lao động khi thấy cần thiết.

d) Quyền giám sát, kiểm tra của người lao động.

- Các doanh nghiệp đều nghiêm túc thực hiện 7 việc Hội đồng quản trị, giám đốc phải công khai thông báo cho công nhân lao động biết về các thông tin phát triển sản xuất, điều kiện của doanh nghiệp, 4 việc người lao động bàn và quyết định đã được các doanh nghiệp tạo điều kiện thực hiện tốt, tiêu biểu như các đơn vị: Mỏ apatít, Công ty Khoáng sản, Công ty Cổ phần vận tải...

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ RÚT RA BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Ưu điểm và nguyên nhân

a) Ưu điểm:

Quán triệt sâu sắc quan điểm cốt lõi Chỉ thị 30-CT/TW của Bộ Chính trị về thực hiện Quy chế dân chủ là “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, nhìn chung đội ngũ cán bộ, đảng viên từ cấp ủy đến chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đã có sự chuyển biến rõ nét trong nhận thức về trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của chính bản thân mình với tổ chức đảng, với cộng đồng, góp phần tích cực vào việc thực hiện có hiệu quả nội dung Quy chế dân chủ ở địa phương.

- Việc triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở trong 5 năm qua cho thấy: Kế hoạch phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội ở địa phương, xây dựng quy ước, hương ước thôn, bản, nội dung, quy chế làm việc của cơ quan, doanh nghiệp, các chế độ, chính sách có liên quan đến quyền lợi của cán bộ, công nhân, viên chức, người lao động và nhân dân đều được biết, được bàn, được tham gia ý kiến, được tham gia thực hiện, được kiểm tra giám sát, được góp ý, đề xuất, kiến nghị, tạo nên sự tin tưởng phấn khởi trong quần chúng nhân dân đối với các chủ chương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phương thức lãnh đạo, quản lý điều hành của cơ quan, doanh nghiệp và chính quyền cơ sở.

- Các cấp ủy đảng và đội ngũ cán bộ lãnh đạo trong hệ thống chính trị nhận thức rõ trách nhiệm của mình hơn trong việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, tích cực chỉ đạo đổi mới lề lối làm việc, phát huy quyền làm chủ của cán bộ, công nhân, viên chức, công nhân lao động và nhân dân, đổi mới tăng cường công tác vận động quần chúng theo hướng “gần dân, sát cơ sở”, công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ, thực hiện các chương trình, đề án, chính sách, các công trình đầu tư của tỉnh, của Nhà nước được tiến hành thường xuyên hơn, chặt chẽ hơn, kịp thời hơn nên đã từng bước hạn chế có hiệu quả đơn thư vượt cấp và khiếu kiện đông người.

- Qua việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đã tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ trong hành động thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Cho nên 5 năm qua, nhất là từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII đến nay, nhìn chung các chỉ tiêu phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của Đảng bộ đều tăng với nhịp độ năm sau cao hơn năm trước. Trình độ dân trí từng bước được nâng lên rõ rệt. Tình hình an ninh, quốc phòng, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững. Công tác phòng, chống các tai tệ nạn xã hội, nhất là phòng, chống ma túy tiếp tục được đẩy mạnh, đặc biệt là tai nạn giao thông giảm 4,9%, di cư tự do giảm 40% so với cùng kỳ năm 2002.

Có thể nói thực hiện Quy chế dân chủ là dịp, là cơ hội, là điều kiện để cán bộ, đảng viên và mọi người dân hiểu sâu sắc quan điểm: “Lấy dân làm gốc” của Đảng và Bác Hồ kính yêu của chúng ta. Từ đó cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân các dân tộc trong tỉnh, đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, từng bước mạnh dạn, tự tin tham gia góp ý cho lãnh đạo Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể các cấp, góp phần tích cực vào cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng, xây dựng chính quyền, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

b) Nguyên nhân:

- Chỉ thị 30-CT/TW của Bộ Chính trị được Nhà nước cụ thể hóa bằng các nghị định theo từng loại hình cơ sở, nên trong quá trình triển khai thực hiện là rất phù hợp, sát thực với các đối tượng, nên có nhiều thuận lợi.

- Quy chế dân chủ là một chủ trương lớn của Đảng, được các cấp, các ngành đón nhận, triển khai thực hiện nghiêm túc, được nhân dân đồng tình ủng hộ, vì nội dung các điều quy định trong quy chế đều đáp ứng với yêu cầu nguyện vọng của nhân dân. Do đó Quy chế dân chủ là cơ sở pháp lý, đồng thời cũng là động lực thúc đẩy mọi hoạt động quản lý, điều hành và các mặt công tác của hệ thống chính trị ở cơ sở ngày càng phát triển.

- Có sự quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo thường xuyên của các cấp ủy đảng, sự tạo điều kiện của các cấp chính quyền, sự nhiệt tình năng

động, sáng tạo của Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ các cấp, đã kịp thời có kế hoạch hướng dẫn thực hiện và kiểm tra thường xuyên.

2. Tồn tại và nguyên nhân

a) Tồn tại:

- Việc triển khai, quán triệt Chỉ thị 30-CT/TW, các Nghị định 29, 71, 07 của Chính phủ ở cơ sở đối với cán bộ, công nhân, viên chức, công nhân lao động, đảng viên và nhân dân có nơi, có lúc chưa sâu, dẫn đến một bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân chưa thấy hết trách nhiệm của mình, nên còn có những việc làm do bị kích động, lợi dụng dân chủ để khiêu khích không đúng sự thật. Mối quan hệ giữa nghĩa vụ quyền lợi, lợi ích chưa thật sự gắn bó, dân chủ trực tiếp chưa được phát huy, dân chủ đại diện thì chưa kịp thời, chưa đáp ứng với yêu cầu của nhân dân.

- Đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân ở các xã vùng cao, vùng sâu đại bộ phận là dân trí thấp, thậm chí không biết chữ, không biết tiếng phổ thông, nên việc triển khai, quán triệt, thực hiện Quy chế dân chủ gặp rất nhiều khó khăn cả về nhận thức và tổ chức thực hiện quy chế theo tinh thần Chỉ thị 30-CT/TW của Bộ Chính trị. Chính vì vậy mà hiện nay vẫn còn tình trạng cả dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện đều không được phát huy.

- Việc sơ tổng kết thực hiện Quy chế dân chủ hằng năm của một số huyện, thị, cơ quan, đoàn thể, đơn vị doanh nghiệp còn qua loa, chưa sâu, có nơi không làm được thường xuyên.

- Việc thông báo công khai về kế hoạch sản xuất, kinh doanh, chương trình phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, thanh quyết toán các công trình do Nhà nước và nhân dân đóng góp cho cán bộ, đảng viên, nhân dân biết, đôi khi chưa đầy đủ, chưa kịp thời.

b) Nguyên nhân tồn tại:

- Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ các cấp từ tỉnh đến cơ sở luôn bị xáo trộn, thay đổi, nên ít nhiều có ảnh hưởng đến công tác triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ các cấp, hầu hết do kiêm nhiệm, bận nhiều việc chuyên môn, nên việc sinh hoạt giao ban thường kỳ hằng quý, 6 tháng, 1 năm thực hiện chưa nghiêm túc. Báo cáo phản ánh định kỳ chưa kịp thời, chưa đầy đủ.

- Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ các cấp không có, dẫn đến chất lượng, hiệu quả hoạt động, chỉ đạo, điều hành của Ban chỉ đạo còn nhiều bất cập.

- Chưa đưa nội dung Quy chế dân chủ ở cả ba loại hình cơ sở vào tiêu chuẩn xét duyệt thi đua hằng năm của các chi, đảng bộ, phân xếp loại tư cách đảng viên và cơ quan, đơn vị, xã, phường, nên việc triển khai, thực hiện chưa nghiêm, chưa trở thành động lực thúc đẩy phong trào thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Hệ thống loa truyền thanh từ xã tới các thôn, bản hầu hết là không có, do đó các thông báo của chính quyền xã tới người dân thường không đầy đủ, không kịp thời.

- Hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở cả nông thôn và cơ quan, đơn vị còn mang tính hình thức, vai trò thanh tra chưa được phát huy, hiệu quả hoạt động thấp.

3. Bài học kinh nghiệm

Từ thực tiễn chỉ đạo, tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong 5 năm qua, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

- Trước hết các cấp ủy đảng phải nhận thức đầy đủ mục đích ý nghĩa của nội dung Quy chế dân chủ ở cơ sở, trên cơ sở đó quan tâm, tạo điều kiện giúp Ban chỉ đạo hoạt động có hiệu quả. Thường xuyên lồng gán nội dung Quy chế dân chủ ở cơ sở với các chương trình đề án, nghị quyết của chi, đảng bộ địa phương, đơn vị để có kế hoạch kiểm tra việc thực hiện có hiệu quả.

- Chính quyền các cấp phải nhận thức và xác định rõ trách nhiệm, chức năng, nhiệm vụ của mình trong việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Phải cụ thể hóa nội dung cơ bản của Quy chế dân chủ gắn

với các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, địa phương bằng nội quy, cơ chế chính sách, quy chế làm việc, quy ước, hương ước thôn, bản. Thường xuyên phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong việc tuyên truyền vận động nhân dân tham gia xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh.

- Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ các cấp phải được kiện toàn đủ sức hoạt động, phải năng động sáng tạo trong công tác tổ chức triển khai, thực hiện. Đặc biệt là phương pháp tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân, phải đa dạng, phù hợp với từng đối tượng.

- Phải thường xuyên có kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ ở các loại hình cơ sở. Định kỳ 6 tháng, 1 năm phải tiến hành sơ, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm và kịp thời phát hiện những sai lệch của cán bộ, đảng viên ở cơ sở để uốn nắn điều chỉnh, rút kinh nghiệm. Đồng thời phải phát huy có hiệu quả vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong việc tuyên truyền vận động nhân dân tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ TIẾP TỤC THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ TRONG THỜI GIAN TỚI

Để nội dung Quy chế dân chủ ở cả ba loại hình cơ sở thật sự đi vào chiều sâu, có hiệu quả thiết thực trong đời sống của mọi người dân, Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ tỉnh yêu cầu Ban chỉ đạo các cấp, các ngành tiếp tục thực hiện tốt các nhiệm vụ cụ thể sau đây:

I. NHỮNG NHIỆM VỤ CỤ THỂ TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Tiếp tục nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cũng như trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên và người dân trong việc thực hiện các điều quy định của

Chỉ thị 30-CT/TW, Nghị định 79; 71; 07 gắn với công tác củng cố xây dựng đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị ở cơ sở. Trước hết là người đứng đầu: Bí thư chi, đảng bộ, chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phải gương mẫu thực hiện và có thái độ kiên quyết đối với những ai vi phạm Quy chế dân chủ ở cơ sở.

2. Tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng và chính quyền, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, đặc biệt là vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân đối với việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Cần có biện pháp khắc phục những mặt còn yếu kém như: tình trạng quan liêu, thiếu dân chủ hoặc dân chủ hình thức ở các xã, các cấp, các ngành, nhất là những lĩnh vực những việc có liên quan quyền và trách nhiệm trực tiếp của mỗi công dân và cả cộng đồng trong nhu cầu: “Dân chủ là của quý báu nhất của nhân dân”, là động lực để khơi dậy sức sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

3. Thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức và nhân dân về tầm quan trọng và ý nghĩa tác dụng thiết thực của Quy chế dân chủ. Từ đó tạo điều kiện để nhân dân tham gia xây dựng và quản lý nhà nước ở địa phương.

4. Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện toàn diện các nội dung của Quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn, đưa việc thực hiện Quy chế dân chủ đi vào chiều sâu theo tinh thần nội dung Nghị định 79 của Chính phủ trở thành nền nếp trong đời sống xã hội của địa phương, cơ quan, đơn vị cụ thể: trong đó cần tập trung một số nội dung:

4.1. Đối với cơ sở

+ Phải tập trung nâng cao trình độ dân trí (nhất là nâng cao trình độ văn hóa) của công dân, vì đây là điều kiện, là cơ sở và nhu cầu để thực hiện có hiệu quả Quy chế dân chủ.

+ Cần công khai và bàn với dân về chương trình xóa đói, giảm nghèo và ưu tiên xây dựng công trình phúc lợi quan trọng đối với địa phương mình.

+ Thực hiện chế độ công khai tài chính, chính sách đền bù, các chính sách liên quan đến lợi ích của dân, công khai quy hoạch đô thị, kế hoạch sử dụng và chính sách đất đai. Tiếp tục phát huy và làm rõ trách nhiệm của trưởng thôn, bản, tổ trưởng dân phố trong việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

+ Củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ các cấp, đồng thời xây dựng quy chế làm việc, chương trình kế hoạch công tác của Ban Thanh tra nhân dân, hướng dẫn cho Ban Thanh tra hoạt động có hiệu quả.

+ Xây dựng thôn, bản xã, cộng đồng đủ sức đề kháng chống việc lợi dụng truyền đạo trái phép, di dịch cư tự do của các thế lực thù địch.

4.2. Đối với cơ quan hành chính sự nghiệp.

+ Thực hiện công khai các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức như: quy hoạch đào tạo đánh giá bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, tăng cường cán bộ, khen thưởng, kỷ luật và tài chính cơ quan. Thực hiện dân chủ trong việc đề bạt, nâng lương, nâng ngạch, phân công công việc đúng với tiêu chuẩn năng lực của cán bộ.

+ Thực hiện Quy chế dân chủ gắn với việc thực hiện cải cách hành chính và thực hiện Chỉ thị 18 của Chính phủ về tăng cường công tác dân vận trong các cơ quan nhà nước.

4.3. Đối với doanh nghiệp nhà nước.

Đưa việc thực hiện Quy chế dân chủ đi vào chiều sâu, thực hiện tốt việc công khai tài chính, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh, công khai việc Khoán sản phẩm, phân phối lợi nhuận doanh nghiệp bảo đảm công bằng đúng chế độ quy định trong việc thỏa ước lao động, hợp đồng lao động.

5. Trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, đưa thực hiện nội dung Quy chế dân chủ thành một trong những tiêu chuẩn để đánh giá phân xếp loại đảng viên, phân xếp loại chi, đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp vào việc xét duyệt thi đua, khen thưởng hàng năm.

6. Tăng cường mở các lớp tập huấn chuyên đề về nội dung Quy chế

dân chủ cho cán bộ trong hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tập huấn theo giới, theo lứa tuổi về các nội dung Quy chế dân chủ ở cơ sở.

7. Tăng cường công tác kiểm tra đôn đốc việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cả ba loại hình cơ sở của các cấp ủy đảng, phát huy vai trò của Ban Thanh tra nhân dân, tích cực xây dựng và đẩy mạnh các phong trào tự quản của nhân dân ở thôn, bản.

II. CÁC KIẾN NGHỊ

- Đề nghị với Trung ương chỉ đạo các cấp có thẩm quyền tiếp tục nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện và trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội sớm ban hành Pháp lệnh Quy chế dân chủ.

- Đề nghị Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ Trung ương có văn bản hướng dẫn cụ thể về nhiệm vụ và quyền hạn của Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ các cấp. Ban chỉ đạo Quy chế dân chủ cấp tỉnh, huyện, thị xã nên bố trí từ 1- 2 biên chế chuyên trách, vì đây là một nhiệm vụ quan trọng có tính lâu dài, không thể làm một sớm một chiều mà được. Đồng thời hằng năm trong phân bổ ngân sách cần bố trí dành riêng nguồn kinh phí cho công tác hoạt động chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở cho Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ các cấp.

Trong quy chế thực hiện dân chủ cũng cần có một số điều về khen thưởng và kỷ luật. Bổ sung trách nhiệm và quyền hạn của công dân khi tham gia học tập và thực hiện Quy chế dân chủ.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO GIỮA NHIỆM KỲ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 119-BC/TU, ngày 1-10-2003

**Về kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ
tỉnh Lào Cai khóa XII (nhiệm kỳ 2000 - 2005)**

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa XII, nhiệm kỳ 2000-2005 được Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII tháng 12-2000 bầu 45 đồng chí, phiên họp đầu tiên ngày 27, 28-12-2000, Ban Chấp hành bầu 13 đồng chí vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy (trong đó Thường trực Tỉnh ủy 3 đồng chí). Về chất lượng Ban Chấp hành: 100% đồng chí có trình độ văn hóa hết phổ thông trung học, 90% có trình độ chuyên môn cao đẳng, đại học; 10% có trình độ trung cấp, 100% có trình độ cao cấp, cử nhân lý luận chính trị, tuổi đời bình quân 48,57 tuổi, cơ cấu nữ 8,8%, dân tộc 37,7%, cơ cấu Ban Chấp hành: Khối Đảng 10 đồng chí; Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể: 5 đồng chí; Khối Chính quyền: 5 đồng chí; Khối Kinh tế tổng hợp: 5 đồng chí; Khối Văn hóa - xã hội: 2 đồng chí; Khối Nội chính 5 đồng chí; Khối huyện, thị, đảng ủy trực thuộc: 13 đồng chí (không có cơ cấu huyện Bát Xát).

Trong giữa nhiệm kỳ công tác tới nay (30-6-2003) có 1 đồng chí Tổng Biên tập báo từ trần, do yêu cầu nhiệm vụ 1 đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ được điều động về Quân khu II; đồng thời thực hiện sự điều động luân chuyển cán bộ 3 đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành từ huyện, thị về công tác ở tỉnh (thị xã Lào Cai, Cam Đường, Sa Pa), 1 đồng chí

từ huyện sang huyện (đồng chí Chương từ Bảo Thắng sang Bát Xát), 1 đồng chí từ tỉnh về huyện (Đồng chí Vạn, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Sa Pa), đồng thời đề nghị Ban Bí thư chỉ định 2 đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành (đồng chí Cao Đức Hải, Bí thư Thị ủy Lào Cai (tháng 11- 2002); đồng chí Phạm Lâm Hồng, Tỉnh đội trưởng (tháng 6-2003) và bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị Ban Chấp hành kỳ họp 12 tháng 7-2003. Đến nay số lượng Ban Chấp hành đủ 45 đồng chí, Ban Thường vụ 13 đồng chí nhưng cơ cấu Ban Chấp hành có sự thay đổi: Khối Đảng 9 đồng chí (không có cơ cấu báo và Trường Chính trị nhưng tăng thêm 1 cơ cấu Ban Tổ chức), Khối Chính quyền: 5 đồng chí, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể: 5 đồng chí; Khối Kinh tế tổng hợp: 5 đồng chí; Khối Văn hóa - Xã hội: 3 đồng chí (điều chuyển đồng chí Trịnh Quang Chinh, Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh sang làm Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội), Khối Nội chính: 6 đồng chí (thêm 1 cơ cấu ngoại vụ biên giới do đồng chí Nguyễn An Toàn, nguyên Bí thư Huyện ủy Sa Pa điều chuyển về), khối huyện, thị 12 đồng chí (bớt 1 cơ cấu thị xã Cam Đường cũ).

Hơn 2 năm qua tình hình chính trị trong nước tiếp tục ổn định, kinh tế có những bước phát triển khá; Đảng, Nhà nước tiếp tục có chương trình, chính sách ưu tiên vùng cao, biên giới, dân tộc. Tuy nhiên ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh tình hình thế giới, khu vực, trong nước có biến động phức tạp ít nhiều ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh ta.

Nhận thức được vị trí của năm đầu và năm bản lề thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX có ý nghĩa quan trọng làm tiền đề cho những năm tiếp theo. Ngay từ đầu khóa cùng với việc xây dựng quy chế làm việc, xây dựng chương trình công tác toàn khóa, phân công nhiệm vụ cho từng đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Chấp hành vận dụng sáng tạo Nghị quyết Đại hội IX tập trung công sức, trí tuệ xây dựng 7 chương trình công tác trọng tâm giai đoạn (2001 - 2005) được cụ thể thành 27 đề án, kế hoạch và nghị quyết chuyên đề năm, 2003 xây dựng 6 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở.

Nhìn chung Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã tích cực, chủ động đổi mới phương thức lãnh đạo, tạo được sự đồng tình hưởng ứng của các bộ, ban, ngành Trung ương, cán bộ, đảng viên, nhân dân các dân tộc, tạo niềm tin, quyết tâm thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị đã đề ra ngay từ những năm đầu.

Kiểm điểm sự lãnh đạo giữa nhiệm kỳ đến nay thể hiện trên các mặt sau:

A. VỀ QUÁN TRIỆT CÁC CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC (Trung ương, tỉnh trong xây dựng các chương trình, kế hoạch, giải pháp và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh và xây dựng hệ thống chính trị).

I. VỀ QUÁN TRIỆT CÁC CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH

Ngay khi được Đại hội bầu; với tinh thần trách nhiệm cao, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh vừa tiến hành kiện toàn tổ chức, phân công nhiệm vụ cho từng đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành, vừa kịp thời lãnh đạo toàn Đảng bộ quán triệt triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương IX. Tại Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ 2 (tháng 4-2001) khóa XII đã thông qua chương trình công tác tư tưởng - khoa giáo toàn khóa.

Căn cứ Chỉ thị số 01-CT/TW, ngày 29-5-2001 và Thông báo số 03-TB/TW, ngày 15-5-2001 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Tỉnh ủy đã xây dựng Kế hoạch 05-KH/TU, ngày 10-9-2001 về triển khai học tập Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX. Đến hết tháng 12-2002, các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc đã triển khai học tập xong tới 96% đảng viên và 86% số lượng nhân dân.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII, Đảng bộ tỉnh Lào Cai đã xây dựng 7 chương trình công tác trọng tâm với 27 đề án, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề giai đoạn 2001-2005 và được xác định rất cụ

thể: Làm cái gì, làm ở đâu, ai làm, phân công thực hiện, các giải pháp thực hiện, cơ chế, chính sách và có sự phân công cho từng đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cơ quan có trách nhiệm thực hiện. Hằng năm Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh bám sát vào 7 chương trình với 27 đề án, nghị quyết, kế hoạch để sơ kết, làm cơ sở tập trung chỉ đạo; đây là những vấn đề trọng tâm, trọng điểm cần phải tập trung sức thực hiện, chỉ có thực hiện được những vấn đề mấu chốt này mới tạo ra bước đột phá làm chuyển biến toàn bộ các lĩnh vực khác của tỉnh trong những năm trước mắt, tạo tiền đề cho bước phát triển giai đoạn tiếp theo.

Ngay sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Tỉnh ủy đã mở hội nghị gặp mặt báo chí toàn quốc để giới thiệu tiềm năng, thế mạnh, 7 chương trình trọng tâm, 27 đề án, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề, cơ chế chính sách của tỉnh, nhằm thu hút các doanh nghiệp và các thành phần kinh tế, các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư tại Lào Cai. Gặp mặt cán bộ diện tỉnh quản lý nghỉ hưu trên địa bàn thị xã để tranh thủ ý kiến. Hơn 2 năm qua, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã nghiêm túc quán triệt những nội dung cơ bản Nghị quyết Trung ương 3 và các kết luận Hội nghị Trung ương 4, 5, 6 và Nghị quyết Trung ương 7 khóa IX. Từ tình hình thực tế của tỉnh, Ban Chấp hành xây dựng chương trình hành động thực hiện các nghị quyết, kết luận trên, xác định rõ mục tiêu, giải pháp phù hợp, phân công tổ chức và các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành phụ trách. Đối với 7 chương trình công tác trọng tâm, 27 đề án, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề được biên soạn thành sách phổ biến sâu rộng tới cơ sở. Đã kiểm điểm 1 năm thực hiện chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về nhiệm vụ chủ yếu công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới. Mở hội nghị với các doanh nghiệp Trung Quốc tại Lào Cai; phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam mở hội nghị “Lào Cai cầu nối với thị trường Tây Nam - Trung Quốc - Cơ hội đầu tư và phát triển”, đồng thời mở rộng quan hệ đối ngoại với tỉnh Vân Nam - Trung Quốc, bước đầu

khai thác lợi thế vị trí “cầu nối” với thị trường Tây Nam - Trung Quốc rộng lớn với hơn 300 triệu dân. Gần đây Hội nghị giữa kỳ không chính thức các nước tài trợ cho Việt Nam (gọi tắt là CG) tổ chức tại Sa Pa thành công tốt đẹp đã tạo thêm cơ hội mới cho nhiều nhà đầu tư đến với Việt Nam nói chung và Lào Cai nói riêng. Do chủ động và tích cực tham gia hội nhập, đến nay đã có 22 dự án trong nước với tổng nguồn vốn đầu tư là 462,7 tỷ Việt Nam đồng, 15 dự án nước ngoài với tổng nguồn vốn đầu tư là 27 triệu USD.

Hơn hai năm qua, các chương trình, đề án, kế hoạch và các nghị quyết chuyên đề đang từng bước đi vào cuộc sống, có hiệu quả rõ rệt. Điều đó khẳng định tính đúng hướng, chọn đúng vấn đề có tính đột phá mang tính chất quyết định.

II. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ

Với tư tưởng và quyết tâm cao, đến nay Đảng bộ đã lãnh đạo, thu được kết quả đáng kể trên các lĩnh vực. Tốc độ tăng trưởng GDP đạt 11,44% tăng cao nhất trong 10 năm qua. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch mạnh theo hướng khai thác tiềm năng và lợi thế của tỉnh. Năm 2002 là năm đánh dấu chuyển hướng cơ cấu kinh tế rõ rệt và đúng hướng.

- Khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản: 43,42% (giảm 2,39% so 2001).
- Khu vực công nghiệp, xây dựng cơ bản: 20,02% (tăng 1,2% so 2001).
- Khu vực dịch vụ 36,54% (tăng 1,19% so 2001).

Đến nay có 7/16 chỉ tiêu đã đạt mục tiêu Đại hội XII; các chỉ tiêu còn lại gần đạt mục tiêu Đại hội XII đề ra.

1. Về lãnh đạo chương trình nông nghiệp, nông thôn, ổn định đời sống nhân dân gắn với 6 chương trình hướng về cơ sở năm 2003 được xác định đây là chương trình trọng tâm nhằm xóa đói, giảm nghèo

Sau hơn 2 năm thực hiện, đến nay nông nghiệp, nông thôn và

nông dân cơ bản chuyển biến đáng kể, các dự án được triển khai đồng bộ. Tập trung lãnh đạo chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp theo hướng tăng dần tỷ trọng chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp; trong trồng trọt tỷ trọng cây lương thực giảm dần, tỷ trọng cây công nghiệp và nguyên liệu tăng dần; sản xuất lương thực liên tục tăng trưởng, năm 2003 dự kiến đạt trên 190 ngàn tấn, vượt mục tiêu Đại hội, tăng giá trị trên một đơn vị diện tích canh tác từ 8,8 triệu đồng lên 12,35 triệu đồng, đạt 95% mục tiêu. Một số dự án lúa, ngô, đậu tương cao sản đạt và vượt kế hoạch về diện tích; tổ chức sản xuất, cung cấp quản lý giống cây, con năng suất cao, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật đã có tính chủ động hơn. Tiêu thụ sản phẩm được quan tâm và cơ bản không bị ứ đọng. Một số loại cây con mới đưa vào sản xuất thử nghiệm và triển khai rộng có triển vọng. Xuất hiện nhiều mô hình sản xuất, kinh doanh giỏi. Kế hoạch kiên cố hóa kênh mương nội đồng các vùng trọng điểm lúa mang lại hiệu quả rõ, đạt 51% mục tiêu; quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư có cố gắng đạt 55% so với mục tiêu, tỷ lệ người được cấp nước sinh hoạt ước đạt 57% mục tiêu. Đầu tư 109 công trình tại 20 trung tâm cụm xã phục vụ sản xuất, kinh doanh, đời sống nhân dân. Các dự án liên quan xóa đói, giảm nghèo được triển khai đồng đều và có hiệu quả, hơn 2 năm qua giảm 14,6% hộ đói, nghèo, dự kiến năm 2003 còn dưới 16%, đạt mục tiêu đề ra.

Tuy nhiên, thâm canh lúa năng suất mới đạt 90 - 95% mục tiêu, trồng ngô hàng hóa chưa tập trung thành vùng dự án, năng suất đậu tương chưa cao và diện tích mới đạt 46% mục tiêu, cây ăn quả đạt 22,6% và khó đạt mục tiêu, cây chè trồng mới hàng năm không đạt kế hoạch. Một số dự án chăn nuôi triển khai chậm: chưa quản lý tốt một số giống, cây, con ngoài luồng. Kiên cố hóa kênh mương nội đồng thủ tục thanh toán, quyết toán, giải ngân còn chậm, một số công trình chưa huy động được sự đóng góp của dân. Công tác xóa đói, giảm nghèo tuy được các cấp ủy đảng, chính quyền quan tâm nhưng kết quả chưa thật bền vững, việc sắp xếp dân còn thiếu quy hoạch đồng bộ, kinh phí hỗ trợ còn thiếu.

Nguyên nhân cơ bản là do nhận thức chưa đầy đủ nên khi triển khai còn lúng túng trong chỉ đạo và quy hoạch, tâm lý ỷ lại, trông chờ còn khá phổ biến nhất là ở cơ sở. Việc thực hiện các dự án chưa bảo đảm quy trình kỹ thuật, nên năng suất chất lượng chưa cao, mục tiêu đề ra với cây ăn quả quá cao.

2. Lãnh đạo xây dựng chương trình cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và phát triển công nghiệp

Là tỉnh có cơ sở hạ tầng còn thấp kém. Nhận thức được điều đó, Đảng bộ đã tập trung phát triển cơ sở hạ tầng làm tiền đề cho phát triển của tỉnh trong những năm trước mắt và lâu dài. Tiến hành quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết xây dựng dự án, Khu kinh tế cửa khẩu, khu đô thị mới Lào Cai - Cam Đường, phát triển mạnh giao thông, trong đó chú trọng giao thông nông thôn, xây dựng trường học, các đô thị, nhà máy, kè sông Hồng, xác định đúng tiềm năng thế mạnh, tập trung phát triển các khu công nghiệp địa phương: bắc Duyên Hải, đông Phố Mới, Tầng Loỏng, đông Sin Quyền, phát triển thủy điện nhỏ; một số tuyến quốc lộ được đầu tư, các tuyến tỉnh lộ được nâng cấp bằng vốn ADB, dịch vụ viễn thông phát triển. Các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp phát triển cả số lượng và chất lượng, cơ sở thủ công, xay xát, sản xuất vật liệu tiếp tục phát triển.

Tỉnh tập trung củng cố các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm và tích cực tìm kiếm, ổn định thị trường, khai thác lợi thế giữ được vai trò chủ đạo; đời sống, việc làm cán bộ, công nhân viên ổn định, hiệu quả. Thời gian qua đã cổ phần hóa 4 doanh nghiệp, sáp nhập 2 doanh nghiệp, giải thể 5 lâm trường, sáp nhập một công ty cấp huyện vào công ty cấp tỉnh.

Tuy nhiên, do giải phóng mặt bằng chậm, do thời tiết nên tiến độ thi công các công trình, tuyến đường chậm, các dự án tiểu thủ công nghiệp gặp khó khăn về mặt bằng sản xuất, vốn đầu tư, tìm kiếm mở rộng thị trường tiêu thụ; chính sách khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp đạt thấp, việc thực hiện còn lúng túng.

Việc triển khai sắp xếp các doanh nghiệp còn chậm, vấn đề xử lý tài chính, giải quyết chính sách còn khó khăn.

Nguyên nhân sự chỉ đạo của tỉnh, các ngành chưa sâu sát, cương quyết theo kế hoạch.

3. Về lãnh đạo chương trình khai thác khu kinh tế cửa khẩu và du lịch

Được xác định là lĩnh vực kinh tế mũi nhọn của tỉnh, đã được dồn trí lực để triển khai thực hiện, dành được kết quả ban đầu đáng phấn khởi, góp phần quan trọng tăng thu ngân sách trên địa bàn.

Kinh tế cửa khẩu là lợi thế lớn nhất của Lào Cai trong những năm qua và thời gian tới, với cách làm sáng tạo tỉnh đã đề ra nhiều giải pháp về cơ chế, chính sách. Đã điều chỉnh bước đầu quy hoạch và đầu tư xây dựng hạ tầng bảo đảm cho yêu cầu phát triển kinh tế, thương mại, du lịch, dịch vụ. Kiện toàn Ban Quản lý kinh tế cửa khẩu đi vào hoạt động có hiệu quả. Năm 2002 đã vượt chỉ tiêu thu xuất, nhập khẩu.

Du lịch có chuyển biến tích cực, đưa Sa Pa thành một điểm du lịch quốc gia. Thực hiện điều chỉnh quy hoạch, quảng bá, đầu tư, nâng cao một bước chất lượng phục vụ, phát triển dịch vụ, thông xe đưa khách du lịch từ Bình Biên (Vân Nam - Trung Quốc) tới Sa Pa, Mường Khương. Khách đến du lịch năm sau cao hơn năm trước.

Sự lãnh đạo đúng đắn, sâu sát, biện pháp phù hợp, sáng tạo và hiệu quả của Ban Chấp hành trong những năm qua là nguyên nhân quan trọng hàng đầu cho kinh tế của tỉnh có bước phát triển.

Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ tại Khu kinh tế cửa khẩu còn bất cập về trình độ nhất là về chuyên môn, ngoại ngữ, luật pháp quốc tế; công tác xúc tiến thương mại còn yếu.

4. Lãnh đạo chương trình phát triển văn hóa, giáo dục, khoa học - công nghệ, môi trường và xã hội

Lĩnh vực giáo dục đào tạo; số học sinh tăng cả về số và chất lượng 100% xã đạt phổ cập giáo dục và chống mù chữ vượt thời gian 6 tháng;

đạt 100% mục tiêu xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi. Đề án xây dựng chính sách thu hút cán bộ khoa học - kỹ thuật, nghệ nhân, công nhân có trình độ tay nghề cao đến làm việc ở thị xã Lào Cai bước đầu có tác dụng. Hỗ trợ hàng trăm cán bộ, công chức hoàn thành chương trình cao học, chuyên khoa, tiếp nhận 30 bác sĩ ngoài tỉnh đến Lào Cai; 100% con em các dân tộc tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng được sắp xếp việc làm. Đề án củng cố mạng lưới y tế cơ sở, đưa bác sĩ về xã, phường, thị trấn có tiến bộ. 100% trạm y tế xã được xây dựng; 33/180 xã có bác sĩ, giải quyết ổn định việc làm cho trên 11.000 lao động đạt 100% kế hoạch.

Đề án bảo tồn khai thác, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc đã khơi dậy niềm tự hào dân tộc, đời sống văn hóa của nhân dân được nâng lên, có cố gắng trong việc xây dựng dự án nhỏ thành đề tài nghiên cứu khoa học, xây dựng hồ sơ khoa học di tích văn hóa, khảo cổ, sưu tầm cổ vật, ảnh tư liệu, trang sách cổ, các bài hát dân ca, nhạc kèn, phong tục các dân tộc.

Tuy nhiên, độ bền vững trong phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ chưa cao, chưa có cán bộ trình độ cao đến làm việc ở Lào Cai, do chính sách thu hút chưa thật hấp dẫn so với các địa phương khác. Nguồn lực bác sĩ còn thiếu, trang bị y tế cơ sở sơ sài, trình độ cán bộ y tế ở cơ sở còn thấp, chuyển biến nhận thức và giải quyết việc làm và đào tạo công nhân còn chậm, tiến độ thực hiện các dự án bảo tồn, khai thác, phát huy bản sắc dân tộc còn chậm, hiệu quả phát huy chưa cao.

Nguyên nhân cơ bản là do công tác xã hội hóa lĩnh vực văn hóa - giáo dục, y tế chưa tốt, trình độ nhận thức của nhân dân còn hạn chế.

5. Về lãnh đạo chương trình an ninh - quốc phòng và đối ngoại

Công tác cải cách tư pháp, nhất là từ khi thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị có nhiều đổi mới, chuyển biến: Quy chế dân chủ được triển khai có hiệu quả, công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân được quan tâm giải quyết kịp thời, không để xảy ra điểm nóng, khiếu kiện kéo dài. Triển khai công tác phân giới,

cầm mốc biên giới theo đúng quan điểm tư tưởng chỉ đạo và quy trình kỹ thuật. Sự kết hợp giữa an ninh - quốc phòng với phát triển kinh tế và công tác đối ngoại được chú trọng.

Đề án phòng, chống các hoạt động lợi dụng tôn giáo, truyền đạo trái phép trên địa bàn thực hiện được mục tiêu là thu hẹp địa bàn, giảm dần số hộ không theo đạo Tin Lành trái phép; giữ vững ổn định chính trị, phát triển sản xuất, nâng cao một bước đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân nhất là ở 38 xã đặc biệt khó khăn nhất

Đề án phòng, chống âm mưu “diễn biến hòa bình” và “bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch và kế hoạch đối phó với các tình huống xảy ra đã được triển khai và sơ kết có hiệu quả.

Tuy nhiên, sự phối hợp giữa các cấp, các ngành có lúc chưa chặt chẽ và đồng bộ. Một số địa phương chưa chủ động nắm tình hình dân di cư để có biện pháp ngăn chặn kịp thời vấn đề nảy sinh. Công tác đấu tranh, cảm hóa, giáo dục, thuyết phục các đối tượng cầm đầu truyền đạo trái phép đôi khi còn cứng nhắc. Công tác quản lý hộ tịch, hộ khẩu, đăng ký tạm trú, tạm vắng một số nơi làm chưa tốt.

6. Về lãnh đạo hệ thống chính trị và lãnh đạo chương trình đánh giá, sắp xếp và luân chuyển cán bộ hướng về cơ sở

Công tác xây dựng Đảng trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức luôn được quan tâm và chuyển biến rõ rệt; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Tỉnh ủy, đưa các nghị quyết, chủ trương của Đảng, Nhà nước vào cuộc sống với chương trình hành động, với phương châm hướng về cơ sở nâng cao nhận thức chính trị, tư tưởng cán bộ, đảng viên, nhân dân. Tạo nên sự nhất trí cao, góp phần quan trọng phát triển kinh tế - xã hội.

Đã tiến hành đánh giá, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý ở 77 đơn vị, gồm 70 lãnh đạo sở, ban, ngành; 699 trưởng, phó phòng và tương đương. Trong quá trình thực hiện bảo đảm dân chủ, công khai, tạo động lực tinh thần và nâng cao ý thức phấn đấu, tự điều chỉnh của mỗi cán bộ trước công việc. Thực hiện công tác điều động,

luân chuyển, tăng cường cán bộ đi huyện, xã được quan tâm, chỉ đạo và đã từng bước khắc phục tình trạng khép kín cục bộ, thiếu đồng bộ trong công tác cán bộ; đồng thời tạo điều kiện phát huy năng lực, kiến thức thực tế để thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ chính trị ngay từ cơ sở. Công tác quy hoạch cán bộ tiến hành đồng bộ, dân chủ, công khai bảo đảm quy trình. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đặc biệt là ở cơ sở được đẩy mạnh và quan tâm. Công tác phát triển đảng viên mới tăng cả về số lượng và chất lượng, phân loại tổ chức cơ sở đảng, đảng viên theo đúng Hướng dẫn 09, 10 của Ban Tổ chức Trung ương, phân loại đảng bộ trực thuộc hàng năm có hiệu quả, năm 2002 tăng thêm 2 đảng bộ trực thuộc trong sạch, vững mạnh, không có đảng bộ yếu.

Đã tiến hành tổng kết 12 năm thực hiện Nghị quyết 8b của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI), sơ kết 3 năm thực hiện Thông báo 184 và Thông báo kết luận 225 của Bộ Chính trị về công tác dân vận, qua đó đã góp phần quan trọng, tích cực tìm ra các giải pháp ngăn chặn dân di cư tự do, lợi dụng hoạt động tôn giáo truyền đạo trái pháp luật, thực hiện có hiệu quả Quy chế dân chủ; hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể được đẩy mạnh với nhiều hình thức phong phú, hấp dẫn theo hướng gần dân, sâu sát cơ sở, với phương châm “Nghe được dân nói, nói cho dân hiểu, làm cho dân tin”. Đã chủ động xây dựng chương trình, nội dung phối hợp kế hoạch công tác; sơ kết cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, biểu dương người tốt, việc tốt, nắm chắc và phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của nhân dân góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII.

Về lãnh đạo công tác kiểm tra đã có nhiều cố gắng cả về nhận thức và hành động. Sau khi ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm tra, xây dựng chương trình kiểm tra toàn khóa; đã xây dựng chương trình kiểm tra toàn diện ở 3 huyện, kiểm tra chuyên đề, đảm bảo kế hoạch. Năm 2003 tăng cường phân công các đồng chí Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp làm trưởng các đoàn kiểm tra. Triển khai kế hoạch kiểm

tra lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện kết luận của Ban Bí thư về hai cuộc kiểm tra của Ban Bí thư năm 2000, kế hoạch kiểm tra về lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Thông qua công tác kiểm tra đã giúp cho Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh rút ra những bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, nâng cao kỷ luật Đảng, nâng cao tinh thần, trách nhiệm của các đảng bộ, tổ chức cơ sở đảng và phẩm chất đạo đức của cán bộ, đảng viên.

Tuy nhiên, hiệu quả việc triển khai nghị quyết, xây dựng chương trình hành động ở xã vùng cao, vùng sâu còn hạn chế; phân xếp loại tổ chức cơ sở đảng và đảng viên một số nơi có hiện tượng hạ thấp tiêu chuẩn; năng lực đội ngũ cán bộ còn bất cập, nhất là cơ sở, năng lực quản lý chương trình dự án đầu tư còn hạn chế, tổ chức chính trị - xã hội một số nơi hoạt động còn yếu; phong cách lãnh đạo ở một vài đảng bộ, ngành chưa thật sự đổi mới.

B. VỀ TỔ CHỨC VÀ SỰ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

1. Việc đề cao ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, các quy chế, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; xây dựng và thực hiện quy chế, quy định của cấp ủy

Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc được đề ra từ đầu khóa; từng quý đều mở hội nghị Ban Chấp hành (3 tháng), đến nay họp 12 kỳ; hằng tháng đều họp Ban Thường vụ, đến nay đã họp được 42 kỳ (1,36 kỳ/tháng), các nội dung, chương trình được chuẩn bị chu đáo, các ý kiến của các đồng chí trong Ban Thường vụ, Ban Chấp hành tham gia bàn bạc dân chủ, được tiếp thu, chỉnh sửa theo kết luận và biểu quyết, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ và theo đúng chương trình làm việc toàn khóa đã được Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ sáu từ ngày 23 đến 26-4-2002, điều chỉnh, bổ sung thông qua cho phù hợp thực tế chỉ đạo. Từng kỳ họp Ban Thường vụ, Ban Chấp hành đều có thông báo kết quả hội nghị tới các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Ban Chấp

hành, các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc, báo cáo các ngành, ban ở Trung ương. 6 tháng, 1 năm đều có báo cáo kết quả công tác kiểm tra, công tác tài chính đảng theo quy chế, điều chỉnh và xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội, tài chính, chương trình kiểm tra, xây dựng cơ bản theo định kỳ hằng năm.

Việc đổi tên, thay đổi hình thức đề án, đặc biệt là những cơ chế điều hành, cơ chế chính sách đều được Ban Thường vụ, Ban Chấp hành thông qua.

Để bảo đảm hiệu quả điều hành 27 đề án, kế hoạch và nghị quyết chuyên đề ngay từ đầu năm 2002 và cuối tháng 6-2002, Ban Thường vụ, Ban Chấp hành đã duy trì kịp thời bổ sung, điều chỉnh 11 nhóm chính sách của tỉnh như: Chính sách đối với dự án phát triển cây chè; hỗ trợ lãi suất cho người nghèo phát triển chăn nuôi; hỗ trợ giá, giống cây ăn quả, chính sách trợ giá, trợ cước, giống, vật tư nông nghiệp và tiêu thụ sản phẩm, quản lý, khai thác và sử dụng các công trình nông thôn, chính sách xóa đói, giảm nghèo; giao trách nhiệm quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa đường liên thôn, xã và dân chủ công khai tiền công đóng góp của nhân dân; những thôn, bản vùng 3 của các xã vùng 2 (ngoài Chương trình 135) tỉnh đầu tư 100 triệu đồng/năm một thôn, bản; chính sách làm nhà ở cho giáo viên, cán bộ y tế, nhà công vụ cho cán bộ tăng cường; thống nhất quản lý nhà nước về kinh phí đầu tư giáo dục đào tạo thuộc tỉnh và Trung ương; hỗ trợ nhân dân trồng và sấy thuốc lá, điều chỉnh lại chính sách làm thủ tục du lịch qua cửa khẩu, tránh độc quyền.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chính sách ưu đãi tập trung vào bốn khu kinh tế trọng điểm:

- Ban hành chế độ hỗ trợ đào tạo và thu hút cán bộ khoa học - kỹ thuật, nghệ nhân, công nhân lành nghề bậc cao làm việc tại Lào Cai; khuyến khích phát triển sản xuất giống; hỗ trợ khuyến khích bảo tồn và phát triển nguồn gen quý hiếm đối với các loài cây con của tỉnh; hỗ trợ di dân ở các xã vùng cao biên giới, các xã đặc biệt khó khăn; thu hút đầu tư và gọi vốn đầu tư; ban hành quy định về quy chế đấu

thầu, cấp quyền sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất, thuê đất để có nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, hỗ trợ đền bù ruộng đất để bảo đảm mở rộng quy mô trường lớp vùng cao đạt chuẩn quốc gia; xây dựng cơ chế chính sách thúc đẩy phát triển các lĩnh vực văn hóa - xã hội và tạo nguồn thu để lại phục vụ quản lý, trùng tu các di tích, thù lao nghệ nhân, bài thuốc quý hiếm của các ông lang, bà mẹ, chính sách làng bản đạt tiêu chuẩn văn hóa và chính sách khuyến khích xã hội hóa giáo dục và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Thường xuyên tiến hành giao ban định kỳ giữa Thường trực Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh bảo đảm tính thống nhất; giao ban với các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc, các ban xây dựng Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể.

Những công việc được Ban Chấp hành phân công ủy quyền theo quy chế cho Ban Thường vụ: Điều bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, có thông báo kết luận, thường xuyên báo cáo định kỳ với Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương, các ban xây dựng Đảng Trung ương và Quân khu II; căn cứ vào nghị quyết Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thảo luận và quyết định những chủ trương, nhiệm vụ, biện pháp lớn trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị và các mặt công tác quan trọng đột xuất khác. Trong năm 2002 Ban Thường vụ đã điều chỉnh và phân công một đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra phụ trách Đảng bộ Biên phòng. 6 tháng Ban Thường vụ nghe Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình công tác 6 tháng, chuẩn bị nội dung họp Hội đồng nhân dân; nghe tình hình thực hiện kế hoạch nhà nước, kế hoạch xây dựng cơ bản và chuẩn bị kế hoạch năm tới. Bàn bạc thống nhất chủ trương, giải pháp về: Phương án quy hoạch, sử dụng đất hai bên sông Hồng và xây dựng kè sông Hồng từ đầu cầu Cốc Lếu tới đầu cầu Phố Mới; giải pháp, tiến độ xây dựng khu công nghiệp địa phương bắc Duyên Hải, đông Phố Mới; các giải pháp đẩy nhanh tiến độ xây dựng khu đô thị mới Lào Cai - Cam Đường; dự án xây dựng Trung tâm thương mại Cửa khẩu

quốc tế Lào Cai; kế hoạch triển khai và thực hiện dự án khu thương mại Kim Thành; nâng cấp đường quốc lộ 70; một số chủ trương, biện pháp quản lý, sử dụng đất giao cho các doanh nghiệp tăng thu ngân sách... hỗ trợ làm nhà cho các gia đình thương binh, liệt sĩ chính sách theo ba mức; cho chủ trương về cụm thông tin cổ động của khẩu quốc tế, chuẩn bị về nội dung, thời gian cho Lễ hội “100 năm du lịch Sa Pa”.

Thực hiện theo phân cấp công tác tổ chức và cán bộ: Duyệt danh sách cán bộ tăng cường đợt I; sáp nhập 2 thị xã Lào Cai và Cam Đường thành thị xã Lào Cai về tổ chức và cán bộ bảo đảm thời gian và ổn định bộ máy; cho chủ trương nhân sự cán bộ chủ chốt Đại hội Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, cựu chiến binh, Hội Văn học- Nghệ thuật, Liên minh Hợp tác xã, Hội Nông dân, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Chữ thập đỏ tỉnh bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ; chuẩn bị bảo đảm chất lượng cơ cấu nhân sự đại biểu Quốc hội khóa XI; sắp xếp bộ máy lãnh đạo Vườn quốc gia Hoàng Liên, Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em, Sở Khoa học - Công nghệ, thành lập Sở Tài nguyên và Môi trường; kiện toàn một số lãnh đạo chủ chốt của 21 sở, ban, ngành, các huyện, thị: Sa Pa, Bảo Thắng, Bát Xát, Bắc Hà, Mường Khương, Lào Cai. Luân chuyển 108 đồng chí; bổ nhiệm 69 đồng chí diện tỉnh quản lý; hiệp y với các ngành công quản giới thiệu tham gia Ủy viên Trung ương Đoàn thanh niên, phụ nữ, cựu chiến binh, nông dân; bổ nhiệm lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước, biên phòng, quỹ hỗ trợ phát triển, Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội, Giám đốc và Phó Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội. Bổ nhiệm lại 1 Giám đốc Bảo hiểm xã hội và 2 Phó Giám đốc Kho bạc Nhà nước; giải quyết nghỉ theo Nghị quyết 16 diện tỉnh quản lý 38 đồng chí; 03 đồng chí phó ngành thi lên chuyên viên cao cấp; chỉ định bổ sung 21 đồng chí tham gia Đảng đoàn cấp ủy trực thuộc, nâng lương thường xuyên cho các đồng chí diện tỉnh quản lý... Ban hành Quyết định 287-QĐ/TU của Tỉnh ủy về quy định đối tượng đi học các lớp chính trị ở tỉnh và Trung ương; mở 3 lớp trung cấp chính trị (K24, K25 và K27) tại tỉnh, 1 lớp cao cấp chính trị tại chức 110 học viên...; xét duyệt thi đua, tặng

Huân chương; xét đề nghị phong tặng Anh hùng Lực lượng vũ trang cho huyện Than Uyên, Bảo Yên, Văn Bàn: 4 nhà giáo, 5 thầy thuốc đạt danh hiệu ưu tú...; thành lập thêm 4 phòng, 1 khoa ở văn phòng và các ban Đảng Trường Chính trị; đánh giá, nhận xét công tác cán bộ lực lượng vũ trang diện tỉnh quản lý; thực hiện quy trình đề nghị Trung ương chỉ định 2 đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; bầu bổ sung 1 đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; xét kỷ luật khai trừ 2 đảng viên khiêu nại nhiều lần ở Gia Phú, Bảo Thắng; kỷ luật hạ bậc lương 1 thạc sĩ, cho chuyển vùng công tác 4 đồng chí diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

Để có nguồn vốn đầu tư, Ban Thường vụ đã cho chủ trương năm 2003 cắt giảm 50% kinh phí mua sắm trang bị, phương tiện đất tiền, xây dựng trụ sở làm việc để tập trung một số khu kinh tế trọng điểm, thu hút đầu tư, tạo nguồn thu cho ngân sách.

Bảo đảm chế độ thông tin theo quy định tới các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Ban Chấp hành.

Nét mới trong chỉ đạo điều hành năm 2002 là khẩn trương phê duyệt các đề án, giao kế hoạch năm sớm ngay từ cuối năm trước. Ban hành cơ chế, chính sách, tăng cường phân công các đồng chí Thường vụ là chủ nhiệm các đề án, chương trình kiểm tra; tăng cường đi kiểm tra cơ sở, nắm và giải quyết tình hình; tuyên truyền, gặp mặt các doanh nghiệp trong, ngoài nước để hiểu Lào Cai và đến hợp tác đầu tư với Lào Cai.

Tiếp tục bổ sung, ban hành và hoàn chỉnh 11 nhóm cơ chế, chính sách địa phương, hằng năm dành tới gần 30 tỷ đồng từ ngân sách địa phương để tác động vào khâu thúc đẩy thực hiện nhiệm vụ chính trị đã có tác dụng tốt, tạo lòng tin của nhân dân nhất là vùng khó khăn vào sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

Tuy nhiên, nguyên tắc tập trung dân chủ, năng lực điều hành, công tác cán bộ và quy hoạch cán bộ ở một số đồng chí Ban Chấp hành, một số ngành, đơn vị, địa phương chưa được quan tâm đúng mức. (Năm 2002 tỉnh đã chỉ đạo nghiêm túc kiểm điểm, rút kinh nghiệm 6 đơn vị, nay có chuyển biến tốt).

2. Về đạo đức lối sống

Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Ban Chấp hành đã tỏ rõ bản lĩnh chính trị, quan điểm lập trường giai cấp, không mơ hồ, dao động trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, khu vực và trong nước. Có nhận thức đúng đắn và sâu sắc về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định theo con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, tạo được sự nhất trí cao về ý chí và hành động.

Giữ gìn và phát huy tốt phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh, trung thực, giản dị, chưa có biểu hiện lợi dụng chức quyền để vụ lợi cá nhân, gán bó với quần chúng, tận tụy với công việc. Để thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX, Ban Thường vụ có chủ trương trong việc cưới, tang phù hợp với điều kiện của tỉnh trước hết các đồng chí trong Ban Thường vụ, Ban Chấp hành phải gương mẫu thực hiện. Đến nay được dư luận xã hội hoan nghênh và triển khai có hiệu quả. Luôn nêu cao vai trò trách nhiệm tiên phong trong công tác, gương mẫu và nghiêm túc thực hiện có hiệu quả chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, chương trình hành động và các đề án của Đảng bộ tỉnh. Nhìn chung các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Ban Chấp hành đều có ý thức tổ chức kỷ luật cao, thường xuyên chăm lo vì lợi ích tập thể, chưa có biểu hiện tham ô; tích cực đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, khắc phục mọi khó khăn, đoàn kết nội bộ, từng bước trưởng thành trong cơ chế mới, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Ban Chấp hành được phân công phụ trách huyện, thị, ngành, ban đều có ý thức không ngừng phấn đấu, rèn luyện nâng cao kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn, thể hiện khá rõ năng lực lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, phần lớn đảm đương được nhiệm vụ phân công trên từng lĩnh vực công tác góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

3. Nguyên nhân của những kết quả và tồn tại

a) Nguyên nhân kết quả đạt được:

- Về khách quan: Là một tỉnh vùng cao, biên giới được sự quan tâm giúp đỡ có hiệu quả của các ban, bộ, ngành Trung ương về chủ trương, cơ chế, kinh nghiệm và trong việc đầu tư vốn, khoa học - kỹ thuật... đồng thời sự phát triển của tỉnh nằm trong mối quan hệ chung của đất nước đang trên đường đổi mới, mở rộng quan hệ đối ngoại hợp tác kinh tế với các nước, các tổ chức quốc tế.

- Về chủ quan:

Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ đã vận dụng đúng đắn, sáng tạo Nghị quyết Đại hội IX của Đảng vào điều kiện thực tế của tỉnh, xác định được mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm thực hiện trong từng thời gian cụ thể.

Thực hiện tốt việc đoàn kết thống nhất và nguyên tắc tập trung dân chủ, đồng thời phát huy tính tích cực sáng tạo của cá nhân và tập thể, tinh thần lao động cần cù sáng tạo của nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Đổi mới phương thức lãnh đạo, thực hiện đúng quy chế, phân công trách nhiệm rõ ràng, giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh, tuyên truyền và nhân rộng điển hình tiên tiến, ngăn chặn kịp thời những tiêu cực.

Làm tốt công tác đánh giá, luân chuyển cán bộ nên đã tạo được động lực mới.

Làm tốt công tác phân xếp loại hàng năm, tăng thêm sức phấn đấu của các đảng bộ.

+ Tranh thủ được sự lãnh đạo của Trung ương, ủng hộ của các bộ, ban, ngành Trung ương và của các tỉnh trong cả nước.

+ Làm tốt công tác kiểm tra kịp thời uốn nắn những sai phạm trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị.

b) Nguyên nhân yếu kém:

Nguyên nhân khách quan: Là một tỉnh vùng cao, biên giới có điểm xuất phát thấp. Nhận thức của nhân dân về các lĩnh vực nhất là phát triển kinh tế hàng hóa theo cơ chế thị trường còn hạn chế, cơ sở hạ tầng còn khó khăn.

Nguyên nhân chủ quan: Công tác chỉ đạo, điều hành của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ở một số ngành, huyện, thị chưa thật sự chủ động và đổi mới phong cách chỉ đạo, tư tưởng y lại, trông chờ ở một số cán bộ làm ảnh hưởng tới hiệu quả công việc. Công tác tổ chức cán bộ ở một số nơi chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới; một số đề án triển khai còn chậm; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở chuyển biến chưa mạnh.

4. Đánh giá chung

Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã hoàn thành tốt vai trò lãnh đạo có nhiều cố gắng triển khai các nhiệm vụ chính trị, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, thể hiện được tính tích cực, chủ động đổi mới trong phương pháp, nội dung lãnh đạo, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trên các lĩnh vực; năng động, quán triệt, cụ thể hóa kịp thời các nghị quyết của Trung ương, vận dụng trên địa bàn, có chương trình hành động, mục tiêu, giải pháp, bước đi và phân công cụ thể để nghị quyết đi vào cuộc sống. Qua một năm thực hiện đã phát hiện, điều chỉnh sửa tên các đề án, ban hành và điều chỉnh cơ chế chính sách để điều hành có hiệu quả, làm chuyển biến tình hình theo hướng tích cực; Ban Thường vụ, Ban Chấp hành sớm xác định chương trình, đề án làm cơ sở cho các đảng bộ trực thuộc xây dựng chương trình hành động; Ban Thường vụ, Ban Chấp hành thể hiện tính năng động, quyết đoán, dám chịu trách nhiệm. Tập thể Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực đoàn kết thống nhất cao, quan hệ và lễ lối làm việc giữa Thường trực Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân với Ban Thường vụ, Ban Chấp hành được thực hiện nghiêm túc theo đúng quy chế. Đã làm tốt công tác kiểm tra trong đó rất quan tâm đến cơ sở, tạo chuyển biến rõ nét. Vì vậy, tất cả nhiệm vụ chính trị, chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội của hơn 2 năm qua đều hoàn thành vượt mức, có mặt tăng nhiều so với cùng kỳ năm trước. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên, tạo không khí phấn khởi, quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ năm 2003 và những năm tiếp theo.

5. Kết quả phân xếp loại các đồng chí cấp ủy tỉnh

Đảng viên đủ tư cách, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Năm 2001 là 4, năm 2002 là 44; đảng viên đủ tư cách, hoàn thành nhiệm vụ: năm 2003 là 2, năm 2004 là 1; đảng viên đủ tư cách, không hoàn thành nhiệm vụ là 0.

NHIỆM VỤ LÃNH ĐẠO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH TỪ NAY TỚI HẾT NHIỆM KỲ (2005)

A. NHIỆM VỤ CHUNG: Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo để hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu Đại hội Đảng bộ khóa XII đã đề ra ngay từ đầu khóa

B. NHIỆM VỤ CỤ THỂ TRỌNG TÂM

1. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục chính, trị tư tưởng

- Tăng cường công tác giáo dục lý luận chính trị, nghiên cứu học tập tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Triển khai nghị quyết giữa nhiệm kỳ Đại hội IX và Đại hội XII của Đảng bộ tỉnh bằng biện pháp và chương trình hành động thiết thực, phù hợp với đặc thù từng địa bàn.

2. Trên lĩnh vực kinh tế - xã hội

Lãnh đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên các lĩnh vực ngành, thành phần và địa bàn... tập trung chuyển dịch cơ cấu đầu tư, cơ cấu lao động nhằm khai thác có hiệu quả lợi thế so sánh của tỉnh, tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ; tạo điều kiện khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển theo hướng hàng hóa tập trung giải quyết việc làm và nâng cao trình độ, tay nghề và kinh nghiệm cho người lao động trên các lĩnh vực.

- Tiếp tục rà soát bổ sung quy hoạch, dự án, thực hiện có hiệu quả các chương trình đề án của tỉnh đã đề ra. Tập trung quy hoạch

sắp xếp dân cư gắn xây dựng cơ sở hạ tầng một cách đồng bộ từng bước làm thay đổi rõ bộ mặt nông thôn, nông nghiệp và nông dân, đẩy nhanh tốc độ xóa đói, giảm nghèo. Cơ bản định cư định canh cho đồng bào các dân tộc.

- Tập trung đầu tư, khai thác có hiệu quả các khu công nghiệp địa phương, kinh tế cửa khẩu, du lịch, tăng nguồn thu cho ngân sách.

- Làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, y tế, văn hóa thể dục thể thao; chăm lo nâng cao đời sống cho gia đình và đối tượng chính sách... xây dựng lối sống lành mạnh văn minh trong lễ hội, cưới và tang lễ, chỉ đạo có hiệu quả cai nghiện ma túy ba giai đoạn, cải tạo các phong tục tập quán lạc hậu.

- Đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Phong trào tự quản trong cộng đồng”.

3. Về công tác an ninh - quân sự

- Tiếp tục lãnh đạo thực hiện hiệu quả Nghị quyết 08 của Bộ Chính trị về công tác tư pháp trong tình hình mới.

- Tập trung củng cố toàn diện ở 38 xã yếu, khó khăn, ngăn chặn và giảm số người theo đạo trái phép, cơ bản không còn di dân tự do, tạo sự chuyển rõ về kinh tế - xã hội và xây dựng hệ thống chính trị.

- Thường xuyên nắm chắc diễn biến cơ sở, kịp thời giải quyết những vấn đề mới nảy sinh, giải quyết đơn thư, không để dây dưa, khiếu kiện đông người và không để xảy ra điểm nóng.

- Xây dựng và củng cố tốt khu vực phòng thủ tỉnh, huyện gắn quốc phòng an ninh với kinh tế.

- Thực hiện tốt đường lối đối ngoại trong vai trò “cầu nối” với vùng Tây Nam - Trung Quốc... tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư của các đối tác trong và ngoài nước đến Lào Cai.

4. Về công tác xây dựng Đảng

- Tiếp tục đổi mới công tác đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng và công tác quy hoạch cán bộ nắm vững các quan điểm, phương pháp tổ chức

quản lý, nâng cao chế độ trách nhiệm, tiếp tục, luân chuyển, tăng cường cán bộ. Tập trung đào tạo cán bộ, đặc biệt là cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ nữ ở cơ sở, chuẩn bị tốt công tác nhân sự đại hội Đảng các cấp, trước mắt nhân sự trong bầu cử các cơ quan chính quyền các cấp (nhiệm kỳ 2004 - 2009).

- Thực hiện có hiệu quả chương trình kiểm tra toàn khóa của Đảng bộ.

- Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của từng tổ chức cơ sở đảng cũng như vai trò lãnh đạo đối với chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể theo hướng gần dân, sát cơ sở nghe được dân nói, nói cho dân hiểu, làm cho dân tin.

5. Về đạo đức lối sống

Từng đồng chí Ban Chấp hành phải luôn tự tin, rèn luyện cho mình có tư cách đạo đức, phong cách lối sống lành mạnh, thực hiện tốt phê bình, tự phê bình trong Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII. Luôn gương mẫu, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Đoàn kết, tránh cục bộ, bè phái, thực hành tiết kiệm, chống tham ô lãng phí, gấn bó mật thiết với dân, giáo dục gia đình, bản thân gương mẫu nơi cư trú trong việc chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước các cấp, có tín nhiệm với nhân dân.

6. Về tổ chức chỉ đạo điều hành

- Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng; tăng cường, phân cấp cho cơ sở; tiếp tục ban hành, bổ sung điều chỉnh những cơ chế chính sách để thực hiện có hiệu quả 27 chương trình, đề án, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề. Tập trung lãnh đạo điều hành tốt phương châm: “Huyện năng động, cơ sở tự chủ”.

- Phát huy dân chủ trong Đảng, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, bảo đảm nghiêm túc quy chế làm việc, phát huy vai trò tập thể lãnh đạo cá nhân phụ trách.

Làm tốt các nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo trọng tâm trên là góp phần hoàn thành thắng lợi mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, tạo khí thế, tiền đề cho Đại hội Đảng bộ khóa XIII (2005-2010) nhằm xây dựng tỉnh Lào Cai có bước phát triển toàn diện trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và sự nghiệp đổi mới do Đảng ta lãnh đạo.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỦ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 122-BC/TU, ngày 10-10-2003

Về tình hình thực hiện quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa IX

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban Kiểm tra Trung ương tại Công văn số 1590-CV/KTTW, ngày 27-8-2003 về việc báo cáo tình hình thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa IX, Tỉnh ủy Lào Cai tổng hợp báo cáo như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CỦA TỈNH ỦY VÀ ỦY BAN KIỂM TRA TỈNH ỦY ĐỐI VỚI QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG KHÓA IX

1. Quán triệt quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và chỉ đạo ban hành quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra các cấp trong Đảng bộ

a) Về quán triệt quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Để thực hiện Kế hoạch số 23-KH/KTTW, ngày 27-9-2001 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai đã xây dựng Kế hoạch số 09-KH/ TU, ngày 30-10-2001 chỉ đạo việc quán triệt quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Theo kế hoạch của Tỉnh ủy, các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã được quán triệt nhanh về nội dung quy chế làm việc của Ủy ban

Kiểm tra Trung ương tại Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ tư vào tháng 10-2001 và ngày 31-10-2001 Tỉnh ủy đã mở Hội nghị quán triệt quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, tham gia bổ sung, sửa đổi quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, nhiệm kỳ 2000-2005. Hội nghị này có 130 đại biểu, với các thành phần: Bí thư hoặc Phó Bí thư Thường trực; Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, Trưởng ban Tổ chức, Chánh Văn phòng các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy; Bí thư các Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn; các ủy viên, chuyên viên Ủy ban Kiểm tra và Văn phòng Tỉnh ủy.

Sau hội nghị ở Tỉnh ủy, đến cuối tháng 1-2002 tất cả 16 (nay là 15) huyện, thị, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy đã tổ chức triển khai quán triệt quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Thành phần hội nghị ở cấp huyện, thị, đảng ủy trực thuộc là các đồng chí ủy viên Ban Chấp hành, các ủy viên và cán bộ Ủy ban Kiểm tra huyện, thị, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, các đồng chí là bí thư hoặc phó bí thư các chi, đảng bộ và chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra đảng ủy cơ sở. Việc quán triệt quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương được triển khai ở cấp huyện, thị, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy có nhiều đơn vị làm tốt với thời gian triển khai sớm, thành phần được triệu tập tham dự đầy đủ, như: thị xã Lào Cai, Đảng ủy Quân sự, Công an tỉnh, huyện Sa Pa, Bảo Thắng, Bảo Yên,...

Đối với tổ chức đảng cơ sở: Sau hội nghị triển khai quán triệt ở cấp huyện, thị, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, đến hết tháng 4-2002 tất cả 569 tổ chức cơ sở đảng (100%) đã tiến hành triển khai quán triệt xong quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Thành phần được quán triệt gồm: các đồng chí ủy viên Ban Chấp hành chi, đảng bộ, các đồng chí ủy viên Ủy ban Kiểm tra, cán bộ làm công tác kiểm tra của các tổ chức đảng cơ sở.

Trong việc tổ chức nghiên cứu, quán triệt quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương tại Đảng bộ tỉnh Lào Cai đã được thực hiện nghiêm túc, thời gian hoàn thành sớm hơn so với kế hoạch của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, số tổ chức đảng được quán triệt, nghiên

cứu chiếm tỷ lệ cao. Qua nghiên cứu, quán triệt nội dung quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã nâng nhận thức của tổ chức đảng, của Ủy ban Kiểm tra các cấp và cán bộ làm công tác kiểm tra thấy rõ vai trò quan trọng của việc xây dựng, ban hành quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra các cấp chính là cụ thể hóa việc thực hiện chương VII, Chương VIII của Điều lệ Đảng và các nguyên tắc tổ chức và mối quan hệ trong Đảng.

Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức nghiên cứu, quán triệt quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương tại một số tổ chức đảng chưa đáp ứng yêu cầu thời gian trong kế hoạch chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; nội dung quán triệt chưa sâu (chủ yếu đọc tài liệu); nhiều cấp ủy Ủy ban Kiểm tra cơ sở chưa tự triển khai được việc nghiên cứu, học tập mà phải nhờ cấp trên truyền đạt giúp nên làm chậm tiến độ triển khai chung và chưa kịp thời báo cáo kết quả triển khai, quán triệt gây ảnh hưởng cho việc tổng hợp báo cáo chung.

b. Về xây dựng và ban hành quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra.

Trên cơ sở sự chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương tại các nhiệm kỳ trước Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX; Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy đã tham mưu cho Tỉnh ủy và có ý kiến chỉ đạo Ủy ban Kiểm tra các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tham mưu giúp cấp ủy cùng cấp xây dựng, ban hành quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra cấp mình ngay sau đại hội đảng bộ. Do đó cả 16 (nay là 15) Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy đã sớm ban hành có quy chế làm việc nhiệm kỳ 2000-2005 của Ủy ban Kiểm tra huyện, thị, đảng ủy trực thuộc. Đồng thời Ủy ban Kiểm tra các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy cũng đã tham mưu và giúp cấp ủy chỉ đạo các tổ chức đảng cấp dưới xây dựng, ban hành quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra đảng ủy cơ sở ngay sau đại hội Đảng cơ sở.

Sau khi được quán triệt nội dung quy chế làm việc và kế hoạch chỉ đạo của Ủy ban Kiểm tra Trung ương; Ủy ban Kiểm tra các cấp đã tham mưu cho cấp ủy cùng cấp sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra cấp mình cho phù hợp quy định của Điều lệ Đảng

và hướng dẫn của Trung ương khóa IX. Tất cả các Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy và 94,9% đảng ủy cơ sở đã bổ sung, sửa đổi hoặc xây dựng, ban hành quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra cấp mình cho phù hợp với Điều lệ Đảng và tình hình, đặc điểm của địa phương, đơn vị. Riêng đối với cấp tỉnh, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy đã tham mưu Tỉnh ủy ra Quyết định số 212-QĐ/TU, ngày 18-2-2002 ban hành quy chế sửa đổi, bổ sung thay thế cho quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy khóa XII (nhiệm kỳ 2000- 2005) được ban hành kèm theo Quyết định số 110-QĐ/TU, ngày 3-5-2001 của Tỉnh ủy

Nhìn chung, Ủy ban Kiểm tra các cấp đã tham mưu cho cấp ủy xây dựng, ban hành quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra cùng cấp; trong đó tỉnh và tất cả huyện, thị, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy đều xây dựng được quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra cấp mình. Việc ban hành quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra cơ bản do cấp Ủy ban hành, không có trường hợp do Ban Thường vụ cấp ủy ban hành. Nội dung quy chế nhìn chung được sửa đổi bổ sung phù hợp quy định của Điều lệ Đảng khóa IX và hướng dẫn của Trung ương, sát với thực tiễn ở từng cấp và từng cơ sở. Tuy nhiên, ở một số cấp ủy cơ sở ban hành quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra cấp mình còn khuôn dập theo quy chế của cấp trên dẫn đến thiếu tính phù hợp với tình hình, đặc điểm của cơ sở mình. Cá biệt một số đảng ủy cơ sở việc ban hành quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra do chính Ủy ban Kiểm tra ban hành nên hạn chế hiệu quả của việc chấp hành quy chế.

c) Nguyên nhân, ưu, khuyết điểm trong việc quán triệt quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và việc xây dựng ban hành quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra các cấp trong tỉnh.

Nguyên nhân ưu điểm:

- Ban Bí thư và Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng đã sớm có kế hoạch chỉ đạo các cấp ủy đảng về việc tổ chức triển khai quán triệt quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong toàn Đảng.

- Tỉnh ủy Lào Cai có nhận thức đúng về nguyên tắc tổ chức trong Đảng: Cấp dưới phục tùng cấp trên và toàn Đảng chấp hành sự lãnh

đạo của Ban Chấp hành Trung ương. Do đó khi có kế hoạch chỉ đạo của Trung ương thì Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã kịp thời đề ra kế hoạch chỉ đạo tổ chức đảng các cấp triển khai thực hiện quán triệt quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương với yêu cầu thời gian sớm hơn so với kế hoạch của Trung ương. Ủy ban Kiểm tra các cấp trong tỉnh ý thức trách nhiệm cao nên đã tham mưu kịp thời với cấp ủy chỉ đạo quán triệt quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và bổ sung, sửa đổi hoặc ban hành mới quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra cấp mình.

Nguyên nhân khuyết điểm:

- Do đặc điểm vùng cao dân cư phân tán, đi lại khó khăn, nhiều tổ chức đảng và đảng viên nông thôn nên việc tập trung một hội nghị thường phải gắn với nhiều nội dung.

- Trình độ nhận thức ở cơ sở còn nhiều hạn chế, phần lớn chưa tự truyền đạt được phải chờ đợi cấp trên giúp đỡ triển khai nên một số tổ chức đảng cơ sở thực hiện chưa đáp ứng yêu cầu thời gian trong kế hoạch của Tỉnh ủy; nội dung quán triệt chưa sâu; xây dựng quy chế thiếu tính sáng tạo phù hợp với cơ sở mình hoặc việc ban hành quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra chưa đúng thẩm quyền theo hướng dẫn của Trung ương.

2. Tình hình thực hiện quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương

a) Đối với cấp ủy:

Để thực hiện Điều 9 Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, số 07-QĐ/TW do Ban Chấp hành Trung ương ban hành ngày 22-8-2001, Tỉnh ủy Lào Cai đã chấp hành và chỉ đạo các cấp ủy trực thuộc chấp hành nghiêm túc các hướng dẫn của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ủy ban Kiểm tra Trung ương về công tác kiểm tra, kỷ luật trong Đảng. Sau đại hội nhiệm kỳ, đầu năm 2001 cùng với việc ban hành quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra, Tỉnh ủy đã xây dựng và chỉ đạo các cấp ủy xây dựng chương trình công tác kiểm tra của cấp

ủy, nhiệm kỳ 2000- 2005. Trong đó, Tỉnh ủy đã xây dựng chương trình kiểm tra số 03- CT/TU, ngày 3-5-2001 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XII nhiệm kỳ 2000-2005 với định hướng kiểm tra khá toàn diện trên các lĩnh vực: Chính trị tư tưởng; triển khai thực hiện chương trình hoạt động toàn khóa của Ban Chấp hành và công tác xây dựng Đảng, củng cố hệ thống chính trị. Trong chương trình kiểm tra của Tỉnh ủy đã đề ra trong nhiệm kỳ sẽ kiểm tra toàn diện từ 5 đến 7 Đảng bộ trực thuộc và kiểm tra chuyên đề đối với một số đảng bộ, cấp ủy viên thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, các cấp ủy trong Đảng bộ tỉnh đã phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương và tự kiểm tra theo sự chỉ đạo của Trung ương tại các Kế hoạch kiểm tra số 01, 02 năm 2002; số 04 năm 2003 của Ban Bí thư Trung ương về kiểm tra việc lãnh đạo thực hiện giải quyết tố cáo, khiếu nại của công dân; việc thực hiện quy định những điều đảng viên không được làm và việc lãnh đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đạt kết quả đáp ứng yêu cầu của Ban Bí thư Trung ương. Tỉnh ủy Lào Cai cũng đã chấp hành nghiêm túc cuộc kiểm tra của Ủy ban Kiểm tra Trung ương đối với công tác tài chính đảng tại Tỉnh ủy năm 2002. Ngoài ra, trong hơn nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng bộ tỉnh, các cấp ủy trong toàn tỉnh đã tự tiến hành 828 cuộc kiểm tra của cấp ủy; trong đó kiểm tra toàn diện 263 cuộc và kiểm tra chuyên đề theo từng lĩnh vực, từng nhóm nội dung 565 cuộc. Riêng đối với Tỉnh ủy đã tiến hành kiểm tra 7 cuộc; trong đó kiểm tra toàn diện tại 3 đảng bộ (Văn Bàn, Bắc Hà, Mường Khương) và kiểm tra theo chuyên đề 4 cuộc với các nội dung: Lãnh đạo thực hiện việc thu hút đầu tư xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu; xóa đói, giảm nghèo; phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở; công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt cơ sở. Đây là những cuộc kiểm tra thể hiện việc thực hiện nghiêm túc Điều 30 Điều lệ Đảng và Chỉ thị số 29-CT/TW, ngày 14-2-1998 của Bộ

Chính trị Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII về “Tăng cường công tác kiểm tra của Đảng”.

Đối với các quyết định, kết luận, thông báo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và đặc biệt là kết luận của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về kết quả cuộc kiểm tra công tác tài chính của Tỉnh ủy năm 2002 được Ban Thường vụ Tỉnh ủy nghiêm túc rút kinh nghiệm và ra thông báo yêu cầu các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc nghiêm túc sửa chữa, khắc phục. Đồng thời Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao cho Văn phòng Tỉnh ủy đã thu hồi các khoản chi sai chế độ và tạm ứng tồn đọng lâu ngày được Ủy ban Kiểm tra Trung ương kết luận; giao Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chỉ đạo Ủy ban Kiểm tra các cấp trong tỉnh tăng cường kiểm tra việc quản lý, sử dụng ngân sách đảng của cấp ủy cấp dưới và cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp theo quy định của Điều lệ Đảng.

Về việc xây dựng, kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ kiểm tra đã được Tỉnh ủy quan tâm đúng mức. Tại đại hội nhiệm kỳ của Đảng bộ các cấp, tổ chức bộ máy Ủy ban Kiểm tra các cấp được kiện toàn từ cấp Tỉnh ủy đến các đảng ủy cơ sở với tổng số toàn tỉnh có 157 Ủy ban Kiểm tra và 526 ủy viên Ủy ban Kiểm tra; trong đó có 141 Ủy ban Kiểm tra và 434 thành viên Ủy ban Kiểm tra cấp đảng ủy cơ sở. Trong hơn nửa nhiệm kỳ qua, do yêu cầu nhiệm vụ của từng đảng bộ có sự thay đổi về thành viên Ủy ban Kiểm tra đã được cấp ủy kịp thời bổ sung thay thế. Chất lượng đội ngũ cán bộ kiểm tra ở cấp tỉnh và huyện, thị, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy có trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ kiểm tra; ở cấp cơ sở còn nhiều hạn chế về trình độ, năng lực và nhất là phương pháp thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra và công tác tham mưu cho cấp ủy thực hiện nhiệm vụ kiểm tra của tổ chức đảng.

- Các báo cáo thường kỳ, báo cáo kết quả cuộc kiểm tra của cấp ủy, báo cáo về công tác tổ chức, cán bộ Ủy ban Kiểm tra (theo phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ) và báo cáo quyết toán về tài chính đã được Tỉnh ủy chấp hành nghiêm túc chế độ báo cáo với Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Tóm lại, Tỉnh ủy Lào Cai đã thực hiện nghiêm túc các nội dung trong quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương; đặc biệt là những nội dung được quy định tại Điều 9 của bản quy chế về mối quan hệ công tác của Ủy ban Kiểm tra Trung ương với các cấp ủy trực thuộc Trung ương.

b) Đối với Ủy ban Kiểm tra:

Theo quy định của Điều lệ Đảng và quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương; Ủy ban Kiểm tra các cấp trong tỉnh Lào Cai đã chấp hành nghiêm túc sự chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về công tác kiểm tra của Đảng bộ. Ngay từ đầu nhiệm kỳ, Ủy ban Kiểm tra đã xây dựng chương trình kiểm tra toàn khóa và từng năm căn cứ tình hình nhiệm vụ cụ thể đã xây dựng nội dung, chương trình kiểm tra để làm căn cứ chỉ đạo thực hiện. Các hoạt động của Ủy ban Kiểm tra các cấp trong tỉnh đã bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ sở và sự chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Từ năm 2001 đến nay, Ủy ban Kiểm tra các cấp trong tỉnh đã tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đạt các kết quả khái quát như sau:

Kiểm tra 37 tổ chức cơ sở đảng, 401 đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm (có 113 cấp ủy viên các cấp). Kết quả kiểm tra đã kết luận 23 tổ chức đảng, 357 đảng viên có vi phạm; trong đó có 6 tổ chức đảng và 212 đảng viên vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật.

Giải quyết theo thẩm quyền đối với 3 tổ chức đảng, 130 đảng viên bị tố cáo. Kết quả giải quyết kết luận 2 tổ chức đảng có sai phạm nhưng chưa đến mức cần phải thi hành kỷ luật; 53 trường hợp đảng viên có vi phạm, trong đó phải thi hành kỷ luật 40 đảng viên.

- Ủy ban Kiểm tra các cấp đã xem xét đề nghị cấp ủy quyết định thi hành kỷ luật đối với 6 tổ chức đảng; quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp ủy quyết định thi hành kỷ luật 382 đảng viên; xem xét, giải quyết theo thẩm quyền đối với 100% đơn thư khiếu nại về kỷ luật Đảng của đảng viên với kết quả nâng hình thức kỷ luật đối với 2 trường hợp và chuẩn y 25 trường hợp.

- Công tác kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng được Ủy ban Kiểm tra các cấp quan tâm, chú trọng thực hiện. Nửa nhiệm kỳ qua Ủy ban Kiểm tra các cấp đã tiến hành kiểm tra 614 tổ chức đảng cấp dưới về thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và 41 tổ chức đảng về việc thi hành kỷ luật trong Đảng. Kết quả kiểm tra kết luận nhìn chung các tổ chức đảng cấp dưới đã thực hiện khá tốt nhiệm vụ kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng; một số sai sót khuyết điểm chủ yếu về quy trình tiến hành đã được kịp thời chấn chỉnh, rút kinh nghiệm. Đây là một nội dung được Ủy ban Kiểm tra các cấp trong tỉnh rất quan tâm, vì qua đó là một hình thức trực tiếp bồi dưỡng nhận thức và phương pháp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra cho cấp ủy và Ủy ban Kiểm tra cấp dưới.

- Ủy ban Kiểm tra các cấp trong toàn tỉnh cũng đã tiến hành 12 cuộc kiểm tra đối với công tác tài chính của cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp và cấp dưới; thực hiện 536 cuộc kiểm tra việc thu nộp, quản lý và sử dụng đảng phí. Kết quả kiểm tra, kết luận các tổ chức đảng được kiểm tra cơ bản chấp hành đúng nguyên tắc, chế độ thu, chi tài chính, quản lý tài sản trong cơ quan Đảng; một số thiếu sót, khuyết điểm chưa đến mức cần xem xét, xử lý kỷ luật đã được chấn chỉnh, uốn nắn, truy thu ở 216 đảng viên với số tiền đảng phí nộp chưa đúng tỷ lệ quy định là 11.439.000 đồng.

- Công tác kiện toàn tổ chức, cán bộ Ủy ban Kiểm tra các cấp và bồi dưỡng nghiệp vụ công tác kiểm tra đã được cấp ủy, Ủy ban Kiểm tra các cấp quan tâm. Các Ủy ban Kiểm tra huyện, thị, đảng ủy trực thuộc đã bầu đủ các thành viên Ủy ban Kiểm tra theo quy định và trong nửa nhiệm kỳ qua do có sự thay đổi về công tác cán bộ nên đã thay đổi, bổ sung 13 thành viên của 10 đơn vị Ủy ban Kiểm tra các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; trong đó có 4 chủ nhiệm, 3 phó chủ nhiệm. Tổ chức mở được 41 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác kiểm tra cho 1.579 lượt cấp ủy viên và cán bộ làm công tác kiểm tra ở các cấp; trong đó Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy đã phối hợp với Trường Chính trị tỉnh mở được 3 lớp với số học viên 174 đồng chí làm công tác

kiểm tra ở các cơ sở và gửi Trung ương bồi dưỡng một lớp nghiệp vụ đối với 12 học viên là chủ nhiệm, phó chủ nhiệm và ủy viên Ủy ban Kiểm tra các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy.

Chấp hành tốt báo cáo định kỳ tháng, 6 tháng, một năm và báo cáo đột xuất theo quy định của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và báo cáo tuần, tháng, quý theo yêu cầu của cấp ủy đáp ứng công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng.

Tóm lại, trong nửa nhiệm kỳ qua, Ủy ban Kiểm tra các cấp của tỉnh Lào Cai đã thực hiện tốt vai trò tham mưu và thực hiện các nhiệm vụ công tác kiểm tra được cấp ủy giao; đồng thời đã tổ chức thực hiện toàn diện các nhiệm vụ do Điều lệ Đảng quy định. Tuy nhiên còn một số mặt hạn chế là: Công tác kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, nhất là việc kiểm tra đối với tổ chức đảng có dấu hiệu vi phạm chưa được nhiều do hạn chế việc phát hiện dấu hiệu vi phạm; kiểm tra hoạt động tài chính của cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp đã có bước tiến bộ, nhưng vẫn còn hạn chế do còn có biểu hiện e ngại hoặc cơ bản đã nắm được việc sử dụng kinh phí đảng của cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp không có vấn đề gì lớn nên ít tiến hành việc kiểm tra. Đây là những hạn chế cần được khắc phục để đưa hoạt động kiểm tra của Ủy ban Kiểm tra các cấp thực hiện đồng đều các nhiệm vụ và trở thành thường xuyên, nền nếp.

c) Đối với cán bộ, đảng viên:

Sau hội nghị triển khai ở cấp huyện, thị, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy và hội nghị ở Đảng ủy cơ sở, các tổ chức đảng trong toàn tỉnh đã tổ chức quán triệt quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương đến toàn thể các đảng viên theo Kế hoạch chỉ đạo số 09-KH/TU, ngày 30-10-2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy với tỷ lệ đảng viên được nghiên cứu, học tập là 92,46%. Trong đó, đơn vị có số đảng viên được quán triệt học tập quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương đạt tỷ lệ thấp nhất (huyện mới chia tách) là 80% tổng số đảng viên trong đảng bộ toàn huyện; một số đơn vị có 100% số đảng viên dự nghiên cứu, quán triệt quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, như: Đảng bộ Công an tỉnh, Đảng bộ huyện Bảo Yên và nhiều

Đảng bộ có tỷ lệ từ 92% đến 99% đảng viên được học tập, nghiên cứu về quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương như: Đảng ủy Quân sự tỉnh, Huyện ủy Bát Xát, Sa Pa, Mường Khương và Đảng ủy Khối các cơ quan Dân, Chính, Đảng. Đây là vấn đề về ý thức và tinh thần nghiêm túc, cố gắng của một Đảng bộ có nhiều tổ chức cơ sở đảng vùng cao, đặc biệt khó khăn trong việc nghiên cứu, quán triệt quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa IX.

Thực hiện sự chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương; các tổ chức đảng và đảng viên được chọn làm điểm kiểm tra đã chấp hành nghiêm túc kế hoạch và Kết luận kiểm tra 01, 02 năm 2002, Kế hoạch 04 năm 2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng kiểm tra về công tác lãnh đạo giải quyết đơn thư tố cáo, khiếu nại, về thực hiện những điều đảng viên không được làm và về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Đồng thời tất cả các tổ chức đảng trong toàn tỉnh đã tự kiểm tra đánh giá nghiêm túc những vấn đề theo kế hoạch chỉ đạo của Trung ương và của Tỉnh ủy.

Từ đầu nhiệm kỳ đến nay chưa thấy có tố cáo đồng chí lãnh đạo nào của tỉnh thuộc diện Trung ương quản lý, do đó chưa có cơ sở đánh giá việc chấp hành quy định về giải quyết tố cáo đối với cán bộ, đảng viên được quy định trong quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Đối với các đảng viên khi được yêu cầu đã nghiêm túc chấp hành việc báo cáo tình hình, cung cấp tài liệu về những vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm tra; đồng thời thực hiện nghiêm các quyết định, kết luận, thông báo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC HIỆN QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG

1. Đối với cấp ủy

Nhận thức rõ công tác kiểm tra là một nhiệm vụ quan trọng trong công tác xây dựng Đảng và việc thực hiện quy chế làm việc của Ủy ban

Kiểm tra Trung ương là cụ thể hóa vấn đề chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương trong lĩnh vực công tác kiểm tra và kỷ luật Đảng được quy định tại Chương VII, Chương VIII của Điều lệ Đảng và các văn bản hướng dẫn của Trung ương nên ngay từ đầu nhiệm kỳ các cấp ủy đã xây dựng được nội dung, chương trình kiểm tra toàn khóa của từng cấp ủy trong tỉnh. Sau khi quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương được ban hành và tổ chức thực hiện, các cấp ủy đã kịp thời bổ sung nội dung quy chế kiểm tra của cấp mình cho phù hợp với hướng dẫn của Trung ương theo kế hoạch chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Qua nửa nhiệm kỳ tổ chức thực hiện, cấp ủy và tổ chức đảng các cấp đã chấp hành nghiêm túc sự chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ủy ban Kiểm tra Trung ương về công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng. Nhiều cấp ủy, nhất là cấp tỉnh và huyện, thị đã cụ thể hóa nhiệm vụ kiểm tra bằng những nội dung thiết thực ở Đảng bộ mình. Đồng thời đã phối hợp với các đoàn kiểm tra của Trung ương, của tỉnh thực hiện tốt nội dung các cuộc kiểm tra theo chương trình và kế hoạch; chấp hành nghiêm túc thông báo của Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương về các nội dung qua kiểm tra được Trung ương kết luận; thực hiện tốt chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất với Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương về những vấn đề trong công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật.

2. Đối với Ủy ban Kiểm tra

Ủy ban Kiểm tra các cấp trong Đảng bộ tỉnh đã nêu cao ý thức trách nhiệm và vai trò tham mưu cho cấp ủy trong công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng. Do đó công tác kiểm tra kỷ luật ở các tổ chức đảng được sự quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo của cấp ủy cùng cấp.

Thực hiện sự chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, trong nửa nhiệm kỳ Đại hội IX của Đảng, Ủy ban Kiểm tra các cấp thuộc Đảng bộ tỉnh Lào Cai đã quán triệt và tổ chức thực hiện tương đối toàn diện, có hiệu quả đối với các nhiệm vụ trong công tác kiểm tra, kỷ luật Đảng được quy định tại Điều 32 Điều lệ Đảng

khóa IX và thực hiện đúng các nội dung Quy định tại Điều 10 Quy chế làm việc số 07-QĐ/TW, ngày 22-8-2001 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Mặt khác các Ủy ban Kiểm tra đã thường xuyên tham mưu với cấp ủy để kiện toàn bổ sung đội ngũ cán bộ và tích cực phối kết hợp mở được nhiều lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho nhiều lượt cấp ủy viên và cán bộ làm công tác kiểm tra ở các cấp cơ bản đáp ứng nhiệm vụ được giao.

Tuy nhiên, hoạt động của một số Ủy ban Kiểm tra, nhất là cấp ủy cơ sở chưa thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ kiểm tra, còn lúng túng về phương pháp phát hiện dấu hiệu vi phạm và cách tiến hành một cuộc kiểm tra,... do đó hiệu quả kiểm tra có mặt còn hạn chế.

3. Đối với cán bộ, đảng viên

Các nội dung được quy định trong quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã được triển khai quán triệt đến toàn thể đảng viên. Do đó các cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ tỉnh đã chấp hành nghiêm túc sự chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra của Ủy ban Kiểm tra cấp trên và của Ủy ban Kiểm tra Trung ương; nghiêm túc báo cáo tình hình, cung cấp trung thực các tài liệu về những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra khi được yêu cầu; thực hiện tốt các quyết định, kết luận, thông báo của Trung ương về công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật. Nhìn chung các cán bộ, đảng viên ý thức được công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng là nhằm mục đích giáo dục rèn luyện đảng viên nên có thái độ nghiêm túc tiếp thu phê bình và sửa chữa sai phạm, khuyết điểm.

Tóm lại, trong hơn hai năm qua cấp ủy, Ủy ban Kiểm tra các cấp và cán bộ, đảng viên thuộc Đảng bộ tỉnh Lào Cai đã thực hiện nghiêm túc nội dung quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, không để xảy ra những vi phạm cần phải xem xét, xử lý trách nhiệm.

III. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Về phương thức phối hợp thực hiện quy chế: Đề nghị Ủy ban Kiểm tra Trung ương nghiên cứu bỏ yêu cầu báo cáo tháng để quy

định báo cáo quý, 6 tháng và một năm cho phù hợp với yêu cầu báo cáo của cấp ủy (trừ báo cáo đột xuất theo yêu cầu).

2. Đề nghị Ủy ban Kiểm tra Trung ương nghiên cứu quy định có sơ kết việc thực hiện quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra trong từng thời gian ngắn hơn (2 năm hoặc 3 năm, hoặc giữa nhiệm kỳ 5 năm) để kịp thời rút kinh nghiệm những việc, những nơi làm tốt và chưa tốt trong thực hiện quy chế.

3. Trong hội nghị sơ kết, tổng kết việc thực hiện quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra nên có cả thành phần là Thường trực của cấp ủy.

Trên đây là báo cáo của Tỉnh ủy Lào Cai về tình hình thực hiện quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa I) từ năm 2001 đến nay.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 18-CT/TU, ngày 10-10-2003

Về việc triển khai phát hành trái phiếu Chính phủ trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Phát hành trái phiếu Chính phủ trong giai đoạn 2003- 2010 là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước nhằm phát huy nội lực, huy động các nguồn lực của nhân dân cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Nguồn thu từ trái phiếu Chính phủ được sử dụng để đầu tư cho một số công trình giao thông, thủy lợi quan trọng của đất nước, trong đó có đường quốc lộ 4 và 70 đi qua địa bàn tỉnh Lào Cai.

Thực hiện Chỉ thị số 28-CT/TW, ngày 24-9-2003 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 414/2003/NQ-UBTVQH11, ngày 28-9-2003 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 182/2003-QĐ/TTg, ngày 5-9-2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phát hành trái phiếu Chính phủ để đầu tư xây dựng một số công trình giao thông, thủy lợi quan trọng của đất nước; tham gia mua trái phiếu Chính phủ là thể hiện sự chăm lo phát triển sự nghiệp giao thông, thủy lợi, phát triển kinh tế - xã hội, góp phần xóa đói, giảm nghèo, Tỉnh ủy Lào Cai yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời xây dựng kế hoạch, giao nhiệm vụ cụ thể triển khai việc mua trái phiếu Chính phủ tới từng cơ quan, đơn vị, huyện, thị xã; đồng thời có biện pháp tuyên truyền sâu rộng

trong nhân dân về mục đích, ý nghĩa và lợi ích của việc thực hiện chủ trương này, vận động mọi công dân Việt Nam, người nước ngoài cư trú tại Lào Cai - Việt Nam, các tổ chức kinh tế - xã hội trong và ngoài nước sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Lào Cai tham gia mua trái phiếu Chính phủ.

Tỉnh Lào Cai là một trong những địa phương có công trình được đầu tư từ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ. Vì vậy, càng phải tích cực hưởng ứng cuộc vận động chính trị rộng lớn này của Đảng và Nhà nước, phấn đấu mua vượt mức chỉ tiêu kế hoạch do Thủ tướng Chính phủ giao.

2. Các cấp ủy, tổ chức đảng các cấp trong toàn Đảng bộ phải tổ chức quán triệt tới từng đảng viên chủ trương này. Cán bộ, đảng viên tùy theo điều kiện và khả năng cụ thể của mình, gương mẫu trong việc mua trái phiếu Chính phủ.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo các cơ quan văn hóa, báo, đài của địa phương tuyên truyền kịp thời, sâu, rộng tới tất cả các tổ chức kinh tế - xã hội, các tầng lớp nhân dân về mục đích, ý nghĩa của việc tham gia mua trái phiếu Chính phủ.

4. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai, đoàn thể quần chúng, các tổ chức xã hội lấy việc thi đua mua trái phiếu Chính phủ làm một nội dung sinh hoạt quan trọng trong công tác vận động quần chúng của mình; qua mỗi năm cần có đánh giá, rút kinh nghiệm và kịp thời biểu dương những điển hình tiên tiến.

5. Ủy ban nhân dân tỉnh phát động phong trào thi đua và tổ chức tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm khen thưởng những tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc vận động và thực hiện mua trái phiếu Chính phủ.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY

Số 831-TB/TU, ngày 13-10-2003

Về việc thành lập tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Thị ủy Lào Cai

Ngày 13-10-2003, Thường trực Tỉnh ủy họp giao ban với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh dưới sự chủ trì của đồng chí Giàng Seo Phử, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh. Cùng dự có: đồng chí Đặng Quốc Lộng, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng chí Hà Ngọc Đông, Ủy viên Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Sau khi nghe và thảo luận một nội dung do Văn phòng Tỉnh ủy trình, Thường trực Tỉnh ủy thống nhất kết luận như sau:

Đồng ý với đề nghị của Thị ủy Lào Cai tại Công văn số 176-CV/TU, ngày 7-10-2003 về việc thành lập tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Thị ủy.

Thị ủy Lào Cai chỉ đạo thực hiện đúng quy định, hướng dẫn về thành lập tổ chức cơ sở đảng và các tổ chức chính trị - xã hội tại Công ty liên doanh khách sạn quốc tế Lào Cai theo đúng quy định hiện hành.

Thừa lệnh Ban Thường vụ, Văn phòng Tỉnh ủy thông báo để cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan biết và tổ chức thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**CHÁNH VĂN PHÒNG
PHẠM NGỌC THẮNG**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 19-CT/TU, ngày 23-10-2003

**Về lãnh đạo tổ chức “Ngày hội đoàn kết dân tộc”
ở khu dân cư nhân kỷ niệm 73 năm ngày thành lập
Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam
(18-11-1930 – 18-11-2003)**

Trong những năm qua, thực hiện đường lối đổi mới do Đảng ta đề xướng và lãnh đạo, Mặt trận Tổ quốc các cấp trong tỉnh, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy, chính quyền, đã có nhiều đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động theo hướng “gần dân sát cơ sở”, phát huy rộng rãi tinh thần đoàn kết dân tộc, động viên và huy động được nguồn lực to lớn trong các tầng lớp nhân dân, xứng đáng là lực lượng tiên phong trong phong trào phát huy đại đoàn kết toàn dân và đã thu được nhiều kết quả thắng lợi, góp phần to lớn xây dựng tỉnh Lào Cai giàu mạnh.

Để tiếp tục phát huy truyền thống của Mặt trận Tổ quốc các cấp trong tỉnh, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Trung ương 7 khóa IX và chương trình hành động thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy; triển khai thực hiện tốt Thông tri số 10-TT/MTTW, ngày 4-8-2003 của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về tổ chức “Ngày hội đoàn kết dân tộc” ở khu dân cư nhân dịp kỷ niệm 73 năm ngày thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam (18-11-2003), Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể

và đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau đây:

1. Chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền cho kỷ niệm 73 năm ngày thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam (18-11-1930 - 18-11-2003) và thông tri nói trên của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về tổ chức “Ngày hội đoàn kết dân tộc” thông qua đó để tiếp tục quán triệt sâu sắc trong các tầng lớp nhân dân các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nói chung và chính sách về đại đoàn kết dân tộc nói riêng, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 7 khóa IX về phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc vì “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, về truyền thống đoàn kết thương yêu đùm bọc lẫn nhau của dân tộc ta, quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về “Lấy dân làm gốc” “Lấy sức dân mà xây dựng cuộc sống cho dân” và 6 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở năm 2003 của tỉnh.

2. Chỉ đạo tổ chức tốt “Ngày hội đoàn kết dân tộc” năm 2003 tập trung ở khu dân cư theo đúng sự chỉ đạo của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tại thông tư nói trên; yêu cầu Mặt trận Tổ quốc các cấp chuẩn bị chu đáo các nội dung, điều kiện để tổ chức ngày hội có hiệu quả thiết thực, qua đó rút kinh nghiệm cho tổ chức thành nền nếp thường xuyên hàng năm.

3. Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh có kế hoạch chuẩn bị và hướng dẫn Mặt trận Tổ quốc các cấp triển khai thực hiện chủ trương của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; phối hợp với các huyện, thị, đảng đoàn, đảng ủy các cấp thống nhất việc tổ chức thực hiện chỉ thị này trên cơ sở bảo đảm nguyên tắc của Đảng và quy định của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Hướng dẫn Mặt trận Tổ quốc các cấp cơ sở tổ chức phát động các phong trào thi đua yêu nước, phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương, tham gia xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, lập thành tích chào mừng kỷ niệm 73 năm ngày thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao Ban Dân vận - Dân tộc Tỉnh ủy và Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh trực tiếp chỉ đạo thực hiện và tổ chức kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này ở cơ sở, thường xuyên báo cáo kết quả về Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 20-CT/TU, ngày 24-10-2003

Về việc tổ chức Hội thi Bí thư chi bộ giỏi

Nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các chi bộ và tổ chức cơ sở đảng; góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII; trong những năm qua, một số cấp ủy huyện trong tỉnh đã chủ động đề ra chủ trương và chỉ đạo tổ chức Hội thi Bí thư chi bộ giỏi cấp cơ sở và huyện. Đến nay đã có 3 huyện là Bảo Thắng, Than Uyên và Bát Xát tổ chức thành công Hội thi Bí thư chi bộ giỏi đã có kết quả và kinh nghiệm bước đầu tạo khí thế học tập, thi đua sôi nổi trong toàn Đảng bộ, góp phần nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên.

Tuy nhiên, việc tổ chức Hội thi Bí thư chi bộ giỏi là một công việc mới, chưa có sự chỉ đạo hướng dẫn của cấp Trung ương, tỉnh nên việc tổ chức thực hiện ở các huyện trong thời gian qua nói chung còn lúng túng về nội dung, hình thức, quy mô, đối tượng dự thi... Có nơi tổ chức thi chung cho tất cả các loại hình tổ chức cơ sở đảng, nên các đồng chí bí thư thuộc các xã vùng cao ít có cơ hội lọt vào vòng trong, nhiều nội dung tổ chức thi cùng một lúc, chủ đề của Hội thi bị phân tán... Hệ thống câu hỏi và đáp án nhìn chung chưa bám sát nhiệm vụ của Đảng bộ. Nội dung các câu hỏi phần lớn chỉ đề cập đến một số vấn đề đơn thuần về nghiệp vụ công tác đảng, chưa chú trọng đưa ra những câu hỏi nhằm giải quyết mối quan hệ giữa cấp ủy, bí thư chi bộ với

trưởng thôn, bản, tổ trưởng dân phố, các đoàn thể chính trị xã hội ở cơ sở cũng như những vấn đề bức xúc, những tình huống thường xảy ra ở địa phương cần có sự chỉ đạo trực tiếp, chính xác, nhanh chóng của các chi, đảng bộ xã.

Thực hiện Hướng dẫn số 19-HD/BTCTW, ngày 2-9-2003 của Ban Tổ chức Trung ương về việc tổ chức Hội thi Bí thư chi bộ giỏi; rút kinh nghiệm tổ chức Hội thi Bí thư chi bộ giỏi mà các huyện đã tiến hành trong thời gian vừa qua, để tổ chức tốt các cuộc thi bí thư chi bộ giỏi hai cấp cơ sở và huyện, thị trong tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu Ban Thường vụ các huyện, thị ủy tiến hành một số công việc sau đây:

1. Tổ chức quán triệt thống nhất về chủ trương, xây dựng kế hoạch, xác định rõ mục đích, yêu cầu, nội dung, hình thức, biện pháp để chỉ đạo và trực tiếp tổ chức Hội thi Bí thư chi bộ giỏi cấp cơ sở và huyện, thị.

2. Đối tượng dự thi là các đồng chí bí thư chi bộ khu dân cư, tổ dân phố, thôn, bản thuộc Đảng bộ cơ sở xã, phường, thị trấn và các đồng chí bí thư chi bộ xã; Những chi bộ có người tham gia dự thi phải là những chi bộ không thuộc diện yếu kém; thí sinh dự thi phải là đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trên cơ sở kinh nghiệm tổ chức Hội thi ở loại hình xã, phường, thị trấn, từng bước mở rộng đối tượng đối với các chi bộ trực thuộc loại hình khác.

3. Thành lập Ban chỉ đạo, Ban giám khảo, Ban thư ký và Tổ dẫn chương trình ở mỗi cấp; phân công nhiệm vụ cho các cơ quan chức năng hướng dẫn việc xây dựng quy chế, biên soạn đề thi, đáp án, chuẩn bị tài liệu... phục vụ cho Hội thi

4. Kinh phí tổ chức Hội thi được trích từ nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ và khen thưởng hằng năm do ngân sách địa phương chi. Đối với những cơ sở có khó khăn về kinh phí thì cấp trên cần hỗ trợ.

5. Những huyện, thị đã tổ chức Hội thi Bí thư chi bộ giỏi trong thời gian qua như: Bảo Thắng, Than Uyên, Bát Xát thì không phải tổ

chức thi đợt này mà chỉ rút kinh nghiệm, tổng hợp kết quả báo cáo về Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy)

6. Làm tốt công tác tổ chức, bảo đảm vật chất cần thiết cho Hội thi; tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để cuộc thi thực sự trở thành ngày hội của những người làm công tác đảng. Qua đó học tập, trao đổi kinh nghiệm nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên.

7. Qua hội thi mỗi huyện, thị chọn 1 đồng chí đạt giải nhất của cuộc thi tham gia tọa đàm bí thư chi bộ giỏi cấp tỉnh.

8. Thời gian tiến hành Hội thi Bí thư chi bộ giỏi cấp cơ sở hoàn thành trước ngày 31-12-2003; cấp huyện, thị ngày 28-2-2004 và dự kiến tọa đàm bí thư chi bộ giỏi cấp tỉnh tổ chức vào dịp kỷ niệm 114 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5-2004).

9. Giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện ở các huyện, thị và báo cáo kết quả cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO

KẾT LUẬN CỦA THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY

Số 848-TB/TU, ngày 28-10-2003

**Tại cuộc họp với Ban Điều hành Chương trình
trồng mới 5 triệu ha rừng Lào Cai Ban Chỉ đạo,
Tổ chuyên viên giúp việc thực hiện rà soát - xây dựng
đề án tổng quan lâm nghiệp và các dự án 661 cơ sở**

Ngày 27-10-2003, Thường trực Tỉnh ủy đã họp với Ban Điều hành Chương trình trồng mới 5 triệu ha rừng Lào Cai, Ban chỉ đạo, Tổ chuyên viên giúp việc thực hiện rà soát - xây dựng đề án tổng quan lâm nghiệp và các dự án 661 cơ sở, xây dựng ý kiến đóng góp cho chiến lược phát triển lâm nghiệp bền vững cho các tỉnh miền núi biên giới phía Bắc. Đồng chí Nguyễn Đức Thăng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, chủ trì cuộc họp; cùng dự có đồng chí Đặng Quốc Lộng, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Sau khi nghe ý kiến thảo luận của các đồng chí dự họp, đồng chí Nguyễn Đức Thăng yêu cầu các đơn vị làm tốt một số việc sau:

1. Đề xuất bằng văn bản các giải pháp, chính sách có tính “đột phá” để phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững, gắn với chương trình xóa đói, giảm nghèo cho nhân dân các dân tộc vùng có rừng bảo đảm đời sống cho nhân dân ngày càng phát triển theo một số nội dung cụ thể sau:

- Công tác quy hoạch phát triển rừng, chiến lược phát triển lâm nghiệp tập trung cho vùng có nhiều rừng, rừng phòng hộ, đặc dụng và rừng biên giới. Đề xuất định mức suất đầu tư cho xây dựng cơ bản lâm sinh trên cơ sở người tham gia sản xuất lâm nghiệp bảo đảm cuộc sống từ nghề rừng.

- Đề xuất các chính sách thu hút đầu tư, lãi suất ngân hàng cho phát triển rừng và chính sách hưởng lợi đối với người làm rừng, các chính sách ưu đãi cán bộ lâm nghiệp.

- Góp ý cho các văn bản quy định trách nhiệm của các cấp chính quyền trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển. Đề xuất các mô hình tổ chức sản xuất lâm nghiệp tập thể, các tổ chức dịch vụ cung cấp và tiêu thụ sản phẩm lâm nghiệp.

2. Giao cho mỗi đơn vị chọn hai xã đặc biệt khó khăn để triển khai công tác điều tra, lấy ý kiến của nhân dân về:

- Các biện pháp, chính sách phát triển kinh tế rừng.

- Phát triển các mô hình sản xuất trang trại nói chung và trang trại lâm nghiệp nói riêng.

- Các thủ tục giao đất, giao rừng, Khoán khoán nuôi bảo vệ rừng. Định mức giao đất nông nghiệp, lâm nghiệp, vườn tạp và khoán vùng sản xuất nương rẫy ổn định

- Các biện pháp phát triển kinh tế tổng hợp.

Phân công cụ thể như sau:

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn điều tra 2 xã của huyện Bắc Hà.

Sở Tài nguyên và Môi trường điều tra 2 xã của huyện Bát Xát.

Chi cục Kiểm lâm nhân dân điều tra 2 xã của huyện Mường Khương.

Vườn quốc gia Hoàng Liên điều tra 2 xã của huyện Sa Pa.

Yêu cầu các ý kiến tham gia và báo cáo kết quả điều tra gửi về Văn phòng Tỉnh ủy trước ngày 10-11-2003 để tổng hợp, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ VĂN PHÒNG

PHẠM VĂN LIÊN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 123-BC/TU, ngày 30-10-2003

**Về kết quả 2 năm thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW,
ngày 25-1-2002 của Bộ Chính trị về việc
luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý**

Căn cứ Công văn số 3421-CV/TCTW, ngày 16-10-2003 của Ban Tổ chức Trung ương về việc báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 25-1-2002 của Bộ Chính trị về luân chuyển cán bộ lãnh đạo quản lý, Tỉnh ủy Lào Cai xin báo cáo như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 11-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

1. Tổ chức thực hiện

Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương, xác định công tác luân chuyển cán bộ có ý nghĩa rất quan trọng, là một trong những khâu đột phá, có tính chiến lược trong công tác cán bộ, nhằm bảo đảm thực hiện chủ trương đào tạo, bồi dưỡng, toàn diện và sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, tạo điều kiện cho cán bộ trẻ có triển vọng, cán bộ trong quy hoạch được rèn luyện trong thực tiễn, tạo nguồn cán bộ lâu dài cho địa phương, khắc phục tình trạng cục bộ trong công tác cán bộ khép kín trong từng ngành, từng địa phương, từng đơn vị; căn cứ vào chương trình công tác toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XII,

nhiệm kỳ 2000 - 2005 đã được thông qua ngày 29-3-2001, ngày 4-12-2001 Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai Ban hành Nghị quyết 10-NQ/TU về luân chuyển, tăng cường cán bộ đi huyện, xã tỉnh Lào Cai.

Sau khi được quán triệt, nghiên cứu Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 4-12-2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Nghị quyết 11-NQ/TW, ngày 25-1-2002 của Bộ Chính trị về việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xác định đây là chủ trương lớn, phải được tổ chức học tập, quán triệt sâu sắc nghị quyết tới các cấp ủy, cán bộ, đảng viên và quần chúng; Tỉnh ủy thành lập Ban chỉ đạo luân chuyển, tăng cường cán bộ tỉnh gồm 11 đồng chí do đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy làm Trưởng ban, giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức triển khai thực hiện.

Sau khi có Nghị quyết 10-NQ/TU, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 23/2002-QĐ/UB, ngày 18-1-2002 để cụ thể hóa nghị quyết về luân chuyển, tăng cường cán bộ đi huyện, xã. Đồng thời quy định rõ chính sách, chế độ đối với cán bộ luân chuyển, tăng cường cơ sở.

Thực hiện nghị quyết về luân chuyển, tăng cường cán bộ, từ tỉnh tới huyện đều thành lập Ban chỉ đạo, ở tỉnh phân công đồng chí Phó Bí thư Thường trực làm Trưởng ban; các huyện, thị do đồng chí Bí thư huyện, thị trực tiếp làm Trưởng ban và tổ chức quán triệt học tập Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 4-12-2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 25-1-2002 của Bộ Chính trị tới các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, bí thư các chi, đảng bộ trực thuộc, chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong huyện, thị. Qua đó các cấp, các ngành từ tỉnh, huyện, thị đến cơ sở đã nhận thức rõ mục đích, yêu cầu, nguyên tắc và quan điểm chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về luân chuyển công tác cán bộ, thấy rõ sự cần thiết của việc luân chuyển cán bộ.

Song song với mở hội nghị quán triệt nghị quyết, đã tiến hành rà soát, khảo sát nắm tình hình đội ngũ cán bộ xã và đội ngũ cán bộ,

công chức các phòng, ban của huyện, thị, cán bộ lãnh đạo các sở, ban, ngành tỉnh, đánh giá cán bộ để lựa chọn cán bộ luân chuyển bảo đảm đúng đối tượng, tiêu chuẩn.

Trong 2 năm, Lào Cai đã thực hiện tốt Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 4-12-2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, nhất là sau khi có Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 25-1-2002 của Bộ Chính trị, các cấp, các ngành đã nhận thức đúng ý nghĩa quan trọng của việc luân chuyển, tăng cường cán bộ nên đã tổ chức triển khai ở đơn vị, địa phương mình một cách nghiêm túc.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tiến hành tổ chức Hội nghị sơ kết 1 năm thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 4-12-2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý, đánh giá tình hình, kết quả đã đạt được, rút kinh nghiệm, đề ra nhiệm vụ và các giải pháp trong thời gian tới.

2. Kết quả thực hiện Nghị quyết 11-NQ/TW

- Luân chuyển cán bộ từ tỉnh về cơ quan Trung ương: 3 đồng chí.
- Luân chuyển cán bộ từ tỉnh về huyện: 3 đồng chí (trong đó luân chuyển từ Khối Nhà nước sang Khối Đảng: 1 đồng chí).
- Luân chuyển từ tỉnh về cơ sở xã, phường, thị trấn: 26 đồng chí (trong đó luân chuyển từ Khối Dân, Đảng sang Khối Nhà nước: 4 đồng chí; luân chuyển từ Khối Nhà nước sang Khối Dân, Đảng: 8 đồng chí).
- Luân chuyển từ huyện về tỉnh: 3 đồng chí (trong đó luân chuyển từ Khối Đảng sang Khối Nhà nước: 1 đồng chí)
- Luân chuyển từ huyện về cơ sở xã, phường, thị trấn: 46 đồng chí (trong đó luân chuyển từ Khối Dân, Đảng sang Khối Nhà nước: 5 đồng chí; luân chuyển từ Khối Nhà nước sang Khối Dân, Đảng: 12 đồng chí).

3. Ý nghĩa và kết quả thực hiện luân chuyển cán bộ

Khắc phục được tình trạng khép kín, cục bộ, thiếu đồng bộ trong công tác cán bộ ở từng ngành, lĩnh vực, từng địa phương, tạo tính tích cực chủ động hoàn thành nhiệm vụ.

- Nhằm tạo môi trường thuận lợi để cán bộ phấn đấu, rèn luyện, phát huy khả năng và kiến thức để nâng cao hiệu quả công tác

- Đào tạo bồi dưỡng, tạo nguồn trong hệ thống chính trị các cấp nhất là cán bộ cơ sở.

- Thực hiện quy hoạch cán bộ phục vụ yêu cầu trước mắt, lâu dài, khắc phục tình trạng thiếu cán bộ và những yếu kém hiện nay.

Thực hiện tốt công tác luân chuyển cán bộ góp phần tích cực, từng bước điều chỉnh việc bố trí cán bộ hợp lý hơn, tăng cường cán bộ cho những nơi có nhu cầu cấp bách, đẩy mạnh việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, tạo điều kiện để rèn luyện, bồi dưỡng, thử thách cán bộ trong diện quy hoạch, nhất là cán bộ trẻ có triển vọng, giúp cán bộ trưởng thành nhanh hơn và toàn diện, vững vàng hơn đáp ứng nhu cầu cán bộ trước mắt và lâu dài của toàn bộ hệ thống chính trị, của các cấp, các ngành, các lực lượng vũ trang. Qua 2 năm thực hiện luân chuyển cán bộ, với những kết quả đạt được đã khẳng định đây là một chủ trương lớn, đúng đắn và kịp thời. Luân chuyển cán bộ tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ, được bồi dưỡng, rèn luyện thử thách, sớm trưởng thành, là nguồn cán bộ lãnh đạo kế cận trong hệ thống chính trị, nên được đa số cán bộ, đảng viên đồng tình, một số đồng chí được điều động, luân chuyển từ tỉnh về huyện và ngược lại bước đầu đã thích ứng với công việc và trưởng thành trên cương vị công tác mới. Đặc biệt là các đồng chí luân chuyển về cơ sở xã, phường, thị trấn, mặc dù bước đầu gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, nhưng đã vượt qua khó khăn, nhanh chóng tiếp cận với tình hình cơ sở, được cán bộ và nhân dân địa phương tin tưởng ủng hộ. Ở những nơi có cán bộ luân chuyển đã có sự chuyển biến tích cực: Cơ cấu kinh tế bước đầu có sự chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, nhân dân biết áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, đưa giống cây, con có năng suất, giá trị kinh tế cao và sản xuất, tỷ lệ đói, nghèo giảm, đời sống văn hóa và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở có nhiều tiến bộ. Trong 2 năm toàn tỉnh đã cử được gần 700 cán bộ đi đào tạo bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và lý luận chính trị, ngoài ra còn hàng trăm đồng chí học văn hóa.

4. Kinh nghiệm

- Để thực hiện tốt công tác luân chuyển cán bộ trước hết cần tổ chức quán triệt đầy đủ nghị quyết tới các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, tạo sự thống nhất cao về nhận thức, tư tưởng đối với việc luân chuyển cán bộ (trước khi đưa, cán bộ luân chuyển xuống cơ sở, Tỉnh ủy đã có cuộc gặp mặt với Bí thư, Chủ tịch huyện, thị và các xã có cán bộ luân chuyển).

Cần có sự chỉ đạo thống nhất theo quy trình từ Ban chỉ đạo cấp tỉnh đến các huyện, thị xã. Luân chuyển cán bộ thực hiện trên cơ sở đánh giá, quy hoạch cán bộ, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ; lựa chọn những cán bộ trẻ tuổi, có triển vọng, có đủ phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn và theo khả năng cho phù hợp.

Phải giao cương vị chủ chốt cho cán bộ được luân chuyển để phát huy vai trò, trách nhiệm cá nhân.

- Định kỳ 6 tháng, 1 năm tổ chức gặp mặt, sơ kết rút kinh nghiệm.

Tồn tại:

- Một số đồng chí cán bộ luân chuyển, đặc biệt là cán bộ luân chuyển về cơ sở còn tư tưởng nóng vội, phong cách làm việc máy móc, chậm hòa nhập với địa phương. Một số nơi cán bộ cơ sở còn có biểu hiện ỷ lại, đùn đẩy công việc cho cán bộ luân chuyển. Do vậy có lúc sự phối hợp giữa cán bộ luân chuyển và cán bộ cơ sở xã chưa thật tốt.

- Một số đồng chí luân chuyển về xã do chưa biết tiếng địa phương nên còn gặp nhiều khó khăn trong công tác.

- Một số đồng chí xuống cơ sở do chưa bố trí được chức danh Đảng, chính quyền, nên phát huy kết quả còn hạn chế.

II. NHỮNG NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

- Tiếp tục quán triệt sâu sắc Nghị quyết 11-NQ/TW, đối với Lào Cai đã được cụ thể hóa bằng Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 4-12-2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về luân chuyển cán bộ đi huyện, xã. Coi đây là việc làm thường xuyên và phải luôn chủ động làm tốt các quy

trình, trong đó đặc biệt quan tâm khâu lựa chọn cán bộ và tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ ở cơ sở.

- Trên cơ sở quy hoạch cán bộ, tiếp tục rà soát đội ngũ cán bộ huyện, tỉnh, luân chuyển một số đồng chí trưởng, phó ban Đảng, đoàn thể, giám đốc, phó giám đốc sở và tương đương về làm Bí thư, Chủ tịch các huyện, thị; luân chuyển một số đồng chí Bí thư, Chủ tịch huyện, thị lên làm trưởng, phó các ban Đảng, giám đốc, phó giám đốc các sở, ban, ngành của tỉnh (Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã dự kiến Kế hoạch số 29-KH/TU, ngày 3-10-2003 về luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý năm 2003-2005)

- Tiếp tục điều chỉnh một số nội dung trong Quyết định số 23/2002/QĐ-UB, ngày 18-1-2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chế độ phụ cấp đối với cán bộ luân chuyển, tăng cường cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay, nhằm khuyến khích động viên cán bộ luân chuyển hoàn thành tốt nhiệm vụ.

III. KIẾN NGHỊ

Đề nghị Trung ương nghiên cứu xây dựng chế độ, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho công tác luân chuyển cán bộ như: Xây dựng và thực hiện chế độ nhà công vụ, để tạo điều kiện sinh hoạt, làm việc thuận lợi cho cán bộ được điều động từ nơi khác đến địa phương công tác; chính sách hỗ trợ đối với các đồng chí được luân chuyển công tác; trợ cấp khó khăn ban đầu hoặc trợ cấp thường xuyên cho cán bộ được điều động đến công tác ở những nơi thuộc vùng sâu, vùng xa, biên giới đặc biệt khó khăn, vùng kinh tế chậm phát triển.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA HỘI NGHỊ BAN CHẤP HÀNH
ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XII

Số 852-TB/TU, ngày 31-10-2003

Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ XII đã được tổ chức trong 2 ngày, từ ngày 28 đến 29-10-2003. Đồng chí Nguyễn Đức Thăng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy chủ trì, phát biểu khai mạc và bế mạc Hội nghị.

Với tinh thần làm việc khẩn trương, nghiêm túc, trách nhiệm cao, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ XII đã phát huy dân chủ và trí tuệ tập thể, thảo luận và quyết định các vấn đề sau:

1. Thông qua báo cáo kết quả thực hiện Đề án quy hoạch sắp xếp dân cư các xã vùng cao, biên giới và các xã đặc biệt khó khăn

Hội nghị đánh giá: Từ năm 2001 đến nay, các cấp ủy, chính quyền các cấp và các ngành đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo bố trí sắp xếp dân cư, góp phần ổn định sản xuất và sinh hoạt của một bộ phận nhân dân vùng cao, biên giới, vùng thiên tai nguy hiểm. Với sự cố gắng trên, đến năm 2005 chúng ta sẽ hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ của đề án.

Tuy nhiên, chất lượng quy hoạch các điểm dân cư mới ở một số nơi chưa phù hợp với thực tế. Việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở những nơi tái định cư chưa đồng bộ. Kết hợp giữa ngành chuyên môn và cấp ủy, chính quyền xã và ý kiến của nhân dân trong

việc sắp xếp ổn định dân cư chưa được thực hiện tốt. Những chính sách hỗ trợ khi thu hồi đất nương rẫy chưa được xử lý vốn thuộc chương trình Trung ương đã bố trí không đủ theo kế hoạch, tỉnh đã rất cố gắng nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của đề án. Việc lồng ghép các chương trình chưa chặt chẽ. Nhìn chung, đời sống của nhân dân ở những nơi tái định cư còn rất khó khăn; chưa tạo được nhiều điểm dân cư theo mô hình làng, bản dân cư mới gắn với việc xây dựng hệ thống giao thông liên thôn, bản và các trung tâm cụm xã, các vùng sản xuất hàng hóa. Một số điểm dân cư ở theo trục quốc lộ, tỉnh lộ còn vi phạm chỉ giới, hành lang an toàn giao thông; các cơ quan chức năng và chính quyền cơ sở cần quan tâm sớm khắc phục tình trạng trên.

Yêu cầu các huyện, thị và các ngành của tỉnh cần phối hợp chặt chẽ và có các biện pháp khắc phục những tồn tại về sắp xếp và ổn định dân cư trong thời gian qua. Đồng thời, triển khai đầy đủ các quan điểm mới của Trung ương, của tỉnh về sắp xếp ổn định dân cư vùng cao, biên giới, trong đó cần thực hiện tốt quy định hỗ trợ đất nương rẫy khi thu hồi để giải quyết cho nhân dân ở các điểm dân cư mới. Khi xây dựng khu tái định cư phải thực hiện các biện pháp đồng bộ theo các quyết định của Chính phủ và chủ trương của tỉnh (Quyết định 186, 120, 190 của Chính phủ). Huyện kết hợp với các cơ quan được phân công giúp đỡ các xã 135 chỉ đạo các xã chủ động rà soát, bổ sung quy hoạch sản xuất, quy hoạch dân cư. Thông qua phương thức của Quy chế dân chủ ở cơ sở để thực hiện việc sắp xếp lại dân cư ở những địa bàn hiện đang thiếu đất sản xuất, dân ở phân tán thành các làng, bản, tụ điểm dân cư thuận lợi về giao thông và việc phát triển sản xuất, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho công tác an ninh, quốc phòng nhằm xây dựng các điểm dân cư an toàn, đoàn kết và phát triển.

2. Về kết quả thực hiện Đề án phát triển giao thông

Hội nghị thống nhất đánh giá: Việc thực hiện Đề án phát triển giao thông trong hơn 2 năm qua trên địa bàn tỉnh đạt được nhiều kết

quả. Các ngành, các địa phương, các doanh nghiệp và nhân dân các dân tộc đã có nhiều cố gắng trong chỉ đạo, thi công xây dựng các tuyến đường giao thông từng bước đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn mới. Đặc biệt là chương trình làm đường giao thông nông thôn đã được thực hiện theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, nhân dân làm là chính, Nhà nước hỗ trợ một phần, đã huy động được nguồn lực trong nhân dân.

Tuy nhiên, hội nghị yêu cầu trong thời gian tới cần nâng cao hơn nữa chất lượng các dự án đầu tư xây dựng đường giao thông (khảo sát, lập dự án, thiết kế kỹ thuật, dự toán), tránh tình trạng phải điều chỉnh dự án nhiều lần. Các cơ quan chức năng phải tiếp tục ban hành các cơ chế, quy định nhằm bảo đảm nhanh việc giải phóng mặt bằng, tái định cư, tạo việc làm cho nhân dân... khắc phục tình trạng khiếu kiện ở những nơi có đầu tư xây dựng cơ bản nói chung. Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục ban hành một số cơ chế, chính sách mới tranh thủ tối đa nguồn vốn của bộ, ngành Trung ương, các tổ chức quốc tế để phát triển giao thông. Đồng thời, phải cân đối nguồn vốn, có kế hoạch đầu tư phù hợp để không nợ quá lớn gây khó khăn cho các nhà đầu tư và làm ảnh hưởng đến lợi ích của người lao động... Phải tập trung huy động cao hơn nữa sự đóng góp của nhân dân từ khâu tham gia thực hiện dự án, quản lý đến khai thác các công trình giao thông nông thôn phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng...

Tỉnh chủ động xây dựng kế hoạch cùng các ngành Trung ương triển khai các dự án giao thông lớn như: xây dựng tuyến giao thông hành lang Côn Minh - Lào Cai - Hải Phòng và các dự án xây dựng sân bay, cải tạo đường sắt, đường thủy, đường vành đai biên giới Việt - Trung.

3. Về kết quả thực hiện Đề án xây dựng thành phố Lào Cai

Đây là công trình trọng điểm của tỉnh trong thời gian qua và trong những năm tới. Việc triển khai thực hiện đề án đã tranh thủ được sự ủng hộ và giúp đỡ của các bộ, ngành Trung ương, được nhân dân các dân tộc đồng tình ủng hộ nên đến nay tiến độ thực hiện cơ bản đạt yêu cầu đề ra.

Trong thời gian tới cần tập trung giải quyết một số khó khăn, tồn tại sau: Tăng cường sự phối hợp của các cấp, các ngành với chính quyền xã, phường của thị xã Lào Cai. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo điều chỉnh cơ chế, chính sách trong việc giải phóng mặt bằng, việc quản lý quy hoạch chi tiết, tạo công ăn việc làm cho nhân dân, quản lý chặt chẽ nguồn vốn đầu tư theo đúng quy trình, tránh tiêu cực, tham nhũng. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh giao cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục thực hiện và ban hành một số cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền để kêu gọi đầu tư, triển khai nhanh một số dự án trọng điểm, nhất là các dự án sản xuất - kinh doanh - chế biến, các dự án đã đủ điều kiện khởi công, các công trình trọng điểm đã được Tỉnh ủy xác định tại địa bàn thị xã Lào Cai, trong đó chú ý triển khai cơ chế đổi đất lấy hạ tầng và đổi đất lấy đô thị, lựa chọn thứ tự ưu tiên các công trình để hội đủ các tiêu chí theo Nghị định 72/CP của Chính phủ để chậm nhất đến trước cuối năm 2005 được Chính phủ công nhận nâng cấp thị xã Lào Cai lên thành phố Lào Cai. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng có các giải pháp mới để cân đối vốn cho khu vực kinh tế cửa khẩu và khu đô thị mới (theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, từ năm 2004 không còn cơ chế để lại nguồn thu từ khu vực kinh tế cửa khẩu. Đây là một khó khăn rất lớn trong đầu tư xây dựng cơ bản của tỉnh ta trong những năm tới). Phải đẩy mạnh việc cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa”, tạo cơ chế thông thoáng, hấp dẫn, nhất là trong việc cấp quyền sử dụng đất, về giá đất, cấp giấy phép xây dựng, nhập hộ khẩu tại thị xã Lào Cai (trừ đối tượng cấm cư trú ở thị xã biên giới) để tăng quy mô và mật độ dân số... Giảm hẳn đơn thu khiếu kiện liên quan đến đất đai, giải phóng mặt bằng ở thị xã Lào Cai và “kích cầu” để kinh tế - xã hội phát triển sôi động hơn. Chuyển dịch mạnh cơ cấu lao động trong thị xã Lào Cai theo hướng chuyển sang “thị dân” với nếp sống đô thị văn minh, trật tự và kinh tế - xã hội phát triển.

4. Về kết quả thực hiện Đề án phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Hội nghị nhất trí cao với dự thảo báo cáo và khẳng định: Trong những năm qua, nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành và của nhân dân các dân tộc về sản xuất hàng hóa có nhiều tiến bộ. Vì vậy, các hoạt động đầu tư cơ sở sản xuất mở rộng thị trường, nâng cao trình độ tổ chức quản lý và tay nghề cho công nhân đã được chú trọng. Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn hằng năm đều tăng đáng kể.

Lào Cai có nhiều lợi thế cả về nguyên liệu và thị trường để phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Tuy nhiên, đến nay, phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của tỉnh chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế. Việc triển khai thực hiện đề án ở cấp huyện và ngành của tỉnh còn lúng túng; thiếu đội ngũ cán bộ chuyên môn, tay nghề của đội ngũ công nhân chậm được nâng cao; chưa lựa chọn được mô hình sản xuất; thị trường còn nhỏ hẹp; chưa hình thành được nhiều làng nghề, nghề mới phục vụ cho quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người dân. Ban Chấp hành giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng phải tập trung vào việc cụ thể hóa đề án, có kế hoạch, bước đi cụ thể hơn để lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chiếm 19-20 % trong cơ cấu GDP trong những năm tới. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để đưa các khu công nghiệp, các dự án về khai thác chế biến Khoáng sản, thủy điện, chế biến nông, lâm sản theo hướng đầu tư dứt điểm đưa vào sản xuất, kinh doanh với công nghệ tiên tiến và sản phẩm có sức cạnh tranh trong thời kỳ hội nhập và mở cửa... Quan tâm việc đào tạo, nâng cao chất lượng và nguồn nhân lực cũng như bảo vệ môi trường sinh thái.

5. Về kết quả thực hiện Đề án phòng, chống lợi dụng hoạt động tôn giáo, truyền đạo trái phép trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Hội nghị đánh giá: Trong hơn 2 năm qua việc phòng, chống lợi dụng hoạt động tôn giáo, truyền đạo trái phép trên địa bàn tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực. Những kết quả đạt được trong thời gian qua thể hiện quyết tâm của cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ

quốc, các đoàn thể và của Ban chỉ đạo 184 các cấp. Hiện nay tình hình lợi dụng hoạt động tôn giáo, truyền đạo trái phép vẫn diễn biến phức tạp, nhất là khi các thế lực thù địch đang đẩy mạnh chiến lược “diễn biến hòa bình” lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chống phá Đảng và Nhà nước ta. Do vậy, phải tập trung việc triển khai đầy đủ các quan điểm, chủ trương và 7 nhóm giải pháp theo Kết luận số 01-KL/TU, ngày 3-7-2003 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tới từng địa bàn một cách cụ thể, nhằm loại trừ những yếu tố tiềm ẩn gây mất ổn định.

6. Về tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác 9 tháng và phương hướng nhiệm vụ công tác 3 tháng cuối năm 2003

Tuy còn những khó khăn khách quan và chủ quan và những tồn tại, nhưng nhờ phát huy truyền thống đoàn kết, tiếp tục khai thác các nguồn lực nên trong 9 tháng qua kinh tế của tỉnh tiếp tục ổn định và có mức tăng trưởng khá, GDP tăng trên 12%. Các vùng sản xuất hàng hóa đang được hình thành và phát triển.

Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng, giảm dần tỷ trọng nông, lâm nghiệp, tăng dần tỷ trọng công nghiệp, xây dựng cơ bản và dịch vụ.

Công tác xóa đói, giảm nghèo được các cấp, các ngành xác định là nhiệm vụ trọng tâm, hàng đầu và đề ra được các giải pháp tích cực, nên tỷ lệ hộ đói, nghèo giảm nhanh; 6 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở được nhân dân các dân tộc, các cấp, các ngành quyết tâm thực hiện và mang lại hiệu quả rõ rệt, tạo đà phấn đấu vượt mức toàn diện mục tiêu, nhiệm vụ của năm 2003. Các lĩnh vực xã hội được quan tâm giải quyết kịp thời, hiệu quả.

An ninh, quốc phòng được tăng cường, củng cố, an ninh biên giới được giữ vững, quan hệ đối ngoại được mở rộng. Hệ thống chính trị được đổi mới một bước theo hướng gần dân, sát cơ sở, chủ động và năng động hơn. Đội ngũ cán bộ các cấp từng bước được nâng cao trình độ mọi mặt. Công tác quy hoạch, đánh giá, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý; luân chuyển, tăng cường cán bộ các cấp được triển khai đồng bộ và có hiệu quả.

7. Hội nghị triển khai Kế hoạch số 05-KH/TW, ngày 10-9-2003 của Bộ Chính trị về kiểm tra thực hiện kết luận của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 31-KH/TU, ngày 14-10-2003 của Tỉnh ủy về kiểm tra thực hiện kết luận của Bộ Chính trị về đầu tư xây dựng và quản lý sử dụng đất đai. Triển khai thực hiện Chỉ thị số 29-TT/TW, ngày 17-10-2003 của Ban Bí thư về đổi mới đảng viên.

Những kết quả thực hiện các đề án và nhiệm vụ chính trị và kế hoạch nhà nước trong 9 tháng qua thực sự trở thành nguồn động viên, khích lệ, là tiền đề rất quan trọng để chúng ta tiếp tục thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ còn lại của năm 2003 và chặng đường tiếp theo. Trước mắt tỉnh ta vẫn còn nhiều khó khăn, thử thách đòi hỏi các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và mỗi cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân các dân tộc trong tỉnh phải quyết tâm nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu mà Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII đề ra. Ngoài những phương hướng đã được đề cập trong các báo cáo, hội nghị yêu cầu các Đảng bộ trực thuộc, các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành cần tập trung làm tốt một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

Một là, phấn đấu hoàn thành vượt mức toàn diện các nhiệm vụ của năm 2003, tạo đà thuận lợi thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ còn lại của nhiệm kỳ

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII và kế hoạch 5 năm 2000 - 2005 (...) Trước mắt tổ chức tốt lễ kỷ niệm 53 năm Ngày giải phóng Lào Cai 1-11-1950 - 1-11-2003 và đón nhận danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang thời kỳ kháng chiến chống Pháp mà Đảng và Nhà nước phong tặng cho nhân dân và lực lượng vũ trang tỉnh Lào Cai trên tinh thần tiết kiệm, mang ý nghĩa giáo dục truyền thống cách mạng sâu sắc đối với các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thanh, thiếu niên phát huy truyền thống vẻ vang trong thời kỳ đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hai là, triển khai kết luận Hội nghị kiểm điểm giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII về các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị,

công tác quy hoạch đào tạo, luân chuyển cán bộ, chính sách cán bộ, phát triển đảng viên mới...

Ba là, tổ chức thực hiện hiệu quả các chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện các nghị quyết của Trung ương. Thực hiện tốt Kế hoạch 05-KH/TW về kiểm tra thực hiện kết luận của Bộ Chính trị về đầu tư xây dựng và quản lý sử dụng đất đai và Kế hoạch 31-KH/TU của Tỉnh ủy về kiểm tra thực hiện kết luận của Bộ Chính trị về đầu tư xây dựng và quản lý sử dụng đất đai trên địa bàn toàn tỉnh và các văn bản chỉ đạo của Trung ương đối với hệ thống chính trị của tỉnh Lào Cai.

Bốn là, chuẩn bị tốt việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2004 trên cơ sở khoa học, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, bảo đảm tính khả thi của kế hoạch.

Năm là, chuẩn bị tổng kết tình hình thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ năm 2003, đánh giá phân loại khách quan, chính xác kết quả công việc của các tổ chức trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, không chạy theo thành tích; một trong các tiêu chí cơ bản để đánh giá là hiệu quả của việc tổ chức triển khai thực hiện 6 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở của tỉnh năm 2003.

Sáu là, làm tốt công tác quy hoạch cán bộ, chuẩn bị nhân sự cho việc bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ba cấp nhiệm kỳ 2004 - 2009 theo tinh thần đổi mới và bám sát sự chỉ đạo của Trung ương và của Tỉnh ủy.

Ban Chấp hành giao cho Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với các cơ quan có liên quan tiếp thu ý kiến của các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành để hoàn chỉnh các nội dung báo cáo, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy để ban hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 126-BC/TU, ngày 4-11-2003

Về tình hình thực hiện cơ chế quản lý tài chính đảng từ năm 1998 đến năm 2003

Thực hiện Công văn số 760-CV/TCQT, ngày 15-10-2003 của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, về việc đánh giá tình hình thực hiện cơ chế quản lý tài chính đảng hiện hành trong thời gian từ năm 1998 đến năm 2003; sau hơn 5 năm thực hiện, Tỉnh ủy Lào Cai báo cáo như sau:

1. Đánh giá tình hình thực hiện cơ chế quản lý tài chính đảng hiện hành

Từ tháng 1-1998, tài chính đảng được thực hiện cơ chế quản lý được quy định tại các Thông báo số 74-TB/TW, ngày 10-6-1997, Thông báo số 85-TB/TW, ngày 6-8-1997 của Thường vụ Bộ Chính trị và Thông tư hướng dẫn số 04-TT/LB, ngày 24-9-1997 của liên Ban Tài chính - Quản trị Trung ương - Bộ Tài chính. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Thường trực Tỉnh ủy và được sự hướng dẫn kịp thời của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương về triển khai thực hiện các quy định, nên việc triển khai thực hiện ở địa phương đã đạt những kết quả đáng khích lệ, đã bảo đảm cho các hoạt động tài chính đảng ở các cấp ủy đảng, các đơn vị thụ hưởng ngân sách đảng, thực hiện đúng quy định theo cơ chế quản lý mới, đáp ứng được các nhiệm vụ, mục tiêu chính trị của tỉnh cụ thể:

- Kinh phí ngân sách phục vụ hoạt động của các cấp ủy đảng.

Trong những năm qua tình hình kinh tế của tỉnh còn có nhiều khó khăn, ngân sách đảng nói chung còn hạn chế nhưng cơ quan tài chính cấp ủy Tỉnh ủy Lào Cai đã cơ bản bảo đảm kinh phí cho các cấp ủy đảng chi hoạt động, đáp ứng yêu cầu phục vụ các nhiệm vụ chính trị thường xuyên, đột xuất của các cấp ủy đảng và đảm bảo các nguồn kinh phí như: chi xuất bản báo và một số tạp chí, chi đào tạo, mua báo cho các cơ sở đảng, thôn, bản, tổ dân phố trong toàn tỉnh, kinh phí 184, kinh phí trợ cấp cho các cán bộ tăng cường. Bảo đảm kinh phí phục vụ đại hội đảng các cấp, chi khen thưởng các tổ chức đảng các cấp, trợ cấp thăm hỏi các đối tượng tỉnh quản, cán bộ lão thành, chi phí cho các già làng trưởng bản đi tham quan, đồng thời từng bước cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất, đổi mới phương tiện làm việc cho các cơ quan Đảng, cải thiện một phần đời sống cán bộ, công nhân viên. Tuy nhiên vẫn còn thiếu kinh phí nhất là chi đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đầu tư hoạt động công nghệ thông tin, kinh phí chi thường xuyên ở một số huyện vùng cao.

- Định mức phân bổ dự toán ngân sách hàng năm.

Bảo đảm thực hiện theo đúng luật ngân sách và các quy định về tài chính của Đảng và Nhà nước, căn cứ vào khả năng kinh phí, đặc điểm tình hình thực tế, nhiệm vụ chi tại các đơn vị, bảo đảm sự công bằng hợp lý giữa các vùng, các đơn vị thụ hưởng ngân sách đảng. Bên cạnh đó có sự vận dụng tính đặc thù của công tác Đảng để bổ sung các khoản kinh phí chi ngoài thường xuyên cho các đơn vị.

Tuy nhiên, việc phân bổ định mức chi bình quân được giao theo số biên chế như hiện nay thì ở một số đơn vị biên chế ít, nhưng nhiệm vụ chính trị nhiều hoặc một số huyện vùng cao chi lương lớn, kinh phí chi hoạt động thường xuyên của đơn vị còn lại ít nên có khó khăn về kinh phí trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Mặt khác không có nguồn kinh phí để thực hiện cấp định mức kinh phí đảng gấp 2 lần kinh phí nhà nước theo quy định. Do vậy cần có những quy định sao cho phù hợp, có thể áp dụng đối với những đơn vị biên chế ít, thì định mức cao hơn đơn

vị biên chế nhiều, hoặc tính định mức bình quân sau khi đã trừ phần chi lương và các khoản đóng góp. Để các đơn vị thụ hưởng ngân sách có những thuận lợi hơn trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Về quy trình, lập thủ tục và phê duyệt dự toán ngân sách.

Việc xây dựng dự toán ngân sách đảng hằng năm, được cơ quan tài chính cấp ủy thực hiện theo đúng quy trình thủ tục về lập và phê duyệt, phân bổ dự toán. Căn cứ vào Luật ngân sách nhà nước, các chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính, các quy định về tài chính của Đảng, Nhà nước và căn cứ vào đánh giá tình hình thực hiện ngân sách đảng năm trước, ước thực hiện ngân sách năm hiện hành, căn cứ vào nhiệm vụ chính trị của các cấp ủy đảng, đơn vị; dựa vào tiêu chuẩn, định mức, chế độ, chính sách đã được quy định và dự toán chi của các đơn vị, để tiến hành xây dựng dự toán ngân sách toàn Đảng bộ. Sau khi trao đổi với Sở Tài chính - Vật giá về khả năng bảo đảm kinh phí cho các hoạt động trong năm ngân sách tới. Văn phòng Tỉnh ủy trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt, khi dự toán được phê duyệt, Văn phòng Tỉnh ủy gửi Ủy ban nhân dân tổng hợp trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, sau đó Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định phân bổ, trên cơ sở đó Văn phòng Tỉnh ủy thông báo cho các đơn vị trực thuộc, đồng gửi Sở Tài chính- Vật giá, Phòng Tài chính các huyện, thị để thực hiện việc cấp phát hằng tháng.

Nguồn kinh phí dự phòng trích lập bằng 5% tổng dự toán chi thường xuyên của các huyện, thị ủy giao luôn cho các huyện, thị ủy quản lý và điều hành, nguồn kinh phí dự phòng của cấp tỉnh do cơ quan tài chính đảng cấp ủy tỉnh trực tiếp quản lý, căn cứ vào mức độ, tính chất quan trọng, yêu cầu chi đột xuất của từng đơn vị, Thường trực Tỉnh ủy quyết định chi từ nguồn kinh phí dự phòng. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị đột xuất phát sinh trong năm nếu dự toán giao đầu năm không đáp ứng đủ về nhu cầu kinh phí, cần phải bổ sung, thì cơ quan tài chính cấp ủy lập dự toán bổ sung, trao đổi với Sở Tài chính trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định vào kỳ điều chỉnh ngân sách tháng 6 hằng năm theo quy định hiện hành.

- Phương thức cấp phát.

Hàng năm căn cứ vào dự toán ngân sách đã được duyệt. Văn phòng Tỉnh ủy lập dự toán ngân sách theo từng quý gửi Sở Tài chính - Vật giá để cấp phát kinh phí (dưới hình thức lệnh chi tiền) về tài khoản của Tỉnh ủy tại Kho bạc Nhà nước.

Căn cứ vào kế hoạch phân bổ của các đơn vị, hàng quý Văn phòng Tỉnh ủy yêu cầu các cơ quan Đảng khối tỉnh, các đảng ủy trực thuộc lập dự toán chi ngân sách quý (chia theo tháng) để xem xét, kiểm tra các yêu cầu chi và thực hiện cấp phát kinh phí theo từng tháng (ủy nhiệm chi). Kho bạc Nhà nước nơi các đơn vị mở tài khoản có trách nhiệm chuyển kinh phí kịp thời theo yêu cầu của cơ quan tài chính cấp ủy.

Đối với các huyện, thị ủy kinh phí chi hoạt động do Phòng Tài chính các huyện, thị thực hiện cấp phát theo kế hoạch hằng tháng.

Nói chung, việc cấp phát kinh phí chi thường xuyên, đột suất cho các đơn vị, được sự phối hợp tích cực của các ngành có liên quan. Cơ quan tài chính cấp ủy Tỉnh ủy Lào Cai đã có nhiều cố gắng bảo đảm kinh phí kịp thời cho hoạt động của các đơn vị.

Tuy nhiên, do cơ chế phân cấp ngân sách trong tình hình hiện nay, phương thức cấp phát như vậy đối với các huyện, thị ủy vẫn còn có những vướng mắc do nguồn thu ở các huyện thấp, không tự cân đối được, chủ yếu từ cấp trên cấp xuống, nhiều khi các cơ quan tài chính các huyện, thị không có kinh phí nên việc cấp phát không kịp thời, nhất là chi bảo đảm những nhiệm vụ đột xuất của cấp ủy.

- Tính chủ động trong việc điều hành, quản lý ngân sách đảng phục vụ thực hiện nhiệm vụ chính trị của các cơ quan Đảng các cấp.

Kế hoạch tài chính hàng năm được xây dựng, phê duyệt, phân bổ, thông báo, cấp phát kinh phí kịp thời nên đã tạo sự chủ động cho các đơn vị trong sử dụng kinh phí.

Bên cạnh đó trong quá trình điều hành ngân sách hàng năm tùy theo tính chất quan trọng, nội dung yêu cầu chi của mỗi cấp, cơ quan tài chính đảng cấp ủy sẽ điều chỉnh nhiệm vụ chi trong tổng mức

dự toán được duyệt và xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy bổ sung bằng nguồn kinh phí dự phòng đối với các yêu cầu chi đột suất kịp thời phục vụ cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ. Hoặc nếu việc sử dụng kinh phí chi thường xuyên của các đơn vị cần có nhu cầu sử dụng cao ở tháng nào thì cơ quan tài chính cấp ủy cũng tạo điều kiện cấp phát và sẽ cấp giảm ở các tháng sau.

Tỉnh đã lãnh đạo chỉ đạo cấp ủy các cấp thực hiện nghiêm túc các chủ trương, chính sách, chế độ của Đảng và Nhà nước. Song bên cạnh đó để phù hợp với yêu cầu thực tiễn phục vụ nhiệm vụ chính trị tại địa phương hoặc một số chế độ chính sách mà Trung ương chưa có hướng dẫn cụ thể và để kịp thời tháo gỡ những vướng mắc trong việc sử dụng kinh phí, đồng thời để tăng cường quản lý tài chính và tạo sự chủ động cho các cơ quan, đơn vị điều hành chi tiêu, cơ quan tài chính đảng cấp ủy Tỉnh ủy Lào Cai đã chủ động tham mưu đề xuất, phối hợp cùng các ngành trong việc giúp Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, cụ thể hóa các quy định về chế độ chi tiêu của các cơ quan đơn vị hành chính sự nghiệp trong tỉnh: như quy định chế độ đoàn ra, đoàn vào, không sử dụng ngân sách nhà nước đi tham quan du lịch nước ngoài; ban hành Quyết định số 296/2000/QĐ-UB, ngày 19-10-2000 về chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức đi công tác trong nước; Văn phòng Tỉnh ủy quy định cho tất cả các cơ quan thụ hưởng ngân sách đảng sử dụng giấy đi đường một lần cho một lần đi công tác và phải thanh toán ngay khi hết đợt công tác; quy định việc tổ chức hội nghị hội thảo, phải xác định rõ nội dung số lượng đại biểu, thời gian địa điểm hợp lý bảo đảm tính thiết thực, không phô trương hình thức, hội nghị liên quan đến nhiều cấp ủy hay ngành phải được sự đồng ý của Thường trực Tỉnh ủy hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh. Quyết định số 430/2001/QĐ-UB, ngày 26-12-2001 về việc ban hành chế độ điện thoại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong cơ quan hành chính sự nghiệp và tại Thông báo số 418-TB/TU, ngày 27-9-2002 nêu rõ tất cả các đối tượng sử dụng điện thoại được các cơ quan đảng, nhà nước trang bị nếu vượt định mức quy định, đều

phải thu tiền vượt vào ngân sách nhà nước. Quyết định số 217-QĐ/TU, ngày 12-2-1999 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai quy định về thăm hỏi ốm đau và tổ chức lễ tang đối với cán bộ diện tỉnh quản lý. Hướng dẫn về việc sử dụng nguồn kinh phí 184, hướng dẫn thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ tăng cường, thông báo về việc thực hiện chế độ cho cán bộ trưng tập thực hiện các đề án, quy định cho các cơ quan hằng tháng kế toán báo cáo công khai tài chính trước cuộc họp giao ban lãnh đạo hoặc toàn cơ quan, gọi điện thoại việc riêng phải tự thanh toán...

Có thể nói công tác điều hành, quản lý ngân sách đảng đã phát huy tốt tính tích cực, chủ động, với vai trò và trách nhiệm của mình bằng khả năng cao nhất đã tạo điều kiện cho các cấp ủy đảng địa phương thực hiện tốt các quy định, bảo đảm đúng nguyên tắc, trên cơ sở thực hành tiết kiệm, chi tiêu hợp lý có hiệu quả, tạo sự chủ động cho các cơ quan, đơn vị hoạt động. Tuy nhiên, do định mức hiện nay thấp hơn so với nhu cầu chi nên một số đơn vị thiếu kinh phí hoạt động, lúng túng trong việc quyết định chi tiêu...

- Công tác kiểm tra, giám sát quá trình quản lý ngân sách đảng.

Đây là nhiệm vụ luôn được toàn Đảng bộ đặc biệt quan tâm. Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy đã thường xuyên chỉ đạo Ủy ban Kiểm tra các cấp tăng cường công tác kiểm tra tài chính đảng, nhất là kiểm tra cơ quan tài chính đảng cùng cấp để kịp thời phát huy ưu điểm, ngăn ngừa và khắc phục sửa chữa khuyết điểm.

Trong những năm qua, ngay từ đầu năm Ủy ban Kiểm tra các cấp đã tham mưu cho cấp ủy xây dựng chương trình kiểm tra của cả năm, giúp cấp ủy xây dựng kế hoạch chi tiết, cụ thể cho từng cuộc kiểm tra của cấp ủy. Luôn xác định đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Ủy ban Kiểm tra các cấp, nếu làm tốt công tác này là làm tốt chức năng lãnh đạo của cấp ủy, do đó Ủy ban Kiểm tra các cấp trong toàn Đảng bộ thực hiện tốt nhiệm vụ công tác kiểm tra, nhất là kiểm tra tài chính đảng.

Hàng năm, công tác kiểm tra, giám sát quá trình quản lý, điều hành ngân sách đảng đã được tiến hành thường xuyên. Từ đầu năm

1998 đến nay Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cuộc kiểm tra, Ủy ban Kiểm tra các cấp đã tiến hành kiểm tra 21 cuộc kiểm tra tài chính đảng ở các cơ quan thụ hưởng ngân sách đảng và hàng trăm cuộc kiểm tra thu nộp và sử dụng đảng phí, từ năm 2002 đến nay đã có 3 đợt kiểm tra của Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong đó có 1 đợt phúc tra. Qua các đợt kiểm tra của Ủy ban Kiểm tra các cấp và Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã đánh giá: Các đơn vị được kiểm tra đã thực hiện khá tốt việc quản lý và sử dụng ngân sách đảng theo đúng quy định của chế độ tài chính kế toán, quản lý tài chính, tài sản của Đảng; điều hành quản lý ngân sách đảng đã chặt chẽ hơn, đi vào nền nếp, chấp hành đúng nguyên tắc, chế độ, thực hành tiết kiệm trong chi tiêu, những sai sót đã kịp thời được uốn nắn, sửa chữa, giữ nghiêm kỷ luật tài chính của Đảng.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy và các ban đã tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy gợi ý kiểm điểm cho 15 Ban Thường vụ huyện, thị ủy, đảng ủy trực thuộc và 54 Ban cán sự, 247 cá nhân diện tỉnh quản lý, không có cơ quan và cá nhân nào vi phạm tài chính đảng.

Qua các đợt kiểm tra, đã đánh giá những mặt đã làm được, những mặt còn tồn tại, từ đó Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy đảng và Nhà nước nghiêm túc sửa chữa các khuyết điểm đã được đoàn kiểm tra của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Ủy ban Kiểm tra các cấp chỉ ra: đã thu hồi 31.626.000 đồng do chi sai chế độ vào ngân sách nhà nước, thu 47.980.000 đồng tiền tạm ứng tồn đọng lâu ngày, đã xuất toán 39.153.000 đồng. Các đơn vị đã thực hiện tốt việc quản lý điện thoại, các cuộc gọi điện thoại cá nhân đều phải trả tiền; việc quản lý xăng xe, văn phòng phẩm được chặt chẽ, đều có nhập kho, xuất kho nghiêm túc. Việc sử dụng điều chuyển và sửa chữa lớn tài sản do Thường trực Tỉnh ủy quyết định và thực hiện đúng quy trình về kiểm định chất lượng, thẩm định giá và giám sát việc thay thế phụ tùng.

Trong thời gian trước (1998 - 1999) do có nhiều biến động về công tác tổ chức (sáp nhập Ban Tài chính - Quản trị về Văn phòng) nên việc kiểm tra tài chính đảng các cấp chưa được tiến hành thường

xuyên liên tục. Trong những năm gần đây (2000 - 2003) công tác kiểm tra, duyệt quyết toán đã dần đi vào nền nếp.

Các cơ quan thụ hưởng ngân sách đảng có trách nhiệm quản lý và sử dụng kinh phí được cấp đúng mục đích, đúng chế độ, tiêu chuẩn định mức. Sau khi có kết luận của Ủy ban Kiểm tra Trung ương các cơ quan thụ hưởng ngân sách đảng đã kiện toàn 5 chủ tài khoản, 3 kế toán, cho đi đào tạo đại học 3 kế toán. Hằng năm, ngay từ khi lập và giao kế hoạch ngân sách đảng: Văn phòng Tỉnh ủy đã chỉ đạo các đơn vị thụ hưởng lập phương án chặt chẽ, chi tiết đúng tiêu chuẩn định mức, chế độ, có phương án tiết kiệm trong quản lý, sử dụng tài sản và kinh phí của Nhà nước. Trong quá trình thực hiện, thủ trưởng cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng tài sản, ngân sách được giao, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thực hiện công khai tài chính trong cơ quan.

- Công tác quyết toán ngân sách định kỳ và tổng hợp, lập báo cáo tình hình tài chính năm của Đảng bộ tỉnh.

Hằng năm Văn phòng Tỉnh ủy đã thực hiện việc duyệt quyết toán cho các huyện, thị ủy, đảng ủy trực thuộc và tất cả các cơ quan thụ hưởng ngân sách đảng. Nội dung kiểm tra kế toán là kiểm tra việc ghi chép trên chứng từ kế toán, sổ kế toán và báo cáo tài chính, kiểm tra việc nhận và sử dụng nguồn kinh phí, kiểm tra việc thực hiện các khoản thu, việc chấp hành chế độ chính sách, hạch toán kế toán và việc thực hiện thu nộp ngân sách (có xem từng chứng từ thu, chi). Qua việc quyết toán hằng năm cơ bản các đơn vị, các huyện, thị ủy đã chấp hành tốt nguyên tắc chế độ chi tiêu, thực hiện chủ trương tiết kiệm bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị, tiết kiệm chi để xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thêm tài sản phục vụ tốt hơn điều kiện làm việc, nhất là trang thiết bị công nghệ thông tin và thường xuyên sửa chữa nâng cấp tài sản, bảo đảm an toàn và nâng cao tuổi thọ của tài sản.

Qua việc quyết toán định kỳ hằng năm cho đến nay công tác tài chính đảng của tỉnh có chuyển biến rõ nét. Các đơn vị thụ hưởng ngân

sách đã tiến hành chấn chỉnh lại đội ngũ trực tiếp làm công tác tài chính đảng, thực hiện nghiêm các quy định về tài chính.

Thời gian nộp báo cáo quy định cho các đơn vị thụ hưởng ngân sách đảng sau 15 ngày kể từ ngày hết quý. Phòng Tài chính đảng, trên cơ sở các số liệu báo cáo quyết toán của các đơn vị tổng hợp và lập báo cáo quyết toán cho Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy. Kết thúc năm Phòng Tài chính tổng hợp và lập báo cáo quyết toán tài chính, tài sản của toàn Đảng bộ, trình Ban Chấp hành Đảng bộ phê duyệt tổng quyết toán vào hội nghị Ban Chấp hành tháng 6 hằng năm.

Về cơ bản các đơn vị thụ hưởng ngân sách đảng đã thực hiện đúng quy định về thời gian, các mẫu biểu quy định nhưng bên cạnh đó còn có một số đơn vị còn chậm nộp báo cáo, số liệu trong báo cáo chưa phản ánh rõ tình hình sử dụng tài chính của đơn vị mình, xác định các mục chi trong báo cáo quyết toán còn lúng túng nên ít nhiều ảnh hưởng đến số liệu thời gian tổng hợp, lập và nộp báo cáo của Phòng Tài chính đảng.

- Công tác đào tạo hướng dẫn nghiệp vụ tài chính kế toán quản lý tài sản giữa các cấp ủy đảng

Trong những năm qua Tỉnh ủy Lào Cai đã chú trọng đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ chủ tài khoản và kế toán có đủ trình độ năng lực quản lý ngân sách theo quy định của Luật ngân sách, đã cùng Ban Tài chính Quản trị - Trung ương mở các lớp tập huấn nghiệp vụ ngân ngày, phổ biến các chế độ chính sách, hướng dẫn nghiệp vụ, phổ biến Luật ngân sách, Thông báo số 74-TB/TW, ngày 10-6-1997 của Bộ Chính trị, Thông tư 04-TT/LB của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và Bộ Tài chính, cụ thể là tháng 4-2000 Tỉnh ủy đã mời Ban Tài chính - Quản trị Trung ương mở lớp tập huấn chế độ kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp của Đảng theo Quyết định số 1017-QĐ/TCQT, ngày 28-12-1999 của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, đến tháng 12-2001 Tỉnh ủy cùng với Ban Tài chính - Quản trị Trung ương tổ chức lớp tập huấn về công tác tài chính đảng cho tất cả các chủ tài

khoản và kế toán các đơn vị thụ hưởng ngân sách đảng về các chế độ chính sách và chế độ thu nộp đảng phí mới. Tỉnh ủy triển khai thực hiện Pháp lệnh về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng, Thông tư 93, 94 của Bộ Tài chính, số 07 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, và các văn bản khác có liên quan đến xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định, bồi thường vật chất, bồi dưỡng cho cán bộ cơ yếu, văn thư lưu trữ, về chế độ sử dụng ô tô, điện thoại, về chế độ chi thường xuyên của cơ quan Đảng, quy định về thu nộp đảng phí. Đồng thời ban hành một số quy định tạm thời hướng dẫn thực hiện chế độ tài chính đảng như: chế độ thăm hỏi ốm đau, chế độ tang lễ đối với cán bộ thuộc diện Tỉnh quản lý, chế độ công tác phí, chế độ tài chính đối với báo Lào Cai, chế độ sử dụng ô tô, điện thoại, chế độ khen thưởng của Ủy ban nhân dân tỉnh, quy định khen thưởng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, chế độ đối với người 40 - 50 năm tuổi Đảng, người có công, trợ cấp đột xuất, chế độ thăm hỏi... để các cơ quan đơn vị triển khai thực hiện. Ngoài ra, còn cử cán bộ kế toán đi học nâng cao trình độ năng lực chuyên môn. Từ đó đã giúp cho tỉnh trong việc thực hiện tăng cường quản lý tài chính đảng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Định kỳ vào cuối năm Văn phòng Tỉnh ủy mời chủ tài khoản, kế toán của các huyện, thị ủy, các đảng ủy trực thuộc họp tổng kết đánh giá tình hình quản lý tài chính, tài sản của đơn vị mình, đồng thời trao đổi kinh nghiệm giữa các đơn vị, khen thưởng động viên kịp thời những đơn vị có cách làm hay, phương pháp quản lý tốt. Hằng năm có tổ chức cho đội ngũ chủ tài khoản và kế toán đi học tập trao đổi kinh nghiệm với một số tỉnh.

- Công tác quản lý tài sản giữa các cấp ủy đảng.

Thực hiện nhiệm vụ giúp cấp ủy quản lý tài chính, tài sản của Đảng, trong những năm qua, cơ quan tài chính các cấp ủy đã quản lý tài chính, tài sản của Đảng trên cơ sở các nguyên tắc về quản lý tài sản như Quyết định số 351-TC-QĐ/CĐKT, ngày 22-5-1997 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quản lý, sử dụng và tính hao mòn tài sản cố định

trong các đơn vị hành chính sự nghiệp, Nghị định số 14/1998/NĐ-CP, ngày 6-3-1998 của Chính phủ về quản lý tài sản Nhà nước, Quyết định số 55/2000/QĐ-BTC, ngày 19-4-2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành quy chế quản lý việc xử lý tài sản Nhà nước tại các cơ quan hành chính sự nghiệp, chấp hành đầy đủ các quy định về kiểm kê, kiểm định, thẩm định giá, quyết định theo đúng thẩm quyền khi mua sắm và sửa chữa, điều chuyển, đánh giá tài sản khi thanh lý, nhượng bán. Mở sổ sách theo dõi giá trị hiện vật, tình hình tăng giảm tài sản cố định. Điều chuyển tài sản cố định cơ bản đã thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục xử lý điều chuyển tài sản Nhà nước.

Vào cuối năm trước khi khóa sổ kế toán, các đơn vị tiến hành kiểm kê, tài sản, xác định giá trị hao mòn theo quy định tại Quyết định 351-TC-QĐ/CĐKT, đối chiếu số liệu kiểm kê thực tế với sổ sách kế toán, đối với những tài sản cố định hết khấu hao, hư hỏng nặng các cơ quan đơn vị đã tiến hành làm thủ tục thanh lý theo đúng trình tự, thủ tục xử lý thanh lý tài sản Nhà nước được quy định tại Quyết định số 55/2000/QĐ-BTC.

Việc mua sắm, sửa chữa tài sản cố định được quản lý chặt chẽ đúng quy định. Trước khi mua sắm, sửa chữa các đơn vị được hướng dẫn làm thủ tục, thẩm định giá trước khi ký hợp đồng.

Đã ứng dụng phần mềm kế toán và khấu hao tài sản cố định vào hạch toán. Tuy nhiên bên cạnh những mặt đã làm được các đơn vị còn có những mặt hạn chế như:

Việc xác định nguyên giá và thời gian sử dụng để hình thành tăng giảm tài sản cố định ở nhiều đơn vị còn lúng túng.

Việc kiểm kê, tính khấu hao tài sản cố định hằng năm ở một số đơn vị còn mang tính hình thức, cán bộ kế toán còn phải kiêm nhiệm nhiều việc nên việc theo dõi cập nhật biến động tài sản cố định còn chưa được kịp thời. Thậm chí có một số đơn vị cán bộ kế toán còn chưa qua một lớp đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ nên trong công việc có lúc còn lúng túng.

Về chương trình phần mềm quản lý tài sản cố định hiện nay về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu về quản lý, theo dõi biến động tăng

giảm tài sản cố định của từng đơn vị, nhưng trong quá trình sử dụng khi muốn lấy số liệu trong biểu 3A của từng đơn vị trực thuộc thì đôi lúc phần giá trị còn lại có số âm trong khi tài sản cố định đó vẫn đang sử dụng. Đối với những tài sản cố định đã hết hoặc gần hết khấu hao các đơn vị chưa làm thủ tục thanh lý được thì chương trình vẫn tiếp tục tính khấu hao và trừ vào phần giá trị còn lại.

2. Đánh giá tình hình cơ quan tài chính đảng ở cấp tỉnh, huyện, thị ủy về tổ chức, biên chế và đào tạo

Trong những năm gần đây, việc phân cấp và quản lý ngân sách đảng cấp tỉnh và huyện có nhiều thay đổi:

Sau khi Ban Thường vụ Tỉnh ủy giải thể Ban Tài chính - Quản trị tháng 4-2000 (thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa VIII) và chuyển một bộ phận cán bộ về Văn phòng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao cho đồng chí Phó Bí thư Thường trực phụ trách công tác tài chính đảng và ủy quyền cho Chánh Văn phòng Tỉnh ủy quản lý tài chính và tài sản của Đảng bộ, Văn phòng Tỉnh ủy đã thành lập Phòng Ngân sách (sau đổi thành Phòng Tài chính đảng), biên chế gồm 4 cán bộ, có nhiệm vụ giúp Chánh Văn phòng xây dựng kế hoạch và phân bổ thu chi ngân sách hằng năm của toàn Đảng bộ theo kế hoạch được duyệt, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra và duyệt quyết toán, quản lý tài chính, tài sản của Đảng bộ.

Phòng Tài chính đảng theo dõi, quản lý 15 bộ phận tài chính cấp huyện, thị, đảng ủy trực thuộc và 9 đơn vị thụ hưởng ngân sách đảng.

Ở các huyện, thị, đảng ủy thường trực, Ban Thường vụ đều giao cho đồng chí Phó Bí thư Thường trực làm Chủ tài khoản và quản lý trực tiếp công tác tài chính ở cấp đó. Các đồng chí chánh văn phòng là người được thừa ủy quyền.

Các ban Đảng, báo Lào Cai, Trường Chính trị do thủ trưởng hoặc ủy quyền cho cấp phó làm chủ tài khoản.

Các đồng chí chủ tài khoản, trực tiếp quản lý công tác tài chính của Đảng bộ các cấp đều có trình độ đại học ở các chuyên ngành khác

nhau, được đào tạo về lý luận chính trị, có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản lý.

Cán bộ kế toán các cấp gồm 28 người, trong đó 11 người tốt nghiệp đại học; 13 người tốt nghiệp trung cấp còn lại chưa qua đào tạo (chủ yếu ở các đảng bộ trực thuộc làm kiêm nhiệm, chỉ tiêu ít).

Nhận thức được nhiệm vụ, vai trò của công tác quản lý tài chính đảng trong giai đoạn hiện nay, Ban Thường vụ các cấp luôn đề cao trách nhiệm, tăng cường chỉ đạo công tác tài chính của cấp ủy. Mọi hoạt động tài chính đều được xem xét, chấn chỉnh kịp thời nhằm thực hiện đúng quy định hướng dẫn của cấp trên để mang lại hiệu quả thiết thực. Các chế độ chính sách đã được hệ thống lại và phổ biến tới các đơn vị thụ hưởng ngân sách đảng cùng thực hiện.

Đến nay công tác tài chính đảng có nhiều chuyển biến rõ nét. Các đơn vị dần dần kiện toàn lại đội ngũ làm công tác kế toán, tạo điều kiện cho cán bộ học thêm chuyên môn, nghiệp vụ ở các trường đại học và trung cấp.

Khuyến khích và hướng dẫn anh chị em ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán như sử dụng phần mềm đảng phí, lập quyết toán, báo cáo...

Văn phòng Tỉnh ủy lập kế hoạch và thường xuyên bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao chuyên môn cho các đồng chí làm công tác tài chính đảng.

Nhìn chung thực hiện cơ chế quản lý tài chính đảng như hiện nay là hợp lý, chặt chẽ và kịp thời, phù hợp với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của cấp ủy.

Bộ phận tài chính ở các đơn vị đã đi vào nền nếp, hạch toán đúng và đầy đủ, sổ sách gọn gàng sạch đẹp, chứng từ hợp pháp, hợp lệ.

Tuy nhiên, cán bộ kế toán có nơi, có lúc chưa phát huy được vai trò tham mưu giúp cấp ủy trong quản lý tài chính. Hầu hết chưa mạnh dạn tham gia với chủ tài khoản hoặc lãnh đạo trong việc thực hiện chế độ chi tiêu của Đảng.

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế đất nước, công tác quản

lý tài chính đảng cũng đòi hỏi ngày càng cao hơn. Chính vì vậy mà bộ phận tài chính các cấp cần phải được củng cố hoàn chỉnh để đáp ứng nhu cầu công việc.

Một số ý kiến đề xuất, kiến nghị:

- Đề nghị các cấp có thẩm quyền ban hành đồng bộ các quy định về quản lý tài chính của Đảng vừa bảo đảm hoạt động của Đảng vừa phù hợp với các quy định khác của pháp luật như chế độ mua sắm và sử dụng xe ô tô, điện thoại, khen thưởng thu hút cán bộ công tác vùng cao, nhà công vụ, tiếp khách ở những nơi giá cả đắt đỏ, tiếp khách cấp cao, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, nhất là công nghệ thông tin.

- Tăng cường đào tạo đội ngũ kế toán chưa có nghiệp vụ, mở các lớp đại học tài chính chuyên ngành.

- Hằng năm nên mở các đợt tập huấn về nghiệp vụ cho các chủ tài khoản và kế toán.

Hằng năm nên tổ chức tổng kết, đánh giá việc chấp hành thực hiện công tác quản lý tài chính đảng của các cấp, từ đó rút ra kinh nghiệm để thực hiện tốt hơn trong những năm tiếp theo, có khen thưởng, kỷ luật kịp thời.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THĂNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 127-BC/TU, ngày 6-11-2003

**Sơ kết 3 năm thực hiện các đề án: Quy hoạch, sắp xếp
bố trí lại dân cư các xã vùng cao, biên giới và các xã
đặc biệt khó khăn; phát triển giao thông tỉnh Lào Cai;
phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp;
xây dựng thành phố Lào Cai**

Qua ba năm triển khai các đề án theo Kế hoạch số 03-KH/TU, ngày 30-5-2001 của Tỉnh ủy Lào Cai về kế hoạch triển khai thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm đến năm 2005 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XII, dưới sự lãnh đạo chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, các ngành, các địa phương và nhân dân các dân tộc tỉnh Lào Cai, đã có nhiều cố gắng đạt kết quả rất đáng phấn khởi, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo.

Kết quả cụ thể của một số đề án thực hiện trong thời gian vừa qua, như sau:

A. ĐỀ ÁN QUY HOẠCH, SẮP XẾP BỐ TRÍ LẠI DÂN CƯ CÁC XÃ VÙNG CAO, BIÊN GIỚI VÀ CÁC XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN

I. MỤC TIÊU ĐỀ ÁN

- Đề án được xây dựng để thực hiện ở 10/10 huyện, thị xã. Trọng tâm là 138 xã vùng cao, biên giới, xã đặc biệt khó khăn.

- Di chuyển, sắp xếp 7.346 hộ, 39.000 khẩu, trong đó các xã biên giới 1.283 hộ; di khỏi vùng thiên tai nguy hiểm là 603 hộ, 3.443 khẩu; do mật độ đông, thiếu đất sản xuất là 3.587 hộ, 17.189 khẩu; do ở phân tán cần quy tụ lại là 3.156 hộ, 17.267 khẩu.

- Thành lập 29 thôn, bản, 61 điểm dân cư mới bố trí 2.047 hộ.

Tổng nhu cầu vốn là 93.637,47 triệu đồng, trong đó, hỗ trợ trực tiếp: 78.781,75 triệu đồng; lồng ghép chương trình là 14.855,72 triệu đồng.

II. CÔNG TÁC TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO

1. Tổ chức thực hiện

- Cấp tỉnh: Thành lập Ban chỉ đạo, giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan thường trực, Chi cục Định canh định cư quản lý và ĐDDC là cơ quan hướng dẫn thẩm định các phương án và kiểm tra triển khai thực hiện đề án. Các ngành có liên quan tham gia phối hợp theo chức năng từng ngành.

- Cấp huyện: Thành lập Ban chỉ đạo, Ban Quản lý, cơ quan thường trực là Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì thực hiện các thủ tục và các phòng, ban khác tham gia phối hợp xây dựng phương án chi tiết từng điểm dân cư và chỉ đạo thực

- Cấp xã: Là cấp thực hiện, qua chỉ đạo kiểm tra đưa số các xã chưa có Ban chỉ đạo để tổ chức thực hiện (huyện làm việc trực tiếp với cán bộ xã); hiện nay mới có huyện Bát Xát thành lập Ban chỉ đạo xã.

- Hằng năm, căn cứ vào tiến độ đề án, cân đối nguồn vốn, Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu tổng hợp chung cho từng huyện. Căn cứ vào kế hoạch, Ủy ban nhân dân huyện, thị xây dựng phương án chi tiết, Chi cục Định canh định cư quản lý và ĐDDC thẩm định trước khi Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt cụ thể từng điểm dân cư, sau đó triển khai thực hiện.

2. Cơ chế quản lý chính sách

- Thực hiện Quyết định số 186/2001/QĐ-TTg, ngày 7-12-2001 của

Thủ tướng Chính phủ về việc phát triển kinh tế - xã hội ở 6 tỉnh đặc biệt khó khăn miền núi phía Bắc thời kỳ 2001 - 2005.

- Hiện nay đang nghiên cứu thực hiện Quyết định số 120/2003/QĐ-TTg, ngày 11-6-2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tuyến biên giới Việt - Trung đến năm 2010 (mức hỗ trợ: 20 triệu đồng/hộ cho hộ gia đình thuộc diện được đưa ra sinh sống sát biên giới).

- Thực hiện Quyết định số 211/2002/QĐ-UB ngày 20-5-2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về chế độ hỗ trợ việc di chuyển và sắp xếp dân cư ở các xã vùng cao biên giới khó khăn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2002 - 2005, trong đó mức hỗ trợ: đối với những hộ gia đình di chuyển ra biên giới sinh sống: 15 triệu đồng/hộ; đối với những hộ gia đình di chuyển sắp xếp nội xã: 5 triệu đồng/hộ; đối với những hộ gia đình di chuyển ngoại xã: 7,8 triệu đồng/hộ.

- Các lĩnh vực khác đầu tư theo Chương trình 135, ổn định và phát triển sản xuất đều có quy định cụ thể để thực hiện.

- Quản lý theo cơ chế điều hành hằng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh và các văn bản hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả 3 năm thực hiện đề án (2001-2003)

- Tổng số đã sắp xếp là 4.046 hộ, 22.158 khẩu, đạt 55% so mục tiêu đề án; trong đó: di chuyển ra khỏi vùng thiên tai là 828 hộ, bằng 137%, tăng 225 hộ; di chuyển ra biên giới là 1.452 hộ, bằng 113,2%, tăng 169 hộ; thành lập mới 19 thôn, bản sắp xếp 518 hộ, 2610 khẩu; bố trí 18 điểm dân cư mới, sắp xếp 492 hộ, 2.460 khẩu; bố trí xen ghép 3.036 hộ, 16.698 khẩu.

2. Kết quả thực hiện các năm

2.1. Năm 2001:

Thực hiện sắp xếp 541 hộ, trong đó: di dân ra biên giới 155 hộ, nội

địa 386 hộ (đi khỏi vùng thiên tai 63 hộ) với kinh phí 1.570 triệu đồng; triển khai ở 8 huyện.

2.2. Năm 2002

Thực hiện sắp xếp 1.502 hộ (đi khỏi vùng thiên tai 519 hộ), trong đó: di dân ra biên giới 679 hộ, nội địa 823 hộ với kinh phí 14.463,575 triệu đồng; triển khai 10 huyện, thị xã.

2.3. Năm 2003

Kế hoạch: Kinh phí thực hiện: 17.196,5 triệu đồng, trong đó kinh phí 16.391,575 triệu đồng, sắp xếp 2.003 hộ/2.000 hộ kế hoạch, gồm 618 hộ biên giới, 1.385 hộ nội địa ở 10 huyện, thị xã.

Triển khai tổ chức thực hiện đến nay:

- Số hộ đã được thẩm định bảo đảm đủ tiêu chuẩn là 1.802 hộ; trong đó, số hộ đã được thẩm định bảo đảm đủ điều kiện di chuyển: 1.548 hộ.

- Số hộ đã di chuyển đến nơi ở mới 895 hộ (biên giới 63 hộ, nội địa 832 hộ); trong đó, di chuyển 312 hộ ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm, khả năng hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch. Các huyện đã ký hợp đồng cấp tấm lợp, ngói nóc, lương thực, chuẩn bị vật liệu làm nhà và một phần kinh phí di chuyển cho các hộ, giúp các hộ nhanh chóng ổn định cuộc sống khi đến nơi ở mới.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả sắp xếp dân cư: đã đáp ứng một phần nhu cầu cấp bách của các địa phương

Do bố trí lại và di chuyển một bộ phận dân cư ở các nơi khó khăn về đời sống, sản xuất, vùng thiên tai nguy hiểm tới nơi có đất sản xuất nên dân đã cơ bản yên tâm sản xuất, góp phần thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển sản xuất, thực hiện định canh định cư bền vững, chống di cư tự do, bảo vệ môi trường sinh thái. Những nơi sắp xếp dân cư bảo đảm đoàn kết, ổn định chính trị, xã hội, an ninh - quốc phòng. Kết quả ba năm thực hiện đề án khẳng định khả năng đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành tốt mục tiêu của đề án vào năm 2005.

Mục tiêu đề án sẽ được điều chỉnh theo hướng tăng về số lượng, sắp xếp di chuyển và cả phương thức sắp xếp theo tinh thần mới là xây dựng cụm điểm dân cư để tập trung đầu tư phát triển và tổ chức quản lý góp phần thay đổi bộ mặt nông thôn.

2. Ưu điểm

- Ba năm triển khai thực hiện đề án đã đổi mới phương thức thực hiện đề án, có phương án đồng bộ đất đai, cơ sở hạ tầng thiết yếu cho đời sống và sản xuất tại các điểm bố trí dân cư, xây dựng kế hoạch cụ thể và đã phân công rõ ràng.

- Công tác vận động, tuyên truyền, giáo dục đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước về ý nghĩa của việc di chuyển sắp xếp dân cư đã được quan tâm hơn.

- Vai trò trách nhiệm của các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở xã, thôn, bản được xác định cụ thể và được nâng lên.

- Xác định rõ nhu cầu vốn theo kế hoạch và chế độ hỗ trợ của tỉnh và Nhà nước phù hợp hơn trước. Các hộ dân có điều kiện ổn định đời sống và sản xuất nhanh hơn.

- Đã tiến hành lồng ghép các chương trình trên cùng địa bàn vào việc sắp xếp dân cư cho một số điểm dân cư mới.

3. Khuyết điểm - khó khăn

- Vai trò trách nhiệm một số địa phương về công tác sắp xếp dân cư chưa cao, sự phối kết hợp các ngành, các cấp cũng còn chưa chặt chẽ. Công tác tuyên truyền, vận động thuyết phục dân cùng làm còn hạn chế, một số xã còn thiếu chủ động. Chưa đánh giá mô hình quy hoạch, sắp xếp dân cư tốt để nhân rộng.

- Thực hiện theo đề án với số lượng sắp xếp dân cư lớn, đưa số các huyện việc điều hành thực hiện công việc còn có nhiều lúng túng; bên cạnh đó ở một số huyện cán bộ làm công tác định canh định cư chưa phát huy được vai trò tham mưu, do đó gặp nhiều khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện, một số điểm chất lượng quy hoạch còn chưa cao, chưa phù hợp thực tế. Việc xây dựng đề án, phương án sắp xếp dân cư ở một số huyện chưa sát thực tế; việc khảo sát, điều tra các điểm bố trí sắp xếp dân cư chưa kỹ nhất là đầu đến. Còn hiện tượng thống kê sai để lấy chính sách, qua thẩm định số hộ chưa đủ các điều kiện di chuyển là 132 hộ.

- Việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở những nơi tái định cư chưa đồng bộ. Vốn đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu, như nước sinh hoạt, thủy lợi nhỏ, đường liên thôn còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu của đề án; việc lồng ghép các chương trình, dự án chưa thật hiệu quả, chưa chặt chẽ. Những chính sách hỗ trợ thu hồi đất sản xuất để bố trí, sắp xếp lại dân cư chưa được xử lý.

Đời sống nhân dân ở những nơi tái định cư còn rất khó khăn.

- Chưa quan tâm đầu tư các khu dân cư tập trung đủ để đầu tư cơ sở hạ tầng sản xuất, hướng theo tinh thần xây dựng nông thôn mới. Chưa tạo ra được nhiều điểm dân cư theo mô hình làng bản mới gắn với việc xây dựng hệ thống giao thông liên thôn, bản và vùng sản xuất hàng hóa.

- Chế độ thông tin báo cáo chưa thực hiện đầy đủ.

V. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Quy hoạch, sắp xếp bố trí lại dân cư ở các xã vùng cao, biên giới, xã đặc biệt khó khăn nhằm góp phần thực hiện định canh định cư bền vững, ngăn chặn có hiệu quả dân di cư tự do, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế và xóa đói, giảm nghèo, ổn định xã hội gắn với bảo vệ an ninh - quốc phòng là rất cần thiết, vì vậy cần tiếp tục thực hiện các giải pháp chủ yếu sau:

- Các ngành, các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương cần tăng cường trách nhiệm đối với việc sắp xếp dân cư và có biện pháp khắc phục tồn tại trong thời gian qua; phối hợp tập trung chỉ đạo

công tác sắp xếp và ổn định dân cư với quan điểm mới của Trung ương và của tỉnh, bảo đảm chất lượng để ổn định cuộc sống cho đồng bào lâu dài về đời sống và sản xuất. Thực hiện tốt quy định hỗ trợ đất nương rẫy khi thu hồi để giải quyết cho các hộ dân chuyển đến có đất sản xuất.

- Đẩy mạnh công tác vận động, tuyên truyền sâu rộng đến nhân dân, thay đổi nhận thức của nhân dân cả nơi đi và nơi đến.

- Rà soát, bổ sung quy hoạch sản xuất, quy hoạch dân cư, xác định rõ các điểm cần sắp xếp và bố trí dân cư cho chặt chẽ và sát thực, chú ý mô hình theo hướng gắn với hệ thống đường giao thông, các vùng phát triển sản xuất hàng hóa, các trung tâm xã, cụm xã. Ưu tiên sắp xếp dân cư thiếu đất, phân tán, xây dựng phương án rà soát, điều chỉnh, bổ sung hợp lý.

- Thực hiện nội dung rà soát và xây dựng dự án quy hoạch sắp xếp lại dân cư theo Văn bản số 3301/BNN-HTX, ngày 9-10-2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn xây dựng dự án quy hoạch sắp xếp lại dân cư, bảo đảm toàn diện. Xác định những vùng trọng điểm cần tập trung ưu tiên đầu tư trong từng năm, giai đoạn.

- Đầu tư lồng ghép các chương trình, dự án; ưu tiên việc xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ sở sản xuất cho các điểm sắp xếp dân cư, các khu tái định cư một cách đồng bộ, bảo đảm khi đưa dân đến nhanh chóng ổn định đời sống và phát triển sản xuất.

- Các huyện tự tổ chức đánh giá kết quả và kinh nghiệm mô hình tốt để xây dựng những mô hình điểm, rút ra kinh nghiệm chỉ đạo nhân rộng. Thông qua phương thức của Quy chế dân chủ để thực hiện sắp xếp, bố trí lại dân cư ở những địa bàn đang thiếu đất sản xuất, dân ở phân tán thành các điểm dân cư thuận lợi về giao thông và phát triển kinh tế - xã hội, công tác an ninh - quốc phòng.

- Kết hợp các chính sách và chương trình của Trung ương - bố trí nguồn vốn đáp ứng nhu cầu sắp xếp dân cư theo đề án.

B. ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG TỈNH LÀO CAI

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

- Từ năm 2001 - 2005: Nâng cấp toàn bộ các tuyến đường quốc lộ đi qua tỉnh và các tuyến đường tỉnh lộ.

- Đến hết năm 2003, đầu tư xong các tuyến đường đến 17 xã hiện chưa có đường ô tô đến trung tâm xã. Đến hết năm 2005, cơ bản hoàn thành mở và nâng cấp các tuyến đường biên giới và đường giao thông nông thôn đã bị xuống cấp.

- Phấn đấu nâng cấp 70% đường đến thôn, bản (vùng 1, 2 là 100%, vùng 3 là trên 60%).

- Năm 2003, mở xong đường trục chính và các đường ngang thuộc khu đô thị mới Lào Cai - Cam Đường

- Nâng cấp mở mới quốc lộ 4D (Lào Cai) với quốc lộ 4C (Hà Giang).

- Xây dựng xong cầu Bảo Hà, cầu Ngòi Phát.

Tham gia xây dựng tuyến đường hành lang Côn Minh - Hải Phòng, nâng cấp đoạn Cửa khẩu Lào Cai - Bắc Ngầm trong năm 2003.

II. CÔNG TÁC TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO

1. Tổ chức - thực hiện

- Cấp tỉnh: Giao cho các ngành Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính - Vật giá; Giao thông - Vận tải hoàn chỉnh dự án và làm các thủ tục đầu tư các tuyến đường cần xây dựng và cải tạo; các ngành Quân đội, Biên phòng khảo sát lại các tuyến đường biên giới báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan hữu quan, xây dựng chương trình đầu tư theo mục tiêu của đề án, khai thác nguồn lực đầu tư để đề án được thực hiện theo tiến độ đề ra.

- Phân công các ngành của tỉnh tổ chức triển khai, trong đó ngành Giao thông- Vận tải là thường trực; Ủy ban nhân dân các huyện trực tiếp là chủ dự án các dự án vốn địa phương.

- Cấp xã tổ chức thực hiện xây dựng đường giao thôn liên thôn do huyện quyết định và quản lý, khai thác, bảo dưỡng công trình giao thông nông thôn trên địa bàn xã.

- Hằng năm, căn cứ vào tiến độ đề án và cân đối nguồn vốn, Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch, trong đó:

Tham gia xây dựng các chương trình giao thông của Trung ương và trực tiếp chỉ đạo thi công dự án đã được Bộ Giao thông - Vận tải phê duyệt.

Khai thác các nguồn vốn của Bộ Giao thông- Vận tải... Các chương trình quốc gia như: Hệ thống đường tuần tra biên giới, chương trình hỗ trợ giao thông quốc tế.

Dự án đường giao thông nông thôn cấp xã trở lên, Ủy ban nhân dân tỉnh giao chi tiết từng công trình (cho các chủ đầu tư).

Đường giao thông liên thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổng mức vốn hỗ trợ và danh mục công trình cho từng huyện, sau khi có đề nghị của các xã, huyện. Ủy ban nhân dân xã làm chủ đầu tư xây dựng đường liên thôn, chủ động huy động nhân dân tham gia xây dựng công trình.

2. Cơ chế, quản lý chính sách

Hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế điều hành thực hiện kế hoạch ngay khi triển khai kế hoạch.

- Quyết định số 77/2003/QĐ-UB, ngày 7-3-2003; Quyết định số 493/QĐ-UB, ngày 9-10-2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc ban hành quy định về đầu tư xây dựng đường giao thông liên thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Thực hiện Quyết định số 340//2002/QĐ-UB, ngày 15-8-2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc phân cấp quản lý, khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình cơ sở hạ tầng nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Nghiên cứu các Quyết định 186, Quyết định 120 để xây dựng dự án và kế hoạch vốn và xin Trung ương hạn mức.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2001 - 2003

1. Quốc lộ

- Quốc lộ 4E, đã có quyết định của Bộ Giao thông - Vận tải duyệt 10 km đường trục chính Lào Cai - Cam Đường thành đường quốc lộ 4E do Trung ương quản lý.

- Đường quốc lộ 4D, dài 110 km, 41 km đường cấp 4; trong đó, đoạn km 103- km 137 (Lào Cai - Sa Pa) đang được triển khai nâng cấp, cải tạo, hoàn thành cuối năm 2003. Đoạn Trạm Tôn - Sa Pa (km 89 - km 103) dài 14 km hiện đang lập dự án, dự kiến khởi công năm 2004. Đoạn Bản Phiệt đi Mường Khương và cửa khẩu, cấp 5, đã nâng cấp hoàn thành năm 2002.

Đường quốc lộ 279, dài 167 km, đã được lập dự án đầu tư nâng cấp, đường cấp 5 (đoạn qua nội thị Bảo Yên, Văn Bàn được mở rộng theo quy hoạch). Đã đưa vào sử dụng 60 km (đoạn Tân An - Khe Lếch, Văn Bàn - Khau Co), còn lại đang triển khai thi công: dự kiến đầu năm 2004, hoàn thành đoạn Nghĩa Đô - Bảo Hà dài 53 km, cuối năm 2004 đầu năm 2005, hoàn thành đoạn Khau Co - Cáp Na. Riêng cầu Bảo Hà đang trình kế hoạch đấu thầu, khả năng quý I năm 2004 khởi công.

- Đường quốc lộ 70, đi qua địa phận tỉnh Lào Cai dài 88 km nằm trong tuyến đường hành lang Côn Minh - Hải Phòng; hiện tại đoạn km 188 - km 197 (Bản Phiệt - cầu Hồ Kiều II) đang triển khai thi công nâng cấp, tiêu chuẩn đường cấp IB nền rộng 22,5m, mặt rộng 15 m, bốn làn xe, riêng 2 km từ cầu Hồ Kiều qua cầu chui rộng 27 m. Đoạn còn lại, đến Yên Bái, Bộ Giao thông - Vận tải đang duyệt dự án khả thi, đầu tư bằng vốn trái phiếu Chính phủ.

- Đường quốc lộ 32, dài 64 km, đã phê duyệt tiêu chuẩn đường cấp 6 miền núi, hiện tại công trình đã được bàn giao 10 km (trung tâm huyện Than Uyên - ngã ba giao quốc lộ 32 với quốc lộ 279 km 344 - km 354), các đoạn còn lại đang thi công, dự kiến năm 2004 hoàn thành. Đây là dự án thực hiện vượt kế hoạch.

- Đường nối quốc lộ 4D - quốc lộ 4C, dài 100 km, Bộ Giao thông - Vận tải đang lập dự án cải tạo nâng cấp, nối với quốc lộ 4D tại Mường Khương và sang địa phận Hà Giang (tại Lũng Cú - Bắc Hà) cấp 4... dự kiến khởi công năm 2004 và nghiên cứu đoạn Ô Quý Hồ - Bản Sò - Kim Tân trong hệ thống đường cấp 4.

2. Tỉnh lộ

Toàn tỉnh có khoảng 270 km đường tỉnh lộ, có 40 km đường cấp 4, 30 km đường cấp 5, còn lại là cấp A - giao thông nông thôn.

- Đường 79 (Tăng Loỏng), dài 39 km, trong đó 25 km đường cấp 4 miền núi, còn lại (Tân An - Khe Sang) đường cấp A - giao thông nông thôn, dự kiến năm 2004 nâng cấp (vốn ADB qua Bộ Giao thông - Vận tải).

- Đường Hoàng Liên Sơn I, dài 29 km, đang triển khai thi công phần nền đường bằng vốn của tỉnh. Mặt đường, thoát nước sẽ đầu tư bằng vốn ADB qua Bộ Giao thông - Vận tải (cấp 4 miền núi) năm 2004.

- Đường Hoàng Liên Sơn II, dài 40 km, đang trình duyệt thiết kế kỹ thuật, dự kiến khởi công cuối năm 2003 (cấp A - giao thông nông thôn); cầu Cốc Ly nâng cấp thành cầu cứng, vốn ADB qua Bộ Giao thông - Vận tải.

- Đường Kim Tân - Mường Hum, dài 44 km; trong đó, 20 km đường cấp 4 miền núi, 24 km đường cấp A - giao thông nông thôn, dự kiến khởi công năm 2004 (vốn ADB và nguồn vốn khác).

- Đường Tả Gia Khâu - Bản Mế, dài 16 km, đường cấp A - giao thông nông thôn đang được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý (đã thi công 50% khối lượng), cầu Na Hờ qua sông Xanh đang lập dự án. Tuyến này sẽ chuyển theo hệ thống đường quốc lộ 4 nối quốc lộ 4D - quốc lộ 4C, nâng cấp qua Bộ Giao thông - Vận tải.

Đường Phố Mới - Phong Hải, dài 25 km, đã hoàn thiện 15 km bằng nguồn vốn JBIC, đoạn còn lại đang thực hiện. Riêng mặt đường từ km 15 - km 25, đầu tư bằng vốn ADB qua Bộ Giao thông - Vận tải.

- Đường Sa Pa - Bản Dền, dài 18 km, nâng cấp, (vốn ADB qua Bộ Giao thông - Vận tải), mới có kết quả trúng thầu. Khởi công quý 4-2003.

- Đường Bắc Ngâm - Bắc Hà, dài 25 km, đầu tư nâng cấp đường cấp

4, hoàn chỉnh dự án nâng cấp toàn tuyến, đang lập thiết kế kỹ thuật km 16 - km 24 + 800 và cầu Trung Đô để khởi công vào cuối năm 2003.

- Đường Bản Vược - Nậm Chạc, dài 37,5 km, đầu tư nâng cấp theo tiêu chuẩn đường cấp A - giao thông nông thôn, mặt đá dăm, cuối năm 2003 sẽ hoàn thành (vốn ADB qua Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

- Đường Tung Trung Phố - Pha Long, dài 13 km, đầu tư nâng cấp theo tiêu chuẩn đường cấp 4 mặt đá dăm láng nhựa (vốn ADB qua Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) cuối năm 2003 hoàn thành.

- Cầu Ngòi Phát, Dương Quỳ- Mường Hum, hiện đang triển khai thi công, sẽ hoàn thành cuối năm 2003.

- Cầu Thanh Phú và cầu Chiềng Keng, đang lập dự án, khởi công năm 2004.

3. Đường giao thôn nông thôn

- Đến hết năm 2003: 100% các xã có đường ô tô tới trung tâm xã, nhưng cơ bản mới đầu tư được phần nền đường, chỉ có khoảng 50 - 60% phần mặt đường cấp phối và hệ thống thoát nước ngang, dọc; chưa có đường nhựa.

- Đã mở mới và nâng cấp 460 km đường từ huyện đến trung tâm xã rải mặt đường cấp phối, xây dựng công trình thoát nước vĩnh cửu.

- Đường liên thôn:

- + Tổng nhu cầu đường giao thông liên thôn: 4.799 km/1731 thôn, bản (không kể tổ dân phố, thị trấn, thị xã).

- + Hiện đã có 2.748km/131 thôn, bản (đa số là đường liên thôn có Bn= 2 m)

- + Cần mở mới 2.051 km/413 thôn, bản.

- + Năm 2003, dự kiến mở mới 738 km đường thôn, bản, bao gồm 260 tuyến; trong đó, nâng cấp 73 tuyến đường Bn = 2 m, dài 204 km lên đường có Bn = 4 m; còn lại mở mới 187 tuyến, dài 534 km, ước giá trị thực hiện trên 77 tỷ đồng; trong đó, Nhà nước hỗ trợ 30 tỷ đồng, đến nay đã triển khai 160 tuyến dài 362 km ở 124 xã.

- + Đến hết năm 2003, đã có 3.282 km đường liên thôn đạt 68% mục tiêu đề án.

Kế hoạch đến năm 2005:

- Tiếp tục nâng cấp 300 km đường đến xã với quy mô có mặt đường đi được cả 4 mùa, công trình thoát nước vĩnh cửu, kinh phí trên 110 tỷ đồng; nhựa hóa mặt đường khoảng 200 km, ước trên 58 tỷ đồng.

- Tiếp tục triển khai mở mới, nâng cấp khoảng 2.000 km (trong đó, mở mới khoảng 1.517 km) đường liên thôn, bản, ước tổng kinh phí 220 tỷ đồng; trong đó, Nhà nước hỗ trợ 80 tỷ đồng.

4. Đường hành lang biên giới

- Tuyên quốc lộ, Bộ Giao thông - Vận tải sẽ trình Chính phủ, lập hồ sơ từng tuyến quốc lộ để đầu tư nâng cấp trên phạm vi học thống đường quốc lộ 4, quy mô cấp 4 chầm trước thuộc phạm vi tỉnh Lào Cai dài 153 km: gồm quốc lộ 4Đ, dài 53 km từ Kim Tân đi Mường Khương (km 137 - km190) đường cấp 5 miền núi; riêng đường nối quốc lộ 4Đ - quốc lộ 4C dài 100 km từ Mường Khương đến Xín Mần chủ yếu đường cấp A - giao thông nông thôn, chưa láng nhựa.

- Tuyến tỉnh lộ, đã báo cáo Trung ương thiết lập tuyến dài 130 km, từ Ô Quý Hồ đi qua các xã huyện Bát Xát đến km 137 - quốc lộ 4Đ, có 24 km từ km 137 - quốc lộ 4Đ đến Ngòi Phát, tiêu chuẩn đường cấp 4, 5 miền núi, còn lại là đường cấp A - giao thông nông thôn (đoạn Dền Sáng - địa phận Phong Thổ dài 17 km chưa có đường).

- Đường ra biên giới, có 2 cửa khẩu (1 quốc tế, 1 quốc gia) và 4 tiểu ngạch; 2 cửa khẩu có đường ra biên giới tiêu chuẩn đường cấp 4 trở lên, 1 cửa khẩu có tiêu chuẩn đường cấp 5 các cửa khẩu còn lại đường cấp A - giao thông nông thôn.

Đường tuần tra biên giới, đã và đang triển khai 6 dự án dài 84 km; trong đó, có 59 km đã thi công xong và 25 km đang triển khai. Theo kế hoạch, tiếp tục triển khai đường tuần tra biên giới 84 km và 113 km đường từ các đồn ra đường tuần tra biên giới. Ủy ban nhân dân tỉnh đang phối hợp với các ngành Trung ương xây dựng dự án và xin vốn đầu tư.

IV. ĐÁNH GIÁ

1. Tiến độ thực hiện Đề án giao thông nông thôn cơ bản đáp ứng nhu cầu, kế hoạch đề án

- Kết quả thực hiện Đề án phát triển giao thông tỉnh Lào Cai đã có hiệu quả to lớn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lào Cai: Là động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, góp phần nâng cao đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội... cho nhân dân các dân tộc, đặc biệt là vùng đặc biệt khó khăn; gắn sản xuất hàng hóa các vùng với thị trường tiêu thụ, thúc đẩy sản xuất hàng hóa phát triển, phát huy thế mạnh từng vùng;

Tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý, khai thác tài nguyên Khoáng sản và tiềm năng du lịch, tiềm năng đất đai và khí hậu..., các nhu cầu học tập, chăm sóc sức khỏe, văn hóa được đáp ứng; thu hút các nhà đầu tư và góp phần bảo vệ an ninh - quốc phòng và biên giới ổn định.

- Nhìn chung, đề án có xu hướng phát triển tốt, đặc biệt là chương trình làm đường giao thông nông thôn đã được thực hiện theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, dân làm là chính, Nhà nước hỗ trợ một phần, đã huy động được nguồn lực trong nhân dân. Các mục tiêu đề án đã có cơ sở để hoàn thành.

2. Ưu điểm

- Các ngành chức năng đã năng động, bám sát mục tiêu tham mưu cho tỉnh xây dựng dự án theo quy hoạch, khai thác và tranh thủ hỗ trợ của các ngành Trung ương và tổ chức quốc tế.

- Các ngành, các địa phương, doanh nghiệp đã nỗ lực tập trung chỉ đạo, thi công xây dựng các tuyến đường giao thông, chương trình mở đường giao thông liên thôn đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn.

Đã tập trung được mọi nguồn lực (ngân sách toàn tỉnh, ADB, WB, vốn viện trợ, Chương trình 135 và nhân dân tham gia xây dựng công trình) để tập trung đầu tư xây dựng hệ thống giao thông.

- Các đề án triển khai theo đúng trình tự xây dựng cơ bản, bảo đảm có hiệu quả. Đặc biệt là phong trào mở đường giao thông liên thôn ở những huyện, xã thực hiện tốt Quy chế dân chủ, họp dân và bàn với dân về giải phóng mặt bằng, huy động nguồn lực thì việc triển khai thi công đường liên thôn được thuận lợi, nhân dân phấn khởi tham gia.

- Đề án phát triển giao thông, mạng lưới đường giao thông đã được thực hiện đúng quy hoạch, kế hoạch phù hợp, phát huy hiệu quả.

3. Khuyết điểm, khó khăn

- Là một chương trình cần nguồn vốn đầu tư rất lớn, nhưng khả năng vốn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế của địa phương.

- Công tác giải phóng mặt bằng một số công trình còn chậm.

Do điều kiện khí hậu, thời tiết thiên tai mưa lũ, sạt lở nhiều, cần phải khắc phục, phát sinh lớn, ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ thi công công trình.

- Năng lực cán bộ của một số Ban Quản lý dự án còn hạn chế, chỉ đạo, kiểm tra chưa thật sát sao. Năng lực của một số nhà thầu (B) còn yếu, thi công chậm tiến độ.

- Một số dự án chất lượng chưa cao dẫn đến phải điều chỉnh, phát sinh, hoặc thay đổi hạng mục trong quá trình thi công. Công tác hoàn thiện thủ tục, hồ sơ chậm, quyết toán chậm.

- Mở đường giao thông liên thôn triển khai thực hiện cơ bản là tốt, tuy nhiên, còn có những hạn chế: ở một số nơi chưa họp dân hoặc bàn chưa kỹ nên việc triển khai còn chậm và có nhiều khó khăn; tiến độ lập hồ sơ thiết kế còn chậm (năm đầu). Về cấp phát thanh toán tạm ứng chưa kịp thời, việc nổ mìn phá đá ở một số huyện còn chậm (do mua và vận chuyển vật liệu nổ). Việc chọn tuyến, một số địa phương chưa xác định thứ tự ưu tiên, nên triển khai kế hoạch còn chậm (đến nay mới triển khai 160 tuyến, đề nghị điều chỉnh kế hoạch tăng 70 tuyến, giảm 35 tuyến).

- Việc báo cáo chưa kịp thời (hầu hết các chủ đầu tư không có báo cáo) để xử lý những vướng mắc cho việc thi công công trình.

- Công tác triển khai thực hiện Quyết định số 340/2002/QĐ-UB, ngày 15-8-2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc phân cấp quản lý, khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình cơ sở hạ tầng nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai, đến cơ sở xã thôn, bản chưa sâu rộng nên kết quả hạn chế.

- Các dự án sử dụng vốn nước ngoài thường chậm về thủ tục, hồ sơ do nước ngoài quy định (vốn ADB, WB) nên kéo dài thời gian. Các công trình do bộ, ngành làm chủ đầu tư phụ thuộc tiến độ của Trung ương và nước ngoài.

- Các công trình đường giao thông đã thi công sử dụng vốn ngân sách nhà nước còn nợ đọng nhiều, nhu cầu vốn để trả nợ còn lớn.

V. GIẢI PHÁP TIẾP TỤC TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Mục tiêu chính là hệ thống đường giao thông phải đầy đủ và bảo đảm thông suốt bốn mùa từ Trung ương đến tỉnh, đến huyện, xã và đến thôn, bản. Trong thời gian tới cần tập trung thực hiện các giải pháp chủ yếu sau:

- Các ngành, các cấp cần tập trung chỉ đạo tiến độ thi công công trình sớm đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả. Tăng cường công tác chỉ đạo kiểm tra, giám sát công trình bảo đảm tiến độ, chất lượng. Đẩy mạnh việc hoàn thiện, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán. Bảo đảm chế độ báo cáo theo quy định.

- Chủ động xây dựng kế hoạch cùng các bộ, ngành Trung ương triển khai các dự án giao thông lớn hành lang Côn Minh - Hải Phòng, xây dựng sân bay, cải tạo đường sắt, đường thủy, đường vành đai biên giới Việt - Trung. Kết hợp chặt chẽ với bộ, ngành Trung ương để sớm hoàn thành hồ sơ, sớm thi công và thực hiện tối giải phóng mặt bằng.

+ Các dự án đang thi công chuyển tiếp: Tiếp tục đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách tập trung trong hai năm 2004 - 2005.

+ Các dự án khởi công mới: Trước mắt thực hiện tốt kế hoạch đầu tư nâng cấp bằng các nguồn vốn giảm nghèo và các nguồn vốn khác (vốn ADB, vốn JBIC...).

Các công trình đường biên giới đang thi công chuyển tiếp (do tỉnh trực tiếp quản lý): Tiếp tục thi công, xin Trung ương đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách tập trung trong hai năm 2004 - 2005.

- Đường giao thông liên thôn: Duy trì kế hoạch và mức đầu tư mà tỉnh đã hỗ trợ cho mở đường giao thông liên thôn. Vì mục tiêu rất lớn mà sức đóng góp của dân hạn chế, để đạt mục tiêu đề ra cần có sự lồng ghép các nguồn vốn, tranh thủ vốn viện trợ của các tổ chức xã hội, các chương trình mục tiêu, nâng cao trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện, xã trong việc huy động sức dân. Nguồn vốn Nhà nước đầu tư hỗ trợ chủ yếu bằng vốn Chương trình 135 và vốn ngân sách địa phương.

- Xác định thứ tự ưu tiên các tuyến đường, đẩy mạnh huy động cao hơn nữa sự đóng góp của nhân dân để mở đường giao thông liên thôn (hạn chế việc thuê máy về làm); tăng cường quản lý, khai thác, bảo dưỡng các công trình giao thông nông thôn theo Quyết định 340/2002/QĐ.-UB.

- Tăng cường khai thác, sử dụng hợp lý các nguồn lực (vốn ngân sách, vốn chương trình: Quyết định 186, 120, Chỉ thị 135, vốn nước ngoài: ADB, WB, JBIC, viện trợ và huy động nhân dân tham gia chủ yếu là đường liên thôn) để đẩy mạnh nâng cấp mở mới các tuyến đường giao thông; trong đó, ưu tiên phát triển đường biên giới, đường liên thôn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng.

- Công tác kiểm tra: Sở Giao thông - Vận tải là cơ quan thường trực chủ trì phối hợp với các cấp, các ngành liên quan cần thường xuyên có kế hoạch kiểm tra công tác phát triển giao thông; trong đó, chú ý các tuyến đường giao thông liên thôn do nhân dân tự làm, để có biện pháp tháo gỡ những khó khăn.

C. ĐỀ ÁN XÂY DỰNG THÀNH PHỐ LÀO CAI

I. MỤC TIÊU ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu chung: Phấn đấu đến năm 2005 nâng cấp cụm đô thị Lào Cai - Cam Đường trở thành thành phố Lào Cai

2. Mục tiêu nhiệm vụ cụ thể phấn đấu đến năm 2005

- Về thu nhập bình quân đầu người: từ 271 USD lên 300 USD/người.
- Về cân đối thu, chi ngân sách: Cân đối đủ thu, chi ngân sách trong cụm đô thị;
- Về diện tích nhà ở: Đạt trên 4,2 m² sàn/người;
- Về tỷ lệ nhà kiên cố trên tổng quỹ nhà: tăng từ 22,7% lên 28%;
- Về tỷ lệ đất giao thông lên đất xây dựng đô thị: tăng 9,8% lên 14%);
- Về mật độ đường chính: nâng mật độ đường chính từ 1,8 km/km² lên 2,8 km/km² trong toàn cụm đô thị;
- Về tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt: bảo đảm cấp nước sinh hoạt trong toàn cụm từ 60 lít/người/ngày lên 80 lít/người/ngày;
- Về mật độ đường ống thoát nước: nâng mật độ đường ống thoát nước chính từ 1,8km/km² lên 2,8km/km²;
- Về tỷ lệ đất đô thị có hệ thống thoát nước: nâng tỷ lệ đất đô thị có hệ thống thoát nước từ 18% lên 28%.
- Về tỷ lệ thu gom xử lý nước thải: đạt tỷ lệ thu gom xử lý là 60%;
- Về mật độ dân số: nâng mật độ dân số từ 2.523 người/km² lên 5.600 người/km².

II. CÔNG TÁC TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Triển khai

- Đã xây dựng quy hoạch điều chỉnh thị xã Lào Cai - Cam Đường được phê duyệt sáp nhập và nâng cấp lên đô thị loại III;
- Xây dựng quy hoạch chi tiết 5 tiểu khu diện tích 1.378 ha. Quy hoạch khu cửa khẩu và khu thương mại Kim Thành, các khu công nghiệp Duyên Hải, Phố Mới, Tầng Loỏng; quy hoạch bổ sung Khu kinh tế cửa khẩu trình Chính phủ điều chỉnh phạm vi thực hiện Quyết định 53/2001-QĐ/TTg.
- Rà soát các chi tiết xây dựng thành phố Lào Cai. Phân công các ngành, Ủy ban nhân dân thị xã Lào Cai triển khai thực hiện.
- Thành lập Ban Quản lý khu đô thị mới Lào Cai - Cam Đường.
- Xây dựng các dự án đầu tư khu thương mại cửa khẩu, khu công nghiệp, khu đô thị mới và các phường, xã thị xã Lào Cai cũ.

Xây dựng kế hoạch đầu tư và nhu cầu vốn giai đoạn 2001 - 2005 và đến năm 2010.

2. Về cơ chế chính sách thực hiện đề án

Thực hiện Quyết định số 53/2001/QĐ-TTg, ngày 19-4-2001 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với khu cửa khẩu biên giới;

- Xây dựng, ban hành chính sách đối với bốn khu kinh tế trọng điểm trong khu kinh tế Cửa khẩu Lào Cai tại Quyết định số 496/QĐ-UB, ngày 25-10-2002; khu thương mại Kim Thành.

- Xây dựng quy chế đấu giá trụ sở các cơ quan hành chính, sự nghiệp ở thị xã cũ.

- Xây dựng quy chế đấu giá và đổi đất lấy hạ tầng.

- Báo cáo Trung ương quy chế áp dụng tại khu thương mại Kim Thành

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

- Triển khai các dự án đường giao thông tại khu đô thị Lào Cai - Cam Đường gồm:

+ Đường trục chính Lào Cai - Cam Đường đã thi công theo quy hoạch đạt 85% khối lượng nền đường và 80% thoát nước.

- Cơ bản hoàn thành hệ thống đường ngang (B3, B4a, B5, B6 hoàn thành, B1, B2, B7, B8 hoàn thành 80%).

- Đường D1, B9, B10 đã duyệt xong dự án.

- Xây dựng xong dự án kè 2 bờ sông Hồng chờ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định. Dự kiến triển khai tháng 11-2003.

Xây dựng dự án và triển khai thực hiện dự án 2 khu công nghiệp địa phương và tôn tạo đền Thượng, đền Mẫu. Xây dựng dự án ngoại thất khu cửa khẩu và thi công xong nhà quản lý cửa khẩu. Hoàn thành cầu Phố Mới.

- Tạo mặt bằng giai đoạn 1 là 51 ha ở khu thương mại Kim Thành, chuẩn bị triển khai giai đoạn 2. Hai khu công nghiệp đã thi công 30% khối lượng.

- Xây dựng các khu tái định cư... và thực hiện các dự án khu thị xã Lào Cai cũ.

- Triển khai dự án đổi đất lấy cơ sở hạ tầng đường B1 và đang thực hiện xây dựng phương án một số khu số 1, một phần diện tích khu km 6, khu đường bờ sông...

- Tổ chức đào tạo chuyển đổi việc làm cho lao động đô thị.

- Bố trí sắp xếp các dự án vào khu thương mại và khu công nghiệp ở các khu thị xã Lào Cai cũ.

- Thực hiện Quyết định 75 về đấu giá cấp quyền sử dụng đất.

- Về hệ thống cấp nước đô thị: Đã quy hoạch và xây dựng dự án hệ thống cấp nước đô thị, đang chuẩn bị xây dựng Trạm xử lý nước ngòi Đum, nước ngầm Cam Đường; lập xong dự án hệ thống cấp nước toàn khu đô thị mới, đang triển khai thiết kế kỹ thuật để trình duyệt và tổ chức thi công;

- Về hệ thống cấp điện: Lập xong quy hoạch và thống nhất với Công ty Điện lực I dự án hệ thống cấp điện khu đô thị mới, chuẩn bị triển khai thi công; đã điều chỉnh tuyến đường cấp điện 35 kV theo quy hoạch mới để cấp điện cho đường 4E và các đường trục ngang; dự kiến tháng 12-2003 sẽ hoàn thành.

- Xây dựng xong phương án hợp khối cơ quan, quy hoạch bố trí các cơ quan tỉnh và san tạo mặt bằng trên 200.000 m². Xây dựng quy định, tiến độ xây dựng các khu nhà hợp khối.

- Đã quy hoạch xong, đang lập dự án đầu tư các công trình: Trường Cao đẳng Sư phạm, Trường Trung học kinh tế - kỹ thuật, Trường Công nhân kỹ thuật; đang tiến hành triển khai khảo sát lập dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh.

- Xây dựng nghĩa địa Dốc Đỏ, nghĩa địa Vạn Hoà.

Tình hình thu hút đầu tư trong nước, ngoài tỉnh và nước ngoài tại 4 khu kinh tế trọng điểm trong khu kinh tế Cửa khẩu thị xã Lào Cai.

- Đầu tư trong nước: Tính đến nay, đã có tổng số 26 dự án trong nước được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dưới hình thức chấp thuận đầu tư (sử dụng vốn đầu tư tự có và tự huy động của chủ đầu tư) với tổng vốn đầu tư 411,345 tỷ đồng. Cụ thể như sau:

Khu thương mại Kim Thành: 8 dự án, tổng vốn đầu tư 160 tỷ đồng tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực kinh doanh chợ, kho hàng, bến bãi, dịch vụ.

Khu công nghiệp bắc Duyên Hải: 10 dự án, tổng vốn đầu tư 101,524 tỷ đồng.

Khu kinh tế cửa khẩu: 8 dự án, tổng vốn đầu tư là 149, 821 tỷ đồng, trong đó đáng kể nhất là dự án Trung tâm thương mại quốc tế do Công ty Bitis là chủ đầu tư với tổng vốn 114 tỷ đồng, đã khởi công xây dựng tháng 12-2002.

- Đầu tư nước ngoài: Tổng số có 17 dự án nước ngoài được cấp phép đầu tư tại 4 khu kinh tế trọng điểm với tổng vốn đầu tư 22,16 triệu USD (vốn pháp định 14,325 triệu USD). Trong đó, có 9 dự án 100% vốn nước ngoài, chủ yếu là đối tác Trung Quốc; 3 dự án liên doanh (trong đó, có 1 đối tác là Xingapo), và 5 dự án hợp đồng hợp tác kinh doanh. Ngoài ra, còn cấp giấy phép điều chỉnh cho 4 dự án (tăng vốn pháp định và bổ sung ngành, nghề kinh doanh).

- Việc triển khai giao đất cho các nhà đầu tư đã thực hiện theo dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận ở khu thương mại Kim Thành.

Đến nay, 21 nhà đầu tư được Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý về mặt nguyên tắc, giới thiệu địa điểm đất để xây dựng dự án. Trong đó, 3 nhà đầu tư đã có dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh có quyết định chấp thuận đầu tư (Công ty Cổ phần Kim Hà, Công ty Đầu tư thương mại quốc tế và Công ty Cổ phần Việt Nam phát triển).

Các dự án đang xây dựng:

- Dự án các trụ sở hành chính - chính trị khu đô thị mới.
- Dự án xây dựng các trường trung học cơ sở khu đô thị mới.
- Hệ thống các nhánh giao thông thuộc khu đô thị mới (trục phía tây, một số trục ngang).
- Dự án bưu chính - viễn thông khu đô thị mới.
- Dự án khu trung tâm văn hóa - thể thao. Quy hoạch các khu thương mại du lịch...

- Dự án cầu Kim Thành đang thỏa thuận với phía Trung Quốc, dự kiến khởi công quý I năm 2004.
- Dự án xử lý nước thải khu đô thị mới.
- Sân bay Lào Cai
- Dự án cây xanh đô thị

IV. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

1. Đánh giá chung

- Đề án đang tiến triển tốt, tuy nhiên chậm so kế hoạch khoảng 6 tháng, các dự án mới thực hiện được từ 30 - 80% khối lượng đầu tư.
- Chỉ tiêu thành phố còn 7 chỉ tiêu là chưa đạt, nhưng triển vọng sẽ đạt tiêu chuẩn thành phố năm 2004.
- Đã tạo không khí phấn khởi trong nhân dân.
- Bước đầu thu hút đầu tư.
- Giải quyết đất ở sắp xếp dân cư, ổn định tình hình dân cư.
- Bước đầu tạo nguồn thu ngân sách tăng từ tiền sử dụng đất.

2. Ưu điểm

Được sự quan tâm và tập trung chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và sự cố gắng nỗ lực của các ngành, Ủy ban nhân dân thị xã Lào Cai, các đơn vị và cơ sở thực hiện, tiến độ thực hiện cơ bản đạt yêu cầu đề ra.

- Tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ của các bộ, ngành Trung ương, các cơ quan, tổ chức liên quan để xây dựng quy hoạch các dự án và hỗ trợ các nguồn lực như giao thông, điện...

- Chủ động triển khai nhanh đề án, khẩn trương xây dựng và thực hiện các dự án đã có tác động tích cực đến thu hút đầu tư, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động xã hội.

Về phân bổ nguồn vốn: Tỉnh có chủ trương bố trí, phân bổ nguồn vốn cho từng dự án cụ thể, để bảo đảm tiến độ thi công các dự án trong khu đô thị.

3. Khuyết điểm - khó khăn

- Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức thực hiện còn một số tồn tại như sau:

+ Sự chỉ đạo, phối hợp của các ngành, các cấp còn chưa chặt chẽ, nhất là giải phóng mặt bằng còn chậm và có tiêu cực, sai sót. Xây dựng khu tái định cư để sắp xếp dân cư chưa đồng bộ. Việc triển khai các dự án còn chậm. Biện pháp thu hút đầu tư chưa nhiều. Do nhu cầu vốn đầu tư lớn, đến nay, tỉnh đang cân đối các nguồn lực để đầu tư thực hiện các dự án. Dự án điều chỉnh nhiều. Một số hạng mục điều chỉnh phải chờ Bộ Giao thông - Vận tải phê duyệt.

V. GIẢI PHÁP TIẾP TỤC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Để đẩy nhanh tiến độ thực hiện đề án cần tiếp tục thực hiện một số giải pháp sau:

- Các cấp, các ngành tập trung chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ được giao. Tăng cường sự phối hợp của các cấp, các ngành với thị xã Lào Cai, chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ xây dựng và thực hiện các dự án bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

- Tăng cường khai thác các nguồn lực, vốn của các bộ, ngành Trung ương và ngoài nước. Thực hiện tốt cơ chế đổi đất lấy công trình, đổi đất lấy đô thị để thu hút vốn đầu tư; lựa chọn thứ tự ưu tiên các công trình nhằm hội tụ đủ các tiêu chí thành phố.

- Rà soát, hoàn chỉnh kế hoạch xây dựng các khu hành chính. Ưu tiên nguồn vốn ngân sách xây dựng các khu: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, hội trường... để các cơ quan của tỉnh chuyển về khu đô thị mới và bán trụ sở ở khu đô thị cũ.

- Điều chỉnh, bổ sung chính sách khuyến khích đầu tư vào 4 khu kinh tế trọng điểm thuộc khu vực kinh tế Cửa khẩu Lào Cai (theo Quyết định 496/QĐ-UB); tập trung nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại 4 khu kinh tế trọng điểm để tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư triển khai sớm dự án.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính về cấp giấy phép, xây dựng cấp quyền sử dụng đất... theo hướng cơ chế “một cửa”.

- Rà soát quy hoạch sử dụng đất đai, bảo đảm phù hợp quy hoạch và bổ sung quy hoạch một số khu ở Cam Đường. Công bố công khai quy hoạch, tuyên truyền phổ biến cho mọi người dân hiểu biết về quy định đô thị; xây dựng các biển báo, mốc chỉ giới các khu chức năng trong khu đô thị.

- Xây dựng phương án giải phóng mặt bằng, sắp xếp dân cư đồng bộ khu đô thị mới để thực hiện quản lý quy hoạch. Xây dựng cơ chế quản lý các khu định cư, tái định cư để bảo đảm công tác giải phóng mặt bằng, sắp xếp dân cư. Xây dựng các dự án giải quyết việc làm; chuyển dịch mạnh lao động nông nghiệp sang lao động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ, đẩy mạnh phát triển một số hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp; xây dựng cơ sở hạ tầng cho một số khu, cụm công nghiệp, tạo việc làm cho lao động địa phương.

- Tiếp tục tăng cường chất lượng và sự phối hợp của các ngành, các cấp, năng lực cán bộ của Ban Quản lý dự án các công trình đô thị thị xã Lào Cai của thị xã Lào Cai, các ngành liên quan để triển khai có hiệu quả tiến độ xây dựng thành phố Lào Cai trước cuối năm 2005.

D. ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP

I. MỤC TIÊU CHÍNH CỦA ĐỀ ÁN

Tỷ trọng công nghiệp trong GDP toàn tỉnh 19% trở lên; giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá cố định năm 1994) là 797 tỷ đồng; tạo thêm việc làm mới cho 5.000 người (từ 10.000 người lên 15.000 người) và có 60% số lao động công nghiệp được đào tạo nghề.

II. CÔNG TÁC TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO

1. Tổ chức thực hiện

Thành lập Ban chỉ đạo cấp tỉnh, giao Sở Công nghiệp chủ trì triển khai tổ chức thực hiện đề án và phối hợp các ngành liên quan, các

huyện, thị xã kiểm tra, theo dõi thực hiện đề án; phân công các ngành phối hợp, chỉ đạo xây dựng dự án, phương án phát triển công nghiệp từng huyện, thị.

Hàng năm, căn cứ tiến độ đề án, quy hoạch được duyệt; triển khai xây dựng các dự án đầu tư công nghiệp, triển khai thực hiện bảo đảm tiến độ. Hướng dẫn việc sử dụng nguồn hỗ trợ đầu tư từ vốn khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp.

- Các ngành, các cấp theo sự phân công đã tổ chức triển khai theo đúng nhiệm vụ, chức năng theo lĩnh vực ngành, địa phương quản lý.

- Đã xây dựng 37 dự án sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp cụ thể:

- Phát triển công nghiệp khai thác, chế biến Khoáng sản, gồm 18 dự án đầu tư khai thác, chế biến các loại quặng: apatít, đồng, sắt, feldpat, cao lin, thạch anh, mi ca, đá vôi.

- Công nghiệp chế biến nông, lâm sản, gồm 7 dự án chính là chế biến chè, ngô, đậu tương, hoa quả, sản xuất ván sợi mềm, sản xuất chiếu thảm tre, dừa xuất khẩu, sấy ngô, chế biến rượu từ mận.

- Công nghiệp cơ khí và công nghiệp khác, gồm 2 dự án là đầu tư cơ sở sản xuất bi nghiền, tấm lót và cơ sở sản xuất bao bì PP.

- Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, gồm 3 dự án là sản xuất gạch, sản xuất bê tông tươi và sản xuất xi măng.

- Công nghiệp điện, gồm 2 dự án xây dựng đường điện quốc gia và 4 dự án xây dựng thủy điện.

- Phát triển tiểu, thủ công nghiệp, gồm 5 nhóm các tiểu dự án là phát triển các ngành, nghề chế biến nông, lâm sản; các ngành phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp; sản xuất vật liệu xây dựng, các ngành, nghề thủ công truyền thống; các ngành, nghề và dịch vụ khác.

- *Nhu cầu vốn đầu tư đề án:*

Tổng số 2.092 tỷ đồng, trong đó công nghiệp Trung ương là 1.742 tỷ đồng; công nghiệp địa phương là 350 tỷ đồng.

2. Cơ chế chính sách

- Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 80/QĐ-TTg, ngày 24-6-2002

của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích tiêu thụ nông sản hàng hóa thông qua hợp đồng

- Quyết định số 496/QĐ-UB, ngày 25-10-2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc ban hành chính sách ưu đãi đầu tư vào 4 khu kinh tế trọng điểm thuộc Khu kinh tế Cửa khẩu thị xã Lào Cai;

- Quyết định số 381/2001/QĐ-UB, ngày 5-12-2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc ban hành “Quy định về chính sách khuyến khích phát triển tiểu, thủ công nghiệp Lào Cai”.

- Các cơ chế chính sách ưu đãi đã ban hành của Nhà nước và của tỉnh.

III. KẾT QUẢ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

1. Kết quả tổng hợp

Tỷ trọng công nghiệp trong GDP toàn tỉnh tăng từ 18,05% năm 2001 lên 20,04% năm 2002 và ước đạt 23,21% năm 2003.

Giá trị sản xuất công nghiệp (giá cố định năm 1994): tăng từ 369.490 triệu đồng năm 2001 lên 436.000 triệu đồng năm 2002, tăng 18%. Năm 2003, ước đạt 466.560 triệu đồng, tăng 8,6% so năm 2002.

2. Kết quả thực hiện đề án, các dự án

2.1. Các dự án đã thực hiện đầu tư xong là 7 dự án

- Xưởng sản xuất bao PP của Công ty khoáng sản Lào Cai, sản xuất tháng 2-2002.

- Xưởng chế biến thức ăn gia súc Công ty Liên Sơn, sản xuất tháng 3-2003.

- Cơ sở khai thác, chế biến Felspat Công ty trách nhiệm hữu hạn Kim Sơn, sản xuất tháng 7-2002.

- Cơ sở khai thác, chế biến đá xây dựng Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Lương Hà, sản xuất tháng 5-2002.

- Dự án của Công ty Xây lắp điện Vũ Yến: đầu tư xưởng mạ kẽm và xưởng đúc cột điện chữ H, sản xuất từ tháng 5-2002.

- Dự án khai thác, chế biến đá xây dựng Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông V, sản xuất tháng 5-2002.

- Dự án thủy điện Cốc San, Công ty Khoáng sản Lào Cai, hoàn thành năm 2003.

2.2. Các dự án đang triển khai đầu tư là 5 dự án

- Dự án Tổ hợp đồng Sin Quyền của Tổng Công ty Khoáng sản Việt Nam, khởi công xây dựng tháng 9-2003; dự kiến cuối năm 2004, Nhà máy tuyển đi vào hoạt động, giữa năm 2005 Nhà máy luyện kim hoạt động.

- Nhà máy tuyển Apatít Làng Hẻo của Công ty Apatít Việt Nam.

- Dự án thủy điện Ngòi Phát của Tổng Công ty Xuất, nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam.

- Dự án mở rộng Công ty Xi măng Lào Cai.

- Lập dự án nâng cấp và mở rộng các cơ sở chế biến chè trọng điểm.

2.3. Các dự án đang tiến hành công tác chuẩn bị đầu tư là 9 dự án

Dự án liên doanh đầu tư khai thác, tuyển quặng sắt nghèo Mỏ sắt Làng Léch giữa Công ty Khoáng sản Lào Cai với Công ty trách nhiệm hữu hạn Khai Phát khoáng nghiệp Côn Gang - Hà Khẩu.

Dự án đầu tư cơ sở sản xuất gang tại Tầng Loỏng của Công ty phát triển Khoáng sản III - Tổng Công ty Khoáng sản Việt Nam.

- Dự án xưởng bi nghiền, tấm lót của Công ty Khoáng sản Lào Cai.

- Xưởng chế biến măng hộp xuất khẩu của Công ty Liên Sơn.

- Dự án thủy điện Chu Linh - Cốc San của Tổng Công ty Xuất, nhập khẩu và xây dựng Việt Nam.

- Dự án thủy điện Nale - Bắc Hà của Tổng Công ty Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng (LICOI)

- Dự án thủy điện Tả Thành - Bắc Hà của Tổng Công ty Xuất, nhập khẩu và xây dựng Việt Nam.

- Thủy điện Nậm Phàng của Tổng Công ty Xây dựng công nghiệp Việt Nam và dự án thủy điện Seo Chung Hồ - Sa Pa, dự án thủy điện Ngòi Nhù - Văn Bàn.

2.4. Quy hoạch xây dựng 2 khu công nghiệp địa phương bắc Duyên Hải, đông Phố Mới

2.5. Phát triển tiểu thủ công nghiệp

- Các huyện đang triển khai phương án tiểu thủ công nghiệp.
- Đã xây dựng và đưa vào sản xuất trên 20 dự án tiểu thủ công nghiệp giá trị gần 6 tỷ đồng, trên các lĩnh vực: chế biến nông, lâm sản, dược liệu, ngành, nghề thủ công.

IV. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

1. Triển vọng đạt mục tiêu

- Tăng tỷ trọng GDP của công nghiệp - xây dựng trong tổng GDP của tỉnh vượt kế hoạch.
- Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp bước đầu có sự chuyển biến cả về lượng và chất, khai thác tiềm năng, đặc biệt là thủy điện. Công nghiệp đã bắt đầu được đầu tư công nghệ tiên tiến.
- Tạo nhiều việc làm cho người lao động trong sản xuất công nghiệp và lao động nông nghiệp tham gia sản xuất, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp. Tăng thu nhập, góp phần xóa đói, giảm nghèo. Công nghiệp phát triển tác động tích cực đến việc hình thành và phát triển các cơ sở hạ tầng kỹ thuật, góp phần giữ vững an ninh trật tự trên địa bàn Lào Cai. Thúc đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa nông thôn, quá trình đô thị hóa, tạo điều kiện cho thương mại, dịch vụ, du lịch phát triển và thu hút đầu tư.
- Với tiềm năng, lợi thế của tỉnh Lào Cai về tài nguyên Khoáng sản, nông, lâm sản, thủy điện, vật liệu cho các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, công nghiệp Lào Cai sẽ phát triển nhanh sau năm 2005.

2. Ưu điểm

- Một số địa phương, doanh nghiệp đã năng động, tập trung nghiên cứu đầu tư các dự án sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, khai thác tiềm năng của tỉnh cho phát triển.
- Nhận thức của các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và nhân dân về kinh tế thị trường, sản xuất kinh doanh hàng hóa cũng được

nâng lên; các hoạt động đầu tư, mở rộng sản xuất, mở rộng thị trường, nâng cao trình độ tổ chức quản lý và tay nghề công nhân đã được chú trọng. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp được rõ nét. Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn hằng năm đều tăng trưởng đáng kể.

3. Khuyết điểm - khó khăn

- Một số cấp ủy, chính quyền chưa quan tâm phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; sự chỉ đạo của các cấp ở địa phương chưa được sát sao, năng lực cán bộ làm công tác công nghiệp ở huyện còn hạn chế, chỉ đạo lúng túng. Đồng thời, các huyện chưa thực sự quan tâm đến đào tạo, nâng cao trình độ cán bộ làm công tác công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành của tỉnh với các chủ đầu tư chưa chặt chẽ, chưa thường xuyên, do đó công tác chuẩn bị đầu tư và triển khai thực hiện các dự án đầu tư quá chậm.

Việc xác định chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh của một số doanh nghiệp chưa rõ ràng, chưa mạnh dạn đầu tư mở rộng, đầu tư chiều sâu để tăng sức cạnh tranh trên thị trường. Một số doanh nghiệp ngoài quốc doanh được thành lập nhưng thiếu điều kiện không hoạt động, một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài triển khai dự án chậm và hoạt động chưa hiệu quả.

- Tiểu thủ công nghiệp phát triển chậm, chưa đồng đều, mặt hàng chưa phong phú, chất lượng chưa cao, chưa khai thác tiềm năng địa phương.

Sản phẩm công nghiệp chưa đủ sức cạnh tranh trên thị trường, một số cơ sở sản xuất công nghiệp làm ảnh hưởng xấu đến môi trường nhưng chưa được xử lý.

- Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có chính sách, nhưng phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; năng lực cơ sở yếu kém, thị trường nhỏ hẹp, chưa được nghiên cứu. Sản phẩm có khối lượng, chủng loại mặt hàng nhỏ lẻ, chất lượng giá trị thấp. Tay nghề đội ngũ

công nhân chậm được nâng cao, chưa lựa chọn được mô hình sản xuất cho phát triển tiểu thủ công nghiệp.

V. BIỆN PHÁP

Mục tiêu chính là tăng tỷ trọng GDP của công nghiệp - xây dựng trong tổng GDP của tỉnh tăng từ 18,5% (năm 2000) lên 25 - 26%, riêng công nghiệp là 19% (năm 2005). Để đạt được mục tiêu này cần thực hiện các giải pháp chủ yếu sau:

- Đẩy mạnh chuẩn bị và thực hiện các dự án sản xuất công nghiệp khai thác, chế biến Khoáng sản, công nghiệp chế biến nông, lâm sản, vật liệu xây dựng, công nghiệp điện năng tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của địa phương. Kêu gọi đầu tư vào các khu công nghiệp địa phương: bắc Duyên Hải, đông Phố Mới và khu công nghiệp Tầng Loỏng. Đẩy mạnh tiến độ khảo sát và đầu tư vào thủy điện trên địa bàn. Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh các dự án đang đầu tư để đưa vào sản xuất. Đôn đốc để sớm hoàn chỉnh, trình duyệt các dự án trong danh mục đầu tư của đề án, đặc biệt là trong chế biến nông, lâm sản.

- Tiếp tục nghiên cứu, điều chỉnh, hướng dẫn thực hiện các chính sách phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp.

- Cải cách thủ tục hành chính để thu hút đầu tư (cơ chế một cửa). Phối hợp chặt chẽ các ngành, địa phương, chủ đầu tư để giải quyết các vướng mắc trong thực hiện đầu tư một cách nhanh chóng, thuận lợi, không làm nản lòng các nhà đầu tư.

- Lựa chọn công nghệ tiên tiến, hiện đại vào sản xuất công nghiệp để các sản phẩm có sức cạnh tranh trên thị trường.

- Tổ chức nghiên cứu thị trường, hướng dẫn, quảng bá, mẫu mã sản phẩm...

- Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực tại địa phương. Quy hoạch, đào tạo, bổ sung đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ khoa học và công nhân lành nghề để đáp ứng yêu cầu chất lượng nhân lực cho phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

Để tổ chức thực hiện tốt các đề án: Quy hoạch, sắp xếp bố trí lại dân cư các xã vùng cao, biên giới và các xã đặc biệt khó khăn; giao thông tỉnh Lào Cai; phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; xây dựng thành phố Lào Cai, các cấp ủy đảng, chính quyền cần quan tâm chỉ đạo hơn nữa, phát huy những thắng lợi đã đạt được, khắc phục những tồn tại để hoàn thành vượt mức kế hoạch hàng năm, tiến tới hoàn thành mục tiêu chung các đề án.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 21-CT/TU, ngày 2-12-2003

Về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Lào Cai, nhiệm kỳ 2004-2009

Ngày 25-4-2004, toàn quốc nói chung, tỉnh Lào Cai nói riêng sẽ tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2004-2009 theo quyết định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã công bố. Cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp lần này được tổ chức trong lúc toàn Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Lào Cai đang ra sức thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, được cụ thể hóa bằng 27 đề án, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề trên từng lĩnh vực; tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục phát triển, quốc phòng, an ninh được giữ vững, hệ thống chính trị được củng cố một bước. Những thành tích đó chính là kết quả lãnh đạo của Đảng bộ, sự điều hành của chính quyền, sự giám sát, kiểm tra chặt chẽ của Hội đồng nhân dân các cấp trong nhiệm kỳ qua.

Với ý nghĩa là cuộc vận động chính trị và sinh hoạt dân chủ sâu rộng của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh; do đó cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp lần này phải đạt các mục tiêu, yêu cầu là tổ chức bầu cử thực sự dân chủ, đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm và thể hiện không khí ngày hội của toàn dân; những đại biểu được lựa chọn để bầu vào Hội đồng nhân dân, các chức vụ chủ chốt trong Hội

đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phải là những người ưu tú, đủ tiêu chuẩn, xứng đáng đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân địa phương; nâng cao chất lượng đại biểu Hội đồng nhân dân để phát huy vai trò là người đại biểu của nhân dân trong bộ máy chính quyền nhà nước của dân, do dân, vì dân; củng cố bộ máy chính quyền và toàn bộ hệ thống chính trị, tăng cường hiệu lực, hiệu quả và chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp nhất là cấp cơ sở; phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong việc tham gia xây dựng bộ máy chính quyền ở địa phương; đổi mới công tác bầu cử, mở rộng dân chủ trong việc giới thiệu người ra ứng cử vào Hội đồng nhân dân và vào các chức vụ chủ chốt trong Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

Để đạt được những nội dung nói trên và bảo đảm cho cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp lần này thành công tốt đẹp, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy đảng, Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng trực thuộc thực hiện tốt Chỉ thị số 31 CT/TW, ngày 26-11-2003 của Bộ Chính trị “Về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2004-2009” với các nhiệm vụ sau:

1. Chỉ đạo đánh giá toàn diện, sâu sắc hiệu quả hoạt động của cả hệ thống chính trị trong việc tổ chức, vận động nhân dân thực hiện chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tăng cường đại đoàn kết toàn dân, phát huy quyền làm chủ và huy động công sức của nhân dân để phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo; tổng kết hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân nhiệm kỳ 1999-2003 theo đúng Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (sửa đổi); kết hợp thực hiện Quy chế dân chủ với việc lựa chọn người ra ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân. Thông qua bầu cử lần này tiếp tục củng cố, kiện toàn, nâng cao hiệu lực hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị của địa phương.

2. Chỉ đạo các cơ quan Tuyên giáo, Hội đồng tuyên truyền và phổ biến pháp luật các cấp chính quyền, các đoàn thể và các cơ quan thông

tin đại chúng bằng mọi biện pháp tuyên truyền sâu rộng ý nghĩa của bầu cử lần này, quyền và nghĩa vụ bầu cử của công dân, Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân (sửa đổi), Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (sửa đổi), động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân nâng cao ý thức trách nhiệm, tích cực tham gia bầu cử.

3. Lãnh đạo, chỉ đạo tốt việc hiệp thương giới thiệu người ra ứng cử Hội đồng nhân dân các cấp bảo đảm phát huy dân chủ, tập trung thống nhất của Đảng, gắn công tác nhân sự chính quyền trong cuộc bầu cử lần này với nhân sự đại hội đảng các cấp năm 2005 và quy hoạch cán bộ. Lựa chọn đại biểu phải trên cơ sở có phẩm chất, năng lực, uy tín, tiêu chuẩn cán bộ, v.v., bảo đảm cơ cấu về giai cấp, giai tầng xã hội, độ tuổi giới, dân tộc, v.v..

4. Mở rộng dân chủ trong việc giới thiệu người ra ứng cử vào Hội đồng nhân dân và các chức vụ chủ chốt của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp. Chỉ đạo bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp có số dư tối thiểu là 2 người ở mỗi đơn vị bầu cử; có số dư đối với tất cả các chức danh lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, từ chủ tịch trở xuống, ở cả cấp tỉnh, huyện, xã.

Tổ chức đảng các cấp chỉ giới thiệu 1 đại biểu đại diện cho tổ chức đảng cùng cấp tham gia ứng cử vào một chức danh trong Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân theo nguyên tắc tập trung dân chủ, quy trình chặt chẽ, thống nhất.

Đảng viên không tự ứng cử khi chưa được tổ chức đảng cùng cấp giới thiệu; nếu được Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, nhân dân tín nhiệm giới thiệu để bầu vào Hội đồng nhân dân hoặc được đại biểu Hội đồng nhân dân giới thiệu bầu vào các chức danh trong Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thì đảng viên có quyền nhận hoặc không nhận; không coi đó là vi phạm 19 điều cấm đảng viên không được làm. Cần lấy ý kiến của Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội, trưởng thôn, bản, khu phố đối với chức vụ chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trước khi Hội đồng nhân dân tiến hành bầu cử.

5. Cấp ủy đảng có trách nhiệm lãnh đạo chính quyền các cấp bảo đảm các điều kiện, phương tiện vật chất, kinh phí cho bầu cử, đồng thời thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương năm 2004, chuẩn bị tốt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2005 và nhiệm kỳ tiếp theo.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Đảng đoàn Hội đồng nhân dân và Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các địa phương thực hiện tốt công tác bầu cử và báo cáo kết quả về Tỉnh ủy.

Chỉ thị này được thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và được phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỬ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO **Ý KIẾN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 896-TB/TU, ngày 4-12-2003

**Về nhân sự Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc
Việt Nam tỉnh Lào Cai, nhiệm kỳ 2003 - 2008**

Căn cứ Hướng dẫn số 01-HD/MTTW, ngày 18-3-2003 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về việc hướng dẫn Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp ở địa phương;

Sau khi thống nhất với Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai nhất trí điều động và giới thiệu nhân sự Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai, nhiệm kỳ 2003 2008 như sau:

Về số lượng Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai, nhiệm kỳ 2003 - 2008 là 7 ủy viên, gồm: 1 chủ tịch; 4 phó chủ tịch; 2 ủy viên.

+ Giới thiệu đồng chí Hà Đức Miêu, sinh năm 1949; dân tộc: Tày; trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế quốc dân; lý luận chính trị: cao cấp; chức vụ hiện nay: Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai, nhiệm kỳ 1998 - 2003; để Đại hội bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai, nhiệm kỳ 2003 - 2008.

+ Giới thiệu đồng chí Sí Xuân Kìn, sinh năm 1955; dân tộc: Giáy; trình độ chuyên môn: Đại học Luật; lý luận chính trị: cao cấp; chức vụ hiện nay: Ủy viên Ban Thường trực, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai, nhiệm kỳ 1998 - 2003; để Đại hội bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai, nhiệm kỳ 2003 - 2008.

+ Điều động và giới thiệu đồng chí Lý Láo Tả, sinh năm 1948; dân tộc: Dao; trình độ chuyên môn: Đại học Tổng hợp; lý luận chính trị: cử nhân; chức vụ hiện nay: Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bát Xát; để Đại hội bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai, nhiệm kỳ 2003 - 2008.

+ Điều động và giới thiệu đồng chí Mai Quốc Tờ, sinh năm 1950; dân tộc: Tày; lý luận chính trị: cử nhân; chức vụ hiện nay: Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bảo Thắng; để Đại hội bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai, nhiệm kỳ 2003 - 2008.

+ Điều động và giới thiệu đồng chí Đặng Thị Yến, sinh năm 1954; dân tộc: Kinh; trình độ chuyên môn: Đại học Y; lý luận chính trị: cử nhân; chức vụ hiện nay: Phó Chủ nhiệm Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em tỉnh Lào Cai; để Đại hội bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai, nhiệm kỳ 2003 - 2008.

+ Giới thiệu đồng chí Nguyễn Xuân Canh, sinh năm 1951; dân tộc: Kinh; lý luận chính trị: cử nhân; chức vụ hiện nay: Chánh Văn phòng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh; để Đại hội bầu giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai, nhiệm kỳ 2003 - 2008.

+ Giới thiệu đồng chí Nguyễn Thị Dự, sinh năm 1958; dân tộc: Kinh; trình độ chuyên môn: Đại học Sư phạm; chức vụ hiện nay: Quyền Trưởng ban Phong trào, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh; để Đại hội bầu giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai, nhiệm kỳ 2003 - 2008.

Giao Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo Đại hội thực hiện đúng quy định của Đảng và Điều lệ của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỬ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO

KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 921-TB/TU, ngày 18-12-2003

**Về nhân sự Bí thư Tỉnh Đoàn Lào Cai,
nhiệm kỳ 2002 - 2007**

Căn cứ vào quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa XII, nhiệm kỳ 2000 - 2005; sau khi xin ý kiến và được sự đồng ý của các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ tại Công văn số 821-CV/TC, ngày 16-12-2003 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về nhân sự Bí thư Tỉnh Đoàn Lào Cai, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất kết luận như sau:

- Luân chuyển đồng chí Lý Văn Hải, sinh năm 1968; dân tộc: Dao; trình độ chuyên môn: Đại học Nông nghiệp; lý luận chính trị: cử nhân; Tỉnh ủy viên, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đoàn, Bí thư Tỉnh Đoàn Lào Cai; chỉ định giữ chức vụ Phó Bí thư Huyện ủy Bảo Thắng, giới thiệu để Hội đồng nhân dân huyện bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, giao Quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bảo Thắng, nhiệm kỳ 1999 - 2004, sau đó tham gia Hội đồng nhân dân huyện để bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bảo Thắng, nhiệm kỳ 2004 - 2009.

- Luân chuyển đồng chí Hà Thị Nga, sinh năm 1969; dân tộc: Thái; trình độ chuyên môn: Đại học Sư phạm; lý luận chính trị: cử nhân; Phó Trưởng ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy viên Ban Chấp hành Tỉnh Đoàn; giới thiệu để Ban Chấp hành bầu giữ

chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn và bầu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh Đoàn, nhiệm kỳ 2002 - 2007.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
GIÀNG SEO PHỬ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 23-CT/TU, ngày 29-12-2003

Về phát triển thể dục thể thao tỉnh Lào Cai đến năm 2010

Thực hiện Chỉ thị số 36-TC/TW, ngày 24-3-1994 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII), và Thông tri 03-TT/TW, ngày 2-4-1998 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng về tăng cường lãnh đạo công tác thể dục - thể thao trong giai đoạn cách mạng mới, những năm qua, sự nghiệp thể dục - thể thao tỉnh Lào Cai đã có bước phát triển phong phú, đa dạng theo hướng xã hội hóa. Phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” được nhân dân trong tỉnh hưởng ứng sôi nổi, mang lại hiệu quả thiết thực.

Đến nay toàn tỉnh đã có 13% dân số thường xuyên luyện tập thể dục - thể thao. Trên 5.000 gia đình được công nhận “Gia đình thể thao”, gần 200 câu lạc bộ và 450 đội thể thao tham gia thi đấu các giải thể thao ở cấp huyện và tỉnh. Cơ sở vật chất không ngừng được đầu tư xây dựng, toàn tỉnh có gần 400 cơ sở luyện tập thi đấu các môn thể thao đã được xây dựng, trong đó có 3 nhà luyện tập thi đấu thể dục - thể thao đạt tiêu chuẩn quốc gia và hàng trăm sân bãi luyện tập thể dục - thể thao ở các xã, phường, cơ quan, trường học trong tỉnh. Hằng năm đã tổ chức trên 40 giải thi đấu thể thao cấp tỉnh và cấp ngành, thu hút trên 6.000 vận động viên tham gia. Phong trào thể dục - thể thao quần chúng phát triển mạnh, đặc biệt đã phát huy tốt các môn

thể thao dân tộc truyền thống. Thành tích thi đấu thể thao ngày càng được nâng cao, nhiều môn đạt thứ hạng cao ở khu vực và quốc gia như: cầu lông, bóng bàn, Teakwondo, ném còn, đẩy gậy... Cùng với sự phát triển thể dục - thể thao, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể đối với thể dục - thể thao ngày càng được tăng cường, hệ thống tổ chức hoạt động thể dục - thể thao được củng cố thêm một bước.

Những kết quả đạt được nêu trên đã góp phần tích cực vào việc chăm sóc, bồi dưỡng, phát huy nhân tố con người giúp nhân dân các dân tộc Lào Cai vươn lên giành những thành tựu quan trọng trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, công tác thể dục - thể thao của tỉnh còn nhiều mặt hạn chế như: Phong trào thể thao quần chúng chưa đồng đều, nhiều cơ sở nhất là vùng sâu, vùng xa chưa được đẩy mạnh, thành tích thể thao trong thi đấu còn thấp. Công tác đào tạo bồi dưỡng vận động viên chưa đạt hiệu quả cao. Đội ngũ cán bộ huấn luyện viên, trọng tài còn thiếu và yếu. Công tác giáo dục thể chất cho học sinh và lực lượng vũ trang còn chưa đạt so với yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Cơ sở vật chất, sân bãi luyện tập chưa được quy hoạch đầu tư đúng mức, còn mất cân đối. Công tác quy hoạch phát triển thể dục - thể thao chưa đồng bộ. Hệ thống tổ chức, bộ máy thể dục - thể thao tuy đã củng cố, song chưa tương xứng với yêu cầu chung. Do vậy công tác thể dục - thể thao còn nhiều mặt hạn chế, chưa đáp ứng kịp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Để đẩy mạnh công tác thể dục - thể thao trong giai đoạn mới, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII; quán triệt sâu sắc Chỉ thị số 17- CT/TW, ngày 23-10-2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về phát triển thể dục - thể thao đến năm 2010, các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội trong tỉnh cần lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện tốt những việc sau đây:

1- Trong thời kỳ đổi mới, để phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, công tác thể dục - thể thao cần được đẩy mạnh theo hướng xã hội hóa. đồng thời tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và nghiệp vụ chuyên môn thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”. Làm chuyển biến tích cực nhận thức của cán bộ, đảng viên, của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể đối với công tác thể dục - thể thao, và công tác giáo dục nhằm nâng cao thể chất của nhân dân.

2- Đẩy mạnh phong trào thể dục - thể thao quần chúng, làm cho việc luyện tập thể dục - thể thao trở thành nếp sống hằng ngày của hầu hết các tầng lớp nhân dân. Phấn đấu đến năm 2005 đạt 15% dân số và đến năm 2010 đạt 18% dân số thường xuyên luyện tập thể dục - thể thao. Thường xuyên tổ chức các hoạt động thể dục - thể thao phục vụ nhu cầu rèn luyện của nhân dân cũng như phục vụ các nhiệm vụ chính trị. Xây dựng phong trào thể dục - thể thao cơ sở (xã, phường cơ quan) phát triển toàn diện. Phấn đấu đến năm 2010 có 30% hộ gia đình đạt tiêu chuẩn “Gia đình thể thao”.

3- Đẩy mạnh công tác giáo dục thể chất trong các trường phổ thông, trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, phấn đấu đạt 80% trở lên số trường bảo đảm chất lượng giáo dục thể chất (kể cả các trường học vùng cao, vùng sâu). Đối với lực lượng vũ trang, đưa công tác rèn luyện thể lực vào chương trình huấn luyện của chiến sĩ và dân quân tự vệ, mở rộng và nâng cao phong trào “Chiến sỹ khỏe”. Xây dựng phong trào thể dục - thể thao trong công nhân, viên chức, thanh niên và người cao tuổi, tổ chức nhiều hoạt động thể dục - thể thao phù hợp với mọi đối tượng, lứa tuổi. Khuyến khích và chăm lo xây dựng các câu lạc bộ thể dục - thể thao như: đi bộ, thể dục dưỡng sinh, võ cổ truyền dân tộc, thể hình, v.v..

4- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thể dục - thể thao quần chúng đi đôi với chăm lo xây dựng các bộ môn thể dục - thể thao thành tích cao, đặc biệt chú ý các môn thể thao truyền thống dân tộc, các

trò chơi dân gian gắn với thể dục - thể thao ở các vùng, các dân tộc trong tỉnh.

5- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, quy hoạch các thiết chế phục vụ thể dục - thể thao như sân bãi, nhà luyện tập thi đấu, câu lạc bộ, dụng cụ thể dục thể thao... phù hợp với sự phát triển của đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội đến năm 2010. Cần quan tâm chỉ đạo quy hoạch và xây dựng các công trình thể dục - thể thao ở cơ sở. Có chính sách và chế độ thỏa đáng cho phát triển các môn thể dục - thể thao truyền thống và thể dục - thể thao thành tích cao trong đó chú trọng bồi dưỡng đào tạo tài năng thể dục - thể thao của tỉnh.

6- Tập trung đổi mới công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, chính trị, đạo đức cho đội ngũ cán bộ huấn luyện viên, trọng tài. Bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ vận động viên có phẩm chất đạo đức, thể lực và ý chí đạt thành tích cao trong thi đấu. Phấn đấu đến Đại hội thể dục - thể thao toàn quốc lần thứ V (tổ chức năm 2006) các vận động viên Lào Cai sẽ đạt Huy chương trong một số bộ môn của Đại hội.

7- Đổi mới công tác quản lý, củng cố tổ chức đi đôi với đào tạo bồi dưỡng cán bộ. Bảo đảm cơ cấu biên chế cán bộ thể dục - thể thao trong các trung tâm văn hóa - thông tin - thể thao huyện, thị; cán bộ, giáo viên thể dục - thể thao trong các trường học; cán bộ phụ trách thể dục - thể thao ở cơ sở xã, phường. Chuẩn bị điều kiện tiến tới thành lập Sở Thể dục - Thể thao với bộ máy lãnh đạo công tác thể dục - thể thao tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển của thể dục - thể thao trong giai đoạn mới.

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ nêu trên yêu cầu các huyện, thị ủy, các đảng ủy trực thuộc; Đảng, Đoàn, Ban cán sự các cơ quan, đơn vị tiếp tục quán triệt sâu sắc phương hướng nhiệm vụ phát triển thể dục - thể thao của tỉnh trong giai đoạn mới. Đồng thời có kế hoạch lãnh đạo chỉ đạo với những mục tiêu và biện pháp cụ thể. Trong đó cần chú ý phát triển thể dục - thể thao ở cơ sở (cơ quan, xã, phường). Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh có trách nhiệm phối

hợp giúp ngành Văn hóa - Thông tin - Thể thao tổ chức thực hiện, xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển thể dục - thể thao của tỉnh đến năm 2010.

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Sở Văn hóa - Thông tin - Thể thao có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Chỉ thị.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 131-BC/TU, ngày 29-12-2003

**Sơ kết hai năm thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW,
ngày 2-1-2002 của Bộ Chính trị “Về một số nhiệm vụ
trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới”
và nhiệm vụ trọng tâm năm 2004**

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ban chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương về việc sơ kết hai năm thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 2-1-2002 của Bộ Chính trị “Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới”, Tỉnh ủy Lào Cai xin báo cáo như sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRONG HAI NĂM 2002 - 2003

1. Việc tổ chức chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW về cải cách tư pháp trong hai năm qua

Ngay sau khi tiếp thu Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị, Tỉnh ủy Lào Cai đã tập trung kiểm điểm, đánh giá hoạt động tư pháp trong thời gian qua, thẳng thắn chỉ ra những khuyết điểm tồn tại, nguyên nhân cần khắc phục trong thời gian tới và đã ban hành Chương trình hành động số 14 - CTr/TU, ngày 15-5-2002 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 2-1-2002 của Bộ Chính trị “Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới”, sau đó

tiến hành tổ chức Hội nghị Ban Chấp hành mở rộng, thành phần gồm các đồng chí: Tỉnh ủy viên; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, lãnh đạo các ngành Công an, Tòa án, Viện Kiểm sát và Tư pháp; Trưởng hoặc Phó Công an, Viện Kiểm sát, Tòa án và Phòng Tư pháp các huyện, thị xã. Nội dung hội nghị là quán triệt Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị “Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới” và thông qua Chương trình hành động của Tỉnh ủy.

Sau hội nghị, Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo các huyện, thị xã, đảng ủy trực thuộc và các ngành trong Khối Nội chính tổ chức quán triệt Nghị quyết 08- NQ/TW, Chương trình hành động của Tỉnh ủy. Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao cho đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy trực tiếp chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW; đồng chí Phó Bí thư Thường trực các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc trực tiếp phụ trách công tác tư pháp, chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tình hình công tác tư pháp tại địa phương, đơn vị mình. Cũng trong tháng 5-2002, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã duyệt Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW của các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc và các cơ quan: Tư pháp, Công an, Tòa án và Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh. Đến 30-6-2002, các huyện, thị xã, đảng ủy trực thuộc và các ngành Nội chính của tỉnh đã triển khai xong việc quán triệt Nghị quyết 08-NQ/TW và xây dựng chương trình hành động để thực hiện nghị quyết. Trên cơ sở đó các cơ quan tư pháp tổ chức triển khai chương trình hành động cụ thể của từng ngành tới toàn thể cán bộ, công chức và xác định Nghị quyết 08-NQ/TW là những định hướng, quan điểm chỉ đạo cũng như những biện pháp cụ thể đối với công tác tư pháp nhằm đáp ứng sự mong mỏi, chờ đợi lâu nay của các cơ quan tư pháp và quần chúng nhân dân.

Cùng với việc tổ chức triển khai, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chú trọng công tác đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW, tổ chức họp định kỳ, đề ra những nhiệm vụ, những giải pháp để kịp thời giải quyết những vướng mắc, khó khăn và đôn đốc triển khai công việc, nhằm nâng cao chất lượng công tác tư pháp trên địa bàn tỉnh.

2. Các giải pháp tiến hành nhằm nâng cao chất lượng công tác của cơ quan tư pháp

Qua triển khai học tập nghị quyết đã giúp cho cán bộ, đảng viên nắm được tư tưởng, tinh thần của Nghị quyết 08-NQ/TW, thấy rõ trách nhiệm và phạm vi công việc, làm chuyển biến về nhận thức của từng cá nhân.

Trong công tác điều tra, ngay từ khi vụ án xảy ra cơ quan điều tra đã tập trung phân tích, đánh giá tính chất vụ việc, tội danh, thống nhất với Viện Kiểm sát cùng cấp để phê duyệt các quyết định của cơ quan điều tra. Phát huy dân chủ trong khâu điều tra, không chỉ làm rõ tội phạm, chứng cứ buộc tội mà còn lưu ý đến các chứng cứ khác để xác định cấu thành tội phạm hay không cấu thành tội phạm, bảo đảm tính khách quan không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội. Quá trình điều tra có kết hợp nghiệp vụ với phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc để phát hiện tố giác tội phạm. Đối với những vụ án đơn giản, ít phức tạp, phát hiện ngay thủ phạm thì củng cố chắc chứng cứ, thực hiện nhanh tiến độ điều tra đề nghị truy tố trước pháp luật đúng thời hạn luật định.

Công tác kiểm sát, Viện Kiểm sát tỉnh phối hợp chặt chẽ với các cơ quan hữu quan trong việc tiếp nhận các thông tin vi phạm, tội phạm xảy ra trên địa bàn toàn tỉnh. Tổng kết Nghị quyết 01-NQ/LN và ban hành Nghị quyết số 02-NQ/LN, ngày 3-5-2002, quy định chế độ phối hợp tiếp nhận tin báo tố giác tội phạm giữa Viện Kiểm sát với các cơ quan trong Khối Nội chính để quản lý các thông tin vi phạm pháp luật.

Công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát chặt chẽ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, kể cả chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội; kiểm sát việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng. Vì vậy, trong giai đoạn xét xử các vụ án hình sự đã bố trí các kiểm sát viên có bản lĩnh vững vàng và lý luận sắc bén để bảo vệ tốt quan điểm truy tố của Viện Kiểm sát khi tranh luận tại phiên tòa.

Công tác xét xử, khi tiến hành xét xử các vụ án hình sự, cơ quan Tòa án đều bố trí những thẩm phán có kinh nghiệm, năng lực phẩm

chất đạo đức nghề nghiệp để chủ tọa phiên tòa. Quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa bảo đảm tính công khai, dân chủ, đúng quy trình của pháp luật, không để xảy ra oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm.

Công tác thi hành án, về thi hành án dân sự, các cơ quan tư pháp đã có sự phối hợp chặt chẽ, tiến hành rà soát các vụ việc phải đưa ra thi hành. Phân tích và làm rõ những trường hợp không có điều kiện thi hành.

Về thi hành án hình sự: Các vụ án đã có hiệu lực pháp luật đều được Tòa án ra quyết định thi hành đúng pháp luật. Đối với các đối tượng tuyên hưởng án treo được giao cho chính quyền địa phương theo dõi, quản lý chặt chẽ.

Công tác tổ chức các phiên tòa xét xử theo tinh thần Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị: Cơ quan tiến hành tố tụng đã có sự phối kết hợp chặt chẽ, lập kế hoạch tổ chức các phiên tòa mẫu bảo đảm sự tôn nghiêm, dân chủ, văn minh tại phiên tòa.

Về nghi thức phiên tòa, bố trí phòng xử án, trang phục của Hội đồng xét xử cách xưng hô của người tiến hành tố tụng cũng bảo đảm văn minh, lịch sự, đúng quy định của pháp luật.

Về quá trình tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử chủ trì việc xét hỏi phải tuân thủ đầy đủ trình tự tố tụng tại phiên tòa; bảo đảm thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng.

3. Về củng cố, kiện toàn tổ chức và tăng cường phối hợp công tác giữa các cơ quan tư pháp

- Kết quả việc củng cố, kiện toàn, sắp xếp lại các cơ quan tư pháp phù hợp với chức năng nhiệm vụ mới theo quy định của pháp luật.

Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp ủy đảng, tập trung làm tốt công tác kiện toàn tổ chức bộ máy ngay sau khi có những điều chỉnh về chức năng, nhiệm vụ của ngành Tòa án và Viện Kiểm sát nhân dân, cụ thể:

Tòa án nhân dân tỉnh: Hoàn chỉnh hồ sơ theo quy trình đề nghị Tòa án nhân dân tối cao bổ nhiệm 1 thẩm phán và 1 phó chánh án

tỉnh phụ trách chánh tòa hình sự. Đồng thời sắp xếp tổ chức và bố trí lại đội ngũ cán bộ theo quy định của Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2002.

Sở Tư pháp: Đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua đồng ý bổ nhiệm 1 đồng chí phó giám đốc phụ trách việc quản lý công tác luật sư, công chứng, giám định, hộ tịch, quốc tịch, lý lịch tư pháp, thống kê tư pháp đồng thời đã bàn giao công tác tổ chức Tòa án nhân dân các huyện, thị xã sang Tòa án nhân dân tỉnh theo Thông tư số 03/2002/TTLB - BTP - TANDTC, ngày 25-7-2002 của Bộ Tư pháp và Tòa án nhân dân tối cao; thành lập Hội luật gia của tỉnh đi vào hoạt động.

Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh: Đã rà soát, đánh giá thực trạng cán bộ, công chức các đơn vị trực thuộc, xây dựng phương án luân chuyển, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ bảo đảm đáp ứng các yêu cầu nhiệm vụ. Xây dựng đề án: “Cải cách công tác tổ chức cán bộ trong ngành Kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai theo tinh thần Nghị quyết 08-NQ/TW”. Phối hợp với Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, tạp chí Kiểm sát, Trường Cao đẳng kiểm sát Hà Nội tổ chức hai cuộc Hội thảo “về nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp” và “Nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra và xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự theo tinh thần Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị” với đội ngũ cán bộ, kiểm sát của tỉnh.

Công an tỉnh: Đã kiện toàn lực lượng cảnh sát điều tra, an ninh điều tra. Bố trí các đồng chí điều tra viên có năng lực, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt làm công tác điều tra, công tác khám nghiệm hiện trường, giám định pháp y.

Các cơ quan tư pháp đã tăng cường phối hợp trong hoạt động tốt trong công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án; tổ chức hội thảo để thực hiện phiên tòa hình sự theo tinh thần Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị; chú trọng công tác xây dựng hồ sơ vụ án bảo đảm việc truy tố, xét xử đúng người, đúng tội không để xảy ra oan sai, bỏ lọt tội phạm.

4. Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ trong sạch, vững mạnh và việc thực hiện chủ trương tổng rà soát cán bộ tư pháp

- Công tác rà soát đội ngũ cán bộ tư pháp, tình hình xử lý các trường hợp vi phạm kỷ luật, pháp luật của cán bộ cơ quan tư pháp:

Ngay sau khi có Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị và Hiến pháp năm 1992 được Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều về đổi mới tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của một số ngành tư pháp, như điều chỉnh chức năng của Viện Kiểm sát quản lý Tòa án về tổ chức, Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp với các cơ quan tư pháp và cơ quan liên quan chuẩn bị đề án về kiện toàn, luân chuyển và tăng cường cán bộ lãnh đạo; cán bộ có chức danh tư pháp đều được các ngành, các cấp tổ chức thực hiện nghiêm túc và bước đầu có hiệu quả. Qua rà soát đánh giá thì đội ngũ cán bộ này cơ bản đã đáp ứng được chuyên môn nghiệp vụ và yêu cầu công tác hiện nay. Đa số cán bộ, công chức có ý thức tổ chức kỷ luật, có quan điểm lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, không ngừng rèn luyện, phấn đấu học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, hoàn thành tốt công việc được giao, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng, dân tộc. Giữ vững mối liên hệ mật thiết với các tầng lớp nhân dân, luôn tôn trọng phát huy quyền dân chủ, bảo vệ lợi ích hợp pháp của nhân dân. Tuy nhiên, căn cứ yêu cầu nhiệm vụ theo tinh thần Nghị quyết 08-NQ/TW thì vẫn còn thiếu về số lượng biên chế cán bộ, một bộ phận cán bộ tiêu chuẩn hóa chưa bảo đảm.

Đội ngũ cán bộ có chức danh tư pháp của các cơ quan tư pháp thể hiện như sau:

Ngành Công an: Lực lượng điều tra viên có 123 đồng chí.

Điều tra viên của cơ quan Cảnh sát điều tra và An ninh điều tra cấp tỉnh có 29 đồng chí, (trong đó trình độ đại học 10 đồng chí chiếm 34,5%, trung học 19 đồng chí chiếm 65,5%); điều tra viên trung cấp 14 đồng chí chiếm 48,2%, điều tra viên sơ cấp 15 đồng chí chiếm 51,7%. Lực lượng điều tra viên làm công tác điều tra cấp huyện có 94 đồng chí, (trong đó trình độ đại học 24 đồng chí chiếm 25,5%, trung học 64

đồng chí chiếm 60%, sơ cấp 2 đồng chí chiếm 2,1%, chưa qua đào tạo 4 đồng chí chiếm 4,2%); điều tra viên trung cấp có 38 đồng chí chiếm 40,4%, điều tra viên sơ cấp 56 đồng chí chiếm 59,6%.

Ngành Kiểm sát: Tổng số biên chế là 130 (cấp tỉnh 55, cấp huyện 75). Về chuyên môn nghiệp vụ Đại học Luật 24 đồng chí chiếm 18,5%, Cao đẳng Kiểm sát 97 đồng chí chiếm 74,6%, còn lại là nhân viên phục vụ. Số lượng kiểm sát viên có trình độ Cao đẳng Kiểm sát và Đại học Luật là 106 đồng chí chiếm 81,5%, trong đó kiểm sát viên tỉnh 35 đồng chí chiếm 63,6%; kiểm sát viên huyện 72 đồng chí chiếm 96%. Hiện đang học đổi bằng cử nhân Luật 37 đồng chí chiếm 28,5%; số chưa học đổi bằng 60 đồng chí chiếm 41,6%. Dự kiến đến năm 2005 số cán bộ, công chức, cán bộ có chức danh pháp lý sẽ cơ bản được đào tạo xong cử nhân Luật.

Ngành Tòa án: Tổng số biên chế 138 (cấp tỉnh 43, cấp huyện 95). Về trình độ: Đại học Luật 69 chiếm 50% (tỉnh 32 đồng chí chiếm 74,4%, huyện 37 đồng chí chiếm 38,94%); có 10 đồng chí mới học qua chương trình tập huấn chiếm 7,24%, còn lại trung cấp, sơ cấp và nhân viên phục vụ; toàn tỉnh có 43 thẩm phán chiếm 31,8%, (cấp tỉnh 12 đồng chí chiếm 30%, cấp huyện 31 đồng chí chiếm 31,1%), có 62 thư ký, (cấp tỉnh 11 đồng chí, cấp huyện 51 đồng chí).

Sở Tư pháp: Tổng biên chế 98, các đơn vị trực thuộc sở là 35, Đội thi hành án các huyện có 63. Về trình độ: 52 đồng chí Đại học Luật chiếm 53%, có 34 đồng chí đang theo học Đại học Luật và đại học khác chiếm 34,7%; chấp hành viên có 22 đồng chí (cấp tỉnh 3, cấp huyện 19). Về xử lý các trường hợp vi phạm kỷ luật, pháp luật của cán bộ cơ quan tư pháp: đã tiến hành xử lý buộc thôi việc 1 đồng chí điều tra viên ở huyện vi phạm kỷ luật nghiệp vụ.

Về tình hình biên chế của các cơ quan tư pháp hiện nay nhìn chung còn thiếu so với yêu cầu công việc, cụ thể ở các ngành như sau: Viện Kiểm sát thiếu từ 30 - 35 biên chế, Tòa án thiếu 20 - 25 biên chế; lực lượng cán bộ làm công tác điều tra, giám định, khám nghiệm hiện trường thiếu 25 - 30 biên chế; cán bộ, chấp hành viên 20 - 25 biên chế.

5. Công tác đầu tư xây dựng cơ sở vật chất

- Kết quả công tác đầu tư cơ sở vật chất, cải thiện điều kiện làm việc, sinh hoạt cho cán bộ, chiến sĩ trong hai năm qua: do điều kiện là một tỉnh vùng cao biên giới còn có nhiều khó khăn nên việc sinh hoạt của cán bộ, chiến sĩ chủ yếu là thu nhập từ lương. Nhiều đồng chí hiện vẫn ở nhờ nhà tập thể của cơ quan, chưa có điều kiện làm nhà riêng.

Về trụ sở làm việc, trang thiết bị làm việc của các cơ quan tư pháp đến nay cơ bản đáp ứng nhu cầu công tác, đưa số huyện, thị xã đã có máy fax, máy vi tính, máy photocopy.

Ngay sau khi có Chương trình hành động của Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 2-1-2002 của Bộ Chính trị, các cơ quan tư pháp đã tiến hành đánh giá thực trạng cơ sở vật chất, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc tu sửa trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp và xây dựng nhà tạm giữ cấp huyện, thị, trại tạm giam của tỉnh và trang thiết bị, kỹ thuật phục vụ công tác điều tra, giám định và khám nghiệm hiện trường. Đến nay một số nhà tạm giữ, tạm giam được tu sửa và xây dựng xong như Công an huyện Bảo Thắng và Bát Xát.

Tình hình ngân sách và sự hỗ trợ của địa phương cho hoạt động của cơ quan tư pháp: cơ bản vẫn là được phân bổ theo hệ thống ngành dọc từ Trung ương cấp, sự hỗ trợ của địa phương rất hạn chế.

6. Kết quả đấu tranh chống tội phạm và giải quyết các vụ án trọng điểm và phức tạp

- Tình hình đấu tranh chống các loại tội phạm bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trong hai năm qua:

Trên tuyến biên giới, tại các khu vực đối diện xã Dìn Chín, Tả Gia Khâu, Nậm Chảy, Bản Lầu, huyện Mường Phương, xã Sán Chải, Si Ma Cai, huyện Si Ma Cai, phía Trung Quốc vẫn tiếp tục nổ mìn làm đường tuần tra, xâm canh, xâm cư ở khu vực 51C, 52C. Trên sông suối biên giới, một số dân Trung Quốc dùng mìn hoặc xung điện đánh bắt cá; điển hình là vụ vận chuyển ma túy và xâm phạm an ninh, lãnh thổ

xảy ra ngày 6-5-2002 tại xã Pha Long, huyện Mường Khương. Một số loại tội phạm diễn biến phức tạp như buôn lậu, gian lận thương mại, tiêu thụ tài sản trộm cắp qua biên giới, trộm cắp cước phí viễn thông quốc tế. Đặc biệt, tình trạng mua bán vận chuyển vũ khí quân dụng, thuốc phiện, thuốc tân dược gây nghiện, buôn bán phụ nữ qua biên giới xảy ra một số vụ nghiêm trọng.

Hoạt động truyền đạo trái phép diễn biến phức tạp trong đồng bào dân tộc Mông. Tập trung chủ yếu ở các huyện: Bảo Yên, Bảo Thắng, Bát Xát, Bắc Hà, Văn Bàn và Than Uyên.

Vi phạm và tội phạm về ma túy tuy có giảm về số vụ, song vẫn diễn ra phức tạp nhiều vụ nghiêm trọng, đối tượng vận chuyển chất ma túy đa số là người nghèo, dân tộc ít người. Trong 2 năm qua, cơ quan chức năng đã phát hiện và xử lý hơn 361 vụ về ma túy; điển hình có vụ phát hiện vận chuyển tới 5 kg thuốc phiện.

Trong lĩnh vực kinh tế xảy ra 2.235 vụ vi phạm và tội phạm. Tập trung chủ yếu ở các loại hình như xâm phạm sở hữu tài sản, vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ rừng, buôn lậu,... điển hình là đã xử lý bằng hình sự 2 vụ án nghiêm trọng về kinh tế: vụ lừa đảo chiếm đoạt hơn 2 tỷ đồng của ngân hàng và vụ trộm cắp cước phí viễn thông gây thiệt hại hơn 11 tỷ đồng.

Vi phạm và tội phạm trong lĩnh vực trị an xã hội diễn ra phức tạp. Đáng chú ý một số vụ trọng án ảnh hưởng đến tư tưởng của nhân dân như chồng giết vợ, cha giết con,... mà nguyên nhân chỉ là do ghen tuông về tình ái, mâu thuẫn trong gia đình. Cơ quan chức năng đã khởi tố 247 vụ để điều tra xử lý. Tình trạng vi phạm các quy định về an toàn giao thông đường bộ dẫn đến tai nạn xảy ra nghiêm trọng (trên 824 vụ) đã gây thiệt hại lớn về người và tài sản.

Về kết quả giải quyết các vụ án trọng điểm, phức tạp: Các cơ quan tiến hành tố tụng đã phối hợp tốt trong công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án như một số vụ án về giết người, vận chuyển trái phép các chất ma túy với khối lượng lớn, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, trộm cắp cước phí viễn thông.

7. Kết quả kiểm tra công tác bắt, tạm giữ, tạm giam và công tác giam giữ, cải tạo phạm nhân

- Kết quả tình hình bắt giam giữ, xử lý trong hai năm qua: tổng bắt tạm giữ 926 đối tượng, đã giải quyết 919 đối tượng, khởi tố xử lý bằng hình sự 807 đối tượng.

- Chất lượng công tác bắt, giam, giữ, xử lý của các cơ quan tư pháp bảo đảm đúng quy định của pháp luật. Do vậy tỷ lệ bắt sau đó phải xử lý hành chính năm 2002 là 5,9%, năm 2003 là 6% so với cùng kỳ năm 2001 là 12,4%.

8. Công tác giải quyết các khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực tư pháp

- Công tác rà soát đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân trong lĩnh vực tư pháp: Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao cho Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai chủ trì hội nghị liên ngành gồm: Viện Kiểm sát, Công an, Tòa án, Sở Tư pháp tỉnh và mời các cơ quan Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh cùng dự, để triển khai Kế hoạch số 06-KHLN, ngày 15-4-2002 của Liên ngành Trung ương về tổng rà soát các đơn thư khiếu kiện về tư pháp và phân loại xử lý theo thẩm quyền của các cơ quan tư pháp, trên cơ sở đó từng ngành tiến hành xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai đối với cấp mình và chỉ đạo cấp huyện, thị xã thực hiện.

- Kết quả đã giải quyết các khiếu kiện của công dân trong lĩnh vực tư pháp: Tổng số đơn khiếu kiện về tư pháp tồn tại kéo dài từ năm 2001 chuyển sang có 14 đơn, đến nay đã được giải quyết xong.

Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết 388/2002/NQ-UBTVQH 11 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng gây ra: đã được các cơ quan tư pháp triển khai nghiên cứu học tập, quán triệt nghiêm túc và đến nay chưa phải xử lý vụ việc nào theo tinh thần Nghị quyết 388.

9. Công tác xét ân xá, đặc xá trong 2 năm 2002 - 2003

Kết quả công tác xét ân xá, đặc xá trong 2 năm qua: Đã được các cơ quan tư pháp phối hợp làm tốt, cụ thể đã làm thủ tục trình Chủ tịch nước quyết định đặc xá cho 5 trường hợp; xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù cho 20 trường hợp và tạm tha tù trước thời hạn 5 trường hợp.

Tỉnh đã có chủ trương và biện pháp cụ thể: Thống kê số người đã mãn hạn tù, ra tù trước thời hạn bằng các biện pháp như động viên tư tưởng, tạo điều kiện về việc làm,... để giúp đỡ họ sớm tái hòa nhập cộng đồng.

10. Công tác thi hành án nói chung, đặc biệt là thi hành án dân sự

Kết quả của việc tổ chức thi hành án hình sự, dân sự:

+ Công tác thi hành án hình sự:

Tổng số bị án phải thi hành trong 2 năm 2002 và 2003 là 1.088 bị án. Đã ra Quyết định thi hành là 1.032 bị án, chưa ra quyết định thi hành là 56 bị án (do án chưa có hiệu lực pháp luật).

Số bị án tại ngoại là 142, đã bắt theo quyết định thi hành án của Tòa án: 22; cơ quan Công an ra lệnh truy nã: 27; chưa áp giải thi hành án: 11; số bỏ trốn: 17; số bị án hoãn thi hành án: 31; quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ thi hành án phạt tù: 20; miễn chấp hành hình phạt tù: 1; số còn tại ngoại: 88; số được giảm thời hạn thi hành án phạt tù: 31; số được tha tù trước thời hạn: 16.

+ Công tác thi hành án dân sự:

Năm 2002: Có 2.951 việc phải thi hành, trong đó có 1.666 việc có điều kiện thi hành, đã tổ chức thi hành được 1.299 việc đạt 78%. Số tiền phải thu là 22.701.016.000 đồng, trong đó số có điều kiện thu là 4.084.579.000 đồng, đã thu được 1.756.738.000 đồng, đình chỉ, ủy thác, trả đơn là 1.481.603.000 đồng, đạt 79% (số tiền có điều kiện thi hành).

Năm 2003: Tổng số việc phải thi hành là 2.679 việc, trong đó số có điều kiện thi hành là 1.366 việc, đã thi hành 1.059 việc đạt 77,5% (số

có điều kiện thi hành). Tổng số tiền phải thi hành là 22.414.515.000 đồng, trong đó số có điều kiện thi hành là 3.667.596 đồng, số tiền đã thu được là 312.977.000 đồng đạt tỷ lệ 81% (số có điều kiện thi hành).

Thực hiện Chỉ thị số 20, ngày 11-9-2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển giao các vụ việc thi hành án dân sự dưới 500.000 đồng cho cấp xã, phường để tổ chức thi hành, đến nay đã thực hiện chuyển giao được 421/tổng số 500 việc phải chuyển giao với số tiền là 68.876.350 đồng/tổng số 81.842.939 đồng.

Năm 2002 đã giải quyết được 6 vụ việc, thu được 644.000 đồng.

Năm 2003 đã chuyển giao 421 vụ việc với tổng số tiền là 68.876.350 đồng, đã giải quyết xong 62 việc và thu được 9.572.000 đồng.

II. ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT KẾT QUẢ VÀ NHỮNG TỒN TẠI, NGUYÊN NHÂN CỦA NHỮNG TỒN TẠI TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Đánh giá khái quát kết quả việc thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị trong hai năm qua

Sau hai năm thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị đã tạo sự chuyển biến tích cực của các cấp, các ngành và của nhân dân về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác tư pháp trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và phát triển kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; đã từng bước đề cao trách nhiệm và sự chuyển biến rõ rệt của các ngành, các cấp ủy đảng, chính quyền đối với công tác tư pháp.

Các cơ quan tư pháp đã có sự phối kết hợp chặt chẽ trong công tác điều tra, bắt, giam, giữ, truy tố, xét xử, thi hành án và các hoạt động hỗ trợ tư pháp được chú trọng, chuyển biến rõ nét. Công tác bắt, giam, giữ đã được xem xét, kiểm tra đến cơ sở; tỷ lệ bắt, giam, giữ đưa ra truy tố đạt cao; công tác kiểm sát được triển khai toàn diện, sâu rộng, nhất là đối với việc bắt, giam, giữ; công tác xét xử được xem xét thận trọng và giảm đáng kể tình trạng tồn đọng án; công tác giải quyết án

trọng điểm và đấu tranh chống tội phạm đã được đẩy nhanh tiến độ và đạt kết quả tốt.

Các cơ quan tư pháp đã được củng cố, kiện toàn một bước cả về tổ chức bộ máy và công tác cán bộ; đã sắp xếp, điều chỉnh phù hợp với một số điều chỉnh về chức năng, nhiệm vụ theo tinh thần sửa đổi một số điều của Hiến pháp năm 1992, Luật tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân (sửa đổi), Luật tổ chức Tòa án nhân dân (sửa đổi). Đội ngũ cán bộ tư pháp được rà soát, bước đầu đánh giá được thực trạng để có những giải pháp cụ thể trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ này, trước hết là đội ngũ cán bộ có chức danh tư pháp bảo đảm vững vàng về chính trị, trong sạch đạo đức nghề nghiệp, chuyên môn nghiệp vụ được nâng lên rõ rệt.

Công tác rà soát, phân loại, giải quyết khiếu kiện về tư pháp đã được triển khai kịp thời và có hiệu quả.

2. Những tồn tại

- Công tác tham mưu cho cấp ủy địa phương của các ngành tư pháp còn yếu chưa chủ động, một số cán bộ ý thức trách nhiệm trong công việc chưa cao.

- Cải cách tư pháp trong từng ngành còn chưa nhiều; một bộ phận cán bộ, công chức có chức danh tư pháp thiếu kiến thức pháp lý, kinh nghiệm, thực tiễn trong công tác.

- Cơ sở vật chất và trang thiết bị, phương tiện làm việc của các cơ quan tư pháp còn quá thiếu thốn và khó khăn. Một số trụ sở Công an, Viện Kiểm sát, Tòa án và Đội thi hành án cấp huyện đã xuống cấp, không bảo đảm diện tích và mục đích sử dụng. Một số cơ quan tư pháp cấp huyện còn sử dụng máy chữ; Tòa án một số nơi không có micro, loa đài để xử án; các cơ sở giam giữ còn thiếu phương tiện chuyên dụng như xe chở phạm nhân, camera...

- Các đề án về nâng cấp, cải tạo các nhà tạm giam, tạm giữ, trại tạm giam triển khai chậm; Đảng ủy, Ban cán sự Đảng và lãnh đạo các cơ quan tư pháp trong hoạt động công tác đã có sự phối kết hợp chặt chẽ, nhưng chưa thể hiện bằng văn bản về quy chế phối hợp.

- Công tác đánh giá, rà soát đội ngũ cán bộ tư pháp thực hiện so với tiến độ kế hoạch còn chậm, kết quả chưa cao. Đặc biệt là cán bộ có chức danh tư pháp chưa bảo đảm yêu cầu, chất lượng. Đội ngũ cán bộ tư pháp ở cấp huyện còn thiếu và yếu.

- Sự phối hợp trong công tác điều tra một số vụ án còn chậm.

3. Nguyên nhân của những tồn tại trên

Việc tổ chức triển khai ở một số huyện, thị xã, đơn vị chưa được sâu sát, chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Công tác cán bộ của các cơ quan tư pháp tuy được củng cố, kiện toàn, song do yêu cầu nhiệm vụ lớn, đòi hỏi chất lượng cao nhưng không có chỉ tiêu, biên chế.

III. MỘT SỐ KINH NGHIỆM RÚT RA, NHỮNG KHÓ KHĂN VƯỚNG MẮC VÀ KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC

1. Một số kinh nghiệm rút ra sau hai năm triển khai Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị

- Việc triển khai nhiệm vụ công tác đã được cụ thể hóa, có kế hoạch, khi phát hiện sai sót đã được thông báo khắc phục sửa chữa kịp thời.

- Duy trì và thực hiện chế độ giao ban Nội chính định kỳ hằng tháng vùng cao chế độ báo cáo, chất lượng công việc được nâng lên rõ rệt.

- Các cấp ủy đảng, chính quyền đã xác định được vai trò trách nhiệm, có sự phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng cho từng cá nhân, đơn vị để thực hiện công tác tư pháp.

2. Những khó khăn vướng mắc của địa phương

Lào Cai là một tỉnh vùng cao biên giới, điều kiện kinh tế còn gặp nhiều khó khăn; có hơn 200 km đường biên giới với Trung Quốc; trình độ dân trí còn thấp, nhận thức và hiểu biết pháp luật không đồng đều trong tầng lớp nhân dân.

Vì vậy, trong công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm gặp nhiều khó khăn, phức tạp; nhiều vụ việc vi phạm và tội phạm có yếu tố nước ngoài rất khó khăn trong công tác giải quyết.

- Ngân sách địa phương hỗ trợ cho công tác cải cách tư pháp còn hạn chế.

- Đội ngũ cán bộ, công chức trong các cơ quan tư pháp còn yếu và thiếu so với yêu cầu công việc hiện nay, nhất là cấp huyện, thị.

3. Một số kiến nghị với Đảng và Nhà nước, các bộ, ngành Trung ương

Để thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 2-1-2002 của Bộ Chính trị “Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới” từ nay đến hết năm 2004 và chuẩn bị chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2010, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai có một số kiến nghị sau:

1. Các cơ quan tư pháp Trung ương cần tăng cường chỉ đạo trực tiếp tới các cơ quan tư pháp địa phương trong thực thi nhiệm vụ.

2. Tăng cường và bổ sung biên chế cho các cơ quan tư pháp.

3. Tập trung đào tạo và đào tạo lại chuyên sâu về nghiệp vụ, nhất là công tác điều tra, truy tố và xét xử. Có chính sách tiền lương, phụ cấp chế độ đãi ngộ thích hợp cho cán bộ tư pháp công tác ở vùng cao. Dành một phần kinh phí khen thưởng để kịp thời động viên đối với những cán bộ và nhân dân có thành tích xuất sắc trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

4. Trong công tác thi hành án dân sự, những vụ việc không có điều kiện thi hành án, đề nghị có hướng chỉ đạo, giải quyết dứt điểm.

5. Đầu tư, xây dựng, tu sửa trụ sở làm việc của các cơ quan tư pháp cấp huyện, thị xã và xây dựng nhà tạm giữ hành chính, trại tạm giam bảo đảm yêu cầu đúng với quy định của pháp luật. Đầu tư trang bị phương tiện, kỹ thuật phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án; tăng kinh phí cho công tác xét xử và định mức kinh phí các cơ quan tư pháp.

6. Cần có hướng dẫn, phân cấp cụ thể vấn đề hợp tác quốc tế về tư pháp; công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, bổ nhiệm, nhất là đội ngũ cán bộ có chức danh tư pháp.

IV. NỘI DUNG TRỌNG TÂM TIẾP TỤC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRONG NĂM 2004

1. Nâng cao chất lượng hoạt động và đề cao trách nhiệm của các cơ quan tư pháp, tiếp tục rà soát lại đội ngũ cán bộ làm công tác tư pháp theo kế hoạch; thực hiện tốt chủ trương luân chuyển, điều động cán bộ; từng bước bổ sung, đào tạo đủ và có chất lượng về chuyên môn nghiệp vụ đội ngũ cán bộ tư pháp, đặc biệt là cấp huyện. Đồng thời xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp trong sạch, vững mạnh, trong đó chú ý nâng cao, bản lĩnh chính trị, trình độ chuyên môn nghiệp vụ và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ tư pháp. Tiếp tục đánh giá đội ngũ cán bộ tư pháp từ đó có kế hoạch đào tạo, điều động cho phù hợp yêu cầu chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả công tác.

2. Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác tư pháp. Đồng thời thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị; tổ chức sâu rộng các phiên tòa xét xử theo tinh thần Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị; các cơ quan tư pháp phối hợp chặt chẽ đấu tranh phòng, chống tội phạm, xử lý có hiệu quả, đúng quy định của pháp luật đối với các hành vi tham nhũng, buôn lậu gian lận thương mại, tội phạm hình sự.

3. Tiếp tục thực hiện những chủ trương về cải cách, tổ chức và đổi mới hoạt động của các cơ quan tư pháp; kiện toàn tổ chức các cơ quan thi hành án dân sự; có những giải pháp, kiến nghị cụ thể để giải quyết những tồn đọng trong thi hành án dân sự.

4. Giải quyết có hiệu quả các vụ khiếu kiện về tư pháp, các vụ án điểm; làm tốt công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo theo tinh thần Chỉ thị số 09-CT/TW, ngày 6-3-2002 của Ban Chấp hành Trung ương về một số vấn đề cấp bách cần thực hiện trong việc giải quyết khiếu

nại, tố cáo hiện nay; có những biện pháp làm giảm hẳn các vụ án có nguyên nhân xã hội ở những nơi vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người.

5. Nâng cao hiệu quả công tác giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, các tổ chức đoàn thể trong hệ thống chính trị và nhân dân đối với các cơ quan tư pháp nhằm giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở.

6. Tập trung củng cố, xây dựng các cơ quan tư pháp ở cấp huyện để chuẩn bị đủ điều kiện thực hiện tăng thẩm quyền xét xử ở cấp này và tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện, trụ sở làm việc.

7. Tăng cường hợp tác quốc tế về công tác tư pháp; hoạt động Hội luật gia tỉnh; hoàn thành thủ tục triển khai xây dựng cơ bản trại tạm giam của Công an tỉnh theo quy hoạch mới và bảo đảm xây dựng nhà tạm giữ hành chính ở các huyện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 132-BC/TU, ngày 31-12-2003

Về kết quả kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện kết luận của Ban Bí thư về hai cuộc kiểm tra của Ban Bí thư năm 2002

Thực hiện Kế hoạch số 03-KH/TW, ngày 6-6-2003 của Ban Bí thư Trung ương đảng về kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện kết luận của Ban Bí thư về hai cuộc kiểm tra của Trung ương năm 2002 (Kế hoạch số 01, 02 - KH/TW năm 2002), Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai đã tổ chức quán triệt, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện, kết quả như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KIỂM TRA

1. Triển khai tổ chức thực hiện

Đối với cấp tỉnh:

- Tiếp thu tinh thần chỉ đạo của Trung ương và quán triệt Kế hoạch kiểm tra 03-KH/TW, Hướng dẫn 113-HD/KTTW của Ban chỉ đạo Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai đã nghiên cứu, thảo luận và chỉ đạo xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện sát với tình hình thực tế của Đảng bộ (Kế hoạch số 27 -KH/TU, ngày 23-7-2003).

Nội dung kế hoạch của Tỉnh ủy đã nêu rõ về mục đích, yêu cầu, nội dung, đối tượng, thời hiệu kiểm tra và thời gian thực hiện, thể hiện tư tưởng chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện nội dung

kiểm tra của Trung ương. Ban Thường vụ Tỉnh ủy còn chỉ đạo yêu cầu các tổ chức đảng kiểm tra việc thực hiện chương trình hành động khắc phục khuyết điểm sau kiểm tra theo Kế hoạch số 15-KH/TU, ngày 14-6-2002 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Trong đó có nội dung đánh giá đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước trong việc thực hiện 6 điều cấm của Pháp lệnh cán bộ, công chức.

- Giao cho Ban chỉ đạo thực hiện Kế hoạch 01, 02 Trung ương, Kế hoạch 15-KH/TU năm 2002 tiếp tục giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo thực hiện Kế hoạch 03-KH/TW, Kế hoạch 27-KH/TU năm 2003. Phân công mỗi đồng chí thành viên trực tiếp chỉ đạo các Đảng bộ trực thuộc và điểm kiểm tra của tỉnh. Quyết định lập tổ kiểm tra, kiểm tra 5 điểm của tỉnh chỉ đạo năm 2002 để đánh giá thực hiện đến nay gồm: Đảng bộ phường Duyên Hải (thị xã Lào Cai), Đảng bộ xã Trịnh Tường huyện Bát Xát); Đảng bộ xã Minh Lương, Công an (huyện Văn Bàn); Chi bộ Kho bạc Đảng bộ Khối cơ quan Dân, Chính, Đảng).

2. Về quán triệt

Ngày 14-7-2003, Ban Chấp hành Tỉnh ủy đã tổ chức hội nghị mở rộng đến các đồng chí cán bộ chủ chốt của tỉnh và các Đảng bộ trực thuộc để quán triệt Kế hoạch kiểm tra 03, 04 Trung ương, Kế hoạch 27-KH/TU; Công bố Ban chỉ đạo của Tỉnh ủy và cấp tài liệu cho các tổ chức đảng chỉ đạo, thực hiện theo yêu cầu, nội dung cuộc kiểm tra.

Đối với các Đảng bộ trực thuộc tỉnh và điểm kiểm tra của Tỉnh ủy:

1. Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, ngay sau khi tiếp thu tinh thần chỉ đạo của hội nghị tỉnh, hầu hết các Đảng bộ trực thuộc tỉnh đã xây dựng kế hoạch, báo cáo tự kiểm tra, thành lập Ban chỉ đạo của cấp ủy. Quyết định điểm kiểm tra, tổng số có 45 điểm (phần lớn mỗi Đảng bộ chỉ đạo từ 2 - 3 điểm, riêng Văn Bàn 6 điểm, Bắc Hà chỉ đạo 9 điểm), tính đến ngày 20-8-2003 các Đảng bộ đã tổ chức quán triệt xong, số đại biểu dự họp quán triệt là 989 đồng chí. Các Đảng bộ trực

thuộc đã phân công các đồng chí cấp ủy, Ban chỉ đạo trực tiếp giúp đỡ, chỉ đạo điểm, chỉ đạo cơ sở để đạt kết quả cuộc kiểm tra.

2. Đối với tổ chức đảng cơ sở và điểm chỉ đạo của Tỉnh ủy:

Đã xây dựng kế hoạch thực hiện, tổ chức quán triệt trong đảng viên đến 10-9-2003 xong. Kết quả có 100% tổ chức đảng cơ sở được quán triệt, kế hoạch của Trung ương, của tỉnh: có 17.671 đảng viên được quán triệt đạt 89,9% so với tổng số đảng viên toàn tỉnh.

- 5 điểm chỉ đạo kiểm tra của Tỉnh ủy cũng được triển khai quán triệt, tổ chức thực hiện cùng với các tổ chức đảng cơ sở.

3. Về chỉ đạo: Thực hiện theo yêu cầu chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy là: phát huy tinh thần trách nhiệm tự kiểm tra là chính, kết hợp với sự kiểm tra của cấp trên, chống làm qua loa, hình thức, cần kiểm tra đánh giá sát với thực tế của địa phương, v.v..

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Tình hình thực hiện kết luận của Ban Bí thư, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, của các cấp ủy cấp dưới về lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân

- Qua kiểm tra thấy rằng: Nhìn chung việc quán triệt các quy định của Đảng, Nhà nước về giải quyết khiếu nại, tố cáo đến cán bộ, đảng viên và nhân dân. Sau khi kết thúc cuộc kiểm tra thực hiện Kế hoạch 01, 02-KH/TW, tháng 9-2002 Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp ủy, Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng xây dựng chương trình hành động, khắc phục khuyết điểm sau kiểm tra trong lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giải quyết của các cấp. Định thời gian sửa chữa.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã đề ra 5 yêu cầu chỉ đạo về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, 3 yêu cầu chỉ đạo tiếp về thực hiện Quy định số 19-QĐ/TW, 3 yêu cầu về thực hiện Pháp lệnh cán bộ, công chức. Đến nay qua kiểm tra 15/15 đảng bộ trực thuộc tỉnh và hầu hết các tổ chức đảng cơ sở, Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn đã xây dựng chương

trình hành động khắc phục khuyết điểm sau kiểm tra đồng thời đã lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có kết quả, chuyển biến rõ nét. Tiếp đó, ngày 14-5-2003 Ban Bí thư có Thông báo kết luận 109-TB/TW. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp ủy, đảng viên quán triệt, xây dựng kế hoạch thực hiện bổ sung gắn với chương trình của mỗi cấp ủy.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy cũng như cấp ủy các Đảng bộ trực thuộc đã thường xuyên nắm tình hình và kiểm tra thực hiện. Giao cho Ủy ban nhân dân các cấp, các ngành, cơ quan, doanh nghiệp phải nêu cao trách nhiệm, trước hết của người đứng đầu về giải quyết các đơn thư tố cáo, khiếu nại, kiến nghị của nhân dân. Ủy ban Kiểm tra các cấp của Đảng, Thanh tra nhà nước, Khối Nội chính làm tham mưu giúp cấp ủy, chính quyền và trách nhiệm của ngành mình trong việc giải quyết đơn thư tố cáo, kiến nghị, khiếu nại của nhân dân. Đã tổ chức nhiều cuộc kiểm tra việc thực hiện đối với cơ sở và giải quyết có kết quả. Sáu tháng, một năm đều đã tiến hành sơ kết, tổng kết đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ. Các cấp ủy đã đưa nội dung công tác này vào sơ kết, tổng kết hằng năm của Đảng bộ và trong giao ban Khối Nội chính, Khối Đảng, đoàn thể. Trong các kỳ họp của Hội đồng nhân dân.

- Song song với những việc chỉ đạo trên, khi quán triệt Nghị quyết Trung ương 8 Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nhấn mạnh công tác này để các cấp ủy, tổ chức đảng thực hiện và giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành một số văn bản chỉ đạo, quy định, hướng dẫn tiếp để các cấp và nhân dân thực hiện như: Công văn số 51-CV/CTXKT, ngày 15-3-2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tăng cường công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại tố cáo. Tiếp tục quán triệt căn bản số 317-CV/UB của Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 8-5-2000 về giải quyết xử lý tố cáo. Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh “về việc ban hành quy chế quản lý và giải quyết khiếu nại tố cáo” ngày 26-6-2003 và một số văn bản khác, v.v. ngành tư pháp đã mở 2 lớp cho các báo cáo viên và cấp các tài liệu có liên quan đến việc giải quyết tố cáo, khiếu nại để tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân nắm được.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo xây dựng 6 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở năm 2003 trong đó có nội dung thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, công tác tư pháp và giải quyết đơn thư, khiếu kiện của nhân dân ngay tại cơ sở, tránh vượt cấp, v.v..

2. Kết quả giải quyết đơn thư tố cáo, khiếu nại của công dân và xử lý các vụ việc vi phạm

a) Công tác tiếp dân:

Từ tháng 7-2002 đến 11-2003 các cấp, các ngành trong tỉnh đã tiếp 2.557 lượt công dân đến các phòng tiếp dân khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, đề nghị giải quyết những ý kiến của cán bộ, đảng viên, nhân dân. Trong đó, Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp 332 lượt, các huyện, thị xã 1.674 lượt; các sở, ban, ngành 117 lượt; xã, phường, thị trấn 553 lượt. Nội dung ý kiến của nhân dân phản ánh tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực: đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng, tài sản, hoa màu, chế độ chính sách, vi phạm pháp luật trong thực hiện nhiệm vụ... văn hóa văn nghệ.

- Việc tiếp công dân của các cấp, các ngành, các địa phương cơ bản bảo đảm theo quy định của pháp luật. Thái độ của công dân nhìn chung là đúng mực, không có biểu hiện phức tạp. Các ý kiến đề nghị của nhân dân đều được giải thích, hướng dẫn, trả lời kịp thời.

b) Công tác giải quyết tố cáo, khiếu nại:

- Về tố cáo: Sau khi kết thúc kiểm tra theo kế hoạch 01-KH/TW tháng 7-2002 số thư còn tồn đọng là 36 đơn, thư cuối năm 2002 đã giải quyết xong. Từ tháng 7-2002 đến 11-2003 các cấp, các ngành đã nhận được 304 đơn thư tố cáo, trong đó: đơn, thư thuộc Khối Đảng 45, Khối Nhà nước 259. Qua xem xét, kết luận đến nay đã giải quyết xong 250 đơn (Khối Đảng 41, Khối Nhà nước 250), còn tồn 54 đơn tập trung giải quyết xong trong quý IV năm 2003.

- Về khiếu nại có: 883 đơn (trong đó có 2 đơn của đảng viên khiếu nại kỷ luật); đơn kiến nghị, đề nghị 1.131 đơn. Qua xem xét, đơn thuộc cấp thẩm quyền giải quyết: khiếu nại 250 đơn, đã giải quyết xong 199 đơn, đạt 79,6%; đơn kiến nghị, đề nghị 756 đơn, xong 711 đơn chiếm 94%.

- Thông qua công tác kiểm tra, thanh tra và giải quyết đơn thư tố cáo, khiếu nại phát hiện sai phạm về kinh tế: 761.554.000 đồng, đã thu hồi cho Nhà nước 486.454 triệu đồng, cho tập thể và cá nhân 98,4 triệu đồng. Sử dụng đất sai mục đích 5.806,5m² đất. Đã thu lại cho Nhà nước, tập thể xong. Đã xử lý kỷ luật về đảng 12 đồng chí, 1 đảng ủy (xã Bắc Cường), xử lý về hành chính 1 tập thể, 22 cá nhân có vi phạm, minh oan cho 2 cán bộ, v.v. nhìn chung số lượng đơn thư toàn tỉnh nói chung, ở các cấp, các ngành, huyện, thị nói riêng số lượng đều giảm nhiều so với thời điểm khi thực hiện hai cuộc kiểm tra. Cụ thể: toàn tỉnh về đơn thư tố cáo giảm: 33,25%; khiếu nại giảm 28,21%; kiến nghị, đề nghị giảm: 29,62%. Một số đảng bộ có số lượng đơn thư giảm nhiều và có nhiều cố gắng trong công tác giải quyết đơn thư tố cáo, khiếu nại, kiến nghị đề nghị của cán bộ, đảng viên, nhân dân như: thị xã Lào Cai, Apaatít, Bảo Thắng, Bát Xát, Than Uyên, Văn Bàn, Bắc Hà, Đảng ủy Khối các cơ quan Dân, Chính, Đảng, v.v. số lượng đơn thư vượt cấp chiếm tỷ lệ thấp, không có khiếu kiện đông người, vụ việc phức tạp. Không có người về Trung ương khiếu kiện, v.v..

- Về trách nhiệm của những tổ chức, cá nhân trong giải quyết tố cáo, khiếu nại quá trình thi hành công vụ chưa phát hiện thấy có biểu hiện tiêu cực và thiếu trách nhiệm. Có 2 cán bộ kiểm lâm tỉnh và một tổ bảo vệ rừng thuộc xã Phong Hải (Bảo Thắng) có sai phạm trong thực hiện nhiệm vụ được giao đã xử lý kỷ luật và điều chuyển công tác khác.

- Quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, đề nghị, kiến nghị của nhân dân. Các cấp, các ngành đã tập trung giải quyết kịp thời một số vụ việc nổi cộm ở địa phương. Đã quyết định có hiệu lực về pháp luật như: vụ xâm lấn rừng 661 ở Sa Pa, vụ khai khống để rút tiền đền bù giải phóng mặt bằng ở khu đô thị mới 334 triệu đồng. Vụ sử dụng tiền của dự án 661 huyện Bát Xát sai mục đích 249 triệu đồng. Tham ô tiền, bớt xén vật tư của chương trình xóa đói, giảm nghèo Sa Pa 26 triệu đồng. Vụ chuyển đổi đất rừng 661 sai mục đích sang trồng hoa tại Sa Pa, vụ lừa đảo chiếm đoạt tiền Nhà nước tại Ngân hàng Kim

Tân, một số các cán bộ có sai phạm ở cơ quan bảo vệ pháp luật trong điều tra, truy tố chưa bảo đảm tính khách quan, chính xác xảy ra ở Công an Văn Bàn, Viện Kiểm sát Mường Khương, Công an Bảo Yên đã được kịp thời chấn chỉnh rút kinh nghiệm và xử lý trách nhiệm cá nhân. Một số vụ khiếu kiện đông người kéo dài ở Nông trường chè Thanh Bình, Than Uyên, của một số xã huyện Bảo Thắng, phường Duyên Hải, v.v. đã giải quyết xong trong năm 2002 tạo sự ổn định trong nhân dân. Kiện toàn tổ chức và vai trò lãnh đạo của Đảng. Đến nay không có tái tổ và phát sinh mới.

c) *Về tổ chức chỉ đạo*: Để phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện tối Quy chế dân chủ ở cơ sở, ngoài việc chỉ đạo xây dựng đề án về giải quyết tố cáo, khiếu nại có tính bức xúc, ban hành các chỉ thị, nghị quyết, quy định giải quyết tố cáo, khiếu nại để tổ chức học tập, quán triệt thực hiện trong nhân dân, giải quyết kịp thời các đơn thư tố cáo, khiếu nại, đề nghị của nhân dân, Ban Thường vụ Tỉnh ủy còn chỉ đạo cấp ủy các cấp, các ngành ngay sau khi kết thúc hai cuộc kiểm tra tháng 7-2002 đã xây dựng chương trình hành động như: kiện toàn tổ chức, bổ sung cán bộ thanh tra, kiểm tra, cán bộ tiếp dân có năng lực để đáp ứng yêu cầu. Các cơ quan Đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể từ tỉnh đến huyện, cơ sở đều có phòng tiếp dân, có niêm yết quy định để dân biết, kiện toàn các tổ hòa giải, tổ tự quản ở cơ sở. Xây dựng và bổ sung quy chế làm việc của cấp ủy cơ sở, quy định của các thôn, bản để thực hiện. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra của các cấp ủy, chính quyền, ngành chức năng để giải quyết kịp thời đơn thư tố cáo, đề nghị của công dân. Phát huy dân chủ và sự giám sát của nhân dân tại cơ sở, v.v..

3. Đánh giá kết quả thực hiện kết luận của Ban Bí thư, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện giải quyết tố cáo, khiếu nại của công dân

a) *Thực hiện kết luận của Ban Bí thư và của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về cuộc kiểm tra giải quyết đơn thư tố cáo, khiếu nại của công dân*

năm 2002. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai đã nghiên cứu, xây dựng kế hoạch, mở hội nghị cấp ủy mở rộng tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện; thành lập Ban chỉ đạo, điểm chỉ đạo, phân công cấp ủy chỉ đạo các Đảng bộ trực thuộc; giao cho Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy làm chức năng tham mưu, theo dõi kiểm tra thực hiện và tổng hợp báo cáo thường xuyên để cấp ủy chỉ đạo với phương châm các cấp ủy nêu cao trách nhiệm tự kiểm tra là chính kết hợp với sự kiểm tra của cấp trên.

- Căn cứ vào kế hoạch và hướng dẫn của Trung ương, của Tỉnh ủy, các cấp ủy tổ chức đảng cấp dưới, các Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn đã tổ chức triển khai quán triệt thực hiện như chỉ đạo của Tỉnh ủy; đã xây dựng báo cáo tự kiểm tra theo nội dung của kế hoạch và chương trình hành động thực hiện tiếp đưa ra hội nghị cấp ủy, đảng viên thảo luận, đánh giá kết quả thực hiện và biện pháp thực hiện tiếp.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng đề án giải quyết đơn thư tố cáo, khiếu nại và ban hành các văn bản chỉ đạo như đã nêu trên để nhân dân thực hiện. Đã gắn các đợt triển khai quán triệt nghị quyết của Đảng để kiểm điểm liên hệ, nhấn mạnh thực hiện. Các cơ quan chức năng đã tham mưu cho cấp ủy chính quyền thường xuyên kiểm tra, đôn đốc và trực tiếp giải quyết đơn thư tố cáo, khiếu nại, đề nghị của nhân dân có kết quả. Công tác tuyên truyền pháp luật được các cấp ủy quan tâm chỉ đạo do đó nhận thức của nhân dân được nâng lên về quyền và trách nhiệm ý kiến của mình.

- Quá trình thực hiện kết luận của Ban Bí thư, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy các cấp ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền, các cấp, các ngành nêu cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương về giải quyết tố cáo, khiếu nại, kiến nghị của nhân dân. Giải quyết kịp thời, hạn chế tồn đọng đơn thư. Tập trung chỉ đạo các vụ nổi cộm có kết quả. Thực hiện tốt yêu cầu kết luận rõ, khách quan, công khai. Xử lý kỷ luật đi đôi với thu hồi kinh tế, v.v. do đó đã hạn chế được đơn thư vượt cấp, kéo dài, không có khiếu kiện tập thể hoặc người đi về Trung ương khiếu kiện.

- Qua công tác chỉ đạo, kiểm tra thực hiện các nội dung kết luận của Ban Bí thư, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cấp ủy đã kiện toàn, bổ sung các ngành chức năng giải quyết đơn thư, tiếp dân của cơ sở, đơn vị. Xây dựng quy chế, quy định triển khai học tập để nhân dân thực hiện.

b) *Về ưu điểm*: Tiếp thu tinh thần chỉ đạo của Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp ủy, các ngành quán triệt và thực hiện nghiêm túc có kết quả theo nội dung kiểm tra và hướng dẫn của Trung ương. Đã xây dựng điểm chỉ đạo và phát huy tinh thần trách nhiệm tự kiểm tra là chính của các cấp ủy, bảo đảm yêu cầu và thời gian thực hiện.

- Quá trình tổ chức kiểm tra, thực hiện đã luôn quan tâm về việc nâng cao nhận thức, bám sát nội dung kiểm tra của Trung ương, của Tỉnh ủy. Đánh giá thực trạng của địa phương về đơn thư tố cáo, khiếu nại, kiến nghị của nhân dân để lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm điểm liên hệ giải quyết. Đề ra chương trình hành động, biện pháp thực hiện tiếp để có hiệu quả và gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương.

- Những ưu điểm trên là do nguyên nhân có sự nhận thức đúng đắn của các cấp ủy các cấp, các ngành trách nhiệm về giải quyết đơn thư tố cáo, đề nghị của nhân dân, đã tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc. Xây dựng kế hoạch thực hiện sát với tình hình thực tế của mỗi Đảng bộ để từ đó liên hệ kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện và đề ra chương trình hành động cụ thể, sát thực, hiệu quả.

c) *Khuyết điểm tồn tại*: Việc xây dựng chương trình hành động sau kiểm tra và kiểm tra việc thực hiện chương trình có một số cấp ủy cơ sở chưa thực hiện. Công tác giải quyết đơn thư đề nghị, kiến nghị của nhân dân còn tồn đọng ở một số ngành, địa phương nhất là cấp cơ sở chưa dứt điểm, việc thu hồi kinh tế sau khi xử lý có một số vụ còn tồn đọng.

- Việc tổ chức quán triệt thực hiện kết luận của Ban Bí thư, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy có nơi làm còn lười. Chưa nêu cao trách nhiệm tự kiểm tra nên hiệu quả đạt thấp, có nơi còn kéo dài thời gian kiểm tra chưa bám theo đề cương, nội dung của kế hoạch, v.v..

- Nguyên nhân: Chủ yếu là do về nhận thức, về ý thức trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, ngành chức năng và công tác kiểm tra đôn đốc của cấp trên còn buông lỏng, chưa sâu sát chỉ đạo kịp thời trong đợt kiểm tra.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ, CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY VỀ LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY ĐỊNH NHỮNG ĐIỀU ĐẢNG VIÊN KHÔNG ĐƯỢC LÀM

1. Việc triển khai thực hiện kết luận của Ban Bí thư, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; việc khắc phục thiếu sót, khuyết điểm trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện quy định những điều đảng viên không được làm theo kết luận của cuộc kiểm tra số 02 Trung ương:

Về triển khai thực hiện:

Việc tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập, quán triệt các nội dung quy định về những điều đảng viên không được làm đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo triển khai học tập thường xuyên đưa vào nội dung sinh hoạt đảng của tổ chức đảng. Được quán triệt tiếp trong đợt kiểm tra thực hiện Kế hoạch 02-KH/TW, năm 2002. Do đó việc tổ chức triển khai thực hiện kết luận của Ban Bí thư, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đợt này được gắn liền với triển khai quán triệt Kế hoạch 04 Trung ương về giải quyết đơn thư tố cáo, khiếu nại.

Qua học tập quán triệt Quy định 19-QĐ/TW, quán triệt kết luận của Trung ương, của Tỉnh ủy, nhận thức của cán bộ, đảng viên đã được nâng lên. Ý thức chấp hành 19 điều đảng viên không được làm đã có những chuyển biến thực hiện tốt. Việc khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm trong tự phê và phê bình, trong thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) đã có ý thức, mạnh dạn hơn. Dân chủ được tôn trọng phát huy, có chuyển biến về ý thức, thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, đảng viên.

Tỉnh ủy đã chỉ đạo đưa việc tự phê bình và phê bình vào sinh hoạt thường xuyên của chi bộ. Tuy nhiên, việc nắm vững 19 điều của

Quy định 19-QĐ/TW còn nhiều đảng viên nông thôn, vùng cao, vùng sâu chưa hiểu hết. Việc đấu tranh tự phê bình và phê bình trong các tổ chức đảng chưa mạnh, vẫn còn tư tưởng nể nang, e dè, chưa dám thẳng thắn. Một số cấp ủy chưa đưa nội dung này vào sinh hoạt thường xuyên của chi bộ.

Về xử lý kỷ luật:

Từ tháng 7-2002 - 11-2003 thông qua các cuộc kiểm tra và giải quyết đơn thư tố cáo đã phát hiện tổ chức đảng, đảng viên có dấu hiệu vi phạm Quy định 19 QĐ/TW là: 1 cấp ủy đảng đã xử lý kỷ luật cảnh cáo (xã Bắc Cường) 90 đảng viên vi phạm phải xử lý kỷ luật, đã xử lý xong, trong đó có 24 đồng chí là cấp ủy viên các cấp so với khi kết thúc về hai cuộc kiểm tra của Trung ương tháng 7-2002 số đảng viên vi phạm có giảm (số đảng viên bị xử lý từ tháng 1 năm 2000 đến 6-2002 là 317 đồng chí).

- Nội dung vi phạm chủ yếu có tính phổ biến của đảng viên bị xử lý là: vi phạm nguyên tắc tập trung của đảng 32 đảng viên, vi phạm pháp luật 27 đảng viên, vi phạm lối sống phẩm chất đạo đức 31 đảng viên.

- Hình thức kỷ luật: khiển trách 29 đồng chí, cảnh cáo 44 đồng chí, cách chức 8 đồng chí, khai trừ đảng 9 đồng chí.

- Việc chỉ đạo thực hiện 19 điều đối với đảng viên sau thực hiện Kế hoạch 02 Trung ương đến nay được Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy sơ kết, tổng kết thường xuyên chủ yếu gắn với việc sơ kết, 6 tháng, tổng kết năm về công tác xây dựng Đảng và thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ. Kiểm điểm việc thực hiện của đảng viên trong sinh hoạt chi bộ và ở nơi cư trú. Sơ kết chuyên đề công tác đảng viên của Ban Tổ chức Tỉnh ủy nhằm rút kinh nghiệm và nâng cao chất lượng công tác đảng viên của Đảng bộ.

2. Đánh giá kết quả việc thực hiện kết luận của Ban Bí thư, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện quy định những điều đảng viên không được làm.

Về ưu điểm:

- Sau khi kết thúc kiểm tra theo Kế hoạch 02-KH/TW Trung ương

tháng 7-2002 Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng trong toàn Đảng bộ xây dựng chương trình khắc phục khuyết điểm sau kiểm tra về thực hiện những điều đảng viên không được làm. Tiếp đó Trung ương có Thông báo số 109-TB/TW, ngày 14-5-2003 về kết luận hai cuộc kiểm tra. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp ủy quán triệt tiếp và bổ sung vào chương trình hành động khắc phục khuyết điểm của các cấp ủy để thực hiện.

- Cùng với việc kiểm tra về giải quyết đơn thư tố cáo, khiếu nại. Trong đợt kiểm tra này theo Kế hoạch 03-KH/TW Trung ương, 27-KH/TW nhìn chung các cấp ủy đã tổ chức quán triệt nghiêm túc trong cấp ủy đảng viên. Viết báo cáo liên hệ kiểm điểm với thực tế của địa phương về lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy và việc thực hiện Quy định 19-QĐ/TW đối với đảng viên. Qua đó đã giúp cho mỗi đảng viên thấy được ý nghĩa của việc quy định 19 điều đối với đảng viên không được làm để nâng cao vai trò lãnh đạo của đảng viên trong giai đoạn hiện nay. Từ đó tiếp tục phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, xây dựng chương trình thực hiện trong những năm tới để chấp hành tốt Quy định 19 QĐ/TW.

- Đã rà soát đánh giá việc thực hiện 19 điều đối với đảng viên và xử lý kịp thời những đảng viên có vi phạm, cụ thể: qua phân loại số chấp hành tốt quy định: 19.319 đảng viên chiếm 98,35%, số chấp hành chưa tốt có 203 đảng viên chiếm 1,03%, số có vi phạm 121 đảng viên chiếm 0,61%, trong số vi phạm có 85 đồng chí phải xử lý kỷ luật đã xử lý xong 79 đồng chí.

Nguyên nhân ưu điểm: Do nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu do có sự chỉ đạo, kiểm tra thường xuyên của các cấp ủy, của các ban xây dựng Đảng. Sự quản lý chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy cơ sở, sự nhận thức, ý thức tự giác chấp hành của đảng viên và đưa nội dung này vào sinh hoạt thường xuyên của chi bộ, coi trọng tự phê và phê bình trong chi bộ, v.v..

Khuyết điểm tồn tại:

- Còn một số tổ chức đảng, cấp ủy chưa thật sự lãnh đạo, chỉ đạo quan tâm nhiệm vụ này, chưa có chương trình khắc phục khuyết điểm và kiểm tra thực hiện. Việc triển khai quán triệt, thực hiện còn hình

thức, chưa đưa nội dung Quy định 19 QĐ/TW vào sinh hoạt chi bộ. Một số đảng viên chấp hành chưa tốt, còn vi phạm phải xử lý kỷ luật về đảng, chính quyền, v.v..

Nguyên nhân tồn tại: Một số tổ chức đảng cơ sở (nhất là khu vực nông thôn) do công tác giáo dục, tuyên truyền chưa tốt, đảng viên còn hạn chế về nhận thức, chưa nắm vững quy định nên việc thực hiện, chấp hành quy định chưa tốt. Vai trò lãnh đạo, kiểm tra của cấp ủy chưa quan tâm thường xuyên, tư tưởng còn nể nang trong phê bình và xử lý đảng viên vi phạm, v.v..

Đối với 5 điểm kiểm tra của tỉnh:

Qua kiểm tra đã tổ chức triển khai thực hiện kết luận của Trung ương, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch kiểm tra 03-KH/TW Trung ương, 27-KH/TU. Đã xây dựng và thực hiện chương trình khắc phục khuyết điểm tồn tại sau kiểm tra, đến nay có nhiều chuyển biến tốt, cụ thể:

- Đơn thư tố cáo mới không có, số đơn còn lại sau kết thúc kiểm tra tháng 7-2002 gồm: tố cáo còn 1 đơn, kiến nghị còn 16 đơn đã giải quyết xong trong quý IV năm 2002. Khiếu kiện tập thể sau giải quyết xong nhân dân đã ổn định.

- Về thực hiện Quy định 19-QĐ/TW đã kiểm điểm có chuyển biến tốt trong lãnh đạo của cấp ủy và thực hiện của đảng viên. Có 6 đảng viên vi phạm khuyết điểm đã xử lý kỷ luật xong (Công an Văn Bàn 1 đồng chí, Đảng bộ xã Minh Lương 4 đồng chí, Đảng ủy xã Trịnh Tường 1 đồng chí) đã kiện toàn lại cấp ủy của Đảng bộ Công an Văn Bàn, Trịnh Tường, Duyên Hải.

- Tồn tại: Tình hình đào đãi vàng ở xã Minh Lương đến nay chưa giải tán được. Đã yêu cầu Đảng bộ Công an Văn Bàn, Đảng bộ xã Minh Lương tiếp tục phối hợp với ngành chức năng của tỉnh chỉ đạo giải tán theo tinh thần chỉ đạo của Tỉnh ủy.

3. Kết quả kiểm tra việc thực hiện 6 điều không được làm của Pháp lệnh cán bộ, công chức.

Thực hiện Kế hoạch số 15-KH/TU, ngày 14-6-2002 và Kế hoạch

số 27-KH/TU, ngày 23-7-2003 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kiểm tra 6 việc quy định cán bộ, công chức không được làm của Pháp lệnh cán bộ, công chức, sau một năm thực hiện việc xây dựng chương trình hành động khắc phục khuyết điểm, kết quả qua kiểm tra rà soát đánh giá như sau:

- Năm 2002 khi kiểm tra có 222 cán bộ, công chức có dấu hiệu vi phạm, đã kết luận xử lý kỷ luật 190 trường hợp (trong đó có 60 đảng viên) số còn lại 32 trường hợp nay đã có chuyển biến.

- Năm 2003 toàn tỉnh có 15.261 cán bộ, công chức, số có vi phạm 104 chiếm 0,006% so với tổng số cán bộ, công chức (trong đó có 17 đảng viên), số phải xử lý kỷ luật 87 trường hợp đã xử lý xong, trong đó có 8 trường hợp buộc thôi việc. Nội dung vi phạm chủ yếu là vi phạm Điều 15, 16, 20 của Pháp lệnh cán bộ, công chức.

Nhìn chung qua kiểm tra thấy rằng: cán bộ, công chức đều chấp hành tốt 20 điều của Pháp lệnh cán bộ, công chức, trong đó có 6 điều cấm. Số lượng, chất lượng, trình độ chuyên môn, chính trị, nhận thức của cán bộ, công chức đều được nâng lên. Cấp ủy chính quyền đã thường xuyên quan tâm lãnh đạo việc thực hiện Pháp lệnh cán bộ, công chức, số vi phạm giảm so với khi kiểm tra thực hiện Kế hoạch 15-KH/TU, năm 2002.

IV. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

1. Đối với Trung ương

- Đảng, Nhà nước cần sửa đổi bổ sung và ban hành văn bản pháp luật hướng dẫn thực hiện các quy định cụ thể, đồng bộ phù hợp với cơ chế chính sách mới để làm cơ sở cho việc thực hiện Quy định số 19-QĐ/TW (khóa IX), tạo thuận lợi cho công tác kiểm tra, xử lý kỷ luật, quản lý giáo dục đảng viên.

- Cần cụ thể hóa Điều 19 để dễ xác định thực hiện và kiểm tra thực hiện trong việc cưới, ngày lễ, sinh nhật, kỷ niệm ngày cưới, mừng thọ, mừng nhà mới...

- Cần nghiên cứu, xây dựng ban hành các chính sách, quy định phù hợp với cơ chế mới để thực hành tiết kiệm, hạn chế tiêu cực, tham nhũng, hạn chế đơn thư tố cáo, khiếu nại của công dân. Tăng cường kiểm tra việc thực hiện Quy chế dân chủ công khai ở cơ sở và kiểm tra các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước trong việc giải quyết đơn thư tố cáo, kiến nghị của nhân dân.

2. Đối với các huyện, thị, đảng bộ trực thuộc

Yêu cầu: Sau đợt kiểm tra này cần tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đối với tổ chức đảng cơ sở để thực hiện kết luận của Trung ương, của Tỉnh ủy về giải quyết tố cáo, khiếu nại, đề nghị của nhân dân. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị, địa phương; thực hiện Quy định 19-QĐ/TW. Tăng cường công tác quản lý, giáo dục đảng viên để phát huy vai trò lãnh đạo ở cơ sở. Tiếp tục thực hiện tốt Quy chế dân chủ và Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII.

V. MỘT SỐ NHIỆM VỤ CHỈ ĐẠO TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT ĐƠN, THƯ TỐ CÁO, KHIẾU NẠI CỦA NHÂN DÂN, QUY ĐỊNH 19-QĐ/TW CỦA TRUNG ƯƠNG

1. Cấp ủy các cấp cần tiếp tục quán triệt nắm vững và chỉ đạo thực hiện nội dung kết luận của Ban Bí thư, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chỉ đạo giải quyết đơn, thư tố cáo, khiếu nại, đề nghị của nhân dân. Thực hiện Quy định 19-QĐ/TW và Pháp lệnh cán bộ, công chức. Phát huy hiệu quả các nội dung thực hiện trên sau kiểm tra.

2. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong nhân dân, nhất là vùng cao, vùng sâu, khu vực nông thôn, các doanh nghiệp, phổ biến các quy định của Luật tố cáo, khiếu nại, các tài liệu quy định; chỉ thị, hướng dẫn của tỉnh, Trung ương có liên quan đến tố cáo, khiếu nại để nhân dân nắm được. Chỉ đạo thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, kiện toàn tủ sách pháp luật, kiện toàn tổ chức - cán bộ cơ quan kiểm tra, thanh tra, tổ hòa giải, tổ tiếp dân cùng với trang bị cơ sở vật chất để giúp cấp ủy, chính quyền chỉ đạo thực hiện.

3. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra hướng về cơ sở để chỉ đạo. Tổ chức nghiên cứu thực hiện đề án của tỉnh về cải tiến giải quyết đơn, thư tố cáo, khiếu nại. Thực hiện quy chế phối hợp giải quyết đơn thư, tố cáo, khiếu nại đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý. Các ngành, các cấp phải chịu trách nhiệm trong việc giải quyết đơn thư, tố cáo, khiếu nại. Nơi nào để xảy ra tố cáo vượt cấp thì người đứng đầu tổ chức đó phải chịu trách nhiệm. Giải quyết số vụ, việc còn tồn đọng, từ nay trở đi không để đơn thư, tồn đọng kéo dài.

4. Tiếp tục quán triệt cho cán bộ, đảng viên nắm vững 19 điều đối với đảng viên, 6 điều đối với cán bộ, công chức không được làm để thực hiện. Tiếp tục rà soát phân loại đánh giá, bồi dưỡng để nâng cao chất lượng đảng viên, tổ chức đảng. Làm trong sạch đội ngũ cán bộ, công chức. Từ nay sinh hoạt cấp ủy, chi bộ, cơ quan phải đưa nội dung tự phê bình và phê bình để thực hiện một cách thường xuyên. Hằng năm phải có sơ kết, tổng kết nội dung công tác về giải quyết tố cáo, việc thực hiện Quy định 19-QĐ/TW, Pháp lệnh cán bộ, công chức theo hướng chuyên đề hoặc gắn vào công tác đảng, chính quyền; nhằm rút kinh nghiệm và chấn chỉnh công tác lãnh đạo chỉ đạo kịp thời.

Trên đây là báo cáo kết quả kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện kết luận của Ban Bí thư, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về hai cuộc kiểm tra năm 2002 của Đảng bộ tỉnh Lào Cai.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 133-BC/TU, ngày 31-12-2003

Về tình hình thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TU về phát triển nguồn nhân lực và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt cơ sở giai đoạn 2001 - 2005

Nhằm thực hiện tốt một trong những nội dung của Nghị quyết Đại hội Đảng Toàn quốc lần thứ IX và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII, ngày 3-12-2001, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa XII đã ra Nghị quyết 08-NQ/TU về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai giai đoạn 2001 - 2005. Trong đó, tập trung đào tạo và đào tạo lại về trình độ văn hóa, chính trị, chuyên môn, quản lý nhà nước và tin học cho cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, đào tạo cán bộ khoa học, công nhân kỹ thuật phục vụ theo hướng xã hội hóa. Với quan điểm chỉ đạo trong phát triển nguồn nhân lực hướng về cơ sở là chủ yếu, chính vì vậy ngay sau khi ban hành nghị quyết, Tỉnh ủy đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định số 60-QĐ/UB, ngày 18-2-2002 về việc phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt cơ sở tỉnh Lào Cai giai đoạn 2001 - 2005. Trong 2 năm triển khai thực hiện nghị quyết và đề án trên, kết quả được thể hiện như sau:

Phần thứ nhất
TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT VÀ ĐỀ ÁN

I. KẾT QUẢ

1. Về triển khai học tập

- Sau khi ban hành Nghị quyết 08-NQ/TU và đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt cơ sở của tỉnh; các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc; các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị tỉnh gắn với tổng kết năm và sơ kết quý I đều triển khai sâu rộng 4 quan điểm và các mục tiêu, giải pháp của nghị quyết và đề án tới cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức và cán bộ cơ sở, hết quý I năm 2002 triển khai xong. Các huyện, thị từ mục tiêu của tỉnh đã xây dựng cụ thể mục tiêu đào tạo cán bộ chủ chốt cơ sở, một số huyện xây dựng cao hơn so với mục tiêu chung của tỉnh như: Bảo Yên, Bảo Thắng; Tỉnh đội Lào Cai xây dựng Đề án đào tạo Chỉ huy trưởng Quân sự xã, phường, thị trấn tới năm 2010.

- Tỉnh ủy đã chỉ đạo và ngành tham mưu đã có hướng dẫn các huyện, thị, ban, ngành toàn tỉnh tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch theo hướng “động” và “mở”, trên cơ sở định ra nguyên tắc, tiêu chuẩn cụ thể, phát hiện, chuẩn bị nguồn nhân sự và được bàn bạc, thảo luận dân chủ trong cấp ủy, Ban Thường vụ; trên cơ sở đó có kế hoạch tập trung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Quyết định số 169-QĐ/TU, ngày 4-12-2001 về đánh giá, bổ nhiệm lại toàn bộ đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý từ phó, trưởng phòng cấp huyện trở lên và kết thúc đợt 4 vào năm 2003 ở 77 đơn vị sớm hơn dự kiến 2 năm. Đây là một đợt rà soát lại đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý tạo động lực phấn đấu vươn lên.

- Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 4-12-2001 tập trung 196 cán bộ luân chuyển, tăng cường cho 107 xã khó khăn, nâng cao năng lực lãnh đạo tạo điều kiện cho cán bộ cơ sở đi đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn hóa.

- Tổ chức triển khai cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng trên cả 10 nội dung theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và kết luận Hội nghị Trung ương V, khóa IX đã mang lại hiệu quả, nâng cao uy tín và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ.

2. Về nhận thức

- Qua việc học tập, quán triệt nghị quyết và đề án của tỉnh, cán bộ, đảng viên, công chức và cán bộ cơ sở đương chức và dự nguồn đều hiểu rõ đây là một chủ trương đúng, phù hợp, có ý nghĩa không chỉ trước mắt mà còn mang tính chiến lược lâu dài; làm tốt nghị quyết, đề án này sẽ tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, đồng bộ về chất lượng cán bộ trước yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nói chung và tỉnh Lào Cai nói riêng. Hầu hết cán bộ, công chức trong độ tuổi của hệ thống chính trị trên cơ sở tiêu chuẩn đều có nguyện vọng học tập để chuẩn hóa và đã trở thành phong trào rộng rãi, tự giác.

- Các cơ quan, ban, ngành tham mưu; các cơ quan, đơn vị, huyện, thị, đảng ủy trực thuộc trên cơ sở quy hoạch đều chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo và tạo mọi điều kiện về thời gian, tùy theo điều kiện hỗ trợ thêm kinh phí cử cán bộ, công chức đi học.

3. Về chủ trương, chính sách

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 39-QĐ/UB, ngày 6 - 2- 2002 về chính sách đào tạo và thu hút cán bộ, nghệ nhân, công nhân tay nghề bậc cao về làm việc tại Lào Cai; Tỉnh ủy ban hành Quyết định 287-QĐ/TU quy định cụ thể về đối tượng cán bộ, công chức đi học các lớp trung, cao cấp, cử nhân chính trị các hệ trong tỉnh và Trung ương. Điều chỉnh chính sách hỗ trợ cán bộ cơ sở đương chức và dự nguồn học ở Trường Chính trị tỉnh, huyện; các cháu học ở Trường Phổ thông dân tộc nội trú.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong năm 2003 nâng cấp Trường Trung học Kinh tế - Kỹ thuật, Trường Trung học Y tế trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tuy là một tỉnh nghèo nhưng hằng năm tỉnh đã ưu tiên dành trên 25 tỷ đồng cho công tác đào tạo, nhất là đào tạo cán bộ cơ sở. Có chính sách ưu tiên tuyển dụng con em các dân tộc tốt nghiệp các trường chuyên nghiệp về công tác tại tỉnh. Công tác cử tuyển thực hiện đúng quy trình, chặt chẽ, bảo đảm đúng địa chỉ; ưu tiên con em dân tộc ít người, vùng sâu, vùng xa.

4. Về cơ sở vật chất

Đã được tỉnh quan tâm đầu tư xây dựng kiên cố hóa trường lớp, nâng cấp và xây dựng mới các trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, thị; làm nhà công vụ cho cán bộ luân chuyển, tăng cường. Mở thêm các phân hiệu phổ thông trung học: Mường Khương, Bảo Thắng, Si Ma Cai. Tính trong 2 năm (2002 - 2003) tỉnh đã đầu tư 68,83 tỷ đồng xây dựng được 681 phòng học ở 132 trường trong phạm vi toàn tỉnh.

5. Về đội ngũ giảng viên, giáo viên: Đã và đang được tăng cường cả về số lượng và chất lượng, bước đầu đáp ứng được yêu cầu dạy và học.

Phần thứ hai

KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC SO VỚI MỤC TIÊU NGHỊ QUYẾT VÀ ĐỀ ÁN

I. KẾT QUẢ SO VỚI MỤC TIÊU NÊU TRONG NGHỊ QUYẾT PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

1. Thông qua quy hoạch tổng thể đội ngũ cán bộ toàn tỉnh đã xác định được nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ năm 2001- 2005, trong đó:

Nhu cầu đào tạo về lý luận chính trị:

- Trên đại học: 23 người (dự nguồn: 12 người).
- Cao cấp và cử nhân: 545 người (dự nguồn: 115 người).
- Trung cấp: 1.337 người (dự nguồn: 446 người).

Nhu cầu đào tạo về chuyên môn:

- Trên đại học: 135 người (dự nguồn: 65 người).
- Đại học: 1.275 người (dự nguồn: 850 người).
- Cao đẳng: 1.239 người (dự nguồn: 697 người).
- Trung cấp: 4.344 người (dự nguồn: 2.674 người).

Từ đó xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho từng năm.

2. Kết quả từ năm 2001 tới nay về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ từ tỉnh tới cơ sở

Đào tạo về lý luận chính trị: 1.934 người, trong đó, thạc sĩ: 1 người; cử nhân: 219 người; cao cấp: 139 người; trung cấp: 1.027 người; sơ cấp: 452 người. Đào tạo cán bộ nguồn cho cơ sở: 3 lớp, thời gian mỗi lớp 6 tháng cho 96 người (đối tượng là bộ đội chuẩn bị xuất ngũ ở vùng sâu, vùng xa và là người dân tộc thiểu số).

Đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ: 4.833 người, trong đó trên đại học: 90 người; đại học: 1.105 người; cao đẳng: 1.014 người; trung cấp: 2.624 người.

Đào tạo văn hóa ở các trường nội trú và tại các trung tâm bồi dưỡng ở các huyện, thị: 10.682 người, trong đó, các trường nội trú: 7.096 người; các trường bồi dưỡng huyện, thị: 3.586 người.

Đào tạo năng khiếu các loại: 125 em, trong đó: Đào tạo diễn viên năng khiếu: 40 em; múa dân gian, dân tộc, âm nhạc dân tộc: 20 em; đào tạo năng khiếu thể thao các môn: 65 em.

Hệ bồi dưỡng: 53.774 lượt người, trong đó: Lý luận chính trị: 17.896 lượt người; quản lý nhà nước: 11.411 lượt người; Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể: 8.948 lượt người; chuyên môn nghiệp vụ: 7.329 lượt người.

Bồi dưỡng nghiệp vụ khác: 8.190 lượt người.

Trong đó đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức tại các cơ quan, đơn vị từ tỉnh đến huyện, trong đó: về chuyên môn nghiệp vụ: trên đại học: 90 đồng chí, đại học: 682 người, cao đẳng: 210 người, trung cấp: 490 người; về lý luận chính trị: thạc sĩ: 1 đồng chí, cử nhân: 219 đồng chí, cao cấp: 139 đồng chí, trung cấp: 373 đồng chí.

Đào tạo, bồi dưỡng khác: Văn hóa: 45 người; đào tạo tin học ngoại ngữ và tiếng dân tộc ít người trình độ cơ sở: 600 người; bồi dưỡng các loại: 693 người

Phần đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt cơ sở sẽ báo cáo cụ thể hơn ở phần thực hiện đề án sau.

3. Việc đào tạo, tuyển dụng bác sĩ trong thời gian qua đã đưa được 33 bác sĩ về 33 xã công tác đạt 73,3% chỉ tiêu đến năm 2005.

4. Công tác tập huấn kỹ thuật khuyến nông - lâm - ngư nghiệp được triển khai sâu rộng. Từ năm 2001 tới nay đã tổ chức được 1.022 lớp, tổng cộng 35.734 hộ/92.633 hộ đạt 38,6% (mục tiêu năm 2005 đạt 60%-70%). Như vậy công tác này đến nay so với mục tiêu mới đạt được từ 55,14%- 64,3%.

5. Đối với cán bộ khoa học - kỹ thuật

Bằng việc thống kê, đánh giá, phân loại đội ngũ cán bộ các cấp, ngành đã xác định những ngành, nghề trọng yếu còn thiếu cán bộ khoa học - kỹ thuật như: ngành nông nghiệp; công nghiệp, thương mại - du lịch; giao thông - vận tải, tin học và ngành xây dựng. Trên cơ sở đó đã có kế hoạch tuyển dụng đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật cho các ngành ở các lĩnh vực để đáp ứng nhiệm vụ của ngành cũng như phục vụ 7 chương trình trọng tâm của tỉnh. Tính từ năm 2001 đến nay ở các ngành trên đã tiến hành tuyển dụng tăng cường đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật được 107 người; trong đó: đại học là 98 người, cao đẳng: 1 người; trung cấp: 8 người.

So với nhu cầu hiện nay các ngành trên còn thiếu đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật là 52 người cần phát triển tiếp tục bổ sung trong thời gian tới

6. Đối với công nhân kỹ thuật

Từ năm 2001 đến nay đã đào tạo được 146 lớp với 6.186 học sinh trong đó:

- Đào tạo dài hạn: 93 lớp với 4.322 học sinh (gồm các lớp nông,

lâm nghiệp; chăn nuôi thú y; luyện kim đen; kinh doanh thương mại, sửa chữa ô tô; khoan nổ mìn; gò hàn; xây dựng thủy điện; xúc gạt; điện nông thôn...)

- Đào tạo ngắn hạn: 53 lớp với 1.864 học sinh (gồm các nghề bồi dưỡng khuyến nông, lâm, quản lý điện nông thôn; nhà hàng; khách sạn, kinh doanh xuất khẩu, các nghề tiểu thủ công nghiệp...).

- Để phục vụ cho Xí nghiệp liên doanh đồng Sin Quyền đã tuyển dụng 500 công nhân đi đào tạo, sau khi học xong nghề đã có 70% tỷ lệ học sinh tìm được việc làm. Nhìn chung về chất lượng cơ bản đáp ứng nhu cầu trên địa bàn.

7. Đối với công tác tuyển dụng cán bộ nói chung, cán bộ dân tộc ít người nói riêng

Từ năm 2001 đến nay tuyển dụng: 4.073 người, trong đó: dân tộc thiểu số: 969 người, chiếm tỷ lệ 23,79%.

Số tuyển dụng và hợp đồng con em các dân tộc của tỉnh vào làm việc tại các cơ quan hành chính sự nghiệp của tỉnh, huyện, đặc biệt là cán bộ Khối Đảng, đoàn thể các cấp tăng cả về số và chất lượng, đã góp phần nâng tỷ lệ cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số của tỉnh ngày một tăng.

- Đối với việc tuyển dụng bố trí học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Quyết định số 39/2002/QĐ-UB, ngày 6-2-2002: (một trong những nội dung nêu trong Quyết định là để làm sao toàn bộ con em các dân tộc tỉnh Lào Cai tốt nghiệp cao đẳng và đại học đều được bố trí công tác tại các cơ quan ở tỉnh, huyện và cơ sở). Đến nay tỉnh đã tiếp nhận 156 hồ sơ (đại học là 140; cao đẳng là 13; trung cấp là 3), trong đó con em các dân tộc thiểu số là 115 hồ sơ, chiếm 73,7% đã đều được tuyển dụng bố trí cho các cơ quan trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở.

- Đối với cấp cơ sở, công tác tuyển dụng, bố trí cán bộ người dân tộc thiểu số đã được quan tâm chú ý cả về số lượng và chất lượng: trong 80 cán bộ được tuyển dụng bố trí làm công tác xóa đói, giảm

nghèo theo Chương trình 135 (trong đó: đại học 52, cao đẳng 3, trung cấp 25) đã có 35 cán bộ là người dân tộc thiểu số: 43,75% đã được bố trí làm việc tại cấp cơ sở.

Do làm tốt công tác tuyển dụng cán bộ, công chức nói chung, cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số nói riêng cho nên tính đến tháng 11- 2003 toàn tỉnh có 17.481 cán bộ, công chức (Khối nhà nước + Khối Đảng, đoàn thể) đã có 3.782 người chiếm 21,6% cán bộ, công chức là dân tộc thiểu số của 24/27 dân tộc công tác tại các cơ quan hành chính sự nghiệp Khối Nhà nước và Khối Đảng, đoàn thể. Trong khi đó tỷ lệ này năm 1996 là 13,06% (1.293 người/9.900 cán bộ, công chức).

8. Về đội ngũ giảng viên và chuẩn hóa giáo viên

a) Về đội ngũ giảng viên và chuẩn hóa đội ngũ giáo viên trong các cơ sở đào tạo và giảng viên kiêm chức trong các trung tâm bồi dưỡng chính trị đã được kiện toàn cả về số và chất lượng. Đội ngũ giảng viên, báo cáo viên cơ bản đã có trình độ đại học trở lên.

Qua thống kê tại 4 trường trực thuộc tỉnh (Trường Trung học Kinh tế - Kỹ thuật; Trường Trung học Y tế Lào Cai; Trường Công nhân kỹ thuật Lào Cai và Trường Chính trị tỉnh) cho thấy:

- Về số lượng giảng viên tăng 33 người đạt 73,33%. Về chất lượng: trên đại học tăng 1 người đạt 50%, đại học tăng 25 người đạt 75,76%.

- Riêng Trường Trung học Kinh tế - Kỹ thuật đã xác định được khoa, phòng trọng tâm mũi nhọn (Phòng Đào tạo và Trung tâm Công nghệ thông tin) để quan tâm đầu tư thúc đẩy sự nghiệp đào tạo của trường nói riêng và sự nghiệp đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của tỉnh nói chung.

b) Sở Giáo dục và Đào tạo đã có nhiều cố gắng trong việc chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, cụ thể:

Từ năm 2002 tới nay đã có 392 giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, giáo viên mầm non đang học đại học tại chức tại tỉnh. Tính đến thời điểm hiện nay toàn ngành đã có 9.107/10.502 giáo viên đạt chuẩn, đạt tỷ lệ 86,72%.

9. Việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nói chung, đặc biệt là nâng cao chất lượng cán bộ, công chức nói riêng đã được tiến hành đồng thời bằng nhiều biện pháp:

Tiến hành đánh giá bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý nhằm chuẩn hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý được thực hiện theo Quyết định số 169-QĐ/TU, ngày 4-12-2001. Sau 4 đợt triển khai tại 77 đơn vị, trong đó:

- Số cán bộ lãnh đạo là trưởng, phó các sở, ban, ngành và tương đương được đánh giá là 70 đồng chí, trong đó số được bổ nhiệm lại 51 đồng chí chiếm 72,85%, số không được bổ nhiệm lại là 19 đồng chí, chiếm 27,15%.

Số cán bộ lãnh đạo là trưởng, phó phòng và tương đương cấp tỉnh, huyện được đánh giá là 699 đồng chí: số được bổ nhiệm lại là 471 đồng chí chiếm 67,38%; số không được bổ nhiệm lại là 228 đồng chí, chiếm 32,62%.

Hàng năm chọn cử cán bộ, công chức đi học và thi nâng ngạch. Tính từ năm 2001 đến nay đã chọn cử được 79 đồng chí cán bộ, công chức đi thi chuyên viên chính và chuyên viên cao cấp; trong đó: chuyên viên chính: 76 đồng chí (Khối Đảng, đoàn thể: 25 đồng chí; Khối Nhà nước: 51 đồng chí); chuyên viên cao cấp: 3 đồng chí (Khối Đảng).

Tiến hành tinh giản biên chế. Tính đến thời điểm hiện nay tỉnh đã chi khoản kinh phí là 4.680.466.835 đồng để giải quyết cho cán bộ, công chức nghỉ chế độ theo Nghị quyết 16/CP và giải quyết chế độ cho thôi việc tổng số 229 đồng chí. Trong đó:

- Nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị quyết 16/CP: 207 đồng chí (Khối Đảng, đoàn thể: 55 đồng chí; Khối Nhà nước: 152 đồng chí).

- Giải quyết cho thôi việc: 22 người (Khối Đảng, đoàn thể: 4 người; Khối Nhà nước: 18 người).

Thông qua công tác tuyển dụng, xét, thi tuyển cán bộ, công chức; thông qua đánh giá, bổ nhiệm lại cán bộ; tinh giản biên chế; quy hoạch cán bộ và bằng việc cử cán bộ, công chức đi đào tạo, bồi dưỡng hàng năm, đến nay cán bộ, công chức toàn tỉnh đã được nâng cao cả về số và chất lượng, cụ thể:

- Khối Dân, Đảng:

+ Cán bộ, công chức 1.082 người, tăng 6,5%, trong đó: dân tộc thiểu số tăng 23 người chiếm 8,86%; nữ tăng 27 người chiếm 8,23%.

+ Trình độ văn hóa phổ thông trung học tăng 111 người chiếm 13,5%, trình độ trung học cơ sở và đặc biệt là tiểu học giảm từ 16,2 đến 88,9%.

+ Trình độ chuyên môn: Trung cấp tăng 29 người chiếm 9,93%; đại học, cao đẳng tăng 98 người chiếm 29,86%; trên đại học tăng 33,3%; trong khi đó sơ cấp giảm 5,6%; chưa qua đào tạo giảm 13,9%.

+ Trình độ quản lý nhà nước tăng 82,35%; ngoại ngữ tăng 55,3%; tin học tăng 200%.

+ Lý luận chính trị: Cao cấp, cử nhân tăng 4,2%; trung cấp và sơ cấp giảm từ 5,88% đến 38,46%.

- Khối Nhà nước:

+ Tổng số cán bộ, công chức tăng 13.052 người (16.390/13.052) tăng 25,6%; nữ tăng 1.752 người chiếm 45,08%; dân tộc thiểu số tăng 1.738 người chiếm 98,5%.

+ Trình độ chuyên môn: Công chức loại A (đại học trở lên) tăng 3.165 người: 572,09%; loại B (cao đẳng, trung cấp) tăng 1.776 người: 22,15%; loại C (sơ cấp) giảm 588 người: 25,5%.

+ Lý luận chính trị: Cao cấp, cử nhân tăng 115 người chiếm 75,7%; trung cấp tăng 527 người chiếm 161,6%.

+ Trình độ ngoại ngữ: Cử nhân 28 người chiếm 28,3%; cơ sở 362 người chiếm 51,0%.

+ Trình độ tin học: Cử nhân tăng 21 người chiếm 350%; cơ sở tăng 1.343 người chiếm 232,8%.

- Đối với cán bộ chủ chốt ở cơ sở về trình độ văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ, quản lý nhà nước và lý luận chính trị không những đã được nâng lên một bước đáng kể mà về tuổi đời đã được trẻ hóa; ở độ tuổi từ 31 đến 40 tăng 302 người: 122,27%, trong khi đó ở độ tuổi từ 41 - 50 giảm 311 người, chiếm 52,80%. Đây là hai độ tuổi ở cơ sở có số lượng cán bộ đông nhất từ trước đến nay.

II. ĐỐI VỚI ĐỀ ÁN ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ CHỦ CHỐT CƠ SỞ

Trong 2 năm 2002 - 2003 đã tập trung đào tạo, bồi dưỡng nhằm mục tiêu chuẩn hóa đội ngũ cán bộ chủ chốt cơ sở, kết quả:

a) Đào tạo:

1. Đào tạo về văn hóa: 2.089 học viên (cấp I là 622 người, cấp II là 1.240 người và cấp III là 227 người).

Đến nay 100% tám chức danh cán bộ chủ chốt cơ sở đã có trình độ học vấn: tiểu học: 348 người; trung học cơ sở: 531 người; phổ thông trung học: 161 người (tổng cộng 1.040 người). So với mục tiêu vượt 10% (90% cán bộ chủ chốt cơ sở vùng III có trình độ học vấn tiểu học, 100% cán bộ chủ chốt cơ sở vùng II, III có trình độ trung học cơ sở trở lên); như vậy học vấn bậc tiểu học giảm 10,08%, trong khi đó học vấn trung học cơ sở tăng 9,26%; trung học cơ sở tăng 23,85%

2. Đào tạo lý luận chính trị:

- Trung cấp 13 lớp với 731 học viên, trong đó: cán bộ cơ sở: 459 người; sơ cấp: 452 học viên, trong đó cán bộ cơ sở là 452 người.

3. Đào tạo về chuyên môn:

- Trung cấp Luật: 3 lớp với 177 người.
- Nhân viên tư pháp cơ sở: (sơ cấp 1 lớp với 52 người).
- Trung cấp Tài chính xã: 2 lớp với 135 người.
- Trung cấp Hành chính - Văn phòng: 2 lớp: 104 người.
- Trung cấp Quản lý đất đai: 1 lớp với 59 người.
- Trung cấp Quản lý nhà nước: 5 lớp: 311 người.
- Trung cấp Nông - Lâm nghiệp: 3 lớp: 290 người.
- Đại học Nông nghiệp: 4 lớp với 290 người.

So sánh với đề án, 4 chức danh chuyên môn mục tiêu đề ra đến 2005 là 90% có trình độ trung cấp trở lên; qua 2 năm đã bố trí được 530 người đủ tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ để tiếp tục công tác: 73,61%. So với mục tiêu 2005 đạt 81,79%

Về đào tạo Trung cấp Nông - Lâm nghiệp: 3 lớp với 390 học viên năm 2005 mới tốt nghiệp ra trường; so sánh với mục tiêu:

Nếu mỗi xã 1 có Trung cấp Nông - Lâm nghiệp, đạt 60, 6%.

- Nếu mỗi xã có 2 Trung cấp Nông - Lâm nghiệp, đạt 30,3%.

Về đào tạo Đại học Nông nghiệp: Mục tiêu mỗi xã 1 người; đang đào tạo được 3 lớp với 203 người, đạt 112,8% mục tiêu. Nhưng đến năm 2007, ba lớp đại học này mới tốt nghiệp ra trường. Vì vậy, từ nay đến năm 2007 vẫn phải có kế hoạch tăng cường cán bộ tỉnh, huyện có trình độ chuyên môn Đại học Nông nghiệp cho cơ sở.

Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đào tạo 96 học viên, sau khi hết nghĩa vụ quân sự học văn hóa, sau này cung cấp nhân lực cho cán bộ chủ chốt cơ sở.

b) *Bồi dưỡng*: Tính chung cả lý luận chính trị, kiến thức Quản lý nhà nước, báo cáo viên cơ sở, bồi dưỡng cấp ủy, đoàn thể, Chương trình 135, an ninh - quốc phòng, pháp luật, giao thông, địa chính, văn phòng, phát thanh - truyền hình, 2 năm được 34.751 người/24.000 người, đạt 144,8% kế hoạch.

Nguyên nhân đạt kết quả trên:

1. Đã có sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy đối với các cấp, các ngành trong hệ thống chính trị của tỉnh về việc quán triệt và triển khai thực hiện nghị quyết; đề án của tỉnh. Đặc biệt tỉnh đã có một loạt các chính sách đầu tư cho việc nâng cao và phát triển nguồn nhân lực của tỉnh. Chủ trương củng cố các trường dân tộc nội trú, Trung tâm Bồi dưỡng chính trị (tỉnh, huyện), chủ trương cho học sinh liên kết với các trường đại học đào tạo theo mục tiêu.

2. Sau khi nghị quyết và đề án ban hành đã nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành của tỉnh về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của nghị quyết, đề án; từ đó đã đề ra chương trình, kế hoạch hành động và các chủ trương, giải pháp phù hợp để triển khai thực hiện tốt nghị quyết và đề án của tỉnh. Đặc biệt đã có sự cố gắng nỗ lực của các cơ quan quản lý nguồn nhân lực đã tham mưu kịp thời cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, triển khai thực hiện tốt việc không ngừng nâng cao và phát triển nguồn nhân lực, đào tạo cán bộ chủ chốt cơ sở tỉnh Lào Cai trong những năm qua.

3. Nhận thức của đội ngũ cán bộ, đảng viên, công nhân viên trong hệ thống chính trị từ tỉnh tới cơ sở đã được nâng lên; mỗi cá nhân đều xác định được là phải tự phấn đấu vươn lên trong lao động, công tác và học tập chuẩn hóa cán bộ, công chức để đáp ứng kịp thời với yêu cầu nhiệm vụ mới hiện nay.

4. Do sự cố gắng nỗ lực của các cấp, các ngành từ tỉnh tới cơ sở trong việc tăng cường cơ sở vật chất: trường, lớp, điều kiện học tập; tăng chỉ tiêu, kinh phí.

5. Đã có cố gắng bước đầu trong việc cải tiến chương trình, nội dung giảng dạy (lớp chính trị rút gọn; công tác bồi dưỡng đã đi vào thực tế hướng dẫn tác nghiệp chỉ việc cụ thể).

III. TỒN TẠI, KHÓ KHĂN VÀ NGUYÊN NHÂN

a) Tồn tại và khó khăn:

1. Tuy đã được tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ nói chung và nhất là cán bộ cơ sở nói riêng cho nên về số lượng cán bộ qua đào tạo đã được nâng lên nhưng khả năng lãnh đạo, điều hành, năng lực nghiệp vụ vẫn còn bất cập và chưa tương xứng với bằng cấp (do hình thức đào tạo tại chức là chính, một số cán bộ chưa có khả năng thực tiễn và chưa qua trung cấp chuyên môn).

2. Nguồn nhân lực phục vụ các lĩnh vực trọng yếu vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu như: Chuyên gia đầu ngành, công nghệ thông tin, kinh tế đối ngoại, xúc tiến thương mại và du lịch, ngoại ngữ, chế biến nông, lâm sản, công nghiệp khai Khoáng. Tỷ lệ cán bộ nữ, cán bộ dân tộc ít người tuy đã có quan tâm và cố gắng cả về số và chất lượng nhưng vẫn còn thấp, phân bố chưa đồng đều ở các ngành, địa bàn và thành phần kinh tế.

3. Tuy về văn hóa so với mục tiêu đề án đã đạt và vượt 10% nhưng thực tế hầu hết không có bằng hoặc giấy chứng nhận, do vậy kiến thức thiếu vững chắc, khó khăn khi chuyển sang học các chương trình chuẩn hóa về lý luận chính trị, quản lý nhà nước và chuyên môn.

4. Trong công tác quy hoạch đào tạo, nhất là đối tượng đào tạo là cán bộ cơ sở, một số ngành, huyện, thị xã, các xã, phường, thị trấn chưa thực sự quan tâm làm tốt công tác quy hoạch đào tạo và sử dụng cán bộ, đặc biệt là cấp cơ sở, một số huyện, xã còn có biểu hiện tư tưởng khép kín cục bộ hoặc không muốn thay thế những cán bộ không có trình độ chuyên môn thấp, không muốn nhận những cán bộ trẻ mới ra trường hoặc trên điều động cán bộ trẻ từ nơi khác về.

- Một số cơ sở không muốn cử cán bộ đi đào tạo vì sợ không có cán bộ làm việc ảnh hưởng đến tiến độ công tác của cơ sở mình hoặc nếu có cử đi thì vẫn còn có hiện tượng cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng chưa đúng đối tượng.

5. Một số cơ sở đào tạo còn thiếu thốn về phòng học, ký túc xá, điều kiện làm việc, phương tiện phục vụ giảng dạy... như Trường Trung học Kinh tế - kỹ thuật, Trường Công nhân kỹ thuật, Trung tâm Chính trị huyện Si Ma Cai...

6. Về chất lượng giảng viên: Một số giảng viên kỹ năng sư phạm và am hiểu thực tiễn còn hạn chế, còn thiếu những giảng viên chuyên ngành đào tạo kỹ thuật, những giảng viên có kinh nghiệm, những giảng viên có trình độ chuyên môn cao ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả của việc đào tạo, bồi dưỡng.

7. Khó khăn lớn nhất đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng chính trị là nguồn cán bộ cử đi đào tạo, bồi dưỡng; số này tập trung ở các xã vùng cao, vùng xa, vùng sâu của tỉnh; vì cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở các địa phương này trình độ văn hóa rất thấp so với tiêu chuẩn để cử đi đào tạo về chuyên môn, lý luận chính trị và quản lý hành chính nhà nước. Vì thế nhiều cán bộ cơ sở phải đào tạo về văn hóa trước khi đào tạo về chuyên môn, lý luận chính trị và quản lý nhà nước, do đó thời gian đào tạo dài, chi phí lớn, hiệu quả chưa cao. Mặt khác tạo tâm lý ngại học ở cán bộ, nhất là những cán bộ đã cao tuổi.

8. Chính sách thu hút cán bộ từ nơi khác có trình độ cao đến làm việc ở Lào Cai chưa hấp dẫn, chủ yếu khuyến khích cán bộ tình nguyện đi đào tạo.

9. Do chạy theo chuẩn hóa cán bộ, công chức và do mặt bằng cán bộ, công chức còn thấp nên có hiện tượng một số cơ quan, đơn vị cử quá nhiều cán bộ, công chức đi đào tạo, ít nhiều ảnh hưởng tới công việc chung. Quá tải số lớp nên thiếu giáo viên cục bộ, ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo.

b) Nguyên nhân:

1. Nhận thức của một số cấp ủy, cơ quan, ban, ngành chưa thật đầy đủ về tầm quan trọng trước mắt và lâu dài của nghị quyết, đề án dẫn đến chưa thật sự quan tâm và chủ động thường xuyên trong việc rà soát, bổ sung phương án, kế hoạch để phân công cho tập thể và cá nhân chỉ đạo, bảo đảm hiệu quả của nghị quyết và đề án.

2. Vai trò tham mưu của các ngành chức năng còn hạn chế; một số ngành khi triển khai thực hiện nghị quyết và đề án mới thực hiện ở phạm vi hẹp (cơ quan văn phòng sở) chưa triển khai ở phạm vi rộng mang tính chất toàn ngành. Đặc biệt một số ngành không tiến hành sơ kết rút kinh nghiệm trong việc thực hiện nghị quyết và đề án (tính đến thời điểm hiện nay mới có 29/56 cơ quan, đơn vị gửi báo cáo sơ kết về tỉnh) cho nên đã gây không ít khó khăn trong việc tổng hợp thông tin xây dựng báo cáo sơ kết của tỉnh.

3. Sự phối hợp giữa cơ quan chủ trì với các ngành hữu quan từ tỉnh tới cơ sở trong việc nắm và theo dõi nguồn nhân lực còn chưa tốt (ở cơ sở không nắm được số học sinh các trường nội trú về).

- Chưa phát hiện, phát triển năng khiếu trên các lĩnh vực ngay từ các trường nội trú cho đi đào tạo để phục vụ nguồn nhân lực.

- Chưa đi vào chiều sâu trong chiến lược cán bộ.

4. Do còn khó khăn về cơ sở vật chất, trang thiết bị ở các cơ sở đào tạo cũng như chưa thật sự đổi mới mạnh mẽ chương trình đào tạo, bồi dưỡng để phù hợp cho từng đối tượng nhất là ở cơ sở.

Phần thứ ba

MỤC TIÊU, GIẢI PHÁP TỪ NAY ĐẾN HẾT NĂM 2005

I. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

Tiếp tục bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết 08/NQ-TU

và đề án đào tạo cán bộ chủ chốt của tỉnh đã đề ra. Trên cơ sở đó, lập kế hoạch thực hiện đạt và vượt các mục tiêu, nhiệm vụ của nghị quyết và đề án đề ra.

II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TỪ NAY ĐẾN HẾT NĂM 2005

1. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả 12 giải pháp trong Nghị quyết 08-NQ/TU về phát triển nguồn nhân lực và giải pháp cơ bản về quy hoạch cán bộ chủ chốt cơ sở, đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ giảng viên, cải tiến phương pháp giảng dạy, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo và làm tốt công tác chính sách cán bộ trong đề án đào tạo cán bộ chủ chốt cơ sở giai đoạn 2001 - 2005. Trường Chính trị tỉnh có kế hoạch đào tạo cán bộ cấp xã, Trung tâm Bồi dưỡng huyện, thị bồi dưỡng cán bộ cấp thôn, bản. Không đào tạo lại cán bộ cấp sở, ban, ngành, chỉ đào tạo lại đối với các ngành thực sự có nhu cầu cấp bách, tránh đào tạo tại chức tràn lan. Cần sớm mở trường đào tạo nghệ thuật tỉnh để đào tạo nguồn nhân lực trên lĩnh vực này.

2. Tăng cường kiểm tra, đánh giá trách nhiệm cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, đơn vị về công tác tuyển sinh, quy hoạch, đào tạo và sử dụng đội ngũ cán bộ, trong đó có cán bộ người dân tộc ít người, trước mắt đào tạo cán bộ nông nghiệp.

Để công tác này phải được các cấp, các ngành thực hiện theo một quy trình chặt chẽ, đúng quy định, bảo đảm tính dân chủ, khách quan, công khai, công bằng và đào tạo gắn với địa chỉ sử dụng, khi đào tạo xong phải được sử dụng ngay.

3. Kiểm tra, thống kê xác định rõ bằng cấp của cán bộ, công chức để từ đó lập kế hoạch đào tạo theo quy hoạch.

4. Tăng cường về số lượng và chất lượng đào tạo văn hóa cho học sinh các dân tộc tại Trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh, các huyện và đào tạo văn hóa cho cán bộ cơ sở, đặc biệt là các xã vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn của tỉnh.

5. Tăng cường đào tạo chuyên môn về số lượng và mở rộng cơ cấu

ngành, nghề đào tạo theo hình thức đào tạo cử tuyển đối với học sinh các dân tộc thiểu số của tỉnh. Đồng thời mở rộng loại hình đào tạo theo nhu cầu xã hội (theo cơ chế tự đóng góp kinh phí đào tạo).

6. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học tại các cơ sở đào tạo tại tỉnh và huyện để đáp ứng ngang tầm với yêu cầu đào tạo hiện nay.

7. Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho phù hợp với từng loại đối tượng đào tạo, đặc biệt đối tượng đào tạo là người dân tộc thiểu số.

8. Tăng cường, bổ sung đội ngũ giảng viên về số lượng và chất lượng trong các cơ sở đào tạo tại tỉnh và huyện. Đồng thời có biện pháp hữu hiệu để thực hiện chuẩn hóa đội ngũ giáo viên trên địa bàn toàn tỉnh.

9. Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ về đào tạo và thu hút nguồn nhân lực mà Trung ương và tỉnh đã ban hành; quan tâm đặc biệt đối với cán bộ, học sinh các dân tộc thiểu số của tỉnh; tăng thêm mức trợ cấp đối với cán bộ, học sinh là con em các dân tộc thiểu số đi học tại các Trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh, huyện và các trường đại học, cao đẳng ở Trung ương và địa phương.

10. Đổi mới chính sách thu hút đối với cán bộ khoa học - kỹ thuật và công nhân có trình độ cao về công tác tại tỉnh Lào Cai theo hướng ưu tiên việc nhập hộ khẩu cho gia đình; tạo điều kiện nơi ở (nhà công vụ); tạo công ăn việc làm cho vợ, con của cán bộ tình nguyện công tác tại tỉnh để ổn định công tác và đời sống.

11. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 16/2000/CP và Nghị định 09/2003 của Chính phủ; tổ chức tốt thi tuyển và tuyển dụng công chức.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 134-BC/TU, ngày 31-12-2003

Về tình hình thực hiện Đề án đổi mới sắp xếp doanh nghiệp nhà nước tỉnh Lào Cai giai đoạn 2001 - 2005

Qua gần 3 năm triển khai thực hiện các đề án theo Kế hoạch số 03-KH/TU, ngày 30-5-2001 của Tỉnh ủy Lào Cai về kế hoạch triển khai thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ đến năm 2005 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XII, công tác tổ chức sắp xếp doanh nghiệp nhà nước tỉnh Lào Cai giai đoạn 2000 - 2005 được triển khai theo đúng quy trình trên cơ sở thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước và mức độ cần thiết phải duy trì và phát triển một số doanh nghiệp nhà nước để giữ vai trò chủ đạo.

I. CÔNG TÁC TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO

Quán triệt và triển khai Nghị quyết Trung ương 3, Tỉnh ủy Lào Cai đã xây dựng Chương trình hành động số 10-CTr/TU, ngày 18-1-2002. Tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 khóa IX và Chương trình hành động của Tỉnh ủy được quán triệt và triển khai sâu rộng đến các ngành, các doanh nghiệp nhà nước của tỉnh. Đề án tổ chức sắp xếp doanh nghiệp nhà nước tỉnh Lào Cai đã được xây dựng trên cơ sở Kế hoạch 03-KH/TU chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 của Tỉnh ủy.

Đề án tổ chức sắp xếp doanh nghiệp nhà nước tỉnh Lào Cai giai đoạn 2001 - 2005 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai phê duyệt tại Quyết định số 78-QĐ/UB, ngày 5-3-2002 và đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 162-QĐ/TTg, ngày 18-2-2003 theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 khóa IX về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.

Hàng năm, căn cứ hướng dẫn của Trung ương và mục tiêu, kế hoạch trong đề án, Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp nhà nước của tỉnh xây dựng, lựa chọn các hình thức chuyển đổi đối với từng doanh nghiệp trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định làm cơ sở để ngành và doanh nghiệp triển khai thực hiện.

II. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

Nhằm nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước trong cơ chế thị trường, đổi mới cơ chế quản lý tạo động lực phát huy vai trò làm chủ của người lao động trong doanh nghiệp, tính chủ động, linh hoạt của bộ máy quản lý trong doanh nghiệp;

Mục tiêu tổng quát của đề án: Đến năm 2005 toàn tỉnh còn 14 doanh nghiệp nhà nước giữ 100% vốn và sẽ được nghiên cứu chuyển đổi tiếp sang mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo Nghị định số 63/2001/NĐ-CP, ngày 14-9-2001 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Kế hoạch thực hiện: Căn cứ tình hình, đặc điểm để lựa chọn tổ chức sắp xếp lại theo các hình thức cổ phần hóa, giao, bán, Khoán kinh doanh, cho thuê doanh nghiệp nhà nước, giải thể, sáp nhập theo tiến độ hàng năm đã được xác định trong đề án năm 2001: 8 đơn vị, năm 2002: 8 đơn vị, năm 2003: 5 đơn vị, năm 2004: 7 đơn vị, năm 2005: Rà soát tiếp tục sắp xếp 14 đơn vị 100% vốn nhà nước tiếp tục tổ chức sắp xếp lại.

Theo đề án 41 doanh nghiệp nhà nước của tỉnh sẽ được tổ chức sắp xếp lại theo các mô hình sau:

1. Doanh nghiệp nhà nước giữ 100% vốn nhà nước: 14 đơn vị;
2. Doanh nghiệp nhà nước tiến hành cổ phần hóa: 11 đơn vị;
3. Doanh nghiệp nhà nước tiến hành giao, bán, Khoán kinh doanh: 7 đơn vị;
4. Doanh nghiệp nhà nước tiến hành sáp nhập: 4 đơn vị;
5. Doanh nghiệp nhà nước tiến hành giải thể: 5 đơn vị.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN TỪ 2001 - 2003

1. Kết quả 3 năm thực hiện đề án (2001-2003)

Thực hiện đề án đã được phê duyệt trong từ (2001-2003), Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai đã xem xét và quyết định tổ chức sắp xếp lại 24 doanh nghiệp trong đó:

1. Giải thể do hoạt động không hiệu quả, không còn nhu cầu để lại doanh nghiệp nhà nước: 4 doanh nghiệp (Lâm trường Sa Pa, Bắc Hà, Mường Khương, Bát Xát).

2. Sáp nhập, chia tách doanh nghiệp nhà nước: 4 doanh nghiệp.

- Sáp nhập Công ty Thương nghiệp tổng hợp Bắc Hà vào Công ty Thương nghiệp tỉnh.

- Sáp nhập Công ty Thương nghiệp tổng hợp Sa Pa vào Công ty Thương mại tỉnh.

Sáp nhập Công ty Cơ khí và Xây lắp công nghiệp vào Công ty Khoáng sản Lào Cai. Tiến độ thực hiện chậm có quyết định từ tháng 4-2002 đến tháng 8-2003 mới phê duyệt được phương án sáp nhập. Lý do đối chiếu, thu hồi công nợ kéo dài, số cán bộ vi phạm đã có quyết định hình thức kỷ luật.

- Sáp nhập Công ty Xây dựng số II vào Tổng Công ty VINACONEX thuộc Bộ Xây dựng.

3. Chuyển đổi hình thức sở hữu theo các loại: 14 doanh nghiệp: cổ phần hóa: 8, bán doanh nghiệp: 4, giao doanh nghiệp: 2.

Đến nay đại đa số các doanh nghiệp nhà nước trên đã được tổ chức sắp xếp lại, đăng ký kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 1999, số doanh nghiệp còn lại đang được các ngành và đơn vị tiếp tục hoàn chỉnh phương án để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong thời gian tới. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện xuất hiện một số vướng mắc sau:

1. Công ty Thương mại Hồng Hà có quyết định từ ngày 19-4-2002 đến nay chưa phê duyệt được phương án bán doanh nghiệp cho tập thể người lao động. Lý do chậm hiện nay đơn vị vẫn chưa quyết toán được phần sản xuất lá thuốc lá của năm 2001 và 2002 cho nên cơ quan tài chính không thể xác định được giá trị doanh nghiệp trước khi bán cho tập thể người lao động. Các cơ quan chuyên ngành và Sở Thương mại và Du lịch đã đôn đốc nhiều lần, song tiến độ thực hiện của đơn vị rất chậm.

2. Cổ phần hóa Công ty Xây lắp thủy lợi - thủy điện Lào Cai có quyết định từ ngày 10-1-2003, đến nay chưa xác định được giá trị doanh nghiệp lên phương án cổ phần hóa để tỉnh phê duyệt. Lý do đầu năm tiến độ triển khai chậm, trong quá trình thực hiện có đơn thư khiếu kiện phải tổ chức thanh tra do đó chưa xác định được giá trị doanh nghiệp, lên phương án trình duyệt.

3. Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi và phát triển nông thôn có quyết định từ ngày 8-4-2003. Đến nay phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt, sẽ được tiến hành đại hội cổ đông và chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần vào tháng 12-2003.

4. Công ty Xây dựng số II có quyết định sáp nhập vào VINACONEX từ 9-5-2003. Trong khi triển khai có vướng mắc hiện nay phía VINACONEX chưa có được ý kiến chấp thuận của Bộ Xây dựng do đó khả năng sáp nhập chưa thể thực hiện được.

5. Công ty Vật liệu xây dựng tổng hợp mới có quyết định giao doanh nghiệp vào tháng 9-2003, hiện nay phương án sơ bộ đã hoàn chỉnh để thực hiện các bước tiếp theo báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp sau chuyển đổi

Trong báo cáo này chỉ đánh giá được 6 đơn vị đã chuyển đổi loại hình từ năm 2002 trở về trước, số đơn vị thực hiện năm 2003 đa số có quyết định chuyển đổi vào quý III (5 đơn vị), số chưa có quyết định (4 đơn vị) nên chưa đánh giá được kết quả hoạt động sau chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.

Theo báo cáo của 6 đơn vị được chuyển đổi từ năm 2002 trở về trước cho thấy: Doanh thu hoạt động sau khi chuyển đổi tăng bình quân 20,8%; lợi nhuận trong kinh doanh bình quân tăng 72,9%, nộp ngân sách bình quân giảm do chính sách ưu đãi đầu tư sau chuyển đổi, thu nhập bình quân của người lao động bình quân tăng 15,1% cụ thể như sau:

1. Đối với 4 đơn vị sáp nhập, trong đó 3 đơn vị đã thực hiện xong công tác sáp nhập (Thương nghiệp tổng hợp Bắc Hà, Sa Pa, Cơ khí), tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, các đơn vị tiếp nhận đã ổn định cơ cấu, tổ chức bộ máy thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của đơn vị không có gì vướng mắc. Riêng Công ty Xây dựng số II chưa thực hiện với lý do như trên đã trình bày.

2. Công ty Cổ phần vận tải Lào Cai: Sau khi cổ phần hóa đã đầu tư mở rộng lĩnh vực kinh doanh như: Liên doanh vận tải với Trung Quốc, dịch vụ du lịch, nhà nghỉ, kinh doanh xăng dầu nhưng do thị trường kinh doanh chính là vận tải hàng hóa mở rộng cho các thành phần kinh tế, dịch vụ xếp dỡ, vận tải đường sông bị thu hẹp không được độc quyền như trước năm 1998, kinh doanh bãi kiểm hóa chuyển cho Ban Quản lý kinh tế cửa khẩu quản lý nên doanh thu giảm từ 8,593 tỷ năm 1998 xuống 5 tỷ vào năm 2003, do chính sách ưu đãi nên lợi nhuận tăng từ 194 triệu năm 1998 lên 300 triệu năm 2003 bảo đảm đời sống cho người lao động có thu nhập bình quân đạt 600 nghìn đồng/người/tháng, bảo đảm lợi tức cho cổ phần 8,4%/năm bằng lãi suất bình quân tiền gửi ngân hàng.

3. Đối với các đơn vị tham gia xây dựng cơ bản gồm: Công ty Xây dựng công trình giao thông, Xây dựng số I, Xây dựng cầu, Tư vấn xây

dựng dân dụng và công nghiệp hiệu quả kinh doanh được nâng lên rõ rệt, các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận, thu nhập bình quân đều cao hơn so với trước khi chuyển đổi bảo đảm cổ tức cho các cổ phần đều cao hơn lãi suất ngân hàng vào cùng thời điểm, trong đó Công ty Xây dựng cầu và Công ty Xây dựng công trình giao thông đạt mức cổ tức trên 14,6% năm cao hơn rất nhiều so với lãi suất tiền gửi ngân hàng. Lý do các đơn vị này không chịu ảnh hưởng do thay đổi cơ chế chính sách quản lý như Công ty Cổ phần vận tải.

4. Đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương nghiệp Bảo Yên hoạt động ổn định, lợi nhuận chưa có chia cho các cổ phần, công ty dùng lợi nhuận 60 triệu đồng, cộng với vốn góp bổ sung của các cổ đông (10 triệu/cổ đông) đầu tư cơ sở kinh doanh mới của đơn vị.

IV. MỘT SỐ NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Một số nhận xét đánh giá chính trong quá trình triển khai thực hiện đề án tổ chức sắp xếp doanh nghiệp nhà nước tỉnh Lào Cai giai đoạn 2001 - 2005 như sau:

1. Ưu điểm

Trước năm 2001 công tác tổ chức sắp xếp doanh nghiệp nhà nước của tỉnh tiến độ thực hiện chậm, chủ yếu thực hiện giải thể các doanh nghiệp nhà nước hoạt động kém hiệu quả và sáp nhập các đơn vị ngành Thương mại, mới tiến hành cổ phần hóa được 1 đơn vị (Công ty Vận tải).

Từ năm 2001 đến năm 2003 công tác tổ chức sắp xếp chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp nhà nước của tỉnh tiến độ nhanh hơn, bám sát mục tiêu của đề án, số lượng doanh nghiệp nhà nước tiến hành cổ phần hóa (7 đơn vị); chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn (4 đơn vị), do trong đề án tổ chức sắp xếp doanh nghiệp nhà nước được phê duyệt có kế hoạch cụ thể của từng năm đồng thời chế độ

chính sách cho người lao động được giải quyết thuận lợi hơn theo quy định tại Nghị định số 41/2002/NĐ-CP. Trong đó các doanh nghiệp thuộc ngành Giao thông vận tải đã kết thúc chuyển đổi xong 100% số doanh nghiệp thuộc ngành.

Các doanh nghiệp nhà nước sau khi tổ chức sắp xếp lại đều ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng quy mô, ngành, nghề kinh doanh, hoạt động có hiệu quả, bảo đảm thu nhập cho người lao động cao hơn trước khi tổ chức sắp xếp lại.

Dự kiến hoàn thành mục tiêu, kế hoạch, tiến độ của đề án đề ra vào năm 2005.

2. Tồn tại, nguyên nhân

Trong quá trình thực hiện các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thường chậm so thời gian quy định của tỉnh đã ban hành bởi một số nguyên nhân sau:

Tư tưởng của một số giám đốc doanh nghiệp nhận thức chưa đúng đắn, chưa tích cực triển khai tuyên truyền, phổ biến, kiểm kê, đánh giá, báo cáo tài chính để có cơ sở xây dựng phương án trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, các Ban Đổi mới tổ chức, sắp xếp tại doanh nghiệp chưa nghiên cứu kỹ các quy định hiện hành của Chính phủ và các bộ, ngành, chế độ chính sách do đó còn lúng túng trong xử lý tài chính, công nợ, chính sách cho người lao động khi xây dựng phương án cụ thể;

Doanh nghiệp nhà nước của tỉnh hầu hết thuộc diện vừa và nhỏ, hiệu quả kinh doanh thấp, vốn kinh doanh chủ yếu là vốn vay, do đó có đơn vị khi thực hiện chuyển đổi không bán được cổ phần cho đối tượng ngoài xã hội hoặc không bán được tỷ lệ cổ phần như dự định.

Quy trình xác định giá trị doanh nghiệp đặc biệt đối với các đơn vị xây lắp phần đối chiếu công nợ, xử lý công nợ phải thu, công nợ phải trả tốn nhiều thời gian, chưa xử lý dứt điểm được thường phải khoanh lại xử lý tiếp sau khi doanh nghiệp đã chuyển thành công ty cổ phần.

Tình hình tài chính của một số đơn vị chưa lành mạnh, công nợ dây dưa khó đòi, tình hình tuyển dụng và bố trí lao động có đơn vị chưa căn cứ vào nhu cầu để tuyển dụng, tuyển dụng những đối tượng không đáp ứng cho dây truyền sản xuất, do đó khi thực hiện sắp xếp tổ chức lại việc xử lý tình hình tài chính, giải quyết chế độ cho người lao động gặp khó khăn và kéo dài thời gian.

3. Một số bài học kinh nghiệm

Một là, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp của tỉnh và của các sở chuyên ngành đối với các doanh nghiệp thực hiện đổi mới quản lý.

Hai là, quá trình thực hiện tổ chức sắp xếp doanh nghiệp nhà nước theo hướng chuyển đổi hình thức sở hữu phải chuẩn bị đủ tài liệu học tập, các biểu mẫu thống kê, kê khai theo quy định. Chú trọng công tác tuyên truyền học tập mục đích, yêu cầu, ý nghĩa, sự cần thiết và đồng tình với chủ trương, kế hoạch đổi mới sắp xếp doanh nghiệp thì việc chuyển đổi mới có kết quả.

Ba là, thực hiện đầy đủ, nhất quán chính sách ưu đãi của đảng và Nhà nước đối với tập thể, cá nhân người lao động trước, trong và sau chuyển đổi, bảo đảm hài hòa ba lợi ích: Nhà nước, doanh nghiệp và người lao động kể cả bộ máy quản lý doanh nghiệp.

V. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN NĂM 2004

1. Giải quyết tiếp những doanh nghiệp tồn năm 2003 thực hiện năm 2004 (4 doanh nghiệp)

1. Cổ phần hóa Công ty Xây lắp thủy lợi thủy điện Lào Cai.
2. Sáp nhập Công ty Xây dựng số II vào Tổng Công ty VINACONEX.
3. Khoán Công ty Vật liệu xây dựng tổng hợp Lào Cai.
4. Bán Công ty Thương mại Hồng Hà cho tập thể người lao động tại doanh nghiệp.

2. Thực hiện kế hoạch năm 2004 theo đề án được duyệt

1. Cổ phần hóa Công ty Xuất, nhập khẩu Lào Cai.

2. Cổ phần hóa Công ty Nước giải khát Lào Cai.

3. Khoán kinh doanh Công ty Xi măng Lào Cai.

4. Sáp nhập bộ phận chế biến của Nông trường Thanh Bình và Phong Hải thành 1 đơn vị chế biến chè. Hiện nay Ban Giám đốc và cán bộ, công nhân viên Nông trường Thanh Bình có ý kiến đề nghị giữ nguyên không sáp nhập với Nông trường Phong Hải với lý do là nông trường nằm trong địa bàn biên giới ngoài việc sản xuất còn nhiệm vụ bảo vệ an ninh - quốc phòng khu vực biên giới (Văn bản số 18/CV-NT, ngày 15-7-2003) và đề xuất toàn tỉnh thành lập Công ty chè (công ty mẹ), có các công ty thành viên (công ty con).

5. Giải thể Xí nghiệp Liên doanh đồng (khi dự án đồng Sin Quyền hoàn thành xây dựng cơ bản đi vào hoạt động).

VI. TIẾN ĐỘ, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TIẾP ĐỀ ÁN

1. Tiến độ thực hiện tiếp đề án

Tiếp tục thực hiện lộ trình đổi mới sắp xếp doanh nghiệp theo Quyết định 162 của Chính phủ bảo đảm theo đúng mục tiêu của đề án đến năm 2005 toàn tỉnh còn lại 14 doanh nghiệp nhà nước giữ 100% vốn, sau đó sẽ được xem xét nghiên cứu, lựa chọn hình thức chuyển đổi theo hướng thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo Nghị định số 63/2001/NĐ-CP, ngày 14-9-2001 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp.

- Đối với các đơn vị đã có quyết định từ năm 2002 và 2003 đến nay chưa phê duyệt được phương án để chuyển loại hình doanh nghiệp, cần tập trung chỉ đạo cương quyết, nếu thực sự khó khăn thì chuyển thực hiện sắp xếp lại theo hình thức khác để giải quyết dứt điểm:

- Đối với Công ty Thương mại Hồng Hà nếu không thực hiện bán được cho tập thể người lao động vào quý I năm 2004, cho phép tiến hành giải thể doanh nghiệp.

- Đối với việc sáp nhập của Công ty Xây dựng số II. Tiếp tục thực hiện Thông báo số 608-TB/TU, ngày 8-4-2003 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai và Thông báo số 60-TB/UB, ngày 9-5-2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc sáp nhập nguyên trạng Công ty Xây dựng số II vào Tổng Công ty VINACONEX. Ủy ban nhân dân tỉnh làm việc cụ thể với Tổng Công ty VINACONEX, khẳng định lại những cam kết đối với tỉnh Lào Cai để thực hiện các bước tiếp theo cho việc sáp nhập Công ty Xây dựng số II vào Tổng Công ty; nếu không thực hiện sáp nhập thì tiến hành cổ phần hóa.

- Cho phép Công ty Xây lắp thủy lợi - thủy điện kết thúc cổ phần hóa trong năm 2004 sau khi thanh tra làm rõ tình hình đơn thư khiếu kiện tại doanh nghiệp.

- Điều chỉnh hình thức sắp xếp Công ty Xi măng Lào Cai từ hình thức Khoán kinh doanh sang hình thức cổ phần hóa, với lý do sau khi xây dựng đề án căn cứ số liệu vào thời điểm ngày 31-12-2000 Công ty Xi măng có mức vốn trên sổ sách là 3,456 tỷ đồng, lỗ lũy kế 1,992 tỷ đồng thuộc đối tượng áp dụng Nghị định số 103/1999/NĐ-CP về giao, bán, Khoán kinh doanh, cho thuê doanh nghiệp nhà nước. Đến ngày 30-9-2003 trên sổ sách kế toán vốn nhà nước là 12 tỷ đồng không thuộc đối tượng áp dụng Nghị định số 103/1999/NĐ-CP (cho phép thực hiện vào năm 2005).

- Đối với việc sáp nhập Nông trường Thanh Bình và Phong Hải: Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp nhà nước tỉnh Lào Cai xây dựng phương án tổ chức và phát triển sản xuất ngành chè, trình Thường trực Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định vào quý I năm 2004.

- Đối với 2 đoạn bảo dưỡng đường bộ là đơn vị sự nghiệp có thu thực hiện nhiệm vụ duy tu, bảo dưỡng các tuyến đường giao thông quốc lộ và tỉnh lộ để tạo điều kiện cho đơn vị và theo chỉ đạo của Bộ Giao thông - Vận tải, cho phép sáp nhập 2 đoạn bảo dưỡng đường bộ thành 1 doanh nghiệp công ích hoạt động theo Luật doanh nghiệp nhà nước trong năm 2004.

- Xây dựng phương án củng cố Công ty Thương mại Lào Cai, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định trong năm 2004.

2. Nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục thực hiện đề án

Để đẩy nhanh tiến độ sắp xếp doanh nghiệp nhà nước năm 2004 và năm 2005 theo đề án được duyệt, Tỉnh ủy yêu cầu thực hiện một số nội dung sau:

- Tiếp tục rà soát phương án đổi mới, sắp xếp các doanh nghiệp nhà nước còn lại để điều chỉnh hình thức chuyển đổi cho phù hợp trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến và trình Chính phủ cho phép.

- Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giao kế hoạch tổ chức sắp xếp doanh nghiệp nhà nước năm 2004 ngay từ đầu năm để các đơn vị triển khai thực hiện, chỉ đạo các ngành liên quan nghiên cứu xây dựng một số cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho những doanh nghiệp nhà nước sau khi chuyển đổi hoạt động sản xuất kinh doanh được thuận lợi như: chính sách vay vốn, chính sách việc làm, chính sách đất đai, mặt bằng khi doanh nghiệp có nhu cầu mở rộng ngành, nghề kinh doanh và quy mô kinh doanh.

- Giải quyết các vấn đề liên quan, xử lý dứt điểm để bàn giao Xí nghiệp nông - công nghiệp chè Than Uyên về Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu theo hướng dẫn của Bộ Tài chính trong quý I năm 2004.

- Tiếp tục củng cố và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh 14 doanh nghiệp còn để lại thực hiện cổ phần hóa và chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sau năm 2005.

- Nghiên cứu, sử dụng nguồn vốn thu được sau cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước còn lại.

- Đề xuất với các bộ, ngành Trung ương cần có hướng dẫn chi tiết, nên đơn giản thủ tục hành chính khi xác định giá trị doanh nghiệp và tính toán chế độ trợ cấp cho người lao động khi doanh nghiệp được tổ chức sắp xếp lại.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 135-BC/TU, ngày 31-12-2003

**Đánh giá tình hình thực hiện Chương trình hành động
số 16-CT/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XII
thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX
về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa
nông nghiệp, nông thôn**

Phần I

THỰC TRẠNG VỀ NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN TRƯỚC KHI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG SỐ 16/CT-TU VỀ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

Sản xuất nông nghiệp của tỉnh đã có sự chuyển biến theo hướng hàng hóa. Các vùng sản xuất tập trung được hình thành và mở rộng quy mô. Cơ cấu cây trồng, vật nuôi được phát triển chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng chăn nuôi, dịch vụ, giảm dần tỷ trọng trồng trọt. Trong trồng trọt, cây công nghiệp, cây ăn quả rau, hoa được chú trọng phát triển, rừng được bảo vệ và phát triển.

Năm 2001, tổng sản lượng lương thực đạt 167.035 tấn, diện tích cây ăn quả đạt 7.155 ha, diện tích chè tập trung đạt hơn 3.000 ha; trong đó có trên 1.000 ha chè trồng mới, các loại cây công nghiệp ngày càng phát triển ổn định. Chăn nuôi tăng bình quân 3-6% năm. Tỷ lệ tán che phủ rừng đạt 34,3%.

Khu vực nông thôn tiếp tục được đầu tư đổi mới về kết cấu hạ tầng, đời sống nhân dân được cải thiện, nhiều phong tục tập quán tốt, truyền thống văn hóa, ngành, nghề nông thôn được phát triển. Số công trình thủy lợi được sửa chữa và xây mới là 148 công trình, bảo đảm tới chủ động cho 85,5% diện tích gieo cấy vụ xuân và 71,5% vụ hè thu. Số dân được cấp nước sinh hoạt đạt tỷ lệ 44,17%; 167 xã có đường ô tô đến trung tâm xã, 71 xã có điện lưới quốc gia.

Tuy nhiên, đến trước thời điểm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX, sản xuất nông nghiệp và nông thôn của tỉnh ta còn bộc lộ nhiều khó khăn và yếu kém đó là:

Những thế mạnh của một tỉnh miền núi về đất đai, khí hậu chưa được khai thác mạnh để phát triển các loại sản phẩm hàng hóa có giá trị cao như cây ăn quả, cây dược liệu và các loại cây kinh tế khác.

Những vùng sản xuất hàng hóa, trừ vùng chè là tương đối rõ nét (nhưng cũng chưa được phát triển mạnh) các vùng cây trồng khác phát triển chưa mạnh, sản xuất chủ yếu mới mang tính tự phát, manh mún, nhỏ lẻ, năng suất, chất lượng sản phẩm chưa cao, chưa đủ sức cạnh tranh với thị trường.

Các loại giống cây trồng, vật nuôi nhập nội và giống ở địa phương có năng suất, chất lượng tốt chưa được sử dụng rộng rãi, trình độ thâm canh trong sản xuất nuôi trồng vẫn rất lạc hậu.

Ở khu vực nông thôn tỷ lệ đói, nghèo còn cao, các tập tục, tập quán lạc hậu trong cuộc sống và sản xuất vẫn còn khá phổ biến. Do kết cấu hạ tầng chưa được phát triển, nhất là giao thông nông thôn, nên sản phẩm hàng hóa làm ra khó tiêu thụ, chưa kích thích sản xuất hàng hóa phát triển, cơ giới hóa trong sản xuất chưa phát triển, nên năng suất lao động thấp. Các cơ sở chế biến ít và quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu không đáp ứng với yêu cầu của sản xuất hàng hóa. Việc quy hoạch sắp xếp dân cư chưa gắn với quy hoạch sản xuất và thị trường tiêu thụ.

Phần II

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG SỐ 16-CT/TU VỀ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

I. ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

1. Chương trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng

Thâm canh lúa cao sản: Diện tích 11.206 ha, đạt 103,49% so với kế hoạch. Đưa mạnh giống mới vào sản xuất, lúa lai vụ xuân đạt 95%, vụ hè thu đạt 75% diện tích (tăng khoảng 15 % so với năm 2001), diện tích được chủ động tưới tiêu do thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương vùng trọng điểm lúa tăng nhanh đã đưa nhanh năng suất lúa bình quân lên mức 42 tạ/ha (tăng 4,4 tạ/ha so với năm 2001). Sản lượng lúa năm 2003 đạt 136.940 tấn (tăng so với năm 2001 là 11.851 tấn là mức tăng cao nhất từ trước đến nay).

Cây ngô hàng hóa: Gieo trồng 7.610 ha đạt 152,2% kế hoạch, do diện tích sử dụng giống mới tăng mạnh (chủ yếu là giống ngô lai) vụ xuân đạt 95%, vụ hè thu đạt 100% (tăng khoảng 25% so với năm 2001) nên năng suất bình quân tăng 23,3 tạ/ha (tăng 5,3 tạ/ha so với năm 2001), sản lượng đạt 57.339 tấn năm 2003.

Chè trồng mới: Trong 2 năm 2002-2003, diện tích trồng mới tăng 1.900 ha đưa diện tích chè của tỉnh lên 5.036,5 ha, 100% số diện tích được sử dụng giống mới chất lượng cao và áp dụng kỹ thuật trồng chè thâm canh.

Cây ăn quả: Diện tích cây ăn quả trồng mới trong 2 năm được 900 ha đưa diện tích cây ăn quả ôn đới lên 4.100ha. Một số nơi trồng đã tập trung với diện tích tương đối lớn (30-40 ha) như ở Ý Tý, Quang Kim, Bát Xát, thị trấn Sa Pa. Nhiều loại giống mới được đưa vào sản xuất như đào Pháp, đào Trung Quốc, hồng Hàn Quốc. Một số loại giống quý

ở địa phương cũng được quan tâm chọn lọc và mở rộng như mật Tả Van, Tả Hoàng Ly, đào vàng, lê đường, lê xanh, với số lượng khoảng 30 ngàn cây trồng được gần 100 ha ở các huyện Bắc Hà, Sa Pa.

Các loại cây trồng mới được đưa vào sản xuất:

Năm 2003, diện tích hoa trồng được 70 ha, ngoài các loại hoa truyền thống, các giống hoa mới cao cấp được đưa vào sản xuất. Thu nhập từ cây hoa rất cao từ vài chục triệu/ha đối với hoa truyền thống tới vài trăm triệu/ha đối với hoa cao cấp. Cây thuốc lá, cây tre măng đang được trồng thử nghiệm và phát triển (thuốc lá 2 năm trồng thử nghiệm trên 50 ha, cây tre măng trồng năm 2003 được 173 ha). Một số loại cây dược liệu truyền thống được duy trì, dự án cây hoa hoè ở Bảo Thắng năm 2003 trồng được 220,5 ha, đưa diện tích cây dược liệu, hương liệu lên gần 2.700 ha (gồm cây thuốc, cây hoa hoè, cây thảo quả).

2. Phát triển chăn nuôi thủy sản

Đàn gia súc tăng ổn định, trong đó đàn trâu có giá trị hàng hóa cao, một số giống mới tiếp tục được đưa vào sản xuất như bò Zêbu, lợn nái nền, lợn đực ngoại, gà thả vườn đã chủ động sản xuất con giống thương phẩm tại địa phương. Một số mô hình nuôi trồng thủy sản giống mới, có giá trị kinh tế cao tiếp tục được duy trì như cá chép lai và rô phi đơn tính được mở rộng ra sản xuất với quy mô 40-50 ha.

3. Nghiên cứu, sản xuất và quản lý giống cây trồng vật nuôi: Triển khai khảo nghiệm đã đưa được 2 giống lúa, 3 giống ngô, 2 giống cây ăn quả, một số giống chè vào sản xuất và khẳng định sự thích nghi với chất lượng cao của các loại giống này.

Về sản xuất giống, trong 2 năm, đã sản xuất được 291,5 tấn lúa lai, 164 tấn giống ngô lai, trên 20 triệu bầu chè giống chất lượng cao, đáp ứng được trên 20% nhu cầu giống lúa, ngô phải nhập hàng năm và đáp ứng đủ số lượng giống chè tốt cho trồng chè hàng năm. Cơ sở sản xuất giống cây ăn quả đã được đầu tư mới và mở rộng

ở Bát Xát, Bắc Hà, Sa Pa, 17 vườn ươm sản xuất giống cây lâm nghiệp, 8 vườn ươm giống chè, cơ sở chế biến và bảo quản giống tại thị xã Lào Cai.

Công tác kiểm nghiệm và quản lý chất lượng giống được quan tâm, khắc phục mạnh tình trạng giống không bảo đảm chất lượng đưa vào sản xuất.

4. Về phát triển lâm nghiệp

Đến cuối năm 2003 diện tích rừng ở Lào Cai có 286.882 ha đạt 87,4% so với mục tiêu và tăng 27.932 ha so với năm 2000. Tỷ lệ che phủ tăng hằng năm 17% đạt 37,1% năm 2003. Một số loại cây lâm nghiệp mới có hiệu quả kinh tế cao hơn được đưa vào trồng như tre măng Bát Độ (trồng được 173 ha), cây tốc sinh dương (trồng được 8 ha), cây bạch đàn lai (trồng được 60 ha). Đến năm 2003 có 2.500 ha cây thảo quả dưới tán rừng, góp phần tăng thu nhập đáng kể cho nhân dân ở địa phương và bảo vệ được rừng. Các trang trại rừng vẫn được duy trì, theo tiêu chí mới toàn tỉnh hiện có 193 trang trại. Tổng giá trị sản phẩm các trang trại làm ra gần 9 tỷ đồng, trong đó giá trị hàng hóa chiếm trên 90%, một số trang trại có thu nhập cao trên 40 triệu đồng/năm.

5. Công nghệ chế biến nông, lâm sản và cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp

Chế biến nông, lâm sản, trong 2 năm 2002 - 2003 tỉnh đã hỗ trợ 1,6 tỷ đồng xây dựng các mô hình, dự án chế biến quy mô nhỏ và ngành, nghề nông thôn, trong đó hỗ trợ 1477 triệu đồng thực hiện các dự án: bảo quản, chế biến mận; bảo quản chế biến ngô; sấy nhãn, vải; chế biến thức ăn gia súc quy mô nhóm hộ; chế biến chè quy mô nhóm hộ; chế biến măng; phát triển nghề nấu rượu truyền thống...tổ chức tập huấn và hỗ trợ tài liệu khuyến nông cho 1.600 người.

Đầu tư mở rộng và đổi mới công nghệ chế biến chè tại 3 nông trường (Than Uyên, Phong Hải, Thanh Bình), nâng công suất chế

biến chè của các cơ sở này từ 27 tấn/ngày (năm 2000) lên 65 tấn/ngày (năm 2003), đồng thời, đa dạng sản phẩm, từ chỗ sản phẩm chủ yếu là chè đen sơ chế hiện nay đã có nhiều loại sản phẩm phù hợp với nhu cầu thị trường. Hỗ trợ xây dựng 26 cụm chế biến chè quy mô nhóm hộ tại Bảo Yên; đến nay, tổng số cụm chế biến chè quy mô nhỏ trên địa bàn toàn tỉnh lên 99 cụm, đủ năng lực chế biến mỗi năm trên 2000 tấn búp tươi ở các vùng chè phân tán, chưa có cơ sở chế biến tập trung.

Các dây chuyền chế biến lâm sản tại các Lâm trường Văn Bàn, Bảo Yên tiếp tục được đầu tư cải tiến công nghệ đáp ứng yêu cầu chế biến. Tại Lâm trường Văn Bàn hiện có 6 dây chuyền chế biến lâm sản, công suất hàng năm đạt 1.500 m³ gỗ tinh chế, 9.500 m² chiếu tre; 3.700 tấn phôi đũa và giấy đế. Ngoài các cơ sở quốc doanh, hiện có 50 cơ sở chế biến lâm sản ngoài quốc doanh, năng lực chế biến hàng năm đạt 1.000 m³ gỗ nguyên liệu.

Chế biến thức ăn gia súc: Năm 2003 hỗ trợ một cơ sở chế biến thức ăn chăn nuôi quy mô nhóm hộ tại Than Uyên, công suất 250 tấn/năm đưa tổng số cơ sở chế biến thức ăn chăn nuôi trên địa bàn tỉnh lên 4 cơ sở, trong đó, 1 cơ sở quốc doanh có công suất 4.000 tấn/năm; 3 cơ sở chế biến nhỏ có tổng công suất là 750 tấn/năm.

Cơ giới hóa trong sản xuất, trong hai năm 2002-2003, tỉnh đã tăng đầu tư hỗ trợ phát triển cơ giới hóa trong sản xuất nông, lâm nghiệp. Riêng năm 2003, hỗ trợ cho nông dân 110 máy nông nghiệp đa năng, đưa tổng số máy làm đất trên địa bàn của tỉnh đến năm 2003 là 156 máy, tỷ lệ cơ giới hóa khâu làm đất đối với ruộng trồng lúa đạt 20%, hỗ trợ hơn 1.400 máy tẽ ngô đập chân, bước đầu đưa các loại máy gieo lúa theo hàng, máy cắt lúa vào sản xuất, hơn 4.000 hộ nông dân trong tỉnh có máy móc nông cụ.

Các hộ nông dân bước đầu đã tự đầu tư cơ giới hóa cho khâu thu hoạch và sau thu hoạch, chế biến, trên địa bàn tỉnh hiện có (đến năm 2003) 6.144 máy tuốt lúa các loại; 467 cụm chế biến mía đường thủ công.

II. ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG THÔN

1. Quy hoạch và sắp xếp dân cư

Theo kế hoạch, tổng số hộ cần sắp xếp là: 7.346 hộ (trong đó: di chuyển ra khỏi vùng thiên tai 603 hộ; di chuyển ra khỏi vùng khó khăn 3.587 hộ; sắp xếp dân ở phân tán 3.156 hộ). Đến năm 2003, đã sắp xếp ổn định dân cư được 4.043 hộ (trong đó: sắp xếp dân ra biên giới 1.452 hộ; sắp xếp dân ra khỏi vùng thiên tai 821 hộ; sắp xếp dân ra khỏi vùng khó khăn: 2.591 hộ). Năm 2003, kế hoạch giao 2.000 hộ, đã di chuyển được 2.101 hộ đạt 105% kế hoạch. Việc sắp xếp dân cư cơ bản ổn định; số dân còn phải sắp xếp trong thời gian tới là 3.300 hộ, bình quân mỗi năm còn phải thực hiện 1.600-1.700 hộ và phát sinh khoảng 80 hộ hồi cư phải sắp xếp lại.

2. Xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn

Chương trình nước sạch sinh hoạt nông thôn: Tổng các công trình cấp nước sinh hoạt toàn tỉnh ước đến hết năm 2003 là 571 công trình tự chảy và 4.804 lu chứa nước; trong đó, năm 2003 đã thi công hoàn thành được 1.670 lu chứa nước, nâng tỷ lệ người dân nông thôn được cấp nước sinh hoạt lên 57%, tăng 25% so với năm 2001.

Chương trình kiên cố hóa kênh mương: Mục tiêu đến năm 2005 phải xây dựng kiên cố hóa kênh mương cho các vùng trọng điểm thâm canh lúa là 750 km. Hai năm 2001-2002 thực hiện bằng nguồn vốn vay ngân sách được 275 km.

Năm 2003, đã khởi công xây dựng mới 77 công trình với chiều dài 110 km, đưa tổng số chiều dài kênh mương thâm canh các vùng trọng điểm đạt 385 km.

Tổng các công trình thủy lợi đầu tư đến năm 2003 là 957 công trình, bảo đảm tới cho 22.952 ha lúa cả năm; trong đó 3 năm (2001-2003) đầu tư mới là 320 công trình; tăng thêm diện tích tới tiêu cả năm là 1905 ha so với năm 2000.

Xây dựng trung tâm cụm xã: Trong tổng số 37 trung tâm cụm xã, đến nay đã phê duyệt thiết kế quy hoạch chi tiết 25 trung tâm cụm xã, trong đó đã triển khai đầu tư 24 trung tâm cụm xã, 10 trung tâm cụm xã được đầu tư cơ bản hoàn thành.

Các danh mục được đầu tư cho 24 trung tâm cụm xã gồm: 9 chợ cụm xã; 9 công trình đường giao thông; 22 trường học; 12 phòng khám đa khoa; 7 trạm truyền hình; 2 cửa hàng vật tư nông nghiệp.

Chương trình giao thông nông thôn, trong năm 2003 đã triển khai phong trào làm đường giao thông nông thôn do tỉnh phát động được 705 km, trong đó loại đường 4,8 m là 608,5 km, đã hoàn thành 500 km.

Điện nông thôn, đến năm 2003 đã có 98 xã trên địa bàn tỉnh có điện, đạt tỷ lệ 54%, tăng 15% so với năm 2001.

3. Tiểu thủ công nghiệp - dịch vụ

Phát triển tiểu thủ công nghiệp: Các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp đã có sự phát triển. Hiện nay toàn tỉnh có 65 doanh nghiệp và công ty trách nhiệm hữu hạn, 53 hợp tác xã và 3.500 hộ sản xuất kinh doanh tiểu thủ công nghiệp, tăng 30% so với năm 2000, thu hút trên 5.500 lao động. Trong 2 năm qua, đã có 19 dự án phát triển tiểu thủ công nghiệp được triển khai thực hiện với tổng vốn đầu tư trên 5 tỷ đồng, thu hút trên 500 lao động thường xuyên. Một số nghề mới như chạm khắc bạc, tranh khảm trai, tranh tre... bước đầu có hiệu quả. Các cơ sở ngành, nghề truyền thống dệt thổ cẩm, rèn đúc công cụ sản xuất, dịch vụ xây xát, sửa chữa xe máy, đồ điện và sản xuất vật liệu xây dựng phát triển ổn định.

Dịch vụ nông thôn tương đối đa dạng, các hợp tác xã nông nghiệp sau khi chuyển đổi đã chấn chỉnh tổ chức và quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh dịch vụ, như: thủy lợi, bảo vệ thực vật, cung ứng vật tư nông nghiệp, dịch vụ điện, tín dụng, mở thêm được một số ngành, nghề, kết hợp giữa dịch vụ sản xuất nông nghiệp với kinh doanh tổng hợp, tạo thêm việc làm và thu nhập cho xã viên. Các cửa hàng vật tư nông nghiệp tại các trung tâm cụm xã cung cấp phần

lớn lượng phân bón, thuốc trừ sâu, hạt giống các loại, đáp ứng cho sản xuất nông, lâm nghiệp.

Tại các trung tâm cụm xã đã hình thành chợ phiên, với nhiều chủng loại hàng hóa phong phú và mạng lưới những hộ buôn bán nhỏ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, tiêu dùng cho người dân trong vùng.

4. Cơ cấu lao động và thu nhập khu vực nông thôn

Về cơ cấu lao động, trong 2 năm qua cùng với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh đã tạo sự thay đổi đáng kể về cơ cấu lao động trên địa bàn, đến năm 2003 số lao động có việc làm ổn định khu vực nông thôn là 254.634 người, bằng 104,13% so với năm 2001, tỷ lệ sử dụng thời gian lao động khu vực nông thôn đến năm 2003 là 76,5%, tăng 2,7% so với năm 2001. Cơ cấu lao động nông nghiệp trong 3 năm giảm 2,94% chuyển sang các ngành công nghiệp xây dựng và thương mại dịch vụ, với số lượng là 11.423 lao động, giảm tỷ trọng lao động nông, lâm nghiệp năm 2003 xuống 78,97% (năm 2001 là 81,91%).

Từ năm 2001 - 2003 đã đào tạo lao động nông nghiệp cho 17.793 lượt người.

Thu nhập khu vực nông thôn, tăng ổn định, năm 2003 tổng giá trị thu nhập khu vực nông thôn đạt 1.059,597 tỷ đồng, tăng 17% so với năm 2001, thu nhập bình quân đầu người đạt 2,1 triệu đồng/năm, thu nhập bình quân hộ đạt 11,5 triệu đồng/năm. Thu nhập khu vực nông thôn chuyển dịch theo hướng giảm tỷ lệ thu nhập từ sản xuất nông, lâm nghiệp, tăng tỷ lệ thu nhập từ sản xuất tiêu thủ công nghiệp, ngành, nghề nông thôn và dịch vụ. Năm 2001, thu nhập từ sản xuất nông, lâm nghiệp khu vực nông thôn chiếm 81,13%, đến năm 2003 giảm xuống còn 78,4%.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Nhận thấy rõ những khó khăn, tồn tại về sản xuất nông nghiệp và nông thôn của tỉnh; quán triệt tinh thần Nghị quyết Trung ương

5, khóa IX, Tỉnh ủy Lào Cai đã đề ra chương trình hành động để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn của tỉnh. Chương trình hành động được triển khai thực hiện từ tháng 5-2002. Kết quả sau gần 2 năm thực hiện như sau: tốc độ tăng trưởng nông nghiệp ổn định, năm 2003 đạt 8,1% (bình quân các năm trước là 5-6%). Sản lượng lương thực có hạt năm 2003 đạt 194,3 ngàn tấn vượt trên 17 ngàn tấn so với 2002 và bằng 104,4% so với mục tiêu đến năm 2005. Cơ cấu nội ngành nông nghiệp có sự chuyển biến tích cực. Tổng giá trị sản xuất nông nghiệp năm 2003 đạt 1.163,5 tỷ đồng, ngành trồng trọt chiếm 54,56% (tăng gần 9,6% so với năm 2002). Tỷ trọng chăn nuôi 40,1% (tăng 5,7% so với năm 2002), dịch vụ nông nghiệp chiếm 5,3% (tăng 1,2% so với năm 2002). Giá trị bình quân trên 1 đơn vị diện tích canh tác đạt 12,7triệu/ha (mục tiêu đến 2005 là 12-13 triệu/ha). Diện tích cây công nghiệp, cây ăn quả tăng đáng kể, tình hình tiêu thụ sản phẩm tương đối thuận lợi và được sự hỗ trợ của Nhà nước. Một số giống cây trồng, vật nuôi mới được đưa vào sản xuất cho kết quả tốt là cơ sở để mở rộng ra vào những năm tới, nhằm khai thác tốt điều kiện lợi thế về khí hậu đất đai ở Lào Cai. Các cơ sở nghiên cứu, sản xuất giống được đầu tư để từng bước chủ động sản xuất tại Lào Cai. Ở khu vực nông thôn: việc sắp xếp dân cư được đẩy mạnh, các chương trình đào tạo, chuyển giao kiến thức làm ăn cho nông dân tiếp tục được quan tâm, hạ tầng cơ sở (điện, đường, thủy lợi, nước sinh hoạt), cơ sở chế biến, máy móc nông cụ tiếp tục đầu tư tăng mạnh so với các năm trước đây. Đây là nhân tố rất quan trọng để dần thay đổi tập tục sống và phương thức sản xuất lạc hậu, tạo điều kiện tiếp thu tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất, mở rộng quy mô sản xuất hàng hóa để xóa đói, giảm nghèo và làm giàu cho nông dân ở khu vực nông thôn.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, còn nhiều khó khăn, tồn tại yếu kém cần được quan tâm khắc phục đó là:

Tồn tại lớn nhất và cơ bản nhất là việc quy hoạch sản xuất chi tiết cho từng địa phương chưa được quan tâm thực hiện. Các đề án đã

được tỉnh phê duyệt thực hiện với quy mô sản xuất của từng huyện, từng xã, cơ cấu cây trồng, chủng loại giống, kỹ thuật gieo trồng và chính sách để hỗ trợ cho nhân dân sản xuất song chưa được cụ thể hóa bằng các dự án, phương án sản xuất đến từng thôn, bản, từng hộ của các huyện, thị. Tình trạng một số chỉ tiêu kế hoạch chưa được quan tâm đầy đủ để triển khai, diện tích, địa điểm không rõ ràng, các biện pháp vận động nhân dân tham gia dự án chưa được đẩy mạnh, dẫn đến một số chỉ tiêu kế hoạch không hoàn thành, các vùng sản xuất một số loại cây trồng như chè, cây ăn quả,... chưa tập trung phát triển với quy mô đủ lớn.

Việc tổ chức vận động nhân dân thực hiện những yêu cầu kỹ thuật chưa được quan tâm đúng mức, do đó một số loại cây trồng chưa phát huy được hết tiềm năng về năng suất như lúa, ngô, đậu tương, đặc biệt một số loại cây trồng có tỷ lệ sống không cao và sinh trưởng không đạt yêu cầu như chè, cây ăn quả, kết quả là thực hiện ở một số vùng đạt chất lượng thấp.

Nông dân ở nhiều nơi chưa thay đổi được cách nghĩ, cách làm, cách sản xuất lạc hậu cộng với việc các phương pháp khuyến nông chưa được áp dụng tốt, ở nhiều nơi người dân chưa nhiệt tình hưởng ứng tham gia.

Các loại cây trồng có giá trị kinh tế phù hợp với đất đai, khí hậu ở vùng cao chưa được quan tâm phát triển, như: cây hoa quy mô nhỏ bé, cây rau và cây dược liệu diện tích chưa nhiều.

Về chăn nuôi: Việc xây dựng và thực hiện các dự án cải tạo đàn gia súc còn chậm, đặc biệt là phát triển các loại vật nuôi có giá trị kinh tế cao, như đàn trâu, đàn bò vàng địa phương, lợn Mường Khương, giống gà đen ở vùng cao và các dự án cải tạo đàn gia súc bằng các giống nhập nội, do đó chăn nuôi ở Lào Cai vẫn chủ yếu là tăng đầu đàn còn chất lượng đàn gia súc chưa được cải thiện.

Về lâm nghiệp: Tỷ lệ tán che phủ rừng tăng hằng năm đạt yêu cầu, song chất lượng rừng chưa cao, kinh tế rừng chưa phát triển, việc phát triển lâm nghiệp xã hội, phát triển trang trại chưa được quan

tâm đúng mức, việc tiêu thụ một số sản phẩm từ rừng ngày càng khó khăn, vì vậy nhân dân chưa thực sự gắn bó để phát triển rừng.

Ở khu vực nông thôn: Mặc dù tỷ lệ đói giảm nhanh trong vài năm gần đây, do sản xuất lương thực tăng mạnh. Tuy nhiên việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn chậm, nên tỷ lệ các hộ giảm nghèo, khá và giàu tăng chưa mạnh

Công tác đào tạo, hướng dẫn mới đáp ứng được một phần yêu cầu, hằng năm chỉ có khoảng gần 20% lượt hộ nông dân được tập huấn về kỹ thuật sản xuất dẫn đến việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất còn hạn chế. Tư tưởng trông chờ ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước còn khá phổ biến, nhiều hộ nông dân chỉ có tư tưởng thoát đói không có ý chí vươn lên khá và làm giàu.

Công nghiệp chế biến chậm phát triển, thị trường tiêu thụ của nhiều loại nông, lâm sản không ổn định, nên ở nhiều nơi nông dân chưa tin tưởng vào các chương trình sản xuất của tỉnh đề ra. Việc quy hoạch sắp xếp dân chưa gắn với quy hoạch vùng sản xuất các loại cây trồng tập trung.

Hạ tầng cơ sở đã được quan tâm đầu tư, nhưng chưa đáp ứng yêu cầu cho phát triển, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa. Hệ thống dịch vụ nông nghiệp, thương mại còn nhiều hạn chế ảnh hưởng đến đời sống và phát triển sản xuất hàng hóa ở vùng cao.

Nguyên nhân của tồn tại, yếu kém:

- Nguyên nhân khách quan:

Trong những năm qua tỉnh đã có nhiều cố gắng để đẩy mạnh sản xuất nhằm ổn định và nâng cao đời sống nhân dân, song do xuất phát điểm thấp nên cho đến nay về cơ bản tỉnh Lào Cai vẫn là tỉnh nghèo, đời sống nhân dân nhất là ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa gặp rất nhiều khó khăn.

Chủ trương của Đảng và Nhà nước hỗ trợ cho các tỉnh đặc biệt khó khăn nói chung và Lào Cai nói riêng là rất đúng đắn, mục tiêu đề ra là rất rõ ràng, nhưng nguồn lực được hỗ trợ lại rất ít so với yêu cầu; là tỉnh nghèo nên việc huy động nội lực của nhân dân rất khó khăn.

Là tỉnh xa các trung tâm kinh tế của cả nước, sản xuất chủ yếu trên đất dốc, địa hình đất đai bị chia cắt nên việc tổ chức sản xuất hàng hóa với quy mô lớn rất khó khăn, chi phí cho sản xuất lớn dẫn đến giá thành cao.

Về chủ quan:

Tập tục sống lạc hậu, trình độ sản xuất rất thấp, tư tưởng trông chờ ỷ lại vào sự bao cấp của Nhà nước của nông dân và tình trạng sản xuất manh mún, nhỏ lẻ chưa có quy hoạch rõ ràng là những rào cản lớn nhất cho việc thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn ở Lào Cai.

Ở một số địa phương, đặc biệt là ở cơ sở chưa thay đổi được cách nghĩ, cách làm, chưa cụ thể được những đề án, dự án của tỉnh dẫn đến lúng túng trong tổ chức triển khai thực hiện.

Các phương pháp khuyến nông để vận động nông dân chưa được quan tâm đầy mạnh do đó chưa đủ làm thay đổi cách làm của nông dân.

Lực lượng cán bộ khuyến nông, khuyến lâm ở các cấp để giúp nông dân triển khai thực hiện các đề án thiếu về số lượng, yếu về chất lượng, đặc biệt là ở cơ sở. Sự phối hợp của các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể chưa chặt chẽ. Việc lồng ghép các nguồn vốn còn hạn chế.

Phần III

CÁC GIẢI PHÁP TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI

Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp; huy động mọi nguồn lực, khắc phục những khó khăn, yếu kém là yếu tố quyết định để thực hiện thành công chương trình hành động về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn ở Lào Cai. Các giải pháp cần thực hiện trong thời gian tới như sau:

1. Thực hiện có hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ theo Quyết định số 120,135, 186, 190... để đạt được

các mục tiêu của Chính phủ đã đề ra cho các tỉnh miền núi nói chung và Lào Cai nói riêng.

2. Tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả 7 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở từ năm 2004 trở đi; trong đó tập trung mạnh cho các đề án cụ thể sau:

- Đề án chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi:

Trên cơ sở các đề án của tỉnh đã phê duyệt. Các huyện cần xây dựng các dự án cụ thể cho từng địa phương, từng thôn, bản, xác định rõ quy hoạch vùng sản xuất, quy mô, loại cây trồng vật nuôi và đề ra các biện pháp tổ chức thực hiện có hiệu quả.

Mở rộng các vùng sản xuất lúa, ngô, đậu tương hàng hóa, phấn đấu sử dụng 100% giống mới ở vùng sản xuất thâm canh. Làm tốt công tác khuyến nông để tất cả nông dân ở các vùng dự án được tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật. Tổ chức thực hiện tốt việc giúp nông dân bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

Cây chè: Tập trung phát triển trồng chè mới để nối liền vùng chè Bảo Thắng với Mường Khương tạo thành vùng chè tập trung có quy mô trên 3.000 ha, đầu tư xây dựng cơ sở chế biến chè chất lượng cao, phát triển cây chè đặc sản ở khu vực Bắc Hà và Bát Xát quy mô mỗi nơi từ 500-800 ha để đầu tư chế biến. Vận động nhân dân tiếp tục trồng chè phòng hộ ở các huyện vùng cao mỗi năm trồng từ 250-300 ha.

Cây ăn quả: Tập trung phát triển cây ăn quả ôn đới ở huyện Sa Pa, Bắc Hà, Bát Xát, tạo thành các vùng cây ăn quả tập trung có quy mô hàng trăm héc ta trở lên ở mỗi vùng. Sử dụng, nhân rộng các giống cây trồng bản địa có chất lượng cao, kết hợp khảo nghiệm đưa nhanh các giống nhập nội có chất lượng cao vào sản xuất đại trà. Tăng cường công tác khuyến nông để nhân dân tham gia chương trình cây ăn quả, thực hiện đúng các yêu cầu về trồng, chăm sóc tạo điều kiện cho cây ăn quả sinh trưởng tốt có năng suất cao.

Cây rau và hoa: Tiếp tục xây dựng các dự án để phát triển các loại rau cao cấp, rau an toàn và cây hoa ở các huyện Sa Pa, Bắc Hà, thị xã Lào Cai, mở rộng quy mô, chuyển đổi một số diện tích

đất đang trồng lương thực trên ruộng bậc thang ít hiệu quả để tạo thành các vùng sản xuất tập trung có quy mô vài trăm héc ta trở lên, áp dụng công nghệ sản xuất rau an toàn, trồng hoa cao cấp phổ biến để nông dân thực hiện. Tổ chức hiệp hội những người trồng rau - hoa và các hợp tác xã nhằm bảo đảm tiêu thụ sản phẩm do nông dân làm ra.

Cây dược liệu: Phát triển cây hoa hòe ở Bảo Thắng, thị xã Lào Cai với quy mô 1.000 ha, tiếp tục trồng thêm 700-800 ha cây thảo quả ở Bát Xát, Sa Pa, Si Ma Cai, và một số xã vùng cao ở các huyện để đưa diện tích thảo quả ổn định khoảng 4.000 ha vào năm 2005. Tích cực tìm kiếm thị trường các loại dược liệu, tập trung xây dựng vùng cây dược liệu ở Sa Pa, Bát Xát, Bắc Hà và Si Ma Cai.

Về chăn nuôi, thủy sản: Lập các dự án phát triển đàn trâu Bảo Yên, Bảo Thắng, bò vàng ở Si Ma Cai, gia cầm có giá trị cao (như gà thuốc) ở Si Ma Cai, Bắc Hà, phục tráng giống lợn Mường Khương. Tiếp tục thực hiện các dự án cải tạo đàn bò bằng Zebu hóa, lợn hướng nạc, gà thả vườn ở vùng thấp. Mở rộng các mô hình nuôi thủy sản có giá trị kinh tế cao đã thành công: chép lai, rô phi đơn tính... tập trung ở Bảo Thắng, Văn Bàn, Bảo Yên, Bát Xát và thị xã Lào Cai.

Về phát triển lâm nghiệp: Tiếp tục thực hiện kế hoạch Chương trình 661 của Chính phủ đã đề ra. Đẩy mạnh việc trồng rừng cảnh quan du lịch ở Sa Pa, Bắc Hà, Si Ma Cai, thị xã Lào Cai, mỗi năm trồng khoảng 300 ha. Xây dựng các dự án kêu gọi đầu tư và đẩy mạnh phát triển lâm nghiệp xã hội.

Tạo mọi điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển kinh tế trang trại, với mục tiêu đến năm 2005 có 800 trang trại và năm 2010 có khoảng 1.500 trang trại đạt tiêu chí quy định.

Về phát triển nông thôn: Tập trung đầu tư mạnh cho khu vực nông thôn phát triển sản xuất và đời sống nhất là đối với nhân dân ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa.

Về quy hoạch và sắp xếp dân cư: Rà soát, bổ sung, điều chỉnh, xây dựng và quy hoạch sản xuất và sắp xếp dân cư. Phấn đấu cơ bản đến

năm 2005 sắp xếp ổn định dân cư ở các vùng khó khăn về sản xuất và đời sống, quá xa xôi, ở rải rác khó cho việc đầu tư; bố trí lại dân cư gắn với các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung, đưa dân ra biên giới để phát triển sản xuất và bảo đảm an ninh chính trị - xã hội.

Về cơ sở hạ tầng: Tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông, điện, thủy lợi, nước sinh hoạt, trường học, trung tâm cụm xã... đạt với các mục tiêu của tỉnh đề ra đến năm 2005 và định hướng đến năm 2010.

Phát triển các cơ sở chế biến lương thực, thực phẩm. Nghiên cứu để chế biến các loại quả thành các sản phẩm mứt, rượu vang để nâng cao giá trị và giảm bớt sức ép về tiêu thụ sản phẩm khi đến vụ thu hoạch.

Tiếp tục xây dựng các dự án phát triển ngành, nghề truyền thống ở nông thôn như chạm khắc, rèn đúc, thổ cẩm, sản xuất vật liệu, chế biến lương thực... Đầu tư nâng dần tỷ lệ cơ giới hóa trong các khâu trong sản xuất nông nghiệp.

Tăng cường đào tạo để nâng cao trình độ dân trí và trình độ sản xuất của nông dân. củng cố và tăng cường hệ thống dịch vụ khoa học - kỹ thuật của ngành nông nghiệp; tăng cường công tác khuyến nông, bố trí cán bộ khuyến nông nhà nước đến các xã và khuyến nông viên được hưởng phụ cấp tới các thôn, bản. Phấn đấu tập huấn đầy đủ về kỹ thuật nuôi trồng, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản các loại cây trồng vật nuôi cho nông dân.

Rà soát, sửa đổi, bổ sung các chính sách khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp, đặc biệt là chính sách phát triển các loại cây trồng vật nuôi như rau, hoa, dược liệu, phát triển đại gia súc... khai thác được thế mạnh về đất đai, khí hậu của một tỉnh miền núi vùng cao. Nghiên cứu và đưa vào hoạt động một số đơn vị: trung tâm xúc tiến thương mại, trung tâm phát triển cây dược liệu, cây chè, mô hình tổ chức hệ thống dịch vụ phục vụ cho sản xuất nông, lâm nghiệp và đời sống, tiêu thụ sản phẩm ở cấp huyện.

Các cấp ủy đảng, chính quyền cần nâng cao vai trò, trách nhiệm

trong việc chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các đề án, chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn. Đây là nhiệm vụ cấp bách, thường xuyên và lâu dài nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương, bảo đảm xóa đói, giảm nghèo một cách vững chắc và thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn của tỉnh.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THĂNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 136-BC/TU, ngày 31-12-2003

**Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác
năm 2003, phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2004**

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2003

Năm 2003 là năm bản lề của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII. Từ 7 chương trình công tác trọng tâm với 27 đề án, kế hoạch và nghị quyết chuyên đề, năm 2003 Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chọn ra 6 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở năm 2003 để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo. Bên cạnh những mặt thuận lợi, trong năm đã xuất hiện những yếu tố bất lợi do tình hình quốc tế và trong nước ảnh hưởng đến phát triển du lịch, dịch vụ, xuất, nhập khẩu và nguồn lực huy động cho đầu tư các chương trình, mục tiêu; thời tiết có nhiều diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của nhân dân. Tranh thủ sự giúp đỡ của Trung ương cùng với sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh nên việc thực hiện các nhiệm vụ công tác năm 2003 đã thu được kết quả quan trọng, tạo ra những chuyển biến tích cực trên các lĩnh vực:

I. VỀ KINH TẾ

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp tiếp tục phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa; chuyển dịch cơ cấu sản xuất và chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi được đẩy mạnh thực hiện; năng suất, chất lượng, giá trị trên một đơn vị diện tích canh tác tiếp tục tăng lên; kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn tiếp tục phát triển

Tổng diện tích gieo trồng cây lương thực năm nay đạt 61,5 nghìn ha, bằng 101,8% so với năm 2002. Do đẩy mạnh sử dụng giống mới nên năng suất cây trồng trung bình đạt cao hơn năm trước từ 6-9%. Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 194,3 nghìn tấn, bằng 105,0% kế hoạch năm 2003 và tăng 9,8% so với năm 2002 (tăng trên 17 nghìn tấn so với năm 2002).

Cơ cấu cây trồng tiếp tục chuyển đổi theo hướng tăng diện tích cây được liệu, cây công nghiệp và cây hoa các loại.

Tuy nhiên, cây chè trồng mới chỉ đạt 89,1% kế hoạch. Một số cây công nghiệp ngắn ngày như: Bông, lanh, mía, thuốc lá đều giảm diện tích và sản lượng. Cây ăn quả trồng mới đạt 316 ha, bằng 79% kế hoạch.

Về chăn nuôi: Đàn gia súc, gia cầm phát triển ổn định, đại gia súc tăng từ 3-4%, đàn lợn tăng 5%. Công tác phòng, chống dịch bệnh được duy trì thường xuyên và hiệu quả. Khảo nghiệm, mở rộng diện tích một số vật nuôi: cá chim trắng, tôm càng xanh, cá rô phi đơn tính.

Về lâm nghiệp: Công tác giao Khoán bảo vệ rừng, chăm sóc và khoanh nuôi tái sinh rừng, trồng rừng đạt 100% kế hoạch. Trồng tre măng Bát Độ đạt 37,2% kế hoạch; trồng cây lâm nghiệp xã hội đạt 0,8 triệu cây, bằng 59% so với năm trước.

Độ che phủ rừng đạt 37,5% (tăng 2,1%) đạt 91% mục tiêu năm 2005. Năm 2003, xảy ra 50 vụ cháy rừng, làm thiệt hại 110 ha, trong đó có 36,3 ha rừng trồng (thiệt hại tăng 83,6 ha so với năm 2002).

Công tác nghiên cứu, sản xuất và quản lý giống, vật nuôi được duy trì, khắc phục mạnh tình trạng đưa vào sản xuất với giống không

bảo đảm chất lượng và đáp ứng trên 20% nhu cầu giống lúa, ngô phải nhập hàng năm và đủ số lượng giống chè tốt cho trồng chè.

Công tác phòng, chống bão, lũ, giảm nhẹ thiên tai và tìm kiếm cứu nạn luôn được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo và có các biện pháp đề phòng, ứng cứu, khắc phục hậu quả kịp thời. Kiện toàn Ban chỉ huy phòng, chống bão lũ, tìm kiếm cứu nạn ở các cấp. Tuy nhiên, tổng thiệt hại về tài sản của Nhà nước và nhân dân do thiên tai gây ra trên địa bàn ước khoảng 25 tỷ đồng.

Việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn được đẩy mạnh theo các chương trình của Nhà nước, của tỉnh; tỷ trọng đầu tư cho vùng nông thôn, vùng đặc biệt khó khăn chiếm 65% tổng vốn đầu tư phát triển cân đối qua ngân sách địa phương, góp phần xóa đói, giảm nghèo, thay đổi bộ mặt nông thôn. Tỷ lệ người được cấp nước sinh hoạt đạt 57% (mục tiêu là 70%), các công trình thủy lợi bảo đảm nước tưới 73% diện tích, hoàn thành hàng chục trung tâm cụm xã. Trong năm, đã thực hiện sắp xếp dân cư đạt 105% kế hoạch, hỗ trợ lu chứa nước ăn đạt 73% kế hoạch; hỗ trợ chất lợp đạt 100% kế hoạch; giải quyết nước ăn cho 8.500 hộ, đạt 100% kế hoạch.

2. Sản xuất công nghiệp trên địa bàn tiếp tục tăng trưởng, đạt kế hoạch đề ra

Sản xuất công nghiệp trên địa bàn duy trì ổn định và tiếp tục tăng. Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn (theo giá cố định năm 1994) khoảng 475,7 tỷ đồng, bằng 100,15% kế hoạch và tăng 10,4% so với năm 2002. Trong đó, công nghiệp Trung ương đạt 110,75% kế hoạch và tăng 10,3% so cùng kỳ năm 2002; công nghiệp nhà nước, địa phương đạt 93,4% kế hoạch và tăng 6,6% so cùng kỳ; công nghiệp ngoài quốc doanh tăng 27% so cùng kỳ năm 2002. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tuy giá trị chỉ đạt 5 tỷ đồng nhưng tăng 37% so cùng kỳ năm 2002. Tuy nhiên, một số sản phẩm có gặp khó khăn về thị trường tiêu thụ như: Bao bì PP, Felspát, một số dự án thực hiện chậm đã ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của

ngành, tiểu thủ công nghiệp vẫn chậm phát triển, quỹ khuyến công thực hiện được ít.

Công tác đổi mới doanh nghiệp nhà nước được triển khai thực hiện theo kế hoạch, 5/8 đơn vị đã chuyển đổi hình thức sở hữu và đăng ký kinh doanh hoạt động theo mô hình mới bước đầu có hiệu quả. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 584 doanh nghiệp với số vốn đăng ký 720 tỷ đồng; trong đó có 488 đơn vị hoạt động theo Luật doanh nghiệp, nhiều đơn vị có số vốn hàng chục tỷ đồng.

3. Thực hiện vốn đầu tư phát triển tăng khá, huy động và thu hút được nguồn lực đầu tư phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được cải thiện

Bằng các nguồn lực huy động trong năm 2003, tỉnh đã tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện 6 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở và đẩy tiến độ thực hiện 4 khu kinh tế trọng điểm, huyện lỵ Si Ma Cai và các công trình phục vụ Lễ hội 100 năm du lịch Sa Pa...

Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển trên địa bàn năm 2003 đạt 1.600 tỷ đồng, tăng 14% so kế hoạch, tăng 56,7% so với năm 2002. Trong đó, vốn đầu tư do địa phương quản lý ước đạt 834,6 tỷ đồng, tăng 10% kế hoạch và tăng 15% so với năm trước; vốn đầu tư của các thành phần kinh tế đạt 460 tỷ đồng.

Điểm nổi bật trong đầu tư xây dựng cơ bản năm 2003 là phân cấp mạnh việc quản lý đầu tư cho cấp huyện và xã. Nhiều công trình được đẩy nhanh tiến độ; trình tự và thủ tục quản lý đầu tư được thực hiện tốt. Huy động được nhiều nguồn lực đầu tư phát triển trên địa bàn.

Hoàn thành kế hoạch phát triển giao thông nông thôn, 100% số xã có đường ô tô đến được trung tâm xã. Đến nay có 98 xã, phường, thị trấn có điện lưới quốc gia (tăng 3 xã). Xây dựng hơn 500 km đường liên thôn theo phương thức: Nhà nước hỗ trợ, dân làm là chính.

Tuy nhiên, tiến độ thực hiện một số dự án trọng điểm của tỉnh còn chậm do vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng và bố trí tái định cư; năng lực thi công của một số nhà thầu còn yếu. Một số dự án

chất lượng tư vấn kém. Cấp xã còn lúng túng trong việc làm chủ đầu tư các công trình thuộc Chương trình 135; kiên cố hóa kênh mương, giao thông liên thôn. Tiến độ giải ngân vốn đầu tư các dự án của tỉnh còn chậm, dự kiến hết tháng 12, giải ngân chỉ đạt 82-85% kế hoạch.

4. Hoạt động dịch vụ có nhiều tiến bộ, từng bước lấy lại đà tăng trưởng

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ xã hội năm 2003 đạt khoảng 1.161 tỷ đồng, tăng 28% so với năm 2002. Trong đó, bán lẻ khoảng 950 tỷ đồng, tăng 30%. Cơ cấu tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng của khu vực kinh tế tư nhân.

Sau tác động của đại dịch SARS, hoạt động du lịch đã hồi phục và ngày càng sôi động. Tổ chức thành công Lễ hội 100 năm du lịch Sa Pa, Hội chợ thương mại biên giới Việt - Trung (Lào Cai) năm 2003. Năm 2003 đón 380 ngàn lượt khách du lịch, bằng 109% kế hoạch. Doanh thu du lịch đạt khoảng 130 tỷ đồng, bằng 152%.

Hoạt động xuất, nhập khẩu trên địa bàn duy trì được sự tăng trưởng. Mặc dù có sự thay đổi một số cơ chế của ta và Trung Quốc nhưng tổng kim xuất, nhập khẩu dự kiến đạt 271 triệu USD, tăng 6,5% so với năm 2002. Trong đó, xuất khẩu tăng 23%, nhập khẩu tăng 2%.

Dự ước năm 2003, kim ngạch xuất khẩu địa phương đạt 12,1 triệu USD, bằng 80,7% kế hoạch và 61,3% cùng kỳ năm 2002. Kim ngạch nhập khẩu đạt 12 triệu USD, bằng 120% kế hoạch và 79,41% so cùng năm 2002. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu đạt 96% kế hoạch và bằng 69% so cùng kỳ năm 2002.

Hoạt động giao thông vận tải đáp ứng yêu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của nhân dân, giá trị sản xuất ngành vận tải (do địa phương quản lý) năm 2003 tăng 4,5% so với năm 2002. Vận tải hàng hóa tăng 3,5% về tấn và 6,4% về tấn/km. Vận tải hành khách tăng 6,7% về lượt khách và 7,1% về hành khách/km.

Bưu chính - viễn thông và thông tin liên lạc tiếp tục phát triển, chất lượng thông tin liên lạc tương đối ổn định, mạng lưới ngày càng

mở rộng; 6/10 huyện lỵ, thị xã được phủ sóng điện thoại di động; mật độ điện thoại 3,6 máy/100 dân.

5. Thu ngân sách nhà nước tiếp tục tăng, bảo đảm được các khoản chi; hoạt động tiền tệ cơ bản đáp ứng được các hoạt động kinh tế và xã hội; giá cả thị trường ổn định

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn cả năm ước đạt 417,5 tỷ đồng, tăng 14% so với dự toán, tăng 22,9% so với năm 2002. Trong đó, thu thuế xuất, nhập khẩu, VAT hàng nhập khẩu ước đạt 220 tỷ đồng, tăng 10% dự toán; thu nội địa ước đạt 172,5 tỷ đồng, tăng 23% dự toán. Một số khoản thu tăng khá cao và đột biến, như:

Thu tiền sử dụng đất, thu từ doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài, thu ngoài quốc doanh.

Tổng thu ngân sách địa phương ước đạt 1.290,3 tỷ đồng, tăng 9% dự toán, tăng 38% so với năm 2002. Tổng chi ngân sách địa phương ước đạt 1.290,3 tỷ đồng, tăng 5% dự toán, tăng 34% so với năm trước, chủ yếu là tăng chi đầu tư phát triển, chương trình, mục tiêu, tăng lương theo Nghị định 03 của Chính phủ.

Tổng nguồn vốn huy động đạt 1.400 tỷ, tăng 3,7 % kế hoạch và tăng 33% so với năm trước. Trong đó, nguồn vốn huy động trên địa bàn đạt 680 tỷ đồng, tăng 8% so với cuối năm 2002. Tổng doanh số cho vay ước đạt 1.270 tỷ đồng, tăng 21% so với năm trước. Tổng dư nợ cuối năm 2003 ước đạt 1.375 tỷ đồng, bằng 105,8% kế hoạch năm, tăng 44% so với cuối năm trước; tăng khá đều ở các thành phần kinh tế chất lượng tín dụng bảo đảm, tỷ lệ nợ xấu chiếm 1,38% tổng dư nợ, tăng 0,67% so với cuối năm 2002.

Chỉ đạo thực hiện tốt cuộc vận động mua công trái giáo dục. Toàn tỉnh đạt 6,109 tỷ đồng, bằng 510,9% kế hoạch Trung ương và 409,1% kế hoạch tỉnh; mua trái phiếu Chính phủ đạt 5,826 tỷ đồng, bằng 145,7% kế hoạch tỉnh và 194,2% kế hoạch Trung ương giao.

Giá cả tương đối ổn định; chỉ số giá tiêu dùng năm 2003 so với năm trước tăng 2,86%.

II. HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA XÃ HỘI

1. Chất lượng dạy và học ngày một tốt hơn, tỷ lệ huy động trẻ em ra lớp đạt cao, công tác giáo dục - đào tạo phát triển mạnh theo hướng xã hội hóa, góp phần nâng cao chất lượng lao động, trình độ dân trí, tạo nguồn nhân lực cho tỉnh

Năm học 2002- 2003, quy mô, chất lượng các ngành học, bậc học đều được nâng lên, số lượng và chất lượng học sinh đều cao hơn năm trước, số học sinh nữ, học sinh dân tộc thiểu số tăng mạnh và đều ở các cấp. Tuy nhiên, cơ sở vật chất một số trường vùng cao còn thiếu, trình độ năng lực một số giáo viên còn hạn chế, tỷ lệ chuyên cần ở một số xã vùng cao thuộc các huyện Sa Pa, Than Uyên, Bát Xát đạt thấp, nhất là sau Tết Nguyên đán. Thi học sinh giỏi quốc gia các cấp đều có thành tích. Công tác khuyến học được mở rộng và tăng cường, các huyện, thị xã đã thành lập được Hội Khuyến học và bước đầu đi vào hoạt động có hiệu quả. Mô hình các lớp trường bán trú dân nuôi; lớp bán công trung học phổ thông; các lớp tiểu học học 2 buổi/ngày được mở rộng và ngày càng nhận được sự ủng hộ của nhân dân.

Năm học 2003- 2004, toàn tỉnh có 502 trường học, tăng 67 trường so với năm học trước; cơ sở vật chất tiếp tục được đầu tư, số phòng học tăng 5,6%, 100% xã, phường, thị trấn có trường, lớp từ mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, 100% thôn, bản có học sinh đi học, tỷ lệ huy động trẻ từ 6-14 tuổi đến lớp đạt 95,16%, trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 97%, học sinh tốt nghiệp tiểu học năm học 2002- 2003 vào lớp 6 đạt 98%. Công tác triển khai nhiệm vụ năm học mới, nhất là chương trình đổi mới giáo dục, thay sách giáo khoa lớp 2 và lớp 7 đạt yêu cầu. Toàn tỉnh hiện có 24 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia.

Về công tác phổ cập giáo dục: Duy trì 100% các xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ; 43 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, tăng 18 xã so với năm 2002; 23 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở, tăng 5 xã so với năm 2002; độ bền vững đã được nâng lên nhưng vẫn chưa đạt so với yêu cầu.

2. Giải quyết việc làm và công tác xóa đói, giảm nghèo hoạt động có hiệu quả; giải quyết, thực hiện đúng, kịp thời các chế độ chính sách và các vấn đề xã hội

Tạo thêm việc làm cho 8.500 lao động, đạt 100% kế hoạch năm. Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm cho 268 dự án vay vốn với tổng số vốn 15.388 triệu đồng, đạt 135% kế hoạch, thu hút và hỗ trợ việc làm cho 7.093 lượt lao động. Đào tạo được 10.106 người, bằng 111 % kế hoạch, đưa tỷ lệ lao động toàn tỉnh qua đào tạo nghề đạt 11,15 %, (kế hoạch năm: 11,13%). Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị còn 2,76%, tỷ lệ thời gian thực tế sử dụng lao động nông thôn đạt 76,5%, tăng 2,04% so với năm 2002; tuy nhiên, chất lượng nhân lực còn thấp.

Công tác xóa đói, giảm nghèo được thực hiện một cách tích cực. Các chương trình xóa đói, giảm nghèo được thực hiện đồng bộ và có hiệu quả cao, kết quả năm 2003 giảm 5,88% tỷ lệ hộ đói, nghèo (đến nay còn 13,31%). Tuy nhiên, tỷ lệ các tái nghèo còn khá cao, khoảng 1,2%; còn 3 huyện có tỷ lệ hộ đói, nghèo trên 20%.

Thực hiện tốt chính sách xã hội, chính sách đối với người có công và công tác cứu trợ xã hội; thực hiện thu nộp quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” đạt 100% kế hoạch năm, kết quả cuộc vận động “ngày vì người nghèo” đã thu được gần 831 triệu đồng, tăng 97% so với năm 2002.

Công tác cai nghiện 3 bước theo mô hình Công trường 06 bước đầu có hiệu quả nhưng qua điều tra và tố giác của nhân dân đã phát hiện số người nghiện ma túy còn khá cao. Thu, chi bảo hiểm đúng, đủ theo quy định; các doanh nghiệp ngoài quốc doanh tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động ngày một tăng.

3. Các hoạt động thông tin - văn hóa - thể thao phát triển rộng khắp và hướng về cơ sở tạo được phong trào thường xuyên trong toàn tỉnh, bản sắc văn hóa các dân tộc được giữ gìn và phát huy, đời sống văn hóa ở khu dân cư có nhiều tiến bộ

Các hoạt động văn hóa - thông tin - thể thao đã tập trung tổ chức tuyên truyền thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính

sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ chính trị của tỉnh; tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh; tổ chức thành công trên 50 lễ hội. Công tác phát thanh, truyền hình có nhiều tiến bộ, tỷ lệ phủ sóng phát thanh đạt 80% và phủ sóng truyền hình đạt 70%. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được đẩy mạnh; có 79.682 hộ gia đình, 876 thôn, bản, 720 cơ quan, đơn vị, trường học đăng ký đạt chuẩn văn hóa, vượt kế hoạch năm; xây dựng được mô hình thôn, bản văn hóa chống truyền đạo trái phép và thôn, bản văn hóa gắn với du lịch bước đầu hoạt động có hiệu quả; xây mới được 51 nhà văn hóa thôn, bản. Việc cưới, việc tang, tổ chức lễ hội và sinh hoạt tín ngưỡng tại nơi thờ tự đã có sự chuyển biến tích cực. Công tác sưu tầm bảo tồn văn hóa vật thể và phi vật thể đã thu được nhiều kết quả.

Tuy nhiên, các hoạt động văn hóa, nhìn chung, mới phát triển bề rộng, còn thiếu những điển hình thực sự xuất sắc; thể thao thành tích cao và nghệ thuật chuyên nghiệp kết quả còn hạn chế, trình độ đội ngũ cán bộ văn hóa cơ sở còn nhiều bất cập; một số nơi quy ước, hương ước thôn, bản chưa thực sự đi vào đời sống nhân dân.

4. Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám chữa bệnh, phòng, chống dịch bệnh, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em, kế hoạch hóa gia đình ngày càng tiến bộ, góp phần làm giảm tỷ lệ phát triển dân số, nâng cao dân sức khỏe và tuổi thọ cho nhân dân

Công tác khám chữa bệnh cho người nghèo được chú trọng, đã cấp xong thẻ khám chữa bệnh cho người nghèo. Tiêm chủng mở rộng đạt trên 95% kế hoạch năm. Chủ động tăng cường phòng, chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do vi rút (SARS); các bệnh dịch khác đã được khống chế kịp thời. Tuy nhiên, tình hình nhiễm HIV/AIDS vẫn gia tăng (172 người). Công tác kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm, hiểm dịch y tế hoạt động thường xuyên. Mạng lưới y tế cơ sở tiếp tục được củng cố, 39 phòng khám đa khoa khu vực và trạm y tế xã có bác

sĩ, 100% các xã có trạm y tế được xây kiên cố và có cán bộ trung cấp y, 90,8% thôn, bản có nhân viên y tế có túi thuốc hoạt động.

5. Về khoa học - công nghệ

Các đề tài dự án nghiên cứu khoa học đã bám sát vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học - công nghệ vào sản xuất kinh doanh được quan tâm hơn, đặc biệt là các đề tài về giống nông nghiệp, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và phát triển nông thôn. Tiếp tục ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin.

III. VỀ CÔNG TÁC NỘI CHÍNH

Tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được ổn định, chủ quyền, biên giới quốc gia được giữ vững.. Các cấp, các ngành đã hoàn chỉnh phương án phòng thủ khu vực, củng cố thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân trên địa bàn, tổ chức diễn tập, luyện tập phòng, chống bão lũ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, giảm nhẹ thiên tai ở 9 huyện, thị năm 2003, tổ chức chỉ đạo diễn tập khu vực phòng thủ huyện Si Ma Cai đạt loại giỏi; thực hiện tốt kế hoạch giao quân năm 2003 bảo đảm số lượng, chất lượng; công tác huấn luyện lực lượng vũ trang, dân quân tự vệ, dự bị động viên bảo đảm nội dung, đúng quy định, đúng yêu cầu kế hoạch đề ra. Hoàn thành công tác bồi dưỡng kiến thức quốc phòng đạt 100% kế hoạch. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh - quốc phòng tiếp tục phát triển sâu rộng. Bảo vệ an toàn tuyệt đối cho các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước đến thăm và làm việc tại tỉnh Lào Cai cũng như các ngày lễ, hội, hội thảo, hội nghị lớn tổ chức tại tỉnh.

Công tác phòng, chống lợi dụng hoạt động tôn giáo, truyền đạo trái phép thu được nhiều kết quả. Đến nay, toàn tỉnh còn 1.510 hộ, 9.075 khẩu ở 85 thôn, bản của 34 xã thuộc 8 huyện, thị đang có hoạt động truyền đạo Tin Lành trái phép; giảm 133 hộ, 763 khẩu và 16 thôn, bản, 6 xã so với cùng kỳ năm 2002. Tuy nhiên, tình hình truyền

đạo trái phép vẫn diễn ra phức tạp ở một số địa phương thuộc các huyện Bảo Thắng, Bảo Yên, Than Uyên, Sa Pa, Bát Xát.

Tình hình di cư tự do giảm nhiều so với năm trước. Tổng số hộ di cư đi là 146 hộ, 767 khẩu giảm 106 hộ, 559 khẩu so với cùng kỳ năm 2002), hồi cư có xu hướng tăng, thời gian qua đã có 48 hộ, 325 khẩu chủ yếu ở 2 tỉnh Lai Châu và Thanh Hóa trở về.

Tình hình trật tự, an toàn giao thông đã có chuyển biến tích cực. Trong năm 2003, số vụ tai nạn giao thông là 195 vụ, bằng 63,9% so với năm 2002; làm chết 187 người, bị thương 212 người, gây thiệt hại vật chất 6 tỷ đồng. Tuy tai nạn giao thông có giảm về số vụ, nhưng nhiều vụ gây hậu quả rất nghiêm trọng.

Triển khai Nghị quyết 08 của Bộ Chính trị (khóa IX) công tác tư pháp đã có những chuyển biến tích cực, các cơ quan tư pháp đã tổ chức phối hợp, kết hợp chặt chẽ trong các hoạt động tư pháp, tỷ lệ bắt, giam, giữ đưa ra truy tố đạt cao, án tồn đọng giảm đáng kể.

Cấp ủy các cấp, các cơ quan có thẩm quyền đã quan tâm và thường xuyên chỉ đạo công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân, không có khiếu kiện đông người và “điểm nóng”. Tỷ lệ giải quyết xong đạt 94,95% đơn thư, vụ việc; các vụ việc đều được giải quyết theo đúng quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo. Công tác phân giới cắm mốc có chuyển biến tốt hơn năm trước, đã tiến hành phân giới, xác định 6 vị trí và cắm được 5 mốc (112, 113, 114, 115, 115).

Quan hệ đối nội và đối ngoại diễn ra sôi nổi và đạt hiệu quả rõ nét. Lào Cai được đón các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị Ban Bí thư Trung ương, các bộ, ban ngành Trung ương lên thăm và làm việc. Quan hệ giữa tỉnh Lào Cai với các nước, các tổ chức quốc tế, đặc biệt là với tỉnh Vân Nam - Trung Quốc ngày càng phát triển. Tổ chức thành công Hội nghị quốc tế CG và Hội thảo quốc tế “Lào Cai tấn công đói nghèo”. Kiểm điểm việc thực hiện hợp tác Lào Cai và châu Hồng Hà năm 2003 và đề ra phương hướng hợp tác năm 2004 và các năm tiếp theo.

Tuy nhiên, trong công tác nội chính còn một số tồn tại như: Việc phòng, chống lợi dụng tôn giáo, truyền đạo trái phép và giải quyết

tình trạng di dân tự do vẫn còn hạn chế. Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước chưa đi sâu đến mọi tầng lớp nhân dân, nhất là ở những nơi vùng sâu, vùng xa. Sự phối hợp giữa các cấp, ngành để giải quyết các vụ việc chưa chặt chẽ, thiếu đồng bộ, còn chậm. Tình hình vi phạm và tội phạm ở một số lĩnh vực có xu hướng gia tăng và diễn biến phức tạp, có tính chất nghiêm trọng. Trong năm, trên địa bàn xảy ra 1.741 vụ vi phạm, tội phạm; trong đó liên quan đến ma túy 168 vụ. Các vụ việc xảy ra làm chết 254 người, bị thương 350 người và thiệt hại về tài sản khoảng 8 tỷ đồng. Công tác quản lý hộ tịch, hộ khẩu, tạm trú, tạm vắng còn nhiều tồn tại, yếu kém.

IV. VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN ĐOÀN THỂ

1. Công tác chính trị tư tưởng được các cấp ủy đặc biệt quan tâm, định hướng các hoạt động phục vụ kịp thời nhiệm vụ chính trị của tỉnh

Các cấp ủy đảng quan tâm làm tốt công tác chính trị, tư tưởng. Các chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước đều được các cấp ủy tổ chức quán triệt và triển khai với những chương trình hành động cụ thể như Nghị quyết Trung ương 7, 8 (khóa IX). Đặc biệt, trong năm toàn Đảng bộ đã tập trung triển khai học tập tư tưởng Hồ Chí Minh đến đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân. Tổ chức cuộc thi “Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh”. Các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ, ngày kỷ niệm lớn của Đảng và của tỉnh diễn ra sôi nổi, rộng khắp với nội dung phong phú, đa dạng đã tạo được bầu không khí sôi nổi, phấn khởi trong các tầng lớp nhân dân.

Cùng với việc tổng kết thực tiễn, Tỉnh ủy đã ban hành nhiều chỉ thị, quyết định và có những biện pháp chỉ đạo có tính đột phá đối với những vấn đề, lĩnh vực tạo ra sự chuyển biến mới trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, tổ chức và cán bộ.

Công tác điều tra, nắm bắt dư luận xã hội được quan tâm hơn. Công tác biên soạn mới, bổ sung và tái bản lịch sử các cấp bộ đảng được đẩy mạnh thực hiện.

Trong năm 2003, toàn Đảng bộ đã tiến hành tổng kết Chỉ thị 15 (khóa VIII) về nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu lịch sử Đảng; Chỉ thị 35 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về đổi mới công tác thi đua, khen thưởng trong giai đoạn mới; Chỉ thị 37 (khóa VIII) về một số vấn đề công tác cán bộ nữ; Chỉ thị 30 về thực hiện Quy chế dân chủ gắn với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở... theo đúng yêu cầu chỉ đạo của Trung ương.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp cơ sở được đẩy mạnh, số lớp đã mở đạt 105% kế hoạch, số học viên được bồi dưỡng đạt 120% kế hoạch. Mở lớp cộng tác viên dư luận xã hội đặc biệt với 53 đồng chí. Trường Chính trị tỉnh đã duy trì các lớp cao cấp cử nhân và mở các lớp đào tạo theo đúng kế hoạch. Tổ chức thành công cuộc thi giảng viên lý luận, chính trị giỏi trong toàn tỉnh và tham gia thi khu vực đạt kết quả tốt.

Các cơ quan thông tin đại chúng phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của tỉnh, luôn bám sát cơ sở, kịp thời phát hiện và biểu dương những tập thể, đơn vị và cá nhân điển hình tiên tiến trên các lĩnh vực. Nội dung và hình thức của các báo, tạp chí trong tỉnh ngày càng phong phú, hấp dẫn hơn, được bạn đọc yêu mến.

2. Công tác tổ chức và cán bộ từng bước đi vào nền nếp, tích cực chủ động xây dựng và củng cố hệ thống chính trị cơ sở, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng, cán bộ, đảng viên

Công tác quy hoạch cán bộ được xây dựng đến năm 2005-2010 và 2015, luôn luôn được quan tâm rà soát, điều chỉnh bổ sung kết hợp với việc luân chuyển cán bộ và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Công tác luân chuyển, tăng cường cán bộ được thực hiện ngày càng có hiệu quả rõ nét. Qua sơ kết 1 năm thực hiện Nghị quyết 10

của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về luân chuyển, tăng cường cán bộ về huyện, xã cho thấy: Đội ngũ cán bộ được luân chuyển tăng cường đã cơ bản hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao theo phương châm “Gần dân, sát cơ sở”. Các xã có cán bộ tăng cường có nhiều chuyển biến tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội, an ninh trật tự và xây dựng hệ thống chính trị.

Hội nghị kiểm điểm giữa nhiệm kỳ của các cấp ủy theo hướng dẫn của Trung ương được chuẩn bị công phu, đánh giá đúng tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII đề ra. Thông qua việc kiểm điểm giữa nhiệm kỳ có 14/16 chỉ tiêu gần đạt và vượt mục tiêu đến năm 2005. Hội nghị đã đánh giá những tiềm năng và lợi thế của tỉnh, đề ra các giải pháp tiếp tục thực hiện thắng lợi toàn diện, vượt các mục tiêu do Đại hội Đảng bộ lần thứ XII đề ra.

Các cấp ủy đã tập trung nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, đặc biệt là ở cơ sở. Chỉ đạo tốt đại hội tổ chức cơ sở đảng loại hình 5 năm hai nhiệm kỳ theo đúng quy định của Điều lệ Đảng. Nguyên tắc tập trung dân chủ được được phát huy, dân chủ trong Đảng được thực hiện tốt. Tiến hành những thủ tục đề nghị Quốc hội và Chính phủ điều chỉnh địa giới, tách huyện Than Uyên sáp nhập vào tỉnh Lai Châu mới. Tách và điều chỉnh chức năng các sở: Địa chính, Công nghiệp, Khoa học và Công nghệ; thành lập Sở Tài nguyên- Môi trường, Khoa học - Công nghệ. Đổi tên Ban Tổ chức chính quyền thành Sở Nội vụ.

Hoàn thành việc đánh giá, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý ở 77 đơn vị với 70 trưởng, phó sở, ban, ngành, 699 trưởng, phó phòng từ cấp huyện đến tỉnh. Bổ nhiệm mới 21 chức danh cán bộ thuộc diện tỉnh quản lý, kiện toàn cán bộ lãnh đạo một số huyện, ngành. Bước đầu thực hiện thí điểm cơ chế bí thư kiêm chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, tăng thêm chức danh phó chủ tịch Ủy ban nhân dân ở 23 xã, phường.

Thực hiện tốt chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức và người lao động như nâng lương thường xuyên, giải quyết nghỉ chế

độ theo Nghị quyết 16 của Chính phủ, cử cán bộ dự thi nâng ngạch chuyên viên chính...

Chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội Hội Nông dân tỉnh, Liên đoàn Lao động Hội chữ thập đỏ và Đại hội Mặt trận Tổ quốc tỉnh.

Công tác kết nạp đảng viên: Năm 2003, toàn tỉnh kết nạp được 1.619 đảng viên, nâng tổng số đảng viên của toàn Đảng bộ lên gần 21.000 đồng chí. Công tác kết nạp đảng viên mới đã chú trọng các đối tượng là nữ, là dân tộc ít người, trong độ tuổi trẻ; đã giảm 71/187 đầu mối chưa có đảng viên. Đến nay còn 56 thôn, bản, 10 trường học, 35 trạm y tế và 9 tổ dân phố chưa có đảng viên.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được duy trì thường xuyên, đã tiến hành xây dựng cơ sở dữ liệu đảng viên, phục vụ tốt công tác tổ chức và cán bộ, xây dựng và bảo vệ Đảng, củng cố chính quyền. Công tác Đảng vụ như tặng huy hiệu, phát thẻ đảng viên thực hiện tốt, đúng quy định, kịp thời. Hội thi Bí thư chi bộ giỏi đã được tổ chức chỉ đạo chặt chẽ, đem lại hiệu quả thiết thực.

Tổ chức khảo sát 38 xã đặc biệt khó khăn thuộc 8 huyện, thị để xây dựng kế hoạch củng cố toàn diện, nhất là việc chăm lo phát triển kinh tế - xã hội và củng cố đội ngũ cán bộ, đổi mới phương thức hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở.

3. Công tác kiểm tra thực hiện theo chương trình công tác toàn khóa, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và phẩm chất cán bộ, đảng viên

Công tác kiểm tra được đẩy mạnh. Thực hiện chương trình kiểm tra toàn khóa, Tỉnh ủy đã tiến hành kiểm tra toàn diện Đảng bộ huyện Mường Khương và kiểm tra chuyên đề xóa đói, giảm nghèo, phổ cập giáo dục tiểu học ở 4 huyện: Than Uyên, Sa Pa, Bát Xát, Si Ma Cai và kiểm tra về thực hiện chính sách thu hút đầu tư và quy trình đầu tư xây dựng cơ bản ở khu vực kinh tế Cửa khẩu Lào Cai; kiểm tra việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt cơ sở ở 2 huyện: Bảo Thắng, Bảo Yên. Kiểm tra việc thực hiện kiểm tra theo

Điều 32 Điều lệ Đảng. Trong năm qua, triển khai thực hiện nghiêm túc có hiệu quả Kế hoạch 03, 04,05 của Ban Bí thư và của Bộ Chính trị; đồng thời Đảng bộ đã tiến hành kiểm tra được 12 tổ chức đảng cấp dưới, tăng 23% so với năm 2002 và 173 đảng viên có dấu hiệu vi phạm. Thực hiện 7 cuộc kiểm tra tài chính, 233 tổ chức cơ sở đảng được kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giải quyết 3 khiếu nại của đảng viên, 45 đơn, thư tố cáo liên quan đến cán bộ, đảng viên. Tổng số đảng viên phải thi hành kỷ luật là 152 đồng chí, giảm 11% so với năm 2002; 5 tổ chức cơ sở đảng được kiểm tra việc thực hiện thu, chi ngân sách, 178 tổ chức cơ sở đảng về thực hiện thu nộp đảng phí. Các cuộc kiểm tra đều thực hiện đúng theo quy trình, kế hoạch và phương pháp kiểm tra. Qua kiểm tra không có sai phạm lớn, một số tồn tại và khuyết điểm được chỉ ra và uốn nắn kịp thời. Sau kiểm tra Ban Thường vụ Tỉnh ủy đều có thông báo kết luận và yêu cầu các đơn vị được kiểm tra phải có kế hoạch sửa chữa khuyết điểm trong một thời gian nhất định.

4. Công tác dân vận - dân tộc tăng cường nắm bắt tình hình từ cơ sở, vận động nhân dân các dân tộc thực hiện có kết quả các mục tiêu kinh tế - xã hội và tạo ra các phong trào quần chúng sôi nổi, thiết thực

Công tác tuyên truyền vận động các tầng lớp nhân dân được các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể coi trọng nên đã huy động được nguồn lực thực hiện có hiệu quả 6 chương trình kinh tế - xã hội trọng tâm hướng về cơ sở năm 2003 của tỉnh. Việc thực hiện các chính sách như: trợ cước, trợ giá giống lúa, ngô, vật tư nông nghiệp và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; cùng với việc thực hiện các chương trình của Chính phủ, của tỉnh về xóa đói, giảm nghèo, phát triển sản xuất và ổn định dân cư; đặc biệt là tỉnh đã tìm nhiều biện pháp giải quyết đầu ra cho nông sản được nhân dân rất phấn khởi, tin tưởng vào Đảng và Nhà nước, động viên nhau tích cực tham gia các phong trào lao động sản xuất và bảo vệ, xây dựng cuộc sống mới.

Chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể được phân công đánh giá kết quả việc giúp đỡ các xã theo Chương trình 135, đồng thời tăng cường tìm các biện pháp giúp cơ sở tháo gỡ khó khăn trong điều hành, quản lý kinh tế - xã hội.

Công tác 184 và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở không ngừng được đẩy mạnh. Ban chỉ đạo 184 tỉnh đã đôn đốc chỉ đạo hoàn thành việc xây dựng 19 Nhà văn hóa thôn, bản. Tăng cường công tác vận động quần chúng thông qua Hội thi “Cán bộ dân vận khéo” các cấp, cuộc thi đã đạt kết quả tốt.

5. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tiếp tục có những đổi mới về nội dung, phương thức hoạt động, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương

Ngay từ đầu năm 2003, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội đã cụ thể hóa những mục tiêu, nhiệm vụ của Tỉnh ủy, đặc biệt là 6 chương trình công tác trọng tâm năm 2003 của tỉnh thành kế hoạch, chương trình công tác phù hợp với điều kiện và nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị mình; đồng thời triển khai thực hiện sâu rộng đến từng đoàn viên, hội viên. Qua đại hội, bộ máy tổ chức và cán bộ của Mặt trận và một số tổ chức đoàn thể được kiện toàn và nâng cao chất lượng. Nhiều hoạt động hướng về cơ sở của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã khơi dậy được ý thức làm chủ và sức mạnh nội lực của nhân dân; phát huy được tinh thần đoàn kết tương thân, tương ái, giúp đỡ nhau trong sản xuất và đời sống; đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, tích cực tăng gia sản xuất, xóa đói, giảm nghèo và vươn lên làm giàu chính đáng; các hoạt động nhân đạo, từ thiện, đền ơn đáp nghĩa được nhân dân tích cực hưởng ứng. Mặt trận Tổ quốc đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, triển khai ngày hội đoàn kết dân tộc nhân kỷ niệm 73 năm ngày thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam. Hội Phụ nữ tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các hoạt động thi đua lập thành tích chào mừng kỷ niệm ngày Quốc tế phụ nữ 8-3, ngày phụ nữ Việt Nam

20-10, đẩy mạnh phong trào phụ nữ “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”. Đoàn Thanh niên chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đoàn khóa VIII, đẩy mạnh các hoạt động thanh niên tình nguyện. Tổ chức công đoàn đẩy mạnh thực hiện phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo và an toàn lao động trong công nhân, viên chức, lao động lập nhiều thành tích xuất sắc mừng Đại hội IX Công đoàn Việt Nam. Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân vận động hội viên, nông dân thi đua ứng dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất thực hành tiết kiệm, đẩy mạnh thực hiện phong trào “5 không”, triển khai thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội cựu chiến binh và Đại hội Hội Nông dân Việt Nam, v.v..

6. Hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp

Công tác giám sát và tiếp xúc cử tri của Đoàn đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp ngày càng được chú trọng và tăng cường; đã tập trung giám sát việc thực hiện các chương trình, dự án thuộc 7 chương trình công tác trọng tâm, những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích của nhân dân, việc thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật tại các địa phương; đồng thời nắm bắt và phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của nhân dân với Đảng, Nhà nước, thực hiện tốt vai trò là người đại diện cho ý chí nguyện vọng của nhân dân. Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh tiến hành tiếp xúc cử tri trước và sau các kỳ họp Quốc hội khóa XI thu được kết quả tốt. Các cuộc tiếp xúc cử tri các kỳ họp Hội đồng nhân dân đều được chuẩn bị tốt về nội dung bảo đảm đúng luật và quy chế. Ủy ban nhân dân các cấp đã chủ động, sáng tạo trong chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh tế - xã hội; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, chỉ đạo triển khai chủ trương của Chính phủ về cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa”. Tiếp tục triển khai thực hiện chủ trương của Trung ương về Khoán kinh phí. Đổi mới công tác triển khai, điều hành theo hướng nhanh, gọn, hiệu quả và phát huy mọi nguồn lực, coi trọng nội lực. Ủy ban nhân dân tỉnh đổi

mới công tác điều hành trong điều kiện Trung ương có sự điều chỉnh một số chính sách vĩ mô. Tiếp tục xây dựng, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách nhằm khai thác tiềm năng, thế mạnh của địa phương. Tăng cường các hoạt động đối ngoại, huy động nguồn lực trong các tầng lớp dân cư, các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế.

Kết thúc năm 2003, năm thứ 3 triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, tiếp tục thực hiện đồng bộ 7 chương trình công tác trọng tâm toàn khóa với 27 đề án, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề. Với quan điểm chỉ đạo hướng về cơ sở với 6 chương trình trọng tâm, tập trung cho vùng cao, vùng sâu, vùng xa; đẩy mạnh khai thác tiềm năng, lợi thế của tỉnh, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, sự phấn đấu nỗ lực của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, của các đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế tỉnh Lào Cai tiếp tục phát triển và duy trì được đà tăng trưởng cao trên nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội: tổng sản phẩm trên địa bàn đạt trên 1.400 tỷ đồng (theo giá so sánh năm 1994) tăng 13,05% so với năm trước; trong đó, nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 8,10%; công nghiệp, xây dựng cơ bản tăng 27,3%; dịch vụ tăng 11,15%. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng và rõ nét: nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 38,9% (năm 2002 là 43,42%); công nghiệp, xây dựng cơ bản chiếm 22,3% (năm 2002 là 20,04%); dịch vụ chiếm 38,8% (năm trước là 36,54%). Thu nhập bình quân trên đầu người tăng 16% so với năm 2002. Nhiều mục tiêu quan trọng đạt và vượt mức kế hoạch năm và 5 năm.

Sản xuất nông nghiệp tiếp tục tăng trưởng cao với cơ cấu kinh tế trong ngành chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa và tăng tỷ trọng chăn nuôi, dịch vụ nông nghiệp, giảm tỷ trọng trồng trọt; sản xuất công nghiệp phát triển ổn định và có những điều kiện tăng trưởng cao trong thời gian tới ở công nghiệp khai Khoáng và điện lực. Tuy bị ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh SARS, các hoạt động dịch vụ, du lịch đã phục hồi và lấy lại đà phát triển. Huy động và thực hiện

vốn đầu tư phát triển tăng khá, nhiều dự án đầu tư trong và ngoài nước đang được triển khai thực hiện.

Thu ngân sách nhà nước tiếp tục tăng và vượt dự toán năm, động viên GDP vào ngân sách đạt tỷ lệ cao. Hoạt động tiền tệ, tín dụng ngày càng đáp ứng các hoạt động kinh tế, xã hội. Các vấn đề xã hội như lao động việc làm, phòng, chống dịch bệnh, phong trào đền ơn đáp nghĩa, khắc phục tai nạn giao thông đạt được nhiều kết quả tích cực; xóa đói, giảm nghèo thực hiện có hiệu quả, tỷ lệ đói, nghèo tiếp tục giảm mạnh. Sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa, thông tin và thể thao tiếp tục được đẩy mạnh. Các chính sách xã hội được thực hiện kịp thời, đầy đủ. Tình hình an ninh chính trị, an ninh biên giới, quốc phòng, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm. Hoạt động đối nội và đối ngoại thu được nhiều thành tựu, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Hệ thống chính trị tiếp tục được củng cố và đổi mới, nhất là ở cơ sở. Sự chỉ đạo, điều hành của các cấp, các ngành tiếp tục có nhiều chuyển biến.

Tuy nhiên, việc thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2003 vẫn còn một số hạn chế, tồn tại đó là: Một số chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch năm, như diện tích chè trồng mới và kim ngạch xuất, nhập khẩu. Chất lượng phát triển chưa cao, nhiều lĩnh vực phát triển nhưng còn tiềm ẩn những yếu tố thiếu bền vững, quy mô GDP nhỏ, thu nhập bình quân đầu người thấp, sự phát triển còn phụ thuộc nhiều vào đầu tư của Nhà nước; cơ sở hạ tầng còn yếu. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, kể cả trong nội bộ ngành công nghiệp và nông nghiệp. Công tác quy hoạch và quản lý, sử dụng đất còn nhiều bất cập. Chất lượng hàng hóa, dịch vụ thấp, giá thành cao, khả năng cạnh tranh thấp. Tiến độ thực hiện một số công trình, dự án trọng điểm còn chậm. Việc thu hút vốn đầu tư còn hạn chế. Tình hình nợ tồn đọng của các doanh nghiệp có xu hướng tăng, tiềm ẩn rủi ro về tài chính. Nguồn thu ngân sách chưa ổn định. Phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở chưa vững chắc. Công tác phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội hiệu quả chưa cao, tội phạm nghiêm trọng còn xảy ra, một số tệ nạn xã hội

chưa giảm và còn phức tạp hơn. Tỷ lệ đói, nghèo ở các huyện Si Ma Cai, Mường Khương, Than Uyên còn cao gần gấp 2 lần mức bình quân chung của tỉnh. Chất lượng cuộc sống nhân dân tuy đã được nâng lên nhưng vẫn còn thấp. Tình hình truyền đạo trái phép và di cư tự do còn diễn biến phức tạp. Công tác cải cách hành chính tiến hành chậm, chưa đáp ứng kịp đòi hỏi của cuộc sống. Những hạn chế, tồn tại nói trên có những nguyên nhân về khách quan: Tác động không thuận lợi của thời tiết, sự thay đổi một số chính sách của Nhà nước ta và Trung Quốc; thực lực nền kinh tế còn yếu, nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước còn hạn hẹp. Về chủ quan: Chất lượng nguồn nhân lực còn thấp; một số cấp ủy đảng chính quyền chưa quán triệt đầy đủ các chủ trương của Đảng, Nhà nước và của tỉnh để chỉ đạo, điều hành, đôn đốc, kiểm tra, quản lý kinh tế - xã hội, còn lúng túng và thiếu chủ động trong việc tiếp thu và triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị tại cơ sở; chưa khai thác, huy động được nội lực trong dân và các thành phần kinh tế; chưa khắc phục được tư tưởng trông chờ, ỷ lại trong một bộ phận cán bộ và nhân dân.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2004

I. NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG LỚN VỀ NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2004

1. Tiếp tục tập trung chỉ đạo triển khai 7 chương trình công tác trọng tâm toàn khóa với 27 đề án, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy mà trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện 6 chương trình hướng về cơ sở năm 2003 và chương trình quy hoạch sản xuất, sắp xếp ổn định dân cư khu vực nông nghiệp, nông thôn.

2. Tập trung cân đối nguồn lực và lồng ghép các chương trình của Chính phủ để đầu tư cho vùng nông thôn, vùng cao, vùng xa khoảng 70% tổng nguồn vốn đầu tư phát triển nhằm tạo ra chuyển

biến rõ nét về kinh tế - xã hội khu vực nông nghiệp, nông thôn. Tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm nhằm khai thác tiềm năng, lợi thế của tỉnh Lào Cai như kinh tế cửa khẩu, du lịch... Tập trung vào các lĩnh vực có lợi thế về tiềm năng, nguyên liệu, thị trường như khai Khoáng, chế biến nông, lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng, thủy điện nhằm đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, xã hội, xóa đói, giảm nghèo và giải quyết việc làm một cách đồng bộ, bền vững.

3. Kiên trì chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn, nhất là trong sản xuất công nghiệp để mở rộng quy mô và tăng nhanh giá trị sản xuất công nghiệp.

4. Giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội; đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa giáo dục - đào tạo y tế và các hoạt động văn hóa, thể thao. Duy trì và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở. Đẩy mạnh công tác xóa đói, giảm nghèo và giải quyết việc làm. Thực hiện tốt công tác y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Duy trì phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và các phong trào thi đua yêu nước. Tăng cường các biện pháp phòng, chống các tai, tệ nạn xã hội, đặc biệt là ma túy. Thực hiện đầy đủ và trên thực tế Quy chế dân chủ các loại hình cơ sở; giải quyết tốt những vấn đề phát sinh ở cơ sở. Làm tốt công tác vận động quần chúng.

5. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo ra bước chuyển biến mạnh về giải quyết thủ tục hành chính. Chỉ đạo việc rà soát, điều chỉnh, ban hành và thực hiện cơ chế, chính sách để điều hành thực hiện kế hoạch năm 2004 theo hướng thông thoáng, hấp dẫn đối với các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đến Lào Cai đầu tư sản xuất kinh doanh.

6. Củng cố an ninh - quốc phòng gắn với phát triển kinh tế - xã hội, chủ động giải quyết kịp thời các tình huống xảy ra, triển khai thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 08 (khóa IX).

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc những nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới theo tinh thần Nghị quyết 08 của Bộ Chính trị (khóa IX). Tăng cường và mở rộng quan hệ đối ngoại (trong và ngoài nước).

7. Tiếp tục tập trung củng cố hệ thống chính trị theo hướng nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, bảo đảm hiệu quả. Tiếp tục rà soát, bổ sung hoàn chỉnh quy hoạch và luân chuyển cán bộ cho năm 2004, 2005. Tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và nâng cao chất lượng đảng viên. Thực hiện tốt chính sách cán bộ và từng bước tiêu chuẩn hóa đội ngũ cán bộ cơ sở. Làm tốt công tác phát triển đảng viên, phát triển đảng viên và kê khai dữ liệu đảng viên. Triển khai thực hiện đầy đủ các chủ trương của Trung ương, của tỉnh và các chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2004 - 2009 nhằm kiện toàn bộ máy nhà nước theo hướng tinh gọn, trong sạch, vững mạnh, hiệu quả và hiệu lực.

II. MỘT SỐ CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ CHỦ YẾU NĂM 2004

1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) từ 12% trở lên

Trong đó: Nông nghiệp tăng trên 8 %; công nghiệp - xây dựng tăng trên 27 %; dịch vụ tăng trên 11%.

2. Cơ cấu giá trị gia tăng phân theo ngành: Nông, lâm, ngư nghiệp: 36%; công nghiệp - xây dựng cơ bản: 24%; dịch vụ: 40%.

3. Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt trên 200 nghìn tấn, tăng 2,9% so với sản lượng năm 2003.

4. Diện tích chè trồng mới: 600 ha.

Trong đó, trồng tập trung 300 ha, trồng phòng hộ 300 ha, trồng tập trung tại các vùng chè Bảo Thắng, Bắc Hà, Bát Xát, Mường Khương.

5. Trồng rừng phòng hộ 900 ha; trong đó, rừng cảnh quan 300 ha, trồng tại Sa Pa, Bắc Hà, thị xã Lào Cai, Si Ma Cai. Khoanh nuôi

12.000 ha, Khoán bảo vệ rừng 71.000 ha. Tỷ lệ che phủ rừng: 39%, tăng thêm 1,5%.

6. Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn đạt 515 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2003.

7. Kim ngạch xuất, nhập khẩu địa phương: 25 triệu USD, trong đó xuất khẩu 10 triệu USD.

8. Thu, chi ngân sách địa phương:

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 478,5 tỷ đồng, tăng 14,6% so với năm 2003; trong đó, thu thuế xuất, nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, giá trị gia tăng hàng nhập khẩu 270 tỷ đồng; thu nội địa: 178 tỷ đồng (thu từ đấu giá quyền sử dụng đất 60 tỷ đồng); thu quản lý qua ngân sách: 30,5 tỷ đồng.

- Tổng thu ngân sách địa phương: 1280,246 tỷ đồng.

- Tổng chi ngân sách địa phương: 1280,246 tỷ đồng.

9. Du lịch: Lượng khách du lịch toàn tỉnh: 450.000 lượt người (tăng 18,4% so với cùng kỳ năm 2003). Tổng doanh thu du lịch: 150 tỷ đồng (tăng 15% so với cùng kỳ 2003).

10. Tỷ lệ huy động trẻ đến trường đúng độ tuổi: 95,5%. Số xã phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi: 58 xã (tăng thêm 15 xã); số xã đạt phổ cập trung học cơ sở đúng độ tuổi: 40 xã (tăng thêm 17 xã). Kiên cố hóa trường lớp học: 1.239 phòng học phục vụ năm học 2004 - 2005.

11. Chương trình, mục tiêu về y tế: Giảm tỷ lệ sinh 0,07%, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 1,73%; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng 3%, xuống còn 30%; tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng đầy đủ: 95,8%.

12. Giảm tỷ lệ hộ đói, nghèo 2,31% vào cuối năm 2004 còn 11%.

13. Quy hoạch và sắp xếp dân cư 1.800 hộ (trong đó, sắp xếp dân cư ra biên giới 200 hộ).

14. Xây dựng Đảng: Phấn đấu 75% tổ chức cơ sở đảng và 10/14 Đảng bộ trực thuộc đạt trong sạch, vững mạnh. Hoàn thành cơ bản 100% thôn, bản, tổ dân phố có đảng viên. Phấn đấu 75% trở lên tổ chức đoàn thể, chính quyền cơ sở vững mạnh.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về kinh tế - xã hội

Rà soát quy hoạch đất đai và quy hoạch sản xuất cùng với quy hoạch sắp xếp ổn định dân cư nông nghiệp, nông thôn một cách đồng bộ với việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Nghiên cứu, mở rộng các dự án đầu tư và thu hút đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và chế biến, tiêu thụ nông, lâm sản. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa. Tăng cường nghiên cứu, khảo nghiệm các loại cây trồng, vật nuôi mới có năng suất cao, chất lượng tốt, hiệu quả kinh tế cao và có thị trường tiêu thụ để đưa vào sản xuất đại trà. Nâng cao giá trị thu nhập trên một diện tích đất sản xuất. Tiếp tục cụ thể hóa đề án của tỉnh thành dự án, phương án ở các địa phương và cơ sở.

Phát huy nguồn lực của mọi thành phần kinh tế, đồng thời đặc biệt coi trọng mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả đầu tư, khuyến khích thực hiện các hình thức đầu tư. Kiên quyết khắc phục những tồn tại yếu kém trong đầu tư xây dựng cơ bản, công trình không bảo đảm tiến độ, nợ đọng vốn xây dựng cơ bản. Đẩy mạnh tiến độ thực hiện đầu tư các công trình, dự án trọng điểm năm 2004, cân đối đủ nguồn lực thực hiện dứt điểm các chương trình, mục tiêu của Chính phủ kết thúc vào năm 2005. Nâng cao chất lượng quy hoạch; xây dựng, ban hành, công bố và thực hiện quy hoạch để góp phần giữ vững trật tự, kỷ cương về xây dựng và sử dụng đất, nhất là quy hoạch đô thị. Tích cực chủ động phối hợp với các bộ, ngành Trung ương để triển khai các dự án giao thông lớn.

Tập trung khai thác những lợi thế mới xuất hiện như thủy điện. Tổ chức nghiên cứu một cách tổng thể về thủy điện trên địa bàn để có biện pháp đẩy mạnh tiến độ đầu tư phát triển. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư để thu hút mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước đến đầu tư phát triển ở tỉnh Lào Cai. Tăng cường thúc đẩy các hoạt động đối ngoại nhằm trọng tâm là phát triển kinh tế - xã hội cho tỉnh.

Tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh và tạo điều kiện thúc đẩy các đơn vị kinh tế nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách đi đôi với chỉ đạo thực hiện các chính sách đã có và chính sách mới ban hành một cách đồng bộ, nhất quán (về đổi đất lấy hạ tầng, đổi đất lấy đô thị, về cấp quyền sử dụng đất có thu tiền cho cán bộ, công nhân, viên chức và nhân dân, về khuyến khích công dân nhập hộ khẩu vào thị xã Lào Cai...). Xây dựng một số cơ chế, chính sách phát triển du lịch theo hướng huy động đầu tư của các thành phần kinh tế.

Củng cố và phát triển mạng lưới du lịch, dịch vụ theo quy hoạch, chú trọng nâng cao chất lượng và đa dạng các loại hình dịch vụ, du lịch để khai thác tốt lợi thế về kinh tế cửa khẩu, du lịch. Tăng cường công tác thông tin và các hoạt động xúc tiến thương mại - du lịch và đầu tư.

Cải tiến phương thức và tổ chức quản lý thu thuế. Nâng dần tỷ lệ thu ngân sách từ nội địa; xiết chặt kỷ luật thu, chi ngân sách với việc thực hiện phân bổ ngân sách; tăng cường tính công khai minh bạch trong thu, chi ngân sách. Giảm tỷ lệ nợ xấu và hạn chế rủi ro, bảo đảm an toàn trong hoạt động tín dụng, đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh tế - xã hội.

Xúc tiến mạnh quá trình xã hội hóa nhằm tạo điều kiện phát triển công tác giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao cả về quy mô và chất lượng. Phấn đấu đạt mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học vào năm 2005 và phổ cập trung học cơ sở vào năm 2007; từng bước phấn đấu đạt chuẩn quốc gia về y tế xã. Huy động hợp lý, công khai, minh bạch sự đóng góp của nhân dân để phát triển và nâng cao chất lượng công tác giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao. Thực hiện tốt công tác bảo vệ tài nguyên và môi trường, đặc biệt là bảo vệ và phát triển rừng, tăng cường biện pháp phòng, chống cháy rừng.

Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả xóa đói, giảm nghèo, thực hiện tốt các chương trình, chính sách của Chính phủ về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội thuộc miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng

tập trung đồng bào dân tộc thiểu số, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân. Thực hiện nghiêm túc chính sách dân tộc, tôn giáo và Quy chế dân chủ ở cơ sở.

2. Về công tác nội chính

Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, các Ban cán sự, Đảng đoàn đối với các cơ quan nội chính, tiếp tục thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII và Nghị quyết 08 của Bộ Chính trị khóa IX về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới, Nghị quyết Trung ương 08 (khóa IX) về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Chỉ thị số 16-CT/TW (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng với lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng dự bị động viên trong tình hình mới. Giữ vững an ninh chính trị, an ninh biên giới và trật tự, an toàn xã hội.

Tăng cường quản lý công tác quân sự quốc phòng, quản lý chặt chẽ vũ khí, chất nổ, trang thiết bị kỹ thuật, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân tỉnh. Hoàn thành công tác huấn luyện dân quân tự vệ, quân dự bị động viên và tuyển quân theo kế hoạch bảo đảm yêu cầu về số lượng và chất lượng.

Chăm lo xây dựng chất lượng chính trị, phương án tác chiến của lực lượng dân quân tự vệ phù hợp với tình hình mới hiện nay. Tăng cường công tác rà phá vật cản chiến tranh phục vụ phân giới, cắm mốc, xây dựng đường tuần tra biên giới và di dân. Tổ chức tốt hội thao diễn tập ở Lào Cai.

Tập trung chỉ đạo làm giảm tội phạm, tệ nạn xã hội, các vụ án có nguyên nhân xã hội; duy trì trật tự an toàn giao thông; thực hiện tốt công tác phòng, chống, ngăn chặn tàng trữ, mua bán, vận chuyển các chất ma túy.

Đổi mới nội dung hình, thức tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong nhân dân, tập trung ở vùng sâu, vùng xa và vùng dân tộc thiểu số. Có biện pháp xử lý việc phụ nữ lấy chồng ở Trung Quốc mang con về Việt Nam và phụ nữ ở các địa phương đi không rõ lý do.

Phòng, chống, ngăn chặn có hiệu quả việc buôn lậu, gian lận thương mại trên tuyến biên giới và nội địa.

Tập trung giải quyết dứt điểm các đơn, thư, khiếu nại, tố cáo của công dân theo quy định của pháp luật, không để dây dưa kéo dài, khiếu kiện đông người xảy ra.

Tổ chức tốt các hoạt động đối ngoại với một số địa phương trong và ngoài nước trên tinh thần đoàn kết, hữu nghị, hợp tác. Tiến hành cắm mốc theo kế hoạch của Ủy ban liên hợp phân giới cắm mốc. Triển khai hoạt động đối ngoại theo hướng thiết thực với châu Hồng Hà, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.

3. Công tác xây dựng Đảng chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp và phương tiện tuyên truyền phù hợp với tình hình cụ thể ở địa phương, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền và đội ngũ cộng tác viên dư luận xã hội đặc biệt phải không ngừng đi sâu, đi sát cơ sở, nâng cao trình độ mọi mặt, hiểu biết tiếng dân tộc thiểu số cũng như các phong tục, tập quán địa phương để phổ biến những chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với đồng bào.

Tăng cường đổi mới phương thức lãnh đạo từ cấp cơ sở, trực tiếp là đổi mới nội dung sinh hoạt đảng theo hướng thiết thực, cụ thể, tránh hình thức.

Thực hiện nghiêm túc Quyết định 76 về thường xuyên giữ mối liên hệ với cấp ủy chính quyền nơi cư trú. Tập trung chỉ đạo thực hiện các kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả các cuộc kiểm tra và kết quả khảo sát ở 38 xã đặc biệt khó khăn.

Triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết và các chương trình, kế hoạch của Trung ương, của tỉnh. Chỉ đạo thực hiện tốt việc đổi mới đảng viên. Đặc biệt chú ý lãnh đạo chỉ đạo thực hiện thắng lợi Chỉ thị 31-CT/TW của Bộ Chính trị và Chỉ thị 21-CT/TU của Ban Thường vụ

Tỉnh ủy (khóa XII) về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Lào Cai, nhiệm kỳ 2004 - 2009.

Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch năm 2004, bổ sung giải pháp, cơ chế nhằm thực hiện đạt và vượt kế hoạch, đặc biệt là kế hoạch thực hiện các dự án lớn của tỉnh đã đề ra. Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục chỉ đạo triển khai diện rộng chủ trương của Chính phủ về cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa” và Khoán kinh phí, chỉ đạo các ngành chức năng xây dựng cơ chế, chính sách về xã hội hóa một số lĩnh vực. Chỉ đạo tốt việc chia tách huyện Than Uyên theo nghị quyết của Quốc hội.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tiếp tục bám sát cơ sở để nắm chắc tình hình nhân dân, động viên và vận động đồng bào chuẩn bị các điều kiện, đẩy nhanh tiến độ sản xuất xây dựng thôn, xóm, làng, bản, gia đình văn hóa, chống các tiêu cực và tệ nạn xã hội; tiếp tục củng cố tổ chức, bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, hội viên, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động theo hướng gần dân sát cơ sở, thực hiện “4 cùng” với nhân dân, với phương châm nghe được dân nói, nói cho dân hiểu, làm cho dân tin, phát huy đại đoàn kết theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 khóa IX. Thực hiện tốt công tác giới thiệu, hiệp thương lựa chọn đại biểu ứng cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2004 - 2009 bảo đảm dân chủ, đúng pháp luật.

IV. MỘT SỐ ĐỀ NGHỊ VỚI TRUNG ƯƠNG ĐẢNG VÀ CHÍNH PHỦ

Để khai thác tiềm năng, lợi thế của tỉnh Lào Cai, nhất là lợi thế so sánh là kinh tế cửa khẩu và du lịch, phát triển kinh tế - xã hội ổn định và bền vững, bảo đảm quốc phòng - an ninh khu vực Tây Bắc nước ta, đề nghị Chính phủ cân đối đủ nguồn lực để bảo đảm tiến độ thực hiện các chương trình theo Quyết định 120, 186, 190 và kéo dài việc thực hiện Quyết định 120, 186 của Chính phủ đến năm 2010; đầu tư xây dựng hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường hàng không hoàn thành vào năm 2007.

Đề nghị Bộ Chính trị lên thăm và làm việc tại Lào Cai như đã đề nghị tại Công văn số 1153-CV/TU, ngày 28-11-2003 của Tỉnh ủy Lào Cai.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai kêu gọi các cấp, các ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, đoàn kết gắn bó xung quanh Đảng bộ tỉnh, phát huy sức mạnh tổng hợp và những thành tích đã đạt được trong năm 2003 để hoàn thành thắng lợi, toàn diện, đạt và vượt mục tiêu, nhiệm vụ năm 2004 và cả mục tiêu, nhiệm vụ năm 2005 mà Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XII đã đề ra.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho lưu trữ Tỉnh ủy

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
TỈNH LÀO CAI LẦN THỨ XIII (KHÓA XII)

Số 17-NQ/TU, ngày 31-12-2003

**Về việc thực hiện một số đề án, chương trình
và nhiệm vụ, mục tiêu năm 2004**

Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII khóa XII tiến hành từ ngày 28 đến 29-12-2003, đồng chí Nguyễn Đức Thắng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, chủ trì Hội nghị.

Sau khi nghe và thảo luận các báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trình Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh: Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện đề án “Đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp nhà nước tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2001 - 2005”; Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện “Chương trình hành động số 16-CT/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn”; Báo cáo kết quả thực hiện các đề án “Xóa đói, giảm nghèo và giải quyết việc làm, giai đoạn 2001 -2005”; Báo cáo tình hình thực hiện “Nghị quyết số 08-NQ/TU của Tỉnh ủy về phát triển nguồn nhân lực” và đề án “Đào tạo bồi dưỡng cán bộ chủ chốt ở cơ sở, giai đoạn 2001-2005”; Báo cáo tổng kết hoạt động công tác kiểm tra năm 2003, phương hướng nhiệm vụ công tác kiểm tra năm 2004 của Ủy ban Kiểm tra các cấp; Báo cáo tình hình thực hiện chương trình kiểm tra năm 2003 và chương trình kiểm tra năm 2004

của Tỉnh ủy; Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2003, phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2004. Thông báo kết quả kiểm điểm phê bình và tự phê bình của các đồng chí Thường trực Tỉnh ủy và các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; thông báo việc phân xếp loại cán bộ lãnh đạo quản lý trong các năm 2001 - 2003 và năm 2003 đối với các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XII theo Chỉ thị số 30-CT/TW, ngày 26-11-2003 của Bộ Chính trị.

HỘI NGHỊ BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ 13 (KHÓA XII) QUYẾT NGHỊ:

1. Về tình hình thực hiện đề án “Đổi mới sắp xếp doanh nghiệp nhà nước, giai đoạn 2001- 2005”

Từ năm 2001 đến 2003, công tác đổi mới sắp xếp doanh nghiệp nhà nước của tỉnh đã bám sát mục tiêu và kế hoạch, tiến độ hằng năm của đề án nên việc tổ chức sắp xếp, chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp nhà nước có chuyển biến tích cực. Các doanh nghiệp sau khi chuyển đổi hoạt động sản xuất kinh doanh bước đầu có hiệu quả về kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện đề án đã xuất hiện một số vướng mắc cần tiếp tục tháo gỡ khắc phục.

Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục chỉ đạo Ban Đổi mới sắp xếp doanh nghiệp nhà nước của tỉnh thực hiện tốt đề án theo tiến độ đã được Chính phủ phê duyệt; xử lý dứt điểm những vướng mắc, nghiên cứu ban hành những chính sách mới để việc đổi mới sắp xếp doanh nghiệp nhà nước nhanh và hiệu quả hơn. Đồng thời, rà soát phương án đổi mới sắp xếp các doanh nghiệp nhà nước còn lại để điều chỉnh hình thức chuyển đổi cho phù hợp với tình hình thực tế của các doanh nghiệp trình Ban Thường vụ cho ý kiến và trình Chính phủ cho phép thực hiện.

2. Về tình hình thực hiện Chương trình hành động số 16- CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XII thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn

Sau gần 2 năm thực hiện Chương trình hành động số 16-CTr/TU, ngày 14-5-2002 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh cùng với những chương trình đề án cụ thể của Tỉnh ủy, sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn đã thu được những thành tựu rất đáng khích lệ. Sản xuất lương thực liên tục tăng, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn có những chuyển biến tích cực, đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn được đẩy mạnh và phát huy có hiệu quả, góp phần xóa đói, giảm nghèo nhanh, bộ mặt nông thôn, nhất là ở vùng cao, vùng xa có nhiều khởi sắc. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện còn gặp nhiều khó khăn, tồn tại yếu kém cần được khắc phục, đặc biệt là trong công tác quy hoạch sản xuất và sắp xếp dân cư.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo việc khắc phục những khó khăn, tồn tại yếu kém bảo đảm thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn của tỉnh trong những năm tới; chỉ đạo việc xây dựng chương trình quy hoạch sản xuất và ổn định dân cư toàn tỉnh; xây dựng chương trình phát triển sản xuất và chế biến nông, lâm sản, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong quý I năm 2004.

Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy chỉ đạo Sở Nội vụ và các ngành liên quan nghiên cứu một số mô hình được chức đầu mối như: Trung tâm xúc tiến thương mại, Trung tâm phát triển cây dược liệu, cây chè, mô hình tổ chức hệ thống dịch vụ phục vụ cho sản xuất nông, lâm nghiệp và đời sống, tiêu thụ sản phẩm ở cấp huyện để trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy vào cuối quý I năm 2004.

3. Về kết quả thực hiện các đề án “Xóa đói, giảm nghèo và giải quyết việc làm, giai đoạn 2001 - 2005”

Công tác xóa đói, giảm nghèo và giải quyết việc làm được Tỉnh ủy xác định là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách và lâu dài. Tăng trưởng

kinh tế phải gắn với việc giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội, xóa đói, giảm nghèo phải đi đôi với giải quyết việc làm. Với tinh thần đó, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã dồn sức lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các đề án xoá đói, giảm nghèo và giải quyết việc làm, tập trung hơn 65% vốn đầu tư phát triển cho khu vực nông thôn, vùng cao, vùng sâu, vùng đặc biệt khó khăn, bằng việc lồng ghép các nguồn vốn, các chương trình, dự án của Trung ương, của tỉnh và các tổ chức tài trợ, coi trọng và huy động nội lực của nhân dân. Sau 3 năm triển khai thực hiện đề án đã đạt được những thắng lợi nổi bật: tỷ lệ hộ đói, nghèo giảm nhanh, vượt kế hoạch hàng năm và vượt mục tiêu Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XII đề ra cho năm 2005 trước 2 năm. Bảo đảm việc làm thường xuyên cho người lao động.

Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại yếu kém cần phấn đấu khắc phục, như: Kết quả giảm nghèo chưa bền vững, tỷ lệ tái nghèo, phát sinh nghèo còn cao (bình quân 12% năm), chất lượng nguồn nhân lực còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Năng suất lao động thấp, nhất là ở khu vực nông nghiệp, nông thôn. Chuyển dịch cơ cấu lao động còn chậm hơn chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tư tưởng tự thỏa mãn, trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước của người nghèo còn nặng nề.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục chỉ đạo các cấp chính quyền, đoàn thể lãnh đạo và tổ chức vận động nhân dân thực hiện có hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ của đề án đã được phê duyệt.

4. Về tình hình thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TU của Tỉnh ủy về phát triển nguồn nhân lực và đề án “Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt cơ sở giai đoạn 2001 - 2005”

Nhận thức rõ về tầm quan trọng của chất lượng nguồn nhân lực trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong gần 3 năm, bằng nhiều chính sách và biện pháp, việc phát triển nguồn nhân lực, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt ở cơ sở trong tỉnh đã thu được nhiều kết quả: đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị của tỉnh được đổi mới cả về lượng, về chất; cơ cấu về giới, về thành phần dân tộc,

vùng địa phương đều có chuyển biến đúng hướng; trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, quản lý nhà nước của cán bộ nói chung và cán bộ chủ chốt ở cơ sở nói riêng đều tăng. Đặc biệt là tạo ra nhận thức của đội ngũ cán bộ, đảng viên về nhiệm vụ học tập. Cơ sở vật chất phục vụ dạy và học được tăng cường.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện nghị quyết và đề án vẫn còn những tồn tại yếu kém, nhất là trong công tác quy hoạch, đào tạo và sử dụng cán bộ, đặc biệt là cấp cơ sở nguồn nhân lực trong các lĩnh vực quan trọng còn thiếu, nhất là thiếu chuyên gia đầu ngành. Chất lượng đào tạo còn bất cập, cơ sở vật chất ở một số cơ sở đào tạo còn thiếu thốn. Thiếu cán bộ dự nguồn đủ tiêu chuẩn để cử đi đào tạo, bồi dưỡng.

Ban Chấp hành Đảng bộ giao cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ tiếp tục thực hiện những mục tiêu, nhiệm vụ của nghị quyết, đề án cùng với những giải pháp đã được hội nghị thông qua nhằm bảo đảm thực hiện đạt và vượt mục tiêu nhiệm vụ đề ra vào năm 2005.

5. Về tình hình hoạt động công tác kiểm tra năm 2003, phương hướng nhiệm vụ công tác kiểm tra năm 2004 của Ủy ban Kiểm tra các cấp

Trong năm 2003, Ủy ban Kiểm tra các cấp đã có nhiều cố gắng, chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình kiểm tra với số cuộc và số đơn vị được kiểm tra tăng hơn năm trước, thực hiện tốt công tác tham mưu cho cấp ủy và tổ chức thực hiện chương trình kiểm tra của cấp ủy đúng nội dung, đáp ứng yêu cầu góp phần tăng cường củng cố và làm trong sạch hệ thống chính trị.

6. Về thực hiện chương trình kiểm tra năm 2003 và chương trình kiểm tra năm 2004 của Tỉnh ủy

Ban Chấp hành Đảng bộ nhất trí và giao cho Ban Thường vụ chỉ đạo, tổ chức thực hiện chương trình kiểm tra năm 2004 đạt kết quả tốt.

7. Tổng kết thực hiện công tác năm 2003, phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2004 của Tỉnh ủy

Năm 2003 là năm có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XII. Với quan điểm chỉ đạo hướng về cơ sở, từ 7 chương trình công tác trọng tâm toàn Khóa, Tỉnh ủy đã chọn ra 6 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở năm 2003 để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã lãnh đạo, điều hành linh hoạt, chủ động xử lý những khó khăn vướng mắc, tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương, đẩy mạnh khai thác tiềm năng lợi thế, huy động tối đa nội lực để đầu tư phát triển, cùng với sự nỗ lực của toàn Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Lào Cai, chúng ta đã đạt được những thành tựu khá toàn diện trên mọi lĩnh vực: nhiều chỉ tiêu quan trọng đạt và vượt kế hoạch năm và 5 năm. Kinh tế tiếp tục phát triển và duy trì được đà tăng trưởng cao và vượt kế hoạch. Tốc độ tăng trưởng GDP đạt trên 13%; cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng, rõ nét. Thu ngân sách nhà nước tăng và vượt dự toán năm. Các vấn đề xã hội được giải quyết hiệu quả, tỷ lệ đói, nghèo giảm nhanh, đến nay còn 13,31% (giảm 5,88% so với năm 2002). Đời sống nhân dân được cải thiện. Quốc phòng - an ninh được củng cố, chủ quyền quốc gia được giữ vững, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm. Hoạt động đối ngoại thu được nhiều kết quả to lớn tạo môi trường thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Hệ thống chính trị được củng cố và đổi mới, nhất là ở cơ sở. Công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp các ngành có nhiều tiến bộ.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh cũng thẳng thắn nhận thấy, trong những thành tựu vẫn còn đan xen một số tồn tại yếu kém như: Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhưng chất lượng phát triển chưa cao, nhiều lĩnh vực còn tiềm ẩn yếu tố thiếu bền vững. Quy hoạch sản xuất và sắp xếp ổn định dân cư còn nhiều bất cập. Nhìn chung, kết cấu kinh tế - xã hội của tỉnh ta còn yếu kém. Một số vấn đề xã hội còn bức xúc. Cải cách hành chính tiến hành còn chậm, chất lượng nguồn nhân lực

còn thấp. Một số nguyên nhân yếu kém đã được chỉ ra trong nhiều năm nhưng khắc phục chậm.

Ban Chấp hành Đảng bộ nhất trí với phương hướng nhiệm vụ năm 2004 đã được nêu trong báo cáo, với những chỉ tiêu và nhiệm vụ chủ yếu sau:

Một số chỉ tiêu nhiệm vụ chủ yếu năm 2004:

1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) từ 12% trở lên.
2. Cơ cấu ngành trong GDP: Nông, lâm, ngư nghiệp là 36%; công nghiệp - xây dựng cơ bản là 24%; dịch vụ là 40%.
3. Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt trên 200 nghìn tấn, tăng 2,9% so với sản lượng năm 2003.
4. Diện tích chè trồng mới 600 ha.
Trong đó, trồng tập trung 300 ha, trồng phòng hộ 300 ha. Trồng tập trung tại các vùng chè Bảo Thắng, Bắc Hà, Bát Xát, Mường Khương.
5. Trồng rừng phòng hộ 900 ha; trong đó, rừng cảnh quan 300 ha, trồng tại Sa Pa, Bắc Hà, thị xã Lào Cai, Si Ma Cai. Khoanh nuôi 12.000 ha, Khoán bảo vệ rừng 71.000 ha.
Tỷ lệ che phủ rừng: 39%, tăng thêm 1,5%.
6. Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn đạt 515 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2003.
7. Kim ngạch xuất, nhập khẩu địa phương 25 triệu USD, trong đó xuất khẩu 10 triệu USD.
8. Thu, chi ngân sách địa phương:
 - Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 478,5 tỷ đồng, tăng 14,6% so với năm 2003, trong đó thu thuế xuất, nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, VAT hàng nhập khẩu 270 tỷ đồng; thu nội địa là 178 tỷ đồng (thu từ đầu giá quyền sử dụng đất 60 tỷ đồng); thu quản lý qua ngân sách là 30,5 tỷ đồng
 - Tổng thu ngân sách địa phương: 1280,246 tỷ đồng.
 - Tổng chi ngân sách địa phương: 1280,246 tỷ đồng.
9. Du lịch: Lượng khách du lịch toàn tỉnh là 450.000 lượt người (tăng 18,4% so với cùng kỳ năm 2003). Tổng doanh thu du lịch là 150 tỷ đồng (tăng 15% so với cùng kỳ năm 2003).

10. Tỷ lệ huy động trẻ đến trường đúng độ tuổi đạt 95,5%. Số xã phổ cập giáo dục đúng độ tuổi là 58 xã (tăng thêm 15 xã). Số xã đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở là 40 xã (tăng thêm 17 xã so với năm 2003). Kiên cố hóa trường lớp đưa vào sử dụng 1.239 phòng học mới trong năm học 2004 - 2005.

11. Tỷ lệ giảm sinh: 0,07%, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 1,73%;

- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng 3% xuống còn 30%.

- Trẻ em được tiêm chủng đầy đủ đạt 95,8%.

12. Giảm tỷ lệ hộ đói, nghèo 2,31% vào cuối năm 2004 còn 11%.

13. Quy hoạch và sắp xếp dân cư 1.800 hộ (trong đó, sắp xếp dân cư ra biên giới 200 hộ).

14. Xây dựng Đảng: Phấn đấu 75% được chức cơ sở đảng và 10/14 Đảng bộ trực thuộc đạt trong sạch, vững mạnh. Hoàn thành cơ bản 100% thôn, bản, tổ dân phố có đảng viên. Phấn đấu 75% trở lên tổ chức đoàn thể, chính quyền cơ sở vững mạnh. Lãnh đạo thắng lợi cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp theo Chỉ thị số 31-CT/TW, ngày 26-11-2003 của Bộ Chính trị.

Ban Chấp hành giao cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh một số mục tiêu, nhiệm vụ năm 2004 của tỉnh, sau khi hoàn thành việc chia tách và bàn giao huyện Than Uyên về tỉnh Lai Châu

8. Về báo cáo kết quả kiểm điểm phê bình và tự phê bình của các đồng chí Thường trực Tỉnh ủy và các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; thông báo kết quả việc phân xếp loại cán bộ lãnh đạo quản lý trong các năm 2001 - 2003 và năm 2003 đối với các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành khóa XII

Ban Chấp hành nhất trí với kết quả kiểm điểm tự phê bình và phê bình, phân xếp loại các đồng chí Thường trực Tỉnh ủy, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy viên Ban Chấp hành trong các năm 2001 - 2003 và năm 2003.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh giao cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo các cấp ủy đảng và chính quyền các cấp, các tổ

chức đoàn thể căn cứ vào những định hướng lớn, những mục tiêu, nhiệm vụ và những giải pháp đã nêu trong các báo cáo triển khai và tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị năm 2004 và những năm tiếp theo.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

MỤC LỤC

	Trang
<i>Chú dẫn của Nhà xuất bản</i>	7
<i>Lời giới thiệu</i>	9
- Diễn văn khai mạc Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII, do đồng chí Tráng A Pao, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Lào Cai trình bày	11
- Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, ngày 25-12-2000	15
- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII, ngày 29-12-2000	50
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XII, số 01-NQ/TU, ngày 29-12-2000	52
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 01-QĐ/TU, ngày 2-1-2001, về việc chỉ định Bí thư Đảng ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng ủy Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh (nhiệm kỳ 2001 - 2005)	56
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 05-QĐ/TU, ngày 4-1-2001, về việc chỉ định Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Công an tỉnh (nhiệm kỳ 2001 - 2005)	58
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 09-TB/TU, ngày 5-1-2001, về việc bầu cử giữ các chức vụ chủ chốt Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, Liên đoàn Lao động tỉnh và Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Lào Cai	59

- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 11-TB/TU, ngày 5-1-2001	61
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 01-BC/TU, ngày 5-1-2001, tổng kết công tác nội chính năm 2000	62
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 01-CT/TU, ngày 8-3-2001, về việc lãnh đạo công tác an ninh trật tự năm 2001	76
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 01-TT/TU, ngày 12-3-2001, về việc tổ chức kỷ niệm 10 năm ngày tái lập tỉnh Lào Cai	81
- Nghị quyết Hội nghị Ban thường vụ Tỉnh ủy lần thứ bảy, số 02-NQ/TU, ngày 23-3-2001, về tổ chức quản lý khu vực kinh tế Cửa khẩu Lào Cai	84
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 47-TB/TU, ngày 3-4-2001, về ý kiến kết luận của Bí thư Tỉnh ủy tại kỳ họp giao ban ngày 2-4-2001	88
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 02-CT/TU, ngày 5-4-2001, về việc tăng cường công tác thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh Lào Cai	92
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, số 09-BC/TU, ngày 3-5-2001, về kết quả thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) của Đảng bộ tỉnh Lào Cai	95
- Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI (1996-2000), số 10-BC/TU, ngày 3-5-2001	111
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 108-QĐ/TU, ngày 3-5-2001, về việc kiện toàn Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ	123
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 110-QĐ/TU, ngày 3-5-2001, về việc ban hành quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Lào Cai khóa XII (nhiệm kỳ 2000 - 2005)	125

- Quyết định của Ban Chấp hành Đảng bộ, số 111-QĐ/TU, ngày 3-5-2001, ban hành quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai (khóa XII, nhiệm kỳ 2001-2005) 130
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 03-CT/TU, ngày 11-5-2001, về lãnh đạo Đại hội Hội Cựu chiến binh các cấp nhiệm kỳ III 151
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 04-CT/TU, ngày 15-5-2001, về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác tiếp nhận, quản lý và xử lý tin báo tội phạm, vi phạm pháp luật 154
- Nghị quyết Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ chín, số 03-NQ/TU, ngày 21-5-2001, về quy hoạch điều chỉnh khu vực đầu cầu Hồ Kiều II thuộc khu Cửa khẩu quốc tế Lào Cai, phường Lào Cai, thị xã Lào Cai 157
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 116-QĐ/TU, ngày 21-5-2001, về việc thành lập Ban chỉ đạo để kiểm tra việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở 160
- Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 03-KH/TU, ngày 30-5-2001, triển khai thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm đến năm 2005 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XII 163
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 79-TB/TU, ngày 7-6-2001, về kết luận của đồng chí Nguyễn Đức Thăng Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy tại cuộc họp giao ban nội chính ngày 5-6-2001 176
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 17-BC/TU, ngày 18-7-2001, về kết quả thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) 180
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 18-BC/TU, ngày 18-7-2001, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 01-

NQ/TU, ngày 15-1-1997 về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn 1996 - 2000	201
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 04-NQ/TU, ngày 23-7-2001, về phát triển nông nghiệp, nông thôn, xóa đói, giảm nghèo, sắp xếp ổn định dân cư, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa giai đoạn 2001-2005	215
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 20-BC/TU, ngày 25-7-2001, kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII về khoa học - công nghệ (1996-2000)	230
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 21-BC/TU, ngày 25-7-2001, kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII và Nghị quyết về phát triển giáo dục - đào tạo giai đoạn 2001-2005 và đến 2010	241
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 05-NQ/TU, ngày 14-9-2001, về việc triển khai xây dựng công trình đường trục chính Lào Cai - Cam Đường	260
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 05-CT/TU, ngày 17-9-2001, về lãnh đạo Đại hội Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cấp, tiến tới Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ VIII	262
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 06-CT/TU, ngày 17-9-2001, về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về tổ chức và hoạt động của Hội người cao tuổi Việt Nam ở các cơ sở trong tỉnh	265
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 158-QĐ/TU, ngày 23-10-2001, về việc thành lập hai phòng nghiệp vụ số 1 và số 2 thuộc Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	268
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 27-BC/TU, ngày 25-10-2001, tổng kết 3 năm thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TU của Tỉnh ủy - tiếp tục nâng cao năng lực tổ chức, lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng (2001 - 2005)	270

- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 29-BC/TU, ngày 30-10-2001, về thực trạng, phương hướng và giải pháp phát triển kinh tế tư nhân khu vực phi nông nghiệp tỉnh Lào Cai 289
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 31-BC/TU, ngày 13-11-2001, tổng kết 12 năm thực hiện Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị và Quyết định 72 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) 315
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 06-NQ/TU, ngày 15-11-2001, về phát triển công nghiệp - tiểu, thủ công nghiệp Lào Cai giai đoạn 2001- 2005 333
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 04-TT/TU, ngày 22-11-2001, về việc tổ chức kỷ niệm 72 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và 55 năm ngày thành lập Đảng bộ tỉnh Lào Cai 346
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 07-NQ/TU, ngày 23-11-2001, về tăng cường công tác an ninh - trật tự, đẩy mạnh cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, nâng cao hiệu quả giáo dục và thực hiện pháp luật trong dân cư giai đoạn 2001 - 2005 350
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 35-BC/TU, ngày 26-11-2001, về kết quả thực hiện Chỉ thị 13-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XI “Về công tác lãnh đạo và tổ chức thực hiện đưa đảng viên cơ quan về tham gia sinh hoạt ở nơi cư trú” 365
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 168-QĐ/TU, ngày 26-11-2001, về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ 373
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 08-NQ/TU, ngày 3-12-2001, về phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2001-2005 396
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, số 09-NQ/TU, ngày 3-12-2001, về công tác vận động quần chúng

giai đoạn 2001 - 2005	408
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 10-NQ/TU, ngày 4-12-2001, về luân chuyển, tăng cường cán bộ đi huyện, xã tỉnh Lào Cai	421
- Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 11-KH/TU, ngày 4-12-2001, triển khai thực hiện quy định đánh giá bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý tỉnh Lào Cai	434
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 169-QĐ/TU, ngày 4-12-2001, về việc ban hành quy định đánh giá bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý tỉnh Lào Cai	438
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 192-TB/TU, ngày 5-12-2001, về kết luận của đồng chí Nguyễn Đức Thăng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy tại cuộc họp giao ban nội chính ngày 5-12-2001	449
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 07-CT/TU, ngày 10-12-2001, về việc lãnh đạo nhiệm vụ quân sự - quốc phòng năm 2002	453
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 214-TB/TU, ngày 7-1-2002, về kết luận của đồng chí Giàng Seo Phử, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy tại Hội nghị báo cáo kết quả công tác sau một năm tái lập huyện Si Ma Cai	457
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 215-TB/TU, ngày 8-1-2002, về kết luận của đồng chí Giàng Seo Phử, Bí thư Tỉnh ủy tại cuộc họp giao ban nội chính ngày 7-1-2002	461
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 184-QĐ/TU, ngày 14-1-2002, công nhận Đảng bộ huyện Văn Bàn đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh năm 1996 - 2000	464
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 185-QĐ/TU, ngày 14-1-2002, công nhận Đảng bộ Apatít Việt Nam đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh năm 1996-2000	465

- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 08-CT/TU, ngày 15-1-2002, về việc thực hiện Thông báo kết luận số 04-KL/TW, ngày 19-11-2001 của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí 466
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 38-BC/TU, ngày 17-1-2002, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2001; phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2002 472
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 39-BC/TU, ngày 18-1-2002, về kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh năm 2001 504
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 11-NQ/TU, ngày 18-1-2002, về đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2001 và một số mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm năm 2002 519
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 217-TB/TU, ngày 18-1-2002, về kết quả hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa XII (từ ngày 8-11 tháng 1-2002) 524
- Chương trình hành động của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh, số 10-CT/TU, ngày 18-1-2002, thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba và các kết luận Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX 533
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 12-NQ/TU, ngày 6-2-2002, về tăng cường, củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2001-2005 548
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 41-BC/TU, ngày 8-2-2002, tổng kết công tác nội chính năm 2001, phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2002 556

- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 210-QĐ/TU, ngày 16-2-2002, về việc thành lập Ban chỉ đạo sáp nhập thị xã Lào Cai và thị xã Cam Đường thành thị xã tỉnh lỵ Lào Cai 567
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 225-TB/TU, ngày 16-2-2002, về kết luận của Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ XIX ngày 15-2-2002 569
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 226-TB/TU, ngày 16-2-2002, về kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ XIX ngày 15-2-2002 571
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 331-CT/TU, ngày 1-3-2002, về việc lãnh đạo Đại hội Hội Nông dân các cấp nhiệm kỳ 2002-2007 573
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 244-TB/TU, ngày 15-3-2002, về kết luận của hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 21 ngày 18-3-2002 576
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 245-TB/TU, ngày 19-3-2002, về kết luận của Đồng chí Giảng Seo Phủ, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, tại Hội nghị công tác tăng cường cán bộ đi cơ sở đợt 1 năm 2002 579
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 254-TB/TU, ngày 26-3-2002, về kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại phiên họp ngày 25-3-2002 582
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 45-BC/TU, ngày 1-4-2002, về tình hình di dịch cư tự do tại tỉnh Lào Cai 585
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 262-TB/TU, ngày 4-4-2002, về kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại Hội nghị giao ban quý I các Đảng bộ trực thuộc tỉnh 588
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 263-TB/TU, ngày 8-4-2002, về kết luận của đồng chí Nguyễn Đức Thăng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy tại cuộc họp giao ban nội chính ngày 5-4-2002 592

- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 264-TB/TU, ngày 8-4-2002, về kết luận của đồng chí Nguyễn Đức Thăng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, tại hội nghị triển khai công tác bảo vệ chính trị nội bộ 595
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 284-TB/TU, ngày 16-4-2002, về kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tại cuộc họp giao ban Thường trực Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ngày 15-4-2002 598
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 13-NQ/TU, ngày 16-4-2002, về phát triển kinh tế lâm nghiệp tỉnh Lào Cai giai đoạn 2002 - 2005 và định hướng đến 2010 602
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 09-CT/TU, ngày 16-4-2002, về việc lãnh đạo đại hội Công đoàn các cấp tiến tới Đại hội IX Công đoàn Việt Nam 614
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 294-TB/TU, ngày 22-4-2002, về kết luận của cuộc họp giao ban Thường trực Tỉnh ủy ngày 22-4-2002 618
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 302-TB/TU, ngày 6-5-2002, về kết luận của đồng chí Nguyễn Đức Thăng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy tại cuộc họp giao ban nội chính ngày 6-5-2002 620
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 258-QĐ/TU, ngày 13-5-2002, về việc phê duyệt đề án phòng, chống các hoạt động lợi dụng tôn giáo, truyền đạo trái phép trên địa bàn tỉnh Lào Cai (giai đoạn 2001 - 2005) 624
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 53-BC/TU, ngày 14-5-2002, tổng kết thực hiện Nghị quyết 8B Ban Chấp hành Trung ương khóa VI về “Đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân” 628
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 55-BC/TU, ngày 16-5-2002, về kết quả sửa chữa khuyết điểm theo Thông

báo 234-TB/KTTW của Ủy ban Kiểm tra Trung ương	655
- Quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 259-QĐ/TU, ngày 16-5-2002, về trình độ học vấn của người vào Đảng	661
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 321-TB/TU, ngày 30-5-2002, về kết luận của đồng chí Nguyễn Đức Thăng Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy tại buổi làm việc với Huyện ủy Si Ma Cai ngày 29-5-2002	663
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 328-TB/TU, ngày 14-6-2002, về kết luận của Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 24	666
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 344-TB/TU, ngày 25-6-2002, về kết quả Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ bảy	668
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 283-QĐ/TU, ngày 26-6-2002, về việc đổi tên Đảng bộ các cơ quan tỉnh	674
- Nghị quyết Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 26, số 14-NQ/TU, ngày 1-7-2002, về chỉ đạo Đại hội Đảng bộ thị xã Lào Cai	675
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 10-CT/TU, ngày 3-7-2002, về việc mở Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã Lào Cai	679
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 363-TB/TU, ngày 23-7-2002, về kết luận của Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 28	683
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 287-QĐ/TU, ngày 29-7-2002, về việc quy định đối tượng, tiêu chuẩn cán bộ học các lớp lý luận chính trị tại tỉnh và Trung ương	685
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 288-QĐ/TU, ngày 29-7-2002, về việc chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Lào Cai	692
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 289-QĐ/TU,	

ngày 29-7-2002, chuẩn y kết quả bầu Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, các Phó Bí thư Đảng bộ thị xã Lào Cai khóa XIX (nhiệm kỳ 2000-2002-2005)	693
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 290-QĐ/TU, ngày 29-7-2002, chuẩn y Ủy ban Kiểm tra, Chủ nhiệm và các Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thị ủy Lào Cai khóa XIX (nhiệm kỳ 2000-2002-2005)	698
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 291-QĐ/TU, ngày 29-7-2002, về việc chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Sa Pa	701
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 292-QĐ/TU, ngày 29-7-2002, về việc chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ đội Biên phòng tỉnh Lào Cai	702
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 293-QĐ/TU, ngày 1-8-2002, chuẩn y kết quả bầu bổ sung Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng bộ Bộ đội Biên phòng tỉnh Lào Cai	703
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 374-TB/TU, ngày 7-8-2002, về kết luận của đồng chí Nguyễn Đức Thăng Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy tại cuộc họp giao ban nội chính ngày 5-8-2002	704
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 65-BC/TU, ngày 13-8-2002, tổng kết chính sách đất đai, kiến nghị về chủ trương sửa đổi Luật đất đai	708
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 378-TB/TU, ngày 16-8-2002, tại Hội nghị sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW, ngày 26-5-1997 của Bộ Chính trị về tăng cường lãnh đạo thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội	732
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 380-TB/TU, ngày 19-8-2002, về kết luận của Hội nghị Ban Thường Tỉnh ủy lần thứ 29	735

- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 67-BC/TU, ngày 20-8-2002, sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 151-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường lãnh đạo thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội 737
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 398-TB/TU, ngày 9-9-2002, ý kiến kết luận của đồng chí Giàng Seo Phử, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy tại buổi làm việc với Ban Thường vụ Huyện ủy Than Uyên 754
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 399-TB/TU, ngày 9-9-2002, ý kiến kết luận của đồng chí Giàng Seo Phử, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy tại buổi làm việc với Ban Thường vụ Huyện ủy Văn Bàn 758
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 402-TB/TU, ngày 9-9-2002, về kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại cuộc họp ngày 8-9-2002 761
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 405-TB/TU, ngày 12-9-2002, về kết luận của Thường trực Tỉnh ủy về kiểm tra toàn diện Huyện ủy Bắc Hà 762
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 406-TB/TU, ngày 16-9-2002, về kết luận của Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 30 767
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 407-TB/TU, ngày 16-9-2002, về kết luận của Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 30 769
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 414-TB/TU, ngày 26-9-2002, về kết luận của Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 30 771
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, số 71-BC/TU, ngày 27-9-2002, tổng kết cuộc kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; Thực hiện Quy định 551 QĐ/TW và Pháp lệnh cán bộ, công chức về những điều đảng viên, cán bộ, công chức không được làm 776

- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 72-BC/TU, ngày 30-9-2002, tổng kết 22 năm thực hiện Chỉ thị số 83-CT/TW, ngày 26-11-1979 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IV) về phát triển đảng viên 802
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 73-BC/TU, ngày 4-10-2002, về tình hình phát triển kinh tế tư nhân và tình hình đảng viên làm kinh tế tư nhân 818
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 427-TB/TU, ngày 7-10-2002, về kết luận của đồng chí Nguyễn Đức Thăng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy tại cuộc họp giao ban nội chính ngày 4-10-2002 825
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 432-TB/TU, ngày 11-10-2002, về kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại hội nghị giao ban ngày 11-10-2002 829
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 434-TB/TU, ngày 15-10-2002, về kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại Hội nghị giao ban ngày 11-10-2002 831
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 436-TB/TU, ngày 15-10-2002, về kết luận của đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy tại Hội nghị sơ kết 9 tháng công tác 184 và thực hiện Quy chế dân chủ 833
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 74-BC/TU, ngày 18-10-2002, tổng kết 5 năm thực hiện Quy định số 17-QĐ/TW, ngày 10-12-1996 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về nhiệm vụ của đảng viên khi ra nước ngoài 836
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 454-TB/TU, ngày 5-11-2002, về ý kiến kết luận của Thường trực Tỉnh ủy 844
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 455-TB/TU, ngày 7-11-2002, về kết luận của đồng chí Bùi Quang Vinh, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Hội nghị giao ban nội chính ngày 6-11-2002 846

- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 458-TB/TU, ngày 15-11-2002, về kết quả Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ tám 849
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 464-TB/TU, ngày 18-11-2002, về ý kiến kết luận của Thường trực Tỉnh ủy 855
- Thông báo ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 465-TB/TU, ngày 18-11-2002, về việc kéo dài thời gian mở cửa khẩu quốc tế Lào Cai 856
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 78-BC/TU, ngày 18-11-2002, về tình hình thực hiện Đề án phát triển kinh tế du lịch giai đoạn 2001 - 2005 và 2010 857
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 79-BC/TU, ngày 27-11-2002, về tình hình thực hiện kinh tế đối ngoại và kinh tế của khẩu năm 2001-2002 tỉnh Lào Cai 868
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 475-TB/TU, ngày 5-12-2002, về ý kiến kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại cuộc họp ngày 4-12-2002 888
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 478-TB/TU, ngày 10-12-2002, về kết luận của đồng chí Nguyễn Đức Thăng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy tại Hội nghị giao ban nội chính ngày 5-12-2002 892
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 481-TB/TU, ngày 10-12-2002, về kết luận của đồng chí Nguyễn Đức Thăng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy tại cuộc họp với các đoàn thể ngày 9-12-2002 896
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 482-TB/TU, ngày 10-12-2002, về ý kiến kết luận của đồng chí Nguyễn Đức Thăng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy tại Hội nghị tổng kết công tác bảo vệ mục tiêu Tỉnh ủy năm 2002 901
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 480-TB/TU, ngày 11-12-2002, về kết luận của Thường trực Tỉnh ủy

tại Hội nghị giao ban ngày 10-12-2002	904
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 483-TB/TU, ngày 13-12-2002, về kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại cuộc họp giao ban các ban xây dựng Đảng, báo Lào Cai, Trường Chính trị trực thuộc Tỉnh ủy	910
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 81-BC/TU, ngày 13-12-2002, về kết quả thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 2-1-2002 của Bộ Chính trị về “Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới”	914
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 502-TB/TU, ngày 25-12-2002, về kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại phiên họp ngày 23-12-2002	928
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 83-BC/TU, ngày 2-1-2003, về kết quả một năm thực hiện Kết luận Hội nghị Trung ương 4 về “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí”	930
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 516-TB/TU, ngày 13-1-2003, về ý kiến kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại Hội nghị giao ban ngày 10-1-2003	947
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 514-TB/TU, ngày 13-1-2003, về kết quả Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ 9	949
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 84-BC/TU, ngày 14-1-2003, một năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa IX về “Tiếp tục sắp xếp đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước” tỉnh Lào Cai	955
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 86-BC/TU, ngày 25-1-2003, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2002, phương hướng nhiệm vụ, mục tiêu công tác năm 2003	967
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 87-BC/TU, ngày	

27-1-2003, về kết quả 1 năm thực hiện Quy định 76-QĐ/ TW của Bộ Chính trị về việc “đảng viên đang công tác ở các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú”	995
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 88-BC/TU, ngày 28-1-2003, kiểm điểm tự phê bình và phê bình tập thể Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa XII năm 2002	1004
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 537-TB/TU, ngày 10-2-2003, về ý kiến kết luận của đồng chí Giàng Seo Phử, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy tại buổi làm việc với Huyện ủy Si Ma Cai ngày 6-2-2003	1024
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 538-TB/TU, ngày 10-2-2003, về ý kiến kết luận của Đồng chí Giàng Seo Phử, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy tại buổi làm việc với Huyện ủy Bắc Hà ngày 7-2-2003	1026
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 12-CT/TU, ngày 17-2-2003, về việc đẩy mạnh hoạt động công tác khuyến học tỉnh Lào Cai giai đoạn 2003-2005 và đến năm 2010	1028
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 13-CT/TU, ngày 28-2-2003, về việc tăng cường và nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn và học tập lịch sử Đảng trong tỉnh Lào Cai	1032
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 14-CT/TU, ngày 10-3-2003, về việc chỉ đạo triển khai, thực hiện 6 chương trình phát triển kinh tế - xã hội hướng về cơ sở năm 2003	1036
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 92-BC/TU, ngày 17-3-2003, tổng kết công tác lịch sử Đảng 1991-2002 và phương hướng những năm tới	1040
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 583-TB/TU, ngày 17-3-2003, về kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh	

ủy tại buổi làm việc với Ban Thường vụ Huyện ủy Sa Pa ngày 15-3-2003	1053
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 631-TB/TU, ngày 5-4-2003, về ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy việc công nhận ngày thành lập Đảng bộ huyện Bát Xát	1059
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 15-CT/TU, ngày 11-4-2003, về lãnh đạo Đại hội Mặt trận Tổ quốc các cấp tỉnh Lào Cai nhiệm kỳ 2003-2008	1060
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 617-TB/TU, ngày 18-4-2003, về kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại cuộc họp giao ban với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh Lào Cai	1064
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 93-BC/TU, ngày 20-4-2003, đánh giá một năm thực hiện Nghị quyết 13, 14, 15 Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX	1069
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 94-BC/TU, ngày 20-4-2003, về việc chuẩn bị cho dự án Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội vùng miền núi phía Bắc trình Bộ Chính trị (báo cáo theo yêu cầu của Ban Kinh tế Trung ương Đảng)	1090
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 626-TB/TU, ngày 28-4-2003, về kết quả Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ 10	1114
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 96-BC/TU, ngày 6-5-2003, đánh giá kết quả 1 năm thực hiện 7 chương trình công tác trọng tâm toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa XII, nhiệm kỳ 2000-2005	1120
- Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, số 35-CT/TU, ngày 8-5-2003, thực hiện Nghị quyết của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc	1147
- Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ	

tỉnh, số 36-CT/TU, ngày 8-5-2003, thực hiện Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 7 (khóa IX) về đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai	1153
- Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, số 37-CT/TU, ngày 8-5-2003, thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 (phần 2) của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh	1162
- Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, số 38-CT/TU, ngày 8-5-2003, thực hiện Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) về công tác tôn giáo	1169
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 659-TB/TU, ngày 15-5-2003, về kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị sơ kết 1 năm thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU về luân chuyển, tăng cường cán bộ đi huyện, xã tỉnh Lào Cai ngày 12-5-2003	1176
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 99-BC/TU, ngày 18-5-2003, sơ kết 1 năm thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 4-12-2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về luân chuyển, tăng cường cán bộ đi cơ sở đợt I năm 2002	1182
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 100-BC/TU, ngày 20-5-2003, đánh giá tình hình phát triển đảng viên, xây dựng củng cố hệ thống chính trị xã, phường, thị trấn vững mạnh, chủ trương đại hội cơ sở đảng	1204
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 104-BC/TU, ngày 13-6-2003, về kết quả “Tổng rà soát, phân loại, đánh giá cán bộ có chức danh tư pháp (điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán, chấp hành viên, công chứng viên)”	1216
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 16-CT/TU, ngày 27-6-2003, về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 35-CT/	

TW của Bộ Chính trị về đổi mới công tác thi đua, khen thưởng trong giai đoạn mới	1223
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 105-BC/TU, ngày 16-6-2003, về kết quả hơn 1 năm triển khai thực hiện Nghị quyết 07-NQ/TW về hội nhập kinh tế quốc tế	1227
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 106-BC/TU, ngày 27-6-2003, tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TW, ngày 30-5-1998 của Bộ Chính trị khóa VIII “Về tăng cường công tác chính trị tư tưởng; củng cố tổ chức đảng, đoàn thể quần chúng và công tác kết nạp đảng viên trong các trường học”	1237
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 107-BC/TU, ngày 30-6-2003, tổng kết 5 năm triển khai thực hiện Chỉ thị 35-CT/TW của Bộ Chính trị về đổi mới công tác thi đua - khen thưởng trong giai đoạn mới	1251
- Thông báo kết luận Hội nghị Thường vụ Tỉnh ủy, số 698-TB/TU, ngày 30-6-2003, về việc phân xếp loại Đảng bộ huyện, thị và Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy năm 2002	1281
- Thông báo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, số 729-TB/TU, ngày 20-7-2003, về kết luận của Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ XI	1283
- Báo cáo của Tỉnh ủy Lào Cai, số 110-BC/TU, ngày 23-7-2003, về tình hình thực hiện các đề án về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn, xóa đói, giảm nghèo, sắp xếp ổn định dân cư, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa nhiệm kỳ 2001-2005; phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở	1290
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 17-CT/TU, ngày 1-8-2003, về việc đào tạo Chỉ huy trưởng Quân sự xã, phường, thị trấn	1314
- Báo cáo tự kiểm tra của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 113-	

BC/TU, ngày 5-8-2003, về công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	1317
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 393-QĐ/TU, ngày 11-8-2003, chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bắc Hà khóa VII (nhiệm kỳ 2000 - 2005)	1338
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 394-QĐ/TU, ngày 11-8-2003, chuẩn y kết quả bầu bổ sung Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thị ủy Lào Cai khóa XIX (nhiệm kỳ 2000- 2002 - 2005)	1339
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 395-QĐ/TU, ngày 11-8-2003, chuẩn y kết quả bầu bổ sung Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy Lào Cai khóa XIX (nhiệm kỳ 2000 - 2002 - 2005)	1341
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 403-QĐ/TU, ngày 18-8-2003, chuẩn y kết quả bầu bổ sung Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Than Uyên khóa XIV (nhiệm kỳ 2000 - 2005)	1343
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 404-QĐ/TU, ngày 18-8-2003, chuẩn y kết quả bầu bổ sung Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Mường Khương khóa XX (nhiệm kỳ 2000 - 2005)	1345
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 405-QĐ/TU, ngày 18-8-2003, chuẩn y kết quả bầu bổ sung Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy Mường Khương khóa XX (nhiệm kỳ 2000-2005)	1347
- Thông báo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy, số 775-TB/TU, ngày 22-8-2003, về việc thực hiện thí điểm mô hình bí thư Đảng ủy kiêm chủ tịch Ủy ban nhân dân và tăng thêm 1 phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã	1349
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 790-TB/TU, ngày 10-9-2003, về kết quả kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đề án xóa đói, giảm nghèo tại đảng	

bộ bốn huyện Than Uyên, Sa Pa, Bát Xát, Si Ma Cai	1351
- Thông báo ý kiến kết luận của Thường trực Tỉnh ủy, số 799/TB-TU, ngày 10-9-2003, về điều chỉnh và bổ sung chính sách cho cán bộ tăng cường theo Nghị quyết 10-NQ/TU	1357
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 801-TB/TU, ngày 10-9-2003, về kết quả kiểm tra việc lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện Đề án phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở đối với đảng bộ bốn huyện Than Uyên, Sa Pa, Bát Xát, Si Ma Cai	1359
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, tại Hội nghị bất thường ngày 24-9-2003, số 15-NQ/TU, ngày 24-9-2003	1364
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 117-BC/TU, ngày 29-9-2003, kiểm điểm giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XII (nhiệm kỳ 2000 - 2005)	1366
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 120-BC/TU, ngày 30-9-2003, tổng kết Chỉ thị 37-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Một số vấn đề công tác cán bộ nữ trong tình hình mới” và Chỉ thị 17-CT/TU của Tỉnh ủy Lào Cai	1400
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 121-BC/TU, ngày 30-9-2003, tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 30-CT/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ gắn với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở	1420
- Báo cáo giữa nhiệm kỳ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 119-BC/TU, ngày 1-10-2003, về kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa XII (nhiệm kỳ 2000 - 2005)	1442
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 122-BC/TU, ngày 10-10-2003, về tình hình thực hiện quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa IX	1465
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 18-CT/TU, ngày 10-10-2003, về việc triển khai phát hành trái phiếu	

Chính phủ trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1479
- Thông báo ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy, số 831-TB/TU, ngày 13-10-2003, về việc thành lập tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Thị ủy Lào Cai	1481
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 19-CT/TU, ngày 23-10-2003, về lãnh đạo tổ chức “Ngày hội đoàn kết dân tộc” ở khu dân cư nhân kỷ niệm 73 năm ngày thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam (18-11-1930 - 18-11-2003)	1482
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 20-CT/TU, ngày 24-10-2003, về việc tổ chức Hội thi Bí thư chi bộ giỏi	1485
- Thông báo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy, số 848-TB/TU, ngày 28-10-2003, tại cuộc họp với Ban Điều hành Chương trình trồng mới 5 triệu ha rừng Lào Cai Ban Chỉ đạo, Tổ chuyên viên giúp việc thực hiện rà soát - xây dựng đề án tổng quan lâm nghiệp và các dự án 661 cơ sở	1488
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 123-BC/TU, ngày 30-10-2003, về kết quả 2 năm thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 25-1-2002 của Bộ Chính trị về việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý	1490
- Thông báo kết luận của Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, số 852-TB/TU, ngày 31-10-2003	1496
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 126-BC/TU, ngày 4-11-2003, về tình hình thực hiện cơ chế quản lý tài chính đảng từ năm 1998 đến năm 2003	1504
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 127-BC/TU, ngày 6-11-2003, sơ kết 3 năm thực hiện các đề án: Quy hoạch, sắp xếp bố trí lại dân cư các xã vùng cao, biên giới và các xã đặc biệt khó khăn; phát triển giao thông tỉnh Lào Cai; phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; xây dựng thành phố Lào Cai	1518
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 21-CT/TU, ngày	

2-12-2003, về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Lào Cai, nhiệm kỳ 2004-2009	1549
- Thông báo ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 896-TB/TU, ngày 4-12-2003, về nhân sự Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai, nhiệm kỳ 2003 - 2008	1553
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 921-TB/TU, ngày 18-12-2003, về nhân sự Bí thư Tỉnh Đoàn Lào Cai, nhiệm kỳ 2002 - 2007	1555
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 23-CT/TU, ngày 29-12-2003, về phát triển thể dục thể thao tỉnh Lào Cai đến năm 2010	1557
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 131-BC/TU, ngày 29-12-2003, sơ kết hai năm thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 2-1-2002 của Bộ Chính trị “Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới” và nhiệm vụ trọng tâm năm 2004	1562
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 132-BC/TU, ngày 31-12-2003, về kết quả kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện kết luận của Ban Bí thư về hai cuộc kiểm tra của Ban Bí thư năm 2002	1579
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 133-BC/TU, ngày 31-12-2003, về tình hình thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TU về phát triển nguồn nhân lực và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt cơ sở giai đoạn 2001 - 2005	1595
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 134-BC/TU, ngày 31-12-2003, về tình hình thực hiện Đề án đổi mới sắp xếp doanh nghiệp nhà nước tỉnh Lào Cai giai đoạn 2001 - 2005	1612
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 135-BC/TU, ngày 31-12-2003, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình hành động số 16-CT/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XII thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX	

về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn	1623
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 136-BC/TU, ngày 31-12-2003, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2003, phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2004	1640
- Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XIII (khóa XII), số 17-NQ/TU, ngày 31-12-2003, về việc thực hiện một số đề án, chương trình và nhiệm vụ, mục tiêu năm 2004	1670

Chịu trách nhiệm xuất bản

Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
TS. HOÀNG PHONG HÀ

Chịu trách nhiệm nội dung

ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN
ThS. NGUYỄN MINH

Biên tập nội dung:	NGUYỄN QUỲNH MAI - PHẠM THỊ HUỆ
Trình bày bìa:	MINH TRANG
Chế bản vi tính:	SONG HIẾU
Sửa bản in:	LÊ HỒNG SƠN - LAN ANH
Đọc sách mẫu:	PHẠM THỊ HUỆ

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

6/86 Duy Tân - Cầu Giấy - Hà Nội

ĐT: 080.49221 Fax: 080.49222

Email: suthat@nxbctqg.vn Website: www.nxbctqg.vn

VĂN KIẾN ĐẢNG BỘ
TOÀN TẬP
17
(2000 - 2003)



Sách không bán